LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 190

LƯỠNG BỘ ĐẠI PHÁP TƯƠNG THỪA THẦY TRÒ PHÓ PHÁP KÝ

SỐ 2081
(QUYỂN 1 →2)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2081

LƯỠNG BỘ ĐẠI PHÁP TƯƠNG THỪA THẦY TRÒ PHÓ PHÁP KÝ

Sa-môn Hải Vân biên ghi

QUYỂN 1

VỀ THỨ TỰ PHÓ PHÁP TRONG LƯỠNG BỘ LƯỢC THUẬT VỀ KIM CANG GIỚI ĐẠI GIÁO VƯƠNG KINH THỨ TỰ THẦY TRÒ TIẾP THỪA PHÓ PHÁP

Tam Tạng Pháp sư Kim cang trí nói: “Ta từ nước xứ Nam Thiên trúc, thân gần bên cạnh A-xà-lê Long Trí, được truyền kinh Kim cang giới này gần cả trăm ngàn bài kệ tụng. A-xà-lê Long Trí tự bảo: “Từ Đức Như Lai Tỳ-lô-giá-na (tức Thích-ca Như Lai. Đây là ước về pháp tánh thân mà gọi tên) còn ở đời, đem pháp Kim cang giới tối thượng thừa này giao phó cho Phổ Hiền Kim Cang Tát Đỏa, Phổ Hiền Kim Cang Tát Đỏa lại giao phó cho Diệu Cát Tường Bồ-tát. Qua sau mười hai đời, Diệu Cát Tường Bồ-tát lại đem giao phó cho Long Mãnh Bồ-tát (Long Mãnh Bồ-tát tức Long Thọ Bồ-tát, lúc sinh Bồ-tát dưới gốc cây Long thọ nêu gọi tên là Long thọ vậy). Lại trải qua vài trăm năm sau, Long Mãnh Bồ-tát đem pháp này giao phó cho A-xà-lê Long Trí. Lại trải qua hơn trăm năm, A-xà-lê Long Trí (hai Thánh giả này thành tựu Đạo quả đều sống thọ vài trăm năm) đem pháp này giao phó cho Tam Tạng Pháp sư Kim Cang Trí (tiếng Phạm là Chuyển-viết-la-cát-nương-nẳng, Trung Hoa phiên dịch nghĩa là Kim Cang Trí). Hòa thượng Tam Tạng Pháp sư Kim Cang Trí tích nhóm các pháp Đại Tiểu thừa, Chư

Nhất Thiết Hữu Bộ, trú giới nghiêm khiết như băng sương, luật làm dẫn đường, là con thứ ba của vua nước xứ Nam Thiên trúc, vì hoằng pháp, nên chống tích trượng đi khắp năm xứ Thiên trúc, vân du đến nước Chấn Đán (Trung Hoa). Bấy giờ có Tam Tạng Pháp sư; người nước xứ Trung Thiên trúc, vốn dòng họ Thích-ca, cháu chắc đời thứ năm mươi hai của vua Hộc Phạn. Nhân phụ vương bảo đi đánh trận, bèn thấy giết chết tàn hại lắm nhiều người, nên chẳng thích ngôi vị Đế vương, nhàm chán thế tục, mà xuất gia, pháp nguyện truyền pháp đến nước phương Đông. Khoảng trong đời vua Huyền Tông (Lý Long Cơ 712-756) thời Tiền Đường, cùng Tam Tạng Pháp sư Kim Cang Trí đồng làm Quốc sư. Biết Tam Tạng Pháp sư Kim Cang Trí giải được pháp Kim cang giới, nên bèn cầu thỉnh Tam Tạng Pháp sư Kim Cang Trí truyền trao Ngũ bộ pháp Kim cang giới.

Bấy giờ Tam Tạng Pháp sư Kim Cang Trí biết Tam Tạng Pháp sư Vô Úy người nước xứ Trung Thiên trúc hiểu giải giáo pháp đại Tỳ-lô-giá-na, mới than rằng: "Pháp này rất sâu mầu khó gặp, xưa trước ở nước xứ Nam Thiên trúc, nghe có tên pháp đại Tỳ-lô-giá-na, bèn vân du khắp năm xứ Thiên trúc phỏng hỏi tìm cầu, mà đều không có người giải được. Nay đến Đại Đường (Trung Hoa) đây, mừng gặp pháp này". Bèn thỉnh mời Tam Tạng Pháp sư Vô Úy, cầu xin trao truyền cho Đại giáo Tỳ-lô-giá-na, bày làm thầy trò truyền trao hai đại giáo. Tam Tạng Pháp sư A-xà-lê Kim Cang Trí lại đem Kim cang giới đại giáo vương này truyền trao cho Tam Tạng Pháp sư A-xà-lê Bất Không Trí ở chùa Đại hưng thiện. Hòa thượng Tam Tạng Pháp sư Bất Không Trí lại đem pháp này truyền trao cho A-xà-lê Hàm Quang v.v... cả thảy năm vị đệ tử, đó là: 01. A-xà-lê Hàm Quang (vì vua Đại Tông (Lý Dự 763-780 thời Tiền Đường) có ban sắc tu sửa chùa Kim các ở Bắc ngũ đài, nên không rãnh để truyền pháp); 02. A-xà-lê Huệ Lãng ở chùa Đại hưng thiện (truyền trao cho A-xà-lê Thiên Trúc ở chùa Sùng phước. A-xà-lê Thiên Trúc lại truyền trao cho Đức Mỹ, Tuệ Cẩn, cư sĩ Triệu Cửu); 03. A-xà-lê Đàm Trinh ở chùa Thanh long (chẳng truyền trao đệ tử, mỗi lúc có người đến học pháp thì bảo: "Tại viện Đồng tháp có A-xà-lê Huệ quả khéo thông giáo tướng, nên đến đó học; 04. A-xà-lê Giác Siêu ở chùa Bảo thọ (truyền trao cho A-xà-lê Khế Như, Huệ Đức); 05. A-xà-lê Huệ Quả ở viện Đông tháp tại chùa Thanh long, khéo thông rành thanh luận, rõ suốt Hoa ngôn Phạm ngữ, thường gá tâm nơi môn thật tướng, khéo ngộ giải nơi Lý như như, thường trì tụng kinh Duy-ma. Lại những lúc rảnh rỗi lại mở bày đọc tụng các kinh Niết-bàn, Hoa Nghiêm, Bát-nhã, Lăng

Già, Tư Ích v.v... Lại gặp Hòa thượng Tam Tạng Pháp sư ở chùa Đại hưng thiện truyền trao cho Kim cang giới. Mới bảo "Giáo pháp này tối thượng tối diệu, nhưng chỗ ngộ tâm địa Đại thừa ngày xưa cũng là chí cực chỉ diệu. Nay gặp pháp môn Kim cang giới, lại là tối thượng, do đó gọi là cùng cực không gì trên. Vả lại, với hiển giáo tâm địa chỉ rõ được Lý quán. Còn Du già giáo đây thông cả lý sự hai môn, trú Kim cang giới, một niệm tương ưng, bèn thành Chánh giác, nhẫn nhục cùng cực không có gì đó vậy.

Truyền pháp Kim Cang Giới thì có truyền quán đảnh giáo Đồng học A-xà-lê Huệ Ứng, A-xà-lê Huệ Tắc ở chùa Đại hưng thiện. A-xà-lê Duy Thượng ở phủ Thành đô. A-xà-lê Biện Hoằng ở Biện lâm. A-xà-lê Huệ nhật ở nước Tân La, A-xà-lê Không Hải ở nước Nhật Bản, A-xà-lê Nghĩa Mãn, A-xà-lê Nghĩa Minh, A-xà-lê Nghĩa Tháo, A-xà-lê Nghĩa Chiếu, A-xà-lê Nghĩa Mẫn, A-xà-lê Nghĩa Chính, A-xà-lê Nghĩa Nhất, cư sĩ Linh Ân, ở viện Đông tháp chùa Thanh long (mười bốn vị trên đều được truyền trao đại pháp). Tiếp đến, A-xà-lê Nghĩa Tháo ở viện Đông tháp chùa Thanh long truyền trao pháp Kim Cang Giới, thì có chư Tăng đồng học ở tại viện như A-xà-lê Pháp Nhuận, Nghĩa Trinh, Nghĩa Chu, Nghĩa Viên, Sa-môn Thâm Đạt ở chùa Cảnh công. Sa-môn Hải Vân ở chùa Tịnh trụ, Sa-môn Đại Ngộ ở chùa Sùng phước, Sa-môn Tùng Hạ, Sa-môn Văn Uyển ở chùa Lễ truyền, Sa-môn Quân Lượng ở nước Tân La, Sa-môn Thường kiên ở tại viện, Sa-môn Trí Thâm, Sa-môn Pháp Toàn và đệ tử là Sa-môn Văn Bí ở chùa Huyền Pháp (mười bốn vị trên đều trao Đại pháp Kim Cang Giới, lần lượt giữ ngôi vị A-xà-lê). Được Đại pháp Kim Cang Giới, lưu hành khắp hải nội, cành lá chẳng dứt tuyệt, Biển giáo Ưu-đàm-bát mãn tự đã tròn đầy. Những vị có được truyền pháp Kim cang giới, chóng thấy Bồ-tát, vào Mạn-trà-la, được trao vị A-xà-lê Quán đảnh, như trao ngôi vị Chuyển pháp luân vương.

Đại giáo vương này tên là Kim Cang Giới. Kim cang nghĩa là kiên cố, vì tiêu biểu cho pháp thân của Đức Như Lai kiên cố bất hoại, không sinh không diệt, không thủy không chung, bền chắc thường còn vậy. Giới nghĩa là tánh, rõ tánh Kim cang của Đức Như Lai biến khắp trong thân hữu tình xưa nay vốn có đầy đủ viên mãn Phổ Hiền Tỳ-lô-giá-na đại dụng tự tánh thân, hải tánh công đức. Nên người tu pháp Du già lại dùng Đại lạc Phổ Hiền Kim cang dục tiễn Tam-ma-địa phá hạt giống hai chướng vô minh trú địa, hiện cả hạt giống Nhị thừa đều phá nát không còn thừa, ngay trong khoảng một niệm chứng đắc ngôi vị Đại nhật Tỳ-lô-giá-na, kinh đây lại có tên gọi là "Kim Cang đảnh". Như

thân con người, đảnh đầu là cao quý ưu thắng hơn cả. Giáo pháp này đối với tất cả giáo pháp Đại thừa rất là tôn quý cao thượng, nên gọi là "Kim Cang Đảnh" (Tiếng Phạm gọi là Phược-viết-lỗ-sắc-ni-sa, Trung Hoa phiên dịch nghĩa là "Kim Cang Đảnh"). Lại là Kim cang giới Quang minh biến chiếu Như Lai hiện Đẳng giác thân, thị hiện Tam mật Ngũ trí, khiến tất cả hữu tình chứng Đại viên cảnh trí, Thành đại Bồ-đề.

Kinh này nguyên Phạm bản có mười vạn kệ tụng, lược bản có bốn ngàn kệ tụng, Quảng bản thì có vô lượng trăm ngàn Câu-chi-na-sưu-đa vi trần số kệ tụng. Như trong "Kim Cang Đảnh Nghĩa Quyết" nói: "Tại xứ Nam Thiên trúc có tháp sắt lớn, phía trong có Kim cang giới Mạn-trà-la. Hình tượng Thánh giả được đúc bằng sắt. Trong tháp có Phạm giáp (Bản Kinh) như sàn giường rộng khoảng tám - chín thước, từ cao xuống thấp khoảng năm - sáu thước, đều là "Kim Cang Giới Đại Giáo Vương" là kinh thuộc Quảng Bản Bằng Phạm Ngữ. Vậy thì biết Quảng Bản kinh này có vô lượng trăm ngàn Câu-chi-na-sưu-đa vi trần số kệ tụng, không thể dùng phàm tâm mà lường biết được. Như trong phẩm "Hóa thành dụ" của kinh "Pháp Hoa" nói: "Kinh Pháp Hoa có kệ tụng như số cát sông Hằng". Lại như trong phẩm "Dược Vương Bản Sự" nói: "Chân-ca-la, Tần-bà-la, A-sơ-bà v.v... kệ tụng". Tùy căn cơ diễn giảng giáo pháp, quảng lược chẳng đồng. Tức như kinh Hoa Nghiêm có ba bản: Thượng bản có mười ba ngàn đại thiên thế giới vi trần số kệ tụng, bốn thiên hạ vi trần số phẩm. Trung bản có bốn thiên hạ vi trần số kệ tụng, tiếp bản thứ ba có mười vạn kệ tụng (tức kinh Hoa Nghiêm tám mươi quyển v.v... ấy vậy). Tức như kinh "Kim Cang Đảnh" bản Phạm giáp, lược bản có bốn ngàn kệ tụng, trung bản có mười vạn kệ tụng, Quảng bản có vô lượng trăm ngàn Câu-chi-na-sưu-đa vi trần số kệ tụng. Lại như kinh Hoa Nghiêm thuyết Phổ Hiền Tu-đa-la, cõi Phật như số vi trần Tu-đa-la mà làm quyến thuộc. Xưa kia trong thời Diêu Tần, Tam Tạng Pháp sư La-thập đem Phạm bản kinh này nói: "Đó là Đại bản Bồ-tát giới kinh", lược dịch thành hai quyển, gọi đó là Hành tướng thiển lược trong kình này. Đến trong niên hiệu Khai Nguyên (713-742) thời Tiền Đường, Tam Tạng Pháp sư Kim Cang Trí từ nước xứ Nam Thiên trúc đem được kinh "Kim Cang Giới" bằng Phạm giáp có mười kệ tụng, bấy giờ ngang trong biển có gió bảo dữ, các vật báu xá-lợi công đức có trong ba chiếc thuyền đều ném bỏ xuống biển. Phạm bản mười vạn kệ tụng kinh này bị lầm quên cũng ném xuống biển. Khi ấy Tam Tạng Pháp sư Kim Cang Trí tác phát "dứt tai", bèn được lắng gió, nên biết mười vạn kệ tụng kinh ấy cùng với đất nước này cơ duyên còn cạn

mỏng nên kinh ấy lắng chìm trong biển lớn. Tiếp đến năm Thiên Bảo thứ chín (750) thời Tiền Đường, Tam Tạng Pháp sư A-xà-lê Bất Không tự đến năm xứ Thiên trúc, đi khắp mong cầu thắng pháp. Đến nước xứ Nam Thiên trúc, gặp được Trưởng lão A-xà-lê Phổ Hiền, bèn lại thưa hỏi cầu học lại pháp Kim Cang Giới gần được mười vạn kệ tụng của kinh (nên pháp Kim cang giới học được trước và sau có chút ít chẳng đồng. Do đó Hòa thượng Tam Tạng Pháp sư ở chùa Đại hưng thiện là bậc thầy quán đảnh của Hoàng đế Đại Tông (Lý Dự 763-780) thời Tiền Đường. Mỗi lúc cùng Hoàng đế giảng pháp Kim Cang Giới, nghĩa vị rất sâu mầu. Thường ở tại nội Đạo tràng phiên dịch Thánh giáo, đồ chúng tập học trì minh quán đảnh có cả ngàn vạn người, lên pháp đường cùng dự phiên dịch có ba mươi vị, vào thất truyền ngôi vị A-xà-lê Quán đảnh, chỉ có năm vị (như trong văn trước đã nói).

Kinh Kim Cang Giới Tỳ-lô-giá-na bằng Phạm bản có trăm ngàn kệ tụng (tức mười vạn kệ tụng). Nơi giảng nói kinh có mười tám hội (danh mục nêu số thứ tự như mười tám hội chỉ quy nói vậy). Có bốn phẩm lớn, đó là: 01. Kim Cang Giới; 02. Giáng Tam Thế; 03. Biến Điều Phục; 04. Nhất Thiết Nghĩa Thành Tựu (bốn phẩm này đều nhiếp thuộc trong Kim Cang Giới. Hết thảy pháp yếu dùng bốn trí ấn ấn nhiếp, chỗ gọi là Đại ấn, Tam-ma-da ấn, Pháp trí ấn, Yết ma trí ấn. Lại nữa, mỗi một Mạn-trà-la đều đủ sáu Mạn-noa-la, đó là: 01. Đại Mạn-noa-la; 02. Tam-muội Mạn-trà-la; 03. Phạm Mạn-trà-la; 04. Yết ma Mạn-trà-la; 05. Tứ ấn Mạn-trà-la; 06. Nhất ấn Mạn-trà-la. Chỉ trừ Giáng Tam Thế Mạn-trà-la đủ mười Mạn-trà-la, ngoài ra chỉ có sáu Mạn-trà-la. Kinh đó giảng nói năm bộ, đó là: 01. Phật bộ (Tỳ-lô-giá-na Phật làm bộ chủ, bốn Ba-la-mật Bồ-tát làm quyến thuộc); 02. Kim Cang bộ (A-sơ Phật làm bộ chủ, bốn Đại Bồ-tát làm quyến thuộc); 03. Bảo Bộ (Bảo sinh Phật làm bộ chủ, bốn Bồ-tát làm quyến thuộc); 04. Liên Hoa bộ (A-di-đà Phật làm bộ chủ, bốn Đại Bồ-tát làm quyến thuộc); 05. Yết Ma bộ (Bất Không Thành Tựu Phật làm bộ chủ, bốn Đại Bồ-tát làm quyến thuộc), cúng dường trong ngoài và bốn nhiếp thành ba mươi bảy. Lại nói bốn thứ pháp thân, đó là: 01. Tự tánh thân; 02. Thọ dụng; 03 Biến hóa thân; 04. Đẳng lưu thân. Lại có bốn thứ địa vị, đó là: 01. Tháng giải hạnh địa; 02. Phổ Hiền hạnh nguyện địa; 03. Đại Phổ Hiền địa; 04. Phổ biến chiếu huy địa. Từ đó địa trở về trước thuộc hàng Tam hiền là Thắng giải hạnh địa, từ Sơ địa đến Thập địa là Phổ Hiền hạnh nguyện địa, Bồ-tát Đẳng giác là Đại Phổ Hiền địa, Phật địa gọi là Phổ biến chiếu huy địa. Lại có bốn thứ niệm tụng, đó là: 01. Thanh niệm tụng;

02. Ngữ niệm tụng (cũng gọi là Kim cang niệm tụng, nghĩa là đầu lưỡi hơi máy động, môi răng ngậm kín); 03. Tam-ma-địa niệm tụng (nghĩa là Trú Định cùng Quán trí tương ưng); 04. Thắng nghĩa niệm tụng (tư duy Đệ nhất nghĩa đế như lý lâu xa vậy). Lại có bốn thứ pháp cầu nguyện (nghĩa là Dứt tai, Tăng ích, Hàng phục, Kính ái cùng với Nhiếp triệu thành năm vậy).

Lại nữa, trong kinh Du Già nói có bốn thứ Nhãn (như kinh nói) bốn thứ tòa pháp (như kinh nói), năm thứ đại nguyện (như kinh nói). Lại nữa, trong "Nhất Thiết Như Lai Giáo Tập Du già" nói có một trăm hai mươi thứ lò hộ ma, trong lò nắm ấn, cầm cờ mỗi mỗi khác nhau, minh châu nhanh chóng thành rõ biết quả báo thế gian và xuất thế gian, các hội mênh mông, ba mươi bảy tôn vị ở nội Mạn-trà-la và mười sáu Đại Bồ-tát ở hiền kiếp tiêu biểu một ngàn Đức Phật trong hiền kiếp. Hoặc ngàn Đức Phật ở hiền kiếp đều ở tại bốn góc Mạn-trà-la, bao quanh Đại Mạn-trà-la thành năm mươi ba. Và phía ngoài có hai mươi trời, thành bảy mươi ba. Tại nội viện có các trời đất, nước, gió, lửa, thành bảy mươi bảy, bốn góc có bốn Minh vương giận dữ (hoặc đặt cầm hình cờ) thành tám mươi mốt thân Thánh giả. Trên đây, gọi chung là "Kim cang giới Đại Mạn-trà-la vương" (năm mươi ba Thánh giả phía trong thuộc Quán đảnh tôn, ngoài ra, các trời v.v... đều là Kim cang bộ phía ngoài không vào Quán đảnh vị). Tên thân Kim Cang Giới Mạn-trà-la và Kim Cang Bộ phía ngoài cộng chung cả thảy là tám mươi mốt vị, đều là quyến thuộc của Kim Cang Giới Quang Minh Biến Chiếu Như Lai, tiêu biểu cho thân của khắp mười phương ba đời tận hư không biến pháp giới vi trần sát hải hết thảy Như Lai. Bởi vì thế đó cũng là chư Phật ở khắp mười phương ba đời, Bát-nhã Ba-la-mật mẫu đều có thể xuất sinh hết thảy chư Phật Bồ-tát Kim Cang Tát Đỏa Tánh, nơi thành tựu chư Phật, Bồ-tát v.v... cũng hay xuất sinh trăm ngàn muôn ức tạng Tu-đa-la bị mật thâm thâm, đều là tánh biển công đức của Đức Tỳ-lô-giá-na Như Lai cũng hay xuất sinh hữu tình thế gian và khí thế gian trong biển thế giới Hoa tạng trang nghiêm thể tánh của Đức Tỳ-lô-giá-na Như Lai biến tỏa khắp cùng, nên một thân sung mãn hết thảy cõi nước, nên giáo môn này rất là khó gặp.

Từ xưa trước truyền trao pháp này phải trải qua ngoài vài trăm năm mới truyền trao cho một người. Hòa thượng Tam Tạng Pháp sư ở chùa Đại hưng thiện chúng ta đích thân đi kính lễ khắp năm xứ Thiên trúc lại cầu học thắng pháp, giáo hóa lưu truyền trong thiên hạ, đại pháp hưng thạnh hoằng truyền. Do đó vua các nước Tân La vượt qua vài vạn

dặm thuyền biển, quên cả thân mạng, đến đất Trung Hoa chúng ta kính cầu thắng pháp nên được Kim cang giới đời đời tương thừa. Thường năm có sắc ban ở các chùa Đại hưng thiện, chùa Thanh long, chùa Bảo thọ, chùa Hưng đường, chùa Sùng phước, chùa Lễ tuyền Đại khai quán đảnh, truyền pháp độ người, đó đều là con cháu của Hòa thượng Tam Tạng Pháp sư ở chùa Đại hưng thiện chúng ta truyền pháp hoằng giáo, cành lá bèn cùng truyền trì, vĩnh viễn không dứt.

Tỳ-kheo Hải Vân tôi nhân lúc nhàn rỗi, đang tháng trọng thu, kính cẩn y theo Bản giáo, lược biên tập Kim cang giới Đại giáo vương thầy trò tương thừa thứ lớp truyền pháp. Từ Phổ Hiền Kim Cang Tát Đỏa đến nay, lưu truyền tiếp nối đã được tám đời.

Kính lễ Kim cang giới tự tại, Phổ Hiền Tát Đỏa trì minh vương. Hồi hướng tán thán diễn giảng này đến các quần sinh, nguyện khắp đồng sinh vào thế giới Hoa tạng.

Thời Tiền Đường, năm Thái Hòa thứ tám, ngày hai mươi tháng tám năm giáp dần (834).

Chùa Tịnh trụ, truyền giáo Phạm Tự, Sa-môn Hải Vân biên tập.

■

LƯỠNG BỘ ĐẠI PHÁP TƯƠNG THỪA THẦY TRÒ PHÓ PHÁP KÝ

QUYỂN 2

LƯỢC THUẬT VỀ TRUYỀN ĐẠI TỲ-LÔ-GIÁ-NA THÀNH PHẬT THẦN BIẾN GIA TRÌ KINH, ĐẠI GIÁO TƯỚNG THỪA PHÓ PHÁP THỨ TỰ KÝ

(Tựa đề kinh tên là "Đại Tỳ-lô-giá-na Thành Phật Thần Biến Gia Trì Kinh". Tiếng Phạm gọi là "Ma-ha", Trung Hoa phiên dịch nghĩa là "Đại" "Tỳ-lô-giá-na", Trung Hoa phiên dịch nghĩa là "Quang Minh Biến Chiếu", hoặc là "Đại Nhật Biến Chiếu")

Nguyên chánh Phạm ngữ, nên nói là "Phệ-lô-tả-nẳng" ("Tỳ-lô-giá-na" là theo cổ dịch, y cứ theo trong "Kim Cang Đảnh Nghĩa Quyết" giải thích thì "Tỳ-lô-giá-na", phiên dịch nghĩa là "Vô Biên Quảng Nhãn Tụ Như Lai", "nhãn" nghĩa là "Trí". Nói pháp thân Như Lai đây trí tuệ thiên nhãn vô biên ngằn mé. Phước đức trí tuệ, muôn đức tròn đầy, như Hư không giới lượng không ngằn mé quá số lượng nên vậy). Hoặc nói: "Tỳ-lô-giá-na thành Phật kinh". Tiếng Phạm gọi là "Phệ-lô-tả-nẳng-tam-mẫu-đệ-bà-lệ-đa-tố-đắc-lãm" (Trung Hoa phiên dịch nghĩa là "Nhật biến chiếu tôn kinh"), kinh này nguyên Phạm giáp có ba bản. Quảng bản gồm mười vạn kệ tụng, nếu y theo Phạm bản phiên dịch đủ tất cả có thể có hơn ba trăm quyển. Kinh này chưa lưu truyền đến, Quảng bản hiện ở nước Tây vức chưa đến xứ này. Phạm kinh lược bản có bốn ngàn kệ tụng, lại có lược bản khác có hai ngàn năm trăm kệ tụng. Do Đại A-xà-lê ở nước Trung Thiên trúc biên tập, lưu truyền hiện này gồm có bốn ngàn kệ tụng. Năm Khai Nguyên thứ bảy (719) thời Tiền Đường, Sa-môn Thích Tử Tam Tạng Pháp sư Thiện Vô Úy vâng phụng sắc chiếu phiên dịch, Sa-môn Nhất Hạnh bút thọ", tức là kinh "Đại Tỳ-lô-giá-na Thành Phật Thần Biến Gia Trì" đó vậy. Nói kinh này là do Đức Tỳ-lô-giá-na Như Lai hiện sức thần thông bố thí gia trì

vậy. Y cứ theo Phạm bản, phiên dịch thành sáu quyển, lại tổng tập một bộ giáo trì niệm thứ đệ, thành bảy quyển, cộng thành một bộ.

Bấy giờ, Đức Tỳ-lô-giá-na Như Lai ở tại cung Kim cang pháp giới, cùng với Phổ Hiền v.v... các Đại Bồ-tát, mười cõi Phật số vi trần Kim cang ngưu bí mật chủ v.v... mười cõi Phật số vi trần các chấp Kim cang Hộ đời chủ trời v.v... số đó đông nhiều vô lượng không thể xưng kể, đều là do sự gia trì của Đức Tỳ-lô-giá-na Như Lai tự thọ dụng thân quảng hải đại pháp giới, kinh nói rõ Bồ-tát tu hạnh chân ngôn tu Vô thượng Bồ-đề tâm, siêu vượt một trăm sáu mươi thứ tâm vọng niệm, trú tâm Đại Bồ-đề, một niệm tương ưng vượt qua ba A-tăng-kỳ kiếp, lúc mới phát tâm, tức đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề tâm, kinh đây y cứ hai thứ tu hành. Tâm Bồ-đề làm nhân, đại bi làm căn, phương tiện làm cứu cánh, tiếp nói rõ về câu mười duyên sinh, có nghĩa là nói rõ Bồ-tát tu hạnh chân ngôn rõ biết các pháp như huyễn, theo duyên mà sinh. Lại y cứ theo Thắng Nghĩa Đế và Thế Tục Đế. Nếu y cứ theo Thắng Nghĩa Đế tu hành kiến lập pháp thân Mạn-trà-la, cho nên trong kinh nói trước tiên đánh Mạn-trà-la giữa hư không, cho nên pháp thân bản tôn xa lìa hình sắc giống như hư không, trụ Tam-ma-địa như vậy. Nếu y cứ theo thế tục đế tu hành, y cứ Tứ luân lấy làm Mạn-trà-la, Thánh giả Bản tôn, nếu sắc vàng thì trụ Địa luân Mạn-trà-la (hình vuông, tên là kim luân), Thánh giả nếu sắc trắng thì trụ Thủy luân Mạn-trà-la (hình tròn, tên là thủy luân). Thánh giả nếu sắc đỏ thì trụ Hỏa luân Mạn-trà-la (Hình tam giác). Thánh giả nếu sắc xanh hoặc sắc đen thì trụ phong luân Mạn-trà-la (hình như bán nguyệt). Đại Mạn-trà-la an đặt nơi đài sen tám cánh, năm Đức Phật, bốn vị Bồ-tát an đặt trong cánh đài. Ngoài Mạn-trà-la lại có ba thứ Mạn-trà-la, đó là: 01. Hết thảy Như Lai Mạn-trà-la; 02. Thích-ca Mâu-ni Mạn-trà-la; 03. Văn-thù-sư-lợi Mạn-trà-la, gọi tên chung là Đại Bi Thai Tạng Mạn-trà-la. Đệ tử thọ pháp Quán đảnh thiếu Mạn-trà-la rất nhỏ nhiệm ủy khúc, chỗ các bộ khác chẳng thay thế. Trong đây, tu hạnh cúng dường gồm có hai thứ, đó là sự và lý vậy. Trong kinh nói có một trăm hai mươi lăm thứ lò Hộ ma, lửa trời Hộ ma có bốn mươi bốn thứ, tựu trung có mười hai thứ lửa làm ưu thắng. Trong đó, cực diệu có năm thứ lửa trí, làm đầu là hình lò đến cây gỗ có quả sữa khổ luyện, chỗ dùng chẳng đồng, Đông Tây Nam Bắc mong nguyện nỗi khác, trong ngoài Hộ ma cũng y cứ theo ngũ luân, cầu bốn thứ sự mau chóng thành tựu Dứt trai, Tăng ích, Hàng phục, Kính ái, đó gọi là lửa trời, mỗi mỗi chẳng đồng, lặng yên, sáng suốt, tức giận, mừng vui lần lượt ứng trí. Khổ y theo Quảng giáo về Hành tướng có lắm

nhiều. Nay tạm lược thuật phần ít ý thú ở trong "Đại Tỳ-lô-giá-na Đại giáo vương kinh" vậy.

Tiếp theo nói về từ trước thầy trò tương thừa, thứ lớp truyền pháp. Chỉ vì Hải Vân tôi lo sợ thầy trò truyền trì Đại Giáo tiếp nối Đại pháp lắng chìm nhiều năm bị phế bỏ quên mất vậy.

Tam Tạng Pháp sư Thiện Vô Úy nói: "Pháp này từ Đức Phật Tỳ-lô-giá-na giao phó cho Bồ-tát Kim Cang Thủ, qua vài trăm năm sau, Bồ-tát trao cho A-xà-lê Đạt-ma-cúc-đa ở chùa Na-lan-đà tại xứ Trung Ấn Độ. Tiếp đến A-xà-lê Đạt-ma-cúc-đa truyền trao cho Tam Tạng Pháp sư vốn chủng tộc Thích-ca -Thiện Vô Úy ở nước xứ Trung Ấn Độ (tiếng Phạm gọi là "Luân-bà-ca-la Tăng ha", Trung Hoa phiên dịch nghĩa là "Thiện Vô Úy"). Tam Tạng học hết, ngũ nghịch thông rành, với các thứ nghề nghiệp ở năm xứ Thiên trúc, không gì chẳng có khả năng hoàn bị, là cháu đời thứ năm mươi hai của vua Hộc Phạn, xả bỏ tiếp nối ngôi vua, xuất gia vào đạo. Năm Khai Nguyên thứ bảy (719) thời Tiền Đường, từ Tây vức, đem các kinh Đại Tỳ-lô-giá-na v.v... bằng Phạm bản đến Trung Hoa, Hoàng Đế Huyền Tông (Lý Long Cơ 712-756) kính lễ thỉnh mời Quốc sư. Theo giá vào ở hai kinh, phiên dịch các kinh Đại Tỳ-lô-giá-na v.v... làm Đại Tỳ-lô-giá-na Mạn-trà-la quán đảnh đại A-xà-lê. Hòa thượng Tam Tạng Pháp sư Thiện Vô Úy lại đem "Đại Tỳ-lô-giá-na Đại Giáo Vương Kinh" này truyền trao cho thật tướng Pháp sư Kim Cang Trí người nước xứ Nam Thiên trúc. Tam Tạng Pháp sư Kim Cang Trí lại đem Kim Cang Giới Đại Giáo Vương truyền trao cho Tam Tạng Pháp sư Thiện Vô Úy, hỗ tương cùng làm A-xà-lê cho nhau, bèn cùng truyền trao. Thật tướng Pháp sư Kim Cang Trí (tiếng Phạm gọi là Phược-viết-la-cát-nương-nẳng, tiếng Trung Hoa phiên dịch nghĩa là Kim Cang Trí), rất khéo giỏi các pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa, hiểu thông luận Thanh Minh, ở trong Nhất thiết hữu bộ, xuất gia tại nước xứ Nam Thiên trúc, vốn con của vua nước đó, cũng xả bỏ ngôi vị Đế vương mà xuất gia, vân du đến nước Chấn Đán (Trung Hoa), thệ nguyện hoằng truyền Thánh giáo, Hoàng đế Huyền Tông cũng lễ kính thỉnh mời làm Quốc sư, theo giáo vào ở hai kinh, phiên dịch các kinh "Kim Cang Đảnh Đại Giáo Vương" v.v... làm Kim cang giới Mạn-trà-la Quán đảnh A-xà-lê. Tam Tạng Pháp sư Kim Cang Trí lại đem "Đại Tỳ-lô-giá-na Đại Giáo Vương Kinh". Truyền trao cho Tam Tạng Pháp sư A-xà-lê Bất Không Trí ở chùa Đại hưng thiện (tiếng Phạm là A-mục-khư-cát-nương-na, Trung Hoa phiên dịch nghĩa là Bất Không Trí). Hòa thượng Tam Tạng Pháp sư Bất Không Trích chứa nhóm ngũ bộ Bí ý, nhập tâm biển tánh của Phổ

Hiền, Trú Du già thì chóng vào Phật thừa, diễn nói chân ngôn, thì Thiên ma đều nát toái. Làm quán sát cả ba triều, từ vua Huyền Tông (Lý Long Cơ 712-756) vua Túc Tông (Lý Hanh 756-763) đến vua Đại Tông (Lý Dự 763-780) thời Tiền Đường thảy đều cúi đầu kính lễ, tỏ tâm trân quý kính ngưỡng như Phật, Hoàng đế Đại Tông thỉng cầu làm Đại A-xà-lê tác pháp quán đảnh, hoằng truyền Đại giáo hơn bốn mươi năm, phiên dịch kinh luận có hơn trăm bộ.

Hòa thượng Tam Tạng Pháp sư (Bất Không Trí) ở chùa Đại hưng thiện theo Đại Hòa thượng Tam Tạng Pháp sư Kim Cang Trí được truyền trao pháp Kim Cang Giới, thế rồi lại sợ Đại pháp chưa tròn đầy, nên tự đến nước xứ Nam Thiên trúc, thân gần kính lễ Trưởng lão A-xà-lê Phổ Hiền, lại thưa hỏi cầu thọ Ngũ bộ Kim cang giới có cả trăm ngàn bài kệ tụng, đem được kinh mười vạn kệ tụng, nên hai bản Đại giáo vương tối thắng bí mật sâu xa này, người kham nhận truyền trao hiếm ít, nên trải qua vài trăm năm mới truyền được một người. Từ khi Phật pháp lưu truyền đến Thần châu -Trung Hoa qua thời gian dài hơn ngàn năm, mà giáo môn Trì niệm tâm địa lưu hành không qua hai bản Đại giáo vương (tức là “Đại Tỳ-lô-giá-na Đại Giáo Vương” và “Kim Cang Giới Đại Giáo Vương” vậy), tổng nhiếp tất cả các giáo môn trì niệm.

Tiếp nữa, có “Tô-tất-địa (Trung Hoa dịch nghĩa là Diệu thành tựu) giáo” rộng nói về ba bộ, cũng nhiếp thuộc pháp luận trì niệm. Trong đó chỉ nói rõ sự thành tựu cùng với Kim cang giới và Đại Tỳ-lô-giá-na, nghĩa vị tương quan lẫn nhau. Đó cũng là pháp yếu diệu rất cùng cực. Tam Tạng Pháp sư Thiện Vô Úy phiên dịch gồm cả hai bộ Đại giáo trước và Tô-tất-địa, cộng thành ba bộ Đại giáo, Hòa thượng Tam Tạng Pháp sư (Bất Không Trí) ở chùa Đại hưng thiện lại pháp đường lưu truyền. Bấy giờ, Tam Tạng Pháp sư Thiện Vô Úy lại đem “Đại Tỳ-lô-giá-na Đại Giáo Vương” này truyền trao cho Sa-môn Nhất Hạnh ở chùa Đại hưng thiện, và Sa-môn Huyền Siêu người nước Tân La ở chùa Bảo thọ. Sa-môn Nhất Hạnh đã được Đại giáo rồi, bèn tạo thuật “Đại Tỳ-lô-giá-na Nghĩa Thích” bảy quyển (hoặc phân làm mười bốn quyển), lược dịch hai quyển “Đại Tỳ-lô-giá-na Hình Tượng Đồ Dạng Đàn Nghi” một quyển. “Tiêu Xí Đàn Nghi Pháp” một quyển. “Khế Ấn Pháp” một quyển, “Kim Cang Đảnh Kinh Nghĩa Quyết” ba quyển (quyển Thượng hiện có bản, hai quyển trung, hạ khuyết mất bản). Hòa thượng Nhất Hạnh ở chùa Đại hưng thiện thông rành chiêm đoán thiên văn, học thông nội ngoại. Các kinh sử bằng Hoa ngôn Phạm ngữ không gì chẳng thông rành, thường cùng Hoàng đế Huyền Tông theo nhau đi

đứng ngồi nằm luận bàn việc nước và dự việc phiên dịch kinh, chẳng rãnh để truyền pháp. Tiếp đến, Sa-môn A-xà-lê Huyền Siêu lại đem "Đại Tỳ-lô-giá-na Đại Giáo Vương" và "Tô-tất-địa Giáo" truyền trao cho A-xà-lê Huệ Quả ở viện Đông tháp tại chùa Thanh long. A-xà-lê lại truyền trao cho Sa-môn Duy Thượng (còn gọi là Duy Minh) ở phủ Thành đô, Sa-môn Biện Hoằng ở Biện châu, Sa-môn Tuệ Nhật, Sa-môn Ngộ Chân ở nước Tân La, Sa-môn Không Hải ở nước Nhật Bản, Sa-môn Nghĩa Mãn, Sa-môn Nghĩa Minh, Sa-môn Nghĩa Chứng, Sa-môn Nghĩa Chiếu, Sa-môn Nghĩa Tháo, Sa-môn Nghĩa Mẫn, Sa-môn Pháp Nhuận ở viện Đông tháp tại chùa Thanh long (số được phú pháp truyền ngôi vị A-xà-lê có cả thảy mười hai người), trong đó hoặc có vị ở tại Kinh đô truyền trì, hoặc có vị ra phương ngoài hoằng truyền giáo hóa. Tiếp theo, A-xà-lê nghĩa tháo viện Đông tháp tại chùa Thanh long truyền trao cho Đồng học là Sa-môn Nghĩa Chân, Sa-môn Thâm Đạt ở viện Đông tháp tại chùa Thanh long, đệ tử Hải Vân ở chùa Tịnh trụ, Sa-môn Đại Ngộ ở chùa Sùng phước, Sa-môn Văn Uyển ở chùa Lễ truyền (năm vị này đều truyền giáo) truyền lần lượt ngôi vị A-xà-lê. Tiếp theo, A-xà-lê Pháp Nhuận ở viện Đông tháp lại truyền trao cho Sa-môn Đạo Thăng ở chùa Tịnh pháp, Sa-môn Pháp Toàn, Sa-môn Duy Cẩn ở chùa Huyền pháp.

"Đại Tỳ-lô-giá-na Đại Giáo Vương" này còn có tên gọi là "Đại Bi Thai Tạng Tỳ-lô-giá-na", từ căn bản đại bi của Đức Như Lai phát sinh tâm Đại Bồ-đề, từ tâm Đại Bồ-đề thành Hạnh Bồ-đề, tiếp chứng Đại Bồ-đề và Bát Niết-bàn, đều từ thân đầy đủ phương tiện thành tựu năm trí tức là trưởng ác tự môn, nên kinh nói phương tiện là cứu cánh, hay thành các Phật sự, như Chuyển luân Thánh vương sắp muốn thọ sinh, gá vào bụng mẹ Thánh hậu, phải biết Thánh vương không lâu sẽ ra đời vậy. Người tu Du già, phát tâm Bồ-đề, trú quán chữ A "?", quán pháp bất sinh tức là trú Tỳ-lô-giá-na thai tạng. Như "Đại Thừa Nhân Vương Bát-nhã" ở Hiển giáo nói: "Phục nhẫn Thánh thai ba mươi người, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng đây gọi là ba mươi tâm trước sơ địa, gọi là Trụ Thánh thai". Đó là ước về Bồ-tát tu hành trước sơ địa tiệm ngộ theo Hiển giáo, trải qua một Đại A-tăng-kỳ kiếp, mới gọi là Bồ-tát Trụ Thánh Thai, còn gọi là ngoại phàm. Bồ-tát tu hạnh chân ngôn thì không như vậy, chỉ trong khoảng một niệm đầy đủ thân năm trí, trụ ngôi vị Phật Đại Tỳ-lô-giá-na, rỗng rang đồng với pháp giới làm Mạn-trà-la thể mới trụ tâm, lúc ấy gọi là vào Thánh thai, quán đến cứu cánh gọi là thành ngôi vị Phật. Đó gọi là siêu vượt ba A-tăng-kỳ

kiếp mà chứng Bồ-đề.

Trên đây, nói rõ đầy đủ ý Thại tạng giáo, kính cẩn y theo Hiển giáo và Mật giáo lược thuật nguyên do, Ý giáo sâu rộng khó cùng đến đáy. Chỉ bởi Hải Vân tôi nhục đội ân Phật, được gặp Thánh giáo, thân gần tiếp thừa pháp nhãn. Hoằng truyền Đại Tỳ-lô-giá-na, Tô-tất-địa, từ trước đến nay đã tám đời, thô thuật về Tông chỉ tùy theo chỗ thấy nghe, lược ghi thứ tự, kính cùng các bậc Trí giả mong xin chỉ bày. Cúi đầu kính lễ hết thảy chư Phật ba đời, Phổ Hiền bí mật trì Kim cang, hồi hướng tán thán diễn giải này tạo phước cho quần sinh, đều nguyện đồng sinh về cõi nước An lạc.

Thời Tiền Đường, năm Thái Hòa thứ tám, ngày mồng 04 tháng 10 năm Giáp dần (834).

Chùa Tịnh trụ, truyền giáo Sa-môn Hải Vân biên tập.

Ngày 28 tháng 03 năm Khoan Hỷ thứ nhất, phụng biên tả xong. Kim cang Phật tử.

Tế Biện giao xong. Sách này có vài ba bản khác vậy.

Ngày 30 tháng 11 năm Vĩnh Nhân thứ năm , đem kiện bản ngự thư biên tả kiểm hiệu xong thì là kinh sợ Tiên sư ngự danh, lấn vượt tuyết lạnh quên cả gió rét biên tả xong. Từ Tâm Biên ghi đó.

Năm Khương An thứ nhất ngày 30 tháng 03, Diên văn lục cải đổi đó. Ngày mồng 07 tháng 04, đến viện Quán trí ở chùa Đông, đem bản sách do từ tâm biên tả xong chỉ sai nhầm chữ nhiều nhiều, có thể chỉnh sửa đó, Kim Cang, Tư Hiền, Bảo Sinh v.v... cả thảy hai mươi chín đồng chung mười ngày biên tả bản và kiểm hiệu hợp xong. Văn ký này thật sự có các bản khác, như bản của Viên Nhân, Viên Tải, Viên Trân, Tông Duệ, Biến Chiếu v.v... biên ghi tuy có ngay bản triều. Riêng bản này không biên ghi, sợ là cỗi rễ ư? Văn ký này đã soạn tập từ năm Thái Hòa thứ tám (834) thời Tiền Đường, sau đó đưa vào Đường học pháp. Từ niên hiệu Thái Hòa trở về sau, Sương sao hơi cách biệt, sao có thể biên ghi danh tự kia ư? Vì biết chỗ người sau đặt để nên biên tả lưu lại bản này vậy.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 190

MINH BÁO KÝ

SỐ 2082
(QUYỂN THƯỢNG - TRUNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2082

MINH BÁO KÝ

Thời Tiền Đường, Lại bộ thượng thư Đường Lâm soạn thuật

LỜI TỰA

Phàm, ngậm khí mà sinh không gì chẳng có thức, có thức mà có hành, tùy hành vi thiện ác mà nhận chịu quả báo đó. Như người nông phu gieo trồng, tùy sự gieo trồng ấy mà thâu hoạch kết quả, đó là lý thường của vật, hẳn không gì đáng nghi. Hàng thượng trí thấu đạt cội nguồn, biết mà không thấy, hàng hạ ngu mờ tối vết tích đó, mê mờ mà chẳng trái đều hết phải nói, còn với hạng người trung lưu, chưa thể tự thấu đạt, theo duyên động thấy, theo thấy mà sinh nghi, nghi thấy có nhiều mối, mỗi tự ôm giữ chấp trước khác nhau. Kinh sách nhà Phật luận bàn phân biệt đó, có cả thảy sáu mươi hai kiến. Tà vạy trái ngược từ đó phát sinh vậy.

Đường Lâm tôi từ tuổi trung niên trở về sau may mà có tỉnh ngộ chút ít trong muôn một, nhân thấy mọi người không tin nhân quả, nói thấy tuy nhiều, đồng chi là thiện ác không có quả báo. Thuyết không quả báo lược có ba thứ: Một là Tự nhiên, nên không nhân quả, chỉ đang mặc tình muốn chờ đợi việc mà thôi. Hai là Diệt tận, nói chết là thân diệt hoại, Thức không chỗ nương trú, thân và thức đếu mất hết, ai nhận chịu khổ vui. Vì không nhận chịu nên biết không nhân quả. Ba là không quả báo, nói thấy người hiện nay có tu đạo đức, mà nghèo khổ thì chết sớm, có kẻ làm điều hung ác, giàu sang lại sống lâu dài. Với việc như vậy, nên biết không nhân quả. Đường Lâm tôi trộm cho rằng, sách của Nho gia luận bàn quả báo thiện ác có lắm nhiều. Gần thì quả báo ngay đương thời, vừa vừa thì quả báo ngoài nhiều năm, xa thì quả báo về sau

đến con cháu. Quả báo ngay đương thời, như Sở Tử ăn nuốt đỉa, bệnh cố tật đều lành. Tống công không cầu đảo, yêu tinh phần nhiều lui tan. Náo xỷ hung nghịch, vụt chốc theo phục thù giết chết. Triệu Cao hoặc loạn bỗng chốc diệt mất tông tộc v.v... vậy. Quả báo nhiều năm, như Ngụy Lão vọng lấy chồng cuối cùng đem tế thầy. Tôn Tịch chôn rắn cuối cùng hưởng nhiều phước, Hán Chẩm Như ý thương cẩu thành tai họa. Tể giết bành sinh lập heo mà sùng quý v.v... vậy. Quả báo đến đời con cháu, như Phất Phụ cung kính Vương Mạng, Quảng Tuyên Đạo của Ni, Đặng Huấn mỗi năm sửa trị ngàn người để lại vui mừng của Hòa Hy. Trần Bình ngầm tính, tự biết không người nối dõi, Loan Yểm xa xỷ, đủ đầy bị ương họa ấy v.v... đó vậy. Đến như Ngu Thuấn vi hiếu hạnh mà lên ngôi, Chu Văn vì nhân hiền mà thọ mạng, Trụ Kiệt vì tàn nhẫn mà mất nước, U Lệ vì dâm dật phóng túng mà họa chung, công đức ba đời kéo vận lâu dài xuống dưới, Tần Hoàng kiêu ngạo hung bạo đến đời con bèn diệt mất, với lệ như vậy, cùng loại thật lắm nhiều, tuy là lớn nhỏ có khác nhau, nhưng cũng đều ứng nghiệm của thiện ác, chỉ việc phép vua, đạo lý liên quan thiên mạng, trong khoảng thường đàm, chẳng phải chỗ nên nói: Nay ghi lục đây lấy ngày ứng nghiệm nhỏ nhiệm, mong dùng phát khởi đồng loại, để lại báo cùng cháu con, răn dè giữa khoảng cách của người và quỷ, chỉ như vậy thôi.

Dòng họ Thích giảng nói giáo pháp, không gì chẳng là nhân quả. Nhân tức là tạo tác, quả tức là nhận chịu, không một pháp nào chẳng phải nhân, không một nhân nào chẳng quả báo. Nhưng thuyết quả báo ấy cũng có ba thứ: Một là Hiện báo: Tức ngay trong thân này tạo nghiệp thiện ác thì ngay thân này nhận chịu quả báo, đều gọi đó là Hiện báo. Hai là Sinh báo: Nghĩa là thân này tạo nghiệp, chẳng tự thân này nhận chịu quả báo, mà theo nghiệp thiện ác, sinh trong các đường, đều gọi là sinh báo. Ba là hậu báo: Nghĩa là thân trong đời quá khứ tạo nghiệp thiện ác hay được quả báo phải qua nhiều thân nhận chịu. Vì vậy hiện tại tạo nghiệp, chưa liền nhận chịu quả báo, hoặc đời kế tiếp hay đời sau nữa sinh ra nhận chịu, hoặc năm đời hoặc mười đời, mới bắt đầu nhận chịu. Đó đều gọi là hậu báo. Trong ba quả báo ấy nhiếp hết thảy pháp không gì chẳng hết. Các điều thấy như hiện nay lại là đại ngộ, nhưng các hàng tục sĩ nay còn có mê hoặc đó, phần nhiều tập nhân mà quên quả, nghi ngờ tai mà quên mắt, do đó nghe nói hậu báo thì như còn như mất, thấy có hiệu nghiệm thì kinh thán tin phục. Xưa kia, Cao sĩ Tạ Phu ở thời nhà Tấn, Thượng thư lệnh Phó Cao, Thái tử trung thư xá nhân Báo Diễn ở thời nhà Tống, Tư đồ sự trung lang lục quả ở thời nhà Tề.

Hoặc là lệnh vọng một thời, hoặc là danh gia ở đương thời, đều ghi lục "Quán Âm Ứng Nghiệm Ký" và Tề Cánh Lăng Vương Tiêu Tử Lương làm "Tuyên Nghiệm Ký", Vương Viêm làm "Minh Tường Ký", đều vì nêu rõ thiện ác, khuyên răn tương lai, thật khiến người nghe thâm tâm cảm ngộ.

Đường Lâm Tôi đã kính mộ Phong hóa yếu chỉ đó, lại nghĩ dùng khuyên người, liền biên ghi mọi sự thấy nghe nhóm tập thành văn ký này, nhưng trình bày đủ điều nhận chịu và nguyên do thấy nghe, lời không chải chuốt, việc chuyên nêu xác thực, ngõ hầu người sau trông thấy có thể lưu tâm để ý vậy.

MINH BÁO KÝ

QUYỂN THƯỢNG

1. Sa-môn Thích Tín Hạnh ở thời nhà Tùy.

Đại đức Sa-môn Thích Tín Hạnh ở Kinh đô thời nhà Tùy, vốn là Tăng chúng ở chùa Pháp tạng tại Tương châu. Mới đầu mẫu thân không có con, qua thời gian lâu dài rất lo buồn, có vị Sa-môn đi ngang qua nhà khuyên nên xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm. Từ đó, mẫu thân suốt đêm ngày cầu niệm, qua thời gian bèn có thai, sinh ra Tín Hạnh.

Thuở nhỏ, Sa-môn Tín Hạnh đã thông minh mẫn tuệ, học rành các kinh luận, nhận biết vượt quá người, lấy làm theo kinh Phật giảng nói chuyên việc tế độ, hoặc theo căn tánh, chỉ người bày đạo, hoặc theo thời nghi, nhân việc mà phán pháp, cho rằng đời nay cách Thánh đã lâu xa, căn tánh và thời cơ cũng khác, nếu đem hạng người thấp kém tu hành thượng pháp, pháp không xứng hợp căn tánh, dung chứa có thể thành sai trái, mới sao tập các kinh, tham tầm xét nghiệm nhân pháp thích đáng với người học, làm thành ba mươi sáu quyển, đề tên là "Nhân Tập Lục".

Khoảng đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) thời nhà Tùy, Tả Bộc Xạ Tề Công nghe tiếng tăm vang vọng của Sa-môn Tín Hạnh, tấu trình cùng vua Văn Đế (Dương Kiên 581-605), đề cử thỉnh mời vào kinh đô ở chùa Chân Tịch do Tề Công tạo dựng, Sa-môn Tín Hạnh lại y cứ kinh luật, biên soạn bộ "Tam Giai Lục" bốn quyển, ý chỉ đại khái trong đó là khuyên người cung kính khắp cùng, nhẫn chịu gốc ác, quán Phật tánh, tùy theo bệnh trao thuốc, đốn giáo Nhất thừa. Từ đó trong thiên hạ các bậc sĩ tinh tấn dõng mãnh đều lấy làm tông chỉ. Sa-môn Tín Hạnh thường tu hạnh Đầu đà chuyên hành khất thực, mỗi ngày sáu thời lễ bái, dốc sức tịnh tâm, hình không trí thật mà thôi. Mỗi lúc tọa thiền giảng pháp thường thấy có mười Đồng tử mặc áo xanh nắm hoa đứng đầu. Thường cùng đồ chúng tọa thiền trong giảng đường. Đại chúng chợt nghe có mùi hương kỳ đặc, ánh sáng khác lạ soi chiếu trong giảng đường, bèn cùng nhau lấy làm quái lạ nên thưa hỏi: Sa-môn Tín Hạnh bảo nên hỏi đệ tử mình là Sa-môn Tăng Ung, Huệ Như. Sa-môn Tăng

Ung đáp: “Vừa thấy có hóa Phật từ giữa hư không lại đến trước Thiền sư xoa đảnh và thọ ký”. Sa-môn Huệ Như bảo: “Cũng thấy có xoa đảnh đầu Tăng Ung và thọ ký”, ngoài ra, các tướng trạng khác đều đồng như Sa-môn Tăng Ung nói.

Về sau, Sa-môn Tăng Ung cùng đồ chúng của mình đến ẩn cư tại núi Thái bạch. Một sáng sớm nọ, bảo cùng chúng Tăng rằng: “Các ông hãy cùng thầy đồng trở về Kinh đô”. Đại chúng tôn kính, đều cùng đi theo. Bèn liền xuống núi, đêm nghĩ lại tại Võ Công, đến lúc chưa sáng bèn lại lên đường, mà bảo cùng Tăng chúng rằng: “Thầy trò chúng ta gắng dốc sức, tối nay hẳn phải vào được trong thành”. Chiều tối hôm đó, vừa đến vị Thượng, nghe tiếng trống gióng, Sa-môn Tăng Ung than rằng: “Cửa thành đã đóng vậy!” Bèn dừng nghỉ nơi quán trọ. Đến lúc tối trời, buồn khóc bảo rằng: “Không còn được kịp nữa!” Tăng chúng hỏi lý do gì thì không đáp. Sáng sớm vào thành, đến chùa Chân tịch, thì Sa-môn Tín Hạnh đã thị tịch đầu đêm qua lúc trời xẩm tối. Tăng chúng trong chùa lấy làm quái lạ sao Sa-môn Tăng Ung biết mà đến. Sa-môn Tăng Ung đáp: “Ở trên núi xa thấy có nhiều người mang cầm hương hoa phan lọng từ phía Tây đi đến vào cửa Khai viễn, hướng vào chùa Chân tịch, nghi Thiền sư muốn ra đi, nên trở về. Hôm qua lúc trời xẩm tối, thấy Thiền sư dẫn theo đi về hướng Tây, xoay mặt lại cùng giả biệt, nên biết là không kịp vậy”.

Mới đầu, chư Sư ở Kinh đô, có người nghi ngờ pháp của Sa-môn Tín Hạnh đến lúc đó mới cùng nhau bàn nghị, căn cứ theo kinh Tạng Phó Pháp, nếu người thông thân, là do quá khứ đã từng nghe chánh pháp vậy. Khi ấy cùng nhau dò thăm trên đảnh đấu cốt, hai tai của Sa-môn Tín Hạnh đều chánh thông mới cùng nhau hối hận tin phục!

Mới đầu, Sa-môn Tín Hạnh theo chúng ở năm chùa tại Kinh đô, sau tuy lớn rộng, nay vẫn còn xưng gọi là “Ngũ (05) Thiền sư”. (Theo các Lão Tăng và cậu của Đường Lâm tôi kể nói như vậy).

2. Sa-môn Thích Tuệ Như ở chùa Chân tịch.

Sa-môn Thích Tuệ Như ở chùa Chân tịch tại Kinh đô. Thuở thiếu thời tinh cần khổ hạnh theo phụng thờ Sa-môn Tín Hạnh. Sau khi Sa-môn Tín Hạnh thị tịch, Sa-môn Tuệ Như bèn tuân theo pháp đó.

Trong khoảng niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) thời nhà Tùy, nhân tọa thiền tu định, bèn qua bảy ngày không lay động. Đại chúng đều tán thán thật khác lạ, cho rằng đang nhập Tam-muội. Thế rồi Tuệ Như mở mắt buồn khóc lệ trào hoen my. Tăng chúng lấy làm quái lạ

mà hỏi đó, Tuệ Như đáp: "Lửa đốt cháy cẳng chân đau nhức. Đến lúc nhìn vết thương xong mới nói. Đại chúng lại càng quái lạ mà hỏi. Tuệ Như đáp: "Bị vua Diêm-ma thỉnh mời hành đạo bảy ngày xong. vua Diêm-ma hỏi: "Muốn thấy biết Tiên vong tri thức chăng? Tuệ Như tôi đáp: "Muốn thấy gặp hai người". vua Diêm-ma liền sai gọi một người, chỉ thấy một con rùa đến liếm nơi chân, trong khóe mắt ứa lệ rồi bỏ đi. Lại bảo gọi một người khác, thì bảo người đó tội nặng không thể gọi đến được nên khiến đến đó để thấy, Sứ giả dẫn Tuệ Như tôi đến nơi cửa ngục, cửa đóng rất chặt. Kẻ sứ gọi người giữ cửa, liền có người ứng tiếng đáp. Kẻ sứ bảo Tuệ Như tôi: "Sư nên gấp lánh đường chớ đứng ngay cửa". Tuệ Như tôi vừa mới lánh, cảnh cửa bật mở, có lửa lớn dữ từ cửa tuông trào ra như một sao xẹt của sắt rèn tới dính cẳng chân, Tuệ Như tôi đưa chân phủi bỏ, ngửa mắt trông nhìn cửa, thì cánh cửa đã đóng bít lại, trọn không được cùng thấy gặp. vua Diêm-ma có cúng thí ba mươi xấp lụa quyên. Tuệ Như tôi cố từ, mà vua Diêm-ma không chịu bảo là đã sai người đưa đến sau phòng. Nghe vậy chúng Tăng tranh nhau đến sau phòng trông xem thì có lụa quyên đang nằm trên sàn giường vậy. Vết thương lửa đốt nơi cẳng chân Tuệ Như lớn như Đồng tiền, qua hơn trăm ngày mới lành. Đến khoảng đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiền Đường, Sa-môn Tuệ Như thị tịch, chùa Chân tịch chính là chùa Hóa độ ngày nay vậy. (Chùa đó do Tề Công tức ông ngoại của Đường Lâm tôi tạo lập. Tôi thường đến đó tham quan, được nghe người cậu kể lại như vậy).

3. Sa-môn Thích Tăng Triệt ở Ráng châu.

Sa-môn Thích Tăng Triệt ở Ráng châu. Thuở thiếu thời đã siêng năng tinh luyện, đến Tây A-cô-sơn tạo lập phòng thất, trong nhiều cây rừng, rất được hình thắng ở núi. Tăng Triệt thường vân du giữa khoảng núi. Đến trong một hang đất thấy một người mắc bệnh hủi vết thương dơ bẩn hôi hám, theo Tăng Triệt xin ăn, Tăng Triệt gọi ra dẫn cùng đi về ở bên cạnh tinh xá, vì tạo cho hang đất để ở cấp cho thức ăn áo mặc, dạy bảo trì tụng kinh Pháp Hoa, nhưng đó lại không biết chữ, tánh lại ám độn, Tăng Triệt phải dạy cho từng câu một rất tốn hao công sức nhưng trọn không tỏ vẻ nhọc mệt. Người đó học tụng được nữa bộ kinh, bèn mộng thấy có người chỉ dạy cho, từ đó về sau hơi dần thông ngộ, học tụng đến năm -sáu quyển, các vết thương cảm thấy lành dần, học tụng xong trọn bộ thì lông mày mọc lại bình thường, da dẻ hình thể trở lại như cũ, mà lại hay vì trị bệnh cho người. Đường Lâm tôi thường mắc

bệnh sưng thủng. Tăng Triệt sai người đó trì cấm chú có ứng nghiệm, tự nói đúng vậy. Về sau, Phòng nhân dụ làm Tần châu thứ sử, dâng biểu văn trình bày nói Tăng Triệt lập tinh xá làm thành chùa Hảm tuyền. Mới đầu chỗ đất đó không có nước, Tăng Triệt phải xa xuống dưới núi múc nước để tự sử dụng, một sáng nọ bỗng có một chỗ đất hỏm xuống, nơi hỏm đó có dòng suối tuôn chảy, nhân đó mà gọi tên là chùa Hãm tuyền. Tăng Triệt chuyên làm việc khuyến thiện và sự tu Thiền định, mọi người xa gần đều sùng kính như cha mình.

Đến tháng giêng năm Vĩnh Huy thứ hai (651) thời Tiền Đường, bỗng nhiên Tăng Triệt dặn dò đồ chúng, tự nói là sắp chết. Thế rồi ngồi đoan nghiêm nơi thằng sàn nhắm mắt không lay động. Ngày đó khí trời trong sáng và mưa hoa như tuyết có mùi hương thơm chẳng tan trong khoảng hai dặm vuông trên lá cây đều có sắc trắng như lớp phấn mỏng, suốt ba ngày mới trở lại sắc màu như thường. Và Tăng Triệt đã thị tịch, đến nay qua ba năm mà vẫn riêng ngồi như cũ, cũng không hôi thối rã hoại chỉ nước mắt hơi rỏ xuống. (Đệ tử của Tăng Triệt là Bảo Thái v.v... và người ở châu quận đó đều nói như vậy).

4. Cô Ni luyện hạnh ở Hà đông.

Tại Hà đông có Cô Ni luyện hạnh thường trì tụng kinh Pháp Hoa, phỏng tìm một người khéo viết chữ trả giá gấp bội, đặc biệt làm một tịnh thất, nhờ biên tả kinh đó, mỗi lần dậy một lần tắm rửa, đốt hương xông ướp y phục, và nơi phòng thất biên tả kinh đục xuyên tường một lỗ thông ra ngoài cắm vào một ống trúc, khiến người biên tả kinh mỗi lúc muốn ra hơi thì ngậm vào ông trúc đó nhả hơi ra ngoài vách tường, biên tả một bộ kinh bảy quyển mất tám năm mới hoàn tất, dốc hết tâm chí kính, cúng dường rất nghiêm trọng. Có Sa-môn Pháp Đoan ở Long môn thường nhóm tập đại chúng giảng kinh Pháp Hoa, vì bản kinh của Cô Ni ấy rất tinh định, bèn sai người đến cầu thỉnh, Cô Ni ấy cố khước từ không cho, Sa-môn Pháp Đoan trách bỏ đó, Cô Ni ấy bất đắc dĩ mới tự đưa đến trao, Sa-môn Pháp Đoan v.v... mở kinh đọc xem, chỉ thấy trang giấy màu vàng trọn không có một chữ, lại mở các quyển khác đọc xem, thảy đều như vậy. Sa-môn Pháp Đoan thẹn sợ liền trả lại Cô Ni ấy. Cô Ni ấy buồn khóc nhận lấy, dùng nước hương thơm tẩy rửa hộp kinh. Tắm rửa thân mình, mang đội hộp kinh trên đảnh đầu đi nhiễu quanh tôn tượng Phật, hành đạo suốt bảy ngày đêm trọn chẳng tạm ngưng nghỉ. Thế rồi. Mở kinh ra trông xem, văn tự có lại y như cũ.

Năm Trinh Quán thứ hai (628) thời Tiền Đường, Sa-môn Pháp

Đoan tự kể cho Đường Lâm tôi nghe như vậy (bấy giờ có nói rõ tên Cô Ni ấy, nhưng Đường Lâm tôi quên mất, chỉ ghi nhớ sự ấy thôi vậy).

5. Sa-môn Thích Đạo Huyền ở chùa Nhân thọ.

Sa-môn Thích Đạo Huyền ở chùa Nhân thọ tại Bồ châu. Thuở thiếu thời rất thông mẫn, khéo ham học, được người trong châu quận kính sùng. Đạo Huyền giảng kinh Niết-bàn hơn tám mươi biến, được gọi là tinh rành thuần thục. Năm Trinh Quán thứ hai (628) thời Tiền Đường, Thôi Nghĩa Trực đến trấn nhậm Ngô hương huyện, bèn sai người thỉnh mời Đạo Huyền giảng kinh, mới đầu khai mở đề, Đạo Huyền buồn khóc bảo cùng mọi người rằng: "Cách Thánh lâu xa, lời huyền ẩn mất, điều lưu truyền của hàng Dong ngu như tôi không đủ làm mẫu mực, chỉ nên lấy tín tâm mà quy hướng, tự sẽ biết ngộ, việc giảng thuyết nay đây chỉ dừng ở phẩm "Sư Tử", thời gian đã thúc giục mong mỗi tự giữ tâm mình". Thế rồi lần lượt giảng đến phẩm "Sư Tử". Một sáng nọ, không bệnh tật gì mà Đạo Huyền thị tịch. Các hàng Đạo tục đều kinh ngạc thương khóc, Thôi Nghĩa Trực tự thân đi chân đất tiễn đưa về phía Bắc Sơn nam, bấy giờ đang tháng mười một, đất lạnh đóng băng, tôn trí nhục thân Đạo Huyền xuống nơi đất, đất liền mọc hoa tợ hoa sen mà nhỏ, trên đầu và nơi tay chân mỗi nơi đều có một hoa. Thôi Nghĩa Trực lấy làm kỳ lạ bảo người canh giữ ban đêm, người canh giữ nhọc mệt ngủ quên, có người trộm lén bẻ cành hoa nơi đầu. Đến sáng sớm trông xem lại thì khắp thân mình đều có hoa mọc, tổng cộng có hơn năm trăm cành, qua bảy ngày mới héo khô. (Thôi Nghĩa Trực và các hàng đạo tục đều nói như vậy).

6. Sa-môn Thích Đạo Anh ở Hà đông.

Sa-môn Thích Đạo Anh ở Hà đông, thuở thiếu thời tu tập Thiền hạnh, lấy luyện tâm làm gốc, chẳng thận trọng oai nghi, nhưng đối với ái nghĩa kinh luật không gì chẳng một lần nghe qua liền hiểu. Các hàng Tăng Ni xa gần đua nhau đến thỉnh hỏi phán quyết. Đạo Anh đều liền bảo họ rằng: "Các người còn chưa nghi, nên tạm tư duy điều nghi lắng ngưng thành, sau đó sẽ đến hỏi". Các người đến hỏi trở về tư duy điều nghi nhiều. Có người cố tư duy giải mà chẳng dứt, có người tư duy mà chẳng ngộ, bèn trở lại thưa hỏi. Đạo Anh vì họ mà giảng nói cơ yếu, mọi người đều mừng vui tỏ ngộ trở về. Đạo Anh từng cùng nhiều người đi thuyền qua Hoàng hà, giữa dòng thuyền chìm mọi người đều chết. Các hàng đạo tục trong thấy Đạo Anh chìm mất, đến nơi bờ sông thương

khóc. Bấy giờ cuối mùa Đông, sông đóng băng sắp tan lỡ, hai bên bờ đang còn cứng chắc. Đạo Anh mới từ trong nước đi ra đến bờ, xuyên qua băng mà đi. Mọi người trên bờ vừa kính vừa mừng đua nhau tự cởi áo mình muốn mặc cho Đạo Anh. Đạo Anh bảo: "Trong thân thể còn nóng, chớ đắp mặc thêm áo". Thế rồi từ từ bước trở về, trọn không tỏ vẻ lạnh buốt, nhìn trên thân thể như nơi có đặt than lửa. Có người nhận biết, cho rằng Đạo Anh nhập định nên vậy. Hoặc có lúc Đạo Anh làm người chăn trâu, cưỡi xe, ăn dùng rau tỏi, hoặc mặc y phục người thế tục, để tóc dài vài tấc. Đạo Anh từng đến nơi chùa Nhân thọ. Sa-môn Đạo Anh cung kính xếp đặt nghỉ ở. Chiều tối, Đạo Anh đòi ăn. Sa-môn Đạo Anh nói: "Thượng đức không tướng ăn, há chẳng vì dứt nghĩ dèm phá chứ?" Đạo Anh cười đáp: "Huyền Công tâm mới rong ruỗi chẳng tạm ngưng nghỉ chốc lát, mà không đói khát, sao tự khổ vậy?" Sa-môn Đạo Huyền rất thán phục. Đạo Anh thị tịch trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường (Sa-môn Pháp Đoan cùng các hàng Đạo tục đồng nói như vậy).

7. Sa-môn Trí Uyển ở U châu.

Sa-môn Thích Trí Uyển ở U châu là người tinh luyện, rất có học thức. Trong khoảng niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) thời nhà Tùy, phát tâm tạo Tạng kinh bằng đá, để phòng bị pháp diệt. Thế rồi đến Bắc sơn ở U châu, đục hang làm thạch thất, mài gọt bốn phía vách tường để khắc tả kinh, lại dùng tản đá vuông khác, gọt mài khắc tả cất chứa trong các thất, mỗi một thất chứa đầy thì dùng đá đóng bít cửa, dùng sắt khóa chặt. Bấy giờ vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) thời nhà Tùy đến Trác quận, có Nội sứ thị lang Tiêu Võ là em cùng mẹ với Hoàng hậu, tâm tánh rất sùng tín Phật pháp, đem việc đó mách cùng Hoàng hậu. Hoàng hậu cúng thí ngàn xấp lụa quyên và các tiền vật khác để hỗ trợ hoàn thành Phật sự đó. Tiêu Võ cũng cúng thí năm trăm xấp lụa quyên. Khắp cả triều đình cho đến thôn dã đều được nghe biết, nên tranh nhau cùng chung cúng thí nên Trí Uyển được toại công việc đó.

Trí Uyển thường vì thợ làm đã đông nhiều, các hàng Đạo tục lại luôn tìm đến, nên muốn ngay trước hang tạo một điện Phật bằng cây gỗ, cùng các thứ trai đường, phòng ngủ, mà nghĩ tính ngoái gỗ khó có để làm, sợ tổn hao kinh phí mọi vật nên chưa thể khởi công làm. Một đêm nọ bỗng nhiên mưa gió bão bùng, sấm sét nổ dùng cả núi rừng, sáng sớm đã tạnh mới thấy dưới núi có vài ngàn gốc cây tùng bách lớn bị nước trôi dạt đến sắp cặp theo đường. Tại Sơn đông ít cây gỗ rừng,

tùng bách lại càng hiếm có, các hàng đạo tục rất kinh ngạc không biết từ xứ nào đưa lại, tìm theo dấu vết xa đến từ Sơn tây, bờ sườn vỡ đổ, cây cối gãy ngả trôi nổi đưa đến. Từ đó, mọi người xa gần đến thán phục, cho là do Thần hỗ trợ. Trí Uyển mới sai thợ chọn lấy cây gỗ đó, còn thừa đều phân giao cho trong thôn ấp, mọi người trong thôn ấp đều rất mừng vui, và cùng giúp tạo dựng nhà cửa, chỉ khoảng thời gian ngắn bèn hoàn thành, đều như chí nguyện đó. Trí Uyển tạo tạng kinh chất chứa đầy được bảy thất.

Đến năm Trinh Quán thứ mười ba (639) thời Tiền Đường, Trí Uyển thị tịch, các đệ tử còn nối tiếp công việc đó. (Điện trung thừa tướng Lý Huyền Tráng, Đại Lý Thừa Thái Tuyên Minh v.v... đều nói với Đường Lâm tôi như vậy. Năm Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, Đường Lâm tôi theo xa giá đến U châu, hỏi người trong thôn ấp cũng đồng nói như vậy, nhưng vì quân sự, chẳng được tận mắt đến trông thấy).

8. Người bị hang lấp vùi ở thời Đông Ngụy.

Khoảng cuối thời Đông Ngụy (534-550) tại Nghiệp Hạ có một số người cùng vào Tây sơn lượm nhặt bạc đồng, khi trở ra hang chưa hết mà miệng hang sập, có một người còn sau, bị đá bít cửa hang, ra không được nhưng chẳng bị thương tổn gì. Nơi chỗ hang sập đó có một hang nhỏ chẳng kín lấp hơi thấy được ánh sáng mặt trời. Người ấy nghĩ suy trọn không còn phương cách ra khỏi, mới nhất tâm niệm Phật. Người cha nghe con đã bị hang sập bít lấp, không biết đâu để kiếm thấy xác, lại thêm cảnh nhà nghèo túng, không có gì để tu tạo cầu phước, mới dùng một bát thô mang đến chùa chư Tăng cầu thỉnh một vị chứng trai. Chúng Tăng phần nhiều theo sự nồng hậu, chẳng ai chịu thọ nhận, người cha đó bưng bát cơm mà khóc lớn, khi ấy có vị Tăng xót thương, bèn thọ nhận, ăn xong, vì chú nguyện cho người con ấy. Ngày đó, người con ấy ở trong hang bỗng từ nơi lỗ hổng nhỏ có ánh sáng đó thấy có một vị Sa-môn từ trong hang đi lại mang theo bát cơm mà trao cho, người ấy ăn xong bèn hết đói khát, chỉ đoan tọa nghiêm giữ chánh niệm. Trải qua hơn mười năm đến lúc vua Văn Đế (Cao Dương) thời Bắc Tề lên ngôi (550), đến Tây sơn tạo dựng cung điện mát mẻ, các người thợ phá dẹp hang đá đó mới thấy trong hang có người còn sống, bèn đem ra cùng đưa về nhà, song thân người ấy rất vui mừng, cả nhà chung luyện hạnh. (Tư Mã Lô thừa nghiệp ở Ung châu kể cho Đường Lâm tôi như vậy và do từ Đặng Giáng lưu truyền đó).

9. Kẻ đày tớ ở Ký châu.

Trong thời Bắc Tề, có người ở Ký châu theo quân lính đánh nhà Lương chiến bại nên bị bắt làm đày tớ. Song thân ở tại quê nhà không nghe tin tức, cho là đã chết, mới vì tu phước, tạo ngôi Phù đồ thanh tịnh, khi đã hoàn thành thì thiết lập trai hội cúng dường, các hàng Tăng tục cùng dự tham có vài trăm vị. Vừa mới ngồi thọ trai, nghe có tiếng gõ cửa, người cha là chủ nhà ra trông xem, thấy có một vị Tăng hình tướng rất cao nhã, nói cùng chủ nhà rằng: "Cho xin ít cháo rau gói bọc trong khăn tay, và cho xin một đôi dép". Người chủ mời ở lại cùng thọ trai vị Tăng ấy không chịu nói: "Cần đi sớm gấp". Người chủ bèn thuận theo dùng vải mới bọc đựng cháo và đưa ra đôi dép dâng tặng. Vị Tăng ấy nhận rồi bèn đi ngày đó ngay lúc tại nhà thiết trai hội, thì con của người chủ ấy đang ở trong đầm tại Giang nam, chăn trâu cho người chủ, thấy một vị Tăng trong tay xách bọc cháo và một đôi dép mới, đến nơi kẻ tớ ấy mà hỏi: "Có nghĩ muốn về thấy gặp cha mẹ chăng?" Kẻ đày tớ ấy khóc đáp: "Không dám nghĩ mong". Vị Tăng đó trao cho bọc cháo và bảo ngồi ăn. Ăn xong lại trao cho đôi dép và bảo mang vào chân xong rồi trải chiếc y ca sa nơi đất, bảo vào ngồi trên y ca sa nơi đất, bảo vào ngồi trên y ca sa đó, và vị Tăng nắm bốn góc y túm dất lên mà xoay, chuyển dời cách khoản hai trượng xong, đặt để lại nơi đất. Kẻ đày tớ ấy mở mắt ra trông xem, không thấy vị Tăng đó và chiếc y ca sa đâu nữa, mà thân mình đã ở tại ngoài cửa vườn nhà, bước vào thấy mọi người đang thọ thực, song thân rất mừng vui ra hỏi. Kẻ đày tớ ấy kể lại nhân duyên, trông nhìn trong khăn còn ít cháo thừa và đôi dép mới mang ở chân, mới hướng đến trong chúng Tăng kính lễ, mọi người cả thôn ấp đều kinh ngạc, cùng nhau kính tin. Ngày đó là ngày mồng sáu, nên đặt gọi ngôi Phù đồ thanh tịnh đó là "Phù đồ mồng sáu". Ngôi Phù đồ đó đến nay vẫn hiện còn. Mọi người trong thôn ấp còn lưu truyền việc ấy vậy.

10. Kẻ Hàn sĩ ở thời Nam lương.

Thuở thiếu thời, vua Võ Đế (Tiêu Diễn) thời Nam Lương, có biết một kẻ hàn sĩ. Đến lúc lên ngôi (502-550), vân du nơi vườn uyển lại thấy kẻ Hàn sĩ ấy kéo thuyền vua Võ Đế mới hỏi: "Còn nghèo hèn như xưa vậy ư?" và ban sắc: "Ngày mai có thể đến bái yết, ta sẽ chô ông làm huyện lệnh". Người ấy vâng lời mà đến, gặp lúc có việc nên không thấy gặp được. Kẻ Hàn sĩ ấy từng đến nhiều lần nhưng đều bận việc trọn không được gặp vua, mới tự lấy làm quái lạ đem hỏi cùng Sa-môn Bảo Chí.

Khi ấy Sa-môn Bảo Chí đang vì mọi người mà giảng kinh. Thính chúng có vài ngàn vị, kẻ hàn sĩ ấy không tiến tới được. Sa-môn Bải Chí bảo đại chúng rằng: "Có người muốn đến ra mắt thưa hỏi điều gì, hãy mở lối cho vào". Mọi người mới vì lánh đường. Kẻ Hàn sĩ ấy tiến tới chưa đến nơi, Sa-môn Bảo Chí đón mà bảo rằng: "Ông vì không được làm huyện lệnh nên đến hỏi phải chăng? Thật trọn không thể được, chỉ nhận ân ban trống rỗng mà thôi, bởi trong thời quá khứ, vua làm một trai chủ cúng dường, trong lời sớ ông hứa cúng năm trăm tiền mà trọn chẳng dâng cúng, cho nên ngày nay chỉ được hứa cho làm quan, nhưng trọn không được làm quan", kẻ Hàn sĩ ấy nghe vậy bèn ra đi, vua Võ đế cũng chẳng kiếm tầm (các hàng Tăng tục ở Giang tây đến nay còn lưu truyền việc đó).

11. Nghiêm cung ở Dương châu.

Nghiêm Cung ở Dương châu, vốn người xứ Tuyền châu, gia đình rất giàu có của cải mà không có anh em nên cha mẹ rất mến quý Nghiêm Cung, nói gì đều được, không bao giờ trái ý, khoảng đầu niên hiệu Thái kiến (569) thời nhà Trần, Nghiêm Cung vừa tuổi hai mươi, xin cha mẹ năm vạn tiền đến Dương châu mua vật. Song thân chấp thuận cho. Nghiêm cung theo thuyền mang tiền đi xuống, cách Dương châu khoảng vài mươi dặm, gặp một thuyển chở rùa đem đến chợ bán. Nghiêm cùng dò hỏi, biết được nguyên do, nghĩ rùa trong thuyền hẳn sẽ bị chết, nên xin mua chuột đó, ngươi chủ rùa bảo: "Rùa của tôi rất lớn, mỗi con phải một ngàn mới bán". Nghiêm cung hỏi: "Có cả thảy là bao nhiêu con?" chủ rùa đáp: "Ta có năm mươi con". Nghiêm Cung nói: "Tôi hiện có năm vạn tiền, xin dùng mua chuộc đó". Người chủ rùa vui vẻ nhận lấy tiền, giao rùa cho Nghiêm Cung rồi đi, Nghiêm Cung đem tất cả rùa thả xuống sông, rồi đi thuyền không đến Dương châu. Người chủ rùa giả biệt Nghiêm Cung đi cách hơn mười dặm, thuyền bị đắm chìm mà chết. Ngày đó, cha mẹ của Nghiêm Cung ở tại nhà, vừa lúc trời xẩm tối, có năm mươi người khách mặc áo đen đến gõ cửa nhà xin nghỉ lại qua đêm, và đưa năm vạn tiền trao cho cha Nghiêm Cung mà nói: "Con của ông hiện ở chợ Dương châu, gởi nhờ mang tiền này về, xin y theo số mà nhận lấy". Cha của Nghiêm Cung kinh ngạc cho rằng Nghiêm Cung bị chết, nhân đó dò hỏi. Người khách đáp: "Con của ông bình an không sao cả, chỉ không cần tiền nên gởi mang trở về. Cha của Nghiêm Cung bèn nhận lấy, nhớ rõ vốn số tiền đó do mình giao nhưng đều bị nước ướt, để khách nghỉ lại và vì dọn

mời ăn tối. Ở lại qua đêm, đến sáng sớm, đoàn khách giả từ ra đi. Qua hơn tháng sau, Nghiêm Cung trở về, song thân rất vui mừng, thế rồi hỏi nguyên do gởi tiền về. Nghiêm Cung đáp: "Đâu có việc đó". Song thân bèn kể lại hình trạng các người khách và ngày tháng mang tiền về. Đúng là ngày Nghiêm Cung mua chuộc rùa, khi ấy mới biết năm mươi người khách ấy chính là rùa do Nghiêm Cung đã mua chuộc, cha con cùng nhau kinh ngạc tán thán. Nhân đó cùng đến Dương châu tạo dựng tinh xá, chuyên việc biên tả kinh Pháp Hoa, bèn chuyển dời nhà đến đó ở, gia đình ngày càng giàu có, mới mở rộng phòng nhà biên tả kinh, trang nghiêm thanh tịnh, cung cấp rất nồng hậu, thư sinh biên tả kinh thường có khoảng vài mươi người, các hàng đạo tục ở Dương châu thảy đều sùng kính, xưng gọi là "Nghiêm Pháp Hoa". Từng có người thân quen đền vay mượn một vạn tiền biên tả kinh, Nghiêm Cung bất đắc dĩ mà cho vay mượn. Người vay mượn nhận tiền dùng thuyền mang chở đi, giữa đường, thuyền lắc nghiêng đổ, tiền rơi vào nước mà người thuyền không chìm đắm. Ngày đó, Nghiêm Cung vào trong kho tiền, thấy có vạn tiền bị thấm ướt như vừa mới lấy từ nước ra, Nghiêm Cung rất lấy làm quái lạ, sau đó gặp thấy người vay mượn tiền trước kia, mới biết tiền ướt đó là tiền cho vay mượn. Lại có một thương nhân đến nơi Đình Hồ chỗ thờ thần cúng tế rượu thức ăn và dâng các vật. Đêm đó mộng thấy thần đưa vật trả lại và bảo: "Nhờ ông vì tôi mang vật này đến dâng biểu Nghiêm Pháp Hoa để cúng dường vào việc biên tả kinh". Vả lại các vật dâng cúng thần đều hiện có trước mặt". Thương nhân ấy kinh lạ tán thán, bèn đưa đến nơi Nghiêm Cung, và cùng thí nồng hậu thêm nhiều. Sau đó, nghiêm cung đến chợ mua giấy, gặp lúc thiếu tiền, bỗng thấy một người mang ba ngàn tiền đến trao cho Nghiêm Cung và nói: "Hỗ trợ ông mua giấy biên tả kinh". Nói xong bèn biến mất, mà tiền thì tại trước mặt Nghiêm Cung. Những việc quái lạ như vậy xảy ra không chỉ một lần.

Đến cuối niên hiệu Khai Hoàng (605) thời nhà Tùy, con cháu vẫn duy trì nối dõi nghề nghiệp đó. Đến cuối thời nhà Tùy (618), giặc đến Giang tô, đều cùng ước định với nhau chớ vào trong làng Nghiêm Pháp Hoa. Dân chúng trong làng nhờ đó mà đều được bình an hoàn toàn. Gia đình của Nghiêm Cung đến nay vẫn chuyên việc biên tả kinh không thôi nghỉ. (Mọi người ở châu ấp đông thấy như vậy, các hàng nhân sĩ ở kinh đô phần nhiều đều biết việc đó, Phò mã Thú Quốc Công Tiêu Duệ rất rõ biết việc ấy vậy).

■

MINH BÁO KÝ

QUYỂN TRUNG

1. Thứ sử Thôi Ngạn Võ ở Ngụy châu

Trong khoảng niên hiệu Khai Hoàng (581-605) thời nhà Tùy, Thứ sử bác lăng Thôi Ngạn Võ ở Ngụy châu, nhân hành bộ đến một ấp nọ, chợt nhiên vừa kinh ngạc vừa vui mừng, nói cùng mọi người đi theo rằng: "Xưa trước, tôi từng làm vợ người trong ấp này, nay còn nhớ biết nơi nhà đó". Bèn xoay ngựa đi vào một hẻm nhỏ, đến một ngôi nhà gõ cửa, người chủ tuổi già vội ra bái yết. Thôi Ngạn Võ vào nhà, trước tiên lên nhà trên, trông nhìn lên vách tường phía Đông cách đất khoảng sáu -bảy thước nơi có chỗ nổi cao, bảo cùng người chủ rằng: "Xưa trước, tôi đọc tụng kinh Pháp Hoa, và có năm chiếc vàng xuyến cất giấu trong vách tường này nơi nổi cao ấy. Ở trang sau cuối quyển bảy của kinh bị lửa cháy mất chữ, nên đến nay mỗi lần tụng kinh ấy đến cuối quyển bảy bèn quên mất, trọn không thể nhớ nỗi". Nhân đó bảo mọi người đến tường vách dò tìm xem, quả nhiên có được bộ kinh, mở ra cuối quyển bảy và vòng vàng xuyến, đều đúng như lời Thôi Ngạn Cung nói. Người chủ buồn khóc mà nói rằng: "Ngày trước lúc vợ tôi còn sống thường đọc tụng kinh này, và vàng xuyến đó cũng là vật của vợ tôi. Vợ tôi nhân sinh nở mà qua đời, bèn mất, không biết ở đâu, chẳng nhớ Sứ quân chỉ bày cho chỗ ấy". Thôi Ngạn Võ lại bảo: "Nơi gốc cây hòe trước sân, lúc tôi sắp sinh nở, tự cắt tóc trên đầu để nơi hang trống cây ấy, thử bảo người tìm xem". Quả nhiên có được nắm tóc, khi ấy người chủ vừa buồn vừa mừng, Thôi Ngạn Võ lưu lại các vật và y phục cấp cho người chủ rồi ra đi. Thôi Thượng Thư Đôn Lễ nói như vậy. Năm trước gặp Lô Văn Lệ cũng nơi đồng vậy, mà chỉ nói là Thứ sử ở Tề châu chứ không nói được họ tên đầy đủ như Thôi Đôn Lễ. Đường Lâm tôi bèn y theo Thôi Đôn Lễ mà ghi lục.

2. Vị khách Tăng ở thời nhà Tùy.

Trong khoảng niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) thời nhà Tùy, có

vị khách Tăng đến miếu Thái sơn xin nghỉ lại qua đêm. Người giữ miếu nói: "nơi đây không có phòng nhà, chỉ dưới hiên miếu thần là nơi có thể nghỉ, nhưng từ trước đến nay các người nghỉ lại đều bị chết". Vi Tăng ấy đáp: Khỏi phải khổ ngại". Người giữ miếu bất đắc dĩ mà sắp đặt giường dưới hiên. Đến đêm, vị Tăng ấy đoan tọa tụng kinh, đến khoảng canh một nghe trong phòng có tiếng vòng đeo va chạm nhau, chốc lát có vị thần ra kính lễ. Vị Tăng ấy hỏi: "Nghe từ trước đến nay, mọi người nghỉ lại tại đây phần nhiều đều chết, há Đàn Việt làm hại đó ư? Xin được bảo hộ!" Thần đáp: "Gặp các người đó thời điểm chết sắp đến, nghe tiếng đệ tử, nhân đó kinh sợ mà chết, chẳng phải đệ tử làm hại họ, xin Sư chớ lo". Vị Tăng ấy bèn mời ngồi, cùng đàm nói như với người. Giây lâu, vị Tăng ấy hỏi: "nghe người đời truyền miệng Thái sơn là nơi Quỷ thống trị, có phải vậy không?" thần đáp: "Đệ tử phước mỏng nên thật có vậy. Sư muốn thấy gặp người thân của mình đã mất trước chăng?" Vị Tăng ấy đáp: "Tôi có hai vị Tăng là bạn đồng học đã mất trước, xin được thấy gặp họ". Thần hỏi tên vị nào. Vị Tăng ấy đáp rõ họ tên. Thần nói: "Một người đã sinh tử lại nhân gian, còn một người hiện ở trong ngục, vì tội quá nặng không thể gọi lại thấy gặp. Có thể cùng Sư đến đó thấy gặp". Vị Tăng ấy rất mừng, nhân cùng đứng dậy bước ra cửa, đi không xa bèn đến một nơi, thấy có nhiều chuồng ngục, ánh lửa hừng hực rất mạnh dữ. Thân dẫn vị Tăng ấy vào trong một viện, xa thấy có một người đang trong lửa kêu gào, nói không thể được, hình trạng lại không còn nhận biết, mà máu thịt cháy thối, khiến người thương tâm. Thần bảo: "Chính vị ấy vậy. Sư có muốn đi trông xem qua chăng?" Vị Tăng ấy buồn xót bảo muốn trở lui. Bỗng chốc đến nơi miếu cũ, vị Tăng ấy cùng thần đồng ngồi, nhân đó hỏi: "Tôi muốn cứu giúp bạn đồng học, có cách gì chăng?" Thần đáp: "Có thể được vậy. Nên vì biên tả một bộ kinh Pháp Hoa, tiện được thoát khỏi". Thế rồi, sắp gần sáng, Thần giả từ trở vào trong miếu. Đến sáng sớm, người giữ miếu thấy vị Tăng ấy không chết, lấy làm quái lạ mà hỏi, nhân đó, vị Tăng ấy bèn vì kể rõ. Và bèn liền biên tả một bộ kinh Pháp Hoa. Khi kinh biên tả hoàn thành, trang nghiêm xong, vị Tăng ấy mang kinh đến nghỉ lại nơi miếu. Đêm đó, thần cũng ra như trước, vui mừng lễ bái, an ủi hỏi lý do đến nghỉ lại. Vị Tăng ấy bèn đem sự tình mà nói. Thần đáp: "Đệ tử biết đó vậy, Sư vì biên tả kinh, lúc mới hết đề mục, vị Tăng kia đã được thoát khỏi, thác sinh đến nay đã lâu, không còn trong ấy nữa. Nhưng đây là nơi không được thanh khiết, chẳng thể tôn trí kinh. Xin sư đưa kinh trở về lại chùa". Cùng nói bàn thời gian lâu, đến lúc gần sáng, Thần giả

từ đi vào. Vị Tăng ấy đưa kinh trở về chùa (Hàng châu biệt giá Trương Đức nói là trước kia lúc trấn tại Duyệt châu có biết rõ vị đó, nên kể cùng Đường Lâm tôi như vậy).

3. Tiêu Cảnh.

Tiêu Cảnh, vốn người xứ Lan lăng, là Huyền tôn của vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương, là con thứ năm của Lương Vương Vị. Khi nhà Lương mất vào thời nhà Tùy, chỉ của Tiêu Cảnh là Hoàng hậu của vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) thời nhà Tùy, sinh trưởng mà gia đình lại sùng tin Phật pháp. Trong khoảng niên hiệu Đại nghiệp (605-617) thời nhà Tùy, tự vì trì tụng kinh Pháp Hoa, mới y theo kinh văn, nêu dùng gỗ đàn hương tạo tháp Đa bảo. Tháp cao ba thước, phía trên hình vuông phía dưới dày, lại dùng gỗ tạo tôn tượng Phật Đa bảo. Qua vài năm sau đó, Tiêu Thuyên là con của người Tiêu Cảnh, một sớm mai ngủ dậy bỗng thấy trong lùm cỏ trước có một ngôi Phù đồ bằng gỗ, che dưới có một tôn tượng bằng thau thạch, chế tác khác lạ so với ở Trung Hoa, hình dạng mặt mày tợ người Hồ, tròng mắt được làm bằng bạc, tròng ngươi đen lánh trong sáng sạch như tự nhiên. Tiêu Thuyên mới chạy đến mách báo cùng Tiêu Cảnh, Tiêu Cảnh trông thấy vừa kinh lạ vừa mừng vui bèn lấy che đưa về, thử tôn trí vào trên tháp, uyển nhiên tương xứng như cổ làm nên, tuy sắc gỗ có nhỏ khác nhưng hình tháp lại diệu tuyệt, đem tôn tượng Phật an trí trong tháp cũng tương xứng như đã làm trước. Tiêu Cảnh rất vui mừng, tự cho là bởi sự tinh thành mà cảm nên vậy. Trong hợp tôn tượng Phật có hơn trăm viên xá-lợi. Tiêu Cảnh có người con gái xuất gia làm Ni tuổi nhỏ trộm nghi ngờ các vị Hồ Tăng từng nói là xá-lợi lấy dùi đánh không vỡ nát, mới thử lấy ba mươi viên đem để trên đá và dùng búa đánh, xá-lợi trọn không sao cả, người nữ Ni ấy mới tìm kiếm nơi đất chỉ nhặc lượm được ba -bốn viên, ngoài ra đều biến mất không thấy đâu cả. Thế rồi kinh sợ mách báo cùng Tiêu Cảnh, Tiêu Cảnh đến trong tháp trông xem thì xá-lợi đều có ở đó như cũ. Từ đó, Tiêu Cảnh tụng kinh Pháp Hoa mỗi ngày một biến, cho đến trọn đời.

Năm Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường. Tiêu Cảnh cảm mắc cơn bệnh rất nặng. Tiêu Hậu cùng chị em trông thăm, Tiêu Cảnh thấy gặp mỗi mỗi đều bảo đốt hương cùng giả biệt, chỉ lưu lại người em là Tống Công Võ và người con gái cô Ni ấy đốt hương tụng kinh, chỉ chốc lát Tiêu Cảnh bảo cùng cô Ni rằng: “Ta muốn đi, Bồ-tát Phổ Hiền lại nghinh đón Ta hiện ở tại Đông viện, cô Ni có thể đến

nghinh đón đó". Cô Ni bèn vâng lời song nghinh đón, chưa trở về. Tiêu Cảnh lại bảo: "Viện nay bất tịnh, chẳng chịu lại, Ta phải đến đó, các người hãy khéo sống", nhân đó giả biệt cùng Tống Công Võ, rồi bèn quỳ thẳng chấp tay, xoay mặt về chánh hướng Tây, khoảnh khắc bỗng ngã nằm lại mà qua đời. Tiêu Cảnh căn dặn lại riêng dùng một xe để chở, gom thay y phục ở tại thân, vợ và mọi người không được đưa đám tang, chở dùng rượu thịt để cúng tế, chế phần mộ mới khiến lấp vùi kín quan tài. Mọi người đều ngợi khen Tiêu Cảnh là bậc thông ngộ, người nhà đều vâng theo mà thực hành đó. (Hiếu, em của Trọng Khê đều làm người Đại lý chủ bộ vì kể cho Đường Lâm tôi biết, và nghe mọi người ở châu ấy cũng nói như vậy).

4. Lâm Ấn Vi Trọng Khuê.

Lâm Ấn Vi Trọng Khuê vốn tánh rất hiếu để, rất được mọi người trong châu Lý mến kính. Năm mười bảy tuổi, Quận biểu Tả Dị làm Mông dương trưởng. Thân phụ là Liêm Mục vốn làm Dương quận thừa vì tuổi giả nên trở về. Đến trong khoảng niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường, thân phụ mắc bệnh rất nặng. Trọng Khuê chẳng cởi đai mão mà tự dưỡng nuôi đến lúc thân phụ qua đời, Trọng Khuê từ tạ vợ con đến giữ bên phần mộ, do vốn rất kính tin Phật giáo, chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa, ban ngày thì khiên đất đắp mộ, đêm lại đọc tụng kinh điển, tinh cần chí thành không biếng trễ, trọn ba năm chẳng trở về nhà, từng có con hổ ban đêm đến ngồi xổm trước chòi để nghe kinh, lâu mà chẳng đi Trọng Khuê giữ chánh niệm bảo rằng: "Chẳng mong thú dữ cùng bức hại vậy". Hổ liền đứng dậy bỏ đi. Sáng ngày trông thấy nhiễu quanh mộ sinh mọc bảy mươi hai cành cỏ chi chi ngay trước mộ xếp theo thứ tự như có người trồng nên, đều táng màu đỏ tía, cành táng dài năm tấc, sắc màu sáng sạch khác thường. Có người ở gần thôn đem báo cùng châu huyện. Bấy giờ Tân Quận Xương làm Thứ sử Thẩm Dụ làm Biệt giá cùng đến nơi ngộ đó xét xem, bỗng có một con chim như vịt ngậm hai con cá chép bay đến đặt để nơi đất rồi bỏ đi. Quân Xương v.v... rất mực ngợi khen, hái cỏ chi niêm phong lại đem tấu trình, vua ban chiếu ngợi khen cả thôn ấp. (Năm Trinh Quán thứ bảy (633) thời Tiền Đường, Đường Lâm tôi vâng phụng đi sứ Giang đông, Dương Châu Chân Y Chân Đà kể cho biết như vậy).

5. Tôn Bảo ở Giang đô.

Tôn Bảo vốn người xứ đất Bắc, khoảng cuối thời nhà Tùy (618)

chuyển dời đến ở Giang đô. Thuở thiếu thời từng bị chết mà trong thân còn ấm nóng qua hơn bốn mươi ngày mới sống lại, tự kể rằng: "Mới đầu bị bắt đến trong Quan Tào, bỗng nhiên thấy mẹ mình bị giam cầm trong đó, Tôn Bảo vừa buồn vừa mừng vui. Người mẹ nhân đó tự nói là từ lúc chết đến nay đã lâu, bị giam cầm không tiến dừng được, chẳng do đâu để tự phân bua. Sáng sớm Chủ ty dẫn Tôn Bảo ra mắt Quan, Quan bảo "Tôn Bảo không có tội, nên phóng thả ra". Nhân đó, Tôn Bảo xin hỏi: "Chưa xét rõ lúc sống tạo tác mọi việc tội phước, có thành quả báo chăng?" Quan đáp: "Nhất định sẽ có quả báo". Tôn Bảo hỏi: "Người tạo tội vừa tạo phước có thể hủy trừ chăng?" Quan đáp: "Được". Tôn Bảo nói: "Có người ở gần thôn xóm tôi lúc bình sinh tạo tội nhiều, làm phước ít, nay hiện ở ngoài, còn mẹ tôi tạo phước nhiều, tạo ác ít lại bị giam giữ lâu dài, nếu nhất định có quả báo, cớ sao lại như vậy?" Quan kêu đòi hỏi Chủ lại, Chủ lại đáp không có bản án, Quan mới gọi mẹ của Tôn Bảo đến xét hỏi, biết đúng là tạo phước nhiều tạo tội ít. Quan trách Chủ lại, Chủ lại đánh mất bản án nên không biết bản án trạng nhẹ nặng như thế nào. Quan lại xét ở bộ khác quả thật đúng như lời nói đó, nhân đó bảo phóng thả phối sinh đến Lạc đường. Mẹ con đều đi ra, Tôn Bảo đưa mẹ đến nơi thác sinh, Lạc đường ấy như cung điện đẹp xin có nhà gác lớn, có đông nhiều trai gái ở trong đó hưởng lạc. Tôn Bảo không có ý muốn trở về, chỉ rảo bước xem nhìn các nhà vui thú mà thôi, qua hơn tháng trời, chợt gặp người Bác ở giữa đường, trách Tôn Bảo rằng: "Ngươi chưa hợp chết, sao chẳng sớm trở về?" Tôn Bảo đáp: "Không muốn trở về nữa vậy". Người Bác tức giận bảo: "Người chết mỗi mỗi đều theo bản nghiệp mà nhận chịu quả báo, ngươi tạo nghiệp ác chẳng được sống ở Lạc đường, chỉ vì chưa hợp chết nên được làm khách tạm ở trong ấy vậy. Nếu như đáng chết thì quan đã bắt lấy ngươi đâu được thấy gặp mẹ ngươi ư?" Nhân đó, dùng một bình nước rưới trên mình Tôn Bảo từ đảnh đầu đến chân khắp nơi đều thấm ướt chỉ còn chút ít nơi tay chưa khắp cùng vì nước hết, và chỉ một ngôi nhà trống không, bảo Tôn Bảo vào trong đó. Đã vào trong đó rồi bàn sống lại, nơi nước rưới không khắp, thịt bèn thối rữa rơi rớt, đến nay còn thấy cốt xương. (Năm Trinh Quán thứ bảy (633) thời Tiền Đường, Đường Lâm tôi vâng phụng đi sứ Giang đông, gặp Chân Đà kể nói như vậy. Tôn Bảo nay hiện còn sống).

6. Trương Lượng.

Trương Lượng làm U châu Đô đốc phủ trưởng lại, rất sùng tin Phật

pháp, thường vào một ngôi chùa, thấy tôn tượng Phật cao lớn ngang bằng thân mình, nhân đó Trương Lượng riêng vì cúng dường tôn tượng ấy. Sau, ngồi trong phòng nhà, có hai đứa tớ đứng hầu, bỗng nhiên nghe tiếng sấm chớp, mà tánh Trương Lượng vốn rất sợ sấm sét, nhân vậy mà tâm nghĩ nhớ tôn tượng Phật ngang bằng thân mình, bỗng chốc sấm sét nổ rền lay động cả trụ nhà, một đứa tớ đứng hầu kinh sợ chạy ra, vừa đến thềm cấp bèn chết, có một trụ gỗ tán loạn đánh trúng vào trán Trương Lượng mà không đau nhức lắm, trông xem đó mới có vết sẹo đỏ, mà trụ gỗ một nửa xé rơi nơi đất như có người chặt phá. Thế rồi, sau đó Trương Lượng đến chùa, thấy sau trán tôn tượng Phật có vết sẹo lớn như vật gì đánh vào đó, tương đương đúng nơi vết sẹo trên mình Trương Lượng vậy. Trương Lượng cùng mọi người đồng kinh sợ thở than. (Trương Lượng tự kể cho cao dục nghe việc đó, và mọi người ở U châu đếu biết việc đó).

7. Giám sát ngự sử Phạm Dương Lô Văn Lệ.

Giám sát ngự sử Phạm Dương Lô Văn Lệ, mới đầu làm Văn Dương Úy, vâng phụng đi sứ Kinh châu, trên đường trở lại, đến Giang nam, cảm mắc bệnh rất nặng, bụng trướng cứng như đá, ăn uống nuốt không xuống, các thầy thuốc đều không thể chữa trị. Lô Văn Lệ tự cho rằng: “Hẳn chết, không còn trông mong được sống!” mới khuyên tâm xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, trải qua vài ngày, hoảng hốt như đang ngủ, bỗng thấy một vị Sa-môn đi đến tự xưng là Bồ-tát Quán Thế Âm, bảo cùng Lô Văn Lệ rằng: “Ngươi hay chuyên tâm xưng niệm, nên lại cứu giúp, nay sẽ vì ngươi mà dứt trừ bệnh trong bụng”. Nhân đó đưa tay nắm cây gỗ dùng xoay nơi bụng. Trong bụng nhả ra một vật dơ uế lớn hơn ba thăng rất hôi hám. Và bảo: “Hẳn được lành vậy”. Thế rồi, Lô Văn Lệ kinh ngộ, thân bụng thản nhiên, liền ăn và đậy được, và mọi bệnh cố tật đều lành, đến nay rất khỏe mạnh.

Lô Văn Lệ thật cùng Đường Lâm tôi đồng làm ngự sử, tự kể như vậy.

8. Mục Nhân Thiến.

Mục Nhân Thiến, vốn người ở Cám Đan, Triệu Quận, thuở thiếu thời có trải qua học, chẳng tin quỷ thần, thường muốn cùng thử có hay không. Đến tư nhân tập học, hơn mười năm mà chẳng được thấy, sau đó dời nhà đến huyện ở, giữa đường đi thấy gặp một người như quan lớn, áo mão rất hùng vĩ, cưỡi ngựa béo tốt, có hơn năm mươi người cùng

theo, trông nhìn Nhân Thiến mà không nói năng gì, sau vài lần thấy, thường như vậy. Trải qua mười năm, có đến vài mươi lần thấy gặp. Sau đó, bỗng nhiên dừng ngựa, gọi Nhân Thiến mà bảo: "Từ trước đến nay từng gặp thấy ông tâm tình cùng luyến mộ, nay muốn dẫn ông cùng giao du". Nhân Thiến liền kính bái và hỏi: "Ông là người nào?" Kẻ ấy đáp: "Ta là Quỷ vậy, vốn dòng họ Thành, tên là Cảnh, người xứ Hoằng nông, xưa trước trong thời Tây Tấn (265-317) làm Biệt giá, còn nay đang nhậm giữ Trưởng lại ở nước Lâm Hồ". Nhân Thiến hỏi: "Nước đó tại đâu? vua tên là gì?" Quỷ đáp: "Từ Hoàng Hà trở về phía Bắc, tất cả đều là nước Lâm Hồ, kinh đô đóng tại phía Tây Bắc Lâu Phiền, tức thuộc Chân Thích vậy. vua nước đó là Triệu Võ Linh Vương xưa trước, hiện nay thống trị nước ấy, tất cả đều nhận chìm Thái sơn khống nhiếp. Mỗi tháng các Sứ lên cùng chầu Thái sơn, do đó từng nhiều lần ngang qua đây cùng gặp gỡ ông, Ta mới hay có cùng lợi ích, khiến ông dự biết mọi sự họa nạn mà ẩn lánh trước có thể thoát khỏi hoạnh hại, chỉ trừ mạng sống chết cùng với quả báo họa phước lớn, không thể chuyển dời lay động đó". Nhân Thiến bèn theo đó. Nhân đó, Thành Bảo bảo người cùng cưỡi theo thường chưởng sự (trông xét mọi việc) mà cấp tặng sai đi theo Nhân Thiến, có việc gì thì khiến báo trước, còn việc ông không biết nên báo lại cùng ta. Khi ấy cùng nhau giả biệt. Chưởng Sự thường luôn đi theo như người tùy tùng, khoảnh khắc có hỏi, không gì chẳng biết.

Bấy giờ, khoảng đầu niên hiệu Đại nghiệp (605) thời nhà Tùy, có Sầm Chi Tượng ở Giang lăng làm Cám Đan lệnh, có người con là văn bản chưa đủ tuổi hai mươi. Sầm Chi Tượng mời Nhân Thiến đến nhà để dạy cho văn bản học sách. Nhân Thiến mới đem việc ấy nói với Văn Bản, nhưng nói rằng: "Thành Trưởng sứ (Thành Bảo) nói ta có một việc xấu hổ với ông không thể nói, nhưng đã cùng ông tương giao kết bạn nên cũng không thể không nói với ông. Trong đạo quỷ thần cũng có ăn, nhưng chẳng thể no, khổ đói mãi hoài, nếu được người cho ăn bèn được no cả một năm. Các quỷ thần nhiềm trộm lấy thức ăn của người. Ta đã quý trọng, không thể trộm đó, nên theo ông xin cho một bữa ăn". Nhân Thiến đã báo cùng Văn Bản như vậy, Văn Bản liền vì sắm sinh các thức ăn đầy đủ mọi thứ ngon lành. Nhân Thiến bảo: "Quỷ không muốn vào nhà người, nên đem ra ngoài bờ sông, căng màn trải chiếu, thiết bày các thứ rượu thức ăn lên đó". Văn Bản bèn y theo lời đó. Đến giờ, Nhân Thiến thấy Thành Cảnh và hai khách đến ngồi, và có hơn trăm người cùng cưỡi theo đến. Đã ngồi xong, Văn Bản xoay mặt hướng đến chiếu

kính bái, tạ lỗi vì thức ăn không tinh khiết, cũng truyền ý đến Thành Cảnh, xong rồi từ tạ. Mới đầu, Văn Bản sắp thiết bày các thức ăn để cấp thí, Nhân Thiến xin có vàng lụa để chuộc đó. Văn Bản hỏi: "Phải là các vật gì?" Nhân Thiến bảo: "Vật dụng của quỷ đều khác so với người, chỉ trừ vàng ròng và lụa quyên là thông dùng, nhưng cũng không như giả vậy, dùng màu sắc vàng bôi thoa vào sắt lớn để làm vàng, dùng giấy làm lụa quyên, rất là quý trọng". Văn Bản đều y theo chí bảo mà làm. Đến lúc Thành Cảnh ăn xong, bảo các người cưỡi theo thay ngồi ăn, Văn Bản đem các thứ làm thành vàng tiền lụa quyên mà cấp tặng đó. Thành Bảo rất vui mừng cảm tạ rằng: Nhân Mục Nhân Thiến phát sinh làm phiền Lang Quân cung cấp. Lang Quân có muốn biết về thọ mạng của mình chăng?" Văn Bản đáp: "Không muốn biết điều đó". Thành Cảnh giả từ mà đi.

Sau đó vài năm, Nhân Thiến mắc bệnh rất lắm khốn đốn, không thể dậy nỗi. Qua hơn một tháng, Nhân Thiến hỏi Thường Chưởng Sự, Chưởng Sự đáp: "Không biết". Bèn hỏi Trưởng Sứ -Thành Cảnh, Trưởng sứ bảo: "Trong nước không biết, ngày sau nhân đến chầu Thái sơn sẽ vì hỏi tin tức mà báo lại". Đến tháng sau, Trưởng sứ đến báo rằng: "Do người cùng quê ông là Triệu Võ làm Thái sơn chủ bộ, chủ bộ bị khuyết thiếu một thành viên, đề cử ông thay thế làm chức quan đó, nên làm văn án qua năm vời gọi ông vậy. Khi văn án đã hoàn thành vì ông sẽ chết". Nhân Thiến hỏi: "Tính làm sao để ra khỏi?" Thành Cảnh bảo: "Tuổi thọ của ông đáng ngoài sáu mươi, nay mới vừa bốn mươi tuổi, chỉ vì Triệu chủ bộ nêu gọi vậy. Tôi sẽ vì ông mà cầu xin đó". Xong, Thành Cảnh mới nói với Triệu chủ bộ, cùng hỏi: "Mục Huynh (Mục Nhân Thiến) ngày trước là bạn đồng học, ân tình rất sâu nặng, nay tôi may được làm Thái sơn chủ bộ, vừa gặp lúc khuyết thiếu một chủ bộ, phủ bảo chọn người, tôi đã khai bẩm Phủ Công, Phủ Công hứa sẽ cùng dùng, ông không được sống thọ, mạng sẽ có chết, chết gặp lúc cơ hội vừa đến, chưa hẳn được làm quan, sao tiếc một vài mươi năm, giả sử có tham sống mà nay văn thú đã ban xuất, cũng không thể ngưng lại được, xin quyết làm theo ý trong tương lai, không nên nghi ngờ vậy". Nhân Thiến lo sợ, bệnh càng quá lắm, Thành Cảnh bảo cùng Nhân Thiến rằng: "Triệu chủ bộ hẳn muốn đặt để đến ông, ông có thể đến Thái sơn nơi chỗ Phủ quân mà trình bày tố giác, thì có thể được khỏi". Nhân Thiến hỏi: "Do đâu mà được thấy gặp Phủ Quân?" Thành Cảnh bảo: "Quỷ cũng có thể thấy gặp được vậy, ông đến miếu Thái sơn, theo hướng Đông vượt qua một hang nhỏ, nơi chỗ đất bằng phẳng tức là Đô

sở, ông đến sẽ tự thấy gặp đó. "Nhân Thiến đem việc ấy nói cùng Văn Bản. Văn Bản vì chuẩn bị hành trang. Vài ngày sau, Thành Cảnh trở lại bảo cùng Nhân Thiến rằng: "Văn thư sắp hoàn thành, nếu ông tố giác, sợ cũng chẳng thể khỏi. Hãy gấp tạo một tôn tượng Phật thì văn thư kia tự tiêu mất". Nhân Thiến lại bảo cùng Văn Bản, dùng ba ngàn tiền vì đắp họa một tòa tôn tượng nơi vách tường phía Tây chùa. Thế rồi, Thành Cảnh lại đến báo rằng: "Ông được khỏi vậy". Nhân Thiến tình ý chẳng tin Phật pháp nên còn lắm nghi ngờ đó. Nhân đó hỏi Thành Cảnh rằng: "Trong Phật pháp nói có nhân quả ba đời, điều ấy là thật hay dối?" Thành Cảnh đáp: "Thật có vậy". Nhân Thiến lại hỏi: "Tức như người chết đáng phần vào trong sáu đường, nào phải tất cả đều làm quỷ, mà Triệu Võ Linh Vương và ông đến nay vẫn phải làm quỷ vậy?" Thành Cảnh hỏi: "Trong huyện ông có bao nhiêu hộ nhà?" Nhân Thiến đáp: "Có hơn muôn hộ nhà". Thành Cảnh hỏi: "Có bao nhiêu kẻ bị đày đọa tù ngục?" Nhân Thiến đáp: "Thường có khoảng hai mươi người trở xuống". Thành Cảnh hỏi: "Trong muôn hộ nhà có được bao nhiêu người làm quan Ngũ phẩm? Nhân Thiến đáp: "Không có người nào cả". Thành Cảnh hỏi: "Từ quan Cửu phẩm trở lên có được bao nhiêu người?" Nhân Thiến đáp: "Có vài mươi người". Thành Cảnh bảo: "Trong sáu đường cũng đồng nhất như vậy đó. Người được sinh lên cõi trời, trong muôn người chỉ có một, như trong huyện ông không có một người làm quan Ngũ phẩm, kẻ sinh trong cõi người có được vài người, như quan Cửu phẩm của ông, còn vào địa ngục có cũng vài mươi người, như kẻ trong tù ngục ông, chỉ có ở loài quỷ và súc sinh thì có lắm nhiều. Tóm lại trong đây mà nói, lại còn có Đẳng cấp". Nhân đó, chỉ kẻ cùng theo mà bảo: "Người kia lớn chẳng bằng Ta, còn kẻ lớn chẳng bằng người kia thì rất đông nhiều". Nhân Thiến lại hỏi: Quỷ có chết chăng?" Thành Cảnh đáp: "Có chết". Nhân Thiến hỏi: "Chết sinh vào đường nào?" Thành Cảnh đáp: "Không biết, như người biết chết mà không biết việc sau khi chết". Nhân Thiến hỏi: "Đạo gia cúng tế là có ích lợi chăng?" Thành Cảnh đáp: "Đạo là Thiên đế thống trị cả sáu đường, đó gọi là Thiên Tào, còn vua Diêm-ma như Thiên tử trong cõi người, Thái sơn phủ quân như Thượng thư lệnh, Lục ngũ đạo thần như các thượng thư, còn nước của bọn tôi như châu quận lớn, mọi việc trong nhân gian, đạo dâng lễ bày tấu rõ thỉnh phước Thiên Tào nhận đó, ban xuống vua Diêm-ma bảo rằng: "Ngày... tháng... năm ấy, có người họ tên... ấy tố cáo việc... ấy đều nên theo hết Lý mà xét xử chớ khiến uổng lạm". vua Diêm-ma kính nhận mà phụng hành đó. Như người vâng phụng sắc

chiếu, không lý thì chẳng thể cầu thoát khỏi, có oan uổng hẳn sẽ được tỏ bày, không thể là vô ích vậy”. Nhân Thiến lại hỏi: “Trong nhà Phật tu phước thì như thế nào?” Thành Cảnh đáp: “Phật là bậc Đại Thánh, không văn thư ban hành xuống. Với người tu phước thì trời thần kính phụng được nhiều khoan dung ủng hộ. Nếu người tu tạo phước sâu dày, tuy có văn bộ trong ác đạo cũng không thể đuổi bắt. Đó không phải chỗ tôi có thể biết, cũng chớ biết lý do đó như thế nào”. Nói xong, Thành Cảnh bèn đi. Một vài ngày sau Nhân Thiến dậy được và bèn lành mạnh. Đến khi thân phụ của Văn Bản qua đời, nên trở về quê hương. Nhân Thiến gởi thư đến nói rằng: “Quỷ thần nhất định là có tham lam xiểm nịnh, ngày trước muốn Lang quân ban thí ăn uống, mới ân cần đó, từ đó biết không đáp lại lợi ích nồng hậu thì cùng thấy khác lạc. Tự nhiên, Thường chưởng sự còn thấy theo, trong bản huyện bị giặc vùi lấp, chết mất gần hết, kẻ tớ nhờ Chưởng sự dẫn dắt nên thường như giặc không thấy, trọn được an toàn”.

Ngày mồng 09 tháng 09 năm Trinh Quán thứ mười sáu (642) thời Tiền Đường, Văn Quan Tứ Thức ở cửa phía Bắc Huyền Võ. Khi ấy, Văn Bản làm Trung thư thị lang, cùng người anh trong nhà là Thái phủ khanh, cùng Trị thư thị ngự sử Mã chu, Cấp sự Trung Vi Côn, cùng Đường Lâm tôi chung ngồi trò chuyện, Văn Bản tự kể cho mọi người nghe như vậy.

9. Tôn Hồi Phác.

Điện Trung thị lang Tôn Hồi Phác, vốn người ở Tế âm. Năm Trinh Quán thứ mười ba (639) thời Tiền Đường, theo xa giá đến cốc Tam thiện ở cung Cửu thành, cùng ở gần nhà Ngụy Thái sư. Từng một đêm nọ vào lúc canh hai, nghe ngoài cửa có tiếng người gọi “Tôn Thị Y”. Tôn Hồi Phác ra xem, tự cho là Thái sư gọi. Khi đã ra, thấy có hai người bảo cùng Tôn Hồi Phác rằng: “Quan gọi”. Tôn Hồi Phác nói: “Tôi không thể đi bộ”. Liền lấy ngựa của Phác cưỡi đi theo hai người ấy, mới cảm thấy đất trời sáng sủa như ban ngày. Tôn Hồi Phác lấy làm ngờ lạ mà không dám nói. Hai người dẫn ra cửa cốc, trải qua chầu các nhà phía Đông, lại theo hướng Đông bắc, đi khoảng sáu -bảy dặm. Đến cốc Mục túc, xa thấy có hai người dẫn Hàn Phụng Phương đi, bảo hai người dẫn Tôn Hồi Phác rằng: “Các người sai nhầm rồi, kẻ ta bắt được đây mới là phải, các người nên thả người ấy ra”. Hai người đó bèn thả Tôn Hồi Phác. Tôn Hồi Phác theo đường lần dò trở về, chẳng khác lúc bình sinh. Về đã đến nhà, buộc ngựa, thấy đứa tớ đang ngủ nơi cửa nhà, gọi nó

chẳng đáp, Tôn Hồi Phác bước vượt qua, vào cửa nhà, thấy thân mình cùng vợ đều ngủ, muốn đến đó mà trọn chẳng được, chỉ dính đứng nơi vách tường phía Nam, lớn tiếng gọi vợ, nhưng vợ vẫn không đáp. Trong phòng rất sáng, thấy trong góc vách tường có màn lưới nhền nhện, trong lưới có hai con ruồi, một lớn một nhỏ và thấy nơi xà nhà có dính vật thuốc, không gì chẳng rõ ràng, chỉ không được đến nơi sàn giường. Tôn Hồi Phác tự biết là đã chết, nên rất buồn bã, hận không được cùng vợ giả biệt, đứng tựa nơi phía vách tường phía Nam, lâu sau hơi ngái ngủ, bỗng kinh ngạc tỉnh giấc, thấy thân mình đã nằm trên giường mà trong phòng tối đen không trông thấy gì, Tôn Hồi Phác kêu gọi vợ, bảo vợ đốt lửa, mà thân mình đổ mồ hôi ướt đẫm, dậy trông nhìn màn lưới nhền nhện rõ ràng chẳng khác, thấy ngựa cũng đổ mồ hôi. Đêm đó, Hàn Phụng Phương bạo tử.

Về sau, đến năm Trinh Quán thứ mười bảy (643) thời Tiền Đường, Tôn Hồi Phác vâng phụng sắc chiếu đi ngựa trạm đến Tề châu trị bệnh cho Tề Vương Hựu xong trở về, đến trạm Hiếu Nghĩa ở phía Đông Lạc châu, bỗng thấy một người lại hỏi: “Ông có phải là Tôn Hồi Phác chăng?” Tôn Hồi Phác đáp: “Phải. Ông hỏi làm gì?” Người ấy đáp: “Ta là quỷ, Ngụy Thái sư có văn thư tìm bắt ông để làm ký thất”. Nhân đó đưa văn thư cho Tôn Hồi Phác. Tôn Hồi Phác đọc xem, thì đó là Trịnh Quốc Công Ngụy Huy Thự. Tôn Hồi Phác kinh ngạc hỏi: “Trịnh công chẳng chết, sao sai ông đưa thư?” Quỷ đáp: “Đã chết rồi vậy, hiện nay làm Thái dương đô lục đại giám, nên bảo ta tìm gọi ông”. Tôn Hồi Phác dẫn mời cùng ăn, quỷ vui mừng cảm tạ Tôn Hồi Phác, Tôn Hồi Phác xin rằng: “Tôi vâng mạng đi sứ chưa về. Trịnh Công không nên đuổi tìm tôi, đợi tôi trở về Kinh đô, tấu trình sự việc hoàn tất, sau đó tôi sẽ vâng mạng, có được chăng?” Quỷ bèn chấp thuận. Từ đó, ban ngày thì đồng đi, ban đêm thì chung ngủ. Về đến Văn Hương. Quỷ từ giả, bảo rằng: “Tôi tạm qua chỗ vượt ải chờ đợi ông”. Tôn Hồi Phác vượt qua ải ra cửa phía Tây, thấy Quỷ đã ở ngoài cửa, lại cùng đi, đến trạm Tư Thủy, Quỷ lại giả biệt, nói rằng: “Đợi ông tấu trình sự việc xong, sẽ cùng gặp lại. Ông nên chớ ăn dùng các thứ tanh nồng”. Tôn Hồi Phác hứa: “Vâng!”. Tấu trình sự việc xong, Tôn Hồi Phác phỏng hỏi Trịnh Công đã chết thật, ngay trước ngày đến trạm Hiếu nghĩa, Tôn Hồi Phác tự cho rằng: “Mình hẳn phải chết”, bèn cùng người nhà từ biệt, thỉnh mời chư Tăng hành đạo, chú tạo tôn tượng, biên tả kinh điển, khoảng năm -sáu ngày sau, ban đêm ngủ mộng thấy Quỷ trước đến gọi dẫn đưa lên núi cao. Trên đỉnh núi có cung điện lớn. Đã vào bên trong, thấy các

quân tử nghinh đón mà bảo rằng: “Người này tu phước, không thể lưu ở lại đây, nên phóng thả đi”. Và liền xô đẩy Tôn Hồi Phác rơi xuống núi. Khi ấy tự nhiên kinh hãi tỉnh ngộ, mãi đến nay không bệnh hoạn gì. Tôn Hồi Phác tự nói cho Đường Lâm tôi nghe như vậy.

10. Hộ Bộ thượng thư Võ Xương Công Đái Vị.

Hộ Bộ thượng thư Võ Xương Công Đái Vị, vốn cùng Thư Châu biệt giả Thẩm Dụ kết bạn thân. Năm Trinh Quán thứ bảy (633) thời Tiền Đường, Đái Vị qua đời. Đến tháng tám năm sau (634), Thẩm Dụ đang ở tại châu, mộng thấy tự thân mình đến nơi đường thông phía Nam thôn Nghĩa ninh tại Kinh đô, bỗng thấy Đái Vị vận mặc áo quần xấu cũ, nhan sắc rất tiều tụy khốn đốn, trông thấy Thẩm Dụ, vừa buồn vừa mừng. Thẩm Dụ hỏi: “Lúc bình sinh ông tu phước, nay cớ sao như vậy?” Đái Vị đáp: “Lúc sống, Tôi nhầm lẫn tấu giết một người. Sau khi tôi chết có người khác giết một con dê để cúng tế tôi. Do hai việc ấy mà phải đối biện, khốn khổ chẳng thể nói, nhưng cũng thế xong vậy”. Nhân đó, nói cùng Thẩm Dụ rằng: “Lúc còn sống, Tôi cùng ông kết bạn lành, nhưng cuối cùng không thể tiến tới địa vị quan quân, rất lấy buồn hận ấm ức trong lòng. Ông nay tự được làm quan Ngũ phẩm, văn thư đã qua đến Thiên Tào, cùng hỗ trợ hân hoan vui mừng, nên tôi báo cùng ông được rõ”. Nói xong, thế rồi Thẩm Dụ tỉnh mộng, bèn nói với mọi người là đã có mộng tức có điềm ứng. Mùa đông năm đó, Thẩm Dụ vào kinh đô dự tham tuyển chọn, vì có đồng phạt, không được làm quan, Thẩm Dụ lại nói với mọi người điềm mộng không ứng nghiệm. Qua mùa xuân năm Trinh Quán thứ chín (635) thời Tiền Đường, Thẩm Dụ sắp về Giang nam, vừa đi đến Từ châu, bỗng nhiên vâng phụng có chiếu thư ban trao cho Thẩm Dụ làm quan Ngũ phẩm, và làm Vụ châu Trị Trung (anh của Đường Lâm tôi làm Lại bộ thị lang nghe vậy, mời Thẩm Dụ đến hỏi và Thẩm Dụ nói như thế).

11. Lý Đại An ở Lũng tây.

Lý Đại An ở Lũng tây là anh ruột của Công bộ thượng thư Lý Đại Lượng. Trong khoảng niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường, Lý Đại Lượng làm Việt châu Tổng quản, Lý Đại An từ Kinh dô đến thăm, Lý Đại Lượng sai bảo vài người tôi tớ theo anh trở về. Về đến Lộc kiều ở Cốc châu, dừng nghỉ tại quán trọ. Các tôi tớ ấy có mưu ý giết hại Lý Đại An, đợi lúc ngủ say, dùng kiếm nhỏ đâm vào cổ Lý Đại An găm lút xuống dính sàn giường. Nhân đó, kẻ tớ ấy chẳng rút ra mà bỏ chạy trốn.

Lý Đại An kinh hãi tỉnh giấc, gọi kẻ tớ, kẻ tớ không phản hại đến, muốn rút kiếm ra, Lý Đại An bảo: "Rút kiếm ra hẳn sẽ chết vậy, nên lấy giấy bút để viết thư trước đã, kẻ tớ bàn báo cùng người chủ quán trọ tố cáo lên Quan huyện. Lúc Lý Đại An viết thư xong thì Quan huyện cũng vừa đến, nhân vì rút mũi nhọn ra, tẩy rửa vết thương, bôi thoa bó thuốc, Lý Đại An bèn chết ngất, bỗng nhiên như người nằm mộng thấy có một vật dài hơn một thước trơn nhẵn dày khoảng bốn -năm tấc, hình trạng tợ như thịt heo, cách đất khoảng hai thước, từ ngoài cửa dần vào đến trước sàn giường. Trong đó có tiếng bảo: "Hãy gấp hoàn trả thịt cho ta". Lý Đại An hỏi: "Tôi chẳng ăn thịt heo, duyên gì mắc nợ ngươi?" Bỗng nghe ngoài cửa có tiếng nói: "Sai nhầm rồi, không phải, vật này tức trả lại", rồi từ cửa đi ra, Lý Đại An bèn thấy trước sân có một ao nước, trong sạch cạn rất đáng thích, ở trên bờ phía Tây có một tôn tượng Phật bằng vàng cao khoảng năm tấc, chốc lát dần lớn mà hóa làm vị Tăng đắp mặc áo ca sa rất mới sạch, bảo cùng Lý Đại An rằng: "Ông bị thương ư? Ta nay sẽ vì ông mà khử bỏ nỗi đau đó, ông sẽ bình phục, trở về nhà mà niệm Phật tu thiện". Nhân đó đưa tay thoa vào vết thương nơi cổ của Lý Đại An, rồi bỏ đi. Lý Đại An ghi nhớ rõ kỹ hình trạng đó thấy trên lưng vị Tăng có mãnh lụa sắc hồng vá áo ca sa vuông khoảng một tấc, rất rõ ràng. Thế rồi Lý Đại An tỉnh giấc sống lại và vết thương cũng không đau nhức, có thể ngồi dậy ăn uống được. Mười mấy ngày sau, con em ở Kinh đô đến đưa trở về nhà, người nhà cố lại trông thăm. Lý Đại An vì nói nguyên do trình trạng bị thương và việc thấy gặp vị Tăng. Có kẻ tớ ở tại phòng đó nghe nói như thế, nhân đó kể lại.

Từ đó, Lý Đại An bắt đầu thực hành. Vợ Lý Đại An sai bảo kẻ tớ đến người thợ làm tượng vì Lý Đại An mà tạo tôn tượng Phật. Lúc tượng hoàn thành, dùng màu để họa vẽ, có một chấm son làm dơ trên lưng, sai người thợ tẩy bỏ, nhưng chẳng chịu, đến nay vẫn hiện còn, hình trạng như điều nói của Lang quân (Lý Đại An). Nhân đó, Lý Đại An cùng vợ và mọi người trong nhà cùng đến trông xem tôn tượng, mới thấy chấm son trên lưng uyển nhiên như chỗ vá đắp, khi ấy mới thán dị, bèn kính tin Phật pháp vợ của Đại An vốn người thuộc dòng họ Hạ Hầu, là em gái của Lãng châu thứ sư Tuân, trước đã nói cho Đường Lâm tôi nghe. Về sau, còn của Anh Lý Đại An là Thương Dụ làm Đại Lý Khanh cũng nói như vậy.

12. Đô Thủy Sứ giả Tô Trường.

(Xem chú thích 34, ở đây kết hợp với truyện thứ mười bốn ở sau).

13. Đổng Hùng ở Hà đông.

Đổng Hùng ở Hà đông, thuở thiếu thời rất chí thành kính tin Phật Đạo. Ăn chay trường suốt vài mươi năm. Trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, làm Đại Lý thừa. Mùa xuân năm Trinh Quán thứ mười bốn (641), vì bị liên lụy với việc của Lý Tiên Đồng, hệ thuộc với Ngự Sử Đài. Bấy giờ vua Thái Tông (Lý Thế Dân) lấy làm cam tâm vô cùng tức giận, sai Trị thư thị ngự sử nghiệp tông v.v... bắt khảo hỏi rất gấp, phòng cấm nghiêm mật. Có khoảng hai mươi người bị bắt giam cầm. Trong đó, Đại Lý thừa Lý Kính Huyền, Ty trực Vương Hân đều liên lụy việc đó, đồng bị giam cấm trong một phòng với Đổng Hùng, và bị xiềng xích rất chặt chẽ. Đổng Hùng chuyên trì niệm phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa, qua vài ngày được ba ngàn biến. Nửa đêm riêng ngồi đọc niệm kinh, bỗng nhiên khóa tự mở rơi nơi đất, Đổng Hùng kinh ngạc bảo cùng Lý Kính Huyền và Vương Hân. Hân và Huyền đều trông thấy khóa nhưng vẫn cứng chắc kínn khít nơi đất, móc khóa cũng nghiễm nhiên không hư hoại mà móc và xích lìa cách nhau vài thước. Huyền, Hân v.v... vô cùng kinh lạ đó. Đổng Hùng lo sợ bị khiển trách tội, báo cùng người giữ, xin móc xích đó. Giám sát ngự sử Trương Kính Nhất trực đêm tại đó, bảo kẻ lại mở khóa, kẻ lại đem đuốc soi xem, thấy móc xích và khóa chẳng liên quan mà tự nhiên lìa nhau, rất quái lạ. Nhân đó móc xích khóa không lại, dùng giấy niêm phong ổ khóa viết đặt để trên niêm phong, kẻ lại làm xong, đi khỏi. Đổng Hùng lại ngồi tụng kinh, đến canh năm, khóa lại mở rơi mà có tiếng như người mở. Đổng Hùng kinh sợ lại báo cùng Huyền, Hân v.v... cho rằng, gần sáng không nên báo với kẻ lại. Đến sáng mọi người cùng trông xem, thấy móc và xích mỗi tự rời nhau nơi đất, mà móc khóa vẫn kín chặt, nơi niêm phong vẫn hoàn toàn như cũ không xê dịch, móc xích rất kín chắc, không lý nào mở được. Lý Kính Huyền từ thuở thiếu thời chẳng tin Phật pháp, thấy vợ đọc tụng kinh thì thường bảo rằng: “Sao lại vì một vẻ đẹp của Hồ thần mà đọc sách ấy ư?” đến lúc thấy việc này của Đổng Hùng mới rất thán phục, tỉnh ngộ, mới bảo rằng: “Nay tôi mới biết, Phật là Đại Thánh, không thể xếp đặt xem như thường tình, thật chẳng thể nghĩ bàn vậy”. Bấy giờ, Vương Hân, Lý Kính Huyền cũng trì tụng danh hiệu tám vị Bồ-tát, đủ ba vạn biến, hết ngày, khóa tự mở rơi, trông nhìn đò, móc khóa tướng trạng so với Lý Kính Huyền cũng không khác nhau”. Khi ấy, Kính Huyền tin phục hổ thẹn hối tạ. Thế rồi cả ba người đều được rửa sạch tội oan. Lý Kính Huyền mới biên tả kinh Pháp Hoa, họa vẽ tôn tượng tám vị Bồ-tát, quy y Tam bảo, phát tâm cúng

dường. (Khi ấy, Đường Lâm tôi mắc bệnh rất nặng ở tại nhà, Lý Kính Huyền đến tham bệnh, tự nói rõ sự việc ấy. Khi bệnh lành, Đường Lâm tôi lại nhiếp chức, hỏi đài nội quan lại, nói cùng như Lý Kính Huyền không khác, Đổng Hùng cũng tự nói việc đó, mà tinh cần cố gắng càng dốc chí. Đổng Hùng đến nay hiện còn, làm Chu lệ lệnh).

14. Đô Thủy Sứ giả Tô Trường

Trong khoảng niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường, Đô Thủy Sứ giả Tô Trường làm Ấp châu thứ sử, Tô Trường dẫn đem người nhà đến nơi trấn nhậm, vượt qua sông Gia lăng, giữa dòng, gió nổi thuyền chìm, mọi người nam nữ có hơn sáu mươi người một lúc đồng chết đắm. Chỉ có một người thiếp thường đọc tụng kinh Pháp Hoa, nước sông vào, người thiếp đó đội hộp kinh trên đầu, thề cùng kinh chìm đắm. Thế rồi, thuyền chìm, riêng người tiếp ấy không đắm, theo sóng đẩy tấp, khoảnh khắc đến bờ, bèn mở hộp mà xem kinh. Trọn không thấm ướt, nay vẫn hiện còn ở Dương châu, lấy chồng làm vợ người mà càng dốc lòng kính tin. (Sầm Lệnh nói được nghe người tiếp ấy nói như vậy. Đường Lâm tôi nhân đi sứ trên sông đó, mọi người chung thuyền cũng đồng nói vậy).

15. Trung thư lệnh Sầm Văn Bản.

Trung thư lệnh Sầm Văn Bản, từ thuở nhỏ đã kính tin Phật pháp, thường niệm tụng phẩm Phổ Môn trong kinh Pháp Hoa. Từng đi thuyền đến Ngô giang, giữa dòng thuyền hư, mọi người đều chết, Sầm Văn Bản ở trong nước, nghe có tiếng người bảo: “Chỉ nên niệm Phật, hẳn sẽ không chết”. Nói như vậy ba lần, thế rồi theo sóng vọt ra, đã đến trên bờ phía Bắc. Sau đến Giang lăng, thiết trai hội cúng dường. Các hàng Tăng tục đều nhóm tụ nơi nhà Sầm Văn Bản. Có một khách Tăng đến sau, bảo cùng Sầm Văn Bản rằng: “Thiên hạ mới loạn, ông may chẳng dự phải tai họa ấy, cuối cùng gặp Thái Bình, đạt được phú quý”. Nói xong, liền rảo bước đi ra. Thế rồi, Sầm Văn Bản từ trong chén ăn có được hai viên xá-lợi. Về sau mọi việc quả nhiên đều như lời nói đó (Sầm Văn Bản tự đến Đường Lâm tôi nói như vậy).

16. Nguyên Đại Bảo ở Hà nam.

Nguyên Đại Bảo ở Hà nam, trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-650_ thời Tiền Đường, làm Đại Lý thừa, một đời không tin việc nhân quả. Cùng đồng quan liêu Trương Tán Sách kết bạn thân. Nguyên Đại Bảo từng nói với Trương Tán Sách rằng: “Hai người chúng ta, nếu

ai chết trước thì nên trở lại báo việc nhân quả có hay không vậy. Đến năm Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường, Nguyên Đại Bảo theo xa giá đến Lạc dương, mắc bệnh mà chết, khi ấy Trương Tán Sách đang ở tại Kinh đô chưa biết. Một đêm nọ mộng thấy Nguyên Đại Bảo đến báo rằng: "Tớ đã chết vậy. Lúc bình sinh không tin có quả báo thiện ác. Nay mới nhất định biết có thật không hư dối, nên lại cùng báo. Ông cố gắng tu tạo phước nghiệp". Trương Tán Sách hỏi tướng trạng đó như thế nào. Nguyên Đại Bảo đáp: "Sự khốn khổ trong minh báo thật không thể nói, kia cũng không thể giải bày, chỉ báo cho ông biết nhất định là thật có". Trương Tán Sách tỉnh mộng, nói cùng các quan đồng liêu biết việc đó, hai ngày sau thì tin đám tang Nguyên Đại Bảo đưa đến. Trương Tán Sách xét lại giấc mộng đó là sau ngày Nguyên Đại Bảo đã chết (Trương Tán Sách tự nói cho Đường Lâm tôi biết như vậy).

17. Trịnh Sư Biện.

Đông cung hữu giám môn binh tào tham quân Trịnh Sư Biện, lúc chưa tròn hai mươi tuổi, bị bệnh dữ, chết ngất, ba ngày sau sống lại, tự nói: "Có vài người đến bắt lấy, dẫn đi vào cửa lớn quan phủ, thấy có hơn trăm kẻ tù nhân đều xếp hàng xoay mặt về hướng Bắc mà đứng, có cả thảy sáu hàng. Những người đứng hàng thứ nhất hình trạng béo trắng vận mặc y phục đẹp sạch như thuộc hạng quý nhân. Tiếp hàng thứ hai sau, dần gầy ốm xấu xí, hoặc mang gông cùm, hoặc chỉ cởi bỏ khăn đai, binh lính nghiêm mật canh giữ đều xếp hàng liền tay áo. Trịnh Sư Biện đến, bị xếp đưa vào hàng thứ ba, tình đầu hàng từ phía Đông là đứng thứ ba cũng cởi bỏ khăn đai, xếp liền tay áo. Trịnh Sư Biện rất lo sợ nên chuyên tâm niệm Phật, bỗng thấy có một vị Tăng từng quen biết lúc bình sinh vào trong hàng binh lính vây quanh. Binh lính không cản ngăn, nhân đó đến nơi Trịnh Sư Biện mà bảo: "Lúc bình sinh chẳng lo tu phước nay bỗng đến đây như thế nào?" Trịnh Sư Biện tha thiết cầu xin cứu giúp. Nay ta cứu ngươi được ra khỏi, ngươi có thể trì giới chăng?" Trịnh Sư Biện hứa: "Xin vâng theo". Chỉ khoảnh khắc, có kẻ lại dẫn vào các tù, đến trước mặt quan để lần lượt hứa hỏi đến Trịnh Sư Biện. Nhân thấy có vị Tăng vì quan nói về phước nghiệp của Trịnh Sư Biện. Quan bảo: "Thả cho ra". Nhân đó, vị Tăng ấy dẫn Trịnh Sư Biện ra đến ngoài cửa vì trao cho pháp ngũ giới, dùng bình nước sạch rưới trên trán Trịnh Sư Biện và bảo: "Lúc mặt nhật lặng về hướng Tây, hẳn sẽ sống vậy". Lại lấy một cái áo choàng màu vàng trao cho Trịnh Sư Biện và bảo: "Khoát áo này về đến nhà đặt để nơi sạch sẽ tôn nghiêm".

Đồng thời chỉ đường trở về. Trịnh Sư Biện khoát áo choàng và đi về, đến nhà, xếp gấp áo choàng đặt để trên góc giường. Thế rồi, Trịnh Sư Biện mở mắt thân mình cử động, mọi người trong nhà đều kinh sợ chạy tan, chỉ mình người mẹ chẳng bỏ đi, hỏi Trịnh Sư Biện rằng: "Ngươi trị ư?" Trịnh Sư Biện nói: "Mặt nhật lặng về hướng Tây hẳn sống". Trong ý Trịnh Sư Biện cho rằng lúc đó là giữa trưa nên hỏi mẹ, người mẹ đáp: "Đang là nửa đêm". Mới biết sống chết trái ngược về đêm ngày vậy. Thế rồi hôm sau lúc mặt nhật lặng về hướng Tây, Trịnh Sư Biện bèn ăn được và lành, còn thấy chiếc áo choàng ở trên đầu giường. Đến lúc, Trịnh Sư Biện có thể dậy nỗi hình áo choàng dần ẩn diệt mất, mà còn có ánh sáng, qua bảy ngày sau mới hết. Trịnh Sư Biện bèn hành trì ngũ giới. Vài năm sau, có người khuyên mời ăn thịt heo, chẳng đặng đừng, Trịnh Sư Biện mới ăn một miếng, đêm đó mộng thấy đã hóa làm La-sát, ranh nanh mỗi cái dài vài thước, túm bắt heo sống mà ăn. Đến sáng tỉnh giấc trong miệng nồng tanh, khạc nhổ ra, mới bảo người trông xem đó, đầy trong miệng đều là huyết đọng. Trịnh Sư Biện kinh sợ chẳng dám ăn thịt. Lại vài năm sau, cưới vợ, người vợ bức ép Trịnh Sư Biện ăn thịt, ăn lâu mới không ứng nghiệm, nhưng từ năm - sáu năm trở lại nay, nơi lỗ mũi Trịnh Sư Biện có vết thương lớn chín mùi, mà tự trọn đời chẳng lành. Sợ rằng do phá giới nên như thế đó. (Ngày trước Đường Lâm tôi cùng Trịnh Sư Biện đồng trực ở Đông cung, được nghe Trịnh Sư Biện tự nói việc đó).

18. Phu nhân của Trần Công Thái.

Phu nhân của Trần Công Thái, vốn người thuộc dòng họ Đậu lô, là chị ruột của Nhuế Công Khoan. Phu nhân rất tin tạo phước, tụng kinh Kim Cang Bát-nhã chưa hết quyển, chỉ một trang giấy lâu mà chẳng xong. Sau đó, một ngày nọ lúc trời xẩm tối, trên đầu đau nhức, tứ chi chẳng an, đêm nằm lại càng quá lắm, phu nhân tự nghĩ thản như nếu chết thì tụng kinh không được trọn bộ, muốn dậy tụng kinh mà trong nhà đèn đuốc đã tắt mất, phu nhân dậy gọi bảo kẻ tớ đốt đèn, chốc lát sau kẻ tớ trở lại, trong bếp không còn lửa, phu nhân lại bảo mở cửa đến nhà người để xin, lại cũng không có lửa, phu nhân càng rất than hận, bỗng nhiên thấy trong đóm có một đóm lửa lên thềm cấp vào trong nhà, thẳng đến trước giường, cách đất khoảng ba thước mà không người cầm nắm, ánh sáng như ban ngày, phu nhân vừa kinh hãi vừa vui mừng, đầu đau cũng giảm lành, liền lấy kinh ra trì tụng, khoảnh khắc sau, người nhà kéo dùi được lửa, đốt đuốc đem vào nhà thì ánh sáng đóm lửa đó

tự nhiên ẩn mất, bèn ngay đêm đó tụng trọn bộ kinh. Từ đó, mỗi ngày phu nhân trì tụng năm biến kinh lấy làm lệ thường. Về sau, Nhuế Công sắp chết, phu nhân đến thăm. Nhuế Công bảo cùng phu nhân rằng: "Chỉ nhờ phước đức tụng kinh sẽ sống thọ đến trăm tuổi, khéo nên sống vậy". Đến nay phu nhân vẫn còn khỏe mạnh, tuổi đã tám mươi. Phu nhân tự kể với chị dâu của Đường Lâm tôi như vậy.

19. Tả giám môn hiệu úy Phùng Dực Lý Sơn Long.

Tả giám môn hiệu úy Phùng Dực Lý Sơn Long, trong khoảng niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường, bị bạo bệnh chết ngất, mà trên tim không lạnh như ở lòng bàn tay, người nhà chưa nhẫn tẩm liệm. Đến bảy ngày sau, sống lại, Lý Sơn Long tự nói: Đang lúc chết bị quan thâu bắt xiềng xích đưa đến nơi một Quan tào, sảnh sự rất hoành tráng, sân đó cũng rộng lớn, trong sân có vài ngàn kẻ tù nhân, hoặc bị gông cùm, hoặc bị xiềng xích đều xoay mặt về hướng Bắc mà đứng đầy cả trong sân. Kẻ lại dẫn đưa Lý Sơn Long đến nơi sảnh sự, có một quan lớn ngồi nơi sàn tòa cao, có người canh hầu như vua, Lý Sơn Long hỏi: "Đó là quan nào?" Kẻ lại đáp: "Đó là vua vậy". Lý Sơn Long đến trước dưới thềm cấp, vua hỏi: "Lúc bình sinh người tạo phước nghiệp gì?" Lý Sơn Long đáp: "Mỗi lúc người trong làng quê thiết trai hội giảng pháp, tôi thường thí vật đồng chung hỗ trợ". vua hỏi: "Tự thân ngươi làm được thiện nghiệp gì?" Lý Sơn Long đáp: "Trì tụng kinh Pháp Hoa được hai quyển". vua bảo: "Tốt lành thay! Có thể bước lên thềm cấp". Lý Sơn Long đã lên trên sảnh, ở phía Đông bắc có một tòa cao như giảng tòa, vua chỉ đến đó ngồi, và bảo Lý Sơn Long: "Có thể lên tòa ấy trì tụng kinh". Lý Sơn Long vâng phụng lệnh đến bên cạnh tòa. vua liền đứng dậy, xướng: "Thỉnh Pháp sư lên pháp tòa". Lý Sơn Long lên tòa xong, vua mới xoay mặt hướng về pháp tòa mà ngồi. Lý Sơn Long cất tiếng tụng: "Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Tựa thứ nhất". vua bảo: "Xin Pháp sư dừng!" Lý Sơn Long xuống khỏi pháp tòa lại đứng dưới thềm cấp, ngoảy trông nhìn trong sân, tất cả tù nhân đều mất không còn một người ở đó. vua bảo Lý Sơn Long rằng: "Phước lực của ông tụng kinh, chẳng chỉ tự lợi, mà khiến tất cả tù nhân trong sân đều nhờ nghe kinh mà được thoát khỏi. Đó chẳng phải tốt lành ư? Nay thả ông trở về". Lý Sơn Long kính bái từ tạ, mới đi vài mươi bước. vua gọi trở lại, và bảo kẻ lại: "Có thể dẫn người này đi trông xem các ngục". Kẻ lại liền dẫn Lý Sơn Long theo hướng Đông, đi hơn trăm bước, thấy một thành sắt rất rộng lớn, phía trên có nhà che phủ, bên cạnh thành đó có nhiều cửa

sổ nhỏ, hoặc lớn như cái bồn nhỏ, hoặc như chén bát, thấy có các người nam nữ từ đất bay vào trong cửa sổ đó, rồi chẳng trở ra. Lý Sơn Long lấy làm quái lạ, hỏi kẻ lại. Kẻ lại đáp: “Đó là ngục lớn, trong ngục phần nhiều đều có phân cách, tội phạt mỗi nơi một khác, mỗi mỗi tùy theo bản nghiệp vào ngục nhận chịu tội”. Nghe thế, Lý Sơn Long buồn sợ, xưng niệm: “Nam-mô Phật!” Và xin kẻ lại đưa ra. Đến nơi cửa viện thấy một cái vạc lớn, nước sôi tuôn trào, bên cạnh có hai người ngồi ngủ. Lý Sơn Long hỏi đó, hai người ấy đáp: “Chúng tôi bị tội báo vào vạc nước sôi này, may nhờ hiền giả xưng niệm Nam Mô Phật nên người tội trong ngục đều được tạm ngưng nghỉ một ngày, vì quá nhọc mệt nên ngủ vậy”. Lý Sơn Long lại xưng niệm: “Nam Mô Phật!” Kẻ lại bảo Lý Sơn Long rằng: “Sổ quan phủ dời đổi, nay vua phóng thả ông đi, ông có thể trình vua xin sao, nếu không như vậy sợ các quan khác chẳng biết, lại đuổi bắt ông”. Lý Sơn Long lại đến bái yết vua xin sao lục. vua bảo lấy giấy, viết một hàng chữ, giao cho kẻ lại và bảo: “Hãy vì lấy Quan thự ở Ngũ đạo v.v...” kẻ lại vâng mạng, dẫn Lý Sơn Long đi qua hai Tào, mỗi một sảnh sự đếu có người canh hầu như trước. vua sai kẻ lại đều lấy Quan thự đó, mỗi nơi viết một hàng xong, giao cho Lý Sơn Long. Lý Sơn Long mang ra đến cửa, có ba người bảo Lý Sơn Long rằng: “vua phóng thả cho ông đi, có thể chẳng ít nhiều xin cho chúng tôi?” Lý Sơn Long chưa nói điều gì. Kẻ lại bảo Lý Sơn Long rằng: “vua phóng thả ông đi chẳng do ba người kia. Đó là kẻ sứ trước kia tóm bắt ông, trong đó một người là Thằng chủ, dùng sợi dây đỏ trói buộc ông, một người là bổng chủ, dùng roi đánh đầu ông, và một người là đại chủ, hớp lấy hơi ông, thấy ông được tha trở về, nên xin các vật vậy”. Lý Sơn Long bàng hoàng kinh sợ cảm tạ ba người đó rằng: “Tôi kẻ phàm ngu, không biết các ông, xin đến nơi nhà sẽ có đủ các vật, chỉ không biết đưa đến nơi nào để dâng hiến?” Ba người ấy bảo: “Đưa đến bên bờ sông, hoặc dưới gốc cây lớn”. Lý Sơn Long hứa: “Kính vâng”. Rồi từ tạ kẻ lại, trở về nhà, thấy mọi người đang than khóc, sắm sửa mọi vật tẩn liệm, Lý Sơn Long vào nhà, đến bên cạnh thây mình, liền sống lại. Ngày hôm sau cắt giấy làm tiền lụa, và sắm các thứ rượu, thức ăn, tự đưa đến bên bờ sông mà thiêu đốt, bỗng thấy có ba người cảm tạ rằng: “Nhờ ông chẳng mất chữ tín, lại cùng cấp tặng, chúng tôi hổ thẹn mang đội!” Nói xong, liền không thấy nữa. Lý Sơn Long tự đến nơi vị Tăng chủ chùa Tổng Trì kể nói việc ấy, lại chuyển đến Đường Lâm tôi kể nói như vậy.

■

MINH BÁO KÝ

QUYỂN HẠ

1. Vương Nhâm ở Đại châu.

Khoảng cuối niên hiệu Khai Hoàng (605) thời nhà Tùy, tái Đại châu có người dòng họ Vương, tên Nhâm, làm kỵ phiêu tướng quân, trấn thủ ở Kinh châu, tánh tình ham thích ruộng vườn săn bắn, giết hại đông nhiều vô số. Có năm người con trai, không có con gái, về sau sinh được một người con gái, tướng mạo đẹp xinh như tranh họa, mọi người trông thấy đều mến quý đó. Cha mẹ hợp nghĩ, đã trở về làng quê, thân tộc người làng tranh nhau làm y phục tốt lành đẹp xinh mà cùng mến thương đó. Người con gái ấy lên bảy tuổi, một ngày nọ bỗng mất, không biết đi đâu, mới đầu nghi các người trong làng lân cận đùa giấu, phỏng hỏi nhưng trọn không người nào thấy, các người anh cỡi ngựa đi tìm xa, cách nhà hơn ba mươi dặm, thấy trong bùn gai. Muốn lại kéo ra, nhưng liền kinh sợ bỏ chạy xa, ngựa đuổi không kịp. Các người anh dùng cả vài mươi người cưỡi ngựa vây quanh mới bắt được, trong miệng mở tiếng tợ người kêu oan, bèn bồng ẳm đưa về nhà, mà chẳng thể nói được, khắp trên thân thể cây gai châm chích tổn thương, người mẹ vì khươi mà bị châm chích đầy, ẳm bồng được hơn một tháng, mà không ăn, bèn chết, cha mẹ buồn đau, cả nhà đều cùng phát tâm hành trì trai giới luyện hạnh. Đại lý thừa Tuyên Minh từng làm Đại phủ pháp tào, vì Đường Lâm tôi mà kể nói như vậy.

2. Tư đồ Thôi Hạo ở thời Hậu Ngụy.

Tư đồ Thôi Hạo ở thời Hậu Ngụy là người học rộng rất có mưu lược, phụng sự vua Thái Võ Đế (Thác Bạt Đào 424-452) thời Bắc (Hậu) Ngụy, nói làm hứa theo, dân chúng trong nước cho đó là khuôn phép. Thôi Hạo bắt chước phụng sự Khấu Khiêm Chi, rất không tin Phật, cho đó là hư dối làm tổn phí của muôn dân. Thôi Hạo thấy vợ mình đọc tụng kinh, liền đoạt lấy mà ném vất vào trong giếng. Theo vua Thái Võ Đế đến Trường an, vào chùa thấy có cung tên dao thuẩn, vua tức giận giết

hại chư Tăng ở chùa. Thôi Hạo nhân đó tiến tới nói: "Giết hết Sa-môn, đốt phá kinh tượng, lưu lại đài phía dưới, khắp nơi đều y theo việc làm ở Trường an". Khấu Khiêm Chi cùng Thôi Hạo tranh cãi nhưng Thôi Hạo chẳng nghe theo, Khấu Khiêm Chi bảo cùng Thôi Hạo rằng: "Khanh theo lệnh nhận giết hại, tức diệt mất tông tộc nhà cửa vậy". Bốn năm sau, Thôi Hạo quả nhiên vô tội mà bị giết chết cả dòng tộc, sắp hành hình chuyển đến nơi đường lộ, Quan sứ có cả mười người tại trên xe, tiểu giải vào miệng Thôi Hạo, kéo đi vài dặm, chẳng kham khốn khổ, kêu gào thảm thiết, cuối cùng bị đủ năm cách hành hình, từ xưa trở lại giết hại nhục nhã như thế trước đó chưa từng có. vua Thái Võ Đế cũng giết hại Thái tử oan uổng, sau đó lại bị kẻ Hoạn quan Tông ái giết hại. Người thời bấy giờ cho rằng do vì hủy phá Phật pháp mà bị quả báo ứng nghiệm như vậy (Thấy ở "Hậu Ngụy Thư" và "mười sáu nước xuân thu").

3. vua Nguyên Đế thời Nam lương.

Vua Nguyên Đế (Tiêu Dịch 552-555) thời Nam lương, lúc sáu tuổi, thấy trong hộp trang điểm của mẹ có hạt châu lớn, Nguyên Đế lén lấy ngậm trong miệng, bèn nhầm nuốt mất, người mẹ bị mất hạt châu, trong ý cho là các người chung quanh cắp trộm, phỏng hỏi mà không ai chịu nhận, mới nướng một con cá sống tự để nguyền rủa. Ngày hôm sau, Nguyên Đế đại tiện, hạt châu theo tiện mà ra, Nguyên Đế bèn bị chột mất một mắt. (Thấy Lương Hậu lược nói vậy).

4. Vua Võ Đế thời Bắc Chu

Vua Võ Đế (Võ Văn Cung 561-579) thời Bắc Chu, rất ưa thích ăn trứng gà mỗi lần ăn vài quả. Có Giám thiện nghi đồng tên là Bạt Bưu thường dâng ngự thực nên có được sủng ái. Mãi đến lúc vua Văn Đế (Dương Kiến 581-605) thời nhà Tùy lên ngôi, còn làm Giám thiện dâng thức ăn. Trong niên hiệu Khai Hoàng (581-605) thời nhà Tùy, Bạt Bưu bị bảo tử mà tim còn ấm nóng, người nhà, ba ngày sau mới sống lại, khi nói năng được, trước tiên bảo: "Đưa ta đến ra mắt vua, vì vua Võ Đế thời Bắc Chu có chuyển lời". Thế rồi đưa đến ra mắt, vua Văn Đế dẫn hỏi. Bạt Bưu kể: Mới đầu thấy một người gọi, theo đến một nơi có hang rắn lớn, con đường phải đi, thẳng vào trong hang, vừa đến miệng hang, xa thấy từ phía Tây có hơn trăm người cưỡi lại, nghi vệ như vua, bỗng chốc đến cửa hang, thì ra đó là vua Võ Đế thời Bắc Chu, Bạt Bưu kính bái. vua Võ Đế bảo: vua gọi ngươi đến làm chứng việc ta rõ ràng, thân

ngươi không tội lệ gì". Nói xong, vua Võ Đế liền vào trong hang, Sứ giả cũng dẫn Bạt Bưu vào, tiện thấy cửa cung, dẫn vào sân, thấy vua Võ Đế cùng một người đồng ngồi, mà có dung mạo Tăng phần cung kính đó. Sứ giả bảo Bạt Bưu kính bái vua. vua hỏi Bạt Bưu: "Ngươi vì vua làm thức ăn, trước sau dâng cả thảy bao nhiêu quả Bạch đoàn?" Bạt Bưu không biết Bạch đoàn là gì, ngoảy lại hỏi các người chung quanh, các người chung quanh bảo: "Tên của trứng gà là Bạch đoàn". Bạt Bưu liền đáp: "vua (Võ Đế) thường ăn Bạch đoàn, thật không thể nhớ được số lượng đó". vua bảo Võ Đế: "Người này không nhớ, cần phải đưa ra đó". vua Võ Đế buồn thảm tỏ vẻ không vui mà đứng dậy. Bỗng thấy trước sân có một chiếc giường sắt và vài mươi ngục tốt đều là đầu trâu thân người, vua Võ Đế đã đến nằm trên giường, ngục tốt dùng xà sắt cán ép đó, nơi hông vua Võ Đế bị xé rách, nơi xé rách gà con tuôn ra an toàn chốc lát đầy cả giường có hơn mười hộc, mới bảo tính đếm số đó xong, giường và ngục tốt bỗng chốc không còn trông thấy. vua Võ Đế đã trở lại nơi chỗ vua ngồi. vua bảo Bạt Bưu: "Tha cho ngươi về đi". Có người dẫn đưa ra đến trong cửa hang, lại thấy vua Võ Đế theo ra, bảo cùng Bạt Bưu: "Nghe Đại Tùy Thiên Tử xưa trước từng cùng ta cộng tác. Các thứ ngọc lụa trong kho khố cũng là do ta tích trữ. Nay ta, lúc thân tự làm vua mà phá diệt Phật pháp nên phải nhận chịu tội khổ lớn. Có thể vì ta mà tạo giúp công đức vậy". Khi ấy, vua Văn Đế ban sắc mọi người trong thiên hạ xuất một tiền để vì truy phước. (Ông ngoại của Đường Lâm tôi đích thân thấy điều đó, lúc về nhà kể nói lại như vậy).

5. Sĩ nhân dòng họ Lương ở thời Bắc Tề.

Trong thời Bắc Tề (550-578), có Sĩ nhân vốn dòng họ Lương, gia đình giàu sang sung túc. Đến lúc sắp chết, bảo cùng vợ con rằng: "Lúc bình sinh, tôi mến thương kẻ tớ và con ngựa, đều đã cấp sứ cưỡi dùng nhiều ngày, xứng hợp ý người, nay tôi chết, có thể vì giết nó luôn, nếu không như vậy thì không có kẻ cấp sử và cưỡi dùng". Đến lúc Sĩ nhân chết, người nhà dùng cái đãy đựng đầy đất, đè ép giết chết kẻ tớ, còn con ngựa thì chưa giết. Kẻ tớ chết, sau bốn ngày sống lại, nói rằng: "Ngay lúc mê man chẳng biết đi, chợt đến nơi cửa quan phủ, người giữ cửa nhân đó lưu dừng lại, nghỉ qua một đêm, đến sáng sớm, thấy ông chủ bị gông cùm, lính nghiêm canh giữ dẫn vào nơi quan sở, thấy kẻ tớ - tôi mà bảo: "Ta đã chết, khi đang làm người thì có được tôi tớ sai khiến, kêu gọi ngươi, nay mỗi tự nhận chịu khổ, không liên quan gì nhau. Nay ta sẽ tâu thưa phóng tha ông". Nói xong mà vào, khi ấy tôi lặng yên ở

ngoài lén nhìn vào, thấy quan hỏi người canh giữ rằng: "Hôm qua ép mỡ được ít nhiều?" Người canh giữ đáp: "Được tám thăng". Quan bảo: "Lại dẫn đi, ép lấy một hộc sáu đấu". Ông chủ liền bị dẫn kéo ra, trọn không nói được gì. Qua ngày mai thấy lại có tỏ vẻ vui mừng bảo tôi: "Nay sẽ vì ngươi mà tâu trình vậy". Lúc nào, Quan hỏi: "Ép có được mỡ không?" Người canh giữ đáp: "Không được". Quan hỏi nguyên do sao không được, người canh giữ lại đáp: "Người này vừa chết ba ngày mà người nhà vì thỉnh mời chư Tăng, thiết lập trai hội cúng dường, mỗi lần nghe tiếng trong kinh thì xà sắt liền gãy nên ép không được". Quan bảo: "Hãy tạm dẫn đi". Nhân đó, ông chủ tấu trình quan: "Xin phóng thả cho kẻ tớ". Quan liền gọi: "Phóng thả": Cùng chung ra cửa, ông chủ có truyền lời bảo tôi về nói với vợ con rằng: "Nhờ các người tu tạo phước, nên được khỏi nỗi khổ lớn, nhưng còn chưa được thoát. Nếu hay lại vì biên tả kinh Pháp Hoa, tạo tôn tượng Phật, dùng đó để cùng cứu giúp, mong hẳn được thoát khỏi. Từ nay không nên thiết bày cúng tế, đã chẳng được ăn mà càng thêm tội cho tôi". Ông chủ nói xong, bèn giả biệt, kẻ tớ sống lại mà nói dời đó đầy đủ, trong nhà quả thật ngày ấy có thiết trai hội cúng dường. Từ đó cả nhà đều vì tu tạo phước và đồng phát tâm luyện hạnh. (Cao Kinh Châu là cậu của Đường Lâm tôi nói như vậy và thấy người đất Tề nói về tai họa đó).

6. Thượng trụ quốc bồ sơn Huệ Công Lý Khoan.

Trong thời nhà Tùy (581-618) có Thượng trụ quốc bồ sơn Huệ Công Lý Khoan tánh tình ham thích ruộng vườn săn bắn, thường nuôi vài mươi con chim săn, sau đó sinh được một đứa con trai mà miệng như mỏ chim ưng, bèn chẳng cử đó. (Huệ Công là cha của Lý Mật, cùng thân gần với nhà Đường Lâm tôi nên tôi thảy đều thấy đó).

7. Ưng Dương Lang tướng Thiên thủy nữ Khương Lược.

Trong thời nhà Tùy (581-618) có Ưng Dương Lang tướng Thiên thủy nữ Khương Lược, thuở thiếu thời, ham thích ruộng vườn săn bắn, khéo giỏi thả chim săn. Về sau cảm mắc bệnh, thấy có đàn chim cả ngàn con đều không đầu vây quanh nơi giường Khương Lược, kêu réo: "Gấp trả đầu lại cho ta". Mỹ Lược liền đau nhức trên đầu chết ngất, lâu sau mới sống lại, nói: "Xin sẽ vì các chim mà tu tạo phước". Hứa xong, đàn chim đều bay đi. Thế rồi Khương Lược được lành mạnh, bèn trọn đời bỏ tuyệt uống rượu ăn thịt, chẳng giết hại sinh mạng (lúc Đường Lâm tôi ở lại Lũng Hữu Hạ, có thấy gặp Khương Lược. Năm sáu mươi

tuổi, Khương Lược tự kể nói cho Đường Lâm tôi nghe như vậy).

8. Đứa bé trộm cắp trứng gà.

Khoảng đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) thời nhà Tùy, ở trong ngoại ấp tại Ký châu, có đứa bé khoảng mười ba tuổi thường trộm cắp trứng gà của nhà ở gần, đốt nướng mà ăn, về sau một sáng sớm nọ, người trong thôn còn ngủ chưa dậy, người cha nghe có tiếng gõ cửa gọi đứa bé ấy, mới bảo nó ra đáp lại. Vừa ra, thấy một người bảo: “Quan gọi ngươi làm việc”. Đứa bé nói: “Gọi ta làm việc thì tôi phải vào lấy theo y phục và lương thực”. Kẻ Sứ bảo: “Chẳng cần vậy”. Nhân đó, dẫn đứa bé ra cửa thôn, ở phía Nam của thôn trước kia là ruộng dâu, canh cày rồi mà chưa gieo giống. Khi ấy, đứa bé chợt thấy bên hữu đường đi, có một thành nhỏ, bốn mặt là cửa lầu, đỏ trắng rất tráng lệ. Đứa bé lấy làm quái lạ hỏi: “Có như vậy từ bao giờ?” Kẻ Sứ la trách nó, khiến chớ nói. Nhân đó dẫn đến cửa phía Bắc của thành, bảo đứa bé đi vào trước. Đứa bé vừa bước qua ngạch cửa, cửa thành bỗng nhiên đóng lại, không thấy một người nào, chỉ là thành trống không, dưới đất đều là than nóng lửa vụn, sâu lút mắt cá cha. Đứa bé chạy vượt đến cửa phía Nam thành, vừa đến nơi thì cửa liền đóng bít. Lại chạy đến cửa phía Đông phía Tây, cũng đều như vậy. Lúc chưa đến thì thấy mở, đã đến nơi thì đóng bít. Đến lúc mọi người trong thôn ra đồng, kẻ nam người nữ lớn nhỏ đều thấy đứa bé ấy ở trong ruộng cày, miệng tợ như có tiếng khóc, rong chạy khắp bốn phía, nên đều cùng nói với nhau rằng: “Đứa bé này điên cuồng ư, cớ sao như thế, chạy đùa chẳng ngưng nghỉ?” Đến giờ ăn, mọi người đều trở về, cha đứa bé hỏi rằng: “Có thấy con tôi chăng?” Các người hái dâu đáp: “Thấy nó chạy đùa trong phía Nam thôn, kêu gọi mà chẳng chịu lại”. Người cha ra phía Nam thôn, xa thấy đứa bé chạy, gọi lớn tên nói một tiếng, đứa bé liền dừng lại, thành và lửa cũng không tìm thấy, trông thấy người cha mà ngã té, gào khóc, nói chẳng được. Trông nhìn chân đứa bé từ nửa cẳng chân trở lên, máu thịt cháy khô, từ đầu gối trở xuống chín đỏ như than, người cha bồng đỡ về nhà, nuôi dưỡng chữa trị, thịt từ đùi vế thịt được trở lại như cũ, từ đầu gối trở xuống bèn thành cốt xương khô, mọi người ở thôn lân cận nghe vậy cùng đến trông xem nơi đứa bé chạy, dấu chân nhanh nhẹn, trọn không có than lửa. Từ đó mọi người ở ấp, kẻ nam người nữ già trẻ đều trì giới luyện hạnh. (Có Sa-môn Đại Đức Đạo Tuệ, vốn người ở Ký châu kể nói cho Đường Lâm tôi nghe như vậy. Đó là ấp lân cận vậy).

9. Tên lính canh ngục ở quận Kinh triệu.

Trong khoảng niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) thời nhà Tùy, tại quận Kinh triệu, có tên lính canh ngục (không rõ biết tên họ là gì) rất hung bạo đối với các tù nhân, tù nhân không kham nỗi các thứ khốn khổ mà tên lính ấy lại lấy làm vui thích. Về sau, sinh một người con mà dưới gò má, phía trên vai có thịt như gông cùm, không có cổ trước sau, sống được vài năm đi không được mà chết.

10. Người vợ ở Hà nam.

Trong khoảng niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) thời nhà Tùy tại Hà nam có người vợ của đứa cháu nuôi dưỡng bà cô mà bất hiếu, Bà cô bị mù cả hai mắt, người vợ ấy vằm trùn (giun) làm canh để cho ăn, Bà cô lấy làm quái lạ mùi vị đó lén giấu một lát cất giữ để cho đứa cháu xem. Đứa cháu trở về trông thấy vậy, muốn đưa người vợ đến quan huyện, chưa kịp đưa mà sấm sét đánh cướp mất người vợ, chốc lát sau từ giữa không trung rơi xuống, thân mình áo quần vẫn như cũ nhưng đổi thay cái đầu làm thành đầu chó trắng, nói năng chẳng khác. Hỏi nguyên do cớ sao vậy? Người vợ ấy đáp: "Bởi vì bất hiếu với Bà cô nên trời thần trách phạt". Người chồng tức đứa cháu đưa đến quan. Khi ấy người vợ đó đi xin ăn nơi chợ, về sau không biết ở đâu.

11. Người cha của Biện Sĩ Du ở Dương châu.

Biện Sĩ Du ở Dương châu, có người cha ở trong thời nhà Tùy vì Bình Trần có công được trao thức Nghi đồng. Tánh tình ông rất keo lậu, từng thuê mướn người làm vườn mà không trả tiền công. Người làm mướn đến đòi xin tiền, ông ta dùng roi đánh, lại tỏ vẻ tức giận nói: "Nếu thật ta có mắc nợ sau khi chết sẽ làm trâu mà đền trả đó". Sau khi cha của Biện Sĩ Du chết, con trâu của người làm thuê mướn mang thai sinh ra một con Hoàng độc -trâu nghe, nơi eo có đường văn đen giăng ngang giáp vòng như giải eo lưng người, bên đùi chân trái có đường văn trắng xuyên suốt lớn nhỏ chánh như hình tượng hốt, người chủ trâu gọi lại hỏi: "Biện Công cớ sao mắc nợ ta?" Trâu nghe đến quỳ hai gối trước, cúi đầu sát đất. Biện Sĩ Du đem mười vạn tiền đến xin mua chuộc con trâu nghé ấy nhưng người chủ không bán. Để đến chết mới chôn (Chân Đà kể nói cho Đường Lâm tôi nghe vậy).

12. Ân An Nhân ở Kinh triệu.

Tại Kinh triệu, có Ân An Nhân, gia đình giàu có của cải, vốn

chuyên phụng sự chư Tăng ở chùa Tề môn. Khoảng đầu niên hiệu Nghĩa Ninh (617) thời nhà Tùy, có người khách đến dừng nghỉ nơi nhà. Người khách trộm lừa người khách giết chết, lột da để lại cho An Nhân. Đến năm Trinh Quán thứ ba (629) thời Tiền Đường, An Nhân chợt thấy gặp một người nơi đường, bảo An Nhân rằng: "Quan đòi bắt ông, sai người ngày mai đến, ông sẽ bị chết". An Nhân kinh sợ đi thẳng đến trong điện Phật chùa Từ Môn. Ở lại qua đêm không ra. Hôm sau đến giờ ăn quả thật có ba người cưỡi ngựa và vài mươi người đi bộ đều nắm binh trượng vào chùa, xa thấy An Nhân bèn kêu gọi, nhưng An Nhân chẳng đá lại mà niệm Phật tụng kinh càng tinh chuyên hơn. Quỷ tự bảo với nhau rằng: "Hôm qua chẳng bắt lấy ngay, nay kẻ ấy tu phước như vậy, làm sao có thể bắt được?" Nhân đó cùng nhau bỏ đi, để lại một người canh giữ. Người ở lại đó bảo cùng An Nhân rằng: "Ngày trước ông giết lừa, nay lừa tố cáo ông, nên chúng tôi lại bắt ông vậy. Ông phải đối mặt với kia nói rõ sự tình xưa trước, không đi chẳng ích lợi gì". An Nhân xa đáp rằng: "Ngày trước, kẻ trộm tự giết lừa, chỉ đem da đến cho tôi, chẳng phải tôi giết, sao lại đi đuổi bắt? Xin ông trở về hãy vì tôi nói với lừa rằng: Tôi vốn không hiết hại ngươi, nhưng nay sẽ vì ngươi mà tu tạo phước, đối với ngươi sẽ có được lợi ích. Và nên tha cho tôi. Người ấy bèn hứa vâng và bảo: "Nếu như lừa không chấp thuận thì ngày mai Tôi sẽ đến lại, còn như lừa chấp thuận thì không đến nữa". Nói xong bèn đi, ngày mai không trở lại. Từ đó An Nhân vì lừa mà tu tạo phước, và cùng cả gia đình trì giới ăn chay (Lô Văn Lệ kể nói như thế, An Nhân nay hiện còn).

13. Đứa con gái của Triệu Sĩ Thứ.

Tại thôn chợ Trường an có phong tục sau ngày mồng một tết hàng năm, mọi người cùng làm các thứ ăn uống đồng vui chơi, gọi đó là truyền thọ. Tại phía Đông chợ có người thợ vẽ tên là Triệu Sĩ Thứ đang vì bày biện mọi việc. Có một người khách đến trước nơi nhà xí, thấy trên cối xay có một bé gái tuổi khoảng mười ba -mười bốn, mặc quần màu xanh áo sam màu trắng, lụa gấp buộc cổ tay nối liền với cột trụ cối xay, khóc bảo với người khách rằng: "Tôi vốn là con gái của người chủ, năm trước, lúc chưa chết trộm lấy của cha mẹ một trăm tiền, muốn dùng mua son phấn, chưa kịp bèn chết, số tiền đó hiện nay ở trong vách tường góc Tây bắc nhà bếp, tuy chưa sử dụng nhưng đã là trộm cắp nên bị tội như thế này để đền trả cho cha mẹ". Nói xong bèn hóa làm một con dê lông xanh khoan cổ trắng, người khách kinh ngạc báo cùng người chủ,

người chủ hỏi về tướng mạo đứa bé thì ra đó là đứa con gái nhỏ đã chết hai năm trước. Xong đến nơi vách tường nhà bếp tìm kiếm có được tiền, tợ như cất giấu tại đó đã lâu. Khi ấy, bèn đưa Dê đến trong chùa Tăng, cả nhà đều phát nguyện không ăn thịt. (Lô Văn Lệ kể nói như vậy).

14. Phan Quả ở Kinh triệu.

Tại Kinh triệu, có Phan Quả tuổi chưa đến hai mươi, trong khoảng niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường, nhậm làm Đô thủy tiểu lại, lúc về trong thôn cùng vài thiếu niên ra đồng ruộng vui đùa, đi ngang qua gò mã thấy một con dê bị người bỏ rơi riêng đứng ăn cỏ. Nhân đó, Phan Quả cùng các thiếu niên bắt lấy dẫn đem về chùa, đi giữa đường con dê kêu ré, Phan Quả sợ chủ dê nghe biết bèn rút lưỡi dê, dê mới không kêu ra tiếng, đêm đó làm thịt dê mà ăn. Sau đó một năm, chiếc lưỡi của Phan Quả dần nhỏ lại, bèn tiêu hết, Phan Quả tấu trình văn điệp xin giải chức. Phú Bình huyện úy Trịnh Dư Khánh nghi Phan Quả lừa dối, bảo mở miệng khám nghiệm, đúng thật không có lưỡi. Xem nơi gốc thì chỉ còn bằng hạt đậu không tiêu hết, rất lấy làm quái lạ hỏi nguyên do. Phan Quả đúng như thật đạp lại trình bày đó. Quan huyện bảo nên vì dê mà tu tạo việc phước, Phan Quả mới thọ ngũ giới, tu tạo phước thiện, sau đó một năm, lưỡi mới dần mọc ra lại, sau đó được bình phục như cũ, Phan Quả đến Quan huyện trình bày, Quan huyện mới dùng lại làm Lý chánh.

Năm Trinh Quán thứ mười tám (944) thời Tiền Đường, Trịnh Dư Khánh làm giám sát ngự sử, tự kể nói cho Đường Lâm tôi nghe như vậy.

15. Người dòng họ Vương ở Lạc dương.

Trong khoảng niên hiệu Đại nghiệp (605-617) thời nhà Tùy, tại Lạc dương có người dòng họ Vương chuyên tâm hành trì ngũ giới, thường nói những việc chưa xảy ra, mọi người trong thôn ấp thảy đều kính tin. Một ngày nọ, bỗng nhiên bảo với mọi người rằng: “Ngày nay sẽ có người cho ta một con lừa”. Trưa hôm đó quả nhiên có người dẫn đến cho một con lừa, tự buồn khóc mà kể rằng: “Tôi sớm đã chịu tang cha, người mẹ góa bụa nuôi dưỡng anh em tôi một trai một gái, đến lúc em gái tôi lấy chồng thì mẹ cũng qua đời, đến nay đã mười năm. Nhân ngày Hàn thực (tiết trước thanh minh), em gái tôi trở về nhà, ở nhà có con lừa vài tuổi tại Lạc dương có tập tục ngày Hàn thực mang rượu và các thức ăn ra cúng tế nơi phần mộ. Người ấy cưỡi lừa mà đi, mộ

ở phía Đông sông ấy, muốn qua sông ấy nhưng lừa chẳng chịu đi, nên dùng roi đánh vào đầu mặt lừa bị thương đổ máu. Thế rồi, đến nơi mộ, thả lừa mà cúng tế, bỗng nhiên lừa biến đi đâu mất, chốc lát có lại như cũ. Ngày đó, người em gái riêng một mình ở nhà người anh, chợt thấy người mẹ về, đầu mặt đều đổ máu, hình dáng gầy ấn tiều tụy, khóc than bảo cùng em gái rằng: “Lúc sống ta lén anh người lấy năm thăng gạo cho ngươi, nên bị tội báo như thế này, phải nhận chịu làm thân lừa suốt năm năm để đền trả cho anh ngươi, ngày nay anh ngươi muốn qua sông ấy, vì nước sâu, ta sợ anh ngươi dùng roi đánh vào đầu mặt ta đều rách phá như vậy, nhưng trở về nhà, hẳn sẽ đánh ta đau khổ hơn nữa, nên ta chạy đến báo trước cùng ngươi. Nay ta đền trả oan trái cũng xong có thể rất phi lý nhận chịu khổ vậy”. Nói xong bèn chạy ra, sau đó không thấy nữa, người con gái ghi nhớ rõ kỹ hình trạng nơi vết thương, thế rồi người anh trở về, người em gái trước ra trông xem lừa, đầu mặt đều có vết thương, bèn ôm chầm lấy lừa mà khóc. Người anh lấy làm quái lạ hỏi nguyên do, người em kể rõ tình trạng lúc ở nhà, người anh cũng bảo: “Mới đầu lừa chẳng chịu lội qua sông. Đến lúc mất rồi có lại, tướng trạng cũng đồng như thế”. Khi ấy cả hai anh em ôm chầm lấy lừa mà khóc ròng, lừa cũng ứa trào nước mắt hoen my, chẳng chịu ăn uống cỏ nước, anh em cùng quỳ xuống cầu xin!” Nếu thật đúng là mẹ, xin nên vì ăn cỏ”. Lừa liền ăn cỏ, thế rồi lại thôi. Cả hai anh em chẳng biết làm sao, bèn chuẩn bị thóc đậu đưa đến nơi người dòng họ Vương chuyên trì ngũ giới, lừa mới chịu ăn uống lại. Về sau đến lúc lừa chết, người em gái mang đưa về chôn cất.

16. Khương Bảo.

Trong thời nhà Tùy (581-618) có Khương Bảo làm quan tấn thân ở Giang nam, thuở thiếu thời có được học hành, cùng người anh một đều rất có tiếng tăm, năm Đại nghiệp thứ chín (613) thời nhà Tùy, Dương Huyền Võ dấy loạn, người anh của Khương Bảo nhận làm quan Trạng của Dương Huyền Võ, do đó Khương Bảo cùng anh đồng bị bắt đáng sẽ phải chết, mà Khương Bảo ngầm trốn lánh tự sống chìm lánh tại kinh đô. Qua năm sau (614), Khương Bảo nhân vào Bí thư tỉnh tìm kiếm người quen biết cũ, khi ấy. vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) không có ở đó, nên các cửa ở cung thành đều đóng bít, mọi sư ra vào chỉ do bằng một cửa An môn thượng. Khương Bảo vào đến cửa, thấy gặp một người quen biết xưa trước vốn dòng họ Tăng, Tăng cũng người Giang nam, bấy giờ phán ở lại trông giữ việc. Thấy gặp Khương Bảo,

cùng nói năng trò chuyện, hỏi thăm sức khỏe bình an, Khương Bảo biết Tăng tường cùng chung nên cũng tình thật tỏ bày, thế rồi giả biệt mà vào. Tăng bèn sai người đuổi theo bắt, Khương Bảo vào Bí thư, người đuổi theo bắt báo lên quan. Khi ấy, Vương Thiệu làm Bí thư thiếu giám, thuở thiếu thời cũng cùng quen biết với Khương Bảo, không muốn bắt tội Khương Bảo, mới chặn đón người đuổi theo bắt mà bảo rằng: "Ta trước vốn có biết Khương Bảo, người ấy không phải là Khương Bảo". Khương Bảo biết ý chỉ ấy liền ứng tiếng đáp: "Tôi thật là kẻ trai ở đất phía Nam trốn lính vậy". Vương Thiệu xua đuổi người đuổi theo bắt đó ra và bảo đi. Người đuổi theo bắt đó trở về báo cùng Tăng, Tăng lại đến nơi An thượng môn chơi chờ đón bắt lấy. Khương Bảo biết không thoát khỏi, nên nói với Tăng rằng: "Ta thật có mắc nợ quan chết, chết tự phần ta, nhưng không mắc nợ ông, ông và ta quen biết xưa trước, đã không thể cứu giúp, sao lại trái phản nhau như vậy. Nếu chết thì thật có biết, ta sẽ cùng báo oán ông". Sau đó, Khương Bảo chịu phục pháp luật bị chết. Sau vài ngày, nhà của Tăng vốn ở làng Thái bình sắp vào lưu thú càng Thiện Hòa đến trong cửa phía Tây, bỗng thấy Khương Bảo cưỡi ngựa, áo mão rất mới đẹp, có hai kẻ hầu mặc áo xanh theo sau, bảo cùng Tăng rằng: "Mạng tôi cũng sắp hết, nhưng còn có đến ba năm, do ông giết chết oan uổng, nay tôi đang nhậm Thái sơn chủ bộ, đã xin Thiên tào báo thù giết ông". Tăng cúi đầu xin tạ tội, nguyện sẽ vì tu tạo phước hồi hướng, Khương Bảo hứa thuận mà bao nhiêu không thấy nữa, vài ngàysau lại gặp Khương Bảo, nói với Tăng rằng: "Ta nhất định sẽ giết ông, tạm tha cho ông bảy ngày để tu phước, qua thời hạn ấy sẽ trước đến lấy đầu ông đi. Nếu không tin thì sẽ thấy ông chết mặt xoay sau lưng". Tăng kinh sợ trở về nhà tu tạo phước đức, đến kỳ hạn thì chết, xoay mặt lui sau lưng, đúng lời Khương Bảo nói (có người thân quen của Khương Bảo kể nói như vậy).

17. Người dòng họ Vi ở Lâm Ngang.

Trong khoảng niên hiệu Võ Đức thời Tiền Đường (617-627) tại Lâm ngang, có người dòng họ Vi, cùng một người vợ mở lời thề thốt mong hẹn chẳng trái phụ nhau, trải qua nhiều năm đánh mất sự mến thương, người vợ oán hận. Vi lo sợ đó đã kịp bèn thắt cổ giết chết vợ, vài ngày sau khắp thân thể vi nhân phát bệnh hủi mà chết.

18. Mã Gia Vận ở Ngụy quận.

Mã Gia Vận ở Ngụy quận, tháng giêng năm Võ Đức thứ sáu (623)

thời Tiền Đường, đang ở nhà lúc trời chiều, ra nơi cửa lớn, chợt thấy hai người, mỗi người bắt một con ngựa, người trước đứng dưới cây ngoài cửa, Gia Vận hỏi: “Ông là người nào?” Người ấy đáp: “Tôi là Đông hải công sứ đến nghiênh đón Mã sinh vậy. Gia Vận vốn có học thức, biết các châu Lý từng có đài Lý và các khách quý ở bốn phương thường hay mời đón thấy gặp. Đến ghi nghe gọi mời vậy, chẳng lấy làm quái lạ, bảo cùng Sứ giả rằng: “Tôi không có ngựa”. Sứ giả liền dắt đưa ngựa và nói: “Dùng ngựa này để nghinh đón Mã sinh”. Gia Vận liền đến dưới tàng cây, leo lên ngựa mà đi, kỳ thật thân mình té ngã dưới gốc cây. Bỗng chốc đến một Quan tào, sắp vào cửa lớn có vài mươi người vừa nam vừa nữ đứng ở ngoài cửa như muốn kiện tụng, có một người phụ nữ trước kia từng quen biết với Gia Vận, là vợ của Trương Công Cẩn, người ở đồng quận, vốn dòng họ Thôi, trong tay nắm một văn thư bảo cùng Gia Vận rằng: “Mã sinh còn cũng biết chăng? Xưa trước cùng Trương tổng quản giao du, đã từng vài lần thấy gặp, Tổng quản không quan trạng vô lý giết hại tôi. Tôi tố cáo với Thiên tào đến nay đã ba năm, nhưng vì Thiên vương chủ cứu hộ Công Cẩn nên thường bị ép bức, nay đến lúc được tỏ bày, quan đã đi đuổi bắt, không bao lâu nữa Công Cẩn sẽ đến đây. Nghi tôi riêng bị giết hại oan uổng, Mã sinh sao cũng bị đến đây ư?” Gia Vận biết người họ Thôi này bị giết, đến nay thấy biết mình đã chết, Sứ giả dẫn vào cửa, người giữ cửa bảo: Công đang ngủ, chưa thể vào bái yết”. Nên dẫn đến ngồi nơi Hoắc Ty Hình, Gia Vận thấy Ty Hình, chính là Ích châu Hành đài Lang Trung Hoắc Chương, thấy Gia Vận đến bèn mời ngồi và bảo: Phủ này, ký thất bị khuyết thiếu người, Đông Hải Công nghe. Ông có tài học nên muốn khuất phục ông đến đây làm quan vậy”. Gia Vận nói: “Tôi vốn nhà nghèo khó, vợ con chẳng lập, xin ông vì nơi giúp được khỏi thì rất lấy làm may!” Hoắc Chương bảo: “Nếu vậy thì ông có thể tự nói là không được học hành nhiều lắm, tôi sẽ có thể cùng biện giải rõ ràng”. Bỗng chốc có người đến báo: “Công ngủ đã dậy”. Bèn dẫn Gia Vận vào, thấy một người ngồi nơi sảnh sự, thân hình béo thấp sắc da đen ngăm gọi Gia Vận đến phía trước và bảo: “Nghe ông có tài học vấn, muốn cùng khuất phục đưa đến đây làm ký thất, có thể làm được chăng?” Gia Vận bái tạ thưa: “Rất may, chỉ vì quê kệch tôi chuyên việc ruộng rẫy, cũng có dùng kinh nghiệp chỉ dạy người sau, chẳng đủ khả năng để đảm nhậm cai quản ký thất”. Công bảo: “Có biết Hoắc Chương chăng?” Gia Vận đáp: “Có biết”. Nhân đó sai người gọi Hoắc Chương đến hỏi về tài thuật của Gia Vận. Hoắc Chương đáp: “Bình sinh thấy Gia Vận có kinh học nhưng

chưa từng thấy làm văn chương". Công bảo: "Phóng thả Mã sinh trở về". Và liền bảo người đuổi tìm bắt Trần Tử Lương, Gia Vận giả từ lui ra, Hoắc Chương cùng Gia Vận giả biệt, bảo rằng: "Nhớ ông về nói với Tam Cẩu nhà tôi, lúc lâm chung nói ngươi bán con ngựa của tôi thường cưỡi để làm Phù đồ, người nào bán ngựa sao tự phí vậy? Hãy chóng nghe lời tôi bảo tạp lập phù đồ". Tam Cẩu tức là con trai trưởng của Hoắc Chương. Nhân đó Gia Vận hỏi: "Vừa rồi gặp vợ của Trương Công Cẩn có nói là Thiên chủ, vậy đó là ai?" Hoắc Chương đáp: "Vương ngũ giới là người đồng hương với Trương Công Cẩn, sau khi chết làm Thiên chủ thường cứu hộ cho Công Cẩn nên mãi được đến nay, nhưng nay tợ như chẳng được khỏi vậy". Nói xong bèn già biệt, sai sứ giả đưa Gia Vận đi đến một đường tắc rít sáp, chỉ bảo theo đường ấy mà về. Gia Vận vào con đường tắc đó, bèn sống lại, giây lát sâu sau mới dậy được, lúc ấy đã là nửa đêm vợ con đều ngồi quanh khóc, Gia Vận kế dại rõ đủ sự việc vừa xảy ra.

Đến tháng bảy năm đó (623), tại Miên châu có người danh hiệu Trần, tên là Từ Lương bị bạo tử, qua đêm mới sống lại, tự nói rằng: "Đến thấy gặp Đông Hải Công, muốn dùng làm ký thất, nhưng từ chối nói là không biết chữ, riêng có Trần Tử Lương -người đất Ngô rất khéo giỏi văn chương khi ấy Đông Hải Công bảo tìm bắt kia mà thả tôi vậy". Qua năm sau (624) Trần Tử Lương ở đất Ngô chết, và Trương Công Cẩn cũng chết. Sau hai người ấy chết, Gia Vận từng cùng vài người đồng đi, giữa đường bỗng thấy gặp quan phủ, thần sắc Gia Vận tỏ vẻ lo sợ, chỉ rảo chạy, giây lát sau mới định tỉnh. Các bạn đồng hành hỏi nguyên do, Gia Vận đáp: "Người thấy vừa rồi chính là kẻ sứ của Đông Hải Công, nói là muốn đến Ích châu tìm bắt người, Tử Lương rất mực tố cáo ông. Hoắc Ty Hình vì ông tụng độc, ông sao chẳng khỏi, nhờ ông có phước cứu chuộc kẻ khác sống, nên được khỏi vậy". Mời đầu Gia Vận ở tại đất Thục, người dân đất Thục vét ao bắt cá, khi ấy Gia Vận vì người giảng sách, có được vài mươi xấp lụa quyên, nhân đó mua cá ao ấy phóng thả đi, đó tức là phước cứu chuộc sống vậy. Đến trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, xa giá nhà vua ở tại cung Cửu thành nghe vậy bèn sai Trung thư thị lan Sầm Văn Bản đến hỏi sự việc ấy. Sầm Văn Bản biên ghi lại đầy đủ tấu trình xong. Về sau, Gia Vận làm Quốc tử Bác sĩ, cuối cùng chết đang lúc là quan chức.

19. Khổng Khác.

Khoảng đầu niên hiệu Võ Đức thời Tiền Đường (618). Toại châu

tổng quản phủ ký thất tham quân Khổng Khác mắc bệnh dữ mà chết, một ngày sau sống lại tự nói rằng: Bị bắt dẫn đến quan sở hỏi: "Cớ sao giết hại hai con trâu?" Khổng Khác đáp: "Tôi không giết". Quan bảo: "Em của ông làm chứng ông giết, cớ sao ông không nhận?" Nhân đó, gọi người em đến, người em chết đã vài năm trước. Khi đã đến nơi, người em bị gông cùm rất nghiêm mật, quan hỏi: "Ông nói anh ông giết trâu là thật hay dối?" Người em đáp: "Anh trước vâng phụng sứ, chiêu vời an ủy giặc Lão sai bảo giết trâu để tiếp đãi gặp gỡ đó. Thật tôi theo lệnh anh chứ không phải tự giết". Khổng Khác nói: "Khổng Khác tôi sai em giết trâu để tiếp đãi gặp gỡ giặc Lão, việc ấy có thật nhưng đó là việc nước nhà, Khổng Khác tôi nào có tội gì?" Quan bảo: "Ông giết trâu để tiếp đãi gặp gỡ giặc Lão muốn lấy việc chiêu vời an ủy làm công, để cầu thưởng quan, chỉ vì tự lợi, sao lại nói là việc nước nhà ư?" Nhân đó, bảo người em của Khổng Khác rằng: "Vì ngươi làm chứng anh ngươi nên lưu giữ ngươi ở lại đây lâu, nay anh người đã thừa nhận là sai giết hại, ngươi không có tội, nên thả ngươi đi thọ sinh". Nói xong, bỗng nhiên người em biến mất không trông thấy nữa, cũng trọn không nói được lời nào. Quan lại hỏi Khổng Khác rằng: "Lại nhân vì sao ông giết hai con vịt?" Khổng Khác đáp: "Ngày trước làm huyện lệnh, giết vịt là để tiếp đãi Quan khách, đâu phải tội Khổng Khác tôi ư?" Quan bảo: "Quan khách tự có lo liệu lương thực, không vịt, ngươi giết hại để tiếp đãi, vì mong cầu danh dự tốt lành, há không phải tội sao? Lại nữa, cớ sao giết hại sáu cái trứng gà?" Khổng Khác đáp: "Bình sinh tôi không ăn trứng gà, chỉ nhớ lúc chín tuổi, nhân ngày Hàn thực mẹ tôi có cho sáu cái trứng gà, và tự nấu ăn". Quan bảo: "Vậy, muốn đổ tội cho mẹ nữa ư?" Khổng Khác đáp: "Chẳng dám, đó chỉ nói cái nhân ấy vậy, chứ đó chính tự Khổng Khác tôi giết nó". Quan bảo: "Ngươi giết hại mạng sống kẻ khác, thì phải tự nhận chịu lấy tội báo". Nói xong, bỗng nhiên có vài mươi người đều mặc áo xanh bắt dẫn Khổng Khác đưa ra. Khổng Khác kêu lớn tiếng rằng: "Quan phủ cũng rất uổng lạm". Quan nghe thế, kêu gọi lại hỏi: "Uổng lạm điều gì?" Khổng Khác nói: "Lúc bình sinh có tội thì đều ghi lục đầy đủ không sót, nhưng từ lúc mới sinh đến nay tạo phước, khiến người không ghi, há chẳng uổng lạm ư?" Quan bèn hỏi Chủ ty: "Khổng Khác có tạo phước gì, cớ sao chẳng ghi lục?" Chủ ty đáp: "Phước cũng có ghi lục, chỉ để lường tội phước ít nhiều ra sao, nếu phước nhiều tội ít thì trước hưởng thọ phước, còn tội nhiều phước ít thì trước khiến nhận chịu tội, Khổng Khác đây tội nhiều phước ít, nên buông qua, chưa luận xét về phước ấy". Quan tức giận

bảo: "Tuy trước buộc nhận chịu tội, cớ sao chẳng nên điều phước chỉ bày rõ ràng?" Và bảo tánh Chủ ty một trăm gậy. Chốc lát đánh xong, máu me đầy đất, thế rồi Chủ ty nêu bày các điều phước mà Khổng Khác đã tu tạo trong lúc bình sinh, cũng không quên sót một điều nào". Quan bảo Khổng Khác rằng: "Ông đáng trước phải nhận chịu tội, nay ta tạm thả ông về nhà bảy ngày, có thể lo siêng năng tu tạo phước đức". Nhân đó sai người đưa ra.

Được sống lại, Khổng Khác thỉnh mời các Tăng ni, hành đạo sám hối tinh chuyên hành đạo, tự kể nói việc đó. Đến ngày thứ bảy, Khổng Khác bèn giả biệt mọi người trong gia đình, bỗng chốc mà qua đời. Nhà người anh của Lâm Đường tôi cùng quen thuộc nơi Toại phủ nên rõ biết vậy.

20. Lạc châu Đô đốc Tán Công Đậu Quỷ.

Lạc châu Đô đốc Tán Công Đậu Quỷ tánh tình rất ưa thích giết hại. Mới đầu làm Ích châu hành đài bộc xa đã từng giết hại nhiều tướng sĩ, lại giết hại cả Hành đài thượng thư Vi Vân Khởi. Đến mùa Đông năm Trinh Quán thứ hai (628) thời Tiền Đường, khi ấy đang ở tại Lạc dương, Đậu Quỷ cảm mắc bệnh rất nặng, bỗng nhiên nói: "Có người đem dưa đến cho ta ăn". Mọi người chung quanh bảo: "Mùa đông không có dưa". Đậu Quỷ nói: "Một mâm dưa tươi tốt, sao bảo là không?" Thế rồi kinh ngạc trông nhìn, Đậu Quỷ lại bảo: "Chẳng phải dưa, mà tất cả đều là đầu người đến theo ta đòi mạng". Lại bảo: "Nâng đỡ ta dậy, thấy gặp Vi thượng thư (Vi Vân Khởi) nói xong bèn chết.

21. Thượng thư hình bộ thị lang Tống Hành Chất.

Thượng thư hình bộ thị lang Tống Hành Chất vốn người xứ Tào lăng. Tánh tình không kính tin Phật, có những lời kinh mạn khác thường. Tháng năm năm Vĩnh Huy thứ hai (651) thời Tiền Đường, Tống Hành Chất mắc bệnh nặng mà chết. Đến ngày mồng 09 tháng 06 (năm 651), Thượng thư đô quan lệnh sứ Vương Thọ mắc bạo bệnh chết ngất, hai ngày sau sống lại, tự kể nói: Lúc đầu mới chết thấy có bốn người đến nơi Sở bảo: "Đuổi bắt ngươi". Vương Thọ bèn theo đi vào một cửa lớn, thấy trên sảnh phía Tây có một Quan nhân ngồi, hình dung mập mạp sắc da đen ngăm, và phía Đông sảnh có một vị Tăng ngồi cùng quan nhân tương đương xoay mặt về hướng Bắc, mỗi bên đều có chăn giường án ghế, có khoảng vài trăm Đồng tử đứng hầu, hoặc có đội mão hoặc không đều là dung mạo đẹp xinh. Dưới thềm cấp có quan lại văn án,

có một người giả mang gông mặt xoay về hướng Tây, trói đứng dưới thềm. Vương Thọ đến nơi sân đó cũng đã bị trói buộc. Có một kẻ lại nắm giấy bút đến phỏng hỏi Vương Thọ rằng: "Năm Trinh Quán thứ mười tám (644) thời Tiền Đường, ngày ông nhận nhiệm vụ Trường an Tả sứ, cớ sao thay đổi sổ bộ?" Vương Thọ đáp: "Đó không phải tội bởi Vương Thọ tôi". Quan lớn trên sảnh đọc lời từ biện bạch xong, xoay mắt bảo kẻ tù già dưới thềm cấp phía Đông: "Cớ sao ông dối tố cáo kẻ khác?" Kẻ tù già ấy đáp: "Tuổi Tu-đạt tôi thật chưa đến lúc, do vì Vương Thọ cải đổi sổ bộ thêm tuổi của Tu-đạt tôi, không dám dối vọng vậy". Vương Thọ nói. Năm Trinh Quán thứ mười bảy (643) tôi đã đổi nhiệm vụ khác, Cáo Thân hiện còn ở tại nhà, xin tìm lấy xét nghiệm đó". Quan lớn nhân đó gọi ba người mở trói cho Vương Thọ, đi lấy cáo thân, cáo thân mang đến, quan lớn tự xem đọc đó, và bảo kẻ Tù-già kia rằng: "Vương Thọ đổi thay nhiệm vụ rất rõ ràng, ông nói vô lý". Nhân đó, bảo kẻ tù già ấy ra cửa phía Bắc tăm tối, có nhiều thành, trên thành đều là nữ tướng , tợ như nơi xấu ác. Quan lớn nhân viết trên án, bảo Vương Thọ: "Ông không tội, tha cho đi". Vương Thọ bái từ, kẻ lại dẫn Vương Thọ đến dưới thềm cấp phía Đông, kính sái vị Tăng. Vị Tăng ấy dùng ấn in trên vai Vương Thọ chữ "khéo đi". Kẻ lại dẫn Vương Thọ ra cửa phía Đông, theo hướng Nam đi qua ba lớp cửa, mỗi cửa đều khám xét dấu dấn trên vai, sau đó mới chấp thuận cho ra. Đến cửa thứ tư, cửa ấy rất lớn, nhiều lớp lầu đan xen phòng nhà đều mở, hình trạng như cửa thành của quan, người canh giữ rất nghiêm mật, kiểm xét dấu ấn rồi cho ra cửa. Lại theo hướng Đông nam đi vài mươi bước, nghe có tiếng người gọi Vương Thọ. Vương Thọ xoay mặt trông nhìn lại, thấy Thị Lang Tống Hành Chất mặt mày thảm não, sắc da đen nám, bày đầu rách eo, mặc áo bào lụa đào cũ kỹ, đầu tóc ngắn xủ xuống như người Hồ đứng dưới thềm cấp sảnh sự, có lính lại canh giữ. Thềm cấp phía Tây gần thành, có một bia gỗ lớn cao hơn một trượng, rộng hai thước, có sách lớn trên bia, đó là khám xét xác đáng qua cả vua người. Trông giữ đó lớn vương hơn cả thước rất rõ ràng. Trên sảnh sự có giường tòa ghế án như là quan phủ mà không có người. Tống Hành Chất trông thấy Vương Thọ vừa buồn vừa mừng hỏi: "Cớ sao ông được lại đây?" Vương Thọ đáp: "Quan đuổi bắt khám xét thay đổi sổ bộ, nhưng việc ấy không có nên được phóng thả trở về". Tống Hành Chất duỗi hay tay và nói với Vương Thọ rằng: "Tôi bị trách hỏi sổ bộ công đức, nhưng trong tay tôi không có sổ bộ công đức, nên bị khốn khổ này lại thêm bị đói khát, khổ chẳng thể nói. Ông có thể gắng sức đến nói nhà tôi bảo mọi người tu

tạo công đức". Ân cần căn dặn như thế xong mới giả từ. Vương Thọ cất bước đi, vừa đi được vài mươi bước, lại gọi Vương Thọ trở lại, chưa kịp nói lời nào, trên sảnh bỗng có quan nhân đến ngồi, tức giận bảo Vương Thọ rằng: "Ta mới vừa khám nghiệm các việc, ông là người nào liền đến nơi tù?" Nhân đó, sai lính xả lỗ tai Vương Thọ, xả lỗ tai rồi đẩy bảo Vương Thọ đi, Vương Thọ chạy lại đến một cửa. Kẻ lại giữ cửa đó bảo: "Ông bị xả lỗ tai, tai sẽ điếc, nay ta vì ông lấy vật trong đó ra". Nhân đó đưa tay khêu lỗ tay, trong tai có tiếng kêu mới nghiệm thực, và liền tha cho ra. Ra phía ngoài cửa, đen như sơn, Vương Thọ chẳng biết đi đâu, đưa tay sờ mò từ phía Tây đến phía Nam, đều là vách tường, chỉ có phía Đông không vậy chướng ngại nhưng đen tối chẳng thể đi. Vương Thọ dừng đứng chốc lát, thấy kẻ lại vừa rồi phỏng hỏi Vương Thọ từ cửa đi ra bảo Vương Thọ rằng: "Ông còn hay chờ đội tôi, rất tốt! Có thể vì xin cho tôi ngàn tiền?" Vương Thọ không lên tiếng trả lời mà trong tâm tự suy nghĩ: "Ta vốn không tội, quan phóng thả ta về, cớ sao phải có đút lót kẻ lại ư?" Kẻ lại liền bảo: "Ông không thể không thực hành, vừa rồi nếu tôi chẳng sớm dẫn ông qua quan, khiến hai ngày nhận chịu trói buộc, há không khốn khổ ư?" Vương Thọ tỏ rõ trong tâm như vậy, nhân đó hổ thẹn xin tạ rằng: "Kính cẩn y theo lời chỉ bảo". Kẻ lại bảo: "Tôi không sử dụng tiền Đồng như ông, chỉ muốn có được tiền giấy trắng, kỳ hạn cho ông mười lăm ngày trở lại". Vương Thọ xin hứa kính vâng, nhân đó hỏi đường trở về. Kẻ lại bảo: "Chỉ đi theo hướng Đông khoảng hai trăm bước sẽ thấy một thành cũ bị phá thủng, thấy sáng thì có thể xô đẩy ngã đó, tức đến nhà ông. Vương Thọ y theo lời nói ấy, đi đến bức tường, xô đẩy giây lâu mới ngã đổ. Vương Thọ theo nơi ngã đổ ấy đi ra liền đến nơi ở. Đó chính là cửa phía Nam phường Long chính. Khi ấy bèn trở về nhà, mọi người trong nhà đang gào khóc, Vương Thọ vào nhà mà sống lại. Đến ngày thứ mười lăm, Vương Thọ quên chẳng cấp tặng tiền, sáng hôm sau lại cảm mắc bệnh khốn khổ, tắt hơi thở, thấy kẻ lại đến, tức giận bảo: "Ông quả thật là người không giữ chữ tín, hẹn cho ta tiền mà trọn chẳng cho. Nay đáng lại bắt ông đi". Nhân đó ép đưa đi ra cửa Hàm quang, khiến vào trong một cái hầm lớn. Vương Thọ kính lạy tạ hơn trăm lạy, xin sẽ vì làm tiền, mới được tha trở về. Sống lại, Vương Thọ bảo người nhà mua trăm trang giấy làm tiền để cấp tặng. Ngày hôm sau, Vương Thọ lại mắc bệnh nặng dữ, thấy kẻ lại đến bảo: "Ông may hay cho tiền, mà xấu, không được tốt đẹp". Vương Thọ lại từ tạ xin làm lại, kẻ lại hứa thuận. Đến ngày thứ hai mươi, Vương Thọ bảo dùng sáu mươi tiền mua một trăm trang giấy trắng làm tiền và đem các

thứ rượu thức ăn, tự đến trên cừ sông phía Tây phường Long Chính mà thiêu đốt đó. Thế rồi, thân thể được nhẹ nhàng, dần dần mạnh khỏe.

Bấy giờ, Đường Lâm tôi nghe việc ấy, bèn cùng Hình bộ thị lang lưu yến khách, Đại lý thiếu khanh Tân Mậu cùng ở tại Đại lý cốc ngục Gia Lưu vời gọi Vương Thọ đến cùng các Tể quan đáp hỏi nói như vậy.

22. Vi Khánh Thực ở Kinh triệu.

Trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường. Ngụy vương phủ Trưởng sử Kinh triệu Vi Khánh Thực, có một người con gái không may chết sớm, cả cha mẹ vô cùng đau xót tiếc thương. Sau đó hai năm, Khánh Thực sắp nhóm tụ thân thích tân khách, kẻ mổ thịt chuẩn bị thức ăn, người nhà mua được một con dê chưa giết. Vợ của Khánh Thực ban đêm ngủ mộng thấy đứa con gái của mình đã chết đó vận mặc quần xanh áo sam trắng trên đầu tóc có đôi ngọc xuyến. Đó là cách vận mặc lúc bình sinh của đức con ấy đến trông thấy mẹ, đổ lệ khóc than nói rằng: “Con thường riêng sử dụng các vật mà không nói với cha mẹ nên bị nghiệp báo này, nay nhận chịu làm thân dê lại phải đền trả mạng cho cha mẹ, ngày mai sẽ bị giết chết, con dê xanh đầu trắng đó chính là con vậy. Kính cẩn xin ban ân từ xót thương tha cho tánh mạng con”. Người mẹ kinh hãi tỉnh giấc, sáng sớm đến trông xem, thấy cổ dê và xương đùi đều trắng, trên đầu có hai chấm trắng tương đối như hình ngọc xuyến. Người mẹ đối trước mặt nó liền khóc, bảo người nhà chớ giết hại, đợi Khánh Thực đến phóng thả đi. Bỗng chốc Khánh Thực đến thúc giục làm thức ăn, mọi người trong bếp thưa: “Phu nhân không cho giết con dê xanh”. Khánh Thực tức giận bảo cứ giết. Kẻ mổ thịt trói buộc dê muốn giết. Có vài người khách đã đến, mới thấy một bé gái dung mạo đoan chánh, mách báo người khách rằng: “Con là con gái của Vi trưởng sứ, xin hãy vì cứu mạng”. Người khách kinh ngạc cản ngăn kẻ mổ thịt. Kẻ mổ thịt sợ Khánh Thực tức giận, lại chỉ thấy con dê kêu, nên bèn giết chết nó. Thế rồi, khách cùng ngồi dự, thức ăn đem đến, khách đều không ăn, Khánh Thực lấy làm lạ hỏi, khách bèn nói rõ sự tình vừa rồi. Khánh Thực buồn đau phát bệnh bèn chẳng dậy nỗi.

Các hàng sĩ nhân ở dưới kinh đô đều biết việc đó. Thượng thư Thôi Đôn Lễ kể nói cho Đường Lâm tôi nghe như thế. Thượng thư Diêm Lập Đức cũng nói như vậy.

23. Trương Pháp Nghĩa.

Tại Hoa châu Trịnh Luyện có người tên là Trương Pháp Nghĩa, thuở thiếu thời nghèo khổ quê mùa, không tu lễ độ. Năm Trinh Quán thứ mười (636) thời Tiền Đường, vào Hoa sơn chặt cây, gặp thấy một vị Tăng ngồi trong hang, Pháp Nghĩa bèn đến cùng trò chuyện, gặp lúc trời chiều tối ngồi lâu chẳng thể về, nhân đó nghỉ lại qua đêm. Vị Tăng ấy thiết bày bột tùng bách để mời cùng ăn, và bảo Pháp Nghĩa rằng: "Bần đạo ở nơi đây đã lâu, không muốn người ngoài biết, Đàn Việt lúc ra về, xin cẩn trọng chớ nói việc thấy gặp bần đạo". Nhân đó, vì nói rằng: "Người thế tục có lắm nhiều tội lụy, chết rồi thác sinh vào đường ác, thành tâm sám hối mới có thể diệt trừ được". Mới bảo Pháp Nghĩa tắm gội sạch sẽ vận mặc y phục vị Tăng, vì sám hối, xong rồi, giả biệt mà ra đi. Đến năm Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, Pháp Nghĩa mắc bệnh mà chết, đưa chôn vùi ngoài đồng hoang, vì nghèo khổ không có quan quách, nên dùng củi che đậy thô sơ không chôn cất kỹ, bảy ngày sau, Pháp Nghĩa sống lại xô đẩy mà đi ra trở về nhà, người nhà kinh ngạc xét hỏi, biết thật là sống lại mới vui mừng. Pháp Nghĩa tự nói: Lúc đầu mới chết có hai người đến bắt lấy vượt giữa khoảng không theo hướng Nam mà đi, đến nói quan phủ vào cửa lớn, lại dẫn qua đường hẻm đều là Quan tào, cửa cổng đối xứng nhau, nhiều chẳng kể xiết. Pháp Nghĩa đến một Tào thấy Quan nhân từ xa trách kẻ sứ rằng: "Đó phải Trương Pháp Nghĩa ở Hoa châu chăng. Vốn hạn định ba ngày đến, sao lâu bảy ngày mới đến?" Kẻ sứ đáp: "Nhà Pháp Nghĩa có chó hung dữ lại có chú Sư, thần bị đánh rất lắm". Nhân đó vạch áo trông xem trên lưng, lưng đều có các vết sưng bầm xanh. Quan bảo: "Xét qua có lắm tội, cho hai mươi gậy". Đánh gậy đã xong, máu đổ nơi đất. Quan lại bảo: "Có thể dẫn đưa Pháp Nghĩa đến Lục sự", Lục sự đặt phát văn thư, bảo đưa giao Phán quan. Phán quan gọi Chủ điển lấy án Pháp Nghĩa. Án bộ rất nhiều, đầy cả một giường, Chủ điển đối tước Pháp Nghĩa, mở bày kiểm xét, sổ bộ đó phần nhiều câu chấm son trước đã hết, chỉ có câu cuối cùng. Điển thì ghi lục đó là: "Năm Trinh Quán thứ mười một (637) thời Tiền Đường, Pháp Nghĩa do cha sai bảo đi cắt lúa, Pháp Nghĩa trái lại trợn mắt trông nhìn và lén mắng chửi. Phạm tội bất hiếu, đáng đánh tám mươi gậy". Mới đầu có ghi lục một điều, liền thấy vị Tăng từ trong hang lại, Phán quan đứng dậy nghinh đón, hỏi vị Tăng ấy có việc gì? Vị Tăng ấy đáp: "Trương Nghĩa là đệ tử của bần đạo, những tội lỗi của nó đều đã sám hối trừ diệt, trong bản án của Thiên tào đã móc hết cả, nay bị oan uổng bị đuổi bắt đến đây, chưa đáng phải chết". Chủ Điển thưa: "Trải qua sám hối, bản án đây cũng đã móc

xong, đến như trừng mắt mắng chửi cha, tuy nhờ được sám hối nhưng sự việc ấy chưa móc xong". Vị Tăng ấy bảo: "Nếu không như vậy, phải lấy bản án để khám xét đó, nên có phước lợi, Phán quan bảo Chủ điển dẫn đưa Pháp Nghĩa đến thưa hỏi vua, cung tại phía Đông, điện vũ rất hoành tráng, có đến vài ngàn người hầu giữ. Vị Tăng ấy cũng theo đến nơi chỗ vua. vua đứng dậy nghinh đón vị Tăng và hỏi: "Sao Sư phải đến đây ư?" Vị Tăng ấy đáp: "Chưa đóng phải đến, vì có đệ tử Trương Pháp Nghĩa, bị ghi lục bắt lại đây, người ấy có các điều tội xưa trước, bần đạo đều đã xin móc, chưa đáng phải chết". Chủ Điển lại đem việc trừng mắt dò hỏi vua. vua bảo: "Trừng mắt là việc sau khi đã sám hối, chẳng thể miễn khỏi, nhưng sư đã vì lại đây xin có thể đặc biệt phóng tha cho bảy ngày". Pháp Nghĩa nói với vị Tăng ấy rằng: "Bảy ngày đã chẳng phải thời gian nhiều, lại phải đến đây, sợ không gặp thấy Sư, nên xin ở đây theo Sư". Vị Tăng ấy bảo: "Bảy ngày tức là bảy năm vậy. Có thể nên gấp đi". Pháp Nghĩa cố nài nỉ xin theo vị Tăng ấy. Nhân đó, vị Tăng ấy xin mượn viết vua viết một chữ "Nhất" nơi lòng bàn tay Pháp Nghĩa, lại xin mượn ấn vua in vào đó, và bảo: "Ông nên gấp đi trở về nhà tu phước, nếu sau này lại đây không thấy gặp ta, nên đưa dấu ấn này trình vua, vua tự sẽ phóng thả ông vậy". Pháp Nghĩa mới từ tạ đi ra, vị Tăng ấy bảo người dẫn đưa Pháp Nghĩa đến nhà. Trong nhà đen tối, Pháp Nghĩa chẳng dám vào, kẻ sứ xô đẩy Pháp Nghĩa vào, bèn sống lại. Cảm nhận mình đang ở trong đất rất trống rỗng, Pháp Nghĩa đưa tay đẩy vạch được mà ra. Nhân đó vào núi đến nơi vị Tăng ấy tu đạo, chỗ đường văn dấu ấn in trong lòng bàn tay chẳng biết đó, nhưng đều biến thành vết sẹo trọn chẳng thể lành. Đến nay vẫn hiện còn.

Lũng Tây Vương Bác Xoa Cư cùng Pháp Nghĩa là chỗ thân gần thảy đều rõ biết, nói kể Đường Lâm tôi nghe như vậy.

24. Liễu Trí Cảm ở Hà đông.

Liễu Trí Cảm ở Hà đông, khoảng đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, làm Hưng châu trưởng cử huyện lệnh. Một đêm nọ chết ngất, đến sáng ngày sống lại, nói rằng: "Mới đầu bị Minh quan đuổi bắt đưa đến một quan phủ lớn, sắc giới dẫn vào thấy vua. vua bảo: "Nay có một viên quan khuyết thiếu, nên ép uổng đưa ông đến đây để đảm nhận đó". Trí cảm lấy cớ còn người thân tuổi già mà từ chối, vả lại tự tỏ bày phước nghiệp của mình chưa đáng phải chết. vua sai khám xét đó, tin đúng như vậy. Nhân đó bảo: "Ông chưa đáng phải chết, có thể giữ quyền Phán lục sự". Trí Cảm hứa kính vâng và bái từ. Kẻ lại dẫn

lui đưa đến nơi Tào. Tào có năm vị Phán quan cộng thêm Trí Cảm nữa là sáu người. Sảnh sự ấy, người trưởng ốc ở nơi ba gian, mỗi mỗi có đủ giường án, công việc có lắm nhiều chồng chất. Ở đầu phía Tây có một tòa trống không có Phán quan, kẻ lại dẫn Trí Cảm đến tòa trống ấy, có các kẻ lại dẫn đem văn bộ lại lấy Trí Cảm phán đặt trên án rồi lui đứng dưới thềm cấp. Trí Cảm hỏi nguyên do. Kẻ lại ấy đáp: "Vì hơi hôi hám chẳng đổi thay bức ngặc Công, nên chỉ đứng xa, theo việc trong án mà đáp". Trí Cảm xét đọc án như án ở nhân gian vậy. Từ đó liền có khoảng thời gian làm Phán câu. Có người mang thức ăn đến, các Phán quan đồng ăn, Trí Cảm cũng đến ngồi dự, các quan bảo: "Ông đã giữ quyền Phán, không nên ăn đây". Trí Cảm cũng nghe theo đó, trọn không dám ăn. Đến chiều tối, kẻ lại đưa Trí Cảm trở về nhà, sống lại thì vừa chiều. Từ đó trở về sau, trong nhà đến lúc mờ tối thì kẻ lại liền đến nghinh đón đến kia thì vừa sáng, nên biết giữa U Hiển, đêm ngày trái ngược nhau. Từ đó, ban đêm Trí Cảm phán xét minh sự, ban ngày đến vẫn giữ chức tại huyện, trở thành việc thường qua hơn năm sau. Trí Cảm lúc đang ở tại Minh tào, nhân dậy đến nhà xí, ở phía Tây nhà thấy có một người phụ nữ tuổi khoảng ba mươi, dáng mạo đoan chánh, áo quần mới sạch, dứng mà lau nước mắt khóc, Trí Cảm hỏi: "Ngươi là ai?" Người nữ ấy đáp: "Thiếp là vợ của Hưng Châu Ty Thương Tham Quân, bị bắt lại đây, vừa mới giả biệt chồng con, vì vậy mà buồn thương". Trí Cảm đem hỏi kẻ lại. Kẻ lại bảo: Quan dẫn đưa đến, có chỗ án hỏi làm chứng đầy đủ về việc của chồng, Trí Cảm nhân đó hỏi bảo người nữ ấy: "Trí Cảm tôi làm Trưởng cử lệnh, phu nhân nếu có bị khám hỏi, mong chỉ tự phân bày rõ ràng chớ làm lôi kéo cả y thương cùng chết không ích lợi gì". Người nữ ấy đáp: "Thật chẳng muốn lôi kéo, chỉ sợ quan cùng lôi kéo vậy". Trí Cảm bảo: "Chỉ mong phu nhân chớ lôi kéo thì không phải lo ngại bị bức ép". Người nữ ấy bèn hứa đó. Thế rồi, Trí Cảm trở về châu, trước tiên hỏi về người vợ của Ty Thương có tật bệnh gì? Ty Thương đáp: "Vợ tôi tuổi còn trẻ nhỏ không tật bệnh gì." Trí Cảm đem điều thấy gặp người nữ mà báo cùng, nói rõ về dung mạo y phục, vả lại khuyên nên tu phước. Ty Thương chạy về nhà thấy vợ dệt trong khung máy, không tật bệnh gì, nên rất không tin. Qua hơn mười ngày sau, vợ Ty Thương cảm mắc bệnh dữ mà chết. Ty cảm mới kinh sợ, lo việc tu tạo phước đức.

Lại có hai Quan nhân Châu Mãn ở Hưng châu sắp đến kinh đô dự tuyển chọn, nên hỏi Trí Cảm rằng: "Ông phán xét việc ở Minh đạo, xin hỏi tôi nay dự tuyển chọn được làm quan gì?" Trí Cảm đến Minh tào,

đem tên họ người đó hỏi Lục sự. Lục sự đáp: “Danh bộ đều niêm phong tại trong hộp đá, kiểm xét đó, phải hai ngày sau mới báo đáp được”. Đến kỳ hạn lại báo, mới thấy hai người năm nay đỗ đạt danh hiệu quan. Trí Cảm báo lại cho hai người ấy biết. Hai người ấy đến Kinh đô dự tham tuyển chọn. Lại bộ ghi chú phỏng định chức quan đều chẳng đồng như Trí Cảm báo. Các quan ở châu nghe thế đem báo lại cùng Trí Cảm, Trí Cảm lại hỏi Lục sự. Lục sự lại kiểm xét sổ bộ và ghi là: “Nhất định như kiểm xét trước không sai nhầm vậy”. Thế rồi, hai người dự tuyển chọn qua dưới cửa, dưới cửa xét lùi lại đến Lại bộ ghi chú quả đúng như sổ bộ Minh tào kiểm báo, khi ấy mọi người thảy đều tin phục. Mỗi lúc đến nơi sổ bộ ở Minh tào, trông thấy danh trạng của các thân thức, đến đúng ngày tháng, Trí Cảm đều báo cho, vào bảo khuyên tu phước, phần nhiều đều được miễn khỏi. Trí Cảm giữ quyền Phán quan ba năm, kẻ lại trước kia đến báo: “Đã có được Lý Tư Hộ ở Long châu, trao nhậm chánh quan để thay thế Công, Công chẳng phải lại làm quyền Phán nữa. Trí Cảm sáng ngày đến châu, báo cùng Thử Lại Lý Đức Phụng, sai người đến Long châu xét xem, thì Tư Hộ đã chết, hỏi về ngày chết, tức đúng trước lúc kẻ lại báo cùng Trí Cảm vậy, từ đó bèn thôi nghỉ.

Về sau, Châu ty sai phái Trí Cảm lãnh dẫn kẻ tù đến Kinh đô, vừa đến ranh giới Phụng châu, tù nhân đều chạy trốn, Trí Cảm rất lo sợ, đuổi bắt qua vài ngày mà chẳng thể được. Ban đêm từng nghỉ nơi tinh xá. Bỗng thấy Bô minh lại trước kia đến báo: “Các tù nhân đều bắt được cả, trong đó một người đã chết, còn ba người hiện ở trong cốc tại Nam sơn, và đều đã bắt trói, xin Công chớ phải lo ngại”. Nói xong, bèn từ tạ mà đi. Trí Cảm liền xin binh lính vào cốc phía Tây nam sơn, quả nhiên thấy bốn kẻ tù. Các tù nhân biết chạy không khỏi, nhân đó lại chống cự, Trí Cảm phân cách, giết chết một người, còn ba người nhận chịu trói buộc, thật đúng như điều báo. Trí Cảm đến nay hiện còn, đang nhậm chức Từ châu tư mã quan lục khanh.

Liễu Hanh kể nói cho Đường Lâm tôi nghe như vậy. Liễu Hanh làm Tào châu thứ sử, thấy gặp Trí Cảm thân gần hỏi như vậy, và Ngự sử Bùi Đồng Tiết cũng nói thấy nói đều như lời ấy vậy.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 190

SỰ TỰ XÉT GHI TRONG NHÀ PHẬT

SỐ 2083
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2083

SỰ TỰ XÉT GHI TRONG NHÀ PHẬT

Sa-môn Thích Hoài Tín ở Lam Cốc ghi thuật.

LỜI TỰA

Năm 9 tuổi, tôi xuất gia, nay đây đã ngoài 60. Đến ở nhà rộng Tiêu Dao, ngoảy bước phương âm, hình thể an khương mềm mại, thân sống nhàn dật. Ánh tinh thể chưa ló dạng, cổ bàn tinh khiết 10 lợi đã bày, vầng nhật vừa giữa ngày, thức ăn quý lạ 3 đức hợp đủ, chẳng biết sự khốn khó do cấy cày mà có được, không hay sự lao nhọc bởi nấu đem rồi đảnh mà nên. Thân cao 6 thước, toàn mạng trăm năm. Ai người đạt đến cùng ấy ư? Ấy là nguyện lực của Đức bản Sư chúng ta vậy!

Tôi thử ước tính trong vòng 50 năm, sớm trưa ăn uống, hao phí hơn 300 thạc, nóng lạnh áo thuốc tổn phí hơn 20 vạn vậy. Kia cửa cao hiên sâu, thềm biếc cột son, xe cươi tôi hầu các thứ, ghế bàn giường nệm các loại, tổn phí lại không ngằn mé đó. Hoặc lại vô minh đen tối dấy khởi, tà kiến phát sinh, bỏ dùng phi pháp, ăn uống trái thời, những tổn phí ấy lại khó lường biết được. Mọi thứ như thế đều có ra từ sức lực kẻ khác, giúp thành cho ta dùng. Cùng với người nông phu miệt mài công việc đâu được quanh năm mà sánh ví khổ vui ư? Vậy đủ viết giáo nghĩa của đức Đại từ đạt đến thế, sức lực của đức đại bi sâu như vậy. Huống hồ Đức Như Lai 10 hiệu điều ngự và chúng ta là con mà che chở đó, 8 bộ trời rồng vì ta là thầy mà phụng cung đó. vua chúa tuy quý, song không dám lấy lễ đối đãi bề tôi mà nuôi dưỡng ta, vậy thì điều quý ấy có thể biết, cha mẹ tuy sâu nặng, nhưng không dám nghĩa cử đối đãi với con mà trông nhìn ta, vậy đủ biết sự tôn trọng ấy. Nếu như dằng dặc khắp

4 hạng người, mang mác cùng cả 9 xứ, nhà ai chẳng phải là kho tích trữ của ta, người nào chẳng phải là con em của ta. Do đó, mang bát vào nhà, bữa cơm ngậm bít sâu mở, chống tích lên đường, dung nghi buôn mạng mà chỉnh túc cung kính. Người xưa đem 1 bữa ăn mà ban cho còn hay dốc sức, dùng 1 lời mà đoái hoài còn hoặc mất thân. Huống gì chúng ta từ đảnh đầu cho đến gót chân đều do Đức Như Lai nuôi dưỡng, từ sống đến chết đều nương nhờ bóng mát của Đức Như Lai ư? Giả sử như chẳng gặp được Phật pháp, chẳng được dự phần xuất gia, thì theo nghề nghiệp sớm tối xâm phạm giữa gió sương, sáng chiều chăm chỉ nơi đồi ruộng, rong ruổi muôn mối, bức bách ngàn mưa, áo thô tơ bụi hoặc chẳng đủ mà che hình, dưa đậu rau lá ăn ngon hoặc chẳng thể được đầy mồm. Sao rảnh nhìn ngang điện rồng, roi trượng ở nhân đình, mở giày thanh đàm, vạch áo đùa vui, trốn lánh nóng lạnh lựa chọn ngọt cay, mắng quở trẻ nhỏ, nêu đòi bưng cấp, phỏng ý ngựa đến hại cả đàn, mặc tình khỉ bay nhảy cây, chỉ bởi ba chướng mây cao, 10 triền thắc buộc, nghĩ phỏng ái loạn tâm, cuồng ngu hoạn não, tự hối tự trách chỉ qua nháy mắt mà đã đổi dời. Buồn thương đó, tủi hận đó, qua 10 ngày nửa tháng mà bỗng nhiên biến cải. Hoặc lại lên Phật đường mà chí thành kính lễ, xấu hổ với Tôn nghi mà mưa khóc. Đối cảm cách mở bày văn, hổ cùng Thánh giáo mà rơi lệ, hoặc vận mặc áo quần tả tơi ăn nuốt cây cỏ, khốn nhục mà sửa trị đó, mất của cải, bỏ bạn bè. Một mình khốn cùng mà chịu khổ đó, trọn chẳng thể khuất trừ núi mạn, lắng trong lửa dục, xả bỏ thanh sắc thô tệ, miễn khỏi trách sâu vạc sôi. Há chẳng đau xót thay! Há chẳng đau xót thay! Do đó mà thường buồn thảm thường khóc thương, chua cay chẳng cùng cực, không gian ẩn giấu, đất dày ẩn giấu, vô phương mà cứu tiếp.

Tôi thường trở lại tìm xét ngay tự mình, hình dung tai mắt đâu giảm bớt so với người thường, thức ngộ thân tình sâm sai so với danh bối. Bởi phước gì mà được sinh ngay giữa chốn văn hóa? Bởi căn lành gì mà được dự phân xuất gia? Bởi tội chướng gì mà giới kiểm lắm trái phạm? Bởi hứa gì mà cứng cỏi khó chuyển hóa? Do đó, quanh co giữa ngày, đứng than trong đêm, chẳng biết phương thức gì để cứu đó, chẳng rõ pháp thuật gì để đổi thay đó! Nhưng từ bé nhỏ, có được dạy răn ở sân nhà, sớm đượm nhuần Thích giáo. Lại nghe di ngôn của các bậc Trưởng giả, từng tham yết cao luận của Danh tăng. Kẻ sĩ Tam Tư gá dây đàn da thuột dùng làm vốn, khắc cửu Triết đợi minh châu mà làm lời dạy răn. Nên mới tìm rõ nhiều đời, bày xem các thiên, gặt hái từ hàng hạ lưu đồng bệnh, phỏng hỏi khách thôn dã bến mê. Trong đó như có khi miệt

Thánh ngôn, xem thường nghiệp lụy, phóng túng không xấu hổ, ngu đần chẳng kiểm xét. Có thể bị trừng trị khuyên răn đều nhóm tập mà ghi chép lại đó, bèn chọn làm 10 khoa, phân thành 3 quyển (2 quyển?) để sớm tối đọc xem, ngõ hầu bổ ích trong muôn một. Như là ngồi thành quả báo làm rồng, đứng nghiệm thành thân rắn, trâu khóc mà lên sườn núi, lạc đà kêu gào mà nhiễu quanh chùa. Hoặc bị roi gậy đánh đến, khắp thân thể đều lửa đốt cháy, hoặc bị giáo mác qua lại, tức thời máu đổ, hoặc lưỡi tiêu tan, mày my rơi rụng, hoặc mất tâm tánh phát cuồng, hoặc ân cần đói khát mà làm kẻ tôi đòi, hoặc xâm lấn bó củi mà bị đốt chân, hoặc nương tựa thần vườn cây mà cắt thịt báo đáp ân thí chủ, gá vết cánh cửa vườn, biến cất nhận chịu sự trách phạt phỉ báng người. Xưa chẳng thấy mà nay được thấy, trước không biết mà nay mới biết, kêu trời đập đất chẳng vì truy tìm, phá gan rạch mật chẳng phải chỗ kịp. Đang lúc đó, cha mẹ trăm thân mà không chuộc nỗi, khách thân vang danh bốn xứ mà chẳng cứu, của cải tặng đưa giao phó tích chứa mà bày không, chung quanh vỗ ngực mà đâu bổ ích. Xưa trước vui chơi mỹ lạc làm sao còn ư? Ngày xưa bè bạn thân thuộc sao cậy ư? Than ôi! Sáng sớm là bậc Thạnh đức xướng dứt nơi hiên dài, chiều tối làm kẻ chết non buồn khóc nơi phòng vắng chẳng phải người ấy riêng có! Nghĩ đến thân phận tôi chừ hoặc đương đầu, hoặc giả trăm năm sau 1 lần gặp, xin sẽ hổ thẹn sám hối chừ ương gì, có thể chẳng xót thương ư? Có thể không lo sợ ư? Nên biên cả đuôi đầu đó, đủ đầy phải trái, đứng đợi gắng răn của thư thân, xin mong công của chiến thắng, trong đây hoặc có nhã cao của bậc danh hiền hiền, khác vết của hàng triết nhân, nhơ bẩn ùn đầy của hóa đạo, che giấu chăng của thời sự cũng phụ mà ghi chép đó để gởi cùng mọi người thông biết. Người xưa có nói rằng: “Bóng hình trăm năm năm chết, tâm thức ngàn năm còn”.

Thật mong, sau ngàn năm biết được tâm thức tôi còn vậy!

■

SỰ TỰ XÉT GHI TRONG NHÀ PHẬT

QUYỂN THƯỢNG

MỤC LỤC

Trong 10 khoa mục trên, gồm cả thảy 73 điều (có 2 chương nhã cáo, sự tích có 71 người, phụ có 14 người.

I. GHI VỀ NGHIỆP BUỘC DÀI LÂU

1. Thánh giả Đạt-ma-mật-đa ở Tây Vức đã 500 kiếp làm thân chó.

Sau khi Đức Phật diệt, trong núi Kế Tân có 1 Thánh Tỷ-khưu tên là Đạt-ma-mật-đa là bậc tài tuệ siêu tuyệt, tọa thiền đệ nhất. Tại chỗ Thánh giả ở có 3 lớp hang. Bấy giờ có 2 vị Tăng xa nghe danh tiếng ưu thắng của Thánh giả nên sang lễ bái. Thấy Thánh giả mặc y phục thô xấu, nhơ nháy lộ bày đang ở trước bếp dưới hang vì muốn điều phục thân tâm nên làm vị Tăng đốt lửa. Khi đó, 2 vị Tăng ấy hỏi rằng: “Trưởng lão Đạt-ma-mật-đa đang ở tại nơi nào”. Thánh giả đáp: “Đang

ở trong phòng trên lớp hang cao tột cùng". 2 vị Tăng ấy bèn sang tìm. Thánh giả dùng sức thân túc bỗng chốc trở về lại phòng cũ, 2 vị Tăng ấy đã trông thấy nên đều sinh nghi ngờ quái lạ, hỏi rằng: "Đại Đúc là bậc Thánh nhân oai danh vang khắp chốn Diêm Phù Đề. Cớ sao tự chịu làm vị Tăng đốt lửa?" Thánh giả bảo: "Nay ông nên biết, tôi nghĩ nhớ sinh tử chịu khổ lâu dài, giả sử như đầu tay có thể được đốt cháy, tôi sẽ vì chưa Tăng mà đốt đó. Xưa trước trang 500 đời, Tôi thường làm thân chó đói khát khốn cùng, tuy trải qua lắm thân hình mà chỉ được 2 lần ăn no đủ. Một lần nọ có người uống rượu say bên vệ đường ói mửa, Tôi đi ngang qua gặp thấy bèn được ăn một bữa no nê, và 1 đời nọ, tôi làm thân chó ở trong nhà người nghèo khổ, 2 vợ chồng nấu 1 nồi cháo đầy, có duyên sự nên tạm đi vắng, tôi vì quá đói nên đưa đầu vào trong nồi cháo mà ăn, khi đã được no, kéo đầu không ra khỏi, có người lại thấy vậy, tức giận nổi lên bèn nắm dao sắc bén mà chặt đứt đầu tôi. Tôi tự nhớ nghĩ 500 đời chịu làm thân chó, tuy gặp được 2 lần no đủ mà lại bị mất thân mạng, cho nên suy tư sinh tử dài lâu xoay chuyển trong năm đường không nơi nào chẳng nhận chịu khổ. Nên nay tôi chẳng sợ lao nhọc, đâu chối từ vì chư Tăng mà đốt lửa vậy!"

2. Thánh giả Xà-dạ-đa ở Tây Vức thấy quỷ và quả than khổ tử dài lâu (rút từ Phú Pháp truyện).

Xưa kia, có vị Thánh giả hoằng truyền giáo pháp tên là Xà-dạ-đa dẫn các đệ tử vào thành, vừa đến nơi cửa bỗng nhiên buồn thảm không vui. Sau đó lại đi tiếp, trên đường thấy 1 con chim quả, bỗng nhiên Thánh giả mỉm cười. Các đệ tử lấy làm quái lạ, hỏi Thánh giả nhân đó mà trả lời rằng: "Mới đầu nơi dưới cửa thành, thấy con Quỷ đói khát, nó quá đói khốn cùng suy yếu, từ nói rằng: "Từ khi mẹ tôi sinh tôi trở lại nay, đi vào thành tìm kiếm thức ăn, từ khi cách biệt đến nay đã trải qua 500 năm, Tôi đói khát trong lòng trống rỗng khốn cùng, mạng sống chắc chẳng được kéo dài lâu". Đến khi gặp thấy Quỉ mẹ, tôi nói lại ý của Quỷ con, Quỷ mẹ nói rằng: "Tôi từ giả nó vào thành trải qua thời gian lâu dài tìm kiếm thức ăn không có được, giả sử như có được chút ít đàm giải thì bị các Quỷ lớn mạnh cướp đoạt mất. Mới ngày hôm nay, vừa gặp 1 người khạc nhổ, bên cạnh không có Quỷ nào khác, Tôi muốn đem về cho con, nhưng nơi dưới cửa thành có lắm Quỷ thần, sợ bị cướp đoạt mất nên không dám đem ra. Nguyện xin Tôn giả rủ lòng từ bi dẫn cho tôi ra cửa thành". Sau khi Quỷ mẹ mang các thứ đàm giải cho Quỷ con cùng ăn rồi, Tôi lại hỏi rằng: "Từ lúc mới sinh trở lại, thời gian trải

qua đã bao lâu?” Quỷ mẹ đáp rằng: “Tôi thấy thành này đã 7 lần xây dựng và 7 lần hư hoại!” Tôi nghe lời nói ấy vô cùng khiếp sợ sinh tử thật không ngằn mé nên nhăn mày sụ mặt buồn thảm chẳng vui. Lại ở trong thời quá khứ đã qua 91 kiếp. Lúc bấy giờ, Tôi làm con của 1 vị Trưởng giả, chí nguyện tôi nhàm chán thế tục muốn được xuất gia. Nếu như tôi được xuất gia thì hẳn đã dứt đoạn các kết sử thành A-la-hán, chỉ vì song thân tôi chẳng chấp thuận theo chí nguyện tôi, cưỡng ép tôi lấy vợ mong cầu có con cái để nối dõi tông đường. Thế rồi, không được thoát khỏi, tôi lấy vợ sinh con. Sau đó, tôi lại mong cầu xuất gia, khi ấy con tôi vừa 6 tuổi. Song thân tôi dạy bảo con tôi rằng: “Cha của con muốn giả từ ông bà mà xuất gia, con nên ôm lấy chân cha con mà nói: “Nếu cha bỏ con mà đi thì ai sẽ nuôi sống con, nên trước tiên cha hãy giết chết con sau đó rồi đi!”. Tôi thấy con ôm chầm lấy chân và nói thế, bèn sinh luyến ái, nên bảo cùng con rằng: “Cha nay vì con mà không xuất gia nữa!” Do vì đứa con nên chẳng chứng Đạo quả. Qua 91 kiếp lưu chuyển trong 5 đường, vì thân sinh tử nên chưa từng cùng gặp đứa con ấy. Nay dùng Đạo nhãn thấy nó sinh trong loài chim quạ, xót thương cho con trẻ ngu muội, do đó nên cười vậy!”.

3. Thánh giả Bích Chi Phật Ly Việt ở Tây Vức từng phỉ báng người, trộm cướp trâu nên bị quả báo.

Xưa kia, tại phía Tây thành của nước Nguyệt Thị (Chi) có 1 núi lớn, đó là chỗ ở của Thánh giả Ly Việt. Mảnh thượng cách đó không xa, có 1 người mất trâu, tìm đến nơi núi ấy, khi ấy gặp lúc Thánh giả đang đốt lửa xông y phục, bởi do nghiệp lực xưa trước nên bình bát bỗng nhiên biến thành đầu trâu, pháp y biến thành da trâu, nước nhuộm y biến thành máu huyết, cặn bả nước nhuộm biến thành thịt trâu và củi đốt biến thành cốt xương trâu, vết tích chứng cứ đã rõ ràng như thế nên Thánh giả bị người chủ mất trâu bắt đưa giam vào trong tù ngục, các đệ tử tìm kiếm chẳng biết Thánh giả ở đâu từ đó dần dà trải qua 12 năm, sau gặp nhân duyên mới biết là Thánh giả đang ở trong ngục, các đệ tử bèn đến tấu trình vua rằng: “Thầy của chúng tôi đang bị giam ở trong tù ngục, xin vua nên ân xá phóng thích!” vua hỏi vị cai quản ngục có vị Tăng nào chăng? Vị cai ngục đáp “không có vị Tăng nào cả!” Các đệ tử thưa cùng vua rằng: “Xin vua kêu gọi vị Sa-môn trong ngục ra thì Thầy tôi sẽ ra vậy” vị cai ngục tìm kêu gọi: “Bích Chi Phật hãy ra”. Vì Thánh giả ở trong ngục thời gian đã lâu dài, nên tóc ra dài, pháp y hư hoại, hình tướng Sa-môn đều biến mất. Các đệ tử liền đảnh lễ mà hỏi rằng:

"Cớ sao Thầy bị giam ở trong này?" Khi đó Thánh giả đem sự việc trên mà trả lời. Các đệ tử lại hỏi: "Do đời trước thầy tạo nhân gì mà nay phải bị như thế?" Thánh giả đáp rằng: "Trong đời quá khứ tôi phỉ báng người và trộm cướp trâu, nên nay khiến bị như vậy!".

4. Sa-môn Thích Tuệ Đạt ở thời nhà Tần chết đoạ vào địa ngục, và đời trước phạm giới (Rút từ Minh Tường ký v.v...)

Sa-môn Thích Tuệ Đạt vốn dòng họ Lưu, tên là Tát Hà, người xứ Ly Thạch, Hà Tây. Lúc đang còn tại gia, được sinh trưởng nơi quân lính nên chẳng nghe Phật pháp, rất mến chuộng võ khí, khéo giỏi về săn bắn. Năm 31 tuổi, bỗng nhiên mắc bệnh dữ mà chết, thân thể còn nóng ấm mềm mại nên người nhà chưa dám tẩn liệm an táng, qua 7 ngày sau, sống lại kể rằng:

"Lúc vừa chết bị 2 người trói buộc lấy dẫn đi, theo hướng Tây Bắc mà đi, đường đi chuyển dần lên cao, vừa đến được nơi đường hơi rộng bằng phẳng, 2 bên trồng những hàng cây, thấy 1 người cầm nắm cung tên đeo mang kiếm ngay giữa ngã tư mà đứng chỉ bảo 2 người dẫn tôi đến hướng Tây. Ở đó, tôi thấy phòng nhà lắm nhiều, bỗng chốc thấy có 2 vị Sa-môn hỏi tôi rằng: "Ngươi biết ta chăng?" Tôi đáp: "Không biết". 2 vị Sa-môn ấy bảo: "Nay ngươi nên quy mạng Đức Phật Thích-ca văn". Tôi nghe lời ấy rồi bèn phát nguyện. Nhân đó, theo 2 vị Sa-môn cùng đi, xa thấy 1 thành, tướng trạng như thành Trường An nhưng sắc màu rất đen tối, bởi đó là thành sắt vậy. Thấy người thân hình rất dài lớn, da dẻ như sơn, đầu tóc dài tới đất. Vị Sa-môn bảo: "Đó là Quỷ trong ngục ấy vậy". Tại xứ đó rất lạnh, có băng như đá bay tan, dính vào đầu người thì đầu người đứt mất, dính vào cẳng chân người thì cẳng chân người đứt mất, dính vào cánh tay người thì cánh tay người đứt mất. 2 vị Sa-môn ấy bảo: "Đây là địa ngục Hàn băng vậy". Trong tâm tôi lúc ấy tức khắc nhớ biết về túc mạng. Biết 2 vị Sa-môn ấy xưa kia ở thời Đức Phật Duy Vệ đều là thầy của tôi. Lúc ấy tôi được xuất gia làm Sa-môn, vì phạm tội thế tục nên không được thọ giới, tuy ở đời có Phật xuất hiện mà Tôi trọn không được thấy! Từ đó trở lại nay, 2 lần được tái sinh trong loài người; 1 lần sinh trong giống rợ khương và nay được sinh trong đất nhà Tấn. Tiếp đến, lại thấy địa ngục núi Đao, lần lượt trải qua trông xem nhìn thấy lắm nhiều, mỗi mỗi ngục khác thành chẳng cùng xen tạp, số người trong đó rất nhiều không thể tính kể, bày đọc khoa pháp lược như kinh diễn tả cùng phù hợp.

Bỗng chốc có ánh sáng sắc màu vàng ròng soi chiếu rực rỡ, có

một người thân cao 2 trượng, tướng hảo trang nghiêm xinh đẹp, khắp thân thể toàn là vàng ròng, mọi người chung quanh bảo rằng: "Đại sĩ Quán Thế Âm!" Và đều đứng dậy đảnh lễ nghinh tiếp. Có 2 vị Sa-môn hình chất đồng loại đều đi ở 2 phía Đông Tây. Tôi đảnh lễ xong, Bồ-tát đều vì mọi người mà giảng pháp, phát ra hơn ngàn lời, rồi lại bảo tôi rằng: "Đáng lẽ ngươi phải trải qua nhiều kiếp chịu đủ mọi thứ tội báo, vì từng được nghe kinh pháp mà sinh tâm hoan hỷ, nay sẽ bị nhận chịu tội báo nhẹ qua 1 phen bèn khỏi. Ngươi được cứu sống lại, nên xuất gia làm Sa-môn". Khi đó lại gặp thấy 1 người hỏi tôi rằng: "Lúc ở tại Tương Dương cớ sao ngươi cố giết hại nai?" Tôi quỳ đáp rằng: "Người khác giết nai, tôi chỉ rập theo, lại chẳng dám ăn thịt, bởi duyên gì mà phải chịu tội báo". Khi đó, Tôi liền thấy ở tại Tương Dương nơi chỗ bắn giết nai, cỏ cây rừng chầm uyển nhiên như tại trước mắt. Với ngựa sắc đen tôi cưỡi đều mở lời nói được và đồng làm chứng rõ ràng ngày tháng năm giết nai. Tôi liền khiếp sợ không dám mở lời. Phút chốc có người nắm cầm chỉa đâm chích ném tôi vào trong vạc sôi, Tôi tự cảm thấy khắp thân mình đều tan vỡ nát bấy, có gió nhẹ thổi lại, dạt tấp bên bờ sông nước, bỗng chốc cảm thấy hoàn phục lại toàn thân hình. Người ấy lại hỏi rằng: "Ngươi lại còn bắn chim trỉ, giết chim nhạn". Nói xong, liền nắm chỉa đâm vào thân mình tôi và ném vào trong vạc sôi và cũng tiêu rã như trước. Nhận chịu tội báo ấy xong. Mới sai bảo tôi đi. Đi vào trong 1 thành lớn, có người ở đó nói cùng tôi rằng: "Ngươi đã nhận chịu tội báo nhẹ, nên nay được sống lại. Do phước lực nâng đỡ, từ nay trở về sau không nên tạo tội ác nữa!" Và liền sai bảo người đưa tôi đi. Xa thấy thân hình cũ, tôi chẳng muốn trở lại, người đưa tôi đi bèn đẩy dẫn, lâu sau mới gá vào thân hình mà được sống lại..."

Từ đó, Ngài kính phụng Phật pháp rất tinh cần, bèn liền xuất gia, về sau tỏ ngộ thiền pháp, khéo giỏi hoằng hóa. Riêng có truyện ký.

5. Sa-môn Thích Đạo Quang ở thời tiền Đường nhiều đời cầu độ xuất gia chẳng được Quan danh. (Rút từ Tân Lục).

Sa-môn Thích Đạo Quang, Ngài người xứ Tinh Châu, vốn dòng họ Trương, gia phong tỉnh thối, thẹn ở Danh quan. Từ tuổi bé thơ, Ngài lánh xa thế tục, sớm biết trai giới. Năm 10 tuổi, Ngài giả từ thân thích, rảo bước khắp nơi cầu hỏi Đạo. Nhân đó, tự xuống tóc phiêu bạc đến ngụ ở Quang Trung, sau, Ngài phụng thờ Luật sư Đạo Tuyên, hành giải rất hiển trước, xoay chuyển chí thành tư duy, sớm tối thưa hỏi tiếp thừa, rất mực hiếu dưỡng ôn thanh, xa hẳn đồng bạn. Ngài Đạo Tuyên vì tình

lễ cùng đến ấy mà càng thêm sự dạy răn. Ngài tinh chuyên tập học qua vài năm, bèn thành hồng khí.

Đến lúc vua Cao tông (Lý Trị) lên ngôi, trong khoảng niên hiệu Vĩnh Huy (650-656) thời tiền Đường, vua rất lưu tâm để ý đến Phật giáo, từng có dịp ban sắc độ người xuất gia, nhưng Ngài thường trái duyên chẳng được dự tham, trong lòng hổ thẹn hận trách, thường ôm hoài tấm tức. Đến trong khoảng niên hiệu Lâu Đức (664-666) thời tiền Đường, ngài Đạo Tuyên do nhờ Giới Đức, bỗng cảm có thiên thần qua lại, nhiều ngày cùng đàm với danh lý, từ vài Đức Phật ở đời quá khứ trở lại, mỗi lúc và nơi chốn đi ngồi, không gì chẳng rõ biết. Ngài Đạo Tuyên nhân hỏi về kinh luật khai già, nguyên do các Thánh tích, mới trước thuật 1 bộ "Thông Ký" 10 quyển. Lại nhân những lúc rảnh rỗi thong dong, mới hỏi cùng thiên thần rằng: "Đạo Tuyên tôi có đệ tử là Đạo Quang là người hiếu ái chí thuần, không biết bởi nghiệp gì mà bị như thế?" Thiên Thần nói: "Đạo Quang cùng Luật sư đã từng làm cha con môn đồ hơn 300 kiếp, ân quen thân lâu dài nên đến nỗi như vậy. Ngặt vì quả báo dư thừa và các duyên khác đến nay vẫn con chưa hết". Ngài Đạo Tuyên lại hỏi: "Đạo Quang đã từng cầu được độ xuất gia thọ giới mà trọn chẳng toại tâm nguyện. Ấy là bởi nghiệp gì mà nên vậy?" Thiên thần đáp: "Xưa kia vào thời Đức Phật Tỳ-bà-thi, Đạo Quang lúc đó từng làm vị chủ chùa, có 1 Tăng giới hạnh phần nhiều bị khiếm khuyết, chủ chùa tức giận bèn bảo hoàn tục. Do duyên nghiệp ấy nên đời đời Đạo Quang vào Đạo chẳng được Quan danh, nghiệp dư thừa ấy ương lụy đến nay vẫn còn chưa hết". Sau khi ngài Đạo Tuyên thị tịch, ngài Đạo Quang bèn chọn mộc Đông tây, nhân đó đến dừng ở tại Hà Bắc.

Đến năm Chí Nguyên thứ 2 (675) thời tiền Đường vua Cao Tông vì hiếu kính đối với vua Thái Tông (Lý Thế Dân 627-650) mà tu sửa lại chùa Bạch Mã, chủ chùa lúc ấy là Sa-môn Sùng Nghĩa sưu tìm khắp cùng, nhân vì tiếng tăm Ngài (Đạo Quang) đã ngời sáng từ trước, bèn ứng với sự tuyển chọn tốt lành ấy, nên tấu trình tên vào nội. Ngài cảm mắc bệnh, vua bèn ban sắc đưa đến Ngụy Châu, thì thân Ngài đã qua đời, nghiệm xét lời nói của Thiên thần thật đáng tin vậy.

Có Thiền sư Bảo Lượng là người đã từng cùng Ngài vân du vài năm, từng tiếp nhận mọi sự nói nín của Ngài ghi nhớ ở cõi lòng. Đến khi nghe Ngài tiếng tăm vang vọng thì thân đã mất. Mới biết nghiệp mạng ấy như vậy. Thiền sư Bảo Lượng bày tỏ với tôi (Hoài Tín) đầy đủ như thế đó!.

II. GHI VỀ BẬC NGHỊCH XIỂN ĐỀ.

1. Sa-môn Thích Đạo Chí ở chùa Đa Bảo tại Tống Bắc trộm lấy châu ngọc tướng tốt nên chịu khổ (Phụ Cô Ni Trí Thông).

Sa-môn Thích Đạo Chí, chưa rõ người xứ nào, xuất gia từ thuở thiếu thời, ở chùa Đa Bảo tại Bắc Tống, từng giữ chức trong coi điện tháp. Nhân lúc thuyết tối trộm lấy các vật màng trướng, lọng v.v... Sau bèn trộm lấy châu ngọc tướng tốt nơi giữa chặn mày tôn tượng, thế rồi đục thủng vách tường như người ngoài vào lấy trộm, nên chúng Tăng không thể phát hiện được. Hơn 10 ngày sau, Đạo Chí mắc bệnh bèn thấy có người khác lạ cầm nắm qua màu đến đâm chém, khi lại khi đi, Đạo Chí kinh sợ kêu vang, theo tiếng mà trào máu huyết. Mới đầu còn trong 1 ngày 2 lần như thế, về sau càng lắm đâm chém nhiều lần, thương đau lở loét khắp thân thể, rên rỉ không ngưng dứt. Chư Tăng trong chùa ấy rất nghi là có tội, muốn vì sám hối thay, mới hỏi, nhưng Đạo Chí vẫn kiên dè chẳng chịu nói. Đến trước lúc sắp chết vài ba ngày, Đạo Chí mới tự tỏ bày đầy đủ, khóc lệ thỉnh cầu, nói rằng: "Tôi vì ngu bột mê mờ Đạo, cho là không có sự đồ thán, phóng ý tạo tội, nay rước lấy ương khốc này, đang sống thì nhận chịu tra khảo, đến lúc chết thì bị dao chém vạc sôi, thân đã nát nhừ, chỉ xin rủ lòng thương xót, riêng không có vật gì khác, chỉ có y phục chăn màn giày dép hoặc có thể sung đủ 1 hội. Và cần cầu thỉnh mọi người xưa cũ vì tôi mà sám hối. Ngày trước tôi trộm lấy 2 viên châu ngọc tướng tốt nơi tôn tượng, trong đó 1 viên đã thuộc về người mẹ không thể lấy lại được, còn 1 viên cầm đỡ tiền tại nhà trần chiếu, nay có thể vì tôi mà chuộc lấy lại". Nói xong Đạo Chí bèn qua đời. Khi đã chuộc lại được viên châu ngọc tướng tốt, và thiết lập trai hội sám hối. Mới đầu, người thợ gắn đặt viên châu ngọc lại mà cứ xoay chuyển loanh quanh trọn chẳng vừa hợp. Chư Tăng lại vì đốt hương lễ bái, mới gắn đặt được. Hơn một năm sau, các bạn đồng học đang lúc đêm tối, nghe giữa không trung có tiếng nói năng, lắng nghe kỹ đó là tiếng của Đạo Chí, nói rằng: "Từ khi mới chết đến nay phải chịu lắm sự thống khổ độc địa, mới trải qua nhiều năm kiếp chưa có kỳ hạn được ra, may nhờ chúng Tăng xót thương cứu hộ chuộc lại châu ngọc tướng tốt, nên ở trong lúc khổ khốc có được thời gian tạm ngưng nghỉ. Cảm ân đức quên mình ấy, nên tạm đến tỏ bày cùng cảm tạ!" Chỉ nói lời ấy mà thôi, và mọi người đã nghe lời ấy, khi ấy có mùi tanh nồng hôi thối không thể tả nói. Nói xong mới hôi hết. Lúc đó là khoảng cuối niên hiệu Thái Thỉ (465-472) thời tiền Tống vậy.

Cô Ni Trí Thông xuất gia từ thuở thiếu thời ở chùa giản tỉnh tại

kinh đô, tin Đạo chưa thuần. Đến năm nguyên gia thứ 9 (432) thời tiền Tống, bổn Sư thị tịch, Trí Thông bèn bỏ Đạo lấy chồng, làm vợ của Lương Tê Phủ ở Ngụy quận sinh được 1 đứa con trai, khi đứa con ấy lớn khoảng 6, 7 tuổi, trong nhà rất nghèo khốn không biết lấy gì để làm áo mặc, lúc Trí Thông đang là Cô Ni có vài cuộn lụa ghi tả các kinh Vô Lượng Nghĩa, Pháp Hoa v.v... Trí Thông bèn lấy luyện đàm đó để làm áo cho con mặc. Qua sau 1 năm đứa con trai ấy mắc bệnh hoảng hốt kinh sợ, khắp thân mình lở loét tướng trạng như vết bỏng lửa, có những trùng nhỏ sắc trắng ban ngày tràn ra ngoài, đau nhức thảm thiết phiền độc ngày đêm gào khóc. Bỗng nghe giữ không trung có tiếng bảo rằng: "Phá hoại kinh làm áo mặc nên bị quả báo lắm như thế". Hơn 10 ngày sau thì đứa con ấy qua đời.

2. Yến Thông trộm lấy tiền sĩ nhục tôn tượng hiện thân cảm lấy bệnh hủi và bị đất vùi lấp. (Rút từ Quang Trung Phong Tục truyện ký).

Yến Thông không biết là người xứ nào, tuy dự vào hàng Đạo môn, mà chí lắm ngu đần, cậy gá việc công đức để mưu cầu việc nhuận, từng chủ đúc 1 tôn tượng lớn bằng đồng, Quang hu thị vệ thảy đều khuyết đó, các thứ tài thí có được liền tự thâu vào mà gọi là tôn tượng vì xuất thế cho đứa ở vậy. Về sau, trải qua thời gian lâu mà một mảnh cũng không có, Yến Thông bèn nắm gậy xỉ vào tôn tượng mà bảo rằng: "Đứa ở cớ sao không xuất thế?" Và sắp muốn đánh tác vào tượng, trong lúc chưa gian tay, bỗng thấy 1 người thân tướng cao lớn 2 trượng, có đủ Qua giáp, trong ánh mắt tức giận đi thẳng đến quát rằng: "Kia vô lại thụ tử sao nhẫn đối trước tôn tượng Phật mà như thế ư?" Bèn kéo cổ lìa khỏi đất khoảng vài thước, dùng roi sắt mà đánh đó, khắp thân mình từ đầu đến chân đều tuôn đổ máu. Yến Thông rên rỉ kêu than cầu cứu, tiếng nghe vang xa ngoài cả dặm. Các hàng Đạo tục trông thấy không ai chẳng lạnh lòng. Sau hơn 10 ngày dưới các vết thương bị đánh roi lại sinh ra vết lở lớn như trái đào trái hạnh, máu mủ chảy tràn, khắp mình mẩy biến thành sắc đỏ tứng trạng như lửa đốt, cách khoảng vài bước mà hơi nóng tỏa đến cùng. Yến Thông chỉ sớm tối kêu gào lăn lóc trên máu mủ. Qua hơn trăm ngày ngay tại trong phòng, đất sụp lở sau vài thước, và Yến Thông chết ở dưới đó vậy.

3. Tư Lễ chẻ tượng trộm lụa quyến bị thần đè đánh, thời tiền Đường.

Tư Lễ, chưa rõ là thuộc dòng họ nào, người xứ Lam Điền, Ung

Châu. Lập tánh ngu tiện, chí quy cẩu lợi. Tuy dự phần xuất gia mà chưa đượm nhuần chân hóa.

Trong khoảng niên hiệu Hàm Hanh (670-674) thời tiền Đường, Tư Lễ đến Kiết Hạ an cư ở chùa Ngộ Chân tại Lam cốc. Bấy giờ chúng Tăng có khoảng vài mươi vị phần nhiều đều là tinh luyện, Tư Lễ mạo trộm hình dáng lạm thổi thường ôm hoài không khuôn phép, mới vào trong chánh điện trộm lấy lụa quyên trong tôn tượng Phật. Vài ngày sau, chư Tăng phát hiện được nhưng chẳng biết ai trộm cắp, bèn xúm xít cùng nhau suy hỏi vặn, mọi người ôm hoài nghi hoặc. Những vị hổ thẹn phần nhiều mỗi tự muốn mau tan. Khi đó, Thượng tọa pháp tạng đối trước chúng Tăng mà nói rằng: "Từng nghe tại chùa này linh tích lắm nhiều, nay đã có người chẻ phá tôn tượng, Thần hộ trì già lam đâu nên im lặng vậy? Nội trong 3 ngày, xin nên chỉ bày rõ ràng việc ấy để khiến chúng tăng được an ổn!" nói xong mỗi người tự trở về phòng mình ở. Tư Lễ ở nơi phòng dưới lầu chuông, đang nằm ngủ ngày, bỗng thấy Đại thần Bạch y đến vây hãm Tư Lễ vào giữa khoảng giường nằm và vách tường, duỗi đầu xuống đất, dùng đá đè chằn lên. Đến sáng sớm hôm sau, chư Tăng trong chùa đã không thấy Tư Lễ, bèn đến phòng hỏi tìm, phòng ấy bít đóng bền chặt mở không thể được, lại trải qua 1 đêm nữa, chư Tăng càng nghi ngờ quái lạ rất lắm bèn đục lỗ hổng nơi cánh cửa, nhìn vào thấy Tư Lễ nằm nơi giường, các tấm lụa quyên trong tôn tượng chất chồng nhiều lớp trên thân mình Tư Lễ. Chư Tăng bèn cùng nhau kéo dẫn ra ngoài cửa, thấy sắc mặt Tư Lễ như sơn phết, hơi thở chẳng thông. Chư Tăng v.v... mới vì đó mà sám hối, lâu sau, Tư Lễ mới hơi tỉnh sống lại tự rõ bày tội ác của mình, đến đêm tối Tư Lễ bèn bỏ trốn đi, không biết về sau như thế nào.

III. GHI VỀ KHINH HỦY KINH GIÁO.

1. Luận Sư Vô Cấu Hữu ở Tây Vức phỉ báng Đại thừa, 5 chiếc lưỡi đồng mọc dài 1 lần. (Rút từ Tây Vức truyện, phụ Sa-môn người nước Vu điền).

Xưa kia tại Tây Vức có vị Luận sư tên là Tỳ-mạt-la-mật-đa, Trung Hoa dịch là Vô Cấu Hữu, người nước Ca-thấp-di-la, xuất gia theo Nhất Thiết Hữu Bộ. Rộng thông kinh giáo Tiểu thừa, vang danh khắp 5 xứ Ấn Độ. Trên đường sắp trở về bản quốc, lần lượt đến nơi tháp của Luận sư Chúng hiền, vỗ về mà than rằng: "Chỉ Luận sư là người nhã lượng thanh cao, khéo giỏi đè nén hay nâng bốc Đại nghĩa, mới muốn khuất nhục Dị bộ, lập nghiệp Bản tông. Cớ sao giáng năm chưa trọn? Tôi là

Vô Cấu Hữu Kê bèn tiếp thừa học cuối. Lúc khúc Chiêu mộ nghĩa mở rộng thay thế ôm hoài Chí Đức. Thế thân tuy đã chết mất nhưng tông học còn hoằng truyền nơi đời. Với tất cả khả năng nhận biết của tôi, Tôi sẽ chế tác các Bộ luận, khiến các người học v.v... ở Thiệm Bộ châu nương theo, dứt tuyệt danh xưng Đại thừa, diệt mất tên gọi Thế Nhân". Nói lời ấy rồi, trong tâm Vô Cấu Hữu phát nên cuồng loạn, 5 chiếc lưỡi đồng một lúc mọc dài ra. Máu huyết nóng tuôn trào. Biết thân mạng hẳn chết mất, Vô Cấu Hữu mới ghi thư sám hối rằng: "Đại thừa giáo là thuyết cứu cánh trong Phật pháp, danh vị sâu tuyệt, lý giáo cao mầu. Vì ngu muội nên tôi khinh thường chê bai các bậc đi trước, báo ứng rõ ràng diệt mất thân mạng nên vậy. Xin báo cùng tất cả những người cầu học quyết phải soi xét ngay đây, mỗi tự thân trọn giữ gìn chí ý, chớ hoài nghi hoặc vậy!" Liền đó, trái đất rung chuyển, Vô Cấu Hữu bèn qua đời. Ngay chỗ chết ất đất vùi hỏm sâu thành hố. Bấy giờ có vị A-la-hán chỉ một lần trông thấy nơi Vô Cấu Hữu qua đời mà than rằng: "Tiếc thay! Khổ thay! Nay Luận sư này mặc tình chấp kiến, hủy ác Đại thừa, bị đọa vào địa ngục vô gián vậy!"

Lại nữa, tại nước Vu Điền có vị Sa-môn tên là Bạt-chiếc-tư-la-na, Trung Hoa dịch nghĩa là Kim cang quân, chuyên thọ trì thọ trì giáo pháp Tiểu thừa học luận Câu Xá, chẳng tin giáo nghĩa Đại thừa, thường luôn đấu tranh phỉ báng, 2 mắt nhân đó mà mờ tối, trải qua hơn 10 năm mù tối không thấy gì. Về sau nghe được Sa-môn Sư Tử Hữu răn bảo, vẫn chưa tin hẳn ngài Sư Tử Hữu mới răn bảo trì tụng Quán Âm tâm chú, liền đó 2 mắt được tỏ sáng. Nhân vậy mà xoay chuyển quy hướng kính tin Đại thừa, bỏ học Tiểu thừa vậy.

2. Thích Tuệ Nghiêm, ở chùa Đông An tại kinh đô thời nhà Tống được Thần răn bảo. (Phụ; Sa-môn Tăng Tung, Sa-môn Tăng Uyên).

Thích Tuệ Nghiêm, ngài dòng họ Phạm, người xứ Dự Châu, là bậc Lý thức thanh bác, các hàng học giả thảy tôn sùng. Bấy giờ Đại Niết Bàn kinh mới lưu truyền đến đất (tiền) Tống, văn ngôn rất mực tốt lành mà phẩm số còn đơn giản sơ sài, nên hàng hậu học khó toan liệu ghi nhớ, Tuệ Nghiêm mới cùng Sa-môn Tuệ Quán, Tạ Linh Vận v.v... y theo bản Nê Hoàn mà thêm vào đó phẩm mục, như văn từ hoặc có vượt quá thật chất cũng lại sửa chữa đó, sang định 40 quyển làm thành 36 quyển. Mới đầu, vừa chỉ có lưu hành vài bản, nhân lúc nằm ngủ, Tuệ Nghiêm bỗng thấy có 1 người thân cao 2 trượng, hình nghi rất kỳ vĩ đến bảo rằng: "Với Tôn kinh Niết bàn cớ sao khinh thường mà thêm sứ

châm chước?" Khi đã tỉnh giấc, Tuệ Nghiêm lo sợ không vui, lại thấy người hôm qua, tướng trạng như tỏ vẻ tức giận đến bảo rằng: "Nếu cố chấp giữ mưu đồ sau này sẽ khiến ông biết đó". Tuệ Nghiêm kinh hãi mất tiếng, mới nhóm tập chư Tăng thâu rút lấy các bản lưu hành trước, tuy được mà cấm đó. Có những vị thức giả can gián rằng: "Đó là bởi muốn răn khuyên những người về sau vậy. Nếu hẳn không thích ứng sao có thể dung thứ đến nay đây mới báo mộng ư?" Tuệ Nghiêm tuy đồng ý như thế trong tâm vẫn kinh sợ vậy.

Lại nữa, trong khoảng niên hiệu Thái Thỉ (465-472) thời tiền Tống có Sa-môn Tăng Tung ở chùa Trung Hưng là bậc thông rành về số luận. Đến lúc tuổi già chấp trước hẹp hòi, cho rằng: "Phật không nên thường trú". Đến ngày qua đời, chiếc lưỡi thối rữa trước.

Lại nữa, trong nhà Lương, tại Bành Thành có Sa-môn Tăng Uyên phỉ báng kinh Niết Bàn, bỗng chốc chiếc lưỡi liền bị tiêu tan.

3. Sa-môn Thích Tăng Phạm ở chùa Đại Giác tại Nghiệp Hạ, thời nhà Tề, lúc Bồ-tát thấy Thần răn trách dựng lập nghĩa.

Thích Tăng Phạm, Ngài dòng họ Lý, người xứ Bình hương. Năm 29 tuổi mới xuất gia, học hạnh đều ưu tú, rất được mọi người thời bấy giờ mến chuộng, Ngài thường giảng kinh Pháp Hoa, liền có 1 vị Tăng khinh hủy rằng: "Hết Cao, giải chỗ nào?" Liền đó thấy có 1 vị thần đặc kỳ riêng đánh roi, vị Tăng ấy chất mà được sống lại.

Lại môt lần nọ, Ngài đến chùa khác nghỉ lại qua đêm, gặp ngày Bồ-tát, có vị Tăng lên tòa sắp muốn dựng lập nghĩa, mới nói rằng: "Dựng lập nghĩa luận bàn pháp tướng sâu hợp với Thánh ngôn, sao nhọc phái thuyết giới, chư Tăng há chẳng thường nghe vậy?" Bỗng thấy có 1 vị Thần thân hình cao lớn hơn trượng, tướng mạo rất oai hùng đi đến trước tòa, hỏi vị Tăng dựng lập nghĩa ấy rằng: "Nay là ngày gì?" Vị Tăng ấy đáp: "Nay là ngày Bồ-tát". Vị thần liền đưa tay vắt lấy kéo vị Tăng ấy xuống khỏi tòa nhanh chóng như rủ chết. Tiến đến Thần lại vắt kéo trên tòa đồng như trước. Từ đó đến lúc thị tịch, Ngài (Tăng Phạm) trọn không dám "gởi Dục", cho đến những lúc mắc bệnh rất lắm cũng bảo khiêng đến trong chúng Tăng. Do vì kính trọng ngày thuyết giới ấy vui thấy được pháp thân vậy.

4. Sa-môn Thích Tăng Vân ở chùa Bảo Minh tại Nghiệp Hạ, thời nhà Tề bỏ Bồ-tát bị thần hại.

Sa-môn Thích Tăng Vân, không rõ ngài là người xứ nào, rất thông

minh tài biện, từ lệnh đủ đầy, rành rỏi cả giáo nghĩa Đại thừa lẫn Tiểu thừa, Ngài mang đội Tăng luân ở chùa Bảo Minh. Khi ấy, vào ngày 15 tháng 4, sắp đến lúc thuyết giới, chúng Tăng đếu nhóm tập tại Phật đường. Ngài ngồi ở đầu hàng, mới bạch cùng Đại chúng rằng: "Giới bản là phòng phi, mọi người đều đọc tụng được, sao phiền nhọc chúng phải thường luôn ngồi lắng nghe đó? có thể nên dựng lập nml để khiến hàng hậu sinh khai ngộ". Bởi khí độ phong cách của Ngài thời bấy giờ, không ai dám chống lại, nên mỗi mỗi đều theo đó, đến cuối mùa hạ vẫn thường phế bỏ vị Bồ-tát thuyết giới. Đến ngày 15 tháng 7, sắp lên tòa cỏ, bỗng nhiên Ngài mất dạng không biết ở đâu, trong đại chúng vì các hàng tân học tuổi nhỏ chưa thọ giới đều bỏ tự tứ. Đồng một lúc ảo khắp 4 phía để tìm kiếm Ngài, mới đến nơi trong một gò mả xưa cũ cách chùa khoảng 3 dặm tìm thấy Ngài ở đó, khắp thân thể đều tuôn đổ máu như chỗ bị dao cắt hại. Gá hỏi về nguyên do, ngài đáp rằng: "Có 1 người Trượng phu cầm nắm con dao lớn dài 3 thước, tỏ vẻ sân hận hỏi" cớ sao đổi bỏ Bồ-tát, vọng khiến dựng lập nghĩa?" Và dùng dao cắt thái thân hình, thống khổ khó nhẫn chịu". Nhân đó mọi người dìu đỡ Ngài trở về lại chùa. Ngài dốc hết tâm thành sám hối, mới trải qua 10 năm Thuyết giới, Bồ-tát, tụng đọc các kinh, Ngài lấy đó làm hạnh nghiệp thường. Đến ngày thị tịch, có mùi thơm khác lạ đến nghinh đón, thần sắc Ngài vẫn không loạn tạp, an nhiên mà thị tịch.

5. Sa-môn Thích Tuệ Thiếu ở chùa Thần Túc tại Tương Châu thời tiền Đường phỉ báng Tam Luận bị nhổ kéo lưỡi dài ra ba thước. (Phụ: Sa-môn Hiếu Từ, Thần Phưởng và Tín Hạnh).

Sa-môn Thích Tuệ Thiếu, Ngài dòng họ Trang, xuất gia từ thuở thiếu thời, chuyên lấy pháp Tiểu thừa làm thường nghiệp, vang danh khắp xứ Giang Hán. Nhân tượng vương Triết Công giảng về Tam luận, trong tâm Ngài khởi sinh bất nhẫn, cho rằng: "Tam Luận nói rõ về không mà người giảng lại chấp trước không". Nói xong, chiếc lưỡi dài ra 3 thước, mũi mắt và 2 tai đều tuôn trào máu, suốt 7 ngày không nói năng gì được. Có Luật sư Thái nghe thế, bảo Ngài rằng: "Ông là người rất si mê, một lời phỉ báng kinh giáo, tội báo quá hơn ngũ nghịch. Nên kính tin theo Đại thừa mới được miễn khỏi vậy". Mới bảo Ngài sám hối, chiếc lưỡi dần thâu rút vào, bèn khiêng Ngài đến chỗ Thiết công, phát nguyện nghe học Đại thừa. Về sau, Ngài thường giảng các kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, dùng để tỏ bày sám tạ. Ngài từng ở nơi rừng tùng tọa thiền, thấy có 3 người hình sắc đều cao nhã đến thỉnh cầu Ngài cho thọ giới Bồ-tát. Sau

khi thọ giới xong, thưa cùng Ngài rằng: "Thiền sư là bậc Đại lợi căn, nếu chẳng cải đổi tâm tánh tin theo Đại thừa, thì sau khi ngàn Đức Phật đã xuất hiện ở đời, vẫn còn ở nơi địa ngục chưa ra khỏi". Nghe nói lời ấy rồi, lệ trào hoen my, Ngài khóc lớn mà trở về chùa, đến trước phòng của Triết Công lăn lóc nghẹn ngào chẳng thể nói nên lời. Sau đó, Ngài lại khuyên hóa các hàng sĩ tục tu tạo các kinh Hoa Nghiêm, Đại Phẩm, Pháp Hoa, Duy-ma, Tư Ích v.v... mỗi thứ trăm bộ. Đến lúc Ngài thị tịch, cảm động cả rừng cây đều biến thành sắc trắng. Thật đáng xưng gọi là: "Có lỗi quá mà hay cải đổi vậy!"

Lại nữa, có Sa-môn Hiếu Từ ở chùa Từ Môn. Lúc ấy tuổi độ 50, từ thuở nhỏ trở lại, Ngài y theo Thiền sư Tín Hạnh giảng dạy về Tam giai Phật pháp. Ngài chuyên tu khổ hạnh, thường hành khất thực, mỗi ngày 6 thời lễ bái, đắp mặc y phấn tảo. Tùy chỗ đến ở, Ngài thường giảng dạy về Tam giai Phật pháp để khuyên dẫn các hàng mông tục. Và, những lúc giảng dạy Tam giai Phật pháp, Ngài thường bảo: "Không hợp việc tụng đọc các kinh điển Đại thừa. Nếu người nào đọc tụng tức sẽ đọa vào nơi địa ngục A-tỳ ở khắp 10 phương, cần phải gấp nhanh sám hối". Sau đó, có 1 lúc Ngài đến Kỳ Châu giảng dạy về Tam giai Phật pháp. Bấy giờ có 1 vị Ưu-bà-di thọ trì kinh Pháp Hoa, lại khuyên hóa những người có duyên đồng thọ trì kinh Pháp Hoa. Ngài bèn khuyên cá Ưu-bà-di v.v... thọ trì kinh Pháp Hoa ấy rằng: "Các ngươi thọ trì kinh Pháp Hoa chẳng xứng hợp với căn cơ, nên sẽ bị đọa vào địa ngục. Tôi xin khuyên các người nên bỏ sự tụng trì ấy". Bèn có vài vị Ưu-bà-di bỏ sự tụng trì kinh Pháp Hoa, đến nơi trong chúng ở chỗ Ngài để sám hối tội trì tụng kinh Pháp Hoa, vị Ưu-bà-di dẫn đầu khuyên hóa mọi người trì tụng kinh Pháp Hoa ấy trong tâm bất nhẫn, bèn ngay ngày Đại trai hội khi các Thiền sư vì giảng dạy về Tam giai Phật pháp, lúc đó dưới tòa có cả muôn người cùng đến dự, vị Ưu-bà-di ấy đối trong đại chúng, đốt hương lễ bái mà phát nguyện rằng: "Nếu chúng con (...) trì tụng kinh Pháp Hoa không xứng hợp với ý Phật thì nguyện cho chúng con (...) ngay thân này chịu bệnh tật xấu ác, để khiến đại chúng cùng biết trì tụng kinh Pháp Hoa mắc phải tội báo như thế. Lại nguyện ngay thân hiện sống này bị vùi lấp vào thẳng chốn địa ngục, khiến cho đại chúng đồng trông thấy. Trái lại, như chúng con (...) thọ trì kinh Pháp Hoa xưng thuận với ý Phật, thì các Thiền sư đây cũng bị như thế". Ngay lúc vị Ưu-bà-di ấy phát nguyện như thế. Thiền sư (Hiếu từ) thì thần đánh, mất cả âm tiếng không thể nói năng, vị xướng tập lục trên tòa cao ở phía Tây cũng bi mất âm tiếng không thể nói năng, lại có 5 lão Thiền sư khác

cũng bị mất âm tiếng không thể nói năng. Và số người trước đó bỏ sự trì tụng kinh Pháp Hoa, nhân đó bèn phát tâm trì tụng kinh Pháp Hoa, lại càng sinh tâm ân trọng.

Lại nữa, ở chùa Từ Bi có Sa-môn Thần Phưởng, từ thuở bé nhỏ trở lại từng theo nghe học kinh Thập luân, tinh cần khổ hạnh, đặc biệt khác lạ người thường, đấp mặc y phấn tảo, mỗi ngày 6 thời lễ bái, chuyên hành khất thực. Mỗi lúc giảng kinh Thập luân, thường nói: "Chúng sinh không hợp đọc tụng kinh điển Đại thừa. Nếu người nào đọc tụng hẳn sẽ đọa vào địa ngục". Cuối cùng đến lúc mạng chung, với thân đang hiện sống này bị lửa địa ngục thiêu đốt, bên cạnh thân có hơi khói sắc đen. Khi ấy Sa-môn Tư Giản ở chùa Tế Pháp thân gần trông thấy sự việc ấy, nên tin biết bỏ học Bát Nhã hẳn có ác chứng hiện thân lập nghiệm vậy.

Thứ nữa, ở chùa Phước Tiên tại Thần Đô có Sa-môn (...) trong một lúc bỗng nhiên mạng chung, thần thức theo trong nghiệp Đạo thấy Thiền sư Tín hạnh làm thân rắn lớn khắp thân thể đều có những lỗ miệng. Lại thấy những người thọ học về Tam giai Phật pháp sau khi chết đều vào trong lỗ miệng thân rắn ấy, chẳng biết đi đâu. Vì Sa-môn (...) ấy sau khi đã sống lại, nhân sự cố ấy nên đến kinh đô báo cùng Thiền sư Tăng Tỉnh. Thiền sư Tăng Tỉnh không tin, bèn liền bỏ trở về Thần đô.

IV. GHI VỀ GHEN HIỀN GHÉT HÓA.

1. Sa-môn Đạo Tú ở Tương Châu thời nhà Tề biến làm thành thân rắn.

Sa-môn Thích Đạo Tú xuất gia từ thuở thiếu thời, chuyên tinh tập học, mọi người đều tôn xưng là bậc thần tuấn. Học chúng nhàn tụ đông đúc, nên Đạo Tú trở thành bậc tôn tượng ở đương thời. Có bạn đồng học của Đạo Tú là Sa-môn Tuệ Ý, tuy tuổi nhỏ hơn vài năm mà sức tỏ ngộ siêu vượt đó, giới hạnh tinh thuần tự sống, cao đàm xuất chúng, do đó tiếng tăm vang khắp nghiệp Đô, các hàng Đạo tục thảy đều quy hướng kính ngưỡng, bèn đến đối diện chùa Đạo Tú mà khai giảng. Trong lòng Đạo Tú ôm hoài ghen ghét, chuyên nghĩ suy tìm cách muốn bẻ gảy làm nhục. Mà ngài Tuệ Ý tiếng tăm càng vang cao, không do đâu mà mở đầu, Đạo Tú bèn dùng bạo liền họa sắp có mưu đồ khác, vây bọc đã lắm nhiều rốt cùng không được tỉnh. Về sau, Đạo Tú cùng các đệ tử ra thành, dừng nghỉ dưới gốc cây. Đạo Tú nằm ngủ, bỗng nhiên có cơn gió xoay chuyển nổi dậy, mưa nhỏ tuôn đổ trên thân Đạo Tú, 2 chân bỗng

chốc hợp liền với nhau biến thành đuôi rắn, cứ như thế dần dần lên đến ngực. Đạo Tú buồn khóc bảo cùng đệ tử rằng: “Ta vì tâm xấu ác chuyển thành mạnh dữ, muốn hại Sư Tuệ Ý. Độc hại bên trong ta nung nấu biến làm thành thân rắn. Nghiệp báo như thế này hối hận cũng không ích lợi gì! Có thể lấy các thứ y vật trong phòng vì Ta mà tu tạo việc phước, và đến sám tạ cùng sư Tuệ Ý xin ban cho sự hoan hỷ”. Nói xong, Đạo Tú bỗng nhiên biến thành thân rắn dài vài ba thước, chỉ phút chốc từ trong cỏ rậm có vài trăm con rắn nhỏ đua nhau lại nghinh tiếp, từ đó mà đi, mọi người xa gần nghe thế, không ai chẳng vì thương than vậy.

2. Sa-môn Đạo Khế ở chùa Bạch Tháp tại Dương Châu, thờ nhà Tùy bị thần đánh giết.

Sa-môn Thích Đạo Khế, vốn dòng họ Trần, người xứ Dĩnh Xuyên, dung mạo nhan sắc rất xấu xí, nói năng tánh tình hẹp hòi thô bỉ. Tuy đến ở chỗ lắng tịnh mà chí vẫn còn bị ràng buộc, nhưng phóng túng làm thầy thuốc chẩn đoán bịnh tật, chẳng khéo giỏi về minh pháp. Bởi vì chỗ biết cạn cợt đến đó, tự khoe, khinh thường lấn lướt mọi người lớn nhỏ. Đồng ở trong chùa có Sa-môn Đức Lân là bậc khí nghiệp thông rành khéo giải Tỳ Ni, kiêm tu Định Tuệ, nhọc khiêm nhường thối lùi tỉnh lắng song, Đạo phong tỏa khắp xa gần. So với Đạo Khế thì tuổi tác hạ lạp ngang bằng nhưng tùy mà tiếng tăm lớn trọng. Đạo Khế ghét sự sáng giá ấy, thường muốn cư xử phỉ báng độc hại. Sa-môn Đức Lân rỗng rang nhận chịu tốn từ, tiếp hầu nhan sắc do dùng chánh pháp mà đượm nhuần, lấy đức từ nhân mà dẫn dụ, Đạo Khế mới ngậm độc trong tâm nung nấu, ngày tháng càng mạnh dữ, ôm hoài gian dối đấu ngụy, bèn cùng vu cáo. Bấy giờ huyện Tể Lưu nghĩa là người qua lại Đạo Khế nên tin lời sàm bậy ấy mà hành xử phi lý, dối kết đoán từ, ép buộc Đức Lân phải hoàn tục. Sa-môn Đức Lân chẳng giằng nỗi sự buồn hận ấy, trên đầu mang đội pháp y ca sa đối trước Tăng chúng mà khóc ròng, đem tâm tự thệ nguyện. Khi đó cả chúng Tăng đều buồn đau càng thêm sự phẩn kết, chỉ mặt Đạo Khế mà mỗi cự riêng chú nguyện bởi khó lường vậy. Qua sau đó vài ngày, Đạo Khế ở nơi phòng nằm ngủ giữa ban ngày, bỗng thấy có 4 vị Thần thân hình cao lớn cả trăm thước, mỗi một vị đều dẫn bộ chúng theo đến thẳng tới trước mặt Đức Lân. Trong đó có 1 vị thần với ánh mắt giận dữ bảo rằng: “Ta là Tỳ Sa-môn nên lại đây bắt lấy mạng ngươi. Ngươi là kẻ hay làm giặc hại người, cớ sao như vậy ư?” Rồi bảo lính quỷ đánh đập dào lộn, kéo ra. Đạo Khế kinh hãi kêu rống, âm thang nghe vang ngoài xóm thôn ngỏ vắng. Chư Tăng vội

đua nhau chạy sang trông xem, thấy Đạo Khế cách đất vài thước, đầu tay đều rủ xuống, tai mắt miệng mũi đều trào máu, chậm chạp đi giữa khoảng không như có sự nâng đỡ, ra đến ngoài cửa đường thông, bỗng nhiên rơi nơi đất, tắt thở rồi sống lại, vừa nói được vài lời bèn qua đời. Khi đó các hàng Đạo tục đại khái đều lấy làm quái lạ vui mừng kéo đến. Những người có ý bài bác Hiền giả ghét ghen hàng tài đức không ai chẳng chí thành cải đổi tâm tư. Lưu Nghĩa chính mắt trông thấy sự yêu trừng ấy nêu bày trải tim gan sám hối lỗi quá, thỉnh mời Sa-môn Đức Lân trở về lại chùa hoằng truyền Bảo Huấn. Sa-môn Đức Lân rộng giáo hóa dẫn dắt những người có duyên. Ghi tả trăm bộ kinh Pháp Hoa, ngàn bộ kinh Bát Nhã, thiết lập pháp hội muôn người, vì Đạo Khế mà tỏ bày sám hối, nguyện tiêu trừ oan chướng.

3. Vị Sa-môn ở chùa Thạch Bích tại Tinh Châu thời tiền Đường ói nhả ra rắn và cải đổi sám hối.

Ở chùa Thạch Bích tại Tinh Châu có một vị Sa-môn lạc mất họ tên, đố kỵ với người hiền, phần nhiều tạo những việc trái với Đạo. Trong chùa ấy có Sa-môn Minh Tịch là bậc giới hạnh tinh thuần nghiêm túc thật đáng bậc trú trì Phật pháp. Mỗi lúc muốn cùng chúng Tăng đồng tu Thiền tuệ, vị Tăng ấy kích động khuyên nhủ mọi người dứt tuyệt chánh pháp, trông xem Sa-môn Minh Tịch như là kẻ oán, môn đường phỉ báng, chẳng giằng nỗi sự sân hận độc hại, vị Tăng ấy cầm nắm dao muốn phóng làm hại. Trong chúng Tăng có vị tôn kính Thầy, nghiệp lý cao thuần đối trước chúng mà quở trách khiển phạt vị Tăng ấy, bảo cung kính đứng yên. Vị tăng ấy tuy theo lời Thầy mà tâm ý tức giận càng bền chắc, chư Tăng lớn nhỏ đều mở lời can gián, song chẳng nhổ khoải, cứ đứng yên như thế qua 2 ngày. Sa-môn Minh Tịch cùng chư Tăng trở lại theo xin hối tạ. Vị Tăng ấy chỉ trừng mắt tràn đầy hơi khí phẩn hận, dáng vẻ chuyển nên xấu ác. Thế rồi qua ngày thứ 3 ở trong phòng, vị Tăng ấy bỗng nhiên té ngã mà chết. Sa-môn Minh Tịch cùng thầy và chư Tăng v.v... bùi ngùi quái lạ buồn bả đau thương hận không rõ biết vật tình, bèn đến bên thi thể vị Tăng ấy sám hối lỗi quá mà tự trách. Lại vì chú đúc tôn tượng, chuyển đọc kinh pháp thay vì vị Tăng ấy mà giáo hóa tẩy trừ. Đến chiều tối, mắt vị Tăng ấy mở ra, hơi thở trở lại tiếp tục, mới ói nhả ra 1 con rắn thân dài hơn cả thước chạy ra ngoài cửa. Bỗng chốc vị Tăng ấy bèn sống lại. Từ đó, vị Tăng ấy nghĩ nhớ sám hối những tội khiên xưa trước, phụng hành các đức tánh từ nhẫn, kính thờ Sa-môn Minh Tịch như là bậc Thầy, bèn trở thành bậc

Thắng sĩ.

4. Sa-môn Tuệ Kỳ ở chùa Hành Nhạc tại Hành Châu, thời tiền Đường mắc hoạn mù mắt mà khổ chết.

Sa-môn Thích Tuệ Kỳ người xứ Tấn Châu, lưu ngụ xuất gia, đến ở chùa Hành nhạc tại Hành Châu, mà chí đạo rất kém cỏi, ghét ghen các bậc hiền giả lại quá lắm, bên ngoài tỏ vẻ hành trì oai nghi mà bên trong lắm sự thối nát. Có vị chủ chùa là Sa-môn Nghĩa Bản là bậc danh Tăng cao hạnh, dẫn dắt nhiếp hóa mọi người khắp bốn phương, hoằng dương muôn Thiện pháp, ngày mồng 08 tháng 04 năm Tái sơ thứ nhất (689) thời tiền Đường, tại đài Bát Nhã chùa Hành Nhạc, vì chư Tăng thọ giới, khi ấy, Tuệ Kỳ tuổi nhỏ đức cạn, không được mời thỉnh dự tham trong số Thập sư, bỗng nhiên phát sinh phẩn hận, dẫn khơi mưu toan khác, vào chiều tối mồng 07, đến nơi chùa núi mà nói rằng: "Có người bảo tại xứ này hẳn phản nghịch, đóng binh sẽ tìm đến, sao được rối ren phóng túng mà tu tập vậy?" Khi đó, Sa-môn Nghĩa Bản nói cùng Tuệ Kỳ rằng: "Ngươi muốn tạo duyên xấu ác phá hại pháp nhãn kẻ khác, nếu chẳng gấp sám hối thì khiến 2 mắt ông mù mất, hoặc sẽ mắc lấy bệnh hủi". Tuệ Kỳ tỏ khí tức giận biến đổi sắc mặt bèn lần lửa mà trở lui, chưa đầy 1 tháng sau, Tuệ Kỳ sang chợ mua vật ở Tương Châu, nhân cảm mắc bệnh mù tối 2 mắt vô cùng đau nhức, vài ngày sau bèn qua đời.

5. Vị Tu-đà-hoàn ở Tây Vức cảm mắc bệnh độc dữ nơi thân mình có trùng rúc rỉa ăn và hơi miệng hôi thối.

Xưa kia tại Tây Vức, có vị A-la-hán đi hoằng truyền giáo pháp tên là Ưu-ba-cấp-đa, dẫn 1 đệ tử đi khất thực, đến nhà Chiên-đà-la. Có 1 người con của Chiên-đà-la đã chứng quả Tu-đà-hoàn, nơi thân cảm mắc bệnh độc dữ, khắp cùng thân thể đều bị trùng rúc rỉa ăn, hơi miệng hôi thối, vị đệ tử hỏi rằng: "Bởi duyên gì mà vị Tu-đà-hoàn ấy bị quả báo như thế?" Ngài Ưu-ba-cấp-đa đáp rằng: "Người này đời trước xuất gia làm vị Duy-na. Bấy giờ trong chúng có 1 vị La-hán ở đó mắc bệnh độc dữ cào gảy phát ra tiếng. Vị Duy-na bảo rằng: "Trùng rúc rỉa ăn thịt ông mà phát ra tiếng ấy ư?" Liền nắm cánh tay kéo ra và nói: "Ngươi vào ở nhà Chiên-đà-la". Vị La-hán ấy bảo: "Ông nên tinh tấn, chớ qua lại nơi chốn sinh tử mà nhận chịu khổ!" Khi đó, vị Duy-na bèn liền sám hối, sám hối xong chứng đắc quả Tu-đà-hoàn. Nay là người con nhỏ trong nhà này vậy.

V. GHI VỀ SÂN HẬN THAM HÈN.

1. Vị Sa-di ở Tây Vức tham thích mùi vị ngon, ôm hoài phẩn hận, hiện thân biến làm thành rồng.

Xưa kia, tại nước Kiền-đà-la ở Tây Vức, có vị A-la-hán thường thọ nhận sự thỉnh mời của Long vương ở trong hồ trên đỉnh núi tuyết vào nơi cung điện để cúng dường mỗi ngày đến giờ cơm trưa, vị A-la-hán ấy dùng sức thần thông ngồi nơi thằng sàng bay bổng giữa hư không mà sang. Có vị Thị giả Sa-di kín núp vào dưới thằng sàng vin theo ngầm đến cung rồng, Long vương nhân đó thỉnh mời ở lại thọ trai, và dùng cơm cam lồ cõi trời mà dâng cúng vị A-la-hán, còn đem các thức ăn ở nhân gian để tiếp đãi vị Sa-di. Vị A-la-hán dùng bữa xong, vị Sa-di ấy thâu dọn tẩy rửa chén bát, nơi chén bát còn dính thừa vài hạt cơm, tỏa ngát mùi vị thơm tho, vị Sa-di ấy liền hận Thầy mình và tức giận rồng, bèn khởi tâm nguyện xấu ác: “Nguyện tất cả phước lực đã có được thảy đều hiện đoạn dứt mạng rồng này, và ta tự làm vua”. Và khi vị Sa-di ấy phát lời nguyện đó, Long vương cảm thấy trên đầu đau nhức, rồng tuy sám tạ, nhưng vị Sa-di ấy chẳng chịu nhận. Thế rồi trở về lại chốn Già lam, vị Sa-di ấy càng chí thành phát nguyện, nghiệp ác cảm đến, đêm đó vị Sa-di ấy mạng chung làm Đại Long Vương, oai thế hùng mạnh phấn phát bèn vào nơi hồ mà giết Long vương và ở tại cung rồng. Do có bệ thuộc, vì ước nguyện xưa trước nên dấy nổi gió bảo tuôn đổ mưa, bẻ nhổ cây cối, muốn phá hoại ngôi Già lam. Khi ấy vua Ca-nặc-sắc-ca lấy làm quái lạ phát hỏi, vị A-la-hán ấy đem sự việc đó tấu trình đầy đủ cùng vua. vua đã vì rồng (vị Sa-di ấy) đến dưới chân núi tuyết dựng lập ngôi Già lam và ngôi Bảo tháp cao hơn trăm thước. Rồng thường luôn luôn phá hoại đó, và vua vẫn đeo đuổi sửa sang lại có đến 7 lần hư hoại 7 lần tạo dựng. vua vì khuất nhục ấy sắp muốn khỏa lấp hồ rồng, rồng kinh sợ mà sám tạ rằng: “Tôi vì nghiệp ác thọ thân làm rồng, rồng vốn tánh mạnh dữ hung bạo chẳng thể tự gìn giữ. Nếu nay xây dựng lại ngôi già lam, Tôi không còn dám phá hủy nữa. Có thể thường luôn sai bảo người trông nhìn trên đỉnh núi có mây đen nổi lên thì liền gấp gióng chuông. Tôi nghe được âm thanh ấy thì tâm niệm xấu ác sẽ chấm dứt”. Đến nay việc ấy vẫn chẳng ngưng dứt vậy.

2. Sa-môn Pháp Hạnh là bạn đồng học với ngài An Thế Cao ở Lạc Dương thời nhà Hán nhận chịu thân trăn rắn.

Sa-môn Thích Pháp Hạnh vốn người nước An Tức, là bạn đồng học với Thần Tăng An Thế Cao, tánh tình có lắm sân hận. Những lúc

đi khất thực lần lượt giữa đường, như thí chủ cúng dường không xứng ý, bèn liền oán giận, ngài An Thế Cao chợt cản ngăn đó, song pháp hạnh vẫn không tâm ý sửa đổi, cứ như vậy hơn 20 năm, ngài An Thế Cao sắp giả biệt cùng từ quyết rằng: "Tôi phải sang Quảng Châu để đền trả cho xong việc đời trước. Ông là người sáng tỏ kinh điển, tinh cần chẳng thuộc sau tôi mà tánh tình có lắm sân hận, sau khi mạng chung sẽ phải nhận chịu thân hình xấu ác. Nếu tôi đắc đạo sẽ vì cùng cứu giúp".

Thế rồi, sau khi pháp hạnh qua đời bèn làm thần nơi miếu Hồ cung đình. Ngài An Thế Cao khi đã đắc Đạo, bèn sang miếu ấy. Tại miếu ấy xưa trước có oai linh, càng hàng thương lữ thuyền nhân đặc biệt nghĩ nhớ kính sợ. Ngài An Thế Cao cùng hơn 30 thuyền mang theo muông sinh dâng cúng cầu phước. Thần mới giáng hiện chú nguyện rằng: "Trong thuyền có Sa-môn, có thể nên kêu lên". Các thuyền khách trở lại kinh ngạc thỉnh mời ngài An Thế Cao vào miếu. Thần nói rằng: "Xưa trước ở ngoại quốc, tôi cùng ông đồng xuất gia học Đạo, khéo thực hành bố thí mà tánh tôi có lắm sân hận, nay làm thần ở miếu. Chung quanh đây trong vòng ngàn dặm đều do tôi cai quản, bởi nhờ sự bố thí nên các thứ trân quý rất lắm nhiều, và cũng bởi tánh tình sân hận nên bị sa đọa nhận chịu quả báo làm thần đây. Nay thấy được bạn đồng học, buồn vui có thể nói, chứ thọ mạng sẽ hết chỉ trong sớm tối, mà thân hình xấu xí dài lớn nếu xả mạng tại đây thì bẩn dơ khắp cùng sông Hồ, nên phải sang trong đầm ở phía Tây núi. Sau khi thân này chết mất, thần thức sợ sẽ đọa vào địa ngục. Tôi có ngàn xấp lụa quyên và các tạp vật quý báu, nên lấy đó vì tôi mà dựng chùa tạo lập tháp khiến tôi được sinh về cõi tốt lành! Ngài An Thế Cao bảo: "Tôi cố đến cùng cứu giúp, cớ sao chẳng xuất hiện hình?" Thần nói: "Thân hình tôi rất xấu xí, mọi người trông thấy ắt kinh sợ!" Ngài An Thế Cao bảo: "Chỉ nên xuất hiện, mọi người chẳng lấy làm quái lạ vậy". Thần từ dưới giường ló đầu lên, mới là trăn rắn rất lớn, buồn khóc như mưa, chốc lác liền ẩn lại. Ngài An Thế Cao bèn lấy lụa duyên và các vật rồi từ biệt mà đi. Thuyền khách căng buồm, trăn xuất hiện thân hình leo lên núi mà ngóng trông, mọi người đưa tay vẫy chào, sau đó trăn mới ẩn mất. Ngài An Thế Cao đi đến Dự Chương dùng các vật tạo dựng chùa. Bỗng chốc mà thần đã bỏ mạng, tâm thức đến cùng báo rằng: "Được sinh về chốn tốt lành". Sau đó có người đến trong đầm ở phía Tây núi có xác trăn nằm chết, từ đầu đến đuôi dài hơn vài trượng. Nay tại huyện Tần Dương có thôn đại xà là đó vậy.

3. Sa-môn Đàm Toại ở chùa Tây Trần thời tiền Tống sau khi qua đời làm thần miếu.

Sa-môn Trúc Đàm Toại, không rõ người xứ nào. Thuở thiếu thời vân du phóng đảng, chẳng tu giới hạnh mà khinh ngạo tự khoe, lúc trưởng thành thì lại trộm cướp. Hoặc giả có ai nói một lời nào xúc phạm bèn tích chứa nhiều năm vẫn ôm hoài tức giận. Đồng ở trong chùa mọi người lớn nhỏ, không ai chẳng bị Đàm Toại oán giận. Từng một đêm nọ, Đàm Toại mộng thấy 1 người nữ đến bảo rằng: “Tuy theo nghiệp sẽ làm thần miếu Thanh Khê”. Về sau, cảm mắc bệnh, đến lúc sắp qua đời, Đàm Toại nói cùng các bạn đồng học rằng: “Tôi lúc bình sinh có lắm sự trái nghịch, ít điều chất thức ngay ngắn. Lại vì phước đức cạn mỏng, sẽ phải nhận chịu làm thân quỷ thần, làm chủ miếu Thanh Khê, các bạn là người có duyên, có thể rủ lòng sang phỏng hỏi đó!” Kịp đến lúc Đàm Toại qua đời quả nhiên nghe nói miếu có thần mời. Các Đạo nhân sang đến trong miếu cùng nhau trò chuyện, lời tiếng nói cười còn như lúc đang bình sinh vậy. Mới thỉnh mời chư Tăng đọc tụng kinh điển. Có Sa-môn Tuệ Cận là người trước kia thường đọc tụng, nhân vì làm sổ khế ước, mỗi lần xong bèn ngâm lắng. Nhân đó nói: “Nay tôi nhận chịu thân ác, xấu xí dơ bẩn chẳng thường, khốn khổ quá lắm, sao có thể tỏ bày lại được. Nên bảo đệ tử dưới ngạch cửa nơi phòng cũ của tôi có 5000 tiền, nên vì lấy đó để tu tạo viêc phước, ngỏ hầu tôi được lìa khỏi khổ này!” Từ đó bèn cùng cách biệt, chư Tăng vì thiết trai sám hối, nơi miếu bèn vắng lặng không còn vết tích của thần nữa vậy.

4. Sa-môn Đạo Tuấn ở Thanh châu thời nhà Tề keo kiệt của cải nên cảm mắc bệnh nặng.

Sa-môn Đạo Tuấn vốn dòng họ Vương, chẳng tu giới hạnh, chỉ chuyên tạo dựng sự nghiệp ruộng vườn, tích chứa các thứ vải bố lụa quyên, lụa nhũn v.v... đầy cả muôn kế mà tham tiếc keo kiệt chẳng nhổ ra một sợi lông. Về sau bỗng nhiên cảm mắc bệnh nặng, nơi chỗ ẩn kín dính liền đại tiện tiểu tiện chẳng thông, thân mạng sắp muốn dứt mất. Tại chùa đó có 1 vị Pháp sư đến vì giảng pháp, tâm trí Sa-môn Đạo Tuấn có chút khai ngộ, bèn xả một phần ba của cải vốn có thí cúng khắp cùng, vừa mới xong thì cơn bệnh ấy nhẹ khỏi hẳn. Sau khi cơn bệnh tạm lành được vài ngày, Sa-môn Đạo Tuấn kiểm xét trên gác thấy không có các vật, nghĩ nhớ tiền của, khi ấy bèn thành cuồng loạn, chuyên xướng giặc rằng: “Chư Tăng ở các chùa lại cướp vật của tôi”. Những vị đồng bạn bèn vì can gián. Song, mới đầu không sự tỉnh ngộ, vị Pháp sư ấy mới

báo khắp chư Tăng ở các chùa khiến hoàn trả lại các tài vật. Sa-môn Đạo Tuấn thấy các vật rồi, tiếng kêu than mới ngưng dứt. Một vài ngày sau, bệnh cũ phát lại, khốn khổ càng quá lắm. Lại thỉnh mời vị Pháp sư ấy đến xin của cải sám hối. Vì Pháp sư ấy chê trách rồi khuyên răn khiến xả bỏ tâm tánh keo kiệt tham lam, trở lại cúng thí các vật ngày trước, bệnh ấy lại giảm đỡ. Sau khi đã lành, Sa-môn Đạo Tuấn lại nghĩ nhớ đến tiền của thường ôm hoài phẩn hận. Vài ngày sau đó bèn qua đời. Lúc chết, mắt sưng lớn như cái chén, khắp thân thể biến thành sắc màu hồng đỏ.

5. Sa-môn Đàm Lượng ở Tống Châu thời nhà Tề keo kiệt tham tiếc của cải biến làm thành thân rắn.

Sa-môn Đàm Lượng, người dòng họ Phó, xuất gia từ tuổi bé thơ, ít theo tập học, vì phước trước nên được lợi dưỡng, giàu có tích chứa, gấm lụa tính ra hơn cả vạn mà keo kiệt ngu đần tự khốn khổ, thân chẳng ăn mặc. Có Thiền sư Nghiêm ở Bắc châu là bậc giới hạnh tinh thuần, mỗi năm thường thỉnh mời các bậc danh đức đọc tụng Đại Tạng kinh 1 biến, nghe Đàm Lượng giàu có nên sang bảo xin, Đàm Lượng bèn đối lại mở lời sân hận mắng trách rằng: “Ông đã tự có ăn mặc, cớ sao lại đến cùng não hại?” Hoặc có người khốn khổ đến cầu xin, Đàm Lượng cũng lại mắng rằng: “Người sa đọa chẳng chuyên cần đến nỗi phải bần cùng khốn khổ”. Từ trẻ nhỏ đến người già, Đàm Lượng chẳng từng xả thí một mảy may. Về sau, mắc phải bệnh hoạn khốn đốn quá lắm, Chư Tăng trong chùa sang thăm hỏi. Từ xa thấy, Đàm Lượng trố mắt tức giận bảo rằng: “Trọn chẳng phải là có tâm tốt, chỉ vì cần đến vật của ta mà đến”. Năm ba ngày sau vắng bặt không một người sang thăm hỏi. Lại ở nơi hợp tối tăm, bèn đóng kín cửa, Đàm Lượng nằm trên rương tráp vài ngày. Chư Tăng thử đến trông xem mới thấy biến thành một con rắn dài vài trượng cuộn tròn nằm trên rương tráp, chư Tăng bèn bảo người đưa rắn đi nơi khác, sau đó rắn cũng trở về lại. Về sau đem đặt để nơi hầm hố sâu, bèn tuyệt mất không còn thấy nữa.

6. Sa-môn Đạo Tuệ ở Tề Châu thời nhà Tề có tiền ban đêm bỗng dời chạy đi (Phụ, Sa-môn Đàm Tuệ).

Sa-môn Thích Đạo Tuệ vốn dòng họ Trương, là người giới hạnh phần nhiều khiếm khuyết, chỉ chuyên mong cầu tiền tài của cải, chỉ trong vài mươi năm mà có được 2500 quan tiền, thuần dùng sợi dây gai tự tay xỏ buộc, mỗi mỗi văn tiền cùng hướng mỗi mỗi lưng cùng đè lấy.

Đến khi mãn kỳ đủ 3000 quan tiền mới sắp phí dùng. Về sau, mộng thấy có một vị Tăng bảo rằng: "Người keo kiệt tham tiếc tiền của chẳng chịu tu tạo phước. Tại Ương Châu có Lý Đức Thắng đang doanh tạo tạo công đức, nay đem tiền của người đưa sang cho người đó khiến tu tạo phước nghiệp". Sau khi tỉnh mộng, kiểm xét lại tiền quả đúng nhơ lời nói nên không trông thấy, bèn buồn rầu đến nỗi ói trào ra huyết. Đến sáng ngày chẳng bước ra, chư Tăng ở phòng bên cạnh bèn sang hỏi. Đạo Tuệ trình bày rõ ràng về sự việc gì. Chúng than kêu quái lạ vậy. Đạo Tuệ bèn sang Tương Châu tìm hỏi Lý Đức Thắng. Lý Đức Thắng bảo: "Đúng thật có vậy, hồi đêm đệ tử nghe tiếng như 2 thạch đấu, đến sáng sớm nay tìm kiếm, ở dưới cỏ Tể có được 1500 quan văn và dước trúc um tùm có được 1000 quan. Tuy nhiên tiền của Sư có chứng cứ gì?" Đạo Tuệ y như thật mà đáp đó. Lý Đức Thắng đem tiền tự kiểm nghiệm quả nhiên chẳng khác, nên bảo: "Tiền tài thuộc ở nhà tôi, nên trước dùng được, Sư đã không dùng, Thiên thần đoạt lấy đó đưa đến cho đệ tử khiến tu tạo phước nghiệp". Lý Đức Thắng mới đối cùng Đạo Tuệ phân tán 1500 quan để doanh tạo công đức, còn 1000 quan trao cho Đạo Tuệ và khuyên nên bố thí, mà bảo rằng: "Nếu như còn keo lận tham tiếc, thì không lâu sẽ hoàn trả lại". Đạo Tuệ có được tiền liền bố thí, không dám lưu giữ nữa.

Lại nữa, tại Bột Hải có Sa-môn Đàm Tuệ có 100 quan văn tiền, úp mặt của mỗi mỗi quan tiền hợp nhau đựng đầy trong rương tráp. Khi đi khỏi phòng nhà, Đàm Tuệ ngủ mộng thấy mất số tiền ấy và có tiềng nói là "Do họ tên (...) người ấy ở phường Đàn tại Tinh Châu lấy đi". Sau khi tỉnh mộng trở về kiểm xét mở rương tráp ra trông xem thì thật không có số tiền ấy, bèn y theo mộng báo sang đến nhà người ấy khất thực. Người chủ ấy đáp: "Nghèo khổ không có cơm". Đàm Tuệ nói: "Mới được trăm quan văn tiền làm gì hết?" Người chủ ấy kinh ngạc đáp: "Thật là mới có được tiền, xin sẽ dâng cúng ông". Đàm Tuệ chối từ, bảo: "Trời đem tiền đó cho ông bần đạo không được lấy đó vậy".

7. Sa-môn Tăng Cương ở chùa Đại Từ tại Tương Châu thời nhà Tùy chẳng hay cúng dường bị thần quở trách.

Sa-môn Thích Tăng Cương từ thuở thiếu thời chuyên hành tập Thiền pháp, cùng Sa-môn Hồng Hiến đồng ở chung phòng. Ngài Hồng Hiến giới hạnh tinh chuyên hiển trước, từng cảm có 1 vị thần tự xưng tên là Bát Nhã đến cầu thọ giới và thường luôn cùng đàm nói. Tăng Cương tánh lắm keo kiệt. Bát Nhã bèn lấy các thứ y vật đó cúng thí cho

ngài Hồng Hiến, ngài Hồng Hiến đem việc ấy báo cùng Tăng Cương, như Tăng Cương trọn chẳng tin. Thần bèn mở toan phòng ở của Tăng Cương, đem các thứ y vật để đầy trên bàn, lẫn lộn khắp cùng sân, quạt trúc cân thước đều bẻ gảy vài đoạn. Thần ở giữa không trung nói rằng: “Sa-môn Tăng Cương chẳng hay khéo thiết lập trai hội cúng dường Tam bảo, Ta gieo họa mà ngươi chưa tỏ sáng”. Tăng Cương chẳng biết làm sao, chỉ sợ bức bách không thôi, bèn đem tất cả của cải chi phí của riêng mình tu tạo các trai phước. Bát Nhã bảo: “Đã thực hành tu tạo phước, nay cùng buông thả vậy”.

8. Vị Lão tăng ở chùa Linh Quang tại Tể Châu thời tiền Đường tiếc lận bình bát, bị bạo tử biến thành thân rắn.

Ở chùa Linh Quang tại Tể Châu, có 1 vị Lão tăng mất họ tên tịnh tu giới hạnh, thường trì một bình bát hơn vài mươi năm từng sai bảo người khác bưng cầm xúc chạm. Về sau, nhân có công việc gấp nên bảo vị Sa-di tẩy rửa bình bát đó. Vì Sa-di ấy bị sẩy tay làm rơi vỡ bình bát đó. Lão Tăng nghe thế kinh hãi kêu mất tiếng, hận tiếc quá lắm bèn xếp nằm mà qua đời. Các đệ tử đưa đi an táng nơi đồng hoang trống. Qua vài ngày sau Lão Tăng biến hóa làm con rắn lớn quấn quanh vị Sa-di ấy từ chân lên đến đảnh đầu và cúi đầu xuống dưới sắp muốn nuốt sống vị Sa-di ấy. Chư Tăng thấy vậy kinh hãi chú nguyện rằng: “Chỉ bởi duyên cớ 1 bình bát, keo lận sân hận ác độc chết rồi làm thân rắn, chẳng chịu cải hối tội khiên xưa trước, lại muốn nuốt giết đệ tử, tội nghiệp rất lắm, cớ sao như thế ư?” Và rộng vì giảng nói các pháp thiện ác, thay thế vì đó mà sám hối phát nguyện, lâu sau, rắn mới mở giải khỏi thân vị Sa-môn ấy mà bỏ đi. Vì Sa-di ấy mê ngất kinh sợ hơn 10 ngày sau mới dần tỉnh lại.

9. Sa-môn Thích Trí Bảo ở chùa Thắng Quang tại kinh đô thời tiền Đường sau khi qua đời làm Thần nơi tháp.

Sa-môn Thích Trí Bảo, người xứ Hà Đông, xuất gia từ thuở thiếu thời. Do giới hạnh mà vang danh, tài trí đầy đủ, Tăng truyện cụ thể vậy, mà lập tánh cứng rắn, ít tâm từ thuận. Đến lúc sắp tịch, bảo cùng người bạn là Sa-môn Tuệ Mãn rằng: “Tôi muốn chết vậy mà quả báo trong tương lai, tinh thần không được siêu thoát ưu thắng, tợ như là làm thần giữ chùa ở nơi viện phía Tây Phật điện. Tôi từng dùng pháp để xua đuổi đó mà trọn chẳng thể xa lìa!” Nói xong bèn thị tịch. Từ đó ở viện phía Tây Phật điện, mọi người ít ai dám đến một mình. Những lúc cần mở

cửa, không ai chẳng kinh sợ dựng đứng cả lông tóc. Sau sau hơn trăm ngày, có một bà lão cất giấu thức ăn và rượu bụng đem vào cho 1 vị Tăng, vừa mới đi đến cửa chùa, bỗng nhiên gặp bị Thần hại, thân nằm chết nơi đất, các vật vung vãi, chúng Tăng trong chùa kinh sợ đó, mới biết là có chứng nghiệm vậy.

10. Vị Lão Tăng ở chùa Hưng Luân tại nước Tân La thời tiền Đường biến làm thân rắn (Phụ: Một Cô Ni).

Ở chùa Hưng Luân tại nước Tân La, vị Lão Tăng thứ nhất quyết tên là Đạo An, xuất gia từ thuở nhỏ liền ở chùa ấy, lại thông rành các kinh luận nên rất được mọi người lớn nhỏ tôn kính. Nhưng đối với mọi sự cơm nước ăn uống riêng hay ưa thích chọn lựa, như có một thứ trái với tâm mình bèn liền roi gậy vung vãi, nên sớm tối thường luôn chẳng an ổn trong phòng nhà. Chúng Tăng tuy khốn khổ đó mà chẳng ai có thể cứu vớt ngưng dứt. Về sau, nhân cảm mắc tật bệnh quá lắm so từ trước trở lại, chửi mắng sân đánh ném vất các vật, trong ngoài thân gần không ai dám đến dòm xem, qua vài ngày sau bèn biến làm thân rắn dài hơn trăm thước, kêu rống, ra cửa đi thẳng vào trong rừng hoang. Các hàng Đạo tục thấy nghe, không ai chẳng thương tâm mà răn dè.

Ở xứ đó, lại có một Cô Ni tánh cũng lắm sân hận, sau khi qua đời vài ngày hiện hình về báo cùng Thầy rằng: “Sinh ở nơi chốn xấu ác bị làm thân rắn ở tại phía Nam thành”. Rồi khóc lóc từ bỏ đi. Sau đó quả nhiên ở phía Nam thành cách chừng vài dặm có 1 con rắn đầu lớn như cái đấu, thân dài 3 trượng, đi thì uyển chuyển, gặp người hẳn rượt đuổi. Những người gặp rắn phần nhiều đều bị chết, hiếm có người thoát khỏi. Người vật qua lại rất lấy làm răn dè vậy.

VI. GHI VỀ HỌC THẾ TỤC KHÔNG BỔ ÍCH

1. Tiên Ba Dĩ Ni ở Tây Vức tạo Thanh luận đến đời sau không nghiệp học. (Rút từ Tây Vức truyện).

Xưa kia, sau khi Đức Như Lai diệt độ khoảng 500 năm, có vị A-la-hán từ nước Ca-thâp-di-la đến ấp Bà-la thuộc nước Kiền-đà-la, thấy 1 vị Phạm Chí răn dạy trẻ thơ. Vị La-hán ấy hỏi: “Cớ sao làm khổ con trẻ vậy?” Phạm Chí đáp: “Bảo nó học Thanh minh mà nghiệp chẳng lúc nào tiến triển!” Vị La-hán thở dài mà cười. Phạm Chí thưa rằng: “Sa-môn lấy từ bi làm tâm tình thương xót mọi vật loại. Với sự mỉm cười nay đây của Nhân giả, tôi xin được nghe bởi duyên cớ gì?” Vị La-hán hỏi: “Ông có từng nghe Tiên ba Dĩ Ni chế thuật Thanh minh luận để răn

dạy ở đời ư?" Phạm Chí đáp: "Đã có nghe". Vị La-hán bảo: "Con của ông tức là Tiên ấy vậy". Do vì cưỡng học ham thích theo sách thế tục, chỉ đàm nói Dị luận chẳng rốt ráo chân lý, thần trí mất hết, lưu chuyển chưa dứt. Xưa kia tại bờ của Nam Hải có một cây khô, tại đó có 500 con dơi ở trong hang. Bấy giờ có đoàn thương khách đến dừng ở dưới cây, gặp lúc gió đông, mọi người đều đói lạnh bèn chất củi đốt xông phía dưới cây, khói cháy dần mạnh cây khô, tự bị đốt cháy, trong số thương khách ấy có một người khách buôn vào lúc sau nữa đêm đọc tụng A-tỳ-đạt Ma tạng, thỉnh nguyện các con dơi ấy tuy bị lửa đốt khốn khổ nhưng mến thích pháp âm đành nhẫn chịu chẳng bay đi. Do đó, đàn dơi mạng chung thọ sinh trở lại được làm thân người, bỏ nhà thế tục để tu học, nhờ nghe pháp âm nên thông minh lợi trí đều chứng Thánh quả. Nên khi vua Ca-ni-sắc-ca cùng Hiếp Tôn giả chiêu tập 500 Hiền Thánh ở nước Ca-thấp-di-la trước thuật Tỳ-bà-sa luận đó đều là 500 con dơi xưa trước ở trong cây khô ấy vậy. Tôi tuy là kẻ ngu hèn cũng thuộc 1 trong số ấy vậy. Đó thì hơn kém tốt lạ bay nằm khác nhau. Nhân giả nay mến thương con thì nên đi xuất gia. Công đức ấy rất lớn không thể thuật nói rõ hết". Khi ấy, vị La-hán nói lời đó rồi thì hiện các sự thần thông, và nhân đó bỗng nhiên không thấy nữa. Phạm Chí rất sinh kinh dị bèn cho người con ấy xuất gia vậy.

2. Sa-môn Tuệ Lâm ở chùa Bành Thành thời tiền Tống phỉ báng Phật pháp bị lưu đày và mắt mù lòa (Phụ: Sa-môn Tuệ Hưu).

Sa-môn Thích Tuệ Lâm, vốn dòng họ Lưu, người xứ Tần Quận, khéo thông các kinh và Trang Lão, chê bai khôi hài, hay khéo nói cười, có sở trường về việc chế tác, nên nhóm tập có 10 quyển. Mà vì tánh ngạo dối rất tự khoe khoan. Thầy của Tuệ Lâm là Sa-môn Đạo Uyên là vị Tăng rất có học hạnh. vua Văn Đế (Lưu Nghĩa Long 424-454) thời tiền Tống rất mực mến quý. Ngài Đạo Uyên thường đến chỗ Phó Lượng, Tuệ Lâm đã ngồi ở đó trước, lúc ngài Đạo Uyên đến, chẳng chịu đứng dậy thi lễ, ngài Đạo Uyên tức giận hiện rõ trên nét mặt. Phó Lượng bèn phạt đánh 20 trượng. Về sau, Tuệ Lâm trước thuật "Bạch Hắc luận" dèm pha chê trách Thích giáo. Nhan Diên Chi và Tống Bính khó bác bỏ luận của Tuệ Lâm, mới có hơn ngàn lời. Tuệ Lâm đã tự phá hủy giáo pháp ấy bèn bị ruồng đuổi đến Giao Châu. Nhân cảm mắc bệnh mắt mù, qua sau vài năm phẩn kết mà qua đời. Luận ấy hiện ghi đầy đủ trong "Hoằng Minh tập" của Sa-môn Tăng Hựu ở thời nhà Lương vậy.

Sa-môn Tuệ Hưu tự là Mậu Viễn, vốn dòng họ Thang, ở chùa Trường Can. Lưu Đảng tự do, thích rượu ham sắc, khinh thường đồng bạn trong thích giáo, chiêu mộ tâm ý thế tục, nắm bút tạo nên văn thơ, văn từ rất rõ rệt, như chẳng thẳng nuốt lời của áo đen cũng là bít miệng trên đời. Từ đó, tiếng tăm chóng bay cao, tài bén trội vượt. Tốt lành của Thanh Diễm có vượt cả ca xưa, lưu chuyển vào phương Đông đều khéo giỏi ca vịnh, Chỉ Quý thường ngợi khen tuyệt luân. Tự cho là nhỏ hèn chẳng muốn bãi bỏ Đạo. Đang lúc bấy giờ có các hàng Thanh Hiền thắng lưu đều cùng tán thưởng mến chuộng đó. Đến đời vua Hiếu Võ Đế (Lưu Tuấn 454-465) thời tiền Tống, mời vị ban sắc buộc hoàn tục, bổ nhậm Dương châu văn học tùng sự. Ý khí đã cao nên Tuệ Lâm rất có hổ thẹn. Lại gặp xuất bổ nhậm câu dung lệnh, bèn không được thỏa ý mà qua đời. (Rút từ Trần ước Tống thư).

3. Sa-môn Trí Lăng ở thời Lương Ngụy bải bỏ Đạo, khinh hủy giáo pháp nên bị mất tiếng và lưỡi cuốn lại. (Rút từ Đạo học truyện, và Phụ: Vương Bân).

Sa-môn Thích Trí Lăng vốn dòng họ giả, xuất gia từ tuổi bé thơ, phụng thờ Sa-môn Đạo Thừa làm Thầy. Trí Lăng thông ngộ quá vượt người, lại có sở trường về hài hước, khéo giỏi các kinh Niết Bàn, Tịnh Danh, rất công kích về số luận. Với 2 thứ sách của Trang Lão lại càng là chỗ lưu tâm. Về sau, gặp lúc giặc dã nên Trí Lăng hoàn tục. Sinh kế đã thường rỗng không, lại vì Đạo sĩ mạnh Tất Đạt luôn qua lại dẫn dụ cung cấp cho mọi chi phí sớm tối, nên dụ khiến làm Hoàng Cân. Trí Lăng thẹn vì ân huệ ấy, nhân đó mà bèn theo. Đã có tiếng tăm từ xưa trước nên bèn vì Đạo Tông. Giảng giải về “Tây Thắng Diệu Chân” và các Đại nghĩa đều phát xuất đầu tiên Trí Lăng vậy. Mà các kinh của Đạo gia đại khái đều không Tông chỉ, Trí Lăng bèn tham cứu Phật giáo vì đó mà nhuận sắc. vua Võ Đế lúc chưa xả bỏ Đạo từng dẫn Trí Lăng đến điện Ngũ Minh để dựng lập nghĩa. Đến lúc tuổi già, Trí Lăng ở Diệu môn quán vì các Đạo sĩ mà giảng “Tây Thăng kinh”, tại nơi hội tòa có vài trăm người mà Trí Lăng mạnh dạng nêu dẫn kinh Phật vạch chiết phù hợp, ngôn từ chống báng thẳng hơi hân hoan tỏ vẻ tự đặc. Bỗng chốc mà mất tiếng, lưỡi cuốn xuống dưới, môi răng cùng cách xa vài tấc, chỉ đổ lệ mà thôi, bèn chết nơi giảng tòa vậy, các hàng thức giả nghe thế, lấy làm ứng nghiệm bởi khinh hủy giáo pháp vậy.

Lại có Vương Bân, thuở thiếu thời cũng làm Sa-môn. Ngôn từ thanh biện kiêm khéo giỏi Văn nghĩa, mà tánh dụng thô tháo gian dối

phần nhiều trái với giới hạnh, hình thể kỳ quái tánh tình khác lạ làm việc chẳng thường, luôn mang giày cỏ đến ngồi trên tòa, hoặc mang guốc rảo bước giữa đường thông, đã từng trái nghịch với chúng Tăng, bèn bỏ Thích giáo theo Đạo giáo, vì do tài giỏi tư duy trong lành mới lạ nên ở hàng cao vọng của Hoàng câu. Thiệu Lăng Vương nhã cùng thường tiếp, xưng gọi là "Tam giáo học sĩ", có trước thuật các bộ Đạo gia Linh Bảo đại chỉ, tổng xưng Tứ Huyền, Bác Cảnh, Tam Đổng, Cửu Huyền v.v... có vài trăm quyển, phần nhiều là dẫn từ kinh Phật, nên có các từ nhân duyên, pháp luân, ngũ đạo, tam giới, thiên đường, địa ngục, ngạ quỉ, túc thế, thập hiệu, thập giới, thập phương, tam thập tam thiên v.v... Lại cải đổi Lục Thông làm thành Lục Đổng, như nước Uất đơn lại gọi là thế giới khí hiền, cũng có các ngôn từ Đại phạm, Quán Âm, Tam bảo, Lục tình, Tứ đẳng, Lục độ, Tam nghiệp, Tam tai, Cửu thập lục chủng, Tam hội, Lục trai v.v... Lại soạn ngũ cách bác, đều là pháp luận nạn.

4. Sa-môn Thích Minh Giải ở chùa Phổ Quang tại kinh đô thời tiền Đường bãi bỏ Đạo, sau khi thân chết về gá mộng.

Sa-môn Thích Minh Giải tự là Chiêu Nghĩa, vốn dòng họ Diêu, người xứ Võ Khương, Ngô Hưng, xuất gia từ tuổi bé thơ ở chùa Phổ Quang tại Tây kinh. Bẩm tánh thông mẫn, ít có văn tảo, đàn sách xanh đỏ, bấy giờ chẳng cùng đua tranh. Vả lại, gieo giống tam tuyệt, nhưng khoe anh biết cạn, dính trệ nài tửu sắc hoang tình. Bởi vì chỗ biết của kẻ văn hợp, chỗ bỏ của hàng trinh thuần. Mỗi lúc thấy kẻ chẳng học đến hỏi, chư Tăng phần nhiều xưng gọi đó là "Lừa con".

Năm Hiển Khánh thứ 5 (660) thời tiền Đường. vua Cao Tông (Lý Trị) tạo dựng chùa Tây Minh, sưu tìm những bậc Long tượng để thỉnh mời đến ở đó. vua lấy một người sai bảo đến chỗ Pháp sư Linh Nhuận ở chùa Hoằng phước rõ ràng tuyển chọn có được chăng? Bấy giờ có vài người thuộc hàng liêu tể đến chỗ ngài Linh Nhuận, đề cử Minh Giải. Ngài Linh Nhuận bảo: "Các ông là Quốc khí danh thần mở lời không phải dễ, nên tìm cầu những bậc có giới định tuệ học để tăng trưởng phước điền, cớ sao lại nên cử kẻ khách rượu thầy họa để đáng làm hồng kỷ?" Các quan v.v... kinh sợ đổi sắc mặt toát đổ mồ hôi, rụt rè giây lát rồi rút lui. Minh Giải nhân đó lại rất mực căm hận, vô cùng khinh thường Pháp Hoa. Bỗng chốc mà lên đạt Tứ khoa, chẳng can gián các hàng Đạo tục, Minh Giải ứng theo chiếu ban tự giất cung tên roi ngựa lên để, vui mừng nói cùng người bạn rằng: "Nay, Minh Giải tôi được xả

bỏ da lừa con mà trở lại thân người vậy!” Nhân đó đặt rượu thiết hội vui mừng, thuật lại chí ý của mình mà làm thơ rằng:

“Nhất thừa vốn chẳng có
Tam không quy chỗ nào
May được chiếu cửa vàng
Đi lúng ngời ngọc sáng
Chưa thể bằng ta vật
Còn nghĩ biết thị phi
Nhờ ông đồng tâm hợp
Biết chí tôi chẳng sai
Màn ngang mây lá cuốn
Rượu bằng hoa lựu bay
Gởi lời giường chỏng giữ
Xa ông chẳng ngồi oai”.

Nhân đó đề ghi lớn vách tường rằng:

“Mẹ già còn sống
Phạp phục lìa thân
Đường trước đen tối
Sóng gợn mở sáng (minh giải).”

Minh Giải chán ghét đó. Sau đó không bao lâu, cảm mắc bệnh, Minh Giải thấy vài mươi người hình dung lạ lùng, mỗi người tự cầm nắm khuôn mạnh mẻ đến nghinh đón Minh Giải. Minh Giải rất khiếp sợ đổ mồ hôi. Nói chưa xong mà chết tại làng Trạch thiện ở Đông Đô. Lúc đó là tháng 08 năm Long Sóc thứ nhất (661) thời tiền Đường. Sau đó, Minh Giải gá mộng báo cùng Sa-môn Tăng Chỉnh ở chùa Tịnh Độ tại Lạc châu là người ngày trước cùng quen biết rằng: “Minh Giải tôi chẳng tuân theo nội giáo, nay chịu tội lớn, đói khát thiếu thốn chẳng thường, mong có sự quen biết xưa cũ nghĩ nhớ mà ban cấp cho 1 bữa ăn”. Đang trong cơn mộng ngài Tuệ Chỉnh đáp “vâng!” Sau khi đã tỉnh giấc bèn vì thiết bày. Đêm đó, ngài Tuệ chỉnh vừa mới nằm ngủ, liền thấy Minh Giải đến hổ thẹn mà cảm tạ. Đến trong mùa thu năm Long Sóc thứ 2 (662) thời tiền Đường, Minh Giải lại gá mộng báo cùng người thợ họa vẽ rằng: “Tôi vì không tin Phật pháp, đam mê ưa thích sách vở thế tục, nay chịu khổ lớn. Mong ông nên nỗ lực vì tôi mà ghi tả cho vài ba quyển kinh!” Và nắm tay ân cần đề thi phú giả biệt, bảo người thọ họa vẽ đọc tụng 18 biến khiến được ghi nhớ. Sau khi tỉnh mộng, người thợ họa vẽ ghi nhớ đó với bài thơ rằng:

“Nắm tay chẳng thể rời

Vỗ ngực lại tự thương
Đau thay thời gian ngắn
Buồn thay đường suối dài
Rừng tùng sợ gió trống
Mồ hoang sương lạnh rơi
Lìa lời lấy gì tặng
Dặn lòng nội điển chương!"

Người thợ họa vẽ trước kia vốn không biết chữ, khi tỉnh giấc mới nhờ mượn người ghi chép, và dẫn nêu việc cũ lúc sinh tiền của Minh Giải. Mọi người đều bảo "Đó là văn thể của Minh Giải vậy", không ai chẳng xót xa!

VII. GHI VỀ BIẾNG LƯỜI KHINH MẠN CHẲNG SIÊNG NĂNG.

1. Sa-môn Chi Pháp Hành ở thời nhà Tấn thấy bánh xe sắt nhận chịu khổ. (Rút từ Minh Tường ký).

Sa-môn Thích Pháp Hành, không rõ người thuộc dòng tộc nào. Tuy ôm hoài mến mộ đạo mà chẳng lắm tinh cần. Về sau mắc bệnh hơn 10 ngày thì qua đời. Qua 3 ngày sau, sống lại, Pháp Hành kể rằng:

"Lúc vừa mới chết, có 2 người dẫn đi, thấy vài chỗ như nhà của Quan Tào và chẳng chịu nhận lấy. Bỗng chốc thấy có 1 bánh xe sắt, bánh xe có móng sắt từ phía Tây xoay chuyển lại, không người điều khiển mà xoay chuyển như gió. Có 1 quan lại kêu tội nhân đến đứng nơi bánh xe sắt. Bánh xe sắt xoay chuyển lại nghiến cán lên thân, vùn vụt trở lại như thế, vài người vỡ nát. Quan lại gọi tôi: "Đạo nhân đến đứng nơi bánh xe". Tôi khiếp sợ tự trách hối hận bởi chẳng tự tinh tấn nên ngày nay phải bị bánh xe sắt nghiến cán như vậy, mới chí tâm xưng niệm danh hiệu Đức Phật. Quan lại bảo: "Đạo nhân có thể đi!" Lại vì tôi mà trao cho thuyền bè, Quan nói thuyền bảo tôi nắm lấy bánh lái. Lại gặp đàn chó tranh nhau muốn cắn tôi. Tôi rất kinh sợ, cổ khát muốn được uống nước, mới rơi vào trong nước, nhân đó được sống lại".

Từ đó, Pháp Hành ngày đêm tinh tấn tư duy, trở thành bậc Sa-môn chí hạnh vậy.

2. Sa-môn Thích Tăng Quy ở Thánh đế thấy sự cân lường tội phước. (Rút từ Minh Tường ký).

Sa-môn Thích Tăng Quy, chưa rõ là người xứ nào, xuất gia từ thuở thiếu thời, lấy việc hóa chuyển mọi vật làm chuyên mà khinh phạm tiểu

giới. Phần nhiều hay giao du với nhà thế tục. Bấy giờ tại Kinh Triệu, có Trương Du thường thỉnh mời Tăng Quy đến nhà để cúng dường.

Ngày mồng 05 tháng 12 năm Vĩnh Sơ thứ nhất (420) thời tiền Tống, tự nhiên không bệnh, bỗng chết giấc, 2 ngày sau sống lại. Tăng Quy tự kể rằng: “Vào khoảng canh 2 đêm mồng 5, tôi nghe nơi cửa tấc có tiếng rõ dần rồi phút chốc có 5 người nắm đuốc lửa, cầm thư phan đi thẳng vào phòng nhà quát gọi tôi. Nhân đó tôi cúi nằm kinh sợ, 5 người bèn dùng dây chạy trói buộc dẫn đi. Đi đến một núi lớn toàn không cây cỏ, đất màu đen bền chắc có loại như sắt đá. Bên cạnh núi chung quanh xương cốt trắng chất đầy. Đi qua khỏi núi chừng vài mươi dặm, đến đoạn đường rẽ 3, có một người rất lớn mạnh mặc áo giáp nắm gậy, hỏi 5 người rằng: “Có được bao nhiêu người lại?” 5 người đáp rằng: “Chỉ có 1 người đây vậy”. 5 người ấy lại dẫn tôi vào trong một thành, phía ngoài thành có vài mươi ngôi nhà đều xây dựng theo kiến trúc giàu có làm nên. Phía trước nhà có 1 cây gỗ dựng đứng cao hơn 10 trượng, phía trên có xà sắt hình dáng như con quay, 2 bên có cả lồng đất lớn nhỏ vài loại. Có 1 người vận mặc khăn áo toàn sắc đỏ hỏi tôi rằng: “Lúc bình sinh ngươi làm những tội phước gì? Cứ y như thật mà nói chớ chớ vọng khai bày”. Tôi kinh sợ chưa dám trả lời. Người mặc áo đỏ ấy bảo 1 người khác như là Cục Lại rằng: “Có thể mở lồng để kiểm xét tội phước của kẻ này”. Chỉ khoảnh khắc kẻ Quan lại ấy đến dưới cây gỗ kéo lấy lồng đất treo lên trên xà sắt để cân, xong rồi bảo tôi: “Ngươi phước ít mà tội nhiều, nên trước phải nhận chịu tội”. Bỗng chốc có 1 người áo mão cao lớn đến bảo cùng tôi rằng: “Ngươi là Sa-môn, cớ sao không niệm Phật. Tôi nghe sám hối lỗi quá có thể vượt qua 8 nạn”. Khi đó tôi nhất tâm xưng niệm danh hiệu Đức Phật. Người mặc áo mão cao lớn ấy nói với Quan lại rằng: Nên vì người này mà cân thử lại, đã là đệ tử Phật, may có thể độ thoát”. Quan lại lại vì treo lên cân, đòn cân khi ấy được ngang bằng. Thế rồi dẫn tôi đến chỗ Giám quan lúc trước mà nêu bày. Giám quan nắm bút trông xem sổ bộ chần chừ còn nghi ngờ chưa quyết định. Giây lát sau đó lại có những người mặc áo đỏ đội mũ đen đeo ấn dây thao cầm nắm ngọc bảng lại bảo rằng: “Trên sổ bộ chưa có tên người này”. Giám quan ngạc nhiên bảo tả hữu thâu ghi v.v... Bỗng chốc thấy trói buộc dẫn 5 người trước kia lại, Giám quan bảo: “Quỷ giết hại cớ sao lạm dẫn người lại đây?” và đánh roi 5 người ấy. Chỉ giây lát lại có sứ giả xưng là Thiên đế bảo gọi tôi lại. Đã đến nơi cung vua, trải qua mọi chỗ thấy thảy đều là vàng báu lấp lánh ngời sáng, những người 2 bên vua mặc áo đỏ đội mũ báu. vua hỏi tôi: “Ngươi là Sa-môn cớ sao chẳng

siêng năng tu hành để bị bọn tiểu quỷ vây bắt như thế?" Tôi cúi đầu cầu xin ban ân. vua bảo: "Mạng của ngươi chưa hết, nay sẽ được sống trở lại, nên phải chuyên cần tinh tấn, chớ thường giao du với nhà người thế tục!" Rồi Sứ giả đưa tôi đến nhà Trương Du mà bỏ đi vậy.

3. Sa-môn Thích Pháp Tông ở chùa Long Hoa thời tiền Tống chẳng chuyên cần tu tạo nên cảm mắc bệnh. (Rút: Minh Tường ký)

Sa-môn Thích Tăng Diệu ở thôn Thượng Minh tại Giang Lăng. Vào năm Đại Minh thứ nhất (457) thời tiền Tống, ngài Tăng Diệu vân du đến Lĩnh Lăng, nhân đó ở lại tinh xá Long Hoa tại quận trị buôn bán, tích chứa gạo thóc được vài ngàn hộc. Đến năm Đại minh thứ 8 (484) thời tiền Tống, chùa Long Hoa gặp phải hỏa hoạn nên bị thiêu cháy hết. Đến lúc sắp tịch ngài Tăng Diệu đem tất cả của cải giao cho đệ tử là Sa-môn Pháp Tông và bảo tạo dựng giảng đường, Tăng phòng. Pháp Tông xây dựng giảng đường hoàn tất bèn rất biếng lười chẳng chịu xây dựng Tăng phòng.

Đến tháng giêng năm Thái Thỉ thứ 3 (467) thời tiền Tống, Pháp Tông cảm mắc bệnh rất quá lắm. Bấy giờ có Tỳ-kheo Đạo Mãnh từ Tuyền Lăng lệnh Cao Dương Hứa Tỉnh Tuệ tại huyện. Huyện tức là ấp của quận Trị vậy, đi sang thăm bệnh của Pháp Tông. Vừa mới vào chùa vài bước, ngài Đạo Mãnh thấy 1 vị Sa-môn mặc quần vải bố hoa đào, y đơn, áo ngủ nhỏ sắc vàng vừa đi vừa mắng rằng: "Tiểu tử Pháp Tông làm trái nghịch sự ta phân chia, chẳng chịu xây dựng Tang phòng, phung phí tan mất của cải v.v..." Thế rồi xoay nhìn lại, thấy ngài Đạo Mãnh, tỏ vẻ tướng trạng như xấu hổ kinh hãi bàn lấy áo ngủ mà trùm đầu, đi vào trong phòng Pháp Tông. Tuy thường qua lại chùa ấy nhưng ngài Đạo Mãnh chưa bao giờ thấy vị Sa-môn đó. Vì không muốn liên can đường đột, nên trước hết ngài Đạo Mãnh đem mọi sự thấy nghe ấy báo cùng Đạo nhân Pháp Siêu. Ngài Pháp Siêu nghi ngờ cho là dối vọng mới kiểm xét hỏi lại hình trạng lời tiếng, thì ngài Đạo Mãnh diễn tả đầy đủ đó. Ngài Pháp Siêu mới bảo: "Đó tức là thầy của Pháp Tông vừa mới thị tịch cách đây vài năm". 2 ngài bèn cùng nhau than thở buồn bả. Đêm đó liền gá nhập vào Linh ngữ bảo gấp gọi Pháp Tông. Pháp Tông đã đến liền tỏ vài lời quở trách rất nghiêm trọng, còn đem sự việc Tăng phòng mà nói đó, lời tiếng hơi điệu chẳng khác (ngài Tăng Diệu) lúc bình sinh, Pháp Tông cúi đầu sám tạ xong, bèn hỏi: "Hòa thượng nay sinh ở xứ nào, thiện ác ra làm sao?" Ngài Tăng Diệu gá tiếng đáp: "Sinh ở chỗ lại thô, chỉ phải nhận chịu khiển trách nhỏ, 2 năm sau mới

có thể được khỏi. Lại có sự ngang trái nhỏ, ta muốn kêu oan cùng sở ty, ngặt nỗi không có pháp y ca sa nên không thực hành được, ngươi có thể gấp vì ta mà chế tạo đó". Pháp Tông nói: "Pháp y ca sa thì có thể làm được, nhưng không biết làm sao để dâng đưa đến được cho Hòa thượng?" Ngài Tăng Diệu gá tiếng bảo: "Thỉnh mời chư ta mà thiết cúng, đem pháp y ca sa vì dâng thí ta liền được". Pháp Tông bèn y theo lời bảo thiết đặt trai phạn thỉnh mời cúng dường chư Tăng và dâng thí pháp y. Lúc đó, ngài Đạo Mãnh có dự tham trong pháp hội, lại thấy ngài Tăng Diệu đứng tựa ngoài cửa giảng đường khoanh tay lắng nghe kinh. Sau khi dâng cúng trai phạn hoàn tất, ngài Đạo Mãnh liền thấy pháp y ca sa đã ở nơi thân ngài Tăng Diệu, mới đến giữa giảng đường xướng rằng: "Muốn nương tựa theo Tăng thì nên y thứ lớp mà ngồi". Hỏi Ngài về niên lạp bao nhiêu. Ngài Đạo Mãnh đáp: "Tôi quên năm ấy rồi, chỉ nhớ là tháng 2 năm Sách Lỗ Lâm Giang vậy". Ngài Tăng Diệu nói: "Vậy là cùng tôi đồng tuổi, nhưng Ngài được lớn hơn 1 tháng vậy". Mới đến ngồi phía dưới ngài Đạo Mãnh. Ngài Đạo Mãnh liền co xếp đầu gối lại, để trống 1 chỗ ngồi. Ngài Tăng Diệu đoan nghiêm im lặng lắng nghe kinh. Đến lúc pháp hội tan, mới lại không thấy. Khi đó trong giảng đường, các hàng Đạo tục có hơn trăm người, Linh Lăng Thái úy Dương Xiển cũng dự pháp tập ấy. Chính tự ngài Đạo Mãnh và ngài Tăng Diệu giảng luận qua lại. Đại chúng chỉ nghe riêng mình ngài Đạo Mãnh nói năng. Sở dĩ đều biết ứng nghiệm là thật vì ngài Đạo Mãnh và ngài Tăng Diệu chẳng cùng biết nhau. Nói về hình sắc cử động tuổi tác lúc trước thiếu thời, không gì chẳng là phù đồng khế hợp. Thứ nữa, Pháp Tông lúc mắc bệnh nguy khốn mới bảo đến Linh Ngữ nói, thì cơn bệnh trầm lắng liền lành. Linh Ngữ là người trẻ nhỏ mà mở lời hơi tiếng âm từ khiến người nghe chẳng rõ khác lạ đó nên đều tin lạ vậy. Mới đầu, Dương Xiển chẳng lắm kính phụng pháp, nhân sự việc đó mà dấy khởi sự kính ngộ, liền kiến tạo phước tập, nên ngay năm đó, thuyết giảng tại chùa ấy và trì trai bố thí v.v... mọi việc.

4. Sa-môn Thích Tri Đạt bị thần quở trách cho đến nhận chịu tội.

Sa-môn Thích Tri Đạt, chưa rõ là người xứ nào, tuy dự phần Đạo môn mà hạnh rất lưu tục. Tháng 6 năm Vĩnh Huy thứ 3 (652) thời tiền Đường(1), cảm mắc bệnh mà qua đời, nhưng thân thể còn ấm nóng, mọi người chưa ẩn liệm an táng, bèn kéo dài qua ngày thứ 2, hơi thở trở lại bình thường, qua ngày thứ 3 mới nói năng được, Tri Đạt tự tỏ bày rằng:

"Lúc mới cảm bệnh khốn đốn, thấy có 2 người đều mặc quần áo kép bằng vải bố sắc vàng. 1 người đứng ở ngoài cửa, còn 1 người đi thẳng đến trước giường, nói rằng: "Thượng nhân nên đi, có thể chóng bước xuống đất". Tôi nói: "Bần đạo thân thể suy yếu chẳng kham giẫm trải giữa đường". Người ấy bảo: "Có thể cưỡi kiệu vậy". Và liền đưa kiệu đến. Tôi đã lên ngồi trên kiệu, ý thức bèn liền hoang mang, lại chẳng còn thấy người nhà phòng ốc, từ nơi kiệu cưỡi trông nhìn khắp bốn phía xa vời chỉ thấy toàn là hoang dã đường lối hiểm nguy, 2 người khiêng dẫn đi chẳng được ngưng nghỉ. Đến nơi 1 cửa sơn son, tường cửa hoa hòe xinh đẹp, vào trong nhà dưới, ở nhà trên có 1 quý nhân mặc áo sắc đỏ, mũ khăn cứ ngạo nơi sàng tòa, dáng mạo nghiêm trang, từ xa trông thấy rất là oai dung, 2 bên binh lính gìn giữ có đến cả trăm, mọi người đều mặc áo đỏ chống dao liệt bày hàng lớp, Quý nhân vừa trông thấy tôi, liền chau mày nghiêm nét mặt bảo rằng: "Người xuất gia sao nên lắm lỗi quá?" Tôi đáp: "Từ khi có sự nhận biết đến nay chẳng nhớ đã tạo những tội gì?" Quý nhân hỏi: Ngươi có phế bỏ tụng giới chăng?" Tôi đáp: "Lúc đầu mới thọ giới cụ túc thật thường tụng tập, đến lúc chuyên việc trai hội giảng pháp chỉ thường đọc tụng kinh, nên đối với việc trì tụng giới có khuyết bỏ". Quý nhân bảo: "Lúc làm Sa-môn mà chẳng đọc tụng giới đó là vô cùng trái pháp". Và Quý nhân liền bảo người đến ghi chép về tôi rằng: "Nên đưa kẻ này vào thẳng nơi xấu ác, chớ khiến đại khổ". 2 người dẫn tôi đưa đi, cách chừng vài mươi dặm hơi nghe có tiếng soang soảng vang vọt giữa trời mà đường phía trước chuyển dần mờ tối. Tiếp theo đến nơi một cửa cao vài mươi trượng, sắc màu rất đen tối, bởi đó là cửa sắt, tường vách cũng như vậy. Khi đó, trong tâm tôi tự nghĩ nhớ "trong kinh nói địa ngục" chắc hẳn là đây vậy. Mới rất khiếp sợ, hối trách lúc còn ở đời chẳng tu nghiệp hạnh. Kịp đến lúc vào trong cửa, âm thanh quẩy động càng mạnh, lâu lâu tỉnh lắng chăm chú nghe mới biết đó là âm hưởng của người kêu cầu. Khi đó có ánh lửa sáng chợt tắt chợt hiện, thấy có vài người bị trói ngược xô đẩy tới, ở phía sau có vài người nắm chỉa đâm chích, máu huyết tuôn đổ như dòng suối. Đi vào trong cửa khoảng 200 bước, thấy có 1 vật hình tướng như vựa thóc cao hơn 1 trượng. 2 người nắm lấy tôi đặt ném lên trên vựa. Trong vựa có lửa cháy rực, thiêu đốt thân tôi, nửa mình thân thể đều bị đốt cháy, đau nhức không thể nhẫn chịu nỗi. Từ trên vựa rơi xuống dưới đất, tôi chết ngất giây lâu, 2 người ấy lại dẫn tôi đi, thấy có hơn 10 cái vạc sắt đều đem nấu tội nhân. Người trong vạc theo vọt trào lên rồi chìm xuống, bên cạnh có 1 người cầm chỉa đâm chích. Hoặc có

người vin miệng vạc mà ra, 2 mắt vỡ hổng, lưỡi kéo ra dài hơn cả thước, thịt chẻ cháy hết mà vẫn còn không chết. Ở trong các vạc đều chứa đầy, chỉ có 1 cái còn trống không, 2 người ấy bảo: "Thượng nhân liền sẽ bị vào trong vạc này". Nghe lời nói ấy gan mật tôi đều xoa đất, mới cầu xin 2 người ấy rằng: "Các ông cho Bần đạo tảm thời đảnh lễ Phật". Và tôi liền chí tâm cúi đầu cầu xin miễn khỏi khổ ấy, tôi nằm úp nơi đất chừng khoảng bữa ăn nguyện cầu sám hối rất mực chí thành. Thế rồi trông nhìn khắp 4 phía không còn thấy gì nữa, chỉ thấy đồng bằng, cây cối tươi tốt phong cảnh trong lành mát sáng. Và 2 người ấy còn dẫn tôi đi đến 1 tòa lầu. Hình dáng tòa lầu càng lên cao càng nhỏ, trên đó có 1 người nói cùng tôi rằng: "Sa-môn nhận chịu tội báo nhẹ, thật rất nên vui mừng vậy". Khi đó tôi ở dưới tòa lầu, bỗng nhiên bất chợt mà trở lại bổn thân".

Trí Đạt hiện nay vẫn còn ở tại chùa Sách, trai giới rất bền bỉ, Thiền tụng rất kiên cố vậy.

5. Sa-môn Thích Tuệ Nghi ở chùa Sùng Chân thời Hậu Ngụy trước mặt vua Diêm-ma thấy phán xét năm vị Tăng. (Rút từ Lạc Dương Già Lam ký).

Sa-môn Thích Tuệ Nghi ở chùa Sùng Chân chết qua thời gian 7 ngày, cùng với 5 vị Tỳ-kheo đối trước chỗ vua Diêm-ma xét duyệt tội quá. Tuệ Nghi về sai lầm bắt lấy nên được phóng thả sống lại, tỏ bày cụ thể mọi việc trước vua Diêm-ma. Trong ý như là các quan hiện sống chẳng khác vậy, và 5 vị Tỳ-kheo ấy cũng là Đạo nhân ở các chùa tại kinh ấp cùng với Tuệ Nghi đồng sổ bộ mà sai lầm.

Trong đó, 1 Tỳ-kheo tức là Sa-môn Trí Thông ở chùa Bảo Minh tự nói là: "Lúc bình sinh tọa thiền khổ hạnh lấy đó làm hạnh nghiệp chánh", nên được sinh lên Thiên đường. Lại có 1 Tỳ-kheo là Sa-môn Đạo Phẩm ở chùa Bát Nhã tự nói là: "Tụng kinh Niết Bàn được 40 quyển, cũng được sinh lên Thiên đường. Lại có 1 Tỳ-kheo là Sa-môn Đàm Mô Tối ở chùa Dung Giác xưng là chú giải 2 bộ kinh Niết Bàn, Hoa Nghiêm, thường lãnh chúng cả ngàn người giải thích nghĩa lý. vua Diêm-ma bảo: "Giảng kinh cho chúng Tăng mà ngã cống cao, trong tâm ôm hoài ý niệm ta người, kiêu ngạo lấn lướt người. Đó là hành vi thô xấu thứ nhất của Tỳ-kheo". Đàm Mô Tối nói rằng: "Bần đạo từ lúc lập thân trở lại thật chẳng kiêu mạn, chỉ ưa thích giảng kinh, phu diễn nghĩa lý". vua Diêm-ma bảo: "Giao phó cho quan Ty", liền có 10 mặc áo xanh đưa Đàm Mô Tối đi về hướng Tây bắc vào trong cửa phòng nhà

đen tối, bạn chẳng phải chỗ tốt lành. Lại có 1 Tỳ-kheo là Sa-môn Đạo Hoằng ở chùa Thiền Lâm tự nói: "Tôi giáo hóa 4 chúng đàn việt tạo hết thảy kinh, ở trong cõi người có chú đúc 10 tôn tượng bằng vàng ròng". vua Diêm-ma bảo: "Thể của Sa-môn hẳn phải nhiếp tâm Đạo tràng, chí niệm thiền tụng, chẳng can dự việc thế tục, chuyên tâm nghĩ niệm giới, chẳng tạo mọi sự hữu vi. Giáo hóa mà cầu tài lợi thì tâm tham liền khởi. Đã ôm hoài tâm tham thì 3 độc chẳng thể diệt. Giao cho Quan ty y cứ thử xét". Liền có người mặc áo xanh đưa đi đồng vào một chỗ với Đàm Mô Tối. Lại có 1 Tỳ-kheo là Sa-môn Bảo Chân ở chùa Linh Giác tự nói là: "Trước lúc chưa xuất gia từng làm Lũng Tây Thái Thú, từ khi nhận biết về khổ không bèn quy y Tam bảo, cắt bỏ xả thí của cải gia nghiệp tạo dựng chùa Linh Giác. Khi chùa đã hoàn thành, bèn xả bỏ quan vị mà vào Đạo. Tuy chẳng thiền tụng, mà lễ bái chẳng khuyết". vua Diêm-ma bảo: "Ngày ông làm Thái thú sử dụng tình cong ép uổng trái pháp cướp đoạt của cải muôn dân để sung vào làm vật của mình. Giả sử như có làm ra chùa ấy cũng chẳng phải sức lực của ông, cớ sao nhọc nói vậy? Cũng giao cho quan ty chuẩn cứ xét thử". Và cũng có người mặc áo xanh đưa đi vào cửa đen tối, tợ chẳng phải chỗ tốt lành vậy. Còn tôi vì bắt lấy sai lầm nên chẳng hỏi, được phóng thả trở về sống lại".

Khi Tuệ Nghi tỏ bày đầy đủ mọi sử xảy ra trông thấy ở trước mặt vua Diêm-ma. Lúc đó trong số những người nghe kể có Tần Hồ Thái Hậu. Thái Hậu nghe thế lấy làm điều khác lạ, bèn sai Hoàng môn thị lang y cứ theo sự trình bày của Tuệ Nghi mà phỏng hỏi về các Sa-môn Trí Thông v.v... ở cả 5 chùa, và đều cho biết có những vị ấy vừa qua đời trong vòng 7 ngày trở lại và những hạnh nghiệp lúc bình sinh đều đúng như sự bày nói của Tuệ Nghi vậy.

6. Sa-môn Huyền Chân ở chùa Huyền Pháp ở thời tiền Đường phá trai nhận chịu tội báo.

Sa-môn Thích Huyền (Hành?) Chân vốn dòng họ Thiệu, người xứ Lam Điền. Từ thuở bé thơ kính thờ bậc danh Sư, sớm ôm hoài thức ngộ mà rất công kích sự đọc tụng, nổi tiếng khắp cùng thôn ấp, từng bị cảm bệnh nóng sốt quá nửa ngày rất kịch liệt nên từng phạm phá trai pháp, chưa hồi hoàng cải đổi chỉnh túc.

Đến năm Vĩnh Huy thứ 3 (652) thời tiền Đường, Huyền Chân đến chùa Thắng Quang nghe Pháp sư Nhuận giảng kinh Niết Bàn. Qua ngày 17 tháng 05, bỗng nhiên đang ngủ ban ngày, thầm như chết ngất, khắp thân thể hơi lạnh, hơi thở dần suy yếu, người bên cạnh chẳng dám rối

loạn xúc chạm, trải qua một đêm mới sống lại, mồ hôi tuôn đổ, kinh sợ, Huyền Chân tự nói rằng: Bị Minh Quan quở trách tội phá trai, nên đáng nhận chịu làm thân quỷ đói. Huyền Chân buồn hận, không biết tính sao mới đáp rằng: "Bởi vì khốn khổ bệnh nóng sốt, chẳng phải là cố tâm. Nếu được ban ân, thì sẽ thiết trai hội cúng dường trăm vị Tăng, từ nay xin cải đổi lỗi làm xưa trước không còn dám trái phạm phá trai". Nhân đó được trở về sống lại, xả thí hết y vật theo như lời nói mà thiết trai hội. Về sau trải qua năm tháng mà nhã chí chưa hoàn toàn. Đến tháng 08 năm Hiển Khánh thứ 5 (670) thời tiền Đường, Pháp sư Nhuận lại đến chùa Huyền Pháp giảng kinh Niết Bàn, Huyền Chân cũng lại bị ép bắt như trước, Minh Quan tức giận quở trách rằng: "Ngươi dám còn trở lại đây ư?" Và bảo 2 người dẫn đến hướng Bắc, mới thấy vài lớp hầm khe, gai góc kín đầy, 2 người ấy ruồng đuổi phải từ trong đó mà qua, máu thịt rách xé rơi rớt không còn chỗ nguyên vẹn. Khi đã qua khỏi hầm gai rồi, thấy có ngàn quỷ đói, hình dung cháy đen gầy ốm, cổ họng như kim, lông mình như gai nhọn, tranh nhau ăn nuốt các thứ máu mủ tanh nồng, trông nhìn lại thân mình cũng đồng như thế, Huyền Chân kinh hãi hối trách, gieo mình nơi đất, bất chợt xưng niệm danh hiệu Phật, ngước dậy trong lúc chưa chết, trọn không thấy các tướng trước đó. 2 người ấy lại dẫn đến trước mặt vua Diêm-ma. vua hỏi: "Ông thấy như thế nào?" Huyền Chân cúi đầu tự trách thệ nguyện trọn sẽ tu trì cải hối. Khi đó được phóng thả trở về. Và Huyền Chân không còn dám thối lùi.

7. Vị Thiền sư ở nước Tân La cắt thịt để đền đáp thí chủ.

Khoảng cuối thời nhà Tùy, tại nước Tân La có 1 vị Thiền sư, mất họ tên, cảnh hạnh rất tinh cần hiển trước, phần nhiều hay ở tại 1 nhà Đàn Việt nhận thọ sự cúng dường, qua lại không ngưng nghỉ có hơn 10 năm. Vì Đàn Việt ấy cũng do sức tin sâu bền, trong nhà lại đầy đủ tiện nghi nên sớm tối cung cấp tứ sự dốc cả thân tâm. Đến lúc Thiền sư tuổi già mà thị tịch cũng y cứ như pháp mà an táng. Chưa đầy vài ngày sau trong vườn nhà Đàn Việt ấy có 1 cây khô bỗng sinh ra loại nấm mềm mại, người trong nhà bèn hái lấy làm canh thịt, mùi vị thật đồng như thịt, mọi người lớn nhỏ đều ưa thích, ngày ngày hái lấy nấu ăn, khắp thân cây khô cũng tùy mọc ra cung cấp đủ đầy, trải qua năm tháng lâu dài, mọi người thân gần thảy đều biết. Về sau ở gần phía Tây có 1 người ban đêm đạp tường rào dùng dao trộm cắt lấy nấm, bỗng nghe từ thân cây khô phát ra tiếng người nói rằng: "Ai cắt thịt tôi ấy? Tôi đâu mắc nợ ông?" Người ấy kinh ngạc hỏi: "Ngươi là ai?" Từ cây khô đáp rằng:

"Tôi là Thiền sư (...) ngày trước, duyên vì tôi đạo hạnh thiển cạn mà nhận thọ tâm sâu nặng của thí chủ cúng dường, hạnh nghiệp chẳng thể tiêu, nên nay trở lại đây để đáp trả. Ông có thể vì tôi mà xin mọi vật hoàn trả lại cho người chủ thì tôi liền được giải thoát". Người ấy nhớ nghĩ về xưa trước, có cùng nhận biết đó nên quái lạ. Ôi thôi! Liền vì báo lại cùng người chủ, người chủ nghe thế lặng ngã gào khóc chết ngất, đối diện với cây mà sám hối mong thứ lỗi oan khiên, phát nguyện cùng phóng thả khói. Và người ở gần nhà kia vì xin trăm thạch gạo mang lại trao cùng người chủ. Từ đó, cây khô trong vườn không còn mọc sinh nấm nữa.

Có Sa-môn Đạt Nghĩa cũng người nước Tân La tuổi gần 80 trinh thuần thành khẩn đến nương náu nơi núi này. Tôi (Hoài Tín) kính trọng đức hạnh ấy nên luôn cung cấp áo mặc thuốc thang, ngài Đạt Nghĩa buồn khóc đối với tôi mà thuật kể việc trên và nói rằng: "Tôi cũng lại phải cắt thịt để đáp trả Sư vậy!"

8. Sa-môn Biện Khuê và Sa-môn Hoằng Lượng ở Tương Châu thời tiền Đường sau khi đã qua đời mà mong cầu phước.

Trong khoảng tháng 05 năm Vĩnh Huy thứ 5 (652) thời tiền Đường, có Lý Tư Nhất ở Tương Châu chết ngất qua 1 đêm sống lại nói rằng: "Vì thọ mạng chưa hợp đáng chết nên được vua Diêm-ma phóng thả trở về. Ở trước mặt vua Diêm-ma thấy có Sa-môn Biện Khuê ở chùa Pháp Quán, huyện Phủ Dương, Tương Châu. Lại thấy có Sa-môn Hoằng Lượng và Sa-môn Tuệ Bảo ở chùa Hội Phước, 3 người đều tại trước vua Diêm-ma để đối biện. Minh Quang bảo: "Sa-môn Tuệ Bảo thời gian chết chưa đến nên phóng thả trở về tu hành công đức. Còn Sa-môn Biện Khuê và Sa-môn Hoằng Lượng tuổi chết hẳn đã đến. Hậu quả như lời nói: "Chư Tăng ở trong 2 chùa ấy mới mời 1 thầy đồng cốt đến phòng Sa-môn Biện Khuê và Sa-môn Hoằng Lượng vời gọi thần thức để hỏi đó. Sa-môn Biện Khuê gá ứng nói rằng: "Tôi vì phá trai nên nay phải nhận chịu rất mực đau khổ, nên bảo cùng các đệ tử... vì tôi mà thiết trai cúng dường để cứu bạt khổ nạn ấy". Các đệ tử và thiết lập trai hội, thầy đồng cốt liền báo là: "Đã được miễn khỏi tội". Còn Sa-môn Hoằng Lượng gá ứng nói rằng: "Tôi vì phá trai lại thêm rao nói những chuyện tốt xấu ngắn dài của người khác, nên nay bị kéo lưỡi rất thống khổ, chẳng thể nói được nhiều!"

9. Sa-môn Thích Tuệ Ước ở chùa Thắng Nghiệp tại Tây kinh thời

tiền Đường thấy chư Tăng nhận chịu tội khổ.

Hai vị Sa-môn Thích Tuệ Ước và Thích thọ quả đều xuất gia từ thuở thiếu thời ở chùa Thắng Nghiệp tại Tây Kinh. Năm Thùy cũng thứ 3 (687), thời tiền Đường, hai người đều làm trị thế trong nhà kho. Bỗng nhiên trong tháng 05 bị Minh quan bắt dẫn đến chỗ vua Diêm-ma. vua hỏi: “Các ngươi lúc bình sinh làm những hạnh nghiệp gì?” ngài Tuệ Ước đáp rằng: “Tụng kinh Pháp Hoa được 3, 4 quyển”. vua Diêm-ma bèn chấp tay cung kính mà nói rằng: “Thả phóng thích trở về”. Và sai bảo người dẫn đi trông xem các chỗ nhận chịu khổ. Bèn theo hướng Tây nam đi đến một cửa lớn, ở viện phía Bắc thấy 1 hàng nhà dài, dùng bảng làm tường, hai phía Đông Tây tương đương với nhau, làm lỗ như lỗ gông cùm không khác. Trong mỗi mỗi lỗ đều có đầu chư Tăng ở đó. Thấy có Sa-môn Đại Lượng cùng ở đồng chùa, thây tuy còn sống mà đầu đã xuất hiện trong lỗ. Vừa trông thấy 2 ngài Tuệ Ước và Thọ Quả liền gào khóc sợ kêu, không thể trình bày lại đầy đủ. Sa-môn Đại Lượng thường coi sóc sửa sang 3 tôn tượng lớn trong chánh điện, riêng lạm dùng vật tu sửa tôn tượng nên bị đuổi bắt. Bên cạnh mỗi lỗ đều có ngục tốt, hình trạng rất đáng sợ, cầm nắm dao đâm vào đó, máu huyết dơ bẩn lan tràn. Ngục tốt đặt đầu lên rồi kêu sống trở lại. Đầu liền chứng ngộ trong lỗ, cứ như thế không bao lâu mà đã trải qua vài ba mươi lần. Tiếp đi đến hướng Tây, lại thấy chỗ kẻ giết hại ăn thịt tội khổ. Có vô số chúng Tăng bị cắt hại. Tiếng kêu khó kham nhẫn sự bị hại, các chúng sinh bị ăn thịt xưa trước đều đến đòi mạng, chia nhau ăn gặm máu thịt. Lại thấy Sa-môn Trí Cảm là vị chủ chùa đồng ở trong chùa và Đô Duy Na Sa-môn A Lục bị trói buộc rất bức gấp. Đang khám xét tội ăn thịt và dùng vật của chúng Tăng, bỗng nhiên 2 ngài Tuệ Ước và Thọ Quả bị đẩy rơi vào trong hầm đen tối, chốc lát mà được sống lại, khắp thân thể toát đổ mồ hôi, tâm thần không tự chủ. Sau đó, chưa đầy một tháng, Sa-môn Đại Lượng qua đời, Sa-môn Trí Cảm cũng bị bạo tử, nhận chịu thống khổ vô cùng. Sa-môn A Lục liền phát tâm sám hối, không ra khỏi cửa phòng, tụng đọc hết thảy các kinh, ngày đêm cầu khẩn. Có vài lần thấy Minh quan sai 2 kẻ sứ mặc y phục sắc vàng cưỡi ngựa trắng đến muốn bắt lấy, vừa đến trong cửa phòng Sa-môn A Lục, một người nói rằng: “Phát khởi đại tâm ngày đêm không phế bỏ đọc tụng hết thảy các kinh, nên sẽ có thể được phóng thả”. Phàm có 3, 4 lần đến như thế, do được thân gần trông thấy A Lục chuyên cần sám hối không thôi nghỉ, bèn được không sao.

10. Lược trích "Tịnh Độ Tử" do Cánh Lăng Văn Tuyên Vương thời Nam Tề soạn thuật.

Tiêu Tử Lương ở thời Nam Tề soạn trước bộ "Tịnh Độ Tử" 20 quyển, trong đó có kiểm hiệu Tam nghiệp môn, nay lược trích phần ấy vậy.

"... Thứ lại, kiểm hiệu càng thêm kinh sợ hổ thẹn, kiểu hiệu thế nào? Thân ta đây từ sáng sớm đến trưa, từ trưa đến chiều, từ chiều đến tối, từ tối đến sáng, cho đến trong một giờ một khắc một niệm một khoảnh, ta đã có bao nhiêu tâm bao nhiên thiện bao nhiêu ác? Bao nhiêu tâm muốn diệt trừ phiền não? Bao nhiêu tâm hàng phục ma oán? Bao nhiêu tâm nghĩ nhớ Tam bảo và pháp tứ đế? Bao nhiêu tâm nghĩ nhớ báo ân sinh dưỡng của mẹ cha? Bao nhiêu tâm nguyện thay thể chúng sinh để nhận chịu khổ? Bao nhiêu tâm phát khởi nghĩ nhớ Đạo ý của Bồ-tát? Bao nhiêu tâm muốn bố thí trì giới? Bao nhiêu tâm muốn nhẫn nhục tinh tấn? Bao nhiêu tâm muốn thiền tịch niệm định? Bao nhiêu tâm muốn hiển bày trí vô tướng? Bao nhiêu tâm muốn thực hiện từ bi cứu độ? Bao nhiêu tâm muốn độ khắp năm loài? Bao nhiêu tâm muốn giúp khuyên gắng thực hành việc kho thực hành? Bao nhiêu tâm muốn vượt cầu thắng quả hoàn thành sự khó hoàn thành? Bao nhiêu tâm muốn giữ nhọc nhẫn khổ kiến lập Phật pháp? Bao nhiêu tâm muốn xả bỏ thân mạng để hộ trì Tam bảo? Bao nhiêu tâm muốn tiếp nối giống Phật khiến không đoạn tuyệt? Bao nhiêu tâm muốn chuyển hóa các hàng ngoại Đạo khiến họ vào với chánh pháp? Bao nhiêu tâm nghĩ nhớ việc làm đã xong của các Thanh văn? Bao nhiêu tâm nghĩ nhớ công đức hạnh địa của các Bồ-tát? Bao nhiêu tâm chuyên nghĩ nhớ cầu trí tuệ của Đức Như Lai? Bao nhiêu tâm tự nghĩ ta sẽ làm Phật? Bao nhiêu tâm vận tưởng duyên đến cõi tịnh? Bao nhiêu tâm phát ý quán chiếu nỗi khổ chốn địa ngục?

Thứ lại kiểm xét về miệng, từ sáng sớm trở lại, lần lượt theo thời khắc. Ta đã được diễn nói bao nhiêu câu nghĩa lý sâu mầu? Đã mở bày đọc tụng bao nhiêu quyển kinh điển? Đã được ôn tụng bao nhiêu văn tự? Đã được bao nhiêu lần chịu xưng tán tùy hỷ?

Thứ lại kiểm xét về thân, thời khắc như thế từ sáng sớm trở lại, khuất mình cúi ngưỡng kính lễ Phật bao nhiêu bái, cho đến cả pháp và Tăng số ấy được ít nhiều? Đã được bao nhiêu lần chịu quét tháp lấp đất? Đã được bao nhiêu lần chịu đốt đèn rải hoa? Đã được bao nhiêu lần vào trong điện đường thờ Phật? Đạ được đi nhiễu quanh mấy mươi vòng? Đã được bao nhiêu lần chịu quét trừ bụi dơ? Đã được bao nhiêu

lần sửa bày các vật dâng cúng? Đã được mang đội trên đầu bao nhiêu tràng phan? Đã được thiêu đốt bao nhiêu Diệu hương?

Thử kiểm xét như thế thì nên biết hợp với Lý thì rất ít mà trái với Đạo có lắm nhiều, nghiệp Bạch tịnh quyết chắc không đủ nói. Còn phiền não trọng chướng thì có lắm đầy tràn mắt, mờ che tích chứa, giải thoát do đâu mà có được! Nếu chịu bỏ nói năng thế tục, bè bạn tụ hợp giao du đùa bởn, mà chăm lo kiểm xét như thế, thì ác do đâu sinh khởi? Chỉ được tự cứu mình còn không rảnh, đâu được bàn luận đề cập đến người khác. Nếu chẳng chịu kiểm xét như thế, thì lại cũng nói ta công đức chẳng ít, và có lắm nhiều việc thiện. Và, bèn tự cho rằng việc người làm không được mà ta làm được, người không thể thực hành mà ta thực hành được. Còn nếu sinh khởi kiểm xét như thế thì bèn có thể liền biết thiện ác cạn sâu, nhẹ nặng ít nhiều. Đức Như Lai đại bi thương xót nghĩ nhớ chúng sinh, muốn khiến xa lìa khổ mà được an ổn nên xiển dương vô lượng pháp môn, mở đường chân chánh cho trời người, mà ta xúc niệm trái với kinh, trải tâm trái với luật, Thư Lễ Châm răn vất bỏ chẳng theo, thuận với ác, nghịch với thiện, trong mỗi mỗi niệm Tăng thêm lớn mạnh, mà muốn dùng mảy may phước mọn ngỏ mong hầu thoát khỏi khổ lớn. Há được thoát khỏi ư? Nay kiểm xét đã xong, thật rõ biết việc ác nặng như núi đồi, điều thiện nhẹ như lông tóc. Bèn nên mỗi mỗi tự trách tâm miệng cùng dạy răn. Tâm bảo cùng miệng “Ngươi phải thường nói pháp, chớ nói phi pháp”. Miệng trở lại bảo cùng tâm “Ngươi phải thường tư duy về pháp chớ tư duy phi pháp”. Tâm lại bảo cùng thân “Ngươi phải siêng năng thực hành như pháp, chớ thực hành phi pháp”. Như thế thì tâm ta tự răn chế miệng ta, miệng ta tự răn chế tâm ta, tâm ta tự răn chế thân hình ta, thân hình ta tùy thuận theo miệng ta. Lại cùng răn chế siêng năng há chẳng tốt lành ư? Sao phải nhọc mệt tâm miệng người khác răn chế tâm miệng ta. Nếu nhọc mệt tâm miệng người khác để răn chế tâm miệng ta. Ta sao chẳng tự xấu hổ với tâm miệng ta ư?”.

■

SỰ TỰ XÉT GHI TRONG NHÀ PHẬT

QUYỂN HẠ

VIII. GHI VỀ HẠI VẬT THƯƠNG TỔN ĐỨC TỪ.

1. Sa-môn Trúc Pháp Tuệ ở Tương dương thời nhà Tấn bị hại và môn nhân đệ tử bị bẻ gảy chân.

Sa-môn Trúc Pháp Tuệ vốn dòng họ Trương là bậc Hiền giả ngay thẳng rất có giới hạnh, lại còn có cả Thần tích, từng bảo cùng đệ tử là Sa-môn Pháp Chiếu rằng: "Ở trong quá khứ ông từng bẻ chân 1 con gà, ương lụy đó vẫn còn tìm đến ngày nay, ông nên cẩn trọng đó". Pháp Chiếu bỗng nhiên đi ra, lầm bị người đánh ném bèn gảy 1 cẳng chân, Pháp Chiếu mới tin ngộ. Trúc Pháp Tuệ lại nói cùng môn nhân rằng: "Ta có mắc nợ oan trái xưa trước, nay phải nhận chịu". Bỗng chốc đi đến hướng Tây, bèn bị Sưu Trỉ Cung làm hại.

2. Thích Tăng Quần, ở Hoắc sơn bẻ gảy cánh vịt thấy nhận chịu quả báo. (Rút từ Minh Tường ký, phụ: Chi Tuần).

Thích Tăng Quần, chưa rõ ngài là người xứ nào, thường luôn thanh bần thủ tiết, ăn rau quả trì tụng kinh. Về sau, đến ở Hoắc Sơn, núi ấy một mình riêng lẻ trong biển, phía trên có chén đá, đường kính khoảng vài trượng, nước sâu khoảng 6, 7 thước thường có dòng chảy trong mát. Các bậc kỳ lão xưa trước tương truyền đó là chỗ ở của các tiên, uống nước tức liền chẳng đói, nhân đó dứt bỏ gạo thóc. Am cốc của Ngài ở cách chén ấy một khe suối nhỏ, thường lấy cây gỗ làm xà cầu, do đó mà qua lại múc nước. Về sau, có một lúc bỗng thấy 1 con vịt bị bẻ gảy cánh buông rơi cánh ở đầu xà cầu đến lẹt xẹt, Ngài muốn giất tích trượng gạt vất đi, bỗng nhiên nghĩ nhớ thuở thiếu thời từng bẻ gảy cảnh 1 con vịt, tự nghiệm lấy đó làm nhận chịu quả báo, mới bỏ hẳn sự ăn uống mà thị tịch. Đến lúc sắp tịch tỏ bày sự ấy đầy đủ với người mà thôi!

Lại nữa, Sa-môn Chi Tuần tự là Đạo Lâm, vốn dòng họ Lậu, người xứ Trần Lưu. Ngài xuất gia tử thuở thiếu thời, là bậc thần tuấn siêu ngộ ngàn năm có được một người, mà lấy làm trứng gà ấp khí chưa đủ cho

là không có mạng sống, nói ăn thứ đó không tội. Thầy của Ngài là bậc danh Tăng giới hạnh trinh thuần thường vì dạy răn, mà Ngài khoái biện luận nói thẳng lời nên thầy Ngài chẳng thể điều phục. Sau khi thầy Ngài đã thị tịch, bỗng lại hiện hình lấy trứng gà đối trước mặt Ngài mà ném nơi đất, mới có gà con từ trong trứng xuất hiện ra bay liệng mổ ăn, trong ý Ngài hơi sinh nghi ngờ, chưa thể toàn cải đổi, về sau lại muốn ăn đó nữa, bèn mộng thấy có 2 vợ chồng người nọ đến quỳ thẳng trước mặt Ngài mà thưa rằng: "Có 30 người con, ngày mai cung cấp vào nhà trù để nấu ăn, nên xin thầy ban tha mạng, nguyện rủ lòng xót thương cứu với". Mới ngậm gà con đến trước mặt Ngài gõ phá, đều có những đứa trẻ mặc áo trắng từ trong mà ra. Sau khi tỉnh giấc rồi, Ngài rất tự hối trách, từ đó chỉ rau quả đến trọn đời.

3. Sa-môn Trúc Tuệ Sĩ ở chùa Tứ Tầng tại Giang Lăng thời tiền Tống ăn thịt nên sinh làm chó đói nơi địa ngục. (Rút từ Minh Tường ký).

Sa-môn Trúc Tuệ Sĩ người xứ Tân Dã, ở chùa Tứ Tầng tại Giang Lăng, tịch năm Vĩnh Sơ thứ 2 (421) thời tiền Tống. Các đệ tử vì thiết trai hội cúng dường 7 ngày. Ngày đó, lúc sắp tối đốt hương xong. Sa-môn Đạo Hiền nhân sang trông xem đệ tử của Tuệ Sĩ, vừa đến trước cửa phòng, bỗng thấy loáng thoáng như có hình bóng người. Trông nhìn kỹ thì là Tuệ Sĩ, dung mạo y phục chẳng khác lúc bình sinh. Tuệ Sĩ nói cùng Đạo Hiền rằng: "Ông ăn thịt có ngon chăng?" Đạo Hiền đáp: "Ngon!" Tuệ Sĩ bảo: "Tôi vì ăn thịt nên nay đọa làm chó đói nơi địa ngục". Đạo Hiền kinh sợ chưa kịp nói năng gì. Tuệ Sĩ lại bảo rằng: "Nếu như ông không tin thì thử trông xem sau lưng tôi". Mới vén lưng cho Đạo Hiền xem, thấy 3 con chó vàng, một nửa thân hình tợ như lừa, mắt rất đỏ phóng tỏa ánh sáng soi chiếu vào trong cửa nhà, tướng trạng như muốn gặm cắn Tuệ Sĩ mà lại ngưng dừng. Đạo Hiền kinh sợ chết ngất, giây lâu mới sống lại tỏ bày đầy đủ sự việc ấy, nhân đó mà hối chừa cải đổi.

4. Linh Tài ở thời nhà Tề ăn thịt vừa vào cổ họng bị đau khổ mà chết.

Linh Tài vốn dòng họ Triệu, người xứ Đông Dương. Tuy thân dự phần Đạo môn mà hạnh đồng như thế tục, nhóm tụ uống ăn, chưa bao giờ sinh tâm hổ thẹn. Từng ở tại xứ Ngô đến nhà Hào Sĩ Cổ Bái, đưa khách lên chơi tại đình Thăng Bình, thấy dẫn theo 1 con dê sắp đưa vào

bếp để làm thịt, vì lưới tham che phủ Tâm nên Linh Tài chẳng hề cản ngăn, bỗng chốc con dê ấy kéo giựt đứt dây chạy vào dưới đầu gối Linh Tài xuyên chui đầu vào dưới áo ca sa, tỏ vẻ muốn được cứu giúp, mà Linh Tài vẫn điềm nhiên không nói năn gì. Con dê đã bị dẫn kéo đi, chỉ chốc lát mổ xẻ đã xong, đốt lửa nướng mà hành. Linh Tài trước ăn một miếng thịt mới đưa vào cổ họng, thịt bèn từ trên chạy xuống dưới xung chạm tới tim quẩy động trong bụng, thắt chặt khổ thống, chẳng thể kham nhẫn, đứng nằm rên rỉ, đau buốt những người chung quanh. Cổ Bái liền bảo thầy thuốc châm chích, cứu còn nhiễu động, mới phá da mà ra nguyên miếng thịt cũ, Linh Tài mắc bệnh làm tiếng dê kêu nhả nước bọt, trở về chùa thời gian ngắn thì qua đời, mọi người xa gần thấy nghe đều lấy đó để tự răn mình chỉnh túc.

5. Sa-môn Trí Thận ở Dương Châu thời nhà Trần bị vua Diêm-ma răn dè khuyên bảo. (Rút từ Trưng Nghiệm truyện).

Sa-môn Trí Thận, chưa rõ là người thuộc dòng tộc nào, nói năng hành xử có lấm bẩn dơ, đam mê dâm dục, thường ăn cá tươi lấy làm ngọt ngon miệng bụng, mới tại nơi phòng đào cái hồ rộng khoảng 2 trượng thả nuôi nhiều cá ngon lành dùng để cung cấp sớm tối. Lại đồ họa tượng vua Diêm-ma đặt để nơi tòa không, cá lương nấu chín, trước hiến dâng tượng. Có người hỏi về nguyên do, Trí Thận nói rằng: "vua Diêm-ma là chủ ngục tối, đuổi phạt đều do đầu ngọn bút của vua, giả sử như cùng gặp, ngỏ hầu được khoan dung tha thứ". Các đồng bạn chê trách quở răn, nhưng Trí Thận trọn không nghỉ bỏ, về sau cùng mặc bệnh mà chết ngất, bèn thấy vua Diêm-ma bảo rằng: "Đệ tử từ trước trở lại từng được cúng dường, tuy Sư dốc hết ý nồng hậu mà trọn chỉ khiến đệ tử tội lụy càng sâu, mong Sư chớ như thế nữa! Việc giết hại sinh mạng tội nặng chẳng thể cứu chuộc lại được". Và bảo quan trông coi ngục dẫn đi trông xem các chỗ nhận chịu tội khổ, trông xem rồi có thể đưa Sư trở về lại. Trí Thận đi thẳng đến trước, thấy một thành rất lớn lửa dữ cháy bừng, chưa đến vài trăm thước, sao lửa vụt bay loạn xạ, gần đến nơi chỗ Trí Thận, Trí Thận kinh sợ chẳng chịu tiến tới. vua Diêm-ma mới hỏi: "Sư thấy thế nào?" Trí Thận buồn khóc cầu xin sám hối, mong cầu được tạm thả về để tu công đức. vua Diêm-ma bảo: "Ở phía ngoài ngục còn như vậy, nên nghĩ biết phía trong ngục như thế nào. Tự mình tạo tác, tự mình nhận chịu, lời nói ấy thật không xằng bậy! Từ trước đến giờ mong đội ân, nay lấy đó vì báo đáp!" Trí Thận bèn được sống lại, rất sinh tâm cải hối, sớm tối tinh cần, về sau trở thành vị Tăng

cao hạnh vậy.

6. Sa-môn Oai Chỉnh ở chùa Thái Bình tại Thần Đô thời tiền Đường hại con nhền nhện. (Tân Lục).

Sa-môn Oai Chỉnh, chưa rõ là người thuộc dòng tộc nào, xuất gia từ thuở thiếu thời, chuyên tu tuệ giải, tinh cần nghe học, chưa từng luống qua thời gian, ở chùa Thái Bình tại Thần Đô, thường giảng vài bộ kinh luận Đại thừa, rất có lợi ích rộng lớn. Bỗng nhiên phía trên tường vách ở sau giường, thấy có 1 con nhền nhện, dùng gậy xua đuổi, lầm làm gảy mất một chân, bảo người đưa đi ném thả nơi khác. Đến ngày hôm sau, Oai Chỉnh cũng trở lại thấy con nhền nhện ấy, lại bảo người mang đến thả ở phía Nam dòng nước. Qua một đêm sau, nhền nhện cũng trở lại, vô tướng mới đưa tay xé bỏ cẳng chân bị gảy ấy và bèn bị nó cắn vào ngón tay, lại bảo người đem đi thả bỏ chỗ xa. Ngày khác, bất chợt nhền nhện trở lại và cắn tay Oai Chỉnh. Mới đầu, vết thương tuy nhỏ mà đau nhức không thể nhẫn chịu, lại bảo người đưa nó đi, từ đó không thấy nó trở lại, vết thương nơi tay Oai Chỉnh về sau dần Tăng lan dần khắp thân thể, nơi thân thể cảm thấy dần sinh ngứa, Oai Chỉnh mới đưa tay gãi cào đó, bèn theo dấu tay mà làm thành vết thương, trong vết thương có tơ của nhền nhện rút ra ngoài vết thương đều dần lớn đến vào ba tấc. Tối sớm khổ đau khó nói khó nhẫn, trải qua thời gian 2 năm, khạt nhổ tiểu tiện đều có con nhần nhện nhỏ cùng ra, mãi đến nay vẫn chưa lành, tìm hỏi trăm phương trọn chẳng thể chữa trị. Tăng chúng trong chùa luôn luôn nhóm tập vì Oai Chỉnh mà khẩn cầu Phật, liền cảm thấy nhỏ, mới xả thí tất cả của cải y phục đến núi Long Môn tạo lập 15000 tôn tượng, tôn tượng đến nay sắp hoàn thành, vết thương ấy hơi thu gom nhỏ lại, há chẳng phải ương trái xưa trước chỗ chẳng thỉnh cầu đặt để đó ư?

IX. GHI VỀ ĂN UỐNG TRÁI PHÁP.

1. Sa-môn Trúc Đàm Du ở núi Thiên Thai thời nhà Tấn, lúc còn trong thai mẹ từng giẫm qua chỗ đất trồng hành kiệu nên bị Thánh giả xua đuổi.

Sa-môn Trúc Đàm Du còn gọi là Pháp du, người xứ Đôn Hoàng. Từ thuở thiếu thời sống theo khổ hạnh hành tập Thiền định, có lắm thần tích diệu ngộ, chưa rảnh nêu bày tường tận. Về sau đến ở núi xích thành, hang núi ấy liền thuộc với núi Thiên Thai, mà sườn núi Thiên Thai cao vợi súc tích. Các bậc kỳ lão xưa trước tương truyền rằng: “Trên đó có tinh xá, là nơi những vị đắc Đạo ở, nhưng có cầu đá gác qua khe

mà đá đâm ngang cắt đứt người. Vả lại, rêu rong xanh phủ trơn nhẵn, từ xưa trước trở lại không người nào được đến đó". Đàm Du đi đến nơi chỗ cầu đá, nghe giữa không trung có tiếng bảo rằng: "Biết ông rất mực chí thành, nhưng nay chưa được qua, hãy trở về 10 năm sau đến lại đây vậy!" Trong tâm Đàm Du buồn bả, dừng nghỉ lại qua đêm tại đó, nghe có tiếng hành Đạo xướng tát. Thả từ sau muốn tới trước, thấy có 1 người tóc mày bạc trắng hỏi Đàm Du đến đó với việc gì? Đàm Du đem tâm ý mình mà đáp. Người ấybảo: "Ông ở trong sinh tử, tội lấm thân sao có thể được đi? Tôi là thần ở núi này, nên cùng báo ông biết vậy". Đàm Du mới lui về đừng ở thời gian ngắn, khiết trai nhiều ngày, nhân lại sang đó, thấy đá đâm mở rỗng, cầu đi qua ngắn ít, trông thấy rõ các bậc Thần Tăng và tinh xá, quả đúng như lời đồn đãi. Nhân đó, Đàm Du đốt hương giữa bữa ăn trưa, ăn xong, có vị Thần Tăng bảo rằng: "Nói ông có mùi hơi hành kiệu, nên chưa thể đến ở đây. Hãy trở về 10 năm sau đến lại đây vậy!" Đàm Du nói: "Từ lúc mới sinh trở lại tôi chưa từng biết mùi vị tanh nồng dơ uế huống gì là ăn vào miệng mà nói là có mùi hôi ư?" Thần tăng bảo: "Lúc ông ở trong bào thai, mẹ ông từng giẫm trải qua nơi chỗ đất trồng hành kiệu". Đàm Du hổ thẹn mà thối lui, trông nhìn thấy đá ngâm ngang, bèn trở lại phòng nhà như mới đầu. Về sau, tịch tại núi ấy mà khắp thân thể toàn sắc màu xanh lục.

2. Sa-môn Nan Công ở chùa Tân thời tiền Tống uống rượu bị quở trách. (Rút từ Minh tường ký).

Tương Tiểu Đức người xứ Giang Lăng, tuy mới độ tuổi niên thiếu mà kính tin chí hướng tinh cần vượt qua người. Đến cuối niên hiệu Đại Minh (465) thời tiền Tống, cảm mắc bệnh mà chết, tới canh ba trong đêm sắp tẩn liệm, bỗng nhiên sống lại kể rằng:

"Có Sứ giả tự xưng là vua sai chiếu tới gọi bắt, Tiểu Đức bèn theo đi. Đã đến nơi, vua Diêm-ma bảo: "Ông tinh cần dùng tâm nhỏ mà kính phụng đại pháp, được vua Trời Đế Thích chỉ vì ông chuyên chí nên chóng được sinh về cõi tốt lành. Mà tính về tuổi ông thì còn lâu dài, bảo ta đặc biệt với gọi ông vậy. Ngày nay sắp nhận thọ khoái lạc trên cõi trời, nên cùng vì ông mà vui mừng vậy". Tiểu Đức rất hoan hỷ thưa: "Vâng". vua Diêm-ma lại bảo: "Ông có thể trở về lại nhà muốn gởi gấm gì và làm mọi việc công đức nhanh chóng, 7 ngày sau lại đây vậy!" Tiểu Đức vâng lời mà trở về, trên đường do đi qua 1 chỗ có một ngôi nhà nhỏ rất hẹp xấu, thấy gặp Sa-môn Nan Công ở chùa Tân ở trong ngôi nhà ấy. Vì trước vốn đã quen biết, nên cùng han hỏi. Nan

Công bảo rằng: “Bần đạo từ lúc xuất gia trở lại chưa từng uống rượu, thả tạm đến nơi phòng Lan Công. Lan Công khổ thấy khuyên ép uống một thăng, khiến ngày nay bị ở trong ngôi nhà hẹp xấu này vậy, 3 năm sau mới được lên trên”. Tiểu Đức trở về nhà muốn nghiệm biết lời nói ấy, ngay đêm đó vội sai người sang hỏi về Nan Công. Quả nhiên ngày đó nằm ngủ nơi phòng Lan Công, đến tối không bệnh mà Nan Công qua đời. Tiểu Đức đã qua trong 7 ngày thiết Đại trai phước cúng dường. Đến kỳ hạn an nhiên mà qua đời. Lan Công và Nan Công 2 Sa-môn ấy đồng ở tại chùa Tân, Nan Công đạo hạnh rất tinh cần.

3. Sa-môn Thích Viên Thông ở chùa Đại Trang Nghiêm tại Nghiệp Hạ thời nhà Tề uống rượu bị Thánh giả ruồng đuổi quở trách.

Sa-môn Thích Viên Thông, không xõ là người thuộc dòng tộc nào, xuất gia từ thuở thiếu thời, nghiên tầm tụng đọc kinh Niết Bàn.

Trong mùa Hạ năm Kiến Đức thứ 4(1), vừa tan buổi giảng, có vị khách Tăng bỗng nhiên lại chùa nương náu muốn dừng ở mà thể mắc bệnh nặng dữ, mùi hôi thối xông tỏa, chư Tăng không ai ngó ngàn đếm xỉa. Viên Thông mới dẫn khách Tăng ấy đến trong phòng mình, vì lo chăm sóc thuốc thang, tuy có dơ uế, nhưng Viên Thông trọn không khinh sợ. Trong một đêm nọ, Viên Thông đem lại 1 bát “Xuân Tửu” và nói rằng: “Bạn khách đang bệnh hoạn uống rượu này rất tốt?” Vị khách Tăng ấy ngần ngại giây lâu mới vì đó mà nhăn mày uống một ngụm bèn thôi. Đến lúc mãn hạ, cơn bệnh cũng tạm lành, vị khách Tăng ấy bèn tự tạ Viên Thông để đi. Lúc cách biệt, nắm lấy tay Viên Thông, vị khách Tăng ấy răn bảo: “Người tu Đạo chớ khinh thường lúc ở nơi phòng tối, huống gì rượu là thứ bất thiện, gốc của mọi việc ác. Pháp sư ngày trước ban tặng, vì sợ tổn thương tâm ý tốt lành mang lại nên uống vậy. Từ nay trở đi, việc ấy xin nên chấm dứt! Tiểu Tăng ở dưới nhà chùa nhỏ cách 5 dặm về phía Bắc của chùa Thạch Quật tại Cổ Sơn, phải đi nhiễu quanh khe đầm mà lại tức là chùa Trúc Lâm vậy. Như có duyên nghĩ tưởng thì cùng phỏng hỏi đến đó!” Viên Thông nghe nói chùa Trúc Lâm tức là chỗ ở của các bậc Hiền Thánh, bèn kính tạ lời dạy răn ấy trước, và hẳn sẽ tìm sang thăm đó.

Đến năm sau, Viên Thông sang chùa Thạch Quật an cư kiết hạ, mới cùng vài người mang hương hoa tìm đường mà đi, đến trong hang núi phía Bắc cách chùa khoảng 5 dặm, rồi theo hướng Đông mà ra leo lên trên gò núi, thấy một ông già khăn tay bịt trán cầm bừa khai hoang hơn vài mươi mẫu đất. Ông ta thấy chư Tăng bèn cười phóng trên mình

1 con ngựa mà quát mắng rằng: "Năm trước chùa Quan phóng thả ngựa ăn phá lúa mạ sống, con ta ra ngăn cản giữ gìn lại bị đánh đến chết, nay lại dẫn mặt mũi đến đây ư?" Và kéo bừa lại rượt đuổi, chư Tăng vội rút lui, riêng không được đuổi Viên Thông, mà bảo rằng: "Ngươi can cường cứng mạnh, hẳn bảo hổ đói bắt ăn". Viên Thông đi ra hướng Đông, tìm theo một khe nhỏ, nghe trên đảnh núi có tiếng tụng kinh. Viên Thông hỏi chỗ chùa Trúc Lâm, liền ứng tiếng đáp rằng: "Há chẳng là Pháp sư Thông đó ư?" Viên Thông liền biết quả là vị khách Tăng xưa cũ, bèn vạch rừng vượt đường hiểm nguy đi đến chỗ Viên Thông rất mừng vui. Nhân đó bảo cùng đi tới trước vài dặm, bỗng thấy 2 cái cổng cửa cao hiên dài, đường nhiều lối, trúc dài chạm tới mây, tùng xanh ngăn che ánh mặt nhật, mới để Viên Thông dứng lại phía tả cửa và bảo là: "Phải bước hỏi ý Hòa thượng!" Chốc lát lại dẫn vào trong giảng đường dưới hàng hiên phía Tây. Hòa thượng ngồi nơi sàng tòa cao, có năm sáu mươi người thị giả, Hòa thượng tuổi khoảng 70, tướng trạng như Phạm Tăng, Viên Thông lễ bái xong rồi đứng yên, mới bảo an đặt dẫn đi lễ bái chung quanh, thấy 2 dãy phòng Tăng mỗi mỗi đều ngồi nơi màn trướng báu giao kết trang sức các thứ ánh ngời sáng lòa cả mặt nhật, bảo cùng vị Tăng ấy đi rằng: "Kẻ kia khách rượu ở đâu dám đến đây vậy?" và đưa tay xua đuổi đi. Viên Thông tỏ vẻ xấu hổ, vị Tăng ấy mới dẫn vào phòng mình và thiết bày thức ăn bữa trưa. Viên Thông nhân đó tỏ bày ý nguyện của mình muốn được ở tại đó cùng quét tước. Vị Tăng ấy bảo: "Cần phải hỏi ý Hòa thượng". Hòa thượng cố khước từ. Vị Tăng ấy đưa ra đầu cửa, Viên Thông ngoảy nhìn lại luyến mộ rơi lệ tự thương trách tội trước của mình, nắm tay vị Tăng ấy mà giả biệt. Theo hướng Tây đi chừng trăm bước, trông nhìn lại còn thấy cửa cổng nghiễm nhiên, vừa bước từng bước vừa trông nhìn lại. Đi chừng 4 dặm, bỗng nhiên thấy ngọn núi cao vợi, chẳng còn lại chùa vũ, đến nơi chỗ đất khai hoang, trọn không vết tích manh mối, chỉ là một rừng cây Tần.

Các bậc thức giả cho rằng: "Ông già nói: "Năm trước chùa Quang phóng thả ngựa" là chư Tăng như ngựa chỉ nghĩ nhớ đến nước cỏ, chẳng mong cầu Thánh đạo. Và nói "ăn phá lúa mạ sống" tức nói Viên Thông khuyên mời khách Tăng uống rượu, bị hại mầm Đạo, và nói "Con ta ra ngăn cản giữ gìn" là nói khách Tăng mới đầu giữ giới chẳng chịu uống rượu còn nói "bị đánh đến chết" tức nói bị khuyên uống một ngụm mất không biết bao nhiêu Thánh Đạo. Và rượt đuổi chư Tăng tức là riêng để lại dẫn đến người có duyên vậy. Viên Thông chẳng liễu ngộ lời nói ấy, mà chẳng trở lại gia tâm chuyên cần sám hối. Nên bị xua đuổi khiến

bảo đi ra, há chẳng phải ư!.

4. Sa-môn Tăng Đạo Viễn ở chùa Tiết tại Lương Châu thời nhà Tề uống ăn yến tiệc bị lông my rơi rụng.

Sa-môn Thích Tăng Đạo Viễn, không biết là người xứ nào, ở chùa Tiết tại Lương Châu. Vì tánh sơ suất dối trá, chẳng tu tế hạnh, ưa thích theo sự uống ăn yến tiệc lấy làm chuyên.

Năm Võ Bình thứ 3 (572) thời Bắc Tề, bỗng nhiên mộng thấy 1 người to lớn nghiến răng quở trách rằng: "Ông là người xuất gia mặt mắt như thế, vội phóng túng tạo ác, sao chẳng lấy gương để tự soi chiếu xem coi?" Đạo Viễn tỉnh giấc toát mồ hôi, đến sáng sớm vì bồn nước tự ngời ánh mới thấy bên khóe mắt có chấm đen, cho đó là bẩn dơ bèn có cọ rửa lông my đều rơi rụng. Nhân đó tự hối trách, nghĩ nhớ tội ương ấy, bèn cải cách thường tu tập, thay hình đổi chí, mang mặc y phục thô xấu dép giày rách rưởi, ngày ăn một bữa trường trai, tuân phụng theo luật nghi, sớm tối thực hành sám hối, chẳng lúc nào lệ không rơi đổ, trải qua hơn một tháng, Đạo Viễn lại cảm mộng thấy người trước kia mỉm cười bảo rằng: "Biết được lỗi qua mà hay cải đổi, đó là người trí vậy! Tha cho ngươi những lầm lỗi trước kia, chớ trở lại tiếp tục". Đạo Viễn kinh sợ vui mừng mà tỉnh giấc, mồ hôi đổ ướt thân mình, mặt mắt sáng sạch đượm nhuận lại, lông my đều mọc ra. Đạo Viễn từng gióng chuông báo tin biết mọi sự trong 3 đời, dốc hết tánh tình kính phụng pháp, bèn trở thành vị Tăng luyện hạnh vậy.

5. Sa-môn Thích Pháp Tứ ở chùa Nõa Hưng tại Hà Tây thời nhà Tùy uống rượu say bị vua Diêm-ma khuyên răn.

Sa-môn Thích Pháp Tứ, giới hạnh tuy lắm trái phạm mà thường ôm hoài kính hướng sùng chuộng. Vào thời niên thiếu thường cùng cách vài ba đêm uống rượu. Đêm lâu mà tan, chỉ ra nơi cửa, bỗng chốc có 3 người vây bọc trước sau. Pháp Tứ hỏi: "Các ngươi là ai?" Đáp là kẻ sứ của vua Diêm-ma sai đến gọi bắt, và liền kéo dúm lại. Pháp Tứ dốc hết sức lực tranh đấu, bảo rằng: "Tôi có tội gì mà bị bắt bớ?" Vừa lùi vào được trong phòng vin tựa té ngã mà chết ngất. Chư tăng cả chùa kinh ngạc đều lại giữ gìn trông coi. Đến sáng sớm mai, Pháp Tứ sống lại, nhân đó buồn khóc mà tỏ bày những sự thấy biết rằng: "Sang thấy vua Diêm-ma. vua hỏi: "Ngươi tạo tội gì?" Pháp Tứ đáp: "Từ lúc thơ bé vào Đạo, phần nhiều khiếm khuyết giới hạnh, ngoài ra hứa hổ chuộng khinh, chỉ uống rượu là thường thôi". vua Diêm-ma liền bảo người hai

bên rót rượu đưa cho Pháp Tứ. Các người ấy vội lấy rượu, khi đã mang đến đưa cho Pháp Tứ bát rượu lớn bằng một thăng. Pháp Tứ nhận lấy bưng vào trong tay, bỗng nhiên biến thành nước đồng sôi phừng phực cháy cao lên vài trượng. Pháp Tứ kinh sợ ném vất đi mà không thể rời khỏi tay. vua Diêm-ma lại thúc giục bảo uống nhanh. Pháp Tứ gào khóc xin cứu. vua Diêm-ma hỏi: "Lúc bình sinh ông tạo phước gì?" Pháp Tứ đáp: "Thường tụng giới kinh mỗi đêm một biến", nói vừa xong thì bỗng nhiên bát rượu lìa khỏi tay. vua Diêm-ma bảo: "Giới là gốc hạnh đã tụng thì phải trì, chớ lại nói không thì chỉ tổn phí hơi sức. Sức lực của sự tụng trì cũng có khả năng tiêu trừ lắm tội chướng. Nay thả Sư trở về, nên tư duy mà cải hối, như lại muốn uống rượu thì nên nghĩ nhớ đến nước đồng sôi". Bèn thấy 1 vị Phạm Tăng dẫn Pháp Tứ cùng đi ra. Về sau, Pháp Tứ lại chẳng tuân theo thầm hối cải, nên lại bị đuổi bắt lần nữa. Từ đó mới cải đổi, bèn được không sao.

6. Sa-môn Thích Huyền Giám ở chùa Thanh Hóa tại Trạch Châu thời tiền Đường phá vỡ vật đựng rượu, các Sa-môn khác bị quỷ khuyên răn.

Sa-môn Thích Huyền Giám, vốn dòng họ Tiêu, người xứ Cao Bình, Trạch Châu, năm 19 tuổi xuất gia quy hướng Đạo Phật. Đối với các thứ rượu thịt thức ăn tanh nồng, tự nhiên chán ghét. Về sau đến ở chùa Thanh Hóa, nương tựa theo Viễn Công, rộng tham cứu các kinh luận, đối với kinh Niết bàn, rất thấu đạt chí thú, mà chánh tánh thuần thẳng thắng, nói năng và hành động cùng nương nhau. Phàm những lúc thấy gặp uống rượu trái pháp, không lúc nào chẳng phá vỡ vật đựng rượu, nên các hàng sĩ tục tụ tập uống ăn yến tiệc, nghe Huyền Giám đến đều liền vội bỏ tan.

Bấy giờ, chùa Thanh Hóa tu sửa tạo dựng điện Phật, Trường Tôn Nghĩa là Quan trưởng ở Trạch Châu rất mến mộ kính tin, nghe số người thầy thợ làm việc ở đó rất đông, mới đưa đến 2 kiệu rượu để ban tặng. Khi đó, Huyền Giám thấy vậy liền phá vỡ tất cả vật đựng rượu tung tóe nơi đất, và bảo: "Công đức của ta chợt có thể chẳng thành, nhưng trọn chẳng dùng vật trái pháp này vậy". Tôn Nghĩa nghe thế rất tức giận, muốn ngày hôm sau sẽ đến làm hại, đêm đó liền mộng thấy có người nắm dao đi đến, thế rồi bỗng nhiên kinh hãi tỉnh ngộ, bèn liền quy y sám hối. Lại nữa, có một thời gian gặp phải bệnh dịch khí chết người, chẳng chỉ một người đến chỗ Huyền Giám mà sám hối. Huyền Giám khuyên bảo họ dứt bỏ rượu thịt, được bình phục lại số ấy đông nhiều. Có

Lý Thiên là người ở trong làng tánh riêng ham thích uống rượu, nhân cảm mắc bệnh nên đến cầu xin sám hối, bỗng chốc bệnh được lành, từ đó chán ghét vật bỏ hết, từng không nói năng đến, và thường nói cùng các người bạn rằng: “Từ khi gặp được Đại sư Huyền Giám trở lại, với hơi rượu như là thuốc độc, tôi còn chẳng vui thích nghe, huống gì chánh mắt trông thấy”. Với sức giới hạnh thanh tiết của Huyền Giám cảm hóa mọi người đại loại đều như thế.

Thứ nữa, năm Võ Đức thứ 4 (621) thời tiền Đường, Lý Lục sự là Đang Bộ Hộ Trạch huyện qua đời, qua 7 ngày sau lại bảo cùng người vợ rằng: “Tôi bị làm quỷ, hồn vân du ở nhân gian, mọi việc chưa rõ ràng thảy đếu nhận biết đó. Cùng người giao tiếp nói năng mọi sự, lúc đang sống chỉ vì vật tự ngăn che không hiện được hình tướng ấy, còn lúc làm quỷ. Tôi sang chùa cảnh nghiệp nghe giảng kinh Duy Ma, có các Pháp sư khác có lúc uống rượu nói cùng với quỷ rằng: “Nay giảng kinh này cảm có hạng người nào nghe?” Quỷ đáp: “Từ loài người trở lên tức là có quỷ thần và lên đến cả chư thiên, có nhiều tầng lớp khắp đầy giảng hội. Lúc xướng lời văn thì đều chỉnh trang nghi dung lắng nghe, lúc Pháp sư giải nghĩa thì xoay mặt về hướng khác mà nghe, bởi vì nghe tỏa hơi rượu nên vậy. Như thế nhất định cần nên đoạn tuyệt, nếu chẳng thế thà không nên giảng còn hơn, không chỉ ở pháp hội này, mà hết thảy đều như vậy! Chư Tăng hổ thẹn tự dứt bỏ vậy.

7. Bài văn khuyên dứt bỏ uống rượu ăn thịt của vua Võ Đế (502-550) thời Nam Lương. (Nguyên bản nhiều rộng, ở đây lược bớt)

Đệ tử con Tiêu Diễn kính bạch chư Đại đức v.v...

Phàm, sửa chánh Phật pháp là việc của hàng Hắc y (Sa-môn), chẳng phải sự cần kíp của hàng đệ tử bạch y (cư sĩ), chỉ vì trong kinh giáo Đức Phật cũng có nói “Phật pháp giao phó cho người thế tục”. Do đó, đệ tử không thể chẳng nói. Nay chư Đại đức Tăng Ni nên mở ý nghe nhận, chớ sinh nghi ngờ bít đóng! Phàm người xuất gia sở dĩ khác với hàng ngoại Đạo chánh vì tin nhân tin quả, tin điều trong kinh giải thích rõ ràng, tin đó là do Phật nói. Trong kinh nói: “Người làm 10 nghiệp xấu ác thì phải nhận chịu quả báo xấu ác, người hành trì 10 nghiệp tốt lành thì hưởng thọ quả báo tốt lành. Nay người xuất gia còn ham thích uống rượu, gặm ăn các thứ cá thịt. Đó là hành vi đồng với hàng ngoại Đạo. Hàng ngoại Đạo chấp đoạn kiến thường kiến, không nhân, không quả, không thi vi, không quả báo. Nay đệ tử Phật mà vui thích uống rượu ăn thịt, không sợ tội nhân, không sợ khổ quả, tức là không tin nhân,

không tin quả, và không thi vi không quả báo, thì đâu có gì khác ư? Việc ấy so với hàng ngoại Đạo thì thấy đồng, mà lại có sự chẳng bằng với hàng ngoại Đạo, vì:

Hàng ngoại Đạo mỗi mỗi đều tin theo lời thầy của họ. Thầy bảo là "phải" (thị), đệ tử cũng nói là "phải". Thầy bảo là "Quấy" (Phi), đệ tử cũng nói là "Quấy". Trong kinh Niết Bàn, Đức Phật dạy rằng: "Ngày nay cấm chế các đệ tử không được ăn hết thảy các thứ thịt". Và trong giới luật nói: "Uống rượu tức phạm Ba-dật-đề". Ma nay chư Tăng Bi uống rượu ăn thịt, việc ấy trái với sự dạy răn của Thầy mình. Đó là điều thứ nhất không sánh bằng hàng ngoại Đạo.

Lại nữa, hàng ngoại Đạo tuy là tà kiến hành trì giới trâu, giới chó, nhưng sau khi đã thọ giới rồi thì trọn không có tái phạm. Nay, người xuất gia đã thọ giới rồi, thì khinh mạn húy phạm. Đó là điều thứ 2 không sánh bằng hàng ngoại Đạo.

Lại nữa, hàng ngoại Đạo tuy là dùng 5 thứ lửa nóng nướng đốt thân, ném vất vào hầm lửa sâu, chưa hẳn là ăn thịt chúng sinh. Nay người xuất gia ăn nuốt các thứ cá thịt. Đó là điều thứ 3 không sánh bằng hàng ngoại Đạo.

Lại nữa, hàng ngoại Đạo dị học tuy chẳng phải lý chánh đáng, song mỗi tự hành tập theo pháp của bậc thầy của họ, không có che giấu. Nay người xuất gia ăn nuốt cá thịt, ở chỗ người thân mới tự cùng chung tỏ sáng, ở chỗ người sơ thì đều ẩn lánh. Hành vi như thế là điều thứ 4 không sáng bằng hàng ngoại Đạo.

Lại nữa, hàng ngoại Đạo mỗi mỗi tự trọng pháp của họ, cho đến bảo là "Tất cả không gì bằng Đạo chân chánh của ta", đối với người khác, không tỏ vẻ kiên kỵ khiếp sợ. Nay người xuất gia ăn nuốt cá thịt, hoặc tự trốn lánh các bạn đồng học, hoặc trốn lánh đệ tử của mình, hoặc trốn lánh hàng tại gia, hoặc trốn lánh các quan trông coi chùa. Lòng hẹp chí tà, gập ghềnh che giấu. Đó là điều thứ 5 không sánh bằng hàng ngoại Đạo.

Lại nữa, hàng ngoại Đạo thẳng tình thẳng hạnh, có thể nuôi lớn đồ chúng ác của mình, mà không nuôi lớn dị bộ xấu ác. Nay người xuất gia ăn nuốt cá thịt, hoặc cùng với chỗ nghe thấy của hàng đệ tử tại gia mà trong tâm không từng hổ thẹn, mới trang sức tà thuyết, bảo rằng: "Phật giáo là pháp vốn còn ở nhân xa, tại ngay ngày nay chưa đều dứt đoạn hết". Các hàng tại gia ngu si nghe chư Tăng nói thế cho đó là lời nói chân thật, bèn tin nhận tự tạo các nghiệp bất thiện, tăng rộng thêm các ác. Đó là điều thứ 6 không sánh bằng hàng ngoại Đạo

Lại nữa, hàng ngoại Đạo tuy là trái pháp mà nói là pháp, song mỗi mỗi tự tin theo kinh sách ấy, mãi đến lúc chết vẫn không trái phạm. Nay trong kinh Lăng Già, Đức Phật dạy rằng: “Vì lợi mà giết hại chúng sinh, dùng tài của mà bủa lưới cá thịt, cả 2 nghiệp ấy đều là bất thiện, sau khi chết đọa vào địa ngục kêu gào. Cớ sao vì tài của mà bủa lưới cá thịt? Ở trên đất liền thì đặt lưới Ta phù (lưới săn thỏ), ở nơi dưới nước thì đặt lưới cổ (lưới vớt bớt cá). Đó là dùng lưới bủa lưới cá thịt. Nếu ở sự giết hại trong nhân gia chỉ dùng tiền để mua cá thịt, còn đây thì dùng tài của bủa lưới cá thịt. Nếu khiến người ấy chẳng dùng tài của bủa lưới cá thịt, tập hành theo ác luật nghi, bắt hại chúng sinh, người ấy sẽ chuyên tự cung cấp vào miệng mình, cũng lại riêng có chỗ phỏng định, nếu riêng có chỗ phỏng định, cố ăn nuốt cá thịt, há không phần giết hại, sao được nói là Ta không sát sinh. Đó chính là châm lửa đốt hưng kinh văn. Đó là điều thứ 7 không sánh bằng hàng ngoại Đạo.

Lại nữa, hàng ngoại Đạo đối với người đồng pháp của họ thì hòa hợp, khác pháp của họ thì khổ công sửa trị, khiến thực hành cấm chỉ, không ai chẳng vâng theo. Nay người xuất gia, hoặc làm bậc Sư trưởng, hoặc làm quan trông coi chùa, tự khai mở cấm rượu, ăn nuốt cá thịt, thì lại chẳng thể được thi vi dạy răn, vừa mới muốn mở lời thì người khác liền cười chê châm chích. Thân mình đã có vết bẩn, đã không thể điều phục vật, trái lại bị mài dũa quở trách. Ngay đó chỉ còn, bởi vì người ở tại chùa sai trái, nên người thọ Đạo buông lung. Đó là điều thứ 8 không sánh bằng hàng ngoại Đạo.

Lại nữa, hàng ngoại Đạo nhận sự cúng dâng của người khác thì phải đúng như pháp của mình mà nhận. Người thọ giới chim quạ thì nhận sự cúng dâng của giới chim quạ, người thọ giới nai thì nhận sự cúng dâng của giới nai, người thọ giới chim quạ trọn không che giấu giới mà nhận sự cúng dâng của giới nai. Người thọ giới nai trọn không che giấu giới mà nhận sự cúng dâng của giới chim quạ. Nay người xuất gia bảo rằng: Ta có khả năng tinh tấn, ta có khả năng khổ hạnh”, đồng một lúc che giấu tướng thật lừa dối các hàng tại gia. Đi ra thì uống rượu, mở toan các cửa xấu ác, đi vào thì ăn thịt, nhóm tập lắm gốc khổ. Đó là điều thứ 9 không sánh bằng hàng ngoại Đạo.

Lại nữa, người uống rượu là mùi hôi thối, nước gạo mất tánh chánh thật của gạo, biến thành mùi vị riêng biệt ấy. Chúng sinh vì nhân duyên ác nghiệp nên nhận chịu xúc chạm sự xấu ác ấy. Đó chẳng phải là Đạo pháp chánh chân, cũng chẳng phải là cam lồ mùi vị cao thượng. Làm sao hàng Tăng Ni xuất gia trao truyền ngũ giới cho hàng tại gia,

khiến bảo không được uống rượu, khiến bảo không được nói dối. Cớ sao lật lại tự mình uống rượu, trái phụ lời ước thệ? Giới của 7 chúng, 8 trai giới, 5 thiên 7 tụ. Luật nghi dài ngắn, ở trong khoa nào mà rút ra văn ấy? Như người tại gia cam chịu thuốc cuồng ấy còn phải quở trách dừng bỏ, cớ sao người xuất gia mà lại tự uống rượu, sa đọa vào địa ngục Ni-la-phù-đà, thân như từng đoạn thịt, không có nhận biết. Đó là người nào mà đều uống rượu? Các hàng Tăng Ni xuất gia, há chẳng thể tin sâu vào kinh giáo, há có thể bên trong chẳng thẹn mà còn mặc áo Như Lai, thọ nhận sự cúng dâng của người kính tin, ở nơi chùa tháp, ngửa mặt đối cùng tôn tượng, nếu như uống rượu ăn thịt thì không thể sánh bằng với người tại gia, vì:

Người tại gia tuy là uống rượu ăn thịt mà không tội phạm giới. Đó là điều thứ nhất không sánh bằng với người tại gia.

Người tại gia tuy là uống rượu ăn thịt, nhưng mỗi tự có phòng nhà hang đồi, trọn chẳng vì thế mà ngưỡng nhìn đối xúc với tôn tượng. Đó là điều thứ 2 không sánh bằng với người tại gia.

Người tại gia tuy là uống rượu ăn thịt nhưng trọn chẳng ói nhả tiết lậu nơi chùa nhà. Đó là điều thứ 3 không sánh bằng với người tại gia.

Người tại gia tuy là uống rượu ăn thịt mà không có hiềm trách đố kỵ. Người xuất gia nếu uống rượu ăn thịt tức khiến người khinh tiện Phật pháp. Đó là điều thứ 4 không sánh bằng với người tại gia.

Người tại gia tuy là uống rượu ăn thịt thì cửa nhà giếng bếp mỗi đều an đặt quỷ ở đó. Người xuất gia nếu uống rượu ăn thịt thì hơi thối xông khắp, tất cả thiên thần thảy đều lánh xa, tất cả ma quỷ đều cùng vui mừng. Đó là điều thứ 5 không sánh bằng với người tại gia.

Người tại gia tuy là uống rượu ăn thịt, song họ chỉ tự phá tài sản của mình, không phá tài sản người khác. Người xuất gia nếu uống rượu ăn thịt, tự phá thiện pháp nơi chính mình lại phá ruộng phước của người khác. Đó là điều thứ 6 không sánh bằng với người tại gia.

Người tại gia tuy là uống rượu ăn thịt đều là do tự sức lực của chính mình tạo tác ra. Người xuất gia nếu uống rượu ăn thịt đều do sự kính tin mà dâng cúng của người khác. Đó là điều thứ 7 không sánh bằng với người tại gia.

Người tại gia tuy là uống rượu ăn thịt là tội nghiệp thường, không việc gì khác. Người xuất gia nếu uống rượu ăn thịt thì các ma ngoại Đạo mỗi một đều được tiện lợi. Đó là điều thứ 8 không sánh bằng với người tại gia.

Người tại gia tuy là uống rượu ăn thịt vẫn còn cúng dường mất

sự nghiệp ở đời, trừ hạng người quá đam mê mờ tối tức là không được. Người xuất gia nếu uống rượu ăn thịt hoặc nhiều hoặc ít thảy đều đoạn mất giống Phật Đó là điều thứ 9 không sánh bằng với người tại gia.

Lại nữa, ăn thịt đoạn mất hạt giống đại từ. Phàm người có tâm đại từ hay khiến chúng sinh đồng được an lạc. Nếu người ăn thịt thì với tất cả chúng sinh đều là oán đối, đều chẳng an lạc. Nếu người ăn thịt tức là xa lìa các pháp của hành Thanh văn, Bích Chi Phật, xa lìa các pháp của Bồ-tát, Phật quả, xa lìa các pháp Bồ-đề, Niết bàn. Nếu người ăn thịt tức là chướng ngại sinh lên cõi trời lục dục, huống gì đối với các pháp Tứ thiền tứ không, 37 phẩm trợ đạo, 6 Ba-la-mật. Cũng là chướng ngại 4 hoằng thệ nguyện, 4 món nhiếp pháp tất cả các môn tam muội, ngũ nhãn, thập lực, cho đến Vô thượng Bồ-đề. Tại sao? Vì nếu người ăn thịt tức là chướng ngại tâm Bồ-đề, không có pháp Bồ-tát, không có 4 vô lượng tâm, không có Đại từ Đại bi. Vì nhân duyên đó nên Phật tử không tiếp tục. Do đó, tụng kinh Phật dạy: “Người ăn thịt tức đoạn mất hạt giống Đại từ”. Các người xuất gia tuy là không thể thực hành Đại từ Đại bi, rốt ráo hạnh Bồ-tát, thành tựu Vô thượng Bồ-đề, cớ sao chẳng thể nhẫn chịu các thứ tanh hôi ấy mà tu Đạo Nhị thừa? Đến như các loài chó sói, dã can đều biết ham thích ăn thịt. Con người có sự nhận biết ưu tối hơn hẳn tất cả các loài chúng sinh, cớ sao lại đồng với những loài vật ấy cam chịu dơ bẩn như thế? Như nói ở trước, đó đều là việc đáng xa lìa, chưa là thân gần cần thiết.

Chư Đại đức Tăng Ni! Nếu người ăn thịt chúng sinh tức làm việc ma, là hạt giống địa ngục, là Ấn Độ khiếp sợ dứt đoạn mạng đốt nấu, là cắt xé da thịt, chặt đứt tay chân, phá bụng mổ ruột, nát tủy móc mắt, nghèo hèn hạ tiện, lạnh đói xấu xí, điếc đui câm ngọng, tay chân què quệt, ung nhọt, tất cả các thứ bệnh khổ đều nhân đó mà hoành hành. Cho đến dây đen, kêu gào, lạnh nóng, A-tỳ, quỷ đói, súc sinh, vô lượng cực khổ, đều là do nghiệp sát sinh mà nhận chịu quả báo như thế.

Lại phải nên tư duy một việc lớn. Nếu như ăn thịt cha mẹ của chúng sinh, thì chúng sinh cũng báo ăn thịt cha mẹ kẻ đó. Nếu như ăn thịt con của chúng sinh thì chúng sinh cũng báo ăn thịt con kẻ đó. Oán đối cùng báo ăn thịt như thế, trải kiếp đêm dài không có cùng tận! Như trong kinh nói: “Có 1 người nữ suốt 500 kiếp hại con chó sói con, con chó sói con cũng suốt 500 kiếp hại con người nữ ấy. Lại có 1 người nữ suốt 500 đời đoạt dứt mạng căn của quỷ. Quỷ ấy cũng suốt 500 kiếp đoạn dứt mạng căn người nữ ấy”. Kinh nói như thế, không thể không tin. Ngoài ra các thứ tướng báo chuẩn cứ theo thể lệ có thể biết.

Lại có 1 Đại sự cần phải nên tin nhận là từ vô thỉ trở lại cho đến đời nay, trải qua trong 6 đường, nhận chịu đủ thứ quả báo, hết thảy thân duyên cùng tất cả chỗ. Chỉ vì trải qua có lắm bận sinh tử, thần minh cách trở chướng ngại nên các hàng quyến thuộc không còn nhận biết với nhau. Chúng sinh ngày nay hoặc đã từng trải qua làm cha làm mẹ thầy bạn anh em chị em con cháu bè bạn, mà ngày nay vì không có sức lực Đạo nhãn nên không thể phân biệt mà trở lại cùng ăn thịt nhau chẳng tự nhận biết. Lúc ăn thịt thì vật ấy có tánh linh tức khởi sinh phẩn hận trở lại thành oán đối. Từ trước là rất mực thân gần mà nay trở lại thành rất mực thù oán. Những sự như thế há chẳng tư duy ư? Tạm tranh nhau chút ít mùi vị trong thời gian ngắn qua đầu môi lưỡi, mà trọn cùng những kẻ thân thích xưa trước trở thành oán đối dài lâu. Rất đáng đau lòng, khó bày nói hết!

Lại, cũng phải tư duy thêm một việc nữa. Phàm là ăn thịt chúng sinh là oan gia của hết thảy chúng sinh như thế, oan gia khắp cùng cả 6 đường, như muốn tu hành đều là chướng nạn. 1 là chướng về Lý và 2 là chướng về Sư. Thế nào là chướng về Lý? Vì nghiệp nhân duyên tự sinh chướng nạn, khiến hành nhân ấy ngu si không trí tuệ, không biết pháp xuất yếu, không có phương tiện. Giả sử như gặp được Thiện tri thức cũng không thể tin nhận. Giả sử như có tin nhận cũng không thể tập hành! Còn chướng về Sự là như các oán đối ấy, hoặc tại trong ác quỷ thú độc, hoặc tại trong thần rồng trời ma. Các chốn như thế đến làm lưu nạn. Giả sử như gặp được bạn lành, tâm tin nhận sâu, vừa muốn tu hành liền có nạn khởi, hoặc dẫn vào đường tà, hoặc nhiễu não khiến loạn tâm. Tu giới định Tuệ, tu các Đồng cư, thường chẳng thanh tịnh, thường chẳng đầy đủ, đều do oán thù xưa trước khởi nên đối chướng. Những sự như thế lại nên tư duy sâu sắc.

Đệ tử Tiêu Diễn con lại kính bạch chư Đại đức Tăng Ni! Đệ tử Tiêu Diễn con đối trước mười phương chư Phật tôn pháp chúng Tăng cùng chư Đại đức Tang Ni đều tỏ bày ước thệ! Ngày nay tập hội này là Đại sự nhân duyên, chẳng ngay hết thảy chư Phật ở tại đây, hết thảy tôn pháp, chúng Tăng ở tại đây. Các trời hộ đời, 4 vua Kim Long mật tích, Ma-hê-thủ-la, Tán chỉ Đại tướng, mười phương hết thảy 8 bộ rồng thần, có thần túc lớn đều ứng tại đây, bên cạnh hay ẩn hình giữa không trung, u hiển như thế, không ai chẳng xét xem quán sát. Người xưa có nói rằng: "Khó của không biết", đó lại thực hành vậy. Đệ tử Tiêu Diễn con ngày nay phải phát thệ nguyện trước để rõ bản tâm, từ nay trở đi cho đến ngày ngồi nơi Đạo tràng giác ngộ, nếu phóng túng uống rượu,

khởi sinh các thứ dâm dật, khi cuống vọng ngữ ăn thịt chúng sinh, cho đến uống các thứ sữa mật và cả Tô Lạc (ván sửa) thì nguyện xin hết thảy quỷ thần trước phải khổ trị thân Tiêu Diễn con, sau đó mới đem giao phó cho vua Diêm-ma ở chốn địa ngục. Phải nhận chịu các thứ tội khổ, cho đến khi tất cả chúng sinh đều thành Phật hết, mà đệ tử Tiêu Diễn con vẫn còn ở tại trong địa ngục, A-tỳ. Trong hàng Tăng Ni nếu có người uống rượu ăn thịt mà chẳng sám hối lỗi quá, thì hết thảy các vị quỷ thần có sức lực lớn cũng nên trị hỏi như thế để khiến tăng thêm rộng lớn các thiện pháp làm thanh tịnh Phật quả. Nếu chưa bị sự tra hỏi trừng trị của U-ty, hiện còn sống ở đời, thì đệ tử Tiêu Diễn con sẽ như pháp mà trị hỏi, đuổi buộc hoàn tục, tùy lúc mà sai sử.

Đệ tử Tiêu Diễn con lại kính bạch chư Đại đức Tang Ni! Từ trước đến đây con đã trình bày thô thiển về cá thịt chương lụy chuốc đến quả khổ. Nay đây lại muốn kính bạch chung một lời: “Ở trong cõi Diêm Phù Đề thọ mạng tuy nói 120 năm”, nhưng ở trong nhân gian ít nghe có hạng người ấy, mà phần nhiều biến đổi lưu lạc không ngưng nghỉ ở thời sớm trẻ. Trong kinh nói rằng: “Trong khoảng 1 niệm có 60 sát-na, sinh tử vô thường tạm có các căn, bỗng nhiên suy diệt, các khổ trong tam đồ vụt chốc liền đến. Muốn xa lìa địa ngục, việc ấy rất khó, những bậc oai đức thanh tịnh còn sợ khó tránh khỏi, huống hồ hạng người húy phạm sao thoát miễn ư? Chư Đại đức Tăng Ni nên biết việc này. Phàm là ăn cá thịt là cảnh giới của ma, làm việc ma làm, tâm không quyết định, phần nhiều có lưu nạn. Trong ngoài các ma cùng nhau nhiễu loạn. Do đó, hành giả cần phải tư duy nghĩ nhớ cá thịt rượu là nước sữa của ma, nên không được đợi nói. Phàm người ăn cá thịt ham thích uống rượu thì các thiện thần xa lạnh, bên trong không có chánh khí. Hạng người như thế phần nhiều là suy não. Nếu người có tâm quyết định chỉ ăn dùng rau quả khổ tiết, tức un đúc tâm đại bi. Hàng người như thế phần nhiều là sức Thánh thiện, với sự hộ trì chánh pháp. Có lắm khả năng kham nhận. Chư Đại đức! Kể từ ngày nay trở đi nên khéo cùng mở dẫn, khiến người chưa đạt từ nay trở đi đều đạt. Nếu đã nhóm tập hạnh nguyện thì bền bỉ chí lực. Như chưa từng có hạnh nguyện thì đều cải đổi. Ngày nay cùng nhau đồng làm chủng tử Bồ-đề, chớ nên quái lạ mọi điều tỏ bày kính bạch từ trước tới đây của đệ tử Tiêu Diễn con vậy!”

Khi ấy 1448 Tăng Ni nhóm tập tai trước điện Hoa Lâm. Khuyến thỉnh Pháp sư Vân ở chùa Quang Trạch lên pháp tòa giảng 1 phần trong phần của phẩm “Tứ Tướng” trong kinh Niết Bàn, trình bày về nghĩa ăn thịt đoạn dứt hạt giống Đại từ. vua Võ Đế tự thân ngồi giữa đất ở phía

Bắc cao tòa.

Sau đó, lại nhóm tập các hàng Tăng Ni nghĩa học gồm 200 vị đến điện Hoa Quang, khuyến thỉnh các Sa-môn luật học lên tòa cao. vua Võ Đế bày trải nơi đất mà ngồi, chế chỉ mà hỏi rằng: “Nay nhóm tập Đại chúng vì muốn tìm cầu hiểu nghĩa trong luật. Đệ tử nghe chư Tăng nói trong luật không có pháp dứt bỏ ăn thịt, lại cũng không có pháp sám hối về tội ăn thịt. Chư vị Luật sư từ trước trở lại làm thế nào để mở dẫn, khiến người hiểu suốt có điều nghi ấy?” Luật sư Pháp Siêu kính đáp rằng: “Giáo chỉ là 1 mà người thọ nhận bất đồng. Luật tuy hứa cho ăn dùng ba thứ Tịnh nhục, nhưng ý muốn vĩnh viễn dứt bỏ. Cớ sao biết vậy? Vì trước nói rõ dứt bỏ 10 thứ bất tịnh, tiếp đến hứa cho ăn ba thứ tịnh nhục và sau cùng lại hứa cho ăn 9 thứ tịnh nhục, tiệm chế như thế tức là ý muốn vĩnh viễn dứt bỏ”. vua lại hỏi Sa-môn Tăng Biện. Ngài Tăng Biện đáp rằng: “Chỉ vì giáo có cạn sâu, theo tầng cấp mà dẫn vật, lý đúng là lỗi quá, chỉ bởi giáo chưa rốt cùng”. vua lại hỏi: “Người ăn thịt là có tâm từ bi hay không tâm từ bi?”. Ngài Tăng Biện đáp: “Chẳng có tâm từ bi”. vua lại hỏi: “Luật giáo muốn khiến người vượt ra khỏi chăng?”. Ngài Tăng Biện đáp: “Muốn khiến người vượt ra khỏi”. vua lại hỏi: “Ăn thịt có vượt ra khỏi được chăng?”. Ngài Tăng Biện đáp: “Không được”. vua lại hỏi Luật sư Bảo Độ: “Ý Luật sư thế nào?” ngài Bảo Độ đáp: “Theo sự hiểu biết ngu cạn của tôi thì chỉ là Tiệm giáo. Do đó trong luật văn hứa cho ăn thứ Tịnh Nhục. Còn trong kinh Niết Bàn thì rốt ráo không hứa cho ăn thịt. Nếu là hàng lợi căn đối với ba thứ tịnh nhục, chỉ dạy tức được chẳng ăn. Còn hàng Độn căn mới phải đợi chỉ bày lại sau”. vua lại hỏi Tỳ-kheo Pháp Sủng: “Theo như ông thì chúng Tăng cớ sao có nên ăn thịt chăng?”. Ngài Pháp Sủng đáp: “Không nên ăn thịt, chỉ vì ăn thịt thì dục tình càng sâu”. vua lại hỏi: “Thế nào là sám hối?”. Ngài Pháp Sủng đáp: “Khẩn thiết xót xa chí tâm tức là sám hối”. vua lại hỏi: “Sám hối xong có ăn chăng?” Ngài Pháp Sủng đáp: “Do vì vô minh nên phần nhiều hoặc cũng chẳng khỏi”. vua lại hỏi: “Trước nói sám hối, mà lại còn ăn thịt, như vậy tức là biết mà cố phạm, chẳng thể gọi là hổ thẹn. Nếu như lúc trước không biết hoặc là lầm lỗi, sau mới sinh khởi tự thẹn, ấy mới gọi là hổ thẹn. Lại hổ thẹn chẳng được trái phạm lại, như đây trái phạm lại thì tội ấy càng lớn”. vua cùng chư vị Đại đức qua lại vài phen đều chẳng thể giải đáp. vua lại ban sắc Sa-môn Cảnh Du lên tòa cao tụng các kinh Lăng Già, Ương-quật-ma-la, Niết Bàn v.v... nói rõ về nghĩa dứt bỏ ăn thịt, xướng đọc kinh văn xong, thiết hội hoàn tất bèn tan bãi.

Chiều hôm đo; vua Võ Đế bảo cùng Hữu Vệ Suất Chu xả rằng: “Như điều nói của Sa-môn Pháp Sủng, hổ thẹn mà lại ăn thịt chúng sinh. Đó chính trong kinh nói rõ về nữ La-sát rằng: “Vì ta thương nhớ người nên ta ăn thịt ngươi”. Tâm mà Sa-môn Pháp Sủng nói đó tức là La-sát nói ở trong kinh vậy”. vua lại bảo Chu Xả rằng: “Điều nói của Sa-môn Tăng Biện là tự thịt đã chết. Nếu nói như thế thì các con vật như cú tai mèo, chim quạ khoang, chim tu hú, chim bồ câu, tại chỗ nó ở không con nào chẳng chết mà lại chẳng thấy có 1 con tự chết? Và các loài chương, nai, chim trỉ, thỏ khắp đầy đồng hoang đầm nước, cũng chẳng từng thấy có 1 con tự chết. Mà muốn tìm thấy thịt chết chỉ đến nơi nhà mổ giết, tìm thấy cá chết hẳn đến nơi mành lưới vớt bắt. Trong kinh nói: “Mua thịt và tự giết hại, tội ấy ngang bằng nhau”. Ta vốn chẳng tự làm, chánh vì chư Tăng Ni làm nhân duyên xa lìa tội!” vua lại bảo cùng Chu Xả rằng: “Sở dĩ không được giết hại chúng sinh vì phàm nơi một chúng sinh có đủ tám vạn Hộ trùng, như trong kinh cũng có 80 ức vạn Hộ trùng. Nếu dứt đoạn sinh mạng của một chúng sinh tức là dứt đoạn mạng sống của tám vạn Hộ trùng. Chúng sinh tự chết lại cũng không được ăn thịt nó, vì trùng loại nương gá trước tuy đã diệt mất mà trùng nương gá sau số ấy càng đông hơn nhiều. Hoặc nấu hoặc nướng thì số trùng loại nương gà sau đều không còn mạng sống. Chỉ lợi đầu chóp lưỡi chút ít mùi vị mà hại vô lượng chúng sinh. Trong đó, loại nhỏ thì mắt thịt không thể nhìn thấy, loại lớn nếu đốt lửa thì có thể trông nhìn thấy. Diệt mất tâm từ bi, tăng trưởng độc ác. Đó thật chẳng phải việc đáng nên làm của hàng Sa-môn Thích Tử”.

Vua đã bảo cùng Chu Xả rằng: “Chúng Tăng ăn thịt đã phạm tánh tội, lại tổn thương giới luật. Vì đó nên nói có 2 trọng tội. Nếu là chúng Tăng học vấn mà ăn thịt, đó là nghiệp ác lại gấp bội hơn trước. Sở dĩ như vậy là vì đã thân gần trái với kinh giáo, lại vì người khác mà giảng nói. Miệng xưng là từ bi mà tâm nghĩ nhớ độc hại. Phải quấy (thị phi) chẳng biết, biết mà lại cố phạm, nói năng và hành động trái nhau, tức thành lừa dối. Luận về học vấn ăn thịt tức tội có 3 thứ. Sở dĩ quý ở giải nghĩa chánh vì như thuyết mà tu hành, trái lại ăn nuốt cá thịt, xâm chiếm tàn khốc đối với sinh loại, tạo ác tri thức, khởi sinh lấm oán đối, đọa vào địa ngục nhanh như khoang dáo. Phàm là người xuất gia thật nên phải tư duy sâu sắc!”

Vua lại bảo cùng Chu Xả rằng: “Hàng Thanh văn thọ giới luật nghi, vốn Chế Thân miệng 7 chi phần, một khi đã thọ từ đó về sau cho đến cả trong ngủ nghỉ mê say v.v... Luật nghi vẫn thường sinh được luật

nghi chưa từng được. Sở dĩ như vậy là vì những lúc ngủ nghỉ v.v... chẳng khởi tâm ác nên không tổn không mất, cho đến thường sinh. Nếu khởi tâm muốn giết hại, đối với trong pháp Thanh văn tuy chẳng mất giới của thân và miệng, mà đối với giới có sự hao tổn, chẳng chỉ hao tổn giới không giết hại, cũng gồm dơ bẩn các giới khác, đến như tay gắp răng nhai động nghiệp thân miệng thì mất giới thân miệng. Khi ấy luật nghi vô tác liền gián đoạn chẳng tương tục. Đã mất giới không giết hại, cũng còn dơ bẩn đến các giới khác. Sở dĩ như vậy là vì như người Chiên-đà-la làm nghề mổ thịt lúc ấy vì những người nào mà giết? Chánh vì người ăn thịt. Nếu là người ăn thịt tức có phần giết hại. Ở nơi giới không giết hại tức thành có khiếm khuyết. Nếu cho là ở thiện luật nghi nhận chịu phần giết hại, ở nơi giới không giết hại không có khiếm khuyết, thì là người thọ bất thiện luật nghi trì 8 trai giới, là ác luật nghi còn nên tương tục. Nếu người thọ ác luật nghi trì 8 trai giới, ác luật nghi chẳng lại tương tục, là biết người thọ thiện luật nghi nhận chịu phần giết hại, là giới không giết hại tức liền khiếm khuyết, giới Biệt giải thoát chẳng còn lại giải thoát. Người thọ ác luật nghi không luận là trì 8 trai giới, chỉ khởi 1 tâm niệm thiện thì ác luật nghi liền dứt đoạn. Nếu 1 niệm chẳng dứt đoạn, thì lắm niệm cũng nên không dứt đoạn. Nếu lắm niệm chẳng dứt đoạn, thì lắm niệm cũng nên không dứt đoạt. Nếu lắm niệm dứt đoạn là biết lúc 1 niệm dứt đoạn. Người thọ thiện luật nghi, việc ấy cũng vậy, không luận nhận chịu các phần giết hại, có ít phần giết hại, luật nghi không giết hại tức thời cũng dứt đoạn. Người Bồ-tát trì tâm giới nên biết, không có lý ăn thịt chúng sinh, nếu không khiếm khuyết giới Thanh văn, trọn chẳng khỏi tội địa ngục v.v...

X. GHI VỀ KEO KIỆT BỚT XÉN VẬT CỦA CHÚNG TĂNG.

1. Thánh giả Tăng-già-da-xá ở Tây Vức tuần du thấy chư Tăng nhận chịu khổ. (Rút từ phú pháp tạng truyện).

Sau khi Đức Như Lai diệt độ khoảng vài trăm năm, có 1 Thánh giả đi hoằng truyền giáo pháp tên là Tăng-già-da-xá, từng đến bên bờ biển thấy 1 trụ xứ, nhà gác trang sức nghiêm lệ mọi thứ kỳ diệu, chúng Tăng ở đông nhiều trong đó, kinh hành thiền niệm, ban ngày gióng chuông bèn nhóm tập tại trai đường, ăn xong thì các thức ăn ngon lành bỗng biến thành máu huyết tanh nồng, bình bát cùng đánh vào đầu mắt mà vỡ nát, máu dơ chảy tràn thân thể và y phục, mà nói lời rằng: “Cớ sao tham tiếc ăn uống khiến nay phải nhận chịu khổ này ư?” Thánh giả

đi tới trước mà hỏi. Chư Tăng ấy đáp rằng: “Trưởng lão, chúng tôi ở đời trước ở thời Đức Phật Ca-diếp, bấy giờ đồng ở 1 chùa, thấy có vị khách Tăng đến, tâm sinh phẩn hận, cất giấu tham tiếc ăn uống, chẳng chịu phân phát cho cùng. Do sự keo kiệt tham tiếc ấy nên nay nhận chịu khổ này”. Thánh giả nghe thế sinh tâm khiếp sợ, quán sát như thế bỗng chốc chứng đắc Thánh quả.

2. Sa-môn Thích Pháp Phong, bớt xin thức ăn của chúng Tăng sau khi qua đời làm thân quỷ đói. (Rút từ Trưng Nghiệm truyện).

Sa-môn Thích Pháp Phong, dòng họ Trúc, người xứ Đông Hoàng. Về sau sang đến nước Quy Tư tu sửa tạo dựng 1 ngôi chùa, mọi công việc hoàn tất, bấy giờ nhân xưng gọi đó là chùa Pháp Phong. Vì đã trải qua thời gian lâu dài chuyên đảm nhiệm việc chùa nên hỏi ỷ lại công sức mình, Pháp Phong rút trong lấy cho rất trái với châm chước, liền giảm xét bớt thức ăn của chúng Tăng, khiến không được chu toàn đầy đủ. Lâu sau qua đời, Pháp Phong đọa trong loài quỷ đói, thường ở nơi chùa viện đến lúc đầu đêm cuối đêm làm tiếng lạc đà đói kêu réo, tuần rảo các phòng nghe vang tiếng. Có đệ tử là Sa-môn Bảo Tuệ nghe mà than rằng: “Đó thật là tiếng của Thầy ta!” Nhân hỏi cớ sao vậy? Pháp Phong đáp rằng: “Do vì giảm bớt thức ăn của chúng Tăng nên nay nhận chịu khổ của quỷ đói. Sự khổ sở quá lắm khó kham nhẫn nỗi! Nguyện xin được cứu giúp”. Các đệ tử vì đó mà thiết trai sám hối, Pháp Phong được sinh về cõi thanh tịnh ưu thắng v.v...

3. Sa-môn Thích Huệ Quả ở chùa Ngõa Quang tại kinh đô thời tiền Tống đến nhà xí thấy quỷ xin cầu cứu.

Sa-môn Thích Huệ Quả, người xứ Dự Châu, từ thuở thiếu thời chuyên ăn rau quả thuần tố, trì tụng kinh Pháp Hoa. Từng đi đến nhà xí, trên nhà xí thấy có 1 con quỷ rất mực chí kính đến nói với Huệ Quả rằng: “Thân trước của con xuất gia làm Duy-na, vì xúc phạm dơ bẩn nơi tịnh trù nên bị đọa trong loài quỷ, thường ăn phẩn uế. Pháp sư đức hạnh trinh thuần cao minh từ bi cứu giúp, nguyện xin vì chỉ bày phương thức để diệt trừ khổ!” Và, quỷ lại nói: “Xưa kia con ở nơi chùa này đi thẳng theo hướng Đông đến phòng thứ 3, trước sân có 1 cây thị, bấy giờ con có chôn giấu 3000 quan tiến tại dưới cây ấy, xin hãy lấy đó để làm phước”. Nói xong bèn ẩn mất. Huệ Quả bảo cùng chúng Tăng đào bời, quả nhiên có được tiền, vì tạo kinh Pháp Hoa và thiết trai cúng dường. Sau đó, Huệ Quả lại mộng thấy con quỷ ấy báo là được sinh lên cõi trời.

Tăng chúng nghe thế, không ai chẳng tự răn sợ.

4. Sa-môn Hoằng Minh ở chùa Bách Lâm tại Vĩnh Hưng thời nhà Tề thấy 1 trẻ nhỏ xin cầu cứu. (Rút từ Cao Tăng truyện).

Sa-môn Thích Hoằng Minh vốn dòng họ Doanh, người xứ Sơn Âm, Cối kê. Xuất gia từ thuở thiếu thời, rất trinh khổ, có giới tiết, chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa hành tập thiền định. Hoằng Minh từng đến chùa Vân Môn, thấy 1 trẻ nhỏ lại nghe mình tụng kinh, nhân đó, Hoằng Minh hỏi: "Người là ai? Trẻ nhỏ ấy đáp: "Xưa kia con làm Sa-di ở trong chùa này, vì lén trộm các thức ăn uống của chúng Tăng nên nay bị đọa ở trong nhà xí. Xin nguyện trợ giúp phương tiện cho con thoát khỏi khổ ấy!" Hoằng Minh liền vì nói pháp khuyên hóa, nhận hiểu rồi trẻ nhỏ ất mới ẩn mất.

5. Sa-môn Thích Tuệ Mân ở chùa Sách tại Ích Châu thời Bắc Chu lén trộm vật của chúng Tăng bị đọa làm thân trâu.

Sa-môn Thích Tuệ Mân, dòng họ Cố, xuất gia từ thuở thiếu thời, chẳng tu hạnh nghiệp, khéo giỏi tạo dựng buôn bán, thường ở nơi nhà trù nhà kho của Tăng chúng, riêng tự ăn dùng, trông coi của cải vật tiền của chúng Tăng, bèn dùng phương tiện trộm cắp. Về sau, mắc bệnh mà qua đời, thân thức bèn gá trong bụng trâu, sau khi sinh ra, hình dung sạch đẹp, móng chân và sừng tròn đẹp, chúng Tăng thấy rất mến thương riêng gia tâm nuôi dưỡng. Đến thời gian sau, nhân giá xe chở trúc sắp muốn lên sườn núi. Trâu ấy dùng hết sức lực cố kéo khốn khổ mà chưa lên tới, bèn 2 đầu gối quỵ ngã nơi đất, khuỷu chân lỗ mũi thảy đều đổ máu. Bấy giờ có Sa-môn Song Nam ở Miên Châu chẳng lường biết là người xứ nào, đến Ích Châu, nhân trên đường đi thấy thế, mới thở than rằng: "Người đây vậy!" và đưa tay xoa vuốt sừng trâu, hỏi han với trâu rằng: "Sao tợ như Mân Công đền trả khổ nhọc vậy?" Khi đó, trâu tuôn đổ nước mắt như mưa, chúng Tăng thấy thế không ai chẳng xót thương, bèn báo cho đệ tử của Tuệ Mân cùng chuộc lại đó. Trâu bỏ ăn vài ngày, sau đó bèn chết.

6. Vị Thiền sư nhân lấy ít rau quả của chúng Tăng sau khi qua đời làm đứa ở trong chúng. (Rút từ Quốc Thanh tự Bách Lục, và phụ: Sa-môn Tăng Chiếu).

Thiền sư Trí Giả ở núi Thiên Thai răn bảo cùng vị Tri Sự rằng: "Xưa kia, có 1 ngôi chùa nọ, thầy trò đông cả trăm vị, ngày đêm thiền

tụng, đúng như thời khóa không phế bỏ. Có 1 tịnh nhân (cư sĩ) lén trộm nghe giảng pháp, bèn buộc niệm chuyên tập, bỗng nhiên ngồi xổm trước bếp. Lặng lẽ mà nhập định, nên lửa tắt nước lạnh. Vì Duy-na sợ bỏ sót bữa ăn của chúng Tăng, nên đến thưa cùng Thượng tọa. Vị Thượng tọa bảo: "Đó là sự ưu thắng, chúng Tăng nên nhẫn chịu, cẩn trọng chớ kinh xúc khiến nghe người ấy sẽ tự dậy". Vài ngày sau, vị Tịnh nhân ấy mới tỉnh lại, đến trước Thượng tọa trình bày sở chứng của mình, tuần tự pháp dần sâu. Thượng tọa bảo dừng, mà nói rằng: "Với điều nói của ngươi đều là cảnh giới của ta, mà nay điều nói ấy chẳng phải sự ta biết vậy. Ngươi chớ nói lại nữa!" Nhân đó trông nhìn và Thượng tọa hỏi rằng: "Ngươi có biết được túc mạng chăng?" Người tịnh nhân ấy đáp: "Có biết sơ sài". Thượng tọa lại hỏi: "Bởi tội gì mà làm kẻ hèn kém? Bởi phước gì mà dễ tỏ ngộ?" Tịnh nhân ấy đáp: "Sở dĩ làm thân hèn kém là vì lúc đời trước là làm Thầy của Thầy trò lão ngày nay. Sở học của Đồ chúng ngày nay đều là sự dạy bảo ngày xưa của con vậy. Thời bấy giờ con có lắm khách riêng nhưng thường tự ước chế không dám xâm phạm vật của chúng Tăng, bỗng nhiên có khách đến gấp nên liền lấy dùng một ít rau quả của chúng Tăng mà quên bồi thường lại. Do thế mà bị khiển trách. Ngày nay làm đứa ở trong chúng Tăng, vì sự tập học trước chưa bao lâu có tạm tu nên để tỏ ngộ. Tội phước của Túc Mạng việc ấy như vậy!" Đại chúng mọi người nghe thế buồn hương không ngăn cản nỗi!"

Thiền sư Trí Giả lại bảo: "Tôi có người bạn đồng học là Thiền sư Tăng chiếu, ở trong chúng Nam Nhạc, khổ hạnh thiền định rất đạt được nhất, tạm dùng của chúng Tăng 1 nắm muối để tự làm thức ăn chay tịnh, với xâm phạm ấy không bao nhiêu chẳng lấy làm thành việc quan trọng. Về sau, Tăng chiếu lại hành trì phương Đẳng, bỗng nhiên thấy tướng nắm muối hiện khởi. Tính ra chỉ mới 3 năm mà Tăng lớn đến vài mươi hộc, gấp khiến bồi thường đầy đủ, Tăng chiếu mới bán tất cả của cải y phục, mua muối đền trả chúng Tăng. Việc ấy không xa, và cũng chẳng truyền rộng ra. Nên lấy đó làm khuôn phép, chớ để về sau phải hối hận ăn năn.

7. Sa-môn Đạo Minh ở Tương Châu thời nhà Tùy xâm lạm củi của chúng tăng nên bị đốt chân. (Rút từ u nhân ký).

Sa-môn Thích Đạo Minh, dòng họ Nguyên, người xứ Tương Châu. Tuy tuổi còn niên thiếu mà cao thượng, có lắm tiết hạnh kỳ đặc, tiếng tăm thiền tụng vang khắp gần xa, khoảng trong tháng 3 năm Đại nghiệp

thứ nhất (605) thời nhà Tùy, Đạo Minh thị tịch tại Bản tự.

Đến tháng 7 năm đó (605) có người bạn cùng ở chung phòng với Đạo Minh là Sa-môn Huyền Tự, nhân đi đến ngoài giao dã, gặp lúc trời sắp chiều tối, bỗng gặp được 1 ngôi Già lam, bèn sang muốn xin dừng nghỉ qua đêm. Vừa đến đầu cửa, mới thấy Đạo Minh từ trong chùa mới đi ra, tướng mạo nói năng chẳng khác lúc bình sinh, bèn dẫn Huyền Tự vào đến nơi phòng. Trong tâm Huyền Tự riêng lấy làm quái lạ, mà chẳng vội hỏi. Đến cuối đêm, Đạo Minh bàn dậy bảo cùng Huyền Tự rằng: “Đây là xứ chẳng thường, Thượng nhân phải thận trọng chớ lên trên trai đường”. Đến sáng, lúc nghe tiếng chuông gióng, Đạo Minh lại nói cùng Huyền Tự cũng không chấp thuận cho lên trai đường, mà hình thể Đạo Minh chóng tiêu hao, nhan sắc đổi khác hẳn. Sau khi Đạo Minh đã đi, Huyền Tự liền sang nơi trai đường đứng sau bên cạnh cửa sổ, trông nhìn mọi sự trong trai đường, cũng lễ Phật hành hương như pháp của chúng Tăng. Vị Duy-na xướng dâng thí cháo rồi liền thấy có người khiêng cháo đem lại, đều là sắc màu như máu huyết dâng thí khắp đủ, và thấy khắp thân thể chúng Tăng lửa cháy xoay chuyển mà chết ngất, như thế chừng khoảng bữa ăn. Lâu sau, vị Duy-na đánh lắng, chư Tăng đồng 1 lúc không còn tướng khổ. Huyền Tự kinh sợ về lại nơi phòng nghỉ, chốc lát, Đạo Minh đến, sắc da càng đen nám và tiều tụy. Huyền Tự hỏi Đạo Minh đáp rằng: “Đây là địa ngục, khổ chẳng thể nói!” Huyền Tự lại hỏi: “Cớ sao ông khổ đến như thế?” Đạo Minh đáp: “Vì ngày trước lấy dùng của chúng Tăng 1 bó củi để nấu nước nhuộm y mà quên bồi thường, vì vậy phải chịu nhận tội bị đốt chân 1 năm”. Và Đạo Minh đưa tay vén y phục lên, từ đầu gối trở xuống đều bị cháy đen. Nhân đó, Đạo Minh khóc than mà nói rằng: “Thượng nhân từ bi, xin nguyện được cứu độ!”. Huyền Tự kinh sợ thở than mà bảo cùng Đạo Minh rằng: “Ông là người tinh luyện, còn mắc phải như thế, huống hồ chúng tôi sẽ lại phải thế nào? Chẳng xét biết phải làm sao để cùng thoát khỏi!” Đạo Minh bảo: “Mua cho trăm bó củi để bồi thường chúng Tăng thường trú, và ghi tả cho 1 bộ kinh Pháp Hoa”. Huyền Tự nói: “Tôi sẽ tự dốc hết những gì tôi có được vì ông mà lo liệu đó. Cầu nguyện cho ông sớm lìa khỏi nỗi khổ này”. Nhân đó bèn giả biệt, Huyền Tự trở về lại chùa, y như lời nói mà đáp trả, và ghi tả kinh, xong rồi trở sang đó tìm xem, tự nhiên tỉnh lặng không thấy gì nữa.

8. ***Sa-môn Thích Đạo Tướng ở Ký Châu thời nhà Tùy thấy chư Tăng ở chùa Linh Nham nhận chịu tội khổ.*** (Rút từ Linh Nham tự ký).

Sa-môn Thích Đạo Tướng, người xứ ký châu, nghe chư Tăng ở chùa Linh Nham tại Tề Châu tu hành nghiêm chỉnh, thần linh kính túc. Vào năm Khai Hoàng thứ 16 (596) thời nhà Tùy, nhân trên đường hành Đạo, bỗng chốc Đạo Tướng bị bạo tử, thần thức đến trong Minh Ty, thấy Bồ-tát Đại Thế Chí, và được Sa-môn Đàm Tường chủ chùa Hóa Xưng dẫn đi trông xem chư Tăng đọa nơi địa ngục.

Mới đầu thấy Sa-môn Tăng Chân. Tăng Chân bị đọa trong địa ngục hắc ám (đen tối), than lửa thiêu đốt đó. Nói cửa ấy có tấm bảng ghi rằng: "Người này vì riêng dùng 20 quan tiền dầu đèn nhà chúng Tăng, chỉ đèn vô tận trong chùa dầu do nhà rất có của cải dâng cúng, Tăng Chân trải qua thời gian làm chủ chùa, trong ý cho rằng: "Dầu của đèn vô tận, nghĩa là chúng Tăng có thọ dụng". Tuy bảo là vay mượn dùng, mà ý riêng chẳng hoàn trả. Vì nghiệp Đạo ấy nên chẳng khỏi nhận chịu quả báo". Tăng Chân nhiều năm trở lại đây, thân thường đen nám suy gầy sinh mọc các mụt nhọt nóng đốt, chữa trị đó mà chẳng lành khỏi. Ngài Đàm Tường bảo cùng Đạo Tướng rằng: "Ông trở về lại chùa nói cùng Tăng Chân hãy gấp hoàn trả lại vật cho nhà cúng đầu đèn, thì được thoát khỏi đọa địa ngục. Tăng Chân liền tự ngày ấy hoàn trả, trọn từ đó được khỏi và tấm bảng nơi địa cũng theo dứt mất". Tiếp đến thầy Sa-môn Pháp Hồi tại địa ngục Phương lương Yểm. Tấm bảng ở đó ghi rằng: "Người này riêng dùng 30 xấp lụa quyên của chúng Tăng". Ngài Đàm Tường bảo cùng Đạo Tướng rằng: "Ông trở về lại chùa nói cùng Pháp Hồi phải chóng hoàn trả lụa quyên cho chúng Tăng, thì được thoát khỏi đọa địa ngục". Đạo Tướng trình bày việc trên đầy đủ, Pháp Hồi liền chống cự không thừa nhận, mới nói là: "Từ trước trở lại chẳng dùng của chúng Tăng 1 thước vật, nhân nào có được 30 xấp lụa quyên?" Đạo Tướng nói nơi tấm bảng ấy ghi rằng: "Năm Khai Hoàng thứ 5 (585) thời nhà Tùy, chúng Tăng sai pháp Pháp Hồi đến kinh đô xin đặt để biển ngạch chùa Linh Nham, mang theo 100 xấp lụa quyên, 2 con lừa, ngoài ra còn có các thứ lương thực. Pháp Hồi đến kinh đô, gặp được Thông sự xá nhân vốn là Đàn Việt của chùa Linh Nham vì giúp tấu trình mà được biển ngạch chùa chẳng phí tổn 1 tiền. Pháp Hồi tự suy nghĩ rằng "Biển ngạch chùa này do Pháp Hồi đây mà có được, nên đối với chùa rất có công ân, nên tiêu 30 xấp lụa quyên". Mới dùng 10 xấp mua đổi vàng, 5 xấp đổi lấy tơ vải, 6 xấp mua chén sữa và thạch hộc, 6 xấp mua trầm hương, 3 xấp mua than thạch, và rương khóa, đủ cả thảy 30 xấp, trong đó 25 xấp đủ bán, 5 xấp hiện tại trong rương, hương ấy đều hiện còn, chén sửa thạch hộc dùng xong, tơ vải hiện còn 2 xấp tạo trong rương,

vàng 1 trượng cũng chưa dùng”. Pháp Hồi hiện thấy sự việc nghiệm chứng, ngay đó liền cúi đầu hoàn trả lại 30 xấp lụa quyên và trong ngày đó liền xong, tấm bảng niêm yết trên cửa ngục cũng tiêu mất.

Tiếp đến thấy Sa-môn Đạo khuếch tại địa ngục Hỏa thiêu. Tấm bảng ở đó ghi rằng: “Người này đốt của chúng Tăng 80 tiền củi nên đọa vào địa ngục này”. Đạo Tướng trình bày đầy đủ như thế mà Đạo Khuếch không thừa nhận, mà tự bảo rằng: Từ lúc ở chùa trở lại nay, với 1 tấc củi lá chưa từng bám đốt, huống gì là có riêng dùng 80 tiền củi”. Đạo Tướng nói thầy trên bảng ghi rằng: “Có người trộm cây hạnh trong rừng của chúng Tăng kéo ra ngoài ranh giới cắt làm lược gỗ, do có không hết, Đạo Khuếch thâu gom gỗ còn sót lại cắt làm 3 bó, và 1 cái rễ là thô, nên tính thẳng là 80 tiền”. Đạo Khuếch do không phục bảo “ngoài rừng đem 3 bó củi thô là 1 kể vào bó, trị giá củi bán thời bấy giờ, đến chùa chỉ 20 văn tức được 1 đoạn. Sao có 3 bó củi hạnh được ngay 80 tiền?” Đạo Tướng nói trên bảng nói rằng: “Thô chỉ 1 cái rễ nhưng có thể làm được lược gỗ, nên tính thẳng 80 tiền”. Đạo Khuyết thấy vậy bèn thừa nhận, hoàn trả lại cho chúng Tăng 80 tiền, và như trên mà được ra khỏi.

Tiếp đến thấy Sa-môn Tuệ Thái ở trong địa ngục hỏa thiêu, trên tấm bảng ghi rằng: “Thiêu đốt 1 cái nia mộc trác của chúng Tăng, chỉ tính thẳng 20 tiền”. Tuệ Thái liền thừa nhận, hoàn trả lại 20 văn tiền. Và như trên mà được ra khỏi. Tiếp đến thấy Sa-môn Tuệ Khản, trên tấm bảng ghi rằng: “Trong Lan nhã có 40 người thường ngày đều làm 1 bữa thức ăn chay tịnh. Tuệ Khản khuyên mời chư Tăng ở ngoài lại ăn cháo tốn hao hết 3 thăng gạo nên đọa vào địa ngục”. Hoàn trả lại được ra khỏi. Tiếp đến thấy riêng Đạo Tướng đọa nơi địa ngục tiếp chúc, lửa đốt cháy tay. Trên tấm bảng ghi rằng: Người này được sai bảo vì chúng Tăng mà làm đuốc, bèn bỏ khuyết không làm, và người đồng cùng làm từng kêu không được, mới làm nói đùa: “Đại đức sao có thể cùng ngươi làm đuốc?” Vì trái chúng Tăng như thế nên đọa địa ngục này”. Đạo Tướng hoàn trả lại trị giá đuốc cho chúng Tăng, liền được ra khỏi ngục ấy.

Tiếp đến thấy 3 vị Sa-di, quên mất tên tự của họ bị đọa nơi địa ngục hỏa thiêu. Trên tấm bảng đề rằng: “Theo pháp chùa ấy tuyệt không được đốt củi khô. Các Sa-di ấy liền đốt của khô. Ở trên cửa ngọc có nhóm trùng con theo Sa-di ấy đói lấy mạng nên đọa vào địa ngục này”. Ngài Đàm Tường bảo cùng Đạo Tướng rằng: “Người trở lại chùa nói cùng 3 Sa-di ấy, mỗi người thiết 1 hội cúng để cúng dường

chúng Tăng mà shthì được thoát khỏi”. 3 Sa-di ấy mỗi một đều thiết lễ hội cúng dường, nên được ra khỏi. Theo đó, thấy Sa-di Minh có đọa trong địa ngục phí thiết bạc tỉnh, lửa đến đốt cháy mặt. Trên tấm bảng ghi rằng: “Người này vì chúng Tăng thường làm bánh mỏng, lại không người sai sử, vì không dụng tâm tiếc giữ bột bánh, mới phủi bột bánh rơi vãi nơi đất chẳng thể thâu gom lấy nên đọa vào địa ngục này”. Sa-di Minh có trong khoảng 4, 5 năm trở lại đây, khắp mặt mày sinh nhiều mụt nhọt, chịu khổ não lớn, chữa trị không lành. Ngài Đàm Tường bảo cùng Đạo Tướng rằng: “Ngươi nên bảo cho Minh có biết vậy”. Sa-di Minh có liền thừa nhận, thiết lễ cúng dường mà được khỏi. Tiếp theo lại thấy Sa-di Đạo Hoằng đọa trong địa ngục nuốt viên sắc, từng viên sắt lửa đốt cháy nuốt vào trong miệng, miệng đều tiêu cháy. Trên tấm bảng ghi rằng: “Người này vì chúng Tăng làm bánh bao, đại chúng chưa ăn mà trộm ăn một bát, nên đọa vào địa ngục này”. Sa-di Đạo Hoằng trong khoảng vài năm trở lại đây, trong miệng luôn mọc mụt nhọt, đau khổ khác thường. Ngài Đàm Tường bảo nên vì chúng Tăng mà thiết 1 lễ cúng, tức được thoát khỏi sa đọa địa ngục ấy.

Những vị như thế có cả thảy hơn 30 người, trong thời gian 7 ngày mà Đạo Tướng chỉ bày tội tướng, rộng như ở Biệt ký.

9. Sa-môn Thích Trí Khôi ở chùa Quốc Thanh thời tiền Đường qua đời làm đứa ở trong chúng Tăng. (Tân Lục)

Sa-môn Thích Trí Khôi, không rõ là người thuộc dòng tộc nào, xuất gia ở chùa Quốc Thanh tại núi Thiên Thai. Theo thứ lớp giữ việc trị tuế, mới đem 10 xấp vải nhỏ cho Thừa Lý Ý ở huyện Thỉ Phong vay mượn, đến khi hoàn tất trọn chẳng trả lại. Về sau Trí Khôi qua đời sinh làm đứa ở trong nhà chùa, tên là Sư Lập, trên lưng có đường văn làm thành chữ là “Trí Khôi”, mọi người hiện tại đồng thấy. Và, Lý Ý kia sau khi chết cũng sinh làm đứa ở trong chùa, tên là Sĩ Tung, trên lưng cũng có thể “Lý Ý” và danh tự.

10. Sa-môn Đạo Sưởng ở chùa Bạch Tháp tại Dương Châu thời tiền Đường bị Minh Quan răn khuyên. (Tân Lục. Phủ: Cô Ni Diệu Giác).

Sa-môn Đạo Sưởng dòng họ Tống, người xứ Giang Đô, Dương Châu, xuất gia từ thuở thiếu thời ở chùa Bạch Tháp, nhậm giữ chức Đô Duy-na trông coi mọi vật của chúng Tăng, tự do xâm lạm sử dụng. Trong khoảng niên hiệu Vĩnh Xương (689-689) thời tiền Đường, bỗng

nhiên có vài người Minh quan đều mặc y phục đỏ tía cưỡi ngựa giữa ban ngày xông vào trong phòng, kéo Đạo Sưởng xuống đất, trong ánh mắt tức giận vung dao sắp xuống cổ Đạo Sưởng. Đạo Sưởng không biết là người nào kinh sợ kêu gào xin tha mạng. Các đệ tử v.v... chạy đến báo cùng chủ chùa. Chủ chùa đi đến thấy vậy rơi vãi dơ uế đứng bên cạnh đều không nói được gì. Minh Quang gằn tiếng bảo: "Tất cả của cải phòng nhà có ra đều phải đưa hoàn trả chúng Tăng thì sẽ tha cho ngươi được sống". Đạo Sưởng cúi đầu đáp: "Xin vâng, không dám trái mạng lệnh". Minh Quan nói: "3 ngày sau sẽ trở lại". Đạo Sưởng liền gióng chuông nhóm tập chúngTănng, xả hết mọi thứ y vật bồi thường chúng Tăng, tu tạo tôn tượng, thiết trai sám hối, 3 ngày sau Minh Quan lại đến, thấy Đạo Sưởng chỉ còn 1 bình bát 1 áo nạp, ngoài ra không tích chứa gì, Minh Quan bèn chẳng nói gì mà bỏ đi. Từ đó, Đạo Sưởng không còn bị gì, về sau trở thành bậc Minh hạnh.

Lại nữa, Cô Ni Diệu Giác ở chùa Pháp Giới, trong lúc đang nhậm trị tuế đưa 26 quan tiền nhờ Sa-môn Huyền Trạm ở chùa Khai Nghiệp bàn 200 thạc thóc quan, thiếu 13 gian tiền thóc, chưa hoàn trả tiền ấy. Quan điển nhớ trong lòng vị Tăng ấy, khổ công quyết đòi không được. Bèn trải qua 3 năm sau. Đến trong tháng 9 năm Thánh Lịch thứ nhất (698) thời tiền Đường, Cô Ni Diệu Giác đang ở tại phòng, bỗng nhiên mắc bệnh nặng. Bền có người đuổi theo bảo: "vua đuổi tìm đòi Sư!" Diệu Giác liền theo kẻ sứ đến chỗ vua Diêm-ma. vua hỏi: "Tại sao Sư dùng tiền của nhà chùa ư?" Cô Ni Diệu Giác nói: "Một đời trở lại chùa từng dùng tiền của nhà chùa". vua bảo: "Lúc đang giữ việc trị tuế dùng 13 quan tiền bán lúa thóc quan, thóc đã không được, tiền sao chẳng hoàn trả". Cô Ni Diệu Giác nói: "Tiền ấy Sa-môn Huyền Trạm đem giao cho Quan Điển, còn Diệu Giác tôi thật chẳng tự dùng". vua liền gấp sai tìm kiếm Sa-môn Diệu Giác để đối chất với Cô ni ấy. Đang lúc ở trong Minh Đạo suốt 2 ngày tìm kiếm Sa-môn Huyền Trạm khắp nơi không được, bèn xin vua Diêm-ma đuổi tìm, vua cũng chấp nhận đuổi tìm. Cô Ni Diệu Giác chết trong Minh Đạo, lúc tìm kiếm Sa-môn Huyền Trạm thì Diệu Giác đang nằm trên giường tại phòng nhà cũng nhiều lần mở miệng bảo: "Hãy gấp gọi Sa-môn Huyền Trạm". Người đứng bên cạnh liền vì tìm kiếm, trải qua 2 ngày tìm thấy được Sa-môn Huyền Trạm, Cô Ni Diệu Giác đang bệnh đã nghe Huyền Trạm đến, bất chợt trên giường bỗng nhiên ngồi dậy, trong ánh mắt sân hận bảo: "Vì Đại sư bị đuổi tìm kêu gọi gấp, đã 2 ngày tìm kiếm Sư khắp nơi không được, dưới cẳng chân tôi bị phá hết. Đại sư làm gì không lại?". Khi đó, người bên cạnh

xét xem dưới cẳng chân Cô Ni Diệu Giác đều bị phá làm thành vết sẹo. Cô Ni Diệu Giác nói cùng Sa-môn Huyền Trạm rằng: "Đại sư không thể chẳng vì gấp hoàn trả vật lại cho nhà chùa. Nếu không có được vật tôi trọn không được phóng thả. vua Diêm-ma hiện tại cũng đang đuổi tìm Đại sư. Bối rối như thế khổ đòi Sa-môn Huyền Trạm". Huyền Trạm bèn liền lập tờ thiếp xin hoàn trả lại. Ghi rằng: "Đến tháng chạp sang năm mà không hoàn trả, thì xin mọi vật trong phòng hiện nay đều đem giao trong minh đạo, trình bày đầy đủ và quanh co bảo rằng: "Sa-môn Huyền Trạm đều cho biết đó, không liên quan gì đến việc Diệu Giác tôi". Quan điển trong Minh đạo còn tự khổ lưu giữ chẳng phóng thả Cô Ni Diệu Giác, bỗng thấy Pháp sư Ẩn và Pháp sư Thúy khuyên rằng: "Sự việc đã chẳng cùng liên quan, cớ sao không phóng thả?". Điện Lại trong Minh Đạo bèn cấp cho Cô Ni Diệu Giác bản sao, và bảo: "Phóng thả Sư đi". Cô Ni Diệu Giác thân bệnh bèn được dần lành. Và Sa-môn Huyền Trạm đến trong tháng chạp năm sau hoàn trả tiền lại bên xong. Đồ chúng cả 2 chùa đều thấy biết việc ấy.

11. Vị Tăng ở Ấn Châu thời tiền Đường cắt thừa giảm bớt cháo, hiện đời nay bị ăn phẩn uế. (Tân Lục).

Tại Ấn Châu có 1 vị Tăng, mất tên họ, đã từng trải qua sự việc trị tuế, bèn cắt cái thìa khiến nhỏ bớt, nên cháo chúng Tăng ăn không no đủ, qua sau 1 tháng, hằng ngày vị Tăng ấy không ra khỏi phòng, chư Tăng lấy làm quái lạ riêng đến trông xem, thấy vị Tăng ấy mỗi lúc đến giờ ăn mang bát đến nơi nhà xí lấy phẩn uế mà tự ăn. Chư Tăng nhân đó liền mở phòng ra, trong phòng ấy đặc đầy mùi hôi thối, bèn hỏi nguyên do. Vị Tăng ấy đối trước chúng Tăng mà sám hối, bèn được trở lại như xưa cũ..

12. Sa-môn Tuệ Tiên và Sa-môn Thần Anh ở chùa Đạo Thắng tại Ninh Châu thời tiền Đường nhận chịu khổ báo. (Tân Lục).

Thượng tọa Tuệ Tiên và Đô Duy-na Thần Anh ở chùa Đạo Thắng tại Ninh Châu, đều vì chùa đồng sự hòa mục, dùng vật của chúng tăng thường trụ, không ngang hạng mượn, tiện vượt hẳn ăn uống vô số. Với nhân quả nghiệp Đạo chẳng hề liên quan đến tâm. Thiền tụng kinh hành không từng để ý. Tuy sống trong hàng Tăng Lữ mà thật làm dơ bẩn Đạo phong. Các hàng Đạo tục đều dèm pha quở trách cho đó là hạng người không báo ứng. Thượng tọa Tuệ Tiên cảm nhiễm bệnh mà qua đời, sau đó 3 năm Đô Duy Na Thần Anh cũng bỏ đi.

Đến trong tháng 7 Vạn Tuế Thông Thiên (696-697) thời tiền Đường, bỗng gặp Sư Bà ở Quách Lý, nhân liền hỏi: "Thần Anh tôi có tốt lành chăng?" Sư bà trông nhìn Thần Anh mà bảo rằng: "Sau lưng Sư có 1 vị Tăng luôn đuổi theo sư. Nếu qua khỏi phương tháng 8 tức sẽ không việc gì". Thần Anh cho đó là lời nói đùa chơi. Đến đầu tháng 8, có người nhà trong chùa ban đêm mộng thấy Thượng tọa Tuệ Tiên cùng 1 người khác cầm nắm sợi dây màu đỏ đi vào chùa hỏi: "Đô Sư (Thần Anh) người nhà ấy đáp: "Không có ở đây". Thượng tọa Tuệ Tiên bảo: "Tôi cùng ông ấy đồng trong coi việc chúng Tăng, riêng phá tài vật của chúng Tăng phung phí tan mất rất nhiều. Tôi bởi duyên tội ấy mà bị đọa vào địa ngục Ngại luân (cối xay), ngày đêm nhận chịu khổ, không sao diễn tả được. Ông lại chẳng vì tôi mà tạo tác chút ít công đức, đâu được khiến tôi riêng nhận chịu khổ ấy". Bèn vào trong chùa tìm kiếm Đô Sư Thần Anh, thấy gặp Sa-môn bát Nhân là chủ chùa hiện đương thời, người nắm sợi dây đỏ liền dùng dây gỡ xé chủ chùa Bát Nhân. Sa-môn Bát Nhân bảo: "Việc không liên quan gì đến tôi". Và liền đưa tay nắm lấy dây dẫn kéo chống cự, nhân đó liền được thoát, vượt tường mà ra. Người nhà ấy sau khi tỉnh mộng, kể cùng mọi người. Lại thấy Thần Anh, liền nói: "Đêm qua có 1 giấc mộng rất không tốt lành, con muốn tỏ bày cùng Đô Sư nhưng sợ Đô Sư tức giận". Thần Anh bảo: "Cứ nói có gì phải sợ". Người nhà ấy liền đem sự việc trong mộng tỏ bày đầy đủ, và nói: "Tháng này Đô Sư không nên ở tại chùa". Trong tâm ý Thần Anh tỏ ngộ thấy đồng như lời nói của Sư bà ngày trước, nên lo sợ mà trở về nhà.

Đến ngày 21 tháng 08, Thần Anh bảo cùng trong nhà rằng: "Ngày nay trên chùa có Quan đến cúng trai mà không người tán Phật, nên tôi tạm trở về chùa". Người trong nhà nói: "Sư không nên ở chùa, tại sao phải đi?" Thần Anh bào rằng: "Đâu thể do vậy. Tôi tạm sang rồi trở về liền". Nhân đó đi đến chùa, giờ cúng trai chưa đến nên Thần Anh xuống nhà trù xét xem, vừa tạm ngồi, người trong nhà trù đem bún ăn bày mời. Thần Anh liền lấy ăn vài ba miếng, trong cơ thể nóng bừng, Thần Anh bảo: "Tôi uống thuốc trước tợ như không thích nghi". Giờ cúng trai đã đến, Thần Anh tự tán Phật, đến nửa chừng, hơi khí sức lực chuyển suy yếu dần không thể trọn được buổi lễ, liền nói cùng Sa-môn chủ lễ pháp ngưng rằng: "Thần Anh tôi trong thân tôi không được khỏe tốt, xin được về nhà để nghỉ". Sa-môn Pháp Ngưng bảo: "Tôi thấy ông rất là khốn khổ, không nên ở lại lâu". Về đến nhà được 1 đêm, đến sáng ngày hôm sau Thần Anh không dậy nỗi, người trông nhà cùng đến

trông xem, liền thấy có 2 người cùng đi theo vào, Thần Anh bảo: "Đỡ tôi dậy, Trương Đô, Vương Đô 2 quan đã lại". Và Thần Anh hướng về Vương Đô cúi đầu nói rằng: "Xin phóng thả Thần Anh lại được 1 năm để tu tạo công đức, cũng vì Đô quan mà tạo tác công đức, ân đức ấy không do đâu có thể nói!" Vương Đô bảo rằng: "Hẳn không thể được, Thượng tọa Tuệ Tích kia sớm đã chết trước 3 năm nhận chịu thống khổ nơi địa ngục Ngại luân, sao nói người khác chờ đợi Sư rất gấp không thôi". Thần Anh cầu xin Vương Đô không được, bèn hướng sang Trướng Đô cúi đầu nói rằng: "Tôi cùng Đô Quan đồng dòng họ, há chẳng cùng cứu tôi sao?" Trương Đô liền nói cùng vương Đô rằng: "Sư Thần Anh muốn cùng ông tu tạo công đức, trong ý ông sao mà không phóng thả?". Vương Đô bảo rằng: "Việc này hẳn không thể được, giây lát nữa vua Diêm-ma đến, đâu được tự do?". Mới ước định trói buộc Thần Anh, bèn bảo rằng: "Chớ nên lắm lời nữa, vua đến sẽ sân trách". Thần Anh cầu xin đã không được, liền hỏi người trong nhà rằng: "Có sữa mật chăng?" Người trong nhà đáp: "Không có sữa mật, chỉ có trái cây". Thần Anh liền bảo dời giường phô bày, đặt hơn 10 diệp trái cây, phỏng định dâng cúng Đại vương. Chỉ thời gian ngắn, Đại vương (vua Diêm-ma) liền đến, thân cao hơn 8 thước, cưỡi ngựa Tử lưu, thân mặc áo bào sắc tía, các người theo hầu đông nhiều có hơn 30 vị, đến chỗ Thần Anh đang nằm, Trương đô và Vương Đô liền bước xuống thềm cấp đứng bên cạnh. Thần Anh liền ngồi dậy, như muốn nói lời từ tạ. Đại Vương bảo cùng 2 Đô quan rằng: "Lại đợi đến lúc nào? Gấp trói ngược tay lại". Thần Anh 2 tay đưa lui ra sau lưng tợ như muốn bị trói ngược, muốn kéo đưa tay tới trước trọn không thể được. Đại vương lại bảo: "Sao chẳng đánh gấp?". Thần Anh rên rỉ thống khổ. Người nhà vén kéo y phục lên, thấy trên lưng rộng khoảng 2 bàn tay, chỗ gậy đánh xanh bầm sưng thấu đến trước ngực. Đến chiều ngày ấy Thần Anh qua đời vậy.

13. Sa-môn Huyền Biện ở chùa Đài Từ Ân tại kinh đô thời tiền Đường bị Minh quan đuổi bắt. (Phụ: Sa-môn Thần đức ở chùa Khai Nghiệp).

Sa-môn Huyền Biện, dòng họ Vương, người xứ Trường An, xuất gia vào Đạo từ tuổi bé thơ, ít dự can theo lưu tục, tuy đượm nhuần pháp vũ, mà chẳng nảy mầm tiêu cháy giống. Từng vì chúng tăng sai bảo đến Trị Tuế nơi trang trại ở Đồng châu, mới chẳng tư duy đến nghiệp lụy, thỏa sướng ở đó không nhàm chán, riêng dùng của chúng Tăng 30 thạc hồ ma, 20 thạc đậu lớn. Đã ẩn giấu nhiều năm, chẳng tỏ bày sám hối.

Đến trong niên hiệu Vĩnh Xương (689) thời tiền Đường, bỗng mắc phải khổ hoạn, tự thấy thân mình ở trong hầm lửa. Lại có con rắn lớn muốn lại ăn nuốt. Thân sắc mà hồng đỏ, 2 cẳng chân cháy nát, xoay quanh kêu gào, chua xót khó nghe. Chúng Tăng thấy thế không ai chẳng dựng đứng lông tóc toát đổ mồ hôi. Trong giây lát tỉnh táo, liền sai một người giữ bên cạnh thay thư và kêu dẫn Sa-môn Cảnh Tiên đến. Cảnh Tiên lúc chân đang còn sống mà Huyền Biện đã thấy Cảnh Tiên ở trong hầm lửa. Huyền Biện cất hết y vật của cải, khắc ký tỏ bày sám hối. Trải qua 20 ngày sau mới thấy Minh quan dẫn theo năm sáu trăm người cầm nắm khí trượng đến, Huyền Biện chỉ biết cúi đầu, cúi đầu như thế mà qua đời. Bấy giờ Pháp sư Hoa Nghiêm đang giảng pháp ở trong, các hàng Đạo tục có đến vài trăm người, thảy đều nghe biết đó.

Thứ nữa, Sa-môn Thần Đức ở chùa Khai Nghiệp, cũng tiêu dùng lắm vật của thường trụ, bỗng nhiên bị bạo tử. Có người dòng họ Lưu ở Tân Phong cũng bị bạo tử thấy đầu Thần Đức như núi lửa, thân làm thành chân vạc, lại dẫn Thượng tọa ở cùng đồng đi và dẫn Đô Duy-na nhân kính. Thần Đức bèn xả thí y vật đền trả của Thường trụ, sớm tối tinh cần tu tập, bèn khỏi bị đuổi bắt.

14. Sa-môn Tuệ Trừng ở chùa Khải Phước tại Phần Châu thời tiền Đường dùng vật lẫn lộn nhận chịu khổ. (Tân Lục).

Sa-môn Tuệ Trừng là chủ chùa Khải Phước ở Phần Châu, là bậc rất phong phú tuệ giải luật nghi, đai mũ môn đồ. Đồ chúng có đến vài trăm vị nên rất vang danh ở đương thời. Đến trong tháng 06 năm Điều Lộ thứ 3 (681) thời tiền Đường, cảm mắc bệnh hoạn sắp hết, uống sữa bò vài ngày, tự nhiên không sao mà qua đi. Vài ngày sau đó, có Sa-môn Trường Ninh ở Đồng chùa là bậc tinh tu thiền hành, ban đêm bỗng thấy Tuệ Trừng lại mà hình sắc tiều tụy, nói rằng: “Tôi vì dùng vật lẫn lộn của Tam bảo, chịu khổ quá lắm khó thể nói, nay mong theo ông xin cho 1 bữa ăn!” Và lại nói cùng Trường Ninh rằng: “Các tội đều tạm nhẹ, thứ nhất là không được dùng vật của chốn già làm, nhiều lần phải đền trả”. Bấy giờ có 1 vị Sa-môn tên là Trí Cảm là người học hạnh kiêm thông, tinh tu thận mật. Tuệ Trừng nơi cùng Trường Ninh rằng: “Cả trong 1 châu chỉ có 1 người ấy có thể toàn khỏi, ngoài ra đều là rất khó!” Và lại nói: “Pháp sư Thiện Trừng ở chùa Đường Hưng cũng sử dụng lẫn lộn vật của Tam bảo, không bao lâu nữa sẽ phải nhận chịu”.

15. Sa-môn Trí Thao ở chùa Nghĩa Hưng tại Tinh Châu thời tiền

Đường xâm phạm vật của chúng Tăng bị rừng phạt, ngục tốt hiện đến. (Tân Lục).

Sa-môn Trí Thao ở chùa Nghĩa Hưng, năm Điệu Lộ thứ nhất (679) thời tiền Đường, bỗng nhiên trong đêm thấy lửa bốc cháy phủ cao trên đầu vài trượng, ngưu đầu ngục tốt đông đầy trước sau, bảo cùng Trí Thao rằng: "Ngươi tự do dùng vật của chúng Tăng, nên phải vào trong địa ngục". Trí Thao buồn khóc cầu xin, thề đền trả liền, rỏ giọt máu khẩn thành đến sáng sớm mới được khỏi, mê muội qua vài ngày, sau mới nói lại điều đó và liền chừa bỏ cải đổi, bèn được không việc gì.

16. Sa-môn Bá Đạt ở chùa Nội Giới tại Phần Châu thời tiền Đường sau khi qua đời làm thân trâu ở chùa. (Tân Lục).

Trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời tiền Đường ở chùa Nội Giới tại Phần Châu có 1 vị Sa-môn tên là Bá Đạt, tánh tình ham thích uống rượu, mỗi ngày thường say. Sau được sung vào nhà khố làm Trị tuế, thường luôn lấy tiền chúng Tăng để mua rượu uống, vài năm sau qua đời. Về sau, chúng Tăng trong chùa mua được 1 con trâu rất có sức lực. Tăng chúng ở ngoài cửa dời cậy hoặc ngồi hoặc đứng, thấy người nhà xua đuổi đàn trâu vào chùa, con trâu mới mua được ấy đi sau cuối đàn cách vài mươi bộ, có 1 vị Sa-môn bảo: "Con trâu đi bước đặng trược rất tợ như Bá Đạt bàn thời xưa của chúng ta". Con trâu ấy nghe tên đó bèn sang xoay nhìn đến chúng Tăng. Chư Tăng bảo "phần nhiều là Bá Đạt". Mới nói cùng trâu ấy rằng: "Nếu ngươi thật là Bá Đạt tức nên đến trong chúng Tăng". Trâu ấy ứng tiếng liền đến, nhân cúi đầu nơi đất mà trong ánh mắt tuôn trào lệ. Chúng Tăng nhân đó vỗ xoa đầu trâu, đối cùng nó mà rỏ lệ khóc, vì trâu mà sám hối và cho thọ giới.

Đến năm Trinh Quán thứ 19 (645) thời tiền Đường, vua Thái Tông (Lý Thế Dân) đánh phạt Liêu Đông, bảo Tả Thừa Vũ Văn Tiết đến trong các châu gom bắt tất cả trâu để cung cấp cho quân lính ăn. Đến trong chùa ấy tìm bắt trâu, con trâu ấy riêng chồm nhảy húc chống chẳng ra, chúng Tăng nói cùng Vũ Văn Tiết sự tình nghi như thế. Vũ Văn Tiết nói cùng chúng Tăng báo trâu ấy Sứ giả không bắt lấy ngươi. Nhân đó bảo cùng trâu rằng: "Sứ giả chỉ muốn trông thấy ngươi, không bắt dẫn ngươi đi". Trâu ấy ứng tiếng liền ra. Sứ giả bảo quỳ, trâu liền quỳ, Vũ Văn Tiết rất kinh ngạc mà bỏ đi.

17. Sa-môn Tăng Giác ở chùa Không Tuệ tại Ích Châu thời tiền

Đường sử dụng tiền chùa nên bị đục trán khổ chết. (Tân Lục).

Sa-môn Tăng Giác, không rõ là người thuộc dòng tộc nào, xuất gia từ tuổi nhỏ ở chùa Không Tuệ. Trong chùa ấy tiện nghi đầy đủ, mọi vật tràn đầy. Tăng Giác dòm ngó đục khoét lén trộm lắm nhiều. Đến năm đảm nhận trông coi mọi việc, chiếm dùng tiền của chúng Tăng, chẳng từng hổ thẹn. Sao đó bỗng thoát cởi y phục thân thể đỏ rần, tay như bị trói buộc, kêu gào lớn tiếng buồn khóc rơi lệ. Bấy giờ có Sa-môn Tăng Thái v.v... lấy làm quái lạ sang hỏi thăm. Tăng Giác nói rằng: “Hiện thân tôi nay bị đoạ vào trong địa ngục, có người ở giữa không trung nắm cái đục, đục trên trán tôi lui tới sau não và cho đến cả trên lưng đều làm lỗ trống lớn. Ở giữa không trung có tiền hoặc đan xen hoặc cả xâu hoặc 1.000 hoặc 100 theo từ miệng vào trong lỗ trên lưng rồi ra, hoặc từ trong lỗ trên lưng vào trong miệng rồi ra, hoặc từ trước trán vào trong não rồi ra, hoặc từ sau não vào trước trán rồi ra, lúc tiền xoay chuyển đau nhức không thể nói. Muốn có được sám hối mong cầu đều tạ”. Liền đó mê ngất, lăn lóc vài ngày rồi qua đời.

18. Sa-môn Hiếu Chí ở chùa Thắng Quang tại Tây kinh thời tiền Đường lấy trái cây cho người thân ăn bị tội báo. (Tân Lục).

Sa-môn Thích Hiếu Chí, dòng họ Đậu là con của Hoa Quốc Công Đàn. Tuy từ thuở bé nhỏ mà dốc chí với kinh giới, đặt để tâm ý nơi Thích giáo. Năm Trinh Quán thứ 13 (639) thời tiền Đường, xuất gia ở chùa Thắng Quang. Chùa đã kín gần chợ quán, anh em thân nhân qua lại thường xuyên. Hiếu Chí từng lấy trái cây trong chùa ra cùng ăn, không bao lâu cảm mắc bệnh ói máu. Khi mọi người phát hiện ra thì chỉ còn có chết. Hơi thở kéo dài buồn kêu rất chua xót, những người trông thấy không ai chẳng sợ run đùi vế, qua thời gian ngắn tỉnh sống lại, máu huyết ngưng lại. Hiếu Chí tự kể rằng: “Trước lúc sắp muốn ói máu, thấy có kẻ sứ mặc y phục sắc đỏ dẫn Hiếu Chí sang trong rừng đen tối, quạt gió lớn thổi khắp các thân phần của Hiếu Chí khiến tự phân tán, bỗng chốc lại dẫn Hiếu Chí đến chỗ trong sáng. Tại đó, Đài quán thoáng rộng, phía trên có người nghi dung rất đáng sợ, gằn tiếng bảo cùng Hiếu Chí rằng: “Cớ sao lấy trái cây trong nhà chùa để cùng các người thân v.v... ăn ư? nói xong bèn ẩn mất”. Như thế trải qua hơn 1 tháng sau Hiếu Chí tạm thường phục. Đến ngày 24 tháng 06 năm Hiển Khánh thứ 5 (660) thời tiền Đường, Hiếu Chí qua đời tại chùa, chỉ thọ 21 tuổi.

NÊU BÀY Y CỨ

(Những sự tích trên đây được rút từ nhiều sách khác nhau, do đó nêu bày chứng cứ rút trích để tiện đối chiếu).

- Truyện Đạt-ma-mật-đa (rút từ Tạp Bảo Tạng kinh quyển 6, truyện 11 và phá pháp tạng kinh quyển 5 truyện 10) -Truyện Xà-dạ-đa (rút từ Tạp Bảo Tạng kinh quyển 6, truyện 9 và kinh luật Dị tướng quyển 19 truyện 19) -Truyện Ly Việt (rút từ Tạp Bảo Tạng kinh quyển 2 truyện 12 và và kinh luật Dị tướng quyển 19 truyện 26) -Truyện Tuệ Đạt (rút từ Lương cao Tăng truyện, quyển 13 truyện 1 và Đường Cao Tăng truyện quyển 33 truyện 5, Tam bảo Cảm Thông Lục quyển 3 phần C truyện 5, Pháp Uyển Châu Lâm quyển 41 truyện 8 và quyển 103 truyện 16) -Truyện Đạo Chí (rút từ Châu Lâu quyển 96 truyện 14) -Truyện Trí Thông (rút từ Châu Lâm quyển 36 truyện 13) -Truyện Vô Cấu Hữu (rút từ Tây Vức ký quyển 4 truyện 5) -Truyện Tuệ Nghiêm (rút từ Lương Cao Tăng truyện quyển 1 truyện 7 và Châu Lâm quyển 26 truyện 13) -Truyện Tăng Tung (rút từ Lương Cao Tăng truyện quyển 7 truyện 24) -Truyện Tăng Phạm (rút từ Đường Cao Tăng truyện quyển 10 truyện 1, Châu Lâm quyển 33 truyện 18 và quyển 61 truyện 21) -Truyện Tăng Vân (rút từ Đường Cao Tăng truyện quyển 34 truyện 1, Châu Lâm quyển 108 truyện 24) -Truyện Tuệ Chiếu (rút từ Đường Cao Tăng truyện quyển 17 truyện 4) -Truyện Tu Đà Hoàn ở Tây Vức (rút từ Phú Pháp quyển 18 truyện 21) -Truyện vị Sa-di ở Tây Vức (rút từ Tây Vức ký quyển 1 truyện 22, kinh luật Dị Tướng quyển 20 truyện 23) -Truyện Pháp Hạnh (rút từ Lương Cao Tăng truyện quyển 1 truyện 3 và Cảm Thông Lục quyển 3 phần C truyện 3, Châu Lâm quyển 71 truyện 14, Khai Nguyên Thích Giáo Lục quyển 1 truyện 17) -Truyện Đàm Toại (rút từ Châu Lâm quyển 108 truyện 22) -Truyện Tăng Cương (rút từ Đường Cao Tăng truyện quyển 34 truyện 3, Châu Lâm quyển 61 truyện 13) -Truyện Vị Tăng ở chùa Linh Quang (rút từ Nguyên Hóa ký, Thiện Ác Ứng Báo Thiên 6 điều dẫn thứ 16) -Truyện Trí Bảo (rút từ Đường Cao Tăng truyện quyển 27 truyện 22) -Truyện Tiên Ba Nể Ni (rút từ Tây Vức ký quyển 22 truyện 13) -Truyện Tuệ Lâm (rút từ Lương Cao Tăng truyện quyển 7 truyện 10) -Truyện Minh Giải (rút từ Đường Cao Tăng truyện quyển 35 truyện 33, Châu Lâm quyển 61 truyện 24) -Truyện Pháp Hành (rút từ Châu Lâm quyển 12 truyện 18) -Truyện Tăng Quy (rút từ Châu Lâm quyển 100 truyện 14) -Truyện Pháp Tông (rút từ Châu Lâm quyển 47 truyện 13) -Truyện Trí Đạt (rút từ Châu

Lâm quyển 108 truyện 22) -Truyện Tuệ Nghi (rút từ Châu Lâm quyển 111 truyện 14, Tống truyện quyển 29 truyện 1) -Truyện Vị Tăng ở nước Tân La (rút từ Truyền Đăng Lục quyển 2 truyện 2, Phật Tổ Thông Tải quyển 5 truyện 11, Đề Bà truyện) -Truyện Biện Khuê và Hoằng Lượng (rút từ Châu Lâm quyển 109 truyện 18) -Truyện Tịnh Độ Tử (rút từ Quảng Hoằng Minh Tập quyển 32 truyện 11) -Truyện Tăng Quần (rút từ Lương Cao Tăng truyện quyển 12 truyện 1) -Truyện Chi Tuần (rút từ Lương Cao Tăng truyện quyển 4 truyện 12, Châu Lâm quyển 89 truyện 20) -Truyện Tuệ Sĩ (rút từ Châu Lâm quyển 113 truyện 4) -Truyện Đàm Du (rút từ Lương Cao Tăng truyện quyển 11 truyện 3, Cảm Thông Lục quyển 3 phần A truyện 1, Châu Lâm quyển 27 truyện 24 quyển 52 truyện 15 quyển 100 truyện 13) -Truyện Nam Công (rút từ Châu Lâm quyển 113 truyện 4) -Truyện Viên Thông (rút từ Đường Cao Tăng truyện quyển 33 truyện 17, Cảm Thông Lục quyển 3 phần A truyện 3, Châu Lâm quyển 25 truyện 25 quyển 52 truyện 17) -Truyện Huyền Giám (rút từ Đường Cao Tăng truyện quyển 17 truyện 3, Phật Tổ Thống Ký quyển 40 truyện 10) -Văn Đoạn Tửu Nhục (rút từ Quảng Hoằng Minh Tập quyển 30 truyện 9 quyển 31 truyện 1) -Truyện Tuệ Quả (rút từ Lương Cao Tăng truyện quyển 12 truyện 13, Cảm Thông Lục quyển 3 phần A truyện 14, Châu Lâm quyển 13 truyện 22) -Truyện Hoằng Minh (rút từ Cảm Thông Lục quyển 3 phần A truyện 15) -Truyện Đạo Minh (rút từ Tam bảo Thống Ký quyển 40 truyện 8) -Truyện Đạo Tướng (rút từ Tam bảo Thống Ký quyển 40 truyện 5) -Truyện Trí Khôi (rút từ Tam bảo Thống Ký quyển 40 truyện 32) -Truyện Đạo Sưởng (rút từ Tam bảo Thống Ký quyển 40 truyện 35) -Truyện Tuệ Trừng (rút từ Tam bảo Thống Ký quyển 40 truyện 33) -Truyện Hiếu Chí (rút từ Tam bảo Thống Ký quyển 40 truyện 27).

BỔ TÚC TIẾP THEO

1. Sa-môn Thích Minh Sâm.

Sa-môn Thích Minh Sâm, người xứ đất Tề. Thuở nhỏ thời du học ở Lưỡng Hà, vì thông rành soi xét nên vang danh, tuy tài giỏi kinh luận mà tâm luôn lấy làm nêu bày cật nạn.

Dưới thời vua Minh Nguyên Đế (Thác Bạt Tư 409-424) thời Bắc Ngụy, Phật giáo rất hưng thạnh Minh Sâm có học thức nhưng chỉ du tứ mà thôi, nên nhã lượng chẳng phải Đạo nghiệp lớn. Bấy giờ có Sa-môn Trí dực tiếng tăm Đạo hạnh rất được mọi người mến chuộng, xa gần đều tôn xưng, học chúng đông đảo như chợ. Minh Sâm không hơn nỗi u tình, rất kỵ ghét tiếng tăm rộng lượt, mới riêng kết mật giao, rộng tìm các luận Đạo, mới đầu làm "Ốc Tử Luận Nghị Pháp", lập biểu đồ, trước thuật kinh, bên ngoài thi vi danh giáo, bên trong dắt lời dẫn, kéo dẫn vào ra chẳng trùm dậy thanh thuyết nghe nói thì có thể lãnh hội nhưng đến lúc thuật bày thì mịt mờ. Các hàng Dõng ý đua nhau nhóm tập như mây ùn trông biểu đồ đọc xem kinh hoảng hiên như mây mộng, một lần theo chỉ bày thì tan vỡ như băng tiêu. Nên người đến học trước bày suối gấm, vào học Ốc tử pháp ấy bàn lắm thừa, có nắm bắt được chẳng hay bí ẩn, nên tiếng tăm của Minh Sâm ít dần so với trước kia. Minh Sâm mới lại "Xà thế pháp". Thế ấy như đồ họa trận Xà thế đánh đầu đuôi đến ở Thường Sơn của Gia Các Lượng, đại loại là như vậy, trở lại dùng pháp số bên cạnh rắn (xà) để sánh định, chợt đạt tính, chợt vất bỏ trước sau sâm sai. Tôi (có lẽ là Đạo Tuyên) đã từng thấy đồ họa ấy rất là đáng sợ, họa vẽ làm 1 con rắn dài khoảng 3 thước lúc cụp xuống lúc ngổm lên, bên cạnh lại thêm đạo phẩm. Đến cuối niên hiệu Đại nghiệp (617) dưới nhà Tùy thì cũng có người học đó, nhưng đến nay thì chẳng lưu hành, tưởng cũng nên dứt mất.

Mới đầu, Minh Sâm hoằng truyền lưu hành Xà luận, khắp ở Đông Xuyên có nhiều vị Đạo hạnh, Minh Sâm cùng can gián dẫn dụ quyết ý lưu hành rộng rãi để làm thành Đạo thế. Bấy giờ tại Thượng ấp thuộc Lộ châu, nghĩ muốn Hoằng dương kinh Pháp Hoa, mới sang chùa Hồng Cốc ở huyện Lâm Lự thuộc Nham Châu thỉnh mời chư Tăng, quên mất tên vị Tăng sang giảng đó. Minh Sâm vốn cùng có sự quen biết, nên nghe thế bèn tìm sang đến. Vị Tăng ấy nghe Minh Sâm đến, trong tâm rất lo sợ, vì biết Minh Sâm luận Đạo thì tự mình không thể nào cùng chống cự, mới đem tình thật mà nói cùng Minh Sâm rằng: "Mọi người ở ấp đây vừa mới kính tin nên mọi sự cần phải quy phục. Các hàng sĩ tục

v.v... đã có dốc lòng, xin Pháp sư chớ để lại xưa cũ mong cùng thành tán thán, nay đây có ít y phục cắt may, tạm dùng kính dâng, mong hiểu sâu cho nỗi lòng tôi đây". Bèn dâng 10 xấp lụa quyên, Minh Sâm bảo: "Xưa nay ở đây có thể có ý lấn lướt ấy ư? Mong dứt bỏ tâm niệm ấy đi". Nhưng Minh Sâm chẳng chịu đi, muốn ở lại được nghe một lần. Vị Tăng ấy càng khiếp sợ, nhưng sự tình chẳng đặng đừng, nên phải như thường lệ mà lên giảng. Sau cùng Minh Sâm vào nơi giảng đường mang theo lụa quyên bó lại đến trong chúng, bảo rằng: "Pháp sư trên tòa cao hôm qua đem lụa quyên này đến dâng tặng tôi, tỏ ý muốn không nên luận nghị, nhưng đối với Phật pháp rộng sâu, phải quấy cần được rõ ràng, giả như dùng tà pháp để giáo hóa người thì biết bao nhiêu hàng sĩ tục sai lầm". Vị Tăng ấy ngồi trên tòa cao nghe thế, khiếp sợ không thôi, nên y cứ theo thường xướng kinh văn, giảng giải theo nghĩa sơ. Minh Sâm gọi dừng lại, muốn cùng luận bàn chí lý. Khi đó vị Tăng ấy ngồi nơi tòa cao thần ý rong ruổi mạnh dạng tự nhiên đợi chờ hỏi. Minh Sâm bèn bày nêu hỏi. Vị Tăng ấy tùy điểu hỏi bèn vị giải nói, trùng điệp tuy lắm nhiều nhưng gì chẳng thông nghĩa. Minh Sâm tinh thần trở nên bối rối, nghĩ khỏ thể không theo, liền từ tòa đứng dậy nói rằng: "Pháp sư nơi tòa cao từ trước trở lại mờ tối, cớ sao ngày nay nhanh chóng tỏ rõ, như thế tức là có thần quỷ trong núi hổ giúp niệm lực, nếu chẳng vậy làm sao được thế ư?" Vị Tăng ấy cùng Đại chúng cả giảng đường đồng 1 lúc cười lớn.

Minh Sâm liền ra ngoài ấp cùng 2 người bạn đến nhà người khất thực. Đã bị đầy hơi, nghẹn không thể xuống, các giải dụ khác làm sao tranh luận ư? Luận nghị chẳng lại là đại lý ngày thường bởi nhân gì chóng khởi phiền não như thế. Minh Sâm chẳng nên cùng, bèn theo hướng Đông mà đi từng bước mà than thở quát mắng. Lên đến trên đỉnh núi, khốn đốn vô cùng, bèn dừng nghỉ dưới gốc cây. Minh Sâm nói cùng 2 người bạn rằng: "Nay ta bị phiền não đốt cháy không thể nói, trong ý sợ hẳn sẽ làm thân rắn". Bèn mở xé xiêm y để lộ bày thân hình đỏ au mà nằm, lật qua lật lại không an định, kéo dài 2 chân, chỉ trong chốc lát, 2 chân bỗng nhiên hợp lại làm thành đuôi rắn đưa cao ngất nghểu, bèn tự chuyển động. Minh Sâm lại nói cùng 2 người bạn rằng: "Ta làm "Xà Thế luận" nên nay mắc quả báo thế này. Các ông nên nhanh leo lên cây, tâm rắn nếu đến thì ăn nuốt kẻ có duyên, nên phải gấp gấp leo lên cây". Tâm Minh Sâm chưa hoàn toàn biến đổi, 2 người bạn tiện leo lên cây nhưng vẫn còn nói năng với nhau. Thường làm xà luận quả đến như thế nào? Nói năng trong chốc lát, tự nhiên toàn thân Minh Sâm biến

làm thành rắn, chỉ còn cái đầu chưa biến đổi mà chẳng nói năng được nữa, lăng lóc nơi đất, ngẩn cao đầu tự đánh, đánh không dừng nghỉ, đến lúc vỡ nát bỗng nhiên biến thành đầu trăn, thân hình bỗng biến dài khoảng 5 trượng ngẩn đầu trông nhìn 4 phía ánh mắt như sao lửa. Bấy giờ khắp 4 có vô lượng các loài rắn đồng 1 lúc đua nhau kéo đến. Con trăn ấy ngẩn đầu cao cách đất năm sáu thước, theo hướng hang cốc mà xuống, các con rắn khác cũng theo đó mà đi.

Hai người bạn ấy chính mắt trông thấy chứng nghiệm quả báo của Minh Sâm như thế, đến Nghiệp Đô nói lại vậy. (Rút từ tục Cao Tăng truyện).

2. Sa-môn Thích Thuận Cảnh.

Thích Thuận Cảnh, người ở Lãng quận, vốn dòng tộc thượng Chi mà gia hệ ở Đông Di, nên khó rõ ràng về manh mối. Thuận cảnh rất trọng về Dịch học thanh giáo, bởi xuất phát thiên nhiên huống hồ là Học Nhân Minh do Trang sư tinh chuyên nghiên cứu truyền nhận, chư Tăng tại Trung Hoa còn chưa lắm thấu đạt, mà Thuận Cảnh chỉ trong khoảnh khắc bèn thông, nếu chẳng do sức lực gieo trồng từ đời trước tự sao mà đến như thế ư?

Trong khoảng niên hiệu Càn Phong (666-668) thời tiền Đường, nhân sứ thần vào triều cống, Thuận Cảnh nương theo đó mà đến. Bấy giờ Sa-môn Đại thừa có ngợi khen rằng: “Tại nước Tân La có Pháp sư Thuận Cảnh tiếng tăm vang động khắp Đường Phiên, tài học bao gồm cả Đại thừa Tiểu thừa, hạnh nghiệp tôn sùng theo Tôn giả Ca-diếp chỉ chuyên hạnh Đầu Đà, tâm rộng thoáng bó buộc từng nổi danh là Thiểu Dục v.v... Chỉ tiếc thay! Thuận Cảnh lui ở Bản quốc có trước thuật ít nhiều và cũng có truyền đến Trung Nguyên. Với tông chữ ấy là pháp tướng Đại thừa liễu nghĩa vậy, thấy trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Mới đầu theo phát tâm liền đã thành Phật”, mới khởi sinh phỉ báng không tin. Hoặc có thuyết nói là đang lúc mở tay chân, bảo các đệ tử v.v... nâng đỡ xuống đất, đất liền từ từ xé nát ra, bỗng chốc thân hình Thuận Cảnh rơi lọt xuống, người thời bấy giờ nói là thân đang còn sống mà đã bị lấp vùi xuống địa ngục. Đến nay còn có hầm hố rộng hơn 1 trượng, thật là hố hỏm vậy, và xưng gọi là “Thuận Cảnh Nại-lạc-ca” vậy. (Rút từ Tống Tăng truyện).

3. Khoảng đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) thời nhà Tùy, tại Dương Châu có 1 vị Sa-môn, quên mất tên họ, tụng đọc thông rành kinh Niết Bàn tự khoe khoang lấy làm Đạo nghiệp của chính mình. Tại trong thôn Đông Sơn hạ ở Kỳ Châu, có 1 vị Sa-di chuyên trì tụng kinh

Quán Thế Âm, cả 2 vị ấy đều bị bạo tử, dưới tim ngực đều còn nóng ấm và tâm thức của 2 vị đồng đến chỗ vua Diêm-ma, vua thỉnh mời vị Sa-di ngồi nơi tòa vàng cao, rất tỏ vẻ cung kính đó, còn mời vị Sa-môn tụng kinh Niết Bàn ngồi nơi tòa bạc, tỏ tâm cung kính không trọng vọng lắm. Sau mọi sự khám xét đã xong, vua Diêm-ma nói "2 vị thọ mạng vốn còn thừa, nên đều phóng thả trở về". Vị Sa-môn tụng kinh Niết Bàn ấy trong tâm buồn hận, cậy ỷ sự tụng đọc của mình lắm nhiều, mới hỏi chỗ ở của vị Sa-di ấy. Xong rồi 2 người từ biệt nhau, mỗi mỗi đều sống lại. Sau đó, từ phía Nam của vị Sa-di, và hỏi rõ về nguyên do, vị Sa-di ấy đáp: "Tử thuở nhỏ, tôi trì tụng Quán Thế Âm, thay đổi y phục riêng khác tại chỗ riêng khác, đốt hương chú nguyện xong rồi, sau đó mới tụng, pháp thức ấy trọn chẳng biếng lười phế bỏ, ngoài ra không thuật gì khác". Vị Sa-môn ấy sám tạ rằng: "Tội tôi thật sâu nặng vậy. Tôi trì tụng kinh Niết Bàn mà oai nghi không nghiêm chỉnh, thân miệng bất tịnh, cứu quên mà thôi. Người xưa có để lại lời rằng: "Lắm ác chẳng bằng chút ít thiện". Ngày nay mới lấy nghiệm biết vậy". Hối tạ xong, vị Sa-môn tụng kinh Niết Bàn ấy bèn trở về. (Rút từ Pháp Uyển Châu Lâm).

4. Trong thời tiền Đường, tại tích xây dựng lại điện Từ Hòa, sửa đất thường gặp phải loài giun xuyên đục hang lỗ, có 1 vị Sa-môn bảo dùng nước đá vôi rưới đó thì có thể hết. Nhân đó mà giết chết loài giun vô số con. Sau đó không bao lâu vị Sa-môn ấy cảm mắc bệnh ngứa khắp thân thành bệnh nhọt, da thịt đều thối rửa mà chết. (Rút từ Công Quá Cách).

5. Ở chùa Đại Từ tại Thục quận có luật sư Tu Chuẩn, tuy nói là kính phụng luật mà tánh rất hẹp hòi và thô tháo, trước sân trồng tre, có nhiều kiến men ở dưới mái hiên nhà, Tu Chuẩn tức giận chặt bỏ tre, bắt hết kiến vất bỏ vào trong lửa. Về sau, Tu Chuẩn bỗng cảm mắc bệnh ghẻ lỡ khắp đầu mặt, thầy thuốc bảo: "Bởi kiến tiết lậu, vết thương không thể trị lành". Sau đó đành chịu chết.

6. Ở chùa Kim Hoa tại Thục quận có Pháp sư Tú Vinh, trong viện có nhiều tùng bách nên sinh loài trùng lông sắc vàng thân dài vài ba tấc, chẳng biết số lượng là bao nhiêu, Tú Vinh bảo người quét trừ chôn lấp hoặc thả vào trong chỗ chất chứa củi. Sa-môn Nhân Tú lo liệu việc củi đốt nấu, nên đem củi ấy phơi khô giữa ngay nắng nóng, loài trùng đó chết vô số. Qua hơn tháng sau, Tú Vinh bèn bị bạo tử, trong chùa Kim Hao có 1 Sa-môn khác thần thức vào chốn minh quan thấy Tú Vinh mang gông sắt ngồi nơi đất trống giữa ngày nắng nóng, có hàng vạn con

trùng rúc rỉa thân thịt ăn. Vị Sa-môn ấy sau khi hoàn hồn tỏ bày lại đầy đủ sự tình ấy cùng Nhân Tú. Nhân Tú rất kinh sợ, bèn cảm mắc bệnh nhọt sau lưng, qua vài ngày sau đó thì chết.

7. Chùa Từ Vân trên núi Vân Đảnh rất được đàn tín khắp bốn phương quy hướng tìm đến cúng dường vật thực rất nồng hậu, chủ chùa là Sa-môn Thẩm Ngôn tánh tình tham lam thô bỉ, khi dối cất giất của cải cúng thí bản tự để uống rượu ăn thịt nuôi dưỡng vợ con, không điều gì chẳng làm. Tăng chúng hơi cô quạnh thanh khiết nếu gặp hắn lấn lướt mắng nhục. Một sáng sớm nọ, cảm mắc bệnh rất lắm. Thẩm Ngôn tự nói rằng: "Giữa không trung có dây treo 1 cối đá, có 1 con chuột gặm cắn dây, dây ấy đứt cối đá rơi trúng ngay tim". Kêu lớn 1 tiếng rồi tắt hơi thở, lâu sau tỉnh sống lại, cứ như thế qua vài mươi lần mới chết. Qua năm sau, trong thôn phía dưới chùa có 1 con trâu sinh ra con nghé, dưới bụng rõ ràng có 2 chữ "Thẩm Ngôn". (Rút từ cảnh giới lục).

8. Trong thời nhà Tùy tại Lương Châu có Sa-môn Tuệ Toàn, có được đồ chúng đến 500 vị. Trong đó có 1 vị thô xấu khác lạ, Tuệ Toàn vốn chỗ chẳng ghi nhận, bỗng nhiên người ấy tự nói chứng đắc A-na-hàm quả. Tuệ Toàn cảm mắc bệnh đóng bít cửa, người ấy đi thẳng đến trước giường để hỏi thăm bệnh, mà cửa vẫn đóng bít như cũ, ngày hôm sau cũng lại như vậy. Nhân đó người ấy nói cùng Tuệ Toàn rằng: "Sau khi Thầy mạng chung sẽ thác sinh vào nhà Bà-la-môn". Tuệ Toàn bảo: "Ta suốt 1 đời tọa thiền, cớ sao lại sinh vào đó?" Người ấy đáp: "Vì thầy tin Đạo chưa thuần, ngoại học chưa dứt, nên tuy có phước nghiệp mà chẳng được vượt đến".

9. Ở chùa Lợi Tế tại Ô Trấn có vị Sa-môn, chỉ 2 thầy trò, đều xưng là cẩn trọng thuần hậu, nên mọi người đến nương nhờ tụng kinh bái sám ngày một đông nhiều. Nhân đó mọi sự cúng dường càng sung túc, nhưng vị Sa-môn ấy lại keo lậu chẳng tự sử dụng lại cũng không bố thí. Về sau cảm mắc bệnh, người trong dòng tộc đến nghinh đón về để điều trị, bỗng chốc vị Sa-môn ấy qua đời, mọi của cải tích chứa lúc bình sinh đều thuộc về của người dòng tộc có được. Qua 10 năm sau, vị Sa-môn ấy hiện mộng về báo cùng người thân rằng: "Tụng kinh sám bái chưa được hoàn tất, nơi âm phủ xét khảo rất kỹ, khổ chẳng thể nói được".

10. Trong Tạc Sơn có vị Tăng phương ngoại cảm mắc bệnh đã quá dữ, đến chiều ra ngoài cúng thí, vị Tăng ấy nói cùng những người đến thăm bệnh rằng: " Có quỷ bạn ta đồng ra đến hưởng thọ. Giả từ rồi chẳng đến, bỗng chốc trở lại nói" Pháp sư chẳng thành thật. Chúng tôi rỗng không trở lại hẳn phải có gì báo đó chứ?" Khi đó nắm lấy cánh

tay ta hài hòa cùng đi. Chúng tôi kéo dùng dằng, bảo rằng: “Muốn kéo Pháp sư nay xuống đất”. Ta ra khiếp sợ kêu cứu thất thanh, đồng 1 lúc tan đi hết”. Qua vài ngày sau, vị Tăng ấy qua đời.

Cho đến có 1 vị Tăng không thành thật, bị quỷ khiêng đến trong sông nước muốn nhận chìm đó. Lại có 1 vị Tăng mất chìa khóa rương tráp, y phục, trong tâm cứ nghĩ tưởng đến lá mía ổ khóa, các quỷ thấy trên cơm đều là sắt mảnh, bèn không ăn được. Có 1 vị Tăng hong phơi y phục chăn màn chưa gom lấy, gặp lúc trời mưa nên trong tâm nghĩ nhớ y phục chăn màn ấy. Các quỷ thất trên cơm đều là lông thú, bèn ăn không được. Mỗi mỗi đều nhận chịu hiển bày quả báo. Lại có 1 vị người thần thức đến chốn minh quan thấy trong phòng đen tối có vài trăm vị Tăng thân thể suy yếu tiêu hao, nhan sắc tiều tụy, tợ như tướng trạng khổ não chẳng kham. Bèn hỏi thăm đó thì đều là những vị Sư chuyên cúng thí thực vậy. (Rút từ Trúc Song Tùy Bút).

11. Tại Giang Bắc có Sa-môn Ẩn Viên, tham học ở Thiên Ninh. Trong tháng 06 năm đó, bị bạo tử. Thân mẫu của Ẩn Viên ở tại Tần Châu nên khi báo đến thì da dẻ của Ẩn Viên dính liền với chiếu. Sắp tẩn liệm, Ẩn Viên bỗng nhiên sống lại, nói với lời tiếng nhỏ nhiệm rằng: “Đời trước từng làm quan lệnh ở huyện (...) ấy, tự xâm đoạt lấy kho bạc rồi vấy họa cho kẻ lại giữ kho, lại tính cách giết chết kẻ đó để bít lấp miệng mồm. Kẻ lại ấy rất phẩn hận, kiện tụng đến Diêm Quân (vua Diêm-ma), dòi phải bắt lấy để đối trị. vua Diêm-ma khuyên kẻ lại ấy rằng: “Kẻ kia (tức chỉ Ẩn Viên) đã xuất gia làm Tăng, mà ngươi quyết ý báo thù lại thì sao bằng khiến dùng pháp lực để siêu độ cho ngươi ư? Ẩn Viên vâng thừa ý chỉ bèn lập nguyện suốt 3 năm mỗi ngày sám hối đảnh lễ danh hiệu ngàn Đức Phật, ban đêm phóng thả được trở về lại núi, để giải mở oán hận xưa trước. Kẻ lại ấy bèn gật đầu chấp nhận. Nên Ẩn Viên được sống lại. Nhân xin 1 vị Minh sứ dẫn đi nơi chốn địa phủ đến 1 chỗ đại hội, trên tấm bảng ghi là “Bổ Kinh Đường” (nhà tụng kinh bổ khuyết), trong đó có hàng trăm Tặng Đạo nương nhờ ánh sáng mà tụng đọc kinh, bỗng chốc liền tối mịt. Ẩn Viên hỏi “Đó là xứ nào?” Minh sứ đáp rằng: “Đó là các vị Tăng Đạo lúc ở dương gian bao nhận tạng kinh của thí chủ, tuy được tiền của mà kinh chưa tụng xong, nên ở trong đây để tụng bổ khuyết vậy”. Ẩn Viên lại hỏi: “Cớ sao bỗng chốc liền tối mịt như thế?” Minh sứ đáp: “Vì nghiệp lực sâu dày, không cho được tiện lợi khiến bổ khuyết hoàn mãn nên phải chờ đợi lâu ánh sáng mới hiện lại, vừa hiện thì liền thâu tắt, khiến các vị ấy ở lâu nơi ngục tối vậy”. Sau khi sống lại, Ẩn Viên thù đáp nguyện mong hoàn

tất. Sau đó đến tham học ở Linh Ẩn vậy.

12. Ở chùa Bạch Tước tại Hồ châu có Luật sư Nhược Am là người nối dõi dòng pháp của Hòa thượng Mậu Lâm ở chùa Báo Quốc tại Tô Châu. Trong chùa xây dựng điện Đại Bi thiếu thềm cấp đá, có 1 thí chủ người dòng họ Phan quyên được 20 vàng khiến tạo dựng hoàn tất công án ấy. Nhược Am cho là nhà xí ở phía Đông chưa hoàn thành, chúng Tăng không nơi tiện lợi, nên tạm mượn thềm cấp đá ấy để làm hầm hố. Sau đó, vị thí chủ ấy đến, hỏi nguyên do. Nhược Am nói: "Tôi đã riêng làm được 1 việc công đức rất tốt lành. Sau này sẽ tìm kiếm bạc để hoàn thành thềm cấp ấy vậy". Vị thí chủ ấy đành lòng ngậm hân. Sau khi Nhược Am qua đời, có 1 vị Sa-di bỗng nhiên phát điên. Vị Tăng chủ sự dùng dây cỏ gai buộc trói ngược giam giữ trong 1 ngôi nhà. Sáng ngày hôm sau, vị Sa-di ấy bỗng nhiên thoát vượt ra ngoài, có người hỏi: "Ai mở khóa trói cho ngươi vậy". Vị Sa-di điên ấy đáp: "Hòa thượng Nhược Am mở khóa vậy". Đại chúng nghi ngờ cho là dối vọng. Nhược Am liền gá miệng vị Sa-di ấy mà bảo: "Sa-di này chẳng dối đâu, chính ta mở thật đó. Nhân vì ta sai lầm dùng đá làm thềm cấp điện Đại Bi mà làm nhà xí ở phía Đông, nên Minh phủ thường dùng đá lớn để đè ép ta, khổ sở chẳng thể nói. Đồ chúng các ông mà phá gỗ đá tẩy rửa sạch. Đồng thời nhóm tập Tăng chúng tụng kinh Phạm Võng, thì nỗi khổ của Ta liền được thoát khỏi vậy". Tăng chúng hỏi: "Hòa thượng làm sao nương gá vào Sa-di ấy ư?" Nhược Am đáp: "Lén thấy Sa-di ấy đã điên, trên đầu không có ánh sáng lớn, ta mới được nương gá vào đó mà truyền tin. Nếu chẳng vậy thì ta phải nhận chịu khổ không có kỳ hạn thoát khỏi đó". Tăng chúng bèn y theo lời bảo mà phá gở đá, và nhóm tập Tăng chúng tụng kinh Phạm Võng, Nhược Am mới đi vậy.

13. Tại Tần Châu có 1 vị Tăng hiệu là (...) theo hầu Tam Muội Tiên Lão Nhân (Hoa Sơn Cụ Đức). Có 1 năm nọ vì làm Giám viện ở điện Tạng tại xứ (...) đó, mà tánh rất keo kiệt, chẳng lãng phí tiêu dùng 1 tiền. Sau khi vị Tăng ấy thị tịch, vào trong giữa đêm, có vị Tịnh nhân (cư sĩ) ở trong điện, nơi 2 Thiền đơn của Tăng, liền thấy Giám viện (vị Tăng ấy) hiện hình, mới đầu vì sửa chỉnh giày dép nơi 2 đơn của Tăng mà nét mặt tỏ vẻ buồn khổ, tiếp đến lên nơi tòa Phật đưa tay sờ mó vào tạng hoa quan khác, sau đó vui cười mà đi, chúng Tăng đem sự việc ấy thưa bạch cùng Tiên Lão Nhân. Tiên Lão Nhân bảo: "Nghiệp chướng ấy hẳn có di vật tại trong hoa quan, nên ràng buộc quyến luyến không xả bỏ vậy". Và liền bảo đưa thang leo lên xét xem quả nhiên có bạc và 80 vàng. Tiên Lão Nhân bảo vì tu tạo trai phước mà truy cúng. Sau khi

Pháp sư hoàn tất, từ đó không còn thấy hiện về nữa.

14. Nôi ngỏ tắc Lô Phủ ở Giang Ninh, có 1 tục Tăng rất ưa thích bài bạc, nên các thứ y vật đều hết sạch, chỉ còn được 1 tôn tượng Đức Phật Di Lặc bằng đồng cao khoảng 2 thước, bèn đem đổi bán cho Hồi Tử lấy bạc và 3 vàng. Trong đêm, Hồi Tử khiêng đưa tượng về nhà, dùng chày sắt lớn đánh vào đầu tượng Phật. Song, bền cứng chẳng lay động, lại bắn tóe sao lửa, Hồi Tử bảo "chắc là trên đỉnh đầu đồng đúc dày". Mới dùng chày đánh vào bụng tượng, bỗng nhiên Đức Di Lặc mở miệng cười lớn, Hồi Tử kinh sợ ngã lộn, cúi đầu tạ tội. Đến sáng ngày bèn dùng hương hoa trống kèn nghinh đưa tôn tượng trả lại am cũ. Vị tục Tăng chủ ở đó vội chạy trốn, về sau mắc bệnh độc dữ mà qua đời.

15. Tại Ma Thành có 1 Tăng-giàu có tên là Bích Phan, từng quyên 100 vàng để trợ giúp dân chúng trong thôn xây dựng chỗ canh phòng bảo vệ 1 phương. Đồ chúng đông vô cùng, muốn được đi cầu thọ giới, Bích Phan không chấp thuận. Ban đêm đồ chúng lén chạy đến chỗ Hòa thượng Hạnh Nham cầu xin bẩm thọ giới pháp xong rồi trở về lại. Bích Phan chỉ 1 lần vừa trông thấy liền nổi cơn tức giận đùng đùng, xé rách 3 pháp y, ném vỡ bình bát. Ngay chiều hôm đó, vừa mới nằm ngủ, Bích Phan liền thấy Vi Đà Tôn Thiên tức giận rất lắm qiát mắng rằng: "Ngươi là người gì mà dám hủy phá pháp khí của Đức Như Lai vậy ư?". Và dáng đứng như muốn dùng chày báu để đánh đó, Bích Phan cúi đầu cầu xin sám hối. Vi Đà Tôn Thiên bảo rằng: "Nghĩ nhớ người có công lao tu tạo nơi canh phòng, chẳng lấy bớt đi 1 cánh tay". Bèn đưa chày nhẹ nhẹ đến chấm 1 chấm nơi cánh tay phải. Bích Phan cuồng đau kêu lên 1 tiếng mà tỉnh lại. Trong khoảng vài ngày bỗng có 1 vết tiêu đen nơi cánh tay phải, dài khoảng bảy tám tấc, nắm tay nhỏ như trái quýt treo trên vai. Đến nay thầy trò Bích Phan vẫn hiện còn vậy (ghi theo quả báo hiện có).

16. Ở chùa Đại Trung Hưng tại kinh đô thời Bắc Chu, có Sa-môn Thích Đạo An, vốn dòng họ Diêu, là bậc Thức ngộ Huyền lý, sớm nương gá pháp môn, thần khí cao sáng, tiết tháo cao xa, có trước thuật Dị giới gồm 1 chương để răn dạy môn nhân đệ tử. Bản Di giới ấy với văn từ ghi rằng:

"Kính tạ cùng các đệ tử v.v...! Phàm xuất gia làm Đạo rất nặng rất khó, không thể tự xem thường, không thể tự lấy làm dễ. Sở dĩ nặng là vì đội Đạo đeo đức buộc nhân mang nghĩa, phụng trì tịnh giới đến chết mà thôi. Sở dĩ khó là vì dứt thế lìa tục, trọn cắt bỏ thân ái, xoay tình đổi tánh, chẳng đồng như mọi người, thực hành việc mà người không thể

thực hành, cắt bỏ sự mà người hữu tình cắt bỏ. Nhẫn khổ chịu nhục, vất bỏ thân mạng, nên gọi là khó vậy. Được mang danh là Đạo nhân. Đạo nhân nghĩa là dắt dẫn cho người vậy. Hành vi hẳn có thể đáp lại, nói năng hẳn đúng hợp với pháp. Đắp mặc xuất gia thì cử động là phép tắc, không tham không tranh, không gièm pha không trốn giấu. Học hỏi cao xa, chí luôn đặt để huyền mặc, thì là danh xưng dự tham ngôi vị trong tam tôn, ra hiền vào Thánh, tẩy trừ tinh hồn. Nêu được vua chúa chẳng cao hơn phước báo ấy, song thân chẳng cao hơn Đạo lực ấy, khắp trong trời người không ai chẳng quy nhiếp. Vất bỏ vợ con, giảm bớt nuôi dưỡng, cúng dâng ăn mặc, chịu thân cúi ngưỡng, chẳng từ nhọc hận. Dùng chí hạnh ấy thanh khiết thông cả thần minh, đạm bạc rỗng sạch, đáng kỳ đáng quý. Như tự khuynh hướng hoang lưu thì Đạo pháp bèn suy biến. Những người mới học chưa thấu hiểu pháp tắc, bỏ chánh theo tà,quên sự chân thật ấy. Lấy chút hiểu biết cho là trí tuệ, lấy chúc cung kính lấy đó làm đủ. Ăn no trọn ngày không chút dụng tâm. Lại tự suy xét, thật đáng buồn thương. Tính đến ngày nay xuất gia đã nhiều năm tháng mà kinh nghiệp chưa thông, chữ nghĩa chẳng rành, nhọc mất một đời, không chỗ thành danh. Những sự như thế, không thể nghĩ sâu, hạn định vô thường chẳng sớm thì tối, thống khổ trong tam đồ, không mạnh thì yếu. Bởi tình nghĩa sâu xa giữa thầy trò nên vì tỏ bày chỉ bảo, các hàng hữu tình có thể lấy để tự răn:

- Ông đã xuất gia trọn trái ngược với sự sống thế tục, cạo bỏ râu tóc hủy phá dung nghi, dùng pháp phục che thân. Ngày xa lìa thân thích, trên dưới mọi người lệ đổ hoen my, cắt đứt ái ân kính sùng Đạo pháp, ý muốn vượt lên sự trong sạch lớn, đáng nên tuân theo chí ý ấy, kinh đạo tu tập thông rành. Cớ sao lại vô tâm cố còn thanh sắc, dẫn dặc trọn ngày, kinh nghiệp chẳng thành, đức hạnh ngày một tổn mất, vết dơ bẩn bèn mạnh lớn. Thầy bạn xấu hổ, phàm tục xem thường. Xuất gia như thế nhọc tự làm nhục chánh danh. Nên răn khuyên gắng, cần phải tinh chuyên.

- Ông đã xuất gia bỏ tục lìa vua, nên tự răn gắng, chí quả ở tận mây xanh, tài sắc chẳng đoái hoài, chẳng đền như thế tục. Vàng ngọc không quý, chỉ Đạo là trân quý, ước chế tự mình giữ gìn chí tiết, nhẫn khổ vui nghèo, pháp huy đức hạnh tự độ, lại hay cứu độ người, cớ sao đổi bỏ tiết tháo rong ruổi theo phong trần, ngồi chưa nóng chiếu vội rảo Đông tây, quá hơn quan huyện kéo bắt làm việc, kinh Đạo không thông, giới đức chẳng toàn, bè bạn cười chê, động học vất bỏ, xuất gia như thế, chỉ nhọc mất ngày trời. Nay nên răn khuyên gắng, mỗi cần tự

thương xót mình.

- Ông đã xuất gia, vĩnh viễn xa lìa tông tộc họ hàng, không thân không sơ, thanh tịnh không ham thích, tốt cũng chẳng mừng vui, xấu cũng không buồn khóc, vượt hẳn thong dong, tự nhiên lìa tục, chí ở huyền diệu, khuôn phép chân thật, giữ gìn mô phạm, được độ lại rộng cứu giúp, khiến khắp thấm đượm phước lộc. Cớ sao lại vô tâm, bèn đắm nhiễm xúc, tranh không hơn kém, cân lường đấu hộc, cùng người thế tục tranh lợi, đâu khác gì kẻ tôi tớ. Kinh Đạo chẳng rành, đức hạnh không đủ. Xuất gia như thế, nhọc tự hủy nhục. Nên nay răn bày, mỗi tự nên tắm gội.

- Ông đã xuất gia, xưng gọi Đạo nhân, cha mẹ chẳng kính, vua chúa không hầu, khắp trời đồng dâng phụng kính thờ như thần, cúi đầu cung kính, chẳng kể giàu nghèo, bởi kính chuộng sự tu trì thanh tịnh ấy, tự lợi lợi người, giảm cắt rất nặng, một hạt gạo có đến 7 cân. Cớ sao lại biếng lười khi mạn, chẳng hay báo ân, cậy phóng du dật, thân ý rỗng phiền. Không giới đức mà ăn dùng cúng thí, sau khi chết vào núi Thái Sơn, ăn viên sắt nóng, uống nước đồng sôi, thống khổ như thế, kinh điển diễn tả đủ. Nên nay răn ước, mỗi tự cần phải đổi mới.

- Ông đã xuất gia, xưng gọi là tức tâm, chẳng đắm trước uế tạp, chỉ khâm trọng Đạo, chí dự tham thanh khiết như ngọc như băng, phải tu kinh giới để cứu giúp tinh thần, chúng sinh mong đội nhờ và độ bao người thân. Cớ sao lại vô tâm, đắm chìm theo thế tục, phóng túc bốn đại mặc tình năm căn. Đạo đức bèn cạn, việc đời càng sâu, xuất gia như thế, đồng như bụi đời. Nên nay răn ước, mong mỗi tự mở thần.

- Ông đã xuất gia, vất bỏ hình hài thế tục, phải chuyên dốc tâm tình phù hợp với Niết bàn, cớ sao lại nhiễu động, chẳng vui thích nhàn cư, kinh Đạo tổn hao, việc đời có thừa. Sạch trắng chẳng đến, vào trái Niết bàn. Mạng thoát quá ảnh chỉ trong chốc lát. Thống khổ nơi địa ngục, không thể ghi hết. Nên nay răn khuyên gắng, mỗi tự nên tôn sùng khuôn phép.

- Ông đã xuất gia, không thể tự khoang dung, thân hình tuy thô xấu mà cử chỉ đáng trông xem, y phục tuy đơn sơ, đứng ngồi khiến đoan chánh, ăn uống tuy đạm bạc nhưng mở lời đáng ngon lành. Mùa hạ thì nhận nóng, mùa Đông thì chịu lạnh, hay tự giữ tiết, chẳng uống trộm nước suối, cung phụng của kẻ ngu đủ chẳng vọng trước. Lâu ở nơi thất riêng như vào nhà đấng chí tôn. Học tuy chẳng lắm, nhưng có thể ngang bằng bậc Thượng Hiền, xuất gia như thế, đáng đủ báo bổ song thân, tông tộc dòng họ quen biết thảy đều nhờ ân. Nên nay khuyên răn các

ông, nên mỗi tự đôn đốc.

- Ông đã xuất gia, tánh có tối sáng, học không ít nhiều, cốt yết ở tinh tu, hạng Thượng sĩ thì tọa thiền, hạng Trung sĩ thì tụng kinh, hạng Hạ sĩ thì kham nhận tạo dựng chùa tháp, đâu có thể trọn ngày không thành một sự gì. Lập thân không nghe mới có thể gọi là học trò. Nên nay khuyên răn các ông, mỗi tự thẳng tình.

- Ông đã xuất gia, trọn trái nghịch với song thân, nương đạo pháp mà đổi tánh, y phục thế tục lìa khỏi thân hình. Ngày xa lìa thân thích chợt buồn chợt vui. Xa vời dứt tục, vượt khỏi trần ai, phải tu kinh Đạo, khắc chế tự mình giẫm trải chánh chân. Cớ sao lại vô tâm, càng nhiễm tục nhân, kinh Đạo đã mỏng manh, chí hạnh lại không mảy lông, nói năng chẳng gì đáng quý, đức hạnh chẳng gì đáng trân. Thầy bạn rất mực phiền lụy, phẩn hận ngày một lớn sâu. Xuất gia như thế, chỉ tổn hại Đạo pháp ô nhục tự thân, nên tư duy dó, nghĩ nhớ đó, khéo tự nuôi thân!" (Rút từ tục Cao Tăng truyện và pháp Uyển Châu Lâm).

17. Sa-môn Như Cảnh ở chùa Nguyên Thiên răn dạy rằng: "Gần đây có những hạng người xuất gia, tuy nói là lìa tục, mà tập tục chẳng trừ bỏ, nói là xuất trần mà trần duyên chẳng dứt. Đối với kinh giáo cố nhiên không biết, còn với tham thiền lại chẳng hiểu gì. Tâm vượn chạy loạn, ý ngựa buông rong, nhóm đội thành đàn đánh hống qua ngày, không chỉ rỗng tiêu của tín thí, mà cũng tự lấp vùi tánh linh của chính mình. Đến lúc mắt sáng rơi nơi đất, đầu đường biết đến hướng nào. Đang khi giữa trời trong tỏ sáng mà cha mẹ chẳng biết, chưa chứng cho là đã chứng, chưa đắc cho là đã đắc. Thật là nhọc vào không môn, sống rỗng chết buông. Ôi! Thử xin hỏi cùng các ông nhân xuất gia để làm việc gì? Vì cơm áo ư? Vì tham giàu sang ư? Vì cầu sự an lạc ư? Cha mẹ xả bỏ cho các ông xuất gia, chỉ hoài mong siêu độ cho song thân, báo đáp bốn ân, mà nay tự mình còn không thể nương tựa, huống hồ làm sao cứu giúp người khác ư? Có ngày Diêm La Lão Tử sẽ cùng ông đánh tính tiền cơm, sẽ rất chỉ trích, như chẳng rơi vào địa ngục, ngạ quỉ, nhất định cũng phải mang lông đội sừng. Xuất gia như thế thật đáng buồn thương, thật đáng đau xót!

Chư nhân giả đuổi theo đó, trước lúc chưa già không bệnh, hãy gấp sớm tính kế tạo tác sự sống, kiên trì trai giới, niệm Phật tụng kinh, lễ sám phát nguyện, cầu sinh về Tịnh độ. Sau khi được thấy Đức Phật A-di-đà, mới có thể lấy đó cứu độ mẹ cha, mới có thể lấy đó báo đáp bốn ân, mới có thể lấy đó cứu vớt quần sinh, mới có thể lấy đó trọn hưởng thọ khoái lạc. Xuất gia như thế mới thật là Phật Tử". (Rút từ Tịnh

độ hoặc vấn).

Phàm, thuyết thiện ác báo ứng, kiệt xuất nơi kinh điển, mà hàng ngu bột còn mê hoặc đó. Nếu chứng nhận dó ở sự thật, cũng là một thuật cảnh giác vậy. Nhân những ngày rảnh rỗi, giẫm đọc các truyện xưa, tham cứu ghi chép nghiệp báo của hàng Tăng Lữ rõ ràng. Chợt gặp được bộ "Sự tự xét ghi trong nhà Phật" (Thích Môn Tự Cảnh Lục) của Đại sư Hoài Tín, tôi mới than rằng: "Ta nghĩ người xưa thật thấu được tâm ta thay!" Mới đem khắc bản in để rộng lưu truyền. Vả lại nay đây có thêm được bấy nhiêu điều mới phụ bổ túc ở sau vậy.

Ngày 14 tháng 08 năm Nhâm thìn tức năm An Vĩnh thứ nhất

Sa-môn Thích Huyền Trí ở chùa Khánh Chứng tại Bình An viết tại Nam Kỷ Lộ Sâm tỉnh sở.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 190

TAM BẢO CẢM ỨNG LƯỢC YẾU LỤC

SỐ 2084

(QUYỂN THƯỢNG - TRUNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2084

TAM BẢO CẢM ỨNG LƯỢC YẾU LỤC

Thích tử Phi Trược ghi tập.

LỜI TỰA

Tam bảo cảm ứng yếu lược tức lấy vị cảm ứng của Linh cảm ứng là thuộc Phật Bảo, cảm ứng của Tôn Kinh là thuộc Pháp Bảo, và cảm ứng của Bồ-tát là thuộc Tăng Bảo. Thật là chủ chốt của trong đời mạt Phật uế trược, là khuôn phép của sự đoạn ác tu thiện. Phàm, đức tin là sự tích tụ công đức nguồn đạo. Công hạnh là nền tảng của yếu lộ giải thoát. Đạo thấu đạt cả ba ngàn, khuyên răn người sau kính tin, giáo trùm khắp trăm ức, chỉ bày vết tích cho thời tượng pháp. Nay lược nêu bày cương yếu, thô thiển nêu dẫn các điểm kì đặc. Duyên này nếu bị rơi lạc thì tương lai không u cứ. Nên chọn làm ba tụ, phân thành ba quyển, để khiến thấy hiếu vậy.

TAM BẢO CẢM ỨNG YẾU LƯỢC LỤC

PHẬT BẢO TỰ

QUYỂN THƯỢNG

MỤC LỤC

Cảm ứng của Tôn tượng Đức Phật A Di Đà cao ba tấc của Sa-môn Đạo Dụ ở thời nhà Tuỳ.

Cảm ứng của Tôn tượng Đức Phật A Di Đà do Trương nguyên Thọ ở Tinh Châu vì song thân qua đời mà tu tạo.

Cảm ứng của Tôn tượng Đức Phật A Di Đà do Sa-môn Thích Đạo Như vì muốn cứu chúng sinh trong ba đường khổ mà tu tạo.

Cảm ứng của Tôn tượng Đức Phật Vô lượng Thọ cao trượng sáu do Sa-môn Thích Tăng cao tu tạo ở thời tiền Tống.

Cảm ứng do Đức Phật A Di Đà hóa làm chim Oanh Vũ để dẫn tiếp người nước An Tức.

Cảm ứng do Đức Phật A Di Đà hóa làm thân cả lớn dẫn tiếp ngư dân vớt bắt.

Cảm ứng của người phụ nữ Kính tin xưng niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà.

Cảm ứng của xưng niệm vãng sinh.

Cảm ứng của Tôn tượng Đức Phật A Sơ do Sa-môn Thích Tuấn Huệ tu tạo.

Cảm ứng của vị Bà-la-môn ở Thiên trúc tu tạo Tôn tượng Đức Phật Dược Sư mà người con được kéo dài tuổi thọ năm mươi năm.

cảm ứng của Linh tượng Đức Phật Dược Sư do một người giòng họ cao quý thỉnh mà được giàu sang.

Cảm ứng của người nghèo khổ dùng một và tiền Đồng cúng dường Tôn tượng Đức Phật Dược Sư mà được giàu sang.

Cảm ứng của một người phá giới xung niệm danh hiêu Phật Dược Sư mà giới Phật được trở lại thanh tịnh.

Cảm ứng của Tôn tượng đức Phật Dược Sư do Hạ Hầu Quân tu tạo mà được thoát khỏi tội.

Cảm ứng do Đức Dược Sư Như Lai cứu khổ sản nạn.

Cảm ứng của thân thuộc trong gia đình Tư mã ở Ôn Châu nơi trong một ngày tu tạo được bảy Tôn tượng đức Phật Dược Sư.

Cảm ứng của người tu tạo Tôn tượng đức Phật Tỳ Lô Xá Na mà được phủi trừ chương nạn.

Cảm ứng của Thánh Vô Động Tôn tữ xưng Vô giá Đà Bà.

Cảm ứng của Sa-môn Thích Hàm chiếu đồ tả ngàn Tôn tượng Phật.

Cảm ứng của Thai Tạng mạn trà La tương truyền.

Cảm ứng của Kim cang giới Mạn Đà LA truyền hoằng.

Cảm ứng của Sự kiến tạo Kim cang giới Quán Đảng Đạo tràng

cầu mưa mà được.

Cảm ứng của sự lễ bái Kim cang giới Đại mạn Đà La Đồ.

Cảm ứng của sự xưng niệm các Tôn tượng ở Thá Tạng Đại mạn Đà La.

Cảm ứng của Xá-Lợi-Phất ở đời vua minh Đế thời Hậu Hán.

Cảm ứng khi thời nhà Ngô bao vây chùa cấm bắt chư Tăng mà Xá-Lợi hiện nổi toả phóng ánh sáng trên Bình bát.

Cảm ứng của Đường A Đắc kiến tạo tháp được phóng thả.

Cảm ứng của sự Đầu chưa đến chộ hành hình mà dao bén tự gãy mất.

Cảm ứng của thần miếu dâng cúng vải lụa quyên để. Sa-môn An thế cao Kiến tạo Bảo Tháp mà được thoát khỏi thân trăn.

Cảm ứng của Trưởng giả Tu Đạt tính do đất xây dựng Tịnh xá.

Cảm ứng nói chỗ đất xây dựng tinh xá sau khi Đức Phật diệt độ.

Cảm ứng của vị Sa Di dùng gậy trượng mở rộng tịnh xá làm vách phên bằng cây gỗ mà được kéo dài thọ mạng.

Cảm ứng của sự phẩy quét sân tịnh xá mà được sinh lên cõi trời.

Cảm ứng của chùa sự nơi chỗ đất vườn nhà cũ của cha mẹ mà Kiến tạo Tịnh xá.

Cảm ứng của chùa ở nước Thất La-phạt-tất-Để che phủ đền thờ lớn.

Cảm ứng của đức bé nghèo khổ dùng lá cây đùa vui là chùa mà được kéo dài thọ mạng.

Cảm ứng của vị Tỳ-kheo đắp vá lổ hổng vách tường chùa mà được kéo dài thọ mạng.

Cảm ứng của vua nước Kim Địa tu sửa chùa cổ mà được kéo dài thọ mạng.

*****

1-Cảm ứng của Tôn tượng Đức Phật Thích-ca bằng vàng và bằng gỗ do vua Ưu điền và vua Ba-tư-nặc tu tạo.

(Rút từ kinh A-hàm Quán Phật tạo tượng Du lịch Kỷ luật và Tây quốc truyện, chỉ, cáo, v.v...)

Sau khi thành tựu đạo quả tám năm, Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai nghĩ suy muốn báo đáp thâm ân của Thánh mẫu Ma Da, bèn từ chùa Kỳ hoàn, lên đến cung trời Đao-lợi, ở trong Thiện Pháp Đường. Đức Phật ngồi kiết già trên Kim Thạch. Khi đó, Thánh mẫu Ma Da toả phóng hai luồng sữa đượm nhuần vào môi Đức Thế Tôn, phô bày duyên mẹ con. Đức Phật vì Thánh mẫu mà thuyết pháp.

Bấy giờ bốn chúng đệ tử Phật ở nhân gian không thấy đức Như Lai, nêu sinh lòng khát ngưỡng buồn rầu như mắc phải chịu tang cha mẹ, tợ mũi tên bắn găm vào tim, bèn cùng nhau sang đến chỗ Đức Thế Tôn, họ càng gấp bội sự buồn thương, chẳng thể tự cản ngăn, liền hỏi cùng Tôn giả A-nan rằng: "Ngày nay, Đức Như Lai hiện ở đâu?" Ngài A-nan đáp: "Tôi cũng không biết!" Hai vua nghĩ muốn được thấy Đức Như Lai, bèn cảm mắc khổ hoạn. Khi đó, vua Ưu Điền ban sắc mời gọi tất cả các bậc thầy thợ tài giỏi ở trong cõi nước lại mà bảo rằng: "Nay ta muốn tạo Tôn tượng đức Phật". Những người thợ khéo giỏi tâu cùng vua rằng: " Chúng tôi không thể tạo tác Diệu tướng của Đức Phật. Giả sử như thời Tỳ-thủ-yết-ma mà có tạo tác cũng không thể tương tợ đức Như Lai. Nếu chúng tôi có vâng mạng lệnh thì chỉ có thể mô phỏng tướng một phần nhỏ trên búi tóc ngọc hào. Ngoài ra, các thứ tướng hảo quang minh oai đức khó kịp. Vậy ai có khả năng tạo tác ư? Lúc Đức Thế Tôn đến Pháp hội, với hình tượng tạo tác như có sai lầm thì thanh danh chúng tôi thảy đều mất cả." Họ trộm cùng nhau bàn tính không dám tạo tác. Họ lại tâu cùng vua rằng: "Nay tạo Tôn tượng nên dùng toàn gỗ chiêu Đàn thuần sắc tía. Văn lý thể chất thãy đều kín chắc. Chỉ là hình tượng Tôn tượng là đứng hay ngồi, cao thấp như thế nào?" vua đem việc ấy hỏi các Quan thần. Có Quan có trí tuệ tâu vua rằng: "Nên tạo Tôn tượng ngồi, vì tất cả chư Phật chứng đắc đạo quả Bồ-đề, chuyển vận bánh xe chánh pháp, hiện các thần biến, làm mọi Phật sự thảy đều ngồi cà. Nên tạo Tôn tượng ngồi Kiết già trên tòa sư tử". Khi ấy trời Tỳ-thủ-yết-ma biến hóa thân làm người thợ mang các dụng cụ khắc chạm đến nơi cửa Thánh, tâu vua rằng: "Nay tôi muốn vì Đại Vương tạo tác Tôn tượng Phật". Trong tâm vua rất mừng, cùng quan thần làm chủ kho tàng đến trong kho tàng chọn lấy gỗ hương, vua dùng vai vác mang cùng nâng đở, bảo cùng người thợ rằng: "Nhân giả vì tạo Tôn tượng, cần nên

tương tợ cùng hình tượng Đức Như Lai vậy". Khi đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên cầu thỉnh Thần lực của Phật, sang cung trời đồ họa hình tướng rồi trở về, nắm búa rìu phá gỗ, âm thanh phá gỗ vang vọng lên đến cùng trời Đao-lợi, đến pháp hội nơi chỗ Đức Phật đang giảng pháp. Do vì sức thần của Phật nên âm thanh ấy vang khắp mọi nơi, khiến các chúng sinh nghe được, tội cấu đều tiêu trừ, như người mù được mắt sáng, người tai điếc lại nghe được, người câm ngọng lại nói được, kẻ xấu xa được đoan chánh, kẻ nghèo khổ được phước lợi. Cho đến tất cả chúng sinh trong ba đường đều lìa khổ được vui. Tất cả đều được lợi ích chưa từng có, và thảy đều hiệu khởi. Khi ấy, người thợ trời chưa hết một ngày mà tạo tượng hoàn thành, cao bảy thước, hoặc có thuyết nói cao năm thước, bởi tuỳ căn cơ nên sự thấy chẳng đồng. Mặt, mắt và tay chân Tôn tượng thảy đều sắc màu vàng tía. vua trông thấy tướng hảo, tâm liền khởi sinh tịnh tín. Chứng đắc pháp nhẫn nhu thuận, nghiệp chướng phiền não thảy đều tiêu trừ, chỉ trừ đã từng đối với Thánh nhân khởi tạo nghiệp ác ngữ.

Khi đó, vua Ba-tư-nặc lại mời gọi tất cả các thợ khéo giỏi trong nước lại, muốn tạo tác Tôn tượng đức Phật, mà sinh khời ý niệm rằng: "Hình thể Đức Như Lai chẳng như thuần vàng thật". Liền dùng vàng Tử ma mà tạo Tôn tượng cao năm thước. Từ đó trong cõi Diêm phù đề mới có hai Tôn tượng Đức Như Lai ấy.

Qua khỏi mùa hạ sau chín mười ngày rồi, Đức Như Lai bảo cùng bổn chúng rằng: "Bảy ngày sau ta sẽ xuống cõi Diêm phù Đề đến bên ao hồ nước Tăng-già-thi". Khi đó, vua trời bảo cùng trời tự tại rằng: "Từ đảnh núi Tu Di đến nơi ao hồ nước nên làm ba con đường thẳng thuần bằng vàng, bạc và thủy tinh". Hoặc có thuyết làm bằng đường đất, hoặc có thuyết nói do trời Tịnh cư làm đường ấy. Đức Như Lai đi trên đường vàng mà xuống. Khi đó, năm vị vua đồng sang đến chỗ Đức Phật. Trong đó, vua Ba-tư-nặc ở nước Già Thi, vua Ưu Điền ở nước Bạt Ta, chủ của nhân dân Ngũ Đô là vua Ác sinh. chủ ở Nam Hải là vua Đà Diên, và vua Bình Sa ở nước Ma-kiệt-đà đem cả đầu mặt đảnh lễ chân Đức Phật. Khi đó, vua Ưu Điền dùng đảnh đầu đội Tôn tượng Phật và các thứ ngon lành thượng vị khác lạ đi đến nơi chỗ Đức Phật mà dâng cúng. Khi ấy, Tôn tượng Đức Phật bằng gỗ từ tòa đứng dậy như Đức Phật hiện sống chân bước giữa hư không, dưới chân mưu hoa, tỏa phóng ánh sáng đến nghinh đón Đức Phật, chấp tay xoa tay tác lễ đức Phật có phần ít tương tợ Đức Phật, mà nói kệ rằng:

"Phật tại trời Đao-lợi
Tiếng người thợ tạo tượng

Chúng trời tam thập Tam
Người đời sau tạo tượng
Lúc vì mẹ giảng pháp
Vang đến Thiện pháp đường
Đồng âm đều tuỳ hỷ,
Được vô lượng Thắng phước”

Khi đó, Đức Thế Tôn cũng quỳ dài chấp tay hướng về Tôn tượng ở giữa không trung, có trăm ngàn hóa Phật cũng đều chấp tay. Tự thân Tôn tượng ấy cúi thấp đảnh đầu, Đức Thế Tôn thân gần xoa đảnh mà dự ghi rằng: ” Sau khi Tôi diệt độ ngoài ngàn năm, sẽ ờ tại cõi này, vì các hàng trời người mà làm điều lợi ích lớn. Với các Đệ tử của ta, ta đều giao phó người. Nếu có chúng sinh sau khi Phật diệt độ tu tạo Tôn tượng, dùng các thứ phan hoa hương đèn mang đến cúng dường. Người ấy ở đời sau ắc được thấy Phật, ra khỏi khổ sinh tử.” Lúc ấy, vua Ưu điền bạch cùng Đức Thế Tôn rằng: “Trước lúc Đức Phật diệt độ, người tu tạo Tôn tượng còn tại thế chăng?” Đức Phật bảo rằng: “Ta dùng Phật Nhãn xem khắp mười phương, sau khi cá Đức Phật diệt độ, những người tu tạo Tôn tượng đều sinh trước chư Phật ở mười phương. Không có một người còn ở tại sinh tử, chỉ một người tu tạo Tôn tượng Bồ-tát nên còn ở lại nơi đời, đó là vua Bình Sa vậy.” Khi ấy Tôn tượng Phật bằng gỗ bach cùng Đức Phật rằng:”Đức Thế Tôn bước đi trước, có thể vào Tịnh xá”. Đức Thế Tôn cũng bảo Tôn tượng rằng: “Thôi, thôi, chẳng cần nói, Duyên ta sắp hết, sự diệt độ không còn lâu. Người nên ở lại Thế gian lâu dài để làm lợi ích cho chúng sinh. Ta nhập diệt trước, nếu nhập diệt sau, mọi người sinh khởi khinh mạn vậy. Vài ba phen đối đáp qua lại như thế, Tôn tượng bèn tiến trước trở lại nguyên vị. Khi đó, Đức Thế Tôn tự dời vào trong tinh xá nhỏ ở bên cạnh chùa, ở khác chỗ với Tôn tượng, cùng cách vài mươi bữa. vua Ưu Điền vui mừng chẳng thể tự ngưng nghỉ. Khi ấy năm vị vua bạch cùng Đức Thế Tôn rằng: “Nên tạo lập chùa thần như thế nào?” Đức Thế Tôn bèn duỗi cánh tay phải, từ trong đất lưu xuất chùa Phật Ca Diếp, lấy đó làm pháp. Lúc đó, năm vị vua liền đến tại chỗ ấy, tạo dựng chùa thần lớn để an trí Tôn tượng đó mà trở về v.v...

2- Cảm ứng của Linh Tượng Đức Phật Thích-ca do vua Cảnh Thắng đắp họa.

(Rút từ Tỳ-nại-da luật văn)

Xưa kia, khi Đức Phật ở tại Trúc Lâm, bấy giờ trong Nam Thiện

Bộ Châu, có hai Thánh lớn. Một Thánh tên là Hoa tử và một Thánh tên là Thắng Ấm. Trong hai Thánh ấy đắp đổi thay nhau mọi sự suy thạnh. Lúc ấy, nhân dân ở thành Thắng Ấm đang giàu có hưng thạnh. vua ở thành ấy là Tiên Đạo, dùng chánh pháp để trị vì đất nước. Không có các thứ oán đói bệnh khổ, ngủ cốc đều được tốt tươi. Phu nhân của vua tên là Đảnh Kế. Có hai vị Đại thần tên là lợi ích và Trừ Hoạn. Khi ấy, vua ở Thành Vương Xá tên là Cảnh Thắng, phu nhân tên là Thắng Thân, Thái tử tên là Vị sinh oán, Đại thần tên là Hành Vũ.

Bấy giờ, vua tiên Đạo nhóm tập Đại hội triều đình, vua hỏi mọi người rằng: “Có nước nào giàu có an vui tương tợ như nước ta chăng?” Khi đó có người dấy khác ở nước Ma-kiệt-đà tâu cùng vua rằng: “Ở phương Đông có thành Vương Xá, nước ấy tương tợ như nước nhà của vua đây vậy.” vua Tuên Đạo nghe thế bèn sinh tâm ái niệm đối với vua Cảnh Thắng, nên hỏi quan Đại thần rằng: “ Ở nước ấy thiếu thốn vật gì?” Quan Đại thần đáp:”ở nước ấy không có vật báu”. Khi ấy, vua Tiên Đạo đem các vật báu kỳ diệu đựng đầy trong hòm vàng, và ban sắc thư sai sứ đến dâng tặng vua Cảnh Thắng. vua cảnh Thắng đọc xem thư và nghe Quốc tín, tâm rất hoan hỷ hỏi rằng:”Ở nước ấy thiếu thốn vật gì?” Mọi người đáp: “Ở nước ấy không có bông vải đẹp”. vua liền đem vải bông đẹp làm ra từ trong nước đựng đầy rương tráp, chẩn biết theo việc trên báo đáp dâng tặng lại vua Tiên Đạo và đưa thư đến vua Tiên Đạo ở thành Thắng Âm. vua Tiên Đạo trông thấy rất vui mừng hỏi kẻ sứ rằng: “Hình tướng của vua Cảnh Thắng như thế nào?” Kẻ sứ đáp rằng” Hình tướng của vua cao lớn, có phần tướng tợ như Đại Vương, tánh hạnh hùng mạnh, tự thân xông ra chinh chiến”. vua Tiên Đạo liền y theo lượng mà tạo áo giáp thượng phục có năm Đức để sai kẻ sứ đưa đến dâng tặng.

Một là, lúc thời tiết nóng mặc vào liền được mát lạnh
Hai là, đao đâm chém không thủng
Ba là, tên bắn không xuyên lủng
Bốn là, tránh được các độc hại
Năm là, hay toả phát ánh sáng.

Khi áo giáp làm xong, vua liền ban sắc thư sai sứ mang đến dâng tặng vua Cảnh Thắng. vua Cảnh Thắng đọc thư xong xem áo giáp, trong lòng khởi sinh hiếm có, chuẩn lượng trị giá bằng mười ức tiền vàng, nên liền lo nghĩ rằng: “Nước ta không có các thứ này, biết lấy gì để đáp trả ư?” Khi đó, Đại thần Hành Vũ thấy vua lo buồn hiện bày trên sắc mặt nên hỏi nguyên do. vua Cảnh Thắng đem sự việc ấy đáp đủ. Đại thần

nói:' " vua nước kia chỉ tặng một chiếc áo giáp quý báu. Còn trong nước của Đại Vương đây có Phật. Phật là diệu bảo trong loài người, khắp mười phương không có gì sánh bằng vậy". vua Cảnh Thắng nói: "Thật là việc ấy nhưng muốn phải làm thế nào?" Đại thần nói: "Nên đắp họa ảnh tượng Đức Thế Tôn trên vải bông đẹp, rồi sai sứ đưa dâng tặng" vua Cảnh Thắng nói: "Nếu vậy thì nên bạch cùng Đức Phật "Khi ấy, vua bèn đem sự việc ấy bạch cùng Đức Phật, Phật bảo: "Lành thay! Ý nghĩ hay khéo. nên đắp họa một Tôn tượng Phật để hiến tặng vua kia. Với phương thức: trước tiên đắp họa Tôn tượng đã, phía dưới Tôn tượng ghi viết ba pháp Quy y, tiếp theo viết năm họa xứ-tức là ngũ giới, tiếp nữa viết pháp mười hai nhân duyên lưu chuyển và hoàn diệt. và ở phía trên viết hai bài kệ tụng rằng:

"Ngươi nếu cầu ra khỏi
Hay dứt trừ sinh tử
Đối với pháp Luật này
Hay cạn biển sinh tử
Tinh cần theo Phật dạy
Như voi xô nhà cỏ
Thường tu không lười biếng
Sẽ hết ngăn mé khổ"

Vua Cảnh Thắng viết xong trao cho kẻ sứ và bảo rằng: "Khi ngươi mang thư và Tôn tượng đến nước ấy, nên ở chỗ rộng thoáng, treo các thứ phan lọng, dàn bày hương hoa thiết đặt trang nghiêm, mới mở Tôn tượng ấy. Nếu có người hỏi đó là vật gì thì nên trả lời với họ là: "Đó là hình tượng Đức Thế Tôn. Người đã xả bỏ Vương vị thành Đẳng Chánh giác. Và với chữ nghĩa phía dưới lần lược nên giải đáp đó" Khi ấy vua Cảnh Thắng vui mừng mà trở về, tạo tác Tôn tượng và thư đúng như hình trạng rồi xếp đặt trong hòm bằng vàng bạc. Ban sắc thư sai sứ đưa đến dâng tặng vua Tiên Đạo. vua Tiên Đạo mở đọc xem thư rồi tức giận bảo Quan Đại thần rằng: "Chưa biết ở nước ấy (Vương Xá) có thư và vật gì thắng diệu kỳ đặc, mà trong thư viết là nêu cách chừng hai trạm sửa sang đường sá, trang sức thành hoàng, treo bày các thứ hoa lọng tràng phan, nhóm tập dân chúng, và bảo ta tự dẫn đầu bốn binh ra nghinh tiếp. Tiên Đạo ta xem hình chú này thấy trong ý muốn khinh thường, các ngươi nên sắp đặt bốn binh, ta sẽ tự thân ra đến để đánh diệt nước vua Kiệt Đà". Quan Đại thần tâu rằng: "Từng nghe vua ấy rất độ lượng, chẳng có sự xem thường Đại Vương, nay nên thuận theo lời ấy." vua Tiên Đạo bèn y như thư thiết bày các thứ cúng dường, dẫn đến

nơi tháp ấp, mở bày Tôn tượng đắp họa, đứng mà chiêm ngưỡng. Khi ấy, các hàng Thương nhân trong nước cùng nhóm lại, khác miệng đồng lời xưng niệm: "Nam mô Phật Đà Da v.v..." vua nghe mà lông tóc khắp mình mẩy đều dựng đứng, bèn lần lược hỏi về các nghĩa ấy. Các thương nhân đều trả lời đầy đủ, vua đọc tụng văn ấy rồi bèn trở về lại cung nội, y cứ theo văn mà suy nghĩ. Đến sáng hôm sau chẳng lìa khỏi tòa, vua chứng đắc sơ quả, trong tâm rất vui mừng nói lời kệ rằng:

"Kính lạy Đại y Vương
Thế Tôn tuy ở xa
Khéo chữa trị tâm bệnh
Hay khiến ban mắt sáng"

Và liền viết thư báo cùng vua Cảnh Thắng rằng: "Tôi nhờ ân của Nhân giả nên được thấy Chân Đế. Tôi Muốn được thấy chúng Tỳ-kheo, xin nên ban đến đây". vua Cảnh Thắng đọc thư xong rồi, bạch cùng Đức Phật. Đức Phật quan xét biết Tôn giả Ca-Đa-Diễn-na có dibằnguyên với nước ấy, nên bảo sang đó để hoằng truyền giáo pháp. khi ấy, năm trăm vị Tỳ-kheo sang đến Thánh Thắng Âm. Và vua Cảnh Thắng báo cùng vua Tiên Đạo rằng: "Nhân tỏ ngộ được pháp duyên sinh, chứng đắc sơ quả, muốn cùng được thấy chúng Tỳ-kheo. Đức Phật bảo cho năm trăm vị Tỳ-kheo, xa khởi cầu phước, Nhân giả nên tự đến nghinh đón. Tạo dựng một ngôi chùa lớn, làm năm trăm gian phòng, được phước vô lượng". vua Tiên Đạo đọc thư rồi bèn y theo lời ấy mà thực hành. Tôn giả Ca-Đa-Diễn-Na tuỳ có duyên mà thuyết pháp, nên hoặc có vị chứng đắc A-la-hán quả, cho đến phát khởi thú hưởng đại thừa. Bấy giờ các người nữ trong cung cầu thỉnh Tôn giả, nhưng Tôn giả Ca-Đa-Diễn-Na không chấp thuận đến trong chỗ người nữ để giảng pháp, mà bảo có các vị Tỳ-kheo có thể vì phái nữ mà giảng pháp. vua Tiên Đạo bèn gởi thư báo cùng vua Cảnh Thắng. vua Cảnh Thắng đem sự tình bạch Phật. Đức Phật bảo Thế La v.v... năm trăm vị thọ giáo sang đó vì giảng pháp.

Đến lúc phu nhân mạng chung sinh lên cõi trời,bèn xuống cảnh giác cùng ctd. vua Tiên Đạo buồn vui lẫn lộn tự suy nghĩ rằng: "Ta nên lập Thái tử Đảnh Kế lên làm vua, còn ta xuất gia". và đưa trạng văn bảo cùng hai vị Đại thần. hai vị Đại thần nghe thế rồi rơi lệ, bảo cùng Thái Tử Đảnh Kế. Thái Tử nghe xong buồn khóc. vua Tiên Đạo bèn đánh trống tuyên lện bảo cùng dân chúng trong nước. Khi ấy, những người đội ơn vua đều buồn khóc, phần nhiều xuất thế của cải vật báu thiết lập pháp hội vô giá. vua dẫn theo một vị thị giả bước bộ mà đi, đến thành Vương Xá. Thái Tử và dân chúng trong nước đều theo đến thành

Vương Xá. Vào trong một khu vườn, bảo cùng vua Cảnh Thắng. vua Cảnh Thắng nghe xong, bèn sửa sang đường sá, dẫn bốn binh đến chỗ vua Tiên Đạo cùng uỷ an thăm hỏi. vua cưỡi một con ngựa vào thành hỏi han về nguyên do, vua Tiên Đạo đáp: “Đến nơi chỗ Phật, muốn cầu xin xuất gia”. vua Cảnh Thắng bèn cùng đi đến nơi Phật, Đức Phật bảo “ Lành thay!” Râu tóc của vua Tiên Đạo đều rơi rụng, tướng mạo như vị Tỳ-kheo đã trăm tuổi hạ.vua Cảnh Thắng đảnh lễ rồi trở về. Tỳ-kheo Tiên Đạo nương theo Đại chúng mà sống an lạc vậy(Lấy ý rút lược).

3- Cảm ứng của Linh tượng Đức Phật Thích-ca đầu tiên tại đất Hán. (Trung Hoa)

(Rút từ văn bản Danh Vương Tuyển, Minh Tường Ký v.v...)

Vua Minh Đế (Lưu Trung 58-76) thời Đông Hán mộng thấy Thần nhân thân hình cao hai trượng sắc màu vàng ròng. Nơi cổ đeo vầng nhật quang, bèn đem hỏi Quần thần. Có vị đáp rằng: “Ở phương tây có Thần hiệu là Phật, hình tướng như là điềm mộng của Bệ hạ vậy”, Khi ấy, vua sai sứ đi Thiên Trúc ghi tả kik điển, đồ họa Tôn tượng mang về tại Trung hạ (Trung Hoa), từ nhà vua cho đến các bậc Vương hầu thảy đều kính thờ đó. Người nghe khi chết tinh thần chẳng diệt mất, không ai chẳng lo sợ tự mất. Mới đầu sứ giả Thái Âm dẫn Sa-môn ca Diếp Ma Đằng từ Tây vực và mang Tôn tượng Đức Phật Thích-ca do vua Ưu Điền đắp họa về, đúng như sự mộng thấy của vua, vua bèn sai bảo thợ đắp họa làm nên vài bản tôn trí tại Thanh Lương Đài ở phía nam cung điện và trên Hiển Tiết thọ Lăng ở cao Dương môn để ccg. Lại đến nơi vách tường chùa Bạch Mã đắp họa Tôn tượng, ngàn xe muôn ngựa nhiểu quanh Tháp ba vòng và nhiễu quanh Tôn tượng cũng như vậy, đúng như pháp mà truyền tải khắp nơi.

4- Cảm ứng của Thuỵ Tướng Đức Phật Thích-ca do vua Võ Đế thời Nam Lượng phụng thỉnh.

Ngày mồng tám tháng giêng năm Thiên giám thứ nhất (502) thời nam Lương, vua Võ Đế (Tiêu Diễn) mộng thấy Tôn tượng bằng gỗ Chiên Đàn đưa vào nước Trung Hoa, nhân đó, vua liền ban chiếu chiêu mộ người đi nghinh đón. Căn cứ theo “ Phật du Thiên Trúc Ký” và hai quyển Kinh “Ưu Điền Vương” thì Đức Phật lên cung trời Đao-lợi trọn một mùa Hạ, vì Thánh Mẫu ma Da mà giảng pháp, tất cả vua tôi muốn được trông thấy Phật hiện ở tại nước nhà nên vua sai ba mươi hai người thợ khéo giỏi, và mang gỗ Chiên Đàn, thỉnh cầu thần lực của Tôn giả Mục-kiền-liên chuyển vận đưa lên cung trời khiến đồ họa dung tướng

Đức Phật. Khi đã như ý nguyện đồ họa xong trở về tôn trí nơi tòa cao năm thước tại chùa Kỳ Viên, cúng dường mãi đến ngày nay. vua Võ Đế muốn nghinh thỉnh Tôn tượng đó.

Bấy giờ, Quyết Thắng tướng quân, Hác Kiên Hoa phụ v.v... gồm tám mươi người ứng chiếu chiêu mộ mang trrạng văn sang cầu thỉnh, vua nước Xá Vệ bảo rằng: "Tôn tượng trên trời trong đây không thể nghinh đưa đến xứ biên địa". Mới sai bảo ba mươi hai người thợ khắc chạm một tướng của Tôn tượng bằng gỗ Đàn hương, từ giờ mão bắt đầu ra tay mãi đến giờ ngọ thì hoàn tất, tướng hảo đầy đủ, mà trên đảnh tôn tượng ấy toả phóng ánh sáng tuông rải mưa nhỏ và có múi hương thơm khác lạ. Nên trong Kinh Ưu Điền Vương nói rằng: "Sau khi chân thân đã ẩn (Tức là Đức Phật đã diệt độ) do từ hai tượng hiện đều vì chúng sinh làm mọi sự lợi ích sâu dày" là ấy vậy. Hác Khiên v.v... mang thỉnh Tôn tượng thứ hai đi vài muôn dặm trải qua khắp nơi, khó thể nói đầy đủ, lại trải qua biển lớn lăn lộn giữa sóng gió, tuỳ theo cơn sóng đứa lên đến núi, lương thực lại hết, những người dẫn theo và nghinh đưa phần nhiều bị hại mất mác, lại gặp phải thú dữ. Mọi người mới nhất tâm niệm, nghe ở phía sau Tôn tượng có tiếng của áo giáp mũ trụ. Lại nghe có tiếng chuông vang, ở bên cạnh đỉnh núi có vị Tăng đoan toạ dưới gốc cây. Hác Khiên bèn mang Tôn tượng đến đặt trước mặt, vị tăng ấy đứng dậy đảnh lễ Tôn tượng. Hác Khiên v.v... đảnh lễ vị Tăng ấy. Vị Tăng ấy đưa cho nước tắm rửa Khiến uống, mọi người đều được no đủ. Vị tăng ấy bảo: "Tôn tượng này tên là Tam Miệu Tam Phật Đà. vua Kim Kỳ la tự theo đến đó làm Phật sự lớn". Nói xong bổng chốc biến mất. Đêm đó mọi người đều mộng thấy thần, đến sáng cùng nhau đồ họa lại. Đến ngày mồng năm Thánh tư năm Thiên giám thứ mười (511), Hác Khiên v.v... về đến Dương Đô. vua Võ Đế cùng trăm quan đi ra đến bốn mươi dặm nghinh đón Tôn tượng về Điện Thái Cực, kiến laập trai hội, độ người, đại xá nạp giết, chỉ là cung Dao dự v.v... đều làm tháp Hoa sen, vua Võ Đế cho đó mà ăn dùng rau quả đoạn dục.

Đến tháng năm năm Đại Thông thứ ba (529 1) thời Nam Lương, vua Võ Đế băng hà, Tương Đông Vương lên ngôi tại Giang Lăng lấy hiệu là "Vô Thừa Toạ", sai người đến Dương Đô nghinh thỉnh Tôn tượng đưa lên Kinh châu, tôn trí tại Điện Thừa Quang để cúng dường. Đến năm Đại Định thứ tám2 thời Hậu Lương, vua Tuyên Đế (Tiêu Sát) tạo dưng chùa Đại Minh tại Tỉng Lăng ở phía bắc thành, mới nghinh thỉnh Tôn tượng ấy về đó để thờ phụng, mãi đến nay có lắm sự ghi chép lưu truyền v.v....

5- Cảm ứng của Tôn tượng Đức Phật Thích-ca do Sa-môn Thích Pháp Khánh ở chùa Ngưng Quán tu tạo chưa hoàn tất. (Rút truyện).

Năm Khai Hoàng thứ ba (583) thời nhà Tuỳ, Sa-môn Thích Pháp ở chùa Ngưng Quán dùng sợi gai vải tu tạo một Tôn tượng đứng Đức Phật Thích-ca cao một trượng sáu thước, công việc tạo tượng chưa hoàn tất, Pháp Khánh bèn tịch. ngày đó lại có Sa-môn Đại Trí ở chùa Bảo Xướng cũng tịch, ba ngày sau sống lại bèn đến chúng Tăng trong chùa mà kể rằng: "Ở trước vua Diêm La, thấy Sa-môn Pháp Khánh có tỏ vẻ lo buồn, chỉ chốc lát sau lại thấy Tôn tượng đến. vua Diêm La vội chạy lại trước, xuống thềm cấp chấp tay lễ bái Tôn tượng ấy. Tôn tượng ấy bảo vua Diêm La rằng: "Pháp Khánh tu tạo Tôn tượng ta đây, nay chưa hoàn tất cớ sao khiến chết?" vua Diêm La tự xoay lại hỏi một người rằng: "Sa-môn Pháp Khánh chết đã hợp chưa?" Người ấy đáp rằng: "Mạng chưa hợp chết mà

1. Vua Võ Đế băng hà năm Thái Thanh thứ ba (550).

2. Niên hiệu Đại Định chỉ có năm năm (557-562)

thức ăn đã hết"vua Diêm La bảo: "Có thể cấp dùng lá sen, người ấy mạng chung có được phước nghiệp vậy." Bỗng chốc bèn liền không thấy."Sa-môn Đại Trí sau khi sống lại vì chúng Tăng trong chùa kể như thế rồi liền sai người đến chùa Nhưng Quán trông xem sao. Chỉ thời gian ngắn, Sa-môn pháp Khánh sống lại, nói bày không khác với Sa-môn Đại Trí vậy. Từ sau khi sống lại, Sa-môn Pháp Khánh thường luôn ăn lá sen, lấy đó làm mùi vị ngon lành. Như ăm các thức ăn khác trọn không thể được. Sau khi Tôn tượng làm hoàn tất khoảng vài năm, Sa-môn Pháp Khánh mới thị tịch.

Tôn tượng ấy dung nghi tướng hảo viên mãn, thường luôn toả phóng ánh sáng, chùa Ngưng Quán tuy từng bị hư hoại mà Tôn tượng ấy vẫn hiện còn v.v...

6- Cảm ứng của Lý Thái An ở Lủng Tây thời Tiền Đường vì Lý Thái An mà tu tạo Tôn tượng Đức Phật Thích-ca mà được cứu thoát.

(Rút từ Minh Báo Ký).

Lý Thái An ở Lủng tây thời Tiền Đường là Anh của Công bộ Thượng thư Lý Thái Cao.

Trong khoảng niêm hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường, Lý Thái Cao làm Tổng quản tại Việt Châu, Lý Thái An từ Kinh đô sang trông xem, Lý Thái Cao sai bảo vài người tôi tớ theo người anh (Lý Thái An) trở về. Vừa đến Cốc Châu, qua khỏi cầu bèn dừng nghỉ qua

đêm. Kẻ tớ ấy có âm mưu ý muốn giết hại Lý Thái An, chờ đợi ngủ sau, quá nữa đêm, kẻ tớ bèn dùng mũi nhọn nhỏ đâm vào cổ Lý Thái An, mũi nhọn xuyên găm nơi giường. Kẻ tớ chẳng rút ra mà bỏ chạy trốn. Kinh hãi tỉnh giấc, Lý Thái An gọi kẻ tớ, kẻ tớ ấy chẳng trở lại. Kẻ tớ khác muốn rút dao ra, Lý Thái An bảo:"Rút dao ra hẳn sẽ bị chết, nên trước lấy cho giấy bút để việt thư". Quan huyện cũng vừa đến, nhân đó, rút dao, tẩy rửa vết thương và băng bó thuốc thang. Lý Thái An bèn chết ngất, bỗng như trong mộng thấy tất cả mọi vật đều dài hơn cả thước, rộng sâu bốn năm tấc, tướng trạng tợ như thịt heo, cách đất khoảng hai thước, từ ngoài cửa đi vào đến trước giường nằm trong vật đó có tiếng bảo rằng: "Hãy gấp trả thịt heo lại cho ta". Lý Thái An nói: "Tôi không ăn thịt heo, duyên gì mắc nợ ngươi?" Liền nghe phía ngoài cửa có tiếng nói lầm bầm vậy. Vật ấy liền ra ngoài cửa Lý Thái An bèn thấy trước sân có ao, ao nước trong cạn rất đáng ưa thích, ở trên bờ tây có Tôn tượng bằng vàng cao khoảng năm tấc., bỗng chốc dần lớn hóa thành vị tăng đắp mặc áo cà sa rất mới sạch, bảo cùng Lý Thái An rằng: "Ngươi bị thương nay se vì ngươi mà dứt trừ đau khổ ấy. Người sẽ được bình phục, trở về nhà nhớ niệm Phật tu thiện vậy". Nhân đó đưa tay xoa vào vết thương nơi cổ Lý Thái An rồi đi. Lý Thái An thấy trên lưng vị Tăng ấy có vết sắc hồng đắp vá nơi áo cà sa vuông khoảng một tấc rất rõ ràng. Thế rồi, Lý Thái An tỉnh giấc sống lại, vết thương cũng trở lại không đau nhức, có thể đứng dậy ngồi xuống, ăn uống khoảng sau mươi ngày. Con em ở Kinh đô đến đón đưa về nhà, mọi người trong nhà đến hỏi thăm, Lý Thái An kể lại tình trang nguyên do bị thương và việc thấy Tôn tượng. có một kẻ tớ đứng bên tả nghe nói vậy, nhân nói khi Lý Thái An vừa mới đi, ở nhà, vợ của Lý Thái An sai bảo kẻ tớ đến chỗ người thợ làm tượng vì tạo Tôn tượng Phật. Khi tượng đã hoàn thành dùng các màu để tô vẽ y áo, có một vết son làm dơ bẩn trên lưng tượng, bảo người thợ tẩy xoá mà không được, nên tướng trạng ấy vẫn hiện còn tợ như lời nói của Lý Thái An kề vậy. Lý Thái An nhân đó bèn cùng vợ và các người nhà đồng đến trông xem Tôn tượng, mới thật đồng như chỗ thấy, không nhác chấm dơ trên vai ấy nhiên chỗ đắp vá vậy. Do đó khen lạ, tin biết Thánh giáo no lừa dối, bèn càng tin sùng Phật pháp, càng ân cần lể bái, trải qua nhiều năm mà chẳng chết.

Từ khi Phật pháp kưu truyền đến Trung Hoa, những sự cảm ứng của Linh Tượng, ghi thuật không thể hết, nhưng không Tôn tượng nào như Tôn tượng ấy.

7-Cảm ứng của Sa-môn Thích Huệ Kính ở chùa Ngộ Chân tu tạo Tôn tượng Đức Phật Thích-ca và Phật A Di Đà mà được thấy tướng Tịnh độ.(Tân Lục).

Sa-môn Thích Huệ Kính ở chùa Ngộ Chân, vốn người Truy Châu. Từ khi xuất gia, chỉ ăn rau quả khổ hạnh., rất có tài năng khéo léo, tâm ý luôm kính sùng đạo Phật, tư tạo hai Tôn tượng Đức Phật Thích-ca và Phật A Di Đà, để cúng dường lễ bái.

Đến năm sáu mươi bảy tuổi, vào đêm rằm tháng giêng, Huệ Kính mộng thấy có một vị Sa-môn thân hình sắc màu vàng ròng đến bảo cùng Huệ Kính rằng: “Ngươi muốn thấy Cảnh Tịnh độ chăng?” Huệ Kính đáp: “Rất muốn được thấy”. Sa-môn ấy lại hỏi:”Ngươi muốn thấy Phật chăng?”. Huệ Kính đáp: Cũng rất muốn được thấy. Khi đó, vị Sa-môn ấy đưa cho Huệ Kính một cái bát và bảo: “ngươi nên trông xem vào trong bát này”. Huệ Kính liền trông vào trong Bình bát, bỗng thấy thoáng rộng, cõi Tịnh độ trang nghiêm, dùng các vật báu để trang nghiêm, cõi đất thuần ròng vàng, dây vàng giăng mé đường đi, cung điện lầu gác lớp nhiều vô lượng, các đồng tử cõi trời dạo chơi trong đó, có cả chúng hội Thanh văn Bồ-tát vây quang, Đức Thế Tôn về giảng pháp. Khi đó, vị Sa-môn ấy đi trước, Huệ Kính theo sau, dần đến trước Đức Phật. Khi đã đến chỗ, bỗng nhiên không còn trông thấy vị Sa-môn ấy nữa. Huệ Kính chấp tay mà đứng, Đức Phật hỏi: “ngươi có biết vị Sa-môn dẫn trước ấy chăng? “ Huệ Kính đáp: “Không biết”. Đức Phật bảo: “Đó là Tôn tượng Đức Phật Thích-ca do ngươi tu tạo vậy. Và ngươi có biết ta chăng?” Huệ Kính đáp: “Không biết”. Đức Phật lại bảo: “Ta là Tôn tượng Đức Phật A Di Đà do ngươi tạo nên vậy. Đức Thích-ca như cha, ta đây như mẹ, chúng sinh ở cõi Ta Bà như con đỏ. Thế như cha mẹ cò nhiều người con, vì nhỏ dại không hay biết nên bị rơi lạc trong bùn dơ, người cha vào trong bùn sâu vớt đưa các người con ấy đặt để trên bờ cao, còn người mẹ ở trên bờ bồng ẳm nuôi dưỡng dạy dỗ không để rơi lại trong bùn dơ. Chúng ta đây cũng như vậy, Đức Thích-ca giáo hóa chúng sinh ngu si ở trong cõi Ta Bà trược ác, vì chúng sinh mở lối dẫn dắt, chỉ bày đường đến Tịnh độ. Còn ta đây ở cõi Tịnh độ tiếp nhậ lấy chúng sinh, Không để trở lại cõi Ta Bà”. Huệ Kính nghe lời ấy rồi, vui mừng nhảy nhót muốn được thấy Đức Như Lai, bổng nhiên không còn thấy gì nữa. Sau khi tỉnh giấc, thân tâm Huệ Kính cảm giác an lạc như vào cõi Thiền định. Huệ Kính càng kính tin lễ bái hai Tôn tượng, Lại mộng thấy vị tăng trước kia bảo rằng: “Mười hai năm sau, ngươi sẽ sinh về cõi Tịnh độ. Nghe lời ấy, Huệ Kính suốt đêm ngày tinh tấn thân tâm không biếng lười. Đến năm

bảy mươi ba tuổi, Huệ Kính thị tịch.

Có vi Sa-môn ở phòng bên cạnh mộng thấy có trăm ngàn Thánh chúng từ phương Tây lại nghinh đón Huệ Kính đi, có tiếng âm nhạc vang vọng giữa không trung. Đồng một lúc có nhiều người nghe biết.

8- Cảm ứng của hai người nghèo khổ ở nước Kiền Đà La mỗi người cúng một tiền vàng cùng đắp họa một Tôn tượng Phật (Rút từ Tây Vức ký).

Tại nước Kiền Đà La có một Tôn tượng Phật đắp họa cao một trượng sáu thước, từ phần ngực trở lên phân làm hai Thân, từ ngực trở xuống hợp thành một hình thể. Nghe các bậc lão túc nói về Tôn tượng ấy rằng: "Mới đầu có một người nghèo khổ riệng tự lực nuôi sống tích chưa được một tiền vàng, nguyện muốn tão một Tôn tượng Phật, nói cùng một người thợ đắp họa rằng: Nay tôi muốn đắp họa diệu tướng đức Như Lai, mà chỉ có được một tiền vàng sợ trả tiền công còn thiếu, bởi tâm ngày trước lo sợ nghèo khổ bức bách nên bị thiếu thốn." Khi đó, người thợ ấy sự chỉ thành của người nghèo khồ đó mà không nói về giá cả chỉ hứa sẽ làm hoàn thành. lại có một người khác cũng đồng cảnh ngộ như thế, mang đến một tiền vàng, xin đắp họa Tôn tượng Phật. Khi ấy, người thợ nhận tiền của hai người đó mua sắm các thứ sắc màu xnh đỏ cùng đắp họa một Tôn tượng. Hai người đó cùng một ngày đồng đến lễ kính Tôn tượng. Người thỡ đồng chỉ vào một Tôn tượng cho hai người đó thấy mà nói rằng: "Đó là Tôn tượng Phật của ngươi vậy." Hai người ấy cùng trong xem mà như có sự ngờ vực. Người thợ trong tâm biết là nghi ngờ nên nói cùng hai người đó rằng: "Cớ sao suy nghĩ gì lâu vậy ư? Phàm, tiền tôi nhận của hai người làm hết không sót mãy có thể. Nếu tôi nói vậy mà chẳng sai lầm thì Tôn tượng hắn có thần biế". Lời nói chưa lắng dứt của người thợ thì Tôn tượng ứng hiện Linh dị, phân thân giao ảnh ánh sáng cùng toả chiếu, Cà hai người đó đều vui mừng đượm nhuần, tâm kính tin hoan hỷ vậy.

9- Cảm ứng của Ngu An Lương ở thời Tiền Đường hổ trợ tu tạo Tôn tượng được Thích-ca mà được thoát khỏi khổ.

Tại huyện Ngư Dương ở U châu có An Lương người giòng họ Ngu. Gia tộc chuyên lấy sự sát hại làm nghiệp sống chính. Với sinh mạng mà Ngu An Lương đã giết hại không biết số lượng đã mấy ngàn muôn ức. LẠi không từng nhận biết tu tạo công đức, thường bảo rằng: "Nếu tu Thiện hẳn sẽ suy tổn". Đến năm ba mươi bảy tuổi, đang lúc đi săn bắn,

Ngu An Lương bị rơi từ lưng ngựa xuống đất bè tắt hơi thở chết ngất, trải qua nữa ngày mới sống dậy, Ngu An Lương vật vả thân mình nơi đất khóc than ăn năn hối quá với trời Tịnh cư rằng: “Tôi sai lầm, Tôn giả sai lầm” Kẻ Tôi tớ hỏi về nguyên do, giây lát sau, Nhu An Lương mớ nói: “Lúc đầu mới chết ngất, có hai người đầu trâu mặt ngựa đem xe lửa đến ném vào thân tôi, lửa dữ thiêu đốt thân mình, đau đớn vô lượng. Khi ấy, có một người vận mặc sắc phục cua Sa-môn đến dùng nước rưới vào trên xe, đưa tay chống cự lại lửa. Thân tâm tôi ngừng dứt bớt đau khổ, dần đến chỗ vua Diêm-ma. vua thấy Sa-môn ấy bèn từ thềm cấp mà chạy xuống chấp tay cung kính mà bạch rằng: “Có duyên cớ gì ngài đến đây?”. Vị Sa-môn ấy bảo: “Người tội này là Đàn Việt của ta, nên ta muốn đến xin tạm tha mạng”. vua Diêm-ma nói: “Người này rất ác, không thể phóng thả, nhưng vì Đại Sư đến xin nên không thể lận tiếc đó”. Vị Sa-môn ấy dẫn ta trở về. Trong tâm ta nghi ngờ quái lạ, chẳng biết cớ sao cứu giúp ta, nên ta bèn hỏi. Vị Sa-môn ấy bảo: “Ngươi không nhận biết ư? Anh của ngươi là Ngu An Thông phát tâm tạo Tôn tượng Đức Phật Thích-ca, ngươi nương tựa theo duyên ấy mà nên cúng ba mươi văn tiền, hổ trợ cho anh ngươi tạo tượng. Ngươi đã góp thể một ít tiền để tu tảo Tôn tượng ta, cho nên ta đến cứu ngươi, ngươi thấy xem ta vận mặc sắc phục của sa nhân, nên lấy đó mà nghiệm biết”. Nói rồi bèn không còn thấy nữa. Vì nhân duyên ấy nên ta ăn năn lỗi quá tự thương trách”. Ngu An Lương mới sang nhà của Ngu An Thông, trông xem Tôn tượng của Anh tu tạo toàn đồng như chỗ thấy. Đượm nhuần cảm ngộ nên Ngu An lương tự phát tâm tu tạo Tôn tượng Đức Phật vậy.

10- Cảm ứng của Sa-môn Dạt ma Lưu Chi ở nước Tăng-già Bổ La thuộc Bắc Ấn Độ cãm được Đức Phật Thích-ca dạy răn. (Rút từ Thường mẫn du lịch Ký).

Sa-môn Thích Thường mấn phát đại thệ nguuyện từ xa đến Tây vức Đảnh lễ đức Như Lai. Với các di tích ngài đi qua, đến nước Tăng-già Bổ La ở Bắc Ấn Độ có một Tháp đá cao hơn hai mươi trượng, bên cạnh có một người tinh xá mới có khắc chạm Tôn tượng ngồi: hai Đức Phật Thích-ca và Phật Di lặc bằng gỗ Chiên Đàn, nếu ai chỉ tâm cầu thỉnh hẳn Tôn tượng hiển bày Diệu thân, chỉ rõ mọi sự tốt xấu.

Theo các bấc kỳ cựu kể lại nguyên do khoảng vài mươi năm trước có một vị Tỳ Khưu tên tiếng phạn là Đạt-Ma-Lưu-Chi, tiếng Trung Hoa dịch nghĩa là Pháp ái ở bên cạnh Tháp đá, phát nguyện muốn tu tạo Tôn tượng Đức Bồ-tát Di Lặc. Khi ấy có một vị Sa-môn người ngoại quốc

đến dừng nghỉ qua đêm nơi phòng của Pháp Ái, tán thán Đại nghĩa của Kinh giáo, Pháp Ái nghe mà mừng vui cùng thuật ý niệm quang co, mà nói rằng: "Tôi muốn sinh lên cung Trời Đâu-suất, sắp tu tạo tượng đức Từ Thị". Vị Sa-môn ấy bảo: "Như phát nguyện muốn sinh lên cung trời Đâu-suất, nên tu tạo Tôn tượng Đức Phật Thích-ca, Đức Từ Thị (Di Lặc) là đệ tử của Đức Phật Thích-ca, ngươi được giải thoát trong ba hội giảng pháp. Đức Phật Thích-ca di chúc giáo pháp cho Đệ tử. Nếu có đủ thì trước nên tạo Tôn tượng Đức Phật Thích-ca. Tại sao vậy? Bởi vì, nay trong ba cõi đây đều là của Đại Sư (Thích-ca) có ra. Đức Thích-ca tự nói: "Chỉ một mình ta có thể vì cứu giúp" Ông há chẳng nghĩ đến ân phần ấy ư?" Đức Phật Thích-ca đã diệt độ, không giáo hóa ở tương lai, đâu giúp hiện đời này ư" Cố chấp không cải đổi. Xong, mỗi người tự nằm ngủ. Đến lúc canh phân tỏ rạng, Pháp Ái chóng thức dậy sớm, buồn khóc gieo cả năm vóc vật vả nơi đất. vị Sa-môn người ngoại quốc ấy hỏi về nguyên do, Pháp Ái đáp: " Tôi mộng thấy có người thân sắc vàng ròng cao lớn hơn cả trượng, với lời nói mềm dịu mà bảo cùng Tôi rằng: "Người là Đệ tử được ta điều phục trong nhiều đời kiếp đã lâu. Cớ sao xằng bậy cho là ta vĩnh viễn diệt độ. Chúng sinh thường ngài hưởng dụng mà không hay biết. Tất cả các thứ cỏ cây rừng rậm đất đai cho đến hư không các thứ lúa thóc chúng sinh ăn dùng v.v... Trong ba cõi đều là thân ta trở lại làm ra. Chư Phật ở mười phương giúp ta hiện hóa, cớ sao ngươi khinh mạn chẳng chịu tạo Tôn tượng ta? Nếu ngươi chẳng chịu tạo Tôn tượng ta thì không thể được sinh lên cung trời Đâu-suất. Vì đã khinh thường bậc thầy thì Từ Thị sao dám tán Thánh hổ trợ ư? Và cũng không được sinh về cõi cảnh giới Tịnh độ ở mười phương, vì chư Phật hổ trợ ta thì đâu muốn khinh thường ta". Nói lời ấy rồi bèn ẩn mất không thấy nữa" Và khi đó, vị Sa-môn người ngoại quốc ấy cũng không bước đi đâu mà bỗng chốc không còn trông thấy. Pháp Ái tự buồn thương, xả thí y bát của cải, tu tạo hai Tôn tượng ấy,và tinh xá đó do dân chúng trong nước ấy cùng nhau xây dựng nên.

Sa-môn Thường mẫn dừng ở lại đó nhiều ngày cầu thỉnh mọi điều rồi đi v.v...

11- Cảm ứng của Tôn tượng Đức Phật A Di Đà do vị Bồ-tát chứng đắc Ngũ Thông ở chùa Kê Đầu ma cầu thỉnh Đồ Tả (Rút từ cảm Thông lục và dẫn ở Tây vức truyện).

Tương truyền rằng: Xưa kia tại chùa Kê Đầu ở Thiên Trúc có vị Bồ-tát chứng đắc ngũ thông sang thế giới An Lạc cầu thỉnh Đức Phật A

Di Đa vì chúng sinh ở cõi Ta Bà muốn sinh về Tịnh độ song không có hình tượng Đức Phật và nguyện lực chẳng do đâu mà có được nên xin Đức Phậtrủ lòng giáng hiện. Đức Phật A Di Đà: "Ngươi nên đi trước, ta sẽ hiện sang đó". Khi vị Bồ-tát trở về thì Tôn tượng ấy đã đến. Một Đức Phật và năm mươi vị Bồ-tát mỗi mỗi đều ngồi trên hoa sen tại trên cây lá, vị Bồ-tát ấy lấy lá ấy đồ họa ghi tả lưu bố khắp cả xa gần vậy.

12- Cảm ứng của Tôn tượng Đức Phật Vô lượng thọ do Sa-môn Thích Huệ Hải ở chùa An lạc thời nhà Tuỳ đồ tả.

(Rút từ Đường Cao tăng truyện).

Vào thời nhà Tuỳ ở chùa An Lạc tại Giang Đô có Sa-môn Thích Huệ Hải, ngài vốn giòng họ Trương, người xứ Võ Thành, Thành hà, ngài có khả năng thông rãnh Kinh Luận, nhưng lấy pháp môn Tịnh độ làm hạnh nghiệp chính, ngài chuyên tinh đến nổi có sự cảm ứng, bổng có Sa-môn Đạo Linh ở Tề Châu mang đến Tôn tượng Đức Phật Vô lượng Thọ mà nói rằng: "Đó là Tôn tượng do vị Bồ-tát chứng đắc lục thông ở chùa kê Đầu ma tại Tây trúc lước giữa không trung sang thế giới An Lạc, đồ tả nghi dung Đức Phật". Đã thầm hợp với tâm tình thuần khiết, ngài luôn nghĩ nhớ lễ sám, mới trông thấy ánh sáng thần rực rỡ, thấu đạt tốt lành hiếm có. Từ đó, ngài mô tả lìa khổ, nguyện sinh về thế giới Tịnh độ. Đến lúc tuổi già vẫn khuyên niệm. Đến tối bỗng nhiên ngài ngồi dậy, y theo lệ thường xoay mặt về phương Tây lễ bái mến mộ rồi ngồi Kiết già, tới sáng sớm ngài mới tịch, nhan sắc vẫn tươi mươi, nghiễm nhiên như thần thức hiện còn. Ngài hưởng thọ sáu mươi chín tuổi vậy.

13- Cảm ứng của Tôn tượng Đức Phật A Di Đà cao ba tấc của Sa-môn Thích Đạo Dụ ở thời nhả Tuỳ (Rút từ Thuỵ ứng truyện).

Trong thời nhà Tuỳ, có Sa-môn Thích đạo Dụ ở chùa Khai Giác chuyên xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà, tạo Tôn tượng Đức Phật cao ba tấc. Về sau bỗng nhiên ngài tịch, bảy ngày sau bèn sống lại kể rằng: "mới đầu trông thấy một vị Hiền giả, sinh sang bên bờ Ao báu, Hiền giả ấy đi nhiểu quanh Hoa ba vòng, Hoa bèn nở ra, bèn vào trong Hoa mà ngồi. Ngài cũng đi nhiểu quanh ba vòng mà hoa khôn hé nở nên đưa tay ngắt bẻ hoa, hoa héo úa rơi. Đức Phật A Di Đà liền bảo rằng:"Ngươi nên trở về cõi nước ấy, sám hối các tội, dùng nước nóng ấm hương thơm mà tắm gội. Đến lúc sao mai lộ dạng, ta sẽ đến nghinh đón. Ngươi tạo hình tượng của ta cớ sao quá nhỏ vậy?" Ngài bạch rằng: "Tâm lớn tức

lớn, tâm nhỏ tức nhỏ". Nói xong, Tôn tượng bèn biến giữa hư không. Ngài y theo đó dùng nước ấm hương thơm tắm gội, nhất tâm sám hối. Bảo cùng mọi người rằng: "Hày vì Tôi mà xưng niệm danh hiệu phương Đến lúc sao mai ló dạng, hóa Phật sẽ lại nghinh đón". Đến lúc ánh sáng toả phóng, mọi người đều thấy biết, ngài liền thị tịch. Lúc đó là năm khai Hoàng thứ tám (588) thời nhà Tuỳ vậy.

14- Cảm ứng của Tôn tượng Đức Phật A Di Đà do trương Nguyên Thọ ở Tinh Châu vì song thân đã qua đời tu tạo (Rút từ Tinh chau Ký).

Ở Tinh Châu có Trương nguyên Thọ tuy là người có Thiện Tâm, song trong gia đình chuyên sống với nghề giết hại. Sau khi song thân qua đời, Trương Nguyên Thọ dứt bỏ nghiệp giết hại, tu hạnh xưng niệm hồng danh Đức Phật A Di Đà, phát tâm muốn cứu độ song thân, tu tạo Tôn tượng Đức Phật A Di Đà cao ba thước tôn trí nơi phòng nhà xưa cũ, dùng các thứ hương hoa đèn đuốc cúng dường lễ bái. Trương Nguyên Thọ mộng thấy trong phòng nhà có ánh sáng phóng toả. Trong ánh sáng đó có hơn hai mươi người ngồi trên đài hoa sen. Trong đó lại có hai người đến gần trên sân gọi Trương Nguyên Thọ. Trương Nguyên Thọ liền hỏi: "Hai người là ai?" Hai người ấy đáp: Ta là cha mẹ của người, tuy có hiểu biết pháp môn niệm Phật Tam muội, nhưng vì ham thích uống ăn rượu thịt, giết hại các thứ chim cá v.v... lắm nhiều nên ra đoạ vào Địa ngục kêu gào. Tuy đoạ nơi Địa ngục nhưng nhờ sức niệm Phật của ngươi nên sắt nóng nước đồng sôi đều như nước mát. Hôm qua có vị Sa-môn thân hình cao lớn ấy giảng pháp đều được thoát khỏi chốn Địa Ngục, sinh về cảnh Tịnh độ, nay lúc đã chín mùi nên lại báo cùng rõ biết nhân duyên ấy. Các người hiện ở giữa không trung tức là những người đồng nghiệp trong Địa Ngục vậy". Nói lời ấy rồi, bèn theo hướng Tây mà đi! Trương nguyên Thọ đem điều mộng thấy ấy kể cùng chư Tăng. Chư Tăng đều bảo đó là Tôn tượng do Trương Nguyên Thọ tu tạo vào trong chốn Địa ngục để cứu khổ vậy.

15- Cảm ứng của Tôn tượng Đức Phật A Di Đà mô Thích Đạo Như vì muốn cứu chúng sinh trong ba đường khổ mà tu tạo (Rút từ Tinh Châu Kỳ).

Sa-môn Thích Đạo Như là người xứ Tấn Dương, Tinh Châu, là Đệ tử huyền tôn của Thiền sư Đạo Xước, tâm ý bao gồm nhân tử, xót thương bốn loài chúng sinh đang chịu khổ. Tuy tu Tinh Nghiệp nhưng

trước muốn độ kẻ khá. Phát nguyện cứu độ chúng sinh nhận chịu khổ trong ba đường mà tu tạo Tôn tượng Đức Phật A Di Đà cao trượng sáu bằng vàng ròng, nhưng vì là khả năng của Bầu đạo nên phải trải qua ba năm mới thành, tinh tấn chuyện cúng dường. Bèn ngay tại trước Tôn tượng ngài nộng thấy có một minh quan đem Điệp thư bằng vàng ròng đến thưa rằng: “Đây là Điệp thư của Diêm-ma pháp Vương tuỳ hỷ tâm nguyện của Đại sư”. Ngài liền mở xem thấy viết rằng: “Đại sư vì muốn cứu các chúng sinh chịu khổ trong ba đường, tu tạo Tôn tượng Đức Phật A Di Đà, vào nơi Địa Ngục giáo hóa chúng sinh, uyển nhiên như Phật hiện dống toả phóng ánh sáng giảng pháp, lợi ích không thể nghĩ bàn. các chúng sinh nghiệp nhẹ nơi Địa Ngục đều thoát khổ được vui”. Sau khi tỉnh giấc, ngài càng chuyên chỉ nguyện ấy. Đến ngày trai, nơi ngục Tôn tượng ấy toả phóng ánh sáng, trong mười người chỉ có năm sáu người được thấy. Hoặc có người mộng thấy ngài hiện thân sắc màu vàng ròng vào chốn Địa Ngục giảng pháp, hoặc vì hàng ngạ quỷ giảng pháp. Cảm ứng như thế của ngài có lắm nhiều, nhất quyết điều nguyện không luống hư vậy.

16- Cảm ứng của Tôn tượng Đức Phật Vô lượng Thọ cao trượng sáu do Sa-môn Thích tăng cao tu tạo thời tiền Tống.

(Rút từ Lương cao Tăng truyện và lấy ý trong Châu Lâm).

Vào thời tiền Tống ở chùa Trường Sa tại Gisng Lăng, có Sa-môn Thích Tăng Cao là người có khí tiết tháo mạng mẽ, mong cầu Tây phương phát nguyện tu tạo Tôn tượng Đức Phật vô lượng Thọ Cao trượng sáu, mọi công dụng đã lớn, trải qua nhiều năm mà không hoàn thành. Nghe ở miếu núi Đông Khê ở Tương châu có nhiều vậtbằng đồng, nên ngài muốn giáo hóa dẫn dắt Quỷ thần đến lấy để nung vào làm hoàn thành Tôn tượng, bèn đến quan thứ Sử trong Châu là Trương Thiệu nói việc cầu vật liệu và sức người, xin cho vài chiếc thuyền và trăm người khoẻ mạnh. Trương Thiệu nói: “Miếu ấy rất linh nghiệm, kiện án tức liền chết. Vả lại, người giống man rợ giữ gìn, sợ khó thành quả việc ấy.” Ngài bảo: “Như Họa với ông cùng chết trừ thân tôi sẽ tự gánh lấy” Trương Thiệu bèn cấp cho người và thuyền. Chưa qua khỏi một đêm mà thần đã dự biết, gió chuyển mạnh dữ, mây kéo nịt mờ, thủy thủ kêu rú, chỉ chốc lác thì ngài đến, mây sương tan biến mặt nhật tỏ rạng. Cách miếu khoảng hơn hai mươi bước có hai chiếc vục Đồng, mỗi chiềc lớn vài trăm hộc, thấy có một con rắn lớn dài hơn mười trượng từ trong vạc vọt nhảy ra cấn thân mình chắn ngahng đường, cả trăm người cùng theo

thảy đều chạy lùi tan, ngài mới chỉnh trang y phục, bước tới, động tích trượng mà bảo cùng rắn rằng: “Ngươi bởi tại nghiệp đời trước nên phải nhận chịu làm thân rắn, chẳng từng nghe đến Tam bảo, vậy do đâu mà có thể thoát khỏi. Tôi tạo Tôn tượng Đức Phật vô lượng Thọ cao trượng sáu, nghe ở đây có nhiều vật bằng đồng nên từ xa tìm đến, mang cơ thể mở đường để tôi được đi tới trước.” Rắn bèn ngẫn đầu trông nhìn ngài rồi chuyển thân mình từ từ bước đi. Ngài đích thân dẫn mọi người đi bộ, nhanh chóng lấy các vật bằng đồng, chỉ có cái ống nhỏ ở đầu giường có thể dung chứa cả bổn suyển, có con thằn lằn dài hơn một thước nhảy vọt vào ra, ngài bèn vất bỏ không dấy. Mọi vật quý trọng ở miếu lớn nhỏ chẳng lấy một thứ, chỉ hơn nhỏ vậy, chất đầy thuyền mà trở về, người giữ miếu là giống man rợ chẳng dám chống cự. Ngài về đến Thành đô, chú đúc Tôn tượng. Đến năm Nguyên (Gia) thọ thứ chín (432) thời tiền Tống thì công việc hoàn tất, Thần sắc phô bày đoan nghiêm, oai quang hùng vĩ tráng lệ, tạo tượng linh dị tiếng tăm truyền khắp vậy.

17- Cảm ứng do Đức Phật A Di Đà hóa làm chim Oanh Vũ để dẫn dân chúng nước An Tức.

(Rút từ ngoại Quốc ký)

Dân chúng ở nước An Tức không biết Phật pháp, sống nơi biên địa, bẩn chất ngu mờ. Bấy giờ có con chim Oanh Vũ thân sắc vàng ròng có các màu xanh trang xen lẫn nghiêmsức có khả năng nói tiếng người. vua Tôi dân chúng thảy đều mến thích. Thân chim béo tốt mà khí lực yếu đuối, có người hỏi chim rằng: “Ngươi dùng vật gì để ăn?”. Chim đáp: “Tôi nghe tiếng xưng của Đức Phật A Di Đà lấy đó làm thức ăn mà thân được béo tốt sức lực khoẻ mạnh. Nếu muốn nuôi dưỡng tôi thì nên xưng niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà”. Mọi người đua nhau xưng niệm, chim dần bay nhảy giữa không trung rồi trở lại nơi dất, bảo cùng mọi người rằng: “Các người có muốn thấy cõi đất tốt lành sung túc chăng?” Mọi người đáp: “Muốn được trông thấy đó” Chim bảo: “Nếu muốn trông thấy thì nên cưỡi trên lông cánh ta”. Mọi người liền cưỡi lên trên lông cánh. Do vì sức lực còn yếu nên chim khuyên mọi người nên xưng niệm Phật, và chim bay vạt giữa không trung chỉ thẳng hướng Tây mà đi, vua tôi đều ngợi khen khác lạ mà nói rằng: “Đây là Đức Phật A Di Đà hóa làm thân chim dẫn tiếp mọi người ở chốn biên địa ngu hèn, há chẳng hiện thân vãng sinh sao?” Bèn ở ngay xứ ấy tạo tinh xá đề hiệu là chùa oanh Vũ, đến mỗi ngày trai tu pháp niệm Phật Tam Muội. Từ đó trở lại dân chúng ở nước An Tức ít biết Phật pháp vãng

sinh Tịnh độ lắm nhiều vậy.

18- Cảm ứng do Đức Phật A Di Đà làm thân cá lớn để dẫn tiếp ngư nhân vớt bắt. (Rút từ ngooại Quốc kỳ).

Ở phía Tây nam chấp sư tử trông nhìn hết sức thấy của ánh mặt không biết bao nhiêu dặm có một hòn đảo riêng biệt, người sinh sống ở đó có khoảng hơn năm trăm ngôi nhà, chuyên bắt chim để ăn, lại chẳng được nghe Phật pháp. Bấy giờ có vài ngàn con cá lớn đến ở gần bờ biển, mỗi mỗi đều nói tiếng người, xưng niệm nam mô A Di Đà phương Dân chúng ở ven biển thấy thế không nhận biết về nguyên do chỉ y theo lời xướng mà gọi là Cá A Di Đà. Có người xướng gọi A Di Đà thì cá dần đến gần bờ, từng bảo giết hại đó mà cá chẳng đi, mùi vị của thịt cá rất ngon, như các người xưng niệm lâu thì cá họ vớt bắt mùi vị thịt rất tối thượng. Người xưng niệm lâu thì thịt cá họ vớt có mùi vị cay đắng. Ngư dân ở bờ biển ăn dùng thịt cá và chuyên xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà lấy làm việc chính. Trong số mới ăn đầu tiên có một người mạng chung, ba tháng sau cưỡi giữa áng mây sắc tía toả phóng ánh sáng đến nơi bờ biển bảo cùng mọi người rằng: “Tôi là bậc già nhất trong các người vớt bắt cá, sau khi mạng chung được sinh về thế giới Cực lạc. thân hình cá lớn ấy là do Đức Phật A Di Đà Như Lai hóa hiện ra vậy. Đức Phật ấy xót thương chúng ta ngu hèn nên hóa hiện làm thân cá lớn khuyên chúng ta siêng năng niệm Phật Tam muội. Nếu như không tin thì cứ xem nơi thân cốt của cá đều là hoa sen. Khi đã thấy bèn cảm ngộ dứt bỏ nghiệp giết hại, chuyên xưng niệm danh hiệu Phật A Di Đà, mọi người sinh sống ở đó đều vãng sinh về cõi Tịnh độ, để hoang trống nhiều năm. Có A-la-hán Sư Tử Hiền ở nước Chấp Sư Tử vận dụng thần thông sang đến Đảo đó, truyền thuyết như vậy.

19- Cảm ứng của người phụ nữ Kính tin xưng niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà.

(Rút từ ngoại Quốc Hiền Thánh Ký).

Xưa kia trong nước A Du Sa ở Thiên Trúc, có vị Bà-la-môn ngu si không tâm kính tin, chuyên làm nghiệp xấu ác để trang nghiêm thân mình, trái lại, người vợ của ông rất kính tin thanh tịnh, hiểu biết niệm Phật Thiền định, từng khuyên chồng rằng:”Ông nên xưng niệm danh hiệu Đức Phật vô lượng Thọ”. Người Bà-la-môn ấy lắm ham thích mến thương vợ, tình sâu đắm nhiểm, chẳng biết chán đủ. Khi ấy người vợ bảo rằng:”Vợ chồng như hai cánh, cớ sao ông không tợ như công hạnh

của tôi?" Đã chẳng theo tâm tôi thì cũng chẳng tuỳ theo ông". Mọi sự đều chẳng thuận tình. Khi ấy, Bà-la-môn ấy nói rằng: "Tôi ngu si nên không thể thực hành theo công hạnh của người, theo như thế nào?" Người vợ bảo:"Ông hãy tập Định một thời gian, tôi tu niệm Phật định xong, đến lúc đánh tiếng vàng thì theo xướng nam môA Di Đà Phật rơi vào phòng ngủ mới cùng nằm". Bà-la-môn ấy bèn y theo lời nói ấy mà thực hành. Ba năm sau cản mắc chút bệnh mà qua đời, ở phía trên hông vẫn còn nóng ấm, người vợ nghi mà chẳng vội an táng. Năm ngày sau sống lại, Bà-la-môn ấy buồn khóc mà kể cùng vợ rằng:"Tôi chết bị vô địa ngục vạc sôi, các La Sát bà dùng gậy sắt đánh tội nhân, đánh động đến vạc và liền bảo người là tiếng trống vàng, bất chợt tôi xưng niệm Nam mô A Di Đà Phật. Khi ấy, Địa ngục như ao mát, hoa sen nở khắp đầy trong đó, âm thanh vang vọng, các tội nhân đều sinh về Tịnh độ. La sát Bà tâu cùng vua Diêm-ma, vua bèn phóng thả ta và bảo rằng nên đem việc kỳ lạ này mà nói cùng mọi người ở nhân gain. Và liền nói một bài kệ rằng:

"Nếu người tạo lắm tội
Phải đoạ trong ngục tối
Vừa nghe hiệu Di Đà
Lửa dữ liền mát lạnh".

Bà-la-môn ấy nhớ kỷ mà nói lại, mọi người nghe đều vui mừng vậy.

20- Cảm ứng của Xưng niệm Vãng sinh (Rút từ Tịnh độ Luận).

Nghe có một người không biết tên họ là gì tánh tình rất thô tháo gian hiểm, không tin nhân quả, thường lấy việc săn bắn giết hại làm chính. Vì cảm mắc bệnh sắp mạng chung thấy các thứ khổ cụ ở Địa ngục. Người ấy bèn ăn năng hẳng: "Lúc bình sinh, Tôi không tin lời chư Tăng, mọi điều ngày nay trông thấy quả đúng như trong Kinh nói". Liền bảo mọi người trong nhà rằng: "Các người hãy cứu ta". Người con hỏi rằng: "Phải làm thế nào để cùng cứu". Người ấy bảo: "nếu không thể cứu ta thì hãy gấp đến nơi chùa thỉnh mời một vị Tăng. Người ấy buồn khóc mà nói rằng: "Xin Đại Sư rũ lòng Đại bi gấp cứu Đệ tử". Vị tăng đó bảo rằng: "Khi bình sinh bỏ qua không kính tin Tam bảo, ngày nay sắp chết, rất cùng cứu khó được vậy". Người ấy nói: "Thật đúng vậy, Đại sư tụng đọc Kinh Phật như đệ tử là kẻ tội nhân lúc mạng sắp chung, có pháp gì để cứu độ chăng?" Vị Tăng đó bảo:"Trong Quán Kinh có viết, đoạn văn ấy là...v.v... " Bỗng nhiên người ấy nhảy nhót vui mừng

nói rằng: “Lời Phật nói có Đại ngục, như lời nói ấy thật có vậy. và Phật dạy chỉ niệm mười niệm tức được vãng sinh, nay Đệ tử nhất định được vãng sinh vậy”. và liền bảo người nhà rằng: “nên đem lửa lại đây”. Người nhà liền đem lửa màu và lò hương đưa người ấy. Người ấy bảo: “Nay, chỉ thời gian ngắn ta liền vào trong Địa ngục tại trong lò vạc đâu dùng lò hương, nên đem lửa đến đặt trong tay ta”. Và liền đó, tay trói nắm lấy lửa màu, tay phải cầm nắm hương, người ấy xoay mặt về hướng Tây, chỉ tâm xưng niệm Phật. Chưa đủ mười niệm người ấy lại bảo mọi người rằng: “Đức Phật từ phương Tây đến có nhiều Đồ chúng đều toả phóng ánh sáng lớn, trao cho ta tòa hoa”. Nói xong, người ấy liền mạng chung. Đó là mười niệm vãng sinh vậy.

21- Cảm ứng của Tôn tượng Đức Phật A Sơ do Sa-môn Thích Tuấn Huệ tu tạo. (Rút từ Tuỳ Ký).

Trong khoảng niên hiệu Khai hoàng (581-601) thời nhà Tuỳ, Có Sa-môn Thích Tuấn Huệ (tức Song Huệ). Không biết ngài là người xứ nào, trọn một đời cầu mong chứng đắc quả vị Bất thối chuyển, ngài đắp họa Tôn tượng Đức Phật A Sơ gồm mười một hình thể, ngài lại tu tạo cũng Tôn tượng như thế gồm mười hai linh thể; Tôn tượng đứng cao ba thước. Ngài chuyên tâm cầu thỉng Cảm ứng, mộng cảm có hai vị tăng, một vị tự xưng là Nhật Quang và một vị xưng là Hỷ Bích hỏi ngài rằng: “Ngươi có biết Bản nguyện của Đức Phật A Sơ chăng?”. Ngài đáp” Có biết sơ qua”. Hai vị tăng ấy hoan hỷ bảo: “Lành thay! Như Ông ở trong đời dơ uế mà quy y với Đức Phật A Sơ, ngay trong một đời này sẽ vào Quả vị bất thối, được sinh về cõi nước Hoan hỷ”. Sau khi tỉng mộng ngài cùng xưng niệm. Đến lúc lâm chung, ngài bảo cùng đại chúng rằng: “Nay Tôi vãng sinh về cõi nước Hoan hỷ vậy”.

22- Cảm ứng của vị Bà-la-môn ở Thiên Trúc tu tạo Tôn tượng Đức Phật Dược Sư mà người con được kéo dài tuổi thọ năm mươi (Rút từ Tam bảo ký).

Xưa kia tại Thiên Trúc có vị Bà-la-môn vốn giàu có mà không con nối dõi, nên thỉnh cầu ở trời Tự tại, người vợ bèn mang thai, khi đủ chín tháng sinh được một đứa con trai, nhan sắc đoan chánh, mọi người đều quý mến. Bấy giờ có một vị Ni tên là Càn Thiện trông xem tướng, vừa thấy liền không vui mà bảo rằng: “Đứa trẻ này có các tướng chưa đủ để kế thừa gia nghiệp, thọ mạng chỉ ngoài hai tuổi”. Vợ chồng vị Bà-la-môn đó nghe thế sinh buồn rầu như trúng phải tên độc. Vị Bà-la-môn

đó ngày trước có người bạn thân xuất gia làm Sa-môn rất thông rành bí ảo, đến thăm, hỏi về nghuên nhân, vị Bà-la-môn đó đem đầu đuôi sự việc trên mà nói. Vị Sa-môn ấy bảo: "Ông nên y theo Phật của bảy Đức Phật mà tu tạo Tôn tượng Đức Dược Sư Như Lai, và nên đúng như pháp mà cúng dường ". vào ngày trai đầu tháng, Bà-la-môn đó y theo pháp thức mà cúng dường, đến đêm, ông mộng thấy có một người mặc y phục khác lạ đội mũ sắc đỏ từ trong minh Đạo cưỡi ngựa sắc xanh tay cầm cái thẻ đến bảo rằng: "Ngươi y theo pháp của bảy Đức Phật, tu tạo Tôn tượng Đức Phật để cúng dường, con của ngươi sẽ được kéo dài tuổi thọ năm mươi năm!" Về sau quả như mộng ấy vậy.

23- Cảm ứng của Linh tượng Đức Phật Dược Sư do một người thuộc giòng họ cao quý phụng thỉnh mà được giàu sang.

Tương truyền xưa kia tại Thiên Trúc có một người thuộc giòng họ cao quý nhưng rất nghèo khổ, thường ngày chỉ xin ăn để tữ sống. Người ấy đến trong thành ấp thảy đều đóng cửa. Mọi người đều gọi những người ấy là Đóng cửa. Do đó, người ấy thường tự buồn thương sang đến trước Tôn tượng Đức Phật Dược Sư ở trong chùa đi nhiểu quanh theo phía hữu Tôn tượng Đức Phật, chí tâm sám hối lỗi quá, bỏ ăn suốt năm ngày. Như trong mộng từ Tôn tượng Đức Phật lưu xuất thân hình xinh đẹp tợ Tôn tượng nhỏ, bảo người ấy rằng: "nghiệp chướng xưa trước của ngươi đã diệt, ắt sẽ được giàu sang, ngươi nên rõ về nơi vườn nhà xưa cũ của cha mẹ đã ở," Sau khi tĩnh rõ lời đó, người ấy bèn trở về đến vườn nhà xưa cũ, thành quách đều đã hư hoại, chỉ còn sàng cột gỗ cũ mục nát. Tin theo lời bảo độ, người ấy ở đó hai ngày dùng gậy moi đào đất, tự nhên kho tàng hiển hiện đó là của cải của cha mẹ người ấy cất giấu. Nội trong một năm, người ấy liền được giàu sang. Đó tức là nương nhờ Phật lự c vậy.

24- Cảm ứng của người nghèo khổ dùng một văn tiền Đồng cúng dường Tôn tượng Đức Phật Dược Sư mà được giàu sang. (Rút từ Minh Bảo ký).

Trong thời Tiền Đường, tại Biên Châu có một người nữ nghèo khổ, cô độc tự sống, trong nhà chỉ có được một văn tiền Đồng, người nữ ấy suy nghĩ rằng: "Một văn tiền này không thể đủ làm vốn liếng của một đời, Ta nên cúng dường Tôn tượng Đức Phật". Và liền sang trong một ngôi chùa để cúng dường Linh tượng Đức Phật Dược Sư. Qua sau bảy ngày ở huyện gần đó có một nhà rất giàu sang, người vợ của ông

ta sớm qua đời, lại muốn tìm cưới một người nữ khác, đã lâu mà không được vừa ý, bèn đến thỉnh cầu nơi Tôn tượng đồng ở chùa ấy. Mà có được cảm mộng báo lấy người nữ nghèo khổ ấy làm vợ, cùng được hưởng phước thọ. về sau sinh được ba người con trai và hai người con gái. và đều cho đó là nhờ Phật lực vậy.

25- Cảm ứng của một người phá giới xưng niệm danh hiệu Đức Phật Dược Sư mà giới pháp được trở lại thanh tịnh.

(Rút từ Thượng Thống Pháp Sư truyện).

Xưa kia có một vị Tỳ Khưu sang Tây vức muốn thưa hỏi về nguyên do Đắc giới. Khi đã đến Thiên Trúc, vừa gặp một vị A-la-hán, vị Tỳ-kheo ấy liền thưa hỏi về việc Tăng vi đắc giới và không đắc giới. Vị A-la-hán ấy bảo: "Ta là Thánh giả Tiểu thừa không biết về giới của Bồ-tát Tăng Ni v.v... có đắc chăng! Và Vị A-la-hán ấy liền nhập định lên trời Đâu-suất kính hỏi đức Di Lặc". Và vị A-la-hán ấy liền nhập định lên cõi trời hỏi đầy đủ về Tăng Ni và đắc giới cầu xin linh nghiệm. Đức Di Lặc liền trao cho một hoa vàng ròng và bảo rằng:"Nếu Tăng ni ở Biên địa nắm lấy hoa vàng ròng này đặt vào lòng bàn tay A-la-hán không thể chẳng vào được".. Vị A-la-hán ấy khi đã phát tâm xong, có được hoa, đặt để vào trong lòng bàn tay, hoa hiển hiện cao một thước. Lấy đó làm ứng nghiệm. Vị A-la-hán ấy lại hỏi: "Nếu người đã thọ giới lại bị huỷ phạm thì phải làm thế nào để giới pháp được trở lại thanh tịnh?" Đức Di Lặc đáp: "Nếu theo pháp của Thanh văn thì đã phạm Tánh giới, ngay hiện đời nay khó được trở lại thanh tịnh. Còn theo pháp đại thừa thì việc ấy không khó. Ở phương đông có cõi nước tên là Tịnh Lưu Ly, Đức Phật hiệu là Dược Sư, với sức bản nguyện của Đức Phật ấy thì người phá giới xưng niệm danh hiệu của Đức Phật ấy hẳn được trở lại giới pháp thanh tịnh vậy". Sau khi nghe xong, vị Tỳ-kheo ấy nói lại sự việc đó, mọi người nghe được đều tin nhận vậy.

26- Cảm ứng của Tôn tượng Đức Phật Dược Sư do Hạ Hầu Quân tu tạo mà được thoát khỏi tội. (Rút từ Linh Ứng Ký).

Hạ Hầu Quân vốn người xứ Dõng Châu. Năm Hiển Khánh thứ hai (657) thời Tiền Đường, cảm mắc bệnh nặng trả qua hơn bốn mươi ngày hôn loạn chết ngất, tự bị phối hợp làm thân trâu, bèn cầu xin rằng: "Từng trải qua ba lần chỗ Âm Sư thọ giới và gần thọ trì Kinh Dược Sư, tự tu tạo Đức Phật. Tự xét biết mình không có lỗi quá cớ sao bị sai làm thân trâu nhận chịu khổ như vậy." Hạ Hầu Quân đã bị phối hợp vào ma

phường,trải qua hai mươi bốn ngày nhận chịu khổ sai, sau vì xét về các sự thọ giớiv là có thật không hư dối, mới được thoát khỏi khổ. Sau khi sống lại kể rõ sự việc ấy vậy.

27- Cảm ứng do Đức Phật Dược Sư Như Lai cứu khổ sản nạn.

(Rút từ Dược Sư nghiệm Ký).

Tại Truy Châu có một người phụ nữ mang thai qua mười hai tháng mà không sinh nở được, thân mình khổ nhọc cốt tuỷ đau nhức cất tiếng khóc than. Sau đó nghe theo lời chỉ dậy của Sa-môn Mại Công mà xưng niệm danh hiệu Đức Phật Dược Sư, bèn mộng thấy Đức Phật tự đến cứu giúp, lại càng kính tin xưng niệm, mọi khổ đau tạm dứt, sinh được người con trai, mọi người đều cho là việc hiếm có vậy.

Cảm ứng của thân thuộc trong gia đình Tư Mã ở Ơn Châu nội trong một ngày tu tạo được bảy Tôn tượng Đức Phật Dược Sư. (Rút từ Linh Ứng Ký).

Tư mã ở Ôn Châu cảm mắc bệnh lâu ngày, suy hư sắp muốn qua đời, mọi người thân thuộc và tôi tớ đều nhóm tập tại nhà mà khóc than. Tư Mã đã chết trải qua một ngày. các người trong thân thuộc có sự nhận biết, bèn chỉ tâm quy ydp Dược Sư cầu nguyện ứng cảm diệt trừ bệnh khổ. Chỉ trong một ngày tu tạo bảy Tôn tượng Đức Phật Dược Sư, y theo pháp mà cúng dường. Qua đến nhày thứ hai, Tư Mã sống lại kể rằng: “Lúc ta vứa ra khỏi nhà bị ba người minh quan trói buộc dẫn qua con đường tối tăm, không có người nào đi theo. Đến trong một thành thấy có tòa cao, thần đội mũ ngọc đều ngồi, phía trước đều có cả ngàn người đều bị xiềng xích. Tôi hỏi kẻ sứ: “Đó là ai?” Kẻ sứ đáp: “Đó là vua Diêm-ma vậy. Đã đến lúc xứ trị tội ngươi”. Khi ấy. vua Diêm-ma gọi tôi lại hỏi:”ông có là được việc Thiện nào chăng?” Tôi đáp: “Tôi chưa trọn chí ý mà đã sớm chết”. vua bảo: “Ngươi có lắm tội ác nhất định không thể thoát khỏi Địa ngục “. Khi ấy bỗng nhiên có ánh sáng khác lạ soi chiếu trên thân Tôi, vua nhận biệt mà bảo rằng: “Thân thuộc và Tôi tớ của ngươi tu tạo bảy Tôn tượng Đức Phật, nên ngươi được kéo dài tuổi thọ mạng. Ngươi hãy sớm trở về lại nhân gian.” do nhân duyên ấy mà Tư Mã sống tỉnh lại.

29- Cảm ứng của người tu tạo Tôn tượng Đức Phật Tỳ Lô Giá ma mà được phải trừ chướng nạn.

(Rút từ Thường Mẫn Ký và Du Thiên Trúc ký).

Sa-môn Thích Thường Mẫn phát nguyện tìm cách Thánh Tích,

vân du đến Thiên Trúc, một ngày nọ đến xứ Trung Ấn Độ qua nước Bích Sách ca, tại đường phía nam thành Vương Xá, hai bên đường đều có tạo dựng tinh xá cao hơn hai mươi trượng, bên trong tinh xá có Tôn tượng Đức Phật Tỳ Lô Giá Ma rất mực linh nghiệm, phàm có mong cầy gì thảy đều như ý. Nghe về nguyên do của Tôn tượng từ xưa trước là: "Xưa nay tại nước ấy, quỷ thần nhiều loạn, dân chúng hoang phế, có một Ni Càn Tử khéo giỏi về Chiêm sát, vua trong hò muốn đoán biết sự hoang phế của nước nhà. Ni Càn Tử ấy đưa thẻ ấn xuống đất mà bảo rằng: "Hoang thần loạn khởi các chướng nạn, phải kết quy về Đại thần mới an ổn". vua ấy là người thọn minh thấu đạt quy tông, biết Đại thần trong các thần không ai bằng Đức Phật, nên liền tu tạo Tôn tượng Đức Phật Tỳ Lô Giá ma ấy tôn trí tại các Tịnh xá hai bên, ở phía tả thì thuần toàn bạc trắng và đều cao hai mươi trượng thường ngày lễ bái cúng dường,từ đó phô bày Đồng tử Dạ xoa xua đuổi Hoang thần ác quỷ ra khỏi cõi nước, mới không các chưởng nan vậy.

30- Cảm ứng của Thánh vô Động Tôn tự xưng là Vô Giá đà Bà. (Rút từ Bí mật ký).

Xưa kia tại Nam Thiên Trúc có vị Thiên tử, nhàm chán thế tục mà xuất gia hành trí hoằng dương chánh pháp, đọc tụng Kinh Thánh Vô Động minh vương, riêng bước nơi đồng hoang, minh vương hiện hình cùng làm bạn, tự xưng là Vô Giá Đà Bà phụng thờ người tu hành giống như Đệ tử Đức Thế Tôn cung phụng Đức Thế Tôn, khăn lụa buộc trên vai tôi, ấy là tiêu biểu cờ hiệu vậy.(Đà Bà, Trung Hoa dịch nghĩa là tôi tớ, không dùng tiền xâu xỏ gọi là Vô giá, trên vai buộc khăn là tiêu biểu cho sự khác lạ. Thánh vô Động Tôn nhận là việc sai sử của người khác, tuỳ theo mà làm. tương tợ như không dùng tiền mua tôi tớ. Nay tự buộc khăn là tiêu biểu kẻ tớ vô giá, nói tự xưng không thể sai lầm vậy.

31- Cảm ứng của Sa-môn Thích Hàm Chiếu đồ tả ngàn Tôn tượng Phật (Rút từ Tự Ký).

Trong thời Tiền Đường, tại chùa Hưng Thiện có Sa-môn Thích HÀm Chiếu phát nguyện đồ họa Tôn tượng ngàn Đức Phật, vứa mới đồ họa được Tôn tượng bảy Đức Phật, không biết còn lại chín trăm chín mươi ba Đức Phật oai nghi thủ ấn như thế nào mới tinh thành cầu thỉnh rơi lệ sám hối lỗi quá, mộng thấy chín trăm chín mươi ba Đức Phật hiện hình trên lá cây, nên vui mùng đồ tả lưu bố nói đời vậy.

32- Cảm ứng của Thai tạng mạn Trà La tương truyền.

Đức Tỳ Lô Giá ma Như Lai giảng thuyết Đại bi Thai tạng Mạn đà La cứu hộ hết thảy chúng sinh, ngài Kim Cang thủ truyền nhận Phật dạy trải qua vài trăm năm sau bài truyền trao cho Ngài Đạt ma Cúc Đa ở chùa Thế Vô Yểm tại Trung Ấn Độ. Ngài Đạt Ma Cúc Đa kính cẩn hoằng truyền phó chúc cho Sa-môn Thích Thiện vô uý là con cháu đời thứ năm mươi hai của vua Hộc Phạn. Đến năm Khai Nguyên thứ bảy (713) thời Tiền Đường, từ Tây vức ngài Thiện vô uý đem Đồ Ấn Mạn Đà La đến Trung Hoa. Dưới thời vua Huyền Tông (Lý Long Cơ 712-756). Ngài Thiện Vô Uý là Quốc sư, phiên dịch Đại Giáo Đại Mạn Đà La, thiết lập Đại Đán Trường, chư Tôn tòa phóng ánh sáng, trời mưa hoa nhỏ nhiệm mà cúng dường. Với sự cảm ứng ấy không thể ghi chép một cách đơn thuần.

33- Cảm ứng của Kim Cang giới mạng Đà La truyền hoằng.

Xưa kia, Kim cang Tát đoả thân gần trước Đức Phật Tỳ Lô Giá ma thọ nhận pháp nghĩa Kim cang giới Đại Mạn Đà La, vài trăm năm sau lại hoằng truyền cho Bồ-tát Long Mảnh. Lại qua vài trăm năm sau, ngài Long Trí mảnh lại truyền trao cho ngài Long Trí. Ngài Long Trí cẩn trong truyền trì như bình đựng đầy nước mà chuyển dời, lại truyền trao đến ngài Kim Cang Trí. Ngài Kim Cang Trí vốn người ở nước Ma Lại Da thuộc nam Ấn Độ, theo duyên mà vẫn du tuỳ xứ mà làm lợi ích quần sinh, nghe tại nước Trung Hoa, Phật giáo hưng thạnh, nên theo đường thuyền ngài đến phương đông có thể đến được bờ biển. Đến năm Khai Nghuyên thứ tám (720) thời tiền Đường, ngài Kim Cang Trí mới đến Kinh Ấp, từ đó rộng hoằng truyền Bí mật giáo, Kiến lập Man Đà La y cứ theo pháp mà làm thành, đều cảm các điềm ứng vậy.

34- Cảm ứng của sự kiến tạo Kim Cang giới Quán Đảng Đạo tràng cầu mưa mà được (Rút từ Kim Cang Trí truyện).

Xưa kia, Hòa thượng Tam Tạng pháp sư Kim Cang Trí vào năm ba mươi mốt tuổi, ngài sang nam Thiên Trúc theo ngài Long Trí thọ học Năm Bộ Quán Đảnh các tạng Bí mật rồi trở vế lại Trung Thiên Trúc. Sau đó tại nam Thiên Trúc suo61t ba năm nắng hạn, cây cỏ đều khô chết, vua xứ đó sai sứ đến nghinh thỉnh ngài vào ngay trong cung Kiến lập Kim Cang giới Quán Đảnh đạo tràng để cầu mưa. Khi ấy, nước mưa đượm nhuần, vua toi thảy đều mừng vui, bèn vì ngài mà tạo lập chùa, đem thờ Kinh pháp vậy.

35- Cảm ứng của sự lễ bái Kim Long giới Đại mạn Đà La Đồ (Tân lục).

Tương truyền rằng: tại Tân Châu có một người nữ goá bụa, ngu si không có niềm tin, không biết nhân quả. Đến lúc năm mươi bảy tuổi cảm mắc bệnh tật mà qua đời, trong thấy mọi xự, sau sáu ngày sống lại, người ấy rơi lệ vật vả thân mình mà tự trách lỗi quá. Mọi người thấy lạ bèn hỏi về nguyên do, người nữ ấy đáp rằng:"Tôi thấy những sự hiếm có, chẳng thể nghĩ bàn. Lúc đầu mới chết vào nơi Địa ngục sắt lửa, bị ném vào trong Địa ngục, nơi ngục có người tâm tâu cùng vua, vua bèn kiểm xét ở một quyển sách mà nói rằng:"Người nữ này ngày trước đến nơi thất Hòa thượng Biện ngôn Hoằng lễ bái Kim Cang giới Đại mạn Đà la Quán Đảnh Đạo Tràng. Chỉ do công sức ấy nên ngươi chẳng phải là người sinh tử, hãy sớm trở về nhân gian". Thấy sự việc ấy rồi được sống lại, nhân đó mà phát tâm tu hành vậy.

36- Cảm ứng của sự xưng niệm các Tôn tượng ở Thai Tạng Đại mạn Đà La. (Tân Lục).

Tương truyền rằng: "Sa-môn A Xa Lệ Huệ ứng ở chùa Đại Hưng Thiện truyền pháp Quán Đảnh, có một vị Sa Di từ năm bảy tuổi theo phụng thờ Hòa thượng. Sau bảy năm, nhân có Phật sự. Vị Sa Di ấy nương nhất tâm xưng niệm Thánh chúng Thai tạng mà cầu nguyện rằng: "Xin Đại chúng trong Hải hội Khởi Tâm Đại Bi, khắp cứu mọi người cùng thuyền bị đắm chìm". Bèn như mộng thấy giữa Hư không Thánh chúng đông nhiều như sao toả phóng ánh sáng. Thân mình vị Sa Di ấy bỗng ở tại trên bờ, hơn năm mươi người kia chẳng bị đắm chìm mà ở đồng một chỗ, trong đó hơn hai mươi người nói là có thấy Thánh chúng giữa hu không. Nên biết sức lực cứu nạn chẳng thể nghĩ bàn vậy.

37- Cảm ứng của Xá-Lợi Đức Phật ở đời vua Minh Đế thời Hậu hán (Rút từ Hán Phật nội truyện v.v...).

Vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76). thời Hậu hán hoằng dương Phật pháp xây dựng chùa Viện. Bây giờ từ Tây vức đem lại năm viên Xá Lợi, năm sắc đặt để giữa không trung, xoay chuyển như lọng, ánh sáng chói ngời khuất lấp cả mặt nhật.

38- Cảm ứng khi thời nhà Ngô bao vây chùa cấm bắt chư Tăng mà Xá Lợi hiện nổi toả phóng ánh sáng trên Bình Bát. (Rút từ Dị Lục Tuyên Nghiệm Ký).

Khi Tôn Hạo (Quy Mệnh Hầu 264-280) thời đông Ngô có được ngôi vua, Chánh giải tấu trình sự việc mà nói rằng: “Phật pháp nên cảm ứng tại Trung Quốc chỗ liệt bày đồng như các vị thần ở nước Hồ”. Tôn Đạo bèn ban sắc chiếu nhóm tập các vị Sa-môn, dàn bày quân lính bao vây chùa, muốn thực hành việc giết phá. Nói cùng Phật sư Khương Tăng Hội rằng: “Phật mà như thần thì nên Kính sùng đó, còn như Phật không có oai linh, thì Hắc y cùng một ngày đồng với mạng chúng Tăng”. Khi ấy, hoặc có người tự quyên sinh, hoặc có người trốn bỏ ra ngoai. Ngài Khương Tăng Hội mới cầu xin thiết trai cầu hiện oai thần, dùng một bình bát bằng đồng đựng đầy nước đặt để trong sân. Sau khoảng bữa ăn bỗng chốc thấy có ánh sáng toả chiếu và trong bình bát giữa sân có tiếng soang soảng, bỗng thấy có Xá Lợi chiếu sáng nơi thềm cấp phòng nhà, nổi trên Bình Bát. Tôn Đạo và Đại Chúng đến trông xem trước, kinh nhạt mất cả thái độ bình thường, rời khỏi chỗ ngồi đổi sắc mặt mà bước tới, Ngài Khương Tăng Hội nói: “Bệ hạ hãy bảo người có sức rất mạnh khoẻ dùng chày bằng chất Kim cang nặng trăm cân để đánh, trọn chẳng thể phá hoại được”.Tôn Hạo bèn y theo lời ấy mà cho rằng trước Kinh bái là bái, rải hoa thiên hương mà xướng cao lời rằng:”Thật là dấu vết Quân Từ Thị đến bờ chưa dứt, thì bánh xe chánh pháp vẫn còn xoay chuyển in dấu vào trong đường tối, oai thần chẳng thiếu ngầm hiện. Ngày nay nếu chẳng như thế thì Tam bảo hẳn dứt mất.” Nói lời ấy vừa xong thì cháy nơi Quân sĩ bỗng nhiên nổi gió. Mọi người trông xem thảy đều Kinh sợ đến ngưng thở, chày vỡ nát mà Xá Lợi chẳng tốn hại gì. Ánh sáng từ chày toả phóng ngời sáng khắp đầy. Tôn Hạo bèn khâm phục chử thành khuyên thiết lập trai giảng, xây dựng tháp đá tại phía Bắc chợ lớn Kiến Đường, sau vẫn còn toả phóng ánh sáng tốt lành. Đến mùa thu năm Nguyên gia thư mười chín (442) thời tiền Tống, vào nửa đêm nơi chùa toả phóng ánh sáng, trên sông phát nên hình thể tươi đẹp, có ánh sáng lửa khác lạ khiến trên bốn tầng từ phía tây nhiểu quang đến phía nam. Lại vì lửa thiêu đốt nên ánh sáng nhảy vọt lên trên hóa làm hoa sen lớn. Mọi người bèn phát sinh niềm tin, mới về lập chùa đề hiệu là kiến Sơ, đổi tên đất tại chỗ ấy gọi là Đất Phật vậy.

39- Cảm ứng của Đường A Đắc kiến Tạo Tháp được phóng thả sống lại.

Đường A Đắc bị chết, ba ngày sau sống lại kể rằng: “Lúc đầu vừa chết, có hai người đến cắp nách và một kẻ sứ lại cưỡi ngựa trắng đến xua đuổi, không biết đi được mấy dặm, thấy phía Bắc có lửa tối

đen mà vào, lại thấy ở phía đông có cửa tối đen mà vào, thấy phía nam có cửa tối đen rồi đến phía bắc vào thấy có hơn bảy mươi rường nhà thảy đều có người ở, mặc áo sắc đen đội mũ rồng, bên cạnh có hơn hai mươi kẻ lại nói đều nói là Phủ quân. Phía Tây nam lại có bốn mươi kẻ lại. Đường A Đắc bèn giả từ Phủ Quân trước. Phủ Quân hỏi: "Ông phụng thờ gì?" Đường A Đắc trả lời rằng: "Khi ở nhà dựng xây bảo Tháp chùa chiền,cúng dường Đạo nhân". Phủ Quân nói: "Ông là người có phước đức lớn". Và bèn hỏi quan sứ Đô Cục rằng: "Người này thọ mạng đã hết chưa?" Thấy nắm một quyển sách đặt để nơi Án, chữ viết rất nhỏ đề rằng: "Tuổi thọ còn thờ ba mươi lăm năm". Phủ Quân tức giận bảo: "Kẻ sứ nhỏ này dám vội cướp đoạt mạng người". Liền sai bắt kẻ sứ cưỡi ngựa trắng trói vào nơi trụ phạt đánh trăm trượng, máu me đổ chảy lan tràn. Rồi hỏi Đường A Đắc rằng: "Ngươi muốn trở về lại chăng?" Đường A Đắc đáp: "Muốn vậy". Phủ Quân nói:"Nay nên đưa ông trở về, muốn tiện khiến ông xét xem các Địa ngục". Liền cấp cho một con ngựa và một người, từ phía đông bắc mà đi ra không biết bao nhiêu dặm, thấy một thành vuông vài mươi dặm, nhà cao khắp đầy thành, nhân thấy họ chưa phụng thờ Phật. Khi ấy vợ chồng người bác và vợ chồng người chú đã qua đời đều mặc y phục thần vức rách nát, thân hình tan hoại máu me lan tràn. Đi thẳng đến trước lại thấy một thành, trong đó có dùng giường sắt đặt để ở trên, đốt giường cháy đỏ, có đến mười ngục, mỗi mỗi đều có sự khổ sở độc hại, ngục tên là cát đỏ, cát vàng, cát trắng, bảy loại cát như thế có cây dao kiếm muốn cột đồng cháy đỏ. Khi ấy bèn đi nhanh. Lại thấy có bảy mươi hai gian nhà, cặp theo đường đi đều trồng cây hoè gọi đó là nhà Phước. Các Đệ tử Phật ở trong đó, người nhiều phước thì sinh lên các cõi trời, người thiếu phước thì sống ở nhà ấy. Xa thấy một Đại Điện có hơn hai mươi gian, có một người nam vì hai người nữ từ trên Đại Điện đi xuống, là sau khi Đường A Đắc phụng thờ Phật, vợ chồng người bác đã qua đời chỉ phút chốc gặp gỡ, người lại hỏi Đường A Đắc rằng: "Một thành vuông vài mươi dặm khắp cùng, vậy có biết ta chăng?" Đường A Đắc nói: "Không biết". Lại hỏi: "Cớ sao ngươi không biết ta? Ta cùng ngươi làm chủ nhà Phật". Khi ấy bèn cười mà nhớ lại đó. Về đến chỗ Phủ Quân, kiền sai hai người trước đưa Đường A Đắc trở về, gấp khiến sống lại vậy.

40- Cảm ứng của Sư Đầu chưa đến chỗ hành hình mà sao bèn tự gãy mất (Rút từ Tuyên Nghiệm ký).

Ở Vinh Dương có Cao Cẩu tuổi đã năm mươi là người giết hai bị

bắt xiềng xích nơi cổ trong nhà tù khác, thân phận hẳn phải nhận chịu chết. Có người đồng ở trong tù khuyên: "Nên nổ lực đọc tụng Kinh Quán Thế Âm". Cao Cẩu nói: "Tội tôi rất nặng phải chịu chết, chẳng có đâu mà có thể thoát khỏi". Lại có người cùng bị giam cấm khuyên bảo, nhân đó Cao Cầu bắt đầu phát tâm, thệ nguyện sẽ bỏ ác làm lành. Và khuyên xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm, chẳng gian vội vàng. Nếu như được thoát khỏi thì nguyện sẽ tạo dựng tháp Phật cao năm tầng. Xả thân làm kẻ tôi tớ để cúng dường chúng Tăng. Chỉ mới dụng tâm trong mười ngày mà gông cùm tự cởi mở, quan coi ngục tù kinh sợ, nói cùng Cao Cẩu rằng: "Nếu được Phật thần thương xót ông thì tạm nên thoát khỏi chết". Đến ngày hành hình dao vừa giất lên chưa hạ xuống mà tự nhiên dao nhọn gãy mất, quan sứ tâu trình nên được thoát khỏi.

41- Cảm ứng của thần Miếu dâng cúng vải lụa để Sa-môn An Thế cao kiến thọ tạo bảo tháp mà được thoát khỏi thân hình trăn rắn.

Sa-môn An Thế Cao là thái tử con vua nước An Tức rất hết lòng du phươnghoằng hóa. Trên đường sang Dự chương, đến hồ Cung đình, vào miếu, Thần miếu nói cùng ngài rằng: "Xưa trước ở ngoại Quốc. Tôixuất gia làm đạo nhân, ưa thích thực hành bố thí mà chẳng trì Giới, nên ngày nay sinh làm thần ở Hồ Cung Đình này. Chung quanh trong vòng ngàn dặm đều đặt dưới sự cai quản của tôi, trăm họ dâng cúng nọi thứ quý báu vô số, đó là quả báo do đời trước của tôi tự tổn mình để lợi người vậy. Nếu như hay hình trì giới pháp cùng với phước ấy hẳn sinh ở cõi trời, nhưng vì huỷ phạm giới pháp nên bị đoạ làm thần ở trong đây. Đại Sư là bạn đồng học của tôi ở ngày xưa trước, nay được gặp gỡ, mọi điều buồn vui có thể cùng tỏ bày vậy. Thọ mạng của tôi sắp hết chỉ trong sớm tối mà thân hình to lớn xấu xí, nên tôi không muốn xả bỏ báo thân nơi đây khiến bẩn dơ nước Hồ. Tôi sẽ vượt qua núi phía tây ở giữa đầm trống để xả bỏ thân này, Nhưng sợ Tâm thức sẽ xa đoạ vào Địa ngục, tôi có ngàn xấp lụa quyên hiệu để trong hộp đá và các thứ tạp vật. Đại sư có thể vì tôi. Lấy đó mà xây dựng Bảo tháp cúng dường Tam bảo, ngỏ hầu sau khi qua đời tôi được sinh về cõi đất lành. Rất lấy làm mong mỏi nương cậy vậy." Ngài nghe thế, buồn khóc lưu luyến, bèn bảo cùng thần rằng: "Sao chẳng thấy thân hình mặt mũi mà cùng đối đáp ư?" Thần đáp: "Do vì tội huỷ phạm giới nên thân hình tôi rất xấu xí. Sợ trông thấy hẳn sẽ khiếp sợ". Ngài bảo: "Hãy cứ tạm hiện thấy, thân tôi đây không khiếp sợ vậy." Thần bèn từ phía sau sáng ló đầu ra thì là thân rắn lớn đến bên đầu gối của ngài, lệ đổ như mưa. Không biết

đuôi trăn dài ngắn đến bao nhiêu, bỗng chốc liền ẩn mất sau sàng. Khi ấy ngài gom lấy lụa quyên và mọi vật mà thối lui, đặt để vào thuyền rồi cùng giả biết. Cùng với đồng bạn vượt thuyền tiến tới, trên đường lại thấy thần phô bày thân hình rắn bò lên đảnh núi mà vượt qua xa,mọi người đều hua tay cùng từ biệt. Chốc lác bèn đến sự chương. Và ngài ở tại xứ ấy xây dựng chùa chiền. Thần vượt phía Tây núi xả bỏ thân mạng. Đầu đuôi cùng cách nhau hơn bốn mươi dặm. Nay đó tức là Xà Thôn (Làng Rắn) ở quận Tầm dương vậy. Ngài dùng các vật khác ở trong miếu thần đến báo là" : Do nhờ Đại sư tu tạo phước mà thần được thoát khỏi thân rắn vậy".

42- Cảm ứng của trưởng Giả Tu Đạt tỉnh đo đất xây dựng tinh xá.

Trưởng giả Tu Đạt cùng ngài Xá-Lợi-Phất sang tình do đất xây dựng tinh xá. Tự tay trưởng giả đưa một đầu dây cùng tỉnh đo xây dựng tinh xá.Khi ấy tự nhiên ngài Xá-Lợi-Phất mỉm cười. Trưởng giả hỏi rằng: "Cớ sao Tôn giả mỉm cười vậy?" Ngài Xá-Lợi-Phất bảo: "Ông chỉ mới ở tại chỗ đất này, mà cung điện trong cõi trời Lục Dục đã hoàn thành vậy. Nhưng sức Đạo nhãn tôi thấy cả thảy sáu cõi trời trang nghiêm các Điện Báu". Trưởng giả hỏi ngài Xá-Lợi-Phất rằng: "Trong sáu cõi trời, nơi nào là vui thú An Lạc nhất?" Ngài Xá-Lợi-Phất bảo: "Dưới ba cõi sắc nhiễm, trên hai cầu vượt qua, ở trong cõi trời thứ tư, là nơi ít ham muốn biết đủ, thường có các Bồ-tát trong một đời sẽ được Bổ xứ làm Phật đến sống tại đó, ngôn từ giáo pháp luôn tuyên giảng không ngừng dứt. Trưởng giả nói:"Tôi sẽ sinh vào trong cõi trời thứ tư". Nói vừa xong, các cung Điện khác đều ẩn mất chỉ còn cung Điện của cõi trời thứ tư vẫn trạm nhiên vậy.

43- Cảm ứng của chỗ đất xây dựng tinh xá sau khi Đức Phật diệt độ.

(Rút từ Thiên Thỉnh Vấn Ký và Quang Mẩn Bồ-tát Kinh).

Xưa kia, khi Đức Phật ở tại tinh xá Kỳ Hoàn, ngài toả phóng ánh sáng lớn soi chiếu khắp ba ngàn Đại Thiên Thế giới đến trăm ức xứ trời đất. Không chỗ nào chẳng thấu suốt như vật trong lòng bàn tay. Bấy giờ trong Đại chúng có trăm ức vị như ngài Xá-Lợi-Phất v.v... làm Thượng Thư. Ở trong ánh sáng ấy thấy trăm ức bốn Thiên hạ, cõi đất thuần bằng vàng ròng, nơi nơi khắp cùng, ánh sáng của Đức Phật phân tán dừng ở chỗ đất vàng ròng không thâu lấy lại. Qua thời gian lâu, cư sĩ Tu Đạt từ

chỗ ngồi đứng dậy chấp tay bạch cùng Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, cớ sao ngày nay Đại Chúng con v.v... đây thấy trong thế giới tạp nhiễu nơi nơi đều có đất vàng ròng như khắc chạm.? Cớ sao Đức Thế Tôn phân tán ánh sáng dừng ở nơi nơi vàng ròng mà không thâu lấy lại?" Đức Phật dạy: "Sau khi ta nhập Niết-bàn, lúc phân các thời chánh pháp tượng Pháp và Mạt Pháp, các hàng Thiện nam tín nữ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni, Quốc Vương, Trưởng giả, Đại thần, nhân dân, do oai thần của Phật mà nói các xứ ấy dựng xây chùa chiền, chỗ ở của ánh sáng ngày nay là nơi đất vàng ròng ấy vậy. Bốn Bộ Đệ tử ấy do công đức ánh sáng Bạch hào của ta phân tán nên làm được mọi Phật sự, công đức có được so với ông thật không khác lạ.Thứ nữa lưu lại ánh sáng Bạch hào, tuy ta nhập Niết-bàn nhưng vẫn thường trú bất diệt. Trong tương lai, lúc hưng khởi, rất vì chiếu sáng theo miệng của thế chủ vào ờ trong cõi lòng tấc vuông, dần dần chiếu lắng trong sinh tử, nhất định không còn sa đoạ trong bốn đường xấu ác, hẳn sẽ thành Phật. Cõi báu vàng ròng, như Văn Thù Sa Lơi v.v... tuy có lợi ích đó. Bốn bộ Đệ tử thường ngày hường dụng mà trọn không hay biết vậy.

44- Cảm ứng của vị Sa Di dùng gậy trượng mở rộng tinh xá, làm vách phên bằng gỗ mả được kéo dài Thọ mạng.

(Rút từ Tây vức tạp kỳ).

Xưa kia, tại nước Kế Tân có một ngôi tinh xá, Tăng chúng có hơn ba trăm vi, Sa Di có hơn hai mươi vị. Trong đó có một vị Sa Di nhỏ nhất, tuổi mới mười ba, các vị Thượng Toạ sai bảo làm việc của chúng Tăng. vị Sa Di ất chẳng hề trái phạm. Bấy giờ có một vị Ni càn Tử rất khéo giỏi đoán tướng thấy vị Sa Di ấy mà bảo rằng: "Tuổi thọ của ông còn hơn hai năm nữa". Vị Sa Di ấy nghe vậy trong lòng rất khiếp sợ. Trãi qua thời gian sau một mùa hạ. Ni Càn Tử đó trông thấy lại vị Sa Di ấy mà bảo rằng:"Thật không thể nghỉ bàn! Không thể nghĩ bàn, rất là hiếm có, tuổi thọ của ông đã kéo dài đến năm mươi tuổi, ông có pháp thuật kỳ diệu gì vậy?" Vị Sa Di ấy đáp:"Trọn không tu pháp gì để kéo dài Thọ mạng". Ni Càn Tử đó bạch Thượng tọa. Thượng tọa là bậc Đại A-la-hán chứng đạt Tam minh, vào Định Biên Tế, quản xét biết về nhận duyên, nên sau khi Xả Định, bảo cùng Ni Càn Tử rằng: "Vào đầu hạ, chúng Tăng tạo dựng vách phên Thích-ca, vị Sa Di ấy dùng một cây gỗ nhỏ tức nắm chiếc gậy xưa cũ gia thêm vách phên, do nhân duyên ấy nên tuổi thọ kéo dài đến năm mươi năm vậy.".

45- Cảm ứng của sự phẩy quét tinh xá mà được sinh lên cõi trời.

Xưa kia, khi Đức Phật Như Lai còn tại thế, bấy giờ có một người trời xuống đến tinh xá Kỳ Hoàn. Đức Phật vì người ấy mà giảng pháp Tứ Đế, Người ấy chứng đắc pháp nhãn Tịnh. Ngài A-nan bạch hỏi Đức Phật về nhân duyên Phật dạy: "Sau khi Trưởng giả Tu Đạt tạo dựng tinh xá rồi, sai bảo một kẻ Tôi tớ quét trước sân chùa, sửa sang đường sá. Do căn lành đó mà kẻ Tôi tớ ấy được sinh lên cõi trời Đao-lợi, nay đến nghe giảng pháp mà chứng đắc pháp nhãn tịnh vậy.

46- Cảm ứng của sự ở nơi chỗ đất vườn nhà cũ của cha mẹ mả kiến tạo tinh xá.(Rút từ Hiền Thánh tập truyện).

Xưa kia, Tôn giả Dạ Tu Đa trở về quê cũ, ngay chỗ đất vườn của cha mẹ mà dựng xây tinh xá để thờ phụng Phật vào nữa đêm, có trăm ngàn Thiên tử đến cúng dường tinh xá. Tôn giả không biết nên hỏi. Thiên tử đáp rằng: "Ta là cha mẹ của ngươi, vì nghiệp ác nên đoạ nơi Địa ngục. Ngày ngươi xuất gia, ta được sinh lên cõi trời. Lại đến khi nơi vườn nhà xưa cũ mà ngươi xây dựng tinh xá thì cung điện ta ở tự nhiên lay động, toả phóng ánh sáng gấp bội thường ngày,Vì thấy sự việc ấy nên đến cúng dường vậy.

47- Cảm ứng của chùa ở nước Thất-La-Phạt-Tất-để che phủ đền thờ lớn.

(Rút từ Tây vức Ky

Tại nước Thất-La-Phạt-Tất-để có một tinh xá cao hơn sáu mươi thước, ở phía đông có một đền thờ trời cũng cao ngang bằng tinh xá, sáng sớm mỗi ngày mặt nhật soi chiếu ánh sáng, song bóng của đền thờ trời không thể che phủ tinh xá. Khi mặt mật nghiêng ngữa về tây soi chiếu thì ảnh bóng tinh xá bèn che phủ ảnh đền thờ trời vậy.

48- Cảm ứng của đứa bé nghèo khổ dùng lá đùa vui làm chùa mà được kéo dài Thọ mạng (Rút từ bần Nhi diên thọ Kinh).

Xưa kia có vị A-la-hán đi giữa đường gặp một đứa bé nghèo khổ, quán xét biết được Thọ mạng còn lại của đứa bé chỉ có ba ngày, nên vị A-la-hán ấy bèn thương mà bỏ đi. Qua đến ngày thứ ba gặp lại đứa bé ấy, vị A-la-hán nhập Định quán sát biết đứa bé ấy tuổi thọ kéo dài đến sáu mươi năm,bèn sinh ýn hiếm có, lại quán sát do căn lành gì, mới biết đứa bé ấy cùng các trẻ nhỏ khác đùa vui nhặc lấy lá cây làm chùa, nói với mọi người, khiến người nghe phát sinh tín tâm nên được vậy.

49- Cảm ứng của vị Tỳ-kheo đắp vá lỗ hổng vách tường chùa mà được kéo dào Thọ mạng (Rút từ Tạp Bảo Tạng).

Xưa kia, có một vị Tỳ-kheo đến lúc sắp lâm chung, nhân vào trong Tăng-già Lam, thấy nơi vách tường có lỗ hổng, bèn lấy đất bùn mà đắp vá vách tường ấy, do đó được kéo dài tuổi thọ vậy.

50- Cảm ứng của vua nước Kim Địa tu sửa chùa Cổ mà được kéo dài Thọ mạng (Rút từ Thế Dụ Kinh).

Xưa kia, có vị thầy khéo giỏi đoán tướng, đoán biết vua nước Kim Địa bảy ngày sau hẳn sẽ qua đời. Ngày hôm sau, đang lúc đi săn bắn thấy một ngôi chùa cũ bị hư hoại liền phát khởi bi Tâm gấp tu sửa lại, nên vua được kéo dài tuổi thọ thêm ba mươi năm vậy.

TAM BẢO CẢM ỨNG YẾU LƯỢC LỤC
QUYỂN THƯỢNG
(HẾT)

■

TAM BẢO CẢM ỨNG YẾU LƯỢC LỤC

PHÁP BẢO TỰ

QUYỂN TRUNG

MỤC LỤC

chứng đắc Quả vị A-la-hán.

Cảm ứng của vị Tỳ-kheo trì Luật Cảm người trời cúng dường.

Cảm ứng của Đức Phật Thích-ca trong Kiếp xa xưa lúc còn ở Phàm vị được một Hộp Kinh Đại tập mà diệt tội chứng đắc thần thông.

Cảm ứng của Tỳ-kheo Đạo Như ở Trinh Châu chỉ nghe danh tự Kinh Phương Đẳng mà được sinh về Tịnh độ.

Cảm ứng của Sa-môn Đàm Vinh và Tăng Định hành về trì pháp sám Phương Đẳng mà được thọ ký.

Cảm ứng của Đại sư Trí giả ỡ thời nhà Tuỳ giảng Kinh Tịnh Danh.

Cảm ứng của Sa-môn Thích Phổ Minh ở Lâm Truy thời Tiền Tống tụng Kinh Duy ma.

Cảm ứng của một thư sinh ở Sơn âm; cối kê ghi tả Kinh Duy Ma mà dứt trừ khổ bệnh cứu độ người thân đã qua đời.

Cảm ứng của Pháp sư Pháp tổ vì vua Diêm La mà giảng Kinh Thư Lăng Nghiêm

Cảm ứng của Pháp sư Vân ở chùa Quang Tịnh giảng Kinh Thắng Ma mà trời giáng mưa.

Cư của người nữ nghèo khổ trì tụng Kinh Thắng ma mà hiện đời được làm Hoàng Hậu.

Cảm ứng của Thiền sư Đạo Trân tụng Kinh A Di Đà mà được vãng sinh Tịnh độ.

Cảm ứng của pháp sư Đàm Loan được Kinh Quán Vô lượng Thọ mà vãng sinh Tịnh độ.

Cảm ứng của Sa-môn Tăng cảm ở Tinh châu thọ trì Quán Kinh và Kinh A Di Đà mà được vãng sinh Tịnh độ.

Cảm ứng của sự giảng Kinh Kim Quang Minh ở nước phía Tây Ấn Độ mà nước thù địch được hòa.

Cảm ứng của sự giảng Kinh Kim Quang Minh tối Thắng ở nước Trung Ấn Độ.

Cảm ứng của Trương cư Đạo đang trên đường đến Minh phủ phát nguyện tu tạo bốn quyển Kinh Kim Quang Minh.

cảm ứng của Hoàng Hậu Tắc Thiên cúng dường Kinh Kinh Quang Minh tối Thắng Vương.

Cảm ứng của Diêu Hải ở Tử Châu vì người thân qua đời mà tự ghi tả bốn bộ Kinh Đại thừa.

Cảm ứng của Trương Tạ Phu ở thời Tiền Đường tụng Kinh Dược Sư mà dứt trừ bệnh.

Cảm ứng của Trương Lý Thông ở thời Tiền Đường ghi tả Kinh Dược Sư mà được kéo dài Thọ mạng.

Cảm ứng của sự ghi tà hoằng truyền Kinh Đại Tỳ Lô Giả Ma.

Cảm ứng của sự ghi tả thần chú Tuỳ Cầu Đa-la Ni buộc đeo nơi cổ mà được diệt tội.

Cảm ứng của Kinh Tôn Thắng Đà La Ni được thỉnh lại.

Cảm ứng của đứa trẻ nghe tụng Kinh Thọ mạng mà được kéo dài Thọ mạng.

Cảm ứng của Vương nử ở nước Ô Kỳ trì tụng Kinh Bát Nhã mà dứt trừ oán hại v.v...

Cảm ứng của vua nước Tất Thí ghi tả trì tụng Kinh Bát Nhã mà dứt trừ oán hại v.v....

Cảm ứng của Vị hoạc Khấp Tam Tạng mở đầu bước đường đi Tây vức mỗi ngày trì tụng hai mươi mốt biến Kinh Bát Nhã.

Cảm ứng của lúc phiên dịch Kinh Đại Bát Nhã.

Cảm ứng của sự cúng dường Kinh Đại Bát Nhã lần đầu tiên.

Cảm ứng của một thư sinh ở trung niên hiệu Càn Phong thời Tiền Đường y cứ sắc ban của vua Cao Tông mà ghi tả một pho Kinh Đại Bát Nhã.

Cảm ứng của sự đọc tụng cúng dường Kinh Đại Bát Nhã của vua nước Tam Ma Đát Tra tại phía Đông Ấn Độ,

Cảm ứng của Thiền sư Thường Mẫn ở Tinh Châu ghi tả Kinh Đại Bát Nhã.

Cảm ứng của Sa-môn Thích Tăng Trí ở Kinh Triệu phúng tụng hai quyển Kinh Đại Bát Nhã.

Cảm ứng của Sa-môn Đạo Tuấn ở Tinh Châu ghi tả Kinh Đại Bát Nhã.

Cảm ứng của thân mẫu ở Dự Châu thời Tiền Đường nghe tên Kinh Đại Bát Nhã mà chết rồi được sống lại.

Cảm ứng của sự đạp vào chỗ đất hiện tôn thờ Kinh Đại Bát Nhã mà được lìa khỏi nghiệp ác thú.

Cảm ứng của Đức Phật Thích-ca lúc đế dưới gốc cây Bồ-đề, Đại Thần dâng cúng cặp vàng tôn trí Kinh Bát Nhã.

Cảm ứng của Kinh Đại Tập lúc vua Võ Đế thời Bắc chu phá diệt Phật Pháp.

Cảm ứng của Tỳ-kheo A Luyện Nhã đọc tụng Kinh Đại Phẩm.

Cảm ứng của Trương Chí Đạt ở quận Thiên Thủy ghi tả ba hàng Kinh Đại Phẩm mà được kéo dài Thọ mạng.

Cảm ứng của Kinh Đại Phẩm Bát Nhã của cư sĩ Tấn Châu Mẫn.

Cảm ứng của Kinh Phóng Quang Bát Nhã của Sa-môn Tam tạng Pháp sư Chu sĩ hành.

Cảm ứng của Sa-môn Thích Thanh Hư vì chúng sinh nhận chịu khổ trong ba đường mà Thọ trì Kinh Kim cang Bát Nhã.

Cảm ứng của Sa-môn Thích Pháp Tạng ghi tả trì tụng Kinh Kim Cang Bát Nhã mà diệt trừ tội chứng.

Cảm ứng của vua Huyền Tông thời Tiền Đường đọc tụng Kinh Nhân Vương cầu thỉnh binh lính cõi trời cứu giúp nước An Tây.

Cảm ứng của vua Đại Tông thời Tiền Đường giảng Kinh Nhân Vương Bát Nhã mà trời giáng mưa.

Cảm ứng của Kinh Nhân Vương Bát Nhã bản cựu dịch.

cảm ứng của sự hoằng truyền Kinh Vô lượng nghĩa.

Cảm ứng của Công đức nghe Kinh Vô lượng nghĩa mà được sang lên cõi trời Đao-lợi.

Cảm ứng của sự trì tụng Kinh Pháp Hoa đủ số một ngàn bộ hẳn có linh nghiệm.

Cảm ứng của sự ghi tả Kinh Pháp Hoa đủ tám bộ hẳn có được sự cứu khổ.

Cảm ứng của sự ghi tả Kinh Pháp Hoa nội trong một ngày liền được cứu khổ.

Cảm ứng của sự phân chia bày quyển Kinh Pháp Hoa giảng ở tám tòa.

Cảm ứng của Tam tạng Pháp sư Đàm ma Sấm hoằng truyền Kinh đại Niết-bàn.

Cảm ứng của Sa-môn Huệ Nghiêm san lược sửa đổi Kinh Niết-bàn bị thần quở trách.

Cảm ứng của sự ghi tả Kinh Niết-bàn được sinh về nước Bất Động.

Cảm ứng của sự nghe hai chữ “ Thường trú ”.

Cảm ứng của sự đưa tay xúc chạm Kinh Niết-bàn.

Cảm ứng các vua ghi tả hết thảy Kinh.

*****

1- Cảm ứng của một người sắp tụng Kinh Hoa Nghiêm dùng nước rửa tay, nước rơi vải thấm ướt côn trùng được sinh lên cõi trời.

(Rút từ Kinh Điền và Du Ký).

Sa-môn Thích-Ca-Di-Đà-La người nước Chấp Sư Tử, tiếng Trung Hoa dịch nghĩa là "Năng Hửu" là người đã chứng đắc Tam quả. Khoảng đầu niên hiệu Lâm Đức (664) thời Tiền Đường, ngài vân du đến Chấn Đán (Trung Hoa), tham lễ khắp các Thánh Tích danh sơn chùa viện v.v... Ngài đến chùa Đại Nguyên ở phìa Tây Kinh Đô, khuyên chư Tăng đọc tụng Kinh Hoa Nghiêm, mới gọi vị dịch ngữ hỏi: "Đó là Kinh già?" Vị ấy đáp:"Kinh Hoa Nghiêm". nghe thế, bất chợt ngài cải đổi sắc mặt và nói:"Không biết ở xứ này cũng có Kinh Hoa Nghiêm ư?" Và Ngài chấp tay hoan hỷ tán thán rằng: "Nếu nghe được chữ Đề mục Kinh Hoa Nghiêm, hẳn nhất định không đoạ lạc vào bốn đường xấu ác. Đó là công đức của Đại Phương Quảng chẳng thể nghĩ bàn! Ở Tây vức tương truyề rằng: Có người dùng nước rửa tay lúc sắp tụng Kinh này, nước ấy rơi vải thấm ướt trùng kiến, nhân đó mà kẻ xả bỏ thân mạng về sau được sinh lên cõi trời, huống gì là người thọ trì đọc tụng, phước lợi ấy thật không thể nghĩ bàn. Tôi từng nghe ở phía đông nam nước Vương Điền cách chứng hơn hai ngàn dặm có một nước tên là Giá Câu Bàn, bên cạnh cung vua có một tinh xá, trong đó các Sa-môn tu Pháp đại thừa đọc tụng Kinh Hoa Nghiêm, vua tôi rất mực cung kính công đức tinh xá ấy.Bỗng nhiên vào nữa đâm nọ có toả phóng ánh sáng soi chiếu khắp trong thành, trong ánh sáng ấy có trăm ngàn người trời dùng các thứ y phục cõi trời, ngoạ báu, anh lạc v.v... đến hiến dâng vua và các Sa-môn. vua hỏi: "Ngươi là ai?" Người đáp: "Tôi là côn trùng ở bên cạnh tinh xá, do Sa-môn dùng nước rửa tay lúc sắp tụng Kinh Hoa Nghiêm, nước ấy rơi vải thấm ướt, nhân đó mà tôi xả bỏ thân mạng, được sinh lên cõi trời Đao-lợi. Ở trên cõi trời được Pháp như vậy mới biết rõ về bản nhân nên xuống cùng báo đáp thâm ân". vua nghe người trời nói như thế, buồn vui lẫn lộn, liền chế ước định rằng: "Nước ta riêng Kính trọng Phật Đại thừa, không nên lưu hành pháp Tiểu thừa" . Từ đó trở về sau, trải qua nhiều đời vua ở nước ấy thảy đều tụng kính trọng pháp Đại thừa. Những bậc Danh tăng ở các nước vào nước đó đều phải trải qua sự kháo xét, nếu là người học pháp Tiểu thừa thì mời đi không giữ lại, còn người tu học Phật đại thừa thì thỉnh mời lưu giữ lại để cúng dường, mãi đến ngày nay ước định ấy vẫn không cải đổi. Ở trong cung vua tự có các Kinh Hoa Nghiêm, Ma-ha Bát Nhã, Pháp Hoa v.v... Cả mười hai loại bộ Kinh giáo và cả mười vạn kẻ tụng. vua tự thọ trì, đích thân nắm giữ chìa

khoá cửa. Khi đọc tụng thì chưng bày hương hoa để cúng dường, những điều kỳ đặc như thế có lắm nhiều vậy.

2- Cảm ứng của sự các Sa-môn tu pháp Tiểu thừa ở chùa Tỳ Sắt Noa đem Kinh Hoa Nghiêm đặt để dưới Kinh A-hàm mà Kinh Hoa Nghiêm thường nằm trên Kinh A-hàm.

Sa-môn Tam Tạng Pháp sư Nhật chiếu nói rằng: "Ở phía nam Thiên Trúc gần thành Chiêm Ba có một ngôi già Lam tên là Tỳ Sắt Noa. Trong đó có các Sa-môn tu pháp Tiểu thừa thường sống. Về sau có một pháp sư tu pháp Đại thừa mang đến đó một pho Kinh Hoa Nghiêm. Các Sa-môn tu pháp Tiểu thừa chẳng tỏ vẻ kính tụng. Vị pháp sư Đại thừa ấy lưu để bộ Kinh ấy lại đó mà đi. Các Sa-môn học pháp Tiểu thừa trong Tâm chẳng tin nên đem pho Kinh ấy ném vất trong giếng. Sau đó thấy trong giếng tỏa phóng ánh sáng như lửa dữ. Tuy lâu ngày ở trong giếng mà pho Kinh ấy không hề bị thấm ướt, các Sa-môn tu pháp Tiểu thừa mới tin Kinh ấy là do chính Đức Phật giảng nói song vẫn chẳng bằng Kinh giáo Tiểu thừa, bèn đem bộ Kinh ấy đặt để dưới các Kinh Luật như A-hàm, v.v... Đến sáng ngày hôm sau liền thấy bộ Kinh ấy nằn ở trên các Kinh luận kia, mới quở trách lớp nhỏ trong chùa: "Mới đặt xuống dưới trờ lại như cũ, Qua sáng ngày hơm sau, Bộ Kinh ấy cũng lại nằm ở trên các Kinh luận kia, qua vài lần như thế, các Sa-môn tu pháp Tiểu thừa rất kinh hãi, mới biết bộ Kinh ấy hơn hẳn ác Kinh luận mà mình hiện đang tu học, bèn ngã mình nơi đất lăn lóc khóc gào sám hối hồi tâm, cùng nhau chuyên thọ trì chỉ một bộ Kinh Hoa Nghiêm và hoằng truyền hưng thạnh tại nước ấy vậy.

3- Cảm ứng của Sa-môn Thích Linh Cán giảng Kinh Hoa Nghiêm thấy cung trời đến nghinh đón mà cải đổi sinh về thế giới Hoa Tạng.

(Rút văn từ các Kinh truyện).

Sa-môn Thích Linh Cán thường giảng Kinh Hoa Nghiêm, xa gần đều đượm nhuần. Năm Khai Hoàng thứ mười bảy (597) thời nhà Tuỳ, ngài cảm mắc bệnh nên chết ngất, chỉ nơi tim còn ấm nên mọi người chưa dám tổn liệm an táng. Sau đó, ngài tỉnh lại kể rằng: "Ta sinh lên cung trời Đâu-suất, thấy hai pháp sư Huệ Hưu va Huệ Viễn đều ngồi trên đài hoa toả phóng ánh sáng khác thường ở trên thế gian, bảo cùng ngài rằng: "Ông cùng các đệ tử của ta sau này đều sinh lên đây". Đến tháng giêng năm Khai Hoàng thứ mười tám(598) thời nhà Tuỳ, ngài thị tịch, hưởng thọ bảy mươi tám tuổi, bèn hoả táng tại phía bắc núi Chung

Nam.

Lúc bình sinh ngài luôn giữ chí kính phụng Kinh Hoa Nghiêm, thường y theo nguyên bản mà khởi quán tưởng thế giới liên Hoa Tạng và Di Lặc Thiên cung. Đến lúc cảm mắc bệnh rất lắm, ngài thấy trên tròng mắt mà chẳng nói cùng mọi người, lâu sau mới trở lại như thường, có Sa-môn Đồng Chân chăm sóc bệnh ở bên cạnh, Ngài mới bảo cùng Đồng Chân rằng: "Vừa rồi ta thấy có Đồng Tử mặc áo sinh dẫn đến cung trời Đâu-suất. Mà những sự an vui ở cung trời chẳng được lâu dài, rốt cùng sẽ rơi lạc luân hồi, Thế giới liên Hoa Tạng là nơi ta thường mong tính". Sau đó không lâu, ngài ngưng thở, chỉ chốc lát trở lại, Đồng Chân hỏi ngài trông thấy gì. Ngài bảo: "Thấy nước lớn khắp đầy, có hoa sen lớn như bánh xe, ngồi trên hoa đó, điều ước nguyện đã tròn đầy". Phút chốc ngài bèn thị tịch vậy.

4- Cảm ứng của sự phát nguyện ghi tả Kinh Hoa Nghiêm của quan Triều tán Đại phu Tôn Tuyên Đức ở thời tiền Đường.(Tân Lục).

Tôn Tuyên Đức là quan triều Tán Phu thời Tiền Đường là người ở huyện Vĩnh An, Ung Châu. Tuyên Đức nương theo nhân duyên phát nguyện, sắp tu tạo Kinh Hoa Nghiêm. Đang lúc gặp việc bèn sinh tâm Bất tín liền phế bỏ tất cả, trái lại không việc ác gì chẳng làm. Về sau, đang lúc đi săn bắn bị rơi trên mình ngựa xuống đất nên chết ngất, trải qua một ngày, sống lại buồn khóc vật vả, ăn năn hối lỗi quá mà tự trách nói cùng Tư Mạc rằng:

"Lúc đầu tôi mới chết thấy ba người ở Minh Quan đuổi bắt đưa đến trước một thành lớn. các Đại thần trong ngũ đạo theo thứ tự mà xếp hành. vua Diêm-ma ngồi yên tại chỗ tỏ vẻ tức giận mà quát mắng tôi rằng: "Ngươi là người ngu si, là kẻ phóng túng tạo ác. Theo các loại cầm thú mách tố bị giết hại chẳng phải phần mà kêu bắt ngươi". Liền thấy trong sân có trăm ngàn muôn vật bị tôi giết hại mỗi mỗi hướng đến vua tấu trình nguyên do chẳng phải phần mà bị cướp mất mạng sống" vua càng tức giận. Khi ấy có một Đồng tử tự xưng là Thiện tài bỗng nhiên đến nơi chỗ vua. vua cung Kính từ chỗ ngồi bước xuống chấp tay vái chào Đồng tử. Đồng tử bảo: "Ngươi có thể phóng thả Tuyên Đức, người ấy phát tâm tu tạo Kinh Hoa Nghiêm mà chưa hòa thành. Lúc phát nguyện, người ấy không gì chẳng là tín tâm. Há vì việc ác về sau này mà vất bỏ nguyện Thiện trước kia ư?" vua hoan hỷ nói rằng: "Lý thật đúng như vậy, nên có thể phóng thả trở về. Và nhờ Đồng tử chỉ đường trở về mà được sống lại".

Thật công đức của Kinh Đại Hoa Nghiêm không thể nghĩ bàn. Từ đó Tuyên Đức bèn sám hối những ngu muội cưa trước, dốc hết của cải ghi tả tu tạo Kinh Hoa Nghiêm. Đến năm tám mươi sáu tuổi, trước lúc qua đời, Tuyên Đức nói cùng bè bạn thân thích rằng: "Tôi ghi tả Kinh Hoa Nghiêm được sinh lên cung trời Đâu-suất, phụng thờ đức Từ Thị". Nói xong bèn qua đời.

5- Cảm ứng của Hành chứng ở phía đông chợ vì người thân mà ghi tả Kinh Hoa Nghiêm đề cứu khổ. (Rút văn từ Kinh Truyện).

Ngày mồng một tháng năm năm Điều Lộ thứ hai (680) thời Tiền Đường, có Khương A Lục Sơn-người huện vạn Niên, Ung Châu bị cảm mắc bệnh mà qua đời. Năm ngày sau sống lại, A Lục Sơn tự nói các điều ở Minh Đạo, bĩ lầm bắt đến chỗ vua Diêm-ma, khi ấy thấy người làm thuốc A Dung sư ở phía Đông chợ mà đi, A Dung sư cảm mắc bệnh nên đã qua đời từ năm Điều Lộ thứ nhất (679) thời Tiền Đường. Lúc sống chiên nấu thịt gà, nên cùng bảy trăm người sa đoạ vào Địa ngục vạc sôi, vì trước kia cùng có biết A Lục Sơn nên bèn nhắn lời về nói rằng: "Hành chứng là người con thứ tư của tôi hơi có chút nhân từ, ông nên nói với nó, bảo ghi tả cho tôi một bộ Kinh Hoa Nghiêm. Tôi chẳng cùng gặp được nó. Nếu như vừa mới ghi tả Kinh ấy thì bả trăm người đây đều được giải thoát".

A Lục Sơn đi sang phía đông chợ mua thuốc ở nhà A Dung, đem lời nhắn nhủ của A Dung sư nói cùng hành Chứng. Hành chứng rất buồn cảm bèn đến chùa Đại Nguyên ở phía Tây thỉnh Kinh và mời người ghi tả. Kể từ khi A Dung sư qua đời, mọi người trong nhà không ai mộng tưởng, đến đêm đầu tiên mới ghi tả Kinh cả nhà đều đồng mộng thấy A Dung sư đến tỏ vẻ rất vui mừng không thôi. Đến tháng tám năm Vĩnh Long thứ nhất (689) thời Tiền Đường, công việc ghi tả Kinh Hoa Nghiêm được hoàn tất, thỉnh mời Đại Đức Pháp Tạng và các Sa-môn nghĩa học cùng vui mừng Kinh mà thiết cúng. Ngày đó A Lục sơn cũng có vinh dự tham tại hội, mới thấy A Dung sư v.v... cả thảy bảy trăm quỷ chúng đều đến nơi thiết trai, lễ kính Tam bảo,đồng quỳ trước chư tăng mà sám hối thọ giới.Khi pháp sự hoàn tất, A Dung sư nói rằng: "Chúng tôi nhờ sức lực của Kinh mà được cải đổi quả báo sinh lên Thiên Đường". Nói xong bèn đi. A Lục sơu1d9 thoát khỏi và đã thấy rõ mọi sự ở Minh ty nên rất Kính tin mõi điều tội nghiệp vậy.

6- Cảm ứng của Vương Thị Cảm được Bồ-tát Địa tạng dạy tụng

kệ Kinh Hoa Nghiêm mà phá dẹp Địa ngục. (Rút từ Kinh truyện biệt kỳ v.v...)

Tại Kinh đô có người giòng họ Vương mà không biết tên là gì (Tôi ghi là Định tạng). Người ấy vốn đã không giới hạnh, lại chẳng từng tu tập thi65n pháp. Năm VĂn Minh thứ hai (686) thời Tiền Đường, nhân cảm mắc bệnh, người ấy qua đời, thấy hai người dẫn đến cửa Địa ngục. Vương thị vốn phụng thờ Bồ-tát Địa tạng, thấy có một vị tăng nói là Bồ-tát Địa tạng mới dạy cho Vương thị tụng một hàng kệ trong Kinh. Bài kệ đó là:

“Nếu người muốn biết rõ
Chữ Phật trong ba đời,
Phải nên quán xét là
Tâm tạo chư Như Lai.”

Bồ-tát bảo rằng: “Tụng được kệ ấy tức có thể phá dẹp Địa ngục” . Vương thị tụng xong, bèn vào chỗ vua Diêm-ma. Vua hỏi: “Người này có công đức gì?” Đáp rằng: “Chỉ thọ trì được một bài kệ bốn câu” đầy đủ như ghi trên, vua bèn phóng thả Vương thị. Đang lúc Vương thị tụng đọc bài kệ đó âm thanh vang vọng đến người nhận chịu khổ được nghe mà đều được giải thoát. Ba ngày sau, sống lại, Vương thị nói lại việc ấy cùng các Sa-môn (Một bài kệ ấy tức trong Phẩm. “Vô lượng chư vị Bồ-tát vân tập nói pháp tại cung trời Da ma” Ở Kinh Hoa Nghiêm quyển mười hai vậy).

7- Cảm ứng của Sa Di Định sinh ở chùa Không Quán thấy Địa ngục Hồng Liên mà lầm cho là Thế giới Hoa Tạng. (Rút văn từ Biệt Lục).

Sa Di Định sinh Phụng vâng pháp tắc của chúng tăng chẳng hay đọc tung Kinh giới. Nghe nói về tướng của thế giới Hoa Tạng, trong tâm thườn gluo6n mến mộ ưa thích, phóng tứ lầm làm mọi việc od chúng Tăng bị đoạ vào nơi Địa ngục Hồng Liên Hoa mà lầm cho đó là Thế giới Hoa Tạng, hoan hỷ ngợi ca “ Cõi nước Hoa Tạng vi diệu”. Khi ấy cả Địa ngục biến thành Hoa Tạng. Những người nhận chịu khổ nghe lời xướng ấy đều ngồi trên Hoa sen. Bấy giờ, quan cai quản ngục tâu cùng vua Diêm-ma. vua bảo: “Đó là do sức lực của Kinh Đại Hoa Nghiêm không thể nghĩ bàn vậy”. Và liền nói lời kệ tụng rằng:

“Quy mạng Hoa Nghiêm
Nếu nghe tên Kinh,
Hay phá Địa ngục

Các vật nơi ngục
Và đều tự thấy
Kinh chẳng nghĩ bàn
Một kệ bốn câu
Giải thoát nghiệp buộc
Đều thành Hoa Tạng
Ngồi Hoa sen báu".

Qua một ngày một đêm sau, Sa Di Định sinh mới sống lại, tự nói kể về nhân duyên ấy. Và từ đó về sau có sự tỏ thông. Sau khi đã nhóm tập đầy đủ, không biết sa Định sinh du phương như thế nào.

8- Cảm ứng của Rồng con theo Tỳ-kheo Tăng Độ tụng tấp bốn bộ Kinh A-hàm. (Rút từ văn Kinh Tăng Hộ).

Xưa kia, lúc Đức Phật còn tại thế, trong nước Xá Vệ có năm trăm Thương nhân vào trong biển lớn tìm cầu Châu báu. Họ thỉnh mời Tỳ-kheo Tăng Hộ vì họ làm vị pháp sư. Khi chưa đến chỗ vật báu, vua Rồng đến gìn giữ thuyền ngừng lại, các Thương nhân Kinh sợ ngữa mặt hỏi: "Thần Kỳ nào mà kéo cản thuyền dừng lại vậy?' Khi ấy, vua Rồng hiện thân thỉnh mời Tỳ-kheo Tăng Hộ, các Thương nhân sợ oai lực của Rồng nên để ngài ở lại mà tự ra đi. Vua Rồng mừng vui dẫn ngài đến trong cung, Rồng có bốn Ròng con rất thông minh trí tuệ xin là Đệ tử ngài. vua Rồng thưa ngài rằng: "Xin ngài vì tôi mà dạy dỗ bốn Rồng con ấy, mỗi mỗi học một bộ A-hàm, Rồng con thứ nhất, ngài dạy cho học Kinh Tăng nhất A-hàm, Rồng con thứ hai ngài dạy cho học Kinh tăng Nhất A-hàm, Rồng con thứ ba ngài dạy cho học Kinh Tạp A-hàm và Rồng con thứ tư ngài dạy cho học Kinh Trường A-hàm." Ngài liền vì chỉ dạy cho đó. Trong đó, Rồng con thứ nhất thì im lặng nghe nhận, Rồng con thứ hai thì nhắm mắt ngủ miệng đọc tụng bằng, Rồng con thứ ba thì xoay nhìn nơi khác mà nghe nhận, và Rồng con thứ tư thì đứng xa mà nghe nhận. Bốn Rồng con ấy rất thông minh trí tuệ nên chỉ trong sáu tháng tụng thông bốn bộ Kinh A-hàm, nhớ giữ trong lòng. Không một sai sót. Khi ấy vua Rồng hỏi: ngài có buồn phiền gì chăng?" Ngài đáp:"Rất buồ, tại sao? Người thọ trì Kinh pháp, cốt yếu cần phải có phép tắc. Các Rồng con đây ở trong loài súc sinh không tuân khuôn phép nên không đúng như o pháp mà thọ trì đọc tụng". Vua Rồng thưa cùng ngài rằng: "Đại Đức chớ nên quở trách tôi. Vì muốn gìn giữ mạng sống của pháp sư, phàm loài rồng chúng tôi có bốn thứ độc, nên không được đúng như pháp mà thọ trì tụng tập. Tại sao? Sở dĩ im lặng mà nghe

nhận là vì lời tiếng độc hai nên vậy, nếu mở miệng phát lời hẳn hại mạng sống của pháp sư, cho nên im lặng mà nghe nhậ. Nhắm mắt ngủ mà nghe nhận vì thấy hẳn độc vậy, xoay nhìn nơi khác mà nghe nhận là vì giữ độc. Đứng xa mà nghe nhận là vì xúc chạm đến độc hại vậy". Bấy giờ, các Thương nhân trở về lại chỗ mất ngài. Vua Rồng biết tâm niệm của các Thương nhân nên liền đưa ngài trả lại cho các Thương nhân v.v... Rồng mà còn cần phải tụng tập huống gì là người ư.

9- Cảm ứng của Sa-môn Thích Tăng Du ở nước Tân La tụng Kinh A-hàm, vãng sinh về Tịnh độ. (Tân lục).

Sa-môn Thích Tăng Du, ngài người nước Tân La, xuất gia từ thuở thiếu thời, quy tâm với giáo điển Tịnh độ. Thấy những người tụng tập Kinh A-hàm, bèn quở trách khiến bỏ. Ngài mộng thấy đến cõi Tịnh độ Cực lạc ở cửa phía đông, sắp vào trong cửa, dùng ấy có Vô lượng Đồng tử người trời đứng tại ngoài cửa dùng gậy báu xuôi đuổi ngài ra mà bảo rằng: "Tiểu đạo diệt mất thì Đại giáo cũng cùng diệt, vì tiểu pháp là thềm thang để bước lên Đại Đạo, là khuôn phép ở cõi nước của ông vậy. Khinh mạn Kinh A-hàm, xả bỏ mà không tập tụng thì không thể vào trong cửa Đại thừa v.v... "Sau khi tỉnh mộng, ngài buồn khóc hối quá, kiêm chuyên thọ trì đọc tụng bốn bộ A-hàm, được cảnh Tịnh độ đến nghinh đón. Đệ tử cũng mộng thấy ngài ngồi trên hoa sen đến bảo là: "Ta ở cõi Ta Bà kiêm tụng tập Kinh A-hàm, do tụng tập ấy nên trước được tiểu đạo, không bao lâu nữa sẽ trở vào Đại Đạo vậy.

10. Cảm ứng của sự ghi tả Kinh A-hàm được sinh lên cõi trời. (Rút từ Ngoại quốc Ký).

Xưa kia, sau khi Đức Như Lai diệt độ trong khoảng một trăm năm, vào nửa đêm có một người trời tòa phóng ánh sáng soi chiếu xuống chỗ Tháp Ngài A Na, rãi hoa cúng dường. Bấy giờ có vị Đại A-la-hán hiệu là Cận Hộ tức thầy của vua A Dục hỏi người trời rằng: "Cớ sao ông thường đến lễ bái nơi tháp?" Người trời ấy đáp: "Xưa trước ghi toàn bốn bộ A-hàm nên được sinh lên cõi trời Đao-lợi, đó là do ân đức của ngài A-nan, vì nhân duyên ấy nên thường lại cúng dường ". Ngài Cận Hộ lại hỏi: "Ở cõi trời ấy có ai như ông nữa chăng? Người trời ấy đáp: "Có cả trăm ngàn người đồn nghiệp trong đó hành trì Bộ Tăng Nhất A-hàm mà được sanh lên cõi trời có lắm nhiều vậy."

11- Cảm ứng của A-la-hán Phú Na Xá ở nước Kiền-Đà-Vệ xưa

trước nghe Kinh Trung A-hàm.

Xưa kia, tại nước Kiền Đà Vệ có tinh xá Cù Mà Di, trong đó có vị A-la-hán tên là Phú Na Xá, với Tam minh lục thông thảy đều thấu triệt, suốt ngày đêm ngài thường trì tụng Kinh Trung A-hàm, chưa từng tạm phế bỏ.Có người hỏi ngài rằng: "Sư đã chứng quả vị Thánh cùng cực, cớ sao riêng ưa thích tập tụng?". Ngài đáp: "Ban đêm Tôi an trú trong Tam muội xét biết nghiệp đời trươc. Xưa kia, tôi bị snh trong loài chó theo một vị Tỳ-kheo mà đi. Vị Tỳ-kheo ấy tụng Kinh Trung A-hàm, Tôi theo nghe đó mà vui thích nên không tru sủa, nhờ một căn lành ấy nên được sinh trong nhà Bà-la-môn ở nước Kiền Đà Vệ xuất gia tu tập mới chứng đắc quả vị A-la-hán. Vì nhân duyên ấy nên tôi thường trì tụng không phế bỏ vậy.

12- Cảm ứng của năm trăm con dơi ở bờ biển Nam Hải nghe giảng A-tỳ-đạt-ma Tạng mà chứng đắc thành năm trăm vị A-la-hán.(Rút từ Tây vức truyện)

Xưa kia, tại bờ biển nam Hải có một cây khô, có năm trăm con dơi cùng nhóm tụ ở trong bộng cây. Có đoàn thương buôn đến dừng nghĩ dưới gốc cây, gặp tiết giá rét, mọi người đều đói lạnh, nên nhóm cha6t củi khô đốt lửa phía dưới, lửa khói dần bốc mạnh, cây khô bèn bị thiêu. Khi ấy trong đoàn thương buôn có một khách buôn đã quá nữa đêm đọc tụng A-tỳ-đạt-ma tang, các con dươi tuy bị lửa nóng thiêu đốt khốn khổ nhưng vui thích được nghe pháp âm nên nhẫn chịu chẳng bay đi, đó mạng chung, thầm thức theo nghiệp thõ sinh đều được làm thân người, bỏ nhà xuất gia tu tập theo giáo Tiểu thừa, nhờ thông minh lợi trí nên đều chứng đắc quả Thánh. Nên khi vua Ca Nị sắc Ca cùng Kiếp Tôn giả chiêu tập năm trăm vị Hiền Thánh đến ở nước Ca Thấp Di La trước thuật luận Tỳ-bà-sa, đó chính là năm trăm con dơi ở trong bộng cây khô ấy vậy.

13- Cảm ứng của con chuột ở nước Kế Tân nghe tụng Luật tạng mà chứng đắc Quả vị A-la-hán.

Xưa kia, ở tinh xá A-la-hán mạt Điền Địa tại nước Kế Tân, có một vị A-la-hán chứng đắc Tam minh Lục thông, thấu đạt Tam Tạng, mười hai phần loại Kinh giáo. Trong đó, riêng về giới luật rất thanh cao tương đồng như Tôn giả Ưu Ba Ly lúc còn tại thế, thường quở trách khuyên răn Môn đồ rằng: "Các ông phải siêng năng tu học giới luật. Tại sao? Tôi xưa trước khi đang ở phân vị, do vì nghiệp ác nên nhận chịu làm

thân chuột ở nơi hang đá. Bấy giờ có một vị Tỳ-kheo thường đêm ở trong hang đá ấy đọc tụng giới luật. Tôi lắng nghe đó. Do căn lành ấy mà được làm thân người tu tập chứng đắc quả vị A-la-hán, thông rành giới luật. Do từ làm thân chuột lắng nghe Luật tạng còn được như thế, huống gì người có tín tâm tu hành ư?"

14- Cảm ứng của vị Tỳ-kheo trì Luật Cảm người trời cúng dường.

Xưa kia, trong tinh xá Khả Duy ở nước Kế Tân, có hai vị Tỳ-kheo, trong đó một người thọ trì Luật tụng, một người thọ trì Luận tạng. Mọi người đều đem các thứ ăn thượng diệu đến cúng dường Luật sư. Vào nửa đêm, người trời lại đến cúng dường lễ bái vị Tỳ-kheo hành trì luật mà không lễ bái cúng dường vị Tỳ-kheo hành trì luận tạng. Cứ như vậy, hơn một tháng sau, vị Tỳ-kheo hành trì luận tạng trong tâm khởi nên tức giận. Người trời bèn quở trách rằng: "Giới luật mở đường cho người và trời và cho đến cả Đạo giả Niết-bàn. Vì nhân duyên ấy nên người trời đều kính trọng trì tụng, Không nên hối hận". Khi ấy vị Tỳ-kheo hành trì Luận tạng và vị Tỳ-kheo hành trì luật tạng đều tinh cần tu tập nên đồng chứng đắc sơ quả. Và Người trời cúng dường cả hai vị Tỳ-kheo ấy vậy.

15- Cảm ứng của Đức Phật Thích-ca trong Kiếp xa xưa lúc còn ở Phàm vị được một hộp Kinh Đại tập mà diệt tội, chứng đắc thần thông. (Rút từ tập Pháp diệt xả khổ Đà La vi Kinh, tức bản riêng lưu hành trong Kinh Đại tập vậy).

Trong vô lượng kiếp xa xưa, Đức Phật Thích-ca lúc còn tại trong phàm phu, với tên gọi là Già Tha, ở nước Gia Thâu La làm người Thương khách buôn bán để sống, hư dối không thật, tạo các vie6c ác, giết hại cha mến yêu mẹ. Trải qua vài năm, dân chúng trong nước ai ai cũng biết, rêu rao gọi: "Già Tha Đả giết hại cha mến mẹ yêu". Khi ấy, ngài tự suy nghĩ mình chẳng khác gì với loài súc sinh, nên trong đêm tối ngài vượt thành chạy đến trong đầm sâu. vua nước ấy tên là Xà Xà La báo cùng dân chúng trong nước: "Đó tức là kẻ dâm si vô đạo. Nếu ai bắt được thì sẽ ban thưởng các thứ vật báu". Dân chúng trong cả nước đều nhận lời vời gọi ấy, muốn bắt được thân ngài. Ngài bèn vượt ra nước ngoài làm vị Sa-môn. Khi ở tại nước khác ngài toạ Thiền học Đạo, ngày đêm đổ lệ than khóc suốt ba mươi bảy năm, vì chướng ngại của tôi ngỗ nghịch, nên trong tâm no, sở đắc. Suốt ba mươi bảy năm ngài ở trong hanh núi gào khóc buồn than. Ngài xuống hang núi đi khuất thực,

giữa đường bèn được một bình bát lớn. Trong bình bát có một tập Kinh. Không Kinh gì khác mà chỉ có "Kinh Đại tập Pháp duyệt xả khổ Đà La ni". Kinh ấy có khả năng dứt trừ các tội nặng ngũ nghịch sinh tử trong năm trăm ức kiếp. Nếu người thọ trì đọc tụng trọn không sa đoạ trong ba đường xấu ác. Tại sao? Vì Kinh ấy do chư Phật nhiều hơn hơn số cát sông hằng giảng nói vậy. Khi có được Kinh ấy rồi, ngài không đi khất thực nữa, vui mừng trở lại trong hang núi, đốt hương lễ bái, buồn khóc tán ngưỡng, ngài ở trong hanh núi tu tập đọc tụng, trải qua một năm mới được, nhưng vì tội nghiệp chướng ngăn nên không thể thấm đượm vào tâm. Lại trải qua vài năm tu hành, ngài mới bay đi không ngại, thấy được chư Phật ở mười phương.:ại như có hành trì thì đúng như pháp mà hành trì vậy.

16- Cảm ứng của Tỳ-kheo Đạo Như ở Trinh Châu chỉ nghe danh tự Kinh Phương Đẳng mà được sinh về Tịnh độ.

Tại Tinh Châu có vị Tôn giả tên là Đạo như. Từ năm bảy tuổi trở đi, ngài đã hiểu niệm Phật, nhưng chẳng tu niệm Phật, chẳng trì trai giới, cất chứa vật bất tịnh, thân có trái phạm cũng khônghề sám hối. Đến lúc sáu mươi mốt tuổi, mắc phải bịnh phong, hơn một Thánh sau thì qua đời. Ba ngày sau sống lại, ngồi dậy nhẹ dàng, bệnh chứng dứt trừ, kể rằng:"Lúc tôi mới chết, thấy các Bồ-tát Quán Âm, Thế chí đến chỉ dạy lợi mừng, bảo rằng: "Ngươi chẳng tu nghiệp Tịnh độ, chỉ nghe danh tự các Kinh điển Đại thừa Phương đẳng, mười hai bộ loại Kinh giáo. Do nhân duyên đó mà tội cấu dạt phai, xa lại ảnh hưởng, Thọ mạng còn chưa hết. Mười hai năm sau, Ông sẽ sinh về Tịnh độ." Tôi bèn chấp tay rơi lệ, mới sống tỉnh lại". Và bèn xả bỏ tất cả mọi vật của mình tu tạo các Kinh Phương Đẳng Đại Tập, Kiêm tu niệm Phật. Đến ngày mười lăm Thánh giêng năm thứ mười hai, ngài mới thị tịch, trong phòng có tiếng âm nhạc, trời rãi mưa hoa, mọi người đều thấy nghe thế.

17- Cảm ứng của Sa-môn Đàm Vinh và Tăng Định hành về trì pháp sám Phương Đẳng mà được thọ ký.(Đường cao Tăng truyện).

Năm Trinh Quán thứ bảy (637) thời Tiền Đường, Sa-môn Thích Đàm Vĩnh ở chùa Pháp Trú, nhân sự thỉnh mời của các cư sĩ Thường Ngưng Bão v.v... mà hành trì pháp sám hối Phương Đẳng tại chùa Pháp trú. Đến ngày mười bốn tháng bảy, có Sa-môn Tăng Định là người đồng ở chùa ấy là bậc giới hạnh tinh cao, ở trong Đạo tràng thấy ánh sáng lớn soi chiếu từ trên xuống; năm sắc rực rỡ, trong ánh sáng có bảy Đức

Phật tướng tốt khác thường nói cùng Tăng Định rằng: “Ta là Tỳ Bà Thi Như Lai vô sở trước chư Chân Đẳng chánh giác. Vì người tội chứng tiêu diệt nên ta lại làm chứng, nhưng chẳng phải là Bản sư nên Ta chẳng vì thọ ký cho ngươi”. và như vậy có đến sáu Đức Phật đồng nói như thế, cuối cùng có một Đức Phật nói rằng: “Ta là Bản sư Thích-ca Mâu-ni, vì ngươi tội chứng tiêu diệt nên ta ta lại thọ kỷ. Sa-môn Đàm Vinh là nhân duyên tốt lành cho ngươi diệt trừ tội chứng, ở trong đời Hiền Kiếp thành Phật là Phổ Ninh, ngươi có được thân khí thanh tịnh, về sau sẽ thành Phật cũng hiệu lả Phổ Ninh”. Ứng hiếu cảm nên linh tường như thế, tin thật khó cùng vậy.

18- Cảm ứng của Đại sư Trí giả ỡ thời nhà Tuỳ giảng Kinh Tịnh Danh.(Rút từ truyện và Thuỵ ứng truyện v.v...).

Đại sư Trí giả ỡ thời nhà Tuỳ, ngài tên huỷ là Trí Khải, vốn dòng họ trần, người xứ Dinh Quyên. Khi ngài ra đời thì đất nổi lên một ngọn núi tên là Đại Hiền, đến kúc ngài tịch thì xuống núi ấy cũng theo ẩn chìm làm thành Hồ Đại Hiền vậy. Ngài giảng Kinh Tịnh Danh lần lược bỗng thấy ba đường thềm câp báu tử giữa không trung mà xuống, một hội ở cõi nước Đức Phật A sơ nghiễm nhiên mà hiện. Có hàng chục vị Phạm tăng cầm nắm lò hương vào trong giảng Đường đi nhiểu quanh ngài ba vòng mà tán thán rằng:

“Lành thay Trí Khải
Khéo ngộ ý Phật
Tôi lại ảnh hưởng
Cảm ứng như vậy”.

19- Cảm ứng của Sa-môn Thích Phổ Minh ở Lâm Truy thời Tiền Tống tụng Kinh Duy ma. (Rút từ Lương cao Tăng truyện).

Trong thời Tiền Tống tại Lâm Trung có Sa-môn Thích Phổ Minh chuyên trì tụng hai bộ Kinh Pháp Hoa và Duy ma. Khi ngài tụng Kinh Duy Ma, nghe giữa không trung có tiếng nhạc xướng, Ngài lại khéo giỏi về thần chú, cứu giúp đều tốt lành, có người vợ của Vư Đạo Chân ở trong làng quê bị bệnh, thỉnh mời ngài chữa trị, ngài mới vào, người vợ ầy bèn chết ngất, bỗng thấy có một vật con Ly dài cả vài thước v.v...

20- Cảm ứng của một thư sinh ở Sơn âm; cối kê ghi tả Kinh Duy Ma mà dứt trừ khổ bệnh cứu độ người thân đã qua đời. (Tân lục)

Ở huyện Sơn âm, Cối Kê có một Thư sinh mất cả họ lẫn tên, trong

thân mình có chút bệnh tật, Thư sinh ấy phát nguyện ghi tả Kinh Duy Ma, ngay đêm mới lập đề Kinh, mộng thấy có một Thiên nữ đến đưa tay xoa thân mình Thư sinh. Sau khi tỉnh mộng, thân liền hết bệnh, Thư sinh ấy càng phát tín tâm, đến lúc hoàn tất một Bộ Kinh, Thư sinh ấy lại phát nguyện về song thân đã qua đời mà ghi tả thêm một bộ khác. Khi viết đến phần "Thăm Bệnh", bỗng nhiên mộng thấy có vị trời nương trong mây mà đến dừng nơi phòng và bảo rằng: "Tôi là cha của ngươi do vì nghiệp ác nên vị đoạ trong Địa ngục tối tăm, ngươi vì chúng ta mà tu tạo Kinh, bèn có ánh sáng soi chiếu đến nơi thân, nhân đó mà được dsứt khổ, sinh lên cõi trời. Do vui mừng nên đến báo cho biết rõ nguyên nhân". Khi đó Thư sinh lại hỏi: "Không biết thân mẫu hiện ở tại xứ nào?" Người ấy đáp: "Mẹ ngươi vì tham lam của cải nên bị đoạ trong loài ngạ quỷ, ngươi ghi tả Kinh đến phẩm "Phật Quốc" thì mẹ ngươi lìa khỏi khổ và liền sinh về cõi nước Bất động. Không bao lâu nữa Tôi cũng sinh về cõi nước ấy. Ngươi nên ân cần ghi tả cho hoàn tất!" Khi đã tỉnh mộng, Thư sinh ấy buồn cảm rơi lệ. Bộ Kinh ghi tả hoàn tất lại thiết bày cúng dường. Thư sinh ấy lại mộng một quan nhân mặc y phục khác la cầm nắm cờ hiệu đến mà nói rằng: "Trong văn điệp vời gọi của vua Diêm-ma có tên ông, nói ông ghi tả Kinh Duy ma nên có thể sinh đến cõi nước Đức Phật Kim Lật. vua ban cho ông tuổi thọ thêm hai mươi năm. Ông nên nỗ lực chớ biếng lười". Đến năm bảy mươi chín tuổi, Thư sinh ấy qua đời, thân sắc vàng ròng, mọi người đều gọi đó là sinh về cõi nước Đức Phật Kim Lật nên biểu hiện như vậy mà thôi.

21- Cảm ứng của Pháp sư Pháp tổ vì vua Diêm La mà giảng Kinh Thư Lăng Nghiêm.(Rút từ trong truyện).

Sa-môn Bạch Viễn tự là Pháp tổ, người xứ Hà Nội mới đến Trường An tạo dựng tinh xá. Ngài chuyên giảng tập Kinh Thủ Lăng Nghiêm. Bấy giờ có một người giòng họ Lý tên là Thônh chết đi sống lại kể rằng: "Thấy Pháp Tổ tại chỗ vua Diêm-ma, vì vua mà giảng Kinh Thủ Lăng Nghiêm, có vô lượng tội nhân nghe tiếng pháp sư giảng nên được sinh lên cõi trời thứ hai. Tự nói giảng xong sẽ sinh lên cung trời Đao-lợi. Ở các cõi trời ấy nếu nghe được Kinh này tức được công đức không thối lui.

22- Cảm ứng của Pháp sư Vân ở chùa Quang Tịnh giảng Kinh Thắng Ma mà trời giáng mưa.

Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương muốn cầu mưa,

Ngài Chí Công bảo thỉnh mời Pháp Sư Vân ở chùa Quang Trạch. vua liền thỉnh mời ngài giảng Kinh Thắng man mà trời mưa đượm nhuần khắp nơi.

23- Cư của người nữ nghèo khổ trì tụng Kinh Thắng ma mà hiện đời được làm Hoàng Hậu.(Rút từ Kim Bảo Ký).

Xưa kia, sau khi Đức Phật diệt độ trong khoảng ba trăm năm, tại nước A Du Xà, có một người nữ nghèo khổ thân thích đều không có, thường ngày chuyên lượm củi để tự nuôi sống, những lúc rãnh rỗi thì thọ trì Kinh Thắng man. Người nữ nghèo khổ ấy vì lượm củi mà vào núi, thân mình mệt lã nên chẳng thể trở ra, bèn nằm trong núi mà tụng Kinh. Bấy giờ vua vào núi săn bắn, bỗng nhiên thấy người nữ ấy có mây phủ trên thân mình, vua lấy làm lạ bèn đến gần trông xem, thấy rõ là một người nữ đoan chánh nên vui mừng đưa về cung, lập làm Hoàng Hậu. Tại nước ấy từ lâu không lưu hành Kinh điển, đến lúc đó mới trở lại thỉnh cầu giáo pháp, từ đó mới có được bản Kinh ấy.

24- Cảm ứng của Thiền sư Đạo Trân tụng Kinh A Di Đà mà được vãng sinh Tịnh độ.(Rút từ Thuỵ Ứng truyện)

Thiền sư Đạo Trân ở thời nhà Lương niệm Phật tạo Thủy Quán, mộng thấy nước có trăm người đi thuyền, ngài muốn sang Tây phương mới cầu xin được chở đi, người trên thuyền trộng thấy ngài không cho. Ngài nói: “Một đời tôi tu nghiệp tây phương, cớ sao không cho?” Người trên thuyền bảo: “Hạnh nghiệp sư chưa tụng Kinh A Di Đà và tạo nhà tắm”. Kho đo, thuyền mọi người đồng một lúc đều đi. Ngài không được đi bèn khóc gào đến tỉnh giấc mới trì tụng Kinh A Di Đà và làm phòng tắm chúng Tăng. Lúc khác ngài lại mộng thấy một người cưỡi trên lầu đài bằng bạc trắng hua tay bảo ngài rằng: “Hạnh nghiệp của ông đã viên mãn cần khéo nên dụng tâm nên ta đến cùng báo, nhất định người sẽ vãng sinh về Tây Phương”. Đến đêm ngài thị tịch, trên đảnh núi sáng rực như có vài mươi đuốc lửa, có mùi hương thơm khác lạ lan toả khắp chùa. sau khi ngài tịch có người nhặc được duy ký lúc bình sinh của ngài trong hộp Kinh.

25- Cảm ứng của pháp sư Đàm Loan được Kinh Quán Vô lượng Thọ mà vãng sinh Tịnh độ.

Trong thời nhà Tề, Pháp sư Đàm Loan gặp được Kinh Tiên mười quyển ở tại Trung Hoa, muốn phỏng hỏi Đào Ẩn để ở học Tiên thuật.

Sau, gặp được Tam Tạng Pháp sư Bồ-đề, ngài hỏi: “Trong Phật Pháp có pháp trường sinh bất tử ưu thắng hơn Kinh Tiên ở xứ này chăng? Ngài Bồ khạc nhổ nơi đất mắng quở trách rằng: “tại phương này nơi nào có pháp Trường sinh bất tử? Giả sử như có kéo dài mạng sống cuối cùng cũng vẫn đoạ lạc trong ba cõi. và liền đem Kinh Quán Vô lượng thọ trao cho ngài mà bảo rằng: “Đây là Đại Tiên Phương, y cứ đó mà thực hành hẳn sẽ được giải thoát, xa lìa sinh tử”. Ngài liền lấy lửa thiêu đốt Kinh Tiên. Bỗng trong nữa đêm nọ, ngài cảm được Bồ-tát Long thọ vì nói kệ tụng. Ngài mới biết thọ mạng sắp chung, bèn cầm nắm lò hương xoay mặt về hướng tây xưng niệm danh hiệu Phật và thị tịch, nghe giữa không trung có tiếng âm nhạc từ phía tây vọng lại, chỉ chốc lác liền đi vậy.

26- Cảm ứng của Sa-môn Tăng cảm ở Tinh châu thọ trì Quán Kinh và Kinh A Di Đà mà được vãng sinh Tịnh độ.

Tại Tinh Châu có vị Tỳ-kheo tên là Tăng Cảm chuyên thọ trì Kinh Quán Vô lượng thọ và Kinh A Di Đà lấy làm hạnh nghiệp chánh. Ngài mộng thấy thân mình làm lông cánh, bên tả là văn Kinh Quán Vô lượng thọ và bên hữu là văn Kinh A Di Đà, ngài muốn bay lên mà thân còn hơi nặng. Sau khi tỉnh giấc ngài càng trì tụng hai Kinh ấy. Ba năm sau lại mộng thấy long cánh đã dài, ngài muốn bay, thân mình có phần nhẹ. Lại trải qua hai năm nữa ngài mộng thấy thân mình nhẹ dàng, bay vọt giữa hư không chẳng ngăn ngại, liền thẳng hướng tây mà bay đi đến nước Cực lạc. Khi ấy có một Đức Phật và hai vị Bồ-tát bảo ngài rằng: “Ngươi nhờ sức tụng Kinh được đến nơi ngẳn mé cõi Cực lạc, người sớm trở về lại nơi cõi Ta Bà, mỗi ngày trì tụng bốn mươi sáu quyển qua một ngàn quyển, sau đó ngươi mới sinh nơi thượng phẩm”. Sau khi tỉnh mộng, niệm ngài bèn y theo lời nói ấy mà tu hành, ba năm sau, ngài thị tịch, tại chỗ ngài nằm liền mọc lên bảy cánh hoa sen suốt bảy ngày sau mà Hoa vẫn không héo rơi.

27- Cảm ứng của sự giảng Kinh Kim Quang Minh ở nước phía Tây Ấn Độ mà nước thù địch được hòa. (Rút từ Khai Nguyên lục và Ma Đằng truyện).

Ở phía tây Ấn Độ có một nước nhỏ thỉnh mời Tôn giả Ca Diếp Ma Đằng giảng Kinh Kim Quang Minh, bỗng chốc mà quân lính ở nước láng giềng kéo lại đã lấn chiếm trên địa vức, liền có sự ngăn ngại, binh lính ấy không thể tiến thêm nữa. Binh lính nước ấy nghi ngờ cho là có

pháp thuật kỳ lạ mới kín sai sứ đến dò xem, chỉ thấy Quần thần vẫn an nhiên cùng lắng nghe giảng Kinh Đại thừa nói rõ về Pháp vua Thần đất gìn giữ cõi nước. Khi ấy, nước kia bèn xin cầu phương pháp hòa giải và đều được an ổn vậy.

28- Cảm ứng của sự giảng Kinh Kim Quang Minh tối Thắng ở nước Trung Ấn Độ.(Rút từ tây Quốc truyện).

Tại Trung Ấn Độ có một đất nước tên là Bôn-Na-Phạt-Đàn-Na, sau khi Đức Phật Như Lai diệt độ khoảng tám trăm năm, đất nước ấy hoang đàn, ngũ cốc chẳng tươi tốt, vua tôi dân chúng trong nước đói kém, dịch bệnh hoành hành, người chết non đầy đường. Vua hỏi Quần thần rằng: “Có phương tiện gì để cứu khổ hoạn này chăng?” Có bề tôi thông minh trí tuệ tâu vua rằng: “Trừ yêu nghiệt trong nước nhà không gì bằng Kinh Phật.vua nên tu hành theo Phật giáo”. Vua hỏi: “Kinh điển gì?” Bề tôi đáp: “Xưa kia, tại nước Ma-kiệt-đà vì cứu trái nạn nên nương pháp giảng Kinh Kim Quang Minh tối Thắng Đế Vương.Vì vậy ngài nên giảng nghe Kinh ấy.”, vua liền thỉnh mời pháp sư suốt nột mùa hạ giảng được năm hiến. Bấy giờ mộng thấy có các Đồng tử cầm nắm gậy trúc đánh đuổi ác quỷ ra khỏi đất nước, liền đó dịch bệnh chóng dứt. Lại mộng thấy có quỷ thần với sức lực mạnh mẽ đào cuốc đất đai, nước ngọt tuông trào thấm khắp ruộng đồng,liền có lúa mạ tươi tốt, ngũ cốc được mùa. Chưa đầy một năm mà dân chúng cả nước giàu có, lấy làm một năm thử nghiệm vậy.

29- Cảm ứng của Trương cư Đạo đang trên đường đến Minh phủ phát nguyện tu tạo bốn quyển Kinh Kim Quang Minh.

Xưa kia, tại Ôn Châu có Trương Cư Đạo nhân việc cưới gã con gái nên giết hại các vật heo, dê, ngỗng, vịt v.v... Sau đó chưa đầy một tuần, bèn cảm mắc bệnh nặng mà qua đời, trải qua ba đêm sau, sống lại Trương Cư Đạo kể rằng: “Mới đầu thấy có bốn người đến rút một trang văn thư từ trong bụng ra chỉ bày cho Trương Cư Đạo thế đó là văn từ của các vật heao, dê, ngỗng, vịt v.v... đồng tố cáo rằng: “Heo v.v... tuy thân đời trước tích chứa tội ác nên nay phải nhận chịu làm thân súc sinh, nhưng mỗi tự có niên hạn tuổi tác, bèn bị Cư Đạo giết hại oan uổng nên xin xét đoán, sau đó có phán sai ty mang đuổi bắt” Và liền đánh trói buộc dẫn đi, thẳng một đường đến phía bắc, đang giữa đường kẻ sứ bảo rằng: “Ông chưa đáng phải chết nhưng phải có hơn ba mươi kẻ chuyên tại dưới đáy cửa vua, ăn năng khó kịp vậy”. Trương Cư Đạo nói: “Tôi tự

tính tội đã trái phạm thật khó thoát khỏi, xin bày cho một phương kế". Kẻ sứ bảo:"Ông nên vì các vật bị giết hại mà phát tâm nguyện tu tạo bốn quyển Kinh Kim Quang Minh thì sẽ được thoát khỏi nạn". Trương Cư Đạo theo lời bảo ấy liền xướng lời ấy, chỉ chốc lác trông nhìn cửa thành thấy trước sảnh của vua có vô số muôn ức người tiếng kêu la ai oán đau đớn không thể nghe nổi. Kẻ sứ gọi tên, vua liền đem trạng văn tố cáo của các vật heo v.v... ra chỉ bày. Trương Cư Đạo thuật lại lời trạng phát nguyện. Các vật bị giết hại nương nhờ công đức đó nên đều theo nghiệp mà hóa hình thác sinh. vua hoan hỷ cho Trương Cư Đạo trở lại đường sống". Nghe được nhân duyên đó mà phát tâm tu tạo Kinh có hơn trăm người, và chấm dứt sự giết hại ăn thịt thì có cô số người. (Lại có truyện Thừa thê thoát khổ ở huyện An cố, nhưng phiền nhiều chẳng ghi thuật đó).

30- Cảm ứng của Hoàng Hậu Tắc Thiên cúng dường Kinh Kim Quang Minh tối Thắng Vương.(Rút từ Hoàng Hậu truyện).

Sa-môn Tam Tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh người xứ T6è Cha6uvo61n giòng họ Trương, tự là văn minh, ngài phát chí nguyện vân du Tây vức, trải qua hơn ba mươi nước. Đến năm Chương Thánh thứ nhất (695) thời Thiên Hậu (Võ Tắc Thiên), ngài về đến Hà Lạc. Thiên Hậu nhận Phật dự ghi kính trọng Đạo pháp. Ngày mồng bốn tháng mười năm Trường An thứ ba (703), phiên dịch Tỳ Sa-môn Bà Luân, tại chùa Tây Minh do các Sa-môn Huệ Biểu, Huệ Trị bút thọ. Đến ngày mười lăm tháng mười liền thiết bày cúng dường tại chùa Tây minh, cúng hai cây phan dài một trăm thước, bốn mươi chín cây phan mỗi cây dài bốn mươi chín thước, trăm xấp lụa quyên, các thứ hương hoa v.v... đều dùng bảy báu để trang nghiêm. Khi ấy, mây tía phủ khắp cả chùa, Kinh quyển toả phóng ánh sáng, quả đất rung nhẹ, trời mưa hoa nhỏ nhiệm. Nếu chẳng phải nhận sự dự ghi của Đức Phật, thì ai là người sau khi Phật diệt dộ trong năm trăm năm mà có được sự cảm ứng như vậy.

31- Cảm ứng của Diêu Hải ở Tử Châu vì người thân qua đời mà tự ghi tả bốn bộ Kinh Đại thừa.(Rút từ Kim cang Bát Nhã ký v.v...)

Diêu Hải người xứ Huyện Thê, Tử châu, Năm Trường An thứ tư (704) thời Vũ Hậu-tiền Đường, có tang nên phát nguyện vì song thân đã qua đời mà tự ghi tả bốn bộ Kinh Đại thừa. Trong đó, Kinh Pháp Hoa và Duy ma mỗi loại một bộ, Kinh Dược sư mười quyển, Kinh Kim Cang Bát Nhã một trăm quyển. Đang lúc ban ngày giữa trưa, có một con nai

xung xáo qua cửa mà vào đứng trước án Kinh, ngẩn đầu đưa lưỡi liếm vào án Kinh. Con chó trong nhà trông thấy mà chẳng liền sủa. Diêu Đải bước xuống khỏi sàng ôm bắt lấy, con nai ấy cũng chẳng Kinh sợ, bèn vì nó mà cho thọ pháp Tam quy, nó nhảy nhót lên tới đùi vế, phóng thả ra, nó cũng chẳng chịu đi. Lại có Lý Hồi Nô là con của nhà Đồ tể lại đứng trước án Kinh, cầnm nắm quyển Kinh Bát Nhã mà rão đi. Sau khi đã đi không thấy trở lại nữa, chẳng biết đi đâu.(Khi ấy có người láng giềng mộng nói con nai ấy là mẹ của Diêu Đải, còn đứa trẻ con nhà Đồ tể là chị của Diêu Đải, mỗi người tự ý theo nghiệp mà nhận chịu thân khác. Diêu Đải tự vì ghi tả Kinh nên đến nhận sự cảm hóa mà thôi vậy.

32- Cảm ứng của Trương Tạ Phu ở thời Tiền Đường tụng Kinh Dược Sư mà dứt trừ khổ bệnh.(Rút từ Tam bảo Ký).

Trong thời Tiền Đường có Tạ Phu vốn giòng họ Trương cảm mắc bệnh nặng. Vợ con trong nhà thỉnh mời chúng tăng suốt bảy ngày bày đêm đọc tụng Kinh Dược Sư. Đến đêm đã hoàn mãn, Trương tạ Phu mộng thấy co chư Tăng đem quyển Kinh che phủ trên thân mình, sau khi tình giấc bèn được bình phục như cũ, tự nói đó là do công sức của Kinh vậy.

33- Cảm ứng của Trương Lý Thông ở thời Tiền Đường ghi tả Kinh Dược Sư mà được kéo dài Thọ mạng.

Trương Lý Thông năm hai mươi bảy tuổi, có một thầy tướng thấy mà bảo rằng: “Tuổi thọ của ông quá ngắn ngủi, chẳng qua khỏi ba mươi mốt tuổi”Lý Thông buồn rầu tìm đến nương tựa Mại Công. Mại Công bảo: “Có phương pháp để được trường thọ. Ông nên đem tâm cung kính ghi tả thõ trì”. Và liền trao cho Kinh Dược Sư bản dịch của pháp sư Huyền trang. Lý Thông nói: “Công việc ở đời rất sợ qân cương quở trách, thọ trì thật vô cùng khó khăn, nay trước phải ghi tả”. Và liền thỉnh quyển Kinh, tinh thành tự ghi tả. Do việc ở đời cùng bức bách, nên mới được một quyển vị thầy đoán tướng trước kia gặp lại Lý Thông, liền bảo: “Rất là hiếm có, rất là hiếm có! Ông có công đức gì mà chóng được kéo dài tuổi thọ thêm ba mươi năm?” Lý Thông bèn đem sự việc trên mà kể lại, mọi người nghe mà quy tâm kính hưởng đông nhiều.

34- Cảm ứng của sự ghi tà hoằng truyền Kinh Đại Tỳ Lô Giả Na.

(Rút từ lời tựa của Kinh).

Xưa kia, trong địa vức của bắc Thiên Trúc có một nước nhỏ tên là Bột Lỗ La, ở phía bắc thành nước ấy có một núi đá lớn, vách đứng cao ngàn nhận, ven sườn dài muôn trượng, ở kưng chừng núi có một hanh ẩn tàng Bí pháp. Thường năm vào tháng bảy có các Thánh giả nhóm tập trong đó, lại có vài ngàn con khỉ vượn bưng Kinh ra hang phơi. Đã đang lúc sáng sớm tinh sương, phảng phất trông thấy đó, nhưng múôn lên thì không có thềm cấp. vì trông xem mây chim nhạn lại gặp khi gió bão bỗng kéo đến mới thổi bay một hòm phạm bản xuống. Khi ấy áo người đi hái cửi gặp được, trong thấy kỳ đặc bèn liền đem dâng lên vua. vua đã nhận lấy, cho là chưa từng có, Đến chiều tối ngày hôm đó, có một con khỉ lớn đến đòi Kinh đó, chỉ cần chưa trả, con khỉ ấy liền muốn tự hại thân mạng, vua mới dùng phương tiện khéo léo, ân cần đôi ba phen nói rằng: "Con khỉ thấy ngôn từ của vua khẩn thiết bèn hứa thuận đó mà nói rằng: "Tạm có thể nhận chịu từ trước, nội trong ba ngày tức sẽ lại lấy đi." vua,ới sai phân các nhóm khéo giỏi ghi tả để kịp thời hạn mà hoàn trả. vua chỉ một Minh Thái tử cùng truyền cho bản Kinh đó, không lưu xuất ra ngoài. Gần đây có A Xà Lê Đại Du Già ở Trung thiên từ xa giẫm bước khắp núi sông tìm câu Bí tạng quý Báu. Khi ấy vua trông thấy A Xà Lê có sự kỳ dị mới vui mừng mà truyền cho Kinh đó.

35- Cảm ứng của sự ghi tả thần chú Tuỳ Cầu Đa-la Ni buộc đeo nơi cổ mà được diệt tội.(Rút từ ghi chú quyển thượng).

Từ có vị Tỳ-kheo tâm luôn nghĩ nhớ thanh tịnh kính tin. Đối với giới luật Như Lai cấm chế có sự trái phạm, chẳng dốc lấy vật của chúng Tăng hiệu tiền, vật của chúng tăng Ký đem vào riêng mình dùng. Về sau cảm mắc bệnh nhận chịu mọi khổ não. Khi đó vi Tỳ-kheo ấy không có người cứu giúp, kêu gào vang tiếng lớn. Tại xứ đó có một Bà-la-môn nghe tiếng gào đó liền sang đến chỗ vị Tỳ-kheo mắc bệnh ấy mà sinh tâm thương cảm, liền vì ghi tả thần chủ Tuỳ cầu Đại Minh Vương Đà La Ni rồi đeo vào dưới cổ vị Tỳ-kheo ấy. Mọi thứ khổ noã đều dứt mất,Vị Tỳ-kheo ấy mạng chung đoạ vào Địa ngục Vô gián. thi thể vị Tỳ-kheo ấy an táng trong Tháp, thần chú Đà La Ni ấy đeo mang trên người nhận chịu tội, các thứ thống khổ thảy đều ngưng dứt và đều được An Lạc. trong Địa ngục A-tỳ nơi có lửa dữ, do sức oai đức của thần chú ấy mà thảy đều tiêu mất.

36- Cảm ứng của Kinh Tôn Thắng Đà La Ni được thỉnh lại.
(Rút từ lời tựa và mục Lục của Kinh v.v...).

Sa-môn Phật-Đà-Ba-Lợi, tiếng Trung Hoa dịch nghĩa là giác Hộ, ngài người nước Kế Tân thuộc Bắc Ấn Độ. Ngài quên mất thân mạng, nghe Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở tại núi Thanh Lương nên từ xa giẫm bước đến tự thân muốn lễ bái yết kiến mong được trông thấy Thánh dung. Bỗng thấy một ônh già tử trong núi đi lại nói cùng ngài rằng: “Sư từ nước ấy lại có mang theo Kinh Tôn Thắng Đà La Ni đến chăng? Chúng sinh ở cõi này phần nhiều tạo các thứ tội. các hàng xuất gia cũng lắm sai phạm. Thần chủ Phật Đảnh là Bí pháp diệt tội. Nếu chẳng mang Kinh ấy theo thì chỉ nhọc lại đâu có ích gì. Giả sử như có được thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cũng không thể nhận biết. Sư có thể trở về nước ấy thỉnh Kinh đó lại lưu truyền nơi cõi này”. Ngài nghe lời ấy rồi, mừng vui nhảy nhót không thể tự ngăn dừng. Khoảnh khắc ngẫn đầu, bỗng nhiên ông già ấy đã biến mất. Ngài kinh ngạc bèn trở về lại nước mình thỉnh được kinh ấy đem vào trong núi Ngũ Đài, mãi đến nay vẫn chẳng thấy ra.

37- Cảm ứng của đứa trẻ nghe tụng Kinh Thọ mạng mà được kéo dài Thọ mạng.(Rút từ lời tựa của Kinh số).

Cuối niên hiệu Khai Nguyên (742) thời vua Huyền Tông (Lý Long Cơ-thời Tiền Đường), có một vị thầy đoán tướng chỉ nghe tiếng tức liền biết được tuổi thọ ngàn dài. Đến chùa Tư Thánh, nghe ngoài cửa có tiếng nói, thấy tướng ấy đoán biết tuổi thọ chỉ nội trong ngày ấy, liền bước ra trông nhìn thì là đứa trẻ vừa mới mười ba tuổi dung mạo sắc tướng đoan chánh, bèn buồn thương mà đi vào. Đến sáng ngày hôm sau lại nghe tiếng nói của đức trẻ ấy, thì tuổi thọ đã kéo dài đến ngoài bảy mươi, thầy tướng sinh khởi ý niệm kỳ đặc liền ra hỏi về nguyên do. Đứa trẻ ấy nói:”Đêm qua Tôi dừng ngủ tại Tăng phòng nghe tụng Kinh Thọ mạng, ngoài ra không việc gì khác”. Thấy tướng tán thán rằng: “Phật pháp thật không thể nghĩ bàn, dùng trí tuệ đoán tướng không thể nhận biết được đó vậy.”.

38- Cảm ứng của Vương nử ở nước Ô Kỳ trì tụng Kinh Bát Nhã mà dứt trừ oán hại. (Rút từ Kinh Minh Nghiệm tán ký).

Xưa kia, tại nước Ô Kỳ, dân chúng mắc phải dịch bệnh diệt mất hơn một nữa. Có một Vương Nữ tên là Điển Ni, sau khi mang thai, dần đến chín tháng, người mẹ bị bệnh nặng, thai con đã chết mất, Vương Nữ vào nơi chỗ mờ tối lo sợ vô cùng, chuyên bức bách muộn tuyệt. Không cậy nhờ. Vương Nữ khiếp sợ, ngày đêm rơi khóc, đọc tụng Bát Nhã Tâm

k. Do sức Thần của Kinh mà thai con sống lại, an ổn sản sinh, tật bệnh được bình phục. Tiếng khóc lóc kêu của đứa con ấy khác lạ nơi đời, và thường tụng Kinh Ma-ha Bát Nhã Ba La mật. vua tôi rất vui mừng, đặt gọi tên là "Ba La". Đến ăm ba tuổi, đứa con ấy nói Bát Nhã liểu nghĩa. Đến năm bảy tuổi trở thành Thái Tử thông minh mẫn duệ, thấu hiểu Tam Tạng, tài tuấn ở đương thời. Mọi người đều mừng vui kinh sợ hành sự của đứa con ấy. Khắp cả nước nhà đều đọc tụng Kinh, tật bệnh không còn nỗi dậy. Thiên hạ thái bình, muôn dân được An Lạc.

39- Cảm ứng của vua nước Tất Thí ghi tả trì tụng Kinh Bát Nhã mà dứt trừ oán hại v.v...

Xưa kia, nước Tất Thế là một nước nhỏ ở ven bờ, giòng tộc của vua dứt mất sự tiếp nối, phải chịu khổ dịch phụ thuộc nước gần đó, các hàng quý nhân sang giàu trốn lánh rãi rác đến các xứ khá. Dân chúng phần nhiều oán thán nhà vua. Các nước đua nhau đến bức hiệp cướp đoạt. Bấy giờ có vị Thánh chúa tên là Thính Hửu là bậc trí tuệ vang danh, trong Tâm tự tư duy Phật pháp linh nghiệm tại Bát Nhã Tâm Kinh. Quán xét như thế rồi, ban cáo khắp trong nước nhà cá hàng nam nữ lớn nhỏ, mỗi mỗi đều phải ghi tả đọc tụng Bát nhã Tâm Kinh, mỗi mỗi sớm mai một kỳ hạn. Chuẩ theo hình luật mà ước chế, khen phong chức vị mà khuyên răn. Chỉ thời gian ba năm mỗi mỗi sáng mai trì tụng một biến khắp cùng cả nước nhà, nên rồng thân vui vẻ. Khi ấy các nước sinh khởi ác tâm đến nước Tất Thế thì quên lính ấy hoặc chết hoặc đều rơi lạc mất. Như có bọn phản nghịch. Khi ấy, nước Tất Thí sau khi đã được bình định, dầu kéo dài đến mười năm lan toả hơn ba mươi nước thành Đại Thánh chúa, các phương như Quý Hồ v.v... có ba mươi bốn nước, Sở Triều v.v... hai mươi tám nước, gọi là cảm hai nghiệm, riêng người ghi tả đọc tụng cứu hộ đời, người hành trì luôn theo lệ thường, hết thảy chúng sinh không ai chẳng được cứu hộ.

40- Cảm ứng của Vị hoạc Khắp Tam Tạng mở đầu bước đường đi Tây vức mỗi ngày trì tụng hai mươi mốt biến Kinh Bát Nhã.

Pháp sư Huyền Trang vốn tên Vĩ, giòng họ Trần. Năm Trinh Quán thứ ba (629) thời Tiền Đường, bắt đầu gậy trượng lên đường, mỗi ngày ngài tụng Bát Nhã Tâm Kinh hai mươi mốt biến, phát lời thệ nguyện rằng: "Bần Đạo vì muốn cầu Đại pháp nên cất bước đến Tây phương, nếu không đến được nước Bà-la-môn thì trọn chẳng trở về lại phương Đông. Giả sử có bỏ mất thân mạng giữa đường cũng không gì phải hối

hận”.Thật trong nhật khinh, ngài vân du đến Tây vức suốt mười bảy năm, mọi sự tai mắt nghe thấy trải qua một trăm ba mươi tám nước. Nếu đến nơi nào gặp phải chướng nạn, ngài trì tụng Bát Nhã Tâm Kinh và xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, và thảy đều thoát khỏi mọi khiếp sợ. Đến tháng giêng năm Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, ngài mới trở về. Khi đã đến Trường An, các Kinh luận ngài thỉnh về được cả thảy sáu trăm năm mươi bảy bộ, ngài tự nói: “Đó đều là do sức lực của Bát Nhã Tâm Kinh và Bồ-tát Quán Thế Âm vậy.

41- Cảm ứng của lúc phiên dịch Kinh Đại Bát Nhã.

(Rút từ Từ Ân truyện).

Ngày mồng một tháng giêng năm Hiển Khánh thứ năm (660) thời Tiền Đường, bắt đầu phiên dịch Kinh Đại Bát Nhã. Theo Kinh văn phạm bản có cả thảy hai mươi vạn bài tụng. Văn đã rộng nhiều, nên Đồ chúng mỗi mỗi đều xin dan định lược bớt. Ngài (Huyền Trang) cũng tuỳ thuận theo ý của Đại chúng, như ngài La Thập phiên dịch bỏ rườm rà bớt trùng lập, khởi nên ý niệm ấy rồi, liền ở trong mộng thấy có những sự rất khiếp sợ, hiện tướng kinh răn như thấy giẫm trải qua mọi thứ hiểm nguy, hoặc thấy thú dữ bắt lấy người, kinh sợ toát đổ mồ hôi mới được thoát khỏi. Sau khi tỉnh giấc vẫn còn kinh sợ, ngài liền đ1ên trước Đại chúng kể rõ vie6c ấy và trở lại phên dịch đầy đủ theo nguyên bản. Đêm đến, ngài lại mộng thấy chư Phật Bồ-tát toả phóng ánh sáng giữa chặn mây soi chiếu khắp thân mình ngài, trong tâm ý vui thích, Ngài lại thấy tự tay mình cầm nắm hoa đèn cúng dường chư Phật, hoặc lên tòa cao vì Đại chúng mà giảng pháp. Có nhiều người vây quanh tán thán cung kính. Hoặc mộng thấy có người đem hoa quả cúng dường ngài, Sau khi tỉnh giấc, ngài vui mừng, không dám lước bỏ, mỗi mỗi đều y theo phạm bản mà phiên dịch.

Đức Phật giảng nói Kinh Đại Bát Nhã ở bốn trú xứ: một là tại núi Linh thứa ở thành Vương Xá, hai là tại vườn Cấp Cô Độc, ba là tại cung trời Tha hóa tự tại, bốn là tại tinh xá Trúc lâm ở thành Vương xá, và cả thảy có mười sáu hội, nay làm thành một bộ. Nhưng khi ngài đến Tây vức thỉnh được ba bản, đến đậy ngày phiên dịch với văn bản nghi có sự sai lầm nên phái kiêm xét cả ba bản để xác định, chăm chú xét lại mới viết thành văn Kinh. Tâm ý cẩn trọng xét khảo từ trước chưa Kinh nào như thế. Hoặc như văn Kinh có trái với yêu chỉ sâu mầu, có ý do dự, hẳn cảm thấy có cảnh giới khác tợ như có người trao cho mà rõ ràng quyết định, tính thức liền rõ ràng như vạch mây mà trông nhìn mặt nhật. Ngài

tự nói:"Như điềm tỏ ngộ đây, đâu phải cõi lòng thiển cạn Huyền Trang tôi mà thông được, mà đều là do chư Phật Bồ-tát thầm gia hộ vậy". Hội đầu trong Kinh có phẩm: "Trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật". Trong phẩm ấy nói:' các chúng Bồ-tát Ma-ha Tá vì Bát Nhã Ba La Mật Đa nên dùng Thần Thông nguyện lực, khắp cả đại Thiên Thế giới có các thứ trân báu thượng diệu, các thứ hương hoa vi diệu trăm thứ uống ăn, y phục âm nhạc thảy đều tuỳ ý, Khởi sinh năm thứ vi diệu, muôn ức các thứ cúng dường để trang nghiêm nơi nói pháp: "Khi ấy chủ chùa ngọc hoa là Sa-môn Tuệ Đức và Sa-môn Hỷ Thượng trong chúng Tăng phiên dịch Kinh, đêm đó đồng cảm mộng thấy trong chùa Hoa Ngọc rộng thoáng nghiêm tịnh, trang sức tráng lệ, tràng trướng xe báu, hoa phan kỷ nhạc đầy khắp trong chùa. Lại thấy có vô lượng chúng Tăng tay nắm lọng lụa như trước mà cúng dường Kinh Đại Bát Nhã. Các lối đường đi tường vách trong chùa thảy đều trang nghiêm, đất trải các thứ danh hoa, Tăng chúng cùng giẫm bước trên đến viện phiên dịch Kinh, gấp bội sự thắng diệu như trong Kinh ghi tả vật báu trang nghiêm cõi nước. Lại nghe trong viện nơi ba giảng đường đều có giảng pháp, Pháp sư (tức Huyền Trang) ở trong giảng đường mà tuyên giảng. Đã thấy thế rồi, cả hai vị điềm mộng. ngài bảo: "Hiện nay đan gphie6n dịch phẩm Kinh ấy, chư vị Bồ-tát hẳn có cúng dường. Chư vị thấy tin vậy ư?" Khi ấy bên cạnh chánh Điện có hai cây lý, bỗng nhiên trái mùa mà hoa đang nở, hoa đều sáu màu hồng trắng ánh ngời tươi đẹp khác thường rất đáng ưa thích. Khi ấy, Đại chúng ban luận rằng: "Đó là điềm hiện khai diễu Bát Nhã. Lại Hoa nở sáu màu tức biểu hiện của sáu Pháp Ba La mật vậy".

Đến ngày hai mươi ba tháng mười năm Long Sóc thứ ba (663) thời Tiền Đường, mới gát bút trang nghiêm. Bộ Kinh hợp thành sáu trăm quyển xưng gọi tên là Kinh Đại Bát Nhã. Ngài chấp tay hoan hỷ bảo cùng Đại chúng rằng: "Đậy là có duyên với xứ này vậy. Huyền Trang tôi đến chùa Ngọc Hoa này là do sức của Kinh vậy."

42- Cảm ứng của sự cúng dường Kinh Đại Bát Nhã lần đầu tiên.

(Rút từ phiên Kinh tạp ký).

Sa-môn Thích Tịnh Chiếu là Đô Duy Na chùa Ngọc Hoa vui mừng công việc phiên dich Kinh Đại Bát Nhã đã hoàn tất, bèn đem tấu trình cùng vua Cao Tông (Lý Trị), Kinh phiên dịch đã hoàn tất nên thiết trai hội cúng dường. Vua Cao Tông hoan hỷ trang nghiêm điện Gia Thọ thiết lập trai hội, trong hoàng các thứ tràng phan lọng báu các thứ cúng dường rất mực xinh đẹp. Đến ngày ba mươi tháng mười năm Long Sóc

thứ ba (663) thời Tiền Đường, nghinh thỉnh Kinh từ điện Túc Thành sang điện Gia Thọ, nơi trai hội giảng giải đọc tụng. Đang lúc nghinh thỉnh Kinh, Kinh Đại Bát Nhã toả phóng ánh sáng soi chiếu khắp xa gần, trời mưa hoa báu vi diệu, lại có mùi hương thơm khác thường. Khi ấy. Pháp sư Huyền trang bảo cùng Đại chúng rằng: “Kinh tự nói tại phương này, sẽ có nhạc Đại thừa vậy. Quốc Vương đại thần, bốn bộ Đại chúng ghi tả thọ trì đọc tụng lưu truyền đều được sinh lên cõi trời, cúôi cùng giải thoát. đã có văn đó không thể im lặng”. Lại nữa, Sa-môn Tịch Chiếu tự cảm mộng, thấy ngàn Đức Phật ở giữa không trung, khác miệng đồng lời mà nói kệ tụng rằng:

“Bát nhã Phật mẫu Pháp sâu mầu
Ở trong các Kinh là thứ nhất
Nếu người có được một Kinh ấy
Thật được thành đạo Đẳng chánh giác
Ghi tả thọ trì và đọc tụng
Một hoa một hướng dâng cúng dường
Là người hiếm có hơn điềm linh
Là người hẳn dứt ngăn sinh tử v.v...”

Sau khi tỉnh mộng, liền bạch cùng Phật sư Huyền Trang. Ngài Huyền trang bảo: “Đó là ngàn Đức Phật trong Kinh hiện vậy”.

43- Cảm ứng của một thư sinh ở trung niên hiệu Càn Phong thời Tiền Đường y cứ sắc ban của vua Cao Tông mà ghi tả một pho Kinh Đại Bát Nhã. (Rút từ truyện Tan lục).

Trong niên hiệu Càn Phong (666-668) thời Tiền Đường, có một Thư sinh cảm mắc bệnh mà qua đời, qua một ngày và hai đêm sau, sống lại kể rằng: “Lúc đầu tôi mới chết có một minh quan mặc y phục sắc đỏ đưa văn điệp mời gọi, tôi bèn theo minh quan đến cửa thành lớn. Sứ giả nói rằng: “Đại Vương ở trong thành, đó là vua Tức “Tránh”, đưa văn điệp kia mời gọi ông. Khi đó tôi kinh sợ, thấy tự thân mình từ tay phải toả phóng ánh sáng lớn soi chiếu thẳng đến trước vua, rực rỡ hơn cả ánh sáng nhật nguyệt. vua kinh lạ, từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay tầm theo ánh sáng mà đưa đẩy ra cửa. Vua kinh lạ hỏi tôi rằng: “Ông có công đức gì mà từ tay phải toả phóng ánh sáng?” Tôi liền đáp: “Tôi trọn chẳng tu pháp lành nào. Lại chẳng biết nguyên nhân toả phóng ánh sáng”. Vua bèn trở lại trong thành, kiểm xét trong một quyển sách rồi ra thành vui vẻ nói cùng tôi rằng: “Ông y cứ theo sắc vua cao Tông (Lý Trị), ghi tả mười quyển Kinh Đại Bát Nhã. Do tay phải nắm bút ghi tả nên từ tay

đó tỏa phóng ánh sáng” Khi ấy tôi nhớ biết lại được việc ấy. vua nói: “Nay phóng thả ông sớm trở về”. Khi ấy Tôi nói cùng vua”: Tôi quen đường trở về”. Vua bảo: “Ông tìm theo ánh sáng mà trở về”. Tôi liền theo lời vua chỉ bảo, về gần đến nhà cũ, ánh sáng tự nhiên ẩn mất, mà tôi sống tỉnh lại”. Nói nhân duyên đó xong, Thư sinh ấy buồn mừng đổ lệ, dốc hết của cải vốn có để ghi tả sáu trăm quyển Kinh Đại Bát Nhã. Đó là do thân gần nghe vậy.

44- Cảm ứng của sự đọc tụng cúng dường Kinh Đại Bát Nhã của vua nước Tam Ma Đát Tra tại phía Đông Ấn Độ. (Rút từ Cầu Pháp Ký).

Thiền sư Tăng Triết ở Lễ Châu nghĩ muốn kính mộ các Thánh Tích, bèn theo thuyền đến Tây vức. Khi đã đến Tây vức, tuỳ duyên mà hoằng hóa, vân du kính lễ khắp cùng, rồi trở về đông Ấn Độ, đến nước Tam-Ma-Đát-Tra. Vua nước đó tên là Hạt-La-Xã-Bạt-Tra, vua rất kính tin Tam bảo hết mực chí thành ngời sáng hơn cả trước sau. Thường mỗi ngày tạo mười vạn tôn tượng Chá mô ni, đọc tụng mười vạn kệ tụng Kinh Đại Bát Nhã, dùng mười vạn cảnh hoa tươi mới xinh đẹp đích thân đến cúng dường trong Vương thành. Chư Tăng ở trong thành có bốn ngàn vĩ, đều nhận sự cúng dường của vua. Mỗi mỗi sớm mai, vua bèn vào chùa chấp tay, trước phòng gấp làm việc nước nhà, vua kính Phật hụng thăm hỏi: “Chư Pháp sư đêm qua có được an hòa chăng?” Chư Tăng đáp rằng: “Xin nguyện Đại Tăng chú Nguyện Đại Vương không tật bệnh mạng sống trường thọ, vận nước an minh, các nước oán thù đều cầu hòa, dân chúng no đủ. Đó là sức lực của Kinh Đại Bát Nhã vậy.

45- Cảm ứng của Thiền sư Thường Mẫn ở Tinh Châu ghi tả Kinh Đại Bát Nhã.

Thiền sư Thường Mẫn ở Tinh Châu pháp đại thệ nguyện muốn sinh về cõi Cực lạc, tu tạo các hạnh tịnh nghiệp đã rộng lớn khó có thể trình bày rõ tất cả. Về sau, ngài đến Kinh đô, lại chuyên kính sùng hạnh nghiệp ấy, rất mực ngẫm nghĩ chí thành. Có được các điềm cảm, bèn phát nguyện ghi tả Kinh Đại Bát Nhã trọn đủ vạn quyển. Lại mong được xa đến Tây vức lễ bái các Thánh tích của Đức Như Lai, do thắng phước ấy mà nguyện sinh Tây phương, bèn đến cung vua tấu trình thư thỉnh, xin đến các châu giáo hóa ghi tả Kinh Đại Bát Nhã. Thả khi tâm đã thấu đạt, trời hẳn tuỳ theo, theo hướng nam đến giang biểu, kính ghi tả Kinh Đại Bát Nhã để báo đáp ơn trời. tâm ước muốn sâu xa đã

mãn, bèn nương thuyền đi Tây vức, có trăm ngàn người trời đánh tấu kỷ nhạc, liền thấy ngài nương thuyền lá thuyền như được cặp. Về sau, ngài thị tịch tại Tây vức, được cảnh Tịnh độ nghinh tiếp.

46- Cảm ứng của Sa-môn Thích Tăng Trí ở Kinh Triệu phúng tụng hai quyển Kinh Đại Bát Nhã.(Tân lục).

Sa-môn Thích Tăng Trí người xứ Kinh triệu. Thân mẫu ngài mộng thấy nuốt là hương bằng đồng, bèn mang thai sinh ra ngài. Khi vừa mới sinh ngài liền tự xưng tên mình là Đại Bát Nhã, mọi người đều lấy đó làm lạ. Đến năm mười tuổi, tự nhiên ngài tự tụng thầm Kinh Đại Bát Nhã hai trăm quyển, trong tâm lấy làm quái lạ cho là: "Tôi chẳng tập học trước, mong cầu nghĩ muốn được biết nguyên do, bèn mộng thấy một Sa-môn đến nói cùng ngài rằng: "Đời trước người bị làm thân trâu xấu tệ, người chủ mang hai trăm quyển Kinh Đại Bát Nhã buộc ông chở đến tinh xá. Ông giẫm đạp luốn vàobùn sình sâu mà mạng chung bèn được sinh vào trong nhân gian. Vì nhân duyên đó nên phúng tụng hai trăm quyển Kinh ngoài ra không luyện tập. Ông xả bỏ thân này rồi thì sẽ sinh về cõi Phật oai âm". Sau khi tỉnh mộng, ngài bèn hối tạ vậy.

47- Cảm ứng của Sa-môn Đạo Tuấn ở Tinh Châu ghi tả Kinh Đại Bát Nhã.

(Rút từ Tinh Châu vãng sinh ký).

Sa-môn Thích Đạo Tuấn một đời tu pháp niệm Phật Tam muội, chẳng vui thích các hạnh nghiệp khác. Bấy giờ tại Cung Châu có Sa-môn Thích Thường Mẫn khuyên ghi tả Kinh Đại Bát Nhã. Ngài nói: "Tôi tu niệm Phật, toàn không thời gian rãnh rỗi làm sao sao tã được?" Ngài Thường Mẫn nói: "Bát Nhã là đường thẳng đến Bồ-đề, là con đường cốt yếu để vãng sinh, ông nên phải sao tả". Ngài chẳng vặng theo mà nói rằng:"Tôi sinh về Tịnh độ tự nhiên Viên mãn". Ngay đêm đó ngài mộng thấy đến nơi bờ biển để vượt qua, trên phía tây bờ biển có điện đường trang nghiêm, có sáu Đồng tử bơi thuyền trên bãi biển, ngài nói cùng các đồng tử trên thuyền rằng: "Tôi muốn nương thuyền để đến bờ phía tây". Các Đồng tử bảo: "Ông không tin tưởng thuyền, đâu có thể nương tựa thuyền được ư?" Ngài hỏi: "Sao gọi là tôi không tin tưởng thuyền?" Các Đồng tử bảo: "Thuyền là Bát nhã. Nếu không có Bát nhã thì không thể vượt qua biển sinh tử, đâu thể sinh đến cảnh giới địa vị bất thối. Giả sử ông nương gá vào thuyền thì Thuyền liền đấm chìm". Sau khi tỉnh mộng, ngài kinh sợ, sám hối lỗi quá, xả thí y bát để ghi tả Kinh

Bát Nhã, tự nhiên trong ngày cúng dường có mây tía từ phía tây bay lại, âm nhạc nghe vang giữa không trung. Đó chẳng phải cảm ứng ư?".

48- Cảm ứng của thân mẫu ở Dự Châu thời Tiền Đường nghe tên Kinh Đại Bát Nhã mà chết rồi được sống lại.

Trong thời Tiền Đường tại Dự Châu có một bà mẹ già không biết tên họ là gì, chỉ phụng thờ Thần Đạo, không kính tin Tam bảo, mọi người đều xưng gọi là Thần Mẫu. Bà ta bị tà kiến che phủ Tâm thức, chẳng đến chốn chùa tháp, nếu lúc đi đường gặp các vị Tỳ-kheo tăng thì liền bít mắt mà trở về. Bấy giờ có một con trâu đầu vàng đến ngoài cửa nhà bà ta mà đứng, trải qua ba ngày không thấy có chủ trâu, bà ta mới cho đó là Thần hộ trợ, bèn tự ra dẫn trâu vì trâu sức lực quá mạnh nên chẳng theo, bà ta cởi giải áo buộc vào mũi trâu, trâu liền kéo vào trong chùa Phật. Bà ta tiếc trâu và giải áo nên bít che mắt mình mà đi vào chùa, xoay lưng với tôn tượng Phật mà đứng. Khi ấy tăng chúng trong chùa kinh ngạc đi ra, cảm sinh thương xót, mỗi vị đều tự xưng niệm: "Nam mô Đại bát Nhã Ba La mật Đa Kinh". Bà ta liền vất bỏ trâu mà chạy ra, đến nơi dòng sông nhỏ rửa tai, nói rằng: "Ta nghe việc không tốt lành, chỗ gọi là Nam mô Đại bát Nhã Ba La mật Đa". Ba lần bà ta xướng như thế và tự cho là đã theo nước mà rơi rớt, rồi trở về nhà. Bỗng nhiên không còn thấy con Trâu ấy đâu nữa, Sau đó bà ta mắc bệnh mà qua đời. Người con gái đầu nghĩ nhớ mến thương, bèn cảm mộng về bảo rằng: "Khi ta chết, Tâm thức đến chỗ vua Diêm-ma. Chính ta chỉ có toàn nghiệp ác thân, không một mảy có thể căn lành. Vua Diêm-ma kiểm tra lại thẻ, mỉm cười bảo rằng: "Người có nghe tên Kinh Bát Nhã, nhưng vì ngươi nghiệp ở loài người đã hết, nên được sinh lên cõi trời Đao-lợi. Ngươi chớ sinh lo buồn". Sau khi tỉnh mộng, người con gái ấy bèn phát tâm ghi tả Kinh Bát Nhã hơn ba trăm quyển, đến nay hiện còn.

49- Cảm ứng của sự đạp vào chỗ đất hiện tôn thờ Kinh Đại Bát Nhã mà được lìa khỏi nghiệp ác thú.(Rút từ cứu pháp ký).

Sa-môn Thích Linh vận, tiếng phạm là Bát-Nhã-Đề-Ba, vốn người xứ Tương Dương. Trên bước đường truy tìm Thánh tích, ngài vượt bờ phía nam đến các nước Tây vức. Đến chùa Na Lan Đà, ở đó có tôn tượng Đức Phật Di Lặc và gốc cây Bồ-đề được đắp họa. Ngài lại đến nước Y-LA-Noa-bát-Phạt-Đa, tại đó có Cô sơn là chốn đất ưu thắng, Miếu Linh có nhiều và lắm thứ cảm ứng. Trong sâu thẳm có một tinh

xá, tại đó có một tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm được khắc chạm bằng gỗ Chiên Đàn. Nếu có người nào hoặc bảy ngày hay mười bốn ngày, phát tâm cầu nguyện mọi ước mong thì từ nơi tôn tượng lưu xuất Diệu thân an uỷ dẫn dụ tâm người đó. Người đó sẽ tròn đầy tâm nguyện, bên cạnh tinh xá có một Tháp sắt tôn thờ hai mươi vạn kệ tụng Kinh Đại Bát Nhã, mọi người ở khắp năm xứ Ấn Độ đua nhau đến cúng dường Tôn tượng và Kinh. Ngài bèn trải qua bảy ngày bỏ ăn, thỉnh cầu ba điều ước nguyện: một là thân hẳn xa lìa ác thú, hai là được trở về bản quốc rộng làm mọi Phật sự, ba là tu hành Phật Pháp mau chứng đắ quả. Và liền từ trong tôn tượng gỗ Chiên Đàn lưu xuất Diệu thân đầy đủ các tượng trang nghiêm toả phóng ánh sáng an ủi ngài rằng: "Ba điều tâm nguyện của ngươi thảy đều thành tựu, ngươi nên vào trong Tháp sắt, đọc tụng Kinh Đại Bát Nhã, giẫm đạp vào chỗ tôn thở Kinh, hẳn sẽ thoát khỏi cõi xấu ác. Nếu ngươi phát tâm đến nơi chốn này mỗi mỗi bước chân đều là diệt tội, tăng tấn Phật đạo. Xưa kia, ta hành Trì Bát Nhã mà chứng Đắc địa vị Bất thối. Nếu ngươi trì Kinh ấy, ghi tả quyển Kinh, ta hiển khiến đầy đủ mọi điều mong cầu của người đó". Nói lời ấy rồi hóa thân bỗng nhiên ẩn mất. Ngài liền suốt hai mươi mốt ngày vào trong Tháp sắt, lễ bái hộp Kinh rồi mới đọc tụng Kinh văn, trải qua nửa năm. Xong rồi, trở về Trung Hoa, ngài rộng làm mọi Phật sự, phiên dịch Thánh giáo. Thật rất có khả năng kham nhận. Đó là do sức gia vị của Bồ-tát Quán Thế Âm và oai đức của Kinh Đại Bát Nhã vậy.

50- Cảm ứng của Đức Phật Thích-ca lúc đến dưới gốc cây Bồ-đề, Đại Thần dâng cúng Hộp vàng tôn trí Kinh Đại Bát Nhã.

(Rút từ Ngoại quốc ký v.v...).

Sau sáu năm khổ hạnh, lúc sắp chứng đắc Đạo quả chánh giác, Bồ-tát Thích-ca lên đến núi Bát-La-Cấp-Bồ-Đề; tiếng Trung Hoa dịch nghĩa là núi "Tiền chánh giác". Từ phía đông bắc, Bồ-tát lên đến đảnh núi, quả đất chấn động, núi sắp sụp đỗ. Thần núi Kinh sợ bảo rằng: "Núi này không phài là nơi thành đạt Đạo quả chánh giác, nếu dừng nghỉ qua đêm tại đây, Bồ-tát nhập định Kim Cang thì núi sẽ sụp đổ". Bồ-tát liền xuống núi, theo hướng tây nam, đi đến lưng chừng núi, vào trong một Thạch thất lớn, ngài ngồi Kiết già, đất cũng lay động. Khi ấy Trời Tu Đà Hội ở giữa không trung bảo rằng: "Đây không phải là nơi chốn Thành Đạo, từ đây theo hướng Tây Nam đi khoảng bốn mươi-năm mươi dặm, cách rừng khổ hạnh không xa có một cây Bồ-đề. Dưới cây Bồ-đề đó có tòa Kim Cang là nơi chổ ba tai tám nạn không thể phá

hoại, là nơi đáng nương tựa rất bền bỉ. Chư Phật trong ba đời đều ngồi trên tòa ấy. Đó là nơi chổ Thành Đạo, Bồ-tát nên sang chổ đó". Khi ấy, tại Thạch thất có một con rồng lớn cầu thỉnh Đức Thế Tôn ở lại. Bồ-tát bèn lưu lại bóng dáng mà đi. các trời dẫn đường đi trước, sắp đến dưới cây Bồ-đề, giữa đường, Đại Thần từ đất vọt lên bưng lấy hộp vàng lớn ba tấc đem dâng lên Bồ-tát mà thưa rằng: "Đây là Hộp chứng của các Phật trước thâu nhập vào Pháp môn Bát Nhã ba La mật. Chư Phật trong ba đời đều được Hộp này. Do sức lực của Bát Nhã mà hành phục ma Đạo, xoay chuyển Đại Pháp Luân cứu độ chúng sinh thoát khổ. Nếu chưa được hộp Ấn chứng thì tuy có ngồi dưới cây Bồ-đề, Phật pháp cũng chẳng hiên ra trước, không được thành Phật Đạo. Tôi trong thời quá khứ, lúc sáu đức Phật mới thành đạo đều kính dâng hộp này". Bồ-tát liền hoan hỷ đưa tay nhận lấy hộp và mang đội trên đảnh đầu, sang đến dưới cây Bồ-đề, ngồi nơi tòa Kim Cang, lúc mở hộp vàng, trong hộp rỗng thoáng, các cõi Phật ở mười phương, Ấn văn Bát Nhã đều trở lại làm Phật toả phóng ánh sáng lớn soi chiếu trên đảnh đầu Bồ-tát trao đặt ngôi vị Phật Vương, mới thành chánh giác, các vị Phạm Vương ở khắp mười phương đến thỉnh cầu chuyển Pháp luân. Khi ấy Đức Thế Tôn im lặng tư duy chưa vội giảng thuyết vậy.

51- Cảm ứng của Kinh Đại Tập lúc vua Võ Đế thời Bắc chu phá diệt Phật Pháp. (Rút từ Pháp uyển Châu lâm v.v...)

Khi vua Võ Đế (Võ văn Ung 561-579) thời Bắc Chu phá diệt Phật pháp, tất cả Kinh điển đều bị thiêu đốt. Đến trong năm sau, bỗng thấy giữa không trung có năm, sáu cây nấm lớn bay liệng trên không trung, đến cùng tầm mắt không thấy toàn là một đoạn theo nhẹ nhàng trên dưới. Triều Tể đứng trong nhìn chẳng lường biết là vật gì, lâu sau mới vụt rơi xuống trên tường nhà thượng sĩ. Trông xem thì đó là Kinh Đại Tập Quyển thứ mười b. Mọi người đều cho là điều cảm ứng hiếm có, nên dốc tâm quy hướng có lắm nhiều.

52- Cảm ứng của Tỳ-kheo A Luyện Nhã đọc tụng Kinh Đại Phẩm.

(Rút từ Tây Quốc truyện).

Xưa kia, có Tỳ-kheo A Luyện Nhã đọc tụng Kinh Đại Bát Nhã, thường hằng đêm có người trời đến chỗ vị Tỳ-kheo ấy dùng cam lồ cõi trời mà dâng cúng. Vị Tỳ-kheo ấy hỏi người trời rằng: "Trên trời có Kinh Bát Nhã chăng?" Người trời đáp: "Có". Vị Tỳ-kheo ấy lại hỏi:

"Đã có, cớ sao lại xuống đây?" Người trời đáp: "Vì kính Pháp. Lại nữa, Bát Nhã trên cõi trời, các trời tương truyền là Bát Nhã ở trong cõi người chánh là ghi lại lời của Đức Phật, cho nên xuống đây vậy". Vị Tỳ-kheo ấy lại hỏi: "Trên trời có người thọ trì chăng?". Người trời đáp: "Trên cõi trời đắm trước dục lạc nên không thể thọ trì. Và ở các châu khác cũng không, chỉ tại Diêm Phù Đề này, con người có được căn tánh Đại thừa thuần thục mới có thể hành trì bát Nhã và hẳn dứt hết ngẳn mé khổ đau". Vị Tỳ-kheo ấy hỏi: "Vậy gìn giữ hộ trì người thọ trì Kinh Bát Nhã là chỉ có một mình ông ư?"Người trời đáp: "Có tám mươi ức các trời đến nơi cõi người này hộ trì người thọ trì Kinh Bát Nhã. Cho đến như nghe được một câu Kinh thì kính trọng đó như Phật gìn giữ Phật mẫu, không thể phế bỏ thôi thất vậy.

53- Cảm ứng của Trương Chí Đạt ở quận Thiên Thủy ghi tả ba hàng Kinh Đại Phẩm mà được kéo dài Thọ mạng.(Tân lục).

Tại quận Thiên Thủy có Trương Chí Đạt là người khéo giỏi ghi tả nổi danh mà chỉ tin thọ theo Đạo sĩ, chẳng ghi tả Kinh Phật. Có lần nọ đến nhà người bạn thân thấy ghi tả Kinh Đại Phẩm Bát Nhã, vì không biết nên cho là Lão Kinh, hỏi người bạn thân đó có phải là Kinh Lão tử chăng? Người bạn thấy ấy mỉm cười nói đúng vậy, Trường Chi Đạt bèn ghi tả ba hàng, mới biết là không phải Kinh của Lão tử nên tức giận mà bỏ đi. Sau đó ba năm, cảm mắc bệnh mà qua đời, sau một đêm sống lại, rơi lệ vừa buồn vừa mừng mà hối tạ, đến nhà người bạn thân ấy nói rằng: "Ông là Đại Thiện tri thức khiến tôi kéo dài được mạng sống. Tôi nay được lên Thiên Đường". Người bản thân ấy kinh lạ hỏi: "Cớ sao nói vậy?. Trương Chí Đạt kể rằng: "Tôi chết, tâm thức đến chổ vua Diêm-ma, vua thấy tôi đến bèn bảo: "Ông là kẻ ngu si tin theo thầy tà, không biết Phật pháp". Và liền lấy ra một quyển sách, tra xét các nghiệp ác, sách ấy dày hơn hai mươi trang, lật xem đã đến cuối, chỉ còn nữa trang giấy, vua dừng lại trông nhìn tôi mà bảo rằng: "Ngươi có công đức lớn, đến nhà người bạn thân ghi tả ba dòng Kinh Đại Phẩm Bát Nhã. Chúng ta đây y cứ vào sức của người ở nhân gian thọ trì Kinh Bát Nhã, mà ba thời nhận chịu khổ được giảm nhẹ. Thọ mạng của ông đến nay đã hết, nhưng nay lại có được hạnh nghiệp kéo dài Thọ mạng, nên phóng tha ngươi về lại trong nhân gian. Các ông thọ trì Kinh Bát Nhã, báo ân phóng thả ngày nay v.v... " Nghe nói lời ấy rồi, Tâm thức tôi bèn được trở lại bản thân, ấy há chẳng phải là ân đức do ông sao?" Nói xong liền trở về nhà, Trương Chí Đạt xả thí tất cả của cải, ghi tả được tám

bộ Kinh Bát Nhã mà cúng dường. Đến lúc tám mươi ba tuổi, tự nhiên không bệnh mà Trương Chí Đạt qua đời. Về sau có người trông thấy Di văn ông để lại rằng: "Có ngàn Đức Phật đến nghinh đón tôi, dùng Kinh Bát Nhã làm hai cánh, vãng sinh về Tịnh độ vậy.

54- Cảm ứng của Kinh Đại Phẩm Bát Nhã của cư sĩ Tấn Châu Mẫn. (Rút từ Minh Bảo ký).

Tấn Chu Mẫn người xứ Giang Nam, Tấn Hộ quân giúp Quân Thế kính phụng Phật pháp. Gặp lúc loạn lạc ở Tô Lanag, mọi người ở Đô ấp đều đổi dời khắp nơi. Trong nhà Tân Chu Mẫn có Kinh Đại Phẩm dùng nữa bức lụa dài tám trượng lật lại mà ghi tả đó, lại có các Kinh khác trong vài đài, Kinh Đại Phẩm cũng lẫn lộn trong đó, đã đến lúc sắp chạy loạn, không thể mang đi theo hết, rất chú trọng đến Kinh Đại Phẩm mà không biết ở trong đài nào. Qua khỏi bữa cơm hẳn sẽ phải đi, chẳng bày tìm tượng,bồi hồi than tra, bất chợt mà bộ Kinh Đại Phẩm ấy tự lưu xuất, Tấn Chu Mẫn vô cùng kinh lạ vui mừng mang theo, đến lúc nhà họ Chu đổi bắt thể lấy làm quýđó, đến nay vẫn hiện còn. Có một thuyết nói: "Vợ của Chu Tung là Hồ Mẫu có bức lụa ghi viết Kinh đại Phẩm, bức lụa đó rộng năm tấc mà một bộ Kinh Đại Phẩm ghi viết trọn trong đó".

55- Cảm ứng của Kinh Phóng Quang Bát Nhã của Sa-môn Tam tạng Pháp sư Chu sĩ hành.(Rút từ truyện).

Năm cam Lộ thứ năm (260) dưới thời Cao Quý Lang Công (Tào Mao) thời Tiền Nguỵ, Sa-môn Chi Sĩ Hành giảng Kinh Tiểu Phẩm. Hoặc có thuyết nói rằng thường giảng Kinh Đạo Hạnh Bát Nhã, và thường than bản dịch Kinh ấy chưa hết lý, nên từ Trường An ngài cất bước vượt qua Lưu Sa đến nước Vương Điền, thỉnh được chánh bản phạm âm gần chín mươi chương, tại nước đó phần nhiều là các học giả Tiểu thừa sàm tấu cùng vua nước đó là: "Có vị Sa-môn ở đất Hán muốn đem Kinh sách của Bà-la-môn giáo để hoặc loạn chánh pháp, sao chẳng thiêu đốt bỏ? Đó là lỗi làm câm điếc đất Hán vậy". vua ấy liền cản ngăn không cho ngài mang Kinh về Trung Hoa. Nhân đó ngài cầu xin thiêu đốt để làm nghiệm chứng, bèn chất củi trước điện, cuối cùng thiêu đốt mà Kinh không tồn hoại, vua ấy mới quy hướng kính tin. Ngài mong thỉnh Kinh ấy về đến được, và do ngài Trúc Thúc Lan Đàm Vô La Xoa phiên dịch, đó là Kinh phóng Quang Bát nhã vậy.

56- Cảm ứng của Sa-môn Thích Thanh Hư vì chúng sinh nhận chịu khổ trong ba đường mà Thọ trì Kinh Kim cang Bát Nhã.(Rút từ Kinh nghiệm ký).

Sa-môn Thích Thanh Hư ở chùa Huệ nghĩa tại Tử Châu, từ thủa thiếu thời chuyên trì tụng Kinh Kim Cang Bát nhã. Khoảng đầu tháng mười năm Vạn Tuế Thông Thiên thứ nhất (696) thời Võ Hậu-tiền Đường,ngài đến trong núi Tam Tổng ở phía bắc chùa Linh Nham tại Tề Châu, phát nguyện vì chúng sinh nhận chịu khổ trong ba đường mà thọ trì tụng Kinh Kim cang Bát nhã. Từ chiều ngày hai mươi ba tháng mười, ngài ở trong núi đoan toạ tụng Kinh, bỗng nhiên tợ như cảm mộng thấy nột Thành quách rộng thoáng khoảng năm dặm, có vị tăng xuống đường đến cửa phía đông của thành, cửa ấy chỉ dung chứa được một người đi vào. Vị tăng ấy hỏi người giữ cửa rằng: Ông có tự biết Đại Vương lúc nào phóng thả những chúng sinh nhận chịu khổ nơi Địa ngục chăng?" Người ấy đáp rằng: "Hôm qua vào giờ mùi, có vị Thiền sư ở Tề Châu cầm nắm Tích trượng tuổi ngoài bảy mươi đến trước Đại Vương mà nói rằng: "Có một khách Tăng vì chúng sinh nhận chịu khổ trong ba đường mà trì tụng Kinh Kim Cang Bát nhã, vua có biết chăng? Và lúc nào vua sẽ phóng thả các chúng sinh nhận chịu khổở Địa ngục này". đại Vương đáp rằng: "Đã biết trước, ngày mai vào giờ ngọ sẽ vì Địa sư mà phóng thả những chúng sinh có phần tội nhỏ nhiệm". Người giữ cửa ấy nói với vị Tăng đó rằng: "Đại sư nên đi, xin chớ nói điều ấy vậy.

57- Cảm ứng của Sa-môn Thích Pháp Tạng ghi tả trì tụng Kinh Kim Cang Bát Nhã mà diệt trừ tội chướng.

Sa-môn Thích Pháp Tạng ở chùa Thật Thất tại tuỳ Phù Châu, vào tháng ba nhuận năm Võ Đức thứ hai thời Tiền Đường, ngài cảm mắc bệnh tật rất khốn khổ, qua hơn hai tùân mới thấy một người vận mặc y phục sắc xanh trang sức rất hoa lệ đứng trên lầu cao, tay nắm một quyển Kinh, bảo cùng ngài rằng: "Đời nay ông sử dụng vật lẫn lộn của Tam bảo, mắc vô lượng tội. Kinh ta đang gìn giữ đây là Kinh Kim Cang Bát nhã, nếu tự tạo một quyển và chú tâm đọc tụng thì một đời trở lại đây các tội sử dụng vật lẫn lộc của Tam bảo đều được dứt mất". Ngài liền ứng tiếng nói rằng: "Nếu được diệt tội và tật bệnh lành hẳn, tôi kính ghi tả trăm bộ, đọc tụng thọ trì không phế bỏ". Và ngài liền mạng chung, thần thức dẫn đến chỗ vua Diêm-ma. Vua hỏi: "Một đời qua, ông tạo được những phước nghiệp gì?" Ngài bèn giải bày nào tôn tạo tượng Phật, sao tả Kinh Kim Cang Bát nhã trăm bộ, ở nơi tất cả mọi

người xoay chuyển đọc tụng và ghi tả Kinh gồm tám trăm quyển, ngày đêm thọ trì tụng dọc tụng Kinh Kim Cang Bát nhã chưa từng phế bỏ". vua nghe nói vậy liền bảo: "Đại sư tu tạo công đức thật không thể nghĩ bàn". Và liền sai sứ vào kho lấy sổ công đức đem đến nơi vua, vua tự mở xem, thảy đều đúng như những gì ngài nói, không một sai xót. Vua bảo: "Công đức của Đại sư thật không thể nghĩ bàn, nên phóng thả sư trở về lại chùa. Khuyến hóa tất cả mọi người thọ trì đọc tụng Kinh Kim cang Bát nhã, tập tụng đầy đủ các thứ công đức, chớ nên sinh khởi biếng lười. Sư sẽ được trường thọan lạc không mắt tật bệnh, sau ngày mạng chung sẽ sinh đến cõi Tịnh độ ở mười phương". Sau khi sống lại, ngài tự bày nói sự việc ấy với mọi người.

58- Cảm ứng của vua Huyền Tông thời Tiền Đường đọc tụng Kinh Nhân Vương cầu thỉnh binh lính cõi trời cứu giúp nước An Tây.(Tân lục).

Năm Nhâm Tý(1) tức năm Thiên Bảo thứ nhất thời Tiền Đường, năm Tây Phiên Thái Cực Khương đều xâm chiếm nước An Tây. Ngày mườimo65tm tháng hai năm đó, nước An Tây tấu trình cầu xin viện binh.

(1) Năm Thiên Bảo thứ nhấ(742), đúng phải là năm nhâm ngọ.

Vua Huyền Tông (Lý Long Cơ 712-756) ban chiếu nếu sai phái binh lính với đường dài hơn vạn dặm, phải trải qua nhiều tháng mới đến, đâu có thể cứu giúp được đó. Có vị Đại thần tâu rằng: "Đại Vương có thể ban chiếu hỏi Tam Tạng Pháp sư Bất Không thử xem". Vua bèn theo y lời cầy thỉnh thiên vương vì cứu giúp, tự tay vua cầm nắm lọ hương, còn ngài Bất Không trì tụng Kinh Nhân Vương Hộ Quốc Đà La Ni, qua mười bốn biển, bỗng nhiên, vua thấy có khoảng năm trăm Thần Nhân, mặc áo giáp đội mũ trụ mang vá các thứ giáo mác đến đứng trước điện, vua rất kinh dị hỏi ngài Bất Không. Ngài đáp: "Đó là Trử Kiện, Thái Tử thứ hai con vua Tỳ Sa-môn dẫn đầu binh lính theo ý của Bệ Hạ sang cứu giúp nước An Tây nên đến từ giả đó". Đến tháng tư năm đó, từ nước An Tây tấu trình rằng: "Từ ngày mười một tháng hai trở lại nay, ở phía đông bắc của thành cách chừng ba mươi dặm, mây mốc mờ tối trong đó có rất nhiều người thân hình cao lớn hơn cả trượng đều mặc áo giáp sắt vàng ròng, lúc đến phía tây, trống kèn vang rền khắp cả ba trăm dặm, đất rung động nghiêng đổ, trải qua hai ngày, binh lính của năm nước Thái, Thạch, Khương, v.v... đồng một lúc tháo chạy, ở nơi trướng màn thấy có các thứ như lông chuột vàng ròng, răng gãy, cung,

nỏ, đàn v.v... và các khí trượng đều không thể sử dụng. Trông nhìn lại trên lầu Thành có ánh sáng, vua trời hiện hình, không ai chẳng thấy, kính cẩn đồ học lại hình dạng của vua trời vậy.

59- Cảm ứng của vua Đại Tông thời Tiền Đường giảng Kinh Nhân Vương Bát Nhã mà trời giáng mưa.

Mùa thu năm Vĩnh Thái thứ nhất (765) thời Tiền Đường, khắp thiên hạ không mưa cây cỏ khô chết. Vào ngày hai mươi ba tháng tám, vua Đại Tông (Lý Dự 763-780) ban sắc thỉnh mời một trăm vi Pháp sư ở hai chùa Tư Thánh và Tây Minh giảng Kinh nhân Vương Bát nhã, mời Tam tạng Pháp sư Bất Không làm Đô giảng. Đến ngày mồng một tháng chín, mây đen giăng phủ khắp trời, rưới mưa am lồ, khắp thiên hạ đều được thấm nhuầ, cây cỏ khô chết sớm được trở lại tốt tươi. Thật là oai thần của Kinh Nhân Vương Bát nhã không thể nghĩ bà! Thêm nữa, giặc cướp Khương Hồ đến bên cạnh Kinh Đô. lại nhân tinh sao biến hiện. Từ trong vua Lưu xuất ra hai quyển Kinh nhân Vương, thiết lập Đạo Tràng Nhân Vương gồm trăm tòa, mọi sự đều có cảm ứng vậy.

60- Cảm ứng của Kinh Nhân Vương Bát Nhã bản cựu dịch.(Tân lục).

Năm Trinh Nguyên thứ mười chín (803) thời Tiền Đường, có một vị Sa-môn không biết tên họ và người ở xứ nào đến dừng nghỉ qua đêm tại Miếu Phủ Quân tại Thái Sơn, tụng bốn bài kệ vô thường trong Nhân Vương bản mới phiên dịch. Phủ Quân giáng mộng bào rằng: "Xưa kia, tại trước Đức Phật, tôi đích thân được nghe Kinh này. Ngài La Thập phiên dịch văn từ khí chất nghĩa vị thuần hợp, nghe tiếng đọc tụng, thân Tân thảy đều mát dịu. Nay bản Kinh mới phiên dịch đây, văn từ rất hay khéo nhưng nghĩ vị thì dạt dẻo. Bản Kinh ông trì so với Kinh quyển của Tỳ Sa-môn có phần thua kém". Sau khi tỉnh mộng, vị Sa-môn ấy kiên trì cả bản Kinh cựu dịch.

61- Cảm ứng của sự hoằng truyền Kinh Vô lượng nghĩa.(Rút từ lời tựa của Kinh và Tề ký).

Kinh Vô lượng nghĩa tuy ghi tả ở đầu Kinh Pháp Hoa, nhưng tại Trung Hoa chưa thấy thuyết ấy. Những vị giảng Kinh Pháp Hoa mỗi lúc đến giảng tứ thường luôn nghi ngờ không ai chẳng phế bỏ đàm nói mà than nghĩ thấy văn Kinh ấy. Bỗng nhiên có Sa-môn Huệ Biểu ở Võ Đang là người chuyên cần cầu Đạo, vân du tìm kiếm khắp nam bắc,

chẳng kể hiểm nghuy. Năm Kiến Nguyên thứ ba (481) thời Nam Tề, ngài lại đi tìm tòi điều bí ẩn sâu màu, xa đến Lãnh Nam, vào ở chùa Miếu Đình tại Quảng Caha6u gặp được Sa-môn Đàm-ma-già-Đà- Da-Xá người xứ Trung Ấn Độ, là người khéo giỏi viết chữ lệ, miệng nói rành tiếng xứ tề Châu, muốn truyền Kinh ấy mà chưa biết trao cho ai. Ngài bèn ân cần cầu thỉnh, dốc hết thâm tâm rất mực chí thành, trải qua mươi ngày nữa tháng, chỉ được một bản, bèn trở lại theo đường núi cao từ Bắc Tề mà vào Võ Đang. Đến ngày mười tám tháng chín năm Vĩnh Minh thứ ba (485) thời Nam Tề, ngài mang đội trên đầu bước ra khỏi núi muốn hoằng truyền lưu thông, kính hầu Chân văn, vui mừng cung kính rất mực chí thành, ca vịnh đến nỗi không biết tay múa, chân nhảy dạp, chẳng tuyên truyền mà đã kiến thành. Khi ấy có một người sinh tâm bất tín, bảo rằng: "Kinh ấy sao có thể làm phần tựa của Kinh Pháp Hoa ư?" Bèn cảm mộng thấy một vị thần thân hình cao lớn một trượng mặc áo giáp vàng, dùng kiếm sắc bén, phóng chận bảo rằng: "Nếu ngươi không tin, ta sẽ chém đầu cổ ngươi. Kinh này chánh là phần tựa của Kinh Pháp Hoa. Người được một Kinh này hẳn không thối thất Tâm Bồ-đề, trải qua thời gian ức kiếp mới một lần gặp, há để mất cả hai điều lợi ư?" Sau khi tỉnh giấc, người đó hối tạ vậy.

62- Cảm ứng của Công đức nghe Kinh Vô lượng nghĩa mà được sang lên cõi trời Đao-lợi. (Rút từ tề ký).

Xưa kia, Tỳ-kheo Tuệ biểu ở núi Võ Đang trì tụng Kinh Vô lượng nghĩa, về sau ngài mang đội Kinh ra núi, đến dừng nghỉ qua đêm trorng núi, mới đầu đêm có vị trời đến và dẫn theo trăm ngàn người trời dùng làm quyến thuộc cúng dường Kinh và ngài. Ngài hỏi: "Ngươi là ai?" Vị trời ấy đáp: "Chúng là chim tước lông xanh ở tại núi Võ Đang nhóm tụ nghe Vô lượng nghĩa, nên khi mạng chung được sanh lên cõi trời Đao-lợi. Vì muốn báo đáp nên đến ra mắt cà cúng dường. Chúng tôi cùng nhau tụ một góc ở phía Tây nam của núi mà xả bỏ báo thân". Nói lời ấy rồi bỗng nhiên ẩn mất. ngài mới sai bảo người đến tìm kím nơi chim nhóm tụ, quả nhiên đúng như lời nói ấy. thật công đức nghe Kinh có được như vậy. Ngài hoan hỷ dốc lòng hoằng thông vậy.

63- Cảm ứng của sự trì tụng Kinh Pháp Hoa đủ số một ngàn bộ hẳn có linh nghiệm. (Rút từ Lương cao tăng truyện).

Dưới thời vua Võ Thành Đế (Cao Chạm 561-565) bắc Tề, bên cạnh núi Đông Khán ở Tinh Châu có một người đào bới đấy, thấy một chỗ đất

sắc màu vàng trắng. Sau đó thấy có một vật tướng trong như hai bờ môi của người, phía trong có chiếc lưỡi sắc màu đỏ hồng tươi đẹp. Bèn đem sự việc ấy tấu trình, vua hỏi các hàng Đạo tục, không một ai biết đến. Bấy giờ có Sa-môn Pháp Sư Đại Thống dâng biểu văn tâu rằng: "Đó là quả báo của người thọ trì Kinh Pháp Hoa sáu căn không rã hoại vậy. Nếu thọ trì đủ số ngàn biến hẳn có ứng nghiệm". vua mới nhóm tập những người trì tụng Kinh Pháp Hoa đi nhiểu quanh mà tụng, vừa nói mở lời, môi lưỡi linh ứng ấy đồng một lúc máy động. Mọi người nghe thấy đều dựng đứng lông tóc, đem viếc ấy tấu trình. Vua bèn ban sắc là Hộp đá tôn trí vào trong và thỉnh vào trong thất mà phụng thờ.

64- Cảm ứng của sự ghi tả Kinh Pháp Hoa đủ tám bộ hẳn có được sự cứu khổ. (Rút từ Kinh truyện).

Vào thời tiền Tống tại chùa Ngoã Quang có Sa-môn Thích Huệ Đạo vốn người xứ Dự Châu là em cùng mẹ với Sa-môn Thích Huệ Quả, lúc bình sinh chẳng chuyên tu hành chỉ khéo trái ngược. Đang trong coi nhà kho của Tăng chúng mà riêng lén lấy tự ăn dùng, biết có các thứ vải lụa thì tìm phương tiện mà trộm cắp. Về sau cảm mắc bệnh tật mà qua đời, ba ngày sau sống lại kể rằng: "Tôi bị minh quan rượt đuổi dẫn đến nơi đường Xa Xăm mời tối, có một vị Sa-môn bảo tôi rằng: "Nếu bị vua truy hỏi thì nên nói là ngày trước có nguyện tạo tám bộ Kinh Pháp Hoa". Nói lời ấy rồi bỗng nhiên ẩn mất. Khi đến nơi chỗ vua Diêm-ma, vua hỏi: "Ông có tu tạo công đức gì chăng?" Tôi đáp: "Tôi có nguyện tạo tám bộ Kinh Pháp Hoa". vua mỉm cười mà bảo rằng: "Đã nói là có nguyện. Nếu tạo Kinh Pháp Hoa đủ số tám bộ thì hẳn thoát khỏi tám Địa ngục. Y cứ một lời nói nên nay phóng thả ông trở lại nhân gian". Kể lại nhân duyên ấy rồi, Huệ Đạo bèn xả bỏ thí tất cả mọi vật hiện có mà tạo tám bộ Kinh. Kinh đó đến nay hiện còn.

65- Cảm ứng của sự ghi tả Kinh Pháp Hoa nội trong một ngày liền được cứu khổ.(Rút từ Kinh truyện).

Tại Ráng Châu có Cô Sơn, trong khoảng niên hiệu Vĩnh Huy (650-656) thời Tiền Đường, có hai vị Tăng đồng chung sống một phòng. Một vị tên là Tăng Hành chuyên hành trì Tan giai Phật Pháp, còn một vị tên là Tăng Pháp chuyên hành trì Pháp Hoa Tam muội. Hai vị cùng ước hẹn nhau nếu ai qua đời trước thì nên trở lại báo cho biết chổ thác sinh. Về sau ngài tăng Hành qua đời trước. Sau đó ba năm, ngài tăng Pháp cầu thỉnh đức Bồ-tát Quán Thế Âm, bèn mộng thấy đến chốn Địa ngục,

lửa dữ cháy phừng, không thể đến gần, có bảy lớp lưới sắt che phủ phía trên, cửa sắt khắp bốn mặt mở đóng rất bền bỉ. Có trăm ngàn vị Sa-môn trái phạm tịnh giới, chẳng chịu điều nhiếp thân tâm, hiện ở trong đó nhận chỉ thống khổ. Bèn hỏi: "Trong đây có Sa-môn Tăng Hành chăng?" Quỷ La sát đáp: "Có". Lại nói: "Tôi muốn được trông thấy". Quỷ đáp: "Không thể thấy được". Lại nói: "Chúng tôi đều là Phật tử, cớ sao cố tiếc như thế?" Khi ấy quỷ La sát dùng mũi nhọc thọc vào trong than mà chỉ bảo. Sa-môn Tăng Pháp thấy than đen đổ lệ khóc ròng, nên liền hỏi: "Sa-môn Thích từ cớ sao phải chịu khổ vậy? Tôi muốn được thấy hình thể ngày xưa". Quỷ La sát bảo: "Sống". Liền đó uyển nhiên như bình sinh. Chỉ có khắp thân thể đều bị cháy nám, Sa-môn Tăng Hành nói cùng Tăng Pháp rằng: "Ông hãy cứu giúp tội khổ của tôi". Tăng Pháp hỏi: "Làm sao để cứu giúp?" Tăng Hành bảo: "Nên vì tạo Kinh Pháp Hoa". Tăng Pháp lại hỏi: "Tạo như thế nào?" Tăng Hành bảo: "Nội trong một ngày phải làm hoàn tất công việc". tăng Pháp nói: "Bần đạo làm sao nội trong một ngày mà công việc ấy làm hoàn tất?" Tăng Hành nói: "Khổ đau không thể nhận chịu, chỉ mỗi sát na còn khó qua khỏi. Nếu chẳng nội trong một ngày nhanh nhẹn hoàn tất công việc thì khổ này sao sát dứt được". Sau khi tỉnh mộng liền trong ngày đó. Tăng Pháp xả thí tất cả y bát mọi thứ của cải vốn có, thuê bốn mươi thư sinh đồng một ngày ghi tả Kinh Pháp Hoa mà cúng dường lễ bái. Đêm đó lại mộng thấy Tăng Hành thoát khỏi khổ Địa ngục, gần sinh lên cõi trời Đao-lợi vậy.

66- Cảm ứng của sự phân chia bày quyển Kinh Pháp Hoa giảng ở tám tòa.

(Rút từ Kinh truyện).

Sa-môn Thích Huệ Minh, không biết ngài là người xứ nào, cũng lạc mất giòng họ. Phong thái dung mạo ngài trất nhàn thoáng, học rộng nghe nhiều, thông minh dĩnh ngộ về Phật thừa. Ngài chuyên giảng Kinh Pháp Hoa có đặc sắc độc đoán, cùng tụng giảng nói giải thích. Hoặc có lúc vào trong núi sâu ngài ngồi nơi thạch thất giảng Kinh. Có một đàn khỉ vượn đến nghe pháp, qua ba tháng sau, trên hang đá bỗng nhiên có ánh sáng, dần lại gần trước hang, thì ra đó là người trời, tự xưng rằng: "Tôi là kẻ già nua lại mù mắt trong đàn khỉ vượn, nhờ nương tựa nghe ông giảng Kinh nên được sinh lên cõi trời Đao-lợi, bản thân của tôi hiện xả bỏ tại phía Đông nam của thất này cách chừng hơn bảy mươi bước. Nghĩ đến ân đức của Đại sư, do nghe Đại sư giảng pháp, nên nay đến nơi

này mong được nghe giảng pháp!”. Ngài hỏi: “Giảng như thế?”. Người trời thưa: “Tôi gấp gấp muống mau được trở về cõi trời, nên xin Đại sư đem một bộ Kinh Pháp Hoa, phân thành tám phần để giảng”. Ngài bảo: “Kinh tôi đang hành trì vốn chỉ bảy quyển, hẳn phân làm bảy tòa, cớ sao phải phân giảng thành tám?”. Người trời nói:”Kinh Pháp Hoa là Kinh Đức Phật giảng nói trong tám năm, nếu như giảng đúng tám năm thì quá lâu dài nên xin mở làm thành tám tòa, phóng tợ như giảng tám năm, lược vậy nhưng cũng có thể hợp với ý chỉ của Đức Phật”. Ngài bèn phân bảy quyển thành tám pho vì người trời mà giảng giải. Người trời dâng cúng ngài tám hạt nhân châu, và nói bài kệ tụng rằng:

“Thế Tôn thị tịch đã lâu xa
Lưu truyền Diệu Pháp khó gặp thay
Tuy gặp, hiểu nghĩa cũng là khó
Hiểu rồi giảng giải càng khó hơn
Nếu nhge một bộ Kinh Pháp Hoa
Chỉ trong phút chốc nghe chẳng báng
Tội chứng ba đời đều tiêu diệt
Tự nhiên thành Phật, Đạo không nghi
Tôi nay nghe Kinh bỏ thân thú
Sinh trong dục giới, trờ thứ hai
Oai đức sáng ngời hơn trời trước
Thắng lợi khó nghĩ chẳng thể bàn”.

Nói xong bài kệ, người trời ấy liền trở về lại cõi trời, ngài ghi lại đầy đủ sự việc đó, khắc vào nơi đá, đến nay vẫn hiện còn.

67- Cảm ứng của Tam tạng Pháp sư Đàm ma Sấm hoằng truyền Kinh đại Niết-bàn. (Rút từ Tăng mục lục v.v...).

Trong thời vau An Đế (Tư Mã Đức Tông 397-419), Đông Tấn, có Tam tạng Pháp sư Đàm ma Sấm, tiếng Trung Hoa dịch nghĩa là Pháp Phong. Ngài vốn người Trung Ấn Độ, mang mười quyển phần đầu Kinh Đại Niết-bàn và Bồ-tát giới v.v... đến Cô Tăng, dừng nghỉ tại nhà trọ, vì sợ mất bản Kinh nên ngài gối trên đầu để ngủ, nữa đêm có người kéo ngài xuống đất, ngài kinh hãi tỉnh giấc cho là có kẻ trộm, cứ như vậy mất ba đêm, ngài mới nghe giữa không trung có tiếng bảo rằng: “Đó là Pháp tạng giải thoát oc đức Như Lai, cớ sao gối đầu lên đó?”. Ngài mới dần tỏ ngou3rie6ng đặt để nơi chỗ cao. Có kẻ trộm ban đêm đến lấy đi nhưng giất không lên nổi. Đến sáng sớm., ngài mang đi không tỏ vẻ nặng nhọc, kẻ trộm mới cho là bậc Thánh nhân nên bèn đến sám tạ.

68- Cảm ứng của Sa-môn Huệ Nghiêm san lược sửa đổi Kinh Niết-bàn bị thần quở trách. (Rút từ truyện ký).

Trong thời thời Tiền Tống, có Sa-môn Thích Huệ Nghiêm ở chùa Đông An tại Kinh đô, thường bực nhọc bởi Kinh Đại Niết-bàn văn tự lắm nhiều, bèn gia công san định cắt xén làm thành sổ quyển, ghi tả vài ba phen, ban bố chỉ bà đồng tốt đẹp, nhân nhủ trong lúc mộng, bỗng nhiên thấy có một người thanh hình cao lớn hơn hai trượng, khí mạo oai phong kỳ vĩ đến bảo rằng: “Kinh Đại Niết-bàn là Tông chủ của các Tạng, cớ sao ông xem thường mà châm chước?” Ngài buồn bả tỏ vẻ không hài lòng, còn cho là ý đã định, chưa có tâm hối cải. Đến đêm hôm sau lại mộng thấy người ấy với tướng trạng tỏ vẻ tức giận bảo rằng: “Có lỗi mà biết cải đổi thì gọi là chẳng lỗi quá, nên đến cùng, mách bảo cho, cớ sao vẫn không cải đổi ư? Kinh ấy đã không sửa đổi một mảnh, vả lại họa ông cũng sắp đến”. Ngài kinh sợ tỉnh giấc mà mất tiếng, chưa đến trưa hôm sau đã vội đưa thư xin đòi lại các bản Kinh đã lưu bố mà thiếu đốt tất cả. Có các vị Thức giả cho rằng: “Đó là răn dè người sau”. Ngài cũng cho là như vậy nhưng trọn hoài nghi sợ.

69- Cảm ứng của sự ghi tả Kinh Niết-bàn được sinh về nước Bất Động. (Tân lục).

Thượng Thư hình bộ Thị lang Trương Hành An phát nguyện ghi tả Kinh Đại Niết-bàn, vừa mới lật đề, đêm đó nằm mộng thấy có hai vị Sa-môn đến bảo rằng: “Ngươi ghi tả Kinh Pháp sâu mầu hẳn nhất định được sinh về cõi nước của Phật Bất động”. Sau khi tỉnh mộng, Trương Hành An chuyên chí ghi tả, không biết về sau ông ta như thế nào?

70- Cảm ứng của sự nghe hai chữ “ Thường trú ”.(Tân lục).

Tại Dương Châu có vị cư sĩ không tin Đại Niết-bàn là Lý Tánh thường trú của chư Phật, lại nghe hai chữ “ Thường trú ”. Chẳng sa đoạ vào đạo ác, mà sinh tâm bất tín mà nói là: “Nghe trọn cả một bộ Kinh còn chưa thể khỏi ác đạo, huống gì chì hai chữ ư?”. Sau đó, vị cư sĩ ấy cảm mắc bệnh mà qua đời, trên tim đang cón ấm nóng nên mọi người chưa vội an táng. Qua bảy ngày sau sống lại kể rằng: “Tôi đến nơi thành Diêm-ma, vua quở trách rằng: “Ngươi phỉ báng Kinh Pháp sâu mầu, quả báo đang sa đoạ vào Địa ngục A Tỳ ”. Khi đó, tôi nghĩ nhớ đến nhân quả nên thưa cùng vua rằng: “Giả sử có phỉ báng nên sa đoạ vào đường xấu ác, nhưng nghe được hai chữ “thường trú ” cũng có thể đóng bít cửa ác đạo chứ?” Khi đó giữa không trung toả hiện ánh sáng, trong

ánh sáng ấy nói bài kệ tụng rằng:

"Hoặc tin hoặc chẳng tin
Chỉ nghe chữ Thường trú
Hẳn chẳng sa đường ác
Sinh về nước Bất Động".

Do đó, vua hoan hỷ mà phóng thả tôi trở về". Tự nói nhân duyên đó rồi, vị cư sĩ ấy rơi lệ mà tinh tấn tu hành. Đến lúc lâm chung có được cõi nước Bất Động đến nghinh đón vậy.

71- Cảm ứng của sự đưa tay xúc chạm Kinh Niết-bàn. (Rút từ Tây vức cầu pháp truyện).

Xưa kia, tại Tây vức có một vị Bà-la-môn từ nơi bàn tay toả phóng ánh sáng. Mọi người lấy làm lạ đó bèn đem hỏi vị A-la-hán, song không biết là do nhân duyên gì. Về sau có bậc Đại sĩ đã chứng đắc thần thông đến nhà vị Bà-la-môn ấy, thấy toả phóng ánh sáng, bèn bảo rằng: "Lành thay Bà-la-môn! Ngày trước ông đưa tay xúc phạm Kinh Đại Niết-bàn, vì nhân duyên ấy nên toả phóng ánh sáng. Trong tương lai ông được thành Phật cũng tên Quang minh Tôn vậy".

72- Cảm ứng các vua ghi tả hết thảy Kinh.(Rút từ Kinh Lục và Kinh Pháp uyển Châu Lâm).

Các vua cao Đế (Tiêu Đạo Thành 479-483), vua Minh Đế (Túc Loan 494-501) thời Nam Tềghi tả hết thảy Kinh. vua Võ Đế (Trần Bá Tiên 557-560) thời nhà Trần ghi tả hết thảy Kinh gồm mười hai tạng. Vua Văn Đế (Trần Quyến 560-567) thời nhà Trần ghi tả năm mươi Tạng, vua Tuyên Đế (Trần Húc 569-583) thời nhà Trần ghi tả hết mười hai Tạng. Vua Đạo Võ Đế (Thác Bạt Quế 386-396) thời Bắc nguỵ ghi tả hết thảy Kinh. Vua Túc Tông Hiếu Minh Đế thời nhà Tề vì Tiên Vương ghi tả hết thảy Kinh gồm mười hai Tạng. Và có cả thảy ba mươi tám ngàn không trăm bốn bảy quyển. Vua Văn Đế (Dương Kiên 581-605) thời nhà Tuỳ ghi tả hết thảy Kinh, gồm mười sáu Tạng, có cả thảy một trăm ba mươi ba ngàn không trăm tám mươi sáu quyển. vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) thời nhà Tuỳ ghi tả sáu trăm mười hai tạng, hai mươi chín ngàn một trăm bảy mươi hai bộ. Tất cả đều sự cảm ứng, không thể ghi tả đầy đủ cả, cần nghiệm xét ở các sách sử vậy.

TAM BẢO CẢM ỨNG LỤC
QUYỂN TRUNG
HẾT

TAM BẢO CẢM ỨNG YẾU LƯỢC LỤC

TĂNG BẢO TỤ

QUYỂN HẠ

MỤC LỤC

Cảm ứng của hai Tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại ở dưới gốc cây Bồ-đề.

Cảm ứng của Bồ-tát Quán Thế Âm tại Cô Sơn ở nước Ma-kiệt-đà.

Cảm ứng của Luận sư Giới Hiền ở chùa Thế Vô Yểm được ba vị Bồ-tát hiển bày dạy răn.

Cảm ứng của Vương tử Giới nhật cảm Tôn tượng Quán Tự Tại.

Cảm ứng của Linh Tượng Bồ-tát Quán Thế Âm của Bồ-tát Y Lợi Mật Đa ở Thiên Trúc.

Cảm ứng của các Cư sĩ Lưu Độ v.v... ở thời nhà Tấn tạo Tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm đứng.

Cảm ứng của Sa-môn Thích Đạo tần xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm mà được kéo dài Thọ mạng.

Cảm ứng của người phụ nữ cô quạnh ở Quận Lỗ cúng dường Tôn tượng Quán Thế Âm đã rã mục.

Cảm ứng của sự tu tạo Tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm mười một mặt ở nước Kiều-tát-la mà được khỏi nạn dịch bệnh.

Cảm ứng của sự tu tạo Tôn tượng Quán Thế Âm ngàn tay ngàn mắt mà được kéo dài Thọ mạng.

Cảm ứng của sự hành pháp Tôn tượng ngàn tay ngàn mắt ở nước Kế Tân mà được khỏi nạn.

Cảm ứng của các người con nhà Đại Bà-la-môn v.v... Cảm được Tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm ngàn tay ngàn mắt.

Cảm ứng của sự tu tạo Tôn tượng Bất Không Quyên sách ở nước Nam Ấn độ.

Cảm ứng của Diêu Từ Khúc ở Lương Châu vì người thân đã quá vãng mà tu tạo Tôn tượng Bồ-tát Quán Âm.

Cảm ứng của Triệu Văn Thị ở Kinh Châu vì người thân đã quá vãng mà đắp họa sáu Tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm.

cảm ứng của hai Tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm và Địa TẠng được đắp họa tại Hàn Châu thời nhà Lương,

Cảm ứng của Lý Triệu Đãi ở Ngạc Huyện Ung Châu vì thân phụ đã qua đời mà tu tạo Tôn tượng Bồ-tát Đại Thế Chí.

Cảm ứng của Bồ-tát Địa Tạng ở thời Quá khứ là người nữ tìm chỗ mẹ thác sinh mà cứu khổ nạn.

Cảm ứng của Tôn tượng đắp họa Bồ-tát Dịa tang ở Ích Châu thtd tại chuà Pháp tụ.

Cảm ứng của Tôn tượng Địa Tạng khắc tên đầu gậy ở nhà Lưu Thị

Lang tại huyện Kim Thủy, Giảm Châu.

Cảm ứng của Bồ-tát Địa Tạng cứu nạn ác quỷ ở nhà Trưởng giả Kiều Đề.

Cảm ứng của vua nước Di Đề đắp họa năm Tôn tượng Đại Lực mà thoát khỏi bệnh quỷ.

Cảm ứng của Tôn tượng Bồ-tát Diệt Ác Thú do Sa-môn Thích Pháp An ở chùa Pháp tụ tại Ích Châu tu tạo.

Cảm ứng của Tôn tượng Dược Vương Dược Thượng do Sa-môn Thích Diệu Vận ở chùa Tổng nhân tại Đại Châu tu tạo.

Cảm ứng của Bồ-tát Đà La Ni tự tại Vương vào trong Địa ngục men trên vạc sôi mà giảng pháp.

Cảm ứng của thầy trò Tôn giả Mã Minh Long Thọ.

Cảm ứng của Thiền sư Thích Đạo Thuyên tạo Tôn tượng Tôn giả Long Thọ mà được sinh về cõi Tịnh độ.

Cảm ứng của Sa-môn Thích Huệ Hải ở Truy Châu họa vẽ Tôn tượng Tôn giả Vô Trước, Thế Thân mà được trời nghinh đón.

*****

1- Cảm ứng của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi có được danh xưng.
(Rút từ Thanh Lương truyện v.v...)

Văn-thù-sư-lợi, theo cựu dịch nghĩa là " Diệu Đức", tân dịch nghĩa là "Diêu Cát Tường". Có hai nhân duyên mà đặt tên. Thứ nhất là đến với Thế tục, nhân điềm lành hiển hiện bày tên Bồ-tát ấy có Đại từ bi, sinh trong nhà Bà-la-môn Phạm đức tại tụ Lục Đa-la nước Xá Vệ. Khi sinh, phòng ốc trong nhà đều như hoa sen, và từ hông phía hửu của mẹ mà sinh, thân hình sắc màu vàng tía, vừa lọt lòng liền nói năng được như Đồng tử cõi trời, có lọng bảy báu theo che phía trên, có đủ mười sự cảm ứng nên gọi tên là Diệu Cát Tường. Mười sự đó là: một là trời rải cam lồ, hai là Đất tuông vọt củi giấu, ba là biển xanh biến thành gạo vàng, bốn là trước sân mọc hoa sen vàng, năm là ánh sáng toả chiếu khắp phòng nhà, sáu là gà sinh nở Loan phụng, bảy là ngựa sinh ra Kỳ lân, tám là trâu sinh ra Bạch..., chín là heo sinh ra Long đồn, mười là voi sáu ngà hiện. Do đó Bồ-tát nhận điềm lành ứng hiện mà đặt tên. Thứ hai là y cứ theo thắng đế mà đặt tên thì như trong Kinh Kim Cang Đảnh nói: "Do thân Bồ-tát nhiếp khắp hết thảy thân các Đức Như Lai ở khắp các Pháp giới v.v... Hết thảy trí tuệ v.v... của Như Lai và hết thảy sức thần biến du hý của Như Lai đều do cực Diệu cát Tường nên gọi tên Bồ-tát là Diệu Cát Tường.

2- Cảm ứng của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hóa thân làm người nữ nghèo khổ.(Rút từ Thanh Lương truyện).

Ở đời tương truyền xưa kia có một người nữ nghèo khổ, gặp lúc hai hội nhóm tụ nê từ phương nam mà đến, lúc sáng sớm đến nơi chùa, dẫn theo hai đứa con và một con cho. Chưa đến giờ chúng Tăng thọ tri, người nữ ấy thưa cùng vị Tăng chủ rằng: "Tôi muốn được ăn trước để vội đến nơi khác", Chư Tăng chấp thuận cho, bảo người cấp cho ba phần ăn rất đầy đủ, trong ý muốn khiến người nữ ấy và hai đứa con được no đủ. Người nữ ấy nói: "Con chó cũng nên cho một phần ăn". Chư Tăng gắng gượng cũng cho đó. người nữ ấy lại nói: "Trong bụng tôi còn có đứa con cũng cần được phần ăn". chư Tăng tức giận bảo rằng: "Người cầu xin thức ăn của chúng Tăng không biết chán đủ. Con đang còn trong bụng chưa sinh làm sao cần được ăn?". Quát mắng rồi bải đi. Người nữ ấy bị quở trách, liền lìa khỏi đất, bỗng chốc hóa hiện thân hình tức Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Con chó tức là co Sư Tử, hai đứa con tức là Thiện tài Đồng tử và vua nước Vương Điền, mây khí năm sắc che phủ mịt mờ khắp không trung, nhân đó mà lưu lại bài kệ tụng rằng:

"Bầu đắng rể cũng đắng
Dưa ngọt dây cũng ngọt
Ta đấy vượt ba cõi
Bỏ sa Sư ghét ghen".

Bồ-tát nói kệ ấy rồi liền ẩn mất, các hàng Tăng tục nơi pháp hội không ai chẳng kinh lạ tán thán. Vị Tăng chư sự tự hận trách mình không nhận biết được chân Thánh, muốn dùng dao nhọn phá hại mắt, mọi người khổ công cản ngăn mới dừng bỏ. Bấy giờ các hàng sang hèn trông xem kẻ giàu người nghèo không hai không khác, bèn đem tóc người nữ ấy dang cúng đến chổ Bồ-tát cưỡi mây mà ẩn dựng lập Bảo Thánh cúng dường.

3- Cảm ứng của vua A Dục tạo tám mươi bốn ngàn Tôn tượng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.(Rút từ cảm Thông kỳ và Châu Lâm v.v...)

Xưa kia, vua A Dục thống trị châu này, học theo quỷ chúa làm ngục, tàn ác rất lắm, lại làm Địa ngục, người hung dữ làm lính ngục. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hiện đến trong vạc sôi, lửa đốt cháy dữ mà nước mát mát lạnh, lại mọc lên hoa sen xanh. Tâm vua được cảm ngộ, liền trong ngày đó phá huỷ Địa ngục, tám mươi bốn ngàn Phu nhân đồng vào hầm lửa xây dựng tám mươi bốn ngàn Bảo Tháp và đều tạo Tôn tượng Bồ-tát đứngcũng đủ số tám mươi bốn ngàn pho. Vào thời Động Tấn, tại Lô Sơn có một Tôn tượng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bằng vàng là một trong số đó vậy.

4- Cảm ứng của Thiền sư Thích Giải thoát ở chùa Chiếu Quả gặp được Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.(Rút từ biệt truyện).

Thiền sư Thích Giải thoát ở chùa Chiếu Quả tại huyện Ngũ Đài, ngài giòng họ Hình vốn người Tây Thể. Ngài thường trì tụng Kinh Pháp Hoa và tu pháp Quán Quang v.v... truy tìm dấu vết Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Tại phía tả Đông Đường đã vài ba phen gặp đ. Mới đầu thì ngài vừa lễ bái xong thì ấn mất, sau thì đích thân được tiếp nhận sự chỉ dạy. Ngài xin hỏi đức Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi rằng: "Đại sĩ làm sao để có được lợi ích cho các chúng sanh ngu si vô trí thuyết khuyết thiếu đức tin khó Tôn giáo hóa?" Đức Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo rằng: "Một ngày có ba thời vào phá tan các ma, ba thời vào phá ma nghiệp của chúng sinh ở cõi này. Nhập Trí mẫu Tam muội để phá mờ tối phá si. Vào trong chốn Địa ngục, nơi mỗi mỗi ngục hiện làm thân Phật toả phóng ánh sáng mà giảng pháp,. Vào Thành của ngạ quỷ ban thí các thức ăn uống. Các

người khác ban thí thức ăn đưa vào miệng đều hóa làm thanh lửa, chỉ có thức ăn ban thí có khả năng lợi ích cả thân Tâmnên được sinh lên các cõi trời giải thoát. Vào trong loài súc sinh hay trừ sự ngu si, khai mở trí tỏ ngộ, khiến đều phát tâm Bồ-đề". Ngài lại hỏi: "Chúng sinh làm sao được hóa độ?". Đức Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo rằng: "Đắp họa hình tượng ta, tu tạo tượng ta, hoặc dùng móng tay, hoặc chỉ như lá Yêm La, miệng tự phát lời xưng niệm "Nam mô". Những chúng sinh như thế rất dễ hóa độ. Ngoài ra các chúng sinh khác, tuy có dốc hết lòng thương, nhưng vì nghiệp cũ khó có thể được hóa độ". Ngài lại hỏi: "Giải thoát con đây làm so liền được tỏ ngộ vô sinh trọn không còn thối thất rơi lạc?" Đức Văn-thù-sư-lợi bảo rằng: "Xưa trước kia ông tạo hình tượng ta chỉ ba tấc, căn lành ấy đã thuần thục, nay đêu cần phải thân gần lễ bái. Với điều tự hỏi trách, hẳn sẽ tỏ ngộ vậy". Ngài bèn kính vâng Thánh chỉ, nhân đó mà tự tìm cầu ở chính mình mới tỏ ngộ Pháp vô sinh, lại càng tăng trưởng Pháp hỷ, mới cảm được chư Phật hiện thân nói Phật vậy.

5- Cảm ứng của Sa-môn Thích Trí Mạnh tu tạo Tôn tượng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, tinh thành cúng dường.(Rút từ Biệt truyện).

Sa-môn Thích Trí Mãnh thuở thiếu thời trất ngu si, không tâm phân biệt. Thân phụ vì ngài mà dùng ba mươi văn tiền để họa Tôn tượng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và bảo ngài luôn đối diện với Tôn tượng, bèn cảm mộng thấy Tôn tượng toả phóng ánh sáng chiếu trên đảng đầu và gom thâu vào đầu. Sau khi tỉnh giấc tự nhiên ngài có được trí tuệ biện tài như vị Tỳ-kheo học Pháp đã lâu năm, tư chất Kinh luật v.v... các văn, ngài đều ngần tụng văn nghĩa không gì chẳng rỏ suốt. Sau khi xuất gia tài trí của ngài vượt quá người khác nên hiệu là Trí mãnh. Đức Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hóa làm vị Phạm Tăng đến nơi xứ này mà ra mắt ngài vậy.

6- Cảm ứng của Trương Nguyên Thông ở huyện Ngũ Đài tu tạo Tôn tượng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi.(Tân lục).

Trương Nguyên Thông tín tâm trinh kiên cố, phát tâm tu tạo Tôn tượng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cao ba thước tôn trí trong nhà mà cúng dường. Đến đêm tối vào lúc canh ba, có vài ba vị Phạm Tăng tay nắm lò hương vào trong phòng nhà đi nhiểu quang Tôn tượng ba vòng rồi bổng nhiên không thấy đâu cả. Trương Nguyên Thông càng phát tín tâm cúng dường hương hoa. Đến chiều ngày hôm sau Tôn tượng toả phóng ánh

sáng. Đêm đó vào lúc canh năm, Trương Nguyên Thông lại mộng thấy chư Phật ở mười phương đồng nhóm tụ trong phòng nhà dùng các thứ Diệu hoa cúng dường hình tượng mà bảo rằng: “Ta là Bản sư (tức là Thích-ca Mâu-ni). Vì kính trọng thầy nên chúng ta đến cúng dường Trương Nguyên Thông, vì ngươi đem tín tâm mà tu tạo Tôn tượng Thầy ta nên đến cúng dường”. Đang trong mộng, Trương Nguyên Thông bạch cùng chư Phật rằng: “các Thế giới ở mười phương có người tu tạo Tôn tượng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, chư Phật đều đến các xứ ấy ư?” Đức Phật dạy: “Trong các Thế giới ở mười phương, nếu có việc thế này, chúng tôi đều đến cúng dường.Tại sao? Vì chúng tôi phát tâm đều do sức giáo hóa của Đức Văn-thù-sư-lợi. Nếu có người quy y Đức Văn-thù-sư-lợi, quá hơn quy y đức Văn-thù-sư-lợi, quá hơn quy u chư Phật ở mười phương”. Và Đức Phật liền nói kệ rằng:

“ Văn Thù Đại Thánh Tôn
Thấy chư Phật mười phương
Ai quy y cúng dường
Hơn cúng dường chư Phật “.

Nói bài kệ ấy xong, bỗng nhiên ẩn mất. Trương Nguyên Thông lại thấy Thánh chúng đến nghinh đón mà nói rằng: “Tôi sinh về Thế giới vàng ròng v.v...”. Lúc bình sinh, Trương Nguyên Thông giấu kín không nói, ghi chủ vào Di Thư và cất trong rương tráp, sau khi nạng chung, có người mở bày đọc xem mới thấy vậy. Và Tôn tượng ấy thỉnh dời về chùa Chiếu Quả, Linh Nghiệm vẫn hiện còn.

7- Cảm ứng Tôn tượng Bồ-tát Phồ Hiền do Thái Hậu Lộ Chiếu thời nhà Tống tu tạo. (Rút từ Minh Tường Ký và Minh Cảm truyện).

Năm Đại Minh thứ tư (460) thời Tiền Tống, Thái Hậu lộ Chiếu tu tạo Tôn tượng Bồ-tát Phổ Hiền cưởi kiệu báu bạch tượng tôn trí tại thiền phòng ờ chùa Tring Hưng. Ngày mồng tám tháng mười năm đó, nhân thuyết giảng tại chùa đã đến lúc trai lợi hoàn tất giải tòa, Tăng chúng có hai trăm vị. Bấy giờ tại chùa mới mở giảng, vua Hiếu Vũ Đế (Lưu Tuấn 454-465) rất lưu tâm đích thân đến dự, biện liệu công việc đến cùng, có bốn vị Tăng theo đối sắc ban cấm giữ nghiêm túc. Ngài đó danh sách chư Tăng đã định sẳn chẳng ai xen tạp, lâu sau bỗng có một vị Tăng đến dự nơi pháp tòa dáng mạo, phong thái rất đẹp xinh, cả giảng đường mọi người đều kinh lạ đưa mắt chăm nhìn, trai chủ cùng nói bàn qua lại hơn trăm lược, bỗng nhiên không thấy vị Tăng ấy nữa, cả giảng hội trông thấy mới biết đó là Thần nhân vậy.

8- Cảm ứng của Pháp sư Khuy Xung tạo Tôn tượng Bồ-tát Phổ Hiền mà thoát khỏi tai nạn, đến được nước Ấn Độ. (Rút từ Cầu Pháp ký).

Pháp sư Khuy Xung, ngài người xứ Giao Châu, chí nguyện monh muốn được đến nước Ấn Độ, nên phát nguyện tu tạo Tôn tượng Đức Bồ-tát Phổ Hiền và cầu thỉnh rằng: "Đại sĩ Phổ Hiền có nguyện luôn tuỳ thuận chúng sinh, há lại xả Tâm chí thành của bần đạo". Bèn cảm mộng thấy được Bồ-tát Phổ Hiền cưỡi voi trắng đến xoa vào đảnh đầu mà bảo rằng: "Ông có tâm chí thành sắp sang nước Ấn Độ, nếu gặp sự trở ngại, ta sẽ vì cứu giúp". Sau khi tỉnh mộng ngài rất vui mừng, cùng Sa-môn Minh Viễn đông ngồi một thuyền mà vượt biển Nam Hải, bỗng nhiên gặp phải giá dữ, sắp mốn lạc vào nước quỷ La Sát. Ngài chuyên tâm xưng niệm Bồ-tát Phổ Hiền, Tôn tượng ấy bèn hiện trên thuyền, gió dần tỉnh lặng, theo hướng nước Sư tử mà đi, lại gặp phải nạn cá Ma Kiệt, ngài càng chuyên tâm xưng niệm Bồ-tát Phổ Hiền, Tôn tượng ấy lại hiện trên thuyền. Cá lớn bèn ngậm miệng mà đi. Thoát khỏi hiểm nạn, đến được nước Sư tử. Lại theo hướng Tây Ấn Độ mà đi, gặp được pháp sư Huyền Chiếu cùng đến xứ Trung Ấn Độ, ngài lễ bái nơi gốc cây Bồ-đề, lại đến vườn Trúc Lâm, cảm mắc chút bệnh, ngài lại mộng thấy Bồ-tát Phổ Hiền đến bảo rằng: "Nương theo Thánh lực được tròn bản nguyện. Ông được sáu năm căn Thanh Tịnh, chớ sinh lo buồn". Ngài bèn ghi chú vào Di Thư mà thị tịch.

9- Cảm ứng của Tần An Nghĩa ở Cao Lục được Bồ-tát Phổ Hiền cứu khổ tự liệu. (Rút từ cảm ứng truyện).

Tần An Nghĩa xứ Cao Lục, từ nhỏ đến lớn chỉ phóng túng săn bắn lấy làm nghề nghiệp chính, mỗi ngày giết hại không biết bao nhiêu sinh mạng. Tháng này qua tháng khác năm này đến năm nọ, giết hại sinh mạng thật không thể tính kể. Thật là người tà kiến v.v... Tần An Nghĩa vui thích giết hại thân thể chẳng từng bệnh hoạn gì.

Đến năm năm mươi tám tuổi, bỗng nhiên phát bệnh ung nhọt, máu mũ tanh nồng khắp thân thể., hôi hám chẳng thể đến gần. Vợ của Tần An Nghĩa lúc mặt trời mới mọc thấy các mụt nhọt nổi trên làn da mỗi mỗi đều tợ như mỏ chim trĩ bèn sinh tâm hiếm có nên gọi các người con đến trông xem, vào đều bảo là tợ như môi mép chim trĩ, nơi mội như có máy động. Khi ấy vội sai bảo người đi thỉnh mời Pháp sư Đạo Tuấn bảo: "Người này săn bắn tội ác tích chứa nhiều, hiện thân còn bị mổ ăn lạp xạp, nếu chẳng do sức tự cải hối thì rất khó trị liệu cứu thoát".

Và bèn hỏi Tần An Nghĩa: “Thân tâm ông cảm thấy thế nào?”. Tần An Nghĩa đáp: “Thân tâm cảm thấy như bị đâm giã, nhắm mắt liền thấy có cô sô` chim thú mổ rĩa ăn lấy thịt xương. Xin nguyện Đại sư cứu giúp trị liệu cho”. Ngài Đạo Tuấn bảo: “Nên tạo Tôn tượng Bồ-tát Phổ Hiền mới sám tạ được tội khiên”. Chỉ chốc lát, Tần An Nghĩa tắt thở, mọi người trong thân thuộc than khóc. Ngài Đạo Tuấn khuyên bảo tạo Tôn tượng, tu trì pháp sám Phổ Hiền, ba ngày sau tỉnh lại, Tần An Nghĩa kệ rằng: “Ban đầu tôi thấy đầu trâu mặt ngựa từng mắt tức giận, cưỡng bức bảo rằng: “Ngươi là kẻ ngu si, giết hại sinh mạng các loài chim trỉ, gà, v.v... ăn gặm da thịt. Các loài nai, dê, v.v... đông đầy nơi sảnh mỗi mỗi đều tố cáo chưa phải số phận mà bị cướp đoạt mạng sống. vua y cứ theo cáo trang mà sai sứ đến bắt để xét hỏi, ngươi không được chống trái”. Và liền trói ngược tay chân đưa vào trong xe lửa, bỗng nhiên đưa trả lại giữa đường, tự nhiên vô sự gặp được vị Sa-môn đưa tay xoa vào thân mình, tự nhiên nóng khổ tạm ngưng dứt, bèn đến nơi sảnh vua thấy có ngàn muôn ức cầm thú bị gông cùm xiềng xích trói buộc, trở lại trói buộc các tội nhân. Khi ấy vị Sa-môn đó cũng lại, vua liền từ chỗ ngồi chấp tay mà đứng dậy. Vị Sa-môn đó bảo: “Người này là Đàn Việt của ta, thân thuộc người này vì cúng dường ta mà sám hối lỗi khiên của người này, nên hãy phóng thả người này đi”. Vua thưa: “Với lời nói của Đại sư thì không thể chống lại, nhưng nay y cứ sự tố cáo của các loài hữu tình đây, mới bắt gọi đến xét tra đó. Việc này thì thế nào?” Vị Sa-môn đó bảo: “Bạn bè tri thức của người này ở nơi nhân gian đã vì tu pháp sám hối, hồi tưởng công đức cho các loại đã bị giết hạ. Kẻ oán đếu phải trừ oán thì tâm mới được thoát khổ”. vua nói:”Thật như lời đại sư nói, nên sẽ phóng thả trờ về”. Và vua từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ vị Sa-môn đó và thưa rằng:”Đại sư cũng cùng trở về”. Khi ấy vị Sa-môn đó dẫn tôi cùng đi ra, bỗng nhiên thấy lại trở lại nhà cũ. Vị Sa-môn đó dùng gậy mở miệng. Tôi vào bèn liền không còn thấy nữa”. Khi đó, thân thuộc nói cùng Tần An Nghĩa rằng: “Chúng tôi vì ông mà tạo Tôn tượng, tượng liền đến cứu giúp”. Tần An Nghĩa nghe nói vậy, buồn vui lẫn lộn, những mụt nhọt trên thân mình dần lành, khí lực trở lại điều hòa, bèn xả thí của cải cúng dường Tôn tượng đó. Rồi cắt tóc xuất gia, răn bảo con cháu trong giòng tộc rằng: “Vì thân hình chỉ như điện chớp sương móc nên phạm tội, giết hại một thân mạng, phải trải qua nhiều kiếp nhận chịu tai ương, mọi sự nơi minh ty đều xác thực không thể miễn khỏi”. Tần An Nghĩa chỉ để lại lời đó, không biết đi đến ở xứ nào.

10- Cảm ứng của Sa-môn Thích Phổ Minh ở chùa Thượng Định Lâm thấy thân hình Bồ-tát Phổ Hiền. (Rút từ Đường Tăng truyện).

Sa-môn Thích Phổ Minh ở chùa Thượng Định Lâm thời nhà Tề chuyên sám hối lấy làm hạnh nghiệp chánh, trì tụng Kinh Pháp Hoa mỗi lúc đến phẩm: "Khuyết Phát" tức liền thấy Bồ-tát Phổ Hiền cưỡi tượng Vương trắng ở trước mắt v.v...

11- Cảm ứng của Tôn tượng Đức Phật Di Lặc bằng gỗ trong sông Đạt Lệ La ở nước Ô Trường Na.(Rút từ ngoại quốc ký).

Trong sông Đạt Lệ La ở nước Ô Trường Na (còn gọi là Bằng Trượng) tại bắc Ấn Độ có một tinh xá, khắc chạm Tôn tượng Đức Di Lặc bằng gỗ sắc màu vàng ròng linh dị, ngầm thông dài hơn mười trượng. Sau khi Đức Phật Diệt dộ do Tôn giả Đại A-la-hán Mạt Điền Địa tạo nên vậy. Tôn giả tự suy niệm rằng: "Đức Đại Sư Thích-ca khi diệt độ đem đệ tử giao phó cho Đức Di Lặc, những người giải thoát trong Tam hội đều là từ trong Di Pháp của Đại Sư Thích-ca. Người xưng một tiếng:"Nam Mô" tức ban thí cho người một nắm thức ăn vậy. Bồ-tát sinh lên cung trời Đâu-suất, chúng sinh nương tựa vào đâu mà thấy được chân dung, chỉ sợ tu tạo Tôn tượng không tương tợ như Diệu thể. Bèn dùng sức thần thông dẫn các người thợ lên cung trời Đâu-suất diện kiến chân tướng Đức Di Lặc. Qua lại đến ba lần, sau đó công việc tạo tượng mới hoàn thành. Lúc ở tại cung trời, đức Di Lặc bảo cùng Tôn giả mạt Điền Địa rằng: "Ta dùng Thiên nhãn xem khắp ba ngàn Đại thiên thế giới, trong đó như có người tạo hình tượng ta, ta kín sai các người hầu thần giúp công việc đó. người đó nhất định chẳng rơi vào đường xấu ác. Đến lúc ta thành Phật, hìng tượng ấy sẽ dẫn đầu đưa người đó đến chổ ta. Khi ấy ta tán thán rằng: "Lành thay chúng sinh các ông ở trong thời chánh pháp tượng pháp và mạt pháp của Đức Thích-ca tạo hình tượng tương tợ ta. Và khi ấy tượng sẽ bay giữa hư không toả phóng ánh sáng và nói bệ tụng ngợi khen. Người nghe đều rơi lệ mà chứng đắc đạo quả Tam Thừa". Tôn giả Mạt Điền Địa cung kính nhận lấy yếu chỉ dậy răn, công việc mới hoàn tất vậy, tự có Pháp Phật Pháp Tăng lưu truyền đến Đông độ vậy.

12- Cảm ứng của Giang Di tạo Tôn tượng đức Di Lặc. (Rút từ Tăng truyện).

Trong thời nhà Tấn có Tiêu Quốc Đái Quỳ, tự là An Đạo, người con thứ hai od Đái Quý tên là Khoả, tự là Trọng Nhã, tố vận sau lắng, khéo giỏi về binh quốc. Đã mang đội U Chân cũng tiếp thừa chí khí

khéo léo. Mỗi lúc Đái Quý tạo tượng đều cùng dự tham chung lo. Có Giang Di ở Tế Dương thủa nhỏ kết bạn chơi thân với Khoả. Giang Di từng nhờ Khoả tạo Tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm, rất dốc sức ân cần lo toan muốn khiến công việc hoàn thành tốt đẹp, mà tướng hảo của Tôn tượng chẳng viên mãn, trải qua nhiều năm mà không thaành. Về sau mộng thấy có người bảo rằng: "Giang Di đối với Đức Quán Thế Âm không được sức gia bị, nên có thể đổi làm Tôn tượng Bồ-tát Di Lặc". Đái Khoả bèn dừng tay làm tượng, vội viết thư báo cho Giang Di biết, chưa kịp gởi đi mà thư của gang Di đã gởi đến đều cùng trong đêm đó cảm mộng, và điều nói trong thư cũng đồng phù hợp. Đái Khoả vui mừng với Thần Thông liền đòi làm Tôn tượng đức Di Lặc, đến lúc buông tay, bèn thành khéo đẹp, mới đầu chẳng xét nghĩ, dung mạo toả sáng, bỗng chốc mà thành, có người nhận biết tán thán cảm ngộ nhân duyên chẳng sai vậy.

13- Cảm ứng của Tôn tượng Bồ-tát Di Lặc do Sa-môn Thích Chiểu Vu tu tạo (Tân lục).

Sa-môn Thích Chiểu Vu xuất gia từ thủa thiếu thời, rất có tiếng tăm về nghĩa học, ngài thường nguyệ cầu được sinh lên cung trời Đâu-suất, nên ta pháp quán cung trời Đâu-suất, chú giải Nghĩa nguyên bốn quyển, mộng thấy có một Đồng tử mặc áo xanh đến bảo rằng: "Đại sư muốn sinh lên cung trời Đâu-suất diện kiến Đại Sĩ Di Lặc thì nên tạo hình tượng mà tu quán chân dung". Sau khi tỉnh mộng, ngài liền khắc chạm gỗ làm tượng. Đến lúc ngài bảy mươi tuổi ngài thị tịch. Lúc sắp tịch ngài bảo cùng Đồ chúng rằng: "Tôn tượng ta tu tạo hiện giữa không trung. Ta theo Tôn tượng ấy mà được sinh lên cung trời Đâu-suất vậy.

14- Cảm ứng của Pháp sư Thích Thuyên Minh tu tạo Tôn tượng Đức Từ Thị bằng gỗ Chiên Đàn cao ba tấc.

Pháp sư Thích Thuyên Minh phát nguyện tu tạo Bồ-tát Tôn tượng Từ Thị khắc chạm bằng gỗ Chiên Đàn cao ba tấc và cầu nguyện được sinh lên cung trời Đâu-suất. Ngài có trước thuật bộ Thượng sinh Kinh sao gồm bốn quyển rõ nghĩa lý sâu mầu, bèn mộng thấy Tôn tượng ấy dần cao lớn toả phóng ánh sáng sắc màu vàng ròng rực rỡ đối trước mặt ngài mà mỉm cười. Ngài bạch cùng Tôn tượng rằng: "Chúng con cầu nguyện sinh lên cung trời Đâu-suất có được hay chăng?" Tôn tượng ấy bảo rằng: "Ta đã được Đại Sư Thích-ca Mâu-ni giao phó, chẳng kể là người kính chuộng hay kẻ xả bỏ, huống hồ là người có tâm niệm

mong cầu”. Nói lời ấy rồi, Tôn tượng trở lại nguyên hình. Ngài thầm kín chẳng nói với người khác. Sau khi ngài thị tịch mới thấy ngài ghi lại việc ấy trong di thư, nên biết là có sự cảm ứng. Và lúc ngài thị tịch, có người ở bên cạnh mộng thấy có trăm ngàn người mặc áo xanh đến nghinh đón, ngài chỉ lên trời mà đi.

15- Cảm ứng của hai Tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm ở dưới gốc cây Bồ-đề.

Sau khi Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn, các hàng vua chúa ở tại nước tương truyền, nghe Phật nói về hạn lượng của tòa Kim Cang, bèn đem hai Tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại (tức là Quán Thế Âm) đến nêu mốc giới ở hai phía nam bắc và ngồi ở hai phía đông tây. Nghe các bậc Lão đức kỳ cựu nói rằng: “Thân hình Tôn tượng Bồ-tát ấy mà ẩn mất không còn thấy tức Phật pháp sẽ diệt tận vậy”. Nay Tôn tượng Bồ-tát ở góc phía nam đã ẩn chìm quá ngực,. Tháng tám năm Kỷ Sửu (629) tức năm Quán thứ ba thời Tiền Đường, Tôn tượng Phật sư Huyền trang đến Tây vức. Tính từ năm Nhâm Ngọ tức năm thứ năm mươi hai thời Chu mục Vu mãn, lúc đó Đức Phật bảy mươi chín tuổi, vào nữa đêm ngày mười lăm tháng hai thì Đức Phật nhập Niết-bàn đến khi ngài Huyền Trang tới đó tức đã cách một ngàn năm trăm bảy mươi tám năm vậy.

16- Cảm ứng của Tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại tại ở Cô Sơn nước Ma-kiệt-đà. (Rút từ Đồng ký và Từ Ân truyện).

Tại tinh xá Chánh trung ở Cô Sơn nước Ma-kiệt-đà, có Tôn tượng đức Bồ-tát Quán Tự Tại thân hình tuy nhỏ nhưng oai thần rất lớn, tay nắm hoa sen trên đảnh đầu đội Tôn tượng Phật. Từng có một số người bỏ ăn phát khởi yếu tâm mong muốn thấy Bồ-tát hoặc trong bảy ngày hoặc mười bốn ngày cho đến một tháng hẳn có sự cảm ứng, thấy được Diệu tướng trang nghiêm oai quang rực rỡ của Bồ-tát từ trong Tôn tượng lưu xuất an uỷ người ấy.

Xưa kia, vua nước Tăng-già-la ở Nam Hải vào một buổi sáng sớm, dùng gương soi mặt mình mà chẳng thấy hình tướng của mình, mới thấy trên Cô Sơn trong rừng Đa-la ở nước Ma-kiệt-đà có Tôn tượng Bồ-tát ấy, vua rất cảm mừng chuẩn bị mọi thứ để đến mong cầu. Khi đã đến núi đó, thật thể ít tương tợ, nhân đó mà dựng lập tinh xá cúng dường mọi thứ. Về sau các vua khác cũng đến cúng dường không ngớt. Những người cúng dường Tôn tượng đó sợ mọi người đến làm dơ bẩn tôn nghi mới chung quanh Tôn tượng cách chừng bảy bước đóng gỗ làm lan có

thể chấn lại, người đến lễ bái chỉ đứng phía ngoài lan có thể, không được đến gần Tượng, các thứ hương hoa dâng cúng cũng từ xa rãi vào. Như người tung rãi mà hoa dính bấm trên tay hay trên vai Tôn tượng ấy thì đều cho là điềm tốt lành là được toại nguyện vậy.

Tu tạo Pháp sư Huyền Trang muốn sang đó để cầu thỉnh, mời mua các thứ hoa kết làm thành tràng đem đến nơi chỗ Tôn tượng, chí thành lễ bái tán thán rồi, ngài quỳ thẳng phát ba điều nguyện rằng: “Một là ở tại Tây vức để học rồi, trở về quê cũ (tức là Trung Hoa) được bình an. Không các chướng nạn thì nguyện tràng hoa dính bấm trên tay Tôn tượng. Hai là mọi sự tu tập Phước Tuệ đều nguyện hồi hướng cầu sinh về cung trời Đâu-suất để phụng thờ Bồ-tát Từ Thị, nếu được như ý thì xin nguyện tràng hoa dính bấm trên hai cánh tay của Tôn tượng. Ba là trong Thánh giáo nói trong chúng sinh có một phần không có Phật tánh, Huyền Trang con nay tự nghi ngờ không biết có phải vậy chăn. Nếu như đều có Phật tánh và tu hành có thể thành Phật thì xin nguyện tràng hoa dính bấm trên cổ Tôn tượng”. Nói xong từ xa ngài tung rãi hoa và cảm được đúng như lời ngài cầu nguyện. Ngài đã mãn nguyện mong cầu, những người chung quanh trông thấy đều nói là: “Chưa từng có vậy, trong tương lai nếu được thành Phật xin nên nhớ nhân duyên ngày nay, trước vì cứu độ vậy.

17- Cảm ứng của Luận sư Giới Hiền ở chùa Thế Vô Yểm được ba vị Bồ-tát hiển bày dạy răn. (Rút từ Từ Ân truyện).

Pháp sư Huyền Trang đến nước Ma-ha-đà, vào chùa Thế Vô Yểm, gặp được Luận sư giới Hiền là bậc mà chúng Tăng tôn xưng là Chánh Pháp Tạng vậy. Ngài giới Hiền bảo Pháp sư giác Hiền rằng: “Ông nên vì Đại chúng mà nói về nhân duyên bệnh khổ của tôi ở ba năm trước”. Ngài Giác Hiền nghe vậy nghẹn khóc nuốt lệ mà kể về duyên xưa rằng:

“Hòa thượng (tức Giới hiền) ngày trước cảm mắc bệnh phong, mỗi lúc bệnh phát thì tay chân đau nhức như lửa đốt kim châm vậy. Đau nhức chợt phát dứt suốt hơn hai mươi năm như thế, cách ba năm năm trước đây đau nhức chợt rất lắm, nên Hòa thượng nhàm ghét thân này, muốn bỏ ăn để nhận lấy sự chết, bèn trong đêm mộng thấy có ba người trời. Một người nhan sắc vàng ròng, một người nhan sắc nhu lưu ly, và một người nhan sắc như bạc trắng, hình mạo đoan chánh. Nghi dung nhẹ nhàng sáng rỡ, đến hỏi Hòa thượng rằng: “Ông muốn bỏ thân này ư? Trong Kinh nói rằng: “giả sử như thân có các thứ khổ cũng không nên

nhàm chán xả bỏ”. Ở đời trước ông từng làm vị Quốc Vu não hại lắm nhiều chúng sinh nên nay phải nhận chịu quả báo ấy. Nay ông nên quán niệm mọi oan trái xưa kia mà chí thành sám hối, nhẫn chịu mọi sự đau khổ, riêng năng hoằng tuyên Kinh Luận, tự sẽ tiêu mất. Ngay sự ông nhàm thân bệnh khổ, trọn không thể hết”. Hòa thượng nghe vậy rồi bèn chí thành lễ bái. Người nhan sắc vàng ròng ấy chỉ người nhan sắc lưu ly mà nói cùng Hòa thượng rằng: “Đây là Bồ-tát Từ Thị”. Hòa thượng liền đảnh lễ đức Từ Thị mà thưa hỏi rằng:”Giới Hiền con thường cầu nguyện được sinh về nơi chốn của từ Tôn. Không biết có được chăng?”. Người ấy đáp rằng: “Ông nên rộng hoằng truyền chánh pháp về sau hẳn sẽ được sinh về đến đó”. người nhan sắc màu vàng ròng tự nói rằng:”Ta là Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi. Chúng tôi đang thấy ông muốn xả bỏ mạng sống, chẳng làm lợi ích cho quần sinh nên đến khuyên ông. Ông nên theo y lời nói của chúng tôi mà hiển dương chánh pháp, giảng giải các luận Du già v.v... lan toả khắp đến mọi người chưa được nghe, thân ông dần dần sẽ được an ổn, chớ buồn lo bệnh không lành. Có vị Sa-môn ở nước Chi-na (Trung Hoa) muốn thông hiểu Đại Pháp, ưa thích đến học nói ông. Ông có thể vì mà trao truyền đó”. Nói xong bỗng nhiên không còn thấy nữa. từ đó trở lại, căn bệnh của Hòa thượng giảm dần. Tăng chúng nghe thế thảy đều ngợi ca là việc hiếm có vậy. Pháp sư Huyền trang ghi chép vào Thánh ký vậy.

18- Cảm ứng của Vương tử Giới nhật cảm được Tôn tượng Quán Tự Tại. (Rút từ Tây vức ký v.v...).

Tại phía Đông Ấn Độ, có vua nước Kim Nhĩ tên là Nguyệt hại, vua nước Yết-nhã-các-xà tên là Vu tăng. Đại Thần rành rõ khuyên tấn con của tiên cảm ứng, vì giới Nhật là em của ông ta là Thái tử của vua, dám chẳng hứa, liền đến trước Tôn tượng đức Bồ-tát Quán tự Tại ở bờ sông Căn Già, bỏ ăn mà cầu thỉnh. Bồ-tát bèn hiện hình mà bảo rằng: “Thân trước của ông ở tại trong rừng này làm vị Tỳ-kheo A Luyện Nhã mà tinh cần không biếng trễ, nương phước lực đó nên nay được làm Vu tử. vua nước Kim nhĩ đã phá hoại Phật pháp. Ông tiếp nốiVu vị nên phải phát huy hưng thạnh, lấy tâm từ bi làm chí nguyện không bao lâu sẽ làm vua cả năm xứ Ấn Độ”. Khi đó Vu tử Giới Nhật vâng lời chí giáo mà trở về tiếp nối Vu vị, mỗi mỗi đều y cứ theo Thánh ngôn, suốt ba mươi năm binh lính giặc dã chẳng hề dấy động.

19- Cảm ứng của Linh Tượng Bồ-tát Quán Thế Âm của Bồ-tát Y

Lợi Mật Đa ở Tây vức (Rút từ truyện Thích Trí Mãnh).

Vào thời tần Diêu Hưng, tại Kinh Triệu có Sa-môn Thích trí Mãnh vân du đến Tây vức, thủa thiếu thời có sang nơi Tháp của Bồ-tát Y-lợi-mật-đa-la tại nam Ấn Độ, bên cạnh tháp có một ngôi tinh xá bị phá hoại đã lâu ngày. Trong Thích-ca ấy có nột Tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm sắc màu vàng ròng, mưa sương chẳng hề thấm ướt thân tượng, bèn thành Tâm cầu thỉnh, thấy giữa không trung có lọng che chở.

Theo tương truyền của các bậc lão tử nói rằng: “Xưa kia, có vị Bồ-tát tên là Y-lợi-mật-đa. Với việc lợi sinh luôn nhớ nghĩ, từ bi thương cứu giúp, rất thương xót chúng sinh nhận chịu khổ trong ba đường, nên phất nghuyện tu tạo Tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm, suốt ba năm công việc mới hoàn tất. Có lắm sự linh dị cảm động, như có người chuyên tâm cầu thỉnh, Tôn tượng vì hiện Diệu thân chỉ bảo cho điều ước nguyện ấy. Bồ-tát Y Lơi Mật Đa bèn đối trước Tôn tượng đó mà khởi tâm niệm rằng: “Bồ-tát Quán Thế Âm hay diệt khổ trong hai mươi lăm cõi, mà nổi khổ trong ba đường rất quá lắm. Linh tượng có sự cãm thông xin giúp cho thệ nguyện của con cùng cứu khồ ấy”. Đến đêm tối vào lúc canh hai. Linh tượng toả phóng ánh sáng, khắp đất trời đều sáng rực, trong ánh sáng ấy có thấy mười tám Địa ngục là nơi chúng sinh nhận chịu tội khổ, và ba mươi sáu thành ngạ quỷ nhận chịu khổ, bốn mươi ức khổ của loài súc sinh. Linh tượng chóng hiện trăm ngàn quân lính mang mặc áo giáp vàng, mỗi mỗi đều cần nắm gậy dao qua bỗng vào nơi mười tám Địa ngục, mới đầu từ ngục A-tỳ lần lược đập phá các vạc sôi lò đỏ, các thứ khí cụ lảm khổ chúng sinh đều phá hoại hết. Khi ấy các hàng đầu trâu mặt ngựa v.v... hết thảy lính ngục đều sinh tâm khiếp sợ ném vất các thứ khí cụ làm khổ, mà vội chạy đến thành vua Diêm-ma tâu cùng vua rằng: ”Bỗng nhiên có trăm ngàn quân lính kỵ binh mặc áo giáp vàng cầm nắm qua nhận đập phá vạc chảo, phá hoại các thứ khí cụ làm khổ. Nói Địa ngục bỗng biến thành ao mát, các khí cụ làm khổ đều biến thành hoa sen, hết thảy tội nhân đều lìa khỏi khổ não. Đó là sự việc chưa từng thấy. vậy phải làm thế nào?. Vua Diêm-ma bảo: “đó chẳng là việc làm của Bồ-tát Quán Thế Âm ư?” Chúng ta không thể sánh kịp được”. Bèn liền chấp tay hướng về phương ấy mà nói kệ rằng:

“Kính lạy Quán Thế Âm
Bậc Thần thông tự tại
Hiển bày trăm ngàn quân
Phá trừ vật ba ác”.

Phá hoại mười tám Địa ngục như thế rồi, nhiếp hóa chúng sinh

mà vì giảng pháp. Tiếp đến vào trong Thành ngạ quỷ, tay phải nắm kéo năm trăm dòng sông, tay tría nắm kéo năm trăm dòng sông ở giữa không. trung mà tuông mưa cam lồ, hết thảy ngạ quỷ đều ndamo, mà vì nói Pháp. Lại vào trong đường súc sinh dòng ánh sáng trí tuệ phá trừ tâm ngu si, mà vì nói pháp. Trong một lúc đến khắp ba đường. Bồ-tát Y-lợi-mật-đa thấy việc hy hữu ấy, bèn tự họa duyên tượng khắc đá ghi chú. Linh tượng đó tức thì duyên ấy vậy. (Riêng xin nói rằng: "Việc hiếm có ấy, nếu chẳng là nghiêm chỉ của Đại Thánh thì khó nghĩ bàn. Về sau kiểm xét bản mới dịch Kinh Đại thừa Bảo Vương có tướng lợi sinh ấy. Lại xét ở văn kia, nay muốn khuyên người tạo tượng và ghi lại duyên cớ mà lưu truyền v.v... Nay cũng xin nói là trong khoảng niên hiệu Hoằng Thể tại Trung Hoa có Tỳ-kheo Thi La đến nơi Di Tích của Bồ-tát Mật Đa ở Nam Ấn Độ, chùa Quán Thế Âm ấy vậy).

20- Cảm ứng của Tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm đứng do các Cư sĩ Lưu Độ v.v... ở thời nhà Tấn tu tạo mà được thoát khỏi khổ nạn (Rút từ Minh tường ký).

Trong thời nhà Tấn, có Lưu Độ vốn người xứ Liêu Thành, Bình Nguyên, trong làng xóm có hơn trăm nhà đều kính phụng Đại Pháp, tạo Tôn tượng đứng, cúng dường Tăng vi. bấy giờ đang thời niên Lự Chúa Mộc vị, tại huyện đó thường có sự trốn mất, nên Mộc Vị rất oán ghét muốn diệt hết một thảnh, mọi người đều kinh sợ số phận ắc sẽ bị giết hết. Lưu Độ mới khiết trai chí thành hướng dẫn mọi người quy mạng đức Bồ-tát Quán Thế Âm, chỉ trong khoảng khắc, Mộc vị thấy có một vật từ giữa không trunbg bau xuống nhiểu quanh nơi cột nhà đang ở, kinh sợ trông nhìn thì đó là Kinh Quán Thế Âm, sai bảo người đọc lấy. Mộc Vị bèn hoan hỷ xét luật hình giết hại, từ đó ở thành bèn được khỏi hại v.v...

21- Cảm ứng của Sa-môn Thích Đạo tần xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm mà được kéo dài Thọ mạng.(Rút từ Đường Tăng truyện và Bổn ký Cảm truyện).

Tại tinh xá Hạnh Đường ở núi Nguỵ thường có Sa-môn Thích Đạo Tần là người sống cuối thời nhà Nguỵ, mộng thấy có người bảo rằng: "Ông đến năm đó, sẽ qua đời lúc bốn mươi hai tuổi". Sau khi tỉnh giấc, ngài rất lo sợ, bèn dốc hết của cải vốn có mà tu tạo việc phước. Có một người bạn bảo rằng: "Tôi nghe Kinh nói cúng dường sáu mươi ức vị Bồ-tát so với một tiếng xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm, phước đức của hai

việc ấy ngang bằng không khác. Cớ sao ông chẳng chí tâm quy y để có thể tăng thêm tuổi thọ?" Ngài mới cảm nhận lời nói ấy, suốt bốn ngày đêm chuyên tinh xưng niệm, không ngưng nghỉ ngài ngồi dưới màng trướng bỗng nhiên thấy có ánh sáng từ ngoài cửa soi rọi vào và thấy bàn chân không của Bồ-tát Quán Thế Âm màu vàng ròng chiếu sán bảo cùng ngài rằng: "Như có cảm sâu dày đó. Định nghiệp cũng có thể, nếu duyên ở quá khứ và hiện tại cạn cợt thì khổ nhỏ cũng không nghiệm. Nếu phát tâm quy mạng sẽ biết được có cảm sâu dày. Nếu nghe mà không xưng niệm sẻ như duyên xưa cạn cợt vậy. Ông xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm ư?" Ngài vén màng trông nhìn thì lại chẳng thấy, buồn vui lẫn lộn toát đổ mồ hôi, bèn cảm thấy thân thể nhẹ nhàng. Bệnh tật giảm bớt là do sức giabị. Về sau được kéo dài Thọ mạng vậy.

22- Cảm ứng của người phụ nữ cô quạnh ở Quận Lỗ cúng dường Tôn tượng Quán Thế Âm đã rã mục. (Tan lục).

Tại Quận Lỗ có một phụ nữ cô quạnh, ở nơi tinh xá xấu cũ, thấy gặp được khúc gỗ ở trong ruộng lúa tương tợ như Thánh tượng bèn đem về tôn trí nơi am tranh. Tôn tượng rã mục đó lấy ra từ ruộng lúa tươi tốt nên người phụ nữ ấy cho là do sức của Tôn tượng, bèn đem phần trên thức ăn của chính mình mà dâng cúng. Về sau cảm mắc bệnh mà qua đời, trải qua một ngày nột đêm mới sống lại, người phụ nữ ấy đem đất nhà cúng dường tinh xá, đem thân mắt mà tạo Tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm. mọi người lấy làm quái lạ nên hỏi về nguyên do. Người phụ nữ ấy đáp: "Khi tôi chết bị hai người bắt giam trong xe lửa mà chở đi, bỗng nhiên có một vị Sa-môn khắp cả thân thể đều huỷ hoại nói cùng người giữ xe rằng: "Ta thay cho người này, người này là Đàn Việt của ta". Người giữ xe bèn để xe xuống đất chấp tay mà thưa rằng: "đại sĩ xim lời, không lường được sự thành thực của vua, sẽ phóng thả người nữ này". Liền đó vị Sa-môn lên xe lửa đưa dẫn tôi trở về nhà. Khi ấy tôi thưa cùng vị Sa-môn rằng: "Sư là mà đến cứu tôi?". Vị Sa-môn ấy đáp: "ta là Quán Thế Âm, ngươi không biết gỗ rã mục lúa đó là tượng của ta vậy v.v...". Tôi được lợi ích như thế nên không luyến tiếc ruộng nhà mà thôi".

23- Cảm ứng của sự tu tạo Tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm mười một mặt ở nước Kiều-tát-la mà được khỏi nạn dịch bệnh.

Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn tromng khoảng tám trăm năm, tại nước Kiều-tát-la bị nạn bệnh dịch lan tràn, người chết đến một nữa, trải

qua ba năm mà không dứt nạn, các hàng vua tôi cùng nhau bàn tính lập thệ nguyện cầu thỉnh người có tâm Đại bi ở trong loài người hay trong loài trời khắp mười phương thế giới ắc đến cứu giúp. Bấy giờ mộng thấy có một Thánh tượng đầy đủ mười một khuôn mặt thân sắc vàng ròng toả phóng ánh sáng soi chiếu, buông tay xoa vào đảnh đầu vua mà nói rằng: “ta dùng mười một khuôn mặt để gìn giữ quốc vương”. Sau khi tỉnh mộng, vua bèn báo cùng bề tôi. Vua tôi dân chúng nội trong một ngày tu tạo Tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm mười một mắt. Cùng một lúc thoát khỏi ách nạn, từ đó trờ về sau trong trăm nhà chưa một nhà cảm mắc nạn dịch bệnh ấy nữa.

24- Cảm ứng của sự tu tạo Tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm ngàn tay ngàn mắt mà được kéo dài Thọ mạng.(Rút từ trong Kinh Thiên Tý (tức là ngàn cánh tay)).

Xưa kia, ở nước Ba La nại có một vị Trưởng giả chỉ có được một người con Thọ mạng hợp được chỉ mười sáu tuổi. Đến năm mười lăm tuổi, có một vị Sa-môn đi tuần tự từng nhà mà khuất thực, thấy trưởng giả tỏ vẻ lo buồn không vui, vợ chồng tiều tuỵ mặt mày không tươi nhuận. Vị Sa-môn ấy mới hỏi Trưởng giả: “Cớ sao mà không vui?” Trưởng giả bèn kể lại duyên cớ ấy. Vị Sa-môn ấy bảo cùng Trưởng giả rằng: “Chớ phải nên lo buồn chỉ lấy sự phân xử của bần đạo đây thì Thọ mạng đứa con ắc được lâu dài”. Khi ấy vị Sa-môn đạo pháp tượng đó dùng ngàn tay chú nguyện suốt một ngày một đêm. Bèn được vua Diêm-ma bảo rằng: “Con của Trưởng giả Thị hiện, chỉ hợp mười sáu tuổi, nay đã mười lăm tuổi, đúng chỉ còn sống thêm một năm, nhưng nay gặp được duyên lành, Thọ mạng sẽ được kéo dài đến tám mươi tuổi, nên ta lại cùng báo cho biết”. Khi đó vợ chồng Trưởng giả vô cùng vui mừng xả thí tất cả của cải để cúng dường chúng Tăng. Nên biết Pháp tượng đó thật không thể nghĩ bàn vậy.

25- Cảm ứng của sự hành pháp Tôn tượng ngàn tay ngàn mắt ở nước Kế Tân mà được khỏi nạn.

Xưa kia, tại nước Kế Tân cảm mắc bệnh dịch hoành hàn, người mắc bệnh không qua khỏi một ngày đều chết. Có Bà-la-môn Chân Đế bấy giờ đem Pháp tượng ấy mà thi hành cứu giúp trị liệu, tức thời đều được tiêu diệt. hành bệnh quỷ Vương bèn ra khỏi cảnh vức nước ấy vậy.

26- Cảm ứng của các người con nhà Đại Bà-la-môn v.v... Cảm được Tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm ngàn tay ngàn mắt.

Xưa kia, có một vị Sa-môn phụng hành Đại pháp, theo tuần tự mà đi khuất thực đến nhà Bà-la-môn. Khi đó trong nhà ấy gặp vị Sa-môn ấy đến sường cột trong nhà gãy đổ, bốn bình chậu nước đổ bể, trâu ngựa bức đứt tuông chỵ tứ phía, vị Bà-la-môn đó cho rằng: "Vì người không tốt lành đến nhà ta nên có biến chuyển quái lạ này". Vị Sa-môn ấy nghe nói vậy bèn bảo cùng Bà-la-môn đó rằng: "Ông có thấy các con trong nhà ông bụng trướng mặt sưng thân hình nặng nhọc ánh mắt mờ tối, bởi quỷ não hãi đó chăng?". Bà-la-môn đó đáp: "Ta đã thấy trước như vậy".Vị Sa-môn ấy bảo: "Trong nhà ông có ác quỷ Dạ xoa hút tinh khí của người, nay trong nhà ông có các chứng bệnh dịch là do các quỷ v.v... ấy vậy. Vì sợ ta nên các quỷ chạy trốn mà sinh việc như vậy". Liền đó các người con bệnh khổ được dứt trừ, Bà-la-môn nên đó nói rằng: "Ông có sức lực gì vậy?". Vị Sa-môn ấy đáp: "Vì ta thân gần Đại Pháp của Đức Như Lai, mang Tôn tượng ngàn tay nên có oai thần vậy." Vợ chồng ông Bà-la-môn nghe xong hoan hỷ mà cúng dường đó vậy.

27- Cảm ứng của sự tu tạo Tôn tượng Bất Không Quyên sách ở nước Nam Ấn độ.(Rút từ Tây vức kỳ).

Ở nước nam Ấn Độ bị hoang phế, vua tôi không được bảo tồn Thọ mạng, dân chúng rã tan. vua bèn sai kẻ sứ đến cầu thỉnh Sa-môn Y lợi mật đa ở trung Ấn Độ đến để cứu giúp tai ương trong nước nhà. Ngài Y Lợi Mật Đa đến nước đó tâu cùng vua rằng: "Có Đại Thánh Bật Không Quyên sách Quán Tự Tại Đại Vương, nên tạo Tôn tượng thiết trí tại các phía tây nam của thành". vua vâng theo lời dạy ấy liền tạo hình tượng tôn trí nơi ác ở góc tây nam của thành. Tượng ấy toả phóng ánh sáng chiếu toảkhắp một do tuần, vua tôi được bảo an Thọ mạng, lúa thóc tốt tươi được mùa. dân chúng từ các nước khác mẫn cảm Tôn tượng đó. ở phía nam của thành có một ngôi chùa cũ, bèn dời các làm lại chùa ấy vậy.

28- Cảm ứng của Diêu Từ Khúc ở Lương Châu vì người thân đã qua đời mà tu tạo Tôn tượng Bồ-tát Quán Âm.

Ở Lương Châu có Từ Khúc vốn giòng họ Diêu, từ nhỏ đã mất cả song thân. không biết phần an nghĩa. Đến lúc trưởng thành nghe duyên báo ân, cả hai mắt đều đổ lệ. Bèn họa vẽ Tôn tượng Quán Tự tại ngàn tay ngàn mắt và sáu Tôn tượng Quán tự tại tôn thờ nơi nhà cũ mà cúng

dường. trải qua một năm rưỡi, đều không có điềm cảm gì. Đến đêm mười bốn tháng bảy năm sau, bỗng nhiên giữa không trung có tiếng gọi: "Từ Khúc". Không biết nguyên do gì nên Từ Khúc hỏi ai đó. Bèn đáp lại: "Chúng tôi là song thân của ngươi, lúc sống phóng túng tạo mọi ác nghiệp nên bị đoạ vào Địa ngục nuốc hoàn sắt nóng. Ngày mười tám tháng hai năm trước, có sáu vị Sa-môn oai quang rực rỡ vào nơi Thánh Địa ngục, các hàng ngục tốt thấy vậy nên sinh tâm cung kính không dám niệmnguyệt ngại. Khii đã vào Địa ngục rồi, thâu nhiếp ánh sáng vì chúng tôi mà giảng pháp. Mới đầu không nhận biết, dần dần dạy răn dẫn dụ, liền xả bảo mà sinh lên cõi trời có trăm người. Chúng tôi sinh ở trên cõi trời thứ hai. Mới đầu nhận biết được là nhờ ân của ngươi, nhưng ở trên cõi trời thọ hưởng an vui không ngừng nghỉ nên những việc khác dễ quên. Vì vậy mà chúng tôi đến đây chậm trễ". Từ Khúc hỏi: "Lấy gì làm chứng cứ để biết các người là cha mẹ tôi?" Đáp rằng: "Nếu không tin lời chúng tôi nói thì xem nơi rương vàng trong kho, vì ngươi mà cất lại cho trăm viên tiền vàng". Nói xong bèn bặt tiếng. Đến sáng ngày Từ Khúc xem lại rương trong kho thật đúng như lời nói ấy, buồn vui dâng trào lẫn lộn, thấy ngày giờ họa vẽ quả nhiên hợp với lời nói ấy vậy.

29- Cảm ứng của Triệu Văn Thị ở Kinh Châu vì người thân đã qua đời mà đắp họa sáu Tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm. (Rút từ Ty mạng chí).

Triệu Văn thị người xứ Kinh Châu, song thân tà kiến, không tin Tam bảo còn văn Thị thì phụng thờ Bồ-tát Quán Thế Âm. Sau khi song thân đã qua đời, Văn Thị khởi niệm rằng: "Song thân ta tà kiến không tin Tam bảo, không biết thác sinh vào xứ nào, ta nên họa vẽ sáu Tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm để cùng cứu giúp trong sáu đường, song thân ta há chẳng vào trong số đó ư? Bèn thuê mướn người thợ khéo giỏi họa vẽ sáu Tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm. Chưa gia công học vẽ mà đem đó mộng thấy sáu Bồ-tát Quán Thế Âm, Văn Thị liền chấp tay bách cùng sáu Bồ-tát Quán Thế Âm rằng: "Xin nguyện rũ lòng từ bi giup1 cho con biết được chỗ thác sinh của cha mẹ con". Khi ấy, Đức đại Bi Quán Thế Âm bảo văn Thị rằng:' Cha ngươi bị đoạ trong Địa ngục thiêu đốt nhận chịu tội khổ nóng đốt. Ngươi họa vẽ Tôn tượng ta nên ta sang Địa ngục đó toả phóng ánh sáng mà giảng pháp cứu khổ ở chốn Địa ngục". Đức Đại từ Quán Thế Âm bảo rằng: "Nếu dời vào trong loài ngạ quỷ, ta sẽ vì cứu giúp. chỉ vì mẹ của ngươi đoạ trong loài ngã Quỷ, ta sang cõi ấy buông tay rưới mưa cam lồ khiến được no đủ, mà vì nói

Pháp". Đức Sư Tử vô Uý Quán Thế Âm bảo rằng: "Nếu dời sinh trong oài súc sinh, ta sẽ về cứu giúp đó". Đức Thiên Nhân Trượng Phu Quán Thế Âm bảo rằng: "Nếu chuyển sang trong loài người, ta sẽ hiển bày dẫn đường đến Tịnh độ". Đức Đại Phạm thâm Viễn Quán Thế Âm bảo rằng: "Nếu chuyển sinh trên cõi trời. Ta sẽ vì cứu giúp lúc đắm chìm khổ mà ra khỏi ba cõi". Sáu Đức Bồ-tát Quán Thế Âm nói như thế rồi, bỗng nhiên giác ngộ, đến lúc học vẽ vừa mới thành, Tôn tượng liền toả phóng ánh sáng, ở xa trông thấy như có ánh sáng đèn đuốc, nhưng ở gần trông thấy ẩn mất. Cha mẹ của Văn Thị đến bào mộng, hai người đều dóng vẻ Trượng Phu cưỡi mây sắc tía mà đến bảo cùng Văn Thị rằng: "Chúng tôi nhờ được Bồ-tát Quán Thế Âm đến cứu giúp vãng sinh về cõi Tịnh độ v.v... ". Những người nghe đều cho đó là song thân của Văn Thị đến báo mộng vậy.

30- Cảm ứng của hai Tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm và Địa Tạng được đắp họa tại Hàn Châu, thời nhà Lương.

Trên vách tường Đông Long ở chùa Thiện Tịch tại huyện Đức Dương, Hàn Châu có họa vẽ hai Tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm và Địa Tạng tướng mạo đều là Tăng tướng v.v... bày mà ngồi. Được học vẽ trong thời nhà Lương. Bấy giờ mọi người đến chiêm lễ, Tôn tượng toả phóng ánh sáng rực rỡ khác lạ.

Đến năm Lân Đức thứ nhất (664) thời Tiền Đường, trong chùa có vị Tăng chiêm ngưỡng Tôn tượng, muốn có sự khác thường, bèn đem lụa quyên đến bvach1 tường mô tả Tôn tượng mà cúng dường, Tôn tượng toả phóng ánh sáng chẳng khác. khi ấy mọi người đua nhau đến mô tả có lắm nhiều. Đến năm Lân Đức thứ ba (666) thời Tiền Đường, Vương Ký ra trấn nhậm Tư Châu Thứ Sử, đang vì mô tả, tinh thành cúng dường, Đoàn thuyền cùng đi có đắm chìm bởi gặp sóng gió ấy, chỉ một chiếc do Vương Ký đi không ngại gì, nên biết đức Bồ-tát hoằng thí Đại từ bi có được sức lực như thế.

Đến năm Thuỳ Củng thứ hai (684) thời Tiền Đường, Võ Hậu (Võ Chiếu) nghe Tôn tượng như thế, bảo người thợ mô tả, ánh sáng cũng toả phát như trước, bèn tôn trí tại Nội Đạo tràng mà cúng dường. Đến năm Đại Lịch thứ nhất (766) thời Tiền Đường có vị Đại Đức ở chùa bảo Thọ vào nội Đạo tràng thấy tướng ánh sáng khác lạ nên tấu trình. vua ĐẠi Tông (Lý Dự 763-780) mới phát tâm chí thành đảnh lễ tán thán. Lúc ánh sáng ấy hiện khắp trong nước nhà đều được an thái. Về sau có người vợ của một thương nhấn mang thai đến hai mươi tám tháng mà

không sinh nở, bỗng thấy được tướng ánh sáng coả Tôn tượng, bèn liền mô tả nhất tâm phát nguyện ở trước Bồ-tát, đêm đó bèn sinh được một người con trai, tướng tốt đoan nghiêm, mọi người trông thấy đều hoan hỷ.

31- Cảm ứng của Lý Triệu Đãi ở Ngạc Huyện, Ung Châu vì thân phụ đã qua đời mà tu tạo Tôn tượng Bồ-tát Đại Thế Chí.

Lý Triệu Đãi, người xứ Huyện ngạc, ung Châu, thân phụ Triệu Đãi khởi sinh ác kiến, bài bát cho là không có Phật pháp, bèn cảm mộng bị thần quở trách, nhân đó ói máu mà chết. Triệu Đãi vốn dốc tâm quy y hướng Bồ-tát Thế Chí, chuyên tinh niệm Phật, lại vì muốn cứu khổ cho thân phụ, nên tạo Tôn tượng Bồ-tát Đại Thế Chí cao ba thước. Mới ngày đầu tiên khắc học, bỗng nhiên quả đất rung động, mọi người cho là Đất chấn động, suy tìm mọi sự tốt xấu. Trải qua hai tháng công việc mới hoàn tất. Triệu Đãi bèn mộng thấy có một người thân sắc vàng ròng trên đầu đội mũ báu đến bảo rằng: "Ông có biết cớ sao ngày trước quả đất chấn động chăng? Ta là Bồ-tát Đại Thế Chí, vì ngươi tạo hình tượng ta, nên ta đáp lại sự thỉnh cầu của ngươi mà đến thế giới này, lúc cất chân lúc đặt chân, khắp cả Đại thiên đều chấn động. Chúng sinh trong ba đường xấu ác đều được lìa khổ. Ta y cứ theo niệm Phật môn, nhập vô sinh nhẫn, nhiếp lấy chúng sinh ở mười phương xưng niệm Phật. Ngươi tạo hình tượng và kiên tu niệm Phật, thân phụ của ngươi đã thoát khỏi ở chốn Địa ngục, tu nhiếp dẫn đưa về cõi Tịnh độ". Nghe nói thế rồi, Triệu Đãi ngước mắt muốn chiêm lễ, bỗng nhiên tỉnh mộng buồn vui lẫn lộn, Triệu Đãi tinh tấn tu niệm chẳng phế bỏ.

32-C ảm ứng của Bồ-tát Địa Tạng ở thời Quá khứ làm người nữ tìm chỗ mẹ thác sinh mà cứu khổ (Rút từ Kinh văn).

Trong thời quá khứ trải qua A Tăng Kỳ Kiếp không thể kể có đức Phật ra đời hiệu là Giác Hoa Định Tự tại Vương Như Lai ở trong thời tượng Phật có một Bà-la-môn nữ đã nhiều đời chứa phước sâu dày, mọi người đầu kinh nể. Người mẹ tin theo tà kiến kinh khi Tam bảo. khi ấy Thánh nữ bày nhiều chước phương tiện để khuyên nhủ mẹ khiến sinh chánh tín, nhưng bà ta chưa tin hẳn, chẳng bao lâu bà ấy chết, thần hồn sa đoạ vào Địa ngục vô gián. Bấy giờ Thánh nữ bèn bán nhà đất, sắm nhiều hương hoa và các thứ cúng cụ, đến nơi chùa tháp Phật cúng dường cung kính chiêm lễ tôn dung mà tự suy nghĩ rằng: "Đức Phật là đấng Đai giác. Nếu Đức Phật còn trụ ở đời, khi mẹ ta mất, ta đến bạch hỏi

Đức Phật, hẳn sẽ rõ biết chổ thác sinh của mẹ ta”. Khi ấy Đức Phật ở giữa hu không mà bảo rằng: “Người nữ kia chớ nên buồn rầu quá lắm, nay ta bảo cho ngươi biết chỗ thác sinh của mẹ ngươi. Ngươi nên sớm trở về nhà, ngồi ngay ngắn nghĩ tưởng danh hiệu ta, tức sẽ biết chổ thác sinh của mẹ ngươi”. Thánh nữ bèn trở về nhà, vì thương nhớ mẹ nên Thánh nữ ngồi ngay ngắn xưng niệm danh hiệu Phật. Trải qua một ngày một đêm bỗng nhiên thấy tự thân mình đến nơi một bờ biển, nước trong biển đó sôi sùng sục, có nhiều thú dữ thân thể toàn bằng sắc bay nhãy trên biển, thấy có các người nam nữ đâng đến trăm ngàn muôn ức nổi chìm trong biển, bị các thú dữ giành nhau ăn thịt. Lại thấy Quỷ Dạ Xoa thân hình lạ lùng. khi ấy Thánh nữ nỏi một Quỷ Vương tên là Vô Độc rằng: “Đây là xứ nào?” Vô Độc đáp rằng: “Đây là lớp biển thứ nhất ở phía tây núi Đại Thiết Vi”. Thánh nữ hỏi rằng: “Tôi nghe trong núi Thiết Vi có Địa ngục, điều ấy có thật chăng?” Vo Độc đáp rằng: “Thật là Địa ngục”. Thánh nữ lại hỏi: Vì nhân duyên gì mà nước trong biển này sôi sùng sục và có nhiều người tội như thế”. Quỷ Vương đáp rằng: “Đó đều là những chúng sinh tạo nghiệp ác ở trong cõi Diêm phù Đề vừa mới chết trong khoảng bốn mươi chín ngày không người kế tự về tạo các thứ công đức để cứu khổ nạn. Lúc sống kẻ đó lại không gây nhân lành nên phải cứ theo bản nghiệp mà nhận chịu quả báo nơi Địa ngục, tự nhiên họ phải lội qua biển này. Về phía đông biển này cách chừng một muôn do tuần lại có một biển nữa, nổi khổ ở biển đó gấp bội hơn biển này, phía đông của biển đó lại có một biển nữa, những sự thống khổ ở biển đó lại gấp bội hơn nhiều, đó đều do ba nghiệp ác mà chiêu cảm quả khổ, nên gọi đó biển nghiệp trong ba đường”. Thánh nữ lại hỏi: “Địa ngục ở đâu?”. Vô Độc đáp: “Trong ba biển ấy đều là Đại Địa ngục. Số đó có đến trăm ngàn, mỗi mỗi đều riêng khác”. Thánh nữ lại hỏi: “Mẹ tôi mới chết gần đây không bao lâu mà không biết thác sinh vào xứ nào?” Quỷ Vương Vô Độc hỏi: “Thân mẫu của Bồ-tát khi còn sống quen làm những nghiệp gì?” Thánh nữ đáp rằng: “Mẹ tôi mê tín tà Đạo, khinh chê Tam bảo. Hoặc có lúc tạm thời nhưng rồi chẳng kính”. Vo Độc lại hỏi: “Thân mẫu của Bồ-tát tên họ là gì?” Thánh nữ đáp: “Thân phụ và thân mẫu tôi đều giòng dỏi Bà-la-môn. Thân phụ tôi hiệu là Thi La Thiện Kiến, thân mẫu tôi hiệu là Duyệt Đế Lợi”. Quỷ Vương Vô Độc nói: “Thánh giả hãy trở về chớ nên lo buồn quá lắm, tội nữ Duyệt Đế Lợi đã được sinh lên cõi trời các nay ba ngày. Nhân sự hiếu thuận của người con vì mẹ mà thiết cúng tu phước, chẳng chỉ Thân mẫu của Bồ-tát được giải thoát, mà ngày đó các tội nhân đuề được an

lạc, đồng được thác sinh về các cõi trời”. Thánh nữ như mộng mơ chợt tỉnh bèn rõ biết, liền đối trước tháp tượng Đức Giác Hoa Định Tự tại Vương Như Lai mà phát lời thệ nguyện rằng: “Nguyện tôi cùng tận đời kiếp ở tương lai nếu có những chúng sinh nhận chịu khổ thì tôi rộng bày các phương tiện khiến họ được giải thoát”. Quỷ vương Vô Độc lúc bấy giờ là Bồ-tát Tài Thủ ngày nay, còn Bà-la-môn nữ là Bồ-tát Đại tạng vậy.

33- Cảm ứng của Tôn tượng Bồ-tát Địa Tạng được đắp họa ở chùa Pháp tu tại Ích Châu thời Tiền Đường.

Tại chùa Pháp tụ ở Quách hạ, Ích Châu có đắp họa một Tôn tượng Bồ-tát Đại Tạng ngồi cách thằng sàng duỗi chân cao khoảng tám, chín tấc. Tôn tượng ấy vốn do Trương Tăng Diêu đắp họa. Đến tháng bảy năm Lân Đức thứ hai (665) thời Tiền Đường có vị Tăng ở trong chùa đồ họa từ Tôn tượng đó được một bản, toả phóng ánh sáng chợt ẩn chợt hiện tợ như vòng vàng, phần nhiều đồng như ánh sáng gốc, và cứ thế lần lược đồ họa lưu xuất và đều toả phóng ánh sáng. Tháng tám năm đó, vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban sắc tìm một bản đưa vào cung để cúng dường. Hiện nay ở khắp trong ngoài thành mọi người đồ họa Tôn tượng ấy mà cúng dường thảy đều toả phóng ánh sáng. Nên biết oai lực của Phật thật chẳng thể lường (Ở nhà riêng có một bản nhưng chẳng riêng dẫn ghi).

34- Cảm ứng của Tôn tượng Địa Tạng khắc trên đầu gậy ở nhà Lưu Thị Lang tại huyện Kim Thủy, Giản Châu, thời Tiền Đường.(Tân lục).

Quan Thị Lang ở huyện Kim Thủy, giản Châu vốn giòng họ Lưu có công việc sang nhà người xóm giềng, giữa đường lượm nhặc được chiếc gậy, thấy trên đầu đều có khắc hình tượng mà không biết là tượng gì, bèn đem về để trong vách nhà, trải qua nhiều năm không nhớ đặt để tại đâu. Về sau cảm mắc bệnh mà qua đời, nơi tim còn ấm nóng nên chưa an táng, qua một ngày hai đêm sau sống lại, Thị Lang rơi lệ hối hận tự trách lỗi quá, vật vả thân mình nơi đất, người nhà hỏi về nguyên do. Thị Lang đáp rằng: “Lúc tôi mới chết có hai minh quan cưỡi ngựa áp đặc trước sau dẫn đến nơi chỗ vua Diêm-ma. vua tỏ vẻ tức giận trừng mắt trông nhìn. khi ấy, có một vị Sa-môn dung mạo xấu xí đến nơi sảnh, vua thấy liền tỏ vẻ cung kính từ chỗ ngồi đứng dậy mà quỳ thẳng thưa cùng Sa-môn ấy rằng: “Đại sĩ có nhân duyên gì mà đến nơi này?”. Vị

Sa-môn ấy bảo: “Thị Lang, người bị ông bắt gọi lại là Thí chủ của ta năm xưa trước, nên nay ta muốn cứu đó”. Vua Diêm-ma mói: “Nghiệp đã quyết định, vậy việc này phải làm sao?” Vị Sa-môn ấy bảo: “Xưa kia, nơi cung trời Đao-lợi, ta nhận sự phó thác của Đức Phật Thích-ca Như Lai hay vì cứu vớt những chúng sinh tạo nghiệp đã cố định, há trừ Thị Lang ra sao?”. Vua Diêm-ma nói: “Chí nguyện của Đại sĩ kiên cố không lay động như núi Tu Di, nên tôi phải thả người bày trở lại nhân gain”, Vị Sa-môn ấy hoan hỷ nắm tay tôi dẫn trở về cõi sống. Đến khi từ biệt, tôi hỏi vị Sa-môn “ Không biết ông là người nào mà đến vứu vớt tôi vậy?” Vị Sa-môn ấy bảo: “Ta là Bồ-tát Địa Tạng, lúc bình sinh ngươi đi giữa đường thấy hình tượng ta, ngươi đem về nhà đặt để trong vách tường. Ngươi có nhớ việc ấy chăng?” Nói lời đó rồi, bỗng nhiên ẩn mất. Đã thấy được sự thắng lơi đó, tôi nghĩ nhớ ngày xưa biến lười, nên tự hối trách mà thôi”. Mọi người nghe thế đều ngợi ca là điều khác lạ, thấy nơi vách có Tôn tượng trên đầu gậy, bèn gia công khắc chạm vẽ họa thành Tôn tượng cao năm tấc toả phóng ánh sáng. Và tôn trí tại trong nhà, xả thế mọi vật làm thành tinh xá đề hiệu là Viện Địa tạng vậy.

35- Cảm ứng của Bồ-tát Địa Tạng cứu nạn ác quỷ ở nhà Trưởng giả Kiều Đề.(Rút từ Địa Tạng Đại Đạo Tâm Khu sách pháp v.v...).

Xưa kia, khi đức Như Lai đang còn ở tại núi Linh Thứu. Bấy giờ Bồ-tát Địa Tạng vân du khắp các cõi nước để giáo hóa chúng sinh. Bồ-tát đến nơi nhà Trưởng giả Kiều Đề ở dưới núi Tỳ Phú la, trong nhà Trưởng giả đó bị Quỷ đoạt mất tinh khí, trong nhà có năm trăm voer đều bị mê man đến nổi không hay biết gì, trải qua mười ngày Bồ-tát thấy vậy liền khởi tâm niệm rằng:

“Thật là khổ thay! Thật đáng đau xót! ở trong đời có những việc không thể nói như vậy. Ta nay thương xót những chúng sinh này, nên vì cứu giúp”. Nghĩ nói như vậy rồi, Bồ-tát liền bay bỗng thân hình sang núi Linh thứu, bạch cùng Đức Phật rằng: “Con thấy nhà ông Trưởng giả Kiều Đề có hơn năm trăm người đều bị ác quỷ đoạt mất tinh khí, mê man nơi đất đã trải qua vài ngày. Thấy vậy, con sinh tâm xót thương sinh tâm muốn cứu hộ, cúi xin Đức Thế Tôn hứa khả cho con thiết bày phương pháp cứu giúp đó. Khiến ác quỷ hàng phục nơi người, khiến các hành giả đều tuỳ ý sai sử, và khiến Trưởng giả trờ lại như xưa cũ”. Bấy giờ Đức Thế Tôn từ trên đảnh đầu toả phóng ánh sáng soi chiếu đến thân hình Bồ-tát Địa Tạng. Khi đó, trong chúng hội, mỗi mỗi người

cùng nói với nhau rằng: "Ngày nay đức Như Lai toả phóng ánh sáng soi chiếu thân Bồ-tát. Bồ-tát ấy tự nhiên thành Đại Pháp giáo hóa chúng sinh". Khi ấy Bồ-tát Địa Tạng bạch cùng Đức Phật rằng: "bạch Đức Thế Tôn, nay con có một thần chú hay khiến dứt mất tà tâm, lại sai sử các quỷ v.v... ở trong thời quá khứ đã trải qua vô lượng vô số kiếp lâu xa. Bấy giờ có Đức Phật hiệu là Thiên Quang Vương. Sau khi Đức Phật đó diệt độ ở trong thời Tượng Pháp, con đang là kẻ phàm phu, có một Tiên nhân ở núi Câu đặc La khéo hành các Đạo thuật. Con thấy các chúng sinh bị Quỷ não hại như nhà ông Trưởng giả hiện nay vậy. Khi ấy con phát thệ nguyện: "Nếu gặp được bậc Thiện Tri Thức, con sẽ cầu học phương pháp để nhiếp phục". Nghĩ nói vậy rồi, con liền sang núi Câu Đặc La nói cùng Tiên nhân ấy. Tiên nhân ấy thấy con mà sinh tâm hoan hỷ. Con bèn học hỏi phương pháp ở Tiên nhân ấy khiến con được mở rõ, dự biết muôn lý dứt trừ ác nghiệp. Và, các ác quỷ đều phục tâm mình. con khiến họ phát Đạo tâm, chỉ trong khoảnh khắc tất cả chúng sinh nhận chịu khổ nơi chốn Địa ngục mỗi mỗi đều ngồi trên hoa sen, các khổ đều dứt. bấy giờ Tiên nhân ấy thấy con có được thần lực như vậy, bèn vì thọ ký mà nói rằng: "Ông ở nơi vô lượng vô số thế giới được chư Phật cùng thọ ký cho ông tên là Địa Tạng. Và ở trong đời ác năm trược, các hàng người trời bị sa đoạ nơi Địa ngục, ông phải thường nên hóa hiện thân hình mà cứu độ chúng sinh khiến được ra khỏi khổ nạn, như nguyên bảnkhông khác". Nay con sang nhà ông Trưởng giả đó để vì cứu độ, mong Đức Thế Tôn hứa thuận cho con". Và Bồ-tát liền sang chuyển hóa hơn năm trăm người đó đồng một lúc sống lại tỉnh táo như cũ.

36- Cảm ứng của vua nước Di Đề đắp họa năm Tôn tượng Đại Lực mà thoát khỏi bệnh quỷ.(Tân lục).

Có vị Pháp sư người Thiên Trúc kể rằng: "Sau khi Đức Phật diệt độ trong khoảng thời ba một ngàn trăm năm, tại nước Di Đề có trăm ác quỷ vào nhiễu loạn, tật bệnh hoành hành, dân chúng thống khổ chết non lắm nhiều. vua tôi đại chúng cùng bàn tính với nhau rằng: "Xưa kia, Đức Pháp Vương vô thượng giao phó năm vị Bồ-tát đại lực bão hộ gìn giữ cõi nước của chúng ta, nhưng vì chúng ta vận trước không có thể mấn, trên thì huỷ họa sự dạy bảo của đấng pháp Vương, dưới thì náo loạn vận báu của nước nhà, tiến thì nhục nhã với Tiên Vương, lùi thì xem thường vua sau, vậy làm sao để trừ yêu quái mới khỏi tai họa". Bấy giờ có vị Quan có trí tuệ tâu cùng vua rằng: "Phải nên đắp họa

Tôn tượng năm vị Bồ-tát đại lực, thiết lập trai hội Nhân Vương, kéo dài vận báu của nước nhà dứt trừ tai họa trong dân chúng". Liền ngay ngày mồng tám tháng giêng, vua ban sắc dân chúng trong nước khiến đắp họa Tôn tượng năm vị Bồ-tát Đại lực, vua tôi dành các thứ bông tơ mịn đẹp nhất để đắp họa. Đến đầu đâm vẽ màu mới khắp, Bồ-tát Kim-Cang-ba-la-mật-Đa toả phóng ánh sáng năm sắc, Bồ-tát Kim Cang Bảo toả phóng ánh sáng xanh, Bồ-tát Kim Cang Dược xoa toả phóng ánh sáng sắc màu lưu ly, Bồ-tát Kim Cang Lợi toả phóng ánh sáng sắc màu vàng ròng, tự nhiên soi chiếu khắp trong cõi nước như giữa ban ngày. vua tôi vui mừng, những người gặp được ánh sáng đó thân tâm an lạc. Các thần ác quỷ thấy ánh sáng đó liền ra khỏi cõi nước. Nếu người đã vào cửa chết bèn được sống lại, nếu người đang lúc mắc bệnh thì tiêu trừ an ổn. Đồng trong một lúc khắp cả cõi nước đều được an ổn, mọi người thâm tâm khoái lạc như vào thiền Định, đến canh ba các Tôn tượng mới thâu ẩn ánh sáng. Từ đó trở về sau, khắp trong cõi nước khỏi hẳn trăm thứ bệnh tật. Mỗi năm theo lệ thường cứ đến ngày mồng tám tháng giêng, thiết lập trai hội Nhân Vương cúng dường Tôn tượng năm Bồ-tát đại lực. Gần bao năm trở lại nay liên tục không ngưng dứt.

37- Cảm ứng của Tôn tượng Bồ-tát Diệt Ác Thú do Sa-môn Thích Pháp An ở chùa Pháp tụ tu tạo.(Tân lục).

Sa-môn Thích Pháp An ở chùa Pháp tụ, hành trí phán sám Phương dẳng, trải qua nhiều ngày chuyên tu mà không ứng nghiệm gì, bèn đến trước Tôn tượng than khóc tự trách, mộng thấy có một vị Thần đội mũ khác lạ đến bảo cùng ngài rằng: "Ông có tội nặng, sám hối không thể kịp". Ngài hỏi: "Tôi có những tội gì nặng?". Thần bảo: "Ông phạm dùng vật của Tăng thường trú, tội đó khó diệt". Ngài hỏi: "Vậy có pháp phương gì để diệt tội ấy chăng?" Thần bảo: "Ông nên đắp họa Tôn tượng Bồ-tát diệt ác thú, chuyên tụng Kinh Tuỳ Cầu Minh, tội sẽ dần tiêu diệt, hành trì pháp sám hối phương đẳng, tội chứng tiêu trừ có thể được hóa thân". Sau khi tỉnh giấc mộng, ngài buồn cảm rơi lệ, liền đắp họa Tôn tượng Bồ-tát diệt ác thú, chuyên tu sám hối. Mỗi lúc nhắm mắt liền được thấy hóa phương đến năm sáu mươi bảy tuổi ngài mới tịch. Lúc ngài tịch có điềm lành kỳ lạ lắm nhiều vậy.

38- Cảm ứng của Tôn tượng Dược Vương, Dược Thượng do Sa-môn Thích Diệu Vận ở chùa Tổng nhân tại Đại Châu tu tạo.(Tân lục).

Sa-môn thích Diệu Vận ở chùa Tổng nhân chuyên trì tụng Kinh Pháp Hoa, thường cầu nguyện sinh lên cung trời Đâu-suất, để phụng thờ đức Bồ-tát Di Lặc. lại đắp họa Tôn tượng hai vị Bồ-tát Dược Vương, Dược Thượng, cầu nguyện được cảm ứng. Đến năm ngoài bảy mươi tuổi, ngài cảm phát chút bệnh, bèn nói cùng với vị Sa-môn bạn thân rằng: “Có hóa Phật đến nghinh đón mà bảo là ông đắp họa Tôn tượng hai vị Bồ-tát Dược Vương và Dược Thượng. Nếu có người biết được danh tự của hai vị Bồ-tát đó thì tất cả trời người cùng nên lễ bái, không bao lâu hẳn dẽ sinh vào Đâu-suất nội viện, phụng sự Bồ-tát Từ Thị vậy”. Sau đó không lâu, ngài bèn thị tịch.

39- Cảm ứng của Bồ-tát Đà La Ni tự tại Vương vào trong Địa ngục men trên vạc sôi mà giảng pháp.(Tân lục).

Trong thời Tiền Đường, có Sa-môn Thích Huệ Sinh là đệ tử của Thiền sư Huệ Như ở chùa Chân Tịch, ngài chuey6n trì tụng các Kinh Đại thừa. Bỗng suốt một ngày một đêm thân mình ngài không lay động như vào cảnh Thiền định. Đến lúc mờ sáng, ngài mở mắt, buồn vui lẫn lộn rơi lệ rướm máu. Nhân chư Tăng hỏi về nguyên do. Ngài đáp rằng: “Tôn giả bị dẫn đến cung vua Diêm-ma, vua từ chỗ ngồi đứng dậy cung kính hỏi rằng: “Đại sư có thấy Địa ngục chăng?” Tôi đáp: “Tuy đã từng nghe tên, song, chưa thật thấy.”.vua bèn sai kẻ sứ dẫn tôi đi, từ phía đông lần lượt mà đi, thấy có ba mươi hai thành lớn, trong mỗi mỗi thành đều có Địa ngục, người nhận chịu tội khổ phần nhiều là hàng Sa-môn. Men theo trên vạc sắt sôi có một vị Sa-môn giảng pháp chỉ bày giáo hóa lợi mừng. Các tội nhân hỏi: “Ông là ai mà vào trong Địa ngục giảng pháp?” Vị Sa-môn ấy bảo: “Ta là Bồ-tát Đà La Ni Tự Tại Vương, trong đại Thiết vi này có vô lượng Sa-môn bị đoạ vào Địa ngục, bởi tham trước danh lợi Thế gian, huỷ phạm giới phẩm Phật chế, đồng sống trong Thành giáo mà làm dơ bẩn chốn già Lam, không tâm hổ thẹn, luống nhaṇ thọ của tín thí, nói Pháp bất tịnh, dối hoặc thế gian, tạo những tội như thế đều cảm quả báo nơi Địa ngục. Ta vì thương xót các Sa-môn ngu si nhận chịu tội khổ vậy, nên hoặc men theo trên vạc sắt sôi hoặc ở trên xe sắt, tuỳ khổ mà vì giảng pháp, khiến họ nhớ nghĩ đến nghiệp phạm tội xưa trước mà tự hổ thẹn cải hối, ăn năng tự trách”. Tôi tự thấy nghe việc ấy cho nên vừa buồn vừa mừng”. Mọi người nghe đều ngợi khen khác lạ, bỏ ác lắm nhiều.

40- Cảm ứng của thầy trò Tôn giả Mã Minh Long Thọ.(Rút từ

Bản nghiệp nhân duyên luận).

Xưa kia, trong thời Đức Phật Ca Diếp, có một Trưởng giả tên là Luân Tú và có một người nữ tên là Thù Tha. Hai người ấy mỗi mỗi đều đem bảy báu dâng cúng Đức Phật Ca Diếp, thỉnh cầu xứng ân. Khi đó Đức Thế Tôn bảo hai người rằng: "Nên mau trở về chỗ ở của mình, mọi sự cầu mong của các người trong vòng mười bảy ngày, đã qua thời gian ấy hẳn sẽ mãn nguyện. Khi ấy, hai người đầu thành đảnh lễ Đức Phật rồi trở về nhà mình, đến ngày thứ mười bảy, đang lúc trong mộng, người nữ Thù Tha ấy mộng thấy điềm tốt lành, rất lấy làm hoan hỷ, không thể thí dụ, đó là thứ nhất mộng thấy ánh sáng nhật luôn soi chiếu đến trong bụng, thứ hai là thấy vòng ánh sáng như trăng tròn đầy soi chiếu vào trong bụng. Được điềm lành ấy rồi, qua sau chín tháng, Thù Tha sinh nở được hai người con, người anh tên là Nhật Châu, người em tên là Nguyệt Cảnh, vì theo tướng trước nên đặt tên tự như vậy. Chỉ mới bảy ngày cả hai anh em bèn đều xuất gia đồng đến ở chùa Đức Phật Ca Diếp, theo Phật Thế Tôn tu hành pháp hạnh, thường phát thệ nguyện rằng: "Đời đời kiếp kiếp bất cứ sinh ở nơi nào cũng chẳng xa nhau, đồng học trì thức, hổ tương cùng làm thầy trò cho nhau, kiến lập chánh Pháp, đầy đủ diệu hạnh. Nghĩ nhớ đồng một biểu giác". Nhật Châu xưa đó là Bồ-tát Mã Minh đời nay vậy. Vì sự duyên ấy nên hai vị Bồ-tát ấy chẳng hề lìa nhau, cũng đồng lưu chuyển xuất hiện tích làm lợi ích chúng sinh vậy.

Lại nữa, trong Kinh Kim Cang Chánh Trí nói: "Bồ-tát Mã Minh ở thời quá khứ thành Phật hiệu là Đại Quang Minh, còn Long Thọ hiệu là Phật Diệu Vân Tướng. và trong Kinh Đại Trang nghiêm Tam muội cũng nói: Bồ-tát Mã Minh ở thời quá khứ thành Phật hiệu là Nhật Nguyệt Tinh Minh. Còn Bồ-tát Long Thọ tên là Diệu Vân tự tại Vương Như Lai v.v...

41- Cảm ứng của Thiền sư Thích Đạo Thuyên tu tạo Tôn tượng Tôn giả Long Thọ mà được sinh về cõi Tịnh độ.(Rút từ Tịnh độ truyện).

Sa-môn Thích Thuyên, không biết là người xứ nào. Thủa thiếu thời, ngài là bậc nghĩa học rất nổi danh, chuyên lấy luận Đại Trí Độ làm tâm yếu, tôn xưng Bồ-tát Long Thọ là bậc sư Tông. Ngài phát nguyện rằng: "Đại sĩ Long Thọ được Phật dự ghi với lời thành thật là đã chứng đắc quả vị Hoan hỷ Địa, sinh nước An Lạc giúp Phật A Di Đà giáo hóa dẫn nhiếp chúng sinh ở mười phương, xin nguyện Đại sĩ rũ lòng thương xót cho con được sinh về cõi nước ấy". Ngài lại tạo hình Tôn tượng

Bồ-tát Long Thọ cao ba thước, dùng các thứ hương hoa mà cúng dường, chuyện tâm cầu nguyện. Ngài cảm mộng thấy có một vị Sa-môn đến bảo rằng: “Ông thành tựu hạnh nghiệp Tịnh độ nhất định ni. nghi, ba năm sau mới vãng sinh về cõi nước An Lạc”. Ngài thưa rằng: “Con còn có thầy bạn, đâu thể xả bỏ mạng trước, việc ấy phải thế nào?”. Vị Sa-môn ấy bảo: “Ta phải bạch cùng Đức Phật A Di Đà rồi sẽ trở lại báo cho biết thật sự”. Sau khi tỉnh mộng ngài càng cầu thỉnh cho chính bản thân mình cùng với thầy bạn đồng bỏ xả Thọ mạng trước sau chỉ trong vòng ba ngày. Lại mộng thấy vị Sa-môn trước đến bảo ngài rằng:”Ta đem lời ông nói bạch cùng do A Di Đà, Phật dạy: Thầy của ông mười hai năm sau sẽ tịch, ông mười bảy năm mới qua đời, thân mẫu ông hai mươi năm nữa mới qua đời, nhưng vì tâm nguyện của ông vi diệu nên kéo dài thêm ba năm thành hai mươi năm nữa ông mới qua qua đời, và đến năm thứ hai mươi ba ông mới sinh về nước ấy. Phật dạy như thế”. Ngài lại hỏi: “Song thân và thầy bạn của tôi có được sinh về cõi trời Tịnh độ chăng?”. Vị Sa-môn ấy đáp: “Đồng tâm phát nguyện, hẳn được vãng sinh không phải nghi ngờ”. Ngài mừng vui lại hỏi: “Ông là người nào?” Vị Sa-môn ấy đáp: “Ta là Long Thọ, trong Phú Pháp Tạng là người thứ mười ba. Do vì ộng tạo hình tượng ta nên ta đến báo cho ông cùng biết đó.” Sau đó hai mươi ba năm, vào ngày mươi lăm tháng giêng, ngài thị tịch. Song thân và thầy bạn của ngài đều đồng như Phật dự ghi rõ biết, đồng sinh về Tịnh độ. Lúc ngài tịch, mây tía nhăng phủ khắp cùng, âm nhạc vang vọng giữa không trung, các điềm kỳ đặc chẳng chỉ có một. Mọi sự thấy nghe đều thật vậy.

42- Cảm ứng của Sa-môn Thích Huệ Hải ở Truy Châu họa vẽ Tôn tượng Tôn giả Vô Trước và Thế Thân mà được người trời nghinh đến đón.(Tân lục).

Sa-môn Thích Huệ Hải là người thấu suốt cội nguồn tông Pháp tướng, rành rẽ chư Phật pháp, tự họa vẽ Tôn tượng hai Tôn giả Vô Trước và Thế Thân, nghĩ suy kính mộ sự giải thích sâu mầu. Đối với Nhiếp Luận Duy Thức ngài thường tìm cầu quyết trạch u áo. Cảm mộng thấy hai Đồng tử đến bảo ngài rằng: “Ông sẽ sinh lên cung trời Đâu-suất, ông họa vẽ Tôn tượng hai Tôn giả Vô Trước và Thế Thân hiện ở trên cõi trời ấy làm thị giả Bồ-tát Từ Thị”. Ngài nói: “tôi chưa vui thích xả bỏ Thọ mạng, muốn tạm ở tại nhân gian mà duy trì Di giáo”. Đồng tử cr ấy bảo: “Ông theo tôi tạm lên cung trời Đâu-suất để quyết trạch điều nghi”. Ngài liền theo hai đồng tử ấy lên cung trời Đâu-suất, thấy có bốn

mươi chín lớp Điện Ma Ni, những người mặc áo xanh ở trong đó đông nhiều. Ngài vào Nội viện, thấy Bồ-tát Từ Thị và hai Tôn giả Vô Trước và Thế Thân đều mặc y phục thế tục mà bảo ngài rằng: "Ngươi không lễ bái ta, tại gia xuất gia có tôn ty chẳng đồng. Ông nên hỏi về những điều ông nghi". Ngài bèn trình bày những điều nghi ngờ. Bồ-tát Từ Thị bảo hai Thị giả vì giải thích cho ngài được thông hiểu. Sau đó ngài lại theo Đồng tử cõi trời trở lại nơi nhân gian, rộng hoằng dương Phật pháp, nhưng giữ kín việc đó, chẳng nói với mọi người. Sau khi ngài thị tịch, thấy có ghi chú trong Di thư, nên nay ghi lại lưu truyền thấy nghe đó.

Ngoài ra những sự cảm ứng từ Tam bảo thật có lắm nhiều không thể ghi thuật đầy đủ, nay đây chỉ lược ghi năm ba truyện để tỏ bày kính tin triệt để mà phát thọ nguyện. Thử tóm lược với lời kệ rằng:

"Đã theo Tập lục và khẩu truyền
Lược ghi Tam bảo cảm ứng lục
Đến kẻ thấy nghe, khen hoặc che
Đều được lợi ích thoát sinh tử.
Trong thời Mạt pháp của Thế Tôn
Người nghe Tam bảo sinh chút tin
Tội chướng ba đời đều tiêu trừ
Tương lai hẳn thấy các Thánh chúng,
Nguyện ghi cảm ứng các công đức
Hồi hướng chúng sinh khắp Pháp giới
Khiến được ưu thắng thêm phước tuệ
Đồng chứng Đạo Quả Đại Bồ-đề".

TAM BẢO CẢM ỨNG YẾU LƯỢC LỤC.
QUYỂN HẠ
(HẾT)
TRỌN BỘ

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 190

TRUYỆN CAO TĂNG PHÁP HIỂN

SỐ 2085

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2085

TRUYỆN CAO TĂNG PHÁP HIỂN

Thời Đông Tấn, Sa-môn Thích Pháp Hiển
tự ghi mọi sự trong chuyến vân du Tây vức.

Ngày trước, khi đang ở Trường An, ngài (Pháp Hiển) bùi ngùi nghĩ đến sự suy tàn và khuyết thiếu của Luật tạng. Năm Kỷ Hợi (399) tức năm Hoằng thỉ thứ hai, Ngài cùng các Sa-môn Tuệ Cảnh, Đạo Chỉnh, Tuệ Ứng, Tuệ Ngồi..., là đồng bạn đi Thiên trúc tìm cầu giới Luật.

Mới đầu, phát xuất từ Trường An, vượt qua đất Lũng đến nước Càn Quy, dừng lại an cư Kiết Hạ. Sau khi mãn Hạ, các ngài đến nước Nhục Đàn, vượt qua núi Dưỡng Lâu đến trấn Trương Dịch, tại Trương Dịch loạn lạc, đường sá tắt nghẻn, vua Trương Dịch ân cần lưu giữ ở lại và phát tâm lâm Đàn Việt. Ở đó, ngài gặp lại các Sa-môn Trí Nghiêm, Tuệ Giản, Tăng Thiệu, Bảo Vân, Tăng Cảnh..., vô cùng vui mừng bởi đồng chí hướng, các Ngài bèn ở lại An cư Kiết Hạ. Sau khi mãn Hạ, lại tiếp tục đến Đôn Hoàng, có một vùng ven từ đông sang tây dài tám mươi dặm, từ nam đến bắc bốn mươi dặm. Các ngài cùng nhau dừng lại hơn một tháng. Ngài ..., cả thảy năm người theo Kẻ Sử dẫn đường đi trước, lại cùng các Sa-môn Bảo Vân ..., giả biệt nhau tại Đôn Hoàng. Thái Thú Lý Hạo cung cấp môi thứ để vượt qua sông Cát. Trong sông cát có nhiều ác quỷ, gió nóng. Nếu gặp phải đều phải chết, không một ai được toàn mạng, trên không chim bay, dưới không thú chạy. Trông khắp hết tầm mắt muốn định hướng để vượt qua thì trọn không nơi phỏng định, chỉ lấy cốt xương khô của người đã chết để làm mốc hiệu. Đi suốt mười bảy ngày được khoảng một ngàn năm trăm dặm thì đến được nước Thiện Thiện. Đất Xứ đó đồi núi gập ghềnh xấu kém, con người ăn mặc thô sơ đồng như tại đất Hán (Trung Hoa), chỉ có giạ bện

vãi thô là khác. Vua Xứ đó kỉnh phụng Phật Pháp, chư Tăng có hơn bốn ngàn vị đều học theo Pháp Tiểu thừa. Người thế tục và Sa-môn ở các nước đều thực hành theo pháp của Thiên trúc, chỉ có sự tinh thô khác nhau. Từ đó, theo hướng tây trãi qua các nước đại loại đều như vậy. Chỉ có mỗi mỗi nước nói tiếng Hồ chẳng đồng. Nhưng người xuất gia đều tập học theo sách Thiên Trúc, nói tiếng Thiên Trúc. Nghỉ ở lại đó một tháng, lại theo hướng tây bắc đi suốt mười lăm ngày đến nước Ô Di. Tại nước Ô Di, Tăng chúng cũng có hơn bốn ngàn vị đều học theo pháp Tiểu thừa, phép tắc rất tề chỉnh. Các Sa-môn ở đất Tần sang đó đều chẳng dự hàng chúng Tăng. Ngài cùng gặp lại các Sa-môn Bảo Vân...tại nước Ô Di. Dân chúng ở đó chẳng tu lễ nghĩa nêu đối đải với khách rất lạnh dạt. Các Sa-môn Trí Nghiêm, Tuệ Giản, Tuệ Ngôi bèn trở hướng đến cao xương muốn tìm kiếm tư lương hành trang. Ngài... được Phù Công Tôn cung cấp nên cứ thẳng hướng đến tây nam. Giữa đường đi không có dân chúng ở nên trãi qua lắm gian nan. Mọi nỗi khổ giẫm trãi, lẽ đời khó sánh, phải suốt một tháng năm ngày mới đến được nước Vu Điền.

Đất nước Vu Điền rất phong phú, dân chúng hưng thạnh đông đốc và đều kính phụng Phật Pháp, lấy Pháp lạc để cùng vui. Chư Tăng có vài muôn người, phần nhiều là học theo Pháp Đại thừa, đều có chúng thực. Dân chúng nước đó sống về ban đêm, trước mỗi mỗi cửa nhà đều có tạo dựng một ngôi tháp nhỏ, ngôi nào nhỏ nhất cao khoảng hai trượng, xây phòng Tứ phương Tăng để tiếp đãi cung cấp khách Tăng, ngoài ra mọi sự cần thiết đều do Quốc chủ sắp xếp cung cấp. Ngài... ở lại trong một Tăng-già lam tên là Cù Ma Đế, đó là chùa Phật giáo Đại Thừa. Có đến ba ngàn vị Tăng, cùng đánh kiền chuý mà thọ thực, lúc vào Trai đường, oai nghi tề chỉnh theo thứ tự mà ngồi, tất cả đều im lặng, không có tiếng muỗng bát va chạm, các hàng Tịnh nhân dùng thức ăn, không mở lời kêu bảo chỉ đứ tay làm dấu hiệu. Các Sa-môn Tuệ Cảnh, Tuệ Chỉnh, Tuệ Đạt đi trước đến nước Kiệt Xoa, còn Ngài ... vì muốn xem biết pháp hành tượng nên dừng ở lại ba tháng. Trong nước Vu Điền có bốn ngôi già Lam lớn, còn chùa nhỏ thì nhiều vô số. Từ ngày mồng một tháng bốn, trong thành lo việc quét tước sửa sang đường sá đến cả các nhỏ hẻm, trên cửa Thành đô nhăng treo màn trưởng lớn, mọi sự đều nghiêm sức. vua và Phu nhân Thể nữ đều ở bên trong. Chư Tăng ở chùa Cà Ma Đế đều học theo Pháp Đại Thừa, rất được vua kính trọng. Việc đầu tiên rong Pháp Hành tượng là cách Thành khoảng ba đến bốn dặm làm bốn xe luân tượng cao hơn ba thước, tưởng trạng như

Điện đang đi, dùng bảy món báu để trang nghiêm, treo các phan lọng. Tôn tượng đứng ở trong xe, có hai vị Bồ-tát đứng hầu, làm các trời theo hầu, đều dùng vàng bạc khắc chạm ánh ở treo giữa không trung. Tôn tượng đến cách cửa chừng trăm bước, vua cởi bỏ mũ Trời đổi mặc áo mới, đi chân không, tay bưng hoa hương chấp cánh theo ra cửa Thành để nghinh đón Tôn tượng, đem cả đầu mặt đảnh lể sát chân Tôn tượng, rãi hoa đốt hương. Lúc Tôn tượng vào Thành, Phu nhân đứng trên cửa lầu cùng với thể nữ từ xa tung rãi các thứ hoa lẫn lộn rơi xuống. Cúng dường đầy đủ trang nghiêm như thế mỗi mỗi xe mỗi khác. Một ngôi Tăng già Lam thì một ngày hành Tượng. Từ ngày mồng một tháng bốn là bắt đầu và kết thúc vào ngày mười bốn tháng bốn. Sau khi lễ pháp hành tượng xong xuôi, vua cùng Phu nhân mới trở về trong cung, ở phái tây thành đô cách chừng tám dặm có một ngôi già Lam tên là chùa Vương Tân. Từ khi khởi công làm suốt tám năm trãi qua ba đời vua mới hoàn thành, cao hai mươi lăm trượng, khắc chạm điêu văn, vàng bạc phủ trên, các món báu hợp thành. Phía sau Tháp là điện Phật trong nghiêm diệu hảo, rường cột cửa nẻo đều dùng vàng phết mỏng, riêng làm Tăng phòng cũng oai nghiên tráng lệ chỉnh trang, không lời nào có thể diễn tả hết. Các vua sáu nước vùng lãnh đông có những vật báu quý giá phần nhiều đều đem cúng dường, người sử dụng thì ít. Đã qua bốn tháng trông xem pháp hành Tượng, một mình Sa-môn Tăng Thiều theo một Đạo nhân người Hồ đi đến nước Kế Tân. Còn ngài ... thẳng đến nước Tử Hợp.

Phải trãi qua hai mươi lăm ngày đường mới tới nước đó. Vua nước đó rất tinh tấn, Tăng chúng có hơn ngàn vị, phần nhiều là học Pháp Đại Thừa. Dừng ở lại đó mười lăm ngày, rồi theo hướng nam đi suốt bốn ngày vào núi thông Lãnh, đến an cư tại nước Huy. Sau khi mãn Hạ, lại đi suốt hai mươi lăm ngày đến nước Kiệt Xoa. Ngài gặp lại Sa-môn Tuệ Cảnh ... gặp lúc vua nước đó làm Ban - Già - Việt - Sư, Ban - Già - Việt - Sư tiếng Trung Hoa dịch nghĩa là "Đại Hội Năm Năm", lúc khai mở hội thỉnh mời các Sa-môn ở tứ phương đều đến nhóm tập. Sau khi đã nhóm tập mới trang nghiêm chỗ ngồi của chúng Tăng, treo các phan lọng, làm các hoa sen bằng vàng bằng bạc xếp đặt sau tòa. Bày toạ cụ thanh tịnh. Vua và quần thần đếu như pháp mà cúng dường, hoặc một tháng, hai tháng, hoặc ba tháng, phần nhiều là trong mùa xuân. Vua làm hội ấy rồi lại khuyên Quần Thần thiết bày các thứ cúng dường, hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, năm ngày cho đến bảy ngày, cúng dường đều xong, vua đem ngựa yên dám của mình đang cưỡi tự xứng khiến các trọng Thần trong nước cưỡi đó. Và các giạ đệm sắc tráng cùng các thứ

trâu báu, vật Sa-môn cần dùng mà cùng các Quần Thần phát nguyện cúng thí chúng Tăng. Cúng thí rồi lại theo chúng Tăng chuộc bỏ nơi đất. Ở đó núi lạnh chẳng sang mọc các thứ lúa thóc, chỉ có ăn dùng mỳ chín. Chúng Tăng mãn Hạ đã, sáng đó liền sương, nên vua nước đó mỗi lúc mời thỉnh chúng Tăng phải bảo làm mỳ chín, sau đó mới giải hạ. Trong nước đó có ống nhổ của Đức Phật được làm bằng Đá, sắc màu tợ như Bình bát của Đức Phật. Lại có một chiếc răng của Đức Phật, dân chúng trong nước tạo dựng Tháp để phụng thờ. Ở nước đó có hơn ngàn vị Tăng, đều học theo pháp Tiểu thừa. Từ núi đó đi xuống phái đông, dân chúng vẫn mặc thô sơ như ở đất Tần, cũng có khác ở điểm giạ bện vải thô. Các Sa-môn dùng pháp ưu thắng không thể ghi chép hết đầy đủ. Nước đó ngay trong Thông lảnh. Từ Thông Lãnh trở về trước trái cây thật đều khác, chỉ có ba thứ cây Trúc, An Thạch lựu và Cam già là đồng như ở đất Hán vậy.

Từ phái tây đô thẳng đến bắc Thiên Trúc, mất một tháng trời đi qua Thông Lãnh. Trên đảnh núi quanh năm đều có tuyết, lại có rồng độc, nếu không để ý thì rồng phun gió độc mưa tuyết bay cát sỏi đá. Gặp phải nạn đó thì muôn người chẳng còn được một. Mọi người xứ đó đều gọi là núi tuyết vậy. Đã qua khỏi Thông Lãnh, đến bắc Thiên Trúc, mới đầu vào nơi ranh giới, có một nước nhỏ tên là Đà Lịch, cũng có chúng Tăng đều học theo pháp Tiểu thừa. Tại nước đó xưa kia có một vị A-la-hán dùng sức Thần túc dẫn một người thợ lên cung trời Đâu-suất trông xem dáng mạo nahn sắc thân hình cao thấp thế nào của Bồ-tát Di-lặc rồi trở về dùng gỗ tạc tượng. Trước sau có đến ba lần lên xuống trông xem, sau đó mới hoàn thành Tôn tượng cao tám trượng mu chân rộng tám thước. Những ngày Trai Tôn tượng ấy thường có toả phóng ánh sáng, vua ở các nước đua nhau đến cúng dường, đến nay vẫn hiện còn ở đó.

Theo hướng tây nam đảnh núi đi suốt mười lăm ngày, đường sá ở đó còn cheo leo hiểm trở cách ngăn. Núi đó chỉ có vách đá dựng đứng cao ngàn nhận, ai đến đó đều mờ loà mắt, muốn bước tới thì không chổ đặt chân. Có một dòng sông tên là sông Tân Đầu. Xưa kia có người đục Dá làm đường thông, làm thềm cấp bên cạnh có đến bảy trăm cấp, qua khỏi thềm cấp rồi phải bước nhẹ trên dây treo hỏng mà vượt qua sông, hai bên bờ sông cách nhau gần tám chục bộ. Theo sự ghi nhận của Cửu Dịch thì Trương mạch Cam Anh ở đất Hán đều không đến đó. Chư Tăng hỏi ngài rằng: "Phật Pháp truyền sang phương đông bắt đầu từ qua đó có phải chăng". Ngài đáp: "Không hỏi người ở xứ đó, thì đều nói là các

bậc lão túc tương truyền từ khi dựng Tôn tượng Bồ-tát - Di-lặc, sau đó mới có các Sa-môn từ Thiên Trúc mang kinh Phật đi qua sông đó. Tôn tượng ấy được dựng lập sau Phật nhập Niết Bàn khoảng ba trăm năm. Tính ra từ khoảng trong đời vua Bình Vương (Cơ Nghi Cữu bảy trăm bảy mươi - bảy trăm mười chín trước Tây Lịch) thời Đông Chu ở Trung Hoa. Do đó mà nói thì Phật Pháp được hoằng tuyên lưu bố bắt đầu từ Tôn tượng ấy. Nếu chẳng phải là Đại Sĩ Di-lặc tiếp nối khuôn phép của đức Thích-ca Thế Tôn thì ai là người có khả năng khiến Tam bảo tuyên lưu hoằng thông cho người xứ biên địa được biết chánh Pháp ư?. Nên biết khai mở vận ngầm vốn chẳng phải việc của con người, thì giấc mộng của vua Minh Đế (Lưu Trang năm mươi bảy - bảy mươi sáu) thời Đông Hán thật có nguyên do rõ ràng vậy".

Vượt qua sông đó thì đến nước Ô Trường. Nước Ô Trường ở chánh bắc Thiên Trúc đều sử dụng ngôn ngữ của Trung Thiên Trúc. Trung Thiên Trúc có nghĩa là chính giữa nước Thiên Trúc (bằng trung tâm xứ Ấn Độ). Người thế tục vận mặc ăn uống đều đồng như tại Trung Hoa, Phật Pháp rất hưng thạnh, gọi nơi chuáng Tăng ở là Tăng-già Lam. Ở đó có năm trăm ngôi Tăng-giàLam và chư Tăng đều học theo Pháp Tiểu thừa. Như có khách Tăng Tỳ-kheo đến thảy đều cúng dường trong ba ngày, qua sau ba ngày mới bảo hãy tìm sự an ổn. Có lời tương truyền rằng: Xưa kia Đức Phật đến bắc Thiên Trúc tức đến nước đó, Phật lưu lại một dấu chân tại đó, thấy hoặc dài hoặc ngắn hoặc lớn hoặc nhỏ đều do tâm niệm của mỗi người, đến nay vẫn hiện còn. Và tảng đá nơi Đức Phật hong phơi y, nơi Phật hóa độ rồng ác độc thảy đều hiện còn. Tảng đá đó cao một trượng bốn thước, rộng hai trượng, một bên bằng phẳng. Ba vị Sa-môn Tuệ Cảnh, Tuệ Đạt và Dạo Chỉnh đi trước đến nước Na Kiệt; cảnh đất Phật. Còn ngài ..., dừng lại ở nước đó an cư.

Sau khi mãn Hạ, theo hướng nam, Ngài...xuống đến nước Túc - ha - Đa, Phật Pháp tại nước đó cũng hưng thạnh. Xưa kia có vị trời Đế Thích muốn thử Bồ-tát nên hóa làm chim ưng rượt đuổi bắt chim Bồ Câu, Bồ-tát vì lóc thịt cân lường để chuộc lấy chim Bồ Câu. Sau khi Đức Phật đã thành Đạo, Ngài dẫn các Đệ Tử du hành, đế đó, ngài bảo "Đó là nơi đời trước Tôi lóc thịt cân lường để chuộc mạng chim Bồ Câu". Dân chúng trong nước từ đó mới biết, và dựng lập bảo Tháp dùng các thứ vàng bạc... trang nghiêm cúng dường.

Từ đó, theo hướng đông đi xuống qua năm ngày là đến nước Kiền Đa Vệ, là nơi trị vì của An Dục Vương tử Pháp Ích. Xưa kia lúc Đức Phật còn tu hạnh Bồ-tát cũng ở tại nước đó mà móc mắt dâng tặng người. Tại

nơi đó cũng có xây dựng ngôi tháp lớn, trng nghiêm bằng các thứ vàng bạc. Mọi người ở nước đó phần nhiều học theo pháp Tiểu thừa. Từ đó cũng đi về hướng đông qua bảy ngày đường có một nước tên là Trúc - Sát - Thi - La, Trúc - Sát - Thi - La tiếng Trung Hoa dịch nghĩa là Tiệt Đầu (bằng Cắt Đầu). Khi Đức Phật còn tu hạnh Bồ-tát ở tại xứ đó đem Đầu ban thí cho người, do nhân duyên ấy mà đặt tên nước như vậy. Lại đi theo hướng đông qua hai ngày đường là đến nơi đời trước Đức Phật ném thân mình ném cho cọp đói. cả hai nơi đó cũng có xây dựng Tháp lớn và đều dùng các vật báu để trang nghiêm. vua tôi dân chúng ở nước đua nhau đến cúng dường, rãi hoa đốt hương liên tục không ngừng dứt. Cũng như hai ngôi Tháp trước, dân chúng ở xứ đó đều xưng gọi là bốn ngôi Tháp lớn vậy.

Từ nước Kiền Đà Vệ, theo hướng nam đi qua bốn ngày đường là đến nước Phất Lâu Sa. Xưa kia Đức Phật cùng các Đệ Tử du hành đến nước đó, Đức Phật bảo ngài A-nan rằng: "Sau khi Tôi nhập Niết Bàn sẽ có một vị Quốc Vương tên là Kế - Nị - Già tạo dựng Bảo Tháp tại xứ này". Về sau, vua Kế Nị Già ra đời lúc Vân du trông xem, trời Đế Thích muốn mở tâm ý vua nên hóa làm đứa trẻ nhỏ chăng Trâu ở giữa đường làm Tháp. Vua đi ngang đến, hỏi rằng: "Tốt lành thay!". Từ đó vua liền ngay trên chổ đứa trẻ làm Tháp mà tạo dựng ngôi Tháp cao hơn bốn mươi trượng dùng các vật báu để trang nghiêm. Trên bước đường trãi qua trông thấy các Tháp miếu tráng lệ oai nghiêm không nơi nào sánh bằng Tháp ấy. Tương truyền rằng các Tháp trong Diêm Khù Đề chỉ có Tháp đó là cao lớn hơn hết. Khi vua tạo dựng ngôi Tháp ấy đã hoàn thành, liền tự bên cạnh xuất hiện ngôi Tháp ở phía nam cao ba thước.

Bình Bát của Đức Phật hiện tôn thờ tại nước đó. xưa kia vua nước Nguyệt Chi dẫn đầu binh lính đông đảo đến chiếm nước đó, muốn lấy bình Bát của Đức Phật. Đã dẹp yên nước đó rồi, vua nước Nguyệt Chi rất sùng tín Phật Pháp muốn nghinh thỉnh Bình Bát đi nên thiết lễ cúng dường lớn. Cúng dường Tam bảo xong mỗi trang sức một con voi lớn, tôn trí Bình Bát lên trên, con voi ấy liền quỵ nằm nơi đất, không thể đi được. vua lại làm bốn chiếc xe lớn để thỉnh chở Bình Bát, dùng tám con voi cùng kéo cũng không thể đi bước nào. vua biết duyên của vua nghinh thỉnh Bình Bát của Đức Phật chưa đến nên rất tự hổ thẹn buồn than, và liền tại nơi đó xây dựng ngôi Tháp và Tăng-già Lam, đồng thời để người ở lại gìn giữ, dùng các thứ cúng dường. Chư Tăng ở đó có hơn bảy trăm vị. Mỗi ngảy sắp đến trưa chư Tăng thỉnh Bình Bát ra, các hàng cư sĩ dâng cúng mọi vật. Sau đó, mới dùng bữa trưa. Đến chiều tối,

lúc đốt hương cũng lại như vậy. Bình Bát ấy có thể dung chứa được hai đấu. Sắc màu xen tạo mà phần nhiều là màu đen, bốn phía rõ ràng, dày khoảng hai phân trong ngoài sáng đượm. Những người nghèo khổ dùng ít hoa rãi vào trong liền đầy. Có một người rất giàu có muốn dùng nhiều hoa để cúng dường, dâng rãi cả trăm ngàn vạn hộc mà trọn chẳng đầy.

Các Sa-môn Bảo Vân, Tăng Cảnh chỉ cúng dường nơi tôn thờ Bình Bát của Đức Phật rồi trở về. Các Sa-môn Tuệ Cảnh, Tuệ Đạt, Đạo Chỉnh đi trước đến nước Na Việt cúng dường nơi tôn thờ Răng Đức Phật và Cốt đảnh Đức Phật. Sa-môn Tuệ Cảnh cảm mắc bệnh, nên Sa-môn Đạo Chỉnh phải ở lại chăm sóc, chỉ một mình Sa-môn Tuệ Đạt trở về lại nước Phất Lâu Sa, cùng gặp mà các Sa-môn Tuệ Đạt, Bảo Vân, Tăng Cảnh bèn trở về đất tần (Trung Hoa). Còn Sa-môn Tuệ Cảnh thị tịch tại chùa tôn thờ Bình Bát của Đức Phật, nên chỉ một mình ngài(Pháp Hiển) đi đến chỗ tôn thờ Cốt đảnh của Đức Phật.

Theo hướng tây, từ đó đi khoảng mười sáu do diên là đến thành Toan La ranh giới của nước Na Kiệt. Trong thành có tinh xá tôn thờ Cốt đảnh đầu Đức Phật đều dùng vàng dác mỏng và bảy vật báu trang nghiêm. vua nước đó rất kính trọng Cốt đảnh đầu Đức Phật lo sợ có người gian cướp mất, mới chọn lấy tám người thuộc dòng họ sinh quý trong nước, mỗi người giữ một chiếc ấn, ấn phong gìn giữ. Mỗi mỗi sáng sớm mai cả tám người đồng đến, và mỗi tự xem nhìn ấn đó sau mới mở cửa. Mở cửa rồi, dùng nước hương thơm rửa tay, nghinh thỉnh Cốt đảnh đầu của Đức Phật ra tôn trí ở trên tòa cao ngoài tinh xá, dùng bảy vật báu chồm quanh phái dưới chồm, phái trên dùng chén lưu ly đậy lại đều dùng các thứ châu ngọc để trang sức. Cốt đảnh sắc màu vàng trắng, vuông tròn bốn tấc, phía trên dần phát lớn. Mỗi ngày sau khi nghinh thỉnh rồi, người thì lên trên lầu cao đánh trống lớn, thổi loa địch, bảng đồng. vua nghe xong thì đến nơi tinh xá dùng hương hoa cúng dường, cúng dường xong lần lược đội trên đỉnh đầu mà đi vào cửa phía đông ra cửa phía tây. Mỗi mỗi sáng sớm vua đều cúng dường để bái như thế, sau đó mới nghe tấu trình việc Quốc Chỉnh. Các hàng cư sĩ Trưởng giả trước tiên mỗi ngày cũng cúng dường xong rồi mới lo liệu việc nhà. Mỗi mỗi ngày thảy đều như vậy trọn không biếng trễ. Cúng dường xong rồi mới nghinh thỉnh Cốt đảnh vào trong tinh xá.

Lại có Tháp giải thoát bảy báu, hoặc đóng hoặc mở, cao năm trượng, dùng đựng đầy trong đô. Trước cửa tinh xá mỗi sớm mai thường có người bán hoa hương, phàm ai muốn cúng dường cứ đến đó mua các thứ. vua các nước khác cũng thường sai sứ đến cúng dường. tại nơi

tinh xá vuông rộng bốn mươi bộ, tuy trời có chuyển động, đất có sụp đổ nhưng ở nơi đó vẫn không chuyển động. Từ đó theo hướng bắc đi khoảng một do diên là đến thành của nước Na Kiệt. Đó là nơi đời trước Bồ-tát dùng tiền bạc mua năm cành hoa sen cúng dường Đức Phật Định Quang. Trong thành cũng có Tháp tôn thờ răng Đức Phật, pháp thức cúng dường cũng như nơi Tháp tôn thờ Cốt đảnh đầu của Đức Phật vậy.

Từ đó theo hướng đông bắc đi khoảng một do diên là đến một cửa hang, nơi có Tích trượng của Đức Phật, cũng xây tinh xá mà cúng dường. Tích trượng đó dúng bằng các vật ngưu đầu chiên đàn mà làm nên dài một trượng sáu. Tôn trí trong cây gỗ rỗng, giả sử có trăm ngàn người dất cũng không di chuyển. Vào trong hang đi theo hướng tây đến nơi có y Tăng-già Lê của Đức Phật, cũng xây tinh xá mà cúng dường. Tại nước đó những lúc nắng hạn, dân chúng cùng nhau đến nghinh thỉnh y ra lễ bái cúng dường, tự nhiên trời liền mưa lớn.

Từ thành Na Kiệt về hướng nam cách khoảng nữa do diên có Thạch thất núi lớn, tại đó theo hướng tây nam là đến nơi Đức Phật lưu lại Di ảnh. Trong đó đứng cách xa hơn mười bộ nhà trông nhình tợ như hình thật của Đức Phật, sắc màu vàng rồng tướng tốt chói sáng rực rỡ, càng đến gần càng phảng phất như có. Vua các nước khác sai bảo các thầy thợ họa vẽ tài giỏi phỏng theo đồ họa sang chẳng thể sánh kịp. dân chúng ở đó tương truyền rằng: “Ngàn Đức Phật đều lưu lại hình ảnh tại đó”. Cách đó khoảng trăm bộ, khi Đức Phật còn tại thế cạo tóc cắt móng tay, Đức Phật tự dùng các đệ tử đồng tạo dựng ngôi Tháp cao bảy - tám trượng, lấy làm Tháp pháp tương lai, đến nay vẫn hiện còn. Bên cạnh có ngôi chùa, trong chùa có hơn bảy trăm vị Tăng, tại xứ đó có đến sổ ngàn ngôi Tháp của các vị La Hán, Bích Chi Phật.

Dừng ở lại đó mất mùa đông ba tháng. Ngài... cả thảy ba người lại theo hướng nam vượt qua núi tuyết nhỏ. Quanh năm núi ấy đều có tuyết phủ, vào trong phía bắc núi gặp lúc gió lạnh bộc phát, mọi người đều cứng miệng. Sa-môn Tuệ Cảnh chẳng thể tiến bước được, trong miệng trào nước dải mà nói cùng Ngài rằng: “Tôi không thể sống lại nổi, nên gấp rút mà đi, chớ cùng phải chực chết”. Và bèn thị tịch, Ngài vổ về buồn khóc: “Ước muốn chưa thành tựa, mạng sống sao phải thế này !?”.

Rồi gắng dốc sức đi qua đảnh núi, theo hướng nam đến nước La Di, gần đó có ba ngàn vị Tăng tụ tập cả Pháp Tiểu thừa lẫn Đại Thừa. Dừng lại an cư kiết hạ, sau khi mãn Hạ, lại theo hướng nam đi suốt mười

ngày là đến nước Bạt Na. Ở đó cũng có khoảng ba ngàn vị Tăng đều học theo Pháp Tiểu thừa. Từ đó theo hướng đông, đi mất ba ngày lại vượt qua sông Tân Đầu, hai bên bờ đất đều bằng phẳng. Qua khỏi sông có một nước tên là Tỳ Trà. Tại đó Phật Pháp rất hưng thạnh, mọi người học cả Pháp Tiểu thừa lẫn Đại Thừa. Thấy Đạo nhân ở đất Tần đến mới xót thương nói rằng: “Cớ sao người ở biên địa có thể biết xuất gia làm Đạo, từ xa đến tìm cầu Phật Pháp?” Và đều cung cấp mọi thứ cần dùng, tiếp đãi đúng như pháp.

Từ đó theo hướng đông nam đi gần tám mươi do diên, trên đường ngang qua có lắm chùa chiền, chư Tăng có cả muôn vị. Qua xứ đó rồi đến một nước tên là Ma Đầu La. Lại vượt sông Bồ Na, hai bên bờ sông có hai mươi ngôi Tăng gia Lam, và có khoảng ba ngàn vị Tăng, Phật Pháp ở xứ đó lại càng hưng thạnh. Phàm các nước từ sông Cát trở về phía tây Thiên Trúc, các vị vua chúa đều rất sùng kính Phật Pháp cúng dường chúng Tăng. Đến lúc thì cởi bỏ mũ trời cùng các thân thuộc trong giòng tộc, tự tay làm các thức ăn, làm xong trãi nệm giạ nơi đất, đối trước Thượng toạ mà ngồi trước chúng Tăng, chẳng dám ngồi trên sàng toạ. Xưa kia, khi Đức Phật còn tại thế, pháp thức cúng dường của các vua vẫn được tương truyền mãi đến ngày nay.

Từ đó trở về hướng nam gọi là trung tâm của đất nước. Tại trung tâm đất nước Ấn Độ, nắng mưa đều hòa, không có sương tuyết. dân chúng đông đúc, không lập hộ tịch quan pháp, chỉ có người cày đất vua mới nộp lợi tức của đất. Ai muốn đi thì đi, muốn ở thì ở. vua quan xử trụ không dùng hình phạt chém chặt. Nếu người có tội thì chỉ phạt tiền tuỳ tội nặng nhẹ. Tuy có kẻ mưu mô lắm điều phản nghịch, chẳng qua cũng chỉ cắt tay phải mà thôi. Người hầu hai bên của vua đều có cung lộc. Dân chúng cả nước đều không giết hại, không uống rượu, không ăn dùng các thứ tanh nồng như hành hẹ, chỉ trừ hàng Chiên - Trà - La. Chiên - Trà - La nghĩa là người ác, sống cách biệt với mọi người. Nếu có vào trong thành thị thì phải đeo mang cây gỗ để tự làm khác, khiến mọi người biết đó mà lánh xa chẳng phải bị xung đột. Trong nước không nuôi dưỡng các vật heo gà, chẳng bàu vật sống. Chợ không quán thịt và người buôn bán rượu. Mua bán đổi chác toàn dùng bằng bối xỉ, chỉ có hàng Chiên - Trà - La và những người săn bắn chài lưới bán thịt vậy. Từ sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn, các hàng vua chúa Trưởng giả, cư sĩ vì chúng Tăng mà lập dựng tinh xá, cung cấp ruộng vườn ... nhà dân, trâu bò, quyển sắt sách tập, các vua về sau tương truyền không dám phế bỏ, mãi đến nay vẫn không ngưng nghỉ.

Chúng Tăng tại nước đó đều ở phòng nhà, sàn giường chăn gối y phục uống ăn không thiếu vật gì, nơi nơi như vậy. Chúng Tăng chỉ lo tạo công đức làm việc chính cho đến tụng kinh toạ thiền. Như có khách Tăng mới đến thì những vị Tăng cũ nghinh đưa tiếp đón, thay thế mang bưng y bát, cấp nước rửa chân, cấp dầu thoa chân và sữa uống phi thời, chốc lát nghỉ ngơi rồi hỏi han về hạ lạp, tuỳ theo thứ tự mà cấp phòng nhà ngoạ cụ, mỗi mỗi đều đúng như pháp. Chúng Tăng ở xứ đó tạo dựng Tháp các tôn giả Xá Lợi Phất, Mục-kiền-liên, A-nan và Tháp kinh luật A Tùy Đàm. Sau khi an cư một tháng các nhà mang cầu phước khuyến hóa cúng dường. Chúng Tăng làm sữa uống phi thời, chúng Tăng thiết lập Đại hội giảng pháp. Giảng pháp rồi cúng dường Tháp tôn giả Xá Lợi Phất bằng các thứ hương hoa, đốt đèn suốt đêm, bảo kỷ nhạc đóng làm Xá Lợi Phất vốn là người Bà-la-môn lúc đến cầu xin Đức Phật mà xuất gia. Và các Tôn giả Đại Mục-kiền-liên, Đại Ca Diếp cũng đều như vậy. Chúng Tỳ-kheo Ni phần nhiều cúng dường Tháp tôn giả A-nan, vì tôn giả A-nan là người cầu xin đức Thế Tôn cho hàng nữ nhân xuất gia. Còn hàng Sa Di thì phần nhiều cúng dường Tháp tôn giả La Vân (La Hầu La). Các luận sư A-tỳ-đàm thì phần nhiều cúng dường Tháp A-tỳ-đàm, các luật sư thì cúng dường luật. Mỗi năm có một lần cúng dường, mỗi tự có một ngày ấn định. Những vị học Pháp Đại Thừa thì cúng dường Bát Nhã Ba La Mật, các vị Bồ -Tát Văn-thù-sư-lợi, Quan Thế Âm ... Sau khi chúng Tăng tự tứ xong, các hàng Trưởng giả, cư sĩ Bà-la-môn ... mỗi tự đem các thứ y vật mà Sa-môn cần dùng để cúng dường chúng Tăng. Chúng Tăng thọ phận rồi mỗi mỗi cũng tự bố thí. Từ khi Đức Phật đã nhập Niết Bàn trở lại, mọi sở hành Thánh chúng luôn giữ oai nghiêm phép tắc tiếp thừa không dứt. Tứ đó, qua sông Tân Đầu đến Nam Thiên Trúc suốt đến Nam Hải khoảng bốn - năm muôn dặm, biển bình lắng, không có núi sông lớn.

Từ đó theo hướng đông nam đi khoảng mười tám do diên có một nước tên là Tăng-già Thi, là nơi Đức Phật xưa kia lên cung trời Đao-lợi suốt ba tháng vì Thánh Mẫu mà giảng pháp trở xuống. Khi Đức Phật lên cung trời Đao-lợi dùng sức thần thông khiến các hàng Đệ Tử không một người nào biết. Sau bảy ngày, Đức Phật mới phóng ánh sáng thần túc. Tôn giả A Na Luật dùng Thiên nhãn xa trông thấy Đức Phật liền nói cùng Tôn giả Đại Mục-kiền-liên rằng: "Tôn giả nên lên cung trời Đao-lợi để thăm hỏi đức Thế Tôn". Tôn giả Mục-kiền-liên liền lên cung trời Đao-lợi, đem đầu mặt đảnh lễ sát chân Đức Phật, cung kính thăm hỏi. Hỏi han xong, Đức Phật bảo tên hỉa Mục-kiền-liên rằng: "Bảy ngày

sau, Ta sẽ trở xuống lại cõi Diêm Phù Đề”. Tôn giả Mục-kiền-liên trở về trước. Bấy giờ, các vị Đại Vương ở tám nước cùng các thần dân trãi qua nhiều ngày không trông thấy Đức Phật nên đều sinh Tâm Khát ngưỡng, cùng tụ hội tại nước đó để chờ đợi Thế Tôn. Khi ấy Tỳ-kheo Ni Ưu Bát La liền tự suy nghĩ rằng: “Ngày nay các hàng Quốc Vương thần dân đang chờ đợi đón Đức Phật, mà Ta là người nữ làm sao để thấy Đức Phật trước?” Và liền vận dụng sức thần túc hóa làm chuyển luân Thánh Vương đến đứng trước hết để đợi đảnh lễ Đức Phật. Đức Phật từ trên cung trời Đao-lợi trở xuống. Lúc xuống, hóa làm ba đường thềm cấp bằng vật báu. Đức Phật đi tại đường giữa giẫm bước trên thềm cấp bằng bảy báu, Trời Phạm Thiên cũng hóa làm đường thềm cấp bằng bạc trắng tại phía hữu cầm nắm phất trần trắng mà đứng hầu. Trời Thiên Đế Thích cũng hóa làm đường thềm cấp bằng vàng tía tại phía tả cầm nắm lọng bảy báu mà đứng hầu, các trời đông vô số theo Phật cùng đi xuống. Đức Phật đã đi xuống, ba đường thềm cấp đều ẩn chìm xuống đất chỉ còn lại bảy thềm cấp hiện trên mặt đất. Về sau, vua A Dục muốn biết được ngằn mé dưới chân thềm cấp, bảo người đào bới để trông xem. Đào bới xuống tận suối vàng mà ngằn mé của thềm cấp vẫn chưa hết. Do đó vua càng sinh Tâm kính tin, liền ngay trên thềm cấp mà xây dựng tinh xá, tại đường thềm cấp giữa tạo tôn tượng Đức Phật đứng cao trượng sáu. Phía sau tinh xá dựng một trụ đá cao hai mươi khuỷu tay. Trên đầu Trụ đá làm hình sư tử. Bốn phía trong trụ có tôn tượng Phật, trong ngoài sáng suốt sạch tợ lưu ly. Có một Luận sư ngoại Đạo tranh giành trụ xứ đó với một vị Sa-môn. Khi ấy vị Sa-môn bị đuối lý, bèn cùng nhau lập lời thề rằng: “Nếu nơi này là trụ xứ của Sa-môn thì ngay đây có sự linh nghiệm ứng hiện”. Nói lời ấy rồi, tượng đá Sư Tử trên đầu trụ liền rống lớn tiếng hiện điền ứng nghiệm. Do đó luận sư ngoại Đạo kinh sợ, tâm phục mà rút lui. Đức Phật suốt ba tháng thọ nhận thức ăn cõi trời nên khắp thân mình toả mùi hương thơm khác hẳn thế gian. Sau khi Đức Phật tắm rửa, tại nơi Đức Phật tắm rửa mọi người liền xây nhà tắm, Nhà tắm vẫn hiện còn. Và nơi Tỳ-kheo Ni Ưu Bát La đảnh lễ Đức Phật trước tiên, hiện nay cũng tạo dựng ngôi Tháp. Lúc Đức Phật còn tại thế có tạo Tháp cạo tóc và cắt móng tay chân. Và nơi kinh hành, nơi ngồi thiền của ba Đức Phật thời quá khứ cúng với Đức Thế Tôn và nơi làm hình tượng chư Phật đều có tạo dựng Tháp, đến nay vẫn hiện còn, nơi trời Đế Thích và Phạm Thiên Vương theo Đức Phật đi xuống cũng có tạo dựng Tháp.

Tại xứ đó, Tăng Ni có khoảng ngàn vị đều đồng chúng thực, tập

học lẫn lộn vừa Đại Thừa vừa Tiểu thừa. Tại xứ đó có một con rồng lỗ tai trắng làm dàn Việt cho chúng Tăng ở đó, khiến trong nước mùa màng tươi tốt, mứa nắng đúng mùa, không các thứ tai hại, và khiến chúng Tăng được bình an. Chúng Tăng cảm ân huệ đó nên tạo nhà rồng đặt để nơi chỗ ngồi, lại vì rồng mà thiết hội tạo phước cúng dường. Mỗi ngày trong chúng Tăng đặt cử ra ba vị đến thọ trai trong nhà rồng. Mỗi năm đến lúc mãn Hạ xong, Rồng liền hóa mình làm con rắn nhỏ hai bên lỗ tai sắc trắng khiến chúng Tăng nhận biết đó, dùng chén Đồng đựng đầy vàng sữa đem đặt trong nhà rồng từ Thượng toạ cho đến Hạ toạ đều làm như vậy, khắp đủ rồi bèn biến hóa đi. Mỗi năm xuất hiện một lần. Đất nước đó rất sung túc, dân chúng hưng thạnh đông đúc, an lạc không đâu sánh bằng. Người ở các nước đến, đều được cung cấp mọi thứ cần dùng.

Phía bắc chùa đó cách khoảng năm mươi do diên lại có một ngôi chùa tên là Đại Phần. Đại Phần tức là tên của ác quỷ. Vốn do Đức Phật giáo hóa ác quỷ đó, nên người đời sau ở xứ đó tạo dựng tinh xá tại đó. và chổ cúng dường nước cho vị A-la-hán rửa tay, nước rỏ giọt nơi đất, chổ ấy vẫn hiện còn. Có các quỷ thần tu tạo việc thiện luôn quét tước, mới đầu không cần đến công sức của người. Có một vị Quốc Vương tin theo Tà Kiến bảo rằng: “Ngươi có khả năng làm như thế, Ta sẽ dẫn binh lính đông nhiều đến đây vung vãi phẩn uế để xem thử ngươi có khả năng dọn dẹp chăng?”. Quỷ thần liền nổi gió lớn thổi hết khiến nơi đó thảy điều sạch sẽ thanh tịnh. Có hàng trăm ngôi Tháp nhỏ, có người trọn ngày tính đếm mà trọn không biết đúng số lượng. Nếu người có ý chí muốn thật sự biết bèn bên cạnh Tháp đặt để một người rồi lại lần lược tính đếm, nhưng mỗi người tính đếm hoặc nhiều hoặc ít, trọn chẳng thể biết được. Có một ngôi Tăng-già Lam, chúng Tăng ở đó khoảng sáu bảy trăm vị. Trong đó có chổ thọ thực của vị Bích Chi Phật thuần toàn đất bùn lớn như bánh xe, chung quanh các nơi cỏ đều sinh mọc tươi tốt chỉ riêng chổ đó cỏ không sinh mọc. Và chổ đất phơi y cũng không sinh mọc cỏ, các điều y dính nơi đất đến nay dấu vết vẫn hiện còn. Ngài (Pháp Hiển) ở lại an cư kiết hạ tại tinh xá có nhà Rồng lỗ tai trắng.

Sau khi mãn hạ, theo hướng đông nam đi bảy do diên là đến Thành kế Nhiêu Di, Thành đó tiếp liền với sông Hằng, có hai ngôi Tăng-già Lam đếu học theo Pháp Tiểu thừa. Cách Thành về hướng tây khoảng sáu - bảy dặm ở bờ phía bắc sông Hằng là nơi Đức Phật vì các Đệ Tử giảng pháp. Tương truyền tại đó Đức Phật giảng các pháp Vô Thường, Khổ, Không, giảng về thân như bọt bóng... Tại đó có xây dựng Tháp

đến nay vẫn hiện còn. Vượt qua sông Hằng, theo hướng nam đi khoảng ba do diên là đến một thôn ấp tên là Ha Lê, nơi Đức Phật ở trong thôn đó giảng pháp kinh hành đều có tạo dựng Tháp. Từ đó theo hướng tây đi khoảng mười do diên là đến nước Sa Kỳ, ra Thành Sa Kỳ theo cửa hướng nam rồi đi về đường hướng đông vốn là nơi xưa kia Đức Phật nhấm cành dương xong cắm xuống nơi đất liền sinh lớn cao hơn bảy thước, không thêm không bớt, các hàng ngoại Đạo, Bà-la-môn sinh tâm ganh ghét hoặc chặt phá hoặc bẻ gãy đem vất bỏ nơi xa, nhưng tại đó vẫn sinh mọc lại như cũ.Trong đó cũng có bốn chổ Đức Phật kinh hành toạ Thiền đều xạy dựng Tháp và hiện còn. Từ đó hướng nam đi khoảng tám do diên là đến thành Xá Vệ nước Câu Tát La.

Dân chúng trong thành Xá Vệ hiếm ít rỗng thoáng chỉ có khoảng hai trăm nhà, tức là thành do vua Ba Tư trị vì xưa kia. Nơi tinh xá cũ của Tỳ-kheo Ni Đại Ái Đạo,nơi vách giếng của Trưởng giả Tu Đạt, nơi Ương Quật ma la đắc Đạo nhập Niết Bàn thiêu thân đều tại trong thành đó và người đời sau đều có dựng lập Tháp tại các nơi đó. Các hàng ngoại Đạo Bà-la-môn sinh tâm ganh ghét muốn huỷ hoại, trời liền nổi dậy sấm sét bão tố đùng đùng khiến không không thể phá hoại. Ra khỏi cửa phía nam của Thành cách khoảng một ngàn hai trăm bộ theo đường hướng tây là đến nơi Trưởng giả Tu Đạt dựng xây tinh xá. Cửa tinh xá mở về hướng đông, hai bên cửa đều có hai trụ đá. Trên đầu trụ đá bên Tả làm hình tượng bánh xe, trên đầu trụ đá bên hửu làm hình con Trâu. Hai bên tinh xá đều có ao chảy nước trong sạch, cây rừng còn tươi tốt, các giống hoa thuần sắc vàng um tùm rất đáng ưa thích, tức nơi thường gọi là tinh xá Kỳ Hoàn vậy.

Khi Đức Phật lên cung trời Đao-lợi suốt chính mươi ngày giảng pháp cho Thánh mẫu ma gia, vua Ba-tư-nặc nghĩ ngợi trông mong được nhìn thấy Phật, nên liền khắc chạm tôn tượng Đức Phật bằng gỗ ngưu đầu chiên đàn mà tôn trí tại chỗ Đức Phật thường ngồi. Khi Đức Phật từ cung trời Đao-lợi trở về tinh xá, tôn tượng ấy liền lánh khỏi tòa ra nghinh đón Đức Phật. Đức Phật bảo Tôn tượng: “Hãy trở lại chổ ngồi. Sau khi Tôi nhập Niết Bàn có thể vì bốn bộ chúng mà làm pháp thức”. Tôn tượng ấy liền trở lại chổ ngồi. Đó là Tôn tượng đầu tiên của mọi Tôn tượng Phật.Người đời sau đều theo pháp thức đó mà tu tạo Tôn tượng Phật. Từ đó, Đức Phật dời sang ở một tinh xá nhỏ bên cạnh phía nam cách khác nơi Tôn tượng đó khoảng chừng hai mươi bộ. Tinh xá Kỳ Hoàn vốn có bảy tầng. vua chúa dân chúng các nước đua nhau đến cúng dường, treo các thứ phan lọng rãi hoa đốt nhóm hương đèn liên tục

sáng rực thường ngày không ngưng dứt. Thử Hàm đốt đuốc thiêu cháy các thứ hoa phan lọng cho đến tinh xá bảy tầng đều rụi hết, các hàng vua chúa dân chúng đều rất buồn đau khổ não cho rằng Tôn tượng chiên đàn ấy chắc đã bị đốt cháy, qua sau bốn - năm ngày, mở cửa nơi một tinh xá nhỏ ở phía đông, bỗng nhiên thấy Tôn tượng còn nguyên vẹn tại đó, mọi người đều rất vui mừng, cùng nhau sữa sinh tinh xá được hai tầng rồi nghinh thỉnh Tôn tượng về lại chỗ cũ.

Lúc mới đến tinh xá Kỳ Hoàn, Ngài cùng Sa-môn Đạo Chỉnh nghĩ nhớ ngày xưa Đức Thế Tôn thường trú tại đó suốt hai mươi lăm năm, mà tự xót thương mình sinh ở chốn biên địa cùng các bạn đồng chí hướng du lịch các nước, mà hoặc có người trở về lại, hoặc có người vô thường mất mạng giữa đường, ngày nay đến được xứ Phật thì rỗng không, thật đáng thương tâm ! Chư tăng ở đó ra hỏi ngài rằng: “Các vị là người ở nước nào đến đây?” Ngài đáp: “Vốn từ đất Hán (Trung Hoa) đến đây.” Chư Tăng đó ngợi khen rằng: “Kỳ đặc thay ! Người ở đất nước biên địa mà có thể đến đây cầu pháp !” Và tự cùng nói với nhau rằng: “Các Thầy Hòa thượng của chúng ta trãi qua nhiều đời truyền thừa mãi đến nay chưa thấy có Đạo Nhân đất Hán đến đây cầu pháp như thế này !”

Cách tinh xá về hướng tây khoảng bốn dặm có một khu rừng tên là Đắc Nhãn. Xưa kia vốn có năm trăm người mù nương tựa tinh xá mà sống tại đó. Đức Phật vì họ mà giảng pháp khiến mắt sáng trở lại. Họ rất vui mừng cắm gậy nơi đất gieo cả năm vóc đầu thành đảnh lễ Đức Phật, các cây gậy bèn lớn tươi tốt. Người đời kinh1 trọng đó nên không ai dám chặt phá, bèn thành rừng và nhân đó mà gọi tên là rừng Đắc Nhãn vậy. Chúng Tăng ở tinh xá Kỳ Hoàn, mỗi ngày sau bữa cơm trưa, phần nhiều đều sang rừng đó để toạ Thiền. Cách tinh xá Kỳ Hoàn về phía đông bắc khoảng sáu - bảy dặm là nơi Tỳ - Xá - Khư - Mẫu dựng lập tinh xá thỉnh Đức Phật và chúng Tăng đến ở, nơi đó vẫn hiện còn. Nơi viện lớn tinh xá Kỳ Hoàn mỗi mỗi đều có hai cửa, một cửa về hướng đông, một cửa về hướng bắc. Vườn đó tức là nơi Trưởng giả Tu Đạt trãi tiền vàng để mua đất. tinh xá dựng ngay chính giữa. Đức Phật thường trú tại đó rất lâu. Các nơi giảng pháp độ người, kinh hành, toạ thiền, mỗi mỗi đều có tạo dựng Tháp và đều có đặt tên hiệu. Cho đến cả nơi Tôn Đà Lợi giết hại thân mình phỉ báng Đức Phật.

Ra cửa phía đông tinh xá Kỳ Hoàn, đi theo hướng bắc khoảng bảy mươi bộ về đường hướng tây là nơi xưa kia Đức Phật cùng chín mươi sáu hàng ngoại Đạo luận nghị. Các hàng Quốc Vương Đại thần cư sĩ dân chúng đều cùng nhau tập để nghe. Bấy giờ có một nữ ngoại Đạo

tên là Chiên - Già - Ma - Na khởi tâm ganh ghét Đức Phật mới ôm áo đặt trước bụng tợ như người mang thai đến trong chúng hội phỉ báng cho là Đức Phật làm điều phi pháp. Liền đó, trời Đế Thích hóa làm bốn con chuộc bạch cắn đứt dây eo, dây đứt nên áo độn bụng rơi vãi nơi đất, đất liền nức nẻ và người nữ đó sa đoạ vào thẳng Đại ngục. Và nơi điều đạt độc hại lăn đá làm tổn thương móng chân Đức Phật mà bị sa đoạ vào Địa ngục, người đời sau đều có làm dấu hiệu. Tại chổ Đức Phật cùng luận nghị có xây dựng một tinh xá cao sáu trượng, bên trong tinh xá có Tôn tượng Đức Phật ngồi.Tại đường đó về phái đông có một ngôi chùa của ngoại Đạo thờ trời tên là Ảnh Phủ, đối xứng cặp đường với tinh xá nơi Đức Phật luận nghị, cũng cao bằng sáu trượng. Sở dĩ gọi tên Ảnh Phủ, bởi vì thường ngày lúc mặt trời ngã về hướng tây, ảnh bóng tinh xá đức Thế Tôn che phủ lên chùa ngoại Đạo thờ trời, nhưng lúc sáng sớm mặt nhật còn tại phía đông thì ảnh bóng của chùa ngoai Đạo thờ trời nghiêng về hướng bắc trọn không thể che phủ ánh sáng nơi tinh xá Phật Luận nghị vậy. Các ngoại Đạo thường cắt dặt người giữ gìn chùa thờ trời đó, quét tước, trông đốt hương đèn cúng dường. Đến sáng sớm thì các hương đèn ấy dời sang trong tinh xá Phật. Các Bà-la-môn tức giận bảo là “Các Sa-môn lấy đèn của chúng ta tự đem về cúng dường Phật”. Sự việc cứ mãi như thế không thôi, do đó, ban đêm, các Bà-la-môn dò xét thấy Thần trời mà họ đang phụng thờ bưng đèn sang nhiểu quanh tinh xá thờ Phật trong ba ngày và cúng dường. Cúng dường xong bỗng nhiên ẩn mất không còn trông thấy. Các Bà-la-môn mới biết Phật lớn hơn Thần, bèn bỏ nhà vào Đạo.

Tương truyền rằng, gần lúc có việc thiêu đốt tinh xá Kỳ Hoàn ấy, có đến chín mươi tám ngôi Tăng-già Lam và mỗi mỗi đều có chư Tăng thường trú. Chỉ có một ngôi không có. tại trong nước đó có chín mươi sáu thứ ngoại đạo đều biết được việc đời nay và đời sau, đồng thời đều có đồ chúng, cũng điều đi khắc thực, chỉ không trì Bình, cũng lại cầu phước, dựng lại nhà phước đức bên cạnh đường đi đồng trống. Cung cấp mọi thứ phòng nhà giường chỏng các thứ ăn uống cho người đi đường người xuất gia, hành khách qua lại. Chỉ có sự mong cầu là khác vậy. Điều Đạt cũng có Đồ chúng, củng thường cúng dường ba Đức Phật thời quá khứ, chỉ không cúng dường đức Thích-ca Thế Tôn.

Cách Thành Xá Vệ khỏang bốn dặm về hướng động nam là nơi vua Tỳ Lưu Ly muốn đánh chiếm nước Xá Di, nơi Đức Thế Tôn đứng bên cạnh đường, đều có dựng lập Tháp. Từ Thành theo hướng tây đi khoảng năm mươi dặm là đến một ấp tên là Đô Duy là nơi bản sinh của

Đức-Phật Ca Diếp, nơi cha con cùng gặp nhau, nơi nhập Niết Bàn, đều có tạo dựng Tháp. Nơi xá lợi toàn thân Đức Ca Diếp Như Lai cũng tạo dựng ngôi Tháp lớn. Từ Thành Xá Vệ theo hướng đông nam đi khoảng mười hai do diên đến một ấp tên là Na Tỳ Giả là nơi bản sinh của Đức Phật Câu Lưu Tần. Nơi cha con cùng gặp nhau, nơi nhập Niết Bàn, cũng đều có tạo dựng Tháp.Từ đó theo hướng bắc đi gần một do diên là nơi bản sinh của Đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni, nơi cha con cùng gặp nhau, nơi nhập Niết Bàn, đều có tạo dựng Tháp. Từ đó theo hướng tây đi gần một do diên là đến Thành Ca Di La Vệ. Trong Thành đều không còn có vua dân, toàn là gò hoang, chỉ có chúng Tăng. Hộ dân chỉ vài mươi nhà mà thôi. Nơi cung cũ của vua Bạch Tịnh, tạo hình Thái Tử và Thánh Mẫu, và lúc Thái Tử cưỡi bạch tượng vào thai mẹ, Thái Tử ra cửa Thành phía đông thấy người bệnh... các nơi đều có dựng lập Tháp. Nơi A Di cùng Thái Tử và Nam Đà... đánh voi bắn tên, mũi tên bay về hướng đông nam cách ba mươi dặm găm cắm xuống đất khiến nước suối tuông vọt. Người đời sau sữa làm thành giếng để người đi đường dùng uống. Nơi Đức Phật sau khi đã đắc Đạo trở về thăm phụ Vương, năm trăm vị trong giòng học Thích xuất gia đến nơi Ưu Ba Ly để tác lễ, mà đất dấy khởi sáu cách chấn động. Nơi Đức Phật vì chư Thiên giảng pháp, bốn vị Thiên Vương gìn giữ bốn cửa khiến phụ Vương không được vào. Nơi Đức Phật ngồi dưới gốc cây Ni Câu Luật xoay mặt về hướng đông, Tỳ-kheo Ni Đại Ái Đạo dâng cúng Phật y Tăng-già Lê, cây ấy đến nay vẫn hiện còn. Nơi vua Tỳ Lưu Ly giết hại giòng họ Thích, mọi người trong giòng họ Thích đã chết chứng đắc quả Tu Đà Hoàn đều có dựng lập Tháp, đến nay vẫn hiện còn. Cách Thành về hướng đông bắc khoảng vài dặm là nơi vua Tịnh Phạm dự lễ Hạ điền, Thái Tử ngồi dưới gốc cây trông xem người cày ruộng. Cách Thành về hướng đông khoảng năm mươi dặm có một khu vườn của vua, vườn ấy tên là Luận Dân, khi Phu Nhân (Thánh Mẫu Ma Gia) vào ao tắm rửa, ra bờ ao phía bắc cách khoảng mười bước đưa tay vịn cành cây xoay mặt về hướng đông thì sinh hạ Thái Tử. Thái Tử vừa lọt lòng mẹ bước đi bảy bước, có hai Long Vương tắm gội cho Thái Tử. Nơi Thái Tử được tắm gội bèn làm thành giếng, và trên bờ ao nơi tắm rửa, ngày nay chúng Tăng thường lấy nước đó để uống.

Phàm, chư Phật có bốn xứ thường cố định: một là nơi thành Đạo, hai là nơi chuyển pháp luân, ba là nơi giảng pháp luận nghị, hàng phụ ngoại Đạo và bốn là nơi lên cung trời Đạo lợi vì Thánh Mẫu mà giảng pháp xong rồi trở xuống, ngoài ra các nơi đều tuỳ thời mà thị hiện. Tại

nước Ca Di La Vệ vô cùng hoang vắng, dân chúng ít ỏi, đường đi ghê sợ, đến nỗi các loài Bạch Tượng, Sư Tử cũng không dám vọng hành. Từ nơi Đức Phật đản sinh theo hướng đông đi khoảng năm do diên có một nước tên là Lam Mạc, vua nước đó thỉnh được một phần Xá lợi của Phật đem về tạo dựng Tháp để cúng dường gọi là Tháp Lam Mạc. Bên cạnh Táhp có một ao hồ, trong ao có một con rồng thường gìn giữ Tháp đó, đêm ngày cúng dường. Đến thời vua A Dục muốn phá tám ngôi Tháp để xây dựng tám mươi bốn ngàn ngôi Tháp, phá được bảy ngôi Tháp kia rồi, tiếp đến muốn phá Tháp ấy, Rồng bèn hiện thân dẫn vua A Dục vào trong cung trông xem các thứ cúng dường xong rồi nói cùng vua A Dục rằng: "Nếu ông cúng dường hơn được như thế thì có thể tự tiện phá Tháp thỉnh Xá lợi đi, Tôi không cần phải tranh luận với ông." vua A Dục biết các thứ cúng dường đó trong thế gian không sao có được, do đó bèn trở về. Trong đó hoang vắng không người quét tước, thường có một đán voi dùng vòi hút nước đến phun rước nơi đất, dùng các thứ hương hoa lẫn lộn mà cúng dường Tháp. Có Đạo nhân ở nước khác đến muốn lễ bái Tháp đó, gặp voi nên khiếp sợ, bèn nương tựa cây cối mà tự ngăn che thân mình, trông thấy voi đúng như pháp mà cúng dường, Đạo nhân ấy rất tự buồn cảm. Trong đó không có Tăng-già lam nên cúng dường Tháp ấy, mới khiến voi quét tước. Đạo nhân ấy bèn tự Xả Đại giới, trở lại làm vị Sa Di tự kéo cây cỏ sửa sang nơi chốn bằng phẳng khiến được sạch sẽ khuyên hóa vua chúa tạo dựng nơi thường trú của chư Tăng, và chính mình tự làm chủ chùa, đến nay hiện có chỗ chư Tăng nương trú. Việc ấy rất gần, và mãi từ đó đến nay thường là vị Sa Di làm chủ chùa ấy.

Từ đó theo hướng đông đi khoảng ba do diên là đến nơi Thái Tử sai bảo Xa nặc đem ngựa trắng (kiền trắc) trở về, cũng có tạo dựng Tháp. Từ đó theo hướng đông đi khoảng bốn do diên là đến nơi Tháp Than cũng có ngôi Tăng-già Lam. Lại theo hướng đông đi khoảng mười hai do diên là đến Thành Câu Di Ni Kiệt, phía bắc Thành là sông Thọ gian bẹn cạnh sông Hy liên Thuyền, Đức Thế Tôn đến đó gối đầu về hướng bắc mà nhập Niết Bàn, và cũng là nơi Tôn giả Tu Bạt Đà La đắc đạo người Đệ tử cuối cùng trong cuộc đời giáo hóa của Đức Phật. Nơi dùng kim quan cúng dường Đức Thế Tôn bảy ngày, nơi các thần kim cang lực sĩ phóng chày vàng rồng, nơi tám vua phân chia Xá lợi. Các nơi ấy đều có tạo dựng Tháp và có Tăng gia Lam đến nay vẫn hiện còn. Dân chúng trong Thành đó cũng thưa thớt, chỉ có hộ dân chúng Tăng. Từ đó theo hướng đông nam đi khoảng mười hai do diên là đến nơi Lê

Xa muốc thúc giục Đức Phật nhập Niết Bàn, mà Đức Phật chưa hứa khả, bèn luyến mộ Đức Phật mà chẳng chịu đi, Đức Phật bèn hóa làm một hầm hố sâu rộng không thể vượt qua, và Đức Phật trao cho Bình Bát để làm tin, đồng thời bảo trở về nơi nhà dựng lập trụ đá, trên đầu trụ có đề bài minh.

Từ đó theo hướng đông đi khoảng mười do diên là đến nước Tỳ Xá Ly.Phía Thành Tỳ Xá Ly là từng Đại Lâm nơi có tinh xá Trùng Các. Nơi Phật ở và Tháp nữa thân hình của Tôn giả A-nan. Trong Thành đó vốn là nhà của yêm Bà La Nữ vì Đức Phật mà tạo dựng Tháp, đến nay vẫn hiện còn. Từ Thành đó theo hướng nam khoảng ba dặm đi dường đến hướng tây là nơi yêm Bà La Nữ đem vườn đất cúng thí Đức Phật làm nơi Phật ở. Khi Đức Phật sắp nhập Niết Bàn, dẫn cùng các Đệ Tử đi ra cửa phía tây của Thành Tỳ Xá Ly mà bảo cùng các Đệ Tử rằng: “Đây là nơi hành xứ cuối cùng của Tôi !” Người đời sau ở xứ đó cũng tạo dựng ngôi Tháp.

Từ Thành đó theo hướng tây bắc đi khoảng ba dặm có một ngôi Tháp tên là Phóng Cung Trượng (buông bỏ cung tên và roi gậy). Sỡ dĩ có tên gọi ấy là vì ở thượng lưu sông Hằng có một Quốc Vương, phu nhân nhỏ của vua sinh nở một bào thai khối thịt, phu nhân lớn ganh ghét đó mà bảo rằng: “Ngươi sinh ra điềm không tốt lành.” và bèn để vào trong hộp gỗ, ném vất giữa dòng sông Hằng. Ở Hạ lưu có vị Quốc Vương đang dạo chơi, thấy hộp gỗ trên dòng sông bèn vớt mở ra trông xem thấy ngàn đứa trẻ con dáng vẻ đoan chánh đặc thù. Vua liền đem về nuôi dưỡng, bèn liền to lớn trưởng thành rất dõng kiện, đi đánh chiếm không xứ nào chẳng khiếp phục, lần lược đến đánh nước của phụ Vương. vua rất buồn rầu, phu nhân nhỏ mới hỏi vua rằng: “Cớ sao buồn bả vậy?” vua đáp: “vua nước kia có ngàn người kia rất lớn mạnh không ai sánh bằng muốn đến đánh nước Ta, vì vậy mà đang lo buồn.” Phu nhân nhỏ bảo rằng: “vua chớ nên buồn lo, nếu đến phái đông Thành lầu cao, khi giặc đến để Tôi lên trên lầu đó, thì Tôi có thể dẹp giặc đó.” vua bèn y theo lời ấy mà thực hành. Đến lúc giặc đến, phu nhân nhỏ đứng trên lầu đó bảo cùng giặc rằng: “Các ngươi là con của Ta, cớ sao làm việc phản nghịch?” Giặc nói: “Ngươi là người nào? mà dám nói là mẹ của chúng Tôi?” Phu nhân nhỏ bảo: “Nếu các ngươi không tin thì cứ ngửa mặt về đây và há miệng ra.” Đồng thời phu nhân nhỏ đưa hai tay dắt lấy hai vú sữa, mỗi bên làm thành năm trăm dòng sữa và đều rơi thẳng vào trong miệng của ngàn đứa con. Giặc mới biết đò là thật là mẹ của mình, bèn liền buông bỏ cung tên gậy trượng. Hai bậc phụ

Vương do đó mà Tư duy bèn đều chứng đắc Quả Bích Chi Phật. Tháp của hai vị Bích Chi Phật ấy đến nay vẫn hiện còn. Sau khi Đức Thế Tôn thành Đạo bảo cùng các Đệ Tử: “Đó là nơi xưa kia Ta buông bỏ cung tên gậy trượng.” Người đời sau được biết ở xứ đó mà vì tạo dựng Tháp, nên gọi tên như vậy. Đức Phật đến bên cạnh Tháp phóng cung trượng, bảo cùng A-nan rằng: “Ba tháng sau Ta sẽ nhập Niết Bàn.” Khi đó bị ma vương quấy nhiễu nên Tôn giả A-nan không hay biết để thỉnh cầu Đức Phật ở lại nơi đời.

Từ đó, theo hướng đông, đi khoảng ba - bốn dặm có một ngôi Tháp, sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn khoảng một trăm năm, có vị Tỳ-kheo ở Tỳ Xá Ly đặt bày hành giới luật, nói mười sự chứng và cho Phật dạy như thế. Khi ấy các vị A-la-hán và những Tỳ-kheo chuyên hành trì luật có đến bảy trăm vị đồng kiểm xét lại luật tạng. Người đời sau ở xứ đó cũng xây dựng Tháp đến nay vẫn hir65n còn. Từ đó theo hướng đông đi khoảng bốn do diên là đến nơi nhóm hợp của năm dòng sông xứ Ấn Độ. Tôn giả A-nan từ nước Ma Kiệt đến Tỳ Xá Ly muốn nhập Niết Bàn, chư Thiên mách bảo cùng vua A Xà Thế. vua A Xà Thế liền từ trong nghiêm xa giá dẫn các dân dĩ đến nghinh đón trên bờ sông. Bên kia, các Lê Xa nghe Tôn giả A-nan đến cũng cùng lại trên bờ sông để nghinh đón. Tôn giả A-nan bèn tư duy rằng: “Nếu đi đến phía trước thì vua A Xà Thế rất hận, cò đi lui thì Lê Xa lại oán !” Bèn ngay giữa dòng sông, Tôn giả nhập Hoả quang Tam muội tự thiêu đốt thân mình mà nhập Niết Bàn. Phân thân thành hai phần, mỗi phần mỗi bên bờ sông, do đó hai vua mỗi tự một nữa thân phần Xá lợi của Tôn giả A-nan, bèn nghinh thỉnh trở về xây Tháp để cúng dường.

Vượt qua dòng sông, theo hướng nam đi xuống là đến ấp Ba Liên Phất thuộc nước Ma Kiệt Đề. Ấp Ba Liên Phất là Thành nơi vua A Xà Thế trị vì. Cung điện của vua ở trong Thành đều sai sử quỷ thần làm nhiều lớp đá dựng tạo tường vách cửa nẻo, khắc chạm hoa văn đường nét khác hẳn người đời làm nên, đến nay vẫn hiện còn. vua A Xà Thế có người con đã chứng đắc Đạo quả A-la-hán thường ở trong núi Kỳ Xà Quật, ưa thích sự tĩnh lắng, vua sinh tâm kính trọng muốn thỉnh mời về nhà để cúng dường, nhưng vì ưa thích sự tĩnh lắng ở núi nên chẳng nhận lời thỉnh mời. vua nói cùng Em rằng: “Chỉ cần nhận lời thỉnh mời thì Tôi sẽ vì Ông mà tạo núi ở trong Thành.” Và vua liền sắm sinh đủ các thứ ăn uống mời gọi các quỷ thần bảo rằng: “Sáng mai hẳn đã nhận sự thỉnh mời của Ta, nhưng ở đây toàn không có tòa tịch, mỗi mỗi đều phải tự mang đến.” Tới sáng sớm, các quỷ thần mỗi tự mang đến một

tảng đá lớn vuông bốn - năm bộ, ngồi xong liền sai quỷ thần chất nhiều đá lớn làm thành núi. Ở dưới đáy núi dùng năm tảng đá lớn làm một thạch thất dài ba trượng, rộng hai trượng, cao một trượng. Có một Bà-la-môn Tử tu theo Pháp Đại Thừa ở trong Thành đó, là người thông minh sáng toả lắm trí, không việc gì chẳng thông đạt, lấy sự thanh tịnh mà tự sống, vua rất sùng kính phụng thờ như bậc thầy, như có sang thăm hỏi trọn chẳng dám cùng ngồi. Giả sử vua có dùng tâm mến kính mà nắm tay, nắm tay rồi, Bà-la-môn tử ấy liền tẩy rửa, tuổi khoảng ngoài năm mươi mà cả nước nhà đều cùng chiêm ngưỡng, nhờ một người ấy hoằng dương Phật pháp mà các ngoại Đạo chẳng dám lấn lước chúng Tăng. Ở bên cạnh Tháp vua A Dục tạo dựng một ngôi Tăng-già Lam rất trang nghiêm tráng lệ, cũng có chùa Tiểu thừa, hợp cả thảy có khoảng sáu bảy trăm vị Tăng, oai nghi tường tự rất khả quan. Các bậc Sa-môn cao đức và những người học hỏi muốn tìm cầu nghiên lý, đều đến chùa đó. Thầy của Bà-la-môn Tử cũng tên là Văn Thù Sa Lợi. Các bậc Sa-môn Đại Đức, các vị Tỳ-kheo học Pháp Đại Thừa đều tôn sùng kính ngưỡng, cũng cùng ở trong Tăng gia Lam ấy. Dân chúng đông đúc hưng thạnh đua nhau làm mọi việc nhân nghĩa.

Thường năm vào mồng tám tháng hai tác lễ hành tượng, làm xe bốn bánh, buộc tre làm năm tầng, có nhân nhổ vọt cản cao hơn hai trượng, hình trạng như Tháp, dùng bông tơ trắng buộc ở trên, sau đó mới họa vẽ làm tượng trời, dùng các thứ vàng bạc lưu lt trang sức ở trên, treo các phan lọng ở bốn phía làm khám, đều có tôn tượng Đức Phật ngồi, Bồ-tát đứng hầu. Có đến hai mươi xe, mỗi mỗi xe trang nghiêm mỗi khác. Đến ngày đó, các hàng Đạo tục khắp trong địa vức đều nhóm tập làm xưởng kỳ nhạc, cúng dường trương hoa. Bà-la-môn Tử đến nghinh thỉnh Phật, Tôn tượng Phật lần lược vào Thành. Đã vào trong Thành trãi qua vài ba đêm, suốt đêm đốt đèn xướng tác kỷ nhạc cúng dường, mỗi mỗi nước đều như vậy. Các hàng Trưởng giả cư sĩ trong nước đó đều đến trong Thành tạo dựng nhà thuốc thang phước đức, tất cả những người bệnh nghèo khổ cô quạnh không nơi nương tựa đều đến chữa trị tại Bệnh Xá đó, thầy thuốc khám bệnh, cung cấp mọi thứ tuỳ nghi uống ăn khiến đều được an lạc. Sau khi lành bệnh thì tự đi.

Lúc vua A Dục phá bảy ngôi Tháp để tạo dựng tám mươi bốn ngàn ngôi Tháp, ngôi Tháp lớn tạo dựng đầu tiên là cách Thành đó hơn ba dặm về phía nam. Trước Tháp đó có dấu vết xây dựng tinh xá Phật, cửa xoay về hướng Tháp. Ở phía nam của Tháp có một trụ đá chu vi khoảng trượng bốn - năm, cao hơn ba trượng. Trên đầu trụ Đá có đề

bài minh là: “vua A Dục đem cỏi Diêm Phù về cúng thí chư Tăng mười phương, sau lại dùng tiền để chuộc.” Ba lớp ghi viết như thế. Cách Tháp khoảng ba bốn trăm bộ về phía bắc là nơi vua A Dục làm Thành Địa Ngục. Trong Thành Địa Ngục có một trụ Đá cao hơn ba trượng, trên đầu trụ có làm hình con sư tử. Và trên trụ cũng có bài minh ghi về nguyên nhân tạo dựng Tháp Địa Ngục, cũng như năm tháng ngày giờ.

Từ đó theo hướng đông nam, đi khoảng chín do diên là đến núi Nhất Tâm Cô Thạch. Trên đầu núi có Thạch Thất. Ở phía nam Thạch Thất xưa kia Đức Phật an toạ trong đó, là nơi trời Đế Thích đem các thứ nhạc trờ như Ban già đàn cầm đến cúng dường. Trời Đế Thích nêu hỏi bốn mươi hai sự việc cùng Đức Phật, mỗi mỗi đều dùng ngón tay họa vẽ lên Đá, dấu vết họa vẽ vẫn còn như cũ. Trong đó cũng có ngôi Tăng-già Lam. Từ đó, theo hướng đông nam đi một do diên là đến tụ lạc Na La là thôn xóm quê cũ của Tôn giả Xá Lợi Phất. Tôn giả Xá Lợi Phất trở lại trong thôn xóm đó mà nhập Niết Bàn, mọi người xứ đó cũng có tạo dựng ngôi Tháp, đến nay vẫn hiện còn. Từ đó, theo hướng tây đi khoảng một do diên là đến Thành Vương Xá mới. Thánh mới đó là do vua A Xá Thế tạo dựng nên, trong đó có hai ngôi Tăng-già Lam. Ra khỏi cửa Thành phía tây khoảng ba trăm bộ là nơi A Xà Thế chia được một phần Xá lợi của Đức Phật mà tạo dựng Bảo Tháp để cúng dường. Tháp đó rất cao lớn nghiêm lệ. Ra khỏi cửa Thành hướng nam cách chừng bốn dặm, theo hướng nam vào hang, đến trong núi gồm năm ngọn. Năm ngọn núi ấy chu vi tướng trạng như Thành quách, tức là Thành xứa cũ của vua Tần Bà Sa. Hai phía đông tây của Thành rộng khoảng năm sáu dặm hai phía nam bắc của Thành dài khoảng bảy tám dặm. Là nơi Tôn giả Xá Lợi Phất và Mục-kiền-liên đầu tiên thấy Át Bính, là nơi Ni Kiền tử làm hầm lửa cơm độc mà thỉnh mời Đức Phật thọ nhận, nơi vua A Xà Thế cho voi dữ uống rượu muốn hại Đức Phật.

Ở góc cong thuộc phía đông bắc của Thành xưa kia là trong vườn của Yêm Bà La xây dựng tinh xá để thỉnh mời Đức Phật cùng một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo để cúng dường, nay vẫn còn như cũ. Trong Thành đó hoang vu không có người ở. Vào hang men theo núi đi lên hướng đông nam khoảng mười lăm dặm là đến núi Kỳ Xà Quật. Chưa đến đầu núi khoảng ba dặm có một hang đá xoay mặt về hướng nam là nơi xưa kia Đức Phật thường toạ thiền, theo hướng tây bắc cách chừng ba mươi bộ lại có một hang đá là nơi Tôn giả A-nan thường toạ Thiền trong đó, Ma Ba Tuần hóa làm chim Điêu Thứu đến đứng trước cửa hang khủng bố A-nan, Đức Phật dùng sức Thần túc cách vách đá

duổi tay xoa chạm vai A-nan, sự khiếp sợ trong người A-nan liền ngưng dứt. Dấu vết nơi chim đậu và lỗ Đức Phật duổi tay đến nay vẫn hiện còn. Nên gọi là hang núi Điêu Thứu. Trước hang có bốn chỗ Đức Phật ngồi, lại cũng có chỗ của các vị A-la-hán mỗi mỗi thường toạ Thiền đến số trăm. Lúc Đức Phật kinh hành ở hai hướng đông tây trước Thạch Thất, Điều Đạt ở nơi hiểm hóc tại phía bắc núi xô đẩy lăn đá làm tổn thương ngón chân Đức Phật, tại nơi đó Tảng Đá vẫn hiện còn. Giảng đường nơi Đức Phật thường nói pháp đã hư nát chỉ còn lại nền móng vách tường gạch. Trên đỉnh núi đó xinh đẹp oai hùng là nơi cao nhất trong năm ngọn núi.

Ngài (Pháp Hiển) mua sắm các thứ hương hoa dầu đèn trong Thành mới rồi thỉnh nhờ hai vị Tỳ-kheo Kỳ cựu ở đó đưa dẫn đến núi Kỳ Xà Quật, dâng cúng hương hoa, chong đèn sáng rực rỡ liên tục, Ngài tự bùi ngùi rỏ lệ mà nói rằng: "Xưa kia Đức Phật ở đây giảng nói kinh Thủ Lăng Nghiêm. Pháp Hiển con đây sinh đời không được gặp Phật, chỉ được tấy nơi di tích mà thôi !" Và liền ở trước hang đá, ngài trì tụng kinh Thủ Lăng Nghiêm. Dừng ở lại đó một đêm rồi trở về Thành mới. Ra phía bắc Thành cũ đi hơn ba trăm bộ đường về phía tây là nơi tinh xá Trúc Viên Ca Lan Đà, nay vẫn hiện còn. Có chúng Tăng quét tước tinh xá. Theo hướng đi khoảng ba bốn dặm là đến nơi có Thi - Ma - Sa - Na, Thi - Ma - Sa - Na Trung Hoa dịch nghĩa là Đồng ruộng mộ chôn bỏ người chết. Men theo hướng tây nam của núi đi khoảng ba trăm bộ có một Thạch Thất tên là Tân Bà La Quật, là nơi sau khi thọ trai Đức Phật thường toa Thiền tại đó.

Lại đi theo hướng tây cách năm sáu dặm vào trong phía bắc của núi có một Thạch Thất tên là Xa Đế, là nơi năm trăm vị A-la-hán kết tập kinh điển sau khi Đức Phật vừa mới nhập Niết Bàn. Lúc kết tập Kinh Tạng, thiết bày ba tòa cao rất trang nghiêm, Tôn giả Xá Lợi Phất ngồi phía tả, Tôn giả Mục-kiền-liên ngồi phía hữu (1) [Hai Tôn giả Xá Lợi Phất và Mục-kiền-liên đều tịch trước Đức Phật]. Trong số năm trăm vị thiếu một vị A-la-hán, Tôn giả Đại Ca Diếp làm Thượng Toạ, khi ấy Tôn giả A-nan ở ngoài cửa thất không được vào. Tạo nơi đó cũng có tạo dựng ngôi Tháp đến nay vẫn hiện còn. Men theo núi cũng có những hang đá nơi các vị A-la-hán toạ Thiền rất nhiều. Ra khỏi phía đông bắc Thành cũ đi khoảng ba dặm, có hang Đá của Điều Đạt, cách đó năm mươi bộ có một tảng đá sắc đen vuông lớn, là nơi xưa kia có vị Tỳ-kheo kinh hành trên đó tư duy tự thân là Vô Thường, Khổ, Không, thành đạt pháp Quán Bất tịnh nên nhàm chán tự thân, liền nắm dao muốn tự giết

hại, lại suy nghĩ Đức Thế Tôn chế giới cấm không được tự giết hại, đồng thời quán xét tuy vậy nhưng ngày nay Ta chỉ muốn giết giặc ba độc, nên bèn tự giết thân mình, lác dao vừa mới lóc vào thịt liền chứng quả Tu Đà Hoàn, khi lác dao vào một nữa thì chứng quả A Na hàm, và khi cắt đứt nagng thịt thì chứng quả A-la-hán và bèn nhập Niết Bàn.

Từ đó đi theo hướng tây cách khoảng bốn do diên là đến Thành già Na. Trong Thành đó cũng hoang vắng trống không. Lại đi theo hướng nam khoảng hai mươi dặm là đến nơi xưa kia Bồ-tát suốt sáu năm tu hành khổ hạnh, nơi đó có rừng cây. Từ đó theo hướng tây đi khoảng ba dặm là đến nơi dòng nước Đức Phật xưa kia vào tắm rửa, trời hóa đặt cành cây, Đức Phật men theo đó mà ra được khỏi dòng sông. Lại theo hướng bắc đi khoảng hai dặm là đến nhà người nữ dâng cúng sữa và cháo nhừ lên Đức Phật. Lại theo hướng bắc đi khoảng hai dặm là đến nơi Đức Phật ngồi trên Tảng Đá dưới gốc cây Đại Thọ xoay mặt về hướng đông mà ăn cháo. Cây và tảng đá đó đến nay vẫn hiện còn. Tại trung tâm Ấn Độ mứa nắng rất điều hòa nên cây cối sống đến cả ngàn năm. Có cây sống đến cả vạn năm. Từ đó theo hướng đông bắc đi khoảng nữa do diên là đến một hang đá, nơi xưa kia Bồ-tát vào trong đó xoay mặt về hướng tây ngồi kiết già mà tự tâm niệm rằng: "Như Ta được thành Đạo thì phải có Thần ứng linh nghiệm." Liền đó trên vách đá có ảnh Phật hiện cao lớn ba thước, đến nay vẫn còn sáng rõ. Bấy giờ trời đất chấn động, các vị trời ở giữa không trung bạch cùng Bồ-tát rằng: "Đây không phải là nơi ở quá khứ ở tương lai chứng đắc Đạo Qủa. Từ đây theo hường tây nam đi khoảng gần nữa do diên đến dưới gốc cây Bối Đa đó là nơi chư Phật ở quá khứ ở tương lai chứng đắc Đạo Quả." Các vị trời nói lời ấy rồi bèn dẫn đường đi trước, Bồ-tát đứng dậy đi theo, vừa cách khoỉ gốc cây khoảng ba mươi bộ, trời trao cho ôm cỏ cát tường, Bồ-tát nhận lấy rồi đi khoảng mười lăm bộ, có một đàn chim tước sắc xanh năm trăm con bay nhiểu quanh Bồ-tát ba vòng mà đi. Bồ-tát đến dưới gốc cây Bối Đa, trãi ôm cỏ Cát tường, xoay mặt về hướng đông mà ngồi. Khi ấy ma vương sai ba ngọc nữ từ phía bắc đến thử, ma vương từ phía nam lại thử, Bồ-tát đưa ngón chân ấn xuống đất, ma binh chạy lui tán loạn, ba ngọc nữ biến thành bà già. Trên đêy từ rừng, nơi Bồ-tát suốt sáu năm tu khổ hạnh và các nơi, người đời sau đều có tạo dựng Tháp tượng trong đó. Đến nay đều hiện còn.

Nơi, Đức Phật sau khi thành Đạo bảy ngày trông nhìn cây hưởng thọ pháp lạc. Nơi Đức Phật ngồi trên tảng đá vuông xoay mặt về hướng đông dưới gốc cây Ni Câu Luật, các vị Phạm Vương đến thỉnh cầu Đức

Phật giảng pháp. Nơi chư Thiên hóa làm nhà bảy báu để cúng dường Đức Phật bảy ngày. Nơi văn lân rùa mù bảy ngày nhiểu quanh Đức Phật. Nơi bốn vị Thiên Vương dâng Bình Bát cúng dường Đức Phật. Nơi năm trăm người buôn bán dâng cúng bột gạo rang và mật. Nơi Đức Phật hóa độ ba anh em giòng họ Ca Diệp và cả thảy bảy thầy trò có một ngàn vị. Các nơi đó đều có dựng lập Tháp. Nơi Đức Phật thành Đạo có ba ngôi già Lam và đều có chư Tăng ở đó. Chư Tăng được dân chúng cung cấp mọi thứ rất đầy đủ không thiếu thốn gì. Chư Tăng hành trì giới luật trang nghiêm, oai nghi đi đứng ngồi nằm vào chúng đều đúng như pháp, kể từ thời Đức Phật tại thế mãi đến nay vẫn như vậy. Sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn trở lại nay nơi bốn ngôi Tháp lớn đều vẫn tương tục tiếp nối không ngưng dứt, nơi bốn ngôi Tháp lớn là nơi Đức Phật đản sinh, nơi Đức Phật thành Đạo, nơi Đức Phật chuyển pháp luân và nơi Đức Phật nhập Niết Bàn.

Đời xưa trước, bấy giờ vua A Dục là một đứa trẻ đang vui đùa giữa đường, gặp Đức Phật Ca Diếp đi khất thực, đứa bé vui mừng vốc nắm đất bột dâng cúng Đức Phật, Đức Phật Ca Diếp đem về rãi nơi thường ngày kinh hành, do duyên lành mà vua A Dục đời nay được làm Thiết luân Vương là vua cõi Diêm Phù Đề, nhân lúc Thiết luân Vương tuần du nơi Diêm Phù Đề thấy giữa khoảng hai núi Thiết Vi là nơi Địa Ngục trừng trị tội nhân. vua liền hỏi Quần Thần đó là nơi nào? Cá thần đáp: "Đó là nơi vua Diêm La trị tội người." vua bèn tự suy niệm rằng: "Quỷ Vương còn có thể làm Địa ngục để trừng trị tội người. Ta là chúa trong loài người, Cớ sao không làm Địa ngục để trị tội người ư?" Và liền hỏi Quần Thần: "Ai là người có thể làm Địa ngục chủ để trừng trị người tội?" Quần thần đáp: "Chỉ có người cực ác mới có thể làm vậy." vua liền sai bảo Quần thần đi khắp nơi tìm kiếm người ác. Thấy bên bờ ao có một người tướng trạng to lớn, sắc mặt sạm đen, tóc vàng mắt xanh, đưa cẳn chân câu bắt cá, miệng kêu hú các loài cầm thú, cầm thú lại bèn liền bắn giết không vật nào được thoát. Tìm kiếm được người ấy rồi dẫn đến cho vua. vua kín sai bảo người đó rằng: "Ông làm tường thành cao bốn phía, phía trong trồng các loại cây trái, làm ao tắm rửa xinh đẹp, trang trí các thứ nghiêm lệ khiến người khát ngưỡng, nơi lao ngục làm cửa đóng chắn, có người nào vào liền bắt trị tội, khiến chẳng được thoát ra. Giả sử như Ta có vào cũng trị tội không tha. Nay trao phong cho Ông vì Ta mà làm chủ Địa ngục." Khi ấy có vị Tỳ-kheo lần lược đi khuất thực bước vào cửa đó, ngục tốt trông thấy bèn liền muốn trị tội. Vị Tỳ-kheo ấy kinh sợ, cầu xin cho hoảng đãi thời gian chừng bữa ăn,

chốc lát lại thấy người khác đi vào, ngục tốt bắt bỏ vào cối xay giã đâm trào nước dãi sắc đỏ. Trông thấy rồi vị Tỳ-kheo ấy tư duy "Thân này là vô Thường, là Khổ, là Không, chỉ như bọt bóng như nước dải !" Và liền chứng đắc quả vị A-la-hán. Thế rồi ngục tốt bắt bỏ vào trong vạc nước sôi, vị Tỳ-kheo ấy tâm thức hỷ hoan bỗng nhiên lửa tắt nước mát lạnh, trong vạt mọc lên hoa sen, vị Tỳ-kheo ấy lên ngồi trên hoa sen. Khi ấy ngục tốt bèn sang tấu trình cùng vua: "Trong ngục có sự kỳ quái xin vua hãy sang đó trông xem." vua bảo: "Ngày trước Ta có thề ước nay không dám sang." Ngục tốt bảo: "Đây chẳng phải việc nhỏ, vua nên nhanh sang. Cần sửa đổi sự thề ước trước kia." vua liền theo ngục Tốt đi vào. Vị Tỳ-kheo ấy vì vua mà giảng pháp. vua được tin hiểu, liền phá hoại Địa ngục, sám hối những việc tội ác ngày trước, do đó mà tin trọng Tam bảo, thường đến dưới gốc cây Bối Đa sám hối lỗi quá tự trách chính mình, phát tâm thọ trì tám pháp trai giới. Phu nhân của vua hỏi vua thường đi đâu vậy? Quần thần đáp: "vua thường đến dưới gốc cây Bối Đa." Phu nhân bèn dò xét lúc không có vua đến đó liền sai bảo người chặt phá cây ấy đổ ngã. vua đến trông thấy được bèn mê loạn ngã té nơi đất, Quần Thần lấy nước rưới vào mặt, giây lát sau vua mới tỉnh lại, liền đem gạch chất nhiều lớp bốn phía dùng trăm bình sữa bò rưới vào rể cây, vua buông xuội thân mình nơi đất mà phát lời thề rằng: "Nếu cây không sống lại thì tôi sẽ không đứng dậy." Phát lời thề ấy rồi, liền ngay trên rễ cây đâm cành nhánh, mãi đến ngày nay cây cao gần mười trượng.

Từ đó theo hướng nam đi gần ba dặm, đến một quả núi tên là Kê Túc. Hiện nay Tôn giả Đại Ca Diếp đang ở trong núi đó, bửa xuống núi để đi vào, nơi vào chẳng dung dạng, có người vào xuống rất xa, có lỗ hổng bên cạnh, toàn thân Tôn giả Đại Ca Diếp hiện ở trong đó, phía ngoài lỗ trống có chổ đất nơi Tôn giả vốn rửa tay. Người ở xứ đó như có ai bị đau đầu dùng đất đó bôi thoa bèn liền khoẻ mạnh. Nếu người nào có tâm sâu dày, ban đêm liền có vị La - Hán đến cùng luận bàn giải thích mọi điều nghi, xong bỗng ẩn mất. Tại núi đó câu cối rậm rạp tốt tươi, lại có lắm sư tử hổ lang, không thể vọng hành (tự tiện rão đi).

Ngài (Pháp Hiển) trở về lại hướng ấp Ba Liên Phất, thuận theo hường tây sông hằng đi xuống khoảng mười do diên, có một ngôi tinh xá tên là Khoáng Dã, là nơi Đức Phật đã từng dừng ở, hiện nay cũng có chư Tăng. Lại theo hướng tây dọc bờ sông Hằng đi mười hai do diên là đến Thành Ba La Nại thuộc nước Ca Thi, ở phía đông bắc Thành cách chừng mười dặm là có tinh xá Tiên nhân lộc dã uyển. Trong vườn

(uyển) đó vốn là nơi ở của vị Bích Chi Phật, thường có những con nai hoang dã đến nương náu qua đêm. Xưa kia, lúc Đức Thế Tôn sắp thành Đạo, chư Thiên ở giữa không trung xuống lời rằng: "Con của vua Bạch Tịnh xuất gia học Đạo, sau đây bảy ngày sẽ thành Phật Quả." Vị Bích Chi Phật ấy nghe lời đó rồi bèn nhập Niết Bàn nên gọi xứ đó là Tiên Nhân Lộc dã uyển. Sau khi Đức Thến Tôn đã thảnh Đạo, mọi người ở xứ đó lập dựng tinh xá. Đức Phật muốn hóa độ Câu Lân ...cả thảy năm người. Năm người ấy cùng nói với nhau rằng: "Sa-môn Cù Đàn ấy sáu năm tu khổ hạnh mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè nột hạt gạo còn chưa đắc Đạo, huống gì vào trong nhân gian phóng túa thân miệng ý, Đạo nào có vậy? Ngày nay nếu đến, thì chúng ta hãy thận trọng chớ cùng nói năng. Nói Đức Phật đến, năm người ấy đứng dậy lễ bái. Lại đi hướng bắc đi khoảng sáu mươi bộ là nơi Đức Phật xoay mặt hướng đông mà ngồi bắt đầu chuyển pháp luân hóa độ Câu Lân ...cả năm người. Phía bắc nơi đó cách khoảng hai mươi bộ là nơi Đức Phật vì ngài Di Lặc mà thọ ký. Phía nam cách đó khoảng năm mươi bộ là nơi y La Bát Long hỏi Đức Phật về lúc nào mới được thoát khỏi thân rồng ấy. Các nơi đều có tạo dựng Tháp, đến nay hiện còn. Trong đó có hai ngôi Tăng-già Lam đều có chúng Tăng ở.

Từ tinh xá Lộc dã uyển theo hướng tây bắc đi khoảng mười ba do diên, đến một nước tên là Câu Diệm Di, trong đó có tinh xá tên là Cù Sư La Viên, là nơi xưa kia Đức Phật có dừng ở. Nay hiện có chúng Tăng, phần nhiều học theo Pháp Tiểu thừa. Từ đó theo hướng đông đi khoảng tám do diên, xưa kia Đức Phật vốn ở nơi đó hóa độ ác quỷ, và Đức Phật cũng từng ở nơi đó kinh hành toa Thiền, đều có tạo dựng Tháp, cũng có Tăng-già Lam và có khoảng hơn trăm vị Tăng thường ở đó. Từ đó theo hướng nam đi khoảng hai trăm do diên là đến một nước tên là Đạt Thẩn (bằng Sấn), có ngôi Tăng gia Lam trong đời quá khứ thời Đức Phật Ca Diếp, đục xuyên núi đá lớn mà làm thành, Tính Xá đó có năm tầng, tầng thấp cuối hết làm hình tượng, có năm trăm gian phòng nhà, ở tầng thứ hai làm hình tượng Sư Tử, có năm trăm Thạch Thất, ở tầng thứ ba làm hình tượng ngựa, có ba trăm gian phòng, ở tầng thứ tư, làm hình tượng trâu có hai trăm gian phòng. Trên hết có suối nước, mem theo Thạch Thất nhiểu quanh trước các phòng mà chảy, xoay chuyển quanh co như thế xuống tầng thấp dưới cùng theo cửa tuông đổ ra. Chư Tăng ở trong thất nơi nơi đều đục đá làm cửa sổ để thông ánh sáng, trong phòng thất sáng rõ không bị tối tăm, bốn góc phòng thất đục xuyên đá làm thềm cấp để đi lên, nơi đó, người đời nay thân hình nhỏ có thể men theo thềm

cấp mà lên thẳng được một cẳng chân người xưa nơi dẫm đạp, nhân đó mà gọi tên chùa đó là chùa Ba La Việt. Ba La Việt là tiếng Thiên Trúc, Trung Hoa dịch nghĩa là chim Cáp (Bồ Câu). Trong chùa đó thường có những vị La - Hán ở. Xứ đó đất đồi hoang vắng không dân chúng ở. Cách núi rất xa mới có thôn xóm, người trong thôn xóm ấy đều là người Tà Kiến không biết Phật pháp. Các hàng Sa-môn, Bà-la-môn và các xị Dị học. Dân chúng nước đó thường thấy có người bay lại vào trong chùa ấy. Bấy giờ có các Đạo nhân ở nước khác muốn lại để bái chùa đó, người dân trong thôn xóm ấy bảo rằng: "Sao cào Ông chẳng bay lại ư? Chúng tôi thấy các Đạo nhân ở đây đều bay ra vào." Đạo nhân bèn phương tiện đáp: "Vì lông cánh chưa thành nên chưa bay được." Ở nước Dạt Thẩn, đường xá hiểm trở khó khăn, mà biết nơi muốn sang cần phải mang tiền đút lót vua nước đó. Về sau vua nước đó mới sai người lần lược chỉ bày con đường tắt. Ngài (Pháp Hiển) trọn không sang được nơi đó, chỉ nghe người ở xứ đó nói nên trình bày lại như vậy.

Từ nước Ba La Nại theo hướng đông đi trở lại ấp Ba Liên Phất, Ngài (Pháp Hiển) vốn muốn đi tìm cầu giới luật, mà các nước thuộc bắc Thiên Trúc, các đời sư tử chỉ truyền miệng, không có văn bản ghi tả. Do đó Ngài phải xa giẫm trãi đến trung Thiên Trúc (trung tâm Ấn Độ), vào nơi một ngôi Tăng-già Lam Đại Thừa mới có được một bộ luật tức Bộ luật Ma-ha Tăng Kỳ. Khi Đức Phật còn tại thế, đại chúng hành trì Bộ luật ấy trước tiên, bản luật đó được truyền tại tinh xá Kỳ Hoàn. Ngoài ra mười tám bộ luật mỗi mỗi đều có thầy trò, phần lớn kết quy chẳng khác, nhưng các phần nhỏ có sự chẳng đồng, hoặc sử dụng mở bít chỉ bộ đó là hơn cả, lá Quảng thuyết đầy đủ cả thảy. Ngài lại gặp được một bộ luật sao có đến bảy ngàn kệ tụng, tức là bộ luật cúng chúng Tăng ở đất Tần (Trung Hoa) hiện hành trì, nhưng cũng đều qua các đời sư sư truyền miệng trao truyền lẫn nhau không ghi chép bằng văn tự. Lại ở trong chúng đó có được Bộ Tạp A-tỳ-đàm Tâm có sáu ngàn kệ tụng, lại có được một bộ kinh có đến hai ngàn năm trăm kệ tụng, lại có được một quyển kinh phương đẳng Bát Niết Bàn có đến năm ngàn kệ tụng. Lại có được Ma-ha tăng Kỳ A-tỳ Đám, nên Ngài (Pháp Hiển) dừng ở lại đó suốt ba năm, học phạm thư phạm ngữ, ghi tả luật. Sa-môn Đạo Chỉnh khi đã đến Trung Thiên Trúc, thấy phép tắc của hàng Sa-môn, oai nghi của chúng Tăng mỗi mỗi sự đều rất đáng ưa thích, mới nghĩ nhớ tự than "ở đất Tần (Trung Hoa) là xứ biên địa, chúng Tăng khiếm khuyết giới luật." Và phát lề thề nguyện: "Từ nay trở đi cho đến ngày thành tựu quả Phật, nguyện chẳng sinh ở xứ biên địa." Nên bèn dừng

ở tại Trung Thiên Trúc, chẳng trở về. Còn bản tâm Ngài (Pháp Hiển) muốn khiến giới luật lưu truyền rộng rãi ở Trung Hoa, nên đành một mình một bóng trở về.

Dọc theo hướng đông sông Hằng đi xuống mười tám do diên, bên bờ phía nam sông Hằng có một nước lớn tên là Chiêm Ba, trong nước đó có tinh xá nơi Đức Phật kinh hành và bốn nơi Đức Phật toạ Thiền thảy điều xây dựng Tháp và có chúng Tăng hiện ở tại đó. Từ đó theo hướng đông, đi gần năm mươi do diên là đến nước Ma Lê Đế tức nơi cửa biển. Nước đó có hai mươi bốn ngôi Tăng già Lam, đều có chư Tăng ở, Phật pháp cũng rất hưng thạnh. Ngài (Pháp Hiển) dừng ở lại đó hai năm, ghi tả các bộ kinh và họa Tôn Tượng. Từ đó, theo thuyền lớn của thương buôn trôi nỗi theo đường biển, từ phía tây nam bờ biển ngay đêm đầu tiên gặp được gió đông thổi mạnh suốt mười bốn ngày đêm bèn về đến nước sư tử. Người ở xứ đó nói cách xa khoảng bảy trăm do diên. Nước đó vốn tại Châu Thượng, hai phía đông tây dài năm mươi do diên, hai phía nam bắc rộng ba mươi do diên, ở hai phía tả hữu các châu có đến số trăm, khoảng cách xa hoặc mười dặm, hai mươi dặm, hoặ đến hai trăm dặm tất cả đều phụ thuộc châu lớn, lưu xuất lắm nhiều châu ngọc quý báu, hoặc có cả ngọc ma Ni. Địa vức đó rộng khoảng mười dặm, vua sai bảo người gìn giữ, như có người nhặc được mười phần thì lấy lại ba phần. Nước đó vốn không có người dân, chỉ có Quỷ Thần và Rồng ở. Thương nhân ở các nước cùng đến trao đổi mua bán. Lúc trao đổi, Quỷ thần chẳng tự hiện thân, chỉ đưa ra vật báu và đề nêu giá trị, thương nhân thì y cứ theo trị giá mà mua lấy vật. Do đó mà thương nhân qua lại dừng ở, nên người ở các nước nghe xứ đó an lạc, thảy đều cùng đến, từ đó trở thành đất nước lớn. Tại nước đó khí tiết điều hòa không có đông hạ sai khác. Cây cỏ thường tươi tốt, ruộng đất gieo rồng tuỳ theo ý người không có thời tiết. Xưa kia, Đức Phật đến nước đó, muốn giáo hóa rồng ác độc, nên dùng sức Thần túc, một chân đạp trên phía bắc Thành vua, một chân đạp trên đảnh núi. Hai vết dấu chân đó cách nhau khoảng mười lăm dặm. Trên dấu vết ở phía bắc Thành vua có tạo dựng một ngôi Tháp lớn cao bốn mươi trượng, dùng vàng bạc để trang nghiêm các vật báu hợp thành. Bên cạnh Tháp lại xây dựng một ngôi Tăng-già Lam đề tên là Vô Uý. Tại núi đó có năm ngàn vị Tăng cúng ở. Có xây dựng một điện Phật, dùng các thứ vàng bạc để khắc chạm và trang sức bằng các vật báu. Trong đó có một tôn tượng Phật bằng ngọc xanh cao ba trượng, khắp thân tôn tượng thảy đều là vật báu ánh ngời oai tướng nghiêm hiển, không ngôn từ nào có thể nói ghi hết được.

Trong lòng bàn tay phải có một viện Bảo Châu vô giá.

Vì đã nhiều năm xa rời Trung Hoa, và những nơi giao tiếp đều khác địa vức khác con người, núi sông cây cỏ khắp mắt không gì là quen cũ, lại thêm những người bạn đồng hành lần lược phân chiết, hoặc vị ở lại, hoặc vị qua đời, trông nhìn cảnh vật chỉ còn một mình nên trong lòng Ngài (Pháp Hiển) thường buồn thương, bỗng nhiên ở bên cạnh tôn tượng ngọc xanh ấy có người thương buôn dùng cuộn lụa quyên trắng cúng dường, bất giác bùi ngùi lệ trào hoen my. vua trước của nước đó sai sứ đi đến Trung Thiên Trúc chiết lấy một cây con Bối Đa đem về trồng bên cạnh Điện Phật cao khoảng hai mươi trượng. Cây đó nghiêng về phía đông nam, vua sợ cây ngã đổ nên dùng tám - chín cây trụ tròn để chống đỡ cây, ở chỗ cây trụ chống đỡ bèn mọc xuyên qua trụ đâm xuống đất một cái rễ lớn khoảng hai thước. Cây trụ chống đỡ tuy bèn trong bị xé nức nẻ song vẫn cón phía ngoài, mọi người cũng chẳng vất bỏ đi. Phía dưới cây có tạo dựng tinh xá, trong đó có một tôn tượng Đức Phật ngồi, các hàng Đạo tục thảy đều kính ngưỡng không chán mệt.

Phía trong Thành lại có xây dựng một tinh xá phụng thờ cốt răng Đức Phật, đều dùng bảy vật báu mà làm nên, vua tịnh tu phạm hạnh, tâm tánh dân chúng trong Thành kính tin cũng rất chí thiết. Nước đó từ lúc lập pháp trở lại không có nạn đói kém tan tóc loạn lạc, trong kho lẩm của chúng Tăng có lắm nhiều châu báu ngọc ma ni vô giá. Vua đó vào trông xem trong kho của chúng Tăng, thấy ngọc ma ni liền khởi tâm tham, muốn đoạt lấy, ba ngày sau mới tỏ ngộ, liền đến trong chúng Tăng cúi đầu đảnh lễ chí thành sám hối tâm tội trước đó. Nhân đó thưa bạch chúng Tăng rằng: “Xin chúng Tăng nên lập chế định từ nay chở về sau chớ cho vua vào nơi nhà kho trông xem, các vị Tỷ Kheo phải từ bốn mươi tuổi hạ trở về sau mới được vào nhà kho của chúng Tăng.” Trong Thành đó có nhiều cư sĩ Trưởng giả, Tát Bạt thương nhân sinh sống, nhà cửa rất tráng lệ, đường sá ngỏ ngách bằng phẳng. Ở ngã tư đường lớn đều tạo dựng nhà giảng pháp. Mỗi tháng những ngày mồng tám, mười bốn, rằm, thiết bày tòa cao, các hàng Đạo tục bốn chúng Đệ tử Phật đều nhóm tụ nghe giảng pháp. Người ở nước đó nói có khoảng sáu vạn vị Tăng, đều có chúng thực. vua riêng cúng dường trong Thành khoảng năm sáu ngàn vị. Chúng Tăng cần gì cứ trì Bát vào Thành để nhận lấy tuỳ Bát chứa đựng thảy đều đầy đủ mà trở về.

Mỗi năm, trong khoảng tháng ba thường nghinh thỉnh cốt răng Đức Phật ra khỏi cúng dường. Trước lúc chưa nghinh thỉnh khoảng mười ngày, vua trang sức một con voi lớn, sai người có khả năng tài giỏi nói

năng mặc y phục của vua cưỡi trên mình con voi ấy đánh trống xướng rằng: "Bồ-tát suốt ba A Tăng kỳ kiếp tu hành không tiếc lận thân mạng, đem quốc thành vợ con, móc mắt cho người, lóc thịt để cứu chuộc chim Bồ Câu, cắt đầu để bố thí, ném mình cho hổ đói ăn, chẳng tiếc tuỷ não, tu hành các hạnh khổ như thế đều vì chúng sinh nên thành quả Phật. Trụ thế mốt bốn mươi lăm năm giảng pháp giáo hóa, khiến người không an được an, người không được hóa độ trở thành hòa độ. Đến lúc chúng sinh hết duyên, Đức Phật muốn nhập Niết Bàn. Từ khi Đức Phật nhập Niết Bàn trở lại nay đã trãi qua một ngàn chín mươi bảy năm, mắt sáng của thế gian bị dứt mất, chúng sinh buồn khổ lâu dài. Mười ngày sau cốt răng của Đức Phật sẽ nghinh đón đến tinh xá núi Vô Uý. Các hàng Đạo tục khắp trong nước, ai muốn gieo trồng phước đức, mỗi mỗi nên tự sữa sang đường sá, chỉnh trang cửa nẻo, thiết bày các thứ hương hoa để cúng dường." Xướng rao lời ấy rồi, cặp theo hai bên đường đi, vua sai bảo làm năm trăm thân hình Bồ-tát từ trước trở về biểu hiện các thứ. Hoặc làm thân hình Thái Tử Tu Đại Noa, hoặc làm thân hình diệm biến, hoặc làm thân hình vua chúa, hoặc làm thân hình nai ngựa... các hình tượng như thế đều được họa vẽ nghiêm sức, tướng trạng như người sống. Sau đó, mới nghinh thỉnh cốt răng của Đức Phật ra theo giữa đường mà đi. Men theo dọc đường cúng dường đến trên Phật đường ở tinh xá Vô Uý. Các hàng Đạo tục nhóm tụ đốt hương chong đèn làm mọi Phật sự mất đem ngày không ngưng dứt, trãi qua ba tháng mới nghinh thỉnh cốt răng của Đức Phật vào lại tinh xá trong Thành. Nơi tinh xá trong Thành đến ngày trai thì mở cửa kính lễ đúng như Pháp.

Từ tinh xá Vô Uý hướng đông đi khoảng bốn mươi dặm có một quả núi, trong núi đó có một ngôi tinh xá tên là Chi (Bạt) Đề, có khoảng hai ngàn vị Tăng cùng ở. Trong chúng Tăng cò một vị Sa-môn Đại đức tên là Đạt Ma Cù Đề, dân chúng trong nước thảy đều kính ngưỡng. Ngài Đạt Ma Cù Đề ở reong thạch thất suốt bốn mươi năm, thường hành từ tâm, hóa cảm các loài rắn chuột, khiến cùng chung sống một nhà mà chẳng hề tổn hại nhau. Cách Thành khoảng bảy dặm đi về hướng nam có một tinh xá tên là Ma-ha Tỳ Khả La, có ba ngàn vị Tăng cùng sống ở đó, có một vị Sa-môn cao đức, giới hạnh rất thanh khiết, dân chúng trong nước đều nghi Ngài đã chứng quả A-la-hán. Đến lúc sắp thị tịch, vua nước đó đến hầu thăm, y cứ theo pháp nhóm tập chư Tăng mà hỏi ngài: "Tỳ-kheo đã đắc Đạo quả ư?" Ngài bèn như thật mà đáp: "Thật đã đắc quả A-la-hán." Thế rồi sau khi thị tịch, vua bèn căn cứ theo kinh luật đúng như pháp mà an táng La Hán, nên cách phía đông tinh xá

khoảng bốn năm dặm nhóm chất cây củi lớn tốt rộng thoáng khoảng hơn ba trượng, cao cũng gần vậy. Phái trên chất các thứ gỗ hương trầm Thủy Chiên Đàn, bốn phía đều làm như thềm cấp, phía trên lại trãi bông tơ trắng mới sạch, bao bọc chung quanh, làm chiếc kiệu lớn sàng kiệu tựa như xe mềm mại chỉ không có các thứ cá rồng. Đến lúc Trà-tỳ, vua cùng bốn chúng nhân dân trong nước đều nhóm tập dùng các thứ hương hoa để cúng dường, từ nơi kiệu ra đến chỗ Tháp mộ, vua tự tay cúng dường hương hoa, cúng dường xong,đặt kiệu lên trên sàng củi dùng dầu tô rưới chung quanh, sau đó mới châm lửa. Lúc lửa cháy rực, mọi người với tâm thành kính mỗi tự cởi bỏ các thứ y phục quý giá và vũ nghi tán lọng từ xa ném vào trong lửa để hỗ trợ Trà-tỳ. Trà-tỳ xong, thân nhặt lấy di cốt, tạo dựng Tháp để cúng dường.

Ngài (Pháp Hiển) đến nước đó thì vị La Hán ấy không còn tại thế, chỉ thấy tang lễ an táng, khi đó vua rất sùng tín Phật Pháp, muốn vì chúng Tăng mà tạo dựng tinh xá mới, trước tiên thiết Đại trai hội, cúng dường chư Tăng thọ trai xong, mới chọn một cặp trâu bò béo tố khoẻ mạnh nhất, đem các thứ vàng bạc vật báu trang sức trên sừng, làm lưỡi cày bằng vàng tốt đẹp, vua tự cày xới khai khẩn khuôn viên bốn phía thành quách, sau đó mới cắt cấp ruộng vườn cho hộ dân, dùng quyển sắt để ghi chép đó. Từ đó trở về sau, đời đời nối tiếp không ai dám cải đổi.

Khi ở tại nước đó, Ngài (Pháp Hiển) nghe Đạo nhân người Thiên Trúc ngồi trên tòa cao đọc tụng lời kinh rằng: “Bình Bát của Đức Phật vốn ở Tỳ Xá Ly, nau hiện ở tại Kiền Đà Vệ, cuối cùng qua mấy trăm năm (Lúc ngài nghe đọc tụng có định rõ số năm, nhưng nay đã quên mất), rồi sẽ đến phía tây ở nước Nguyệt Chi, trãi qua mấy trăm năm rồi sẽ đến nước Vu Điền, trãi qua mấy trăm năm rồi sẽ đến nước Quật Tỳ, trãi qua mấy trăm năm rồi sẽ đến nước Sư Tử, trãi qua mấy trăm năm rồi sẽ đến nước Trung Hoa, trãi qua mấy trăm năm rồi sẽ trở về lại Thiên Trúc, và sẽ lên cung trời Đâu-suất. Đức Bồ-tát Di Lặc trông thấy mà tán thán rằng: “Bình Bát của đức Thế Tôn Thích-ca văn đến.” Và bèn cùng các trời cúng dường hương hoa suốt bảy ngày, qua sau bảy ngày, Bình Bát trở lại Diêm Bồ-đề, Vua rồng ở biển nghinh thỉnh vào cung rồng. Đến lúc Di Lặc sắp thành Đạo, Bình Bát trở lại phân làm bốn và trở lại trên núi Át Na. Sau khi đức Di Lặc đã thành Đạo, bốn vị Thiên Vương lại nghĩ nhớ Đức Phật như Phật pháp xưa trước. Ngàn khi Phật pháp trong thời hiền kiếp cùng sử dụng một Bình Bát ấy. Khi Bình Bát ấy nghinh thỉnh đi rồi thì Phật pháp dần giảm diệt. Sau khi

Phật pháp giảm diệt, thọ mạng con người dần ngắn lại, cho đến tuổi thọ chỉ còn năm năm. Lúc tuổi thọ có năm năm, lúa thóc tô lạc đều biến diệt, dân chúng rất ác độc, cầm nắm cây cỏ thì biến thành dao gậy cùng làm thương hại nhau. Trong đó, những người có phước trốn lánh vào ở trong núi, những người ác độc giết hại nhau gần hết rồi, bèn lui tới qua lại với nhau, cùng nói với nhau rằng: "Người xưa tuổi thọ rất dài, chỉ vì quá ác nên làm điều phi pháp, nên tuổi thọ của chúng ta dần ngắn lại như vậy cho đến chỉ còn sống được năm năm. Ngày nay chúng ta phải cùng nhau làm mọi việc lành, khởi tân từ bi, tu hành nhân nghĩa." như vậy rồi mỗi người tự tu tạo mọi việc nhân nghĩa, tuổi thọ chuyển dần gấp bội, lấn đến tám vạn năm. Lúc Đức Phật Di Lặc ra đời, lần chuyển pháp luân đầu tiên là hóa độ những Đệ Tử sống trong Di Pháp của Đức Phật Thích-ca, những người xuất gia, và người thọ trì tam quy ngã giới, thọ pháp bát quan trai, cúng dường Tam bảo... lần chuyển pháp luân thứ hai thứ ba là hóa độ những người có duyên. Bấy giờ, Ngài (Pháp Hiển) muốn ghi tả kinh ấy, nhưng Đạo nhân đó bảo: "Kinh đó không có bản văn, chỉ từ tâm miệng tôi đọc tụng vậy."

Ngài (Pháp Hiển) dừng ở lại nơi đó hai năm, lại tìm cầu được bản luật Tạng Di Sa Tắc, được bộ kinh Trường A-hàm, Tạp A-hàm, được một bộ Tạp Tạng, những kinh luật đó tại Trung Hoa không có. Được các phạm bản ấy rồi bèn chuyên chở trên thuyền lớn của thương buôn có hơn hai trăm người, phía sau buộc kèm theo một thuyền nhỏ, lúc thuyền ra giữa biển gặp phải gian nguy hiểm trở, thuyền lớn bị hư hoại, có được tin lành gió đông hạ dần. Ba ngày sau bỗng gặp phải gió lớn, nước tràn vào đầy thuyền, các thương nhân muốn sang thuyền nhỏ. Người trên thuyền nhỏ sợ người sang lắm nhiều, liền cắt đứt dây lớn. Các thương nhân khiếp sợ vì mạng sống chỉ còn trong phút chốc, lo thuyền nước tràn vào đầy, nên lấy những vật của cải thô nặng ném xuống biển. Ngài Pháp Hiển cũng ném vất các vật quân trì, bồn tắm và những vật khác vào biển, chỉ lo sợ thương nhân vất bỏ kinh tương. Nên ngài chuyên chủ nhất tâm xưng niệm Bồ-tát Quan Thế Âm và quy mạng chúng Tăng ở Trung Hoa, nghĩ nói thầm rằng: "Tôi đi xa tìm cầu kinh pháp, nguyện nhờ oai thần, trở về được đến nơi chốn." Gió lớn cứ dồn dập như thế suốt mười ba ngày đêm bèn tấp đến bên bờ khu đảo nhỏ. Sau khi thủy triều rút cạn, trông nhìn khắp chung quanh thuyền nên vá đắp hoàn bi lại. Từ đó lại tiếp tục đi. Trong biển có nhiều giặc cướp bắt, nếu gặp ắc chẳng an toàn. Giữa biển lớn càng mênh mông không bờ bến nên chẳng thể nhận biết, ở hai phía đông tây chỉ nhìn mặt trời mặt trăng và

các ngôi sao mà đi tới, nếu gặp lúc mưa râm thì bị gió lúa đi cũng không chuẩn cứ. Đang lúc đêm tối chỉ sóng lớn vổ đập loáng thoáng như ánh lửa, gặp phải các loài Thủy tộc như ngoan Đà quái lạ. Các thương nhân hoảng hốt lo sợ chẳng biết đi hướng nào, biển sâu không đáy, lại không chỗ đá dừng trú, đến lúc trời sáng mới nhận biết được hướng đông tây, trở lại theo hướng chánh mà đi, nếu gặp phải đá ngầm thì không còn đường sống. Như vậy trãi suốt chín mươi ngày mới đến được một nước tên là Da Bà Đề. Ở nước đó có hàng ngoại Đạo Bà-la-môn rất hưng thạnh, Phật pháp chẳng có đủ trăm nhà.

Dừng ở lại nơi nước đó năm tháng, Ngài (Pháp Hiển) lại theo thuyền lớn của thương nhân khác để đi, trên thuyền có hơn hai trăm người, lương thực mang theo ăn dùng trong vòng năm mươi ngày, phát xuất từ ngày mười sáu tháng bốn, Ngài an cư tại trên thuyền đó, theo hướng đông bắc để đi về Quảng Châu. Trãi qua hơn một tháng trời, có hai lần gặp phải gió dữ mưa bão, các khách thương buôn bán đều khiếp sợ, khi ấy Ngài (Pháp Hiển) cũng chỉ nhất tâm xưng niệm Bồ-tát Quan Thế Âm và cầu nguyện chúng Tăng ở Trung Hoa, mong nhờ oai thần gia hộ. Khi đã đến lúc trời sáng, các Bà-la-môn cùng bàn với nhau rằng: “Bởi vì chở theo các vị Sa-môn này nên khiến chúng ta không tiện lợi, gặp phải khổ nạn này. Nay nên thả vị Tỳ-kheo lại bên cạnh Đảo biển. Không lẽ chỉ vì một người mà khiến chúng ta phải chịu nguy hiểm.” Ngài (Pháp Hiển) nhờ có được một Đàn Việt nhờ nói với các Bà-la-môn rằng: “Các ông nếu thả vị Tỳ-kheo này ở lại thì cũng nên thả Tôi ở lại, không như vậy thì hãy giết chết Tôi đi.Nếu Các ông thả bỏ vị Tỳ-kheo này ở lại, về đến đất Hán (Trung Hoa), Tôi sẽ tâu trình với vua việc Các ông làm. vua ở đất Hán cũng rất kính tin Tam bảo sùng trọng Tỳ-kheo Tăng.” Các thương nhân bèn do dự chẳng tiện thả bỏ ngài xuống. Bấy giờ trời trãi qua nhiều ngày sẩm tối, thầy tướng trông nhìn biền cả nhận đoán sai lầm, bèn trãi qua hơn bảy mươi ngày, lương thực nước tương muốn hết, nên lấy nước muối biển làm thức ăn, phân chia nước ngọt cho mỗi người được hai thăng, bên khiến muốn hết. Các thương nhân cùng nói với nhau: “Bình thường đi chỉ năm mươi ngày là đến Quảng Châu, nay đã trãi qua kỳ hạn nhiều ngày cũng không đến ư?” Liền theo hướng đông bắc để tìm kiếm bờ bến, trãi qua mười hai ngày đêm bèn đến bờ phía nam Lao Sơn thuộc ranh giới Quận Trường Quảng, bèn có được rau nước tốt lành, chỉ vì trãi qua hiểm nạn lo sợ quá nhiều ngày, bỗng nhiên đến được nơi bờ đó, chỉ thấy rau lê rau hoắc y nhiên biết đó là thuộc đất Hán (Trung Hoa) nhưng chưa trông thấy người và hành tích nên

chứ không biết là tại châu quận nào? Hoặc có người bảo là chưa đến Quảng Châu, có người lại bảo là vượt qua xa. Liền nương thuyền nhỏ đi vào bờ tìm kiếm người vì muốn hỏi xứ đó là đâu, gặp được hai người thợ săn sắp trở về, bèn bảo ngài phiên dịch tiếng mà hỏi Họ. Ngài an uỷ Họ trước rồi chậm rãi hỏi: "Các ông là người ở đâu?" Hai người ấy đáp rằng: "Chúng tôi là Phật tử." Ngài lại hỏi: "Các ông vào núi để tìm kiếm gì?" Hai người ấy liền đáp: "Sắp đến ngày mười lăm tháng bảy, chúng Tôi muốn kiếm sáp đào cúng dường Phật." Ngài lại hỏi: "Đây là nước nào?" Hai người ấy đáp: "Đây là ranh giới của quận Trường Quảng thuộc Thanh Châu, đang trong triều đại nhà Tấn." Các thương nhân nghe nói thế rồi rất vui mừng, liền xin của cải sai bảo người đưa sang quận Trường Quảng. Thái thú Lý Nghi rất kính trọng Phật pháp, nghe có vị Sa-môn mang kinh tượng nương theo thuyền trôi nổi đường biển mà đến, liền dẫn người ra tận bờ biển để nghinh đón kinh tượng, trở về đến quận Trị, các thương nhân bèn trở lại Dương Châu để đền Thanh Châu. Mà thỉnh mời Ngài dừng ở lại đó suốt một mùa đông mùa hạ. Đến sau khi mãn Hạ, vì cách xa thầy bạn đã lâu năm nên Ngài muốn trở về Trường An liền, chỉ vì mọi sự mang theo cồng kềnh nặng nhọc, nên bèn men theo phía nam xuống Thanh Đô, đến chổ Thiền sư lưu gởi kinh luật Tạng lại.

Mới đầu từ Trường An, trãi qua sáu năm, Ngài (Pháp Hiển) mới đến nước Trung Ấn Độ, dừng ở lại đó sáu năm. Đến lúc trở về, trãi qua ba năm mới đến Thanh Châu. Phàm các xứ đặt chân đến gần ba mươi nước. Từ phía tây Sa Hà đến tận Thiên Trúc, chúng Tăng oai nghi pháp hóa rất tốt lành, chưa thể trình bày rõ ràng hết cả. Trộn nghĩ chỉ vì chư sư chưa được nghe thấy đầy đủ, vì vậy chẳng đoái hoài mạng sống mỏng manh theo biển trong sạch mà trở về, trãi qua đủ thứ gian nan, may nhờ oai linh của Tam Tôn, nên tuy gặp hiểm nguy mà được cứu giúp, nên dùng giấy bút để ghi viết lại những nơi đã trãi qua, muốn khiến các bậc Hiền giả cùng đồng thấy nghe. Lúc đó là năm Giáp Dần (năm bốn trăm mười bốn) tức năm nghĩa Hy thứ mười hai thời Đông Tấn ( ). Ngài đã đến tuổi mừng thọ.

Đến cuối mùa Ha an cư, nghinh đón ngài, các Đạo nhân đã đến dừng ở lại cùng chung suốt trai hội mùa đông, nhân những lúc giảng tập rãnh rỗi, lại hỏi đến những gì trong chuyến du lịch. Người ấy cung kính vâng thuận, nói liền y như thật. Do đó trước kia lược trình bày, lại khuyên khiến ghi tả rõ ràng. Ngài lại tự thuật đầy đủ từ đầu đến cuối. Và tự nói rằng: "Trông nhìn lại kinh Phật tìm cầu được, bất chợt

tim rung động toát đổ mồ hôi, bởi vì giẫm trãi qua mọi thứ nguy hiểm, chẳng tiếc hình hài thân mạng, do vì chỉ có còn được chuyên sự ngu thẳng nên ném mạng vào chổ chết để đạt được ước mong trong muôn một. Do đó mà cảm thán." Người ấy cho là xưa nay hiếm có, từ khi Phật pháp lưu truyền đến Trung Hoa, chưa có người nào vì mong cầu giáo pháp mà quên thân mạng như Ngài, sau đó mới biết thật điều cảm chẳng cùng chăng mà chẳng thông, điều giúp đỡ của chí nguyện không công nghiệp mà chẳng thành. Thành đạt công nghiệp đâu chẳng do quên mất điều trọng, trong điều quên mất ấy ư?

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 190

SỰ GHI CHÉP CỦA SA MÔN HUỆ SINH ĐI SỨ TÂY VỨC Ở THỜI BẮC NGỤY

SỐ 2086

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2086

SỰ GHI CHÉP CỦA SA-MÔN HUỆ SINH ĐI SỨ TÂY VỨC Ở THỜI BẮC NGỤY

Tháng mười một năm Thần quy thứ nhất (năm trăm mười tám) thời Bắc Nguỵ, Thái Hậu sai Tỳ-kheo Thích Huệ Sinh ở chùa sùng lập cùng Tống Vân người. Xứ Đôn Hoàng đi Tây Vức thỉnh cầu kinh pháp, có được cả thảy một trăm bảy mươi bộ, đều là kinh Điển Đại Thừa. Ban đầu xuất phát từ kinh Đô theo hướng tây đi suốt bốn mươi ngày đến Xích Lảnh, tức biên cương phía tây của nước Trung Hoa, núi ở đó không có cây cỏ, chim thú đều ở dưới hang. Lại đi theo hướng tây suốt hai mươi ngày đến nước Thổ Cốc Hồn. Lại đi theo hướng tây khoảng ba ngàn năm trăm dặm đến Thành Thiện Thiệu, tiếp tục theo hướng tây đi một ngàn sáu trăm dặm đến Thành Thả Mạt. Tại đó có Lã Quang khi đánh người Hồ tu tạo hình tượng Phật Bồ-tát. Lại tiếp đi theo hướng tây một ngàn ba trăm bảy mươi lăm dặm đến cuối Thành. Lại đi theo hướng tây hai mươi hai dặm đến Thành Hãn Ma, có Tháp cúng dường Phật của Vu Điền, bên cạnh có hàng ngàn ngôi Tháp nhỏ, treo nhăng phan lọng có cả vạn muôn. Lại đi theo hướng tây tám trăm bảy mươi tám dặm là đến nước Vu Điền, có một cái bồn úp phù Đồ do vua tạo nên. Có giày ủng của Bích Chi Phật, mãi đến nay vẫn không mục nát. Khắp cảnh vức nước Vu Điền từ đông sang tây khoảng ba ngà dặm.

Đến ngày hai mươi chín tháng bảy năm Thần Quy thứ hai (năm trăm mười chín) thời Bắc Nguỵ, vào nước Chu Câu Ba, dân chúng xứ đó ở núi, chẳng lập các nhà giết mổ sát hại, chỉ ăm thịt loài vật tự chết. Phong tục và ngôn ngữ đồng như ở nước Vu Điền. Văn học đồng như Bà-la-môn, bờ cõi của nước đó, đi khoảng năm ngày thì cùng khắp. Đến tháng tám thì vào nước Khát Bàn Đà, men theo hướng tây đi khoảng sáu trăm dặm là lên núi Thông lảnh. Lại theo hướng tây đi ba ngày là đến

Thành Bát Mạnh, đi thêm ba ngày nữa là đến ao hồ Rồng độc. Đó là nơi xưa kia Bàn Đà Vương vì Bà-la-môn mà chủ nguyện cầu đảo nên rồng dời sang phía tây Thông lảnh. Cách đó khoảng hai ngàn dặm, từ Thông lảnh từng bước đi dần cao lên, như thế đi suốt bốn ngày là đến đỉnh núi, y cứ đó mà ước định thì giữa và dưới thì thật là lưng chừng nữa trời vậy. Nước Khát Bàn Đà ở tại đỉnh núi. Tử Thông lãnh trở về hướng tây, nước đều theo dòng chảy về hướng tây mà vào biển cả. Người đời nói rằng: " Đó là khoảng giữa của đất trời." Đến trung tuần tháng chín là vào nước Bát Hòa. Tại đó núi cao hang sâu, đường đi hiểm trở như thường, nhân núi làm thành, mặc y phục bằng giạ ở hang, người vật cùng nương ở, gió tuyết rất lắm, có núi tuyết lớn trông nhìn như núi ngọc. Đến thượng tuần tháng mười, vào đến nước Yểm Bát, dân chúng tại đó sống không thành quách, luôn đổi theo cỏ nước, không biết vặn tự, năm không có tháng nhuần, cứ mười hai tháng là một năm, chỉ thọ hưởng các nước cống dâng. Phía nam đến tận Diệp La, phía bắc đến tận Thích Lặc, phía đông trùm đến Vu Điền, phái tây đến xứ Ba Tư, có hơn bốn mươi nước đều đền Triều Cống, rất là lớn mạnh, màn trưởng vua chu vi bốn mươi bộ, mọi vật đều dùng bằng bảy báu, không tin Phật pháp, thấy kẻ Bắc Nguỵ đến bái nhận chiếu thư, cách kinh Thành hơn hai mươi dặm. Đến tháng mười một thì vào nước Ba Tư, đất đai ở đó rất nhỏ hẹp, đi chỉ bảy ngày là qua khắp, dân chúng sống ở hang núi, tuyết phủ sáng ngời như mặt nhật. Đến trung tuần tháng mười một vào đến nước Xa Di, dần ra khỏi Thông lãnh, ở đó sỏi đá nhọn hoắc hiểm nguy, người ngựa cẩn trọng bước đi, khoá sắt theo lường, dưới không thấy đáy. Đến thượng tuần tháng mười hai, vào đến nước Ô Trường, phía bắc tiếp giáp với Thông lãnh, phía nam nốpi liền với Thiên Trúc, đất đai khí hậu ôn hòa ấm áp, đồng ruộng tốt tươi người vật hưng thịnh. vua nước đó chỉ ăm rau quả trường trai, sớm tối lễ Phật, thường ngày sau bữa trưa mới bắt đầu lo việc trị nước. Tiếng chuông vang vang khắp mọi nơi, có các thứ hoa quý lạ để cúng dường, nghe có kẻ sứ từ Bắc Nguỵ đến bèn vái chào mà nhận chiếu chỉ. Trong nước có tảng đá là nơi Đức Phật phơi y. Ngoài ra những vết tích của Đức Phật đều rất rõ ràng và đều có xây dựng chùa Tháp che phủ ở trên. Các Tỳ-kheo giới hạnh thanh tịnh khổ tiết.

Đến trung tuần tháng tư năm Chánh Quang thứ nhất (năm trăm hai mươi) vào đến nước Càn Đà La, bị nước Yểm Đát phá diệt bèn lập thành Thích Lặc làm vua. Dân chúng trong nước đều là Bà-la-môn, vì theo pháp điển của nước Yểm Đát, mà vua rất ưa thích giết hại, chẳng kính tin Phật pháp, tranh giành cảnh vức với nước Kế Tân trãi suốt

nhiều năm tranh đấu. Các bậc thầy già bị dân oán ghét, ngồi mà nhận chiếu thư, hung bạo khinh mạn vô lễ, đưa kẻ xứ đến ở nghĩ trong một ngội chùa, tiếp đãi rất lạnh dạc. Lại theo hướng tây đi đến dòng sông lớn tên là Tân Đầu. Lại theo hướng tây đi mười ba ngày đến Thành Phật Sa Phục. Thành quách ở đó rất ngay thẳng, suối rừng tươi tốt, đất đai lắm thứ quý báu, phong tục thuần thiện. Các bậc Danh Tăng đức Tuyền đạo hạnh cao lạ, tôn tượng đá trang nghiêm, khắp thân phớt bằng vàng mỏng, có vết tích của Đức Phật Ca Diếp Ba. Lại theo hướng tây đi một ngày, nương thuyền vượt qua dòng sông sâu hơn ba ngàn bộ. Lại theo hướng tây nam đi sáu mươi dặm đến Thành Càn Đà La. Sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn khoảng hai trăm năm có vua Ca Di Ca tạo dựng Tháp tước Ly cả thảy mười hai tầng cách đất cao bảy trăm thước, nền móng rộng hơn ba trăm bộ, đều dùng đá Vân làm thềm cấp, trong Tháp có Phật sự, ngàn muôn biến hóa, mâm vàng sáng rỡ, chuông báo reo vang. Đó là ngôi Tháp đứng hàng đầu ở Tây Vức. Lại theo hường tây bắc vượt qua một dòng sông là đến nước Na Ca La, nơi đó có cốt xương dảnh đầu của Đức Phật, và bài minh tự tay Đức Phật viết bằng phạm tự nơi Tháp đá.

Ngài (Huệ Sinh) ở lại tại nước Ô Trường hai năm. Đến măm Chánh Quang thứ hai (năm trăm hai mươi một) thời Bắc Nguỵ, ngài trở về lại kinh đô của Trung Hoa.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 190

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỨC KÝ

SỐ 2087

(QUYỂN 1 → 12)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2087

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỨC KÝ

Tam tạng Pháp sư Huyền Trang vâng phụng chiếu phiên dịch.
Sa-môn Biện Cơ ở chùa Đại tổng trì soạn thuật.

LỜI TỰA (1)

Trộm lấy sự rộng lớn của khung nghi phương tải, sự khác lạ đến cùng cực, bao quát về đất há đủ để biện rõ nguyên nhân. Nên biết là điều chưa tuyền trong Phương Chí. Sự chưa kịp trong Thanh giáo, đâu có thể nói hơn thay? Rõ ràng rằng cõi nước Thiên Trúc từ xa xưa lại là nơi các bậc Thánh hiền lấy đó quanh co lắm lớp, nhân nghĩa ở đó đã trở thành phong tục. Nhưng mọi sự đã tuyệt từ xa xưa, cõi nước lại cách biệt với Trung Hoa. Núi kinh chẳng chép ghi, vương hội không viết tả, rộng xem rành rẽ không, vốn ít nghĩ nhớ đến Ấn Trúc. Côn Minh thường bít lối, lầm bậy bày sức ở thần trì, bèn khiến điềm ứng tốt lành phô bày như muôn sao soi sáng, ùn chứa huyền diệu đến cả ngàn năm. Từ khi (Hán Minh Đế) mộng thấy rõ người mang đeo mặt nhật, thần bí soi sáng muôn dặm. Kịp đến lúc Thái Hâm đi phỏng hỏi đạo, tôn giả Ma Đằng vào đến Lạc Dương. Kinh chứa nơi thạch thất, chưa biết áo nghĩa của Long cung. Tượng hạc ở Lương Đài sao cùng vẻ đẹp của non Thứu. Từ đó về sau thời cuộc chính sách có lắm sai lầm, hoạn quan dựng đứng tiếp thừa quyền bính, tan vỡ Đông kinh mà vướng đãnh trơ trọi, mẫu hậu thành lửa, cắt đứt trung triều, mà xé rách bức. Hiến chương hết sạch ở Hàm Lạc, đốt đuốc cảnh răn nơi đền ải, bốn phía giao biên nhân đó mà lắm lớp. Huống gì bang quốc ấy cách tuyệt như vậy. Nhưng mà khách câu kỳ hiếm đến thế gian, vã lại hiện còn ghi chú, sao hết được sở nghi của mọi vật và thể phong. Nhọc tham xét kinh thần chưa cùng

tận yếu chỉ của chân như. Có thời đại nhà Tùy được nhất thống, thật chuyên việc khôi phục biên cương, còn thả trông nhìn tây hải mà than hỏi, ngó lại Đông lạc mà trử trục, dương cờ bày nơi cửa ngọc, tin cũng có lắm người, nhanh nhẹn giẫm trải ngọn nguồn của Thông Lãnh, bởi không đủ thời gian thì sao có thể chỉ Tuyết Sơn mà chạy lồng xa, trông Long Trì mà chỉ trong hơi thở. Bởi vì, đức chẳng trùm đến muôn vật, oai chẳng kịp khắp xa.

Từ khi triều đại nhà Đường chúng ta có được thiên hạ, mở mang hoàn vũ, sáng lập Đế đồ, quét cướp trộm lẫn lộn mà lắng sạch bước trời, công sánh bằng tạo hóa, sáng tỏ đồng chiếu lâm. Người người đội ân tái sinh, thịt xương nơi mép miệng lang sói, nhà nhà được nhờ tích thọ, hoàn hồn ở gò hoang quỉ vức. Tất cả đều khác loại nơi cỏ khô đường trống, bít xa hoang nơi đất rộng. Chứa mười châu mà ao vòng quanh biển. Nhỏ Ngũ Đế mà men Thượng hoàng. Pháp sư (Huyền Trang) từ thuở bé thơ dần đượm pháp môn, bùi ngùi chốn kỳ viên mà chân không giẫm bước, đến lúc trưởng thành nghĩ nhớ Chân tích, ngưỡng mộ Lộc Uyển mà tâm chí thành kiều kính. Vén xiêm nơi cảnh tịnh, thật chỉ vốn chứa giành, hợp thuần phong nơi Tây yển, thuộc hầu luật ở Đông quy. Vào năm Trinh Quán thứ 3 (629) thời tiền Đường, pháp sư mang trượng tích men theo đường. Giúp Hoàng Linh mà chỉ khác tục, mạo xung lắm hiểm trở mà vẫn như thường, nhờ thầm giúp mà đạp bước đường kinh sợ, dần hẳn nguy mà đã qua, lạnh dức lác mà chợt dời, lần lượt mới đạt. Nói tìm chân tướng, thấy chẳng giữa khoảng có không, rộng xét tinh vi, nghe không nghe ở ngăn sinh diệt. Mở rỗng các mối nghi giữa biên tánh, khai sáng Diệu giác tại bến mê. Từ đó gồm tất các kinh không mãnh lời nào mà chẳng cùng tận. Không xét cách Thánh tích, không một vật gì mà chẳng trông xem, giẫm trải nhiều năm mới bắt đầu xoay trở lại. Đến tháng giêng năm Trinh Quán thứ 19 (646) thời tiền Đường, phápsư về đến Trường An. Các kinh luận thỉnh mang về được có cả thảy 657 bộ, vua Thái Tông (Lý Thế Dân) có ban chiếu phiên dịch đó.

Pháp sư đã giẫm bước qua 110 đất nước, được truyền nghe có 28 nước, hoặc sự kiện thấy ở kinh điển trước, hoặc tên mới có ở đời nay, không gì chẳng hưởng hòa nhuần đượm. Cúi đầu mà biết chỗ trở về, xin mời quan lại cách âm, men thang núi mà phụng tiển, cung đình mừng vui mà cùng hoan nghinh, tiếp nối đai mão mà thành đoàn, sản vật đó khác với thổ phong, tập tục ấy lạ với sông núi. Xa thì xét xem nơi sách nước, gần thì dò hỏi tại các bậc lão thành, tít mờ khác phương, y nhiên như tại trước mắt, không nhọc cầm bản đã rõ ràng do tố, đề tên là "Đại

Đường Tây Vức Ký” một bộ 12 quyển, trộm chỉ viết sự ghi lời, hẳn đã biên tập nơi vi uyển. Từ vụn nói nhỏ mong có bổ ích cùng Di Khuyết.

Bí thư trước tác lang kinh khơi lời tựa vậy.

LỜI TỰA (2)

Thượng thư tả bộc xạ Yến quốc công Trương thuyết chế.

Phàm là Ngọc hào tỏa chiếu, cam lồ rưới khắp đại thiên, Kim Cảnh khơi sáng, luân phong lan cùng hửu tiệt. Nên biết thị hiện nơi tam giới bèn xứng tôn quí của thiên hạ, tỏa sáng bốn phương thử nêu to lớn trong đất trời. Cho nên tuệ nhật trầm ảnh, dấu vết Tượng Hóa xoay về đông. Vận vua mở rộng, bước Đại Chương dần cùng Tây. Tại đạo tràng chùa Từ Ân có Tam Tạng pháp sư húy Huyền Trang, vốn giòng họ Trần, tiên tổ xưa trước người xứ Dĩnh Xuyên. Xưa kia, Đế Hiên bày tượng, ém Hoa chữ mà mở nguồn. Đại Thuấn đãi môn, gốc Lịch sơn mà động kết. Ba kính chiếu soi cơ tải, sáu kỵ sáng rỡ Hán Kỷ. Thư tấu mà tiếp thừa trăng tỏ, đi đường mà nhóm tụ sao đức. Buông hang liền vãy, vun gió bằng cách. Đời giúp cho vẻ đẹp, chứa làm thành cảnh trụ, pháp sư dẫm xéo tốt lành mà đản sinh, ngậm hòa giáng đức. Kết căn sâu mà tươi tốt, dẫn nguồn thẳm mà linh trường. Vừa tuổi mơ lạ ráng hiện ngời trăng tỏ, đến tuổi vốc cát, lan huân quế ngát hương. Kịp đến thời thành lập, trì nghệ hết phần tố, chín ven dần ảnh hưởng, năm phủ giao kết đàn. Bởi vì sớm tỏ ngộ chân giả, trước rõ rành từ tuệ. Soi chân thuyên mà chờ đợi lâu dài, nhìn tử sinh mà trọn dứt nghỉ. Và thao đỏ giải tía thật lưới mầu của hữu giới. Xe báu gối son chánh bến đường xuất thế. Do đó, gạt rơi bụi trần cặn đục, nói trở về cúng nhân khoáng, khiển anh đầu là pháp sư Tiệp là bậc rường cột của Thích môn, chiếm vị long tượng ngay thân thế, nổi trội Thu Lộ ở đương thời. Khắp triều đình đến thôn dã đều mến thích không du ấy, trong ngoài ham muốn thanh thái đó. thế rồi, tình sâu bạn mến, đạo hòa thiên luân, pháp sư đượm phục chuyên cần thỉnh ích, tấc bóng chẳng bỏ. Học nghiệp tỏa sáng đứng đầu, cất cao anh tú rừng đàn, đức hợp trung dung, vút tỏa hương thơm lan thất. Vác sách đường bằn, ân chín bộ mà nuốt mộng, gõ chèo bến huyền, gá bến vi mà nhỏ dốt. Từ đó, rảo bước khắp Đàm tứ, chuyển đổi cùng nóng lạnh, công đã đạt thành khả năng cũng hoàn tất. Đến lúc thái sơ nhật nguyệt, đuối soi linh đài, tử vân đai duyệt, phát

huy thần phủ, khi ấy văn vàng tạm mở đợi giá thu mà bay vút theo mây. Chuôi ngọc vừa phẩy mặc áo sương móc mà gợn sóng. Như gặp được yếu chỉ của người đầy kinh nghiệm, tợ rõ rành vi diệu của sắc cầm, vì đa văn như nước rót bình, nổi thuyền không mà riêng xa vợi, mới đến đất của Hoàn Kiên, trước gạt bỏ khoe khoang của lòng sắt, quê hương tỉnh lạc, vội bày nén nỗi khác lạ, xa gần đều kính chuộng, vì vậy mà nói rằng: "xưa trước nghe họ Tuân có 8 rồng, ngày nay nhà Trần có hau ngựa ký. Ông khác lạ lắm nhiều kỳ sĩ". Thật thay lời ấy! Pháp sư từ thủa bé mãi đến lúc trưởng thành, buông tâm nơi huyền lý, danh vang cùng tiên đạt, bộ chấp tương giao rong ruổi, chạy theo ngọn bỏ quên gốc, nhặt nhạnh phù hoa bỏ mất chân thật, bèn có lối học nam bắc khác nhau, phải quấy phân vân chằng chịt. Trọn nói đến đây bèn liền bùi ngùi, hoặc sợ truyền dịch lẫn lộn, chưa thể nơm đón đến cùng. Muốn tận cùng văn của Hương tượng, dẫu hết mắt của Long cung, dùng đức tuyệt luân, trông nhìn mong mỏi của Hội Xương, chống tích phẩy y, lần lượt đến cảnh vức xa. Khi ấy, trái Huyền Bá mà xa trông, chỉ thông lãnh mà nắn vết. Nước non xa dài, nếm đủ mọi gian nan nguy hiểm xấu xa. Rộng trông nhìn đó chẳng xa. Cười Pháp Hiển cho đó là hạn cục. Với những nơi dẫm bước qua thảy đều nghiên cứu phương ngôn khắc cầu sâu mầu, khéo tận cùng bến hội ngộ. Khi ấy ngôn từ phát ra thư vàng, tinh anh bay cùng Thiên Trúc. Văn truyền bối diệp, bèn trở về Chấn Đán. Bấy giờ, Thái Tông Văn Hoàng Đế (Lý Thế Dân 627 - 650) đang ngự Kim Luân, ngôi báu ngồi trên, chuyển đợi không huy. Vời thấy trên Thanh bồ, mới nhìn theo thể thức thường. Trước gối giữa khoang Hoàng Ốc, ban chiếu viết tay buộc ràng. Trung Sứ Kế tiếp đường, cúi bắt Duệ Tư, mới chế tác bài tựa "Tam Tạng Thánh Giáo" gồm cả thảy 780 lời. Ngày trước, vua ở tại Xuân Vi, chế thuật "Thanh ký" gồm 579 lời, mở bến huyền diệu, ghi ý chỉ đức Phật dương. Như chẳng phải đạo ngời Kê Lâm, vẻ vang non Thứu, đâu có thể xa giáng Thần Tảo để nêu bày ưu tú ở đương thời, pháp sư vâng phụng sắc chiếu phiên dịch Phạm bản gồm cả thảy 657 bộ, đầy đủ trông nhìn phương xa khác tục, vùng tuyệt cảnh đất nước thuần phong, mọi sở nghi của bản xứ tương tự của nhân luân. Kịp đến chánh sóc, nhân sự sâu xa của Thanh giáo, bèn trước thuật "Đại Đường Tây Vức Ký" khắc thành 12 quyển, biên ghi điển áo, gồm khơi xét rõ, lập lời không hư bại. Ấy tại đây vậy.

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỨC KÝ

QUYỂN 1

(Nói về 34 nước)

1. Nước Kỳ Ni
2. Nước Khất Chi
3. Nước Bạt Lục Ca
4. Nước Vô Xích Kiến
5. Nước Giả Thời
6. Nước Bố Hãn
7. Nước Tốt Đổ Lợi Sắt Na
8. Nước Táp Mạt Kiến
9. Nước Nhị Mạt Hạ
10. Nước Khư Bố Đát Na
11. Nước Khất Sương Nhĩ Già
12. Nước Hát Hãn
13. Nước Bổ Hát
14. Nước Rhạt Địa
15. Nước Hóa Lợi Tập Di Già
16. Nước Yết Sương Na
17. Nước Đát Mật
18. Nước Xích Ngạc Diển Na
19. Nước Hốt Lộ Ma
20. Nước Thâu Mạn
21. Nước Cúc Hòa Diễn Na
22. Nước Hoạch Sa
23 .Nước Kha Đốt La
24. Nước Câu Mê Đà
25. Nước Phược Gìa Lãng
26. Nước Hột Lộ Tất Mẫn Kiện
27. Nước Hốt Lẫm
28. Nước Phược Hát

29. Nước Duệ Mạt Đà
30. Nước Hồ Thật Kiện
31. Nước Đát Thích Kiện
32. Nước Yết Chức
33. Nước Phạm Diễn Na
34. Nước Ca Tất Thí

Tuyển chọn qua Hoàng Đức Phật, xem xét xa về Đế Lục. Từ lúc mới đầu Bao Hy ra chấn, Hiên Viên rủ áo, do đó Ty Chăn Lê Nguyên Cương họa phân dã, kịp đến lúc Đường Nghiêu Thọ Thiên vận sáng hợp khắp bốn phương, Ngu Thuấn nhận địa đồ, đức tỏa cùng chín cõi. Từ đó về sau, không truyền sách viết sự. Xa nghe tiền tu, không nghe sử ghi lời, như thời gặp có đạo, vận thuộc vô vi ấy vậy!

Triều Đại Đường chúng ta trụ vì thiên hạ theo trời, nương thời vận cầm nắm kỷ cương, một là sáu hợp mà tỏa sáng, bốn là Ba Hoàng mà soi chiếu, huyền hóa lưu tràn, gió lành xa thổi, đồng với sự che chở của đất trời, bằng cùng đượm vổ của gió mưa. Cùng như Đông Di vào triều cống, tây nhung liền tiếp theo, mở sáng sự nghiệp, dẹp loạn phản chánh, nên gì bước vượt vua trước, bao quát đời xưa. Đồng văn cùng khuôn phép, đặt trị thần công. Nếu chẳng ghi truyền, thì không lấy gì để tán thán đạo lớn, nếu không soi sáng tuyên bày thì chẳng do đâu mà tỏa sáng nghiệp thạnh. Huyền Trang tôi tùy nói đi đến, nên bày phong thổ ở xứ đó, tuy chưa xét phương biện tục, nhưng tim cũng đã vượt 5 quá ba. Tất cả Hàm sinh đều được vui đượm, với loài biết nói không ai chẳng xưng công. Vượt từ Thiên phủ kịp đến Thiên Trúc, các vùng tối tăm hoang vu khác tục, cùng vức khác bang, đều tiếp thừa chánh sóc đồng đượm nhuần thanh giáo, tán thán tích chức võ công, đọc tụng cảm thành miệng thật, ngợi khen hưng thạnh văn đức, vẻ vang làm xứng đầu, rọ xem nơi sách sử, chỗ chưa từng nghe, xa chỉ Đồ Điệp, thật không cùng hai, chẳng có chỗ bắt đầu, sao có thể ghi về hóa hợp? Nay y cứ sự thấy nghe mà ghi lại đây vậy.

Nhưng mà thế giới Sách Ha (xưa trước gọi là thế giới Sa Bà, lại còn gọi là thế giới Sa Ha, đều là sai nhầm vậy) có ba ngàn đại thiên cõi nước, là nơi nhiếp hóa của một đức Phật. Nay đây chỉ một mặt trời một mặt trăng soi chiếu. Bốn thiên hạ tức chỉ cho trong ba ngàn đại thiên, chư Phật Thế Tôn đều ở trong đây xót thương giáo hóa, hiện sinh hiện diệt dẫn Thánh dẫn phàm. Núi Tô Mê Lô (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là núi Diệu Cao, xưa trước gọi là Tu Di, lại còn gọi là Tu Di Lâu đều là sai nhầm gọi lược vậy), do bốn vật báu hợp thành, tại

trong biển lớn, y cứ trên kim luân, nơi nhật nguyệt soi chiếu quanh, chỗ nhà đến dừng nghỉ của chư thiên, bảy núi bảy biển vây quanh cao vợi vây quanh liệt bày. Giữa khoảng núi trống biển nước đủ tám công đức. Ngoài bảy núi vàng mới là biển mặn. Trong biển là nơi có thể ở được, đại lược là có bốn châu. Phía đông là Tỳ đề ha châu (xưa trước gọi là Phất Bà Đề, lại còn gọi là Phất Ưu Đãi, đều là sai nhầm vậy), phía nam là Thiện Bộ châu (xưa trước gọi là Diêm Phù Đề châu, còn gọi là Diệm Phù châu, đều là sai nhầm vậy). Phía tây là Cù Đà Ni châu (xưa trước gọi là Cù Da Ni, lại còn gọi là Đích Già Ni, đều là sai nhầm vậy). Phía bắc là Câu Lô châu (xưa trước gọi là Uất Đơn Việt, lại còn gọi là Cưu Lâu, đều là sai nhầm vậy). Kim Luân Vương là nhiếp hóa khắp tứ thiên hạ, Ngân Luân Vương thì nhiếp chánh trừ cách bắc Câu Lô. Đồng Luân Vương thì trừ cách bắc Câu Lô và Tây Cù Đà Ni, Thiết Luân Vương thì chỉ thống nhiếp Thiện Bộ châu. Phàm nói là Luân vương tức ngôi vị lớn, tùy phước đức cảm nên, có xe báu lớn nổi giữa không trung mà lại ứng, đều có sự khác biệt giữa vàng, bạc, đồng, sắt. Và cảnh có sai biệt bốn ba hai một, nhân điềm lành sáng ấy tức lấy làm tên hiệu, thì đất trạng của Thiệm Bộ châu tức là ao A Na Bà Đáp Đa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Vô Nhiệt Não, xưa trước gọi là ao A Nậu Đạt, đều là sai lầm vậy) tại phía nam núi Hương và thuộc phía bắc núi tuyết lớn, chu vi rộng hơn 800 dặm. Các vật vàng, bạc, lưu ly, pha chi nghiêm sức trên bờ ấy. Cát vàng tràn đầy, dáng trong gợn ảnh, có vị Đại Địa Bồ-tát dùng nguyện lực nên hóa làm Long Vương ở trong vườn nhà ngầm, lưu xuất ra nước mát lạnh cấp cho Thiện Bộ châu. Vì vậy về mặt phía đông ao là có miệng trâu bạc lưu xuất ra sông Khắc Già (xưa trước gọi là Hằng Hà, còn gọi là Hằng Già, đều là sai nhầm vậy) lượn quanh ao một vòng rồi đổ vào biển ở phía đông nam. Về mặt phía nam ao có miệng trâu vàng lưu xuất ra Tín Độ (xưa trước gọi là sông Tần Đầu là sai nhầm vậy) lượn quanh ao một vòng rồi đổ vào biển phía tây nam. Về mặt phía tây ao có miệng ngựa lưu ly lưu xuất ra sông Phược Sô (xưa trước gọi là sông Bác Xoa là sai nhầm vậy) lượn quanh ao một vòng rồi đổ vào biển phía tây bắc. Về phía bắc ao có miệng sư tử pha chi lưu xuất ra sông Tỷ Đa (xưa trước gọi là sông Tư Đà là sai nhầm vậy) lượn quanh ao một vòng rồi đổ vào biển phía đông bắc. Hoặc có thuyết nói ngầm dòng dưới đất lưu xuất ra núi Tích Thạch tức là dòng của sông Tỷ Đa làm nguồn sông của nước Trung Hoa vậy.

Bấy giờ không có Luân vương ứng vận. Đất xứ Thiện Bộ châu có bốn chủ. Phía nam có Tượng (voi) chủ vì nắng nóng ẩm thấp thích nghi

với voi. Phía tây có Bảo chủ là gần biển có nhiều vật báu. Phía bắc có Mã (ngựa) chủ vì lạnh cứng hợp với ngựa, phía đông có Nhân (người) chủ. Bởi hóa sướng đông nhiều người. Nên nước của Tượng chủ tiết thác mãnh liệt dốc học, ưu đặc nhàn du dị thuật, mặc thì quấn khăn vai hữu, đầu thì từ nhục kế rủ tóc bốn phía, tộc loại ở ấp, phòng nhà tầng gác. Làng của Bảo chủ thì không có lễ nghĩa chỉ quý trọng của cải, chế vạt áo ngắn bên tả, cắt tóc để râu, có chùa thành quách, chuyên việc buôn bán tài lợi. Tập tục của Mã chủ thì bẩm chất hung bạo, tánh tình chịu khó giết hại, mà trướng mềm mịn lò cao, chim muông nương ở bèn đuổi bắt lấy. Địa vức của Nhân chủ, phóng tục khéo ân huệ, nhân nghĩa rõ soi, mão đai vạc áo phía hữu, xa phục có thứ lớp, an ở đất lại đổi dời, chuyên bẩm chất có từng loại.

Về phong tục của ba chủ thì phương đông là ưu thượng, nhà họ ở thì cửa mở xoay về hướng đông, lúc sáng sớm trông về hướng đông mà kính bái. Đất của Nhân chủ thì mặt hướng nam là quý, phương tục khác phong hóa, đại khái là như vậy. Đến như lễ của vua tôi trên dưới, nghi của Hiến Vương Văn Quỷ, đất của Nhân chủ không đâu thêm hơn nữa. Huấn răn của lắng lòng thích lụy, giáo nghĩa của thoát lìa sinh tử. Nước của Tượng chủ, về lý thật ưu việt vậy. Đó đều mang cả kinh cáo, hỏi các thổ tộc, rộng mở xưa nay, xét rõ thấy nghe. Nhưng mà đức Phật xuất hiện ở phương tây, giáo điển lưu truyền đến phương đông, thông dịch âm sai nhầm, phương ngôn nói xằng b65y. Âm sai nhầm thì nghĩa mất, lời xằng bậy là trái lý, nên nói ắc chánh danh ư? Quý ở điểm không trái bậy vậy. Phàm người có tánh cương nhu khác biết, lời tiếng chẳng đồng, đó bởi buộc khí phong thổ, cũng là do tập tục tạo nên. Như về sự khác nhau của núi sông vật sản, sự sai biệt của phong tục tánh loại thì đất của Nhân chủ trong Quốc sử ghi đã rõ ràng. Tập tục của Mã chủ, làng quê của Bảo chủ, sử cáo đã ghi đủ, có thể lược mà nói đó. Đến như nước của Tượng chủ, xưa trước chưa rõ ràng, hoặc ghi đất lắm nắng nóng ẩm thấp, hoặc ghi tập tục ưa thích nhân từ, vả lại hiện còn ở Phương Chí chẳng thể rõ cùng. Đâu thể là đạo có tận cùng của hành tàng, đời có vận đổi thay chuyển dời vậy. Vậy biết Hầu luật vì quy hóa, uống đượm mà lại đón, vượt lắm lớp hiểm trở mà nghi là ngọc môn, cống dâng Phương kỳ mà kính bái ráng khuyết, bởi khó mà nói được vậy. Do đó nên đi xa phỏng hỏi Đạo, nhân lúc nhân rảnh thỉnh hỏi điều lợi ích còn ghi về phong thổ. Từ Hắc Lãnh trở lại không gì chẳng phải tập tục của người Hồ, tuy người Nhung đồng tập quán, mà tộc loại mỗi phân khác, họa vẽ biên giới phong ranh biên cương, đại khái là lắp đất, xây dựng thành quách,

công việc trồng tỉa chăn nuôi, tánh trọng của cải, tục xem thường nhân nghĩa, cưới gã không lễ nghi, tôn ti không thứ lớp. Vợ nói thì dùng, chỗ ngồi nam ở dưới, chết thì thiêu đốt thi hài, kỳ hạn an tán vô số, sửa mặt, rạch tai, cắt tóc xé xiêm, giết hại các thức súc vật cúng tế u hồn. Tốt lành mới mặc y phục sắc trắng, hung xấu thì mặc áo sắc đen, đồng phong loại tục, lược nêu sơ qua. Chính sách quy chế khác biệt thì túy xứ riêng nêu bày. Phong tục của Ấn Độ nói ở phần sau. Ra khỏi xứ cũ của Cao Xương, bắt đầy từ gần tức là nước A Kỳ Ni (xưa trước gọi là nước Ô Kỳ).

1 - Nước A Kỳ Ni

Nước A Kỳ Ni hai phía đông tây dài hơn 600 dặm, hai phía nam bắc rộng hơn 400 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 6 - 7 dặm, bốn mặt đều tựa ven núi, đường đi hiểm trở rất dễ gìn giữ. Suối chảy đan xen nhau dẫn nước làm ruộng. Đất đai thích nghi với lúa môn lúa mùa lúa tẻ và các loại cây trái hương táo, bồ đào, lê, nại, v.v..., khí hậu hòa sướng, phong tục chất trực, văn tự thì theo lối chữ của Ấn Độ, ít có lụa là vãi quyên, vận mặc bằng áo hạc vải gia, cắt tóc ngắn, không có khăn, buôn bán đổi chác bằng tiền vàng, tiền bạc, tiền đồng nhỏ. vua nước đó là người hùng dũng mà ít mưu lược, thích tự dấy quân đấu đánh. Nước không có kỷ cương, luật pháp chẳng nghiêm túc. Có hơn 10 ngôi già lam, chư tăng hơn 2000 vị, tập học theo giáo nghĩa Tiểu thừa thuyết nhất thiết hữu bộ. Kinh giáo luật nghi đều tuân theo Ấn Độ. Người tập học tức y cứ ngay văn mà thưởng ngoạn, giới hạnh luật nghi thanh khiết chuyên cần, nhưng ăn dùng lẫn tạp tam tịnh nhục, còn ứ trệ nơi tiệm giáo vậy. Từ đó theo hướng tây nam đi hơn 200 dặm, vượt qua một quả núi nhỏ và hai dòng sông lớn, lại theo hướng tây vượt qua vùng đồng bằng có sông nước, và đi hơn 700 dặm là đến nước Khất Chi (xưa trước gọi là nước Quy Tư).

2-Nước Khuất Chi

Nước Khuất hai phía đông tây dài hơn ngàn dặm, hai phía nam bắc rộng hơn 600 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 17 - 18 dặm. Đất đai thích nghi với lúa môn lúa tẻ, lúa canh, lúa giê, lại sản sinh các thứ bồ đào, thạch lựu, có lắm nhiều lê, nại, đào, hạnh. Đất đai còn lại sản sinh các thứ vàng, đồng, sắt, dung dịch, khí hậu điều hòa, phong tục thuần chất. Văn tử sử dụng tắc của Ấn Độ và hơn có phần biến đổi. Với các thứ đàn sáo kỷ nhạc đặc biệt khéo hay hơn các nước

khác, vận mặc áo hạt gấm, cắt tóc ngắn có thân quấn đầu. Buôn bán đổi chác bằng tiền vàng, tiền bạc và tiền đồng nhỏ. vua thuộc chủng tộc Khuất Chi, trí mưu kém ít mờ mịt, mà áp bức các thần tớ mạnh, nước đó có tập tục sinh con tức dùng gỗ cây kẹp vào đầu vì muốn nó dẹp quanh. Có hơn trăm ngôi già lam, tăng chúng hơn 5000 vị, tập học theo giáo nghĩa Tiểu thừa thuyết nhất thiết hữu bộ. Kinh giáo luật nghi lấy tắc của Ấn Độ, tập đọc tứcy cứ vào bản văn gốc, còn bó buộc với tiệm giáo, ăn dùng xen tạp tam tịnh nhục, khiết tịnh thanh bạch ham học mọi người lất đó tranh công.

Tại phía bắc thành thuộc phía đông nước đó, trước đền thờ trời có một ao rồng lớn. Các rồng luôn thay hình biến dạng giao hợp với ngựa cái, bèn sinh ra loài Long câu tánh nết ngang ngạnh khó cưỡi. Con của Long câu mới là thuần giá, do đó nước ấy phần nhiều sinh ra các ngựa tốt. Nghe các vị lão túc nói rằng: “gần đây có một vị vua tên là Kim Hoa, dùng chánh sách giáo hóa trị dân rất sáng sủa xác thực, nên cảm có rồng để nương cưỡi, vua ấy đến lúc sắp băng hà dùng roi xúc chạm tai rồng. Nhân đó rồng liền lắng ẩn mãi đến ngày nay. Trong thành không có giếng nên nước dùng lấy từ ao hồ ấy. Rồng biến làm người cùng các phụ nữ giao hợp nên sinh con khoẻ mạnh nhanh nhẹn, chạy kịp với ngựa trông, như thế dần nhiễm con người đều là giống rồng, cậy thế sức lực ra oai, không cung kính vương mạng. vua mới dẫn đưa binh lình Đột Quyết đánh giết người ở thành đó, lớn nhỏ thảy đều bị giết, lược không còn loại cắn nhai. Nay tại thành đó hoang tàn, người vật khói lửa đều hết hẳn.

Từ thành hoang tàn ấy đi về phía bắc cách hơn 40 dặm, tiếp liền với Sơn a, lại cách một dòng sông, có hai ngôi già lam cùng đồng tên là Chiêu Hổ Ly, mà đông tây tùy xưng gọi. Phật tượng trang sức nghiêm lệ, hết khả năng tài khéo của các người thợ. Tăng chúng thanh tịnh trai giới thật rất mực chuyên cần. Trong Phật đường chùa Đông Chiêu Hổ Ly có một tảng ngọc thạch mặt rộng hơn hai thước, sắc màu ven theo vàng trắng, tướng trạng như Hải cáp (nghêu biển), trên mặt đá ấy có in dấu chân Phật dài một thước tám tấc, rộng hơn sáu tấc. Có lúc trong các ngày trai tỏa phóng ánh sáng. Ngoài cửa phía tây thành lớn hai bên đường đi mỗi mỗi đều có tôn tượng đức Phật đứng cao hơn 90 thước. Trước tượng ấy là nơi cứ năm năm kiến lập đại hội một lần. Mỗi năm vào dịp thu phân, khoảng vài mươi ngày, tất cả các hàng chư tăng trong nước đều nhóm tập lại, trên từ các bậc quân vương dưới đến các hàng sĩ thứ để phế bỏ việc thế tục chăn chuyên phụng trì trai giới, thọ đọc

kinh nghe giảng pháp trọn ngày không mỏi mệt. Các ngôi Tăng-già lam trang nghiêm Phật tượng dùng các vật quý báu ánh ngời để nghiêm sức, lại dùng các thứ gấm lụa trang sức xe kiệu để nghinh chở, gọi đó là tôn tượng đi, động đến có cả số ngàn đều cùng nhóm tập về hội. Thường là chiều tối ngày 15 tháng 03, quốc vương và đại thần cùng nhau bàn tính việc nước nhà, phỏng hỏi ý kiến các bậc cao tăng sau rồi mới tuyên bố.

Từ hội trường về hướng tây bắc vượt qua dòng sông đến ngôi già lam A Xa Lý Nhị (tiếng Trung Hoa thời tiền đường gọi là Kỳ Đặc), sân nhà thoáng rộng. Phật tượng trang nghiêm kỳ công, chư tăng chỉnh túc hòa mục tinh cần chẳng biến trễ, đều là các bậc kỳ ngãi túc đức thạc học, cao tài. Các hàng anh tài tuấn tú ở các phương xa kính mộ Đức Nghĩa đều đến nương ở. Các hàng quốc vương sĩ thứ hào gia chuyên lo cúng dường tứ sự, lâu dần càng sùng kính. Nghe các bậc lão đức nói là xưa trước Tiên vương nước đó rất sùng kính Tam bảo, sắp muốn du phương tham quan kính lễ các Thánh tích, mới bảo ban mẫu cùng con trông coi công việc còn lại. Người em ấy vâng nhận mạng lịnh, trộm tự cắt hạt dái để phòng những mầm mống chưa phát sinh, đặt để trong hộp vàng mang giao lên vua. vua hỏi: “ấy là vật gì?”. Người em ấy đáp: “Nên đợi đến ngày xa giá trở về rồi hãy mở xem”. vua bèn giao cho quan trông coi công việc theo quân gìn giữ. Đến lúc vua trở về, quả nhiên có người dựng điều họa sàm tấu là: “vua bảo trông coi nước nhà mà gây ra dâm loạn trong cung”. vua nghe thế phát giận, muốn đặt xét nghiêm hình. Người em ấy nói: “Không dám trốn tránh điều trách phạt, xin mở hộp vàng trông xem”. vua bèn bảo mở hộp vàng để trông xem thì ra đó là hạt dái, vua hỏi: “vật gì lạ vậy, muốn làm rõ điều gì?”. Người em ấy đáp: “Ngày trước, lúc du phương, vua bảo ban trông coi việc còn lại, sợ có người sàm tấu điều họa, nên tự cắt hạt dái để tự rõ ràng, nay quả thật có xảy ra điều đó, xin rủ lòng xét xem!”. Vua rất kinh dị, tâm tình càng thấm đượm lớn mạnh, từ đó ra vào nơi nội cung không còn phải ngăn ngại. Về sau, người em ấy thường gặp một người nuôi giữ 500 con trâu, muốn giết thịt nó, người em ấy thấy mà nghĩ suy dẫn lại càng thêm xót thương, ta nay thân hình bị khuyết thiếu, đâu chẳng phải do nghiệp xưa trước! Bèn đem các thứ của cải vật báu để chuộc đàn trâu ấy. Do sức từ thiện nên hình tướng nam căn dần hồi đầy đủ. Vì hình tướng đầy đủ nên bèn chẳng vào trong cung. vua lấy làm quái lạ mà hỏi đó. Người em ấy mới tỏ bày đầu đuôi sự việc. vua lấy làm đặc, bèn tạo lập ngôi già lam, để tán dương vết đẹp lưu truyền hương thơm cho đời sau.

Từ đó theo hướng tây đi hơn 600 dặm, vượt qua bãi sa mạc nhỏ đến nước Bạt Lục Ca (xưa trước gọi là Lô Mặc, hay là Hàm Mặc).

3- Nước Bạt Lục Ca.

Nước Bạt Lục Ca hai phía đông tây dài hơn 600 dặm, hai phía nam bắc rộng hơn 300 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 5 - 6 dặm. Đất đai thích nghi, khí hậu thuần hòa phong tục tánh người, phép tắc văn tự thì đồng như ở nước Khuất Chi, nói rằng có phần khác chút ít. Vận mặc đệm gia nhỏ mịn, áo hạt nhỏ mịn, các nước lân cận rất quý trọng đó. Có khoảng vài mươi ngôi già lam, tăng chúng có hơn ngàn vị, tập học theo giáo điển Tiểu thừa thuyết nhất thiết hữu bộ.

Từ nước đó về phía tây bắc đi hơn 300 dặm vượt qua sỏi đá đến Lăng Sơn, đó tức cao nguyên phía bắc Thông Lãnh, các dòng sông phần nhiều xuôi chảy về hướng đông. Hang núi luôn chứa tuyết, mùa xuân mùa hạ đều ngưng đóng, tuy có lúc tiêu tan song sau đó lại kết đóng băng lại. Đường đi qua rất hiểm trở, gió lạnh thảm khốc, phần nhiều hay gặp nạn rồng dữ phạm hại người đi đường. Mọi người đi theo con đường ấy không được buông áo, cầm nắm trái bầu kêu la lớn tiếng, hơi có chút trái phạm, tai họa mắt trông thấy, gió bão mạnh dữ, cát bay mưa đá, những người gặp phải hẳn mất mạng khó mong sống sót. Lại đi theo đường núi hơn 400 dặm đến ao Đại Thanh (còn gọi là Nhiệt Hải hay Hàm Hải) chu vi rộng hơn ngàn dặm, hai phía đông tây thì dài, hai phía nam bắc nhỏ hẹp. Bốn mặt men theo núi, các dòng đều tuôn chảy đan xen. Sắc màu đeo theo xanh đen, mùi vị có phần mặn đắng. Sóng lớn nhiều dơ bẩn, kinh sóng chìm vẫn đục, cá rồng chung ở lẫn lộn, linh quái hiện khởi, do đó mọi người qua lại luôn vì cầu phước, các loài thủy tộc tuy lắm nhiều mà chẳng dám vớt bắt. Từ ao Đại Thanh về phía tây bắc đi hơn 500 dặm đến thành Tố Diệp Thủy, chu vi thành ấy rộng khoảng 6 - 7 dặm. Thương buôn người Hồ tại các nước đến chung sống lẫn lộn. Đất đai thích nghi với lúa môn lúa tẻ, bồ đào, cây rừng sơ sài, khí hậu men theo gió lạnh, mọi người vận mặc áo hạt vãi gia. Từ thành Tố Diệp Thủy trở về hướng tây có vài mươi thành quách đơn lẻ. Thành đều đứng dài. Tuy chẳng cùng vâng mạng nhưng đều phục dịch lệ thuộc Đột Quyết. Từ thành Tố Diệp Thủy đến nước Yết Sương Na, đất tên là Tốt Lợi, mọi người cũng gọi là như vậy, văn tự nói năng tức tự tuỳ xưng. Nguồn chữ giản lược vốn chỉ có hơn 20 lời, triển chuyển tương sinh dàn trải rộng sâu. Mới đầu tổ tiên có ghi viết, dựng đọc văn ấy, xa cùng truyền trao, thầy trò không ngầm mất. Mọi người vận mặc

áo hạt vải giạ, y phục làm bằng da giạ. Xiêm mặc viền gấp, cắt tóc ngang bằng để bày đảnh đầu, hoặc cắt cạo toàn bộ, dùng vải lụa quấn quanh vầng trán, dáng mạo to lớn, chỉ tánh nhác sợ, phong tục bạc bẻo, lắm nhiều hành vi dối trá, đại để là chỉ biết tham cầu, cha con cùng tính lợi lẫn nhau, chỉ biết của cải lắm nhiều là quý, thuần lương nghèo hèn không đều nhau. Tuy giàu có tiền vạn, nhưng ăn mặc thô xấu. Những người dùng sức ruộng nương trục lợi có xen tạp một nửa.

Từ thành Tố Diệp Thủy theo hướng tây đi hơn 400 dặm đến xứ Thiên Tuyền (ngàn suối). Tại xứ Thiên Tuyền đất đai rộng hơn 200 dặm. Phía nam đối diện núi tuyết, còn lại ba phía đất phẳng bằng. Nước đất thấm nhuần, cây rừng sơ sài. Đến tháng cuối xuân, tạp hoa đan dệt, suối ao có cả ngàn dòng nên gọi tên như vậy. vua rợ Đột Quyết tên là Khả Hàn thường đến đó lánh nắng nóng. Trong đó có đàn nai, phần nhiều đeo mang linh khánh, thuần quen với người, chẳng hề sợ chạy, Khả Hàn rất mến thương đó, ban sắc thuộc hạ như ai dám giết hại thì hẳn bị giết không tha nên đàn nai ấy được trọn chung sống đến già. Từ Thiênn Tuyền đi về hướng tây khoảng 140 - 150 dặm đến thành Đát Ca Tư, chu vi thành ấy rộng khoảng 8 - 9 dặm. Thương buôn người Hồ ở các nước chung sống lẫn lộn tại đó. Đất đai thích nghi khí hậu thuần hòa phần lớn đều như ở thành Tố Diệp Thủy. Lại theo hướng nam đi hơn 10 dặm có một thành nhỏ đơn lẻ có hơn 300 hộ dân sinh sống; họ vốn là người Trung Quốc, xưa trước bị Đột Quyết đánh cướp. Sau đó cùng tụ hợp mọi người đồng nước chung nhau giữ gìn thành ấy, trong đó vườn nhà ăn ở vận mặc đi lại đều đông như Đột Quyết, nói rằng ngôn từ nghi quỷ còn giữ bản sắc nước nhà. Từ đó theo hướng tây nam đi hơn 200 dặm đến thành Bạch Thủy, chu vi thành ấy rộng 6 - 7 dặm, mọi vật đất đai sinh sản, thích nghi của phong khí ưu thắng hơn ở thành Đát Ca Tư. Lại theo hướng tây nam đi hơn 200 dặm đến thành Cung Ngự, chu vi thành ấy rộng khoảng 5 - 6 dặm, vườn đồi ẩm thấp phì nhiêu, cây rừng tươi tốt. Từ đó lại theo hướng nam đi 40 - 50 dặm đến nước Nô Xích Kiến.

4 - Nước Nô Xích Kiến.

Nước Nô Xích Kiến chu vi rộng hơn ngàn dặm, đất đai đượm nhuần phì nhiêu, có lắm thứ giếng mạ, cây cỏ tươi tốt, hoa quả lắm nhiều. Phần nhiều là bồ đào cũng là vật quý, thành ấp có đến số trăm, mỗi mỗi đều riêng có Quân trưởng, đi ở qua lại chẳng cùng bẩm thưa mạng lệnh, tuy là phân chia khu vức nhưng đồng gọi chung là nước Nô

Xích Kiến. Từ đó theo hướng tây đi hơn 200 dặm đến nước Giả Thời (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thạch Quốc).

5 - Nước Giả Thời.

Nước Giả Thời chu vi rộng hơn ngàn dặm, phía tây gần Diệp Hà, hai phía đông tây hẹp nhỏ, nam bắc kéo dài, đất đai thích nghi khí hậu thuần hòa đồng như ở nước Nô Xích Kiến. Có vài mươi thành ấp, mỗi mỗi đều riêng có Quân trưởng, đã không có chúa chung nên mọi việc làm đều tùy thuộc Đột Quyết. Từ đó theo hướng đông nam đi hơn ngàn dặm đến nước Bố Hãn.

6 - Nước Bố Hãn.

Nước Bố Hãn chu vi rộng hơn 4000 dặm, núi bao bọc quanh bốn phía, đất đai phì nhiêu, lúa má gặt hái nhiều lắm và có nhiều hoa quả, thích nghi với dê ngựa, khí hậu thần tự gió lạnh, con người mang tánh cứng mạnh, nói năng khác với các nước, hình dáng xấu xí. Từ vài mươi năm trở lại không có quân trưởng lớn, nên các nhà giàu có đứng đầu dốc sức đua tranh chẳng chịu khước phục, nương theo sông chiếm cứ điểm hiểm trở, họa vẽ đồng hoang phân chia đô thành. Từ đó theo hướng tây nam đi hơn ngàn dặm đến nước Tốt Đổ Lợi Sắt Na.

7 -Nước Tốt Đổ Lợi Sắt Na.

Nước Tốt Đổ Lợi Sắt Na chu vi rộng khoảng 1400 - 1500 dặm, phía đông gần với Diệp Hà, từ Diệp Hà xuất sinh ra đồng bằng phía bắc Thông Lãnh, và về phía tây bắc là dòng nước lắm nhiều dơ bẩn vẫn đục, đất đai thích nghi và phong tục đồng như ở nước Giả Thời. Tự có vua nhưng phụ thuộc với Đột Quyết. Từ đó theo hướng tây bắc vài bãi sa mạc lớn, tuyệt không có cỏ nước, đường đi mờ mịt, biên cương khó lường biết. Trông nhìn theo núi lớn và tìm di cốt để biết phương hướng. Để ghi đường đi qua. Đi hơn 500 dặm đến nước Tạp Mạt Kiến (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là nước Khương).

8 - Nước Tạp Mạt Kiến.

Nước Tạp Mạt Kiến chu vi rộng khoảng 1600 - 1700 dặm, hai phía đông tây dài, hai phía nam bắc nhỏ hẹp. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm, rất hiểm trở bền chắc và lắm nhiều người sinh sống. Những người từ các xứ khác buôn bán vật báu phần nhiều hay sản sinh giống ngựa hay, kỹ nghệ cớ xảo đặc biệt khéo léo hơn hẳn so với

các nước khác. Khí hậu hòa sướng, phong tục mạch cứng. Phàm người Hồ ở các nước hiện ở trong đó mọi sự đi ở oai nghi xa gần mỗi mỗi đều theo phép tắc nước đó. vua nước đó giàu mạnh, các nước láng giềng, binh ngựa mạnh đông phần nhiều là Giả Yết. Người Giả Yết tánh khí mạnh dữ, trông thấy chết như trở về, nên đánh không có địch thủ phía trước. Từ đó theo hướng đông nam đến nước Nhị Mạt Hạ (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là nước Mễ).

9 - Nước Nhị Mạt Hạ.

Nước Nhị Mạt Hạ chu vi rộng 400 - 500 dặm, chiếm cứ trong sông, hai phía đông tây nhỏ hẹp, hai phía nam bắc dài. Đất đai thích nghi và phong tục đồng như ở nước Táp Mạt Kiến. Từ đó theo hướng bắc đến nước Khư Bố Đát Na (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là nước Tào).

10 - Nước Khư Bố Đát Na.

Nước Khư Bố Đát Na chu vi rộng 1400 - 1500 dặm, hai phía đông tây dài hai phía nam bắc nhỏ hẹp, đất đai thích nghi và phong tục đồng như ở nước Táp Mạt Kiến. Từ nước đó theo hướng tây đi hơn 300 dặm đến nước Khuất Sương Nhĩ Ca (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là nước Hà).

11 - Nước Khuất Sương Nhĩ Ca.

Nước Khuất Sương Nhĩ Ca chu vi rộng khoảng 1400 - 1500 dặm, hai phía đông tây nhỏ hẹp hai phía nam bắc dài, đất đai thích nghi và phong tục đồng như ở nước Táp Mạt Kiến. Từ nước đó theo hướng tây đi hơn 200 dặm đến nước Hát Hãn (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là nước Đông An).

12 - Nước Hát Hãn.

Nước Hát Hãn chu vi rộng hơn 1000 dặm, đất đai thích nghi và phong tục đồng như ở nước Táp Mạt Kiến. Từ nước đó theo hướng tây đi hơn 400 dặm đến nước Bổ Hát (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là nước Trung An).

13 - Nước Bổ Hát.

Nước Bổ Hát chu vi rộng khoảng 1600 - 1700 dặm, hai phía đông tây dài, hai phía nam bắc hẹp nhỏ. Đất đai thích nghi về phong tục đồng

như ở nước Táp Mạt Kiến. Từ nước đó theo hướng tây đi hơn 400 dặm đến nước Phạt Địa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là nước Tây An).

14 - Nước Phạt Địa.

Nước Phạt Địa chu vi rộng hơn 400 dặm, đất đai thích nghi và phong tục đồng như ở nước Táp Mạt Kiến. Từ đó theo hướng tây nam đi hơn 500 dặm đến nước Hóa Lợi Tập Di Già.

15 - Nước Hóa Lợi Tập Di Già.

Nước Hóa Lợi Tập Di Già thuận theo hai bên bờ sông Phược Sô, hai phía đông tây rộng khoảng 20 - 30 dặm, hai phía nam bắc dài hơn 500 dặm. Đất đai thích nghi và phong tục đồng như ở nước Phược Địa, nói năng có phần khác nhau chút ít. Từ nước Táp Mạt Kiến theo hướng tây nam đi hơn 300 dặm đến nước Yết Sương Na (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là nước Sử).

16 - Nước Yết Sương Na.

Nước Yết Sương Na chu vi rộng khoảng 1400 - 1500 dặm, đất đai thích nghi và phong tục đồng như ở nước Táp Mạt Kiến. Từ đó theo hướng tây nam đi hơn 200 dặm vào núi, đường núi gập ghềnh, khe lạch hiểm trở. Đã không có làng người ở lại thiếu cỏ nước. Theo về hướng đông nam đi bằng đường núi hơn 300 dặm, vào Thiết Môn (cửa sắt). Thiết môn hai bên phải trái mang đeo theo núi, núi rất cao vút, tuy có đường tắt cặp theo, lại thêm hiểm trở, hai bên vách đá sắc màu như thiết (sắt). Đã có đặt cánh cửa. Nhân sự bền chắc và hiểm nguy ấy nên bèn lấy đó mà đặt tên. Ra khỏi Thiết môn đến nước Đổ Hóa La (xưa trước gọi là nước Thổ Hỏa La tức là sai nhầm vậy).

Địa thế nước Đổ Hóa La hai phía nam bắc rộng hơn ngàn dặm, phía đông tây dài hơn 3000 dặm. Phía đông hiểm ác bởi Thông Lãnh, phía tây tiếp liền với Ba Thích Tư, phía nam là núi tuyết lớn và phía bắc là Thiết môn. Theo dòng nước đổ về phía tây trong cảnh vức của sông lớn Phược Sô, từ vài trăm năm trở lại đây, vương tộc tuyệt tự không người kế thừa. Do đó các nhà giàu có dốc sức đua tranh, mỗi tự chiếm cứ làm quân trưởng. Men theo sông y cứ nơi hiểm trở phân chia thành 27 nước. Tuy họa đồ phân khu nhưng đều phục dịch tùy thuộc Đột Quyết. Khí hậu đã ấm nhưng dịch bệnh cũng nhiều. Cứ cuối đông đầu xuân, mưa phùn lâm râm tương tục. Nên từ xứ đó trở về hướng nam, và

thuộc phía bắc của nước Lạm Ba thì nước đó phong thổ đều lắm dịch bệnh. Và chư tăng lấy ngày 16 tháng 12 bắt đầu vào an cư, đến ngày 15 tháng 03 năm sau là giải chế an cư. Đó là y cứ theo nói lắm mưa, và cũng là thiết giáo tùy thời vậy. Tập tục xứ đó thì dân chúng chí tánh nhút nhát, dung mạo xấu xí. Hơi biết tin nghĩa, không sự khi dối, nói năng đi đứng, có phần khác biệt so với các nước. Nguồn gốc chữ viết chỉ có 25 từ, lần lượt mà phát sinh, dùng đó có đủ mọi vật. Viết thì viết ngang, đọc từ trái sang phải, văn ký dần nhiều vượt rộng hơn nước Tốt Lợi (Tốt Đổ Lợi Sắt Na). phần nhiều vận mặc áo giạ, ít mặc áo vải hạt thô. Buôn bán đổi chác dùng bằng tiền vàng tiền bạc, hình dạng khác biệt so với các nước. Từ đó thuận theo hạ lưu phía bắc sông Phược Sô đến nước Đát Mật.

17 - Nước Đát Mật.

Nước Đát Mật hai phía đông tây dài hơn 600 dặm, hai phía nam bắc rộng hơn 400 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm. Hai phía đông tây dài, hai phía nam bắc hẹp nhỏ. Có hơn 10 ngôi già lam, chư tăng hơn ngàn vị. Các Tốt-đổ-ba; tức xưa trước gọi là Phược Sô, còn gọi là Thâu Bà, lại còn gọi là Tư Thâu Bá, lại còn gọi là Tẩu Đẩu Ba, đều là sai nhầm vậy. Và các tôn tượng Phật lắm thần dị có linh giám vậy. Từ đó theo hướng đông tức đến nước Xích Ngạc Diễn Na.

18 - Nước Xích Ngạc Diễn Na.

Nước Xích Ngạc Diễn Na hai phía đông tây rộng hơn 400 đặm, hai phía nam bắc dài hơn 500 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm. Có năm ngôi già lam, chư tăng rất hiếm ít. Từ đó theo hướng đông đến nước Hốt Lộ Ma.

19 - Nước Hốt Lộ Ma.

Nước Hốt Lộ Ma hai phía đông tây rộng hơn trăm dặm, hai phía nam bắc dài hơn 300 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm. vua nước đó là Hề Tố; người xứ Đột Quyết. Có hai ngôi Già Lam, chư tăng có hơn trăm vị. Từ đó về hướng đông tức đến nước Thâu Mạn.

20 - Nước Thâu Mạn.

Nước Thâu Mạn hai phía đông tây dài hơn 400 dặm, hai phía nam bắc rộng hơn trăm dặm, đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 16, 17 dặm. vua nước đó cũng là Hề Tố; người xứ Đột Quyết. Có hai

ngôi già lam, chư tăng rất hiếm thiếu. Từ đó về phía tây nam gần sông Phược Sô rồi đến nước Cúc Hòa Diễn Na.

21 - Nước Cúc Hòa Diễn Na.

Nước Cúc Hòa Diễn Na hai phía đông tây rộng hơn 200 dặm, hai phía nam bắc dài hơn 300 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm, có ba ngôi già lam, chư tăng có hơn trăm vị. Từ đó theo hướng đông đến nước Hoạch Sa.

22 - Nước Hoạch Sa.

Nước Hoạch Sa hai phía đông tây rộng hơn 300 dặm, hai phía nam bắc dài hơn 500 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 16, 17 dặm. Từ đó theo hướng đông đến nước Kha Đốt La.

23 - Nước Kha Đốt La.

Nước Kha Đốt La hai phía đông tây rộng hơn ngàn dặm, hai phía nam bắc cũng rộng hơn ngàn dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm. Phía đông tiếp liền với Thông Lãnh rồi đến nước Câu Mê Đà.

24 - Nước Câu Mê Đà.

Nước Câu Mê Đà hai phía đông tây dài hơn 2000 dặm, hai phía nam bắc rộng hơn 200 dặm, y cứ trong Đại Thông Lãnh. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm. Về phía tây nam gần sông Phược Sô. Phía nam tiếp liền với các nước Thi Khí Ni, rồi theo hướng nam vượt qua sông Phược Sô đến nước Đạt Ma Tất Thiết Đế, nước Bát Đạt Sáng Na, nước Dâm Đảng Kiện, nước Khuất Lũng Noa, nước Hý Ma Đát La, nước Bát Lợi Hạt. Nước Ngột Lật Sắc Ma, nước Hạt Ca Hồ, nước A Lợi Ni, nước Măng Kiện. Từ nước Hoạt theo hướng đông nam đến nước Khoát Tất Đa, nước An Đát La Phược, mọi sự như ghi tả ở Hồi Ký. Từ nước Hoạt theo hướng tây nam đến nước Phược Già Lãng.

25 - Nước Phược Già Lãng.

Nước Phược Già Lãng hai phía đông tây rộng hơn 50 dặm, hai phía nam bắc dài hơn 200 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm. Từ đó theo hướng nam đến nước Hột Lộ Tất Mẫn Kiện.

26 - Nước Hột Tất Mẫn Kiện.

Nước Hột Tất Mẫn Kiện chu vi rộng hơn ngàn dặm. Đô thành lớn của nước đó rộng khoảng 14 - 15 dặm. Từ đó theo hướng tây bắc đến nước Hốt Lẫm.

27 - Nước Hốt Lẫm.

Nước Hốt Lẫm chu vi rộng hơn 800 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 5 - 6 dặm. Có hơn 10 ngôi già lam, chư tăng hơn 500 vị. Từ đó theo hướng tây đến nước Phược Hát.

28 - Nước Phược Hát.

Nước Phược Hát hai phía đông tây dài hơn 800 dặm, hai phía nam bắc rộng hơn 400 dặm, phía bắc gần sông Phược Sô. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm, mọi người đều gọi đó là “Tiểu vương xá thành”. Thành đô tuy xưa cũ, người ở rất ít. Đất đai sản sinh ra vật loại rất nhiều, từ sông nước đến đất liền có các giếng hoa khó thể nêu bày đủ cả. Có hơn trăm ngôi già lam, chư tăng có hơn 3000 vị đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa.

Tại phía tây nam ngoài thành có một ngôi Tăng-già lam tên là Nạp Phược (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là chùa Tân) do vị tiên vương nước đó tạo lập nên. Các vị luận sư tạo luận ở phía bắc núi tuyết lớn chỉ có các vị ở chùa đó là sự nghiệp mỹ mãn không ngầm mất. Chùa đó có tôn tượng Phật dùng bằng các vật báu danh tiếng trang nghiêm ánh ngời. Phòng nhà trang nghiêm bằng các vật báu kỳ lạ. Nên Quân trưởng ở các nước vì ham lợi nên đánh cướp. Chùa ấy vốn có tôn tượng Tỳ Sa-môn Thiên Oai linh xem xét, rất đáng nương cậy thần gia hộ gìn giữ. Gần đây có Tứ Diệp Hộ Khả Hàn con của Diệp Hộ Khả Hàn; vua xứ Đột Quyết dốc hết bộ lạc dẫn hết binh lính vội nhóm tụ đến chùa ấy mưu toan cướp lấy vật báu. Cách đó không xa bèn nhóm tụ quân lính dừng nghỉ giữa đồng. Đêm đó mộng thấy tỳ Sa-môn Thiên đến bảo rằng: “Ông có sức lực gì mà dám phá hoại chốn già lam?”. Và nắm kích dài đâm suốt từ trước ngực xuyên lui sau lưng. Tứ Diệp Hộ Khả Hàn kinh sợ tỉnh giấc bèn cảm thấy đau nhói nơi tim, liền bảo cho tất cả mọi người tùy tùng biết rõ về mộng cảm trừng trị lỗi quá, vội thỉnh cầu chúng tăng để tỏ bày sám tạ, nhưng chưa kịp theo như ước muốn bèn đã chết mất. Trong Phật đường ở phía nam chùa ấy có chiếc bồn đức Phật tắm có thể dung chứa được hơn một đấu nước, có các tạp sắc ánh ngời, khó thể gọi đó là bằng vàng hay bằng đá vậy. Lại có một chiếc răng của đức Phật dài hơn một tấc, rộng khoảng 8 - 9 phân, sắc màu trắng

chất thuần sáng sạch. Lại có cái chổi của đức Phật quét được làm bằng loại cỏ ca xa dài hơn 2 thước, vòng đai rộng khoảng 7 tấc, cán nắm được trang sức bằng các vật báu tạp. Với ba loại vật trên, mỗi lúc đến sáu ngày trai các hàng pháp tục đều cùng nhóm tụ thiết bày cúng dường, do sự chí thành cảm nên hoặc tỏa phóng ánh sáng v.v...

Phía bắc chùa ấy có ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 200 thước, được dùng bằng các chất kim cang khảm thếp các vật báu trang sức nên. Bên trong có xá lợi, luôn có đèn đuốc tỏa ánh sáng linh.

Phía tây nam chùa đó có một Tinh Lô, từ khi tạo lập trở lại nay đã trải qua thời gian lâu dài. Những bậc cao tài nhóm tụ, từ phương xa đua nhau đến, những vị đã chứng đắc tứ quả khó thể nêu bày rõ. Nên các vị A-la-hán lúc sắp nhập niết bàn, thị hiện sức thần thông, mọi người đều nhận biết mới có tạo lập các Tốt-đổ-ba, vết tích nền móng cùng gần nhau có hơn vài trăm ngôi vậy. Tuy có những vị đã chứng đắc Thánh quả nhưng khi thị tịch không hiện sức thần thông cũng có đến số ngàn nhưng không tạo lập Tốt-đổ-ba và phong ký. Hiện nay chư tăng có hơn trăm vị ở đó, sớm tối chẳng biếng trễ công phu, nên Thánh phàm khó thể lường biết được.

Từ đô thành lớn theo hướng tây bắc đi hơn năm dặm tức đến thành Đề Vị. Từ thành ấy về hướng bắc đi hơn 40 dặm có thành Ba Lợi. Trong các thành trên mỗi mỗi đều có một Tốt-đổ-ba cao hơn ba trượng, xưa kia lúc đức Như Lai mới chứng thành Phật quả, từ tòa Bồ-đề đứng dậy chỉ hướng đi đến vườn nai. Khi ấy có hai ông trưởng giả gặp được ánh sáng oai thần của Phật nên men theo đường đức Phật đi và bèn dâng cúng bún, mật. Đức Thế Tôn vì đó mà giảng nói về phước của người trời. Đó là hai người đầu tiên được nghe nói về năm giới và mười điều thiện vậy. Khi đã được nghe giảng pháp, và thỉnh cầu cúng dường rồi, đức Phật bèn trao cho tóc và móng tay. Hai ông trưởng giả ấy đưa về nước mình với nghi thức nghinh thỉnh rất cung kính. Đức Như Lai lại trao cho Tăng-già Chi (xưa trước gọi là Tăng Kỳ Lê tức sai nhầm vậy) vuông bằng giạ trải phía dưới. Tiếp lại trao cho Uất Đa-la tăng, tiếp nữa trao cho Tăng Tức Khi (xưa trước gọi là Tăng Kỳ Chi là sai nhầm vậy). Lại che đậy bình bát, cắm chống tích trượng. Cứ như vậy theo thứ tự tạo lập Tốt-đổ-ba. Hai ông trưởng giả ấy vâng thừa mạng lệnh trở về trong thành ấy, phỏng theo nghi thức Thánh chỉ thử tu tạo dựng lập đó. Đó tức là những ngôi Tốt-đổ-ba đầu tiên trong giáo pháp của đức Phật Thích-ca vậy.

Từ thành ấy đi về phía tây cách hơn 70 dặm có một ngôi Tốt-đổ-

ba cao hơn hai trượng được tạo dựng từ thời đức Phật Ca Diếp Ba. Từ thành lớn theo hướng tây nam vào núi tuyết rồi đi đến nước Duệ Mạt Đà.

29 - Nước Duệ Mạt Đà.

Nước Duệ Mạt Đà hai phía đông tây rộng khoảng 50 - 60 dặm, hai phía nam bắc dài hơn trăm dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm. Từ đó lại theo hướng tây nam đến nước Hồ Thật Kiện.

30 - Nước Hồ Thật Kiện.

Nước Hồ Thật Kiện hai phía đông tây rộng hơn 500 dặm, hai phía nam bắc dài hơn ngàn dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm. Xứ đó có lắm nhiều núi sông, nơi sản sinh ra giống ngựa hay tốt. Từ đó theo hướng tây bắc đến nước Đát Thích Kiện.

31 - Nước Đát Thích Kiện.

Nước Đát Thích Kiện hai phía đông tây dài hơn 500 dặm, hai phía nam bắc rộng khoảng 50 - 60 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm. Phía tây tiếp giáp với biên giới nước Ba Thích Tư. Từ nước Phược Hát theo hướng nam đi hơn trăm dặm đến nước Yết Chức.

32 - Nước Yết Chức.

Nước Yết Chức từ đông sang tây dài hơn 500 dặm, từ nam sang bắc rộng hơn 300 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 4 - 5 dặm. Đất đai sành sỏi cứng nhắc gò đồi nối liền, hiếm ít hoa quả, có lắm nhiều tiêu, lúa tẻ, khí hậu rét lạnh, phong tục cứng mạnh. Có hơn 10 ngôi già lam. Chư tăng có hơn 300 vị, đều học theo giáo pháp Tiểu thừa thuyết nhất thiết hữu bộ. Từ đó theo hướng đông nam vào núi tuyết lớn, hang núi cao sâu, hang đảnh hiểm nguy, gió tuyết tương tục, đến giữa mùa hạ vẫn đóng băng, tuyết chứa đầy hang, đường khe trắc hiểm khó vượt qua. Thần núi quỷ mỵ, túng bạo yêu sùng. Trộm cướp đông nhiều tung hoành, chuyên làm việc giết hại. Đi hơn 600 dặm ra khỏi cảnh vức nước Đổ Hóa La, đến nước Phạm Diễn Na.

33 - Nước Phạm Diễn Na.

Nước Phạm Diễn Na từ đông sang tây dài hơn 200 dặm, từ nam sang bắc rộng hơn 300 dặm, tại trong núi tuyết. Mọi người men theo hang núi tìm thế lập ấp sinh sống. Đô thành lớn của nước đó men theo

sườn núi vượt hang cốc dài khoảng 6 - 7 dặm, phía bắc gối lưng đỉnh núi cao. Xứ đó có giống lúa túc mạch (lúa tẻ), hiếm ít hoa quả, thích nghi chăn nuôi súc vật có lắm nhiều dê ngựa, khí hậu rất rét lạnh. Phong tục cứng mạnh hung ác. Phần nhiều vận mặc y phục bằng da vải hạt, và đó cũng là điểm rất thích nghi, văn hóa chữ nghĩa thuần phong, sử dụng tiền bạc cũng đồng như ở nước Đổ Hóa La, ngôn ngữ có phần ít khác lạ, hình nghi dung mạo phần lớn tương đồng. Tâm tánh thuần tín đặc biệt rất gần nước nhà. Trên từ Tam bảo, dưới đến trăm thần, không đối với gì chẳng dốc tâm chí thành tôn kính. Các khách thương buôn bán qua lại, trời thần hiện chứng điềm lành, nêu bày cao sùng biểu hiện cầu phước đức. Có khoảng vài mươi ngôi già lam. Chư tăng khoảng vài ngàn vị, tôn kính tập học giáo nghĩa Tiểu thừa thuyết xuất thế bộ. Tại núi ở phía đông bắc vương thành có tôn tượng đức Phật đứng bằng đá cao khoảng 140 - 150 thước sắc màu vàng ròng sáng rỡ, dùng các vật báu trang nghiêm ánh ngời. Về phía đông có một ngôi già lam do tiên vương nước đó tạo lập, phía đông ngôi già lam ấy có tôn tượng đức Phật Thích-ca đứng bằng đá thau cao hơn trăm thước, phân thân riêng nhiều phần để chú đúc rồi ghép lại thành tôn tượng đứng.

Từ thành ấy về hướng đông cách khoảng 12 - 13 dặm, trong một ngôi già lam có tôn tượng đức Phật nằm nhập niết bàn dài hơn ngàn thước. vua nước ấy thường đến tại đó thiết lập đại trai hội thí vô già. Trên từ vợ con dưới đến vật báu nước nhà, kho lẫm đã dốc hết, lại dùng tự thân để bố thí. Các quan tước liêu tả đến trong chúng tăng thù đáp cầu chuộc. Cứ như thế lấy làm việc thường chuyên vậy.

Từ ngôi già lam có tôn tượng đức Phật nằm ấy theo hướng đông nam đi hơn 200 dặm, vượt qua núi tuyết lớn, lại theo hướng đông đến đầm sen nhỏ, suối ao lắng trong như kiếng soi cây rừng thông xanh, có ngôi Tăng-già lam. Bên trong có chiếc răng của đức Phật và răng vị Độc giác ở thời kiếp sơ dài hơn năm tấc rộng gần bốn tấc. Lại có chiếc răng của Kim Luân Vương dài ba tấc rộng hai tấc. Lại có bình bát bằng sắt của Đại A-la-hán Thương Nặc Ca Phược Sa (xưa trước gọi là Thương Na Hòa Tu là sai nhầm vậy) hành trì lường khoảng 8 - 9 thăng. Cả ba di vật của Thánh hiền đó đều dùng vàng ròng phong bịt. Lại có pháp y Tăng-già chi 9 điều của A La Há Thương Nặc Ca Phược Sa sắc màu đỏ tía được dùng bằng loại da cỏ Ca nặc ca dệt thành. Thương Nặc Ca Phược Sa là đệ tử của tôn giả A-nan, nhân trong đời trước đem áo cỏ Nặc Ca cúng thí chúng tăng trong ngày giải An Cư. Do phước lực đó mà trong 500 đời tự thân thường mặc loại áo ấy. Đến thân ở đời cuối cùng

áo ấy cùng từ bào thai đồng sinh ra. Đến lúc gặp được tôn giả A-nan độ cho xuất gia thì áo ấy biến thành pháp phục, đến lúc thọ giới cụ túc lại biến thành pháp y Tăng-già chi 9 điều. Và lúc sắp lâm chung tịch diệt nhập biên tế định, phát trí nguyện lực lưu lại pháp y ca sa ấy mãi đến khi di pháp của đức Phật Thích-ca diệt hết. Sau khi Di pháp diệt hết pháp y ấy mới biết hoại, nay đã có hư tổn phần nào, nên tin có chứng nghiệm vậy. Từ đó theo hướng đông đi vô núi tuyết trãi vượt qua Hắc lãnh đến nước Ca Tất Thí.

34 - Nước Ca Tất Thí.

nước Ca Tất Thí chu vi rộng hơn 4000 dặm, phía bắc gối lưng núi tuyết, còn ba phía kia là Hắc Lãnh. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm, đất đai thích nghi giống lúa tê, có lắm nhiều cây trái, là nơi sản sinh ra giống ngựa hay tốt, và Uất kim hương. Các phương khác buôn bán vật lạ phần nhiều nhóm tụ tại nước đó. Khí hậu gió rét, con người hung tàn bạo dữ. Ngôn từ nói năng vận mặc xấu xí, hôn nhân loạn tạp. Chữ nghĩa phần lớn đồng như ở nước Đồng Hóa La. Tập tục nói năng thuần phong mỹ giáo rất khác biệt. Vận mặc dùng bằng áo lông áo giạ và thêm loại áo hạt bằng da. Buôn bán đổi chác dùng bằng tiền vàng tiền bạc và tiền đồng nhỏ khuôn khổ hình dạng có khác so với các nước. vua nước đó thuộc chủng tộc Sát đế lợi, rất có trí tuệ mưu lược, tánh tình mạnh mẽ, oai phong thống nhiếp các xứ lân cận có cả thảy hơn 10 cõi nước, mến thương nuôi dưỡng trăm họ. Rất sùng kính Tam bảo, thường năm chú tạo tôn tượng đức Phật bằng bạc cao trượng tám và thiết đại hội thí vô già, chu cấp mọi người nghèo khổ, bố thí cho các kẻ góa bụa. Nước đó có hơn trăm ngôi già lam, chư tăng có hơn 6000 vị, phần nhiều đều học tập giáo pháp đại thừa. Các ngôi Tốt-đổ-ba, Tăng-già lam đều cao lớn thoáng rộng trang nghiêm sạch sẽ, có khoảng vài mươi ngôi đền thờ, các hàng dị đạo có hơn ngàn người, hoặc để loã hình hoặc bôi tro bụi, hoặc xâu đầu lâu làm thành tràng mũ đeo mang.

Từ thành lớn theo hướng đông đi khoảng 3 - 4 dặm, dưới núi phía bắc có một ngôi đại già lam, chư tăng có hơn 300 vị đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa. Nghe các bậc lão thành nói là: “xưa kia, vua Ca Nị Sắc Ca ở nước Kiền Đà La, oai phong trùm cả các nước láng giềng, phong hóa thấm đượm đến phương xa, ngự trị binh lính mở rộng vùng đất đến tận phía đông thông lãnh. Phiền Duy, Hà Tây sợ oai phong đó nên dâng trao con tin. vua Ca Nị Sắc Ca đã có được con tin lại đặc biệt

thêm lễ, thay đổi cung quán theo thời tiết nóng lạnh, mùa đông thì ở các nước tại Ấn Độ, mùa hạ trở về lại nước Ca Tất Trí, mùa thu và mùa xuân dừng lại ở nước Kiều Đà La, nên các con tin tùy nơi ở hợp với ba mùa mỗi mỗi đều tạo lập già lam. Nay ngôi già lam ấy là dựng lập để ở vào mùa hạ vậy. Nên vách tường phòng nhà đồ họa hình ảnh các con tin, dung mạo và hình thức vận mặc rất đồng như ở đông Hạ. Về sau các con tin được trở về lại đất nước mình mà tâm tình vẫn còn gắn liền nơi chỗ ở cũ. Tuy núi sông cách trở nhưng vẫn không phế bỏ sự cúng dường. Nên chúng tăng ngày nay mỗi lúc vào an cư và giải chế an cư đều thiết lập Đại pháp hội vì các con tin mà cầu phước tu thiện tương tục không ngưng dứt mãi đến ngày nay.

Tại phía nam của cửa phía đông Phật viện già lam có tôn tượng Đại thần vương dưới chân phải chôn giấu vật báu trong đất, do các con tin cất giấu đó, và có khắc ghi rằng: “Đến lúc nào già lam bị hư hoại thì lấy đó để tu sửa. Gần đây có vị ở lân cận tham lam hung bạo nghe ở già lam ấy có cất giấu nhiều vật quý báu, bèn đến xua đuổi chư tăng rồi đào bới, từ trong mão của Thần vương có tượng chim oanh vũ vỗ cánh tung bay kinh sợ kêu réo, đất đai chấn động, vua ấy cùng với quân nhân lung lay ngã té, lâu sau mới dậy được, bèn sám tạ lỗi quá mà trở về.

Trên đảnh núi phía bắc ngôi già lam ấy có vài ngôi thạch thất là nơi các con tin tu tập thiền định, trong đó cất giấu lắm nhiều vật báu xen tạp. Bên cạnh đó có bài minh khắc ghi, do Dược Xoa gìn giữ, như có người muốn khai phá lấy vật báu trong đó thì thần Dược Xoa ấy biến đổi thân hình khác, hoặc làm hình sư tử, hoặc làm thân hình trăn rắn, thú dữ trùng độc, thân hình khác lạ kinh động giận dữ, cho nên không người nào dám khai phá. Từ thạch thất về hướng tây cách khoảng 2 - 3 dặm, lên trên đỉnh núi lớn có tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tuệ. Như có người chí thành cầu nguyện mong trông thấy, Bồ-tát từ trên trong tôn tượng ấy lưu xuất ra thân sắc vi diệu an úy người ấy.

Từ thành lớn về hướng tây nam cách hơn 30 dặm đến Tăng-già lam Hạt La Hổ, bên cạnh đó có ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn trăm thước. Có lúc đến các ngày trai tỏa phóng ánh sáng, hình thế bát úp đậy phía trên tảng đá giữa khoảng lỗ hổng lưu xuất mùi dầu Hắc hương, lúc trong đêm thanh vắng nghe có tiếng âm nhạc. Nghe các bậc lão thành nói rằng “xưa trước quan đại thần nước đó tên là Hạt La Hổ tạo lập tháp ấy khi công việc đã hoàn tất, bỗng nhiên trong đêm mộng thấy có người bảo rằng: “ngươi kiếp tạo Tốt-đổ-ba mà chưa có xá lợi, sáng sớm mai có người đem đến dâng tặng vua, ngươi nên đến nơi vua để cầu xin”.

Đến sáng ngày, quan đại thần vào triều đình thưa thỉnh rằng: "chẳng lường sự ngu hiền, thần dám xin có sự nguyện cầu". vua hỏi: "Ông muốn cầu điều gì?". Quan đại thần đáp: "Ngày nay có người đem xá lợi hiến tặng, xin dũ ân ban cho!". vua bảo: "Được vậy!". Quan đại thần Hạt La Hổ bèn đứng tại cửa cung đợi chờ trông mong người đến. Bỗng chốc có người mang bình xá lợi đi đến. Quan đại thần Hạt La Hổ hỏi: "Ngươi dâng hiến vật gì vậy?". Người ấy đáp: "Xá lợi của đức Phật!". Quan đại thần Hạt La Hổ bảo: "Tôi sẽ vì ông giữ lại đây. Ông nên vào tâu cùng vua trước". Đại thần Hạt La Hổ khi ấy bèn nghĩ sợ vua sẽ trân quý xá lợi, bèn hối hận ân trước nên vội chạy sang Tăng-già lam, leo lên Tốt-đổ-ba, do sự chí thành cảm nên, tảng đá hình bát úp đậy ấy tự nhiên mở ra, bèn tôn trí xá lợi vào đó rồi vội rút lui mà còn kẹt lại vạt áo. vua sai xứ đuổi theo, vừa đến nơi thì đá bịt lại vậy, nên giữa khoảng lỗ hổng tỏa mùi dầu hắc hương.

Từ thành ấy về phía nam cách hơn 40 dặm là đến thành Tập Tệ Đa Phạt Thích Từ. Phàm những lúc đất đai chấn động, núi đồi sụp đổ, chung quanh ranh giới thành ấy trọn không lay động. Từ thành Tập Đệ Đa Phạt Thích Từ theo hướng nam đi hơn 30 dặm là đến núi A Lộ Nhu, sườn đảnh cao vót, hang núi mịt mờ. Đảnh núi đó mỗi năm cao dần vài trăm thước, cùng đồng ngang núi Sô Na Hý La ở nước Tào Củ Tra phảng phất cùng trông thấy nhau thì bền liền sụp đổ. Nghe các hoàng sĩ tục nói rằng: "mới đầu thần trời Sô Na từ nơi xa mà đến, muốn dừng trụ ở tại núi đó. thần núi đô kinh động tức giận lay động khe hang. Thần trời nói là "do không muốn cùng chung ở một nhà nên khuynh động như vậy. Nên duổi chút tình khách chủ, sẽ cùng doanh tạo của báu. Nay tôi sang núi Sô Na Hý La ở nước Tào Củ Tra, mỗi năm đến nhận sự cúng tế của vua và đại thần nước tôi sẽ cùng trông gặp nhau". Nên núi A Lộ Nhu tăng cao, thế rồi sau đó liền sụp đổ".

Từ Vương thành theo hướng tây bắc đi hơn 200 dặm đến núi Tuyết lớn. Trên đảnh núi có ao. Mọi người cầu mưa cầu tạnh, v.v... tùy sự mong cầu thảy đều được mãn nguyện. Nghe các bậc lão túc nói rằng: "xưa kia tại nước Ma-kiệt-đà có vị A-la-hán thường thọ nhận sự cúng dường của vua rồng ao ấy. Thường ngày đến giờ thọ trai, vị A-la-hán ấy vận dụng sức thần ngồi nơi thằng sân rồi bay bổng giữa không trung mà sang. Có vị sa di làm thị giả ẩn kín dưới thằng sâu men vịn trốn trong đó. khi vị A-la-hán đó sang đến cung rồng mới thấy có vị sa di đi do cùng theo. vua rồng nhân đó thỉnh mời ở lại dùng cơm. vua rồng đem cơm cam lồ cõi trời dâng cúng vị A-la-hán, ma đem cơm nhân gian tiếp

đãi vị sa di đó. Vị A-la-hán sau khi thọ trai xong bèn vì vua rồng mà giảng nói các pháp yếu. Vị sa di ấy vẫn như thường ngày rửa dọn mọi vật chén bát của thầy. Nơi chén bát có sót lại vài hạt cơm có mùi thơm tỏa ngát. Vị sa di ấy liền sinh khởi ý niệm xấu xác, buồn hận thầy tức giận rồng mà nguyện đem tất cả các thứ phước lực có được nay đây thảy đều hiển hiện để đoạn đứt mạng sống rồng ấy. Và ta sẽ tự làm vua. Khi vị sa di ấy phát lời nguyện đó, vua rồng đã cảm thấy trong đầu mình đau nhức. Vị A-la-hán dạy bày các pháp can răn dẫn dụ. Vua Rồng sám tạ lỗi quấy tự trách thân mình. Nhưng vị sa di ấy vẫn ôm hoài tức giận không nhận sự hối tạ đó. thế rồi trở về lại trong già lam, chí thành phát nguyện. Do phước lực cảm nên, đêm đó vị sa di ấy mạng chung làm vua Rồng lớn, oai thế mạnh dữ phấn phát bèn vào nơi ao giết hại vua Rồng ấy rồi vào ở nơi cung Rồng, tất cả bộ thuộc của vua Rồng trước thảy đều tuân vâng theo mạng lệnh. Do vì nguyện lực xưa trước nên dấy nỗi mưa gió bão bùng, nhổ bẻ cây cối muốn phá hoại ngôi già lam. Khi ấy vua Ca Nị Sắc Ca lấy làm quá lạ nên hỏi. vị la hán đó bèn đem đầy đủ sự tình tấu bày cùng vua. vua liền vì Rồng (tức vị sa di xưa trước) mà đến dưới núi tuyết tạo dựng ngôi già lam và Tốt-đổ-ba cao hơn trăm thước. Rồng vẫn ôm hoài sự tức giận xưa trước, bèn nổi gió mưa. vua lấy sự rộng tế độ làm tâm. Rồng nương sự tức giận mà hung bạo, nên ngôi Tăng-già lam và Tốt-đổ-ba đó trải qua sáu lần bị hủy hoại, bảy lần tạo dựng nên. vua Ca Nị Sắc Ca lấy làm xấu hổ công nguyện chẳng thành bèn muốn sang lấp ao rồng hủy phá nhà ở, nên liền khởi động binh lính đông nhiều đến dưới núi tuyết. Khi đó, vua Rồng ấy trong lòng rất lo sợ, biến hình làm một vị Bà-la-môn đến cúi đầu trước voi vua mà can ngăn rằng: “Đại vương xưa trước vốn gieo gốc lành, rắc nhiều nhân tố ưu thắng, được làm vua trong cõi người không nghĩ chẳng báo, ngày nay cớ sao lại giao tranh với loài Rồng? Phàm Rồng tức là súc vật, loài xấu ác thấp hèn, nhưng có oai thế lớn, ta không thể dùng sức mà đua tranh. Rồng nương mây cưỡi gió, vượt đạp giữa hư không, chìm lặng trong biển nước, sức người không thể ngăn chế nỗi. Đâu dễ như sự tức giận trong lòng vua nghĩ tưởng ư? Nay vua dấy động binh lính khắp cả nước cùng tranh đấu với một con Rồng, nếu thắng thì oai lực của vua cũng chẳng nhiếp phục đến xa, còn nếu thất bại hẳn vua sẽ xấu hổ với kẻ địch. Do đó vì vua xin cùng bàn tính nên có thể cho binh lính rút lui trở về”. Vua Ca Nị Sắc Ca chưa chịu nghe theo đó. Rồng bèn trở lại nơi ao tuông phát âm thanh chấn động sấm sét nổ đùng, gió bão đẩy nhổ cây cối, cát đá tuông đổ như mưa, mây mốc mờ tối, khiến quân ngựa

đều kinh sợ, vua mới quy mạng Tam bảo, cầu xin sức gia hộ, nói rằng: "xưa trước gieo trồng lắm việc phước, nay được làm vua cõi người, oai lực nhiếp chế địch mạnh, thống trị cả thiện bộ châu, mà nay bị Rồng là loài súc vật khuấy động, thật là bởi tôi phước bạc vậy! Nguyện xin tất cả phước lực có được ngay hiện tại đây, giữa khoảng chặn mày nổi lên khói lửa lớn, khiến Rồng rút lui gió lắng mưa móc cuốn mất mây tan". vua bèn khiến quân lính đông nhiều người vác một tảng đá đến bít lấp aoa rồng. Rồng trở lại biến làm thân vị Bà-la-môn lại cầu xin cùng vua rằng: "Tôi là vua Rồng ở ao ấy, khiếp sợ oai thế của vua, nay xin quy mạng. Cầu xin vua rủ lòng thương xót ban tha cho lỗi quá xưa trước. vua vốn mang ngậm chở che mạng sống sinh linh. Cớ sao nay riêng đối với tôi mà gia tâm muốn hại. Nếu vua giết tôi, tôi sẽ cùng vua đều sa đọa vào đường xấu ác. Vì vua có tội cắt đứt mạng sống, còn tôi có tâm ôm hoài thù hận, nghiệp báo rõ ràng thiện ác rành rành vậy!". Vua bèn cùng rồng (tức Bà-la-môn) minh bạch lập nên khế ước. Về sau nếu như có trái phạm thì không thể cùng dung tha. Rồng nói: "Tôi vì hạnh nghiệp xấu ác nên thọ thân nhận chịu làm loài rồng, mà Rồng vốn tánh mạnh dữ không thể tự gìn giữ. Mỗi khi tâm sân đã dấy khởi hẳn sẽ quên sự chế ước. Nay vua trở lại tạo lập ngôi già lam, tôi không dám phá hủy nữa, nhưng xin hãy bảo có một người hầu luôn trông nhìn trên đảnh núi, nếu như có mây đen nổi lên, xin gấp đánh kiền chùy. Tôi nghe âm thanh đó, tâm xấu ác liền tan mất". Khi đó, vua trở lại lên ngôi già lam, xây dựng Tốt-đổ-ba. Có người hầu trông canh mây khói nổi đến nay vẫn không ngưng nghỉ". Lại nghe các bậc Lão túc nói là: "trong Tốt-đổ-ba có xá lợi cốt thịt của đức Như Lai nhiều hơn một thăng. Có những sự thần biếu chẳng thể thuật bày rõ ràng nổi. Có một lúc từ trong Đổ tốt ba bỗng nhiên có khói nổi lên, chốc lát bàn phát ra lửa dữ. Mọi người thời bấy giờ cho là Tốt-đổ-ba đã theo lửa mà tiêu mất. Cứ chiêm ngưỡng lâu sau, lửa tắt khói tiêu, mới thấy xá lợi như phan cầu sắc trắng xoay quanh ngoài trụ uyển chuyển mà lên, lên cao đến giữa khoảng mây cuộn lượn xoay mà xuống lại.

Từ Vương thành về phía tây bắc, trên bờ phía nam sông lớn có nô-gi già lam cựu vương, bên trong có chiếc răng sữa của Bồ-tát Thích-ca lúc bé thơ sắc màu vàng trắng lớn hơn một tấc, về phía đông nam ngôi già lam ấy lại có một ngôi già lam cũng tên là cựu vương có một mãnh xương cốt đảnh đầu đức Như Lai mặt rộng hơn một tấc sắc màu vàng trắng lổ chân tóc rõ ràng, lại có tóc của đức Như lai, tóc sắc màu xanh biếc, búi tóc quấn xoay về phía hữu kéo ra dài hơn một thước, cuốn lại

còn khoảng nửa tấc. Phàm nơi có ba sự ấy, mỗi lúc đến sáu ngày trai, vua cùng các quan đại thần đều rải hoa cúng dường.

Từ ngôi già lam có cốt xương đảnh đầu về phía tây nam có ngôi già lam cựu vương phi. Bên trong có ngôi Tốt-đổ-ba bằng đồng và vàng cao hơn trăm thước. Nghe các hàng sĩ tục kể rằng: "trong Tốt-đổ-ba đô có hơn một thăng xá lợi Phật. Vào ngày 15 của mỗi tháng đêm đó bèn tỏa phóng ánh sáng vòng tròn soi sáng hiện bày mâm, ánh ngời như thế đến gần sáng hôm sau ánh sáng mới dần thâu lại vào trong Tốt-đổ-ba. Từ thành về phía tây nam có búi Tỷ la sa lạc, (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Tượng Kiên). Thần núi đó biến làm hình voi (tượng) nên gọi là Tượng Kiên vậy. Xưa kia, khi đức Như Lai còn tại thế, thần Tượng Kiên phụng thỉnh đức Thế Tôn cùng 1200 vị Đại A-la-hán, trên đảnh núi có một tảng đá lớn, đức Như Lai bèn đến đó nhận sự cúng dường của Thần. Sau đó, vua Vô Ưu bèn đến trên tảng đá tạo lập ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn trăm thước. Người đời nay gọi đó là ngôi Tốt-đổ-ba Tượng Kiên vậy". Cũng còn có người nói ở bên trong có hơn một thăng xá lợi của đức Như Lai.

Về phía bắc Tốt-đổ-ba Tượng Kiên, dưới hang núi có một suối Rồng, là nói xưa kia đức Như Lai đã thọ nhận cơm của thần cúng dường rồi, cùng các A-la-hán đến trong đó súc miệng nhấm nhành dương, nhân đó bèn cắm rễ, nay thành rừng tươi tốt. Người sau đến đó dựng lập ngôi già lam tên là Tỳ Đạt Khư (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Tước Dương Chi). Từ đó theo hướng đông đi hơn 600 dặm, hang núi tiếp liền đảnh núi cao vợi, vượt qua Hắc Lãnh vào cảnh giới phía bắc Ấn Độ vào nước Loạn Ba (thuộc bắc Ấn Độ).

■

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỨC KÝ

QUYỂN 2

(Nói về ba nước)

1- Nước Lạm Ba

2- Nước Na Yết La Hạt

3- Nước Kiện Đà La.

Rõ thấy danh xưng của Thiên Trúc có lắm sự bàn nghị khác nhau rối rắm. Xưa trước gọi là “Thân Độc”, hoặc gọi là “Hiền Đậu”. Nay theo chánh âm nên gọi là “Ấn Độ”. Người Ấn Độ tùy theo địa vức mà xưng nước. Dẫu khác phương khác tục xa gần gọi một tên chung, nói đến sự tốt đẹp nên gọi đó là Ấn Độ.

Ấn Độ, tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là “Nguyệt” (vầng trăng). Nguyệt có nhiều danh nghĩa. Nay nói về nghĩa thứ nhất là nói tất cả các loài quần sinh lưu chuyển luân hồi không ngưng dứt suốt đêm dài tối mịt không có điều khiển sáng sớm mai. Đó tợ như ánh bạch nhật đã ẩn. Giữa đêm ánh đuốc tiếp nối tuy có soi chiếu của sao sáng, nhưng đâu như ánh sáng của vầng trăng. Kể từ duyên ấy dẫn đến nhân mà thí dụ như vầng nguyệt. Bởi vì các bậc hiền Thánh ở cõi nước đây tiếp nối khuôn phép dẫn dắt phàm tình ngự trị mọi vật như vầng nguyệt soi chiếu đến. Do từ ý nghĩa ấy nên xưng gọi là Ấn Độ. Tại Ấn Độ, chủng tộc giòng họ phân đàn mà Bà-la-môn là đặc ưu thanh bạch cao quý. Từ sự nhã xưng ấy lưu truyền thành tục. Không nói riêng biệt của kinh giới, mà gọi chung là “nước Bà-la-môn”.

Nêu theo cảnh vức phong cương có được mà có thể nói là cảnh vức của năm xứ Ấn Độ chu vi rộng hơn chín vạn dặm, ba phía là biển lớn, còn phía bắc gối lưng vào núi tuyết. Phía bắc thì rộng, phía nam hẹp nhỏ, hình như nửa vầng trăng. Vẽ họa đồng trống phân chia khu vực có hơn 70 nước, thời tiết đặc biệt nắng nóng, đất có nhiều suối ẩm thấp. Phía bắc mới núi đồi quanh co, gò đồi xếp lớp. Phía đông thì sông đồng tưới nhuận, đất đai phì nhiêu. Phía nam cây cỏ tươi tốt, phía tây đất đai sành sỏi. Đại khái như thế có thể nói lược vậy.

Phàm về danh xưng của số lượng thì gọi là Du Thiện Na (xưa trước gọi là Do tuần, hoặc gọi là Du xà na. lại còn gọi là Do diên, đều là gọi lược sai lầm vậy). Đức Phật thiện na tức là quãng đường mà quân của Thánh vương xưa kia đi trong một ngày. Xưa trước tương truyền một Du thiện na là 40 dặm, theo tục của nước Ấn Độ là 30 dặm. Theo trong Thánh giáo ghi chép thì chỉ có 16 dặm. Con số nhỏ tột cùng là phân một Du thiện na làm thành 8 Câu lô xá. Câu lô xá nghĩa là tiếng kêu của trâu lớn vang nghe ở điểm cùng cực thì gọi là Câu lô xá. Nhân một Câu lô xá làm thành 500 cung. Phân một cung làm thành bốn khủy tay, phân một khủy tay làm thành 24 ngón tay, phân một đốt ngón tay làm thành bảy hạt lúa tẻ. Cho đến lổ hổng giữa khoảng chấy rận lông trâu dê lông thỏ nước đầy lược phân thành bảy phần cho đến hạt bụi nhỏ, hạt bụi nhỏ phân thành bảy phần làm thành hạt bụi cực nhỏ. Hạt bụi cực nhỏ không còn chia chẻ được nữa, chia chẻ tức kết quy về không, nên gọi là "cực vi".

Nếu theo âm dương lịch vận ngày tháng thứ lớp hợp xưng, nghĩa là tuy có khác mà thời gian không khác. Tùy theo Tinh Kiến (chuôi sao) mà nêu tên tháng. Với thời gian cực ngắn, gọi đó là Sát na. cứ 120 sát na là một Đát sát na, cứ 60 Đát sát na làm một Lạp phược, cứ 30 Lạp phược làm một Mâu hô lật đa, xứ 05 Mâu hô lật đa làm một thời, cứ sáu thời hợp thành một ngày một đêm (ngày 03 đêm 03). Thế tục còn còn pâhn mỗi một ngày đêm có tám thời (ngày 04 đêm 04 ở mỗi một thời mỗi có 04 phân). Trăng từ đầy đến tròn gọi là Bạch phần, trăng khuyết đến tối gọi là Hắc phần. Hắc phần hoặc có 14 ngày hoặc có 15 ngày do tháng có tháng thiếu tháng đủ nên vậy. Hắc trước Bạch sau hợp thành một tháng. Cứ sáu tháng hợp thành một hành, mặt nhật đi lại xoay chuyển theo hướng bắc, mặt nhật đi tại ngoài xoay chuyển theo hướng nam. Gồm cả hai hành ấy hợp làm thành một năm. Lại phân một năm làm thành sáu thời (mùa); từ ngày 16 tháng giêng đến ngày 15 tháng 03, tức là dần nóng. Từ ngày 16 tháng 03 đến ngày 15 tháng 05 là rất nóng. Từ ngày 16 tháng 05 15 tháng 07 là mùa mưa. Từ ngày 16 tháng 07 đến ngày 15 tháng 09 là mùa tươi tốt. Từ ngày 16 tháng 09 đến ngày 15 tháng 11 là dần lạnh. Từ ngày 16 tháng 11 đến ngày ngày 15 tháng giêng là (năm sau) là rất lạnh. Theo Thánh giáo của đức Như Lai thì một năm phân làm 03 mùa; từ ngày 16 tháng giêng đến ngày 15 tháng 05 tức là mùa nóng. Từ ngày 16 tháng 05 đến ngày 16 tháng 09 là mùa mưa, từ ngày 16 tháng 09 đến ngày 15 tháng giêng (năm sau) là mùa lạnh. Hoặc phân làm 04 mùa xuân, hạ, thu, đông. Ba tháng mùa xuân

là tháng chế đát la, tháng phệ xá khư, tháng thệ sắc tra tức từ ngày 16 tháng giêng đến ngày 15 tháng 04. ba tháng mùa Hạ là tháng A sa trà, tháng Thất la phạt noa và tháng Bà la bát đà tức từ ngày 16 tháng 04 đến ngày 15 tháng 07. Ba tháng mùa thu là tháng Át thấp phược sưu xà, tháng Ca thỉ để ca mà tháng Mạt già thỉ la tức từ ngày 16 tháng 07 đến ngày 15 tháng 10. ba tháng mùa đông là tháng Báo sa, tháng Ma khư và tháng Át lặc lũ noa tức từ ngày 16 tháng 10 đến ngày 15 tháng giêng năm sau. Nên chư tăng ở Ấn Độ y theo Thánh giáo của Phật tọa an cư có hai mùa, hoặc 03 tháng trước hoặc 03 tháng sau. Ba tháng trước tức từ ngày 16 tháng 06 đến ngày 15 tháng 09. Đời trước những người phiên dịch kinh luật, hoặc gọi là "Tọa Hạ", hoặc gọi là "Tọa lạp" đó đều là xứ biên địa khác tục, chưa thấu đạt chánh âm của Trung Hoa, hoặc bởi dùng phương ngôn chưa dung thông mà truyền dịch có sai lầm. Lại suy tính về ngày tháng đức Như Lai nhập thai, sơ sinh, xuất gia, thành Phật, nhập Niết bàn, v.v... đều có sâm sai. Nói tại "Hậu kỳ".

Như về làng ấp thôn xóm phương vức rộng cao, đường thông ngỏ tắc lượn uốn quanh co, cửa chợ ngày đường, cờ đình cặp đường, giết mổ chài câu, con hát, đầu sỏ nem thịt, cờ quyết vườn nhà ở gạt bỏ ngoài ấp, hành lý qua lại, hẹp bên tả đường. Đến như chế vườn nhà ở, làm nên tường quách, thế đất thấp xấu ẩn trưng, thành nhiều lớp gạch. Cả đến như tướng vách hoặc bện cây trúc, phông nhà đài quán, bảng nhà ngang bằng đầu, dùng đá tro bôi lấp, dùng ngói gạch đậy phủ. Các thứ khác lạ tạo dựng cao lớn, hình thứ chế tác đồng như ở Trung Hoa. Che lợp bằng tranh bằng cỏ, hoặc bằng gạch bằng ván. Vách tường dùng bằng đá tro trang sức nên, đất bùn phẩn trâu làm sạch. Có lúc tán trải hoa, đó là khác lạc vậy. Các ngôi Tăng-già lam thiết chế rất kỳ đặc. Ở bốn góc lầu xây dựng nổi lên trùng các ba tầng, rui xà rường cột chạm trổ các hình kỳ lạ, cửa thông, cửa sổ quanh tường họa vẽ các hình sắc nơi ở của dân chúng lê thứ, bên trong xa xỉ phía ngoài cần kiệm, phòng ấm nhà giữa, tầng đài trùng trùng các hình thứ chế tác không gò bó. Cửa nẻo xoay trở về hướng đông, tòa Triều xoay mặt hướng đông. Đến như ngồi nghỉ đều dùng bằng thẳng sàng. Các hàng vương tộc đại nhân sĩ thứ giàu có trang sức tuy có khác nhưng quy củ không khác. Tòa triều của quân vương lại càng cao lớn, khảm cẩn các thứ ngọc châu kỵ gọi đó là giường sư tử, dùng đệm giạ nhỏ mịn lót trải mà dẫm bước, lại dùng bằng các thứ ghế báu. Còn với trăm thứ quan liêu thứ tùy sự ưa thích mà khắc chạm hình loại khác nhau, châu ngọc ánh ngời. Xiêm y vận mặc không ít cắt chế đều dùng bằng các thứ quý đẹp trắng nhẹ, hình sắc xen

tạp. Người nam thì quấn eo thắt nách, khăn rộng rủ vai phải, người nữ thì choàng xiêm rủ xuống hai khủy tay đều che kín, trên đảnh đầu là một búi tóc nhỏ, tóc còn lại đều rủ xuống, hoặc có người cắt tóc khác biệt làm sự lạ lùng với đời, đầu quấn vòng hoa, thân đeo mang chuỗi anh lạc. Người vận mặc như vậy gọi là áo Kiêu xa da, và bông vải v.v.., Kiêu xa da tức là tơ của tằm hoang dã. Áo tùng ma, tức các loại sợi gai. Áo Hạm bát la được dệt bằng lông dê nhỏ mịn. Áo Hạt thích ly dệt bằng lông thú hoang dã. Lông thú nhỏ mịn có thể dùng chắp đánh sợi nên lấy làm trân quý mà sung vào mặc dùng. Tại phía bắc Ấn Độ phong thổ rét lạnh, cắt chế áo nhỏ hẹp, rất đồng như cách vận mặc của người Hồ. Các hàng ngoại đạo vận mặc trang sức chế tác khác lạ xen tạp, hoặc áo đuôi lông khổng tước, hoặc trang sức bằng đầu lâu chuỗi anh lạc, hoặc không vận mặc; để lộ bày thân hình, hoặc dùng tấm cỏ che thân, hoặc nhổ tóc cắt râu, rối bong tóc mai đẩy lên làm búi tóc, xiêm y không nhất định, sắc màu đỏ trắng chẳng thường. Còn pháp phục của hàng Sa-môn - thích tử chỉ có ba y và Tăng khư khi, Nê phược ta na, Ba y cắt chế tùy bộ chẳng đồng, hoặc viền có rộng hẹp, hoặc lá có lớn nhỏ, Tăng khư khi ((tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Yêm dịch (bít che nách), xưa trước gọi là Tăng kỳ chi tức là sai nhầm vậy) phủ che vai tả, bít hai nách, bên tả mở bên hữu lợp kín dài cắt quá eo. Nê phược ta na (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là quần, xưa trước gọi là Niết bàn tăng tức là sai nhầm vậy), đã không đai dãi, lúc mặc chỉ nắm lấy xếp thành nếp nhỏ để buộc, xếp nếp các bộ mỗi tự có khác, sắc mầu hoặc vàng hoặc đỏ chẳng đồng. Các hàng chủng tộc Sát đế lợi, Bà-la-môn ăn ở đơn giản thanh sạch thuần tố, kiệm ước minh bạch sáng sạch, các hàng quốc vương, đại thần vận mặc tốt lành quý báu có khác, tràng hoa mũ báu dùng để trang sức trên đầu, vòng xuyến anh lạc đeo mang nơi thân. Còn các hàng thương buôn giàu sang quý giá chỉ có vòng xuyến mà thôi. Ngoài ra mọi người phần nhiều là đi chân đất không giày dép, răng sức đều nhuộm hoặc màu đỏ màu đen, tóc cắt ngang bằng, xâu lổ tai, mũi dài mắt lớn. Tướng mạo đại khái là như thế.

Còn về sự thanh khiết tự giữ thì chẳng kiêu chí khí ấy, phàm thiết bày thức ăn thì trước hẳn phải tẩy rửa. Thức ăn còn lại qua đêm không đem dùng lại, vật đựng thức ăn chẳng để lại, các thứ vật dụng bằng sứ bằng gỗ, dùng qua hẳn vất bỏ. Các vật bằng vàng bạc đồng sắt thì luôn chùi mài ngời ánh. Ăn cơm đã xong thì nhấm nhành dương mà làm sạch và súc miệng, mọi sự chưa xong thì chẳng cùng xúc chạm. Mỗi lúc có tiểu giải thì hẳn tẩy rửa, thân hình bôi thoa các thứ hương thơm như là

chiên đàn, uất kim hương, v.v... Các vị quân vương lúc sắp tắm thì giống trống tấu đàn ca hát cúng tế bái vái đều thờ bồn tắm rửa.

Xét rõ về văn tự thì Phạm thiên chế tác nên, nguyên thể bai trải khuôn phép chỉ có 47 ngôn từ, ngụ vật hợp thành, tùy sự mà chuyển dùng, lưu diễn thành chi phái, nguồn ấy xâm rộng ra, nhân địa vức tùy con người mà hơi có sự cải biến. Ngôn ngữ ấy đại lược chưa khác nguồn gốc. Mà tại trung Ấn Độ đặc biệt rõ ràng chính xác, từ điều hòa nhã đồng âm với Phạm thiên, khi vận trong sáng đáng làm khuôn phép cho người. Các vùng lân cạnh và nước khác tập học sai lầm thành thói dạy răn, đua tranh bạc tục chẳng giữ thuần phong. Đến như ghi lời viết sự mỗi mỗi đều có quản lý hiện còn. Sử cáo gọi chung đó là Ni la tệ trà (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là "Thanh Tạng". Thiện ác nêu bày đầy đủ, tốt xấu viết đủ, mà mở mang cho kẻ trẻ nhỏ mời tối, dẫn dụ tiến triển, trước hết dạy dăn bằng 12 chương. Đến bảy tuổi trở lên mới trao dạy "Ngũ Minh đại luận" tức: 01 là thanh minh tức là giải thích chữ nghĩa cổ huấn, thuyên phân từng mục lưu biệt - 02 là công xảo minh tức là cơ quan kỷ luật, lịch số âm dương - 03 là y phương minh tức là cấm chú gian tà, thuốc đá châm cứu - 04 là nhân minh tức là xét định tà chánh nghiên tầm khơi xét chân ngụy (giả, thật) - 05 là nội minh tứ là nghiên cứu thỏa sướng về ngũ thừa, diệu lý nhân quả. Còn đối với Bà-la-môn thì học Tứ phệ đà luận (xưa trước gọi là Tỳ đà tức sai nhầm vậy): 01 là thọ tức là dưỡng sinh sửa tánh - 02 là tứ tức là cúng tế cầu đảo - 03 là bình tức là lễ nghi chiêm bói binh pháp quân trận - 04 là thuật tức là kỷ số tài năng khác lạ, cấm chú y phương. Các bậc thầy hẳn rộng nghiên cứu tinh vi, suốt cùng huyền ảo, chỉ bày đại nghĩa dùng lời vi diệu mà dạy răn dẫn dắt, khắc suy khuyên bạc, khéo dẫn dụ nhắc lên. Nếu là biết rộng thông mẫn, chí hoài trốn vượt xa thì bó buộc trở lại khai mở học nghiệp thành đạt. Đến tuổi 30 lập chí học thành, đã ở ngôi vị hưởng lộc, trước báo đáp ân đức của thầy. Như có rộng thông xưa cổ ưa thích thanh nhã, ẩn lánh béo tốt, sống đời thuần trinh. Chìm nổi ngoài vật, thong dong khỏi mọi sự. Sủng ái hay hỗ nhục chẳng kinh sợ, tránh xa tiếng tăm. Quân vương có nhã lòng mến chuộng cũng chẳng lay động vết chân. Nhưng mà nước nhà trọng người thông duệ, thế tục quý bậc cao minh, tán thán ngợi khen đã lớn, lễ mạng cũng trọng, nên hay gắng chí dốc học, quên cả mỏi mệt đuổi theo nghề nghiệp, phỏng tìm hỏi đạo nương tựa nhân từ, chẳng ngại ngùng vượt xa ngàn dặm. Nhà tuy giàu có mà chí đều theo ở trọ, của cải miệng bụng, theo chế độ kẻ tù mà chu cấp, có quý biết đạo, không xấu hỗ thiếu thốn của cải. Trái

lại với kẻ ham vui theo nghiệp biếng khác, trộm cướp để ăn, xa xỉ vận mặc. Đã không có lệnh đức lại chẳng có lúc tập học, thì hỗ nhục đều đến, tiếng xấu vang vọng xa.

Đối với giáo lý của đức Như Lai tùy loại mà được hiểu, cách Thánh thửa xa, chánh páhp thuần nhạt. Mặc tùy tâm có kiến giải mà đều được ngộ nghe biết. Bộ chấp như núi cao vợi, tranh luận dấy nổi sóng. Các hàng dị học chuyên môn khác đường đồng đến. Cả thảy có 18 bộ phái, mỗi tự chiếm xứ sự bén nhọn riêng mình, đại thừa Tiểu thừa nói ở riêng biệt. Họ có điểm an tỉnh tư duy minh hành dừng đứng, định tuệ chột cách biệt, ồn náo và tĩnh lặng khác nhau hẳn. Tùy theo đồ chúng họ ở mà mỗi tự chế tác khoa điều phòng cấm, không nói Luật luận kinh là kinh Phật, tuyên giảng mật bộ mới khỏi việc chư tăng biết, hai bộ thì tăng thêm phòng ở và mọi dụng cần thiết, ba bộ thì sai thị giả cầu nương theo, bốn bộ thì cấp cho tịnh nhân để sai sử phục dịch, năm bộ thì đi cưỡi ngựa kiệu, sáu bộ lại dẫn đồ chúng vây quanh vệ hộ. Đạo đức đã cao, cờ hiệu mạng cũng khác. Đến lúc nhóm tập giảng luận, xét phận sự hơn kém, rõ ràng riêng biệt thiện ác, gạt vượt tối sáng. Người ấy có đắn đo chống bẻ lời nhỏ nhiệm, đè nén hay dương bốc diệu lý. Ngôn từ thanh nhã đầy đủ tốt lành, khéo biện giải nhanh nhẹn. Khi ấy nương cưỡi ngựa báu dẫn theo như rừng, cho đến các hàng nghĩa môn mở rỗng, ngôn từ sắc bén bẻ dẹp bén nhạy, lý ít mà ngôn từ nhiều, nghĩa trái mà lời thuận, bèn liền mặt bôi đất đỏ, thêm các bụi dơ, ruồng bỏ ra ngoài đồng trống, vất đến nơi ngòi rãnh, đã phô bày sự trắng trong và vẫn đục, cũng lộ rõ hiền ngu. Người biết vui thích đạo, nhà chuyên cần chế học. Xuất gia trở về tục, theo chỗ tốt đẹp đó, mắc lỗi quấy phạm điều luật theo khoa liệu trong chúng tăng mà phạt, nhẹ thì tăng chúng ha trách, tiếp thêm bậc nữa thì tăng chúng chẳng cùng nói năng, nặng mới chẳng cùng chung sống với chúng tăng. Không chung sống tức ruồng đuổi chẳng hề đếm xỉa. Ra khỏi một trụ xứ thì không nói ném thân vào, theo nương trọ khó khổ, hoặc trở lại vâng phục như từ đầu.

Còn về giòng họ thì có bốn dòng: - 01 là Bà-la-môn tức là Tịnh hạnh, chuyên giữ đạo, sống trinh thuần, thanh khiết trắng trong tiết tháo - 02 là Sát đế lợi (xưa trước gọi là Sát lợi) tức chủng tộc vua chúa, nối đời quân vương, tâm chỉ có đủ nhân từ và tức giận - 03 là Phệ xa (xưa trước gọi là Tỳ Xá tứ sai nhầm vậy) tức thương gia buôn bán, đổi chác có không, đuổi theo lợi xa gần - 04 là Thú đà la (xưa trước gọi là Thủ đà tức sai nhầm vậy) tức là Nông nhân, dốc sức với ruộng đồng, lăn mình gặt hái lúa má. Phàm, bốn giòng họ đây, đục trong có khác dòng. Hôn

thú thông gần bay nằm khác đường. Nội ngoại tông phái kết hôn chẳng tạp, người phụ nữ một khi đã gã chồng trọn không còn tái giá. Ngoài ra các giòng họ xen tạp thì có lắm nhiều. Chủng tộc mỗi một tùy loại tùy nhóm khó thể ghi bày rõ ràng. Quân vương nối đời chỉ có Sát đế lợi. Lúc cướp giết, nổi dậy giòng họ khác để xưng tôn, chiến sĩ tuy trong nước hùng mạnh đều tuyển chọn xong. Cha con truyền nghiệp theo cùng binh thuật. Ở thì nơi cung lô bảo vệ chung quanh, lúc chinh chiến thì phấn phát binh lính dẫn đầu. Có bốn loại binh lính là bộ, mã, xa, tượng. Tượng binh thì trang bị áo giáp bền chắc, ngà chuốc sắc bén, một tướng cỡi đều nhiếp trao đặt tiết độ, có hai binh lính hai bên trái phải vì đó mà giá ngự. Xa binh tức dùng xe bốn ngựa làm giá, binh soái nương cưỡi đó, liệt bày binh lính bảo vệ chung quanh, nâng đẩy bánh xe cặp theo bầu trục. Mã binh thì tán ngự đuổi chạy trông rượt mạng. Bộ binh thì gìn giữ nhẹ nhàng cảm dõng sung chọn, mang giáo lớn, nắm kích dài, hoặc mang dao, kiếm, phấn phát dẫn trước vào trận. Phàm các binh khí không gì chẳng bén nhọn, đó là: mâu, thuẫn, cung, tên, dao, kiếm, búa, nỏ, mác, thù, dáo dài, dây vồng, v.v... ở đời đều có tập luyện đó. phong tục xứ đó tánh tình tuy có mạnh gấp, chí ý rất trinh thuần chân chất. Đối với của cải không cẩu thả mà có được, đối với đạo nghĩa thì có thừa khiêm nhượng. Lo sợ tội với minh vận, xem thường nghề nghiệp của sự sống. Dối trá quỷ quyệt chẳng làm, minh ước thệ nguyện rất tin kính, chỉnh sửa giáo lưu còn chất, phong tục vẫn hòa. Lúc đàn tiểu nhân hung nghịch trái phạm quốc hiến mưu toan nguy hại quân thượng, mọi vết tích sự việc rõ ràng thì thường bắt giam tù tối, không hề giết hại, mặc tình nó sống chết, chẳng đếm xỉa đến nhân luân. Với kẻ xúc phạm tổn thương lễ nghĩa, bội nghịch trung hiếu thì xẻo mũi cắt tai, bẻ tay, chặt chân, hoặc xua đuổi ra khỏi nước, hoặc phóng thả đến vùng ven hoang vắng. Ngoài ra, các lỗi phạm khác thì nộp đóng của cải để chuộc tội, xử trị bắt tù, xem từ, chẳng thêm luật hình đánh gạt. Tùy hỏi mà cứ thật đối đáp, thì y cứ sự tình mà bình liệu. Còn chống trái điều phạm, xấu hỗ quá cả sức phục trái quấy. Muốn nghiên cứu về tình thật, thì sự việc phải cứu xét, phàm có bốn điều đó là Thủy (nước) Hỏa (lửa) Xứng (cân) Độc (độc tố). Thủy tức người phạm tội mang cùng đãy đá thả chìm xuống dòng nước sâu để xét tội giả thật, nếu người chìm đá nổi tức là có phạm, trái lại người nổi mà đá chìm tức không ẩn giấu. Hỏa tức là đốt tấm sắt nóng, bắt người phạm tội ngồi lên, lại bảo đưa chân dẫm đạp, áp bàn tay lên trên, lại bắt thè lưỡi liếm, nếu là hư dối thì không tổn hại, nếu là có thật hẳn bị bỏng thương. Với người mềm yếu khiếp

sợ, không thể xúc chạm đến lửa dữ, thì nắm hoa chưa nở tung ném vào lửa, nếu hư dối thì hoa nở, nếu thật có tì hoa tiêu cháy. Xứng tức là đem người và đá cân bằng, lấy sự nhẹ nặng mà rút ứng nghiệm, nếu hư dối thì người nặng xuống đáy, đá dất bỗng lên, nếu thật thì đá nặng người nhẹ. Độc tức là đem cắt đùi vế con dê đem ướp tẩm các độc dược vào đó, tùy người bị tố tụng ăn lấy một phần, nếu thật thì độc phát mà chết, còn hư dối thì độc tự tiêu hết mà sống. Nêu bày bốn điều đây để phòng đường có trăm lỗi quấy.

Còn về thể thức trí kín, hình nghi có chín thứ: - 01 là mở lời an ủi hỏi han - 02 là cúi đầu tỏ bày cung kính - 03 là đưa cao tay vái chào - 04 là chấp tay cân bằng khoanh vòng - 05 là khom đầu gối - 06 là quỳ dài - 07 là tay và đầu gối quỳ nơi đất - 08 là năm bậc đều cúi khuất - 09 là năm vót gieo sát đất. Phàm chín thứ đây cuối cùng chỉ một bái. Quỳ mà tán thán đức hạnh, thì gọi đó là hết mực cung kính, xa thì cúi đầu vái tay, gần thì liếm chân xoa cẳng đùi. Phàm có bảo ban ngôn từ, mà vâng phụng mạng lệnh thì vén áo quỳ dài. Với các bậc tôn hiền nhận sự kính bái thì hẳn có lời an ủy, hoặc đưa tay xoa đảnh đầu, hoặc vỗ về trên vai lưng, khéo nói lời chỉ bảo ủy an để tỏ bày sự thân gần nồng đượm. Đối với hàng xuất gia Sa-môn đã thọ kính lễ, chỉ thêm tâm nguyện tốt lành, không chỉ quỳ bái, tùy theo sự việc tôn kính, phần nhiều có đi nhiễu quanh hoặc chỉ một vòng, hoặc lại ba vòng, giữ tâm riêng cầu thỉnh, số mục thì tùy theo sự ước muốn.

Phàm mắc phải bệnh tật thì bỏ ăn bảy ngày, trong kỳ hạn đó, phần nhiều có được thuyên giảm, hẳn chưa hoàn toàn lành khỏi mới nên uống thuốc, tánh loại danh chủng của thuốc chẳng đồng, tài nghệ của thầy thuốc đoán xem có khác. Như có người chết, đến viếng lễ tang buồn thương cùng khóc, xé áo, bứt tóc, đánh má đấm ngực, phục chế không hạn định, tang kỳ chẳng số lượng. Nghi thức tiển đưa tống táng có ba cách: - 01 là hỏa táng tức chất củi mà thiêu đốt - 02 là thủy táng tức đem thả chìm dưới dòng nước và - 03 là dã táng tức vất bỏ vào rừng cho cầm thú rỉa ăn. Quốc vương băng hà thì trước lập người kế dõi để làm chủ tang tế và đề định trên dưới. Khi sống có lập đức hiệu, đến lúc chết không bàn nghị tên thụy. Nhà có tang họa mọi người chẳng đến ăn. Sau khi tẩn táng, thường không húy kỵ. Mọi người đến dự đưa tang, cho là không sạch sẽ, nên đều ra ngoài thành quách tắm gội sau đó mới vào. Đến như những vị lão thành cao thọ, thời hạn chết sắp đến, bệnh tật trầm kha, ngần mé sự sống sợ cùng cực, nhàm lìa trần tục, mong muốn xa bỏ cõi nhân gian, xem thường khinh bỉ sự sống chết, mong xa

khỏi đường đời. Khi đó các người thân quen trước cũ, bè bạn cùng biết, tấu nhạc bày hội tiễn đưa, đặt để trên một chiếc thuyền, gõ mái chèo đưa đến trong sông Khắc già mà tự chìm đắm, cho đó là được sinh lên cõi trời. Mười người chỉ có một, thật sự chưa tận mắt thấy sự hẹp hòi đó. Với chúng tăng xuất gia thì có định chế không khóc gào, song thân qua đời thì tụng niệm để báo đáp ân đức, truy tìm tới xa cẩn trọng đến cùng, thật giúp minh phước vậy.

Chính ách khoa giáo đã khoan thoáng, có vụ cũng giản đơn, nhà không sách sổ, người chẳng thuế khóa, trong đất ruộng vua phần lớn phân chia thành bốn phần: - 01 là sung vào nước nhà lo việc cúng tế - 02 là để phong dựng phụ tả tể thần - 03 là tưởng thưởng những người thông duệ thạt học cao tài - 04 là gieo trồng ruộng phước, cung cấp các hàng dị đạo. Do đó thu kiểm nhẹ mỏng, dao thuế xét kiểm, mỗi tự an bài thế nghiệp đều thuê mướn theo khẩu phần, mướn gieo trồng ruộng đất vua đó là một trong sáu thứ thuế. Thương nhân buôn bán đuổi theo tài lợi qua lại đổi dời, bến đường phòng ải thuế nhẹ qua sau. Nước nhà xây dựng chẳng hư dối nhọc làm, căn cứ công việc hoàn thành mà đáp trả giá trị. Đối với người trấn thú chinh hành cung lô doanh vệ, lường sự chiêu mộ mà treo thưởng đãi người. Tể mục, phụ thần, thứ quan, liêu tả, mỗi mỗi đều có phân đất, phong ấp tự ăn. Thổ phong đất đai đã riêng biệt, địa lợi cũng sai khác, hoa cỏ cây trái giống loại xen tạp khác tên, như là: quả Am một la, quả Am nhị la, quả Mạt để ca, quả Bạt đạt la, quả Kiếp tỷ tha, quả A mạt la, quả Trấn đổ ca, quả Ô đàm bạt la, quả Mậu già, quả Na lợi cân, quả Bàn.... sa, phàm các loại như thế, khó thể ghi bày đầy đủ. Thấy người đời trân quý đó nên lược nêu như vậy. Đến như các thứ táo, lật, cậy, thị, thì tại Ấn Độ không nghe có, còn lê, nại, đào, hạnh, bồ đào, v.v... các giống trái cây này từ nước Ca thấp di la trở lại thường thường có trồng. Các thứ thạch lựu, cam, quật, ở các nước đều có trồng. Đào xới đất đai nông vụ cày bừa gạt gieo lúa mạ, gieo trồng theo mùa, mỗi mỗi đều theo lao nhọc quá. Đất đai thích sinh sản các giống lúa giê lúa tẻ lắm nhiều. Còn giống rau lá thì có gừng, rau cải, dưa, bầu, huân đà, v.v..., hành, tỏi tuy thiếu ít mà người ăn cũng hiếm. Trong nhà có người ăn thì ruồng đuổi ra ở ngoài quách. Đến như các thứ sữa, lạc, mỡ, dầu, đường cát, đường phèn, dầu hạt cải là các gia vị ngon lành của các thứ bách bún. Lúc cúng tế hiếm thấy các thứ thịt cá, dê, chương, nai. Và với các thứ trâu, lừa, voi, ngựa, heo, chó, chồn, sói, sư tử, khỉ, vượn, loài thú lông này hết thảy đều không nghe đến mùi vị ăn uống. Nếu người nào ăn thì hẹp hòi xấu hổ, mọi người đều ghét

gớm, lánh ở ngoài thành quách, hiếm thấy dấu vết nơi nhân gian. Đến như sự sai khác của rượu lễ, mùi vị riêng biệt khác dòng. Bồ đào, cam giá thì chủng tộc sát đế lợi uống. Men bách rượu nồng thì hàng phệ xa, v.v... uống. Còn Sa-môn và Bà-la-môn uống nước tương của cam giá, bồ đào, chẳng gọi là đó là rượu lễ (rượu ngọt) vậy. Còn các giòng họ xen tạp, chủng tộc thấp hèn không có dòng riêng biệt, nhưng mọi vật họ sử dụng công và chất có khác, dụng cụ mọi vật tùy thời không thiếu. Tuy chỏ vạc dùng đó mà nồi nấu chẳng biết, phần nhiều sử dụng chén đất, ít dùng đồng đỏ, ăn thì chỉ trong một đồ vật, các thứ ăn trộn đều, dùng ngón tay bốc vốc, chẳng sử dụng thìa đủa, đối với người già bịnh mới dùng thìa bằng đồng.

Lại về các thứ vàng, bạc, than đá, bạch ngọc, hỏa châu phong thổ sinh lại càng chất đầy, vật báu xen tạp trân quý, kỳ đặc, khác loại khác tên, đưa ra ngoài góc biển để dễ tìm cầu trao đổi, nhưng mà của cải sử dụng giao đổi có không, tiền vàng, tiền bạc, ngọc bối, ngọc nhỏ, khắp biên giới cảnh vức Ấn Độ đều có đầy đủ. Về sự sai khác của thổ phong đất đai đại khái như vậy, đồng đều cùng suốt, bày sơ khái lược. Còn khác chánh sách khác tập tục sẽ y cứ theo từng nước mà nêu bày.

1 - NƯỚC LẠM BA.

Nước Lạm Ba chu vi rộng hơn ngàn dặm, phía bắc gối lưng với núi tuyết, còn ba phía kia là Hắc lãnh. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm. Từ vào trăm năm trở lại đây, giòng họ vua chúa nước ấy không người nối dõi. Các nhà hào kiệt có sức lựa đua tranh lẫn nhau, không có quân trưởng lớn, gần đây mới phụ thuộc vào nước Ca tất thí. Đất đai thích nghi với lúa canh lúa giê, có nhiều cam giá. Cây rừng tuy lắm nhiều mà trái quả hiếm ít. Khí hậu dần ấm nóng, hơi có sương mù mà không tuyết. Tập tục nước đó rất phong phú về âm nhạc, mọi người đều mến chuộng ca vịnh, chỉ tánh nhút nhác, lòng dạ dối trá, lại cùng nhau khinh rẻ xoi bói, chưa có sự tôn kính nhường trước, thể chất dung mạo con người thấp nhỏ, cử chỉ hành động thô tháo, poần nhiều vận mặc vải lông tơ sắc trắng, trang sức sạch đẹp. Có hơn 10 ngôi già lam, chư tăng hiếm ít phần nhiều đều tập học theo giáo pháp đại thừa. Có vài mươi ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo rất đông nhiều. Từ đó theo hướng đông nam đi hơn trăm dặm, vượt qua đảnh núi lớn và một dòng sông lớn là đến nước Na Yết La Hạt (thuộc cảnh vứa bắc Ấn Độ).

2 - NƯỚC YẾT NA LA HẠT.

Nước La Yết La Hạt từ đông sang tây dài hơn 600 dặm, từ nam đến bắc rộng khoảng 250 - 260 dặm, núi bao bọc chung quanh bốn phía, huyện cách hiểm trở. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm, không có quân trưởng lớn, chủ lệnh làm việc đều phụ thuộc nước Ca Tất Thí. Nước đó có lắm lúa thóc, nhiều hoa quả, khí hậu ấm nóng, phong tục thuần chất, con người nhanh nhẹn hùng mạnh, xem thường của cải ham thích tập học, sùng kính Phật pháp, ít người tin theo dị đạo. Già lam tuy lắm nhiều mà chư tăng hiếm ít, các ngôi Tốt-đổ-ba đều hoang tàn hư hoại. Có năm ngôi đền thờ trời. Các hàng dị đạo có hơn trăm người.

Từ thành đi về hướng đông cách khoảng hai dặm có một ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 300 thước, do vua Vô Ưu tạo dựng, đá sắp kỳ đặc cao nỗi, khắc chạm chế tác kỳ vĩ. Đó là nơi xưa kia Bồ-tát Thích-ca gặp đức Phật Nhiên Đăng mà trải áo da nai và tóc để lấp che vũng sình mà được thọ ký. Thời gian đã trải qua kiếp loại mà vết tích ấy không mất. Hoặc có những ngày trai, trời mưa các thứ hoa. Dân chúng thành tâm ua nhau cúng dường. Từ đó về phía tây, có một ngôi già lam, chư tăng hiếm ít. Lại tiếp về phía nam có một ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ, là chỗ đất xưa kia bít che vũng sình, vua Vô Ưu tránh đường lớn mà tạo tượng nhỏ hẹp vậy.

Trong thành có một ngôi Tốt-đổ-ba lớn chỉ còn nền cũ. Nghe các bậc lão thành nói xưa trước có chiếc răng Phật cao lớn nghiêm lệ, nay đã không còn răng, chỉ còn lại nền móng cũ. Bên cạnh đó có ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 30 thước, tập tục xứ đó tương truyền không biết nguồn gốc mà chỉ nói là từ trên không trung xuống, nền móng cao vợi như thế, đã chẳng phải công sức của con người, thật có lắm điềm linh.

Từ thành về phía tây nam cách hơn 10 dặm, có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kia đức Như Lai từ Trung Ấn Độ vượt giữa hư không đi giáo hóa giáng vết ở đó. Dân chúng nước đó cảm mộ nên tạo lập nền móng linh thiêng đó. Từ đó về hướng đông cách không xa lắm có một ngôi Tốt-đổ-ba là nơi xưa kia Bồ-tát Thích-ca gặp đức Phật Nhiên Đăng mà mua hoa tại đó.

Từ thành về phía tây nam cách hơn 20 dặm đến một đảnh núi đá nhỏ, có một ngôi già lam, nhà cao trùng các sắp chất đá làm thành, sân nhà vắng vẻ, tuyệt không có chúng tăng. Bên trong có một ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 200 thước, do vua Vô Ưu tạo dựng.

Từ ngôi già lam ấy về phía tây nam có một khe suối hiểm tuyệt, nước đổ dốc theo dòng bay sườn vách dựng đứng. Ở vách đá sườn núi

phía đông có một hang động lớn là nơi ở của rồng Cù ba la, cửa tắc hẹp nhỏ, hang hóc mờ tối, sườn đá nước rỏ nhọt, đường tắc ra các dòng khác. Xưa trước có hình ảnh của đức Phật, rõ ràng như chân dung, tướng hảo đầy đủ, nghiễm nhiên như đức Phật hiện tại ở đời. Trong thời gian trở lại gần đây, con người chẳng thấy cùng khắp, giả sử như có trông thấy cũng chỉ phảng phất mà thôi. Nếu người chí thành cầu thỉnh thì có sự thầm cảm, thì tạm rõ thấy nhưng chẳng lâu dài. Xưa kia khi đức Như Lai còn tại thế, Rồng đó là một gã chăn trâu, đem sữa lạc dâng cúng vua, vì hiến dâng cử chỉ mất oai nghi nên đã bị khiển trách, trong lòng bèn ôm hoài sân hận, bèn dùng tiền vàng mua hoa đến cúng dường ở ngôi Tốt-đổ-ba, nơi xưa kia Phật Nhiên Đăng thọ ký cho Bồ-tát Thích-ca, mà phát nguyện làm rồng độc ác phá nước hại vua, rồi đến nơi vách đá ném thân mình mà chết, bèn sinh nơi hang đó làm vua rồng lớn liền muốn ra khỏi hàng để hành động cho thành đạt ý nguyện vốn độc ác. Vừa khởi tâm đó, thì đức Như Lai đã soi xét xót thương dân chúng nước đó sẽ bị rồng làm hại, nên vận dụng sức thần thông từ xứ Trung Ấn Độ đến đó. Rồng thấy đức Như Lai thì tâm ác độc liền ngưng dứt, vâng thọ giới không giết hại, và phát nguyện hộ trì chánh pháp. Nhân đó cầu thỉnh đức Như Lai thường ở tại hang đó, cầu thỉnh các Thánh đệ tử Phật thường thọ nhận sự cúng dường của mình. Đức Như Lai bảo là: "Ta sắp nhập Niết bàn, nên vì ngươi mà lưu lại hình ảnh, và khiến 500 vị A-la-hán thường nhận sự cúng dường của ngươi, mãi đến lúc chánh pháp ẩn mất, việc này cũng không tan mất. Nếu lúc tâm ác độc của ngươi nỗi dậy tức giận thì nên trông nhìn hình ảnh của ta lưu lại, do sức từ thiện nên tâm ác độc sẽ ngưng dứt. Và các đức Thế Tôn sau này trong đời hiền kiếp cũng vì xót thương ngươi mà lưu lại ảnh tượng". Phía ngoài hang ảnh tượng đó có hai tảng đá vuông, trên một tảng đá có dấu vết chân đức Như Lai dẫm đạp, tướng vòng tròn hiện rõ, có khi tỏa phóng ánh sáng. Hai bên ảnh tượng đó có nhiều ngôi thạch thất, đều là nơi các Thánh đệ tử đức Như Lai nhập định. Từ hang ảnh tượng ất về góc tây bắc có một ngôi Tốt-đổ-ba là nơi xưa kia đức Như Lai kinh hành. Bên cạnh đó có một ngôi Tốt-đổ-ba có tôn thờ tóc và móng tay của đức Như Lai. Cách đó không xa lại có một ngôi Tốt-đổ-ba là nơi xưa kia đức Như Lai bày xướng Chân Tông giảng nói các pháp Uẩn, Xứ, Giới. Từ hang ảnh tượng đó về hướng tây có một tảng đá lớn là nơi xưa kia đức Như Lai giặt nhuộm pháp y ca sa trên đó, đường văn hình ảnh hiện tại vẫn còn.

Từ thành về phía đông nam cách hơn 30 dặm đến thành Hê La.

Chu vi thành ấy rộng khoảng 4 - 5 dặm, dựng đứng cao vợi chung quanh hiểm hóc, hoa rừng ao hồ sáng sạch lắng soi. Người ở trong thành thuần chất chánh tín. Lại có trùng các khắc họa đòn dong, cột đứng sắc son. Trong tầng các thứ hai có ngôi Phù đồ nhỏ bằng bảy báu tôn trí cốt xương đảnh đầu của đức Như Lai, chu vi cốt xương rộng một thước hai tấc, lỗ chân tóc rõ ràng sắc màu vàng trắng, dùng hộp báu để tôn trí rồi thiết đặt trong Tốt-đổ-ba. Nếu người muốn biết mọi sự thiện ác thì dùng mạt hương hòa với bùn ấn vào cốt xương đảnh đầu đó, sẽ tùy theo phước đức cảm hiện đường văn rõ ràng. Lại có một ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ bằng bảy báy tôn thờ cốt xương đầu sọ đức Phật, tướng trạng như lá sen, sắc màu đồng như cốt xương đảnh đầu. Cũng dùng hộp báu tôn trí phong đậy mà thiết đặt. Lại có ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ bằng bảy báu tôn thờ tròng mắt của đức Như Lai, tròng mắt lớn như trái nại, tỏa sáng thấu suốt ánh ngời cả trong ngoài. Cùng dùng hộp báu tôn trí phong bít mà thiết đặt. Lại có pháp y Tăng-già chi ca sa của đức Như Lai bằng bông tơ nhỏ mịn làm nên, sắc màu vàng đỏ, tôn trí trong hộp báu. Thời gian năm tháng trải qua lâu dài đã hơi có phần hư hoại. Lại có tích trượng của đức Như Lai dùng bằng sắt trắng làm vòng, gỗ chiên đàn làm cán, làm ống bằng vật báu để tôn trí. Gần đây có vị quốc vương nghe các vật ấy đều là phục dụng xưa kia của đức Như Lai, bèn cậy ỷ thế lực bức hiếp lấy đem về, khi đã về đến nước nhà, tôn trí nơi cung ở, chưa tới sáng hôm sau, tìm kiếm lại thì đã mất, bèn trở lại tìm hỏi thì các vật trở về lại nơi chốn cũ. Năm Thánh tích ấy có lắm linh dị. vua nước Ca tạt thí ban lệnh năm người tịnh hạnh chăm lo cấp hầu hương hoa. Mọi người đến trông xem lễ bái liên tục không ngưng dứt. Các vị tịnh hạnh v.v... muốn theo sư tĩnh lắng, thâu lấy tài vật của người kính trọng, tạp lập khoa điều để giảm bớt sự huyên tạp, đại khái như là: người muốn trông xem cốt xương đảnh đầu của đức Như Lai thì đóng thuế một tiền vàng, người muốn ấn xem tốt xấu thì đóng thuế năm tiền vàng, ngoài ra các tiết cấp theo thứ lớp khoa điều. Khoa điều tuy nặng mà người đến trông xem lễ bái lại càng đông nhiều. Từ trùng các về phía tây bắc có một ngôi Tốt-đổ-ba cũng rất cao lớn và lắm nhiều linh dị. Như người đưa ngón tay xúc chạm đến bèn liền lay động liền cả nền móng chuyển động, linh khánh hòa reo.

Từ đó theo hướng đông nam đi trong hang núi hơn 500 dặm, đến nước Kiện Đà La (xưa trước gọi là Càn đà vệ tức là sai nhầm, thuộc cảnh vức bắc Ấn Độ).

3 - NƯỚC KIỆN ĐÀ LA.

Nước Kiện Đà La từ đông sang tây dài hơn ngàn dặm, từ nam đến bắc rộng hơn 800 dặm, phía đông gần sông Tín Độ. Đô thành lớn của nước đó tên là Bố Lộ Sa Bố La, chu vi rộng hơn 40 dặm. Giòng tộc vua chúa không người nối dõi, mọi việc làm đều phụ thuộc nước Ca Tất Thí. thôn ấp hoang trống hiếm thiếu người ở. Tại một góc cung thành có hơn một ngàn hộ dân. Lúa thóc lắm nhiều, hoa quả tươi tốt, có nhiều cam giá, và cũng là sản sinh thạch lựu. Khí hậu ấm nóng, đại khái không có sương tuyết. Con người tánh tình khiếp sợ ưa thích tập học điển nghệ, phần nhiều kính sùng ngoại đạo, hiếm ít người tin kính chánh pháp. Từ xưa trở lại khắc các các xứ ở Ấn Độ, các luận sư trước tác luận như tôn giả Na La Diên Thiên, Bồ-tát Vô Trước, Bồ-tát Thế Thân, Sa-môn Pháp Cứu, Như Ý, Hiếp Tôn giả, v.v... vốn sinh tại nước ấy. Có hơn ngàn ngôi Tăng-già lam đều đã sụp đổ hư nát tiêu điều hoang phế. Các ngôi Tốt-đổ-ba cũng lắm nhiều nhưng đều hư hoại. Có hàng trăm ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo chung sống lẫn lộn.

Bên trong Vương thành về góc đông bắc có một nền móng cũ, xưa trước là đài báu tôn trí bình bát của đức Phật vậy. Sau khi đức Như Lai nhập niết bàn, bình bát lưu tại nước đó, trải qua vài trăm năm kính lễ cúng dường, lưu chuyển các nước, hiện nay tại nước Ba Thích Tư. Phía ngoài thành về hướng đông nam cách khoảng 8 - 9 dặm, có cây Tỳ-bát-la cao hơn trăm thước, cành lá đơn sơ, bóng râm mờ kín. Bốn đức Phật ở thời quá khứ đã từng ngồi dưới đó, nay hiện còn có tôn tượng của bốn đức Phật ngồi. Còn lại 996 đức Phật trong thời Hiền kiếp đều sẽ ngồi tại đó. Thần minh cảnh vệ, linh giám ngầm gia bị. Xưa kia đức Thích-ca Như Lai ở dưới cây đó, xoay mặt về hướng nam mà ngồi và bảo tôn giả A-nan rằng: “Sau khi ta nhập Niết bàn khoảng 400 năm, sẽ có vị vua trị đời hiệu là Ca Nị Sắc Ca về phía nam này cách đây không xa tạo dựng ngôi Tốt-đổ-ba, tất cả xá lợi cốt thịt của ta phần nhiều nhóm tập vào trong đó”.

Ở phía nam cây Tỳ-bát-la có ngôi Tốt-đổ-ba do vua A Nị Sắc Ca tạo dựng. vua Ca Nị Sắc Ca là sau khi đức Như Lai nhập Niết bàn trong trăm năm thứ tư, ứng vận thống trị Thiện - Bộ châu. vua vốn không tin tội phước, khinh hủy Phật pháp. Lược đến đầm cỏ gặp thấy một con thỏ trắng, vua men gần rượt đuổi tới nơi, bỗng nhiên ẩn mất, thấy một trẻ nhỏ chăn trâu ở nơi rừng cây làm một ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ cao hơn ba thước. vua hỏi: “Ngươi làm gì vậy?”. Đứa trẻ chăn trâu ấy đáp rằng: “Xưa kia đức Phật Thích-ca dùng Thánh trí huyền ký sẽ có vị quốc

vương đến chốn Thánh địa này tạo lập Tốt-đổ-ba, và xá lợi thân Phật phần nhiều chứa nhóm trong đó. Đại vương là bậc Thánh đức Tốt đổ gieo trồng xưa trước, danh hiệu phù hợp với dự nghi xưa. Thần Công thắng phước đáng thuộc thời buổi này. Nên nay tôi trước cùng phát thệ nguyện”. Nói lời ấy xong bỗng nhiên ẩn mất. vua nghe lời ấy rồi, mừng vui dần lớn trong lòng, tự mang danh hiệu của đại Thánh dự ghi xưa trước, nhân đó phát khởi nềm tin chân chánh rất kính trọng Phật pháp, bèn bao quanh ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ ấy lại tạo dựng ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá, muốn dùng công lực xây dựng cao che phủ lên trên, nhưng tùy theo số lượng đó ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ kia vẫn nổi trội ra ngoài cao hơn ba thước. Cứ tăng cao như vậy vượt hơn 400 thước, nền móng cao vợi, chu vi rộng đến cả dặm rưỡi. Tầng nền 5 cấp cao 150 thước, mới che phủ được ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ kia. Nhân đó, vua càng vui mừng, lại ở phía trê đó tạo dựng 25 tầng tướng vòng bánh xe bằng vàng đồng, và đem một hộc xá lợi của đức Như Lai tôn trí trong đó, kính lễ tu tạo cúng dường. Xây dựng vừa xong bỗng thấy ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ xuất hiện một nữa bên cạnh dưới góc đông nam nền móng lớn, vua bèn sinh tâm bất bình, liền ném bỏ mà bèn ở trong nền móng đá dưới tầng cấp thứ hai của ngôi Tốt-đổ-ba lớn. Hiện một nữa, lại trở về chỗ gốc có xuất hiện một ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ, vua mới thối lui mà than rằng: “Than ôi! Việc người đời dễ mê mờ, công sức thần khó bít che. Phàm sự phù trì của linh Thánh, ta tức giận sao kịp!”. Hỗ thẹn sợ hãi, sám tạ lỗi quá mà trở về. Hai ngôi Tốt-đổ-ba đó đến nay vẫn hiện còn. Như người có bệnh tật muốn mong cầu lành mạnh, thoa hương rải hoa, chí thành quy mạng, phần nhiều đều được lành mạnh. Nơi thềm cấp đá phía nam ở mặt phía đông ngôi Tốt-đổ-ba lớn khắc chạm làm hai ngôi Tốt-đổ-ba; một ngôi cao ba thuớc và một ngôi cao năm thước, quy mô hình trạng giống như ngôi Tốt-đổ-ba lớn. Lại tu tạo hai tôn tượng Phật; một tôn tượng cao bốn thước và một tôn tượng cao sáu thước phỏng theo hình dáng tôn tượng ngồi kiết già dưới gốc cây Bồ-đề. Mặt nhật chói sáng, sắc vàng ánh ngời. Bóng âm dần dời văn đá xanh biếc. Nghe các bậc lão thành nói là: “Vài trăm năm trước, có lổ hổng nói nền móng đá có loài kiến sắc màu vàng ròng; con lớn bằng ngón tay con nhỏ tợ hạt lúa tẻ, đồng loại cùng theo nhau gặm nhấm nơi vách đá đường văn như khắc chạm, bên cạnh dùng cát vàng làm bên tôn tượng ấy đến nay hiện còn”.

Ở mặt phía nam thềm cấp đá của ngôi Tốt-đổ-ba lớn có họa tôn tượng Phật cao một trượng sáu thước, từ ngực trở lên phân thành hai thân, từ ngực trở xuống hợp làm một hình. Nghe các bậc lão thành kể

rằng: "Mới đầu có một người nghèo khổ dốc sức làm thuê mướn để tự sống, có được một tiền vàng, phát nguyện muốn tu tạo tôn tượng đức Phật, đến nơi ngôi Tốt-đổ-ba nói cùng người thợ đắp họa rằng: "Nay tôi muốn đắp họa Diệu tướng đức Như Lai, mà chỉ có được một tiền vàng trả công còn thiếu, giữ lòng buồn mang bức bách bởi sự nghèo thiếu". Khi ấy người thợ đáp họa đó xét thấy sự chí thành của người nghèo khổ ấy mà bảo rằng: "Chớ lo tính đến trị giá, tôi hứa sẽ làm hoàn thành". Sau đó lại có một người khác sự tình cũng đồng như thế, mang đến một tiền vàng, cầu xin họa tôn tượng Phật, khi ấy người thợ họa vẽ ấy nhận tiền của hai người nghèo khổ đó chọn mua các sắc màu xanh, đỏ diệu kỳ cùng chung họa làm một tôn tượng. Về sau, hai người nghèo khổ ấy đồng một ngày cùng đến kính lễ. Người thợ họa vẽ đó đồng chỉ một tôn tượng cho cả hai người ấy mà bảo rằng: "Đó là tôn tượng của các người tu tạo vậy". Hai người ấy cùng trông nhìn mà như có sự nghĩ ngợi lo toan. Trong tâm người thợ vẽ đó biết họ có điều nghi nên nói với hai người ấy rằng: "Cớ sao nghĩ ngợi âu lo lâu vậy? Phàm tiền vật tôi nhận, đã vì tu tạo, một mãy may cũng không khuyết thiếu. Nếu lời tôi nói đây chẳng sai lầm thì tôn tượng hẳn có thần biến". Lời nói chưa yên lắng, tôn tượng liền hiện linh dị, phân thân giao ảnh, tướng sáng tỏa chiếu hiển trước, hai người nghèo khổ ấy cùng vui lòng, kính tin hoan hỷ".

Từ ngôi Tốt-đổ-ba lớn ấy đi về phía tây nam cách hơn trăm bộ có tôn tượng đức Phật bằng đá trắng cao một trượng tám thước xoay mặt hướng bắc mà đứng, có nhiều linh tướng, từng tỏa phóng ánh sáng. Bấy giờ có người trông thấy tôn tượng ban đêm ra ngoài đi nhiễu quanh ngôi Tốt-đổ-ba lớn. Gần đây có bọn giặc muốn vào trộm cướp, tôn tượng bèn ra nghinh đón giặc, bọn giặc kinh sợ rút lui, tôn tượng trở về lại chỗ cũ đứng yên như cũ, bọn giặc nhân đó mà cãi đổi lỗi quá làm mới cuốc đời, rảo bước trong thôn ấp, nói bày khắp gần xa. Hai bên ngôi Tốt-đổ-ba lớn có hàng trăm ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ xếp hàng như vảy cá. Tôn tượng Phật trang nghiêm, ân công thợ khéo cùng. Có lúc nghe thấy mùi hương khác lạ, âm thanh kỳ đặc, hoặc thấy tiên linh Thánh hiền đi nhiễu chung quanh. Với ngôi Tốt-đổ-ba, xưa kia đức Như Lai có dự ghi là trải qua bảy lần bị thiêu đốt, bảy lần tạo dựng lại thì Phật pháp mới diệt tận. Theo các bậc tiên hiền ghi chép lại là thành hoại đã qua ba lần. Mới đầu, khi Huyền Trang tôi đến nước đó vừa gặp phải hoạn nạn lửa lớn, nên đang thấy tạo dựng còn chưa hoàn thành.

Phía tây của ngôi Tốt-đổ-ba lớn có một ngôi già lam cũ do vua Ca Nị Sắc Ca tạo dựng. Trùng các nhiều lớp sàn, tầng đài phòng rỗng, cờ

với cao tăng, kinh soi cảnh phước. Tuy đã hủy hoại mà còn đáng gọi là kỳ công. Tăng chúng tuy giảm ít và đều học theo giáo pháp Tiểu thừa, tự tạo dựng ngôi già lam, làm ra khác với nhân gian. Các bậc luận sư trước tác luận và những vị chứng đắc Thánh quả, gió trong còn quạt, chí đức chưa hết. Nơi trùng các thứ ba có phòng thất của tôn giả Ba Lật Thấp Phược (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Hiếp) từ lâu đã bị sụp đổ hư hoại, mà còn lập nêu tiêu biểu. Mới đầu tôn giả làm vị thầy phạm chí, tuổi đến 80 mới xả tục xuất gia. Các hàng niên thiếu trong thành bèn dèm pha đó rằng: "Lão già ngu phu sao trí cạn thế, phàm người xuất gia có hai hạnh nghiệp: - 01 là chuyên hành tập thiền định; 02 - là tụng kinh, mà nay già yếu không thể tiến tới, lạm dấu vết nơi dòng thanh tịnh, không biết ăn no". Khi ấy tôn giả Hiếp nghe những lời giềm pha bàn nghị đó, nhân cảm tạ mọi người ở đương thời mà tự lập thệ nguyện rằng: "Nếu như tôi chẳng thông hiểu nghĩa lý của Tam Tạng Thánh giáo, chẳng dứt đoạn dục trong tam giới, chẳng chứng đắc sáu pháp thần thông và đầy đủ tám pháp giải thoát, thì trọn đặt lưng xuống chiếu". Từ đó về sau chỉ ban ngày chẳng đủ, kinh hành an tọa đi đứng tư duy, ngày thì nghiêm tầm tập học giáo lý, đêm mới tĩnh lắng ngưng thần, liên miên trải suốt ba năm, học thông Tam Tạng, dứt đoạn dục trong ba cõi, chứng đắc trí tam minh. Người thời bấy giờ rất kính ngưỡng, nhân đó xưng hiệu là Hiếp tôn giả vậy.

Phía đông của thất tôn giả Hiếp có phòng thất cũ, là nơi xưa trước Bồ-tát Thế Thân ở đó chế tác luận A-tỳ-đạt-ma câu xá. Mọi người tôn kính đó nên phong niêm và ghi lại vậy.

Từ thất của Bồ-tát Thế Thân về phía nam cách hơn 50 bộ (dặm?), tại trùng các thứ hai, xưa kia luận sư Mạt Nô Thích Tha (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Như Ý) ở tại đó chế tác luận Tỳ-bà-sa. Quận sư Như Ý xuất hiện sau khi đức Thế Tôn thị tịch trong ngàn năm. Thủa thiếu thời ham thích học, có tài hùng biện, tiếng tăm vang xa, các hàng pháp tục thảy đều quy tâm. Bây giờ vua nước Thất La Phạt Tất Để là Ngật La Ma A Điệt Đa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Siêu Nhật) oai phong thấm đượm xa. Quan thần đi đến các xứ Ấn Độ, vua Siêu Nhật đem năm ức tiền vàng chu cấp co những người nghèo khổ cô độc, vị quan thần chủ kho tàng lo sợ nước nhà sử dụng thiếu thốn, mới tâu trình can ngăn rằng: "Đại vương oai phong trùm khắp các tục, đượm nhuần đến cả côn trùng, xin tăng thêm ba ức tiền vàng để cung cấp mọi người khốn khó khắp bốn phương, kho lẫm phủ tàng đã rỗng không, canh thuế có đất, lại kiểm không thôi, tiếng oán dần vang thì quân

thượng có Ân chu cấp, mà thần hạ bị trách cang". Vua bảo rằng: "Nhóm tụ thì có thừa mà ban cấp chẳng đủ. Chẳng phải cẩu thủ vì tự thân xa xỉ chẳng dùng cho nước nhà". Bèn tăng thêm năm ức tiềng vàng ban cấp cho những người nghèo thiếu. Sau đó, vua đi săm, đuổi theo một con heo mất dấu vết. Nếu ai tìm thấy được dấu vết hẳn sẽ ban thưởng một ức tiền vàng. Luận sư Như Ý sai một người cạo đầu, liền được ban thưởng một ức tiềng vàng. Sứ thần nước đó y cứ theo vậy mà ghi chép. vua xấu hỗ bị chơi cao, trong lòng tấm tức, muốn mọi người làm nhục Luận sư Như Ý, mới chiêu tập các hàng dị học đức nghiệp cao sâu có cả trăm người mà ban lệnh rằng: "Muốn thâu sự thấy nghe đến các cảnh thật, các hàng dị đạo lẫn lộn xen tạp quy tâm chẳng thi thố, nay xét xem sự hơn kém để chuyên tinh tuân phụng". Kịp đến lúc nhóm tập cùng nghị luận, vua lại ban lệnh rằng: "Các luận sư ngoại đạo đều là những bậc anh tuấn. Pháp chúng Sa-môn khéo nên giữ vững tông nghĩa. Nếu thắng thì sùng kính Phật pháp còn thất bại thì giết hết chúng tăng". Khi ấy luận sư Như Ý cật vấn các ngoại đạo, hết 99 người đã rút lui bay khỏi. Chỉ còn một người dưới chiếu trông nhìn đó mà khinh thường luận sư Như Ý, và nhân đó mà kịch liệt đàm luận nói đến lửa khói. vua cùng vị ngoại đạo đầu rầm rĩ nói rằng: "Luận sư Như Ý trông nhả ngôn từ nghĩa lý có sự thất bại. Phàm trước nói về khói, sau đề cập đến lửa, đó là sự lý có thường vậy". Luận sư Như Ý tuy muốn giải thích cật nạn mà vua và ngoại đạo trọn chẳng nghe xét, bèn tự xấu hỗ bị chúng làm nhục, bèn cắn lưỡi mình, và viết lời răn bảo chúng cùng môn nhân là Bồ-tát Thế Thân rằng: "Bọn đảng viện không biết tranh đua đại nghĩa, trong bầy mê chẳng hiện rõ chánh luận". Nói viết xong, bèn thị tịch, sau đó không lâu, vua Siêu Nhật mất nước. Vị vua mới lên ngôi tiếp nhận ban biểu chiêu thử tài hiền. Khi ấy Bồ-tát Thế Thân muốn rửa tủi nhục xưa trước nên đến tâu cùng vua rằng: "Đại vương dùng đức Thánh mà ứng vận, vì quần sinh mà làm chủ mạng. Thầy tôi xưa trước là Luận sư Như Ý học cùng huyền áo. Tiên vương giữ luận bảo chúng làm nhục cao tăng. Tôi được tiếp thừa sự răn dạy dẫn dụ nên muốn trả lại oán trước". Vị vua ấy vốn biết luận sư Như Ý là bậc triết nhân, tán thán tiết tháo cao nhã của Bồ-tát Thế Thân, mới chiêu tập các hàng ngoại đạo ngày trước đã từng tranh luận với luận sư Như Ý. Bồ-tát Thế Thân bèn thuật lại ý chỉ xưa trước, các hàng ngoại đạo đều tạ khuất mà rút lui.

Từ ngôi già lam do vua Ca Nị Sắc Ca tạo lập theo hướng đông bắc đi hơn 50 dặm, vượt qua một dòng sông lớn đến thành Bố Sắc Yết La Phạt Để, chu vi thành ấy rộng khoảng 14 - 15 dặm, dân chúng sinh sống

đông nhiều, cửa nẻo thôn xóm thông liền. Tại ngoài cửa phía tây thành có một ngôi đền thờ trời, tôn tượng trời rất oai nghiêm, có lắm linh dị tương tục.

Từ thành về phía đôgn có một ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo lập, tức là nơi giảng pháp của bốn đức Phật thời quá khứ. Xưa trước các bậc Thánh hiền từ Trung Ấn Độ giáng thần tiếp hóa mọi vật ở xứ ấy thật lắm nhiều, như Luận sư Phạt Tô Mạt Đát La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thế Hữu, xưa trước gọi là Hòa Tu Mật Đa tứ sai nhầm vậy) ở tại đó chế tác luận Chúng sự phân A-tỳ-đạt-ma.

Từ thành về hướng bắc cách khoảng 4 - 5 dặm có một ngôi già lam cũ, sân nhà hoang lạnh. Chư tăng chiếm ít, nhưng đều tôn kính tập học theo giáo nghĩa Tiểu thừa. Và cũng là nói luận sư Đạt Ma Đát La Đa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Pháp Cứu, xưa trước gọi là Đạt Ma Đa-la tức sai nhầm vậy) ở tại đó chế tác luận Tạp A-tỳ-đạt-ma.

Bên cạnh ngôi già lam có ngôi Tốt-đổ-ba cao vài trăm thước do vua Vô Ưu tạo lập, chạm khắc trên cây gỗ đường văn nói đá rất khác lạ với công năng của con người. Là nơi xưa kia đức Phật Thích-ca làm vị quốc vương tu hạnh Bồ-tát, tùy theo tâm mong muốn của chúng sinh mà ban ân bố thí không mệt mỏi, táng thân không bỏ sót. Ở tại cõi nước đó đã ngàn đời làm vua, va ngay tại xứ ấy ngàn đời xả thí mắt.

Từ nơi xả thí mắt về hướng đông cách không xa, có hai ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá, mỗi ngôi cao hơn trăm thước. Ngôi bên hữu do Phạm vương tạo lập, dùng bằng các vật báu vi diệu ngời ánh để trang sức đó. Sau khi đức Như Lai diệt độ các vật báu ấy đều biến thành đá, nền móng tuy sụp đổ mà vẫn còn cao lớn.

Từ ngôi Tốt-đổ-ba do Phạm Thích tạo lập theo hướng tây bắc đi hơn 50 dặm, có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kia đức Thích-ca Như Lai đến đó giáo hóa Quỷ Tử Mẫu, khuyên bảo chớ nên làm hại người. Nước đó có tập tục đến đó cúng tế để cầu con nối dõi.

Từ nơi đức Như Lai giáo hóa Quỷ Tử Mẫu theo hướng bắc đi hơn 50 dặm có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kia Bồ-tát Thương Mạc Ca (xưa trước gọi là Bồ-tát Ánh Ma tức là sai nhầm vậy) cung kính hành hạnh các dục nuôi dưỡng chăm sóc song thân bị mù, đến đó nhặt hái rau quả, gặp vua đi săn nên bị trúng nhầm tên độc, do sự chí thành cảm linh được thiên đế ban trao thuốc, nhờ đức cảm động đến minh Thánh nên sau đó liền được sống lại.

Từ nơi Bồ-tát Thương Mạc Ca bị trúng độc hại theo hướng đông nam đi hơn 200 dặm đến thành Bạt Lỗ Sa, phía bắc thành ấy có ngôi

Tốt-đổ-ba. Là nơi xưa kia Thái tử Tô Đạt Noa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thiện Nha) đem voi lớn của vua cha ban thí cho vị Bà-la-môn nên bị trách phạt xua đuổi để đoái hoài tạ tội với nước nhà và dân chúng, khi đã ra ngoài cửa thành quách đến đó là cáo biệt. Bên cạnh đó có hơn 50 ngôi già lam, chư tăng đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa. Xưa kia luận sư Y Thấp Phạt La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Tự Tại) ở tại đó chế tác luận A-tỳ-đạt-ma minh đăng.

Ngoài cửa phía đông thành Bạt Lỗ Sa có một ngôi già lam, chư tăng có hơn 50 vị đều tập học theo giáo pháp Đại thừa. Có một ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo lập, là nơi xưa kia thái tử Tô Đạt Noa bị xua đuổi đến núi Đàm đa lạc ca (xưa trước gọi là Đàm Sơn tức sai nhầm vậy), vị Bà-la-môn xin hai người con trai gái của thái tử đến ở đó để bán cháo.

Từ thành Bạt Lỗ Sa theo hướng đông bắc đi hơn 20 dặm đến núi Đàm đa lạc ca, trên đảnh núi có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo lập, là nơi xưa kia thái tử Tô Đạt Noa đến đó ẩn náu. Bên cạnh đó không xa có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi thái tử đem hai người con trai gái cấp thí cho vị Bà-la-môn. Vị Bà-la-môn ấy đánh hai người con đó đổ máu nhuốm nơi đất, đến nay các cây cỏ ở đó vẫn còn mang sắc màu ráng đỏ. Nơi thạch thất trên đảnh núi là nơi thái tử cùng vương phi tu tập thiền định. Cây rừng trong hang rủ cành như màn che đều là những nơi xưa kia thái tử đến dừng nghỉ. Bên cạnh đó không xa lại có mọt lò đá là chỗ ở của tiên nhân thời xưa kia vậy.

Từ lò đó của tiên nhân theo hướng tây bắc đi hơn trăm dặm, vượt qua một núi nhỏ, đi đến núi lớn. Phía nam núi ấy có một ngôi già lam, chưa tăng rất hiếm ít, đều tập học theo giáo pháp Đại thừa. Bên cạnh đó có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo lập, là nơi xưa kia tiên nhân Độc Giác nương ở. Tiên nhân vị dâm nữ dẫn dụ loạn lạc thối mất thần thông, dâm nữ mới cưỡi trên vai tiên nhân ấy mà trở về thành ấp.

Từ thành Bạt Lỗ Sa theo hướng đông bắc đi hơn 50 dặm đến một núi cao. Tại núi đó có tôn tượng vợ của Đại Tự Tại Thiên tức là Thiên nữ Tỳ Ma bằng đá xanh. Nghe các hàng sĩ tục nói rằng: tượng trời ấy tự nhiên mà có linh dị đã lắm nhiều, mà người cầu đảo cũng đông. Mọi người ở các nước xứ Ấn Độ đến cầu phước thỉnh nguyện, các hàng sang hèn đông tấp nập mọi người xa gần đều tụ hội. Trong đó như có người nguyện mong thấy hình thiên thần, mà chí thành không nghi ngờ, bỏ ăn suốt bảy ngày, hoặc có người được thấy, cầu nguyện phần nhiều được thành đạt. Phía dưới núi có đền thờ Đại Tự Tại Thiên, do các hàng

ngoại đạo bôi tro thân mình chăm lo kính tu cúng tế.

Từ đền thờ trời Tỳ Ma theo hướng đông nam đi 150 dặm, đến thành Ô đạt ca hán trà, chu vi thành ấy rộng hơn 20 dặm, phía nam gần sông Tín Độ. Dân chúng ở đó giàu sang an lạc, vật báu chất chứa đầy. Những thứ quý lạ ở các phương khác phần nhiều gom tập đến đó.

Từ thành Ô đạt ca hán trà theo hướng tây bắc đi hơn 20 dặm đến ấp Bà la đổ la, là nơi sinh sống của Ba Nhĩ Ni Tiên chế tác luận Thanh Minh. Nói đầu xa xưa, văn tự rộng nhiều, trải qua thời gian kiếp hoại, thế giới rỗng không, các tiên trường thọ giáng linh dẫn dắt người đời. Do từ đó văn tự sổ sách nãy sinh lại. Từ thời gian ấy về sau, nguồn gốc văn tự bị phiếm loạn. Các phạm vương thiên đế tạo ra phép tắc tùy theo thời. Các tiên dị đạo mỗi tự chế tác văn tự. Mọi người cùng nhau tố thuật đua nhau tập học những gì được lưu truyền. Các học giả luống hư công khó khó dùng nghiên cứu rõ ràng. Đến lúc tuổi thọ con người được trăm năm, khi ấy có Bà nhĩ ni tiên vừa sinh mà rộng biết mọi vật, xót thương thời thế khinh bạc, nên muốn chuốt gọt sự phù ngụy, san định sự lắm nhiều tạp nhạp, mới du phương phỏng hỏi đạo, gặp được tự tại thiên, bèn tỏ bày ý chí muốn tác thuật. Tự Tại Thiên bảo rằng: “Lớn vậy thay! Tôi sẽ giúp đỡ ngươi”. Tiên nhân thọ giáo rồi lui về. Từ đó nghiêm tinh trầm tư nhặt nhạnh các ngôn từ làm thành chữ viết, đầy đủ có ngàn bài tụng, mỗi mỗi bài tụng có 32 ngôn từ, nghiên cứu tận cùng xưa nay, bao quát tất cả ngôn phong lại mà tấu trình lên vua. vua rất lấy làm quý lạ, ban lệnh trong nước nhà rộng khiến trao truyền tập học. Có người tập tụng thông lợi được thưởng ngàn tiền vàng, do đó thầy trò trao truyền cho nhau thạnh lưu hành nơi đời. Nên các Bà-la-môn ở trong ấp đó đều là những bậc thạc học cao tài, rộng biết mọi vật hùng mạnh nhận biết.

Trong ấp Bà la đổ la có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi vị A-la-hán giáo hóa hậu tấn tiến nhân Ba nhĩ ni. Sau khi đức Như Lai diệt độ khoảng 500 năm, có vị Đại A-la-hán từ nước Ca Thấp Di La trên đường du đến đó, thấy vị phạm chí dạy răn một trẻ nhỏ. Khi ấy vị A-la-hán hỏi ông Phạm Chí rằng: “Cớ sao làm khổ đứa trẻ này vậy?”. Ông Phạm Chí ấy nói: “Bảo nó học luận Thanh Minh mà sự học chẳng lúc nào tiến”. Vị A-la-hán đột nhiên phát cười. Ông Phạm chí ấy nói: “Phàm là Sa-môn lấy tâm từ bi làm tình xót thương muôn vật mọi loài. Nay nhân giả cười, tôi chẳng hiểu bởi ý gì, xin muốn được nghe nói đó”. Vị A-la-hán nói: “Đàm nói chẳng dung dể, sợ đặt để nghi sâu. Ông có từng nghe tiên nhân Ba Nhĩ Ni chế tác luận Thanh Minh để răn dạy nơi đời chăng?”.

Ông Phạm Chí ấy nói: “Ông ấy ở ấp này, hàng hậu tiến kính ngưỡng đức đó thiết lập tôn tượng nay vẫn hiện còn”. Vị A-la-hán bảo rằng: “Đứa con của ông đây tức là tiên nhân ấy vậy. Do vì sức nhận biết mạnh nên ham thích tập học pháp điển thế gian, chỉ bàn nói về dị luận, chẳng nghiên cứu lý chân, thần trí tổn mất nên lưu chuyển chưa ngưng dứt. Còn nương nhờ các điều thiện khác nên được làm con ông mến thương. Nhưng mà văn từ pháp điển thế gian chỉ lao nhọc tích chứa công phu, đâu như Thánh giáo của đức Như Lai phước trí thầm thấm đượm. Xưa kia tại bờ biển Nam Hải có một cây khô, có 500 con dơi nương ở trong hang động. Bấy giờ có các người khách thương buôn đến dừng nghỉ dưới cây ấy, gặp lúc gió rét mọi người đều lạnh cóng đói khát bèn chất củi un lửa phía dưới; khói lửa dần cháy dượm bốc, cây khô ấy bèn bị cháy theo. Khi ấy trong đoàn thương buôn có một người đã quá nữa đêm đọc tụng A-tỳ-đạt-ma tạng, đàn dơi tuy bị lửa đốt khốn khổ nhưng vì ham thích Pháp Âm nên chịu nhẫn chẳng bỏ đi, do đó mạng chung, và tùy theo nghiệp thọ sinh, đều được làm thân người, bỏ tục xuất gia tu học. Nương nhờ sức nghe pháp âm nên có đuợc thông minh lợi trí. Do đó đều chứng đắc Thánh quả, vì đời mà làm ruộng phước. Gần đây, vua Ca Nị Sắc Ca cùng Hiếp tôn giả chiêu tập 500 vị hiền Thánh đến tại nước Ca thấp di la chế tác luận Tỳ-bà-sa, đó chính là 500 con dơi xưa trước ở trong bộng cây khô ấy vậy. Tôi (tức vị A-la-hán) tuy ngu hèn chẳng được một phần trong số đó. nhưng mà mọi sự hơn kém hay khác, hay nằm tách biệt. Nay, nhân giả thương con, thì nên cho nó xuất gia. Công đức xuất gia ngôn ngữ chẳng thể thuật hết”. Nói lời ấy xong, vị A-la-hán ấy biến hiện những sự thần thông, nhân đó bỗng nhiên biến mất. Ông Phạm chí đó sinh tâm rất kính lạ, ngợi khen tốt lành giây lâu. Sau đó nói bày sự tình với mọi người các làng lân cận và bèn cho người con đó xuất gia tu học. Và nhân đó cũng xoay chuyển đức tin tôn sùng Tam bảo. Mọi người trong làng theo phong hóa ấy, đến nay càng phát mạnh.

Từ thành Ô Đạt La Hán Trà theo hướng bắc vượt qua núi băng qua sông đi hơn 600 dặm đến nước Ô trượng na (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Uyển; là vườn hoa xưa kia của Luân vương vậy. Xưa trước gọi là Ô tràng hay là Ô trà, đều là sai nhầm. Nước ấy thuộc Bắc Ấn Độ).

■

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỨC KÝ

QUYỂN 3

(Nói về 8 nước)

1 - Nước Ô Trượng Na.
2 - Nước Bát Lộ La
3 - Nước Đát Xoa Thỉ La
4 - Nước Tăng Ha Bổ La
5 - Nước Ô Thí Thị
6 - Nước Ca Thấp Di La
7 - Nước Bán Nô Ta.
8 - Nước Át La Xà Bổ La.

1 - NƯỚC Ô TRƯỢNG NA

Nước Ô Trượng Na chu vi rộng hơn 5000 dặm, núi hang cùng thông thuộc, sông đầm liền nhau kéo dài. Lúa má tuy gieo trồng nhiều mà đất sinh lợi chẳng đượm đủ. Lắm nhiều cây bồ đào, hiếm ít cây cam giá. Đất đai sản sinh ra vàng, sắt, thích nghi giống cây uất kim hương. Cây rừng sầm uất, hoa quả tươi tốt, lạnh nóng hòa sướng, gió mưa điều thuận. Con người tánh chí mềm yếu, tục tình dối trá, ham thích học mà hiếm ít thành công, chuyên dùng cấm chủ làm nghề nghiệp. Phần nhiều vận mặc lông tơ sắc trắng, ít mặc các sắc phục khác. Nói năng tuy khác, nhưng phần lớn đồng với Ấn Độ, văn tự lễ nghi hơi tương quan tham dự. Con người rất sùng trọng Phật pháp kính tin đại thừa. Cặp theo sông Tô bà phạt tốt đổ xưa trước có 1400 ngôi già lam, nay phần nhiều đều đã hoang tàn, xưa kia Tăng chúng có đến 1800 vị, đến nay dần giảm ít, mà đều tập học theo giáo pháp đại thừa, chuyên nghiệp hành trì tịch định, khéo giỏi đọc tụng bản văn ấy mà chưa nghiên cứu nghĩa lý sâu mầu, giới hạnh thanh khiết, đặc biệt thông rành về cấm chú. Luật nghi truyền dạy gồm có năm bộ: 01 là pháp mật bộ; 02 là Hóa địa bộ; 03 là Ẩm quang bộ; 04 là Thuyết nhất thiết hữu bộ và 05 là Đại chúng bộ. Có hơn 10 ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn. Thành

quách kiên cố có 0 4 - 05 cái, vua nước đó phần nhiều thống trị ở thành Măng yết ly, chu vi thành ấy rộng khoảng 16 - 17 dặm, dân chúng sinh sống đông nhiều.

Từ thành Măng yết ly về hướng đông cách khoảng 4 - 5 dặm có một ngôi Tốt-đổ-ba rất lắm điềm linh. Là nơi xưa kia đức Phật làm tiên nhẫn nhục bị vua Yết Lợi (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Đấu Tránh, xưa trước gọi là Kha Lợi tức là sai nhầm vậy) cắt xẻo chi phần thân thể.

Từ thành Măng yết ly về hướng bắc cách khoảng 250 - 260 dặm vào trong núi lớn, đến nơi suối rồng A Ba La La, tức đầu nguồn của sông Tô Bà Phạt Tốt Đổ, mạch dòng theo về hướng tây nam, mùa xuân mùa hạ đều đóng băng, sớm tối đều có tuyết bay, tuyết bay lất phất có năm sắc, ánh sáng tỏa chiếu bốn phía. Rồng đó, vào thời đức Phật Ca Diếp Ba vốn sinh trong loài người tên là Khắc Kỳ rất thông giỏi về chú thuật, cấm ngăn chế ngự được rồng độc không cho tung hoành mưa bão, nhân dân nước ấy nhờ đó mà tích chứa lương thực được dư thừa, vua tôi dân chúng cảm ân mến đức nên mlỗi nhà đóng một hộc thóc để dâng tặng đó đã nhiều năm. Bấy giờ có người trốn thuế khóa, Khắc Kỳ ôm giữ tức giận phát nguyện làm rồng độc bạo hành gió mưa làm tổn hại lúa má. Sau khi mạng chung sinh làm rồng ở ao đó, dòng suối biến thành nước bạc làm tổn hại vật lợi từ đất. Đến khi đức Thích-ca Như Lai với tâm đại bi xuất hiện nơi đời, xót thương dân chúng nước đó riêng gặp phải nạn ấy nên giáng thần đến đó muốn giáo hóa rồng độc, nên cầm nắm chày thần Kim cang đánh gõ vào sườn núi. vua rồng kinh sợ mới ra quy y, nghe đức Phật giảng kinh nói pháp, tâm thanh tịnh kính tin tỏ ngộ. Đức Như Lai bèn cấm chế chớ làm tổn hại lúa má của nông phu. Rồng thưa rằng: “Phàm sự ăn uống đều nhờ thâu ở ruộng lúa con người, nay nhờ nghe Thánh giáo, sợ khó cấp giúp cứu tế, nên xin cứ 12 năm thâu lấy lương thực một lần”. Đức Như Lai ngậm che thương xót mà hứa thuận đó, nên mãi đến nay cứ 12 năm có một lần gặp phải tai họa nước bạc.

Từ suối rồng A ba la la theo hướng tây nam cách hơn 30 dặm, trên bờ phía bắc dòng suối nước bạc có một tảng đá lớn trên mặt có dấu chân của đức Như Lai, tùy theo phước lực của mỗi người mà lường đo có ngắn dài. Đó là nơi sau khi đức Như Lai đã nhiếp phục Rồng độc ấy rồi, lưu lại dấu vết mà đi. Về sau có người lên đó sắp chất đá làm thất, mọi người theo dòng suối đi xuống hơn 30 dặm đến nơi tảng đá xưa kia đức Như Lai tẩy giặt pháp y, đường văn của pháp y ca sa hiện rõ ràng

như khắc chạm vậy.

Từ thành Măng yết ly theo hướng nam đi hơn 400 dặm đến núi Hê La, hang nước bắt nguồn từ phía tây chảy ngược dòng đến phía đông. Có lắm tạp hoa, trái lạ phủ cùng khe hang men theo sườn núi, đảnh núi hiểm nguy, khe hang cuộn quanh, hoặc nghe có tiếng rầm rĩ, hoặc nghe tiếng âm nhạc vang vọng, có tảng đá vuông như chiếc giường, có vườn như do công sức người tạo thành, nối liền tương tục tiếp trải theo bờ sườn hang núi. Đó là nơi xưa kia đức Như Lai vì nghe pháp của nữa bài tụng (xưa trước gọi là Già Phạm tức là lược văn, hoặc nói là Kệ Tha là phạm âm; tức sai nhầm. Nay theo chánh âm nên gọi là Già Tha. Già Tha tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là tụng, một bài tụng gồm có 32 ngôn từ), mà xả bỏ thân mạng tại đó vậy.

Từ thành Măng yết ly theo hướng nam đi hơn 200 dặm đến bên cạnh núi lớn, có ngôi già lam tên là Ma-ha phạt na (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Đại Lâm), là nơi xưa kia đức Như Lai tu hạnh Bồ-tát, làm vua hiệu là Tát phược đạt (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Nhất thiết trí) trốn lánh địch thù bỏ nước đến ngầm ẩn tại đó, gặp phải một vị Bà-la-môn nghèo khổ đến cầu xin, vì đã mất ngôi vị và cả nước nhà nên không còn gì để bố thí, bèn bảo vị Bà-la-môn ấy trói buộc lấy mình dẫn đưa đến cho vua giặc địch, mong được tưởng thưởng của cải trở làm làm huệ thí.

Từ già lam Ma-ha phạt na theo hướng tây bắc xuống núi đi khoảng 30 - 40 dặm, đến già lam Ma Thâu (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Đậu). Tại đó có một ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn trăm thước, bên cạnh đó trên tảng đá vuông lớn có dấu vết bàn chân của đức Như Lai, là nơi xưa kia đức Như Lai dẫm bước chân đến tảng đá đó tỏa phóng ánh sáng câu chi soi chiếu đến già lam Ma-ha phạt na vì các hàng người trời mà giảng nói về việc Bản sinh. Dưới nền ngôi Tốt-đổ-ba đó có một tảng đá, sắc đai vàng trắng, thường có thấm nhuộm, là nơi xưa kia đức Như Lai lúc tu hạnh Bồ-tát, vì nghe chánh pháp nên ở đó chẻ cốt xương ghi tả kinh điển.

Từ già lam Ma Thâu về hướng tây đi khoảng 60 - 70 dặm đến một ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng, là nơi xưa kia đức Như Lai tu hạnh Bồ-tát đang làm vua hiệu là Tỳ Ca (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường và xưa trước gọi là Thi Tỳ Ca tức là sai nhầm vậy) vì cầu Phật quả nên ở đó cắt thịt cân cấp cho chim ưng để thay chim cáp.

Từ nơi Thay chim cáp (Bồ câu) về hướng tây bắc đi hơn 20 dặm, vào sông Sang ni la xà, đến Tăng-già lam Bầu sát địa (tiếng Trung Hoa

thời tiền Đường gọi là Xà Dược) có một ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 80 thước. Là nơi xưa kia đức Như Lai lúc làm trời Đế Thích gặp phải năm đói kém dịch bệnh hoành hành, các thứ phương thuốc đều không công hiệu, nơi đường đi người chết tương tục, trời Đế Thích buồn thương nghĩ tìm phương cách để cứu giúp, mới biến thân hình làm một con trăn lớn vắc thây chết nơi hang men sông, và từ giữa không trung có tiếng rao bảo khắp cùng. Mọi người nghe đều vui mừng cùng kéo nhau chạy đến, tùy theo cắt lóc, thịt lại nổi sinh, trị liệu được nạn đói kém và dịch bệnh. Bên cạnh đó không xa có ngôi Tốt-đổ-ba lớn tên là Tô Ma. Là nơi xưa kia đức Như Lai lúc làm trời Đế Thích, trong đời đang mắc nạn dịch bệnh, trời Đế Thích xót thương quần sinh nên tự biến thân mình làm rắn Tô Ma, phàm mọi người ăn thịt rắn đó, không ai chẳng lành mạnh.

Từ sông Sang ni la xà về hướng bắc bên cạnh sườn đá có một ngôi Tốt-đổ-ba. Những người bệnh đến đó cầu nguyện phần nhiều đều được lành mạnh. Xưa kia đức Như Lai làm vua chim Khổng Tước cùng cả đàn đến đó, bởi nóng khát bức bách tìm kiếm nước không được, chim khổng tước vua mới dùng mỏ mổ vào sườn núi, bỗng có dòng suối tuôn chảy đến này bèn thành ao, mọi người dùng uống và tắm đều lành bệnh. Trên tảng đá còn có dấu chân chim khổng tước.

Từ thành Măng yết ly theo hướng tây nam đi khoảng 60 - 70 dặm đến phía đông dòng sông lớn có một ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 60 thước do vua Thương Quân tạo lập. Xưa kia, lúc đức Như Lai sắp tịch diệt, bảo cùng các đại chúng rằng: "Sau khi ta nhập Niết bàn, đối với vua Thương Quân ở nước Ô Trượng Na, nên phân chia cho một phần xá lợi". Và đến lúc các vua sắp muốn phân lường đều, vua Thượng Quân đến sau bèn sẽ có sự bàn nghị khinh bỉ, khi ấy đại chúng trời người tuyên bày lại lời đoái hoài ủy thác của đức Như Lai, vua Thượng Quân mới được dự đồng phần, nghinh thỉnh xá lợi Phật trở về nước kính lễ sùng phụng tạo dựng ngôi Tốt-đổ-ba. Bên cạnh bến bờ sông lớn có một tảng đá lớn tướng trạng như con voi, xưa kia vua Thượng Quân dùng voi trắng lớn để chở thỉnh xá lợi đức Phật, về đến nơi đó, bỗng nhiên voi ngã té, nhân đó mà tự chết bèn biến thân hình thành đá. Và vua liền ngay bên cạnh đó tạo dựng ngôi Tốt-đổ-ba.

Từ thành Măng yết ly theo hướng tây cách hơn 50 dặm, vượt qua sông lớn, đến ngôi Tốt-đổ-ba tên là Lô Hê Đát Ca (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Xích) cao hơn 50 dặm, do vua Vô Ưu tạo lập. Là nơi xưa kia đức Như Lai tu hạnh Bồ-tát làm vị Đại Quốc vương hiệu là Từ Lực, ở đó chích lấy máu thân mình để bố thí cho năm Dược Xoa (xưa

trước gọi là Dạ Xoa tức sai nhầm vậy).

Từ thành Măng yết ly theo hướng đông bắc cách hơn 30 dặm đến nơi ngôi Tốt-đổ-ba tên là Át bộ đa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Kỳ Đặc) bằng đá cao hơn 40 thước, là nơi xưa kia đức Như Lai vì các hàng người trời giảng nói pháp mở dẫn tu đạo, sau khi đức Như Lai thị tịch, ngôi Tốt-đổ-ba đó từ đất nổi lên. Mọi người sùng kính dâng cúng hương hoa không ngưng dứt.

Từ ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá đó theo hướng tây vượt qua dòng sông lớn cách khoảng 30 - 40 dặm đến một ngôi tinh xá. Trong đó có tôn tượng Bồ-tát A Phược Lô Chỉ Để Thấp Phạt La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Quán Tự Tại tức hợp chữ liền tiếng. Theo Phạm ngữ như trên mà phân văn chia âm thì “A Phược Lô chỉ để” dịch nghĩa là “Quán” và “Y thấp phạt la” dịch nghĩa là “Tự tại”. Theo các nhà phiên dịch xưa trước gọi là Quang Thế Âm, hay là Quán Thế Âm, hoặc là Quán Thế Tự Tại, đều là sai nhầm vậy), oai linh ngầm khắp, vết thần tỏ sáng, các hàng pháp tục cùng nhau tìm đến cúng dường không ngưng ngớt.

Từ tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại Tha theo hướng tây bắc cách khoảng 140 - 150 dặm, đến núi La Bột Lô. Trên đảnh núi có ao Rồng, chu vi rộng hơn 30 dặm, sóng biếc tuôn trào, dòng trong ngời ánh kiếng soi. Xưa kia vua Tỳ Lô Thích-ca trước đánh chim các người giòng họ Thích. Có bốn người chống kháng quân lính, Tông Thân bèn tẩn đuổi, mỗi tự phân bay. Có một người trong giòng họ Thích ấy đã ra khỏi đô thành của nước nhà, lặn lội nhọc mệt bèn dừng nghỉ giữa đường. Khi ấy có một con nhạn bay vượt qua trước, thế rồi dần thuần quen, nhân đó bèn cưỡi nương. Con nhạn đó bay lượn xuống bên cạnh ao đó. Người giòng họ Thích đó đi bằng đường không trung xa đến nước khác, mê mờ không biết đường sá, bèn gá ngủ dưới tàng cây. Khi ấy, thiếu nữ con của rồng ao đó rảo bước xét xem bờ nước, bỗng thấy người giòng họ Thích, sợ chẳng được đương đầu, bèn biến làm thân hình người mà xoa vỗ. Người giòng họ Thích ấy tỉnh giấc kinh sợ, nhân đó liền cảm tạ rằng: “Kẻ ở nhờ này thân người gầy yếu, sao được thân gần vỗ về?”. Bèn thành thực ân cần lấn bức hợp quê. Người nữ ấy nói: “Cha mẹ có dạy răn, an tâm vâng phụng không trái nghịch. Tuy được ân huệ đoái hoài, nhưng chưa thể vâng thừa cao mạng”. Người giòng họ Thích hỏi rằng: “Đây chốn núi hang mịt mờ, vậy nhà của ngươi ở đâu?”. Người nữ ấy đáp: “Tôi là con gái của Rồng ở ao này, kính nghe giòng họ Thánh giả lánh nạn lưu ly,may nhân rảo bước trông xem, dám ủy an tệ nhọc,

mạng có sum họp riêng, chưa nghe được ý chỉ tại đây, huống hồ bởi chất chứa học phải nhận thọ thân rồng này, người vật khác đường, chẳng phải chỗ nghe vậy". Người giòng họ Thích bảo rằng: "Một lời thấy đáng giữ tâm đến rốt cùng vậy". Con gái rồng ấy nói rằng: "Kính vâng nghe mạng lệnh vậy. Chỉ chở đi đến...". Người giòng họ Thích mới phát thệ tâm nguyện rằng: "Phàm tôi có được bao nhiêu sức lức phước đức, khiến con gái rồng này khắp thân thể đều biến thành người". Do phước lực cảm nên, con gái rồng bèn biến đổi thân hình. Khi đã được thân người bèn rất tự mừng vui, mới cảm tạ giòng họ Thích rằng: "Tôi tích chứa vận tai vạ, lưu chuyển trong đường ác, nay được rủ lòng đoái hoài nhờ phước lực gia hộ nên thân xấu tệ trong nhiều kiếp, một mai được cải đổi. Muốn báo ân đức này dầu nát nhừ thân mình cũng chưa thể tạ hết. Tâm nguyện muốn gấp bội sự vân đức Phật, sang còn bó buộc vật bàn nghị. Nguyện thưa cùng mẹ cha, sau đó hẳn đầy đủ lễ". Con gái rồng trở về lại ao thưa trình cùng cha mẹ rằng: "Ngày nay rảo bước trông xem bỗng gặp một người giòng họ Thích, do phước lực cảm nên biến đổi thân hình con làm thành người. Tình còn hảo hợp, dám xin tỏ bày sự thật". vua rồng trong tâm mừng kính loài người, tình lại quý trọng chủng tộc Thánh hiền, nên bèn theo sự thỉnh cầu của con gái, mới ra khỏi ao cảm tạ người giòng họ Thích rằng: "Chẳng để sót chẳng phải đồng loại, giáng hạ tôn quý xuống tới thấp hèn, kính mời đến phòng nhà chúng tôi, dám cung phụng quét tước". Người giòng họ Thích trông thấy thân hình của rồng, trong tâm luôn sợ gớm, mới muốn từ tạ lui ra, vua Rồng ngăn cản nói rằng: "Mong chớ ngài xa nhà, gần đây có vườn nhà ở được, tôi sẽ khiến trấn vạch biên cương đất đai tôn xưng hiệu lớn, và gồm có bề tôi dân thứ chở giúp kéo dài ở đời". Người giòng họ Thích cảm tạ với vua Rồng rằng: "Lời ấy tôi chẳng mong cầu!". vua Rồng bèn đem kiếm báu đặt để trong hộp, và dùng bông tơ sắc trắng xinh đẹp vi diệu che phủ lên trên, nói cùng người giòng họ Thích rằng: "Mong mang bông tơ này đến dâng cúng quốc vương, quốc vương hẳn lại gần nhận lấy vật triều cống của người từ xứ xa. Ngay khi đó có thể ra tay hại vua ấy, và nhân đó chiếm cứ ngay nước nhà, đó chẳng tốt lành ư?". Người giòng họ Thích vâng nhận sự chỉ bày của vua Rồng, bèn đi sang dâng hiến lên vua nước Ô trượng na, vua ấy đích thân nâng bưng bông tơ đó. Người giòng họ Thích nắm lấy tay áo vua mà giết chết, các thị thần vệ binh huyên loạn nơi thềm cấp, người giòng họ Thích vung kiếm mà bảo rằng: "Trượng kiếm của ta đây là do Rồng thần hiến dâng, để giết kẻ phục sau, để chém kẻ bất thần". Khi ấy mọi người đều lo sợ,

Thần Võ suy tôn người giòng họ Thích lên ngôi vị lớn. Từ đó men theo xử đoán mà lập chính sách, biểu dương người hiền tài, giúp đỡ kẻ khốn khó, thế rồi cất động chúng đông, chuẩn bị pháp giá liền đến nơi cung rồng mà báo đáp ân mạng, nghinh đón con gái rồng về nơi thành đô. Con gái rồng bởi nghiệp xưa trước chưa hết, quả báo dư thừa vẫn hiện còn, nên mỗi lúc xum họp riêng, trên đầu nổi lênh chín đầu rồng. Người giòng họ Thích gớm sợ, chẳng biết đó là mưu đồ kế tính gì, bèn xét dò lúc con gái rồng ngủ yên, dùng dao bén cắt bỏ đó, con gái rồng kinh hãi tỉnh giấc nói rằng: "Đó chẳng phải lợi của con cái nối dõi, chẳng những mạng ta có ít tổn thương mà con cháu của ông sẽ phải khổ đau đầu". Nên chủng tộc nước đó thường có bệnh hoạn ấy, tuy chẳng liên miên chỉ một lúc phát động. Sau khi người giòng họ Thích đã qua đời, người con tiếp nối kế vị, đó là vua Ốt Đát La Tê Na (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thượng Quân).

Sau khi vua Thượng Quân lên kế vị, người mẹ bị mù mắt, khi ấy đức Như Lai vừa nhiếp phục rồng A ba la la trở về, từ giữa không trung đến trong cung đó. vua Thượng Quân vừa mới đi săn. Đức Như Lai nhân vì người mẹ đó lược giảng nói pháp yếu. Người mẹ đó gặp được Thánh giả, được nghe giáo pháp bèn được mắt sáng trở lại. Đức Như Lai bảo rằng: "Con của ngươi là người cùng giòng họ với Ta, nay đang ở đâu?". Người mẹ ấy đáp: "Lúc sáng sớm nó vừa đi săn, nay sắp trở về". Đức Như Lai cùng đại chúng muốn cất bước ra đi. Người mẹ nói rằng: "Tôi nhờ phước đức gặp sinh và nuôi dưỡng con của giòng họ Thích. Đức Như Lai lại xót thương mà đến đây, con tôi sắp trở về, mong dừng ở giây lát chờ đợi". Đức Thế Tôn bảo rằng: "Người ấy là trong giòng tộc của Ta, có thể nghe chỉ giáo mà tin ngộ, chẳng cần phải gần gũi để răn dạy khiến phát tâm. Ta nay đi đây vậy. Sau khi con ngươi trở về nên bảo cùng nó rằng: "Đức Như Lai rứ đây sang thành Câu Thi, ở giữa khoảng cây sa la mà nhập niết bàn, nên sang đó nhận phần mà tự cúng dường". Nói xong, đức Như Lai cùng đại chúng bỗng vượt giữa hư không mà đi. vua Thượng Quân vừa mới đi săn, từ xa trông về thấy trong cung có ánh sáng rực rỡ, nghi là gặp phải nạn lửa, bèn bỏ cuộc đi săn mà trở về, mới thấy mẹ mình nắt sáng lại, vua rất vui mừng mà hỏi rằng: "Sau khi con đi bao lâu thì có được điềm cảm tốt lành như vậy? Mà khiến mẹ hiền được sáng mắt lại như xưa". Người mẹ ấy bảo rằng: "Sau khi con đi khỏi, đức Như Lai đến đây, mẹ nghe Phật giảng nói pháp mà được sáng mắt lại như vầy. Đức Như Lai từ đây sang đến thành Câu Thi khoảng giữa cây sa la sẽ nhập niết bàn, gọi bảo con nhanh đến đó để phân chia

lấy phần xá lợi". Khi ấy, nghe nói như thế, vua Thượng Quân buồn khóc ngã quỵ, giây lâu mới tỉnh lại, bảo chuẩn bị xa giá vội đến giữa khoảng hai cây sa la, thì đức Phật đã nhập Niết bàn. Khi ấy các vị quốc vương xem thường vua Thượng Quân, cho đó là biên bỉ, mà quý trọng xá lợi chẳng muốn phân chia cho. Lúc đó trời người đại chúng nói bày lại ý Phật, các vua nghe rồi, bèn trước cho trao cho vua Thượng Quân.

Từ thành Măng yết ly theo hướng đông bắc, vượt qua núi qua hang đi ngược dòng lên sông tín độ, đường đi nguy hiểm, núi hang mịt mờ, hoặc phủ dây nhợ, hoặc kéo vòng sắt, cầu treo lửng lờ giữa hư không, cầu bay tạo dựng nguy hiểm, rui cọc, men bước ngơ ngác, đi hơn ngàn dặm đến sông Đạt lệ la, tức là đô thành xưa cũ của nước Ô trượng na, xứ đó sản sinh có lắm vàng ròng và uất kim hương. Bên trong sông Đạt lệ la có ngôi già lam lớn, bên cạnh có khắc chạm gỗ tôn tượng Bồ-tát Từ Thị, sắc màu vàng ròng chiếu sáng rực rỡ, linh giám ngầm thông cao hơn trăm thước, do A-la-hán Mạt địa để ca (xưa trước gọi là Mạt Điền Địa, tức lược gọi sai nhầm vậy) tạo dựng. A-la-hán dùng sức thần thông dẫn đưa các người thợ lên cung trời Đổ Sử Đa (xưa trước gọi là Đâu-suất Đà, hoặc gọi là Đâu Thuật Tha tức là sai nhầm vậy) đến gần xem Diệu Tướng, sau ba lần lên xuống mới hoàn tất công việc. Từ khi có tôn tượng ấy, Phật pháp lưu truyền đến phương đông.

Từ đó theo hướng đông đi vượt qua đỉnh núi vượt qua hang cốc, ngược lên sông Tín Độ, qua cầu bay cầu treo hiểm dẫm nguy trải hiểm, đi hơn 500 dặm đến nước Bát Lộ La (thuộc Bắc Ấn Độ).

2 - BÁT LỘ LA.

Nước Bát Lộ La chu vi rộng hơn 4000 dặm, nằm giữa khoảng núi tuyết lớn, từ đông sang tây dài, từ nam sang bắc hẹp, có lắm lúa tẻ, đậu. Đất đai sinh sản vàng bạc, nhờ lợi của vàng mà đất nước sử dụng giàu có. Thời tiết chỉ lạnh gắt, con người tánh khí mạnh mẽ, khinh bạc đối với nhân nghĩa, không nghe thấy có lễ tiết, thân hình dáng mạo thô xấu, vận mặc thuần áo lông vải sợi. Văn tự phần lớn đồng với Ấn Độ. Nói năng có phần khác so với các nước. Có vài trăm ngôi già lam, chư tăng khoảng vài ngàn vị, học không chuyên tập, giới hạnh phần nhiều khuyết lạm. Từ đó trở lại thành Ô đạt ca hán trà, phía nam là sông Tín Độ, sông ấy rộng khoảng 3 - 4 dặm, xuôi dòng về phía tây nam, nước lắng trong ngời ánh gương soi, lắng cặn đục tràn đầy dòng. Rồng độc thú dữ làm hang ổ ở trong, như có người mang theo vật quý báu, giống cây trái lạ cũng như xá lợi Phật vượt qua sông, thuyền bè phần nhiều

đều bị chìm đắm. Vượt qua sông đó tức đến nước Đát Xoa Thỉ La (thuộc Bắc Ấn Độ).

3 - NƯỚC ĐÁT XOA THỈ LA.

Nước Đát Xoa Thỉ La chu vi rộng hơn 2000 dặm, đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm, các tù trưởng và những nhà giàu có nỗ lực đua tranh nhau. Giòng tộc vua chúa đã tuyệt dứt không người nối dõi. Ngày trước mọi việc làm đều tùy thuộc nước Ca Tất Thí, gần đây lại phụ thuộc làm thuê mướn cho nước Ca Thấp Di La. Đất đai màu mỡ, lúa thóc lắm nhiều, sông suối nhiều, hoa quả tươi tốt, khí hậu hòa sướng, phong tục xem thường mạnh dữ, rất sùng kính Tam bảo. Các ngôi già lam tuy lắm nhiều mà đều hoang phí hư hoại rất lắm, chư tăng hiếm thiếu, đều tập học theo giáo pháp đại thừa.

Từ thành lớn theo hướng tây bắc cách hơn 70 dặm có ao vua rồng Y La Bát Đát La chu vi rộng hơn trăm bộ. Nước trong ao đó lắng trong, hoa sen tạp sắc đồng tươi tốt dáng vẻ khác nhau. Rồng đó vốn là vị Bí Sô phá hoại cây Y La Bát Đát La ở thời đức Phật Ca Diếp Ba. Nên nay tại xứ đó cầu mưa cầu tạnh thảy đều cùng với các Sa-môn đồng đến nơi ao đó khảy móng tay ủy an han hỏi, tùy theo ước nguyện đều được thành quả.

Từ ao rồng ấy theo hướng đông nam đi hơn 30 dặm, vào giữa khoảng hai quả núi có một ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng cao hơn trăm thước. Là nơi xưa kia đức Như Lai dự ghi trong tương lai lúc đức Từ Thị Thế Tôn xuất hiện ở nơi đời, tự nhiên có bốn kho tàng báu lớn, tức tại Thánh địa đó sẽ có một kho. Nghe các bậc lão thành nói rằng có lúc đất chuyển động các nước đều lay động, chung quanh kho tàng khoảng trăm bộ, không nơi nào chẳng lay động. Khi có kẻ ngu phu vọng phát khởi đào bới, đất bị chấn động, mọi người đều ngã té. Bên cạnh đó có ngôi già lam đã hư hoại rất lắm, từ lâu tuyệt hẳn không có chúng tăng.

Từ thành về hướng bắc cách khoảng 12 - 13 dặm có một ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng, có lúc đến các ngày trai tỏa phóng ánh sáng, hoa thần nhạc trời, từng có nghe thấy. Nghe các bậc lão thành nói là gần đây có người phụ nữ thân hình mắc phải bệnh cùi hủi rất dữ, trộm đến ngôi Tốt-đổ-ba đó mà tự trách mình, chí thành lễ sám, thấy nơi sân nhà có các phẩn uế, bèn vốc bỏ quét dọn, bôi thoa hương thơm, rải hoa, lại hái nhặt hoa sen xanh trải phủ nơi đất đó, mà bệnh độc dữ được trừ lành, hình mạo trở nên xinh đẹp. Từ thân tỏa ra mùi thơm hoa sen xanh

đồng phảng phất. Đó là nơi xưa kia đức Như Lai tu hạnh Bồ-tát làm vị Đại quốc vương hiệu là Chiến Đạt La Bát Thích Bà (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Nguyệt Quang) với chí cầu đạo Bồ-đề nên cắt bỏ đầu mình để bố thí. Xả thí như thế trải qua cả ngàn đời.

Bên cạnh ngôi Tốt-đổ-ba xả thí đầu ấy có ngôi Tăng-già lam, sân nhà hoang vắng, chúng tăng hiếm ít. Xưa kia, luận sư Kinh Bộ Câu Ma La La ở tại đó chế tác các bộ luận.

Tại phía tây bắc của Nam Sơn thuộc phía đông nam ngoài thành có một ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn trăm thước là nơi thái tử Câu Lãng Noa con vua Vô Ưu bị mẹ ghẻ (kế mẫu) lừa dối mà móc mắt, do vua Vô Ưu tạo dựng, những người mù đến nguyện cầu, phần nhiều có được sáng mắt lại. Thái tử Câu Lãng Noa do chánh hậu sinh ra, nghi mạo đẹp xinh cao nhã, nhân từ sớm hiển trước. Sau khi chánh hậu qua đời, kế thất (vợ kế của vua Vô Ưu) quá dâm phóng túng ngu mờ, riêng cưỡng bức thái tử, thái tử đổ lệ khóc dẫn trách, lùi thân tạ tội. Kế mẫu thấy chống trái càng tăng thêm sự tức giận. Nhân lúc vua nhàn rãnh kế thất thong dong nói rằng: “Phàm yếu lãnh của nước Đát Xoa Thỉ La, nếu chẳng phải con em thân gần thì ai là người có thể giao phó cho đó ư? Nay, thái tử nhân từ hiếu hạnh vang xa, thân hiền đều chiếu cố, vật nghị tại đây”. vua lầm nghe nói nhã duyệt mưu gian, bèn gọi thái tử đến mà dạy răn rằng: “Ta tiếp thừa có đồ rủ ban kế nghiệp, chỉ sợ rơi lạc mất, trên trái phụ đối với tiên vương. Áo đai của nước Đát Xoa Thỉ La, nay ta phải bảo con ra trấn nhậm nước ấy. Việc nước nhà rất lớn nặng, mà tình người quỷ quyệt gian tạp. Con chớ vọng đến đi mà có khuyết trái có đồ giềng mối. Phàm như có vời bảo, phải nghiệm xét ấn dấu răng ta. Ấn tại miệng của Ta, con chớ sai nhầm đó vậy!”. Khi ấy, thái tử vâng mạng đến trấn. Ngày tháng tuy đã ngầm lắng xa, mà kê thất càng tức giận, bèn dối phát ban chế thư, dùng đất bùn sắc đỏ phong ký, nhân hầu vua lúc ngủ say trộm lấy răng làm Ấn, vội sai kẻ sứ mang sang, đem thư trách khiển ban trao. Phụ thần quỳ đọc mà trông nhìn mất mưu đồ. Thái tử hỏi rằng: “Cớ sao tỏ vẻ ưu buồn?”. Phụ thần đáp: “Đại vương có ban thư trách thái tử, móc bỏ hai mắt, xua đuổi đến núi hang, mặc tình hai vợ chồng tùy thời sống chết. Tuy có mạng lệnh này, nhưng còn chưa nên y cứ. Nay nên xin thình buộc mặt đợi tội”. Thái tử bảo rằng: “Cha mà bảo chết, dám từ chối ư? Răng ấn làm phong thư, thật chẳng sai nhầm vậy”. Rồi Thái tử bảo gã Chiên Trà La móc lấy hai mắt mình. Mắt đã bị móc, mất hẳn ánh sáng. Thái tử cùng vợ bèn làm kẻ xin ăn tự sống, lưu lạc triển chuyển dần đến đô thành phụ vương. Vợ thái tử nói rằng: “Đây là

thành vua. Than ôi! Đói lạnh thật khổ, xưa trước làm thái tử, nay làm kẻ ăn xin, mong được nghe biết, lại tỏ bày sự khiển trách xưa trước". Khi ấy bèn mưu tính vào trong chuồng ngựa của vua, quá nửa đêm khóc đối mặt với gió trong lành, huýt kêu dài buồn ngâm, không hầu và trống hòa vang, vua ở nơi lầu cao nghe vọng tiếng nhã xướng ấy, ngôn từ rất buồn oán, lấy làm quái lạ mà hỏi rằng: "Tiếng ngâm ca và không hầu ấy tợ như là con ta, cớ sao nay lại đến đây vậy?". Liền hỏi trong chuồng ngựa ai là người ca huýt vậy. Bèn dẫn người mù ra đối trước Thánh chỉ. vua thấy thái tử, đành ngậm đau buồn mà hỏi rằng: "Ai hại thân con gặp phải họa hấn này. Thái tử mù mắt còn chẳng tự biết. Phàm đối với trăm dân lê thứ to lớn làm sao mà cứu xét? Trời ơi! Trời ơi! Đức đâu suy vậy?". Thái tử buồn khóc lạy tạ mà thưa rằng: "Thật là bất hiếu, phụ trái đối với trời. Ngày... tháng... năm... đó, bỗng nhiên phụng vâng từ chỉ, không do đâu để chối từ và cũng chẳng dám trốn trách nhiệm". Trong tâm vua liền biết kế thất làm điều trái với pháp luật, không chỗ đáng phải cứu xét nữa, bèn xử hành hình. Bấy giờ tại già lam Bồ-đề Thọ, có A-la-hán Cù Sa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Diệu Âm) là vị chứng đắc tứ biện vô ngại, tam minh đầy đủ, vua bèn dẫn con (thái tử) mù đến bày tỏ sự việc, và cầu xin dủ lòng từ bi khiến thái tử được sáng mắt lại. Khi ấy A-la-hán Cù Sa nhận lời cầu thỉnh của vua rồi liền trong ngày đó tuyên bảo cùng mọi người trong nước ấy là: "Ngày mai tôi muốn giảng nói Diệu lý, mỗi người mang theo một đồ vật đến nghe pháp để đựng nước mắt khóc đổ". Khi ấy mọi người khắp xa gần đều kéo tới, các hàng sĩ nữ đồng tụ hội. Bấy giờ A-la-hán Cù Sa giảng nói pháp 12 nhân duyên. Mọi người đến nghe pháp, không ai chẳng cảm khóc, bèn dùng đồ vật mang theo đó hứng đựng lệ đổ. Đến lúc giảng pháp đã xong, gồm thâu tất cả nước mắt của thính chúng đó đặt để trong mâm vàng, và A-la-hán Cù Sa tự phát thệ nguyện rằng: "Phàm tôi giảng nói chí lý của chư Phật. Lý nếu chẳng chân thật, giảng nói có sai nhầm, như thế thì thôi, còn như chẳng phải thế thì nguyện đem tất cả nước mắt này tẩy rửa mắt mù kia, mắt ấy sáng trở lại được thấy rõ như xưa cũ". Nói lời ấy rồi, A-la-hán Cù Sa đem mâm nước mắt ấy tẩy rửa mắt thái tử, mắt thái tử bèn sáng lại. vua mới trách phạt vị phụ thần ấy, cật vấn các liêu tá, hoặc có người bị trục xuất, hoặc phóng tha, hoặc đổi dời, hoặc xử tội chết, v.v... Các nhà giàu có trong thế tục dời đến ở trang bãi sa mạc thuộc phía đông bắc núi tuyết.

Từ đó theo hướng đông nam vượt qua các núi hang, đi hơn 700 dặm đến nước Tăng Ha Bổ La (thuộc Bắc Ấn Độ).

4 - NƯỚC TĂNG HA BỔ LA.

Nước Tăng Ha Bổ La chu vi rộng khoảng 3500 - 3600 dặm, phía tây gần sông Tín Độ, đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 14 - 15 dặm, tựa núi y cứ trên đỉnh bền chắc cao vợi. Việc nông tuy làm tốn kém ít công mà đất đai cho lợi nhuận lắm nhiều. Khí hậu thuần lạnh, con người tánh tình cứng mạnh, tập tục mến chuộng khỏe mạnh, lại lắm nhiều quỷ quyệt. Nước đó không có quân trưởng, chủ vị, mọi việc làm đều phụ thuộc nước Ca Thấp Di La. Từ thành về phía nam cách không xa có một ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng, trang tiết tuy có khuyết thiếu mà linh dị tương tục. Bên cạnh có một ngôi già lam trống rỗng chẳng có chúng tăng.

Từ thành theo hướng đông nam đi khoảng 40 - 50 dặm có một ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá do vua Vô Ưu tạo dựng cao hơn 200 thước, ao hồ có cả 10 cái ánh ngời đeo quanh hai bên phải trái, khắc chạm đá làm bờ có lắm hình loại khác lạ. Nước xoáy dòng trong, lắng gạn vẫn đục trút bỏ, cá rồng thủy tộc làm hang huyệt ngầm bơi lặn, hoa sen bốn màu lan tràn giữa đầm trong. Trăm thứ cây trái lắm nhiều đồng tốt tươi khác sắc màu. Ao rừng giao ánh ngời bóng thật đáng rảo bước thưởng ngoạn. Bên cạnh đó có ngôi già lam, từ lâu không có chúng tăng sinh hoạt. Bên cạnh ngôi Tốt-đổ-ba cách không xa, có nói của Bạch y ngoại đạo mà vị bổn sư của họ đã tỏ ngộ lý qua sự tìm cầu, giảng nói pháp lần đầu tiên, ngày nay hiện có phong ghi, bên cạnh có tạo dựng ngôi đền thờ trời. Đồ chúng đó tu hành khổ hạnh, đêm ngày tinh cần, chẳng chút ngưng nghỉ. Pháp do bổn sư họ giảng nói phần nhiều trộm lấy nghĩa trong kinh Phật, tùy loại mà thiết bày bài pháp, phỏng theo phép tắc nghi quỷ. Các vị lớn xưng gọi là Bí Sô, những người nhỏ gọi là Sa Di, oai nghi luật hạnh rất đồng như pháp chế của chúng tăng. Họ chỉ để lại một ít tóc lại thêm để lõa hình, hoặc có vận mặc thì y phục sắc trắng là khác. Xét cứ theo dòng riêng đó thì hơi dùng phân khu. Tôn tượng thiên sư của họ phỏng trộm như tôn tượng đức Như Lai, chỉ y phục là sai biệt, còn tướng hảo không khác lạ.

Từ đó trở lại nước Đát Xoa Thỉ La về biên giới phía bắc vượt qua sông Tín Độ, theo hướng đông nam đi hơn 200 dặm, qua cửa đá lớn, là nơi xưa kia vương tử Ma-ha Tát Đỏa đến đó ném thân thí cho Ô Đề (hổ - cọp) đói ăn. Từ đó về hướng nam cách khoảng 140 - 150 bộ, có một ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá là nơi vương tử Ma-ha Tát Đỏa sợ thú đói không còn sức lực, nên vừa đến đó, bèn lấy cây tre khô tự đâm vào mình lấy máu cho thú liếm ăn, từ đó thú mới gặm ăn. Trong đó, đất đai

cho đến cây cỏ hơi mang sắc màu ráng đỏ, bởi do máu huyết nhuốm nhiễm vậy. Mọi người đi ngang qua đó như mang cỏ gai chích, chẳng kể là nghi hay tin, không ai chẳng buồn thảm. Về phía bắc của nơi vương tử Ma-ha Tát Đỏa xả thân đó có một ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá cao hơn 200 thước do vua Vô Ưu tạo dựng, điêu khắc chế tác kỳ đặc, luôn có tỏa phóng ánh sáng. Có hàng trăm ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ và các khám đá bao bọc chung quanh đó ánh ngời cả cảnh vực. Những người bị bệnh tật đi nhiễu quanh đó phần nhiều có được lành mạnh.

Phía đông ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá có ngôi già lam, chư tăng có hơn hai trăm vị đều tập học giáo pháp đại thừa. Nơi đó, hoa quả lắm nhiều tươi tốt, ao suối lắng trong như gương soi. Bên cạnh có ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 200 thước, là nơi xưa kia đức Như Lai đến đó giáo hóa quỷ Dược Xoa bạo ác, khiến chẳng ăn thịt.

Từ đó theo hướng đông nam đi hơn 500 dặm đến nước Ô Thí Thi (thuộc Bắc Ấn Độ).

5 - NƯỚC Ô THÍ THI.

Nước Ô Thí Thi chu vi rộng hơn 2000 dặm, núi đồi liền tiếp, ruộng đồng men cặp. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 7 -8 dặm. Không có quân trưởng lớn, mọi việc làm đều phụ thuộc nước Ca Thấp Di La. Đất đai thích nghi với lúa thóc, hiếm thiếu hoa quả, khí hậu ấm hòa hơi có sương tuyết. Phong tục không có lễ nghĩa, con người tánh tình cứng mạnh, phần nhiều làm các việc dối trá, không kính tin Phật pháp. Từ thành lớn về hướng tây nam cách khoảng 4 - 5 dặm có một ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 200 thước do vua Vô Ưu tạo dựng. Bên cạnh đó có ngôi già lam, chư tăng hiếm ít, mà đều tập học theo giáo pháp Đại thừa. Từ đó theo hướng đông nam leo lên núi dẫm trải hiểm nguy, vượt qua cầu sắt đi hơn ngàn dặm đến nước Ca Thấp Di La. (Xưa trước gọi là Kế Tân, tức sai nhầm, nước đó thuộc Bắc Ấn Độ).

6 - NƯỚC CA THẤP DI LA.

Nước Ca Thấp Di La chu vi rộng hơn 7000 dặm, bốn phía đều đeo mang theo núi, núi rất cao vợi, tuy có cửa đường mà lại hiểm trở nhỏ hẹp. Từ xưa các nước giặc địch lân cận không dám đến đánh chiếm. Đô thành lớn của nước đó về phía tây gần sông lớn, từ nam sang bắc rộng khoảng 20 - 30 dặm, từ đông sang tây dài khoảng 40 - 40 dặm. Đất đai thích nghi với thóc lúa, có lắm nhiều hoa quả, nơi sản sinh các giống Rồng, ngựa, và uất kim hương, hỏa châu, cỏ thuốc. Khí hậu lạnh cứng,

nhiều tuyết ít gió. Con người vận mặc vải sợi lông, y phục bằng bông tơ sắc trắng. Thể tục khinh lật, con người tánh tình nhúc nhác. Nước đó được Rồng hộ trì nên bèn hùng mạnh cảnh vức xung quanh. Con người dung mạo xinh đẹp, tánh tình dối trá, ham học nghe nhiều, tà chánh đều kính tin. Có hơn trăm ngôi già lam, chư tăng có hơn 5000 vị. Có bốn ngôi Tốt-đổ-ba đều do vua Vô Ưu tạo lập, trong mỗi một ngôi đều có hơn một thăng xá lợi của đức Phật.

Theo "Quốc chí" nói: Đất của nước đó xưa kia vốn là ao rồng, khi đức Phật từ nước Ô trượng na nhiếp phục thần ác đã xong, muốn trở về lại nước Trung Ấn Độ, đang bay giữa hư không ngay trước trên nước đó, đức Phật bảo cùng tôn giả A-nan rằng: "Sau khi ta nhập Niết bàn, có A-la-hán Mạt Điền Để sẽ đến xứ này lập nước an dân, hoằng dương Phật pháp". Quả thật sau khi đức Phật nhập Niết bàn. Trong 10 thứ 5, có A-la-hán Mạt Điền Để đệ tử của tôn giả A-nan là vụ chứng đắc sáu pháp thần thông, có đủ tám pháp giải thoát, nghe lại xưa trước đức Phật có huyền ký như thế, trong tâm tự vui mừng, bèn đến xứ đó ở trên đảnh núi lớn an tọa trong rừng, hiện sức đại thần biến, rồng trông thấy bèn sinh kính tin sâu sắc, thỉnh cầu sẽ hỗ giúp điều ước muốn. A-la-hán Mạt Điền Để vận sức thần thông nới lớn thân, vua rồng tung sức rút nước, hết nước ao trống không, vua rồng bèn vụt cầu xin đất dung thân. A-la-hán Mạt Điền Để mới về góc tây bắc, nơi đó luu lại một ao nhỏ chu vi rộng hơn trăm dặm. Các chi thuộc của rồng đều riêng đến ở nơi ao nhỏ. vua rồng thưa rằng: "Đất ao xin nguyện cúng thí hết, và nguyện xin thường đến nhận sự cúng dường". A-la-hán Mạt Điền Để Ca nói rằng: "Tôi nay không bao lâu nữa sẽ nhập Vô dư Niết bàn, tuy muốn nhận sự thỉnh mời, như thế có được ư?". Vua rồng lại cầu thỉnh: "Xin thỉnh 500 vị A-la-hán thường đến nhận sự cúng dường của con mãi đến lúc pháp hủy diệt hết. Sau khi giáo pháp hủy diệt hết, con sẽ trở lại lấy đất nước này để làm ao ở". A-la-hán Mạt Điền Để Ca đã có được chốn đất đó, bèn vận dụng sức thần thông lớn tạo lập 500 ngôi già lam. Đối với hạng nghèo hèn mua cháo ở các nước khác đều đưa về sung vào làm kẻ sai khiến để cung phụng chúng tăng. Đến sau khi A-la-hán Mạt Điền Để Ca nhập Niết bàn, người nghèo hèn ở các nước ấy tự lập Quân trưởng. Các nước láng giềng bèn xem thường cho đó là người thuộc chủng tộc thấp hèn nên chẳng cùng thân thiện tương giao. Mà gọi đó là "Khất Lợi Đa" (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là "Mãi Đắc" (đổi mua được). Mãi đến thời nay thì mỗi nước đã có nhiều lạm phát.

Tại nước Ma-kiệt-đà, sau khi đức Như Lai diệt độ trong trăm năm

thứ nhất, có vua Vô Ưu xuất hiện trị vì, oai đức trùm xa khác tục, rất kính tin Tam bảo, mến thương vốn loài chúng sinh. bấy giờ có 500 vị tăng A-la-hán và 500 vị tăng phàm phu, vua đều tôn kính, cúng dường không riêng khác. Có vị tăng phàm phu tên là Ma-ha Đề Bà (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Đại Thiên) là người thông biết rộng nhiều trí, ngầm cầu danh thật, lắng suy tư soạn tác luận, lý trái với Thánh giáo, phàm mọi người thấy nghe đều có những điều bàn nghị khác nhau. vua Vô Ưu không biết phàm Thánh, điều tốt của đồng tình chỗ thân gần của Đảng viện, bèn vời gọi tất cả chúng tăng đến bờ sông Khắc già muốn cho chìm sâu dưới dòng sông giết chết tất cả. Khi ấy các vị A-la-hán gặp nạn bức đoạn mạng đều vận dụng sức thần thông bay vọt giữa không trung mà đến nước đó ẩn náu nơi núi hang. Khi ấy vua Vô Ưu nghe mà kinh sợ đích thân đến sám tạ lỗi quá thỉnh cầu trở về lại nước cũ (tức Ma-kiệt-đà). Các vị A-la-hán ấy xác thức không theo lời vua. vua Vô Ưu mới về các vị A-la-hán tạo dựng 500 ngôi già lam, đem hết của cải nước đó mà cúng thí chư tăng.

Sau khi đức Như Lai diệt độ trong trăm năm thứ tư, tại nước Kiện Đà La có vua Ca Nị Sắc Ca ứng thời vỗ vận, oai phong của vua trùm xa, mọi người khác sắc tộc bên trong đều nương nhờ. Những lúc công việc nước nhà rảnh rỗi, vua thường tập học kinh Phật. Mỗi ngày thỉnh một vị tăng vào trong cung để giảng nói pháp. Mà các lời bàn nghị khác nhau, bộ chấp chẳng đồng. vua sinh tâm nghi ngờ sâu xa, không làm sao để dứt trừ lầm hoặc. Khi ấy có Hiếp tôn giả bảo rằng: “Đức Như Lai đã nhập Niết bàn thời gian lâu dài. Đệ tử theo bộ chấp, thầy trò bàn luận khác nhau, mỗi tự y cứ sự thấy nghe của riêng mình, cùng làm mâu thuẫn lẫn nhau”. Bấy giờ, vua nghe vậy rồi bèn rất cảm thương, buồn than giây lâu mới nói cùng Hiếp tôn giả rằng: “Tạp nhạp phước thừa, bèn tuân theo giềng mối trước. Cách Thánh tuy lâu xa mà còn có may, dám quên lạng hèn xấu tiếp nối làm ngời sáng giáo pháp, tùy theo từng bộ chấp đều nên giải thích đầy đủ về Tam Tạng”. Hiếp tôn giả bảo rằng: “Đại vương xưa trước gieo trồng gốc lành, lắm nhờ phước giúp đỡ, lưu tình đối với Phật pháp đó là điều ước nguyện vậy”. vua mới tuyên lệnh chiêu tập tất cả các bậc Thánh triết ở khắp xa gần. Khi ấy khắp bốn phương đồng kéo đến, xa muôn dặm đều vội vàng. Các bậc anh hiền đồng nhóm tụ, duệ Thánh đều vân tập, suốt trong bảy ngày cúng dường tứ sự. Đã muốn luận bàn về giáo pháp lại còn lo sợ trong đó huyên tạp, vua mới đem cả nỗi lòng thưa cùng chúng tăng rằng: “Những vị nào đã chứng đắc Thánh quả thì ở lại. Vị nào còn các thứ buộc ràng thì trở về”. Như vậy

mà đại chúng vẫn đông nhiều. vua lại tuyên lệnh "Những ai đã chứng đắc vô học thì ở lại, còn hàng hữu học thì trở về, nhưng chúng vẫn đông nhiều. vua lại hạ lệnh: "Ai đã chứng đắc Tam minh, đầy đủ lục thông thì ở lại, ngoài ra mỗi tự trở về". Tăng chúng vẫn còn đông nhiều. vua lại hạ lệnh: "Những ai bên trong đã suốt cùng Tam tạng, bên ngoài đã thông rành ngũ kinh thì ở lại, ngoài ra mỗi tự lui về". Khi ấy còn được 499 vị. vua muốn thực hiện tại nước nhà (Kiện Đà La) nhưng vì khổ bởi nắng nóng và ẩm thấp, lại muốn đến nơi thạch thất xưa trước kia tôn giả Đại Ca Diếp kết tập kinh điển tại thành Vương Xá. Hiếp tôn giả, v.v..., cùng bàn nghị rằng: Không thể được, tại xứ đó lắm nhiều ngoại đạo dị luận rối ren, không rảnh để đối đáp, công đâu mà trước thật luận. Tâm của chúng hội chú ý đến nước đó. Tại nước đó (Ca Thấp Di La) bốn phía đều là núi bao bọc kiên cố, có thần Dược Xoa thủ hộ gìn giữ, đất đai phì nhiêu, các sản vật lắm nhiều. Nơi các bậc hiền Thánh nhóm tập cùng ở, nơi các tiên linh đến dừng nghỉ. Chúng bàn nghị tại đó, mọi người nói thật đáng hòa hợp. Khi ấy vua Vô Ưu cùng các vị A-la-hán từ nước Kiện Đà La sang đến nước Ca Thấp Di La tạo dựng già lam, kết tập tam tạng Thánh giáo, muốn chế tác luận Tỳ-bà-sa. Khi ấy, tôn giả Thế Hữu ở ngoài phòng nhà dâng nạp áo. Các vị A-la-hán bảo cùng tôn giả Thế Hữu rằng: "hàng kết sử chưa dứt trừ, tranh luận sai lầm. Ông nên tránh vết xe đổ ở nơi đây". Tôn giả Thế Hữu nói rằng: "Chư vị Hiền giả đối với giáo pháp không sinh nghi ngờ, thay thế đức Phật thiết thi hành hóa, mới nhóm kết đại nghĩa, muốn chế tác chính luận. Tôi tuy chẳng thông mẫn, song thô sơ thấu đạt lời huyền diệu. Đối với Huyền văn trong Tam tạng, chỉ lý của ngũ minh, cũng có phần nghiên tầm và thấu đạt chỉ thú ấy vậy". Các vị A-la-hán bảo rằng: "Nói không thể là như vậy, ông nên lắng ở để chóng chứng vô học. Xong rồi vào dự hội đây, khi ấy cũng chưa muộn vậy". Tôn giả Thế Hữu nói rằng: "Tôi trông xem quả vị vô học còn như là đàm dãi, chỉ mong cầu Phật quả chớ hướng theo con đường nhỏ hẹp. Ném cuộn chỉ này chưa rơi tới đất, hẳn đã chứng đắc quả Thánh vô học". Khi ấy các vị A-la-hán cùng nhau quở trách rằng: "Người tăng thượng mạn mới cho là như vậy, với quả vị vô học, chư Phật đều tán thán. Ông phải nên mau chứng để quyết dứt lòng nghi của đại chúng". Khi ấy tôn giả Thế Hữu liền ném cuộn chỉ lên giữa không trung. Các trời tiếp nhận lấy cuộn chỉ mà cầu thỉnh rằng: "Đức Thích-ca Như Lai vừa mới chứng Phật quả, tiếp đến bổ xứ đức Từ Thị Thế Tôn, khắp cả ba cõi đều đặc biệt xưng tốn. Cả bốn loài chúng sinh thảy đội nhờ. Cớ sao nay đây lại muốn chứng đắc tiểu quả?". Khi

đó, các vị A-la-hán trông thấy sự việc ấy rồi, bèn sám tạ lỗi quấy, sùng kính đức hạnh thỉnh mời làm thượng tòa. Phàm có những điểm bàn nghị nghi ngờ thảy đều được giải quyết. 500 vị A-la-hán ấy trước đã tạo 10 vạn bài tụng luận Ô Ba Để Thước (xưa trước gọi là luận Ô Ba Đề Xá tức sai nhầm vậy). Giải thích Tố Đát Lãm Tạng (xưa trước gọi là tạng Tu Đa-la tức sai nhầm vậy). Tiếp theo tạo 10 bài tụng luận Tỳ-nại-da Tỳ-bà-sa giải thích tạng Tỳ-nại-da (xưa trước gọi là Tạng Tỳ na da tức là sai nhầm vậy). Sau đó lại tạo 10 vạn bài tụng luận A-tỳ-đạt-ma Tỳ-bà-sa giải thích tạng A-tỳ-đạt-ma (hoặc còn gọi là Tạng A-tỳ-đàm là lược gọi vậy). Phàm có cả thảy 30 vạn bài tụng 960 vạn lời, đầy đủ giải thích về tam tạng Thánh giáo, cao suốt cả ngàn xưa, không gì chẳng tận cùng cành lá, rốt ráo mọi cạn sâu. Đại nghĩa sáng lại, lời huyền trãi bày, rộng hoằng tuyên lưu bố, các hàng hậu tiến rất được đội nhờ vậy. vua Ca Nị Sắc Ca bèn bảo dùng đồng đỏ làm lá, khắc tả luận văn, dùng hộp đá để tôn trí mà phong bít rồi tạo lập Tốt-đổ-ba mà cất chứa bên trong. Bảo các thần Dược Xoa vây quanh gìn giữ đất nước đó, không cho các hàng dị học mang các luận đó ra ngoài. Như người muốn tìm cầu học hỏi thì vào trong đó mà tập học. Đến lúc công việc đã hoàn tất, vua bèn rút quân trở về lại đô cũ. Ra khỏi ngoài cửa phía tây nước đó, xoay mặt về hướng đông mà lạy. vua lại đem đất nước đó cúng thí cho chư tăng.

Sau khi vua Ca Nị Sắc Ca băng hà, chủng tộc Ngật Lợi Đa trở về lại tự xưng vương, bài xích ruồng đuổi chúng tăng, phá hủy Phật pháp. Tại nước Đổ Hóa La có vua Hý Ma Đát La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Tuyết Sơn Hạ), tiên tổ vốn giòng họ Thích, vua ra đời trong khoảng trăm năm thứ sáu sau khi đức Như Lai diệt độ. Tiên tổ của vua có biên cương đất nước, nối tiếp cơ nghiệp làm vua, trồng tâm nói đất Phật, đặc tình trong bển pháp. Nghe vua Ngật Lợi Đa hủy diệt Phật pháp, bèn chiêu tập các bậc tài sĩ dũng cảm ở đó trong nước có được 3000 người, dối bày làm thương buôn mang theo nhiều của báu hàng hóa, cấp giấu binh khí mũi nhọn dao bén, đến vào nước đó (Ca Thấp Di La), vua nước đó đặc biệt rất trọng đãi khách vô cùng hậu lễ. Trong số các thương buôn ấy lại chọn tuyển 500 người khỏe mạnh lắm mưu, mỗi tự cất giấu mũi nhọn dao bén trong tay áo, cùng mang theo các vật báu nặng, đích thân mang đến dâng hiến lên vua. Khi ấy vua Tuyết Sơn Hạ cất bỏ khăn quấn đầu mà ngồi, vua Ngật Lợi Đa kinh sợ không thi thố. vua Tuyết Sơn Hạ bèn chém đầu Ngột Lợi Đa và bảo cùng quần hạ rằng: “Ta là vua Tuyết Sơn Hạ ở nước Đổ Hóa La tức giận giòng giống hèn mọn các ông làm điều trái ngược chính sách, nên nay đến nay để

giết kẻ có tội". Phàm trăm chúng dân thứ chẳng có tội ấy, nhưng các hàng quốc phụ tể thần nước đó đều chuyển dời đến ở cảnh vực khác. Khi đã bình trị được đất nước đó, vua Tuyết Sơn Hạ lại thỉnh mời nhóm tập chúng tăng, kính lễ tạo lập các ngôi già lam, an đặt như xưa cũ. Vua là đến ngoài cửa phía tây của nước đó, xoay mặt về hướng đông quỳ lạy dâng cúng chúng tăng.

Chủng tộc Ngật Lợi Đa ấy đã từng bị chúng tăng lấp diệt tông tự, nên đời đời tích chứa nỗi niềm oán hận ấy nên ghét ganh Phật pháp. Năm tháng tuy đã cách dài xa, mà lại tự xưng vương, nên nay tại đất nước đó chẳng kham tôn sùng kính tin. Đối với đền thờ trời, ngoại đạo, thì lại đặc biệt lưu ý.

Từ thành mới, theo hướng đông nam đi hơn 10 dặm đến phía nam núi lớn thuộc phía bắc thành cũ, có một ngôi Tăng-già lam, chư tăng có hơn 300 vị. Ở đó, bên trong ngôi Tốt-đổ-ba có chiếc răng cua đức Phật dài lớn tấc rưỡi, sắc màu vàng trắng, đến những ngày trai thường tỏa phóng ánh sáng. Xưa kia, khi chủng tộc Ngật Lợi Đa phá diệt Phật pháp, chư tăng giải tán, mỗi tự tìm nơi thuận lợi để ở. Có một vị Sa-môn vân du đến nước Ấn Độ, chiêm ngưỡng lễ bái Thánh tích tỏ bày chí thành. Về sau nghe ở nước nhà đã được bình trị, liền muốn trở về, đang đi giữa đường gặp một đàn voi hoành hành nơi đầm cỏ, chạy rảo gầm rống. Sa-môn thấy vậy bèn leo lên cây để trốn lánh. Khi ấy đàn voi cùng nhau chạy tìm hút nước ao hồ đến phun xói gốc cây, cùng nhau lay lắc, gốc cây bèn ngã đổ. Đã bắt gặp được vị Sa-môn ấy, đàn voi mang chở mà đi đến trong rừng lớn nơi có con voi đang mắc bệnh đau đớn mà nằm. Đàn voi dẫn đưa tay vị Sa-môn ấy nói chỗ vết thương đau thì đó là một cây tre khô đâm chích vào, Sa-môn ấy bèn nhổ tre khô ra rồi rắc thuốc, xé xiêm y trong chân để bó buộc lại. Riêng có một con voi lớn khác mang một hộp vàng trao cho con voi bệnh. Con voi bệnh nhận lấy rồi chuển trao dâng cúng vị Sa-môn ấy. Vị Sa-môn ấy mở hộp ra trông xem, thì trong hộp là chiếc răng của đức Phật. Các con voi khác lại bao bọc chung quanh. Vị Sa-môn ấy không do đâu mà thoát ra khỏi. Đến sáng hôm sau vào giờ thọ trai, mỗi con voi tự mang lại trái cây khác lạ dâng cúng dùng bữa trưa. Sau khi dùng xong đàn voi lại chở đưa vị Sa-môn ấy ra khỏi rừng cách ngoài vài trăm dặm mới đặt để xuống, và mỗi con tự quỳ bái lạy rồi bỏ đi. Vị Sa-môn ấy đến biên giới phía tây của nước đó, vượt thuyền qua một con sông, vừa đến giữa dòng, thuyền sắp muốn đắm chìm. Mọi người đi chung thuyền cùng cho rằng: "Nay tai họa thuyền này muốn đắm chìm là do vị Sa-môn này. Vị Sa-môn này

hẳn có xá lợi của đức Như Lai, nên các rồng ham thích lấy lợi đó". Vị chủ thuyền liền kiểm xét, quả nhiên có chiếc răng của đức Phật. Khi đó, vị Sa-môn ấy nâng răng Phật trao cho và nói cùng rồng rằng: "Nay tôi giao gởi ngươi, không bao lâu nữa sẽ trở lại lấy". Và bèn chẳng qua sông mà xoay ngược thuyền lại để đi, trông nhìn lại dòng sông mà than rằng: "Tôi không có cấm thuật, nên loài rồng khinh dễ!". Vị Sa-môn ấy sang lại nước Ấn Độ học pháp cấm ngăn rồng. Sau ba năm trở về lại nước nhà, đến bên bờ sông ấy, thiết lập đàn tràng, và rồng ấy bèn bưng dâng hộp răng đức Phật trao lại vị Sa-môn ấy. Vị Sa-môn ấy mang về trong ngôi già lam đó mà thiết tu cúng dường.

Từ ngôi già lam đó theo hướng nam đi khoảng 14 - 15 dặm, có một ngôi già lam nhỏ, bên trong có tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại đứng. Như có người bỏ ăn, lấy sự chết làm kỳ hạn, nguyện được thấy Bồ-tát, tức từ trong tôn tượng xuất hiện ra thân tướng vi diệu.

Từ ngôi già lam nhỏ ấy theo hướng đông nam đi hơn 30 dặm đến núi lớn, có ngôi già lam xưa cũ, hình dáng tạo dựng rất rộng lớn hùng tráng nhưng đều đã hư hoại rất lắm, nay chỉ còn nơi một góc xây dựng một trùng các nhỏ, chư tăng có hơn 30 vị đều học theo giáo pháp Đại thừa. Xưa kia, luận sư Tăng-già Bạt Đà La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Chúng Hiền) ở tại đó chế tác luận "Thuận Chánh lý". Hai bên ngôi già lam đó có các ngôi Tốt-đổ-ba. Xá lợi của các vị A-la-hán đều tôn thờ tại đó. Thú hoang vượn núi hái trái dâng cúng, quanh năm không lúc nào ngừng nghỉ như vâng thừa chỉ mạng. Và trong núi đó có lắm linh tích, hoặc là vách đá phân chỉ ngang, hoặc là trên đảnh núi lưu lại dấu vết chân ngựa. Các loại như thế tướng trạng rất kỳ quái, đều là những vị A-la-hán sa di từng đoàn đùa vui, đưa tay lua chỉ họa vẽ cưỡi ngựa qua lại. Những di tích như thế, khó thể thuật rõ.

Từ ngôi già lam tôn thờ răng đức Phật theo hướng đông đi hơn 10 dặm, giữa sườn núi phía bắc có một ngôi già lam nhỏ, là nơi xưa kia Đại luận sư Sách Kiến Địa La ở tại đó chế tác luận "Chúng Phân Sự Tỳ-bà-sa".

Trong ngôi già lam nhỏ có một ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá cao hơn 50 thước, là nơi tôn thờ xá lợi di thân của vị A-la-hán. Xưa trước có vị A-la-hán thân hình rất to lớn. Vị đó uống ăn nhiều ngang đồng như voi. Người thời bấy giờ dèm pha rằng: "Chỉ biết ăn no, sao biết được mọi sự phải quấy". Đến lúc sắp nhập tịch diệt, vị A-la-hán ấy bảo cùng mọi người rằng: "Nay tôi còn không bao lâu nữa sẽ nhập vô dư niết bàn, nên muốn giảng nói Diệu Pháp của tự thân tôi đã chứng đắc". Mọi người

nghe thế lại cùng nhau dèm pha cười rộ. Nhưng cũng đều nhóm tập để trông xem thử sự được mất thế nào. Khi đó, vị A-la-hán ấy bảo cùng mọi người rằng: “Nay tôi vì các ông mà nói về nhân duyên của bản thân mình. Nhân đời trước tôi chịu quả báo làm thân voi ở trong chuồng nuôi của vua tại Đông Ấn Độ. Khi ấy tại nước đó có một vị Sa-môn đi xa đến Ấn Độ tìm cầu phỏng học Thánh giáo thỉnh cầu các kinh luật luận. vua đó bèn đem tôi trao cho vị Sa-môn ấy chở mang kinh Phật mà đến nơi này. Sau đó không lâu bèn mạng chung, nhờ phước lực chuyên chở kinh nên tôi bèn được làm thân người này đây, lại tiếp nối các điều tốt lành khác nên sớm dự phần xuất gia, chuyên cầu xuất ly, chẳng tạm ngưng nghỉ, nên đã chứng đắc sáu pháp thần thông, đoạn trừ dục trong tam giới. Nhưng sự ăn uống của tôi là bởi tập khí dư thừa hiện còn. Tôi thường tiết chế tự thân, trong ba phần chỉ ăn một phần”. Tuy nói như vậy nhưng mọi người còn chưa tin. Vị A-la-hán ấy bèn bay bổng giữa hư không, nhập định hỏa quang tự thân tỏa phóng khói lửa mà nhập tịch diệt. Di cốt còn lại rơi xuống, nên xây dựng Tốt-đổ-ba phụng thờ như thế.

Từ Vương thành theo hướng tây bắc đi hơn 200 dặm đến ngôi già lam tên là Thương Lâm, xưa trước, Luận sư Bố Thứ Noa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Viên Mãn) ở tạo đó chế tác luận “Thích Tỳ-bà-sa”. Từ Vương thành theo hướng tây đi khoảng 140 - 150 dặm, đến phía bắc sông lớn, tiếp men phía nam sườn núi đến ngôi già lam tên là Đại chúng bộ, xưa kia luận sư Phật Địa La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Giác Thủ) ở tại đó chế tác luận “Đại chúng bộ tập chân”.

Từ đó theo hướng tây nam, vượt qua núi băng hiểm nguy đi hơn 700 dặm đến nước Bán Nô Ta (thuộc Bắc Ấn Độ).

7 - NƯỚC BÁN NÔ TA.

Nước Bán Nô Ta chu vi rộng hơn 2000 dặm, núi sông nhiều, đồng ruộng gò đồi hẹp nhỏ, lúa thóc gieo trồng theo mùa vụ, hoa quả lắm nhiều tươi tốt. Có nhiều cam giá, không có bồ đào, cây quả Am Một La, quả Ô đàm bạt la mậu già, v.v... Mọi nhà đều trồng rừng, rất quý mùi vị ấy. Khí hậu xứ đó ấm nóng, phong tục dõng mạnh, xiêm y chế tác, phần nhiều vận mặc y phục vải bố bông tơ. Con người tánh khí chất trực, thuần tin Tam bảo. Có năm ngôi già lam, phần nhiều đều là hoang tàn đổ nát, không có Quân trưởng lớn. Mọi việc làm đều tùy thuộc nước Ca Thấp Di La. phía bắc của thành có ngôi già lam nhỏ có chư tăng ở.

Phía bắc ngôi già lam ấy có một ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá thật lắm nhiều linh dị. Từ đó theo hướng đông nam đi hơn 400 dặm đến nước Át La Xà Bổ La (thuộc Bắc Ấn Độ).

8 - NƯỚC ÁT LA XÀ BỔ LA.

Nước Át La Xà Bổ La chu vi rộng hơn 4000 dặm. Đô thành lớn nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm. Địa thế rất hiểm trở bền bỉ, có lắm núi đồi, sông gò hiểm hẹp, vật lợi từ đất không nhiều. Đất đai thích nghi và khí hậu đồng như ở nước Báu Nô Ta. Phong tục rất mạnh dữ, con người tính khí hùng dũng. Nước đó không có Quân trưởng, mọi việc làm đều tùy thuộc nước Ca Thấp Di La. Có 10 ngôi già lam, chư tăng rất hiếm thiếu. Có một ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo rất đông nhiều. Từ nước Lạm Ba đến nước đó, con người vóc hình dung mạo thô xấu, tánh tình mạnh dữ. Ngôn ngữ hẹp hèn thô bỉ, lễ nghĩa khinh nhạt. Chẳng phải cảnh vức chánh của Ấn Độ, đó mới chỉ là tập tục quanh co của vùng ven biên địa vậy.

Từ đó, theo hướng đông nam xuống núi vượt qua sông, đi hơn 700 dặm đến nước Trách Va (thuộc Bắc Ấn Độ).

■

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỨC KÝ

QUYỂN 4

(Nói về 15 nước).

1. Nước Trách Ca
2. Nước Chí Ma Bộc Để.
3. Nước Xà Lạn Đạt Đa
4. Nước Khuất Lộ Đa
5. Nước Thiết Đa Đồ Lô.
6. Nước Ba Lý Dạ Đát La.
7. Nước Mạt Thố La
8. Nước Tát Tha Nê Thấp Phạt La.
9. Nước Tốt Lộc Cần Na
10. Nước Mạt Để Bổ La.
11. Nước Bà La Hấp Ma Bổ La.
12. Nước Cù Tỳ Sương Na.
13. Nước Ác Hê Chế Đát La
14. Nước Tỳ La Sang Na
15. Nước Kiếp Tỷ Tha.

1 - NƯỚC TRÁCH CA.

Nước Trách Ca chu vi rộng hơn vạn dặm, phía đông men tựa sông Tỳ Bá Xà, phía tây gần sông Tín Độ. Đô thành lớn của nước đó rộng hơn 20 dặm. Đất đai thích nghi với lúa canh lúa giê, có lắm nhiều lúa tẻ. Là nơi sản sinh các thứ vàng, bạc, than đá, đồng, sắt. Khí hậu nắng nóng đất lắm gió cuốn lật. Phong tục bạo ác, nói năng thô xấu bẩn thỉu, vận mặc y phục trắng đẹp như là áo Kiều xa da, áo Thiêu hà, v.v.... Ít người kính tin Phật pháp, phần nhiều phụng sự trời thần, có 10 ngôi già lam, vài trăm ngôi đền thờ trời. Nước đó từ xưa trước có nhiều ngôi nhà làm phước để giúp đỡ cho người nghèo khổ túng thiếu, hoặc cho thuốc thang, hoặc cấp thức ăn, mọi thứ ăn mặc, lữ hành không phải phiền lụy.

Từ thành lớn theo hướng tây nam cách khoảng 14 - 15 dặm, là đến thành cũ Xa yết la, trường thành bao bọc chung quanh, tuy đã đổ nát hư hoại nhưng nền móng vẫn còn bền chắc, chu vi rộng hơn 20 dặm, bên trong lại xây dựng một thành nhỏ chu vi rộng khoảng 6 - 7 dặm, dân chúng sinh sống giàu sang đông đúc. Đó tức là thành đô xưa cũ của nước ấy. Cách vài trăm năm về trước có một vị vua hiệu là Ma hê la củ la (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Đại Tộc) đóng đô trị vì tại thành đó. vua đến Ấn Độ, tất có tài trí, tánh khí mạnh mẽ, các nước lân cận không ai chẳng thần phục. Những lúc công việc rãnh rỗi, vua muốn tập học Phật pháp, khiến trong chúng tăng suy cử một vị tài đức. Khi ấy trong chúng tăng không một ai dám ứng mạng, phần nhiều đều là ít muốn vô vi, chẳng mong cầu tiếng tăm trọng vọng, học rộng cao minh có sợ oai nghiêm. Khi ấy có một vị là đứa tổ xưa trước trong nhà vua, xuất gia đã lâu, có khả năng văn từ biện luận thanh nhã, nói bàn sáng suốt, chúng tăng cùng suy cử vị ấy ứng mạng. Vua bảo: "Ta kính trọng Phật pháp, xa đến hỏi các bậc danh tăng, mà chúng tăng suy cử kẻ tôi tớ này cùng ta đàm luận. Và thường cho đó là bậc hiền minh sánh ngang vai trong chúng tăng, lấy đó mà biết đâu có gì đáng kính ư?". Khi ấy vua bèn ban tuyên lệnh khắp năm nước xứ Ấn Độ nối dõi Phật pháp thảy đều hủy diệt. Tăng chúng xua đuổi tất cả không để sót lại một vị nào.

Bấy giờ tại nước Ma Yết Đà, có vua Bà La A Điệt Đa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Ấu Nhật) rất sùng kính Phật pháp, mến thương dân chúng, vì vua Đại tộc sử dụng chánh sách trái nghịch luật hình quá ác, nên vua Ấu Nhật tự giữ cương trường chẳng kính trọng chức cống. Khi đó, vua Đại Tộc dẫn binh lính sang đánh. Vua Ấu Nhật nghe tiếng tăm đó, bèn bảo cùng quan thần rằng: "Nay nghe có giặc cướp đến, ta chẳng nhẫn đánh đấu với binh lính ấy, mong các liêu thứ tha cho chớ bắt tội. Ban cho tấm thân mỏng manh này ngầm ẩn nơi đầm cỏ". Nói lời ấy xong, vua bèn ra khỏi cung men nương theo núi đồng. Dân chúng trong nước kính mộ cảm ân cùng đi theo có hơn vài vạn người, nương náu ẩn trốn nơi đảo biển. vua Đại Tộc đem binh lính nước nhà giao cho người em và tự mình trôi nổi bằng đường biển sang đánh. vua Ấu Nhật trấn giữ nơi hiểm nguy, rong cưỡi dẫn dụ khiêu chiến. Trống vàng đến lúc giáng động, binh lính kỳ đặc từ bốn phía nổi dậy, bắt sống vua Đại Tộc, trở lại dẫn ra. vua Đại Tộc hỗ thẹn mất đạo bèn đem áo che phủ mặt. vua Ấu Nhật ngồi nơi tòa giường sư tử các quan thần bao bọc chung quanh. vua mới bảo thị thần nói cùng vua Đại Tộc

rằng: "Ông hãy phô bày mặt ra, tôi muốn có đôi lời với ông". vua Đại Tộc đáp rằng: "Tớ và chủ khác ngôi vị, oán địch cùng trông nhìn nhau, đã chẳng phải là giao hảo, sao phải cần đối mặt đàm nói". Vài ba phen vua Ấu Nhật bảo mở bày nhưng vua Đại Tộc trọn chẳng vâng mạng. Khi ấy vua tuyên lệnh nói về tội vua Đại Tộc là: "Tam bảo là ruộng phước, cả bốn loài chúng sinh thảy nương nhờ. Cẩu thả theo tính lang sói phá hủy thắng nghiệp, phước chẳng hổ giúp ngươi nên bị bắt đến nơi ta. Tội không thể tha nên theo luật xử hình". Khi ấy mẹ của vua Ấu Nhật là người nghe rộng hiểu biết nhiều, khéo thấu đạt chiêm tướng, nghe giết vua Đại Tộc, nên vội bảo cùng vua Ấu Nhật rằng: "Ta từng nghe vua Đại Tộc dáng dấp kỳ đặc lắm nhiều trí mưu, nên muốn một lần được thấy được khuôn mặt đó". Vua Ấu Nhật vâng lệnh, dẫn vua Đại Tộc đến trong cung của mẹ. Mẹ của Ấu Nhật bảo rằng: "Than ôi! Đại Tộc! Mong chớ nên xấu hỗ vậy, thế gian là vô thường, vinh nhục là chuyện đổi thay. Tôi đây như mẹ của ngươi, ngươi như con của tôi, nên cởi bỏ áo che cùng nói một lời đối mặt". Đại Tộc nói: "Xưa kia làm vua nước địch, ngày nay làm kẻ nghịch tù, phế nát vương vị, diệt mất tông tự. Trên thẹn với tiên linh, dưới hỗ với dân thứ. Thật xấu hỗ mặt mất, cúi ngưỡng với đất trời, chẳng giằng nổi sự tự tan mất nên che phủ áo như vậy". Mẹ vua Ấu Nhật bảo rằng: "Hưng phế tùy thời, còn mất có vận. Đem tâm đặt để ngang bằng tâm thì khen chê nỗi lại. Nên tin nghiệp báo cùng thời đổi thay. Nên cởi bỏ áo che cùng đối diện nói bàn, hoặc có thể còn được thân mạng". Đại Tộc cảm tạ nói rằng: "Cẩu thả đem sự bất tài tiếp ứng vương nghiệp, sử dụng chánh sách luật hình trái đạo, vận nước diệt mất. Tuy ở trong gông cùm trói buộc, nhưng vẫn còn tham mạng sống trong sớm chiều. Xin vâng thừa khí hòa của trời đất mà đối mặt cảm tạ ân sâu". Khi đó liền cởi bỏ áo che để lộ bày mặt. Mẹ vua Ấu Nhật bảo rằng: "Ông nên tự vui mừng sẽ được trọn thọ mạng của ông". Và bà bảo cùng vua Ấu Nhật rằng: "Phép tắc xưa trước có răn dạy rộng thứ cho kẻ tội quá là khéo sống. Nay vua Đại Tộc tuy tích chứa tội ác lâu nhiều nhưng phước thừa chưa hết. Nếu giết người này trong vòng 12 năm sắc thái sẽ cùng thâu gần, nhưng có khi trung hưng, trọn chẳng là vua của nước lớn. Nên cho đến ở phương bắc nơi có đất của nước nhỏ". Vua Ấu Nhật vâng thừa mạng lệnh của từ mẫu, xót thương cho vị vua mất nước, bèn đem con gái nhỏ gã cho và dùng lễ ưu đặc mà đãi tiếp. Tất cả binh lính để lại và các vệ tùng khi chưa ra khỏi đảo biển, em của vua Đại Tộc trở về lại nước nhà tự lập, nên vua Đại Tộc mất ngôi vị, bèn ẩn trốn giữa chốn rừng hoang. Men theo hướng

bắc đến nước Ca Thấp Di La, vua nước Ca Thấp Di La lại ban thêm cho lễ mạng, xót thương vì mất nước nên cấp đất phong cho vua Đại Tộc. Năm tháng trãi qua đã lâu, Đại Tộc cầm dẫn người dân ấp đó trở lại giết hại vua nước Ca Thấp Di La mà tự tôn lập. Nương nhân oai phong chiến thắng ấy bèn men đến hướng tây đánh chiếm nước Kiện Đà La, ngầm phục binh giáp bèn giết được vua nước đó. Và đối với quốc tộc đại thần đều giết hại hết, phá hủy những ngôi Tốt-đổ-ba và Tăng-già lam có cả thảy 1600 ngôi. Ngoài binh lính đã giết hại ra, còn có đến chín ức người, vua Đại Tộc đều muốn giết hết không để sót một ai. Bấy giờ các hàng phụ tá đều đến can ngăn rằng: "Đại vương oai thế nhiếp phục giặc địch hùng mạnh, còn binh lính chẳng dao khua bén nhọn, chỉ nên giết kẻ ác cầm đầu, muôn dân đâu có lỗi gì, chúng tôi xin đem tấm thân mảnh mai này thay thế chịu chết đó". Vua Đại Tộc bảo: "Các ông tin theo Phật pháp, sùng trọng minh phước, phỏng nghĩ muốn thành Phật quả rộng giảng nói về bản sinh, muốn rao bày ta xấu ác cho đời sau ư? Các ông nên trở về vị trí của mình chớ có nói thêm lời nào nữa". Khi ấy, vua Đại Tộc đem ba ức người thuộc giòng tộc bậc thượng đến nơi bờ sông Tín Độ mà giết chết, đem ba ức người thuộc giòng tộc bậc trung thả chìm giữa dòng sông Tín Độ giết chết, còn ba ức người thuộc giòng tộc bậc hạ phân cấp cho binh lính. Và mang của cải của người mất nước mà trở về. Sau đó không lâu, chưa qua năm khác thì vua Đại Tộc qua đời. Khi đó mây móc phủ trùm mờ tối, quả đất chấn động, gió bão đua nhau nỗi dậy. Có người đã chứng quả Thánh xót thương đó mà than rằng: "Giết oan uổng người không tội, hủy diệt Phật pháp, sẽ bị lưu chuyển không thời nghỉ".

Trong thành Xà Yết La xưa cũ có một ngôi tăng già lam, chư tăng có hơn trăm vị ở đó đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa. Xưa kia Bồ-tát Thế Thân ở trong đó chế tác luận "Thắng Nghĩa Đề". Bên cạnh đó có ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 200 thước, là nơi bốn đức Phật thời quá khứ ở đó giảng nói pháp, lại có di tích của bốn đức Phật kinh hành. Từ ngôi già lam ấy theo hướng tây bắc cách khoảng 5 - 6 dặm có ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 200 thước do vua Vô Ưu tạo dựng. Đó là nơi bốn đức Phật thời quá khứ giảng nói pháp.

Từ đô thành mới theo hướng đông bắc đi hơn 10 dặm đến một ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá cao hơn 200 thước do vua Vô Ưu tạo dựng, là nơi xưa kia đức Như Lai sang phương bắc hành hóa đến đó dừng nghỉ giữa đường. Theo "Ấn Độ ký" nói là trong ngôi Tốt-đổ-ba đó có lắm nhiều xá lợi. Hoặc có lúc vào những ngày trai từng tỏa phóng ánh áng.

Từ đó theo hướng đông đi hơn 500 dặm đến nước Chí Na Bộc Để (thuộc Bắc Ấn Độ).

2 - NƯỚC CHỈ NA BỘC ĐỂ.

Nước Chỉ Na Bộc Để chu vi rộng hơn 2000 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 14 - 15 dặm. Lúa thóc rất đượm nhuận tươi tốt mà trái cây sơ sài. Sắp xếp quanh nhà an nghiệp, nước dùng đầy đủ, khí hậu ấm nóng, phong tục nhút nhát, học gồm cả chân tục, tin lẫn chánh tà. Có 10 ngôi già lam, 8 ngôi đền thờ trời.

Xưa kia, vua Ca Nị Sắc Ca đang trị vì thiên hạ, tiếng tăm vang động khắp các nước láng giềng, oai đức trùm khắp các dị tộc. Nên các xứ Hà Tây Phiên Duy kính sợ oai phong ấy bèn dâng giao con tin. vua Ca Nị Sắc Ca đã có được các con tin bèn đãi ngộ nồng hậu, theo thời tiết ba mùa mà thay đổi quán, có bốn binh chủng canh phòng cẩn vệ. Tại nước đó tức nơi ở trong mùa đông của vua, nên gọi là nước Chí Na Bộc Để (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Hán Phong). Các con tin ở đó nên nhân vậy mà làm quốc hiệu. Từ cảnh vức ấy đến các nước xứ Ấn Độ, đất đai vốn không có giống cây lê, đào, do các con tin trồng nên, do đó mà gọi là đào "chí na nhĩ" (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Hán trì lai), gọi lê là "chỉ na la xà phất đát la" (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Hán Vương Tử). Nên người nước đó rất kính trọng Đông Độ (Trung Hoa), lại cùng nói với nhau là "Tiên vương chúng ta vốn người nước đó".

Từ thành lớn theo hướng đông nam đi hơn 500 dặm đến ngôi Tăng-già lam tên là "Đáp mạt tô phạt na" (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Xà Lâm), chư tăng có hơn 300 vị, tập học theo thuyết nhất thiết hữu bộ, oai nghi chỉnh túc, đức hạnh thanh cao. Những vị học theo Tiểu thừa đặc biệt lấy đó làm nghiên cứu rộng. Ngàn đức Phật trong thời Hiền kiếp đều ở tại xứ đó nhóm tập các chúng trời người mà giảng nói diệu pháp sâu mầu. Sau khi đức Thích-ca Như Lai nhập niết bàn trong trăm năm thứ ba, có luận sư Ca Đa Diễn Na (xưa trước gọi là Ca Chiên Diên, tức sai nhầm vậy) ở tại xứ đó chế tác luận "Phát trí" vậy.

Trong già lam Xà Lâm có ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 200 thước do vua Vô Ưu tạo dựng. Bên cạnh đó có vết tích còn lại của bốn đức Phật ở thời quá khứ thiền tọa và kinh thành. Có những ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ và các thạch thất lớn sắp bày thứ lớp cùng đối nhau, chẳng thể thuật rõ hết số lượng đó. Và từ kiếp sơ trở lại những vị đã chứng đắc quả Thánh thị tịch tại đó khó thể nêu bày đầy đủ, răng cốt vẫn hiện còn. Các ngôi già

lam bao bọc quanh núi chu vi rộng đến 20 dặm. Những ngôi Tốt-đổ-ba tôn thờ xá lợi Phật có đến trăm ngàn ngôi, liền góc tiếp ảnh lẫn nhau.

Từ đó theo hướng đông bắc đi khoảng 40 - 50 dặm đến nước Xà Lạn Đạt La (thuộc Bắc Ấn Độ).

3 - NƯỚC XÀ LẠN ĐẠT LA.

Nước Xà Lan Đạt La từ đông sang tây dài hơn ngàn dặm, từ nam đến bắc rộng hơn 800 dặm. Đô thành của nước đó chu vi rộng khoảng 12 - 13 dặm. Đất đai thích nghi với lúa thóc, có nhiều lúa canh lúa giê, cây rừng sơ sài, hoa quả rất tươi tốt. Khí hậu ấm nóng, phong tục cứng mạnh, con người dung mạo xấu xí, nhà cửa giàu sang. Có hơn 50 ngôi già lam, chư tăng có hơn 2000 vị, đối với giáo pháp đại thừa Tiểu thừa đều chuyên môn tập học. Có ba ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo có hơn 500 vị đều là chúng bạn bôi tho tro bụi vào mình. Tiên vương của nước đó rất sùng kính ngoại đạo, về sau gặp được vị A-la-hán, được nghe giáo pháp mà tỏ ngộ, nên tại Trung Ấn Độ các vua rất hiểu sự thuần tín ấy. Mọi việc của Tam bảo ở năm nước Ấn Độ, vua đều trông coi tất cả, lẫn lộn cả đây kia, quên mất mọi thương ghét, đốc xét chư tăng, khéo thấu cùng mọi sự trong sạch hay tà vọng. Nên đối với những vị đạo đức vang vọng, vua hết lòng chí thành kính ngưỡng. Với người giới hạnh khuyết phạm thì vua trách phạt nặng nề. Những nơi Thánh tích vua đều xây dựng tán thán, hoặc là Tốt-đổ-ba, hoặc là Tăng-già lam. Khắp trong cảnh vức Ấn Độ, không nơi đâu vua chẳng khắp cùng.

Từ đó theo hướng đông bắc vượt qua núi non cao vợi, băng lội hang động, dẫm trải đường sá hiểm nguy, đi hơn 700 dặm đến nước Khuất Lộ Đa (thuộc Bắc Ấn Độ).

4 - NƯỚC KHUẤT LỘ ĐA.

Nước Khuất Lộ Đa chu vi rộng hơn 3000 dặm, núi non bao bọc bốn phía. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 14 - 15 dặm, đất đai màu mỡ, lúa thóc gieo trồng thời vụ, hoa quả tươi tốt, cỏ cây xanh tươi. Đã gần núi tuyết bèn có nhiều thuốc quý, là nơi sản sinh các thứ vàng, bạc, đồng đỏ, than đá. Khí hậu dần lạnh, sương tuyết hay đổ, con người dáng mạo thô xấu, đã mắc bứu lại thủng. Tánh khí mạnh mẽ, mến chuộng nghĩa dõng. Có hơn 20 ngôi già lam, chư tăng có hơn ngàn vị, phần nhiều tập học theo giáo pháp đại thừa, ít tập học các bộ. Có hơn 15 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo chung sống lẫn lộn, nương hang núi tựa đảnh núi có nhiều thạch thất nối liền nhau, hoặc là nơi các

vị A-la-hán ở hoặc là nơi các tiên nhân đến dừng nghỉ. Trong nước đó có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo lập. Xưa kia đức Như Lai từng đến nước đó giảng nói pháp, hóa độ người, di tích hiện ghi chép tại đó.

Từ đó theo hướng bắc đi khoảng 1800 - 1900 dặm bằng đường sá hiểm nguy vượt núi băng hang, đến nước Lạc Hộ La. từ đó lại theo hướng bắc đi hơn 2000 dặm, qua đường sá gian nan hiểm trở gió lạnh tuyết bay mới đến nước Mạt La Sa (cũng còn gọi là nước Tam Sa Ha).

Từ nước Khuất Lô Đa theo hướng nam đi hơn 700 dặm, vượt qua núi lớn và sông lớn, đến nước Thiết Đa Đồ Lô (thuộc Bắc Ấn Độ).

5 - NƯỚC THIẾT ĐA ĐỒ LÔ.

Nước Thiết Đa Đồ Lô chu vi rộng hơn 2000 dặm, phía tây gần sông lớn, đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 17 - 18 dặm, là nơi lúa thóc lắm nhiều, hoa quả tươi tốt, có nhiều vàng, bạc, châu ngọc, vật quý. Con người tánh khí thuần thiện, trên dưới có thứ lớp, thuần tín Phật pháp, tâm lành kính thật. Trong ngoài vương thành có 10 ngôi già lam, sân nhà đều hoang tàn vắng vẻ, chư tăng hiếm ít. Từ thành về phía đông nam cách khoảng 3 - 4 dặm, có ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 200 thước do vua Vô Ưu tạo lập. Bên cạnh đó là nơi có vết tích của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành. Lại từ đó, theo hướng tây nam đi hơn 800 dặm đến nước Ba Lý Dạ Đát La (thuộc Trung Ấn Độ).

6 - NƯỚC BA LÝ DẠ ĐÁT ĐA.

Nước Ba Lý Dạ Đát Đa chu vi rộng hơn 3000 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoang 14 - 15 dặm. Đất đai thích nghi với lúa thóc, có lắm nhiều lúa tẻ, có giống lúa giê khác lạ chỉ gieo trồng 60 ngày là thu hoạch. Có lắm nhiều trâu dê, ít hoa quả, khí hậu nắng nóng, phong tục cứng mạnh, chẳng chuộng học nghề, tin kính ngoại đạo. vua nước đó thuộc chủng tộc Phệ Xả, tánh khí cứng rắn lắm nhiều võ lược. Có 8 ngôi già lam hủy hoại đã rất lắm, tăng chúng hiếm ít đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa. Có hơn 10 ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo có hơn ngàn vị, từ đó, theo hướng đông đi hơn 500 dặm đến nước Mạt Thế La (thuộc Trung Ấn Độ).

7 - NƯỚC MẠT THẾ LA.

Nước Mạt Thế La chu vi rộng hơn 5000 dặm, đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm. Đất đai màu mỡ, lúa thóc gieo gặt theovụ. Giống cây quả Am mật la mọi nhà đều trồng thành rừng, tuy

đồng một tên gọi mà có hai loại: loại nhỏ lúc sống màu xanh, lúc chín màu vàng, loại lớn sống chín đều mày xanh. Là nơi sản sinh bông tơ lan lỗ nhỏ mịn, và vàng ròng, khí hậu nắng nóng, phong tục thuần thiện, ưa thích tu tạo ninh phước, rất sùng đức, chuộng học. Có hơn 20 ngôi già lam, chư tăng có hơn 2000 vị, đối với giáo pháp đại thừa và Tiểu thừa đều dốc công tu tập. Có năm ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn. Có ba ngôi Tốt-đổ-ba đều do vua Vô Ưu tạo dựng. Di tích của bốn đức Phật thời quá khứ tại nước đó thật lắm nhiều. Có những ngôi Tốt-đổ-ba tôn thờ di thân của các Thánh đệ tử đức Thích-ca Như Lai, như là xá lợi tử (xưa trước gọi là xá lê tử, còn gọi là xá lợi phất, đều là lược gọi sai nhầm vậy). Một Đặc già la tử (xưa trước gọi là Mục-kiền-liên tức sai nhầm vậy). Bố thí noa mai đát lệ diễn ni phất đát la (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Mãn Từ Tử, xưa trước gọi là Di Đa-la ni tử, đều là lược gọi sai nhầm vậy). Ổ ba lym A-nan đà, La hổ la (xưa trước gọi là La hầu la, còn gọi là La Vân, đều là lược gọi sai nhầm vật). Và Tốt-đổ-ba tôn thờ như vị Bồ-tát, như Mạn-thù-thất-lợi (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Diệu Cát Tường, xưa trước gọi là Mãn Thủ, lại còn gọi là Văn-thù-sư-lợi, hay gọi là Mạn thù thí lợi, dịch nghĩa là Diệu Đức, đều là sai nhầm vậy). Mỗi năm, vào 03 tháng trường trai, và 06 ngày trai trong mỗi tháng, chư tăng cùng nhau đồng ưa thích mang mọi vật đến thiết bày cúng dường, tùy chỗ chính mà thiết đặt tôn tượng, như chúng chuyên học tập A-tỳ-đạt-ma thì cúng dường tôn giả Xá Lợi Tử, chúng chuyên tập hành thiền định thì cúng dường tôn giả Một Đặc Già La Tử, chúng chuyên trì tụng kinh thì cúng dường tôn giả Mãn Từ Tử, chúng chuyên tập học Tỳ-nại-da thì cúng dường tôn giả ở Ba Ly, các Bí Sô Ni thì cúng dường tôn giả A-nan. Các vị chưa thọ giới cụ túc (sa di) thì cúng dường tôn giả La Hổ La, chúng chuyên học tập giáo pháp đại thừa thì cúng dường chư vị Bồ-tát. Ngày đó, tại các ngôi Tốt-đổ-ba có lắm nhiều người đua nhau tu tạo cúng dường, phan ngọc trải bày, lọng báu dàn lưới, khói hương như mây, hoa rải như mưa, che khuất cả mặt nhật nguyệt, chấn động tỏa cùng các khe hang. Các hàng quốc vương, đại thần chuyên tu lo tạo phước thiện. Từ thành về hướng đông đi khoảng 5 - 6 dặm đến một quả núi làm ngôi già lam, men theo bờ sườn làm phòng thất, mượn hang cốc làm cửa do tôn giả Ổ Ba Cúc Đa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là gọi là Câu Hộ) tạo dựng nên, bên trong đó có ngôi Tốt-đổ-ba tôn thờ móng tay của đức Như Lai.

Từ ngôi già lam ấy theo hướng đông nam đi khoảng 24 - 25 dặm đến một ao rồng lớn, bên cạnh có ngôi Tốt-đổ-ba. Là nơi xưa kia đức

Như Lai kinh hành tại đó, khi ấy có con Nhĩ Hầu bưng mật đến dâng cúng Phật, đức Phật bảo hòa với nước để cúng dường cả đại chúng. Con Nhĩ Hầu ấy vui mừng nhảy nhót, bị rớt xuống hầm hố mà chết, nhờ phước lực đó mà sinh trong cõi người.

Từ ao ấy về phía bắc cách không xa vào trong rừng lớn có vết tích còn lại của bốn đức Phật thời quá khứ kinh hành. Bên cạnh đó có nơi xưa kia tôn giả Xá Lợi Tử, Một Đặc Già La Tử, v.v... cả thảy có 1250 vị đại A-la-hán tập hành thiền định đều có tạo dựng những ngôi Tốt-đổ-ba và ghi chép lại di tích. Xưa kia, khi còn tại thế, đức Như Lai từng đến nước đó, những nơi đức Phật giảng nói pháp đều có tạo dựng Tốt-đổ-ba.

Từ đó theo hướng đông bắc đi hơn 500 dặm đến nước Tát Tha Nê Thấp Phạt La (thuộc Trung Ấn Độ).

8 - NƯỚC TÁT THA NÊ THẤP PHẠT LA.

Nước Tát Tha Nê Thấp Phạt La chu vi rộng hơn 700 dặm, đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm. Đất đai mầu mỡ, lúa thóc rất lắm nhiều, khí hậu ấm nóng, phong tục khinh bạc, nhà cửa giàu sang, đua nhau xa xỉ, rất thông rành về huyễn thuật, cao chuộng tài năng khác lạ, phần nhiều đuổi theo danh lợi, hiếm ít người chuyên việc nông phu. Của vật quý lạ ở các phương khác phần nhiều đều tích tụ tại nước đó. Có ba ngôi già lam, chư tăng có hơn 700 vị đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo rất đông nhiều.

Bốn phía thành lớn chu vi trong vòng 200 dặm, mọi người ở xứ đó đều cho đó là Phước địa. Nghe các bậc lão thành kể là: xưa trước cả năm nước Ấn Độ, có hai vị vua phân chia nhau trị vì, nên cảnh vức đất đai xâm chiếm lẫn nhau, chiến tranh không ngưng dứt. Hai chúa cùng mưu tính, muốn quyết liệt bằng binh chiến, để phân định trống mái, để an bình dân tộc, song dân chúng đều tán oán chẳng tuân theo quân mạng. vua cho là chúng đông nhiều khó cùng lo trước vậy, sức thần có thể cảm động vật, quyền xảo có thể lập nên công. Bấy giờ có một vị phạm chí vốn biết tài cao, mới kím mang bó lụa, bảo đem vào sân sau, tạo tác pháp thư, đem cất giấu nơi hang ở đảnh núi cao. Trải qua năm tháng đã lâu, cây cối lợp bao quanh, vua ngồi nơi triều, bảo cùng các quan thần rằng: "Tôi là kẻ không đức, nhục ở ngôi vị cao, Thiện đế dủ thương soi chiếu, mộng ban cho linh thư, nay hiện ở núi... ấy, cất giấu tại hang đảnh... ấy". Và khi ấy, vua ban lệnh đi tìm kiếm, có được thư ở dưới núi

rừng, các quan đều tán thán, dân chúng đồng mừng vui, tuyên bày khắp xa gần khiến mọi người đều được nghe thấy. Đại khái pháp thư ấy viết rằng: “Phàm, sống chết không bờ mé, lưu chuyển chẳng cùng, mọi loài đều chìm đắm chẳng do đâu để tự cứu. Ta đem mưu chước kỳ đặc khiến đều lìa các khổ. Nay vương thành đây chu vi rộng 20 dặm, là chốn đất phước lợi của các đời vua xưa trước, năm tháng đã xa xôi, minh ký đều hư hoại. Các sinh linh không tỏ ngộ bèn chìm đắm trong biển khổ. Đắm chìm mà không cứu vớt, nghĩa là thế nào ư? Các ngươi, loài hàm thức vào chiến địch, binh lính chết được sinh trong loài người, phần nhiều giết hại không tội lệ nên hưởng phước lạc cõi trời. Con cháu hiếu thuận đỡ nâng tôn thân già yếu đến xứ này được phước vô cùng. Công ít mà phước nhiều, đâu là mất lợi. Một khi đã mất thân người, mịt mờ trong ba đường. Cho nên các loài hàm sinh mới nên chuyên tu tịnh nghiệp!”. Khi ấy mọi người đều nhóm tập binh chiến, trông xem sự chết như trở về. vua bèn hạ lệnh, chiêu mộ các người hùng dũng, hai nước cùng đánh nhau, người chết như cỏ, mãi đến ngày nay hài cốt vẫn còn vung vãi khắp đồng hoang. Thời gian đã xa xưa, hài cốt con người to lớn. Trong nước có phong tục tương truyền gọi là là “Đất Phước”.

Từ thành theo hướng tây bắc cách khoảng 4 - 5 dặm, có ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 200 thước do vua Vô Ưu tạo dựng, gạch xây toàn sắc màu vàng đỏ sáng sạch, bên trong có một đấu xá lợi của đức Như Lai thường luôn tỏa phóng ánh sáng, vết tích thần linh thật có lắm mối.

Từ thành theo hướng nam đi hơn trăm dặm đến ngôi Tăng-già lam tên là Câu hôn trà, trùng các liền rui, lầu tầng cao vợi, chư tăng thanh tịnh chỉnh túc, oai nghi nhàn nhã. Từ đó theo hướng đông bắc đi hơn 400 dặm đến nước Tốt Lộc Cần Na (thuộc Trung Ấn Độ).

9 - NƯỚC TẤT LỘC CẦN NA.

Nước Tất Lộc Cần Na chu vi rộng hơn 6000 dặm, phía đông gần sông Khắc Già, phía bắc gối lưng núi lớn, cảnh vức nằm trong sông Diêm-mâu Na mà xuôi dòng. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm, phía đông gần đến sông Mâu Diêm Na, cảnh đất hoang vắng tuy nền móng vẫn còn bền bỉ. Mọi thứ do đất đai sản sinh cũng như thích nghi của phong khí đều đồng như ở nước Tát Tha Nê Thấp Phạt La. Con người tánh khí thuần chất, tôn sùng kính tin ngoại đạo, quý học nghề, chuộng phước tuệ, có năm ngôi già lam, chư tăng có hơn ngàn vị, phần nhiều đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa, ít học các bộ phái khác, đấn đo xác thực lời huyền, thỉnh cầu bàn luận sâu mầu, nên những bậc

tài giỏi ở các phương khác tầm luận xét nghi. Có trăm ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo rất đông nhiều. Giữa khoảng phía đông nam thành lớn, thuộc phía tây của sông Đổ Ba do vua Vô Ưu tạo dựng, xưa kia đức Như Lai từng đến nơi đó giảng nói pháp hóa độ người. Bên cạnh đó lại có một ngôi Tốt-đổ-ba, bên trong có tôn thờ tóc và móng tay của đức Như Lai. Và các ngôi Tốt-đổ-ba tôn thờ tóc và móng tay của các vị A-la-hán như tôn giả Xá Lợi Tử, Một Đặc Già La, v.v..., bao bọc chung quanh đó có hơn vài mươi ngôi. Sau khi đức Như Lai tịch diệt, nước ấy bị các ngoại đạo lừa dối khiến tin nhận theo tà pháp, phế tổn chánh kiến. Nay hiện có năm ngôi già lam là nơi các luận sư người nước khác cùng các ngoại đạo và Bà-la-môn luận bàn thắng nghĩa, nhân đó mà tạo dựng.

Từ sông Diêm-mâu Na theo hướng đông đi hơn 800 dặm đến sông Khắc Già, từ đầu nguồn sông rộng khoảng 3 - 4 dặm xuôi dòng theo hướng đông nam chảy vào biển, nơi rộng khoảng hơn 10 dặm, sắc nước xanh trong, sóng vỗ tràn bờ, linh quái lắm nhiều nhưng chẳng làm hại vật, mùi vị nước ngọt ngon, cát mịn chảy theo dòng, sách vở tập tục xứ đó gọi là dòng sông nước phước. Người có tội tuy tích chứa lắm nhiều nhưng tắm gội bèn được trừ ít. Người xem thường mạng sống mà tự đắm chìm hẳn được sinh lênh cõi trời hưởng thọ phước lạc. Người đã chết mà ném thi hài xuống sông đó hẳn chẳng bị sa đọa vào ác thú. Người vẫy sóng khơi nguồn thì vong hồn người thân đã qua đời được cứu tế. Bấy giờ có Bồ-tát Đề Bà người nước Chấp Sư Tử là bậc rất thấu đạt thật tướng, chứng đắc các pháp tánh, xót thương các hàng ngu phu nên đến đó dẫn dụ. Đang lúc ấy các hàng sĩ nữ đều nhóm tụ, già trẻ rất đông nhiều đến nơi bờ sông vẫy sóng khơi nguồn, Bồ-tát Đề Bà cùng chung với họ mà cúi đầu khơi ngược lại, tướng trạng khác hẳn mọi người. Có vị ngoại đạo bảo rằng: “Con tôi ới! Sao làm lạ vậy?”. Bồ-tát Đề Bà đáp rằng: “Cha mẹ thân thích của tôi vốn ở nước Chấp Sư Tử, vì sợ khổ đói khát nên tôi mong cầu từ nơi xa đây cứu tế”. Các vị ngoại đạo bảo rằng: “Con tôi ơi sai nhầm quá vậy! Sao không nghĩ lại mà làm như vậy? Nhà ở nước xa cách núi sông ngàn trùng xa vợi. Khơi vẫy nước ở đây để cấp giúp ở kia đói khát, đó giống như bỏ hàng để tìm cầu trước, và chẳng phải chỗ nghe vậy”. Bồ-tát Đề Bà bảo rằng: “Những người ở trong đường tăm tối tội khổ chồng chất còn mong nhờ được nước sông này. Còn đây, núi sông tuy hiểm trở, nhưng cớ sao chẳng thể cứu giúp được?”. Khi ấy các vị ngoại đạo biết khó thể nhiếp phục Bồ-tát Đề Bà nên bỏ tà kiến, thọ học chánh pháp, cải đổi lỗi quá tự làm mới cuộc đời, phát nguyện vâng phụng lời chỉ dạy của Bồ-tát Đề Bà.

Từ đó vượt qua bờ phía đông của sông, đến nước Mạt Để Bổ La (thuộc Trung Ấn Độ).

10 - NƯỚC MẠT ĐỂ BỔ LA.

Nước Mạt Để Bổ La chu vi rộng hơn 600 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm. Đất đai thích nghi với lúa thóc, lúa tẻ, lắm nhiều hoa quả. Khí hậu hòa sướng, phong tục thuần chất. Con người sùng chuộng học nghề, rất thấu đạt về cấm chú. Hạng người kính tin cả tà lẫn chánh số đó có một nửa. vua nước đó vốn chủng tộc Thú Đà La, không tin Phật pháp, kính thờ trời thần. Có hơn 10 ngôi già lam, chư tăng có hơn 800 vị, phần nhiều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa thuyết nhất thiết hữu bộ. Có hơn 50 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo chung sống lẫn lộn.

Từ thành lớn theo hướng nam đi khoảng 4 - 5 dặm đến một ngôi già lam nhỏ, chư tăng có hơn 50 vị. Xưa kia luận sư Cù Non Bát Thích Bà (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Đức Quang) ở tại đó trước tác luận Biện Chân, v.v..., cả thảy có hơn trăm bộ. Luận sư ở tuổi thiếu thời là bậc anh kiệt, đến lúc trưởng thành rộng thông nhanh nhẹn, hiểu rành mọi vật, nhận biết lắm nhiều, học rộng nghe nhiều, vốn tập học theo giáo pháp đại thừa mà chưa thấu cùng huyền áo, nhân đọc xem luận "Tỳ-bà-sa" thối lui mà học theo giáo pháp Tiểu thừa, trước tác vài mươi bộ luận, trước thuật vài mươi bộ luận, chống phá kỷ cương của đại thừa, thành chấp trước Tiểu thừa, lại trước tác hơn vài mươi bộ sách thế tục, chẳng bài xích điển luận của các bậc tiền bối trước thuộc, lắng ngầm tư duy trong kinh Phật có hàng chục điều chẳng quyết sạch, tinh tường nghiên cứu tuy lâu dài mà nghi tình vẫn chưa trừ sạch. Bấy giờ có A-la-hán Đề Bà Tê Na (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thiên Quân) thường lên xuống nơi cung trời Đổ Sư Đa. Luận sư Đức Quang (Cù Noa Bát Thích Bà) nguyện muốn được gặp đức Từ Thị để dứt quyết điều nghi, nên thỉnh cầu A-la-hán Thiên Quân vận dụng sức thần thông dẫn đưa lên cung trời. Khi đã thấy gặp đức Từ Thị, mà chỉ đứng vái chẳng kính lễ. A-la-hán Thiên Quân bảo rằng: "Bồ-tát Từ Thị sắp tiếp nối quả vị Phật, cớ sao ông dám tự cao chẳng chí kính? Muốn thọ học cớ sao lại chẳng khuất phục?". Luận sư Đức Quang nói rằng: "Lời nói của tôn giả thật là sự dạy răn, nhưng mà tôi đây là đệ tử xuất gia đã đầy đủ giới pháp Bí Sô. Bồ-tát Từ Thị hưởng thọ phước lạc cõi trời, chẳng phải đồng bạn của người xuất gia. Mà muốn đảnh lễ sợ chẳng hợp nghi". Bồ-tát Từ Thị biết luận sư Đức Quang mang tâm ngã mạn nên chẳng

phải khí cụ nghe nhận giáo pháp. Do đó dẫu qua lại ba phen mà chẳng được quyết nghi. Lại cầu thỉnh A la há Thiên Quân trở lại muốn hầu lễ. A-la-hán Thiên Quân ghét tâm ngã mạn ấy nên khinh miệt chẳng đối đáp. Luận sư Đức Quang đã không toại nguyện, bèn khởi sân hận, đến nơi núi rừng tập tu pháp định phát thông, nhưng vì tâm ngã mạn chưa trừ nên không chứng đắc đạo quả.

Từ ngôi già lam luận sư Đức Quang ở theo hướng bắc đi khoảng 3 - 4 dặm, có một ngôi già lam lớn, chư tăng có hơn 200 vị đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa. Đó là nơi luận sư Chúng Hiền thị tịch vậy. Luận sư Chúng Hiền vốn là người Ca Thấp Di La, là người thông mẫn bác đạt, từ thuở nhỏ tiếng tăm đã vang vọng, đặc biệt nghiên cứu thâm sâu về luận "Tỳ-bà-sa" thuyết nhất thiết hữu bộ. Bấy giờ có Bồ-tát Thế Thân là bậc nhất tâm huyền đạo, cầu hiểu ngoài ngôn từ, trước thuật luận A-tỳ-đạt-ma câu xá phá xích điều chấp của các luận sư chuyên nghiệp Tỳ-bà-sa, ngôn từ ý nghĩa khéo léo, lý mầu thấu đạt thanh cao. Luận sư Chúng Hiền lén trộm xem bèn có điểm tâm đắc, từ đó ngầm nghiên cứu đến cùng suốt 12 năm, trước thuật luận "Câu xá bạc" gồm 25000 bài tụng cả thảy 80 vạn lời. Và cho đó là ngôn từ sâu, đặt để sâu, thấu cùng u mầu, suốt đạt vi diệu, mà bảo cùng môn nhân đệ tử rằng: "đem tài của ta, dùng luận chánh của ta để bài xích Thế Thân, bẻ gãy sức bén nhọn ấy, không để lão già suy ấy riêng chiếm nêu danh trước. Khi đó có 3 - 4 vị tài giỏi đệ tử của luận sư Chúng Hiền mang luận ấy đến phỏng hỏi Bồ-tát Thế Thân. Bấy giờ Bồ-tát Thế Thân đang ở tại thành Xa Yết La thuộc nước Trách Ca, từ xa vang vọng có tiếng là luận sư Chúng Hiền sắp đến. Bồ-tát Thế Thân nghe thế, liền chuẩn bị hành trang. Môn nhân đệ tử hoài nghi bèn đến cản ngăn rằng: "Đại sư là bậc tài cao tiên triết, tiếng tăm vang vọng ở đương thời. Các hàng học chúng xa gần không ai chẳng suy tôn kính trọng. Nay nghe luận sư Chúng Hiền đến, sao bàng hoàng gấp vội hẳn có sự hạ thấp, chúng ta thật mặt dày không biết xấu hổ". Bồ-tát Thế Thân bảo rằng: "Nay tôi đi xa chẳng phải tránh mặt ông ấy. Trông nhìn lại trong nước này, không còn có người xét xem thấu đạt, luận sư Chúng Hiền là hàng hậu tiến, dối trá biện luận như dòng chảy. Tôi đây già suy luận còn chẳng mong nổi. Muốn đem một lời để làm sụp đổ dị chấp ấy thì dẫn đến Trung Ấn Độ đối đáp cùng các bậc tài giỏi hẳn xác thực chân ngụy và rõ ràng sự được mất". Sau đó, Bồ-tát liền bảo đồ chúng mang tráp đi xa. Luận sư Chúng Hiền đến đó chỉ sau một ngày, bỗng nhiên tự cảm thấy khí lực suy yếu,bèn liền viết thư sám tạ cùng Bồ-tát Thế Thân rằng: "Sau khi

đức Như Lai tịch diệt, các đệ tử phân bộ chấp chặc, truyền trao tông học của mình, mỗi tự chuyên môn. Bạn đảng thì đồng đạo mà ghét ganh bộ phái, tôi ngu đem sự mờ mịt của mình mà tạp nhạp trông xem truyền trao tập học, xem đọc luận A-tỳ-đạt-ma câu xá do Bồ-tát trước thuật để phá chấp đại nghĩa của các luận sư chuyên nghiệp Tỳ-bà-sa, liền chẳng lường sức trầm ngâm nghiên cứu nhiều năm, làm nên luận này để phò trợ chánh tông học, trí nhỏ mà mưu đồ lớn, chết sắp đến nơi. Bồ-tát tuyên dương lời huyền diệu đè nén hay xiển dương chí lý, chẳng hủy phá điều chấp, được còn di văn là điều ước mong vậy. Chết đâu gì phải hối hận ư?". Khi ấy luận sư Chúng Huyền tuyển chọn qua trong môn nhân đệ tử những vị có khả năng ngôn từ biện luận mà bảo cùng rằng: "Tôi thật là hàng hậu học mà khinh thường lấn lướt các bậc tiên đạt, mạng sống chưa biết như thế nào, ắt sẽ chết nơi đây. Các ông mang thư này và vài bộ luận tôi chế tác, đến sám tạ Bồ-tát Thế Thân, thay tôi mà tỏ bày hối quá!". Nói lời ấy xong, luận sư Chúng Hiền lắng dần mà tịch. Các môn nhân đệ tử mang thư ấy đến nói Bồ-tát Thế Thân mà trình bày rằng: "Thầy của chúng con là luận sư Chúng Hiền đã xả thọ mạng, sai bảo chúng con mang thư này đến đây tỏ bày sự trách thân và sám tạ lỗi quá. Không rơi mất danh ấy chẳng phải điều dám mong". Bồ-tát Thế Thân xem thư đọc luận ấy rồi trầm ngâm giây lâu mà bảo rằng: "Luận sư Chúng Hiền là hàng hậu tiến thông mẫn, lý tuy chẳng đủ mà lời có thừa. Nay ta muốn phá bỏ luận của Chúng Hiền như chỉ trong lòng bàn tay, nhưng trông nhìn lại sự gởi gấm lúc sắp qua đời. Ta trọng càc ngôn từ biết nạn, tạm duyên đại nghĩa mà còn chí xưa đó. Huống gì luận này lại là phát minh làm tỏa sang tông của ta". Bèn vì cải đổi tựa đề là luận "Thuận chánh lý". Các môn nhân đệ tử can ngăn rằng: "Luận sư Chúng Hiền chưa qua đời, mà đại sư đã cất xa dấu vết. Nay đã có được luận ấy, lại vì đó mà sửa đổi tựa đề. Hàng hậu học chúng con mặt mũi nào mà nhận lấy hỗ thẹn?". Bồ-tát Thế Thân muốn trừ lòng nghi ngờ của đại chúng mà nói bài tụng rằng:

"Như sư tử chúa
Lánh đường heo đi
Hai sức hơn kém
Người trí nên hay".

Luận sư Chúng Hiền thị tịch rồi, thiêu đốt thi thể gom lấy hài cốt đưa đến trong rừng Am Một La cách ngôi già lam ấy hơn 200 bộ, xây dựng ngôi Tốt-đổ-ba mà tôn trí, đến nay vẫn hiện còn.

Bên cạnh rừng Am Một La có một ngôi Tốt-đổ-ba tôn thờ di thân

của luận sư Tỳ Mạt La Mật Đa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Vô Cấu Hữu). Luận sư Vô Cấu Hữu vốn người nước Ca Thấp Di La, xuất gia theo thuyết nhất thiết hữu bộ. Thông rành các kinh điển, nghiên cứu các dị luận, vân đức Phật khắp năm nước Ấn Độ, tập học huyền văn tam tạng. Đến lúc danh thành nghiệp đạt, sắp trở về lại quê cũ, trên bước đường lần lượt đến nơi Tốt-đổ-ba của luận sư Chúng Hiền, vỗ về mà than rằng: "Chỉ có luận sư là người nhã lượng thanh cao, đè nén xiển dương đại nghĩa, sắp muốn dẹp phá dị bộ, lập nghĩa của bản tông, cớ sao mà tuổi lớn lại chẳng trọn? Tôi là Vô Cấu Hữu thuộc hàng tạp nhạp tiếp thừa học cuối. Tuy khác thời nhưng kính mộ cao nghĩa, cả đời không có mến mộ đức. Kia, Thế Thân tuy có qua đời nhưng tông học vẫn còn truyền. Tôi đem hết điều hiểu biết của mình sẽ chế tác các bộ luận, khiến tất cả mọi người cầu học, v.v... Ở Thiện Bộ châu dứt tuyệt danh xưng đại thừa, diệt mất tiếng tăm của Thế Thân, đó là không hư nát, dùng hết tâm xưa". Nói lời ấy rồi, bỗng nhiên tâm phát cuồng loạn, năm cái lưỡi đồng một lúc nổi mọc, máu nóng tuông trào. Biết mạng sống sắp dứt, Vô Cấu Hữu mới viết thư sám hối rằng: "Phàm, đại thừa giáo là thuyết cứu cánh trong Phật pháp danh vị tuyệt hết, lý đạt sâu mầu, khinh vì ngu muội, bài xích các bậc tiền bối, nghiệp báo hiển hiện, diệt hoại thân đáng vậy. Xin báo cùng tất cả hàng môn nhân đệ tử hãy nên soi xét đây, mỗi tự thận trọng chí khí của mình, không được ôm hoài nghi ngờ". Quả đất chấn động, mạng sống luận sư Vô Cấu Hữu bèn dứt mất, và ngày chỗ qua đời đó, đất hẻm thành hố. Các đồng bạn bèn vì thiêu đốt thi thể gôm nhặt hài cốt, dựng Tốt-đổ-ba để nêu bày đó. Bấy giờ có một vị A-la-hán trông thấy vậy mà than rằng: "Tiếc thay! Khổ thay! Nay luận sư này mặc tình chấp kiến ghét hủy đại thừa, hẳn sa đọa vào địa ngục vô gián vậy!".

Về cảnh vức phía tây bắc nước ấy, trên bờ phía đông sông Khắc Già có thành Ma Du La chu vi rộng hơn 20 dặm. Dân chúng sinh sống đông đúc, dòng nước trong sạch giao dãi. Là nơi sản sinh các thứ than đá, thủy tinh, các đồ vật báu. Cách thành đó không xa, gần sông Khắc Già có một ngôi đền thờ lớn, rất lắm linh dị, bên trong có ao sắp đá làm bờ, dẫn nước từ sông Khắc Già làm bến. Người của năm nước Ấn Độ gọi đó là cửa sông Khắc Già, là nơi sinh phước diệt tội. Thường có cả trăm ngàn người từ phương xa tụ tập đến đó tắm rửa. Các vua vui thích làm việc thiện, xây dựng những ngôi nhà làm phước, có đủ các vật ngon lành, tích chứa thuốc thang, ban bố cho mọi người góa bụa, chu cấp cho người cô độc.

Từ đó theo hướng bắc, đi hơn 300 dặm đến nước Bà La Hấp Ma Bổ La (thuộc Bắc Ấn Độ).

11 - NƯỚC BÀ LA HẤP MA BỔ LA.

Nước Bà La Hấp Ma Bổ La chu vi rộng hơn 4000 dặm, núi non bao bọc bốn phía. Đô thành lớn của nước đó rộng hơn 20 dặm, người ở đông đúc, nhà cửa giàu sang, đất đai màu mỡ, lúa má gieo trồng theo mùa vụ. Là nơi sản sinh các thứ than đá, thủy tinh. Khí hậu hơi lạnh, phong tục cứng mạnh, ít học nghề, phần nhiều đuổi theo lợi, con người tánh khí hung dữ, kính tin lẫn lộn vừa tà vừa chánh. Có năm ngôi già lam, chư tăng rất hiếm thiếu. Có hơn 10 ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn.

Về phía bắc cảnh vức nước đó ở trong núi tuyết lớn có đất nước tên là Tô Phạt Thích Noa Cù Đát La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Kim Thị) là nơi sản sinh các loại vàng ròng trên nên lấy tên đó, từ đông sang tây dài, từ nam sang bắc hẹp, tức là nước Đông Nữ, ở đời vì lấy người nữ làm vua, nên lấy nữ xưng tên nước. Người chồng (đàn ông) cũng làm vua nhưng không biết chính sự. Đàn ông chỉ đi đánh chiếm và làm ruộng mà thôi. Đất đai thích nghi với lúa tẻ. Nuôi dưỡng lắm nhiều dê ngựa, khí hậu rất lạnh. Con người tánh khí thô tháo mạnh dữ. Phía đông tiếp liền với nước Thổ Phiên. Phía bắc tiếp liền với nước Vu Điền, phía tây tiếp giáp với nước Tam Ba Ha.

Từ nước Mạt Để Bổ La theo hướng đông nam cách hơn 400 dặm đến nước Cù Tỳ Sương Na (thuộc Trung Ấn Độ).

12 - CÙ TỲ SƯƠNG NA.

Cù Tỳ Sương Na chu vi rộng hơn 2000 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 14 - 15 dặm, cao vợi hiểm chắc. Dân chúng sinh sống đông đúc, hoa rừng ao hồ liên tiếp nối nhau, khí hậu và đất đai thích nghi đồng như ở nước Mạt Để Bổ La, phong tục thuần chất, chăm học ham thích việc phước, phần nhiều tin theo ngoại đạo, mong cầu niềm an lạc ngay đời hiện tại. Có hai ngôi già lam, chư tăng có hơn trăm vị đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa. Có hơn 30 ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn. Bên cạnh thành lớn trong ngôi già lam xưa cũ có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng cao hơn 200 thước. Xưa kia đức Như Lai ở đó một tháng giảng nói các pháp yếu. Bên cạnh có di tích của bốn đức Phật kinh hành và tọa thiền. Bên cạnh đó có hai ngôi Tốt-đổ-ba tôn thờ tóc và móng tay của đức Như Lai, mỗi ngôi

cao hơn một trượng. Từ đó theo hướng đông nam đi hơn 400 dặm đến nước Ác Hê Chế Đát La (thuộc Trung Ấn Độ).

13 - NƯỚC ÁC HÊ CHẾ ĐÁT LA.

Nước Ác Hê Chế Đát La chu vi rộng hơn 3000 dặm. Đô thành lớn của nước đó rộng khoảng 17 - 18 dặm, nương tựa nơi hiểm chắc. Đất đai thích nghi với lúa thóc, lắm nhiều rừng suối. Khí hậu hòa sướng, phong tục thuần chất, vui thích thưởng đạo, dốc chí tập học, nhiều tài năng, hiểu biết rộng. Có hơn 10 ngôi già lam, chư tăng có hơn ngàn vị, tập học theo giáo pháp Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có chín ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo có hơn 300 vị, phụng thờ tự tại thiên, đồng bạn bôi tro vào mình. Phía ngoài thành bên cạnh ao rồng có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng. Là nơi xưa kia đức Như Lai vì vua rồng mà ở tại đó bảy ngày giảng nói giáo pháp. Bên cạnh đó có bốn ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ hơn là nơi di tích của bốn đức Phật thời quá khứ kinh hành tọa thiền. Từ đó theo hướng đông đi khoảng 260 - 270 dặm, vượt qua sông Khắc Già rồi theo hướng nam đến nước Tỳ La Sang Na (thuộc Trung Ấn Độ).

14 - NƯỚC TỲ LA SANG NA.

Nước Tỳ La Sang Na chu vi rộng hơn 2000 dặm. Khí hậu và đất đai thích nghi đồng như ở nước Ác Hê Chế Đát La. Phong tục mạnh bạo, con người biết học nghề nghiệp, tôn sùng kính tin ngoại đạo, ít kính Phật pháp. Có hai ngôi già lam, chư tăng có khoảng 300 vị, và đều tập học theo giáo pháp đại thừa. Có năm ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn. Trong ngôi già lam xưa cũ tại trong thành lớn có nền móng ngôi Tốt-đổ-ba tuy đã hủy hoại đổ nát mà còn cao hơn trăm thước, do vua Vô Ưu tạo dựng, là nơi xưa kia đức Như Lai ở trong đó bảy ngày giảng nói các kinh về Uẩn, Xứ, Giới. Bên cạnh đó có di tích của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền kinh hành đến nước Kiếp Tỷ Tha (xưa trước gọi là nước Tăng Ca Xá, thuộc Trung Ấn Độ).

15 - NƯỚC KIẾP TỶ THA.

Nước Kiếp Tỷ Tha chu vi rộng hơn 2000 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm. Khí hậu và đất đai thích nghi đồng như ở nước Tỳ La Sang Na. Phong tục thuần hòa, con người phần nhiều tập học nghề nghiệp. Có bốn ngôi già lam, chư tăng có hơn ngàn vị đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có 10 ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn, đồng cùng tôn thờ trời Đại Tự Tại.

Từ thành về phía tây cách hơn 20 dặm có một ngôi già lam lớn. Cách thức chế tạo rực rỡ hết mực kỳ công khắc chạm các Thánh hình tôn tượng vô cùng trang nghiêm, chư tăng có khoảng vài trăm vị tập học giáp pháp của chánh lượng bộ. Có vài vạn tịnh nhân tạo lập vườn nhà ở bên cạnh ngôi già lam đó. Bên trong tường thành lớn có ba đường thềm cấp bằng vật báu sắp hàng theo nam bắc xoay mặt xuống hướng đông, là nơi đức Như Lai từ cung trời Tam Thập Tam trở về lại nhân gian. Xưa kia, đức Như Lai từ tinh xá Thắng Lâm lên cung trời ở tại Thiện Pháp Đường vì Thánh Mẫu mà giảng nói pháp. Qua sau ba tháng sắp muốn trở xuống, trời Đế Thích mới tung phóng thần lực tạo nên đường thềm cấp bên tả bằng thủy tinh và đường thềm cấp bên hữu bằng bạc trắng. Đức Như Lai từ Thiện Pháp đường cùng các chúng trời dẫm bước đường thềm cấp giữa mà xuống. Trời Đại Phạm nắm phất trần trắng, dẫm bước trên đường thềm cấp bạc mà ở phía hữu hầu Phật đi xuống. Trời Đế Thích cầm nắm lọng báu dẫm bước trên đường thềm cấp thủy tinh ở phía tả hầu đức Phật đi xuống. Các chúng trời bay vọt giữa hư không, rải hoa tán thán đức hạnh của Phật. Khoảng vài trăm năm trước còn có thềm cấp, mãi đến ngày nay thì đã vùi lấp hết dưới lòng đất. Các bậc quân vương ở các nước buồn than bùi ngùi chẳng gặp thấy, bèn dùng gạch đá sắp chất nhiều lớp, dùng các vật quý báu để trang sức. Ngay nơi nền móng cũ ấy phỏng theo thềm cấp bằng vật báu xưa kia cao hơn 70 thước, phía trên đó tạo dựng một ngôi tinh xá, bên trong có tôn tượng đức Phật bằng đá. Và nơi thềm cấp hai bên tả hữu có hình tượng trời Đại Phạm và Đế Thích, dáng thế phỏng theo như mới đầu đang đi xuống. Bên cạnh có trụ đá cao hơn 70 thước do vua Vô Ưu tạo dựng, sắc màuy xanh biếc sáng nhuận, hình chất bền chắc kín lý. Phía trên có hình tượng sư tử ngồi hướng nhìn về thềm cấp, hình dáng khắc chạm kỳ đặc, chung quanh bốn mặt trụ đá đó tùy mỗi người tội phước khác nhau mà hiện hình trong đó.

Bên cạnh đường thềm cấp bằng vật báu không xa có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi di tích của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền kinh hành. Bên cạnh đó lại có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kia đức Như Lai thường tắm rửa tại đó. Bên cạnh đó có ngôi tinh xá là nơi xưa kia đức Như Lai nhập định.

Bên cạnh tinh xá có nền móng đá lớn dài 50 bộ cao 7 thước, là nơi xưa kia đức Phật thường kinh hành, nơi dấu vết bước chân của đức Phật có đường văn hoa sen. Hai bên tả hữu nền móng đá ấy mỗi bên đều có ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ do trời Đế Thích và Đại Phạm tạo lập. Trước ngôi

Tốt-đổ-ba do trời Đế Thích tạo lập là nơi xưa kia Bi Sô Ni Liên Hoa Sắc muốn trông thấy và đón rước đức Phật trước hết nên biến hóa thân làm Chuyển Luân Vương. Khi đức Như Lai từ cung trời trở về lại Thiện bộ châu, khi đó tôn giả Tô Bộ Để (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thiện Hiện, xưa trước gọi là Tu Phù Đề, Tu Bồ-đề, dịch nghĩa là Thiện Cát, đều là sai nhầm vậy) an tọa nơi thạch thất trận tự tư duy rằng: "Nay đức Phật sắp trở lại các hàng người trời cùng đi theo. Nay ta làm sao nên đi? Từng nghe đức Phật bảo là "biết được các pháp không là thấu suốt pháp tánh". Vậy thì dùng tuệ nhãn để quán pháp thân đó". Bấy giờ Bi Sô Ni Liên Hoa Sắc muốn được diện kiến đức Phật trước hơn ai hết nên hóa làm Chuyển Luân Vương có đủ bảy báu, dẫn theo và có cả bốn binh chúng cảnh vệ, đi đến nơi chỗ đức Phật và biến đổi lại thân tướng Bí Sô Ni. Đức Như Lai bảo Liên Hoa sắc rằng: "Chẳng phải ngươi là người được diện kiến đức Như Lai trước hết. Tôn giả Thiện Hiện đã quán đủ chư pháp không là thấy các pháp thân. Các Thánh tích bên trong tường thành thường có những linh dụ tương tục.

Từ ngôi Tốt-đổ-ba lớn về phía đông nam có một cái ao có rồng ở đó thường luôn gìn giữ Thánh tích. Đã có thần minh hộ vệ nên khó thể khinh phạm. Năm tháng trải qua lâu dài nên tự hủy hoại, sức người chẳng thể phá hủy được. Từ đó theo hướng đông nam đi gần 200 dặm đến nước Yết Nhã Cúc Xà (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là nước Khúc Nữ Thành, thuộc Trung Ấn Độ).

■

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỨC KÝ

QUYỂN 5

(Nói về 6 nước).

1. Nước Yết Nhã Cúc Xà.
2. Nước A Thâu Đà.
3. Nước A Da Mục Như.
4. Nước Bát La Da Già.
5. Nước Kiều Thưởng Di.
6. Nước Bính Sách Ca.

1 - NƯỚC YẾT NHÃ CÚC XÀ.

Nước Yết Nhã Cúc Xà chu vi rộng hơn 4000 dặm, phía tây đô thành lớn nước ấy gần sông Khắc Già. Thành ấy dài hơn 20 dặm, rộng khoảng 4 - 5 dặm. Thành Hoàng bền chắc cao vợi, đài các cùng trông nhìn thấy nhau. Hoa rừng ao hồ sáng đẹp lắng trong như kiếng soi. Những của cải kỳ lạ ở các phương khác phần nhiều đều nhóm tụ tại đó. Dân chúng sinh sống phong phú an vui, nhà cửa giàu có. Hoa quả đầy đủ lắm nhiều, lúa thóc gieo trồng theo thời vụ. Khí hậu hòa hợp, phong tục thuần chất. Con người dung mạo xinh đẹp thanh nhã, vận mặc xinh đẹp. Dốc lòng tham học đeo đuổi nghề nghiệp, luận bàn cao xa. Hạng người tin theo cả tà lẫn chánh có đến một nữa. Có hơn trăm ngôi già lam, chư tăng có hơn vạn vị chuyên công tập học giáo pháp của đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có hơn 200 ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo có hơn vài ngàn vị.

Nước Yết Nhã Cúc Xà vào thời con người trường thọ, vương thành xưa cũ ấy hiệu là Câu Tô Ma Bổ La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Hoa Cung), vua hiệu là Phạm Thọ, là người phước trí vốn đủ từ xưa trước, văn võ đều hoàn bị, oai đức thống nhiếp cả Thiện bộ châu, tiếng tăm chấn động các nước láng giềng. Có ngàn người con đều là trí dũng nghị lực mạnh. Lại có trăm người con gái nghi mạo đẹp xinh thanh nhã. Bấy giờ có vị tiên nhân ở bên cạnh bờ sông Khắc Già thâu

thần nhập định trãi qua vài vạn năm, hình hài như cây khô, chim muông nhóm tụ nương đậu vung vãi hạt cây Ni Câu Luật trên vai tiên nhân, nắng qua mưa lại rủ bóng hợp quanh, trãi qua nhiều năm, từ định mà dậy, tiên nhân muốn gỡ bỏ cây ấy đi lại e ngại rơi đổ ổ chim. Người thời bấy giờ mến quý đức hạnh ấy nên xưng gọi là tiên nhân Đại Thọ. Tiên nhân ghé mắt qua bờ sông, vân du trông xem rừng mỏng thấy các người con gái của vua cùng nhau vui đùa, tâm ái dục giới sinh khởi nhiễm trước, bèn đến nơi Hoa Cung muốn tỏ bảy lễ thính. vua nghe tiên nhân đến đích thân ra nghinh đón an ủy rằng: "Đại tiên giá tình ngoài vật, sao lại có thể khinh cử tiếp đón?". Tiên nhân nói rằng: "Tôi nương náu nơi rừng chầm trãi qua năm tháng lâu dài, sau khi xuất định rảo bước trông xem, thấy các con gái của vua, tâm bèn sinh nhiễm ái, vì do vậy mà từ xa đến đây cầu thỉnh". Vua nghe nói vậy không biết tính sao, bèn nói cùng tiên nhân là: "Nay tiên nhân trở về lại ở nơi cũ, xin đợi thời gian tốt lành". Tiên nhân nghe theo vậy, trở về nơi rừng chầm, vua mới hỏi khắp cùng các người con gái, không ai chịu sính hôn. Vua bèn sợ oai đức của tiên nhân nên lo buồn tiều tụy. Người con gái út của vua lo hầu lúc vua rảnh rỗi mới thong dong hỏi rằng: "Phụ vương có ngàn người con trai, có cả muôn nước kính mộ phong hóa, cớ sao mà u buồn như có điều lo lắng vậy?". Vua bảo rằng: "Tiên nhân Đại Thọ mong đoái hoài muốn cầu hôn mà bọn các con chẳng ai chịu vâng mạng. Tiên nhân có oai lực có thể tạo nên mọi điều tai ương hoặc tốt lành, thảng như không toại tâm nguyện hẳn nổi sân hận phá hoại nước nhà hủy diệt cúng tế, nhục đến tiên vương, rất lo lắng đến tai họa ấy nên thật có sự khổ sợ". Người con gái nhỏ ấy tạ lỗi mà thưa rằng: "Để lại nỗi lo buồn sâu xa này là lỗi của chúng con. Nay con xin đem tấm thân mỏng manh này để mong được kéo dài vận tốt của nước nhà". vua nghe thế, vui mừng bảo chuẩn bị xa giá nghinh đưa. Khi đã đến chỗ ở của tiên nhân, vua tạ lỗi cùng tiên nhân mà nói rằng: "Đại tiên rủ tình ở phương ngoài, xót đoái hoài thế gian, xin dâng đứa con nhỏ để cung cấp quét tước". Tiên nhân trông thấy mà chẳng vui mới nói cùng vua rằng: "Ông khinh tôi già yếu nên gã cho người con không xinh đẹp này". Vua nói: "Đã hỏi qua tất cả các người con gái nhưng không ai chịu vâng lời, chỉ có đứa nhỏ này, xin đưa đến đại tiên sai sử". Tiên nhân ôm hoài tức giận, bèn chú nguyện xấu ác là: "99 người con gái kia đồng một lúc cong lưng. Thân hình đã hủy hoại xấu tệ hẳn trong đời không ai đến cầu hôn". Vua sai người sang nghiệm xét, quả nhiên đều đã bị gù lưng. Từ đó về sau bèn gọi đó là "Khúc nữ thành" vậy.

Còn vua ngày nay vốn chủng tộc Phệ Xa, tự là Hạt Lợi Sa Phạt Đàn Na (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Hỷ Tăng). Từ khi tiên quân có được đất nước đã trãi qua hai đời mà ba vua. Thân phụ tự là Ba La Yết La Phạt Đàn Na (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Quang Tăng), người anh hiệu là Hạt La Xà Phạt Đàn Na (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Vương Tăng). Vương Tăng là anh lớn nên kế thừa ngôi vị dùng đức mà nhiếp trị. Bấy giờ tại Đông Ấn Độ có vua Thiết Thương Ca (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Nguyệt) ở nước Yết La Noa Tô Phạt Thích Na (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là "Kim Nhĩ") từng nói với quan thần rằng: "Gần đây có vị hiền chúa, là họa của nước ta vậy". Khi ấy bèn dẫn dụ mời nhóm hội mà giết hại vua (Hạt La Xà Phạt Đàn Na). Vua Hạt La Xà Phạt Đàn Na đã mất, nước nhà cũng hoang loạn. Khi ấy quan đại thần Bà Ni (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Biện Liễu) là người biết lo cao lớn nặng nhọc, nói cùng các hàng liêu thứ rằng: "Kế lớn của nước nhà phải quyết định ở ngày nay, con của tiên vương đã mất, em của vua là người bản tánh nhân từ, tâm luôn chiếu kính các thân liền đáng nên chú ý, tôi muốn đề cử kế tiếp ngôi vị. Đối với việc này thì thế nào?". Mọi người đều bảo đồng chung chí ấy. Mọi người thường kính ngưỡng đức hạnh, không phải tính bàn gì khác. Khi ấy quan phụ thần đều cùng khuyên (Hỷ Tăng) rằng: "Xin vương tử rủ lòng chấp thuận nghe tiên vương tích chứa công lao, lắm nhiều đức hạnh, tỏa sáng vận nước nhà. Người nối dõi đó là Vương Tăng đã là qua đời. Các hàng phụ tá không tài giỏi xả bỏ thân mạng ứng đối tay chân, làm cho nước nhà mắc xấu hổ lớn đó thật là tội của hạ thần vậy. Lúc bàn nghị đã vang lời đồn đãi quy hướng minh đức, soi sáng đến nước nhà, khắc phục thân thù, rửa nhục của đất nước, làm sáng nghiệp của phụ thân, công ấy gì lớn hơn thay? Mong chớ chối từ vậy". Vương Tử (Hỷ Tăng) bảo rằng: "Việc nối tiếp vận nghiệp của nước nhà rất là lớn nặng, xưa nay đều cho là việc khó. Ngôi vị vua của muôn dân dựng lập nên xét kỹ. Tôi đây thật là kẻ kém đức, cha và anh đều bỏ xa, nay suy cử nối tiếp ngôi vị lớn, làm sao có thể cứu giúp ấy ư? Bàn nghị đã làm nên thế đâu dám quên hư đãng! Nay tại bờ sông Khắc Già có tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại đã có lắm soi xét kinh dị, xin nên sang đó để cầu thỉnh". Vương tử Hỷ Tăng bèn đến trước tôn tượng, bỏ ăn mà cầu thỉnh. Bồ-tát cảm tâm chí thành đó nên hiện hình mà bảo rằng: "Con chỉ bởi tích chứa họa, từ phụ đã qua đời, lại thêm hình phạt chua cay nữa là nay người anh bị hại, tự xét xem mình khiếm khuyết tài đức mà dân chúng trong nước nhà suy tôn khiến tiếp nối ngôi vị lớn để làm

sáng tỏ sự nghiệp của phụ thân. Con ngu mê không biết, dám cầu mong Thánh chỉ". Bồ-tát Quán Tự Tại bảo rằng: "Đời trước ông ở trong rừng này làm (Tỳ-kheo) Bí Sô luyện nhã mà tinh cần không biếng nhác, nhờ phước lực ấy nên sinh làm con vua đây. Vua nước Kim Nhĩ đã hủy hoại Phật pháp. Ông sẽ tiếp nối vương vị nên phát huy hưng thạnh vẻ vang lại, lấy từ bi làm chí nguyện, đem sự xót thương giữ ở cõi lòng. Không bao lâu sẽ làm vua toàn cảnh vức năm xứ Ấn Độ. Muốn kéo dài vận tốt của nước nhà, phải nên nghe theo ta dạy răn, nhờ thần minh gia hộ cảnh phước, quanh láng giềng không có thù địch mạnh. Chớ lên tòa sư tử, chớ xưng hiệu đại vương". Khi ấy Vương Tử Hỷ tăng thọ nhận sự răn dạy rồi trở về. Bèn liên tiếp nối ngôi vua, tự xưng là Vương Tử hiệu là Thi La A Điệt Đa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Giới Nhật). Khi ấy (Giới Nhật = Hỷ Tăng) bảo cùng các quan thần rằng: "Mối thù của anh chưa báo trả, các nước láng giềng không thể tiếp đãi, trọn không có tay phải lúc dâng thức ăn. Nên các hàng liêu thứ các ông phải đồng lòng góp sức". Bèn đốc suất tất cả binh lính trong nước nhà, giảng tập chiến sĩ, có 5000 quân lính voi, 20000 quân lính ngựa, 50000 quân lính bộ. Từ phương tây đến hướng đông đánh diệt kẻ bất thần, voi không mở yên, người không cởi giáp, trong vòng sáu năm, trãi khắp năm nước Ấn Độ, đã rộng mở địa thế, lại tăng thêm binh lính, quân lính voi có đến 60000, quân lính ngựa lên đến 10 vạn. Rồi trãi suốt 30 năm, chiến tranh không nỗi dậy, nền chánh trị răn dạy hòa bình, chuyên tu tiết kiệm, tạo phước gieo thiện, quên ăn bỏ ngủ. Ban khắp năm xứ Ấn Độ mọi người không được ăn thịt, nếu ai giết hại sinh mạng thì hẳn giết không tha. Đến bên cạnh bờ sông Khắc Già dựng tạo vài ngàn ngôi Tốt-đổ-ba, mỗi ngôi cao hơn trăm thước. Khắp năm xứ Ấn Độ từ thành ấp xóm làng tụ lạc đến các ngõ hẻm đường thông tạo dựng những ngôi nhà túc trực, dự trữ các thức ăn uống thuốc men, ban thí cho người nghèo khổ, chu cấp cho kẻ không nơi nương tựa. Các nơi có Thánh tích đều tạo dựng các ngôi già lam. Cứ năm năm có một lần thiết lập đại hội thí vô già, dốc hết của cải trong kho phủ ban thí cho mọi người, chỉ lưu lại binh khí không ban xả. Và trong mỗi năm có một lần nhóm tập tất cả các hàng Sa-môn ở các nước suốt trong 21 ngày cúng dường tứ sự, trang nghiêm pháp tòa, rộng bày nghĩa diên, khiến cùng nhau luận nghị để phân rành hơn kém, khen chê trong đục, cắt phân tối sáng. Với những vị giới hạnh trinh thuần kiên cố, đạo đức thuần túy thì suy tôn lên ngồi tòa sư tử, đích thân vua đến gần thọ học giáo pháp. với những vị giới hạnh thanh tịnh, mà tài học không xét đến xưa thì vua chỉ kính lễ tỏ bày sự có tôn

sùng. Với hàng không có luật nghi kỷ cương, dơ bẩn đức hạnh đã rõ bày thì vua xua đuổi ra khỏi đất nước, chẳng muốn thấy nghe hạng đó. Các nước láng giềng, những vị tiểu vương, phụ tá đại thần biết gieo trồng phước đức không biếng lười, cầu pháp lành quên mỏi mệt thì vua kéo tay cùng ngồi chung tòa, xưng gọi đó là "bạn lành". Trái lại như thế, thì vua chẳng đối mặt cùng nói năng. Như có việc tấu trình bàn nghị thì vua liền sai sứ qua lại. Và vua thường đi tuần các nơi, xét xem phong tục, chẳng thường ở tại một chỗ. Thường tại nơi Hành cung, mỗi ngày sắm sinh các thức ăn ngon lành cúng dường các hàng dị học và tăng chúng cả ngàn vị, Bà-la-môn 500 vị. Mỗi ngày vua tự phân thời gian thành ba phần, một phần chuyên lo công việc chấp chánh nước nhà, hai phần tạo phước tu thiện, chăm chăm không mỏi mệt, hết ngày còn chưa đủ.

Mới đầu, Huyền Trang tôi nhận sự thỉnh mời của vua Câu Ma La là từ nước Ma-kiệt-đà sang đến nước Ca Ma Lũ Ba. Khi ấy vua Giới Nhật đi tuần các phương đang ở tại nước Kiệt Chu Ốt Kỳ La, bảo vua Câu Ma La rằng: "Nên cùng vị Sa-môn khách phương xa hiện ở Ba Lạn Đà lại phó hội". Khi ấy, Huyền Trang tôi bèn cùng vua Câu Ma La sang ra mắt. vua Giới Nhật đã nhiều ngày nhọc khổ, hỏi rằng: "Từ nước nào lại và sẽ muốn điều gì?". Huyền Trang tôi đáp: "Từ nước Đại Đường đến thỉnh cầu Phật pháp". Vua Giới Nhật hỏi: "Nước Đại Đường ở tại phương nào? Đường sá trãi qua thế nào? Cách đây xa gần?". Huyền Trang tôi đáp: " Từ đây về hướng đông bắc cách hơn vài vạn dặm. Với người Ấn Độ thì gọi đó là nước Ma-ha Chí Na vậy". Vua Giới Nhật nói: "Tôi từng nghe ở nước Ma-ha Chí Na có thiên tử Tần vương từ thuở thiếu thời đã là minh giám đến lúc lớn thì thành Thần Võ. Xưa trước đó tán loạn khắp nước nhà phân chia sụp đổ. Chiến tranh đua nhau bùng nổ, muôn dân ngậm nuốc khổ độc mà Thiên tử Tần Vương sớm ôm hoài mưu lược xa, dấy khởi tâm đại từ bi cứu tế muôn loài, bình định trong nước nhà, mỹ phong thuần giáo trùm xa, đức hạnh thấm đượm cùng khắp. Khác phương cách xứ kính mộ phong hóa mà xưng thần. Dân chúng đội ân nuôi dưỡng ấy đều ca bản nhạc "Tần Vương phá trận", nghe nhã tụng ấy đến nay đã lâu xa. Vẻ vang đức lớn đó thật có vậy ư? Đại Đường há là nước ấy sao?". Huyền Trang tôi đáp rằng: "Đúng vậy, Chí Na là quốc hiệu của vua trước, Đại Đường là quốc hiệu của vua chúng tôi ngày nay. Xưa kia chưa nối tiếp ngôi vị thì gọi đó là Tần Vương, nay đã tiếp thừa nhất thống xưng là Thiên Tử. Đời trước hết thời vận muôn dân không có chủ, nên chiến tranh loạn khởi tàn hại sinh linh, Thiên tử Tần Vương mở tâm dung rộng phát động xót thương, oai

phong cổ vũ, hung dữ diệt sạch. Khắp tám phương tĩnh lắng, muôn nước đều đến triều cống. Thương nuôi bốn loài, kính sùng Tam bảo, mỏng manh ban cấp, kiểm xét hình phạt, mà đất nước sử dụng có thừa, dân tộc không thiếu kém. Phong đức Phật xiển hóa rộng lớn, khó thể nêu bày hết!". Vua Giới Nhật nói: "Thật thạnh vậy thay!".

Tại đất nước đó (Yết Nhã Cúc Xà) dân chúng cảm phước Thánh chúa. Khi ấy vua Giới Nhật sắp trở về lại Khúc Nữ thành để thiết lập pháp hội. Có cả vạn người cùng đi theo, tại bờ phía nam sông Khắc Già. Và vua Câu Ma La có vài vạn người cùng theo ở bờ phía bắc, phân giữa dòng sông và đất liền cùng tiến tới. Hai vua đồng dẫn trước, bốn thứ binh lính nghiêm cẩn hộ vệ, hoặc đi bằng thuyền hoặc cỡi bằng voi, đánh trống thổi loa, gãy đàn, khua sáo, qua 90 ngày mới đến Khúc Nữ thành, tại trong Hoa Lâm lớn ở phía tây sông Khắc Già. Bấy giờ có hơn 20 vị vua ở các nước trước đó đã vâng phụng cáo mạng cùng các bậc Sa-môn tài đức và những Bà-la-môn các quan thần binh sĩ ở nước mình đến dự hội. Trước kia tại phía tây bờ sông vua đã tạo lập ngôi già lam lớn, phía đông ngôi già lam ấy tạo lập đài báu cao lớn trăm thước, bên trong có tôn tượng đức Phật hình dáng đồng như thân vua. Ở phía nam đài báu làm một đàn báu làm nơi tắm gội tôn tượng đức Phật. Từ đó về hướng tây bắc cách khoảng 14 - 15 dặm riêng xây dựng một Hành cung. Bấy giờ đang trong tiết tháng hai. Bắt đầu từ ngày mồng một, sắm sinh các thức ăn ngon lành cúng dường chư vị Sa-môn, Bà-la-môn, đến ngày 21, từ hành cung hướng đến ngôi già lam, cặp hai bên đường có tạo lập các trùng các, mọi thứ trang sức ánh ngời. Các Nhạc nhân (người đánh trỗi nhạc) chẳng đổi dời, hòa tấu âm thanh cao nhã. vua từ nơi hành cung nghinh thỉnh ra một tôn tượng bằng vàng ẩn nổi giữa khoảng không cao hơn ba thước, thỉnh chở bằng voi lớn, căng bày màn báu. vua Giới Nhật mang mặc y phục trời Đế Thích cầm nắm lọng báu theo hầu phía tả, vua Câu Ma La làm dung nghi của trời Phạm Vương cầm nắm phất trần trắng theo hầu phía hữu, mỗi mỗi có 500 quân lính voi mặc phủ áo giáp bao quanh trước sau nghinh vệ tôn tượng Phật. Mỗi phía lại có trăm con voi, các nhạc nhân dùng chở trống, hòa tấu âm nhạc. vua Giới Nhật dùng các trân châu vật báu xen tạp cùng với vàng bạc và các thứ hoa, theo từng bước một rải tung cả bốn phía, cúng dường Tam bảo. Trước hết đến nơi đàn báu, dùng các thứ nước hương thơm gội tắm tôn tượng Phật. Đích thân vua đội mang đưa lên trên đài phía tây, dùng các vật báu như áo Kiều xa da có cả ngàn trăm chiếc mà cúng dường. Khi ấy chỉ có hơn 20 vị Sa-môn cùng theo tham dự. vua các nước làm kẻ hầu

vệ. Sau khi thiết trai thọ thực đã xong, nhóm tập các hàng dị học cùng đồng đẳng đo xác quyết lời huyền diệu, đè nén và xiển dương chí lý. Tới lúc trời sắp chiều tối mới xoay trở xa giá về lại hành cung. Cứ như thế cho đến ngày tan hội.

Tại đài lớn bỗng nhiên nổi lửa, cửa lầu ngôi già lam khói lửa bốc mạnh dữ. vua Giới Nhật bảo rằng: "Dốc hết mọi vật quý báu của nước nhà, vì tiên vương mà tạo dựng ngôi già lam này, kính lễ chiếu soi hạnh nghiệp ưu thắng, nhưng vì kém đức, không được thần giúp, nên mới có tai họa này, lỗi quá hiện điềm như thế, dùng gì để sống đây?". vua mới đốt hương lễ thỉnh mà tự phát lời thề rằng: "Xin đem mọi việc thiện xưa trước của các vua khắp xứ Ấn Độ nguyện giúp cho tôi có được phước lực diệt trừ hỏa tai này, như không được linh cảm thì mất mạng ngay đây". Và liền đó, vua cất thân từ cửa nhảy xuống thành. Như có sự đánh diệt, lửa tắt khói tan, các vua trông thấy lạ thường, càng tăng thêm kính cầu mà kinh sợ. Thế rồi, nhan sắc của vua Giới Nhật vẫn không đổi thay, nói năng vẫn như cũ mà hỏi các vua rằng: "Bỗng nhiên tai họa này biến mất khói lửa đều hết, hẳn là công thành, hoài mong trong tâm, ý các vua thế nào?". Các vua đều cúi phục buồn khóc, đồng đáp rằng: "Công thành thắng tích mong lưu truyền cho đời sau. Một ngày mà tro lửa tiêu tan sao có thể nghĩ nhớ, huống hồ các ngoại đạo an khoái trong tâm cùng mừng vui!". Vua Giới Nhật bảo: "Lấy đây mà xem xét, thì điều giảng dạy của đức Như Lai là thật vậy. Các hàng ngoại đạo dị học luôn giữ chấp thường kiến. Chỉ có bậc thầy cao cả của chúng ta chỉ dạy là vô thường. Như vậy chùng ta xả thí đã chu toàn, tâm nguyện đã toại, nên tai họa đây biến diệt, lại càng thấy điều dạy bảo của đức Như Lai quả nhiên chắc thật. Đó là điều tốt lành lớn, không nên buồn cảm". Khi đó vua Giới Nhật cùng các vua theo hướng đông lên ngôi Tốt-đổ-ba lớn. Vừa mới lên tới, trông nhìn dưới tầng cấp bỗng nhiên có một người khác lạ nắm mũi nhọn đi ngược đến nơi vua. Khi ấy vua vội vàng liền đến tầng cấp cúi bắt người ấy giao cho các quan. Bấy giờ các quan kinh sợ vội vã chẳng biết đến cứu, các vua đều xin giết chết người đó. vua Giới Nhật khác hẳn, không tỏ vẻ tức giận, cản ngăn bảo không nên giết. Và tự thân vua lại gần mà hỏi rằng: "Ta mắc nợ gì, mà ngươi hung bạo như vầy?". Người đó đáp: "Đại vương đức hạnh đượm thấm không riêng trong ngoài, đâu mắc nợ gì! Nhưng vì tôi là kẻ cuồng ngu không mưu kế lớn, nên nhận lời dụ hoặc của ngoại đạo liền làm kẻ thích khách dẫn đầu mưu toan nghịch hại". vua Giới Nhật hỏi: "Cớ sao các ngoại đạo dấy khởi tâm xấu ác ấy? Người đó đáp rằng: "Đại vương nhóm tập

các nước, dốc hết kho phủ cúng dường Sa-môn, chú đúc tôn tượng đức Phật, mà các ngoại đạo từ xa chiêu tập đến chẳng được hỏi han đoái hoài, trong tâm thật xấu hỗ, mới sai khiến kẻ cuồng ngu làm điều dối trá hung ác". Khi ấy vua Giới Nhật tìm hiểu xét hỏi các hàng ngoại đạo. Có 500 vị Bà-la-môn đều là những bậc tài cao, vâng mạng chiêu tập, ganh ghét các Sa-môn được vua tiếp lễ trọng hậu, mới bắn tên lửa thiêu đốt đài báu, mong lúc cứu lửa mọi người hỗn loạn, muốn nhân thời gian ấy mà giết hại đại vương. Đã không có cơ duyên hở trống, bèn thuê mướn người ấy vào nơi hiểm hóc để đâm giết vua. Khi ấy các vua, đại thần xin được giết chết các vị ngoại đạo. vua Giới Nhật mới phạt người cầm đầu sự việc hung ác ấy, còn các đồng bọn khác không bắt phạt tội. Di dời 500 vị Bà-la-môn đưa ra khỏi cảnh vức nước Ấn Độ. Sau đó, vua Giới Nhật trở về lại đô thành.

Ở phía tây bắc của thành có một ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo lập, là nơi xưa kia đức Như Lai từng ở tại đó bảy ngày giảng dạy các diệu pháp. Bên cạnh đó là nơi có di tích của bốn đức Phật thời quá khứ kinh hành và tọa thiền. Lại có ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ tôn thờ tóc và móng tay của đức Như Lai. Từ ngôi Tốt-đổ-ba, nơi xưa kia đức Phật giảng pháp về hướng nam gần sông Khắc Già có ba ngôi già lam cùng chung tường vách mà khác cửa. Tôn tượng đức Phật trang nghiêm tráng lệ, chư tăng rất chỉnh túc, các hàng tịnh nhân lo việc công quả có hơn ngàn hộ. Trong tinh xá có chiếc răng đức Phật tôn thờ trong hộp báu dài hơn tấc rưỡi. Có ánh sáng đặc thù, sắc màu biến đổi sáng chiều khác nhau. Mọi người xa gần đều tìm đến, các hàng sĩ thức cùng nhóm tụ kính tu chiêm ngưỡng mỗi ngày có trăm ngàn người. Các vị trông coi gìn giữ phiền nhọc bởi sự ồn náo đông đúc mới tạm lập bày thâu nặng thuế tuyên cáo khắp gần xa rằng: "Người nào muốn trông thấy răng đức Phật thì thâu một tiền vàng lớn". Nhưng mà mọi người đến chiêm lễ vẫn đông nhiều, với thuế tiền vàng ấy vẫn vui lòng tranh nhau. Thường vào những ngày trai là nghinh thỉnh ra tôn trí trên đài cao, có cả trăm ngàn người đến hương rãi hoa, hoa tuy chứa chất đầy mà hộp răng đức Phật vẫn không bị khỏa lấp.

Hai bên tả hữu trước ngôi già lam mỗi bên đều có tinh xá cao hơn trăm thước, nền móng xây bằng đá, phòng thất xây bằng gạch, bên trong có tôn tượng đức Phật dùng bằng các vật báu trang nghiêm, hoặc chủ đúc bằng vàng bạc, hoặc rót đổ bằng than đá. Trước hai ngôi tinh xá mỗi mỗi đều có một ngôi già lam nhỏ.

Từ ngôi già lam về phía đông nam cách không xa có một ngôi

tinh xá lớn, nền móng xây bằng đá, phòng thất bằng gạch cao hơn 200 thước, bên trong tạo tôn tượng đức Như Lai đứng cao hơn 30 thước, được chú đúc bằng than đá, dùng các vật báu kỳ diệu trang sức. Phía trên vách đá ở bốn mặt tinh xá khắc họa các tôn tượng đức Như Lai thời tu Bồ-tát hạnh, theo các sự tích trong kinh thảy đều khắc họa cả thảy. Phía nam đền thờ có cách không xa lại có đền thờ Tự Tại Thiên, đều được xây dựng bằng đá xanh ánh ngời, khắc chạm cùng khắp, quy mô rộng lớn đồng như ở tinh xá thờ Phật. Mỗi bên có ngàn hộ dân chúng lo việc quét tước, trống nhạc đàn ca ngày đêm không ngưng nghỉ.

Từ thành lớn theo hướng đông nam cách khoảng 6 - 7 dặm đến phía nam sông Khắc Già có ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 200 thước, do vua Vô Ưu tạo dựng. Là nơi xưa kia đức Như Lai ở tại đó 6 tháng giảng nói về pháp "Thân Vô thường, khổ, không, bất tịnh". Bên cạnh đó là nơi có di tích của bốn đức Phật thời quá khứ kinh hành tọa thiền, lại có ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ tôn thờ tóc và móng tay đức Phật. Như người có nhiễm mắc tật bệnh, chí thành đi nhiễu quanh đó, hẳn được lành mạnh và được phước lợi. Từ thành lớn về hướng đông nam đi hơn 200 dặm đến thành Nạp Phược Đề Bà Củ La nằm tại bờ phía đông sông Khắc Già, chu vi rộng hơn 20 dặm, hoa rừng ao trong soi chiếu ảnh hình lẫn nhau.

Ở phía tây bắc thành Nạp Phược Đề Bà Củ La; thuộc về phía đông sông Khắc Già có một đền thờ trời, trùng các tầng đài xây dựng kỳ đặc. Từ thành về phía đông cách khoảng 5 dặm có 3 ngôi già lam cùng chung vách tường mà khác cửa, chư tăng có hơn 500 vị đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa thuyết nhất thiết hữu bộ. Trước ngôi già lam cách hơn 200 bộ có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng, nền móng tuy đã sụp đổ nhưng còn cao hơn trăm thước, là nơi xưa kia đức Như Lai ở đó bảy ngày giảng nói diệu pháp. Bên trong có xá lợi có lúc tỏa phóng ánh sáng. Bên cạnh đó là nơi có di tích của bốn đức Phật thời quá khứ kinh hành và tọa thiền.

Từ ngôi già lam ấy về phía bắc cách khoảng 3 - 4 dặm gần bờ sông Khắc Già có ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 200 thước do vua Vô Ưu tạo dựng, là nơi xưa kia đức Như Lai ở tại đó 7 ngày giảng nói pháp. Bấy giờ có 500 quỷ đói đến nói đức Phật nghe pháp bèn tỏ ngộ, xả báo kiếp quỷ sinh lên cõi trời. Bên cạnh ngôi Tốt-đổ-ba ấy là nơi có di tích của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành. Bên cạnh đó lại có ngôi Tốt-đổ-ba thờ tóc và móng tay của đức Như Lai.

Từ đó theo hướng đông nam đi hơn 600 dặm vượt qua phía nam sông Khắc Già đến nước A Thâu Đà (thuộc Trung Ấn Độ).

2 - NƯỚC A THÂU ĐÀ.

Nước A Thâu Đà chu vi rộng hơn 5000 dặm, đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm. Xứ ấy lúa thóc lắm nhiều, hoa quả tươi tốt, khí hậu hòa sướng, phong tục thuần tiện, con người ưa thích tu tạo phước đức, chuyên cần tập học nghề nghiệp. Có hơn trăm ngôi già lam, chư tăng có hơn 3000 vị, với giáo lý đại thừa Tiểu thừa đều dốc công tập học. Có 10 ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo hiếm ít. Trong thành lớn có ngôi già lam xưa cũ, là nơi xưa kia Bồ-tát Phạt Tô Bạn (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thế Thân, xưa trước gọi là Bà Lũ Bàn Đậu dịch nghĩa là Thiên Thân tức là sai nhầm vậy) ở tại đó trong vài mươi năm chế tác các luận khác nhau giữa đại thừa và Tiểu thừa. Bên cạnh đó có nền móng giảng đường cũ là nơi Bồ-tát Thế Thân vì các vị quốc vương, các vị Sa-môn, Bà-la-môn tài đức, v.v..., ở khắp bốn phương mà giảng nghĩa nói pháp.

Từ thành về phía bắc cách khoảng 4 - 5 dặm, gần bờ sông Khắc Già, trong ngôi già lam lớn có ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 200 thước do vua Vô Ưu tạo dựng, là nơi xưa kia đức Như Lai vì các hàng người trời mà ở tại đó ba tháng giảng nói các diệu pháp. bên cạnh đó có ngôi Tốt-đổ-ba là nói có di tích của bốn đức Phật thủa quá khứ kinh hành và tọa thiền. Từ ngôi già lam ấy về hướng tây cách khoảng 4 - 5 dặm có ngôi Tốt-đổ-ba tôn thờ tóc và móng tay đức Như Lai. Từ ngôi Tốt-đổ-ba thờ tóc và móng tay về phía bắc có nền móng của một ngôi già lam còn lại, là nơi xưa kia luận sư Kinh Bộ Thất Lợi La Đa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thắng Lợi) ở tại đó chế tác luận Kinh Bộ Tỳ-bà-sa.

Từ thành về phía tây nam cách khoảng 5 - 6 dặm, trong rừng Am một la lớn, có ngôi già lam xưa cũ, là nơi xưa kia Bồ-tát A Tăng Gìa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Vô Trước) ở tại đó thỉnh cầu pháp lợi ích và dẫn dắt hàng phàm phu. Bồ-tát Vô Trước ban đêm lên cung trời đến nơi Bồ-tát Từ Thị mà thọ học luận Đức Phật Già Sư Địa, kinh luận Trang Nghiêm đại thừa, luận Biện Trung Biên, v.v... còn ban ngày vì đại chúng mà tuyên giảng diệu lý. Từ rừng Am Một La về phía tây bắc cách hơn trăm bộ có ngôi Tốt-đổ-ba tôn thờ tóc và móng tay đức Như Lai. Bên cạnh đó có nền móng xưa cũ là nơi Bồ-tát Thế Thân từ cung trời Đổ Sử Đa xuống thấy gặp Bồ-tát Vô Trước. Bồ-tát Vô Trước vốn là người nước Kiện Đà La, xuất hiện ở đời cách sau đức Phật nhập niết bàn khoảng trong 1000 năm; là người lợi kiến thừa phong ngộ đạo, mới đầu xuất gia tu học theo ở Di Sa Tắc bộ, sau đó xoay lại kính tin đại thừa. Em của Bồ-tát Vô Trước là Bồ-tát Thế Thân xuất gia thọ học

ở Thuyết nhất thiết hữu bộ, là người rộng nghe nhận biết mạnh, thành đạt sở học, nghiên cứu tận tường căn cơ. Bồ-tát Vô Trước có người đệ tử tên là Phật Đà Tăng Ha (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Sư Tử Giác) là người có mật hạnh khó nghĩ lường, tài cao vang vọng. Cả ba vị hiền triết ấy cùng nói với nhau rằng: "Phàm hạnh nghiệp tu hành của chúng ta là nguyện mong được hầu đức Từ Thị. Nếu ai xả báo thọ mạng trước mà được toại tâm nguyện xưa trước thì nên cùng báo cho nhau nói nơi thác sinh đến". Về sau, Sư Tử Giác thị tịch trước, trải qua ba năm không có tin báo. Tiếp đến Bồ-tát Thế Thân cũng xả bỏ thọ mạng, trải qua thời gian sáu tháng cũng không tin báo. Bấy giờ các hàng dị học đều cùng nhau dèm pha cho là Bồ-tát Thế Thân và Sư Tử Giác lưu chuyển trong ác thú nên không có sự soi chiếu linh thiêng. Sau đó, vừa mới đầu đêm, Bồ-tát Vô Trước vì các môn nhân đệ tử dạy trao định pháp, bỗng nhiên có ánh đèn soi sáng từ không trung tỏa chiếu lóa cả mắt người, và có một tiên trời từ giữa hư không mà xuống, liền đến nơi thềm sân kính lễ Bồ-tát Vô Trước. Bồ-tát Vô Trước hỏi: "Sao ông đến chiều tối vậy và nay tên gọi là gì?". Vị tiên trời (tức Bồ-tát Thế Thân) đáp rằng: "Từ khi nơi đây xả bỏ thọ mạng sinh sang cung trời Đổ Sử Đa thác sinh trong hoa sen giữa đại chúng của đức Từ Thị. Hoa sen vừa hé nở, đức Từ Thị ngợi khen là "Lành thay trí tuệ lớn! Lành thay trí tuệ lớn!". Bèn đi nhiễu quanh vòng liền trở lại đây báo mạng!". Bồ-tát Thế Thân đáp rằng: "Lúc đi nhiễu quanh thấy Sư Tử Giác ở trong chúng tại ngoại viện đắm trước dục lạc không được rảnh rỗi để cùng hỏi han có đâu trở lại báo mạng". Bồ-tát Vô Trước bảo rằng: "Sự việc ấy đã là như vậy. Có tướng đức Từ Thị thế nào? Giảng nói pháp gì?". Bồ-tát Thế Thân đáp: "Tướng tốt của đức Từ Thị ngôn ngữ không thể tuyên bày, diễn nói diệu pháp nghĩa chẳng khác đây. Nhưng Bồ-tát Từ Thị có diệu âm thanh nhã hòa sướng, người nghe quên cả mỏi mệt, nhận thọ không nhàm chán!".

Từ nền móng giảng đường xưa cũ của Bồ-tát Vô Trước theo hướng tây bắc đi hơn 40 dặm đến một ngôi già lam xưa cũ, phía bắc gần sông Khắc Già, bên trong có ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn trăm thước, là nơi xưa kia Bồ-tát Thế Thân lúc mới đầu phát tâm kính tin Đại thừa. Bồ-tát Thế Thân từ bắc Ấn Độ đến đó. khi ấy Bồ-tát Vô Trước bảo môn nhân đệ tử sang cùng nghinh đón, đến ngôi già lam đó gặp mà cùng hội kiến. Đệ tử của Bồ-tát Vô Trước ở ngoài cửa sổ phòng thất quá nữa đêm đọc tụng kinh Thập Địa. Bồ-tát Thế Thân nghe xong bèn cảm ngộ mà hối tiếc cho là diệu pháp sâu mầu từ trước đến nay chưa từng được nghe.

Tội khiên phỉ báng phát xuất từ chiếc lưỡi. Chiếc lưỡi là gốc của tội lỗi, nay nên cắt bỏ đi, liền nắm dao bén muốn tự cắt bỏ. Mới thấy Bồ-tát Vô Trước đến trước mặt, bảo rằng: “Phàm các Thánh thảy tôn sùng, tôi muốn răn bảo ông cải hối, mà nay ông tự tỏ ngộ. Lúc tỏ ngộ đó có gì tốt lành bằng? Trong Thánh giáo của chư Phật dạy cắt bỏ chiếc lưỡi chẳng phải là hối lỗi. Xưa trước vì chiếc lưỡi mà ông hủy báng đại thừa. Nay ông cũng nên dùng chiếc lưỡi ấy để tán thán đại thừa, bù đáp cho lỗi quá, tự làm mới cuộc đời, như làm việc lành vậy. Còn ngậm miệng dứt lời, lợi ích ấy ở đâu?”. Nói lời ấy rồu bỗng nhiên ẩn mất. Bồ-tát Thế Thân vâng thừa lời dạy ấy bèn không cắt bỏ chiếc lưỡi. Qua sáng sớm đến nơi Bồ-tát Vô Trước cầu hỏi thọ học pháp đại thừa. Từ đó tinh chuyên nghiên tầm, lắng đọng tư duy, chế tác các luận đại thừa, có cả thảy hơn trăm bộ đều hưng thạnh hoằng tuyên lưu hành.

Từ đó theo hướng đông đi hơn 300 dặm, vượt qua phía bắc sông Khắc Già đến nước A Da Mục Như (thuộc Trung Ấn Độ).

3 - NƯỚC A DA MỤC NHƯ.

Nước A Da Mục Như chu vi rộng khoảng 2400 - 2500 dặm, đô thành lớn của nước đó gần sông Khắc Già, chu vi rộng hơn 20 dặm. Xứ đó khí hậu và đất đai thích nghi đồng như ở nước A Thâu Đà. Con người thuần thành, phong tục chất trực, tinh cần tập học ham thích phước thiện. Có năm ngôi già lam, chư tăng có hơn ngàn vị, tập học theo giáo pháp Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có hơnn 10 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo chung sống lẫn lộn.

Từ thành về phía đông nam cách không xa, gần bên bờ sông Khắc Già, có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng cao hơn 200 thước, là nơi xưa kia đức Như Lai ở tại đó ba tháng giảng nói pháp. Bên cạnh đó là nơi có di tích của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền kinh hành. Lại có ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá tôn thờ tóc và móng tay của đức Như Lai. Bên cạnh đó lại có ngôi già lam, chư tăng có hơn 200 vị, tôn tượng đức Phật trang nghiêm thiết trí như hiện còn tại thế. Đài các rộng đẹp, tạo dựng kỳ đặc nổi lên rất nhiều. Đó là nơi xưa kia luận sư Phật Đà Đà Bà (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Giác Sử) ở tại đó chế tác luận “Đại Tỳ-bà-sa” theo Nhất thiết hữu bộ.

Từ đó theo hướng đông nam đi hơn 700 dặm vượt qua phía nam sông Khắc Già, thuộc phía bắc sông Diêm-mâu Ni đến nước Bát La Da Già (thuộc Trung Ấn Độ).

4 - NƯỚC BÁT LA DA GIÀ.

Nước Bát La Da Già chu vi rộng hơn 5000 dặm. Đô thành lớn của nước đó nằm tại nơi hai dòng sông giao nhau, chi rộng hơn 20 dặm. Đất nước đó thóc lúa rất tươi tốt, hoa quả sơ sài, khí hậu hòa sướng, phong tục thuần thiện, ưa thích học nghề, kính tin ngoại đạo, có hai ngôi già lam, chư tăng rất hiếm ít và đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa. Có vài trăm ngôi đền thờ trời. Các hàng dị đạo rất đông nhiều.

Từ thành lớn về phía tây nam đến trong rừng hoa Chiêm Bác Ca, có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng, nền móng tuy đã sụp đổ nhưng vẫn còn cao hơn trăm thước, là nơi xưa kia đức Như Lai ở tại đó nhiếp phục cac ngoại đạo. Bên cạnh đó có ngôi Tốt-đổ-ba tôn thờ tóc và móng tay, hiện còn di tích đức Phật xưa kia đi kinh hành.

Bên cạnh ngôi Tốt-đổ-ba ấy, có ngôi già lam xưa cũ là nơi Bồ-tát Đề Bà (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thiên) chế tác luận "Quảng Bách" để bẻ phá Tiểu thừa và nhiếp phục ngoại đạo. Mới đầu Bồ-tát Đề Bà từ Nam Ấn Độ đến ngôi già lam đó, trong thành có các vị ngoại đạo Bà-la-môn là những bậc cao luận có tiếng tăm, biện tài vô ngại, trốn danh trách thật, trở lại cật vấn cùng từ, nhũ biết Bồ-tát Đề Bà là vị nghiên cứu sâu rộng về huyền áo, muốn bẻ gãy khả năng bén nhọn đó, mới danh hỏi rằng: "Ông tên là gì? Bồ-tát Đề Bà đáp: "Ta tên Thiên". Ngoại đạo hỏi: "Thiên là ai?". Bồ-tát Đề Bà đáp: "Thiên là ta". Ngoại đạo hỏi: "Ta là ai?". Bồ-tát Đề Bà đáp: "Ta là chó". Ngoại đạo hỏi: "Chó là ai?". Bồ-tát Đề Bà đáp: "Chó là ngươi". Ngoại đạo hỏi: "Ngươi là ai?". Bồ-tát Đề Bà đáp: "Ngươi là Thiên". Ngoại đạo hỏi: "Thiên là ai?". Bồ-tát Đề Bà đáp: "Thiên là ta". Ngoại đạo hỏi: "Ta là ai?". Bồ-tát Đề Bà đáp: "Ta là chó". Ngoại đạo hỏi: "Chó là ai?". Bồ-tát Đề Bà đáp: "Chó là ngươi". Ngoại đạo hỏi: "Ngươi là ai?". Bồ-tát Đề Bà đáp: "Tuần hoàn như thế". Các ngoại đạo mới tỏ ngộ, từ đó về sau rất kính phục phong đức Phật của Bồ-tát Đề Bà. Ở trong thành có đền thờ trời, trang sức ánh ngời, có lắm điều linh dị. Y cứ theo sách vở ở đó thì xứ đó là thắng địa của chúng sinh gieo trồng phước đức. Nếu ai đến thờ đó xã thí chỉ một tiền. Công đức ưu thắng hơn cả ban thí ngàn vàng nơi các xứ khác. Lại nữa, nếu ai có khả năng xem thường sự sống đến trong đền thờ ấy mà dứt tuyệt mạng sống, hẳn sẽ được hưởng phước lạc cõi trời, vĩnh viễn không cùng.

Trước nhà đền thờ có một cây lớn, cành là chồng chất che phủ kín sóng, có quỷ ăn thịt người nương tựa đó làm vườn nhà ở, nên chung quanh đó có lắm nhiều di cốt. Như người đã đến trong đền thờ đó không

ai chẳng xem thường xả bỏ thân mạng, đã sợ hãi bởi tà thuyết lại bị thần dụ dẫn, từ xưa mãi đến nay tập tục sai nhầm ấy không dứt mất. Gần đây có vị Bà-la-môn vốn giòng họ Tử là người thông hiểu rộng rãi, lắm trí, thông minh tài cao đến trong đền thờ ấy, bảo cùng mọi người rằng: "Phàm tập tục cong queo, chí khí bỉ lận, khó thể dẫn dụ. Tôi mới đồng cộng sự, sau mới nhiếp hóa đây. Cũng đã đến nơi phủ nói cùng người bạn thân rằng: "Tôi chết đây vậy. Xưa trước cho là dối vọng ngụy bày nhưng nay nghiệm xét là chân thật. Tiên trời đánh trổi kỹ nhạc nương giữa không trung mà tiếp dẫn. Sĩ theo cảnh ưu thắng mà vất bỏ thân hình bỉ lậu này". Sau đó tôi ném thân mình tự chuốc lấy sự chết mất. Người bạn thân tôi cản ngăn nhưng chí ý ấy vẫn không đổi thay. Bèn trải y phục quanh khắp dưới gốc cây. Đến lúc tự ném thân xuống thì được toàn mạng sống, giây lâu tỉnh lại mới thấy là giữa không trung có các trời chiêu vời mạng, đó là tà thần dẫn kiến. Chẳng có được nhạc trời vậy".

Phía đông của thành lớn có hai dòng sông giao nhau rộng hơn 10 dặm, đất đai cao ráo, cát mịn tràn đầy. Từ xưa đến nay các hàng quân vương hào tộc phàm có muốn xả thí thì không ai chẳng đến đó mà thực hành, chu cấp không tính kể, xưng gọi là "Đại Thí Trường". Ngày nay vua Giới Nhật bèn tu tiếp nối giềng mối trước, dốc thuật huệ thí, của cải tích chứa trong suốt năm năm chỉ một sáng mai dốc sạch xả thí, đến nơi thí trường ấy, chứa nhóm nhiều của cải quý báu, ngày thứ nhất thiết đặt tôn tượng đức Phật lớn, dùng các món báu để trang nghiêm, và liền đội dâng các vật trân quý kỳ diệu mà cúng dường. Tiếp sau đó là cúng dường chư tăng thường trụ, thứ nữa là đại chúng hiện tiền, tiếp theo là các bậc tài cao thạc học, rộng thông mọi vật có lắm khả năng, tiếp đến là đồ chúng ngoại đạo, những vị ẩn trầm trốn lánh béo tốt, thứ nữa là những người góa bụa cô thân, nghèo khổ xin ăn, đầy đủ các thứ trân quý tột cùng cho đến các thức ăn thương vị, tiết cấp như thế, không ai chẳng ban thí đủ đầy. Kho phủ đã dốc sạch, các thứ trang phục tốt đẹp đều hết. vua mới lấy minh châu trong búi tóc các ngọc anh lạc nơi thân mình lần lượt thí cấp như mới đầu, không chút hối tiếc. Khi đã xả thí xong rồi, vua reo mừng rằng: "Thật an lạc thay! Phàm tất cả của cải của ta đều đã đưa vào kho tàng kim cang kiên cố". Từ đó về sau, những bậc quân vương ở các nước, mỗi tự dâng hiến các trang phục quý báu. Thường chưa tới 10 ngày mà kho phủ đã tràn đầy lại.

Phía đông "Đại Thí Trường" là cửa hai dòng sông hợp lại. Mỗi ngày có vài trăm người đến đó tự chìm đắm thân mình mà chết. Tập tục

xứ đó cho là làm như thế là vì muốn cầu sinh lên cõi trời. Đến nơi đó bỏ ăn mà tự đắm chìm, tắm gội trong dòng sông đó thì tội cấu tự tiêu trừ. Vì vậy mọi người từ phương xa, các nước khác đua nhau kéo đến, bỏ ăn bảy ngày sau đó mới tự chìm đắm tuyệt mạng. Đến như các loài khỉ vượn ở núi, nai thú đồng hoang từng đàn kéo nhau đến nơi bến sông, hoặc tắm rửa mà trở về, hoặc bỏ ăn mà tự chết. Đang lúc vua Giới Nhật thiết đại thí hội, có một con Nhĩ hầu ở nơi bến sông, riêng một mình dưới gốc cây lắng bặc dấu vết bỏ ăn, qua vài ngày sau tự đói khát mà chết. Nên các hàng ngoại đạo tu hành khổ hạnh đến trong dòng sông dựng lập một trụ cao, mỗi ngày từ lúc sáng sớm bèn liền lên trụ ấy, một tay một chân bám lấy đầu trụ, đạp cọc bên cạnh, còn một tay một chân treo bày ở ngoài, gần giữa khoảng không mà vẫn chẳng khuất, kéo dài cổ trương lớn mắt, trông nhìn mặt nhật xoay chuyển theo phía hữu, mãi đến chiều tối mới xuống khả trụ. Hạng người làm như vậy có đến vài mươi, họ mong mỏi nhờ sự cần khổ ấy mà được ra khỏi tử sinh. Có người trải suốt cả vài mươi năm, chưa từng thấy biếng lười ngưng nghỉ. Từ đó theo hướng tây nam vào trong rừng lớn, nơi có thú dữ voi hoang hung bạo đi từng đàn. Nếu chẳng đồng bạn đông nhiều khó thể dẫm trải qua đó, đi hơn 500 dặm thì đến nước Kiều Thưởng Di (xưa trước gọi là nước Câu Diệm Di, tức là sai nhầm vậy, thuộc Trung Ấn Độ).

5 - NƯỚC KIỀU THƯỞNG DI.

Nước Kiều Thưởng Di chu vi rộng hơn 6000 dặm, đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 30 dặm. Đất đai màu mỡ, địa lợi trồng tỉa lắm nhiều lúa canh lúa giê, có nhiều cam giá tươi tốt. Khí hậu nắng nóng, phong tục cứng mạnh, con người ưa thích tập học điển nghệ, mến sùng tạo tu phước thiện, có hơn 10 ngôi già lam, nhưng đều đổ nát hoang phế, chư tăng có hơn 300 vị tập học theo giáo pháp Tiểu thừa. Có hơn 50 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo thật đông nhiều.

Trong cung xưa cũ phía trong thành có ngôi tinh xá xưa cũ cao hơn 60 thước, có tôn tượng đức Phật được khắc chạm bằng gỗ đàn hương, phía trên có treo chiếc lọng đá, do vua Ổ Đà Diễn Na (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Xuất Ái, xưa trước gọi là vua Ưu Điền, tức sai nhầm vậy) tạo lập. Linh tướng hay hiện bày, ánh sáng thần có lúc tỏa chiếu. Các bậc quân vương ở các nước ỷ cậy sức lực muốn nghinh thỉnh đi, tuy nhiều người chung sức mà chẳng thể di dời, bèn đồ tả đắp họa lại theo tôn tượng ấy để cúng dường, và đều cho là được sự chân thật, và nói về nguồn gốc tức chỉ từ tôn tượng ấy vậy. Mới đầu là sau khi đức

Như Lai đã chứng đắc đạo quả chánh giác, lên trên cung trời, vì Thánh mẫu mà giảng nói pháp suốt ba tháng chưa trở lại. vua ấy nghĩ nhớ đức Như Lai nên muốn đồ họa tôn tượng Phật mới thỉnh cầu tôn giả Một Đặc Già La viện sức thần thông đưa người thợ lên cung trời thân gần trông xem diệu tướng đức Như Lai rồi khắc chạm bằng gỗ chiên đàn. Đến lúc đức Như Lai từ cung trời trở lại, tôn tượng khắc chạm ấy bèn đứng dậy nghinh đón đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn ủy an rằng: "Giáo hóa có nhọc mệt chăng? Khai dẫn cho chúng sinh ở đời mạt phát thật nhờ ở đây vậy!".

Từ tinh xá ấy về hướng đông cách hơn trăm bộ, là nơi có di tích của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành. Bên cạnh đó không xa có giếng và nhà tắm của đức Như Lai. Giếng nước vẫn còn sử dụng, phòng nhà tắm đã hư hoại.

Ở góc đông nam tại trong thành có nền móng còn lại của vườn nhà xưa cũ, tức vườn nhà cũ của Trưởng giả Cụ Sử La (xưa trước gọi là Cù Sư La, tức sai nhầm vậy). Bên trong đó có tinh xá của đức Phật ở, và ngôi Tốt-đổ-ba tôn thờ tóc và móng tay, lại có nền móng xưa cũ là phòng nhà tắm của đức Như Lai.

Từ thành về phía đông nam cách không xa có ngôi già lam xưa cũ, đó là khu vườn cũ của trưởng giả Cụ Sử La. Bên trong có ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 200 thước, do vua Vô Ưu tạo dựng, xưa kia đức Như Lai từng ở tại đó vài năm giảng nói pháp. Bên cạnh đó là nơi có dấu vết của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành. Lại có ngôi Tốt-đổ-ba tôn thờ tóc và móng tay của đức Như Lai. Từ ngôi già lam ấy về phía đông nam, ở trên trùng các có phòng nhà bằng gạch, xưa kia Bồ-tát Thế Thân thường ở trong đó soạn thuật luận Duy Thức để phá dẹp Tiểu thừa và cật nạn ngoại đạo.

Từ ngôi già lam ấy về phía đông, tại trong rừng Am Một La có nền móng phòng nhà xưa cũ, là nơi xưa trước Bồ-tát Vô Trước ở tại đó trước thuật luận "Hiển dương Thánh giáo".

Từ thành ấy về phía tây nam cách khoảng 8 - 9 dặm có hang đá của Rồng độc. Xưa kia đức Như Lai đến nhiếp phục Rồng độc và lưu lại hình ảnh ở trong đó, tuy là truyện ký nay không trông thấy. Bên cạnh đó có ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 200 thước do vua Vô Ưu tạo dựng, bên cạnh đó lại có dấu vết của đức Như Lai đi kinh hàng xưa trước và ngôi Tốt-đổ-ba tôn thờ tóc và móng tay đức Như Lai. Những người bệnh khổ đến đó cầu nguyện, phần nhiều được lành mạnh. Giáo pháp của đức Thích-ca Như Lai hủy diệt hết cả cuối cùng là tại nước đó, nên trên từ

các bậc quân vương dưới tới các hàng thứ dân bước vào cảnh vức nước đó tự nhiên cảm thương, không ai chẳng nuốt lệ buồn than mà trở về.

Từ hang đá rồng độc theo hướng đông bắc vào trong rừng lớn, đi hơn 700 dặm vượt qua sông Khắc Già, lại theo hướng bắc đến thành Ca Xa Bố La. Thành ấy chu vi rộng hơn 10 dặm, dân chúng sinh sống giàu có an vui. Bên cạnh thành có ngôi già lam xưa cũ, chỉ còn lại nền móng, là nơi xưa trước Bồ-tát Hộ Pháp nhiếp phục ngoại đạo. Tiên vương nước đó phù trì tà thuyết, muốn hủy diệt Phật pháp, sùng kính ngoại đạo. Trong chúng đông của ngoại đạo mời một vị luận sư thông mẫn cao đức, thấu đạt sâu mầu trước thuật tà thư có ngàn bài tụng gồm cả thảy 32000 lời, chẳng hủy phá Phật pháp phù trợ chánh bản Tông. Khi ấy nhóm tập các hàng tăng chúng, khiến cùng luận bàn phá bẻ. Các ngoại đạo có ưu thắng sẽ phá hủy Phật pháp. Chúng tăng không cậy vào đâu, hầu cắt lưỡi mà tạ tội. Khi ấy, chư tăng lo sợ có lui thẹn, cùng nhau nhóm tập bàn nghị rằng: “Tuệ nhật đã trầm lắng, cầu pháp sắp hủy diệt. Vua và bạn đảng ngoại đạo ấy, sao có thể địch nỗi ư? Sự thế đã như vầy, biết tỉnh ra làm sao?”. Cả chúng tăng đều im lặng không một ai dựng lập nghĩa. Bồ-tát Hộ Pháp tuổi còn bé nhỏ mà trí tuệ tài biện đa văn, phong thái khuôn phép rộng xa. Ở giữa đại chúng xướng lời tán rằng: “Tôi tuy ngu chẳng thông mẫn, nhưng xin trình bày sơ lược đó, thật nên đưa tôi nhanh ứng đáp với vương mạng. Cao luận được thắng đó là nhờ linh thần hộ giúp. Còn nêu bày nghĩa bàn nghị có rơi lạc thua kém ấy là tuổi nhỏ vậy. Nhưng mà tiến thối hẳn có ngôn từ, pháp tăng không xấu hỗ vậy”. Mọi người đều hòa đồng chấp thuận. Như sự trù tính ấy, sau đó liền ứng với vương mạng, bèn lên tòa luận. Các ngoại đạo mới nêu cử nhanh chóng giềng lưới, đè nén và xiển dương từ nghĩa, đọc tụng điều chấp của mình khiến kia luận nghị. Bồ-tát Hộ Pháp nghe nhận lời ấy rồi cười mà bảo rằng: “Tôi được thắng vậy, sắp ngược lại mà tụng ư? Làm loạn từ mà tụng ư?”. Các ngoại đạo tái người đi mà bảo rằng: “Ông không tự cao đó chứ? Nếu có khả năng lãnh hội hết ngôn từ đây là thắng vậy. Trước là thuận nhận theo văn ấy, sau giải thích về nghĩa đó”. Bồ-tát Hộ Pháp mới tùy theo thanh điệu đó mà thuật về văn nghĩa ấy. Từ lý không nhầm lẫn, khí vận không sai sót. Khi đó các ngoại đạo nghe xong muốn tự cắt lưỡi. Bồ-tát Hộ Pháp bảo rằng: “Cắt lưỡi chẳng phải tạ lỗi, cải đổi điều chấp mới là hối quá”. Và liền vì giảng pháp, các ngoại đạo tâm khởi niềm tin, ý sinh tỏ ngộ, vua ấy bèn bỏ tà đạo, tôn sùng chánh pháp.

Bên cạnh nơi Bồ-tát Hộ Pháp nhiếp phục ngoại đạo có một ngôi

Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng, nền móng tay đã sụp đổ mà còn cao hơn 200 thước. Xưa kia đức Như Lai từng ở tại đó sáu tháng giảng nói giáo pháp. Bên cạnh có dấu vết đức Phật kinh hành, và ngôi Tốt-đổ-ba tôn thờ tóc và móng tay. Từ đó theo hướng bắc đi khoảng 170 - 180 dặm đến nước Bính Sách Ca (thuộc Trung Ấn Độ).

6 - NƯỚC BÍNH SÁCH CA.

Nước Bính Sách Ca chu vi rộng hơn 4000 dặm. Đô thành lớn nước đó chu vi rộng 16 dặm. Lúa thóc tươi tốt, hoa quả lắm nhiều, khí hậu hòa sướng, phong tục thuần chất. Con người ham thích học hành không mỏi mệt, mong cầu phước đức chẳng xoay trở lại. Có hơn 20 ngôi già lam, chư tăng có hơn 3000 vị, đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có hơn 50 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo đông nhiều.

Bên tả đường đi ở phía nam của thành có một ngôi già lam lớn, xưa kia A-la-hán Đề Bà Thiết Ma ở tại đó tạo luận Thức Thân, giảng thuyết về Vô ngã, nhân. A-la-hán Cù Ba tạo luận Thánh giáo yếu thuật, giảng thuyết về Hữu ngã, nhân. Nhân pháp chấp ấy bèn tranh luận sâu. Lại là nơi Bồ-tát Hộ Pháp ở tại trong đó bảy ngày nhiếp phục 100 luận sư Tiểu thừa. Bên cạnh ngôi già lam ấy có ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 200 thước do vua Vô Ưu tạo dựng, là nơi xưa kia đức Như Lai ở tại đó sáu năm giảng pháp dẫn dắt giáo hóa. Bên cạnh nơi đức Phật giảng pháp có giống cây kỳ đặc cao khoảng 6 - 7 thước. Quanh năm chặt phá nhưng vẫn không tăng giảm. Vốn là xưa kia đức Như Lai nhấm hành nhành dương, để sót lại một cành, nhân đó đâm mọc rễ, phát triển cành nhánh tươi tốt mãi đến nay. Các người tà kiến và chúng ngoại đạo đua nhau đến chặt phá, nhưng sau đó sinh mọc lại như cũ. Bên cạnh đó không xa là nơi có dấu vết của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành. Lại có một ngôi Tốt-đổ-ba tôn thờ tóc và móng tay của đức Như Lai, nền móng linh thiêng nối liền góc cạnh, ao rừng soi ánh. Từ đó theo hướng tây bắc đi hơn 500 dặm, đến nước Thất La Phạt Tất Để (xưa trước gọi là nước Xá Xệ, tức sai nhầm, thuộc Trung Ấn Độ).

■

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỨC KÝ

QUYỂN 6

(Nói về 4 nước)

1. Nước Thất La Phạt Tất Để.
2. Nước Kiếp Tỷ La Phạt Tốt Đổ.
3. Nước Lam Ma.
4. Nước Câu Thi Yết La.

1 - NƯỚC THẤT LA PHẠT TẤT ĐỂ.

Nước Thất La Phạt Tất Để chu vi rộng hơn 6000 dặm. Đô thành đều đã hoang tàn, cương trường không còn giềng mối. Nền móng cung thành xưa cũ chu vi rộng hơn 20 dặm. Tuy lắm hoang tàn đổ nát, nhưng vẫn có người ở. Xứ ấy lúa thóc đầy đủ, khí hậu hòa sướng, phong tục thuần chất, con người ham thích phước thiện. Có khoảng vài trăm ngôi già lam, nhưng hư hoại đã lắm nhiều, chư tăng hiếm thiếu đều tập học theo chánh lượng bộ. Có trăm ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo rất đông nhiều. Thời gian đức Như Lai còn tại thế, đất nước đó do vua Bát La Tê Na Thị Đa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thắng Quân, xưa trước gọi là Ba-tư-nặc tức lược gọi sai nhầm vậy) trị vì, và Đô thành đóng tại đó, nên trong cung thành có nền móng cũ là dấu vết cung điện còn lại của vua Thắng Quân vậy. Tiếp về phía đông cách không xa có nền móng xưa cũ, phía trên có tạo lập ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ, là nơi xưa kia vua Thắng Quân vì đức Như Lai mà xây dựng Đại pháp đường.

Bên cạnh Đại pháp đường cách không xa có nền móng cũ, phía trên có ngôi Tốt-đổ-ba, đó là tinh xá của Bí Sô Ni Bát La Xà Bát Để (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Sinh Chủ, xưa trước gọi là Ba Xa Ba Đề, tức là sai nhầm vậy) - là di mẫu của đức Phật, do vua Thắng Quân tạo lập. Tiếp về hướng đông có ngôi Tốt-đổ-ba là nơi vườn nhà xưa cũ của Tô Đạt Đa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thiện Thí, xưa trước gọi là Tu Đạt, tức sai nhầm vậy).

Bên cạnh vườn nhà Trưởng giả Thiện Thí có ngôi Tốt-đổ-ba lớn,

là nơi Ương Lũ Lợi Ma La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Chỉ Man, xưa trước gọi là Ương Quật Ma, tức sai nhầm vậy). Xả bỏ tà kiến. Ương Lũ Lợi Ma La là người hung ác ở nước Thất La Phạt Tất Để, làm hại sinh linh, bạo hành nơi Quốc thành, giết người cắt lấy ngón tay xỏ đeo thành vòng quấn quanh trên đầu, sắp muốn giết hại mẹ mình để sung đủ số lượng đã ấn định. Khi đó đức Thế Tôn xót thương bèn dùng phương tiện để dẫn dắt nhiếp hóa. Từ xa trông thấy đức Thế Tôn, Ương Lũ Lợi Ma La trộm tự vui mừng mà bảo rằng: "Nay ta chắc hẳn được sinh lên cõi trời vậy! Lời dạy để lại của tiên sư chánh ở ngay đây, hại được Phật, giết được mẹ thì sẽ sinh lên cõi Phạm Thiên". Và bảo cùng người mẹ là: "Lão già ngày nay tạm ngưng, trước hết là phải hại Sa-môn kia đã". Khi ấy liền nắm trượng kiếm đến nghịch hại đức Thế Tôn. Đức Như Lai bước từ từ rút lui, Ương Lũ Lợi Ma La đeo mang vàng ngón tay rượt đuổi nhanh nhưng không kịp. Đức Thế Tôn bảo rằng: "Cớ sao giữ chí xấu xa như thế? Tự bỏ gốc thiện mà khơi nguồn ác". Khi ấy, Ương Lũ Lợi Ma La nghe lời dạy răn đó bèn tỏ ngộ việc làm của mình là sai trái. Nhân đó, liền quy mạng, cầu xin vào trong giáo pháp tinh tấn chuyên cần không biếng trễ, bèn chứng quả A-la-hán.

Từ thành về phía nam cách khoảng 5 - 6 dặm, có rừng Thệ Đa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thắng Lâm, xưa trước gọi là Kỳ Đà, tức sai nhầm vậy), là vườn Cấp Cô Độc. vua Thắng Quân cùng đại thần Thiện Thí vì đức Phật mà tạo lập tinh xá. Ngôi già lam xưa kia nay đã hoang phế. Hai phía tả hữu cửa phía đông, mỗi bên đều có dựng trụ đá cao hơn 70 thước. Trụ đá bên tả khắc chạm luân tướng ở đầu trụ. Trụ đá bên hữu khắc hình trâu ở phía trên, đều do vua Vô Ưu tạo dựng. Phòng nhà đều đã đổ nát chỉ còn lại nền móng cũ. Riêng có một phòng được xây bằng gạch vẫn nghiễm còn lại. Bên trong có tôn tượng đức Phật. Xưa kia, sau khi đức Như Lai lên cung trời Tam Thập Tam vì Thánh mẫu mà giảng pháp, vua Thắng Quân nghe vua Xuất Ái (Ổ Đà Diễn Na) khắc tạo tôn tượng đức Phật bằng gỗ chiên đàn, nên vua bèn tạo tôn tượng này. Còn trưởng giả Thiện Thí là người vừa nhân từ mà lại thông mẫn, tích chứa của cải mà hay phân tán, cứu giúp người nghèo khổ, xót thương kẻ cô đơn già yếu. Người thời bấy giờ ngợi khen đức hạnh ấy nên xưng gọi trưởng giả là Cấp Cô Độc. Trưởng giả Thiện Thí nghe về công đức của Phật, phát sinh tâm tôn kính sâu sắc, nguyện tạo dựng tinh xá, thỉnh mời đức Phật đến ở. Đức Thế Tôn bảo tôn giả Xá Lợi Tử theo cùng trưởng giả để trông xem và lường tính, chỉ có rừng Thệ Đa của thái tử là thế đất cao thoáng đáng nên tạo dựng tinh xá. Bèn

tìm đến chỗ thái tử, đem sự tình mà tỏ bày đầy đủ. Thái tử cười và bảo rằng: "Cứ đem vàng lót trải khắp đó, tôi mới bán". Trưởng giả Thiện Thí nghe thế trong tâm bỗng nhiên ưng thuận, liền ban xuất kho vàng, theo lời giao ước mà trải đất, vàng còn thiếu một ít chưa đủ khắp. Thái tử xin lưu lại, nói rằng: "Đức Phật là ruộng tốt, nếu gieo trồng giống lành". Và bèn ngay chỗ đất trống mà tạo dựng tinh xá. Đức Thế Tôn nhân đó mà bảo cùng tôn giả A-nan rằng: "Vườn đất là do Thiện Thí mua, còn cây rừng do Thệ Đa hiến cúng. Hai người ấy đồng tâm kính sùng công nghiệp. Từ nay trở đi nên gọi chốn đất này là rừng Thệ Đa vườn Cấp Cô Độc".

Từ vườn Cấp Cô Độc về phía đông bắc có ngôi Tốt-đổ-ba là nơi xưa kia đức Như Lai tắm rửa cho vị Bí Sô cảm mắc bệnh. Xưa kia, lúc đức Như Lai còn tại thế, có vị Bí Sô cảm mắc bệnh, ngậm chịu khổ, riêng ở một nơi. Đức Thế Tôn thấy vậy, hỏi rằng: "Ngươi có nỗi khổ gì? Cớ sao ngươi ở riêng?". Vị Bí Sô ấy đáp: "Tánh con biếng nhác, không chịu khó chăm sóc bệnh tật, nên nay cảm mắc bệnh không có người chăm nom". Khi ấy, đức Như Lai xót thương mà bảo rằng: "Này Thiện nam! Nay ta sẽ chăm sóc ngươi". Và liền đưa tay vỗ về, bệnh khổ đều tiêu tan. Đức Phật lại đở dìu ra ngoài cửa, thay đổi chăn màn, tự tay đức Phật giặt tẩy tắm rửa, thay đổi y phục mới sạch. Đức Phật lại an ủy vị Bí Sô ấy rằng: "Phải nên tự cố gắng siêng năng!". Vị Bí Sô ấy nghe lời dạy răn đó, nghĩ cảm ân đức, trong tâm vui mừng, thân bèn thư thái.

Từ vườn cấp cô độc về phía tây bắc có ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ, là nói tôn giả Một Đặc Già Tử vận dụng sức thần thông đất giải y của tôn giả Xá Lợi Tử mà không lay động. Xưa kia, khi đức Như Lai đến nơi ao Vô Nhiệt Não, các hàng người trời đều tụ hội, chỉ riêng tôn giả Xá Lợi Tử khi ấy chẳng nhóm tập. Đức Như Lai bảo tôn giả Một Đặc Già La sang mời đến nhóm hội. Tôn giả Một Đặc Già La vâng lời mà sang đó. khi ấy tôn giả Xá Lợi Tử đang vá Y hộ pháp. Tôn giả Một Đặc Già La bảo rằng: "Hiện nay đức Thế Tôn đang ở tại ao Vô Nhiệt Não, bảo tôi sang đây gọi mời nhân giả". Tôn giả Xá Lợi Tử nói là: "Tạm đợi chờ giây lát vá y xong, sẽ cùng nhân giả đồng đi". Tôn giả Một Đặc Già La bảo: "Nếu chẳng nhanh đi tức muốn tôi vận dụng sức thần thông nâng đưa nhân giả và cả thạch thất đến nơi đại hội". Tôn giả Xá Lợi Tử mới cởi giải y đặt để nơi đất mà nói là: "Nếu nâng cất được giải y này thì thân tôi hoặc có thể lay động". Khi ấy tôn giả Một Đặc Già La vận dụng sức đại thần thông nâng cất giải y nhưng không lay động, quả đất vì đó mà chấn động. Nhân đó bèn dùng sức thần túc trở về lại nơi chỗ đức Phật

thì thấy tôn giả Xá Lợi Tử đã ngồi trong pháp hội, Tôn giả Một Đặc Già La mới cúi đầu mà tán thán rằng: "Ngày nay tôi mới biết sức của thần thông, không bằng sức của trí tuệ vậy!".

Bên cạnh ngôi Tốt-đổ-ba nâng cất giải y ấy cách không xa có một cái giếng. Xưa kia đức Như Lai còn tại thế thường múc lấy sử dụng. Bên cạnh đó lại có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng. Bên trong có tôn thờ xá lợi đức Phật. Là nơi có dấu vết kinh hành và giảng nói pháp, đều có dựng biểu tán dương và tạo lập các ngôi Tốt-đổ-ba. Có các thần minh gìn giữ, điềm linh có lúc hiển hiện, hoặc tránh trổi nhạc trời, hoặc nghe có mùi hương thần. Điềm tốt lành của cảnh phước, khó thể nêu bày đầy đủ cả.

Phía sau ngôi già lam ấy cách không xa là nơi ngoại đạo phạm chí giết chết một dâm nữ để vua báng đức Phật. Đức Như Lai là bậc đầy đủ 10 lực vô úy, nhất thiết chủng trí, người đời đều kính ngưỡng, Thánh hiền thảy tuân vâng. Khi ấy các hàng ngoại đạo cùng nhau bàn nghị rằng: "Nên làm điều dối trá đến trong đại chúng để phỉ báng làm nhục". Mới dẫn dụ thuê mướn một dâm nữ giả dạng đi nghe giảng pháp. Trong đại chúng ai cũng biết mặt dâm nữ ấy rồi, các ngoại đạo mới kín giết dâm nữ đó, vùi chôn thi hài bên cạnh gốc cây, và kêu oán tấu trình lên vua. vua ban lệnh truy tìm, bèn đến trong vườn Thệ Đa tìm được thi hài dâm nữ đó. khi ấy các hàng ngoại đạo cao tiếng bảo rằng: "Đại Sa-môn Kiều Đáp Ma thường xưng là người hành trì giới nhẫn, mà nay tư thông với người nữ này rồi giết hại để bít miệng. Đã dâm, đã sát, thì đâu là giới? Đâu là nhẫn?". Khi đó từ trong hư không, các trời theo tiếng mà xướng rằng: "Hàng ngoại đạo, những người hung ác, hành động ấy là phỉ báng vậy".

Từ ngôi già lam ấy về phía đông cách hơn trăm bộ có một hầm hố sâu lớn, là nơi Đề Bà Đạt Đa muốn dùng thuốc độc để hại đức Phật, mà thân sống đời nay bị vùi lấp vào địa ngục. Đề Bà Đạt Đa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thiên Thọ) con của vua Hộ Phạm, trong 12 năm đầu đã tinh cần tụng trì tám vạn pháp tạng. Về sau vì lợi dưỡng nên cầu học thần thông, thân gần bạn xấu ác, cùng nhau bàn nghị rằng: "Ta có được 30 tương tốt, kém thua đức Phật không bao nhiêu, có đại chúng vây quanh ta đâu khác gì đức Như Lai". Nghĩ suy như thế rồi liền làm những việc phá hoại chúng tăng. Các tôn giả Xá Lợi Tử, Một Đặc Già La vâng phụng sự chỉ dạy và nương oai thần của đức Phật mà giảng pháp khuyên răn dẫn dụ, chúng tăng trở lại hòa hợp. Còn Đề Bà Đạt Đa vẫn không xả bỏ tâm xấu ác, bèn dùng thuốc độc trét trong móng

tay, muốn nhân lúc tác lễ mà làm tổn thương hại đức Phật, vừa bắt đầu thực hành mưu tính đó, từ xa mà đến đó, tự nhiên đất nức nẻ, thân Đề Bà Đạt Đa đang sống mà bị vùi lấp vào địa ngục. Từ đó về phía nam, có một hầm hố lớn, là nơi Bỉ Sô Cù Già Lợi hủy báng đức Như Lai mà thân đang sống bị vùi lấp vào địa ngục. Từ hầm hố vùi lấp Cù Ma Lợi về phía nam cách hơn 800 bộ, có một hầm sâu lớn, là nói Bà-la-môn nữ chiến già phỉ báng Như Lai mà sa đọa vào địa ngục. Đức Phật đang vì người trời giảng nói các pháp yếu, có một đệ tử của ngoại đạo xa thấy đức Thế Tôn có được đại chúng cung kính, bèn tự tư duy rằng: "Ngày nay, ta cần phải làm nhục Kiều Đáp Ma. Nếu kia thất bại thì tiếng tăm tốt lành ấy sẽ khiến thầy ta riêng một mình chiếm ưu thế, tiếng thơm lan tỏa. Bèn buộc bình bát bằng gỗ vào trước bụng đi đến trong vườn Cấp Cô Độc, vào giữa đại chúng cất tiếng lớn nói rằng: "Người đang giảng pháp đó cùng ta tư thông. Đứa con trong bụng ta đây là giòng giống của họ Thích vậy". Những người tà kiến không ai chẳng tin, nhưng những người trinh thuần kiên cố biết đó là hư dối để phỉ báng. Khi ấy, trời Đế Thích muốn dứt trừ điều nghi đó bèn hóa làm một con chuột trắng cắn đứt sợi dây buộc bình bát. Tiếng cắn dây đứt chấn động cả đại chúng, mọi người thấy nghe càng thêm vui mừng sâu xa. Trong chúng có một người đứng dậy nắm lấy bình bát gỗ chỉ cho người nữ đó mà bảo là: "Đây là con của ngươi ư?". Khi ấy tự nhiên đất nứt nẻ, toàn thân người nữ đó bị lấp vùi rơi thẳng vào địa ngục Vô Gián, nhận chịu đủ đầy sự ương lụy ấy. Cả ba hầm hố đó sâu hút không bờ đáy, mùa thu mùa hạ mưa dầm, các sông ngòi ao hồ nước dâng tràn mà ba hầm hố sâu ấy thường không có nước đọng.

Từ ngôi già lam ấy về phía đông cách khoảng 6 - 7 bộ, có một ngôi tinh xá cao 60 thước, bên trong có tôn tượng đức Phật, xoay mặt về hướng đông mà ngồi, là nơi xưa kia đức Như Lai ở tại đó cùng các ngoại đạo luận bàn nghĩa đạo. Tiếp về hướng đông lại có một ngôi đền thờ trời cao lớn cũng đồng như tinh xá ấy. Lúc sáng sớm mặt nhật ló dạng dần lên cao bóng hình của đền thờ trời không hiện che phủ ngôi tinh xá, nhưng khi mặt trời ngã dần về hướng tây, bóng hình tinh xá che phủ lên đền thờ trời.

Từ tinh xá che phủ bóng hình ấy về phía đông cách khoảng 3 - 4 dặm có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi tôn giả Xá Lợi Tử cùng các ngoại đạo luận nghị. Mới đầu, trưởng giả Thiện Thí mua được vườn của Thái tử Thệ Đa muốn vì đức Như Lai mà tạo dựng tinh xá. Khi ấy tôn giả Xá Lợi Tử cùng đi theo trưởng giả đến trông xem và tính lường. Các hàng

lục sư ngoại đạo đòi muốn đấu sức thần. Tôn giả Xá Lợi Tử bèn tùy sự mà nhiếp hóa, ứng vật mà điều phục. Bên cạnh đó, trước mặt ngôi tinh xá có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kia đức Như Lai ở tại đó bẻ gãy nhiếp phục các ngoại đạo, lại nhận sự thỉnh mời của Tỳ Xá Khư mẫu.

Từ nơi ngôi Tốt-đổ-ba đức Như Lai nhận sự thỉnh mời ấy, về phía nam, là nơi vua Tỳ Lô Thích-ca (xưa trước gọi là vua Tỳ Lưu Ly, tức sai nhầm vậy) dấy binh lính giết hại chúng tộc Thích-ca, vừa đến đó trông thấy đức Phật, bèn dẫn binh trở về. vua Tỳ Lô Thích-ca sau khi lên nối ngôi vị, nghĩ nhớ oán thù nhục nhã xưa trước, bèn dấy binh giáp đông nhiều, các bộ thực đã đủ đầy, bèn tự thân vua dẫn đầu chinh chiến. Bấy giờ có vị Bí Sô nghe vậy, đem trình bạch cùng đức Phật, khi ấy đức Thế Tôn đang ngồi dưới gốc cây khô. vua Tỳ Lô Thích-ca Xa thấy đức Thế Tôn, bèn xuống xa giá mà kính lễ xong rồi lui đứng mà thưa rằng: "Cớ sao nơi cây tươi tốt mà không ngoài mà không ngồi lại ngồi nơi gốc cây khô trơ trọi cành lá sắp bị nguy ách thì che chở nơi đâu?". vua Tỳ Lô Thích-ca nói rằng: "Đức Thế Tôn vì Tông Thân như thế, nên có thể xoay xa giá trở về". Khi ấy vua trông nhìn Thánh dung, cảm nghĩ trong lòng là lui binh quay trở về lại đất nước mình.

Bên cạnh nơi vua Tỳ Lô Thích-ca lui binh có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi các người nữ giòng họ Thích bị giết hại. Khi vua Tỳ Lô Thích-ca đánh diệt được giòng họ Thích ca thành công, bèn chọn 500 người nữ đưa vào trong cung các, các người nữ giòng họ Thích tức giận mở lời oán đối không vâng theo, mắng thẳng vua là người con của người trong vương gia. vua Tỳ Lô Thích-ca nghe thế tức giận, ban lệnh bảo giết chết. Người chấp hành công việc vâng theo mạng lệnh vua, chặt tháo tay chân ném xuống các hầm hố. Khi ấy các người nữ trong giòng họ Thích ngậm nuốt khổ độc kêu vang đến đức Phật. Đức Thế Tôn với mắt Thánh xét xem thấy cảnh khổ độc ấy, bèn bảo vị Bí Sô vén y mà sang vì các người nữ giòng họ Thích giảng nói các pháp vi diệu, chỉ cho thấy sự buộc ràng của năm món dục, lưu chuyển trong ba đường xấu ác, ân ái xa lìa. Sinh tử dài lâu. Khi ấy các người nữ giòng họ Thích nghe sự dạy răn của đức Phật bèn xa lìa trần cấu, chứng đắc pháp nhãn tịnh, đồng thời mạng chung đồng thác sinh lên cõi trời. Và bấy giờ, trời Đế Thích biến hóa làm vị Bà-la-môn thâu nhặt hài cốt ấy mà hỏa táng. Người đời sau ghi nên lại vậy.

Bên cạnh ngôi Tốt-đổ-ba giết hại các người nữ giòng họ Thích, cách không xa có một ao động lớn, là nơi vua Tỳ Lô Thích-ca bị vùi lấp thân mình vào chốn địa ngục. Đức Thế Tôn quán sát các người nữ

giòng họ Thích xong, trở về lại vườn Cấp Cô Độc, bảo cùng các vị Bí Sô là: "Bảy ngày sau, vua Tỳ Lô Thích-ca sẽ bị lửa thiêu hại". Vua Tỳ Lô Thích-ca nghe đức Phật dự ghi như thế trong lòng rất khiếp sợ kinh hoàng, mãi đến ngày thứ bảy vẫn còn được an lạc không nguy ách, vua mừng bảo các cung nữ cùng đến bên hồ ao ca nhạc vui chơi ăn uống, như đang còn sợ lửa nổi, bèn gõ mái chèo giữa dòng nước trong theo sóng gợn dấp dô, bỗng nhiên lửa dữ nổi đến thiêu đốt thuyền nhẹ, vùi lấp thân vua vào thẳng địa ngục Vô gián, nhận chịu đủ các thứ khổ.

Từ ngôi già lam ấy về phía tây bắc cách khoảng 3 - 4 dặm, đến rừng đắc nhãn, nói đó có dấu vết của đức Như Lai kinh hành, có nói các Thánh hiền tu tập thiền định, đều có dựng tạo Tốt-đổ-ba lập trụ ghi chép sự tích lại đầy đủ. Xưa kia tại nước đó có đoàn trộm cướp gồm 500 người, hoành hành khắp các thôn ấp, dẫn xéo đến quốc thành. vua Thắng Quân bắt được hết cả, bảo móc mắt và thả vào rừng sâu. Bọn giặc cướp khổ bức kêu cầu ai oán, tiếng vang đến đức Phật. Khi ấy đức Như Lai đang ở tại tinh xá Thệ Đa nghe tiếng buồn đau nên khởi tâm thương xót, giữa lúc gió mát trong lành hòa sướng thổi tiếng nhạc núi tuyết, thoảng khắp cùng mặt bọn giặc cướp ấy rồi, sau đó bỗng nhiên mắt được sáng lại, và thấy đức Thế Tôn đang đứng trước mặt mình, bọn giặc cướp ấy đều phát tâm Bồ-đề, vui mừng đảnh lễ, vất bỏ gậy mà đi, nhân đó mọc rễ vậy.

Từ thành lớn theo hướng tây bắc đi hơn 60 dặm có một thành xưa cũ, là nơi trong thời hiền kiếp lúc con người có được tuổi thọ ba vạn năm, đức Phật Ca Diếp Ba vốn sinh sống tại thành đó. Phía nam thành đó có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi lần đầu tiên gặp thấy vương phụ sau khi đức Phật thành đẳng chánh giác. Phía bắc thành ấy có ngôi Tốt-đổ-ba, bên trong có toàn thân xá lợi của đức Phật Ca Diếp Ba, đều do vua Vô Ưu tạo lập.

Từ đó theo hướng đông nam đi hơn 500 dặm đến nước Kiếp Tỷ La Phạt Tốt Đổ (xưa trước gọi là nước Ca Tỳ La Vệ, tức sai nhầm vậy, thuộc Trung Ấn Độ).

2 - NƯỚC KIẾP TỶ LA PHẠT TỐT ĐỔ.

Nước Kiếp Tỷ La Phạt Tốt Đổ chu vi rộng hơn 4000 dặm, có hàng chục cung thành đều đã hoang phế rất lắm. Vương thành đã đổ nát, nên chu vi khó lường biết rõ ràng, còn thành ở nội cung chu vi rộng khoảng 14 - 15 dặm, được xây đắp nhiều lớp gạch làm thành, nền móng cao vợi bền chắc. Vì hoang phế với thời gian lâu dài nên thôn xóm dân chúng

sinh sống hiếm ít thưa thớt. Không có Quân trưởng lớn, mỗi thành tự lập nên người chủ. Đất đai màu mỡ, lúa thóc gieo trồng theo thời vụ, khí hậu không khắc nghiệt, phong tục hòa sướng. Nền móng già lam xưa cũ có hơn ngàn ngôi, và bên cạnh cung thành có một ngôi già lam, chư tăng có hơin 30 vị tập học theo giáo pháp Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có hai ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo chung sống lẫn lộn.

Trong cung thành có nền móng xưa cũ, là chánh điện xưa cũ của vua Tịnh Phạn. Phía trên tạo lập một ngôi tinh xá, bên trong có tôn tượng vua Tịnh Phạn. Bên cạnh đó không xa có một nền móng xưa cũ là tẩm đường của phu nhân Ma-ha Ma Da (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Đại Thuật). Phía trên có xây dựng tinh xá, bên trong có tôn tượng hoàng hậu Ma-ha Ma Da. Bên cạnh đó có một ngôi tinh xá là nơi Bồ-tát Thích-ca giáng thần vào thai Thánh mẫu, bên trong có tạo tôn tượng Bồ-tát giáng thần. Theo thượng tọa bộ thì Bồ-tát Giáng thần vào thai Thánh mẫu trong đêm 30 tháng Ất Đát La Át Sa Trà; tương đương với ngày 15 tháng 5 tại Trung Hoa. Còn các bộ khác thì cho là Bồ-tát giáng thần vào thai Thánh mẫu đêm 30 tháng 02; tương đương với ngày mồng 08 tháng 05 ở Trung Hoa. Từ tinh xá nơi Bồ-tát Giáng Thần về phía đông bắc có một ngôi Tốt-đổ-ba là nơi tiên A Tư Đà đoán tướng Thái tử. Ngày Bồ-tát đản sinh, điềm lành vui mừng vang cùng. Khi ấy vua Tịnh Phạn mời các thầy tướng số đến mà bảo rằng: "Đứa con vừa mới sinh đây, tốt xấu như thế nào, nên lấy lời rõ ràng minh bach mà phân đáp". Các thầy tướng số đáp rằng: "Y cứ theo sự ghi chép của các bậc tiên Thánh, thì xét đây là điềm ứng tốt lành. Nếu thái tử ở tại gia sẽ làm chuyển luân Thánh vương, còn xả tục xuất gia thì sẽ thành đẳng chánh giác". Khi ấy tiên A Tư Đà từ xa mà đến, cúi đầu nơi cửa cầu xin được ra mắt. vua Tịnh Phạn rất vui mừng, tự thân ra nghinh tiếp lễ kính, mời đến ngồi tòa báu, mà thưa rằng: "Chẳng hay đại tiên ngày nay giáng lâm đoái hoài". Tiên A Tư Đà bảo rằng: "Tôi ở tại cung trời an cư tĩnh tọa, bỗng thấy các trời đua nhau nhảy múa, khi ấy tôi hỏi rằng: "Cớ sao vui mừng quá lắm vậy?". Các trời đáp: "Đại tiên nay nên biết trong thiện bộ châu, phu nhân thứ nhất của vua Tịnh Phạn vốn giòng họ Thích vừa mới sinh được vị Thái tử. Thái tử đó sẽ chứng đắc tam miệu tam Bồ-đề, viên minh nhất thiết trí". Tôi nghe nói vậy nên lại đây để chiêm ngưỡng. Có điều buồn tủi bởi tôi đã già nua không gặp được Thánh hóa!".

Tại cửa phía nam thành có ngôi Tốt-đổ-ba là nơi thái tử cùng các vị trong giòng họ Thích đấu sức ném voi. Thái tử là người có được

kỹ nghệ đa năng riêng nổi bật không ai bằng. vua Tịnh Phạn rất mến thương. Lúc sắp trở về, kẻ phu bộc đánh voi ngựa sắp ra thành. Đề Bà Đạt Đa vốn là người tự phụ sức mạnh, từ bên ngoài đi vào, hỏi người đánh voi đi rằng: "Nghiêm giá voi này, để ai là người muốn cưỡi vậy?". Người phu bộc ấy đáp: "Thái tử sắp trở về nên đưa sang để thái tử cưỡi". Đề Bà Đạt Đa nổi cơn tức giận, dẫn lấy voi vã vào đầu trán voi, đá vào ức voi, khiến voi ngã té bít lấp đường tắt nghẽn lối đi không thể di dời, mọi người đông nghẹt. Khi ấy Nan Đà từ sau đi đến mà hỏi rằng: "Ai giết voi ấy vậy?". Mọi người đáp: "Đề Bà Đạt Đa giết". Nan Đà liền kéo voi tránh khỏi đường đi. Sau đó, thái tử đến đó lại hỏi rằng: "Kẻ nào làm điều bất thiện giết hại voi này vậy?". Mọi người đáp: "Đề Bà Đạt Đa giết hại làm bít lấp đường đi, Nan Đà kéo đưa sang đó để mở lối". Thái tử mới dất nâng xác voi lên cao ném vượt qua khỏi vách tường thành, xác voi ấy rơi xuống nơi đất làm thành một hầm hố sâu rộng. Các hàng sĩ tục tương truyền gọi đó là hầm hố voi rơi. Bên cạnh đó trong ngôi tinh xá có tạo tôn tượng của thái tử. Bên cạnh đó lại có ngôi tịnh xá là nơi tẩm cung của thái tử và hậu phi, bên trong có tạo tôn tượng của cung chúa Da Thâu Đà La và La Hổ La. Bên cạnh tẩm cung ấy có ngôi tinh xá, tạo hình tượng thọ học, đó là nền móng phòng nhà xưa cũ nơi thái tử thọ học vậy.

Từ thành về góc đông nam có một ngôi tinh xá, bên trong có tạo hình tượng thái tử cưỡi con ngựa trắng lướt giữa hư không, là nơi thái tử vượt thành xuất gia vậy. Ngoài bốn cửa thành mỗi mỗi đều có các ngôi tinh xá, bên trong có các hình tượng người già, người bệnh, người chết và vị Sa-môn. Là các nơi thái tử vân đức Phật trong xem thấy các tướng, càng thêm nghĩ nhớ, rất nhàm chán trần tục, từ đó mà cảm ngộ, bèn bảo kẻ phu bộc xoay giá trở về.

Từ thành về phía nam đi hơn 50 dặm đến một thành xưa cũ, là nơi trong thời hiền kiếp thủa con người có tuổi thọ sáu vạn năm, đức Phật Ca La Ca Thôn Đà vốn sinh sống tại đó. từ thành về phía nam cách không xa, có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi sau khi đã thành đẳng chánh giác, đức Phật gặp thấy phụ thân. Từ thành về phía đông nam có một ngôi Tốt-đổ-ba có xá lợi di thân của đức Phật ấy. Phía trước có dựng trụ đá cao hơn 30 thước, phía trên khắc hình tượng sư tử, bên cạnh khắc ghi về sự tịch diệt, do vua Vô Ưu tạo lập.

Từ thành của đức Phật Ca La Ca Thôn Đà về phía đông bắc đi hơn 30 dặm đến một thành lớn xưa cũ, bên trong có một ngôi Tốt-đổ-ba là nơi trong thời hiền kiếp của thủa con người có được tuổi thọ bốn vạn

năm, đức Phật Ca Mặc Ca Mâu Ni vốn sinh sống tại đó. Từ đó về phía đông bắc cách không xa có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi sau khi đã thành chánh giác, đức Phật hóa độ phụ thân. Tiếp về phía bắc có một ngôi Tốt-đổ-ba, bên trong có xá lợi di thân của đức Như Lai ấy. Phía trước thọ dựng một trụ đá cao hơn 20 thước, bên cạnh khắc ghi về sự tịch diệt, do vua Vô Ưu tạo lập.

Từ thành về phía đông bắc cách hơn 40 dặm, có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi thái tử ngồi dưới bóng cây trông xem cày ruộng. Tại đó, thái tử tập hành thiền định mà được lìa dục. vua Tịnh Phạn trông thấy thái tử ngồi nhập định dưới bóng cây, ánh sáng mặt nhật xoay chiếu mà bóng cây không di dời. Tâm vua biết đó là linh Thánh, càng thêm tôn kính.

Từ thành lớn về phía bắc, có vài trăm ngàn ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi chủng tộc giòng họ Thích bị giết chết. Vua Tỳ Lô Thích-ca đã giết chết mọi người trong dòng họ Thích, trái ngược tộc loại có cả thảy 9990 vạn người bị giết, thây chất như cỏ rạ, máu đổ thành ao, trời kinh sợ lòng người bèn thâu gom hài cốt mà an táng.

Từ nơi chủng tộc giòng họ Thích bị giết hại về phía tây nam có bốn ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ, là nơi có bốn người trong giòng họ Thích chống lại quân địch. Mới đầu vua Thắng Quân lên ngôi kế vị, đến giòng họ Thích để cầu hôn. Trong giòng họ Thích khinh chê cho vua Thắng Quân là hàng phi loại, bèn dối đem tớ gái trong nhà làm lễ trọng gã cho vua. Vua Thắng Quân bèn lập làm chánh hậu. Về sau sinh được một người con, đó là vua Tỳ Lô Thích-ca. Thủa nhỏ Tỳ Lô Thích-ca muốn sang nhà người cậu để thỉnh cầu điều lợi ích mà thọ học. Vừa đến nơi phía nam thành ấy, thấy một giảng đường mới tạo dựng, bèn vào bên trong dừng nghỉ. Những người trong giòng họ Thích nghe thấy vậy bèn xua đuổi mà mắng rằng: "Con của hạng thấp hèn tôi tớ mà dám vào ở trong nhà này ư? Các người trong giòng họ Thích xây dựng ngôi nhà này, phỏng nghĩ làm để đức Phật ở nghỉ vậy". Sau khi đã lên ngôi kế vị vua Tỳ Lô Thích-ca nghĩ nhớ lại điều bị nhục xưa trước bèn dấy binh giáp đến đó đóng quân. Trong giòng họ Thích khi ấy có bốn người đang canh cày ruộng, bèn liền chống cự, quân lính lui tan. Sau khi đã vào trong thành, mọi người trong giòng tộc đều lấy đó làm những người con nối dõi tốt lành kế thừa ngôi vị quân vương làm tông tử (con chánh) của pháp vương. Vua Tỳ Lô Thích-ca dâm hành hung bạo, nhẫn chịu giết hại làm ô nhục tông môn, tuyệt dứt thân gần xa xôi phóng thả. Bốn người ấy bị đuổi, theo hướng bắc đến núi tuyết. Một người làm vua nước Ô Trượng Na, một người làm vua nước Phạm Diễn Na, một người làm

vua nước Hý Ma Đát La và một người làm vua nước Thương Di Ca, rựa rỡ ở đời lưu truyền sự nghiệp con cháu không dứt tuyệt.

Từ thành về phía nam, cách khoảng 3 - 4 dặm đến trong rừng cây Ni Câu Luật, có một ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng, là nơi đức Thích-ca Như Lai sau khi thành đẳng chánh giác, trở về lại đất nước mình gặp thấy phụ vương mà giảng nói pháp. Vua Tịnh Phạn biết đức Như Lai hàng phục ma quân rồi du hành giáo hóa, nỗi lòng càng thêm khát ngưỡng, nghĩ muốn được lễ kính, mới sai kẻ sứ đến trình bạch đức Như Lai rằng: "Xưa trước có ước hẹn sau khi thành Phật sẽ trở về nơi quê nhà. Lời nói ấy nay đã đến lúc nên trở về vậy". Kẻ sứ đến nơi đức Phật trình bày đầy đủ về ý của cha. Đức Như Lai bảo rằng: "Bảy ngày sau, ta sẽ trở về quê cũ". Kẻ sứ trở về tâu trình lại cùng vua như vậy. Vua Tịnh Phạn mới ban lệnh tất cả thần dân lo quét tước đường sá, chuẩn bị hương hoa. Vua cùng quan thần ra ngoài biên giới cách 40 dặm, xuống giá đứng đợi nghinh đón. Khi ấy, đức Như Lai cùng đại chúng đồng đi đến, có tám vị thần bảo hộ chung quanh, bốn vị thiên vương dẫn đường đi trước. Trời Đế Thích cùng các trời cõi dục theo hầu bên tả, trời Phạm Vương cùng các trời cõi sắc theo hầu bên hữu. Các Bí Sô tăng sắp hàng thứ lớp theo sau. Chỉ đức Như Lai tại giữa đại chúng, như vầng nguyệt soi sáng ánh sao, oai thần rung động cả ba cõi, ánh sáng vượt hơn hẳn thất diệu, bước giữa hư không mà đến đất nước quê nhà. Vua Tịnh Phạn và các quan thần cùng theo lễ kính xong đều trở về lại nước mình (Kiếp Tỷ La Phạt Tốt Đồ), dừng nghỉ tại ngôi Tăng-già lam Ni Câu Lô Đà. Bên cạnh đó không xa có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi đức Như Lai đến dưới gốc cây lớn xoay mặt về hướng đông mà ngồi, nhận áo ca sa dệt bằng vàng ròng của Di Mẫu. Tiếp theo đó lại có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi đức Như Lai độ tám vị vương tử và 500 người trong giòng họ Thích.

Tại bên tả đường đi bên trong cửa phía đông thành, có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kia thái tử Nhất Thiết Nghĩa Thành ở tại đó tập học các thứ kỹ nghệ. Tại phía ngoài cửa có đền thờ Tự Tại Thiên. Trong đền thờ đó có tôn tượng trời bằng đá thế nỗi cao vợi, là nơi lúc thái tử còn ẵm trong tả lót đưa vào đền thờ. vua Tịnh Phạn từ vườn Lạp Phạt Ni đến nghinh đón thái tử trở về, trên đường đến nơi đền thờ trời, vua bảo: "Đền thờ trời này có nhiều linh thiêng soi xét, các trẻ nhỏ trong giòng họ Thích đến cầu nguyện xin thần hộ giúp hẳn có linh nghiệm, nên đưa thái tử vào đó để tu kính". Khi ấy người mẹ đỡ giúp ẵm thái tử vào đền, tôn tượng bằng đá đó đứng dậy nghinh đón thái tử. Sau khi ẵm thái tử ra khỏi rồi, tôn tượng trời ấy ngồi trở lại như cũ.

Bên tả đường đi ngoài cửa phía nam thành có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi thái tử cùng các người trong giòng họ Thích thi đấu tài nghệ bắn trống sắt. Từ đó theo hướng đông nam đi hơn 30 dặm có một ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ. Bên cạnh đó có dòng suối, nước suối lắng trong như kiếng soi, là nơi thái tử và các người trong giòng họ Thích nâng cung thử tài năng, cung tên đã bắn ra xuyên qua mặt trống rồi đến đất lút mất xuống, nhân đó nước suối tuôn vọt thành dòng chảy trong sạch. Tập tục bấy giờ tương truyền gọi đó là suối mũi tên. Những người mắc phải bệnh tật đến tắm uống phần nhiều đều được lành mạnh. Người ở phương xa đến mang đất bùn tại suối đó trở về, tùy sự khổ độc mà bôi thoa vào trán, nhờ thần linh thầm gia hộ phần nhiều đều được lành mạnh.

Từ dòng suối mũi tên theo hướng đông bắc đi khoảng 80 - 90 dặm đến rừng Lạp Phạt Ni, có một ao tắm của các người dòng họ Thích, lắng trong ánh ngời như gương soi. Các thứ ho tạp sinh mọc lan tràn. Từ đó về phía bắc cách khoảng 24 - 25 bộ, có cây hoa Vô Ưu, nay đã khô rụi, là nơi Bồ-tát đản sinh. Bồ-tát đản sinh sau nữa ngày mồng 8 tháng Phệ xá khư; tương đương với ngày mồng 8 tháng 3 tại Trung Hoa. Từ đó tiếp về hướng đông có một ngôi Tốt-đổ-ba do Vô Ưu tạo lập, là nơi hai con Rồng tắm gội thân Thái tử. Khi Bồ-tát vừa đản sinh xong, không người nâng đỡ mà từ đi khắp bốn phía, mỗi phương ắt đi bảy bước, và tự nói rằng: “Thiên Thượng Thiên Hạ duy ngã độc tôn, kim phần nhi vãng, sinh phần dĩ tận”, (trên trời dưới trời, chỉ có ta là cao quý hơn cả, từ nay trở đi không còn tái sinh). Tùy chân dẫm bước đều có hóa hiện hoa sen lớn nâng đỡ bước chân. Có hai con rồng nhảy vọt lên trú giữa hư không và mỗi tự phun nước, một con phun dòng nước lạnh, một con phun dòng nước móng âm tắm thân thái tử.

Từ ngôi Tốt-đổ-ba ấy về phía đông có hai dòng suối trong mát, có hai ngôi Tốt-đổ-ba là nơi hai con rồng từ đất vọt lên. Sau khi Bồ-tát đã đản sinh, mọi người trong chi thuộc tông thân giòng họ Thích đua nhau kiếm tìm nước để tắm gội thân thái tử. Trước mặt các người trời có hai dòng suối bỗng nhiên xuất hiện tuông trào, một dòng mát lạnh và một dòng ấm nóng, bèn lấy đó là tắm gội. Từ đó về phía nam có một ngôi Tốt-đổ-ba là nơi trời Đế Thích nâng tiếp Bồ-tát. Bồ-tát vừa mới ra khỏi bào thai, trời Đế Thích dùng y Diệu Thiên quỳ tiếp nâng Bồ-tát. Tiếp đó lại có bốn ngôi Tốt-đổ-ba là nơi bốn Thiên Vương ẩm giữ nâng Bồ-tát. Khi Bồ-tát từ hông phía hữu của Thánh mẫu sinh ra, bốn vị thiên vương dùng y Bông tơ sắc màu vàng rồng bồng nâng Bồ-tát đặt trên ghế vàng, và đưa đến trước Thánh mẫu mà nói rằng: “Phu nhân hạ sinh

người con phước này thật rất đáng vui mừng. Các trời còn mừng vui huống hồ người đời ư?”.

Bên cạnh các ngôi Tốt-đổ-ba, bốn vị thiên vương ẩm nâng thái tử, cách không xa có một trụ đá lớn, phía trên làm hình tượng con ngựa, do vua Vô Ưu tạo dựng. Về sau bị Rồng độc dữ nổi sấm sét đánh giữa trụ đổ ngã nơi đất. Bên cạnh đó có dòng sông nhỏ xuôi dòng đổ về phía đông nam. Các hàng sĩ tục gọi đó là dòng sông Dầu, là nơi phu nhân Ma Da sau khi sinh hạ thái tử rồi, trời hóa hiện dòng sông sáng nhuận lắng sạch muốn khiến phu nhân lấy để tắm gội tẩy sạch bụi trần. Nay biến thành dòng sông, nước dòng sông ấy còn trơn nhuần.

Từ đó theo hướng đông, đi trong đồng trống rừng hoang vượt qua hơn 200 dặm đến nước Lam Ma (thuộc Trung Ấn Độ).

3 - NƯỚC LAM MA.

Nước Lam Ma hoang phế đã lâu năm nên cương trường không còn giềng mối, nơi thành ấp gò đồi dân chúng sinh sống hiếm ít hoang sơ. Từ thành cũ về phía đông nam có một ngôi Tốt-đổ-ba bằng gạch cao gần trăm thước. Xưa kia, sau khi đức Như Lai đã nhập Niết bàn, tiên vương nước đó được chia một phần xá lợi, mang về nước nhà, kính tuân tạo lập mà phụng thờ, những điềm linh dị có lúc hiện khởi, ánh sáng thuần có khi tỏa chiếu.

Bên cạnh ngôi Tốt-đổ-ba đó có một ao nước trong mát, có Rồng thường luôn vào ra biến hiện hình thân rắn nằm, hoặc theo phía hữu chuyển nhiễu quanh ngôi Tốt-đổ-ba. Voi hoang từng đàn hái nhắc hoa trái đến tung rãi, do sức thần minh cảnh vệ giám sát, từ lúc mới đầu không lúc trầm lắng. Xưa trước khi vua Vô Ưu phân chia xá lợi của đức Phật để tạo dựng các ngôi Tốt-đổ-ba, thì các ngôi Tốt-đổ-ba ở bảy nước kia đều đã khai quật. Khi đến nước đó (Lam Ma) vừa muốn dấy công khai quật, thì rồng từ ao đó kinh sợ bị lấn lướt chiếm đoạt mới biến hình hóa làm vị Bà-la-môn đến cúi đầu trước voi của vua Vô Ưu mà thưa rằng: “Đại vương lưu tình chuyên ý với Phật pháp, rộng gieoo trồng ruộng phước, xin mời dừng giá quan lâm vườn nhà của tôi giây lát”. Vua Vô Ưu hỏi: “Nhà ngươi tại đâu, cách đây xa gần?”. Vị Bà-la-môn ấy đáp: “Tôi là vua rồng ở trong ao đây. Nhân vì đại vương muốn tạo lập thắng phước nên đến đây bái yết thỉnh mời”. Vua Vô Ưu nhận lời thỉnh mời đó, bèn cùng vào cung Rồng. Ngồi chừng giây lát, rồng xuất hiện ra thưa rằng: “Chỉ bởi tạo nghiệp xấu ác nên tôi phải nhận chịu làm thân rồng này. Tôi nguyện cúng dường xá lợi mong cầu tiêu trừ tội

quá. Xin vua cùng sang trông xem mà lễ kính". Vua Vô Ưu trông thấy rồi, kinh hãi mà nói rằng: "Phàm các thứ cúng dường chẳng phải nơi nhân gian có được". Rồng liền bảo: "Nếu vậy thì xin Đại vương không nên phá hủy ngôi Tốt-đổ-ba này". Vua Vô Ưu tự lường sức mình chẳng thể ngang bằng đó, bèn không khai quật mà ra khỏi nơi ao. Hiện nay còn có trụ dựng ghi chép nêu bày.

Bên cạnh ngôi Tốt-đổ-ba cách đó không xa có một ngôi già lam, chư tăng hiếm ít, nhưng thanh tịnh chỉnh túc đoan nghiêm. Và dùng vị sa di trông coi đảm nhận tất cả mọi việc của chúng tăng. Chư tăng từ phương xa đến thì lễ tiếp đón đãi nồng hậu hẳn lưu giữ lại ba ngày cúng dường tứ sự. Nghe các bậc lão thành nói rằng: "Xưa kia có một vị Bí Sô đồng bạn cùng thỉnh mời, từ xứ xa đến đảnh lễ ngôi Tốt-đổ-ba, thấy đàn voi cùng nhau rão chạy qua, hoặc là ngà ủi cỏ, hoặc dùng vòi rưới nước, mỗi tự cùng mang hoa trái khác lạ đến cúng dường. Khi ấy các vị tăng thấy vậy buồn than cảm hoài, có một vị Bí Sô bèn xả giới cụ túc, phát nguyện ở lại lo việc cúng dường,c ùng chúng tăng mà từ tạ rằng: "Tôi chỉ lo nhiều phước nên lạm vết trong chúng tăng năm tháng lâu dài mà hạnh nghiệp không bao nhiêu. Nay tại ngôi Tốt-đổ-ba này có xá lợi của đức Phật, Thánh đức ngầm thông, nên đàn voi dẫm đạp tước rưới. Tôi nguyện đem tấm thân này ở lại đây cùng làm đồng bạn, trọn hết năm tháng còn lại lại may mắn lắm vậy!". Chúng tăng đều bảo: "Ấy, thật việc lớn vậy! Chúng tôi bởi dơ bẩn nặng nề, trí hiểu biết không mưu tính được như thế". Vị ấy bèn tùy thời tự mừng vui không khuyết khiếm thắng nghiệp, cũng đã lìa khỏi chúng đông càng tỏ bày chí nguyện khẩn thành, hoan hỷ riêng ở có chí đến trọn đời vậy. Từ đó cắt nhặt cỏ tranh làm nhà, dẫn khơi dòng nước thành ao hồ, hái nhặt hoa theo mùa, quét tước sạch sẽ quanh vùng, trải qua năm tháng dài lâu mà tâm chí và mọi việc không biếng trễ. Những vị vua ở các nước láng giềng nghe thế mà nhã chuộng đua nhau xả thí của cải vật báu cùng chung tạo dựng ngôi già lam. Nhân đó thỉnh mời vị ấy trông coi tổng quát mọi việc của chúng tăng. Từ đó lần lượt nối bước theo nhau không để mất công khó mới đầu, và nhân vậy nên lấy vị sa di trông coi tất cả công việc của tăng.

Từ ngôi già lam do sa di trông coi việc tăng ấy theo hướng đông vào trong rừng lớn đi hơn trăm dặm, đến một ngôi Tốt-đổ-ba lớn do vua Vô Ưu tạo dựng, là nơi thái tử vượt thành đến đó, cởi bỏ áo báu chuỗi châu anh lạc bảo kẻ tớ hầu mang về lại. Vào nữa đêm thái tử vượt thành, mãi đến gần sáng thì tới đó, đã thỏa xứng với tâm ý xưa trước,

mới nhìn lại hình hài mà bảo rằng: “Vậy là ta đã ra khỏi phên lồng giam hảm, vượt thoát sông xích trói buộc. Đây là nơi mở giá cuối cùng vậy”. Và tự mở ngọc báu Mạt Ni từ trong Thiên quan, trao cho kẻ tôi tớ mà bảo rằng: “Ngươi mang vật báu này trở về tâu với phụ vương: từ nay ta trốn đi xa, chớ nhọc cản trái sự xa lìa, ta muốn dứt đoạn vô thường, tuyệt hẳn các Hữu lậu!”. Xiển Đạt La (xưa trước gọi là Xa Nặc, tức sai nhầm vậy) nói: “Há có tâm nguyện gì, không giá mà trở về?”. Thái tử phải khéo dùng lời ủy an vỗ về dẫn dụ. Xiển Đạt Ca cảm ngộ mà trở về.

Từ ngôi Tốt-đổ-ba xoay giá ấy về phía đông có cây Thiện bộ, cành lá tuy đã điêu tàn khô rụi nhưng gốc vẫn hiện còn. Bên cạnh đó lại có một ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ, là nơi thái tử đem y báu còn lại đổi lấy chiếc áo da nai. Thái tử đã cắt tóc đổi xiêm y, tuy bỏ hết chuỗi châu anh lạc mà vẫn còn có thiên y, bèn tự nói rằng: “Y phục này rất xa xỉ, làm sao cải đổi đây?”. Khi ấy trời Tịnh Cư biến hóa thân hình làm người thợ săn, mặc áo da nai, mang cung tên đội lông. Thái tử bèn dâng áo mình đang mặc mà nói rằng: “Tôi muốn cùng trao đổi, xin được chấp thuận”. Người thợ săn bảo: “Tốt thay!”. Thái tử bèn cởi áo đang mặc trên thân trao cho người thợ săn. Người thợ săn được áo rồi hiện lại thân hình trời nắm giữ áo ấy, vọt giữa hư không mà đi.

Bên cạnh thái tử đổi áo cách không xa có một ngôi Tốt-đổ-ba, do vua Vô Ưu tạo lập, là nơi thái tử cắt tóc. Thái tử nắm lấy dao từ Xiển Đạt Ca trao cho mà tự cắt bỏ tóc mình, trời Đế Thích tiếp nhận lấy đưa về cung trời để cúng dường. Khi ấy con trời Tịnh Cư hóa hiện làm người thợ cắt tóc, nắm dao sắc bén từ từ bước đi. Thái tử bảo rằng: “Ông có thể cắt tóc được ư? Mong hãy vì ta mà cắt cạo sạch giúp”. Người ấy nhận lời bèn vì cạo tóc cho thái tử.

Về thời gian thái tử xuất gia cũng không nhất định. Có thuyết nói là Bồ-tát xuất gia lúc 19 tuổi. Có thuyết nói là lúc 29 tuổi. Và có thuyết nói là xuất gia sau nửa ngày mồng tám tháng Phệ Xá Khư; tức tương đương ngày mồng 8 tháng 3 ở Trung Hoa. Có thuyết nói là xuất gia sau nửa ngày 15 tháng Phệ Xá Khư; tức tương đương ngày 15 tháng 3 ở Trung Hoa.

Từ ngôi Tốt-đổ-ba nơi thái tử cắt tóc theo hướng đông nam đi trong đồng trống qua khoảng 180 - 190 dặm, đến rừng Ni Câu Lô Đà, có ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 300 thước. Xưa kia sau khi đức Như Lai nhập niết bàn, xá lợi đã phân chia, các Bà-la-môn không có được phần, bèn đến nơi Niết Điệp Ban Na (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Phần Thiêu, xưa trước gọi là Xà Duy, tức sai nhầm vậy) gom thâu tro than

mang về nước nhà tạo dựng nền móng linh thiêng ấy mà thiết tu cúng dường. Từ đó trở lại giáng hiện các điềm tích kỳ đặc. Những người mắc phải bệnh tật đến cầu thỉnh, phần nhiều đều được lành mạnh.

Bên cạnh ngôi Tốt-đổ-ba thờ tro than ấy, trong ngôi già lam xưa cũ là nơi có dấu tích của bốn đức Phật thời quá khư tọa thiền và kinh hành.

Hai bên ngôi già lam xưa cũ ấy có vài trăm ngôi Tốt-đổ-ba, trong đó có một ngôi lớn, do vua Vô Ưu tạo lập, nền móng tuy đã sụp đổ, nhưng còn cao hơn trăm thước. Từ đó theo hướng đông bắc, băng trong rừng lớn, đường đi gian nguy hiểm trở có đủ thứ trâu núi voi hoang từng đàn, trộm cướp từng đoàn dò xét tìm kiếm người đi đường làm hại không nhỏ. Qua khỏi rừng ấy rồi đến nước Câu Thi Na Yết La (thuộc Trung Ấn Độ).

4 - NƯỚC CÂU THI NA YẾT LA.

Nước Câu Thi Na Yết La thành quách đã hủy hoại, thôn ấp tiêu điều. Nền móng bằng gạch thành xưa cũ, chu vi rộng hơn 10 dặm, dân chúng sinh sống hiếm ít thưa thớt, cổng đường hoang vắng. Tại góc đông bắc phía trong thành có một ngôi Tốt-đổ-ba di vua Vô Ưu tạo dựng, là nơi vườn nhà xưa cũ của Chuẩn Đà (trước kia gọi là Thuần Đá tức sai nhầm vậy). Trong vườn ấy có cái giếng. Khi Chuẩn Đà sắp hiến cúng đức Phật và chúng tăng mới khởi công đục, năm tháng trải qua tuy đã lâu xa mà nước vẫn trong sạch mát ngọt.

Từ thành về phía tây bắc cách khoảng 3 - 4 dặm, vượt qua sông A Thị Đa Phạt Để (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Vô Thắng, người đời nay cùng xưng gọi vậy, xưa trước gọi là sông A Lợi La Bạt Đề, tức là sai nhầm vậy. Theo điển ngôn gọi đó là sông Y Lại Noa Phạt Để, dịch nghĩa là sông Hữu Kim Sa), cách bờ phía tây không xa đến rừng sa la, loại cây ấy tợ như cây học mà vỏ da xanh trắng, lá rất sáng nhuần. Có bốn cây đặc biệt cao lớn đó là nơi đức Phật nhập niết bàn. Tại đó, trong ngôi tinh xá lớn xây dựng bằng gạch có tạo một tôn tượng đức Như Lai nhập niết bàn, gối đầu về hướng bắc mà nằm. Bên cạnh có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo lập, nền móng tuy đã đổ nát nhưng còn cao hơn 200 thước, phía trước có dựng một trụ đá để khắc ghi về sự kiện đức Như Lai nhập niết bàn. Tuy có văn ghi mà chẳng viết tháng ngày. Nghe các bậc lão thành nói là đức Như Lai đến năm 80 tuổi, nhập niết bàn vào sau nửa ngày 15 tháng Phệ Xá Khư, tức tương đương ngày 15 tháng 03 tại Trung Hoa. Theo thuyết nhất thiết hữu bộ thì cho là đức

Phật nhập niết bàn sau nửa ngày mồng 8 tháng Ca Thí Để Ca; tức tương đương ngày mồng 8 tháng 9 tại Trung Hoa. Từ sau khi đức Phật nhập niết bàn, các bộ phái có những quan điểm bàn nghị khác nhau. Có bộ phái có những quan điểm bàn nghị kác nhau. Có bộ phái cho là đức Phật nhập niết bàn đã hơn 1200 năm. Có bộ phái cho là qua hơn 900 năm chưa đầy 1000 năm.

Bên cạnh tinh xá cách đó không xa có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi ở thời đức Như Lai tu hạnh Bồ-tát làm vua đàm chim trĩ mà cứu lửa. Xưa kia tại xứ đó là một khu rừng lớn cây cối tươi tốt, là nơi các loài chim muốn nhóm tụ làm hang ổ sinh sống, bỗng nhiên có gió dữ từ bốn phía nỗi dậy, đồng một lúc lửa dữ vụt bay tới, khi ấy có một con chim trĩ có tấm lòng xót thương, cổ động lặn hụp thân mình xuống dòng nước trong rồi bay lên giữa hư không rũ cánh tung rãy nước. Bấy giờ, trời Đế Thích cúi xuống mà bảo rằng: "Sao ngươi đem sự ngu dốt nhọc bức lông cánh vậy? Lửa lớn mới nỗi dậy thiêu đốt rừng hoang, đâu thể dùng tấm thân nhỏ bé của ngươi mà có thể dập tắt được?". Chim trĩ hỏi rằng: "Người nói ấy là ai vậy?". Có tiếng đáp rằng: "Ta là trời Đế Thích". Chim trĩ nói: "Nay trời Đế Thích có phước lực lớn, không điều ước muốn gì mà không toại nguyện, cứu tai giúp nạn như chỉ trong lòng bàn tay, trái lại mà gặn hỏi không công, lỗi ấy thế nào? Lửa dữ đang cháy bừng, không nên lắm lời". Sau đó chim trĩ lại nhảy bay sang dòng nước. Trời Đế Thích bèn vốc nước rưới giúp cánh rừng đó, lửa tắt khói tiêu, tất cả sinh loại đều được toàn thân mạng. Nên nay xưng gọi đó là ngôi Tốt-đổ-ba cứu lửa vậy.

Bên cạnh nơi chim trĩ cứu lửa cách không xa, có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi thời đức Như Lai tu Bồ-tát hạnh làm thân nai cứu vớt quần sinh. Tức vào thời xa xưa kia, tại đó là một khu rừng lớn, bỗng nhiên lửa dữ từ đồng hoang táp vào, các loài chim thú đều cùng quẩn, phía trước hiểm ác bởi dòng nước ngăn cản, phía sau khốn cùng bởi nạn lửa dữ, nên không vật gì chẳng tự đắm chìm mình tự táng mất thân mạng. Con nai ấy xót xa nỗi lòng bèn đứng ngang giữa dòng nước, xuyên thủng da, cắt đứt xương cốt tự gắng cứu vớt các vật đắm chìm, có con thỏ bị què chân đến sau, nhẫn chịu nhọc mệt mà cứu giúp đó. đến lúc sức lực cứu giúp cùng kiệt bèn đắm mình giữa dòng nước mà chết. Các trời gom nhặt hài cốt mà tạo dựng ngôi Tốt-đổ-ba để tôn trí.

Từ nơi nai cứu vớt vật đắm chìm ấy về phía tây, cách không xa có một ngôi Tốt-đổ-ba là nơi Tô Bạt Đà La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thiện Hiền, xưa trước gọi là Tu Bạt Đà La tức sai nhầm

vậy) nhập diệt. Thiện Hiền vốn là một vị thầy Phạm Chí, đến lúc đã 120 tuổi, là một nạc lão túc lắm trí, nghe đức Phật sắp nhập niết bàn, bèn đến nơi song thọ, hỏi cùng tôn giả A-nan rằng: "Đức Phật Thế Tôn sắp nhập niết bàn. Tôi nay trong lòng có sự nghi trệ mong muốn được thỉnh hỏi". Tôn giả A-nan bảo rằng: "Đức Phật sắp nhập niết bàn, mong chớ phiền nhiễu". Thiện Hiền nói rằng: "Tôi nghe đức Phật xuất hiện nơi đời rất khó được gặp, chánh pháp lại khó được nghe, tôi mang nặng điều nghi sâu xa, sợ không có nói để thưa hỏi nữa!". Và Thiện Hiền bèn vào trước đức Phật mà hỏi rằng: "Có các chúng khác tự xưng là thầy, mỗi tự có giáo pháp riêng để răn dạy người đời. Kiều Đáp Ma (xưa trước gọi là Cù Đàm tức sai nhầm vậy) có biết hết chăng?". Đức Phật bảo: "Tôi hẳn nghiên cứu sâu xa qua hết mới vì giảng nói". Thiện Hiền nghe vậy, tâm thanh tịnh tin hiểu. Cầu xin đức Phật cho phép được vào dòng pháp, thọ giới cụ túc. Đức Như Lai bảo: "Ông có thể được vậy ư? Các hàng dị học ngoại đạo muốn tu hành phạm hạnh phải trải qua bốn năm thử thách trông xem về đức hạnh, xét kiểm về tánh nết, oai nghi vắng lặng nói năng thành thật, thì có thể ở trong giáo pháp của ta tịnh tu phạm hạnh. Ở nơi nhân hạnh đâu có gì khó ư?". Thiện Hiền thưa rằng: "Đức Thế Tôn xót thương cứu độ khắp cùng không riêng. Qua bốn năm thử học, ba nghiệp thân khẩu ý mới điều thuận". Đức Phật bảo: "Tôi trước đã nói đó chỉ tại nhân hạnh vậy". Khi ấy Thiện Hiền được xuất gia và liền thọ giới cụ túc, tinh cần cố gắng tu tập, thâm tâm dõng mãnh, thế rồi đối với giáo pháp không sinh tâm nghi ngờ, tự thân hiện chứng, đến đêm tối chưa bao lâu bèn chứng quả A-la-hán. Các lậu đã hết, phạm hạnh đã lập, không nhẫn thấy đức Phật nhập đại niết bàn, nên bèn ở trong đại chúng nhập hỏa giới định, hiện các việc thần thông mà nhập diệt trước. Đó là vị đệ tử cuối cùng của đức Như Lai mà lại diệt độ trước, và đó tức là con thỏ què chân được cứu sau cùng xưa kia vậy.

Bên cạnh nơi Thiện Hiền nhập diệt có một ngôi Tốt-đổ-ba là nơi Thần Chấp Kim Cang ngã quỵ nơi đất. Đức Đại Bi Thế Tôn tùy cơ duyên lợi kiến, công phu hóa độ đã hoàn tất, nhập tịch diệt an lạc giữa hai cây sa la, gối đầu về hướng bắc mà nằm, Thần Chấp Kim Cang, lực sĩ Mật Tích thấy đức Phật nhập niết bàn bèn gào khóc, than rằng: "Đức Phật bỏ chúng ta mà nhập đại niết bàn, không còn nơi nương tựa, không còn được chở che bảo hộ!". Tên độc thấm sâu, lửa sầu cháy mạnh, buông chày kim cang, muộn tuyệt quỵ ngã nơi đất. Giây lâu tỉnh lại buồn than luyến mộ, cùng nói với nhau rằng: "Biển lớn sinh tử ai là

người làm thuyền chèo cứu vớt, đêm dài vô minh, ai là người làm ánh đuốc soi sáng?!”.

Bên cạnh các thần chấp kim cang ngã quỵ nơi đất có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi sau khi đức Như Lai đã nhập niết bàn, lưu lại tại đó bảy ngày để cúng dường. Lúc đức Như Lai sắp nhập niết bàn, ánh sáng soi chiếu khắp cùng, người trời thảy đều tụ hội, khơng ai chẳng buồn cảm, lại cùng bảo nhau rằng: “Ngày nay đức Đại Giác Thế Tôn sắp nhập niết bàn. Chúng sinh phước đã hết. Thế gian không còn nơi nương tựa!”. Đức Thế Tôn nằm nghiêng phía hữu trên giường tòa sư tử bảo cùng đại chúng rằng: “Chớ cho là đức Như Lai rốt ráo nhập tịch diệt. Pháp thân vẫn thường trú, vượt lìa khỏi mọi sự biến đổi. Phải nên buông bỏ tâm biếng lười, sớm cầu giải thoát”. Khi ấy, các hàng Bí Sô, v.v... sùi sụt gào khóc. Tôn giả A Nê Luật Đà (xưa trước gọi là A Na Luật, tức sai nhầm vậy) bảo cùng các Bí Sô v.v... rằng: “Thôi! Thôi! Chớ hoài buồn khóc. Các trời quái lạ dèm pha kìa!”. Khi ấy chúng Mạt La cúng dường đã xong, muốn nâng nghinh kim quan đức Phật đến nơi Niết Diệp Ban Na, tôn giả A Nê Luật Đà bảo rằng: “Hãy tạm dừng, chư thiên muốn lưu lại bảy ngày để cúng dường”. Khi ấy chúng trời mang các thứ hoa trời kỳ diệu tung rãi, bay giữa hư không tán thán Thánh đức, mỗi mỗi đều dốc tâm chí thành cùng dâng cúng dường.

Bên cạnh nơi lưu lại kim quan có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi Thánh mẫu Ma-ha Ma Da khóc cảm đức Phật. Sau khi đức Như Lai nhập niết bàn đã hiện vào kim quan xong. Khi ấy tôn giả A Nê Luật Đà lên trên cung trời báo cùng phu nhân Ma Da rằng: “Đức Đại Thánh pháp vương, nay đã nhập niết bàn!”. Thánh mẫu Ma Da nghe thế rồi, bèn khóc nghẹn ngào, muộn tuyệt giây lâu, bèn cùng các chúng trời giáng xuống đền rừng sa la, trông thấy y tăng già chi, bình bát và tích trượng, bèn vỗ thoa, gào khóc mà lại cất tiếng than rằng: “Người trời phước đã hết, mắt thế gian đã diệt mất, nay đây mọi vật rỗng không, không có chủ”. Đức Như Lai vận dụng sức Thánh, nắp kim quan tự bung mở, tỏa phóng ánh sáng, đức Như Lai chấp tay ngồi ủy an hỏi han Từ mẫu từ xa xuống đến, hành pháp là như vậy, xin chớ quá cảm buồn”. Khi ấy tôn giả A-nan ngậm nén đau thương mà thỉnh hỏi đức Phật rằng: “Người đời sau hỏi đến, con phải đáp thế nào?”. Phật dạy: “”Đức Phật đã nhập niết bàn. Từ mẫu Ma Da từ cung trời xuống đến nơi rừng sa la, đức Như Lai vì cac hàng chúng sinh bất hiếu, nên từ trong Kim Quan ngồi dậy, chấp tay giảng nói pháp”.

Từ thành ấy theo hướng bắc, vượt qua sông, cách xa hơn 300 bộ có một ngôi Tốt-đổ-ba, đólà nơi tiêu nhục thân đức Như Lai. Đất xứ đó

hiện nay sắc màu vàng đen lẫn tạp tro than. Có kẻ chí thành cầu thỉnh, hoặc có được xá lợi. Đức Như Lai tịch diệt, các hàng trời người buồn cảm, dùng bảy vật báu làm kim quan, dùng ngàn bức bông tơ quấn quanh thân, thiết bày hương hoa, cắm dựng phan lọng, chúng người Mạt La nghinh khiêng kiệu giá phát dẫn, trước sau dẫn theo, từ phương bắc vượt qua sông Kim Liên, để đầy dầu thơm vào kim quan, chất nhiều gỗ thơm, phóng lửa để thiêu đốt. Có hai bức bông tơ không cháy, đó là một bức quấn sát trong thân Phật, và một bức che phủ ngoài cùng. Phân chia xá lợi cho các chúng sinh. Chỉ có tóc và móng tay vẫn nghiễm nhiên không tổn hại.

Bên cạnh nơi thiêu thân đức Phật có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi đức Như Lai vì tôn giả Đại Ca Diếp Ba mà hiện bày hai bàn chân. Kim quan Như Lai đã hạ xuống, gỗ thơm đã chồng chất, phóng lửa đốt không cháy. Đại chúng đều kinh hãi. Tôn giả A Nê Luật Đà nói là: "Chờ đợi tôn giả Đại Ca Diếp Ba đến". Khi ấy, tôn giả Đại Ca Diếp Ba cùng 500 vị đệ tử từ núi rừng xa đi đến thành Câu Thi, hỏi tôn giả A-nan rằng: "Thân đức Thế Tôn có thể con được trông thấy chăng?". Tôn giả A-nan thưa rằng: "Thân đức Thế Tôn đã quấn quanh ngàn bức bông tơ, lại tẩn liệm trong kim quan, gỗ thơm đã gom chất, chỉ còn việc thiêu đốt". Khi ấy, đức Phật từ trong kim quan vì duỗi hiện hai bàn chân ra ngoài, trên luân tướng thấy có sắc màu khác lạ. Tôn giả Đại Ca Diếp Ba hỏi A-nan rằng: "Cớ sao có thế này?". Tôn giả A-nan đáp rằng: "Lúc đức Phật vừa mới nhập niết bàn, các hàng trời người buồn thương gào khóc dỏ lệ vấy nhiễm nên có sắc màu khác lạ như thế". Tôn giả Đại Ca Diếp Ba đảnh lễ, đi nhiễu quanh cùng tán thán, xong rồi, gỗ thơm tự thiêu đốt, lửa cháy lớn mạnh mẽ.

Sau khi đã nhập niết bàn, từ trong kim qua, đức Phật đã ba lần lưu xuất ra, lần đầu là duổi cánh tay hỏi A-nan sửa trị đường, lần thứ hai là ngồi dậy vì Thánh mẫu giảng nói pháp và lần thứ ba duổi hiện hai bàn chân cho tôn giả Đại Ca Diếp Ba thấy.

Bên cạnh nơi đức Phật duổi hiện hai bàn chân có một ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng, là nơi tám vị vua phân chia xá lợi. Phía trước có dựng một trụ đá khắc ghi sự việc ấy. Sau khi đức Phật nhập niết bàn và đã Niết Điệp Ban Na xong, các vị vua của tám nước chuẩn bị bốn loại binh lính cùng đến đó, khiến Bà-la-môn Trực Tánh nói cùng các lực sĩ ở thành Câu Thi rằng: "Bậc đạo sư của trời người tịch diệt tại nước này, nên từ xa cùng đến xin được chia phần xá lợi để tôn thờ". Các lực sĩ bảo rằng: "Đức Như Lai giáng hiện tôn quý tức dưới đất đây, diệt

mất ánh sáng dẫn dắt thế gian, tang vùi cha lành của chúng sinh. Xá lợi của đức Như Lai, chúng tôi phải tự cúng dường, chớ nhọc đường sá xa xôi, trọn không được chia". Khi ấy các vua nhóm thuận từ để lại, đã không được thỏa đáng, lại nói cùng các lực sĩ rằng: "Lễ thỉnh đã không thuận theo, binh lính oai hùng cách đây đâu xa". Bà-la-môn Trực Tánh cất lớn tiếng bảo rằng: "Mong hãy nhớ nghĩ cho: Đức Đại Bi Thế Tôn, nhẫn tu phước thiện trải qua nhiều kiếp, nghĩ tưởng điều đó mọi người đều đã nghe rõ đủ. Nay muốn cùng tranh lấn lướt nhau, ấy hẳn chẳng nên vậy. Nay xá lợi đức Phật hiện tại đây phải chia đều tám phần, mỗi mỗi đều được cúng dường, sao đến nỗi phải dấy binh lính". Các lực sĩ bèn y theo lời đó, và liền phân lường đều muốn làm tám phần. Trời Đế Thích nói cùng các vua rằng: "vua rồng A Na Bà Đáp Đa, vua rồng Văn Lân, vua rồng Y Na Bát Đát La lại cùng nhau bàn nghị rằng: "Không nên để sót bọn chúng tôi. Nếu dùng sức lực đấu tránh thì các chúng không thể sánh kịp". Bà-la-môn Trực Tánh bảo rằng: "Chớ nên ồn náo tranh cãi, nên cùng phân chia đó". Bèn phân làm ba phần: một phần của các trời, một phần cho chúng rồng và một phần lưu lại tại cõi người. Trong tám nước các vua lại phân chia nhau. Trời, rồng, vua người thảy đều buồn cảm.

Từ nơi ngôi Tốt-đổ-ba phân chia xá lợi theo hướng tây nam đi hơn 200 dặm, đến một thôn ấp tụ lạc lớn, có nhà Bà-la-môn giàu có cự phách, xác thực không gian tạp, học tập nghiên cứu ngũ minh, kính sùng Tam bảo, tiếp theo bên cạnh nhà ở, xây dựng tăng phường, đầy đủ các thứ tư dụng trang sức hết mực quý báu. Hoặc có chư tăng qua lại giữa đường, Bà-la-môn ấy ân cần thỉnh mời lưu lại, dốc hết tâm thành cúng dường, hoặc dừng ở một đêm cho đến bảy ngày. Về sau, nơi đó bị vua Thiết Thưởng Ca phá hủy Phật pháp, chư tăng tuyệt dứt tới lui, năm tháng dần ngấm ngầm sâu lắng, mà vị Bà-la-môn ấy thường luôn nghĩ nhớ khẩn thiết bùi ngùi. Nhân lúc đang kinh hành, thấy có một vị Sa-môn lông mày quăn, tóc bạc, chống tích trượng mà đến. Bà-la-môn ấy vội sang nghinh đón, thưa hỏi từ đâu đi đến. Và thỉnh mời vào trong tăng phường, chuẩn bị đầy đủ các thứ cúng dường. Đến sáng sớm, dùng thuần chất sữa để nấu cháo dâng cúng. Vị Sa-môn nhận rồi, vừa mới đưa vào ngang môi răng, liền đặt bát xuống, trầm ngâm thở dài. Vị Bà-la-môn dâng cúng cháo vội quỳ mà hỏi rằng: "Đại đức là bậc trí tuệ bén nhạy tùy duyên. Con đây may được đoái hoài quan tâm, vì đêm qua không được an giấc ngủ ư? Hay vì bát cháo không hợp mùi vị?". Vị Sa-môn ấy xót thương mà bảo rằng: "Tôi buồn thương cho chúng sinh

phước nay dần mỏng nhạt! Thả tam ngay đây mà ăn xong rồi hẳn nói". Vị Sa-môn ăn xong bèn xếp lấy áo liền đi. Vị Bà-la-môn ấy nói rằng: "Nãy hứa có nói, cớ sao giờ chẳng lời nào?". Vị Sa-môn bảo rằng: "Tôi chẳng quên đó, đàm nói chẳng dễ dàng. Sự việc hoặc đặt để điều nghi. Hẳn muốn được nghe, thì tôi vì nói lược. Hồi nãy tôi than chẳng phải khinh nhạt cháo của ông. Mà từ vài trăm năm về trước tôi chưa từng nếm thử mùi vị như vầy. Xưa kia lúc đức Như Lai còn tại thế, bấy giờ tôi từng dự theo, hoặc ở tại thành Vương Xá hoặc tinh xá Trúc Lâm, rủ dòng nước trong mà tẩy rửa đồ vật, hoặc dùng để súc miệng, hoặc dùng để tắm rửa. Than ôi! Nay đây chỉ thuần chất sữa mà chẳng bằng nước đạm nhạt ngày xưa. Đó hẳn là người trời phước giảm nên khiến như vậy". Vị Bà-la-môn ấy nói: "Vậy là đại đức đã thân gần thấy được đức Phật ư?". Vị Sa-môn đó bảo: "Đúng vậy, ông há chẳng nghe con của Phật là La Hổ La chính thân tôi đây. Vì hộ trì chánh pháp, nên tôi chưa nhập tịch diệt". Nói lời ấy rồi, bỗng nhiên không còn thấy vị Sa-môn đó nữa. Vị Bà-la-môn ấy bèn đến nơi phòng vị Sa-môn ấy nghỉ qua đêm, bôi hoa hương thơm quét tước, thiết bày tôn tượng trang nghiêm chỉnh túc, cung kính như hiện tại đối với mặt thật vậy.

Từ đó, băng trong rừng lớn đi hơn 500 dặm, đến nước Ba la nại tư (xưa trước gọi là nước Ba La Nại, tức sai nhầm vậy, thuộc Trung Ấn Độ).

■

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỨC KÝ

QUYỂN 7

(Nói về 5 nước).

1. Nước Bà La Nại Tư.
2. Nước Chiến Chủ.
3. Nước Phệ Xá Ly.
4. Nước Phất Lật Thị.
5. Nước Ni Ba La.

1 - NƯỚC BÀ LA NẠI TƯ.

Nước Bà La Nại Tư chu vi rộng hơn 4000 dặm, phía tây đô thành lớn nước đó gần sông Khắc Già, dài khoảng 18 - 19 dặm, rộng khoảng 5 - 6 dặm, xóm làng kề nhau, dân chúng sinh sống đông nhiều, nhà nhà giàu có tiền vạn, phòng thất chất đầy của cải kỳ đặc. Con người khí tánh ôn vung, tập tục mến tụng mạnh lọc, phần nhiều tin theo ngoại đạo, hiếm ít cung kính Phật pháp, khí hậu điều hòa, lúa thóc lắm nhiều, cây trái đều đặn, cỏ đậu tốt tươi. Có hơn 30 ngôi già lam, chư tăng có hơn 3000 vị đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo có hơn vạn vị, và phần nhiều đều tôn thờ trời Đại Tự Tại, hoặc cắt cạo tóc, hoặc búi cao đống, hoặc để khỏa hình không vận mặc, hoặc dùng tro bôi thân, tinh cần khổ hạnh, cầu thoát sinh tử.

Bên trong thành lớn có 20 ngôi đền thờ trời, tầng đài nhà thờ khắc đá chạm gỗ, rừng tốt che bóng, ao trong giao dãi, có tôn tượng trời bằng than đá cao gần trăm thước, oai nghiêm chỉnh túc, trông nhìn sợ run như hiện tại thật.

Từ thành lớn về phía đông bắc; thuộc phía tây sông Bà La Nại có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng cao hơn trăm thước, phía trước có dựng trụ đá sắc màu xanh biếc mới sạch như gương soi, sáng nhuần như nước ngưng đọng, bên trong thường hiện ảnh tượng đức Như Lai.

Từ sông Bà La Nại về hướng đông bắc đi hơn 10 dặm đến ngôi

già lam Lộc Dã, khu biệt ranh giới tám phần tường thành liền nhau bao bọc chung quanh. Tầng đài lan can trùng các ánh ngời cùng quy củ. Chư tăng có cả thảy 1500 vị đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa chánh lượng bộ. Bên trong tường thành lớn có một ngôi tinh xá cao hơn 200 thước, phía trên dùng vàng ròng ẩn hiện làm quả Am Một La, dùng đá làm nền móng thềm cấp, dùng gạch làm tầng khám bao quanh bốn phía, có cả hàng trăm tiết cấp, đều có tôn tượng Phật bằng vàng ròng ẩn hiện. Phía trong tinh xá có tôn tượng đức Phật bằng than đá cao lớn đồng như thân đức Như Lai, làm theo thế đong chuyển pháp luân.

Từ tinh xá về phía tây nam có một ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng, nền móng tuy đã sụp đổ mà còn cao hơn trăm thước, phía trước có dựng trụ đá cao hơn 70 thước, đá ngậm ngọc nhuận soi chiếu ánh ngời. Nếu người chí thành cầu thỉnh ảnh hiện các tượng, mọi tướng thiện ác có lúc được thấy. Đó là nơi sau khi đã thành đẳng chánh giác, đức Như Lai chuyển pháp luân lần đầu tiên. Bên cạnh đó không xa có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi các tôn giả A Nhã Kiều Trần Như, v.v..., thấy Bồ-tát xả bỏ khổ hạnh bèn chẳng theo hầu hộ vệ, mà đi đến đó và tự tập hành thiền định. Bên cạnh đó lại có một ngôi Tốt-đổ-ba là nơi 500 vị Độc giác đồng nhập niết bàn. Lại có ba ngôi Tốt-đổ-ba là nơi có di tích của ba đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành.

Bên cạnh di tích ba đức Phật kinh hành có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi Bồ-tát Ma Đát Lệ Da (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi Từ là giòng họ, xưa trước gọi là Di Lặc tức lược gọi sai nhầm vậy) nhận lời dự ghi sẽ thành Phật. Xưa kia đức Như Lai ở tại núi Linh Thứu, thành Vương Xá bảo cùng các vị Bí Sô rằng: "Ở đời tương lai tại Thiệm Bộ châu này cõi đất bằng phẳng, lúc con người có được tuổi thọ 8 vạn năm, có một người chủng tộc Bà-la-môn; giòng họ Từ, thân hình thuần sắc vàng ròng, quang minh tỏa sáng, sẽ xả bỏ nhà thế tục, xuất gia thành Đẳng chánh giác, rộng về các chúng sinh lập ba hội giảng pháp, những người được đức Phật đó tế độ đều là các chúng sinh trong di pháp của Ta gieo trồng phước đức, đối với Tam bảo, nhất tâm kính tin sâu sắc, dẫu tại gia hay xuất gia thảy đều trì giới phạm hạnh và đều được dẫn dắt giáo hóa chứng quả giải thoát. Trong ba hội giảng nói pháp đều hóa độ đồ chúng đã sống trong di pháp của ta, sau đó mới giáo hóa các hàng bạn lành đồng duyên". Khi ấy, Bồ-tát Từ Thị nghe đức Phật nói vậy, liền từ chỗ ngồi đứng dậy bạch cùng đức Phật rằng: "Xin nguyện cho con là Thế Tôn Từ Thị kia vậy". Đức Như Lai bảo rằng: "Như lời ông nói, sẽ chứng đắc quả vị đó. Các điều nói trên đều là nghi thức của ông giáo hóa".

Từ nơi Bồ-tát nhận lời dự ghi thành Phật về phía tây có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi Bồ-tát Thích-ca nhận lời dự ghi thành Phật. Trong thời hiền kiếp, thủa con người có được tuổi thọ hai vạn năm, đức Phật Ca Diếp Ba xuất hiện nói đời chuyển diệu pháp luân, khai mở dẫn hóa quần sinh, dự ghi cho Bồ-tát Hộ Minh rằng: “Bồ-tát ở đời sau lúc con người có được tuổi thọ 100 năm, sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni”.

Từ nơi Bồ-tát Thích-ca nhận lời dự ghi thành Phật, về phía nam cách không xa là nơi có dấu tích của bốn đức Phật thời quá khứ kinh hành dài hơn 50 bộ cao khoảng 7 thước, dùng đá xanh sắp chất thành, phía trên làm tôn tượng đức Như Lai kinh hành. Hình tượng ấy hùng kiệt khác lạ, oai nghiêm chỉnh túc, phía trên nhục kế đặc biệt nổi hiện búi tóc, linh tướng chẳng ẩn, thần linh soi suốt. Phía trong tường thành ấy, các Thánh tính thật lắm nhiều, các tinh xá và Tốt-đổ-ba có hơn vài trăm ngôi. Ở đây chỉ lược neu vài ba sự kiện chứ không thể thuận hết.

Từ nơi tường thành ngôi già lam về phía tây có một ao hồ trong sạch, chu vi rộng hơn 200 bộ, xưa kia đức Như Lai từng tắm rửa trong đó. Tiếp về phía tây có ao hồ lớn, chu vi rộng 180 bộ, xưa kia đức Như Lai thường tẩy rửa các đồ vật tại trong đó, tiếp về phía bắc có một cái ao hồ, chu vi rộng 150 bộ, xưa kia đức Như Lai thường giặt nhuộm y trong đó. Trong ba ao hồ ấy đều có rồng ở, nước ao hồ ấy đã sâu mùi vị lại mát ngọt, lắng trong sáng sạch, thường không tăng giảm, như người có tâm khinh mạn vào giặt rửa trong ao ấy, có loài thú Kim Tỳ La phần nhiều làm hại đó. Còn như người với tâm cung kính sâu sắc thì múc dùng không ngại sợ. Bên cạnh ao giặt nhuộm y có một tảng đá vuông lớn, phía trên có dấu vết đường văn của áo ca sa đức Như Lai, đường văn ấy hiện rõ ánh ngời như khắc phạm. Các vị tịnh tín thường đến đó cúng dường. Các hàng ngoại đạo những kẻ hung dữ dẫm đạp lên tảng đá đó thì vua rồng trong ao liền nổi gió mưa.

Bên cạnh ao ấy cách không xa có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi đức Như Lai trong lúc tu Bồ-tát hạnh làm con voi chúa có sáu ngà. Có người thợ săn muốn cắt lấy ngà đó nên dối mặc áo ca sa mang cung tên dò rình để bắt. Voi chúa vì kính trọng pháp y ca sa mà vặn bẻ ngà trao cho đó.

Bên cạnh nơi voi chúa bẻ ngà cách không xa có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi đức Như Lai lúc tu Bồ-tát hạnh, thương đời vô lễ, nên hiện làm thân chim, cùng với voi trắng kia, và nhĩ hầu đồng ở đó hỏi nhau ai là người trước tiên thấy cây Ni Câu Luật, mỗi vật tự nói về sự tích, bèn xếp đặt lớn nhỏ, tỏa lan xa gần, mọi người biết trên dưới, các hàng đạo

tục thảy quy tâm.

Bên cạnh đó không xa vào trong khu rừng lớn, có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kia đức Như Lai cùng Đề Bà Đạt Đa đồng làm nai chúa mà dứt trị. Xưa kia tại xứ đó, trong khu rừng lớn, có hai đàn nai, mỗi đàn có hơn 500 con. Bấy giờ vua nước đó đi săn bắn lùng khắp đồng bằng, đầm nước. Nai chúa Bồ-tát bèn đến trước mặt vua mà thưa rằng: "Đại vương đi săn bắn, phóng lửa phóng tên thì mạng sống của đàn chúng tôi đều dứt hết trong hôm nay, chẳng mấy ngày thịt sẽ rã thối, không còn có để sung cấp ngon lành. Nên xin muốn lần lượt mỗi ngày sai bắt nộp một con nai, thì đại vương đã có được thịt tươi mới ngon lành, mà chúng tôi cũng được kéo dài mạng sống trong sáng tối". vua thuận theo lời ấy bèn xoay xa giá trở về. Từ đó trong hai đàn nai lần lượt dâng nộp mạng. Trong đàn nai của Đề Bà Đạt Đa làm chúa có hơn một con đang mang thai, theo thứ tự đáng đến lúc chết, con nai ấy nói cùng nai chúa (Đề Bà Đạt Đa) rằng: "Thân tôi tuy đáng chết, nhưng còn con chưa phải lúc". Nai chúa tức giận bảo: "Ai không quý mạng sống?". Con nai cái ấy mới than rằng: "Chúa tôi bất nhân, không cho chọn ngày chết". Và báo gấp với nai chúa Bồ-tát. Nai chúa Bồ-tát bảo rằng: "Buồn thương thay! Tâm của mẹ hiền! Ân đến với con chưa được thành hình. Nay tôi thay mạng cho ngươi". Và nai chúa Bồ-tát bèn đến cửa nhà vua. Mọi người đi trên đường sá truyền xướng rằng: "Nai chúa lớn kia nay lại vào ấp!". Dân chúng thành đô, các hàng sĩ thứ, không ai chẳng vội đến trông xem. Nhà vua nghe thế lấy làm chẳng thật. Đến khi có người ngoài cửa vào tấu trình vua mới tin. vua hỏi nai chúa Bồ-tát sao vội đến vậy? Nai chúa Bồ-tát đáp rằng: "Có một con nai cái đáng đến lúc chết, nhưng vì mang thai con chưa sinh. Tâm tôi không thể cam nhẫn, nên đem thân này xin thay thế". vua nghe thế, than rằng: "Ta đây tuy làm thân người mà còn thua nai. Ngươi tuy thân nai mà hơn cả người!". Từ đóphóng thả tất cả đàn nai không thâu nạp mạng nữa, liền dùng khu rừng ấy làm nơi loài nai sinh sống, nhân thế mà gọi đó là rừng "Thí lộc" (thả nai), và tên gọi Lộc Dã phát xuất từ đó vậy.

Từ ngôi già lam ấy về phía tây nam cách khoảng 3 - 4 dặm có một ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 300 thước, nền móng rộng lớn cao vợi, trang trí bằng các vật trân quý ánh ngời. Phía trên không có tầng khám, tiện thiết đặt hình bình bát úp. Tuy tạo dựng phô bày ngoài trụ mà không có vòng khánh đạt bao quanh. Bên cạnh đó có ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ, là nơi các tôn giả A Nhã Kiều Trần Như, v.v..., cả thảy năm vị bỏ ước chế nghinh đón đức Phật. Mới đầu, thái tử Tát Bà Hạt Thích Tha Tất Đà

(tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Nhất Thiết Nghĩa Thành, xưa trước gọi là Tất Đạt Đa, tức lược gọi sai nhầm vậy) sau khi vượt thành đến nương tựa núi rừng ẩn náu hang cốc, quên thân cầu hỏi đạo. vua Tịnh Phạn mới gọi ba người trong gia tộc và hai người bên họ ngoại mà bảo rằng: "Con của ta là Nhất Thiết Nghĩa Thành đã bỏ nhà đi tu đạo. Một mình đến chốn núi đầm, riêng thân sống trong rừng chầm, nên nay ta bảo các ông cùng đi theo dò xét nơi ở. Bên trong thì bà con chú cha bác cậu, bên ngoài đã là vua lại tôi, phàm mọi sự động tĩnh đều nên xét biết đi ở v.v.... Năm vị ấy tuân vâng mạng lệnh cùng mang đến chung sống gần để bảo vệ thái tử. Nhân đó cũng cầu cầu muốn mong thoát lìa. Từng cùng nói với nhau rằng: "Phàm người tu đạo phải cần khổ mới chúng? Hay an lạc mới chứng?". Trong đó, ba người cho là cần khổ là đạo, còn lại hai người cho là an lạc là đạo. Một bên hai người, một bên ba người giao tranh lẫn nhau chưa phân minh. Khi ấy thái tử tư duy chí lý, vì phục các ngoại đạo khổ hạnh, nên tiết dục chỉ ăn hạt gạo hạt mè để giữ thân mạng. Hai người kia thấy thế mà bảo rằng: "Điều thái tử đang thực hành chẳng phải là pháp chân thật. Phàm tu đạo phải có sự an lạc để chứng đắc đó. Nay chỉ chuyên cần khổ chẳng phải cùng đồng bọn với chúng tôi". Bèn bỏ trốn đi xa để tư duy về quả chứng. Qua sáu năm khổ hạnh, thái tử chưa chứng quả Bồ-đề, muốn nghiệm lại khổ hạnh chẳng phải là pháp chân thật, nên thọ nhận bát cháo cúng dường mà chứng quả. Ba người kia nghe thế mà than rằng: "Công đã sắp thành, nay tự thối thất, suốt sáu năm chuyên hành khổ hạnh chỉ một ngày tổn mật công không!". Khi ấy bèn cùng nhau tìm kiếm hỏi đến hai người kia, đã được gặp nhau rồi, lại cùng ngồi bàn luận cao siêu, mà nêu bày rằng: "Xưa kia thấy thái tử Nhất Thiết Nghĩa Thành ra khỏi cung vua tìm đến núi hoang vắng, vất bỏ y phục trân qúy, vận mặc áo da nai, tinh cần gắng chế, trinh tiết khổ tâm, mong cầu diệu pháp sâu mầu, hoài mong chứng quả vô thượng. Nay lại thọ nhận bát cháo sữa của mục nữ, thật là hư bại đạo, khuyết phá ý chí. Chúng tôi biết đích thực như thế, không thể làm vậy!". Hai người kia bảo rằng: "Các ông sao thấy điều ấy muộn thế? Đây là hàng người còn rõ vậy. Phàm ở nơi cung sâu, an thay cao quý ưu thắng, mà chẳng thể tự tĩnh chỉ, xa dấu vết đến chốn núi rừng, vất bỏ ngôi vị chuyển luân vương, làm hành nhân thấp hèn bỉ lậu. Sao có thể đáng nghĩ nhớ thay! Nói ra càng thêm xót xa vậy". Bồ-tát xuống dòng sông Ni Liên Thuyền, tắm xong lên ngồi dưới gốc cây Bồ-đề, thành đạt quả vị chánh đẳng chánh giác, hiệu là Thiên Nhân Sư, điềm nhiên vắng lặng, tư duy quán sát người nào đáng độ, mới tự bảo rằng: "Ông Uất Đầu Lam Tử kia

chứng định phi tưởng, có khả năng nhận thọ diệu pháp". Bỗng nhiên từ giữa không trung các trời tìm theo tiếng báo rằng: "Ông Uất Đầu Lam Tử qua đời đến nay đã bảy ngày". Đức Như Lai than tiếc rằng: "Cớ sao không được gặp để lắng nghe diệu pháp mà vội theo biến hóa!". Đức Phật lại quán sát xem cùng khắp thế giới, nghĩ nhớ có ông A Lam Ca Lam là người chứng đắc Vô Sở Hữu Xứ Định, ta có thể trao cho chí lý. Các trời lại bảo là: "A Lam Ca Lam mạng chung đã năm ngày". Đức Như Lai lại than tiếc, xót thương cho các vị ấy bạc phước. Lại quán xét xem ai là người đáng thọ giáo pháp? Chỉ tại trong rừng Thí Lộc có năm người, có thể đáng được dẫn dắt trước hết. Khi ấy, đức Như Lai từ cây Bồ-đề đứng dậy đi đến vườn Lộc Dã, oai nghi tĩnh lắng, thần quang tỏa sáng, giữa chặn mày ngậm chiếu sắc ngọc, thân thuần sắc màu vàng ròng, an tường nhẹ nhàng đi tới dẫn dắt năm vị ấy. Từ xa trông thấy đức Như Lai, năm vị ấy cùng nói với nhau rằng: "Nhất Thiết Nghĩa Thành kia đang lại đây, hẳn là năm tháng vội trôi qua mà Thánh quả không chứng đắc, tâm hoài mong đã thối thất nên tìm trở lại với bọn chúng ta. Chúng ta mỗi người tự nên im lặng chớ đứng dậy nghinh đón lễ tiếp". Đức Như Lai đi dần lại gần, do oai thần cảm chuyển vật tình, năm sự ấy bèn quên mất ước chế nên bái lạy nghinh tiếp hỏi han, theo hầu như nghi thức. Đức Như Lai dần dần dẫn dụ chỉ bày diệu lý, qua hai mùa an cư, năm vị ấy mới được quả chứng.

Từ rừng Thí Lộc về hướng đông đi khoảng 2 - 3 dặm đến một ngôi Tốt-đổ-ba, bên cạnh ất có một ao động chu vi rộng hơn 80 bộ; ao ấy có tên gọi là "Cứu Mạng", lại còn gọi là ao "Liệt Sĩ". Nghe các bậc lão thành kể là vài trăm năm trước có một vị ẩn sĩ đến bên ao đó dựng lập am tranh mà ẩn vết, rộng tập học các thứ kỹ thuật, nghiên cứu tận cùng về thần lý, có khả năng khiến ngói sỏi biến thành vật báu. Người vật thay đổi hình dạng, chỉ chưa đủ khả năng cưỡi trên gió mây, tiếp cùng tiên giá. Xét duyệt đồ cổ, lại cầu tiên thuật. Phương ấy nói là phàm thuật thần tiên là thuật trường sinh. Như muốn cầu học, trước phải định chí ý, dựng lập đàn tràng chu vi rộng hơn một trượng, bảo một liệt sĩ có niềm tin dõng mãnh tỏa chiếu trước khắp, cầm nắm dao dài đứng ở góc đàn, lắng nhẹ hơi thở, dứt tuyệt nói năng từ tối đến sáng. Còn người cầu tiên đạo ngồi tại trong đàn, tay đè nén dao dài, miệng tụng thần chú, thâu trả thấy nghe đến sáng sớm lên tiên. Với dao bén nhọn nằm giữ ấy biến làm thành kiếm báu, vút dẫm giữa hư không tức cùng các tiên đồng bạn, nắm kiếm chỉ huy, mọi điều ước muốn thảy đều vâng theo, không suy yếu, không già nua, không bệnh, không chết. Người ấy đã

được phương thuật thần tiên, mới đến phỏng hỏi Liệt Sĩ, bày biện mong cầu trải qua nhiều năm mà chưa hài hòa tâm nguyện. Về sau, đang ở trong thành, thấy gặp một người buồn khóc men theo đường đi. Ẩn sĩ trông thấy tướng dáng đó, trong tâm rất vui mừng liền vì ủy an thăm hỏi cớ sao mà oán thương đến thế. Người ấy đáp rằng: “Tôi vì nghèo khổ, phải dốc sức làm thuê mướn để tự sống, người chỉ thấy biết rất đặc biệt tin dùng, kỳ hẹn đủ năm năm sẽ đền đáp trọng thưởng. Từ đó tôi nhẫn chịu cần khổ, quên cả gian nan, sắp đủ năm năm, bỗng có một sáng mai trái nhất, đã bị đánh nhục, lại không được gì. Vì vậy mà tâm đau buồn, biết ai cứu giúp!”. Vị ẩn sĩ bảo cùng đi đến nơi am tranh, dùng sức lực phương thuật biến hóa đủ thứ thức ăn ngon lành cho ăn uống rồi, lại dẫn bảo vào trong ao tắm gội, thay mặc áo mới. Lại đem 500 tiền vàng cho đó mà bảo rằng: “Cứ sử dụng hết thì đến đây kiếm cầu không vượt ngoài vậy. Từ đó về sau qua vài lần cấp tặng, ngầm làm điều âm đức cảm khái tâm người ấy. Vị liệt sĩ luôn cầu công hiệu mạng để bảo cùng tri kỷ. Vị ẩn sĩ bảo: “Ta cầu tìm liệt sĩ, trãi qua thời gian năm tháng lâu dài may mà được hội ngộ. Dung mạo kỳ đặc ứng đồ, chẳng phải có nguyện xưa cũ khác, một đêm không nghe tiếng vậy”. Liệt sĩ bảo rằng: “Chết còn chẳng từ, đâu nhọc gì lắng thở”. Khi ấy bèn thiết lập đàn tràng tập thọ tiên pháp. Y theo phương thức mà hành sự, ngồi giữ ánh sáng thừa của mặt nhật. Từ sau khi mặt trời lặn mọi tự dò xét việc của mình, ẩn sĩ tụng thần chú, còn liệt sĩ đè nén dao bén nhọn, mãi đến lúc gần sáng, bỗng nhiên phát tiếng kêu. Khi ấy từ giữa không trung lửa phóng xuống khói đất may ngùn ngụt. Ẩn sĩ vội kéo dẫn Liệt sĩ vào nơi ao lánh nạn, thế rồi hỏi rằng: “Đã răn bảo ông không được mở tiếng cớ sao kinh hãi kêu?”. Lực sĩ đáp rằng: “Tôi đã vâng theo lời mãi đến cuối đêm, mịt mờ trong cơn mộng khổ, biến đổi khác lạ lại nổi lên, thấy người chủ nơi tôi làm việc xưa kia đích thân đến ủy an thứ tạ, cảm đội ân sâu dày, tôi vẫn nhẫn chẳng mở lời đáp, người chủ ấy tức giận, tôi bèn bị giết hại. Đang lúc nhận chịu thân trung ấm, trông nhìn lại thi thể mà tự than tiếc, mà vẫn giữ nguyện trải qua trọn đời không nói, để báo ân sâu dày, bèn thấy thác sinh trong nhà Đại Bà-la-môn tại xứ Nam Ấn Độ. Cho đến lúc vào thai ra thai, trải qua đủ thứ khổ ách, vì cảm đội ân đội đức nên thường chẳng mở lời, kịp đến lúc thọ học, thành thân, cưới vợ, chịu tang song thân, sinh con, mỗi mỗi đều nghĩ nhớ ân đức xưa trước nên nhẫn mà chẳng nói. Mọi người trong bà con thân thuộc đều thấy quái lạ. Đến lúc tuổi đã 65, người vợ tôi mới bảo rằng: “Ông nên nói chứ. Nếu như chẳng nói thì tôi sẽ giết con của ông đây”. Khi ấy tôi

chỉ nghĩ nhớ đã cách qua đời kiếp, tự nhìn thấy mình đã già suy, và chỉ có được đứa con nhỏ ấy. Nhân cản ngăn người vợ, khiến không giết hại, mới bèn phát ra tiếng ấy vậy". Ẩn sĩ bảo rằng: "Đó là lỗi quá tại tôi. Đó là ma nhiễu vậy". Liệt sĩ ấy cảm ân. Buồn sự việc không thành nên tức giận mà chết. Vì thoát khỏi nạn hỏa tai, nên gọi là "Cứu Mạng", vì cảm ân mà chết, nên gọi là "Liệt sĩ" vậy.

Từ ao Liệt Sĩ về phía tây có ngôi Tốt-đổ-ba ba con thú. Là nơi đức Như Lai ở thời tu Bồ-tát hạnh thiêu thâu. Vào thời kiếp sơ, tại rừng hoang trống ấy, có con chồn, con thỏ và con khỉ tuy ba con khác loại mà luôn vui hòa. Bấy giờ trời Đế Thích muốn xét nghiệm người tu hạnh Bồ-tát nên giáng linh hiện hóa làm một lão phu đến nói cùng ba con thú ấy rằng: "Nghe nói ba ông khéo an ẩn với nhau ư? Không kinh sợ nhau ư?". Ba con thú đáp: "Dẫm trải qua cỏ tươi tốt, rảo bước giữa rừng bao la, tuy khác loài mà đồng vui vẻ, đã an lại lạc". Lão phu ấy bảo rằng: "Nghe nói ba ông tình sâu ý kín, quên cả sự già tệ nên từ xa lại tìm. Nay chánh đang lúc đói khát, vậy có gì để cho ăn?". Ba con thú nói: "Mong đợi chờ giây lát, tự thân chúng tôi sẽ gấp kiếm tầm". Ki ấy cả ba con thú đồng tâm quên cả chính mình phân chia đường đi tìm kiếm thức ăn. Con chồn men theo bến nước bắt được con cá chép ngon lành. Con khỉ vào trong rừng cây bẻ hái hoa trái kỳ lạ, cùng mang trở lại đồng dâng cho lão phu. Chỉ có con thỏ trở về không, nhảy nhót chung quanh. Lão phu mới bảo rằng: "Theo sự thấy của tôi thì các ông chưa thật sự hòa, khỉ và chồn cùng đồng chí mỗi mỗi đều làm theo tâm, còn thỏ lại trở về không, riêng chẳng có gì đãi ăn. Lấy đó mà nói thì thật sự có thể biết vậy". Con thỏ nghe lời dèm pha ấy rồi, bèn nói với khỉ và chồn rằng: "Nên nhóm chất lại nhiều củi khô tôi mới kiếm ra làm thức ăn". Chồn và khỉ đua nhau vội ngậm cỏ, kéo cây, đã chất thành đống cao, lửa dữ sắp đốt cháy, thỏ nói cùng lão phu rằng: "Thân tôi nhỏ yếu, nên sự mong cầu khó được toại. Nay xin đem tấm thân nhỏ nhoi này để sung dâng làm một bữa ăn!". Nói vừa dứt lời, thỏ bèn nhảy vào đống lửa, chốc lát liền chết. Khi ấy lão phu hiện lại thần trời Đế Thích dập trừ lửa tắt, gom nhặt hài cốt của thỏ, thương than giây lâu, rồi nói cùng chồn và khỉ rằng: "Sao phải đến nỗi này? Tôi cảm tâm chí đó, không để mất hết vết tích ấy. Xin gởi thỏ lên vầng trăng lưu truyền lại gương sáng cho đời sau". Nên ở xứ đó mọi người đều nói: "Thỏ trong ánh trăng do từ đó mà có". Và người đời sau ở đó tạo dựng nên ngôi Tốt-đổ-ba ấy.

Từ đó thuận theo phía đông dòng sông Khắc Già, đi hơn 300 dặm đến nước Chiến Chủ (thuộc Trung Ấn Độ).

2 - NƯỚC CHIẾN CHỦ.

Nước Chiến Chủ chu vi rộng hơn 2000 dặm, đô thành gần sông Khắc Già chu vi rộng hơn 10 dặm. Dân chúng sinh sống đông vui, thôn ấp gần kề nhau. Đất đai màu mỡ, lúa thóc gieo trồng theo mùa vụ, khí hậu hòa sướng, phong tục thuần chất. Con người tánh khí mạnh dữ, tà chánh đều kính tin. Có hơn 10 ngôi già lam, chư tăng có gần ngàn vị, đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa. Có 20 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo chung sống lẫn lộn.

Từ thành lớn vầ phía tây bắc, trong một ngôi già lam có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng. Theo các bậc lão thành nói là: trong đó có một đấu xá lợi của đức Như Lai. Xưa kia đức Thế Tôn từng đến ở xứ đó, suốt trong 7 ngày vì các chúng trời người mà hiện bày diễn nói diệu pháp. Bên cạnh đó là nơi có dấu vết của ba đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành. Gần đó lại có tôn tượng đức Bồ-tát Từ Thị, hình lượng tuy nhỏ mà oai thần cao vợi. Linh giám ngầm thông, vết tích kỳ đặc có lúc hiện khởi.

Từ thành lớn theo hướng tây đi hơn 2000 dặm đến Tăng-già lam A Tỵ Đà Yết Thích Noa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Bất Xuyên Nhĩ = không xỏ lổ tai). Tường thành chung quanh chẳng rộng chạm trổ trang sức rất kỳ công, hoa ao giao ảnh. Đài các liền mái, chư tăng chỉnh túc hòa mục, oai nghi tường tự. Nghe các bậc lão thành nói là: xưa trước ở nước Đổ Hóa La tại phía bắc núi tuyết lớn, có vị Sa-môn ham thích học đạo ham thích học đạo, cùng vài ba người đồng kết chí hướng, những lúc nhàn rỗi việc trì tụng, thường cùng với nhau rằng: "Diệu lý sâu xa ngôn từ chẳng thể bàn nói đến cùng cực, các Thánh tiên hiển hiện có thể giẫm bước truy tầm, chúng ta cầu nên phỏng hỏi chớ ngại nghịch cảnh đích thân đi chiêm lễ các Thánh tích". Khi ấy cả hai ba người đồng kết bạn chống tích đồng đi. Khi đã đến Ấn Độ dừng ở tại các ngôi già lam, bịnh khinh thường cho là ở chốn biên bỉ, nên chẳng có được phòng nhà dừng ở, bên ngoài thì bị bức bách bởi gió sương, bên trong thì bởi thiếu đói nhiều ngày, nên nhan sắc tiều tụy, thân hình hcỉ còn như cây khô. Bấy giờ vua nước đó (Chiến Chủ) tuần đức Phật ra gần ngoài biên giao, thấy các khách tăng, lấy làm quái lạ mà hỏi rằng: "Các khất sĩ vốn người ở xứ nào, có nhân duyên gì mà đến đây? Tai đã không xỏ, lại vận mặc y phục dơ bẩn xấu tệ?". Các Sa-môn ấy đáp rằng: "Chúng tôi là người ở nước Đổ Hóa La, kính vâng tiếp thừa di giáo, dẫm bước phong trần dẫn cùng đồng bạn muốn tham quan chiêm lễ các Thánh tích. Nhưng xót xa thay, vì kém phước nên mọi người đều

bỏ rơi. Các vị Sa-môn xứ Ấn Độ này chẳng đoái hoài cho dừng nghỉ trọ, muốn trở về lại quê cũ thì sự tham quan lễ bái chưa cùng khắp, tuy vội vàng cần khổ mà tâm bèn đã sau vậy!". Vua nghe nói vậy rất mực thương cảm, bèn đến chọn Thánh địa này mà tạo dựng ngôi già lam, dùng bông tơ sắc trắng vì các vị Sa-môn ấy mà chế định rằng: "Ta đã được ở ngôi vị cao quý cùng cực trong đời, đó là do sự chở che giúp đỡ linh thiêng của Tam bảo. Đã làm vua trong cõi người nhưng lại nhận sự phó chúc của chư Phật, nên phàm đối với những người xuất gia tôi đều hộ giúp. Tạo lập ngôi già lam này là để kính mời các hàng Sa-môn khách lữ. Từ nay trở đi, với các hàng Sa-môn có xỏ lỗ tai không được dừng ở tại ngôi già lam tôi tạo lập đây". Nhân sự tích ấy mà gọi tên như vậy.

Từ Tăng-già lam A Tỵ Đà Yết Thích Noa theo hướng tây nam đi hơn trăm dặm, lại theo hướng nam vượt qua sông Khắc Già, đến ấp Ma-ha Bà La. Xứ đó thuần là chủng tộc Bà-la-môn, không tuân kính Phật pháp, nhưng thấy các hàng Sa-môn, trước hết phỏng hỏi về khả năng học nghiệp, biết ai là người có sự nhận biết lớn mạnh thì rất mực lễ kính.

Tại phía bắc sông Khắc Già có ngôi đền thờ trời Na La Diên, trùng các tầng đài trang sức rất ánh lệ. Tôn tượng chư thiên được đục khắc đá tạo thành, sắc sảo hết sức nghĩ ngợi của con người. Linh ứng khó thể diễn bày hết được. Từ đền thờ trời Na La Diên ấy theo hướng đông đi hơn 30 dặm có một ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng đã hơn một nữa bị vùi lấp dưới đất, phía trước có dựng một trụ đá cao hơn hai trượng, phía trên làm hình sư tử, khắc ghi sự tích nhiếp phục quỷ. Xưa kia tại xứ đó có quỷ khoáng dã tự cậy ỷ có oai lực lớn nên ăn thịt uống máu người làm hại sinh linh. Ngang tàng hiện bày lắm sự yêu quái, đức Như Lai xót thương những chúng sinh chết mà chẳng được toàn thây. Đức Như Lai bèn dùng sức thần thông dẫn dụ giáo hóa các quỷ. Dẫn dắt bằng sự cho biết kính trọng quy y. Và dùng giới không giết hại mà cứu tế, các quỷ tuân theo sự chỉ giáo, kính phụng chu toàn, thiết đặt tảng đá tại đó, thỉnh Phật lên ngồi. Và cầu xin được nghe giáo pháp, khắc niệm hộ trì. Từ đó về sau có những hạng người không tin dời chuyển tảng đá do các quỷ sắp đặt, có cả số đông hàng ngàn người mà vẫn không lay chuyển. Cây rừng xanh tốt, ao nước trong xanh bao chung quanh đó, mọi người đến đó không ai chẳng sinh tâm kinh sợ.

Bên cạnh nơi đức Phật nhiếp phục các quỷ ấy cách không xa có vài ngôi Tốt-đổ-ba, trong đã bị hư hoại lắm nhiều, nhưng hiện còn có

chư tăng sinh hoạt, và đều tập học theo giáo pháp đại thừa. Từ đó theo hướng đông nam đi hơn trăm dặm, đến một ngôi Tốt-đổ-ba, nền móng tuy đã sụp đổ hư hoại, nhưng hiện còn cao hơn vài trượng xưa kia, sau khi đức Như Lai diệt độ, các vị vua của tám nước phân chia xá lợi, vị Bà-la-môn đong lường xá lợi, dùng mật bôi phết trong bình đong phân chia cho các vua, còn vị Bà-la-môn ấy giữ lấy chiếc bình đó mang về, đã có được xá lợi dính ở trong bình nên bèn tạo dựng ngôi Tốt-đổ-ba đó để tôn thờ. Thiết đặt chiếc bình ấy trong đó và cũng nhân vậy mà đặt tên. Về sau, vua Vô Ưu khai quật lấy bình xá lợi, lại tạo dựng ngôi Tốt-đổ-ba lớn, hoặc đến các ngày trai có lúc tỏa phóng ánh sáng.

Từ đó theo hướng đông bắc vượt qua sông Khắc Già, đi khoảng 140 - 150 dặm đến nước Phệ Xá Ly (xưa trước gọi là Tỳ Xá Ly tức sai nhầm vậy, thuộc Trung Ấn Độ).

3 - NƯỚC PHỆ XÁ LY.

Nước Phệ Xá Ly chu vi rộng hơn 5000 dặm, đất đai màu mỡ, hoa quả tốt tươi. Quả Am Một La, Quả Mậu Già đã lắm nhiều mà lại quý. Khí hậu hòa sướng, phong tục thuần chất, ưa thích sự phước đức, quý trọng điều học hành. Có vài trăm ngôi già lam, phần nhiều đều đã hư hoại, chỉ còn lại năm ba ngôi, chư tăng rất hiếm ít. Có vài mươi ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo chung sống lẫn lộn. Hàng lõa hình ngoại đạo đồng bạn đông nhiều. Thành Phệ Xá Ly đã hư hoại lắm nhiều, dấu vết nền móng xưa cũ còn lại rộng khoảng 60 - 70 dặm, chu vi cung thành rộng khoảng 4 - 5 dặm đến một ngôi già lam, chư tăng hiếm ít và đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa chánh lượng bộ. Bên cạnh đó có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kia đức Như Lai giảng nói kinh Tỳ Ma La Cật, trưởng giả Tử Bảo Tích, v.v... dâng cúng lọng báu. Từ đó về phía đông có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi các tôn giả Xá Lợi Tử, v.v... ở tại đó chứng đắc quả vị Vô Học.

Từ nơi các tôn giả Xá Lợi Tử v.v..., chứng đắc quả vị vô học về phía đông nam có ngôi Tốt-đổ-ba do vua nước Phệ Xá Ly tạo dựng. Xưa kia, sau khi đức Như Lai nhập niết bàn, tiên vương nước đó phân chia được phần xá lợi, nên tạo lập tôn thờ. Theo "Ấn Độ Ký" nói là trong Tốt-đổ-ba đó xưa trước có một hộc xá lợi của đức Như Lai, vua Vô Ưu đã mở lấy hết chín đấu, về sau có vị quốc vương lại muốn mở lấy, vừa mới chuẩn bị khởi công, liền đó quả đất chấn động bèn không dám mở lấy. Từ đó về phía tây bắc có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo lập, bên cạnh đó có một trụ đá cao khoảng 50 - 60 thước, phía trên làm hình

tượng sư tử. Từ trụ đá đó về phía nam có một cái ao là do đàn khỉ vượn vì đức Phật mà moi đào. Xưa kia đức Như Lai từng ở tại nơi đó. Từ ao ấy về phía tây cách không xa có một gôi Tốt-đổ-ba là nơi các khỉ vượn mang bình bát đức Như Lai leo lên cây để lấy mật. Lại từ ao ấy về phía nam cách không xa có một ngôi Tốt-đổ-ba là nơi các khỉ vượn dâng bát mật cúng dường đức Phật. Và từ ao ấy về góc tây bắc còn có hình tượng của khỉ vượn.

Từ ngôi già lam ấy về phía đông bắc cách khoảng 3 - 4 dặm có một ngôi Tốt-đổ-ba là nơi vườn nhà xưa cũ của Tỳ Ma La Cật (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Vô Cấu Xưng. Xưa trước gọi là Tịnh Danh, nhưng "Tịnh" tức là "Vô cấu", còn "Danh" tức là "Xưng", nghĩa là tuy đồng nhưng tên gọi káhc. Xưa trước gọi là Duy Ma Cật, tức là lượt gọi sai nhầm vậy), có nhiều linh dị, cách đó không xa có một thần xá (nhà thần) hình tướng như gạch chất nhiều lớp. Tương truyền nói sắp chất gạch đá đó là nơi trưởng giả Vô Cấu Xưng hiện tướng bệnh để giảng nói pháp. Cách đó không xa có ngôi Tốt-đổ-ba là nơi vườn nhà xưa cũ của trưởng giả tử Bảo Tích. Cách đó không xa lại có ngôi Tốt-đổ-ba là nơi vườn nhà xưa cũ của Am Một La Nữ, là nơi di mẫu của đức Phật cùng các Bí Sô ni ở tại đó mà chứng nhập niết bàn.

Từ ngôi già lam ấy về phía bắc cách khoảng 3 - 4 dặm có một ngôi Tốt-đổ-ba là nơi xưa kia đức Như Lai sắp quả nước Câu Thi Na để nhập niết bàn, người cùng các hàng phi nhân cùng đi theo đức Thế Tôn đến đó đứng chờ đợi. Từ đó tiếp về phía tây bắc cách không xa lại có một ngôi Tốt-đổ-ba là nơi đức Phật đứng tại đó trông nhìn lại thành Phệ Xá Ly lần cuối cùng. Từ đó về phía nam cách không xa lại có một ngôi tinh xá, phía trước có tạo dựng ngôi Tốt-đổ-ba là nơi khu vườn của Am Một La Nữ dâng cúng đức Phật.

Bên cạnh khu vườn của Am Một La Nữ có một ngôi Tốt-đổ-ba là nơi đức Như Lai dự báo sẽ nhập Niết bàn. Xưa kia đức Như Lai đến tại đó cùng tôn giả A-nan rằng: "Người đã chứng đắc tứ thần túc, có thể sống kéo dài thọ mạng với thời gian một kiếp. Ngày nay đức Như Lai đến tại đó bảo cùng tôn giả A-nan rằng: "Người đã chứng đắc tứ thần túc, có thể sống kéo dài thọ mạng bao lâu?". Qua vài ba phen đức Phật hỏi như thế, mà tôn giả A-nan bị Thiên Ma làm mê hoặc nên chẳng trả lời. Và tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào trong rừng ngồi im lặng. Khi ấy Ma lại thỉnh cầu đức Phật rằng: "Như Lai ở tại thế gian giáo hóa đã lâu, chúng sinh được cứu độ lưu chuyển số đông như cát bụi, niềm an lạc của sự tịch diệt nay đã đúng phải thời vậy". Đức Thế

Tôn bèn lấy ít đất đặt để trên móng tay mà bảo cùng ma rằng: "Đất giữa đại địa nhiều hay đất trên móng tay của ta nhiều?". Ma đáp rằng: "Đất giữa đại địa nhiều". Phật bảo: "Số chúng sinh ta đã hóa độ thì như số đất trên móng tay của ta, còn số chưa độ thì như giữa đại địa vậy. Ba tháng sau, ta sẽ nhập niết bàn". Ma nghe đức Phật bảo vậy bèn vui mừng mà rút lui. Bấy giờ tôn giả A-nan đang ở trong rừng bỗng cảm điều mộng khác lạ, trở lại thưa bạch cùng đức Phật rằng: "Con ở trong rừng mộng thấy có một cây lớn cành lá tươi tốt, che bóng kín khắp cùng, bỗng nhiên gió nổi dậy thổi bẻ tan nát không còn một gì. Đâu chẳng phải là đức Như Lai sắp nhập niết bàn ư? Trong tâm con ôm hoài lo sợ, nên lại thỉnh hỏi?". Đức Phật bảo tôn giả A-nan rằng: "Trước kia tôi đã bảo hỏi ông, nhưng ông bị ma che mờ khuất lấp nên khi đó ông không thỉnh cầu lưu ở lại. Ma vương đến khuyên thỉnh tôi sớm nhập Niết bàn. Tôi đã nói kỳ hạn hứa thuận. Nên điềm mộng ấy là như thế vậy".

Bên cạnh nơi đức Phật dự báo sẽ nhập niết bàn cách không xa có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi ngàn người con được gặp thấy lại song thân. Xưa kia có vị tiên nhân ở ẩn nơi hang cốc, vào trong tháng hai xuống tắm rửa dưới dòng suối trong mát, có con nai xuống uống nước nơi dòng suối ấy bèn cảm sinh một người con gái dáng mạo xinh đẹp trội vượt khác người thường. Tiên nhân gặp thấy vậy bèn đưa về nuôi dưỡng. Về sau, tiên nhân bảo người con gái (nàng nai) ấy đến nơi vị tiên khác để xin lửa. Những dấu vết bước chân giẫm trên đất đều nổi hiện hoa sen, vị tiên kia thấy thế lấy làm kỳ lạ, bèn bảo đi nhiễu quanh am tranh mới cho lửa để mang về. Nàng nai bèn y theo lời bảo ấy mới có được lửa mang trở về. Bấy giờ, vua Phạm Dự đang đi săn thấy hoa sen nên tìm theo dấu vết, khi đã thấy gặp, rất vui lòng và lấy làm quái lạ, bèn đưa nàng nai trở về cung. Sau đó, các thầy tướng chiêm đoán nàng nai sẽ sinh ngàn người con, các người vợ khác của vua nghe thế không ai chẳng dám mưu tính. Đến lúc ngày tháng đã đủ, nàng nai sinh ra một hoa sen, hoa có ngàn cánh, mỗi mỗi cánh có một người con ngồi ở trong. Các người vợ khác của vua dèm pha sàm tấu đều gọi đó là điềm không tốt lành, bèn đem ném vất giữa dòng sông Khắc Già, theo làn sóng dập dìu trôi nổi. Khi ấy vua Ô Kỳ Diên đang tham quan phía dưới dòng sông, thấy mây vàng che phủ cưỡi sóng mà lại, vua vớt lên mở xem thì có ngàn người con, bèn đem về chăm sóc bú mớm nuôi dưỡng, đến lúc trưởng thành có sức lực mạnh. vua ỷ cậy có ngàn người con bèn dẫn binh đánh chiếm khắp bốn phương. Binh lính thừa oai thế chiến thắng lần lượt kéo đến nước đó (Phệ Xá Lý thủa xưa trước). Khi

ấy, vua Phạm Dự nghe binh lính đông mạnh kéo đến trong lòng rất lo sợ binh lính của mình không sức địch nỗi, chẳng biết tính sao. Bấy giờ, trong tâm nàng nai biết binh lính đó là con của mình nên nói cùng vua rằng: "Nay binh lính sắp đánh chiếm nước nhà, trên dưới đều rối ren cõi lòng, tiện thiếp đây nghĩ suy có thể đánh bại giặc địch mạnh". Vua chưa thể tin hiểu điều đó, lo sợ càng sâu xa. Nàng nai mới leo lên lầu thành chờ đợi giặc đến. Ngàn người con ấy dẫn binh lính vây bọc khắp bốn phía thành. Nàng nai bảo rằng: "Chớ nên làm điều trái ngược. Ta là mẹ của các ngươi, các ngươi là con của ta". Ngàn người con ấy bảo rằng: "Cớ sao dám nói xằng bậy vậy?". Nàng nai bèn đưa tay đè nén hai núm vú, bỗng tuôn vọt ngàn dòng sữa, như thiên tánh cảm nên đều rơi vào trong miệng ngàn người con. Khi ấy ngàn người con ấy bèn cởi áo giáp, giải tan binh lính trở về với giòng tộc. Hai nước giao hảo muôn dân thảy đều an lạc.

Bên cạnh nơi ngàn người con ấy quay về lại với tông tộc có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi có dấu vết xưa kia đức Như Lai kinh hành đến đó, và chỉ bảo cùng chúng tăng rằng: "Đây là nơi xưa kia ta trở lại với tông tộc được thấy gặp song thân. Muốn biết ngàn người còn ấy tức là ngàn đức Phật ở thời hiền kiếp này vậy".

Từ nơi đức Phật thuật bày về Bản sinh về phía đông có một nền móng xưa cũ, phía trên có tạo dựng một ngôi Tốt-đổ-ba, có lúa tỏa phóng ánh sáng. Mọi người đến cầu nguyện phần nhiều đều được toại nguyện. Đó là nơi xưa kia đức Phật giảng nói các kinh Phổ Môn, Đà La Ni, v.v... Trùng các giảng đường hiện còn lại nền móng xưa cũ.

Bên cạnh giảng đường cách không xa có ngôi Tốt-đổ-ba, bên trong có một nửa thân phần xá lợi của tôn giả A-nan. Cách đó không xa có khoảng vài trăm ngôi Tốt-đổ-ba, muốn xác định số lượng đó chưa thể biết rõ. Đó là nơi ngàn vị độc giác nhập diệt vậy. Cả trong và ngoài chung quanh tường thành Phệ Xá Ly, các Thánh tích có lắm nhiều khó thể nêu bày đầy đủ, hình thế ưu thắng thành quách xưa cũ đổ nát xếp sắp như vãy cá cao vợi, năm tháng chợt biến đổi, mưa nắng thủa đổi thay, rừng đã gãy đổ suy tàn, ao cũng khô cạn, gốc cây trơ trọi còn lại dấu vết có thể lấy đó nghiệm rõ vậy.

Từ thành lớn theo hướng tây bắc đi khoảng 50 - 60 dặm, đến một ngôi Tốt-đổ-ba lớn, là nơi các Lật Chiếp Bà Tử (xưa trước gọi là Ly Xa Tử, tức sai nhầm vậy) giả biệt đức Như Lai. Xưa kia, lúc đức Như Lai từ thành Phệ Xá Ly đi đến nước Câu Thi La, các Lật Chiếp Bà Tử nghe đức Phật sắp nhập niết bàn, bèn cùng nhau buồn khóc tiển biệt. Đức

Thế Tôn đã thấy sự buồn thương luyến mộ đó, ngôn từ không thể dẫn dụ được, bèn dùng sức thần hóa hiện thành một dòng sông lớn, bờ mé cao vợi, nước sông sâu thẳm, sóng dâng cuồng cuộn, các Lật Chiết Bà Tử bèn buồn khóc dừng lại, đức Như Lai lưu lại cho cái bình bát để làm vật truy niệm.

Từ thành Phệ Xá Ly về phía tây bắc cách gần 200 dặm có một khu thành xưa cũ đã hoang tàn với năm tháng lâu dài, người ở hiếm ít trống vắng thưa thớt. Bên trong có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa trước đức Phật có ở tại đó vì các vị Bồ-tát cùng cách chúng trời người dẫn nói về Bản sinh, tu Bồ-tát hạnh. Đức Phật đời trước từng ở tại thành đó làm vua chuyển luân, hiệu là Ma-ha Đề B2 (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Đại Thiên) có ứng bảy báu, làm vua cả tứ thiên hạ, thấy được tướng suy tàn biến đổi, thấu rõ lý vô thường, bèn thầm ôm hoài giẫm bước cao, quên tình ngôi vị lớn, xả bỏ nước nhà mà xuất gia học đạo.

Từ thành về phía đông nam cách khoảng 14 - 15 dặm có một ngôi Tốt-đổ-ba lớn, là nơi 700 vị hiền Thánh kiết tập kinh điển lần thứ hai. Sau khi đức Phật nhập niết bàn khoảng 100 năm, tại thành Phệ Xá Ly có các vị Bí Sô, xa lìa Phật pháp, hành trì sai nhầm về giới luật. Bấy giờ có trưởng lão Da Xá ở nước Kiều-tát-la, trưởng lão Tam Bồ Già ở nước Mạt Thố La, trưởng lão Ly Ba Đa ở nước Hàn Nhã, trưởng lão Sa La ở nước Phệ Xá Ly, trưởng lão Phú Xà Tô Di La ở nước Sa La Lê Phất, và các vị Đại A-la-hán tâm được tự tại, hành trì gìn giữ Tam tạng, chứng đắc Tam minh, có tiếng tăm lớn, mọi người đều nghe biết, và đều là đệ tử của tôn giả A-nan. Bấy giờ trưởng giả Da Xá Đà sai sứ báo mời các vị Hiền Thánh đều có thể nhóm tập tại thành Phệ Xá Ly, còn thiếu một người, chưa đủ số 700. Khi ấy trưởng lão Phú Xà Tô Di La dùng thiên nhãn xem xét thấy các bậc Đại hiền Thánh cùng nhóm tập bàn nghị về pháp sự, bèn vận dụng sức thần túc, đến nơi pháp hội. Lúc đó, trưởng lão Tam Bồ Già ở giữa đại chúng trịch áo bày vai hữu quỳ dài mà xướng lời rằng: “Đại chúng không rầm rĩ, thật đáng khâm trọng thay? Thật đáng nghĩ nhớ thay! Xưa kia đức đại Thánh pháp vương khéo dùng phương tiện thị hệin nhập niết bàn, năm tháng trải qua tuy xa nhưng ngôn giáo hiện còn. Tại thành Phệ Xá Ly có các Bí Sô biếng lười, sai nhầm đối với giới luật. Có nêu bày 10 sự trái ngược với giáo điển 10 lực. Nay chư vị Kiều giả thấu suốt sâu xa về mọi sự trì phạm. Và đầu tiếp thừa sự dạy răn của đại đức A-nan, nghĩ nhớ muốn báo đáp ân đức chư Phật trùng tuyên lại Thánh chỉ”. Khi ấy các bậc đại Thánh không ai

chẳng buồn cảm, liền vời các vị Bí Sô nhóm tập rồi y cứ vào Tỳ-nại-da (Luật tạng) mà quở trách và cấm chế ngăn cản, gạt trừ các vị sai nhầm giáo pháp và tuyên bày rõ ràng về Thánh giáo lại.

Từ nơi 700 vị hiền Thánh kết tập kinh điển theo hướng nam đi khoảng 80 - 90 dặm đến ngôi Tăng-già lam Thấp Phệ Đa Bổ La, tầng đài vòng quanh, Tốt-đổ-ba trùng các bày liệng, tăng chúng thanh tịnh chỉnh túc đều tập học giáo pháp đại thừa. Bên cạnh đó là nơi có dấu vết của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành. Bên cạnh đó lại có ngôi Tốt-đổ-ba di vua Vô ưu tạo dựng, là nơi xưa kia đức Như Lai theo hướng nam đến nước Ma Yết Đà, xoay về hướng bắc trông nhìn lại thành Phệ Xá Ly, dấu vết dừng nghỉ giữa đường vẫn hiện còn.

Từ Tăng-già lam Thấp Phê Đa Bổ La theo hướng đông nam đi hơn 30 dặm, hai phía nam bắc của sông Khắc Già mỗi bên đều có một ngôi Tốt-đổ-ba là nơi tôn giả A-nan Đà phân thân chia cho hai nước. Tôn giả A-nan Đà là con người chú của đức Như Lai, là bậc đa văn tổng trì nhận biết sâu xa thông rành mọi vật. Sau khi đức Phật nhập niết bàn, tôn giả A-nan nối tiếp tôn giả Đại Ca Diếp đảm nhận hành trì giáo pháp giảng dạy sách tấn người học. Đang lúc kinh hành ở trong rừng ở nước Ma Yết Đà thấy một vị sa di đọc tụng kinh Phật, chương cú sai nhầm, chữ câu lẫn lộn, tôn giả A-nan nghe rồi, cảm thương nghĩ nhớ càng xót xa, bèn từ từ bước đến nơi vị sa di ấy dẫn dắt chỉ dạy. Vị sa di ấy cười bảo: “Đại đức là người già nua suy yếu, nói điều sai nhầm. Còn thầy của tôi là bậc cao minh, tuổi tác còn trẻ khỏe, tôi được thừa sự chỉ dạy thật không sai nhầm vậy”. Tôn giả A-nan im lặng rút lui mà than rằng: “Ta nay tuy tuổi đã lớn nhưng vì xót thương các hàng chúng sinh nên muốn dừng ở dài lâu nơi thế gian để gìn giữ chánh pháp, nhưng vì chúng sinh nghiệp lực sâu nặng khó thể dạy răn, nên nếu ta có ở lâu nơi đời cũng chẳng ích lợi gì. ta nên chóng nhập niết bàn”. Ki ấy từ nước Ma Yết Đà, tôn giả đi đến nước Phệ Xá Ly, vượt qua sông Khắc Già, đi bằng thuyền đang giữa dòng sông, vua nước Ma Yết Đà nghe tôn giả A-nan cất bước ra đi, trong lòng rất kính mộ đức hạnh liền chuẩn bị binh lính nghiêm giá vội đuổi nhanh để thỉnh cầu trở lại với số vài trăm ngàn quân lính đóng dừng ở tại bờ phía nam. Còn vua nước Phệ Xá Ly nghe tin tôn giả A-nan đến nước mình cũng chuẩn bị binh quân vội sang nghinh đón với số quân vài trăm ngàn đến dừng đóng tại bờ phía bắc. Hai bên bờ sông quân lính đối nhau giăng treo cờ hiệu ngăn che cả mặt nhật. Tôn giả A-nan lo sợ có sự đấu loạn binh lính hai bên giết hại lẫn nhau, mới từ thuyền vọt bay lên giữa hư không, hiện bày thần biến và liền nhập niết

bàn, hóa lửa tự thiêu đốt nhục thân, lại phân chiếc giữa đầu thân hình, một nửa rơi xuống bờ phía nam, một nửa rơi xuống bờ phía bắc. Do đó hai vua ở hai bên, mỗi bên được một phần xá lợi, cả quân lính đồng khóc gào và đều trở về lại nước mình, tạo dựng Tốt-đổ-ba mà phụng tu cúng dường. Từ đó theo hướng đông bắc đi hơn 500 dặm đến nước Phất Lật Thị (người phương bắc gọi là nước Tam Phạt Thị, thuộc Bắc Ấn Độ).

4 - NƯỚC PHẤT LẬT THỊ.

Nước Phất Lật Thị chu vi rộng hơn 4000 dặm, từ đông sang tây dài, từ nam sang bắc hẹp. Đất đai mầu mỡ, hoa quả tươi tốt, khí hậu hơi lạnh. Tánh tình con người gấp vội. Phần nhiều kính trọng ngoại đạo, ít tin Phật pháp. có hơn 10 ngôi già lam, chư tăng có gần ngàn vị, đối với giáo pháp Tiểu thừa đại thừa đều dốc công học thông. Có vài mươi ngôi đền thờ trời. Các hàng ngoại đạo đông nhiều. Đô thành lớn nước đó tên là Thú Noa, phần nhiều đã hư hoại sụp đổ. Phía trong cung thành xưa cũ còn có hơn 3000 nhà, tợ như thôn ấp vậy.

Từ dòng sông lớn về phía đông bắc có một ngôi già lam, tăng chúng hiếm ít, học hạnh thanh cao. Từ đó về hướng tây đi theo phía nam dòng sông có một ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn ba trượng. Ở dải phía nam dòng sông dài là nơi xưa kia đức Đại Bi Thế Tôn hóa độ các ngư nhân. Xưa kia, lúc đức Phật còn tại thế, có 500 ngư nhân kết đàn hợp đảng vớt bắt loài thủy tộc ở nơi dòng sông đó, vớt bắt được một con cá lớn có 18 đầu, mỗi đầu có hai mắt, các ngư nhân muốn giết hại đó. Khi ấy đức Như Lai đang ở tại nước Phệ Xá Ly, dùng thiên nhãn trông thấy, bèn khởi tâm thương xót, nhân thời gian hoằng hóa đạo, nhờ có duyên ấy mà khai ngộ nên bảo cùng chúng là: “Ở tại nước Phất Lật Thị hiện có con cá lớn, ta muốn dẫn dắt nó để khai ngộ cho các ngư nhân, các ông nên phải biết thời cơ”. Khi ấy đại chúng vây quanh vận dụng sức thần túc vượt giữa hư không mà đến bến sông đó, vẫn như lệ thường bày tòa mà ngồi, đức Phật bảo các ngư nhân rằng: “Các ông chớ nên giết hại con cá ấy”. Và đức Phật liền dùng sức thần thông mở môn phương tiện, oai lực phủ trùm cá lớn ấy, khiến nó nhận biết được túc mạng, có thể nói được tiếng người, suốt hiểu tâm tình con người. Bấy giờ đức Như Lai nhận biết mà cố hỏi rằng: “Thân trước ngươi từng làm tội ác gì mà lưu chuyển trong đường xấu ác phải nhận chịu thân hình xấu tệ này?”. Con cá lớn ấy đáp: “Xưa trước nhân nhờ phước tốt lành tự sinh trong giòng tộc cao quý, Đại Bà-la-môn Kiếp Tỷ Tha chính là thân con. Do

ỷ lại giòng tộc ấy nên lấn lướt khinh miệt người thường, ỷ mình hiểu thông mọi sự vật mà khinh bỉ người nghèo hèn, xem thường kinh pháp. Do vì tâm khinh mạn, phỉ báng chư Phật, dùng lời nói xấu ác mà nhục mạ chúng tăng, dẫn loại hình sánh ví như lạc đà, lừa, voi, ngựa, v.v... các loại hình xấu xí mà đối đãi đó, do vì nghiệp ác ấy nên phải nhận chịu thân hình xấu tệ này. Lại nhờ phước thiện xưa trước nên sinh đời này được gặp đức Phật, chính mắt trông thấy Thánh hóa, thân gần tiếp nhận Thánh giáo". Nhân đó mà con cá ấy sám tạ ăn năn các nghiệp ác đã tạo từ trước! Đức Như Lai bèn tùy cơ duyên mà nhiếp hóa, như ứng đối mà mở dẫn. Con cá lớn ấy đã được nghe pháp, bèn liền mạng chung nương phước lực ấy được sinh lên cung trời. Ở đó, tự quán xét thân mình do duyên gì mà được sinh đây. Khi đã biết được túc mạng, bèn nghĩ nhớ muốn báo đáp ân Phật, liền cùng các chúng trời sánh vài cùng đến nơi đức Phật, lễ bái xong rồi theo phía hữu mà đi nhiễu quanh và lui đứng một bên, dùng các hương hoa vật báu cõi trời để dâng cúng đức Phật. Đức Thế Tôn chỉ bảo cho các ngư nhân thấy rõ và vì giảng nói diệu pháp. Khi ấy các ngư nhân bèn liền cảm ngộ chí thảnh đảnh lễ sám tạ, xé phá lưới chài, đốt bỏ thuyền bè, quay trở lại nguồn chân thọ học giáo pháp, sau khi đã được xuất gia lại nghe chí giáo, và đều được ra khỏi trần cấu đồng chứng đắc Thánh quả.

Từ nơi đức Phật hóa độ các ngư dân theo hướng đông bắc đi hơn trăm dặm đến phía tây một thành xưa cũ có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng cao hơn trăm thước. Là nơi xưa kia đức Phật từng ở tại đó sáu tháng giảng nói giáo pháp hóa độ các người trời. Từ đó về phía bắc cách khoảng 140 - 150 bộ có một ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ, là nơi xưa kia đức Phật từng ở đó vì các vị Bí Sô mà chế giới. Tiếp theo về phía tây cách không xa lại có ngôi Tốt-đổ-ba tôn thờ tóc và móng tay của đức Phật, là nơi xưa kia đức Phật từng ở tại đó, mọi người ở các thôn ấp xa gần cùng nhau kép đến đốt hương tung rải hoa, đèn đuốc luôn rực sáng không ngưng dứt. Từ đó theo hướng tây bắc đi khoảng 140 - 150 dặm vượt qua núi vào hang động đến nước Nị Ba La (thuộc Trung Ấn Độ).

5 - NƯỚC NI BA LA.

Nước Ni Ba La chu vi rộng hơn 4000 dặm nằm trong núi tuyết. Đô thành lớn nước đó rộng hơn 20 dặm, núi sông liền nhau, đất đai thích nghi với lúa thóc lắm nhiều hoa quả. Là nơi sản sinh ra các thứ đồng đỏ, trâu mao, chim mạng mạng. Mua bán đổi chác dùng bằng tiền đồng đỏ, khí hậu rét lạnh, phong tục hiểm bí, con người tánh khí cứng mạnh hung

dữ, tín nghĩa khinh bạc, không học nghề, có sự khéo léo, thân hình xấu xí. Với các giáo nghĩa tà chánh đều kính tin. Các ngôi già lam và đền thờ trời, tiếp nhau vách tướng nối tiếp góc cạnh, chư tăng có hơn 2000 vị. Đối với giáo lý đại thừa Tiểu thừa đều dốc công tập học. Các hàng ngoại đạo dị học số lượng chẳng rõ là bao nhiêu. vua Sát Đế Lợi thuộc chủng tộc Lật Chiếp Bà, có chí học thanh cao, thuần kính tin Phật pháp. Gần đây có vị vua tên là Ương Thân Phạt Ma (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Quang Trụ) là người học rộng thông mẫn tự chế tác luận Thanh Minh. Mến trọng người ham học, kính chuộng các bậc đức hạnh, nên tiếng tăm vang khắp xa gần. Từ đô thành về phía đông nam có ao nước nhỏ, nếu dùng lửa người ném xuống, nước liền bốc cháy, lại ném các vật khác cũng biến thành lửa.

Từ đó trở về lại nước Phệ Xá Ly theo hướng nam vượt qua sông Khắc Già đến nước Ma Yết Đà (xưa trước gọi là Ma-kiệt-đà, còn gọi là Ma Kiệt Đề, đều là sai nhầm vậy, thuộc Trung Ấn Độ).

■

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỨC KÝ

QUYỂN 8

(Nói về một nước).

1. Nước Ma Yết Đà.

1 - NƯỚC MA YẾT ĐÀ.

Nước Ma Yết Đà chu vi rộng hơn 5000 dặm. Tại đô thành hiếm ít người ở, nơi thôn ấp nhà cửa sắp liền. Đất đai mầu mỡ rất thấm đượm lúa thóc. Có giống lúa giê khác lạ, hạt nó thô lớn, mùi vị khác hẳn, sắc màu sáng đẹp đặc thù. Người ở nước ấy quen gọi đó là gạo cúng đại nhân. Đất đai có phần ẩm thấp, thôn ấp người ở gò đồi cao. Từ sau tháng tư đến trước tháng tám, bình thường sinh sống men theo dòng sông có thể sử dụng thuyền bè trôi nổi. Phong tục thuần chất, khí hậu ấm nóng, rất sùng tụng người có chí học, tôn kính Phật pháp. Có hơn 50 ngôi già lam, chư tăng có hơn vạn vị, phần nhiều đều kính trọng tập học giáo pháp đại thừa. Có vài mươi ngôi đền thờ trời. Các hàng dị đạo rất đông nhiều.

Từ sông Khắc Già về phía nam có thành xưa cũ, chu vi rộng hơn 70 dặm, hoang tàn tuy đã trải qua thời gian lâu dài nhưng nền móng địa chỉ vẫn hiện còn. Xưa kia lúc con người có được tuổi thọ không biết bao nhiêu năm thì gọi đó là thành Câu Tô Ma Bổ La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là cung thành Hương Hoa) vì nơi vương cung có lắm nhiều hoa nên gọi tên như vậy. Mãi đến lúc con người có được tuổi thọ khoảng vài ngàn năm, thì lại gọi đó là thành Ba Tra Ly Tử (xưa trước gọi là Ấp Ba Liên Phất tức sai nhầm vậy). Mới đầu có vị Bà-la-môn tài cao học rộng, môn nhân đệ tử có vài ngàn người, dùng sở học mà truyền trao. Các học trò cùng nhau đi dạo chơi, có một thư sinh buồn bã bồi hồi trông ngấm. Đồng bạn mới hỏi rằng: “Cớ sao u buồn vậy?”. Thư sinh ấy đáp: “Sắc đẹp mới cứng mạnh, rảo bước giẩm bóng hình, năm tháng đã chồng chất mà nghề nghiệp không thành. Trông nhìn lại đây mà nói lòng buồn càng quá lắm”. Khi ấy các học trò cười đùa mà bảo rằng:

"Nay sẽ vì ông mà sính hôn". Thân gần mới giả lập ba người làm cha mẹ của người nam, hai người làm cha mẹ của người nữ, bèn ngồi nơi gốc cây Ba Tra Ly, nói với người nữ bằng tiếng cây rằng: "Lúc hái, quả rót dòng trong, bày đầu mối của hôn nhân, xin khéo hợp với kỳ hạn". Khi ấy giả làm cha của người nữ xin cành hoa trao cho thư sinh mà bảo rằng: "Đây là tình cờ gặp gỡ tốt lành, xin chớ chối từ vậy". Trong lòng thư sinh mừng vui tự đắc. Đến lúc xế tối, mọi người nói trở về, nhưng thư sinh quyến luyến mà ở lại. Các học trò bảo: "Lời nói trước là đùa vui thôi vậy, mong có thể đồng trở về. Trong rừng có nhiều thú dữ, sợ cùng làm hại đó". Thư sinh vẫn cứ ở lại, và qua lại bên cạnh gốc cây. Sau khi trời đã tối, bỗng nhiên có ánh sáng khác lạ tỏa chiếu khắp trống vắng, âm thanh đàn sáo thanh nhã hòa vang, bỗng chốc thấy có một ông già trên tay với trượng sách đến ủy an. Lại có một bà già dẫn theo người thiếu nữ cùng với khách theo đến đông đầy đường, vận mặc y phục đẹp xinh tấu trổi ca nhạc. Ông già mới chỉ người thiếu nữ mà bảo cùng thư sinh rằng: "Đây là người vợ nhỏ yếu của ông vậy". Và bèn cùng ca nhạc yến tiệc trải qua bảy ngày. Các học trò nghi là thư sinh đã bị thú dữ làm hại, bèn sang mà tìm kiếm, mới thấy thư sinh riêng một mình ngồi dưới bóng cây, dáng thế đang như đối đãi với thượng khách, bảo cùng trở về nhưng thư sinh khước từ không vâng theo. Sau đó tự vào thành một mình, thư sinh bái yết thân thích xưa cũ, tỏ bày đầu đuôi sự việc, mọi người nghe đều kinh hãi. Các người bạn thân đồng sang trong rừng và đều thấy cây hoa ấy là một ngôi nhà ở lớn, có các tôi tớ sai sử mọi công việc qua lại vội vàng. Và ông già ấy thong dong tiếp đối, thiết bày thức ăn ngon tấu trổi ca nhạc, chủ khách đều đủ lễ. Các người bạn trở lại trong thành kể cùng mọi người xa gần. Đến lúc tuổi già, thư sinh ấy sinh được một người con. Thư sinh mới bảo cùng vợ rằng: "Tôi nay muốn trở về quê cũ mà chưa nhẫn lìa xa cản trở. Vừa lại lưu ở, nương náu nơi trú ngụ vụt lộ bày". Người vợ nghe thế rồi, bèn đem thưa cùng cha già. Ông già ấy bèn bảo cùng thư sinh rằng: "Người đời hành lạc há hẳn phải có quê cũ. Nay sắp xây dựng nhà cửa, ông nên chớ có ý chí đổi khác". Khi ấy bèn sai sử mọi người lo việc xây dựng không mấy ngày mà đã hoàn thành. Thành cũ Hương Hoa dời đô đến ấp này. Do sức thần của người con kia vì xây dựng thành, từ dó về sau nhân đó mà gọi tên là thành Ba Tra Ly Tử vậy.

Từ cung xưa cũ của vua về phía bắc có một trụ đá cao vài mươi thước di vua Vô Ưu tạo lập, đó là nơi tạo dựng cảnh địa ngục vậy. Sau khi đức Như Lai nhập niết bàn trong 100 năm thứ nhất, có vị vua tên

là A Thâu Ca (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là vua Vô Ưu, xưa trước gọi là vua A Dục, tức sai nhầm vậy), là tằng tôn của vua Tần Tỳ Bà La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Ảnh Kiên, xưa trước gọi là Tần Bà Sa La, tức sai nhầm vậy), từ thành Vương Xá dời đô đến Ba Tra Ly, xây dựng thành quách phía ngoài bao quanh thành cũ, thời gian trải qua đã lâu xa chỉ còn lại địa chỉ nền móng cũ. Các ngôi già lam, đền thờ trời, Tốt-đổ-ba nền móng xưa cũ có vài trăm ngôi mà hiện còn chỉ vài ba ngôi. Chỉ có nơi phía bắc cung thành gần sông Khắc Già, trong một thành nhỏ còn có hơn trăm ngôi nhà. Mới đầu, sau khi lên ngôi, vua Vô Ưu mọi cử chỉ hành động vô cùng hung bạo, mới lập ra cảnh địa ngục làm hại sinh linh, chung quanh tường vách cao vợi. Góc lầu đặc biệt nổi cao, có lửa dữ cháy phừng phực, lò vạc, dao, mũi nhọn bén sắc, có đủ thứ khí cụ làm khổ quần sinh, phỏng theo hình tượng nơi chốn u đồi, vời gọi. Các người hung dữ lập làm chủ ngục, mới đầu thì đem các tội nhân phạm pháp trong nước nhà bất kể nặng nhẹ đều đưa vào chịu đựng sự khốn khổ. Về sau, đem những người đi ngang qua ngục thảy đều bị bắt lấy giết hại. Những người đến đó thảy đều bị chết, bèn bít miệng được vậy. Bấy giờ có vị Sa-môn mới vào pháp chúng, rảo bước khắp các thôn ấp để khất thực. Không may, gặp đến chốn địa ngục ấy. Chủ ngục sai người hung dữ bắt lấy muốn giết hại. Vị Sa-môn ấy kinh sợ, xin được lễ sám. Bỗng chốc lại thấy có một người bị trói dẫn đưa vào địa ngục, cắt chặt tay chân, nghiền nát hình hài, chỉ khoảng khắc cúi xuống ngửa dậy mà khắp thân phần đều nát tan. Vị Sa-môn ấy thấy vậy rồi rất lấy làm buồn thương, thành tựu được pháp quán vô thường, chứng quả vô học. Ngục tốt bảo rằng: “Có thể đến lúc chết vậy”. Vị Sa-môn ấy đã chứng quả Thánh, trong tâm xem thường mọi sự sống chết, nên tuy vào trong vạc sôi mà tợ như ở trong ao nước mát, có hoa sen lớn hiện ra và ngồi trên đó. Chủ ngục kinh sợ vội sai sứ chạy đến báo vua. Vua bèn đích thân đến trông xem và vô cùng tán thán linh thần hộ giúp. Chủ ngục bảo rằng: “Đại vương đáng chết”. Vua hỏi: “Cớ sao?”. Chủ ngục nói: “Trước kia đại vương có răn bảo đến trông coi hình ngục, phàm mọi người đến nơi tường ngọc, thảy đều giết hại, không thể nói là vua vào được mà thoát khỏi”. vua Vô Ưu bảo: “Pháp tắc đã nhất định, lý không cải đổi. Ta trước có bảo đâu nói trừ thân ngươi. Từ lâu ngươi lạm sống trong lỗi quá của ta”. Và liền bảo các ngục tốt ném thân chủ ngục vào trong vạc lớn. Chủ ngục đã chết, vua Vô Ưu mới được ra khỏi. Khi ấy, vua bèn phá hủy tường vách phế bỏ tù ngục, khoan tha các tội hình. Từ cảnh địa ngục ấy về phía nam cách không xa có một ngôi Tốt-

đổ-ba, nền móng đều đã sụp đổ chỉ còn hình thế như bình bát úp, được dùng các vật báu để trang sức, dùng đá làm lan hạm. Đó là một trong 84000 ngôi Tốt-đổ-ba. Vua Vô Ưu dùng sức người mà xây dựng trong cung. Bên trong có một đấu xá lợi của đức Như Lai. Linh giám có hiện nổi, có khi tỏa phóng ánh sáng.

Sau khi phá hủy cảnh địa ngục, vua Vô Ưu gặp được đại A-la-hán cận hộ sử dụng phương tiện khéo léo dẫn dụ, tùy cơ duyên mà dạy răn. vua nói cùng A-la-hán Cận Hộ rằng: "May nhờ có phước xưa trước nên ở ngôi vị cao quý trong loài người. Song xót xa bởi chướng lụy sâu dày nên không gặp được Phật giáo hóa. Nay đối với xá lợi di thân của đức Như Lai, tôi muốn tu tạo các ngôi Tốt-đổ-ba để cúng dường tôn trí". A-la-hán Cận Hộ bảo rằng: "Đại vương dùng sức phước đức sai sử trăm linh, dùng tâm thệ nguyện rộng lớn mà hộ trì Tam bảo. Với tâm nguyện đó, nay đúng phải thời vậy". Và nhân đó mà A-la-hán Cận Hộ rộng giảng nói về các nhân duyên hiến cúng đất nước, đức Như Lai dự ghi công phu phục hưng hoằng hóa Phật pháp. vua Vô Ưu nghe xong rất lấy làm vui mừng, chiêu tập các hàng quỷ thần mà bảo rằng: "Đấng pháp vương dẫn bày pháp lợi, các loài hàm linh có được vui mừng. Ta vốn nhờ có thiện căn xưa trước nên ở ngôi vị cao quý trong loài người. Nay đối với xá lợi di thân của đức Như Lai, ta muốn trùng tu cúng dường. Các ngươi hàng quỷ thân nên hợp sức đồng tâm, đến cùng khắp cảnh vức của thiện bộ châu, mỗi hộ khắp cả câu chi, đem xá lợi Phật mà tạo dựng các ngôi Tốt-đổ-ba để cúng dường. Phát tâm vốn từ nơi ta mà công thành do ở các ngươi. Lợi ích thắng phước ấy, chẳng muốn riêng ta có được. Nên mỗi mỗi hãy tự tạo dựng, đợi sau sẽ bảo tiếp". Các hàng quỷ thần vâng nhận ý chỉ rồi, đi đến tùy nơi mà khởi công tạo dựng. Tạo dựng đã hoàn thành nên bèn cùng nhau trở lại cầu xin sự chỉ bảo. vua Vô Ưu đã khai quật mở các ngôi Tốt-đổ-ba ở tám nước phân chia xá lợi ấy giao phó cho các quỷ thần xong, bèn thưa cùng A-la-hán Cận Hộ rằng: "Tâm nguyện tôi muốn đồng một lúc ở khắp các nơi cùng hạ xá lợi tôn trí, tâm tuy mong muốn như thế, nhưng sự việc chưa hẳn đã theo ước muốn!". A-la-hán Cận Hộ bảo rằng: "vua nên bảo các quỷ thần đến các nơi đúng với ngày kỳ hạn, lúc mặt trời có tướng mạng bị ẩn che như lòng bàn tay thề khi ấy nên hạ xá lợi". vua Vô Ưu nghe theo sự chỉ bảo đó mà bảo cùng các quỷ thần. Mãi đến ngày đã kỳ hạn, vua Vô Ưu thấy bầu trời quang đãng, giữa lúc buổi trưa. A-la-hán Cận Hộ dùng sức thần thông duỗi xòe bày tay ngăn che mặt nhật. Các nơi tạo dựng Tốt-đổ-ba các quỷ thần đều ngóng đợi chiêm ngưỡng, và đồng lúc

ấy hạ xá lợi tôn trí, công việc được hoàn tất.

Bên cạnh ngôi Tốt-đổ-ba cách đó không xa có một tảng đá lớn, là nơi xưa kia đức Như Lai giẫm bước dấu vết vẫn hiện còn. Dấu chân ấy dài một thước tám tấc, rộng hơn sáu tấc. Cả hai dấu chân đều có luân tướng, cả 10 ngón chân niệm dãi hoa văn, hình cá ngời sáng nỗi bày, có lúc phóng tỏa ánh sáng. Xưa kia, đức Như Lai lúc sắp nhập niết bàn, theo hướng bắc đến thành Câu Thi Na, ngoảy lại phía nam trông nhìn đến nước Ma Yết Đà. Giẫm đạp trên tảng đá đó mà bảo cùng tôn giả A-nan rằng: Nay là cuối cùng ta lưu lại dấu vết chân này tại đây, lúc sắp nhập niết bàn ngoảy nhìn về phía nước Ma Yết Đà, khoảng trăm năm sau có vua Vô Ưu thống trị muôn dân sẽ xây dựng thành đô tại xứ này. Hộ trì Tam bảo, sai sử các hàng quỷ thần". Kịp đến lúc vua Vô Ưu lên ngôi, dời đô xây dựng Ấp bít bọc bao quanh tảng đá có dấu chân đức Phật. Do vì đã gần nơi cung thành nên vua thường đến cúng dường. Về sau các vua nước khác đua nhau muốn dời chuyển tảng đá đó về đất nước mình. Tuy tảng đá không lớn lắm, mà có nhiều người cũng không khả năng dời chuyển. Gần đây vua Thiết Thưởng Ca hủy hoại Phật pháp, bèn đến nơi tảng đá đó muốn phá hủy Thánh tích, đục bỏ rồi lại hiện đường văn bình thường như xưa cũ. Bên cạnh đó lại có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi có di tích của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành.

Bên cạnh tinh xá có dấu chân đức Phật cách không xa có một trụ đá lớn cao hơn 30 thước, văn thư ghi chép đã bị mòn khuyết, mà đại khái nói là: "vua Vô Ưu có tín căn tinh thần kiên cố, đã ba lần đem cõi thiệm bộ châu cúng dường Phật pháp tăng, ba lần đem các vật quý báu lại tự đáp tặng, v.v... văn từ ở đó ghi chép, đại lược là như vậy!

Từ vương cung xưa cũ về phía bắc có một ngôi thạch thất lớn. Bên trong rộng khoảng vài trượng, bên ngoài tướng trạng như núi cao, do vua Vô Ưu vò người em xuất gia mà sai các quỷ thần tạo dựng. Mới đầu vua Vô Ưu có người em cùng mẹ tên là Ma Hê Nhân Đà La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Đại Đế) vốn sinh tử quý tộc lại lạm dụng vương chế, xa xỉ trúng bạo, các hàng thứ dân ôm hoài oán hận. Các hàng quốc phụ lão thần đến can ngăn cùng vua Vô Ưu rằng: "Người em của vua kiêu căng làm oai cũng đã quá lắm. Phàm chính sách của bình đẳng thì nước nhà an trị, dân hòa thì chúa an. Phép tắc dạy răn từ xa xưa trở lại nay đã lâu lắm vậy, xin vua nên bảo tồn phép nước. Bắt giao cho người nắm giữ luật pháp xử trị". Vua Vô Ưu buồn khóc bảo cùng em rằng: "Tôi tiếp thừa giềng mối cơ nghiệp che chở

bão thọ sinh linh, huống hồ đối với ông là người đồng chung một bào thai mà há quên ban ân mến quý. Ông đã trước giúp đỡ dẫn dắt muôn dân lại giẫm đạp xem thường luật hình quốc pháp. Trên sợ đối với tiên linh, dưới bức bách bởi mọi người bàn nghị...!" Ma Hê Nhân Đà La cúi đầu sám tạ rằng: "Em chẳng tự nghiêm cẩn mọi hành vi, dám can phạm đến pháp hiển của nước nhà. Xin được ban ân sinh lại và khoan thứ cho bảy ngày". Và khi ấy bèn đi thẳng vào nhà tối. Nghiêm mật thêm sự giữ gìn canh vệ, mọi thứ ngon lành thức ăn thượng vị cấp dâng không khuyết thiếu, kẻ sử trông coi xướng rằng: "Đã qua một ngày, còn lại sáu ngày nữa". Đến ngày thứ sáu, đã rất buồn sợ, Ma Hê Nhân Đà La lại cố gắng dốc hết thân tâm tinh tấn, bèn được chứng quả, liền bay vọt giữa không trung biến hiện thần lực, ra khỏi trần cấu, xa đến nương náu nơi hang núi. vua Vô Ưu đích thân sang tìm mà bảo cùng em rằng: "Xưa kia bó buộc bởi quy chế phép tắc của nước nhà, muốn đưa đến sửa trị nghiêm hình, đâu có ý thanh tịnh vượt cao để chứng lấy Thánh quả". Đã không ứ trệ bởi hình lụy, có thể nên trở về với nước nhà!". Ma Hê Nhân Đà La đáp rằng: "Xưa kia nghiêm buộc bởi lưới ác, tâm tình rong ruổi với thanh sắc, nay đã ra khỏi thành lũy nguy ách, tâm chí vui thích ở chốn núi hang. Xin từ bỏ cõi nhân gian mãi sống lâu dài nơi gò nũng!". vua Vô Ưu bảo rằng: "Như muốn tĩnh lắng tâm tư đâu hẳn phải ở chốn núi hang sâu thẳm. Tôi sẽ theo chí nguyện của ông mà vì tạo dựng". Bèn vời gọi các quỷ thần mà bảo rằng: "Ngày hôm sau, ta sẽ chuẩn bị các thứ ngon lành, các ngươi hãy cùng nhau nhóm tập đến nơi hội của ta. Mỗi mỗi hãy tự mang theo một tảng đá lớn để làm sàng tòa". Các quỷ thần vâng mạng, đến kỳ hạn đều nhóm tụ đông đủ. Khi chúng hội đã xong, vua Vô Ưu bảo cùng các quỷ thần rằng: "Tòa đó nghinh ngang nên nhóm chất lại, nhân công khó chẳng nhọc sắp chất làm thành thất rỗng". Các quỷ thần vâng lệnh rồi, không mấy ngày bèn hoàn thành. vua Vô Ưu lại đích thân sang nghinh đón thỉnh mời Ma Hê Nhân Đà La về ở nơi hang núi ấy.

Từ vương cung xưa cũ về phía bắc, thuộc phía nam nơi chốn cảnh địa ngục có một máng đá lớn, do vua Vô Ưu khéo sai sử công sức quỷ thần làm nên vật đó để lúc cúng dường chư tăng mà tích chứa thức ăn.

Từ vương cung xưa cũ về phía tây bắc có một núi đá nhỏ bao quanh hang cốc có khoảng vài mươi thạch thất, do vua Vô Ưu vì chư vị A-la-hán như Cận Hộ, v.v..., mà sai sử quỷ thần tạo dựng nên. Bên cạnh đó đền đài xưa cũ, nền móng chất sắp đá vẫn hiện còn, ao cong sóng gợn lăn tăn, sóng lắng trơn sạch như gương soi. Mọi người ở các

nước xa gần gọi đó là nước Thánh, nếu có được dùng uống hay tắm rửa thì tội cấu tiêu trừ.

Từ núi ấy về phía tây nam có năm ngôi Tốt-đổ-ba, nền móng tuy đã sụp đổ mà hiện vẫn còn cao. Từ xa trông nhìn đó nún uất như gò núi, mỗi mặt rộng khoảng vài trăm bộ, người đời sau lên trên đó tạo dựng một ngôi Tốt-đổ-ba. Theo "Ấn Độ Ký" nói là: xưa kia vua Vô Ưu tạo dựng 84000 ngôi Tốt-đổ-ba xong rồi, phân chia xá lợi đến các nơi còn lại hơn năm đấu, nên riêng tạo dựng năm ngôi Tốt-đổ-ba đó, hình dáng chế tác khác lạ so với các nơi, các điều linh dụ có lúc hiện bày để biểu thị năm phần pháp thân của đức Như Lai. Các hàng đức tin mỏng cạn cùng nhau bàn nghị là: "Đó là nơi xưa kia vua Nan Đà xâu dựng năm kho tàng ấy để cất giấu bảy báu". Về sau có vị vua không tâm thuần kính tin, nghe những điều nghi ngờ bàn nghị trước nên ứng tâm tham cầu, dấy động binh lính đích thân dẫn đến quật phá, bỗng nhiên quả đất rúng động núi non sụp đổ, mây tối ngăn che mặt nhật. Từ trong Tốt-đổ-ba phát ra tiếng sấm nổ lớn. Các hàng binh lính ngã té, voi ngựa kinh sợ trông chạy. Từ khi đã giáng điềm ấy, về sau không còn dám mong mỏi. Hoặc có người bảo rằng: "Các sự bàn nghị tuy lắm nhiều mà chưa là xác thực luận rõ. Theo sự ghi chép của người xưa thì tin được đó là thật vậy".

Từ cung thành xưa cũ về phía đông nam có ngôi Tăng-già lam Khuất Tra A Lạm Ma (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Kê Viên) do vua Vô Ưu tạo dựng. Mới đầu, vua Vô Ưu phát tâm kính tin Phật pháp, kính tuân tạo dựng gieo trồng nhân thiện, thỉnh mời ngàn vị tăng cả hai chúng Thánh phàm, cúng dường tứ sự cung cấp đầy đủ mọi vật, tuy bị hư hoại hủy nát từ lâu mà nền móng hiện còn. Bên cạnh ngôi già lam đó có ngôi Tốt-đổ-ba lớn tên là A Ma Lạc Già; là tên của một loại trái cây thuốc ở xứ Ấn Độ. vua Vô Ưu cảm mắc bệnh lâu dài, tự biết mạng sống chẳng thể cứu chữu nổi nữa, muốn xả bỏ tất cả mọi vật quý báu để tu tạo phước điền. Quyền thần chấp chính răn chớ theo sự ước muốn ấy. Về sau, nhân ăn lại quả A Ma Lạc, ngẫm nghĩ đó nữa trái chín mùi, bèn nắm quả thở dài. vua Vô Ưu hỏi quần thần rằng: "Chư thiệm bộ châu ngày nay là người nào? Quân thần đáp rằng: "Chỉ có một mình đại vương". vua Vô Ưu bảo: "Không phải vậy. Ta nay chẳng phải chủ, chỉ nửa ngày mà được tự tại. Than ôi! Thế gian giàu sang, nguy ác rất như gió đuốc. Ngôi vị chiếm cứ cả hoàn vũ, danh cao thật xứng lý vậy. Đến lúc sắp mạng chung thiếu thốn bị bức bách bởi bề tôi mạnh. Thiên hạ chẳng phải của ta có. Chỉ nửa quả này tại đây!". Mới gọi thị thần mà

bảo cùng rằng: "Mang nửa quả này đến ngôi già lam Kê Kiên cúng thí chúng tăng mà thưa rằng: "Ta ngày xưa làm chủ cả Thiệm bộ châu, nay chỉ nửa quả A Ma Lạc làm vua, xin cúi đầu trước đại đức chúng tăng nguyện xin nhận sự cúng thí cuối cùng này. Phàm mọi thứ có được thảy đều mất tan, chỉ nửa quả này được ít tự tại. Xót thương kẻ túng thiếu được tăng trưởng giếng phước". Khi ấy, vị thượng tọa trong chúng tăng bảo rằng: "Đại vương Vô Ưu xưa trước ước mong cứu tế rộng khắp, nay bện khắc nghiệt đang lấn áp thân mình, gian thần lại cướp đoạt quyền mạng. Của cải tích chứa chẳng còn phải của mình, nên vua dâng nửa quả A ma lạc này để cúng thí. vâng thừa ý muốn của vua muốn cúng thế khắp cùng chúng tăng". Liền mời vị tăng trông coi mọi việc đem để vào nấu chung trong canh. Nhặt lại hạt quả ấy, xây dựng ngôi Tốt-đổ-ba. Đã được đội nhờ ân đức sâu dày bèn nêu bày đoái hoài mạng lệnh của vua!

Từ ngôi Tốt-đổ-ba A ma lạc già về phía tây bắc trong ngôi già lam xưa cũ có ngôi Tốt-đổ-ba tên là "Kiến Kiền Chúng Thanh". Mới đầu trong thành đó có cả trăm ngôi già lam. Chư tăng rất chỉnh túc hòa mục, học hạnh thanh cao, các hàng dị học ngoại đạo ngậm miệng khóa môi. Về sau, chư tăng lần lượt thô tháo sa lạc, và các hàng hậu tấn chẳng nối nghiệp tiền tu, còn thầy trò ngoại đạo truyền dạy lẫn nhau thành đạt nghề nghiệp. Bèn bảo đồng bọn nhóm tập bạn đảng đông cả ngàn vạn, tụ tập đến nơi tăng phường khơi lời xướng rằng: "Phàm đánh kiền chùy tức nhóm tập người học. Đây chỉ bọn ngu đần ở mà cũng lầm sai đánh gõ". Bèn tấu trình cùng vua, xin được kiểm xét sự hơn kém. Ngoại đạo đều là những bậc thầy tài cao học đạt, còn chư tăng tuy đông nhiều mà ngôn từ biện luật cạn cợt. Các ngoại đạo bảo rằng: "Ta đã đối luận được thắng, từ nay trở về sau trong các ngôi Tăng-già lam không được đánh kiền chùy để nhóm tập chúng". vua chấp thuận lời thỉnh cầu ấy, chư tăng đành phải nhận chịu sự xấu hỗ chê mắng mà rút lui trở về, suốt thời gian 12 năm chẳng đánh kiền chùy. Bấy giờ tại nam Ấn Độ có Bồ-tát Na Già At Thích Thọ Ma (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Long Mãnh, xưa trước gọi là Long Thọ, chẳng có vậy) từ thủa bé nhỏ đã lan tỏa tiếng tăm thanh nhã đến lúc trưởng thành lại chuyên chiếm cao danh, xả bỏ ái dục xuất gia học đạo, nghiên tinh đạo lý sâu mầu, chứng đắc quả vị sơ địa. Có vị đệ tử lớn tên là Đề Bà là người có trí huệ thông mẫn, cơ thần cảnh ngộ, thưa cùng thầy mình (Long Mãnh) rằng: "Các hàng Sa-môn học nhân ở thành Ba Tra Ly khuất phục ngoại đạo không đánh kiền chùy, ngày tháng vụt đổi thay đã 12 năm rồi. Nay con

muốn phá dẹp tà giáo để trông thấy núi, đốt đèn chánh pháp tỏ soi". Bồ-tát Long Mãnh bảo rằng: "Các hàng ngoại đạoở thành Ba Tra Ly đều là những bậc học rộng cao tài, chẳng phải nơi ông có thể sánh đấu nỗi, nên nay tôi phải đi vậy". Đề Bà thưa rằng: "Muốn phá dẹp cỏ thúi há hẳn phải nghiên dốc núi, xin được tiếp nhận ý chỉ dạy răn để truất phế các dị học. Đại sư nên lập nghĩa của ngoại đạo, con sẽ tùy theo văn mà phá chiết, rõ bày sự hơn kém, sau đó sẽ tính đi". Bồ-tát mới nêu bày lập nghĩa của ngoại đạo, Đề Bà tùy theo phá dẹp lý đó, sau bảy ngày, Bồ-tát Long Mãnh mất hẳn chánh tông. Thế rồi ngợi khen rằng: "Sai nhầm lập từ dễ mất, nghĩa tà vạy khó đỡ chống. Ông đi sang đó hẳn có thệ dẹp phá các ngoại đạo ấy được vậy!". Bồ-tát Đề Bà sớm đã vang tỏa cao danh. Các hàng ngoại đạo ở thành Ba Tra Ly đã từng nghe biết, bèn cùng nhau nhóm tập vội tấu trình cùng vua rằng: "Xưa trước uất hận nghe xem, cấm chế các Sa-môn không được đánh kiền chùy. Nay xin nên bảo ban những người canh phòng ở các cửa, đối với các Sa-môn khác lạ ở các vùng láng giềng, không cho vào thành, vì sợ cùng đồng đảng cấp viện, xem thường mà cải đổi chế định trước". vua chấp thuận lời cầu xin đó của ngoại đạo, tăng thêm sự dò xét nghiêm cẩn. Đề Bà khi đã đến nơi không được vào thành, nghe lệnh nghiêm cấm chế ấy bèn đổi thay y phục, xếp y tăng gìa chi giấu trong bó cỏ, vén quấn xiêm vội xua đuổi mang đội mà vào. Sau khi đã vào được trong thành, Đề Bà bèn vất bỏ cỏ, đáp mặc lại pháp y. đến ngôi già lam đó muốn cầu xin dừng nghỉ. Biết người đã hiếm ít, chẳng có cùng ở chung phòng, Đề Bà bèn lên ngủ qua đêm trên đài kiền chùy. Đến thời sáng sớm, Đề Bà liền giống kiền chùy, tăng chúng nghe tiếng bèn sang xét xem, thì ra đó là vị Bí Sô du khách đến dừng nghỉ từ hôm qua. Các ngôi già lam khác cũng nghe tiếng vang mà giáng kiền chùy vọng hòa hưởng ứng. Vua nghe tiếng kiền chùy như thế, bèn tìm hiểu xét hỏi, chẳng tìm được nơi phát xuất đầu tiên, lần lượt đến ngôi già lam đó, chư tăng đồng đưa đẩy cho là Đề Bà gióng đánh kiền chùy. Đề Bà nói rằng: "Phàm là kiền chùy tức phải đánh để nhóm tập đại chúng, có mà không sử dụng, treo đó để làm gì?". Vua mới sai bảo người đến báo rằng: "Lúc trước chư tăng luận nghị đạo lý bị rơi lạc thua kém, vì thế cấm chế không được đánh kiền chùy đến nay đã là năm thứ 12". Đề Bà hỏi rằng: "Có vậy ư? Ngày nay tôi gióng lại trống pháp". Kẻ sử về báo lại cùng vua là: "Có vị Sa-môn khác lạ, muốn rửa vết nhục xưa trước". vua mới chiêu tập các hàng học nhân mà định chế rằng: "Nếu tranh luận mà lạc mất bản tông, thì phải giết thân mình để hối tạ". Khi ấy các ngoại đạo đua nhau nêu bày cổ

xúy, đàm luận dị nghĩa mỗi tự sáng rỡ, ngôn từ bén nhọn. Bồ-tát Đề Bà đã lên luận tòa, lắng nghe các ngoại đạo nêu nói trước, và tùy theo nghĩa ấy mà thiết phá, chưa tròn một buổi mà dẹp phá xong các dị đạo. vua cùng các quan đại thần thảy đều vui mừng, nên tạo dựng nền móng linh thiêng đó để tán dương bậc chí đức.

Từ ngôi Tốt-đổ-ba kiến kiền chùy về phía bắc có một nền móng xưa cũ, là nơi xưa kia, có quỷ biến loạn vị Bà-la-môn mà ở đó. Xưa trước trong thành ấy có vị Bà-la-môn chấp vá phòng nhà ở nơi chẩm hoang vắng, chẳng tương giao với thế sự, chuyên thờ quỷ cầu phước, vọng lượng cùng tựa nương, luận bàn cao xa đàm nói quá lắm, nhã từ được hưởng ứng. Như có người khơi kích nạn thì rủ màn đối đáp. Những bậc học cũ tài cao không ai chẳng phát xuất từ sự giúp đỡ ở đó. Các hàng sĩ thứ tự nhiên kính ngưỡng đó như Thánh thần. Có Bồ-tát A Thấp Phược Lũ Sa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Nhã Minh) là bậc trí tuệ rõ cùng muôn vật, đạo hạnh truyền bá cả ba thừa, từng bảo cùng mọi người rằng: "Bà-la-môn ấy học chẳng thọ nhận từ nơi thầy, tài nghệ không suy xét từ xa xưa, vắng bặc ở nơi tĩnh lặng, riêng chiếm cao danh. Nếu chẳng phải có quỷ thần nương tựa, yêu mỵ gá gẫm sao có thể được như vậy ư? Phàm biện luận vốn từ quỷ thần đạt, nói năng chẳng đối mặt với người, ngôn từ nói ra nghe qua một lần không thể thuật lại được. Tôi nay phải sang đó trông xem cử chỉ như thế nào". Bèn liền đến nơi am cỏ của Bà-la-môn ấy mà bảo rằng: "Kính ngưỡng khâm trọng bậc tài đức lớn làm ánh sáng soi tỏa đã lâu, cúi mong vén màu, tôi nay muốn tỏ bày chí nguyện xưa trước". Mà Bà-la-môn ấy vẫn cứ ngạo tự nhiên rủ màn đối đáp. Trong tâm Bồ-tát Mã Minh biết đó là quỷ mỵ, tánh tình rất tự phụ. Giả từ xong, lui về nói cùng mọi người: "Tôi đã nhận biết ra rồi, dẹp phá kia hẳn được vậy". Sau đó bèn sang tấu trình cùng vua: "Cúi xinh rủ lòng xét hứa cho cùng được đối luận kính đàm với cư sĩ kia". vua nghe thế kinh hãi bảo: "Đây là hạng người nào vậy? Nếu chẳng phải là bậc đã chứ tam minh đắc lục thông, thì làm sai có thể cùng với cư sĩ kia đối luận ư?". Và bèn bảo chuẩn bị xa giá đích thân vua đến xét xem tận mặt cuộc đối luận. Khi ấy Bồ-tát Mã Minh luận nêu vi ngôn trong tam tạng, thuật bày đại nghĩa của Ngũ minh, khéo biện ngang dọc, luận cao trong xa. Và khi Bà-la-môn đã thuật từ lại rồi, Bồ-tát Mã Minh lại bảo rằng: "Lạc mất yếu chỉ của tôi rồi vậy. Nên thuật lại đi". Khi ấy, Bà-la-môn im lặng ngậm miệng. Bồ-tát Mã Minh quát rằng: "Sao chẳng giải thích cật nạn? Với quỷ mỵ ngươi phụng thờ hãy mau truyền đạt ngôn từ, nhanh vén bỏ màn ấy để thấy rõ sự kỳ quái đó". Bà-la-môn ấy kinh

sợ mà nói rằng: "Thôi! Thôi! Bồ-tát Mã Minh bèn trở lui mà nói rằng: "Tiếng nói của người này sáng nay nghe đã rời rạt trầm lắng, danh hư còn chẳng bao lâu nữa, ý nghĩa chính ở ấy vậy". vua bảo rằng: "Nếu không phải là bậc tài đức lớn, ai có thể soi xét được đường trái. Tài triết biết được người, dứt tuyệt ngày sau tỏ sáng từ xưa trước. Nước ta có pháp tắc thường, nên nêu bày sự tốt lành chân thật này vậy".

Từ cung thành về góc tây nam cách hơn 200 dặm có ngôi già lam hiện còn dấu vết, bên cạnh đó có ngôi Tốt-đổ-ba, ánh sáng thần có lúc tỏa chiếu, điềm linh dị có khi hiện nỗi, mọi người xa gần không ai chẳng cầu thỉnh. Đó là nơi có di tích của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền kinh hành vậy.

Từ ngôi già lam xưa cũ theo hướng tây nam đi hơn trăm dặm, đến ngôi già lam Đề La Thích-ca, sân nhà bốn viện, quán các ba tầng, đài cao nhiều lớp nhọn, cửa lớp mở thông, do người cháu út của vua Tần Tỳ Sa La tạo dựng, nêu bày vời gọi các vị tài cao, rộng mời những bậc tuấn đức, các học nhân ở những địa vức khác, những hàng tài giỏi nơi xứ xa, đồng loại cùng đến, kề vai cùng nương ở, chư tăng có ngàn vị, đều tập học theo giáo pháp đại thừa. Ngay đường phía trong cửa có ba ngôi tinh xá. Phía trên thiết đặt quân tướng, linh khánh treo rỗng giữa khoảng kh6ng, phía dưới xây dựng tầng nền, lan can bày quanh, cửa thông cửa sổ, rườn cột liền tường làm thềm cấp, dùng các thứ vàng đồng ẩn hiện nghiêm sức trang hoàng. Bên trong tinh xá có tôn tượng đức Phật đứng cao ba trượng, bên tả là tôn tượng Bồ-tát Đa La, bên hữu là tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại. Cả ba tôn tượng đều được chú đúc bằng than đá, oai thần chỉnh túc, thầm xét khắp xa. Trong mỗi tinh xá đều có một thăng xá lợi, ánh sáng linh thiêng có lúc tỏa chiếu, điềm hiện kỳ đặc có khi nỗi bày.

Từ ngôi già lam Đề La Thích-ca theo hướng tây nam đi hơn 90 dặm đến một núi lớn. Mây đá ùn nổi sùm uất như ở nhà của linh tiên, rắn độc rồng dữ làm hang huyệt nơi đầu chầm, thú dữ chim ưng nương náu nơi hang rừng. Trên đỉnh núi có một tảng đá lớn, phía trên có tạo dựng một ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn 10 trượng, là nơi xưa kia đức Phật nhập định diệt tận. Xưa kia đức Như Lai giáng thần đến đó ngồi trên tảng đá ấy, nhập định diệt tận, thời gian trải suốt qua đêm, có các trời và linh Thánh đến cúng dường đức Như Lai, tấu trỗi nhạc trời, mưa rải hoa trời. Đến lúc đức Như Lai xuất định, các trời cảm mộ bèn dùng các thứ vàng bạc vật báu để xây dựng ngôi Tốt-đổ-ba. Thời gian trải qua cách Thánh lâu xa, các vật báu biến hóa thành đá. Từ xưa mãi đến nay

chưa từng có người nào đến đó. Từ xa đứng trông xem lên núi cao mới thấy các loài khác nhau như rắn dài thú dữ từng đàn theo nhau đi nhiễu về phía hữu, các trời, các tiên, linh Thánh kề nhau theo đến lễ bái tán thán.

Tại sườn phía đông núi có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi có dấu vết xưa kia đức Như Lai dừng đứng trông nhìn về nước Ma Yết Đà. Từ núi đó theo hướng tây bắc đi hơn 30 dặm lại đến một núi có ngôi già lam tựa vào đảnh núi, làm bền bắm tại mé sườn, trùng các cao vợi, chư tăng có hơn 50 vị, đều tập học theo giáo pháp đại thừa. Đó là nơi Bồ-tát Cù Ma Mạt Để (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Đức Tuệ) nhiếp phục ngoại đạo. Xưa kia trong núi đó có ngoại đạo Ma Đạp Bà, tổ thuật pháp của Tăng Khư mà tập học đạo, học cùng nội ngoại giáo nghĩa, nói suốt cả hữu không, tiếng tăm hiển bày trước, đức hạnh rất được đương thời kính trọng, các hàng quốc vương, v.v.., đều trân kính xưng gọi đó là quốc bảo, các lớp thần dân đồng tông ngưỡng đều tôn xưng là gia sư. Các người tham học ở những nước lân cận nhân đạo phong mà kính mộ đức hạnh, nên kết tụ từng đoàn kéo đến, thật đáng là bậc bác đạt vậy, được ban thực ấp cả hai thành bao ở quanh mà tạo dựng. Bấy giờ tại Nam Ấn Độ có Bồ-tát Đức Tuệ, từ thủa bé nhỏ mà đã mẫn đạt sớm chiếm tinh vi, học thông tam tạng, thấu suốt lý tứ đế, nghe ngoại đạo Ma Đạp Bà đàm luận sâu mầu, trong tâm ân hoài muốn bẻ gãy sự bén nhọn ấy, mới bảo cùng một môn nhân mang thư đến, nói rằng: “Kính hỏi cùng Ma Đạp Bà có khéo được an lạc chăng? Nên quên nhọc mệt tinh cần luyện tập điều học xưa cũ. Ba năm sau tôi sẽ bẻ gãy tiếng tăm tốt lành của ông vậy!”. Đến trong năm thứ hai, năm thứ ba, cũng luôn sai sứ đến báo cùng. Và đến lúc sắp cất bước lại sai người đem thư tấu, nói rằng: “Kỳ hạn năm tháng đã hết, học nghiệp đã thế nào rồi? Nay tôi đang đi đến, ông nên biết cho đó!”. Ngoại đạo Ma Đạp Bà trong lòng rất lo sợ, răn bảo các môn nhân đệ tử và khắp mọi nhà trong thôn ấp là: “Từ nay trở về sau không được cho các hàng Sa-môn dị đạo đến dừng ở lại, phải gấp tuyên bày cho nhau, không được trái phạm”. Khi ấy, Bồ-tát Đức Tuệ chống tích đến thôn ấp nơi Ma Đạp Bà ở, người trong thôn ấp gìn giữ cấm ước. Chẳng có phòng nhà cho dừng ở. Các Bà-la-môn lại mắng Đức Tuệ muốn dẹp trừ dị đạo nên mong được dừng nghỉ qua đêm tại ấp đó, nhân đó với tâm từ nhỏ lời cảm tạ rằng: “Các ngươi là hàng tịnh hạnh thế đế, tôi đây là hàng tịnh hạnh thắng nghĩa đế, tịnh hạnh đã động, sao lại bị chống cự?”. Các Bà-la-môn nhân đó chẳng cùng đối đáp, chỉ một mực xua đuổi. Xua đuổi ra ngoài thôn ấp, Bồ-tát

Đức Tuệ đi vào trong rừng lớn, trong rừng đó có thú dữ từng đàn luôn hành hung bạo. Có một vị tịnh tín sợ Bồ-tát Đức Tuệ bị thú dữ làm hại, nên ôm bó đuốc mang cung tên gậy trượng đến nói cùng Bồ-tát Đức Tuệ rằng: "Tại Nam Ấn Độ có Bồ-tát Đức Tuệ, tiếng tăm vang xa, muốn cùng đến luận nghị, nên người chủ trong ấp này sợ gãy mất tiếng tăm tốt lành xưa nay, do đó nghiêm cấm không cho các Sa-môn vào dừng nghỉ lại. Vì sợ bị vật làm hại ngài nên tôi đến cùng tiếp viện, mong nên đi gấp để được an toàn, chớ có toan nghĩ gì khác". Bồ-tát Đức Tuệ bảo cùng người tịnh tín ấy rằng: "Bồ-tát Đức Tuệ chính là tôi đây". Người tịnh tín ấy nghe thế lại càng rất mực cung kính, nói cùng Bồ-tát Đức Tuệ rằng: "Thật đúng như điều báo, nên có thể nhanh đi!". Liền ra khỏi rừng sâu đến dừng nghỉ nơi đầm trống. Người tịnh tín ấy nhóm đốt lửa, cầm nắm cung tên xoay quanh gìn giữ, mãi đến lúc đêm hết, lại nói cùng Bồ-tát Đức Tuệ rằng: "Cần nên đi vậy, sợ có người biết sẽ cùng làm hại!". Bồ-tát Đức Tuệ cảm tạ nói rằng: "Không dám quên mất ân đức này!". Và khi ấy, Bồ-tát Đức Tuệ bèn đến nơi cung vua, nói với người giữ của rằng: "Nay có Sa-môn từ phương xa đến xin vua dủ lòng hứa cho cùng biện luận với Ma Đạp Bà". vua nghe thế kinh hãi bảo: "Đây là người hư dối vậy!". Và liền sai sứ thần sang chỗ Ma Đạp Bà tuyên cáo ý chỉ của vua là: "Có vị Sa-môn khác lạ lại cầu xin cùng đối luận. Nay đã trong thiết luận trường, báo cùng tất cả mọi người xa gần đứng đợi trông lai nghi, xin đến dự". Ma Đạp Bà hỏi kẻ sứ của vua rằng: "Há chẳng là luận sư Đức Tuệ ở Nam Ấn Độ ư?". Kẻ sứ đáp rằng: "Đúng là người ấy vậy". Ma Đạp Bà nghe thế trong lòng rất không vui vẻ, song sự việc khó thể chối khỏi, bèn phải đến nói luận trường. Từ Quốc vương cho đến các hàng đại thần sĩ thứ hào tộc thảy đều tụ tập, đồng muốn được nghe đàm luận cao xa. Trước tiên Bồ-tát Đức Tuệ đứng dậy nêu lập tông nghĩa. Kịp đến lúc xế bóng, Ma Đạp Bà lấy cớ tuổi già trí tuệ mờ kém khó đối biện nhanh mà chối từ, xin được trở về tỉnh lắng tư duy mới đáp lại cật nạn. Tuy để theo sự nói trở về, đến sáng hôm sau lên tòa, trọn không nghị luận được gì khác lạ. Đến ngày thứ sáu bèn oái máu mà chết. Lúc sắp chết, trông nhìn lại người vợ, Ma Đạp Bà bảo rằng: "Ngươi có tài cao, chớ quên sự tủi nhục này". Ma Đạp Bà chết rồi bèn giấu kín không phát tan. Vợ Ma Đạp Bà lại mặc y phục the lụa mới đẹp đi đến nơi luận hội. Mọi người đều rầm rì cùng bảo với nhau rằng: "Ma Đạp Bà tự phụ tài cao, lấy làm xấu hỗ phải đối đáp với Đức Tuệ, nên sai người vợ đến, sự hơn kém nay đã rõ ràng vậy. Bồ-tát Đức Tuệ bảo cùng vợ Ma Đạp Bà rằng: "Nếu có thể cấm chế

ngươi thì ta đã cấm chế vậy". Vợ Ma Đạp Bà biết khó rút lui. vua hỏi rằng: "Bồ-tát nói gì kín nhiệm, kia đành phải im lặng thế?". Bồ-tát Đức Tuệ nói rằng: "Đáng tiếc thay Ma Đạp Bà đã chết! Vợ ông ta muốn lại cùng tôi đối luận vậy". vua hỏi: "Cớ sao Bồ-tát biết thế, nguyện xin chỉ bảo cho?". Bồ-tát Đức Tuệ đáp: "Người vợ Ma Đạp Bà đến trong sắc mặc tỏ vẻ tang chết, trong lời nói ngậm tiếng ai oán. Vì thế nên biết Ma Đạp Bà đã chết vậy. Còn nói có thể cấm chế ngươi, có nghĩa là chỉ cho chồng người ấy vậy" (Ma Đạp Bà). vua bèn sai sứ sang trông xem, quả thật đúng như lời Bồ-tát Đức Tuệ nói, vua mới cảm tạ rằng: "Phật pháp huyền diệu, có các bậc anh hiền tiếp vết khuôn phép. Vô vi giữ đạo, muôn loài thấm đượm ân hoằng hóa. Y theo khuôn phép nước nhà từ xưa trước tán dương khen thưởng tài đức có thường". Bồ-tát Đức Tuệ nói rằng: "Ví thực lấy sự ngu muội hiểu biết đạo, sống trinh thuần còn đủ sự chánh chân, luận bàn cứu tế mọi vật, giúp rộng cấp dẫn. Trước phá dẹp cứ ngạo chỉ là phương tiện nhiếp hóa. Nay đến thời đây chỉ cầu mong đại vương đem tất cả con cháu trang ấp hộ của Ma Đạp Bà suốt ngàn đời thường cung cấp người vào chốn Tăng-già lam, thì đuổi dài dạy răn đời sau lưu truyền sự tốt lành không cùng, chỉ có người tịnh tín kia được giúp hộ, phước kéo dài ngàn đời, ăn cùng đồng như chư tăng, để khuyên các thanh tín để khen thưởng người đức dày". Khi ấy bèn tạo dựng ngôi già lam đó kính tu nên bày Thánh tích. Mới đầu, sau khi Ma Đạp Bà đối luận thất bại, có khoảng 10 vị tịnh hạnh Bà-la-môn trốn nạn chạy đến các nước láng giềng báo cùng các ngoại đạao ở các xứ ấy biết về sự sĩ nhục đó, và chiêu mộ những bậc anh tài trở lại rửa nhục ngày trước. vua đã trân kính Bồ-tát Đức Tuệ nên đích thân sang mà cầu thỉnh rằng: "Nay các ngoại đạo chẳng tự lường sức mình, kết tập bạn đảng liền đàn, dám cùng muốn tranh luận, cúi xin đại sư dẹp bỏ các dị đạo". Bồ-tát Đức Tuệ bảo rằng: "Nên nhóm tập những người muốn đối luận". Khi ấy các học nhân ngoại đạo vô cùng vui mừng ủy an lẫn nhau chúng ta ngày nay nhất định hẳn sẽ thắng vậy. Đến lúc các ngoại đạo nêu bày nghĩa lý, Bồ-tát Đức Tuệ bảo rằng: "Nay các ngoại đạo trốn nạn đi xa, như chế định của tiên vương thì đó đều là kẻ giặc. Tôi nay làm sao cùng kia mà đối luận, Đức Tuệ tôi có mang theo một sàn tòa dựng đứng vốn nghe được các nghị luận của kẻ khác lại khéo thông rành ý chỉ tinh vi, đang đứng đợi bên cạnh mà lắng nghe các vị cao đàm". Bồ-tát Đức Tuệ vỗ về sàn tòa ấy mà nói rằng: "Sàn tòa ơi! Ngươi có thể đối luận đi". Mọi người đều kinh dụ sự bảo ban ấy. Khi ấy tòa sàn được mang theo dựng đó liền phát tiếng cật nạn nghĩa lý sâu xa tuông ra như suối vọt,

biện luận mất tông nghĩa. Lại bẻ gãy sự bén nhọn ấy, lại dứt tiệt vây cánh ấy. Các ngoại đạo tự phục đối luận xong, trở lại tạo dựng ngôi già lam nơi ấp hộ.

Từ ngôi già lam nơi Bồ-tát Đức Tuệ đối luận theo hướng tây nam đi hơn 20 dặm, đến một núi đơn lẻ, có ngôi già lam, là nơi luận sư Thi La Bạt Đà La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Giới Hiền) luận nghị được thắng nên xả thí Ấp tạo dựng nên, đứng sững trên đảnh núi cao như ngôi Tốt-đổ-ba, có tôn trí xá lợi đức Phật. Luận sư vốn người thuộc vương tộc ở nước Ma Đát Tra; chủng tộc Bà-la-môn, thủa thiếu thời ham thích học hành rất có phong thái tiết tháo, rảo bước đến khắp các xứ Ấn Độ tìm cầu các bậc minh triết, đến tăng gìa lam Na Lan Đà ở nước đó, gặp được Bồ-tát Hộ Pháp, nghe giảng giáo pháp mà tin ngộ, cầu xin được xuất gia, tìm cầu lấy sự thấu đạt rốt ráo học hỏi lấy đường giải thoát. Đã thấu cùng chí lú cũng rốt ráo với vi ngôn, tiếng tăng vang vọng ở đương thời, đạo hạnh tỏa lan các xứ khác. Bấy giờ tại Nam Ấn Độ có vị ngoại đạo tham cứu sâu xa, viện dẫn kín ẩn, thông suốt u vi, nghe tiếng tăm của Bồ-tát Hộ Pháp mà khởi sinh ngã mạn, ghét ganh sâu sắc, chẳng ngại cản trở bởi núi sông, gióng trống muốn cầu đối luận, bảo rằng: “Ta là người ở xứ Nam Ấn Độ, nhân trong nước nhà cửa vua đây có vị Đại luận sư, ta tuy chẳng thông mẫn nhưng muốn được cùng đối luận”. vua bảo rằng: “Thật có vậy, thật như điều muốn nghị luận”. Mới sai sứ thần đến cầu thỉnh Bồ-tát Hộ Pháp rằng: “Tại Nam Ấn Độ có một vị ngoại đạo chẳng ngại đường xa ngàn dặm đến cầu muốn được đối luận. Cúi xin Bồ-tát cất bước đến dự ở luận trường”. Bồ-tát Hộ Pháp nghe thế rồi xếp y sắp sang, môn nhân đệ tử Giới Hiền là người tài giỏi trong hàng Hậu tấn bước ra trước mà thưa rằng: “Sao vội đi vậy?”. Bồ-tát Hộ Pháp bảo rằng: “Từ khi tuệ nhật ngầm ẩn ánh sáng, thuyền đăng lắng soi chiếu. Các hàng ngoại đạo đông nhiều như kiến bu, dị học tợ ong bay, nên nay ta phải phá dẹp kẻ muốn đấu luận kia”. Luận sư Giới Hiền thưa rằng: “Cung kính được nghe các luận khác, dám xin phá dẹp dị đạo”. Bồ-tát Hộ Pháp biết Giới Hiền là hàng tài tuấn, nhân đó mà hứa khả. Khi ấy luận sư Giới Hiền vừa mới 30 tuổi, mọi người đều xem thường cho là còn nhỏ khó thể riêng một mình đảm nhận. Bồ-tát Hộ Pháp biết tâm bất bình của đại chúng mới giải thích đó rằng: “Có cần quý ở sự cao minh, đâu cần gì đến tuổi tác. Lấy ngày nay mà trông xem đó hẳn phá dẹp hơn kia vậy”. Mãi đến ngày nhóm tập đối luận, mọi người xa gần đều đến, già trẻ thảy nhóm tụ. Ngoại đạo ấy nêu bày mưu chước lớn hết cả sự sâu mầu. Luận sư Giới Hiền theo lý trách thật sâu

cùng u huyền. Vị ngoại đạo ấy bèn hết ngôn từ đành mang sự tủi nhục mà rút lui. vua muốn để đáp ân đức hạnh đó bèn phong tặng ấp thành ấy, luận sư Giới Hiền chối từ rằng: "Kẻ sĩ mặc áo nhuộm vốn chỉ nên biết đủ thanh tịnh tự giữ, đâu lấy thành ấp làm gì?". Vua bảo: "Đấng pháp vương ẩn uất, thuyền trí tuệ lắng sâu, nên chẳng có nêu bày riêng biệt đâu biết lấy gì để khuyên răn hàng hậu học. Vì muốn hoằng dương chánh pháp, nguyện xin dủ lòng xót thương nhận nạp". Luận sư Giới Hiền chối từ không được, bèn nhận ấp ấy, và tạo dựng ngôi già lam đủ đầy mọi quy củ, xả thí ấp hộ ấy, kính tu cúng dường.

Từ ngôi già lam của luận sư Giới Hiền theo hướng tây nam đi khoảng 40 - 50 dặm, vượt qua sông Ni liên thuyền đến thành Già Da là nơi rất hiểm trở kiên cố, hiếm ít người ở, chỉ có hơn ngàn gia đình Bà-la-môn là con cháu nối dõi của Đại tiên nhân, vua không có bề tôi, mọi người đều tôn kính. Từ thành ấy về phía bắc cách hơn 30 dặm có một dòng suối trong. Ở Ấn Độ tương truyền xưng gọi đó là dòng nước Thánh, phàm những người uống dùng hay tắm rửa thì tội cấu đều tiêu trừ.

Từ thành ấy về phía nam cách khoảng 5 - 6 dặm, đến núi Già Da, khe hang mịt mờ đảnh núi nguy hiểm, ở các xứ Ấn Độ có tập tục xưng gọi đó là núi linh. Từ xưa các bậc quân vương lên ngôi trị vì thiên hạ tiếp thừa thống lãnh, cảm hóa thấm hợp đến người phương xa, đức hạnh sáng tỏa đời trước, không ai chẳng lên đó để khấn cáo công thành. Trên đảnh núi có ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá cao hơn trăm thước do vua Vô Ưu tạo dựng, thần linh soi xét ngầm khắp, ánh sáng thần có lúc tỏa chiếu. Xưa kia đức Như Lai từng ở tại đó giảng nói các kinh Bảo Vân, v.v...

Từ núi Già Da về phía đông nam có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi thôn ấp tôn giả Ca Diếp Ba vốn sống tại đó. Từ đó về phía nam lại có hai ngôi Tốt-đổ-ba tức là nơi Già da Ca Diếp Ba và Nại Đà Ca Diếp Ba (xưa trước gọi là Na Đề Ca Diếp là sai nhầm, và các Ca Diếp nêu bày đều không có chữ "Ba" là lược gọi vậy) phụng thờ lửa. Từ nơi Già Da Ca Diếp Ba phụng thờ lửa theo hướng đông vượt qua dòng sông lớn đến núi Bát La Cấp Bồ-đề (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là núi Tiền Chánh Giác. Đức Như Lai lúc sắp chứng đắc chánh giác, trước tiên bước lên đó nên xưng gọi là núi Tiền Chánh Giác). Xưa kia đức Như Lai suốt sáu năm cần cầu khổ hạnh mà chưa thành chánh giác, sau đó xả bỏ pháp tu khổ hạnh, thọ nhận bát cháo sữa, đi từ phía đông bắc lên đến núi đó, trong tâm âm hoài tỉnh lắng, muốn chứng đắc Thánh giác. Từ sườn núi phía đông bắc lên đến trên đảnh, đất đã chấn động, núi

lại nghiêng lay, thần núi kinh sợ báo thưa cùng Bồ-tát rằng: “Núi này vốn chẳng phải nơi phước địa thành đẳng chánh giác, nếu Bồ-tát ở tại đây nhập định kim cang thì đất sẽ chấn động nghiêng đổ, núi cũng vùi lấp”. Bồ-tát bèn xuống theo hướng tây nam đến nữa lưng chừng núi, lưng kề đảnh núi mặt xoay xuống khe suối có một thạch thất lớn, Bồ-tát bèn đến đó ngồi kiết già, đất cũng lại chấn động núi cũng nghiêng lay. Khi ấy trời Tịnh Cư ở giữa không trung xướng rằng: “Đây không phải là nơi đức Như Lai thành đẳng chánh giác. Từ đây theo hướng tây nam đi khoảng 14 - 15 dặm cách rừng khổ hạnh không xa có cây Tỳ-bát-la phía dưới có tòa kim cang. Từ xưa trước trở lại chư Phật đều ngồi tại đó mà thành đẳng chánh giác. Xin Bồ-tát nên đến xứ ấy!”. Bồ-tát vừa mới đứng dậy, có rồng trong thất thưa rằng: “Thất này thanh tịnh ưu thắng có thể lấy làm nơi chứng đắc Thánh quả, cúi xin Bồ-tát với tâm từ bi chớ di dời đâu khác”. Bồ-tát đã biết đó không phải là nơi chứng đắc đạo quả bèn để toại theo ý rồng nên lưu lại hình ảnh mà đi (hình ảnh tại đó, ngày trước các hàng ngu liền đều trông thấy, mãi đến thời nay, có lúc có thể được thấy), chư thiên dẫn đường đi trước sang đến nơi cây Bồ-đề. Mãi đến lúc vua Vô Ưu tôn sùng Phật pháp, tất cả các dấu vết trên dưới của Bồ-tát lên núi thảy đều tạo dựng các ngôi Tốt-đổ-ba nêu dấu, hình lượng tuy có khác nhau, nhưng linh ứng chẳng khác, như là hoặc mưa hoa trời trong không trung, hoặc ánh sáng tỏa chiếu giữa hang cốc u tối, mỗi năm đến ngài tự tứ mãn kỳ an cư, các hàng pháp tục từ những phương xa khác nhau cùng lên đến đó cúng dường qua vài ngày mới trở về. Từ núi tiền chánh giác theo hướng tây nam đi khoảng 14 - 15 dặm đến nơi cây Bồ-đề, tường vách bao quanh được sắp chất bằng gạch cao vợi bền chặt, từ đông sang tây dài, từ nam sang bắc hẹp, chu vi rộng hơn 500 bộ, cây quý hoa lạ che mát liền bóng, cát mịn cỏ lạ mọc tràn xanh khắp. Cửa phía chánh đông mở thoáng đối diện với sông Ni Liên Thuyền. Cửa phía nam tiếp liền với ao hoa lớn, phía tây hiểm ác bền chặc, cửa phía bắc thông liền với ngôi già lam lớm, ven tường bên trong, những Thánh tích tiếp liền nhau, hoặc là Tốt-đổ-ba, hoặc là tinh xá, đều do các vị quốc vương, đại thần, các hàng hào tộc ở Thiện bộ châu khâm kính di giáo mà tạo dựng ghi nhớ.

Bên trong vòng tường cây Bồ-đề, chính giữa có tòa kim cang, khi thời hiền kiếp hình thành thì cùng với đại địa không đồng nổi, nằm giữa ba ngàn đại thiên thế giới, dưới đến tận nơi Kim Luân, trên xâm cùng ngằn mé đất, dùng bằng chất kim cang làm thành chu vi rộng hơn trăm bộ, ngàn đức Phật trong thời Hiền kiếp đều ngồi tại đó nhập định kim

cang, nên xưng gọi đó là tòa kim cang, là nơi chứng đắc Thánh đạo, cũng còn gọi là đạo tràng, khắp đại địa chấn động riêng nơi đó không lay động. Cho nên xưa kia đức Như Lai lúc sắp chứng đắc chánh giác đi đến bốn góc đất đều lay động, sau đến nơi đó, được tỉnh lắng không khuynh động. Từ dần vào thời mạt phát, chánh pháp suy giảm, cát đất càng phủ che nên không còn được thấy. Sau khi đức Phật nhập niết bàn, những bậc quân vương ở các nước truyền nghe đức Phật giảng nói về lượng của tòa kim cang, bèn đem hai tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại đến tôn trí nêu bày mốc giới ở hai phía nam bắc xoay mặt về hướng đông mà ngồi. Nghe các bậc lão thành nói là đến lúc nào tôn tượng Bồ-tát ấy thân hình vùi lấp không còn trông thấy thì Phật pháp sẽ diệt tận. Đến nay tôn tượng ở phía nam đã bị vùi lấp quá ức ngực vậy.

Cây Bồ-đề trên tòa kim cang tức là cây Tất Bát La, xưa trước lúc đức Phật còn tại thế, cây đó cao đến vài trăm thước, từng trải qua nhiều lần phá hại đốn chặt nên còn cao khoảng 4 - 5 trượng. Đức Phật ngồi dưới gốc cây ấy thành đẳng chánh giác, nhân đó mà xưng gọi là cây Bồ-đề. Cành nhánh sắc màu vàng trắng, cọng lá sắc màu xanh biếc, mùa đông mùa hạ chẳng hề điêu tàn, sắc màu vàng sáng đẹp không biến đổi. Thường năm đến ngày đức Như Lai nhập niết bàn lá đều rơi rụng, sau đó trở lại tươi tốt như cũ. Ngày đó những vị quân vương ở các nước, các hàng pháp tục ở các phương khác có cả số ngàn muôn không mời gọi mà tự nhóm tập, dùng các thứ nước thơm sữa thơm để rưới lên tẩy rửa, khi ấy tấu trổi âm nhạc, thiết bày hương hoa chong đốt đèn nến liên tiếp từng ngày để cúng dường. Sau khi đức Như Lai nhập niết bàn, vua Vô Ưu mới lên tiếp nối ngôi vị tin nhận theo tà đạo, hủy phá các di tích của Phật giáo, phát động binh lính đích thân vua dẫn đến chặt phá, cành nhánh cọng lá bằm chặt thành từng phân tấc đưa về phía tây cách vài mươi bộ chất thành đống lớn, nảo vị Bà-la-môn thờ lửa châm đốt để cúng tế trời. Khói lửa chưa dứt lắng bỗng nhiên sinh mọc lên hai cây, đang trong lửa dữ mà cành lá tươi tốt ngậm biếc, nhân thế mà gọi đó là cây Bồ-đề tro lửa. vua Vô Ưu trông thấy kỳ lạ như vậy rồi bèn sám hối lỗi quá, dùng sữa thơm rưới vào gốc rễ còn lại, đến sáng sớm hôm sau cây xanh mọc trở lại như cũ. vua thấy linh thiêng kỳ lạ lại càng rất vui mừng, đích thân tu tạo cúng dường, vui thích quên cả sự trở về. Vương phi vốn tin theo ngoại đạo, kín sai kẻ sứ vào lúc quá nửa đêm lén đến chặt phá cây Bồ-đề đó. đến sáng sớm, vua Vô Ưu sắp ra kính lễ chỉ thấy còn gốc đâm chồi, vua cùng thần buồn cảm xót xa. Chí thành cầu thỉnh, dùng sữa thơm tưới tẩm, không mấy ngày sau mọc lại. vua rất kính dị,

sắp chất đá làm tường thành bao bọc chung quanh cao hơn 10 thước nay vẫn hiện còn. Gần đây vua Thiết Thưởng Ca tin theo ngoại đạo, ghét ghanh phá hủy Phật pháp, phá hoại các Tăng-già lam, chặt cây Bồ-đề đào bới sâu xuống tới suối nước chẳng hết đáy rễ, mới phóng lửa thiêu đốt, dùng cam giá rưới đổ xuống khiến tiêu hủy dứt tuyệt mầm mống sót lại. Vài tháng sau, vua Bổ Thích Noa Phạt Ma (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Mãn Trụ) ở nước Ma Yết Đà là cháu út của vua Vô Ưu nghe thế mà than rằng: "Tuệ Nhật đã ngầm ẩn chỉ còn lại cây của Phật, nay lại bị chặt phá tàn hại, sinh linh còn thấy gì đâu!". Ném vật thân mình nơi đất, buồn cảm động đến vật tình, đem vài ngàn con bò vắt lấy sữa để tưới tẩm xuống đó, qua đêm sau, cây xanh mọc lại cao hơn một trượng. Sợ người sau chặt phá nên sắp chất đá bao bọc chung quanh cao hai trượng bốn thước, nên nay cây Bồ-đề ẩn trong vách đá đã lồi ra ngoài hơn một trượng.

Từ cây Bồ-đề đi về phía đông có một ngôi tinh xá cao 160 - 170 thước, mặt nền phía dưới rộng hơn 20 bộ, dùng bằng gạch xanh để sắp xây, dùng than đá để tô thoa, tầng khám đều có tôn tượng bằng vàng, bốn phía vách tường đều khắc họa chế tác kỳ công, hoặc hình chuỗi châu liền vòng, hoặc tượng chư thiên chư tiên, phía trên đặt quả A ma lạc ca (cũng gọi là Bảo Bình, hay là Bảo Đài) bằng đồng vàng, mặt phía đông tiếp làm trùng các, diềm mái đặc biệt nổi cao ba tầng, xà trụ rường cột, cánh cửa thông cửa sổ dùng bằng vàng bạc khắc chạm trang sức, lại dùng châu ngọc khắc làm khỏa bít, thất kín nhà sâu cửa thông ba lớp, hai bên tả hữu ngoài cửa mỗi mỗi đều có khám thất, bên tả thiết đặt tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại, bên hữu thiết đặt tôn tượng Bồ-tát Từ Thị dùng bằng bạc trắng chú đúc thành cao hơn 10 thước. Chỗ đất tinh xá xưa cũ, mới đầu do vua Vô Ưu tạo dựng ngôi tinh xá nhỏ. Về sau có vị Bà-la-môn mở mới xây dựng rộng thêm. Mới đầu có vị Bà-la-môn không tin Phật pháp, phụng thờ đại tự tại, truyền nghe trời thần ở tại trong núi tuyết, bèn cùng người con sang đó nguyện cầu. Trời bảo: "Phàm mọi sự nguyện cầu đều có phước mới thành quả, chẳng phải chỗ mong cầu của ngươi, cũng chẳng phải do ta có khả năng khiến được toại nguyện". Bà-la-môn ấy thưa rằng: "Nên tu phước gì có thể được toại tâm nguyện". Trời bảo: "Muốn gieo giống thiện lành, tìm cầu ruộng phước ưa thắng. Thì cây Bồ-đề là nơi chứng đắc Phật quả. Với thời gian này nên gấp trở về sang nơi cây Bồ-đề, xây dựng ngôi tinh xá lớn, đục làm ao nước lớn, tu tạo mọi sự cúng dường thì điều ước nguyện sẽ được toại ý". Vị Bà-la-môn ấy vâng nhận sự chỉ bảo của trời, phát tâm tin lớn

cùng dẫn nhau trở về, người anh thì xây dựng tinh xá, người em thì đào đục ao nước, từ đó rộng tu tạo mọi sự cúng dường, chuyên cần mong cầu tâm nguyện về sau được thành quả làm vua và quan đại thần. Phàm có được mọi thứ phước lộc đều đưa vào xả thí. Đến lúc tinh xá được hoàn thành, chiêu mộ các người thợ đồ họa tôn tượng đức Như Lai lúc mới thành đạo, trải qua tháng năm lâu dài mà không người nào ứng đáp sự mời gọi. Lâu sau có một vị Bà-la-môn đến bảo với mọi người rằng: "Ta có khả năng hay khéo đồ họa diệu tướng đức Như Lai". Mọi người bảo: "Nay hãy giúp ta tu tạo tôn tượng. ông cần có những vật gì?". Bà-la-môn ấy đáp: "Cần có bột bùn thơm nên đặt trong tinh xá và đốt một ngọn đèn, sau khi tôi đã vào trong rồi đóng chặt cửa ấy, sáu tháng sau mới có thể nên mở cửa". Khi ấy các hàng tăng chúng đều y theo lời yêu cầu đó. Mãi đến lúc còn hơn bốn ngày chưa đủ sáu tháng tăng chúng đều lấy làm quái lạ mở cửa ra để trông xem, thấy trong tinh xá có tôn tượng đức Phật nghiễm nhiên ngồi kiết già chân phải gác đặt phía trên, tay trái cong rút lại, tay phải duỗi ra, xoay mặt về hướng đông mà ngồi, chỉnh túc trang nghiêm như đức Phật đang hiện tại, tòa cao bốn thước hai tấc, rộng một trượng hai thước năm tấc, tôn tượng cao một trượng một thước năm tấc, hai đầu gối xa cách nhau tám thước tám tấc, hai vai rộng sáu thước hai tấc, tướng tốt đầy đủ, dung nhan hiền từ như thật, chỉ có phía trên nắm vú bên hữu đắp thoa ngọc sáng chưa hoàn tất. Đã không còn thấy người Bà-la-môn ấy nữa, mới nghiệm là do thần soi xét, chúng tăng đều buồn than, ân cần cầu thỉnh muốn được biết. Có một vị Bà-la-môn trước ấy mà bảo rằng: "Ta là Bồ-tát Từ Thị, sợ sự nghĩ suy của các người thợ chẳng lường biết Thánh dung nên ta đã đích thân đến đồ họa tôn tượng đức Phật. Duỗi cánh tay phải, tức xưa kia lúc đức Như Lai sắp chứng Phật quả, thiên ma đến quấy nhiễu, địa thần đến báo, vị thứ nhất xuất hiện hỗ trợ đức Phật nhiếp phục quân ma. Đức Như Lai bảo: "Ngươi chớ phải lo sợ. Ta dùng sức nhẫn để nhiếp phục quân ma kia hẳn sẽ thắng nó". Ma vương hỏi: "Ai làm minh chứng?". Đức Như Lai mới duỗi tay chỉ xuống đất và bảo rằng: "Nơi đây có người minh chứng". Khi ấy vị địa thần thứ hai nhảy vọt ra làm chứng. Nên nay tôn tượng phỏng theo việc xưa mà duỗi xuống". Mọi người nghe thế, biết là linh thiêng soi xét, không ai chẳng buồn cảm. Khi ấy, nơi trên núm vú chưa làm hoàn tất, mọi người mới dùng các vật báu chuỗi châu xỏ quấn các thứ trân quý kỳ lạ giao xen trang sức. Sau khi chặt phá cây Bồ-đề, vua Thiết Thưởng Ca muốn hủy hoại tôn tượng đó nhưng khi đã thấy từ nhan tâm không an nhẫn. Lúc sắp xoay trở xa giá trở về, bèn bảo Tể

thần rằng: "Nên trừ bỏ tôn tượng đó để thiết đặt hình tượng trời đại tự tại". Quan tể thần vâng nhận Thánh chỉ, song lo sợ mà than rằng: "Hủy hoại tôn tượng Phật thì trải qua nhều kiếp phải nhận chịu tai ương. Còn trái với lệnh vua thì tan thân và cả giòng tộc bị chết hết. Tới và lui như thế, nên thực hành ra sao?". Mới vời gọi những người có tín tâm để làm kẻ sai sử, bèn đến trước tôn tượng sắp chất gạch chấn ngang thành bức tường, trong tâm dần mờ tối. Lại đặt một cây đèn sáng phía trước tường gạch, đắp họa hình tượng trời tự tại, công việc hoàn tất báo tin cùng vua. Vua Thiết Thưởng Ca nghe thế mà trong tâm kinh sợ, khắp cả thân hình nổi đầy mụt nhọt, da thịt lở loét, sống không mấy ngày bèn sau qua đời. Sau khi vua Thiết Tưởng Ca qua đời, quan Tể Thần vội trở lại tinh cá phá hủy bức tường chắn ngang ấy. Tuy thời gian trải qua đã nhiều ngày nhưng cây đèn ấy vẫn không tắt mất. tôn tượng đó ngày nay vẫn hiện còn, công thần khuyết hủy. Đã thiết trí trong phòng thất sâu kín, đèn đuốc phải đốt sáng tương tục, muốn trông thấy được từ nhau chẳng do đâu mà thẩm xét. Vào lúc sáng sớm phải mang kiếng sáng lớn dẫn ánh sáng soi chiếu vào bên trong mới thấy được linh tướng. Phàm những người được trông thấy đều tự tăng thêm buồn cảm!

Đức Như Lai là thành đẳng chánh giác sau nữa ngày mồng 8 tháng Phệ Xá khư ở Ấn Độ; tương đương ngày mồng 8 tháng 3 tại Trung Hoa. Theo thượng tọa bộ thì đức Như Lai thành đẳng chánh giác sau nữa ngày 15 tháng Phệ Xá Khư; tức tương đương ngày 15 tháng 3 ở Trung Hoa. Và, khi ấy đức Như Lai vừa tròn 30 tuổi, có thuyết nói là đức Như Lai vừa 35 tuổi.

Từ cây Bồ-đề về phía bắc, có nơi đức Phật kinh hành. Xưa kia, lúc mới thành đẳng chánh giác đức Như Lai chẳng vội đứng dậy khỏi tòa, mà ngồi thiền định tỉnh lắng suốt bảy ngày, đến lúc đứng dậy thì đi đến góc phía bắc của cây Bồ-đề, tar3i qua bảy ngày đi kinh hành qua lại theo hướng đông tây. Đi hơn 10 bộ thì có hoa khác lạ, nổi theo vết chân có 18 đường văn. Người đời sau đến đó sắp gạch làm thành nền móng cao hơn ba thước. Nghe các bậc lão thành nói là nơi nền móng Thánh tích đó biểu hiện thọ mạng ngắn dài của con người, nên trước phát khởi tâm nguyện chí thành sau mới đo lường, tùy thọ mạng ngắn dài mà số ấy có tăng giảm.

Từ nền móng nói đức Phật kinh hành về phía bắc, bên hữu đường đi, trong tinh xá trên một tảng đá có tôn tượng đức Phật ngữa mặt trông nhìn lên. Xưa kia đức Như Lai đến tại đó suốt bảy ngày trông nhìn cây Bồ-đề mắt chẳng tạm rời, vì muốn báo đáp ân đức cây Bồ-đề nên trông

nhìn vậy.

Từ cây Bồ-đề về phía tây cách không xa trong tinh xá lớn, có tôn tượng đức Phật bằng than đá, và trang sức bằng các vật trân quý kỳ lạ, tôn tượng xoay mặt về hướng đông mà ngồi, phía trước có tảng đá sắc xanh, đường văn kỳ đặc hình thái khá lạ. Đó là nơi xưa kia đức Như Lai mới thành đẳng chánh giác, trời Phạm vương xây dựng nhà bằng bảy báu, trời Đế Thích làm tòa bảy báu, đức Phật lên ngồi trên đó suốt bảy ngày tư duy, tỏa phóng ánh sáng khác lạ soi chiếu lại cây Bồ-đề. Vì các Thánh xa dần nên các vật báu biến thành đá.

Từ cây Bồ-đề về phía nam cách không xa có một ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn trăm thước do vua Vô Ưu tạo dựng là nơi xưa kia Bồ-tát sau khi đã tắm rửa dưới sông Ni Liên Thuyền rồi, sắp đi đến nơi cây Bồ-đề, tự suy nghĩ nên dùng vật gì để làm tòa? Sau đó bỗng tự phát minh là nên dùng cỏ sạch. Khi ấy trời Đế Thích biến hóa thân hình làm kẻ đi cắt cỏ, mang đội đuổi theo đường đi. Bồ-tát gặp thấy bèn bảo rằng: “Cơ ông mang đội, có thể ban cho một ít chăng?”. Người cắt cỏ ấy bèn cung kính dâng cỏ cúng dường Bồ-tát. Bồ-tát nhận cỏ rồi thẳng theo đường đi về phía trước.

Từ nơi Bồ-tát nhận cỏ về phía đông bắc cách đó không xa có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi Bồ-tát sắp chứng Phật quả có đàn chim tước sắc xanh và đàn nai bày hiện điềm lành. Ở Ấn Độ có tập tục tốt lành ứng hiện đó là điềm ứng an vui, nên trời Tịnh Cư tùy thuận theo thế gian biến hiện thành đàn bay liệng quanh để hiệu ứng điềm linh hiển bày quả Thánh. Từ cây Bồ-đề về phía đông hai bên con đường lớn mỗi bên đều có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi Ma vương nhiễu loạn Bồ-tát. Bồ-tát lúc sắp chứng đắc Phật quả, Ma vương đến khuyên nên nhận ngôi vị Luân vương, răn nói nhiều mà Bồ-tát không thực hành, Ma vương đành ôm lo buồn lớn mà trở về. Con gái của Ma vương lại xin sang dụ dỗ, Bồ-tát nhờ sức oai thần khiến suy biến sửa đổi hình dung, khiến ma nâng đỡ thân hình suy gầy chống gậy cùng dẫn nhau rút lui.

Từ cây Bồ-đề về phía tây bắc trong ngôi tinh xá có tôn tượng đức Phật Ca Diếp Ba, đã xứng linh Thánh, có lúc tỏa phóng ánh sáng. Nghe các bậc lão thành kể rằng nếu người chí thành đi nhiễu quanh bảy vòng thì ngaay đời nay chứng đắc trí túc mạng.

Từ tinh xá có tôn tượng đức Phật Ca Diếp Ba về phía tây bắc có hai thất bằng gạch mỗi thất đều có hình tượng của Địa thần. Xưa kia lúc đức Như Lai sắp thành Đẳng chánh giác, một vị báo có Ma vương đến, một vị hộ Phật chứng quả. Người đời sau ghi niệm công lai nên đắp họa

hình tượng để nâng bày đức.

Từ tường thành cây Bồ-đề về phía tây nam cách không xa có một ngôi Tốt-đổ-ba là Uất kim hương cao hơn 40 thước do vị thương chủ ở nước Tào Cũ Tra tạo dựng. Xưa kia tại nước Tào Củ Tra có một vị Đại thương chủ tôn sùng phụng thờ trời thần cúng tế mong cầu phước lợi, khinh miệt Phật pháp, không tin nhân quả. Sau đó, dẫn các khác buôn đi buôn bán đổi chác, trôi nỗi thuyền bè trên Nam Hãi gặp phải gió dữ, lạc mất đường hướng, sóng gió cuồn cuộn cuốn tấp trải qua ba năm, lương thực cạn hết, cháo hồ còn không đủ sung cấp vào miệng, mọi người cùng chung thuyền sống buổi sáng chẳng tính nghĩ đến buổi chiều đồng tâm hợp lực xưng niệm vị trời họ đang tôn thờ. Tâm tư đã nhọc mệt mà công sức thầm lắng chẳng cứu giúp. Bỗng chốc thấy một núi lớn, sườn cao đảnh vút, có hai mặt nhật nối liền tỏa sáng, ánh sáng chồng nhau soi chiếu. Khi ấy các khách buôn cùng ủy an với nhau rằng: "Chúng ta có phước nên gặp được núi lớn này, nên vào trong đó dừng nghỉ hẳn được an lạc". Vị thương chủ ấy bảo rằng: "Đó chẳng phải là núi, chính là các Ma Kiệt, sườn cao đảnh vút ấy là râu tóc, hai mặt nhật nối liền tỏa sáng đó là nhãn quang". Tiếng nói chưa lắng dứt, buồm thuyền vụt tới nơi. Vị thương chủ lại bảo các khách buôn rằng: "Tôi nghe Bồ-tát Quán Tự Tại ở nơi các thứ ách nạn hay ban sự an lạc, nên mỗi người liền đồng tiếng quy mạng xưng niệm, núi cao ấy bèn ẩn, hai ánh mặt nhật cũng lặng mất. Chỉ chốc lát lại thấy có vị Sa-môn hình nghi tường tự chống tích bay vượt giữa hư không không mà đến cứu vớt, chẳng qua thời gian bao lâu mà đã về đến nước nhà, nhân đó phát khởi tín tâm trinh thuần kiên cố, cầu phước chẳng đoái lại, bèn tạo dựng ngôi Tốt-đổ-ba kính tu cúng dường, dùng bột uất kim hương để bôi thoa trên dưới. Đã phát tâm tin, vị thương chủ ấy lại dẫn những người cùng đồng chí ý đi đảnh lễ các Thánh tích, chiêm ngưỡng cây Bồ-đề, chưa rỗi nói trở về mà đã qua cả tháng trời. Các khách buôn đồng đi lại cùng nói với nhau rằng: "Núi sông cách trở, quê hương xa vời, ngôi Tốt-đổ-ba chúng ta tạo dựng ngày trước mà nay chúng ta hiện ở tại đây thì ai lo việc quét tước?". Nói xong bèn đi nhiễu quanh, đến đó bỗng thấy ngôi Tốt-đổ-ba, kinh hãi sự xuất hiện đó, bèn đến phía trước chiêm lễ xem xét quả nhiên đúng thật là ngôi Tốt-đổ-ba do họ tạo dựng ở tại nước nhà. Nên nay tại nước Ấn Độ nhân đó mà gọi tên là Tốt-đổ-ba "uất kim hương" vậy.

Từ tường thành cây Bồ-đề về góc đông nam bên cạnh cây Ni câu luật có ngôi Tốt-đổ-ba. Bên cạnh đó lại có ngôi tinh xá, bên trong có tạo tôn tượng đức Phật ngồi, là nơi xưa kia lúc đức Như Lai vừa mới

chứng đắc Phật quả, trời đại Phạm thiên đến đó khuyên thỉnh đức Phật chuyển Diệu pháp luân. Bên trong vách tường quanh cây Bồ-đề ở bốn góc đều có các ngôi Tốt-đổ-ba lớn, là các nơi xưa kia đức Như Lai sau khi đã nhận cỏ cát tường đi đến nơi cây Bồ-đề, trước tiên trải quả bốn góc, đất đều chuyển động, sau đó đến tòa kim cang mới được an tĩnh. Bên trong tường vách cây Bồ-đề, các Thánh tích có lắm nhiều, khó thể nêu bày cùng khắp.

Bên ngoài tương vách cây Bồ-đề về phía tây nam có ngôi Tốt-đổ-ba là nơi vườn nhà xưa cũ của hai mục nữ dâng cúng bát cháo sữa. Bên cạnh đó lại có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi mục nữ dâng cúng bát cháo sữa ấy. Tiếp theo lại có ngôi Tốt-đổ-ba là nơi đức Như Lai nhận bát cháo sữa.

Ngoài cửa phía nam tường vách cây Bồ-đề có một ao lớn chu vi rộng hơn 700 bộ, nước trong trơn nhận lắng như gương soi, do hai anh em vị Bà-la-môn vâng sự chỉ bảo của trời Đại tự tại mà đục tạo nên. Tiếp về phía nam lại có một ao, là nơi xưa kia đức Như Lai mới thành Đẳng chánh giác muốn tắm rửa, nên trời Đế thích vì Phật mà hóa thành ao. Tiếp về phía tây, có một tảng đá lớn, là nơi xưa kia đức Phật giặt y xong vừa muốn hong phơi, trời Đế thích từ núi tuyết lớn mang tả đá đó lại. Bên cạnh đó, lại có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kia đức Như Lai nhận chiếc y cũ của bà già dâng cúng. Từ ao do trời Đế Thích biến hóa về phía đông vào trong rừng có ao vua rồng Mục Chi Lân Đà, nước ở đó trong đen mùi vị ngọt mát. Trên bờ phía tây có một ngôi tinh xá nhỏ, bên trong có tạo tôn tượng đức Phật. Xưa kia đức Như Lai lúc mới thành Đẳng chánh giác đến đó ngồi yên nhập định suốt bảy ngày. Khi ấy vua rồng đó cảnh vệ đức Như Lai tức đem thân mình quấn quanh dưới đức Phật bảy vòng và hóa ra nhiều cái đầu làm lọng tàn che phủ phía trên, nên trên bờ phía đông ao có ngôi thất đó.

Từ ao vua rồng Mục Chi Lân Đà về phía đông vào trong rừng có ngôi tinh xá, có thờ tôn tượng đức Phật thân hình gầy ốm. Bên cạnh đó có nơi xưa kia đức Phật đi kinh hành dài hơn 70 bộ, hai phía nam bắc mỗi bên đều có cây Tất bát la. Nên nay các hàng sĩ tục những người mắc phải bệnh tật mà dùng dầu thơm bôi thoa vào tôn tượng đó, phần nhiều đều được lành mạnh. Đó là nơi xưa kia Bồ-tát tu khổ hạnh, nơi Như Lai vì phục ngoại đạo, lại nhận sự thỉnh cầu của Ma ở đó suốt sáu năm tu khổ hạnh, mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè hạt thóc, thân hình tiều tụy còn da bọc xương, kinh hành qua lại phải vịn cây để đứng dậy.

Bên cạnh cây Tất bát la; nơi Bồ-tát tu khổ hạnh có ngôi Tốt-đổ-

ba, là nơi dừng ở của năm tôn giả A Nhã Kiều Trần Như, v.v... Mới đầu, lúc thái tử bỏ tục xuất gia, bàng hoàng nơi chốn núi đầm nương nghỉ nơi suối rừng, khi ấy vua Tịnh Phạn mới bảo năm người đi theo để chăm lo cho thái tử. Đến lúc thái tử đã tu khổ hạnh, thì A Nhã Kiều Trần Như, v.v... cũng cần cầu. Từ nơi nương ở của năm tôn giả A Nhã Kiều Trần Như, v.v..., về phía đông nam có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kia Bồ-tát vào sông Ni Liên Thuyền để tắm rửa. Bên cạnh sông cách không xa là nơi Bồ-tát nhận bát cháo sữa. Bên cạnh đó lại có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi hai vị trưởng giả dâng cúng bột mật. Xưa kia đức Phật đang tại dưới cây Bồ-đề ngồi kiết già tỉnh lắng cảm thọ sự an lạc giải thoát qua bảy ngày sau mới từ thiền định dậy, khi ấy có hai vị thương chủ đang đi ngoài mé rừng, và thần ở rừng đó mách báo cùng hai vị thương chủ rằng: "Thái tử giòng họ Thích nay đang ở trong rừng này vừa mới chứng đắc Phật quả, tâm ý đang ngưng lắng tịch định, đã qua hơn 49 ngày đêm không ăn uống gì. Hai ông nếu có gì dâng cúng sẽ được phước lợi rất lớn". Khi ấy hai vị thương chủ đều cùng đem bột và mật mang theo vào dâng cúng. Đức Thế Tôn bèn thọ nhận.

Bên cạnh nơi hai trưởng giả dâng cúng bột và mật có một ngôi Tốt-đổ-ba là nơi bốn vị trời dâng cúng bình bát cho đức Phật. Sau khi hai thương chủ đã dâng cúng bột và mật, đức Phật nghĩ nên dùng vật gì để nhận đựng. Khi ấy bốn vị trời từ bốn phương lại, mỗi vị mang đến một bình bát bằng vàng dâng cúng đức Phật, đức Thế Tôn im lặng mà không nhận, vì người xuất gia không nên sử dụng đồ vật ấy. Bốn trời lại bỏ bình bát vàng mà dâng cúng bình bát bằng bạc, cho đến các bình bát bằng pha chi, lưu ly, mã não, xa cừ, chân châu, v.v... Đức Thế Tôn vẫn như trước im lặng không nhận lấy. Bốn vị trời lại trở về cung mang đến bình bát bằng đá sắc màu xanh biếc ánh ngời mà dâng cúng, Đức Thế Tôn đoán biết đây kia mà nhận hết tất cả, lần lượt chất đè nén làm thành một bình bát, nên bên ngoài có bốn đường sáng lớn.

Bên cạnh nơi bốn vị trời dâng cúng bình bát cách không xa có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kia đức Như Lai vì Thánh mẫu mà giảng nói pháp. Xưa kia, lúc đức Như Lai đã thành Đẳng chánh giác, xưng là thầy của trời người, khi ấy Thánh mẫu Ma Da từ cung trời giáng hiện xuống đó, đức Thế Tôn bèn tùy cơ duyên nêu bày chỉ nói lợi mừng. Bên cạnh đó có ao hồ cạn, trên bồ có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kiaa đức Như Lai hiện các sự thần biến để giáo hóa những người có duyên. Bên cạnh nơi đức Phật hiện sức thần biến có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kia đức Như Lai hóa độ ba anh em Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp Ba cùng với 500 người

học trò cầu xin thọ học Phật giáo. Ca Diếp Ba nói rằng: “Ta cùng các người đồng đi ngược lại đường mê”. Khi ấy bèn cùng dẫn nhau đi đến chỗ đức Phật, đức Như Lai bảo rằng: “Nên vất bỏ áo da nai, bỏ các vật dụng cúng tế lửa”. Lúc đó các Phạm chí vâng thừa Thánh chỉ cởi bỏ tất cả ném vất xuống sông Ni Liên Thuyền. Nại Địa Ca Diếp Ba thấy các vật cúng tế trôi nổi giữa dòng nước, bèn cùng các học trò tìm đến dò xem anh mình động tĩnh thế nào. Đã thấy cải đổi tất cả, bèn cũng tùy theo cầu xin xuất gia. Khi ấy, Già Da Ca Diếp Ba nghe hai người anh mình xả bỏ pháp đang tôn thờ, bèn đến nơi chỗ đức Phật phát nguyện xin tu phạm hạnh.

Từ nơi đức Phật hóa độ ba anh em Ca Diếp Ba về phía tây bắc có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kia đức Phật nhiếp phục rồng lửa do anh em Ca Diếp Ba tôn thờ. Khi đức Như Lai sắp giáo hóa ba anh em đó, trước tiên là nhiếp phục sự phụng thờ của họ, nên đến dừng nghỉ nơi thất rồng lửa phạm chí. Qua nửa đêm, rồng phu nhả lửa khói, n đã nhập định cũng phóng hỏa quang. Thất đó bỗng nhiên sáng rỗng, lửa dữ cháy mạnh, các thầy phạm chí khiếp sợ cho là lửa hại đức Phật nên cùng nhau chạy đến khóc gào buồn tiếc. Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp Ba bảo cùng các phạm chí rằng: “Lấy đó mà trông cem chưa hẳn là lửa vậy, có thể là Sa-môn đó nhiếp phục rồng lửa vậy”. Đức Như Lai mới cuộn hết lửa rồng để trong bình bát, đến sáng sớm mang ra chỉ bày cho các học trò ngoại đạo. Bên cạnh đó có ngôi Tốt-đổ-ba là nơi 500 vị Độc giác đồng nhập Niết bàn.

Từ nơi ao vua rồng Mục Chi Lân Đà về phía nam có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi Ca Diếp Ba đến cứu đức Phật đắm chìm trong nước. Lúc đó anh em Ca Diếp Ba suy tôn chứng đắc thần thông. Mọi người xa gần đồng kính ngưỡng đức, các hàng lê thứ thảy quy tâm. Đức Thế Tôn dùng phương tiện dẫn trốn đồ chúng, sử dụng quyền biến lớn để nhiếp hóa nên dấy giăng mây kín mít, tuông trút mưa bão lớn, quanh nơi Phật ở riêng không có nước. Khi ấy Ca Diếp Ba thấy mây mưa như thế bảo cùng môn nhân học trò rằng: “Trụ xứ của Sa-môn sắp bị nước dập chìm, nên đem thuyền bè đến cứu”. Đến nơi thì thấy đức Thế Tôn giẫm bước trong nước đi như giữa đất liền, đạp giữa dòng sông thì nước rẽ phân, cát hiện bày, Ca Diếp Ba thấy thế, trong tâm kính phục mà trở về.

Ngoài cửa phía đông tường vách cây Bồ-đề cách khoảng 2 - 3 dặm có một ngôi thất rồng mù. Rồng đó bởi ương lụy nhiều đời kiếp trước nhân chịu quả báo thọ sinh bị mù. Lúc đức Như Lai từ núi tiền chánh giác sắp đến cây Bồ-đề, rồng mù ấy nói với Bồ-tát rằng: “Nay

đây, nhân giả không bao lâu nữa sẽ thành đẳng chánh giác. Mắt tôi bị mù từ trước đến nay đã lâu lắm, mỗi lúc có đức Phật xuất hiện nơi đời thì mắt tôi liền được sáng. Trong thời Hiền kiếp này có ba đức Phật ở quá khứ xuất hiện nói đời, mắt tôi đã có sáng thấy được. Nay nhân giả tới đây, mắt tôi bỗng mở được, do đó mà biết nhân giả sắp thành Phật vậy”.

Bên cạnh cửa phía đông tường thành cây Bồ-đề có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi Ma vương kinh sợ Bồ-tát. Mới đầu Ma vương biết Bồ-tát sắp thành chánh giác, đến dẫn dụ hoặc loạn mà không thành, buồn sợ không nơi nhờ cậy, bèn nhóm tập các chúng thần, chỉnh trang quân ma, sửa sang binh lính dốc sức cùng uy hiếp Bồ-tát, khi ấy gió mưa tuông đổ sấm sét mịt mù, phóng lửa bay khói, tung cát vung đá, dủ cả các thứ mâu thuẩn, dụng cụ cung tên. Khi ấy Bồ-tát nhập định đại từ, khiến tất cả mọi thứ binh trượng đều biến thành hoa sen, quân ma kinh sợ vội chạy rút lui. Bên cạnh đó không xa có hai ngôi Tốt-đổ-ba do trời Phạm vương và Đế thích tạo dựng nên.

Ngoài cửa phía bắc cây Bồ-đề có ngôi Tăng-già lam Ma-ha Bồ-đề, mới đầu do vua nước Tăng-già-la tạo dựng. Nhà sân sáu viện, quán các ba tầng, tường vách bao bọc chung quanh cao 3 - 4 trượng, các thợ dựng xây hết sức kỳ diệu, trong tiết xanh đỏ rất mực đẹp xinh. Đến như tôn tượng đức Phật được chú đúc bằng vàng bạc, mọi thứ trang nghiêm đều dùng bằng các vật báu. Các ngôi Tốt-đổ-ba cao rộng diệu kỳ, sáng nhuận sạch đẹp, bên trong có tôn thờ xá lợi của đức Như Lai, xá lợi bằng cốt lớn như đốt lóng ngón tay, sáng nhuận trắng sạch ánh suốt trong ngoài, xá lợi bằng thịt lớn như chân châu dãi sắc màu hồng phiến. Mỗi năm đến ngày mãn tháng Như Lai đặc thần biến nêu bày ra cho đại chúng trông xem (tức ngày 30 tháng 12 ở Ấn Độ, tương đương ngày 15 tháng giêng ở Trung Hoa). Khi ấy hoặc có tỏa phóng ánh sáng, hoặc mưa hoa. Chư tăng có gần 1000 vị đều tập học giáo pháp đại thừa Thượng tọa bộ, luật nghi thanh tịnh, chỉnh túc, giới hạnh trinh thuần trong sáng. Xưa kia có vị vua ở nước Tăng-già-la tại Nam Hải, vua ấy tinh thuần kính tin Phật pháp bẩm phát tự nhiên, có người em họ xuất gia, kính tưởng các Thánh tích của đức Phật nên từ xa đến Ấn Độ, dừng nghỉ trong các ngôi già lam, đều bị khinh thường cho la biên bỉ, khi ấy bèn trở gót trở về lại nước nhà. vua ấy đích thân ra đến nơi xa nghinh đón. Vị Sa-môn ấy buồn nghẹn tự như không thể nói. Vua ấy hỏi: “Mắc phải điều gì mà u buồn vậy?”. Vị Sa-môn đó đáp: “Tôi nương nhờ oai phong của nước nhà, vân đức Phật phỏng hỏi đạo đến nương trọ nơi

cảnh vức khác. Giẫm trải nắng mưa, gặp phải khinh thường hủy nhục, nói thấy dèm pha, mang điều đau buồn tủi nhục ấy, làm sao trong tâm hân hoan được?". Vua ấy hỏi: "Như vậy nghĩa là sao?". vị Sa-môn đó nói: "Thật cầu mong đại vương luôn lấy ruộng phước đặt để tâm ý, đi đến các xứ Ấn Độ tạo dựng những ngôi già lam, đã là nêu bày Thánh tích lại còn có được cao danh. Phước đức ấy có thể giúp được cho tiên vương, ân ấy lại đượm khắp đời sau". vua ấy bảo: "Việc ấy rất tốt lành, nghe đó sao có thể hoảng muộn?". Khi ấy bèn đem các vật báu trong nước sang dâng hiến vua xứ Ấn Độ. vua xứ Ấn Độ đã nhận sự triều cống, nghĩa cử còn nghỉ tính xa, nên bảo cùng sứ thần rằng: "Nay ta nên lấy vật gì để đáp trả tâm tình?". Sứ thần tâu rằng: "vua nước Tăng-già-la cúi đầu với xứ Ấn Độ đây hướng về vua Đại Cát Tường. Đại vương noai đức vang động phương xa, ân huệ đượm trùm khắp. Các Sa-môn nước dưới khâm sùng kính mộ phong hóa dám rảo bước đến nước trên đó bày kính lễ các Thánh tích. Đến nương ở nơi các ngôi già lam, chẳng nói đâu thấy quán, trải qua đủ thứ khổ nhọc mang chịu lấy sự tủi nhục mà trở về. Nghĩ tính ước xa dâng tặng khuôn phép với sự nghiệp tương lai, muốn đến các xứ Ấn Độ xây dựng những ngôi già lam, để cho các đức Phật khác khất sĩ có nơi dừng nghỉ, hai nước giao hảo hân hoan mọi người qua lại không ngưng dứt". vua xứ Ấn Độ bảo: "Đức Như Lai lắng ẩn giáo hóa, mà Di phong hiện còn đây. Với các chỗ Thánh tích, mặc tình chọn một nói". Sứ giả kính vâng về báo lại, quần thần đều kính bái vui mừng chúc tụng, bèn chiêu tập các hàng Sa-môn bèn nghị sự tạo dựng. Có vị Sa-môn nói rằng: "Nơi cây Bồ-đề, từ xưa trở lại chư Phật đều chứng đắc Thánh đạo tại đó". Xét bàn mọi kiến nghị khác đều không ngoài ước tính đó, khi ấy bèn xả thí các vật trân quý của nước nhà đến tạo dựng ngôi già lam đó, vì chư tăng nước đó mà phụng tu cúng dường, và mới khắc bản đồng làm bài minh ký rằng: "Phàm phu cấp không riêng chư Phật chí giáo, ban huệ với hàng có duyên, kính tạo ngôi già lam, dùng nêu bày tán dương Thánh tích, phước giúp cha ông, ân ban khắp dân chúng, chỉ mong chư tăng ở nước tôi được tự tại, và mọi người nước tôi cũng đồng như chư tăng, lưu truyền điều này tiếp nối về sau, mãi mãi không cùng tận". Nên ngôi già lam đó phần nhiều là chư tăng người nước Sư Tử sinh hoạt tu tập.

Từ cây Bồ-đề về phía nam xa hơn 10 dặm các Thánh tích tiếp liền nhau, khó thể nêu bày đủ hết. Mỗi năm đến ngày chư tăng giải kết an cư, các hàng pháp tục ở khắp bốn phương có cả trăm ngàn chúng suốt bảy ngày đêm mang hương hoa đến, tấu trỗi âm nhạc khắp cùng cả khu

rừng lễ bái cúng dường. Chư tăng ở Ấn Độ y cứ theo Thánh giáo của Phật đều lấy ngày mồng một trước nửa tháng Thất La Phạt Noa vào an cư kỳ mưa, tương đương ngày 16 tháng 5 ở Trung Hoa, và lấy sau nữa ngày 15 tháng Át Thấp Phược Sưu Xà Giải An Cư kỳ mưa, tương đương ngày 15 tháng 8 tại Trung Hoa. Tại Ấn Độ tên tháng y cứ theo ngôi sao mà lập, xưa nay không cải đổi. Các bộ không sai, chỉ bởi phương ngôn chưa dung thông nên sự truyền dịch có sai nhầm, phân thời tính tháng đặt kỳ trái khác, nên lấy ngày 16 tháng 04 vào An Cư và đến ngày 15 tháng 7 giải An cư vậy.

■

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỨC KÝ

QUYỂN 9

(Nói về một nước).

1. Nước Ma Yết Đà (tiếp theo)

1 - NƯỚC MA YẾT ĐÀ (Tiếp Theo)

Từ cây Bồ-đề về phía đông vượt qua sông Ni Liên Thuyền Na vào trong rừng lớn có một ngôi Tốt-đổ-ba. Từ đó về phía bắc có một cái ao, là nói voi Hương Tượng hầu mẹ. Xưa kia đức Như Lai đang trong thời tu Bồ-tát hạnh làm voi con Hương Tượng ở trong Bắc Sơn rảo bước đến bên cạnh ao hồ đó, voi mẹ bị mù, nên voi con nhặt hái ngó rễ sen hút nước trong để nuôi dưỡng cung kính hành hiến theo thời gian suy dời, gặp lúc có người vào rừng lạc mất đường đi, bàng hoàng qua lại buồn khóc thảm thiết. Voi con Hương Tượng nghe thế mà xót thương đến vì chỉ dẫn, đưa đường trở về. Người ấy sau khi đã về được, bèn tấu trình cùng vua rằng: "Tôi có biết một con voi Hương Tượng đi ở nơi rừng chăm, đó là loài vật kỳ đặc rất giá trị, có thể nên sang bắt lấy". vua chấp thuận nghe theo lời đó bèn chuẩn bị binh lính sang bắt. Người ấy dẫn đường đi trước chỉ nơi voi ở cho vua. Và liền đó hai cánh tay người ấy rơi rớt như có người chặt lìa, vua tuy kinh sợ điều kỳ lạ ấy nhưng vẫn trói bắt voi con Hương Tượng mà dẫn về. Con voi Hương Tượng đã bị trói buộc trải qua thời gian lâu dài mà chẳng chịu ăn uống cỏ nước. Ngươi cai quản voi tấu trình cùng vua. vua bèn đích thân đến hỏi thăm, voi con Hương Tượng bèn đáp rằng: "Mẹ tôi bị mù trải qua nhiều ngày đói khát, nay bị u ách há làm sao cam lòng mà ăn uống?". Vua xót xa nghe tình cảnh ấy nên bèn phóng thả voi. Bên cạnh đó lại có ngôi Tốt-đổ-ba, phía trước có dựng trụ đá, là nơi xưa kia đức Phật Ca Diếp Ba an tọa tĩnh lắng tại đó. Bên cạnh đó là nơi có di tích của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành.

Từ nơi bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền về phía đông vượt qua sông Mạt Ha đến trong rừng lớn có một trụ đá, là nơi vị ngoại đạo nhập

định và phát ác nguyện. Xưa trước có ngoại đạo Uất Đầu Lam Sử chí khí vượt ngoài ráng mây, thân hình để nơi cỏ đầm, đến trong rừng pháp đó gá thần ẩn vết, đã đầy đủ ngũ thông lại chứng đắc Đệ nhất hữu định, vua nước Ma Yết Đà đặc biệt rất tôn kính, thường vào giữa trưa mỗi ngày thỉnh mời đến trong cung thọ thực, Uất Đầu Lam Tử giẫm vượt giữa hư không qua lại không ngăn ngại, vua nước Ma Yết Đà theo đúng thời gian chiêm ngưỡng trông mong, cũng đã đến rồi bưng tiếp đặt tòa. Đến lúc vua sắp ra ngoài tuần đức Phật muốn giao phó công việc còn lại, lựa chọn khắp trong cung mà không có ai đủ khả năng vâng nhận công việc. Chỉ có một người nữ tuổi nhỏ đang trinh thuần thận mật hợp nghi đã thân gần lại hiền không ai vượt hơn, vua nước Ma Yết Đà gọi lại và bảo rằng: “Tôi muốn đi xa, sắp có công việc cần giao phó, ngươi nên dốc lòng thận trọng với công việc. Đại tiên Uất Đầu Lam kia là bậc đáng tôn kính, theo đúng thời gian đến thọ thực, ngươi phải như ta mà kính dâng”. Răn bảo rồi, vua bèn tuần du. Thiếu nữ ấy vâng thừa Thánh chỉ, chăm hầu đúng như nghi tắc. Đại tiên đến nơi thì bưng dâng đặt tòa. Uất Đầu Lam Tử đã xúc chạm người nữ, khởi nhiễm dục giới, lùi mất thần thông. Thọ trai xong, nói trở về mà không thể vượt giữa hư không, trong tâm xấu hổ, dối bảo cùng thiếu nữ ấy rằng: “Tôi tu đạo nghiệp như vậy, nhập định vui vẻ tâm thần, nhảy vượt giữa hư không qua lại lược không nhàm cảnh. Dân chúng nước nhà nguyện muốn trông thấy, tôi nghe vậy đã lâu, nhưng trước thấu đạt dủ bày dạy răn, lấy việc lợi vật làm chính. Đâu phải chỉ giữ tốt lành riêng mình mà quên sự lợi tế khắp cùng. Nay muốn từ cửa đây mà ra giẫm bước giữa đất mà đi, khiến những người trông thấy đều được phước lợi”. Thiếu nữ ấy nghe vậy rồi bèn tuyên cáo gần xa. Khi ấy mọi người vội đua nhau quét tước, dọn dẹp đường xá, có cả trăm nàgn vạn người đứng đợi trông ngóng lai nghi. Uất Đầu Lam Tử đi bộ từ vương cung về đến rừng pháp đó, an tọa nhập định, tâm vội rong theo ngoại cảnh, nương náu nơi rừng thì chim chóc réo rít, đến gần cạnh bờ ao thì cá, ba ba, v.v... quẩy động phát tiếng, ý tan tâm loạn, mất thần, bỏ phế tập định, mới sinh khởi phẩn hận, liền phát ác nguyện: “Nguyện tôi trong đời sau sẽ làm thân thú dữ chồn ly, làm thân chim vỗ cánh bắt ăn sinh loại, thân lớn rộng 3000 dặm, hai cánh; mỗi cánh rộng 1500 dặm đến nơi rừng thì bắt ăan các loài chim muôn, vào sông nước thì vớt bắt ăn loài thủy tộc”. Phát nguyện ấy rồi tâm tức giận dần lắng dứt. Cần cầu chỉ khoảnh khắc trở lại được với cảnh thiền định xưa cũ. Sau đó không bao lâu bèn mạng chung thác sinh lên cõi trời Đệ nhất hữu, tuổi thọ sống đến tám vạn kiếp. Đức Như Lai

dự ghi về Uất Đầu Lam Tử khi thọ mạng ở cõi trời đã hết sẽ phải nhận chịu quả báo bởi phát nguyện xưa trước nhận làm thân xấu tệ, từ đó lưu chuyển trong đường ác chưa có thời kỳ ra khỏi.

Từ sông Mạt Ha về phía đông vào trong rừng hoang lớn, đi hơn trăm dặm đến núi Quật Quật Tra Bá Đà (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là núi Kê Túc), cũng còn gọi là núi Lũ Lô Bá Đà (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Tôn Túc) cao vút nhọn hoắc, vực thẳm sâu rỗng không bờ, sườn núi lắm khe hang, rừng cao nhiều cốc, ven núi nhỏ chấn như bình phong nhiều cỏ phủ kín hang, trót vót nỗi cao ba ngọn tột cùng, khí gần tiếp liền chân trời, hình đồng tợ mây. Sau đó, tôn giả Đại Ca Diếp Ba ở bên trong tịch diệt không dám chỉ lời, nên xưng là gọi là "Tôn Túc". Tôn giả Ma-ha Ca Diếp Ba là đệ tử thanh văn của đức Như Lai, đã chứng đắc sáu pháp thần thông, có đủ tám pháp giải thoát. Khi đức Như Lai dơ duyên giáo hóa đã hoàn tất, sắp nhập Niết bàn, bèn bảo cùng Đại Ca Diếp Ba rằng: "Ta trải qua nhiều kiếp chuyên cần tu khổ hạnh, vì các chúng sinh mà cầu pháp vô thượng, mong cầu xưa trước, nay đã quả mãn. Nay ta sắp muốn nhập Đại niết bàn, đem tất cả pháp tạng giao phó cho ông. Ông khéo nên gìn giữ tuyên truyền lưu bố chớ để lạc mất. Và đem pháp y ca sa thêu dệt bằng vàng của Di mẫu hiến cúng giao cho ông, đợi đến lúc đức Từ Thị thành Phật, ông nên lưu truyền giao phó lại. Đối với những người tu hành trong Di pháp của ta như các Bí Sô, Bí Sô Ni, Ổ Ba Sách Ca (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Cận Sự Nam. Xưa trước gọi là Y bổ tắc, còn gọi là Ưu ba tắc, hay Ưu bà tắc đều là sai nhầm vậy) đều nên trước cứu độ họ khiến được lìa khỏi lưu chuyển". Tôn giả Đại Ca Diếp Ba vâng thừa sự chỉ giáo mà trú trì chánh pháp, sau khi kết tập kinh điển đã xong đến năm thứ 20, nhàm chán thế sự vô thường, sắp nhập tịch diệt sang núi kê túc, từ dưới tàn núi mà lên cuộn quanh lấy đường đến sườn núi phía tây nam, đỉnh núi hiểm trở, bờ đường cuộn quanh, tôn giả bàn dùng tích trượng gõ rạch vào như cắt, đường núi tự mở, tôn giả bèn men đường mà đi, quanh co khúc chiết xoay trở đâm thông, lên đến đảnh núi, xoay đưa mặt ra phía đông bắc. Khi đã vào trong ba ngọn núi, tôn giả Đại Ca Diếp Ba bưng pháp y của đức Phật trao mà đứng, do sức nguyện lực nên ba ngọn núi khép đậy kín lại. Nên đến nay ba ngọn núi ấy nổi cao lên. Trong tương lai lúc đức Thế Tôn Từ Thị xuất hiện nơi đời, sau ba hội giảng nói pháp. Còn lại có Vô lượng chúng sinh kiêu mạn dẫn nhau lên núi đó đến chỗ tôn giả Đại Ca Diếp Ba. Đức Từ Thị khảy móng tay, đảnh núi tự mở ra, các chúng sinh ấy đã thấy được tôn

giả Đại Ca Diếp Ba lại càng thêm tâm kiêu mạn. Khi đó tôn giả Đại Ca Diếp Ba trao pháp y cho đức Từ Thị, đặt từ kính lễ, xong rồi cử thân bay vượt giữa không trung, hiện bày các thứ thần biến, hóa lửa tự thiêu thân bèn nhập tịch diệt. Khi ấy mọi người chiêm ngưỡng mà tâm kiêu mạn tự dứt trừ, nhân đó cảm ngộ đều chứng Thánh quả. Nên nay trên đảnh núi ấy có tạo dựng ngôi Tốt-đổ-ba, giữa đêm tĩnh lắng đứng từ xa trông nhìn hoặc thấy có đuốc, nhưng leo lên núi, không còn trông thấy gì cả.

Từ núi Kê Túc theo hướng đông bắc đi hơn trăm dặm, đến núi Phật Đà Phạt Na, đảnh sườn cao vót hiểm hóc, giữa khoảng hang rỗng có thạch thất, đức Phật xưa kia từng giáng hiện dừng nghỉ, bên cạnh có tảng đá, là nơi trời Đế Thích và Phạm Vương mài gỗ ngưu đầu chiên đàn bôi thoa nghiêm sức tôn tượng đức Như Lai, mãi đến nay trên tảng đá ấy vẫn còn hương thơm phảng phất. Có 500 vị A-la-hán thường ngầm linh tại đó. Những người có cảm ngộ có lúc được trông thấy, có lúc hoặc hiện hình sa di vào trong thôn ấp khất thực, vết tích ẩn hiện linh kỳ. Đẹp tốt khó thể nêu thuật.

Từ núi Phật Đà Phạt Na vào trong hang cốc rỗng theo hướng đông bắc đi hơn 30 dặm đến rừng Tiết Sắc Tri, đó là rừng trúc, cành dài phủ núi cùng hang. Xưa kia có vị Bà-la-môn nghe nói đức Phật Thích-ca thân cao trượng sáu, thường ôm hoài nghi hoặc, chưa đủ kính tín, mới dùng chiếc gậy trúc cao trượng sáu muốn lường đo thân đức Phật, thường đặt chiếc gậy đứng thẳng vượt quá trượng sáu, cứ như vậy tăng cao mà chẳng thể thấu cùng thật, bèn ném gậy mà đi, chiếc gậy ấy đâm rễ bốn phía trở thành rừng trúc. Bên trong có ngôi Tốt-đổ-ba lớn do vua Vô Ưu tạo dựng, là nơi xưa kia đức Như Lai từng ở tại đó bảy ngày vì các hàng trời người hiện sức thần thông lớn, giảng nói giáo pháp thâm diệu.

Gần trong rừng gậy trúc, có Ổ Ba Sách Ca Xà Da Tê Na (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thắng Quân) vốn chủng tộc Sát Đế Lợi ở Tây Ấn Độ, chí khí mến chuộng thường nhàn, tâm tình vui thích ở rừng núi, hình tích tuy tại cảnh huyễn mà tâm vân du giữa khoảng chân tế, đối với sách vở trong ngoài đều nghiên cứu hết sâu mầu, từ luận trong cao, nghi phạm nhàn nhã. Các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, dị học, Quốc vương, đại thần, trưởng giả, hào tộc đều cùng nhau tìm đến bái yết thỉnh cầu tầm học điều lợi ích. Các hàng môn nhân đến thọ học trong mười nhà có hết sáu. Đến lúc gần 70 tuổi, đam mê đọc tụng không nhàm mỏi, các tài nghề khác đều vất bỏ chỉ lưu tâm tập học kinh Phật, khuyên gắng tâm thân, chẳng xả bỏ đêm ngày. Ở Ấn Độ có pháp dùng

mạt hương làm bùn bột, Thắng Quân bèn dùng đắp nắn Tốt-đổ-ba nhỏ cao khoảng 5 - 6 tấc, ghi tả kinh văn đặt vào trong đó, và gọi đó là pháp xá lợi. Số lượng dần đầy nhiều lại làm ngôi Tốt-đổ-ba lớn, tất cả các Tốt-đổ-ba nhỏ đều nhóm tụ bên trong đó, thường tu cúng dường. Nên hạnh nghiệp của Thắng Quân là miệng thì tuyên nói diệu pháp dẫn dụ người học, tay thì làm Tốt-đổ-ba, kính sùng thắng phước, ban đêm lại kinh hành lễ tụng tĩnh tọa tư duy, ăn ngủ chẳng thư nhàn, ngày đêm không biếng trễ. Mãi đến lúc tuổi ngoài 100 mà chí nghiệp vẫn chẳng suy yếu. Suốt thời gian 30 năm làm được 7 câu chi (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi bằng một ức) Tốt-đổ-ba pháp xá lợi, thường đủ một câu chi là làm một ngôi Tốt-đổ-ba lớn mà thiết đặt tất cả vào trong kính tu cúng dường, cầu thỉnh chúng tăng cùng dự pháp hội, tán thán vui mừng. Khi ấy có lúc ánh sáng thần tỏa chiếu, những điềm linh dị hiển bày rõ ràng. Từ đó mãi về sau, thường luôn tỏa phóng ánh sáng.

Từ rừng gậy trúc về phía tây nam cách hơn 10 dặm, đến phía nam núi lớn có hai dòng suối ấm nóng, nước đó rất nóng. Xưa kia đức Như Lai còn tại thế hóa ra dòng suối đó để vào tắm rửa, ngày nay vẫn hiện còn, dòng nước trong sạch vẫn không giảm bớt, mọi người xa gần đều đến tắm rửa, những người cảm mắc các bệnh trầm kha nay nổi sởi phần nhiều đều được lành hẳn. Bên cạnh đó có ngôi Tốt-đổ-ba là nơi xưa kia đức Phật thường kinh hành.

Từ rừng gậy trúc về phía đông nam đi khoảng 6 - 7 dặm đến núi lớn, phía trước đảnh chắn ngang có ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá, là nơi xưa kia đức Phật ở tại đó ba tháng vì các hàng trời người mà giảng nói pháp. Bấy giờ vua Tần Tỳ Sa La muốn đến nghe pháp, mới mở núi chất đá làm thềm cấp để đi lên rộng hơn 20 bộ, dài khoảng 3 - 4 dặm.

Từ núi lớn về phía bắc cách khoảng 3 - 4 dặm có một quả núi đơn lẻ, là nơi xưa kia tiên nhân Quảng Bác nương náu đến ở đó đục sườn núi làm thất, địa chỉ đến nay vẫn hiện còn, truyền dạy cho môn nhân đệ tử, di phong vẫn còn. Từ núi đơn lẻ ấy về phía đông bắc cách khoảng 4 - 5 dặm lại có một núi đơn lẻ nhỏ hơn, vách núi có thạch thất thoáng rộng có thể dung chứa ngồi hơn ngàn người. Xưa kia, đức Như Lai ở tại đó ba tháng giảng nói pháp. phía trên thạch thất lại có tảng đá lớn, các trời Đế Thích, Phạm Vương ở đó mài bột gỗ chiên đàn ngưu đầu bôi thoa nghiêm sức thân Phật, đến nay trên tảng đá vẫn còn mùi thơm phảng phất.

Từ thạch thất ấy về góc tây nam có một hang núi. Ở Ấn Độ gọi đó là cung A Tố Lạc (xưa trước gọi là A tu la, còn gọi là A tu luân hay

A tô la, đều là sai nhầm. Xưa trước có người việc tốt rất thông rành về chú thuật, đoái hoài bảo cùng đồng bạn gồm 14 người ước giáo ký kết đồng chí ý vào trong hang núi đó. Đi khoảng 13 - 14 dặm, bỗng nhiên rỗng rang sáng tỏ, mới thấy thành ấp đài quán đều bằng vàng bạc, lưu ly. Người ấy đến rồi có các thiếu nữ đứng đợi chờ bên cạnh cửa, vui mừng đón tiếp rất là lễ ngộ. Khi ấy dần đi thẳng vào bên trong. Cửa thành có hai người hầu, mỗi bên đều bưng mâm vàng đựng đầy hoa hương mà lại nghinh hầu, nói cùng mọi người là: "Nên đến nơi ao tắm rửa, bôi thoa hương hoa rồi sau mới có thể vào, trên đó rất tốt đẹp, chỉ thuật sĩ kia nên tức thời vào nhanh". Còn lại 13 người bèn liền đi tắm rửa. Khi đã vào trong ao, hoảng hốt như có quên, mới ngồi trong đồng ruộng lúc. Cách đó về phía bắc bên trong dòng sông bằng phẳng đã khoảng 30 - 40 dặm.

Bên cạnh thạch thất có một cầu treo rộng hơn 10 bộ, dài khoảng 4 - 5 dặm. Xưa kia vua Tần Tỳ Sa La sắp sang chỗ đức Phật nới chẻ đá thông hang mở sườn núi lấp sông, hoặc sắp chất đá hoặc đục hang làm thành tầng cấp để đến nơi chỗ đức Phật. Từ đó theo trong núi lớn về phía đông đi khoảng 60 dặm đến thành Củ Xa Yết La Bổ La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là cung thành Thượng Mao). Cung thành Thượng Mao ở ngay trung tâm nước Ma Yết Đà, là nơi các bậc Quân Vương xưa trước đóng đô, nơi sinh sản rất nhiều cỏ mao. Núi cao quanh bốn phía lấy làm vòng quách bên ngoài, phía tây thông với đường hẹp, phía bắc mở thoáng cửa núi. Từ đông sang tây dài, từ nam sang bắc hẹp, chu vi rộng hơn 150 dặm, nền móng hiện còn cửa thành bên trong chu vi rộng khoảng hơn 30 dặm, cây Yết Ni Ca trồng khắp các lối đi, hoa ngậm hương thơm đặc thù, sắc màu khi chín vàng ròng, đến tháng cuối xuân (tháng ba) cả rừng đều sắc màu vàng ròng.

Ngoài cửa thành phía bắc cung thành có ngôi Tốt-đổ-ba là nơi Đề Bà Đạt Đa cùng vua Vị sinh oán cùng là bạn thân mới phóng túng tài của cho voi uống rượu say, muốn hại đức Như Lai. Đức Như Lai duỗi thẳng ngón tay sinh xuất năm con sư tử. Voi say khi ấy bèn chịu thuần phục mà đến.

Từ nơi voi say thuần phục về phía đông bắc có ngôi Tốt-đổ-ba là nơi tôn giả Xá Lợi Tử nghe Bí Sô A Thấp Bà Thị (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Mã Thắng) giảng nói pháp mà được chứng quả. Mới đầu, lúc còn ở tại gia, tôn giả Xá Lợi Tử là người tài cao nhã lượng rất được kính trọng ở đương thời. Môn nhân học trò đông nhiều, hiện đang truyền pháp thọ học. Khi ấy Xá Lợi Tử sắp vào thành Vương Xá lớn, Bí

Sô Mã Thắng cũng vừa đi khất thực, từ xa trông thấy Bí sô Mã Thắng, Xá Lợi Tử bảo cùng học trò rằng: "Người đang đi lại kia rất là tường tự, nếu chẳng chứng đắc Thánh quả thì đâu có điều hòa tĩnh lắng như thế. Chúng ta nên đứng dừng thời gian ngắm trông nhìn người ấy đi đến". Bí Sô Mã Thắng đã chứng quả A-la-hán, tâm được tự tại, dung nghi cử chỉ hòa nhã, chống tích trượng đi lại. Xá Lợi Tử thưa hỏi rằng: "Trưởng lão khéo được an lạc ư? Thầy của người là ai? Đã tu chứng pháp gì mà duyệt dự như thế?". Bí Sô Mã Thắng bảo rằng: "Ông không biết ư? Thái tử con vua Tịnh Phạn xả bỏ ngôi vua Chuyển Luân, xót thương các loài chúng sinh, mà tu khổ hạnh sáu năm, chứng đắc đạo quả Tam Bồ-đề, đầy đủ nhất thiết trí, đó là thầy của tôi. Còn về nói đến pháp tức chẳng phải "có" chẳng phải "không". Khó thể thuyên giải nổi, chỉ có Phật với Phật mới đủ khả năng thuật bày rốt ráo, đâu phải điều mà hang ngu muội ấy có thể bàn nghị được". Nhân đó, Bí Sô Mã Thắng vì đọc tụng giảng nói xưng tán Phật pháp. Xá Lợi Tử nghe xong, bèn được chứng quả.

Từ nói tôn giả Xá Lợi Tử chứng quả đi về phía bắc cách không xa, có một các hầm hố sâu lớn, bên cạnh đó có tạo dựng ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi Thất Lợi Cúc Đa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thắng Mật) dùng hầm lửa và cơm độc muốn hại đức Phật. Thắng Mật là người rất kính tin ngoại đạo đắm trước tà kiến sâu nặng. Các Phạm chí bảo rằng: "Kiều Đáp Ma rất được mọi người trong nước nhà tôn kính bèn khiến chúng ta không còn có nói cậy nhờ. Nay ông có thể nên thỉnh mời đến nhà thiết bày phạn hội. Nơi cửa đào một hầm hố lớn, bên trong chất đầy than lửa, dùng cây gỗ mục gác ngang và phủ kính bằng đất khô ráo, còn các thức ăn uống đều pha trộn thuốc độc, nếu thoát khỏi hầm lửa thì cũng trúng phải thức ăn độc". Thắng Mật vâng theo lời chỉ bảo đó bèn thiết bày độc hội mà thỉnh mời đức Phật đến dự. Mọi người trong thành đều biết Thắng Mật có tâm ác hại đối với đức Thế Tôn nên đều khuyên thỉnh Phật chớ đến. Đức Thế Tôn bảo rằng: "Chớ nên phải lo buồn, thân Như Lai, mọi vật không thể làm hại". Và đức Phật nhận lời thỉnh mời mà đến, chân giẫm bước đến ngạch cửa, hầm lửa biến thành ao, nước lắng trong sạch như gương soi, hoa sen mọc nở lan tràn. Thắng Mật thấy thế lo sợ, không thể bày biện, nói với mọi người đồng bọn rằng: "dùng pháp thuật thoát khỏi nạn lửa, vẫn còn có thức ăn độc". Đức Thế Tôn ăn cơm xong, lại vì giảng nói diệu pháp. Thắng Mật nghe xong, sám tạ lỗi quá mà quy y.

Từ nơi hầm lửa nhà Thắng Mật đi về phía đông bắc nơi khúc cong

thành núi có ngôi Tốt-đổ-ba là nơi Đại Y Phược Ca (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Kỳ Bà, tức sai nhầm vậy) đến đó vì đức Phật mà xây dựng giảng đường thuyết pháp. Chung quanh tường thành lắm nhiều hoa quả, nền móng gốc chồi hiện còn dấu vết. Xưa kia, lúc còn tại thế, đức Như Lai phần nhiều thường ở trong đó. Bên cạnh đó lại có vườn nhà xưa cũ của Phược La. Nền móng vách tường miệng giếng sụp đổ vẫn hiện còn. Từ cung thành theo hướng đông bắc đi khoảng 14 - 15 dặm đến núi Cô Lật Đà La Củ Đa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thứu Phong còn gọi là Thứu Đài, xưa trước gọi là núi Kỳ Đà Quật tức sai nhầm vậy). Tiếp liền phía nam của Bắc Sơn, riêng cao tít đặc biệt nổi trội, đã nói chim thứu nương ở lại thuộc loại đài cao, giữa khoảng không xanh biếc, đậm nhạt phân sắc. Suốt 50 năm đức Như Lai giảng đạo hành hóa trong đời, phần nhiều ở tại núi đó rộng giảng nói diệu pháp. vua Tần Tỳ Sa La vì nghe pháp nên phát động mọi người từ sườn núi lên đến đảnh cao, đạp cốc vượt hang sắp chất đá làm thềm cấp, rộng hơn 10 bộ, dài khoảng 5 - 6 dặm, giữa đường có hai ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ; một gọi là “Hạ Thùy” tức vua đến đó thì chỉ đi không mà đến nơi Phật; và một gọi là “Thối Phàm”, tức chọn lựa những kẻ phàm nhân không cho đồng đi. Trên đảnh núi đó thì từ đông sang tây dài, từ nam sang bắc hẹp. Gần sườn núi phía tây có ngôi tinh xá xây dựng bằng gạch cao rộng chế tác rất kỳ đặc, cửa mở xoay về mặt về phía đông, là nơi xưa kia đức Như Lai phần nhiều thường ở tại đó giảng nói pháp, nay có tôn tượng đức Phật thuyết pháp hình lượng đồng như thân đức Như Lai vậy.

Từ tinh xá đó về phía đông có một dãy đá dài, là nơi xưa kia đức Như Lai kinh hành giẫm bước trên đó. Bên cạnh đó có tảng đá lớn cao một trượng 4 - 5 thước, chu vi rộng hơn 30 bộ, là nơi xưa kia Đề Bà Đạt Đa từ xa ném đánh đức Phật. Từ đó về phía nam dưới sườn núi có ngôi Tốt-đổ-ba là nơi xưa kia đức Phật ở tại đó giảng nói kinh Pháp Hoa. Từ tinh xá về bên cạnh sườn núi phía nam có một thạch thất lớn là nơi xưa kia đức Như Lai nhập định tại đó.

Từ nơi thạch thất đức Phật nhập định về phía tây bắc lại có một thạch thất, phía trước có một tảng đá lớn là nơi tôn giả A-nan bị Ma khủng bố. Tôn giả A-nan nhập định tại đó, ma vương hóa làm chim thứu, quá nữa đêm không trăng đến đậu nơi thạch thất vỗ cánh kêu réo khủng bố tôn giả. Khi ấy tôn giả A-nan kinh sợ chẳng biết làm sao, đức Như Lai quán sát thấy vậy bèn duổi tay sang ủy an, đưa tay thông qua vách đá thoa sờ đảnh đầu tôn giả A-nan, dừng lời nói đại từ mà bảo

rằng: "Đó là do Ma biến hóa ra, chớ nên phải kinh sợ". Tôn giả A-nan được ủy an nên thân tâm an lạc. Phía trên tảng đó hiện còn dấu chân chim, và trong sườn núi có lỗ hang thông tuy đã thời gian lâu dài mà vẫn hiện còn.

Bên cạnh tinh xá đó có vài ngôi thạch thất là nơi các Đại A-la-hán Xá Lợi Tử, v.v... nhập định ở đó. Phía trước thạch thất Xá Lợi Tử có một cái giếng lớn khô cạn không có nước miệng thành vẫn hiện còn.

Từ tinh xá đó về phía đông bắc trong khu đá có tảng đá lớn, là nơi xưa kia đức Như Lai hong phơi pháp y ca sa, đường văn pháp y hiện bày rõ ràng như khắc chạm, bên cạnh đó phía trên tảng đá có dấu vết cẳng chân của đức Phật, đường văn luân tướng tuy mờ tối nhưng vẫn có thể phỏng sờ xem xét. Trên đảnh núi phía bắc có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kia đức Như Lai đứng trông nhìn về thành Ma-kiệt-đà và ở tại đó bảy ngày giảng nói pháp.

Từ cửa phía bắc thành núi về phía tây có núi Tỳ Bổ La, nghe các hàng sĩ tục nói là ngầm dưới sườn núi phía tây nam xưa kia có 500 dòng suối ấm nóng, hiện nay chỉ còn có vài mươi dòng mà thôi, nhưng còn có lạnh có nóng, chưa hết nóng ấm. Nguồn suối ấy phát xuất từ ao Vô Nhiệt Não tại phía bắc núi tuyết, dòng phân chẻ thành 500 cành ngang qua địa ngục tiểu nhiệt, lửa nóng nung đốt lên, đến đó biến thành ấm nóng, nơi cửa miệng dòng suối đều có khắc chạm đá làm tượng đầu sư tử, voi trắng, hoặc làm ống đá treo đường dòng nước, phía dưới mới sắp chất đá làm ao. Mọi người ở các phương vức xa khác đều đến đó tắm rửa, người tắm rửa nơi suối đó các thứ bệnh tật xưa trước đều lành hẳn. Hai bên dòng suối ấm nóng ấy có các ngôi Tốt-đổ-ba và tinh xá, nền móng sắp liền kề nhau, và là nơi có di tích của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành. Xứ ấy đã là nơi núi sông liền nhau, là nơi các bậc nhân trí thường ở, các kẻ sĩ ẩn lánh đời thường cũng rất lắm nhiều.

Từ dòng suối ấm nóng về phía tây có thạch thất Tất Bát La, là nơi xưa kia đức Thế Tôn thường ở trong đó, phía sau vách tường hang rỗng là nơi cung A Tố Lạc. Các vị Bí Sô hành tập thiền định phần nhiều ở tại thất đó. có lúc phát ra các thứ quái lạ như hình rồng, rắn, sư tử. Có người trông thấy đó, tâm phát cuồng loạn. Nhưng nơi thắng địa, chỗ dừng ở của Linh Thánh, mọi người dẫm vết nối gót khâm chuộng mỹ phong, quên cả mọi tai họa ấy. Gần đây có vị Bí Sô giới hạnh tinh khiết, tâm chí ưa thích ở chốn u tịnh, muốn đến nơi thất đó ẩn vết hành tập thiền định. Có người can gián rằng: "Chớ nên sang nơi đó, nơi đó có lắm sự

tai dị làm hại không ít. Đã khó giữ pháp định mà cũng còn sợ tan mất thân mạng. Nên soi xét việc trước, chớ để về sau phải hối hận". Vị Bí Sô ấy bảo rằng: "Không thể như vậy. Chí ý tôi muốn mong cầu Phật quả, nhiếp phục thiên ma, những tai hại như vậy đâu có gì đáng phải nói". Bèn chống tích mà sang thất đó. Đến đó thiết lập đàn tràng, đọc tụng cấm chú. Sau hơn 10 ngày từ trong hang có một thiếu nữ xuất hiện ra nói cùng vị Bí Sô đó rằng: "Tôn giả là người đắp mặc nhiễm y, hành trì giới pháp, làm nơi nương tựa của các loài hàm sinh, tu tuệ tập định, làm người dẫn đường tốt lành cho sinh linh, mà nay lại ở đây làm cho chúng tôi phải kinh sợ. giáo pháp của đức Như Lai đâu chỉ dạy như vậy ư?". Vị Bí Sô đó bảo: "Ta giữ gìn tịnh giới tuân theo Thánh giáo, ẩn vết nơi chốn núi hang xa lìa huyên tạp. Bỗng nhiên bị gièm pha như vậy, lỗi đó tại đây?". Thiếu nữ ấy đáp: "Tôn giả tụng chú tiếng phát ra lửa tử ngoài vào thiên đốt phòng nhà ở của chúng tôi làm khổ chi thuộc chúng tôi. Xin nguyện tôn giả dủ lòng từ bi chớ nên tụng chú nữa!". Vị Bí Sô đó bảo: "Tụng chú là để tự bảo hộ chính mình đâu phải muốn hại mọi vật. Xưa trước các hành giả đến ở nơi đây tu tập thiền định mong thành đạt Thánh quả để cứu độ chúng sinh nơi chốn tối tăm, trông thấy những sự quái lạ kinh sợ đến nỗi táng mất thân mạng. Tội ấy do ngươi gieo rắt. Như thế nói sao ư?". Thiếu nữ ấy đáp: "Tội chướng đã nặng nề, trí tuệ quá mỏng cạn, trí tuệ quá mỏng cạn, từ nay trở về sau tôi xin sống yên lặng tự giữ phận mình và cũng xin tôn giả chớ nên trì tụng thần chú". Vị Bí Sô ấy từ đó tập tu thiền định như mới đầu an tĩnh không hại.

Trên núi Tỳ Bố La có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kia đức Như Lai ở tại đó giảng nói pháp. nay có các lõa hình ngoại đạo nương ở nơi đó lắm nhiều, tu tập khổ hạnh, sớm tối chẳng biếng lười. Từ sáng sớm cho đến chiều tối xoay chuyển quán sát. Bên tả cửa phía bắc thành núi, dưới sườn núi phía nam theo hướng đông đi khoảng 2 - 3 dặm đến một thạch thất lớn, là nơi xưa kia Đề Bà Đạt Ma nhập định tại đó.

Từ thạch thất về phía đông cách không xa, trên một tảng đá có hình thái lan lổ tướng trạng như vướng máu. Bên cạnh đó có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi vị Bí Sô tu tập thiền định tự hại thân mình mà chứng quả. Xưa kia có vị Bí Sô chuyên cần dốc cả thân tâm ở nơi tĩnh lắng tu tập thiền định trải qua năm tháng lâu dài mà không chứng đắc Thánh quả, bèn thối lui tự trách, lại than rằng: "Quả vị vô học trọn không bao giờ chứng đắc, phiền lụy xác thân, sống không chẳng ích gì". Bèn đến nơi tảng đá đó tự đâm vào cổ mình, khi ấy liền chứng quả A-la-hán, cử thân bay lên giữa hư không, bày hiện các thứ thần biến, hóa lửa tự thiêu thân

mà nhập tịch diệt. Người sau tán thán tiết tháo cao nhã ấy nên dựng tạo Tốt-đổ-ba để ghi nêu công danh.

Từ nơi vị Bí Sô chứng quả ấy về phía đông trên sườn núi đá có một ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá, là nơi vị Bí Sô tu tập thiền định tự ném thân mình xuống sườn núi mà chứng quả. xưa kia, lúc đức Như Lai đang còn tại thế có một vị Bí Sô an tọa nơi núi rừng tu tập mong chứng quả định, tinh cần đã lâu mà chứng quả, ngày đêm buộc niệm không quên tĩnh định. Đức Như Lai nhận biết căn cơ vị ấy sắp phát, bèn sang đó mà khiến thành đạt, nên từ vườn trúc lâm đến dưới sườn núi khảy móng tay mà gọi đứng đợi tiếp đón. Vị Bí Sô ấy từ xa trông thấy Thánh chúng, thân ý vui mừng ném buông thân mình xuống sườn núi, còn giữ tâm thanh tịnh kính tin lời Phật, chưa đến nơi đất bèn đã chứng đắc Thánh quả. Đức Thế Tôn bảo rằng: “Nên biết ngay thời gian ấy”. Vị Bí Sô đó liền bay giữa không trung hiện bày các thứ thần biến. Người sau vì để nêu rõ tâm tịnh tín nên dựng tạo Tốt-đổ-ba ghi nhớ đó.

Từ cửa phía bắc thành núi đi hơn một dặm đến vườn trúc Ca Lan Đà, hiện nay còn có tinh xá, nền móng đá phóng thất bằng gạch cửa mở xoay về hướng đông. Xưa kia đức Như Lai tại thế, phần nhiều thường thường ở trong đó giảng nói giáo pháp nhiếp hóa các hàng phàm tục, hiện nay có tạo tôn tượng đức Như Lai ở tại đó. Mới đầu trong thành đó có vị đại trưởng giả tên là Ca Lan Đàm người thời bấy giờ thường xưng gọi ông là giàu sang. Ông đem vườn trúc lớn cúng thí cho ngoại đạo. Đến lúc thấy gặp đức Như Lai, được nghe giáo pháp, tâm thanh tịnh phát sinh kính tin, ông bèn đuổi các hàng dị chúng ở nơi vườn trúc xưa trước với cớ là hiện nay bậc thầy của cả trời người không có nơi quán xá dừng ở. Khi ấy các hàng quỷ thần cảm sự tâm thành của ông bèn hỗ trợ xua đuổi các ngoại đạo mà bảo rằng: “Trưởng giả Ca Lan Đà sắp lấy vườn trúc xây dựng tinh xá cúng Phật. Các ngươi nên đi mau đi khỏi để được thoát khỏi nguy ách”. Các ngoại đạo tức giận ngậm oán mà đi. Trưởng giả đến đó xây dựng tinh xá, đến lúc công việc hoàn tất, đích thân trưởng giả đến thỉnh mời đức Phật. Đức Thế Tôn khi ấy bèn nhận sự cúng dâng đó”.

Từ vườn trúc Ca Lan Đà về phía đông có ngôi Tốt-đổ-ba do vua A Xà Đà Thiết Đốt Lộ (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Vị Sinh Oán, xưa trước gọi là A Xà Thế tức lược gọi sai nhầm vậy) tạo dựng. Sau khi đức Như Lai nhập niết bàn, các vua cùng nhau phân chia xá lợi, vua Vị Sinh Oán được chia một phần thỉnh đưa về, kính tuân tạo dựng Tốt-đổ-ba đó tôn trí cúng dường. Về sau, khi vua Vô Ưu phát khởi tín

tâm khai mở lấy xá lợi tạo dựng các ngôi Tốt-đổ-ba để cúng dường, do còn sót lại nên có lúc tỏa phóng ánh sáng.

Bên cạnh ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vị Sinh Oán tạo dựng, lại có một ngôi Tốt-đổ-ba có xá lợi nửa thân phần của tôn giả A-nan. Xưa kia, lúc sắp nhập niết bàn, tôn giả A-nan từ nước Ma Yết Đà đến thành Phệ Xá Ly, khi ấy hai nước giao tranh nhau muốn dấy khởi binh lính, tôn giả A-nan xót thương lo ngại có sự tổn hại, bèn tự phân thân mình, vua nước Ma Yết Đà nghinh thỉnh đưa về để cúng dường, bèn đến nơi thắng địa đó, kính tu tạo dựng Tốt-đổ-ba để tôn trí xá lợi của tôn giả mà cúng dường. Bên cạnh đó có nơi xưa kia đức Như Lai từng đi kinh hành. Cách đó không xa lại có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi các tôn giả Xá Lợi Tử, Một Đặc Già La Tử, v.v... ở giữ.

Từ vườn rừng trúc theo hướng tây nam đi khoảng 5 - 6 dặm, đến phía bắc của Nam Sơn trong rừng trúc lớn có ngôi thạch thất lớn, là nơi tôn giả Ma-ha Ca Diếp Ba cùng với 999 vị Đại A-la-hán ở tại đó kết tập tam tạng, sau khi đức Thế Tôn nhập Niết bàn ba tháng. Phía trước có nền móng cũ, do vua Vị Sinh Oán vì các Đại A-la-hán kết tập pháp tạng mà tạo dựng giảng đường phòng nhà đó. Mới đầu tôn giả Đại Ca Diếp Ba an tọa trong núi rừng, bỗng thấy ánh sáng tỏa phóng, lại thấy quả đất chấn động; tôn giả tự nghĩ "có điềm tốt lành gì mà biến hiện khác lạ như vậy?". Lại dùng thiên nhãn quán sát thấy đức Phật Thế Tôn đã nhập niết bàn tại rừng Sa La Sang Thọ, liền bảo đồ chúng nhanh cùng đi đến thành Câu Thi, giữa đường gặp một vị Phạm Chí trên tay nắm cành hoa trời, tôn giả Đại Ca Diếp Ba hỏi rằng: "Ông từ đâu lại? Có biết Đại sư của tôi hiện nay ở đâu chăng?". Vị phạm chí ấy đáp rằng: "Tôi vừa từ thành Câu Thi lại đây, thấy đại sư của ông đã nhập niết bàn. Các hàng trời người đại chúng cùng nhau cúng dường. Cành hoa tôi nắm đây là nhặt từ đó vậy". Tôn giả Đại Ca Diếp Ba nghe thế rồi bảo cùng đồ chúng rằng: "Tuệ nhật đã lắng ngầm hết tỏa chiếu, thế giới mờ tối. Bậc thầy khéo dẫn dắt bỏ đi xa, chúng sinh điên đảo loạn lạc!". Khi đó các Bí Sô biếng lười cùng mừng vui nói với nhau rằng: "Đức Như Lai đã tịch diệt, chúng ta được an lạc, như có điều trái phạm cũng không ai quở trách cấm chế". Tôn giả Đại Ca Diếp Ba nghe thế lại càng thêm cảm thương, nghĩ muốn kết tập pháp tạng y cứ luật giáo để sửa trị trái phạm. Bèn đến nơi Sa La Song Thọ chiêm ngưỡng kính lễ đức Phật. Đấng pháp vương đã xa bỏ cõi đời, các hàng trời người không ai dắt dẫn, những vị Đại A-la-hán cũng lần lượt thị tịch, khi ấy tôn giả Đại Ca Diếp Ba khởi lên suy niệm là "thuận theo lời Phật dạy, nên kết tập

pháp tạng", và bèn lên nhúi Tô Mê Lô đánh kiền chùy lớn mà xướng lời rằng: "Nay tại thành Vương Xá sắp có pháp sự. Những ai có chứng đắc Thánh quả, nên gấp rút thời gian nhóm tập". Trong tiếng kiền chùy lan tỏa lời xướng của tôn giả Đại Ca Diếp Ba khắp đến 3000 đại thiên thế giới. Những vị đã chứng đắc thần thông nghe thế đều cùng nhóm tập. Khi ấy tôn giả Đại Ca Diếp Ba bảo các chúng rằng: "Đức Như Lai đã tịch diệt, thế giới trở thành trống không, nên phải kiết tập pháp tạng dùng để báo đáp ân Phật. Nay sắp kết tập pháp tạng việc trước tiên phải tuyển chọn sự thanh tịnh, không thể tin cậy chúng đông mà chẳng thành thắng nghiệp. Những vị đã đủ pháp tam minh, chứng đắc lục thông, nghe nhớ không sai nhầm, biện tài chẳng ngăn ngại. Những vị như thế trở lên mới ứng vào việc kết tập. Ngoài ra các quả vị hữu học mỗi nên tự trở về lại trú xứ của chính mình". Khi ấy có được 999 vị, trừ tôn giả A-nan đang còn ở địa vị hữu học. Tôn giả Đại Ca Diếp Ba bèn gọi A-nan lại và bảo: "Ông chưa hết các lậu, nên ra ngoài Thánh chúng". Tôn giả A-nan thưa rằng: "Tôi theo hầu đức Như Lai trải qua nhiều năm tháng mỗi lúc có pháp nghị, tôi chưa từng bỏ sót. Nay sắp kết tập pháp tạng, mà bị xua đuổi, thật là đấng pháp vương đã tịch diệt, tôi không nơi nương tựa!". Tôn giả Đại Ca Diếp Ba bảo rằng: "Chớ ôm hoài ưu não. Ông thân gần hầu Phật thật lại là nghe nhiều, nhưng mà ái hoặc chưa hết, tập kết chưa dứt". Tôn giả A-nan vâng nhận mà lui ra, đến nơi chỗ rỗng rang tỉnh lắng, muốn được thành chánh quả vô học, chuyên tâm cần cầu mà chẳng chứng đắc, đã quá sức nhọc mệt bèn muốn nghiêng lưng nằm ngủ, đầu chưa tới gối bèn chứng đắc quả A-la-hán, liền sang nơi chỗ kết tập gõ cửa thưa xin vào, tôn giả Đại Ca Diếp Ba hỏi rằng: "Các lậu kết ông đã hết ư? Nên vận sức thần thông từ nơi không cửa mà vào". Tôn giả A-nan nghe theo lời bảo ấy, men theo lổ hổng ổ khóa mà vào, đảnh lễ chúng tăng xong lui vào chỗ ngồi. Khi ấy tăng chúng đã an cư 15 ngày. Khi ấy tôn giả Đại Ca Diếp Ba ngợi khen và đề xướng rằng: "Đại chúng cần nên nghĩ nhớ A-nan là người có khả năng nghe và nhớ được đức Như Lai tán thán, nên kết tập tạng Tố Đát Lãm (xưa trước gọi là Tu Đa-la tức sai nhầm vậy). Ưu Ba Ly là người trì luật nghiên cứu thấu suốt rõ ràng, đại chúng đều đã biết, nên kết tập tạng Tỳ-nại-da (xưa trước gọi là Tỳ Na Da, tức sai nhầm vậy). Còn tôi Ca Diếp Ba kết tập tạng A-tỳ-đạt-ma". Qua vài ba tháng công việc kết tập tam tạng hoàn tất, vì tôn giả Đại Ca Diếp Ba là bậc thượng tọa trong chúng tăng, do vậy mà xưng gọi đó là Thượng Tọa Bộ.

Từ nơi tôn giả Đại Ca Diếp Ba kết tập tam tạng Thánh giáo về

phía tây bắc có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi tôn giả A-nan nhận chịu sự la trách của chúng tăng chẳng được dự tham kết tập mà đến đó an tọa tĩnh lắng bèn chứng đắc Thánh quả A-la-hán. Sau khi chứng đắc Thánh quả mới vào dự tham kết tập.

Từ nơi tôn giả A-nan chứng đắc Thánh quả theo hướng tây đi hơn 20 dặm có một ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng, là nơi đại chúng bộ kết tập tam tạng Thánh giáo. Các hàng hữu học và vô học có đến vài trăm ngàn vị chẳng dự trong chúng kết tập Thánh giáo của tôn giả Đại Ca Diếp Ba mà đến nơi đó cùng nói với nhau rằng: "Lúc đức Như Lai đang còn tại thế thì đồng học một thầy, nay đấng pháp vương đã tịch diệt lại kén chọn khác bọn chúng ta! Muốn báo đáp ân đức của Phật, chúng ta phải kết tập pháp tạng". Khi ấy các hàng phàm Thánh đều tụ hội, những bậc hiền trí đồng nhóm tập, lại kết tập tạng Tố Đát Lãm, tạng Tỳ-nại-da, tạng A-tỳ-đạt-ma, tạng Tạp tập và tạng Cấm Chú, riêng làm thành năm tạng. Và cuộc kết tập ấy, phàm Thánh đồng tụ hội, nhân vậy mà gọi đó là Đại chúng bộ.

Từ tinh xá rừng trúc về hướng bắc đi hơn 200 bộ, đến ao Ca Lan Đà, xưa kia đức Như Lai còn tại thế thường hay giảng pháp tại đó. ao ấy, nước đã trong lắng lại có đủ tám thứ công đức. Sau khi đức Như Lai nhập niết bàn bèn khô cạn không còn.

Từ ao Ca Lan Đà về phía tây bắc đi khoảng 2 - 3 dặm có một ngôi Tốt-đổ-ba di vua Vô Ưu tạo dựng cao hơn 60 thước, bên cạnh có trụ đá khắc ghi việc dựng tạo ngôi Tốt-đổ-ba đó cao hơn 50 thước, phía trên làm hình tượng con voi.

Từ trụ đá đó về phía đông bắc cách không xa đến thành Hạt La Xà Cô Lợi Hý (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Vương Xá). Khung quách phía ngoài đã hư hoại không còn dấu vết, thành phía trong tuy đã hư hoại nhưng nền móng vẫn còn cao vợi chu vi rộng hơn 20 dặm, mỗi mặt đều có một cửa. Mới đầu, vua Tần Tỳ Sa La đóng đô tại trên cung thành, các ngôi nhà chung quanh thường bị gặp phải tai họa nạn lửa, chỉ một ngôi nhà buông lung không canh phòng thì cả bốn phía lân cận đều mắc phải tai ương. Nên canh phòng nạn lửa còn không rảnh, sản nghiệp phế bỏ, dân chúng thán oán sống không an ổn. Vua nói rằng: "Bởi ta không có đức nên dân chúng mắc lấy tai nạn. Nên tu tạo phước đức gì có thể dùng để cầu đảo đó?". Quần thần tâu rằng: "Đại vương là người có đức cảm hóa khắp Ung mục, chính sách dạy răn rõ ràng xác thực. Nay trong dân chúng sống bất cẩn đến nỗi khiến thường xảy ra hỏa hoạn, nên cấm chế nghiêm khắc để lắng sạch kẻ phạm sau.

Nếu có nạn lửa xảy ra bốc cháy, phải tìm xét trước tiên phát xuất từ đâu, phạt kẻ xấu ác đầu tiên đó dời đưa đến ở nơi rừng lạnh, rừng lạnh là nơi vất bỏ tử thi. Trong thời gian đó gọi là chỗ đất không tốt lành, mọi người dứt tuyệt dấu vết qua lại, mà nay bị dời đưa đến đó tức đồng như tử thi vất bỏ. Kẻ ấy đã xấu hỗ sống nơi xấu xa, sẽ tự cẩn mật". Vua bảo: "Khéo nên tuyên cáo khắp trong dân chúng biết điều đó". Khoảnh khắc sau đó không bao lâu, trong cung vua tự nhiên bị nạn lửa. Vua bảo các quan thần rằng: "Ta nay phải chuyển dời vậy". Mới bảo thái tử lo liệu mọi việc của nước nhà còn lại. Vì muốn trong sạch hiến pháp của nước nhà nên vua dời chỗ ở vậy. Khi ấy vua nước Phệ Xá Ly nghe vua Tần Tỳ Sa La dời đến ở nơi rừng lạnh hoang dã bèn chỉnh trang nhóm tập binh lính muốn tiếp lấy ngôi vị không cần do dự. Ở xứ biên vức đã nghe, mới dựng lập thành ấp để vua trước đến ở nơi đó, nên xưng gọi là thành Vương Xá. Các hàng quan thuộc sĩ thứ đều dời nhà cửa theo cùng. Hoặc có thuyết nói là đến thời vua Vị Sinh Oán mới xây dựng thành đô. Khi thái tử Vị Sinh Oán đã tiếp nối ngôi vua, nhân đó bèn dời đô. Kịp đến lúc vua Vô Ưu dời đô ở thành Ba Tra Ly đem thành Vương Xá cúng thí cho các Bà-la-môn, nên nay trong thành đó không có phàm dân, chỉ có chủng tộc Bà-la-môn có gần ngàn gia đình.

Từ cung thành về góc tây nam có hai ngôi già lam nhỏ, là nói khách tăng các nước qua lại dừng nghỉ, là nơi xưa kia đức Phật từng ở tại đó giảng nói giáo pháp. Từ đó tiếp về phía tây bắc lại có một ngôi Tốt-đổ-ba là nơi làng ấp quê cũ của trưởng giả Châu Để Sắc Ca (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Tinh Lịch, xưa trước gọi là Thọ Đề Ca, tức sai nhầm vậy) sinh sống.

Bên tả đường đi ngoài cửa phía nam thành có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kia đức Phật ở tại đó giảng nói pháp và hóa độ La Hổ La. Từ đó về phía bắc đi hơn 30 dặm đến ngôi Tăng-già lam Na Lạn Đà (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thí Vô Yểm). Nghe các bậc lão thành nói rằng: Phía nam Tăng-già lam ấy vào trong rừng Am Một La có một cái ao, rồng ở ao đó tên là Na Lạn Đà, bên cạnh có xây dựng ngôi già lam nê lấy đó mà đặt tên. Theo sự thật để bàn nói thì xưa kia đức Như Lai lúc tu Bồ-tát hạnh làm vị Đại quốc vương đóng đô tại đất đó, vì thương xót chúng sinh nên chu cấp mọi vật đầy đủ, người thời bấy giờ ngợi khen đức hạnh đó nên xưng gọi là "Thí Vô Yểm". Do vậy mà ngôi già lam ấy lấy đó làm tên gọi. Khi đức Phật còn tại thế, đất ở đó vốn là vườn Am Một La, có 500 thương nhân dùng 10 ức tiền vàng mua để cúng dường đức Phật. Đức Phật ở tại đó ba tháng giảng nói pháp.

Các thương nhân, v.v... cũng chứng đắc Thánh quả. Sau khi đức Phật nhập niết bàn không bao lâu, tiên vương nước đó tê nlà Thước Ca La A Dật Đa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Đế Nhật) là người kính trọng nhất thừa, tôn sùng Tam bảo, thử chiêm bói đất phước, tạo dựng ngôi già lam đó. Mới đầu khởi công, đào bới làm tổn thương thân rồng. Bấy giờ có vị Ni Càn Tử ngoại đạo rất thông giỏi về đoán tướng, thấy vậy mà dự ghi rằng: "Với thắng địa đó tạo dựng chốn già lam hẳn sẽ xương thạnh, sẽ làm khuôn phép cho cả năm xứ Ấn Độ, hơn ngàn năm sau lại càng lớn mạnh, các hàng hậu tấn người học dễ bề thành nghiệp, nhưng phần nhiều hay bị oái máu, bởi làm tổn thương thân rồng nên vậy". Kế tiếp người con là vua Phật Đà Cúc Đa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Giác Hộ) nối tiếp ngôi vị, thể thừa truyền thống, tuân hành theo thắng nghiệp, đến đó, tiếp về phía nam tạo dựng thêm ngôi già lam. Sau đó là vua Đát Tha Yết Đa Cúc La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Như Lai) dốc lòng kính tu tiếp nối theo trước nên đến đó tiếp về phía đông lại tạo dựng thêm ngôi già lam. Tiếp ngôi vị đó là vua Bà La A Dật Đa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Ấu Nhật) tiếp về phía đông bắc đó lại tạo dựng ngôi già lam, công việc hoàn tất, thiết bày phước hội mừng vui, xoay quanh chí thành u hiển, thỉnh mời các hàng phàm Thánh, phước hội ấy có đủ chư tăng năm xứ Ấn Độ, xa cả muôn dặm cũng tụ hội. Đại chúng an tọa đã định, có hai vị tăng đến sau, dẫn lên trùng các thứ ba, có người hỏi rằng: "vua sắp thiết hội, trước đã thỉnh mời tất cả phàm Thánh, đại đức ở xứ nào mà đến sau cùng vậy?". Hai vị tăng ấy đáp: "Chúng tôi ở nước Chí Na, vì Hòa thượng cảm mắc bệnh sởi nên phải thọ trai xong mới đi, nhân sự thỉnh mời của vua từ xa nên lại phó hội". Người hỏi ấy kinh sợ, vội đem sự việc tấu trình cùng vua. Trong tâm vua cảm biết đó là Thánh tăng nên đích thân sang thăm hỏi, đợi lên đến trùng các thì không biết hai vị tăng đó đã đi đâu. vua càng kính tin sâu sắc bỏ nước xuất gia. Sau khi đã xuất gia vua được ở hàng cuối cùng chúng tăng nên trong lòng thường luôn tấm tức chẳng được tự an, vua nghĩ rằng: "Xưa trước ta làm vua ở ngôi vị cao quý trên hết, ngày nay xuất gia lại thấp kém ở cuối cùng chúng tăng!". Sau đó vua sang thưa bạch cùng chúng tăng thuật bày sự tình tâm tư. Khi ấy chúng tăng Yết ma hòa hợp bảo ban tất cả mọi người chưa thọ cụ túc đều lấy tuổi tác ở đời mà sắp thứ tự. Nên tại ngôi già lam đó riêng có định chế ấy. Con của vua đó là Phạt Xà La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Kim Cang) sau khi lên ngôi với tín tâm kiên cố, lại đến phìa tây nơi đó tạo dựng ngôi già lam. Từ đó chung

quanh tường vách cao vợi đồng làm chung một cửa, đã trải qua các đời quân vương tiếp nối sự nghiệp thế gian tạo dựng chốn già lam, cùng các khắc chạm thật là trang quán vậy. vua nói: “Nơi ngôi già lam lớn chính, nay đặt tôn tượng đức Phật, trong đại chúng mỗi ngày cắt cử 40 vị tăng đến đó thọ trai để báo ân của thí chủ. Chư tăng ở già lam đó vài ngàn vị đều là tuấn kiệt anh tài cao học, đức trọng ở đương thời, tiếng tăm vang xa đến cảnh vức khác, có hơn vài trăm vị, giới hạnh thanh bạch luật nghi thuần túy, chư tăng có định chế nghiêm minh, chúng đều trinh thuần trong trắng. Các nước xứ Ấn Độ đều kính ngưỡng khuôn phép ấy, nên đến thỉnh hỏi điều lợi ích, đàm luận cao sâu hết ngày chưa đủ, sớm tối cảnh răn; lớn nhỏ cùng thành. Như có người chẳng đàm luận yếu chỉ sâu mầu của Tam tạng Thánh giáo thì hình ảnh tự hỗ thẹn. Nên các hàng người tham học ở các xứ khác muốn vang vọng tiếng tăm đều lại xét nghi mới lưu tỏa danh dự cao nhã, do đó, hoặc có vị trộm danh mà đi, đều được lễ trọng. Những vị ở phương xa khác muốn vào đàm luận, cật nạn phần nhiều thối khuất mà trở về. Những ai có được sở học sâu xa nghiên cùng kim cổ mới được vào. Vì vậy các hàng đức Phật khách hậu tấn hiện rõ tài năng thì trong 10 người có hết 7 - 8 người rút lui, 2 - 3 người thông rành mọi vật vào trong chúng tiếp tục cật vấn, không ai chẳng gãy đổ bén nhọn ấy, giảm tổn tiếng tăm. Còn nếu là người tài cao thông mọi vật nhận biết lớn mạnh lắm nhiều tài năng và những minh đức triết nhân nối liền tỏa sáng kế tiếp khuôn vết, đến như các tôn giả hộ pháp, hộ nguyệt chấn bày bụi thơm nơi di giáo, đức tuệ, kiên tuệ lưu tỏa vẻ vang ở đương thời. Quang Hữu có luận bàn trong suốt, thắng hữu được đàm giải cao xa, trí nguyệt thì mỹ phong soi chiếu minh mẫn. Giới Hiền là bậc chí đức sâu xa. Những bậc thượng nhân trên mọi người đều cùng nhận biết, đức sáng tiêu đạt, học suốt cựu chương, thuật trước luận thích mỗi vị có cả hàng chục bộ đều hưng thạnh lưu thông được trân quý ở nơi đời. Bốn phía chung quanh ngôi già lam đó, các Thánh tích có cả hàng trăm, đây chỉ nêu vài ba điều có thể lược nói vậy.

Từ ngôi già lam đó về phía tây cách không xa có một ngôi tinh xá, xưa kia đức Phật từng ở tại đó ba tháng vì các hàng trời người rộng giảng nói Diệu pháp. Từ đó về phía nam cách hơn trăm bộ có một ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ, là nơi các vị Bí Sô từ phương xa trông thấy đức Như Lai và Thánh chúng, từ bên trong phát tâm cung kính, gieo cả năm vóc suống sát đất mà phát thệ nguyện mong cầu quả vị luân vương. Đức Như Lai thấy vậy bảo chúng tăng rằng: “Vị Bí Sô kia thật đáng tiếc thương, có được phước đức sâu xa, tâm tin bền chắc, nếu cầu Phật

quả thì không bao lâu hẳn sẽ chứng đắc, nay vị đó lại phát thệ nguyện mong cầu quả vị làm vua Chuyển luân. Ở trong đời tương lai hẳn nhận quả báo đó. Thân thể gieo xuống đất đến tận Kim luân, trong đó với số lượng vi trần, mỗi mỗi mãy trần là quả báo của một luân vương. Đã đam mê vui thú thế gian thì Thánh quả đồn xa!". Từ đó về phía nam có tôn tượng Bồ-tát Quản Tự Tại, hoặc có người trông thấy cầm nắm lò hương đi sang nơi tinh xá Phật theo phía hữu đi nhiễu quanh.

Từ tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại về phía nam, trong một ngôi Tốt-đổ-ba có tôn thờ tóc và móng tay của đức Như Lai dài ba tháng mới cắt cạo. Những người cảm mắc bệnh tật đến đi nhiễu quanh đó phần nhiều đều được lành khỏi. Từ đó về ngoài tường thành bên cạnh cái ao có ngôi Tốt-đổ-ba là nơi có vị ngoại đạo bắt chim sẻ đến đó hỏi đức Phật về việc sinh tử. Từ đó về phía đông nam bên trong tường thành cách hơn 50 bộ có lùm cây kỳ lạ cao khoảng 8 - 9 thước, thân có hai cành, là nơi xưa kia đức Như Lai nhấm cành dương vất bỏ nơi đất, nhân đó đâm rễ lên mầm. Năm tháng trải qua tuy đã lâu dài nhưng vẫn như mới đầu không thêm bớt. Tiếp về phía đông lại có ngôi tinh xá cao hơn 200 thước, xưa kia đức Như Lai từng ở đó trong bốn tháng giảng nói các pháp thâm diệu. Tiếp về phía bắc cách hơn trăm bộ trong một tinh xá có tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại, các hàng tín đồ thanh tịnh kính tin thiết bày cúng dường, được cảm thấy không đồng và cũng không nơi cố định, hoặc thấy đứng bên cạnh cửa, hoặc thấy ra trước diềm hiên, v.v... Các hàng pháp tục ở các nước đều lại cúng dường.

Từ tinh xá có tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại về phía bắc có một ngôi tinh xá cao hơn 300 thước, do vua Bà La A Dật Đa tạo dựng, độ lượng trang nghiêm và tôn tượng đức Phật bên trong đồng như ở tinh xá lớn dưới cây Bồ-đề. Từ đó về phía đông bắc có ngôi Tốt-đổ-ba, xưa kia đức Như Lai còn tại thế từng ở tại đó bảy ngày diễn giảng các giáo pháp thâm diệu. Từ đó về phía tây bắc là nơi có dấu vết của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền. Từ đó về phía nam có ngôi tinh xá bằng thau thạch do vua Giới Nhật tạo dựng., công việc tuy chưa hoàn tất mà đồ lượng cao lớn 10 trượng, về sau mới xây dựng hoàn thành đó. Từ đó tiếp về phía đông cách hơn 200 bộ, phía ngoài tường thành có tôn tượng đức Phật đứng bằng đồng cao hơn 80 thước. Trùng các cao sáu tầng mới được phủ che, do vua Mãn Trụ tạo dựng từ xưa trước.

Từ tôn tượng đức Phật do vua Mạn Trụ tu tạo về phía bắc cách khoảng 2 - 3 dặm, trong ngôi tinh xá bằng gạch có tôn tượng Bồ-tát Đa La, hình tượng đã cao lớn mà linh ứng cũng lắm xác thực. Mỗi năm vào

ngày mồng một tết, thiết bày cúng dường rất long trọng, các hàng quốc vương, đại thần, các nhà hào tộc ở các nước láng giềng mang các thứ hương hoa kỳ diệu, cầm nắm các phan lọng quý báu, vàng, đá, xúm quanh tấu trổi, đàn sáo cùng hòa. Trong thời gian bảy ngày thiết bày pháp hội ấy. Từ đó về bên trong cửa phía nam tường vách có một cái giếng lớn, xưa kia lúc đức Như Lai còn tại thế, có đoàn khách buôn lớn gặp phải nóng khát bức bách, đến nơi chỗ đức Phật. Đức Thế Tôn bèn chỉ xuống chỗ đất đó và bảo ở đó có thể có được nước, vị thương chủ mới đem trục xe đóng xuống đất, đất đã hỏm xuống, nước bèn tuông trào thành dòng suối, các thương buôn dùng uống rồi, nghe giáo pháp đều được tỏ ngộ và chứng đắc Thánh quả.

Từ ngôi già lam đó theo hướng tây nam đi khoảng 8 - 9 dặm đến ấp Câu Lý Ca. Trong ấp đó có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng, đó là làng quê cũ của tôn giả Một Đặc Già La Tử. Bên cạnh đó vó một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi tôn giả nhập vô dư niết bàn, bên trong Tốt-đổ-ba đó có xá lợi di thân của tôn giả. Tôn giả Một Đặc Già La vốn chủng tộc Đại Bà-la-môn, thủa thiếu thời cùng tôn giả Xá Lợi Tử kết bạn thân giao. Xá Lợi Tử do tài trí anh minh mà được tôn quý. Còn tôn giả Một Đặc Già La thì tinh thông soi xét mà vẻ vang. Tài trí cùng sánh, động chỉ đồng nhau, kết ước thỉ chung, đồng hợp đến đi. Cả hai vị cùng chán thế tục, đồng mong cầu xuất gia, bèn thờ vị thầy là Sang Xà Da. Tôn giả Xá Lợi Tử gặp được A-la-hán Mã Thắng, nghe pháp môn tỏ ngộ Thánh đạo, bèn trở về vì tôn giả Một Đặc Già La mà thuật bày lại. Tôn giả Một Đặc Già La nghe xong mà tỏ ngộ giáo pháp bèn chứng đắc sơ quả. Cùng với đồ chúng học trò gần 250 vị đồng đến chỗ đức Phật. Từ xa trong thấy tôn giả Một Đặc Già La, đức Thế Tôn và bảo đại chúng rằng: "Người đang đi lại đây sẽ là bậc thần thông đệ nhất trong hàng đệ tử của ta!". Khi đã đến nơi, tôn giả Một Đặc Già La cầu xin gia nhập vào trong giáo pháp. Đức Thế Tôn bảo rằng: "Lành thay Bí Sô! Tịnh tu phạm hạnh, được lìa ngàn vức khổ". Nghe lời đó rồi, râu tóc của tôn giả Một Đặc Già La tự nhiên rơi rụng. Xiêm y thế tục biến đổi thành pháp y, giới phẩm thanh tịnh, oai nghi đều thuận, qua sau bảy ngày các kết lậu đều hết, chứng quả A-la-hán, đắc sức thần thông.

Từ làng quê cũ của tôn giả Một Đặc Già La theo hướng đông đi khoảng 3 - 4 dặm có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi vua Tần Tỳ Sa La nghinh đón đức Phật. Xưa kia đức Như Lai lúc mới chứng đắc Phật quả, biết tâm tư của dân chúng nước Ma Yết Đà rất khát ngưỡng. Nhận sự thỉnh mời của vua Tần Tỳ Sa La, vào lúc sáng sớm, đức Thế Tôn đắp y mang bình

bát cùng theo 1000 vị Bí Sô vây bọc chung quanh đều là những bậc lão thành các hàng phạm chí búi tóc do kính mộ giáo pháp đắp mặc nhiễm y trước sau cùng phụ giúp đồng đi vào thành Vương Xá. Khi ấy trời Đế Thích biến hóa thân hình làm Na Na Bà trên đầu quấn búi tóc tay trái bưng bình vàng, tay phải nắm gậy báu, chân đạp bước giữa hư không cách đất khoảng bốn ngón tay tại trong đại chúng dẫn đường đi trước đức Phật. Bấy giờ vua nước Ma Yết Đà là Tần Tỳ Sa La cùng các hàng Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ trong nước đó có cả trăm ngàn người, trước sau dẫn nhau ra thành Vương Xá cung kính nghinh thỉnh Thánh chúng. vua Tần Tỳ Sa La nghinh thỉnh đức Phật theo hướng đông nam đi hơn 20 dặm đến ấp Ca La Tý Noa Ca. Trong ấp đó có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng. Đó là nơi làng quê cũ của tôn giả Xá Lợi Tử. Có cái giếng đến nay vẫn hiện còn. Bên cạnh đó có ngôi Tốt-đổ-ba là nơi tôn giả Xá Lợi Tử tịch diệt, bên trong Tốt-đổ-ba đó có xá lợi di thân của tôn giả Xá Lợi Tử. Tôn giả Xá Lợi Tử là người vốn chủng tộc Đại Bà-la-môn, thân phụ của tôn giả Xá Lợi Tử là người tài cao nhận biết lớn, suy xét xâu xa tinh vi, phàm đối với các thứ sách vở, không thứ gì chẳng nghiên cứu học tập. Người vợ (mẹ của tôn giả) càm mộng tỏ bày đầy đủ cùng chồng rằng: “Đêm qua nằm ngủ cảm mộng thấy người khác lạ thân mặc áo giáp, tay cầm nắm kim cang đập phá các núi rồi sau đó lui đứng dưới một quả núi”. Người chồng (thân phụ của tôn giả) bảo rằng: “Điềm mộng đó rất tốt lành, ngươi sẽ sinh một người con trai, học hành thấu đạt thông rành thế sự, dẹp trừ các luận sư, phá hủy các tông ấy đến cuối cùng, chỉ không bằng một người, và sẽ làm đệ tử người đó”. Quả nhiên có thai, người mẹ bỗng thông mẫn, luận bàn cao xa quá lắm, đàm nói kông khuất trệ. Sau đó hạ sinh tôn giả Xá Lợi Tử vừa mới 8 tuổi mà tiếng tăm lan tỏa bốn phương, tánh khí thuần chất, tâm tình từ bi, rả hoại mọi buộc ràng, thành tựu trí tuệ, cùng với tôn giả Một Đặc Già La từ thủa thiếu thời đồng kết bạn thân. Nhàm chán tục trần nhưng chưa có nơi quay về nương tựa, khi ấy bèn cùng tôn giả Một Đặc Già La Tử đến chỗ ngoại đạo Sang Xà Da mà tu tập, mới cùng nói với nhau rằng: “Đây chẳng phải là lý cứu cánh, chưa thể dứt hết ngằn mé các khổ. Mỗi trong chúng ta nên tìm cầu bậc thông tuệ dẫn dắt, trước tưởng thưởng mùi vị cam lồ ấy hẳn đồng báo cho nhau chung hưởng”. Bấy giờ Đại A-la-hán Mã Thắng đang bưng bình bát vào thành khất thực, tôn giả Xá Lợi Tử thấy A-la-hán Mã Thắng oai nghi nhàn nhã liền đến mà hỏi rằng: “Thầy của ông là ai?”. A-la-hán Mã Thắng đáp rằng: “Thái tử giòng họ Thích nhàm chán thế tục, xuất gia tu đạo thành đẳng chánh giác, đó là

thầy của tôi". Tôn giả Xá Lợi Tử hỏi rằng: "Vị thầy ấy giảng nói pháp gì? Có thể cho nghe được chăng?". A-la-hán Mã Thắng bảo: "Tôi mới thọ giáo nên chưa thấu đạt nghĩa sâu". Tôn giả Xá Lợi Tử nói: "Xin nêu nói những gì đã được nghe!". A-la-hán Mã Thắng mới tùy nghi giảng nói. Tôn giả Xá Lợi Tử nghe xong liền chứng sơ quả bèn cùng đồ chúng học trò có cả thảy 250 vị sang đến chỗ đức Phật. Từ xa trông thấy tôn giả Xá Lợi Tử, đức Phật chỉ và bảo chúng tăng rằng: "Người ấy là bậc trí tuệ đệ nhất trong hàng đệ tử của ta vậy!". Khi đã đến nơi, tôn giả Xá Lợi Tử đảnh lễ, nguyện xin theo Phật pháp. Đức Thế Tôn bảo rằng: "Lành thay Bí Sô!". Lúc nghe lời nói ấy, tôn giả Xá Lợi Tử tự nhiên giới phẩm đầy đủ. Qua hơn nữa tháng sau, nghe đức Phật vì phạm chí Trường Trảo mà giảng nói diệu pháp, nghe lời nói thừa mà tôn giả Xá Lợi Tử cảm ngộ bèn chứng quả A-la-hán. Về sau, nhân tôn giả A-nan vâng thừa Phật bảo kỳ hạn tịch diệt, lần lượt lan truyền lẫn nhau, mọi người đều ân hoài buồn cảm. Tôn giả Xá Lợi Tử càng thêm tâm kính ngưỡng, luyến mộ, không nhẫn trông thấy đức Thế Tôn nhập bát niết bàn, bèn cầu xin đức Thế Tôn nhập tịch diệt trước. Đức Thế Tôn bảo: "Nên biết thời vậy!". Tôn giả Xá Lợi Tử cảm tạ và báo cùng môn nhân đệ tử xong trở về lại làng quê cũ. Vị đệ tử sa di làm thị giả báo khắp trong thành ấy. vua Vị Sinh Oán cùng dân chúng trong nước đó thảy đều tụ tập. Tôn giả Xá Lợi Tử rộng vì giảng nói diệu pháp, mọi người nghe xong trở về. Vào sau nửa đêm, tôn giả Xá Lợi Tử chánh ý buộc tâm nhập định diệt tận, từ thiền định dậy mà nhập tịch diệt.

Từ ấp Ca La Tý Noa Ca theo hướng đông nam đi khoảng 4 - 5 dặm có ngôi Tốt-đổ-ba là nơi vị môn nhân đệ tử của tôn giả Xá Lợi Tử nhập niết bàn. Có thuyết nói vào thời đức Phật Ca Diếp Ba, có ba câu chi (câu chi tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Ức) vị Đại A-la-hán đồng nhập vô dư tịch diệt tại nơi đó.

Từ ngôi Tốt-đổ-ba của môn nhân tôn giả Xá Lợi Tử theo hướng đông đi hơn 30 dặm đến núi Nhân Đà La Thế La Hũ La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Đế Thích Quật), núi đó hang cốc mịt mờ, hoa rừng um tùm, trên đảnh núi có hai ngọn cao vợi đặc biệt nổi trội. Nơi hang phía nam của ngọn núi phía tây có thạch thất lớn, rộng mà không cao, là nơi xưa kia đức Như Lai thường nghỉ ở đó, khi ấy trời Đế Thích đem 40 điều nghi ngờ khắc họa trên đá để thỉnh hỏi đức Phật, đức Phật vì giảng nói giải thích, vết tích ấy vẫn còn, nay tạo hình tượng ấy phỏng theo Thánh nghi xưa. Những người vào bên trong lễ kính, không ai chẳng chỉnh túc kinh sợ. Trên hang núi là nơi có dấu vết của bốn đức

Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành. Và trên ngọn núi ở phía đông có ngôi già lam, nghe các hàng sĩ tục nói là tăng chúng trong đó hoặc có lúc vào nữa đêm trông thấy đến ngọn núi phía tây trước tôn tượng Phật nơi thạch thất có đèn đuốc thường luôn tỏa sáng.

Trước ngôi già lam ở ngọn núi phía đông của núi Nhân Đà La Thế La Lũ Ha có ngôi Tốt-đổ-ba tên là Hoàn Bà (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Nhạn). Xưa kia trong ngôi già lam đó, chúng tăng tu tập theo giáo pháp Tiểu thừa. Tiểu thừa là tiệm giáo nên mở khai cho ăn dùng tam tịnh nhục, mà ngôi già lam đó tuân theo không rơi lạc. Về sau, tam tịnh nhục tìm cầu có lúc không được. Có vị Bí Sô đang kinh hành, bỗng thấy đàn chim nhạn bay liệng đùa nói với nhau rằng: "Ngày nay trong chúng tăng ăn dùng không no đủ. Ma-ha Tát Đỏa cần nên biết thời vậy". Tiếng nói chưa ngưng dứt, trong đàn có một con nhạn bay lùi đến trước vị Bí Sô ấy tự ném vật thân mình mà chết. Vị Bí Sô ấy thấy vậy rồi thưa bạch cùng chúng tăng. Mọi người nghe, buồn cảm cùng nói với nhau rằng: "Đức Như Lai diễn bày giáo pháp tùy căn cơ mà dẫn dụ chúng ta giữ lấy sự ngu mê tuân hành theo tiệm giáo. Đại thừa mới thật là chánh lý, nên sửa đổi điều chấp trước chuyên theo Thánh chỉ, con nhạn này dủ lòng cảnh răn, thật đáng là bậc thông tuệ để dẫn dắt chúng ta vậy. Nên tuyên bày đức hạnh sâu dày, truyền ghi trọn ngàn xưa đó". Khi ấy bèn cùng nhau tạo dựng ngôi Tốt-đổ-ba, kinh soi di liệt đem thi thể con nhạn chết đó chôn cất ở dưới.

Từ núi Nhân Đà La Thế La Lũ Ha theo hướng đông bắc đi khoảng 150 - 160 dặm đến ngôi già lam Ca Bố Đức Ca (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Cáp = bồ câu), chư tăng ở đó có hơn 200 vị đều học theo giáo pháp thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ. Phía đông ngôi già lam ấy có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng, xưa kia đức Phật ở tại đó một đêm vì các đại chúng giảng nói pháp, bấy giờ có La Gỉa đến trong rừng đó bủa lưới bắt các loài chim muôn trọn một ngày mà không được con nào, bèn tự bảo rằng: "Ta chỉ vì phước bạc thường làm việc xấu tệ". Lại đến nơi chỗ Phật mà nói rằng: "Ngày nay đức Như Lai đến đây giảng nói pháp, khiến tôi giăng lưới săn bắt không được gì! Vợ con tôi tớ hiện tại đói khát, biết tính sao đây?". Đức Như Lai bảo rằng: "Ông nên nhóm chất lửa, ta sẽ cho ông thức ăn". Khi ấy, đức Như Lai biến hóa làm một con chim cáp (bồ câu) lớn ném mình vào lửa mà chết. La Giả mang đem về, vợ con tôi tớ cùng ăn dùng, sau đó lại sang nơi chỗ Phật. Đức Như Lai bèn dùng phương tiện nhiếp hóa. La Giả nghe pháp xong hối cải lổi quá tự làm mới cuộc đời, bỏ nhà tu học, bèn chứng đắc Thánh quả.

Nhân đó gọi chỗ tạo dựng ấy làm ngôi già lam cáp (bồ câu).

Từ ngôi già lam Ca Bố Đức Ca theo hướng nam đi khoảng 2 - 3 dặm đến một quả núi đơn lẻ. Quả núi ấy cao vợi, cây rừng um tùm, hoa quý dòng trong phủ sườn men hang, phía trên có nhiều tinh xá, miếu linh, khắc chạm rất mực tinh xảo. tinh xá chính giữa có tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại, thân lượng tuy nhỏ mà oai thần cảm khắp, tay nắm hoa sen, đảnh đầu đội hình tượng Phật. Từng có số người bỏ ăn phát tâm cần yếu cầu thấy Bồ-tát, hoặc trải qua bảy ngày, hay 14 ngày, cho đến một tháng thì có sự cảm ứng thấy Bồ-tát Quán Tự Tại với Diệu tướng trang nghiêm oai quang rực rỡ từ trong tôn tượng lưu xuất ủy an dẫn dụ người ấy. Xưa kia vua nước Tăng-già-la ở Nam Hải, vào một buổi sáng sớm dùng gương soi mặt, không thấy thân hình mình mà thấy trên núi nhỏ trong rừng Đa-la ở nước Ma Yết Đà thuộc thiệm bộ châu có hình tượng Bồ-tát đó, vua rất cảm mừng, toan tính để tìm cầu. Khi đã đến núi đó, thật chỉ giống tợ. Nhân đó vua tạo dựng ngôi tinh xá, thiết bày mọi thứ cúng dường. Từ đó về sau, các vị vua mến chuộng kính tưởng di phong, bèn đến bên cạnh đó lần lượt tạo dựng các ngôi tinh xá và miếu linh, dùng các thứ hương hoa kỷ nhạc cúng dường không ngưng dứt.

Từ quả núi đơn lẻ có tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại đó theo hướng đông nam đi hơn 40 dặm, đến một ngôi già lam, chư tăng ở đó có hơn 50 vị đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa. Phía trước ngôi già lam đó có ngôi Tốt-đổ-ba lớn có lắm nhiều sự linh dị, xưa kia đức Phật từng ở đó bảy ngày vì các phạm thiên vương, v.v..., giảng nói diệu pháp. Bên cạnh đó là nơi có di tích của ba đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành. Từ ngôi già lam ấy theo hướng đông bắc đi hơn 70 dặm, theo phía nam sông Khắc Già đến một tụ lạc lớn. Dân chúng ở đó đông nhiều, có vài ngôi đền thờ trời, đều điêu tàn hết mọi thứ nghiêm sức. Từ đó về phía đông nam cách không xa, có ngôi Tốt-đổ-ba lớn, xưa kia đức Phật từng ở nơi đó một đêm giảng nói pháp. Từ đó theo hướng đông vào trong núi rừng đi hơn 100 dặm, đến tụ lạc Lạc Ban Nị La, ở đó có ngôi già lam, phía trước có ngôi Tốt-đổ-ba lớn, do vua Vô Ưu tạo dựng, xưa kia đức Phật từng ở nơi đó ba tháng giảng nói diệu pháp.

Từ đó theo hướng bắc đi khoảng 2 - 3 dặm có một ao hồ lớn chu vi rộng hơn 30 dặm, hoa sen bốn màu đua nở quanh năm. Từ đó lại theo hướng đông vào trong núi rừng lớn đi hơn 200 dặm đến nước Y Lạn Noa Bát Phạt Đa (thuộc Trung Ấn Độ).

■

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỨC KÝ

QUYỂN 10

(Nói về 17 nước).

1. Nước Y Lạn Noa Bát Phạt Đa.
2. Nước Chiêm Ba.
3. Nước Yết Chu Ốt Kỳ La.
4. Nước Bôn Na Phạt Đàn Na.
5. Nước Ca Ma Lũ Bà.
6. Nước Tam Ma Đát Tra.
7. Nước Đam Ma Lật Để.
8. Nước Yết La Noa Tô Phạt Thích Na.
9. Nước Ô Trà.
10. Nước Cung Ngự Đà.
11. Nước Yết Lăng Già.
12. Nước Kiều-tát-la.
13. Nước Án Đạt La.
14. Nước Đà Na Yết Trách Ca.
15. Nước Châu Lợi Đa.
16. Nước Đạt La Tỳ Trà.
17. Nước Mạt La Củ Tra.

1 - NƯỚC Y LẠN NOA BÁT PHẠT ĐA.

Nước Y Lạn Noa Bát Phạt Đa chu vi rộng hơn 3000 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm, phía tây gần sông Khắc Già. Xứ ấy lúa thóc tươi tốt, hoa quả lắm nhiều, khí hậu hòa sướng, phong tục con người thuần chất. Có hơn 10 ngôi già lam, chư tăng có hơn 4000 vị, phần nhiều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có hơn 20 ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn. Gần đây có vị vua ở nước láng giềng, xả bỏ ngôi vị và nước nhà, đem đô thành lớn dâng cúng cho chúng tăng đến trong đô thành đó tạo dựng hai ngôi già lam, mỗi ngôi có gần ngàn vị tăng tu tập và đều học theo giáo

pháp Tiểu thừa Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ. Bên cạnh đô thành lớn gần sông Khắc Già có quả núi Y Lạn Na thường luôn ngậm nhả mây khói che khuất cả mặt nhật mặt nguyệt. Từ xưa tới nay các bậc tiên Thánh tiếp nối nhau đến gá thần ở đó. Nay có đền thờ trời còn tuân theo phép tắc để lại. Xưa kia, đức Như Lai cũng từng ở lại nơi đó vì các hàng trời người rộng giảng nói diệu pháp. Phía nam đô thành lớn có ngôi Tốt-đổ-ba, xưa kia đức Như Lai từng ở tại đó ba tháng giảng nói pháp. Bên cạnh đó là nơi có di tích của ba đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành.

Từ nơi có di tích của ba đức Phật thời quá khứ kinh hành về hướng tây cách không xa có một ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi quê hương sinh sống của Bí Sô Tần Thiết Để Câu Chi (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Văn Nhị Bách Ức. Xưa trước gọi là Ức Nhĩ tức sai nhầm vậy). Xưa kia tại thành đó có vị trưởng giả giàu sang phú quý nhưng chậm muộn có con nối dõi. Đến lúc có báo kết quả, liền ban cấp tặng 200 ức tiền vàng, và nhân đó gọi tên người con ấy là “Văn Nhị Bách Ức”. Mãi đến lúc trưởng thành mà chân chưa từng dẫm bước nơi đất, nên dưới bàn chân có sợi lông dài hơn cả thước sáng sạch nhỏ mịn sắc vàng như vàng ròng. Trưởng giả trân quý người con ấy sắm sinh đủ thứ vui chơi tốt đẹp. Từ nơi nhà ở đến tận núi tuyết dựng nhà trạm liền góc, tôi tớ đứng giao nhau giữa đường, phàm cần các thứ thuốc tốt ưu diệu liền đáp đổi cùng báo nói, trao nhận chẳng vượt mất thời gian. Ông trưởng giả ấy giàu sang đến thế. Đức Thế Tôn dự biết căn lành của trưởng giả tử sắp phát, bèn bảo tôn giả Một Đặc Già La Tử đi sang giáo hóa. Khi đã đến dưới cửa chẳng do đâu mà tự biết nhà ông trưởng giả thờ cúng nhật thiên, thường mỗi sáng sớm mai xoay mặt hướng đông mà lễ bái. Khi ấy tôn giả Một Đặc Già La dùng sức thần thông từ trong vầng mặt nhật giáng hiện đứng trước. Trưởng giả tử nghi ngờ cho đó là Nhật Thiên (thần mặt trời), nhân đó cúng thí cơm thơm mà trở về, mùi cơm thơm ấy tỏa khắp cùng thành Vương Xá. Khi ấy vua Tần Tỳ Sa La lấy làm kinh lạ mùi thơm phảng phất, bèn bảo kẻ sứ đi hỏi khắp cùng, mới biết là ở tinh xá Trúc Lâm do tôn giả Một Đặc Già La mang từ nhà trưởng giả đến, nếu đi bằng thuyền gõ mái chèo thì có gian nguy sóng gió, cưỡi xe cưỡi voi sợ hoạn vấp váp. Khi ấy bèn từ nhà ở đến thành Vương Xá, khơi ngòi thông rãnh đổ đầy dòng bằng hạt cải, đến lúc dừng thuyền cặp nghỉ dùng dây dài dẫn đến thành Vương Xá, trước vào kính lễ đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn bảo rằng: “vua Tần Tỳ Sa La bảo kẻ sứ mời gọi ông đến chẳng qua là muốn thấy sợi lông dưới bàn chân ông vậy. Vì vua muốn

trông thấy nên ông phải ngồi kiết già bày bàn chân hướng đến vua. Đúng quốc pháp là đáng chết vậy". Trưởng giả tử vâng nhận lời dạy răn ấy rồi sang đến nơi vua, dẫn vào sân bái yết, vua muốn trông xem sợi lông, trưởng giả tử mới ngồi kiết già. Vua ngợi khen và ban lễ thù đặc và cũng rất mến quý. Thế rồi tạ từ trở về nơi chỗ đức Phật. Khi ấy đức Như Lai vì giảng nói giáo pháp dạy răn dẫn dụ. Trưởng giả tử nghe mà cảm ngộ bèn liền xuất gia. Từ đo tinh cần tu tập tư duy mong cầu chứng quả, kinh hành chẳng luống bỏ nên chân bèn tổn thương đổ máu. Đức Thế Tôn thấy vậy bảo: "Này gã thiện nam! Lúc còn ở nhà, ông có biết đánh đàn chăng?". Trưởng giả tử (Bí sô Thốt Lũ Đa Tần Thiết Để Câu Chi) thưa: "Dạ có biết!". Đức Thế Tôn dạy: "Nếu vậy thì lấy đó để thí dụ, nếu dây đàn quá căng hẳn không hợp vận, dây đàn quá chùng thì điệu không hòa nhã, nên phải là dây đàn không căng không chùn âm thanh mới hòa. Phàm người tu hành cũng vậy. Gấp quá thì thân nhọc mệt tâm sinh biếng lười, hoảng quá thì tình buông duỗi và chí phóng túng". Trưởng giả tử vâng theo sự chỉ dạy của đức Phật mà hành trì chu toàn, như vậy sau đó không bao lâu bèn chứng đắc quả vị.

Ở biên giới phía tây nước đó tức thuộc phía nam sông Khắc Già, có một quả núi nhỏ đơn lẻ chập chùng cao xót, xưa kia đức Phật từng an cư tại đó ba tháng để nhiếp phục Bạc Câu La Dược Xoa. Dưới hang ở phía đông nam của núi trên tảng đá lớn có dấu vết của đức Phật ngồi in sâu vào đá hơn một tấc, dài 5 thước 2 tấc, rộng 2 thước 1 tấc, phía trên đó có tạo dựng ngôi Tốt-đổ-ba. Tiếp về phía nam trên tảng đá thì có dấu vết đức Phật đặt Quấn Trỉ Ca (tức là bình tắm, xưa trước gọi là Quân trì, tức lược gọi sai nhầm vậy), in sâu trên đá hơn một tấc làm nổi đường hoa văn. Từ nơi dấu vết đức Phật ngồi về phía đông nam cách không xa có dấu vết cẳng chân của Bạc Câu La Dược Xoa dài khoảng 1 thước 5 - 6 tấc, rộng khoảng 7 - 8 tấc, in sâu trên đá gần 2 tấc. Phía sau dấu vết cẳng chân Dược Xoa có tôn tượng đức Phật ngồi bằng đá cao khoảng 6 - 7 thước. Từ đó tiếp về phía tây cách không xa là nơi có dấu vết của đức Phật kinh hành. Trên đảnh núi đó có thất cũ của Dược Xoa. Từ đó về phía bắc có dấu vết bàn chân của đức Phật dài 1 thước 8 tấc, rộng hơn 6 tấc in sâu trên đá gần nửa tấc. Phía trên dấu chân đó có ngôi Tốt-đổ-ba. Xưa kia đức Như Lai ở đó nhiếp phục Dược Xoa, khiến không giết hại người ăn thịt. Dược Xoa kính thọ giới pháp của Phật, về sau được sinh lên cõi trời. Từ đó về phía tây có khoảng 6 - 7 dòng suối nóng ấm. Nước các suối đó rất nóng. Ở biên giới phía nam nước đó trong rừng núi lớn có lắm nhiều voi hoang dã thân hình rất to lớn.

Từ đó dọc theo bờ phía nam sông Khắc Già theo hướng đông đi hơn 300 dặm đến nước Chiêm Ba (thuộc trung Ấn Độ).

2 - NƯỚC CHIÊM BA.

Nước Chiêm Ba chu vi rộng hơn 4000 dặm. Đô thành lớn nước đó chu vi rộng hơn 40 dặm, gối lưng phía bắc gần sông Khắc Già. Đất đai thục thấp, lúa má tràn đầy, khí hậu ấm nóng, phong tục thuần chất. Có khoảng vài mươi ngôi già lam phần nhiều đều đã bị hư hoại, chư tăng có hơn 200 vị đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa, có hơn 20 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo chung sống lẫn lộn. Đô thành được sắp chất bằng gạch cao đến vài trượng, nền móng cao vợi cách ngự phòng địch cao hiểm. Xưa kia vào thời đầu kiếp, người vật mới đầu hoang dã ở nơi hang hầm, chưa biết làm cung thất. Về sau có một thiên nữ giáng hiện trong loài người rảo bước đến sông Hằng tắm gội tự vui, cảm linh có thai sinh ra bốn người con, phân chia ở thiệm bộ châu mỗi người chiếm một khu vức, xây thành đô, lập thôn ấp, phân biên cương, họa ranh giới, nơi đó là đô thành nước nhà của một trong bốn người con đó vậy, và cũng là đầu tiêu của các đô thành ở Thiệm bộ châu. Từ đô thành ấy hướng về đông cách khoảng 40 - 50 dặm, về phía nam sông Khắc Già dòng nước cuốn xoay lại nổi lên một hòn đảo nhỏ cao vợi, trên đó có đền thời trời. Thần lắm linh cảm, đục sườn đảo làm thất, dẫn dòng nước thành ao cong, hoa rừng cây lạ, đá lớn ngọn cao nguy hiểm, là nơi các bậc nhân trí nương ở. Người đến trông xem quên cả trở về. Trong núi rừng ở cảnh vức phía nam nước đó, voi hoang thú dữ kết đàn cùng đi rất đông nhiều. Từ đó theo hướng đông đi hơn 400 dặm đến nước Yết Chu Ốt Kỳ La (xứ ấy có tập tục hoặc xưng gọi đó là Yết Dăng Yết La, thuộc Trung Ấn Độ).

3 - NƯỚC YẾT CHU ỐT KỲ LA.

Nước Yết Chu Ốt Kỳ La chu vi rộng hơn 2000 dặm, đất đai thấp ẩm, lúa thóc lắm nhiều, khí hậu ôn hòa, phong tục thuần chất, con người dốc chuộc cao tài, sùng quý nghề học. Có khoảng 6 - 7 ngôi già lam, chư tăng có hơn 200 vị. Có mười ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn. Từ vài trăm năm trở lại đây, giòng họ nhà vua tuyệt tự không người nối dõi, mọi việc làm tùy thuộc các nước lân cận, do đó thành quách gò thành phần nhiều ở nơi thôn ấp. Nên vua Giới Nhật tới Đông Ấn Độ xây dựng cung quán sửa trị các việc nước nhà, đến thì tráp tranh cỏ làm nhà ở, đến lúc đi thì phóng lửa thiêu đốt. Cảnh vức phía

nam nước đó có lắm nhiều voi hoang. Cách vức phía bắc cách sông Khắc Già không xa có đài cao lớn, sắp chất gạch đá mà xây dựng nên, nền móng rộng cao, khắc chạm chế tác rất kỳ đặc. Chung quanh đài mặt vuông, chạm khác hình tượng các Thánh, hình Phật và trời phân biệt rõ mà làm. Từ đó theo hướng đông vượt qua sông Khắc Già đi hơn 600 dặm đến nước Bôn Na Phạt Đàn Na (thuộc trung Ấn Độ).

4 - NƯỚC BÔN NA PHẠT ĐÀN NA.

Nước Bôn Na Phạt Đàn Na chu vi rộng hơn 4000 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 30 dặm, dân chúng sinh sống đông nhiều, ao quán hoa rừng thường luôn đan xen. Đất đai ẩm thấp, lúa thóc tươi tốt. Quả Ban Hạch Sa đã lắm nhiều mà lại quý. Quả ấy lớn như quả Đông Qua (bí đao), lúc chín sắc màu vàng đỏ, xẻ bổ ra bên trong vài mươi quả nhỏ lớn bằng trứng chim hạc, lại phá ra nữa thì giọt nước vàng đỏ, mùi vị ngọt ngon, hoặc tại trên cành như kết thật nhiều quả, hoặc tại dưới gốc rễ cây thì tợ như Phục Linh nơi đất. Xứ đó khí hậu hòa sướng, phong tục ham học. Có hơn vài mươi ngôi già lam, chư tăng có hơn 3000 vị, đối với giáo pháp Đại thừa Tiểu thừa đều dốc công tập học. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn, với hàng lõa hình Ni càn tử thật đông nhiều.

Từ đô thành về phía tây cách hơn 20 dặm, có ngôi Tăng-già lam Bạt Thỉ Bà, dân nhà rỗng thoáng, đài các lớn cao, chư tăng có hơn 700 vị đều tập học theo giáo pháp đại thừa. Những bậc thạc học danh tăng ở cảnh vức phía Đông Ấn Độ phần nhiều đến ở trong đó. Bên cạnh đó cách không xa có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng. Xưa kia đức Như Lai từng ở tại đó ba tháng vì các hàng trời người giảng nói giáo pháp. Hoặc đến những ngày trai có lúc tỏa phóng ánh sáng. Bên cạnh đó lại là nơi có di tích của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành. Cách đó không xa lại có một ngôi tinh xá, bên trong có tạo tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại, thần quang soi xét chẳng ẩn, linh ứng luôn hiện bày, nên mọi người ở khắp xa gần đến đó bỏ ăn mà cầu thỉnh.

Từ đó theo hướng tây đi hơn 900 dặm, vượt qua sông lớn đến nước Ca Ma Lũ Ba (thuộc Đông Ấn Độ).

5 - NƯỚC CA MA LŨ BA.

Nước Ca Ma Lũ Ba chu vi rộng hơn vạn dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộịng hơn 30 dặm. Đất đai thấp ẩm, lúa thóc gieo trồng theo thời vụ. Quả Ban hạch sa, quả Na la kê la, cây giống ấy tuy lắm

nhiều mà lại càng trân quý. Sông, rạch, hồ, vũng giai dãi quanh thành ấp. Khí hậu hòa sướng, phong tục thuần chất. Con người thân hình thấp nhỏ, dung mạo đen sạm, nói năng ít khác so với các nước xứ Trung Ấn Độ. Tánh khí con người hung dữ mạnh bạo, chí chuyên mạnh học, phần chính là tôn thờ trời thần, không tin Phật pháp. Nên từ khi đức Phật xuất hiện nơi đời mãi đến ngày nay, còn chưa tạo dựng được một ngôi già lam nào để chiêu tập các hàng tăng lữ. Nước đó có một số tinh tín nhưng chỉ trộm nhớ nghĩ mà thôi. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, cách hàng dị đạo đông đến vài vạn vị.

Nay, vua nước đó vốn là con cháu nối dõi của trời Na La Diên, thuộc chủng tộc Bà-la-môn, tự là Bà Tắc Yết La Phạt Ma (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Nhật Trụ), hiệu là Câu Ma La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Đồng Tử) tự chiếm cứ đất đai biên cương, lớn mạnh bành trướng, mãi đến ngày nay đã qua 1000 đời vua. Do các vị quốc vương ham học nên dân chúng đều theo phong hóa, các bậc cao tài từ phương xa kính mộ nghĩa khách du. Vuy tuy không thuần tin Phật pháp nhưng rất kính trọng các hàng Sa-môn cao học. Mới đầu nghe có Sa-môn ở nước Chí Na đang ở Tăng-già lam Na Lạn Đà tại nước Ma Yết Đà từ phương xa đến học giáo pháp thâm sâu của Phật, vua bèn sai người ân cần qua lại vài ba phen thỉnh mời, nhưng Huyền Trang tôi vẫn chưa đáp ứng ước muốn đó. Khi ấy luận sư Thi La Bạt Đà La bảo rằng: “Muốn báo ân đức của Phật, phải nên hoằng dương chánh pháp. Ông nên đi sang đó chớ ngại sợ giẫm trải đường xa. vua Câu Ma La ở đời kính thờ ngoại đạo, nay lại cầu thỉnh Sa-môn, đó là việc tốt lành, nhân nay mà cải đổi đường vết phước lợi rộng xa. Xưa kia ông khởi tâm rộng lớn, phát hoằng thệ nguyện, một mình loi lẻ đi đến cảnh vức xa khác, bỏ quên thân mạng vì mong cầu giáo pháp khắp cứu tế hàm linh, đâu không là quê hương nước nhà, nên quên mọi sự được mất, chớ bó buộc bởi vinh nhục, tuyên dương Thánh giáo mở dẫn quần mê, trước lợi vật sau mới thân mình, quên danh tiếng để hoằng dương giáo pháp”. Khi ấy, chối từ không được khỏi, Huyền Trang tôi bèn cùng sứ giả đồng đi mà hội kiến. vua Câu Ma La nói rằng: “Tôi tuy bất tài, nhưng thường mến mộ những bậc cao học, nghe tên bèn nhã chuông liều dám việc xa thỉnh mời!”. Huyền Trang tôi nói: “Tôi tài năng hiếm ít, trí tuệ riêng kém, hèn tệ theo nghe”. vua Câu Ma La bảo rằng: “Lành thay! Kính mộ giáo pháp, khéo tham học, xem thân mạng như bọt nổi, giẫm vượt lấm hiểm trở, đi xa đến cảnh vức khác, ấy hẳn do mỹ hóa của quân vương; thuần phong của nước nhà mến chuộng học khiến các nước xứ

Ấn Độ phần nhiều có ca tụng bản nhạc "Tần vương nước Ma-ha Chí Na phá trận", tôi nghe đó đã lâu vậy. Há đó là quê hương đất nước đại đức ư?". Huyền Trang tôi nói: "Thật đúng vậy. Đó là bản nhạc ca ngợi khen oai đức của nước chúng tôi vậy". Vua Câu Ma La nói: "Không để ý đại đức là người nước đó, tôi kính mộ phong hóa xoay về phương đông đã từ lâu. Nhưng vì núi sông cách trở đường xá hiểm nguy không do đâu để đến đó được!". Huyền Trang tôi nói: "Thánh đức vua nước chúng tôi thấm đượm cùng xa, nhân hóa khắp trùm. Các xứ khác tục khác vức đều đến bái yết cung quyết xưng thần rất đông nhiều vậy". Vua Câu Ma La nói rằng: "Với sự chở che như thế, tâm tôi đây rất mong được triều cống. Nay đây, vua Giới Nhật ở tại nước Yết Chu Ốt Kỳ la sắp thiết bày đại thí hội, tu tạo phước tuệ lớn. Các hàng Sa-môn, Bà-la-môn, những người có học nghiệp ở khắp năm xứ Ấn Độ không ai chẳng được chiêu tập, nay có sai sứ đến đây thỉnh mời, nguyện xin đại đức cùng đồng đi đến đó!". Khi ấy tôi bèn cùng vua Câu Ma La đến nước Yết Chu Ốt Kỳ La.

Từ nước (Ca Ma Lũ Ba) đó về hướng đông, núi đồi liền tiếp nhau, không có đô thành nước lớn, cảnh vức tiếp liền với tây nam Di Viên, con người về xứ đó thuộc giống Man lão. Hỏi rõ về thộ tục thì đi khoảng hai tháng thì vào đến cảnh vức phía tây nam đất Thục. Nhưng vì núi sông hiểm trở, chướng khí dịch bệnh, rắn độc cỏ độc làm hại rất lắm. Về phía đông nam của nước đó, voi hoang đi từng đàn hung bạo, nên trong nước đó vẽ tượng quân rất đặc biệt lớn mạnh.

Từ đó theo hướng nam đi khoảng 1200 - 1300 dặm đến nước Tam Ma Đát Tra (thuộc Đông Ấn Độ).

6 - NƯỚC TAM MA ĐÁT BA.

Nước Tam Ma Bát Đa chu vi rộng hơn 3000 dặm, bến bãi gần biển lớn, đất đai thấp ẩm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm, lúa thóc gieo trồng tươi tốt, hoa quả lắm nhiều, khí hậu hòa sướng, phong tục điều thuận, con người tánh khí cứng mạnh, thân hình thấp nhỏ sắc da đen sạm, ham thích cầu học chuyên cần mài miệt. Tà chánh đều kính tin, có hơn 30 ngôi già lam, chư tăng có hơn 2000 vị đều vâng tuân tập nhọc theo giáo nghĩa Thượng tọa bộ. Có trăm ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn, hàng lõa hình Ni càn tử đồ chúng đông nhiều. Cách đô thành không xa có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng. Xưa kia đức Như Lai từng ở tại đó bảy ngày vì các hàng trời người mà giảng nói diệu pháp sâu mầu. Bên cạnh đó là nơi có di tích của bốn

đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành. Cách đó không xa, trong ngôi già lam có tôn tượng đức Phật bằng ngọc xanh cao tám thước, tướng tốt tròn đầy, linh ứng lắm hiệu nghiệm. Từ đó về phía đông bắc có bến bãi biển lớn, theo trong đường hang núi có nước Thất Lợi Ta Đát La, tiếp về phía đông nam ở góc biển lớn có nước Ca Ma Lũng Ca, tiếp về phía đông có nước Đọa La Bát Để, tiếp về phía đông có nước Ma-ha Chiêm Ba; tức ở Trung Hoa gọi đó là Lâm ấp vậy. Lại tiếp về phía tây nam có nước Diêm-ma Na Châu. Cả sáu nước đó núi sông đường sá hiểm trở nên Huyền Trang tôi không vào các cảnh vức đó, nhưng phong tục đất đai cảnh giới tiếng tăm có thể biết được vậy.

Từ nước Tam Ma Đát Tra theo hướng tây đi hơn 900 dặm đến nước Đam Ma Lật Để (thuộc Đông Ấn Độ).

7 - NƯỚC ĐAM MA LẬT ĐỂ.

Nước Đam Ma Lật Để chu vi rộng khoảng 1400 - 1500 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm, bến bãi gần biển, nên vùng ven đất đai thấp ẩm, lúa thóc gieo trồng theo thời vụ, hoa quả tốt tươi lắm nhiều. Khí hậu ấm nóng, phong tục thô tháo nóng nãy, con người tánh khí cứng mạnh. Tà chánh đều kính tin, có hơn 10 ngôi già lam, chư tăng có hơn ngàn vị. Có hơn 50 ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn. Đất nước đó bến bãi ở gần góc biển, đất liền và sông nước giao hội. Các vật trân quý báu lạ phần nhiều đều tích tụ tại đó, nên dân chúng nước đó đại khái đều là giàu sang. Bên cạnh đô thành có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng, bên cạnh đó là nơi có dấu vết của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành.

Từ đó theo hướng tây bắc đi hơn 700 dặm đến nước Yết La Noa Tô Phạt Thích Na (thuộc Đông Ấn Độ).

8 -YẾT LA NOA TÔ PHẠT THÍCH NA.

Nước Yết La Noa Tô Phạt Thích Na, chu vi rộng khoảng 1400 - 1500 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm. Dân chúng sinh sống đông nhiều, nhà cửa giàu sang. Đất đai thấp ẩm, lúa thóc gieo trồng theo thời vụ. Các thứ hoa tươi tốt, quả lạ lắm nhiều. Khí hậu điều sướng, phong tục thuần hòa. Con người khéo mến chuộng học các nghề nghiệp. Tà chánh đều kính tin, có hơn 10 ngôi già lam, chư tăng có hơn 2000 vị đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có hơn 50 ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo thật lắm nhiều. Riêng có ba ngôi già lam, chư tăng không ăn dùng sữa lạc, tuân theo di huấn

của Đề Bà Đạt Đa.

Bên cạnh đô thành lớn có ngôi Tăng-già lam Lạc Đa Vị Tri (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Xích Nê), sân nhà rộng thoáng, đài các cao vợi, các bậc tài cao đạt học thông mẫn có tiếng tăm trong nước nhà đều tụ tập tại đó, cảnh tỉnh ràn dắt nhau cùng thành đạt, mài giũa đạo đức. Mới đầu, tại nước đó chưa kính tin Phật pháp, khi ấy tại Nam Ấn Độ có một ngoại đạo dụng bịt đồng lá, đầu đội đuốc đốt sáng chống mang trượng sách cao bước vào trong thành đó, bày đánh trống luận, tìm cầu muốn nói bàn đối luận. Có người hỏi rằng: "Đầu và bụng của ông mang đội gì khác lạ vậy?". Ngoại đạo đó đáp: "Tôi học nghề, lắm nhiều tài năng, sợ bụng xé rách, lại xót thương hàng ngu tối, do đó đeo mang soi chiếu". Trải qua cả 10 ngày mà không người nào hỏi han gì, ngoại đạo đó phỏng hỏi tìm kiếm các bậc tài giỏi mà chẳng có hạng người đó. Vua nước đó bảo rằng: "Khắp trong nước nhà đâu có những bậc minh triết, có khách đến cật nạn mà không đối đáp, đó thật là tủi nhục sâu lớn, nên tìm kiếm phỏng hỏi ở các nơi có những vị ẩn dật sâu kín". Có người bảo rằng: "Trong rừng lớn có một người khác lạ, tự xưng là Sa-môn, có sức học sâu mạnh, nay hiện lắng ở nơi sâu kín đã lâu vậy. Nếu vị ấy chẳng tỏ rõ các pháp, hợp đức, thì đâu có thể sống được như vậy ư?". vua nghe thế, đích thân đi đến núi rừng tìm kiếm thỉnh mời. Vị Sa-môn ấy đáp rằng: "Tôi vốn người ở xứ Nam Ấn Độ làm du khách đến nương náu nơi đây, khả năng học nghiệp cạn cợt, sợ chẳng như điều vua nghe, song xin vâng thừa ý chỉ, không dám chối từ. Nhưng đối luận không thua, xin được tạo dựng ngôi già lam để nhóm tập chư tăng xiển dương tán thán Phật pháp". vua nói: "Kính nghe điều đó, không dám trái đức!". Vị Sa-môn ấy vâng nhận sự thỉnh mời đi đến luận trường. Vị ngoại đạo đó khi ấy nên xướng chính tông của mình có hơn ba vạn lời, nghĩa lý sâu xa văn từ rộng lớn, bao hàm cả danh tướng, bủa khắp thấy nghe. Vị Sa-môn ấy nghe qua một lượt rốt cùng trông xem từ nghĩa không sai nhầm, dùng vài trăm lời biện minh để giải thích đó. Nhân đó hỏi về điểm cùng cực của chánh tông, vị ngoại đạo đó cùng cụt ngôn từ khuất nghĩa ấy bèn mang tủi nhục mà rút lui. vua rất kính trọng tài đức của Sa-môn ấy nên tạo dựng ngôi già lam ấy. Từ đó về sau mới hoằng dương Phật pháp.

Bên cạnh ngôi già lam đó cách không xa có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng. Xưa kia đức Như Lai từng ở nơi đó bảy ngày giảng pháp khai dẫn. Bên cạnh đó lại có ngôi tinh xá là nơi có di tích của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành. Và có vài ngôi Tốt-đổ-ba

đều là những nơi xưa kia đức Như Lai từng đến giảng nói pháp, do vua Vô Ưu tạo dựng.

Từ đó theo hướng tây nam đi hơn 700 dặm đến nước Ô Trà (thuộc Bắc Ấn Độ).

9 - NƯỚC Ô TRÀ.

Nước Ô Trà chu vi rộng hơn 7000 dặm, đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm. Đất đai mầu mỡ lúa thóc tươi tốt, các thứ trái quả lớn hơn so với các nước, cỏ lạ hoa quý lắm nhiều khó thể nêu thuật, khí hậu ấm nóng, phong tục con người mạnh dữ. Con người dáng mạo khôi ngô, nhan sắc đen sạm, nói năng ngôn từ phong thái điều nhã có phần khác so với các nước xứ Trung Ấn Độ. Khéo ham thích tập học không mỏi mệt, phần nhiều kính tin Phật pháp, có hơn trăm ngôi già lam, chư tăng có hơn vạn vị đều tập học theo giáo pháp đại thừa, có khoảng 50 ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn. Có hơn 10 ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng đều là những nơi xưa kia đức Như Lai từng đến giảng nói pháp.

Ở cảnh vức phía tây nam nước đó, trong núi hơn ngôi Tăng-già lam Bổ Sáp Ba Kỳ Ly. Ở đó có ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá rất nhiều linh dị, hoặc đến những ngày trai có lúa tỏa phóng ánh sáng, nên các hàng tịnh tín xa gần đều tụ hội mang theo lọng hoa kỳ diệu đua nhau cúng dường, để bày mâm phía dưới, thế bình bát úp phủ phía trên. Đem cây lọng hoa cắm đặt đó bèn đứng như đá nam châm hút kim vậy. Từ đó về phía tây bắc trong ngôi già lam cũng tại núi có ngôi Tốt-đổ-ba có những sự khác lạ cũng đồng như trước. Cả hai ngôi Tốt-đổ-ba đó do quỷ thần tạo dựng nên có sự kỳ đặc như vậy.

Ở cảnh vức phía đông nam nước đó gần bãi biển lớn có thành Chiết Lợi Bát Đa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Phát Hành) chu vi rộng hơn 20 dặm, các hàng thương nhân đi vào biển hay lữ khách phương xa đều vào thành đó dừng nghỉ giữa đường. Thành đó bền bỉ cao vợi có lắm nhiều vật báu kỳ lạ. Phía ngoài thành theo thứ lớp có năm ngôi già lam, đài các cao lớn, tôn tượng đẹp xinh kỳ công. Từ đó về phía nam đến nước Tăng-già-la cách khoảng hơn vài vạn dặm giữa đêm tĩnh lắng xa trông nhìn lại trên ngôi Tốt-đổ-ba tôn thờ răng của đức Phật có châu ngọc báu sáng rực xếp lớp như treo đèn đốt sáng.

Từ đó theo hướng tây nam đi vào trong rừng lớn đi hơn 1200 dặm đến nước Cung Ngự Đà (thuộc Đông Ấn Độ).

10 - NƯỚC ĐÔNG NGỰ ĐÀ.

Nước Đông Ngự Đà chu vi rộng hơn ngàn dặm, đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm, bến bãi gần góc biển, núi đồi đan xen. Đất đai ẩm thấp, lúa thóc gieo trồng thời vụ. Khí hậu ấm nóng, phong tục con người mạnh mẽ nóng nảy, thân hình to lớn dáng mạo đen sạm, hơi có phần lễ nghĩa, không lắm dối trá. Đến như văn tự đồng như các nước ở Trung Ấn Độ, nói năng phong thái nhã điệu hơi có phần khác. Dân chúng sùng kính ngoại đạo, không tin Phật pháp. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo có hơn vạn vị. Trong cảnh vức nước đó có vài mươi khu thành nhỏ tiếp liền đảnh núi, gắn cùng biển cả. Thành quách đã bền chắc cao vợi. Binh lính lại quả cảm oai hùng, nên các nước láng giềng không dám cường địch. Đất nước gần liền bãi biển nên có nhiều vật quý báu kỳ lạ như ốc trai ngọc ky, và lấy đó làm vật dụng đổi chác. Xứ đó là nơi sản sinh loài voi lớn sắc xanh cưỡi vượt thấu đến xa. Từ đó theo hướng tây nam vào đồng hoang trứng lớn, lại vào rừng sâu có lắm cây gỗ to lớn che phủ cả ánh mặt nhật, đi khoảng 1400 - 1500 dặm đến nước Yết Lăng Già (thuộc Nam Ấn Độ).

11 - NƯỚC YẾT LĂNG GIÀ.

Nước Yết Lăng Già chu vi rộng hơn 5000 dặm, đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm. Lúa thóc gieo trồng thời vụ, hoa cỏ có lắm nhiều, rừng chầm liên tiếp dài cả vài trăm dặm. Là xứ sản sinh loài voi sắc xanh, các nước láng giềng lấy làm quý lạ. Khí hậu ấm nóng, phong tục con người thô tháo hung bạo, tánh khí phần nhiều hẹp hòi bạo ác, song chí tiết còn có tín nghĩa. Nói năng nhẹ nhanh âm điệu chất thực chính xác, từ chỉ phong thái có phần khác so với các nước ở xứ Trung Ấn Độ. Hiếm ít người kính tin chánh pháp, phần nhiều tôn sùng theo ngoại đạo. Có hơn 10 ngôi già lam, chư tăng có hơn 500 vị đều tập học theo giáo pháp đại thừa thượng tọa bộ. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo rất đông, phần nhiều là đồ chúng của Ni Càn Tử.

Vào thời xa xưa đất nước Yết Lăng Già, dân chúng đông nhiều kề vai tụ hội giăng tay áo thành màn che phủ, có vị tiên nhân chứng đắc ngũ thông nương náu nơi núi hang, có người lấn lướt xúc chạm, vị tiên nhân ấy lùi mất sức thần, bèn dùng chú thuật xấu ác tàn hại dân chúng nước đó, lớn nhỏ không bỏ sót, hiền ngu đều chết mất. Người khói tuyệt dứt trải qua thời gian lâu dài. Dần hồi dời đổi chỗ ở nhưng vẫn chưa sung đủ, nên đến nay, tại nước đó, dân hộ còn hiếm ít.

Từ đô thành về phía nam cách không xa có ngôi Tốt-đổ-ba cao

hơn trăm thước, do vua Vô Ưu tạo dựng, bên cạnh đó là nơi có di tích của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành. Về biên thùy phía bắc cảnh vức nước đó, trên đảnh núi có ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá cao hơn trăm thước. Vào thời đầu kiếp lúc con người có được tuổi thọ vô lượng. Khi ấy có vị Độc Giác ở tại đó nhập tịch diệt. Từ đó theo hướng tây bắc vào trong rừng núi đi hơm 1800 dặm, đến nước Kiều-tát-la (thuộc Trung Ấn Độ).

12 - NƯỚC KIỀU-TÁT-LA.

Nước Kiều-tát-la chu vi rộng hơn 6000 dặm, núi non bao quanh bốn phía, rừng chằm liên tiếp. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 40 dặm, đất đai mầu mỡ sản sinh lắm thứ lợi nhuận rất lắm. Thôn ấp liền nhau, dân chúng nhà cửa lắm nhiều. Con người hình dáng to lớn, sắc da đen sạm, phong tục cứng mạnh, con người tánh khí mạnh mẽ nóng nảy. Tà chánh đều kính tin, học hành tài nghệ sáng suốt cao vời. Có hơn trăm ngôi già lam, chư tăng có gần vạn vị đều tập học threo giáo pháp đại thừa. Có hơn 70 ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn.

Từ đô thành về phía nam cách không xa có ngôi già lam xưa cũ, bên cạnh có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng, xưa kia đức Như Lai từng ở tại đó, hiện sức thần thông lớn nhiếp phục các ngoại đạo. Về sau, Bồ-tát Long Mãnh đến ở ngôi già lam đó. Bấy giờ vua nước đó hiệu là Sa Đa Bà Ha (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Dẫn Chánh rất trân quý Bồ-tát Long Mãnh nên bao học gìn giữ cửa nẻo phòng thất. Khi ấy Bồ-tát Đề Bà từ nước Chấp Sư Tử đến cầu xin luận nghị, nói với người giữ cửa rằng: “Tôi mong được cùng bái yết (Bồ-tát Long Thọ)”. Người giữ cửa bèn vào trình bạch. Bồ-tát Long Thọ đã nhã biết danh tiếng của Bồ-tát Đề Bà, nên đưa một bát đựng nước đầy và bảo đệ tử rằng: “Ngươi đem bát nước này ra bày cho người kia (Bồ-tát Đề Bà)”. Bồ-tát Đề Bà thấy bát nước bèn chỉ im lặng mà ném cây kim vào bát nước. Vị đệ tử ấy bưng bát nước mà hoài nghi trở vào. Bồ-tát Long Mãnh hỏi rằng: “Người ấy nói gì chăng?”. Vị đệ tử ấy đáp: “Người ấy chỉ im lặng không nói gì, ném cây kim vào bát nước mà thôi”. Bồ-tát Long Mãnh bảo: ‘Trí tuệ thay, người ấy! Ta biết rõ căn cơ tinh thần người ấy xác thực là bậc Á Thánh, đức lớn như thế, hãy nhanh ra bảo người ấy vào đây”. Vị đệ tử ấy hỏi: “Vậy nghĩa là sao? Người ấy không nói năng gì mà đại sư khéo biện rõ về đó ư?”. Bồ-tát Long Mãnh bảo rằng: “Phàm, nước thì tùy đồ vật chứa đựng hình thể vuông

tròn, theo vật đục trong mà lan tràn không ngăn ngại, lắng đượm chẳng thể lường, khắp đầy mà nêu bày đó sánh như trí của ta học thấu khắp cùng. Người ấy ném cây kim bát nước hẳn lặng tới đáy, nên đó là người phi thường, nên gấp chóng vời vào đây!". Và, Bồ-tát Long Mãnh vốn phong thái khuôn phép khiến mọi người kính sợ, chỉnh túc mọi vật. Mọi người muốn nói năng đàm luận thảy đều cúi ngẩn đầu. Bồ-tát Đề Bà vốn kính trọng phong huy đó, từ lâu đã mong muốn đến thỉnh hỏi điều lợi ích mới muốn đến thọ học. Trước sợ cơ thần, nhã sợ oai nghi. Lúc vào phòng thất đứng kề bên tòa đàm nói sâu mầu trọn ngày, ngôn từ nghĩa lý trong suốt cao siêu. Bồ-tát Long Mãnh bảo rằng: "Thật là kẻ hậu học thông cùng cả thế gian, khéo biện sáng tỏ xưa trước. Ta nay già sauy, gặp được bậc anh tài như ông thật như nước rót bình, có nơi gởi gấm trao đèn nối đuốc không dứt tuyệt. Sự hoằng tuyên giáo pháp thật thật rất mong nhờ con người như ông, may có khả năng đối trước pháp tịch nhã đàm huyền áo". Bồ-tát Đề Bà nghe bảo vậy, trong tâm riêng tự kiêu phụ, sắp mở nghĩa phủ, trước rảo quanh vườn biện luận, nêu bày lời đầu, ngưỡng trông thấy nghĩa lý thất thật, bỗng thấy oai nghi dung chỉ của Bồ-tát Long Mãnh, bèn quên lời ngậm miệng, lánh mặt khỏi pháp tịch dẫn bày tự trách, bèn cầu xin thọ học. Bồ-tát Long Mãnh bảo rằng: "Hãy ngồi lại đây, nay sắp trao cho ông diệu lý chí chân, giáo pháp chất thật của đấng pháp vương". Bồ-tát Đề Bà liền gieo cả năm vóc xuống đất, nhất tâm quy mạng, thưa rằng: "Từ nay trở về sau cúi xin vâng theo sự chỉ dạy!".

Bồ-tát Long Mãnh khéo thông rành về dược thuật tự ăn dùng phẩm vật bổ dưỡng sinh mạng tuổi thọ kéo dài cả vài trăm năm, chí khí dung mạo không suy lão. Vua Dẫn Chánh đã được diệu dược ấy tuổi thọ cũng được vài trăm năm. Vua có người con trẻ nhỏ nói cùng với mẹ rằng: "Đến lúc nào con đây mới được nối tiếp ngôi vua?". Mẹ bảo rằng: "Lấy sự ở ngày nay mà xét xem thì kỳ hạn ấy chưa thể có. Bởi vì phụ vương của ông tuổi thọ có thể đến vài trăm năm, khi ấy con cháu thảy đều già cả cũng đã lắm nhiều. Đó là điều do phước lực của Bồ-tát Long Mãnh gia trợ giúp dược thuật mà cảm nên. Đến lúc nào Bồ-tát Long Mãnh tịch diệt thì phụ vương của ông mới qua đời! Bồ-tát Long Mãnh là bậc trí tuệ rộng xa, tâm từ bi sâu dày, chu cấp cho các loài quần sinh, xem thân mạng chỉ như là vật thừa. Nay ông nên sang đó thử cầu xin cái đầu. Nếu toại được chí nguyện ấy, thì điều ước của ông hẳn sẽ thành". Vương tử vâng theo sự chỉ bảo của mẹ, đến ngôi già lam đó, người giữ cửa kính sợ nên vương tử được vào tự tại. Khi đó Bồ-

tát Long Mãnh vừa đang tán tụng kinh hành, bỗng thấy vương tử, bèn dừng đứng mà bảo rằng: "Đêm nay có nhân duyên gì mà quá bước đến tăng phường?". Vương tử vừa như nguy ác như kinh sợ, nhanh vội bước đến mà đáp rằng: "Tôi vâng theo lời bàn thừa của từ mẫu, nói bàn về các bậc sĩ tu hạnh cấp xả, vì là hàm sinh đều quý mạng. Kính cáo cách ngôn chưa có nói đến xem thường xả bỏ báo thân thí cho kẻ muốn mong cầu. Từ mẫu tôi bảo là: "Không phải như vậy. Những bậc thiện thệ ở khắp mười phương, các đức Như Lai trong ba đời, từ lúc xa xưa mới đầu phát tâm cho đến khi chứng quả, chuyên cần mong cầu Phật đạo, tu tập giới nhẫn, hoặc ném bỏ thân mình cho thú vật ăn, hoặc xẻo lót thịt đùi để cứu chim bồ câu, như vua Nguyệt Quang thí đầu cho vị Bà-la-môn, vua Từ Lực cấp máu cho quỷ Dược Xoa đói uống, v.v..., những sự đại loại như vậy thật lắm nhiều khó nêu bày hết đủ. Những bậc mong cầu giác ngộ trước đời nào không có". Nay Bồ-tát Long Mãnh dốc chí cao ấy, tôi có sự mong cầu một cái đầu người vì cần dùng, chiêu mộ đã lâu, mà chưa có người thí xả cho. Muốn hành hung bão giết hại thì tội lụy rất nhiều, ngược hại kẻ không tội thì dơ bẩn đức hạnh rõ bày. Chỉ có Bồ-tát tu tập Thánh đạo, xa mong cầu quả Phật, tâm từ đượm nhuần các loài hàm thức, ân huệ ban cấp không cùng, khinh thường mạng sống như bọt nổi, coi rẻ thân hình tợ gỗ mục. Chẳng trái với bản nguyện, xin hứa thuận cho điều mong cầu! Bồ-tát Long Mãnh bảo rằng: "Thật tốt lành thay lời nói ấy của ông! Tôi mong cầu quả vị Phật Thánh, tôi tập học hạnh năng thí xả của Phật. Xem thân này chỉ như vọng hưởng, xem thân này chỉ tợ bọt bóng nổi trôi, lưu chuyển trong bốn loài sáu đường, xưa trước đã từng khế hợp với thệ nguyện sâu rộng, chẳng trái với mọi vật mong cầu. Nhưng nay đối với vương tử có một điều không thể được. Đó là gì? Như thân mạng tôi đã dứt thì phụ thân vương tử cũng mất". Vương tử nói rằng: "Nếu đoái hoài với ý ấy thì ai là người có thể giúp đây?". Bồ-tát Long Mãnh bồi hồi trong nhìn thấy điều mong cầu dứt tuyệt mạng, bèn lấy lá cỏ tranh khô, tự cắt lấy cổ mình như kiếm bén cắt đứt, thân và đầu mỗi phần lìa một nơi. Vương tử trông thấy thế rồi kinh sợ tuông bỏ chạy đi. Người giữ cửa bèn tấu trình nói bày đầy đủ đuôi đầu. vua Dẫn Chánh nghe thế buồn cảm, quả nhiên cũng băng hà.

Từ nước đó về phía tây nam cách hơn 300 dặm đến núi Bạt La Mạt La Kỳ Ly (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Hắc Phong) cao vợi nổi trội đảnh ngọn chót vót hiểm nguy, đã không hang cốc ven sườn, y nhiên tợ toàn vùng đá. vua Dẫn Chánh vì Bồ-tát Long Mãnh mà đục khoét bên trong núi đó tạo lập ngôi già lam. Cách núi xa khoảng

10 dặm đục mở con đường rỗng, đến dưới chân núi ngữa trông nhìn lên đục xẻ đá, bên trong thì làm hành lang đi bộ dài, đài cao trùng các, mỗi cái có năm tầng, mỗi tầng có bốn viện đều xây dựng tinh xá, mỗi nơi đều chú đúc tôn tượng bằng vàng, hình lượng đồng như thân đức Phật, đẹp xinh hết mực của tư duy khéo léo. Ngoài ra, các thứ trang nghiêm chỉ chỉ trang trí toàn bằng vật báu vàng ròng. Từ trên ngọn núi cao gần như suối bay trút đổ, dòng nước bao quanh trùng các, giao dãi khắp hiên nhà. Đục sâu cách ngoài hang đặt đèn soi sáng trong phòng nhà. Mới đầu vua Dẫn Chánh tạo dựng ngôi già lam đó, sức người đã cùng kiệt khổ nhọc, kho đụn cũng hết của cải, song công việc chưa được một nửa, trong tâm vua rất lo buồn. Bồ-tát Long Mãnh mới hỏi rằng: "Cớ sao đại vương như có vẻ lo buồn gì vậy?". vua Dẫn Chánh nói: "Tôi vận khởi đại tâm, muốn tạo dựng thắng phước, mong đó được vĩnh viễn kiên cố để chờ đợi đến lúc đức Từ Thị xuất hiện nơi đời. Nhưng công việc chưa hoàn thành mà của cải sử dụng đã hết, thường nghĩ nhớ buồn hận đó, ngồi mà chờ đợi tháng ngày!". Bồ-tát Long Mãnh bảo rằng: "Đại vương chớ phải lo buồn, tạo phước thiên ưu thắng, lợi ích đó chẳng cùng. Có phát khởi thệ nguyện lớn, chớ lo ngại không ai hỗ trợ. Ngày nay trở về cung, đại vương sẽ được vô cùng hoan lạc, sáng sớm mai ra xét xem nơi núi đồng rồi đến đây để bàn tính việc tạo dựng". Vua Dẫn Chánh đã nhận sự chỉ bảo ấy rồi, kính lo chu toàn. Bồ-tát Long Mãnh vận dụng sức thần diệu dược nhỏ giọt các tảng đá lớn đều biến làm thành chất vàng ròng. vua Dẫn Chánh đi ra trông xem, thấy vàng, trên miệng cùng vui mừng chúc tụng, rồi xoay xa giá đến nơi quỷ thần dụ hoặc, lúc đến trong núi rừng thấy toàn vàng đống". Bồ-tát Long Mãnh bảo rằng: "Không phải quỷ thần dụ hoặc đâu. Đó là do sự chí thành cảm ứng nên có vàng ấy. Đại vương nên tùy thời lấy dùng giúp đỡ để hoàn thành công nghiệp ưu thắng". vua Dẫn Chánh bèn vì tạo dựng, đến lúc công việc hoàn thành, vàng vẫn còn thừa. Do đó ở trong năm tầng các mỗi mỗi đều có chú đúc bốn tôn tượng lớn bằng vàng, vẫn còn dư thừa, sung chất vào trong các kho khố. Và nhóm tập ngàn vị tăng đến ở trong ngôi già lam đó lo việc lễ tụng. Bồ-tát Long Mãnh đem kho tàng giáo pháp của một đời đức Như Lai giảng nói. Các bộ luận do chư vị Bồ-tát diễn thuật, nhóm tập từng bộ riêng biệt cất chứa trong đó. Nên ở tầng các thứ nhất trên cùng là nơi để thiết trí tôn tượng đức Phật và các kinh luận. Tại tầng thứ năm dưới cùng là để các hàng tịnh nhân cu sĩ ở và cất chứa mọi thứ vật dụng của cải, v.v... Còn ba tầng các khoảng giữa là nơi phòng thất của chúng tăng sinh hoạt. Nghe các bậc lão thành nói

rằng: “vua Dẫn Chánh tạo dựng ngôi già lam đó đến lúc hoàn tất. Tính về muối các người thợ ăn dùng mua mất hết chín câu chi (câu chi tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Ức) tiền vàng. Về sau trong chúng tăng có sự phân tranh dữ dội, dẫn đến vua bình nghị. Khi ấy các hàng tịnh nhân nói cùng với nhau rằng: “Chư tăng nổi dậy phân tranh mở lời bàn luận trái nhau, hẳn khiến người hung xấu xét dò lổ hổng mà phá hoại ngôi già lam”. Khi đó trùng các trở lại chống cự xua đuổi chư tăng. Từ đó trở đi không còn có tăng chúng. Từ xa trông nhìn đến đảnh núi chẳng biết cửa nẻo nơi nào. Có lúc đưa dẫn người khéo giỏi phương thức vào bên trong chữa trị bệnh tật. Nhưng toàn mở mắt ra vào, chẳng biết đường đi.

Từ đó, đi trong rừng lớn theo hướng nam cách hơn 900 dặm đến nước Án Đạt La (thuộc Nam Ấn Độ).

13 - NƯỚC ÁN ĐẠT LA.

Nước Án Đạt La chu vi rộng hơn 3000 dặm. Đô thành lớn của nước đó hiệu là Bình Kỳ La chu vi rộng hơn 20 dặm. Đất đai mầu mỡ, lúa thóc tươi tốt lắm nhiều, khí hậu ấm nóng, phong tục con người cứng mạnh hung bạo, nói năng từ điệu khác với các nước xứ Trung Ấn Độ. Còn về văn tự phép tắc thì phần lớn có sự tương đồng. Có hơn 20 ngôi già lam, chư tăng có hơn 3000 vị. Có hơn 30 ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo rất đông nhiều.

Bên cạnh đô thành Bình Kỳ La cách không xa có ngôi già lam lớn, trùng các tầng đài chế tạo khắc chạm rất mực kỳ công, tôn tượng Phật Thánh oai dung xinh đẹp. Phía trước ngôi già lam đó có ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá cao vài trăm thước đều do Đại A-la-hán A Chiếc La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Sở Hành) tạo dựng.

Từ ngôi già lam của A-la-hán Sở Hành tạo dựng. Về hướng tây nam đi hơn 20 dặm đến một quả núi đơn lẽ. Trên đảnh núi có ngôi Tốt-đổ-ba bằng đá. Xưa kia Bồ-tát Trần Na đến ở tại đó tạo luận Nhân Minh. Bồ-tát Trần Na (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Đồng Thọ). Sau khi đức Phật đã nhập niết bàn, nương thừa di phong mà xuất gia, là bậc trí nguyện rộng lớn, tuệ lực sâu bền, xót thương ở đời không nơi nương tựa, nghĩ suy muốn hoằng dương Thánh giáo, nên tạo luận nhân minh, lời sâu lý rộng. Các hàng học giả hao tốn lắm công sức mà khó thành học nghiệp, Bồ-tát Trần Na bèn ẩn vết nơi núi sâu, gá thần trong tịch định, quán xét sự lợi hại của trước thuật, dò xem sự ít nhiều về văn nghĩa. Khi ấy hang núi chấn động tiếng vang, mây khói bủa trùm

khắp cả. Thần núi bưng nâng Bồ-tát lên cao vài trăm thước, và xướng lời rằng: "Xưa kia đức Phật Thế Tôn dùng phương tiện quyền biến giáo hóa dẫn dắt mọi vật, dùng tâm từ bi giảng nói luận Nhân Minh, bao gồm tất cả diệu lý, nghiên cứu sâu sắc lời huyền. Từ khi đức Như Lai tịch diệt, đại nghĩa dần ẩn mất. Nay đây, có Bồ-tát Trần Na là người có được phước tuệ sâu xa, rất thấu đạt Thánh chỉ. Do đó, luận Nhân Minh lại được xiển dương ở ngày nay". Bồ-tát Trần Na mới tỏa phóng ánh sáng lớn soi chiếu vào nơi tối tăm, khi ấy vua nước đó rất sinh tâm cung kính, thấy ánh sáng đó, cùng nghi là Bồ-tát Trần Na nhập định kim cang, nhân đó thỉnh cầu Bồ-tát Trần Na chứng quả Vô Sinh. Bồ-tát Trần Na bảo rằng: "Tôi nhập định, quán xét muốn giải thích nghĩa kinh sâu mầu, tâm mong cầu quả vị chánh giác, chẳng nguyện chỉ ở quả vị vô sinh". Vua nước đó nói: "Quả vị vô sinh, các Thánh đồng vui thích ngưỡng mộ, đã đoạn dục trong ba cõi, thông suốt trí tam minh. Đó là việc lớn, nguyện mau đắc độ". Khi ấy Bồ-tát Trần Na vui nhận sự thỉnh cầu của vua nước đó, vừa muốn chứng nhận Thánh quả vô học. Lúc đó, Bồ-tát Diệu Cát Tường nhận biết mà than tiếc đó, muốn cùng cảnh tỉnh răn bảo, mới khảy móng tay khai mở ngộ mà bảo cùng Bồ-tát Trần Na rằng: "Thật tiếc thay! Cớ sao xả bỏ tâm rộng lớn mà làm theo chí ý yếu kém, tự ôm hoài riêng tốt lành cho chính mình mà bỏ hạnh nguyện rộng cứu tế cùng khắp? Muôn làm điều thiện lợi, phải rộng hoằng truyền giảng nói về luận Du Già Sư Địa do Bồ-tát Từ Thị tác thuật, dẫn dắt khuyên dụ hàng hậu học lợi ích ấy rất lớn vậy". Bồ-tát Trần Na bèn kính nhận lời chỉ bảo dạy răn đó và lo chu toàn, từ đó đàm luận tư duy nghiên tầm sâu rộng về luận Nhân Minh, còn sợ các hàng học giả hãi sợ về văn nghĩa vi diệu, ngôn từ ước lược, mới nêu gồm đại nghĩa, bao quát vi ngôn, tạo luận Nhân Minh để dẫn dắt hàng hậu tiến. Từ đó trở về sau lại tuyên dương luận Du Già Sư Địa, các hàng môn nhân đệ tử thành đạt hạnh nghiệp lớn, rất có tiếng tăm ở nơi đời.

Từ trong rừng hoang đó theo hướng nam đi hơn ngàn dặm đến nước Đà La yết Trách Ca (cũng còn gọi là nước Đại An Đạt La, thuộc Nam Ấn Độ).

14 - NƯỚC ĐÀ NA YẾT TRÁCH CA.

Nước Đà Na Yết Trách Ca chu vi rộng hơn 6000 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 40 dặm. Đất đai mầu mỡ, lúa thóc lắm nhiều. Do vì hoang dã đã lâu dài nên thôn ấp hiếm ít dân chúng ở. Khí hậu ấm nóng, con người dung mạo đen sạm, tánh khí mạnh mẽ nóng

nãy, khéo léo ham học nghề nghiệp. Những ngôi già lam xếp bày theo thứ lớp đã hoang tàn lắm nhiều, chỉ còn hơn 20 ngôi. Chư tăng có hơn 1000 vị, phần nhiều đều tập học giáo pháp đại chúng bộ. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo rất đông nhiều.

Phía đông đô thành, tựa men vào núi có ngôi Tăng-già lam Phất Bà Thế La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Đông Sơn) ở phía tây đô thành cũng men tựa vào núi có ngôi Tăng-già lam A Phạt La Thế La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Tây sơn), do tiên vương nước đó vì đức Phật mà tạo dựng nên. Moi đạo thông đường, xẻ sườn núi đặt các, hành lang dẫn bộ dài gối đầu vào hang thông liền với đảnh núi, có linh thần cảnh vệ trông coi, là nơi các bậc Thánh hiền đến nương nghỉ. Từ sau khi đức Thế Tôn đã diệt độ trong khoảng 1000 năm, mỗi năm có cả ngàn vị phàm phu tăng đồng vào đó an cư, đến ngày giải chế an cư đều chứng quả A-la-hán, bèn dùng sức thần thông vượt giữa hư không mà đi. Qua sau ngàn năm đó, các hàng chư tăng phàm Thánh đồng chung ở. Từ trăm năm trở lại đây không còn có chư tăng, mà thần núi biến hiện thân hình, hoặc làm lang sói, hoặc làm khỉ vượn, v.v... khủng bố mọi người đi đường qua lại, nên trở thành hoang vắng, tuyệt không dấu vết chư tăng.

Từ đô thành về phía nam cách không xa có một hang núi lớn. Xưa kia luận sư Bà Tỳ Phệ Già (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thanh Biện) ở tại cung A Tố Lạc đến đó chờ đợi đức Bồ-tát Từ Thị xuất hiện nơi đời thành Phật. Luận sư Thanh Biện là người nhã lượng rộng xa, chí đức sâu sắc, bên ngoài hiện bày sắc phục của tăng khư, song bên trong mở rộng giáo học của Bồ-tát Long Mãnh, nghe Bồ-tát Hộ Pháp ở nước Ma Yết Đà tuyên dương giáo pháp, đồ chúng học trò có cả ngàn vị, rất muốn đàm luận nghĩa đạo, nên luận sư Thanh Biện chống tích tìm sang. Vừa đến thành Ba Tra Ly, biết Bồ-tát Hộ Pháp đang ở tại cây Bồ-đề, luận sư Thanh Biện mới bảo vị đệ tử rằng: "Ông nên đến cây Bồ-đề, nơi Bồ-tát Hộ Pháp đang ở tại đó, theo như lời ta mà trình bày rằng: "Bồ-tát tuyên dương di giáo, dẫn dắt quần mê, ta đây kính ngưỡng đức hạnh, rỗng rang cõi lòng đã lâu lắm, nhưng mà ước nguyện xưa chưa thành quả thì bên trái với lễ yết. Vì đối với vơi cây Bồ-đề, ta nguyện chẳng thấy rỗng không, hể thấy hẳn phải có quả chứng xứng là bậc thầy của trời người". Bồ-tát Hộ Pháp bảo cùng vị đệ tử ấy rằng: "Người đời như huyễn mộng, thân mạng chỉ như bọt bóng nổi trôi. Khát ngưỡng từng ngày chuyên cần thành thực, chưa vội phải đàm nói nghị bàn". Đệ tử ấy đưa tin qua lại trọn không gặp thấy. Khi đã trở về lại nơi

đất nước mình, giữa lúc tĩnh lắng mà tư duy rằng: “Nếu chẳng phải là Bồ-tát Từ Thị thành Phật thì ailà người có thể giải quyết điều nghi của mình”. Bèn đối trước tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại mà trì tụng “Tùy Tâm Đà La Ni”. Bỏ ăn, chỉ uống nước trải suốt thời gian ba năm. Bồ-tát Quán Tự Tại mới hiện thân sắc tướng diệu mầu bảo cùng luận sư rằng: “Ông có điều chí nguyện gì ư?”. Luận sư Thanh Biện đáp: “Nguyện muốn lưu giữ thân này đợi thấy Bồ-tát Từ Thị thành Phật”. Bồ-tát Quán Tự Tại bảo rằng: “Mạng người dòn vỡ”, thế gian này chỉ như bọt bóng nổi trôi, nên tu thiện nghiệp ưu thắng, phát nguyện sinh lên cung trời Đổ Sử Đa, ở đó thân gần tham hầu còn nhanh hơn là chờ đợi trông thấy ở thế gian này”. Luận sư Thanh Biện nói rằng: “Chí nguyện không thể đoạn dứt, tâm mong cầu đoạn dứt, tâm mong cầu chẳng thể đổi thay”. Bồ-tát Quán Tự Tại bảo rằng: “Nếu vậy, nên sang nơi hang núi ở phía nam đô thành của nước Đà Na Yết Trách Ca; chỗ thần Chấp Kim Cang ở mà trì tụng “Chấp Kim Cang Đà La Ni thì sẽ được toại nguyện ấy”. Luận sư Thanh Biện mới sang đó trì tụng, ba năm sau, thần Chấp Kim Cang mới nói cùng luận sư rằng: “Ông có điều nguyện gì mà chuyên cần cố gắng như vậy?”. Luận sư Thanh Biện đáp rằng: “Tâm nguyện muốn lưu lại thân này chờ đợi Bồ-tát Từ Thị thành Phật, được Bồ-tát Quán Tự Tại chỉ bảo đến đây để cầu thỉnh. Thành đạt ước nguyện của tôi, chính do thần đây ư?”. Thần Chấp Kim Cang mới trao phương thuật bí mật, và bảo cùng luận sư rằng: “Trong hang đá này có cung A Tố Lạc, nếu đúng như pháp hành trì cầu thỉnh, thì vách đá thường mở. Khi đã mở thì vào trong đó có thể ở chờ đợi được thấy Bồ-tát Từ Thị vậy”. Luận sư Thanh Biện nói: “Ở nơi tối tăm còn không thấy, vậy làm sao biết lúc đức Phật xuất hiện nơi đời?”. Thần Chấp Kim Cang bảo rằng: “Đến lúc Từ Thị xuất hiện nơi đời, tôi sẽ cùng báo cho biết”. Luận sư Thanh Biện vâng nhận theo lời ấy, chuyên tinh tụng trì trải qua ba năm nữa vẫn như mới đầu không thay đổi ý tưởng, chú nguyện hạt cải để đánh vách hang đá, bỗng nhiên bèn mở rỗng. Khi ấy có cả trăm ngàn vạn người cùng đến trông xem quên cả trở về. Luận sư Thanh Biện dẫm bước lên cửa hang mà bảo rằng: “Từ lâu tôi mong cầu thỉnh nguyện đợi chờ được trông thấy Bồ-tát Từ Thị xuất hiện nơi đời thành Phật, được Thánh linh cảnh tỉnh hỗ giúp nên nay đại nguyện được toại thành. Các người nên có thể vào đây để đồng được trông thấy đức Phật xuất hiện nơi đời”. Mọi người nghe nói vậy đều kinh sợ chẳng ai dám giẫm bước lên cửa ấy, mà cho rằng: “Đó là nơi hang ổ của rắn độc, sợ sẽ tan mất thân mạng”. Luận sư Thanh Biện lại thêm vài ba phen khuyên nhủ

nhưng chỉ có được sáu người theo vào. Luận sư Thanh Biện ngoảy nhìn lại mọi người lúc đó và thong dong đi vào. Sau khi vào rồi, vách đá tự nhiên bít lại, mọi người bên ngoài đều oán thán tự trách lỗi lầm của lời nói trước.

Từ đó theo hướng tây nam đi hơn ngàn dặm đến nước Châu Lợi Da (thuộc Nam Ấn Độ).

15 - NƯỚC CHÂU LỢI DA.

Nước Châu Lợi Da chu vi rộng khoảng 2400 - 2500 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm. Đất đai hoang rỗng, đầm chầm hoang vu, nhà người ở hiếm ít, giặc cướp đường từng đoàn lộng hành, khí hậu ấm nóng. Phong tục con người gian dối hung dữ, tánh khí cứng mạnh nóng nãy, rất sùng tín ngoại đạo, các ngôi già lam xưa cũ đều đã đổ nát, lơ sơ hiếm có chư tăng. Có vài mươi ngôi đền thờ trời, phần đông là đồ chúng lõa hình ngoại đạo.

Từ đô thành về phía nam cách không xa có một ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng, xưa kia đức Như Lai từng ở nơi đó hiện sức thần thông lớn, giảng nói giáo pháp thâm diệu, nhiếp phục ngoại đạo, hóa độ các chúng trời người.

Từ đô thành về phía tây cách không xa, có một ngôi già lam xưa cũ là nơi xưa kia Bồ-tát Đề Bà cùng luận nghị với vị A-la-hán. Mới đầu Bồ-tát Đề Bà nghe ở ngôi già lam đó có A-la-hán Ốt Đát La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thượng) là vị chứng đắc lục thông có đủ tám pháp giải thoát, bèn từ xa tìm đến trong xem đạo phong nghi phạm. Khi đã đến nơi ngôi già lam đó vào phòng nghỉ của A-la-hán. A-la-hán tu hạnh thiểu dục tri túc chỉ đặt một chiếc sàng tòa, Bồ-tát Đề Bà đã đến nơi không có gì để làm tòa, bèn nhóm nhặt các ngọn lá rơi để ngồi. Vị A-la-hán đó nhập định quá nữa đêm mới xuất. Khi ấy Bồ-tát Đề Bà mới trình bày điều nghi cầu xin quyết trạch vị A-la-hán đó tùy sự cật nạn mà vì giải thích. Bồ-tát Đề Bà men theo tiếng, trở lại chất vấn. Trải qua bảy lược, vị A-la-hán đó tự nhiên ngậm miệng không đối đáp, lén vận dụng sức thần thông lên cung trời Đổ Sử Đa hỏi Bồ-tát Từ Thị. Bồ-tát Từ Thị vì đó mà thích nạn và cũng nhân đó mà bảo rằng: “Bồ-tát Đề Bà là người đã trải qua nhiều đời kiếp tu hành. Ở trong thời Hiền kiếp sẽ tiếp nối ngôi vị thành Phật, chẳng phải điều ông biết được, nên phải rất kính lễ”. Chỉ trong khảy móng tay, vị A-la-hán trở về lại sàng tòa, và mới đè nén và xiển dương diệu nghĩa, vạch chiếc vi ngôn. Bồ-tát Đề Bà nói rằng: “Đó hẳn là sự thích nạn do Thánh trí của Bồ-tát

Từ Thị, chứ đâu phải khả năng tỏ rõ rốt ráo của nhân giả chứ?". Vị A-la-hán đó nói: "Thật đúng vậy. Đó là diệu chỉ của đức Như Lai". Và khi ấy bèn lánh rời khỏi sàng tòa lễ tạ và rất kính trọng thán phục.

Từ đó theo hướng nam vào trong rừng hoang đi khoảng 1500 - 1600 dặm đến nước Đạt La Tỳ Trà (thuộc Nam Ấn Độ).

16 - NƯỚC ĐẠT LA TỲ TRÀ.

Nước Đạt La Tỳ Trà chu vi rộng hơn 6000 dặm. Đô thành lớn của nước đó hiện là Đãi Chí Bổ La, chu vi rộng hơn 30 dặm, đất đai màu mỡ lúa thóc lắm nhiều và lắm hoa quả, là nơi sản sinh các vật báu. Khí hậu ấm nóng, phong tục con người mạnh mẽ nóng nảy, rất dốc lòng với tín nghĩa, cao chuộng nhận biết rộng, mà nói năng và văn tự có phần hơi khác so với các nước xứ Trung Ấn Độ. Có hơn trăm ngôi già lam, chư tăng có hơn vạn vị đều tuân theo tập học theo giáo pháp của thượng tọa bộ. Có hơn 80 ngôi đền thờ trời và lắm nhiều đồ chúng lõa hình ngoại đạo. Xưa kia, lúc còn tại thế, đức Như Lai từng đến nước đó giảng nơi giáo pháp hóa độ mọi người, nên tại nơi các Thánh tích vua Vô Ưu đều có tạo dựng các ngôi Tốt-đổ-ba. Thành Đãi Chỉ Bổ La tức là thành nơi quê hương sinh sống của Bồ-tát Đạt Ma Ba La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Hộ Pháp). Bồ-tát vốn người con đầu của quan đại thần nước đó. từ thủa bé nhỏ đã ôm hoài nhã lượng, đến lúc trưởng thành lại càng rộng xa. Vừa đến tuổi 20, vương phi ban giáng xuống, trong đêm lễ diên mà cõi lòng lo buồn thảm thiết, bèn đối trước tôn tượng đức Phật ân cần cầu thỉnh. Do sự chí thành mà cảm ứng được vị thần mang đi trốn lánh xa cách đó khoảng vài trăm dặm, đến ngồi trong điện Phật ở một ngôi già lam tại núi. Có vị tăng mở cửa, thấy thiếu niên ấy bèn nghi là kẻ trộm, lại cật hỏi từ đâu đến, Bồ-tát mới đem cả nỗi lòng nói bày, và nhân đó cầu xin xuất gia. Chúng tăng đều kinh dị bèn hứa thuận với chí ý ấy. vua nước đó ban lệnh tìm kiếm khắp xa gần, mới biết Bồ-tát được thần mang đưa lánh xa cõi trần. vua biết như vậy rồi càng thêm sự kính trọng khác lạ. Từ sau khi đã xuất gia, Bồ-tát dốc chí chuyên cần cầu học. Khiến vang vọng phong thái phép tắc như ghi bày ở các nơi trước.

Từ đô thành về phía nam cách không xa có một ngôi già lam lớn. Các bậc thông minh tài duệ trong nước nhà đều ở tại đó đông nhiều. Ở đó có ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn trăm thước do vua Vô Ưu tạo dựng. Xưa kia đức Như Lai từng ở tại đó giảng nói giáo pháp nhiếp phục ngoại đạo, rộng hóa độ các hàng trời người. Bên cạnh đó là nơi có di tích của

bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành.

Từ đó theo hướng nam đi hơn 3000 dặm đến nước Mạt La Củ Tra (cũng còn gọi là nước Chỉ Mạt La, thuộc Nam Ấn Độ).

17 - NƯỚC MẠT LA CỦ TRA.

Nước Mạt La Củ Tra chu vi rộng hơn 5000 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 40 dặm. Đất ruộng nhiễm muối mặn nên mặt địa lợi chẳng có gì. Bến bãi gần kề biển, do vậy các vật quý báu phần nhiều nhóm tụ ở nước đó. Khí hậu nóng cháy, con người phần nhiều sắc da đen sạm, chí tánh cứng mạnh nóng nãy. Tà chánh đều tôn sùng, chẳng chuộng tập học các nghề nghiệp, chỉ khéo đuổi theo vật lợi. Những nền móng của các ngôi già lam xưa cũ còn lại thật lắm nhiều, nhưng các ngôi già lam hiện còn thì hiếm ít và chư tăng cũng rất ít. Có vài trăm ngôi đền thờ trời. Các hàng dị đạo rất đông nhiều, phần nhiều là đồ chúng lõa hình ngoại đạo.

Từ đô thành về phía đông cách không xa có ngôi già lam xưa cũ, sân nhà đã hoang nát, nền móng vẫn hiện còn, do em của vua Vô Ưu tạo dựng. Phía đông ngôi già lam đó có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng, nền móng cao vợi tuy đã sụp đổ nhưng hình thế bát úp vẫn hiện còn. Xưa kia đức Như Lai từng ở tại đó giảng nói pháp, hiện sức thần thông lớn hóa độ vô lượng chúng. Vì muốn nêu bày sáng tỏ các Thánh tích nên vua Vô Ưu tạo dựng đó, lâu năm thêm thần linh, cầu nguyện bèn toại cảm.

Ở bến bãi biển phía nam nước đó có núi Mạt Thích Da sườn cao đảnh vót, cốc hang thông rỗng khe suối ngầm sâu. Bên trong có giống cây bạch đàn hương, cây chiên đàn nễ bà. Loại cây Bạch Đàn không thể dùng riêng. Chỉ vào giữa mùa hạ nắng nóng leo lên trên cao từ xa trông nhìn, cây ấy có rắn lớn quấn quanh, khi ấy mới được đó như cây gỗ ấy có tánh mát lạnh nên rắn quấn ở, đã trông thấy thế rồi dùng cung tên bắn đến làm dấu đến sau ngày đông chí mới chặt lấy dùng. Còn cây Yết bố la hương thân như cây tùng mà mà lá hoa quả khác biệt. Mới đầu chặt lấy thì ẩm ướt còn chưa có mùi thơm, tướng trạng như vân mẫu sắc màu tợ băng tuyết. Ở Trung Hoa gọi đó là Hương long não.

Từ núi Mạt Thích Da về phía đông có núi Bố Đát Lạc Ca, đường núi hiểm nguy, hang dốc quanh co. Trên đảnh núi có ao, nước ao đó lắng trong như kiếng soi, dòng chảy đổ vào sông lớn, kéo dòng chạy quanh núi khoảng 20 vòng mới vào Nam Hải. Bên cạnh ao đó có cung trời bằng đá, Bồ-tát Quán Tự Tại thường qua lại dừng nghỉ. Như người

có ước nguyện mong trông thấy Bồ-tát chẳng đoái hoài thân mạng, gắng mang nước lên núi, quên cả mọi sự gian nan hiểm trở. Hạng người có khả năng thấu đạt như thế thật hiếm ít. Mà tại dưới núi mọi người ở dốc tâm mong cầu trông thấy, hoặc làm hình tượng Tự Tại Thiên, hoặc làm ngoại đạo bôi tro bụi thân mình, an ủy dẫn dụ người đó toại được ý nguyện.

Từ đó về hướng đông bắc, bên cạnh bờ biển có một khu thành là đường sang đến nước Tăng-già-la ở Nam Hải. Nghe các hàng sĩ tục nói là từ đó vào biển theo hướng đông nam đi hơn 3000 dặm đến nước Tăng-già-la (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là nước Chấp Sư Tử, chẳng thuộc cảnh vực các xứ Ấn Độ).

■

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỨC KÝ

QUYỂN 11

(Nói về 23 nước).

1. Nước Tăng-già La
2. Nước Trà Kiến Na Bổ La
3. Nước Ma-ha Thích Tha.
4. Nước Bạt Lộc Yết Chiếp Bà
5. Nước Ma Lạp Bà
6. Nước A Tra Ly
7. Nước Khế Tra
8. Nước Phạt Lạp Tỳ
9. Nước A-nan Bổ Đà La
10. Nước Tô Thích Tha
11. Nước Cù Chiếc La
12. Nước Ổ Xa Diễn Na
13. Nước Trịch Chỉ Đà
14. Nước Ma Hê Thấp Phạt La Bổ La
15. Nước Tín Độ
16. Nước Mậu La Tam Bộ
17. Nước Bát Phạt Đa
18. Nước A Điểm Bà Sí La
19. Nước Lang Yết.
20. Nước Ba Thích Tư.
21. Nước Tý Đa Thế La
22. Nước A Áng Trà
23. Nước Phạt Thích Noa.

1 - NƯỚC TĂNG-GIÀ LA.

Nước Tăng-già-la chu vi rộng hơn 7000 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 40 dặm, đất đai mầu mỡ, khí hậu ấm nóng, lúa thóc gieo trồng theo thời vụ, hoa quả lắm nhiều. Nhà cửa dân chúng

đông đúc, của cải giàu có. Con người dáng thấp nhỏ sắc da đen sạm, tánh khí mạnh mẽ nóng nãy, ham thích học kính chuộng tài đức, tôn sùng điều thiện, chuyên cần tu tạo phước. Nước đó vốn là bến bãi vật báu, có lắm nhiều thứ trân quý, là nơi quỷ thần nương ở. Về sau, tại Nam Ấn Độ có một vị quốc vương cầu hôn với người con gái nước láng giềng, chọn ngày tốt nghinh đưa về nước, giữa đường gặp phải sư tử, các hàng thị vệ bèn vất bỏ người con gái ấy mà chạy trốn nạn, còn người con gái ấy ngồi trong kiệu giá cam tâm chịu mất mạng. Khi ấy sư tử chúa mang người con gái ấy đi vào trong rừng núi sâu đã ở nơi hang cốc, thường ngày bắt nai hái trái theo thời cung cấp nuôi dưỡng, đã trải qua nhiều năm tháng bèn mang thai sinh ra hai người con một trai một gái, hình dáng đồng như người mà tánh khí thuộc súc vật. Người con trai lớn dần có sức mạnh khỏe đích nổi với thú dữ. Đến năm 20 tuổi trí tuệ con người mới phát, bèn nói với mẹ rằng: “Con đây gọi là gì ư? Cha là loài thú hoang dã, còn mẹ là loài người. Đã chẳng đồng tộc loại làm sao phối ngẫu?”. Người con trai ấy mới nói rằng: “Người và thú khác loài, nên mau trốn lánh đi”. Người mẹ bảo: “Trước kia, mẹ cũng đã từng trốn lánh mà không được thoát”. Người con trai đó về sau theo sư tử cha lên núi vượt non, xét dò mọi chỗ đi ở của cha để có thể trốn lánh nạn. Đã dò xét sư tử cha đi rồi, người con trai đó bèn mang dẫn mẹ và em cùng chạy xuống trong làng ấp của người. Người mẹ bảo: “Chúng ta mỗi tự phải lo cẩn mật, chớ nói ngọn nguồn sự tình, hoặc có người nghe biệt sẽ khinh bỉ chúng ta”. Khi ấy người mẹ dẫn con về lại nước nhà của cha xưa cũ, thì nước nhà chẳng còn gia tộc, giòng họ đã tiệt mất, bèn đến ở ngụ nơi làng ấp của người. Mọi người ở đó hỏi rằng: “Các người vốn ở nước nào?”. Ba mẹ con đáp rằng: “Chúng tôi vốn người nước này, xa lìa đến ở xứ sở khác đã lâu. Nay mẹ con chúng tôi cùng dẫn nhau về quê cũ”. Nghe vậy, mọi người đều cùng xót thương mà cung cấp cho mọi thứ. Sử tử chúa kia sau khi trở về không thấy vợ, nghĩ nhớ hai đứa con trai gái. Dần hồi tức giận đã phát bèn ra khỏi hang núi tìm đến nơi làng ấp, gầm gừ gào thét hung bạo, làm hại người và vật, tàn hại sinh loại, người trong làng ấp vừa ra thì bèn bắt giết, nên mọi người phải đánh trống thổi ốc, mang cung cầm mâu đi thành từng đoàn, sau mới thoát khỏi. vua nước đó lo sợ, dùng nhân từ cảm hóa đó mà chẳng cảm đượm, mới phóng tung những người săn bắn mong sẽ bắt được sư tử. Đích thân vua dẫn có bốn loại binh lính đông đến vạn người, vây bít quanh rừng chầm dẫm đạp khắp núi hang. Nhưng sự tử gầm rống thì người vật đều lánh sợ. Đã không thể nào bắt được, sau đó vua lại chiêu mộ nếu ai bắt

giữ được sư tử đó, dứt trừ họa hoạn cho nước nhà thì sẽ đền đáp, trọng thưởng, kính trọng tán thán công tích. Người con trai đó nghe lệnh ban như thế của vua mới nói với mẹ rằng: “Chúng ta đã đói lạnh rất lắm, nên có thể ra đáp ứng sự chiêu mộ, hoặc như có được gì để cùng nuôi dưỡng nhau”. Người mẹ bảo rằng: “Nói vậy không thể được. Kia tuy là súc vật, nhưng còn gọi là cha, đâu thể vì khó, khổ mà trở lại nghịch hại?”. Người con trai đó nói rằng: “Người vật khác loài, lễ nghi ở đâu? Đã trái ngược cản trở, tâm này sao an!”. Mới giấu con dao nhỏ trong tay áo mà ra đáp ứng sự chiêu mộ. Khi ấy có cả ngàn người vạn kỵ cùng nhóm tụ như mây mốc. Sư tử ngồi xẩu trong rừng, không ai dám đến gần. Người con trai đó đi đến trước, sư tử cha bèn thuần phục, khi ấy thân ái vỗ về lắng quên sự tức giận. Người con trai đó mới nắm dao đâm vào bụng sư tử. Sư tử với lòng từ ái, còn không tức giận oán độc, đành chịu xé rách bụng ôm ngậm khổ mà chết. Vua nước đó bảo: “Người ấy là ai mà có sự kỳ lạ vậy ư?”. Đem mọi sự phước lợi mà dẫn dụ, lấy những điều oai mạnh mà chấn động, sau đó người con trai ấy bèn trình bày đuôi đầu đầy đủ, thuật nói rõ về sự tình. vua bảo rằng: “Trái nghịch thay! Đối với cha mà còn có khả năng giết hại như thế, huống gì với người chẳng thân ư? Chủng tánh súc vật khó thuần, tâm tình hung dữ dễ động. Trừ hại cho dân chúng, công ấy thật lớn vậy, nhưng giết chết mạng cha, đó là nghịch tâm vậy”. Bèn trọng thưởng để đền áp công khó đó, nhưng nên thả đi xa để trừ nghịch hại đó thì phép tắc nước nhà không khuyết trái. Lời vua ban nói không hai. Khi ấy liền chỉnh trang hai chiếc thuyền lớn, chất chứa tích trử nhiều lương thực, lưu giữ người mẹ ở lại tại nước đó chu cấp mọi thứ để thưởng công. Còn hai người con trai gái mỗi người lên một chiếc thuyền, nổi trôi theo sóng gió phiêu bạt. Thuyền người con trai đó trên biển trôi dạt đến bến bãi vật báu đó, thấy lắm nhiều châu ngọc quý giá, bèn dừng ở lại trong đó. Về sau, có các thương nhân đi tìm kiếm vật báu lại đến trong bãi đó. Người con trai đó mới giết hại người thương chủ, lưu giữ lại một người nam một người nữ, lần hồi sinh nở con cháu dần đông nhiều, bèn lập thành vua tôi, sắp đặt trên dưới, dựng đô lập ấp, chiếm cứ cương vức. Vì tiên tổ của họ (tức người con trai đó) bắt giữ được sư tử. Nhân nêu bày công tích xưa trước mà đặt thành tên hiệu nước. Còn thuyền người con gái kia, trôi dạt đến phía tây nước Ba Thích Tư, do quỷ thần mỵ hoặc bèn sản sinh một đàn con gái, nên ngày nay gọi đó là nước Tây Vương Nữ vậy. Nên người ở nước Chấp Sư Tử dung mạo thấp nhỏ đen sạm, gò má vuông trán lớn, tánh tình hung bạo nóng nãy, chịu nhẫn ngậm độc, đó cũng bởi

chúng tánh còn sót lại của loài thú dữ, nên người nước đó phần nhiều đều mạnh mẽ. Đó là một thuyết nói về khởi nguyên của nước Chấp Sư Tử (Tăng-già La).

Còn theo sự ghi chép trong Phật pháp thì là: xưa kia ở đó là thành sắc lớn của Bảo Châu (châu lục lắm vật báu). Trong đó có 500 La Sát nữ chung sống. Phía trên lầu thành dựng hai cây phướng biểu thị sự tốt xấu. Như có sự tốt lành thì cây phướng tốt lành lay động, có sự xấu xa thì cây phướng xấu xa lay động. Thường dò xét các thương nhân đến Bảo Châu, liền biến thành những người nữ xinh đẹp mang hương hoa, tấu trổi âm nhạc ra nghinh đón ủy an, dẫn dụ vào trong thành sắt, xum họp ca hát vui chơi, thế rồi bắt giam trong chuồng sắt, dần lấy ra ăn thịt uống máu. Bấy giờ tại Thiệm Bộ châu có vị đại thương chủ tên là Tăng-già, có người con tên tự là Tăng-già La. Vì cha đã già yếu nên Tăng-già-la thay thế mọi công việc nhà. Tăng-già-la dẫn 500 thương nhân vào biển tìm kiếm vật báu, theo sóng gió phiêu bạt, bèn gặp đến Bảo Châu. Khi ấy các La Sát nữ trông thấy cây phướng tốt lành lay động, liền mang các thứ hương hoa tấu trỗi âm nhạc ra nghinh đón dẫn dụ vào thành sắt, lúc đó thương chủ (Tăng-già La) cùng với La Sát nữ vương mua vui cùng nhạc hội. Ngoài ra, các thương nhân mỗi mỗi cùng các La Sát nữ phối hợp. Trải qua thời gian khoảng một năm, mỗi mỗi đều sinh được một người con. Các La Sát nữ tình mến cố nhân, muốn dẫn dụ bắt giam vào chuồng sắt, lại dò xét các thương nhân. Lúc ấy, đang đêm ngủ, Tăng-già-la cảm mộng xấu ác, biết hẳn có điềm không tốt lành, lén tìm đường trở về, bỗng gặp đến nơi chuồng sắt mới nghe có tiếng kêu khóc bi thương, bèn leo lên phủ cao mà hỏi rằng: "Ai trói buộc các ngươi mà kêu khóc oán thương như thế?". Những người trong chuồng sắt đáp rằng: "Ông không biết ư? Các người nữ trong thành đều là La Sát. Xưa trước dụ dẫn chúng tôi vào thành cùng mua vui. Ông đã sắp đến nơi chuồng đen tối, chúng tôi dần bị sung vào làm thức ăn nay đã hơn một nửa. Không bao lâu nữa, ông cũng mắc phải họa này!". Tăng-già-la nói: "Vậy phải tính thế nào để thoát khỏi ách nạn?". Các người trong chuồng sắt bảo: "Chúng tôi nghe tại bờ biển có một con ngựa trời, đến đó chí thành cầu thỉnh, ắt có thể cùng được cứu giúp". Tăng-già-la nghe thế rồi, lén báo cùng các thương nhân cùng ngóng trông về bờ biển chuyên tinh cầu cứu. Lúc đó, ngựa trời lại bảo mọi người rằng: "Các ông nên tự bám chắc vào bờm của tôi không được xoay trở lại, tôi sẽ cứu các ông vượt khỏi biển ách nạn, đến Thiệm bộ châu về tới quê hương nước nhà!". Các thương nhân vâng theo sự chỉ bảo đó, chuyên

nhất không đổi thay bám lấy bờm ngựa. Ngựa trời mới nhảy vọt giữa đường mây, vượt qua bờ biển. Các La Sát nữ bỗng phát giác chồng mình trốn mất, vội báo cho nhau, mỗi mỗi phân chia đường hướng, dẫn theo con nhỏ vượt giữa hư không mà qua lại. Biết các thương nhân sắp ra bờ biển, bèn cùng gọi nhau bay đi xa tìm hỏi. Đang lúc chưa vượt thì gặp các thương nhân, buồn vui cùng đến, lệ trào hoen mi, mỗi tự bưng ngậm khóc mà nói rằng: "Tôi chỉ cảm ngộ, may gặp được người tốt, gia thất đã có sự mừng vui, ái ân đã lâu dài. Mà nay vội bỏ đi xa, vợ con để lại cô quạnh, dằn vặt cõi lòng như thế này ai nhẫn chịu nổi ư? Mong nên trông nhìn lại cùng trở về thành!". Trong lòng các thương nhân chưa chịu xoay lại ý tưởng, các La Sát nữ khuyên nói không công hiệu, bèn buông tủa yêu mị, hành xử theo kiêu hoặc. Các thương nhân bị tình ái luyến, khó thể kham nhẫn, tâm nghi tan mất lưu để thân lại đều cùng rơi rớt. Các La Sát nữ lại cùng vái chào mừng vui, cùng các thương nhân đó dẫn nhau mà đi. Còn Tăng-già-la có được trí tuệ sâu chắc, tâm không ngưng trệ tình lụy, nên vượt qua biển lớn thoát khỏi ách nạn đó. Khi ấy La Sát nữ vương trở về thành sắt một mình trống không. Bị các La Sát nữ khác bảo rằng: "Ngươi là kẻ không có mưu trí phương kế, bị chồng vất bỏ, đã không tài nghề thì nên chớ ở đây nữa". Lúc đó, La Sát nữ vương bèn dẫn đứa con mình sinh bay đến trước mặt Tăng-già-la phóng tủa yêu họa dụ dẫn cầu xin nên trở về. Tăng-già-la miệng tụng thần chú, tay nắm khua kiếm bén, quát la mà bảo rằng: "Ngươi là loài La Sát, ta là con người. Người và quỷ khác đường, sao có thể cùng sánh hợp? Nếu khổ cùng bức bách ta sẽ giết mạng ngươi". La Sát nữ vương biết là dụ hoặc không thể thành công, bèn vượt giữa hư không bay đến nhà của Tăng-già-la lừa dối người cha tức Tăng-già rằng: "Tôi là con gái của vua nước... đó, Tăng-già-la lấy tôi làm vợ sinh được một người con, do mang các của cải vật báu trở về lại quê hương nước nhà, thuyền bè nổi trôi giữa biển gặp phải sóng gió, mọi người đều chìm chết, chỉ có mẹ con tôi và Tăng-già-la được cứu thoát. Trải qua núi sông hiểm trở, đường sá gian nan. Chỉ một lời nghịch ý mà Tăng-già-la bèn bỏ rơi tôi, mắng chưởi hết từ tốn, mạt sát cho là La sát. Trở về quê cũ thì nước nhà xa vợi, ở lại thì một mình cô quạnh khách lữ. Tới hoặc lui đều không có nơi nương tựa, mới dám mạo muội tỏ bày tình sự". Tăng-già bảo rằng: "Thật sự như vậy thì nên vào nhà". Ở chưa bao lâu thì Tăng-già-la về đến nhà. Tăng-già bảo rằng: "Cớ sao quý trọng của báu mà khinh thường vợ con?". Tăng-già-la nói: "Đó là La Sát nữ vậy". Và đem tất cả mọi sự từ trước tới nay tỏ bày cùng mẹ cha. Bà con thân thích đều

cùng nhau xua đuổi. Khi ấy La Sát nữ bèn đến tố cáo cùng vua, vua muốn bắt tội Tăng-già La. Tăng-già-la nói rằng: "La Sát nữ tánh lắm yêu quái nhiễu hoặc". Vua cho là Tăng-già-la nói đều không thật, lại thêm tình mến thích sự đẹp xinh của La Sát nữ, nên bảo cùng Tăng-già-la rằng: "Nếu ông hẳn bỏ người nữ này, nay ta lưu giữ lại trong cung". Tăng-già-la nói: "Sợ sẽ sinh ra tai họa. Nữ đó đã là La Sát chỉ chuyên ăn uống máu thịt". Vua không tin lời Tăng-già La, bèn lấy làm vợ. Sau đó, lúc quá nữa đêm, La Sát nữ vương bèn bay về bãi báu, gọi kêu 500 quỷ La sát nữ cùng đến trong cung vua, dùng chú thuật độc ác tàn hại trong lòng, tất cả người vật đều bị uống máu ăn thịt. Mang các thây chết còn thừa đem về bãi báu. Sáng sớm hôm sau quần thần vào triều tụ tập trước cửa vua mà đóng bít chẳng mở, mọi người cùng nhau tiến vào bèn đến trong cung đình, vắng teo không thấy người nào chỉ có các hài cốt, các quần thần liêu tá cùng trông nhìn mất hết mọi mưu tính, buồn xót gào khóc, chẳng lường biết nguồn gốc tai họa. Tăng-già-la mới tỏ bày đầy đủ đầu đuôi sự tình, các hàng thần thứ tin rõ tai họa ấy do vua tự rước lấy. Lúc đó các bậc quốc phụ lão thần, các quan tướng cụ lần lượt dò hỏi tìm người minh đức, suy cử cao quý. Mọi người đều kính ngưỡng phước trí của Tăng-già La, mới cùng bàn nghị với nhau rằng: "Phàm làm chủ mọi người đâu có thể cẩu thả lựa chọn ư? Trước tiên là vốn có phước đức, thứ đến rõ suốt minh triết. Nếu không có phước đức thì không sao ở được ngôi báu, nếu chẳng là bậc minh triết thì chẳng biết lấy gì để xử lý mọi việc. Tăng-già-la thật là người vốn đủ các thứ đó vậy. Từ giấc mộng xét biết cơ họa, cảm ứng gặp được ngựa trời. Với tâm trung thành mà can gián cùng chủ, có đủ trí tuệ để mưu tính cho bản thân. Trải qua lắm vận như thế, mãi đến nay, chỉ mới nên tạo thành ca vịnh". Mọi người đều vui mừng suy tôn Tăng-già-la lên làm ngôi vua. Tăng-già-la từ chối không thoát khỏi, đáng nắm giữ trong đó, bèn cung kính vái chào các quan, nhận lấy ngôi vua. Từ đó, dần men cải đổi những tệ hại trước, nêu bày kính trọng các bậc hiền lương. Mới ban sắc lệnh rằng: "Tôi trước kia làm khách thương buôn đi đến cõi nước Quỷ La Sát, sống chết khó thể lường. Thiện ác chẳng phân rành, nay sắp vì cứu nạn, nên chỉnh trang binh lính, cứu nguy giúp hoạn nạn, đó là phước của nước nhà, thâu nhặt được mọi vật quý báu là lợi của nước nhà vậy". Khi ấy bèn chuẩn bị binh lính thuyền bè theo đường biển mà sang. Khi đó cây phướng xấu ác trên thành sắt lay động. Các La Sát nữ trông thấy mà khiếp sợ, bèn phóng tỏa yêu mị nghinh đón cuống hoặc dẫn dụ. vua Tăng-già-la vốn biết đó là dối trá nên khuyên bảo các binh sĩ miệng

đọc tụng thần chú, thân mạnh dạng ra võ oai, các La Sát nữ quýnh chân rơi rớt, hoặc chạy trốn ẩn nơi đảo biển, hoặc trầm lặn dưới dòng lớn, v. v... Từ đó, vua Tăng-già-la phá hủy thành sắt, và chuồng sắt cứu các thương nhân, thâu nhặt được nhiều châu ngọc vật báu, chiêu mộ các hàng thứ dân dời đến ở Bảo Châu, dựng thành đô, lập làng ấp, bèn thành một nhà nước. Nhân lấy tên vua mà làm hiệu nước. Tăng-già-la tức là sự tích bản sinh của đức Thích-ca Như Lai vậy.

Thời xưa trước, ở nước Tăng-già-la chỉ tôn thờ dâm từ. Sau khi đức Như Lai nhập niết bàn trong trăm năm thứ nhất. Có người em của vua Vô Ưu là Ma Hê Nhân Đà La, xả bỏ ái dục, chí ý mong cầu Thánh quả, tu hành chứng đắc sáu pháp thần thông, có được tám pháp giải thoát, dẫm bước giữa hư không đi đến nước đó, hoằng tuyên chánh pháp, lưu bố di giáo. Từ khi đã giáng hiện, phong tục dần thuần tin, tạo dựng được khoảng vài trăm ngôi già lam, chư tăng có hơn vài vạn vị, tất cả đều tuân hành tập học theo giáo pháp đại thừa thượng tọa bộ, dần hồi Phật giáo đến sau đó hơn 200 năm. Các Sa-môn mỗi tự chiếm cứ chuyên môn, phân thành hai bộ phái: “Một là Ma-ha Tỳ Ha La Trụ Bộ, bài xích đại thừa, chỉ chuyên tập học giáo pháp Tiểu thừa. Và một là A bạt Tà Kỳ Ly Trụ Bộ, gồm học cả giáo pháp đại thừa lẫn Tiểu thừa, hoằng dương xiển hóa Tam tạng, chư tăng giới hạnh trinh khiết, định tuệ lắng trong tỏa sáng, nghi phạm đáng xứng bậc thầy, đông đúc như vậy.

Bên cạnh vương cung có tinh xá Phật Nha (tinh xá tôn thờ cốt răng đức Phật) cao vài trăm thước, dùng các thứ châu ngọc quý báu trang nghiêm ánh ngời. Phía trên tinh xá tạo dựng một trụ biểu, thiết đạt Bát Đàm Ma La Già thêm các vật báu lớn. Vật báu tỏa sáng soi chiếu khắp cùng. Ban đêm ở từ xa trông nhìn sáng rực như sao sáng, mỗi ngày, vua ba lần nghinh thỉnh răng đức Phật ra rưới tẩm hoặc bằng nước hương thơm, hoặc bằng bột hương thơm, hoặc tẩy gội, hoặc xông ướp, công việc rất trân quý kỳ đặc, kính tu cúng dường.

Bên cạnh tinh xá Phật nha có ngôi tinh xá nhỏ, cũng dùng bằng các vật báu để nghiêm sức, bên trong có tôn tượng đức Phật bằng vàng, lường bằng thân hình của tiên vương nước đó mà chủ đúc, nhục kế lại được nghiêm sức bằng các vật báu. Về sau có kẻ trộm dò xét muốn trộm lấy, mà cửa lớp bao bọc chung quanh, có người trông coi cẩn mật, kẻ trộm mới đục đường thông vào tinh xá mà đột nhập đó, bèn muốn lấy vật báu đó thì tôn tượng dần cao xa lân, kẻ trộm đó đã không thành đạt sự mong cầu, rút lui mà than rằng: “Xưa kia đức Như Lai tu Bồ-tát hạnh, khởi tâm quảng đại, phát hoằng thệ nguyện, trên từ thân mạng, dưới

đến cung thành nhà nước, vì xót thương mọi loài chúng sinh mà chu cấp tất cả. Ngày nay cớ sao với di tượng mà lận tiếc vật báu? Lắng nghe lời như thế, chẳng rõ hạnh nguyện xưa!". Khi ấy tôn tượng đó bèn cúi đầu mà trao vật báu cho kẻ trộm đó. Đã được báu vật rồi, kẻ trộm đó bèn mang ra đổi bán. Mọi người trông thấy đều bảo kẻ trộm đó rằng: "Vật báu này là vật báu nơi nhục kế trên đảnh đầu tôn tượng đức Phật bằng vàng của tiên vương, từ đâu mà ông có được mang đến đây đổi bán?". Bèn bắt kẻ trộm đó tấu trình cùng vua. vua hỏi từ đâu mà có được? Kẻ trộm đó đáp: "Đức Phật tự cho tôi, chẳng phải tôi trộm lấy". Vua cho là không thành thật nên sai kẻ sứ đến trông xem kiểm xét, quả nhiên tôn tượng đức Phật vẫn còn cúi đầu. vua thấy Thánh linh như thế, tâm sinh kính tin càng thuần thục kiên cố, chẳng bắt tội kẻ trộm đó, mà chuộc lại vật báu ấy để nghiêm sức lại nhục kế tôn tượng Phật đặt lại trên đảnh đầu. Tôn tượng nhân cúi đầu như thế mãi đến ngày nay vẫn vậy.

Bên cạnh vương cung có một nhà trù lớn, mỗi ngày sắm sinh vật thực cúng dường 18000 vị tăng. Đến giờ thọ trai, chư tăng mang bình bát đến nhận lấy thức ăn, xong rồi mới tự trở về nơi ở của mình. Từ khi Phật giáo lưu truyền đến thì lập nên sự cúng dường đó, con cháu cứ nối tiếp nhau tuân hành mãi đến ngày nay. Trong khoảng mười năm trở lại đây, bởi vì trong nước nhà nhiễu loạn chưa có định chủ, mới phế bỏ hạnh nghiệp đó.

Nơi góc bến bãi biển là nơi sản sinh các vật quý báu, đích thân nhà vua ra đến cúng tế, thần bày tỏ cho các vật quý báu kỳ lạ. Mọi người ở thành đô, các hàng sĩ tục qua lại mong cầu, tùy xứng với phước báu, nên mỗi người có được chẳng đồng. Tùy được các vật ngọc báu châu ky mà thâu thuế có thứ bậc.

Ở góc đông nam nước đó có núi Lăng Ca, hang cốc sâu thẳm cao vợi, nơi các quỷ thần thường đến nghỉ ở. Xưa kia, đức Như Lai đến núi đó giảng nói kinh Lăng Ca (xưa trước gọi là kinh Lăng Già tức sai nhầm vậy).

Từ nước đó về phía nam, đi bằng đường biển khoảng vài ngàn dặm đến châu Na La Kê La. Con người ở châu đó thân hình thấp nhỏ, cao hơn ba thước mà miệng chim. Lúa thóc đã không có, chỉ ăn dùng trái dừa.

Từ châu Na La Kê La đi bằng đường biển về phía tây cách vài ngọn dặm đến một hòn đảo đơn lẻ ở sườn bờ phía đông có một tôn tượng đức Phật bằng đá cao hơn trăm thước, xoay mặt về hướng đông mà ngồi, dùng chất châu ngọc ái nguyệt mà làm nhục kế, lửa trăng sắp lên soi

chiếu, nước liền treo thành dòng dàn dụa theo sườn đảnh rót đổ vào khe hang. Bấy giờ có các thương nhân gặp phải sóng gió phiêu bạc, theo cơn sóng mà đến đảo đơn lẻ đó. Vì nước biển chất mặn không thể lấy uống, thiếu khát đã lâu. Khi đó vào ngày 15 giữa tháng, từ trên đảnh đầu tôn tượng Phật nước đổ chảy xuống thành dòng, mọi người đều được cứu giúp qua cơn khát, bèn cho là bởi sự chí thành mà cảm nên được linh Thánh cứu giúp. Những người đó dừng ở lại trải qua nhiều ngày, mỗi lúc trăng ẩn thì nơi đảnh đầu núi nước không tuông đổ thành dòng. Khi ấy vị thương chủ mới bảo là: "Chưa hẳn vì cứu giúp bọn chúng ta mà nước tuông đổ thành dòng. Tôi từng nghe loại châu ngọc Ái nguyệt mỗi lúc trăng soi chiếu sáng thì có nước tuông chảy thành dòng vậy. Chẳng là trên đảnh đầu tôn tượng đức Phật có loại ngọc báu ấy ư?". Bèn men leo lên sườn mà trông xem thì mới rõ là thật dùng châu ngọc Ái nguyệt để làm nhục kế tôn tượng Phật. Huyền Trang tôi chính được nghe người đó nói về đầu đuôi sự kiện ấy vậy.

Từ nước đó theo hướng tây đi bằng đường biển cách vài ngàn dặm, đến một châu có vật báu lớn. Tại đó không có người ở, chỉ có các bậc hiền nương náu. Trong đêm tĩnh lắng từ xa trông nhìn, thấy đuốc sáng, núi nước. Các hàng thương nhân đi sang đó lắm nhiều nhưng đều không có được gì.

Từ nước Đạt La Tỳ Trà theo hướng bắc vào trong rừng hoang. Trải qua khu thành đơn lẻ, lại qua thôn ấp nhỏ, xứ đó các người hung dữ kết thành bạn đảng làm hại lữ khách, đi hơn 2000 dặm đến nước Trà Kiến Na Bổ La (thuộc Nam Ấn Độ).

2 - NƯỚC TRÀ KIẾN NA BỔ LA.

Nước Trà Kiến Na Bổ La chu vi rộng hơn 5000 dặm, đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 30 dặm. Đất đai rất mầu mỡ lúa thóc lắm nhiều, khí hậu ấm nóng, phong tục con người vội vã nóng nảy, thân hình đen sạm, tánh tình mạnh dữ hung bạo, ham thích tập học, mến chuộng tài đức và nghề nghiệp. Có hơn trăm ngôi già lam, chư tăng có hơn vạn vị, đối với giáo lý đại thừa Tiểu thừa, đều gắng công sức tập học. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn.

Bên cạnh thành vương cung, có ngôi già lam lớn, chư tăng có hơn 300 vị, thật chỉ những bậc anh tài đức hạnh. Tại già lam đó, có ngôi tinh xá lớn cao hơn trăm thước, bên trong có bảo quan (mũ báu) của thái tử Nhất Thiết Nghĩa Thành cao gần hai thước được trang sức bằng các vật trân báu, tôn trí trong hộp báu. Thường đến những ngày trai, đưa ra đặt

trên tòa cao, dùng các thứ hương hoa để cúng dường, có lúc tỏa phóng ánh sáng.

Bên cạnh đô thành, trong ngôi già lam lớn có ngôi tinh xá cao hơn 50 thước, bên trong có tôn tượng Bồ-tát Từ Thị được khắc chạm bằng gỗ đàn hương cao hơn 10 thước. Đến những ngày trai thường tỏa phóng ánh sáng thần, nghe nói tôn tượng đó do 200 vị A-la-hán tu tạo nên vậy.

Từ đô thành về phía bắc cách không xa có rừng cây Đa-la chu vi rộng hơn 30 dặm, giống cây ấy lá dài rộng, sắc màu sáng nhuận. Các nước có việc ghi chép đều đến hái nhặt để dùng. Trong rừng đó có ngôi Tốt-đổ-ba là nơi có di tích của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành. Bên cạnh đó nghe có ngôi Tốt-đổ-ba tôn thờ xá lợi di thân của 200 ức vị A-la-hán.

Từ đô thanh về phía đông cách không xa có ngôi Tốt-đổ-ba nền móng tuy đã nghiêng đổ, mà vẫn còn cao hơn ba trượng. Nghe các bậc lão thành nói là trong đó có xá lợi của đức Như Lai, đến những ngày trai có lúc tỏa phóng ánh sáng linh thiêng. Xưa kia đức Như Lai từng ở tại đó, giảng nói giáo pháp, hiện sức thần thông độ các quần sinh.

Từ đô thành về phía tây nam cách không xa có ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn trăm thước do vua Vô Ưu tạo dựng. Nghe nói là 200 ức vị A-la-hán ở tại đó hiện sức thần thông lớn để hóa độ chúng sinh. Bên cạnh đó có ngôi già lam chỉ còn lại nền móng là do các vị A-la-hán tạo dựng.

Từ đó theo hướng tây bắc vào trong rừng hoang lớn, nơi có những thú dữ hung bạo làm hại, có lắm nhiều giặc cướp tàn hại, đi khoảng 2400 - 2500 dặm đến nước Ma-ha Thích Tha (thuộc Nam Ấn Độ).

3 - NƯỚC MA-HA THÍCH THA.

Nước Ma-ha Thích Tha chu vi rộng hơn 6000 dặm, đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 30 dặm, phía tây gần dòng sông lớn. Đất đao mầu mỡ, lúa thóc lắm nhiều, khí hậu ấm nóng, phong tục con người thuần chất, thân hình to lớn, tánh tình xấc láo, có ân thì đáp, có oán thì trả thù, như có người lấn lướt làm nhục thì quên cả thân mạng để báo thù. Với người túng cùng thì ném bỏ phần mình quên nghĩ tự thân mà vì cứu giúp. Trước lúc trả oán hẳn báo cho kẻ kia biết, mỗi bên tự mặc mang giáp phục, sau đó mới đánh nhau. Lúc vào chiến trận xua đuổi đến phương bắc, chẳng giết đã đầu hàng, binh lính sắp mất lợi, không buộc hình phạt, ban cho một bộ nữ phục, rồi cảm kích mà tự chết. Trong nước nhà nuôi dưỡng các dõng sĩ, có vài trăm người, mỗi lúc sắp quyết chiến thì uống rượu vui say. Một người đánh dẹp bén nhọn thì cả muôn

người đều bẻ gãy sắc bén. Gặp người phóng túa làm hại, luật nước không hành hình, mỗi lúc xuất hành, đánh trống dẫn trước. Lại nuôi dưỡng đàn voi hung dữ có vài trăm con. Sắp muốn ra đánh trận cũng cho voi uống rượu trước, cả đàn rong ruổi dẫm đạp, phía trước không còn có kẻ địch cứng mạnh. Vua nước đó ỷ cậy sức người sức voi như thế nên khinh thường lấn lướt các nước lân cận. Vua nước đó vốn chủng tộc Sát Đế Lợi tên là Bổ La Kê Xá, mưu trí rộng xa, nhân từ trùm khắp, các hàng quan thần rất mực trung thành kính thờ. Hiện nay, vua Giới Nhật đánh chiếm khắp đông tây, xa gần đều chỉnh túc. Chỉ có riêng đối với người nước đó không thần phục. Vua Giới Nhật từng dẫn tất cả binh lính khắp cả năm xứ Ấn Độ và chiêu mộ những tướng liệt hùng ở các nước, và đích thân vua sang đánh phạt nhưng vẫn chưa chiến thắng. Đất nước đó có được quân đội binh lính như thế, có được phong tục như thế! Con người nước đó biết ham thích học. Tà chánh đều kính tin. Có hơn trăm ngôi già lam, chư tăng có hơn 500 vị, đối với giáo lý đại thừa Tiểu thừa đều dốc lòng cầu học. Có khoảng trăm ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo rất đông nhiều.

Trong và ngoài đô thành lớn có năm ngôi Tốt-đổ-ba đều là những nơi có di tích của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành do vua Vô Ưu tạo dựng. Ngoài ra những ngôi Tốt-đổ-ba bằng gạch đá số đó lắm nhiều, khó thể nêu bày rõ đủ.

Từ đô thành về phía nam cách không xa có ngôi già lam xưa cũ, bên trong có tôn tượng Bồ-tát Quản Tự Tại bằng đá, thần linh soi xét ngầm khắp, mọi người đến mong cầu, phần nhiều được toại ý.

Ở phía đông cảnh vức đó có một quả núi lớn, lắm ngọn ngăn chướng liền nhau, nhiều lớp quanh co hiểm tuyệt, có ngôi già lam nền móng cắm trong hang sâu, nhà cao phòng sâu xẻ sườn gối đảnh, trùng các tầng đài gối lưng vào đảnh núi xoay mặt vào hang hốc, do Đại A-la-hán A Chiếc La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Sở Hành) tạo dựng. A-la-hán Sở Hành vốn người xứ Tây Ấn Độ. Sau khi thân mẫu đã qua đời, A-la-hán Sở Hành quán xét sinh về xứ nào, thấy thác sinh đến nước đó làm thân người nữ. A-la-hán Sở Hành bèn đến nước đó sắp muốn dẫn dắt giáo hóa, tùy căn cơ mà nhiếp thọ. A-la-hán Sở Hành vào trong thôn ấp khất thực đến nhà người mẹ thác sinh. Bỗng nhiên có người con gái ra cúng thí mà sửa bỗng giỏ giọt. Mọi người trong thân thuộc thấy thế cho là điềm không tốt lành, A-la-hán Sở Hành bèn nói về nhân duyên xưa trước, người con gái ấy bèn chứng Thánh quả. A-la-hán Sở Hành cảm ân sinh dưỡng, nghĩ nhớ về nghiệp duyên, để báo ân

đức sâu dày nên tạo dựng ngôi già lam đó.

Tại ngôi già lam đó có ngôi tinh xá lớn cao hơn trăm thước, bên trong có tôn tượng đức Phật bằng đá cao hơn 70 thước. Phía trên có chiếc lọng đá bảy lớp lơ lửng giữa hư không, không nơi bám víu, giữa mỗi tầng lọng cách nhau khoảng ba thước. Nghe các vị nói là đó là do sức nguyện lực của A-la-hán Sở Hành giữ gìn vậy". Lại có thuyết nói: "Do công sức của Dược thuật". Nhưng xét quyết thực lục chưa rõ ràng đến cùng. Khắp bốn mặt tinh xá đều khắc chạm vách tường đá, tạo những sự tích của đức Như Lai xưa kia tu hạnh Bồ-tát ở phần nhân địa và những điềm tốt lành chứng đắc Thánh quả, những linh ứng lúc nhập tịch diệt, v.v... mọi sự lớn nhỏ không để sót, đều khắc chạm đầy đủ tất cả. Bên ngoài ngôi già lam ở hai phía nam bắc, mỗi bên có một con voi đó. Nghe các hàng sĩ tục nói là: "Có lúc voi đá ấy rống tiếng lớn, quả đất chấn động. Xưa kia Bồ-tát Trần Na phần nhiều thường ở trong ngôi già lam đó.

Từ đó theo hướng tây đi hơn ngàn dặm vượt qua sông Nại Mạt Đà đến nước Bạt Lộc Yết Chiếp Bà (thuộc Nam Ấn Độ).

4 - NƯỚC BẠT LỘC YẾT CHIẾP BÀ.

Nước Bạt Lộc Yết Chiếp Bà chu vi rộng khoảng 2400 - 2500 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm. Đất đai nhiễm muối mặn, nên cỏ cây sơ sài hiếm ít, trên bãi biển chuyên sản xuất muối, lấy lợi suất từ biển làm nghề chính. Khí hậu nắng nóng, gió xoáy vụt nổi, phong tục kiểu bạc, tánh khí con người dối trá, không biết tập học các thứ nghề nghiệp, tà chánh đều kính tin. Có hơn 10 ngôi già lam, chư tăng có hơn 300 vị, đều tập học theo giáo pháp đại thừa thượng tọa bộ. Có hơn 10 ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn. Từ đó theo hướng tây bắc đi hơn 2000 dặm đến nước Ma Lạp Bà (tức là nước Nam La thuộc Nam Ấn Độ).

5 - NƯỚC MA LẠP BÀ.

Nước Ma Lạp Bà chu vi rộng hơn 6000 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 30 dặm ở gần phía đông nam của sông Mạt Hê. Đất đai mầu mỡ, lúa thóc lắm nhiều, cỏ cây tươi tốt, hoa quả có nhiều, đặc biệt thích nghi lúa tẻ, con người phần nhiều ăn dùng bánh bột. Con người tánh tình thuận thiện, đại để là rất thông mẫn, nói năng ngôn từ thanh nhã rõ ràng, học nghề rất ưu tú sâu sắc. Ở năm xứ Ấn Độ có hai nước quý trọng việc học, đó là ở tây Nam Ấn Độ có nước Ma Lạp Bà

và ở đông bắc Ấn Độ có nước Ma Yết Đà. Quý đức mến chuộng nân, thông minh mạnh học, mà nước đó đối với tôn giáo tà chánh đều kính tin xen tạp, có vài trăm ngôi già lam, chư tăng có hơn hai vạn vị, tập học theo giáo pháp Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo thật đông nhiều, và phần nhiều là đồ chúng bôi thoa tro bụi thân mình. Theo "Quốc chí" nói là: "600 năm trước có vị vua hiệu là Thi La A Dật Đa (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Giới Nhật) là người có tuệ cao sáng, tài học thông mẫn, mến thương nuôi dưỡng bốinhạng quần sinh, kính sùng Tam bảo. Mới đầu từ lúc chào đời đến khi băng hà dung mạo chưa từng tỏ vẻ tức giận, tự tay không bao giờ làm hại sinh mạng nào. Voi ngựa cần uống nước, lọc rồi mới cho uống sau vì sợ tổn thương loài thủy tộc. vua Giới Nhật có đức nhân từ như thế, ở ngôi vua hơn 50 năm, khiến các loại thú hoang quen thuần với người. Tất cả các hàng dân chúng trong nước nhà đều không giết hại. Tại bên cạnh cung tạo dựng một ngôi tinh xá, thiết chế rất mực khéo léo, trang nghiêm đầy đủ mọi thứ, bên trong tạo tôn tượng bảy đức Phật Thế Tôn, mỗi năm thường thiết đại hội thí vô già, nhóm tập chư tăng ở khắp bốn phương, kính tu cúng dường tứ sự, hoặc dâng ba pháp y các đạo cụ, hoặc cúng các vật bảy báu trân kỳ, tiếp nối tương thừa hạnh nghiệp tốt lành không ngầm mất.

Từ đô thành lớn về phía tây bắc cách hơn 20 năm đến thôn ấp Bà-la-môn, bên cạnh có hầm hố bị vùi lấp, mùa thu mùa hạ trời mưa dầm dìa trải hơn cả 10 ngày, tuy nhận nước đổ về của các rạch nguồn mà nước không hề tích chứa. Bên cạnh đó có dựng một ngôi Tốt-đổ-ba nhỏ. Nghe các vị lão thành kể là: đó là nơi xưa kia có vị Bà-la-môn rất kiêu mạn tự thân bị vùi lấp vào chốn địa ngục. Xưa kia, trong ấp đó có vị Bà-la-môn thông rành mọi vật, học trùm các bậc tài giỏi ở đương thời, đối với nội ngoại giáo điển đều nghiên cứu tận cùng sâu mầu, đối với lịch số huyền văn chỉ như trông nhìn mọi vật trong lòng bàn tay. Phong thái nghi phạm thanh cao kiến vang vọng khắp xa gần. vua nước đó rất trân kính, mọi người đều tôn trọng. Môn nhân học trò có cả ngàn vị đượm hưởng đạo vị, khâm chuộng phong thái. Bà-la-môn đó thường nói rằng: "Ta vì đời mà thuật Thánh đạo dẫn dắt phàm tình. Các bậc tiên hiền hậu triết chẳng có ai sánh bằng với ta. Đối với các vị trời Đại Tự Tại, trời Bà Lũ, trời Na La Diên, Phật Thế Tôn, mọi người đều đượm phục phong mỹ, tố thuật đạo ấy, không ai chẳng đồ tả hình tượng, đua nhau tu kính. Nay, ta đức hạnh vượt hẳn những vị đó, tiếng tăm nổi bậc ở đương thời, chẳng có điều khác, vậy lấy gì để hiển bày?". Bèn dùng gỗ chiên

đàn sắc đỏ khắc làm các tôn tượng trời Đại Tự Tại, trời Bà Lũ, trời Na La Diên, đức Phật Thế Tôn, v.v... thiết đặt ở bốn góc chân, phàm đi đến đâu đều mang theo vậy. Bà-la-môn đó kiêu mạn xất láo đến nỗi như thế. Bấy giờ tại Tây Ấn Độ có Bí Sô Bạt Đà La Lũ Chi (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Hiền Ái) khéo thông rành nhân minh, thấu đạt sâu mầu các dị luận, đạo phong thuần túy, hương giới tỏa ngát, chuyên hành thiểu dục tri túc, chẳng tham cầu mọi vật, nghe thế mà than rằng: “Thật đáng tiếc thay! Ở thời không có người vậy, khiến kẻ ngu phu kia dám làm nhưng việc hung đức!”. Bèn chống tích trượng từ xa đến nước đó, đem cả tâm nguyện từ xưa trước tấu trình đầy đủ với vua. vua thấy Bí Sô Hiền Ái vận mặc rách rưới, trong tâm chưa mến kính, nhưng cao chuộng chí khí ấy nên gượng mà thi lễ, bèn thiết lập luận tòa, bảo cùng Bà-la-môn đó. Bà-la-môn đó nghe xong, cười mà bảo rằng: “Kẻ đó là hạng người nào mà dám ôm hoài chí khí ấy”. Và bảo các đồ chúng cùng đến luận trường, có cả trăm ngàn người trước sau cùng hầu nghe Bí Sô Hiền Ái mặc giáp phục thô tệ cũ kỹ, trải cỏ mà ngồi. Bà-la-môn đó ngồi xổm nơi tòa, chẳng bài xích chánh pháp mà phô thuật tà tông. Bí Sô Hiền Ái biện luận rành rõ như dòng chảy, xoay quanh qua lại. Lâu sau, Bà-la-môn đó tự tạ lỗi thối khuất. vua nước đó mới bảo rằng: “Từ lâu lạm dụng hư danh, khinh thường những bậc trên mình, dối hoặc mọi người. Với phép tắc xưa trước có ghi chép là luận nghị thua cuộc hẳn bị giết chết”. Và muốn đốt lò sắt và bắt Bà-la-môn đó lên ngồi ở trên. Bà-la-môn đó quẩn bách mới quy mạng cầu cứu. Bí Sô Hiền Ái xót thương đó, mới xin vua rằng: “Đại vương đức nhân cảm hóa đượm xa, tiếng tăm trong xưng tụng vang cùng. Nên ban bố tâm từ nuôi dưỡng, chớ làm việc tàn khốc, tha thứ cho kẻ đó chớ cùng ruồng đuổi, chỉ nơi đi đến”. vua mới bảo cưỡi lừa đi báo khắp thành ấp. Bà-la-môn đó xấu hỗ sự tàn diệt tủi nhục đó nên phát nỗi ói máu. Bí Sô Hiền Ái nghe thế rồi bèn sang ủy an mà bảo cùng Bà-la-môn đó rằng: “Ông là người học hết cả nội ngoại giáo điển, tiếng tăm vang khắp xa gần, mọi sự vinh nhục, tiến lùi hẳn rõ. Phàm danh đâu có gì thật ư?”. Bà-la-môn đó càng thêm phẩn hận sâu sắc, mắng rủa Bí Sô Hiền Ái, phỉ báng đại thừa, khinh miệt các bậc tiên Thánh. Tiếng nói chưa lắng dứt, tại đất đó bỗng nứt nẻ, thân đang sống bèn bị vùi lấp. Di tích hiện còn tại đó.

Từ đó theo hướng tây nam vào đường biển, rồi lại theo hướng tây bắc đi khoảng 2400 - 2500 dặm đến nước A Tra Ly (thuộc Nam Ấn Độ).

6 - NƯỚC A TRA LY.

Nước A Tra Ly chu vi rộng hơn 6000 dặm. Đô thành lớn nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm. Dân chúng sinh sống đông đúc, các vật quý báu tích chứa lắm nhiều, lúa thóc tuy đầy đủ nhưng hưng thạnh hay suy bại tùy theo nghề nghiệp. Đất đai có nhiều cát muối nên hoa quả hiếm ít. Là nơi sản sinh giống cây Hồ tiêu, cây lá như giống tiêu ở đất Thục, và cũng là nơi sản sinh giống cây Huân Lục Hương, cây lá tợ như cây đường lê. Khí hậu nắng nóng có nhiều gió bụi. Con người tánh tình kiêu bạc, quý trọng của cải, khinh tiện tài đức. Các thứ chữ nghĩa, nói năng, hình nghi, phép tắc phần lớn tương đồng như ở nước Ma Lạp Bà. Phần nhiều không tin tội phước, giả sử có người tin cũng chỉ tôn thờ trời thần. Có hơn mười ngôi đền thờ quán xá, các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn.

Từ nước Ma Lạp Bà theo hướng tây bắc đi hơn 300 dặm thì đến nước Khế Tra (thuộc Nam Ấn Độ).

7 - NƯỚC KHẾ TRA.

Nước Khế Tra chu vi rộng hơn 3000 dặm, đô thành lớn của nước đo chu vi rộng hơn 20 dặm, nhà cửa dân chúng đông đúc có lắm nhiều của cải, không có quân trưởng lớn, mọi việc làm đều tùy thuộc nước Ma Lạp Bà. Mọi phong tục, đất đai thích nghi, mọi sản vật, v.v... đều đồng như ở nước Ma Lạp Bà. Có hơn 10 ngôi già lam, chư tăng có hơn ngàn vị, đối với giáo pháp đại thừa Tiểu thừa đều cố gắng tập học. Có vài mươi ngôi đền thờ trời. Các hàng ngoại đạo thật lắm nhiều.

Từ đó theo hướng bắc đi hơn ngàn dặm đến nước Phạt Lạm Tỳ (tức nước Tỷ La La, thuộc Nam Ấn Độ).

8 - NƯỚC PHẠT LẠP TỲ.

Nước Phạt Lạp Tỳ chu vi rộng hơn 6000 dặm, đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 30 dặm. Với mọi thứ đất đai sản sinh, khí hậu thích nghi, phong tục, tánh tình con người, v.v... phần lớn đông như ở nước Ma Lạp Bà. Dân chúng sinh sống đông đúc, nhà cửa giàu sang, tích chứa của cải có đến trăm ức nhà mới có hơn trăm nhà vậy. Những vật kỳ lạ ở các phương xa, phần nhiều đều nhóm tụ tại nước đó. Có hơn trăm ngôi già lam, chư tăng có hơn 6000 vị, phần nhiều đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có khoảng vài trăm ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo thật lắm nhiều. Xưa kia đức Như Lai từng đến nước đó, nên những nơi đức Phật có dừng nghỉ, vua Vô Ưu đều tạo

dựng các ngôi Tốt-đổ-ba nêu bày tiêu biểu. Và các nơi có di tích của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền kinh hành vẫn còn tương quan. Còn nay, vua nước đó thuộc chủng tộc Sát Đế Lợi tức cháu của vua Thi La A Dật Đa ở nước Ma Lạp Bà, khiến làm con rễ của vua Thi La A Dật Đa ở nước Yết Nhã Các Xà hiệu là Đổ Lỗ Bà Bạt Tra (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Thường Duệ) tánh tình thô gấp, trí mưu cạn gần, nhưng rất thuần tin Tam bảo. Mỗi năm thường thiết đại hội bảy ngày, đem các thứ trân quý thượng vị cúng dường chư tăng, giá trị như ba pháp y, thuốc thang, trân quý như bảy báu. Đã cúng thí khắp cùng tất cả rồi nêu gấp bội giá đáp chuộc lại. vua rất quý đức, chuộng hiền, tuân theo đạo, mến trọng học. Đối với các bậc cao tăng ở phương xa lại đặc biệt thêm sự lính lễ.

Cách đô thành không xa, có ngôi già lam lớn, do A-la-hán A Chiếc La (Sở Hành) tạo dựng, là nơi các Bồ-tát Đức Tuệ, Kiên Tuệ ở trong đó chế thuật các bộ luận, và thạnh hành lưu bố bố nơi đời.

Từ đó theo hướng tây bắc đi hơn 700 dặm đến nước A-nan Đà Bổ La (thuộc Tây Ấn Độ).

9 - NƯỚC A-NAN ĐÀ BỔ LA.

Nước A-nan Đà Bổ La chu vi rộng hơn 2000 dặm, đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm. Dân chúng sinh sống đông nhiều nhà cửa giàu sang, không có quân trưởng lớn, mọi việc làm đều tùy thuộc nước Ma Lạp Bà. Đối với mọi thứ đất đai thích nghi, khí hậu, chữ nghĩa, phép tắc, v.v... đều đồng như ở nước Ma Lạp Bà. Có hơn 10 ngôi già lam, chư tăng có gần ngàn vị đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có khoảng vài mươi ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn.

Từ nước Phạt Lạp Tỳ theo hướng tây đi hơn 500 dặm đến nước Tô Thích Tha (thuộc Tây Ấn Độ).

10 - NƯỚC TÔ THÍCH THA.

Nước Tô Thích Tha chu vi rộng hơn 4000 dặm, đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 30 dặm, phía tây gần sông Mạt Hê. Dân chúng sinh sống đông đúc, nhà cửa lắm nhiều của cải, mọi việc làm đều tùy thuộc nước Phạt Lạp Tỳ. Đất đai nhiễm chất muối mặn nên hoa quả hiếm ít. Khí hậu lạnh nóng tuy quân bình nhưng gió vúa táp không lắng yên. Thổ tục kiêu bạc, con người tánh tình khinh tháo, chẳng ham thích tập học nghề nghiệp. Tà chánh đều kính tin. Có hơn 50 ngôi già lam,

chư tăng có hơn 3000 vị, phần nhiều tập học theo giáo pháp đại thừa thượng tọa bộ. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn. Nước đó ngay đường của tây hải, mọi người đều thờ nguồn lợi của biển, mọi hưng thạnh hay suy bại đều theo nghề nghiệp đổi chác mọi thứ có không.

Cách đô thành không xa có núi Úc Thiện Đa, trên đảnh núi có ngôi già lam, phòng nhà hiên vũ, phần nhiều đều xẻ đục từ sườn đảnh núi, cây rừng tươi tốt ma trùm, dòng suối giao quanh cảnh vức, là nơi các bậc hiền Thánh thường đến dừng nghỉ, các hàng linh tiên tụ tập qua lại.

Từ nước Phạt Lạp Tỳ theo hướng bắc đi hơn 1800 dặm đến nước Cù Chiếc La (thuộc Tây Ấn Độ).

11 - NƯỚC CÙ CHIẾC LA.

Nước Cù Chiếc La chu vi rộng hơn 5000 dặm. Đô thành lớn của nước đó hiệu là Tỳ La Ma La, chu vi rộng hơn 30 dặm, mọi thứ đất đai thích nghi, phong tục tập quán, v.v... phần nhiều đồng như ở nước Tô Thích Tha. Dân chúng sinh sống đông đúc, nhà cửa của cải lắm nhiều. Con người phần nhiều phụng thờ ngoại đạo, ít tin Phật pháp, có một ngôi già lam, chư tăng có hơn trăm vị, tập học theo giáo pháp Tiểu thừa thuyết nhất thiết hữu bộ. Có khoảng vài mươi ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn. vua nước đó thuộc chủng tộc Sát Đế Lợi, tuổi mới 20 mà trí mưu dũng mãnh cao xa, rất kính tin Phật pháp, mến chuộng những bậc có tài năng khác lạ.

Từ đó theo hướng đông nam đi hơn 2800 dặm, đến nước Ổ Xà Diễn Na (thuộc Nam Ấn Độ).

12 - NƯỚC Ô XÀ DIỄN NA

Nước Ô Xà Diễn Na chu vi rộng hơn 6000 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 30 dặm. Mọi thứ đất đai thích nghi, phong tục tập quán đều đồng như ở nước Tô Thích Tha. Dân chùng sang sống đông đúc, nhà cửa lắm nhiều của cải. Có khoảng vài mươi ngôi già lam, phần nhiều đều đã hư hoại, hiện còn chỉ có 5 - 3 ngôi, chư tăng có hơn 300 vị. Đối với giáo pháp đại thừa, Tiểu thừa đều dốc công tập học. có khoảng vài mươi ngôiđền thờ trời, các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn. vua nước đó thuộc chủng tộc Bà-la-môn, xem đọc thông rành sách tà, chẳng tin chánh pháp. cách đô thành không xa có ngôi Tốt-đổ-ba, là nơi xưa kia vua Vô Ưu tạo cảnh địa ngục. Từ đó theo hướng đông bắc đi hơn

ngàn dặm đến nước Trịch Chỉ Đà (thuộc Nam Ấn Độ).

13 - NƯỚC TRỊCH CHỈ ĐÀ.

Nước Trịch Chỉ Đà chu vi rộng hơn 4000 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 15 - 16 dặm, đất đai mầu mỡ, lúc thóc gieo trồng tốt tươi, lại thích nghi các gióng đậu, lúa tẻ, có nhiều hoa quả, khí hậu điều sướng. Con người tánh tình thuần thiện, phần nhiều tin theo ngoại đạo, ít tôn kính Phật pháp. Có khoảng vài mươi ngôi già lam, chư tăng hiếm ít. Có hơn 10 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo có hơn ngàn vị. vua nước đó thuộc chủng tộc Bà-la-môn, rất kính tin Tam bảo, tôn trọng những người đức hạnh, cho nên những bậc đạt sĩ ở các phương phần nhiều đều tụ tập đến nước đó. Từ đó theo hướng bắc đi hơn 900 dặm đến nước Ma Hệ Thấp Phạt La (thuộc Trung Ấn Độ).

14 - NƯỚC MA HÊ THẤP PHẠT LA.

Nước Ma Hê Thấp Phạt La chu vi rộng hơn 3000 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 30 dặm. Mọi thứ đất đai thích nghi, phong tục tập quán đều đồng như ở nước Ổ Xà Diễn Na. Tôn kính ngoại đạo, không tin Phật pháp, có khoảng vài mươi ngôi đền thờ trời, phần nhiều là đồ chúng ngoại đạo bôi thoa tro bụi vào thân mình. vua nước đó thuộc chủng tộc Bà-la-môn, chẳng kính tin Phật pháp lắm.

Từ đó trở về lại nước Cù Chiếc La, lại theo hướng bắc vượt qua bãi sa mạc hoang vu hiểm trở đi hơn 1900 dặm, vượt qua sông lớn Tín Độ đến nước Tín Độ (thuộc Tây Ấn Độ).

15 - NƯỚC TÍN ĐỘ.

Nước Tín Độ chu vi rộng hơn 7000 dặm, đô thành lớn của nước đó hiệu là Tỳ Chiêm Bà Bổ La chu vi rộng hơn 30 dặm. Đất đai thích nghi với lúa thóc có lắm nhiều lúa tẻ, lật, là nơi sản sinh các thứ vàng, thau, đá. Lại thích nghi các giống vật trâu, dê, lạc đà, loa, v.v.... Giống lạc đà xứ đó thân hình thấp nhỏ. Lại có một quả núi là nơi sản sinh loại muối đỏ, sắc mày như đá đỏ, muối trắng, muối đen và muối đá trắng, v.v.... Ở các phương vức xa khác dùng lấy đó làm thuốc. Con người tánh khí cứng mạnh nóng nãy nhưng mà chất thực, thường luôn đấu tranh, hay phỉ báng, học hành chẳng khéo rộng sâu, rất kính tin Phật pháp. Có khoảng vài trăm ngôi già lam, chư tăng có hơn vạn vị đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa chánh lượng bộ nhưng phần nhiều tánh nết biếng lười biếng lười giới hạnh uế tệ, còn những vị tinh cần hiền thiện, riêng ở

tĩnh lặng ẩn vết nơi chốn núi rừng, sớm tối chẳng biếng lười phần nhiều là có chứng đắc Thánh quả. Có hơn 30 ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn, vua nước đó thuộc chủng tộc Thú Đà La, tánh tình thuần chất, kính tin Phật pháp. Xưa kia đức Như Lai từng đến nước đó, nên tại các Thánh tích, vua Vô Ưu đều có tạo dựng Tốt-đổ-ba có vài mươi ngôi. Đại A-la-hán Ô Ba Cúc Đa cũng từng đến nước đó giảng pháp giáo hóa, những nơi dừng ở đều có nêu bày di tích, hoặc xây dựng Tăng-già lam, hoặc tạo lập Tốt-đổ-ba, có lắm nhiều nay đây chỉ nói sơ lược mà thôi.

Bên cạnh bờ tây sông Tính Độ trong khoảng ngàn dặm, men theo đê đầm có khoảng vài trăm ngàn người làm vườn nhà ở đó, tánh khí cứng mạnh nóng nãy, chuyên việc giết hại, chăn nuôi trâu để tự sinh sống, không có gì bó buộc thân mạng, nam nữ như nhau, không có sang hèn, cạo bỏ râu tóc vậc mặc áo ca sa, hình tướng tợ như Bí Sô mà làm việc thế tục, chuyên chấp lấy kiến thức nhỏ mọn, chẳng phỉ báng đại thừa. Nghe các bậc lão thành nói là: xưa kia dân chúng xứ đó cam nhẫn chỉ chuyên việc hung dữ tàn hại. Bấy giờ có vị A-la-hán xót thương sự tệ hại ấy, vì muốn giáo hóa họ nên vượt giữa hư không mà đến, hiện sức đại thần thông, bày những việc hiếm có, khiến họ tin nhận, dần hồi dẫn dắt bằng ngôn giáo. Các người kính tin vui mừng nguyện vâng làm theo sự chỉ dạy. Vị A-la-hán ấy biết tâm họ đã thuận phục mới vì trao cho pháp tam quy, dứt bỏ việc làm hung bạo, bỏ hẳn việc giết hại, cạo bỏ râu tóc, vận mặc pháp y, cung kính tuân hành theo giáo pháp. Trải qua năm tháng lâu dài, sự đời dần hồi đổi thay, nên việc giữ gìn Thánh thiện đã khiếm khuyết mà phong hóa lại còn chẳng mất hết. Nên họ tuy vận mặc pháp phục mà không giới thiện, con cháu nối đời noi tập theo thành tục lệ.

Từ đó theo hướng đông đi hơn 900 dặm vượt qua bờ phía đông sông Tín Độ đến nước Mậu La Tam Bộ Lô (thuộc Tây Ấn Độ).

16 - NƯỚC MẬU LA TAM BỘ LÔ.

Nước Mậu La Tam Bộ Lô chu vi rộng hơn 4000 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 30 dặm, dân chúng sinh sống đông đúc, nhà cửa có lắm nhiều của cải. Mọi việc làm đều tùy thuộc theo nước Trách Ca, đất đai mầu mỡ, khí hậu điều thuận, phong tục con người chất thật, khéo ham thích tập học, mến chuộng tài đức, phần nhiều phụng thờ trời thần, ít kính tin Phật pháp. Có hơn 10 ngôi già lam phần nhiều đều đã bị hư hoại, chư tăng hiếm ít, học hành không chuyên tập. Có tám

ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn. Có đền thờ Nhật Thiên (thần mặt trời) trang nghiêm rất mỹ lệ, tôn tượng Nhật Thiên chủ đúc bằng vàng ròng, dùng các vật báu kỳ đặc để nghiêm sức, linh thiêng soi xét cùng khắp, công thần ngầm trùm. Có nữ nhạc thay nhau tấu trỗi, đuốc nến đốt sáng liền ngày, hương hoa cúng dường như mới đầu không phế tuyệt. Các hàng quân vương hào tộc ở các xứ Ấn Độ, không ai chẳng đến đó xả thí những vật quý báu để tạo dựng phước xá (nhà tình thương), dụng mọi thứ ăn uống thuốc men cung cấp mọi người nghèo khổ bệnh tật. Dân chúng ở các nước đến đó cầu nguyền thường có hàng ngàn người. Bốn phía đền thờ trời đó, ao cong hoa rừng đẹp xinh rất đáng nên đến thưởng ngoạn.

Từ đó theo hướng đông bắc đi hơn 5000 dặm, đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm. Dân chúng sinh sống đông đúc, mọi việc làm đều tùy thuộc nước Trách Ca. Có lắm nhiều lúa giê làm mùa nắng hạn, thích nghi với các giống đậu, lúa tẻ. Khí hậu điều thích, phong tục con người chất trực. Con người tánh khí nóng vội thô tháo, nói năng ngôn từ xấu xa, học nghề rất sâu rộng. Tà chánh đều kính tin xen tạp. Có hơn 10 ngôi già lam, chư tăng có hơn ngàn vị đều tập học theo giáo pháp đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có bốn ngôi Tốt-đổ-ba di vua Vô Ưu tạo dựng. Có 20 ngôi đền thờ trời, các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn. Bên cạnh đô thành có một ngôi già lam lớn, chư tăng có hơn trăm vị, đều tập học theo giáo pháp đại thừa. Xưa kia Luận sư Thận Na Phất Đát La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Tối Thắng Tử ở tại nước đó trước thuật "Thức Luận Du Già sư địa". Và đó cũng là nơi các luận sư Hiền Ái, luận sư Đức Quang vốn xuất gia tại đó. Ngôi già lam lớn đó gặp phải hoạn nạn lửa trời thiêu đốt hư sụp đổ nát!

Từ nước Tín Độ theo hướng tây nam đi khoảng 1500 - 1600 dặm đến nước A Điểm Bà Sí La (thuộc Tây Ấn Độ).

18 - NƯỚC A ĐIỂM BÀ SÍ LA.

Nước A Điểm Bà Sí La chu vi rộng hôn 5000 dặm. Đô thành lớn của nước đó hiệu là Khiết Tể Thấp Phạt La chu vi rộng hơn 30 dặm. Cảnh vức phía tây nỏ hẹp, gần sông Tín Độ, gần bãi biển lớn. Nhà cửa trang nghiêm có nhiều vật quý báu. Gần đây không có quân trưởng nên toàn tùy thuộc nước Tín Độ. Đất đai thấp ẩm, đất bới lên chất muối, cỏ dơ hoang phủ tươi tốt, ruộng gò ít khai khẩn. Lúa thóc tuy đủ loại, mà đặc biệt giống lúa tẻ lắm nhiều. Khí hậu hơi lạnh, gió thổi vù vù cứng

mạnh. Thích nghi các giống vật trâu, dê, lạc đà, loa. Con người tánh khí hung bạo thô gấp, chẳng khép ham tập học. nói năng hơi khác so với các nước xứ Trung Ấn Độ. Xứ đó, tập tục thuần chất, kính sùng Tam bảo, có hơn 80 ngôi già lam, chư tăng có hơn 5000 vị, phần nhiều đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có 10 ngôi đền thờ trời, phần nhiều là đồ chúng ngoại đạo bôi thoa tro bụi vào thân mình sinh sống. Trong đô thành có ngôi đền thờ trời Đại Tự Tại. Đền nhà khắc chạm trang sức, tôn tượng trời linh thiêng soi xét. Các ngoại đạo bôi thoa tro bụi thân mình đến ở trong đó. Xưa kia đức Như Lai từng đến nước đó giảng pháp độ người dẫn phàm lợi tục nên các nơi Thánh tích vua Vô Ưu đều tạo dựng Tốt-đổ-ba có đến sáu ngôi. Từ đó theo hướng tây đi gần 2000 dặm đến nước Lang Yết La (thuộc Tây Ấn Độ).

19 - NƯỚC LANG YẾT LA.

Nước Lang Yết La cả bốn phía đông tây nam bắc dài rộng cả vài ngàn dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 30 dặm hiệu là Tốt Đồ Lê Thấp Phạt La. Đất đai mầu mỡ, lúa thóc tươi tốt. Các thứ khí hậu phong tục đồng như ở nước A Điểm Bà Sí La. Dân chúng sinh sống đông nhiều, có lắm vật quý báu, gần bãi biển lớn, có đường đi vào nước Tây Nữ. Không có quân trưởng lớn, men tựa theo sông sống tự lập, chẳng cùng vâng thừa mạng lệnh. Mọi việc làm tùy thuộc nước Ba Thích Tư. Văn tự phần lớn đồng như ở các nước Ấn Độ, nói năng phần nhiều có phần hơi khác. Tà chánh đều kính tin. Có hơn trăm ngôi già lam, chư tăng có hơn 6000 vị, đối với giáo pháp đại thừa Tiểu thừa đều gắng công tập học. Có khoảng vài trăm ngôi đền thờ trời. Các hàng ngoại đạo phần nhiều là đồ chúng bôi tro bụi vào thân mình rất đông. Phía trong đô thành có ngôi đền thờ trời Đại Tự Tại, trang nghiêm rất mỹ lỵ, các ngoại đạo bôi tro bụi thân mình chuyên kính thờ đó.

Từ đó theo hướng tây bắc đến nước Ba Thích Tư (tuy chẳng phải nước thuộc các xứ Ấn Độ, xưa trước gọi lược là nước Ba Tư).

20 - NƯỚC BA THÍCH TƯ.

Nước Ba Thích Tư chu vi rộng vài vạn dặm, đô thành lớn nước đó hiệu là Tô Thích Tát Thảng Na chu vi rộng hơn 40 dặm. Sông đất đã rộng nhiều mà khí hậu cũng khác lạ, đại để là ấm nóng. Dẫn nước làm ruộng, nhà cửa dân chúng đông nhiều giàu sang, là nơi sản sinh các thứ vàng, thau, đá, pha chi, thủy tinh, vật báu khác lạ trân quý. Thợ dệt thảm gấm mịn, đệm lông thô, v.v... Lại có nhiều ngựa giỏi tốt, lạc

đà, buôn bán đổi chác dùng bằng tiền vàng lớn. Con người tánh khí thô tháo hung bạo, tập tục không có lễ nghĩa, chữ nghĩa nói năng khác với các nước, không tập học nghề nghiệp, có lắm nhiều công kỷ. Phàm mọi sự tác các cảnh vực lân cận đều mến trọng. Hôn thú tạp loạn. Người chết phần nhiều vất bỏ thi thể. Con người thân hình to lớn, cắt ngang tóc lộ bày đảnh đầu, vận mặc áo vải thô, hoặc gấm, giạ. Đóng thuế nhà mỗi người bốn tiền bạc. Các ngôi đền thờ trời có lắm nhiều do đồ chúng ngoại đạo Đề Na Bạt tôn thờ. Có vài ba ngôi già lam, chư tăng có khoảng vài trăm vị, đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa thuyết nhất thiết hữu bộ. Bình bát của đức Thích-ca Thế Tôn hiện ở tại vương cung nước đó. Cảnh vực phía đông nước đó có rừng Hạc Lâm. Bên trong đô thành không rộng, phía ngoài thành quách chu vi rộng hơn 60 dặm. Dân chúng sinh sống đông đúc, nhà cửa lắm nhiều của cải. Về phía tây bắc tiếp liền với nước Phất Lẫm. Cảnh vực đất đai, phong tục đồng như ở nước Ba Thích Tư, con người dung mạo và nói năng có phần hơi khác. Có nhiều vật quý báu cũng lắm nhiều nhà giàu sang. Ở góc đảo biển phía tây nam nước Phất Lẫm có nước Tây Nữ, nước đó toàn là người nữ, không có người nam, có lắm nhiều của cải quý báu, mọi việc đều phụ thuộc nước Phất Lẫm. Nên mỗi năm vua nước Phất Lẫm sau các người nam sang đó phối hưởng. Nước đó có tập tục nếu sinh con trai đều chẳng đều không phải là sinh đẻ.

Từ nước A Điểm Bà Sí La theo hướng bắc đi hơn 700 dặm đến nước Tý Đa Thế La (thuộc tây Ấn Độ).

21 - NƯỚC TÝ ĐA THẾ LA.

Nước Tý La Thế Đa chu vi rộng hơn 3000 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm. Dân chúng sinh sống đông đúc, không có quân trưởng lớn, mọi việc làm đều tùy thuộc nước Tí Độ. Đất đai pha lẫn cát muối, gió lạnh tê buốc. Có lắm nhiều giống lúa tẻ, hiếm ít hoa quả. Phong tục con người hung bạo, nói năng khác biệt so với các nước Trung Ấn Độ, không khéo ham thích học nghề, nhưng biết thuần tín. Có hơn 50 ngôi già lam, chư tăng có hơn 3000 vị, đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có hơn 20 ngôi đền thờ, đều là đồ chúng ngoại đạo bôi thoa tro bụi vào thân mình. Từ đô thành về phía bắc cách khoảng 15 - 16 dặm vào trong rừng lớn có ngôi Tốt-đổ-ba cao vài trăm thước do vua Vô Ưu tạo dựng. Bên trong có tôn thờ xá lợi, có lúc tỏa phóng ánh sáng, là nơi xưa kia đức Như Lai làm vị tiên nhân bị quốc vương giết hại. Từ đó về phía đông cách không xa có ngôi già lam

xưa cũ do Đại A-la-hán Đại Ca Đa Diễn Na tạo dựng. Bên cạnh đó là nơi có di tích của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành, đều có tạo dựng các ngôi Tốt-đổ-ba để nêu bày.

Từ đó theo hướng đông bắc đi hơn 300 dặm đến nước A Áng Trà (thuộc Tây Ấn Độ).

22 - NƯỚC A ÁNG TRÀ.

Nước A Áng Trà chu vi rộng khoảng 2400 - 2500 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm, không có quân trưởng lớn, mọi việc làm đều tùy thuộc nước Tín Độ. Đất đai thích nghi với lúa thóc, đặc biệt lắm nhiều lúa tẻ, hoa quả hiếm ít, cây rứng đều đặn tươi tốt. Khí hậu gió lạnh. Con người tánh khí mạnh dữ nóng nảy, nói năng chất phác. Chẳng chuộng học tập nhưng đối với Tam bảo giữ tâm thuần tin. Có hơn 20 ngôi già lam, chư tăng có hơn 2000 vị, phần nhiều đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có năm ngôi đền thờ trời, đều là hàng ngoại đạo bôi thoa tro bụi vào thân mình. Từ đô thành về phía đông bắc cách không xa, trong rừng trúc lớn, hiện có có nền móng ngôi già lam. Đó là nơi xưa kia đức Như Lai ở đó chấp thuận cho các Bí Sô mang giầy cực phược. Bên cạnh đó có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng, nền móng tuy đã bị đổ nát lấp vùi mà còn cao hơn trăm thước. Bên cạnh ngôi già lam đó có ngôi tinh xá có tôn tượng đức Phật đứng bằng đá xanh, vào những ngày trai thường tỏa phóng ánh sáng thần. Tiếp về phía nam cách hơn 800 bộ vào trong rừng có ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng. Xưa kia đức Như Lai đến đó nghỉ qua đêm gặp phải rét lạnh mới dùng cả ba pháp đắp y phủ lên thân mình, đến sáng sớm, đức Phật khai giới cho các Bí Sô đắp mặc áo phức nạp. Trong rừng đó có nơi xưa kia đức Phật đi kinh hành. Lại có vác ngôi Tốt-đổ-ba sắp đặt thứ lớp đều là nơi bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền. Trong ngôi Tốt-đổ-ba có tôn thờ tóc và móng tay của đức Như Lai. Vào những ngày trai phần nhiều có tỏa phóng ánh sáng. Từ đó theo hướng đông bắc đi hơn 900 dặm đến nước Phạt Thích Noa (thuộc Tây Ấn Độ).

23 - NƯỚC PHẠT THÍCH NOA.

Nước Phạt Thích Noa chu vi rộng hơn 4000 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm. Dân chúng sinh sống đông đúc, mọi việc làm đều tùy thuộc nước Ca Tất Thí. Đất đai lắm nhiều núi rừng. Lúa thóc gieo trồng theo thời vụ, khí hậu hơi lạnh, phong tục con người mạnh mẽ nóng nãy, tánh khí vội vã thô bạo, chí ý xấu tệ, nói năng hiếm

ít giống các nước xứ Trung Ấn Độ, tà chánh đều tôn sùng. Chẳng khéo ham thích tập học nghề nghiệp. Có khoảng vài mươi ngôi già lam, phần nhiều đều đã hoang phế hư hoại, chư tăng có hơn 300 vị đều tập học theo giáo pháp đại thừa. Có năm ngôi đền thờ trời, phần nhiều là đồ chúng ngoại đạo bôi thoa tro bụi vào thân mình. Từ đô thành về phía nam cách không xa, có ngôi già lam xưa cũ, xưa kia đức Như Lai từng ở tại đó giảng nói giáo pháp, chỉ bày mọi sự lợi mừng, khai ngộ các quần sinh. Bên cạnh đó là nơi có di tích của bốn đức Phật thời quá khứ tọa thiền và kinh hành. Nghe các hàng sĩ tục nói là phía tây nước đó tiếp giáp với nước Kê Khương Na ở giữa khoảng núi sông, riêng tự lập chủ, không có quân trưởng lớn. Có lắm nhiều trâu ngựa, có giống ngựa hay giỏi thân hình rất lớn, các nước hiếm có giống ấy, các xứ lân cận rất quý trọng. Lại từ đó theo hướng tây bắc vượt qua núi lớn và sông rộng, trải qua thêm thành ấp nhỏ đi hơn 2000 dặm ra khỏi cảnh vức Ấn Độ đến nước Tào Củ Tra (còn gọi là nước Tào Lợi).

PHỤ LỤC: NÓI THÊM VỀ NƯỚC TĂNG GIÀ LA (Truyện 1).

Nước Tăng-già-la tức là nước Sư Tử xưa kia, lại còn gọi là nước Vô Ưu thuộc Nam Ấn Độ, xứ đó lắm nhiều vật báu kỳ đặc, nên còn gọi tên là Bảo Chử (bãi vật báu). Xưa kia đức Phật Thích-ca Mâu-ni hóa thân với tên gọi là Tăng-già La, các đức hạnh đều gồm đủ, mọi người trong nước đó suy tôn lên làm vua, nên nước đó cũng lấy chữ "Tăng-già La" làm hiệu. Vua Tăng-già-la dùng sức thần thông lớn, phá hủy thành sắt lớn, diệt các La sát nữ, cứu giúp mọi người mắc phải ách nạn, từ đó xây dựng đô thành phân lập thôn ấp, cảm hóa dắt dẫn phương ấy, tuyên dương giáo pháp, lại thị hiện tịch diệt, lưu lại cốt răng. Hiện nay xứ đó thuần toàn kim cang bền chắc, trải qua thời gian lâu dài mà chẳng hư hoại. Báu sáng soi chiếu khắp xa như muôn sao tỏa rực giữa không trung, như vầng trăng soi sáng giữa đêm trường, tợ vầng thái dương rực lệ giữa ban ngày. Phàm như có cầu đảo đều được ứng đáp như vọng hưởng. Nếu nước nhà có sự hung hoang biến dị, tinh ý khẩn cầu, điềm linh tốt lành sẽ tuỳ theo đến. Nay núi Tích Lan tức là nước Tăng-già-la xưa kia vậy. Bên cạnh vương cung có tinh xá Phật Nha, dùng các vật báu nghiêm sức ánh ngời, trải qua nhiều đời tiếp nối kính lễ không suy giảm. Nay vua nước đó tên là A Liệt Khổ Nại Nhi người xứ Tỏa Lý, tôn thờ ngoại đạo, chẳng kính Phật pháp, bạo ngược hung tàn, chẳng giúp

đỡ dân chúng trong nước, khinh thường cốt răng đức Phật.

Năm Vĩnh Lạc thứ ba (1405) thời nhà Minh ở Trung Hoa, vua Thành Tổ (Chu Lệ 1403 - 1425) sai phái trung sứ thái giám Trịnh Hòa mang hương hoa đến nước đó cúng dường. Trịnh Hòa khuyên vua nước đó là A Liệt Khổ Nại Nhi kính sùng Phật giáo, xa lìa ngoại đạo. vua A Liệt Khổ Nại Nhi tức giận muốn làm hại, Trịnh Hòa nhận biết mưu đồ đó, bèn bỏ đi. Về sau lại sai phái Trịnh Hòa sang ban tặng ở các phiên, đến bái tặng vật vua nước núi Tích Lan: vua A Liệt Khổ Nại làng càng thêm khinh mạn chẳng cung kính, muốn mưu tính làm hại sứ giả, dùng năm vạn binh lính chặt cây đóng cấm bít đường, phân binh lính cướp thuyền biển, nhóm hội các hạng người dưới dự tham bèn tiết lộ mưu cơ đó. Trịnh Hòa phát giác ra kịp vội xoay thuyền, giữa đường đã ách tuyệt, ngầm sai người ra, thuyền soái chống cự đó. Giữa ban đêm, Trịnh Hòa dẫn 3000 binh lính dẫn đường đánh vào vương cung và trấn giữ đó, Phiên binh muốn cướp thuyền biển đó cùng với Phiên binh trong nước đó từ bốn mặt đánh lại, hợp vây vài lớp, đánh nhau suốt sáu ngày. Trịnh Hòa bắt lấy vua A Kiệt Khổ Nại Nhi dấn bước thời gian mở cửa chặt cây lấy đường, vừa đánh vừa đi hơn 20 dặm, tới chiều mới đến nơi thuyền, bèn đến lễ thỉnh cốt răng đức Phật xuống thuyền, có lắm linh dị khác thường như đã nói ở trước kia, sấm sét nổ dụng chấn động lớn, từ xa trông thấy đều ẩn tránh, dẫm trải qua biển lớn cả vài mươi vạn dặm, sóng gió chẳng kinh động như bước đi trên đất bằng; Rồng dữ cá ác phâ đường dẫn trước, an nhiên chẳng làm hại. Mọi người trong thuyền đều an ẩn khoái lạc.

Tới ngày mồng 9 tháng 7 năm Vĩnh Lạc (1411) thời nhà Minh, ở Trung Hoa, về đến kinh đô, vua Thành Tổ bảo ban nghinh thỉnh vào trong hoàng thành, dùng gỗ chiên đàn, vàng, kim cang để trang nghiêm tòa báu và tôn trí cốt răng của đức Phật đó mà kính tu cúng dường, làm lợi ích cho các loài hữu tình, cầu phước cho muôn dân, tạo vô lượng công đức.

■

ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỨC KÝ

QUYỂN 12

(Nói về 22 nước)

1. Nước Tào Cũ Tra.
2. Nước Phất Lật Thị Tát Thảng Na.
3. Nước A Đạt La Phược.
4. Nước Hoạt Tất Đa.
5. Nước Hoạt.
6. Nước Măng Kiện.
7. Nước A Lợi Ni.
8. Nước Hạt La Hồ.
9. Nước Ngật Lật Sắc Ma
10. Nước Bát Lợi Hạt.
11. Nước Hý Ma Đát La.
12. Nước Bát Lạt Sáng Na.
13. Nước Dâm Bạt Kiện.
14. Nước Khuất Lãng Noa.
15. Nước Đạt Ma Tất Thiết Đế.
16. Nước Thi Khí Ni.
17. Nước Thương Di.
18. Nước Khiết Bàn Đà.
19. Nước Ô Sát.
20. Nước Khư Sa.
21. Nước Chúc Cú Ca.
22. Nước Cù Tát Đán Na.

1 - NƯỚC TÀO CỦ TRA.

Nước Tào Củ Tra chu vi rộng hơn 7000 dặm. Đô thành lớn của nước đó hiệu là Hạt Tất Na chu vi rộng hơn 30 dặm, hoặc thành Đô Hạc Tát La chu vi rộng hơn 30 dặm đều là cao vợi hiểm nguy bền chắc, núi sông liền giải, ruộng gò cao ráo, lúa thóc gieo trồng theo thời vụ, lắm

nhiều giống lúa tẻ, cỏ cây đều đặn tươi tốt, hoa quả lắm nhiều. Đất đai lại thích nghi giống cây Uất kim hương, là xứ sản sinh giống cỏ Hưng Cù, cỏ sinh vùng sông Ma La Ấn Độ. Trong thành Hạc Tát La có dòng suối tuông trài chảy thành dòng phái. Dân chúng trong nước lấy lợi từ đó tưới rót ruộng đồng, khí hậu lạnh cứng, sương tuyết lắm nhiều. Con người tánh khí khinh tháo, tìny ý lắm dối trá, khéo ham học nghề, có nhiều kỹ thuật, thông mẫn mà chưa khéo, mỗi sáng sớm mai tụng tấu hư đàm, hiến ít thành sự thật. Tuy cúng tế trăm thần mà vẫn kính sùng Tam bảo. Có khoảng vài trăm ngôi già lam, chư tăng có hơn vạn vị đều tập học theo giáo pháp đại thừa. Hiện nay vua nước đó vốn được thuần tin nhiều đời tiếp nối nên chuyên lo tu tạo thắng phước, thông mẫn mà lại khéo ham học. vua Vô Ưu có tạo dựng hơn 10 ngôi Tốt-đổ-ba tại nước đó. Có khoảng vài mươi ngôi đền thờ trời. Các hàng dị đạo chung sống lẫn lộn, tính kể có lắm nhiều ngoại đạo. Đồ chúng rất hưng thạnh, tôn thờ trời Sô Na. Thiên thần đó xưa kia từ núi A Lộ Nhu nước Ca Tất Thí chuyển dời đến trong núi Sô Na Hý La ở cảnh giới phía nam nước đó, ra oai làm phước, hiện hung bạo tạo ác. Người kính tin mong cầu thì toại quả nguyện, kẻ khinh miệt thì phải chịu tai ương. Nên mọi người từ xa gần đều tông ngưỡng, trên dưới thảy kính sợ. Các hàng quân thần liêu thứ ở các nước láng giềng hay cách khách phong tục mỗi năm vào ngày tốt lành chẳng hẹn mà cùng tụ hội, hoặc mang các thứ vàng bạc vật báu kỳ đặc, hoặc đem trâu ngựa các súc vật đua nhau dâng hiến tỏ bày thuần khiết, do đó vàng bạc trải cùng đất, dê ngựa đầy hang cốc, không dám dòm dỏ, chỉ tu cúng dường, tôn thờ ngoại đạo, khắc tâm khổ hạnh. Thiên thần trao cho chú thuật, các ngoại đạo tuân hành, có nhiều công hiệu trị liệu bệnh tật rất được lành mạnh.

Từ đó, theo hướng bắc đi hơn 500 dặm đến nước Phất Lật Thị Tát Thảng Na.

2 - NƯỚC PHẤT LẬT THỊ TÁT THẢNG NA.

Nước Phất Lật Thị Tát Thảng Na từ đông sang tây dài hơn 2000 dặm, từ nam sang bắc rộng hơn 1000 dặm. Đô thành lớn của nước đó hiệu là Hộ Tất Na chu vi rộng hơn 20 dặm. Các thứ đất đai thích nghi, phong tục tập quán đều đồng như ở nước Tào Củ Tra, nói năng có khác. Khí hậu lạnh gắt, con người tính khí cứng mạnh nóng nãy. vua nước đó thuộc chủng tộc Đột Quyết, rất kính tin Tam bảo, mến chuộng tập học, tôn kính tài đức.

Từ nước đó theo hướng đông bắc, vượt núi băng sông, vượt qua

biên giới nước Ca Tất Thí, qua khoảng 20 thành nhỏ và thôn ấp, đến đảnh núi lớn Bà La Tê Na ở núi tuyết lớn. Đảnh núi đó cao vợi hiểm nguy, đường đi quanh co, sườn đảnh xoay quanh, hoặc vào hang cốc sâu, hoặc lên sườn đảnh cao. Vào giữa mùa hạ mà tuyết đóng, gió lạnh tê buốt, tuyết đóng dày hang cốc. Các lữ hành đi qua chẳng thể dừng bước chân, bay nhảy liệng quanh, chẳng thể vượt qua, dấu chân vừa dẫm bước sau đó liền vụt bay, trông nhìn xuống các núi phía dưới như nhìn các đống đất nhỏ. Trong Thiệm bộ châu, đảnh núi đó đặc biệt cao vợi, trên đảnh núi đó không có cây cối, chỉ có nhìn ngọn núi đá, nhóm đứng tựa nhau lắm nhiều như rừng. Lại đi mất thêm ba ngày nữa mới xuống khỏi đảnh núi đó, đến nước An Đát La Phược.

3 - NƯỚC AN ĐÁT LA PHƯỢC.

Nước An Đát La Phược là chỗ đất xưa cũ của nước Đổ Hóa La chu vi rộng hơn 3000 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 14 - 15 dặm, không có quân trưởng lớn, mọi việc làm đều tùy thuộc Đột Quyết, núi đồi liền nhau, sông, đồng ruộng nhỏ hẹp. Khí hậu lạnh buốt, gió tuyết cứng mạnh. Lắm nhiều lúa thóc, rất thích nghi với hoa quả. Con người tánh khí hung bạo, tập tục không có cương kỷ, không biết tội phước, không mến chuộng tập học, chỉ tu cúng thờ thần, không tin Phật pháp. Có ba ngôi già lam, chư tăng có khoảng vài mươi vị nhưng đều tuân theo tập học giáo pháp đại chúng bộ. Có một ngôi Tốt-đổ-ba do vua Vô Ưu tạo dựng. Từ đó theo hướng tây bắc vào hang cốc vượt đảnh núi, băng qua các thành nhỏ đi hơn 400 dặm đến nước Hoạt Tất Đa.

4 - NƯỚC HOẠT TẤT ĐA.

Nước Hoạt Tất Đa là chỗ đất xưa cũ của nước Đổ Hóa La, chu vi rộng gần ngàn dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm. Không có quân trưởng lớn, mọi việc làm đều tùy thuộc Đột Quyết. Núi nhiều sông hẹp, lại lắm gió lạnh. Lúa thóc nhiều hoa quả tươi tốt. Con người tánh khí hung bạo, tập tục không có pháp độ. Có ba ngôi già lam chư tăng rất hiếm ít. Từ đó theo hướng tây bắc, vượt núi băng hang, qua các thành ấp, đi hơn 300 dặm đến nước Hoạt.

5 - NƯỚC HOẠT.

Nước Hoạt là chỗ đất xưa cũ của nước Đổ Hóa La, chu vi rộng hơn 2000 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 20 dặm. Không có quân trưởng riêng biệt, mọi việc làm đều tùy thuộc Đột Quyết. Đất

đai bằng phẳng, lúa thóc gieo trồng theo thời vụ, cỏ cây tươi tốt hoa quả lắm nhiều. Khí hậu hòa sướng, phong tục thuần chất. Con người tánh khí thô tháo nóng nãy, vận mặc y phục đệm giạ vải sợi thô. Phần nhiều kính tin Tam bảo, ít tôn thờ thần. Có hơn 10 ngôi già lam, chư tăng có khoảng vài trăm vị. Đối với giáo pháp đại thừa Tiểu thừa, đều gắng công tập học. vua nước đó thuộc chủng tộc Đột Quyết, thường đóng ở các nước nhỏ từ Thiết Môn trở về phía nam, luôn dời đổi như chim, chẳng thường ở tại ấp. Từ đó, theo hướng đông là vào Thông Lãnh. Thông Lãnh ở trong Thiệm bộ châu, phía nam tiếp liền với núi Tuyết lớn, phía bắc đến tận ngàn suối biển nóng, phía tây đến tận nước Hoạt và phía đông đến nước Ô Sát. Bốn mặt đông tây nam bắc mỗi mặt dài rộng khoảng vài ngàn dặm, sườn bờ đảnh núi có vài trăm lớp. Hang sâu đảnh vót thường luôn tích chứa băng tuyết, gió lạnh cứng gắt, là nơi có nhiều cây thông sinh sống nên gọi là thông lãnh. Lại về chung quanh sườn núi toàn thông xanh biếc, bèn lấy đó mà đặt tên. Từ đó theo hướng đông đi hơn trăm dặm đến nước Măng Kiện.

6 - NƯỚC MĂNG KIỆN.

Nước Măng Kiện là chốn đất xưa cũ của nước Đổ Hóa La, chu vi rộng hơn 600 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 15 - 16 dặm. Mọi thứ đất đai thích nghi, phong tục tập quán, v.v... đều đồng với như ở nước Hoạt. Không có quân trưởng lớn, mọi việc làm đều tùy thuộc Đột Quyết. Từ đó về hướng bắc là đến nước A Lợi Ni.

7 - NƯỚC A LỢI NI.

Nước A Lợi Ni là chốn đất xưa cũ của nước Đổ Hóa La, men dãi theo hai bờ sông Phược Sô, chu vi rộng hơn 300 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 14 - 15 dặm. Mọi thứ đất đai thích nghi, phong tục tập quán, v.v... đều đồng như ở nước Hoạt. Từ đó về hướng đông là đến nước Hạt La Hồ.

8 - NƯỚC HẠT LA HỒ.

Nước Hạt La Hồ là chốn đất xưa cũ của nước Đổ Hóa La, phía bắc gần sông Phược Sô, chu vi rộng hơn 200 dặm. Đô thành lớn của nước đó rộng khoảng 14 - 15 dặm. Mọi thứ đất đai thích nghi, phong tục tập quán, v.v... đều đồng như ở nước Hoạt.

Từ nước Măng Kiện về hướng đông, vượt qua đảnh núi cao vót vào hang cốc thông suốt, đi qua vài dòng sông và thành ấp, đi hơn 300

dặm đến nước Ngột Lật Sắc Ma.

9 - NƯỚC NGỘT LẬT SẮC MA.

Nước Ngột Lật Sắc Ma là chốn đất xưa cũ của nước Đổ Hóa La. Từ đông sang tây rộng hơn 10 dặm, từ nam sang bắc dài hơn 300 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 15 - 16 dặm. Mọi thứ đất đai thích nghi, phong tục tập quán, v.v... đều đồng như ở nước Măng Kiện. Chỉ có khác là con người tánh khí hung bạo ngu xuẩn tàn ác mà thôi. Từ đó về hướng đông bắc là đến nước Bát Lợi Hạt.

10 - NƯỚC BÁT LỢI HẠT.

Nước Bát Lợi Hạt là chốn đất xưa cũ của nước Đổ Hóa La. Từ đông sang tây rộng hơn trăm dặm, từ nam sang bắc rộng hơn 300 dặm. Đô thành lớn của nước đó rộng hơn 20 dặm. Mọi thứ đất đai thích nghi, phong tục tập quán, v.v.., đều đồng như ở nước Ngột Lật Sắc Ma.

Từ nước Ngột Lật Sắc Ma theo hướng đông vượt qua núi trải qua sông, đi hơn 300 dặm đến nước Hy Ma Đát La.

11 - NƯỚC HY MA ĐÁT LA.

Nước Hy Ma Đát La là chốn đất xưa cũ của nước Đổ Hóa La chu vi rộng hơn 3000 dặm. Núi sông quanh co, đấtđai mầu mỡ, thích nghi với lúa thóc, có nhiều lúa tẻ. Trăm thứ cỏ tươi tốt, các giống hoa quả lắm nhiều. Khí hậu lạnh gắt. Con người tánh khí hung bạo gấp vội, không biết tội phước, hình dáng thô xấu, oai nghi đường đột, vận mặc y phục bằng giạ, da, vải sợi thô rất đồng như ở Đột Quyết. Ở nước đó, người vợ trên đầu quấn sừng gỗ cao hơn ba thước, phía trước có hai nanh vót tượng trưng cho cha mẹ chồng. Nanh vót phía trên tượng trưng cho cha, Nanh vót phía dưới tượng trưng cho mẹ, tùy cha hay mẹ qua đời trước mà vất bỏ đi một nanh vót. Cậu cô đều đã qua đời thì vất bỏ sừng gỗ đó. Xưa trước, đó là một đất nước hùng mạnh, vua thuộc dòng họ Thích. Ở phía tây của Thông Lãnh rất được nhiều thuần phục. Cảnh vức láng giềng thuộc chủng tộc Đột Quyết nên bèn bị nhiễm theo phong tục đó, lại vị bị xâm lấn nên phải tự giữ lấy cảnh vức của mình. Nên dân chúng nước đó lưu lạc đến các cảnh vức khác. Có khoảng vài mươi khi thành bền chắc, mỗi tự riêng lập chủ, chòi nhà màn trước dời đổi qua lại. Phía tây tiếp liền với nước Ngật Lật Sắc Ma. Đi hơn 200 dặm đến nước Bát Đạt Sáng Na.

12 - NƯỚC BÁT ĐẠT SÁNG NA.

Nước Bát Đạt Sáng Ma là chốn đất xưa cũ của nước Đổ Hóa La, chu vi rộng hơn 2000 dặm, đô thành lớn của nước đó men tựa trên sườn núi chu vi rộng khoảng 6 - 7 dặm, núi sông quanh có, cát đá lan tràn, đất đai thích nghi với các giống đậu lúa tẻ. Có lắm nhiều giống cây trái bồ đào, hồ đào, lê, nại (mít), v.v... Khí hậu lạnh gắt. Con người tánh khí cứng mạnh, tập tục không có lễ phép, không biết học nghề, con người dáng mạo thô xấu, phần nhiều vận mặc y phục vải giạ, vải sợi thô. Có khoảng 3 - 4 ngôi già lam, chư tăng rất hiếm ít. vua nước đó tánh tình thuần chất, kính tin Tam bảo. Từ đó theo hướng đông nam vào trong hang núi đi hơn 200 dặm đến nước Dâm Bạc Kiện.

13 - NƯỚC DÂM BẠC KIỆN.

Nước Dâm Bạc Kiện là chốn đất xưa cũ của nước Đổ Hóa La, chu vi rộng hơn ngàn đặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm, núi đảnh liền nhau, sông nước ruộng đồng nhỏ hẹp. Mọi thứ đất đai thích nghi, khí hậu phong tục, tánh khí con người, v.v... phần nhiều đồng như ở nước Bát Đạt Sáng Na, chỉ có nói năng hơi khác. vua nước đó tánh khí hung bạo, không khéo rõ mọi việc thiện ác. Từ đó, theo hướng đông nam, vượt đảnh băng hang, đường sá quanh co nguy hiểm, đi hơn 300 dặm đến nước Khất Lãng Noa.

14 - NƯỚC KHẤT LÃNG NOA.

Nước Khất Lãng Noa là chốn đất xưa cũ của nước Để Hóa La chu vi rộng hơn 2000 dặm. Mọi thứ đất đai thích nghi, núi sông, thời tiết, v.v... đều đồng như ở nước Dâm Bạc Kiện. Tập tục nước đó không biết tạo phước, ít kính tin Phật pháp, dung mạo xấu xí, phần nhiều vấn mặc y phục vải giạ, vải sợi thô. Lại trong hang núi hay sản sinh nhiều kim tinh, bổ chẻ đá đó ra sau hẳn có được. Các ngôi già lam đã ít, chư tăng cũng hiếm thiết. vua nước đó tánh tình thuần chất, sùng kính Tam bảo. Từ đó theo hướng đông bắc leo lên đảnh núi vào hang cốc, đường sá hiểm nguy, đi hơn 500 dặm đến nước Đạt Ma Tất Thiết Đế (còn gọi là nước Trấn Khản, ha nước Hộ Mật).

15 - NƯỚC ĐẠT MA TẤT THIẾT ĐẾ.

Nước Đạt Ma Tất Thiết Đế ở giữa khoảng hai quả núi là chốn đất xưa cũ của nước Đổ Hóa La. Từ đông sang tây dài khoảng 1500 - 1600 dặm, từ nam sang bắc rộng khoảng 4 - 5 dặm, nơi hẹp nhất thì không

quá một dặm. Gần sông Phược Sô, quanh co khúc chiết, gò đồi cao thấp, cát đá lan tràn, gió lạnh rét buốt, chỉ gieo trồng được giống lúa tẻ, đậu, hiếm cây rừng. Là nơi sản sinh giống ngựa tốt giỏi, ngựa thân hình tuy nhỏ mà có sức nhẫn nại vượt nhanh, tập tục không có lễ nghĩa, con người tánh khí hung bạo, dáng mạo thô xấu, vận mặc y phục vải giạ, vải sợi thô, tròng mắt phần nhiều xanh biếc, đó là điểm khác so với các nước. Có hơn 20 ngôi già lam, chư tăng hiếm ít.

Trong đô thành của nước Hôn Đà Đa Thành có ngôi già lam do tiên vương nước (Đạt Ma Tất Thiết Đế) đó tạo dựng, xẻ đục sườn núi cắm đóng hang cốc mà tạo dựng nên nhà cửa. Mới đầu, nước đó chưa có Phật giáo hoằng truyền, chỉ chuyên tôn thờ tà thần. Khoảng vài trăm năm trước đây mới hoằng dương pháp hóa. Mới đầu, vua nước đó mến thương người con cảm mắc bệnh, khổ nhọc tìm cầu thuốc thang chữa trị mà chỉ có thêm, chứ không giảm bớt, đích thân vua mới đến đền thờ trời, lễ bái nguyện xin cầu cứu. Khi ấy người chủ đền thờ ấy làm thần bảo hẳn sẽ lành khỏi, không có gì phải lo toan. vua nghe thế vui mừng an ủy xoay trở xa giá ra về, đi giữa đường gặp một vị Sa-môn dung mạo khả quan, vua kinh sợ hình phục ấy mới hỏi: “Từ đâu đến?”. Vị Sa-môn đó đã chứng đắc Thánh quả muốn hoằng dương Phật pháp nên hiện hình nghi đó mà bảo cùng vua rằng: “Tôi là đệ tử của đức Như Lai, nên gọi là Bí Sô”. Vua đã ôm lòng buồn lo nên liền trước hỏi rằng: “Con tôi cảm mắc bệnh tật, sống chết chưa phân rành”. Vị Sa-môn đó bảo: “Tiên linh của vua đã khởi dậy, mến thương con khó cứu”. Vua nói là: “Thiên thần bảo là nó hẳn không chết”. Vị Sa-môn đó bảo: “Con vua sẽ chết. Hạng dối trá trong đời, làm sao đáng nên tin?”. Vua về đến trong cung thì đứa con mến thương đã chết. Vua bèn giấu yên chẳng phát tang, mà lại sang hỏi thần chủ. Thần chủ còn bảo: “Con vua không chết, bệnh tật ấy sẽ lành khỏi”. Vua bèn tức giận trói buộc thần chủ mà bảo rằng: “Bọn các ông sống từng đàn nuôi lớn điều xấu ác, vọng bày điều oai phước. Con ta đã chết mà còn bảo là sẽ lành bệnh. Dối hoặc như thế này, sao có thể nhẫn chịu được?”. Vua bèn giết thần chủ, phá dẹp miếu linh. Sau khi giết thần chủ, phá dẹp tượng thần, ném vất xuống sông Phược Sô, vua xoay trở xa giá mà về. Lại gặp vị Sa-môn đó, vừa thấy nhà vua liền kính mừng cúi đầu lễ tạ rằng: “Ngày trước do vô minh dẫn dắt nên dẫm chân trong đường tà. Tệ hại tuy đã lâu dài, nhưng men theo đổi mới ở tại ngày nay. Nguyện xin rủ lòng xót thương đến nơi ở phòng nhà tôi!”. Vị Sa-môn đó nhận lời thỉnh mời bèn theo vào trong cung. Sau khi lễ tang người con mến thương đã xong, vua nói cùng Sa-môn đó

rằng: "Người đời quanh co, sống chết xoay vần. Con tôi cảm mắc bệnh tật, hỏi thần nó sống chết thế nào. Thần vọng bảo nó hẳn sẽ lành mạnh! Ngày trước vâng sự chỉ bảo của ngài quả thật không nói dối bày. Đó là pháp đáng kính phụng. Chỉ xin dủ lòng xót thương dẫn dắt đàn mê lầm đường này!". Và vua cầu thỉnh vị Sa-môn đó đo tính ngôi già lam, vua y cứ khuôn phép đó mà tạo dựng. Từ đó trở về sau, Phật giáo mới bắt đầu tỏa sáng. Nên trong ngôi già lam đó có vì vị A-la-hán (tức vị Sa-môn đó) mà tạo dựng ngôi tinh xá. Trong ngôi tinh xá lớn của già lam đó có tôn tượng đức Phật bằng đá. Phía trên đầu tượng có treo lọng tròn bằng bàng đồng dùng các vật báu để trang nghiêm. Như có người đi nhiễu thì lọng đó cũng tùy theo mà xoay chuyển, người dừng đứng thì lọng đó cũng dừng đứng. Chẳng lường biết được sự linh thiêng soi xét đó. Nghe các bậc lão thành, có người nói là do nguyện lực của Thánh nhân gìn giữ, hoặc có người nói là một cơ quan bí mật xếp đặt nên. Nhưng trông nhìn vào phòng nhà thuần toàn vách đá bền chắc cao vợi. Xét về mọi sự nghị bàn chẳng biết được thực lục. Vượt qua núi lớn của nước đó, theo hướng bắc là đến nước Thi Khí Ni.

16 - NƯỚC THI KHÍ NI.

Nước Thi Khí Ni chu vi rộng hơn 2000 dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng khoảng 5 - 6 dặm, núi sông liền nhau, cát đá tràn khắp đồng hoang, có nhiều giống lúa tẻ, hiếm ít lúa thóc gieo. Cây rừng hiếm ít, hoa quả không bao nhiêu. Khí hậu lạnh gắt, phong tục con người hung bạo mạnh dữ, nhẫn làm việc giết hại, chuyên theo nghề trộm cướp, không biết lễ nghĩa, không biết thiện ác, mê mờ mọi họa phước của tương lai, chỉ lo sợ tai ương trong hiện tại. Con người hình dáng xấu xí, dùng da thú vải sợi làm y phục. Văn tử đồng như ở nước Đổ Hóa La, nói năng có phần khác. Từ đó vượt qua núi lớn của nước Đạt Ma Tất Thiết Đế theo hướng nam đến núi Thương Di.

17 - NƯỚC THƯƠNG DI.

Nước Thương Di chu vi rộng khoảng 2400 - 2500 dặm, núi sông liền nhau, gò đồi cao thấp. Lúa thóc gieo trồng đủ, các giống đậu và lúa tẻ lại càng lắm nhiều, có nhiều bồ đào. Là nơi sản sinh giống thư lòng, đục sườn núi chẻ bổ đá, sau đó hẳn có được. Thần núi bạo ác thường làm điều tai hại, sau khi cúng tế xong mới vào thì bình thường tốt lành qua lại, còn nếu không cầu đảo thì gió bão sẽ nổi lên đùng đùng. Khí hậu lạnh buốt, phong tục vội gấp, con người tính khí thuần chất, mà tập

tục không có lễ nghĩa, trí mưu hẹp hòi, tài năng kỹ thuật cạn mỏng. Văn tự đồng như ở nước Đổ Hóa La, nói năng khác biệt, phần nhiều mặc y phục bông tơ, vải sợi. vua nước đó thuộc giòng họ Thích rất sùng kính Phật pháp. Dân chúng trong nước đều theo phong hóa nên đều thuần tin. Có hai ngôi già lam, chư tăng hiếm ít.

Từ cảnh vức đó về phía đông bắc trèo núi vượt hang dẫm trải qua hiểm nguy, đi hơn 700 dặm đến sông Ba Mê La. Từ đông sang tây dài hơn ngàn dặm, từ nam sang bắc rộng hơn trăm dặm, nơi nhỏ hẹp nhất không quá 10 dặm, nằm giữa khoảng hai núi tuyết, nên gió lạnh rét buốt, mùa xuân mùa hạ luôn có tuyết bay, đêm ngày gió thổi vùn vụt. Đất nhiều muối mặn, có nhiều đá chẻ, gieo trồng không được nên cây cỏ hiếm ít, bèn khiến hoang vắng tuyệt không dấu vết chân người dừng ở.

Trong sông Ba Mê La có một ao rồng lớn, từ đông sang tây dài hơn 300 dặm, từ nam sang bắc rộng hơn 50 dặm nằm trong Thông Lãnh lớn, ngay giữa Thiệm bộ châu. Đất xứ đó rất cao, dòng nước lắng trong ánh ngời như gương soi, chẳng lường biết sâu đến bao nhiêu, sắc màu xanh đen, mùi vị rất ngọt ngon. Ngầm ở trong đó thì có các loài cá giao, ly, cá, rồng, ngoan, đà, rùa, ba ba, v.v..., nói bay trên mặt có các loài chim uyên ương, hồng nhạn, gia nga, nga sy... Các giống chim sa thải trứng, bò sát võ mạc giữa đồng hoang, hoặc trong đầm cỏ, hoặc trên bãi cát. Dòng mạch phía tây của ao làm thành một dòng sông lớn theo hướng tây đổ đến biên giới phía đông nước Đạt Ma Tất Thiết Đế cùng hợp với dòng sông Phược Sô mà xuôi dòng về hướng tây. Nên từ đó trở về phía hữu các dòng sông đều đổ về hướng tây. Dòng mạch ở phía đông của ao làm thành một dòng sông lớn, theo hướng đông bắc đổ đến biên giới phía tây nước Khư Sa, cùng hợp với dòng sông Tỷ Đa mà xuôi dòng về hướng đông. Từ phía nam sông Ba Mê La vượt qua núi có đất nước tên là Bát Lộ La, là nơi có nhiều vàng, bạc. Sắc vàng màu như lửa.

Từ trong dòng sông đó theo hướng đông nam leo lên núi dẫm trải qua đường sá hiểm trở, không có làng ấp dân chúng, chỉ lắm nhiều bằng tuyết đi hơn 500 dặm, đến nước Khiết Bàn Đà.

18 - NƯỚC KHIẾT BÀN ĐÀ.

Nước Khiết Bàn Đà chu vi rộng hơn 2000 dặm. Đô thành lớn của nước đó xây dựng nền móng trên đảnh núi đá lớn, lưng tựa dòng sông Tỷ Đa. Chu vi rộng hơn 20 dặm, các đảnh núi liền nhau, sông và đồng bằng nhỏ hẹp, lúa thóc hiếm ít, mà các giống đậu và lúa tẻ lắm nhiều.

Cây rừng hiếm, hoa quả ít. Đồng bằng thấp trủng, gò đồi hoang vu, thành ấp trống rỗng. Tập tục không có lễ nghĩa, con người ít chăm học nghề, tánh khí đã hung bạo mà sức lực lại mạnh mẽ, dung mạo xấu xí. Vận mặc y phục bằng vải giạ vải sợi thô. Chữ nghĩa nói năng phần nhiều đồng như ở nước Khư Sa, nhưng biết thuần tin, sùng kính Phật pháp. Có hơn 10 ngôi già lam, chư tăng có hơn 500 vị, tập học theo giáo páhp Tiểu thừa thuết nhất thiết hữu bộ.

Hiện nay, vua nước đó là con người thuần chất, kính trọng Tam bảo, nghi dung nhàn nhã, dốc chí khéo ham học. Từ khi lập quốc trở lại nay thời gian đã rất lâu dài, mà ở nước đó tự xưng là: "Chí Na Đề Bà Cù Đát La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là chủng tộc Hán Thiên Nhật) là tiên tổ của nước đó". Ở trong Thông Lãnh có dòng sông hoang, xưa kia vua nước Ba Lợi Thích Tư lấy vợ người xứ đất Hán, nghinh đón về đến đó, khi ấy gặp phải binh loạn, cả hai phía đông tây đều tắt nghẽn đường, bèn đưa vương nữ an đặt trong đảnh núi đơn lẻ rất cao vợi hiểm nguy, men leo theo sườn núi mà lên xuống, dàn bày binh lính chung quanh bảo vệ, canh ngày phòng đêm. Trải qua thời gian ba tháng, giặc cướp mới tạm yên tĩnh, muốn lên đường trở về thì vương nữ ấy đã mang thai. Các sứ thần lo sợ, bảo cùng mọi người đồng theo rằng: "vua bảo chúng ta đi nghinh đón vợ, gặp phải giặc cướp loại nỗi đây, đã qua đồng trống tiếp đến sông hoang, sống buổi sáng chẳng tính đến chiều tối. Đức của vua chúng ta cảm đến, yêu khí đã tạm lắng yên, nay sắp trở về nước, mà vợ vua đã mang thai, trông nhìn đó thật rất đáng lo sợ, chẳng biết chết tại nơi nào? Nên đẩy tội ác trước hay để giết chết sau?". Bàn luận ồn náo chẳng rốt cùng được sự thật. Khi ấy đứa hầu bén nhỏ nói cùng các sứ thần rằng: "Chớ cùng phải lo toan lắm vậy, đó là do Thần hội, mỗi ngày vào lúc giữa trưa có một gã trượng phu từ trong vầng nhật luân cưỡi ngựa đến đây". Các sứ thần bảo: "Nếu vậy, làm sao rửa tội? Về hẳn sẽ bị giết. Ở lại cũng sẽ tìm đánh bắt. Tiến thối đều như vậy, nên thực hành thế nào đây?". Mọi người đều cùng nói: "Việc ấy chẳng phải nhỏ, ai chịu đến giết sâu, thà chờ đợi tôi ở ngoại cảnh, thả mặc tùy sớm tối". Khi ấy bèn lên đảnh núi đá xây dựng cung, tạo lập quán, chu vi rộng hơn 300 bộ, bao quanh cung xây dựng thành, tôn xưng người nữ đó làm chủ, sắp đặt các quan, ban bày pháp luật. Đến kỳ hạn sinh ra một người con trai dung mạo xinh đẹp. Mẹ nắm giữ chánh sự, con xưng tôn hiệu. Bay đi giữa hư không, khống chế cả gió mây, oai đức trùm xa, thanh giáo đượm khắp. Các cảnh vức láng giềng, các nước xa khác đều đến xưng thần. Sau khi vua đó băng ha, an táng

tại trong thạch thất ở hang núi lớn cách thành đó hơn trăm dặm về phía đông nam, thi thể khô thịt đến nay hiện còn không rã hoại, tướng trạng như người gầy ốm, nghiễm nhiên tợ nằm ngủ. Theo thời gian thay đổi y phục, thường đặt các thứ hương hoa, con cháu nối tiếp đời đời mãi đến ngày nay. Xuất phát của tiên tổ nước đó thì mẹ là người xứ đất Hán, còn cha tức giống nhật thiên. Nên người nước đó họ tự xưng là chủng tộc Hán Nhật Thiên. Nhưng vương tộc đó dung mạo đồng như người ở Trung Hạ (Trung Hoa), trên đầu nghiêm sức mũ mão vuông, thân mặc y phục người Hồ. Về sau con cháu tiếp nối lấn lướt các xứ man di, hiện tại gần như là một đất nước hùng mạnh.

Khi vua Vô Ưu trị vì thiên hạ, đến trong cung đó tạo dựng ngôi Tốt-đổ-ba. Vua nước đó về sau dời đến ở góc đông bắc của cung. Lấy cung xưa cũ vì tôn giả luận sư Đồng Thọ mà tạo dựng ngôi Tăng-già lam. Đài các cao rộng, tôn tượng đức Phật oai nghiêm. Tôn giả Đồng Thọ vốn người nước Đát Xoa Thỉ La. Từ thủa bé nhỏ mà đã thông minh đĩnh ngộ, sớm xa lìa tục trần, đặt để tâm ý vào kinh điển, gá thần thức với diệu chỉ cao huyền. Mỗi ngày đọc tụng 32000 lời và gồm ghi chép 32000 chữ, nên khả năng sợ học trùm suốt đương thời, danh cao tài giỏi vang tỏa giữa đời. Lập vững ngôi nhà chánh pháp, phá dẹp tà kiến, luận đàm cao xa nêu cử trong suốt, không cật nạn nào mà chẳng đối đáp. Nên các nước khắp năm xứ Ấn Độ đều suy tôn cao quý. Tôn giả chế tác các luận có khoảng vài mươi bộ, đều hưng thạnh lưu bố, không ai chẳng vui thích thưởng vị tập học. Tôn giả chính là Bản sư của kinh bộ vậy. Ở thời bấy giờ tại phía đông có Bồ-tát Mã Minh, tại phía nam có Bồ-tát Đề Bà, tại phía tây có Bồ-tát Long Mãnh, tại phía bắc có Tôn giả Đồng Thọ. Được xưng tên đó là bốn mặt nhật soi chiếu nơi đời, nên vua nước đó nghe tiếng đức lớn của tôn giả bèn dấy binh động chúng đến đánh nước Đát Xoa Thỉ La, lấn hiếp mà có được tôn giả, nên tạo dựng ngôi già lam đó, kính soi chiêm ngưỡng vậy.

Từ đô thành đó về phía đông nam đi hơn 300 dặm đến một sườn núi đá lớn có hai ngôi thạch thất, trong mỗi ngôi có một vị A-la-hán đang nhập định diệt tận ở trong, đoan nhiên mà ngồi, khó thể lay động, thân hình như người gầy, da thịt hài cốt không rả hoại đã trải qua hơn 700 năm, râu tóc thường dài nên mỗi năm đều vào cắt bỏ râu tóc thay đổi y phục.

Từ sườn núi đá lớn theo hướng đông bắc, vượt qua đảnh núi giẫm trải hiểm trở đi hơn 200 dặm, đến trong bốn sườn núi ở phía đông Thông Lãnh có ngôi Bôn Nhương Xá La (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường

gọi là Phước Xá = nhà tình thương), đất vuông rộng hơn trăm khoảnh, chánh giữa trủng thấp xuống, mùa đông mùa hạ đều có tuyết đóng, gió lạnh vút mạnh, ruộng trủng nhiễm muối mặn, lúa má không được tốt tươi, đã không có cây rừng, chỉ có cỏ nhỏ vụn. Thời tiết tuy nắng nóng mà lắm nhều gió tuyết. Mọi người mới vào thì mây móc đã ùn nổi, các hàng thương lữ qua lại phải chịu khổ gian nan nguy hiểm đó. Nghe các bậc lão thành kể rằng: "Xưa kia, có đoàn thương buôn có hơn vạn người cùng với lạc đà có vài ngàn con mang theo của cải đổi kiếm lợi nhuần, đến đó gặp phải gió và tuyết, nên người và vật đều chết, khi ấy tại nước Khiết Bàn Đà có vị Đại A-la-hán từ xa quán sát thấy thế, xót thương sự nguy ách ấy muốn vận sức thần thông để đến cứu giúp sự đắm chìm đó, nhưng vừa đến đó thì các thương nhân đều đã chết hết. Khi ấy vị A-la-hán đó gom nhặt tất cả các thứ vật báu quý giá, gom hết tất cả để tạo lập nên quán sá, tích chứa của cải, mua đất ở cảnh vực nước láng giềng, dựng xây phòng nhà bên cạnh thành quách để cứu giúp mọi người qua lại. Nên mãi đến nay, mọi người đi đường hay thương khác buôn bán đều được chu cấp.

Từ đó theo hướng đông, xuống sườn núi phía đông Thông Lãnh, lại leo lên đảnh núi hiểm nguy, vượt qua hang động, đường khe hiểm trở, gió tuyết tiếp liền đi hơn 800 dặm ra khỏi cảnh vức Thông Lãnh đến nước Ô Sát.

19 - NƯỚC Ô SÁT.

Nước Ô Sát chu vi rộng hơn ngàn dặm. Đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm, phía nam gần sông Tỷ Đa. Đất đai mầu mỡ, lúa thóc lắm nhiều, cây rừng um tùm tươi tốt, hoa quả rất nhiều, là nơi sản sinh ra nhiều thứ ngọc tạp như ngọc trắng, ngọc đen, ngọc xanh. Khí hậu hòa sướng gió mưa điều thuận, tập tục hiếm thiếu lễ nghĩa, con người tánh khí cứng mạnh, phần nhiều dối trá, ít hiếm liêm sĩ. Chữ nghĩa và nói năng ít đồng như ở nước Khư Sa. Dung mạo con người xấu xí, vận mặc y phục bằng da thú, vải sợi thô, nhưng hay sùng tin, kính phụng Phật pháp. Cóhơn 10 ngôi già lam, chư tăng có gần ngàn vị đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa thuyết nhất thiết hữu bộ. Từ vài trăm năm trở lại đây, vương tộc tuyệt tự không người nối ngôi, riêng không có quân trưởng, mọi việc làm đều tùy thuộc nước Khiết Bàn Đà.

Từ đô thành về phía tây cách hơn 200 dặm đến một núi lớn. Khí núi lung tung xúc chạm vào đá tức liền nổi mây. Sườn núi trót vót như muốn sắp sụp đổ mà chưa rơi xuống. Trên đảnh núi có ngôi Tốt-đổ-ba,

chế tác rất kỳ đặc. Nghe các hàng sĩ tục nói là: vài trăm năm trước sườn núi đó sụp đổ, bên trong có một vị Bí Sô nhắm mắt mà ngồi, thân hình to lớn dung mạo khô khan, râu tóc phủ xuống, lông mày che kính mặt. Có người đi săn trông thấy thế rồi đến tấu trình vua. Vua đích thân đến trông xem kính lễ, mọi người ở thành đô, các hàng sĩ tử chẳng vời gọi mà đến, đốt hương rải hoa đua nhau cúng dường. Vua bảo: “Đây là người gì vậy thay! Sao lớn đến thế?”. Có vị Bí Sô đáp rằng: “Râu tóc phủ dài, thân mặc áo ca sa như thế, đó ắt là Đại A-la-hán nhập định diệt tâm vậy. Phàm người nhập định diệt tâm là trước đã có kỳ hạn. Có người nói hoặc nghe tiếng kiền chùy, hoặc có người nói là đợi ánh sáng mặt nhật soi chiếu. Có các sự cảnh sát như thế, bèn từ định mà dậy. Nếu không có sự cảnh sát thì vắng lặng không lay động. Bởi do sức định gìn giữ thân hình không hoại diệt. Thân thể bỏ ăn, sau khi xuất định sẽ tàn tạ nên cần dùng các thứ dầu tô rưới tẩm khiến được tươi nhuận, sau đó cổ xúy lay động cảnh ngộ tâm định”. Vua bảo: “Nếu vậy thì nên đánh kiền chùy”. Tiếng kiền chùy vừa mới chấn động, vị A-la-hán đó bỗng nhiên mở mắt trông nhìn, giây lâu mới bảo rằng: “Các ông là hạng người gì mà thân hình bé nhỏ yếu kém vậy?”. Vị Bí Sô đắp mặc áo ca sa đáp rằng: “Tôi là Bí Sô vậy”. Vị A-la-hán ấy bảo: “Vậy thầy của ta là đức Như Lai Ca Diếp Ba hiện nay ở đâu?”. Vị Bí Sô đó đáp rằng: “Đức Ca Diếp Ba Như Lai nhập đại niết bàn đến nay đã lâu lắm vậy”. Nghe thế, vị A-la-hán ấy nhắm mắt buồn bã như có sự nghĩ nhớ, chốc lát lại hỏi rằng: “Vậy, đức Thích-ca Như Lai đã xuất hiện nơi đời ư?”. Vị Bí Sô đó đáp rằng: “Đức Thích-ca Như Lai xuất hiện nơi đời giáo hóa quần sinh cũng đã nhập tịch diệt vậy!”. Nghe thế, vị A-la-hán ấy lại cúi đầu, giây lâu bỗng bay lên giữa hư không, hiện các thứ thần biến, hóa lửa tự thiêu đốt thân mình, di cốt không rơi xuống đất, vua bèn thâu nhặt di cốt đó tạo dựng ngôi Tốt-đổ-ba để tôn thờ.

Từ đó theo hướng bắc đi qua núi cát đá hoang trống hơn 500 dặm, đến nước Khư Sa (xưa trước gọi là nước Sơ Lặc tức gọi tên Đô thành của nước đó. Chánh âm thì phải gọi là Thất Lợi Ngật Lật Đa Để. Ngôn từ Sơ Lặc còn là sai nhầm vậy).

20 - NƯỚC KHƯ SA.

Nước Khư Sa chu vi rộng hơn 5000 dặm. Nước đó lắm nhiều cát đá, hiếm ít đất đai. Lúa thóc lắm nhiều, hoa quả tươi tốt, là nơi sản sinh loại Đệm giạ nhỏ mịn, và vải sợi thô. Thợ dệt đệm giạ nhỏ mịn. Khí hậu hòa sướng, gió mưa thuận mùa. Con người tánh khí hung bạo. Tập tục

lắm nhiều dối trá, khinh bạc lễ nghi, học nghề cạn mỏng. Nước đó có tập tục sinh con ép đầu cho dẹp lép, dung mạo thô xấu, có đường văn trên thân, tròng mắt sắc xanh, còn văn tự thì lấy theo phép tắc của các nước xứ Ấn Độ, tuy có sang lược sai lầm nhưng vẫn còn thể thế. Nói năng từ điệu có khác so với các nước. Dân chúng thuần tin Phật pháp, chuyên cần tu tạo phước lợi. Có vài trăm ngôi già lam, chư tăng có hơn vạn vị, đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa thuyết nhất thiết hữu bộ, chẳng nghiên cứu nghĩa lý, phần nhiều chỉ đọc tụng kinh văn, nên tụng thông rành cả Tam Tạng và Tỳ-bà-sa Giả Đa.

Từ đó theo hướng đông nam đi hơn 500 dặm, qua sông Tỷ Đa vượt đảnh núi Cát lớn đến nước Chước Cú Sa (xưa trước gọi là nước Trở Cừ).

21 - NƯỚC CHIẾC CÚ CA.

Nước Chước Cú Ca chu vi rộng hơn ngàn dặm, đô thành lớn của nước đó chu vi rộng hơn 10 dặm, cao vợi hiểm trở bền chắc sắp xếp hộ nhà đông đúc, núi đời liền nhau, cát sỏi lan tràn. Gần giải của hai dòng sông nên đắp đê canh cày để trồng các thứ bồ đào, lê, nại, v.v.... trái quả lắm nhiều. Thời tiết gió lạnh, con người thô tháo hung bạo, tập tục chỉ chuyên dối trá, công khai làm điều trộm cướp. Văn tự đồng như ở nước Cù Tát Đán Na, nói năng có phầ khác. Lễ nghĩa khinh bạc, học nghề cạn cợt. Con người thuần tin Tam bảo, khéo vui thích việc phước lợi. Có khoảng vài mươi ngôi già lam, hư hoại đã lắm nhiều, chư tăng có hơn trăm vị, đều tập học theo giáo pháp đại thừa.

Cảnh vức phía nam nước đó có quả núi lớn, sườn đảnh cao vợi, ngọn núi bao quanh nhiều lớp. Cây cỏ lấn vượt giá lạnh, mùa thu mùa xuân đều như nhau. Khe suối sâu thẳm nước chảy xiết tuông đổ thành dòng khắp bốn phía, ở sườn núi có nhiều khám và thạch thất, cội rễ tồng lâm. Những người đã chứng quả ở Ấn Độ phần nhiều vận dụng sức thần thông nhẹ vút bay xa đến dừng ở tại đó. Các vị Đại A-la-hán nhập tịch diệt lắm nhiều, cho nên có nhiều ngôi Tốt-đổ-ba. Nay hiện còn có ba vị A-la-hán ở trong hang núi nhập định diệt tận, thân hình như người gầy ốm, râu tóc thường luôn dài, nên các Sa-môn thường luôn sang đó vì cắt bỏ. Và trong nước đó, các kinh điển đại thừa số bộ rất nhiều. Phật pháp lưu truyền chẳng nơi đâu thạnh hơn nước đó. Cứ 10 vạn bài tụng làm thành một bộ, mà có cả hàng chục bộ như vậy. Từ đó đã giáng, dòng ấy thật rộng nhiều.

Từ đó theo hướng đông vượt qua đảnh núi, băng vào hang cốc

đi hơn 800 dặm đến nước Cù Tát Đán Na (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là "Địa Nhũ",tức là ngã ngôn của phong tục ấy vậy. Theo tập tục gọi đó là nước Hoán Na. Theo Hung Nô thì gọi đó là Vu Độn. Các người Hồ gọi đó là nước Khê Đán, ở Ấn Độ thì gọi đó là nước Khuất Đan. Xưa trước gọi đó là nước Vu Điền, tức sai nhầm vậy).

22 - NƯỚC CÙ TÁT ĐÁN NA

Nước Cù Tát Đán Na chu vi rộng hơn 4000 dặm. Cát sỏi nhiều hơn một nữa, đất đai mầu mỡ hẹp ít, rất thích nghi với lúa thóc, lắm nhiều giống cây trái, nơi sản sinh các thứ đệm giạ nhỏ mịn và loại thô to. Lại là nơi sản sinh các thứ ngọc trắng ngọc đen. Khí hậu hòa sướng, gió xoáy bay bụi, tập tục có biết lễ nghĩa, con người tánh khí ôn hòa khiêm cung, khéo học các nghề nghiệp sách vở, thông rành mọi kỷ năng. Dân chúng giàu sang an lạc, sắp xếp cửa nhà an cư lạc nghiệp. Nước đó mến chuộng âm nhạc, mọi người khéo giỏi ca múa. Ít vận mặc y phục bằng các thứ lông, vải sợi thô,vải giạ, lông cừu, phần nhiều mang mặc y phục bằng tơ sợi thô và bông tơ sắc trắng. Hình nghi có tiết lễ, phong thái phép tắc có kỷ cương, văn tự, hiến chương đều tuân theo các nước xứ Ấn Độ, có thay đổi một ít thể thế, hơi có men theo cải cách. Nói năng khác biệt so với các nước. Dân chúng sùng kính Phật pháp, có hơn trăm ngôi già lam, chư tăng có hơn 5000 vị, phần nhiều đều tập học theo giáo pháp đại thừa. vua nước đó rất mạnh võ mà kính trọng Phật pháp, tự xưng là con cháu nối dõi của trời Tỳ Sa-môn.

Xưa kia nước đó hoang trống không có người ở, trời Tỳ Sa-môn mới đến dừng ở nơi đó. thái tử của vua Vô Ưu ở nước Đát Xoa Thỉ La bị móc mắt rồi, vua Vô Ưu tức giận đuổi quan phụ tá dời tất cả hào tộc ra ở nơi hang cốc hoang trống phía bắc núi tuyết, dời người đuổi vật đến biên giới phía tây nước đó, suy cử tù trưởng hào gia lên làm vua. Đang lúc bấy giờ, con của vua ở Đông độ bị khiển đuổi lưu đày đến ở biên giới phía đông nước đó, mọi người cùng theo, khuyên nên tiến tới, lại tự xưng vua. Năm tháng đã lâu dài mà phong giáo chẳng thông, mỗi bên đều nhân làm ruộng, đi săm bắn gặp nhau ở giữa đầm hoang, lại hỏi về tông tộc nối dõi. Nhân đó mà tranh giành sự lâu dài, nói năng tức giận lại muốn giao binh. Có người can ngăn rằng: "Nay sao vội thế? Nhân đi săn mà quyết chiến, chưa hết sự bén nhọn của binh lính. Nên trở về chuẩn bị binh lính, kỳ hẹn thời hạn mà nhóm tập sau". Khi đó cả hai bên đều xoay xa giá mà trở về. Mỗi tự về nước mình nhóm tập binh ngựa, đốc suất binh lính. Đến kỳ hẹn nhóm tập binh lính, cờ trống giao

nhau, vào một sáng sớm vào trận chiến. Vị chủ ở biên giới phía tây bất lợi, nhân đó mà đuổi đến phía bắc và bèn chém đầu vị chủ đó. Còn vị chủ ở biên giới phía đông thừa sự thắng lợi mà vỗ về ủy an dân chúng bị mất nước đó, chuyển dời đóng đô vào trong thành rồi mới xây dựng thành quách, buồn lo không có đất đai sợ khó thành công, mới tuyên cáo khắp gần xa, ai là người biết rành về địa lý. Khi ấy có vị ngoại đạo bôi thoa tro bụi vào thân mình mang trái bầu lớn chứa đựng đầy nước mà tự đến nói là: "Tôi biết rành về địa lý". Bèn đem bầu nước đó cúi cong rưới theo dòng khắp cùng cuối trở lại mới đầu. Nhân liền vội chạy, bỗng chốc bèn không thấy. Y theo vết nước đó mà xếp đặt nền móng tường thành, bèn được dấy công tức bình trị nước đó. Chỗ đóng đô của vua ngày nay tức là thành đó vậy. Thành đó cao vợi, công kích đánh chiếm khó khắc địch, từ xưa trở lại nay chưa ai có khả năng đến đánh thắng. vua đó dời đô, lập ấp, dựng nước, an dân, công việc tạm hoàn thành thì tuổi đã già suy, lại chưa có con nối dõi, sợ tuyệt mất tông tộc tiếp nối, mới sang nơi đền thờ thần trời Tỳ Sa-môn cầu đảo nguyện xin có con nối nghiệp. Từ trên vầng trán tôn tượng thần bổ vạch ra một đứa nhỏ. vua bèn bồng nhận lấy và xoay giá trở về, dân chúng trong nước đều xưng tụng mừng vui. Đã không uống sữa, sợ chẳng sống thọ, liền đó vua lại đến nơi đền thờ thần cầu xin nuôi dưỡng, nơi đất trước tôn tượng thần bỗng nhiên nổi sáng tướng trạng như sữa. Thần đồng bèn mút uống, liền đến dáng trưởng thành, mưu trí mãnh dõng sáng tỏ xưa trước, phong giáo tỏa trùm xa. Liền tạo dựng đền thờ thần, tôn phụng đó là tổ tiên vậy. Từ đó trở về sau đời đời tiếp nối truyền thừa ngôi vị quân vương trị nước chẳng mất giềng mối. Nên nay tại nơi miếu thần có lắm nhiều vật báu trân quý, mọi người lễ bái cúng tế, không tạm phế mất. Lại nơi chỗ tuông trào sữa nuôi dưỡng, nhân lấy đó là hiệu nước nhà (tức gọi là nước Địa Nhũ) vậy.

Từ vương thành về phía nam cách hơn 10 dặm có một ngôi già lam lớn, do tiên vương nước đó vì Đại A-la-hán Tỳ Lô Chiếu Na (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Biến Chiếu) mà tạo dựng. Xưa kia, lúc nước đó Phật pháp chưa được hoằng truyền, A-la-hán Biến Chiếu từ nước Ca Thấp Di La đến trong khu rừng đó an tọa hành tập thiền định. Bấy giờ có người trông thấy kinh ngạc dung nghi pháp phục đó, bèn đem đầy đủ tướng trạng đó tấu trình cùng vua. Vua đích thân đến trông xem mà hỏi rằng: "Ông là người gì mà riêng ở nơi chốn rừng sâu thế này?". A-la-hán Biến Chiếu đáp: "Tôi là đệ tử đức Như Lai, ở chốn nhân tĩnh hành tập thiền định. Nhà vua nên tu tạo phước đức hoằng

dương tán thán Phật giáo, tạo dựng già lam, thỉnh mời chư tăng...”. Vua nói: “Như Lai có đức gì? Có sức thần gì? Mà ngươi nương náu cầu khổ kính phúng pháp giáo như thế?”. A-la-hán Biến Chiếu đáp rằng: “Đức Như Lai có tâm từ xót thương bốn loài chúng sinh, dẫn dắt mọi loài trong ba cõi. Hoặc ẩn hoặc hiện, bày sinh bày diệt. Nếu người tuân theo giáo pháp đó để tu tập thì sẽ ra khỏi sinh tử, còn kẻ mê lầm giáo pháp đó thì bị trói buộc trong màn lưới ái”. Vua nói: “Thật như điều nói đó tức là nói bàn cao siêu vậy. Đã nói là đại Thánh thì nên vì ta mà hiện hình. Khi đã được chiêm ngưỡng, ta sẽ về tạo dựng, dốc tâm kính tin quy hướng, hoằng dương giáo pháp”. A-la-hán Biến Chiếu nói rằng: “Nhà vua nên tạo dựng già lam, công việc hoàn thành sẽ có cảm ứng”. Vua tạm theo lời thỉnh bảo đó, tạo dựng ngôi Tăng-già lam. Mọi người xa gần đều nhóm tập tán thán mừng vui, mà chưa có kiền chùy gõ đánh nhóm tập đại chúng, vua hỏi A-la-hán Biến Chiếu rằng: “Ngôi già lam đã tạo dựng hoàn thành, vậy Phật ở nơi đâu?”. A-la-hán Biến Chiếu bảo rằng: “Phải nên chí thành, Thánh đức soi xét không xa”. Vua bèn đảnh lễ cầu thỉnh, bỗng thấy giữa không trung có tôn tượng đức Phật giáng hiện xuống trao cho vua chiếc kiền chùy. Nhân đó, vua liền tri kính thành thật, hoằng dương Phật pháp.

Từ vương thành về phía tây nam cách hơn 20 dặm, có núi Cù Thất Lăng Già (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Ngưu Giác), trên ngọn núi bỗng nhiên nổi hiện hai hang sâu hút. Giữa khoảng hang cốc sườn núi tạo dựng một ngôi già lam. Bên trong có tôn tượng đức Phật, có lúc tỏa phóng ánh sáng. Xưa kia đức Như Lai từng đến tại đó vì các hàng trời người lược giảng nói pháp yếu. Đức Phật có dự nghi chốn đất đó sẽ lập nên nước nhà, kính sùng Di giáo, tuân hành tập học Đại thừa.

Ở hang núi Ngưu Giác có ngôi thạch thất lớn, bên trong hiện có vị A-la-hán nhập định diệt tâm chờ đợi đức Phật Từ Thị xuất hiện nơi đời, đã trải qua vài trăm năm cúng dường không ngưng ngớt, gần đây, sườn núi sụp đổ bít lập đường đi, vua nước đó dẫn cùng binh lính muốn dẹp trừ đá sụp đổ đó, liền có một đàn ong đen bay lại đốt cắn nhả độc vào mọi người, cho nên mãi đến nay cửa đá vẫn còn chưa được mở lại.

Từ vương thành theo hướng tây nam đi hơn 10 dặm có ngôi già lam Địa Ca Bà Phược Na, bên trong có tôn tượng đức Phật đứng bằng vải sợi ép. Tôn tượng đó vốn từ nước Khuất Chi mà lại đó. Xưa kia trong nước đó có vị quan thần bị phạt đuổi đến ngụ ở tại nước Khuất Chi. Quan thần đó thường lễ bái tôn tượng ấy. Về sau, được trở về lại nước nhà quê cũ,

quan thần đó vẫn dốc lòng xa kính ngưỡng, quá nữa đêm bỗng nhiên tự đến. Quan thần đó bèn xả thí vườn nhà tạo dựng ngôi già lam đó.

Từ vương thành về hướng tây đi hơn 300 dặm đến thành Bột Già Di, bên trong có tôn tượng đức Phật ngồi cao hơn bảy thước. Tướng tốt đầy đủ, oai nghi chỉnh túc nghiễm nhiên, trên đầu tôn tượng đội Bảo quan (mũ báu), ánh sáng thường luôn tỏa chiếu. Nghe các hàng sĩ tục nói là: Tôn tượng đức Phật đó vốn từ nước Ca Thấp Di La do sự thỉnh cầu mà chuyển dời đến đó. Xưa kia có vị Đại A-la-hán có vị đệ tử sa di lúc sắp mạng chung mong cầu được ăn bánh bột gạo. Vị A-la-hán đó dùng thiên nhãn quán sát thấy ở nước Cù Tát Đán Na có loại bánh ấy, bèn vận dụng sức thần thông đến đó mà cầu xin được. Vị sa di ấy ăn bánh bột gạo rồi nguyện thác sinh về nước đó. Quả nhiên được toại tâm nguyện xưa trước, vị sa di đó sinh làm vương tử. Sau khi đã lên tiếp ngôi vua, oai phong nhiếp khắp xa gần bèn vượt núi tuyết đến đánh chiếm nước Ca Thấp Di La. Vua nước Ca Thấp Di La nhóm tập chỉnh trang binh ngựa muốn đến trấn ngự dẹp giặc cướp ở biên cương. Khi ấy, vị A-la-hán đó can ngăn vua rằng: "Chớ nên đánh đấu bằng binh lính. Tôi có khả năng khiến giặc rút lui. Sau đó, vị A-la-hán ấy lại vì vua nước Cù Tát Đán Na giảng nói về các pháp yếu, mới đầu chưa tin, vua còn muốn dấy động binh lính. Vị A-la-hán đó bèn đem chiếc áo của vua ở đời trước lúc làm vị sa di mà chỉ bày đó. vua thấy chiếc áo ấy rồi liền chứng đắc trí túc mạng, bèn đến nơi chỗ vua nước Ca Thấp Di La sám tạ tội lỗi quấy, kết giao mừng vui giải tan binh lính mà trở về. Cung kính nghinh thỉnh tôn tượng đức Phật ở thời làm sa di mà thường cúng dường. Tôn tượng đức Phật đó tùy theo quân lính lễ thỉnh về đến nơi chỗ đất đó, tự nhiên không thể chuyển dời được nữa, vua bèn bao quanh tạo dựng ngôi già lam, thỉnh mời chư tăng tụ hội, vua xả thí Bảo quan an đặt lên đảnh đầu tôn tượng đức Phật. Nay Bảo quan đó tức là do tiên vương ấy cúng dâng vậy.

Từ vương thành về phía tây cách khoảng 150 - 160 dặm, giữa đường chánh cát sỏi lớn, có gò đồi toàn là hang chuột. Nghe các hàng sĩ tục nói là: "Chuột trong cát sỏi đó lớn như con nhím. Đuôi nó thì vàng bạc khác màu. Con làm tù trưởng của đàn mỗi lúc ra hang thì có cả đàn chuột cùng theo. Xưa kia bọn Hung Nô dẫn cả vài mươi vạn binh lính đến đánh cướp ở biên giới đô thành, vừa đến nơi gò đồi hang chuột thì đóng quân. Khi ấy vua nước Cù Tát Đán Na dẫn đầu vài vạn binh lính, sợ sức lực không đánh nổi với địch. Vốn biết trong đường cát sỏi đó có chuột kỳ đặc mà chưa rõ thần linh thế nào, kịp đến khi giặc cướp đến

thì không nơi cầu cứu. vua tôi mới chấn động kinh sợ chẳng biết mưu tính ra sao, mới tạm thiết bày cúng tế đốt hương khẩn cầu chuột, mong có sức linh ít nhiều giúp cho binh lính. Đêm đó, vua nước Cù Tát Đán Na mộng thấy một con chuột lớn nói: "Kính muốn cùng giúp sức, xin nên gấp chuẩn bị binh lính sáng sớm mai xáp đánh hẳn sẽ thắng Tốt đổ giặc". Vua nước Cù Tát Đán Na biết là có thần linh giúp đỡ, bèn chỉnh trang binh ngựa, đích thân dẫn đầu tướng sĩ, trời chưa sáng đã thực hành, rượt đuổi dài bít ập, bọn Hung Nô nghe đến, không ai chẳng kinh sợ, mới muốn lên giá cưỡi, mặc áo giáp, má các thứ yên ngựa, áo giáp, dây cung, v.v... các thứ dây giải đều đã bị chuột cắn gặm đứt hết cả. Lính giặc đã đến bèn buộc mặt nhận chịu chết. Khi ấy vua nước Cù Tát Đán Na bèn giết tướng giặc và bắt tù binh lính đó. Bọn Hung Nô chịu nhiếp phục cho là có thần linh giúp đỡ. vua nước Cù Tát Đán Na cảm ân sâu dày của chuột, bèn tạo dựng đền thờ, thiết bày cúng tế, đời đời luôn tôn kính, đặc biệt rất trân quý kỳ lạ. Nên trên từ các bậc quân vương dưới đến các hàng thứ dân đều kính tu cúng tế để mong cầu phước giúp đỡ. Phàm đi đến gò đồi hang chuột đó thì xuống giá cưỡi chở vào lễ bái rất thành kính, dùng các thứ y phục cung tên, hay các thứ hương hoa thức ăn ngon lành để cúng tế cầu phước. Và đã chí thành thì cũng cảm được nhiều thứ phước lợi, còn không cúng tế thì gặp phải tai ương biến nạn.

Từ vương thành về phía tây cách khoảng 5 - 6 dặm có ngôi Tăng-già lam Sa Ma Nhã, bên trong có ngôi Tốt-đổ-ba cao hơn trăm thước, rất lắm nhiều điềm linh, có lúc tỏa phóng ánh sáng thần. Xưa kia có vị A-la-hán từ phương xa đến ở trong rừng đó, dùng sức thần thông phóng ánh sáng lớn. Bấy giờ, vua nước đó đang trong đêm ở trên trùng các xa thấy trong rừng có ánh sáng rực rỡ. Khi ấy trải qua thăm hỏi, mọi người đều nói là: "Có một vị Sa-môn từ phương xa đến ngồi yên trong rừng hiện bày sức thần thông". Vua bèn bảo chuẩn bị xa giá, đích thân vua sang trông xem. Khi đã rõ thấy là Thánh hiền, tâm vua mới cầu kính, khâm phục đạo phong không thôi, vua liền thỉnh mời vào trong cung. Vị Sa-môn ấy bảo: "Nói vật có thích nghi thì chí gắn ở đó. Rừng sâu đầm chằm là chỗ hưởng thưởng của tâm tình. Đài cao nhà sâu chẳng phải nơi tôi thoáng nghe". Nghe thế, vua càng thêm kính ngưỡng, và thêm lắm tôn trọng, bèn vì xây dựng dựng ngôi già lam, tạo lập Tốt-đổ-ba. Vị sa môn ấy bèn nhận lời thỉnh mời vào ở bên trong, qua thời gian, vua cảm có được vài trăm viên xá lợi, trong tâm rất vui mừng, trộm tự suy nghĩ rằng: "Xá lợi ứng hiện lại sao muộn vậy ư? Nếu như sớm có được mà tôn trí dưới ngôi Tốt-đổ-ba há chẳng là Thánh tích sao?". Vua đến

ngôi già lam thưa bạch đầy đủ với Sa-môn ấy. Vị Sa-môn A-la-hán ấy bảo vua rằng: "vua không nên phải lo buồn vậy, nay tôi sẽ vì vua mà an đặt xá lợi. vua nên làm các hộp bằng vàng, bạc, đồng, sắt, đá lớn, v.v..., theo thứ lớp mà đựng vào". Vua liền bảo các người thợ làm hộp không mấy ngày bèn được hoàn thành, chở bằng các kiệu báu đưa đến ngôi già lam đó. Khi ấy từ vương cung dẫn theo các hàng liêu thứ có cả trăm người trông xem nghinh đưa xá lợi, động bày tính cả muôn kế. Vị A-la-hán ấy mới dùng tay phải nâng ngôi Tốt-đổ-ba lên, và đặt các ngón tay vào bên trong mà bảo cùng vua rằng: "Có thể đem đặt giấu ở phía dưới đó". Vua bèn chôn khỏa đất, an đặt hộp xá lợi, công việc ấy xong xuôi, khi ấy vị A-la-hán đó mới hạ ngôi Tốt-đổ-ba xuống không chút ngã nghiêng tổn hại. Mọi người trông nhìn đều tán thán là việc chưa từng có. Tâm tin Phật càng dốc mạnh, chí kính pháp càng bền chắc. Vua nói cùng các hàng quan thần rằng: "Ta thường nghe sức của đức Phật không thể nghĩ bàn, sức thần thông khó lường tận. Hoặc phân hiện trăm ức thân hình, hoặc ứng giáng trong cõi trời người, nâng cả thế giới đặt để trong lòng bàn tay, mà chúng sinh không khởi ý tưởng động tĩnh. Biển nói pháp tánh với lời tiếng thường, nhưng chúng sinh tùy loại mà được nghe và tỏ ngộ. Đó chánh là sức thần chẳng ai chung cùng trí tuệ mà ngôn ngữ không thể thuật bày. Linh tướng đức Phật đã ẩn mà thanh giáo vẫn còn lưu truyền, hưởng hòa đượm ân, thưởng vị đạo, khâm trạng mỹ phong, còn được điềm linh như thế, thật nhờ phước đó. Cố gắng thay, gấp trăm lần, nên cung kính sâu. Phật pháp sâu mầu, sáng tỏ ở đây vậy!".

Từ đô thành về phía đông nam cách khoảng 5 - 6 dặm có ngôi Tăng-già lam Ma Xạ, do tiên vương phi nước đó tạo dựng. Xưa kia ở nước đó chưa biết về dâu tằm, nghe ở phương đông giữ kín mà không cho. Ban sắc nghiêm lệnh các cửa ải canh phòng đều không cho mang giống dâu tằm ra ngoài. vua nước Cù Tát Đán Na mới nhún mình bày lễ đến cầu hôn. vua nước phương đông có ý chí ân hoài xa rộng, bèn hứa sự cầu hôn ấy. vua nước Cù Tát Đán Na mới bảo gọi kẻ sứ đi nghinh hôn mà căn dặn rằng: "Ngươi đem lời này đến nói cùng con gái vua nước phương đông là nước ta vốn không có giống dâu tằm tơ lụa, nên có thể mang theo đến để gieo trồng tự làm xiêm y". Vương nữ nghe nói vậy, kím kiếm giống ấy, lấy hạt dâu tằm gói trong khăn tơ. Khi đã đến nơi ải canh phòng, người chủ ải rà xoát khắp cả, chỉ còn chiếc khăn của vương nữ không dám kiểm xét, bèn đưa vào nước Cù Tát Đán Na, dừng ở tại chỗ đất cũ của ngôi già lam Xa Mạ. Mới chuẩn bị mọi lễ nghi nghinh

đưa vào cung. Vì hạt giống dâu tằm để lại nơi chỗ đất ấy. Đến tiết dương xuân mới bảo gieo trồng giống dâu ấy, tháng tằm đã đến mới lo việc hái nuôi. Lúc đầu mới đến còn dùng các thứ lá tạp cho ăn. Từ đó trở về sau, cây dâu dần liền cành tỏa bóng, vương phi mới khắc đá làm quy chế rằng: “Không được khiến tổn thương giết hại, đợi đến lúc tằm ngài bay hết mới được sữa chửa kén. Nếu người nào dám trái phạm thì minh thần sẽ không giúp đỡ”. Bèn vì tổ tiên của tằm mà tạp dựng ngôi già lam đó. Có số gốc cây dâu khô, mọi người đều gọi đó là cây giống chính vậy. Nên nay tại nước đó có tằm không bị giết hại. Như người trộm lấy tơ thì năm sau liền chẳng nên tằm.

Từ đô thành về phía đông nam cách hơn trăm dặm có dòng sông lớn xuôi chảy về phía tây bắc. Dân chúng trong nước lợi dụng nước ấy dùng bón tưới ruộng đồng. Về sau bỗng nhiên nghe tất cạn dòng nước, vua nước đó rất lấy làm quái lạ, bảo lo xa giá đến hỏi vị tăng A-la-hán rằng: “Nước của sông lớn, dân chúng trong nước nhà lấy dùng. Nay bỗng nhiên cắt đứt dòng, lỗi ấy do đâu? Phải chăng công việc chánh trị có sự không công bằng, hay đức chẳng đượm khắp? Nếu không như vật thì duổi trách gì nặng vậy?”. Vị A-la-hán đó bảo rằng: “Đại vương trị vì nước nhà, chánh sách chuyển hóa trong sạch hòa mục. Sông nước dứt tắt dòng đó là do rồng khiến nên vậy. Cần nên sớm gấp cúng tế thỉnh cầu, sẽ được lại lợi xưa”. Nhân đó, vua xoay xa giá trở về đền thờ cúng tế rồng sông. Bỗng nhiên có một người nữ vượt rẽ sóng mà đến, nói rằng: “Chồng tôi sớm qua đời, lệnh vua không theo, do đó nước sông cắt đứt dòng, người làm nông mất lợi. vua nên trở lại trong nước nhà tuyển chọn một quý thần để phối làm chồng tôi thì dòng nước sẽ có lại như xưa”. vua nói: “Kính nghe theo sự ước muốn đó”. Người nữ ấy bèn đưa mất vui nhìn quan đại thần nước đó. Sau khi xa giá đã về đến cung, vua nói cùng thuộc hạ rằng: “Đại thần là trọng trấn của nước nhà, việc nông là làm lương thực nuôi mạng sống của muôn dân. Nước nhà mất người trấn giữ thì nguy lớn và chết chóc nên thực hành theo bên nào?”. Quan đại thần liền rời khỏi chỗ, quỳ thẳng mà tâu rằng: “Từ lâu trống rỗng lạm nhận trách nhiệm lớn, tôi thường nghĩ báo đáp nước nhà mà chưa gặp được thời kỳ đó. Nay được dự phần tuyển chọn, nguyện xin lấp kín trọng trách sâu. Ví như có lợi cho được muôn dân thì sao lại lần tiếc một kẻ bề tôi (thần)? Thần là kẻ phụ giúp nước nhà, dân chúng là gốc của nước nhà. Xin đại vương chớ cần phải nghĩ lại! Mong nên vì tu phước, tạo dựng các ngôi Tăng-già lam!”. Vua bèn chấp thuận sự cầu xin ấy, không mấy ngày công việc bèn được hoàn thành. Quan đại thần

ấy lại xin sớm được vào Long cung. Khi ấy các hàng quan liêu thứ dân khắp cả nước nhà đánh trống trỗi nhạc, bày tiệc linh đình. Quan đại thần ấy mới mặc y phục sắc trắng, cưỡi ngựa trắng giả biệt vua, kính tạ tất cả dân chúng trong nước nhà, rượt ngựa vào sông, dẫm đạp trên nước mà chẳng chìm, đến nơi giữa dòng bèn khua roi rẽ nước, từ giữa nước tự vạch đôi mà chìm lắng. Chỉ khoảng khắc ngựa trắng nổi lên mang theo một cái trống lớn bằng gỗ chiên đàn và một hộp thư. Trong thư đại khái viết là: "Đại vương chẳng bỏ sót nhỏ nhiệm sai lầm dự tham thần tuyển chọn. Nguyện xin tạo nhiều việc phước lợi nước ích thần. Nên đem trống lớn này treo tại góc đông nam đô thành. Nếu như có giặc cướp đến thì đánh trống tiếng chấn động trước..." và sông nước bèn tuông chảy lại, mãi đến nay luôn có được dùng lợi. Ngày tháng dần dà lâu xa, trống của rồng từ lâu đã không còn, nay nơi chỗ treo xưa cũ cũng có một chiếc trống. Bên cạnh ao có ngôi già lam bị hoang tàng hư hoại, không có chư tăng.

Từ vương thành về hướng đông cách hơn 300 dặm vào trong một đầm hoang lớn rộng khoảng vài mươi khoảnh, đất ở đó tuyệt nhiên không có mầm chồi cây cỏ, mà đất sắc màu đen đỏ lẫn lộn. Nghe các bậc lão thành nói là: Đó là chốn đất bại trận. Xưa kia có nước ở phương đông dẫn cả trăm vạn quân lính đến đánh phương tây. Bấy giờ vua nước Cù Tát Đán Na cũng chỉnh trang binh ngựa, chỉ có vài mươi vạn quân đến phương đông chống cự quân địch mạnh. Vừa đến chỗ đất đó, hai bên cùng đánh nhau. Quân lính phương tây bị thất bại. Thừa thắng tàn hại, quân địch chém vua giết tướng, giết sạch binh lính không sót một người nào, máu đổ nhuộm đất vết tích như ấy vậy.

Từ nơi chiến địa đó theo hướng đông đi hơn 30 dặm đến thành Bể Ma. Ở đó có một tôn tượng đức Phật khắc chạm bằng gỗ chiên đàn, cao hơn hai trượng, rất lắm linh ứng, có lúa tỏa phóng ánh sáng. Phàm những người cảm mắc bệnh tật, tùy nơi chỗ đau mà dùng vàng mỏng thếp vào tôn tượng tức thời liền được lành khỏi. Với người tâm thức rỗng lắng cầu nguyện phần nhiều cũng được toại ý. Nghe các hàng sĩ tục nói là: "Tôn tượng đó xưa kia vào thời đức Phật còn tại thế do vua Ổ Đà Diễn Na ở nước Kiều Thưởng Di tu tạo. Đến sau khi đức Phật nhập niết bàn, tôn tượng đó bèn bay bổng giữa hư không mà đến trong thành Hạt Lao Lạc Ca của nước Cù Tát Đán Na. Mới đầu, vừa tới thành đó, dân chúng an lạc giàu sang rất đắm trước tà kiến mà không trân kính tôn tượng, truyền nhau cho là tôn tượng tự lại, thần mà chẳng quý. Về sau có vị A-la-hán đến lễ bái tôn tượng đó. Dân chúng trong nước kinh

hãi khi thấy dung nghi vận mặc kỳ lạ của vị A-la-hán đó bèn tấu trình cùng vua. Vua mới ban lệnh dùng cát bụi trong vải người khác lạ đó. Khi ấy, vị A-la-hán đó mình mẫy lấm đầy cát bụi. Chỉ vì ngậm hồ lót miệng bỏ ăn, lúc đó có một người tâm thấy vậy không an nhẫn, và ngày trước cũng từng lễ bái tôn tượng đó, đến lúc thấy vị A-la-hán đó bị như vậy kèn kính đáo chăm sóc. Đến lúc sắp đi, vị A-la-hán đó bảo người ấy rằng: "Bảy ngày sau sẽ có mưa cát bụi lấp đầy thành này không sót một loại vật nào. Ông nên biết đó và sớm tính kế thoát ra khỏi đây. Bởi vì tung vãi cát bụi nơi ta mà khiến phải chịu lấy tai ương ấy vậy". Nói thế rồi, vị A-la-hán đó bèn cất bước ra đi, chốc lát bỗng nhiên không thấy tăm dạng đâu nữa. Người đó bèn vào trong thành nói đầy đủ cùng những người thân quen xưa trước. Mọi người nghe thế không ai chẳng cười đùa mỉa mai. Qua ngày thứ hai, bỗng nhiên gió lớn nổi lên thổi sạch mọi dơ bẩn, mưa đổ các thứ vật báu xen tạp khắp đầy đường sá. Mọi người lại mắng rủa người mách bảo đó. Nhưng tâm người đó biết hẳn sẽ đến như thế, nênkính mở một con đường hang rỗng ra ngoài thành ẩn trốn. Đến quá nữa đêm của ngày thứ bảy, mưa cát bụi lấp đầy trong thành. Người ấy mới theo đường hang mà thoát ra, theo hướng đông đến ở trong thành Bể Ma của nước Cù Tát Đán Na. Người ấy vừa đến nơi thì tôn tượng đó cũng đến cùng. Bèn liền y cứ theo đó mà cúng dường, không dám di chuyển đổi dời. Nghe các bậc lão thành nói là đến lúc giáo pháp của đức Phật Thích-ca diệt hết thì tôn tượng đó sẽ vào trong Long cung. Hiện nay, tại thành Hạt Lao Lạc Ca là một gò đống lớn. Các hàng quân vương ở các nước khác, các nhà giàu sang ở cảnh vức khác phần nhiều muốn vào đó đào bới để lấy các vật báu đó, nhưng vừa đến bên cạnh thành, thì gió bão mạnh dữ nổi phát, khói mây phủ khắp bốn phía, đường sá mê mất.

Từ thành Bể Ma theo hướng đông vào bãi sa mạc, đi hơn 200 dặm đến thành Ni Nhưỡng. Thành đó chu vi rộng khoảng 3 - 4 dặm nằm tại trong đầm lớn. Đầm đất nóng ấm khó thể dẫm vượt qua, cỏ lau hoang ùn tốt không con đường tắt qua lại, chỉ có con đường đến thành được đi thông. Nên mọi người qua lại không ai chẳng do từ thành đó. Và nước Cù Tát Đán Na lấy đó làm đồn ải canh phong của cảnh vức phía đông vậy.

Từ đó, theo hướng đông đi vào sông cát lớn, cát chảy lan tràn, tan tụ tùy theo gió. Người đi không có dấu vết nên phần nhiều lạc mất đường. Bốn phương xa vợi mịt mờ chẳng biết nhắm hướng để đến. Nên mọi người qua lại nhặt nhóm thì cốt để ghi dấu. Thiếu cỏ nước, nhiều

gió nóng, mỗi lúc gió nổi lên thì người và vật đều hôn mê, nhân đó thành bệnh, có lúc nghe các thứ âm thanh như đàn sáo ca hát hoặc nghe tiếng gào khóc, qua chốc lát nghe thấy, hoảng nhiên chẳng biết đi đến đâu. Do đó mà thường có chết chóc, bởi quỷ mỵ đặt khiến nên vậy! Đi hơn 400 dặm thì đến nước Đổ Hóa La, từ lâu đã hoang rỗng, thành quách đều trống không.

Từ đó, theo hướng đông đi hơn 600 dặm đến nước Chiếc Ma Đà Na xưa cũ, tức là chốn đất Niết Mạt vậy, thành quách trơ trọi, người, vật lửa khói tuyệt dứt! Từ đó lại theo hướng đông bắc đi hơn 1000 dặm đến nước Nạp Phược Ba xưa cũ tức chốn đất Lâu Lan vậy.

Huyền Trang tôi nêu bày sông núi, khảo xét nhặt hái ở các cảnh đất, rõ bày mọi sự cương nhu của các nước, buộc hơi gió của nước đất. Động tĩnh chẳng thường, lấy bỏ bất nhất, mọi sự khó cùng nghiệm xét, chẳng thể đè nén mà nói bày. Tùy các nơi có đi đến mà lược ghi đại khái, nêu bày mọi sự thấy nghe, ghi chép mọi điều phong hóa kính mộ. Từ ngày xa xưa đó trở lại đều gội nhuần nhờ ân trạch. Nói kịp đến phong hành đều kính ngưỡng chí đức, lẫn đồng thiên hạ cùng trong một nhà, lẫn đồng thiên hạ cùng trong một nhà! Đâu nhọc xe đơn ra khiến thông các trạm muôn dặm đó thay!

GHI LỜI TÁN THÁN RẰNG:

Lớn lao thay! Đấng pháp vương ứng hiện nơi đời, linh hóa lắng ngầm vận, thần đạo rỗng thông. Hết hình thức giữa thế giới hằng sa, tuyệt đến đi trong kiếp số vi trần. Hình thức tuy hết, ứng hiện sinh mà chẳng sinh, đến đi tuyệt, nêu bày tịch diệt mà không diệt. Đâu phải chỉ thật ứng ngầm ở thành Ca Duy, ngầm hóa tại rừng Sa La mà thôi. Nên biết là ứng với vật mà linh hiệu, cảm hợp duyên mà in vết. Nối dõi chủng tộc Sát Đế Lợi, tiếp theo giòng họ Thích-ca. Kế thừa ngôi vị tôn quý trong cảnh vức, chiếm danh đạo hạnh ở phương hào mà soi sáng vỗ về quần sinh. Đạo thấm khắp mười phương, trí soi cùng vạn vật. Tuy vượt ra ngoài hiếm có vui vẻ mà dẫn giúp trong mọi sự thấy nghe. Ba lần xoay chuyển bánh xe chánh pháp giữa đại thiên, một lời biện bày khắp các cõi. Khu biệt thành tám vạn môn, gồm yếu trong 12 bộ loại. Do đó, Thanh giáo được nhuần khắp rong ruổi giữa rừng phước, phong phạm thổi quạt chở rượt cùng thành thọ. Nghiệp của Thánh hiền lớn vậy. Nghĩa của trời người khắp vậy. Nhưng quên mọi động tĩnh giữa

rừng bền chắc, bớt sót đến đi trong cảnh huyển hóa. Chẳng tiếp nối ư? Có đợi chờ! Không toại được ư? Chẳng có vật! Tôn giả Đại Ca Diếp Ba tuyển chọn các vị A-la-hán giúp báo ân Phật nên kết tập pháp bảo ấy, bốn bộ A-hàm gồm cả nguồn ngọn, ba tạng giáo điển bao quát mọi then chốt. Tuy các bộ phái chấp riêng dấy khởi từ đó, mà báu lớn vẫn hiện còn, bèn từ khi giáng sinh kịp đến luc ngầm hóa, Thánh tích có cả ngàn biến, điềm thần nhiều đến muôn khác. Điềm linh chẳng hết vượt hiển, giáo điển vô vi càng mới. Đầy đủ hiện còn trong kinh cáo, rõ ràng trước thuật nơi ký truyện. Nhưng còn lắm lời rối rắm, nghĩa khác lầm sai, cội gốc từ thỷ cốt yếu đến chung, hiếm có khả năng nói chánh, đó chỉ là sự thực lục, còn các luận bàn như đây. Huống gì là chánh pháp sâu mầu, chí lý cao xa, nghiêm xét áo chỉ, văn lắm khuyết vậy. Vì thế, trước tu linh đức, tiếp khuôn phép học dịch kinh, sau tiến tới tài giỏi, theo võ văn khuyết chọn. Đại nghĩa tuy lắm nhiều mà chưa sáng rõ. Vi ngôn khuyết thiếu mà không được nghe. Pháp giáo lưu truyền dần, trải qua nhiều năm tháng. Mới đầu từ thời Viêm Hán, mãi đến Thánh đại, việc truyền dịch là hạnh nghiệp lớn, lưu tỏa tốt đẹp mãi hợp sáng. Huyền đạo chưa đội, chân tông còn mờ tối, chẳng phải là hành tàng của Thánh giáo, hẳn do đặt để của vương hóa. Triều đại nhà Đường chúng ta đến thời răn dắt thiên hạ làm phao nổi ngoài biển khơi, khảo xét khuôn phép để lại của Thánh nhân, chỉnh sửa sách xưa của tiên vương, xiển dương tượng giáo, nhóm tụ làm đại huấn, đạo chẳng rỗng lành. Hoằng truyền nhờ ở các bậc minh đức, bèn khiến giáo nghĩa của tam thừa tích chứa dưới ngàn năm, di linh của 10 lực bặc ngoài muôn dặm. Thần đạo hết phương thức, Thánh giáo có gởi gắm, đợi duyên sẽ hiển bày. Lời đó thật đáng nên tin vậy!

Pháp sư Huyền Trang thông suốt dòng trong ở đầm Lôi (sấm) mạch nguồn lớn tại sông Quy, thể trinh tường của thượng đức, chứa thuần tùy của trung hòa, dẫm đạo hợp đức, sống trinh sửa hạnh. Phước trồng nhân xưa, mạng gặp vận thạch, dứt vết tục trần, nhàn tĩnh sống nơi học tứ. Vâng phụng nhã huấn của tiên sư, kính ngưỡng lệnh đức của tiền triết, mang tráp theo học, du phương thỉnh hỏi. Đi khắp địa vức của Yên Triệu, dẫm trải xét xem cùng Lỗ Vệ, trở trái ba sông mà vào trong đất Tần, bước cùng ba Thục mà đến Ngô cối, thấu đạt tập học tài giỏi, khắp xét hiệu chuyên cần thỉnh hỏi điều lợi ích, trùm suốt các bậc anh hiền ở trong đời, thường ý chí cầu pháp, lắng nghe các luận khác, xét quyết mọi mưu toan, tranh đua bạn nghĩa chuyên môn, đều ghét ghanh học dị đạo. Tình phát xét nguồn, chí còn khảo rõ, gặp lúc bốn biển tiệt đường, tám phương

chẳng yên.

Vào sáng sớm ngày mồng một tháng tám năm Trinh Quán thứ ba (629) thời tiền Đường, vén áo lên đường, chống tích đi xa, nhờ hoàng hóa mà hỏi đạo, nương minh hựu mà riêng một mình riêng đi, ra đất hiểm của cửa sắt đá, vượt đất trở ngại của núi lăng núi tuyết, chợt dời đến quán than, thấu xứ Ấn Độ, tuyên bày mỹ phong của nước nhà nơi khác tục, dẫn dụ thuần hóa ở nước người, thân gần tiếp thừa phạm học, dò hỏi các bậc triết nhân. Với điều nghi xưa trước thì trong xem văn thấy rõ. Với áo chỉ thì rộng hỏi ở các bậc tài cao. Mở linh phủ mà nghiên cứu lý, vén thần chung mà tỏ rõ đạo, nghe điều chưa từng nghe, được điều chưa từng được, làm bạn lợi của đạo tràng, thật là người thợ khéo giỏi của pháp môn ấy vậy. Thế đủ biết hiển trước, đức hạnh cao bày. Học suốt ba năm mà tiếng tăm vagn khắp muôn dặm. Người học ở Ấn Độ đều kính ngưỡng đức lớn. Đã gọi đó là Thùng Kinh, cũng tôn xưng là Tướng Pháp. Với học chúng Tiểu thừa thì xưng gọi là Mộc Xoa Đề Bà (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Giải Thoát Thiên). Với học chúng đại thừa thì tôn xưng là Ma-ha Da Na Đề Bà (tiếng Trung Hoa thời tiền Đường gọi là Đại Thừa Thiên). Đó chính là nêu cao đức hạnh mà truyền huy hiệu, kính trọng con người mà nghị bàn tên tốt lành. Đến như áo nghĩa của năm thời giáo, vi ngôn của ba thừa, nghiên cứu sâu xa về nguồn dòng, khéo thấu cùng cành lá, sáng rực tuệ ngộ, dễ dàng lý thuận. Với nghĩa chất vấn điều nghi, muốn rõ nên xem ở các biệt lục. Thế rồi tinh thông huyền nghĩa, chuyển quạt gió trong. Học đã rộng, đức đã lớn, khí ấy bèn trải giẫm trông xem sông núi, bồi hồi các chốn giao ấp, ra Thành Mao Mà và Vườn Nai, đến Trượng Lâm mà dừng nghỉ tại Kê viên, xoay mắt nhìn lại nước Ca Duy, để ý đến thành Câu Thi. Nền móng xưa kia nơi đức Phật đản sinh cùng sông đồng mà tươi tốt. Địa chỉ cũ chốn lắng vết đối biên gò mà mang mác. Trông xem vết thần mà thêm nghĩ nhớ, kính ngưỡng huyền phong mà trọn thán ca. Chẳng chỉ lúa tẻ đơm bông mà buồn lớn, lúa giê rụng rơi mà thương khắp mà thôi, là dùng rõ việc xưa cũ của đức Phật Thích-ca, nêu tốt tươi thật của các xứ Ấn Độ. Lại gặt hái những phong hóa tốt lành, còn ghi trong các thuyết khác.

Trải qua năm tháng lâu dài nhưng có nghĩ nhớ vui thích quê hương nước nhà, không quên xoay bước trở về. Pháp sư thỉnh được 150 hạt xá lợi thịt của đức Như Lai, một tôn tượng đức Phật bằng vàng và tòa ngồi thông tỏa ánh sáng cao một thước sáu tấc. Phỏng theo ảnh tượng trong hang rồng ở núi Tiền chánh giác tại nước Ma Yết Đà, một tôn tượng đức

Phật bằng vàng và tòa ngồi thông tỏa ánh sáng cao 3 thước 3 tấc, phỏng tả hình tượng Chuyển Pháp Luân lần đầu tiên ở vườn Lộc Dã tại nước Ba La Nại Tư, một tôn tượng đức Phật khắc chạm bằng gỗ chiên đàn và tòa ngồi thông tỏa ánh sáng cao một thước năm tấc, một tôn tượng đức Phật khắc chạm bằng gỗ chiên đàn phỏng theo do vua Xuất Ái ở nước Kiều Thưởng di mến mộ nghĩ nhớ đức Như Lai mà khắc chạm tôn tượng bằng gỗ chiên đàn, và tòa ngồi thông tỏa ánh sáng cao hai thước chín tấc, một tôn tượng đức Phật bằng bạc phỏng theo hình tượng đức Phật từ cung trời giáng xuống dẫn bước trên thềm cấp báu ở nước Kiếp Tỷ Tha và tòa ngồi thông tỏa ánh sáng cao bốn thước, một tôn tượng đức Phật bằng vàng phỏng theo hình tượng đức Phật ở núi Thứu Phong tại nước Ma Yết Đà giảng nói các kinh Pháp Hoa, v.v... và tòa ngồi thông tỏa ánh sáng cao 3 thước 5 tấc, một tôn tượng đức Phật khắc chạm bằng gỗ chiên đàn phỏng theo ảnh tượng đức Phật nhiếp phục rồng độc ở nước Na Yết La Hạt mà lưu lại và tòa ngồi thông tỏa ánh sáng cao 1 thước 3 tấc, một tôn tượng đức Phật phỏng theo tượng đức Phật đi tuần quanh thành hành hóa tại nước Phệ Xá Ly. 224 bộ kinh điển đại thừa, 190 bộ luận đại thừa, 14 bộ kinh luật luận của Thượng tọa bộ, 15 bộ kinh luật luận của Đại chúng bộ. 15 bộ kinh luật luận của Ca Diếp Tý Da bộ. 42 bộ kinh luật luận của Pháp Mật bộ. 67 bộ kinh luật luận của Thuyết Nhất Thiết hữu bộ. 32 bộ Nhân luận, 13 bộ Thanh luận, gồm cả thảy 520 tráp, tổng cộng có 657 bộ, giúp hoằng dương giáo pháp của đấng chí tôn, vượt trải đường sá, bớt lời vụt ngăn trở, nên chở vội mà về. Ra khỏi nước Xá Vệ xưa cũ, trở trái biên giao cũ của thành Già La, vượt trèo Thông Lãnh hiểm nguy, dẫm trải đường sá cát sỏi gian nan. Đến tháng giêng năm Trinh Quán thứ 19 (645) thời Tiền Đường, về tới kinh ấp.

Pháp sư bái yết vua Thái Tông (Lý Thế Dân) tại Lạc Dương, và chỉnh tíc vâng thừa minh chiếu chuyển ban tuyên dịch, pháp sư bèn chiêu tập người học cùng giúp hoàn thành hạnh nghiệp ưu thắng. Mây pháp trở lại bủa giăng, tuệ nhật lại soi sáng tiếp. Hoàng đồ lưu bố pháp hóa của thứu sơn, xích luyện diễn bày giáo điển của Long cung, thời vận tượng giáo phục hưng, đó là lớn thạnh vậy. Pháp sư khéo hiểu thông phạm học, kinh tán kinh sâu, xem văn như đã rồi, chuyển âm còn vọng hưởng. Kính thuận theo Thánh chỉ, chẳng thêm văn sức. Phương ngôn không thông, phạm ngữ chẳng dịch, chuyên việc nung đúc, lấy điển mô chánh, suy mà khảo xét đó, sợ trái với sự thật vậy.

Có tiên sinh cầm hốt đổi sắc mặt cùng đến. Pháp sư vẫn thẳng

nhiên đến mà hỏi rằng: “Phàm, Ấn Độ là một đất nước, nơi các bậc linh Thánh giáng hiện tụ hội, các hàng Hiền ý trội nổi đản sinh. Với sách thì gọi là sách trời, với ngôn ngữ thì gọi là ngôn ngữ của trời. Văn từ uyển nhã kính mầu, âm vận tuần hoàn lẫn nhau, hoặc một lời mà bao gồm nhiều nghĩa, hoặc một nghĩa xuyên suốt nhiều lời. Âm thanh thì có đèn nén và nâng bổng. Điệu vận theo thể chế đục trong. Phạm văn sâu cùng, phiên dịch phải nhờ người rành mạch, yếu chỉ kinh pháp cao mầu, rõ nghĩa phải nhờ bậc đạo đức lớn, nếu như biên chép giũa gọt làm thể chế, lấy cung thương làm điệu vận, thật là chỗ chưa an, và thật chẳng phải luận nói thẳng. Truyền đạt kinh ý chỉ sâu mầu, việc chuyên từ dễ hiểu, nếu như được chẳng trái bản gốc, đó thật là tốt lành vậy! Văn quá thì rực rỡ, chất lắm thì què quặt. Nói thẳng mà không văn biện rõ mà chẳng chất thì có thể không quá lắm vậy, mới có thể cùng lời chuyển dịch vậy”. Lý Lão nói rằng: “Lời đẹp thì không nên tin, lời đáng tin thì không đẹp”. Hàn Tử nói rằng: “Lý chánh thì ngay thẳng lời nói, còn lời nói có điểm trang thì làm mời tối lý ấy”. Vậy thì biết rủ nhau ban dạy răn khuôn phép, vật nghĩa vốn cao sâu đồng theo văn, điều hại rất lắm. Hờ hửng do cựu chương, điều ấy đức Thế Tôn rất mực răn dạy. Các hàng tăng tục đều nói là vâng theo điều nói thẳng ấy vậy. Xưa kia, Khổng Tử đang tại vị nghe kiện tụng, văn từ có người cùng chung đồng, chẳng riêng mình có. Đến như tu sửa sách Xuân Thu, biên chép thì biên chép, giũa gọt thì giũa gọt. Với hàng đồ đệ của Du hạ, văn học Khổng môn thường chẳng thể tán thán một từ. Việc phiên dịch kinh điển của pháp sư cũng như vậy, chẳng như Tam Tạng Pháp Sư Đồng Thọ, nhóm tập văn ở vườn Tiêu Dao, giao việc viết bút cho các Sa-môn Đạo Sinh, Tăng Triệu, Tăng Dung, Tăng Duệ, huống hồ ở đời vườn vuông làm bàn tròn, thời buổi đẻo chạm chất phác. Ấy chỉ có thể thêm tổn hại Thánh chỉ, dệt tảo minh văn ấy ư! Biện có xa tiếp thừa nối dõi khinh cử. Thủa thiếu thời đã ôm hoài tiết tháo đẹp cao, vừa đến tuổi chí học rút trâm đổi phục làm đệ tử của pháp sư Đạo Khâu theo Tát Bà Đà Bộ ở chùa Đại Tổng Trì, tuy gặp được thợ đá, nhưng gỗ rã mục khó khắc chạm, may vào trong dòng pháp, béo tốt chẳng đượm nhuần, không ăn no mà trọn ngày thật xoay mặt vách tường quanh năm. May nhờ thời cơ đến, gặp hội tốt lành đây, nhờ vốn liếng của yến tước, ghé cuối đàn uyên hồng, cậy mạng tài hèn soạn phương chí đây, học chẳng thông cùng xưa, văn từ không mỹ lệ, mài giũa chậm lụt gắng gỗ hư mục, sức nhóc kép quệ chân, cùng thừa ghi chép theo thứ tự văn đó. Quan thượng thư cấp bút thẻ mà soạn ghi. Với trí cạn, tài năng nhỏ hẹp, lắm chỗ khuyết thiếu

sai lọt, hoặc có đầy từ còn có khắc lạc. Xưa kia, con trưởng của Tư Mã là người tài giỏi về lương sử tường tự như thái sử Công Thư, nhưng cha con kế nghiệp, hoặc có danh mà không tự, hoặc có huyện mà không có quận. Nên nói một người tinh tường tư duy thì lắm nhiều văn trọng, bởi không rảnh vậy. Huống gì hàng trí biết hạ ngu mà có thể thấu rõ khắp cùng ư? Còn như là các thứ sai khác của phong thổ tập tục, ghi chép về phong cương sản vật, phẩm chất tánh trí từng vùng, thời tiết nóng lạnh thì ghi tả đầy đủ vì ưu thắng và mỏng manh đó. Còn xét về căn thật, đến như giòng họ Hồ Nhung có phần xứng cùng nước đó. Phong hóa của các xứ Ấn Độ, đục trong có lắm phần nên lược ghi đại khái. Đầy đủ như ở lời tựa trước, đãi nghĩa lễ tốt, số nhà và người hơn quân, ấy chẳng phải điều ghi rõ của kẻ sĩ nhiễm y. Nhưng chư Phật dùng sức thần thông để tiếp vật, linh hoa chủ ban dạy răn. Nên nói Thần Đạo rỗng cao thì lý tuyệt cảnh vức con người, linh hóa u hiển thì sự vượt ngoài trời. Do đó, nơi cảnh vức chư Phật giáng hiện tốt lành, chốn thành cũ tiên Thánh để lại đẹp xinh, lược nêu di linh, thô bày ghi chú. Đường sá cảnh vức quanh co, cương trường xoay trở, đi đến đâu tức ghi xứ đó, chẳng tại xếp bày. Nên các xứ Ấn Độ không phân cảnh nhưỡng, rải tán ghi cuối đất nước đó lược chỉ nêu về phong cức. Ghi chép nơi chốn hành giả giẫm bước chân đến. Nêu chỗ đến tức truyền nghe ghi, hoặc thẳng ghi sự việc đó, hoặc uốn thỏa văn đó, ưu thắng mà mềm dịu đó, suy cử mà thuật ghi đó. Việc chuyên theo thực lục. Dâng bày thành thật lên hoàng cực.

Đến tháng 7 năm Trinh Quán thứ 20 (646) thời Tiền Đường, dứt bút nơi chùa xanh, văn thành trơn trắng, chấm trần Thánh xét, há xứng khuôn phép trời, nhưng mà xung mạo xa vời thật nhờ ở Triều hóa, nghĩ nhớ kỳ, biên chép lạ, thật đội Hoàng linh, đuổi theo tháng ngày đi khắp tám xứ hoang vu, chẳng chuyên khoe sức của cha, đục rỗng ngàn dặm, không nghe công trông rộng. Non Thứu dời đến Trung Châu, vườn Nai bít tại ngoài nước, tưởng sự ngàn năm như chính mắt đánh chạm, xem muôn dặm tợ đích thân đi đến. Điều xa xưa chưa từng nghe, việc năm trước chưa từng ghi viết, chí đức trùm khắp, khác tục qua lại. Thuần phong thổi quạt xa, nơi sâu xa hoang vắng không ngoài. Ngõ hầu địa chí đây bổ khuyết núi kinh, ban bố ghi sự của tả sử, hoàn bị khắp nêu của chức phương.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 190

THÍCH CA PHƯƠNG CHÍ

SỐ 2088
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2088

THÍCH-CA PHƯƠNG CHÍ

Thời tiền Đường, Sa-môn Thích Đạo Tuyên ở núi Thái nhất; Chung Nam soạn thuật.

LỜI TỰA

Triều đại tiền Đường có được thiên hạ gần 40 năm, thuần phong dượm hợp; tục xấu đổi thay, văn đức tu chỉnh; võ công đủ đầy. Nên khiến các tước hầu Thanh khâu Đan huyệt đều vào Đô phong, các cõi vức Long sa nhạn tái bèn tuân theo Thánh giáo, cúi đầu lạy dài, hiển hiện vũ nghi của triều Tông, nộp ngọc dâng lễ, tỏ bày đức lớn của Hoài Nhu. Nhưng mà tám vức hoang vu khắp trong ngoài sử trước ghi bày đủ, còn các phương của năm xứ Thiên Trúc xưa nay ít thuật. Đâu chẳng phải thời vậy. Tuy là Chu mục đi thú hướng Tây chỉ đến côn, Thuấn võ tuần mão phương Nam không vượt qua biển cả. Tần Hoàng phân vạch bờ cõi gần suốt Lâm Thao. Hán Võ phong vương cửa ải mở cùng Thiết Lộ. Quyết ấy đã ban gián, xem xét chưa rõ ràng. Do đó, không đồng hỏi Đạo chỉ hạn cục tại đất Tửu Tuyền, Côn Lôn bái yết Thánh chỉ đến bên cạnh ngọc môn. Đến như Nhược Thủy Động Đình, Tam Nguy Cửu Lũng, Yến nhiên Long Lặc, Sa Chương Lê Hà đầy đủ dàn trải trong Hạ thư, đều đồ khắc ở Ung Bộ. Cho nên rộng trông đến Tầm Hà bắt đầu nghe tên nước Đại Hạ (Trung Hoa). Hiên Hoàng du mộng đầu tiền thuật bày về nước Hoa Tư. Nhị sư đến đánh Đại Uyên, Định Viễn đến mở thiết môn. Do Dư vào đất Tần, Nhật Đạn làm quan nhà Hán tiếng tăm vang vọng tỏa cùng thống lãnh, đức vua phô bày tận kỳ sơn, Hoàng Hoa rực rỡ loại ấy lắm nhiều vậy. Nhưng mà ghi chép về phương thổ, mọi thích nghi của nhân vật, sự lần lượt đổi thay phong tục, mọi lạ lùng

của núi sông, du tố lược không thể ghi chép, đâu chẳng vì đường sá xa xôi, ít có người đến nơi vậy. Dùng sự mà luận xét, giả sử như có truyền thuyết đều là ghi lại tin tức của các hành nhân, chẳng phải chính mắt đã trông thấy, lần lượt đua nhau đem điều lui dối làm thực lục. Cớ sao biết được như vậy? Bởi Tích Thạch Hà Nguyên theo hường Tây chỉ trông đến Xích Huyện, Côn Lôn Thiên Trụ với hướng Đông chỉ nhìn lại thần châu. Từ Ô Sa trở ra ngoài đều gọi là nước Hồ, đâu dùng toán tính xa, không truyền tương giản. Vậy biết thuyết của nước Thân Độc dịch lại kịp vậy. Các truyện về Thần Châu v. v... đoán chắc có thể biết đó.

Từ khi Phật giáo lưu truyền đến phương Đông, vẻ vang đất Hán, dòng chính có 10 đời gần 600 năm, xe nhẹ kế tiếp quán phương khắp cùng, có hơn trăm nước đều về tựa nương phong hóa, cậy núi tiến cống chức, trông mặt trời mà đến vua. Nhưng trước sau ghi chép lưu truyền có sự lẫn lộn bất đồng, sự tích ít thuật đáng gọi là lắm hoặc, tìm lại đến cùng việc ấy kết quy bởi người chuyển dịch. Trước kia, trung thời nhà Tùy có Sa-môn Ngạn Tông ở Phiêu kinh quán; Thượng lâm viên tại Đông Đô trước thuật 1 bộ Tây Vức truyện gồm 10 chương, rộng nêu bày phong tục mà sơ lược về Phật sự, được ở điểm hợp nghe, mất ở điều tín bản. Tôi (Đạo Tuyên) cho là Tám tướng hiện bày đạo, Ba thừa đào luyện phong hóa, Bốn nghi thiết bày không gì chẳng hợp căn cơ, Hai Nghiêm khắp đủ chư chỉnh ở tuệ giải. Nay Thánh tích linh tướng lắm nhiều ở Hoa Tư, Thần Quang thụy ảnh chan hòa trong Hoàn Vũ, nghĩa hẳn phải xương minh, hình tượng động phát tâm linh. Nhân trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời tiền Đường, trong công việc phiên dịch khinh điển, tôi thường dự tham pháp tịch, bên cạnh lưu xuất Tây ký đầy đủ như riêng rõ bày, nhưng vì giấy bút lắm nhiều đọc xem khó biết, giềng mối tiếp nối để lại của Đức Phật, các hàng Thích tử đều cùng quay về tựa nương, nên lược rút cương du làm thành 2 quyển để tặng cùng các hàng hậu học, tạm nêu tỏ ý như vầy.

Thích-ca Phương Chí 1 bộ gồm 8 chương:

- 1 là Phong chương
- 2 là Thống nhiếp
- 3 là Trung biên
- 4 là Di tích
- 5 là Du lý
- 6 là Thông cục
- 7 là Thời trú
- 8 là Giáo tướng.

Ngưỡng tìm giáng linh của chư Phật không thể dùng hình tướng để tìm cầu, tùy cơ ẩn hiện nên có thể lấy ngôn từ rõ ràng để bày thuật. Nhưng tìm học giáo pháp trước tiên nêu bày tông quát, tiếp đến là nghiên cùng nhánh lá cuối cùng chẳng xa thấu đạt đó. Nêu ở đầu chương quyển nên điểm đến cùng như vậy.

THÍCH-CA PHƯƠNG CHÍ

QUYỂN THƯỢNG

(Gồm 4 chương: Phong cương, Thống nhiếp, Trung biên, Di tích)

CHƯƠNG I: PHONG CƯƠNG.

Vương thể của Đức Phật hiệu là Thế Giới Sách Ha, tức xưa trước trong việc phiên dịch kinh điển gọi đó là Sa-bà. Trong kinh thường nói đó là Nhẫn thổ (cõi đất kham nhẫn), có nghĩa là người ở cõi đất này mạnh biết lực niệm, hay nhẫn khổ vui, kham nhẫn Đạo khí, nên Đức Phật làm vua ở đây vậy. Xét về Phong cương ở đây thì bao quanh núi (Sắt) Thiết, ngoài núi là không, không chẳng thể lường, dưới núi là đất, dưới đất là vàng, dưới vàng là nước, dưới nước là gió, gió ấy kiên cố chắc thật hơn cả kim cương, bởi tâm lực chúng sinh đồng nghiệp cảm nên vậy, có khả năng gìn giữ thế giới khiến chẳng nghiêng đổ. Từ gió trổ ra tức là hư không. Nếu ước về vòng bao quanh từ dưới lên trên đến tột cùng cõi vô sắc có tên gọi là Hữu Đảnh, luận về lượng giới ngang rộng đến tận cùng thì khả năng lý số chẳng thể đo đạt được. Vả lại, như trong luận Đại Trí Độ nói: "Từ cõi trời Sắc giới rơi xuống một tảng đá lớn phải trải qua một vạn tám ngàn ba trăm tám mươi ba năm mới tới mặt đất đây. Ước về trên dưới và các phương hướng đây thì gọi là vương thể của một Đức Phật vậy (tức lấy Đại thiên thiết vi mà làm địa vức của Phong cương vậy).

CHƯƠNG II: THỐNG NHIẾP

Xét theo các cõi nước nhiếp thuộc trong vòng quanh núi thiết của thế giới Sách Ha thì có đến muôn ức. Tại sao biết vậy? Như chỗ ở hiện nay là một cõi nước. Trong cõi nước riêng có một núi Tô-mê-lô, tức trong kinh gọi là núi Tu Di. Núi ấy ở trong biển cứ định ngoài kim luân, một nửa xuất hiện trên mặt biển cao tám vạn do tuần. Mặt nhật mặt nguyệt xoay quanh eo lúng núi ấy, ngoài ra có bảy lớp núi vàng bao bọc chung quanh, trong mỗi biển nước có đủ tám thứ công đức, và bên ngoài là nước biển mặn rộng chiều không ngăn mí, ngoài biển lại có núi bởi

chất sắc tạo thành bao bọc chung quanh bốn phía, trong biển là nơi ở được. Đại lược có bốn tức ước từ núi Tô-mê dùng phân phương diện: Ở Đông châu gọi là Ty-đề-ha, Nam châu gọi là Thiệm bộ, Tây châu gọi là Cù-đà-ni và Bắc châu gọi là Câu-lô. Bốn châu ấy cũng còn gọi là bốn hữu, là nơi của con người là nơi làm vua của Đức Phật. Chuẩn cứ bên cạnh đây và trong biển Thiết vi chỉ có bốn châu. Từ núi Tô-mê trở lên có 28 tầng và một mặt nhật một mặt nguyệt làm một quốc độ, tức đây lượng số đến một ngàn, thiết vi bao bọc quanh gọi là một Tiểu thiên thế giới, tức số Tiểu thiên ấy đến một ngàn, thiết vi bao bọc chung quanh gọi là Trung thiên thế giới, tức số Trung thiên đây đến một ngàn, thiết vi bao bọc quanh gọi là một Đại thiên thế giới. Căn cứ Tam thiên đại thiên thế giới đây thì bốn châu, núi, vua, mặt nhật mặt nguyệt trong đó cho đến cõi trời Hữu Đảnh thí có muôn ức có sơ đều do Đức Phật thống nhiếp, và tất cả đều tuân theo Thánh giáo.

CHƯƠNG III: TRUNG BIÊN

Sở bộ của Pháp vương thì nhiếp trong Đại thiên, nêu y cứ về thành đô thì châu này thường làm nơi chỗ ở. Châu này ở trong biển của phía Nam núi Tô-mê, đất nước trải dài theo hướng Đông Tây 24 vạn dặm, tải rộng theo hướng Nam Bắc 28 vạn dặm. Lại y cứ theo trong luận nói: "Ba phía ngang bằng với lượng 2.000 do-tuần ở phía Nam rộng dài ba do-tuần rưỡi, như vậy là phía Bắc rộng phía Nam hẹp, mặt người theo hình dạng ấy". Lại y theo Phạm ký thì chỗ ở của người vật theo hướng Đông tây dài rộng 11 vạn sáu ngàn dặm, còn theo hướng Nam bắc xa gần lược cũng đồng vậy. Nơi chốn định đô là ở trong thành Ca-tỳ-la; đất nước nơi Đức Phật Đản sinh, nghĩa là ở trong bốn lớp thiết vi. Nên trong kinh nói rằng: "Ba ngàn mặt nhật mặt nguyệt là trung ương của vạn hai ngàn trời đất. Do oai thần nên Đức Phật không sinh ở chốn biên địa, nơi đất nghiêng vẹo. Tại nước Trung Thiên Trúc dước gốc cây Đức Phật Thành Đạo có tòa Kim cang dùng làm nói Đức Phật ngồi vậy. Căn cứ vàođây mà luận bàn, ước về các Thiên hạ khác để định là ở trung tâm. Nếu ngay châu này theo nghĩa ước về quỷ sự để rõ là trung tâm vậy. Năm sự đó tức là Danh, Lý, Thời, Thủy, Nhân.

- Về Danh thì đều cho rằng Tây Vức là Trung Quốc (cõi nước trung tâm), lại cũng cũng gọi là nước Trung Thiên Trúc, cõi nước đó tên là Hiền-đàm-bang-chi-thứ. Lại chỉ Tây Vũ mà làm Trung Quốc. Nếu chẳng phải là trung tâm thì phàm Thánh hai thuyết không nên gọi Trung, xưa kia, trong thời Tiền Tống có Hà Thừa Thiên là người thông rành mọi

vật, nổi danh trên các bậc anh tài hỏi Sa-môn Tuệ Nghiêm rằng: "Cõi nước của Đức Phật dùng dịch thuật gì mà gọi là Trung tâm?". Ngài Tuệ Nghiêm đáp rằng: "Tại nước Thiên Trúc đến ngày Hạ chí tại phương giữa không ảnh bóng, điểm gọi là Trung bình của đất trời. Nước ấy tại Trung nguyên ảnh đẹp, lường xét đó nên có các phần khác. Đến như Lịch có ba đời, lớn nhỏ có hai, ngoài ra thì thêm bớt, thời gian tính toán liền sai, thời tiết rõ ràng chẳng phải là trung tâm vậy". Hà Thừa Thiên không còn lời nào để chống đỡ. Vua Văn Đế (Lưu Nghĩa Long 424 - 454) nghe thế mới ban sắc Nhâm Dự nhận vậy. Phàm lấy tám nạn nêu bày biên địa chẳng nhiếp. Vượt phàm vào Thánh hẳn trước tại Trung Quốc, nên Đại Hạ thân gồm kính phụng âm hình, Đông Hoa mở muộn giáo tích, Lý số hẳn vậy.

- Nói về Lý thì châu này lượng lớn phân làm ba phần. Trong đó hai phần về phía Bắc đất rộng ít người, là nơi mọi rợ sinh sống lắm nhiều không có khả năng kham nhận việc Đạo, và một phần về hướng Nam đến tận ba biển. Con người ở đó phần nhiều tinh sáng có khả năng thọ nhận Thánh hóa, nên ước về Đạo thắng là Đại Thánh đô vậy. Nên Thành Quang Tử nói rằng: "Nước Trung Thiên Trúc theo hướng Đông đến nước Chấn Đán cách khoảng 5800 dặm (Chấn Đán tức hiệu của Thần Châu. Người ở xứ ấy xem như vậy), theo hướng Nam đến nước Kim Địa cách 5. 800 dặm, theo hướng Tây đến nước A-câu-già cách 58. 000 dặm, theo hướng Bắc đến núi Tiểu hương; ao A-nậu-đạt cách 58. 000 dặm". Quán xét sự thông nhiếp đây nắm lấy sự xa gần ngang bằng đến cùng để quyết định đó là trung tâm, lý ấy rõ bày.

- Nói về Thời, nghĩa là từ núi Tuyết trở về hướng Nam gọi đó là Trung Quốc. Xứ ấy thản nhiên ngang bằng thẳng thắng, mùa Đông mùa Hạ đều điều hòa, cây cỏ thường tươi tốt, sương tuyết không rơi đổ, ngoài ra các xứ biên bỉ sao đủ để nói ư?

- Nói về Thủy (nước), nghĩa là trung tâm châu này có một ao lớn tên là A-nan-đà-đáp-la, Trung Hoa dịch nghĩa là Vô nhiệt nào, tức trong kinh điển thường gọi đó là ao A-nậu-đạt. Ao đó ở thuộc phía Nam Hương sơn mà phía Bắc núi Tuyết, ngay trên đỉnh núi, chẳng phải nơi kẻ phàm bước đến, chu vi ao rộng tám trăm dặm, bốn phía bờ dùng các vật báu trang sức. Vì phía chánh Nam ngay nơi chỗ đất bằng phẳng là chốn địa ngục, nên tòa Kim cang thuộc về phía Đông hợp dài đến 500 dặm, về hướng chánh Nam của ao ấy là Đương Châu, nơi dừng nghĩ, về hướng Bắc thì ngay sông Mê-la tức Bắc. Lại ngay phía Bắc của Thông Lãnh là Thiên Tuyền, trên không định ước là ngay Bắc thần tinh. Nay

trông đến thứ năm tợ như Tây y. Vả lại trên trời một tấc dưới đất một thước, Thiên Tuyền cách kinh độ 8. 000 dặm, ước về Trời thì không một thước vậy. Từ ao đó về phía Bắc cách nước Bát-lộ-la gần ngàn dặm, về hướng Đông nam là nước Quật-lộ-đa, về hướng Tây Nam là nước Kế Tân, mỗi bên đều cách xa hơn ngàn dặm, nhưng bốn biển là nói cuối cùng chứa đựng nước, nên từ một ai ấy phân làm thành bốn dòng sông, mỗi mỗi tùy theo thế đất mà nước trút đổ vào một biển. Nên từ Thông Lãnh thuộc về hướng Đông do đó nước trút đổ về Đông Hải, nước Đạt Sấu thuộc về hướng Nam nên nước trút đổ về Nam Hải, núi tuyết thuộc về hướng Tây nên nước trút đổ về Tây hải, và Đại Tần thuộc về hướng Bắc nên nước trút đổ về Bắc Hải. Nên địa thế cao nước đều trút đổ xuống, nêu trung tâm đây ở bên bờ sông biển gọi là nan đoạt. Nên kinh Phật rộng lớn thông khắp mọi sự thấy cùng Thánh Hiền, nghĩa ấy chẳng vọng gượng theo. Nêu bày trên đây từ Phù Địa đồ, nhưng châu này viết chép về sử sách ngụ ngôn ức đạt phù hư xem lạm lắm nhiều. Khi ước về kinh Phật lại lắm nhiều loại ấy thảy đều là hoang kể thứ vì nêu cử đó. Trong Thủy kinh nói: “Gò vô nhiệt tức là núi Côn lôn”. Phù Nam truyện nói rằng: “Núi A-nậu-đạt tức là núi Côn lôn”. Sơn Hải kinh nói rằng: “Nam lưu Sa Tân nước đỏ sau nước đen trước có một núi lớn tên là Côn lôn”. Lại nói rằng: “Về phía Tây Chung Sơn cách khoảng 600 dặm có núi Côn lôn lưu xuất ra 05 dòng sông”. Còn căn cứ theo Mục Thiên Tử truyện nói rằng: “Thông sơn âm chung”. Lại nói rằng: “Gò Côn lôn trong biển, tại dưới Tây Bắc Đế, vuông vức 800 dặm, cao vạn nhận”. Theo Thập Châu ký nói rằng: “Gò Côn lôn tức là Côn sơn tại phía Tây Bắc của Bắc Hải cách bồ 13 vạn dặm. Đó là ước chỉ về kinh Phật nói là núi Tô-mê vậy. Lại nữa, Trung Đông hải có núi tên là Phương trượng cũng còn gọi là Côn lôn”. Lại nói rằng: “Tây Vương mẫu bảo cùng Chu Mục rằng: “Núi ấy các Hàm Dương 36 vạn dặm, cao so với mặt đất bình thường 36. 000 dặm”. Lại theo Chu Mục truyền thuật Tây Vương mẫu nói rằng: “Cách khe suối Triều ở Đông Chu 11. 100 dặm”. Thần Dị kinh nói rằng: “Núi Côn lôn có trụ đồng cao ẩn trong trời, chu vi lớn 3. 000 dặm”. Vinh Thị ghi chú rằng: “Trụ Châu ở phía Đông nam núi Côn lôn cao 2. 000 dặm có không ngoài núi”. Theo Sử ký nói rằng: “Núi Côn lôn cách Tung cao năm vạn dặm, cao vạn một ngàn dặm!” Theo Quách Bộc nói rằng: “Cao hơn 2. 500 dặm”. Theo Hoài Nam nói là: “Cao vạn một ngàn một trăm dặm 14 bộ 2 thước 6 tấc”. Theo Đạo kinh tạo lập Thiên Địa ký nói: “Núi Côn lôn cao 4. 800 dặm”. Theo Chuyển Hình Tế Khổ Kinh nói: “Cao vạn chín ngàn dặm”. Lại nói: “Núi ấy nổi bay”.

Lại nói: "Về phía Nam Côn lôn cách 30 dặm lần lượt có ngàn núi Côn lôn, gọi đó là tiểu thiên thế giới". Theo Hóa Hồ kinh nói: "Núi Côn lôn cao 9 tầng lớp mỗi mỗi tầng lớp cách nhau 3. 000 dặm". Lại nói: "Cao vạn vạn 5.000 dặm. " Trên đây là thuyết của Nho giáo và Đạo giáo, tuy hình lượng có sai khác, nhưng chẳng vượt quá núi Côn lôn. Tìm xét ở gần núi Côn lôn là đất của Tây Lương, Tửu Tuyền, là nơi Mục Hậu thấy gặp Tây Vương Mẫu, đầy đủ trong Đồ kinh ấy. Nếu ở xa núi Côn lôn là trung tâm của Hương sơn và Tuyết sơn, và Hà Nguyên lưu xuất ở ngoài vậy. Nên Nhĩ Nhã nói rằng: "Hà Nguyên ra ngoài Côn lôn". Và Quách Bộc Đồ Tán nói rằng: "Côn lôn ở tầng thứ 3 gọi là Thiên Trụ, thật chỉ là Linh phủ của sông Hà Nguyên". Căn cứ theo Võ Cống nói rằng: "Dẫu dòng từ Tích thạch chỉ y cứ nơi dòng lưu xuất mà gọi tên vậy". Nếu xét về cội nguồn thật có sở do vậy. Nên trong kinh Phật nói rằng: "Ở phía Đông ao Vô nhiệt não có miệng Trâu bạc lưu xuất ra sông Khắc già, tức xưa trước gọi là sông Hằng chạy vòng quanh theo phía hữu của ao mà trút vào biển phía Đông nam, về phía Nam có miệng voi vàng lưu xuất ra sông Tín Độ, tức xưa trước gọi là sông Tân Đầu, vòng quanh theo phía hữu của ao mà trút vào biển phía Tây nam, về phía tây có miệng Ngựa lưu ly lưu xuất ra sông Phược sô, tức xưa trước gọi là sông Bác xoa và cũng chạy quanh phía hữu ao mà trút vào biển phía Tây bắc. Về phía Bắc có miệng Sư tử phả chi lưu xuất ra sông Tỷ Đa, tức xưa trước gọi là sông Tư Đà, cũng chạy quanh phía hữu ao mà trút vào biển phía Đông Bắc. "

Căn cứ theo Hà Đồ thì nói rằng: Từ núi Côn lôn về hướng Đông cách 5.000 dặm gọi là Thần Châu, còn gọi là Xích Huyện". Lại y cứ theo sách nói rằng: "Từ Hà Nguyên về hướng Đông Bắc lưu xuất ra hang Kỳ sa; thông lãnh, phân làm hai dòng sông. Dòng sông phía Đông Bắc chảy qua phía Nam nước Vu Điền, núi ở phía Tây Bắc của nước ấy lưu xuất ra. Lại dòng phía Đông là sông lớn chảy qua phía Đông nam của thành Khiết-bàn-đà. Lại xoay dòng trở lại phía Nam nước ấy cách hơn 500 dặm đến phía Nam nước Ô Sút, lại theo hướng Đông Bắc đến phía Bắc nước Sơ Lặc, cách 610 là đến thành Xích Cốc ranh giới của Ô Tôn. Lại theo hướng Đông cách 270 dặm chạy qua phía Nam của nước Cô Mặc, lại theo hướng đông cách 670 dặm chạy qua phía Nam nước Quy Tư. Lại theo hướng Đông cách 350 dặm chạy qua phía Nam nước Ô Điệp. Đó tức là xứ trị vì của nước Hán thời đô hộ. Về hướng Tây nam cách nước Sơ Lặc 2. 110 dặm, về hướng Đông Bắc cách nước Ô Kỳ 400 dặm. Sông ấy lại theo hướng Đông nam chạy dài 340 dặm qua phía

Nam nước Cừ Lê, lại theo hướng Đông 240 dặm chạy qua phía Nam Hắc sơn. Từ đó về hướng Đông cách ải Ngọc môn 2. 660 dặm, sông ấy lại theo hướng Đông chảy qua liên thành theo hướng Nam trút đổ vào Tân Thành, đến phía Bắc nước Thư Mạt hợp cùng dòng nước. Sông ấy lại theo hướng Đông chảy qua đất Lũ Lan, lại theo hướng Đông chạy qua phía Nam thành nước Thiện Thiện, vượt qua hướng Đông Bắc vài trăm dặm chảy vào biển Bồ Xương. Mặt hướng Đông biển ấy một ít chếch về hướng Bắc cách Ngọc môn 1.300 dặm. Lại về hướng Đông bắc cách Dương Quan 300 dặm. Sông ấy lại từ phía Nam Bồ Xương; Phục lưu mà chếch về hướng Tây vài ngàn dặm vào núi Tích thạch tại trong khu đảng Khương Thiêu. Theo sách nói: “Tích thạch cách núi Côn lôn 1740 dặm”, hoặc nói: “Phục lưu cách xa vàn ba ngàn dặm”. Các ức thuyết ấy khó có thể nghiên cứu rõ ràng tường tận. Sông ấy lại ra phía Tây của Tích thạch chảy về phía Đông Bắc cửa cừu khuất hợp dòng chảy vào đất chiết chi tức là Hà Khúc (Tùy?). Lại theo hướng Đông Bắc vào Tái qua phía Nam Trương Dịch; Đôn Hoàng, đó là xứ Hà Nguyên vậy. Căn cứ theo thực lục đây để tìm về Hà Nguyên rốt cùng đến chỗ ao Vô nhiệt não, mới là xét cứu cùng cực. Nhưng ao ấy chỉ có Thần ở chẳng phải nơi con người bước đến. Đó là địa vức của Bắc thiên núi tuyết, phía Nam tiếp liền với Trung độ; nơi Đức Phật Đản sinh, vì xứ ấy cao thắng nên chẳng phải là biên bỉ vậy.

- Nói về Nhân (con người) tức chẳng vượt ngoài phàm Thánh, ngôi vị cao tột của phàm nhân gọi là Luân vương, ngôi vị cao tột của Thánh nhân gọi là Pháp vương. Bởi vì hai ngôi vưng ấy chẳng ra đời thì thôi, còn nếu ra đời hẳn ở tại trung tâm. Lại nữa, núi sông làng nước là y báo của con người, con người ưu thắng thì y báo ưu thắng, nên hai vương ấy sống ở tại đó vậy. Lại nữa, Luân vương có 4 vị định ước thống nhiếp cả bốn châu. Kim Luân vương thì thông cùng cả bốn hữu (châu, cõi); Ngân Luân vương thống nhiếp ba châu, trừ một châu ở phía Bắc; Đồng Luân vương thống nhiếp hai châu, trừ hai châu ở phương Tây và phương Bắc; còn Thiết Luân vương chỉ thống nhiếp một châu ở phương Nam, trừ ba châu kia. Nói “Thiệm Bộ” tức là tiếng của Trung Phạm thiên, Trung Hoa dịch nghĩa là nơi của Luân vương. Nói về thông cục của Tứ Luân vương là khác chỗ ở hẳn tại phía Nam. Xưa trước phiên dịch châu này là Hảo kim địa (đất vàng tốt đẹp), nghĩa là vàng Diêm phù trong bờ biển phía Bắc châu, ánh sáng vàng nổi ra trên biển. Bên cạnh đó có rừng cây Diêm phù trái quả rất lớn. Người chứng đắc thần thông mới đến được nơi ấy. Nay nói Luân vương châu này được tên gọi cả hai giả thiết đều

đạt đến cùng vậy. Lại nữa, châu này có bốn chúa thống nhiếp, tức từ núi tuyết trở về hướng Nam đến tận Nam Hải gọi là Tượng chúa, vì đất xứ đó chỉ thuần nắng nóng ẩm ướt rất thích nghi với voi ở. Và vua các xứ ấy dùng lính voi mà an trị đất nước, phong tục con người xao động mãnh liệt rất dốc lòng tập học dị thuật, đó tức là nước Ấn Độ, nhưng tên nước Ấn Độ còn gọi là nước Hiền Đậu, hoặc gọi là nước Thiên Trúc, Thân Độc, Thiêu Đốc v. v... đều là lầm bậy lưu truyền, chỉ lấy tên Ấn Độ làm chánh, Trung Hoa không ngôn từ phiên dịch. Về phía tây núi Tuyết đến tận Tây Hải thì gọi là Bảo chúa. Đất xứ đó tiếp iền với Tây Hải riêng có nhiều trâu quý khác lạ, nhưng xem thường lễ nghi quý trọng của cải, đó là nước Hồ vậy. Về phía Bắc của núi tuyết đến tận Bắc Hải, đất xứ đó rất lạnh nên thích nghi với loài ngựa. Vì vậy gọi là Mã chúa, phong tục con người rất hung bạo nhẫn chịu giết hại, mang mặc lông da, tức là nước Đột Quyết vậy. Về hướng Đông của núi Tuyết đến tận Đông Hải gọi là Nhân chúa. Đất xứ đó thuần hòa sướng, phong tục chuyên làm điều nhân nghĩa, nước yên nhiều lớp đổi dời, đó là nước Chí Na, tức xưa trước gọi là nước Chấn Đán vậy. Bốn chúa nói trên là y cứ vào một châu, phân ranh giới mà Vương hẳn định ở tại trung tâm của châu. Luân vương là vua ở tại trung tâm xưa nay không cải đổi. Ở châu này các nhà Nho bị ngưng trệ bởi Khổng giáo vì vậy gọi là trung tâm, ngoài ra là nhiếp thuộc biên bỉ. Riêng chỉ Lạc Dương là nước trung tâm tức là ước theo Hiên Viên ngũ nhạc mà nói, chưa phải là trông xem rộng lớn khắp cùng các phương. Lại chỉ Tây Phiên liệt thuộc nước Hồ. Nhưng lúc đạo phẩm tại thế qua lại thì về phía Nam của núi tuyết gọi là nước Bà-la-môn, cách tuyệt với nước Hồ, ngôn ngữ viết lách chẳng đồng. Nên các Bà-la-môn ở năm xứ Thiên Trúc viết lách là sách trời, ngôn ngữ nói năng là ngôn ngữ của trời, nghĩa là lúc kiếp sơ mới thành, các Phạm thiên xuống cõi này nhận đắm mê mùi vị đất béo tốt bèn ở lại sinh làm loài người, từ gốc nói năng viết lách đều theo thiên pháp không dứt đoạn, nên phong tục xứ đó phần nhiều là phụng thờ trời vậy. Còn người nước Hồ vốn là Tây Nhung không nghe về Đạo thuật, nói năng viết lách của nước ấy riêng biệt, phải phiên dịch mới thông. Còn ngôn ngữ viết lách của người xứ Thần châu xuất phát không có gốc gác. Vả lại luận bàn về thư khế có thể lấy sự mà truy cầu, thì bát quái của Phục Hy, Trùng Hào của Văn Vương, dấu chân chim của Thương Hiệt văn ấy chẳng lưu truyền. Đến thời nhà Hán, có Hứa thận mới lưu xuất thuyết văn, chữ chỉ có 9000 dùng theo loại làm tường tự, đến nay dần khắp cùng nơi thế gian, văn ngôn có đến ba vạn. Đó là tùy theo con

người tùy theo thời đại hội y mà sản sinh, chẳng thể sánh vì với ngôn ngữ và sách vở của năm xứ Thiên Trúc là nhất mực chuẩn định.

Trên đây, lấy theo năm nghĩa để định quyết về Trung biên, có thể dùng để xét soi đó. Ngoài ra như đầu thời nhà Tùy có Sa-môn Thích Linh Dụ ở Ngụy Quận có nghi thuật về Thánh tích vậy.

CHƯƠNG IV: DI TÍCH

Từ thời nhà Hán đến thời tiền Đường, những người sang Ấn Độ trong đó Đạo chúng lắm nhiều chưa thể nói hết, như sự ghi chép ở sau. Vả lại y cứ ngay trong thời tiền Đường, năm trước sứ giả đã đi thì có ba đường. Y cứ theo đường đủ trải qua trông thấy các Di tích thì nay đây theo tuần tự mà trình bày.

Đường phía Đông theo hướng Tây bắc của Hà Châu vượt qua sông lớn lên đảnh núi Mạn Thiên gồm 400 dặm đến Thiện Châu, lại theo hướng Tây gần 100 dặm đến Thiện Thành là thuộc địa của Trấn Cổ Châu vậy. Lại theo hướng Tây Nam gần trăm dặm đến Cố thừa phong mậu là xứ Tùy Hổ Thị, lại theo hướng Tây gần 200 dặm đến Thanh Hải, trong biển có núi nhỏ, chu vi biển ấy rộng hơn 700 dặm, theo hướng Tây Nam của biển là đến Thổ-cốc-hồn-nha-trướng, lại theo hướng Tây Nam đến ranh giới của nước ấy tên là Bạch Lan Khương, ranh giới phía Bắc là đến thành Tích Ngư, theo hướng Tây bắc là đến nước Đa-di. Lại theo hướng Tây Nam đến nước Tô-tỳ, theo hướng Tây nam đến nước Cảm. Lại theo hướng Nam hơi lệch về hướng Đông đến nước Thổ Phiên. Lại theo hướng Tây nam đến nước Tiểu Dương Đồng. Lại theo hướng Tây Nam vượt qua ải Đút-thương-khả là biên giới phía Nam nước Thổ Phiên vậy. Lại theo hướng Đông hơi lệch về phía Nam, vượt qua Mạt thượng, thêm ải Tam Tỷ, theo hướng Đông nam đi vào hang, trải qua 13 từng cấp thềm bay, 19 sạn đạo, lại theo hướng Đông nam hoặc Tây nam, vin cây men lành đi đường hoang dã hơn 14 ngày mới đến nước Ni-ba-la thuộc Bắc Ấn Độ (nước ấy cách nước Thổ Phiên khoảng 9000 dặm, giữa đường trong đó, từ Đông Xuyên; Thiện Châu đi hơn trăm dặm, lại theo hướng Bắc đi ra hơn 600 dặm đến Lương Châu. Về hướng Đông các kinh đô 2000 dặm. Từ Lương Châu theo hướng Tây hơi lệch về hướng Bắc cách 470 dặm là đến Cam Châu. Lại theo hướng Tây cách 400 dặm là đến Túc Châu. Lại theo hướng Tây hơi lệch về hướng Bắc cách 75 dặm là đến ải Ngọc môn cũ, ải đó nằm giữa khoảng núi hai phía Nam-bắc, lại theo hướng Tây gần 400 dặm là đến Qua Châu. Lại theo hướng Tây nam vào bãi sa mạc hơn 300 dặm là đến Sa Châu,

lại theo hướng Tây nam vào bãi sa mạc hơn 700 dặm là đến nước Nạp-phiệt-ba xưa cũ tức là Xứ Lũ Lan cũng còn gọi là Thiện Châu. Lại theo hướng Tây nam đi hơn ngàn dặm là đến nước Chiết-ma-đà-na, tức là xứ Thư mạt. Lại theo hướng Tây đi hơn 600 dặm là đến nước Đô La xưa cũ, đều là thành quách hoang tàn. Lại theo hướng Tây vào đại Lưu Sa đi hơn 400 dặm là đến cảnh vực phía Đông nước Cù-tát-đát (theo Hán sử thì cho đó là Vu Điền, nơi trấn thú trị vì của nhà Hán trong thời đô hộ, về phía Đông nước đó cách thành Trường An 9. 670 dặm), ải ở đó tên là thành Ni Nhưỡng, người xứ đó tự cho là nước Vu Độn vậy. Chu vi nước đó hơn 4.000 dặm, cát sỏi nhiều hơn một nửa, chùa chiều có hơn trăm ngôi, chư Tăng có khoảng 5.000 vị học theo giáo pháp Đại thừa. Từ ải ấy đến sông Bễ Ma cách hơn 200 dặm.

Trong thành Bể-ma có một tôn tượng đứng bằng gỗ Chiên-đàn cao hơn 2 trượng, rất lắm linh dị ánh sáng luôn tỏa phỏng. Những người tật bệnh tùy sự thống khổ mà đem vàng mỏng thấp vào trên tượng bèn liền lành khỏi. Tôn tượng ấy vốn ở tại nước Kiều Thưởng Di, do vua Ổ-đà-diểu-na tạo nên, tôn tượng vượt bay giữa không trung mà đến nước ấy. Về hướng Bắc là thành Hát-lao-lạc-ca có vị La-hán kỳ dị, mọi người thường sang kính lễ, mới đầu vua không tin đem cát bụi tung vãi nói vị La-hán ấy. Vị La-hán ấy mới báo cùng người kính tin rằng: “Bảy ngày sau cát bụi sẽ tràn đầy khắp thành, sau đó hai ngày mưa vật báu đầy cả đường đi”. Đến đêm của ngày thứ 7 quả nhiên mưa đất bụi đầy thành, lược không đề sót người nào, người được báo trước, bèn dự bị làm hàng đất theo lổ mà ra. Phía Đông đến Bễ ma, tôn trượng ấy cũng đồng đến. Lại có dự ghi rằng: “Đến lúc giáo pháp hoại diệt, tôn trượng ấy sẽ vào Long cung. Thành hát Lao ấy đến nay là gò đồi lớn, vua muốn đào bới vật báu hẳn gặp phải phong biến. ”

Lại từ thành Bể-ma theo hướng Tây đi khoảng 330 dặm mới đến Quốc Thành, nơi vua định đô. Theo hướng Nam cách khoảng 10 dặm có một ngôi chùa lớn do Tiên vương dựng tạo. Lại theo hướng Tây nam cách hơn 10 dặm có một ngôi chùa có tôn tượng đứng được ép dệt băng vải sợi. Tôn tượng ấy từ nước khuất chi đến. Xưa kia có kẻ bề tôi sang đó kính lễ, khi trở về quê cũ, kẻ bề tôi ấy xa nghĩ nhớ không thôi, tôn tượng ấy ban đêm bèn xuất hiện đến. Kẻ bề tôi đó mới xả thí vườn nhà làm chùa. Từ Đô thành về hướng Tây cách hơn 300 dặm là đến thành Bột-già-di, ở đó có tôn tượng ngồi cao 7 thước, tướng hảo không đâu sánh bằng, trên đầu tôn tượng có bảo quan thường luôn tỏa hiện ánh sáng. Từ Đô thành về hướng Tây cách khoảng 160 dặm, giữa đường chỉ

có bãi sa mạc lớn, chỉ có chuộc những thân mình lớn như con dím, lông sắc màu vàng bạc. Xưa trước Hung Nô đến đánh cướp, vua nguyện cầu chuộc linh ban đêm đến cắn người người ngựa, các thứ binh khí gãy đứt hư hoại, tự nhiên rút chạy lui. Từ Đô thành về hướng Tây cách khoảng năm dặm có một ngôi chùa có Bảo tháo cao hơn năm thước, phần nhiều hay hiện tướng tỏa phóng ánh sáng. Vua cảm được vào trăm viên xá-lợi, vì La-hán dùng tay phải nâng Bảo tháp đặt yên vào trong hộp mới hạ xuống không nghiêng động. Từ Đô thành về hướng Tây nam cách hơn 10 dặm có núi Cù-thất-lăng-già (Trung Hoa gọi là Ngưu Giác), ở đó có ngôi chùa có tôn trượng tỏa hiện ánh sáng. Xưa kia Đức Phật từng đến xứ đó vì các hàng trời người mà giảng pháp, dự ghi dựng lập nước ấy sùng kính cuyên học Đại thừa, trong thạch thất sơn nham có một vị La-hán nhập diệt tâm định chờ đợi Đức Phật Di Lặc từ thị ra đời. Trước đây khoảng vài trăm năm sườn núi sụp đổ bít lấp cửa nẻo. Biên giới phía Nam nước ấy tiếp liền với nước Đông nữ. Từ Quốc thành theo hướng Tây vượt qua núi hang đi hơn 800 dặm đến nước Chước-cu-ca (tức là trở cừ), cảnh vực phía Nam nước ấy chu vi hơn ngàn dặm, chùa Phật có hơn 10 ngôi, chư Tăng ngoài trăm vị đều học theo giáo pháp Đại thừa. Về phía Nam nước ấy có núi dựng tháp Đa-la, tùng suối xanh mát tốt tươi, Thanh thất sâu lắng, có 3 vị A-la-hán hiệu nhập Diệt Định, râu tóc luôn dài chư Tăng thường cắt cạo. Chư Tăng ở năm xứ Ấn Độ những vị tu hành chứng quả phần nhiều ở tại thất ấy. Lại theo hướng Bắc gần 300 dặm mới đến Đô thành, chu vi Đô thành ấy rộng hơn 10 dặm, núi đồi liền tiếp nhau phụ thuộc gắn liền với hai dòng sông. Lại theo hướng Tây bắc nước đó lên đảnh núi Đại Sa, vượt qua sông Tỷ Đa cách hơn 500 dặm đến nước Khư Sa (tức là nước Sơ Lặc). Chu vi nước đó rộng hơn ngàn dặm, có khoảng vài trăm ngôi chùa, chư Tăng khoảng vạn vị, đều tập học theo Tiểu thừa Hữu bộ, đất đai xứ đó có nhiều đá sỏi. Ở đó có tập tục người chết ép dầu dẹp mỏng.

Từ đó theo hướng Nam đi trên đường núi đồi hoang dã lắm đá sỏi hơn 500 dặm là đến nước Ô Sát, chu vi nước đó rộng hơn ngàn dặm, chu vi của Đô thành rộng hơn 10 dặm. Về phía Nam gần kề sông Tỷ Đa, dân chúng kính tin Phật pháp, chùa chiền có hơn 10 ngôi, chư Tăng ngàn vị đều tập học theo pháp Tiểu thừa, từ phía Tây Thành đô cách hơn 200 đến núi lớn, trên đảnh núi có ngôi tháp, vài trăm năm trước, sườn núi tự nhiên sụp đổ, trong đó có một vị Tỳ-kheo nhắm mắt tỉnh tọa, thân hình rất to lớn, râu tóc rũ xuống, che phủ cả mặt vai, vua nước ấy đem đầu tô đến rưới vào và đánh kiền chùy, vị Tỳ-kheo ấy mở cao mắt trong nhìn

và hỏi rằng: "Thầy của ta là Đức Phật Ca-diếp-ba, đến nay mới nghe là đã nhập Niết-bàn ư?". Lại hỏi: "Đức Phật Thích-ca đã ra đời chưa?". Mọi người đáp: "Đã nhập Niết-bàn rồi". Vị Tỳ-kheo ấy liền bay lên giữa hư không phóng hóa lửa tự thiêu thân. Đất xứ đó sản sinh ra các thứ ngọc trắng đen xanh v. v... Từ Quốc thành theo hướng Tây vượt qua sông lên Thông lãnh, men theo phía Đông sườn núi đi hơn 800 dặm là đến Phước Xá. Xứ đó nằm giữa bốn núi vuông rộng hơn trăm khoảng không có cây cối lớn chỉ có loài cỏ dại, nhân duyên như ở nói riêng.

Lại theo hướng Tây nam vượt Đại Lãnh đến nước Khiết-bàn-đà, chu vi nước đó rộng hơn 2.000 dặm, chu vi thành đô rộng hơn 50 dặm. Phía Bắc là gối lưng với sông Ấy Đa; nơi rất kính tin Phật pháp. Chùa chiền có hơn 10 ngôi, chúng Tăng có hơn 500 vị tu học theo phải Tiểu thừa hữu bộ. Về phía Đông nam nước đó có một thạch thất lớn và có hai cửa, mỗi bên có một vị A-la-hán nhập diệt tâm định đã trải qua hơn 700 năm, râu tóc mọc dài, mỗi năm có người riêng vì đến cắt cạo. Lại theo hướng Tây bắc đi hơn 300 dặm mới đến Vương đô, về phía Đông nam gần sông Tỷ Đa, núi non tiếp liền. Lại theo hướng Tây hơi lệch về phía Nam lêo lên núi. Băng tuyết trải dài hơn 500 dặm mới đến sông Ba-ma-la. Hai phía Đông-tây dài hơn ngàn dặm, hai phía Nam-bắc rộng hơn trăm dặm, hoặc có nơi hẹp không tới 10 dặm, y cứ giữa khoảng Nam bắc của núi Tuyết. Đất thuần muối mặn nhiều đá, cây cỏ hiếm ít, không có người ở. Theo phía Nam của sông vượt qua núi có nước Bát-lộ-la. Sông đó tại trên Đại Thông lãnh, là núi cao nhất trong Thiệm Bộ châu, trong đó có ao Đại Long hai phía Đông-tây dài hơn 300 dặm hai phía Nam-bắc rộng hơn 50 dặm, sản sinh ra trứng lớn. Nước sông ấy theo dòng về hướng Tây chảy đến nước biên giới phía Đông Đạt-ma-tất-đế hợp cùng dòng với sông Phược sô. Nên từ đó trở về hướng Tây các dòng sông đều đổ về hướng Tây. Ở phía Đông phát xuất ra một dòng sông theo hướng Đông bắc chảy về đến biên giới phía Tây nước Khư-sa hợp cùng dòng với sông Tỷ Đa. Từ đó các sông ở phía Đông đều chảy đổ về hướng Đông. Ở phía chánh Nam của ao rồng là ao Vô nhiệt não, về phía chánh Bắc là sông Thiên Truyền, ngay phía Nam của ao có đảnh núi lớn lên tên là Bà-la-tê-la hai phía Nam-bắc cách xa nhau ba bốn trăm dặm. Đất ở đó rất cao, về phía Bắc của ao tức là Đại thông lãnh vậy. Theo Thủy kinh nói là: "Cao có thể hơn ngàn dặm, hai bên đầu thấp xuống, hai phía Nam-bắc đỉnh núi dựng đứng hàng số rất nhiều có hơn trăm khoản". Có nhiều núi thông, ven núi nguy hiểm, cây thông sắc màu xanh biếc, nhân lấy đó mà đặt tên vậy. Phía Nam của đảnh núi là

tiếp liền với núi tuyết, phía Bắc đến sông Thiên Tuyền xa dài khoảng 2. 500 dặm, phía Đông đến tận nước Ô Sát, phía Tây tới nước Đạt Hoài dài xa hơn 3.000 dặm. Từ sông ấy theo hướng Tây nam vào núi hiểm hơn 700 dặm là đến nước thương Di, chu vi nước đó 2.600 dặm, đất xứ đô sản sinh giống Thư hoàng. Người dân nước đó kính tin Phật pháp, chỉ có hai ngôi chùa, chư Tăng cũng hiếm ít. Lại theo hướng Bắc vượt qua núi đá lớn nước Đa-ma-tất-đế là đến nước Thi-khí-ni, chi vi nước đó rộng hơn 2.000 dặm, núi đá sỏi tiếp liền với đồng hoang.

Lại theo hướng Nam vượt núi sông đến nước Đạt-ma-thiết-tất-đế (còn gọi là nước Thiết Khẩu, nước Hộ Mật) tức chốn đất xưa cũ của Đổ-hóa-la, tại giữa hai bên núi, hai phía Đông-tây dài rộng 1.500 dặm, hai phía Nam-bắc dài rộng gần 100 dặm, có nơi nhỏ hẹp chưa đến 10 dặm, phía Đông gần đến sông Phược sô, chùa chiền có hơn 10 ngôi, chư Tăng hiếm ít. Tại thành có ngôi chùa có tôn tượng đá phía trên giăng treo lọng tròn bằng vàng đồng, dùng các vật báu trang sức, như có người xoay chuyển quanh thì lọng cũng theo đó xoay chuyển, người dừng nghỉ, lọng cũng dừng yên. Khắp bốn phía là vách tường đá, chẳng thể lường biết cớ sao vậy, có thuyết cho là do sức Thánh tạo nên thế, hoặc có người cho đó là cơ quan bí mật. Lại theo hướng Tây nam lên núi vào hang đi hơn 500 dặm đến nước Quật-lãng-noa, cũng là chốn đất xưa cũ, chu vi hơn 2.000 dặm, hiếm ít người tin hướng Phật pháp. Lại theo hướng Tây bắc vượt qua đỉnh núi đi hơn 300 dặm đến nước Dâm-bạc-kiện, cũng là chốn đất xưa cũ, chu vi rộng lớn 2.000 dặm, đô thành rộng lớn 10 dặm. Lại theo hướng Tây bắc vượt núi hang đi hơn 200 dặm đến nước Bát-đạt-sáng-na cũng là chốn đất xưa cũ, chu vi rộng hơn 2.000 dặm, Đô thành men trên sườn núi rộng khoảng sáu bảy dặm, có 4 ngôi chùa, chưa Tăng cũng hiếm ít. Cách núi hang về hướng Tây đi hơn 200 dặm đến nước Tứ-ma-đát-la cũng là chốn đất xưa cũ, chu vi rộng hơn 3.000 dặm, núi sông gần một nửa, có vài mươi thành quách kiên cố. Lại theo hướng Tây vượt qua núi hang đi hơn 300 dặm đến nước Khất-lật-sắt-ma cũng là chốn đất xưa cũ. Hai phía Đông-tây rộng hơn ngàn dặm, hai phía Nam-bắc rộng 300 dặm, chu vi đô thành rộng 15 dặm. Lại theo hướng Bắc đến nước Bát-lợi-hạt, cũng là chốn đất xưa cũ, rộng hơn trăm dặm, hai phía Nam-bắc dài rộng hơn 300 dặm, đô thành rộng hơn 20 dặm. Lại tứ nước Khất-lật theo hướng Tây vượt qua núi cao vào hàng động, trải qua sông mối kinh thành đi hơn 300 dặm đến nước Măng-kiện cũng là chốn đất xưa cũ, chu vi rộng hơn 400 dặm, chu vi đô thành rộng 16 dặm. Theo hướng Bắc vượt qua sông đến nước A-lợi-ni cũng là

chốn đất xưa cũ. Chu vi rộng hơn 300 dặm, men theo hai bên bờ sông Phược sô. Chu vi Đại thành rộng 15 dặm. Theo hướng Đông vượt qua sông đến nước Át-la-hồ, cũng là chốn đất xưa cũ, về phía Bắc gần sông trước, chu vi rộng hơn 200 dặm, chu vi Đại thành rộng 15 dặm.

Lại từ nước Măng Kiện theo hướng Tây đi hơn trăm dặm ra khỏi Thông lãnh, từ đầu hướng Tây men tìm theo núi xuống đến nước Hoạt, cũng là chốn đất xưa cũ, chu vi rộng hơn 2.000 dặm, chu vi Vương thành hơn 20 dặm. vua nước đó là người Đột Quyết. Từ Thiết môn trở về hướng Tây, các nước nhỏ phần nhiều đều tùy thuộc Đột Quyết, là địa vức bình an, phong tục dân chúng phần nhiều kính tin Phật, chùa chiền có hơn 10 ngôi, chư Tăng khoảng vài trăm vị, tu học cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Lại theo hướng Tây đến nước Phược Hạt, chu vi rộng khoảng bốn năm trăm dặm. Lại theo hướng Đông nam vượt qua núi hang và các Thánh đi hơn 300 dặm đến nước Hoạt-tất-đa, cũng là chốn đất xưa cũ, chu vi nước đó gần ngàn dặm, đô thành rộng hơn 10 dặm, núi nhiều, sông hẹp, rất mực gió lạnh, có 3 ngôi chùa chư Tăng hiếm ít. Lại theo hướng Đông nam vào hang vượt đảnh núi, qua các thành nhỏ đi hơn 400 dặm đến nước An-đát-la-phược cũng là chốn đất xưa cũ, chu vi rộng hơn 3.000 dặm, chu vi vương thành rộng 15 dặm đều thuộc nước Đột Quyết, có 3 ngôi chùa, chư Tăng khoảng vài mươi vị, có một ngôi tháp của A-dục vương, núi đồi liền tiếp nhau, thường luôn rét lạnh, từ đó theo hướng Tây nam lên núi Tuyết lớn đến đầu phía Đông đảnh núi Bà-la-tê-la, đi suốt 3 ngày là đến trên đảnh núi, đứng đó trông nhìn khắp cùng Nam Thiệm Bộ châu, các núi thảy đều thấp nhỏ ở bốn phía. Lại men theo đảnh núi xuống, đi cũng mất ba ngày đến nơi đảnh núi cao vợi hang hốc quanh co phải đục băng mà vượt qua, theo hướng Tây trải qua biên giới nước Ca-tất-thí và vài mươi thành ấp nhỏ, lại theo hướng Tây nam đi vài mươi dặm mới đến Vương Đô. Lại theo hướng Tây hơi lệch phía Nam đi suốt 1.300 dặm, vượt qua núi sông đến nước Phất-lật-thị-tát-thàng-na, chu vi rộng hơn 2.000 dặm, hai phía Nam-bắc rộng hơn ngàn dặm, chu vi Vương thành hơn 20 dặm, dân chúng rất kính tin Phật pháp.

Từ đó theo hướng Nam đi hơn 500 dặm đến nước Tào-củ-tra (còn gọi là nước Tảo lợi), chu vi hơn 7.000 dặm, chu vi Vương thành rộng hơn 30 dặm, núi sông gần một nữa, có khoảng trăm ngôi chùa, chư Tăng khoảng vài vạn vị đều theo học pháp Đại thừa, có 10 ngôi tháp của A-dục vương, vài mươi ngôi đều thờ trời, rất nhiều ngoại đạo, đất đai thích nghi với loại cây cỏ Uất kim hương, sản sinh các thứ cỏ Hưng-cù,

La-ma. Cảnh vực phía Nam sông Ấn Độ là núi Miêu-na-tứ-la, về phía Đông nam vương thành cách hơn 2.000 dặm đến nước Phạt-thích-noa thuộc phía Tây Ấn Độ mới hợp hướng Bắc theo đường phía Nam đến cõi nước Phật. Từ đường ấy vào Ấn Độ, tức từ kinh đô theo hướng Tây bắc đi hơn 3.300 dặm đến Qua Châu. Lại theo hướng Tây bắc đi hơn 300 đến cửa ải Mạc-hạ-diên-thích, lại theo hướng Tây bắc đi hơn 800 dặm ra khỏi Diên thích đến huyện Nhu Viễn. Lại theo hướng Tây nam đi 160 dặm đến Huyện y, lại theo hướng Tây đi hơn 700 dặm đến huyện Bồ Xương, lại theo hướng Tây đi hơn trăm dặm đến Tây Châu; tức chốn đất xưa cũ của Cao Xương, là nơi trị vì của Nghi hòa Đô úy ở thời nhà Hán. Về sau trở về kinh Vương lánh nạn đến ở đó, nay là thuộc trong bờ cõi canh phòng.

Lại theo hướng Tây đi hơn 700 dặm nước A-kỳ-ni (tức là nước Ô Kỳ) hai phía Đông-tây rộng hơn 600 dặm, chu vi độ thành rộng khoảng sáu bảy dặm. Chùa chiền có hơn 10 ngôi, chư Tăng hơn vài ngàn vị đều học theo pháp Tiểu thừa Thuyết - nhất thiết - hữu bộ. Giới hạnh tinh cần, dùng ăn Tam tịnh nhục. Từ Hắc lãnh ấy, người Hồ đông nhiều quý trọng của cải, khinh tiện lễ nghi, không có lễ kính, vợ chồng Tôn ti tốt xấu đều đồng nhất. Tốt xấu trắng đen đều là phục chế. Lại theo hướng Tây nam đi hơn 200 dặm, vượt qua một núi nhỏ hai sông lớn, men theo đường sông đi hơn 700 dặm đến nước Khuất Chi (tức nước Khâu Tư = Quy Tư), hai phía Đông-tây rộng hơn ngàn dặm, hai phía Nam-bắc rộng 600 dặm, chu vi Vương thành rộng 17 - 18 dặm. Có hơn 100 ngôi chùa, chư Tang hơn 5.000 vị, đều học theo pháp Tiểu thừa thuyết nhất thiết hữu bộ, cũng ăn dùng tam tịnh nhục, phong tục dân chúng rất kính tin Phật pháp. Dân chúng ở Vương thành dựng tạp tháp tượng nhiều không thể kể hết. Cảnh vức phía Đông trong thành lớn có đền thờ Trời, lúc rồng trong ao xuất hiện giao cấu với ngựa cái sinh ra Long câu, lúc mới sinh rất ngang bướng, dần dần điều phục mới đúng giá. Nên người nước đó phần nhiều khéo giỏi điều phục ngựa. Có vị vua gần đây tên là Kim Hoa cảm được thấy rồng cưỡi xe vua, muốn đến lúc cuối đưa roi xúc chạm đến lỗ tai, nhân đó rồng bèn ẩn mất, và vua cùng vợ sinh một con trai mạnh khỏe nhanh nhẹn. vua kéo dắt người nước Đột Quyết đánh dẹp dân chúng thành đô nên khiến hoang tàn. Từ thành độ theo hướng Bắc đi hơn 400 dặm về phía Đông đến chùa chiền Hổ Ly, trong Phật đường có tảng ngọc thạch vuông rộng 2 thước, trên mặt có dấu chân Đức Phật dài một thước tám tấc, rộng sáu tấc, vào những ngày trai thường tỏa phóng ánh sáng. Ngoài cửa phía Tây Vương thành, hai bên

đường đi có những tôn tượng Phật đứng mỗi mỗi cao hơn 90 thước. Ở đó cứ 5 năm một lần lập Đàn thiết hội. Về phía Tây có chùa A-xa-lý-nhị; theo tiếng Trung Hoa gọi đó là chùa Kỳ Đặc. Xưa kia vua ra ngoài lễ bái tham quan Thánh tích. Mẹ và em ở lại giữ, nhân tự cất thế vì đề phòng dèm pha mờ tối. vua rất lấy làmlạ về người em, sau gặp người khỏe mạnh, 500 năm bèn xót thương mà chuột lại đó, căn lực từ thiện, hình tướng nam tử chợt sinh, bèn không vào vương cung, vua rất lấy làm kỳ đặc, nhân lấy đó mà đặt chùa.

Lại theo hướng Tây, trải qua bãi sa mạc nhỏ đi hơn 600 dặm đến nước Bạt-lục-ca (xưa trước gọi đó là Cô Mặc, còn gọi là Hàm Mặc), hai phía Đông-tây rộng hơn 600 dặm, hai phía Nam-bắc hơn 300 dặm, chu vi Vương thành 50 dặm. Chùa chiền có khoảng vài mươi ngôi, chư Tăng hơn ngàn vị đều học theo pháp Tiểu thừa. Lại theo hướng Tây bắc đi hơn 300 dặm, vượt qua sỏi đá đến Lăng Sơn tức đầu nguồn phía Bắc Thông lãnh, nước các sông ở đó phần nhiều xuôi chảy về hướng Đông. Theo đường đó đi không được mặc áo đỏ, mang bầu nước và tiếng kêu réo. Nếu có trái phạm thì rồng hay khiến gió bay mưa cát, nếu gặp hẳn đều bị vùi lấp. Theo đường núi đi về hướng Tây cách hơn 400 dặm đến ao hồ nước trong sạch lớn (còn gọi là Nhiệt hải, cũng gọi là biển muối), chu vi rộng hơn ngàn dặm, hai phía Đông-tây dài, ở bốn phía có núi, người đi đường cầu phước. Lại theo hướng Tây bắc đi hơn 500 dặm đến thành Tố diệp thủy, chu vi rộng khoảng sáu bảy dặm, thương nhân người Hồ sống lẫn lộn, từ đó trở về hướng Tây có khoảng vài mươi thành đơn độc cũng vậy. Lại theo hướng Tây đi hơn 400 dặm là đến Thiên Tuyền, nước suối tuôn đổ rất nhiều lan rộng ra vuông hơn 200 dặm, mặt phía Nam là núi Tuyết duỗi xuống ba thềm cấp bằng phẳng. Lại theo hướng Tây đi khoảng 150 dặm đến thành Đát-la-tư, lại theo hướng Tây nam đi hơn 200 dặm đến Thành cung kính.

Lại theo hướng Nam đi 50 dặm đến nước Nô-xích-kiến, chu vi rộng hơn ngàn dặm. Lại theo hướng Tây đi hơn 200 dặm đến nước Giả Thời (Trung Hoa gọi là nước Thạch) chu vi rộng hơn ngàn dặm phía Tây gần sông Tố Diệp. Lại theo hướng Đông nam đi hơn ngàn dặm đến nước Tưng Hãn, chu vi rộng hơn 4.000 dặm, núi bao bọc khắp bốn phía. Lại theo hướng Tây đi hơn ngàn dặm đến nước Tất-đồ-lợi-sắt-na, chu vi rộng 1.400 dặm về phía Đông gần sông Tố diệp. Sông Tố Diệp đổ dòng nước ra phía Bắc Thông lãnh. Dòng phía tây Bắc lại chảy về phía Tây bắc vào bãi sa mạc lớn, đi khoảng hơn 500 dặm là đến nước Táp-mạc-kiến (Trung Hoa gọi là nước Khương, chu vi rộng hơn 1.600 dặm, hai

phía Nam-bắc nhỏ hẹp. Chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm là nơi rất mực hiểm trở kiên cố. Từ đó theo hướng Đông nam đi đến nước Nhị-mạc-hạ (tức là nước Mễ). Chu vi vây quanh khoảng bốn năm trăm dặm, hai phía Đông-tây nhỏ hẹp. Lại theo hướng Tây bắc đến nước Kiếp-bố-thư-na (tức là nước Tào) chu vi chu vi rộng một ngàn bốn năm trăm dặm, hai phía Đông-tây rất dài, lại theo hướng Tây đi hơn 300 dặm đến nước Khuất-sương-nị-la (tức là nước Hà), chu vi đồng như nước Tào mà hai phía Đông-tây nhỏ hẹp. Lại theo hướng Tây đi hơn 200 dặm đến nước Hát Hãn (tức là nước Đông An) chu vi rộng hơn ngàn dặm.

Lại theo hướng Tây đi hơn 400 dặm đến nước Bộ Hãn (tức là nước Trung An), chu vi hơn 1.700 dặm, hai phía Đông-tây kéo dài. Lại theo hướng Tây đi hơn 400 dặm đến nước Phạt Địa (tức là nước Tây An) chu vi rộng hơn 400 dặm. Lại theo hướng Tây nam đi hơn 500 dặm đến nước Hóa-lợi-tập-dị-khư, dọc theo hai bên bờ sông phược sô hai phía Đông-tây dài khoảng 30 dặm, hai phía Nam-bắc dài hơn 500 dặm. Lại từ nước Táp-mạc-kiến theo hướng Tây nam đi hơn 300 dặm đến nước Yết-sương-na (tức là nước sử) chu vi rộng khoảng 1.500 dặm. Lại theo hướng Tây nam đi hơn 200 dặm vào núi lớn, đường núi hiểm tuyệt lại thiếu người vật. Lại theo hướng Đông nam đi bằng đường núi hơn 300 dặm đến ải thiết môn hai phía tả hữu toàn vách đá sắc màu như sắt, cửa sắt kiên cố, nơi cánh cửa treo linh khánh hiện còn, tức cửa phía Tây đồn ải của nước Hán vậy. Ra cửa ải Thiết môn tức đến chỗ đất xưa cũ của nước Đổ-hóa-la (xưa trước gọi là nước Thổ Hỏa la), hai phía Nam-bắc rộng hơn ngàn dặm, hai phía Đông-tây dài hơn 3.000 dặm. Phía Đông dân cự đến Thông lãnh, phía Tây tiếp liền với Ba Tư, phía Nam là núi tuyết lớn, phía Bắc y cứ đến Thiết môn, cảnh vức trong sông lớn Phược sô theo dòng chảy về hướng Tây, trong đó tự phân thành 27 nước. Hàng năm bắt đầu từ ngày 17 tháng 12, chư Tăng an cư, do vì xứ đó ấm nóng nhiều mưa nên vậy. Dọc theo dòng sông về hướng Bắc đến nước Đát-mật, hai phía Đông-tây dài hơn 600 dặm, hai phía Nam-bắc rộng hơn 400 dặm. Chu vi Vương thành rộng hơn 20 dặm. Có 10 ngôi chùa, chư Tăng ngoài ngàn vị. Có Tất-đổ-ba (tức là tên khác xưa trước của Tháp như gọi là Thâu Bà v. v...) tôn tượng Phật rất linh dị. Lại theo hướng Đông đến nước Xích-ngạc-diễn-na, hai phía Đông-tây rộng hơn 400 dặm, hai phía Nam-bắc dài hơn 500 dặm. Chu vi Vương thành rộng hơn 10 dặm, có 5 ngôi chùa, chư Tăng hiếm ít. Lại theo hướng Đông đến nước Nhẫn-lộ-ma, hai phía Đông-tây rộng hơn trăm dặm, hai phía Nam-bắc dài hơn 300 dặm. Chu vi vương thành rộng hơn 16 - 17 dặm. Có hai ngôi chùa,

chư Tăng đông hơn trăm vị. Theo hướng Đông đến nước Thâu mạn, hai phía Đông-tây dài hơn 400 dặm, hai phía Nam-bắc rộng hơn trăm dặm, chu vi Vương thành rộng hơn 10 dặm. Có hai ngôi chùa chư Tăng cũng không đông nhiều. Về phía Tây nam gần sông Phược sô, thuận tiện đến nước Cúc-hòa-diễn-na, hai phía Đông-tây rộng hơn 200 dặm, hai phía Nam-bắc dài hơn 300 dặm. Vương thành rộng hơn 10 dặm. Có 3 ngôi chùa, chư Tăng có hơn trăm vị. Lại theo hướng Đông đến nước Hoàng sa, hai phía Đông-tây rộng hơn 300 dặm, hai phía Nam-bắc dài hơn 500 dặm, chu vi Vương Thành rộng khoảng 16 - 17 dặm.

Lại theo hướng Đông đến nước Kha-đốt-la, nước ấy dài rộng có hơn ngàn dặm, chu vi Vương thành hơn 20 dặm. Theo hướng Đông tiếp liền với Thông lãnh đến nước Câu-mê-đà, hai phía Đông-tây dài hơn 2.000 dặm, hai phía Nam-bắc rộng cũng hơn 2.000 dặm, y cứ trong Đại Thông lãnh, chu vi Vương thành rộng hơn 20 dặm, về phía Tây nam gần sông Phược sô, phía Nam nước ấy tiếp liền với nước Thi-khí-ni, phía Nam vượt qua sông ấy đến các nước Đạt-ma-tất-đế v. v... giữa đường như trước nêu dẫn. Lại từ thiết môn theo hướng Nam hơi lệch về phía Đông đi hơn 500 dặm đến nước (Phượt hát) còn một đường từ phía Tây nam nước Câu Mê đến nước Phược-già-lãng, hai phía Đông-tây rộng hơn 50 dặm, hai phía Nam-bắc dài hơn 200 dặm, đô thành rộng hơn 10 dặm. Lại theo hướng nam đến nước Hột-lộ-tất-mẫn-kiện, chu vi nước ấy rộng hơn ngàn dặm, chu vi Đô thành rộng 15 dặm. Lại theo hướng Tây bắc đến nước Nhẫn Lẫm, chu vi rộng hơn 800 dặm. Chu vi Đô thành rộng hơn 15 dặm, có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng khoảng 500 vị. Lại theo hướng Tây đến nước Phược-hát, hai phía Đông-tây dài hơn 800 dặm, hai phía Nam-bắc rộng hơn 400 dặm, về phía Bắc gần sông Phươ sô. Chu vi Vương thành hơn 20 dặm, thuần phong mỹ tục nước ấy được xưng gọi là Tiểu vương xá thành, chùa chiền có hơn trăm ngôi, chư Tăng có hơn 2000 vị đều học pháp Tiểu thừa. Về phía Tây nam ngoài Vương thành có chùa Nạp Phược (Trung Hoa gọi là chùa Tân) nằm ở phía Bắc núi Tuyết. Các Pháp sư làm luận tán tụng chùa ấy, cơ nghiệp không sụp đổ, tôn tượng được đắp bằng các trân báu ánh ngời, có tượng Tỳ Sa-môn bảo vệ chung quanh. Có khí hộ người Đột Quyết muốn đánh phá chùa ấy cướp lấy các vật báu. Kéo quân lính đến ở bên cạnh chùa, ban đêm mộng thấy Thiên vương nắm mác dài đâm xuyên hàng ngực, run sợ toát mồ hôi, quả tim đau nhói, nhân đó bèn chết. Trong nhà chùa có bồn Phật tắm rửa có thể chứa đựng hơn một thăng nước, màu sắc xen tạp ánh ngời khó thể gọi là vàng hay đá. Lại có chiếc răng của Đức Phật dài

hơn một tấc, rộng tám chín phân, sắc màu vàng trắng mà sáng sạch, lại có cải chổi Đức Phật quét dùng làm bằng cỏ ca xa dài hơn 2 thước, lớn khoảng 7 tấc, dùng các vật báu tạp để làm cán. Đến những ngày trai, ba vật ấy do cảm pháp tục nên tỏa phóng ánh sáng lớn, có phù đồ lớn cao hơn 200 thước, dùng chất Kim cang đề đắp thếp và các vật báu để trang nghiêm đó. Lại có xá-lợi của Đức Phật có lúc tỏa phóng ánh sáng thần, lại có các vị A-la-hán nhập Niết-bàn thị hiện sức thần mà dựng lập tháp. Tuy có những vị đã chứng quả mà không thị hiện thần thông nên không dựng lập tháp. Về phía Tây Bắc của Vương thành cách khoảng hơn 50 dặm có thành Đề Vị, về phía chánh Bắc của Vương thành cách hơn 40 dặm có thành Ba lợi, mỗi nơi đều có phù đồ cao hơn 3 trượng tức Đức Phật Thích-ca mở đầu hiến dâng ban miếu, trưởng giả dựng lập để phụng thờ tóc và móng tay. Lại có y Tăng-già-chi, Tăng-tức-kỳ, lại che phủ bình bát, chống dựng tích trượng, theo thứ tự mà bày số, nghi thức dựng lập tháp, khiến y cứ theo đó mà tạo dựng. Về phía Tây của Vương thành cách khoảng 70 dặm có ngôi Phù đồ dựng lập từ thời Đức Phật Ca-diếp-ba cao hơn 2 trượng. Lại từ Đại thành theo hướng Tây nam vào núi Tuyết đi bằng đường sông hơn 30 dặm đến nước Du-mạc-đà, hai phía Đông-tây dài hơn năm sáu trăm dặm, hai phía Nam-bắc rộng hơn trăm dặm. Chu vi Vương thành rộng hơn 10 dặm.

Lại theo hướng Tây nam đi 300 dặm đến nước Hồ Thật Kiến, hai phía Đông-tây rộng hơn 500 dặm, hai phía Nam-bắc dài hơn ngàn dặm, chu vi Vương thành rộng hơn 20 dặm có nhiều núi sông. Lại theo hướng Tây bắc đến nước Đát-thích-kiện, hai phía Đông-nam rộng hơn 500 dặm, chu vi Vương thành rộng hơn 10 dặm, phía Tây tiếp liền ranh giới của nước Ba-thích-tư. Lại từ nước Phược hát theo hướng Đông đến nước Nhẫn Lẫm, từ đó theo hướng Đông nam đến nước Hột-lộ-tất-mãn-kiện cách xa hơn ngàn dặm. Từ đó về phía Bắc gần nước Phược-già-lãng, hai phía Đông-tây rộng hơn 50 dặm, về phía Đông Bắc nước đó tiếp liền với nước Hoạt. Lại từ nước Phược-hát theo hướng Nam đi hơn trăm dặm đến nước yết chức, hai phía Đông-tây dài hơn 500 dặm, hai phía Nam-bắc rộng hơn 300 dặm, chu vi Đô thành rộng khoảng 5 dặm, có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng hơn 300 vị đều tu học theo pháp Tiểu thừa, nước đó gò đồi liền tiếp nhau theo hướng Đông nam vào núi tuyết lớn, cách hơn 600 dặm ra khỏi chốn đất xưa cũ của nước Đổ-hóa-la. Lại đến nước Phạm-diễn-na, hai phía Đông-tây dài hơn 2.000 dặm, hai phía Nam-bắc rộng hơn 300 dặm, Đô thành tại trong núi tuyết y cứ nơi hàng núi hiểm trở, có khoảng vài mươi ngôi chùa, chư Tăng khoảng vài ngàn vị, đều

học theo pháp Tiểu thừa xuất thế bộ. Về phía Đông bắc Vương thành là núi sông có tôn tượng Phật bằng đá lớn cao 150 thước, dùng các chất vàng vật báu để trang nghiêm. Lại về phía Đông bên tả của chùa có tôn Đức Phật Thích-ca đứng bằng đá thau cao hơn trăm thước phân thân riêng chú đức hợp thành, dựng lập ở phía Đông của Thành cách khoảng 3 dặm. Tại chùa có tôn tượng đắp họa Đức Phật nằm nhập Niết-bàn dài hơn ngàn thước cũng dùng bằng các chất vàng báu để trang nghiêm. Về phía Đông nam cách hơn 200 dặm vượt qua phía Đông núi tuyết lớn có ngôi chùa có chiếc răng của Đức Phật và răng của vị Độc giác ở thời sơ kiếp dài hơn 5 tấc rộng gần 4 tấc, lại chiếc răng của Kim luân vương dài ba tấc rộng 2 tấc, lại có bình bát bằng sắt của Đại A-la-hán Thương-nặc-ca-phược-bà (tức Tôn giả Thương-na-hòa-tu vị Tổ sư được phú pháp tạng thứ 3) có thể chứa đựng 9 tháng, và pháp y Tăng-già-chi 9 điều sắc màu ráng đỏ, dùng bằng da cỏ thiết nặc tích tập thành. Các đời trước đến giải hạ tự tứ mang có ấy ra bố thí, do phước lực của chúng Tăng khắp cùng, 500 thân trung ấn sống thường mặc đó, từ trong bào thai cùng ra bèn theo thân mà lớn. Tôn giả A-nan lui được độ, biến làm pháp phục, từ lúc thọ giới Cụ túc trở về sau lại biến thành y 9 điều, còn chiếc răng, bình bát v. v... đều cùng chất vàng phong bịt, vị La-hán chứng diệt nhập biên tề định, do sức trí nguyện nên lưu giữ pháp y ca sa đợi đến lúc di pháp diệt hết mới biến hoại, nay đã có sự hư tổn phần nào, tin thật có chứng nghiệm vậy. Từ núi tuyết lớn theo hướng Đông vào sông đầm nhỏ vào núi tuyết, vượt qua Hắc lãnh đến nước Ca-tất-thí chu vi rộng lớn hơn 4.000 dặm, phía Bắc gối lưng núi tuyết duỗi ba đường Hắc lãnh, chu vi Đô thành rộng hơn 10 dặm, chùa chiền có hơn trăm ngôi chư Tăng hơn 6.000 vị, phần nhiều học theo giáo pháp Đại thừa. vua nước ấy kính tin Tam bảo, mỗi năm tạo tôn tượng Phật cao trượng tám bằng bạc tự tu tạo cúng dường. Đền thờ trời có vài mươi ngôi, các hàng vị Đạo có hơn ngàn người. Từ Vương thành về phía Đông đi cách 3 dặm đến hướng Bắc xuống núi, có chùa lớn Phật viện, phía Nam Đông môn có tượng Đại thần vương, dưới chân phải có kho tàng báu lớn, gần đây có vị vua xứ khác muốn xua đuổi chư Tăng để đào bới đó, từ trong mũ thần tượng chim oanh vũ phấn phát tung bay kêu hót, quả đất chấn động, vua quân đều ngã té, đứng dậy sám tạ mà trở về. Trên đảnh núi phía Bắc chùa có vài Thạch thất cũng có nhiều kho tàng quý báu, như người muốn gian tà, thần Dược-xoa liền biến thành Sư tử, rắntrùng hiện đến quấy động sân tức đó. Về phía Tây Thạch thất cách khoảng ba dặm trên đảnh núi lớn có Tôn tượng Bồ-tát

Quán Tự Tại. Nếu người chí thành cầu nguyện thì tôn tượng hẳn hiện Diệu thân dạy răn úy an hành giả. Về phía Đông nam của Thành cách hơn 30 dặm có chùa Hạt-la-hổ-la do vị Đại thần tạo dựng nên đặt gọi tên như vậy. Có Phù đồ cao hơn trăm thước. Xin trước ban đêm Đại thần mộng thấy khiến tạo Phù đồ nên đến nơi vua cũng thỉnh xá-lợi. Đến sáng sớm vua vào cung, có người mang bình xá-lợi. Đại thần lưu giữ xá-lợi lại, bảo người ấy vào trước và liền mang bình vào trong tháp, nắm bát tự mở, đặt trí xá-lợi xong, vua sai kẻ sứ đuổi theo tìm đến thì Đá đã hợp lại. Đến những ngày trai thì tỏa phóng ánh sáng soi chiếu ngoài hắc du, ban đêm nghe có tiếng âm nhạc. Về phía Tây bắc của thành cách hơn 200 dặm trên đảnh núi Tuyết lớn có ao rồng, nên ngay dưới núi vì rồng mà dựng lập chùa, trong tháp có xá-lợi cốt thịt của Đức Phật nhiều hơn cả thăng, có lúc khói nổi tỏa, hoặc có lúc như lửa dữ cháy bừng, đến lúc dần tắt mới thấy xá-lợi tướng trạng như châu ngọc sắc trắng nhiễu quanh trụ rồi trở lại xuống hang trong tháp. Về phía Tây bắc của thành trên bờ phía Nam sông lớn trong chùa cổ vương có chiếc răng sữa của Đức Phật dài hơn một tấc. Lại từ đó theo hướng Đông nam sang chùa Cổ vương có một mảnh Di cốt đảnh đầu của Đức Phật lớn hơn một tấc màu vàng trắng các lỗ chân tóc rõ ràng, tóc của Đức Phật sắc màu xanh cuộn tròn xoay theo phía hữu, kéo ra dài hơn một thước, cuộn lại còn khoảng 1 tấc. Lại nữa, về phía Tây nam chùa Cổ Vương Phi có phù đồ bằng vàng đồng cao hơn trăm thước, xá-lợi của Đức Phật nhiều hơn một thăng. Mỗi tháng vào đêm mười lăm tỏa phóng ánh sáng xoay chuyển cuộn tròn, đến sáng ngày mới thâu gọn vào lại trong tháp.

Về phía Tây nam của thành, nên đỉnh núi Tỳ-la-bà-lạc (tức núi Tượng Kiên) xây dựng một ngôi tháp cao hơn trăm thước trên tảng đá lớn, xá-lợi có hơn 1 thăng. Nơi hang suối phía Bắc núi là nơi đạo phẩm nhận cơm cúng dường của sơn thần thọ dụng rồi, súc miệng, tước dương chi (xỉa răng), nhân đó sinh mọc đến nay thành rừng tươi tốt, chùa ấy hiệu là Dương chi. Lại từ ao rồng theo hướng Đông đi hơn 600 dặm, vượt qua núi Tuyết và Hắc lãnh đến ranh giới của Bắc Ấn Độ. Các ấp trước kia đều gọi là nước Hồ, đến đây mới hợp với đường trung gian.

Xứ đó tên là nước Lạm Ba (nhiếp thuộc của Bắc Ấn Độ, vào địa vực của Bà-la-môn ở Thiên Trúc vậy). Cảnh vức của 5 xứ Ấn Độ chu vi hơn 9 vạn dặm, ba mặt vùng ven biển lớn, về phía Bắc gối lưng núi Tuyết, phía Bắc rộng phía Nam hẹp hình như bán nguyệt. Có hơn 70 nước đồng một vương mạng. Nước Lạm Ba ở phía Tây ao Vô nhiệt não, tựa các nước Hồ, Hoạt ở phía Bắc. Ở phía Đông nam ba mặt là Hắc

lãnh, phía Bắc ước chừng là núi Tuyết, chu vi Đô thành rộng hơn 10 dặm, có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng hiếm ít, phần nhiều đều học theo giáo pháp Đại thừa. Có hơn 10 ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo đặc biệt lắm nhiều. Từ đó, theo hướng Đông nam vượt qua đảnh núi lớn sông lớn đến nước Na-già-la-hạt (tức là thành Hoa thị xưa cũ thuộc Bắc Ấn Độ) rộng hơn 600 dặm dài hơn 200 dặm, núi bao bọc bốn phía. Chu vi Đô thành hơn 200 dặm, chùa chiền mà chư Tăng hiếm ít, có 5 ngôi đền thờ trời, Dị Đạo có khoảng trăm người. Ở phía Đông Đô thành cách khoảng 2 dặm có tháp đá cao 300 thước, xếp đá làm hang chạm trổ điêu khắc khác thường. Đó tức là nơi xưa kia Đức Phật Thích-ca gặp Phật Nhiên Đăng mà trải y da nai và tóc trên bùn để Đức Phật Nhiên Đăng giẫm bước qua, tuy đã trải qua nhiều kiếp mà vẫn hiện còn. Vua vô ưu kính trọng trùng hưng giáo pháp, xây dựng tháp đó ghi nêu lời Minh Chí. Mỗi tháng đến các ngày trai, trời mưa hoa báu, Đại chúng nhóm tập nông xem. Về phía Tây có chùa Phật, tiếp đến phía Nam có Tháp nhỏ đó là nơi che phủ bùn sình. vua tránh đường lớn bèn dựng lập nhỏ hẹp. Phía trong thành, nền móng xưa cũ của tháp lớn hiện còn. Riêng có ngôi tháp phụng thờ răng Đức Phật cao hơn 3 trượng, tương truyền là giữ không trung bay lại, chẳng phải do công sức con người tạo dựng nên, thật nhiều linh dị. Về phía Tây nam của thành cách hơn 10 dặm có ngôi tháp là nói xưa kia Đức Phật Thích-ca từ Trung Ấn Độ bay vượt giữa không trung đến in lại dấu vết. Tiếp theo về hướng Đông có ngôi tháp, tức nói xưa kia Đức Phật Thích-ca gặp Phật Nhiên Đăng mà mua hoa cúng dường. Về phía Đông nam của thành cách hơn 20 dặm trân đỉnh núi đá nhỏ có ngôi tháp cao hơn 200 thước. Về phía Tây nam có khe suối sâu dòng nước tuông đổ vắt treo trên sườn núi như tấm thảm. Nơi vách đá ở bờ phía Đông có hang động lớn là nơi Long vương cư ngụ, cửa đi hẹp tối, là nơi xưa kia Đức Phật đến giáo hóa rồng lưu lại ảnh bóng, rực rỡ như hình thật. Những người chí thành cầu thỉnh mới dần hiện rõ. Phía ngoài hang có tảng đá vuông có dấu chân Phật, tướng thiên bức luân tỏa phóng ánh sáng. Về phía Tây bắc của hang có ngôi tháp là nơi xưa kia Đức Phật kinh hành, bên cạnh lại có tháp thờ tóc mong tay, lại có tháp thuyết uẩn giới. Về phía Tây của hang trên tảng đá lớn có đường văn giặt rửa pháp y ca sa. Về phía Đông nam của thành cách hơn 30 dặm có thành Hê-la, bốn phía bao quanh hiểm trở, bên trong có Trùng các, phía trên tôn thờ cốt xương đảnh đầu Đức Phật, chu vi rộng một thước hai tấc sắc màu vàng trắng, lỗ chân tóc rõ ràng. Như người muốn biết được thiện ác dùng bột hương in vào đó tức liền tùy tâm mà

hiện. Có đầu lâu Đức Phật tướng trạng như lá sen, sắc màu đồng như cốt xương đảnh đầu, có tròng mắt Phật lớn như trái táo. Sắc màu trắng sạch ánh ngời, và ngôi tháp nhỏ bảy báu đầy ba vết tích trước, lại dùng hộp báu để tôn trí mà phụng phít lại, lại có đại y của Đức Phật bằng giạ nhỏ mịn sắc màu vàng đặt trong hộp báu có chút ít tướng trạng hư hoại. Có chiếc tích trượng của Đức Phật dùng bằng sắt trắng làm vòng, gỗ Chiên-đàn làm cán, dùng ống đồng vật báu để tôn trí đó. Gần đây có vị vua cậy thế sức lực đem vào trong cung, sau đó bỗng nhiên trở lại như cũ. Nơi 5 thành tích ấy, vua ban sắc 5 người Tịnh hạnh ở đó gìn giữ bảo hộ. Nếu ai cầu muốn được trông xem thì phải đóng thuế một tiền vàng, xin in ấn thuế 5 khoa báu mới trở lại trông xem lễ bái càng nhiều lần. Về phía Tây bắc của Trùng các có ngôi tháp nhỏ mà lắm linh dị, nếu người đưa tay xúc chạm vào liền có tiếng linh khánh báo động.

Từ đó theo hướng Đông nam vào trong hang núi đi hơn 500 dặm đến trước Kiền-đà-la (thuộc Bắc Ấn Độ, hai phía Đông-tây rộng hơn ngàn dặm, dài 800 dặm, ở phía Đông gần sông Tín độ. Chu vi Đô thành rộng hơn 40 dặm, ít chỗ hoang trống, chùa chiền có hơn ngàn ngôi, đền thờ trờ có trăm ngôi, các hàng Dị Đạo chung sống lẫn lộn. Bên trong thành về phía Đông bắc có nền cũ và đài tôn thờ bình bát vật báu của Đức Phật đã trải qua vài trăm năm, nay vẫn còn tôn trí cúng dường tại trong vương cung nước Ba Tư. Về phía Đông nam của thành cách khoảng tám chín dặm có cây Tất-bát-la cao hơn trăm thước, cành lá tươi tốt phủ che kín khắp, bốn Đức Phật xưa trước ngồi dưới gốc cây ấy, nay hiện có tôn tượng ngồi. Tương truyền rằng: Chư Phật trong thời Hiền kiếp đều ngồi dưới gốc cây ấy. Xưa kia Đức Phật Thích-ca đến ngồi dưới gốc cây ấy rồi bảo Tôn giả A-nan rằng: “Sau này vua Ca-nị-sắc-ca sẽ nhóm tập cốt thịt của Ta tại đây”. Quả thật về sau vua đến tại phía Nam xây dựng nền móng tháp, chu vi một dặm rưỡi, dùng vàng đồng làm tướng vòng tròn 25 lớp, hoặc có thuyết nói làm 40 tần cao 550 thước, có một hộc xá-lợi của Đức Phật, mới đầu có biến hóa người chăn trâu đến nơi rừng tạo tháp nhỏ cao 3 thước, vua vất bỏ đó, mới đến dưới thềm cấp thứ hai của tháp lớn bên cạnh một nửa nền tàng đá hiện tháp nhỏ, những người tật bệnh quy hướng bèn liền lánh khỏi. Trên mặt đá xinh đẹp ở phía Đông tháp lớn, xưa kia có loài kiến sắc màu vàng ròng lớn tợ ngón tay hạt thóc cùng nhau gặm nhấm vách đá nổi hiện đường văn tợ như điêu khắc rồi dùng cát vàng đắp làm hai tôn tượng Đức Phật ngồi kiết già cao bốn thước sáu tấc. Lại ở trên mặt đá xinh đẹp phía Nam họa hình tượng Đức Phật cao trượng sáu. Xưa kia có 2 người nghèo khổ mỗi người cúng thí

một tiền vàng cùng đắp họa một hình tượng Đức Phật, thỉnh cầu ứng hiện thần biến, tôn tượng liền hiện từ ngực trở lên phân làm 2 thân, từ ngực trở xuống hợp làm một hình. Từ đó đi về phía Nam hơn trăm bộ có một tôn tượng Đức Phật bằng đá trắng cao một trượng sáu thước, mặt xoay về phía Bắc tỏa phóng ánh sáng ban đêm xuất hiện đi nhiễu quanh tháp. Có bọn giặc cướp muốn đến trộm vật, tôn tượng ấy liền ra nghinh đón, bọn giặc cướp rút lui, tôn tượng trở lại như cũ. Hai bên tháp lớn có hàng trăm ngôi tháp nhỏ do các thầy thợ tài giỏi trang sức rất mực khéo léo, hương hoa âm nhạc thảy đếu khác lạ, có các vị Tiên Thánh đi nhiễu chung quanh, Đức Phật có dự ghi về tháp lớn ấy rằng: "Phải trải qua 7 lần bị thiêu rụi bảy lần xây dựng lại, Phật pháp mới hủy diệt". Đến nay đã bị thiêu đốt đến lần thứ ba và hiện đang tạo dựng lại. Về phía Tây có ngôi chùa cũ đều do các vua đời trước tạo dựng nên, là nơi các đại luận sư như Bồ-tát Thế Thân, luận sư Như Ý, Hiếp Tôn giả v. v... tạo luận Tỳ-bà-sa. Về phía Đông bắc chùa ấy cách hơn 50 dặm, vượt qua dòng sông lớn đến thành Bố-yết-la-phạt-để, chu vi rộng khoảng 14 - 15 dặm. Về phía Đông có ngôi tháp nơi 4 Đức Phật giảng nói pháp do vua Vô Ưu tạo dựng cao vài trăm thước, chạm trổ điêu khắc đường nét hiếm có ở đời. Lại về phía Bắc của Thành cách khoảng 5 dặm có ngôi chùa cũ, về phía Đông có ngôi tháp cao vài trăm thước, tức là nơi Bồ-tát xả thí ngàn con mắt. Lại về phía Đông có một ngôi tháp đá cao hơn trăm thước, mới đầu các vị Phạm thiên Đế-thích dùng các châu ngọc quy báu để trang sức tháp đó, đến lúc Đức Phật diệt độ, các vật báu biến thành vàng thành đá. Lại theo hướng Tây bắc đi hơn 50 dặm có một ngôi tháp là nơi Đức Phật giáo hóa mẹ con loài quỷ. Lại theo hướng Bắc đi hơn 50 dặm có một ngôi tháp, tức là nơi Bồ-tát Thương-mục-ca (Trung Hoa gọi là Thiểm) bị vua bắn. Lại về hướng Đông nam khoảng 200 dặm là thành Bạt-lổ-sa. Lại về phía Đông bắc cách hơn 20 dặm là núi Đàn-đa-ạc-ca (tức là Đàn-đặc), trên đảnh núi có ngôi tháp, là chỗ lầu ẩn của Tu-đạt-noa (tức Thiện Nha) nơi Bà-la-môn đánh hai đứa con trai gái của Thái tử máu đổ thấm nơi đất, nay các cây cỏ ở đó đều đồng sắc màu ráng đỏ. Trên đỉnh núi có Thạch thất là nơi công phu tập hành Thiền định. Lại theo hướng Tây bắc đi hơn trăm dặm vượt qua núi nhỏ đến núi lớn, về phía Nam có một ngôi chùa tháp. Chư Tăng đều học theo giáo pháp Đại thừa là nơi xưa kia có vô tướng Độc giác Đại tiên bị người nữ nhiễu loạn. Về phía Đông của thành cát cách khoảng 500 dặm có một núi lớn, ở đó có một đền thờ trời lớn. Về phía Đông nam đền ấy cách khoảng 150 dặm đến thành Ô-đạt-ca-hàn-trà, chu vi rộng hơn 20 dặm, phía Nam gần sông

Tín Độ.

Từ phía Bắc thành ấy vượt qua núi đi khoảng 600 dặm đến nước Ô-trượng-na (là nước chánh của Bắc Ấn Độ, xưa trước gọi là Ô Trường), núi hang liền tiếp nhau, chu vi khoảng 5.000 dặm, xưa trước là vườn của Luân vương, đất đai thích hợp với loài Uất kim hương, cặp theo sông Tô-bà-tốt-đổ, chu vi vương thành rộng khoảng 14 - 15 dặm. Có 1.400 ngôi chùa, chư Tăng có 18.000 vị đều học theo giáo pháp Đại thừa, nay lắm hoang tàn hiếmthiếu người học giáo nghĩa Đại thừa, bao quát văn sơ lược nghĩa, kinh luật truyền dày gồm có 5 bộ: 1 là pháp Mật bộ, 2 là Hóa địa bộ là Ẩm Quang bộ, 4 là Thuyết nhất thiết hữu bộ và 5 là Đại chúng bộ. Có hơn 10 ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo chung sống lẫn lộn. vua đóng đô tại thành Măng-yết-lý. Từ đó về phía Đông cách khoảng 5 dặm có một ngôi tháp lớn lắm điềm tốt lành, là xưa trước Đức Phật làm bvị Tiên nhẫn nhục bị vua Yết Lợi (Trung Hoa gọi là Đấu tránh) lóc thịt. Về phía Đông Bắc của thành cách 260 dặm vào núi lớn đến suối rồng A-ba-ca, tức là Hà Nguyên xưa trước vậy, mạch nước xuôi dòng về phía Tây nam, suốt mùa xuân hạ đều đóng băng, sớm tối hơi tuyết lan tỏa, xưa kia Đức Phật giáo hóa rồng dữ, dùng chày Kim cang đánh vào sườn núi, rồng khiếp sợ mà quy y cầu xin Phật sẽ tuôn đổ mưa, Đức Phật mới hứa thuận đó, khiến cho mọi người thâu hoạch lương thực. Cứ 12 năm có một lần mưa Thủy tai. Lại nữa, về phía Tây nam ủa suối 30 dặm, trên tảng đá lớn ở bờ sông phía Bắc là nơi Đức Phật nhiếp phục rồng rồi để lại dấu vết nêu bày đó, tùy tâm mọi người mà thấy có dài ngắn. Lại cxuôi theo dòng cách hơn 30 dặm có tảng đá nơi Đức Phật tẩy giặt y ca sa đường văn như khắc chạm. Về phía Nam của Thành cách hơn 400 dặm là hàng núi Hê-la, dòng nước chảy ngược lại, trên phía Đông hoa quả xanh tốt cả sườn núi. Hoặc nghe có tiếng âm nhạc văng vẳng, có những tảng đá vuông liên tiếp nhau, đó là nơi xư kia đạo phẩm nghe nửa bài kệ mà xả thí thân mạng. Về phía Nam của Thành cách hơn 200 dặm, bên cạnh núi lớn có chùa Ma-ha-phạt-na (Trung Hoa gọi là Đại Lâm), là nói xưa kia Đức Phật làm vua Tát-phược-đạt-la (tức Nhất thiết thí) bị mất nước trốn lánh đất làm người nghèo khổ bị trói buộc đưa đi. Về phía Tây bắc của chùa xuống núi cách hơn 40 dặm có ngôi chùa, tháp cao hơn trăm thước, bên cạnh trên tảng đá vuông có dấu chân Phật luôn tỏa phóng ánh sáng soi chiếu vào chùa, là nơi Đức Phật vì chư thiên mà giảng thuyết về Bản sinh. Phía dưới tháp có tảng đá sắc màu vàng trắng trơn nhờn, là nơi xưa kia Đức Phật vì nghe pháp mà chẻ cốt xương ghi tả kinh. Lại về hướng Tây cách 70 dặm có ngôi

tháp, là nơi Đức Phật xưa trước làm vua Thi-tỳ-ca lóc thịt thân mình thay thế cho chim Bồ-tát. Lại về hướng Tây cách hơn 200 dặm là sông sang Ni-la-án có chùa Tát-bầu-sát-địa (tức là Xà Dược) có ngôi tháp cao 80 thước, là nơi xưa kia Đức Phật làm thân Đế-thích làm thân hình rắn lớn ngã té chết để thí cấp cho người khổ đói dịch bệnh. Bên cạnh có tháp Tô-ma, đó là nơi Đức Phật biến thân hóa làm rắn Tô-ma, những người ăn thịt rắn bệnh liền lành hẳn. Ở trên bờ phía Bắc dòng sông có ngôi tháp, người bệnh đến nguyện cầu nhiều kẻ được lành mạnh. Lại nữa, bên cạnh có dòng suối nước tuôn trào, là nơi xưa kia Đức Phật làm chim khổng tước chúa bửa mổ ra dùng để cứu người bệnh. Về phía Tây nam của thành cách 70 dặm ở phía Đông của dòng sông lớn có ngôi tháp cao 60 thước do vua Ốt-đất-la-tê-na (Trung Hoa gọi là Thượng Quân) tạo dựng, Đức Phật bảo đem xá-lợi cho vua phân chia tại bờ sông mà dựng lập tháp, vua dùng Bách tượng mang chở về. Bách tượng bàn hóa thành đá. Từ Thành về phía Tây cách hơn 50 dặm, vượt qua sông lớn có tháp Lô-hê-đát-ca cao hơn 50 thước, là nơi xưa kia Đức Phật làm vua Từ Lực chích máu cho 5 Dược-xoa uống. Về phía Đông bắc của thành cách 30 dặm có Tháp đá Át-bộ-đa (Trung Hoa gọi là Kỳ Đặc) cao 40 thước là nơi xưa kia Đức Phật vì người trời mà giảng pháp, tháp ấy từ đất xuất hiện ra đến nay 40 dặm có chùa Tinh xá, có tôn tượng Bồ-tát A-phược-chỉ-chỉ-y-thấp-phạt-la (tức là Quan Thế Âm) linh cảm soi chiếu đến tận phương xa. Từ đó về phía Tây cách 150 dặm trên đỉnh núi có ao rồng chu vi rộng hơn 30 dặm. Từ Vương thành về phía Đông Bắc vượt qua núi hang ngược lên sông Tín Độ, đi đường bộ rất hiểmtrở phải nương cầu dây cọc móc từng bước men lên, qua hơn ngàn dặm mới đến sông Đạt-lệ-la, tức đô thành xưa cũ của Ô-trượng-na, trong ngôi chùa lớn có khắc chạm tôn trượng Bồ-tát Mộc-mai-đát-lệ-da (xưa trước gọi là Di Lặc, Trung Hoa gọi là Từ Thị) sắc màu vàng ròng ngời sáng cao hơn trăm thước, do A-la-hán Mạc-điền-chỉ-la (tức là Mạc-điền-địa) tu tạo nên, vận dụng sức thần thông dẫn đưa các người thợ tài giỏi lên trên cung trời Đổ-sử-la (tức là Đâu suất), ba lần lên xuống trông xem hình tướng của Bồ-tát mới tạo thành tựu tướng hải ấy. Từ khi có tôn tượng ấy, Phật pháp mới lưu truyền đến phương Đông.

Lại theo hướng Đông vượt qua định núi đi ngược dòng sông Tín độ, giẫm trải mọi hiểm trở, qua cầu bay, đi hơn 500 dặm, vượt qua dòng sông, lại theo hướng Đông vượt qua sông Phước-sô lên trên hiểm nguy mới đến nước Bát-lộ-la, chu vi rộng 4.000 dặm nằm trong núi tuyết lớn, hai phía Đông-tây rất dài, chùa chiền có vài trăm ngôi, chư Tăng có vài

ngàn vị, các sư học, giới hạnh phần nhiều xen lạm, nước đó chẳng thuộc sự thống ngự của Ấn Độ, có nhiều băng tuyết, đất đai sản sinh ra vòng sắc màu như lửa, phía Bắc đối diện với đỉnh núi lớn Bà-la-tê-la. Trở lại phía Nam thành Ô-đạt-ca nước Kiền-đà-là sông Tín độ, hai phía Đông-tây dài 4 dặm, dòng nước xuôi chảy về phía Tây nam, trong lắng như gương soi. Có rồng độc thú dữ ở trong hạng động, như có người mang theo xá-lợi hoặc hoa báu qua sông, phần nhiều ghe thuyền đều bị đắm chìm. Từ sông Tín độ đến nước Đát-xoa-thỉ-la (thuộc Bắc Ấn Độ) chu vi rộng hơn 2.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 10 dặm, chùa chiền lắm nhiều mà chư Tăng thiếu ít, đều thọ học theo giáo nghĩa Đại thừa. Về phía Tây bắc của thành có ao rồng Y-bát-la, chu vi rộng hơn trăm bộ, về phía Đông nam của ao cách 30 dặm, giữa khoảng hai bên sườn núi có ngôi tháp cao hơn 100 thước, xưa trước Đức Phật dự ghi cho Đức Từ Thị xuất hiện ra đời, trong bến Đại tạng, nơi đó lưu xuất một tạng, nên có chấn động, chu vi xứ đó rộng khoảng năm bộ, chưa từng có một chút lay động. Như có muốn phát, đất liền chấn động, con người ngã té. Từ thành về phía Bắc cách 12 dặm có một ngôi tháp, đến những ngày trai trường luôn tỏa phóng ánh sáng thần, có cả hoa tiên, nhạc trời. Gần đây có người mắc bệnh phong hủi đi đến nơi tháp lễ bái sám hối, khi trừ cấu uế, bôi thoa hương thơm, không bao lâu bệnh được lành hẳn, thân thế trở lại sạch sẽ thơm tho. Đó là nơi xưa kia Đức Phật làm vua Chiến-đạt-la-bát-thích-bà (Trung Ha gọi là Nguyệt Quang) đem đầu mà xả thí, phàm đã trải qua ngàn lần xả thí nơi tháp đó, nên xưng gọi tháp đó tên là Nguyệt Quang vậy. Về phía Đông nam của thành, trên núi có ngôi tháp cao 10 trượng, lúc vua Quyết mục trị vì tại đó, vua A-dục tạo dựng nên vậy.

Lại theo hướng Đông nam vượt qua núi hàng cách hơn 700 dặm đến nước Tăng-già-bổ-la (thuộc bắc Ấn Độ) chu vi rộng 3.500 dặm, phía Tây gần sông Tín độ, chu vi thành lớn rộng khoảng 14 - 15 dặm, về phía Đông của thành cách 50 dặm có ngôi tháp đá cao hơn 20 trượng, là nơi Đức Phật đã từng đến, có hơn 10 cái ao cong, hoa sen bốn màu tràn đấy trong đó. Từ đó về hướng Nam trở ngược đến biên giới phía Bắc nước Đát-xoa-thỉ-la, men theo sông Tín độ về hướng Đông đi hơn 200 dặm vượt qua cửa đá lớn là nơi Vương tử Ma-ha-tát-đỏa xả thân để cứu hổ đói. Ở phía Đông có ngôi chùa, chư Tăng khoảng hơn trăm vị. Lại theo hướng Nam đi khoảng 150 dặm có ngôi tháp đá là nơi Vương tử Tát Đỏa dùng tre đâm chính máu cho thú vật ăn, đất và cây cỏ ở đó đến nay hiện còn sắc màu ráng đỏ. Tiếp đến phía Bắc có ngôi tháp đá cao

hơn 20 trượng, thường luôn tỏa phóng ánh sáng khai mở đức tin, những người tật bệnh quy hướng, phần nhiều được lành mạnh. Lại theo hướng Đông đi hơn 50 dặm đến Cô Sơn có ngôi chùa, tháp cao hơn 200 thước. Tăng chúng có 200 vị đều thọ học giáo pháp Đại thừa, là nói xưa kia Đức Phật giáo hóa Dược-xoa không ăn thịt. Lại theo hướng Đông nam đi đường núi hơn 500 dặm đến nước Ô-thích-thi (thuộc bắc Ấn Độ), chu vi rộng hơn 2.000 dặm, núi đồi liền tiếp nhau, chu vi Đô thành rộng 18 dặm. Xứ ấy không tin Phật pháp, thuộc Ca-thấp-di-la, có ngôi tháp Phật cao hơn 20 trượng, do vua A-dục tạo dựng, có chùa, chư Tăng thiếu ít, thọ học giáo pháp Đại thừa.

Lại theo hướng Đông nam leo lên núi vượt qua cầu sắt đi hơn ngàn dặm đến nước Ca-thấp-di-la (thuộc Bắc Ấn Độ, xưa trước gọi là nước Kế Tân), chu vi rộng 7.000 dặm, bốn mặt đều tựa vào núi, tuy có cửa đi nhỏ hẹp mà kim thông. Phía Tây của thành gần sông lớn, dài 13 dặm rộng 4 dặm. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng hơn 5.000 vị. Đất đai sản sinh ra rồng giống ngựa, uất kim hỏa châu. Có 4 ngôi tháp, mỗi ngôi có hơn một thăng xá-lợi. Sau Phật nhập Niết-bàn trong trăm năm thứ tư, bấy giờ Hiếp Tôn giả đã 80 tuổi mới xuất gia, chứng đắc vô học dẫn 500 vị A-la-hán đến đó tạo 10 vạn kệ tụng, Ổ-ba-đệ-thước-thích-đát-lãm-tạng (tức là dị danh cửa Ưu-ba-đề-xá-luận, Tu-đa-la-tạng), tiếp theo tạo 10 vạn kệ tụng A-tỳ-kiến-ma-luận có 660 vạn lời, giải thích đầy đủ về Tam tạng. Về phía Đông nam của Tân thành cách hơn 10 dặm là phía Bắc cố thành, phía Nam núi lớn có chùa tháp, chư Tăng có 300 vị, có chiếc răng thật dài một tấc rưỡi sắc màu vàng trắng, vào những ngày trai trường tỏa phóng ánh sáng. Lại theo hướng Nam đi khoảng 15 dặm có tôn tướng Bồ-tát Quán Tự Tại đứng, nếu người nguyện muốn trông thấy, đoạn thực liền thấy. Về phía Tây bắc của Vương thành cách hơn 200 dặm đến chùa Thương Lâm. Về phía Tây của thành cách 500 dặm là dòng sông lớn, phía Bắc tiếp liền với núi, có ngôi chùa, chư Tăng hơn trăm vị. Từ đó theo hướng Tây nam vượt đi đường núi hơn 700 dặm nước Bán-nê-tha (tức là Kế Tân thuộc Bắc Ấn Độ), chu vi rộng hơn 2. 000 dặm, có 5 ngôi chùa, lắm nhiều núi sông.

Từ đó, về phía Đông nam đi hơn 400 dặm đến nước Át-la-xà-bổ (là nước hoang phục, chẳng phải chánh Bắc Ấn Độ), chu vi rộng hơn 4.000 dặm, chu vi Đô thành hơn 10 dặm, có 10 ngôi chùa, chư Tăng hiếm ít có một ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo đông nhiều. Từ nước Lạm Ba đến đây hình thể bỉ bạc chẳng phải chánh cảnh của Ấn Độ. Từ đó xuống núi theo hướng Đông nam mà đi đều là sông lớn dài

xa không bờ mé, chỉ lấy dòng sông phân làm ranh giới biên bộ của các nước, tuy có núi nhỏ nhưng đều đứng đơn lẻ. Từ đó về hướng Bắc tiếp liền với núi tuyết, phía Đông đến tận Thần Châu, chương bộ trở về hướng Nam đến núi tuyết. Căn cứ núi này cũng là trấn địa lớn của Thiệm bộ châu, từ thành ấy về phía Đông nam xuống dần bằng phẳng, vượt đi đường sông hơn 700 dặm đến nước Trách Ca (thuộc Bắc Ấn Độ) chu vi rộng hơn vạn dặm, phía Đông y cứ sông Tỳ-bà-xa, phía Tây gần sông Tín độ, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, tập tục ít tin Phật pháp, phần nhiều phụng thờ trời thần, có hơn 10 ngôi chùa, đền thờ Trời có đến hàng trăm ngôi. Về phía Tây nam của Thành cách 15 dặm là thành Xa-yết-la xưa cũ, chùa tháp cao hơn 20 trượng, nơi xưa kia bốn Đức Phật giảng nói pháp, kinh hành. Lại về hướng Tây bắc cách khoảng 6 dặm có ngôi tháp cao hơn 20 trượng cũng là nơi biốn Đức Phật giảng nói pháp. Về phía Đông bắc của Tân thành đô cách hơn 10 dặm có ngôi tháp đá cao hơn 20 trượng có nhiều xá-lợi, vào những ngày trai trường tỏa phóng ánh sáng.

Từ đó đi về hướng Đông hơn 500 dặm đến nước Na-bộc-để (thuộc bắc Ấn Độ) chu vi rộng hơn 2.000 dặm, chu vi Đô thành rộng khoảng 14-15 dặm, có 10 ngôi chùa, 8 ngôi đền thờ trời, tháp thờ xá-lợi Phật có trăm ngàn ngôi và Thạch thất v. v... chư Tăng có 300 vị đều học theo Tiểu thừa Thuyết hữu bộ, đức hạnh thanh cao, rộng thông tiểu học, ngàn Đức Phật trong thời Hiền kiếp đều giảng nói pháp ấy. Sau khi Đức Phật Thích-ca nhập Niết-bàn trong trăm năm thứ ba, Tôn giả Ca-đa-diễn-na (Ca-chiên-diên) đến đó tạo phát trí luận, chùa tháp cao hơn 20 trượng, có chỗ vế tích của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiền. Từ đó về hướng Đông đi 150 dặm đến nước Xà-lạn-đạt-na (thuộc Bắc Ấn Độ), hai phía Đông-tây dài hơn ngàn dặm, hai phía Nam-bắc rộng 600 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 10 dặm. Có 50 ngôi chùa, chư Tăng hơn 5.000 vị, tùy học Đại thừa Tiểu thừa chuyên môn, có ba ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo có 500 vị. Từ đó về phía Đông bắc vượt núi hơn 700 dặm đến nước Khuất-lộ-đa-la (thuộc Bắc Ấn Độ), núi bao bọc khắp bốn phía, chu vi Đô thành khoảng 14-15 dặm. Có hơn 20 ngôi chùa, chư Tăng hơn ngàn vị phần nhiều thọ học theo giáo pháp Đại thừa, có 15 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo chung sống lẫn lộn, lưu xuất hỏa châu mưa đá, tục anh thả... trong thành có ngôi tháp ghi là Đức Phật từng đến đó giảng pháp. Từ đó theo hướng Bắc đi gần 2.000 dặm bằng đường núi nguy hiểm đến nước Lạc-hộ-la (thuộc Bắc Ấn Độ). Lại theo hướng Bắc đi đường núi hơn 2.000 dặm, tuyết lạnh rất lắm, đến nước Mạc-la-bà

(còn gọi là Tam-ba-ha, chẳng nhiếp thuộc Bắc Ấn Độ). Lại từ Quậc-lộ-la theo hướng Nam đi hơn 700 dặm trèo qua núi lội qua sông đến nước Thiết-đa-đồ-lô (thuộc Bắc Ấn Độ) chu vi rộng hơn 2.000 dặm, phía Tây gần sông lớn, chu vi Đô thành rộng 17-18 dặm, xứ đó Phật pháp rất hưng thạnh, trong và ngoài thành có 10 ngôi chùa, chư Tăng cũng thiếu ít. Từ thành về hướng Đông cách dặm có ngôi tháp cao 20 trượng do vua A-dục tạo dựng nên, bên cạnh có vết tích của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiền. Từ đó theo hướng Đông nam đi hơn 800 dặm đến nước Ba-ly-dạ-đát-la (vào Trung Ấn Độ) chu vi rộng 3.000 dặm, chu vi Đô thành rộng 15 dặm, có 8 ngôi chùa, chư Tăng cũng hiếm thiếu, phong tục tin theo ngoại đạo. Có 10 ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo có lưu ngàn vị, xứ đó có giống thóc gieo trồng 60 ngày là thu hoạch.

Từ đó, theo hường Đông đi hơn 500 dặm đến nước Mạc-thô-la (thuộc Trung Ấn Độ, xưa trước gọi là nước Ma-thâu-la) chu vi rộng hơn 5.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, chùa chiền có hơn 20 ngôi, chư Tăng có hơn 2.000 vị, tập học cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có 5 ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo chung sống lẫn lộn, đất đai gieo trồng giống Quả Am-một-la, loại nhỏ lúc mới ra sắc xanh lúc chín sắc vàng, loại lớn trước sau đều thuần sắc xanh. Trong thành có 3 ngôi tháp. Di tích của 4 Đức Phật có lắm nhiều, và pháp của các Tôn giả Xá-lợi-tử, Một-đặc-ca-la-tử (Mục Kiền Liên), Mãn-từ-tử (Phú-lâu-na), Ưu-bà-ly (Ưu-ba-ly), A-nan-đà, La-hổ-la, Mạn-thù-thất-lợi v. v... Thường ba tháng trường, 6 thời, chư Tăng ni nhóm tập chúng A-tỳ-đạt-ma cúng dường tháp Tôn giả Xá-lợi-phất, chúng tập định cúng dường tháp Tôn giả Mục Kiền Liên. Chúng tụng kinh cúng dường tháp Tôn giả Mãn-từ-tử. Chúng Tỳ-nại-da cúng dường tháp Tôn giả Ưu-bà-ly. Chúng chư Ni cúng dường tháp Tôn giả A-nan. Chúng chưa thọ giới cụ túc (Sa-di) cúng dường tháp Tôn giả La-hổ-la. Chúng Đại thừa cúng dường tháp chư vị Bồ-tát. Tìm xét các pháp ấy chẳng hẳn có di thân, chỉ lập tôn tượng thiết cùng, dùng để tỏ bày tâm nguyện, như chư vị La-hổ-la, Văn-thù-sư-lợi chưa lấy sự diệt độ thì có thể biết đó. Từ thành về hướng Đông cách khoảng 6 dặm có chùa Sơn Nhai là do Tôn giả Ô-ba-cúc-đa (Trung Hoa dịch nghĩa là Cận Hộ) tạo dựng nên có tháp thờ móng tay của đạo phẩm. Về phía bắc của chùa có Thất Sơn nham cao 2 trượng rộng 3 trượng, có thể nhỏ 4 tấc đặt để ở đó. Gần đây có vợ chồng Hộ đạo cùng chứng quả A-la-hán, đưa một thẻ trái ngược đó chẳng ghi tại nơi thất. Lại nữa, về phía Đông nam của thất cách hơn 20 dặm, bên cạnh ao cạn lớn có ngôi tháp, đạo phẩm từng đến đó có con khỉ bưng mật dâng cúng

Phật. Đức Phật bảo đem hòa với nước cúng dường cả Đại chúng đồng uống. Con khỉ vui mừng nhảy nhót rơi xuống hố mà chết bèn được thác sinh trong loài người. Trong rừng ở phía bắc của ao, nơi bốn Đức Phật kinh hành có các di tích lớn. Lại theo hướng Đông bắc đi hơn 500 dặm đến nước Tát-đà-nê-thấp-phạt-la (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 7.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm. Có 3 ngôi chùa, chư Tăng khoảng 700 vị đều tập họv giáo nghĩa Tiểu thừa, có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo rất đông nhiều. Về phía Tây bắc cửa thành cách khoảng 4 dặm có ngôi tháp cao hơn 20 trượng, tôn thờ một thăng xá-lợi. Về phía Nam của Thành cách hơn 100 dặm đến nơi chùa Phật.

Lại theo hướng Đông bắc đi hơn trăm dặm đến nước Tất-lục-lặc-na (thuộc Trung nd), chu vi rộng hơn 6.000 dặm, có phần hoang sơ, cảnh vức phía Đông gần sông Khắc-già (tức sông Hằng xưa trước), phía Bắc tiếp giáp với núi lớn, phía Đông nam của thành là sông Diêm-mâu-na, sông ấy từ trong núi ở phía Tây bắc nước đó đổ ra cảnh vức giữa nước mà xuôi dòng. Chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, phía Đông gần sông Diêm Mâu, có 5 ngôi chùa, chư Tăng có hơn ngàn vị tập học giáo pháp cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo đông nhiều. Phía Tây dòng sông có ngôi chùa lớn, có ngôi tháp ngoài cửa phía Đông, xưa kia Đức Phật từng đến đó thuyết pháp độ người, bên cạnh đó có tháp thờ tóc móng tay Đức Phật. Từ sông Diêm Mâu về phía Đông hơn 800 dặm là đến nguồn sông Khắc-già rộng khoảng 3-4 dặm xuôi dòng về phía Đông nam đổ vào biển rộng hơn 10 dặm, nước sắc mà xanh thẩm, mùi vị ngọt ngon, cát nhỏ mịn theo dòng mà chảy, thế tục tương truyền đó là dòng sông nước phước, người nào tắm gội thì tiêu trừ được tội chướng, hoặc có người xem thường mạng sống mà tự đắm mình cho là được sinh lên trời hưởng thọ phước lạc. Có nơi mà Bồ-tát Đề Bà người nước Tăng-già-la giáo hóa ngoại đạo khiến quy hướng thọ học chánh pháp.

Từ đó vượt qua sông theo hướng Đông đến nước Mạc-để-bổ-la (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6.000 dặm, chu vi Đô thành hơn 20 dặm, xứ ấy không tin Phật pháp mà kính thờ trời. Có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng khoảng 800 vị, phần nhiều tập học giáo pháp Tiểu thừa. Có hơn 50 ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo chung sống xen tạp, cảnh vức phía Tây bắc nước đó là sông Khắc-già, ở bở phía Đông là thành Ma-dụ-la chu vi rộng hơn 20 dặm, là xứ sản sinh đá, thau, thủy tinh. Bên cạnh Thành gần sông lớn, có đền thờ trời rất lớn, lắm nhiều oai linh, có ao hồ sắp xếp đá làm bờ, dẫn sông làm bãi. Cả 5 xứ Ấn Độ đều cho là

cửa sông Khắc-già là nơi sinh phước diệt tội, thường có trăm ngàn người đến tắm gối. Từ phía Bắc thành Ma-dụ-la đi hơn 300 dặm đến nước Bà-la-cấp-ma-bổ-la (thuộc Bắc Ấn Độ), chu vi rộng hơn 4.000 dặm, núi bao bọc quanh bốn phía, chu vi Đô thành hơn 20 dặm, có 5 ngôi chùa, chư Tăng thiếu ít, có 10 ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo chung sống xen tạp, về phía bắc nước ấy là núi Tuyết lớn có nước Tô-phạt-thích-noa-cù-đát-la (tức là nước kim thị) sản sinh loại vàng ròng trên, hai phía Đông-tây đất dài rộng tức nước Đông nữ, chẳng nhiếp thuộc Ấn Độ, lại liền gọi là nước Đại Dương Hồng, phía Đông tiếp liền Thổ Phiên, phía Tây tiếp liền Tam-ba-ha, phía bắc tiếp liền nước Vu Điền. Nước đó ở đời lấy người nữ làm vua, người nam cũng làm vua nhưng không biết, nên người nam chỉ đi chinh chiến gieo trồng ruồng đồng mà thôi.

Lại từ nước Mạc-để-bổ-la theo hướng Đông nam đi hơn 400 dặm đến nước Cù-tỳ-sương-na (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 2.000 dặm, Đô thành rộng khoảng 14 -15 dặm. Có hai ngôi chùa, chư Tăng khoảng hơn trăm vị mà tập tục giáo pháp Tiểu thừa, có hơn 30 ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo chung sống lộn xộn, thành quách bền chắc cao vợi, bên cạnh thành có ngôi chùa cổ, có tháp cao hơn 20 trượng, xưa kia Đức Phật từng đến nơi đó dừng ở một tháng giảng nói pháp, có hai ngôi tháp thờ móng tay và tóc của Đức Phật cao hơn 1 trượng, bên cạnh có vết tích của bốn đứa Phật ngồi. Lại theo hướng Đông nam đi hơn 400 dặm đến nước Ác-hê-chế-đát-la (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 3.000 dặm, chu vi Đô thành rộng khoảng 17-18 dặm. Có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng hơn ngàn vị tập học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có 9 người đền thờ trời, phía ngoài bên cạnh ao là nơi Đức Phật vì rồng mà giảng pháp suốt 7 ngày, dựng lập tháp bên cạnh có dấu vết của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền, dựng lập tháp để tán dương đó. Lại theo hướng Nam đi 270 dặm vượt qua sông Khắc-già. Lại theo hướng Tây nam đến nước Tỳ-la-sang-noa (thuộc Trung Ấn Độ), chu vi rộng hơn 2.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 10 dặm. Xứ đó rất tin ngoại đạo, ít kính Phật pháp. Có 2 ngôi chùa, chư Tăng có 300 vị đều tập học giáo pháp Đại thừa, có 5 ngôi đền thờ trời. Trong Thánh có chùa, tháp cao hơn 10 trượng, xưa kia Đức Phật từng đến nơi đó suốt 7 ngày giảng nói phát uẩn giới. Vết tích của Đức Phật kinh hành tọa thiền đến nay vẫn hiện còn.

Từ đó, theo hướng Đông nam đi hơn 200 dặm đến nước kiếp Tỷ Tha (thuộc Trung Ấn Độ, xưa trước gọi là nước Tăng-già-xá), chi vi rộng hơn 2.000 dặm, chu vi đô thành rộng hơn 20 dặm. Có 4 ngôi chùa,

chư Tăng có hơn ngàn vị, có 10 ngôi đền thờ trời đồng tôn thờ Đại tự tại thiên, đều tạo tôn tượng trời, tướng trạng như người mà căn hình dài lớn. Người đời không lấy làm việc xấu ác vì đều cho rằng các hàng chúng sinh từ căn trời sinh ra. Từ thành vì hướng Đông cách hơn 20 dặm, trong ngôi chùa lớn chư Tăng khoảng trăm vị, Tịnh nhân có vài vạn người đều làm nhà ở bên cạnh chùa. Trong tường lớn có Thiên đế tạo ba thềm cấp bằng vật báu, thềm cấp ở giữa làm bằng vàng ròng thềm cấp bên tả bằng thủy tinh, thềm cấp bên hữu làm bằng bạc trắng, theo hướng Nam bắc mà bày, mặt phía Đông cắm sâu xuống đất. Đó là nói xưa kia Đức Phật từ rừng Thệ Đa (tức là rừng Kỳ Đà) lên cung trời đến thiện pháp đường vì Thánh mẫu ma gia suốt 3 tháng giảng nói pháp rồi trở xuống. Trăm năm về trước, thềm cấp ấy vẫn còn, đến nay đều ẩn mất dưới đất, về sau có vị vua bắt chước làm theo đó còn cao hơn 70 thước, phía trên dựng lập tinh xá, bên cạnh có trụ đá láng bóng sáng ngời ảnh hiện, tùy theo tội phước của mỗi người mà trông thấy ảnh hiện trong trụ. vua A-dục dựng lập phù đồ bên cạnh thềm cấp, nơi vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền, nơi Đức Phật tắm rửa đều có dựng lập tháp đều có dựng lập tháp. Ở đó có tinh xà nói Đức Phật nhập thất. Lại bên cạnh nơi Đức Phật kinh hành có nền tảng đá dài 50 bộ cao 7 thước, nơi viết chân giẫm phủ đầu có đường văn hoa sen, hai bên nền tảng có các ngôi tháp nhỏ do các vị Phạm vương tạo dựng. Tiếp theo phía trước là nơi Tỳ-khưu ni Liên-hoa-sắc hóa làm Luân vương đến trông thấy đón Đức Phật trước. Đức Phật bảo Liên-hoa-sắc rằng: "Chẳng phải ngươi là người thấy đón trước, có Tô-bộ-để (Tu-bồ-đề) an tọa trong thạch thất chứng biết các pháp tánh vốn không nên đã thấy pháp thân ta trước". Tiếp theo về phía Đông nam có ao hồ, nói rồng ở luôn bảo hộ Thánh tích, không thể khinh thường xem phạm.

Từ đó theo hướng Tây bắc đi gồm 200 dặm đến nước Yết-nhã-cúc-xà (tức thành khúc nữ, thuộc Trung Ấn Độ) chu vi hơn 400 dặm, phía Tây đô thành gồm sông Khắc-già, dài hơn 20 dặm rộng khoảng 4-5 dặm, tà chánh xen lẫn cùng một nửa. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng khoảng vạn vị, thọ học giáo pháp và Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có hơn 200 ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo khoảng vài ngàn vị. Đó tức là Thành đô của cả 5 xứ Ấn Độ, vua hiệu là Hy-la-dật-đa (tức là giới Nhật) dòng họ Phệ-xa. Mới đầu muốn lên ngôi, nhân ở bên bờ sông khắc già có tên tượng Bồ-tát Quán Tự Tại, vua mới cầu thỉnh đó. Được Bồ-tát dạy bảo rằng: "Ông vốn là vị Tỷ-khưu Lan Nhã ở rừng này, vua Kim Nhĩ Nguyệt đã phá diệt Phật pháp. Ông lên làm vua phải nên trùng hưng

lại, lấy sự thương xót muôn vật làm lòng, mới làm vua cả 5 xứ nên phải cẩn trọng chớ lên tòa sư tử và xưng hiệu Đại vương". Vua mới cùng các Đồng tử đánh diệt hết các ngoại đạo và đồ chúng của Kim Nhĩ Nguyệt, lại đính ước nghiêm lệnh. Nếu có người ăn thịt thì cắt lưỡi, người giết hại sinh mạng thì chặt tay. Vua và người em gái góa cùng trông coi chăm lo việc nước nhà. Đến bên cạnh sông Khắc-già dựng tạo ngàn ngôi Phù Đồ, mỗi một ngôi cao hơn trăm thước, khắp cả thành ấp thôn xóm tụ lạc đến những ngỏ hẻm đường thông, đều dựng lập Tinh xá tích trữ lương thực, mở mang thuốc men để ban cấp bệnh tật nghèo cùng. Những nơi Thánh tích đều dựng lập chùa. Suốt 20 năm trở lại, cứ 5 năm mở hội một lần, dốc hết kho tàng ban cấp mọi người, chỉ lưu giữ binh khí, dùng đủ chẳng lò phòng. Ngày đầu tiên mở hội, nhóm tập thỉnh mời chứ Tăng ở các nước, suốt trong 21 ngày cúng dường tứ sự, khiến cùng nhau luận bàn. Với những vị giới hạnh trinh thuần kiên cố, đạo đức ưu việt đượm nhuần. Vua bèn thỉnh mời lên tòa sư tử và cầu xin thọ giới. Với những vị thanh tịnh vô học, vua tỏ bày sùng kính ngưỡng, với các vị uế hạnh hiện bày thì vua liền xua đuổi ra khỏi nước nhà. Đối với các vị vương thần biết gieo tạo mọi việc phước lành không biếng nhác, thì vua kéo tay cùng ngồi, còn ngược lại thì vua chẳng đoái hoài trông nhìn. Vua đi tuần xét phong tục khắc các địa phương, chẳng thường dừng ở một nơi. Những lúc hẳn có bốn bộ binh lính dẫn đường rất nghiêm mật, chèp thuyền cỡi voi, đánh trống thổi loa. Quân voi có cả tám vạn, oai phong tỏa khắp bốn phương. Vua chỉ hai ba tháng không ra ngoài vân du. Ở trong cung mỗi ngày cúng dường các vị Sa-môn, chư Tăng có cả ngàn vị, có 500 Bà-la-môn. Mỗi ngày thời gian phân thành 3 phần. Một phần chuyên xử lý mọi việc, hai phần chuyên tu mọi phước thiện. Lại dứt tuyệt ăn dùng máu thịt, mỗi ngày theo lệ chỉ ăn một bữa. Ở bên cạnh phía tây dòng sông, phía Đông của chùa tạo dựng một đài báu cao hơn trăm thước, bên trong có tôn tượng bằng vàng thân ngang như hình người, tiếp đến ở phía Nam xây dựng một đài báu nơi tắm rửa tôn tượng Phật. Từ đó về hướng Đông bắc cách 15 dặm riêng xây dựng hành cung, từ chùa đến cung các đoạn đường hẹp làm các, chạm trổ điêu khắc đến cùng, các thứ kỷ nhạc chẳng đổi dời luôn xúm quanh hòa tấu mà thôi. Lại tạo tôn tượng bằng vàng cao ba thước lúc che ẩn lúc để hiện bày, dùng voi lớn màn báu che phủ phía trên, vua tạo tượng Đế-thích cầm nắm lọng báu đứng hầu bên tả. Có vua Câu-ma-la (tức là Đồng tử) ở nước Ca-ma-lũ-ba tạo tượng Phạm vương cầm nắm phất trần đứng hầu phía hữu. Mỗi mỗi có 500 quân lính voi mang mạc áo giáp đồng hộ

vệ. Trước sau mỗi mỗi có trăm voi lớn. Các nhạc nhân ngồi trên đánh tor61ng hòa tấm âm nhạc. vua giới nhật lại đem các thứ vàng bạc châu hương hoa theo ra tung rải cúng dường Tam bảo. Tại 5 xứ Ấn Độ, chùa Ni rất hiếm ít. Giả sử như có các vị ni cũng đồng tu tập một chùa với chư Tăng, đồng ăn một chỗ, không khuyết phạm giới điều cấm ước. Nhưng vua Đồng tử thuộc dòng tộc Sát-đe-lợi nói cùng kẻ sứ là Lý Nghĩa Biểu rằng: “Trên đời tương tục tiếp thừa đã 4.000 năm. Người xưa trước từ đất Hán bay lại làm vua xứ đất này. ”

Về phía Tây bắc của thành có ngôi tháp do vua A-dục tạo dựng xưa kia, Đức Phật từng ở đó suốt 7 ngày giảng nói pháp. Bên cạnh có tháp thờ tóc và móng tay, vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Lại về hướng Nam, gần sông Khắc-già có 3 ngôi chùa cùng đồng chung vách tường mà khai cửa, tôn tượng Đức Phật trang nghiêm xinh đẹp. Có chiếc răng của Đức Phật dài một tấc rưỡi, sắc màu tỏa sáng luôn biến đổi, Phật tôn trí trong hộp báu. Mọi người ở xa gần đến chiêm ngưỡng mỗi ngày có đến cả ngàn trăm, khiến người gìn giữ phiền nhiễu, thâu thuế nặng bằng vàng hoặc vật báu nhưng mọi người vui thích đến kính lễ chẳng chối từ tốn nhiều của cải. Vào những ngày trai thì nghinh thỉnh ra tôn trí nơi tòa caom rảu hoa cúng dường tuy tích chứa nhưng hợp chiếc răng ấy chẳng bị khỏa lấp, chúng Tăng ở trong chùa rất thanh tịnh nghiêm túc, các hàng tịnh nhân có cả vài vạn nhà. Phía trước và hai bên chùa có những ngôi Tinh xá cao hơn trăm thước, xây dựng nền móng bằng đá lợp ngói gạch, tôn tượng trong thất trang nghiêm bằng các vật báu hoặc thuần toàn vàng bạc. Tiếp theo về phía Đông nam có một ngôi Tinh xá lớn được xây dựng nền móng bằng đá, gạch, thất cao hơn 20 trượng. Đó là nơi xưa kia Đức Phật từng ở suốt 6 tháng nói các pháp thân vô thường, khổ không bất tịnh. Lại có vết tịch của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiện tại phía Đông nam của Thành cách khoảng 6-7 dặm nằm trên bờ phía Nam sông Khắc-già.

Từ thành ấy về phía Đông nam hơn trăm dặm có thành Nạp-phược-đề-bạ tựa bên bờ sông phía Đông Khắc-già có 3 ngôi chùa đồng chung từng vách mà khác cửa, chu vi rộng hơn 20 dặm. Tiếp theo trước cách hơn 20 bộ, có một ngôi tháo cao hơn 20 trược là nơi Đức Phật từng ở đó suốt bảy ngày giảng nói pháp, bên trong có xá-lợi, có lúc tỏa phóng ánh sáng. Bên cạnh đó có vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Về phía Bắc của chùa cách 4 dặm gần bờ sông Khắc-già, có ngôi tháp cao hơn 20 trượng, xưa kia Đức Phật từng đến đó giảng nói pháp, có ngôi tháp cao hơn 20 trượng, xưa kia Đức Phật từng đến đó giảng nói

pháp, có 400 quỷ đói được tỏ ngộ mà sinh lên cõi trời. Bên cạnh đó lại có tháp thờ tóc và móng tay của Đức Phật, tiếp theo bên cạnh lại có vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền.

Lại theo hướng Đông nam hơn 600 dặm, vượt qua phía Nam sông Khắc-già đến nước A-thâu-đà (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 500 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng hơn 300 vị, đề thọ học cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có 10 ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo hiếm ít. Trong thành có ngôi chùa cổ tức là nơi Bồ-tát Phạt-tô-bạn-độ (tức là Thế Thân) ở trong vài mươi năm tạo các luận Đại thừa Tiểu thừa. Từ thành về phía Bắc cách 5 dặm bên bờ sông Khắc-già, trong ngôi chùa lớn có ngôi tháp cao hơn 20 trượng là nơi xưa trước Đức Phật đã từng vì các người trời mà ở đó mất 3 tháng giảng nói pháp. Bên cạnh đó có ngôi tháp Phật, có vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Từ chùa về phía Tây cách 5 dặm có ngôi tháp thờ tóc và móng tay của Đức Phật. Từ thành về phía Tây nam cách 5 dặm có ngôi chùa cổ trong rừng Đại-am-một-la, là nơi Bồ-tát A-tăng-già xưa kia ban đêm lên cung trời đến chỗ Bồ-tát từ thị để thọ học trở lại vì Đại chúng mà giảng nói. Từ rừng ấy về phía Tây Bắc cách hơn trăm bộ có tháp thờ tóc và móng tay của Đức Phật.

Từ đó, theo hướng Đông đi hơn 300 dặm, vượt qua phía Bắc sông Khắc-già đến nước A-da-mục-khư (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng 2. 500 dặm, chu vi Đô thành rộng 20 dặm, có 5 ngôi chùa, chư Tăng có hơn 1.000 vi đều thọ học giáo pháp Tiểu thừa. Có 10 ngôi đền thờ trời, các hàng ngạo Đạo chung sống lẫn lộn. Từ thành về phía Đông nam gần sông Khắc-già cố ngôi tháp cao hơn 20 trượng là nơi xưa Đức Phật từng ở suốt 3 tháng giảng nói pháp, có tháp phụng thờ tóc và móng tay sắc xanh, có vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Lại theo hướng Đông nam đi hơn 700 dặm vượt qua phía Nam sông Khắc-già, thuộc phía Bắc sông Diêm-mâu-na đến nước Bát-la-già-da (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 5.000 dặm, Đô thành y cứ giữa điểm giao tiếp của hai bờ sông chu vi rộng hơn 20 dặm, có 2 ngôi chùa, chư Tăng hiếm ít. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo đặc biệt lắm nhiều, từ thành về phía Tây nam giữa khúc cung sông Diêm-mâu-na cách khoảng hai ba ngàn dặm theo dòng sông hợp lại ở phía Đông bắc có ngôi tháp cao hơn 10 trượng trong rừng hoa Chiêm-bác-ca, là nơi xưa kia Đức Phật từng đến đó nhiếp phục ngoại đạo, có tháp thờ tóc và móng tay, vết tích nơi Đức Phật kinh hành tọa thiền, lại có nơi Bồ-tát Đề-bà tạo luận Quảng bách. Trong thành, trước nhà đền thờ trời có cây Đại thọ

cánh lá tươi tốt che kín, có loài quỷ ăn thịt người nương ở nơi đó. Hai bên di cốt chất chống như cỏ, những người đến trong đền thờ thảy đều xem thường mạng sống, từ trên cây ném xuống bởi bị quỷ dẫn dụ. Từ thành về hướng Đông nói hai dòng sông hợp lại rộng hơn 10 dặm, đất đai bằng phẳng, đồi cao cát mịn dãn bày. Xưa nay các hàng vương thần giàu sang có cúng thí không ai chẳng đến đó, nên gọi đó là Đại thí trường. vua giới nhật cũng tu hạnh nghiệp đó. Từ Đạo trường đó về phía Đông nơi hợp lại của dòng sông mỗi ngày có đến trăm người tự đấm mình mà chết. Tập tục ở đó gọi là nơi thác sinh lên các cõi trời vậy. Nếu người nào muốn hành pháp ấy thì trước tiên đến đó bỏ ăn 7 ngày. Viêc tự đấm mình vào trong dòng sông, mọi người từ các nơi xa gần đều đến, cho đến cả khí núi nai đồng kéo nhau cả đàn đến bên bờ sônng bỏ ăn mà tự đấm mình xuống dòng sông. Ngay lúc vua giới Nhật thực hành bố thí có 2 con khỉ cái bị chó cắn chết, con khỉ đực mang xác ném xuống dòng sông, và chính con khỉ đực ấy cũng bởi đã đói khát nhiều ngày nên chết luôn.

Từ đó theo hướng Đông nam đi qua rừng lớn và đồng trống hoang dã hơn 500 dặm đến nước Kiều-thưởng-di (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng 6.000 dặm, chu vi Đô thành hơn 30 dặm. Có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng có hơn 300 vị, có 50 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo đông nhiều. Trong thành nói cung điện cũ có ngôi tinh xá lớn cao hơn 60 thước, khắc chạm tôn tượng Đức Phật bằng gỗ Chiên-đàn, phía trên treo đá, do vua Ổ-đà-diễn-na (xưa trước gọi là Ưu-đà-diên, thời Tiền Đường dịch nghĩa là xuất ái) tạo dựng, có ánh sáng linh thiên tỏa phóng, các vị vua muốn đem sức lực để nâng dời mà trọn chẳng lay chuyển. Xưa kia, khi Đức Phật Thích-ca vì Thánh mẫu Ma-gia nêu lên cung trời giảng pháp, vua thỉnh cầu Tôn giả Mục Kiền Liên dùng sức thần dẫn các người thợ lên cung trời phỏng hình tướng của Đức Phật để làm. Đến lúc từ cung trời, Đức Phật trở xuống, tôn tượng ấy bèn đứng dậy nghinh đón, Đức Phật bèn an ủi ủy dụ vì làm mọi Phật sự trong tương lai. Từ Tinh xá đó đi về hướng Đông cách hơn trăm bộ, có vết tích của 4 Đức Phật tọa thiền kinh hành, cái giếng nơi thất của Đức Phật tắm rửa đến nay nước vẫn còn tuôn chảy. Trong thành về góc Đông nam nơi vườn nhà Tôn giả Cụ-sử-la, có Tinh xá của Đức Phật, tháp tôn thờ tóc và móng tay. Bên cạnh tháp lớn lại có vết tích của 4 Đức Phật tọa thiền kinh hành. Từ thành về hướng Tây cách 9 dặm có hang đá là nơi xưa kia Đức Phật từng du hóa đến đó nhiếp phục rồng độc. Bên cạnh có ngôi tháp lớn cao hơn 20 trượng. Bên cạnh lại có vết tích của Đức Phật tọa

thiền kinh hành, tháp phụng thờ tóc và móng tay. Những người tật bệnh đến nguyện cầu phần nhiều đều được lành mạnh. Đến lúc Di pháp của Đức Phật Thích-ca hủy diệt tại nước đó, các hàng sang hèn vào trong cảnh vức tự nhiên cảm thương.

Từ hàng đá ấy vào trong rừng lớn đi hơn 700 dặm, vượt qua bờ phía Bắc sông Khắc-già đến thành Ca-xa-bố-la chu vi rộng 10 dặm, đó là nơi Bồ-tát Hộ Pháp nhiếp hóa ngoại đạo, có ngôi tháp cao hơn 20 trượng, xưa kia giảng pháp, hiện có dấu vết Đức Phật kinh hành, tháp tôn thờ tóc và móng tay. Từ đó theo hướng Bắc đi 180 dặm đến nước Ty-sách-ca (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 4.000 dặm, chu vi Đô thành rộng 17 dặm, có 20 ngôi chùa, chư Tăng khoảng 3.000 vị, có 50 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo rất đông nhiều. Ở hai bên đường phía Nam có chùa tháp cao hơn 20 trượng, xưa kia Đức Phật từng ở nơi đó 6 năm giảng nói pháp, bên cạnh có cây kỳ lạ cao 70 thước, quanh năm không đổi thay, đó là cây Đức Phật xỉa răng vất bỏ mà sinh mọc tươi tốt như vậy, các hàng ngoại đạo đua nhau đến chặt phá, song, sau đó vẫn sinh mọc như cũ. Bên cạnh có vết tích của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiền và tháp tôn thờ tóc và móng tay. Góc nền móng tiếp liền nhau, ao rừng giao bóng.

Từ đó theo hướng Đông bắc đi hơn 500 dặm đến nước Thất-la-phạt-tất-để (tức nước Xá-vệ, thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6. 000 dặm, Đô thành hoang phế hư hoại, nền móng cũ bền bỉ dài hơn 20 dặm, có vài trăm ngôi chùa, chư Tăng hiếm ít. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo rất đông nhiều. Trên nền móng điện cũ phía Đông trong thành hoang phế có ngôi tháp nhỏ, do là nơi do vua Bát-la-tê Na-thị-đa (xưa trước gọi là vua Ba-tư-nặc, tiếng Trung Hoa thời tiếng Đường dịch nghĩa là Thắng Quân) vì Đức Phật mà tạo dựng đường thất. Tiếp theo trên tháp nền móng cũ, vua vì Di mẫu của Đức Phật là Tỷ-khưu ni Bát-la-xà-bát-để (xưa trước gọi là Bà-xà-ba-đề, Trung Hoa dịch nghĩa là sinh chủ) mà tạo dựng Tinh xá. Tiếp theo về phía Đông tháp là vườn nhà cũ của Tô-đạt-đa (tức là Thiện Thí), bên cạnh có ngôi tháp lớn, là nơi Ương-cù-lợi-ma-la (tức là Chỉ-man) xả bỏ tà pháp. Từ thành đó về hướng Nam cách khoảng 6 dặm là rừng Thệ-đa là vườn chùa do Trưởng giả Tu-đạt và Thái tử Kỳ Đà tạo lập, nay đã hoang phế chỉ còn có trụ đá cao hơn 70 thước do vua A-dục tạo dựng và còn một ngôi thất bằng gạch ngoài ra đều bị khỏa lấp. Trung thất ấy có tôn tượng Đức Phật vì Thánh mẫu mà giảng pháp bằng vàng. Về phía Đông Bắc có ngôi tháp là nơi Đức Phật tắm rửa theo vị Tỷ-khưu bị bệnh, về

phía Tây bắc lại có ngôi tháp nơi Tôn giả Mục Kiền Liên nâng pháp y của Tôn giả Xá-lợi-phất, cách đó không xa cùng các ngôi tháp của Đức Phật múc nước sử dụng. Lại nữa, nơi Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với dp, nơi Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với Đức Phật hành đạo thuyết pháp đều có dựng tháp tiêu biểu, luôn có dán hiệu các thứ nhạc linh mà hương khác lạ. Nơi các ngoại đạo giết hại người nữ để phỉ báng Đức Phật cũng có dán hiệu các thứ nhạc linh mà hương khác lạ. Nơi các ngoại đạo giết hại người nữ để phỉ báng Đức Phật cũng có dựng lập tháp để tiêu biểu. Từ chùa về phía Đông cách trăm bộ có hầm hố sâu lớn, đó là nơi điều đạt muốn độc hại Phật mà bị lấp vùi vào lòng đất. Ở phía Nam lại có hầm hố lớn là nơi Tỳ-khưu Cù-già-ly hủy báng Đức Phật mà bị lấp vùi. Lại về phía Nam cách 500 bộ, có hầm rất lớn là nơi Bà-la-môn nữ Chiến-già hủy báng Đức Phật mà bị lấp vuì, ba hầm hố đó đều sâu thẳm không đáy, mưa lớn trút đổ trọn không ngưng nghẹt. Từ chùa về phía Đông cách 70 bộ có một tinh xá trên là Ảnh Phú cao 60 thước, bên trong có tôn tượng Đức Phật ngồi xoay mặt hướng Đông, nơi cùng các ngoại đạo luận nghị. Tiếp đó về phía Đông có đền thờ trời cũng cao đồng như Tinh xá thờ Phật, lúc về chiều bóng tinh xá đổ về hướng Đông che phủ đền thờ trời.

Từ đó về hướng Đông cách 4 dặm có ao động lớn là nơi Tỳ-lô Thích-ca vương (xưa trước phiên dịch nghĩa là lưu ly) bị vùi lấp vào đất người đời sau dựng lập tháp ghi chép lại sự việc ấy. Lại nữa, nơi lúc mới đầu tạo dựng chùa (Kỳ Viên) Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với ngoại đạo so tài sinh sức, cũng có dựng lập tháp ghi chép sự kiện. Từ chùa về phía Tây bắc cách 4 dặm, có khu rừng đắc nhãn, trong đó có ngôi tháp vết tích nơi Đức Phật kinh hành, đó là duyên cớ vua Thắng Quân xử quyết móc mắt 500 quân giặc, nhân được nghe sức từ của Đức Phật mà một lúc được bình phục, vất bỏ trượng bèn sinh hiện nhãn căn. Từ thành ấy về phía Tây bắc cách 60 dặm có ngôi thành cũ từ lúc con người sống thọ hai vạn tuổi, đó là nơi bản sinh của Đức Phật Ca-diếp-ba. Về phía Bắc có ngôi tháp tức nơi phụng thờ toàn thân xá-lợi của Đức Phật, do vua A-dục tạo dựng để tiêu biểu.

Từ đó, lại theo hướng Đông nam đi hơn 500 dặm đến nước Kiếp-tỷ-la-phạt-tất-đổ (tức xưa trước gọi là Ca-tỳ-la, thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 4.000 dặm, thành quách có cả 10 khu đều hoang trống không có người ở, chu là cung thành rộng 15 dặm được xây dựng bằng gạch, có hơn ngàn ngôi chùa cổ trong một cung thành, có hơn 30 ngôi chùa Tăng, hai ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo chung sống lẫn

lộn. Trong thành trên nền chánh biện trong tinh xá tạo nên tượng vua, bên cạnh là trên nền móng tẩm điện của Phu nhân Ma-ha-ma-già (tức là Đại thuật), trong tinh xá tạo hình tượng phu nhân. Bên cạnh đó có tinh xá bên trong tạo hình tượng Bồ-tát. Về tướng gián thần ở xứ đó có các quan điểm chẳng đồng, theo thượng tọa bộ cho là "tương đương với ngày 15 tháng 5 điểm Trung Hoa", còn các Bộ phái khác lại cho là "tương đương với ngày mồng 8 tháng 5". Đó bởi sự thấy nghe có sai khác vậy. Bên cạnh đó có tháp tiên tướng. Về phía Nam có ngôi tháp là nơi Thái tử dốc sức lực mình đánh ném voi vượt qua thành nơi Thái tử dốc sức lực mình đánh ném voi vượt qua thành rơi nơi đất làm thành hầm hố lớn. Bên cạnh đó có tịnh xá làm hình tượng Thái tử và Tượng thọ nghiệp. Bên cạnh tịnh xá ấy là nơi phòng ngủ của cung phi, làm hình tượng Da-du-đà-la và La-hổ-la. Có một bản riêng biệt ghi rằng: "Đó là nơi đầu đêm Thái tử mở cửa thành phía bắc thành mà ra đi". Ở gốc Đông nam của thành là nơi Thái tử cưỡi ngựa bay giữa không trung vượt thành xuất gia, có tạo dựng Tịnh xá và hình tượng. Tại bốn cửa mỗi mỗi đều có hình tượng các cảnh lão, bệnh, tử, Sa-môn. Về phía Nam của thành cách 4 dặm có tháp rừng Ni-lâu-lô là nơi khi Đức Phật đắc Đạo cùng giảng nơi pháp. Từ thành ấy về phía Nam cách 15 dặm có ngôi tháp trong thành cũ, là nơi bản sinh của Đức Phật Ca-la-ca-thôn-đà lúc con người tuổi thọ đến sáu vạn năm. Lại về phía Đông nam của Thành có ngôi tháp tức là nơi Di thân của Đức Phật ấy, phía trước tháp, vua Vô Ưu có tạo dựng tượng đá cao hơn 3 trượng. Lại về phía Đông bắc hơn 30 dặm có ngôi tháp trong thành cũ, là nơi bản sinh của Đức Phật Ca-nặc-ca-mâu-ni. Lúc con người có tuổi thọ bốn vạn năm. Về phía Đông bắc thành đô có ngôi tháp, là nơi di thân của Đức Phật ấy. vua Vô Ưu có dựng lập trụ đá và ghi chép minh ký, cao hơn 2 trượng. Lại về phía Đông bắc thành ấy cách hơn 40 dặm có ngôi tháp nơi Thái tử ngồi dưới gốc cây. Về phía Tây bắc của thành lớn có vài trăm ngàn ngôi tháp, là tháp các Thích Tử bị giết hại có 4 vị Thích Tử chống cự lại quân lính, người ở trong thành không chấp thuận, bèn bị ruồng đuổi ra khỏi cảnh vức, đó là vua Ô Tượng, vua Phạm Diễn v. v... đến nay vẫn chẳng dứt. Về phía Nam của Thành có tháp Cây-ni-câu luật, là nơi mới đầu Đức Phật đến thấy Phụ vương. Có ngôi tháp ngoài cửa phía Nam của Thành là nơi bắn cung tên. Về phía Đông nam cách hơn 30 dặm là nơi Thái tử bắn mũi tên gắm sâu xuống đất nhân đó có dòng suối tuôn vọt, tục truyền suối, mũi tên ấy, những người bệnh uống nước phần nhiều đều lành, hoặc có người vớt bùn bôi thoa lên trán thì tùy nỗi khổ đều lành,

lại theo hướng Đông Bắc cách khoảng 90 dặm là rừng Lạp-phật-ni, nơi ao dòng họ thích tấm gội hoa nước soi bóng ánh ngời. Từ đó về phía Bắc cách khoảng 25 bộ là cây Vô Ưu là nơi Đức Phật đản sinh đến nay đã khô rụi. Có thuyết cho rằng: "Lúc ấy là ngày mồng 08 tháng 03", còn theo Thượng Tọa bộ cho là: "Ngày 15 tháng 03". Tiếp theo về hướng Đông có ngôi tháp là nơi 2 con rồng tắm gội cho Thái tử, mới đầu khi Đức Phật đã đản sinh chẳng cần phải nâng đỡ mà tự đi khắp bốn hướng, mỗi hướng 7 bước, nơi Đức Phật giẫm đặt bàn chân liền có hoa sen lớn xuất hiện. Khi Đức Phật đã từ phía hông hữu của Thánh mẫu sinh ra, Thiên đế nâng y tiếp lấy, bốn vua bưng ẩm đặt trên ghế vàng, đều có xây dựng bốn ngôi tháp và dựng trụ đá để tiêu biểu đó. Bên cạnh có dòng sông nhỏ theo hướng Đông nam mà xuôi dòng, người đời gọi đó là sông Dầu, là nơi Thái tử đã đản sinh, Trời biến hóa đất ở đó sáng nhuần khiến để tắm, lại dứt trừ gió lửa hư không khiến biến thành sông nước trơn nhẵn như dầu.

Từ đó theo hướng Đông đi hơn 200 trong rừng hoàng nước Ma-ma (thuộc Trung Ấn Độ) có nhiều thành quách trống không. Lại theo hướng Đông nam có ngôi tháp Phật cao gần năm thước, xưa trước mới đầu đó là một trong tám phần xá-lợi Phật, có lúc ánh sáng linh thiêng tỏa phóng, bên cạnh có ao trong mát, có rồng biểu làm rắn lớn ra nhiễu quanh tháp đó, có voi đồng hoang hái trái để tung rải, vua Vô Ưu muốn mở tháp mà rồng gìn giữ không chấp thuận. Lại theo hướng Đông qua rừng lớn cách hơn trăm dặm có ngôi tháp lớn, là nơi Thái tử đến đó cỡi mở chuỗi châu mạc ni trong áo báu giao cho Xiển-đạt-ca đem về lại dâng cùng phụ vương, lại về hướng Đông có cây chiêm bộ đã khô chết nhưng gốc hiện còn, có ngôi tháp nhỏ, đó là nơi Thái tử đem y vật còn lại để đổi lấy áo da nai. Bên cạnh ngôi tháp là nơi Thái tử cắt tóc. Về tuổi tác của Thái tử lúc ấy không được chuẩn định, có thuyết cho là Thái tử vừa 19 tuổi, có thuyết lại cho là đã 29 tuổi. Lại theo hướng Đông nam đi bằng hoang trống 190 dặm có tháp rừng Ni-câu luật cao hơn 3 trượng. Người xưa lấy đất nơi chỗ trà tỳ Đức Phật, thâu nhặt tro bụi đem đến đó xây dựng tháp phụng thờ, người bệnh cầu nguyện đều lành, lại có vết tích của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiền, tháp ấy cao hơn trăm thước. Hai bên có vài trăm ngôi tháp nhỏ.

Lại theo hướng Đông bắc bằng vượt rừng lớn đường đi hiểm trở suốt 500 dặm đến nước Câu-thi-na-yết-la (thuộc Trung Ấn Độ), ở đó thành quách đổ nát hoang tàn, người vật hiếm ít. Ở gió Đông Bắc trong thành có ngôi tháp là nơi vườn nhà xưa cũ của Thuần Đà, có cái giếng

được đào dục để cúng dường hiện vẫn còn đẹp từ thành ấy về phía Tây bắc cách khoảng 4 dặm, vượt qua sông A-thị-đa-phạt-để, đó gọi là Hữu kim, gần bờ phía tây là rừng Bà-la, khoảng cách giữa hai rừng gần vài mươi bộ, bên trong có 4 cây đặc biệt rất cao, trong ngôi Tinh xá lớn xây dựng bằng gạch, tạo tôn tượng Đức Phật nhập Niết-bàn, đầu xoay hướng Bắc mà nằm, bên cạnh có ngôi tháp cao hơn 200 thước, phía trước có dựng trụ đá ghi chép về tướng Đức Phật diệt độ, có thuyền nói là Phật nhập Niết-bàn ngày 15 tháng 03, theo Thuyết hữu bộ cho là ngày mồng 08 tháng 09. Các bộ phái có lắm sự luận bàn khác nhau, có thuyết nói: "Đến nay, năm Trinh Quán thứ 20 (646) thời tiền Đường, thì đã trải qua 1.212 năm vậy". Đó là y cứ theo sự ghi chép ở trụ đá tại chùa Bồ-đề. Hoặc còn có thuyết nói là 1.300 năm, hay hơn 1.500 năm hoặc có thuyết nơi mới hơn 300 năm chưa đến 1.000 năm. Bên cạnh Tinh xá có nơi kia kia Đức Phật làm chim trỉ chúa cứu lửa và làm Nai cứu sống, mỗi mỗi đều có dựng một ngôi tháp. Tiếp về hướng tây có một ngôi tháp là nơi Tôn giả Tu-bạt-đà-la diệt chứng, tiếp theo lại có một ngôi tháp là nơi chấp Kim cang thần khoe đất, tiếp theo bên cạnh có một ngôi tháp là nơi tôn trí Kim quan lại 7 ngày, tiếp bên cạnh có ngôi tháp là nơi Tôn giả A-nê-lâu-đà lên cung trời báo cùng Thánh mẫu biết Phật đã nhập Niết-bàn nên xuống buồn khóc, từ thành về phía Bắc vượt qua sông Ni-liên-thuyền-na cách 300 bộ có một ngôi tháp là nơi Niết-điệp-ban-na (tức là trà tỳ = thiêu đốt) nhục thể Đức Phật. Hiện nay đất ở đó sắc màu vàng đen lẫn cùng tro bụi, có người mong cầu được cảm có xá-lợi. Tiếp theo bên cạnh có một ngôi tháp, là nới Đức Phật duỗi hai bàn chân ra khỏi Kim quan cho Tôn giả Ca-diếp-ba trông thấy. Tiếp nữa lại có một ngôi tháp, phía trước có dựng trụ đá khắc ghi về việc tám nước phân chia xá-lợi.

Từ đó theo hướng Tây nam đi hơn 200 dặm đến một ấp lớn, lại đi qua rừng lớn cánh hơn 500 dặm đến nước Ba-la-nại-tư (xưa trước gọi là Ba-la-nại, thuộc Trung Ấn Độ), chu vi rộng hơn 4.000 dặm, phía Tây đô thành gần sông Khắc-già dài gần 20 dặm rộng 6 dặm, dân chúng sinh sống đông nhiều, phần nhiều tin theo ngoại đạo. Có hơn 30 ngôi chùa, chư Tăng hơn 3.000 vị đều tu học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo đông cả vạn bộ, phần nhiều là phụng thờ Thiên căn của Đại tự tại. Trong thành lớn có 20 ngôi đền thờ trời, Thiên căn cao hơn trăm thước. Về phía Đông bắc của Thành là sông Ba-la-nại, ở phía Tây có ngôi tháp do vua A-dục tạo dựng cao hơn 10 trượng, phía trước có dựng trụ đá bằng ngọc bích xinh

đẹp ứng hiện hình Phật. Từ sông đi về phía Đông bắc cách hơn 10 dặm là chùa Lộc dã, tám phần ranh giới khu vực vách tường nối liền bao bọc chung quanh, có tầng hiên trùng các, chư Tăng có 1.500 vị đều học theo pháp Tiểu thừa chánh lượng bộ. Lại có ngôi tháp thờ Phật cao hơn 20 trượng, khám gạch cả bốn mặt điều tiết thích hợp có cả trăm thềm cấp, đều có những tượng Đức Phật bằng vàng, đồng than, đá v. v... ẩn hiện. Tiếp theo về phía Tây nam có một ngôi tháp cao hơn trăm thước, phía trước có trụ đá cao hơn 70 thước sáng sạch suốt cùng, những người thành kính cầu nguyện thì tôn tượng hiện tùy thuộc hạnh nghiệp Thiện ác. Tức nơi sau khi đã thành Đạo, Đức Phật chuyển pháp luân lần đầu tiên. Bên cạnh đó có ba ngôi tháp tức là nơi tọa thiền kinh hành của ba Đức Phật xưa trước. Bên cạnh lại còn có các ngôi tháp khác là nơi 500 vị Độc giác nhập Niết-bàn. Bên cạnh đó có ngôi tháp là nơi Đức Di Lặc nhận sự dự ghi sẽ thành Phật. Lại theo hướng Tây có một ngôi tháp là nơi đời trước Đức Phật làm Bồ-tát Hộ Minh được Đức Phật Ca-diếp-ba thọ ký đời nay thành Phật. Tiếp theo về phía Nam có nơi của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiền, dài 50 bộ cao 7 thước, chồng chất đá xanh, phía trên làm tôn tượng Đức Phật Thích-ca kinh hành. Hình tượng ấy rất đặc dị, nhục kế nỗi cao, tóc trên đầu duỗi ra sức thần mà có chứng nghiệm, vết tích chùa xưa, lắm nhiều Tinh xá, bảo tháp, có đến vài trăm sự kiện chẳng thể ghe chép đầy đủ rõ ràng. Về phía Tây của chùa có cái ao trong sạch chu vi rộng 200 bộ là nơi xưa kia Đức Phật thường tắm rửa, tiếp về hướng Tây có một ao nhỏ là nơi Đức Phật tẩy rửa vật dụng, tiếp về hướng Bắc có một ao nhỏ là nơi Đức Phật thường y. Ba ao ấy đều có rồng ở, mùi vị của nước mát ngọt mà trong sạch. Như có người khinh mạn xúc chạm thì loài thú Kim-tỳ-la liền vì làm hại. Bên cạnh đó có tảng đá vuông, phía trên có dấu vết đường văn của pháp y ca sa của Đức Phật. Các hàng ngoại đạo và những kẻ hung bạo khinh thường giẫm đạp lên thì rồng trong ao liền nổi gió mưa. Bên cạnh đó lại có ngôi tháp là nơi Đức Phật từng làm voi chúa 6 ngã thấy người thợ săn đắp mặc pháp y nên nhổ ngà kính dâng. Bên cạnh đó lại có một ngôi tháp, là nơi xưa trước, Đức Phật làm chim cùng khổ và voi hỏi ai là kẻ lớn. Lại trong rừng lớn có một ngôi tháp là nơi xưa kia, Đức Phật cũng điều đạt đồng làm nai chúa, Đức Phật thay mạng thế mai đang thai, nên danh hiệu lộc dã (vườn nai) từ đó mà có. Lại từ chùa về hướng Tây nam cách 3 dặm có một ngôi tháp lớn cao hơn 30 trượng, nên tảng cao vợi tráng lệ, bên cạnh lại có một ngôi tháp là nơi 5 người (5 anh em Kiều Trần Như) nghinh đón Đức Phật. Về phía Đông của rừng lớn cách 3 dặm có

một ngôi tháp, là nơi xưa trước Đức Phật làm thân con thỏ cùng chung sống với các loài thú, tự biết thâu hình mình bé nhỏ nên tự thiêu thân nhân tặng, nhân đó trời Đế-thích xuống tán thàn, vì thế khiến giữa vần trăng có hiện hình con thỏ.

Từ chùa ấy về hướng Đông thuận theo sông Khắc già đi hơn 300 dặm đến nước chiến chủ (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 2.000 dặm. Đô thành gần sông Khắc-đàgià chu vi rộng hơn 10 dặm, dân chúng sinh sống đông nhiều. Có 10 ngôi chùa, chư tăng có gần vạn vị đều tu học theo pháp Tiểu thừa. 30 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo chung sống lẫn lộn. Tại chùa ở phía tây bắc của Thành có một ngôi Tháp tôn thờ một thăng xá-lợi của Đức Phật. Xưa trước Phật từng đến ở đó 7 ngày giảng nói pháp. Và có vết tích của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiền, lại có tôn tượng Bồ-tát Từ Thị hình dáng nhỏ bé mà oai đức rất lớn. Từ thành về hướng Đông bắc cách hơn 200 dặm đến chùa A-tỳ-yết-lại-noa (tức chùa Bất Xuyên Nhĩ) nhân duyên do từ vị Tăng ở phương Bắc vậy. Từ chùa đó theo hướng Đông nam vượt qua sông Khắc-già đi hơn trăm dặm đến một ấp lớn. Ở bờ phía Bắc sông có đền thờ trời Na-la-diên, trùng các nghiêm lệ. Lại theo hướng Đông nam đi hơn 30 dặm có Tháp Giáng Quý đã bị lấp vuì dưới đất một nửa, phía trước tạo dựng trụ đá cao hơn 2 trượng, tức nói Đức Phật vì loài quỷ ăn thịt người mà giảng pháp, quỷ thiết đặt cả ngàn tòa đá, cây rừng xanh tốt, ao nước trong mát, cách đó không xa có vài ngôi chùa đều có chư Tăng ở tu học theo pháp Đại thừa. Lại theo hướng Đông nam vượt qua dòng sông đi hơn trăm dặm có ngôi tháp, tức là nơi tôn thờ Bình phân chia xá-lợi và những xá-lợi còn lại, vào những ngày trai thường tỏa phóng ánh sáng.

Lại theo hướng Đông bắc vượt qua sông Khắc-già đi 150 dặm đến nước Phệ-xá-ly (tức xưa trước gọi là Tỳ-xá-ly), thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 5.000 dặm, tà chánh lẫn lộn đến một nửa, có vài trăm ngôi chùa, hiện tại chỉ còn 5-3 ngôi, chư Tăng rất hiếm ít, có vài mươi ngôn đền thờ trời, để lộ bày hình lắm nhiều vậy. Thánh quách đã đổ nát hư hoại, nền móng cũ còn bền bỉ, chu vi rộng 70 dặm, chu vi cung thành rộng 50 dặm, hiếm ít người sinh sống. Từ cung thành về hướng Tây bắc cách khoảng 6 dặm có ngôi chùa tháp là nơi Đức Phật giảng nói kinh Tịnh Danh. Lại về hướng Đông có ngôi tháp là nơi Tôn giả Xá-lợi-tử chứng quả. Lại về hướng Đông có ngôi Tháp lớn là nói vua được chia một phần xá-lợi một hộc, vua Ưu điền lấy 9 thăng, phân chia đều tạo dựng các tháp khác. Sau đó có vua lại muốn khai mở tháp ấy, bỗng nhiên đất chấn động bèn thôi. Về phía Tây bắc có ngôi tháp, có trụ đá

cao 6 trượng, tiếp về phía Nam là nơi có con khỉ vì Đức Phật mà moi đào ao nước. Ở phía Tây của ao, có bầy khỉ mang bình bát của Đức Phật leo lên cây hứng lấy mật. Về phía Nam ấy là nơi khi bưng bát mật dâng cúng Đức Phật, mỗi mỗi nơi đều có đựng Tháp ghi chứng. Từ chùa ấy về hướng Đông bắc cách 4 dặm có một ngôi tháp là nơi vườn nhà xưa cũ cư sĩ Tịnh danh, còn lắm nhiều linh thần. Vườn nhà ấy xây chồng chất gạch, tương truyền là chất chồng đá, tức là nơi cư sĩ Tịnh Danh hiện tướng bệnh để giảng nói pháp. Gần đây, Sứ giả Vương Huyền Sách dùng Hốt để đo lường đó chỉ có một trượng, nên tên gọi Phương Trượng từ đó mà sinh ra, và nơi vườn nhà của Trưởng giả Bảo Tích, nơi vườn nhà của Yêm-la-nữ, nơi Tôn giả Kiều-đàm-di nhập Niết-bàn đều có dựng lập tháp ghi chép chứng cứ. Từ chùa về phía Bắc cách 4 dặm có một ngôi tháp, là nơi xưa kia Đức Phật sắp sang Thành-câu-thi-na, người trời buồn khóc đưa tiễn. Tiếp đến lại có một ngôi tháp là nơi Đức Phật đứng trông nhìn lại Thành ấp lần cuối cùng. Tiếp theo về hướng Nam là nơi Yêm-la-nữ đem vườn cúng dâng Đức Phật. Bên cạnh đó có một ngôi tháp là nơi trước Đức Phật ba lần bảo cùng Tôn giả A-nan về ngày tháng còn lại cho đến lúc nhập Niết-bàn. Lại nữa, bên cạnh đó có ngôi tháp là nơi ngàn người con được thấy gặp song thân; tức ngàn Đức Phật trong thời hiền kiếp vậy. Về hướng Đông cò nền tháp, giảng đường, trùng các xưa cũ, có lúc tỏa phóng ánh sáng. Đó là nơi Đức Phật giảng nói kinh Phổ Môn. Về phía Tây bắc của thành cách 60 dặm có ngôi tháp lớn là nơi Đức Phật biệt-lật-chiếp-bà-tử. Về phía Tây bắc của thành lớn gồm 200 dặm có một ngôi tháp nơi thành xưa cũ, là nơi Đức Phật giảng nói về Bản sinh từng ở nơi đó là đại thiên luân vương phụng sự đất nước.

Từ thành ấy về hướng Đông nam cách 15 dặm có ngôi tháp lớn, là nơi 700 vị Hiền Thánh kết tập lại kinh điển. Lại về hướng Nam gần 100 dặm có ngôi chùa lớn, tầng đài lớp lớp, chư Tăng tập học theo giáo pháp Đại thừa, có vết tích của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiền. Bên cạnh lại có một ngôi tháp, là nơi xưa kia Đức Phật từ phương Nam vượt đến phía Bắc nước Ma-kiệt-đà mà dừng nghỉ trong thành Tỳ-xá-ly. Từ chùa ấy về phía Đông cách 30 dặm, ở hai phía Nam-bắc sông Khắc-già mỗi bên có một ngôi tháp, là nơi Tôn giả A-nan đà phân thân cho hai nước.

Từ phía bắc theo hướng Đông bắc của bờ sông đi hơn 500 dặm đến nước Phất-lật-thị (có người gọi là Tam-phạt-thị, thuộc Bắc Ấn Độ) chu vi rộng hơn 4.000 dặm, hai phía Đông-tây kéo dài. Có hơn 10 ngôi

chùa, chư Tăng gần ngàn vị tập học cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa, có vài mươi ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo rất đông nhiều. Trong cung thành xưa cũ có 3.000 nhà. Ở bờ phía Đông bắc của sông Khắc-già có một ngôi tháp cao hơn 20 trượng, từ phía Nam trông nhìn dòng sông dài, là nơi Đức Phật hóa độ 500 ngư nhân, do đánh bắt được cá lớn có 18 đầu, trên mỗi mỗi cái đầu đều có 2 mắt. Lại theo hướng Đông bắc đi hơn trăm dặm về phía Tây của thành cũ có ngôi tháp cao hơn trăm thước, xưa kia Đức Phật đã từng ở đó 6 tháng giảng pháp độ người. Lại về hướng Bắc cách 1.500 dặm có ngôi tháp tôn thờ tóc và móng tay của Đức Phật.

Lại theo hướng Tây bắc đi 150 dặm vào trong hang núi đến nước Ni-ba-la (thuộc Bắc Ấn Độ) chu vi rộng hơn 4.000 dặm tại trong núi tuyết. Chu vi Đô thành hơn 20 dặm. Dân chúng xứ đó kính tin xen tạp giữa chùa và trời. Chùa chiền rất nhiều, chư Tăng có hơn 2.000 vị, tập học kinh điển cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa. vua thuần kính tin Phật pháp. Trong thành có các cao hơn 200 thước, chu vi rộng 80 bộ, phía trên có thể dung chứa cả vạn người. Mội mặt có 3 lớp, mỗi lớp có 7 tầng, dùng dằng khắp bốn phía, khắc chạm vô cùng kỳ lạ, dùng các vật báu để nghiêm sức. Từ thành ấy về phía Đông nam cách không xa có thôn Thủy Hỏa, về phía Đông cách một dặm có sông A-kỳ-ba-lệ, chu vi rộng 20 bộ, sớm ngâm đọng không chảy thông thường phun trào. Có người đem lửa bén vào, khắp cả ao hồ lửa bốc cháy phừng phực cao vài thước, lại dùng nước rưới vào lửa, lửa càng thêm mạnh dữ, lại dùng đất vụn ném vào cũng liền thiêu cháy hết. Chẳng kể là ném vật gì vào, thảy đều biến thành tro bụi. Phía trên làm giá móc vạc nước nấu thức ăn liền chín. Trong nước ấy trước kia có hòm vàng. Ngày trước có vị Quốc vương đem người đến lấy hòm ấy đã ra khỏi bùn nhưng sức người và lôi kéo chẳng lay động. Ban đêm có Thần minh bảo đó là mũ của Đức Phật Từ Thị, lúc hạ sẽ sinh sẽ mang đội đó, nên không thể lấy đi đâu được, có rồng lửa giữ gìn bảo hộ.

Lại từ thành ấy về hướng Nam cách hơn 10 dặm có núi đơn lẻ rất đẹp xinh, chùa ở lắm nhiều, tướng trạng như ráng mây, tùng trúc cá rồng đều tùy theo người màthuần nương tựa đến nơi người lấy dùng thức ăn, như có người phạm bắt thì dứt diệt cả nhà. Do là do Quốc mạng đều từ nước đó mà qua lại. Nay thuộc về Thổ Phiên. Lại từ nước Tỳ-xá-ly về hướng Nam 150 dặm, vượt qua sông Khắc-già đến nước Ma-kiệt-đà, tức chỗ thường gọi là thành Vương-xá nước Ma-kiệt-đề vậy.

■

THÍCH-CA PHƯƠNG CHÍ

QUYỂN HẠ

(Gồm tiếp theo chương Di tích và 4 chương: Du lý, thông cục, thời trú, và giáo tướng).

CHƯƠNG IV: DI TÍCH (Tiếp Theo)

Nước Ma-kiệt-đà (người xưa trước xưng gọi sai lầm, thuộc Trung Ấn Độ), chu vi rộng hơn 5.000 dặm. Tại Đô thành hiếm ít người ở, thôn ấp tụ lạc lắm nhiều. Có hơn 50 ngôi chùa, chư Tăng có ngoài vạn vị, phần nhiều tập học giáo pháp Đại thừa. Có vài mươi ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo đông nhiều. Thành đô xưa cũ tại phía Bắc núi của thành Vương xá tựa về phía Đông. Cách 240 dặm về phía bắc gần sông Khắc-già, chu vi rộng hơn 70 dặm. Khi con người tuổi thọ đến vạn năm, lúc đó gọi là Thành Câu-tô-ma-bổ-la. Có nghĩa là Hương-du-hoa-cung. Đến lúc tuổi thọ con người còn vài ngàn năm, lại nhân có cây Ba-tra-ly, nên gọi là thành Ba-tra-ly-tử. Xưa trước gọi Ba-liên-phất là sai lầm vậy. Tại phía Bắc cung xưa cũ có ngôi tháp cao vài trượng, là nơi vua Vô-ưu làm địa ngục. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn khoảng trăm năm, có vua A-thâu-ca (tức là vua Vô Ưu) là Tằng tôn của vua Tần-tỳ-bà-la. Từ thành Vương-xá dời đô đến đó, phía ngoài thành quách xuất hiện giống lúa hạt lớn mà đẹp xinh sắc màu ngời sáng kỳ đặc, gọi đó là gạo cúng đại nhân, phía Bắc cung ấy gần sông Khắc-già, trong thành nhỏ có hơn ngàn ngôi nhà, đến nay hiện còn trụ đá địa ngục ấy. Về phía Nam có ngôi tháp lớn dùng bằng vật báu nghiêm sức, úp bát đá làm lan cang, đó là một trong 84. 000 ngôi tháp vậy, tôn trí một thăng Xá-lợi-phất, có lúc tỏa phóng ánh sáng tốt lành, tức vua Vô-ưu gặp được A-la-hán Cận Hộ sai sử quỷ thần tạo dựng nên. Bên cạnh đó, trong tinh xá có tảng đá lớn, là nơi lúc Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, từ phía bắc vượt qua phía Nam thành Câu-thi-na trông nhìn lại nước Ma-kiệt-đà nên đạp hai chân trên đá, dấu vết dài một thước 8 tấc, rộng 6 tấc, hoa văn luân tướng của 10 ngón chân mỗi mỗi khác nhau, gần đây bị vua Thiết-thường-ca (nghĩa là Nguyệt) ở nước Yết-la-noa-tô-phạt-thích-na (nghĩa là kim nhĩ) phá

hoại dấu vết chân Phật, đục phá rồi, trở lại bình phục đường văn vẫn như cũ, cho đến đem vất bỏ trong sông Khắc-già, sau đó cũng trở lại chỗ cũ. Tiếp theo bên cạnh có ngôi tháp vết tích của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiền. Về phía Bắc của cung vũ có ngôi Thạch Thất lớn tức do vua A-dục vì người em mà tạo dựng, tiếp theo có đồ đựng nước lớn, là do vua A-dục cúng dường cơm cho chư Tăng. Về phía Tây nam của cung có núi đá nhỏ, chung quanh là khe hàng, có vài mươi thạch thất, đó là do vua A-dục được A-la-hán Cận Hộ sai khiến Quỷ thần tạo nên. Bên cạnh lại có ao đá, tục gọi là nước Thánh, người bệnh uống liền lành. Về phía Tây nam của núi có 5 ngôi tháp, mỗi mặt cách nhau vài trăm bộ. Sau khi vua A-dục xây dựng 84. 000 ngôi tháp rồi, còn thừa 5 thăng xá-lợi nên lại tạo dựng tháp đó. Có lúc hiện khởi những điều linh dị. Có vị vua nhân đó làm 5 tạng vua Nan-đà dấy quân đến đào bới, đất bèn chấn động, núi lở đổ, trong tháp có tiếng kêu lớn, quân lính vấp té ngã nghiêng. Về phía Đông nam thành cũ có chùa Quật-quật-tra-a-lạm-ma (tức là kê viên), xưa kia có luận nghị bị khuất phục ngoại đạo, nên trong 12 năm trở lại không đánh kiền chùy. Sau đó có Bồ-tát Na-già-át-thích-thọ-na (Trung Hoa dịch nghĩa là Long Mãnh, còn gọi là Long Thọ) người xứ Nam Ấn Độ đến đó nhiếp phục các ngoại đạo, mới đánh kiền chùy, nên tháp đó có tên gọi là “kích (đánh) kiền chùy” vậy. Tiếp theo về phía Bắc có tháp quỷ biến, phụng thờ Tôn giả Mã Minh.

Từ thành về phía Tây nam cách hơn 200 dặm, trong tháp chùa xưa cũ có vết tích của bốn Đức Phật tọa thiền kinh hành. Lại từ chùa ấy về phía Tây nam cách hơn trăm dặm, có ngôi chùa lớn, chư tăng có ngàn vị đều học giáo pháp Đại thừa. Cả thảy có 4 viện, Quán các ba tầng, nền cao nhiều lớp cửa, trong cửa có ba Tinh xá, đồng vàng ẩn hiện, bên trong có tôn tượng đứng cao 3 trượng, bên tả là Bồ-tát Đa-la, bên hữu là Bồ-tát Quán tự tại đều được chú đúc bằng thau đá. Cả 3 tinh xá mỗi mỗi đều có 1 thăng xá-lợi, tướng sáng có lúc hiện bày, từ chùa ấy về phía Tây nam cách trăm dặm, trên núi lớn có tháp đá cao hơn một trượng. Xưa trước, Đức Phật từng nhập định trên tảng đá lớn ấy, qua đêm, trời mưa hoa báu. Vì cảm mộ như thế nên xây dựng tháp báu cao một trượng, nay biến thành đá, từ xa trông nhìn chỉ thấy như ráng mây, là nơi dừng ở của linh Thánh, hang huyệt của rồng rắn, chim săn, thú dữ, xưa nay không một ai bước đến đó. Ở phía Đông núi đó có ngôi tháp men sườn, là nơi Đức Phật đứng đó trông nhìn về nước Ma-kiệt-đà. Từ núi về phía Tây bắc cách hơn 30 dặm, có quả núi có ngôi chùa tựa bấm trên đảnh, đục sườn núi để tạo dựng các. Đó là nơi Bồ-tát Cù-ma-mạc-

để (Trung Hoa dịch nghĩa là Đức tuệ) học pháp Đại thừa, nhiếp phục ngoại đạo. Hiện nay có trơn 50 vị Tăng ở đó. Lại theo hướng Tây Nam cách hơn 20 dặm đến chùa Cô Sơn, có luận sư Thi-la-bạt-đà-la (Trung Hoa dịch nghĩa là giới hiền), đến nay hiện có nói đầu tiên nhiếp phục ngoại đạo, được Ấp xả thí mà tạo dựng đó. Tại đó khoét đục một ngón núi hiểm nguy, hình tướng như Phù đồ mà tôn thờ Xá-lợi-phật.

Lại về hướng Tây nam cách 50 dặm, vượt qua sông Ni-liên-thuyền, có thành Già-da. Ở đó, hiếm ít người vật, có hơn ngàn nhà Bà-la-môn sinh sống tức là con cháu nối dõi của tiên nhân vậy. Vua không bề tôi, mọi người đều rất kính trọng. Từ thành về phía Bắc cách hơn 30 dặm, có dòng nối trong mát, ở đời tương truyền đó là nước Thánh, những người uống tắm, tội chướng đều tiêu trừ.

Từ thành về phía Tây nam cách 6 dặm là núi già da, có lắm khe hang mịt mờ, ở đời gọi đó là núi linh từ xưa, các bậc Quán vương đăng phong kính cáo đều thành. Trên đảnh núi có tháp đá cao hơn trăm thước, có lúc tỏa phóng ánh sáng khác lạ. Xưa trước, Đức Phật từng ở đó giảng nói các kinh Bảo Vân v. v... từ núi về hướng Đông nam là sông Ni-liên, cách gần 200 dặm, đến núi Bát-la-cấp Bồ-đề, nghĩa là núi Tiền Chánh giác. Xưa kia, Đức Phật lúc sắp chứng đạo, trước tiên đến đó, nhân vậy mà gọi tên như thế. Đức Phật từ phía Đông bắc sườn núi đi lên đảnh, muốn nhập định Kim cang, tự nhiên quả đất lay động, núi sụp đổ, thần núi khiếp sợ mách báo. Đức Phật lại đến trong nửa sườn núi phía Tây nam, ngồi trên tảng đá xoay mặt nhìn khe suối, đất núi lại lay động. Trời Tịnh cư đến báo rằng: “Từ đây theo hướng Tây nam đi 15 dặm đến gần nơi tu khổ hạnh, dưới cây tất-bát-la có tòa Kim cang, đó là tòa Bồ-đề, chư Phật ba đời đều thành Đạo tại đó! Đức Phật bèn đi đến đó, và nhân vì rồng nói thạch thất mà lưu lại ảnh hình. Đến nay hoặc có người trông thấy. Kịp đến lúc vua Vô Ưu ra đời, nơi các linh tích, vua đều tạo dựng tháp để biểu trưng đó, trời mưa các thứ hoa báu. Mỗi năm an cư kết thúc, các hàng Đạo tục đồng lên núi cúng dường cây Bồ-đề. Chung quanh cây Bồ-đề ấy được xây vách tường bằng gạch nhiều lớp bao bọc kiên cố, hai phía Đông-tây thoáng rộng có thể đến 540 bộ. Các thứ cây kỳ lạ, hoa danh tiếng theo hàng lớp trồng phía dưới, cửa thành Đông mở thoát đối diện sông Ni-liên-thuyền, cửa phía Nam tiếp liền với ao hoa lớn, của phía Bắc nơi hiểm nguy bền chặt, cửa phía Bắc thông với chùa lớn. Vùng ven nội viện Thánh tích, các tháp tinh xá thứ lớp bày bố, cây chánh giữa trong tường thành có tòa Kim cang có từ khi Hiền kiếp mới thành chung cùng Đại địa. Trong Đại thiên giới, dưới cùng cực là địa vị

kim luân, trên đến ngần mé trái đất. Hành thành tòa Kim cang chu vi rộng hơn ngàn bộ. Ngàn Đức Phật đồng ngồi ở đó nhập định Kim cang, nên nhân đó mà gọi là tòa Kim cang, tức nơi Đức Phật chứng đạo vậy. Có thuyết nói là lúc Đại địa chấn động, riêng nơi Đạo tràng không lay chuyển, từ sau khi Đức Phật chứng đắc Chánh giác, dần đến thời mạc pháp, đất cát càng che phủ không còn thấy được bản chất. Với truyền thuyết như thế, chư vì tiền đức bèn tu tạo hai tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại tôn trí ở hai phía Nam-bắc nêu lập mốc giới xoay mặt vì hướng Nam mà ngồi. Có chép ghi rằng: "Tôn tượng ấy vùi lấp thì Phật pháp sẽ hoại diệt vậy". Đến nay tôn tượng ở góc phía Nam đã bị vùi lấp đến ngực. "

Xưa kia, khi Đức Phật còn tại thế, cây Bồ-đề cao vài trăm thước, cành vàng lá xanh, quanh năm không thay đổi, đến khi Đức Phật nhập Niết-bàn, cây điêu tàn, sau đó trở lại tươi tốt. Lại bị vua Vô Ưu chặt phá đưa về hướng Tây cách vài mươi bộ chất đống mà đốt dùng để cúng tế trời, khói lửa chưa dứt tắt, bỗng nhiên sinh mọc lên hai cây, trong lửa dữ mà lá tươi tốt đồng như đang phát triển. Nhân đó mà gọi là than tro cây Bồ-đề. Vua trông thấy như thế bèn phát tâm tin kính, dùng sữa thơm rưới vào các cành rễ còn lại, đến sáng sớm hôm sau, cây sống như nguyên gốc. Vương phi tức giận, đêm đến lại sai người chặt phá, vua lại nguyện cầu và đem sữa rưới vào, không mấy ngày sau, cây sống lại bình thường, bèn chất đá làm tường chắn bao quanh cao hơn một trượng. Gần đó lại bị Nguyệt vương ở nước Kim Nhĩ lại chặt phá cây Bồ-đề ấy, đào bới tới suối nước mà không tới đáy rễ, mới châm lửa thiêu đốt, dùng cam giá tưới đồ vào khiến cháy hết gốc rễ, vài tháng sau vua Bổ-thích-noa-phạt-ma, (Trung Hoa dịch nghĩa là Mãn Trụ) tức là Huyền Tôn của vua Vô Ưu nghe cây Bồ-đề ấy bị phá hủy nên vật vả thân mình nơi đất. Cầu thỉnh chư Tăng suốt 7 ngày đêm kinh hành nhiễu quanh cây đào hầm hố lớn, dùng vài ngàn hộc sữa bò tưới vào, qua khỏi đêm ngày thứ sáu, cây sinh mọc cao hơn một trượng. Sợ người sau chặt phá, bèn xây tường đá bao bọc quanh cao hai trượng bốn thước. Cây ấy đến nay đâm mọc ra trên vách tường đá cao hơn hai trượng, chu vi rộng rộng khoảng ba thước.

Từ cây Bồ-đề ấy về hướng Đông có tinh xá xây dựng bằng gạch ngói sắc xanh cao hơn 160 thước, nền móng rộng hơn 20 bộ. Phía trên lan can móc liền bao quanh cao một trượng, tầng khám đều có tôn tượng bằng vàng, bốn phía vách tường khắc chạm hình chư thiên chư tiên, trên đảnh có quả A-ma-lặc-ca bằng vàng và đồng, tức như ở Trung Hoa gọi

đó là bình báu và đài báu vậy.

Về phía Đông nam, tiếp làm Trùng các ba tầng, mái nhà đặc biệt khác lạ, đều dùng các thứ vàng bạc khắc chạm trang sức, có 3 lớp cửa phía ngoài, khám phía trong, bên tả có tôn tượng Quán tự tại, bên hữu tượng Từ Thị đều đúc bằng bạc cao một trượng, do vua Vô Ưu tu tạo. Mới đầu, tinh xá nhỏ hẹp, sau dần mở rộng. Bên trong tôn trí tượng Đức Phật thành Đạo, có vị Bà-la-môn đáp lại sự thỉnh mời mà tạo nên, chỉ cầu Hương nê và một ngọn đèn đặt trong tinh xá, suốt 6 tháng đóng cửa tu tạo mới thành, còn thừa bốn ngày, chư Tăng đều lấy làm quái lạ, nhân đó mở cửa tìm xem, thấy tôn tượng nghiễm nhiên xoay mặt về hướng Đông, ngồi kiết già chân phải đặt trên, tay trái co lại, tay phải buông duỗi, không thấy người làm. Tôn tượng ngồi tòa cao 4 thước 2 tấc, rộng một trượng hai thước năm tấc. Tôn tượng cao một trượng một thước năm tấc, hai đầu gối cách nhau tám thước tám tấc, hai vai rộng sáu thước hai tấc, đầy đủ vẻ đẹp, chỉ có phía trên núm vú phía phải đồ tiết chưa chu toàn, lại khỏa lấp bằng các vật báu, từ xa trông thấy tướng ấy, trọn tợ như chưa hoàn mãn. Có vị Tăng mộng thấy người thợ bảo rằng: “Ta là Từ Thị, vì sợ thợ vụng nghĩ nên tự tả tạo tôn tượng. Tôn tượng duỗi tay tức tượng Phật bao ma chỉ xuống đất mà chứng Đạo”. Gần đây Nguyệt Vương chặt phá cây Bồ-đề, sai bảo tôi tớ hủy hoại tôn tượng Phật, còn Nguyệt Vương trở về lại hướng Đông, kẻ tôi tớ ấy vốn có tín tâm, mới xây tường gạch chắn bít trước tôn tượng, trong tâm hổ thẹn mờ tối, nên đặt ngọn đèn ở trong, phía ngoài đắp họa tôn tượng Tự Tại Thiên. Khi công việc hoàn thành cảm báo mạng, Nguyệt Vương nghe vậy khiếp sợ, khắp thân mình đều mọc mụt nước, da thịt lở loét, sau đó bèn chết mất. Vị Quan Đại Thần bèn vội trở lại đập phá vách tường chắn bít ấy, qua lại trải nhiều ngày mà ngọn đèn vẫn còn chẳng tắt mất. Nay tại trong thất sâu, lúc sáng sớm phải mang theo kiếng soi chiếu mới tor6ng thấy hình tướng đó. Những người trông thấy, buồn cảm kính ngưỡng quên cả trở về. Đức Phật thành Đạo so với lịch của Trung Hoa tức là ngày mồng 8 tháng 3. Thao Thượng tọa bộ thì nói là Đức Phật thành Đạo ngày 15 tháng 3. Khi ấy vừa 30 tuổi, có thuyết nói là 35 tuổi. Những sự sai khác ấy bởi từ ở đó bất đồng, do dùng lịch trước sau nên có khác như vậy. Còn lịch ở tại Thần châu mỗi mỗi chẳng đồng, cứ ba đời đính chính đổi thay kéo dài chẳng ngang bằng, việc ấy đâu có gì quái lạ. Vả lại, chỉ y cứ lấy sự chứng ngộ bèn thôi.

Sau khi chứng quả Chánh giác rồi, suốt 7 ngày đêm Đức Phật an trú trong chánh định vắng lặng, tiếp đến 7 ngày kế tiếp kinh hành ở phía

Bắc cây Bồ-đề. Hai phía Nam-bắc qua lại cách nhau hơn 10 bộ. Có hoa kỳ lạ mọc nở theo dấu chân có 18 đường văn. Người đời sau chất gạch làm nền cao hơn ba thước. Người đời xưng gọi đó là nền Thánh tích. Nếu người muốn tỏ rõ mạng sống ngắn dài, trước nên phát nguyện chí thành, dùng dây để đo, tùy thọ mạng ngắn dài mà có chứng nghiệm thêm bớt. Ở bên tả tại đường phía Bắc trên tảng đá có một tinh xá lớn, có tạo tôn tượng Đức Phật ngước nhìn tướng cây vì muốn báo ân, lúc ấy suốt 7 này mặt Đức Phật chăm nhìn không tạm bỏ lìa. Trong ngôi tinh xá lớ ở phía Tây cây Bồ-đề, có tôn tượng bằng đá thau đứng xoay mặt về hướng Đông được trang sức bắng các vật quý báu, phía trước có tảng đá xanh đường văn kỳ đặc hình thái lạ lùng. Ngày Đức Phật mới thành Đạo, Phạm vương tạo ngôi nhà bằng 7 báu, trời Đế-thích làm tòa 7 báu. Đức Phật ngồi trên đó 7 ngày tư duy, tỏa phóng ánh sáng soi chiếu vào cây, nay 7 báu biến thành đá. Tại phía Nam cây Bồ-đề có ngôi tháp cao hơn 700 thước, là nơi lúc mới đầu Đức Phật tắm dưới sông xong sắp muốn ngồi, bèn nghĩ muốn tìm cỏ lót, Trời Đế-thích liền biến hóa làm người đem cô thi (tức cỏ cát tường) đến dâng cúng Phật, nên vua A-dục tạo dựng tháp để biểu trưng đó. Tiếp theo về hướng Đông bắc có ngôi tháp, là nơi lúc Đức Phật chứng quả, có đàn chim tước sắc xanh đến nhiễu quanh, nai đến tỏ bày tốt lành.

Về phía Đông cây Bồ-đề có con đường lớn, hai bên đường đều có một ngôi tháp, là nơi Ma vương quấy nhiễu Đức Phật nhưng bị suy yếu mà rút lui. Trong Tinh xá ở phía Tây bắc cây Bồ-đề có tôn tượng Đức Phật Ca-diếp-ba có lúc tỏa ánh sáng ở đời tương truyền: Nếu chí thành đi nhiễu quanh 7 vòng thì ngay đời nay liền chứng đắc trí biết túc mạng. Lại về phía Tây bắc của tường có ngôi tháp, có các giống uất kim hương nê cao hơn 4 trượng. Về góc Đông nam của tường cây có cây Ni-câu-lô, bên cạnh có ngôi tháp, trong tinh xá có tòa cao là nơi Đức Phật mới chứng quả, Đại Phạm vương đến thỉnh cầu chuyển pháp luân. Ở bốn góc phía trong tường đều có các ngôi tháp. Mới đầu, Đức Phật nhận cỏ đi đến cây Bồ-đề là trước đến phía Tây nam, đất chấn động, Đức Phật lại đến hướng Đông Bắc rồi đến hướng Đông nam, và các nơi đất đều chấn động, nêu Đức Phật bèn theo hướng Tây bắc đến dưới gốc cây, xoay mặt về hướng Đông ngồi trên tòa Kim cang đất mới an tĩnh, nhân đó nên dựng lập tháp để ghi chứng vậy. Về phía Tây nam ở ngoài tường, là nơi nơi vườn nhà của hai người nữ chăn trâu, bên cạnh đó là nới nấu cháo, lại kề bên cạnh đó là nơi Đức Phật nhận cháo, đìa có tạo dựng tháp biểu trưng. Ở ngoài cửa phía Nam của cây Bồ-đề có ao lớn chu vi

hơn 700 bộ, nước tung lắng là nơi nhà ở của cá rồng. Tiếp theo về phía Nam ao là nơi trời Đế Thích tạo ra để Đức Phật giặt tẩy y. Ở phía Tây ao ấy có tảng đá lớn, là nơi trời Đế Thích từ núi tuyết lại vì Đức Phật mà hong phơi y. Bên cạnh đó có ngôi tháp là nơi Đức Phật nhân y cũ. Tiếp theo về hướng Nam có ngôi tháp trong rừng là nơi Đức Phật nhận y cũ do một bà già nghèo khó dâng cúng. Về phía Đông của áo hóa ra có ao rồng trong rừng nước trong đen, mùi vị ngọt ngon. Ở bờ phía Tây, trong ngôi Tinh xá nhỏ có tôn tượng, là nơi xưa kia Đức Phật mới thành Đạo đến đó nhập định suốt 7 ngày. Long Vương đi nhiễu quanh Đức Phật 7 vòng, hóa làm nhiều đầu để che Đức Phật. Từ ao rồng về hướng Đông có ngôi Tinh xá trong rừng, làm tôn tượng Đức Phật gầy ốm, bên cạnh có dấu vết kinh hành dài hơn 70 bộ, hai phía Nam-bắc đều có cây Tất-bát-la qua lại vịn nhau mà lên cao. Tức là nơi Đức Phật tu khổ hạnh nốt 06 năm mỗi ngày chỉ ăn một hạt gạo hạt mê. Nay những kẻ tật bệnh dùng dầu thơm bôi thoa vào tên tượng, phần nhiều được lành mạnh. Lại có ngôi tháp nơi ở của 05 người (Năm anh em Kiều Trần như). Lại về hướng Đông nam có một ngôi tháp là nơi Đức Phật vào tắm trong sông Ni-liên thiền, tiếp đó gần nơi bờ sông là nơi Đức Phật ăn dùng bát cháo sữa, đến dưới cây đạo (Bồ-đề) nhận giải thoát. Bên cạnh đó có 2 ngôi tháp là nơi trưởng giả dâng cúng báu vật, về phía Đông nam của cây có một ngôi tháp là nơi bốn vị Thiên vương từ bốn phương đến, mỗi mỗi đều mang theo bình bát bằng vàng và bình bát bằng các vật báu đến dân cúng nhưng Đức Phật đều không nhận nên mỗi vị mới mang bát đá đến sắc màu xanh biếc sáng ngời rốt cùng Đức Phật đều nhận tất cả. Lần lượt bên ngoài một bác hiện cả bốn phía. Bên cạnh đó có ngôi tháp, là nơi sau khi đã Thánh đạo Đức Phật vì Thánh mẫu mà giảng pháp, nơi hiện sức thần biến, nói Đức Phật hóa độ Ưu-lâu-tần-la-ca-diếp và ngàn vị học trò. Lại về phía Tây bắc là nơi Đức Phật nhiếp hóa rồng lửa, nơi 500 vị Độc giác nhập diệt. Về phía Nam của ao rồng mục chân là nơi Ca-diếp cho là Đức Phật bị đắm chiềm trong nước, nơi ma quân khủng bố Đức Phật, đều có dựng tháp tiêu biểu và ghi lại chứng cứ vậy.

Ra ngoài cửa phía Bắc tường cây Bồ-đề tức có chùa Ma-ha Bồ-đề, sáu nhà 06 viện, quán các 03 lớp, chu vi tường cao 05 tượng, có bốn tượng Phật được chủ đúc bằng vàng bạc, trang nghiêm rất khéo léo, xinh đẹp hiếm có ở đời. Tháp lại cao rộng, có xá-lợi của Đức Phật lớn như lóng tiết ngón tay sáng sạch đẹp xinh suốt thấu trong ngoài. Còn xá-lợi thật lớn như châu ngọc sắc xanh, hình đeo sắc hồng. Mỗi năm đến tháng Phật đại thần biến (tức ngày 30 tháng 12 ở Ấn Độ, tương

đương ngày 15 tháng giêng ở Trung Hoa) nghinh thỉnh ra cho mọi người trong xem. Lúc ấy tỏa phóng ánh sáng, mưa hoa, khiến mọi người sinh khởi tín tâm sâu sắc. Chư Tăng thường trú tại chùa đó gồm 1.000 vị, tập học theo Đại thừa và thượng tọa bộ, nghi dung phép tắc thanh tịnh chỉnh túc. Chùa ấy vốn do vua nước Tăng-già-la cầu xin vua Đại-cát-tường ở Ấn Độ tạo dựng nên, đến nay đã 400 năm, chùa xưa cũ có nhiều vị Sa-môn người nước. đối diện với cây Bồ-đề cách khoảng hơn 10 dặm những Thánh tích gần kề nhau có lắm nhiều, khó thể nêu bày đủ hết. Mội năm sau khi chúng Tỷ-khưu an cư đã mãn, các hàng Phật tử tại gia ở khắp bốn phương cả trăm ngàn vạn người đua nhau suốt 7 ngày đêm dùng các thứ hương hoa kỹ nhạc đi khắp rừng cúng dường lễ bái chúc tụng mừng vui.

Tại Ấn Độ, chư Tăng bắt đầu vào an cư Vũ kỳ từ ngày 16 tháng 05 so với lịch số của Trung Hoa, đến ngày 15 thàng 08 thì giải hạ tự tứ. Đó cũng là tùy duyên biến đổi không thể ước định nhất khoát. Như về phía Bắc núi Tuyết có các nước chư Tăng an cư kiết xuân, an cư kiết thu v. v... với ý nghĩa trong một năm vào khoảng thời gian nhiều ẩm thấp, chư Tăng cấm chế suốt 3 tháng ở trong một trú xứ, chênh lệch trước sau một tháng thực hành không cần phải nhất định. Nếu y cứ tu đạo thì thời gian nào chẳng an. Nên suốt 3 thời du hành thông chế có tội, hẳn có duyên sự công việc cũng tùy khai mở và giúp đỡ, không chấp chặt vậy.

Từ viện nói cây Bồ-đề hướng Đông, vượt qua sông Ni-liên-thuyền, trong rừng lớn có ngôi tháp, về phía Bắc có cái ao là nơi xưa trước Đức Phật làm thân voi Hương tượng con hầu hạ voi mẹ bị mù mắt. Phía trước có dựng trụ đá là nơi xưa trước, Đức Phật Ca-diếp-ba an tọa tại đó, bên cạnh có vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Trong rừng có trụ đá nhỏ là nơi Uất-đầu-lam-phất phát khởi nguyện ác. Lại theo hướng Đông vượt qua sông Mạc-ha đi bằng đường núi lớn hoang trống hơn 100 dặm là đến núi Lũ-lô-bá-đà (tức núi Tôn Túc), thẳng lên trên 3 đảnh núi tướng trạng như chân gà (kê túc), hình thể thẳng đứng cao vợi phô bày giữa khoảng không, một nửa lưng chừng núi trở xuống là cây rừng tươi tốt, một nửa trên là cây cỏ hoang dại. Tôn giả Ca-diếp-ba nhập định vắng lặng trong đó nên nhân đó mà xưng gọi vậy. Ban đầu, Đức Phật Thích-ca đem pháp y ca sa bằng sợi vàng do Di mẫu Kiều-đàm-di dệt thành muốn giao phó cho Đức Phật Từ Thị, khiến độ bến chúng đệ tử sống trong Di pháp. Tôn giả Ca-diếp-ba vâng thừa ý chỉ, nên sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn đến năm thứ 20, mang pháp y ấy vào núi để chờ đợi đức Từ Thị ra đời. Phía trên có một ngôi tháp. Nửa đêm tỉnh

lắng đó tợ như bó đuốc sáng tự soi chiếu.

Từ núi Kê Túc theo hướng Đông bắc đi hơn 100 dặm là đến núi Phật-đà-phạt-na. Ở phía Bắc sườn núi có một thất đá lớn, xưa kia Đức Phật từng dừng ở tại đó vài năm, bên cạnh có tảng đá là nơi trời Đế-thích đem Đàn Hương bôi thoa nơi Đức Phật, đến nay vẫn con thơm nga-t. Từ hang cốc trống theo hướng Đông đi ra cách hơn 300 dặm là rừng thân sắc tri (Tức là Thượng lâm) khắp hang núi. Xưa kia có người dùng chiếc gậy trúc cao trượng sáu để đo lường thân Đức Phật, mà thường đưa gậy ra làm tiêu biểu, nhân đó ném bỏ gậy mà đi, chiếc gậy ấy bèn đâm rễ mà sinh mọc khắp cả núi. Bên trong có một ngôi tháp, là nói xưa kia Đức Phật từng đến ở đó 7 ngày giảng nói pháp. Trong rừng có cư sĩ thắng Quân dùng các mạc hương làm bùn tạo hình tháp cao 5 - 6 tấc, phía trên ghi họa kinh văn đề là pháp xá-lợi, suốt thời gian 30 năm trọn ngày liền đêm không biếng trể, tạo được 7 ức hình tháp nhỏ, cứ mỗi một ức tháp nhỏ lành một tháp lớn để tôn trí vào trong, thiết lập pháp hội thỉnh mời chư Tăng tán thán mừng vui việc ấy, và đều tỏa phóng ánh sáng. Từ Trượng lâm về hướng Tây nam cách hơn 10 dặm, ở phía Nam núi lớn có 2 dòng suối ấm nóng do Đức Phật biến hóa để tắm rửa. Mọi người xa gần đến tắm rửa dẫu mắc các chứng bệnh trầm kha cũng được lành mạnh, bên cạnh có tháp tượng Đức Phật kinh hành. Lại về hướng Đông nam của rừng cách khoảng 7 dặm, trên đỉnh núi lớn có một tháp đá, là nơi xưa kia Đức Phật đã từng ở đó suốt 3 tháng mùa mưa vì các người trời giảng nói pháp. vua Tỳ-ba-la chất đá làm đường, rộng hơn 20 bộ dài 4 trượng. Từ núi lớn về hướng Đông bắc cách 4 dặm là đến thất của Tiên nhân ở Cô Sơn. Lại theo hướng Đông bắc cách khoảng 5 dặm đến một núi đơn lẻ nhỏ, có ngôi thất vách đá có thể dung chứa ngàn người ngồi. Xưa kia Đức Phật từng ở tại đó 3 tháng giảng pháp. Phía trên thất ấy có một tảng đá là nơi trời Thích Phạm dùng hương chiên-đàn bôi thoa Đức Phật đến nay vẫn còn thơm ngát. Từ thất ấy về góc Tây nam có đỉnh núi cao vợi tức là A-biểu-lạc cung. Bên cạnh thất đá là nơi vua Tần-tỳ sang chỗ Đức Phật bằng cầu dây, chặt đá mở đường thông dài 5 dặm làm thêm cấp. Lại về hướng Đông đi khoảng hơn 60 dặm là đến thành Củ-xa-yết-la-bổ-la (tức là mâu thành), lên cung thành mâu tức là chính giữa của nước Ma-kiệt-đà. Tại đó sản sinh nhiều loại Hương mâu rất ưu tối trong nước. Từ xưa lại đô thành các vua đều đóng tại núi đó. Các cửa thành đến nay vẫn hiện còn. Nhân mùi hương thơm nên gọi tên như vậy. Núi ấy cao, chung quanh 4 phía bên ngoài đều xây thành bao bọc. Phía Tây thông với đường hẹp, phía Bắc mở thoàng cửa

núi. Hai phía Đông-tây kéo dại qua lại cả 150 dặm, cây hoa đều tươi tốt, đều là sắc màu vàng ròng. Phía trong thành chu vi hơn 30 dặm nhưng hoang trống, thoáng mát, không có người vật. Ngoài cửa phía Bắc có ngôi tháp, là nơi Đức Phật duỗi tay biến hóa 5 con sư tử để nhiếp phục con voi say của Đề-bà. Lại về hướng Đông bắc có một ngôi tháp là nơi Tôn giả Xá-lợi-phất nghe Tỷ-khưu Mã Thắng giảng nói pháp mà chứng đạo. Ở phía Bắc của tháp ấy có một hầm hố sâu rộng, bên cạnh lại có ngôi tháp là nơi Thất-lợi-cúc-đa cài đặt hầm lửa để hại Đức Phật. Về phía Đông bắc của hầmấy có ngôi tháp nơi khúc cong của thành núi là vườn nhà của Phược-ca-y vương, vì Đức Phật mà thiết lập giảng đường nói pháp. Chung quanh tường thành, hoa quả gốc cây Hoàng Bá đến nay vẫn hiện còn. Xưa kia, Đức Phật phần nhiều dừng ở trong đó.

Từ cung thành về hướng Đông bắc cách 15 dặm đến núi Cô-lật-đà-la-cự-na (tức là Thứu Phong, còn gọi là Thứu Đài, hoặc Kỳ-xà-quật) tiếp liền phía Bắc, ở phía Nam núi riêng nổi cao, trên đỉnh hai phía Đông-tây dài gần đến sườn núi. Ở phía Tây có thất gạch rộng cao được xây dựng rất kỳ đặc. Cửa mở về hướng Đông. Trong 50 năm trụ thế, Đức Phật phần nhiều ở tại thất đó giảng pháp, nay có tạo tôn tượng bằng thân Đức Phật. Xưa kia, vua cảnh kiên vì nghe pháp nên từ núi đến đỉnh phải giẫm trải hang hóc leo trèo hiểm nguy, do đó chất chồng đá làm tầng cấp dài 6 dặm rộng hơn 10 bộ. Từ thạch thất ở Trượng lâm đến đó làm 3 đường thềm cấp đến nay vẫn hiện còn. Bên cạnh thềm cấp có hai ngôi tháp nhỏ, một là khiến để vua đi xuống và một là chon cho người phàm. Bên trên về phía Đông tinh xá có một tảng đá dài, xưa kia Đức Phật thường kinh hành qua lại nơi đó. Bên cạnh có tảng đá lớn cao trượng tư - trượng năm, rộng hơn 30 bộ, là nơi Đề-bà lăn ném hại Đức Phật. Dưới sườn núi phía Nam đó có ngôi tháp, xưa kia Đức Phật ở đó giảng nói kinh Pháp Hoa.

Ở sườn núi phía Nam Tinh xá có một thất đá lớn, là nơi xưa kia Đức Phật nhập định tại đó. Tôn giả A-nan ở thất riêng bị ma quân khủng bố, Đức Phật đưa tay xuyên qua đá xoa vào đỉnh đầu A-nan, nay hiện còn hang lỗ thông ấy. Từ tinh xá về hướng Đông bắc, có khe suối đá lớn và có tảng đá lớn là nơi Đức Phật hong phơi pháp y, đường vân đến nay vẫn còn rõ ràng. Bên cạnh có dấu chân Đức Phật, đường vân Luân tướng in sâu vào đá. Trên đỉnh núi phía Bắc có ngôi tháp, là nơi Đức Phật trông nhìn về thành Ma-kiệt-đà suốt 7 ngày giảng pháp. Từ cửa Bắc của Thành núi về hướng Tây có núi Tỳ-bố-la. Dưới sườn núi ở phía Tây nam xưa kia có 500 dòng suối ấm nóng, nay chỉ còn vài mươi

dòng nước vừa lạnh vừa nóng, nguồn nước xuất phát từ ao Vô nhiệt não ở núi Tuyết dòng mạch ngầm mà chảy ra đó hiện còn trong sạch mùi vị mát đồng như ở ao gốc. Đều có khắc chạm đá làm đầu sư tử đá, chung quanh dưới dòng nước chất chồng đá làm thành ao, những người đến tắm rửa, tật bệnh đều lành, chư Tăng ở các chùa phần nhiều đều đến lấy nước ở đó để uống. Dùng nước ấy để tắm gội đầu tóc thì khắp thân mình thường luôn sạch sẽ. Sứ giả Vương Huyền Sách từng dùng nước ấy gội đầu đến nay đã qua 5 năm mà tóc vẫn tươi nhuần sạch sẽ, thật không thể nghĩ bàn. Hai bên dòng suối đều có Tháp và Tinh xá nền móng cũ hiện còn lắm nhiều và dấu vết của 4 Đức Phật kinh hành tướng núi rừng trong đây đều ẩn hiếm thấy ở phía Tây dòng suối có Thạch thất Ty-bát-la là nơi xưa kia Đức Phật thường ở, vách tường phía sau là hang thông suốt sâu đó là cung A-tố-lạc. Tại đó vua Tỳ-bố-la dựng lập tháp, nơi Đức Phật giảng nói pháp, nay hiện bày hình ngoại đạo ở đó. Từ cửa phía Bắc thành núi về bên tả sườn núi phía Nam hiểm nguy, theo hướng Đông đi 3 dặm có một thất đá lớn là nơi điều đạt nhập định. Ở phía Đông thấy ấy có một tản đá loang lỗ vết máu là nơi xưa kia có vị Tỷ-khưu tập tu thiền định mà không chứng quả, tự đâm vào cổ mình bèn chứng đắc quả A-la-hán liền bay lên giữa không trung biến hóa lửa tự thiêu thân mình. Trên sườn núi lại có một tháp đá là nơi xưa trước có vị tu tập Thiền định ném mình xuống sườn núi mà chứng quả. Từ ngoài cửa phía Bắc cách hơn một dặm là đến Tinh xá Ca-lan-trúc-viên, nền móng đá tường thất gạch mở cửa về hướng Đông, xưa kia tức Phật phần nhiều thường ở trong đó. Thất ấy đến nay vẫn hiện còn. Nay có tạo tôn tượng ngang bằng thân hình của Đức Phật. Từ Trúc Viên về hướng Đông có ngôi tháp lớn là do A-xà-đa-thiết-đốt-lộ (nghĩa là vị sinh oán tức là vương được chia phần xá-lợi của Đức Phật nên dựng lập phụng thờ. Về sau, vua Vô Ưu mở phá mà riêng tạo dựng các tháp khác để phụng thờ. Những xá-lợi còn lại tại đó có lúc tỏa phóng ánh sáng. Bên cạnh đó có nơi Đức Phật kinh hành: về hướng Đông có tháp thờ tôn tượng A-nan bán thân. Từ Trúc Viên về hướng Tây nam cách 6 dặm, về phía Bắc nam sơn có ngôi thạch thất lớn trong rừng lớn là nơi Tôn giả Đại Ca-diếp-ba cùng ngàn vị A-la-hán kết tập Tam tạng kinh điển, vì là bậc thượng tọa trong chúng Tăng nên xưng gọi là Thượng tọa bộ về phía Tây bắc thạch thất ấy có ngôi tháp, là nơi Tôn giả A-nan bị trách cứ mà chứng đắc quả vị La-hán nên gọi là tháp Chứng quả. Lại theo hướng Tây đi hơn 20 dặm có một ngôi tháp là nơi Đại chúng các bậc hữu học và vô học kết tập 5 tạng Thánh giáo, nhân đó mà xưng gọi

là Đại chúng bộ.

Từ Trúc Viên về hướng Bắc cách hơn 200 bộ là ao Ca-lan là nơi xưa kia Đức Phật ở đó giảng nói nhiều pháp, nay ao ấy đã khô cạn. Từ ao ấy về phía Tây bắc cách 3 dặm có một ngôi tháp do vua A-dục tạo dựng 60 thước, có trụ đá cao hơn 50 thước, phía trên khắc ghi sự kiện dựng lập tháp. Từ trụ đá ấy hướng Đông bắc không bao xa là đến thành (tức Tân vương xá thành, thuộc về địa vức Hàn lâm, do Xà vương dời đô đến xây dựng ở đó, cách mâu thành về hướng Đông bắc khoảng 4 dặm. Quách bao bên ngoài nay đã hư hoại. Nội thành chu vi rộng hơn 20 dặm. Mặt chính chỉ có một cửa, khi vua Vô Ưu lại dời đô đến thành Hương Hoa, đem xứ đó thí cấp cho Bà-la-môn, nay hiện có ở gần ngàn gia đình. Ở phía Tây nam cung thành có 2 ngôi chùa nhỏ, là nơi xưa kia Đức Phật thường giảng pháp, khách Tăng ở các nước đến phần nhiều dừng ở tại đó. Tiếp theo về hướng Tây bắc có một ngôi tháp là nơi thôn xóm xưa cũ của Trưởng giả Thù-để-ca (tức Thọ-đề-ca, Trung Hoa dịch nghĩa là Tinh Lịch). Ra ngoài cửa phía Nam Vương thành, bên tả đường đi có ngôi tháp là nơi Đức Phật giảng nói pháp hóa độ La-hầu-la.

Lại theo hướng Bắc đi hơn 30 dặm, đến chùa Na-lan-đà (nghĩa là Thí-vô-yểm). Đó vốn là phía Nam vườn của Yêm-một-la, xưa kia có 500 vị thương nhân mua để cúng dường. Đức Phật ở trong đó 3 tháng giảng nói pháp. Trước sau có 5 vị vua hợp sức tạo dựng; đó là: 1 là vua Thước-ca-la A-dật-đa, Trung Hoa dịch nghĩa là Đế-nhật tạo dựng ngôi chùa ấy; 2 là vua Phật-đà-cúc-đa, Trung Hoa dịch nghĩa là Giác Hộ tiếp đến tạo dựng ở phía Nam, 3 là vua Thư-đà-yết-la, Trung Hoa dịch nghĩa là Như Lai tiếp đến tạo dựng chùa ở phía Đông, 4 là vua Bà-la A-dật-đa, Trung Hoa dịch nghĩa là Huyễn Nhật tiếp đến xây dựng chùa ở phía Đông, 5 là vua Phạt-xà-la, Trung Hoa dịch nghĩa là kim cương tiếp đến tạo dựng chùa ở phía Bắc. Tường thành bao quanh sửng sờ cao 5 trượng. Tất cả có đến 7 viện, mỗi viện riêng có 3 tầng đồng làm một cửa trải qua nhiều đời tạo dựng nên vô cùng tráng lệ. Chùa ấy lập định pháp chế nghiêm mật, từ khi tạo dựng chùa đến nay, không cho người nữ đến đó. Có 10 vị Tri sự hằng đêm canh tuần kiểm xét. Người chưa thọ giới Cụ túc theo thứ tự tuổi đời mà xếp Tăng chúng có vài ngàn vị. Những bậc danh Tăng du học có gần vạn vị, phần nhiều đều là tài tuấn thông học, tiếng tăm vang vọng khắp đến các xứ khác, số ấy có vài trăm vị, nên chư Tăng ở Ấn Độ đều rất kính ngưỡng phép tắc ấy. Như có ai chẳng bàn đàm tạng chỉ thì hình hại tự tỏ vẻ hổ thẹn, nên những vị tự phương khác đến luận nghị cố giữ tông phong của mình mà cật vấn,

phần nhiều đều ngã gãy mà rút lui. Hoặc có du khách đến sau, luận rõ về nghệ năng, nhưng rút bỏ lui thì trong 10 vị chẳng phải1 đến bảy, tám. Do đó những bậc tài cao bác đạt biết rộng hiểu nhiều, những bậc thông minh tài đức lợi người nối liền phát huy tiếp vật, đến như các Sa-môn Hộ Pháp, Hộ Nguyệt, chỉ trách Phương Trần, Trí Huệ, Đức Kiên vang danh ngoài vật, Quang Hữu thanh luận, Thắng Hữu Cao Đàm, Trí Nguyệt Phong Giám, Giới Hiền Chỉ Nghiệp đều thuần túy ở đương thời đồng soi sáng từ xa xưa, đã học trùm cả nghi quỷ xưa cũ, tạo thuật luận thích, mỗi mỗi có vài mươi bộ, thạnh hành lưu bố nơi đời. Nên Thánh tích ở chùa ấy có thể sơ lược mà tường tự vậy.

Ở phía Tây chùa ấy có một ngôi Tinh xá, là nơi xưa kia Đức Phật từng ở 03 tháng giảng nói pháp. Tiếp đến về hướng Nam trăm bộ có một ngôi tháp nhỏ làn ơi có vị Tăng từ phương xa trông thấy Đức Phật. Lại về phía Nam có tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại đứng, hoặc có người thấy tôn tượng cầm nắm lò hương đi nhiễu quanh tinh xá theo phía hữu, tiếp về hướng Nam có một ngôi tháp, là nơi Đức Phật từng ở 03 tháng mà cạo đầu, những người tật bệnh đi nhiễu quanh phần nhiều được lành mạnh. Lại bên cạnh ao ở ngoài tường phía Tây có một ngôi tháp là nơi ngoại đạo chấp trước đến hỏi Đức Phật. Về phía Đông nam trong tường thành cách hơn 50 bộ có một cây gỗ kỳ lạ cao 8-9 thước đâm mọc dàn bày ra hai cành, là do xưa kia Đức Phật xỉa răng vất bỏ mà sinh mọc như vậy. Lại về phía Đông có một ngôi Tinh xá lớn cao hơn 20 trượng, là nơi xưa kia Đức Phật từng ở giảng nói pháp. Tiếp về hướng Bắc cách hơn trăm bộ, có Tinh xá phụng thờ tôn tượng Quán Tự Tại, mọi người thấy ứng cảm chẳng đồng, hoặc thấy đứng bên cạnh cử, hoặc thấy ra trước mái hiên nhà, nêu theo phép nước có tập tục đều riêng cúng dường.

Tiếp về hướng Bắc có một tinh xá lớn cao hơn 30 trượng do vua Giới Nhật tạo dựng trang nghiêm độ lượng, tôn tượng Phật đồng như ở tinh xá dưới cây Bồ-đề. Tiếp về hướng Đông bắc có ngôi tháp, là nơi Đức Phật từng ở 7 ngày giảng nói pháp. Lại về phía Tây bắc tức là nơi 4 Đức Phật ngồi. Tiếp về hướng Nam có ngôi tinh xá bằng than thạch cao 80 thước cũng do vua Giới Nhật tạo dựng đến nay còn chưa hoàn thành. Lại về hướng Đông cách hơn 200 bộ, ở ngoài tường thành có tôn tượng đứng bằng đồng cao hơn 80 thước, có 6 tầng các đông đầy, do Trụ Vương tạo dựng. Từ đó về hướng Bắc cách 3 dặm, trong một ngôi Tinh xá bằng gạch có nhiều tôn tượng Bồ-tát hình lượng cao đồng, linh thiêng khác lạ. Mỗi năm đến ngày mồng một tháng giêng lớn thiết bày cúng dường. Vua tôi các nước đồng tấu nhạc báu suốt 7 ngày mới thôi.

Ở ngoài cửa tường chùa có một cái giếng lớn là nơi Đức Phật vì các thương nhân nóng khát, chỉ xuống đất và bảo “nơi đây có thể kiếm được nước”. Nhân đó đem trục xe thọc xuống, nước suối tuôn vọt, mọi người uống nước ấy tỏ ngộ được Thánh đạo. Lại về phía Tây nam của chùa cách khoảng 9 dặm là thôn xóm xưa cũ của Mật-đặc-già-la. Vua A-dục tạo dựng tháp để ghi chứng về Tôn giả Mục Kiền Liên. Lại về hướng Đông cách 4 dặm, là đến nơi vua Tần-tỳ; Trung Hoa dịch nghĩa là cảnh kiên nghinh đón Đức Phật. Lại về hướng Đông nam cách hơn 20 dặm là đến quê cũ của Tôn giả Xá-lợi-phất, vua A-dục tạo dựng ngôi tháp, bên cạnh có tháp phụng thờ di thân của Tôn giả và cái giếng hiện còn.

Lại về hướng Đông nam cách khoảng 5 dặm có một ngôi tháp, là nơi ở thời Đức Phật Ca-diếp-ba có 3 vị Đại A-la-hán đồng nhập diệt tại đó. Lại về hướng Đông cách hơn 30 dặm có hang Đế-thích, hang hốc hiểm nguy, rừng hoa tươi tốt sửng sờ. Hai đỉnh núi đặc biệt nỗi bày, ở hang phía Tây xoay mặt về hướng Nam có một thất đá, xưa kia Đức Phật từng dừng ở tại đó. Đế-thích đem 42 điều nghi ngờ họa vào đá mà thỉnh hỏi, dấu vết ấy nay vẫn hiện còn. Tôn tượng hiện nay phỏng ước theo xưa, vào lễ bái rất chỉnh túc nghiễm nhiên. Trên đỉnh núi có vết tích của 4 Đức Phật tọa thiền kinh hành. Ở đỉnh núi phía Đông có ngôi chùa, chư Tăng ban đêm trông nhìn về hướng Tây thấy trước thất đá có đuốc lửa chiếu rọi sáng rực. Trước chùa ở núi Đế Thích có ngôi tháp nhạn, duyên tích như trong kinh diễn tả. Từ núi Đế-thích về hướng Đông bắc cách 160 dặm, đến chùa Ca-bố-đức, Trung Hoa gọi là chùa Cáp (Bồ câu), chư Tăng có 200 vị. Ở phía Đông của chùa có ngôi tháp, là nơi Đức Phật suốt 1 đêm giảng nói pháp. Về đời xưa trước, Đức Phật làm thân chim cáp (bồ câu) ném mình vào lửa và việc La-giả ăn đó. Về phía Đông có tháp vua A-dục. Từ tháp ấy về hướng Nam đến núi Đơn Lẻ rất cao vợi, có nhiều tháp miếu. Ở trên có một tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại thân tướng bé nhỏ mà lắm nhiều oai đức. Tay nắm hoa sen, đỉnh đầu đội tôn tượng Đức Phật. Có người bỏ ăn từ 7 ngày cho đến một thàng thì bèn thấy nghi dung chân thật là trong tôn tượng xuất hiện ra. Đó là nơi tinh xá do vua Tăng-già-la tạo dựng nên vậy. Lại về hướng Đông nam đi khoảng 40 dặm có một ngôi chùa, chư Tăng có 50 vị tập học theo giáo pháp Tiểu thừa, có ngôi thàp lớn rất nhiều linh dị, là nơi xưa kia Đức Phật vì các Phạm Vương v. v... suốt 7 ngày giảng nói pháp. Bên cạnh có dấu vết của 4 Đức Phật kinh hành.

Từ chùa về phía Đông bắc cách hơn 70 dặm, về phía Nam sông

Khắc-già có ngôi đền thờ trời, về phía Đông có ngôi tháp lớn, xưa kia Đức Phật từng ở nơi đó 1 đêm giảng nói pháp. Lại về hướng đông vào núi rừng cách hơn trăm dặm có ngôi chùa lớn và ngôi tháp A-dục, là nơi xưa kia Đức Phật từng ở 3 tháng giảng nói pháp. Lại về hướng Bắc cách 3 dặm có một ao lớn, chu vi rộng hơn 30 dặm, hoa sen 4 màu suốt 4 mùa khoe nở.

Lại về hướng Đông vào đường núi rừng cách 200 dặm, đến nước Y-lan-noa-bát-phạt-đa (thuộc Trng Ấn Độ), chu vi rộng hơn ngàn dặm, phía Bắc đô thành gần sông Khắc-già chu vi rộng 20 dặm. Chùa chiền có 10 ngôi, chư Tăng hơn 4.000 vị, phần nhiều tập học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có hơn 20 ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo chung sống lẫn lộn. Trong thành có 2 ngôi chùa, mỗi ngôi có gần ngàn vị Tăng sinh hoạt tu tập, đều học theo giáo pháp Tiểu thừa. Bên cạnh sông phía Bắc thành là núi Y-lan-noa, từ xưa lại những vị tiên chứng đắc ngã thông thường ở đó. Nay hiện có đền thờ trời là nơi xưa kia Đức Phật từng ở đó 3 tháng giảng nói pháp. Từ thành về phía Nam có ngôi tháp, là nơi xưa kia Đức Phật từng ở 3 tháng giảng nói pháp. Bên cạnh có dấu vết của 3 Đức Phật kinh hành tọa thiến. Ở biên giới phía Tây nước đó tức thuộc bờ phía Nam sông Khắc-già có một quả núi đơn lẻ dài hơn một dặm, xưa kia Đức Phật từng an cư 3 tháng tại đó. Và cũng là nơi Đức Phật nhiếp hóa quỷ Cú-la và Dược-xoa. Dưới sườn phía Đông nam núi ấy, trên một tảng đá lớn có dấu vết Đức Phật ngồi in sâu vào đá hơn một tấc, dài 5 thước 2 tấc rộng 2 thước 1 tấc, phía trên có tháp che phủ. Tiếp về phía Nam, trên tảng đá có Quấn-trĩ-ca (tức là bồn tắm) của Đức Phật đáy sâu hơn 1 tấc 8, sinh mọc ra hoa. Lại từ dấu vết của Đức Phật ngồi về phía Đông nam là dấu vết của Dược xoa, dài một thước 8 tấc rộng 8 tấc, sâu 2 tấc. Trên đỉnh núi có thất xưa cũ của Dược Xoa, về phía Bắc dựng tạo vết tích Đức Phật dài một thước 8 tấc, rộng hơn 6 tấc sâu nửa tấc, phía trên có tháp che phủ. Từ đó về hướng Tây có dòng suối nóng dài sáu bảy dặm, nước rất nóng. Tại phía Nam nước ấy có rừng lớn, lắm nhiều voi đồng hoang rất lớn.

Từ đó thuận theo bờ phía Nam sông Khắc-già đi về hướng Đông cách 300 dặm, đến nước Chiêm Ba (thuộc Trung Ấn Độ), chu vi rộng hơn 4.000 dặm, phía Bắc đô thành gần sông Khắc-già, chu vi rộng hơn 40 dặm. Có vài mươi ngôi chùa, chư Tăng hơn 200 vị đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa. Có hơn 20 ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo chung sống lẫn lộn, tường thành xây dựng bằng gạch cao vài trượng, cách địch thù cao vợi. Ở thời sơ kiếp, mới đầu người vật hoang dã sống

nơi hang huyệt. Về sau có thiên nữ xuống trong loài người đi rảo rơi sông Khắc-già tắm rửa, tự mến yêu, bèn cảm linh thiêng mang thai sinh 4 người con, phân ở Nam thiệm bộ châu, phân chia biên cương dựng lập thôn ấp. Và đó là Đô thành của một người con, tức vị chúa đầu tiên ở Nam thiệm bộ châu. Đất ở đó ấm nóng rất thích nghi với loài voi. Từ thành ấy về hướng Đông nam cách 150 dặm, nước sông Khắc-già chảy xoay lại cô châu. trên sườn núi bên trong có đền thờ trời rất lắm linh dị. Biên giới nước ấy hoang trống, voi sinh sống kéo nhau đi từng đàn.

Lại theo hướng Đông đi hơn 400 dặm đến nước Yết-chu-hút-kỳ-la (thuộc Trung Ấn Độ), chu vi rộng hơn 2.000 dặm. Có 7 ngôi chùa, chư Tăng hơn 300 vị, có 10 ngôi đền thờ Trời, các hàng Dị đạo chung sống lẫn lộn. Xứ đó lắm nhiều dòng suối nước nóng. Từ thành về phía Bắc, bên bờ sông Khắc-già có một Đài cao lớn được xây dựng bằng gạch. Bốn mặt khắc chạm tôn tượng Đức Phật, chư Thiên v.v... về cảnh vức phía Nam có nhiều voi hoang đồng trống. Vua Giới Nhật đi tuần du đến phương Đông đến đó dựng tạo Hành cung. Lại theo hướng Đông vượt qua sông Khắc-già hơn 600 dặm đến nước Bôn-na-phạt-đàn-na (thuộc trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 4.000 dặm. Chu vi Đô thành rộng hơn 40 dặm, dân chúng sinh sống đông đầy. Có hơn 20 ngôi chùa, chư Tăng hơn 3.000 vị tập học giảng pháp cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa có trăm ngôi đền thờ trời. Các hàng Dị Đạo chung sống lẫn lộn, lộ bày thân hình riêng lắm nhiều. Từ thành ấy đi về hướng Tây cách hơn 20 dặm, có ngôi chùa lớn, chư Tăng có hơn 700 vị đều tập học giáo pháp Đại thừa. Các bậc Danh Tăng ở Đông Ấn Độ phần nhiều xuất phát từ đó. Có tháp vua A-dục tạo dựng. Xưa kia Đức Phật từng đến ở đó 3 thàng giáo nói pháp, vào những ngày trai tỏa phóng ánh sáng. Bên cạnh có dấu vết của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Tiếp theo trong tinh xá có tạo tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại, thần biến giáng hiện chẳng chỉ một lần. Có người bỏ ăn nhiều ngày cầu nguyện hẳn có ứng cảm. Đất đai xứ đó ẩm thấp, là nơi sản sinh ra quả Bát-da-bà, đã nhều mà lại quý, lớn như trứng hạc, hoặc tại trên cành cây hoặc ở trong rễ cây tợ như loại phục linh vậy.

Lại về hướng Đông hơn 900 dặm đến nước Già-ma-lũ-ba (thuộc Đông Ấn Độ) chu vi rộng hơn vạn dặm. Chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm. Xứ đó đến nay vẫn chưa có Phật pháp, dân chúng tự phụng thờ trời thần. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo đông cả vạn người. Có vua Câu-ma-la (tức là Đông tử) sinh sống tai đó, tương thừa tiếp nối cả hơn ngàn đời, đất suối ấm nóng, người vật rất xương thạch, lãnh vức phía Đông nước đó tiếp liền với phía Tây nam của nước Trung

Hoa, có các giống dân man lão ở đó triều cống v.v... Lại đi thêm khoảng hai tháng là vào biên giới phía Tây của đất Thục. Về phía Đông nam nước đó có lắm nhiều loài voi hoang dã. vua xứ đó nghe tên Sa-môn Huyền Trang từ xa đến Trung Thiên (Ấn Độ), bèn nghinh thỉnh đến Đông Ấn Độ. Khi đã thấy gặp dốc lòng kính ngưỡng như đã quen thuộc từ lâu trước, nên sinh tâm kính tin Phật pháp, mở mang hoằng hóa. Sa-môn Huyền Trang lại luận nghị nhiếp phục ngoại đạo, trao truyền pháp Quy giới, càng mở rộng xiển dương giáo hóa. Nên Phật giáo có được ở Đông Ấn Độ là do Sa-môn Huyền Trang hoằng dương vậy. Tiếng tăm vang vọng khắp xa gần, vua Giới Nhật nghe biết, lại nghinh thỉnh Sa-môn Huyền Trang trở về lại trời Tây và càng thêm sự lễ kính việc thấy rõ Biệt truyện.

Từ đó, theo hướng Nam đi 1.300 dặm đến nước Tam-ma-đát-tra (thuộc Đông Ấn Độ) chu vi rộng hơn 3.000 dặm, gần biển thấp ẩm, chu vi Đô thành hơn 20 dặm. Có hơn 30 ngôi chùa, chư Tăng hơn 2.000 vị, tu tập thao Thượng tọa bộ. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo lõa hình lắm nhiều. Bên cạnh thành có tháp của vua A-dục, là nơi xưa kia Đức Phật đã từng đến giảng pháp 7 ngày. Bên cạnh lại có vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Trong ngôi chùa bên cạnh có tôn tượng bằng ngọc sắc xanh cao 8 thước, tướng hảo oai nghiêm. Từ đó theo hướng Đông Bắc men đường biển lớn đi trong hang núi, có nước Thất-lợi-sai-đát-la, tiếp về góc biển Đông nam có nước Ca-ma-lãnh-ca, tiếp về hướng Đông có nước Đọa-la-bát-để, tiếp về hướng Đông có nước Thường-na-bổ-la, tiếp về hước Đông có nước Ma-ha-chiêm-ba; tức là Lâm ấp, tiếp về hướng Tây nam có nước Diêm-ma-na-châu, cả 6 đất nước ấy đường sá hiểm trở nên chẳng đi đến.

Lại từ nước Tam-ma-đát-tra theo hướng Tây đi 900 dặm đến nước Đam-ma-lật-để (thuộc Đông Ấn Độ) chu vi rộng 1.500 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 10 dặm, gần bờ biển thấp ẩm. Có 10 ngôi chùa, có hơn ngàn vị Tăng. Có 50 ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo chung sống lẫn lộn, có tháp do vua A-dục dựng lập và có dấu vết của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Lại theo hướng Tây bắc đi hơn 700 dặm đến nước Yết-la-noa-tô-phạt-thích-na (thuộc Đông Ấn Độ), chu vi rộng 4.500 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, người vật sinh sống đông nhiều, tà chánh lẫn lộn gồm một nửa. Có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng hơn 2.000 vị, tập học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có hơn 50 ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo rất đông nhiều. Riêng có 3 ngôi chù chư Tăng không ăn dùng sữa tô; theo phái Điều Đạt bộ. Phía ngoài Thành có ngôi chùa

tháp do vua A-dục tạo dựng, xưa kia Đức Phật từng ở đó giảng pháp 7 ngày. Bên cạnh có ngôi tinh xá có vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền.

Lại về hướng Tây nam đi hơn 700 dặm đến nước Ô Trà (thuộc Đông Ấn Độ) chu vi rộng hơn 7.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, dân chúng kính tin Phật pháp. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng có hơn vạn vị học giảng pháp Đại thừa. Có 50 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo chung sống lẫn lộn. Có hơn 10 ngôi tháp, đều là những nơi xưa kia Đức Phật từng đến giảng nói pháp. Về cảnh vức ở phía Tây nam trong núi lớn có ngôi chùa lớn tháp đá có lắm điềm linh dị, trong những ngày trai thường tỏa phóng ánh sáng, tiếp dưới mâm bày trên che thế bát, dùng lọng hoa đội đặt đó bèn đứng như đá nam châm vậy, từ đó về hướng Tây bắc có núi, chùa tháp khác lạ đồng như trước, hai ngôi tháp ấy đều do quỷ thần tạo nên. Về cảnh vức phía Đông gần biển lớn có thành Chiếc-lợi-đát-la (nghĩa là phát hành) chu vi rộng hơn 20 dặm, là nơi Thương nhân vào biển dừng nghĩ giữa đường. Tiếp theo ngoài thành ấy có 5 ngôi chùa đài các cao lớn, tôn nghi đẹp xinh khéo lạ. Về hướng Nam đến nước Tăng-già-la cách hơn hai vạn dặm, ban đêm tĩnh lắng trông nhìn lại Tinh xá Phật nha phô bày lên trên vài trăm thước có vật báu Bát-đàm-ma-ha-già (vật báu lớn như thăng tức là hổ phách vậy) tỏa sáng soi chiếu như treo đuốc trên thành ấy.

Lại theo hướng Tây nam đến rừng lớn cách hơn 1.200 dặm đến nước Cung-ngự-đà, chu vi rộng hơn ngàn dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, gần kề bờ biển đất đái vừa nóng vừa ẩm. Có lắm vật báu như Loa bối trân châu, voi sắc xanh lớn v.v... Dân chúng xứ đó có tập tục tin theo ngoại đạo. Có trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo có hơn vạn người. Trong cảnh vức có vài mươi thành nhỏ tựa đứng vào núi biển. Lại theo hướng Tây nam đi qua rừng hoang lớn cách 1.500 dặm đến nước Yết-lục-ca (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 5.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, hiếm ít kính tin Phật pháp. Có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng hơn 500 vị đều tập học theo Đại thừa Thượng Tọa bộ. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo đông nhiều. Phía Nam thành ấy có tháp vua A-dục cao hơn trăm thước là nói 4 Đức Phật tọa thiền. Cảnh vức phía Bắc duỗi ra núi lớn, trên đỉnh có ngôi tháp cao hơn trăm thước, là nơi vào thời thọ mạng con người không thời hạn có vị Độc giác nhập diệt tại đó. Trong nước đó vào rừng sâu cách vài trăm dặm là nơi sinh sản ra loài hương tượng, các nước lân cận vô cùng quý trọng. Xưa kia có vị Tiên nhân chứng đắc ngũ thông nương náu nơi hang

núi, có người xúc chạm nên tất cả đều rút lui, bèn dùng chú thuật xấu ác giết hại người nước ấy. Nay chỉ còn lại hiếm ít.

Từ đó lại theo hướng Tây bắc vào torng núi rừng đi hơn 1.800 dặm đến nước Kiều-tát-la (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6.000 dặm, trên đỉnh núi toàn là rừng chầm bao bọc chung quanh liên tiếp, chu vi Đô thành rộng hơn 40 dặm, thôn xóm cùng trông liền nhau. Dân chúng rất kính tin Phật pháp. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng có gần vạn vị đều tập học giáo pháp Đại thừa, có 70 ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo chung sống lẫn lộn. Ở phía Nam của thành có chùa tháp xưa cũ, là nơi xưa kia Đức Phật từng hiện thần thông nhiếp phục ngoại đạo. Về sau, Bồ-tát Long Mãnh ở trong chùa đó. Lại về phía Tây nam cách hơn 300 dặm có núi Bạt-la-mạt-la-kỳ-lý (nghĩa là Hắc Phong) cao vợi riêng troi đỉnh núi hiểm nguy, đã không sườn men hang hốc như toàn là đá. Trong nước đó xưa trước có vua Dẫn chánh vì vô lậu Long Mãnh mà đục núi làm chùa. Cách núi vài mươi dặm đục mở đường thông, đứng dưới chân núi ngửa mặt nhìn xuyên đá đứng sửng, hiêng vũ kéo dài, mái bộ đài cao trùng các, mỗi mỗi có 5 tầng, mỗi tầng có 4 viện đều có Tinh xá đẹp xinh khéo léo. Từ trên đỉnh núi trông đổ các dòng suối chất chồng giao thông lẫn nhau, khơi thông dẫn rõ bên trong suốt sáng đến lúc sức người đã hết, phủ tạng mới tận. Công việc ấy chưa đến một nửa, vua rất lo âu, Bồ-tát Long Mãnh mới kín dùng thần dược rót vào các đá lớn đều biến thành vàng. vua trông thấy vàng vui mừng dõng mãnh tạo tác thành tựu đến tầng thứ năm. Trong mỗi mỗi tần đều có chủ đúc 4 tôn tượng bằng vàng lớn đồng như thân tượng Đức Phật, ngoài ra còn thừa cất chứa trong kho. Nhân đó mà trong chư Tăng có trành giành, người thợ dùng xài hao phí mất tan đã lâu, nay chỉ có các Tịnh nhân giữ gìn bảo hộ số ấy lắm nhiều. Lại giấu giữ kín hang lỗ ấy không thể liền trông thấy. Lại nữa, sau khi kết tập pháp tạng hết thảy các kinh đều tàng trữ trong núi ấy không mang ra ngoài. Gần đây có vị thầy thuốc vào trong đó chữa trị bệnh, sau được trông thấy mà ra, nên hiếm có người vào được trong đó.

Lại từ hướng Nam theo dường rừng đi hơn 900 dặm đến nước Án-đạt-la (thuộc Nam Ấn Độ), chu vi rộng hơn 3.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 10 dặm, có 20 ngôi chùa, chư Tăng có hơn 3.000 dặm. Có hơn 3.000 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo rất đông nhiều. Bên cạnh thành có ngôi chùa lớn, trùng các đẹp xinh khéo léo, tôn tượng Phật cũng khác so với trước, có ngôi tháp đá cao vài trăm thước, đều do Đại A-la-hán A-chiếc-la (tức là sở hành) tạo dựng gần chùa, về phía Tây

nam cách hơn 20 dặm có núi đơn lẻ, trên đỉnh có ngôi tháp đá. Tức là nơi Bồ-tát Trần-na tạo luận Nhân minh. Lại về phía Tây nam có một ngôi tháp, xưa kia Đức Phật từng đến đó giảng nói pháp.

Từ đó theo rừng hoang đi về phía Nam cách hơn ngàn dặm đến nước Bạt-na-yết-trách-ca (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 40 dặm. Chùa chiền bị hư hoại lắm nhiều, hiện tại chỉ còn hơn 20 ngôi, chư Tăng có hơn ngàn vị đều tập học theo Đại Chúng bộ. Có hơn năm ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo rất đông nhiều. Hai phía Đông-tây của thành men tựa giữa khoảng núi, mỗi mỗi đều có các ngôi chùa lớn. Xưa kia, vua vì Đức Phật đến đặt để núi khắc đục đá chế tạo rất hoa vẻ rộng thoáng, là nơi đến dừng nghỉ của các bậc Hiền thành. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn không bao lâu có ngàn vị Phàm Tăng đến an cư, tới ngày mãn hạ đều chứng đắc quả vị vô học vọt bay giữa hư không mà đi, nay vắng bặt không một người. Có Luận sư Bà-tỳ-phệ-già (nghĩa là Minh Biện) tức là luận Chủ Bát-nhã-đăng, đối trước tôn tượng Bồ-tát Quán-tự-tại bỏ ăn mà uống nước suốt 3 năm đợi chờ mong thấy Đức Từ Thị. Bồ-tát Quán-tự-tại mới hiện sắc thân khiến đến nơi hang núi lớn phía Nam thành ấy; chỗ thần chấp Kim cang tụng chú Kim cang. Qua 3 năm, thần trao cho phương thức rằng: "Trong hang đá đây có cung A-tô-lạc, nếu người đúng như pháp thực hành cần thỉnh, vách đá sẽ mở toan, có thể vào bên trong. Đợi Đức Từ Thị ra đời, ta sẽ vì báo cho". Lại trải qua 3 năm đốt chú hạt cải đánh vào vách đá, bỗng nhiên liền mở suốt. Khi ấy có trăm ngàn người trông thấy đều kinh lạ tán thán. Luận sư giẫm bước vào cửa, vài ba phen ngoảy trông nhìn lại, chỉ có 6 người theo vào. Ngoài ra mọi người đều cho đó là hang rắn độc. Khi ấy vách tường đá liền khép kín lại như cũ.

Từ đó theo hướng Tây nam đi hơn ngàn dặm, đến nước Châu-lợi-na (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng 2500 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 10 dặm, người vật hiếm ít. Chư Tăng chùa chiền chỉ sơ sài. Có vài mươi ngôi đền thờ trời, lắm nhiều ngoại đạo lõa hình, phía Đông thành ấy có tháp vua A-dục, đó là nói xưa kia Đức Phật độ người nhiếp phục ngoại đạo. Phía Tây thành ấy có chùa xưa cũ, là nơi Bồ-tát Đề-bà cật vấn A-la-hán Ôn-đát-la. Qua 7 ngày bảy hỏi rồi, A-la-hán Ôn-đát-la ngậm miệng không đáp, riêng vận dụng sức thần thông sang chỗ Đức Từ Thị, Đức Từ Thị bảo rằng: "Bồ-tát Đề-bà là một Đức Phật trong Hiền kiếp, chẳng phải đối tượng của ông có thể đối đáp!". Chỉ trong khoảng khảy móng tay, A-la-hán Ôn-đát-la trở về lại cùng đối đáp. Bồ-tát Đề-bà nhận biết đó mà bảo rằng: "Đây chính là sự giải thích của Đại sĩ Từ Thị

vậy”.

Lại theo hướng Nam đi đường rừng hoang dã cách 600 dặm đến nước Đạt-la-tỳ-trà (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng có hơn vạn vị đều tập học theo Thượng Tọa bộ. Có hơn 80 ngôi đền thờ trời, và lắm nhiều lõa hình ngoại đạo. Có tháp của vua A-dục tạo dựng là nơi xưa kia Đức Phật đã từng vài lần đến đó giảng nói pháp độ người. Ở phía Nam của thành có ngôi chùa lớn, có tháp cao hơn trăm thước, là nơi xưa kia Đức Phật từng đến giảng pháp nhiếp phục ngoại đạo. Lại có dấu vết của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền.

Từ đó theo hướng Nam đi hơn 3.000 dặm đến nước Mạt-la-củ-tra (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 5.000 dặm, chu vi Đô thành rộng 40 dặm. Chư Tăng hiếm ít. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo phần nhiều là lõa hình, đất đai nhiễm chất muối mặn, nên không cây cối tươi tốt. Ở phía Đông của thành có ngôi chùa của em vua A-dục lại có ngôi tháp do vua A-dục dựng tạo, xưa kia Đức Phật từng đến đó giảng pháp. Như ai cầu mong gì đều được toại nguyện. Phía Nam nước đó gần biển có núi Mạc-thích-da, có cây bạch đàn hương, lại có loại cây Yết-bố-la hương thân như cây tùng, là khác lạ, hương thơm như băng tuyết, tức hương thơm long não vậy. Phía Đông núi ấy có núi Bố-thư-lạc-ca, trên đỉnh có ao, dòng nước tuôn đổ xuống ra sông lớn, vòng quanh núi 30 vòng rồi đổ vào Nam Hải. Bên cạnh có ao và thiên cung, tức nơi đến dừng nghỉ của Bồ-tát Quán Tự Tại. Những người mong cầu, thấy là tượng Tự Tại Thiên. Phía Đông bắc núi ấy bờ biển từ thành cổ nước Tăng-già-la nay đi vào trong biển cách hơn 3.000 dặm là đến nước Tăng-già-la (chẳng nhiếp thuộc Ấn Độ, tức Chấp-sư-tử) chu vi rộng hơn 7.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 40 dặm. Nhà cửa dân chúng đông nhiều. Có vài trăm ngôi chùa, chư Tăng hơn hai vạn vị, đều tu học theo Thượng Tọa bộ. Bên cạnh cung điện có Tinh xá tôn thờ răng Đức Phật cao rộng đồng như trước. Tại trong cung thường ngày thiết bày thức ăn cúng dường 18.000 vị Tăng. Trong khoảng 10 năm trở lại đây vì nước loạn nên mới phê bỏ. Bên cạnh tinh xá thờ răng Đức Phật, trong một ngôi tinh xá nhỏ có tôn tượng Đức Phật ngồi bằng vàng đồng, trên đỉnh nhục kế thiết đặt vật báu kỳ lạ. Ban đêm có kẻ đến trộm nhưng không thể với tới đấu tôn tượng, bèn nói rằng: “Xưa kia Đức Phật xem thường tánh mạng vì cứu độ quần sinh, cớ sao nay lại mến tiếc vật báu như vậy?”. Tôn tượng mới cúi đầu cho đó. Về sau, nhà vua biết được mà không buộc tội kẻ ấy, lại chuộc vật báu ấy lại để thiết trí trên đỉnh đầu

tôn tượng như cũ. Đến nay cúi đầu về góc Đông nam nước đó, cách vài ngàn dặm đến châu Na-la-kê-la. Người xứ đó thân cao 3 thước, chim chóc chỉ ăn hạt da. Ở góc Đông nam châu nước ấy có núi Tuấn-ca là nơi lui tới của quỷ thần. Đức Phật xưa kia từng đến đó giảng nói kinh pháp. Từ châu đó về hướng Tây đi bằng đường biển cách vài ngàn dặm có hòn đảo đơn lẻ, ở mé phía Đông có tôn tượng Phật bằng đá cao hơn trăm thước, xoay mặt về hướng Đông dùng Nguyệt Ái Châu (ánh trăng mến ngọc) làm nhục kế, lúc ánh trăng sắp soi chiếu, nước liền từ cao đổ xuống, mọi người lấy đó để dùng từ núi đó về hướng Tây, nói theo đường biển lại trải qua vài ngàn dặm, có châu vật báu lớn, không người nương ở, vì tìm sang nhưng không ai đến đó được.

Lại từ nước Đạt-la-tỳ theo hướng Bắc đi bằng đường rừng cách hơn 2.000 dặm đến nước Cung-đạt-na-bổ-la (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 5.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng có hơn vạn vị, tập học cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo chung sống lẫn lộn. Bên cạnh cung thành có chùa lớn, tinh xá cao hơn 10 trượng, chư Tăng hơn 300 vị. Bên trong có mũ báu của Thái tử Nhất-thiết-nghĩa-thành lớn rộng vài thước. Vào những ngày trai trường tỏa phóng ánh sáng. Tức lúc đang là Bồ-tát, ở bên cạnh thành lớn, trong ngôi chùa lớn có Tinh xá cao hơn 5 trượng, La-hán Bách-nhi-ức tạo tôn tượng Từ Thị bằng gỗ chiên-đàn, cao hơn 1 trượng vào những ngày trai thường tỏa phóng ánh sáng. Từ thành ấy về phía ắc gần rừng Đa-la, chu vi rộng hơn 30 dặm, cây đa la lá lớn dài, sắc màu sáng sạch, các nước đều đến hái để dùng viết sách. Trong rừng đó có tháp, vết tích của 4 Đức Phật tọa thiền kinh hành, có 200 ức tháp thờ xá-lợi của Đức Phật. Cũng trong rừng đó, ở phía Đông của thành có ngôi tháp cao 3 trượng tôn thờ xá-lợi, vào những ngày trai thường tỏa phóng ánh sáng. Xưa kia, Đức Phật từng đến đó giảng nói pháp. Lại về phía Tây bắc tại trong rừng là nơi thú dữ nương ở.

Lại cách 2.500 dặm là đến nước Ma-ha-thích-đà (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6.000 dặm. Đô thành ở gần sông lớn chu vi rộng hơn 30 dặm, nước đó có phong tục, có ân hẳn đáp trả, có oán ắc báo đền, Cường-lương-bạt-hổ chẳng tiếp khách vua Giới Nhật. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng hơn 5.000 vị, tu tập cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có hàng trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo rất đông nhiều. Trong và ngoài thành lớn có 5 ngôi tháp, vết tích của 4 Đức Phật tọa thiền kinh hành, do vua A-dục tạo dựng nêu chứng đó. Ở phía Nam của

thành, trong ngôi chùa xưa cũ có tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại bằng đá, mọi người đến mong cầu phần nhiều đều đạt quả nguyện. Ở cánh vức phía Đông có chùa Đại Sơn do vị A-la-hán tạo dựng, lại có tinh xá lớn cao hơn trăm thước, có tôn tượng bằng đá cao hơn 70 thước, phía trên có lọng đá 7 tầng rỗng trống giữa không trung, mỗi tầng cách nhau 3 thước. Tương truyền rằng là do nguyện lực của vị A-la-hán ấy hộ trì, hoặc do sức oai thần, hoặc do sức của dược thuật, các thuyết chẳng đồng nhất. Bốn mặt của tinh xá đều điêu khắc chạm trổ tôn tượng các tướng của Đức Phật từ nhân địa tu hành cho đến lúc chứng quả và nhập Niết-bàn. Hai phía Nam-bắc ở ngoài chùa mỗi bên đều có một tôn tượng bằng đá, tương truyền mỗi lúc tượng rống thì đất lay động. Từ đó theo hướng Tây đi hơn ngàn dặm vượt qua sông Nại-mạc-đà đến nước Bạt-lục-yết-chiếp (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng 2.500 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm. Dân chúng kính tin cả tà lẫn chánh. Có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng hơn 300 vị đều tập học theo Đại thừa Thượng Tọa bộ. Có 10 ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo chung sống lẫn lộn. Đất đai xứ đó nhiễm muối rất mặn nên cây cỏ hiếm ít.

Từ đó theo hướng Tây bắc đi hơn 2.000 dặm đến nước Ma-lạp-bà (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm, men theo sông Mạc-ha. Về phía Đông nam là chốn trong học của 5 xứ Ấn Độ. Tánh tình con người xứ đó thuần thện hòa thuận, ở các nước khác không có, đồng như ở Nam Châu xứ Ma-kiệt-đà, rất kính Đạo giáo của cả hai nước mà thôi. Tà chánh đều tin. Có vài trăm ngôi chùa, chư Tăng có hơn hai vạn vị, đều tập học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, các hàng dị Đạo bôi tro vào mình tập tục ấy lắm nhiều. Từ thành về phía Tây bắc cách 20 dặm có ấp Đại Bà-la-môn, bên cạnh đó cóhầm hố lớn, nước chảy không đầy, tức là nơi xưa kia có vị Bà-la-môn rất khinh mạn phỉ báng Phật giáo Đại thừa nên bị vùi lấp vào chốn địa ngục. Từ đó hướng Tây nam vào đường biển, lại theo hướng Tây bắc đi hơn 2.500 dặm đến nước A-tra-ly (thuộc Nam Ấn Độ), chu vi rộng hơn 6.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, dân chúng đông nhiều, mọi nhà đều phụng thờ trời thần, có hơn 10 ngôi đền, các hàng Dị Đạo chung sống lẫn lộn. Đất cát nhiễm muối mặn, sản sinh giống cây hồ tiêu như cây tiêu ở đất Thục vậy, lại sản sinh loại cây huân lục hương, là tợ như lá cây Đường. Lại từ nước Ma-lạp-bà theo hướng Tây bắc đi 3 ngày (mỗi ngày đi được khoảng năm dặm) đến nước Khế-tra (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi nước đó tông hơn 3.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, dân chúng sinh sống đông đầy. Có hơn 10

ngôi chùa, chư Tăng hơn ngàn vị tập học cả pháp Đại thừa Tiểu thừa. Có vài mươi ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo đặc biệt đông nhiều. Lại theo hướng Bắc đi hơn ngàn dặm đến nước Phạt-lạp-tỳ 9tức riêng khác của Bắc-la-la thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm, d6an chúng ở đông nhiều. Người giàu có của cải trăm ức có đến vài trăm nhà. Có hơn trăm ngôi chùa, chứ Tăng hơn 6.000 vị, phần nhiều là tập học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo cũng đông nhiều. Xưa kia Đức Phật đã từng vài lần đến đó, vua A-dục dựng lập nhiều ngôi tháp, có vết tích của 3 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Từ đó lại theo hướng Tây bắc đi hơn 700 dặm đến nước A-nan-đà-bổ-la (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng hơn 2.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm. Dân chúng nhà cửa đông nhiều. Có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng gần ngàn vị tập học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có vài mươi ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo chung sống lẫn lộn. Từ nước Phạt-lạp-tỳ theo hướng Tây đi hơn 500 dặm đến nước Tô-thích-tra (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng hơn 4.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm, phía Tây men tựa theo sông Mạc-lê, người ở Đông đầy nhưng thuộc nước Phạt-lạp-tỳ kính tin cả chánh lẫn tà. Có hơn 50 ngôi chùa, chư Tăng hơn 3.000 vị tập học theo Thượng Tọa bộ. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo chung sống lẫn lộn. Đất đai nhiễm chất muối mặn hoa quả hiếm ít. Từ nước đó đi theo hướng Tây bằng đường biển cách không xa về phía Tây của thành trên đỉnh núi có ngôi chùa rất thoáng rộng đẹp xinh là nơi các bậc tiên hiền đến dừng nghỉ.

Lại từ nước Phạt-lạp-tỳ theo hướng Bắc đi hơn 1.800 dặm, đến nước Cù-chiếc-la (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng hơn 5.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm. Dân chúng đều thiếu sự kính tin Phật pháp. Chỉ có 1 ngôi chùa, chư Tăng hơn trăm vị tập học theo pháp Tiểu thừa. Có vài mươi ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo đông nhiều. Lại theo hướng Đông nam đi hơn 2.800 dặm đến nước Ổ-xà-diễn-na (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm. Dân chúng đông nhiều. Hiện tại có 5 ngôi chùa, chư Tăng có 300 vị tập học cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có vài mươi ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo chung sống lẫn lộn, đất đai nhiễm mặn, hiếm ít hoa quả. Bên cạnh thành có ngôi tháp là nơi vua Vô Ưu tạo dựng chốn địa ngục.

Lại theo hướng Đông đi hơn ngàn dặm đến nước Trịch-chỉ-đà (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 4.000 dặm, chu vi Đô thành rộng

hơn 15 dặm, có vài mươi ngôi chùa, chư Tăng hiếm ít. Có 10 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại hơn ngàn vị. Lại theo hướng Bắc đi hơn 900 dặm, đến nước Ma-hê-thấp-phạt-la-bổ-la (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng 3.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm. Dân chúng không kính tin Phật pháp, cóvài mươi ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo bôi tro vào thân mình. Lại từ nước Cù-chiếc-la theo hướng Bắc, trải qua bãi sa mạc hoang vu đi 2.000 dặm vượtqua sông Tín Độ đến nước Tín Độ (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng hơn 7.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm. Đất đai sản sinh các loại vàng bạc than đá. Trên đỉnh núi sinh sản loài lạc đà thân hình rất thấp nhỏ, phát sinh các màu đỏ trắng đen lam. Dân chúng kính tin Phật pháp. Có vài trăm ngôi chùa, chư Tăng có hơn vạn vị đều tập học theo Tiểu thừa Chánh Lượng bộ, mà phần nhiều biếng nhác hành trì. Có 30 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo chung sống lẫn lộn. Xưa kia Đức Phật từng đến xứ đó, vua A-dục tạo dựng khoảng vài mươi ngôi tháp. Bên cạnh sông Hữu Ô cách hơn ngàn dặm men theo bờ đầm có vài trăm ngàn nhà chuyên sống nghề chăn nuôi trâu (dê?), chỉ giết hại lấy làm việc chính, không có sự khác biệt của sang, hèn, nam-nữ, Đạo-tục mà cạo bỏ đầu tóc đắp mặc ca sa, hình tướng đồng như Tỷ-khưu mà hành vi thô tục. Lại ôm hoài tiểu kiến, bài xích Đại thừa. Xưa kia có vị A-la-hán bay giữa không trung sang đó giáo hóa, trao truyền cho pháp Tam quy rồi cạo đầu đắp mặc pháp phục nhiễmsắc. Sau đó trở lại ăn mặc theo phong tục vốn xưa cũ vậy.

Từ đó theo hướng Đông đi hơn 900 dặm, vượt qua bờ phía Đông sông Tín Độ đến nước Mậu-la-tam-bộ-lô (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng 4.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm. Dân chúng đều thuộc nước Trách-ca, có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng rất hiếm ít, đặc biệt kính tin theo trời thần, có 8 ngôi đền thờ. Các hàng ngoại đạo rất đông nhiều. Bên cạnh thành có đền thờ mặt trời, trang nghiêm rất tráng lệ, chủ đúc hình tượng trời bằng vàng, dùng các ngọc quý báu để trang sức, nữ nhạc thường luôn hòa tấu, khắp bốn phía là ao hoa rừng cây tươi tốt xinh đẹp. Các vua ở 5 xứ Ấn Độ đều đến đó tạo dựng nhà phước đức, xả thí của cải cung cấp cho người nghèo khó tật bệnh. Lại theo hướng Đông bắc đi hơn 700 dặm đến nước Bát-phạt-đa (thuộc Bắc Ấn Độ), nước ấy phụ thuộc nước Trách ca, chu vi rộng hơn 500 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm. Dân chúng đều kính tin lẫn lộn. Có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng hơn ngàn vị, tập học các pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có tháp do vua A-dục tạo dựng, có 20 ngôi đền thờ trời. Bên cạnh thành có ngôi chùa lớn, chư Tăng hơn trăm vị đều tập học theo Đại thừa, gần

đây, đền thờ trời bị hỏa hoạn thiêu cháy. Đất đai nhiều lúa thóc khô.

Từ sông Tín độ theo hướng Tây nam đi 1.600 dặm đến nước A-điểm-bà-súy-la (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng hơn 5.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm. Ở cảnh vức phía Tây nhỏ hẹp, đất dần thấp xuống, gần sông Tín Độ là bờ biển lớn. Dân chúng rất kính trọng Phật pháp. Có hơn 80 ngôi chùa, chư Tăng hơn 5.000 vị, phần nhiều tập học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có 10 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo bôi tro thân hình. Xưa kia Đức Phật dừng đến xứ đó. vua A-dục có tạo dựng 6 ngôi tháp. Lại từ thànhấy theo hướng Tây cách gần 2.000 dặm đến nước Lang-yết-la (thuộc Tây Ấn Độ), chu vi ngang dọc mỗi phía vài ngàn dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm, dân chúng sinh sống đông đầy. Gần Tây Hải vào nước Tây an, đường đi phụ thuộc nước Ba Tư. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng hơn 6.000 vị, tập học cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo bôi tro thân mình rất đông nhiều. Đất đai đượm nhuần, trăm thứ cỏ cây tươi tốt.

Từ đó theo hướng Tây bắc tức đến nước Ba Tư (chẳng nhiếp thuộc Ấn Độ), chu vi rộng vài vạn dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 40 dặm. Người vật xứ đó rất đông nhiều. Có 3 ngôi chùa, chư Tăng khoảng vài trăm vị. Đền thờ trời rất nhiều. Đất đai sản sinh các thứ vàng, bạc, thau, đá, pha chi, thủy tinh. Con người chết phần nhiều vất bỏ thi thể. Bình bát của Đức Phật hiện tại trong cung vua. Cảnh vức phía Đông có thành quách Hạc mạc, chu vi rộng hơn 60 dặm, dân chúng đông nhiều. Về phía Tây bắc tiếp giáp với nước Phất-lẫm (chẳng nhiếp thuộc Ấn Độ) là xứ sản sinh con bách cẩu, vốn vịt đầu đỏ sinh sống ở trong hang. Căn cứ theo Cống Chức đồ thời nhà Lương nói rằng: "Từ nước Ba Tư theo hướng Tây đi 1 vạn dặm đến cùng cực, về hướng Tây nam có hải đảo có nước Tây An (chẳng nhiếp thuộc Ấn Độ). Thường năm, nước Phất-lẫm riêng đưa Nam phu đến phối hợp đó vậy". Và cũng theo Công Chức Đồ ấy lại nói: "Từ nước Ba Tư theo hướng Tây đi cách 1 vạn dặm cùng cực, và từ nước Bà-la-môn về hướng Nam cách 1 vạn dặm". Lại là Bà-la-môn, đến nay sang đo lường nghi rất xa xăm vậy. Lại từ nước A-điểm-bà-suý-la về hướng Bắc cách hơn 700 dặm đến nước Tý-đa-thế-la (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng hơn 3.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, dân chúng đông nhiều đều thuộc nước Tín Độ. Có hơn 50 ngôi chùa, chư Tăng hơn 3.000 vị tập học theo Tiểu thừa Chánh Lượng bộ, có hơn 20 ngôi đền thờ trời. Các hàng ngoại đạo bôi tro thân mình. Từ thành về phía Bắc cách 16 dặm có một khu rừng lớn là hơn

4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. vua A-dục dựng lập tháp cao vài trăm thước, bên trong có tôn thờ xá-lợi tỏa phóng ánh sáng, là nơi xưa kia Đức Phật từng làm tiên nhân nhẫn nhục bị vua xứ ấy giết hại. Về phía Đông có ngôi chùa cổ. Lại về hướng Đông bắc cách hơn 300 dặm đến nước Phạn Trà (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng 2.500 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm. Nước ấy không có quân trưởng, tất cả đều tùy thuộc nước Tín Độ. Có 20 ngôi chùa, chư Tang hơn 2.000 vị, tập học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ, có 5 ngôi đền thờ trời, các ngoại đạo bôi tro thân mình. Đất đai xứ đó sản sinh nhiều hoa quả. Phía Đông thành đó có rừng trúc lớn và ngôi chùa cổ, là nơi xưa kia Đức Phật khai mở cho chúng Tỷ-khưu mang giày hổ phược. Bên cạnh có ngôi tháp cao hơn trăm thước. Bên cạnh đó lại có ngôi tinh xá có tôn tượng Đức Phật đứng bằng đá xanh, vào những ngày trai thường tỏa phóng ánh sáng. Từ đó theo hướng Nam đi 800 bộ vào trong rừng có ngôi tháp do vua A-dục tạo dựng. Xưa kia khi Đức Phật đến dừng ở nơi đó vì rét lạnh nên dùng cả 3 pháp y đắp chồng lên. Nên lại khai mở đắp mặc áo nạp. Trong rừng có chỗ xưa kia Đức Phật kinh hành. Lại có nơi của 4 Đức Phật tọa thiền, riêng đều dựng lập tháp để nêu chứng tích vậy. Lại có tháp tôn thờ tóc và móng tay, vào những ngày trai thường tỏa phóng ánh sáng.

Từ đó lại theo hướng Đông Bắc đi hơn 900 dặm đến nước Phạt-thích-noa (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng hơn 4.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, dân chúng sinh sống đông nhiều đều thuộc nước Ca-tất-thí. Có vài mươi ngôi chùa, chư Tăng khoảng 300 vị tập học cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có 5 ngôi đền thờ trời, các ngoại đạo bôi tro thân mình. Đất đai xứ đó lắm nhiều núi rừng. Ở phía Nam của thành có ngôi chùa cổ là nơi xưa kia Đức Phật từng đến đó. Bên cạnh ngôi tháp là vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Tập tục tương truyền rằng: “Nước đó về phía Tây tiếp giáp với nước Kê-lượng-na ở trong núi lớn. Lại từ đó theo hướng Tây bắc giẫm trải qua núi lớn cách hơn 2.000 dặm ra cảnh vức Tây Ấn Độ, vào cảnh vức Hồ tục là nước Tào-củ-tra. Lại về phía Đông Bắc cách 1.600 dặm vào ranh giới của nước Ca-tất-thí, mợi hợp với đường phía Bắc và đường giữa. Lược nêu từ xứ Đột Quyết trở về phía Nam trong 3 biển có cả thảy 150 nước, và không nhiếp thuộc Ấn Độ, có 71 nước (tức từ nước Đột Quyết trở về phía Bắc đến tận Bắc hải mà giẫm trải qua không cùng nên không thể ghi chép lại đó vậy).

CHƯƠNG V: DU LÝ

Từ khi phát khởi văn tự, bắt đầu từ Bào Hy, mãi đến thời Tiền Đường trải qua nhiều triều đại có thể ghi chép để nhận biết. Từ thời nhà Tần nhà Chu trở về trước, con người đang là thuần tố, tâm tình quan hệ chẳng xa, nên khiến hỏi thông chỉ ước tại thần châu. Từ thời nhà Hán nhà Ngụy trở về sau, văn tự rộng lưu hành nên mọi sự lắm nhiều phát khởi và rộng thấy càng xa. Nên Tượng tư chuyển tải giúp đường thông cáo ấy lập, giẫm trải không tạng mà qua côn khâu, vượt quá Khê Điền mà đạp đến Điểu Huyệt. Long văn chóng nhanh nhiễm ô huyết tuy tuyệt cảnh vức mà có thể truy tìm, minh châu đã đẹp xinh túy vũ tận chân trời mà có thể nêu. Binh cùng võ phiền thật là lao sư của Đại Uyển, bưng tiết biển bùn tin vương mạng mà xa che, kịp đến lúc vua Hiển Tông (Minh Đế - Lưu trang 58-76) thời Đông (Hậu) Hán cảm mộng điềm lành, là khai nguồn mở mang nhân hóa. Mọi người kính tin mến mộ đạo từ đó dần đông. Hoặc có vị bùi ngùi vì sinh sống nơi chốn Biên địa nên gieo mình tìm đến trời Tây. Hoặc có vị thông rành giáo pháp muốn hoằng dương xiển hóa nên giất sách đến phương Đông. Hoặc có vị đích thân khai mở giáo tích, chẳng đến xa tìm kinh. Hoặc linh tướng khuôn phép xưa cũ gần gũi song xem xét rõ. Những vị nêu cử nhiều ấy kết cục quy về Tích Tông. Nên dụng khai mở thần của bao gồm hay riêng biệt, lược bắt đầu từ thời Tiền (Tây) Hán, mãi đến thời Tiền Đường chúng ta đây, trước sau các sứ qua lại gồm có 20 bận. Thả như Trương Phiên tìm cội nguồn dòng nước, ấy chỉ là phạm tục, nhưng bắt đầu nghe được danh xưng của Phật thì dần đượm của Thích Hóa, nên cũng liệt thông mở đầu cầu pháp. Nay đây sưu tìm bao quát từ các truyện ký, nêu rõ ràng các đường kẻ sứ đi tường tự trước sau để bày rõ chứng cứ vậy.

- Một là: Vào thời Tiền (Tây) Hán, vua Võ Đế (Lưu Triệt 140-86 trước Tây lịch) sai phái Bát vọng hầu Trương Khiên tìm cội nguồn sông Hoàng, từ đường phía Bắc vào Đại uyển rồi đến Đại hạ, thấy gậy cung trúc, vải bố đất Thục, người dân nước đó gọi là Thân Độc. Thân Độc tức tiếng gọi lầm bậy của Thiên Trúc. Theo Hậu Hán Thư nói: "Nước đó rộng lớn bằng phẳng, khí tiết hài hòa, là nơi các bậc Linh trí giáng hiện, những bậc Hiền ý nổi sinh. Thần tích quái lạ, lý vượt ngoài con người, cảm nghiệm rõ ràng, sự bày ngoài trời đất. Mà Trương Khiên há là người không nghe. Đâu chẳng lẽ đường bít lối, vận nước vài lần mở lối nhỏ hẹp ư?"

- Hai là: Vào thời Hậu (Đông) Hán, năm Vĩnh Bình thứ 03 (60) vua Hiển tông Hiếu Minh Đế (Lưu Trang) ban đêm mộng thấy người

vàng, thân cao lớn hơn cả trượng mang đeo ánh sáng mặt nhật mặt nguyệt bay đi trước điện, vua bèn đem hỏi quần thần. Có Phó Nghị là người thông minh đáp rằng: "Thần nghe ở Tây Vức có vị Thần tên gọi là Phật. Điềm mộng của Bệ hạ chắc hẳn là đó vậy". vua mới sai Lang Trung Thái Hâm, Bác sĩ Trần Cảnh v.v... từ núi Tuyết huyện Nam đầu men theo đường vào đến Thiên Trúc, đồ họa hình tượng, tìm hỏi Phật pháp và thỉnh dẫn các Sa-môn Ca-diếp-ma-đằng, Trúc-pháp-lan v.v... trở lại tìm theo đường cũ mà về đến Lạc Dương.

- Ba là: Vào thời Hậu Hán, năm Kiến Nguyên(1) thứ 10 (199) dưới thời vua Hiến Đế (Lưu Hiệp 190-220), Tần Châu Thứ Sử sai Thành Quang Tử từ núi Điểu thử vượt qua cầu sắt mà vào, đích thân đến nước Đạt-sấn. Đến ngày trở về lại men theo Đường trước mà tự lưu xuất Biệt Truyện.

- Bốn là: Vào thời vua Võ Đế (Tư Mã Viêm 265-290) thời Tây tấn, có Sa-môn Trúc Pháp Hộ ở Đôn Hoàng vân du Tây Vức trải qua 36 nước, mang kinh điển tiếng người Hồ men theo đường vừa đi vừa phiên dịch, khi về đến Trường An dựng lập chùa phía ngoài Thanh môn, nhóm chúng Tăng tu tập có hơn ngàn vị. Nên giáo tướng rộng lưu bày tại Đống Hạ, Sa-môn Trúc Pháp Hộ rất có công đặc thù. Nên Sa-môn Thích Đạo An nói rằng: "Nếu thân gần được ông ấy (Trúc Pháp Hộ) thì bút hẳn tự làm cương lãnh, ắc chánh chí ngôn ấy vậy".

- Năm là: Đầu niên hiệu Long An (397) thời Đông Tấn, Sa-môn Thích Bảo Vân ở Lương Châu, cùng các Sa-môn Thích Pháp Hiển, Thích Trí Nghiêm v.v... trước sau lần lượt cùng vào Thiên Trúc, mà Sa-môn Bảo Vân trải qua các nước Đại Hạ, thông hiểu các thứ âm nghĩa. Sau, trở về lại Trường An rồi đến Giang Biểu, phiên dịch các kinh, tức nay hiện đang lưu bố hưng thạch không gì chẳng lưu xuất từ Sa-môn Bảo Vân. Song, Sa-môn Bảo Vân mến thích cảnh nhàn tĩnh, trọn đời ở tại núi Lục hợp, mà sự kiện vân du Tây Vức có lưu truyền.

- Sáu là: Trong khoảng niên hiệu Hoằng Thỉ (?) thời Hậu Tần Diêu Hưng tương đương thuôc dưới thời Đông Tấn, tai kinh Triệu có Sa-môn Thích Trí Mãnh cùng đồng bạn cả thảy 15 người, từ Lương Châu vân du đến Tây Vức trải qua các nước Thiện Thiện rồi đến nước Kế Tân, thấy gặp được 500 vị A-la-hán hỏi bày phương tục, trải qua 20 năm, đến năm Giáp tý (424) mới cùng một người bạn trở về lại phương Đông, về đến Lương Châu vào đất Thục và đến cuối niên hiệu Nguyên Gia (454) thời Tiền Tông mới về đến thành đô, sự kiện vân du Tây Vức có truyện, nêu bày chứng cứ rất rõ ràng, với tựa đề là "Sa-môn Trí

Mãnh du hành ngoại Quốc truyện". Từng thấy tại Thục Châu vậy.

- Bảy là: Cuối niên hiệu Kiến Hưng thời Hậu Yên, Sa-môn Thích Đàm Mãnh theo đường Đại Tần vào đến thành Vương xá. Mãi tới ngày trở về thì theo đường Đá Lịch mà về đến Đông Hạ.

- Tám là: Năm Hoằng thỉ thứ 2 (399) thời Hậu Tần, Sa-môn Thích Pháp Hiển cùng các bạn đồng học như Sa-môn Tuệ Cảnh v.v... phát xuất từ Trường An trải qua đường nước Vu Điền, vân du trên 30 nước. Chỉ riêng một mình Sa-môn Pháp Hiển đi đến nước Sư Tử thuộc Nam Hải, rồi mới theo thuyền biển thỉnh mang kinh tượng về đến Lao Sơn; Thanh Châu, lên đất Tấn, sang Dương Châu, Kinh Châu v.v... phiên dịch các bộ kinh, quá trình vân du có truyện ghi để lại.

- Chín là: trong khoảng niên hiệu Chu sơ, tại Lương Châu có Sa-môn Trí Nghiêm vân du đến Tây Vức, đến nước Kế Tân để thọ học Thiền pháp rồi trở về lại Trường An theo hướng Nam đến Dương Châu, Tống Đô, phiên dịch các kinh. Nhưng vì đối với sự thọ giới, có điều nghi ngờ nên lại sang Thiên Trúc, gặp được vị La-hán, bèn hỏi, nhưng vị La-hán ấy không thể tự quyết xét bèn vì lên cung trời hỏi Bồ-tát Di Lặc rồi trở lại mách bảo cho về sự đắc giới. Từ đó, Ngài trở về đến nước Kế Tân thì thị tịch, sai bảo các đệ tử như Sa-môn Trí Vũ v.v... báo nêu chứng từ Tây Vức trở về.

- Mười là: Năm Vịnh Sơ thứ 6 (1) thời Tiền Tống, tại Hoàng Long có Sa-môn Thích Pháp dõng là người có chí khí oai hùng cao xa, nghĩ suy mến mộ Thánh tích, bèn vời gọi các đồng bạn, như Sa-môn Tăng Mãnh, Đàm Lãng v.v... cả thảy 25 vị, phát xuất từ Ung Châu theo hướng Tây vào núi Tuyết, vượt trải qua cầu dây, trạm mác, vượt vách đá, đến lúc xuống đất bằng thì đã có 12 vị qua đời. Các đồng bạn còn lại cùng dẫn nhau đến nước Kế Tân, rồi theo hướng Nam giẫm trải khắp các xứ Ấn Độ. Sau đó, theo thuyết biển về đến Quảng Châu. Quá trình du hành có truyện ghi chép lưu để lại.

- Mười một là: Trong khoảng niên hiệu Nguyên Gia (424-454) thời Tiền Tống, tại Lương Châu có Sa-môn Thích Đạo Thái vân du các nước Tây Vức lầu thỉnh được luận Đại Tỳ-bà-sa rồi trở về đến Lương Châu, dòng tộc trở cừ nhóm tập chúng Tăng phiên dịch và lưu truyền.

- Mười hai là: Trong khoảng niên hiệu Nguyên Gia (424-454) thời Tiền Tống, tại Ký Châu có Sa-môn Thích Tuệ Duệ vân du đến biên giới phía Tây nước thục đến Nam Thiên Trúc, thấu hiểu các thứ phương tục âm nghĩa, trở về lại Lô Sơn, lại vào Quang Trung và trở về Giang Nam.

- Mười ba là; Khoảng cuối niên hiệu Thái Võ(1) thời Hậu (Bắc) Ngụy, có Sa-môn Thích Đạo Dược theo đường của nước Sơ Lặc vào kinh huyện vượt đến nước Tăng-già-thi. Đến lúc trở về, tìm theo đường cũ, có trước thuật truyện 1 quyển.

- Mười bốn là: Trong thời Tiền Tống (420-479), có Sa-môn Đạo Phổ; người nước cao xương vân du đến Đại Hạ, chiêm bái 4 ngôi tháp, Đạo Thọ và các Linh Tích, riêng có ghi thuật bộ truyện lớn. Lại còn có Sa-môn Thích Pháp Thạnh cũng người nước Cao Xương vân du sang nước Phật, có trước thuật truyện 4 quyển.

- Mười lăm là: Năm Thần Quy thứ nhất (519) thời Hậu (Bắc) Ngụy, có Tống Vân; người xứ Đôn Hoàng cùng Sa-môn Đạo Sinh v.v... theo đường cầu sắt bên cạnh núi Xích Lãnh đến chỗ tháp Tước Ly ở nước Càn-đà-vệ, đến lúc trở về, lại men tìm đường cũ.

- Mười sáu là: Trong thời Tiền Đường, Sa-môn Huyền Trang ở chùa Đại trang nghiêm tại kinh đô, vào năm Trinh Quán thứ 3 (629), một mình một bóng vân du Tây Vức tìm cầu giáo tích. Mới đầu từ kinh ấp theo hướng Tây đến Sa Châu, riêng giẫm trải hiểm nguy, qua các bờ ải, đến xứ Cao Xương, đã nhận chịu đủ thứ nguy khốn. Bấy giờ vua nước Cao Xương là Khúc Thị vì ban cấp mọi vật, truyền đưa đến các Nha sở của Đột Quyết, iệp Hộ. Ở kia lại dẫn đưa đến núi Tuyết rồi theo hướng Bắc đến các nước Phiên, Hồ, chiêm ngưỡng trông xem khắp các nơi xưa kia Đức Phật từng đến giáo hóa. Lại theo hướng Đông nam ra khỏi núi Tuyết lớn đi đến các nước Ấn Độ, trải suốt 10 năm. Sau đó, từ phía Nam Thông Lãnh, thuộc phía Bắc núi Tuyết giẫm trải qua các núi nước mà trở về phương Đông, trải qua các nước Vu Điền, Lũ Lan v.v... cả thảy có 150 nước. Đến năm Trinh Quán thứ 19 (645) mới về đến kinh đô, vâng phụng sắc chiếu phiên dịch các kinh. Có trước thuật bộ "Tây Vức truyện" 12 quyển.

Tôi (Đạo Tuyên) qua quá trình tìm xem các bộ Tăng truyện và rộng xét mọi thấy nghe, chư vị tiền bối vân du đến đất Phật đầy đủ như trên vậy. Những những điểm trông thấy trong các truyện ký có lúc nêu bày ẩn hiện, do đó chỉ lấy điểm sáng tỏ mới làm giềng mối tiếp nối đó. Đến như các Sa-môn Pháp Duy, Pháp Biểu tuy có nêu danh mà không ghi chép, tính lường đó thật khó biên tập vậy. Lại nữa, những vị qua lại ở thời nhà Tùy và dưới thời Tiền Đường đây đều luôn tiếp nối du lịch, đầy đủ trình tự du tố. Với hạng ấy thì sao có thể đầy đủ cụ thể ư?!

CHƯƠNG VI: THÔNG CỤC

Lợi kiến của Đức Pháp Vương chưa phân cách trung biên (chính giữa và các khía cạnh), thích hợp giáo hóa thì không phân phương hướng, đâu chỉ chuyên nơi Hình giáo. Đến như mọi người nghe đồng một pháp mà nhận hiểu khác nhau. Nói chỉ là một mà sự tỏ ngộ lại khác biệt. Nên đối với hàng Tăng vị Địa mà đi lên, hàng buộc bít mê mà giáng xuống. Tướng của toàn thân hay toái thân, nghĩa của tháp tụ hay tháp tán. Đuốc thần sáng thì tà kế gãy đổ. Linh tích nổi trội thì tin sâu kết chặt, các hạng như thế thật là đông nhiều, đầy đủ như nêu bày ở chương trước. Từ khi dòng nước giáo pháp xuôi chảy đến phương Đông, ánh Đạo soi chiếu ở trời Tây. Tiếng tăm vang hưng thạnh bay vượt thật đến Đông Xuyên. vua A-dục tạo dựng thàp tiêu biểu, bắt đầu mở lớn khắp cùng. Hình ảnh thích phụ tỏa ngời kiêm Hán. Từ đó, trải qua các thời đại tiếp tục càng lớn nhiều. Cảnh chẳng chỉ riêng trời Tây xiển dương thần hóa. Nên trong kinh nói: “Về sau, chánh pháp lan tỏa cùng khắp trước tiên là đến phương Bắc, tiếp theo đến Đông nam rồi đến Trung Hoa mới diệt”. Tại phía Nam nước Chấn Đán đây trông nhìn về Hoa Tư, nên dung nghi Đức Phật lúc diệt độ xoay thân nghiêng đầu về hướng Bắc, tức là sự kiện ấy vậy. Do đó, ý cứ theo sách biên theo thứ lớp, lấy làm chương “Thông cục” vậy.

Căn cứ theo “Chu thư dị ký” thì vua Chiêu Vương (Cơ Hạ) ở ngôi vua 24 năm (1000-976 trước Tây lịch). Vào ngày mồng 08 tháng 04 năm Giáp Dần, khắp các sông hồ ao suối bỗng nhiên nước dâng tràn, nước giếng cũng tuôn tràn ra, núi sông chấn động. Có ánh sáng 5 sắc soi suốt vào Thái Vi, khắp phương Tây đều có sắc màu xanh hồng. Quan Thái sử Tô Do nói rằng: “Có bậc Đại Thánh nhân xã hội ở phương Tây. Qua 1. 000 năm sau, Thánh giáo sẽ lan tỏa đến xứ này”. Vua Chiêu Vương liền ban sắc khắc ghi vào đá và đem chôn trước đền thờ trời ở Nam giao. Đó tức là thời gian của Đức Phật xuất hiện nơi đời vậy.

Đến lúc vua Mục Vương (Cơ Mãn) ở ngôi vua 32 năm (976-921 trước Tây lịch) thời Tây chu, qua vài lần thấy ở phương Tây có hơi khí sáng, trước kia quan Thái sử Tô Do đã nói Thánh nhân ra đời. Liền cùng Tướng quốc Lã Hầu cưỡi ngựa Hoa Lựu đi đến phương Tây, tìm cầu Phật nhân vì để cúng tế nó. Đến lúc vua Mục Vương 53 tuổi vào ngày 15 tháng 2 năm Nhâm thân, đang lúc sáng sớm bình thản bỗng nhiên gió bảo nổi dậy phá hoại sụp đổ nhà cửa, cây cối ngã gãy, trái đất rung động, bầu trời sẩm tối. Ở phương Tây có 12 vầng cầu vồng sắc trắng. Quan Thái sử Hồ Đa nói rằng: “Ở phương Tây, bậc Đại Thánh nhân

diệt độ vậy". Đó tức là tướng Niết-bàn. Có thuyết nói là Đức Phật ra đời dưới thời Chu Trang, Lỗ Trang, nay chỉ lấy văn của phần nhiều để ghi chép vậy.

Theo "Sử Lục" nói rằng: "Thương Thái Tể Hy hỏi Khổng Tử rằng: "Ai là Thánh nhân?" Khổng Tử đáp: "Ở Tây phương có người đúng là bậc Thánh, không trị mà chẳng loạn, không nói mà tự tin, không chuyển hóa mà tự thực hành, thênh thang thay khắp muôn dân không tên gì đáng để tôn xưng đó vậy!". Lại theo "Tây thăng kinh" của Lão Tử nói: "Thầy ta giáo hóa vân du đến Thiên Trúc, khéo vào Niết-bàn".

Lại, trong khoảng niên hiệu Nguyên Thú (122-116 trước Tây lịch) thời Tiền (Tây) Hán, vua Võ Đế (Lưu Triệt) muốn chóng dứt trừ bệnh đánh dẹp hung nô, đến Cao Lan vượt qua núi Cư Diên, đánh bắt được vua Côn-da-hưu-xà v.v... lại bắt được người vàng thân cao hơn cả trượng đưa về liệt bày ở cung Cam tuyền, vua cho đó là bậc Đại thần nên đốt hương lễ bái. Kịp đến lúc, từ Tây Vức sai sứ Trương Khiên trở về Đại Hạ nói là có nước Thân Độc. Nước Thân độc là một tên gọi của nước Thiên Trúc, mới nghe giáo pháp của Phù Đồ (Phật-đà). Đó tức là Hình giáo tướng của Phật dần hiển bày vậy.

Trong khoảng niên hiệu Nguyên Thọ (02-01 trước Tây lịch) lưới thời vua Ai Đế (Lưu Hân - thời Tây Hán) sai Cảnh Hiến sang nước Đại Nguyệt Chi, nhân tụng kinh giáo Phù Đồ rồi trở về đất Hán. Đang lúc có phần thực hành trai giới Phù Đồ. Và dưới thời vua Thành Đế (Lưu ngao 32-06 trước Tây lịch) thời Tây Bán, Đô Thủy sứ giả Quan Lục đại phu Lưu Hướng tương truyền rằng: "Từ trước, tôi rộng đọc xem các sách sử thường luôn thấy có kinh Phật". Kịp đến lúc trước thuật "Liệt tiên truyện" lại nói rằng: "Tôi xét xam kho sách, Thái sử bắt đầu loạn liệt tiên đồ. Từ thời Hoàng đế mãi đến ngày nay, hẳn định kiểm xét thật lục gồm có 146 vị, trong đó có 74 vị đã thấy kinh Phật". Căn cứ vào đó thì rõ từ thời nhà Tần nhà Chu trở về trước sớm đã có Phật pháp lưu truyền đến xứ Chấn Đán. Do đâu mà biết vậy? Nay thì căn cứ theo chỗ nêu bày.

Nên trong Phật truyện nói là: Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn 116 năm, tại nước Đông Thiên Trúc (Ấn Độ) có vị Thiết luân vương thống nhiếp châu Diêm Phù Đề, thâu gom linh cốt của Đức Phật và sai sứ quỷ thần, cứ nơi có 1 ức người thì dựng lập một ngôi tháp, và khắp trong 4 biển xây dựng tất cả 84. 000 ngôi tháp. Nên khắp xứ của 9 châu đây đều có Di tháp, đó là do vua A-dục tạo dựng vậy. Và bấy giờ là tương đương với thời vua Lệ Vương (Cơ Hồ 857-841 trước Tây lịch) thời Tây Chu.

Nên tháp Phật tạo dựng khắp cùng thế gian đã trải qua hơn 20 đời vua. Mãi đến năm Thỉ Hoàng (Doanh chính 246-209 trước Tây lịch) 34 tuổi thiêu đốt sách sử. Các tháp do vua A-dục tạo dựng do đó mà dần mất tiêu. Kinh Phật lưu truyền nơi đời chẳng biết tại đâu. Lại theo kinh lục của Sa-môn Thích Đạo An, Chu Sĩ Hành v.v... tự nói là: "Dưới thời Thỉ Hoàng, có các Sa-môn người ngoại quốc như Thích Lợi Phòng v.v... cả thảy 18 vị Hiền giả mang kinh Phật đến giáo hóa Thỉ Hoàng, nhưng Thỉ Hoàng chẳng chịu theo, bèn bắt giam vào cấm tù, đêm đến có 6 người cầm chày Kim cang đến phá cửa ngục dẫn đưa ra. Thỉ Hoàng vô cùng kinh sợ nên cúi đầu sám tạ đó". Y cứ vào đây mà nói thì biết rõ từ thời nhà Tần nhà Hán trở về trước đã có Phật pháp. Sau này, Sa-môn Thích Đạo An ghi nêu 12 vị Hiền giả cũng tại trong số 70 vị trước đó. Nay thấy trong "Liệt tiên truyện" có 72 vị.

Căn cứ theo "Văn-thù Nê-hoàn kinh" nói: Sau khi Đức Phật diệt độ 450 năm. Bồ-tát Văn-thù đến trong núi Tuyết vì 500 tiên nhân mà giảng nói pháp". Lại căn cứ theo "Địa lý chí", "Tây Vức truyện" nói: "Núi Tuyết tức là Thông Lãnh vậy", phía dưới có 36 nước, từ trước trở lại kính phụng theo nhà Hán. Thông Lãnh ấy xoay quanh từ phía Đông đến Chung Nam. Chỗ Bồ-tát Văn-thù giáo hóa Tiên nhân tức là địa vức ấy vậy. Rõ ràng mà nghiệm xét thì điểm luận bàn của Lưu Hướng có thể đáng làm chứng cứ vậy.

Theo "Hậu Hán Giao Kỷ chí" nói rằng: "Phật, tiếng Hán (Trung Hoa) phiên dịch nghĩa là "Giác", rồi mới giác ngộ cho quần sinh. Tổng quát thì, đứng về giáo tức lấy tu thiện từ tâm làm chủ, không giết hại các sinh loại, chỉ chuyên việc thanh tịnh. Đứng về mặt Tinh là Sa-môn, tiếng Hán (Trung Hoa) phiên dịch nghĩa là "Tức Tâm", tức cạo bỏ râu tóc, hủy hoại dung nghi, xả bỏ gia đình vượt ra thế tục, dứt tình tẩy dục mà quy hướng về vô vi. Lại là, con người khi chết, tinh thần chẳng mất, tùy đó trở lại nhận thọ thân hình. Mọi hành vi thiện ác đến đời sau đều có báo ứng. Điểm quý trọng là thực hành việc thiện tu Đạo để luyện tinh thần mình, luyện mà không thôi, cho đến chứng đạt vô sinh mà thành tựu Phật quả, thân hình cao lớn 1 trượng 6 thước, sắc màu vàng ròng, trên cổ mang đeo ánh sáng mặt nhật mặt nguyệt. Biến hóa vô thường, không đâu chẳng vào, nên hay biến thông muôn vật, cứu tế khắp quần sinh, kinh sách có hơn ngàn quyển. Lấy hư vô làm tông, bao gồm tinh thô không gì chẳng gồm cả. Khéo vì mở thoáng lời thắng lớn, chỗ mong cầu tại trong một thể, điểm tỏ sáng ở ngoài thấy nghe, kết quy về Huyền vi suy xét khó được mà thấp kém. Nên các bậc vương công

đại nhân quán xem ngằn mé của sinh tử báo ứng, không ai chẳng khiếp sợ mà tự mất. (Ngoài ra còn lại đều như Hán Pháp bản nội truyện).

Lại theo “Ngụy thư” nói là: “Thái Hâm thỉnh cầu được kinh Phật 42 chương và tôn tượng Đức Phật Thích-ca đứng. Vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Đông Hán sai bảo người khéo giỏi ghi chép đồ tả tôn trí tại Đài Thanh Lương, kịp đến lúc Hiển Tiết Lăng dâng trình kinh văn, đều tôn trí trong thạch thất tại Lan Đài. Sự trở về của Thái hâm là mang kinh từ Bạch Mã đến đất Hán, nhân đó mà dựng tạo chùa Bạch Mã tại phía Tây Ung môn Lạc Dương. Ýchỉ của kinh ấy đại lược mà nói thì tất cả các loài hàm sinh đều nhân hạnh nghiệp mà khởi. Có ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai, với thứ lớp tu đạo cấp bậc tân hành v.v... chẳng phải một đều men duyên từ cạn đến sâu. Mượn nhỏ nhiệm để lấy làm trước, dẫn hiện tại tích chứa nhân thuận, dứt trừ ham thích dục lạc, tập hành rỗng rang vắng lặng mà thành soi sáng cùng khắp. Mới đầu tu tâm thì nương tựa theo Phật pháp Tăng thọ trì Tam quy. Pháp Tam Quy tợ như Tam úy của Quân tử. Lại có ngũ giới tức dứt bỏ sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ và uống rượu, đại ý tương đồng như nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Nghĩa là người phụng trì các giới ấy thì sinh vào cõi trời người ưu thắng, xa lìa các khổ của ngạ quỉ, súc sinh. Nói về nơi chốn của Thiện ác thì có 6 đường. Người sống hiện tại, nghiêm phòng giữ tâm, thân miệng chân chánh, gồm tất cả thì gọi là Thập (10) thiện pháp, người có khả năng gìn giữ đầy đủ như thế thì gần tức được quả báo ở cõi trời, xa thì thành đạt Đạo quả Bồ-đề.

Xưa kia, vào đêm mồng 08 tháng 04, Đức Phật từ hông phía hữu của mẹ mà sinh ra, nỗi bày 32 tướng tốt khác người, đến sau khi đã qua đời (nhập Niết-bàn), các hàng đệ tử v.v... dùng các thứ gỗ hương thơm thiêu đốt nhục thân, linh cốt phân nát, lớn nhỏ tợ như hạt thóc, sắc màu hồng trắng, đánh đấp chẳng vỡ bể, thiêu đốt không cháy tiêu, thường có tỏa phóng ánh sáng thần nghiệm. Mại về sau, vua A-dục dùng sức thần phân chia xá-lợi của Đức Phật, sai sử các quỷ thần tạo dựng 84. 000 ngôi tháp báu. Nay tại các xứ Lạc Dương, Bành Thành, Phù Phong, Thục Châu, Cô Tàng, Lâm Truy v.v... đều có tháp ấy và đều có thần dị”.

Theo “Ngô thư” nói rằng: “Năm Xích Ô thứ 4 (241) thời Đông Hán, có Sa-môn Khương Tăng Hội; người nước Khương Cư du hành hóa đạo, mới đầu đến đất nhà Ngô, dựng lập am tranh, thiết bày tôn tượng hành đạo, dân chúng nước Ngô thấy vậy cho là yêu dị, Quan Hữu Ty tấu trình. Bấy giờ, Ngô chủ là Tôn Quyền hỏi rằng: “Phật có Linh

nghiệm gì ư?". Khương Tăng Hội đáp: "Đức Phật ẩn mất linh tích đã hơn ngàn năm, nhưng di cốt xá-lợi ứng hiện không ngừng". Tôn Quyền bảo. Nếu như cầu được xá-lợi thì sẽ tạo dựng tháp phụng thờ". Trải qua 21 ngày mong cầu bèn cảm có xá-lợi 5 sắc ngời sáng, phân bổ đó lại càng cứng rắn, thiêu đốt thì không cháy mà tỏa phóng ánh sáng vượt ra ngoài lửa làm thành hoa sen lớn chiếu soi khắp cùng cung điện, Tôn Quyền kinh lạ tán thán, phát khởi tín tâm, vì đó mà tạo dựng chùa Kiến Sơ, độ người xuất gia. Tôn Quyền hỏi: Thượng thư lệnh Đô Hương hầu Hám Trạch rằng: "Từ thời vua Minh Đế (Lưu Trang (58-76 - Đông Hán) đến đã nay bao nhiêu năm, Phật giáo lưu nhập vào đất Hán đã lâu, mới đầu bởi duyên gì mà đến Giang Đông?". Hám Trạch đáp răng: "Từ năm Vĩnh Bình thứ 10 (67) đến nay là năm Xích Ô thứ 4 (241) cả thảy có được 170 năm. Nhưng vào năm Vĩnh Bình thứ 14 (71), các Đạo sĩ ở Ngũ Nhạc cùng Ca-diếp-ma-đằng lúc tranh đọ sức, Đạo sĩ chẳng sánh bằng, nên Trử Thiện Tín, Phí Thúc Tài v.v... ở Nam Nhạc ngay tại hội tự cảm mà chết, môn đồ con em đưa về an táng tại Nam Nhạc, chẳng ai dự phần xuất gia nên không có người lưu bố. Về sau lại gặp nạn nhà Hán ta chinh chiến lấn lược giặc dã không ngưng dứt, mãi đến nay đã trải qua nhiều năm mới được phục hưng hành hóa". Tôn Quyền lại hỏi: "Khổng Khâu, Lão Tử có được sánh đối bằng Đức Phật chăng?". Hám Trạch đáp rằng: "Thần tìm xét, Khổng Khâu; người nước Lỗ là bậc anh tài trội vượt tuần tú, Thánh đức chẳng ai bằng, nên người tôn xưng là Tố Vương, chế tác kinh điển, dạy răn giúp đỡ chu đạo, giáo hóa hậu lai, phong thái của bậc thầy Nho đượm nhuần xưa nay, cũng có những vị trội vượt hơn quá người thường như Hứa Thành Tử, Nguyên Dương Tử, Trang Tử, Lão Tử v.v... sách của Bách Gia Tử đều là tu thân tự vui, phóng thích chốn núi hang, buông lớn tâm ấy, học thì kết quy về đạm bạc, sự trái với chi tiết nhân luân lớn bé, cũng chẳng phải là mỹ phong an trị ở đời dạy răn dân chúng. Đến như vua Cảnh Đế (Lưu Khải 155-140 trước Tây lịch) thời Tây Hán lấy Hoàng tử, Lão Tử nghĩa thể rất sâu, cải đổi tử làm kinh mở đầu lập môn Đạo học, ban sắc từ triều đình đến thôn giả, mọi người thảy đều phải đọc tụng kinh nếu đem sự sâu xa của hai nhà Khổng Tử và Lão Tử sánh với sự sâu xa của Phật pháp thì là rất xa vậy. Tại sao? Lão Tử thiết lập giáo, phép tắc tại trời chế định, chẳng dám trái với trời, còn chư Phật thiết lập giáo, pháp trời phụng hành không dám trái với Phật. Lấy đó để nói thì thật chẳng thể đối sánh rõ ràng vậy". Tôn Quyền rất vui mừng. Lấy Hám Trạch làm Thái tử thái phó. Theo Ngụy thư nói rằng: "vua Minh Đế (?) từng muốn phá

hoại Phù Đồ ở phía Tây cung, có vị Sa-môn; người ngoại quốc mới dùng chiếc mâm bằng vàng đựng đầy nước đặt ở trước điện rồi đem xá-lợi ném vào trong nước, bỗng nhiên có ánh sáng 5 sắc tỏa phát ra, vua càng thêm kinh lạ tán thán, mới đến phía Đông đường đi tạo dựng Phù đồ lớn trăm gian và lấy đó làm tinh xá". Đến lúc Ngô Hậu chúa là Tôn Hạo cải ngược chính sách, phế bỏ dâm từ, chùa Phật lần lượt cũng đồng bị phá dẹp. Hạn định cùng các Thần thiên rằng: "Khương Tăng Hội cảm được điềm lành, Thái hoàng (Tôn Quyền) tạo dựng chùa, như toại hủy phá, sợ để lại hối hận về sau". Và đào bới đất trong hậu cung có được tôn tượng bằng vàng, Tôn Hạo bèn đem làm điều dơ bẩn đó, bèn cảm nơi chỗ kín rất đau nhói, tiếng kêu than khó nhẫn chịu. Thái bốc bảo là: "Bởi do trái phạm thần lớn nên vậy". Từ đó, đi cầu đảo khắp các danh sơn, sông lớn, không đâu chẳng đến, mà sự thống khổ càng tăng thêm nhiều. Có người đến xin thỉnh cầu Phật. Tôn Hạo bảo: "Phật là Thần lớn ư? Thử có thể nên cầu xin đó". Vừa chỉ một lần cầu thỉnh bèn lành, mới đưa xe ngựa đến nghinh thỉnh, Sa-môn Khương Tăng Hội vì trình bày cho biết mọi sự báo ứng, Tôn Hạo thấy bản nghiệp có cả thảy 120 điều nguyện đều vì chúng sinh, nên càng dốc lòng kính trọng, bèn đến chỗ Sa-môn Khương Tăng Hội, theo thọ trì ngũ giới". Chuẩn cứ vào sự đào bơi đất mà có được tôn tượng đây thì rõ biết từ thời nhà Tần nhà Chu đã có Phật giáo thật rất xác nghiệm vậy.

Vào năm Kiến Hưng thứ nhất (313) thời vua Mẫn Đế (Tư Mã Nghiệp) thời Tây Tấn, có 2 tôn tượng bằng đá trôi nổi bồng bềnh trên sông Ngô tùng. Các ngư dân nghi đó là Thần biển nên mới thỉnh thầy đồng cốt chú nguyện để nghinh thỉnh, sóng gió trên sông trở nên nổi mạnh. Những người kính thờ Hoàng Lão cho đó là Thiên sư, lại sang nghinh thỉnh, sóng gió cũng nổi dậy như trước. Có cư sĩ Chu Ưng; người ở Ngô huyện vốn có tâm chí thành kính tin Phật cùng với Bạch Ni ở chùa Đông Linh và vài người kính tin đến cửa sông Hổ độc để nghinh thỉnh đó. Song gió tự nhiên vắng lặng. Từ xa trông thấy 2 người đến, mới là tôn tượng đá đứng cao 7 thước, bưng đi trong sóng lên thiết đặt tại chùa Thông Huyền, có khắc minh trên lưng tôn tượng, một tên là "Duy vệ: và một tên là Ca-diếp", chẳng lường biết vào đời vua nào mà dấu vết chữ in rõ ràng.

Ngày mồng 08 tháng 02 năm Ninh Khương thứ 3 (375) thời vua Hiếu Võ Đế (Tư Mã Xương Minh) Đông Tấn, Sa-môn Thích Đạo An là bậc đức lớn sáng ngời, vang danh khắp xứ, ở phía Tây thành quách tương đương chú đúc tôn tượng Đức Phật Vô Lượng Thọ cao trượng sáu,

đến tháng 09 năm sau (276) mới nghiêm sức hoàn thành. Tôn giả ấy mới theo hướng Tây lên đến vạn sơn. Bấy giờ khắp xóm làng mọi người đều kinh sợ tán thán nghinh thỉnh trở về lại chùa cũ. Và trong đêm đó, tôn tượng lại ra đứng ngoài cửa chùa. Quan thứ sử Hy Khôi mới cải đổi tên là chùa Kim Tượng (chùa tượng vàng). Đến năm Phổ Thông thứ 3 (522) thời Nam Lương, vua Võ Đế (Tiêu Diễn) đến vườn Kiến Hưng chú đúc tòa họa bằng vàng đồng để tượng ngồi kiết già cao 6 thước, rộng 1 trượng, ban sắc Lưu Hiếu Nghi làm văn dựng lập bia tóm thán đức hạnh. Mãi đến thời Võ Đế (Võ văn cung) thời Bắc Chu phá diệt Phật pháp, năm Kiến Đức thứ 3 (574), có Thái nguyên công Vương Khương làm Kinh châu thứ sử cùng Phó tướng Tường Tôn Triết vốn không tin Phật pháp trước đã muốn phá hoại tôn tượng đó, bèn sai bảo hơn trăm người dùng dây buộc vào cổ tượng để kéo mạ tượng y nhiên không lay động. Trường tôn triết cho là không dụng sức, bèn nắm gậy ra hiệu lệnh để lôi kéo, nhưng tượng vẫn như cũ; không lay động, nên lại tăng thêm số 300 người, cho đến 500 người lơi kéo mới nghiêng đổ, tiếng vang động cả đất trời, liền khiến những người phá hoại đó cất tiếng tự vui mừng, mới vội cươi ngựa muốn về báo cùng Quan thứ sử, vừa mới đi được khoảng trăm bộ, bỗng nhiên ngã té nơi đất mất tiếng trợn mắt, sau đó bèn chết. Các hàng Đạo tục cất tiếng mừng vui. Đang lúc phá hủy tượng, ở dưới nách ngã rũ trong tay áo tôn tượng có khắc ghi bài minh rằng: “Năm Thái Nguyên thứ 19 (394) thời Đông Tấn, tức năm Giáp Ngọ, Tỷ-khưu Thích Đạo An ở thành quách phía Tây Tương Dương tu tạo một tôn tượng bằng vàng cao trượng tám. Tôn tượng này trải qua 3 giáp đến năm Giáp ngọ (574) tức 180 năm tròn sẽ bị phá hủy”. Tính xét về năm tháng hằn là phù hợp vậy. Nên tin biết tay Ấn Thánh nhân thật không hư dối đó vậy. Nhưng đem sự mà suy xét thì năm Thái Nguyên thứ 3 (378) thời Đông Tấn tấu tức năm Mậu dần, tức tương đương với năm Kiến Nguyên thứ 15 của Phù Kiên (nhà Tần), Sa-môn Thích Đạo An cùng Chu Tự Tập úc bị bắt tại đất Tần. Đến năm Thái Nguyên thứ 10 (385) thì Sa-môn Đạo An thị tịch tại Quan ải. Sau khi thị tịch 10 năm mới đến năm Giáp Ngọ (394). Một lần xem lược qua về niên kỷ thì có sự sâm sai, dự thấy chưa hẳn vậy, trải qua 3 lần năm Giáp ngọ, tức lấy số cùng cực của vận lớn, lại hiển bày thông Thánh của Tay ấn vậy.

Trong khoảng niên hiệu Thái Nguyên (376-397) thời Đông Tấn, có Sa-môn Thích Đàm Dực đến Kinh Châu tạo dựng chùa Trường Sa, đến lúc chùa hoàn thành mà chưa có tôn tượng Phật, Sa-môn Đàm Dực bảo rằng: “Di tích của Đức đại thành khắp cùng cả Diêm-phù-đề, há ta

không có cảm mà chẳng giáng ứng ư?”, bèn khiết trai kính ngưỡng cầu mong. Đến đêm mồng 08 tháng 02, thấy ở phía Bắc thành có hình nghi rất nghiêm túc cao 7 thước tỏa phóng tướng ánh sáng soi chiếu lên trời, các nơi đến nghinh thỉnh mới đầu chẳng thể giất nỗi. Sa-môn Đàm Dực bảo: “Há chẳng phải cảm thông giáng hiện đến chùa Trường Sa của chúng ta ư?”. Bèn cùng 3 người bưng thỉnh, bỗng nhiên nhẹ nhàng nâng nghinh vào chùa. Trước kia, qua đêm có người cho là quái lạ nên dùng dao rạch vào tôn tượng, tự nhiên có tiếng kêu vàng, trông xem lại thì đó là tôn tượng bằng vàng. Chỗ dao rạch trên ngực đường văn nổi hiện ra ngoài. Về sau có vị Sa-môn người nước Kế Tân bảo: “Đó là tôn tượng của vua A-dục tu tạo, trên ánh sáng có chữ rõ ràng”. Bấy giờ mọi người rất kính trọng. vua Võ Đế (tiêu diễn 502-550) thời Nam Lương nghe thế, từng đến xin nghinh thỉnh về Đông Hạ. Tuy dốc hết sức lực mà trọn không đến được. sau đó, với tâm chí thành trịnh trọng cầu thỉnh rất mực ân cần, tôn tượng mới xuống. Thuyền đi cách thành đô khoảng 18 dặm, vua tự ra nghinh đón, men theo đường tỏa phóng ánh sáng không dứt. Các hàng đạo tục tán thán mừng vui. Về sau, tôn trí tại điện Thái cực lại thiết bày cúng dường. Xong rồi nghinh đưa ra cửa Đại thông, vào chùa Đồng Thái, lại thiết lễ cúng dường. Kịp đến lúc chùa bị nạn hỏa hoạn, điện đường đều cháy rụi, chỉ tôn tượng vẫn nghiễm nhiên giữa điện. Về sau lại nghinh thỉnh đưa về chùa cũ ở kinh châu. Ban đêm, tôn tượng ấy ra đi nhiễu quanh tháp, dáng hiện điềm linh chẳng chỉ một lần và đến lúc vua Nguyên Đế (Tiêu Dịch 552-555) thời Nam Lương Băng hà, gặp lúc có hungsự, tôn tượng bèn đổ mồ hôi đất. Và gần đây, lúc vua Thái tông (Lý Thế dân 627-650) thời Tiền Đường băng hà, tôn tượng cũng đổ mồ hôi như trước, những điềm ứng hiện như thế rất nhiều.

Trong khoảng niên hiệu Hàm Hòa (326-335) thời Đông Tấn, có Cao Khôi ở huyện Duẫn; Đan Dương thấy bến bờ cầu Trương Hầu có ánh sáng khác lạ, sai bảo người đến tìm xem, bèn gặp được một tôn tượng bằng vàng không có tòa ngồi, liền vận chuyển đến cửa cảng Trường Can, trâu dừng đứng không chịu đi, mới mặc tình theo đó nên nghinh đưa vào chùa Trường can. Sau đó vài năm, có ngư dân Trương Hệ thế ở gần biển đến nơi cửa biển, thấy có tòa hoa sen bằng đồng trôi nổi trên nước, mới dâng biểu tấu trình, vua bèn ban sắc nghinh đưa về, thiết trí tôn tượng, quả nhiên phù hợp. Về sau có 5 vị Sa-môn; người nước Thiên Trúc đến nhà Cao Khôi nói rằng: “Xưa trước tại nước chúng tôi có được tôn tượng do vua A-dục tu tạo, đến lúc Huyện Nghiệp gặp loạn, bèn cất giấu bên bờ sông. Gần đây, cảm mộng tôn tượng bảo là:

"Ta đã ra đến Giang Nam, và Cao Khôi gặp được". Cao Khôi mới dẫn đưa đến chùa, 5 vị Tăng ấy trông thấy mà rơi lệ, tôn tượng lại vì tỏa phóng ánh sáng soi chiếu khắp trong ngoài. Các vị Tăng ấy bảo: "Tôn tượng này là do người con gái thứ 4 của vua A-dục tu tạo. Văn từ ghi ở tòa hoa ngồi". Nhân đó kiểm xét thật đồng vậy. Lại nói: "Vốn có ánh sáng tròn, tính ứng hẳn sẽ đến". Về sau, đến năm Hàm An thứ nhất (371) thời Đông Tấn tại Giao Châu, nơi bến đậu của những người lược nhặt châu ngọc, có Huân Tông Chi thấy dưới đáy biển có ánh sáng nổi vọt trên nước, bèn tìm được ánh sáng Phật, nên đem sự việc ấy tấu trình. vua Giản Đế (Tư Mã Dục 371-373) mới ban sắc treo nơi lỗ hổng sau lưng tôn tượng, đồng ánh sáng sắc màu không biến đổi. Hơn 40 năm, sông biển các biệt, một mai mới đầy đủ, trăm người nghĩ nhớ tán thán. Từ thời nhà Tấn đến thời nhà Trần trải qua 5 triều đại, các bậc quân vương không ai chẳng thân gần kính lễ. Mỗi lúc gặp phải nạn hạn hán, nghinh thỉnh tôn tượng lên kiệu đưa vào cung, khẩn thiết nguyện cầu, thảy đều có được mưa. Đến trong niên hiệu Trinh Minh (587-589) thời nhà Trần, tôn tượng ấy tự nhiên xoay thân mặt nhìn về hướng Tây, tuy chỉnh sửa lại nhưng vẫn xoay như thế, mọi người bèn đem sự việc ấy tấu trình Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo 583-589) bèn nghinh thỉnh về tôn trí tại điện Thái cực, thiết trai hành đạo, tôn tượng mới rơi mất mũ 7 báu xuống móc nơi tay. Hậu chúa bèn đốt hương phát thệ nguyện rằng: "Nếu như nước nhà có điềm không tốt lành thì nguyện xin hiện lại tướng ấy". Và đưa mũ ấy đội lại trên đầu tượng. Đến sáng hôm sau cũng lại rơi khỏi như trước, vua tôi thảy đều đối sắc mặt. Kịp đến lúc nhà tùy phá diệt nhà Trần. Quan Triều tả để lộ bày mặt buộc vào kinh. vua Văn Đế (Dương Kiên 581-605) thời nhà Tùy biết thế bèn nghinh đưa vào trong cung, thường luôn kính hầu cúng dường. Về sau, vua ban sắc chiếu rằng: "Trẫm tuổi già không thể đứng lâu có thể nên làm tòa. Tôn tượng của vua A-dục nên đưa vào cúng dường chùa hưng Thiện". Thấy hình tượng nhỏ thiết đặt tại mặt phía Bắc, đến lúc sáng sớm hôm sau mới thấy tại phía Nam, lần lượt bên trong hổ thẹn. Nay thấy tại điện đồ tả rất lớn vậy. (Và trong niên hiệu Nhân Thọ 601-605 thời nhà Tùy dựng lập bảo tháp, hơn 100 châu đều có tỏa phóng ánh sáng tốt lành. Như nói trong cảm ứng truyện).

Năm Thái Diên thứ nhất (435) thời vua Thái Võ Đế (Thác bạt Đào) thuộc thời Nguyên (Bắc) Ngụy, có Sa-môn Lưu Tát Hà gia đình vốn ở Bình Nguyên, Nam Cao; Ly Thạch, nay thuộc Từ Châu. Xưa trước đi đến Hòa quận thuộc Tây Phiên, Lương Châu, đứng ở phía Đông

Bắc ngóng trông về Ngự cốc và xa kính lễ mà nói rằng: “Núi này sẽ có tôn tượng hiển hiện, nếu linh tướng đầy đủ thì trong đời an vui thời vận bình yên, còn như có điểm khuyết thiếu thì đời loạn lạc, dân chúng khổ sở”. Sau đó trải qua 87 năm, đến năm Chánh Quang thứ nhất (520) thời Bắc Ngụy, nhân gió mưa lớn, sấm sét nổ đùng, từ núi hang nổi lên hình tượng, thân cao một trượng tám thước, thân hình tướng tốt đoan nghiêm, chỉ không có phần đầu. Bèn chọn đá thuê thợ đục tạc phần đầu, gắn đặt lên rồi trở lại rơi xuống. Từ đó, triều đình nhà Ngụy lấn lướt loạn lạc, lời nói trước kia Phật có chứng nghiệm vậy. Mãi đến năm thứ nhất của triều đại Bắc Chu (557), mới đầu bình trị Lương Châu, từ thành về phía Đông cách khoảng 7 dặm có 1 khe suối, bỗng nhiên thấy một đầu tượng Phật bằng đá, hình sắc tỏa sáng, bèn đưa sang lắp đặt quả nhiên phù hợp, thần nghi điêu khuyết. Hơn 40 năm, thân đầu khác xứ, cách xa nhau hơn 200 dặm, bỗng nhiên một mai tròn đủ. Mọi người đều cảm thán lạ thường. Bấy giờ có ánh đuốc soi chiếu, tiếng chuông vang vọng chẳng ai biết từ đâu có đến. Đến năm Kiến Đức thứ nhất (572) thời Bắc Chu, đầu tôn tượng lại rơi xuống, Đại trưng Tể cùng Tề Vương đích thân sang trông xem, mới bảo xếp đặt lên lại, đến đêm cũng rơi xuống như cũ, trải qua vài mươi lần, lại đưa gắn các phần đầu khác, trọn cũng rơi rớt như thế. Sau đó phá diệt Phật pháp chỉ được 4 năm, khắp bốn phương đều bị tang diệt, tiếp tục lời nói trước ấy lại có ứng nghiệm vậy. Nên phỏng tả tướng trạng ấy rốt cuộc hình lượng có sai. Nay làm thành chùa cảm thông vậy. Lưu-tát-hà bèn thị tịch tại Tửu Truyền trong khe nước cách thành 7 dặm về hướng Tây. Di cốt như hạt quỳ, có người gom nhặt xâu bỏ lại đó, như văn bia ở chùa kia nói vậy. Đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Tôi (Đạo Tuyên) vân du ngoài ải nên có đến bái yết bản miếu của Lưu-tát-hà tại trong chùa ở Từ Châu. Hình ảnh đoan nghiêm cao vợi, thường ngày có lễ kính lớn, từ các châu Thạch Thất, Từ, Nham, Diên, đan, Tuy, Ngân v.v... đều đồ tả hình sùng kính cúng dường, xưng gọi là Lưu sư Phật vậy.

Trong khoảng niên hiệu Thiên Bình (534-538) thời Nguyên Ngụy, tại Định châu có mộ sĩ tôn kính Đức tạo tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm và tự thêm sự kính lễ. Về sau gặp phải giặc dã kéo lôi, không giằng nỗi sự đánh đập khổ đau, nên vọng thừa nhận tội chết. Sắp đến lúc xử chém, mộng thấy có 1 vị Sa-môn bảo tụng kinh “Cứu sinh Quán Thế Âm” 1. 000 biến hẳn sẽ được thoát khỏi. Quan Hữu ty cầm nắm dây trói dẫn đến chợ, vừa đi vừa trì tụng, đến lúc hành quyết thì đủ số 1. 000 biến. Dao chém tự gãy phân thành 3 đạon, da thịt không tổn thương.

Ba lần rút dao chém đều gãy như thế, trông xem vào trên cổ của tôn tượng có 3 dấu vết dao, bèn dâng trạng văn tấu trình, quan Thừa tướng Cao Hoan Biểu xin khỏi tội chết. Ban sắc ghi tả kinh ấy rộng lưu truyền nơi đời. Nay xưng gọi đó là kinh "Cao Vương Quán Thế Âm" vậy. Từ thời nhà Tấn, nhà Tống, Lương, Trần, Ngụy, Yên, Tần, Triệu, đất nước phân thành 16 phần, thời gian trải qua 400 năm, những người xưng niệm trị tụng danh hiệu Quán Thế Âm, Địa Tạng, Di Lặc, Di Đà v.v... mà được cứu giúp, không thể ghi chép hết nỗi, đã có đầy đủ trong các sách truyện, nên nay đây chẳng ghi đầy đủ.

Trong khoảng niên hiệu Thiên Giám (502-520) thời Nam Lương, vua Võ Đế (Tiêu Diễn) tạo dựng chùa Quang Trạch tại Bản Đệ, chủ đúc tôn tượng bằng vàng đồng cao trượng tám, sắp đến sửa khuôn, nghi đồng không đủ, các thơ mới muốn tấu trình để xin, bèn có chiếu ban truyền lãnh 15 xe đồng đưa đến v.v... các thơ vâng phụng sắc đưa đến chùa liền hợp rót, chỉ một lần đúc bên thành mà cảm thấy có phần cao lớn, bèn đo xét lại thì đến 2 trượng 2 thước, các thợ dâng trạng văn tấu trình, vua bèn ban sắc: "Mới đầu chẳng đưa đồng đến, đó là do cảm thông". Bèn khắc nơi tòa hoa ngồi để làm linh chi. Đến nay vẫn còn vậy.

Đến lúc vua Võ Đế (Trần Bá Tiên) thời nhà Trần băng hà (560), người con đầu là trần xuyến (tức vua Văn Đế) kế thừa sự nghiệp tạo xe ôn lương, mới lấy các thứ châu ngọc tại điện Trùng vân của vua Võ Đế (Tiêu Diễn) thời Nam Lương để trang sức, đưa hết sức người đã đông nhiều, khắp bốn phương đều đến chí thấy mấy khí bít giăng bao nhiễu quanh điện Phật, ngoài ra chỉ tại phía tả mở sáng, ánh mặt nhật chiếu ngời, phút chốc mưa lớn trút đổ, sấm sét nổ vang, mây khói tràn tỏa ngoài Điện, lửa cháy đỏ rực trong mây, lưu tỏa ánh sáng trùm khắp cao thấp lần lượt theo nhau, và thấy ảnh bóng của điện Trùng Vân, hai tôn tượng bằng vàng bằng bạc, tám bộ thần vương đều cùng trải tòa đồng một lúc vạt bay, khói lửa cặp theo, bỗng nhiên đến xa ẩn mất. Mãi đến sau khi trời tạnh, mọi người khắp cả nước trông thấy đồng đến xét xem nơi chỗ điện cũ ấy chỉ còn những đá tảng mà thôi. Đến hơn một tháng sau, có người từ Đông Châu đến nói rằng: "Ngày ấy thấy điện ảnh tượng nương giữa hư không bay trên biển. Có người trông nhìn ra biển có lúc cũng thấy vậy.

Vào thời nhà Ngụy, tại Lạc Kinh, Hồ Hậu của vua Minh Đế (?) tạo Phù đồ ở chùa Vĩnh Minh cao cách đất ngàn thước, khắp cả một châu Diêm-phù không nơi nào hơn tháp ấy. Về sau vì trời chấn động, sự

duyên lược đồng như trước. Có người ở Đông Hải cũng thấy tướng ấy. Lại cũng dưới thời nhà Ngụy, tại Bắc Đài thường an đặt hang đá, trong vòng 30 dặm liên tiếp lần lượt xếp đặt cao hơn 20 trượng, bên trong có thể dung chứa cả ngàn người. Quanh eo biển của nước Chấn Đán, các núi Thần Châu, thường luôn có các chùa Thánh cảm hiện trông thấy chẳng chỉ một. Vả lại lược thuật vài ba điểm để lấy làm thật lục.

Xưa trước, khoảng đầu niên hiệu Thái Nguyên (376) thời Đông Tấn, tại Đôn Hoàng có Sa-môn Đàm Du là người có chí nghiệp chuyên cầu mạnh mẽ, chỉ thường đi khất thực xong rồi tọa thiền, nhân đi đến núi Thạch Thành ở Huyện Diệm; Cối Kê, có đàn hổ đến vây quanh trước mặt, Đàm Duvì nó mà giảng nói pháp, trong đó có một con hổ ngủ gật, Đàm Du mới dùng gậy như ý gõ đánh vào đầu nó, bỗng nhiên có 10 con rắn vây bọc chung quanh, Đàm Du vẫn như ban đầu không tỏ vẻ kinh sợ. Lại có thần núi xả bỏ vườn nhà mà thí cúng Đàn Du. Về sau, Đàm Du lại sang núi Xích Thành an tọa. Nói ấy cùng núi Thiên Thai, Bảo Bố, Tứ Minh liên thuộc với nhau. Có các vị phụ lão nói rằng: “Ở núi Thiên Thai có chùa Thánh”. Đàm Du bèn sang kiếm tìm đó. Cầu đá gác qua hang sắc xanh trơn nhẵn, khó thể vượt qua, lại có đá đổ chắn ngang đường, không do đâu để đến được. Về đêm, bèn dừng nghỉ tại đầu cầu, nghe bên kia hành đạo tiếng xướng vọng vang, Đàm du bèn khiết trai tự cố gắng, bỗng thấy tảng đá nằm ngang mở suốt, nên bèn liền đi tới trước, trông thấy Tinh xá, có vị thần Tăng đốt hương. Sau khi thọ trai bữa trưa xong, bảo Đàm Du rằng: “10 năm sau hãy tự nên đến đây!”

Lại có Sa-môn Thích Viên Thông ở chùa Đại Trang Nghiêm tại Nghiệp Hạ trong thời nhà Tề, cảm có một vị thần Tăng đến nghe giảng trong mùa hạ. Đến sau khi mãn hạ tự tứ xong, giả từ mà nói rằng: “Tại chùa Trúc Lâm muốn mời thỉnh Viên Thông qua chùa”. Viên Thông bèn hỏi cụ thể về đường đi. Qua năm sau liền tìm đến, vừa tới phía Đông Bành Sơn, tức thuộc phía Tây bắc của nghiệp hạ, vị Thần Tăng ấy ra nghinh tiếp, Viên Thông thấy rõ đầy đủ cửa nẻo, phòng nhà đẹp xinh cao thoáng, rừng trúc che phủ trời, trải qua dừng nghỉ một đêm đi quanh cùng khắp, lời ý bàn nói hợp đạo. Viên Thông bèn có ý muốn ở đó, vị Thần tăng ấy mới vì hỏi xin Đại Hòa thượng nhưng không được chấp thuận. Đến lúc trở lại đường cũ ra về, vừa mới đi cách hơn 3 dặm, ngoảy trông nhìn lại chẳng thấy gì cả. Về sau, Viên Thông lại sang tìm mà chẳng biết xứ ấy tại đâu!

Gần đây, tại Đặng Châu, có Sa-môn Đạo Cần, đến chùa Bắc của

châu, tựa nương núi đứng, muốn tìm hỏi đến chùa tiên, bèn như lời nói mà thấy rõ đủ đầy, bèn rảo bước trông xem khắp cùng, quả thật là chùa đẹp xinh, mọi thứ vật dụng đều đầy đủ, chỉ không thấy người ở. Bước xuống tầng dưới, bỗng chốc liền mất lối trở về, mới ở bên mé đường dựng thất ở để phỏng tìm. Lại có hang Bảo Phước ở núi nơi ranh giới phía Đông của Phần Châu, là núi của chư Tăng ở, thường thấy có các Sa-môn nương giữa không trung mà qua lại.

Lại nữa, tại núi Tam học ở phía Đông Ích Châu thường có các đèn thần từ không trung chiếu sáng, vào những ngày trai lại gấp bội lắm nhiêu. Lại nữa, tại hang Hồng Nhai ở phía Nam Lương Châu, nơi Trờ cừ Mông Tốn tạo dựng bia, chùa ấy hiện còn có vị Thánh tăng đắp họa thường hành đạo, có người đến thì bèn ngưng nghỉ, người đi khỏi thì tiếp tục hành Đạo. Nên bên cạnh đó các dấu vết chân khíu vào là Đồ chúng của vị ấy, không thể nêu bày nơi đây đầy đủ vậy.

Tôi (Đạo Tuyên) nghe trong "Nhập Đại thừa luận" nói các Tôn giả Tần-đầu-lô, La-hầu-la v.v... cả thảy 16 vị Đại A-la-hán thường trú nơi đời hoằng thông giáo pháp. Lại có 9 ức vị Vô học cũng ở trong châu này, chưa nhập Niết-bàn". Y cứ theo đó mà bàn rõ thì nay ở trong các núi hay nghe có tiếng khánh, hoặc bỗng nhiên gặp có chùa, đâu chẳng phải đó là trú xứ của các Thánh hiền ư?

Nay ước về các môn thông cục để phân thì: -01 là ước về đời đã qua, -02 là ước về ngay trong Hiền kiếp này và -03 là ước về chỉ trong thời gian của một Đức Phật Thích-ca.

- Ước về đời kiếp đã qua dùng để biện thông các bít tất, như nêu bày trên, những hành sự trong đời kiếp đã qua, nào như Bồ-tát xả thân về máo đổ vẫn hiện còn, Thái tử Tu-đạt-noa xả thí con bị đánh đố máu, Bồ-tát trải tóc bít lấp chỗ bùn dơ, nơi Bồ-tát xả bỏ thân để mong được nghe bài kệ, nơi vua Nguyệt Quang chém đầu, nơi vua Thi-tỳ hiến dâng thịt cho chim săn v.v... những vết tích ấy đều từ đời xưa trước, tính lường về các tai ương lắm nhiều cớ sao vẫn hiện còn ư? Các bậc danh Tăng ở Ấn Độ cũng xét quyết điều đó rất chí lý. Như điều hỏi trên thì không nên lưu lại, mà các việc đã qua, những đời sống trước càng mở rộng tại 5 xứ Ấn Độ. Có người nói rằng: Đó là do thần lực của Đức Như Lai, là chí hạnh của Bồ-tát, tuy có gặp phải Tam tai cũng không thể hủy diệt. Sau khi thế giới mới đã lập thành, nương tựa theo đó mà nhóm tụ vậy. Lại có người nói: Sự biến đổi của tam tai, không điều gì xưa trước chẳng dứt trừ, chỉ vì muốn khiến đời sau bắt chước theo đó mà kính ngưỡng, nên khi thế giới mới lập thành, y theo vết tích xưa cũ tương tợ mà hiện,

đều là vết tích Phật hóa thần cảm nên vậy. Nên trong 5 thứ không thể nghĩ bàn thì 1 là sức thần của Phật vậy. Do đó, những sự việc trong đời kiếp xưa trước đã qua nương tựa theo mà hiện bày.

- Ước về ngay trong đồng đời kiếp này để rõ, thả như một là bình bát mà ngàn Đức Phật cùng đồng sử dụng. Tương truyền rằng Đức Phật Thích-ca thọ thực, 4 vua dâng cúng Bình bát, sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, bình bát ấy lưu hành đến nước Tỳ-xá-ly, một trăm năm sau lại đến nước Càn-đà-vệ, lần lượt lại đến các nước Nguyệt Chi, Vu Điền, Quy Tư và sẽ đến nước Chấn Đán rồi trở lại nước Sư Tử, về lại nước Thiên Trúc, lên cung trời Đâu suất, Bồ-tát Di Lặc thấy thế bảo rằng: “Bình bát của Phật Thích-ca nay lại đến đây!”. Bèn suốt 7 ngày cúng dường. Rồi bình bát ấy xuống lại nơi Long cung. Đến lúc Đức Di Lặc thành đạo thì 4 vua trở lại dâng cúng bình bát. Hai là hình ảnh Đức Phật nơi Long cung, ngàn Đức Phật đều đồng lưu lại. Ba là tảng đá vuông, nơi giảng nói pháp, ngàn Đức Phật đều đồng ngồi, tức dưới cây Tất-bát-la tại nước Kiền-đà. Bốn là tháp đá thạnh suy, ngàn Đức Phật đồng chung một thời, trong các truyện trên phần nhiều nói rõ vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Chuẩn cứ theo đây thì trong tương lai ước cũng có thể thấy được vậy.

- Ước về một đời Đức Phật Thích-ca, những sự thông cục chẳng đồng, như thềm cấp bằng vật báu đường lên trời ẩn diệt rồi không dấu vết tiếp nối. Tháp lớn của Tra Vương 7 lần hóa diệt đã. Ba cây Đạo diệt phá rồi mà lại sinh mọc. Dấu chân Đức Phật phá hủy rồi lại hiện, cành dương chặt phá hết rồi lại sinh mọc. Xá-lợi đem thử lại càng linh. Những sự nêu bày như trên, hẳn nên chẳng thông cùng các Đức Phật sau. Đến như núi Kê Túc, Tôn giả Đại Ca-diếp lưu hóa, cung nhỏ của Từ Tôn biện rõ giữ thân hình để chờ đợi Thánh. Bạn của Trở Cừ diệt định, đồ chúng của Ma-chi La-hán, mọi sự hạn cục tương lai, thần vân du tuyệt vức, đều vì sáng tỏ đạo, mở bày bụi mờ, tâm từ dẫn dắt hữu tình, lắng thần các cõi nên vậy!

CHƯƠNG VII: THỜI TRỤ

Căn cứ theo thế giới Sách-ha, trong một Đại kiếp có 1.000 Đức Phật ra đời, lại phàm hiện của kiếp-ba không thể lấy số thời gian mà suy lường. Giả sử lấy một thành đá vuông làm thời gian của một kỳ hạn, trong đó có đủ 4 đại kiếp và 4 trung kiếp, nghĩa là có đủ quá trình thành - trụ - hoại - không vậy.

Như từ khi tuổi thọ con người chỉ có 10 năm dần tăng lên 8 vạn

năm, rồi từ 8 vạn năm trở lại giảm xuống chỉ còn 10 năm. Trải qua 20 lượt như thế là 1 tiểu kiếp, và qua 20 tiểu kiếp làm một kiếp thành, nếu lấy năm tháng để tính thì trải qua tám ngàu vạn ức trăm ngàn tám trăm vạn tám vạn năm chỉ là một tiểu kiếp. Đến nay, kiếp thành đã qua, từ khi vào kiếp trụ đến nay đã qua 9 tiểu kiếp. Đức Thích-ca Như Lai là Đức Phật thứ 4 trong kiếp trụ và hiện còn 996 Đức Phật theo thứ tự tiếp tục xuất hiện nơi đời.

Y cứ theo kinh "Ma-da" nói rằng: "Sau khi Đức Như Lai diệt độ, chánh pháp trú nơi đời 500 năm, tượng pháp 1.000 năm". Lại y cứ theo luật "Thiện kiến" luận "Tỳ-bà-sa" thì nói là: "Sau khi Đức Như Lai diệt độ, chánh pháp trú nơi đời 1.000 năm, và tượng pháp cũng vậy. Nhưng vì Đức Phật hóa độ người nữ nên chánh pháp diệt giảm mất 500 năm. Nếu các người nữ có thể tuân theo pháp bát kính, đúng như pháp mà hành Đạo thì chánh pháp trụ nơi đời trở lại trọn được 1.000 năm". Lại nói là: "Phật pháp trú nơi đời một vạn năm, trong đó, 5.000 đầu, những vị xuất gia tu đạo có thể chứng đắc Tam đạt linh trí, và 5.000 sau, những vị xuất gia tu đạo không thể chứng đắc Tạm đạt linh trí. Qua khỏi thời gian đó trở về sau thì kinh pháp kết quy về long cung còn tôn tượng thì tự hủy hoại. Các hàng Tỷ-khưu chỉ đồng như người thế tục, chỉ có cạo đầu mặc áo ca sa mà thôi. (Phật pháp lưu truyền đến Chấn Đadn đã 3 lần bị phá hủy thiêu đốt. Lần đầu tiên là Hách-liên-bột-bột hiệu là nước Hạ, mới đầu đánh phá Trường An, hễ gặp chư Tăng thì đều giết. Lần thứ hai là vua Thái Võ Đế (Thác bạt Đào 424-452) thời Bắc Ngụy nghe theo lời Thôi Hạo mà hủy diệt Tam bảo. Về sau ăn năn hối hận, Thôi Hạo bị tăng thêm 5 tội hình. Và lần thứ 3 là vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu chỉ buộc chư Tăng hoàn tục, đều chẳng được miễn khỏi, như các truyện ghi chép rõ ràng vậy).

CHƯƠNG VIII: GIÁO TƯỚNG

Từ khi Phật giáo lưu truyền đền nước Chấn Đán, khai mở cứu tế đến cùng, phát ngộ sơ thông, thoát lắng bụi trần. Trong đó, điềm ứng tốt lành đầy đủ một chương rõ ràng ở trước. Nay đây tạm thuật vài điều dùng để trình bày sự không lầm hoặc. Xưa kia chu sĩ hành tìm cầu giáo pháp, chỉ ý chỉ đặt để ở Đại thừa, sắp cất bước từ Tây Vức trở về mới có gặp phải lưu nạn, bèn đem kinh ném vào lửa, các kinh chẳng cháy mà lửa tự tắt mất, khi về đến phương Đông đây, kinh liền tỏa phóng ánh sáng. Lại nữa, Sa-môn Đàm-vô-sấm thỉnh được kinh Niết-bàn, vừa đi đến xứ Lương Châu, ban đêm giặc cướp muốn cướp lấy nhưng giất không lên

nỗi, bèn cúi đầu sám tạ. Thứ nữa lúc vua Võ Đế (Võ Văn Ung) thời Bắc Chu hủy hoại Phật pháp, đập phá tôn tượng thiêu đốt kinh văn, đều thấy tạng kinh lần lượt bay lên giữa không trung, lâu sau ẩn vào giữa khoảng không. Các điều như thế có thật lắm nhiều, không thể ghi tả hết đầy đủ. Nhưng hoằng dương giáo pháp chính tại nơi người, có nước làm gốc. Độ người dựng chùa, đắp họa tôn tượng phiên dịch kinh điển. Ở đời ước về tướng cầu, nrên phát xuất từ đầu đến nay xương minh Phật giáo. Từ thời nhà Hán nhà Ngụy đã qua hẳn không được rõ ràng, còn từ thời nhà Tấn nhà Tống đến nay, lược ghi tường tự như sau:

- Thế tổ Võ Hoàng Đế (tức là vua Võ Đế - Tư Mã Viêm 265-290) thời Tây Tấn (rất mở mang mọi Phật sự, rộng tạo dựng các già lam).

- Vua Huệ Đế (Tư mã Trung 290-307) thời Tây Tấn (tạo chùa Hưng Thánh tại Lục Hạ, thường cúng dường trăm vị Tăng).

- Vua Mẫn Đế (Tư Mã Nghiệp 313-317) thời Tây Tấn (tạo dựng chùa Thông Hư và chùa Bạch Mã tại Lạc Dương).

Vào thời Tây Tấn có 2 kinh thành, cả thảy 180 ngôi chùa, có 13 vị phiên dịch kinh, được 73 bộ (Tăng ni gồm có 37. 000 vị).

- Trung tông Nguyên Đế (tức vua Nguyên Đế - Tư Mã Duệ 317-323) thời Đông Tấn (tạo chùa Ngõa quan và chùa Long cung tại Giang Tả, độ ngàn vị Tăng ở Đan Dương).

- Túc tông Minh Đế (tức vua Minh Đế - Tư Mã Thiệu 323-326) thời Đông Tấn (tạo chùa Minh Hưng và chùa Đạo Tràng, nhóm tập 100 vị Tăng nghĩa học).

- Hiển Tông Thành Đế (tức vua Thành Đế - Tư Mã Diễn 326-343) thời Đông Tấn (tạo chùa Trung Hưng và chùa Lộc Dã, nhóm tập 1.000 vị Tăng nghĩa học).

- Thái Tông Giản Văn Đế (tức vua Giản Văn Đế - Tư Mã Dục 371-373) thời Đông Tấn (tạo tôn tượng Phật, độ Tăng xuất gia, xây dựng chùa chiền, tạo tháp gỗ tại chùa Trường Can).

- Liệt Tông Võ Đế (tức vua Hiếu Võ Đế - Tư Mã Xương Minh 373-397) thời Đông Tấn (tạo chùa Hoàng Thái, lập bản dựng chùa tại Bản Đệ).

- vua An Đế (Tư Mã Đức Tông 397-419) thời Đông Tấn (tạo chùa Đại Thạch nơi tháp vua A-dục).

Triều Đại Đông tấn có cả thảy 104 năm (317-420), tạo lập được 1. 768 ngôi chùa. Có 27 người phiên dịch kinh lược được 263 bộ (Tăng ni gồm có 24.000 vị).

- Cao tổ Võ Đế (tức vua Võ Đế - Lưu Tục 420-423) thời Tiền

Tống (đọc tụng Phạm bản, tự tay ghi tả giới kinh, tạo 4 ngôi chùa, như chùa Linh Căn, Pháp Vương v.v... cúng dường 1.000 vị Tăng).

- Thái tông Minh đế (tức Danh Dương Vương - Lưu Nghĩa Phù 423-424) thời Tiền Tống (tạo tôn tượng bằng vàng cao trượng tám, nhân ngày trai cảm được xá-lợi, tạo chùa Hoằng Phổ Trung, chiêu tập các bậc Danh tăng).

- Thái Tổ Văn Đế (tức vua Văn Đế - Lưu Nghĩa Long 424-454) thời Tiền Tống (phụng trì trai giới không giết hại, tạo chùa Thiền Linh, thường cúng dường ngàn vị Tăng).

Dưới thời Tiền Tống tạo dựng được cả thảy 1.913 ngôi chùa, phiên dịch được 210 bộ kinh (Tăng ni có cả thảy 36.000 vị).

- Thái tổ Cao Đế (tức vua Cao Đế - Tiêu Đạo Thành 473-483) thời Nam Tề (tự tay ghi tả kinh Pháp Hoa, miệng đọc tụng kinh Bát Nhã. Ngày mồng 08 tháng 04 thường bảo chủ đúc tôn tượng bằng vàng, vào ngày 15 tháng 07 đến chùa Bạch Phổ dâng bát cúng dường 300 vị Tăng, tạo chùa Trắc Dĩ và chùa Chánh Quy).

- Thế tổ Võ Đế (tức vua Võ Đế - Tiêu Trách 483-494) thời Nam Tề (tạo chùa Chiêu Huyền và chùa Du Hiền, nhóm tập 300 vị Danh tăng cách lượng Tam giáo suốt 4 năm khảo định).

- Cao tông Minh Đế (tức vua Minh Đế - Túc Loan 494-499) thời Nam Tề (ghi tả hết thảy kinh, tạo ngàn tôn tượng bằng vàng, đọc kinh Bát Nhã, thường tụng kinh Pháp Hoa, tạo chùa Quy y, nhóm tập các bậc Thiền Tăng, thường hành trì lục trai).

Dưới thời Nam Tề, chùa chiền có cả thảy 2.015 ngôi, phiên dịch được 72 bộ kinh (Tăng Ni có cả thảy 32.500 vị).

- Cao tổ Võ Đế (tức vua Võ Đế - Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương (chế định 5 thời luận, đọc tụng 4 bộ kinh Phương Đẳng, tạo chùa Quang Trạch, Đồng Thái v.v... cả thảy 5 ngôi, thường cúng dường ngàn vị Tăng, khắp cùng nước mọi người đều hành trì học trai và bát giới).

- Thái tông Giản Văn Đế (tức vua Giản Văn Đế - Tiêu Cương 550-551) thời Nam Lương (xây dựng chùa Tư Kính và chùa Báo Ân, chích máu tự ghi tả 10 bộ kinh Bát Nhã, ngày giỗ Thái hậu bỏ ăn mà thiết trai cúng dường, tuyển chọn pháp tập ghi chép hơn 200 quyển, Pháp Bảo Tôn Trí nối liền tường vách cũng hơn 200 quyển).

Dưới thời Nam Lương tạo tựng cả thảy 2. 846 ngôi chùa, phiên dịch 248 bộ kinh (Tăng Ni có cả thảy 82.700 vị).

- vua Tuyên Đế (Tiêu Sát 557-562) và vua Minh Đế (Tiêu Quy 562-586) thời Hậu Lương. Hai vị vua này xây dựng xả tắc, tạo dựng các

chùa Thiên Hoàng, Trắc Dĩ, Đại Minh v.v... ở Kinh Châu, sửa trị 108 ngôi chùa tại Giang Lăng (Tăng Ni có 320 vị).

- Cao tổ Võ Đế (tức vua Võ Đế - Trần Bá Tiên 557-560) thời nhà Trần (tạo chùa Đông An, Hưng Thánh, Thiên Cư v.v... ở Dương Châu, ghi tả hết thảy kinh gồm 12 tạng, tạo 100 vạn tôn tượng bằng vàng, độ 7.000 vị Tăng, sửa sang 32 ngôi chùa cổ).

- Thế tổ Văn Đế (tức vua Văn Đế - Trần Xuyến 560-567) thời nhà Trần (ghi tả 50 tạng kinh, độ Tăng ni 2.000 vị, sửa sang 60 ngôi chùa cổ).

- Cao tông Tuyên Đế (tức vua Tuyên Đế - Trần Húc 569-583) thời nhà Trần (tạo chùa Thái Hoàng ở Cấm Trung; Dương Châu, tạo pháp gỗ cao 7 cấp, lại tạo chùa Sùng Hoàng; chùa cao 15 trượng; phía dưới tôn trí móng tay Đức Phật, tạo hơn 20.000 tôn tượng bằng vàng, sửa sang 501 ngôi chùa cổ, sửa 130 vạn tôn tượng cũ, ghi tả 12 tạng kinh, độ Tăng gồm một vạn vị).

Trong thời nhà Trần có 5 vị vua, với thời gian 34 năm (557-589), tạo dựng được 1.232 ngôi chùa, trong nước có 1.700 ngôi chùa mới, Tăng ni có 32.000 vị. Phiên dịch được 11 bộ kinh. Theo Hưng Địa Đồ nói rằng: “Dưới thời Nam Lương, tại Đô Hạ xưa trước có hơn 700 ngôi chùa, gặp lúc Hầu Cảnh nổi loạn đốt phá gần hết. Đến lúc nhà Trần đã thống nhất nước nhà, ban sắc dân chúng đều tu bổ sửa sang tất cả, dựng tháp nêu bày cùng trông như lưới sao nâng cao liển, sự phong phú của kinh tượng không thể nói hết”.

- Thái tổ Đạo Võ Đế (tức vua Đạo Võ Đế - Thác bạt Quế 386-409) thời Bắc (Nguyên) Ngụy (tạo tháp cao 15 cấp tại đất Ngô, lại tạo chùa Khai Thái và Định Quốc, ghi tả hết thảy kinh, tạo 1. 000 tôn tượng bằng vàng, mỗi tháng nhóm tập 300 vị Danh tăng luận pháp).

- Cao tông Văn Thành đế (tức vua Văn Thành Đế - Thác bạt Duệ 452-466) thời Bắc Ngụy (Trùng Hưng lại Phật giáo, mở mang dòng họ Thích, độ Tăng ni 30.000 vị).

- Cao tổ Hiếu Văn Đế (tức vua Hiếu Văn Đế - Thác Bạt Hoành 471-476) thời Bắc Ngụy (tạo chùa An dưỡng tại Nghiệp Đô, chiêu tập chư Tăng khắp bốn phương, các thị nữ trong sáu cung mỗi năm đều thọ trì 3 tháng 6 ngày trai. Người nào kính mộ Đạo thì được cho phép xuất gia. Tự tay chẳng lìa quyển kinh, chỉ đọc trong khoảnh khắc bèn giảng. Vì Tiên Hoàng mà tu sửa lại chùa Đại Giác, Đại Hạnh, Bố thí cúng dường. Độ Tăng Ni 14.000 vị).

- Thế Tông Tuyên Võ Đế (tức vua Tuyên Võ Đế - Nguyên Khác

500-516) thời Bắc Ngụy (tự giảng kinh Duy Ma tại Điện Thức Càn, tạo chùa Phổ Minh, Đại Định v.v... cả thảy 4 ngôi, thường cúng dường ngàn vị Tăng).

- Tiêu tông Hiếu Minh Đế (tức vua Hiếu Minh Đế - Nguyên Hư 516-528) thời Bắc Ngụy (tạo chùa Đại Giác tại Nghiệp Hạ).

- Kính tông Hiếu Trang Đế (tức vua Hiếu Trang Đế - Nguyên Tử Du 528-530) thời Bắc Ngụy (tạo 5 ngôi Tinh xá và một vạn tôn tượng bằng đá).

- Vua Võ Đế (?) thời Tây Ngụy (tạo chùa Trắc dĩ tại Trường An, cúng dường 200 vị Tăng).

- Vua Văn Đế (Nguyên Báo cự 535-552) thời Tây Ngụy (tạo chùa Bát Nhã, dùng cung cấp những người nghèo khổ già yếu, miệng trì tụng kinh Pháp Hoa, thân thọ trì giới Phật).

Trong thời Nguyên Ngụy, gồm 17 đời vua, trải qua 170 năm (386-556) khắp trong nước nhà có 47 ngôi chùa lớn, tại Bắc Đài thường an trí khắc đá đặt khám tiếp liền 30 dặm. Các Vương công v.v... tạo 839 ngôi chùa, trong dân chúng tạo hơn ba vạn ngôi chùa. Độ Tăng ni cả thảy hơn 200 vạn vị. Phiên dịch được 49 bộ kinh. Từ khi Phật giáo lưu truyền đến phương Đông, trong thời đại này rất là hưng thạnh. Chỉ có trong đời vua Thái Võ Đế (Thác Bạt Đào 424-452), vì tin dùng lời xiểm nịnh ton hót của quan Tư đồ Thôi Hạo nên phá hoại Phật pháp, ngầm ẩn suốt 7 năm. Về sau, biết đó là dối trá sai lầm nên vua giết dòng họ Thôi, trở lại phục hưng Phật giáo, xiển dương tỏ rạng như trước.

- Cao tổ Văn Tuyên Hoàng Đế (tức vua Văn Tuyên Đế - Cao Dương 550-560) thời Bắc Tề (sau khi lên ngôi, vua liền Thiền pháp nơi Thiền sư Tăng Điều, phát tâm thọ giới Bồ-tát, dứt trừ ăn thịt, cấm buôn bán rượu, phóng thả chim săn, phá chài lưới. Lại chấm dứt sự giết hại trong thiên hạ. Mỗi năm 3 tháng 6 ngày khuyên hóa dân chúng thọ trì trai giới. Các nơi trồng tỉa rau lá ngũ tân bất kể của công hay riêng đều phá bỏ. Độ 8.000 người).

- Túc tông Hiếu Chiêu Đế (tức vua Hiếu Chiêu Đế - Cao Diễn 560-561) thời Bắc Tề (vì Tiên Hoàng mà ghi tả 12 tạng kinh gồm cả thảy 8.047 quyển, độ 3.000 vị Tăng).

- Thế tổ Võ Thành Đế (tức vua Võ Thành Đế - Cao Chạm 561-565) thời Bắc Tề (tạo dựng tháp báu, đọc tụng kinh Đại phẩm).

Trong thời Bắc Tề có 6 vị vua, suốt thời gian 28 năm, (550-578) trong Hoàng gia tạo dựng 43 ngôi chùa, phiên dịch được 14 bộ kinh. Độ người tương tiếp như thời Nguyên Ngụy.

- Hiếu Minh Đế (có phải là Hiếu Mẫn Đế - Võ Văn Giác 557-557?) thời Bắc Chu (vì Tiên Hoáng mà tạo tôn tượng bằng thêu dệt thành cao 2 trượng 6 thước và tạo 12 tôn tượng ngang bằng thân hình, cùng các thị vệ).

- Thái tổ Văn Đế (có phải là vua Minh Đế - Võ Văn Dục 557-561) thời Bắc Chu (?) (tạo các chùa Trung Viễn, Trắc Dĩ, Đại thừa v.v... cả thảy 6 ngôi tại Trường An. Độ 1.000 ngượi. Lại tạo 5 ngôi chùa, cúng dường đồ chúng Thiền sư Bảo).

- Cao tổ Võ Đế (tức vua Võ Đế - Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu (vì Văn Hoàng mà tạo tôn tượng bằng tơ lụa cao một trượng sáu thước, xây dựng 120 ngôi tháp báu. Lại tạo chùa Ninh Quốc, Hội Xương, Viễn Minh tại kinh hạ. Độ tăng 1. 800 vị, ghi tả 1. 700 bộ kinh. Về sau, gặp phải sử xiểm nịnh của Trương Tân mới bị bất thiện làm đầu, phế bỏ Tăng ni 300 vạn vị).

- Hiếu Tuyên Đế (tức vua Tuyên Đế - Võ Văn Huân 579-579) thời Bắc Chu (phục hưng lại Phật giáo, đắp họa 4 tôn tượng, tạo hơn một vạn cái khám, ghi tả 3. 000 quyển kinh Bát Nhã, sau ngày trai và tám giới thường mở mang không ngưng dứt).

Trong thời Bắc Chu có 5 vị vua. Với thời gian 25 năm (557-581) tạo dựng được 931 ngôi chùa, phiên dịch được 16 bộ kinh.

- Cao tổ Văn Hoàng Đế (tức vua Văn Đế - Dương Kiên 581-605) thời nhà Tùy (năm Khai Hoàng thứ 3 (583), với các chùa bị phá hủy thời Bắc chu đều được tạo dựng lại. Dưới các danh sơn mỗi mỗi đều có tạo dựng chùa. Khắp hơn 100 châu tạo dựng tháp tôn thờ xá-lợi. Độ Tăng ni 23 vạn vị, lập 3. 792 ngôi chùa, ghi tả 46 tạng kinh gồm 132. 086 quyển, tu sửa 3. 853 bộ kinh cũ. Tạo 16. 584 tôn tượng, ngoài ra các thứ tạo dựng riêng biệt không thể ghi tả đầy đủ nơi đây).

- vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) thời nhà Tùy (vì Văn Hoàng Đế và Hiến Hậu mà tạo 2 chùa Thiền định tại Trường An, và tạo 2 ngôi tháp gỗ, dựng lập riêng 10 ngôi chùa, các quan cúng dường tứ sự, tu sửa 612 tạng kinh cũ gồm 29. 172 bộ, tu sửa 11. 000 tôn tượng cũ, tạo 3850 tôn tượng mới. Độ Tăng 6. 200 vị).

Trong thời nhà Tùy có 2 vị vua, suốt thời gian 37 năm (581-618), tạo dựng 3. 985 ngôi chùa, Tăng ni có 236. 200 vị, phiên dịch được 82 bộ kinh.

Đến thời Tiền Đường chúng ta đây mở thoáng, Phật giáo công nghiệp lớn nhiều, chưa thể nêu ghi nên khó mở đầu nêu bày vậy.

Năm Vĩnh Huy thứ nhất (650) thời Tiền Đường tức năm Canh Tuất. Sa-môn Ngô Hưng Thích Đạo Tuyên ở chùa Phong Đức, núi Thái nhất tại chung Nam nhân sang dự tham công việc phiên dịch kinh, bên cạnh đó, đọc xem biệt truyện thấy văn nhiều khó tìm nên lược nêu điểm cốt yếu và nhuận chỉnh phong sắc xếp đặt theo loại, ngõ hầu trong tương lai gặp việc tốt lành dùng Bồ-tát tinh sáng vậy.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 190

DU PHƯƠNG KÝ SAO

SỐ 2089

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2089

DU PHƯƠNG KÝ SAO

- Truyện sang năm xứ Thiên Trúc.
- Ghi chép của Sa-môn Ngộ Không vào Thiên Trúc.
- Hành trình đi Tây Vực của Sa-môn Kế Nghiệp.
- Khảo truyện về Phạm tăng Chỉ Không.
- Truyện Phạm tăng Tỏa Nam Nhượng Kết.
- Văn Bia Bà-la-môn Tăng Chánh ở Nam Thiên Trúc.
- Truyện đại Hòa thượng Đông chinh thời tiền Đường.
- Du Thiên Trúc Ký Dật Văn của Sa-môn Thường Mẫn ở thời tiền Đường.
- Trung Thiên Trúc Hành Ký của Vương Huyền Sách và Tây Trúc Chí Dật Văn do Bách Quan soạn ở thời tiền Đường.

1-TRUYỆN SANG NĂM XỨ THIÊN TRÚC

(Sa-môn Thích Tuệ Siêu ở nước Tân La ghi chép)

..... Báu, chân không, lõa hình ngoại đạo chẳng mặc.... .

..... Qua khỏi bữa ăn liền uống, cũng không chay tịnh. Đất đều bằng phẳng...... có nô tì đem bán người tội, cùng người tội không khác ...... một tháng đến nước Câu-thi-na, nơi Đức Phật nhập Niết-bàn. Ở thành đô hoang phế không có người ở. Nơi Đức Phật nhập Niết-bàn tạo dựng Tháp, có Thiền sư ở đó quét tước. Mỗi năm vào ngày mồng tám tháng tám, các hàng Tăng ni đạo tục đều đến đó thiết đại hội cúng dường.

Ở giữa không trung có trán phan hiển hiện không biết số lượng là bao nhiêu, mọi người đồng trông thấy. Ngay trong ngày đó người phát tâm chẳng phải một. Ở phía Tây tháp đó có một dòng sông tên là Y-la-bát-để, nước xuôi chảy về hướng Nam ngoài hai ngàn dặm mới vào sông Hằng. Chung quanh tháp đó không có người ở, toàn là rừng cây hoang vắng. Những người sang đó lễ bái bị tê giác, trâu, loài trùng lớn làm tổn hại. Về phía Đông Nam tháp đó cách khoảng ba mươi dặm có một ngôi chùa tên là Sa Bàn Đàn, có.... hơn..... Thường cúng dường Thiền sư đó các thứ y thực, khiến ở nơi tháp mà cúng dường.... ngày, đến nước Ba-la-tư. Nước đó cũng hoang phế không có vua tức.... năm câu luân kia, thấy treo hình tượng ở trong tháp.... trên có hình sư tử, tràng phan đó rất xinh đẹp, năm người hợp cùng ôm lấy, đường văn nhỏ nhiệm.... . Tháp, đều tạo tràng phan đó, chúa tên là Đạt Ma Chiếc Cát La, tăng chúng...... ngoại đạo chẳng mặc y phục, trên thân bôi thoa tro bụi, phụng thờ Đại Phạm thiên ..... Trong chùa đó có một tôn tượng bằng vàng đồng năm trăm .... là do xưa kia ở nước Ma-kiệt-đà có tên là Thi La Lật Để tạo nên tôn tượng ấy, vào tạo một bức...... bằng vàng đồng trọn một tấc, đem đi cách thành đó hơn ba mươi bộ đến phía Bắc bờ sông Hằng đặt để vậy. Tức Lộc dã uyển, Câu-thi-na, Xá Thành, Ma-ha Bồ-đề v. v..., bốn tháp linh lớn tại ranh giới vua nước Ma-kiệt-đà, nước đó đều hành trì giáo pháp cả đại thừa lẫn Tiểu thừa.... đến được chùa Ma-ha Bồ-đề, xứng hợp với bản nguyện nên vui mừng khác thường, lược nêu đề thuật lại ngu chí theo lối ngủ ngôn:

“Chẳng lo Bồ-đề xa
Chỉ buồn đường hiểm trở
Tám tháp thật khó thấy
Người nào mãn nguyện ấy
Sao đến Lộc Uyển dài
Đâu ý nghiệp gió bay
Tham trước qua kiếp thiêu
Thấy trước mắt sóng nay!”

Từ nước Ba-la-tư ấy trải qua.... . Tháng đến nước Trung Thiên Trúc, vua ở tại thánh, tên là Cát Na Cập. Tại xứ Trung Thiên Trúc, cảnh vức thoáng rộng, trăm họ Đông nhiều, vua có chin trăm con voi, các đại thủ lãnh khác, mỗi mỗi tự có hai ba trăm con. vua nước đó thường tự dẫn đầu voi ngựa binh lính ra chiến đấu, thường cúng xứ.... Thiên Trúc đánh nhau, vua xứ trung Thiên Trúc luôn thắng trận. Theo pháp luật nước đó tự biết thiếu voi ngựa, thiếu binh lính, nên liều xin cầu hòa,

mỗi năm giao nộp thuế, chẳng tranh giao chiến trận giết hai lẫn nhau, với cách thức ăn mặc nói năng, pháp dụng phong tục con người cả năm xứ Thiên Trúc đều tương trợ nhau. Chỉ tại Nam Thiên Trúc theo quốc pháp của năm xứ Ấn Độ không có gông cùm, lao ngục, nếu người có tội thì chỉ y cứ vào sự nặng nhẹ mà phạt tiền, cũng không có hình luật giết hại. Trên đến các vua chúa, dưới đến các hàng thứ dân, đều không có những việc đi săn, phóng chim, đuổi chó... Đường xá tuy có giặc dã nhưng chỉ lấy vật rồi liền phóng thả, cũng không có giết hại. Như nếu tình vật túc có mất vậy. Đất đai rất ấm, trăm thứ cây cỏ thường xanh tươi, không có sương tuyết, ăn thuần lương thực, gạo lúachín muộn, bún, bánh, nhũ lạc... không có tương muối, toàn dùng nồi đất đung nấu cơm để ăn, không có búa sắt.... trăm họ không riêng thuế thường, chỉ rút trích năm thạch ruộng con để đóng cấp vua, vua sai người vận chuyển tới chủ ruộng.... chẳng phải vì đưa đến trăm họ ở xứ đó nghèo khó phần nhiều, sang giàu hiếm ít. Trong nhà vua quan cho đến nhà giàu có đắp mặt một đôi áo dạ, tự... một chiếc, người nghèo nữa mảnh, người nữ cũng vậy.

Mỗi lúc vua đến ngồi nơi nha sở, các thủ lãnh cùng dân chúng đều lại vây quanh bốn phía vua mà ngồi, mỗi mỗi tự tranh luận đạo lý, bài bàng đấu tố lẫn lộn, đấu loạn khác thường, vua nhận nghe lấy chẳng oán giận từ từ giải đáp rằng: “Ông này là phải, ông kia chẳng phải.... ” Dân chúng ấy đều lấy theo một lời vua mà làm chuẩn định, chẳng phải nói bày trở lại. Vua và các thủ lĩnh ấy... rất kính tin Tam bảo, như đối trước các bậc sư tăng, vua và các thủ lĩnh... đều ngồi dưới đất, chẳng dám ngồi trên sàn tòa. Nơi mà vua và các thủ lĩnh đi ngồi qua lại, tự mang theo sàn giường nhỏ bên mình, đến nơi liền dùng ngồi, chẳng dùng sàn tòa của người khác. Ở chùa và nhà của vua đều tạo dựng thành ba lớp tầng lầu. Ở tầng thứ nhất dưới cùng làm kho, tầng giữa người ở, các thủ lĩnh lớn ... cũng vậy, phòng nhà đều ngang đầu dùng bằng gạch nung, cây gỗ tạo dựng nên. Ngoài ra ..., đều là nhà tranh cỏ, tợ như nhà cửa ở đất Hán (Trung Hoa) tạo dựng dưới mưa, lại là một tầng vậy.

Đất đai xứ đó sản sinh ra các thứ vải dạ, voi ngựa.... mọi vật, chứ khôntg sản sinh ra vàng bạc, tất cả đều do từ nước ngoài mang lại. Cũng không nuôi dưỡng các loài súc vật:lừa ngựa, lạc đà, heo... trâu ở xứ đó thuần toàn sắc trắng, trong vạn con hiếm lắm mới có một con sắc màu đen đỏ. Da nhựa cũng hiếm thiếu, chỉ vua mới có được vài trăm con, sáu bảy mươi đôi. Ngoài ra, thủ lĩnh và các dân chúng toàn không nuôi dưỡng, chỉ ưa thích nuôi trâu để lấy sữa, Lạc Tô vậy. Đất đai người hiền lành, chẳng ưa thích giết hại, nơi chốn phố chợ chẳng thấy có tiệm giết

vật bán thịt.

Tại trung Thiên Trúc mọi người đều tu hành theo pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Trong xứ Trung Thiên Trúc có bốn ngôi tháp lớn: một là cấp cô viên ở nước Xá-vệ, thấy có chùa và chúng tăng ở. Hai là trong vườn Yên La ở thành Tỳ Đa Ly có ngôi tháp hiện còn, chùa ở đó không có chư Tăng ở. Ba là tại nước Ca Tỳ Đa La tức nói thành Đức Phật đản sinh, cây Vô Ưu hiện vẫn còn. Thành đó đã hoang phế, có tháp mà không có chư Tăng ở, cũng không có dân chúng. Thành đó ở rất xa về phía Bắc. Cây rừng lắm hoang vu, đường xá có lắm giặc dã, người sang đó lễ bái phải rất khó mới tìm được đường đi. Bốn là tháp nơi ba đường thềm cấp báu. Tại Trung Thiên Trúc, vua đứng ở phía Tây thành đợi bảy ngày khoảng giữa hai bờ sông Hằng, Đúc phật ở cung trời Đạo Lợi biến hóa làm thành ba đường thềm báu để xuống nơi chốn Diêm Phù Đề, đường bên tả bằng vàng, đường bên hữu bằng bạc, đường chính giữa bằng lưu ly. Đức Phật đi tại đường giữa, trời phạm Vương đi đường bên tả, trời Đế Thích đi đường bên hữu hầu theo Đức Phật mà xuống, tức ở xứ đó mà dựng tạo thác. Thấy có chùa và chư tăng, có.... .

Từ nước Trung Thiên Trúc theo hướng Nam đi suốt hơn ba tháng là chỗ ở của vua nước Nam Thiên Trúc, vua có tám trăm con voi, đất đai nước đó rất thoáng rộng, phía Nam đến Nam Hải, phía Đông đến Đông Hải, phía Tây đến Tây Hải, phía Bắc đến Trung Thiên Trúc. Các nước Tây Thiên Trúc, Đông Thiên Trúc tiếp liền ranh giới với nhau, vận mặc y phục, ăn uống, phong tục của con người tương tợ như ở Trung Thiên Trúc, chỉ có tiếng nói hơi khác nhau. Đất đai nóng hơn so với ở Trung Thiên Trúc. Xứ đó sản sinh ra các thứ vải dạ, voi, thuỷ ngưu, hoàng ngưu, cũng có ít dê. Không có các loài lạc đà, lừa.... có lúa ruộng nước, không có lúa mùa, lúa tẻ... đến như các thứ lụa, quyên thì ở năm xứ Thiên Trúc đều không có. Vua và thủ lĩnh, dân chúng ... đều rất kính trọng Tam bảo, kính chùa, kính Tăng. Với giáo pháp Đại thừa, Tiểu thừa đều được thành trì. Tại đó, ở trong núi có một ngôi chùa lớn do Bồ-tát Long Thọ sai bảo thần Dạ-xoa tạo dựng nên, chẳng phải do sức người làm ra, đều là đục núi làm trụ, làm thành ba tầng lầu, xung quanh bốn phía hơn ba trăm bộ. Ngày Bồ-tát Long Thọ còn tại thế chùa đó có ba ngàn vị Tăng mà gạo ấy chẳng cạn hết, thường ngày lấy đi, trở lại như cũ không giảm thiếu, nhưng nay ngôi chùa ấy hoang phế, không có chư Tăng ở. Bồ-tát Long Thọ sống đến bảy trăm năm mới thị tịch(?) Bấy giờ tại đường đi nước Nam Thiên Trúc có làm bài thơ theo lối ngụ ngôn rằng.

“Trăng đêm.... đường.
Bớt thú tham bỏ tiện.
Nước ta trời phương Bắc
Nhật Nam không có nhạn
Mây nổi vụt bay về.
Gió bỗng chẳng chịu xoay
Quê người đất góc Tây.
Ai hướng bay vào rừng”

Lại từ nước Nam Thiên Trúc theo hướng Bắc đi liền hai tháng là đến thành vua nước Tây Thiên Trúc ở. vua nước đó cũng có năm sáu trăm con voi. Đất đai sản sinh ra các thứ vải dạ và bạc, voi, ngựa, trâu, dê, phần nhiều sản sinh ra các giống lúa mùa lớn nhỏ và các thứ đậu.... Còn giống lúa nước hoàn toàn hiếm, thiếu. Ăn phần nhiều bằng bánh, bún sữa, lạc, tô, dầu, mua bán ở chợ dùng bằng tiền bạc, vải dạ.... . Vua cùng các thủ lĩnh và dân chúng.... rất kính Tam bảo, kính chùa, kính Tăng, hành trì cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Đất đai nước đó rất thoáng rộng, phía Tây đến Tây Hải. Dân chúng trong nươc phần nhiều giỏi về xướng ca. Ngoài ra, ở bốn nước Thiên Trúc kia chẳng như ở nước này, lại không có roi gậy, gông cùm, lao ngục, hình luật giết chóc.... hiện nay bi các nước lớm mạnh đến xâm chiếm, một nửa đất nước đã bị mất. Lại nữa, pháp luật ở năm nước Thiên Trúc, người nào đi ra ngoài, chẳng cần phải mang theo lương thực, đến nơi cầu xin tức liền được có ăn, chỉ có vua và các thủ lĩnh đi ra ngoài mới mang theo lương thực, không ăn dùng của dân chúng.

Lại từ nước Tây Thiên Trúc theo hướng Bắc đi suốt hơn ba tháng là nước Bắc Thiên Trúc có đất nước tên là Sà Lan Đạt la, vua nước đó có ba trăm con voi, nương men theo núi làm thành để ở. Từ đó trở về hướng Bắc dần dần có núi vì đất nước nhỏ hẹp, lính ngựa chẳng nhiều thường bị nước Trung Thiên Trúc và nước La Diếp Di La luôn luôn thôn tính, do đó mà nương men theo núi để sống, phong tục con người, ăn uống nói năng chẳng khác ở nước Trung Thiên Trúc, đất đai hơi lạnh hơn ở Trung Thiên Trúc... cũng không có sương tuyết, chỉ có gió lạnh. Đất đai sản sinh ra các thứ voi, vải dạ, lúa mùa lúa nước, lúa hoa ít có. Vua nước đó chỉ có trăm con voi, các thủ lĩnh năm ba con, phía Tây là đồng bằng sông nước, phía Đông gần tiếp giáp núi tuyết. Trong nước mọi người rất kính chùa, kính Tăng, hành trì cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Lại đi một tháng vượt qua núi tuyết đến phía Đông có một nước nhỏ tên là Tô Bạt Na Câu Đát La thuộc sự cai quản của nước Thổ Phiên, ở đó cách vận mặc tương tợ như tại Bắc Thiên trúc, nói năng

tức có khác, đất đai rất lạnh. lại từ nước Tô Bạt Na Câu Đát La đó theo hướng Tây đi một tháng là đến nước Xả Tra, ở đó nói năng hơi khác, còn phần nhiều đều tương tợ. Phong tục con người, cách thức ăn mặc, đất đai sản sinh khí tiếc lạnh nóng, đều tương tợ ở Bắc Thiên Trúc cũng kính chùa kính tăng, tu hành cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa, vua cùng các thủ lĩnh và dân chúng đều rất kính tin Tam bảo.

Lại từ nước Xả Tra đó theo hướng Tây đi một tháng là đến nước Tân Đầu Cổ La, phong tục con người, cách thức vận mặc đều tương tợ như ở Bắc Thiên Trúc, nói năng hơi khác biệt. Ở nước đó rất mến chuộng Lạc Đà vì người nước đó cần lấy sữa Lạc Đà để ăn dùng. vua và dân chúng rất kính trọng Tam bảo, kính chùa kính tăng. Luận sư chúng hiền tạo bộ thuận chánh lý luận vốn người nước đó. Tại nước đó tu hành cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Hiện nay bị các nước lớn xâm lược đất nước. Từ đất nước đó cho đến cả năm nước Thiên Trúc, chẳng uống rượu nhiều, đi khắp năm nước Thiên Trúc không thấy co` người say sưa, đánh đá lẫn nhau. Giả sử như có người uống rượu cũng chỉ vì tỏ bài sắc mạo, sức lực mà thôi, không thấy ca múa, uống ăn, yến tiệc quá lắm.

Lại nữa, từ nước Bắc Thiên Trúc có một ngôi chùa tên là Na Kiệt La Bạt Na có một vị Sa-môn người đất Hán(Trung Hoa) thị tịch tại đó. Theo các vị Đại Đức ở đó kể lại: "Vị Sa-môn ấy từ nước Trung Thiên Trúc đến rất thông rãnh Tam Tang Thanh Giáo, sắp muốn trở về quê hương bỗng nhiên trái mất sự điều hòa bèn thị tịch" Lúc nghe nói vậy, không ai chẳng đau lòng, bèn ghi bốn vần vì buồn thương minh lộ theo lối ngũ ngôn:

"Quê cũ đèn không chủ
Thần linh đến nơi nao
Nhớ tưởng thương tình thiết
Ai biết đường quê nước
Đất khách cây báu gãy.
Ngọc mạo đã thành tro
Thương ông nguyện chẳng thành
Không thấy mây trắng về. "

Lại từ nước đó theo hướng Bắc đi mười lăm ngày, vào núi đến nước Ca La. Nước Ca Di La cũng thuộc số nước Bắc Thiên Trúc. Nước đó hơi lớn. vua có ba trăm con voi, ở lại trong nước, đường xá đi lại hiểm xấu, không bị các nước ngoài xâm chiếm, dân chúng Đông nhiều, nghèo nhiều, giàu ít. Vua cùng những thử lĩnh và những người giàu có vận mặc y phục không khác ở Trung Thiên Trúc, ngoài ra, dân chúng

đều mặc đắp đệm lông để cho thêm hình xấu xí. Đất đai ở đó sản sinh ra các thứ đồng sắt, vải dạ, đệm lông, trâu, dê, có voi nhưng thiếu ngựa, thuộc loại lúa canh, Bồ Đào, đất đai rất lạnhchẳng đồng như các đất nước đã ngang qua trước, mùa thu có lắm sương, mùa Đông tuyết đổ, mùa Hạ mưa sương. Trăm thứ cây cỏ luôn xanh, cành lá điêu tàn, cỏ mùa Đông đều khô chết. Sông hang hẹp nhỏ, hai phía Nam Bắc đi khoảng năm ngày, hai phía Đông Tây đi khoảng một ngày là cùng khắp, ngoài ra toàn là rừng chàm, nhà thuần làm bằng ván cây che phủ ở trên, chẳng dùng các thứ tranh cỏ, ngói gạch. Vua cùng các thủ lãnh và dân chúng rất kính Tam bảo, trong nước đó có một ao rồng. Vua rồng đó thường ngày cúng dường các vị A La-hán. Tuy không người nào thấy các Thánh Tăng ấy thọ thực, nhưng cứ qua khỏi giờ thọ trai liền thấy các thứ cơm, bánh, từ dưới nước lẫn lộn nổi lên, do đó mà được biết, mãi đến ngày nay việc cúng dường ấy vẫn không ngưng dứt. vua cùng các Đại Thủ Lãnh lúc đi ra thì cưỡi voi, các quan nhỏ cưỡi ngựa, dân chúng thảy đều đi bộ. Trong nước đó rất kính chùa, kính Tăng tu hàng cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Theo pháp luật ở năm nước Thiên Trúc trên từ các bậc quốc vương, Vương phi, vương tử, dưới đến các thủ lĩnhvà vợ con mỗi mỗi đều tự theo sức lực và jkhả năng của chính mình mà tạo dựng nên chùa chiền, mỗi người tự làm riêng, không cùng chung tu tạo. Vì ở xứ đó cho rằng: "Mỗi người tự có công đức, sao phải cùng chung tu tạo?" Ấy đã như thế thì các vương tử khác cũng vậy.

Phàm tạo dựng chùa chiền cúng dường tức cúng thí cho dân chúng trong thôn trang, cúng dường Tam bảo. Không có người chẳng tạo dựng chùa không cúng thí dân chúng. Vì pháp luật ở nước ngoài nên vua và Phi Hậu mỗi mỗi đều ở riêng biệt dân chúng trong thôn trang. Các vương tử và thủ lãnh, mỗi đều tự có dân chúng tự do bố thí, không cần đến vua, tạo dựng chúa chiền cũng vậy, hễ cần tạo tức liền tạo, cũng chẳng cần phải hỏi vua, vua cũng không dám ngăn cản vì sợ chuốt lấy tội xấu ác. Nếu dân chúng giàu có tuy không thôm trang để bố thí cũng gắng sức tạo chùa để tự làm giềng mối thường, có được vật hì cúng dường Tam bảo. Vì ở năm nước Thiên Trúc không có bán người, không có tôi tớ, như cần bố thí thì chỉ dân chúng trong trang viên vậy.

Lại từ nước Ca-diếp Di La theo hướng Đông Bắc cách núi đi khoảng mười lăm ngày.

Đường tức đến nước Đại Bột Luật, nước Dương Đồng, nước Sa Bá Tư, ba nước đó đều thuộc sự cai quản củaThổ Phiên, cách thức con người ăn mặc nói năng mỗi mỗi đều riêng khác, vận mặc da cừu, giạ,

áo sam, giày ủng, aó hạt...., đất đai hẹp nhỏ, núi sông hiểm trở, cũng có chùa, có chư Tăng kính tinTam bảo. Nếu là đã thuộc phía Đông thổ phiên thì đều không có chùa chiền, không biết phật pháp. Vì tục xứ đó là người Hồ nên tin vậy.

Đã đến phía Đông đất nước Thổ Phiên thì toàn ở chốn núi băng, núi tuyết, núi sông hang động, dùng màn giạ ngăn chằn để ở, không có thành quách, phòng nhà, nơi ở toàn tương tợ hang ở tùy theo cỏ nước. vua xứ đó tuy ở một nơi cũngkhông có thành quách, chỉ dùng màn giạ ngăn che sinh sống. Đất đai sản sinh các loại dê, ngựa, mèo, trâu, áo hạt, bông đệm, chẳng đồng như các nước khác, nhà nhà thường ăn bún miếng, ít có bánh, cơm. Quốc Vương và dân chúng đều không biết Phật Pháp, không có chùa chiền. Dân chúng trong nước đều đục xuyên đất làn hầm hố để nằm, không có giường chiếu, sắc da người dân rất đen, người trắng hiếm có, nói năng chẳng đồng các nước khác. Phần nhiều ưa thích ăn chấy rận, vì mặc áo lông nên có nhiều chấy rận, bắt được liền nún vào miệng, trọn không vất bỏ. Lại từ nước Ca-Diếp-di-La theo hướng Tây Bắc vượt cách núi đi khoảng bảy ngày là đến nước Tiểu Bột Luật. Nước đó thuộc sự cai quản của nước Hán (Trung Hoa). Phong tục con người vận mặc ăn uống nói năng tương tợ như nước Đại Bột Luật. Mặc áo sam bằng giạ, mang giày ủng, cắt bỏ râu tóc, trên đầu quấn một vành vải bông, người nữ để tóc dài, dân chúng nghèo khó nhiều, sang giàu ít, núi sông hẹp nhỏ, ruộng đồng lúa ít. Núi ở đó hốc hác không có cây cối và các loại cỏ. Trước kia vua nước Tiểu Bột Luật bị thổ phiên đến bức bách nên chạy vào ở nước Tiểu Bột Luật, còn thủ lãn và dân chúng ở lại nước Tiểu Bột Luật không theo sang.

Từ nước Ca-diếp-di-la ấy theo hướng Tây Bắc cách núi đi khoảng một tháng là đến nước Kiến-đà-la. Vua và binh ngựa ở nước đó đều là Đột Quyết. Dân chúng bản xứ thuộc người Hồ và có cả Bà-la-môn. Nước đó xưa trước là thuộc vua nước Kế Tân, vua băng hà, bị A Da là vua nước Đột Quyết thống lãnh một Bộ Lạc binh ngựa đến đánh vua nước Kế Tân, vì binh ngựa của Đột Quyết hùng mạnh, bèn giết vua nước Kế Tân, mà tự làm chủ nước đó, nhân cảng giới nước đó, Đột Quyết bá vương nước đó đã thuộc phía Bắc đều ở trong đó. Núi đó đều cháy, không có cỏ cây. Phong tục con người vận mặc nói năng khí tiết đều riêng khác, y phục toàn bằng loại da lông giạ, áo hạt giày ủng, đất đai thích hợp với giống lúa Đại Mạch, Tiểu Mạch, toàn không có lúa mùa, lúa tẻ, lúa nước, Dân chúng phần nhiều ăn bún ăn bánh. Chỉ trừ các nước Ca-diếp-di-la, Đại Bột Luật, Tiểu Bột Luật, Dương Đồng...thì nước

Kiến–đà-la cho đến năm nước Thiên Trúc, Côn Lôn.... đều không có Bồ Đào, chỉ có Cam Giá. vua nước Đột Quyết có nămcon voi, dê, ngựa thì nhiều vô số, lạc đà, loa, lừa thì rất nhiều. Đất cùng xứ Hồ...................... . Chẳng qua. Theo hướng Nam mà đi, đường xá hiểm xấu có nhiều giặc cướp. Từ đó đã thuộc phía Bắc, nghề nghiệp theo phương Tây có lắm chợ búa, rất nhiều nơi giết hại súc vật. vua ở đó tuy là Đột Quyết nhưng rất kính tin Tam bảo, vuacùng Vương Phi, Vương tử, thủ lãnh.... . Mỗi mỗi đều có tạo dựng chùa chiền cúng dường Tam bảo. Vua ở đó thường năm có hai lần thiết trai Đại Hội vô giá, chỉ giữ các vật tự thân cần thọ dụng. Ngoài ra voi, ngựa, vợ .... đều xả thế. Chỉ có vợ và voi thì khiến Chu Tăng định đoán giá cả rồi vua tự chuộc lại, còn các thứ lạc đà, ngựa, vàng, bạc, áo quần, của cải. Mọi vật dụng trong nhà đều giao chư Tăng đổi bán, tự phân chia lợi dưỡng. Vua ở đó chẳng đồng như ở Đột Quyết trở về phía Bắc, trẻ con, người nữ cũng vậy, mỗi mỗi đều tạo chùa, thiết trai hội xả thế. Thành đó được xây dựng gần ở bờ phía Bắc sông Tân Đầu. Từ thành đó đi về hường Tây khoảng ba ngày là đến một ngôi chùa lớn tên là Cát-nặc-ca, tại chùa đó có một ngôi tháp lớn thường tỏa phóng ánh sáng. Chùa và tháp đó do vua Các- Nặc- Ca tạo dựng xưa kia, từ khi vua tạo dựng chùa bèn đặt tên ấy.

Lại nữa, từ thành đó theo hướng Đông Nam, đi.... dặm là nơi Đức Phật ở thời quá khứ làm vua Thi Tỳ Ma cứu chim bồ câu, hiện tại có chùa và chư Tăng ở. Và nơi Đức Phật ở đời quá khứ xả bỏ đầu mắt thí cho năm quỷ Dạ-xoa...... đều tại trong nước đó. Từ thành đó theo hướng Đông Nam đi vào trong núi, mỗi mỗi đều có chùa, có chư Tăng ở, hiện nay thấy có cúng dường. Nước đó tu hành cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Lại từ nước Kiều-Đà La ấy theo hướng cháng Bắc đi vào trong núi khoảng ba ngày đường là đến nước Ô Trường. Người ở xứ đó tự nói là Uất- Địa- Dẫn -na. Vua nước đó rất kính tin Tam bảo. Dân chúng thôn trong phần nhiều cúng dường vào nhà chùa, chỉ giữ lại phần ít để tự lo liệu ăn mặc, việc thiết trai cúng dường là thường có mỗi ngày, rất kính chùa kính tăng, chúng tăng Đông nhiều hơn người thế tục, chuyên tu hành theo pháp Đại thừa. Phong tục con người ăn uống vận mặc tương tự như ở nước Kiến- Đà-la, nói năng thì chẳng đồng, đất đai ở đó có lắm các thứ Lạc Đà, Lao Dê Ngựa, vải giạ.... khí tiếc rất lạnh.

Lại nữa, từ nước Ô Trường theo hướng Đông Bắc vào núi đi khoảng mười lăm ngày là đến nước Câu Vệ. Người dân nước đó tự gọi là nước Xa- Ma-Hạt-la-xà. vua ở đó cũng kính tin Tam bảo, có chùa, có chư Tăng, cách thức ăn mặc nói năng tương tợ như ở nước Ô Trường,

mặc áo sam có hạt bằng đệm giạ.... cũng có dê ngựa.... Từ nước Kiến-đà-la ấy theo hướng Tây đi vào núi khoảng ba ngày là đến nước Giám Ba, nước đó không có vua chỉ có đạithủ lãnh cũng thuộc sự cai quản của nước Kiến-đà-la, cách thức ăn mặc, nói năng tương tợ như nước Kiến- Đà-la, cũng có chùa, có chư tăng, rất kính tin Tam bảo, tu hàng theo pháp Đại thừa. Lại tứ nước Giám Ba đó đi vào trong núi qua tám ngày đường là đến nước Kế Tân, nước đó cũng thuộc sự cai qủan của nước Kiến-Đà-la. Vua nước đó mùa Hạ thì ở nước Kế Tân vì theo sự mát mẻ mà ở, còn muà Đông thì sang nước Kiến-đà-la nương sự ấm áp để ở. Tại xứ đó không có tuyết, chỉ ấm áp không lạnh, còn ở nuớ Kế Tân mùa Đông thì lắm tuyếtvì ở xứ đó lạnh. Dân chúng bản xứ đó là người Hồ. Vua và binh ngựa thuộc Đột Quyết, cách thức vận mặc, nói năng, ăn uống thì đại đồng tiểu dị so với nước Thổ-hỏa-La, bất kể người Nam kẻ nữ đều vận mặc áo sam hạt vải gia, mang giày ủng. Y phục Nam nữ không có khác biệt, người Nam đều cắt cạo râu tóc, người nữ để tóc dài. Đất đai sản sinh các thứ lạc đà, la, dê, ngựa, lừa, trâu, vải giạ giống luá đại mạch tiểu mạch, uất kim hương.... dân chúng trong nước rất kính tin Tam bảo, kính chùa kính tăng, dân chúng mỗi nhà đều tạo dựng chùa cúng dường Tam bảo. Trong thành lớn có một ngôi chùa tên là Sa Mịch, trong chùa phụng thờ bối tóc loa kế cốt xương xá-lợi của Đức Phật, Hiện tại vua quan dân chúng thường ngày đến cúng dường nước đó tu hành theo pháp Tiểu thừa, Cũng tại trong núi trên đỉnh núi không có cây cỏ, tương tợ như núi hỏa thiêu vậy.

Lại từ nước Kế Tân theo hướng Tây đi bảy ngày là đến nước Tạ-duật, người ở xứ đó tự gọi là nước Xã-hộ-la-tát-tha-na, dân chúng bản địa thuộc người Hồ, vua và binh ngựa tức thuộc Đột Quyết. Vua đó là cháu vua nước Kế Tân, tự cầm nắm binh ngựa bộ lạc đến ở nước đó, chẳng lệ thuộc các nước khác cũng không thuộc quyền cai quản của người chú (vua nước Kế Tân). Vua đó và thủ lãnh tuy là Đột Quyết nhưng rất kính tin Tam bảo, kính chùa kính Tăng, tu hành theo pháp Đại thừa. Có một đại thủ lãnh Đột Quyết tên là Sa Bát Cán cứ mỗi năm một lần trở lại thiết bày vô số vàng bạc, phần nhiều ở vua đó phong tục con người vận mặc, đất đai sản sinh các thứ đều tương tợ như vua nước Kế Tân, chỉ nói năng mỗi tự riêng khác.

Lại từ nước Tạ Duật đó theo hướng Bắc bảy ngày là đến nước Phạm Dẫn, vua nước đó là người Hồ chẳng phụ thuộc các nước khác, binh ngựa lớn mạnh nên các nước không dám đến xâm chiếm. Cách thức vận mặc áo sam bằng vải giạ, áo sam da cừu, vải đệm ... đất đai

sản sinh ra các thứ dê, ngựa, vải giạ.... rất quý bồ đào, đất đai ở đó có tuyết rất lạnh, phần nhiều men theo núi để ở, vua cùng thủ lãnh và daân chúng rất kính tin Tam bảo, kính chùa kính Tăng, tu hành cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Dân chúng ở đó và nước Tạ Duật..... Cũng đều cắt cạo râu tóc, phong tục con người phần nhiều tương tợ như ở nước Kế Tân, còn nơi riêng khác thì lắm nhiều. Tại bản địa đó nói năng chẳng đồng các nước khác. Lại từ nước Phạm Dẫn theo hướng Bắc đi hai mươi ngày là đến nước Thổ-Hỏa-La, vua ở thành tên là Phược-để-na. Hiện nay binh ngựa Đại Thật tấn áp tại đó. vua nước đó bị vua Đại Thật ép bức heo hướng Đông chạt một tháng đến ở núi Bồ Trì, hiện tại thuộc sự cai quản của Đại Thật, nói năng khác biệt so với các nước khác, có phần ít tương tợ như ở nước Kế Tân, phần nhiều thì chẳng đồng. Y phục vận mặc phần nhiều là da cừu vải đệm.... . Trên đến vua chúa dưới đến thứ dân đều lấy da cừu làm thượng phục. Đất đai ở đó rất quý, lạc đà, dê, la ngựa, vải giạ, Bồ Đào, ăn chỉ ưa thích ăn bánh, đất đai rét lạnh, ngày Đông có nhiều sương tuyết, vua cùng thủ lãnh và dân chúng đều rất kính tin Tam bảo, kính chúa kính Tăng, tu hành theo pháp Tiểu thừa, không ăn thịt và các thứ hành kiệu.... , chẳng phụng tờ ngoại đạo, người Nam thì cắt tóc cạo râu, người nữ thì để tóc dài, đất đai phần nhiều thuộc núi. .

Lại từ nước Thổ Hỏa La ấy theo hướng Tây đi một tháng là đến nước Ba Tư. Vua nước đó trước kia thuộc sự cai quản của nước Đại Thật là vua nước Ba Tư thâu lấy Đà Hộ, về sau phân phản bèn giết vua đó mà tự lập làm chủ. Nhưng đến nay nước đó tức bị nước Đại Thật thôn tính, y phục xua trước vận mặc rộng rãi, áo hạt bằng vải giạ, cắt cạo râu tóc. Ăn chỉ bánh thịt, giả sử như có gạo cũng xay giã để làm bánh ăn. Đất đai ở đó sản sinh các thứ lạc đà, dê, ngựa, loa.... sản sinh loài lừa cao lớn, vải giạ vật báu, nói năng mỗi tự khác biệt chẳng đồng như các nước, tánh tình con người ưa thích giao dịch buôn bán, thường dùng thuyền lớn đến Tây Hải, vào Nam Hải, đến nước Sư Tử lấy các vật báu, do vậy ở nước đó nói là lưu xuất vật báu. Cũng đi đến nước Côn Lôn lấy vàng, cũng dùng thuyền đi đến đất Hán (Trung Hoa) đến thẳng Quảng Châu lấy các thứ lụa quyên tơ gấm, đất đai sản sinh các thứ bông tơ mịn đẹp, dân chúng trong nước ưa thích giết hại. Chỉ phụng thờ trời không biết Phật Pháp.

Lại từ nước Ba Tư theo hương Bắc đi mười ngày vào núi đến nước Đại Thật. vua nước đó không ở tại bản quốc, hiện đến ở tại nước Tiểu Phất Lâm. Vì đánh chiếm được nước đó. Nước đó lại ở núi đảo nơi ở

rất buồn bả. Từ đây đến kia, đất đai sản sinh ra các thứ lạc đà, la, dê, ngựa, vải sợi, lông cừu, cũng có vât báu, vận mặc y phục áo sam thoáng rộng bằng sợi vải nhỏ mịn trên áo sam lại đắp một lớp vải sợi, lấy làm thượng phục, y phục của vua và Dân chúng đồng một loại không khác nhau, người nữ cũng mặc áo sam rộng, người Nam cắt tóc để râu, người nữ để tóc dài, ăn uống không kể sang hèn, cùng ăn chung bát, tự tay vốc lấy, cũng có đũa muỗng, lấy thấy rất ác, nói là tự tay giết để ăn được phước vô lượng. Dân chúng trong nước ưa sự giết hại, phụng thờ Phạm thiên không biết Phật Pháp, phép tắc nước đó không có quỳ vái. Bên cạnh phía Tây Bắc của Biển nước Tiểu Phất Lâm tức là nước Đại Phất Lâm. Vua và binh ngựa nước đó mạnh nhiều, chẳng lệ thuộc các nước khác. Nước Đại Thật đã có vài lần đem binh đến đánh chiếm mà không được. Nước Đột Quyết cũng đến xâm chiếm mà không được. Đất đai nước đó rất nhiều vật báu, rất lắm lạc đà, loa, dê, ngựa, vải sợi...Vận mặt y phục tương tợ như ở nước Ba Tư và Đại Thật còn nói năng mỗi tự khác biệt chẵng đồng.

Từ nước Đại Thật trở về hướng Đông tất cả đều thuộc nước Hồ tức là nước An, nước Tào, nước Sử, nước Thạch Loa, nước Mể, nước Khương... mỗi mỗi nước tuy có vua riêng biệt, nhưng đều thuộc sự cai quản của nước Đại Thật. Vì đất nước nhỏ hẹp, binh ngựa không nhiều nên chẳng thể tự bảo hộ. Đất đai các nước đô sinh sản các loại lạc đà, loa, dê, ngựa, vải sợi, v. v... Vân mặc áo sam quần khố bằng vải sợi và da cừu, nói năng chẳng đồng như các nước khác. Và, cả sáu nước ấy đều phụng thờ hỏa yêu, không biết Phật Pháp, chỉ tại nước Khương có một ngôi chùa, có Chư Tăng mà không hiểu không kính. Các nước thuộc người Hồ ấy, mọi người đều cắt cạo râu tóc, ưu thích mặc áo giạ quấn khăn sắc trắng. Phong tục rất xấu ác, thể thức hôn nhân phức tạp, đàn ông lấy mẹ hoặc chị, em làm vợ, tại nước Ba Tư cũng lấy mẹ làm vợ. Trong các nước Thổ Hỏa La cho đến nước Kế Tân, nước Phạm Dẫn, nước Tạ Duật, v. v... anh em 10 người, năm người, ba người, hai người cùng lấy một người vợ, không cho mỗi người lấy riêng một người vợ, vì sợ phá hoại mưu kế của gia đình.

Lại từ nước Khương trở về hướng Đông, tức nước Bạt Ha na, có hai vị vua gắn liền dòng sông Xoa Đại, dòng nước chảy về hướng Tây, ở phía Nam bờ sông là một vua thuộc sự cai quản của nước Đại Thật, ở phía Bắc bờ sông là một vua thuộc sự cai quản của nước Đột Quyết. Đất đai ở đó cũng sản sinh các thứ lạc đà, loa, dê, ngựa, vải sợi... Con người vận mặc vải sợi, Da cừu, ăn dùng phần nhiều là bánh và bún, nói

năng mỗi tự khác biệt chẳng đồng như các nước. Không biết Phật Pháp, không có chùa chiền Tăng Ni.

Ở phía Đông nước Bạt Hạ Na có một nước tên là Lốt Đốt, vua nước đó nguyên là chủng tộc Đột Quyết. Dân chúng tại bản địa đó một nửa là người Hồ, một nửa là người Đột Quyết. Đất đai nước đó sản sinh các thứ lạc đà, loa, ngựa, lừa, bồ đào, vải bố, thảm. Con người mang mặc vải sợi, da cừu. Nói năng một nửa thuộc Thổ Hỏa La, một nửa thuộc Đột Quyết và một nửa tại bản địa đó. vua cùng thủ lãnh và dân chúng rất kính tin Tam bảo, có Chùa có Chư Tăng, tu hành theo pháp Tiểu thừa. Nước đó thuộc sự cai quản của nước Đại Thật. Người nước ngoài tuy nói đó là Đạo Quốc, cùng tương tợ như một châu lớn ở Đất Hán (Trung Hoa), ở nước đó đàn ông cắt cạo râu tóc, người nữ để tóc dài.

Lại từ các nước thuộc người Hồ ấy trở về hướng Bắc, phía Bắc đến Bắc Hải, phía Tây đến Tây Hải, phía Đông đến nước Hán (Trung Hoa). Đã thuộc phương Bắc thì đều thuộc cảnh giới của Đột Quyết. Các nước thuộc Đột Quyết ấy không biết Phật Pháp, không có Chùa và Chúng Tăng, vận mặc áo sam vải sợi, Da Cừu, dùng các trùng loại làm thức ăn, nơi ở cũng không có thành quách, dùng màn dạ làm phòng nhà đi ở đều tùy thân, toàn theo nước cỏ, người Nam đều cắt cạo râu tóc, người nử để tóc dài, nói năng chẳng đồng như các nước khác. Dân chúng trong nước ưa thích việc giết hại không biết đều thiện ác, Đất đai có lắm lạc đà, loa dê ngựa. Lại nữa, từ nước Thổ Hỏa La theo hướng Đông đi khoảng bảy ngày là đến thành vua Hồ Mật ở. Đang lúc ở tại nước Thổ Hỏa La gặp kẻ sứ đất Hán (Trung Hoa) vào phiên, lược đề tứ vận làm bài Từ theo lối ngũ ngôn:

“Ông hận Tây phiên xa
Đường hoang vắng núi Tuyết
Chim bay sợ chót vót
Bình sinh không gạt lệ
Tôi than đường Đông dài
Khe hiểm giặt lắm nhiều
Người đi riêng cầu ghềnh
Nay đây rưới ngàn hàng”

Lại một ngày mùa Đông tại nước Thổ Hỏa La gặp tuyết đóng, làm một bài Thuật Hoài theo lối ngũ ngôn:

“Tuyết lạnh kéo băng hợp
Biển lớn đóng lát sàn
Long môn thuần bộc bố

Bạn lửa trên thềm ca
Gió rét xé đất rách
Suối sông lấn đất bờ
Miệng giếng rắn quấn tròn
Sao rộng qua Hồ Mật"

Vua nước Hồ Mật ấy binh ngựa ít yếu, chẳng thể tự bảo hộ, hiện tại bị nước Đại Thật cai quản. Mỗi năm đóng thuế 3000 xấp lụa quyên. Ở nơi hang núi, chỗ ở nhỏ hẹp, dân chúng phần nhiều là ngheò khó, vận áo sam vải gịa da cừu, vua mặc lụa nhủn lụa quyên vải sợi. Ăn chỉ toàn bún bánh. Đất đai rất rét lạnh so với các nước khác. Nói năng chẳng đồng với các nước khác, sản sinh các loài dê trâu rất nhỏ thân hình, cũng có ngựa, loa, cũng có Chư Tăng, có chùa, tu hành theo pháp Tiểu thừa. vua cùng thủ lãnh và dân chúng đều phụng thờ Phật, chẳng theo ngoại đạo. Do nước ấy không có ngoại đạo, người Nam đều cắt cạo râu tóc, người nữ để tóc dài, nương ở trong núi, núi ấy không có cây cối và cỏ lá.

Từ nước Hồ Mật theo hướng Bắc vào trong núi có 9 nước Thức Nặc, mỗi nước tự có vua thống lãnh binh ngựa mà sống. Có một vua thuộc sự cai quản của vua Hồ Mật, ngoài ra đều tự trị chẳng thuộc lệ các nước khác. Gần đô có hai hang vua đến nương tựa nước Hán (Trung Hoa) làm sứ mạng nước An Tức, qua lại không ngừng dứt. Chỉ có vua và các thủ lãnh vận mặc vải bố da cừu, ngoài ra dân chúng đều mặc áo sam đệm da cừu. Đất đai rất lạnh, vì ở nơi núi tuyết không như các nước khác, cũng có dê ngựa trâu lừa, nói năng mỗi khác biệt không đồng như các nước. Vua Đó thường sai vài ba trăm người đến sông lớn Bá Mật cướp của thương buôn người Hồ và đi sứ mạng. Giả sử có cướp được lụa quyên, chỉ cất chứa trong kho mãi đến lúc mục nát, không biết sử dụng may áo mặc. Các nước Thức Nặc ấy không có Phật Pháp. Lại từ nước Hồ Mật ấy theo hướng Đông đi 15 ngày là qua sông Bá Mật tức đến trấn Thông Lãnh. Ở đó tức thuộc Đất Hữu (Trung Hoa) binh ngựa hiện nay đang trấn áp. Ngày xưa trước nơi đó đất nước thuộc vua Bùi Tinh, vì vua phản nghịch chạy đến ở Thổ Phiên, nhưng nay tại nước đó không có dân chúng, người ngoại quốc gọi đó là nước Khát Phạm Đàn, Trung Hoa gọi là Thông Lãnh.

Lại từ Thông Lãnh đi bộ 1 tháng là đến nước Sơ Lặc, ở ngoại quốc gọi đó là nước Già-sư-chỉ-ly, ở đó cũng thuộc quân lính binh ngựa đất Hán (Trung Hoa) cai quản, có Chùa và Chư Tăng, tu hành theo pháp Tiểu thừa, ăn dùng thịt và hành hẹ v. v... Dân chúng bản xứ mặc áo vải sợi. Từ nước Sơ Lặc theo hướng Đông đi 1 tháng là đến nước Quy Tư, đó

tức Đại Đô Hộ Phủ An Tây, binh ngựa của nước Hán (Trung Hoa) đều nhóm tập một nơi. Tại nước Quy Tư có nhiều Chùa và Chư Tăng đều tu hành theo pháp Tiểu thừa, ăn thịt và hành hẹ. v. v... Chúng Tăng người Hán (Trung Hoa) tu hành theo pháp Đại thừa. Lại từ An Tây theo hướng Nam đến nước Vu Điền cách khoảng hai ngàn dặm, cũng có nhiều binh ngựa của nước Hán (Trung Hoa) thống lĩnh trấn áp. Có nhiều Chùa và Chúng Tăng tu hành theo pháp Đại thừa, không ăn thịt. v. v... Từ đó trở về hướng Đông đều là cảnh thức thuộc Đại Đường (Trung Hoa). Mọi người đều cùng biết khỏi phải nói nhiều. Lúc đó là thượng tuần tháng mười một năm Khai Nguyên thứ mười lăm (bảy trăm hai mươi bảy) thời. Tiền Đường, đang đến An Tây. Bấy giờ Tiết Độ Đại Sứ Triệu Quân trấn nhậm tại đó.

Tại An Tây có hai ngôi Chùa do Chư Tăng người Hán (Trung Hoa) trụ trì, tu hành theo pháp Đại Thừa, chẳng ăn thịt, đó là Sa-môn Từ Hạnh chủ chùa Đại Vân rất kheó giỏi giảng thuyết, nguyên trước kia là Tăng Chúng ở chùa Thất Bảo Đài tại Kinh Đô (Trung Hoa). Đô Duy Na chùa Đại Vân là Sa-môn Nghĩa Siêu rất thông rành về Luật Tạng, trước kia là chúng Tăng ở chùa Trang Nghiêm tại Kinh Đô (Trung Hoa). Thượng tọa ở chùa Đại Vân là Sa-môn Minh Uẩn rất có hạnh nghiệt cũng là chúng tăng ở Kinh Đô (Trung Hoa) trước kia. Các vị Sa-môn ấy rất giỏi trụ trì và rất có Đạo Tâm ưa thích sùng kính công đức. Thứ nữa, chủ chùa Long Hưng là Sa-môn Pháp Hải tuy là trẻ nhỏ người Hán (Trung Hoa) sinh sống tại An Tây mà phong tục con người cũng như học thức không khác gì tại Hoa Hạ (Trung Hoa). Tại nước Vu Điền có một ngôi chùa của người Hán (Trung Hoa) tên là chùa Long Hưng, xó một vị Sa-môn người Hán (Trung Hoa) tên là... làm chủ chùa đó rất kheó giỏi công việc trụ trì, vị Sa-môn ấy vốn là kẻ sỉ người xứ Ký Châu, Hà Bắc (Trung Hoa). Tại nước Sơ Lặc cũng có ngôi chùa của người Hán (Trung Hoa) tên là Đại Vân, có một Sa-môn người Hán (Trung Hoa) trụ trị vốn là kẻ sĩ ở Môn Châu.

Lại từ nước An Tây theo hướng Đông, đi......... là đến nước Ô Kỳ, ở đó cũng do Quân Lính người Hán (Trung Hoa) trấn áp, có vua, dân chúng toàn là người Hồ, co nhiều Chùa và Chư Tăng tu hành theo pháp Tiểu thừa............... đây tức là danh số bốn Trấn ở An Tây, tức một là An Tây, hai là Vu Điền, ba là Sơ Lặc, bốn là Ô Kỳ....... . y theo phép thức người Hán (Trung Hoa) trùm bịt đầu, mặc quần.........%

(Truyện sang năm xứ Thiên Trúc của Sa-môn Huệ Siêu hết.)

2- GHI CHÉP CỦA SA-MÔN NGỘ KHÔNG VÀO THIÊN TRÚC

(Rút từ ghi chép các kinh mới phiên dịch trong khoảng niên hiệu Trinh Nguyên (năm 785 đến 85) thời Tiền Đường như kinh Thập địa... do Sa-môn Viên Chiếu soạn tập. (Lời tựa Kinh Thập Lục)).

Các Bộ Kinh mới phiên dịch như kinh Thập địa, Kinh Hồi Hướng Luân, Kinh Thập Lực.... vốn do Sa-môn Thích Ngộ Không vốn tên là Pháp Giới ở Chùa Chương Kính tại Thượng Đô nhân đi xứ đến nước Kế Tân rồi đến nước Trung Thiên Trúc mà thỉnh được. Ngài (Ngộ Không) vốn là người Vân Dương; Kinh Triệu, làng tên là Thanh Long, Xóm tên là Hương Nghĩa, Ngài thuộc giòng họ Xa, tự là Phụng Triều, là con cháu của Thác Bạt thời Hậu Ngụy, Ngài là người bổn tánh thông mẫn, chí khí kính chuộng điển phần (Sử sách), ở nhà rất hiếu kính thuận hòa, đem tâm trung trinh phụng sự đất nước.

Gặp được Huyền Tông Chỉ Đạo Đại Thánh Đại Minh Hiếu Hoàng Đế (tức vua Huyền Tông-Lý Long Cơ năm 712 đến 756) thời Tiền Đường dùng đạo hiếu để trị vì thiên hạ, muôn nước đều khởi tâm hoan hô, khắp các xứ đều đến xưng thần, cùng mọi nơi thảy khâm trọng phong hóa. Bấy giờ nước Kế Tân nguyện xin nương tựa Thánh Đường, năm Canh Dần tức năm Thiên Bảo thứ chín (750). Thời Tiền Đường, sai đại thủ lãnh Tát-ba-đạt-cán và Sa-môn Tam tạng Pháp sư Xá- Lợi-việt-ma (người bản quốc Kế Tân) đến cung quyết dâng bày thành thật cầu hóa, xin sứ giả đi tuần xét. Qua năm Tân Mão (751), vua Huyền Tông sai sứ Trung-sứ-nội-thị-tỉnh-nội-tự-bá-tứ-phi-ngư-đại. Trương Thao Quang mang tín vật của nước nhà đi, quan tấu kẻ hầu có hơn mươi người. Nhờ Ân trao nên ngài đang nhậm chức Tả-nệ-kinh-châu-tứ-môn-phủ-biệt-tướng-viên-ngoại đặt để ngang đồng với chánh viên và bảo theo sứ thần, bắt đầu phát hành đi theo hướng đến nước An Tây, tiếp nên nước Sơ Lặc, vượt qua núi Thông Lãnh đến núi Dương Hưng và sông Bá Luật đến nước ngũ xích nặc (còn gọi là Thức nặc), tiếp đến nước Hộ Mật, tiếp đến nước Câu Vĩ, tiếp đến nước Cát Lam, tiếp đến nước Lam Bà, tiếp đến nước Nghiệt Hòa, tiếp đến nước Ô Thượng Na (còn gọi là nước Ô Truyền hoặc nước Ô Trường), đến nước Man Ngà Bột, rồi đến thành Cao Đầu, tiếp đến nước Ma Đát, tiếp đến thành Tín Độ (gần sông Tín Độ còn gọi là thành Tín Đồ hoặc thành Tân Đầu). Đến ngày hai mươi mốt tháng hai năm Quý Tỵ tức năm Thiên Bảo thứ mười hai (753) thời tiền đường là đến nước Kiều-đà-la (chánh ngữ Phạm Âm là Kiện-Đà-la) đó tức là đô thành phía Đông nước Kế Tân, vua đó mùa Đông thì ở

tại đô thành, mùa Hạ thì sang ở nước Kế Tân vì tùy theo sự ấm mát của khí hậu để thuận theo tánh tiết, khi ấy vua duỗi lòng tiếp lễ, cầu vang phụng ân nước, kẻ sứ trở về đến trình từ và được tín vật, sứ thần dâng bày tình thật rồi trở về Đại Đường (Trung Hoa).

Ngài (Phụng Triều) cảm mắc bệnh hoạn quá lắm liên tiếp không thể vượt qua bèn dừng ở lại tại nước Kiến-Đà-La, sau khi Trung Sứ đã trở về triều đình thì ngài dần được bình phục bèn phát tâm quy hưởng Phật Pháp, đến nơi Tam tạng Pháp sư Xá-lợi-việt-ma cầu xin xuất gia xuống tóc đắp mặc pháp y. Mong nguyện sớm được trở về quê hương để diện kiến minh Chúa và hầu thăm song thân, ngõ hầu trung hiếu lưỡng toàn, Khi ấy được vua Tam tạng Pháp sư Xá-lợi Việt Ma đặt cho ngài pháp hiệu theo tiếng Phạm là Đạt Ma Đà Đô, Trung Hoa dịch nghĩa là Pháp Giới. Năm đó ngài 27 tuổi mới được xuất gia, đến năm Đinh Dậu tức năm Chí Đức thứ hai (757) thời Túc Tông Văn Minh Võ Đức Đại Thánh Đại Tuyên Hiếu Hoàng Đế (vua Túc tông-Lý Hanh 756-763) thời tiền Đường ngài đền nước Ca Thấp Di La đăng đàn thọ giới Cận Viên. Cầu thỉnh Sa-môn Văn-Thù-thỉ-niết-địa (Trung Hoa dịch nghĩa là Chánh Trí) làm Ổ-Ba.... . Da (Trung Hoa dịch nghiã là Thân Giáo sư, ở An Tây gọi là Hòa thượng, thỉnh Ô Bất Sạn Đề làm yết Ma A Già Lê (Trung Hoa dịch nghĩa là Quỷ Phạm Sư, nếu đến Tứ Trấn An Tây thì lầm gọi lược là A Xà Lê). Thỉnh Đà Lý Nguỵ Địa làm giáo thọ A Già Lê Da, Tam Sư Thất Chứng để trao truyền luật nghi, đến chùa Mông Đề tụng giới bản. Sau khi tụn g xong tậphọc luật nghi căn bản. Nhưng tại nước Bắc Thiên Trúc đều học theo Tát Bà Đa Bộ (Trung Hoa dịch nghĩa là căn bản thuyết nhất thiết hữu bộ), chùa đó do vua Bắc Thiên Trúc sau khi lên ngôi dựng lập nên, theo tiếng phạm là "Mông-đề-vi-hạ-la". Vi-hạ-la tiếng Trung Hoa dịcj nghĩa là"Trụ Sứ", trụ sứ tức là" chùa" vậy. Tiếp đến có chùa tên là A-di-đà-Bà-vãn, lại có chùa tên lá A-nan-nghi, lại có chùa Kế-Giả-Sầm, lại có chùa Não Giã La, lại có chùa Nhạ Nhạ, lại có chùa Tướng Quân, lại có chùa Giả Lý Đặc Lặc do con vua Đột Quyết dựng lập, lại có chùa Khả Đôn do Hoàng hậu Đột Quyết dựng lập nên. Tại nước đó có hơn trăm ngôi già lam và vô số linh tháp, thuỵ tượng hoặc do vua A-dục hoặc năm trăm vị A La-hán tạo nên.

Ngài vân du lễ bái và tập học Phạm ngữ trải qua bốn năm sớm tối tâm chí kính thành chưa từng tạm bỏ. Nước đó khắp bốn phía đều là núi làm ngoại quách. Cả thảy mở ba đường để bày cửa ải phòng phía Đông tiếp liền với nước Thổ phiên, phía Bắc thông với nước Bột Luật, phía Tây một đường thông với nước Kiến Đà La. Riêng có một đường thường

luôn cấm đoán, đến lúc quân lính nhà vua đi may mới tạm mở. Sau năm thứ tư, ngài ra khỏi nước Ca Thấp Mật mà vào thành Kiến Đà La đến ở trong chùa Như La Sái Vương, chùa đó do vua tạo lập nên htheo vua mà đặt tên. vua đó là con của vua Kế Nị Tra xứ trước, tiếp đến lại có chùa Khả Hốt Lý tức tên của Vương Tử, lại có chùa Tân Chi tức tên con gái vua, lại có chùa Chiêu Đàn Hốt Lý tức tên của em vua, đó đều theo người tạo dựng mà đặt thành tên. Lại có chùa Đặt Cần Sái do Vương Tử nước Đột Quyết tạo dựng, chùa Khả Đôn do hoàng hậu nước Đột Quyết tạo dựng, lại có chùa A Sứt Tra, chùa Tát Khẩn Hốt Lý, chùa Kế Vị Tra Vương Thánh Tháp, chùa Kê Vị Tra Vương Diễn Đề Sái, chùa đó lại có xá-lợi cất xương đảnh đầu đức Thích Ca Như Lai. Có chùa vua Chặt Sa Di Long Cung.

Ngài vân du lễ bái như thế trải qua thêm hai năm. Đến năm Giáp thìn tức năm Quảng Đức thứ hai (764) thời đại Tông Duệ Văn Hiếu Võ Hoàng Đế (vua Đại Tông-Lý Dự 763-780) thời tiền đường. Từ đó theo hướng Nam đến nước Trung Thiên Trúc đích thân đến lễ bái ở taám ngôi tháp. Sang đô thành Ca- Tỳ- La-phạt-tốt lễ bái tháp nơi Đức Phật đản sinh, tiếp đến nước Ma-kiệt-đà lễ bái tháp Bồ-đề Đạo tràng nơi Đức Phật thành đạo. Ngài an cư Kiết Hạ tại chùa Bồ-đề, tiếp đến thành Ba- La- Nại- Tư, trong tiên nhgân lộc dã lễ bái tháp nơi Đức Phật chuyển pháp luân, tiếp đến núi Linh Thứu lễ bái tháp nơi Đức Phật giảng thuyết các kinh pháp Hoa...... Tiếp đến thành Quảng Nghiêm lễ bái tháp nơi Đức Phật hiện những sự không thể nghĩ bàn, tiếp đến thành Nệ-khiệt-miệt-Đa lễ bái tháp nơi Đức Phật từ cung trời Đạo Lợi xuống hiện ra ba đường thềm cấp báu (còn gọi là cầu báu), tiếp đến thành Thất-la-phật, rừng Thệ Đa, vườn Cấp Cô Độc lễ bái pháp nơi Đức Phật giảng nói kinh Ma- Ha- Bát-nhã Ba-la-mật, đa độ các hàng ngoại đạo, tiếp đến thành Câu- Thi- Na, rừng sa la song thọ lễ bái tháp nơi Đức Phật nhập Niết-bàn. Đến nơi tám tháp ây ngài đều nhiễu quanh phía hữu tháp để cúng dường, chiêm ngưỡng lễ bái khắp cùng. Tiếp theo ngài đến ở chùa Na-la-đà, trải qua ba năm ngài lại đến nước Ô-trượng - Na lần lược lễ bái các thánh tích, ngài dừng ở tại chùa Man-ngà-bột, lại có chùa Tô-ha-bạt-đề (Trung Hoa dịch nghĩa là chùa Nhật Cung), chùa Man-bạt-đề (Trung Hoa dịch nghĩa là chùa Liên Hoa).

Ngài lại qua lễ bái khắp các thánh tích như thế so với"Đại Đường Tây Vức Kỷ" không ít sai khác. Ngài nghĩ nhớ thánh triều, song thân phụ mẫu cũng như thân thích nội ngoại, đốt sáng tâm niệm ân sâu nuôi dưỡng như trời cao lồng lộng, nên phát nguyện trở về quê hương (Trung

Hoa) chiêm lễ kính hầu vua chúa và song thân, bài đảnh lễ thưa hỏi cùng Tam tạng Pháp sư Xá-lợi-việt-ma, mới đầu nghe tỏ bày tâm ý ấy Tam tạng Pháp sư Xá-lợi-việt-ma không chấp thuận, ngài mới lý lẽ giải bày khẩn thiết cầu thỉnh đến vài ba phen. Năm Thiên Bảo thứ chín (750) thời tiền Đường Tam tạng Pháp sư Xá-lợi-việt-ma đã từng đến Đường Quốc (Trung Hoa), hằng ngày thường tán thán "Ma-ha Chi Na" (Đại Đường), đã thấy sự khẩn thành ấy nên ngài mới được toại lòng thỉnh nguyện. Tam Tạng Pháp sư Xá-lợi-việt-ma mới đem các bộ kinh Thập địa, Hồi Hướng Luân, Thập Lực, ... bằng Phạm bản và một hộp toàn là xá-lợi và một chiếc răng của Đại Thánh Thích-ca Mâu-ni Phật mang đội trên đỉnh đầu ân cần rơi lệ ma trao cho ngài, đồng thời gởi tín vật hiến dâng Thành Hoàng, cúi mong ở đất Hán (Trung Hoa) truyền bá xiển dương rộng lợi ích quần sinh. Ngài quỳ thẳng lễ bái nhận lấy rơi lệ giã từ. Đang muốn theo tuyền biển để trở về, lại lo nghĩ đường xá hiểm trở mới bỏ ý ấy, theo đường phía Bắc mà trở về Trung Hoa.

Thánh Thần Văn Võ Hoàng đế nước ta là bật thánh đức trùm xa, tiếng tăm vang động khắp năm xứ, đaọ đức xa cao như Phục Hy, Hiên Viên, oai phong khắp mọi chốn, rất kính mộ Tam bảo, tin trọng pháp Nhất thừa, các bậc Luân kim ở các nước khác thường lại cống dâng. Ngài mang thỉnh xá-lợi và các bộ kinh Phạm bản ấy từ nước Trung Thiên Trúc trở về đến đất Hán (Trung Hoa), trên đường trải qua đến nước Cất Đất, cách phía Đông thành không xa có một biển nhỏ nước ở đó rất sâu, đang lúc ngài mang Xá-lợi răng phật theo bờ phía Nam mà ngang qua. Khi ấy Long Thần ở biển ấy biết có Xá-lợi nên đất nước lay động, mây đen nổi dậy, sấm sét vang động, mưa bão chợt tuôn đổ, cách bờ biển không xa có một cây Đại Thọ, ngài bèn cúng các thương buôn đến trú ẩn dưới tàng cây, cành lá cây ấy tự nhiên rơi đổ, giữa thân cây rỗng không lửa bốc cháy, khi đó vị thủ lãnh các thương buôn bảo khắp mọi người rằng: "Ai có mang theo xá-lợi hay vật trân châu qúy báu khác lạ nên ném vất vào trong biển, nếu không như thế thì cớ sao mà Long Thần tức giận, chớ khiến mọi người phải kinh sợ khiếp hãi này", lúc đó ngài chỉ tâm thành khẩn cầu nguyện mong được buông tha, trở về quê hương rộng làm lợi ích quần sinh. Với nhân phước đức có được ấy sẽ về báo giúp sức Long Thần. Tứ lúc mặt trời vừa ló dạng cho đến giờ Thân, ngài chí thành cầu nguyện nên mây tan mưa tạnh, chỉ toàn đổi mới, dần thẳng tới trước đến nước Câu-mật-chi vua nước đó tên là Đốn Tán Sái, tiếp đến nước Nhạ-sắc-tri vua nước đó tên Hắc Vị Mai, tiếp đến nước Thức Mặc....

Ngài lần lượt đi như thế trải qua ba năm, trải mọi thứ hiểm ngại gian nan, gần muốn hại thân mất mạng, tâm trí thệ nguyện báo ân nước nhà, nguyện kính phụng thánh quân Thân Từ hết mình dần đến nước Sơ-lặc (còn gọi là nước Sa Lặc), khi ấyVương Bùi Linh Linh đang trấn thủ sứ giả ở Lỗ Dương lưu giữ ngài ở lại 5 tháng. Tiếp theo, ngài đến nước Vu Điền (còn gọi là nước Vu Tuấn, nước Hoát Đan) theo Phạm âm là Cù-tát-hát-ma (Trung Hoa dịch là nước Địa Nhũ), Vương úy Trì Diệu đang trấn thú sứ giả tại Trịnh cứ thỉnh mời ngài ở lại sáu tháng. Tiếp theo đến thành Vai Nhung, cũng còn gọi là nước Bát Hoàn, đúng tên tức là nước Bố Hản, chấn thú sư giả ở đó là Tô Sầm, tiếp đến thành cứ Sắt Đắc, sứ giả ở đó là Mại Thuyên, tiếp đến nước An Tây. Tứ Trấn tiêt Độ Sứ khai Phủ nghĩa đồng Tam Tây kiểm hiệu hửu tán kỵ thường thị An Tây Phó Đại Đô Hô kiêm Ngự Sử Dại Phu Quách Hân đang chấn thủ tại đó.

Tiếp đến nước Quy Tư (còn gọi là Khâu Tư) đúng phải gọi là thành Khuất Chi, vua nuoc đó tên là Bạch Hoàn, theo cửa hướng Tây ra bên ngoài có chùa Liên Hoa, chùa đó có Sa-môn Tam tạng Pháp sư tên là Vật-đề-đề-tê-ngư (Trung Hoa dịch nghĩa là Liên Hoa Tinh Tấn), ngài bèn chỉ thành cầu thỉnh phiên dịch Kinh Thập Lực dày khoảng ba trang giấy thành một quyển, Tam tạng Pháp sư Liên Hoa Tinh Tấn thông rành ngôn ngữ tứ trấn Hán Phạm đều rành rẽ. Kinh Thập Lực xưa kia Đức Phật giảng nói tại nước Xá-vệ. Trong nước An Tây có núi Tiền Tiển, có chùa Tiền Tiển, lại có núi Da-bà-sắt-kệ, núi dó có nước nhỏ giọt thành tiếng, mỗi năm một lượt lấy làm thành khúc nhạc nên có chùa Da-bà-sắc-kệ, hai phía Đông Tây có chùa Thác Quyết, chùa A-già-lý-nhị. Ngài dừng ở lại thành đó hơn một năm, tiếp đến nước Ô Kỳ, vua nước đó tên là Long Như Lâm, sứ giả trấn thú ở đó là Dương Nhật Hựu thỉnh mời Ngài ở lại ba tháng. Từ đó lại phát khởi tiếp theo đi đến Bắc Đình Châu, có bốn Đạo là Tiết Độ Sứ ngự sử Đại Phu Dương Tập Hửu cùng Chư Tăng ở Chùa Long Hưng thỉnh mời Sa-môn Tam tạng Pháp sư Thi-la-đạt-ma (Trung Hoa dịch nghỉa là Giới Pháp) người nước Vu Điền phiên dịch Kinh Thập địa. Tam tạng Pháp sư Giới Pháp đọc Phạm văn và dịch ngữ, Sa-môn Đại Chấn bút thọ, Sa-môn Pháp Siêu nhuận văn, Sa-môn Nhuận tính chứng nghĩa, còn ngài chứng xét Phạm văn và dịch nghĩa. Và Kinh Hồi Hướng Luân được phiên dịch cũng chuẩn cứ theo đó Minh đã phiên dịch xong, ghi tả muốn sắp xong, khi ấy bỗng gặp Thánh Triều Tứ Trấn Bắc Đình ký sử Trung Đoàn MinhTứ đến Bắc Đình.

Đến ngày 13 tháng 9 năm Kỷ Tỵ tức năm Trinh Nguyên thứ 5

(789) thời tiền Đường, cùng Bổn Đạo Tấu Sự QuanTiết Độ Áp Nha Ngưu Hân, An Tây Đạo Tấu Sự Quan Trình Ngạc v. v.... . Ngài theo các Sử vào triều, đang theo đường Hà Sa chưa thông nên lấy theo hướng Cốt lộ. Lại vì tại Đơn Vu không tin Phật Pháp, do đó Phạm bản Ngài mang theo không dám đi cùng mà phải lưu lại tại chùa Long Hưng ở Bắc Đình, còn Hán bản đả phiên dịch thì mang theo được. Đến tháng 2 năm Trinh nguyên thứ 6, Ngài về đến Kinh Đô. Lô Sắc ban của vua (Đức Tông-Lý Khoát 780-85) bảo tôn trí tại Dược Long Môn Sư Viện. Trung Sử Đoàn Minh Tú bèn đem xá lợi và cốt răng của Đức Phật và các Kinh đã phiên dịch vào nội cung tấu dâng, vua bèn giao phó cho Tả Thần Sách Quân lo việc ghi tả bản Kinh ấy. Cùng xá-lợi và cốt răng Đức Phật dâng đến đồng một lúc. Bấy giờ Tả Vệ Công Đức Sử Đậu Văn Trường chuẩn cứ theo sắc ban chế tác ghi tả rồi dâng tấu Quyết đình.

Từ An Tây trở lại không có tên Sa-môn Ngộ Không. Năm 60 tuổi Ngài vẩn giữ tên cũ là Pháp Giới vốn giòng họ Xa tên là Phụng Triều Xin ở tại ở tại chùa Trương Kính. Ngày 5 tháng 2 năm đó(790). Ngài vân phụng sắc tuyên cùng Chánh Độ Dư Y, Hựu Bổn Đạo Tiết Độ tấu sự Quan, lấy dòng họ Xa Phụng Triều tên là Hàm Tấu. Đến ngày 15 tháng 5, vua ban sắc trao tráng võ tướng Quân Thủ Tả Kim Ngô Vệ Đại Tướng Quân viêm ngoại Trị Đồng Chánh viên kiêm Thí Thái Thường Khanh nhận có ngày chế sắc. Ban sắcY Tây Đình Tiết Độ Tấu Sự Quan tiết Độ Áp nha đồng Tiết Độ Phó Sứ Vân Huy Tướng Quân Thủ Tả Kim Ngô Vệ Đại Tướng Quân viên ngoại Trị Đồng Chánh Viên Ngưu Hân....... Đều vượt từ Lưu Sa giẩm Trải đến nước Vu Âm vâng phụng kính mộ ba quân hướng hóa, thân bày thành thật muôn dặm luyến khuyết, mưa tuyết lả tả, đi xa không thôi mới cống dâng khéo đạt. Lại vâng mạng nói trở về, bày khổ nhọc của Phạm Khương vào kế ủy an nghĩ Ban Siêu ra xa, Khiến lên Túy Điệt để khuyên sử Thần có thể y theo sự kiện trước.

Năm đó, ân vua ban sắc chánh danh mũ mạo và hài ưng, xưa kia Ngài tên là Pháp Giới nay lấy tự là Ngộ Không, Ngài bưng đội mà lo sợ, chẳng dám cản sợ hải mới trở về Chùa Kính Thương cùng vườn nhà củ, phông hỏi mộ phần của song sinh đã vòng quanh, anh em con cháu trong gia đình chẳng còn một người. Lâu xa các phường ít được thấy nghe. Phàm người qua lại đã 40 năm. Từ năm Tân Mão (751) ngài sang Tây Vức. Đến nay đã là năm Canh Ngọ (790), Ngài buồn vì chẳng dượng cung phụng dưỡng nuôi, ngài mừng vì gặp được thời Minh Chúa. Dâng tấu xá-lợi răng Phật và kinh nguyện giúp Thánh Thọ. Với Kinh

Thập địa, y theo lẽ thường ghi tả thành 121 trang giấy phân thành bộ khắc làm 3 quyển. Kinh ấy là sau khi Đức Phật Đạo trải qua 21 ngày ở điện Ma Ni Bảo Tạng tại cung trời Dạ Ma mà giảng nói. Còn kinh Hồi Hướng Luân, Đức Phật ở trong núi Ma Ni Bảo cùng các Đại Bồ Tác mà giảng nói, phiên dịch thành 3 trng rưỡi làm thành 1 quyển. Và kinh thập lực, như đã nói ở trước phiên dịch thành 3 trang làm thành 1 quyển. Ba bộ gồm 125 trang giấy, tổng cộng cả thảy là 11 quyển đồng làm thành một pho. Nhưng vì các kinh đô chưa đưa vào mục lục, lại sợ năm tháng quá lâu xa mọi người nghi là ngụy kinh, nay xin biên đưa vào "Đại Đường Trinh Nguyên Tục Khai Nguyên Thích Giáo Lục", nói về một lần giả từ thánh đường mãi đến nay đã trải qua bốn đời, dầm sương dãi tuyết trải qua 40 năm lần lượt vân du qua các nước lễ bái Thánh Tích, hoặc chỉ một lần chiêm lễ hoặc dừng lại một tuần (10 ngày) hoặc qua nhiều tuần, hoặc đến vài tháng, hoặc dừng ở một năm, hai ba bốn năm, hoặc gặp được tốt lành, hoặc gặp phải giặc cướp, may gặp được Minh Thánh lược bày Đại cương, cúi xin lưu hành ban bố cho đời.

Sa-môn Viên Chiếu. Tôi tự nghĩ có lắm lầm lỗi hèn mọn, không có khả năng tài nghệ, mừng gặp được thời Minh Chúa lại dự phần trong công việc phiên dịch tiếp tục tu sửa Đồ Kỳ tán thuật Chân thừa và tu chỉnh "Đại Đường Trinh Nguyên Tục Khai Nguyên Thích Giáo Lục". Sa-môn Ngộ Không thuật bày đầy đủ nguyên do quá trình vân du Tây vức nhờ Tôi ghi chép để để phụ ghi vào Đồ Lục liền lấy nghiệm việc ấy, đã qua nhiều thời gian năm tháng cật hỏi căn nguyên, cung kính vâng thừa từ khẩu quyết, ngôn từ thô sơ ý văn vụng về biên theo thứ lớp. Cúi mong những bậc tài giỏi xin rõ cho Tâm chí ý vậy.

----

3. HÀNH TRÌNH ĐI TÂY VỨC CỦA SA MÔN KẾ NGHIỆP.

(Rút từ Ngô Thuyền Lục quyển thượng do Phạm Thành Đại soạn tập ở thời nhà Tống và ghi chép của chùa Ngưu Tâm ở núi Nga My).

Rằm tháng 7 năm Mậu Tuất (998 (?), rời khỏi Hắc Thuỷ, lại qua trước chùa Bạch Thuỷ, vượt qua 2 cầu khe suối, vào chùa Ngưu Tâm, mưa lại ngăn cách đường, mây trắng phủ trên mỏm núi, nước mới tràn dâng, dòng biếc đá trắng chiếu soi gan phổi người như tầng băng tích chứa thành tuyết, Lam dư xuống hàng theo nơi mỏm núi cạn nước để vào chùa, sóng bay bọt trào áo quần đều thấm ướt, qua cảnh lông tóc hết kính. Đối diện chùa là đỉnh núi Thanh Liên, có hai các, Bạch Vân và Thanh Liên rất xinh đẹp. Chùa Ngưu Tâm vốn là nơi ẩn cư của Tân Tư Mạc, tương truyền lúc tìm ra các chùa ở núi vài người trông thấy đó, theo Tiểu Thuyết cũng ghi chép thỉnh mời Chư Tăng tụng kinh rồi cúng thí tiền vàng. Đó là cố sự của núi ấy. Có lò luyện đan của Tôn Tiên ở trên đảnh núi, và suối Đào Chu ở tại mỏm núi Bạch Vân là nơi rất sâu, cách chùa vài dặm, nước sâu không thể đi đến riêng chỉ trông xem ở lò luyện đan. Bên cạnh lò có lắm đá kỳ lạ, phía sau nhà thờ có một tảng đá rất đẹp có thể làm nơi nghĩ ngơi đánh cờ tên là Ngoan Chu Thạch. Tại chùa có một bản họa tượng A La-hán thời tiền Đường, bút tích rất siêu diệu, mặt mày rõ ràng như cùng muốn nói chuyện với người. tại Thành Đô có các tượng Phù Đồ đắp họa xưa cũ rất nhiều đều xuất phát từ dưới đây. Còn bức họa Vị Tăng người Hồ ở đất Thục thì chỉ nét bút của Lư Lăng Ca là đứng đầu. Nay thấy được bản đó mới biết nguồn gốc của Lư Lăng Ca, ngoài ra có 15 bản đã mất vậy.

Chùa Đô do Tam tạng Pháp sư Kế Nghiệp tạo dựng nên. Ngài (Kế Nghiệp) vốn dòng họ Vương người xứ Niệu Châu, hệ thuộc viện Thiên Thọ ở Đông Kinh. Năm Càn Đức thứ 2 (964) thời Bắc Tống, vua Thái Tổ (Triệu Khuôn Dận 960-976)

Ban sắc 300 vị Sa-môn đi Thiên Trúc thỉnh cầu Xá-lợi và các kinh sách là Bối Đa, ngài được dự tham trong phần đó. Đến năm Khai Bảo thứ 9 (976) thời Bắc Tống mới trở về. Tại chùa đang cất giữ một hộp Kinh Đại Niết-bàn 42 quyển. Ở cuối mỗi quyển, ngài có phân ghi hành trình đi Tây Vức. Tuy không rõ ràng lắm, nhưng với địa lý thì có thể khảo xét. Ở đời thật hiếm thấy nên ghi chép ở đây để bổ khuyết cho Quốc sử. Từ Giai Châu, ngài ra biên ải theo hướng Tây mà đi trải qua các Châu Linh Võ, Tây Lương, Cam Túc, Qua Sa. v. v... vào các nước Y Ngô, Cao Xương, Yêu Kỳ, Vu Điền, Sơ Lặc, Đại Thạch. v. v..., qua đảnh núi tuyết đến nước Bố Lộ Châu, lại qua Đại Thông Lãnh núi

tuyết, đến nước Ca-thấp-di-la. Theo hướng Tây lên núi lớn có nơi Thái Tử Tát Đoả ném mình xuống sườn núi cho hổ đói ăn, bèn đến nước Kiện Đà La, đó gọi là Trung Ấn Độ.

Lại theo hướng Tây đến nước Thứ-lưu-ba và nước Thái-lạn-đà-la. Tại nước đó có hai ngôi chùa. Lại theo hướng Tây trải qua bốn nước lớn, đến thành Đại Khúc Nữ. Theo hướng Nam vào sông Hảm Màu. Sau lưng phía Bắc sông Hằng có rất nhiều tháp miếu mà không có Tăng Ni. Lại theo hướng Tây đi hai Trình đến nơi có nền thềm cấp báu xưa cũ. Lại theo hướng Tây đến nước Ba La Nại, hai thành cách nhau khoảng năm dặm. Theo hướng Nam đến sông Hằng. Lại theo hướng Tây Bắc đi mười đi mười dặm tức đến Lộc dã uyển. Tại đô tháp miếu Phật Thích Ca có lắm nhiều. Ngài tự cho là đã riêng có truyện ký nay chẳng ghi truyền.

Lại theo hướng Nam, đi 10 dặm vượt qua sông Hằng, phía Nam bờ sông có Ngòi Tháp lớn. Từ Lộc Dã Uyển theo hướng Tây đến nước Ma Ca Đề, ngài dừng lại ở lại nơi chùa người Hán (Trung Hoa), chùa đó có nhiều thuế vào, tám thôn đều lệ thuộc. Chư Tăng qua lại như trở về. Phía Bắc núi có Thạch Thất của Tôn Giả Ưu-ba-cúc-đa và nền Tháp miếu cũ. Theo hướng Nam cách khoảng trăm dặm có núi đơn lẽ tên là Kê Túc Tam Phong là nơi Ngài Đại Ca-diếp nhập định. Lại theo hướng Tây Bắc đi trăm dặm có thành Tòa Báu Bồ-đề, bốn phía cửa cùng mở trông, tòa Kim Cang ở trong xoay mặt về hướng Đông. Lại theo hướng Đông nên sông Ni Liên Thuyền, ở bờ phía Đông có Thạch Trụ ghi chép sự tích xưa cũ của Đức Phật. Từ tòa Bồ-đề theo hướng Đông Nam đi khoảng năm dặm là đến nơi Đức Phật tu khổ hạnh. Lại theo hướng Tây đi ba dặm là đến thôn của ba anh em Ca-diếp và ao của người nữ chăn trâu. Ngoài cửa phía Bắc của tòa Bồ-đề có ngôi già lam của nước Sư Tử, lại theo hướng Bắc đi khoảng năm dặm là đến thành Già Da, đó là nơi Đức Phật xưa kia giảng nói Kinh Bảo Vân. Lại từ tòa Kim Cang theo hướng Đông Bắc đi 15 dặm đến núi Chánh Giác, lại theo hướng Đông Bắc đi 30 dặm là đến thành Cốt Ma, ngài dừng ở nơi chùa Hà La, đó thuộc xứ Nam Ấn Độ, Chư Tăng các nước phần nhiều ở đó. Lại theo hướng Đông Bắc đi 40 dặm là đến thành Vương Xá. Theo hướng Đông Nam cách khoảng năm dặm có tháp nơi Đức Phật điều phục voi say. Lại theo hướng Đông Bắc lên núi lớn, đường nhỏ vòng quanh có Tháp Tôn Giả Xá-lợi Tử, lại vào khe suối có tháp xuống ngựa hóng gió, lần theo hết đường co lên đỉnh núi có tháp miếu lớn là nơi bảy Đức Phập thuyết pháp. Phía Bắc núi đất bằng phẳng, có tháp Xá-lợi bản sinh. Ở nữa phía

Bắc ấy tức là Thức Phong, nơi Đức Phật giảng nói kinh Pháp Hoa, dưới núi tức là tháp xá-lợi. Chân núi phía Bắc thành có hơn 20 giếng nước suối ấm nóng. Lại ở phía Bắc có ngôi chùa lớn và vết tích cũ của vườn rừng Lan Đà. Lại ở phía Đông có tháp Xá-lợi nữa thân hình Tôn giả A Nan, ở phía Tây suối ấm nóng có đất bằng phẳng, thẳng theo hướng Nam lên hông núi có hang Tất Ba La, ngài dừng ở lại trong đô tụng kinh qua trăm ngày mới đi, phía Tây hang đô lại có tháp nơi Tôn giả A Nan chứng quả, ở đô cách thành Già Da khoảng 8 dặm, thường ngày sang khất thực lại gặp trong thành Vương Xá mới có ngôi Lan nhã thuộc của người Hán (Trung Hoa), lại có thành nhà cũ của Thọ Đà Ca, phía Tây lại có tháp Luân Vương.

Lại theo hướng Bắc đi khoảng 15 dặm có chùa Na Lan Đà, hai phía Nam Bắc có chùa đô mỗi bên có vài mươi ngôi chùa, cửa đều xoay về hướng Tây, phía Bắc Tây có 4 tòa của Đức Phật. Lại theo hướng Đông Bắc đi khoảng 15 dặm là đến chùa Ô Lãnh Đầu, theo hướng Đông Nam cách khoảng năm dặm có Tôn Tượng Thánh Quân Tự Tại. Lại theo hướng Đông Bắc đi khoảng mười dặm là đến chùa Già Thấp Di La-hán, phía Nam chùa đó có chùa Cự Hán cách khoảng 8 dặm. Từ chùa La-hán theo hướng Đông đi khoảng 12 dặm là đến núi Cước Đề Hy. Lại theo hướng Đông đi khoảng 70 dặm có chùa Cáp (Bồ Câu), theo hướng Tây Bắc đi khoảng 50 dặm có chùa Chi Na Tây là ngôi chùa cổ của người Hán (Trung Hoa). Theo hướng Tây Bắc đi khoảng trăm dặm là đến thành Hoa Thị nơi cố đô của vua A-dục.

Từ đô, vượt qua sông theo hướng Bắc đến thành Tỳ Da Ly có vết tích cũ phương trượng của Duy Ma, lại đến thành Câu Di Na và tụ lạc Đa La, Vượt qua lớp núi lớn là đến nước Nê Ba La, lại đến Ma Luân Quả qua đảnh núi tuyết đến chùa Tam Da.

Theo đường cũ, từ đó ngài vào Giai Châu, vua Thái Tổ (Triệu Khuôn Dận 960-976) đã băng hà, vua Thái Tông (Triệu Quýnh 976-998) thời Bắc Tống lên ngôi, Ngài (Kế Nghiệp) đến triều đình kính dâng các kinh bằng Phạm bản và xá-lợi. v. v... vua ban sắc chọn lựa danh sơn để tu tập, ngài bèn lên núi Nga My, theo hướng Bắc trông về Ngưu Tâm có các ngọn núi vây bạc chung quanh, ngài bèn dựng lập am tranh để ở và dần làm thành chùa. Đến năm 84 tuổi ngài thị tịch.

Ra khỏi chùa Ngưu Tâm, lại qua trước Trung Phong vào Tân Nga My, Ở trước núi Quán Tự Tại có mở con đường mới rất lớn, nhỏ dần xuống trong mưa để đến Long Môn, theo đuổi đi vài dặm, bổng đến một nơi, khe suối trong cửa Đá hai núi tuông trào ra, đó là nơi khúc co của

Long Môn. Bèn dùng chiếc thuyền lá chèo bơi vào cửa Đá, hai bên bồ cao ngàn Trương vách núi cheo leo xanh biếc nhu ngọc Bích, vót nhọn sáng nhuần, vào trong khúc co khoảng hơn mười trượng có hai thác đổ như thảm lụa, mỗi mỗi đều xuất phát từ đảnh núi Cân Xứng bay xuống. Hỏm vào trong sâu có tảng đá tiếp theo đó khơi làm nước bay, bọt bóng nước tràn khắp khúc co, thuyền vượt qua trước, y phục đều bị thấm ướt. Lại cách khoảng hai trượng rưỡi có một khám tròn cách nước khoảng hai trượng, phải dùng thang cây gỗ để leo lên, tức nơi động của Rồng vậy. Trong khúc co toàn sắc màu xanh biếc sâu không đáy, đá lạnh nước trong, chẳng giống ở thế gian. Thuyền đi khoảng vài mươi bộ, vách đá càng cao nước càng đổ dốc, bèn xoay mái chèo lại, người chủ thuyền nói: "đi tới trước càng có nhiều sự kỳ đặc". Vì mưa lớn khiến dốc nước này càng thấm ướt. Hong nắng trên da nổi như hạt thóc, thân cốt kinh sợ tâm thần hãi hùng, rét giá chẳng thể dừng ở được lâu. Xưa trước từng nghe ở núi Nga My có hai khe suối chẳng kém gì ba khúc co ở Lô Sơn. Ngày trước đi ngang qua đó, thật sự là kỳ đặc tuyệt diệu. Khi đến Long Môn thì hai khe suối lại ở dưới gió. Nên dòng suối khúc co trong thiên hạ thì tại Long Môn là đứng đầu. Quan trọng hơn cả là người nào đã đến thì tự biết, còn không chưa đến thì cho là tôi nói quá lời. Nhưng đường xá rất hiểm nguy, đá sỏi đầy đường, sắp đến nơi khúc co hẳn phải bỏ kiệu xe. Nhẹ bước giày cỏ giẫm trải qua từng bước, đến trong ngưỡng cửa Ngà cao lớn mới đến cửa khúc co. Bởi vì đảnh núi Nga My là cảnh quan tuyệt diệu trong thiên ha. Từ xưa, người đất Thục ít ai đến đó, mà Long Môn lại là nơi thắng cảnh ưu tuyệt hơn hẳn các núi trong thế gian. Đến núi Nga My cũng ít có thể đến đó. Nếu chẳng phải là người không ưu thích kỳ lạ quên cả nhọc mệt và chẳng sợ bệnh tật thì không thể đến đó. Lại tìm đường lớn để ra núi, đến đầu đêm mới tới trong huyện.

----

4. KHẢO TRUYỆN VỀ PHẠM TĂNG CHỈ KHÔNG

A-Bài Minh và lời tựa nơi bảo tháp Thiền sư Chỉ Không.

(Lý Sắc soạn thuật)

- Tiền Phụng dực Đại Phu, Tri mật trực ty sự, Thương nghi Hội nghị đô giám sự, Hữu Văn Quán Đề cử, đồng tri Xuân Thu Quán sự thượng Hộ Quân thần Hàn Tu Phụng Giáo thư tịnh Triện Ngạch.

- Tiền Triều liệt Đại Phu Chinh Đông hành Trung Thư Tỉnh Tả Hữu Đô lang Trung thôi trung bão Tiết đồng đức Tán hóa Công thần tam trùng Đại Khuông Hàn Sơn Quân lãnh nghệ văn xuân Thu Quán sự kiên thành Quân Đại ty thành thần Lý Sắc phụng Giáo soạn.

Tiếp sự truyền thừa đời thứ 18 của Ca-diếp là Tôn Giả Bụt Đà Thiện Hiền hiệu là Chỉ Không.

Trong khoảng niên hiệu Thái Định (1324-1328) thời Đại Nguyên Ngài (Chỉ Không) gặp vua Thái Định Đế (Dã Tôn Thiết mộc nhĩ 1324-1328) trên Nạn Thuỷ cùng luận bàn Phật Pháp rất xứng hợp yếu chỉ, vua ban sắc Hữu Ty cung cấp lương thực trọn năm để thọ dụng. Ngài bảo rằng: “Tôi không phải vì vậy” bèn bỏ mà theo hướng Đông đến nước Cao Câu Ly, lễ bái Đạo Tràng Pháp khởi tại núi Kim Cang. Lại có chỉ thú thỉnh mời đến đất Yên. Đến đầu niên hiệu Thiên Lịch (1328) thời Đại Nguyên, có chiếu sắc ban thỉnh mời Ngài cùng Chư Tăng giảng pháp tại Nội Đình, đích thân vua Minh Tông (Hòa Thế lạc-1328-1330) đến dự nghe. Chư Tăng cậy ỷ ân ban bay bổng lên xuống tạo thành khí thế, ghét sự chèn nghiến tự mình, cản trở không được thực hành. Sau đó không bao lâu trong Chư Tăng hoặc có vị bị giết có vị bị tố cáo, mà tiếng tăm ngài vang dộng khắp trong ngoài, đến nỗi Hoàng Hậu thỉnh mời vào Diên Hoa Các để thưa hỏi Phật Pháp. Ngài bảo: “Phật Pháp tự có người học chuyên tâm tự trị thiên hạ rất may mắn”. Lại bảo: “Phước muôn phước, phước khuyết thiếu một trong muôn ức, không thể lấy thiên hạ làm chủ”. Đối với các thứ châu ngọc dâng cúng, ngài khước từ không nhận. Từ niên hiệu Thiên Lịch (1328-1330) trở về sau, ngài không ăn không nói có hơn mười năm. Thế rồi ngài nói trở lại, lúc nào cũng tự xưng: “Ta là Chúa Thiên hạ”. Lại chê trách các Hận Phi rằng: “Đều là kẻ hầu hạ của tôi”. Người nghe lấy làm quái lạ nhưng không ai dám hỏivề nguyên do. Lâu sau có người tấu trình lên nhà vua. Vua(?) bảo: “ông ấy (Chỉ Không) là vua trong các Pháp nên có sự tự phụ như thế đâu liên quan gì đến việc nhà Ta ư?”. Tại Trung Nguyên, binh lính đang dấy khởi. Ngài ngồi giữa chúng Đông mà bảo rằng:

"Các ngươi có biết binh ngựa của ta nhiều bao nhiêu chăng?. Nơi nào khó muôn vàn, nơi nào khó muôn vàn?". Chùa ngài ở, Chư Tăng toàn là người xứ Cao Ly. Một ngày nọ bổng nhiên Ngài bảo đại chúng rằng: "Cớ sao các người làm phản ư?" Và muốn gióng trống đánh đó mà lại thôi. Vài ngày sau từ tỉnh Liên Dương vội đến tấu trình: "Binh lính của Cao Ly đánh chiếm biên giới". Tại kinh đô mọi người nhóm tụ Đông nhiều. Ngài từng bảo người ấy đi đi. Thế rồi nhà vua đích thân trấn thú phương Bắc. Tại trung nguyên binh lính vào thành lập phủ đề hiệu là Bắc Bình, Ngài đâu phải chợt nhiên ấy ư?

Ngài từng tự nói rằng: "Tằng Tổ của ta huý là Sư tử Hiếp, Tổ phụ của ta huý là Hộc Phạn, đều là làm vua nước Ca-tỳ-la, Thân Phụ của Ta huý là Mãn là vua nước Ma Kiệt Đề, Thân mẫu của ta là công chúa nước Hương Chí, hai người anh của ta là Tất-lợi-ca-la-bà và Tất-lợi-ma-ni. Song thân ta cầu đảo vị Thần Đại Oai Đức ở phương Đông mà sinh ra ta. Thưở bé nhỏ, tánh ta rất thích thanh tịnh, không ăn dùng rượu thịt tanh nồng. Năm 5 tuổi, ta theo Thầy thọ học Quốc thư và ngoại bang, hiểu sơ về đại nghĩa khí khứ. Thân phụ ta cảm mắc bệnh các thầy thuốc chữa trị không hiệu nghiệm. Có vị thầy đồng cốt bảo rằng: "Như có người con xuất gia thì bệnh vua có thể giảm". Thân phụ hỏi ý ba người con, ta liền đáp ứng, Thân phụ ta rất mừng vui, gọi ta con nhỏ mà bảo rằng: "Lũ-đát-la-đa-bà có thể làm được như thế ư?". Còn Thân Mẫu ta vì ta là con út nên mới đầu rất khó khăn kham nhẫn, Ta nguyện cắt đứt ân ái xả bỏ nhà đình thế tục. Bệnh thân phụ ta liền được lành khỏi. Năm ta 8 tuổi chuẩn bị đầy đủ ba y đưa đến chỗ Giảng sư Luật Hiền ở chùa Nan La Đà, xuống tóc bẩm thọ năm giới, học pháp Đại Bát nhã. Như ta có hỏi về Chư Phật chúng sinh, hư không, ba cảnh giới. v. v... thì Thầy Ta bảo: "Phi hữu phi vô là Chân Bát nhã. Có thể sang chỗ Phổ Minh ở núi Cát Tường tại nước Lăng Ca thuộc Nam Ấn Độ để nghiên cứu áo chỉ. " Lúc đó vừa 15 tuổi, ta phấn phát một mình riêng bước ra đi, đảnh lễ Thầy ta tại am Đảnh Âm. Thầy ta bảo: "Từ Trung Thiên Trúc đến đây bước bao nhiêu bước?" Ta không thể trả lời, bèn trở về trong động đá suốt 6 tháng xét duyệt mới tỏ ngộ, Ta mới muốn đứng dậy, hai cẳng chân bèn dính liền với nhau. Vua ấy mới vời gọi thầy thuốc giỏi cho uống thuốc hay tốt, liền lành, nói cùng với thầy ta rằng: "Hai cẳng chân là một bước". Thầy ta đem y bát mà trao cho, xoa vào đảnh đầu mà bảo rằng: "xuống núi một bước bên thành sư tử con. Dưới tòa của ta, người đắc pháp xuất thân có đến 243 vị nhưng đối với chúng sinh đều thiếu nhân duyên. ông nên thay ta vì đó mà rộng giáo hóa, sang đó

mà khuyên gắng". Và gọi ta là Tô-na-đích-sa-dã, Trung Hoa dịch đó là Chỉ Không. Ta bèn dùng Kệ tụng cảm tạ ơn thầy rồi nói cùng đại chúng rằng: "Tiến tới thì hư không rỗng tếch, thối lùi thì muôn pháp đều đắm chìm". Và quát hét lớn một tiếng.

Mới đầu đi tìm thầy, ta giẫm trải qua nước La La Hứa, có vị giảng kinh Pháp Hoa, tôi nói bày khai mở điều nghi ngờ cho người ấy. Tại nước Đán Đa, Nam nữ để loã hình ăn ở lẫn lộn, Tôi thấy thế bèn theo đường lớn mà đến nước Hương Chỉ, vua nước đó nghe tôi đến, vui mừng bảo: "Chàng rể của ta đó" và khuyên răn cố lưu giữ mà tôi không chịu. Các Pháp sư tu theo tông Hoa Nghiêm rộng giảng nói về 20 thứ tâm Bồ-đề, Tôi dụ lấy một tức là nhiều, nhiều tức là một. Trên sườn núi Quy Phong bên bờ biển nước Ca-lăng-già, có vị Phạm chí ở đó bảo rằng: "Muôn trượng treo đầu núi, ném thân mà chết sẽ được làm thân vua người trời". Tôi nói: "Tu hành vốn tại tâm sao cúng liên quan tới thần?" và bèn khuyên tu các Phật Lục Độ, Thập địa. v. v... Tôi Kiết hạ an cư tại núi Ma Lợi chi xong rồi mới đến nước Lăng Ca.

Khi đã từ giã Thầy ta mà xuống núi, Lão Tăng chủ tháp Vô Phùng giữa đường cùng gặp, biết tôi có sở đắc nên thỉnh mời tôi giảng nói Pháp, Tôi tán tụng Tháp mà đi. Chúa nước Vu Địa tin theo ngoại đạo, vì tôi có giới không giết hại, trộm cắp, tà dâm, mới vời bảo kỹ nữ cùng tắm rửa với tôi, tôi vẫn điềm nhiên như người chết, vua ấy mới tán thán rằng: "Thật hẳn khác với người vậy". Ngoại đạo ở đó dùng cây đá làm thành người núi, ở nơi đầu tủy não dựng lập một ngọn núi, dùng rượu thịt cổ bàn cúng tế núi, kẻ Nam người nữ đều nhóm tụ ở trước, gọi đó là cúng dường Âm Dương. Tôi mới nêu lý mê ngộ của người trời, khám phá tà tông, giúp chúa sửa nước tin theo Phật Pháp. Tôi dùng kệ mà tâu trình cùng vua, và vua cũng dùng kệ đối đáp với tôi. Tôi lại dùng kệ để cùng nói đó. Vua bèn đem vài hạt trân châu mà ban tặng và tán tụng trong hội có kim châm, trong mắt có Tượng Vương ngang qua. Tại nước Sư Tử có bình bát của đức Như Lai và dấu chân của đức Như Lai. Chỉ một bình bát cơm mà có thể cung cấp cho cả muôn vị Tăng. Lúc dấu chân Phật tỏa phóng ánh sáng tôi có chiêm lễ. Tại nước Ma-lý-da-ra tin theo ngoại đạo Phạm chí nên tôi không qua. Ở nước Ca-la-na cũng tin theo ngoại đạo, vua nước đó thấy tôi đến, rất vui mừng. Tôi bèn đem phẩm Ma Hê Sa La Vương Nhân Địa trong kinh Đại Trang Nghiêm Công Đức Bảo Vương mà chỉ dạy. Vua ấy bảo: "Ngoài pháp lại còn có chánh pháp". Các ngoại đạo muốn hại, tôi liền trốn ra khỏi thành, khi ấy trời vừa nhá nhem tối. Có con hổ đến theo hầu, biết được tiếng

chim bay trên cây để trốn lánh. Tôi bảo: "Ngươi đã biết được tiếng chim muông, vậy với giáo pháp ta nói có biết chăng?" Hổ theo hầu im lặng không nói. Khổ nhọc hành hạ đánh 20 gậy mới tỏ ngộ.

Tại nước Thần Đầu sông cát mịt mờ không biết chỗ đích, có một cây trái tợ như cây đào, vì quá đói nên tôi hái hai quả để ăn. Ăn chưa xong, Không Thần vừa đến giữa không trung ngồi nơi Điện rộng, có người già ngồi chính giữa bảo rằng: "Kìa, kẻ giặc sao không tác lễ?" Tôi nói: "Tôi là đệ tử Phật, sao lại đảnh lễ ông?" Người già ấy mắng chửi: "Đã xưng là đệ tử Phật sao lại trộm trái cây?" Tôi nói: "Vì lửa đói bức bách". Người già ấy bảo: "không cho mà lấy đó tức là trộm vậy. Nay tạm tha cho ông, hãy khéo hộ trì giới". Và bảo tôi nhắm mắt lại, chỉ chốc lát đã đến bờ kia, nóng ấm nằm trên thân cây thì ra đó là con trăn lớn vậy. Đến nước Đích Lý La Nhi có người nữ muốn cầu hợp, vì đói nên tôi muốn tìm cầu thức ăn, như sắp cho vậy. Và hỏi về ngựa ở đó có tốt chăng, người ấy bèn như thật mà đáp, tôi liền cởi mà chạy, quả nhiên như bay bèn đến địa vức khác, bỗng có một người trói buộc tôi và sai bảo chăn giữ dê của ông ta. Gặp tuyết lớn, Tôi vào trong hang nhập định suốt 7 ngày tỏa phóng ánh sáng sắc trắng ra ngoài hang động, người ấy dọn gạt tuyết mà vào, thấy tôi đang ngồi kiết già nên rất vui mừng đem y bán mà ban tặng, Tôi không nhận. Kẻ Nam người nữ đều phát tâm chỉ bày cho tôi đường chánh, đã đi rất dài lâu mà không thấy người, bỗng gặp các lối đi, trong lòng tôi rất vui mừng, người ấy bắt dẫn tôi đến chỗ vua và quỳ mà tâu rằng: "Trời nắng hạn hẳn bởi yêu quái này xin nên giết đi". Vua ấy bảo: "Tạm tha cho đó, ba ngày nữa nếu không mưa thì giết cũng không muộn". Tôi liền đốt hương nhất tâm cầu nguyện, bèn có mưa lớn suốt ba ngày.

Tại nước Tha Lăng Đà có vị tăng bị điên, thấy có người đến liền đem ba cái đầu trâu đất và trải bồ đoàn lên trên, im lặng mà ngồi. Tôi đem đến một nhóm lửa, vị Tăng ấy liền kêu bảo: "núi sông đất liền thành một mảnh vậy". Tại ao A Nậu, có Sa-môn Đạo Nham ở bên cạnh, dùng tranh cỏ làm am thất nhỏ, có người đến thì dùng lửa thiêu đốt am thất mà kêu gào: "Cứu lửa! Cứu lửa!" Tôi đến, vừa mới kêu "Cứu lửa!" Tôi bèn đá ngã tịnh bình, Đạo Nham bảo: "Đáng tiếc, đến quá chậm!"

Ở nước Mạt La Sa, mọi người phụng thờ Phật rất kính cẩn, mà tà chánh lại xen tạp lẫn lộn. Tôi vì giảng nói Phá Tà Luận, các ngoại đạo quy hướng về chánh giáo. Ở phía Đông thành có hòa thượng bảo cuốc xới chung quanh bốn phía nơi ở để làm ruộng, đặt trồng giống rau trong một đồ vật, người đến thì sửa chăm ruộng mà thôi, không nói năng gì.

Tôi đem rau trồng theo mà xuống đó. Vị Tăng ấy kêu bảo: “Rau mọc vậy? Rau mọc vậy?” Trong thành đó có người thêu dệt sợi vải, có người đến, chẳng cùng nói năng, cứ thêu dệt không ngừng nghỉ, Tôi bèn dùng dao cắt đứt vải dệt. Người ấy nói: “Thêu dệt trong nhiều năm đã hoàn tất vậy”. Tại nước A Nậu Đạt, có Sa-môn Tỉnh Nhất ở trong hang, thấy người đến thì dùng than bôi thoa mặt rồi ra nhảy múa mà trở vào. Tôi dùng kệ mà quát mắng đó. Tại nước Tảo Sa có Sa-môn Nạp Đạt ở bên vệ đường đã nhiều năm thấy người đến thì liền bảo:: “Khéo đến!”, thấy người đi thì bảo: “khéo đi!”. Tôi bèn đánh cho ba gậy, người ấy trả lại một đấm tay. Tại nước Đích Lý Hầu Đích, Bà-la-môn giáo rất hưng thạnh, tôi khoanh tay mà đi, tại nước Đỉnh Khư Lý, chánh tà đồng tu hành, gặp kẻ trộm thì bóc lột để mình trần trụi. Đến nước Nỉ Già La, vua nước đó thỉnh mời vào nội cung cầu kinh giảng pháp. Có Sa-môn Bảo Phong đang giảng nói kinh, tôi bèn cùng tuyên giảng. Từ đó, theo hướng Đông đi khoảng vài ngày, đến nơi có một núi cao gọi là núi sắt, không có đất đá cây cỏ mặt nhật soi chiếu lúc sớm mai tưởng thể như lửa, lại còn có tên là Hỏa Diệm. Đi khoảng bảy tám ngày thì lên đến đảnh núi có nước, đất đai có đến 17-18 chỗ rộng tiếp giáp đến trời, về phía Bắc không biết đến mấy ngàn muôn dặm, phía Đông có dòng nước đang tuôn chảy. Hai bên sườn núi cao vợi phải bắt cầu để vượt qua, băng tuyết không tiêu tan nên gọi là núi tuyết. Tôi một mình đói khát ăn dùng trái cây hoang dã để vượt đến cảnh vức của Tây Phiên.

Tôi hành hóa đến Trung Quốc, gặp Sa môn Ma-ha Ban Đặc Đạt, người xứ Bắc Ấn Độ tại Tây Phiên đều cùng đến Yên kinh, dừng ở đó không bao lâu bèn theo hướng Tây đến Vương phủ An Tây, bèn cùng gặp Vương Phó Khả Đề. Khả Đề thỉnh mời ở lại để học pháp, mà chí ý tôi thì muốn chu du, biết làm sao? Khả Đề nói: “chúng sinh thì vô thỉ trở lại tạo vô số nghiệp ác, ta nên dùng một câu mật lời chân thật để hỏa độ khiến cho được siêu sinh hưởng vui thú ở các cõi trời”. Tôi nói: “ông nói vọng vậy. Kẻ giết người cũng giết hại đó, sinh tử cùng báo thù đó là cội gốc của các thứ khổ”. Khả Đề bảo: “Ông là ngoại đạo vậy”. Tôi nói: “Từ Bi là chân thật Phật tử, còn trái lại chính là ngoại đạo”. vua có dâng tặng gì, thảy vào vất bỏ cả. Dân chúng ở thành Ma Đề Da tại Tây Thiên có thể hóa độ. Các Chú sư ganh ghét ta nên đem thuốc độc hòa trong nước chè uống, gặp sư Thần đến từ thành đô thỉnh mời tôi cùng trở về nước Sa-môn Ban Đặc Đạt cùng chung sức hoàng hóa xiển dương. Vì không khế hợp, nên tôi lại bỏ đi đến Già Đơn, Chú sư muốn

giết hại tôi, tôi mới bỏ đi đến Hà Thành, chúa ở đó trông thấy tôi rất vui mừng. Các ngoại đạo ganh ghét đánh tôi gãy một chiếc răng. Đến lúc sắp đi, họ muốn nếu gặp nơi đường hẳn giết chết. Vị chúa ấy bảo hộ đưa tôi đến đất Thục. Tôi lễ bái tôn tượng Bồ-tát Phổ Hiền rất lớn, và ở lại tọa thiền suốt ba năm. Khắp sông Đại Độc trộm cướp lắm nhiều, tôi lại để mình trần chạy đến địa vức La La Tư, có vị Tăng thí cho chiếc chăn Thiền, có một người nữ thí cho chiếc áo nhỏ, tôi bèn nhận lấy đó. Đồng lúc trai tăng phóng thả ngan ngỗng. Người phụ nữ muốn nấu mà ăn đó, tôi bèn đánh, người phụ nữ ấy liền khóc, Chư Tăng tức giận bèn đuổi đi. Tôi nghe Thổ quan đắp họa tượng tôi, như gặp hạn hán bệnh tật mà cầu đảo hẳn được thích ứng. Quan ải sông Kim Sa thấy Tôi và người phụ nữ y phục tóc tai lại dài, lấy làm quái lạ nên hỏi từ đâu đến. Tôi nói năng không rành, bèn viết chữ Tây Vức, lại chẳng phải chỗ biết. Khi ấy bèn lưu lại, chiều tối lên hỏm đá trên núi mà nằm, bất chợt chốc lát bèn đã đến bờ kia. Qua khỏi giờ Tý, lấy làm lạ, tôi bèn lễ bái. Ở phía Tây Thành Vân Nam có ngôi chùa. Tôi lên trên cửa lầu nhập định. Chư Tăng ở đó thỉnh mời vào thành. Đến chùa Tổ Biến, ngồi dưới gốc cây ngô đồng, đêm đó trời mưa đến sáng sớm mà y phục vẫn không thấm ướt. Đến đó xét xem mà cầu tạnh, liền được ứng cảm. Tôi an cư kiết hạ tại chùa Long Tuyền, ghi chép kinh Bát Nhã bằng chữ Phạm. Chúng Tăng nhóm tụ Đông nhiều nên thiếu nước, tôi bảo Rồng dẫn mối nước để hộ giúp chúng Tăng. Tại nước Lý, tôi bỏ hết các mùi vị, chỉ ăn chín hạt hồ đào để qua ngày.

Một bộ lạc Kim Xỉ Ô Triệt Ô Mông kính lễ tôi làm thầy, đắp họa tôn tượng phụng thờ nơi miếu. Tôi nghe có kẻ vô lại đem Tôn tượng tôi và Thiền trượng ném vất nơi đất mà chẳng thể dở lên nỗi, bèn sám tạ đặt để lại như cũ. Có vị Tăng ở An Ninh Châu hỏi rằng: "xưa kia, Tam tạng Pháp sư (?) vào đất Trung Hoa thời tiền Đường cúi phục nơi đất mà biết tiếng. " Khi ấy tôi đã hiểu biết được tiếng xứ Vân Nam bèn liền đáp rằng: "Xưa nay chẳng đồng, thánh phàm khác lối." Bèn thỉnh cầu giảng nói giới kinh, đốt đảnh đầu, thiêu cánh tay, Quan dân đều như vậy. Các chùa ở Đường Trung khách thỉnh cầu giảng nói pháp, trước sau có cả thảy năm hội. Thái tử lễ cầu tôi làm thầy. Người xứ La La vốn không biết Phật Pháp và chúng Tăng, lúc tôi đến thì mọi người đều phát tâm, chim bay cũng xưng niệm danh hiệu Đức Phật. Kháng Soái Phủ Quan ở Quý Châu đều thọ giới. Các động mán Miêu mán Dao Đồng hoa trúc xanh hồng đả nha Cát Lão đều đem rau quả khác lạ đến thỉnh cầu thọ giới. Tại phủ Trấn Viễn có miếu thần Mã Vương, thuyền ghe

người nào qua đó đều phải dâng rượu thịt để cúng tế, nếu không như vậy thì ghe thuyền sẽ bị tổn hại. Tôi bèn quát mắng một tiếng phóng thả thuyền đi. Đến đường Thường Đức lễ bái hai Tổ Sư Kính Cương và Bạch Lộc, tôn tượng Quán Thế Âm tự đắp họa, tại hồ Động Đình linh dị lắm nhiều hay tạo mưa gió. Tôi đi vừa gặp lúc gió quấy sóng vỗ nên vì giảng nói tam quy, ngũ giới, tuyên bày vừa Phạm ngữ lẫn Hán văn. Trước kia lúc cúng tế ban đêm dâng giày vải sợi đến sáng sớm thì giày đều phá rách, về sau đều bỏ sự dâng cúng ấy. Từ khi cúng tế bằng chay tịnh, Hồ Quảng Tỉnh tham chính muốn đuổi tôi đi. Tôi nói: "Bần đạo là người Tây Vức xa đến bái yết Thánh Hoàng hỗ trợ hoằng dương chánh pháp, ông không muốn tôi cầu nguyện Hoàng Đế được trường thọ ư?" Qua đến chùa Đông Lân ở Lô Sơn, thấy tháp tiền thân vẫn sừng sững, hài cốt vẫn còn chưa rả mục. Hoài Tây Khoan hỏi ý Bát nhã. Tôi nói: "Tam tâm không chỗ được". Thái tử ở Dương Châu dùng thuyền đưa tôi đến kinh đô ở nhà Thừa tướng Đại Thuận vốn giòng họ Thường người xứ Cao Ly. Thỉnh mời đến chùa Sùng Nhân để thí giới, thế rồi đến Loan Kinh. Từ trong niên hiệu Thái Định (1324-1328) đã gặp gỡ, than ôi! ngài vẫn du đến như thế ư? Có tin chăng ấy thật khác với người vậy.

Từ trong khoảng niên hiệu Thiên Lịch (1328-1330) thời Đại Nguyên, Ngài cởi bỏ Tăng phục, nhà giòng họ Kim của Đại Phủ Đại Giám Sát Hản Thiếp Mộc Nhi cũng người xứ Cao Ly theo ngài xuất gia, mua nhà ở thôn Trừng Thanh mở mang làm Phật cung, thỉnh mời Ngài đến ở. Ngài đề biển ngạch ở đó là Pháp Nguyên, bởi vì các dòng nước trong thiên hạ thảy đều từ phía Tây mà sang Đông, nên lấy đó để tự sánh ví, Ngài tạo hình tóc bạc râu mép với thần khí đen bóng, ăn mặc rất phung phí, sống trong bình thản nghiễm nhiên khiến người trông thấy mà kinh sợ.

Mùa Đông năm Chí Chánh thứ 23 (1363) thời Đại Nguyên, nội thị đến, ngài bảo: "hãy vì ta mà tâu cùng chủ của ngươi là trước ngày ta sống bỏ đi ư". Chương Hội Khanh Thúc Ca, Thiếp Mộc Nhi đoái hoài lưu giữ ngài. Ngài dừng ở một thời gian trong mùa Đông, rồi lại bảo: "Chùa Thiên Thọ là ảnh đường của ta vậy". Đến ngày 20 tháng 11 năm đó, ngài thị tịch tại Phương Trượng Quý Hóa. Ngài dựng lập nên mà cũng là nơi tên của ngài vậy. Có sắc chỉ, Tỉnh Viện Đài Bách Ty lo liệu đầy đủ nghi vệ nghinh đưa Khám ngài đến chùa Thiên Thọ. Qua năm sau, Ngự Sử Thái Phu Đồ Kiên Thiết Mộc Nhi, Bình chương Bá Thiếp Mộc Nhi làm hộp hương đến bái yết ngài, dùng hương hòa lẫn bùn, dùng vải Mai quế Thuỷ đắp bọc thân thịt ngài. Đến mùa thu năm

Mậu Thân (1368). Binh lính đến thành, trà tỳ phân làm bốn phần. Các vị Đạt Huyền, Thanh Tuệ, Pháp Minh, Nội Chánh Trương Lục Cát mỗi người tự chia lấy giữ gìn mà đi. Nhóm Đạt Huyền đến Thuyền Hải Ty, nhóm Đạt Duệ theo Thanh Tuệ mà được đó, đều theo hướng Đông mà trở về, đến ngày 16 tháng 9 năm Nhâm Tý (1372), theo mệnh lệnh vua (Chu Nguyên Chương-thái Tổ thời nhà Minh mà dựng lập Bảo tháp tại chùa Cối Nham. Lúc sắp nhập tháp, rưới rửa di cốt có được nhiều viên xá-lợi.

Từ Tây Vức, ngài mang theo kinh Văn-thù-sư-lợi Vô Sinh Giới hai quyển mà đến, Tham Chánh nguy sợ phát lời tựa mở đầu, tự tay viết kinh Viên Giác. Âu Dương tiếp thừa ý chỉ viết lời Bạt phần sau, Kệ tụng của Ngài lắm nhiều, riêng có ghi lục lưu hành ở đời. Có Sa-môn Ngộ ở Vân Nam không thấy mà hay nói. Lúc 7 tuổi đến nơi ngài cầu xin xuất gia thì ngài đã tròn một giáp (60 tuổi), nhưng đến lúc Sa-môn Ngộ được 75 tuổi thì ngài thị tịch. Sa-môn Nhân Kiệt ở sông Cát Văn nói trước kia muôn nhân là Sa-môn Đạt Uẩn trú trì chùa Lâm Quán dò xét tìm ghi đạo hạnh của ngài, càng lâu càng kính cẩn. Tư Đồ Đạt Duệ cách xa quan ải vài ngàn dặm phụng thờ di cốt của ngài như phụng thờ lúc sinh tiền rất cung kính, đến chết cũng không ăn năn vậy. Có vị đệ tử của Lại Ông nói là: "Thầy tôi cũng từng bắt chước ngài, bắt chước tổ phụ tôi, cùng với đệ tử của ngài là Tỳ-kheo-ni Diệu Tạng trú trì ở Viện Tịnh Nghiệp, mua yên thạch sắp dựng ở sườn núi tại chùa Cối Nham, lường do Thiên cuộc, ấy chẳng là con hiếu cháu thuận ư?" Sự việc tấu trình vào nội cung. Có sắc chỉ, thần sắc minh, thần tu sửa thư, thần trọng hòa Thiên ngạch. Thần sắc nói là: "Thân của ngài đã thiêu đốt phân thành bốn phần, chưa biết ngoài ra còn dựng tháp ở xứ nào, mà tìm cầu minh châm để dò xét người lưu truyền ấy là ai ư? Lại chưa biết thầy ngài là ở tại đây hay ở tại kia ư? cũng không xem như đó là ve sầu lột xác, chẳng lại đoái hoài sử sách, mà vì những hàng học trò ngài báo đáp ân đức ngài mà gượng vì đó ư? Thần đối với đó không thể không cảm, chỉ sợ tiếp thừa giáo hệ thuộc đó, vì vậy ghi tác bài minh rằng:

"Dấu vết của ngài
Phát xuất Tây Vức
Con của Mãn Vương
Vợ của Phổ Minh
Loan Kinh gặp biết
Xứng hợp với thời
Phỏng hỏi Diên Hoa

Sao gọi là chậm
Đoái nhìn vết ngài
Các nước đều qua
Dựng nhà ngói máng
Nước đổ xuống đá
Thiên lịch (1328-1330) xuất gia
Phủi bỏ ghét ganh
Y phục nay mặc
Đạo hạnh vọng vang
Lời cuồng hài hước
Giúp người chẳng lường
Bàn quân chưa hở
Như thác trắng đen
Trước thấy loáng sáng
Đạo ấy mới tinh
Hoặc ngờ hoặc báng
Tâm ngài thản nhiên
Xá-lợi đã rõ
Không ai chẳng kính
Ai bảo tánh người
Chẳng hợp cùng cực
Xét ở Cối Nham
Dựng đá để khắc
Không dám lầm bậy
Trọn đến Khuyết Lam".

Dựng lập ngày. . . tháng. .5 . năm Mậu Ngọ (tức năm Tuyên Quang thứ 8 (?)

Đệ tử ngài thấy phỏng họa:

"Khác mối vượt thế giáo
Ngon đầy an sống lạnh
Trái đồng bàn gặm nhấm
Chén cung bái khoảnh sau
Lời vụng ôm không hết
Đạo Mầu khó gọi nên
Vượt qua ai hay truyền
Phải nhờ nhặt ẩn minh".

B. Ghi Về Tạo Dựng Chùa Cối Nham

(Kim Thủ Ôn soạn thuật.)

Thắng cảnh núi sông ở Đông Độ (Trung Hoa) nổi danh trong thế gian, mà nơi Phật lô đến ở xứ đó lại chẳng biết có bao nhiêu, còn như đền thờ cực nhân đầy đủ chế độ và đầy đủ thể thức của Pháp Vương hành hóa thì chưa có nơi nào sánh ví như ở Cối Nham vậy.

Xưa kia, trong khoảng niên hiệu Thiên Lịch (1328 –1330) thời Đại Nguyên, Tôn Giả Bạt-già-nạp-đề, người Tây Vức xây dựng nền tảng chùa ấy rất khó khăn tựaj như Chùa Na Lan Đà ở Tây Vức vậy. Vả lại từ thời Đức Phật Ca-diếp nơi ấy đã là một đạo tràng lớn. Từ đó cầm dây lường đất, để định vị về vị trí. Khi ấy được liền nền tảng trước, bấy giờ chỉ tạm che phòng nhà, để biết sự sâu xa mà thôi. Đến thời của Huyền Lăng Vương tức là Tôn Giả Phổ Tế vâng nhận ghi ký ba núi hai sông của ngài Chỉ Không bèn đến đó ở mới muốn tạo dựng lớn ra phân trao rườn cột, vôi chạy chiêu mộ nhân duyên, công việc chưa đến một nửa thì Tôn giả Phổ Tế cũng thị tịch, các học trò v.v... nhớ nghĩ đến Tôn giả Phổ Tế, chưa có chí nghiên tầm, nối theo khuôn phép để lại mà làm hoàn tất công việc ấy.

Mục Ẩn Vân Tĩnh Công ghi chép về đó rằng: Điện Phổ Minh rộng 5 gian xoay mặt hướng Nam, phía sau điện là nơi thuyết pháp rộng 5 gian, sau đó nữa là Điện Xá-lợi rộng 2 gian. Sau đó lại là Chánh điện rộng 3 gian. Phía Đông của Phương trượng là Điện La-hán rộng 3 gian, phía Tây của Phương Trượng là Bảng Đại Tạng rộng 3 gian. Từ hai phía Đông Tây của Điện Phổ Minh phân làm các Điện trái phải. Ở phía Nam xây dựng liên phòng chúng Tăng có sám sai với Lầu Chuông. Chỗ nhà kho khổ của Sa-môn, vị trí của tân khách thứ lớp tường tự, cột nhà nối liền, hành lang vương vít xung quanh, cao thấp dần mờ tối, chẳng biết hướng Đông Tây, phàm phòng nhà có cả thảy 262 gian. Từ đó trở về sau, các bậc khéo giỏi nối tiếp đời đời chẳng thiếu người. Nhưng hoặc mới đầu làm điện Phật mà chưa làm đến liên phòng Tăng chúng, hoặc xây dựng lầu chuông mà không tạo nhà khách, làm đến phía Đông thì phía Tây sụp đổ, làm đến phía Bắc thì phía Nam hư nát. Bởi vì chùa lớn nên công cán phải to nhiều. Công cán to nhiều nên sức người không thể tạo dựng khắp mà chắp nối. Bèn khiến Đại Tòng lâm của một nước nhà như nhà hoang trống. Mùa Xuân năm Nhâm Thìn (1472) thuộc niên hiệu Thành Hóa (1465-1488) thời nhà Minh, Đại Phi Điện Hạ của vua Hiến Tông truyền ý chỉ đến Hà Thành Phủ Viện Quân thần Trịnh Hiến Tổ: “Nếu nói tôi là phụ nữ tiếp thừa tốt lành của Tổ phụ, giúp Đại

vương Thế Tổ ta sinh nuôi con Thánh cháu Thần, tuy là Hoàng Thiên mến giúp phương Đông, cũng chưa hẳn chẳng phải xưa trước gieo trồng gốc đức nơi Phật thừa vậy. Từ xưa, từ mẫu muốn bảo hộ cháu của bà, trung thần muốn cầu thọ cho người ấy, không ai chẳng quy hướng Tam bảo. Chùa Cối Nham ở phương Đông là một ngôi Đại Già lam, ba vị Hòa thượng kế tiếp nhau khai sơn. Ghi ký về ba núi hai sông bắt đầu từ ngài Chỉ Không, thật là chốn đất phước thọ của nước nhà ông vậy. Vả lại nghe rằng nền tảng xây dựng không được bền chắc. Điện nhà thềm cấp được làm bằng đá tạp, nên tạo dựng chưa được bao lâu mà nhà cửa đã lão suy. Nay muốn cửa các không sửa đổi vết xưa, sân đình trừ chỗ dấu vết cũ thảy đều đổi thay đá chín. Tính về công khoá thì gấp bội so với lúc mới tạo dựng nên. Ông nên dùng sức giúp ta toại được nguyện lớn". Hiển Tổ đáp rằng: "ở đời đều nói: tiếp nối tạo dựng lại khó khăn hơn tạo dựng mới đầu, của cải vật thực tuy nhiều, giả sử không có được người thì không thể thành tựu. Nay trú trì chùa Chánh Dương là Sa-môn Xử An là người cần mẫn thông đạt, tài năng khéo tốt lo liệu công việc kịp vậy, có thể xứng hợp với ý chỉ". Bèn dời đổi Sa-môn Xử An đến ở chùa Cối Nham, mọi chi phí của cải vật thực, nội nhu chuyên trông coi tùy điều gì thiếu mà cung cấp để giúp đó dùng. Phủ Viện Quân cũng dốc của cải tích chứa riêng để cúng vào sự khuyết thiếu. Sa-môn Xử An tâu trình chiêu mộ kẻ Tăng người Tục tự nguyện tính công để thưởng ngày làm, có hơn vạn tay thợ chẳng đốc thúc mà tự khuyên. Bắt đầu từ ngày... tháng... năm... đó, trải qua 13 tháng mà báo cáo công việc hoàn thành. Điện Đường phòng nhà lầu các không cái gì chẳng sửa đổi, lan can tường vách rộng hẹp đều thêm bớt, mà phòng nhà cửa sổ cửa nách càng tạo thành thông suốt, giặt rửa Đan hoạch càng làm nên văn vẽ ngời sáng. Chùa cũ hơn năm năm sụp đổ, bỗng một ngày biến thành Bảo sát mới đẹp (... lược bớt)

Triều Tiên, Chánh Tổ Tuyên Hoàng Đế (năm nhâm Tý) năm thứ 16 (tức năm khoan chánh thứ tư?) ban tặng thêm ngài Chỉ Không pháp hiệu Giáo Chỉ là:

"Tiếp sự truyền thừa đời thứ 18 của Ca-diếp là Tôn giả Đề-nạp-bạt-đà, Thiền Hiền hiệu là Chỉ Không, tặng thêm là:

Mở Tông giảng Giáo
Muôn hạnh viên dung
Sáu độ nghiêm tịnh
Tam muội trời Tây

Đại Pháp sư tổ thứ nhất ở Đông Độ vậy"

5. TRUYỆN PHẠM TĂNG TỎA NAM NHƯỢNG KẾT

(Cổ Tú Trúc Lại Lý Nhật Hoa trước thuật, Lục Nghiên Trai bút ký Quyển hai).

Ngày mùng 9 tháng 9 năm Giáp Tý (1624) niên hiệu Thiên Khải

(1624) thuộc niên hiệu Thiên Khải (1621-1628) thời nhà Minh, đồng bọn ngu công thị ngự lên tháp Chân Như, xuống lễ bái mộ Đại Sư Trường Thuỷ, tắm nước giếng tuyết, gặp được vị phạm tăng tên là Tỏa-Nam-nhượng-kết, tướng mạo mắt sâu râu mịn, khéo giỏi về Hán âm (tiếng Trung Hoa). Cùng ngồi giây lâu, nhân hỏi về nguyên do từ Tây Vức đến đây. Phạm Tăng Tỏa-Nam-nhượng-kết bèn lấy từ trong tay áo ra một thiên chỉ bày những vết tích nguyên do giẫm trải đến đây. Nay ghi lục vào đây để đầy đủ từ phương xa đến tham tầm trông xem vậy.

Phía Đông nước Thiên Trúc (Ấn Độ) ở Tây Vức có một nước tên Chủ Hoạt, gần đây gọi là Cao Xương, có cả thảy 20 tụ lạc, thành quách cao 12 trượng, chu vi vuông tròn đến trăm dặm, bốn cửa ba tầng, bốn góc có 12 Tốt đổ ba (ngôi tháp), hai lầu văn võ cao 25 trượng. Lầu Rồng gác Phụng có tới 1200 tòa, chùa chiền danh tiếng viện sở lớn lao có cả trăm ngôi, người vật oai hùng kỳ đặc, có lắm nhiều thắng tích, cách Tây Vức khoảng trăm dặm có ngôi chùa Đại thừa có tôn tượng đứng cao 15 trượng tóc đỏ mặt xanh tay cầm nắm chày nhiếp phục ma, Nơi đại điện tôn tượng Phật nằm dài 16 trượng đắp Y Ca Sa sắc đỏ, có tôn tượng Đức Phật bằng đá ngọc, bình tấm sắc xanh lưu ly cao 3 thước, chu vi 3 thước 5 tấc. Bên tả cách khoảng 10 dặm có một chùa Tiểu thừa, phía trong phụng thờ cốt răng Đức Phật lớn 5 tấc, cốt răng Luân Vương lớn 3 tấc, có bình bát bằng sắt màu đen đựng đầy 7 thăng. Đó là di tích của Đức Phật Nhiên Đăng vậy. Về phái hữu cách khoảng 20 dặm có chùa Đáp-lạt-pháp-tạng tức là nơi Phạm Tăng Tỏa-Nam-nhượng-kết xuất gia. Chùa đó vốn do Cam lộ Phạm Vương sáng lập trong thời Chu Thiên Nguyên, gồm một chùa ba viện, lầu các bảy lớp, bên trong có Đàn Chư Thiên Chư Phật giảng Pháp. Trong Đàn có để lại ba viên xá-lợi sắc màu vàng tía và một cái hộp cúng dường cốt răng của Đức Phật lớn một tấc rộng tám phân sắc màu vàng thường tỏa sáng. Phía sau là lầu Lâm Sám Bá cúng dường Đức Phật một cây chổi quét làm bằng cỏ Ca xá dài ba thước lớn tròn bảy tấc. Cán chổi được trang sức bằng các vật báu tạp, hộp ngọc đá đựng đầy. Phía sau lại là Điện Kiến Pháp Vương, đài thuyết pháp. Vua nước Cao Xương tên Cúc Văn Đá Sam ban phong một cao tăng vô thượng pháp vương hiệu là Viên Thông Chí Thắng

Phật. Viên Thông Chí Thắng Phật hóa độ được đệ tử là Ma-hát-bảo-lợi, Ma-hát-bảo-lợi chánh là thầy của Phạm tăng Tỏa-Nam-nhượng-kết, khi còn tại thế tục là ở tại cung ngự đô cung, là di tâm của người em thứ bảy của vua Cao Xương tên là Bá Lợi Khải. Bởi nhàm chán thân hình vương cung giả huyển có, vui thích quả vị Bồ-đề Vô thượng, bèn xả bỏ lợi thật tu tập thiền định, chỉ bày chiến lược.

Theo hướng Đông đi hơn 9 vạn dặm mới đến Đại Minh, đời trước có vị hòa thượng tên là Ban-đích-đáp-tổ thị tịch tại Đông Độ (Trung Hoa) tức là quốc sư của hoàng đế thành hóa. (có phải là Hiến Tông -Chu Kiến Thăm 1465-1488 thời nhà Minh?). Phạm tăng Tỏa-Nam-nhượng-kết kiều thành mến mộ phong hóa và khâm trọng tiên đức nên phát tâm kết bạn cùng năm người cùng đi, mới đầu đến lễ bái ở đài chứng đạo tại núi tuyết, đài thuyết pháp tại núi Linh Thứu. Từ thành Vương Xá đi qua vào cung Mạc-độ-đạt, dâng tên Lãnh Văn bày ghi thư bảo đảm, tên năm vị Tăng:

1. Tỏa-Nam-lục-trúc.
2. Tỏa-Nam-kiên-tỏa.
3. Thiển-dương - Nam-khác.
4. Đoá-nhi-chỉ-xám-phát-trạm.
5. Tỏa-Nam-nhượng-kết.

Theo hướng Đông qua sông Việt Xô, sông ấy cùng chung một nguồn với ao A-nậu-đạt, lần lượt trải qua nước Gia-sức-kiến thay đổi Điệp thư bảo đảm, dừng lại một tháng mới đi tiếp qua nước Khác Hãng, lại đi thêm một tháng đến thành cung ngự. Dân chúng ở đó sắc đen phần nhiều tập tành theo Bà-la-môn chủng. Lại đi 3000 dặm qua thành Bạch Thuỷ, ở đó có nhiều ngoại đạo huyển thuật, không kính trọng chư tăng. Lại theo hướng Đông, đi năm ngàn dặm qua thành Đát-la-tư. Người xứ đó tròng mắt tròn mặt đen, tóc ngắn râu dài, phần nhiều tập học theo pháp Tiểu thừa. Núi ở đó sản sinh ra các trân báu. Dừng ở lại ba tháng rồi theo hướng Đông đi đền nước Yết-xương-na, thay đổi Điệp hư bảo đảm. Dừng ở lại 10 tháng, dân chúng ở đó rất kính trọng Tam bảo, mọi vật lắm nhiều, hạt lúa thóc lớn dài cả tấc. Lại Theo hướng Đông đi 3000 dặm đến núi Thông Lãnh, núi ấy cao vợi hiểm nguy, có khai thác nhưng đến nay băng vẩn chẳng tan, ngưng đọng lan tràn tiếp liền với sương trời, ngửa trông nhìn thấy bóng không ngăn mé liếc xem, bên cạnh đó có núi băng đổ vỡ ngổn ngang bên cạnh đường cao đến trăm trượng, rộng... thước, do đó phải đi đường tắc hiểm nguy giẫm trải mọi gian nan cản trở. Lại thêm băng tuyết bay loạn tạp không ngăn nổi

lạnh run, lúc sắp muốn ngủ ăn không có nơi khô ráo, chỉ phải treo chõ mà đun nấu, nằm ngủ trên băng, khổ không thể nói hết, suốt 7 ngày mới ra khỏi, lại theo hướng Đông Nam gần đến nước Đặc Già, nghe nói ở nước đó lắm nắng nóng, bấy giờ thời tiết đang tháng mười mà nắng nóng như tháng 8 ở nước khác, không thể đi tiếp tới. Nhân theo hướng Đông Bắc đi đến Viện Mã Nghỉ, là nơi xưa kia khi Đức Phật còn tại thế sai bảo A Nan đến giáo hóa, gọi đó là xứ Nhân Quả. Dừng lại ở đó một năm để điều dưỡng vết thương lạnh cóng, đến lúc hoàn toàn lành hẳn mới đi, hai chân Tỏa-Nam-nhượng-kết bị thương. . . Trên đầu gối hiện còn vết thẹo có thể nghiệm chứng.

Lại theo hướng Đông đi qua sông Khắc Già, tức là sông Hằng, sông ấy rộng tới trăm trượng, sóng nước xanh biếc trông nhìn đến đáy, đá tạp hiện bày, hai bên bờ cỏ lạ lắm nhiều, cây cối tốt tươi mùi hương khác lạ. Đi qua một tháng là tới nước Bạc-lục-ca, xứ đó còn gọi tên là cát nhỏ đùn đống, vua nước đó tên là Bắc Đa, đô thành to lớn, người vật nhóm tụ Đông nhiều, chỉ có một ngôi chùa tên là A-xà-lý-nhi, chùa đó thoáng rộng, tăng chúng Đông nhiều, chuyên tập học thuyền định, phần nhi đi đến Thiên Trúc. Lại theo hướng Đông đi 3000 dặm, qua nước Khuất Chi, vua hiệu là Mật-văn-cúc-đa, cung điện chỉnh tề dân chúng Nam nữ đều sắc đỏ, rất kính trọng Tam bảo, có nhiều huyễn thuật, ăn dùng các vật hoa mỹ, y phục vận mặc tinh sạch, sử dụng bằng tiền vàng bạc. Dừng ở tại đó một năm rồi lại theo hướng Đông đi qua nước A-kỳ-ni. Nước đó có nhiều núi khoáng bạc núi khoáng vàng cao đến trăm trượng, khí sáng bay vạt sáng ngời không thể nói hết tướng trạng, giặc cướp lắm nhiều, người xứ đó rất hung ác, giết hại thảm thương không kiên kỵ.

Lại theo hướng Đông đi ngàn dặm là đến nước Cổ Cao Xương, trước kia vua cao Xương có một người em gái bị vua nước chủ hoạt bắt lấy đi, cũng tên là nước Cao Xương. Nước Cổ Cao Xương cũng còn có tên là nước Y Ngô, người vật xứ đó thanh tú. Tương truyền đó là xứ xưa kia Tam tạng Pháp sư Huyền Trang đến hóa đạo, bấy giờ có một vị Sa-môn người Hán (Trung Hoa) dừng ở tại đó. Lại theo hướng Đông đi 3000 dặm đến sông Lưu Sa tức là nơi đá vụn cát vàng đùn đống, rộng 800 dặm, trên không chim bay dưới không thú chạy, đất xứ đó tìm kiếm không ra nước, không cây cỏ, un đùn gió nóng lửa đốt, quỷ ma tung hoành, suốt 10 ngày mới ra khỏi, đến suối Dã Mã dừng nghỉ để lấy nước. Tại đó có một ngôi chùa lớn tên là Lôi Âm, phía sau có một hang động tên là Bích Bá Quật, là nơi xưa kia khi đức Như Lai còn tại

thế nhiếp phục ngoại đạo, hóa trị rồng lửa. Dừng ở tại đó một tháng, lại theo hướng Đông đi ngàn dặm đến 5 đồn lửa. Từ đồn lửa phía Tây đi đến có một núi, vua là sau 5 mơ màng thay đổi tên là Vương Luân bốc, dưới núi có dòng suối rộng hơn một trượng trong suốt sạch đẹp, có Đạt quan trông xem gìn giữ. Phàm chỗ có nước thì báo cho vua biết. Vua thấy 5 vị Tăng trong lòng sinh khởi rất vui mừng giữ lại vài ngày, cấp cho một phong thư gởi đến vua đồn lửa phía Đông, có sứ giả dẫn ra biên giới, chỉ bày đường đi tắc, trao cho dãy da đựng đầy nước, đường đó thuần là một bãi cát mênh mông. Không có lối đi, chỉ trông men theo phẫn cốt ngựa, lấy đó làm hướng tiến tới, hổ lang lắn nhiều, đi mất 5 ngày mới đến đồn lửa phía Đông, từ xa trông thấy trên núi tường thành chỉ có một cửa, đối diện liệt bày khí giới gông cùm cung tên gìn giữ. Từ xa, các quan trông nhìn thấy 5 vị Tăng mới cần muốn bắn tên, bèn gấp gọi có thư của vua ở đồn lửa phía Tây, trông thấy thư mới hứa cho tiến tới, nhỏ nhiệm nói bày những việc từ phương Tây đến vua ở đó cũng rất vui mừng, dừng ở lại một tháng, rồi trao lương thực ngọt ngon, chỉ lối đường đi theo Hạ Diện Thích, đó là ranh giới của Tây Phiên, tên gọi là tiểu Tây thiên. Xưa kia, đức Như Lai truyền pháp ở đó, gọi là Ô Tư Tạng, mặt đất xứ đó thoáng rộng, là nơi bốn nhà Đại vương phụng cúng, xuất hiện nhiều bật Cao Tăng. Trong Đại Điện liệt bày các pháp trạng có tới 500 trang. Có Phật tử Pháp Vương Liên Hoa Thượng Sư truyền phiên kinh, phiên chú rỉ ra Phật vàng, cốt đảnh người có vài hạt châu. Tương truyền xưa kia Hán Ban Định Xa vượt đến ở đó, trấn định Tây Vức. Nơi bổn triều Lưu Mã Đại Giám chinh chiến phương Tây vào địa giới. Khí tiết ở đó rất lạnh. Tham lễ Liên Hoa Thượng sư xong, nghỉ ở lại đó 2 năm, đến lúc sắp đi, cấp cho phong thư, xa đến chùa La Hầu ở núi Ngũ Đài-Hầu Pháp Vương tước lai.

Lại theo hướng Đông đến ải Ngọc Môn, có núi không cửa ải, có một đường sông Hồ Lô trên rộng dưới hẹp, nước chảy sóng dồi rất nhanh, sâu thẳm không thể vược qua. Ở bờ phía Tây có nhiều rừng cây ngô đồng. Từ Thạc Đại làm bè mà đến, từ trên hơi đến hướng Đông Bắc. Đi theo hướng Đông Nam khoảng 70 dặm là đường lớn Ngọc Môn, các Phong Vương đến triều cống đều đi do con đường này, theo chùa Bỉnh Linh ở Mân Châu, chùa Hồng Hoa ở Nhã Châu một đường ở phía Tây núi mà lại, lên chỗ Pháp Vương chùa La Hầu ở núi Ngũ Đài. Dừng ở tại đó 2 năm, găp Khâm sai Ngự mã giám Thái giám Lưu Nhuận đóng ở núi dẫn 5 vị Tăng đến ở chùa Song lâm tại Bắc Kinh.

Đến ngày 15 tháng 5 năm Vạn Lịch thứ 30 (162) thời nhà Minh,

mới vâng phụng mệnh lệnh của Minh Túc Hoàng Thái Hậu nên đến ở am Vạn Thọ trì chú 3 năm. Có phiên kinh sảnh thái giám Trương Quý dẫn tấu "Vạn Tuế Gia", ban bảo đến ở chùa Song Lâm thiết lập trai đàn tế độ cõi âm suốt 49 ngày đêm, ban tặng y tía mũ báu, bảo Tăng Kinh sảnh trông coi Đàn Trung Quý, lại ban tặng y dệt kim thiền 14 đoạn vàng, 8 bộ hộp thức ăn, gửi cho chùa Đại- Năng- Nhân, bởi vì đời trước tổ sư Ban-tích-đáp trong khoảng niên hiệu Thành Hóa (1465-1488) thời nhà Minh ban tặng Pháp vương Bảo Viện vậy.

Trong năm vị Tăng Sa-môn Đoá-nhi-chỉ-sám-phát-trạm thị tịch tại đảnh Thiên Tát núi Ngũ Đài, Sa-môn Triển-dương-Nam-khát thị tịch tại chùa Song Lâm. Hai vị Tăng còn lại, 1 vị ở ải Sơn Hải, 1 vị ở Hắc Vân. Còn Phạm Tăng Tỏa-Nam-nhượng-kết mến mộ đến nơi rò rỉ một tôn tượng Quan Thế Âm, triều Nam Hải Thiên Thai, thiết trai cúng dường 3000vị Tăng đã hoàn mãn, được gặp Nạp Xuyên đồng đi đến Gia Hoán, Tể Quan cư sĩ trông thấy thương luôn qua lại; nguyên do tông tích, cảm thuật đại khái như vậy.

----

6. VĂN BIA BÀ LA-MÔN TĂNG CHÁNH Ở NAM THIÊN TRÚC.

Văn Bia Bà-la-môn Tăng Chánh ở Nam Thiên Trúc và lời Tựa.

Ánh mặt trời Phật lặn ở Tây, di phong thổi tỏa đến phương Đông, những bậc Bồ-tát Thập địa trú Bồ-đề mà gieo rãi hình bóng, các hàng A La-hán ép cơ duyên mà diễn hóa. Do vậy, áo chỉ chân như khác với năm xứ Thiên Trúc mà cùng dung thông, thật tướng viên âm đồng tám bộ mà đều biểu hiện. Nếu thấu đạt sâu xa đến Pháp tướng, thông rành cực tông, nghiên tầm thất giáo chi phần Không, Hữu cả hai đều mất, du hý với 6 pháp thần thông, chân giả đều chiếu rõ, người như thế là tăng sĩ vậy.

Sa-môn Tăng Chánh húy là Bồ-đề-tiên-na, vốn dòng họ Bà-la-trì thuộc chủng tộc Bà-la-môn, 16 nước cảnh mộ cao nghĩa của ngài 96 chủng tộc mộ ngưỡng anh huy của ngài, chỉ vì cõi nước cách xa, sử truyền khuyết thiếu, phong tục phép tắc của quê ngài khó có thể dệt kết hết lời. Ngài là bậc thần tình trầm lắng, phong khí sáng thông. Linh đài có thể kính ngưỡng mà không thể lén nhìn, biển trí có thể rót vào mà không thể rút ra, nối tiếp anh phạm của Chi Sấm, đuổi theo dật quỷ của Thế Cao, đạp núi tuyết mà đưa ảnh tới, lặng biển mây mà bay oai nghi, xung mạo hiểm nguy xa đến xứ Đại Đường (Trung Hoa). Kẻ tăng người tục ngưỡng mộ uy đức của ngài sùng kính rất lắm. Bấy giờ Thánh Triều (tiền đường) thông hảo, sai phái các sứ giả Đan Trị Bĩ, chân nhân Quảng Thành, Sa-môn Lý Kính là người có học thức rất ngưỡng mộ Đạo hạnh tiếng tăm của ngài cầu muốn thỉnh mời ngài đến phương Đông (Trung Hoa). Ngài cảm kích sự chí thành khẩn thiết ấy nên không từ chối sự thỉnh mời ấy.

Ngày 13 tháng 12 năm Khai Nguyên thứ 18 (730) thời tiền Đường, Ngài cùng các đồng bạn Lâm Ấp, Sa-môn Phật Triệt, Sa-môn Tăng Duệ; người Trung Hoa theo thuyền đi đường biển, đến nữa đường bỗng nhiên gặp gió bão, sóng lớn, mưa đổ suốt ngày mờ tối cả bầu trời, tính vận mạng gần như bấm gấn cờ hiệu, cách sự chết chỉ trong phân tấc, cả thuyền mọi người đều kinh sợ không biết làm sao, ngài bèn đoan nhiên kính ngưỡng nhất tâm nhất định quán phật, chỉ thời gian ngắn, gió lặng sóng ngừng, mọi người đều khen ngợi sự kỳ lạ. Đến ngày 18 tháng 5 năm Thiên Bình thứ 8 (?) thời tiền Đường mới đến Chúc Tử Đại Tể Phủ, xưa kia, tôn giả Ca-diếp Ma-đằng bèn lại các Sa-môn Phật đề trừng, La thập nhanh qua dừng vết tại nước Chấn Đán, chưa đặt chân đến địa cảnh Nhậtt vức. Tính xa xôi, bàn khó nhọc các vị kia có đức tự quý, tự

chẳng phải địa vị vượt tu thành hành tức trọn kiếp thì ai có thể khổ hợp với ấy ư?

Đến ngày mồng 8 tháng 8 năm đó thì đến trị hạ nước Nhiếp Tân, Sa-môn Tăng Chánh trước đó là Đại Đức Hạnh Cơ là bậc đuốc trí đèn tâm, định ngưng nước ý, quạt phong hóa đất lành nơi đất Kham Nhẫn, viễn bày pháp diệu trong thời mạt phát, nghe Tăng Chánh đến mà thiết bày nghi lễ, khen ngợi chưa từng có. Dật Yên vương ôm chổi quét ở Quách Ngôĩ, Mâu Bá vui vẻ ngả nghiêng giày với Vương Sán. Chủ khách cùng ra mắt nhau như xưa trước cùng viết, tóc bạc như mới, nghiêng lọng như cũ, do đó mà thấy vậy. Mới căn dặn cùng đồng bạn xuất gia rằng: "pháp vốn không như vậy, nay cũng không diệt, cứu tuy chất của phó hóa che dấu ở sông lâm, nhưng thể của pháp thân trải ảnh khắp sa giới. Trong kinh nói rằng: "đối với người đáng dùng thân hình Bà-la-môn mà được độ thoát, liền hiện thân hình Bà-la-môn mà vì họ nói pháp" là ấy vậy. Từ khi mở mang trở lại vì thời gian trải qua cả trăm vị vua có cả vạn năm chưa có thông hữu phạm anh. Thánh chủng ở Ấn Độ, thềm thang lên núi ghe thuyền vượt biển hoằng hóa thánh triều, và nay Thánh Đức làm mà người khác đến. Thời vận xương minh phát khởi và đại hóa thạch hưng, chẳng chỉ cảm bởi bi nguyện của chư Phật, ước cũng do ứng của Thánh triều sùng pháp. Chúng ta đã gặp thời vận này, lại thấy được người đây, bởi mối tự thành thật thiết chỉ cùng đến nghinh tiếp". Khi ấy các hàng Đạo Tục đua nhau kéo đến Đông đầy thành quách, tay áo nối liền thành màn che, mồ hôi để tợ mưa tưới, kề vai tiếp gót, nghinh đưa vào kinh đô. Hoàng thượng rất vui mừng, ban sắc thỉnh ngài ở chùa Đại An, cúng dường rất nồng hậu, các hàng Công Vương tài giỏi không ai chẳng tôn kính Sa-môn Hạnh Cơ; lại dẫn các hàng Tăng Tục ở chốn kinh đô có hơn 50 loại trước sau hợp thành ba đợt. Ngài chuyên trì tụng kinh Hoa nghiêm lấy làm hạnh nghiệp chính, rất khéo giỏi về chú thuật, các hàng đệ tử tiếp thừa tập học, truyền đạt đến ngày nay. Ngài sống rất mực kính cẩn, hạnh nghiệp giản đơn, mừng giận không tỏ vẻ nơi sắc mặt, ngậm văn vẻ ẩn bóng sáng chẳng ai có thể lường biết được lạn sâu. Phẩm cao lễ hậu chẳng thể xoay sự nghĩ suy của ngài, oai nghiêm pháp lớn chưa đủ để sợ tâm ngài, ánh sáng tuy hòa cùng thế tục mà thể chẳng nhiễm ô, bụi trần tuy đồng với tâm mà chẳng thể lường biết được chân thật nơi ngài.

Đến năm Thiên Bình Thắng Bảo thứ 2 (?), ngài có sắc chiếu được phong sùng làm Tăng Chánh. Đại phát do đó mà được tiếp nối thạnh hưng, quần sinh vì vậy mà xoay tâm quy hướng. Tuy vết đạo chưa hiện

bày ngời sáng mà những bậc tài giỏi ở đương thời đều cho là ngài đã bước lên Thánh quả. Chỉ bởi ngòi đêm dời đổi, hạnh nghiệp ở chốn Diêm Phù rơi rụng, vào nửa đêm 25 tháng 2 năm Canh Tý tức năm Thiên Bình Bảo Tự thừ 4 (?) ngài chấp tay xoay mặt về hướng Tây, ngôn từ sắc mạo không biến đổi, như vào cảnh thiền định an lạc, ngài điềm nhiên thị tịch, thưởng thọ 57 tuổi. qua ngày mồng 2 tháng 3 năm đó, cử hành lễ trà tỳ tại rừng Hữu Bộc Xạ, núi Đăng Mỹ.

Lúc sắp tịch, ngài bảo với các đệ tử rằng: “tôi thường quán tánh thanh tịnh, đặc thân tự tánh mà còn tôn trọng Đức Phật A-di-đà, kính ngưỡng Bồ-tát Quán Thế Âm, các ông nên trích lấy y vật trong kho tàng của Tôi phụng tạo tịnh độ của Phật A-di-đà”. Ngài lại bảo: “ngày còn sống, tôi vì khắp bốn ân phụng tạo tôn tượng Bồ-tát Như Ý Luân, mà tâm nguyện còn muốn tu tạo tôn tượng 8 vị Bồ-tát bày ngồi quanh tôn tượng ấy nhưng vì vô thường cấp bách, ước nguyện ấy chưa thành. Các ông chớ quên trù liệu xưa trước, nên cùng hỗ trợ để công việc được hoàn tất. ” Các đệ tử kính phụng tuân vâng di chỉ của ngài tu tạo hoàn tất 8 tôn tượng, mà cảm cây cầu gỗ đã ngã gãy, sợ đức âm vĩnh dứt. Do vì lỡ phát Thần công sùng kính khuôn phep tốt, chẳng như diệu tượng hiện tại nơi đây. Lưu truyền di ảnh cho đời sau mới tạo thành hình tượng. Tuy tài chì khuôn phép tốt lành cùng người ấy đã qua đi, mà thực chất không khí đẹp xinh cùng tôn tượng nghiêm trang ấy vẫn như ngài hiện còn, bèn bảo Du Tài làm bài tán thán tượng.

Bài 1

“Chí tượng không sắc
Đại đạo không danh
Trạm nhiên thường trú
Chẳng diệt chẳng sinh
Tùy cơ cấp dẫn
Ứng vật hiện hình
Phát huy chánh giáo
Như hang vọng tiếng”

Bài 2

“Đạo chẳng tự hoằng
Hoằng do Tại Triết
Quen cùng Pháp Vương
Hải nội tiệt dứt
Tiếp võ người khác
Liền vai anh kiệt

Chỉ xiển từ huấn
Đuốc tệ thấu suốt ”

Bài 3

“Nhân có La-hán
Thật đáng Tăng Chánh
Mến đạo kính Pháp
Quên thân bỏ mạng
Đức lành càng mến
Hóa màu rất thạnh
Bốn chúng trừ hoặc
Nhất thừa chứng đắc”.

Bài 4

“Đức hẵn có loại
Đạo chẳng riêng bày
Thong thả Hạnh Cơ
Ngầm tán Diệu Điển
Mở khách Thánh ta
Khen làm các thiện
Rất mực thành kính
Vượt hẳn chỉ chủ”.

Bài 5

“Là pháp sinh diệt
Các hành vô thường
Triết nhân hết củi
Lửa dời sáng mất
Một mai quy tịch
Muôn đời thêm thương
Đạo bạn truyền pháp
Mất mát thuyền bè”

Bài 6

“Giấu núi dễ nhanh
Dò sông khó dứt
Kính đức trả ân
Trời cao chẳng cùng
U thần sao gởi
Tả tượng cầu phước
Khắp cùng vô biên

Rộng tỏa các loài”

Ngày 21 tháng 4 năm Thần Hộ Cảnh Vân thứ 4 (?) Đệ tử nhập thất được truyền đăng trú vị của Bà-la-môn Tăng Chánh (Bồ-đề-tiên-na) hiệu Tu Vinh.

----

7. TRUYỆN ĐẠI HÒA THƯỢNG ĐÔNG CHINH THỜI TIỀN ĐƯỜNG

Chân nhân Nguyên Khai soạn thuật

Đại hòa thượng huý là Giám Chân, vốn người huyện Gian Dương, Dương Châu, dòng họ Thuần Vu, là con cháu của Biện sĩ Khôn thời nhà Tề. Thân phụ ngài trước đó đến chỗ Thiền sư Chí Mãn ở chùa Đại Vân tại Dương Châu, thọ giới tập học thiền môn. Năm 14 tuổi ngài theo thân phụ vào chùa, thấy tôn tượng Phật, tâm sinh cảm động nhân đó xin thân phụ cầu cho xuất gia. Thấy chỉ khí kỳ đặc ấy, thân phụ bèn hứa thuận cho ngài xuất gia.

Bấy giờ, gặp năm Trường An thứ nhất (71) thời Đại Chu, Võ Tắc Thiên

(Võ Hậu) ban sắc chiếu các châu độ xin xuất gia, ngài bèn đến chỗ Thiền sư Chí Mãn cầu xin xuất gia làm Sa di, được phối thuộc ở chùa Đại Vân, về sau chùa đó đổi hiệu là Long Hưng. Đến năm Cảnh Long thứ nhất (75) dưới thời Trung Tôn Hiếu Hòa Hoàng Đế (Lý Hiếu) thời tiền Đường, ngài theo luật sư Đạo Ngạnh thọ giới Bồ-tát. Đến năm Cảnh Long thứ nhất (77) thời tiền Đường, từ Đông đô ngài mang tích trượng vào Trường An. Đến ngày 28 tháng 3 năm Cảnh Long thứ 2 (78) thời tiền Đường, ngài đến chùa Thật Tế ở Tây Kinh, đăng đàn thọ giới Cụ Túc, do Luật sư Hoằng Cảnh ở chùa Nam Tuyền tại kinh châu làm hòa thượng, Ngài vân du cả hai kinh nghiên tầm tập học ba tạng. Sau, ngài trở về Hoài Nam hoằng dương giới luật. Khắp xứ Giang Hoài chỉ riêng một mình ngài làm Hóa chủ. Do đó, ngài làm mọi Phật sự hóa độ quần sinh, những việc ấy lắm nhiều chẳng thể ghi tả đủ hết.

Vào năm Quý Dậu, tức năm Thiên Bình thứ 5 ở Nhật Bản có các Sa-môn Vinh Duệ, Phổ Chiếu, v.v... theo sự phân phái của sứ giả Đại Đường (Trung Hoa) là Đan Trì, Chân Nhân Quảng Thành đến ở học tại Trung Hoa, lúc đó là năm Khai Nguyên thứ 21 (733) thời tiền Đường vậy. Chư Đại Đức Tam tạng Pháp sư ở các chùa tại nước Đường (Trung Hoa) đều lấy giới luật làm cửa chánh vào Đạo. Nếu có người không nghiêm trì giới thì không kể vào trong chúng tăng. Do đó mới biết tại bổn quốc (nước Nhật Bản) không có người truyền giới, bèn thỉnh mời Luật sư Đạo Quỳnh ở chùa Phước Quang tại Đông Đô nương theo thuyền của phó sứ trung thần triều thần danh đại trước đến nước Nhật Bản phỏng làm người truyền giới.

Các Sa-môn Vinh Duệ, Phổ Chiếu dừng ở cầu học tại Trung Hoa

trải qua 10 năm, tuy chẳng đợi sứ mà muốn sớm trở về. Do đó cầu thỉnh các Sa-môn Đạo Thuyền, Trừng Quán ở chùa An Quốc tại Tây Kinh, Sa-môn Đức Thanh tại Đông Kinh, Sa-môn Như Hải ở Cao Ly. Lại xin được thư của Lâm Tông; anh của tể tướng Lý Lâm Phủ cùng với Thương Tào Lý Thấu ở Dương Châu kiến tạo thuyền lớn và chuẩn bị lương thực phân phái đưa đi. Lại cùng hai học Tăng Huyền Lãng, Huyền Pháp người Nhật Bản đồng đến Dương Châu. Lúc đó là tháng 10 năm Thiên Bảo thứ nhất (742) thời Tiền Đường (tức năm Nhâm Ngọ, năm Thiên Bình thứ 14 ở Nhật Bản) khi ấy ngài (Đại Hòa Thượng) đang ở chùa Đại Minh tại Dương Châu, vì chúng tăng mà giảng luật. Các Sa-môn Vinh Duệ, Phổ Chiếu đến chùa Phổ Minh, đảnh lễ dưới chân ngài, thuật bày bản ý rằng: "Phật pháp lưu truyền đến phương Đông. Đến nước Nhật Bản tuy có pháp ấy mà không có người nhận pháp. Xưa kia tại nước Nhật Bản có Thái Tử Thánh Đức nói rằng: "hai trăm năm sau thánh giáo sẽ hưng thạnh ở Nhật Bản". Nay hợp với vận ấy, xin nguyện Đại Hòa Thượng vân du phương Đông hoằng dương kiển hóa". Ngài đáp rằng: "Xưa trước nghe nói Thiền sư Tuệ Tư ở Nam Nhạc sau khi thị tịch thác sinh làm vương tử nước Ca (Nhật Bản), phát huy phật pháp cứu độ quần sinh. Lại nghe vương tử Trưởng Ốc ở nước Nhật Bản kính sùng Phật pháp, tạo ngàn pháp y ca sa cúng dường đại đức chúng tăng nước này. Trên viền y ca sa dệt thêu bốn câu rằng:

"Núi sông tuy khác cõi
Gió Trăng đồng một trời
Gửi cùng người con Phật
Kết duyên ở tương lai."

Lấy đó mà suy lường, thật là đất nước Nhật Bản có duyên phát huy Phật pháp hưng thạnh vậy. Nay tôi đồng trong pháp chúng, có ai đáp lại sự thỉnh mời xa xôi ấy cùng đến nước Nhật Bản truyền pháp chăng?"

Bấy giờ Tăng chúng im lặng, không một ai đối đáp, giây lâu, có Sa-môn Tường Ngạn đứng lên thưa rằng: "Nước ấy rất xa xôi, tánh mạng khó bảo tồn, biển nước mênh mông, trăm người khó đến được một. Mà thân người khó được, sinh tại Trung quốc lại càng khó, tiến tu chưa hoàn bị, đạo quả chưa thành, cho nên trong chúng tăng đều im lặng không một ai đối đáp mà thôi. " Ngài bảo rằng: "đã vì Pháp sự cớ sao lại tiếc thân mạng, các người không đi thì tôi đi một mình vậy". Sa-môn Tường Ngạn thưa: "Nếu Đại Hòa Thượng đi, Tường Ngạn con cũng xin đi theo". Bèn có các Sa-môn Đạo Hưng, Đạo Thuyền, Thần Đảnh,

Tuý Nhẫn, Linh Sán, Minh Liệt, Đạo Mặc, Đạo Nhân, Pháp Tạng, Pháp Tải, Đàm Tĩnh, Đạo Dực, U Nham, Như Hải, Trừng Quán, Đức Thanh, Tư Thác, v.v... cả thảy có 21 người phát nguyện đồng tâm theo ngài đi. Yếu ước đã hoàn tất, mới đến Đông Hà tạo thuyền bè, Thương Tào Lý Thấu ở Dương Châu y cứ theo thư của Lý Lâm Tông đồng đến kiểm xét công việc làm thuyền bè và chuẩn lương thực. Ngài cúng các Sa-môn Vinh Duệ, Phổ Chiếu, v.v... đồng ở tại chùa Ký Tế, chuẩn bị đầy đủ các thức ăn phổ, và chỉ nói là đem đi cúng dường chúng Tăng ở chùa Quốc Thanh tại núi Thiên Thai. Lúc đó là năm Quý Mùi tức năm Thiên Bảo thứ 2 (743) thời Tiền Đường. Bấy giờ giặc biển khuấy động lắm nhiều quanh bờ biển Đài Châu, Ôn Châu, Minh Châu đều bị chúng phá hại, đường biển bít lối, công tư đều cấm đi. Sa-môn đạo thuyền nói rằng: "Nay đến nước khác vì việc hoẳng truyền Giới Pháp, các người phải là cao đức, hạnh nghiệp nghiêm túc thanh tịnh, còn như Sa-môn Như Hải, v.v... đây ít học nên có thể dừng lại". Khi ấy Sa-môn Như Hải rất tức giận, bọc đầu người Châu đến Thái Phóng Sảnh bảo rằng: "Đại sứ có biết chăng? Có Sa-môn Đạo Thuyền làm ghe thuyền để vào biển liên kết cùng bọn giặc biển. Lại có bao nhiêu người chuẩn bị thức ăn khô ở các chùa Ký Tế, Khai Nguyên, Đại Minh, lại có 500 giặc biển vào đến thành". Khi ấy Hoài Nam Thái Phóng sứ Ban Cảnh Thiến nghe tin ấy liền rất lo sợ, bèn sai người dẫn Sa-môn Như Hải đến ngục để xét hỏi. Lại sai Quan nhân đến chùa gan bắt bọn giặc, bèn lục soát tìm được các thức ăn khô tại chùa Ký Tế, bắt được Sa-môn Phổ Chiếu người Nhật Bản tại chùa Đại Minh, bắt được Sa-môn Huyền Lãng, Huyền Pháp tại chùa Khai Nguyên, còn Sa-môn Vinh Duệ trốn chạy vào nằm ngửa trong ao nước, không bao lâu, thấy nước xao động nên quan nhân vào ao nước bắt được Vinh Duệ. Tất cả đều đưa về huyện để tra hỏi. Sa-môn Đạo Thuyền ẩn trốn trong nhà thế tục cũng bị bắt được và đưa vào trong ngục cấm. Tra hỏi rằng: "đồng bọn có bao nhiêu người liên kết với bọn giặc biển?". Sa-môn Đạo Thuyền đáp rằng: "Không có liên kết với giặc biển, còn ghe thuyền là do Lâm Tông, anh của Tể Tướng Lý Lâm Phủ tạo nên, nay kiến tu tạo công đức sang núi Thiên Thai cúng dường chúng tăng ở chùa Quốc Thanh. Đi đường bộ trải qua núi rừng gian khổ nên sắm ghe thuyền để đi lại đường biển. Nay lại có hai bức thư của Lý Lâm Tông hiện ở tại Thương Tào". Thái Phóng sai người đến hỏi Thương Tào. Thương Tào đáp:

"Thật có vậy". Bèn đòi lấy thư ấy đọc xem. Xong rồi bảo: "Đại Sư không việc gì. Nay ba bọn giặc biển quấy động không thể đi qua

bằng đường biển, thuyền đã làm ra giao nộp cho Quan, còn các tạp vật hoàn trả lại các chư tăng". Sa-môn Như Hải vu cáo xằng bậy và các kẻ trái phản phải hoàn tục, đánh 60 trượng, đuổi về quê phủ. Bốn vị Sa-môn người Nhật Bản, từ Dương Châu lên tấu trình đến Kinh Đô, Hồng Lô kiểm xét đến hỏi chùa các vị ấy có ở, nhà chùa đáp rằng: "Các Sa-môn ấy theo giá đi không thấy trở lại". Hồng Lô bèn y theo chùa đáp mà tấu trình, bèn ban sắc xuống Dương Châu rằng: "các Sa-môn Vinh Duệ, v.v... đã là phiên Tăng vào chùa học hỏi, mỗi năm nên ban tặng 25 xấp lụa quyên, cung cấp y phục hợp với bốn mùa, lại là những người dự tham theo gía, chẳng phài nguỵ lạm, nay muốn trở về nước, nên tùy ý mà phóng thả trở về, nên y theo lệ của Dương Châu mà đưa tiễn". Bấy giờ các Sa-môn Vinh Duệ, Phổ Chiếu, v.v... bị giam cấm 4 tháng, đến 8 tháng mới được phóng thả. Sa-môn Huyền Lãng, Huyền Pháp từ đó riêng trở về nước Nhật Bản.

Khi ấy, Sa-môn Vinh duệ và Phổ Chiếu cùng bàn với nhau rằng: "bản nguyện chúng ta vì truyền giáo pháp thỉnh cầu chư vị đại đức đưa về nước Nhật Bản, nay Dương Châu vâng phụng sắc ban chỉ tiễn đưa bốn người chúng ta, không được thỉnh mời Chư Tăng, mà trở về không thì chẳng ích gì. Đâu như chẳng nhận sự đưa tiễn của Quan cứ y như cũ mà thỉnh mời Chư Tăng, mai đây trở về nước ai là người lưu truyền giới pháp ư?". Do đó, bèn trốn quan sở đồng đến chỗ Ngài (Đại Hòa Thượng) lường tính. Ngài bảo rằng: "Chớ phải lo buồn, nên tìm kiếm phương tiện sẽ được toại nguyện". Bèn xuất 80 quan tiền mua được một chiếc thuyền quân lính của Lãnh Nam Đạo Thái Phóng Sứ Lưu Lã Lân, thuê mướn được 18 người làm thuyền, chuẩn bị hải lương linh chi, 100 thạch gạo hồng lục, 30 thạch đậu hộp, 180 cân ngưu tô, 50 thạch bún, 2 xe bánh hồ khô, 1 xe bánh nướng khô, 1 vạn bánh mỏng khô, 1 xe rưỡi phiên thạch đầu, đủ 30 tác hợp tử bàn và đem theo một pho tôn tượng hòa 5 đảnh đầu, một pho tượng bóng, một tôn tượng vàng bùn, một lục phiến Phật Bồ-tát Chương Tử, một bộ kinh Hoa Nghiêm bảng chữ vàng, một bộ kinh Đại Phẩm bảng chữ vàng, 100 bộ lẫn lộn Kinh Luận Chương Sớ, một Nguyệt Linh Chướng Tử, một bộ kinh Đại Niết-bàn bảng chữ vàng, một hàng Thiên Chướng Tử, 120 tràng Phan Đạo Tràng, 14 dãi cầu Phan, 8 Ngọc Hoàng Bình Phan, 50 hộp Kinh Loa Điền, 20 cái bình đồng, 24 bức chăn gia hoa, 1000 chiếc áo Ca Sa, 1000 chiếc áo Thiên Sa, 1000 Tọa Lụ, 4 sàn lớn lộng đồng, 40 cái lộng lá trúc, 20 mâm đồng lớn, 20 mâm đồng vừa, 40 mâm đồng nhỏ. 80 xấp đồng mặt một thước, 20 xấp đồng nhỏ, 16 xấp giỏ sợi tua trắng, 6 xấp giỏ sợi năm

sắc, 20 Tề Xạ Hương, Trầm Hương, Giáp Hương, Cam Tùng Hương, Long Não Hương, Thiện Đường Hương, An Tức Hương, Sạn Hương, Linh Lục Hương, Thanh Mộc Hương, Huân Lục Hương cả thảy có hơn 600 cân. Lại có các thứ Tất Bát, Ha Lê Lặc, Hồ Tiêu, A Nguỳ, Thạch Mật, Giá Đường, v.v... hơn 500 cân, 10 hộc mật ong, 80 bó cam giá, 10000 quan tiền xanh, 10000 quan tiền chánh lô, 5000 quan tiền tử biên, 2000 cái đầu La Bộc, 30 lượng giày dệt sợi gai, 30 chiếc chiếu mũ, đúc thúc các Sa-môn Tường Ngạn, Đạo Hưng, Vinh Duệ, Đức Thanh, Phổ Chiếu, Tư Thác, v.v... cả thảy 17 vị, người làm ngọc, các tay thợ họa, điêu khắc chạm trổ thêu vẽ, sửa văn khắc bia, v.v... có đến 85 người đồng lên một thuyền.

Bắt đầu từ tháng 12 năm Thiên Bảo thứ 2 (743) thời tiền Đường, căng buồm theo hướng Đông đi xuống, đến bờ sông Lan Cẩu bị gió giữ cuốn thổi, sóng lớn đập phá thuyền, mọi người đều lên bờ, nước triều dâng đến eo bụng người, ngài ngồi trên cỏ nơi gò cao, các người khác đều ở trong nước, gió Đông rét lạnh rất lắm đắng cay, lại phải sửa thuyền, xuống đến núi Đại Bảng, ghé thuyền không được, liền phải xuống đảo núi, dừng ở một tháng, đợi chờ gió tốt mới bắt đầu đi, muốn đến núi Tang Thạch, bỗng nhiên gió thổi mạnh sóng dâng cao, thuyền không cập bờ được, không phương kế gì để tính liệu. Vừa mới khỏi bờ nguy hiểm trở lại rơi trên đá, thuyền hư thủng, người và thuyền đều phải kéo lên bờ, gạt nước đều hết. Đói khác qua 3 ngày, gió dừng sóng lặng, tuyền lang đem nước gạo đến cứu giúp. Lại trải qua 5 ngày, có hoàng hải cung đến hỏi tin tức, tỏ bày cầu xin Thái Thú Minh Châu xử phán, được an đặt đến ở chùa A-dục Vương tại núi Mậu Huyện. Chùa đó có tháp của Vương A-dục, Minh Châu là một huyện của Việt Châu xưa kia. Năm Khai Nguyên thứ 21 (733) thời tiền Đường, Việt Châu Mậu Huyện lệnh Vương Thúc Đạt tâu trìng cắt một huyện của Việt Châu đặt làm Minh châu, lại mở 3 huyện khiến thành một Châu bốn huyện. Nay gọi là quận Dư Diêu. Tháp của vua A-dục là sau khi Đức Phật diệt độ khoảng 100 năm có vị Thiết Luân Vương tên là A-dục Vương sai khiến quỷ thần kiến tạo 84.000 ngôi tháp, tháp ấy là 1 trong số đó. Tháp ấy chẳng phải bằng vàng ngọc đá đất đồng sắt, màu sắc tử ô khắc chạm khác thường, một mặt biến làm Vương Tử Tát Đoả, một mặt biến làm xả bỏ tròng mắt, một mặt biến làm xả bỏ đầu não, một mặt biến làm cứu chim bồ câu, trên không lộ bàn, giữa có treo chuông, chôn vùi trong đất, không người nào biết được, chỉ có nền vuông cao vài nhận, cỏ cây um tùm che phủ, ít có người tìm thấy. Đến năm Thái Thỉ thứ nhất (265)

thời Tây Tấn có Lưu Tát Ha người xứ Tây Hà Ly Thạch thuộc Tinh Châu bị chết đến chỗ vua Diêm La, vua Diêm La bảo đào bới ra. Từ đó trải qua các Triều Đại Tấn Tống Tề Lương cho đến thời Tiền Đường, lúc nào cũng có tạo tháp dựng nhà, công việc ấy lắm nhiều. Trên đảnh núi đá ở phía Đông Nam Mậu Sơn có một dấu chân phải của Đức Phật, trên mõm núi nhỏ ở phía Đông Bắc lại có một dấu chân trái của Đức Phật, đều dài một thước 4 tấc, trước rộng 5 tấc 8 phân, sau rộng 4 tấc rưởi, lún sâu 3 tấc, tướng thiên bức luân, đường văn ngư ấn hiện bày rõ ràng. Ở đời tương truyền đó là vết chân của Đức Phật Ca-diếp vậy. Về hướng Đông cách khoảng 2 dặm bên cạnh đường có một giếng thánh sâu 3 thước, trong mát ngọt ngon, trời mưa lớn chẳng dâng tràn, trời nắng hạn không khô cạn. Trong giếng có một vảy cá dài 1 thước 9 tấc, ở đời tương truyền đó là Bồ-tát Hộ Trì Tháp, có người đem hương hoa đến cúng dường nếu là người có phước thì liền thấy, còn kẻ không phước trải qua nhiều năm mong cầu vẫn không thấy. Có người đến trên giếng làm nhà, dùng 7 món báu làm cây ngói tự nhiên trong giếng nước dâng trào cuốn trôi đi.

Đến năm Thiên Bảo thứ 3 (744) chúng tăng ở chùa Long Hưng tại Việt Châu thỉnh cầu Ngài, giảng luật thọ giới xong, lại có chư Tăng ở Hàng Châu, Hồ Châu, Tuyên Châu đều đến cầu thỉnh ngài giảng luật. Y theo thứ tự, ngài vân du truyền giảng giới luật, rồi trở về đến chùa A-dục Vương ở Mậu Sơn. Bấy giờ chư Tăng tại Việt Châu biết ngài muốn sang nước Nhật Bản, nên báo cùng Quan ở châu rằng: "Sa-môn Vinh Duệ người Nhật Bản dẫn dụ Đại Hòa Thượng muốn sang nước Nhật Bản". Khi ấy Sơn Âm Huyện Uý sai người đến nhà Vương Thừa tìm bắt được Sa-môn Vinh Duệ, gông trói vội đưa về kinh. Vừa đến Hàng Châu, Sa-môn Vinh Duệ cảm mắc bệnh xin được dừng nghỉ trị liệu, trải qua thời gian dài, nói bệnh hẳn chết mới được phóng thả.

Các Sa-môn Vinh Duệ, Phổ Chiếu v.v... vì cầu pháp mà trước sau mắc phải ương họa khốn khổ chẳng thể nói hết, nhưng chí nguyện vẫn kiên cố, không hề hối hận thối thất. Ngài rất hoan hỉ với chí khí như thế, muốn được toại chí nguyện ấy mới sai Sa-môn Pháp Tấn cùng 2 vị cư sĩ đem tiền của sang Phước Châu mua thuyền, chuẩn bị lương thực vật dụng, ngài dẫn các Môn Đồ, Sa-môn Tường Ngạn, Vinh Duệ, Phổ Chiếu, Tư Tháp, v.v... hơn 30 người lễ bái giã từ tháp vua A-dục rồi lần lượt lễ bái các Phật tích, cúng dường Giếng Thánh, Bồ-tát Cá Hộ Trì Pháp, men theo núi thẳng ra châu, thái tú lô đồng tể và tăng chúng phụ lão nghinh tiếp thiết lễ cúng dường, sai người chuẩn bị lương thực, đưa

đến chùa Thôn Bạch Xã, tu sửa tháp đã bị hư hại, huyển hóa mọi người trong làng xóm tạo dựng một điện phật. Đến huyện Linh Hải thuộc Đài Châu, dừng nghĩ qua đêm tại chùa Bạch Tuyền, sáng hôm sau, thọ trai xong vượt núi, đảnh núi cao vợi đường xa, đến chiều mờ tối núi khe suối sâu lút đầu gối, tuyết bay mờ cả mắt, mọi người khóc lệ đồng nhận chịu sự lạnh khổ, sáng hôm sau mới vượt qua đảnh núi, vào huyện Đường Hưng chiều tối vào chùa Quốc Thanh, tùng trúc um tùm, cây lá ngời ánh sáng ngập, tháp báu điện ngọc lung linh rực rỡ, trang nghiêm hoa sức nói không thể hết, thông thả rảo bước núi Thiên Thai Thú Vịnh chẳng thể hết trong muôn một, ngài lần lượt lễ bái các thánh tích, ra đến huyện chỉ thuỷ phân, vào huyện Lâm Hải, dẫn đường đến Bạch Phong, men theo lối bờ sông bèn đến huyện Hoàng Nham. Tiện theo đường quận Vĩnh Gia đến chùa Thiền Lâm, dừng nghĩ qua đêm.

Sáng hôm sau thọ trai xong, sửa soạn muốn đến Ôn Châu, bỗng nhiên có Thái Phóng sứ điệp đến tìm bắt. Với tâm ý là đệ tử của ngài ở Dương Châu là Sa-môn Linh Hựu cùng Chúng Tăng Tam Cang ở các chùa đồng bàn với nhau rằng:

"Đại Hòa Thượng của chúng ta phát nguyện đến nước Nhật Bản, trèo núi vượt biển, đã qua vài năm gian khổ, Biển khơi mênh mông muôn dặm không biết đã sống chết như thế nào, nên có thể cùng nhau trình báo Quan sở ngăn chặn khiến ở lại". Bèn dâng điệp văn tâu báo cùng Châu Huyện, do đó, Giang Đông Đạo Thái Phóng Sứ ban sắc điệp xuống các Châu, trước tiên truy bắt Chư Vị Đại Đức Tam Cang ở các chùa đưa về trong ngục để tra hỏi, tiếp lần theo vết đến Chùa Thiền Lâm đón bắt được ngài, sai sứ phòng hộ áp giải đưa về, bao bọc chung quanh cả 10 lớp, đưa đến sở Thái Phóng Sứ. Các Châu Huyện ngài đến, quan dân đều dự tham nghinh đón, lễ bái mừng vui, liền phóng thả Chư Vị Đại Đức Tam Cang bị giam cấm bấy lâu, Thái Phóng Sứ phân sử trở về chùa cũ để ở. Và ước thúc Chư Vị Đại Đức Tam Cang phòng hộ chớ để ngài lại đi đến nước khác. Các hàng đạo tục ở khắp các châu nghe ngài về đến, mỗi người tự bày biện tứ sự cúng dường, đua nhau đến chúc mừng, vội vã nắm tay hỏi han khổ nhọc, chỉ riêng mình Ngài buồn bã mắng trách Sa-môn Linh Hựu, không cho mở mang mặt mày. Thường ngày, Sa-môn Linh Hựu đến sám tạ cầu xin hỷ hoan tha thứ, mỗi đêm từ canh một đến canh năm đứng suốt để sám tạ lỗi quá, cứ như vậy trọn 60 ngày. Và chư vị Đại Đức Tam Cang ở các chùa cùng lại lễ tạ cầu xin hoan hỷ, ngài mới mở mang mặt mày.

Đến mùa xuân năm Thiên Bảo thứ 7 (748) thời Tiền Đường, các

Sa-môn Linh Duệ, Phổ Chiếu từ quân Đồng An đến chỗ Ngài ở chùa Sùng Phước tại Dương Châu, ngài lại cúng 2 Sa-môn ấy chuẩn bị phương tiện, tạo thuyền, mua sắm hương thuốc, lo liệu mọi vật đầy đủ như sự chuẩn bị trong năm thiên bảo thứ 2 (743) thời tiền đường trước kia vậy. Những người đồng hành như Sa-môn Tường Ngạn, Thần Thương, Quang Diễn, Đốn Ngộ, Đạo Tổ, Như Cao, Đức Thanh, Nhật Ngộ, Vinh Duệ, Phổ Chiếu, Tư Thác, v.v... kẻ tăng người tục cả thảy 14 vị, lại cảm hóa được 18 tay thuỷ thủ, ngoài ra những người vui thích cùng theo có cả thảy 35 người. Đến ngày 27 tháng 6, phát xuất từ chùa Sùng Phát đi đến Tân Hà, Dương Châu, nương thuyền xuống đến núi Giới Lang ở Thường Châu, bỗng nhiên gió nổi, sóng vỗ cao, xoay chuyển quanh ba núi. Ngày hôm sau gặp được gió thuận bèn đến được núi Tam Tháp ở Việt Châu, dừng ở lại đó một tháng. Đến sáng sớm ngày 16 tháng 10, Ngài bảo rằng: “Hôm qua mộng thấy có ba Quan nhân, một người mặc lụa đào, hai người mặc lụa lục đến trên bờ bái biệt, nên biết Quốc thần cùng giả từ vậy. Nghi Chuyến này hẳn vượt biển được”. Chỉ chốc lát gió nổi dậy, chỉ hướng núi Đảnh ngạn mà xuất phát, theo hướng Đông Nam trông nhìn thấy núi, đến giữa trưa núi ẩn mất mới biết là ánh giả vậy. Cách bờ dần xa, gió bỗng giật mạnh, nước đen như mực, một lần sóng vọt như lên núi cao, sóng dữ lại đến tợ như vào hang sâu mọi người đều mê man say mệt, chỉ còn biết xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm. Người lái thuyền bảo rằng: “nay thuyền muốn đắm chìm, có gì đáng mến tiếc”. Liền kéo các giỏ sạn hương muốn ném vất, giữa không trung bỗng có tiếng bảo rằng: “chớ vất bỏ, chớ vất bỏ”. Bèn thôi. Đến lúc nữa đêm, người lái thuyền bảo rằng: “có 4 thần vương mặc áo giáp cầm nắm gậy ở hai đầu thuyền và hai bên mạn thuyền”. Mọi người nghe nói vậy trong lòng tạm an. Ba ngày sau qua đến biển rắn, rắn ở đó dài hơn một trượng, con nhỏ nhất dài cũng hơn 5 thước, sắc màu lan lỗ khắp đầy trong biển. Ba ngày sau vào đến biển cá bay, cá bay có sắc màu trăng che đầy giữa không trung, cá lớn dài một thước. Năm ngày sau lại qua biển chim bay, chim lớn như người bay đậu trên thuyền, thuyền nặng như muốn đắm chìm, mọi người đưa tay xua đuổi, chim liền ngậm lấy tay. Sau đó hai ngày không có vật gì, chỉ có gió dữ sóng cao, chư Tăng mỏi mệt nằm chỉ một mình Sa-môn Phổ Chiếu mỗi ngày đến giờ ăn đem gạo sống cấp cho chư Tăng xung vào bữa ăn trưa, trên thuyền không có nước, ăn gạo sống cổ họng khô ráng nuốt không xuống, uống nước biển bụng liền phình chương. Một đời gian khổ sao quá cực đến thế? Trong biển bỗng nhiên có 4 con cá vàng mỗi con dài một thước

chạy quanh bốn phía thuyền. Đến sáng sớm, gió dứt, trông nhìn thấy núi mọi người đều khát nước muốn chết. Bỗng nhiên sắc mặt Sa-môn Vinh Duệ tỏ vẻ vui mừng mà bảo rằng: "mộng thấy quan nhân cầu thỉnh tôi cho sám hối thọ giới". Tôi bảo: "bần đạo rất khát muốn có được nước uống". Quan nhân ấy bèn đem nước dâng cho, nước sắc màu như sữa châm, uống lấy rất ngon lành, tâm đã trong mát tôi mới bảo cùng quan nhân ấy rằng: "trên thuyền có hơn 30 người đã qua nhiều ngày không uống nước, rất đói khát. Xin đàn-việt sẳn đem nước lại cung cấp". Quan nhân ấy liền gọi mưa hiến lão nhân sử phân rằng: "Các ngươi phụng sự người hãy gấp đem nước đến". Mộng thấy tưởng như thế, ngày nay hẳn sẽ có nước đến. Các ngươi phải gấp cầm nắm bát đợi chờ". Mọi người nghe vậy rồi đều cùng vui vẻ. Ngày hôm sau đến khoảng giờ mùi, giữa không trung phía Tây Nam bỗng nhiên mây nổi che phủ trên thuyền, mưa tuôn đổ, mọi người đều nắm bát hứng uống. Qua ngày thứ hai mưa cũng kéo đến, mọi người đều được no đủ. Đến sáng sớm hôm sau gần tới bờ, có 4 con cá trắng đến dẫn thuyền thẳng đến ghe bến thuyền, mọi người trên thuyền cầm bát đua nhau lên bờ đi tìm nước uống. Qua một sườn núi nhỏ gặp một ao nước trong mát ngọt ngon, mọi người dành nhau uống mỗi mỗi đều được no đủ. Ngày hôm sau lại muốn đến ao đó múc lấy nước. Ngày hôm sau nữa nơi chỗ ao ấy chỉ là đất liền không thấy có ao nưã, mọi người cùng nhau vui buồn lẫn lộn mới biết đó là do thần linh biến hiện ra ao nước ấy. Bấy giờ đang là tháng 11, hoa nhị đua nở, cây thật măng tre chẳng hiện bầy như mùa hạ. Phàm đi trong biển qua 14 ngày mới đến được bờ, bèn sai người tìm kiếm bến đỗ, mới gặp có 4 người kinh kỹ bèn dẫn đường mà đi. 4 người ấy bảo rằng: "Phước báo của đại hòa thượng rất lớn nên gặp đệ tử, không như vậy hẳn phải chết. Ở xứ này, ngươi vật ăn thịt người. "bỗng nhiên lửa nổi qua lại bèn dẫn thuyền vào cập bến. Đến chiều tối, thấy có một người trùm bịt đầu mang dao, mọi người đều rất khiếp sợ, cho người ấy ăn rồi bèn bỏ đi.

Đêm đó phát xuất, trải qua 3 ngày nữa mới đến bến thuyền Chấn Châu. Người kinh kỹ ấy sang báo ở quận. Biệt Giá. Bằng Sùng Trái phái binh lính hơn 100 người ra nghinh đón dẫn đến Châu Thành. Biệt Giá ra nghinh tiếp mà nói rằng: "đệ tử sớm biết Đại hòa thượng đến. Đêm qua mộng thấy có vị Tăng dòng họ Phong Điền đáng là người cậu của Sùng Trái trong đây có ai là người dòng họ Phong Điền chăng?" Chư Tăng đáp: "không có ai dòng họ Phong Điền" Sùng Trái nói: "trong đây tuy không có người dòng họ Phong Điền, mà nay Đại Hòa Thượng tức là sẽ đáng là cậu của đệ tử". Bèn liền nghinh đưa Ngài vào trong nhà, thiết

trai cúng dường. Lại đến trong sảnh Thái Thú thiết hội trao truyền giới. Ngài bèn vào ở nghỉ tai chùa Đại Vân thuộc trong châu. Chùa ấy Điện Phật đều bị hư hoại, chúng tăng mỗi người tự xã thí y vật để tạo dựng lại Điện Phật. Dừng lại ở đó một năm, xây dựng xong, Biệt Giá Bằng Sùng Trái tự chuẩn bị hơn 800 người đưa tiễn Ngài đi, qua hơn 40 ngày đến Châu Vạn An. Đại Thủ Lãnh châu đó là Bằng Nhã Phương thỉnh mời ngài về ở tại nhà, cúng dường suốt 3 ngày. Mỗi năm, Bằng Nhã Phương thường cướp lấy thuyền của Ba Tư vài ba chiếc lấy mọi vật làm của riêng mình, bắt người làm tôi tớ. Các tôi tớ ấy ở Nam Bắc 3 ngày rồi đi, ở Đông Tây năm ngày rồi đi, thứ tự các thôn đều tôi tớ của Bằng Nhã Phương. Mỗi lúc gặp khách, Bằng Nhã Phương thường dùng nhủ đầu hương làm đèn đuốc, mỗi một lần đốt hơn 100 cân. Sau vườn nhà Bằng Nhã Phương cây gỗ Tô Phương bày chất như núi, ngoài ra còn các thứ tài vật cũng xứng như thế đó.

Đi đến ranh giới Ngạn Châu, ở đó không có giặc cướp, Biệt Giá mới quay trở lại. Các Sa-môn Vinh Duệ, Phổ Chiếu theo đường biển đi hơn 40 ngày mới đến Ngạn Châu. Châu Du Dịch Đại sứ Trương Vân ra bái yết nghinh đón dẫn đưa vào ở chùa Khai Nguyên. Quan liêu tham xét thiết trai, cúng thí mọi vật đầychật phòng nhà. Xứ đó có các thứ ngon lạ khác khẩu vị như là Ích Trí Tử, Tân LangTử, Lệ Chi Tử, Long Nhãn, Cam Giá. Câu Diên Lâu đầu lớn như chén bát, ngọt ngon như đường mật, hoa như sắt màu bảy báu, cây Thiện Đường Hương Sinh mọc um tùm thành rừng, gió thoảng mùi hương tỏa xa ngoài năm dặm. Lại có cây Ba La Nại, quả lớn như Đông Qua, cây tợ như Minh Tra, đồng hạt quả Tất Bát. Nay thấy lá như Thuỷ Thông, rể có mùi tợ như Càn Thị. Tháng mười làm ruộng, qua tháng giêng thu hoạch lúa, nuôi tằm 8 lược, thâu hoạch lúa 2 mùa. Người Nam mặc cây nón, người nữ mặc vải sợi bông, mọi người đều khắc chạm móng chân, đục răng, đánh màu trên mặc, uống bằng mũi, đó là sự kỳ đặc vậy. Đại sứ đã xuống Điển Chánh, làm phiên cúng dường chúng Tăng. Đại sứ tự tay dâng thức ăn, đem lá cây Ưu-đàm-bát sung làm rau sống, lại đem hạt trái Ưu-đàm-bát cúng dường chúng Tăng, mà nói rằng: "Đại hòa thượng có biết chăng? Đây là hạt trái Ưu-đàm-bát, cây này có hạt hoa, đệ tử gặp được Đại Hòa Thượng, như hoa Ưu-đàm-bát thật rất khó gặp vậy". Lá của nó sắc màu đỏ còn lớn hơn cả thước, hạt sắc màu đỏ tía, mùi vị ngọt ngon. Ở trong ấy gặp phải hỏa hoạn, chùa cùng bị thiêu rụi. Ngài nhận sự cầu thỉnh của đại sứ tạo dựng lại chùa. Chấn Châu biệt giá nghe Ngài tạo dựng chùa, liền sai các tôi tớ mỗi người một cây rui. Nội trong

3 ngày đều đưa đến, liền tạo dựng Điện Phật, giảng đường, tháp gạch. Cây rui còn thừa lại tạo Tôn Tượng Đức Phật Thích Ca cao trượng sáu. Ngài đăng đàn trao truyền giới, giảng luật, độ người đủ hoàn tất, liền giả biệt đại sứ mà đi. Đại sứ bèn sai Trừng Mại Huyện Lịnh trông coi đưa tiễn Ngài lên đường.

Đi suốt ba ngày ba đêm bèn đến Lôi Châu, Lai Châu, Biện Châu, Tượng Châu, Bạch Châu, Dông Châu, Tất Châu, Ngô Châu, Quế Châu, v.v... các hàng quan nhân tăng tục phụ lão nghênh đón lễ bái, cúng dường, vâng phụng kính thờ, những việc ấy nhiều vô lượng, nói ghi không thể hết. Mới đầu An Đô Đốc Thượng Đảng Công Bằng Phổ Bọc, v.v... đi bộ ra ngoài thành, gieo cả năm vốc xác đất đảnh lễ cho ngài, dẫn đưa vào chùa Khai Nguyên. Vừa mở cửa Điện Phật, mùi hương thơm lan tỏa khắp Thành. chư Tăng trong Thành cầm nắm Tràng Phang, đốt hương, sướng ca nhóm tụ vào trong chùa. Quan nhân trăm họ trong Châu Huyện kéo đến đầy chật cả đường đi, lễ bái tán thán, suốt ngày đêm không ngừng nghỉ. Bằng Đô Đốc lại tự tay dâng thức ăn cúng dường chúng Tăng, thỉnh cầu ngài xin được thọ giới Bồ-tát. Giang Đô Đốc có 74 Châu Quan Nhân chọn cử người thi học đều nhóm tật đến Châu ấy theo Đô Đốc thọ giới Bồ-tát số ấy Đông đảo vô lượng. Ngài dừng ở đấy một năm.

Bấy giờ, Nam Hải Quận Đại Đô Đốc Ngũ Phủ Kinh Lược Thái Phóng Đại Sứ, Nhiêp Ngự Sử Trung Thừa, Quảng Châu Thái Thú Lô Hoán Điệp xuống các Châu nghinh thỉnh Ngài đến Quản phủ. Khi ấy bằng đô đốc đến đích thân đưa tiễn Ngài, tự nâng đỡ Ngài lên thuyền mà nói rằng: "Khổ Bọc con cùng Đại Hòa Thượng sau khi mang chung đến Cung Trời Đức Phật Di Lặc mong cùng được gặp". Và buồn khóc cùng giả biệt. Xuống Quế Giang, đi 7 ngày đến Ngô Châu, tiếp đến ở chùa Long Hương tại Đoan Châu. Khi ấy Sa-môn Vinh Duệ an nhiên thị tịch, Ngài xót thương thảm thiết tiễn đưa an táng xong rồi mới đi. Đoan Châu Thái Thú nghinh dẫn đưa đến Quảng Châu. Lô (Hoán Điệp) dẫn các hàn đạo tục ra ngoài thành nghinh đón, cung kính vâng phụng tiếp thừa, việc ấy nhiều vô lượng, dẫn đưa Ngài vào chùa Đại Vân, cúng dường tứ sự, đăng đàn thọ giới. Chùa ấy có hai gốc cây Ha Lê Lặc, hạt trái như trái táo lớn. Ở chùa Khai Nguyên lại có nước Hồ tạo bản 9 hôi Kinh Hoa nghiêm bằng Bạch Đàn, đốc xuất 60 người thợ suốt 30 năm tạo mới hoàn tất, vật dụng tốt hơn 4000 quan tiền, muốn đem sang Tây Trúc. Thái Phóng Sứ Lưu Thần Lân dâng trạng văn tấu trình, bèn có sắc ban lưu để lại tại chùa Khai Nguyên cúng dường, dùng 7 báu trang

nghiêm không thể nghĩ bán. Lại có chùa Bà-la-môn 3 cơ sở, đều có các vị Tăng ở đó. Trong ao có hoa sen xanh, hoa lá rễ cành đều thoảng tỏa mùi thơm khác lạ. Trong sông có thuyền của Bà-la-môn, Ba Tư, Côn Lôn, v.v... không biết rõ lượng là bao nhiêu chiếc, đều chở hương thuốc trân báu chất đầy như núi, thuyền lút sâu sáu bảy trượng. Người của các nước Sư Tử, Đại Thạch, Cốt Đường, Mán Đỏ, Mán Trắng, v.v... qua lại dừng ở chủng loại lắm nhiều. Thành quanh Châu có 3 lớp. Đô Đốc cầm nắm 6 cờ tiết mao, một cờ tiết mao là một quân, oai nghiêm chẳng khác gì vua Chúa. Các màu tía Đào khắp thành, ấp ở cách bên cạnh.

Ngài dừng ở đó một mùa xuân, rồi đi đến Thiều Châu, dân chúng cả thành đều đưa tiễn đi xa. Vượt sông qua hơn 700 dặm, đến chùa Thiên Cư ở Triều Châu, dừng ở lại đó 3 ngày. Quan nhân ở Thiều Châu lại nghinh dẫn Ngài vào ở chùa Pháp Tuyền. Chùa đó là do Võ Tắc Thiên vì Thiền sư Tuệ Năng mà tạo dựng. Ảnh tượng của Thiền sư đến nay vẫn hiện còn. Sau đó, Ngài lại dời đến ở chùa Khai Nguyên. từ đó, Sa-môn Phổ Chiếu giã biệt ngài theo hướng Lãnh Bắc. Đến ở chùa A-dục Minh tại Minh Châu. Lúc đó là năm Thiên Bảo thứ 9 (750) thời Tiền Đường vậy. Khi ấy Ngài nắm tay Sa-môn Phổ Chiếu buồn mà nói rằng: “vì đạo nghiệp hoằng truyền giới luật, pháp thệ nguyện vượt biển mà không đến được nước Nhật Bản, Bản nguyện không thành, từ đây phải chia tay, cả nguyện không thể dự tả!” bấy giờ Ngài từng trải qua nóng đốt, hai mắt sáng bị mờ tối, nhân có một người nước Hồ nói có thể chữa bệnh mắt, Ngài bèn chịu chữa trị, khiến 2 mắt mất hẳn ánh sáng. Sau đó, Ngài lại vân du đến chùa Linh Thứu, chùa Quảng Quả, đăng đàn thọ giới. Ngài lại đến huyện Chinh Xương, qua đảnh núi Đại Sưu, đến chùa Khai Nguyên ở Xử Châu. Bật Xạ Chung Thiệu Khinh Tả Lân ở đó thỉnh mời Ngài đến nhà, lập đàn thọ giới. Tiếp theo, Ngài lại đến các Châu, Sa-môn Tường Ngạn đoan tọa trên thuyền hỏi Sa-môn Tư Thác rằng: “Đại Hòa Thượng đang ngủ hay thức?” Sa-môn Tư Thác trả lời: “Hòa Thượng ngủ chưa dậy”. Sa-môn Tường Ngạn nói rằng: “nay tôi muốn quyết biệt cùng Đại Hòa Thượng”. Sa-môn Tư Thác bèn gọi: “Đại hòa thượng! Đại hòa thượng!” và đốt hương, mang ghế công lại, để Sa-môn Tường Ngạn tựa vào ghế xoay mặt vào hướng Tây xưng niệm danh hiệu phật A-di-đà. Sa-môn Tường Ngạn liền một tiếng xướng niệm danh hiệu phật xong đoan tọa bặt tiếng im lặng. Ngài mới kêu gọi: “Ngạn! Ngạn!” buồn thảm vô vàn.

Bấy giờ các hàn đạo tục ở các Châu nghe Ngài trở về Lãnh Bắc, khắp bốn phương mọi người đua nhau kéo đến, mỗi ngày thường có hơn

300 người, người vật Đông đảo chen chốc, cúng dường mọi thứ rực rỡ. Từ đó theo hướng Giang Châu đến chùa Đông Lâm ở Lô Sơn. Chùa đó là chỗ ở của Pháp sư Tuệ Viễn trước kia trong thời nhà Tấn. Ngài Tuệ Viễn lập đàn trao truyền giới, trời mưa Cam lộ nên gọi là Giới Đàn Cam Lộ, đến nay hiện còn. Gần đây, năm Thiên Bảo thứ 9 (750) thời Tiền Đường, có Luật sư Chí Ân cũng tại trên đàn ấy trao truyền giới lại cảm trời mưa Cam Lồ, các hàng đạo tục thấy nghe, ngợi khen đồng như ngài Tuệ Viễn ở thời nhà Tấn xưa kia vậy. Ngài (Đại Hòa Thượng) rất lưu luyến cảnh đất đó, dừng ở đó 3 ngày rồi theo hướng Tầm Dương đến chùa Long Tuyền. Xưa kia, Pháp sư Tuệ Viễn đến đó dựng lập chùa mà không có nước, Ngài (Tuệ Viễn) mới phát nguyện rằng: "chốn đất này nếu có thể nương náu dừng ở, thì nên khiến tìm được suối nước". Và bè nắm tích trượng gõ vào đất, có hai con rồng xanh men theo lên tức trượng mà nước liền bắn vọt lên, đến nay vẫn còn dòng nước ấy trong vọt cách mặt đất khoảng 3 thước, nhân đó mà gọi là chùa Long Tuyền (suối Rồng). Từ đó, đi đường đất đến thành Dương Châu. Thái Thú nhóm tập các hàng Tăng Ni, đạo sĩ, nữ quan trong Châu. Quan nhân, dân chúng trong Châu huyện đem các thứ hương hoa âm nhạc đến nghinh đón Ngài, mời thỉnh cúng dường suốt 3 ngày. Thái Thú đích thân từ huyện Tầm Dương đến trạm Cửu Giang để đưa tiễn. Ngài lên thuyền giả biệt Thái Thú mà đi.

Từ đó, đi 7 ngày đến huyện Giang Ninh ở Nhuận Châu, vào chùa Ngoã Quan, lên gác báu, gác ấy cao hai mươi trượng, do vua Võ Đế (Tiêu Diễn 52-550) thời Nam Lưu tạo dựng, đến nay đã hơn 300 năm nên có sự nghiêng đổ hư hoại. Xưa kia có một đêm nọ, bỗng nhiên gió bão ập thổi đến, đến sáng sớm có người trông thấy dưới 4 gốc các có 4 dấu vết Thần dài 3 thước lúc sau dưới đất 3 tấc, nên tạo 4 tượng thần Vương giữ gìn 4 góc tháp. Dấu vết thần ấy đến nay vẫn hiện còn. Xưa kia, vua Võ Đế thời Nam Lưu rất sùng kính Tam bảo, tạo dựng các ngôi Già Lam, nay hiện còn có các chùa Giang Minh, chùa Di Lặc, chùa Trường Khánh, chùa Diên Tộ, v.v... số ấy lắm nhiều, khắc chạm trang nghiêm dốc hết tài năng thầy thợ kéo giỏi. Sa-môn Linh Hựu đệ tử nghe ngài đến bèn từ Chùa Ta Hà Sa đến nghinh đón, vừa trông thấy Ngài liền gieo năm vốc xuống đất tiếp nâng chân ngài, Triển Chuyển buồn khóc mà than rằng: "Đại Hòa Thượng sa đến Hải Đông, con tự cho rằng một đời nay không còn được hầu hạ, ngày nay được thân gần lễ bái, thật là như rùa mù mở mắt thấy mặt Nhật. Đèn giới sáng lại, đường tối hiện rõ ràng!". liền dẫn đưa Ngài về ở chùa Tê Hà. Ba ngày sau; ngài liền

xuống nhiếp sơn, trở về Dương Phủ, ngược qua sông đến bờ Tân Hà, tức vào dừng ở chùa Ký Tể. Đình Dương Tử. Các hàng đạo tục ở Giang Đô đua nhau đến chật đường. Ghe thuyền trong sông đến nghinh đón nối liền tiếp nhau. Ngài bèn vào thành ở lại chùa Long Hưng xưa cũ. Từ phía Nam Chấn Châu ngài đến Dương Phủ, vượt qua các châu huyện đều lập đàn trao truyền giới, không nơi nào bỏ qua không. Nay cũng ở các chùa Long Hưng, Sùng Phước, Đại Minh, Diên Quang, v.v... ngài vẫn giảng luật trao truyền giới không tạm ngưng nghĩ.

Xưa kia, Luật sư Đạo Ngạn ở Quảng Châu là bậc mạng thế đỉnh sinh, khắp trong thiên hạ có hơn 400 Châu, mọi người đều lấy làm chủ trao thọ giới. Sau khi Luật sư Đạo Ngạn thị tịch, có đệ tử là Luật sư Nghĩa Oai ở Hàn Châu, tiếng tăm vang vọng bốn phương xa, đức hạnh lan tỏa cùng tám sứ, mọi người ở các Châu cũng tôn xưng là bậc thầy trao thọ giới. Đến năm Khai Nguyên năm thứ 21 () thời Tiền Đường, Luật sư Nghĩa Oai thị tịch, bấy giờ Ngài (Đại Hòa Thượng) cũng đã 46 tuổi, Người trì tịnh giới ở Hòa Nam giang tã chỉ riêng mình Ngài ưu tú khác thường. Các hàng đạo tục đều dốc tâm hướng về, kính ngưỡng Ngài là bậc Đại Sư trao thọ giới. Phàm, trước sau, Ngài giảng đại luật là sớ 40 biển, giảng luật sao 70 biến giảng khinh trọng nghi 10 biến, giảng yết ma sớ 10 biến, đầy đủ pháp tu tâm học, rộng thấu đạt 5 thừa. Bên ngoài nắm giữ oai nghiêm, bên trong cố cầu lý sâu. Những gút lãng việc giảng trao, ngài tạo lập chùa viện, cúng dường 10 phương chúng Tăng, tu tạo tôn tượng Phật Bồ-tát nhiều vô số, may ngàn cái áo Nạp Cà Sa, hơn ngàn cái áo vải Cà Sa đưa đến cúng dường chư Tăng ở núi Ngũ Đài, thiết Đại Hội Vô Giá, mở ruộng Bi mà cứu giúp người khổ bệnh, lập ruộng kính mà cúng dường Tam bảo, ghi tả hết thảy kinh gồm 3 bộ, mỗi bộ gồm một vạn một ngàn quyển. Trước sau độ người trao truyền giới, tính ra có hơn 40 vạn người. Trong số đệ tử của Ngài có những vị ưu việt đáng làm bậc thầy mô phạm ở đời như là Sa-môn Tường Ngạn ở chùa Sùng Phước tại Dương Châu, Sa-môn Đạo Kiêm ở chùa Thiên Hương tại Nhuận Châu, Sa-môn Quỳng Quang ở chùa An Quốc tại Tây Kinh, Sa-môn Huy Du ở chùa Tê Hà tại Nhuận Châu, Sa-môn Pháp Tấn ở chùa Bạch Tháp tại Dương Châu, Sa-môn Cầu Ấn ở chùa Tê Hà tại Nhuận Châu, Sa-môn Thần Ấp ở chùa Tướng Quốc tại Bá Châu, Sa-môn Pháp Tạng ở chùa Tam Muội tại Nhuận Châu, Sa-môn Chí Ân ở chùa Đại Lâm tại Giang Châu, Sa-môn Linh Vựu ở chùa Phước Quan tại Lạc Châu, Sa-môn Minh Liệt ở chùa Ký Tế tại Dương Châu, Sa-môn Minh Trái ở chùa An Quốc tại Tây Kinh, Sa-môn Quỳnh

Chân ở chùa Đạo Thọ tại Việt Châu, Sa-môn Huệ Tông ở chùa Hưng Vân tại Dương Châu, Sa-môn Pháp Vân ở chùa Quốc Thanh tại núi Thiên Thai, v.v... cả thảy 35 vị đều là những nhân tài xuất chúng, mỗi vị ở một phương, hoằng pháp nơi đời, dẫn hóa quần sinh.

Đến ngày nhâm ngọ-15 tháng 10 năm Quý Tỵ, tức năm Thiên Bảo thứ 12 (753) thời Tiền Đường, nước Nhật Bản sai đại sứ Đặc Tấn Đằng Nguyên Triều Thần Thanh Hà, Phó Sứ Ngân Thanh Quan Lục đại phu Quan Lục Khanh Đại bạn tú Di Hồ Ma Lã, Phó Sứ Nhân Thanh Quan Lục Đại Phu Bí Thư Giám Cát Bị triều thần chân bị, vệ uý khanh an bội triều thần Triều Hành, v.v... đến chùa Diên Quang thưa bạch cùng Ngài rằng: "Đệ tử chúng con sớm biết Đại Hòa Thượng 5 lần vượt biển đến nước Nhật Bản giúp muốn truyền giáo nên nay thân gần kính phụng nhan sắc đảnh lễ hoan hỷ. Đệ tử chúng con trước ghi tôn hiệu của Đại Hòa Thượng và 5 vị đệ tử trì Luật của Đại Hòa Thượng, đã tấu trình cùng chúa thượng đến nước Nhật Bản hoàn truyền giới. Chúa thượng yêu cầu dẫn đưa các Đạo Sĩ đi, nhưng Quân Vương nước nhật bản từ xưa trước chẳng sùng kính Pháp Đạo Sĩ, bèn tấu các vị Lưu, Xuân, Đào, Nguyên, 4 người khiến ở lại học Pháp Đạo Sĩ. Vì vậy, Đại Hòa Thượng mỗi cũng tự tấu trình rút lui. Xin Đại Hòa Thượng tự tạo phương tiện, đệ tử chúng con có chuyển Quốc Tín các vật và 4 chiếc thuyền, mọi vật đầy đủ, đi cũng không khó không". Khi ấy ngài liền hứa vâng đã xong.

Bấy giờ các hàng đạo tặc ở Dương Châu đều cho là ngài muốn đến nước Nhật Bản, do đó phòng giữ chùa Long Hưng rất miên mật. Không do đâu có thể phát xuất. Bấy giờ có Thiền sư Nhân Cán từ Vụ Châu đến, kín biết Ngài muốn ra đi chuẩn bị đầy đủ thuyền ghe ở đầu sông cùng đợi. Đến giờ Thất ngày 19 tháng 10 năm Thiên Bảo thứ 12 (753) từ chùa Long Hưng ra đến đầu sông nương thuyền đi xuống. Khi ấy có 24 vị Sa di buồn khóc chạy lại bật cùng Ngài rằng: "Đại Hòa Thượng nay đi đến hải Đông, không do đâu có thể được gặp lại, chúng con là những người sau cùng xin muốn được dự phần kết duyên". Ngài mới ngay trên bờ sông vì 24 vị Sa di ấy mà truyền giới. Xong rồi Ngài nương thuyền tới bến Hoàng Tứ ở Tô Châu. Có các đệ tử cùng theo, như Sa-môn Pháp Tấn ở chùa Bạch Tháp tại Dương Châu, Sa-môn Đàm Tĩnh ở chùa Siêu Công tại Tuyền Châu, Sa-môn Tư Thác ở chùa Khai Nguyên tại Đài Châu, Sa-môn Nghĩa Tỉnh ở chùa Hưng Vân tại Dương Châu, Sa-môn Pháp Tài ở chùa Linh Diệu tại Cù Châu, Sa-môn Pháp Thành ở chùa Khai Nguyên tại Đài Châu, v.v... cả thảy 14 vị. Lại có Ni Chí Đạo

ở chùa Thông Thiện tại Đằng Châu, v.v... 3 vị. Lại có Ưu-bà-tắc Phan Tiên Đồng ở Dương Châu, An Như Bảo người nước Hồ, Quân Pháp Lực người nước Côn Lôn, Hiện Thính Đô người nước Chiêm Ba, v.v... gồm 24 người. Đồng thời mang theo 3000 viên Xá-lợi thịt của Như Lai, 1 pho Công Đức Tú Phổ Tập Biến, 1 pho Đức A-di-đà Như Lai, 1 pho tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn khắc chạm bằng Bạch Đàn, 1 pho tượng Thiên Thủ bằng dệt thêu, 1 pho tượng Bồ-tát Quán Thế Âm cứu thế, các thuỵ tượng Phật Dược Sư, Phật Di Đà, Bồ-tát Di Lặc mỗi loại 1 pho, Đồng Chướng Tử, Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa bảng chữ vàng 80 quyển, Kinh Đại Phật Danh 16 quyển, Kinh Đại Phẩm bảng chữ vàng 1 bộ, Kinh Đại Tập Bảng chữ vàng 1 bộ, Kinh Niết-bàn Nam Bảng 1 bộ 40 quyển, Luật Tứ Phần 1 bộ 60 quyển, Tứ Phần Số của Luật sư Pháp Lệ 5 bản, mỗi bản 10 quyển, Tứ Phần Số của Luật sư Quan Thống 120 trang giấy, Kính Trung Ký 2 bản, Bồ-tát Giới Sớ của Luật sư Trí Châu 5 quyển, Bồ-tát Giới Sớ của Thích Tử Linh Khê 2 quyển, Thiên Thai Chỉ Quán Pháp Môn, Thiền Nghĩa Văn Cú, mỗi thứ 10 quyển, Tứ Giáo Nghi 12 quyển, Thứ Đệ Thiền Môn 11 quyển, Thành Pháp Hoa Sám Pháp 1quyển, Tiểu Chỉ Quán 1 quyển, Lục Diệu Môn 1 quyển, Minh Liễu Luận 1 quyển, Sức Tông Nghĩa Ký của Luật sư Định Tân 9 quyển, Phô Thích Sức Tông Ký 1 quyển, Giới Sớ 2 quyển, mỗi bản 1 quyển, Nghĩa Ký của Luật sư Lượng ở chùa Quán Âm 2 bản 10 quyển, Hàn Chú Giới bản 1 quyển và sớ, Hành Sự Sao 5 bản, Yết Ma Sớ, v.v... 2 của Luật sư Đạo Tuyên ở Nam Sơn. Giới Bản Sớ 4 quyển của Luật sư Hoài Tố, Phê Ký 14 quyển của Luật sư Đại Giám. Âm Huấn 2 bản, Tỳ-kheo-ni Chuyển 2 bản 4 quyển, Huyền Trang Pháp sư Tây Vức 1 bản 12 quyển. Quan Trung Sáng Khai Giới Đàn Đồ Kinh 1 quyển của Luật sư Đạo Tuyên ở Trung Nam. cả thảy 48 bộ và vàng vòng, thuỷ tinh, Phan Cầm Tay 4 cái, . . . vàng ngọc. . . Tây Uất, Bình Lưu Ly đựng đầy 3 hộc hạt Bồ-đề, 20 cành hoa sen xanh, đồi mồi điệp tử 8 mặt, 2 đôi giày da của Thiên Trúc, 1 xấp hành thư của Vương Hữu Quân Chân Tích, 3 xấp hành thư của Tiểu Vương Chân Tích, 30 xấp chu quà thiên trúc, tạp thư, v.v.... các thứ thuỷ tinh, Phan Tây trở xuống đều đưa vào trong. Lại có một kho tháp vàng đồng dạng như tháp của A-dục Vương.

Đến ngày Canh Dần - 23 tháng 10, Đại Sứ sử phân ngài Đại Hòa Thượng đã xuống, Thừa Phó Sứ đã xuống thuyền xong, sau đó, đại sứ đã xuống cùng bàn nhau rằng: “nay ở quận Quảng Lăng canh phòng cảnh giác, biết Đại Hòa Thượng đi sang nước Nhật Bản, sắp muốn tìm xét bắt thuyền, nếu bị xét bắt là khiến có ngại, lại nếu bị gió thổi bạt

trở lại ranh giới nước Đường (Trung Hoa) hẳn không khỏi bị tội xấu ác". Do đó, Chúng Tăng đều xuống thuyên dừng ở lại. Đến đêm ngày Đinh Mùi-mồng mười tháng mười một, Đại Bạn phó sứ trộm với ngài cùng chúng tăng đưa lên thuyền mình, khiến đều không biết. Đến ngày 13, Sa-môn Phổ Chiếu từ quận Dư Diêu tại Việt Châu nương thuyền của Cát Bị Phó Sứ mà đến. Đến ngày nhâm tuý tức ngày 15, 4 chiếc thuyền đồng phát khởi, có 1 con chim trỉ bay trươc thuyền thứ nhất, bèn xuống Đỉnh Lưu, qua ngày 16 ra đi, đến ngày Mậu Ngọ tức ngày 21, thuyền thứ nhất và thuyền thứ hai đồng đến đảo A nhi Nại Ba, tại phía Tây Nam Đảo Đa Nỉ, hôm qua thuyền thứ ba đả ghé bến đồng một nơi. Đến ngày mồng 6 tháng 12, gió từ hướng Nam nổi dậy, thuyền thứ nhất mắt kẹt đá không di động, thyền thứ 2 bắt đầu từ đảo Đa Nỉ đi 7 ngày đến đảo Ích Cứu. Ngày 18, từ đảo Ích Cứu bắt đầu đi, qua hôm sau, ngày 19, gió mưa nổi lớn, không biết bốn hướng. Đến giờ Ngọ sóng lớn thấy như đảnh núi, đến giờ Ngọ ngaỳ Dất Dậu tức ngày 21, thuyền thứ 2 đã cập bến Thu Thê ốc ở quận A Đa thuộc nước Tát Ma. Đến ngày Tân Mão tức ngày 26, Diên Khánh sư dẫn ngài vào phủ Thái Tể.

Đến ngày Đinh Mùi tức ngày 11 tháng Giêng năm Giáp Ngọ (754) tức năm Thiên Bình Thắng Bảo thứ 6 (ở Nhật Bản). Phó sứ Tùng tứ vị Thượng Đại Ban Tú Nĩ Hồ Ma Lã tấu trình: "Đại Hòa Thượng đến phủ Thái Tể Trúc Chí" Đến ngày mồng 1 tháng 2, đến Nan Ba, có Sa-môn Đạo Sùng, v.v... người nước Đường (Trung Hoa) đến nghinh đó uỷ an cúng dường. Ngày mồng 3 ngài đến nước Hà Nội, Đại Nạp ngôn Chánh nhị vị Đăng Nguyên Triều Thần Trọng Ma Lã sai sứ đến nghinh đón uỷ an, lại có Luật sư Đạo Tuyền, người nước Đường (Trung Hoa) sai các đệ tử là Sa-môn Thiện Đàm, v.v... đến nghinh đón thăm hỏi, lại có các Sa-môn Chí Trung, Hiền Cảnh, Linh Phước, Hiếu Quý, v.v... hơn 30 người là những bậc cao hạnh đến nghinh đón bái yết. ngày mồng 4, Ngài vào kinh đô. có sắc ban 4 vị xuống An Túc Vương ra ngoài cửa La Thành nghinh đón uỷ an thăm hỏi, đưa dẫn ngài vào nghĩ tại chùa Đông Đại, ngày mồng 5, có Luật sư Đạo Thuyền người nước Đường (Trung Hoa), Bà-la-môn Bồ-đề-tăng-chánh đến uỷ an thăm hỏi. Tể tướng hữu đại thần, đại nạp ngôn trở xuống, quan nhân cả thảy có hơn 100 người đến bái lễ thăm hỏi. Sau đó lại có sắc ban sứ chánh 4 vị xuống cát bị triều thần chân bị lại tuyên sắc chiếu rằng: "Đại Đức Hòa Thượng từ xa vượt biển sóng đến nước này thật xứng hợp với ý Trẫm, vui mừng uỷ an không thể tả. Trẫm tạo chùa Đông Đại này đã trải qua hơn 10 năm, muốn lập Giới Đàn truyền thọ giới luật. Từ khi có tâm niệm đó suốt đêm

ngày không quên. Nay chư Đại Đức từ phương xa đến hoằng truyền giới luật, rất khế hợp với tâm Trẫm. Từ nay trở về sau, việc thọ giới truyền luật, đều do Đại Hòa Thượng đảm nhiệm". Lại ban sắc Tăng Đô Lương Biện, bảo ghi các Đại Đức Giám Đàn mỗi mỗi đều vào nội cấm, chưa qua khỏi ngày ấy bèn sắc trao ngôi vị Đại Pháp sư Truyền Đăng. Đến tháng 4 năm đó, ở trước điện Lô Giá Na thiết lập giới đàn, trước hết Thiên Hoàng Đăng Đàn Thọ Giới Bồ-tát, tiếp theo, Hoàng Hậu Hoàng Thái Tử cũng Đăng Đàn Thọ Giới Bồ-tát. Sau đó, ngài vì Sa di Chứng Tu, v.v... cả thảy có hơn 40 người mà trao truyền giới. Lại có các Sa-môn xưa cũ như Linh Hựu, Hiền Cảnh, Chí Trung, Thiện Đảnh, Đạo Duyên, Bình Đức, Nhẫn Cơ, Thiện Tạ, Hạnh Tiềm, Hạnh Nhẫn, v.v... hơn 80 vị xả giới xưa cũ mà thọ giới do Ngài mới truyền trao. Sau đó, đến phía Tây Điện Đại Phật riêng tạo Viện Giới Đàn liền dời đất làm giới đàn nơi Thiên Hoàng Thọ Giới để làm.

Từ năm Thiên Bảo thứ 2 (743) thời Tiền Đường, bắt đầu Ngài truyền giới, 5 lần chỉnh thúc, vượt biển rất khó khăn, tuy bị nổi trôi xoay chuyển nhưng bản nguyện Ngài vẫn không bị thối thất. Đến lần thứ 6, sang nước Nhật Bản, đã có 36 người vô thường tạ thế, hơn 2 ân vị kẻ Tăng người tục hối tâm. Chỉ có mình Ngài cùng Sa-môn Phổ Chiếu vốn Người Nhật Bản đến cầu học, và Sa-môn Tư Thác trước sau 6 lần, qua 12 năm bèn toại bản nguyện đến truyền Thánh Giới, mới biết tế vật từ bi nhân xưa sâu dày, chẳng tiếc thân mạng trải qua nhiều lần.

Bấy giờ có những người từ 4 phương đến học giới luật, bởi không duyên cúng dường nên phần nhiều thối lùi trở về. Việc ấy lọt đến tai vua, nên ngày 23 tháng 11 năm Đinh Dậu (757) tức năm Bảo Tự thứ nhất (ở Nhật bản), vua bèn ban sắc thế đủ 100 đinh (10 ngàn mẫu) ruộng nước, Ngài nhân đất ruộng ấy mà muốn tạo dựng ngôi Già Lam, khi ấy, có sắc chỉ cúng thí Ngài một khu đất vườn nhà, đó tức là vườn nhà cũ của nhất phẩm Tân Điền Bộ Thân Vương. Các Sa-môn Phổ Chiếu, Tư Pháp thỉnh mời Ngài lấy đất ấy để tạo dựng ngôi Già Lam, lâu dài hoằng truyền tứ phần Luật Tạng, tứ phần Luật Sớ của Luật sư Pháp Lệ. Sức Tông Nghĩa Ký của Đạo Tràng Trấn Quốc, Luật Sao của Luật sư Đạo Tuyên, dùng sức hành trì giới để bảo hộ nước nhà, Ngài bảo rằng: "Đất tốt!" Đến ngày mồng 1 tháng 8 năm Bảo Tự thứ 3 (799) riêng lập tên "Đường Luật Chiêu Đề", sau đó xin đề Quan Ngạch, y cứ theo đó làm chuẩn định. Trở lại lấy ngày đó thỉnh mời Sa-môn Thiện Tuấn giảng kiện Luật Ký, v.v... chỗ lập ấy nay tức là chùa Đường Chiêu Đề vậy.

Mới đầu, Ngài nhận sự thỉnh mời của Trung Nạp Ngôn từ ba vị Băng Thượng Chân Nhân đến vườn nhà trộm đền thưởng đất đó, biết có thể lập dựng chùa, Ngài bèn bảo đệ tử là Sa-môn Pháp Trí rằng: "đây là phước địa nên dựng lập Già Lam" nay bèn thành chùa, thật đáng tôn xưng Ngài là bậc khéo thấy biết trước vậy. Ngài xuất hiện nói đời trong thời Tượng Quý, đích thân làm sứ giả của Phật. Như trong kinh nói: "Đức Như Lai ở khắp nơi nơi độ người, các ông cũng nên khéo học theo Đức Như Lai, rộng thực hành độ người. Ngài đã tiếp thừa di Đông độ người Đông đến số 4 vạn. Như sự kiện lược nói trên và biến số tuyên giảng.

Luật sư Đạo Tuyền, người nước Đường (Trung Hoa) thưa thỉnh Sa-môn Tư Thác Đệ Tử của ngài rằng: "với sở học xa trước có có giềng mối nền tảng, Đệ Tử của Đạo Tuyền tôi thông hiểu Hán ngữ, tôi muốn khiến học Luật Sớ của Luật sư Pháp Lệ và Quốc Ký của Đạo Tràng Trấn Quốc mong được khai này giảng dạy". Sa-môn Tư Thác bèn nhận lời đến ở Huyện Đại An Đường vì các Sa-môn Nhẫn Cơ v.v... suốt trong bốn năm năm nghiên mài vài biến.

Năm Bảo Tự thứ 3 (759), Sa-môn Nhẫn Cơ ở phía Đông Viện Đại Đường giảng sở ký, Sa-môn Thiện Tuấn ở Chùa Đường giảng kiện sớ ký, Sa-môn Trung Tuệ ở gần sông giảng kiện sớ ký, Sa-môn Huệ Tân ở Viện Tháp Đại An giảng kiện sớ ký, Sa-môn Thường Nguy ở chùa Đại An giảng kiện sớ ký, Sa-môn Chân Pháp ở Chùa Hưng Pháp giảng kiện sớ ký, từ đó trở lại Luật Nghi ở Nhật Bản dần dần nghiêm chỉnh, thầy trò tương truyền khắp cùng hoàn vũ, như lời phật dạy: "các Đệ Tử của Ta triển chuyển hành trì tức là Đức Như Lai vẫn thường trú bất diệt, cũng như một ngọn đèn tiếp đốt trăm ngọn đèn, bóng tối đều sẽ sáng rỡ bất tuyệt".

Đến mùa Xuân Năm Quý Mão (763) tức năm Bảo Tự thứ 3, Đệ tử Sa-môn Nhẫn Cơ mộng thấy coat kèo giảng đường gãy đổ, tỉnh giấc kinh sợ, biết đó là tương Ngài sắp thị tịch, bèn đốc thúc các Đệ tử mô phỏng tạo ảnh của Ngài. Đến ngày mồng 6 tháng 5 năm đó, Ngài ngồi kiết già xoay mặt về hướng Tây mà thị tịch, thưởng thọ 76 tuổi, sau khi thị tịch, đã 3 ngày mà trên đảnh đầu ngài vẫn nóng ấm, do đó, lưu để lâu dài chẳng vội tẩm liệm. Đến lúc trà tỳ có mùi hương thơm lan tỏa khắp núi.

Lúc bình sinh Ngài thường bảo cùng Sa-môn Tư Thác rằng: "về sau, đến lúc mạng chung, mong nguyện đoan tọa mà thị tịch. Ông nên vì ta mà riêng lập ảnh Đường tại viện Đạo Tràng, nơi phòng ở cũ cùng

ở với chúng tăng". Trong Kinh Thiên Tý nói rằng: "lúc lâm chung mà đoan tọa như nhập thiền định, nên biết người ấy đã vào Sơ Địa". Lấy đó để chứng nghiệm thánh phàm khó lường biết vậy. Đến năm Giáp Thìn (764) tức năm Bảo Tự thứ 8 từ nước Nhật Bản sai phái đến các chùa ở Dương Châu nước Đường (Trung Hoa) đều tiếp thừa nghe được hung tin Ngài đã thị tịch, tất cả đều mặc tang phục xoay về hướng Đông buồn khóc suốt 3 ngày. Đô Hội chùa Long Hưng thiết Đại Trai Hội, trước đó chùa Long Hưng gặp phải hỏa hoạn tất cả đều bị thiêu đốt, chỉ riêng Phòng Viện chỗ ở xưa cũ của Ngài không bị tổn hại. Đó cũng bởi sự tốt lành dư thừa của Giới Đức vậy!

(Truyện Đại Hòa Thượng Đông Chinh thời Tiền Đường, 1 quyển hết).

*****

Soạn thuật ngày Kỷ Mão-tức ngày mồng 8 tháng 2 năm Kỷ Mùi (779) nhằm năm Bảo Quy thứ 10

*** Tin báo đầu tiên về Đại Hòa Thượng**

(2 bài và lời tựa)

Nghe rằng: Phật pháp lưu truyền đến phương Đông, Tôn giả Ca Diếp Ma Đằng vào nơi Giáp Lạc, chân giáo tỏa trùm phương Nam, Ngài Khương Tăng Hội vân du đến Ngô Đô. Văn ấy chưa tan mất hẳn có mạng thế giúp hoằng truyền đạo ấy. Thật chờ đợi Minh Hiền, Hoàng Đế nước ta y cứ Long đồ ấy, tế độ quần sinh ở ngoài 8 xứ, nhận sự dự ghi của Phật dẫn dắt muôn dân đến Tam Thừa, thì có mang đảnh ném quân, tuy sánh vai ở cung tía mà nương chén nghe chuông, chưa liền ảnh ở Huyền môn. Nhân có Đại Hòa Thượng Giám Chân bày lưới giới mà từng đến. Xà lê Pháp Tấn đốt đuốc tuệ mà dừng nghỉ. Tượng hóa lắm tài sĩ, do đó mà hưng thạnh, huyền phong chẳng rơi lạc thật nhờ từ đó vậy! Đệ tử dẫm vết huyên trần, tâm rong nơi chân tế, kính phụng Tam bảo có nơi, vui mừng Nhất Giác chẳng xa, muốn tán thán phương du, cất lên tiếng sáo nhẹ, xin đề rằng:

"Ma Đằng đến Hán khuyết
Tăng Hội vào Ngô cung
Đâu như Hòa thượng Chân
Ngậm sách vượt biển Đông
Rừng Thiền lưới Giới kín
Vườn Tuệ hoa Giác đơm
Muốn biết đường bến thuyền

Cửa Thiền được diệu công
Ta là khách vô minh
Mê hoài bến hữu lậu
Nay đây được khéo dẫn
Nghĩ nhớ dứt trần ai
Giống Đạo nẩy mầm Hạ
Hoa Không lại vào Xuân
Tự nương đức Tam bảo
Ai sợ sáu ma sân ”.

***Bài Từ ngũ ngôn kính thương Đại Hòa Thượng truyền đăng đã thị tịch**

(Đệ tử được truyền đăng Sa-môn Thích Tư Thác người nước Nhật Bản kính thuật).

“Thượng Đức nương bè vượt
Người Vàng đến trời Đông
Hương Giới thừa tỏa ngát
Đuốc Tuệ lại lưu phong
Trăng ẩn về Linh Thứu
Ngọc trốn vào Phạm cung
Thần vượt ngoài sinh tử
Di giáo trong Pháp môn”

***Bài Từ ngũ ngôn kính thương Đại Hòa Thượng.**

Kim tử quan lộc đại phu trung nạp ngôn hành thức bộ khanh thạch thượng trạch từ kính thuật.

“Thượng Đức theo đổi dời
Đuốc thừa gió muốn tắt
Chiêu đề thuyền cỏ tước
Viện giới rõ không hoa
Sinh tử buồn ngâm hận
Chân như vui đâu cùng
Chỉ trông người thường tu
Không đâu chẳng để vết!”

***Bài Từ ngũ ngôn kính thương Đại Hòa Thượng**

(Đồ Thư Liêu và Đản Mã Thủ Đằng Nguyên triều thần Thế Hùng kính thuật)

“Muôn dặm truyền đuốc soi
Gió mây xa nước thơm
Ánh Thiền chiếu trăm ức
Trăng Giới rọi ngàn thôn
Buồn thay về Tịnh Độ
Thương thay đến tuyền trường
Gởi lời viết Đằng Lan
Hồng từ sáng muôn đời”.

**** Bài Từ ngũ ngôn nhân sứ giả nước Nhật Bản báo tin Đại Hòa Thượng Giám Chân đã thị tịch, không được kính hầu Tôn Nhan nên tự than mà bày thuật nỗi lòng.***

Đồ Ngu Hầu Quan Quân Đại Tướng Quân Thế Thái Thượng Khanh Thượng trụ quốc Cao Hạc Lâm kính thuật.

“Thượng phương quyền Phật giáo
Danh tăng hiệu Giám Chân
Mang Tạng thông nước gần
Chân như chuyển trao dân
Sớm nhàm chốn ngũ trược
Lẳng xa chốn huyên trần
Thiền viện từ xưa nay
Tùng xanh nhiểu tháp mới
Pháp lưu lại ngàn năm
Tên ghi rõ muôn đời”.

*** Bài Từ thất ngôn kính thương Đại Hòa Thượng**

(Đệ tử được Pháp sư truyền đăng Sa môn Đại Tăng Đô Thức Pháp Tấn kính thuật)

“Đại Sư thương dưỡng hợp viên không
Xa tít truyền đăng chiếu biển Đông
Độ người thẻ cỏ đầy thạch thất
Truyền ban Phật giới tiếp di phong
Duyên xong phân thân về cõi Tịnh
Ta bà ai lại làm nghiệm Rồng!”

8. TRUNG THIÊN TRÚC HÀNH KÝ CỦA VƯƠNG HUYỀN SÁCH Ở THỜI TIỀN ĐƯỜNG VÀ TÂY VỨC CHỈ DẬT VĂN DO BÁCH QUAN SOẠN THUẬT Ở THỜI TIỀN ĐƯỜNG

(Thiên Trúc Hành Ký, còn gọi là Tây Quốc Hành truyện, Tây Quốc Hành Ký, văn ấy ghi tại Pháp Uyển Châu lâm và ở Chư Kinh Yếu Tật, v.v... nay chỉ lược nêu bày đây vậy).

Về vua nước Ba Lật Xà vì người Hán mà thiết bày 5 người nữ đùa bỡn. (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 4, Đại Chánh quyển 53 trang 296a)

Về Vạc Sỏi ở nước Thổ Phiên (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 8. Đại Chánh quyển 53 trang 332a)

Về ao lửa nước ao Bà La (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 16, Đại Chánh quyển 53 trang 45a và Chư Kinh Yếu Tập quyển 1, Đại Chánh quyển 54)

Về Cốt Đảnh Thạch từ Tây Trúc đem lại (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 29, Đại chánh quyển 53 trang 498 a)

Về vua nhà Cư Sĩ Tịnh Danh dùng hốt mà đo lường nền móng (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 29, Đại chánh quyển 53 trang 51 c)

Về Tôn Tượng ở Ma-ha Bồ-đề (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 29, Đại chánh quyển 53 trang 52 c)

Về bia dựng lập tại chùa Ma-ha Bồ-đề (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 29, Đại chánh quyển 53 trang 53 a)

Về văn bia dựng lập tại núi Kỳ Xà Quật (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 29, Đại chánh quyển 53 trang 54 a)

Về núi Báu ở ranh giới phía Nam nước Thổ Phiên (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 64, Đại chánh quyển 53 trang 770 b)

Về Vương Tử Câu Na La (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 91, Đại chánh quyển 53 trang 960 a)

Về Pháp Xưng Người ở nước Ma Già Đà (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 91, Đại chánh quyển 53 trang 963 a)

Về Sa-môn Vương Đạt Ma ở chùa Bồ-đề hỏi sắc sử người Hán (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 98, Đại chánh quyển 53 trang 112 c)

Về Đại Đức Tăng-dư-na-như-tuyến-đà ở chùa Bồ-đề tại nước Ma Già Đà tính ra thời Gian Đức Phật nhập Niết-bàn (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 100, Đại chánh quyển 53 trang 128 b)

Về Hang Tu La tại nước Chiên Ba (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 5, Đại chánh quyển 53 trang 310 b)

Về Pháp Y Ca Sa của Đức Phật (Còn gọi là Tôn Tượng Trắng của

Đức Phật Thích Ca tại rừng Sa La Sông Thọ, đá hong phơi y Ca Sa của Đức Phật tại núi Kỳ Sà Quật) (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 335, Đại chánh quyển 53 trang 559 b)

Về Tháp ở nước Tây Vức trông thấy (còn gọi là chùa của người Hán tại nước Kế Tân, Bồ-tát Long Thọ vào biển lớn hóa tai vương, Bồ-tát Long Thọ đến nước Ba La Nại tạo dựng 700 ngôi tháp, Bảo Tháp Tước Ly ở phía Đông Nam thành Càng Đà La tại Tây Vức) (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 38, Đại chánh quyển 53 trang 589 a)

Về chùa núi Đàn Đặc tại nước Ơ Trành (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 39, Đại chánh quyển 53 trang 597 b)

Về Vương Huyền Sách đi sứ đến Tây Vức trước sau 3 lần (Pháp Uyển Châu Lâm quyển 55, Đại chánh quyển 53 trang 73 c)

----

9. DU THIÊN TRÚC KÝ DẬT VĂN CỦA SA-MÔN THƯỜNG MẪN Ở THỜI TIỀN ĐƯỜNG

(Du Thiên Trúc Ký còn gọi là Du Lịch Ký, văn ấy ghi tại Tam bảo Cảm Ứng Yếu Lược Lục, nay chỉ nêu bày sơ lược ở đây).

Cảm ứng của Tôn tượng Đức Phật Thích Ca bằng vàng và bằng gỗ của vua nước Ưu Điền và vua Ba Tư Nặc (Tam Bảo Cảm Ứng Yếu Lược Lục Quyển Thượng, Đại Chánh quyển 51 trang 821 a)

Cảm ứng của Sa-môn Đạt Ma Lưu Tri người nước Tăng Già Bổ La thuộc Bắc Ấn Độ cảm được Tôn Tượng Đức Phật Thích Ca cảnh tỉnh dạy răn (Tam Bảo Cảm Ứng Yếu Lược Lục Quyển Thượng, Đại Chánh quyển 51 trang 830 b)

Cảm ứng của sự tu tạo Tôn tượng Đức Phật Tỳ Lô Giá Na mà được phủi trừ chướng ngại (Tam Bảo Cảm Ứng Yếu Lược Lục Quyển Thượng, Đại Chánh quyển 51 trang 833 b).

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 190

GHI VỀ NHÂN DUYÊN THỜI TƯỢNG PHÁP CỦA ĐỨC THÍCH CA NHƯ LAI DIỆT TẬN

SỐ 2090

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2090

GHI VỀ NHÂN DUYÊN THỜI TƯỢNG PHÁP CỦA ĐỨC THÍCH-CA NHƯ LAI DIỆT TẬN

Thời Tiền Đường, Sa-môn Đại Đức Tam tạng Pháp sư Thích Pháp Thành phiên dịch.

Từ khi có nước Vu Điền trở lại, sáu đời vua đã trải qua đến đời vua thứ bảy tên là Nhật-tỳ-tả-da-ngật-đa. Đang lúc trị vì đất nước, trong nước có ngôi chùa tên là Tát-ca-bát-la-ha-na. Cách chùa đó không xa có một hang núi tên là Bà-ca-da-kỷ-na. Trong hang núi đó có một vị La-hán tên là Tăng-già-bà-nhĩ-đà-na(1). La-hán ấy có một đệ tử Tỳ-kheo nương theo La-hán để học luật nghi. Sau đó, thấy được kinh "Nguyệt Tạng Bồ-tát sở vấn" và các Thánh giáo rồi, vị Tỳ-kheo ấy bèn hỏi Tôn sư - tức La-hán rằng: "Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, ở các nước Vu Điền, Sơ Lặc, cho đến An Tức, tượng pháp và Tốt-đổ-ba của Đức Như Lai hiện trú nơi đời thơi gian bao lâu? Ai là người sẽ phá diệt? Và cuối cùng đưa đến xứ sở nào? Cúi xin nên vì giải nói!"

Khi ấy, La-hán Tăng-già-bà-nhĩ-đà-na... "... sau khi Đức Thích Ca Như Lai diệt độ, khinh pháp, ảnh tượng, cho đến tháp miếu sẽ trụ ở đời 2. 000 năm, sau đó sẽ diệt mất. Trong 3 nước Vu Điền v.v... đây thì giặc từ các nước Hán, Xích Diện, Tô Tỳ, Độc Quyết, Hồi Cốt v.v... máy động giáo mác mà lại xâm chiếm tổn hại, cho nên Phật pháp dần dần suy vi, hủy diệt chùa tháp, mọi tư cụ của chúng Tăng cũng bị dứt tuyệt. Trong 3 nước đây thì nước An Tức và Sơ Lặc chẳng hành trì pháp nên giặc phủ trùm xâm chiếm và phá hoại chùa tháp, phần nhiều là thiêu đốt hủy diệt đều hết không bỏ sót chùa nào. Chúng Tăng phần nhiều

tan rã dời chuyển đến ở nước Vu Điền. Chùa tháp tại nước Vu Điền có 500 vị Bồ-tát thường luôn hộ trì. Trong đó, 250 với hình nghi của người xuất gia, còn 250 sống trong hình dùng thế tục thọ sinh mà hộ trì. Tại chùa núi Ngưu đầu, có 1.005 Đức Phật thường luôn tiếp nối để làm cung điện. Vì các Hiền Thánh có oai đức từ bi gia trì Diệu pháp chùa tháp ở nước Vu Điền, nên người hành pháp phần nhiều ở các nước khác sống lâu nơi đời. Bấy giờ vua các nước khác v.v... vì muốn chiếm lấy nước Vu Điền nên đấu tranh lẫn lộn, vua nào đắc thắng thì cùng nước Vu Điền làm Đại thí chủ, không hủy hoại không phá diệt, thường luôn cúng dường. Khi ấy, vua nước Xích Diện có oai thế lớn, phần nhiều xâm chiếm các nước khác lấy làm cõi nước của chính mình. Lúc đó có một vị Bồ-tát thọ sinh tại nước Xích Diện làm vua, ở trong nước mình rộng hành trì Diệu pháp, đến các nước khác thỉnh mời các vị Pháp sư và luận sư đến ở trong nước xích diện, xây dựng tinh xá, tạo lập Tốt-đổ-ba (tháp) độ. . . đông nhiều Quốc vương Đại thần và dân chúng các nước khác rộng hành trì chánh pháp. Và lúc bấy giờ nước Vu Điền phối thuộc ở nước Xích Dịn, nên rộng hành trì chánh pháp, xây dựng chùa tháp, tôn thờ Tam bảo nơi vườn ruộng nhà người, thiết bày cúng dường lớn. vua nước xích diện qua 7 đời trở lại vì hành trì Diệu pháp. Bảy đời vua ấy đối với trong các nước khác, nơi có Tam bảo và các nơi chùa tháp thì không khởi ác tâm cũng không làm tổn hại. Bấy giờ chúng Tăng trong nước Vu Điền; như điều nói trong kinh “Nguyệt Tạng Bồ-tát thọ ký” phần nhiều phân tán, tín tâm dần mỏng, chẳng sống theo giới pháp, chuyên cầu lợi dưỡng danh dự thế gian, vào cùng các bậc vua tôi mưu bạn mọi việc bí mật, khiến cho chánh pháp dần dần suy bại. Khi ấy các vua tôi cho đến con cháu thối thất tín tâm thanh tịnh. Đối với mọi vậy vốn có của thường trú, các Tỳ-kheo tự dùng tiêu hao, nên mọi vật sở thuộc chánh pháp chùa tháp thường trú tại nước Vu điền chẳng đồng như ngày trước, mà dần suy hao. Các vị Quốc vương đại thần không tâm hoan hỷ đối với chúng xuất gia. Sau đó vào một thời gian khác, có một vị Bồ-tát làm vua đời thứ 7 ở nước Xích diện. vua ấy lấy công chúa Bồ-tát nước Hán làm Phi, Hoàng hậu dẫn 600 tùy tùng đến nước xích diện. Bấy giờ công chúa ấy rất mực kính tin Phật pháp đầy đủ phước đức lớn. vua nước Xích diện cũng có tín tâm thanh tịnh lớn vượt hẳn vua đời trước đó, rộng bày hưng thạnh chánh pháp. Đang lúc như vậy thì vua nước Vu Điền tuổi trẻ, chẳng hành trì chánh pháp của Phật. Các Tỳ-kheo lớn trước bảo rằng: “Không như vậy thì trở về thế tục, không như vậy thì tùy ý ra đến xứ khác”. Vì bức bách ruồng duỗi nên hết thảy

chúng Tăng nhóm tập tại chùa Tạc Ma cùng nghị bàn việc ấy. Khi ấy trong chùa ngay trước chúng Tăng bỗng nhiên hiện bày 7 phần thức ăn bằng vàng báu 5.000 vị Tỳ-kheo bị vua cắt bỏ thức ăn, quẩn bức bỗng có được vậy liền đổi các thức ăn vàng đó làm lương thực nuôi sống thời gian 3 tháng. Đang lúc ấy, có vị trở về thế tục, có vị không trở về cuộc sống thế tục. Những vì tìm sang các phương khác lìa xa cha mẹ thân thích quyến thuộc và đất nước của chính mình nên rất sinh tâm buồn khổ, tuông chạy gào khóc. Tăng chúng nhóm tụ lên đường sang đến trong chùa Mâu Hồng. Tại xứ đó có một Tốt-đổ-ba lớn, có vua Bá Thần là người tín tâm thanh tịnh rất lớn, mở phá tháp đó lấy ra một cái bát dựng đầy ngọc ấn đem cúng thí chúng Tăng. Lại có các thí chủ tịnh tín khác thiết bày các thứ tự cụ thể để cúng thí chúng Tăng ấy. Và lần lượt như thế, chúng Tăng đi dần đến sông Nô-lô, lấy ngọc ấn làm lương thực sống trong nửa tháng. Lúc chúng Tăng đến sông Nô-lô ở tại chùa Tống-đa-hột-cung-nương. Khi đó vua trời Đa Văn và trời công đức biến hóa làm vợ chồng ở tại xứ đó kính bạch chúng Tăng rằng: "Chúng tôi muốn tu tạo phước, nguyện xin rủ lòng nhận lấy". Suốt nửa tháng trở lại thiết đại thí hội cúng dường chúng Tăng. Trời nữ công đức lấy tiền vàng báu từ trong tay áo ra để cúng thí cho chúng Tăng. Khi ấy chúng Tăng đều từ đất nước Đại Phiên của Xích Diện đi đến Phá Sơn, gặp người canh giữ ải cản ngăn không cho đi mà bảo rằng: "Các xứ khác có đường đi, mỗi tự phải nên sang". Khi ấy vua trời Đa Văn tự biến hóa thân mình làm thành một con trâu bạch mao, trên xương sống có vết theo và có dày dàm. Chúng Tăng thấy thế cùng bảo với nhau rằng: "Trâu mao có vết sẹo trên xương sống đây là súc vật của người, nếu nó sang xứ nào thì theo đó cùng đi". Khi ấy, trâu mao đó dẫn thẳng đường đến bốn năm gian, tất cả chúng Tăng đi đến cảnh vức của Tát-tỳ nước Xích Diện. Bấy giờ quân Tát-tỳ đang làm tiết độ ở đường nghe chúng Tăng từ phương Tây đi đến, bèn vội chạy về báo cho vua nước Xích Diện biết. Khi ấy, phu nhân vua đó nghe có nhiều chúng Tăng mất đất Bá Bính nên tâu cùng vua rằng: "Tôi muốn thiết bày các vật nương cười cùng các tư cụ, nguyện xin thỉnh đón chư Tăng đến nước Xích Diện". vua cũng chấp thuận đó. Bèn bày biện các vật nương cưỡi để tiện nghinh đón chư Tăng đến nước Xích Diện. Bấy giờ vua nước Xích Diện cùng công chúa thị tùng cúng dường lễ bái, hỏi chư vị Đại Đức khéo thấu hiểu Tam tạng trong chúng Tăng rằng: "Trừ các vị đây ra, còn có Ba Bính chăng?". Chư vị Đại Đức Tam tạng kính cẩn đáp rằng: "Các nước Sơ Lặc, An Tức, Bột Luật, Gia-tất-một có chúng Tăng đông nhiều như

vậy. Ba Bính di dời hiện ở tại xứ kia". Bèn liền sai sứ nghinh thỉnh chúng Tăng đến nước Xích Diện. Lúc đó trong nước Xích Diện xếp đặt 7 ngôi chùa, thiết bày các cúng cụ. Những vị thường trú đông gấp bội hơn số mới sang, nói rằng: "An đặt chúng Tăng ở tại 7 ngôi chùa ấy". Qua ba bốn năm sau, trên tim công chúa bỗng nhiên nổi mọc mụt nhọt hung độc. Lúc bệnh đau khổ, công chúa tâu cùng vua rằng: "Nhân bịnh này, thiếp ắt chết mất, chẳng thể thoát khỏi. Nếu với các người tôi tớ và mọi của cải, nguyện xin cúng thí Tam bảo". vua cũng chấp thuận cho đó. Cả thảy 600 tùy tùng đều được xuất gia. Sau đó, công chúa qua đời. Sau khi công chúa qua đời, khắp trong các xứ của vua nước Xích Diện gặp phải dịch bịnh ung nhọt mụt đậu. Đại thần trăm quan và các con cháu bị chết lắm nhiều. Khi đó, các hàng quần thần nhóm tập bàn luận mà tâu cùng vua rằng: "Trong đất nước của vua đây từ trước vốn không dịch bệnh khổ não như thế này. Nay các Ba Bính cùng chúng Tăng mọi rợ đến ở xứ này nên công chúa qua đời. Đại thần trăm quan phần nhiều chết mất. Cho nên đối với các chúng xuất gia đây, không nên lưu giữ trong đất nước của vua. Theo lý nên xua đuổi cả. Ngày trước đúng nên xua đuổi mà vua chẳng xua đuổi, giao phó bàn tính tường tận. Quần thần đồng lòng muốn xua đuổi chúng Tăng nên xin tâu trình cùng vua biết là muốn xua đuổi chúng Tăng ra khỏi đất nước của vua". Bấy giờ trong các xứ của vua nước Xích Diện, những vị Tỳ-kheo sống lâu xưa cũ tức giận mà bảo rằng: "Nếu xua đuổi các vị Tỳ-kheo ấy đi thì chúng tôi cũng đều chẳng ở nơi này". Các quan thần tức giận bảo: "Các ông cũng nên tùy ý mà đi". Sau khi công chúa đến nước Xích Diện, vua nước Hán tôn sùng giáo pháp của Đạo sĩ, nên tất cả chư Tăng ở nước Hán đều đến các nơi trong nước Xích Diện. Đang lúc như thế, chúng Tăng ở các xứ đó đối với mọi thứ xá-lợi, kinh luận Thánh giáo, mọi tư cụ cúng dường, mọi tài vật của thường trú trong nước Xích Diện thảy đều mang giữ đem theo sang phía Tây đến nước Kiền-đà-la. Khi ấy, ở nước Hán cùng nước Xích Diện, nước Bà-là-hạnh, nước Vu Điền v.v... thẳng đến tận sông Hằng, tượng pháp đều diệt mất, không một nơi nào còn. Bên kia bờ sông hằng là nước Câu-thiểm-di, tượng pháp trụ ở đời được 3 tháng, và cuối cùng cũng diệt mất hết. Tất cả chúng Tăng đến biên giới nước Kiền-đà-la. vua rồng Y-la-diệp nương ở nơi bờ biển, do oai lực của Tam bảo nên biển đó nổi sóng gió. vua rồng nghĩ suy cớ sao tại nơi ta ở nổi sóng như vậy. Bèn dùng Thiên nhãn quán xét mà biết được Thánh giáo tượng pháp của Đức Thích Ca Như Lai gần đến lúc diệt mất, và cuối cùng khi thấy chư Tăng, vua rồng liền tự biến hóa thân

mình làm thành một người già nua từ biển bước ra lễ bái chúng Tăng và thưa hỏi rằng: "Chúng Tăng đông đảo như vầy từ xứ nào đến? Và sẽ đi đến xứ nào?". Chư Tăng đáp rằng: "Chúng tôi vốn ở các xứ trong nước Xích Diện. Do vì thí chủ không còn đức tin, hủy diệt thường trụ và Tinh xá, nên chúng tôi sang đến nước Kiền-đà-la". Vua rồng lại hỏi rằng: "Chúng Tăng rất đông nhiều hiện có những lương thực gì? Nước Kiều-đà-la cách biển đây rất xa phải đi mất hơn 40 ngày mới tới xứ ấy. Hiện nay chúng Tăng chỉ có lương thực đủ dùng trong 20 ngày. Vậy làm sao có thể đến xứ ấy được?". Chư Tăng nghe thế rồi đều buồn bã rống khóc. vua rồng thấy thế rất sinh tâm lo buồn, nói cùng chư Tăng rằng: "Nơi đây có đường thẳng tắc, có chiếc cầu rắn, có thể giẫm bước lên đó để đi nhanh đến xứ kia". Nói lời ấy xong, người già nua ấy bỗng nhiên ẩn mất. Khi đó, vua rồng ấy biến hiện một đường đi thẳng lên núi và tự biến thân mình hóa thành một con rắn lớn làm cầu bắt ngang trên biển. Và tư duy rằng: "Ta nay nếu độ chư Tăng đây. Trước kia vì tạo nghiệp xấu ác nên nay nhận chịu làm thân Bàng sinh thì cũng có thể được thoát khỏi?". Phát khởi tâm nguyện như vậy rồi bèn đặt cầu rắn. Qua hơn 15 ngày, có nhiều người vật giẫm bước lên đó mà qua. Lúc người vật đi ngang qua trên cầu rắn, hoặc có người rơi xuống nước mà chết. Người vật lui tới qua lại như thế, nên xương sống lưng rắn rách nát hủy hoại máu đổ như mưa, biển biến thành máu. Chư Tăng đông nhiều nhân trên cầu rắn ấy mà đi qua. Đến lúc cuối cùng những vị còn lại mắc nạn ở nước Xích Diện, chẳng qua được. Sau đó, rắn lớn ngã đổ vào trong biển mà qua đời rồi tâm thức được sinh lên cung trời Đâu-suất-đà, và biển cũng khô cạn. Bấy giờ chư Tăng đến nước Kiền-đà-la, vua nước đó bày biện các thứ cùng cụ cúng dường suốt 2 năm mỗi mỗi đều khiến được an lạc. Qua 2 năm rồi, vua ấy băng hà, vua có 2 người con; một người kính tin Phật pháp và một người thực hành theo pháp của ngoại đạo. Về sau tranh giành ngôi vua, khi ấy chúng Tăng vì Vương tử kính tin Phật pháp mà kết làm bạn đảng, nên Vương tử ấy được ưu thắng rồi kế nghiệp ngôi vua. Đang lúc thống trị, vua đó tăng thêm bổng lộc mọi duyên đầy đủ cho chúng Tăng. Trải qua được nửa năm rồi, có một vị Tỳ-kheo giết hại vua ấy, và tự kế tiếp ngôi vua. Tất cả dân chúng trong nước Kiền-đà-la đồng một lúc phản lại giết vua Tỳ-kheo ấy. Và đối với các hàng chúng Tăng khác đều xua đuổi tất cả ra khỏi các xứ của vua. Nên tượng pháp ở nước Kiền-đà-la cũng diệt mất. Hết thảy chúng Tăng Ba Bính rã tan đi đến các nước khác. Đang lúc như thế, vua nước Tây phương, vua nước Bắc phương, vua Diệp-ba-na v.v... phước lộc ưu thắng hơn trước.

Vua ba nước ấy nhóm họp thề kết thành một nhà. Bấy giờ, 3 vua ấy cải hóa trị vì Tây phương và Bắc phương v.v... và 3 vua ấy mỗi mỗi đem 10 vạn binh lính khơi chiến cùng đánh đến nước Câu-thiểm-di. vua nước Câu-thiểm-di giết chết 30 vạn binh lính và các vua ấy chẳng còn sót lại một ai. Bấy giờ, vì muốn sám hối tội giết chết binh lính đông nhiều như thế, nên vua nước Câu-thiểm-di lại thỉnh mời tất cả chúng Tăng trong cõi Diêm Phù đến nước Câu-thiểm-di. Sau đó, lại nhân nội trong chúng Tăng tự đấu tranh nên bèn giết hại lẫn nhau không sót một người. Nên trong cõi Diêm-phù-đề tượng pháp của Phật nhân đó diệt mất hết. Mỗi mỗi đều rõ ràng như nói trong kinh "Nguyệt tạng Bồ-tát Tỳ-kheo". Sau khi Đức Thích Ca Như Lai diệt độ trải qua 57 câu chi 6 triệu năm thì đức từ thị Thế Tôn xuất hiện nơi đời, giáo hóa chúng sinh".

NHÂN DUYÊN TƯỢNG PHÁP CỦA ĐỨC THÍCH-CA MÂU-NI
NHƯ LAI DIỆT TẬN
(HẾT)

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 190

ĐÔN HOÀNG LỤC

SỐ 2091

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2091

ĐÔN HOÀNG LỤC

Thành Hiệu Cốc vốn là đầm đánh bắt cá. Vào thời Hiếu Đế nhà Hán (?), thôi bất ý dạy người dốc sức làm ruộng có được lúc thóc (cốc), nhân đó mà gọi tên như vậy, về sau làm thành huyện. Suối Nhị sư cách xa thành 3 trình về hướng Đông. Cũng trong thời nhà Hán, Lý Quảng Lợi dẫn quân đi rất khát thiếu bèn cầu khấn thần núi, dùng kiếm rạch núi, nhân đó có nước chảy xuống xuôi dòng về hướng Tây cách vài mươi dặm đến bờ Hoàng chương. Về sau, có vệ tướng khát nước rất lắm nên chết bên cạnh dòng suối, nước bèn không xuôi chảy nữa. Vừa đến đất bằng phẳng, từ sau đi lại nếu người nhìn thì nước nhiều, người ít thì nước ít. Như quận đông lớn uống dòng nước thì mạnh xuống. Đến nay vẫn như vậy. Miếu thờ Nhị sư ở bên mé đường, trải qua thời gian lâu dài nên hoang phế, chỉ còn đống là chất chồng, là nơi lạc đà, ngựa, người đi qua lại cầu phước. Tiếp theo về hướng Đông vào biên giới Qua Châu. Từ châu ấy về hướng Nam có hang mạc cao. Cách châu 25 dặm vào trong ngang qua bãi sa mạc men theo sườn núi thì đến đó. Xuống đầu vào trong hang về phía Đông tức là núi Tam nguy, về phía Tây tức là núi Minh Sa, bên trong có dòng nước từ hướng Nam gọi tân là Đảng Tuyền, chùa xưa, Tăng xá có lắm nhiều, cũng có Đại Hồng chung. Hai đầu Nam Bắc hang đó có Thiên vương đường và đền thờ thần. Vách tường vẽ họa Thổ phiên tán phổ bộ tùng. Vách tường phía Tây núi ấy về hai mặt Nam-bắc cách hai dặm đều là đục khắc hang cát cao lớn, dắp họa hình tượng Đức Phật. Mỗi hang động tính về phí thuế có đến trăm vạn. Phía trước thiết đặt lầu các vài tầng, có điện đường tôn tượng lớn. Tượng ấy cao 160 thước. Ở đó những khám nhỏ nhiều vô số, đều có ngạch cửa thông liền với nhau

để tuần lễ rảo bước trông xem các cảnh. Tiếp về phía Nam có núi là nơi có Bồ-tát Quán Thế Âm tụ hiện. Người trong quận mỗi lúc đến đó hẳn đi thông qua lại, họ cung kính đến mức như thế. Núi Minh sa cách châu 10 dặm. Hai phía Đông-tây núi ấy dài 80 dặm, hai phía Nam-bắc rộng 80 dặm, nơi cao đến 500 thước, thuần toàn bằng cát nhọm tụ nổi lên, núi đó rất thần dị, đỉnh núi như vót thành. Giữa khoảng đó có cái giếng, cát không thể lấp vùi, vào giữa mùa hạ tự có tiếng kêu vang, người ngựa giẫm đạp lên đó, tiếng kêu vang động vài mươi dặm. Ở đó có phong tục vào ngày Đoan ngọ (mồng 05 tháng 05 âm lịch), các hàng trai gái trong thành đều kéo nhau giẫm đạp lên núi cao, đồng một lúc tụt xuống, cát đó cất tiếng kêu như sấm động, qua sáng sớm hôm sau ra trông xem thì đỉnh núi cát cao vút lại như cũ, xưa kia gọi là "Minh sa", "thần sa" mà lập đền thờ vậy. Gần đó về hướng Nam có dòng suối ngọt. Từ núi cát (sa sơn) về hướng Nam, thượng nguồn lưu xuất ra núi tuyết lớn, và về hướng Tây nam là biên giới của huyện Thọ Xương rồi vào Đôn Hoàng, vì công sức của sự đượm nhuần nên ở đời xưng gọi đó là Cam Tuyền (dòng suối mát ngọt).

Núi Kim por nằm về phía Tây nam của Sa sơn, qua mùa Hạ thường luôn có tuyết, trong núi có đền thờ thần rất linh, mọi người chẳng dám đến gần. Mỗi năm, chủ đất hướng vọng hiến dâng ngựa giỏi, xua đuổi vào trong núi. Đứng hơi gần đó có thể xảy ra hoạn nạn sấm sét gió bão. Về phía Tây nam của châu có miếu Lý Tiên Vương, tức là miều của đời trước của Chiêu Vương ở Tây Lương. Trong khoảng niên hiệu Càn Phong (66-668 thời Tiền Đường?), bên cạnh miếu có được một tảng đá tốt lành sắc màu xanh biếc, có đường văn màu đỏ viết chữ xưa rằng: "Bói đời 30, bói tuổi 700". Người đời nay xưng gọi đó là "Lý miếu". Từ châu ấy về hướng Tây có Dương quan, tức Ngọc môn quan xưa trước. Nhân Sa Châu Thứ sử Dương Minh Chiếu đuổi chống mạng chạy ra ải (quan) đó, nên người đời sau gọi là Dương quan. Tiếp liền với thành Thiện Thiện, xứ đó hiểm trở hiếm thiếu cỏ nước, đường đi chẳng thông. Ải đó về sao dời đến phía Đông của chậu ấy. Từ thành đó về phía Tây cách 85 dặm có suối Ngọc nữ, người đời tương truyền có lắm linh dị. Mỗi năm trong quận dẫn đưa một nam một nữ trẻ nhỏ sung vào cúng tế tiểu thần, thì năm đó thuận thành, không như vậy thì tổn hại lúa mạ. Cha mẹ tuy chịu khổ sống cách biệt con cái, nhưng vì ghi lục của thần nên vui vẻ nắm tay mà đưa vào trong rồng thần. Quan Thứ sử Trương Hiếu Tung xuống xe tìm cầu, người ở quận đó mách báo như thế. Thái thú tức giận bảo: "Há có dòng sông yêu quái hại sinh linh chúng ta

như vậy ư?”. Bèn thiết lập Đàn dự bị tánh sẵn bên cạnh suối mà nói rằng: “Xin nguyện được thấy bản thân, muốn thân gần cúng dâng!”. Thần mới hóa làm thành một con rồng từ trong dòng nước mà ra. Thái thú liền ứng trong cổ họng, rút kiếm chém đầu, đích thân đưa đến nói cung quyết tấu trình, vua Huyền Tông (Lý Long có 712-756 thời Tiền Đường?) vui mừng ngợi khen vài ba phen, ban tặng cho lưỡi rồng, ban sắc hiệu là Long Thiệt (Lưỡi rồng). Trương Hiếu Tung biên ghi nơi lề sách. Từ thành quận về phía Tây bắc cách một dặm có ngôi chùa, cây cối xưa cũ che phủ, bên trong có thành nhỏ, phía trên thiết bày mái hiên điện, trưng bày cụ thể. Trước kia có Sa thối Trương cầu mang tâm từ xa đến ngụ ở trên đó. Tuy chẳng phải là bậc học rộng mà cũng rất khổ tâm, vì trải qua thời loạn nhiều năm, mà thiếu người tập, bèn nhóm tập hàng hậu tấn để xiển dương Đạo lớn. Trời chẳng xót thương để lại đó, dân chúng nhận sự ban tặng ấy. Núi Thạch cao tại phía Bắc Châu, cách 256 dặm là Ô sơn, Phong sơn, giữa khoảng đá lưu xuất ra loại cao (mở) đó. Vào năm khai hoàng thứ 19 (599) thời nhà Tùy, Ô sơn (núi quạ) biến thành sắc trắng, bên trong nghiệm xét chẳng hư, bèn sai phái đạo sĩ Hoàng Phủ Đức Tông v.v... cả thày 7 người đến đó cúng tế. Từ đó về sau trông tợ như núi tuyết vậy. Thành Hà Thương ở phía Tây - Bắc Châu, cách 230 dặm, ngày xưa Quân Trử ở tại đó. Trường Thành ở phía Bắc Châu, thành ấy dài 63 dặm, phía chánh Tây vào bãi sa mạc. Tức chỗ bói đặt trong thời Tiền Hán vậy. Về phía Bắc là vào biên giới của Y Châu.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 190

GHI VỀ CÁC NGÔI GIÀ LAM TẠI THÀNH LẠC DƯƠNG

SỐ 2092

(QUYỂN 1 → 5)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2092

GHI VỀ CÁC NGÔI GIÀ LAM TẠI THÀNH LẠC DƯƠNG

Thời Nguyên Ngụy, Phủ Quân Phủ
Tư Mã Dương Huyễn chi soạn thuật.

LỜI TỰA

Thuyết của Tam phần Ngũ điển (Tam Hoàng, Ngũ Đế), lời của Cửu Lưu Bách Đại (9 học phái và trăm nhà) đều là lý ở tại lãnh vực con người mà nghĩa gồm cả ngoài trời. Đến như gốc của Nhất thừa Nhị đế, ý chỉ của Tam minh lục thông, ở Tây Vức đã rõ ràng đầy đủ nhưng tại Đông Độ (Trung Hoa) đây chẳng ghi. Từ khi Đảnh Nhật cảm mộng, mãn nguyệt tỏa sáng, cửa Lạc Dương nghiêm sức tôn tượng Hào My, đài dạ đồ họa hình tóc biếc. Từ đó trở lại tranh đua nhau phong thái ấy bèn rộng lớn. Mãi đến trong khoảng niên hiệu Vĩnh Gia (307-314) thời Tây Tấn chỉ có 42 ngôi chùa, tiếp đến thời Nguyên Ngụy (387. . .) tạo dựng cơ đồ, Quang trạch tung lạc, dốc tín càng nhiều, pháp giáo càng thạnh. Các bậc vương hầu quỷ thần bỏ voi ngựa như cởi giày dép. Các hàng sĩ thứ hào gia xả thí của cải như vất bỏ dấu vết. Từ đó, chiêu đề gở sánh, tháp bàu liệt bày, tranh nhau ghi tả vẻ dáng trên trời, đua giành mô phỏng cảnh hình trong núi. Chùa vàng cùng Đài linh sánh cao lớn cùng Điện rộng và A phòng. Đâu chỉ ngay cây áo vải xinh đất trùm đỏ tía mà thôi ư? Rồi đến trong khoảng niên hiệu Vĩnh Hy (532-534) thời Bắc Ngụy lắm nạn, kiệu vua dời đến Nghiệp đô, Tăng ni các chùa cũng đồng thời mà dời đổi. Đến năm Võ Định thứ 5 (547) thời Đông Ngụy tức năm Đinh mão, tôi nhân đi lính đến trông xem Lạc Dương, thành

quách hư hoại, cung thất đổ nát, chùa Quán chạy rụi, miếu tháp đất gò, tường vách rêu phủ, gai góc giăng bít lối, thú đồng làm hang nơi thềm cấp hoang phế, chim núi làm ổ nơi cây giữa sân. Trẻ nhỏ chăn thú giẫm bước quanh quẩn giữa đường thông. Nông phu canh cày trồng lúa nơi hai cổng. Lúa cảm tốt tươi chẳng riêng gò đất lớn, lúa lìa ấy buồn, có tin ư? Khắp cùng kinh thành trong ngoài có hơn ngàn ngôi chùa, ngày nay lạnh trống, tiếng chuông ít nghe, sợ đời sau không lưu truyền, nên chọn ghi ra đây vậy. Nhưng số chùa rất nhiều, không thể ghi tả khắp hết. Nên nay trên sự ghi lục chỉ là những ngôi già lam lớn, trong đó những chùa nhỏ có thể lấy đó mà rõ biết. Trên mặt Thế Đế, nhân sự mà ra đó. Trước lấy trong thành làm đầu, rồi lần lượt ra ngoài thành theo thứ lớp mà nêu danh, khắp cả xa gần làm thành 5 chương. Tài năng của tôi chẳng đáng đủ để trước thuật, nên có lắm nhiều sai sót. Mong các bậc Quân tử sau này rõ xem mà bổ khuyết đó vậy!

Năm Thái Hòa thứ 17 (463) thời Nguyên (Bắc) Ngụy, Cao Tổ (tức vua Hiếu Văn Đế - Nguyên Hoành - Thác Bạt Hoành 477-500) dời đô Lạc Dương, ban chiếu Tư Đồ Công Mục Lượng tạo dựng cung thất, cửa thành Lạc Dương y theo tôn xưa cũ của thời Tiền Ngụy và nhà Tần. Về phía Đông có 3 cửa, bắt đầu ở phía Bắc cửa thứ nhất tên là “Kiến xuân môn”, thời nhà Hán gọi là “Thượng đông môn”. Trong thơ Nguyễn Tạ nói “Đi bộ ra Thượng đông môn” là đó vậy, thời Tiền Ngụy và thời nhà Tấn gọi đó là “Kiến xuân môn”. Cao Tổ nhân đó mà chẳng cải đổi. Tiếp theo về phía Nam gọi là “Đông dương môn”. Thời nhà Hán gọi là “Đông trung môn”, thời Tiền Ngụy và thời nhà Tấn gọi là “Đông dương môn”. Cao Tổ nhân đó mà chẳng cải đổi. Tiếp về hướng Nam là “Thanh dương môn”. Thời nhà Hán gọi là “Vọng kinh môn”. Thời Tiền Ngụy và thời nhà Tấn gọi là “Thanh minh môn”, Cao Tổ cải đổi là “Thanh dương môn”. Về phía Nam có 3 cửa, bắt đầu cửa thứ nhất ở hướng Đông tên là “Khai dương môn”. Đầu thời Đông Hán, Quang Võ Đế (Lưu Tú 25-58) dời đô đến Lạc Dương tạo dựng cửa ấy, lúc mới hoàn thành mà chưa có tên, bỗng nhiên trong đêm có cột trụ tự đến trên lầu, sau đó Lang da quận khai dương huyện nói cửa phía Nam bay mất đi một trụ, sai sứ đến trông xem thì đúng thật cột trụ ấy vậy, bèn lấy tên là Khai Dương, từ thời Tiền Ngụy đến thời nhà Tấn nhân đó mà chẳng cải đổi, Cao Tổ cũng theo như vậy, tiếp về phía Tây là “Bình Xương môn”. Thời nhà Hán gọi là “Bình môn”. Thời Tiền Ngụy và thời nhà Tấn gọi là “Bình xương môn”. Cao Tổ nhân đó mà chẳng cải đổi, tiếp theo về hướng Tây là “Tuyên dương môn”. Thời nhà Hán

gọi là "Tân môn", thời Tiền Ngụy và thời nhà Tấn gọi là "Tuyên dương môn". Cao Tổ nhân đó mà chẳng cải đổi. Về phía Tây có 4 cửa, bắt đầu cửa thứ nhất ở hướng Nam tên là "Tây minh môn". Thời nhà Hán gọi là "Quảng dương môn". Thời Tiền Ngụy và thời nhà Tấn nhân đó mà chẳng cải đổi. Cao Tổ đổi tên là "Tây minh môn". Tiếp về phía Bắc là "Tây dương môn". Thời nhà Hán gọi là "Ung môn". Thời tiền ngụy và thời nhà Tấn gọi là "Tây minh môn". Cao Tổ đổi tên là "Tây dương môn", tiếp về phía Bắc là "Lư hạp môn". Thời nhà Hán gọi là "Thượng tây môn". Phía trên có đồng, ngọc tuyền ngọc ky cân để ngang thất chính. Thời Tiền ngụy và thời nhà Tấn gọi là Lư hạp môn". Cao Tổ nhân đó mà không cải đổi. Tiếp về phía Bắc gọi là "Thừa minh môn". Thừa minh là do Cao Tổ dựng lập. Ngay trước thành Kim Dong theo hai phía Đông-tây có một con đường lớn, lúc mới đầu dời kinh đô, cung quyết tạo dựng chưa hoàn thành, Cao Tổ bèn trú tại thành Kim Dong. Về phía Tây thành có chùa Vương Nam, Cao Tổ từng có vài lần đến chùa cùng các Sa-môn luận bàn, quen đi cửa đó mà chưa có tên, người đời gọi đó là "Tân môn". Bấy giờ các hàng Vương Công Khanh Sĩ thường nghinh giá đến Tân môn. Cao Tổ bảo cùng Ngự sử trung úy Lý Bưu rằng: "Trong thơ Tào thực nói: "Bái yết vua tại lều Thừa minh", vì vậy cửa này nên lấy chữ "thừa minh" mà gọi vậy". Và bèn đặt tên như thế về phía Bắc có hai cửa, cửa thứ nhất ở hướng Tây tên là "Đại Hạ môn". Thời nhà Hán gọi là "Hạ môn", thời Tiền Ngụy và thời nhà Tấn gọi là "Đại hạ môn". Từng tạo dựng lầu ba tầng cách đất cao 25 trượng. Cửa lầu thành Lạc Dương đều hai lớp cách đất cao năm thước. Chỉ có nóc ngói "Đại hạ môn" cao vút tận mây và cửa phía Đông là "Quảng mạc môn", thời nhà Hán gọi là "Cốc môn". Thời Tiền Ngụy và thời nhà Tấn gọi là "Quảng mạc môn". Cao Tổ nhân đó mà không cải đổi. Từ "Quạng mạc môn" trở về hướng Tây đến "Đại hạ môn", cung Quán nối tiếp liền khắp trên các thành mỗi một cửa có 3 đường đi, chỗ gọi là cửu quỳ (Đường thông tám phía).

CÁC NGÔI GIÀ LAM TRONG THÀNH LẠC DƯƠNG

QUYỂN 1

1. CHÙA VĨNH MINH:

Chùa Vĩnh Minh do Linh Thái hậu Hồ Thị tạo dựng năm Hy bình thứ nhất (516) thời Bắc Ngụy tại trước cung cách một dặm về phía Nam "Lư hạp môn" và thuộc phía Tây Ngự Đạo. Phía Đông của đó có phủ Thái úy và phía Tây là đối diện với là Vĩnh Khương, ranh giới phía Nam là Chiêu huyền tào và phía Bắc gần Ngự sử đài. Trước Lư hạp môn về phía Đông Ngự đạo có tả vệ phủ, phía Nam phủ ấy có Tư đồ phủ, phía Nam Tư đồ phủ có Quốc tử học đường, bên trong có tôn tượng Khổng Khâu. Nhan Uyên hỏi Nhân Tử Lộ hỏi Chánh trị tại bên cạnh. Phía Nam Quốc tử học đường có chùa Tông chánh. Phía Nam chùa ấy có Thái miếu, phía Nam Thái miếu có Hộ quân phủ. Phía Nam phủ ấy có làng y quan. Từ Ngự đạo về phía Tây có Hữu vệ phủ, phía Nam phủ ấy có Thái úy phủ, phía Nam phủ ấy có Tướng tác tào, phía Nam Tào ấy có Cửu cấp phủ, phía Nam phủ ấy có Thái xã, phía Nam xã ấy có làng Lăng Âm, tức nơi Tàng băng ở thời tứ triều. Bên trong có một ngôi tháp 9 tầng, giá gỗ tạo dựng nên cao 90 trượng. Lại có ngôi chùa cao 10 trượng, hợp cùng cách đất 1. 000 thước. Ở cách xa kinh thành trăm dặm cũng trông thấy đó.

Mới đầu, đào móng xuống dưới suối vàng, có được 3.000 tôn tượng bằng vàng, Thái hậu cho đó là điềm chứng của sự kinh tin Phật pháp, do đó tạo dựng quá độ. Trên chùa có bình vàng báu dung chứa 25 bình đá báu, phía dưới có mâm vàng thừa lộ 30 lớp. Bao quanh đều có rủ linh vàng lại có xích sắt. Bốn đường dẫn từ chùa đến tháp, bốn góc trên móc xích cũng có linh vàng, linh lớn nhỏ hình như cái cải hủ đá. Tử phù đồ có 9 cấp góc cạnh, mỗi góc đếu có treo linh vàng. Trên dưới cả thảy có 120 cái linh. Tháp có 4 mặt, mỗi mặt có 3 cửa thông và 6 cửa sổ, cửa thông đều sơn son. Trên cảnh cửa có 5 hàng linh vàng. Gồm cả thảy có

5.400 cái. Lại có vòng vàng thiết bày ở đầu, hết công của cây đất, cùng sức của tại hình, Phật sự tinh diệu không thể nghĩ bàn. Cột trụ thêu vẽ vàng phô bày kinh lóa cả tâm mắt mọi người, đến lúc gió cao lay động, trọn đêm linh báu hòa vang, âm thanh leng keng vang xa hơn 10 dặm.

Từ tháp về phía Bắc có một điện Phật hình dáng như điện Thái cực, bên trong có một tôn tượng bằng vàng cao trượng tám, bên trong lại có 10 tôn tượng bằng vàng lớn, 3 tôn tượng được thêu bằng châu ngọc, 5 tôn tượng dệt thành, công phu kỳ xảo hơn hẳn trong đời. Tăng phòng lầu quán có hơn ngàn gian, chạm trổ xà ngạch, vách tường sắc màu rực rỡ khó thể nói tả. Các loại cây Quát bách tùng thung nâng phất mái rậm, trúc hương cỏ trải khắp mặt thềm. Vì thế trong văn bia, thường cảnh ghi tả rằng: “Điện báu núi Tu Đi, cung tịnh trời Đâu suất chẳng nơi nào hơn đây vậy”. Với kinh tượng của các nước khác dâng tặng đều tôn trí tại chùa ấy, tường vách chùa viện đều đặt rui ngắn, lợp ngói che phủ trên như trường cung ngày nay vậy, khắp bốn mặt mỗi mỗi đều mở một cửa. Cửa lầu phía Nam ba lớp thông liền. Ba tường cách đất 20 trượng, hình dáng chế tác tợ như Đoan môn đồ nay vậy. Dùng mây khí họa tô hình thể tiêu linh đem xem tiền vàng xích xanh rực rỡ hoa lệ. Vòng quanh cửa hẹp có 4 lực sĩ, 4 sư tử được trang sức bằng vàng bạc và đan xen châu ngọc hoa lệ rực rỡ hiếm thấy trên đời. Hai cửa Đông-tây cũng đều như vậy. Điểm hơi khác là chỉ hai lớp tầng lầu. Cửa phía Bắc một đường không thiết bày phòng nhà, tợ như cửa Điểu đầu. Ngoài bốn cửa trồng cây hòe xanh mát vòng quanh nước biếc. Mọi người đi đến kinh ấp phần nhiều nương nghỉ phía dưới. Đường đi không có bụi bay bởi đượm thấm mây cuộn, gió trong lành thổi mát, đâu bừa bãi hợp phát hân hoan.

Thái hậu bảo ban Trung thư xá nhân Thường cảnh soạn viết văn bia của chùa. Thường cảnh tự là Vĩnh Xương, vốn người xứ Hà Nội, là bậc học thông hiểu rộng vang danh khắp trong nước nhà. Năm Thái Hòa thứ 19 (495) thời Bắc Ngụy, hường cảnh rất được Cao Tổ (tức vua Hiếu Văn Đế - Thác Bạt Hoành 471-450) tin dùng, nên được đề bạc làm Luật học bác sĩ. Với mọi sự hình pháp nghi ngờ về tu ngục, phần nhiều đều hỏi Thường Cảnh. Đến đầu niên hiệu Chánh Thỉ (504), vua Tuyên Võ Đế (nguyên khác) thời Bắc Ngụy ban sắc khắc Luật lệnh, trọn làm thể thức chung, ban sắc thường cảnh cùng chỉnh sửa văn sách. Thị ngự sử Cao Tăng Dụ, Vũ Lâm Giám Vương nguyên Huy, Thượng thư lang tổ Oanh, Viên ngoại tán kỵ thị lang Lý Diễm Chi v.v... soạn tập việc ấy. Lại ban sắc chiếu Thái sư bành thành Vương Hiệp, Thanh châu Thứ sử Lưu Phương vào dự bàn nghị đó. Thường Cảnh xét chỉnh khoa

điều, suy lường xưa nay rất có lẽ thường tuần tự, hiện lưu hành nơi đời, tức bộ luật gồm 12 chương ngày nay hiện thấy vậy. Thường Cảng lại cùng Lưu Phương tạo tên của Lạc Dương cung điện môn các, hiệu của đường đi trải qua thôn ấp, ban xuất bãi bỏ Trường An lệnh. Người thời bấy giờ sánh ví Thường Cảnh như Phan Nhạc. Về sau Thường Cảnh trải qua các chức vị như Trung thư xá nhân, Hoàng môn thị lang bí thư giám, U châu thứ sử, Nghi đồng tam ty. Học trò rất lấy đó làm vinh hạnh vậy. Thường Cảnh vào dự tham Cận thị, ra làm Hầu mục, nhà ở nghèo nàn cần kiệm, mọi sự tợ như nhà nông, chỉ có kinh sử đầy xe ngập giá, có trước thuật văn tập hơn vài trăm chương, do cấp sự Phong Vĩ Bá viết lời tựa lưu hành nơi đời, khi công việc trang sức hoàn tất, vua Hiếu Minh Đế (Nguyên Hủ 516-528 thời Bắc Ngụy) cùng Thái hậu đồng đến dự thăm. Thường Cảnh xem việc trong cung tợ như trong lòng bàn tay, xét cùng khắp kinh đô chỉ tợ như ở sân nhà. Vì mắt thấy trong cung mọi sự nên cấm người chẳng cho lên. Huyễn Chi thường cùng Hà Nam Quân Hồ Hiếu Thế đồng đến dự thăm, từ trên nhìn xuống như mây mưa, tin thật chẳng hư dối bày.

Bấy giờ có Sa-môn Bồ-đề Đạt-ma người xứ Tây Vức và người Hồ ở nước Ba Tư, phát xuất từ hoang duệ rảo bước đến Trung Hoa, trông thấy mâm vàng rực rỡ soi sáng ngoài mây, khánh báu ngậm gió vọng tiếng vượt ngoài trời, bèn ca vịnh tán thán cho rằng thật là thần công, và tự nói là đã 150 tuổi, vân du trải qua các nước không nơi nào chẳng đến, mà chùa đây tinh sáng hoa lệ, khắp Diêm-phù chỉ một không hai, cùng cảnh giới mọi vật cũng chưa có. nên đứng đó miệng xưng "Nam mô" hoặc chấp tay liền ngày.

Đến trong năm Hiếu Xương thứ 2 (526) thời Bắc Ngụy, gió lớn nổi dậy sập nhà trúc cây, bình báu trên chùa theo gió mà rơi xuống đất xa hơn cả trượng. Lại bảo các thợ chú đúc bình mới. Năm Kiến Nghĩa thứ nhất (528) thời Bắc Ngụy, Thái Nguyên Vương, Nhĩ Chu Vinh, Tổng Sĩ Mã đến chùa đó. Chu Vinh tự là Thiên Bảo, người xứ Tú cốc; đất Bắc, ở đời là Đệ nhất lãnh, dân Tù trưởng. Bác Lăng Quận công bộ lạc có hơn 8.000 nhà, có đến vài vạn con ngựa, giàu có sánh ngang bằng Thiên phủ.

Đến trong tháng 2 năm Võ Thái thứ nhất (528), vua Hiếu Minh Đế bằng hà, lập Lâm Thao Vương thế tử Chiêu nối nghiệp. Đại nghiệp vừa mới 3 tuổi, Thái hậu phải tham nắm triều chánh để lập đó. Chu Vinh nói cùng Tinh Châu thứ sử Nguyên Thiên Mục rằng: "Hoàng đế (tức Hiếu Minh đế) băng hà chỉ mới 19 tuổi, khắp trong nước các hàng sĩ thứ còn

gọi là "Ấu vương" huống hồ nay đây kính phụng trẻ con chưa biết nói, để đến với thiên hạ mà trông mong thanh bình, việc ấy có thể được ư? Đời tôi mang đội ân sủng của nước nhà, không thể ngồi yên mà trông nhìn mọi sự thành bại, nay muốn đem 5.000 ngựa sắt đến Ai sơn lăng, và hỏi các thị thần về nguyên do của Hoàng đế băng hà, Ý ông nghĩ thế nào?". Nguyên Thiên Mục nói rằng: "Ông sáng suốt, đáng cho đời noi theo, lại ban chí khí hùng tài kiệt xuất. Dân chúng trong bộ lạc trương cung cả một vạn. Phương Nam ấy lại thấy ở ngày nay!". Chu Vinh liền cùng Nguyên Thiên Mục kết nghĩa anh em khác dòng họ. Nguyên Thiên Mục tuổi lớn hơn nên làm anh, Chu Vinh phải phụng sự đó và làm manh chúa, Nguyên Thiên Mục cũng kính bái Chu Vinh, từ đó kín bàn. Trong quân trưởng các Vương chẳng biết ai sẽ đáng tước, bèn đến Tấn Dương lệnh riêng chú đúc tượng mà không thành, chỉ có tượng của Trường Lạc Vương Tử Du tướng sáng đủ đầy, đoan nghiêm kỳ diệu đặc thù, do đó Chu Vinh để ý ở Trường Lạc, sai phái Thương Đầu Vương phong vào Lạc Dương dò xét để làm chủ. Trường Lạc liền hứa thuận và cùng khắc minh khế. Ba quân của Chu Vinh sáng thuần, phất cao cờ ra phương Nam. Thái hậu nghe Chu Vinh cử động binh lính. Lúc mời các Vương công nghị bàn, Hồ Thị chuyên sủng ái, Hoàng tông oán đợi. Lúc vào bàn nghị chẳng ai chịu mở lời, chỉ có Hoàng môn thị lang Từ Thống nói rằng: "Nhĩ Chu Vinh ngựa ấp nhỏ, người Hồ, tài năng kém cỏi, chẳng độ đức lượng, sức kích dài tay khuyết thiếu. Chỗ đáng gọi là vết cùng chống cự bánh xe, củi chất đợi thiêu rụi. Nay Túc vệ Văn Võ cũng đủ để một trận chiến, chỉ giữ lấy Hà Kiều để xét xem ýthú ấy. Nhĩ Chu Vinh kéo quân ra ngàn dặm, quân lính già tướng tệ vì vượt quá, đợi nó nhọc mệt, đánh phá hẳn thắng vậy". Thái hậu chấp thuận theo lời Từ Thống, liền sai Đô đốc Lý Thần Quỷ, Trịnh Quý Ninh v.v... dẫn 5.000 binh lính ra trấn giữ Hà Kiều. Đến ngày 11 tháng 04, Nhĩ Chu Vinh qua Hà Nội đến trạm Cao Đầu, Trường Lạc Dương từ Lôi Lăng theo hước Bắc vượt đến chỗ quân lính của Nhĩ Chu Vinh, Lý Thần Quỷ, Trịnh Quý Minh v.v... thấy Trường Lạc Vương sang, bèn mở cửa hàng phục. Ngày 12 tháng 04. Nhĩ Chu Vinh dẫn binh lính đến phía Bắc của Mang Sơn là nơi đồng trống của Hà Âm. Ngày 13 tháng 04, chiêu tập trăm quan lên giá, những người đến đều bị giết hết, các hàng Vương công khanh sĩ và cả triều thần bị chết hơn 3. 000 người. Ngày 14 tháng 04, xa giá vào thành, đại xá cho thiên hạ, cải đổi niên hiệu là Kiến Nghĩa năm thứ nhất (528), vua là Hiếu Tang Đế (Nguyên Tử Du).

Bấy giờ vừa mới trải qua đại binh, người vật chết hết, các bọn Lưu

Bính kinh sợ chưa dám ra, Hiếu Trang Đế lên ngôi Thái Cực, mở lưới ban trải đức nhân, chỉ có một mình Tán kỵ thượng thị Sơn Vĩ bái nhận ân nam quyết, phong thêm Nhị Chu Vinh là Sứ trì tiết trung ngoại chư quân sự đại tướng khai phủ bắc đạo đại hành Đài Đô đốc. Các quân sự ở mười châu Đại tướng quân lãnh tả hữu. Thái nguyên vương kỳ Thiên Mục làm Thệ trung thái úy công thế tập tinh châu thứ sử, Thượng đảng vương khởi gia làm Công khanh mục thú, không thể tính kể. Đến ngày 20 tháng 4, trong thành vẫn thô sơ còn chưa tự an, sống chết cùng oán đối, mọi người ôm hoài suy tư khác nhau. Các dúy thất hào gia vất bỏ vườn nhà đua nhau chạy trốn, các hàng phu sĩ nghèo khổ chạy trốn. Do đó, ban phát chiếu chỉ, đối với người lạm tử khắp được thêm tặng thưởng. Các hàng tam phẩm trở lên thì tặng tam công, các hàng Ngũ phẩm trở lên thì tặng lệnh bộc, các hàng thất phẩm trở lên thì tặng châu mục, dân trắng thì tặng quận trấn. Từ đó hơi được bình an. Hiếu Trang Đế lấy con gái của Nhĩ Chu Vinh làm Hoàng hậu, tôn phong Nhĩ Chu Vinh làm Trụ quốc đại tướng quân lục thượng thư sự, các quan khác vẫn như cũ, tôn phong Thiên Mục làm Đại tướng quân, các quan khác đều như cũ.

Đến tháng 5 năm Vĩnh An thứ 2 (529) thời Bắc Ngụy, Hải Bắc Vương Nguyên Hạo lại vào Lạc Dương, nhóm tập binh lính tại chùa ấy. Nguyên Hạo là anh của Hiếu Trang Đế, khoảng cuối niên hiệu Hiếu Xương (528) thời Bắc Ngụy, Nguyên Hạo trấn tại cấp quận, nghe Nhĩ Chu Vinh vào Lạc Dương, bèn theo hướng Nam bôn chạy đến Tú Diễn. Năm đó vào Lạc Dương thì Hiếu Trang Đế đang tuần du tại phương Bắc, Nguyên Hạo bèn lên ngôi vị Hoàng đế, cải đổi niên hiệu là năm Kiến Võ thứ nhất (?). Nguyên Hạo gởi cho Hiếu Trang vương bức thư viết rằng: “Đạo lớn đã ẩn, thiên hạ chẳng công, họa phước không truy tìm cùng khả năng nghĩa tuyệt. Trẫm còn mong hầu Ngũ đế không lấy sáu quân, chánh vì vỏ trấu muôn xe chẳng đáng sánh cùng báu lớn. Chẳng tham sự tôn quý của Hoàng đế, đâu mưu đồ giàu sang của Lục hợp. Vì Nhĩ Chu Vinh năm trước vào Lạc Dương, thuận mà cầu vương, trọn làm giặc của nhà Ngụy ta, đạo nghịch lại thêm ở Quân vương gần. Tên nhọn lại ban giao cho khanh tể. Vốn dân thiếu lớn mới muốn không nghi, đã có bày tâm luôn trộm ngang Tề, há không tính kế lục khanh phân Tấn? Chỉ vì bốn biển rộng nhiều muốn gom cùng chưa thể được, tạm dựng quân thần, giả cùng bái đặt. Hai anh em khanh riêng phu giới lập, tuân dưỡng đợi thời, thần tiết há lâu dài? Trẫm thấy lòng đây lạnh xa ném xuống sông, bày khóc thỉnh cầu Lương Triều, thể che xấu hổ. Gió thổi

tới kiến nghiệp, sấm xét đến Tam xuyên, chánh vì muốn hỏi tội đối với Nhĩ Chu Vinh, đưa công khanh ra khỏi gông cùm, giúp cốt nhục vượt thoát oán sâu, mở dứt trói ngược cho muôn dân. Nghĩa là mắt khanh sáng khơi tiết tự trông thấy. Tôi cùng tiếp theo buồn khổ đồng đánh xét hung yết, chẳng để ý xa giá vào thành cao tiện. Ông từ phương Bắc vượt vào tuy bức bách bởi hung thư, thế chẳng tự do. Hoặc Nhị sinh ôm hoài trong trắng vất bỏ kiếm mà phỏng đoán. Tôi nghe thế mà trọn than, vỗ về cổ áo mà mất đó sao? Trẫm đối với khanh anh em tuy xa, liền cành rễ lá, hưng thạnh hay hủy bại cùng nương. Giả sử như có bên trong dòm ngó, ngoài còn lấn áp. Huống hồ tôi cùng với khanh hòa mục sâu dày, riêng thuần đối với cấp nạn. Phàm này chẳng như bỏ thân tức thù, nghĩa tướng sao tựa vậy? Vả lại, Nhĩ Chu Vinh chẳng dấu vết của bề tôi, bạo dữ ở bàng ngọ, mưu đoạt xã tắc của nhà Ngụy ta, mọi người ngu trí đồng thấy đó, khanh rất rõ ràng, nghi là hẳn vậy, gá mạng nơi lang sói, bỏ thân nơi miệng hổ. Bỏ thân thích giúp giặc thù. Anh em tìm kiếm đánh nhau, giả sử giành được dân chúng và đất đai, vốn chỉ là vật của Nhĩ Chu Vinh có được, như bình định được thành ấp, trọn chẳng phải của khanh có. Nhọc ngay Tông quốc để rộng lớn cướp thù, khoái lông giặc lan tỏa, gá lợi của Biện trang. Những kẻ sĩ có nhận biết đều lấy đó làm xấu hổ. Nay mọi sự hưng suy của nước nhà do nơi khanh cùng tôi. Nếu Đạo trời thuận giúp, thề cùng nghĩa cử đây, thì tông xã của triều đình nhà Ngụy ta và thời vận chẳng cùng. Thảng như trời chẳng dẹp loạn, Hồ yết chưa diệt hết, chim si kêu, lang sói cắn, hiến dâng Hà Bắc, đó là phước của Nhĩ Chu Vinh mà là họa của khanh vậy, ấy đâu phải thuộc người khác, thước sách Đạo ý, khanh nên ba phen đáp lại nghĩa lợi, là mưu đồ phú quý có thể bảo trọng, chết người chẳng lo, trọn không nuốt lời, tự cùng như thịt cá, khéo chọn sự tốt lành, chớ để về sau phải hối hận". Hoàng môn đây tức ngôn từ của Tô Oánh vậy.

Bấy giờ, Hiếu Trang Đế đang ở tại thành Trường Tử, Thái Nguyên Vương Thượng Đảng Vương cùng đến cấp nạn. Đến tháng 06, Hiếu Trang Đế bao vây Hà Nội, Thái thú Nguyên Đào Thang, xa kỵ tướng quân tông chánh trân tôn v.v... vì Nguyên Hạo trấn giữ đánh đó chẳng thắng, khi đó nắng nóng hừng hực, tướng sĩ đều nhọc mệt. Thái Nguyên Vương muốn khiến Hiếu Trang Đế đến Tấn Dương, sang mùa thu sẽ lại cử Đại nghĩa. Chúa quyết định, bèn vời gọi Lưu Trợ đến đoán xem. Lưu Trợ nói: "Hẳn là đánh thắng". Từ đó đến sáng ngày sau dốc hết sức cùng đánh, quả thật đúng như lời nói ấy, Nguyên Đào Thang, Chánh Trân Tôn đều chém đầu, vì chết hết ba quân. Nguyên Hạo nghe ở Hà

Nội không thể giữ gìn được, bèn đích thân dẫn đầu trăm quan liêu ra trấn Hà Kiều, đặc biệt kín chuyển dời Thị trung an phong vương Diên Minh sang trấn thú tại Hiệp Thạch. Qua tháng 07, Hiếu Trang Đế đến Hà Dương, tuy cách dòng sông với Nguyên Hạo nhưng cùng trông thấy. Thái Nguyên Vương bảo xa kỵ tướng quân Nhĩ Chu Triệu ngầm bắt chước vượt sông đánh phá Diên Minh tại Hiệp Thạch. Nguyên Hạo nghe Diên Minh bị thất bại nên cũng tan chạy. Con em cùng dẫn theo ở Giang Chuẩn cả thảy 5. 000 người không ai chẳng cởi bỏ áo giáp cùng khóc, nắm tay xếp thành hàng. Nguyên Hạo cùng vài mươi xa kỵ muốn bôn chạy ra Tú diễn. Vừa đến Trường xã, bị dân chúng xã đó chém đầu mang đưa về kinh đô. Đến ngày 20 tháng 07, Hiếu Trang Đế trở về Lạc Dương, tôn phong Thái Nguyên Vương làm Thiên trụ đại tướng quân, các quan khác cũng vẫn như cũ, tôn phong Thượng Đảng Vương làm Thái tể, các quan khác cũng vẫn như cũ.

Đến năm Vĩnh An thứ 03 (530) thời Bắc Ngụy, Nhĩ Chu Triệu phản nghịch, bắt giam Hiếu Trang Đế tại chùa. Khi ấy, Thái Nguyên Vương ở ngôi vị cao tột, tâm sinh kiêu căng ỷ lại công cao, tình ý xa xỉ, cho cướp đoạt kho tàng, phỏng ý tự tiện. Hiếu Trang Đế oán giận bảo cùng mọi người rằng: "Trẫm thà là khanh công cao quý mà chết, chứ không làm như Hiến Đế (Lưu Hiệp 190-220) thời Đông Hán mà sống. Đến ngày 25 tháng 09 dối bày nói là mới sinh Thái tử, Nhĩ Chu Vinh, cùng Thiên Mục đều vào chầu. vua Hiếu Trang Đế tự tay nắm dao giết Nhĩ Chu Vinh tại điện Quang Minh. Thiên Mục bị phục binh nên vừa trốn chạy liền bị giết. Thế tử bộ lạc đại nhân của Chu Vinh cũng bị chết. Bộ hạ xa kỵ tướng quân Nhĩ Chu Dương Đô v.v... gồm 20 người của Nhĩ Chu Vinh cùng vào Đông Hoa môn cũng bị binh phục giết chết. Chỉ có Tả bộc xạ Nhĩ Chu Thế Long vốn ở nhà nghe Nhĩ Chu Vinh bị chết bèn gồm tất cả bộ khúc của Nhĩ Chu Vinh thiêu đốt tại Tây Dương môn, rồi bôn chạy đến Hà Kiều.

Đến ngày mồng 01 tháng 10, Nhĩ Chu thế Long cùng vợ là Bắc Hương quận trưởng công chúa đến chùa Bằng Vương ở Mang Sơn vì Nhĩ Chu Vinh mà thiết trai tu phước. Và bèn sai phái Nhĩ Chu Hầu đến xét đánh. Nhĩ Chu Na, Luật Quy v.v... dẫn đầu 1.000 Hồ kỵ đồng mặc y phục sắc trắng đến dưới thành quách đòi thí táng của Thái Nguyên Vương, khi ấy Hiếu Trang Đế lên Đại hạ môn trông nhìn thấy thế, bèn sai chủ thứ Ngưu Pháp Thượng nói cùng Luật Quy v.v... rằng: "Thái Nguyên Vương lập công chẳng trọn, mưu đồ ngầm muốn phản nghịch, vương pháp không thâu gần, đã y theo chánh luật hình xử tội Chỉ Vinh

Thân, ngoài ra đều chẳng cần phải hỏi. Các khanh v.v... sao bị giáng quan tước như cũ". Luật Quy nói rằng: "Thần từ Thái Nguyên Vương đến chầu, bệ hạ sao nhẫn ngày nay đặt để oan uổng vô lý như vậy. Thần muốn trở về lại Tấn Dương, chẳng nhẫn đi không, nên nguyện xin được nhận thi táng của Thái Nguyên Vương thì có sống chết cũng không hận". Vừa nói: vừa lệ đổ như mưa chẳng thể tự cản ngăn, Quân Hồ khóc rống vang tiếng chấn động cả kinh thành. Hiếu Trang Đế nghe thế cũng xót xa cõi lòng nên sai phái Thị Trung Chu Nguyên Long bày thiết khoán cùng Thế Long đợi đó chẳng chết, quan vị vẫn y như cũ. Thế Long nói cùng Nguyên Long rằng: "Thái Nguyên Vương, công sánh như đất trời, cứu tế muôn dân, lòng son phụng sự nước nhà, có thần minh nhận biết. Trường chẳng đoái hoài tin thế, uổng hại bậc trung lương, ngày nay đưa hai hàng chữ sắt, đâu đủ đáng tin ư". Tôi quyết vì Thái nguyên Vương mà báo thù trọn không quy hàng". Nguyên Long thấy Thế Long gọi Hiếu Trang Đế là "Trường Lạc", biết đó là chẳng thành thực, vả lại đem điều ấy nói cùng Hiếu Trang Đế. Hiếu Trang Đế liền ban xuất mọi vật trong kho ra đặt ngoài cửa phía Tây thành chiêu mộ những kẻ sĩ cảm tử để đánh Thế Long. Chỉ trong một ngày mà có được hơn vạn người, cùng Luật Quy v.v... đánh nhau ngoài thành quách. Hung thế chẳng suy bại, Luật Quy v.v... đã từng trải qua trường lính nên tiện lợi đánh giết. Dân sĩ ở kinh đô, phần nhiều chưa tập qua quân trận, nên tuy đều là những bậc nghĩa dõng nhưng sức lực chẳng theo tâm chí. Suốt 3 ngày từng đánh mà du hồn chẳng dứt. Hiếu Trang Đế lại chiêu mộ cắt đoạn Hà Kiều, có Lý Tuân người xứ Hán Trung là Thủy quân từ Thượng lưu phóng lửa đốt cầu. Thế Long thấy cầu bị cháy, bèn cướp bóc dân sống theo hướng Bắc lên Thái Hành. Hiếu Trang Đế lại sai phái Thị Trung Nguyên Tử Cung, Hoàng môn Lang Dương Khoan dẫn đầu bộ kỵ có cả 3 vạn đến trấn tại Hà Nội.

Thế Long đến Cao Đô, lập Thái nguyên thái thú Trưởng Hoàng Vương Hoa làm chúa, đổi niên hiệu là kiến nguyên năm thứ nhất (?) dòng họ Nhĩ Chu tự phong vương gồm cả thảy 8 người. Trưởng Hoàng đóng vương đô tại Tấn Dương, sai phái Dĩnh Xuyên Vương Nhĩ chư Triệu dẫn binh lính đến kinh đô. Quân của Nguyên tử Cung bị thất lợi. Nhĩ Cung Triệu từ Lôi pha vượt sông đến bắt Hiếu Trang Đế tại Điện Thức Càn. Hiếu Trang Đế mới đầu theo đường Hoàng Hà mà chạy gấp, chưa nghĩ rằng Nhĩ Chu Triệu bắt được, không để ý Nhĩ Chu Triệu lợi dụng mái chèo nương theo dòng nước mà qua. Ngày đó nước cạn nên chẳng đấm nhìn bụng ngựa. Đến đó chỗ ghi thư khế chưa gì đã có.

Huyễn Chi nói rằng: “Xưa trước Quang Võ (Quang Võ Đế - Lưu Tú 25 - 58 thời Đông Hán) vâng nhận mạng trời, cầu băng ngưng đóng tại Lự thủy. Chiêu Liệt Trung khởi, Đích Lô nhảy ở Nê-câu, đều là lý hợp với trời, thần kỳ giúp đỡ, nên có thể ra sông cứu tế nước nhà, lớn giúp muôn dân. Nếu Nhĩ Chu Triệu là kẻ mắt ong tiếng sói hành vi thấp cùng như kiêu kỉnh, cản trở binh lính, sao nhẫn làm giặc hại quân thân, Hoàng Linh có nhận biết, xét soi hung đức ấy. Trái lại khiến Mạnh Tân, Do Tất ngầm ý phản nghịch, đổi xưng là Đại Đạo. Họa mang thai nghén quỷ thần phước khinh hiểm. Lấy đo nghiệm xét, biết hẳn là dối bày”. Bấy giờ, Nhĩ Chu Triệu đóng quân Thượng thư tỉnh kiến. Thiên tử ở sân Kim Bành bày lậu khắc, Tần Ngự Phi Chúa đều bưng bít ở màn vây. Hiếu Trang Đế ở trên lầu cửa chùa, lúc đó đang là tháng 12, Hiếu Trang Đe cảm mắc rét lạnh nên cầu xin Nhĩ Chu Triệu cho khăn trùm đầu. Nhĩ Chu Triệu không cho mà bèn bắt tù Hiếu Trang Đế đưa về Tấn Dương. Hiếu Trang Đế bèn thắt cổ tự sát tại tầng cấp thứ 3 của chùa. Lúc sắp qua đời, Hiếu Trang Đế vào chùa lễ Phật, nguyện chẳng làm Quốc vương, có trước thuật bài Từ Ngũ Ngôn rằng:

“Quyền bỏ đường sống ngặc
Buồn đến đường chết dài
Ôm hận ra cửa nước
Ngậm buồn vào làng ma
Cửa hầm một lúc đóng
Sân tối đâu sáng lại?
Xưa nay nghe chết khổ
Sao nói thân phải mang?”

Đến mùa Đông năm Thái Xương thứ nhất (531) thời Bắc Ngụy mới nghinh Tử cung đến kinh đô an táng nhục thân Hiếu Trang Đế ở Tĩnh Lăng. Bài thơ ngũ ngôn do Hiếu Trang Đế trước tác tức là Vãn Ca Từ, mọi người từ triều đình đến thôn dã nghe đó đều thương khóc, dân chúng trông thấy đó đều bưng lệ mà thôi.

Đến tháng 2 năm Vĩnh Hy thứ 3 (534) thời Bắc Ngụy, Phù đồ bị nạn lửa đốt cháy. vua Hiếu Võ Đế (Nguyên tu 531-534) lên đài Lăng Vân trông nhìn thấy lửa bèn sai Nam Dương Bảo Cự Lục, Thượng thư Trưởng Tôn Trĩ dẫn 1.000 võ lâm đến cứu chữa. Đến nơi lửa cháy không ai chẳng buồn tiếc rơi lệ mà đi. Mới đầu lửa từ trong tầng cấp thứ 8 phát ra lúc sáng sớm. Khi ấy sấm mưa mịt mù, xen lẫn tuyết rơi, các hàng đạo tục dân chúng đều đến trông nhìn lửa, tiếng buồn khóc chấn động cả kinh thành thôn ấp. Khi đó có 3 vị Tỳ-kheo nhảy vào trong lửa mà

chết, qua 3 tháng sau lửa vẫn chưa tắt hết, có nơi lửa ngầm vào lòng đất tìm theo cột trụ, tròn một năm sau mà vẫn còn hơi khói.

Trong tháng 5 năm đó, có người từ tượng quận đến nói rằng: "Thấy Phù Đồ ở trong biển, ánh sáng tỏa chiếu, nghiễm nhiên như mới. Dân chúng trên biển cảm đều trông thấy vậy, bỗng chốc sương móc nổi dậy, Phù Đồ bèn ẩn". Đến trong tháng 7, Bình Dương Vương vì Thị Trung Hộc Tư Thông Sử khiến vội đến Trường An. Qua tháng 10 thì dời kinh đô đến đất nghiệp.

2. CHÙA KIẾN TRUNG

Chùa Kiến Trung do Thượng thư lệnh Lạc Bình Vương Nhĩ Chu Thế Long dựng lập năm Phổ thái thứ nhất (531) thời Bắc Ngụy. Đó vốn là vườn nhà của yêm quan tư không Lưu Đằng. Nhà cửa phòng ốc xa xỉ, rườn cột vượt qua quy chế, trong khoảng không gian một dặm mà hiên vũ đầy khắp, nhà sánh như Điện Tuyên Quang, cửa so tợ Càn minh môn, thoáng rộng tráng lệ, các vương hầu chẳng thể sánh kịp. Tại phía Bắc Ngự Đạo trong Tây dương môn, chỗ gọi là làng Diên niên. Phía Đông vườn nhà Lưu Đằng có chùa Thái Bộc, phía Đông chùa ấy có Thừa Hoàng thự, phía Đông thự ấy có Võ Khế thự tức là Ngụy tướng quốc tư mà văn vương phủ, phía Đông phố đó là đến Lư Hạp môn. Về phía Nam ngự đạo trong Tây dương môn có làng Vĩnh Khương, trong làng đó lại có vườn nhà của Lãnh quân tướng quân Nguyên Nghĩa, đào bới giếng cũ có tảng đá khắc ghi là: "Đây là vườn nhà của Thái úy Tuân Lận, thời nhà Hán". Trong niên hiệu chánh quang (520-525) thời Bắc Ngụy. Nguyên Nghĩa chuyên quyền, Thái hậu U cách vĩnh hạng. Lưu Đằng làm mưu chủ. Nguyên nghĩa là con của Giang Dương Vương Kế là em rễ Thái hậu, khoảng đầu niên hiệu Hy Bình (516) thời Bắc Ngụy, vua Hiếu Minh Đế (Nguyên Hủ 516-528) đảng là trẻ nhỏ, các Vương hầu khuyên tâu Thái hậu mời Nguyên Nghĩa làm thị trung, lãnh quân tả hữu lệnh tống cấm binh, đem tất cả nỗi lòng giao phó, trái lại bị U cách vĩnh hạng nên đến năm thứ 6 (?), Thái hậu khóc nói rằng: "Nuôi dưỡng hổ tự cắn, hủy lớn thành rắn". Đến năm Hiếu Xương thứ 2 (526) thời Bắc Ngụy, Thái hậu trở lại cầm nắm chính quyền, bèn giết Nguyên Nghĩa v.v... vùi lấp ruộng vườn của Lưu Đằng. Ngày Nguyên Nghĩa bị giết thì Lưu Đằng đã là đồ vật xưa cũ, Thái hậu nghĩ nhớ tội Lưu Đằng nên phá mộ tàn hại xương cốt, khiến thần linh Lưu Đằng không nơi trở về, đem vườn nhà đó mà cấp tặng cho Cao Dương Vương Ung. Đến năm Kiến Nghĩa thứ nhất (528) thời Bắc Ngụy, Thượng thư lệnh Lạc

Bình Vương Nhĩ Chu Thế Long vì Nhĩ Chu Vinh mà tu tạo phước, nên đề bảng làm chùa, cửa son gác vàng, chỗ gọi là nơi tiên ở, lấy tiền sảnh làm điện Phật, lấy hầu đường làm giảng thất, hoa vàng lọng báu khắp đầy ở trong, có một ngôi chùa gió mát vốn là chỗ lánh nắng nóng của Lưu Đằng, mát mẻ thường lạnh qua mùa hạ không ruồi lằn. Có những cây gỗ đã vạn năm ngàn năm sống ở đó vậy.

3. CHÙA TRƯỜNG THU

Chùa Trường Thu do Lưu Đằng dựng lập. Mới đầu, Lưu Đằng làm Trường thu lệnh, nhân lấy đó mà đặt tên, chùa nằm cách ngự đạo 1 dặm về hướng Bắc trong Tây dương môn, cũng tại làng Diên niên, tức nơi chùa kim thị trong triều đại nhà ấn, về phía Bắc có ao Mông phiếm, mùa hạ thì có nước, mùa Đông thì khô cạn, bên trong có ngôi Phù Đồ cao 3 tầng, mâm vàng chùa linh sáng rỡ khắp trong thành, có tạo hình tượng voi tấng 6 ngà mang chở Đức Thích Ca ở giữa không trung, mọi Phật sự trang nghiêm thảy đều sử dụng bằng vàng ngọc, thợ làm kỳ lạ khó thể tỏ bày cụ thể. Vào ngày mồng 4 tháng 4, tượng ấy thường ra, sư tử dẹp tà dẫn đường đi trước đó, ngậm nuốt dao, phun nhả lửa nhảy vọt một mặt, vẽ thêu trên trướng hết sức xảo quyệt khác thường, kỹ năng tài giỏi vận mặc khác thường đến khắp cùng đô thị. Những nơi tượng đến dừng nghỉ, mọi người đua nhau đến trông xem như tường ngăn, giẫm đạp lên nhau, thường có người chết.

4. CHÙA DAO QUANG

Chùa Dao Quang do Thế Tông Tuyên Võ Hoàng Đế (tức vua Tuyên Võ Đế - Nguyên khác 500-16) thời Bắc Ngụy tạo lập. Chùa ở tại phía Đông bắc Ngự đạo trong Lư hạp môn cách Thiên thu môn khoảng 2 dặm. Về phía Bắc đường đi trong Thiên thu môn có vườn Tây du, trong vườn ấy có đài Lăng vân, tức do vua Văn Đế (?) thời Bắc Ngụy tạo lập. Trên đài có giếng ở 8 góc, Cao Tổ (Hiếu Văn Đế - Thác Bạt Hoành 471-500 thời Bắc Ngụy) tạo dựng Lượng phong Quán ở phía Bắc giếng. Lên đó trông nhìn xa hết tầm mắt thì thấy được Lạc Xuyên, phía dưới đài có ao cong Bích Hải, phía Đông đài có Tuyên Từ quán cao cách đất 10 trượng, phía Đông quán ấy có Linh Chi điếu đài được dùng nhiều gỗ tạo dựng nên, đưa ra trong biểu cách đất cao 20 trượng, gió thoáng cửa thông cửa sổ mây nổi nơi xà rườn, cột sơn son khắc chạm xà đồ họa ghi tả liệt tiên, khắc đá làm lúng cả kinh gánh mang Điếu đài, đã như từ đất nhảy vọt lại tợ từ không trung bay xuống, phía Nam Điếu đài có

điện Tuyên quang, phía Bắc có Điện gia phước, phía Tây có điện Cửu Long, trước điện có 9 con rồng phun nước thành một biển. Cả 4 điện ấy đều có các bay qua lại đến Linh Chi đài. Vào tháng Tam phục (?), vua thường ở tại Linh Chi đài để tránh nắng nóng. Có một ngôi Phù Đồ cao 5 tầng cách đất cao 50 trượng, bàn tay tiên lấn lướt giữa hư không, Linh khánh rủ ở ngoài mây, thờ lạm khéo léo ngang bằng như ở chùa Vĩnh Minh. Giảng đường phòng Ni có hơn 500 gian đan xéo liền quanh, cửa thông cửa sổ nối liền nhau, gỗ quý cỏ thơm, không thể tả hết, cây gỗ ngưu sừ cẩu cốt, giống cỏ kê đầu cáp cước cũng đều có đủ. Tiêu phòng chỗ Tần ngự học đạo, dịch đình mỹ nhân đều tại trong đó. Cũng có các hàng dòng họ cao quý xử nữ tánh mến Đạo tràng xuống tóc giả từ thân thuộc đến nương ở đó. Tiết lắng trân lệ, áo mặc tu Đạo, gieo tâm vào chánh quy hướng Nhất thừa.

Trong năm Vĩnh An thứ 3 (530) thời Bắc Ngụy, Nhĩ Chu Triệu vào Lạc Dương thao túng binh lính cướp bóc đại loạn, bấy giờ có Tú Dung Hồ Kỳ vài mươi người vào chùa Dao Quang dâm uế, từ đó về sau luôn bị dèm chê, nên tại kinh đô có lời nói rằng: “Nam nhi Lạc Dương gấp làm búi tóc, Ni chùa Dao Quang cưỡng đoạt làm rể”. Phía Bắc chùa Dao Quang có Thừa minh môn, có thành Kim Dong, tức do dòng họ nhà Ngụy tạo dựng nên đó. Về góc Đông Bắc của thành có lầu cao trăm thước của vua Văn Đế thời nhà Ngụy, năm tháng trải qua tuy đã dài xa mà hình chế tợ như mới. vua Cao Tổ (Hiếu Văn Đế) tạo điện Quang cực ở tại trong thành, nhân đó mà gọi là thành Kim Dong, cửa đề là Quang cực môn, lại làm lầu tầng các bay, khắp trên dưới thành, từ đất mà trông nhìn đó có như mây vậy.

5. CHÙA CẢNH LẠC

Chùa Cảnh Lạc do Thái phó Thanh Hà Văn Hiếu Vương Dịch tạo dựng. Vương Dịch là con của Hiếu Văn Hoàng Đế (Thác Bạt Hoành) là em của Tuyên Võ Hoàng Đế (Nguyên Khác). Chùa ở tại phía Nam Lư hạp môn từ phía Tây Ngự đạo trông nhìn thấy chùa Vĩnh Ninh, mắt chánh tương đương. Phía Tây chùa ấy có Tư đồ phủ, phía Đông có vườn nhà của Đại tướng quân Cao Triệu, phía Bắc tiếp liền làng Nghĩa tỉnh, ngoài cửa phía Bắc làng Nghĩa tỉnh có vài gốc cây tùng cành nhánh tươi tốt, phía dưới có một cái giếng nước mát ngọt có máng đá lọ sắt cung cấp cho người đi đường uống nước. Che phủ râm mát, có nhiều người dừng nghỉ. Có một ngôi Phật điện, kiệu tượng tại đó, điêu khắc chạm trổ rất mực xảo diệu, nổi bật hơn hẳn một thời, mái nhà bao quanh,

phòng cong tiếp liền, cành nhẹ phẩy cửa, hoa nở đầy sâu, trong 6 ngày trai thường bày nữ nhạc, tiếng ca nhiễu quanh cầu, áo vũ từ từ xoay chuyển, tiếng ty sáo vang xa hài hợp khéo nhập thần, vì đó là chùa Ni, nên các hàng nam tử trượng phu không được vào. Những người được đến trông xem đều cho là đến chốn thiên đường. Đến lúc Văn Hiến Vương (?) qua đời, chùa cấm có phần khoan dung, nên dân chúng vào ra không còn phải loạn ngại. Về sau, Nhữ Nam Vương Duyệt lại đến tu ở chùa đó, Vương Duyệt là em của Văn Hiến, chiêu tập các âm nhạc đến trình diễn ở trong chùa, chim kỳ thú lạ vũ vỗ nơi sân điện, bay liệng huyền hoặc trên không, đập lửa ném xuống giếng, trồng táo trồng dưa chỉ phút chốc đều được có ăn. Các hàng sĩ nữ đến trông xem mê loạn cả mắt. Từ niên hiệu Kiến Nghĩa (528-528) thời Bắc Ngụy trở về sau, tại kinh đô từng có lắm binh loạn, nên vui thú ấy bèn ẩn mất.

6. CHÙA NI CHIÊU NGHI

Chùa Ni Chiêu Nghi do các Hoạn quan tạo lập. Chùa ở cách một dặm phía trong Đông dương môn thuộc phía Nam Ngự đạo. Phía Bắc đường đi trong Đông dương môn có hai Quan thự của Thái Bắc Thương Đạo. Phía Đông nam có làng Trị Lật, Thương ty Quan thuật ở tại trong đó. Lúc Thái hậu vào triều, chùa Hôn chuyên mến mộ. Nhà của Quan nên vàng chất tràn đầy. Do đó, Tiêu Hân nói rằng: "Thăng đấu của Cao Hiên đều là Ly phụ của Yêm (Hoạn) quan, Ngựa Hồ kêu ca không gì chẳng là dưỡng nghỉ của Hoàng môn". Tiêu Hân vốn người xứ Dương Bình, rất ưa chuộng văn chương sinh vở, ít có danh dự, thấy chùa Hôn mến mộ lớn bèn nói lên lời đó, và nhân đó mà vang danh, làm Trị thư thị ngự sử. Chùa có 1 tôn tượng Phật và hai tôn tượng Bồ-tát, người thợ đắp họa rất tinh xảo, khắp chốn kinh đô không đâu có như thế hằng năm, ngày mồng 07 tháng 04, thường nghinh thỉnh ra chùa Cảnh Minh, 3 tôn tượng ở chùa Cảnh Minh cũng luôn ra nghinh đón kỹ nhạc lắm nhiều cùng sánh ngang bằng như Lưu Đằng. Trước nhà có cây tửu gỗ miếng. Tại chùa Chiêu Nghi có ao, học đồ ở chốn kinh đô gọi đó là Địch Tuyền. Theo Huyễn Chi căn cứ Đỗ Dự chú thích sách xuân thu rằng: "Địch Tuyền tại phía Tây nam của Tấn Thái Thương. Xét Tấn Thái Thương tại trong kiến xuân môn". Nay Thái Thương tại trong Đông dương môn. Xứ nay tại phía Tây nam của Thái Thương, nên rõ ràng chẳng phải là Địch Tuyền vậy. Theo Ẩn sĩ Triệu Dật nói "Xứ này là ao nhà của Thị Trung Thạch Sùng thời nhà Tấn". Phía Nam ai có lầu Duyên cầu, do đó Học đồ lúc mới ngủ dậy đi ngang qua đó tưởng thấy được dung mạo của

Duyên Cầu. Về phía Tây nam ao ấy có chùa Nguyện Hội, do Trung thư xá Nhân Vương Dực xả thí vườn nhà để tạo dựng đó. Trước Phật đường có một cây dâu thẳng cao lên 5 thước, cành nhánh bủa quanh, mầm lá trải rủ hình dáng như lọng vũ, lại cao 5 thước, là sắp xếp 5 lớp, mỗi lớp là cành mỗi khác. Các hàng Đạo tục ở kinh đô cho đó là cây dâu thần, mọi người đến trông xem đông thành chợ, lắm nhiều người bố thí cúng dường. vua (?) nghe thế mà sinh tức ghét cho là dối hoặc quần chúng, bèn bảo cấp sự trung Hoàng môn thị lang Nguyên Kỷ chặt phá. Ngày đó mây móc phủ tối mịt mù, nơi hạ búa, huyết đổ xuống đất, các người trông thấy không ai chẳng buồn khóc. Phía Nam chùa có làng Nghi thọ, trong làng ấy có vườn nhà của Bảo Tín, Huyện lệnh Đoàn Huy, thường nghe có tiếng chuông ngân vang dưới đất, có lúc thấy ánh sáng 5 sắc soi chiếu nơi phòng nhà. Đoàn Huy lấy làm lạ bèn đào bới nói chỗ, ánh sáng phát ra mà có được một tôn tượng bằng vàng cao 2 thước, có 2 tôn tượng Bồ-tát trên mu bàn chân khắc ghi rằng: “Ngày 15 tháng 5 năm Thái Thỉ thứ 2 (266) thời Tây Tấn, do Thị trung trung thứ giám Tuân Úc tạo”. Đoản Huy bèn xả thí vườn nhà tạo lập thành chùa Quang Minh. Mọi người thời bấy giờ đều gọi đó là vườn nhà xưa cũ của Tuân Úc. Về sau có kẻ trộm muốn trôm lấy tôn tượng đó. Tôn tượng ấy cùng hai tôn tượng Bồ-tát đồng tiếng kêu: “Giặc”. Kẻ trộm kinh sợ liền ngã té. Chư Tăng nghe tiếng tôn tượng kêu bèn ra bắt được giặc cướp. Chùa Hồ Thống do Thái hậu theo cô dựng lập nên, vào xuất gia vào đạo làm Ni ở tại chùa đó. Từ chùa Vĩnh Ninh đi về phía Nam cách khoảng 1 dặm có ngôi tháp báo cao 5 tầng, chùa vàng cao rộng, phòng suốt liền nhau, cửa thông giao đối, cột trụ sơn son, tường vách sắc trắng rất đẹp xinh tráng lệ. Chư Ni ở chùa đó đều là những bậc Danh đức ở chốn Đế thành, khéo hay biệc mở dẫn tài giỏi đàm luận về nghĩa lý, thường vào trong cung cùng Thái hậu giảng nói pháp. Mọi sự cung cấp cúng dường cho Ni chúng ở đó, chẳng đâu sánh bằng vậy.

7. CHÙA TU PHẠM

Chùa Tu Phạm tại phía Bắc Ngự đạo trong Thanh dương môn. Chùa Tung Minh lại ở phía Tây chùa Tu Phạm, đều là khắc tường vút cao mái ngang phòng nhà liền rui cũng là chùa danh tiếng vậy. Chùa Tu Phạm có Kim cang nên cưu cáp chẳng vào, chim tước chẳng nương đậu. Sa-môn Bồ-đề Đạt-ma nói là: “Có được chân tướng vậy”. Phía Bắc chùa đó có làng Vĩnh Hòa, là nơi vườn nhà của Thái sư Huân Trác thời nhà Hán. Nay hiện còn có nước, suốt mùa đông mùa hạ chẳng cạn

khô. Trong thôn có vườn nhà của Thái Phó Lục Thượng Thư Trưởng Tôn Trĩ, Thượng Thư Hữu Bộc Xạ Quách Tộ, Lại Bộ Thượng Thư Hình Loan, Đình Uy Khanh Nguyên Hồng Siêu, Vệ Úy Khanh Hứa Bá Đào, Lương Châu Thứ Sử Uất Thành Hưng v.v... cả thảy 6 ngôi, đều là cửa cao nhà đẹp, trai quán thoáng xinh, cây thu cây hòe che râm đường đi cây ngô đồng cây dương trồng thoáng, người thời bấy giờ gọi đó là làng phú quý, mọi người đào nới đất xứ đó liền được các vật bằng vàng ngọc quý báu. Nhà Hình Loan từng đào bới được cát đỏ và vài mươi vạn tiền có khắc ghi là vật của Huân Thái sư. Sau đó trong đêm Huân Trác theo Hình Loan đòi vật ấy, Hình Loan chẳng chịu trả cho, qua năm sau Hình Loan bèn chết vậy.

8. CHÙA CẢNH LÂM

Chùa Cảnh Lâm tại phía Đông Ngự đạo trong Khai dương môn, giảng đường chánh điện xây theo hàng lớp, phòng nhà nối liền nhau, cột son sáng rỡ như mặt nhật, trụ xà thêu vẽ đón gió, thật là Thắng địa. Phía Tây chùa có khu vườn có lắm nhiều cây trái kỳ lạ, mùa xuân có chim mùathu có ve tiếng kêu hót liên tục. Bên trong có một Thiền phòng, trong đó lại thiết đặt tinh xá kỳ hoàn, hình chế tuy nhỏ, nhưng tạo dựng khéo léo khó thể thêm vì Thiền các tĩnh lắng, thất ẩn ngưng sâu, cây quý cặp tường, trụ xinh men thềm, tuy nói là nơi triều đình phố thị mà tưởng đồng như hang cốc. Chư Tăng tĩnh hạnh ngồi trên thằng sàng bên trong, hưởng gió đượm nhuần Đạo ngồi kiết già quán sở tức. Lại có một bia minh bằng đá, do Bác sĩ Lư Bạch Đầu trước thuật văn bia ấy. Lư Bạch Đầu tự là Cảnh Dụ người xứ Phạm Dương, tánh tình ưa thích đạm bạc tĩnh lắng, rong chơi vườn đồi. Học cùng 6 kinh, nói rành Bách Gia Chư Tử. Đấu niên hiệu Phổ Thái (531) thời Bắc Ngụy, từ nhà ra làm Quốc từ bác sĩ, tuy ở chốn cửa son, mà lấy việc chú thuật làm chính. Có chú giải Chu dịch lưu hành nơi đời vậy.

9. CHÙA TƯ NÔNG Ở KIẾN XUÂN MÔN

Tại phía Nam Ngự đạo trong Kiến Xuân Môn có ba dinh thự cú tuần điển nông tịch điền, phía Nam tịch điền có chùa Tư Nông, phía Bắc Ngự đạo có khoảng đất trống không, phỏng dịch làm Đông cung, trong thời Trung Triều nhà Tấn đó là Thái Thương, phía Nam Thái Thương có Địch Tuyền, chu vi bao quanh ba dặm tức như trong sách Xuân Thu nói là Vương Tư Hổ Tấn Hồ Yển kết thề tại Địch truyền, nay nước còn lắng trong thấu suốt tời đáy rõ ràng, các loài thủy tộc ẩn tàng bên trong phân

rõ được cá và ba-ba. Cao Tổ (Hiếu Văn Đế - Thác bạt Hoành 471-500) thời Bắc Ngụy đặt ở phía Bắc suối phía Nam sông. Ở thời Trung Triều nhà Tấn Bộ rộng cả trăm dặm vậy. Phía Tây suối có Hoa lâm viên, Cao Tổ cho rằng suối nằm ở phía Đông Hoa lâm viên, nhân đó gọi tên là Biển thương Long. Trong Hoa lâm viên có biển lớn, tức ao Thiên uyên ở thời nhà Hán. Trong ao còn có đài cửa hoa của Văn Đế (?). Cao Tổ tạo điện Thanh Lương tại trên đài. Thế Tông (Tuyên Võ Đế - Nguyên Khác 500-516) thời Bắc Ngụy tạo núi Bồng lai tại trong biển. Trên núi có Tiên nhân quán. Núi ấy còn có điện Điều Đài và đều tạo các cầu vồng nương giữa không trung mà qua lại. Hằng năm vào ngày hễ trong tháng 3 và tháng 9, vua cưỡi thuyền rồng vẽ hình chim nghịch vân du trên đó. Phía Tây biển có táng băng thất, tháng 6 thường lưu xuất băng cung cấp cho trăm quan. Về phía Tây Nam biển có điện Cảnh Sơn. Về phía Đông của núi có đảnh Hy Hòa, trên đảnh có Ôn Phong Thất, phía Tây núi có ngọn núi Hằng nga, trên đảnh có Lộ Hàn quán đều có gác bay thông liền nhau, lướt núi đạp hang. Ở phía Bắc núi có ao Huyền võ, phía Nam núi có điện Thanh Thử, phía Đông điện ấy có điện Lâm giản Đình, phía Tây có đài Lâm Nguy. Phía Nam núi Cảnh dương có vườn có trăm thứ trái cây, trái cây xếp bày làm rừng. Mỗi rừng có một ngôi nhà. Có giống táo tiên nhân lớn 5 tấc, bổ nó hai đầu đều ra, hạt nhỏ như kim châm, đến lúc sương giáng mới chín, ăn nó rất ngon, ở đời tương truyền lưu xuất ra núi Côn lôn, một thuyết khác nói là táo tây vương mẫu. Lại có đào tiên nhân, sắc màu đo suốt cả trong ngoài, gặp được sương lạnh liền chín, cũng lưu xuất ra núi Côn lôn, một thuyết khác nói là Đào vương mẫu. Phía Nam rừng nai có một bia đá do vua Minh Đế (Hiếu Minh đế - Nguyên Hủ 516-528) thời Bắc Ngụy tạp lập. Đề là bia "Miêu Tỳ". Ở phía Bắc bia ấy, Cao Tổ có tạo lập Miêu tỳ đường. Trong khoảng nhiếp hóa Vĩnh An (528-530) thời Bắc Ngụy, vua Trang Đế (tức Hiếu Trang Đế - Nguyên Tử Du) cưỡi ngựa bắn tên tại Hoa lâm viên, trăm quan đều đến đọc văn bia ấy, nghi ngờ chữ "Miêu" viết sai nhầm. Quốc tử bác sĩ Lý Đồng Quỷ nói rằng: "vua Minh Đế là bậc anh tài người đời tôn xưng là Tam Công Tổ Cán, Trọng Tuyên lấy đó làm lông cánh, chỉ vì chưa hiểu bản ý như thế nào chứ không thể nói là sai nhầm vậy". Đến lúc Huyễn Chi làm phụng triều thỉnh, nhân đó liền giải thích rằng: "Dùng cỏ rơm khô che phủ lên trên đó, nên gọi là Miêu Tỳ sao gọi là sai nhầm!". Mọi người đều ngợi khen là khéo tài, rất lấy làm đạt được chỉ quy ấy vậy, phía Tây rừng nai có Đô Đường, có ao lưu thương, phía Đông Đô đường có biển phù tang. Phàm các biển đây đều có đá

khoét lỗ rút chảy xuống đất. Phía Tây có sông Thông cốc, phía Đông có cầu Liên dương, cũng cùng liền thông với Địch Tuyền. Nếu thần nắng hạn làm hại lúa thóc thì nước rưới xuống khiến chẳng khô cạn, lìa xong bên cạnh đượm thấm dương cốc rò rỉ chẳng tràn. Đến như vây vãy khác loài, lông cánh khác giống, rửa gợn nổi sóng tợ như tự nhiên vậy.

CÁC NGÔI GIÀ LAM TRONG THÀNH LẠC DƯƠNG
QUYỂN 1
(Hết)

■

CÁC NGÔI GIÀ LAM Ở PHÍA ĐÔNG THÀNH LẠC DƯƠNG

QUYỂN 2

1. CHÙA NI MINH HUYỀN

Chùa Ni Minh Huyền do Bành Thành Võ Tuyên Vương Hiệp tạo lập. Chùa ở vị trí phía Nam cầu đá ngoài Kiến Xuân Môn, lúa nước bao bọc chung quanh. Từ thành đến ngoài Kiến Xuân Môn, phía Đông vào cầuđá Dương cừ, cầu có 4 trụ. Tại phía Nam đường đi có khắc ghi là: "Năm Dương Gia thứ 4 (135) thời Đông Hán, do Tướng Tác Đại Tượng Mã Hiến tạo". Mãi đến năm Hiếu Xương thứ 3 (527) thời Bắc Ngụy gặp phải mưa lớn sụp đổ cầu, trụ mới bị chôn lấp. Hai trụ phía Bắc đường đi đền nay vẫn hiện còn. Theo Huyễn Chi xét cứ "Sơn xuyên cổ kim ký" của Lưu Trừng và "Tây Chinh Ký" của Đái Diên đều nói là "tạo dựng vào năm Thái Khương thứ nhất (280) ở thời Tây Tấn". Đó thì lạc mất đã lâu xa vậy. Xét về Lưu Trừng v.v... đều sinh sống tại giang biểu chưa đến Trung Hoa, giả sử có đi lính tạm đến ngang qua, đến như đối với việc cũ đều chẳng phải thâu gần trông thấy, nghe ở các đầu đường sá, bèn vì xuyên tạc, lầm hoặc chúng ta hàng hậu học ngày tháng cách xa lắm vậy. Có một ngôi tháp 3 tầng chưa trang nghiêm hoàn tất. Phía Đông chùa ấy có bịch đựng thường đầy ở thời Trung Triều, Cao Tổ (Hiếu Văn đế - Thác Bạt Hoành 471-500) thời Bắc Ngụy bảo làm trường thuế, là nơi tích chứa mọi thứ cúng tặng của trong thiên hạ vậy.

2. CHÙA LONG HOA

Chùa Long Hoa đó Túc Vệ Vũ Lâm Hổ phần dựng lập. Chùa nằm tại phía Nam Dương cừ ở ngoài Kiến Xuân Môn. Phía Nam chùa có trường thu thuế, phía Bắc Dương cừ có làng Kiến Dương. Trong làng có đài đất cao 3 trượng, phía trên tạo dựng 2 tinh xá. Theo Triệu Dật nói: "Đài đó là đình Trung Triều Kỳ". Phía trên có lầu hai tầng, treo trống đánh lễ bãi chợ, có một quả chuông gióng đánh tiếng vang xa 50 dặm.

Thái hậu nhân tiếng chuông vang xa bèn dời về đặt trong cung tại giảng đường Ngưng nhân, trước khi giảng nội điển, vị Sa-môn gỏ đánh để phân rành thời tiết. Mới đầu, con của Tiêu Diễn là Dự Chương Vương Tống vừa đến nghe tiếng chuông ấy lấy làm kỳ lạ, bèn làm 3 bài "Thính chung ca từ" lưu truyền nơi đời. Vương Tông tự là Thế Tán là con rơi của Hôn chúa Bảo Quyển thời Ngụy Tề. Bảo Quyển dự tham triều chánh mà dâm loạn, dân chúng đất Ngô rất khổ sở đó. Ung Châu Thứ Sử Tiêu Diễn lập Nam Khương Vương Bảo dung làm chúa, cử binh lính đến Mạc Lăng, sự việc đã ổn định nhanh chóng, bèn giết Bảo Dung mà lập Bảo Quyển. Có mỹ nhân Ngô Cảnh Huy, lúc đầu mới mang thai Vương Tống vừa 1 tháng, Tiêu Diễn nhân lấy Cảnh Huy kịp đến lúc Vương Tống chào đời bèn nhận làm con của mình. Thuở nhỏ, Vương Tống tên là Duyên Giác, được phong là Dự Chương Vương. Dáng mạo cử chỉ của Vương Tống rất giống như Hôn chúa. Được mẹ báo cho biết, khiến tự liệu phương tiện, Vương Tống bèn quy hướng về triều đình nhà ta, lại đổi tên là Thế Tán, tự là Thế Vụ, mới đầu vì Bảo Quyển mà chịu tang 3 năm. Vua Minh đế (Hiếu Minh Đế - Nguyên Hủ 516-528) thời Bắc Ngụy bái nhận Vương Tống làm Thái Úy Công Phong Đan Dương Vương. Trong khoảng niên hiệu Vĩnh An (528-530) thời Bắc Ngụy, mến chuộng em gái của Hiếu Trung Đề (Nguyên Tử Du) là Thọ Dương Công chúa tự là Cử Lưu. Công chúa dung mạo, nhan sắc rất đẹp xinh, Vương Tống rất kính mến đó. Những lúc cùng nói năng với Công chúa, Vương Tống thường tự xưng là hạ quan, được phong trao làm Từ Châu Thứ Sử và thêm Khai phủ, kịp đến lúc kinh đô sụp đổ, Vương Tống vất bỏ châu theo hướng Bắc mà trốn chạy. Bấy giờ Nhĩ Chu Thế Long chuyên quyền sai bắt lấy Công chúa đưa đến Lạc Dương, Thế Long cưỡng bức, Công chúa bèn mắng rủa rằng: "Loại chó hổ mà dám làm nhục con gái Thiên vương ư?", Thế Long tức giận đó bèn thắt cổ mà giết chết Công chúa.

3. CHÙA ANH LẠC

Chùa Anh Lạc ở tại phía Bắc Ngự đạo ngoài Kiến Xuân Môn, chỗ gọi là làng Kiến Dương, tức là nơi ở của Bạch xã trì Huân oai liễn vào thời Trung Triều vậy. Trong làng ấy có các chùa Anh Lạc, Từ Thiện, Huy Hòa, Thông Giác, Huy Huyền, Tông Thánh, Ngụy Xương, Huy Bình, Sùng Chân, Nhân Giả v.v... cả thảy 10 ngôi. Trong làng ấy có hơn ngàn hộ sĩ thứ, rất kính tin tôn sùng Tam bảo. Mọi sự lợi dưỡng của chúng Tăng đều do dân chúng cúng dường.

4. CHÙA TÔNG THÁNH

Chùa Tông Thánh có 1 tôn tượng cao 3 trượng 8 thước, đoan nghiêm đặc thù, tướng tốt đầy đủ. Các hàng sĩ thứ đến chiêm ngưỡng, mắt chẳng tạm máy động. To ấy một lúc nghinh đưa ra chợ giếng đều phóng ánh sáng tỏa rực giữa không trung, riêng tuyệt ngoài đời, vang vọng các thứ kỷ nhạc đan xen kỳ diệu, sánh kế gần như Lưu Đằng; Các hàng sĩ nữ ở phía Đông thành phần nhiều đều đến chùa ấy mà tông xem vậy.

5. CHÙA SÙNG CHÂN

Chùa Sùng Chân, có Tỳ-kheo Thích Huệ Ngung qua đời 7 ngày sau sống lại, qua chỗ kiểm xét của vua Diêm-la, vì sai nhầm tên nên được thả khỏi. Sa-môn Huệ ngưng trình bày lại đầy đủ mọi sự trước đó có 5 vị Tỳ-kheo đồng bị kiểm xét. Một vị Tỳ-kheo nói là "Tên Trí Thánh ở chùa Bảo Minh chuyên tọa thiền, tu hành khổ hạnh", bèn được lên Thiên đường. Có một Tỳ-kheo khác nói "Tên là Đạo Phẩm ở chùa Bát Nhã", do trì tụng 40 quyển kinh Niết-bàn nên cũng được sinh lên Thiên đường. Có một vị Tỳ-kheo nói "Tên là Đàm Vô Tối ở chùa Dung Giác, thường giảng kinh Niết-bàn, Hoa Nghiêm, nhiếp lãnh Tăng chúng ngàn vị", vua Diêm-la bảo: "Người giảng kinh mà tâm cứ ôm hoài bỉ ngã, vì tự kiêu mà lấn lướt người vật là hạnh thô thứ nhất trong pháp Tỳ-kheo. Nay đây chỉ xét thử về tọa thiền tụng kinh, không hỏi đến việc giảng kinh". Tỳ-kheo Đàm Vô Tối nói rằng: "Bần đạo từ lúc lập thân trở lại chỉ chuyên giảng kinh thật chẳng hề trì tụng". vua Diêm-la liền giao cho Quan ty, liền có 10 người mặc áo xanh đưa Đàm Vô Tối đi đến cửa phía Tây bắc, phòng nhà đều đen tối, tợ như chẳng phải chỗ tốt đẹp. Lại có một vị Tỳ-kheo nói: "Tên là Đạo Hoằng ở chùa Thiền Lâm". Và tự nói: "Giáo hóa bốn chúng đàn-việt tạo hết thảy kinh, chú đúc 10 tôn tượng". vua Diêm-la bảo: "Thể của Sa-môn hẳn phải nhiếp tâm giữ đạo, chỉ ý đặt để Thiền tụng, chẳng nên liên can đến việc đời, chẳng tạo tác mọi sự hữu vi, tuy có tu tạo kinh tượng cũng chính vì muốn được tài vật của người khác, đã có được tài vật, tham tâm liền khởi, đã ôm hoài tham tâm tức là ba độc, chẳng dứt trừ phiền não đầy đủ". Cũng giao phó cho Quan ty, bèn cùng Tỳ-kheo Đàm Vô Tối đồng vào trong cửa đen tối. Lại có một Tỳ-kheo khác nói: "Tên là Bảo Minh ở chùa Linh Giác. Trước lúc xuất gia, từng làm Lũng Tây Thái Thú, tạo lập chùa Linh Giác, khi chùa đã hoàn thành bèn bỏ quan vị mà xuất gia tu Đạo, tuy không tọa thiền tụng kinh nhưng lễ bái chẳng bỏ thiếu vua Diêm-la bảo: "Ngày ông làm Thái thú xử trị oan uổng, cướp đoạt tài vật

của dân, giả tạo dựng chùa ấy, kỳ thực chẳng phải do công sức của ông, sao nhọc nói ra đây? Và cũng giao phó cho Quan ty, các người mặc ác xanh đưa vào cửa đen tối. Thái hậu nghe thế bèn sai Hoàng Môn Thị Lang Từ Hột y theo lời của Sa-môn Thích Huệ ngưng nói mà phỏng hỏi đến chùa Bảo Minh. Ở phía Đông thành có chùa Bảo Minh, ở phía trong thành có chùa Bát Nhã. Ở phía Tây thành có 3 chùa Dung Giác, Thiền Lâm và Linh Giác. Hỏi đến các Tỳ-kheo Trí Thanh, Đạo Phẩm, Đàm Vô Tối, Đạo Hoằng, Bảo Minh thỉnh 100 vị Tăng tọa thiền thường ở tại trong điện để cúng dường. Có sắc chiếu không chấp thuận. Mong kinh tượng men theo đường mà cầu xin, nếu riêng ai có tài vật tu tạo kinh tượng thì tùy ý. Sa-môn Huệ Ngưng cũng vào núi Bạch lộc ở ẩn tu Đạo. Từ đó về sau, các vị Tỳ-kheo ở khắp kinh ấp thảy đều hành trì tọa thiền tụng kinh, chẳng mấy ai chăm việc giảng kinh lấy làm chí ý. Ra ngoài Kiến xuân môn cách hơn một dặm đến phía Đông có cầu đá đi theo hướng Bắc nam, tạo dựng vào năm Thái Khương thứ nhất (280) thời Tây Tấn, phía Nam cầu ấy có chỗ của Mã thị Hình Khê Khương ở thời Triều Ngụy (?). Về phía Tây đường lớn ở phía Bắc cầu ấy có làng Kiến Dương, phía Đông đường lớn có làng Tuy Dân, trong làng đó có vườn nhà của Hà gian lưu Tuyên Minh. Trong niên hiệu Thần Quy (518-520) thời Bắc Ngụy, vì Trực gián trái ngược ý chỉ nên chém tại Đô thị xong rồi mà mắt chẳng nhắm, thi thể chạy đi cả trăm bộ. Mọi người lúc ấy bàn luận cho đó là chết oan. Tuyên Minh thuở nhỏ rất có danh dự, tinh thông kinh sử, nguy hành đến nỗi bị giết chết vậy.

6. CHÙA NI NGỤY XƯƠNG

Chùa Ni Ngụy Xương do Yêm Quan Doanh Châu Thứ Sử Lý Thử Thọ tạo dựng tại góc Đông nam của làng, tức chỗ chợ trâu ngựa trong triều, chỗ của Hình Kê khương, phía Đông gần cầu đá. Cầu đó đi theo hướng Nam bắc. Năm Thái Khương thứ nhất (280) thời Tây Tấn có chợ ở thời Trung Triều phía Nam là cầu đó. Lưu Trừng Chi v.v... lại thấy ở phía Bắc cầu có khắc ghi, nhân đó mà cho là cầu ấy được tạo dựng vào khoảng đầu niên hiệu Thái Khương (280) thời Tây Tấn vậy.

7. CHÙA NI CẢNH HƯNG Ở PHÍA NAM CẦU ĐÁ

Tại đường đi phía Nam Cầu đá có chùa Ni Cảnh Hưng cũng do các hoạn quan v.v... tạo dựng. Chùa ấy có kiệu giá tượng cao cách đất 3 thước, thiết bày lọng báu, bốn phía đều rủ linh vàng và ngọc 7 báu, kỹ nhạc bay vọng giữa trời, trông thấy vượt ngoài mây, các thợ làm nên

rất tinh xảo khó thể suy cử thêm. Ngày nghinh đưa tôn tượng ra, thường ban bảo trăm người Vũ lâm nâng cất tôn tượng ấy, đàn sáo các kỹ nhạc xen tạp đều do chỉ cấp.

8. CHÙA THÁI KHƯƠNG Ở LÀNG KIẾN DƯƠNG

Phía Đông làng Kiến Dương có làng Tuy Dân. Trong làng ấy có Lạc Dương huyện, Lâm Cừ Thủy huyện. Ngoài cửa có văn bia Lạc Dương lệnh dương có thanh đức. Phía Đông làng Tuy Dân là làng Sùng Nghĩa. Trong làng ấy có vườn nhà của Đỗ Tử Hưu; người xứ Kinh Triệu Thế đất cao thoát, cửa gần ngự đạo. Bấy giờ có ẩn sĩ Triệu Dật nói rằng: “Ông ta là người thời vua Võ Đế (Tư Mã Viêm 265-275) thời Tây Tấn, nên mọi việc xưa trước trong triều đại nhà Tần phần nhiều đều có ghi chép lại”. Khoảng đầu niên hiệu Chánh Quang (520) thời Bắc Ngụy, Triệu Dật đến kinh đô (Lạc Dương) thấy vườn nhà của Tử Hưu mà than thở rằng: “Trong vườn nhà này có chùa Thái Khương ở thời Trung Triều”. Mọi người lúc ấy chưa tin nên hỏi về nguyên do của ngôi chùa. Triệu Dật bảo rằng: “Long tương tướng quân Vương Tuấn sau khi bình trị đất Ngô mới tạo dựng chùa ấy. Vốn có ngô Phù Đồ 3 tầng được xây dựng bằng gạch”. Và chỉ trong vườn Tử Hưu mà bảo: “Đây là chỗ cũ”. Tử Hưu bàn đào bới lên để xét nghiệm đó, quả nhiên có được vài mươi vạn viên gạch và có tảng đá khắc ghi là: “Ngày mồng 08 (Tân tỵ) tháng 09 (Giáp tuất) năm Ất tỵ (285) tức năm Thái Khương thứ 6 thời Tây Tấn, Nghi đồng tam ty tương dương hầu Vương Tuấn kính tạo”. Bấy giờ trong vườn có rau quả rất tươi tốt, cây rừng sơ sài, mới đượm nhuần lời nói của Triệu Dật và tôn xưng là Thánh nhân Đổ Tử Hưu bèn xả thí vườn nhà tạo dựng nên chùa Linh Ứng. Với số gạch đào bới được đó trở lại xây dựng ngôi Phù Đồ 3 tầng. Bấy giờ có người ưa thích tò mò bèn tìm theo hỏi: “Kinh đô của triều đại Tây Tấn có như ngày nay chăng?” Triệu Dật đáp: “Ở thời Tây Tấn, dân ít so với ngày nay. Vườn nhà Để Thất của các Vương hầu thì tương tợ như ngày nay”. Triệu Dật lại bảo: “Từ khoảng niên hiệu Vĩnh Gia (307-313) thời Tây Tấn trở lại nay, trải qua hơn 200 năm, những vị xây dựng nước nhà xưng vua có cả thảy 16 người, đều vân du đến Đô ấp này, chính mắt trông thấy việc đó. Sau khi đất nước diệt mất, xét xem về sách sử phần nhiều đều chẳng phải thực lục, không đâu chẳng suy tôn quá mức. Đối với người dân thiện từ hướng đời sống bềnh bồng, tuy khéo ham thích rượu thịt cũng xưng gọi là nhân đức không giết hại. Trông xem về người xử trị pháp luật chưa lấy làm hung bạo, mà xét rõ về sử thị mọi điều ác trong

thiên hạ đều quy đổ về. Như Phù Kiên tự là bậc Hiền chúa, mà quân giặc đánh lấy ngôi vị rồi vọng ghi là ác quân. Phàm các Sử quan đều thuộc loại ấy, mọi người đều xa sang gần hèn lấy đó làm tin vậy. Người ngày nay cũng vậy. Lúc sống thì ngu khi chết thì trí dối hoặc mình thật quá lắm vậy". Có người hỏi về nguyên do? Triệu Dật đáp: "Có người lúc sống thì trong quê mùa hèn mạt nhưng đến khi chết rồi trên văn bia mộ chỉ không đâu chẳng đề đức lớn khắp cùng đất trời dốc trọn đời làm mọi việc cho dân sống. Làm vua thì ngang hàng như vua Nghiêu vua Thuấn, làm tôi thì bằng vết với Y Doãn, Cao... Quan chăn dân như cọp nổi ham mê thanh trần. Lại cầm nắm luật pháp chôn vùi luân thường, chết rồi ghi đề là cứng rắn thẳng ngay. Chỗ đáng gọi là sống làm đạo chích chết làm di tề, lời dối tổn thương chân thật hoa tư hư hại lẽ phải". Khi ấy những kẻ sĩ văn chương châm chọc xấu hổ với lời nói ấy của triệu dật. Bộ Binh Hiệu Úy Lý Trừng hỏi rằng: "Ngôi Phù Đồ trước phủ Thái úy hình chế rất xưa cũ mà hiện còn chưa hư hoại, chưa rõ biết ngày trước tạo dựng vào lúc nào vậy?" Triệu Dật đáp: "Năm Nghĩa Hy thứ 12 (416) thời Đông Tấn, do Lưu Hoằng đánh giết quân nhân Diêu Hoằng tạo dựng vậy". Khi ấy, Nhữ Nam Vương nghe nói thế mà lấy làm lạ bèn kính bái Triệu Dật làm nghĩa phụ, nhân đó mà hỏi rằng: "Do ăn dùng chất gì mà sống lâu năm như thế?" Triệu Dật đáp: "Tôi không rãnh để dưỡng sinh mà tự nhiên trường thọ. Quách Phác từng đoán bói nói tôi thọ 500 tuổi, nhưng đến nay mới hơn một nửa. Tôi thường đi bộ kéo một chiếc xe rảo bước khắp các làng chợ, phàm những nơi đi ngang qua, phần nhiều ghi lại những dấu vết xưa cũ". Sau đó 3 năm, Triệu Dật bỏ đi, chẳng ai biết ở nơi nào. Phía Đông làng Sùng Nghi có cầu 7 dặm được xây dựng bằng đá, là nơi Trung Triều Đỗ Dự đến Kinh Châu ra nhanh chóng. Phía Đông cầu 7 dặm cách khoảng 1 dặm cửa quách mở ra 3 đường, người thời bấy giờ gọi là 3 cửa. Người ly biệt phần nhiều đưa ra đường đó. Các hàng sĩ tử ở kinh đô đưa đi nghinh về thường tại nơi đó vậy.

9. CHÙA TRANG NGHIÊM

Chùa Trang Nghiêm tại phía Bắc Ngự đạo cách 1 dặm ngoài Đông dương môn, đó còn gọi là làng Đông An. Phía Bắc có làng Tô Trường. Trong làng ấy có vườn nhà của Phụ Mã Đô Úy Tư Mã Hoãng, Tế Châu Thứ Sử Phân Tuyên, U Châu Thứ Sử Lý Chân Nô, Dự Châu Thứ Sử Công Tôn Tương v.v... cả thảy 4 ngôi.

10. CHÙA TẦN THÁI THƯỢNG QUÂN

Chùa Tần Thái Thượng Quân do Hồ Thái hậu tạo lập. Chùa nằm tại phía Bắc Ngự đạo cách Đông dương môn 2 dặm. Đó còn gọi là làng Huy Văn. Trong làng ấy có vườn nhà của Thái Bảo Thôi Quang, Thái Phó Lý Diêu Thật, Ký Châu Thứ Sử Lý Thiều, Bí Thứ Giám Trịnh Đạo Chiêu v.v... cả thảy 4 ngôi, đều là nhà giàu nổi trội, cửa cao mở suốt. Triệu Dật nói rằng: "Làng Huy Văn tức là làng Mã Đạo ở thời nhà Tấn. Vườn nhà của Diên Thật là vườn nhà của Thục chúa Lưu Thuyền, phía Đông vườn nhà của Diên thật có vườn nhà của tu Hòa, tức là vườn nhà của Ngô Vương Tôn Hạo. Vườn nhà của Lý Thiều là vườn nhà của Tư Không Trương Hoa thời nhà Tấn". Bấy giờ, Thái hậu hiệu là Sùng Huấn. Mẫu nghi thiên hạ gọi là cha, vì mẹ của Tần Thái Thượng Công, vì Tần Thái Thượng xuân và vì mẹ mà tu tạo phước đức, nhân đó mà đề tên hiệu như vậy. Bên trong có ngôi Phù đồ cao 5 tầng, mái chùa vút ẩn vào mây, cửa cao hướng về đường cái suốt thông, mọi Phật sự trang nghiêm tương đương như chùa Vĩnh Minh. Thất tụng kinh, nhà tạo thiền bao quanh từng lớp, hoa rừng cỏ thơm khắp đầy thềm tường, thường có các vị Đại Đức danh Tăng giảng hết thảy kinh, các hàng Sa-môn đến thọ học cũng có hàng ngôn vị. Thái Phó Lý Diên Thật là cậu ruột của vua Hiếu Trang Đế (Nguyên Tử Du 528-530 thời Bắc Ngụy). Trong năm Vĩnh An (528-530), dẹp trừ Thanh Châu Thứ Sử, lúc sắp đi vâng phụng giả từ, Hiếu Trang đế nói cùng Lý Diên Thật rằng: "Tục Hoài Chuyên (ôm gạch) ở đời gọi là khó trị. Cậu nên khéo dụng tâm để giúp việc triều đình giao phó". Lý Diên Thật đáp rằng: "Thần tuổi đã xế bóng, khí hơn đồng như sương móc sớm mai, cõi người hơi xa, ngày tháng gần với đồi tùng. Từ lâu, thần đã từng xin được lui nghỉ. Bệ hạ dấy khởi vị dương nghỉ nhớ mên thương đến Lão thần, sai người hành tội ban đêm cắt rọc gấm dài muôn dặm. Kính cẩn vâng tuân minh sắc, không dám để rơi mất". Bấy giờ, Hoàng Môn Thị Lang Dương Khoan ở bên cạnh vua, không hiểu nghĩa của Hoài Chuyên, nên hỏi cùng Xá Nhân Ôn Tử Thăng. Ôn Tử Thăng đáp rằng: "Nghe đến Tôn huynh là Bành Thành Vương làm Thanh châu thứ sử, hỏi Tân khách từng đến Thanh châu là dân chúng đất Tề có phong tục cạn mỏng, luận đàm cao hư chuyên đặt để nơi vang danh lợi. Các Thái thú mới đầu muốn vào cảnh vức ấy đều phải ôm gạch cúi đầu để tỏ ý tốt lành vậy. Kịp đến lúc thay xuồng trở về nhà đem gạch nói đánh, xoay đến sau lưng nhanh chuyển lại trong lòng bàn tay. Do đó tại kinh đô có lời dèm pha là: "Trong ngục không trói tù, trong nhà không Thanh châu". Mướn khiến

những kẻ ôm lòng xấu ác trong nhà không phải nghĩ nhớ buồn rầu". Nghĩa của Hoài Chuyên phát xuất tại đó vậy". Tuân Tế ở Dĩnh Xuyên là bậc Danh sĩ phong lưu, suy xét cao xa khéo hiểu biết riêng trội vượt ở đương thời. Thôi Thúc ở Thanh hà là bậc nhân đức xứng với Đại phu Tề sĩ, nói rằng: "Người xứ Tề bên ngoài ngắn ngủi về nhân nghĩa, bên trong ôm hoài bỉ lận (xấu xa keo kiệt), xem nhẹ đồng như lông cánh, lợi ngang bằng cán dao, ưa thích rong ruổi với vẻ vang hư dối nương gá thành danh, tại chỗ oai thế, nghiêng vai chen vào, tìm cầu vinh lợi, điềm nhiên thầm nhuần khắp 4 phương, mến mộ thế lực rất lặm thì gọi đó là Tề sĩ, là gã mến mộ oai thế". Các Lang Lâm Truy Quan Đồ có mặt tại kinh ấp nghe Hoài Chuyên mến mộ oai thế đều cùng nhau hổ thẹn đó. Chỉ có một mình Thôi Hiếu Trung không lấy làm để ý. Hỏi về nguyên do, Hiếu Trung đáp rằng: "Phong tục của Doanh Khâu là nếp sống dư thừa của Thái công. Rừng nho dưới xã tắc là từ lễ nghĩa sinh ra. Nay tuy có lấn lướt, đủ làm khuôn mẫu trong thiên hạ. Người Tuân Tế chẳng phải là Hứa Quách, không biết Đông Gia. Tuy là lời nói tốt đẹp từ miệng phát ra chưa đáng là vinh nhục vậy.

11. CHÙA CHÁNH THỈ

Chùa Chánh Thỉ do trăm quan tạo lập, và được xây dựng trong niên hiệu Chánh Thỉ (504-508) thời Bắc Ngụy, nên đề hiệu như thế. Chùa ở làng Kính Nghĩa thuộc phía Tây Ngự đạo, ngoài Đông dương môn. Trong làng đó có Điển Ngu tào mái nhà sạch sẽ đẹp xinh sánh tợ như Tống lâm, trước phòng chúng Tăng, cây rừng cao đối diện cửa sổ. Tùng xanh vấn vít cây sinh liền cành giao ánh, có lắm nhiều cây chỉ, mà không thọ thực giữa trưa. Có một bia đá, sau lưng đề Thị Trung Thôi Quang cúng thí 40 vạn tiền, Trần Lưu Hầu Lý Sùng cúng thí 20 vạn tiền, ngoài ra trăm quan mỗi mỗi đều có ít nhiều khác nhau nhưng không dưới 5.000 tiền trở xuống. Do người đời sau khắc ghi vậy. Phía Nam làng Kính Nghĩa có làng Chiêu Đức. Trong làng đó có vườn nhà của Thượng Thư Bộc Xạ Du Triệu, Ngự Sử Úy Lý Bưu, Binh Bộ Thượng Thư Thôi Lâm, U Châu Thứ Sử Thường Cảnh, Tư Nông Trương Luân v.v... cả thảy 5 ngôi, Lý Bưu, Thường Cảnh đều xuất phát từ Nho sinh ở nhà cần kiệm thuần tố, chỉ có Trương Luân là giàu sang xa xỉ phòng nhà sáng rỡ, mang mặc khác thường, xe ngựa vào ra vượt hơn cả Bang quân, vẻ đẹp của vườn rừng núi ao, các vương hầu chẳng sánh kịp. Trương Luân tạo núi Cảnh Dương có như tự nhiên, trong đó đảnh liền hang lớp trót vót cùng thông, khe sâu hang suốt sâu xa tiếp liền. Rừng

cao cây lớn đủ khiến nhật nguyệt che khuyết, dây treo lưới rũ hay khiến gió khơi vào ra, gập ghềnh đường đá tợ bít mà thông, cao vợi đường khe quấn quanh lại thẳng. Do đó, các kẻ sĩ buông tình hứng chí vui cảnh núi đồng rảo bước đến mà quên về. Có Khương Chất; người xứ Thiên Thủy, Chí Tánh rỗng rang áo gai khăn vải có tiết tháo vượt dân thường, thấy mà riêng mến thích đó như chẳng thể thôi, bèn trước thuật bài phú "Đình sơn" lưu truyền nơi đời, với văn từ rằng:

"Nay riêng quý trọng, mến trọng cái của người dân xưa trước, như phác như thuần nhưng mà thể của thuần phác cùng với tạo hóa mà làm bến bờ khách tại trên ao. Lại ở dưới trụ, nằm vô vi để tỏ rõ tâm, gá tự nhiên để đồ họa chí, liền dùng núi sông làm giàu, không lấy chương phủ làm quý, mặc tình chìm nổi như nước nhạc không mùi vị. Nay Tư nông họ Trương thật mến trọng người ấy. Lượng lớn rực sáng vượt ngoài vật, yêu kiều suốt thấu nguồn phân. Tùng xanh chưa hơn vẻ sạch ấy, ngọc trắng chẳng sánh điểm quý đó. Tâm gá không mà nương náu hữu tình, vào cũ vì như mới. Đã chẳng chuyên lưu đãng, lại không riêng hoa chuộng. Bơi ở giữa khoảng động tĩnh chẳng vì sông núi làm quên. Đình nổi nửa gò nửa hang, nghe vì mắt thấu tâm tưởng, tới chẳng là vinh thân lui không là ẩn phóng. Ấy mới là khoét đá thông suối trôi đảnh, trước hang vẹo uốn cùng như mây cao, cao cùng uốn cong nói mái tiếp liền, sương móc cao của dưới Thiên Tân, dệt khói xa của thương hải, lưới bày tướng trạng mỗi một như xưa, thế dáng đổ xé tợ đã ngàn năm. Nếu lên tột đỉnh sườn treo ngát ngơ sa đà, nước cuộn quanh từ từ như sóng, chơm chởm núi đá cao thấp. Lại cao phần nhiều 5 tầm trăm bạt, mười bộ ngàn qua, thì biết núi vu chẳng kịp, chưa xét Bồng lai như thế nào. Trong đó, hoa khói cỏ sương hoặc nghiêng hoặc ngã. Sương cành gió nhánh nửa ngang nửa rũ, lá ngọc cành vàng, tan đầy thềm tường. Dệt xéo loạn mắt, thơm ngát xé mũi. Đã cùng tốt tươi ngang bằng ở Dương Xuân, lại cùng trong sạch đền với Bạch tuyết. Hoặc có người nói đó là tốt của thần minh, tinh của âm dương. Đất trời chưa tỏ rõ, sống nơi đó khác người. Sao biết trong đó, loài cánh phân mỏng, tạp sắc xanh vàng, đầu xanh má tía, biếc đẹp liền thơm, ly trắng sinh nơi khác luyện, chân đỏ phát xuất từ tha hương, đều từ xa cùng lại đến đó, gá cây nước để liệng quanh, chẳng nghĩ nhớ mùa xuân nơi Sa Hán, bèn quên bặt mùa thu ở chốn Cao Dương. Chẳng phải cảm đến của người đó, dò mê tối của khỉ chim, đâu phải chỗ chuyên của hàng hạ tục, vào có khác lạ của thần quái. Người hay đến ấy hẳn là thơ, kẻ dám sang không ai chẳng phú. Hoặc đến nơi lắm gió, hoặc vào chốn nhiều mây. Khí lãnh cùng

với mai sầm, tùy chỗ ngộ của xuân, xa là chỗ thần tiên tưởng thưởng, gần là chỗ hàng Triều sĩ cùng hay. Cầu giải thoát ở đeo mang, dự tham thứ nơi núi rũ. Tử anh cá lội nơi ngọc chất, vương kiều buộc Hộc ở cánh tùng, phương trượng chẳng đủ để khéo vịnh ca trạng thái xứ này lắm kỳ lạ, từ Tông nghe thế mà đồng phách, Thúc dạ nghe vậy mà kinh hồn. Hận chẳng thể khóa đất một lần ra say cửa núi này riêng có dung nghi Vương tôn công tử ẩn náu, nghĩ núi nhớ sông bảo xa giá cùng theo, gặp núi mến khúc, gặp đá leo nương. Sân làm ruộng của Nhân trí nên hay gieo giống đá núi này. Sum la chữ cây cỏ, trưởng dục chừ gió mây, tùng lẽ đã hay liền già, nửa đá cũng có thể để tuổi. Nếu chẳng nằm ngồi chừ ở bên cạnh đó, xuân thu chừ ấy leo đi, cốt trắng chữ nhọc tự rả mục, tấc lòng chữ nghĩ nhớ nơi nao?"

12. CHÙA BÌNH ĐẲNG

Chùa Bình Đẳng là do Quảng Bình Võ Mục Vương Hoài xả thí vườn nhà mà tạo dựng, chùa ở tại phía Bắc Ngự đạo, cách 2 dặm ngoài Thanh dương môn. Đó tức là làng Hiếu kính vậy. Nhà mái rộng đẹp, cây rừng phủ che rậm rạp, Bình đài phủ kín đường đi, riêng nổi bậc ở đương thời. Ngoài cửa chùa có một tôn tượng bằng vàng cao 2 trượng 8 thước, tướng hảo đoan nghiêm thường có thần nghiệm, mọi sự tốt xấu trong nước nhà, trước hiện rõ ràng tốt lành khác lạ. Trong tháng 12 năm Hiếu Xương thứ 3 (527) thời Bắc Ngụy, khuôn mặt tôn tượng ấy tỏ vẻ thuyết buồn, hai mắt rơi lệ, khắp hình thể đều thấm ướt, người thời bấy giờ cho là Phật đổ mồ hôi. Các hàng sĩ nữ ở kinh đô bỏ trống chợ làng song đó trông xem. Có vị Tỳ-kheo dùng bông tơ mới sạch lau chậm nước mắt ấy, chỉ chốc lát, bông tơ thấm ướt hết cả, lại phải đổi thay bông tơ khác, cũng chỉ chốc lạt lại thầm ướt, như vậy suốt 3 ngày mới thôi. Đến tháng 4 năm sau, Nhĩ Chu Vinh vào thành Lạc Dương giết chết trăm quan, người chết đầy đường. Đến tháng 03 năm Vĩnh An thứ 2 (529) thời Bắc Ngụy, tôn tượng ấy lại đổ mồ hôi, các hàng sĩ thứ lại sang trông xem. Bắc Hải Vương (Nguyên Hạo) vào Lạc Dương, vua Hiều Trang Đế (Nguyên Tử du) đi tuần phương Bắc, qua tháng 7 thì Bắc Hải Vương (Nguyên Hạo) đại bại, con em mang dẫn theo từ Giang Chuẩn cả thảy 5. 000 người đều bị bắt giam tù, không một ai được trở về. Đến tháng 07 năm Vĩnh An thứ 3 (530) thời Bắc Ngụy, tôn tượng ấy lại buồn khóc như lần đầu tiên. Mỗi lần trải qua đều có thần nghiệm, khiến lo sợ đêm ngày, nên cấm mọi người không cho đến trông xem, qua tháng 12, Nhĩ Chu Triệu vào thành Lạc Dương bắt vua Hiếu Trang Đế ở Tấn Dương. Tại

kinh đô cung điện rỗng hoang suốt trăm ngày không có chủ. Chỉ có Thượng Thư Lệnh Tư Châu Mục Lạc Bình Vương Nhĩ Chu Thế Long trấn giữ tại kinh đô, khách buôn trú ngụ cùng bốn phía, giặc trộm chẳng làm gì. Đến năm Kiến Minh thứ 02 (531) thời Bắc Ngụy, Trường quảng Vương từ Tấn Dương đến kinh đô. Vừa đến ngoài thành quách, Thế Long cho rằng Trường Quảng vốn chi phái nhạc xa, chánh hành không rõ ràng, bèn bức ép trao truyền cho Quảng Lăng Vương Cung. Quảng Lăng Vương Cung là từ khi Hiếu Trang Đế (Nguyên Tử Du) theo cha anh, trong khoảng niên hiệu Chánh Quang (520-525) thời Bắc Ngụy, làm Hoàng Môn Thị Lang, thấy Nguyên Nghĩa cầm nắm quyền chánh, phần nhiều quy hướng về gần chiêu tập, bèn giả vờ câm không nói, không dự can việc đời. Đến trong nhiếp hóa Vĩnh An (528-530) trốn ở núi Thượng Lạc, Trung Châu Thứ Sử Tuyền Xí bắt giữ mà đưa về. vua Trang Đế nghi ngờ Vương Cung, nên dối bày trong đêm sai bảo người đến trộm lấy áo quần mọi vật, lại muốn rút dao kiếm muốn giết Vương Cung, Vương Cung bèn há miệng đưa tay chỉ vào lưỡi, trọn chẳng nói năng, Hiếu Trang Đế mới tin Vương Cung thật là kẻ trung thành, bèn phóng thả khiến trở về Để thất. Quảng Lăng Vương Cung thường ở tại chùa Long Hoa. Đến lúc Thế Long v.v... phế bỏ Trường Quảng mà lập nên. Thiền Văn nói rằng: “Hoàng đế thở than với Quảng Lăng Vương Cung từ khi triều đình Nguyên Ngụy nhà ta có được thiên hạ, đã trải qua nhiều Thánh mở giúp, lắm nền móng xây lớn nghiệp, lâu dần mới có vạn ban, mở rộng cùng bốn biển, nên Đạo tràn đến trăm vương, đức dần không ngoài, mà từ khi vua Hiều Minh Đế (Nguyên Hủ) băng hà. Người thần khuyết thiếu chúa. Trụ Quốc Đại Tướng Quân Đại thừa Tướng Thái Nguyên Vương Nhĩ Chu Vinh thật được phong đất ở Thiểm Tây, trách nhiệm chỉ là ngoại tướng, mới để tâm đến Vương thất rất lo sợ sụp đổ mất, nên mới suy lập trường Lạc Dương Nguyên Tử Du (Hiếu Trang Vương) để tiếp nối sự nghiệp, ngõ hầu vận mạng cửu đảnh ngày một mở lớn, vận tốt của 700 chỉ trọn. Nhưng đàn bầy bay chưa tạm bình an, mà dòng xé rách ngang tới kịp, đều là lang sói trông nhìn chim cú trương bày. Núi cao lập dựng nên nhà, chỉ một mình Thừa tướng phất cờ chỉ huy trong nước bình an, mà Nguyên Tử Du chẳng đoái hoài tông xã, thù oán tưởng thưởng đức, nhóm tập hạng khinh thường, tả hữu mặc tình mọi người, bèn khiến trái nghịch rất hại tim, đau nhói bằng cấn kiếm. Đâu chỉ bảng vàng niêm báo oán, chim lớn cảm đức mà thôi. Do đó, sự hoài mong của thiên hạ bỗng chốc đã đổi dời. Trộm nghĩ cung vàng không thể dùng đồ vật khoáng thần, đâu dung không chủ. Quyền theo

mọi người bàn nghị, nên tạm ngự trị triệu dân. Nay sáu quân từ phương Nam xa đã lần lượt đến Hà bồ trông nhìn về Đế kinh đỏ bừng dấy thẹn, tự chỉ mỏng dạc, gốc cành xa xăm, hà nên ngưỡng mong, Thiên tình rũ trái, dân mong chỉ vua, Đức bày ngoài sinh dân, tiếng vang cao ngàn xưa. Xưa trước vì vận thuộc đầy lo, thời lắm gặp nạn. Cuộn lòng đã lâu dài, bó đấy có mấy năm. Nay trời quyến minh đức, dân nghĩ mong áo chúa, lịch số đáng tụ tập ca tụng vừa đến, mới từ từ phát ra then chất, giúp mong đợi đây, tiện kính vâng thao ấn về ở nhà riêng. vua là kính theo, thành nghiệp đáng cầm nắm trong cung. Tuy tốt lành chớ ngơi nghỉ, mỗi ngày cẩn trọng mỗi ngày, kính đó thay, kính đó thay!" Quảng Lăng Vương cùng khước nhường rằng: "Mạng trời rất nặng trọng. Lịch số chẳng nhẹ khinh, từ vì chẳng phải đức hợp với Tam Tài, công ngang bằng bốn biển, không vì vào tuyển chọn. Đế Đồ đáng giao trao Sứ tích, thần đã là mờ tối, nhận biết chẳng trước xa. Cảnh mạng tuy ban đến nhưng chẳng dám ngửa mong tiếp thừa, xin thâu lại thành chỉ để hợp lòng ngu thần!". Lại nói: "vua đã là Đức ứng với Đồ lục, thêm thuộc thừa trở về. Tiện có thể xứng hợp nắm cầm trong đó. Vào tỏa sáng sườn núi lớn, chẳng nhọc máy động lẫn trốn. Cuối cùng hẳn sáng thoánh nhân thần". Quảng Lăng Vương Cung khước nhường đến 3 lần. Sau đó bèn lên ngôi Hoàng đế (tức Tiết Mẫn Đế - Nguyên Cung) đổi nhiếp hóa là Phổ Thái (531-531) thời Bắc Ngụy. Hoàng Môn Thị Lang Hình Từ Tài làm xá văn, thuật lại tương trạng của Hiếu Trang Đế giết oan Thái Nguyên Vương Nhĩ Chu Vinh. Quảng Lăng Vương (Nguyên Cung) nói rằng: "Vĩnh An (Hiếu Trang Vương - Nguyên Tử Du) là tay kéo mạnh mẽ, thần chẳng phải là thất đức. Ngay vì trời chưa dẹp loạn, gặp phải họa của Thánh tế. Nghĩa là tả hữu mang chiếu lại, trẫm tự làm đó, thẳng lời nói cùng môn hạ. Trẫm là kẻ kém đức, m vận thuộc vui thích đẩy đưa, nghĩ cùng ức Triệu đồng vui mừng lớn này, ban khao mù mờ, mỗi một đều y cứ theo thể thức thường". Quảng Lăng Vương Nguyên Cung ngậm miệng suốt đã 8 năm, đến đó mới mở lời, các hàng sĩ thứ trong nước nhà đều xưng gọi là Thánh quân. Từ đó, suy phong Trường Quảng Vương làm Đông Hải Vương (tức là Nguyên diệp 530-531). Thế Long lại thêm Nghi Đồng Tam Ty Thượng Thư Lệnh Lạc Bình Vương. Các quan khác vẫn như cũ. Truy tặng Thái Nguyên Vương (Nhĩ Chu Vinh) Tướng Quốc Tấn Vương, thêm cửu tích, lập miếu thờ tại đỉnh núi Mang. Ở đầu phía Nam xưa trước có miếu của Chu Công. Thế Long muốn đem công khó của Thái Nguyên Vương sánh với Chu Công nên tạo lập miếu ấy, khi miếu vừa hoàn thành gặp phải nạn lửa thiêu đốt. Có một cột trụ

cháy chưa hết. Sau đó 3 ngày sấm mưa sét nổ chấn động đánh phân đứt làm mấy đoạn. Đá dưới cột trụ và ngoái trên mái miếu đều vỡ vụn rơi đổ xuống núi. Thế Long lại bảo trăm Quan cùng bàn luận về Thái Nguyên Vương để phối cùng tế. Tư Trực Lưu Quý Minh bàn nghị không nên hợp tế. Thế Long hỏi về nguyên do. Lưu Quý Minh tâu rằng: "Nếu phối với Thế tông thì đối với Tuyên Võ Đế (Nguyên khác 500-516) không công khó gì, nếu phối với Hiếu Minh Đế (Nguyên Hủ 516-528) thì thân gồm như hại đến mẹ. Nếu phối với Hiếu Trang Đế (Nguyên Tử Du 528-530) thì là kẻ thần bất trung. Do đó mà bị Hiếu Trang Đế giết hại. Lấy đó để luận bàn thì Thái Nguyên Vương (Nhĩ Chu Vinh) không hợp phối vào đâu". Thế Long tức giận bảo: "Vậy khanh cũng đáng phải chết". Lưu Quý Minh nói: "Hạ thần đã là kẻ bề tôi được bàn nghị nên y theo lễ mà nói, nếu chẳng hợp với Thánh tâm thì đánh giết tùy mạng". Mọi người cùng dự bàn nghị đều ngợi khen Lưu Quý Minh chẳng tránh né áp bức mạnh mẽ, nên không ai chẳng thán phục. Thế Long đã có lời tức giận, Lưu Quý Minh trọn thoát khỏi hạn nạn.

Mới đầu, Thế Long từ phương Bắc trở lại, Hiếu Trang Đế sai An Đông Tướng Quân Sứ Ngũ Long, Bình Bắc Tướng Quân Dương Văn Nghĩa, mỗi người dẫn đầu 3. 000 binh lính đến trấn giữ đỉnh núi Thái Hành, Thị Trung Nguyên Tử Cung trấn tại Hà Nội. Đến lúc Nhĩ Chu Triệu từ mã đầu theo hướng Nam mà lại, Ngũ Long, Dương Văn Nghĩa v.v... dẫn binh lính ra đầu hàng trước. Nguyên Tử Cung thấy Ngũ Long, Dương Văn Nghĩa đầu hàng cũng trông theo thời cuộc mà ngầm tan. Nhĩ Chu Triệu nương thế thắng đuổi hướng Bắc mà vào kinh đô, binh lính đến nơi cung quyết, mất dòng Vương thất. Đến khi luận bàn về công thì Ngũ Long, Dương Văn Nghĩa mỗi người được phong tặng ngàn hộ. Quảng Lăng Vương (Nguyên Cung) bảo: "Ngũ Long, Dương Văn Nghĩa đối với vua thì có được tưởng thưởng, nhưng đối với nước nhà thì là kẻ chẳng công lao gì". Nên trọn không chấp thuận. Khi ấy mọi người tôn xưng vua (Nguyên Cung - Tiết Mẫn Đế) là cương trực. Có Bành Thành Vương Nhĩ Chu Trọng là anh bà con xa với Thế Long trấn tại Cốt Đài, dâng biểu xin dùng xuống dưới. Đô đốc viện làm Tây Duyên châu thứ sử trước dùng sau dâng biểu. Quảng Lăng Vương đáp rằng: "Đã có thể gần phụ giúp, sao nhọc xa nghe?" Thế Long hầu bên cạnh vua, Tiết Mẫn Đế (Nguyên Cung) từng nói: "Thái Nguyên Vương (Nhĩ Chu Vinh) có công tham ngôi vua, lấy làm sức lực của mình. Tội ấy cũng đáng chết". Thế Long v.v... kinh ngạc, từ đó trở về sau không dám vào chầu. Bèn chuyên nắm Quốc quyền, hung ác ngấm dần rất lắm, ngồi ở

Phù Đài tỉnh huyện, nhà cửa cả thảy muôn máy, mọi sự không kể lớn nhỏ trước tiên hẳn đến nơi để thất của Thế Long sau đó mới lưu hành Thiên tử (Tiết Mẫn Đế - Nguyên Cung) v.v... khoanh tay xoay mặt phía Nam, chẳng hề can dự.

Đến năm Vĩnh Hy thứ nhất (532) thời Bắc Ngụy Bình Dương Vương vào thâu gồm Đại nghiệp, mới đầu tạo ngôi tháp cao 05 tầng, Bình Dương Vương, Võ Mục Vương hiếm ít con, ban chiếu bảo trung thư thị lang Ngụy Thâu v.v... làm văn bia của chùa. Đến ngày mồng 05 tháng 02 năm Vĩnh Hy thứ 02 (533) thời Bắc Ngụy, mọi việc cây gỗ, đất cát đã hoàn tất, vua (Hiến Võ Đế -nguyên Tu 531-534) dẫn đầu trăm quan liêu thiết hội cúng dường một vạn vị Tăng. Ngày ấy có tượng một con voi Đá ngoài cửa chùa vô cớ mà tự chuyển động cúi đầu ngẫn đầu trọn ngày mới thôi nghĩ, vua đích thân ra lễ bái, lấy làm quái lạ. Trung thư xá ngân Lư Cảng Tuyên nói rằng: "Đá đứng thì xã tắc dời từ xưa đã có thế. Bệ Hạ sao phải lấy làm quái lạ". vua mới trở về lại cung. Đến trong tháng 07, vua vì Trung Thư Hộc tư thông thúc bức, vội chạy đến Trường An. Qua tháng 10 thì kinh đô chuyển dời đến đất nghiệp vậy.

13. CHÙA CẢNH NINH

Chùa Cảnh Ninh do Thái Bảo Tư Đồ Công Dương Thông tạo lập. Chùa nằm tại phía Bắc Ngự đạo cách 3 dặm ngoài Thanh dương môn, chỗ gọi là làng Cảnh Ninh. Khi Cao Tổ (Hiếu Văn Đế - Thác Bạt Hoành 471-500) dời đô đến Lạc Ấp, Dương Thông mới bắt đầu đến ở làng đó, bèn phân chia vườn nhà mà tạo dựng chùa đó, nhân đó mà đề hiệu như vậy. Dựng xây nghiêm sức rất đẹp, trụ dệt mành châu. Em của Dương thông là Dương Thận làm ký châu thứ sử, em của Dương Thận là Dương Tân tư không đều lập tánh khoan nhã quý trọng Đạo nghĩa xem thường của cải. Trong gia đình 4 đời cùng chung sống một nhà. Một nhà Tam tùng, các hàng triều quý nghĩa ở chưa từng có thế. Đến trong niên hiệu Phổ thái (531-531) thời Bắc Ngụy, vì Nhĩ Chu Thế Long giết hại sao đó xả thí vườn nhà tạo dựng chùa Kiến Trung. Ngoài Thanh dương môn cách 3 dặm về phía Bắc Ngự đạo có làng Hiếu Nghĩa, góc Tây Bắc làng ấy có phần mộ của Tô Tần, bên cạnh phần mộ có chùa Bảo Minh, chúng Tăng chùa đó thường thấy Tô Tần vào ra nơi phần mộ đó, xe ngự vũ nghi tùy tùng như Thừa tướng ngày nay vậy. Phía Đông làng Hiếu Nghĩa tức là chợ nhỏ thành Lạc Dương, phía Bắc có vườn nhà của Xa Kỵ Tướng Quân Trương Cảnh Nhân, Trương Cảnh Nhân vốn người Sơn Âm; Cối Kê, khoảng đầu niên hiệu Chánh Quang (520) thời Bắc Ngụy,

theo Tiêu Bảo Di mà quy hướng phong hóa, phục bái Vũ Lâm Giám được ban cấp vườn nhà ở làng Quy Chánh tại chùa Nam Thành, trong dân gian gọi đó là phường người Ngô. Mọi người từ phương Nam đến quy phục phong hóa phần nhiều đều ở trong đó. Gần thành Lạc Dương có hai dòng sông, mặc tình tập tục đó, trong làng Ngự có hơn ngàn gia đình tự lập chợ hạng, chợ ấy bán các thức ăn phần nhiều là loại thủy tộc. Người thời bấy giờ gọi đó là chợ Ngư Miết. Trương Cảnh Nhân ở tại đó cảm thấy xấu hổ bèn dời đến ở làng Hiếu Nghĩa. Bấy giờ triều đình mới muốn dời gom mọi người hoang phục, tiếp đãi người Ngô rất nồng hậu. Mọi người vèn kéo áo quần vượt đến sông đều sống không vị trí thứ lớp, Trương Cảnh Nhân chẳng nhọc ngựa đổ mồ hôi, là Quan Cao Thông hiển. Năm Vĩnh An thứ 2 (529) thời Bắc Ngụy, Tiêu Diễn sai phái Chủ Thư Trần Khánh Chi đưa Bắc Hải vào Lạc Dương để soán tiếm ngôi vua. Trần Khánh Chi làm thị trung, ngày còn ở tại phía Nam thành Trương Cảnh Nhân có sự quen biết với Trần Khánh Chi nên bèn thiết bày tiệc rượu để mời chung vui, Trần Khánh Chi đến vườn nhà của Trương Cảnh Nhân, Tư Nông Khanh Tiêu Bưu, Thượng Thư Hữu Thừa Trương Tung đều cùng có dự đại tiệc. Tiêu Bưu cũng là người ở phía Nam thành. Chỉ có Trung Đại Phu Dương Nguyên Thận, Cấp Sự Trung Đại Phu Vương Tuần là hàng sĩ tộc ở Trung Nguyên. Trần Khánh Chi nhân ngà say nói cùng Tiêu Bưu, Trương Trung v.v... rằng: “Triều Đại Nguyên Ngụy rất là hưng thạnh nhưng còn gọi là Ngũ Hồ, còn tương thừa chánh lóc thì đang tại giang tả. Ngọc ấn của Tần Hoàng hiện tại ở Lương Triều” Dương Nguyên Thận nghiêm sắc mặt nói: “Giang tả là nơi gá nghỉ lánh ở một góc, đất xứ đó lắm ẩm thấp sâu chật chen ở dưỡng nuôi trùng kiến, đất xứ biên cương dịch bệnh, ếch ruồi cùng sống chung hang người chim đồng đàn, lũ tóc ngắn không dung mạo mềm mỏng, Dân Văn Thân bẩm chất xấu xí nổi trôi nơi ba sông bơi lội trong năm hồ, lễ nhạc không đượm nhuần, hiến chương chẳng cải đổi. Tuy là mọi sự tạp tội dư thừa của Hán Tần lấy làm Hoa âm, lại thuộc loại mân sở khó nói, không thể cả biến. Tuy có lập vua tôi nhưng trên thì khinh mạn dưới thì hung bại. Vì vậy mà Lưu Thiệu giết cha ở trước Hưu Lang thông dâm với mẹ ở sau, trái nhịch nhân luân, chẳng khác cầm thú. Thêm về Sơn Âm cầu Rể mua dâm cùng bạn chồng, đối với gia đình chẳng đoái hoài mọi sự cười chê. Ông tấm gội Di phong ấy chưa đượm nhuần lễ hóa, chỗ gọi là dân chúng của Dương Địch, không biết ung nhọt ấy là xấu xa. Triều đại Nguyên Ngụy nhà ta Ứng phù thọ đồ, định Đảnh ở Tung Lạc, lấy 5 núi làm trấn, lấy 4 biển làm nhà, phép tắc dời phong

đổi tục, cùng đồng dấu vết như Ngũ Đế, Lễ nhạc hiến chương hưng thạnh, vượt trội trăm vương mà riêng cao. Đâu như các ông là bọn cá rùa, mến mộ nghĩa đến chầu, uống nước ao hồ của ta, ăn gặm thóc gạo của ta, không gì chẳng hao tốn". Nói đến đây, thì Trần Khánh Chi v.v... thấy Dương Nguyên Thận lời trong tiếng nhã tuông phát dọc ngang, bèn ngậm miệng đổ mồ hôi, chấp tay không nói. Sau đó vài ngày, Trần Khánh Chi cảm mắc bệnh trên tim rất đau nhói, tìm hỏi người để giải trị. Dương Nguyên Thận tự nói rằng: "Ta có thể giải trừ bệnh của Trần Khánh Chi". Trần Khánh Chi bèn phải nhờ đến Dương Nguyên Thận. Dương Nguyên Thận liền ngậm nước phun. Trần Khánh Chi nói: "Quỷ của người Ngô sống ở Kiến Khương, nhỏ thì làm mũ khăm bịt đầu, ngắn thì làm xiêm y. Tự kêu là A-nông. Nói thì A-bàng, lấy rau cỏ lúa đắng làm cơm ăn, lấy noản chè uống làm nước tương, mút nếm rau đắng lang, mút hút cua vàng, tay nắm đậu khấu, miệng nhấm tân lang. Chợ đến xứ Trung Hoa, nghĩ nhớ về quê cũ. Gấp vẫy tay đi nhanh trở về đến Sơn dương như quỷ cửa lạnh ấy, mới đầu cần lưới cá lọc rùa ở sông hồ, gặm nhấm của ấu ngó sen, nhặt lượm đầu gà ếch lang thịt trai lấy làm ngon lành, mặc áo vải mang giày cỏ cưỡi ngược trâu nước khắp nguyên tương giang hán, vẫy mái chèo ngau du, theo gợn tìm sóng miệng ngáp nổi chìm, mặc áo gai trắng đánh sóng ngâm ca, gấp tay liền đi". Về đến Dương Châu, Trần Khánh Chi nắm gối nói rằng: "Dương Quân (Dương Nguyên Thận) thấy thật nhục lắm vậy". Từ đó về sau con em người Ngô trọn không dám mở miệng nói. Khi Bắc Hải Vương tìm ngầm phục giết hại, Trần Khánh Chi lại bỏ chạy, Tiêu Diễn dùng làm Tư Châu Thứ Sử, khâm trọng người đất Bắc đặc dị khác thường. Chu Di lấy làm lạ lại hỏi Trần Khánh Chi rằng: "Từ thời nhà Tấn nhà Tống trở lại, gọi xứ Lạc Dương là vùng đất hoang. Trong đây nói Trường Giang trở về hướng Bắc đến tận xứ Di Địch. Hôm trước đến Lạc Dương mới biết áo mũ của hàng sĩ tộc đều là nghi lễ ở Trung Nguyên. Người vật giàu đông cao lớn, chỗ mắt không biết, miệng chẳng thể nói bày. Chỗ gọi là Đế kinh phép tắc nghiêm trọng hơn cả bốn phương. Người có lên núi Thái mới thấy gò đống là thấp, người có ra biển cả mới tương nguyên là nhỏ. Đối với người đất Bắc sao có thể không kính trọng mến quý họ?" nhân đó mà vũ nghi trang phục thảy đều theo khuôn phép của Nguyên Ngụy. Các hàng sĩ thứ ở Giang Biểu đua nhau cùng bắt chước áo bào. . . . đai.

Dương Nguyên Thận người xứ Hoằng nông là cháu 6 đời của Ký Châu thứ sử kiệu ở thời nhà Tấn. Tằng Tổ (ông cố) tên là Thái theo Tống Võ (?) vào Quang Trung làm Thượng lạc thái thú... năm, trở lại

triều đình Nguyên Ngụy, vua Minh Đế (?) ban tước Lâm Tấn Hầu, Quảng Võ Quận, Trần Quận Thái Thú, tặng làm kinh châu thứ sử, thụy hiệu là Liệt Hầu. Tổ phụ (ông nội) tên là Phủ thông rành kinh sử, làm Trung Bác sĩ. Thân phụ tên là Từ, từ khi có được hang đồi chẳng chuyên kính thờ Vương hầu. Có người chú ruột tên Hứa làm Hà Nam lệnh, Thục Quận Thái Thú. Đời đời lấy sự học hành mà vẻ vang tiếng tăm vang cùng khắp làng huyện. Dương Nguyên Thận tánh tình mến chuộng cao xa. Thuở nhỏ rất có tiết tháo trội cao, nhân từ mặc tình tự buông, chẳng vì thời thiết buộc ràng, thích núi mến sông ưa rảo bước rừng chầm, biết rộng văn sâu, lời trong nhập thần, nhanh nhẹn đối đáp chẳng ai xứng bằng, Đọc Lão Trang, khéo nói Huyền lý, tánh lại ưa thích uống rượu, uống cả thạch mà thần chẳng loạn, thường bùi ngùi tự than không được sinh sống đồng thời với Nguyễn Tịch, chẳng ước muốn làm sĩ quan, tuy làm Trung tán mà luôn lấy cớ bệnh để khước từ trở về nhàn tĩnh, chưa từng kính mến các bậc sang quý, cũng chẳng chia buồn mừng vui với người thân gần, chỉ biết đến các người quý thì kết giao làm bạn, nên người thời bấy giờ chẳng mấy ai hay biết. Hoặc có người mến kính cao nghĩa dó, ném chích nơi cửa nhưng Dương Nguyên Thận vẫn cáo bệnh mà nằm. Lại thêm, Dương Nguyên Thận rất có ý nghĩ sâu dài, khéo giỏi về giải mộng. Trong khoảng niên hiệu Hiếu Xương (525-528) thời Bắc Ngụy, Quảng Lăng Vương Nguyên Uyên mới đầu dẹp trừ nghi đồng Tam ty. Dẫn binh lính cả 10 vạn đánh diệt các Vinh, ban đêm mộng thấy mình mặc áo lễ tựa cây hòe mà đứng cho đó là điềm ứng tốt lành, đem hỏi cùng Dương Nguyên Thận. Dương Nguyên Thận bảo "Tam Công có được tốt lành vậy". Nguyên Uyên rất lấy làm vui mừng. Sau khi trở về Dương Nguyên Thận nói với mọi người rằng: "Quảng Lăng Nguyên Uyên ắt chết vậy. Chữ hòe là cây đứng tựa bên cạnh quỷ. Sau khi chết sẽ được Tam Công". Quả nhiên Quảng Lăng Nguyên Uyên bị Cát Vinh giết chết, và được truy phong là Tư không Công. Trọn đúng như lời Dương Nguyên Thận nói. Khoảng đầu niên hiệu Kiến Nghĩa (528) thời Bắc Ngụy, . . . Dương Thành Thái Thú Tiết Lệnh Bá nghe Thái Nguyên Vương (Nhĩ Chu Vinh) giết trăm quan lập vua Trang Đế (Hiếu Trang Đế - Nguyên Tữ Du 528-530), bèn bỏ quận theo hướng Đông mà chạy, mộng thấy bắn được chim nhạn, đem hỏi Dương Nguyên Thận. Dương Nguyên Thận nói: "Ông cầm dê, Đại phu cầm nhạn, ông sẽ được chức Đại phu". Bỗng nhiên Tiết Lệnh Bá diệt trừ được bèn làm Gián nghị đại phu. Kinh Triệu Hứa Siêu mộng thấy trộm dê vào ngục, đem hỏi Dương Nguyên Thận, Dương Nguyên Thận nói: "Ông sẽ được Dương thành

lệnh. Về sau, Hứa Siêu có công, được phong Dương thành lệnh, Dương Nguyên Thận giải mộng nêu nghĩa muôn đường, theo ý hợp tình đều có thần nghiệm. Tuy lệnh cùng với Hầu, nhỏ trái xét lệnh, nay trong trăm dặm tức là chư Hầu xưa trước vậy. Lấy đó mà luận bàn cũng là huyền diệu hiển trước. Người thời bấy giờ ví Dương Nguyên Thận tợ như Chu Tuyên kịp đến lúc Nhĩ Chu Triệu vào thành Lạc Dương, Dương Nguyên Thận liền bỏ quan vị cùng với Hoa Âm ẩn sĩ Vương Đằng, vân du đến núi Thượng lạc, làng Hiếu Nghĩa. Về phía Đông có chợ, phía Bắc chợ là làng Thực Hóa. Trong làng đó có Lưu Hồ người dân Thái Đường, chuyên lấy việc giết hại làm nghề sống. Anh em có cả thảy 4 người. Trong khoảng niên hiệu Vĩnh An (528-530) thời Bắc Ngụy, Lưu Hồ giết heo, bỗng nhiên heo kêu xin tha mạng, tiếng vang khắp bốn phía, mọi người ở láng giềng cho là anh em của Lưu Hồ đấu tranh cải lộn, bèn lại trông xem mới thấy là heo vậy. Lưu Hồ liền xả thí vườn nhà tạo dựng chùa Quy giác, mọi người trong nhà đều vào Đạo. Đến năm Phổ Thái thứ nhất (531) thời Bắc Ngụy, ở chùa đó có tôn tượng bằng vàng bỗng nhiên sinh mọc lông mi và tóc đều đầy đủ, Thượng Thư Tả Thừa Ngụy Quý Cảnh nói với mọi người rằng: "Ở thời Trương Thiên tích có xảy ra việc ấy và nước đó bèn diệt mất, nay đây cũng là điềm ứng chẳng lành vậy". Qua năm sau quả nhiên, Quảng Lăng Vương (Tiết Mẫn Đế - Nguyên Cung) bị phế truất giết chết vậy.

CÁC NGÔI GIÀ LAM Ở PHÍA ĐÔNG THÀNH LẠC DƯƠNG
QUYỂN 2
(Hết)

■

CÁC NGÔI GIÀ LAM Ở PHÍA NAM THÀNH LẠC DƯƠNG

QUYỂN 3

1. CHÙA CẢNH MINH

Chùa Cảnh Minh do Tuyên Võ Hoàng đế (Nguyên Khác 500-516) tạo dựng. Chùa xây dựng trong niên hiệu Cảnh Minh (500-504) thời Bắc Ngụy, nhân đó mà đặt tên chùa như vậy. Chùa ở tại phía Đông Ngự đạo cách 1 dặm ngoài Tuyên dương môn. Bốn phía chùa ấy thoáng rộng 500 bộ, phía trước trông nhìn đến Tung sơn Thiếu thất tức đeo mang Đế thành, rừng xanh rủ bóng, nước biếc gợn văn, hình đất ưu thắng thoáng cao riêng đẹp, núi treo đài nhà sáng rỡ quán điện lớn hơn ngàn gian, giao thông đối mái. Đài xanh các tía, đường nổi cùng thông nhau. Bên ngoài tuy có thời tiết 4 mùa mà bên trong không có lạnh nắng. Phía ngoài mái phòng đều là núi ao trúc tùng lan chỉ rủ bày thềm tường ngậm gió vây sương, tỏa hương phảng phất.

Đến trong niên hiệu Chánh Quang (520-525) thời Bắc Ngụy, Thái hậu mới tạo một ngôi phù đồ cao 7 tầng, cao cách đất trăm nhận. Do đó, trong văn bia, Hình Tứ Tài ghi rằng: "Cúi nghe sét đánh bên cạnh gần như sao băng" ấy vậy. Trang sức hoa lệ ngang đồng như chùa Vĩnh Ninh, mâm vàng khánh báu sáng rực vượt ngoài mây. Chùa có 3 cái ao. Cỏ lau ngó sen cỏ ấy các vật nước sống, hoặc mình vàng vảy tía vào ra giữa rong phủ, hoặc le xanh hạc tráng nổi chìm trong nước biếc, cối giã sàn rây đều dùng bằng sức nước. Mọi sự tối diệu của chùa rất được xứng hàng đầu. Mọi người muốn tu tạo phước đức ở thời bấy giờ cứ vào ngày mồng 07 tháng 04 hàng năm, các tôn tượng ở trong chốn kinh thành đều nghinh đưa đến chùa đó. Thương Thư Tư Bộ Tào ghi tính có hơn ngàn tôn tượng, qua ngày mồng 08 lần lượt nghinh đưa vào Tuyên dương môn, đến trước cung Lư Hạp nhận sự tung rải hoa của Hoàng đế. Khi ấy hoa vàng sáng rực trời, lọng báu nổi giữa mây, phan phướn như rừng khói hương sương móc, pháp âm phạm nhạc om sòm động cả đất

trời. Trăm thứ vui đùa của Đằng Tương, Ở đây đều sánh kịp. Các bậc danh Tăng đức chúng mang tích đến thành đoàn, các hàng tín đồ pháp lữ mang hoa cúng thành rừng, xe cưỡi đầy nghẹt, gièm trải cùng cả khoảnh. Bấy giờ có vị Sa-môn người Hồ ở Tây Vức thấy thế, xưng gọi là cõi nước Phật.

Đến trong niên hiệu Vĩnh Hy (532-534) thời Bắc Ngụy, mới ban sắc Quốc Tử Tế Tửu Hình Tử Tài viết thuật văn bia chùa. Hình Tử Tài người xứ Hà Gian, chí tánh thông mẫn, phong tình nhã đượm, dưới màn sâu rộng, ôn cũ biết mới. Nói Học Phủ Văn Tông đạp Ban Mã mà riêng lên, khuôn phép Anh Thắng vượt Hứa Quách mà riêng cao. Do đó mà các bậc tài sĩ áo mão chen nhau đến cửa, những khách mến đạo qua lại đầy phòng nhà. Lên đến phòng nhà ấy như đến cửa nhà họ Khổng. Đượm sự tưởng thưởng ấy như nghe câu của Đông Ngô, có tiếng ở đương thời. Tiêng tăm vang vọng xa gần. Khoảng cuối nhiếp hóa Chánh Quang (525) thời Bắc Ngụy, vì Thế Tông làm Vãng lang phụng triều thỉnh, sau đó tiến cử Trung Thư Thị Lang Hoàng Môn. Hình Tử Tài hợp nghe rộng thấy, không gì chẳng thông. Mọi việc quân quốc chế độ không gì chẳng phỏng hỏi. Kịp đến lúc Vương thất không yên tĩnh, Hổ môn phế nghiệp, lại chuyển sang Quốc tử tế tửu mô huấn thượng tường. Hình Tử Tài phạt kẻ biếng nhác thưởng người chuyên cần, chuyên tâm khuyến dụ, môn sinh học trò đua nhau ôm hoài nhã thuật, phong hóa của Chu Tứ từ đó trở lại hưng thạnh. Đến cuối niên hiệu Vĩnh Huy (534) thời Bắc Ngụy, vì mẹ già nên cáo từ, vua Hiếu Võ Đế (Nguyên Tu) không chấp thuận, Hình Tử Tài lắm phen khẩn thiết cầu xin, nói năng đổ rơi theo dòng lệ, vua mới chấp thuận đó và ban sắc chiếu là Quan lục đại phu, về nuôi dưỡng tại nhà riêng nơi quê cũ, có 5 người cấp giúp mọi việc. Mỗi năm có một lần chầu để đủ đầy đoái hoài han hỏi. Các vương hầu tổ đạo đưa hai văn sớ như Hán Triều, kịp đến lúc triều đình dời đò đến đất nghiệp, dân chúng kiện tụng lắm nhiều, trước cách đổi, sau chiếu gọi, tự cùng nhau đồng cướp đoạt, pháp lại nghi ngục, sổ bộ lãnh chất thành núi, vua mới ban sắc dời Hình Tử Tài cùng Tán Kỵ Thượng Thị Niết Tử Thăng soạn viết bộ "Lân Chỉ Tân Chế" gồm 15 chương, các tỉnh phủ lấy đó để quyết nghi các châu quận dùng đó làm tự bản. Đến trong niên hiệu Võ Định (543-550) thời Đông Ngụy, trừ Phiếu Kỵ Đại Tướng Quân Tây Duyên Châu Thứ Sử, làm cho nền quốc chánh bình lặng. Lại dân an ổn. Về sau trưng nên làm Trung thư lệnh. Bấy giờ binh ngựa nơi bang giao, triều đình lắm sự, Quốc lễ triều nghi đều từ Hình Tử Tài ban xuất. Hình Tử Tài trước thuật chế - văn, thư, phú, chiếu, sách, chương, biểu, địa,

tụng, tán kỵ v.v... có đến 500 chương đều lưu truyền nơi đời. Các nước láng giềng đều khâm trọng khuôn phép ấy, từ triều đình đến thôn đều lấy làm đàm tán tốt lành vậy.

2. CHÙA ĐẠI THỐNG

Chùa Đại Thống ở phía Tây chùa Cảnh Minh, đó còn gọi là chùa làng Lợi Dân. Ở phía Nam có vườn nhà của Tam Công Lệnh Sử Cao Hiển Lược. Thường đêm thấy có ánh sáng sắc đỏ đi đến trước nhà, như thế không chỉ một lần, bèn tìm theo hướng ánh sáng đó đào bới xuống đất sâu hơn một trượng có được trăm căn vàng ròng và có bài minh khắc ghi rằng: "Đó là vàng của gia đình Tô Tần, nếu người nào gặp được thì nên vì tôi mà tu tạo công đức". Cao Hiển Lược bèn tạo dựng chùa Chiêu Phước. Có người nói xứ đó là nơi vườn nhà xưa trước của Tô Tần. Bấy giờ Nguyên Nghĩa đang cầm nắm chính quyền, nghe có được số vàngấy bèn đến nhà Cao Hiển Lược đòi lấy. Cao Hiển Lược giao cho 25 cân. Theo sự cứu xét của Diễn Chi thì vào thời của Tô Tần chưa có Phật pháp nên nói Phật pháp nên nói công đức chưa hẳn là tạo dựng chùa chiền. Ứng theo đó tạo lập bia minh ca tụng vết tích tiếng tam ấy vậy.

3. HAI NGÔI CHÙA THÁI THƯỢNG CÔNG

Từ chùa Cảnh Minh về phía Nam cách khoảng 1 dặm có chùa Tây, do Thái hậu tạo lập và chùa Đông do Hoàng Di tạo lập. Đều vì thân phụ mà tu tạo phước đức, nhân đó mà đều gọi là chùa Thái Thượng Công. Người thời bấy giờ gọi là chùa 2 người con gái, và đều gần Lạc Thủy. Cây rừng trải rộng lá cành rủ che. Mỗi chùa đều có một ngôi Phú đồ nằm tầng cao 50 trượng, chạm trổ khắc họa sánh tợ chùa Cảnh Minh. Vào 6 ngày trai thường có một người trong Hoàng môn đến trông xem Tăng xá, cúng dường mọi thứ không đâu sánh bằng. Ở phía Đông chùa có một Linh đài, nền móng tuy đã đổ nát mà còn cao hơn 5 trượng, do Quang Võ Đế (Lưu Tú 25-56) thời Đông Hán tạo lập. Phía Đông Linh đài lại có Tịch ung, do Ngụy Võ (?) dựng lập. Đến trong niên hiệu Chánh Quang (520-525) thời Bắc Ngụy, tạo dựng minh đường tại phía Tây Nam của Tịch Ung, trên tròn dưới không, có 8 cửa sổ và 4 cửa nách. Nhữ Nam Vương lại tạo một ngôi Phù đồ bằng gạch ở trên Linh đài, khoảng đầu niên hiệu Hiếu Xương (525) thời Bắc Ngụy, yêu giặc nổi loạn xâm chiếm bốn phương các châu quận mất nơi chiếm cứ, Triều đình lại thiết bày chiêu mộ chinh chiến, chánh tại phía Bắc đường. Mọi

người theo lính, bái thuận khoáng dịch tướng quân, Thiên tướng quân, Bì tướng quân. Các hàng quan sĩ áo giáp mũ trụ ở đương thời xưng gọi đó là Quân đội của Minh đường. Bấy giờ, Hổ Phần lạc Tử Uyên tự nói là vốn người xứ Lạc Dương. Xưa kia trong khoảng niên hiệu Hiếu Xương (525-528) thời Bắc Ngụy, đi lính ở Bành Thành. Có người đồng doanh trại tên là Phiền Nguyên Bảo được tạm về nhà ở kinh đô. Lạc Tử Uyên gởi một lá thư về nhà và nói là “vườn nhà tại phía Nam Linh đài”, gần Lạc thủy. Ông chỉ đến đó sẽ có người nhà tự ra tiếp đón nhận”. Nguyên Bảo y theo lời đó, đi đến phía Nam Linh đài, trọn không có người nào để hỏi nhà, chần chừ sắp muốn đi, bỗng thấy một cụ già đi lại hỏi: “Từ đâu đến mà bàng hoàng như thế? Khi ấy Nguyên Bảo tỏ bày cụ thể sự việc. Cụ già ấy bèn nói: “Tủ Uyên là con của tôi vậy”. Và nhận lấy thư. Vẫn đưa Nguyên Bảo đi vào. Bỗng thấy quán các cao thoáng, phòng nhà đẹp xinh, cụ già gọi kẻ tớ đưa rượu ra, phút chốc bỗng thấy kẻ tợ ân bồng một trẻ con bị chết đi ngang qua. Mới đầu, Nguyên Bảo rất lấy làm quái lạ, bỗng chốc lại thấy rượu đưa đến sắc màu hồng mùi vị thơm ngon khác thường, lại thiết bày các thức ăn ngon lành khác lạ đủ các món của đất liền và biển cả. Ăn uống xong, giả từ ra đi. Ông cụ già ấy tiễn đưa Nguyên Bảo đi ra mà bảo rằng: “Về sau khó có kỳ hạn gặp lại, rất lấy làm buồn xót”. Cách biệt ân cần xong, cụ già trở vào lại. Bỗng nhiên, Nguyên Bảo không thấy cửa nhà ấy nữa, chỉ thấy bờ cây nước biếc gợn sóng về hướng Đông. Và chỉ thấy có một đứa trẻ tuổi khoảng 15 vừa mới bị chết đấm, trong mũi còn trào máu. Mới biết rượu uống hồi nãy là máu ấy vậy. Và khi trở lại Bành thành thì Tử Uyên cũng đã biến mất. Nguyên Bảo cùng Tử Uyên đồng ở lính 3 năm, ma không biết đó là Thần của Lạc thủy vậy.

4. CHÙA BẢO ĐỨC

Chùa Bảo Đức do Hiếu Văn Hoàng đế (Thác Bạt Hoành 471-500) thời Bắc Ngụy tạo lập, là vì Phùng Thái hậu mà tu tạo phước đức vậy. Chùa ở tại Ngự đạo Khai dương môn, cách 3 dặm ngoài Khai dương môn, phía Đông có Hán Quốc tử học đường. Trước học đường có bản kinh bằng đá khắc ghi 3 thứ chữ, và 25 văn bia khắc viết cả trong ngoài, ghi tả 2 bộ Xuân Thu Thượng Thư, làm bằng ba thứ chữ Triện khoa, đấu, lệ. Là di tích nét bút của Hữu Bộ Thị Lang Thái Ung hiện còn 18 văn bia ngoài ra đều bị hư hoại. Lại có 48 bản bia đá trong ngoài ghi tả 4 bộ chu dịch Thượng Thư Công Dương Lễ ký theo lối chữ Lệ. Lại có một văn bia đọc sách đều tại trước học đường. vua Văn Đế (?) thời

nhà Ngụy làm 6 văn bia điển luận. Đến năm Thái Hòa thứ 17 (493) thời Bắc Ngụy hiện còn 4 văn bia. Cao Tổ (Hiếu Văn Đế - Thác Bạt Hoành) đề tên đó là làng Khuyến Học. Trong làng đó có 3 ngôi chùa Đại Giác, Tam bảo và Ninh Viễn. Đến năm Võ Định thứ 4 (546) thời Đông Ngụy, Đại tướng quân dời bản kinh Đà đến Dĩnh, chung quanh có vườn là nơi phát xuất các thứ cây ngon lạ, có Lê Đại Cốc, trái nại của Thừa Quang. Tại chùa Thừa Quang cũng có nhiều cây trái, mùi vị trái nại rất ngon lành chiếm ưu thế tỏa khắp kinh đô. Phía Đông làng Khuyến Học có làng diên Hiền. Trong làng đó có chùa Chánh giác do Thượng Thư Lệnh Vương Túc tạo lập. Vương Túc tự là Cung Ý; người xứ, là con của Ung ChâuThứ Sử Hoán ở thời Ngụy Tề, rất tinh thông về Chiêm học, tài biện văn từ hay khéo, làm bí thư thừa ở thời nhà Tề, đến năm Thái Hòa thứ 18 (494) thời Bắc Ngụy, phản nghịch lại quy thuận theo Nguyên Ngụy. Bấy giờ Cao Tổ (Thác Bạt Hoành) vừa mới xây dựng Lạc Ấp, có nhiều việc chế tạo, Vương Túc rộng hiểu biết mọi việc xưa cũ có nhiều bổ ích, vua Cao Tổ rất mến trọng đó, thường kêu gọi là tên là Vương Sinh Diên Hiền, nhân đó mà Vương Túc lập tên làng như vậy. Ngày ở tại đất phương Nam, Vương Túc lấy con gái nhà họ Tạ làm vợ. Khi đến kinh đô lại mến chuộng công chúa, con gái họ Tạ làm bài thơ Ngũ ngôn để tặng Vương Túc, ghi rằng:

“Xưa lam tằm trên ni
Nay là tơ trên máy
Được đường đuổi đi thẳng
Nhớ thời buộc tơ chăng?”

Công chúa bèn thay Vương Túc đáp lại con gái họ Tạ rằng:

“Kim là vật xỏ chỉ
Trong mắt thường có tơ
Được lụa may mới đi
Sao hay nhận xưa cũ”.

Vương Túc tỏ vẻ rất thẹn với con gái họ Tạ, bèn tạo dựng chùa Chánh giác để ở nghỉ. Vương Túc nhớ ngày trước thân phụ mắc họa phi lý nên thường có ý báo sở của Tử Tư, nên trọn đời mặc y phục sắc trắng, không nghe âm nhạc. Người thời bấy giờ vì vậy mà kính xưng. Khi mới vào xứ Nguyên Ngụy (Lạc Dương), Vương Túc không ăn thịt dê và các vật Tô Lạc, tương v.v... thường ăn cơm với canh cá giếc, khát thì uống nước noản chè. Các hàng sĩ tử ở kinh đô nói: “Mỗi lần Vương Túc uống nước hết một hộc, nên gọi ông là Lậu Chi (chén nước tràn). Qua sau vài năm, Vương Túc cùng Cao Tổ (Thác Bạt Hoành) dự hội nơi điện, ăn

thịt dê cháo lạc rất nhiều, Cao Tổ lấy làm quái lạ, bèn hỏi Vương Túc rằng: "Khanh cảm thấy mùi vị tại Trung Quốc đây thì thịt dê so với canh cá như thế nào? Uống nước noản che so với nước sữa lạc như thế nào?" Vương Túc đáp rằng: "Dê là sản vật ưu tối của đất liền, cá là vật dài lâu của loài thủy tộc, về sự ngon lành thì có khác nhau nhưng mỗi mỗi đều được là ngon lành cả. Nếu lấy mùi vị để nói thì có sự rất hơn kém. Ví như dê sánh với bang lớn Tề Lỗ, cá sánh với nước nhỏ Chu Cử. Chỉ có noản chè chẳng trung, cùng với Lạc làm nô". Cao Tổ cười lớn, nhân đó nâng chén rượu lên nói rằng: "Ba ba hoành, hai hai tung, ai có thể biện đối được đó thì ban thưởng cho chung vâng". Khi ấy, ngự sử Trung Thừa Lý Bưu nói rằng: "Bà già bán rượu vò rót bình, trẻ con giết thịt cùng cân đồng". Thượng Thư Hữu Thừa Chân Sâm nói rằng: "Người Ngô nổi trên nước tự đi, trẻ con công kỷ ném đây giữa không trung". Vương Hiệp ở Bành thành nói: "Thần mới hiểu đó là chữ "Tập". Cao Tổ liền đem chung vàng tặng cho Lý Bưu, cả triều đình đều đượm nhuần Lý bưu thật là người thông minh có trí. Chân sâm hòa theo đó cũng nhanh chóng. Vương Hiệp nói cùng Vương Túc rằng: "Ông chẳng trọng nước lớn Tề Lỗ, mà lại mến nước nhỏ Chu Cử". Vương Túc đáp rằng: "Ông quanh co sự tốt đẹp, không thể chẳng tốt đẹp". Vương Hiệp lại nói rằng: "Ngày mai tới nhà tôi, tôi sẽ vì ông mà thiết bày thức ăn của Chu Cử, cũng có Lạc nô". Nhân đó mà lại gọi uống noản chè là Lạc nô. Khi ấy, cấp sự nhân Lưu Hạo mến mộ phong hóa của Vương Túc, chuyên tập uống noản chè. Vương Hiệp nói cùng Lưu Hạo rằng: "Ông không ưa thích bát trân của Vương hầu mà lại mến thích thủy ách ở đầu biến. Tại Hải thượng có chồng của Xú Toại, trong làng có vợ của Học Tần, vì ông nói đó tức là ấy vậy". Nhà của Vương Hiệp có Ngô nô, vì lời nói ấy mà cười vậy. Từ đó mỗi lúc triều quy bày yến hội, tuy có thiết nước noản chè nhưng mọi người đều hổ thẹn chẳng chịu uống. Chỉ có hạng dân nghèo tiện ở Giang Biểu từ xa lại hàng phục ưa thích uống. Về sau, con của Tiêu Diễn là Tây Phong Hầu Tiêu Chánh Đức quy hàng. Khi ấy Nguyên Nghĩa vì đó mà thiết đãi uống nước noản chè. Trước tiên hỏi rằng: "Ông ở tại Thủy ách được bao lâu?" Chánh Đức không hiểu ý Nguyên Nghĩa bèn đáp rằng: "Hạ quan sinh tại thủy hương mà từ khi lập thân trở lại nay chưa từng gặp nạn của Dương Hầu". Nguyên Nghĩa cùng tất cả khách trong Hội đều cười lớn vậy.

5. CHÙA LONG HOA

Chùa Long Hoa do Quảng Lăng Vương dựng lập. Chùa Truy

Phước do Bắc Hải Vương dựng lập, đều ở tại phía Đông chùa Bảo Đức. Mọi Pháp sự Tăng phòng đều sánh như chùa Tần Thái Thượng Công. Ở kinh đô, các chùa đều trong cây trái đủ thứ nhưng ở vườn rừng ba chùa này rất tươi tốt không đâu sánh bằng.

Cách bốn dặm ngoài Tuyên dương môn đến Lạc thủy thượng làm cầu nổi, chỗ gọi là Vĩnh Kiều. Trong niên hiệu Thần Quy (518-520) thời Bắc Ngụy, Thường Cảnh làm Cần Minh, ngôn từ viết rằng:

"Mênh mông sông lớn
Khơi thoáng dòng trong
Dẫn nguồn Hùng nhĩ
Ngăn dòng ngạch lớn
Nhận cốc thổ y
Suốt cùng hào ngâm
Gần đến Hà tông
Xa chầu hải nhã
Điềm chỉ lạc thực
Thật đồng Trung Hoa
Trên ánh Trương liễu
Dưới tựa Hà Tung
Lạnh nóng thửa hợp
Nhật nguyệt chuyển dung
Đời vua tỏa sáng
Miệng bít hạ phong
Trước gần Thiếu thất
Tức mang Thái hành
Chế đảnh Đông ấp
Cao vọi Tây cương
Đất bốn mặt hiếm
Trang của sáu đạt
Nương đức thì bền
Thất đạo thì mất
Rõ xem xưa bày
Xét thấy khâu phần
Mới soán mới đổi
Hoặc chất hoặc văn
Khắp hơn chín lệ
Ba phần cuối Hán
Phong Nguy suy sau

Đất Tấn khắc xông
Trời đất phát huy
Đồ thư nhận mạng
Vận vua có cùng
Công thần chẳng tranh
Ngụy lục trông trời
Huyền phù nắm kiếng
Ấn vận Hội Xương
Long Đồ nhận mạng
Mới nhìn sách luật
Ôm hoài Bảo Định
Bày vết cảnh đây
Truyền khuôn đẹp lớn
Tiếp áo mão ta
Chính chất thần ta
Nước đất cùng hợp
Chu Trịnh cùng thông
Bèn khắc Lạc nhuế
Báo cùng Trung kha".

Hai bờ Nam-bắc có Hoa biểu cao 20 trượng, trên Hoa Biểu làm phụng Hoàng, thế tợ như xung thiên, từ Vĩnh Kiều trở về hướng Nam, và từ Viên Khâu trở về phía Bắc, khoảng giữa ấy là Y Lục, cặp theo Ngự đạo có bốn Di Quán. Đường phía Đông có 4 Quán, tức một là Quy Chánh, hai là Quy Đức, ba là Mộ Hoa, bốn là Mộ Nghĩa. Người Ngô đến Trung Hoa thì sắp đặt ở Kim Lăng Quán, ba năm trở vễ sau ban cấp vườn nhà ở làng Quy Chánh, khoảng đầu niên hiệu Cảnh Minh (500) thời Bắc Ngụy, Tấn An Vương Tiêu Bảo Di Thụy Ngụy Tề đến hàng phục, được phong là Cối Kê Công vì tạo lập vườn nhà ở làng Quy Chánh. Về sau Tăng chức tước làm Tề Vương, chuộng Nam Dương Trưởng công chúa. Tiêu Bảo Di xấu hổ vì xếp đồng hàng như người Di, nên khiến công chúa tâu bày cùng Thế Tông (Tuyên Võ Đế - Nguyên Khác). Thế Tông cũng chấp thuận cho đó mà ban cấp vườn nhà ở làng Vĩnh An. Trong năm Chánh Quang thứ 4 (523) thời Bắc Ngụy, con của Tiêu Diễn là Tây Phong Hầu Tiêu Chánh Đức đến hàng phục, được xếp đặt ở Kim Lăng quán, vì tạo lập vườn nhà ở làng Quy Chánh. Tiêu Chánh Đức xả thí vườn nhà tạo dựng chùa Quy Chánh. Mọi người ở Bắc Di đến nương gá, được xếp đặt ở Yến Nhiên quán, ba năm trở về sau, ban cấp vườn nhà ở làng Quy Chánh. Năm Chánh Quang thứ nhất

(520) thời Bắc Ngụy, người Nhuyễn Nhuyễn đến kinh đô, Cửu Lư Ban Hoằng đến triều chầu, Quan chấp sự chẳng biết họ là người xứ nào. Trung Thư Xá Nhân Thường Cảnh bàn nghị rằng: “Trong niên hiệu Hàm Ninh (275-280) thời Tây Tấn, Đơn Vu đến triều, đời nhà Tấn xếp đặt họ ở dưới Vương Công đặc tấn, nên có thể ban cho Ban Hoằng ở giữa khoảng Phiên Vương Nghi Đồng”. Triều đình bèn theo sự bàn nghị ấy, lại xếp đặt ở yến Nhiên quán, ban cấp vườn nhà ở làng Quy Đức. Bắc Di Tù trưởng sai con vào hầu, thường là mùa thu đến mùa xuân đi, lánh sự nắng nóng ở Trung Quốc, nên người thời bấy giờ gọi đó là Nhạn thần. Người Đông Di đến nương náu, được xếp đặt ở làng Phù Tang, ban cấp vườn nhà ở làng Mộ Hóa. Người Tây Di đến nướng náu được xếp đặt ở Yêm Tư quán, ban cấp vườn nhà ở làng Mộ Nghĩa. Mọi người từ Thông Lãnh trở về hướng Tây đến xứ Đại Tần, trăm nước ngàn thành không ai chẳng mừng vui đến nương náu. Khách thương buôn bán ngày một đua nhau đến dưới tái (bờ cõi), chỗ có nghĩa là khắp khu vực của đất trời đã mến mộ thổ phong của Trung Hoa vậy, nhân đó mà vườn nhà lắm nhiều không thể xiết kể, vì vậy dân chúng đến nướng náu phong hóa có hơn vạn nhà, cửa hẹp sửa sang, xóm làng khắp đầy. Hòe xanh che rủ bóng lối đường, cây biếc tỏa sân. Mọi vật khó có được trong thiên hạ, tại xứ đó thảy đều có. Riêng lập chợ ở phía Nam Lạc Thủy, gọi là chợ Tứ Thông, trong dân gian gọi đó là chợ Vĩnh Kiều. Cá ở Y Lạc phần nhiều bán tại chợ ấy. Các hàng sĩ thứ cần có nem thái thì đến đó mua lấy, mùi vị các rất ngon. Người ở chốn kinh đô nói: “Cá chép cá mè ở y lục quý sinh như thịt trâu thịt dê”. Phía Đông đường phía Nam Vĩnh Kiều có hai phường bạch Tượng và Sư Tử. Bạch Tượng là do vua người Hồ ở nước Kiền-đà-la hiến tặng ở năm Vĩnh Bình thứ 2 (509) thời Bắc Ngụy và tặng Bình Phong 5 sắc, tòa 7 báu, sàng cốc vài người, thật là vật báu lạ, thưởng nuôi dưỡng voi (bạch tượng) tạu chuồng Thừa hoàng. Voi luôn phá hoại phòng nhà làm đổ nát tường vách, tuông chạy ra ngoài, gặp cây liền nhổ, gặp tường vách cũng xô ngã đổ. Dân chúng kinh sợ đua nhau chạy tránh, Thái hậu bèn dời voi đến ở phường ấy. Còn sư tử do vua người Hồ ở nước Ba Tư dâng tặng, làm giặc nghịch phản Vạn Hầu Xú Nô bắt được, lưu giữ trong quân giặc. Đến cuối niên hiệu Vĩnh An (530) thời Bắc Ngụy, Xú Nô phá diệt mới tới được kinh đô. vua Trang Đế (Hiếu Trang Đế - Nguyên Tử Du) nói cùng Thị Trung Lý Hoặc rằng: “Trẫm nghe hồ thấy sư tử hẳn liền nép phục, nên tìm kiếm để thử xem”. Bèn ban chiếu ở các quận huyện gần núi săn bắt hổ đưa đến. Cùng huyện Sơn Dương cùng đưa đến một con hổ hai con báo.

vua đến Hoa lâm viên mà trông xem đó. Khi ấy, hổ và báo vừa thấy sư tử thảy đều liền nhắm mắt không dám ngửa mặt trông nhìn. Trong Hoa lâm viên vốn có nuôi một con gấu tánh rất thuần. vua bảo đem đến thử xem. Người Ngô dẫn con gấu nuôi ấy đến, vừa nghe hơi sư tử, gấn bèn kinh sợ nhảy vọt, vượt khóa mà chạy. vua Hiếu Trang Đế cười lớn. Đến năm Phổ Thái thứ nhất (531) thời Bắc Ngụy, Quảng Lăng Vương (Tiết Mẫu đế - Nguyên Cung) lên ngôi, ban sắc chiếu rằng: "Với loài cầm thú mà giam giữ nó tức là trái với tánh của nó, nên phóng thả nó về lại núi rừng. Sư tử cũng nên đưa nó trở về với đất nước xưa cũ". Người dẫn đưa sư tử, vì đường đến nước Ba Tư quá xa không thể đưa đến, nên mới nửa đường mà giết hại sư tử rồi trở về. Quan Hữu ty buộc hạch xét tội cho là trái với chỉ luận. Quảng Lăng Vương bảo: "Đâu nêu vì sư tử mà buộc tội người vậy". Bèn tha cho kẻ ấy.

6. CHÙA BỒ ĐỀ

Chùa Bồ-đề do người Hồ ở Tây Vức tạo lập tại làng Mộ Nghĩa. Sa-môn Đạt-đa khai phát phần mộ lấy gạch, bèn có người nên tấu trình, khi ấy Thái hậu cùng vua Hiếu Minh Đế (Nguyên Hủ 516-528) thời Bắc Ngụy đang ở tại Hoa lâm đô đường, lấy làm quái dị, bèn hỏi cùng Hoàng Môn Thị Lang Từ Hột rằng: "Từ xưa đến nay đã có việc như vậy chăng?" Từ Hột đáp rằng: "Xưa kia vào thời Tiền Ngụy, khai phát phần mộ có được con rể của Hoắc Quang là Phạm Minh Hữu. Đứa tờ ở trong nhà nói triều đình nhà Hán hẳn bị phế lập. Cùng với sử sách rất phù hợp, nay đây chẳng có gì phải lấy làm lạ". Thái hậu bảo từ Hột hỏi tên họ người chết ấy, từ lúc chết đến nay đã bao nhiêu năm? Và thường ăn uống vật gì? Người chếtấyđáp: "Thần vốn dòng họ Thôi, tên là Hàm, tự là Tử Hồng, người xứ an Bình; Bác Lăng. Cha tên là sướng, mẹ dòng họ Ngụy, nhà ở tại Phụ Tài phía Tây thành. Lúc chết vừa 15 tuổi, đến nay là 27 tuổi, ở trong lòng đất đã 12 năm, thường tợ như say nằm chẳng ăn uống gì. Có lúc lại du hành, hoặc gặp cơm ăn, tợ như trong mộng, chẳng thể nêu bày rõ ràng". Thái hậu sai phái môn hạ Lục Sự Trương Tú Huề đến làng Phụ Tài phỏng hỏi về cha mẹ của Hàm, quả nhiên có được ông Thôi Sướng và người vợ là dòng họ Ngụy. Trương Tú Huề hỏi Thôi Sướng rằng: "Ông có đứa con đã chết ư?" Thôi Sướng đáp: "Có đứa con tên là Hàm đã chết lúc 15 tuổi". Trương Tú Huề nói: "Có người khai phát phần mộ, ngày nay nó sống lại, hiện ở trong Hoa lâm viên. Người chủ cố sai tôi đến đây cùng phỏng hỏi". Nghe thế, Thôi Sướng kinh sợ nói: "Thật tôi không có đứa con ấy. Người bảo đến đây nói sai

lầm vậy". Trương Tú Huề trở về nói lại đầy đủ việc ấy cùng Thái hậu. Thái hậu sai Trương Tú Huề dẫn đứa Thôi Hàm trở về lại nhà. Thôi Sướng nghe Thôi Hàm đến trước cửa, bèn nổi lửa, tay nắm dao, còn vợ cầm lấy cành đào, bảo rằng: "Ngươi chẳng cần phải lại đây. Ta chẳng phải là cha của ngươi, ngươi chẳng phải là con của ta, hãy gấp gấp đi nhanh, không được làm hại". Thôi Hàm bèn xoay bỏ đi đến nương náu nơi chốn kinh đô, thường ngủ qua đêm dưới cổng chùa. Nhữ Nam Vương tặng cho chiếc áo sắc vàng và một ngọa cụ. Tánh Thôi Hàm lo sợ ban ngày, chẳng dám ngửa mặt trông nhìn, lại sợ nước lửa và đao binh, thường chạy đến giữa đường, gặp sóng thì dừng, chẳng đi chậm rãi. Người thời bấy giờ cho đó là Quỷ. Phía Bắc chợ lớn Lạc Dương có hàng phụng chung. Người trong làng ấy phần nhiều bán vật dụng chôn cất người chết cho đến cả quan quách. Thôi Hàm bảo cùng họ rằng: "Nên làm quan (hòm) bằng gỗ bách, chớ dùng gỗ dâu làm nhương". Có người hỏi về nguyên do, Thôi Hàm đáp: "Khi tại dưới đất, có người khai phát lính quý, có một con quỷ dối xưng là quan băng gỗ bách nên miễn khỏi chúa binh, kẻ lại bảo: "Ngươi tuy có quan bằng gỗ bách nhưng mà dùng gỗ dâu làm nhương", bèn không miễn khỏi. Ở chốn kinh đô nghe thế, gỗ Bách bỗng nhiên nhảy vọt gia. Có người nghi ngờ là người bán quan đúc lót Thôi Hàm nói lời ấy vậy".

7. CHÙA CAO DƯƠNG VƯƠNG

Chùa Cao Dương Vương là vườn nhà của Cao dương Vương Ung, tại bên cạnh phía Tây Ngự đạo cách 3 dặm ngoài Tân dương môn. Vương Ung vì Nhĩ Chu Vinh làm hại bèn xả thí vườn nhà để làm chùa. Trong niên hiệu Chánh Quang (520-525) thời Bắc Ngụy, Vương Ung làm Thừa tướng, được cấp xe kiệu Vũ Bảo cổ xúy Hổ phần ban kiếm cả trăm người, cao quý cùng cực trong nhân thần, sang giàu gồm cả núi biển. Ở nơi Đề thất vườn nhà sánh bằng đế cung, Điện trắng hạm son, yểu diệu vòng quanh, diềm bay nghiêng nhà, chấng chịt cùng thông, tôi tớ có 6000 người, kỹ nữ có 500, ngón chân đeo ngọc chiếu ánh như mặt nhật, áo lướt thướt bay theo gió. Từ thời nhà Hán nhà Tấn trở lại, các bậc vương hầu hào gia xa xỉ chưa ai có vậy. Lúc đi ra, Xô kêu Ngự đạo, văn vật thành hàng, nao thổi vọng phát, tiếng kèn lá buồn chuyển, khi vào thì ca phi vũ nữ đánh trúc thổi sênh, tiếng đàn tiếng saó đắp đổi hòa tấu liền đêm hết ngày. Ở đó, rừng trúc ao cá sánh bằng như Phạm Uyển, cỏ thơm như chất chứa, gỗ quý che râm liền. Vương Ung ưa thích khẩu vị nông hậu, tự phụng dưỡng, mỗi ngày hẳn dùng

cả vài vạn tiền làm hạn định. Các vật ngoan lành trên đất liền và giữa biển cả, phương trượng ở trước. Trần Lưu Hầu Lý Sùng nói với mọi người rằng: "Cao Dương (Vương Ung) xái dùng một ngày đáng của ta cả ngàn ngày". Lý Sùng làm thượng thư lệnh nghi đồng Tam ty cũng giàu sang khuynh cả thiên hạ, tôi tớ có cả ngàn người, mà tánh rất cần kiệm rít lậu, mặc áo xấu, ăn cơm thô, thường không có thịt, chỉ có củ cải dưa muối. Khách của Lý Sùng là Lý Nguyên Hựu nói với mọi người rằng: "Lý lệnh công (Lý Sùng) mỗi ngày ăn 18 món". Có người hỏi về nguyên do. Lý Nguyên Hựu đáp: "hai lần 9 (cửu số 9 - cửu là rau hẹ) là 18. Mọi người nghe đều cười lớn. Người thời bấy giờ bèn lấy đó mà gièm pha mắng chửi. Sau khi Vương Ung qua đời, các kỹ nữ thảy đều được vào Đạo, hoặc có người đi lấy chồng. Người đẹp Từ Nguyệt Hoa là người khéo giỏi về đàn không hầu, hay làm ca khúc của Minh cơ ra biên ải. Người nghe không ai chẳng đổi thay sắc mặt. Trong khoảng niên hiệu Vĩnh An (528-530) thời Bắc Ngụy, bèn kết làm vợ lẽ của Vệ Tướng Quân Nguyên Sĩ Khương, Từ Nguyệt Hoa đánh thổi không hầu mà ca, tiếng buốn vút tận vào mây, mọi người đi đường dừng lại lắng nghe bỗng chốc đông thành chợ. Từ Nguyệt Hoa từng nói cùng Nguyên Sĩ Khương rằng: “”Vương (?) có hai Mỹ cơ, một người tên là Tu Dung và một người tên là Diễm Tư đều là mày ngài răng trắng, dáng mạo sạch đẹp nghiêng thành. Tu Dung cũng rất có tài năm làm Lục Thủy ca (Bài ca nước biếc), còn Diễm Tư khéo giỏi về múa vũ Hỏa phụng, đều được mến thương nghiêng cả hậu thất, sủng ái hơn hẳn các cơ". Nguyên Sĩ Khương nghe thế bèn thường bảo Từ Nguyệt Hoa đánh khúc nhạc Lục thủy và Hỏa phụng.

Phía Bắc vườn nhà của Cao Dương Vương Ung có làng Trung Cam, trong làng ấy có Cẩu Tử Văn người xứ Dĩnh Xuyên tuổi mới 13, tuy nhỏ bé mà thông minh tài biện, thần tình trội vượt khác lạ, tuy Hoàng Uyển văn cử, không lấy gì làm thêm. Đầu niên hiệu Chánh Quang (520) thời Bắc Ngụy, có Phan Sùng Hòa người xứ Quảng Tông giảng Phục Thị xuân thu tại làng chiêu Nghi ở phía Đông thành. Cẩu Tử Văn nhiếp Tề xoay mặt hướng Bắc đến Phan Sùng Hòa để thọ học Đạo. Khi ấy, Triệu Quận Lý Tài hỏi Cẩu Tử Văn rằng: "Cẩu sinh ở tại xứ nào?" Cẩu Tử Văn đáp: "Kẻ tớ ở làng Trung Cam". Lý Tài lại hỏi: "Vậy sang xứ nào?" Cẩu Tử Văn đáp: "Sang phía Nam thành". Phía Nam thành có Quán Tử Di, Lý Tài bèn lấy đó mà dèm chê Cẩu Tử Văn. Cẩu Tử Văn đáp rằng: "Nước nhà có chỗ đất Dương Thắng, cớ sao ông lấy làm quái lạ. Nếu nói về sông khe thì y lạc tranh vanh, nói về sự xưa cũ thì Linh

đài bản kinh Đá, nói về vẻ đẹp của Chiêu đề, Báo Đức, Cảnh Minh đều là giàu sang phú quý ở đương thời. Cao Dương Quảng Bình, phong tục của bốn phương, muôn nước ngàn thành. Nếu luận về người và vật thì có tôi mà không ông. Lý Tài không lấy gì để đối đáp lại. Phan Sùng Hòa bảo rằng: "Ông (Cẩu Tử Văn) là kẻ sĩ của Dĩnh Xuyên bén nhọn như chùy (cái dùi), còn kẻ sĩ Yên Triệu chậm lụt như quả cân, tin thật chẳng hư dối vậy". Mọi người dự học thảy đều cười vang vậy.

8. CHÙA SÙNG HƯ

Chùa Sùng Hư ở tại phía Tây thành, tức các Dược Long của thời nhà Hán vậy. Năm Diên Hy thứ 9 (165) thời Đông Hán, Hoàng Đế, (Lưu Chí 147-168) cúng tế Lão Tử ở Dược Long, vườn nhà trải tòa hoa lọng, dùng nhạc của giao thiên, tức là xứ đất ấy vậy. Lúc mới chuyển dời kinh đô, Cao Tổ (Thác Bạt Hoành) đem đất ấy cấp cho dân chúng ở. Mọi người đến nghỉ ở phần nhiều trông thấy yêu quái. Do vậy mọi người bỏ đi, bèn dựng lập chùa ấy vậy.

CÁC NGÔI GIÀ LAM Ở PHÍA NAM THÀNH LẠC DƯƠNG
QUYỂN 3
(Hết)

■

CÁC NGÔI GIÀ LAM Ở PHÍA TÂY THÀNH LẠC DƯƠNG

QUYỂN 4

1. CHÙA XUNG GIÁC

Chùa Xung Giác do Thái Phó Thanh Hà Vương Dịch xả thí vườn nhà mà tạo lập nên, chùa ở phía Bắc Ngự đạo cách 1 dặm ngoài Tây kinh môn, Vương Dịch thân gần bên trong của vua nên rất có danh hạnh, vua Thế Tông (Tuyên Võ đế - Nguyên Khác 500-516) thời Bắc Ngụy rất mến quý đó đặc ưu hơn cả các người em. Đến năm Diên Xương thứ 4 (516) thời Bắc Ngụy, vua Thế Tông (Nguyên Khác - Tuyên Võ đế) bằng hà, Vương Dịch cùng Cao Dương Vương Ung, Quảng Bình Vương Hoai đều nhận di chiếu phụ giúp cho Hiếu Minh Đế (Nguyên Hủ). Vì bấy giờ Hiếu Minh Đế vừa mới 6 tuổi, Thái hậu thay quyền nắm cả muôn cơ, vì Vương Dịch là người danh đức vẻ vang thân gần, rõ hiểu Đạo, sống thẳng ngay, nên mọi sự bất kể lớn nhỏ phần nhiều đều đến dò hỏi. Vì thế trong khoảng niên hiệu Hy Bình (516-588) và Thần Quy (518-520) thời Bắc Ngụy, thế của Vương Dịch khuynh loát người chúa, Để thất giàu sang rộng lớn vượt hơn hẳn Cao Dương Vương Ung. Về phía Tây bắc có lầu vượt cao hơn cả Lăng Vân Đài, ở gần nơi Triều chợ, mắt nhìn đến tận kinh đô, nên trong thơ xưa nói là: “Tây bắc có lầu cao, trên ngang bằng mây nổi”. Dưới lầu có Nho Lâm Quán, Thối Tân đường, hình thế thiết chế đều như Điện Thanh Thử, Thổ Sơn Điếu đài trùm ở đương thời. Núi vẹo vào cửa sổ, ao cong lượng quanh nhà, cây vang tiếng chim bay, thềm tràn đầy hoa thuốc. Vương Dịch mến thích tân khách, quý trọng văn hoa, nên các bậc tài tử khắp trong nước nhà không ai chẳng đến, các hàng quan tá phủ liêu đều chọn dân anh tuấn. Đến như lúc sớm mai cảnh sáng thẳng rong trông Nam đài, các vật ngon lành thiết bày đủ đầy, Đàn cầm, sênh đều tấu trổi, rượu ngon đầy chén, báu tốt đầy sàng, khiến Lương Vương thẹn phiêu du của Thố ViênTrần Tư hổ cùng Yến của Tước Đài. Đầu niên hiệu Chánh Quang (520) thời

Bắc Ngụy, Nguyên Nghĩa cầm nắm quyền bính, bắt giam Thái hậu ở hậu cung hại Vương Dịch chết ở Hạ Tĩnh. Đến năm Hiếu Xương thứ nhất (525) thời Bắc Ngụy, Thái hậu trở lại cầm nắm vạn cơ, truy tặng Vương Dịch là Thái tử thái sư đại tướng quân đô đốc nội ngoại các quân sự, mượn Hoàng nhung cấp 9 binh lữ, xe loan lớn vàng rực nhà, cờ tiết mao xe ôn lương trước sau xếp bộ vũ bảo, đánh thổi hổ phần ban kiếm cả trăm người, hai bộ vãn la, tang lễ y cứ theo việc cũ An Bình Vương Phù thời nhà Tấn, phong thụy hiệu cho Vương Dịch là Văn Hiếu, đồ họa hình tượng Vương Dịch tại điện kiến thủy, đề cửa Thanh hà quốc lệnh Hàn Tử Hy làm Hoàng môn thị lang, dời đổi hàng Vương quốc tam khanh làm chấp kích. Ở đời gần đây không có như vậy. Vì Văn Hiếu (Vương Dịch) mà tu tạo phước đức, xây dựng một ngôi Phù đồ 5 tầng, thợ làm tương tợ như ở chùa Dao Minh vậy.

2. CHÙA TUYÊN TRUNG

Chùa Tuyên Trung do Thị Trung Ty Châu mục thành Dương Vương Huy tạo lập tại phía Nam Ngự đạo cách một dặm ngoài Tây Đương môn. Trong niên hiệu Vĩnh An (528-530) thời Bắc Ngụy, Bắc Hải Vương vào Lạc Dương, vua Hiếu Trang Đế (Nguyên Tử Du) đi tuần phương Bắc, các quan tướng mỗi mỗi đều ôm hoài hai ước mong, chỉ một mình Vương Huy là theo Hiếu Trang Vương đến thành Trưởng tử, gặp phải binh lính đông nhiều ngăn cản sông, trống mái chưa quyết định, Vương Huy nguyện vào Lạc Dương xả thí vườn nhà làm chùa, kịp đến lúc Bắc Hải Vương bại tan, Quốc đạo trở lại mở mang, bèn xả thí vườn nhà vậy. Đến cuối niên hiệu Vĩnh An (530) thời Bắc Ngụy, vua Hiếu Trang Đế tính mưu muốn giết Nhĩ Chu Vinh, sợ sự việc không thành nên hỏi bàn với Vương Huy. Vương Huy nói lấy cớ sinh Thái tử làm bài từ, Nhĩ Chu Vinh hẳn sẽ vào triều, nhân đó sẽ giết hại vậy. Hiếu Trang Vương nói: “Hoàng hậu mang thai đến 10 tháng, nay chỉ mới tháng thứ 9, có thể làm như vậy được chăng?” Vương Huy nói: “Phụ nữ sinh con có người kéo dài ngày tháng, có người giảm bớt ngày tháng, chẳng có gì phải lấy làm quái lạ”. vua Hiếu Trang Đế nhận chịu mưu tính đó bèn xướng là sinh Thái tử và sai phái Vương Huy đến để thất của Thái Nguyên Vương (Nhĩ Chu Vinh) báo là Hoàng tử đã sinh nở, gặp lúc Nhĩ Chu Vinh cùng Thượng Đảng Vương Thiên Mục vui đùa đánh cờ, Vương Huy cởi khăn mão của Nhĩ Chu Vinh, khuyên vũ xoay quanh mâm. Vương Huy vốn là người độ lượng lớn, không tỏ vẻ mừng giận trên sắc mặt, đi quanh điện, trong ngoài mừng vui reo hò,

Nhĩ Chu Vinh bèn tin là thật, nên cùng Thiên Mục đồng vào triều. Vua Hiếu Trang Đế nghe Nhĩ Chu Vinh vào bất chợt mà đổi mặt. Trung Thư Xá Nhân Ôn Tử Thăng nói rằng: "Bệ hạ sắc mặt biến đổi". Vua liền đòi lấy rượu để uống, sau đó bèn hành sự, Nhĩ Chu Vinh và Thiên Mục đã bị giết chết, vua Hiếu Trang Đế bèn bái Vương Huy làm Thái Sư Tư Mã, còn các quan khác vẫn như cũ. Phép tắc nắm cầm tất cả binh lính riêng giao nhậm cả. Kịp đến lúc Nhĩ Chu Triệu bắt giam vua Hiếu Trang Đế, Vương Huy bèn đến Lạc Dương Lệnh Khấu Tổ Nhân. Tổ Nhân là một nhà Thư sử đều là tướng của Vương Huy, ít có ân xưa cũ nên sang đó vậy. Tổ nhân nói cùng các con em v.v... rằng: "Mới đầu nghe Nhĩ Chu Triệu kính mộ Thành Dương Vương Huy rất trọng, nếu ai bắt được thì sẽ phong tặng tước hầu có ngàn nhà. Ngày nay sang giàu đã đến vậy". Bèn chém giết Vương Huy mà tấu trình. Mới đầu Vương Huy đến nhà của Tổ Nhân có mang theo 100 cân vàng và 50 con ngựa. Tổ Nhân thấy của cải tài lợi ấy nên thực hành việc đó, vàng và ngựa có được, trong ty thân đều quân bình phân phát; chỗ gọi là kẻ thất phu không tội, ôm chầm lấy ngọc mắc tội, ấy thật đáng tin vậy. Nhĩ Chu Triệu có được cái đầu của Vương Huy, cũng chẳng tưởng thưởng gì cho Tổ Nhân, Nhĩ Chu Triệu bỗng nhiên cảm mộng Vương Huy bảo rằng: "Ta có 200 cân vàng và 100 con ngựa hiện ở tại nhà Tổ Nhân, ông nên sang lấy vật đó". Sau khi tỉnh giấc, Nhĩ Chu Triệu liền tự nghĩ lường, Thành Dương địa vị lớn trọng, chưa nghe đến sự thanh bần, phải tự vào nhà đó để xét xem, nếu vốn không có vàng bạc thì mộng đây có thể thật vậy. Đến sáng sớm, Nhĩ Chu Triệu bắt Tổ Nhân để nêu đòi vàng và ngựa đó. Tổ Nhân cho là có người kín mách báo nên trông nhìn phong thái mà thành thật phục nói là: "Thật có được 100 cân vàng và 50 con ngựa". Nhĩ Chu Triệu nghi Tổ Nhân còn cất giấu, nên y theo mộng báo mà nêu bày số lượng. Tổ Nhân đến phòng vốn chỉ có 30 cân vàng và 30 con ngựa đều đưa đến hết cho Nhĩ Chu Triệu. Do không mang đến đủ số lượng, nên Nhĩ Chu Triệu mới tức giận, bắt Tổ Nhân treo đầu trên cây cao, dưới chân lại buộc đá lớn kéo xuống, dùng roi quấc đánh mãi đến lúc chết. Người thời bấy giờ cho đó là giao báo. Dương Huyễn Chi bảo là: "Người tích chứa điều lành hẳn có niềm an lạc dư thừa, kẻ tích chứa điều dữ, ương họa thảy đều đến. Tổ Nhân là kẻ mang ân trái lại bêu ríu, tham của cải mà giết hại Vương Huy. Vương Huy bèn gá mộng báo tăng thêm số lượng vàng và ngựa, mượn tay của Nhĩ Chu Triệu mà trở lại giết Tổ Nhân, khiến Tổ Nhân trải qua nhận chịu đủ thứ khổ sở tật cùng đồ thán. Tuy Ngụy Hầu đánh roi chuột đồng, Tần chúa giết hại

Diêu Trành. Lấy đó mà luận bàn cũng không thể thêm hơn vậy”.

3. CHÙA VƯƠNG ĐIỂN NGỰ

Phía Đông chùa Tuyên Trung có chùa Vương Điển Ngự, do Hoạn quan Đương Vương Đào Thang tạo dựng. Bấy giờ các ngôi già lam do Hoạn quan tạo dựng đều là chùa chư Ni ở. Chỉ có chùa của Đào Thang dựng lập là chùa chư Tăng ở, nên người thời bấy giờ xưng gọi Đào Thang là anh hùng. Tại cửa có một ngôi Phù đồ 3 tầng, các thợ xây dựng khéo đẹp hơn hẳn với ở chùa Chiêu Nghĩa. Các chùa do quan lập thì chùa Chiêu Đề rất có tiếng nhập thất, mỗi tháng vào 6 ngày trai thường có đánh trống ca múa vậy.

4. CHÙA BẠCH MÃ

Chùa Bạch Mã, do vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Đông Hán tạo lập, là ngôi chùa đầu tiên đánh dấu Phật giáo lưu truyền đến Trung Hoa. Chùa nằm tại phía Nam Ngự đạo cách 3 dặm ngoài Tây Dương Môn. vua Minh Đế mộng thấy vị thần vàng cao lớn trượng sáu, lưng cổ đeo mang ách sáng Nhật Nguyệt, thần vàng ấy hiệu là Phật, bèn sai phái kẻ sứ đến Tây Vức để tìm cầu, mới thỉnh cầu được kinh tượng. Khi ấy dùng ngựa trắng mang chở về, nhân đó tạo lập chùa đặt hiệu là chùa Bạch mã (ngựa trắng). Đến sau khi vua Minh Đế băng hà, xây dựng tinh xá kỳ hoàn ngay trên gò mộ. Từ đó trở về sau, trên gò mộ của dân chúng đều có làm Phù đồ. Trên chùa có hộp kinh đến nay vẫn hiện còn và thường đốt hương cúng dường đó. Hộp kinh ấy có lúc tỏa phóng ánh sáng soi chiếu khắp phòng nhà, vì thế, các hàng Đạo tục rất mực lễ kính như kính ngưỡng chân dung vậy. Phía trước Phù đồ có rừng trái nại, Bồ Đào khác hẳn so với những nơi khác, cành lá tốt tươi tỏa rộng, trái hạt thật rất lớn, trái nại nặng thật đến 7 cân, Bồ Đào lớn tợ trái táo, mùi vị đều đẹp lạ hẳn các thứ ở chốn kinh đô. Đến lúc chín, vua thường đến đó hái lấy hoặc đem tặng cho cung nhân, cung nhân có được đó lại chuyển tặng cho bà con thân thích. Vì nó có mùi vị kỳ đặc nên những người có được chẳng dám ăn liền, phải xoay chuyền trải qua vài nhà. Tại kinh đô có lời nói rằng: “Một trái lựu ngọt ngon ở chùa Bạch mã trị giá bằng một con bò”. Có Sa-môn Bảo Công, không biết là người ở xứ sở nào, thân hình tướng mạo rất xấu xí, nhưng tâm có thông đạt, thấu suốt mọi sự ở quá khứ và tương lai, dự biết thấy rõ cả ba đời. Mở lời nói tợ như sấm, không hề hiểu nỗi, sau khi sự việc đã qua, mới nghiệm chứng đó là thật. Hồ Thái hậu nghe thế bèn hỏi về việc đời.

Sa-môn Bảo Công nói: “Nắm thóc cho gà ăn, miệng gọi chu, chu”. Mọi người lúc ấy không ai có khả năng nhân hiểu. Đến năm Kiến Nghĩa thứ nhất (528) thời Bắc Ngụy, Thái hậu bị Nhĩ Chu Vinh làm hại mới nghiệm biết về lời nói ấy. Bấy giờ, cũng có Triệu Pháp Hòa là người xứ Lạc Dương xin đoán về sớm mượn có được tước vị chăng? Sa-môn Bảo Công nói: ‘Tre lớn chẳng cần lông cánh, nhà chái phía Đông gấp tay làm”. Khi đó chẳng hiểu trong ý muốn nói gì. Qua hơn 10 ngày sau, Triệu Pháp Hòa chịu tang thân phụ. Tre lớn tức là chiếc gậy, nhà chái phía Đông tức là Ỷ Lô tạo 12 bản thần ca. Trọn lời nói ấy vậy.

5. CHÙA QUANG BẢO

Chùa Quang Bảo tại phía Bắc Ngự đạo ngoài Tây dương môn. Có một ngôi Phù đồ 3 tầng được xây dựng nên mòng bằng đá, hình dáng chế tạo rất xưa cổ, Họa Công khắc chạm. Ẩn Sĩ Triệu Dật trông thấy mà than rằng: “Chùa Thạch tháp ở triều Đại nhà Tấn nay gọi là chùa Quang Bảo vậy”. Có người hỏi về Nguyên do. Triệu Dật đáp rằng: “Trong Triều Đại nhà Tấn có 32 ngôi chùa, đến nay đều đã bị hư hoại, chỉ riêng còn sót lại một ngôi chùa này”. Và đưa tay chỉ một chỗ trong vườn mà bảo rằng: “Đây là nơi nhà tắm, phía trước các 5 bộ có một cái giếng”. Chúng Tăng bèn đào bới quả nhiên có nhà và giếng. Giếng tuy đã bị lấp bít mà gạch ở miệng vẫn như mới đầu, dưới nên nhà tắm có vài mươi viên đá. Bấy giờ, ao vườn bằng phẳng thoáng rộng, rau quả hành xanh, không ai chẳng than thở vậy. Trong vườn có một cái biểu hiện là Hàm Trì, lan phù che bờ, ấu sen phủ nước, tùng xanh trúc biếc mọc tràn bên cạnh. Các hàng sĩ tử ở kinh ấp, vừa lúc sáng sớm mặt nhật đẹp xinh, tắm gội rồi trở về, nêu bảo cùng bè bạn đồng đi đến chùa ấy. Xe mây tiếp vết, lọng cách thành râm, hoặc đặt rượu nơi rừng suối, hoặc đề thơ ở vườn hoa, bẻ ngó sen, dưa nổi, lấy làm thích thú. Đến cuối niên hiệu Phổ Thái (531) thời Bắc Ngụy, Ung Châu Thứ sử Lũng Tây Vương Nhĩ Chu Thiên quang dẫn cả binh ngựa đến chùa ấy. Cửa chùa vô cớ tự nhiên sụp đổ. Thiên Quang trông thấy mà phát ghét. Năm đó, Thiên Quang chiến bại, bị chém ở phía Đông chợ.

6. CHÙA PHÁP VÂN

Chùa Pháp Vân do Sa-môn Đàm-ma-la; người hồ ở nước Ô Trường tại Tây Vức tạo dựng. Chùa nằm phía Tây chùa Quang Bảo, cách tường mà cùng cửa. Sa-môn Đàm-ma-la là người thông tuệ lợi căn, học cùng giáo điển Phật giáo, khi đến Trung Hoa liền hiểu ngôn ngữ của Trung

Hoa thời nhà Ngụy và khéo biết viết lối chữ lệ, phàm mọi sự thấy nghe, không gì chẳng thông hiểu. Vì vậy các hàng Đạo tục sang hèn đồng nhau. Quy hướng kính ngưỡng, tạo một ngôi chùa Kỳ Hoàn, các thợ thiết chế rất tinh xảo, điện Phật phòng Tăng đều kiến trúc theo của người Hồ, đỏ trắng ánh ngời hình sắc, vàng ngọc tựa rủ bóng ngời, mô phỏng tạo chân dung tợ như thân Phật cao trượng sáu thấy ở Lộc Uyển, Thần Quang tráng lệ như Kim cang ở tại song lâm. Trong khuôn viên già lam hoa quả tốt tươi, cỏ thơm mọc tràn, gỗ quý rủ bóng giữa sân. Các Sa-môn ở kinh đô mến thích giáo pháp của người Hồ đều đến chỗ Sa-môn Đàm-ma-la mà thọ học hàng trì. Sa-môn Đàm-ma-la giới hạnh thật khổ, khó thể khen lao. Bí chú rất thần nghiệm, khắp chốn Diêm phù hiếm có như thế, chú cây khô có thể đâm mọc lại cành lạ, chú người biến làm thành lừa ngựa. Trông thấy vậy không ai chẳng vui mừng và lo sợ. Từ Tây Vức, Sa-môn Đàm-ma-la mang theo cốt xá-lợi, răng Đức Phật và kinh tượng đều đem đến chùa ấy.

Phía Bắc chùa đó có vườn nhà của Trung Thượng Thư Lệnh Lâm Hoài Vương Lận. Vương Lận là người thpông rộng sách vở, trí tuệ biện tài trong nhã, phong nghi rõ xét, dung chỉ khả quan, tổ đạt Tam nguyên Triệu Khánh, muôn nước đều quý trọng, vàng xâu nối liền ngời sáng trên đầu, ngọc báu đeo kêu ở eo lưng, mang sen nắm hốt, đi lượn nhiều đường, mọi người trông nhìn quên cả nhọc mệt, không ai chẳng thán phục. Tánh Vương Lận ưa thích suối rừng lại quý trọng tân khách. Đến lúc gió xuân lay thổi, cây hoa như gấm, ăn dùng bữa sáng tại Nam quán, đêm về rảo bước trong Hậu viên. Các bậc Liêu quan đông thành đoàn, dân chúng tài tuấn đầy chỗ ngồi, Tơ đồng phát hưởng, thương vũ lưu hành, thi phú đều bày, lời trong chợt nổi, không ai chẳng thấm đượm huyền áoấy, quên hẳn sự bỉ lậu nơi chính mình. Do đó, vào nhà Vương Lận, mọi người đều cho là đến cảnh Tiên. Có tú tài Trương Bùi Thường ở Kinh Châu làm bài từ ngũ ngôn, có câu Thanh Bạt nói rằng: “Thu Khác, Hoa cùng sắc; cây riêng, chim đồng lời”. Vương Lận bèn đem gấm giao long mà tặng cho đó, cũng có người được lụa đào sợi to, lùa đào sợi mỏng, chỉ có Bùi Tử Minh ở Hà Đông làm thơ không đạt nên bị phạt một thạch rượu. Suốt 8 ngày Bùi Tử Minh say ngủ, người thời bấy giờ ví dụ đó như là Sơn Đào, kịp đến lúc Nhĩ Chu Triệu vào kinh đô, Vương Lận bị giặc loạn giết hại, mọi người khắp chốn triều đình đền thôn dã đều đau thương mến tiếc.

Ra ngoài Tây minh môn, cách 4 dặm về phía Nam Ngự đạo có chợ lớn Lạc Dương chu vi rộng 8 dặm. Phía Nam chợ có Hoàng nữ Đài

do Đại tướng Quân Lương ký dựng lập ở thời nhà Hán, hiện còn cao hơn 5 trượng. Trong khoảng niên hiệu Cảnh Minh (500-504) thời Bắc Ngụy, Tỳ-kheo Thích Đạo Hằng tạo dựng chùa Linh Tiên tại trên đó, phía Tây đài ấy có Hà Dương huyện Đài, bên trong có vườn nhà của Thị trung hầu cương. Về phía Tây Bắc chợ có ao cá Thổ Sơn cũng do Lương ký tạo lập, tức như trong Hán thư nói là: "Nhặt đất đắp núi mười dặm, chín sườn núi dùng voi hai Hào" vậy. Phía Đông chợ có hai làng Thông Thương và Đạt Hóa, người dân torng làng phần nhiều khéo giỏi mổ giết buôn bán làm nghề sống, của cải giàu có bạc vạn. Có Lưu Bảo là nhà rất giàu có, là nơi châu quận đều tụ hội, đều tạo lập một vườn nhà, mỗi mỗi nuôi một con ngựa. Đến như các thứ muối thóc sang hèn giá chợ cao thấp đều tại một hàng, xe thuyền lưu thông, nơi vết chân giẫm bước không đâu chẳng buôn bán khách thương. Vì vậy mà của cải đều chất chứa nơi sâu nhà Lưu Bảo, tài sản sánh như núi Đồng, nhà cửa cất giấu hang vàng. Vườn nhà vượt hẳn, tạo dựng lầu quán vút ngoài mây, xe ngựa mặc mang trang sức như Vương giả. Phía Nam chợ có hai làng Điều Âm và Nhạc Luật. Người dân trong làng khéo giỏi đàn sáo âu ca, những diệu kỷ trong thiên hạ đều phát xuất từ đó. Có Điền Tăng Siêu là người khéo giỏi thổi kèn lá, hay làm Tráng sĩ ca và Hạng vũ ngâm, Chinh Tây Tướng Quân Thôi Diên Bách rất mến thích đó. Đến cuối niên hiệu Chánh Quang (525) thời Bắc Ngụy, Cao Bình mất điểm chiếm cứ, nghịch lại xích bác khắp tràn, giặc soái Vạn Hầu xú nô bạo cướp ở vùng kinh kỳ. Triều đình vì vậy mà đói kém. Thôi Diên Bách dẫn đầu bộ kỵ gồm 5 vạn binh lính đi đánh dẹp đó. Thôi Diên Bách dẫn quân lính ra kinh đô đến cầu trương phương ở phía Tây thành Lạc Dương tức chỗ Đình Tịch Dương ở thời nhà Hán vậy, khi ấy các bậc công khanh tổ đạo xa kỵ sắp thành hàng. Thôi Diên Bách đội mũ cao, nắm kiếm dài khu võ sáng ở trước, Điền Tăng Siêu thổi khúc tráng sĩ ca theo sau. Người nghe thấy, kẻ yếu mềm trở thành cứng mạnh, kẻ kiếm khách nghĩ ngợi phân phát, Thôi Diên Bách can đảm chẳng ai bằng, oai danh nổi vượt, vì nước nhà mà khai triển sức lực, hơn 20 năm đánh không nhọc thành, chiến không cống trận. Do đó, mà cả triều đình đều dốc lòng đưa tiễn. Mỗi lần vào trận, Thôi Diên Bách bảo Điền Tăng Siêu làm tiếng tráng sĩ, nên những kẻ sĩ áo giáp mũ trụ nhãy nhót cùng Thôi Diên Bách lên ngựa vào trận, bên cạnh như không có người, hùng dũng trùm cả tam xa, oai phong chấn động cả kiếm dựng, chỉ trong thời gian 2 năm hiến tiệp tương tục. Xú nô chiêu mộ tay thiện xạ bắn Điền Tăng Siêu chết, Thôi Diên Bách buồn tiếc rống khóc. Mọi người chung

quanh cho rằng: “Bá Nha mất Chung Tử Kỳ chưa lấy làm quá lắm vậy. Về sau, Thôi Diên Bách vì trong dòng mất ở giữa bèn chết trong quận trận, cả 5 vạn binh lính đồng một lúc tan mất! Phía Tây chợ có hai làng Thối Cô và Trị Thương, người dân trong làng phần nhiều ủ rượu làm nghề sống chính. Có Lưu Bạch Đọa người xứ Hà Đông khéo giỏi ủ men rượu, vào lúc tháng 6 thời tiết nắng nóng dùng vò chứa rượu phơi giữa trời, trải qua một tuần, rượu ấy ngưng đóng không máy động, uống vào thì nghe mùi vị rất thơm ngon mà say trả qua cả tháng chưa tỉnh. Các hàng Triều quý ở kinh đô phần nhiều ra quận đến phiên, xa cùng đem tặng thưởng vượt cả ngàn dặm. Vì rượu ấy từ xa đến, nên gọi là Hạc Thương, cũng gọi là tượu cưỡi lừa. Trong niên hiệu Vĩnh Hy (532-534) thời Bắc Ngụy, có Nam Thanh Châu Thứ Sử Mao Hồng Tân mang rượu đó đến phiên, gặp giặc giữa đường trộm cướp lấy uống liền say và đều bắt được. Nhân đó còn gọi là rượu bắt gian. Du Hiệp nói rằng: “Không sợ trương cung rút dao, chỉ sợ rượu đục của Lưu Bạch Đọa. Phía Bắc chùa có hai làng Từ Hiếu và Phụng Chung, người dân trong làng phần nhiều làm nghề bán quan quách, chuyên nghiệp kéo xe mướn, có Vãn Ca Tôn Nham lấy vợ đã 3 năm, chẳng cởi áo mà nằm, Tôn Nham nhân đó lấy làm quái lạ, bèn dòm ngó người vợ lúc ngủ, ngầm cởi áo ra thấy có 3 sợi lông dài 3 thước hình dáng tợ như đuôi Dã Hồ, Tôn Nham khiếp sợ mà chạy ra. Đến lúc sắp đi, người vợ ấy nắm dao cắt tóc Tôn Nham mà chạy đi, người láng giềng rượt đuổi theo, bèn biến thành một con chồn cáo nên đuổi bắt nó không được. Sau đó trong kinh ấp có hơn 130 người bị cắt tóc. Mới đầu con chồn cáo ấy biến làm người phụ nữ ăn mặc sạch đẹp, khiến người đi đường trông thấy mà vui thích, khi đến gần nó đều bị cắt tóc. Bấy giờ có một phụ nữ mặc áo lụa thêu, mọi người đều cho đó là chồn cáo làm mê hoặc. Từ trong tháng 04 năm Hy Bình thứ 2 (517) thời Bắc Ngụy cho đến tháng 8 mới ngưng bút. Riêng có hai làng Chuẩn Tài và Kim Tứ. Những nhà giàu có phần đông đều ở trong đó. Phàm xứ đó trong khoảng 10 dặm, dân chúng lắm nhiều là công thương buôn bán, mỗi một ngôi nhà sánh cả ngàn vàng, tầng lầu đối mặt, cửa lớp mở cánh, đường gác giao thông, lần lượt cùng trông gần, vàng bạc gấm lụa, tôi tớ xiêm y, năm thứ mùi vị thức ăn, có đủ tám thứ ngon lạ, đứa ở kẻ làm cả thảy đều no miệng. Trong niên hiệu Thầy Quy (518-520) thời Bắc Ngụy, vì các công thương tấu trình bàn nghị không cho vận mặc vàng bạc gấm lụa. Tuy lập ra định chế đó mà trọn chẳng thi hành.

7. CHÙA KHAI THIỆN Ở LÀNG CHUẨN TÀI

Chùa Khai Thiện là vườn nhà xưa cũ của Vi Anh người xứ Kinh Triệu. Vi anh chết sớm, có người vợ vốn dòng họ Lương chẳng chịu để tang mà lại lấy chồng nên đính ước với Hướng Tử Tập người xứ Hà Nội làm chồng, tuy nói là cải giá nhưng vẫn ở nhà của Vi Anh. Vi Anh nghe vợ lại lấy chồng, bèn giữa ban ngày cưỡi ngựa trở về cùng dẫn theo vài người, vừa đến trước sân nhà, kêu rằng: "A Lương! Khanh quên ta rồi ư?" Hướng Tử Tập kinh sợ nâng cung bắn, ứng với mũi tên mà ngã té, Vi Anh liền biến làm người Đào, con ngựa cưỡi theo đó biến làm thành ngựa mao, vài người cùng đi theo cũng biến làm thành người Bồ. Lương Thị (vợ Vi Anh) kinh sợ xả thỉ vườn nhà để lập thành chùa.

Có hầu khánh người xứ Nam Dương có một tôn tượng bằng Đồng cao hơn một trượng. Hầu khánh có một con trâu, nghĩ phỏng làm sắc màu vàng ròng, gặp phải việc gấp bèn giao trâu cho người khác sử dụng. Qua 2 năm sau, vợ của Hầu khánh vốn dòng họ Mã bỗng nhiên cảm mộng tôn tượng đó bảo rằng: "Vợ chồng nhà ngươi mắc nợ ta sắc màu vàng ròng đã từ lâu mà không bồi thường. Nay ta lấy con của ngươi là Xú Đa để thay thế vàng ròng ấy". Sau khi tỉnh giấc, trong lòng bồi hồi không an. Mãi đến sáng sớm, Xú Đa cảm mắc bệnh mà chết. Hầu Khánh đã 50 tuổi mà chỉ có một đứa con nên vô cùng xót thương đó, tiếng khóc than cảm động người đi đường. Ngày Xú Đa chết, tôn tượng ấy tự nhiên tỏa phóng ánh sáng sắc màu vàng ròng soi chiếu khắp bốn phía. Trong khoảng một dặm mọi người nghe có mùi hương thơm khác lạ, các hàng Tăng tục lớn nhỏ đều đến trông xem. Thượng thư Hữu Bộc Xạ Nguyên Thận nghe trong làng ấy từng xảy ra các điều quái lạ bèn đổi tên làng chuẩn tài thành tên làng Tề Hài.

Từ làng thối cô trở về hướng Tây, Trương Phương khơi dòng nước đổ về hướng Đông, phía Nam gần Lạc thủy, phía Bắc đến tận mang sơn. Giữa khoảng Đông Tây rộng 02 dặm, Nam Bắc dài 15 dặm, đều gọi là làng Thọ Khâu, là nơi ở của dòng tộc Hoàng Tông, trong dân gian gọi đó là phường Vương Tử. Bấy giờ bốn biển bình yên, tám xứ dẫn chức, đấy châu ghi vui mừng, đuốc ngọc đốt điều thời khắc, dân chúng giàu có đông đúc, thường năm bày lên niềm vui trong đời. Quan quả (góa vợ góa chồng) không nghe ăn của heo chó, trơ trọi một mình chẳng thấy áo của trâu dê. Do đó dòng tộc vương hầu, công chúa ngoại thích, chiếm sự giàu có của núi biển, ở nơi đầy đủ của sông rừng, tranh nhau sửa sang vườn nhà, cùng nhau kheo trương, cửa cao nhà lớn, cửa suốt phòng liền, Quán bay nổi gió, tấng lầu bốc sương, đài cao cỏ thơm cây quý nhà nhà

đều dựng xây, rừng hoa ao cong vườn vườn đều có, không đâu chẳng Đào lý xanh bóng ngày Hạ, trúc bách biếc là mùa Đông. Mà Hà gian Vương Sâm rất là đứng đầu giàu có, từng cùng Cao Dương tranh quyền hành tạo dựng văn Bách đường, hình dáng như điện Huy Âm, đặt giếng ngọc lọ vàng, dùng vàng 5 sắc bện làm dây, kỷ nữ có 300 người đều là hạng quốc sắc. Có đứa tớ tên là Triều Vân khéo thổ sáo trì (có 8 lỗ), hay làm đoàn phiến ca âm thanh Lũng thượng. Vương Sâm bảo Triều Vân giả làm bà già nghèo khổ thổi sáo trì để xin ăn. Các rợ khương nghe đó thảy đều rơi lệ, lần lượt cùng nói với họ rằng: “Cớ sao đành bỏ phần mộ giếng nước ở núi hang mà làm giặc vậy?” Họ bèn cùng nhau dẫn trở về hàng phục. Tần Thị nói rằng: “Khoái thích con của Mã Kiện chẳng bằng bà già thổi sáo trì”. Vương Sâm ở tại Tần châu phần nhiều không công tích quốc chính, sai sứ đến Tây Vức tìm kiếm danh mã (ngựa tốt giỏi). Kẻ sứ bèn xa đến nước Ba Tư có được con ngựa đi ngàn dậm, đặt tên là “Truy phong xích ký”, tiếp theo có hơn 10 con đi được 700 dặm, đều có đặt tên gọi. Dùng bạc làm chuồng, lấy vàng làm vòng khóa. Các vương hầu phục sự giàu sang đó. Vương Sâm bảo cùng mọi người rằng: “Thạch Sùng ở thời nhà Tấn chỉ là dòng họ thứ dân mà còn có thể dùng đầu chim trỉ, da nách chồn cáo họa mèo khắc củi. Huống hồ ta đây là nước Đại Ngụy Thiên vương, chẳng lấy làm xa hoa hao tốn”. Bèn tạo dựng nghinh phong quán ở vười sau, trên cửa sổ liệt bày vòng khóa tiền xanh, phụng ngọc ngậm khánh, rồng vàng nhả ngọc bội. Nại trắng lý đỏ cành nhánh rủ vào diềm, kỹ nữ trên lầu ngồi mà hái ăn. Vương Sâm thường nhóm tụ tông thất bày các vật báu nào bình vàng lọ bạc có hơn trăm cái, âu chén, đế đèn mâm hộp cân xứng, ngoài ra đồ vật đựng rượu có bát thủy tinh, chén mã não, lưu ly, chén ngọc sắc đỏ có vài mươi cái, thợ làm rất kỳ diệu, ở xứ Trung Hoa không có, đều mang đến từ xứ Tây Vức. Lại bày các nữ nhạc cho đến các danh mã. Lại dẫn các vươnghầu xét xem phủ khố, tơ len ngọc ky, lưới băng màn mốc tích chứa đầy bên trong, tú, hiệt, dầu, tơ, lụa sắc màu, việt cát, tiền, vải quyên v.v... nhiều không thể tính kể. Bỗng nhiên, Vương Sâm nói cùng Chương Võ Vương Dung rằng: “Ta không hận chẳng thấy Thạch Sùng, chỉ hận Thạch Sùng chẳng thấy được tôi”. Vương Dung tánh nết tham bạo, chỉ ý ham muốn không hạn, thấy vậy mà oán thán, bất chợt sinh bệnh trở về nhà nằm suốt ba ngày không dậy. Có Giang Lăng vương kế đến trông xem bệnh mà nói rằng: “Tài sản của ông đáng được cân bằng, sao than tham tiện mà đến nỗi này?” Vương Dung nói: “Thường cho rằng tại Cao Dương có một người nhiều của báu đó chỉ là Vương Dung, ai biết đến Hà giang

trông thấy đó đã đứng trước vậy". Vương Kế cười bảo: "Ông muốn làm viên thuật chi ở Hoài Nam, chẳng biết trong thế gian lại còn có Lưu Bị". Vương Dung mới gắng dậy, đặt rượu làm vui.

Bấy giờ trong nước nhà giàu có thịnh vượng, kho chứa tràn đầy, tiền bạc vải quyên bày chất ngoài hiên, không thể tính kể. Đến lúc Thái hậu ban tặng trăm quan tùy ý tự lấy mang vác vải quyên. Các hàng triều thần không ai chẳng dốc sức lấy mang đi. Chỉ có Vương Dung cùng với Hầu Lý Sùng ở Trần Lưu mang vải quyên đi qua đạp ngã sủng bày thân hình. Thị trung Thôi Quang chỉ lấy 2 xấp, Thái hậu hỏi Thôi Quang cớ sao lấy ít. Thôi Quang đáp rằng: "Thần có 2 tay chỉ kham lấy 2 xấp là nhiều lắm vậy". Các hàng Triều Quý kính phục sự thanh liêm ấy. Trải qua lính của Hà Âm gia nguyên giết hết, để thất của các vương hầu phần nhiều đề làm chùa. Cổng làng thọ khâu liệt bày chùa cùng trông nhau, kỳ hoàn ùn nổi, tháp bàu vút cao. Hằng năm vào ngày mồng 8 tháng 04, các hàng sĩ nữ ở kinh đô phần nhều đến chùa Hà giang trông xem hiên vũ xen nhau ánh lệ, không ai chẳng ngợi ca cho là Bồng lai tiên thất cũng chẳng hơn vậy! Vào sau vườn đó, thấy bờ đê ngồi rảnh đá phẳng đá ngầm, sen đổ nổi trên, lục bình xanh biết nổi giữa dòng nước, cầu bay đạp đến các cao, cây vút ngoài mây, thảy đều nức nở khen hoài cho rằng tuy vườn thỏ của Lương vương tưởng cũng chẳng như thế.

8. CHÙA TRUY QUANG

Chùa Truy Quang là vườn nhà của Thượng Thư Lệnh Đông Bình Vương Lược. Vừa mới sinh mà vương lược đã trành oanh, tuy bé nhỏ nhưng khuôn mặt tợ lão thành, rộng thấm đượm các sách, mến thích Đạo chẳng mỏi mệt. Trong khoảng niên hiệu Thần Quy (518-520) thời Bắc Ngụy, Vương Lược làm Hoàng Môn Thị Lang, Nguyên Nghĩa Chuyên Quyền chấp chánh, trái ngược thêm Tể phụ, Vương Lược kín cùng người anh là Tương Châu Thứ Sử Trung Sơn Vương Hy muốn dấy khởi nghĩa binh hỏi tội Quân hèn dốt, Hùng Quy chẳng đến, động khởi đồng mưu. Anh em của Vương Lược có 4 người đều bị sa lưới đồ thán, chỉ có một mình Vương Lược lánh mình chạy đến Giang Tả. Tiêu Diễn vốn nghe tên Vương Lược, thấy Vương lược khí độ khoan nhà, văn học ưu chiêm, nên rất lấy làm kính trọng, hỏi rằng: "Tại Lạc Trung, có như Vưởng Lược có được bao nhiêu người?" Vương Lược đáp rằng: "Ngày thần ở tại bản triều, nhân thiếu nên tiếp làm Quan. còn đến như vẻ đẹp của Tông miếu, giàu sang của trăm quan, Uyên Ương tiếp cánh, kỷ tử thành râm. Cỡ như thần mà sánh thì Triệu Tư đã nói là xe chở đong

lường không tính hết được". Tiêu Diễn cười lớn, mới phong làm Trung Sơn Vương, thực ấp 1.000 hộ, nghi vũ sánh như Hoàng tử, kịp đến lúc dẹp trừ tuyên thành thái thú, cấp cổ thứ một bộ, lính kiếm 1.000 người. Vương Lược làm chính thanh túc, rất có tiếng tăm sửa trị. Các hàng Triều Quý ở Giang Đông xa xỉ kiêu căng cao ngạo, thấy Vương Lược vào triều, không ai chẳng kính sợ sự tiến dừng của Vương Lược. Sau đó dời đổi làm Tín Võ Tướng Quân Hành Châu Thứ Sử. Đến năm Hiếu Xương thứ nhất (525) thời Bắc Ngụy, vua Hiếu Minh Đế (Nguyên Hủ) rộng tha thứ cho Giang cách; người xứ ngô, thỉnh mời Vương Lược trở về lại nước nhà. Giang Cách là Đại tướng của Tiêu Diễn. Tiêu Diễn nói rằng: "Trẫm thà mất giang cách chứ không thể không có Vương Lược". Vương Lược nói" "Thần gặp phải hoạn nạn tai họa của gia đình, xương cốt người thân chưa gom nhặt, nên xin trở về lại bản triều thâu gom coi thử còn mất". Nhân đó liền buồn khóc. Tiêu Diễn cũng xót thương đó mà sai phái đi, và cấp tặng 500 vạn tiền, 200 cân vàng, 500 cân bạc, tơ lụa các vật báu nhiều không thể tính kể, đích thân Tiêu Diễn dẫn trăm quan đưa tiễn đến Giang thượng. Làm thơ ngũ ngôn biếu tặng có hơn trăm người. Phàm được lễ kính đến nỗi như thế. Mới đầu, Vương Lược vừa đến sông Hoài, vua Hiếu Minh Đế mời làm thị Trung Nghĩa Dương Vương, ban cấp thực ấp 1. 000 hộ. Vương Lược đến cung quyết có sắc chiếu nói rằng: "Xưa trước Lưu Thương khéo thiện lợi tạo dựng Đông Bình, Tào Thức hay văn mở lớn nước Trần. Đó là dùng tiếng Bưu Bàng Thạch Nghĩa Uất Duy Thành, Thị Trung Nghĩa Dương Vương Lược thể tự phồn hoa, vốn nhà hun đúc xưa trước nỗi bày, trong đượm nhuần, ngoài tỏa sáng, anh em kỳ vĩ như đã thấy nghĩa mà mất nhà, vất bỏ mạng sống vì đất nước, trọn nói trung liệt, ngày nào mới quên đó, trước kia tuy buông gánh vì lương, nay tiện nói xoay trở lại dưới cung quyết, thật là có chí có tiết, hay thỉ hay chung, mới truyền vẻ đẹp đỏ xanh, treo sánh như nhật nguyệt". Ngày trước chưa đến, Vương Lược ngay tâm lập xứng, nên phong làm Nghĩa Dương Vương, nhưng nước đã thuộc xứ biên địa, ngụ ở ăn dùng tại ấp khác, cầu xin đó đôi ba phen mà chưa thật là hết sức tốt lành. Nên sánh đức cân phong tìm mùi thơm đùm bọc anh liệt, có thể đổi phong làm Đông Bình Vương, số hộ vẫn như cũ, sau lại tiến phong làm Thượng thư nghi đồng tam ty, Lãnh quốc tử tế tửu thị trung vẫn như cũ. Vương Lược thông dong nhàn nhã vốn tự là bẩm chất, ra Nam vào Bắc, chuyển lại cao xa, nói luận động tỉnh, đáng làm bậc mô phạm từ triều đình đến thôn dã. Đến năm Kiến Nghĩa thứ nhất (528) thời Bắc Ngụy, Vương Lược qua đời tại Giang Âm, được phong

tặng là Thái bảo, thụy hiệu là Văn Trinh. Người phụng thờ tiếp nối là vương Cảnh Thức xả thí vườn nhà tạo lập nên chùa ấy.

9. CHÙA DUNG GIÁC

Chùa Dung Giác do Thanh Hà Văn Hiếu Vương Dịch tạo lập, tại phía Nam Ngự đạo ngoài Lư hạp môn. Có một ngôi Phù đồ 5 tầng, cùng ngang bằng như chùa Xung giác v.v... điện Phật phòng ăng đầy tràn một dặm. Có Tỳ-kheo Đàm Mô rất khéo giỏi về thiền học, giảng các kinh Niết-bàn, Hoa Nghiêm, Tăng Đồ có cả ngàn người. Có Sa-môn Bồ-đề Lưu Chi vốn người Hồ ở nước Thiên Trúc thấy thế mà kính lễ tôn xưng là Bồ-tát. Sa-môn Bồ-đề Lưu Chi thấu hiểu Phật nghĩa rất nổi danh. Các giống người Di ở những nước phía Tây đều xưng gọi là A-la-hán, thông hiểu tiếng Trung Hoa thời Nguyên Ngụy và khéo viết lối chữ lệ, phiên dịch các kinh luận như Thập địa, Lăng Già v.v... Cả thảy 23 bộ. Tuy ở thạch thất mà ghi tả lời vàng, nhà cỏ mà truyền chân giáo. Chẳng đâu có thể hơn vậy. Sa-môn Bồ-đề Lưu Chi đọc bộ "Đại thừa Nghĩa Chương" của Đàm Mô Tối, từng khảy móng tay tán thán xướng lời vi diệu, tức là Hồ thủ ghi tả và lưu truyền vậy. Các Sa-môn người Tây Vức ở Tây Vức thường hướng về phương Đông xa kính lễ đó, tôn xưng Đàm Mô Tối là Thánh nhân ở phương Đông vậy.

10. CHÙA ĐẠI GIÁC

Chùa Đại Giác do Quảng Bình Vương Hoài xả thí vườn nhà mà tạo lập, chùa ở tại phía Tây cách chùa Dung Giác một dặm. Về phía Bắc thì trông nhìn đến mang lãnh, phía Nam nhìn tới Lạc nhuế, phía Đông trông tới Cung quyết, phía Tây ngoảy nhìn tới Kỳ Đình, thần cao bày thoát thật là Thắng Địa vậy. Do đó. Trong văn bia, Ôn Tử Thăng ghi tả rằng: "Tây sông, Bắc núi, tả triều, hữu chợ" là đó vậy. Vây quanh chỗ ở, trên điện đường thiết trí 7 tôn tượng Phật, rừng, ao, các bay sinh như ở chùa Cảnh Minh. Đến như gió xuân lay động cây thì lan bày lá tía, sương thu rơi cỏ thì cúc nhả hoa vàng. Các bậc danh tăng vắng lặng để dứt phiền. Đến trong niên hiệu Vĩnh Hy (532-534) thời Bắc Ngụy, Bình Dương Vương (?) lên ngôi, tạo dựng một ngôi Phù Đồ bằng gạch, các thợ thiết chế đất đá rất mực tinh diệu tráng lệ, ban sắc Trung Thư Xá Nhân Ôn Tử Thăng soạn thuật văn bia ấy vậy.

11. CHÙA VĨNH MINH

Chùa Vĩnh Minh do Tuyên Võ Hoàng Đế (Nguyên Khác 500-516)

tạo lập tại phía Đông chùa Đại Giác. Bấy giờ, Phật pháp kinh tượng rất hưng thạnh tại Lạc Dương. Những Sa-môn ở các nước khác đều đến đông nhiều, mang tích trì kinh thích đến đất Lạc này, nên vua Thế Tông (Tuyên Võ đế - Nguyên Khác) tạo lập nên chùa này để ở nghỉ. Phòng nhà liền tiếp vây quanh có hơn ngàn gian. Sân bày trúc dài, diềm mái phẩy phất tùng cao, hoa kỳ cỏ lạ phủ tràn thềm cấp. Chư vị Sa-môn trong trăm nước có hơn 3.000 người. Có vị từ Tây Vức xa cho đến nước Đại Tần, khắp cùng biên thùy phía Tây của đất trời, đánh đệt quán điểm hoang dã của muôn dân, làm thành ấp nhà cùng trông nhau, y phục xe ngựa phỏng theo phong nghi ở Trung Hoa. Ở phía Nam trung có nước Ca Doanh, cách kinh đô rất xa, phong thổ cách tuyệt, đời đời chẳng cùng giao thông với Trung Hoa. Tuy hai triều đại nhà Hán (Tây Hán và Đông Hán) cho đến thời Tiền Ngụy cũng chưa từng đến vậy. Nay mới bắt đầu có Sa-môn Bồ-đề Bạt-đà tự nói là từ phía Bắc đi một tháng mới đến nước Câu Trĩ. Lại theo hướng Bắc đi 12 ngày đến nước Tôn Điển. Từ nước Tôn Điển theo hướng Bắc đi 30 ngày đến nước Phù Nam, vuông 500 dặm, đó là nước của Nam Di rất lớn mạnh, dân chúng đông nhiều, là nơi sản sinh các thứ minh châu vàng ngọc và thủy tinh đẹp lạ, có lắm nhiều cây cau. Tứ nước Phù Nam theo hướng Bắc đi một tháng đến nước Lâm Ấp, ra nước Lâm Ấp vào nước Tiêu Diễn. Sa-môn Bồ-đề Bạt-đà đến ở Dương châu hơn một năm, lại theo Tỳ-kheo Pháp Dung từ Dương châu đến kinh đô. Tỳ-kheo Pháp Dung hỏi về phong tục ở phương Nam. Sa-môn Bồ-đề Bạt-đà nói rằng: Xưa trước có nước Nô Điều, cưỡi xe ngựa bốn bánh, từ nước Nô Điều ấy ra chợ Hỏa hoàn được dùng bằng da cây mà làm nên. Cây ấy đưa vào lửa không bị đốt chày. Phàm các nước ở phương Nam đều nhân vơi thành quách mà ở, có lắm nhiều trân lệ. Dân chúng có tập tục thuần thiện, ngay thẳng chân chất. Mến mộ nghĩa tình, cũng như các nước Tây Vức, Đại Tần, An Tức, Thân Độc v.v... thường luôn giao thông qua lại, hoặc ba phương bốn phương nổi sóng nương theo gió đi khoảng trăm ngày bèn đến. Dân chúng rất mực kính phụng Phật giáo, ưa thích sự sống chán ghét sự chết.

Về phía Tây của chùa có làng Nghi Ngưu, trong làng ấy có 2 vườn nhà của Trần Lưu Vương Cảnh Hạo, và Thị Trung An Định Cung Hồ Nguyên Cát Vương Cảnh Hạo vốn là con của Hà Nội Thứ Sử Trần Lưu Trang Vương Tộ, lập tánh thoáng rỗng, từ thuở thiếu thời đã có độ lượng lớn, mến người thích việc, tiếp đãi vật không để sót, rất khéo giỏi Huyền ngôn vốn nghiệp của Đạo gia, bèn xả thí nửa vườn nhà an đặt Phật đồ, diễn xướng Đại thừa vào bộ đều tiến. Có bốn Đại đức Pháp

sư Siêu, Quang, Thiền, Vinh ở kinh đô và Tam tạng Pháp sư Sa-môn Bồ-đề Lưu Chi người Hồ v.v... , đều dự nơi pháp tịnh đó. Những bậc tài sĩ kỹ thuật ở các phương không ai chẳng tìm đến. Bấy giờ, có Phụng Triều Thỉnh Mạnh Trọng Huy vốn người xứ võ Thành, thân phụ tên là Tân làm Kim thành thái thú. Trọng Huy chí tánh thông minh học thông giáo điển Phật giáo. Nghĩa lý Tứ Đế thấu cùng chỉ quy, thường đến nơi để thất cùng các Sa-môn luận bàn nghĩa lý. Người thời bấy giờ xưng gọi là Huyền Tông tiên sinh. Trọng Huy bèn tạo một tôn tượng giáo trừ bằng người cở trung, tướng hảo đoan nghiêm, trong đời hiếm có, thiết trí trước sảnh của Vương Cảnh Hạo, phút chốc trọn thành tòa báu.

Trong năm Vĩnh An thứ 2 (529) thời Bắc Ngụy, tôn tượng ấy hằng đêm thường đi nhiễu quanh chỗ ngồi, khắp bốn mặt đều có dấu chân dấu ẩn nơi đất thành đường văn. Từ đó, các hàng sĩ thứ lấy làm lạ đều đến trông xem. Do đó mà người phát tâm cũng lại đông nhiều vô lượng. Đến mùa thu năm Vĩnh Hy thứ 3 (534) thời Bắc Ngụy, tôn tượng ấy tự nhiên biến đi chẳng biết đến xứ nào, qua mùa Đông năm đó, kinh đô Lạc Dương dời đến đất nghiệp. Đến năm Võ định thư 5 (547) thời Đông Ngụy, Trọng Huy làm Lạc châu khai phủ trưởng sử, lại gia công dò xét tìm kiếm, vắng vẻ không ảnh vết. Ra Lư hạp môn cách ngoài thành 7 dặm, đến cầu Trường Phân, vào thời Trung Triều vì cốc Thủy lăng gấp trút xuống dưới thành hư hoại lắm nhiều nhà dân, bèn lập cầu Đá để phân hạn đó, nói dài thì phần dòng chảy vào Lạc, nên gọi là Trường Phân. Hoặc có người nói: Vào thời nhà Tần, Hà Giang Vương ở tại Trường An sai phái Trương Phương đi đánh dẹp Trường Sa Vương, đóng quân tại đó, nhân đó mà gọi là cầu Trường Phương, chưa biết ai đúng. Nay trong dân gian nói lầm vậy, gọi là cầu Trường Phu nhân. Các hàng triều sĩ lúc đưa tiễn hay nghinh đón phần nhiều đều ở tại đó. Phía Tây cầu Trường Phân có đập đê ngàng vàng, tính về ích lợi của thủy lợi mỗi ngày có cả ngàn vàng, nhân đó mà gọi tên vậy. Ngày trước đập đê ấy là do Đô thủy sứ Trần Hiệp tạo dựng nên, đến nay đã cả ngàn năm, nên thường tu sửa vậy.

CÁC NGÔI GIÀ LAM Ở PHÍA TÂY THÀNH LẠC DƯƠNG
QUYỂN 4
(Hết)

■

CÁC NGÔI GIÀ LAM Ở PHÍA BẮC THÀNH LẠC DƯƠNG

QUYỂN 5

1. CHÙA THIỀN HƯ

Chùa Thiền Hư tại phía Tây Ngự đạo, Đại hạ môn. Trước chùa có Trường Duyệt Võ. Đến lúc cuối năm, dân nông nhàn rỗi, các hàng sĩ giáp tập chiếu, ngàn chở muôn cưỡi thường đến tại đó. Có Mã Tăng Tướng ở Vũ Lâm khéo hay lúc chạm, vui đùa ném kích cùng cây cao trăm thước ngang bằng. Có Trương Xa Cừ ở Hổ Bí, ném đao ra lầu cao một trượng. vua cũng thường trông xem vui đùa ở lầu, từng bảo hai người đối nhau vui đấu. Vào thời Trung Triều thì Trường Nguyên Võ ở tại phía Đông Bắc Đại hạ môn, nay đó là vườn phong quang có lắm nhiều rau mục túc sinh sống vậy.

2. CHÙA NGƯNG VIÊN

Chùa Ngưng Viên do Hoạn Quan Tế Châu Thứ Sử Giả Xán tạo lập, chùa ở tại phía Đông Ngự đạo cách một dặm ngoài Quảng mạc môn, đó gọi là làng Vĩnh Bình. Có ghi chú đó là nơi của Thái Thượng Vương quảng thời nhà Hán. Lúc mới đầu chuyển dời kinh đô đến ở tại làng đó, nhân gặp phải thân mẫu qua đời bèn xả thí vườn nhà làm chùa. Thế đất ở đó cao bày, phía dưới gần thành quyết, phòng nhà tráng lệ tinh sạch, tùng bách thành rừng, thật là nơi của các hàng tịnh hạnh tức tâm. Các hàng Vương Công Khanh Sĩ đến thăm xem làm thơ ngũ ngôn không thể tính hết số lượng.

Phía Đông Bắc thành Lạc Dương có làng Thượng Cao Cảnh, là nơi lắm nhiều Dân ngu ở. vua Cao Tổ (Hiếu Văn Đế - Thác Bạt Hoành) đặt gọi đó là làng Văn nghĩa. Mới đầu, lúc dời kinh đô, các hàng triều sĩ đến ở trong đó, lần lượt hiềm khích châm chích nhau cuối cùng đều bỏ đi, chỉ có người làm đồ gốm ở lại trong đó. Các thứ vật dụng bằng gốm sứ tại kinh đô đều xuất phát từ làng đó. Người đời có lời ca rằng:

"Làng thượng cao ở phía Đông bắc thành Lạc Dương là nơi xưa trước đông nhiều dân ngu sinh sống, ngày nay trăm họ làm nên bình gốm". Mọi người đều bỏ đi, kẻ ở lại xấu hổ. Chỉ có Quán Quân Tướng Quân Quách Văn Viễn đến ở trong đó. Nhà cửa vườn rừng sánh cùng Bang quân. Có Lý Nguyên Khiêm ở Lũng Tây thích song thanh ngữ, thường đi ngang qua trước vườn nhà của Quách Văn Viễn, trông thấy cửa nẻo đẹp xinh mới nói rằng: "Là vườn nhà ai đây mà đẹp xinh quả vậy?". Đứa ở là Xuân Phong liền ra nói rằng: "Đây là nhà của Quách Quán Quân". Lý Nguyên Khiêm bảo: "Đây là đứa ở Song Thanh?". Xuân Phong liền nói: "Sao đứa ở mà khinh mạn mắng chửi vậy?" Lý Nguyên Khiêm bèn phục tài năn của đứa ở. Từ đó ở kinh đô tự nhiên truyền gọi đó là làng Văn Nghĩa. Có vườn nhà của Tống Vân người xứ Đôn hoàng đã từng cùng với Tuệ sinh đồng đi sứ Tây Vức. Tháng 11 năm Thần Quy thứ nhất (518) thời Bắc Ngụy, Thái hậu sai bảo sùng lập chùa đó, Tỳ khưu Thích Tuệ Sinh từ Tây Vức thỉnh mang kinh về được 170 bộ, đều là Diệu điển Đại thừa. Mới đầu phát xuất tại kinh đô theo hướng Tây đi 40 ngày đến xích lãnh tức biên cương phía Tây của nước Trung Hoa, quan ải cấm phòng của Hoàng Triều Nguyên Ngụy đóng tại đó. Xích lãnh là nơi không có cỏ cây sinh sống, nhân vì vậy mà gọi tên là đỉnh núi đỏ (xích lãnh) vậy. Núi đó có chim chuộc đồng ở một hang, khác giống mà cùng chung loài, chim trống chuộc mái cùng làm âm dương, tức chỗ gọi là chim chuộc đồng hang vậy. Lại phát xuất từ Xích lãnh theo hướng Tây đi 23 ngày vượt qua Lưu sa đến nước Thổ Cốc Hồn, giữa đường rất lạnh lắm nhiều gió tuyết, cát bay đá chạy khắp mắt đều đầy. Chỉ hai bên phải trái thành Thổ Cốc hồn hơi ấm hơn so với các nơi khác. Nước đó có chữ viết hình dạng đồng như ở nước Ngụy (Trung Hoa), phong tục chánh trị phần nhiều là Di Pháp. Từ nước Thổ Cốc Hồn theo hướng Tây đi 3.500 dặm đến thành Thiện Thiện. Thành đó tự lập vua, bị nước Thổ Cốc Hồn thôn tính. Nay trong thành đò có Đệ Nhị Tức Ninh Tướng Quân của Thổ Cốc Hồn hiện đang ở, gồm cả thảy 3.000 bộ lạc để phòng ngự Tây Hồ. Từ thành Thiện thiện theo hướng Tây đi 1.640 dặm đến thành Tả Mạt. Trong thành đó dân chúng sinh sống có khoảng trăm nhà. Đất đai không có mưa nên phải khơi nước trồng lúa, không biết dùng trâu bỏ để cày bừa làm ruộng. Trong thành đó đồ họa hình tượng Phật và Bồ-tát đều không giống dung mạo người Hồ mà phòng theo hình Cổ Lão, đó là do Lã Quang đánh chiếm nước người Hồ mà làm nên vậy. Từ thành Tả mạt theo hướng Tây đi 1.275 dặm đến cuối thành, bên cạnh cuối thành hoa quả đều tương tợ như ở thành Lạc

Dương, chỉ có nhà đất ngang bằng đầu là khác lạ. Từ cuối thành theo hướng Tây đi 2 dặm đến thành Hãn Ma. Từ thành ấy về phía Nam cách khoảng 15 dặm có một ngôi chùa lớn. Chúng Tăng có hơn 300 vị. Có một tôn tượng bằng vàng cao trượng sáu, nghi dung siêu tuyệt tướng tốt rực rỡ, mặt thường xoay về hướng Đông mà đứng, chẳng chịu trông nhìn về hướng Tây. Các bậc lão thành tương truyền rằng: Tôn tượng đó từ phương Nam bay vọt giữa không trung mà đến. vua nước Vu Điền đích thân đến lễ bái, thỉnh chuyển đưa về nước, vừa đi nửa đường đang lúc ban đêm bỗng nhiên không thấy tôn tượng nữa, sai người kiếm thì thấy tôn tượng trở về nơi chỗ cũ, bèn vì tạo dựng tháp, phong 400 hộ lo việc cúng dường quét tước. Trong số hộ đó như có người cảm mắc bệnh dùng vàng mỏng thếp tượng bôi thoa vào chỗ bệnh liền được lành khỏi. Người đời sau đến bên cạnh tôn tượng ấy tu tạo tôn tượng cao trượng sáu và các tháp tượng có đến số ngàn ngôi, treo phan lọng lụa thêu cũng có hàng vạn cái, phan của nước Ngụy (Trung Hoa) có hơn một nửa. Trên đầu phan có ghi viết theo lối chữ lệ là “Năm Thái Hòa thứ 19 (495)”, “năm Cảnh Minh thứ 2 (501”, “năm Diên Xương thứ 2 (513)” (đều thuộc thời Bắc Ngụy) chỉ có một bức. Trông xem các niên hiệu đây tức là phan của thời Diêu Tần vậy.

Từ thành Hãn ma theo hướng Tây đi 878 dặm đến nước Vu Điền. Trên đầu vua đội mũ vạng tợ như gà, khăn vén tóc bịt rủ sau đầu dài 2 thước bằng sinh gạ quyên, rộng 5 tấc để trang sức. Oai nghi có trống kèn, chiêng vàng, cung tên một bộ đủ, hai cái kích, năm trương dáo, kẻ hầu hai bên đeo mang dao không quá trăm người. Nước đó có phong tục người nữ mặc khố áo sam buộc đai cưỡi ngựa rong chạy không khác phái nam. Người chết rồi thì dùng lửa thiêu đốt, gom nhặt hài cốt để an táng, phía trên tạo dựng Phù đồ, người đang chịu tang thì cắt tóc rạch mặt lấy làm buồn đau. Tóc dài bốn tấc tức là bình thường. Chỉ có vua chết thì không thiêu đốt, đặt liệm trong quan rồi đưa đi xa đến an táng nơi đồng hoang trống, và tạo lập miếu phụng thờ cúng tế, theo thời mà nghĩ nhớ đó. vua nước Vu Điền không tin Phật pháp. Có người thương buôn nước Hồ dẫn một Tỳ-kheo tên là tỳ-lô-chiên đến dưới cây hạnh ở phía Nam thành, rồi chạy đến chỗ vua mà chịu tội và nói rằng: “Nay có dẫn đưa đến một vị Sa-môn người nước khác lượn đang ở dưới cây hạnh tại phía Nam thành”. vua nghe thế, tức giận liền sang trông xem Tỳ-lô-chiên. Sa-môn Tỳ-lô-chiên nói rằng: “Đức Như Lai bảo tôi lại đây khuyên vua tạo một cái chén che đậy ngôi Phù đồ để khiến vận phước của vua được vĩnh viễn hưng thạnh”. vua bảo: “Hãy làm cho ta

thấy được Phật thì ta sẽ vâng mạng". Sa-môn Tỳ-lô-chiên liền gióng chuông cáo bạch, Đức Phật bèn sai Tôn giả La-hầu-la biến đổi thân hình làm Phật từ giữa không trung mà hiện chân dung. vua liền gieo cả năm vóc xuống đất lễ kính, và ngay dưới cây hạnh tạo lập chùa nhà, họa làm hình tượng Tôn giả La-hầu-la. Bỗng nhiên tự ẩn mất, vua nước Vu Điền lại tạo dựng tinh xá bao bọc chung quanh đó, bảo dùng ngói lợp che đậy lại nhưng ảnh bóng vẫn thường lưu xuất hiện rõ bên ngoài phòng nhà. Những người trông thấy không ai chẳng xoay tâm chuyển hướng. Trong đó có chiếc giày của vị Bích Chi Phật. Mãi đến nay vẫn chưa rã nát, chẳng phải bằng da, chẳng phải loại lụa dày, không ai có khả năng xét biết được. Cảnh vức của nước Vu Điền từ Đông sang Tây không quá 3.000 dặm.

Đến ngày 29 tháng 7 năm Thần Quy thứ 2 (5190 thời Bắc Ngụy, vào nước Chu-câu-ba. Dân chúng nước đó nương tựa núi để sống, ngũ cốc rất tốt tươi. Ăn dùng bún miếng lúa thóc, không có nhà nào giết hại súc vật, người ăn thịt tức dùng thịt tự chết. Phong tục ngôn ngữ nói năng tương tợ như ở nước Vu Điền, chữ viết đồng như của Bà-la-môn. Biên giới nước đó, đi khoảng năm ngày thì cùng khắp. Qua đầu tháng 08 là vào biên giới nước Hán Bàng Đà. Lại theo hướng Tây đi 6 ngày lên núi Thông Lãnh. Lại theo hướng Tây đi 3 ngày đến thành Bát vu. Tiếp đi 3 ngày nữa đến núi Bất khả y (không thể nương ở). Xứ đó rất lạnh, bất kể mùa đông mùa hạ đều có tuyết đóng. Trong núi có ao. Rồng độc ở đó. Xưa trước có một thương nhân, đến dừng nghĩ qua đêm bên cạnh ao, gặp rồng tức giận, bèn chú giết hại thương nhân đó. vua Bàng Đà nghe vậy, bèn tạo trao ngôi vị cho con, đi đến nước Ô Trường học pháp chú thuật của Bà-la-môn, trong vòng 4 năm, khéo biết hết chú thuật ấy, trở về giữ lại ngôi vua, lại chú nguyện vào ao rồng. Rồng độc ấy biến làm một người tìm đến nơi vua sám hối tội quá. vua liền chuyển dời nó đến núi Thông lãnh cách khỏi ao ấy hơn 2.000 dặm. vua ấy tức vị tổ đã 13 đời của vua ngày nay vậy. Từ đó trở về hướng Tây, đường núi cây xanh um tùm bên cạnh, sườn núi dài ngàn dặm, men sườn cao muôn nhân hiểm nguy tận trời xanh, thật là tại đó vậy, nên Thái Hành mạnh môn sách đây chẳng phải nguy hiểm, như núi Hào, quan ải, sười núi Lũng mời ngang bằng đây vậy. Phát xuất từ Thông lãnh từng bước dần cao, cứ đi như thế suốt 4 ngày mới lên đến trên đảnh. Y cứ mà ước tính từ giữa trở xuống dưới thì đó thật đã giữa khoảng trời xanh vậy. Nước Hán Bàng Đà ngay tại trên đỉnh núi. Từ Thông lãnh trở về hướng Tây các dòng nước đều xuôi đổ về Tây. Người đời gọi đó là khoảng giữa của

đất trời. Dân chúng khơi thác dòng nước để gieo trồng được, nên cười bảo: "Trời cớ sao có thể cùng mong vậy?". Về phía Đông của thành có sông Mạnh Tân, theo hướng Đông bắc xuôi chảy đến nước Sa Lặc. Tại Thông lãnh nơi cao vút trơ trọi, cỏ cây không sinh mọc. Bấy giờ đang là thời tiết tháng 08, khí trời đã lạnh, gió bắc xua đuổi chim nhạn, tuyết bay ngàn dặm. Đến trung tuần tháng 9 thì vào nước Bát Hòa, xứ ấy núi cao hang sâu, đường nguy hiểm như thường, chỗ ở của vua nước ấy nhân tựa núi mà làm thành quách, dân chúng vận mặc chỉ chuyên dùng áo giạ, đất đai rất lạnh, phải đào hang mà ở. Gió tuyết cứng mạnh cắt xé, người vật cùng nương tựa nhau. Biên giới phía Nam nước đó có núi tuyết lớn, lúc sáng mai tạm giản lỏng đến chiều tôi đông kết, trông nhìn tợ như ngọn núi Ngọc.

Qua đầu tháng 10, đến nước Yết Đạt, xứ đó đất ruộng rộng nhiều, núi chầm càng trông xa. Dân chúng sống không thành quách, quân lính bằng đường thủy mà sửa trị, dùng đệm giạ làm phòng nhà, tùy thuộc theo cỏ nước, mùa hạ thì tùy chỗ mát, mùa đông thì theo chỗ ấm mà ở. Làng nước không biết chữ nghĩa, lễ giáo đều thiên khuyết, âm dương chuyển vận không biết mức độ đó, thường năm không có đầy nhuận, tháng chẳng có phân đủ thiếu, cứ lấy 12 tháng làm thành một năm, nhận thọ các nước triều cống, phía Nam đến nước Điệp la, phía bắc đến tận nước Sắc Lặc, phía Đông trùm cả nước Vu Điền, phía Tây đến cả nước Ba Tư, có hơn 40 nước đều đến triều cống. vua trương bày một tấm giạ lớn ruộng vuông 40 bộ, chung quanh dùng thảm làm tường chắn, vua mặc áo gấm, ngồi giường vàng, dùng 4 con phụng hoàng bằng vàng làm sàn gác chân. Thấy kẻ sứ của nước Đại Ngụy (Nguyên Ngụy - Trung Hoa) đến, có người lại bái quỳ nhận chiếu thư. Đến lúc thiết hội, có một người xướng thì khách bước đến trước, sau đó xướng thì bải hội, chỉ có pháp thức đó, không thấy âm nhạc. Vương phi nước Yết Đạt cũng mặc áo gấm xủ rủ giữa đất dài ba thước, có kẻ sử cầm nắm lấy đeo nơi đầu một góc dài tám thước, thừa dài ba thước, dùng ngọc mai côi năm sắc để trang sức trên đó. Lúc Vương phi đi ra thì cùngtheo đó, đi vào thì ngồi giường vàng, dùng voi trắng 6 ngà và 4 sư tử làm sàn, ngoài ra vợ của Đại thần đều tùy theo, đầu tán cũng tợ như có góc đoàn viên rủ xuống, tướng trọng tợ như lọng báu. Xem thấy các hàng sang hèn ở xứ ấy cũng có phục chương. Với trong khoảng tứ Di thì rất là lớn mạnh. Xứ ấy không kính tin Phật pháp, phần nhiều là phụng thờ ngoại thần, sát hại sinh vật ăn uống máu thịt, vật dụng làm bằng bảy báu. Các nước đến hiến tặng có rất nhiều thứ quý lạ. Xét thấy nước Yết Đạt các kinh đô

(Lạc Dương) khoảng hơn hai vạn dặm. Đến đầu tháng 11 thì vào nước Ba Tư, đất đai nước ấy rất nhỏ hẹp, chỉ 7 ngày đi qua. Dân chúng ở men theo núi, vốn nghiệp cùng tiễn, phong tục hung ác khinh mạn, thấy vua không kính lễ. vua đi ra đi vào chỉ có vài người cùng theo. Nước đó có dòng sông, xưa trước rất cạn, về sau bị núi sụp đổ nên ngăn cách dòng biến thành hai cái ao, có rồng độc ở đó và có lắm nhiều tai họa khác lạ, mùa hạ thì vui mừng mưa bảo, mùa đông thì băng tuyết đóng chứa. Người đi đường vì thế nên phần nhiều rất khốn khó. Tuyết có ánh sáng sắc trắng chiếu rọi vào mắt người, khiến người nhắm mắt mịt mờ không thấy, phải cúng tế vua rồng sau đó mới bình phục. Đến giữa tháng 11 thì vào nước Xa Di, nước đó dần ra ngoài Thông lãnh, đất ruộng cằn cỏi, dân chúng phần nhiều là nghèo hèn khốn khổ, đường đi gập ghềnh nguy hiểm, người ngựa phải cận thận bước qua, đi thẳng một đường. Lại từ nước Bát-lô-lặc hướng đến nước Ô Trường, được dùng móc sắt làm cầu treo giữa khoảng không mà vượt qua, trông nhìn xuống không thấy đáy, bên cạnh lại không có vật để nắm kéo, chỉ trong khoảng khắc ném mình xa muôn nhận. Vì thế người đi trông nhìn gió mà rơi lạc đường vậy.

Qua đầu tháng 12, vào nước Ô Trường. Xứ đó phía Bắc tiếp giáp với Thông lãnh, phía Nam nối liền với Thiên Trúc, đất đai khí hậu hòa ấm, địa phương có vài ngàn, dân vật đông nhiều sánh cùng như ở thần châu của Lâm Truy, ruộng nương tốt mầu ngang bằng trên dưới của Hàm Dương. Nơi Tỳ-la-xả thí con thơ, chỗ Tát-đỏa ném mình bố thí. Tục cũ tuy xa, thổ phong hiện vẫn còn, vua nước đó chuyên tinh ăn dùng rau quả trường trai, sớm tối lễ Phật, đánh trống thổi ốc, tỳ bà, không hầu, sênh, tiêu, đều có đủ, từ giữa ngày trở về chiều mới lo việc trị nước an dân. Giả sử như có người phạm phải tội chết, chẳng lập định hình luật giết hại, chỉ đưa vào trong núi trống không mặc tình ăn uống, mọi sự trải qua nghi tợ như dùng thuốc để điều phục vậy, đục trong hẳn có ứng nghiệm, tùy việc nặng nhẹ liền giải quyết tức thời. Đất đai xứ đó tốt đẹp, người vật giàu có đông nhiều, trăm thứ lúa má đều tươi tốt, các thứ cây trái chín nhiều. Về đêm, nghe tiếng chuông ngân vang khắp cùng thế giới. Cứ đó lắm nhiều hoa lạ, mùa đông mùa hạ luôn nối tiếp nhau, các hàng Đạo tục hái lấy đem dâng cúng dường Phật.

Vua nước đó thấy Tông Vân, nói rằng: “Sứ giả của nước Đại Ngụy đến”. Bèn vái dài mà nhận chiếu thư. Nghe Thái hậu rất sùng kính Phật pháp, liền xoay mặt về hướng Đông chấp tay xa dốc lòng kính lễ. Và sai người hiểu biết ngôn ngữ Trung Hoa mà hỏi Tống Vân rằng: “Ông

là người nhật xuất xứ nào vậy? Tống Vân đáp rằng: "Ở biên giới phía Đông nước chúng tôi có biển nước lớn, nhất xuất từ trong đó". Thật là ý chỉ của Như Lai". Vua lại hỏi rằng: "Nước ấy có các bậc Thánh nhân xuất hiện chăng?". Tống Vân bèn trình bày cụ thể về đức hạnh của Chu, Khổng, Lão, Trang tiếp nói về trên núi bồng lai là cửa bạc nhà vàng, các bậc thần tiên đều ở trên đó, nói về Quản lộ khéo giỏi bói đoán, Hoa Đà trị bệnh, Tả Từ có phương thuật v.v... mọi việc như thế lần lượt phân biệt nói bày. Vua nói: "Nếu đúng như lời ông nói thì đó tức là cõi nước của Phật, đến lúc mạng chung, ta nguyện sinh về cõi nước ấy!"

Tống Vân cùng Sa-môn Tuệ Sinh khi ấy đi ra ngoài thành, lần tìm các giáo tích của Đức Như Lai. Về phía Đông dòng sông có nơi xưa kia Đức Phật hong phơi pháp y. Mới đầu, Đức Như Lai hành hóa tại nước Ô Trường, vua rồng tức giận nổi đùng gió mưa lớn, y Tăng-già-lê của Đức Phật trong ngoài đều thấm ướt. Đến lúc mua dứt, Đức Phật dưới tảng đá xoay mặt về hướng Đông ngồi để hong phơi pháp y ca sa. Năm tháng tuy đã qua lâu xa, mà đường vắng vẫn rõ như mới, chẳng phải đường thẳng tắp rõ thấy, đến như vải vụn cũng rõ ràng. Chợt vừa sang trông thấy tợ như chưa suốt cùng, mới bảo người vạch rọc, thì đường vằn ấy càng hiện rõ. Nơi xưa kia Đức Phật ngồi và nơi hong phơi y đều có tạo lập tháp ghi rõ. Về phía Tây dòng sông có một cái ao là nơi vua rồng ở, bên cạnh bờ ao có một ngôi chùa, chư Tăng có hơn 50 vị. Mỗi lúc vua rồng tạo ra thần biến, thì vua nước đó đến cầu xin, đem vàng ngọc vật báu ném vào trong ao, sau đó nổi lên khiến chư Tăng vớt lấy. Mọi thứ ăn mặc ở chùa đó đều do tiếp đãi rồng mà dâng cúng, nên người đời xưng gọi đó là chùa long Vương. Từ Vương Thành đi về hướng Bắc khoảng 18 dặm, có dấu vết xưa kia Đức Như Lai giẫm bước trên đá, có xây dựng tháp che phía phía trên. Nơi giẫm bước trên đá, nếu dùng bùn sình cạn mà lường đó không nhất định, hoặc dài hoặc ngắn. Nay đã có dựng lập chùa và có hơn 70 vị Tăng ở đó. Từ tháp đó đi về phía Nam khoảng 12 bộ có một suốt đá, xưa kia Đức Phật vốn thanh tịnh nhấm thành Dương rồi cắm xuống đất, liền sinh mọc lên, đến nay thành cây Đại thọ. Người Hồ gọi đó là cây Bà lâu. Ở phía Bắc thành, có chùa Đà-la, rất lắm nhiều Phật sự, Phù đồ cao lớn, Tăng phòng bít liền bên cạnh bao quanh. Có 6.000 tôn tượng bằng vàng. Mỗi năm, vua thường thiết lập Đại hội đều tại chùa ấy, các hàng Sa-môn khắp trong nước đều đông đảo nhóm tập về. Tống Vân và Sa-môn Tuệ Sinh thấy các Tỳ-kheo ấy giới hạnh tinh khổ, trông nhìn phong thái phép tắc đặc thù, càng thêm tỏ sự cung kính, bèn lưu lại hai Tỳ cung cấp lo việc quét

tước. Các Vương thành về hướng Đông nam đi bằng đường núi khoảng 8 ngày, đến nơi xưa kia Đức Như Lai tu hành khổ hạnh ném mình cho hổ đói. Núi cao lũng tủng vút ẩn vào mây nguy hiểm, cây gỗ quý cỏ linh sinh mọc thành rừng trên đó, suối rừng uyển lệ, sắc hoa ánh ngời mắt thấy. Tống Vân cùng Sa-môn Tuệ Sinh cắt xả bốt tư trang lương thực, đến trên đỉnh núi tạo dựng một ngôi Phù đồ, khắc ghi trên đá bài minh theo lối chủ lệ là "Công đức của nước Đại Ngụy". Trên núi đó có chùa Thâu cốt có hơn 300 vị Tăng ở. Từ Vương thành về phía Nam đi hơn trăm dặm có nơi xưa kia Đức Như Lai làm vua nước Ma-hưu rạch lột da làm giấy chẻ cốt xương làm bút. vua A-dục tạo dựng ngôi tháp che phủ phía trên cao 10 trượng. Nơi chẻ cốt xương làm bút, tủy rơi dính trên đá, trông xem sắc màu như mở, béo nhờn như mới. Từ Vương thành về hướng Tây nam cách 500 dặm, có núi Thiện Trì, Ở đó suối ngọt, cây trái xinh đẹp thấy như trong kinh ghi tả. Hang núi hòa ấm, cây cỏ mùa Đông xanh tươi. Khi ấy đang lúc thái thấu ngự thần, ấm nóng đã quạt, chim hót cây xuân, bướm lượn hoa rừng. Tống Vân xa ở nơi cùng cảnh vức, nhân trông nhìn cảnh xinh đẹp đó, quay nghĩ lại trong lòng riêng quanh co nỗi lòng, bèn động vật thương xưa cũ, nên phái bó buộc bông tơ qua cả tháng, may gặp được chú thuật của Bà-la-môn, sau đó mới được bình phục tốt lành. Từ đỉnh núi về phía Đông nam có thạch thất của Thái tử chỉ một cửa mà hai phòng. Trước thất của Thái tử cách khoảng 10 bộ có một tảng đá vuông lớn, nghe rằng xưa kia Thái tử thường ngồi trên đó. vua A-dục tạo dựng tháp ghi chép lại. Từ tháp đó về hướng Nam cách một dặm là nơi am tranh của Thái tử. Từ tháp đó cách một dặm về hướng Đông bắc xuống núi đi khoảng 50 bộ, có nơi hai người con trai gái của Thái tử chạy vòng quanh cây gỗ không chịu đi, bị vị Bà-la-môn dùng gậy đánh đập máu đổ vãi trên đất, cây ấy đến nay vẫn hiện còn. Nói chỗ đất có máu đổ vãi, nay biến làm thành dòng suối, từ thạch thất đi về hướng Tây cách 3 dặm là nơi trời Đế-thích biến hóa thân làm con sư tử ngôi xổm giữa đường cản ngăn Man-khư. Dấu vết mỏng vuốt và lông đuôi trên đá, đến nay thảy đều còn rõ rệt. Nói hàng của A-chu-đà và con cái cung phụng nuôi dưỡng cha mẹ mù đều có tạo dựng tháp ghi lại. Trong núi có nơi sàn giường của 500 vị A-la-hán xưa kia tại hai phía Nam-bắc sắp thành hai hàng hướng về nhau mà ngồi lần lượt tương đối. Có chùa lớn, Tăng chúng có 200 vị. Nơi Thái tử ăn, từ dòng suối nước về hướng Bắc có một ngôi chùa, thường dùng vài con lừa vận chuyển lương thực lên núi, không người xua đuổi, tự nhiên qua lại, phát xuất từ giờ đầu tới giờ ngọ thì đến nơi. Mỗi lúc đến xung xan, đó là do Thần hộ

tháp Ác-bà-tiên sai sử nên vậy. Tại chùa đó, xưa trước có một vị Sa-di thường trừ bỏ tro bụi, nhân nhập định, vị Duy-na đến lay kéo, bất chợt da liền cốt xương lìa nhau. Nơi Ác-bà-tiên thay Sa-di ấy từ bỏ tro bụi, vua nước đó cùng Ác-bà-tiên lập miếu, đồ họa hình tượng ấy, dùng vàng thếp phết lên. Cảnh đỉnh núi có chùa Bà giang do Dạ-xoa dựng lập, Tăng chúng có 80 vị ở đó, nói rằng: “A-la-hán Dạ-xoa thường lại cúng dường quét tước lượm củi, các vị Tỳ-kheo phàm tục không được ở chùa đó”. Cũng trong thời Đại Ngụy (Nguyên Ngụy) có Sa-môn Đại Vinh đến đó lễ bái rồi đi, không dám dừng ở lại.

Đến trung tuần tháng 4 năm Chánh Quang thứ nhất (520) thời Bắc Ngụy, vào nước Kiền-đà-la, đất đai xứ đó cũng tợ như ở nước Ô Trường, vốn tên là nước Nghiệp-ba-la, bị sự phá diệt của nước Yết Đạt, bèn lập sắc cần làm vua, từ lúc trị nước đến nay đã trải qua hai đời, lập tánh hung bảo, phần nhiều làm điều giết hại, không tin Phật pháp, ham thích phụng thờ quỷ thần. Dân chúng trong nước đều là chủng tộc Bà-la-môn sùng phụng Phật giáo, ưa thích đọc tụng kinh điển, bỗng nhiên gặp phải vua đó, rất trái với tình nguyện, bèn cậy ỷ sức mạnh cùng tranh cảnh vức với nước Kế Tân, liền cất binh lính chiến đấu đã trải qua 3 năm. vua nước đó có 700 con voi chiến đấu, mỗi con mang chở 10 người, tay nắm dao tra, buộc dao nơi mũi voi, cùng địch đánh nhau, vua thường đứng trên cảnh núi trọn ngày không trở về, tướng soái già dân nhọc, trăm họ thán oán. Tống Vân đến trong Quân thông trình chiếu thư. vua hung bạo khinh mạn vô lễ, ngồi nhận chiếu thư. Tống Vân thấy đó Xa Di không thể chế phục, mặc tình sự cứ ngạo, không thể trách móc đó. vua sai quan Truyền sự nói cùng Tống Vân rằng: “Ông trải qua các nước, giẫm trải đường sá nguy hiểm, có được không nhọc khổ chăng?”. Tống Vân đáp rằng: “Hoàng đế chúng tôi rất đượm vị Đại thừa, xa tìm cầu kinh điển, đường sá tuy hiểm trở, nhưng chưa dám nói là nhọc mệt. Đại vương đích thân thống lãnh ba quân xa đến nơi biên cảnh, nóng lạnh chợt đổi thay, không gì chẳng hỏng tệ!”. Vua ấy đáp rằng: “Không thể hàng phục nước nhỏ, thật thẹn lời hỏi ấy của ông”. Mới đầu, Tống Vân thấy vua ấy là giống người Di, không thể dùng lễ mà trách cứ, mặc tình để ngồi nhận chiếu thư, kịp đến lúc thân gần qua lại mới có tình người, bèn trách vua ấy rằng: “Núi có cao thấp, sông có lớn nhỏ, người ở trong thế gian cũng có tôn ti, vua ở các nước Yết Đạt, Ô Trường đều kính bái mà nhận chiếu thư, cớ sao riêng một mình Đại vương không kính bái?”. vua ấy đáp rằng: “Ta thấy Ngụy chúa thì kính bái, được thư thì ngồi đọc, có gì đáng lấy làm lạ. Người đợi nhận được thư của cha mẹ, còn tự ngồi

mà đọc. Đại Ngụy như cha mẹ của ta, ta cũng ngồi đọc thư, đối với lý không mấy vậy". Tống Vân không lấy gì để khuất phục đó, bèn dẫn Sa-môn Tuệ Sinh đến một ngôi chùa, mọi sự cung cấp tiếp đãi rất lạnh dạc. Khi ấy từ nước Bạt-đề đưa sang hai con sư tử con tặng cho vua nước Kiều-đà-la. Tống Vân v.v... thấy đó, xét xem ý khí hùng mạnh các hình tượng họa ở Trung Hoa chẳng dự xen phần nào nghi dung ấy.

Khi ấy lại theo hướng Tây đi 5 ngày đến nơi xưa trước kia Đức Như Lai xả bỏ đầu mặt cấp thí cho người, cũng có chùa tháp và hơn 20 vị Tăng ở đó. Lại theo hướng Tây đi 3 tháng đến sông Tân Đầu, trên bờ sông phía Tây, có nơi xưa kia Đức Như Lai làm thân cá Ma kiệt lớn từ sông mà ra, suốt trong thời gian 12 năm dùng thịt mình cứu giúp cho người. Ở đó có tạo lập tháp ghi chép lại, trên đá hiện còn có đường văn vảy cá. Lại theo hướng Tây đi 13 ngày đến thành Phật sa phục, xứ đó sông đồng tươi tốt, thành quách ngay thẳng, dân chúng giàu có đông nhiều, rừng suối xanh tươi, đất đai sản sinh lắm thứ vật báu. Phong tục thuần thiện, trong và ngoài thành đó có các ngôi chùa cổ và nhiều danh Tăng chúng đức đạo hạnh cao kỳ. Từ thành đó về hướng Bắc cách khoảng một dặm có cung Bạch tượng, trong chùa các Phật sự đều bằng tôn tượng đá trang nghiêm rất mực hoa lệ, số lượng rất nhiều, khắp thân tôn tượng đều thếp vàng sáng rỡ lóa cả mắt người. Trước chùa có nhiều cây gỗ bạch tượng. Chùa ấy hưng thạnh thật do từ đó, hoa lá tợ như táo đến cuối mùa Đông mới chín. Các bậc lão đức tương truyền rằng: "Cây đó hủy diệt thì Phật pháp cũng hủy diệt vậy". Trong chùa có đồ họa hình tượng vợ chồng Thái tử đem hai người con trai gái tặng cho vị Bà-la-môn cầu xin. Những người nước Hồ trông thấy đó không ai chẳng buồn khóc. Lại theo hướng Tây đi một ngày đến chỗ xưa kia Đức Như Lai khoét mắt cho người, cũng có xây dựng chùa tháp. Trên đá ở chùa ấy còn có dấu vết của Đức Phật Ca-diếp.

Lại theo hướng Tây đi một ngày, dùng thuyền vượt qua một dòng sông sâu xa hơn 300 bộ, lại theo hướng Tây nam đi hơn 60 dặm đến thành Kiền-đà-la, lại về phía Đông nam, có Phù đồ Tước Ly. Theo truyền của Sa-môn Đạo Minh nói là từ thành về phía Đông cách 4 dặm. Suy xét về cội nguồn thì lúc Đức Như Lai còn tại thế cùng các đệ tử vân du giáo hóa xứ đó. Đức Phật chỉ về hướng Đông mà bảo rằng: "Sau khi ta nhập Niết-bàn khoảng 300 năm có một vị Quốc vương tên là Ca-ni-sắc-ca tạo lập Phù đồ tại xứ này". Sau khi Phật nhập Niết-bàn 300 năm, quả nhiên có vị Quốc vương tự là Ca-ni-sắc-ca vân du ra phía Đông thành thấy 4 Đồng tử dùng phẩn trâu đắp tháp cao 3 thước,

bỗng nhiên ẩn biến mất. Theo truyện Sa-môn Đạo Vinh nói là Đồng tử ở giữa không trung mà nói kệ, vua lấy làm quái lạ về các đồng tử đó nên liền làm tháp che phủ phía trên, tháp bằng phẩn ấy dần cao trội vượt ra bên ngoài cách đất cao 400 thước, sau đó bèn ngưng, vua mới lại mở rộng nền móng tháp hơn 300 bộ. Theo truyện Sa-môn Đạo Vinh nói là cao 390 bộ, từ đó lại kết cấu cây gỗ mới được ngang bằng, theo truyện Sa-môn Đạo vinh nói là cao 3 trượng và đều dùng bằng đá văn để làm thềm cấp, trụ đội, phía trên mới kết cấu các cây gỗ. Có cả thảy 13 thềm cấp, phía trên có trụ sắt cao 3 thước, có 13 lớp mâm vàng hợp lại, cách đất cao 700 thước. Theo truyện Sa-môn Đạo Vinh nói là trụ sắt cao 88 thước, có 80 vòng vây, có 15 lớp mâm vàng. Cách đất cao 63 trượng 2 thước, khi công việc thi hành đã hoàn tất, tháp bằng phẩn kia trở lại như mới đầu. Từ tháp lớn về phía Nam cách 3 bộ là nơi có vị Bà-la-môn không tin tháp ấy bằng phẩn nên đưa tay sờ mó xem, bèn làm thủng một lỗ, năm tháng trải qua tuy đã lâu dài nhưng phẩn ấy vẫn còn không rã hoại, có người dùng hương nên để bít lấp lỗ ấy nhưng không thể đầy. Nay làm lồng thiên cung trùm phủ lên đó. Ngôi Phù đồ Tước Ly kể từ khi tạo lập đến nay đã trải qua 3 lần bị lửa trời thiêu đốt, Quốc vương tu sửa trở lại như cũ. Các bậc lão thành nói: “Ngôi Phù đồ ấy bị lửa trời thiêu đốt tức Phật pháp sẽ hủydiệt vậy”. Theo truyện Sa-môn Đạo Vinh nói khi vua tu sửa Phù đồ, thợ gỗ làm đã xong, chỉ còn có trụ sắt không sao cất lên nỗi, vua mới bảo ở bốn góc xây dựng các ngôi lầu cao, thiết đặt vàng bạc và các vật báu. vua cùng phu nhân và các Vương tử đều ở tại trên lầu, đốt hương rải hoa chí tâm tinh thành, sau đó dùng con lăn ròng rọc thắt chặt và kéo, chỉ một lần dất bèn lên đến nơi. Các người Hồ đếu nói đó là bốn Thiên vương hỗ trợ. Nếu chẳng như thế thì thật sức người không thể nâng dất. Mọi vật rong tháp thảy đều bằng vàng ngọc, ngàn biến muôn hóa, khó thể xưng kể. Lúc mặt nhật vừa ló dạng thì mâm vàng sáng rực, gió nhẹ dần lay động các linh báu hò reo. Đó là ngôi Phù đồ ưu việt đứng đầu trong các ngôi Phù đồ ở Tây Vức. Tháp đó lúc mới hoàn thành thì dùng trân châu làm lưới che phủ phía trên, sau đó vài năm vua mới suy lường là lưới châu ấy giá trị cả muôn vàng, sau khi ta qua đời sợ có người cướp đoạt, lại nghĩ đến lúc tháp lớn hư hoại không người tu bổ, nên bèn mở lưới châu ngọc ấy và dùng vạc đồng đựng đầy đo, đưa về phía Tây bắc các tháp trăm bộ đào bới đất mà chôn lấp đó, phía trên trồng cây, cây tên là Bồ-đề, cành nhánh bủa bốn phía, lá che phủ kín trời. Bốn mặt phía dưới cây đều có tôn tượng ngồi, mỗi mỗi cao trượng năm. Thường có 4 con rồng gìn giữ châu ngọc

đó, nếu có người khởi tâm ý muốn lấy thì liền có họa biến tai ương, nên khắc đá làm bia minh căn dặn cùng người đời sau vậy. Nếu tháp đó hư hoại thì nhọc phiền các bậc hậu hiền phải cầu kiếm ra châu ngọc để tu sửa lại. Từ Phù đồ Tước Ly về phía nam cách 50 bộ có một tháp đá hình thế tròn thẳng cao 2 trượng rất có thần biến, hay cùng với người đời mà biểu lộ mọi sự tốt xấu. Xúc chạm vào tháp, nếu là người có được tốt lành thì linh báu liền ứng vang, còn nếu là người mắc phải xấu ác thì giả sử có khiến người lau động cũng không chịu phát ra tiếng. Sa-môn Tuệ Sinh hiện tại xa cách nước nhà, sợ có điều không tốt lành khi trở về, bèn kính lễ thần tháp cầu xin một ứng nghiệm, khi ấy đưa tay xúc chạm lấy, linh liền ứng vang tiếng. Có được điềm ứng ấy, Sa-môn Tuệ Vinh bèn dùng để ủy tâm riêng của mình, về sau, lúc trở về quả nhiên thật được tốt lành.

Mới đầu xuất phát từ kinh đô, Sa-môn Huệ Sinh được Hoàng thái hậuban giao 1.000 bức lụa 5 sắc dài trăm thước, 500 chiếc đãy bằng lụa thơm, các hàng vương công khanh sĩ dâng tặng 2.000 bức, từ trước vu điền đến nước Kiền-đà-la trải qua các nơi có Phật sự, Sa-môn Huệ Sinh đều để lại cúng dường bố thí. Đến đây thì đã gần hết, chỉ lưu lại một bức lụa trăm thước của Hoàng thái hậu, phỏng nghĩ muốn để dâng cúng tháp vua Thi Tỳ. Tống Vân lưu lại hai người tôi tớ phụng dâng ở Phù đồ Tước Ly trọn sung công việc quét tước. Sa-môn Huệ Sinh bèn cắt giảm lương thực tư trang, khéo chọn thợ giỏi dùng Đồng phỏng tạo nghi dung Phù đồ Tước Ly và 4 tháp biến của Đức Phật Thích Ca.

Từ đó lại theo hướng Tây bắc đi 7 ngày, vượt qua một dòng sông lớn đến nơi kia Đức Như Lai làm vua Thi Tỳ cứu chim bồ câu, ở đó cũng có tạo dựng chùa tháp. Xưa kia lẫm kho của vua Thi Tỳ bị nạn lửa đốt cháy. Trong đó gạo canh cháy tiêu đến nay vẫn còn, nếu như ăn được một hạt thì trọn không cảm mắc bệnh sốt rét. Dân chúng nước đó cầu thuốc thường ngày đến lấy đó. Theo truyện Sa-môn Đạo Vinh nói đến nước Na-ca-la-ha có cốt xương đỉnh đầu Đức Phật, vuông tròn 4 tấc sắc màu vàng trắng, phía dưới có lỗ hổng xỏ lọt ngón tay người, nghiêng mình trông nhìn tợ như tổ ong lật ngửa. Đến chùa kỳ Hạ lam, có pháp y ca sa 13 điều của Đức Phật, dùng thước để đo lường thì hoặc ngắn hoặc dài không nhất định. Lại có chiếc tích trượng của Đức Phật dài khoảng trượng bảy, dùng nước ông trúc dựng đầy đó, dùng vàng dác mỏng phía trên, tích trượng ấy nặng nhẹ cũng không nhất định. Gặp có lúc nặng cả trăm người nâng cũng không nỗi, gặp có lúc nhẹ thì chỉ hai người bèn nâng được. Trong thành Na-kiệt có cốt răng và tóc của Đức Phật, đều

làm hộp báu mà đựng để tôn thờ, sớm tối lễ bái cúng dường. Đến Cù-la-la-lộc thấy ảnh bóng của Đức Phật. Vào hang núi đi khoảng 15 bộ, đến gần để xem thì mịt mờ không thấy, đưa tay sờ má vào nhau nổi trội ưu đặc thật hiếm có ở đời. Trước hang có một tảng đá vuông, trên tảng đá có dấu chân Đức Phật, từ hang về phía Tây nam cách khoảng 100 bộ có nơi xưa kia Đức Phật giặt nhuộm y, về phía Bắc của hang cách một dặm có hang của Tôn giả Mục Kiền Liên. Từ hang đó về phía Bắc có núi, dưới núi có ngôi Phù đo do chính tay đạo phẩm đắp xây cao 10 trượng và có ghi là "Ngôi Phù đồ này vùi lấp trong đất thì Phật pháp sẽ hủy diệt". Lại thêm có làm 7 ngôi tháp khác. Phía Nam của 7 ngôi tháp ấy có một tảng đá khắc ghi rằng: "Tự tay Đức Như Lai ghi viết chữ người Hồ rõ ràng, đến nay có thể nhận biết vậy". Sa-môn Huệ Sinh ở tại nước Ô Trường 2 năm. Phong tục của người Hồ phương Tây đại đồng tiểu dị không thể ghi tả hết cụ thể.

Đến tháng 2 năm Chánh Quang thứ 2 (521) thời Bắc Ngụy, nay trở về kinh đô, Huyễn Chi căn cứ theo hành ký của Sa-môn Huệ Sinh có nhiều sự không ghi tả hết. Nay y cứ theo truyện Sa-môn Đạo Vinh và ghi chép ở nhà của Tống Vân, nên đều ghi chép lại đây để hoàn bị phần văn khuyết thiếu ấy.

Hai phía Đông-tây cỉa kinh đô Lạc Dương dài 20 dặm, hai phía Nam-bắc rộng 15 dặm, có hơn mười vạn chín trăm hộ dâu. Ngoài các miếu, xả, cung, thất, phủ, tào ra, cứ vuông 300 bộ làm thành một làng, mỗi làng mở 4 cửa. Mỗi cửa đặt 2 người chánh làng, 4 người quan lại và 8 người Môn sĩ, gồm cả thảy có 220 làng. Có 1. 367 ngôi chùa. Vào năm Thiên Bình thứ nhất (534) thời Đông Ngụy, chuyển dời kinh đô Lạc Dương đến Nghiệp thành. Tại Lạc Dương, ngoài 421 ngôi chùa, về phía Bắc trên Mang sơn có chùa Bằng vương, chùa Tề Hiến Võ vương. Từ kinh đô về cửa đá phía Đông có chùa Nguyên Lãnh Quân, chùa Lưu Trường Thu, trong Tung Cao có chùa Nhàn Cư, chùa Tê Thiền, chùa Tung Dương, chùa Đạo Tràng, phía trên có chùa Trung Đảnh, phía Đông có chùa Thăng Đạo. Cửa Quyết phía Nam kinh đô có chùa Thạch Quật, chùa Linh Nham. Phía Tây kinh đô, nói sông Triền có chùa Bạch Mã, chùa Chiếu Lạc. Các chùa như thế v.v... đều nằm ngoài thành quách, không thuộc trong số hạn, cũng ghi rõ đó vậy.

CÁC NGÔI GIÀ LAM Ở PHÍA BẮC THÀNH LẠC DƯƠNG
QUYỂN 5
(Hết)

LỜI BẠT
GHI VỀ CÁC NGÔI GIÀ LAM TẠI THÀNH LẠC DƯƠNG

Ở đời tương truyền bộ “Lạc Dương Già Lam Ký” (ghi về các ngôi già lam tại thành Lạc Dương) thì bản khắc ở nhà Như Ẩn thời nhà Minh là xa xưa nhất. Huân Khương cũng có một bản, trong quyển 2 khuyết mất 498 (chữ?) cả thảy gồm 3 trang. Căn cứ theo “giai hiệu lục” của Viên Tuy và lời bạt của Mao Phủ Quý đã ghi là: “Trong quyển 2 thoát mất 3 trang giấy, có người khéo biết việc lưu truyền ghi tả để bổ chú. Mỗi người có sự chẳng đồng là do từ xưa trước vậy, theo thư mục Thiết cầm (đàn sắt) Đồng kiếm (kiếm đồng) lâu (lầu) của Cù Thị cũng xưng nói ở quyển một quyển hai có khuyết thiếu trang, căn cứ theo Cổ giản tân hiệu bản bổ lục, thì tiếc xa ở tại trong nam không thể đến, nhân theo bản chữ Quát ở nhà Ngô Chân Ý tại Hoàng xuyên bổ thích 3 trang ấy. Vọng nghe Ngô Chân Ý cùng Ngô Nhã Chuẩn tập chứng, đều phát xuất từ nguồn của Như Ý, nay lấy để xét đối cũng chưa hẳn hết. Nhưng đại khái mỗi mỗi đều có hiệu đính và cải đổi. Bản khắc của Như Ẩn tợ hồ xuất phát từ thời Gia Tĩnh tức niên hiệu Gia Tĩnh 1522-1567 thời nhà Minh), chưa rõ là do ai làm ra. Y cứ theo thể thức ấn hành để tặng cho người có đồng chí hướng là Võ Tấn Huân Khương vào đầu mùa hạ năm Ất mão (1555) vậy.

Trong thời Nguyên Ngụy, từ Hiển Tổ (?) mến chuộng cái học của Phù đồ (Phật Đà), đến Thái hậu mà lạm thương. Nguyên do làm bộ “Già Lam ký” này là phô bày xiển dương nhà Phật, và nhân đó mà đề cập đến văn hóa con người. Trước soạn mọi sự kỳ lạ của vườn, rừng, ca - vũ, quỷ - thần, kỳ - quái, hưng - vong đệ ngụ cho mọi sự khen chê, lại chẳng phải nhọc ghi về các ngôi Già lam mà thôi vậy. Nét bút xảo diệu tinh hoa, ý tứ kỳ đặc trong sạch cao vút, tuy truyện Phong Thần của Vệ Thúc Bảo, sách Tư Thái của vương di Phủ cũng chưa đủ để sánh ví với đây vậy. Trông xem lại Cao Tòng (?) cho rằng Đất Bắc là chất lỗ, dời đô Lạc Dương, lập Quốc tử Thái học, bốn lớp tiểu học. Như các ông Lý Xung, Lý Bưu, Cao Lư, Vương Túc, Quách Tộ, Tống Biện, Lưu Phương, Thôi Quang v.v... đều dùng văn nhã đáng nhìn, thân gần chế tác lễ nhạc tốt tươi khả quan. Có triều đại Nguyên (Bắc) Ngụy trải suốt thời gian 149 năm (386-534), rất là hiếm có. Lại chưa thể cho rằng từ niên hiệu Vĩnh Bình (508-512) thời Bắc Ngụy trở về sau mới chuyên chuộng Phật giáo mà thiếu vậy!

Mao Tấn ở Hồ Nam kính ghi.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 190

TỰ THÁP KÝ
(GHI VỀ CHÙA THÁP)

SỐ 2093

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2093

TỰ THÁP KÝ
(GHI VỀ CHÙA THÁP)

Thời tiền Đường, Đoàn Thành Thức ghi thuật.

Mùa hạ năm Quý hợi (843) là năm thứ 03 sau khi lên ngôi của vua Võ Tông (Lý Viên 841-860) thời tiền Đường, Tôi cùng Trương quan Hy, Phục Thiện Kế. Đồng Quan Bí Khâu Trịnh Quân Phù hợp miệng lại liều chức tiêu thự. Nhân ngày rãnh rỗi, đến chùa Đại Hưng Thiện, hỏi vẽ 02 bộ "Lưỡng Kinh Tân Ký" và "Du mục Kỷ" tỏ còn lấm nị sót thiếu, lược mời đầu ước khoảng 10 ngày tìm 02 đường đến chùa, theo đường về hướng đông đến chùa Hưng thiện trước. Với sự không đủ của 02 bộ ký ấy thì riêng ghi chép đó. Khi đi đến chùa Từ Ân, mới đầu biết Quan tướng đều chùa, tăng chúng thô mất, mới phiếm hỏi một vài người lớn và ghi lại các tích họa dưới tháp. Đền đó bèn dứt tuyệt! Sau đó 03 năm, Tôi lại nhậm chức ở Kinh Lạc và cắm giữ tại An Thành. Đến năm Đại Trung thứ 07 (857) thời tiền Đường mới trở về lại Kinh Đô, ở trong cái thê cũ thấy cùng 02 vong phụ đi đến chùa, giọt lệ máu xen nhau, ngay lúc vừa đến việc vui mà xa chẳng thể tìm, lại mới khắc sửa, mới đủ tiếp tục xuyên lỡ, nhưng 10 phần mất hết 05-06 phần, tiếp làm thành 02 quyển, truyền giao chư Tăng. Đoàn thành thức tự Kha Cổ; người xứ Đông mưu Kính ghi,

Chùa Đại Hưng Thiện ở phường Tĩnh Cung. Chùa lấy 02 chữ Đại Hưng. Một chữ tên phường mà đặt gọi tên. Theo "Tân Ký" nói là: tôn tượng Đức Phật của vua ưu Điền, khoảng đầu niên hiệu Tổng chương (668) thời tiền Đường bị nạn lửa đốt cháy. Căn cứ theo ở thời nhà Lương. Tên Tượng Đức Phật từ Tây Vức ấy ở tại Kinh Châu. Nói ở thời nhà

Tùy từ Đai thành chuyển dời đến chùa đó, chẳng phải vậy. Nay lại có tên tượng bằng gỗ Chiên-đàn, người thợ khai nhãn hơi vụng về và còn sai lầm vậy.

Trước Tháp Tam tạng Pháp sự Bất không có nhiều cây tùng già, năm trước thì Quan chặt nhánh tùng đó để làm cốt Rồng mà cầu mưa, bởi Tam tạng Bất không sai khiến được ý Rồng, cây ấy hẳn có linh vậy. Trên vách tường phía sau nhà viện hành hương trong khoảng niên hiệu Nguyên Hóa (806-821) thời tiền Đường, thợ họa Lương Hiệp họa 02 cây tùng, dáng cất có phần thoát tục, thợ nhà mạn thù, các thợ đáp họa rất mực tinh diệu, ngoài vách có bức tranh mê kinh do Pháp sư Bất Không mang từ Tây vức lại.

Trong nhà tôn thờ tôn tượng bằng gỗ Chiên-đàn ấy có bộ Kinh "Thời phi thời", do giới Chu ghi tả đựng đầy trong khám sơn. Chư Tăng nói đó là vật xưa cũ từ thời nhà Tùy.

Phía sau chùa, trước kia có 01 cái Ao Cung, lúc Tam tạng Pháp sư Bất Không thị tịch, bằng nhiêu khô cạn. Đến lúc Thiền sư Duy Khoan ở đó, nhân khơi thông suối, sen trắng rong rêu tự sinh mọc xinh đẹp, nay lại trở thành đất liền.

Phía nam của Đông Lang là viện của Hòa thượng Tổ, trước sân có 04 cây ngô đồng xanh tốt do chính tay Hòa thượng Tố trồng nên. Trong khoảng niên hiệu nguyên Hòa (806-821) thời tiền Đường, các hàng khanh tướng phần nhiều đến tham viếng viện đó, vào mùa Hạ thì cây ngô đồng đổ mồ hôi làm dơ y phục mọi người như dính lầu nhớt, mỗ ấy không thể tẩy sạch.

Bên tả có hình tượng cổ cáp (đoái hoài thịt loài nghêu, hầu, vị). Tương truyền là: vua thời nhàTuỳ(?) ham thích thịt cáp. Phàm mọi thức ăn đều gồm có mùi vị cáp, nên số lượng vượt cả vài ngàn vạn vậy, bổng có 01 con cáp, đem gỗ đánh mà vẫn như cũ. vua lấy làm lạ đó, bèn đem đặt để trên ghế, một đêm nọ có ánh sáng, lúc rõ ràng thì thịt tự thoát ra, bên trong có tôn tượng Đức Phật và 02 vị Bồ-tát. vua buồn cảm tự hối phát nguyện không ăn thịt cáp nữa, chẳng phải vua Ttuyên Đế (Trần Húc 569-583) thời nhà Trần. Tôn tượng Vu Điền bằng ngọc cao 01 thước tấc rỗng hơn 01 tấc, 01 Đức Phật và 04 vị Bồ-tát, 01 tiên bay, 01 giá ngọc thành, cắt mỡ không vết, trơn nhầm như giọt.

Các Thiên vương được tạo dựng trong khoảng niên hiệu Trường Khánh (821-825) thời triều Đường, vốn tại trong cửa Xuân Minh, liền với tường trong phía nam, hình thế lớn hơn hẳn trong thiên hạ. Năm thái hòa thứ 02 (828) thời triều Đường, vua Văn Tông (Lý Ngang) ban sắc

dời chuyển đến chùa đô. Lúc chê phân trong bụng tượng có 500 xấp vải bố, vài mươi thùng sơn, đến nay các hình tượng quỷ thần bộ lạc đều bị hư hại sụp đổ, chỉ có Tôn tượng Thiên vương không tổn hoại.

Tại phường trường lạc có chùa An Quốc, lúc vua-dục Tông (Lý Đán) đang ở tại phiên là nhà múa hát tại viện Đông Thiền cũng còn gọi là viện mộc tháp (tháp gỗ). Tại 05 tường vách nơi Tây lang tại phía bắc của viện, đệ tử của Ngô Đạo Huyền là thích Tư Đao đắp họa 08 bộ Thích Phạm chẳng bày dùng bằng sắc màu, còn có Điển hình.

Trong chùa Quang Minh có tượng họa về Quỷ tử mẫu và thái tử Văn Huệ, cử chỉ thái độ như đang sống, do người thợ tên là Lý Tụ tạo nên.

Viện Sơn Đình, cây Xúa cũ cao gò u uất như núi cốc, bấy giờ do Liễu Thổ tạo nên viện thượng tòa Lân Công, có 01 cây Huệ Bách, giữa đường thông cành nhánh nghiêng che, phía dưới có thể ngồi được hơn 10 người.

Tại phường Thường Lạc có chùa Triệu Cảnh Công được tạo dựng trong năm khai hoàng thứ 03 (583) thời nhà Tùy, vốn gọi là chùa Hoàng Thiện. Đến năm khai hoàng thứ 18(598) mới cải đổi trên vách phía Đông trong 03 cửa trong phía nam, Ngô Đạo Huyền họa trắng cảnh biến địa ngục, sức bút rất mạnh dữ tương trạng âm quái. Mọi người trông nhìn đó bất chợt mà lông vãy dựng đứng, đó là điểm trong bức họa Ngô được thỏa ý vậy.

Dưới hành lang phía Tây viện Tam giai, Phạm Trường Thọ đắp họa cảnh biến Tây phương và 16 đối sự ap báu. Ao rất đẹp tuyệt. Trông nhìn kỹ đó, thấy nước rất sâu, trên cửa vách Viện họa trắng cây đá, rất tợ như Diêm Lập Đức. Tôi Khắc Lập Đức hành Thiên từ bằng phấn bản, nghiệm đó không khác vậy.

Cửa phía nam trong 03 cửa trong phía tây, Ngô sinh họa rồng và chế râu Thiên vương, bút tích như sắt, có Thiên nữ nám lò hương, tiệm liết nhìn như muốn nói.

Trong viện Hoa Nghiêm có tên Tượng Lô Xá bằng thau thạch đứng cao 6 thước, hình dạng xưa cổ tinh diệu. Dưới tháp có 03 đấu 04 thăng Xá-lợi. Lúc dời tháp, sa niên Thủ hành đạo lập Đạo tràng nghinh đưa Xá-lợi ra để cho các hàng sĩ thứ trông xem, đọc tụng bái tán chưa xong, khắp đất đều hiện Xá-lợi, các hàng sĩ nữ chẳng dám dẫm đạp lên, thảy đều lùi ra ngoài chùa. Thủ Công mới tạo các Tháp đất và tháp gỗ nhỏ gần 10 vạn cái để an táng đô, nay hiện còn khoảng vài vạn cái.

Tại chùa có hơn 600 tên thượng bằng bạc nhỏ, có tôn tượng Đức

Phật bằng vàng cao lớn vài thước. Tôn tượng lớn bằng bạc cao hơn 06 thước, hình dạng xưa cổ rất tinh xảo. Lại có. . . bằng 07 báu, lấm nhiều chữ Tâm Kinh. Bình phong nhỏ đựng đầy trong hộp báu, phía trên có châu ngọc tạp sắc trắng cặp quanh thành miệng giếng lóa mắt. Đến lúc Lục sơn nhiễu loạn, cách hàng quan dân đem cất giấu trong ấy. 15 Bình phong 30 hàng Điệp. Cuối bài Kinh ghi là: "Người chủ pháp tâm là Tư mã hẵng còn nguyện mong thành chưa thượng trụ quốc, sách phụ bảo tức. Thượng trự Quốc chân đức vì pháp giới chúng sinh, tạo điệp bằng vàng ròng. "Thiện kế nghi là vật nước ngoài! Theo "Du mục Ký" nói về Thử Bách, trong niên hiệu Thái Hòa (827-836) thời tiền Đường, chặt làm gỗ quý sử dụng trong Điện.

Tại phường Đạo Chính có chùa Bảo Ứng, có Hàn Cán vốn người xứ Lam Điền, thưa thiếu thời thường vay thuê rượu ở gia đình buôn bán cung cấp rượu. Anh em Vương hữu thừa chưa từng gặp mỗi mỗi lần vay thêm rượu đầy tràn mà đi. Hàn Cán thường chưng trách ở nhà họ Vương, đùa vui họa vẽ người ngựa nời đất. Vương hữa Thừa tinh nghĩ đỏ xanh, lấyl àm lạ ý thú ấy mới thành, bèn cấp cho 02 vạn tiền, khuyên nên đi học vẽ hơn 10 năm. Nên nay ở trong chùa các hình Thích Phạm thiên nữ, thảy đều do Tề Công Kỷ tiểu tiểu, v.v... tả họa chân, tại chùa có bức tranh. Hạ Sinh do Hàn Cán họa vẽ, đức Di Lặc mặc y tía ca ra, phía bên hữu có vị Bồ-tát ngửa mặt và 02 con sư tử, như nhập thần.

Tại trong viện ở góc Tây Bắc, có Họa nhau Hoài Tố, Lỗ Công đề tựa. Trương vị thị lang tiền khởi Lang trung tán.

Tại phường Bình Khương có chùa Bồ-tát, trên vách phía Đông nhà ăn, Ngô Đạo Huyền tự đề, nét bút cứng mạnh như vạch xé lông tóc quỷ thần, tiếp theo tường thành họa vẽ tiên nhân lễ cất, áo trời tung bay, khắp tường vách gió động.

Nơi mặt cách tường phía sau tào trong Điện Phật, Ngô Đạo Huyền họa vẽ sự tích Kinh tiêu tai. Cây đá xưa cũ cao hiểm. Trong khoảng niên hiệu nguyên hòa (802-821) thời tiền Đường, vua Hiến tông (Lý Truân) muốn khiến chuyển dời đó, nhưng lại lo sợ đổ gãy, mới ban chiếu chọn thợ họa vẽ ghi tả trình dâng.

Ở vách tường phía Đông tào trong Phật Điện, biến họa Duy ma, Xá-lợi Phật xúc động mà chuyển đầu gối. Khoảng cuối niên hiệu nguyên Hòa (821) thời tiền Đường, người đời tương truyền đó là do Tăng Văn Thục chế tác vậy, bút tích đã hết.

Tất cả các chùa có 01 chế độ tạo dựng lầu chuông toàn tại phía Đông, chỉ chùa ấy có duyên vườn nhà của Lý Hữu Tòa Lâm Phủ tại

phía Đông chùa, nên lầu chuông phải xây dựng ở phía Tây. Trong chùa có roi đồi mồi của Quách lệnh và nàn trướng bằng 07 báu của Quách lệnh vương phu nhân, các vị chủ chùa trước sau phần nhiều đều biết Phật pháp nên phụng thờ đó. Lý Hữu Tòa mỗi năm đến ngày sinh nhật thường sang chùa đó thỉnh mời chư Tăng đến nhà thiết trai cúng dường. Có vị Tăng bậc kế thứ nhì thường luôn tán thán Phật. Lý Hũu Tòa cúng dường 01 cái yên ngồi, đem bán trị giá được 7 vạn. Lại có vị Tăng rất có tiếng tăm miệng luôn đọc tụng kinh suốt vài năm, tiếp đó sẽ tán Phật. Nhân rất để ý công đức của Lý Hữu Tòa, mong được cúng dường nồng hậu. Sau khi thọ trai xong, buông rèm, Lý Hữu Tòa đưa ra thùng lụa lưới hương gói lẫn lộn 01 vật tợ như cái đinh rỉ mục dài khoảng vài tấc. Vị Tăng ấy trở về chùa mà thất vọng hổ thẹn oán hận, vài ngày sau lại có ý là Đại Thần bất dung, khinh thường mình quá, bèn đem đến ở phía tây chợ, chỉ cho Thương Hồ. Thương Hồ trông thấy đó, kinh ngạc nói rằng: “Thượng nhân sao có được vật này?. Hẳn đổi bán đây không trái mất giá vậy”. Vị Tăng ấy thử đòi trăm ngàn. Thương Hồ cười lớn bảo: “Chưa phải đúng giá vậy”. Vị Tăng ấy lại dốc hết ý mà nói lên đến giá 500 ngàn”. Thương Hồ bảo: “Vật này đúng ngay giá trị phải là ngàn vạn”. Vị Tăng ấy bèn bán cho đó và hỏi vật đó tên là gì? Thường Hồ bảo: “Đó là cốt báu vậy”.

Lại nữa, ở chùa đó xưa trước có vị Tăng không biết họ là gì, thường mang bó cỏ khô và nằm ngồi dưới 02 bên hành lang chùa, chẳng chịu ở trong viện, trải qua vài năm, chư Tăng trong chùa khuyên nên vào ở trong phòng. Vị Tăng ấy bảo: “Các ông nhàm ghét tôi ư?” Đêm đó bèn dùng bó cỏ khô ấy mà tự thiêu đốt thân mình không sót lại chút mùi máu mỡ tanh hôi. Chư Tăng mới biết đó là Dị nhân bèn đắp than tro ấy làm thành tôn tượng, nay hiện còn trên Điện Phật, ngườ đời tôn xưng đó là “Ông Sư Bô cỏ khô!”

Tại phường Quang Trạch có chùa Quang Trạch, nhà phổ Hiền vốn là nhà Thiên Hậu tắm rửa chải đầu. Bồ Đào sư thật thì đến nhà đó. Nay trong nhà đó là nơi Uất Trí đắp họa tô vẽ rất có sự kỳ đặc. 04 phía vách tường họa tượng và lột da cốt trắng, ý người thợ rất mực cao hiểm, lại có biến hình 03 ma nữ thân như ra ngoài tường vách, lại có tên tượng Phật ánh sáng tròn đầy cân bằng sắc tướng, loạn cả mắt người thành giảng. Ở vách tường phía Đông, gấm trước tòa phật như cắt nêu xưa cũ. Vách tường phía tây cách biệt đó va chạm rơi rụng vậy.

Tại phường Tuyên Vương có chùa Tĩnh Vức, vốn là vườn nhà của Thái Mục Hoàng hậu. Chư Tăng ở chùa đó nói là: ngoài cửa viện Tam

giai là nơi Hoàng đế Thần nghiêu bắn chim khổng tước. Phía trên rắn cuộn nhả khói dơ rất đáng sợ. Hàng hiêng phía Đông cây đó quái hiểm, cao tăng cũng quái lạ.

Tại phường Chiêu Quốc có chùa sùng tế, phía sau chùa có 6 sự của Thiên hậu dệt thành giao long mặc áo con và áo lụa v.v... Ở thành quách phía Đông, từ phía nam ở viện thứ 02 có nhà Luật sư Đạo tuyên chế áo ca ra, nhà mạn thù, có vài gốt Tùng kỳ lạ.

Tại phường Sùng Thánh có chùa Tư Thánh. Ngoài cửa viện Tịnh Độ, tương truyền là một đêm nọ Ngô sinh cầm nắm đuốc đang say mà họa vẽ, tựu trung tay chỏ, trông nhìn đó mà ghét kinh hãi. Trong của viện, Lô Lăng già thường học thế của Ngô sinh. Ngô sinh cũng truyền trao cho thủ quyết, mời hòa 03 cửa Tổng trì, chuông nữa chùa. Nhô sinh rất Tán thường đó, nói với mọi người rằng: "Lăng già không được tâm quyết, dùng tu duy rất khổ. Khả năng lâu thành vậy". Họa vẽ hoàn tất bèn qua đời.

Chùa Từ Ân, chùa vốn già lam xưa cũ bất tịnh giác, nhân đó mà tạo dựng nên, cả thẩy có hơn 10 viện, tổng cộng gồm 1897 gian. Vua (?) ban sắc độ 300 vị Tăng. Mới đầu, Tam tạng Pháp sư Huyền Trang từ đây vức mới trở về. Vua Thái Tông (Lý Thế Dân) ban chiếu lệnh Thái thường khanh giang hạ Vương đạo Tông thiết bày 09 bệ nhạc để nghinh thỉnh kinh tượng vào chùa, xe lụa có hơn ngàn cỗ, vua ngồi tại cửa An Phước mà trông xem đó. Vua Thái Tông từng cúng tặng Tam tạng Pháp sư Huyền Trang chiếc áo nạp ước tính gái trị hơn trăm vàng, người thợ không để dấu vết thâm diên vậy.

Trong chùa có cây Nhu Bạch mẫu đan là do tay pháp lực Thượng nhân trồng nên vậy.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 190

GHI VỀ CÁC CHÙA Ở KINH ĐÔ THỜI NAM LƯƠNG

SỐ 2094

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2094

GHI VỀ CÁC CHÙA Ở KINH ĐÔ THỜI NAM LƯƠNG

Khuyết tên người soạn thuật.

*** CHÙA TIỂU TRANG NGHIÊM**

Trong thời nam Lương, có chùa Tiểu trang nghiêm tại làng Định Âm, Kiến nghiệp. Vốn là đất miếu Linh lục Vương thời nhà Tấn, do Thiền sư Độ tạo dựng thành chùa trong năm thiên giám thuế 06 (507) thời nam Lương. Bấy giờ, có Thiệu Văn Lập là người chuyên sống với nghề giết mổ súc vật, từng muốn giết 01 con nai. Con nai ấy bèn quỳ mà đổ lệ. Thiệu Văn Lập cho đó là điềm không tốt lành. Con nai ấy đang mang thai sắp sinh dưỡng, nó bước dần đến bếp lò mà ai buồn thảm thiết, đồng bị giết hại. Nhân đó Thiệu Văn Lập cảm mắc bệnh râu tóc my mày rơi rụng, thâm mình lở loét, sau đó mới khỏi tâm sâu đậm sám hối tự trách lỗi quá và mong cầu Đạo. Thiền sư Độ bèn phát nguyện lớn xả hết của cải trong nhà, chóng mua chốn đất đó mà tạo dựng thành ngôi chùa.

*** CHÙA ĐỒNG THÁI**

Năm vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương đổi niên hiệu Phổ thông thành niên hiệu Đại Đồng (527) thì tạo dựng chùa Đồng thái tại trong Đúc thành. vua dốc cạn kho tàng tạo các thờ phật lớn cao 07 tầng, bị lửa thiêu đốt, vua Võ Đế xả thân cúng thế tài vật để cầu phước Phật. Từ niên hiệu Đại thông (527-529) trở về sau, không năm nào vua chẳng đến chùa đó.

*** CHÙA HƯNG QUỐC**

Năm Thiên giám thứ 13 (514) thời Nam Lương, vua Võ Đế (Tiêu Diễn) đem 20 vạn tiền đổi lấy gò Độc long phía trước sườn núi Định Lâm để an táng Hòa thượng Chí Công. Công chúa Vĩnh Định dùng nước ấm nóng để tẩy rửa tiền đó tạo dựng ngôi Phù Đồ 05 cấp ở phía trên. Qua năm sau (515) thì tạo dựng chùa Khai Thiện trước tháp đó.

*** CHÙA THĂNG NGUYÊN**

Chùa Thăng Nguyên tức là chùa Ngõa Quan tại góc phía tây Thành mặc liếc nhìn sông, lưng tựa sườn núi cao rất là cổ tích. Trải qua nhiều lần binh lửa lược không phảng phất. Đến thời Lý Vương (thời tiền Đường) các Thăng nguyên vẫn hiện còn, đó là vật cổ ở triều Đại nam Lương vậy.

*** CHÙA ĐẠI ÁI KÍNH**

Chùa Đại Ái Kính do vua Võ Đế (tiệu diễn 502-550) thời Nam Lương tạo dựng trong năm khổ thông thứ nhất (520) tại trên nứi cao ở phía bắc tương sơn.

*** CHÙA PHÁP BẢO**

Chùa Pháp Bào là 01 nửa nên móng của chùa Đồng Thái ở thời Nam Lương. Theo “Kiến Khương sát lục” nói là: Năm Đại Thông thứ nhất (527) thời Nam Lương, vua Võ Đế (tiêu điển 502-550) tạo dựng chùa Đồng Thái. Chùa ở tại phía sau cung, mở riêng 01 cửa ra vào, gọi tên là cửa Đại Thông. vua sớm tối giảng bàn Phật pháp phần nhiều đều đi qua lối cửa đó.

*** CHÙA PHÁP QUANG**

Chùa Pháp Quang tức chùa Tiêu Đế ở thời Nam Lương, theo xưa cũ tương truyền là chùa được tạo dựng vào năm Thiên giám (514) thứ 13 thời Nam Lương. Theo sự ghi chép của chùa Nguyên Ráng thì nói là: “Không biết tên của chùa từ xưa cũ là gì nên người đời sau lấy chũ giòng họ vua (Tiêu) mà xưng gọi đó”.

*** CHÙA BẢO LÂM**

Chùa Bảo Lâm. Trong niên hiệu Thiên Giám (502-520) thời Nam Lương, vua Võ Đế (tiêu Điển) cùng Bảo Công Hòa thượng đồng vân du đến núi đó, thấy cảnh núi rừng ưu thắng đặc dị, nên vua ban sắc tạo

dựng ngôi tịnh xá già lam.

*** CHÙA TRƯỜNG VU**

Chùa Trường Vu (con?), từ thành Kiến Khương về hướng nam cách 05 dặm có sườn núi, giữa khoảng không gian đó đất bằng phẳng, các hàng dân thứ sinh sống lẫn lộn, có Đại trường Vu, Tiểu Trường Vu, Đông Trường Vu đều là địa danh. Tiểu Trường Vu tại phía nam chùa Ngõa Quan, thuận phía tây đưa đầu ra ngoài sông lớn, chùa Trương Vu được xây dựng đầu thời Nam Lương (502). -hết-

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 190

LÔ SƠN KÝ
(GHI VỀ LÔ SƠN)

SỐ 2095
(QUYỂN 1 → 5)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2095

LÔ SƠN KÝ
(GHI VỀ LÔ SƠN)

Thượng thư Đồn Điền Viên ngoại lang Gia Hòa, Trần Thuấn Du-lịch cử soạn thuật.

LỜI TỰA. (I)

Xưa kia, tôi đọc sách trong núi, mến thích sự. . . của suối đá Thấp miếu, chẳng rõ những gì xưa cổ để lại gần đây, hoặc xuất phát từ lời của các hàng ngu phu dã lão. Ngôn ngữ văn từ bắn khỉu, với điều đúng lấy thì chẳng do đâu, mà sắp xếp xét luận sàng lọc thứ lớp đó thì chưa có ngày rãnh. Sau 20 năm, so sách các sách ở Bỉ Các, có được bộ "Lô Sơn Ký", hân hoan lấy làm vui mừng vì ước nguyện xưa trước được toại, nhưng xét về sự ghi chép rất là sơ lược. Năm Hy Ninh thứ 05 (1072) tời Bắc tống, có Trần Lệnh cử-thuấn Du ở gia hòa bị giáng Quan đến ở trước núi, rất ham thích rão bước trông xem, dốc sức mất 60 ngày đi khắp các thắng cảnh từ nam sang bắc lên cao vào sâu. Ban ngày thì rão bước giữa khoảng núi rừng nhặc nhanh mãy mang chiết giản bên cạnh sao ghi thành 04 cật, lớn nhỏ chẳng kể. Ban đêm thì mở sách sửa lại, mãi đến lúc có thể truyện về sau vậy. Với các thứ cao thấp rộng hẹp, núi đá suối nước cùng với Phù Đồ. Cung miếu của Lão tử, nhà ở của các bậc Đạt sĩ những người ẩn dật. Bia khắc thi kế, mọi thạnh suy còn mất, không gì chẳng ghi chép. Lại làm Đồ Kỷ để cúi xem, lần lược đều núi trước sau. Khơi suối hòn đá, không để sai sót, thành sách cả thủy 05 quyển. Sau đó 03 năm, Tôi trấn thú tại Ngô Hưng, Lệnh Cử-thuấn Du đi thuyền con cùng qua, vì Tôi là người ở trước núi, nên đem bản thảo

cùng trao xin khắc thành bảng để cất tàng giữa khoảng núi. Lại gặp lúc Tôi được Ân ban chuyển dời đến Tế Nam, vội cùng giả biệt, Lệch Cử-thuấn Du tìm lại vật cũ. Tôi càng vì việc sai sử bèn chạy khắp 04 phương, nghĩ muốn 01 lần quay trở lại, song, mịt mờ chẳng thể được, liền làm lời tựa soạn thuật ân cần đưa tặng. Quân tử thích việt tốt, ngõ hầu thành chí ý của Lệch Cử-thuấn Du.

Sung Bí Các Hiệu Lý, Lý Thường Kinh đề tựa.

*****

LỜI TỰA (II)

Tôi nhã thích thắng cảnh của Lô Sơn, bỏ nghiệp quan trở về phương nam, bèn được. . . vân du trông xem đã lâu, gặp cảnh cũng nhiều, hoặc là thơ phú hoặc là ký lục, lẫn lộn làm. . . sắp xếp theo thứ tự đó nhưng chưa có thời gian rãnh. Trong khoảng niên hiệu Hy Ninh (1068-1078) thời bắc Tống, gặp Trần Lệch Cử -Thuấn Du, vì nói năng sự. . . ở nơi bang giao, ham thích núi rừng đã đồng, bèn cùng cưỡi trâu vàng qua lại giữa khoảng núi non, trải lắm năm tháng, bèn được tham xét khắp cùng, không gì chẳng nghiên cứu. Trần Lệch Cử-thuần Du mới tham xét sự ghi chép của mình, và những ghi chép của xưa nay, mọi lưu truyền của các bật ký lão, phàm mọi sự trải qua nghe thấy của tai mắt, theo loại mà xếp đặt đó làm thành bộ "Kỷ" rõ ràng, đủ để lưu truyền cho người sau. Tôi tài năng không thể đáp ứng thời nghi, về già ở chốn rừng hoang đồng trống. Trần Lệch Cử-thuấn Du vì chế sách được cất nhắc lên đổ đạt, tiếng tăm rực rỡ kinh hãi người đời, làm quen chưa đầy 20 năm mới lùi phế ở giữ kho, và cùng tôi đồng thấy bộ "Ký" ấy, thật rất đáng tiếc vậy! Nhưng suy cổ để xét kim đâu đặc biệt 01 mình Trần Lệch Cử-thuấn Du đáng tiếc ư.

Giang Tây, Lưu Hoán Kinh đề tựa.

GHI VỀ LÔ SƠN

QUYỂN 1

CHƯƠNG I: TỔNG QUÁT NÓI VỀ NÚI SÔNG

Căn cứ theo “Thái Sử Công” nói là: “Tôi theo hướng nam lên Lô Sơn, trông xem võ Cửu Giang”. Theo “Tiền Hán Giao từ Chí” nói là: “Trong niên hiệu Càn Phong (Nguyên Phong 110-104 trước tây lịch?) Võ Đến (Lưu triệt?) đi đường sông, từ Tầm Dương ra, khua dương qua bành lễ, lễ bái Sinh Sơn sông nước lớn đó”. Theo Kinh “Tang Khâm thủy” nói là: “Từ Lô Sơn ra Đo Tam Thiên Tử, phía bắc qua huyện Bành lễ”. Theo “Lô Sơn lực ký” của Thích Huệ Viễn nói là: “Núi tại Tầm Dương, Giang Châu, phía nam là bến cung đình, phía bắc đối diện với Cửu Giang. Phía nam của Cửu Giang, Giang là sông nhỏ. Núi (Lô Sơn) cách sông nhỏ hơn 30 dặm. Bên tả cặp theo Bành Lễ, bên hữu kề dòng sông thông, là sòng nước của Tam giang (03 dòng sông) và y cứ nhán hội đó”. Theo “Kinh Sơn Hải” nói là: “Từ Lê giang ra Đô Tam thiên tử, 01 Thiên tử chướng ngăn nên xưa trước nói: Do đó bến là Bình lễ, có tiên sinh khuông tục xuất hiện khoảng thời nhà Ân nhà Chu, trốn đời lánh thời ngầm đến ở dưới đó. Hoặc có thuyết nói là: Khuông Tục học Đạo Tiên nhân, cùng đi đến núi đó, bèn gá giữa sườn núi rỗng không tức từ hang làm thành Quán. Nên người thời bấy giờ gọi chỗ ở đó là Lô (lều) của Thần Tiên, nhân đó mà gọi thành tên núi (Lô Sơn) vậy. Núi đó, trên đảnh lớn, có 07 lớp, nền nóng phía dưới tròn chu vi 500 dặm, chỗ gió mây lao theo, nơi sông hồ đeo vắt, ven sườn cao trái Vũ, vách vút muôn tầm, hang tối cùng mực, người thú cách tuyệt. Như trời sắp mưa thì có khí trắng đánh trước và anh lạc từ đảnh xuống, kịp đến lúc xúc chạm đến đá nhả thành mây, thốt nhiên nhóm tụ, hoặc gió lớn chấn động sườn núi vút vọng hưởng động hang cốc, các âm thanh của đất trời đua nhau bày tấu, tiếng vang kinh rợn người. Các sự biến hóa đó chẳng thể suy lường được vậy.

Trong các đảnh núi thì đảnh núi thứ 03 cao vút hơn hẳn, nơi hiếm có dấu chân người dẫm trải qua. Xưa kia, Thái Sử công vận du phương

đông leo lên ngọn núi đó mà xa trông nhìn về hướng nam đến tận Tam Hồ, phía bắc ra tới Cửu Giang, hai phía Đông tây nhìn hết tầm mắt thì như giẫm trải đến Thiên Đình, từ ngọn núi ấy luống khoảng nữa dặm có hai ngọn núi cao, phía trên có Huyền nhai, bên cạnh có ngôi thạch thất, là nơi các Tiên xưa kia nương ở. Phía sau có cái hang, quán của Đổng phụng thời nhà Hán ở dưới hang đó thường vì người mà giúp trị bệnh, có nhiều phương pháp thần kỳ, khác hẳn thuốc thang trong thế tục. Những người bệnh lành khỏi thì bảo trồng 05 gốc hạnh, chỉ trong vòng vài năm mà rậm tốt thành rừng. Tính về Đổng Phụng sống ở nhân gian khoảng 200 năm mà dung mạo tướng trạng vẫn thường như lúc 20 tuổi, bỗng chốc mà thăng cử bèn tuyệt dấu nơi rừng hạnh. Ở ngọn núi phía bắc sườn phía tây thường có dòng cao, mưa lâu khơi thế cùng đến hơn trăm nhận bên trong mây khí ánh ngời giữa trời. Trông nhìn đó như núi ở giữa khoảng trời nương mốc. Ngọn núi phía nam gần hồ cung đình tức lấy tên cung đình để gọi. Việc An-hầu-thế-cao cảm hóa nói ở chương Sơn Bắc (II) 07 ngọn núi đồng tụ hội, đến phía Đông cùng thành Phong ngạc, sườn núi đó cùng tuyệt, chẳng có ai lên đó. Có người nông phu miền quê thấy có người mặc y phục Sa-môn vượt giữa hư không lên thẳng đó. Đã đến nơi thì xoay thân ngồi yên, giây lâu mới cùng mây khí đồng tan mất, đó tợ như người đã đắc đạo vậy. Khi ấy các kẻ sĩ năng văn đều lấy làm lạ. Lại nơi cỗ sừng đứng có nhiều kỳ lạ. Phía bắc, lưng gối liền nhiều gò đồi, phía trước mang đeo 02 dòng sông. Bên tả chỗ núi của lưng lcó hình rồng và nền móng tháp đá. Phía dưới có dòng suối mát ngọt tuông đổ, lạnh ấm cùng với thời tiết nắng mưa đổi biến, đầy với qua dòng nước hạn hán mà không đổi khác. Tìm về nguồn thì tợ như xuất phát từ đầu rồng, phía nam đối diện với cao sầm, ở trên có cây gỗ kỳ đặc riêng tuyệt bày ngoài rừng khoảang vài mươi trượng, phía dưới tơ như ngôi phù đồ thờ Phật 01 tầng, là nơi Hạc trắng bay liệng, là chỗ mây đen ùn vào. Vế phía Đông nam có núi Hương lô, ngọn núi riêng lẽ đẹp xinh nổi trội, hơi khí bay trùm trên hơi khí ấy như khói hương, mây trắng ánh ngời phía ngoài sáng lạng đặc biệt riêng khác các núi. Lúc trời sắp mưa thì khí nước phía dưới trông trào lên như lọng xe ngựa, đó tức là giếng rồng nhả ra. Bên tả có rừng cây xanh biếc, là nơi chim tước sắc xanh vượn sắc trắng nương ở, nơi chim đen tiềm tàng. Về phía tây có cửa Đả, phía trước tợ như 02 cổng, vách dựng đứng cao hơn ngàn nhận và cũng là dòng thác vậy. Bên trong, chim thú cây cỏ đẹp xinh, thuốc linh phương vật kỳ đặc. Thật đáng xưng gọi là thắng danh vậy! Ở đây chỉ lược nêu sự kỳ lạ. Lưu Chiêu chú giải "Tục Hán Chí", Ly Đạo

Nguyên chú giải "Thuỷ Kinh" đều dùng từ ngôn ngữ của Sa-môn Huệ Viễn.

Lại theo "Dự Chương Cựu Chí" nói là: "Chữ Tục quân Bình, là con cháu của Hạ Võ" hoặc nói là: "Chữ Quân HIếu, thân phụ là Đông dã Vương cùng Ngô Nhuế giúp Hán bình định Thiên hạ, mà mất phong tục của Hán ở Ly Dương" hoặc nói là: "Việt lô Quân ở đời anh em có 07 người đều khéo giải về đạo thuật, bèn gá tinh ở núi của Động Đình, nên gọi đó là Lô Sơn". Theo "Tầm Dương Ký" của Trương Tăng Giám nói là: "Phía nam núi (Lô Sơn) có 03 cung, đó gọi là Đô của Thiên Tử. Lô Cung từ khe nước xuất phát ra. Thượng Cung là nơi con người không đặt chân đến, có 03 cầu đá dài hơn 10 trượng. Các chỉ vật màu sắc đỏ, phía dưới không đáy. Còn Trung Cung tại 1 hang riêng, đều có đá văn, 02 bên có ngọn núi tròn nhỏ, ngọn kỳ đặc gọi là ngọn núi Hữu Chướng, đá hình như đường trâu ngựa lại, tương đối với Hạ Cung. Giữa khoảng hồ Bành lễ là nơi xưa cũ của miếu cung đình. Núi cao 2360 trượng, chu vi rộng 250 trượng. Núi có 09 lớp, sông cũng có 09 dòng. Theo "Quận quốc Chỉ" nói là: "Lô Sơn có 09 tầng lớp chưởng cách, núi cao muôn hận, ôm hoài các linh dị, bao bọc những vết tiên". Theo "Tầm Dương Ký" lại nói là: "Năm thứ 17 sau khi lên ngôi (230 trước tây lịch) Tần thỉ Hoàng (Doanh Chính) theo hướng đông lên Lô Sơn để trông nhìn cửu giang, đến trên tiêu phong để cùng tiếp đối với Tiêu Hán, nhân mạng tại đó". Phía sau ngọn núi có khắc đá, v.v... là khắc từ thời Hạ Võ, Trượng xích sổ lý, chữ viết không thể biết được rõ ràng. Theo "Phục thao du sơn tự" nói là: "Lô Sơn tại giang đương có lắm hang ngục, hình thế rộng lớn, lưng gối tựa nga lưu, mặt đối diện Bành lễ, rễ cuộn chiếm cứ, tường thấp dài vài dặm, tột đảnh có lắm lớp rất mực chước cách, ngữa mặt cấm tận giữa khoảng mây trời, cúi nhìn các dòng của sông hồ vậy". Theo lời tựa trong "Sơn Phủ" của vương Bưu nói là: "Lô Sơn là núi Bành trạch, tuy chẳng trong số ngũ nhạc, giữa khoảng trời xanh cao vót, thật là một danh sơn diệu vợi". Theo "Sơn Phủ" của Tôn Phỏng nói là: "Phía nam của Tầm Dương có Lô Sơn, trấn của Cửu Giang, gần đầu của Binh lễ, tiếp liền với Bình nguyện bằng phẳng rỗng thoáng". Theo "Trương dã Ký" nói là: "Lúc trời sắp mưa thì có mây trắng hoặc cuộn quanh hang núi, hoặc trên đảnh trong tường thấp, người đời gọi đó là dãi núi chằng qua khỏi 03 ngày thì hẳn mưa, mỗi lúc mưa đổ thì lút ngập mà phía trên còn có ánh sáng mặt nhật. Trên đầu núi có tảng đá lớn, có thể ngồi được vài trăm người. Những điều trên đây đều là thuật bày về Lô Sơn vậy.

Trong thời Tiền Tống, Chi Đàm Đế có bài Phú rằng: "Xưa thay núi cao tráng lệ, khi hòa bao bọc linh kỳ, ẩn tàng cất chứa mây xanh nơi tột đảnh. Cảnh lắng thì đảnh trát vót mở soi, gió động thì hương rừng thoảng tỏa. Trên đảnh có lắm kỳ đặc nên thần minh nhóm tụ, lược dứt hẳn dấu vết người xưa có thể rành rõ. Lúc trời trong lẳng lên núi, đến huyền nhai đòi cao rủ hóa ở cung đình, Bậc Ứng Châu (A-la-hán) vượt mây lên tận đảnh, kẻ chột mắt bỗng che mờ cảnh mà vào hợp nghi, đều dự nghe thanh trần khéo xứng danh vô đắc đây. Về mặt phía nam thì trội nổi cao vợi, lưng phía bắc thoảng cắm chặt cao vợi nước dơ giọt phân dòng chảy xiết, 07 ngọn núi nổi trội sắp lớp với thế Trúc Bách ánh ngời, Sinh trùng tươi tốt, có 03 hồ cuộn quanh, 09 sông kéo dài. Ôi! Lan nậm 04 vật riêng đẹp xinh ở huyền đông. Khe nước rầm rì 02 dòng mỹ miều trăm bến sông đến đường thông. Cửa cao vợi trăm tầm. Cảnh chót vót ngàn nhận. Lò hương nhả khói tượng thành mây, suối ngọt tuông nước giọt đượm thấm trước!". vua Nguyên Đố (Tiêu Dịch 552-555) thời Nam Lương có lời tựa rằng: "Phàm nhật nguyệt sáng ngời giữa trời trong, do đó, Trinh quán núi sông dãi đất Hậu thổ, do đó mà thôi ninh. Lô Sơn cũng là Đúc trấn của Nam quốc, tuy rừng đá khác thế mà mây ráng cùng sắc, đêm rút gió dài thì muôn dòng đồng vọng hưởng, thần ngô sớm nhâm cả trăm đảnh núi đồng ứng. Theo hướng đông trông nhìn hồng tỉnh biết tiết tơ tại đó, từ hướng tây ngóng nhìn Thạch Lương thấy vật báu bỏ có thể nhặc, thật lại mến loại dễ thương, trong núi tuy lâu, xin la kết quế, thấy lắm dòng ngầm". Ngoài ra, những bài phú vịnh từ xưa đến nay rất khó ghi chép lại đầy đủ. Thật đáng là sinh sơn trong Thiên hạ!

Giang châu tại Sơn Bắc cách 20 dặm, vốn tại phía bắc Trượng Giang thuộc phía nam Tầm thủy, nhân đó mà gọi tên là Tầm Dương. Nay Lan thành của Kỳ Châu tức thuộc phía bắc xưa cũ của đó vậy. Năm Hàm Hòa thứ 09 (334) thời Đông tấn, thứ sử Ôn Kiệu mới từ Giang bắc dời đến ở phía nam bồn thành. Đến năm Nghĩa Hy thứ nhất (405) thời Đông tấn, thứ Sử Quách Sưởng dời đến ở Giang Hạ, đến năm Nghĩa Hy thứ 08 (412) thời Đông tấn, Mạnh Hoài Ngọc trở lại bình trị Tầm Dương. Năm Thái Thanh thứ 02 (548) thời Nam Lương, Tiêu Đại Tâm nhân từ Hầu Cảnh muốn nương nơi bền chắc hiểm nguy, mới dời đến ở thành Bồn Khẩu, bèn gọi thành xưa cũ là Cố Châu. Theo "Lãm tầm dương ký" của Trương Tăng nói là: "Thành Bồn Khẩu là do Quán Anh tạo dựng. Trong niên hiệu Kiến Bình (?) thời nhà Hán, Tôn Quyền đi đến Bắc thành, bảo đục giếng. Vừa đến trong cổ phạm có được 01 hộp đá khắc đề bài minh rằng: "300 năm sau sẽ bị lấp bít, sau đó chưa đầy

trăm năm sẽ ứng vận liền mở thông lại”. Tôn Quyền vui mừng cho đó là giếng điềm lành của chính mình”. Giếng ấy rất sâu, sông Bồn nếu có sóng gió thì nước giếng liền động. Dân chúng trong bang giao nhân đó mà gọi là “Lãng tỉnh” (giếng sóng), nên Lý Bạch xuống thành Tầm Dương, bàn phiếm về Bành lễ, có lời thơ rằng:

“Giếng Quán Anh gợn sóng
Sông Tầm Dương gió nổi”.

Nay, giếng tại vườn phía tây trong Nha thành. Trên thành có Bắc lầu, phía dưới gần sông Bồn. Nhờ cao nên trông nhìn thấy xa, là cảnh thắng của 1 quận. Trong thời nhà Trần, Tàu-kỵ-thường-thị Trương Chánh trông thấy Bồn thành có lời thơ rằng:

“Núi khuông ấm hang xa
Quán điệp thuộc giữa dòng
Hoa thành bay chiếu nước
Trằng sông chiếu sáng lầu”.

Căn cứ theo Truyện Sưu Lượng trong “Tấn Thư” nói rằng: “Sưu Lượng ở tại Võ Dương, các Tá lại Ân, Hạo, v.v... nhân đêmthu cùng lên Nam lầu, bỗng chốc bất chợt Sưu Lượng đến, mọi người dẫn nhau lánh né. Sưu Lượng bảo: “Các ông hãy dừng chốc lát, Lão tử ở tại xứ này hứng thú mà chẳng tán”. Bèn nằm ngồi trên giường người Hồ cùng Hạo, v.v... đàm nói ca vịnh trọn ngồi, thì việc tại Nam lầu của Võ Xương. Người đời sau vì Sưu Lượng từng làm giang châu thứ sử, nhân thế mà gọi đó là Sưu lầu, thật chẳng phải chỗ đến trong đêm thu để lại đó vậy. Quận đó, đời trước gọi là cửu giang, hoặc gọi là Tầm Dương, đến đời Đường giòng họ Dương và họ Lý có đó vậy lên làm phụng hóa quân tiết độ. Đến trong năm Khai Bảo thứ 04 (971) thời Bắc Tống, Bình giang Nam gíang làm quân Châu sự. Đến năm Thái Bình hưng quốc thứ 03 (978) thời bắc Tống, Thăng tinh tử trấn làm Huyện bèn lệ thuộc đó. Đến năm Thái Bình hưng quốc thứ 07 (982) thời Bắc Tống, mới cắt 03 huyện Tinh Tử, Kiến Xương và Đô Xương đặt quân thuộc Nam Khương, từ đó, Sơn Nam thuộc Nam Khương và Sơn bắc thuộc Giang châu vậy.

CHƯƠNG II: NÓI VỀ SƠN BẮC

Từ phía nam Giang Châu ra cửa Đức Hóa cách 05 dăm đến viện Diên Thọ, xưa trước gọi là Đàn La-hán. Qua khỏi viện Diên Hóa cách 05 dặm đến cầu Thạch Đường, có Liêm Khê (khe suối Liêm) là nơi ẩn cư của chu lang Trung. Chu vốn tên là Đôn Di, tự là mậu Thúc, người xứ Đạo Châu. Là 01 sĩ quan rất có tài lược, sớm mến mộ cao danh, ưa thích cảnh thắng của Lô Sơn. Nhân nhà là 01 biệt thự ở Tầm Dương, đến nương gá ới thành quách mà xưng gọi tên là Liêm Khê. Qua khỏi Liêm Khê theo hướng đông vào thiền viện Bảo Điện cách 10 dặm theo hướng bắc đến quán Thái Nhất cũng cách khoảng 10 dặm. Thiền viện Bảo Điện xưa trước gọi là Song Khê. Đến năm Cảnh Đức thứ 03 (1006) thời bắc Tống, vua Châu Tông (Triệu Hàng) ban tặng tên như hiện nay. Viện ở ngay Quan đạo. Nam càn Trinh thứ 02 (?) thời nhà Ngô, Sa-môn Thường Chân mới tạo lập nền móng đó. Thường Chân vốn người xứ Kinh Nam, giòng họ Điền, người đời xưng gọi đó là Điền Đạo Giả. Chuyên cần dốc thân canh cày vót đẻo để tiếp đãi những vị vân du khắp 04 phương. Ở Nhị lâm có Sa-môn Tu mục hiệu là sở trương, ở 02 phía Đông Tây Nhị Lâm trông coi chùa đàm luận. Đại đức Quan vâng mạng phê xét am nhà. Sa-môn tu mục bảo cùng đô rằng: “Nay phá triệt nhà cửa nơi ở thì ông trở về đâu?”. Điều Đạo giả đáp rằng: “vốn là người ở tại dưới rừng!”. Và bèn liều đi xuống dưới rừng. Tu mục lấy làm lạ lời nói ấy, nhân đó kính đãi, tặng bài thơ rằng:

“Vào cửa khkông lặng lẽ
Thật xứng xuất gia tử
Quỷ có hành chẳng biết
Người vô tâm gọi si.
Hang xưa lạnh đối Bách
Dòng nước hoa rơi theo
Muốn xa sao biếng lười
Cùng gặp hận chậm trễ”.

Từ đó trải qua Nam Đường làm nhà tiêu iểu của trong núi. Đến năm Hiển đức thứ 06 (?) Nguyên Tông (?) ban tặng Điền Đạo giả sử cấp các am hang. Năm không có Điền Đạo giả thì lấy lương thực ấy cả 26 am hang, về hướng nam bền chặc đến ngọn núi Ngô Chương cách 05 dặm. Từ đảnh núi xống hướng bắc đi 01 dặm, về hướng tây của đường đi có am Vân Khánh, xưa trước gọi là Vân Cảnh. Nhân 01 dòng suối làm thành ao nuôi nhiều cá mè cá chép, trải qua năm tháng lâu dài, bơi lội rất lờn quen, từ am Vân Khánh về hướng tây cách 01 dặm đến am

Bảo tích, tùng trúc che kín, có đình Bạch Vân tại trên đó, theo hướng bắc trông nhìn đến sông Bồn có tảng đá lớn ngồi được vài người, suối kêu rít qua phía dưới đó. Đó là 01 am của Chư Tăng rất đẹp xinh tại Sơn Bắc. Am Vân Khánh và am Bảo Tích đều ở phía nam của Bảo Nghiêm. Từ am Vân Khánh trở lại am Bảo Nghiêm cũng xa cách 03 dặm. Từ am Bảo Nghiêm về đông cách 15 dặm có viện Hạ Long tuyền. Ở phía bắc Quán Thái nhất riêng cá am Long Tuyền, nên ở đây gọi là "Hạ" để khác biệt đó. Từ Long Tuyền cách 10 dặm đến am Tôn Thẳng, từ am Tôn Thắng cách 08 dặm đến Đài Bạch Lộc, từ đài Bạch Lộc cách 15 dặm đến viện Nhân thọ, từ viện Nhân thọ cách 10 dặm đến viện Hương Tích. Từ viện Hương Tích cách 20 dặm đến viện Trường lãnh. Trường lãnh tức là 01 đảo nhỏ của hồ Bành lễ. Phàm từ viện Hạ long tuyền đến viện Hương tích chẳng thuộc giữa khoảng núi non, nhưng các hàng sơn nhân Dã Khách vân du thưởng ngoạn khắp cùng sâu xa đều thường đến đó, âm thanh suối nước sắc màu đồng nội rất đủ đẹp xinh vậy. Từ viện Hương tích về hướng tây cách 20 dặm có vườn trường của chùa khai tiên thuộc Sơn Nam, gọi đó là trang vườn Đại Phú, qua khỏi trang vườn Đại Phu là đi đến phía nam của Lô Sơn vậy. Từ viện Bảo Nghiêm về hướng tây cách 01 dặm đến am Long Trì, xưa trước gọi là Mạo Phong, từ Mạo Phong cách 05 dặm đến trang vườn am nham, cách trang vườn am nham 01 dặm đến viện Thiền Trí, xưa truớc gọi là Tịnh Cư. Phía sau đó có đình Lộc Dã. Cách viện Thiền Trí 05 dặm đến quán Đại Trung Tường phù, xưa trước gọi là Cung Thái nhất, đến trong niên hiệu Đại Trung tường phù (1008-1017) thời bắc tống, vua Châu Tông (Triệu Hằng) ban sắc đổi tên như hiện nay. Theo "Cát hồng thần tiên truyện" nói là: "Đổng Chân nhân tên là Phụng, tự là Quân Dị, người xứ Hầu quan, mân trung, từ thừa thiếu thời đã có đạo thuật, có giao chỉ thái thú sĩ biến chết đã 03 ngày, chân nhân phụng đưa 01 viên thuốc cho uống, lấy nước cho ngâm, bưng đầu sĩ biến mà lay lắc, chừng khoảng bữa ăn, sĩ biến dầu mở mắt cử động tay chân, nhan sắc dần hồi phục, qua nửa ngày có thể ngồi dậy được, qua 04 ngày thì nói năng được, trở lại bình thường. Sau đó đến ở Lô Sơn chữa trị bệnh cho người, chẳng nhận lấy tiền của, bảo những người lành bệnh mỗi người trồng 05 gốc hạnh, chỉ trong vòng vài năm mà rậm tốt thành rừng. Châu nhân phụng mới làm kho lẫn chứa đựng, tuyên bố với mọi người rằng: "Người nào muốn đổi hạnh chẳng cần phải lại đáp đền, chỉ cử 01 vật gì đựng hạnh thì đong lường lại đó vật đó bằng lúa mùa. Nếu người nào có ý khinh thường đó thì thú dữ liền rượt đuổi. Với lúa thóc tích chứa đó Châu nhận phụng lại

đem bố thí cho người, về sau thượng thăng hiệu là Bích hư thượng giám. Quán đó tức là chỗ đất rừng hạnh xưa cũ vậy. Năm Thăng nguyên thứ 06 (?) thời nhà Đường, Từ tri chứng làm bài ký về miếu Châu nhân và có bài ký Bảo Đại 12 năm, đến nay vẫn hiện còn, khí tượng tiêu nhiê, những người qua đó tên Kính mà chẳng dám vào luôn, có suối ao cá lội rất quen lờn. Hoặc có thuyết nói: Rừng Hạnh Châu nhân ở tại Lô Sơn. Trương Cảnh có bài thơ rằng:

"Hoa Đào nhãm nói nguồn Võ Lang
Nhầm giết Lưu Lang chẳng được tiên
Tranh tợ khách dưới núi Liên hoa
Trồng thành Hồng hạnh trên trời xanh".

Nay, núi Liên hoa tại phía sau Quán. Từ Quán về phía bắc cách 05 dặm có am Lang tuyền. Mới đầu, Pháp sư Tuệ Viễn đến Lô Sơn, mến thích cảnh rỗng thoáng đó, muốn dựng am để ở, vốn chỗ đất không có dòng suối tuông trào trâu thấm thành khe dòng. Thế rồi, gặp năm tại tầm Dương bị hạn hán, Pháp sư Tuệ Viễn trì tụng Kinh Long vương ở trên ao, chỉ chốc lát có rồng nổi và bay lên trời, mưa lớn đủ khắp, nên gọi là Long Tuyền. Từ Long Tuyền về phía nam cách 10 dặm có Viện Diệu Trí, xua trước gọi là đình Hành xuân. Cách viện Điệu Trí 05 dặm là đến sườn núi rắn. Theo "Cao tăng truyện" nói là: Sa-môn An thế cao là Thái tử vua nước An Tức, nhường ngôi trị vì nước nhà cho người chú út mà xuất gia, trong khoảng thời nhà Hán nhà ngụy, đi đến hồ Cáo Đình. Bấy giờ vị thần ở hồ ấy có khả năng phân gió trên dưới, mọi người đi thuyền đều kính sợ, Sa-môn An thế cao cùng đồng bạn lưu 30 người đi thuyền mang sinh lễ đến cúng thỉnh phước thần. Bỗng nhiên thần giáng chúc rằng: "Xưa kia ở nước ngoài, Tôi và ông đồng xuất gia học đạo, mà tánh tôi có lắm sâu hận nên bị đọa chịu quả báo làm thần. Nay gặp thấy bạn đồng học, buồn vui lẫn lộn không thể nói nên lời". Sa-môn An thế cao thỉnh thần xuất hiện thân hình. Thần mới nỗi lòi đầu con trăn lớn, không biết đuôi dài bao nhiêu. Biết thế rồi, Sa-môn An thế cao sử dụng tiếng người Hồ tán bái vài phiên. Con trăn buồn cảm lệ đổ như mưa, phút chốc lại ẩn. Tại miếu có cả ngàn xấp lụa quyên cùng các vật báu xen tạp, Sa-môn An thế cao bèn mang lấy đi đến Dự Chương tạo dựng Chùa Đông. Người sau đến trong đầm phía tây núi thấy thân hình con trăn chết từ đầu đến đuôi dài vài dặm. Nay Thân Xà (rắn) ở quận tầm Dương tức là đó vậy, nên gọi chỗ cao ấy là sườn núi rắn (Xà cương). Từ sườn núi rắn đi xuống khoảng 05 dặm là đến Quán Thái Bình. Từ Quán Thái nhất về phía tây nam cách 02 dặm có am Quốc

thái, trên phía tây đó có ngọn núi Liên Hoa, cách khoảng 10 dặm lên tới đảnh núi có am Liên hoa. Từ am Quốc thái cách 05 dặm đến am Báo Ân, cách am Báo Ân 01 dặm là đến am Vân Tế. Từ am Vân Tế cách 02 dặm đến am Vĩnh Thanh cũng còn gọi là am Hạ Liên hoa. Phía bắc khe suối của am Vĩnh Thanh có Ngưu Đạo nhân ẩn cư tại đó. Từ am Vĩnh Thanh về phía tây cách01 dặm đến am Vân Khê có 08 chỗ ở của các Tăng sĩ và Đạo sĩ, đồng tại dưới ngọn núi Liên Hoa. Cách am Vân Khê 02 dặm cũng đến quán Thái Bình, thời tiền Đường gọi đó là Cửu thiên sứ giả, Quán Chân quân. Năm Thăng nguyên thứ nhất thời Nam Đường (?) ban sắc gọi là phủ Thông Huyền. Đến năm Thái Bình Hưng quốc thứ 02 (977) thời bắn Tống, vua Thái Tông (Thiệu Quỳnh) ban sắc đổi tên gọi như hiện nay. Theo "Lục Dị Ký" nói là: "Ngày 21 tháng 08 năm khai nguyên thứ 19 (731) thời tiền Đường, vua Huyền Tông (Lý Long cô) mộng thấy Thần tiên Vũ vệ ngàn cưỡi muôn chở nhóm tập giữa không trung, có 01 người mặc áo sắc đỏ đội mũ vàng cưỡi xe xuống yết kiến vua và nói là: Chúng tôi là cửu thiên tham phỏng đi tuần khắp nhân gian, muốn đến phía tây bắc của Lô Sơn thiết đặt Hạ cung cây đá nền móng vốn có đầy đủ chỉ cần sức lực để dựng lên vậy. Vua liền sai phái trung sứ đến phía tây bắc Lô Sơn, quả thật có nền móng địa chỉ, uyển nhiên vài hôm có vài ngàn đoạn cây gỗ lớn tự nhiên mà đến. Đường điện quách vũ tùng loại thiết đặt cây gỗ đều có sử dụng đầy đủ. Có thuyết nói là: cây gỗ ấy do vua Cửu Giang góp nhặc phỏng tính làm cung điện cất chìm dưới bến sông Bồn, đến lúc ấy ben nổi hiện lên, sắc màu đỏ trắng son vàng, đục moi đất ở phía bắc miếu mà có được, lụa màu trang sức đầy đủ. Thế rồi tạo dựng xướng độ, có hơn 500 vị Linh quan vận mặc y phục như Đạo sĩ và đều nói là đến làm sứ giả ở miếu. Nhân đó đồ tả hình tượng nơi vách tường. Hoặc có thuyết nói là: Mới đầu, Minh Hoàng (vua Huyền Tông) đem điều mộng đó nói cùng mọi người chung quanh, mọi người không tin, bỗng chốc có Thần Giáng hiện nơi sân, lụa mây cuốn cưỡi dưới chân, nghi trượng phù vệ rất hùng vĩ, Minh Hoàng bèn bảo Ngô đạo tử nhanh lấy bút giấy họa tả đó để đắp họa tôn tượng, liền y theo đó mà phỏng đặt. Về miếu ký do Lý thử soạ, LýThử tự xưng là "Thần dưới tranh cỏ ở của Sơn Hành phía Đông huyện Hoàng Mai thuộc Kỳ Châu, tạo dựng ngày 25 tháng giêng năm Nhâm thân (732) tức năm Khai Nguyên thứ 20 thời tiền Đường. Văn Ký ấy đại lược là: "ban sắc đặt miếu sử nội cúng dường, đưa đồ hình sứ giả thật Kiếu lập đền thờ chương tế miếu, hành đạo thiết tế sử do Pháp sư Trương Hình Công ở quán Đại Hoằng Đạo, sử thì tiết, các quân sự ở

Giang Châu gìn giữ, Giang-châu-thứ-sử Độc Cô Trinh, Triều-tán-đại-phu hành trướng sử Dương Sở, Vương-hành-tư-mã-hoàng phụ Sở Ngọc, Tiền Dương huyện lệnh Ngụy Xương đồng ủng hộ tu phụng. Lại có "Sứ giả tường Nghiệm Ký" Khắc ngày mồng 08 (Tân Hợi) tháng 03 năm Nhâm thân (732) tức năm Khai Nguyên thứ 20 thời tiền Đường do Tuyên Nghĩa lang hành Bành trạch huyện úy Phan Quán soạn thuật, gồm 05 sự ứng nghiệm tốt lành đại lược là: "01 là nước sông nỗi tràn thổi mái chèo gần đến núi, tính cây vừa lên, nước liền trở lại như cũ. 02 là trức đồng hoang tan trải cây gỗ quý thì liền sườn núi hang cốc lớn. Đau lẫn lộn các sắc tạp thì hang huyệt nỗi xuất bờ sườn núi sinh. 03 là đêm tạ thổ, mây gió giữa không trung ngầm mất, đèn đuốc Tiên sư sáng chiếu xa. 04 là vượt qua hồ Bành lễ đến bái yết miếu có vài trăm người, người thuyền qua ngày hôm sau đều được giấy tiền. 05 là cưỡi theo Rồng Hổ, khắc vót người như, hoặc bằng đất hoặc bằng gỗ, vào miếu đều thành thử lớp, bỗng nhiên có mồ hôi tuông đổ nơi mặt". Văn bia ấy trải qua năm tháng lâu dài sai nhầm mòn rỉ. Đến năm Trị Bình thứ 02 (1065) thời bắc Tống, có dựng lập lại. Lại có "Trương Linh quan ký". Linh Quan vốn tên Hoài, là vị tướng nhỏ của Võ Thái, từng có công ngầm đươm đến mọi vật, vua (?) ban sắc làm khang quan, hình tượng trên vách tường có 500 người, mà Trương Linh quan là 01 trong đó vậy, sự việc rõ ràng trong Bản Ký, do Ngự Sử trượng phu Từ Huyền soạn thuật vào ngày 15 tháng giêng năm Quý dậu (973) tức năm Khai Bảo thứ 06 thời bắc Tống. Hữu nội sử xá nhân gan tập, Hiền học sĩ biên ghi ngôn từ lắm nhiều, ở đây không ghi tả. Bên tả Của Quán có tảng đá Lưu Việt, đến giữa đường, Quận thủ khảo công viên ngoại lang Tôn mại mới dựng đặt đá móc lập đền thờ. Xưa kia Khuông đục làm am ở núi, có người thiếu niên thường đến đó, tự thường gọi là "vốn giòng họ Lưu tên Việt, nhà ở phía tả của Tiền sơn, mời Khuông tục đến đó, lúc sáng sớm đến dưới núi có tảng đá cao khoảng 02 thước, đó là nơi Tôi ở, có thể nên gõ vào đá tức liền có Tôi". Sau đó, Khuông Tục y như ước hẹn sang đến dưới núi, trông nhìn khắp 04 phía không am thất ở, quả nhiên chỉ có tảng đá, mới gõ vào đó, tảng đá liền mở ra, nhân đó gặp được thần tiên và mọi việc ở động phủ. Theo "Tuệ Viễn Ký" nói là: "Khuông Tục thọ học đạo ở Tiên nhân", tức là nói là về sự kiện ấy vậy. Bên cạnh Quán, có đình Tiên Hương, trông nhìn xuống dưới lầu Quán nghiễm nhiên như động phủ. Mọi người vân du tham quán thảy đều lên đến đó. Từ Quán Thái Bình về phía tây nam cách 05 dặm có am Thanh Thái. Cách am Thanh Thái 01 dặm là đến viện Quảng Trrạch, xưa trước gọi là Long Đàm, ở

góc Đông nam của viện có 03 đầm Rồng, đến núi leo lên khoảng 05 dặm, gặp năm hạn hán, các huyện thảy đều đến cầu đảo.

Từ viện Quảng Đàm xuống núi, đến chùa Thái-bình-hưng-quốc cách khoảng 07 dặm, phía trước chùa có dòng nước tên là Thanh Khê. Trên dòng thanh khê có đình Thạnh Khê. Chùa đó được tạo dựng vào năm Thái Nguyên thứ 09 (384) dưới thời vua Hiếu Võ Đế (tư mã Xương Minh) nhà Đông Tấn, xưa trước gọi là chùa Đông lâm. Đến năm Hội Xương thứ 03 (843) thời tiền Đường thì được tạo dựng lại, mãi đến năm Thái Bình hưng quốc thứ 02 (977) thời bắc Tống, vua Thái Tông (Triệu Quých) ban sắc tên gọi như hiện nay. Pháp sư hủy là Tuệ Viễn, vốn giòng họ giả, người xứ Lâu Phiền; nhạn môn người thầy là Sa-môn Đạo An ở hằng sơn. Pháp sư Tuệ Viễn là đệ tử cao túc của Sa-môn Đạo An, mới đầu ở chùa Thượng minh tại Kinh Châu, sau muốn đến ở La Phù, trên bước đường đi do từ Lô Sơn, đến ở Tinh Xá Long Tuyền cách chùa Đông Lâm khoảng 15 dặm đường sá xa xôi mà học chúgn đến nương theo đông nhiều. Bấy giờ lại có Thiền sư Huệ Vĩnh đã ở tạ núi Hương Cốc đến xin kết bạn thân gần, thứ sử Hoàn y cũng rất khâm phục kính ngưỡng, mới xếp đặt tạo dựng chùa, mọi sự rõ đủ như nơi văn bia chùa do Tiền Trần Châu thứ sử Lý Ung soạn thuật và biên ghi ngày 15 tháng 07 năm Khai nguyên thứ 19 (731) thờ tiền Đường, mãi đến năm Hội Xương thứ 03 (843) thờ tiền Đường, Sa-môn Vân Cao mới khắc bia đá. Bấy giờ, Bùi Hưu làm Giang nam tây đạo quán sát sứ, Trương Hựu Tân làm Giang Châu thứ sử, thật tâm hổ trợ hoàn thành đó. Bùi Hưu có đề ở cuối Thiên ấy rằng: “Trông nhìn ngôn từ bút mực Bắc hải tưởng như thấy được phong thái” và Trương hưu Tân cũng làm bài ký sau lưng bia rằng: “Ngày 13 tháng 04 năm Đại Trung thứ 10 (856) thời tiền Đường, Sa-môn Huyền Quán thỉnh Bùi Quang Viễn ở Hà Đông ghi đề Triệu biển ngạch”. Bùi Quang Viễn là Quốc-tử-giám-thái-học-bác-sĩ. Mới đầu, Pháp sư Tuệ Viễn muốn dời đến ở Hương Cốc, thần núi đến báo mộng rằng: “Nơi đây u tĩnh, đủ để gá Thần”. Bỗng đến đêm sau, sấm mưa chuyển động, tới sáng sớm, trông nhìn đó chỉ có cát trắng trải đất và có hàng rào chắn quanh, có Văn tử gỗ tốt đã làm thành Điện, nên gọi tên là Thần vận. Năm Đại hòa thứ 04 Đại Hòa: có lẽ là niên hiệu Thái Hòa (827-836) và năm thứ tư tức năm 830 vậy, Ngưu tăng Nhu từ Võ Xương trở về, lúc sáng sớm đi ngang qua đó, có ghi trên bảng 04 chữ “Thần Liên. . . ”. Lại có cây lớn vài thước, vua Nguyên Tông thời nam Đường (?) cũng có ghi là “Thần vận thủy”, nay đều hiện còn. Đến trongniên hiệu Hội Xương (841-847) thời tiền Đường, chùa và cây rừng

đều bị Hộ bộ phá hủy bán. Đến trong niên hiệu Đại trung (847-860) thời tiền Đường mới tạo dựng lại. Thứ sử Thôi Ẩm quuyên góp của tiền, làm kệ cúng thí, các hàng quan lại cùng theo có khoảng vài trăm vị, họ tên ủy lý, nay đều khắc tên mà cất giấu. Lời sở thời bấy giờ cũng là ngôn từ của Thôi Ẩm. Thôi Ẩm làm lại văn bia của chùa, Tả tán Kỵ thường thị Liễu Công quyền biên ghi. Dòng suối bề tôi phía dưới chùa chảy vào Hổ Khê. Xưa kia Pháp sư Tuệ Viễn đưa tiễn khách qua đó, Hổ liền lên tiếng báo hiệu, nên gọi tên như vậy. Bấy giờ, Đào Nguyên Lương ở phía nam núi Lật lý. Lục tu Tỉnh cũng là kẻ sĩ có Đạo, Pháp sư Tuệ Viễn thường tiễn đưa 02 người đó, cùng nhau nói bàn hợp Đạo, bất chợt vượt quá khe Hồ, nhân đó cùng nhau cười lớn. Nay ở đời lưu truyền tranh đồ "Tam tiếu" là phát xuất từ đó vậy. Phía sau điện Thần Liên có ao Bạch Liên (sen trắng), xưa kia, Tạ linh vận là người ỷ cật tài năng khinh ngạo mọi vật, ít điều suy trọng, bỗng 01 lần gặp thấy Pháp sư Tuệ Viễn, tự nhiên tâm phục, mới liền ở tại chùa đó phiên dịch kinh Niết-bàn, nhân đó đục ao làm Đài, trồng sen trắng trong ao, gọi tên Đài đó là Đài Phiên Kinh. Đình Bạch Liên ngày nay tức là thổ đất xưa cũ ấy vậy.

Pháp sự Tuệ Viễn cùng các hàng tăng tục như Tuệ Vĩnh, Tuệ Trì, Đàm Thuận, Đàm Hằng, Trúc Đạo sinh, Tuệ Duệ, Đạo Kính, Đạo Bính, Đàm Tiên, Bạch y, Trương Dã, Têng Bích, Lưu Di Dân, Trương Thuyên, Chu tục Chi, Lôi thứ Tông, Phạm tăng Phật-đà-da-xá (Giác Hiền), v.v... cả thảy 18 vị đồng tu Pháp môn Tịnh Độ, nhân đó mà gọi là Bạch Liên Xả. 18 vị Hiền Giả này có Tiểu truyện phụ ghi tại cuối chương. Trên ao, xưa kia có các tên thờ thụy tượng Bồ-tát văn thú sư lợi, đến nay tên tượng bị mất các đã hư phế. Có thụy tượng tại điện Văn-thù-sư-lợi. Trong thời nhà Tấn, mới đầu Đào Khản làm Quảng Châu thứ sử, tại Hải tân, có ngư nhân ban đêm trông thấy cá ánh sáng tuyệt đẹp bèn bủa lưới giăng kéo được tên tượng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bằng vàng. Bên cạnh có khắc ghi là "do vua Adục chủ đúc xưa kia". Về sau có thương nhân đến Đông hải cũng có được Viên quang (vầng hào quang) mang đến nơi tên tượng ấy, quả nhiên phù hợp. Đào Khản nghinh đua đến chùa Hàn Khê tại Võ Xương. Chủ chùa là Tăng Trân thường qua lại cửa, mộng thấy chùa bị nạn lửa, mà tên tượng và phỏng thất có thần vật bao quanh. Tăng Trân vội trở về chùa thì quả nhiên chùa đã bị thiêu cháy, chỉ tên tượng và phỏng thất đều còn lại. Đến khi Đào Khản chuyển dời đến trấn đốc tại Giang Châu, vì tên tượng là thần linh, nên bảo người nghinh thỉnh để tự đi, lại bị sóng gió làm đấm chìm,

nên bấy giờ tại kinh sở vì thế mà có bài ca dao rằng:

"Đào Chỉ kiếm hùng
Tượng là Thần Tiên
Gió liệng bùn đổ
Xa sao vời xa!
Dốc chỉ thành
Khó dùng sức vời".

Đến lúc Pháp sư Tuệ Viễn tạo dựng chùa, mới đến trên dòng nước để cầu đảo, tên tượng ấy bèn nổi lên, mới nghinh thỉnh đưa đến tôn trí tại điện Thần Vận. Về sau tạo dựng Trùng Các để tu phụng hương hỏa. Nên trong "Tự Ký" Lý Ung ghi là:

"A-dục chuộc tội
Văn-thù giáng hình
Giẫm biển chẳng chìm
Xua đến Đào Khản
Gặp lửa chẳng cháy
Báo mộng Tăng Trân".

Tức là nói về sự kiện ấy vậy. Đến trong niên hiệu Hội Xương (841-847) thờ tiền Đường, chùa bị phá hủy, có 02 vị Tăng mang tên tượng đến cất giấu trên phong đảnh của cốc Cẩm tú. Sau khi chùa đã xây dựng lại, đến phỏng tìm nơi cất giấu tên tượng mà không có được, 02 vị Tăng ấy cùng nghi hoặc là trấn lánh, bỗng nhiên thấy sắc đẹp viên quang hiện giữa không trung. Nên mãi đến nay, những người vân du đến phong đảnh, hang phật thủ, ao Trời, thấy có tướng ánh sáng vậy. Tại chùa có Tấn Liễn (Chiếc Kiệu ở thời nhà Tấn), trang sức cầu long hoàn bị, xưa trước gọilà Tuyên đế Liễn, nên Quán Lâm có lời thơ rằng:

"Kiệu xưa Tuyên huyền tàng mây ẩn
Mộ lẽ Sa Xá rơi chiếu chậm".

Người đời nay đề trách cho đó là kiệu của An Đế. Xét lại năm Đại Hạnh thứ 02 (?) thời nhà Tấn. Tuyên huyền soán vị phế đế làm Bình Cổ Vương, dời chuyển đến ở Tầm Dương. Đến lúc nghĩa sư nỗi dậy, Huyền. . . bôn chạy tầm dương, cờ hiệu kiệu phục còn đầy đủ nghĩa của hàng Đế giả. Khi ấy, Bách bức Bình. . . theo hướng tây chạy lên nhang huyệt ẩn trốn, nhân đó để Liễn ở lại Đông lâm, nên xưa trước gọi là "Tuyên liễn" tức có nguyên do ấy vậy. Bởi âm"Tuyên" và "An" cùng gần nhau, người đời sau không xét kỷ mà cải đổi như thế Viện Kinh Tạng tại chái hiên phía Đông chùa. Lời bạt cuối kinh ghi là: "Ghi tả vào

năm Trinh quán thứ 13 (639) thời tiền Đường". Văn bia kinh tạng nói là: Ngày 15 tháng 07 năm Nhâm thìn (812) tức năm Nguyên Hòa thứ 07 thời tiền Đường, Triều thỉnh lang thế Hiệp luật lang Lý Triệu ở chùa Thái Thường soạn thuật, Đại lược là: "Năm Nguyên Hòa thứ 04 (809) thời tiền Đường, Sa-môn Linh Triệt ở Vân môn lưu lạc ẩn trốn mà trở về nương náu ghé tại núi đó, sắp đi, nói đến Giang nam tây đạo quán sát sứ Võ Dương Công Vi Công Đan. Phu nhân của Vi Công Đan vốn giòng họ Tiêu ở Lan Lăng qua đời, từng đem các của cải y phục vòng đeo đổi mua lấy đất ruộng ở Kinh Châu, thâu lấy thuế nhâp để phụng dâng đàn thế, đến lúc ấy lấy đó làm lợi ích bổng lộc riêng của mình, tức Hồng Châu sao đằng mà đặt để đó, bèn xây dựng Điện đường. Lại bảo Phù Tra, Sa-môn Nghĩa. . . ở chùa làm thủ Bí Tạng. Đến lúc gặp tai ách trong niên hiệ Hội Xương (841-847) thời tiền Đường, Sa-môn Tăng Chánh nói bổ túc lại chút ít. Đến năm Đại Trung thứ 12 (858) thời tiền Đường, con của Võ Dương Vi Công Đan là Vi Trụ trở lại thời kiểm xét, nhân đó cũng thỉ tiền để tạo dựng Đường Vũ. Có ghi khắc việc đó, nên có đồ tả chân hình của Vi Công Đan và Vi Trụ. Năm Hàm thông thứ 08 (867) thời tiền Đường, thứ sử niêu thân có bài ngợi khen 02 chân hình của cha con giòng họ Vi. Mưu Thân là cháu ngoại của Vi Trụ. Lại có 01 nhân vật sắc đề rằng: Có vị Sa-môn ở chùa Kỷ Vương nói là: Bên cạnh đó xưa trước có cụ hàm, Giang Châu thứ sử Đức hóa Vương Dương Triệt, Văn tự khắc rơi chẳng. . . nhân đó phấn sức mà mạn diệt đó. Nay tại chùa có đất ruộng dưới rừng bằng phẳng đều do. . . củng thí, nên Chư Tăng ở chùa Đồ tả chân hình thiết giữa khoảng 02 cha con giòng họ Vi, để nêu bày truy niệm phụng thờ vậy. Căn cứ theo sử thời tiền Đường thì Dương Triệt được vua từng phong làm Kỷ Vương. Năm Thiên hựu thế 15 (?) Từ tri Huấn ở tại Dương Châu bị Chu Cẩn giết hại, đến trong niên hiệu Bảo Đại (1121-1124) thời nhàn Liêu, mới được truy phong là Kỷ Vương, thì sự tích ấy không tương tiếp với nhị lâm (Đông lâm và Tây lâm?) vậy, bởi người đời sau vọng thêm vào đó thôi. Am tranh của Bạch Công ở góc Đông bắc của chùa. Năm Nguyên Hòa thứ 10 (815) thời tiền Đường, Bạch Công từ Thái tử tán thiện đại phu, về nói sự việc trái ngược, bị bắt chỉnh sửa đưa ra làm Châu tư mã, năm sau (816) làm Am tranh tại phía bắc núi Hương Lô thuộc phía nam chùa Di Ái, là nơi mọi người vân du qua lại. Bạch công cũng tự làm bài ký, thấy ở Bản tập. Về sau cùng chùa Di Ái đều đã bị hư phế từ lâu, những người vui thích việc tốt mến mộ phong tích của Bạch Công nên dựng nhà ở ngoài tường lam thuộc phía bắc chùa Đông Lâm. Đến thời Ngũ Đại (907-960) loạn

lạc, lại bị thiêu đốt phá hủy. Đến trong niên hiệu Chí Đạo (995-998) thời bắc Tống, Quận thú Tôn Khảo Công truy niệm mà tạo dựng nhưng đều chẳng phải nơi nền móng cũ trong niên hiệu nguyên hòa (806-821) thời tiền Đường xưa trước. Xưa kia, Bạch Công đến chùa Đông lâm thấy trong Kinh tạng, có Xướng hòa Tập" của Bạch Công, đồng cất tàng ở đó. Đến năm Đại Hòa thứ 09 (835) thời tiền Đường Bạch Công, làm Thái tử tân khách, mới đem Văn tập gồm 60 quyển về đó. Đến trong niên hiệu Hội Xương (841-847) thời tiền Đường, Bạch Công trao trả chức quan, lại đưa Hậu tập gồm 10 quyển và tượng của cư sĩ Hương Sơn. Trong niên hiệu Quảng Ninh (880-881) có trao Khuông sơn tập của Viễn Công, đều bị Cao Biền ở Hoài Nam lấy đến đất ngô. Trong năm Đại (thái) Hòa thứ 06 (832) thời tiền Đường, Đức Hóa Vương Triệt từng sao đằng để bổ túc các điểm khuyết thiếu, sau lại mất hết. Nay tại trong kho tàng thật chỉ có Bản từ năm Cảnh Đức thứ 04 (1007) thời bắc Tống, vua Chân TôngTriệu Hằng ban chiếu sử quán thư hiệu kiểm mà tặng đó. Và "Khuông sơn tập" cũng có 20 quyển, trong năm cảnh Đức thứ 02 (1005) thời bắc Tống, từng biên tả lại. Đến trong niên hiệu Minh Đạo (1032-1034) thời bắc Tống, vì Bộ-sử-giả-hình-bộ Hứa Thân mượn, đến nay "Lô Sơn lược ký" và lời tựa thơ "Du thạch môn" đều khắc nơi bia đá tại chùa, đều nhân Bản trong tập nói vậy.

Qua khỏi Am Tranh của Bạch Công đến nữa lưng chừng núi có 02 dòng suối phát xuất giữa khoảng đá, có tên gọi đó là khe song ngọc, do thiền dư Phật-đà-bạt-đà-la tạo lập. Tiếng phạm gọi tên Phật-đà-bạt-đà-la, tiếng trung hoa phiên dịch nghĩa là giác hiền. Thiền sư vốn là cháu chắc nối dõi của vua Cam-lộ-phạm-vương ở nước Ca-duy-la-vệ. Năm 17 tuổi, được Sa-môn Cư-ma-la-lợi độ cho xuất gia, cùng đồng bạn tập học, cả Đại chúng đều phải trải qua thời gian 01 tháng mà Giác Hiền chỉ xem đọc trong 01 ngày, nên Sa-môn Lưu-ma-la-lợi ngợi khen là: "Chỉ 01 mình Giác Hiền có khả năng địch nỗi 30 người!". Sau khi vào Trường An, Thiền sư Giác hiền cùng Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập (Đồng thọ) phân chiếc huyền chỉ, Cưu-ma-la-thập vì thế mà khuất phục. Thiền sư giác Hiền lại đến Lô Sơn cùng Viễn Công ở đồng xã. Nguyên trước, Thiền sư có mang theo 03 viên Xá-lợi của Đức Phật Thích Ca. Nhân đó tốn trí an táng tại núi, dự dâng Biểu văn để dựng tạo phù đồ. Về sau, vua Hiếu Võ Đế (Lưu Tuấn 454-465) thời tiền Tống thỉnh mời Thiền sư Giác Hiền đến ở chùa Đạo tràng phiên dịch Kinh Hoa Nghiêm. Đến năm khai nguyên thứ 14 (726) thời tiền Đường, khố-bộ-lang-trung-thư-xá-nhân Giang Châu thứ sử Lý Nột làm bài ký

về Thiền sư Giác Hiền, Lý Nột cũng tự xưng là Thiền sư Ngột Ngột, Kim-tử-quang-lục-đại-phu. Đồng-châu-thứ-sử-thượng-trụ, quốc-phạm-dương-huyện-khai-quốc-nam trương đình Như biên ghi. Đến ngày 15 tháng 07 năm Kỷ tỵ (729) tức năm Khai nguyên thứ 17 thời tiền Đường. Bên cạnh đó, Khắc Nhan lỗ Công ghi đề tên gồm 600 chữ. Phía bắc của thượng phương có sối Hổ bào. Xưa kia, Viễn Công cùng các hiền giả trong đồng Xã mỗi lúc đến đảnh núi đó thường gặp hoạn cảnh nước quá xa, ngày khác đến, có hổ liền nhảy cẳng trên đá tuông trào thành dòng suối, tiếp đến là các Ngũ Sam (05 cây Sam). 05 cây Sam cao lớn tươi tốt cùng hợp ôm chụm, trong nhìn các rất cao nguy. Trong thời Nam Đường (?) Tăng Ứng ở Tây Sơn từng đến dựng am ở giữa khoảng 05 cây Sam. Đến trong niên hiệu Bảo Đại (1121-1124) thời nhà Liêu, Vì Nguyên Tông. . . gặp làm ngũ san tập, lưu hành nơi đời, là sách Tang môn đầy đủ để sử dụng vậy. Nay, Tử. . . vẫn hiện còn phảng phất. Cam lồ giới đàn tại góc Đông nam của chùa. Trong khoảng niên hiệu thái thanh (547-550) thời nam Lương, có Pháp sư Tập giảng kinh Kim quang minh tại giữa rừng mà cam lồ thấm đượm cây mốt 03 ngày, nhân đó đến giữa rừng thiết lập Giới Đàn. Ở đời tương truyền tại Giang nam có 03 giới đàn mà đó là 01 vậy. Từng vì Tăng phường mà trồng trọt luống rau, vị Tăng làm đó mộng thấy có thần đội mũ trụ vàng rông đến chèn ép nơi cổ họng mà trách là làm dơ vế thốn đất giới đàn. Vị Tăng ấy kinh sợ đem gạch đá hiện còn ấy mà chuyển dời đến nơi khác. Mới đầu, Viễn Công thị tịch, tôn phong thuỵ hiệu là “Biện Giác”. Đến năm Thăng Nguyên thứ 03 (?), cải đổ thụy hiệu là “Chánh Giác Đại sư”, mãi đến năm thái bình hưng quốc thứ 03 (978) thời bắc Tông, vua Thái Tông (Triệu Quỳnh) mới đổi phong thụy hiệu là “Viên Ngộ Đại Sư”, và nơi phần mộ gọi làtháp “Ngưng tịch”. Tháp nằm giữa khoảng Đông lâm vàTây lâm. Bên cạnh đó có 02 cây sam, 01 cây tại nơi cao, chu vi lớn 27 thước, một cây nơi hơi thấp, chu vi 20 thướ. Viễn Công thị tịch năm Nghĩa Hy thứ 12 (416) thời Đông Tấn, an táng tại núi đó, bởi đương thời gieo trồng tại đó vậy.

Chùa Càn Minh tại phía tây Tháp Ngưng Tịch cách hơn trăm bộ. Xưa trước gọi tên là “Tây lâm Hưng. . . ” nay đề biển ngạch là “Đạo Tràng của Thiền sư Tuệ Vĩnh ở tời Đông Tấn”. Theo văn bia ở Đạo tràng Tây lâm, do Thái-thường-bác-sĩ-bột-hải Âu dương Tuân ở thời nhà Tùy soạn thuật, không thấy họ tên người biên ghi, nhưng nét bút thanh nhã cứng mạnh, ở đời tương truyền là do Âu dương Tuân biên ghi vậy, dựng lập ngày 15 tháng 10 năm Đinh Sửu (617) tức năm Đại nghiệp thứ

12 thời nhà Tùy, đại lược là: “Trướ có Tỳ-kheo Đàm Hiện vốn giòng họ Trúc, nguyên là 01 vị tướng tốt lành ở thời Ngụy Triệu, Vì Khuông phụ linh nham tươi tốt nên đến nương náu nơi sâu xa. Đến lúc thị Tịch tức hóa tại Tịch nham. Trước đó có sa di Tuệ Vĩnh vốn giòng họ phần người xứ Hà Nội là đệ tử cao túc đứng đầu của Tỳ-kheo Đàm Hiện, thường có mùi hương khác lạ vào phòng thất, thú dữ thuần quen nơi thềm cấp, tiếp nối làm ngời sáng chư nghiệp, dựng lập Am an tịnh thiền pháp. Quang lục Hương Tầm dương. . . phạm đế ở thời nhà Tấn tạo dựng ngôi già lam đề hiệu là chùa Tây Lâm. Lúc đó là năm thái hòa thứ 02 (367) thời Đông Tấn. Đến năm. . . Thiên (?) thứ 03 thời nhà Lương, có Luật sư Tuệ Ân, đến thời nhà Tùy, có Thiền sư Tuệ Viễn, đến năm Đại nghiệp thứ 07 (611) thời nhà Tùy, có Pháp sư Đạo Tuy đều gia tâm tu bổ đó”. Đến năm Vĩnh thái thứ nhất (765) thời tiền Đường, Nhan Lỗ Công cùng Luật sư Pháp Chân leo lên Trùng các trông xem, Trương Tăng Diêu đắp họa tôn tượng Phật Lô-xá-na. vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời nam Lươngcùng bức chỉ lụa bát đấy cũng để trên đầu năm bia của Ân Dương Tuân ở Trùng các, dựng lập vào năm Đại nghiệp thứ 02 (606) thời nhà Tùy, đến nay cả 03 vật ấy đều mất hết. Thiền sư Tuệ Vĩnh thị tịch năm Nghĩa Hy thứ 10 (414) thời Đông Tấn, an táng tại cửa Hương Cốc thuộc phía nam khe nước. Đến năm Thái bình hưng quốc thứ 03 (978) thời bắc Tống, vua Thái Tông (Tiệu Quýnh) cũng truy tôn thụy hiệu là “Giác tịch Đại Sư”, và đề tên Tháp là tháp “Thật Trí. Phía sau chùa nơi chỗ đất cao, có đình Hương Cốc, xưa kia, Vĩnh Công ở tại chùa Tây lâm riêng dựng lập am thất ở trên đảnh, mỗi lúc muốn Thiền tọa tư duy tức sang ở nơi đó. Trong thất thường có hơi khí phảng phất, nhân đó mà gọi tên là Hương Cộc. Người đời sau tạo dựng Đình ở trên đó đề hiệu là Đình Hương Cốc để lưu giữ sự tích xưa cũ đó. Phía dưới đó có viện Thủy Các. Đến trong niên hiệu Thái Bình hưng quốc (976-984) thời Bắc Tống, vua Thái Tông (Triệu Quýnh) ban sắc tên là “Long Giáo”, đó là nơi Đạo tràng của Luật sư Tề Lãng trong năm Trinh nguyên thứ 02 (786) thời tiền Đường. Luật sư Tề Lãng thị tịch ngày 16 tháng 10 năm Trường Khánh thứ 02 (822) thời tiền Đường, hiện có văn bia do Trịnh Tố Hương-người thời tiền Đường soạn thuật, dựng lập ngày mồng 06 tháng 03 năm Nhâm tý (832) tức năm Thái Hòa thứ 06 thời tiền Đường. Đến năm Bảo Đại thứ 08 (?) thời nhà Liêu, Nam Đường Bao Quốc Lý định Công Từ Cảnh Vận tu sửa lại, Tạng Kinh cũng do Lý định Công cúng thế, đều có lời bạt ở cuối. Trên vách phía tây kho Tạng Kinh, người xứ Nam Đường họa vẽ tên tượng Tên giả Tu Bồ-đề tự xưng là Vương Hàng người lượm

củi. Đó là vẻ đẹp xinh của thuỷ thạch ở chùa vậy, từ trước người có đức cũng là ở hạng kế tại Đông lâm vậy. Khoảng đầu niên hiệu Khánh lịch (1041) thời bắc Tống, ngay đường Sa-môn đại sư Tông Tuệ, Đạo Châu đạt, có ngôi Phù Đồ 07 ở tầng cấp tại viên Lang giáo. Y cứ theo thẳng hình của Hương Cốc thì từ trước chùa qua cầu thông ẩn cách 01 dặm, đến chợ ở cửa Rừng, xưa kia, Sa-môn Trúc Đạo sinh thị tịch an táng tại đó. Bởi đời trước rừng sâu cốc tối. Đến trong niên hiệu thừa bình (452) thời bắc ngụy, mở mang làm am thất, gặp phần mộ của thương lữ tại Đông lâm còn ẩn tàng nơi Thủ trạch. Phía tây đó có thềm đá 300 tầng cấp, do từ thượng phương mà xuống, qua hang Tích thúy, lại phải qua 03 lần nghỉ mới đến suối Thông minh. Suối Thông minh là nơi Ân Trọng Kham ở Kinh Châu đến phỏng hỏi Viễn Công, cùng nhau đàm luận về chu dịch ở giữa khoảng các cây tùng. Ân trọng Kham biện luận sâu rộng, Viễn Công nhân đó chỉ dòng suối mà bảo rằng: "Sức biện luận của ông như suối này tuông trào vậy". Người đời sau nhân đó mà gọi là suối Thông minh. Xưa kia, trong "Khuông lô phú" Lý Vệ Công nói là: "Viễn Công giảng trinh nghĩa giữa khoảng các cây tùng", và ghi chú là: "Chùa Đông lâm có vài gốc tùng, nay hiện còn. Nay tại trên suối, có phòng thất màkhông có cây tùng nào. Đó là nơi chỗ đất xưa cũ vậy". Tiếp đến có Đài Phật ảnh, trong "Khuông sưu tập" của Viễn Công nói là: "Phật ảnh tại phía nam nước Na-già-a ở tây phương trong thạch thất tiêu nhân xưa trước. Ngày mồng 01 tháng 05 năm Nhâm tý (912) tức năm Nghĩa hy thứ 18 (phải là năm thứ 08 mới đúng!) thời Đông Tấn, nhân có Thiền sư người nước Kế Tân cùng Đạo sĩ Luật học ở nước Nam đồng tạp lập Đài ấy. Phỏng Tượng vốn tại núi nhân dấu vết kỳ đặc, sự thật tuy thành, nhưng do người thợ mà công làm chẳng thêm. Đến như tại năm Tinh Kỷ Xích Phấn nhã trinh, đến thành hư Thái Âm, ngày mồng 03 tháng 09 mới nghiệm rõ, riêng khắc ghi bài Minh ở đá. Mạnh Giang Châu hoài Vương biệt giá Kiều Chi Trương thường thị dã Ân. Thời nhà Tấn có An ẩn mao hoàng môn tu chi Tông ẩn sĩ Bính mạnh tán lỵ, Mạnh Tư mã (khuyết thiếu tên 02 người), Ân Chủ Bộ úy Phạm hiếu liêm duyệt chi Vương Sâm Quân Hoàng hoàng dạ, v.v... đều có thơ phú minh văn tán thán, Viễn Công cũng có 05 bài Minh nói về Phật Ảnh ghi chép tại Cao Tăng truyện. Lưu Di Dân cũng có bài Tán bạch: "Đồ Cảnh Vân phô bày rực rỡ, Ảnh sánh ngang bằng đứng đầu tạo dựng, Quất Công Lý hợp mà sự không người". Vận Lý Ung có bài Ký rằng: "Ảnh. . . từ tây phương lại, Xá-lợi hóa phương đông, hoặc tháp vạt nơi đất, hoặc sáng soi giữa trời". Ảnh Đồ. . . tức là Ảnh vậy, Xá-lợi nghĩa là do

Sa-môn Bạt-đà-la ẩn tàng. Đài ấy do Chư Tăng ở chùa nghĩ nhớ mà tạo dựng vậy. Và chùa ấy cũng là ngôi chùa xa xưa của Lô Sơn vậy. Từ trong khoảng niên hiệu Khai nguyên (713-742), Nguyên Hòa (806-821) thời tiền Đường trở lại, mãi đến trong niên hiệu bảo Đại (1121-1124) thời nhà Liêu, niên hiệu Hiển Đức (954-960) thời Hậu Chu (trong Ngũ Đại), Bia Chí của các vị Văn Sĩ, ca vịnh của các người tham quan ghi đề lan lỗ vẫn hiện còn. Nay đây ghi đề danh mục ở chương sau. Trong niên hiệu Đại Trung (847-860) thời tiền Đường, Viễn Công với thuỵ hiệu được truy phong là "Biện Giác Pháp sư", Bùi Hưu ghi viết. Trên bảng ở vách tường phía Đông điện Quán Âm có uyển lăng Hồng giai mô phỏng, Trương Tăng Diêu họa tôn tượng Cư Sỹ Duy ma trong nam Đại trung thứ 11 (857) thời tiền Đường. Ngoài ra còn có các bức họa trên vách tường cũng ghi tả trong khoảng các niên hiệu Đại trung (847-860), Quảng Minh (880-881), Hàm thông (874-874), v.v... thời tiền Đường. Tuy nét bút thế tục mà các tợ vẽ ở thời gần đây không thể sánh kịp. Văn bia ở Viện Pháp Hoa Tư Thánh, Tăng Tề đã biên ghi, lại có tôn tượng bằng đồng của Minh Hoàng, Trưởng giả Lý thông Huyền đồ tả chân hình, đều là vật cũ đời trước. Đến trong thời Bắc Tống, cải đổ biển nghạch hiệu chùa. Từ Huyền thường thị đích thân viết 06 chữ "Triệu" Thái Bình Hưng Quốc Chi tự", nay đều ẩn tàng vậy.

Xưa trước tương truyền, tại chùa có pháp y ca sa của Viễn Công, tức nơi Nhan Công Kính lễ, pháp y Tăng-già-lê đến nay đã cũ mục, và có dày da của 02 tôn giả Phật-đà-da-xá, Tạ Linh vận phiên dịch kinh bối tên là Diệp có 05-06 mãnh, ngoài ra đều mất hết vậy. Trong văn bia, Lý Ung ghi là: "La thập thiết đặt bình tấm ấy, khéo cùng 02 cửa, Diêu Hoằng phụng thờ tôn tượng khắc chạm, công hết 05 năm". Sự tích cũng đầy đủ tại cao tăng truyện, năm tháng thời đại dần xa, nên không hiền còn. Trong thơ Quán Hưu, Thuyền Nguyệt nói là:

"Bức họa của Lô Lăng già rêu mọc tràm hết
Văn bia của Ân trọng Kham mưa giọt thủng xuyên".

Quán Hưu là 01 người cự phách trong khoảng niên hiệu thiên hưu (904-909) thời tiền Đường, sống các nay hơn 150 năm, Chư Tăng ở trong chùa cũng không biết, cảnh vức bèn tại trong chốn huyên náo. Đến đầu niên hiệu Khương định (1040) thời bắc Tống, Quận thú Điền Du hổ trợ Chư tăng ở chùa cải táng tại bên tả tháp Ngưng tịch. Theo "Cửu Giang lục" nói là: "phía nam Cầu thông Ẩn có ngọn núi Kim Sư tử. Phía trên có 03 ngôi mộ Lan nhã, dưới ngọn núi có đường sách Cốc". Nay đường sách Cốc hiện còn, ngoài ra đều đã mất hết. Về phía tây Cầu Thông

Ẩn cách 01 dặm có miếu Khuông Quân. Theo "TẦm Dương Ký" nói là: "Xưa kia vua Võ Đế thời nhà Hán (?) đi tuần phương nam, đến đền thờ gọi là núi, hỏi: "Lô Quân là Thần gì?" bác sĩ đáp rằng: "Xưa kia, Khuông tục đắc Đạo tại đây". Mới ban tặng hiệu là "Đại Minh Công". Đến năm Thiên bảo thứ nhất (742) thời tiền Đường, vua Huyền Tông (Lý Long Cơ) mới ban chiếu tạo dựng đền thờ. Từ chùa Tây lâm về phía Đông cách 05 dặm đến am Hương thành, bên cạnh am Hương thành có am Quán Âm, tiếp đến có am Đông, cách am Đông xuống 01 dặm có am Quảng tế, lại cách nữa dặm có hang Thánh Tăng, cách hang Thánh Tăng 02 dặm là đến am Thạch Bồn, từ chùa Tây lâm về hướng Đông nam cách 05 dặm là đến Viện Hạ hóa thành, cách Viện Hạ hóa thành 03 dặm là đến am Hộ Quốc, cách am Hộ Quốc 01 dặm cũng đến am Thạch Bồn. Thạch Bồn (bồn đá) tại trên núi, không phải do đục đá làm thành, trong Bồn có dòng suối nước trong mát, nắng hạn không bị khô cạn. Từ thạch bồn lên trên nữa dặm đến am Bảo Dư. Bên cạnh đó cách nữa dặm có am Đại Sư và tiếp đến là viện Thượng Hóa Thành, cũng do Viễn Công tạo dựng trong khoảng niên hiệu Nghĩa Hy (405-419) thời Đông Tấn, là nơi Trần thượng thư thứ ở thời Bắc Tống lúc mặc áo vãi nân du đến đó vậy, con của Thượng thư Trần Thứ là Cung Công lúc chấp chỉnh có xin ban sắc ngự thư độ Tăng, nay hiện có nhà đền thời của giòng họ Trần có 03 cột mốc dời chùa v.v... trong khoảng niên hiệu Bảo Đại (1121-1124) thời nhà Liêu, do người khéo giỏi việc tốt khắc ghi, thơ "Đến chùa Đại Lâm" của Bạch lạc Thiên, đều xếp đặt thứ tự trước sau, Đá hỏn nơi tường vách phòng ốc. Phàm những người đi đến nơi chùa Đông lâm và Tây lâm, trông nhìn lầu các của thượng hóa thành ẩn ẩu trong ráng mây, có như tranh vẽ. Từ chùa Đông lâm đi tất đến, còn lâu hơn nữa ngày. Đã đến Hóa thành thì chư Tăng ở đó hẳn hỏi khách rằng: "ngày sau còn lên núi ữa chăng?". Bởi qua Thượng Hóa thành đường núi hiểm nguy, khoảng giữa thường thường không thể gá kiệu trên vai. Thẳng lên 10 dặm, giữa đường qua đá kê quán, tiếp đến đá Tứ Vọng, tiếp đến đá tả du, tiếp đến là ngọn núi Hương Lô. Cả sơn nam và sơn bắc đều có hình tròn cao vót đó thường tỏa hơi mây, đổi lấy hình voi mà gọi tên vậy. Lý Bạch có lời thơ rằng:

"Trời soi Hương lô sinh khói đá
Xa nhìn thác nước treo dòng dài".

Tức là nói về ở Sơn Nam vậy. Và, Mạnh Hạo nhiên có lời thơ rằng:

"Chiếu Quế vài ngàn dặm

Thích núi đều chưa gặp
Nương thuyền ghé Tầm Đương
Mới thấy núi Hương Lô".

Tức chỉ ngọn núi ở đây vậy.

Từ chùa Đông Lâm thẳng xuống dưới, qua ngọn núi Hương Lô đến viện phong đảnh. Bên cạnh viện có tảng đá bằng phẳng rộng lớn, trông nhìn xuống dưới là khoảng không gian rỗng thoáng không vật gì ngăn cách. Trong "Sơn Ký", Trương Dã nói là: "Tại Phong Đảnh có tảng đá lớn, có thể ngồi được vài trăm người". Tức là nói về ở đó vậy. Dưới phong đảnh có hang Tàng Kinh, tức kinh ở chùa Đông lâm được cất giấu trong khoảng niên hiệu Hội Xương (841-847) thời tiền Đường. Có nền móng am Quảng Đạo thời nam Đường. Từ phong đảnh về phía nam cách 10 dặm có am Hương Tích. Qua am Hương Tích trong nhìn xuống ngọn núi Ngũ Lão, trông thạch tinh rơi trong nước như cái chén úp. Thẳng xuống dưới núi cách 20 dặm thì phía nam của núi là khe Lâu Hiền, phía Đông là nguồn Vạn Thọ, đường đi rất hiểm trở, hiếm người đi đến đó. Tháng 09 năm Hy ninh thứ 04 (1071) thời Bắc Tống, Tôi cùng vài Đạo nhân ăn cơm tại phong đảnh rồi theo đường am hương tích mang sách chống trượng mà xuống đến khe Lâu hiền thì trọng một ngày đêm vậy. Trước Viện Phong Đảnh có ao Tích Xà hành giả Ẩm ngưu. Mới đầu, Viễn Công đến ở Lô sơn, có lắm nhiều trùng rắn. Hành giả, không biết là người xứ nào, thường theo hầu Viễn Công, khéo giỏi xua đuổi rắn, vì thế mà rắn đi hết nên xưng gọi là "Tích Xà hành giả", thường canh cày tại phong đảnh có ruộng của Tích xà hành giả. Thửa ruộng rồng phảng phất có thể biện rõ, nay không người canh cày. Có thuyết nói là: Bởi do thần núi, nên đến nay, núi tuy cao sâu. Tiều Tô là người khéo giỏi săn bắn không nghe lo sợ độc hại của trùng rắn. Người ở trong núi nói: Tại núi có 01 con hổ cũng chưa từng làm thương hại người, sau giẫm vào trong đất có lúc chỉ thấy dấu vết đi, mọi người cho đó là hổ đi rão núi, hoặc là khách đạo vân du đến núi. Việc ấy sợ can thiệp đến sàm tiếu ghét ganh, cũng gọi dó là hổ đi tuần quanh núi vậy. Cách phong đảnh 05 dặm là đến chùa Đại Lâm, nay gọi là chùa Bảo Lâm, do thứ sử Tiêu Cương tạo dựng trong năm Thiên giám thứ 02 (503) thời nam Lương, sau đó bị hư phế, đến đều thời tiền Đường mới tạo dựng lại, nên có "Phục Tự Ký" do Ngu thế nam soạn thuật. Xưa trước có am Bình Vân, nơi vườn cây trái của Pháp sư Tuệ Viễn hư phá tạo thành nền móng chùa. Tích Xà hành giả an táng phần mộ của ngư đều tại nơi đảnh cao tuyệt, mà trái lại rộng dài suốt thông chẳng biết

đến điểm cùng cực. Xưa kia, Tạ Linh vận lên tuyệt đảnh, trông thấy các núi cao nhọn mà làm thơ rằng:

"Eo hẹp bỗng nhiên mờ
Đường phẳng đã bít liền
Gò núi có chất chồng
Qua lại không dấu vết
Đêm ngày mờ nhật nguyệt
Đông hạ sương tuyết ngưng".

Chánh là nói về đó vậy. Lại nữ, Bạch Lạc Thiên có bài thơ nói về chùa Đại Lâm là:

"Tháng tư nhân gian hoa cỏ hết
Chùa núi hoa đào mới nở đầy
Buồn hận xuân về không chỗ kiếm
Chẳng biết đưa vào lại trong đây".

Và, nơi lời tựa bài thơ ấy nói là: Tôi (Bạch Lạc thiên) cùng Nguyên Tập hư, Phạm Dương, Trương duẫn Trung ở Hà Nam, Trương thâm chi ở Nam Dương, Tống úc, An định, Lương tất, Phạm Dương, Trương Trì ở Quảng Bình, Sa-môn Pháp Diễn, Trí mãn, Sĩ Kiên, lợi Biện, Đạo Thâm, Đạo Kiến, Thần Chiếu, Vân Cao, Tịch nhiên, Tức Từ v.v... ở chùa Đông lâm, cả thảy có 17 người, từ Am tranh, chùa Di ái vân du khắp chùa Đông lâm Tây lâm, đến Hóa thành, dừng nghỉ tại Phong đảnh, lên núi Hương Lô, dừng nghỉ đêm tại chùa Thiên Lâm, đến chùa Đại Lâm xa cùng cực, là nơi dấu chân người hiếm bước đến. Quanh chùa có nhiều dòng nước trong mát, đá xanh, tùng thấp, trúc gầy. Trong chùa chỉ có bảng phòng ốc sử dụng bằng gỗ. Chư Tăng đều là người xứ Hải Đông, núi cao đất sâu, thời tiết cùng tuyệt muộn màng. Khi ấy đang là tháng 04 mà như trời tháng giêng tháng 02, đào, lê mới đơm hoa, cỏ khe còn non ngắn. Người vật, khí hậu khác hẳn so với nơi bình địa tụ lạc. Mới đầu đến mà hoảng nhiên, như tạo lập riêng 01 thế giới mới. Thế rồi trông xem quanh vách tường phòng ốc, thấy văn cú họ tôn 03 người: Tiêu lang trung tồn, Ngụy lang trung hoằng và Lý bổ Khuyết bột. Tôi cùng đồng bọn Tập Hư, v.v... tán thán và nói rằng: "Đây thật là cảnh thứ nhất của Khuông Lô". Đi bằng đường ngựa trạm đến cửa núi, từng không chỉ lộ trình nữa ngày. Từ thời các nhà Tiêu, Ngụy, Lý (Nam Lương, bắc Ngụy, tiền Đường) mãi đến nay đã 200 năm, vắng bặc, không người kế tiếp. Ôi! Thật là danh lợi dẫn dụ con người vậy". Hàn thối Chi có đề về chùa Tây lâm, nên trong nhà xưa cũ của Tiêu lang Trung có lời thơ rằng:

"Lang có con gái hay truyền nghiệp
Bách Đạo không con già giữ nhà
Chợt đến Khuông Sơn nơi từng ở
Bao hàng lệ buồn rơi khói mây!"

Và ghi chú là: Công có người con gái xuất gia làm vi, tại Giang Châu, nay người hay giỏi việc ghi trên bảng bài thơ ấy. Trong "Hàn tập" ở chùa Tây lâm, không có tên Tiêu Lang trung, hoặc nghi đó là Tiêu Dĩnh Sĩ chẳng phải vậy. Tiêu Dĩnh Sĩ khốn cùng trở ngại chẳng đạt, chánh gọi đó là Tiêu lang Trung Tồn vậy. Phàm cảnh của phong đảnh, chùa Đại Lâm, Bạch Công nói tả rất đầy đủ vậy. Trong tháng 09, Tôi thường đến chùa Đông lâm, tây lâm, nắng mùa thu chưa thể liền lìa bỏ quạt. Ngày hôm sau đến chùa Đại lâm, dòng suối ngưng đóng thành băng vậy. Lại trong tháng 03 cũng từng đến núi, đào lê vút lạnh, mẫu đan hé nở, đồng như Dử Công trông thấy vậy.

Cách chùa Bảo Lâm 01 dặm là đến ngọn núi Trịch bút, dưới ngọn núi ấy gần hang hóc lớn, các ngọn núi cao vót, không thể nói được về hình trạng. Xưa kia, Viễn Công chế tác Niết-bàn kinh sở, ở tại đó mà sở thành nen lấy đó mà gọi tên ngọn núi ấy. Giữa khoảng các ngọn núi ấy có 01 ngọn tên là Đài Văn-thù, tức là xưa kia cất giấu tôn tượng Văn-thù bèn mất tại núi ấy vậy. Cách ngọn núi Trịch bút 01 dặm là đến hang Phật thủ. Tại đó dùng đá làm thất có thể dung chứa được trăm người. Bên cạnh đó dòng suối, nhân dùng đá làm cừ. Phía trên hang, có đá lớn nép nghiêng như ngón tay, nên gọi là Phật thủ (tay Phật). Ở thời vua Nguyên Tông; Nam Đường, có Tăng Hành, nhân ở tại hang đó suốt 30 năm, chế tác "Hoa Nghiêm biệt luận" 10 quyển, vua Nguyên Tông (?) han chiếu mời gọi mà chẳng đến. Cách hang Phật thủ 03 dặm là đến viện Thiên Trì, còn 01 tên gọi là ao La-hán, ao tại trên đảnh núi, tuy nắng hạn rất lắm mà chẳng khô cạn. Trương Cảnh có lời thơ rằng:

"Nếu dùng hình núi cốt người đây
Ao này nên hợp là Nê-hoàn".

Mọi người lấy đó làmcâu đích xác. Từ đó về phía tây có hang La-hán-bả-châm, Tảng đá nơi Đệ tứ tổ tọa Thiền, đình Văn-thù. Ở đời tương truyền là nơi ở của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi là tại núi Ngũ Đài ở Đại Châu. Mọi người đi đến đó thường luôn thấy mây Đâu-la-niêm, Viên quang vũ sắc, trong ánh sáng ấy có các tướng Bồ-tát và Sư tử. Tại núi ấy tương truyền có tô tượng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi xưa cu. Gần đây, khoảng trong niên hiệu Hoàng hựu (1049-1054), Trị Bình (1064-1068) tời bắc Tống trở lại. Mọi người ghi chép thấy ở đình ấy thật lắm nihều

vậy. Từ viện Thiên Trì về phía nam xuống núi cách 01 dặm, có tháp Thiền sư Long. Thiền sư tên làTrí Long, người xứ Kim Châu. Trong niên hiệu Bảo Đại thời Nam Đường (?) được truy phong thụy hiệu là "Chứng Chân Đại Sư", tháp hiệu là Viên Trí, còn 01 tên gọi là Đài Vọng Tiên, lại còn tên gọi là Đá định tâm. Phàm đến đó đều có thể trông nhìn xuống dưới khoảng không thoáng rỗng muôn dặm. Hang Tân la tại dưới đó cách khoảng 02 dặm, giữa khoảng nham thạch, có thể che chắn gió mưa, cũng có dòng suối sâu tối, có thể cung cấp để nấu dùng gội rửa. Xưa kia có vị Tăng người xứ Hải Đông ở đó, nên xưng gọi là hang Tân la. Từ đó về phía Đông cách 02 dặm, có đài Thập bát hiền giả, bằng phẳng thoáng rộng có thể ngồi được hơn 10 người. Thập bát Hiền giả tức chỉ từ Pháp sư Tuệ Viễn trở xuống có cả thảy 18 người. Từ Viện Thiên trì thẳng xuống núi cách 15 dặm, có cốc đồng tên là Cẩm Tú. Theo "Cụu lục" nói là: Trong Cốc, hoa kỳ cỏ lạ, không thể nói thuật hết, vào khoảng tháng 03 tháng 04, sắc màu Hồng tía trải khắp đất như đắp trùm gấm lụa, nên gọi tên như thế. Nay, giữa khoảng núi, phòng sâu hiên nhỏ luôn luôn gieo trồng thùy hương. Ở Quán Thái bình, chùa Đông lâm rất lắm nhiều, hoa ấy sắc màu tía mà hương thơm mạnh dữ, các thứ hương có thơm chẳng thể sánh bằng. Mới đầu mọc hoang dã nơi rừng sâu cỏ dại. Người ở núi nghe mùi thơm ấy mà được trồng tỉa gấp bội, chỉ trong vài năm thì rất tươi tốt, nay chuyển dời đổi bán khắp trong thiên hạ, đều xuất phát từ núi ấy vậy. Nguồn nước Cốc đó phát xuất từ trong Cốc. Bên cạnh nguồn nước Cẩm tú có am Song Long, tiếp đến là am Quảng Phước, tiếp đến là am Tôn thẳng, tiếp đến là am Bảo Ninh, trước phía tây am Bảo Minh có cửa đá. Nguồn nước phát xuất giữa khoảng cửa đá, về hướng đông cùng hợp với dòng nước của Cốc Cẩm Tú, dòng đổ về hướng tây cách 50 dặm tức vào sông Bồn. Tu am Song Long đến am Bảo Minh có 04 am, cùng trông thấy nhau không quá trăm bộ, đồng tại giữa khoảng 02 khe nước. Tạ Linh Vận trông nhìn cửa đá có lời thơ rằng:

"Núi cao cách giữa trời
Sườn dài cắt ngàn dặm
Trong khe xanh, gà gáy
Giữa mây trắng vượn kêu".

Theo "Viễn Công Ký" nói là: "Phía tây có cửa đá, ở trước tợ như 02 cánh cửa, vách dựng đứng cao hơn ngàn nhận, và là dòng thác đổ vậy". Lại theo "Sơn Ký" nói là: "Mới đầu vào rừng vượt qua 02 cánh cửa. Có nghĩa là dẫm bước lên nền móng ấy, vượt lên hơn 10 dặm, mới

ra ngoài rừng xoay bước bèn được tầng lớp núi cao. Theo hướng đông, trông nhìn đến Hương lô, đẹp xinh hơn hẳn các dòng. Theo hướng bắc nhìn đến Cửu Giang, mất theo dòng thần trông xem. Qua đó chuyển thấy đường nhỏ hẹp mà hợp sức cùng tiến tới, lại trải qua vài trăm bộ mới đến Vĩnh lãnh, Tích thạch, Piên phụ, Sương ngạc, Tương Thừa, sau đó mớimen vịnh cành mềm yếu vượt đường cao vót. Chân biếng lười thân hình mỏi mệt, chỉ đến được cô Tùng. Phía dưới đó có tảng đá có thể ngồi được 10 người, đến rừng tùng còn khoảng 14-15 dặm. Đã đến, mới tựa bên mé rừng dừng nghỉ trên đảnh rùa, trông nhìn trong 04 đảnh núi như nhìn ở lòng bàn tay vậy. Chưa đến rừng Tùng lại có đá treo rơi rớt xuống dưới từ từ khiến người lóa mắt. Nguồn thác đổ là mở đầu của 03 nguồn. Phía trên đó có 02 tảng đá gần giữa hư không, như sắp rơi xuống mà chưa rơi. Bên cạnh có thất bàn quanh co, vách đá dựng đứng ngàn nhận, rừng xanh trải khắp sườn, muôn thứ tiếng cùng vọng hương để sót âm thanh lại giữa hang núi, như dứt tuyệt mà có nghe. Đứng chốc lát tợ như cảnh xa mờ, khí vật sâu vời lượng ấy nên vậy. Trên đây đều nói về cảnh trí ư thắng của Cửa Đá.

Nay lại, từ am Bảo Ninh men theo khe suối về hướng đông mà đi qua ngọn núi nhỏ. Người đời gọi đó là đảnh núi Tân Phụ, cách 03 dặm mà gần. Ở hai phía nam bắc có ngọn núi Thạch trụ và ngọn núi Thiết Hang, dòng thác treo cao đổ xuống phía trước là Long Đâm. Trời sắp mưa, mây vật chưa có gì chẳng ra. Trông nhìn thẳng phía trên chánh là Đài thập bát Hiền giả. Dưới ngọn núi Thạch trụ có nền móng am, trong những năm gần đây vì khe nước phá hoại nên không có người ở. Các hiền giả xưa kia vân du đến đó, lấy đường tại đó để lên tuyệt đảnh. Người đời nay qua ngọn núi Thạch trụ không ai đến đó. Từ am Bảo Ninh cách 05 dặm đến am Phước Hải, cách am Phước Hải 02 dặm đến am Tường Vân. Am Tường Vân là thư đường của Điền Hoảng thời nhà Tấn, nay theo địa danh gọi đó là nguồn thư đường, phía trước có sường núi Hương tượng, về phía bắc gọi là đường Thông A Na, bên trong có nền móng chùa A Na. Xưa trước tương truyền ở giữa khoảng núi có lúc có người nghe tiếng Phạm Chuông. Chùa ẩn không thấy. Bên cạnh cách nữa dặm có hang La-hán. Theo “Sơn Ký” của Viễn Công nói là” “Có. . . phu thấy người đắp mặc y phục Sa-môn, vượt giữa hư không mà lên thẳng trên. Xoay thân mình ngồi trên yên, giây lâu, cùng với hơi mây đồng ẩn mất. Đó hẳn là người Đặc Đạo vậy, cũng gọi đó thuộc loại chùa La-hán vậy. Núi sâu đất linh, chốn vườn nhà của các bậc Thánh hiền, chẳng lấy làm quá vậy”. Từ am Tường Vân cách 08 dặm là đến

am Nguyệt luân, bên cạnh am Nguyệt luân có Linh. . . , cách Linh tuyền 07 dặm đến am Báo quốc, cách am Báo quốc 01 dặm ra đường Quan. . . ngựa trạm cam tuyền, lại cách 05 dặm là đến thiền viện Sùng Thắng, xưa trước gọi là Đạo tràng Quán âm Viên thông. Mới đầu thiết đặt tạo dựng trong năm Càn Đức thứ 06 thời Nam Đường (?), ban sắc mời Sa-môn Duyên Đức người xứ Đông Ngô đến ở đó và sắc ban hiệu. Thiền sư Đạo Tế thị tịch, an táng tại ngọn núi phía Đông của Đạo tràng Viên Thông. Nay gọi đó là Viện Quảng Phước, cách Đạo tràng Viên Thông 02 dặm, vì Tráng quán của Đạo tràng Viên Thông giáp trùm ở Sơn bắc chẳng giảm, và Quy Tông của Sơn nam, đất ruộng mầu mơ, thường năm vào gấp bội, dòng nước Thạch cứ dài hơn 250 trượng. Ở đầu nguồn nước có đình Thanh âm, nhưng đó là chùa vậy, riêng không 01 người nào từ xưa đến nay ghi đề thơ vịnh văn bia khắc ghi. Trong niên hiệu Càn Đức (?) ban thư chiếu Duyên đức có 4 lá, binh thư thời Tống Tề đơn giản có 08 bức. Tấn-vương-cảnh-toại Thư, Bách-thắng-quân-tiết-độ-sử Vương sùng văn thư, và 03 Pháp y áo nạp của Thiền sư Đạo Tế đều cất tàng tại viện Quảng Phước. Từ viện Quảng Phước trở lên đều thuộc về Giang Châu v. v.

■

GHI VỀ LÔ SƠN

QUYỂN 2

CHƯƠNG III: NÓI VỀ SƠN NAM

Từ Đạo tràng Viên thông cách 20 dặm đến Cốc Khương Vương, Quán Cảnh đức, xưa trước gọi là Quán Khương Vương. Vào trong Cốc đi ngược dòng suối 5 dặm đến viện Long tuyền. Lại cách 20 dặm có Thủy liêm (rèm nước), suối bay tràn khắphang mà phía dưới có khoảng 20-30 dòng, về chiều cao không thể tính biết, về mặt rộng có hơn 70 thước. Theo Lục Hồng tiệm Trà Kinh từng xếp rèm nước đo là đứng đầu trong thiên hạ. Xưa trước tương truyền là: Khương Vương ở nước Sở bị Vương Tiển tướng nhà Tần đuổi đến cùng quẩn, bèn nép trốn trong Cốc đó, nhân Khương Vương ẩn trốn tại đó nên gọi là Cốc Khương Vương, xem về văn bia khắc chữ đều nói như thế, nhưng xét cứu thì chẳng phải vậy. Khương Vương người nước Sở rõ ràng sống trong năm 28 của Lỗ Tương Công thời xuân thu, và là Quân vương của Tống Lỗ Trịnh Hứa, đưa an táng tại ngoài cửa phía tây. Các Đại phu nước chư hầu đều đến nơi phần mộ đó. Bấy giờ nước sở mới mạnh, cách Vương Tiểu Lỗ phụ sô diệt nước Sở đến 326 năm. Khoảng thời gian đó không lẽ lại có Khương Vương khác? bị mất nước mà ẩn trốn nơi Cốc núi, hoặc là con cháu của Khương Vương cũng chưa thật rõ biết. Xưa trước, nền móng Quán nằm tại trong Cốc. Đến năm Đại Đồng thứ 02 (536) thời Nam Lương, do Đạo Sĩ Trương pháp thí tạo dựng, đến năm Khai Hoàng thứ 10 (590) thời nhà Tùy có Đạo sĩ Đinh Huyền Chân là người có khả năng nhiếp phục quỷ thần, bèn dời miếu ngựa đồng đến trong Cốc, và tạo dựng Quán ở chỗ ngày nay.

Từ Quán Khương Vương về phía tây cách nữa dặm có am Đại Minh. Từ am Đại Minh đến am Tỳ Lô, am Trường Hưng đều cách xa khoảng 02 dặm. Từ Quán Khương Vương về phía nam cách 05 dặm lại có am Càn thọ, cách am Càn thọ 02 dặm đến viện Nhân Vương. Từ viện Nhân Vương đến viện Tịnh tuệ cách 07 dặm, từ Quán Khương Vương theo đường quan đi 15 dặm cũng đến thiền viện Tịnh Tuệ. Viện

Tịnh Tuệ xưa trước gọi là viện Hoàng long linh thang, có suối ấm nóng quanh năm phun trào, làm mùi vị của Đan hoàng phút chốc chín mùa sinh vật. Những người mắc bệnh ghẽ lỡ tắm bằng nước đó thì được lành khỏi. Núi Hoàng Long tại phía nam Linh Thang, cũng là 01 ngọn núi riêng biệt của Lô Sơn. Từ đó về phía nam cách 10 dặm cũng có Quán Thanh Hà, từ Linh Thang về phía Đông cách 02 dặm. Bên cạnh đường có "Đài Tạ Khương lạc Kinh". Lại cách 03 dặm qua nguồn Lật lý, có đá Đào lệnh Túy. Đào lệnh tên là Tiềm, tự là Nguyên Lượng, hoặc có thuyết nói tự là Uyên Minh. Năm Nghĩa Hy thứ 03 (407) thời Đông Tấn, làm Bành trạch lệnh mà nói là: "Tôi sao có thể làm đựoc 05 đấu gạo, chiếc eo cho con nhỏ ở làng quê!" mới bỏ đi, làm bài phú Quy khứ lai. Trong Tấn thư nam sử có bản truyện, ở nơi giữa khoảng 02 núi tại Lật Lý có tảng đá lớn, ngửa mặt trông nhìn như dòng thác treo, bằng phẳng rộng lớn có thể ngồi được hơn 10 người, Nguyên Lượng tự dùng rượu phóng túng, nên gọi là Túy Thạch (Đá say). Từ nguồn Lật Lý cách 03 dặm đến Thiền viện Thừa Thiên quy Tông. Năm Hàm Khương thứ 06 (340) thời Đông Tấn, Ninh Viễn Tưởng quân Giang Châu thứ sử Vương nghĩa chi đặt lấy nơi Phạm tăng tôn giả Na-liên-da-xá 01 tên là Đạt-ma-đa-la, nên có ao mực Thạch Quân. Đến đầu niên hiệu Bảo lịch thời tiền Đường (825), Sa-môn Trí Thường ở tại đó, mới là 01 chùa rất hưng thạnh thiền pháp. Trong khoảng niên hiệu Đại Lịch (766-780) thời tiền Đường, Sa-môn Trí Thường đặc pháp ở Thiền sư Đạo nhất tại Giang Tây. Thiền sư Đạo Nhất vốn giòng họ Mã, nên trong Tăng sử xưng gọi là Mã Tổ, mắt Sa-môn Trí Thường có 02 tròng ngươi, dùng thuốc độc tự áp thoa vào đó khiến vành mắt đều đỏ, nên người đời xưng gọi là "Xích nhãn quy tông" Giang Châu thứ sử Lý Bột cùng Sa-môn Trí Thường hỏi đáp nói năng, hiện ghi chép đầy đử trong "Cảnh đức truyền đăng lục". Tại đó đất đai cây cối rất tươi tốt, thật đáng suốt trùm ở sơn nam. Ngọn núi Kim luân, ngọn núi Thượng Tiêu Chánh ở phía sau đó, hai bên quanh co lẫn lộn, thế mặt phẳng bằng xa. Xưa kia có người bói đoán nên móng đó là "Núi ấy có thế chim Loan bay liệng triển chuyển giúp. Phía Đông Thiền viện có dòng nước xưa trước gọi là khe suối Loan. Trên khe có cầu, phía tây khe có Thạch cừ và dòng suối dài hơn 200 trượng, nhân nước làm thành bậc đá, khơi vườn trồng rau, quy mô khí tượng đều rất khả quan. Hai bên ngọn núi Kim luân có kiếng đá, ẩn hiện không thời gian nhất định, sáng nhặn như gương soi. Mùa hạ năm Hy Ninh thứ 05 (1072) thời bắc Tống, có vị khách vân da đến Quy Tông, trở về nói với tôi rằng: "Ngày nay tại trên cửa chùa, thấy kiếng đá ở ngọn núi Kim

Luân, chư tăng ở chùa bảo là có người từng ở đã vài năm mà chưa hề thấy". Ngọn núi Thượng Tiêu, Kiệt nhiên rất cao, tức nơi Tần thỉ Hoàng (Doanh Chính 246-209 trước tây lịch) lên đến đó và nói là "cùng tương tiếp với Tiêu Hán" vậy, nhân thế mà gọi tên như vậy. Ở thời nhà Trần Thái bộc Khanh Lưu San có lời thơ rằng:

"Thì Hoàng ngắm vũ trụ,
Hán đế lên Tinh Chiêu".

Tức là nói về đó vậy. Ở đời tương truyền: ngay nữ ngọn núi như có thạch thất. Bên trong có văn tự, nói là do Hạ Võ Khắc viết, chữ lớn như bàn tay, đường văn đều ẩn nỗi. Phía ngoài có đá bằng chắn che đó. Tù trên dùng dây treo thòng xuống mới đến, mùa xuân mùa hạ suối nước không thể hiện rõ, mùa thu mùa đông mới rạch ròi. Xa kia có người khéo giỏi việc, sang đó mò phỏng chỉ được hơn trăm lời, người đời nay không ai đến đó. Ao biển để cũng tại sau ngọn núi Thượng Tiêu. Theo "Tầm Dương Ký" nói là: "Ngô mãnh cưỡi thuyền, rồng mang mà đi. Ngô mãnh răn mọi người trong thuyền nhắm mắt. Mọi người trong thuyền nghe tiếng kéo xúc chạm cây rừng, kinh sợ mà trộm lén hé mắt nhìn. Rồng bèn ghé đổ thuyền tại Sơn dự". Xưa trước tương truyền các bậc lão thành thật thấy ở đảnh núi có thuyền bị hư bại. Từ lâu Hiền về phía Đông lui sau có nguồn Lỗ Đoạn, cũng nhân Ngô Mãnh mà có tên gọi, năm tháng trải qua đã lâu xa, chẳng thể xét nghiệm vậy. Theo "Tầm Đương Ký" nói rằng: "Núi có 03 cầu đá dài vài trượng, rộng chẳng đủ 01 thước, phía dưới mịt mờ không đáy. Ngô Mãnh cùng đệ tử men cầu đá mà qua. Thấy cử vàng phòng ngọc, đất đều đường văn 05 sắc, đá như trứng chim Trĩ, và có cây kỳ đều cao hơn cả trượng, gió nhẹ có lúc lước qua, nghe tiếng chuông khánh, thấy 01 người già ngồi dưới cây Quế, với chén ngọc đựng đầy nước tương cam lồ trao cho Ngô Mãnh. Lại gặp vài người tự nhiên như quen biết xưa cũ, bèn thiết bày ngọc cao. Đệ tử của Ngô Mãnh lén trộm lấy 01 vật báu, muốn đem trở về nói cho người đời, phút chốc mây mốc mờ tối, cầu hóa lại như ngón tay, Ngô Mãnh bèn khiếu đưa trở về, mới đưa tay dẫn dắt các học trò nhắm mắt mà trở lui lại". Trong thơ Lưu San có nói:

"Cầu Cao sáng hác lớn
Thác nước kéo giữa trời".

Và trong thơ của Lý Bạch cũng nói là:

"Cửa Vàng trước mở hai núi dài
Sông Bạc ngược chống ba cầu đá".

Việc của Thần Tiên hẳn chẳng biết ở đâu vậy! Từ viện Quy Tông

về hướng tây đi hơn trăm bộ, có Quán Tường Phù, xưa trước gọi là Linh Khê (suối Linh). Theo "Cửu giang lục" nói là: "Năm Vĩnh minh thứ 01 (483) thời nam Tề, đạo sĩ Tống Văn Siêu men tựa chân núi phía nam Lô Sơn mà tạo dựng đó". Theo Văn Ký tại Quán nói là: ttheo "Ngọc Tứ Sơn Ký" nói là ở thời nhà Tần loạn lạc, có 13 vị Danh Quan bỏ quan chức, theo học Đạo, giẫm trải đến Lô Sơn. Trong đó có 03 võ sĩ là Đường Kính Oai, Lý đức Thù, Tống Vân Đao muốn toại nương náu. Ngoài ra còn 10 người kia nói: "Không như vật, chí ý mới đều muốn trở về Quần Ngọc động phủ, đâu thể mới nữa đường mà phế bỏ". Nói xong mà còn chưa đi, qua 01 đêm sấm sét mịt mù, đến nơi am xá chung quanh hai bên hóa thành 02 khe suối, trong khe trên tảng đá có thẻ ngọc triện trời, ghi là:

"Thần Hóa linh Khê
Thẻ vàng nêu đề
Chân nhân nhận chỉ
Động ngọc ngầm nương".

10 người ấy về sau như thế nào, không rõ biết, còn 03 võ sĩ bèn nương náu bên cạnh khe suối. Đến thời vua Võ Đế nhà Hán (?) mới sắc ban tên là Quán Kinh Khê. Đến thời Nam Đường (?), Tề Vương, Cảnh Đạt sửa sang tu bổ lại, công việc chưa hoàn thành mà bèn qua đời! Cung Phi hiền Thuận thật thành chỉ khí ấy, tạo lập văn bia. Văn-lâm-lang-thí-bí-thư-tỉnh-chánh tự là Chưởng Công Trạch dâng biểu văn tấu trình. Tống Hoán vâng phụng mạng lệnh soạn thuật, dựng lập ngày mồng 06 tháng 08 năm Nhâm thân (972), tức năm Khai Bảo thứ 05 thời Bắc Tống. Nên giữa khoảng vách tường ở phòng thất có đồ tả chân hình và đề ghi là: "Thú-thái-sư-thượng-thư-lệnh-tề-vương được phong thực ấp vạn Hộ. Thật phong 3.000 hộ, Lý Đạt, Thụy hiệu là Chiêu Hiếu, sau phong Thái Đệ. Ghi tả ngày 24 tháng 02 năm Quý dậu (973).

Từ Linh Khê cách 01 dặm là đến Viện Hương Tuyền, năm Đại Hòa thứ 06 (?) thời nhà Ngô, Sa-môn Huệ Trân thiết đặt Thứ Thượng Tháp và thứ hạ Tháp, đều cách nhau trăm bộ cùng trông thấy đến viện Hương Tuyền. Vì dòng nước qua Đỗng phụng đến rừng Hạnh nên gọi tên 02 tháp, tức phương phần của Quy tông vậy. Từ hạ Tháp cách 05 dặm đến viện Long giáo tại trên đảnh núi bát nhã, xưa trước gọi là Đài Bát Nhã. Bên cạnh viện Long Giáo có am Thạch môn, tiếp đến có am Bố Thủy, tiếp nữa có am Giác Tánh, còn 01 tên gọi là Đài Thôi Sư, đều chẳng xa quá trăm bộ. Từ am Giác Tánh đi lên hơn trăm Bộ, có am Trùng Nham, vượt qua am Trùng Nham cách 03 dặm, đến nhà tranh

Tạ Cảnh Tiên. Cảnh tiên dùng y trượng bơi lội cửa Công Khanh. Thừa tướng Hàn ngụy công và các hàng danh sĩ đài các thường luôn tặng thơ. Tạ Cảnh Tiên tự nói “nơi ở của mình chính là chỗ đất xưa cũ của rừng hạnh”. Rừng hạnh tại Sơn Bắc, mọi sự kiện đầy đủ ở Quán Thái nhất. Từ nhà tranh của giòng họ Tạ cách 03 dặm đến viện Linh Thê. Có 01 ngọn núi tại trên đó cao hơn trâm bộ trôi nổi đặc biệt riêng đứng, cũng còn gọi là ngọn núi Tử Tiêu. Trên đảnh ngọn núi có ngôi Phù Đồ (tháp) bằng sắt cao 09 tầng. Theo “... Ký” nói là: “Trong lời tựa, Lưu Viện nói là: trong niên hiệu Hiển Đức (954-960) thời hậu chu (Trong Ngũ Đại), có ánh sáng tốt lành hiển hiện nơi chỗ đất đó, mỗi người đều lấy làm quái lạ, đào bới sâu xuống 12 thước, có được 01 Văn Ký xưa cũ nói là: “Năm xích ô thứ 02 (239) thời Đông Ngô, có vị Sa-môn người xứ thiên trúc, đem Xá-lợi của Đức Phật Thích Ca đến an táng tại đó”. Nhưng, căn cứ theo Cao Tăng truyện thì nói là năm Đinh mão (247) tức năm Xích Ô thứ 10 thời Đông Ngô, Sa-môn Khương Tăng Hội đến kiến nghiệp. Nước Đông Ngô lúc ấy lần đầu tiên thấy vị Sa-môn dung mạo y phục khác thường, Quan Hữu ty tấu trình nên kiểm xét. Khi ấy, Tôn Duyền (Đại Đế 222-252) liền mời Sa-môn Khương Tăng hội đến cật nạn hỏi rằng: “Phật có điều gì linh?” Sa-môn Khương Tăng hội đáp: “Đức Như lai diệt độ đã hơn ngàn năm, di cốt Xá-lợi thần biến vô phương”. Tôn Quyền cho đó là dối trá, bảo rằng: “Nếu có được xá-lợi thì sẽ vì tạo dựng tháp để phụng thờ”. Sa-môn Khương Tăng hội, mới thanh khiết phòng thất, thiết trí 01 bình đồng, gia tâm lễ thỉnh, đến ngày thứ 20, bỗng nhiên nghe trong bình đồng có tiếng soan soản, quả nhiên có được Xá-lợi. Cả triều đình đều nhóm tụ trông xem, Xá-lợi tỏa ánh sáng 05 sắc rạng ngời. Tôn Quyền lại dùng lửa dữ thiêu thứ mà không cháy, lại đập Xá-lợi vào sắt nhưng không vỡ nát. Tôn Quyền rất thán phục, liền vẽ tạo dựng Bảo tháp để phụng thờ, và mới đầu có Phật Vũ (chùa) hiệu là Kiến Sơ. Ở đời giả sử như muốn trải lớn sự việc ấy, mà lại mất đi sự chất thật, lắm nhiều loại như vậy! Đến trong niên hiệu Cảnh đức (1004-1008) thời bắc Tống, mới đổi làm Phù Đế bằng sắt, đến năm Hoàng Hựu thứ 02 (1050) thờ bắc Tống có sửa sang tu bổ lại. Xưa kia, trong khoảng niên hiệu Hàm Khương (335-343) thời Đông Tấn, Phạm Tăng Da Xá thị tịch cũng an táng tại viện Linh Thê.

Từ Viện Linh Thê đi xuống cách 08 dặm có miếu 03 Tướng Quân, cách viện Quy Tông 01 dặm, tức nơi tôn thờ 03 võ sĩ Đường Kiến oai v.v... ở thời nhà Tần, dân chúng trong làng Rán thường năm đều cúng tế. Từ viện Linh Thê đến am Trùng Vân cách khoảng 04 dặm, tiếp

đến có am Vạn Tuế, tiếp đến có am Thiên Cung, đều cùng cách nhau khoảng trăm bộ. Từ am Thiên Cung đến am Dư Phong cách 01 dặm. Từ am Dư Phong leo lên núi khoảng 20 dặm đến ngọn núi Bạch Vân. Phía trên có động hang, có tảng đá lớn như sàng giường, trong động có dòng suối, đất ở đó có thể cày xới, hiện nay không có người ở. Trong núi, những người vân du tham quan trông thấy dòng thác cao thẳng xuống vài trăm thước, đều biết nó được phát xuất từ động Bạch Vân vậy. Từ am Dư Phong các 02 dặm đến Quán Tiên Thiên, xưa trước gọi là Sùng Thiện, do Bà dương thái thú Dương hữu giang thiết đặt trong năm Đại Đồng thứ 02 (536) thời nam Lương. Đến đầu niên hiệu Bảo Đại (?), nữ chân Dương Bảo Tông sửa sang tu bổ lại, ban sắc tên là "Chân Phong". Đến ngày 28 tháng 08 năm Đinh mùi (?) tức năm Bảo Đại thứ 05 (?), Triều-nghị-lang-thượng-thư-nga Bộ-viên-ngoại lang-võ-kỵ-úy-tứ-phi-ngư đại Hàn-hy-tải vâng phụng sắc chiếu, soạn thuật văn ký, đại lược là: "Trong Lục Cung đua nhau cúng thí các thứ ngoạn phục trân châu gấm lụa, tính quá hơn ngàn vạn". Phía sau lưng bia khắc họ tên các tần ngự ở đương thời có hơn 10 người. Từ đó về phía tây bắc cách nữa dặm, có Liễu đại sư, tên là Hoằng, người xứ Kiến Dương, làm quan tại Giang đông vui thích chân cảnh đó, bèn đến dựng thất để ở. Từ Quán Tiên Thiên đến Quán Thái hư giản tịch cách 02 dặm, là nơi ẩn cư của Lục Tiên sinh thời tiền Tống. Tiên Sinh tên là Tĩnh Tu, người xứ Đông thiên; Ngô hưng. Khoảng cuối niên hiệu Nguyên Gia (454) thời tiền Tống, nhân đến mua bán thuốc tại Kinh Ấp. vua Văn Đế (Lưu Nghĩa Ling (424-454) vốn Khâm trọng đạo phong của Lục Tĩnh Tu, nên làm Kiệu Đình Hà Bảo, sai Tả-bộc-xạ Từ Trạm tuyên Thánh chỉ lưu giữ lại. Tiên sinh cố từ khước, bèn đi đến Giang hán. Về sau vua có hoạn nạn Đại hòa, mọi người đều lấy làm lạ đó. Đến năm Đại Minh thứ 05 (461) thời Tiền Tống, mới thiết đặt Quán tại Lô Sơn. Đến năm Thái thỉ thứ 03 (467) thời tiền Tống, vua Minh Đế (Lưu Úc 465-473) lại ban chiếu mạng, bèn sai thứ sử Vương Cảnh Văn Đôn khuyên mời. Tiên sinh luôn từ chối mà không được, mới đến cung khuyết thiết đặt quán Sùng Hư, nhà Thông Tiên, để tiếp đải đó. Bèn nhóm hội các Tăng sĩ nho sĩ cùng giảng đạo tại chùa Trang Nghiêm. Lâu sau, đến đầu niên hiệu Vĩnh Huy (?) Tiên Sinh Khải cầu xin trở về núi, nhưng không được hứa thuận. Đến ngày mồng 02 tháng 03 năm thư 05 (?), Tiên Sinh bèn hóa, da dẻ nhan sắc vẫn như lúc sinh tiền, có hương thơm trong lành thoảng tỏa không ngưng dứt. Sau đó 03 ngày, các học trò ở Lô Sơn đều thấy Tiên sinh từ trên ráng cầu vồng lẫn lộn lại dừng, chỉ chốc lát không

biết ẩn mất đâu. Tiên sinh mỗi khi đi thường mang đãy áo vải, đến nơi thì treo móc đãy vải ở cây cạnh hang, nên nay về phía tây khe suối có 01 ngọn núi có tên là hang Bố ngang (Đãy Vải). Vua (?) ban tặng thuỵ hiệu là "Giản tịch Tiên sinh". Mới đầu lấy chỗ ở cũ gọi là Quán Giản Tịch. Đến ngày mồng 07 tháng 02 năm Thái cực thứ nhất (712) thời tiền Đường, vua Duệ Tông (Lý Đán) mới ban sắc cúng tế tại Quán, có rồng đen, đàn chim hạc khác lạ, vua lại ban chiếu ngợi khen khác thường, bèn giao cho sứ quán, cố từ chối nhiều lần chẳng ghi biên. Quán ở tại dưới ngọn núi Bạch Vân, giữa khoảng đó riêng biệt chỉ 01 ngọn núi nổi lên đẹp xinh khác lạ, gọi tên là ngọn núi tử Tiêu. Nên trong thơ Trương Hựu nói là:

"Dưới núi Tử Tiêu nhà cỏ Tiên
Ngàn năm không sót khánh đá treo".

Từ đó về phía bắc lại có núi Bình Phong, sườn non vách tía cuộn quanh lẫn lộn, thật xứng Quán thứ nhất ở tại Sơn Nam! Phía trước đó cách 01 dặm có núi kê lung cao hơn trăm trượng, bên cạnh trên ngọn núi có tảng đá, từ xa trông nhìn như Kê (gà) 01 xanh 01 đỏ. Theo "Tầm Dương Ký" nói là: "Dưới núi kê lung có khe nước thường sâu 01 thước, suối vọt như triều dâng, đo lường thời khắc chẳng sai, trọn tháng thường đầy, ở đời gọi đó là suối Triều, nay hoang vu ẩn mất không biết". Tại trên cửa quán có các Tiểu Chân, phía trước viện có tảng đá cúng tế của Tiên sinh cao 05-06 thước, vuông rộng hơn 01 trượng. Từ đó hướng đến càn hợi cũng gọi là đá lễ Đẩu. Phía sau Điện có tảng đá khắc mục lục Đạo tạng thiết bày ở 04 phía vách tường. Trong tạng có tượng Thiên Tôn bằng đồng. Theo các bậc Lão Thành nói là: "tôn tượng ấy vốn là tượng Phật ở chùa Quy Tông. Đến trong niên hiệu hội Xương (841-847) thời tiền Đường, phá h3y chùa, các đạo sĩ lấy được. Sau khi chùa tuy đã tạo dựng lại, mà không hòan trả nên Tôn tượng ấy mặc y phục Sa-môn, chỉ có thêm quan miện". Mọi người nghe thế đều mỉm cười vậy. Tiếp đến có khánh đá của Tiên sinh, âm thanh suốt trong vượt xa. Phía tây nhà đền thờ có lầu Bạch Vân. Quán ấy ở thời nhà Lương, gọi là Quán Giản tịch. Tư-đồ-hữu-trưởng-sử-thái-tử-bộc-kiến-xương-huyện-khai-quốc-hầu-ngô-hưng Thẩm Tuyền soạn thuật Văn Ký, lập trong tháng 11 năm thiên giám thứ 14 (515) thời Nam Lương. Đến trong niên hiệu Bảo Ứng (762-763) thời tiền Đường, đạo sĩ Ngô Quân lại soạn thuật văn bia Tiên Sinh, đến ngày 13 tháng 09 năm Tân Sửu (?) đức năm Thượng Nguyên thứ 02 thời tiền Đường dựng lập. Cả 02 văn bia đó đến trong niên hiệu Bảo Đại (?) đều được sửa sang dựng lập lại. Tại quán ấy hiện

còn các bài Đề vịnh của các người từ thời nhà Trần, nhà Tùy, và thời tiền Đường để lại. Phía tây có khe suối, thác nước cao đổ xuống trước hiên vũ. Khi vi ứng vật làm thứ sử tại đó có vân du đến dưới đó, nên thơ ông ở cuối chương nói là:

"Năm rãnh nhớ đây thường
Vui xuân mới lại tìm,
Liền kéo ngang huýt sáo
Tả rõ tiếng núi sông".

Từ đó về phía bắc riêng có dòng thác, phía dưới cùng hợp với khe suối phía tây. Ngồi tại lầu Bạch Vân trông thấy cả 02 dòng thác đó, tre cần khổ sống quanh cốc núi, mùa xuân măng tre mới lú mọc, mùi vị măng ấy ngọt ngào. Ở đời có tương truyền lời thơ là:

"Trong quán Giản Tịch măng đắng ngọt
Ở chùa Quy Tông muối vị nhạt".

Nói đều trân quý khoái thích. Ngoài cửa quán có giếng nơi Tiên Sinh luyện Đan. Tiếp đến có cây Liên lý, cành nhánh nó hợp âm, rể nó cuộn quanh trên đá lớn. Trong khe có tảng đá nơi Hứa Kiên hang phơi áo. Hứa Kiên vốn người chất phác ở Giang Nam rất có Đạo thuật, cũng khéo giỏi về Ngâm Vịnh, qua đời tại Kim lăng nghịch lữ, thế mà có người từng gặp, thường ưa giặt giả y áo họng phơi trên tảng đá đó. Từ quán Giản Tịch đến quán Thê Ẩn cách khoảng 05 dặm. Xưa trước gọi là động Thê Ẩn. Xưa trước tương truyền đó là Thư đường của Thái Tử Chiêu Minh thời nhà Lương vậy. Đến trong niên hiệu Bảo Đại, đạo sĩ Đàm Tử Tiêu đến từ Mân trung, bèn ban tặng hiệu là Kim Môn Vũ Khách, mới bắt đầu dựng lập quán tại đó. Đàm Tử Tiêu ở tại Manm Trung hiệu là Động huyền thiên Dư Trinh nhất Tiên Sinh. Từ quán Thê Ẩn về hướng đông cách 05 dặm có am Cổ Vân. Từ am Cổ Vân đến thiền viện Khai Tiên cách 10 dặm, xưa trước tương truyền đó là nơi gá ẩn của thái tử Chiêu Minh vậy. Lại tạo dựng phòng thất Chiêu ẩn tại đó. Đến thời Nam Đường (?) vua Nguyên Tông lúc ở tại phiên để, lấy đó là thư đường, sau khi lên ngôi đến trong niên hiệu Bảo Đại (?) mới làm thành ngôi già lam đề hiệu là Khai Tiên. Phùng Diên đã ghi Văn Ký, mốc đá thấy hiện còn. Đến năm Thái bình hưng quốc thứ 02 (977) thời bắc Tống. Vua Thái Tông (Triệu Quýnh) mới ban sắc hiệu là Hoa Tạng. Ngọn núi Hạc minh nằm tại phía sau đó. Khi vua Nguyên Tông chuyển dời về nam đô, đến nơi viện đó quyến luyến lâu dài, nên có họa khắc tôn tượng của Liệt Tổ nguyên Tông hậu chúa. Đến lúc vua Nguyên Tông băng hà, ẩn tàng mãi đến nay, chư tăng ở 04 viện Khai

Tiên, Thê Hiền. Quy Tông, Viên Thông đều lấy 03 ngày húy Kỵ mà thiết trai cúng dường để nghĩ nhớ đó vậy.

Do từ đường quan qua khe cầu, đi lên có đình Tứ Hội, tiếp đến có đình Dương Mai. Ngay cửa chùa có cầu Chiêu Ẩn, phía dưới cầu có giếng đá, gọi đó là suối Chiêu Ẩn. Theo như trong "Lục Vũ trà Kinh" ở phẩm thứ 06, thì Chiêu Ẩm đều là tôn gọi xưa cũ vậy, vua Nguyên Tông mới bắt đầu làm cầu. Từ đó về phía tây có dòng thác, tại Sơn nam và Sơn bắc có các dòng thác không lo hơn 10 nơi. Nên Quán Lâm ghi đề về Lô Sơn nói là: "Thác nhỏ điện cao 300 thước, tùng thấp thọ lắm chỉ ngàn năm. Chỉ dòng nước đây đã có tiếng tăm từ đời trước vậy. Trong thời tiền Đường, Từ Ngưng có lời thơ là:

"Xưa nay chỉ như lụa trắng bay
Một dãi biên rách xanh màu núi".

Lý Bạch lại có lời thơ rằng:

"Dòng bay thẳng xuống ba ngàn thước
Nghi là sông bạc rơi giữa trời".

Tức là tả về dòng nước đó vậy. Ngọn núi Hương Lô và ngọn núi Song Kiếm cùng kiên thuộc bên cạnh dòng thác. Từ đó về phía Đông bắc có cốc Thiên oanh, nguồn nước xuất phát từ trên đảnh núi, con người chưa có thấu cùng. Hoặc có thuyết nói là: "Từ phía tây vào cốc Khương Vương làm thành rèm nước, phía Đông là thác nước ở viện Khai Tiên. Từ Viện về phía Đông có Đình Đại Bi và các nhà Sàn, thường luôn ẩn nhân thấy đó. Đá trong khe nước hoặc ngậm vân mẫu, có thể nằm, có thể sức miệng, có thể rửa ráy. Phía trên khe có cầu đá, trên cầu có đình Thấu Ngọc. Đó là tuyệt cùng Sơn nam vậy.

Từ trước viện qua khe nước đến hướng tây cách 01 dặm có am Thạch Bi, có tảng đá lớn tại giữa núi, tự nhiên như mốc lớn bền chắc, không thể đục chạm khắc ghi. Từ am Thạch Bi lên núi đi khoảng 07 dặm đến viện Vĩnh Thái, trên đó có hang Hoàng Thạch. Theo "Cửu Giang Lục" nói là: "Xưa trước chùa Chiêu Ẩn ở tại dưới hang Hoàng Thạch", tức ở đó vậy. Từ viện Vĩnh Thái đi lên có am Đạo nhân, tiếp đến có hang Thánh Tăng, tiếp theo là hang Thiện Tài, tiếp theo là hang La-hán. Cả 04 am và hang ấy cùng cách nhau trong khoảng 05 dặm, là nơi dòng thác đều có đổ qua. Lại trong 05 dặm đó đều là nơi ở của Hoàng Thạch Công, thật chẳng phải vậy. Sườn núi vách đá đó thuần toàn sắc vàng, trông nhìn 03 hang trước, đặc biệt phẳng bằng rộng rãi có thể dung ở trăm người. Trước Viện Vĩnh Thái có đài Văn-thù, cùng núi Hương Lô, núi Song Kiếm cùng liền lẫn nhau cao thấp. Trước thác

nước tại dưới núi đều ngữa mặt mà trông nhìn lên đó, hẳn nhiên rất là hùng vĩ. Đến đài Văn-thù thì chỉ ngang bằng mà trông nhìn đó. Sau đó biết sấm sét oanh liệt lụa bay đều Phú Trượng mà chẳng đủ vậy. Từ viện Khai Nguyên về phía Đông tại nữa núi riêng có thác nước nhỏ, vút rưới nước cũng chẳng dưới trăm thước, gọi đó là suối Mã Vĩ, nói nhỏ là chẳng được đồng mà gọi là thác nước vậy. Từ viện Khai Tiên đến viện Vạn Sam cách 02 dặm, mới được tạo dựng trong năm Cảnh đức thứ 02 (1005) thời bắc Tống, xưa trước có sườn núi đá cũ. Trước kia có vị Sa-môn tên là Thái siêu tứ cở núi đó trồng vạn gốc cây Sam, có tiếng tăm việc làm vang đến Triều đình, mới ban tăng tiền để xây dựng viện, mới ban đất ruộng tô tượng Phật mọi vật cúng dường. Đến lúc hoàn thành, vua Nhân Tông (Triệu Trinh 1023-1064) thời bắc Tống mới ban ngự viết bảng triện viện đó, đề là "Kim tiên Bảo Điệu", Nội hàn Tiền đổi viết ở bảng cửa, có ngự dung chương ý minh túc tả chân hình và áo chăn gấm y phục vòng vàng vài sự ở miếu Nhân ẩn tàng tài đó đều là những vật được ban tặng ở thời bấy giờ. Sa-môn Thái Siêu còn có tên gọi là Pháp sư Quảng Trí. Viện đó xưa cũ có tên là Khánh Vân. Đến trong niên hiệu Thiên Thánh (1023-1032) thời bắc Tống, vua Nhân Tông mới ban sắc cải đổ biện ngạch như hiện nay. Thẳng đến viện Tập Hiền, Từ Thích ghi trụ mộc vẫn hiện còn. Phía sau viện có dòng suối. Trên bờ suối có đình Trích Thúy, mọi người vân du đến đó tham quan hẳn lâu vậy. Từ viện Vạn Sam về hướng đông bắc cách 03 dặm có am Lăng Vân, xưa trước gọi là Lăng Vân thư đường. Theo "Cửu Giang Lục" nói là: "Lưu Kha thư đường tại dưới núi Lăng Vân. Năm xưa ở tại đó, Liêm Sĩ Bùi Công ngợi khen tài năng Lưu Kha nên đề cử thượng đệ làm sử quan, biên trước soạn thuật có lắm nhiều lưu truyền nơi đời. Từ Hàn Lại bộ trở xuống đều suy trọng Lưu Kha". Lại có Tiết Gián Nghị thư đường, tức chỗ ở xưa cũ của Lưu Yểm thị ngự. Trong khoảng niên hiệu Hội Xương (841-847) thời tiền Đường. Tiết Gián Nghị tự Nam hải sách vở biên ghi đầy pho, tự thân kinh doanh đó. Được thấy 02 dòng thác đổ, suối đá tùng trúc đặc biệt rất là khoảng tuyệt. Quận thú đi chơi xuân cùng mọi người rão bước tham quan phần nhiều đều qua đó. Tiết Gián Nghị chưa thấy tên, và Đường sử của Lưu Kha và Lưu Yểm đều không lưu truyền. Năm Nguyên Hòa thứ 14 (819) thời tiền Đường, Lưu Kkha đổ đạt tiến sĩ, qua đầu niên hiệu Thái Hòa (827) thời tiền Đường, trải qua làm giám sát ngự sử, năm Thái Hòa thứ 04 (830) thời tiền Đường, chuyển vào Nội Điện. Đến trong niên hiệu Khai Thành (836-841), Lưu Kha lại chuyển đổi làm bí thư Thừa Sử quán tu soạn học sĩ, ra làm Lạc

Châu thứ sử, nên Bia chỉ ở chùa Đông Lâm và Tây Lâm phần nhiều đều là thư bút của Lưu vậy. Chỗ gọi là am Làng Vân che nền móng cũ của Lưu Tiết vậy. Hoặc có thuyết nói: "Hà Càn diệu thị lang mới đầu lấy thư đường làm nơi Chư Tăng ở". Hà Càn Diệu, cũng chưa rõ là ngươi thuộc thế hệ nào, nay có phần mộ tại cốc Thiên Anh.

Từ viện Vạn Sam đến viện Châu Giáo cách 03 dặm, xưa trước gọi là Vân Phong, trước kia cho là sườn núi Cổ Thạch ở tại phía sau đó, núi cao hiểm hóc như ngăn chướng. Từ viện Chân Giáo đến viện Cảnh Đức cách 03 dặm, xưa trước gọi là Cao Diêu. Từ viện Cảnh Đức cách 01 dặm đến Lý Chưng Cổ thư đường. Trong khoảng niên hiệu Bảo Đại (?), Lý Chưng Cổ làm quan giữ chức xu mật tả hữu phó sứ, bị binh lính bè đảng tống Tề cùng phóng tứ tự hết. Từ thư đường nhà họ Lý đi lên cách 04 dặm có viện Hương Tích. Viện Hương Tích tại dưới núi Ngũ nhũ. Cách viện hương Tích 02 dặm là đến am Câu Chi, bên cạnh am Câu Chi có am Quán Âm, tiếp thêm nữa dặm có am Tề Vân, tù am Tề Vân cách 03 dặm đến am Ngọa Long, do đó mà Lô Sơn đặc biệt nỗi trội trong Thiên hạ, bởi thác nước ở viện Khai Tiên thấy ở trong thơ của Từ Ngưng và Lý Bạch, dòng nước ở cốc Khương Vương thấy ở Trà Kinh của Lục Vũ, đến như các nơi sâu xa hiểm tuyệt đều có vẻ đẹp của đá nước. Phía tây am ấy sườn núi xanh rờn 04 phía, thác dữ tuông đổ, hác lớn vực sâu, lạnh lẽ đáng sợ, có Hoàng Thạch dài lớn vài trượng, ẩn ách liền thuộc, tại trong song vỡ, người trông nhìn lóa mờ mắt xoay chuyển, như muốn ngoàn nghèo nhãy mưa nên gọi là Ngọa Long, đó là nơi đặc thắng của núi nước vậy. Từ am Ngọa Long đi xuống cách 05 dặm có viện Thanh Liên, xưa trước gọi là am Bạch Vân. Trong thời Nam Đường (?) có Sa-môn Xung Chiếu hiệu là Thiền sư Tuệ Ngộ. Thang duyệt đổ tả chân hình tán thán, Từ Huyền khắc đá chữ Triệu đang hiện còn. Bên cạnh viện Thanh Liên có am Linh Phong, xưa trước gọi là Hạ Yển đài Lan nhã. Cách am Linh Phong 05 dặm là đến am Đạo Lâm, bên cạnh am Đạo Lâm có viện Thiền Tĩnh, xưa trước gọi là am Trung Hưng. Viện Thiền Tĩnh so với các am viện khác thì riêng không có dòng suối, phải đục giếng lấy nước uống dùng, không có đất ruộng, bán huyết đang sống để tự dưỡng, nhưng nhà cửa cũng đặc biệt hoàn toàn thanh khiết. Tiếp đến có am Bảo Khánh, tiếp nữa có viện Tịnh Ẩn, xưa trước gọi là am Bảo Phong, có 02 khe suối phát xuất từ trong đó. Mưa xuân lúc đầy, chảy xoáy gọi là giận dữ, cũng là nơi đẹp của đá nước vậy. Về phía tây khe suối có am của Lưu Cư Sĩ. Cư Sĩ tên là Hoán, tự là Ngưng Chi, người xứ Quân Châu, năm Thiên Thánh thứ 08 (1029) thời bắc Tống, đổ

đạt tiến sĩ ra làm quan, nhưng tánh khí thẳng thắng, chẳng thèm, bèn vất bỏ đi đến ở Tinh Chữ, thường cưỡi con trâu vàng qua lại trong núi, rất mến thích khe suối ấy, từ đó đến Sơn Tăng dựng am để tiếp đãi. Từ am Bảo Lâm đến am Bảo Phong, 03 am viện cùng cách nhau 01 dặm. Đến viện Tổ Giáo, xưa trước gọi là đài Thượng Yển. Phía nam viện ấy có am Bàng Long, am Tây Nguyên. Phía sau có am Bảo luân, đều chẳng xa nhau quá trăm bộ. Từ am Bảo Lâm đến am Điều mộc. Từ am Điều mộc đến am U Thúy cách 01 dặm, cách am U Thúy -1 dặm là đến tháp Thiền sư Xích nhãn. Thiền sư tức là xích nhãn Quy Tông, thị tịch an táng tại dưới ngọn núi Thạch nhân, dùng đá làm tượng, lẫn nhiên như hiện sống. Năm Kiến Long thứ 02 (961) thời bắc Tống, vua Thái Tổ (Triệu Khuông Dận) truy phong thụy hiệu là "chỉ giác Thiền sư" và tháp hiệu là "Diệu Tướng". Từ tháp viện ấy đến thiền viện Thê Hiền cách khoảng 10 dặm, giữa khoảng đó có cầu rừng rậm rạp che phủ. Phía trên ngăn khuất mặt nhật nắng nóng, mọi người vân du ngang qua đó thảy đều mến thích mà dừng nghỉ. Bên cạnh đường qua viện Thê Hiền có vườn rau, gò luống bởi rộng cũng rất khả quan. Phàm từ núi Ngũ nhũ xuống viện Hương tích rồi đến đó có cả thảy 08 nơi đồng thuộc phía tây khe suối Thê Hiền. Theo các bậc lão thành cho là đến các am hang phía tây khe suối Thê HIền. Viện Thê hiền, núi Thạch Nhân ở tại phía bắc đó, nay gọi là Bảo Giác được sắc ban trong niên hiệu Thái Bình hưng quốc (976-984) thời bắc Tống. Mới đầu, trong năm Vĩnh Minh thứ 07 (489) thời Nam Tề, Chứng nghị tham quân Trương Bố tấu trìn thiết đặt chùa các Tầm Dương khoảng 20 dặm về phía tây nam. Đến đầu niên hiệu Bảo Lịch (825) thời tiền Đường, thứ sử Lý Bột chuyển dời thiết đặt chùa đến núi, thỉnh mời Sa-môn Trí Thường đến ở đó. Sa-môn Trí Thường có khoảng vài trăm học giả nương theo. Mùa xuân mùa hạ ở tại viện Thê Hiền, mùa thu mùa đông ở tại viện Quy Tông. Đến trong niên hiệu Hội Xương (841-847) thời tiền Đường, chùa bị phá hủy. Đến trong niên hiệu Cảnh Phước (892-894) thời tiền Đường, lại đổi hiệu là "Chùa Hộ Quốc Thê Hiền". Bảng hiệu đó do Thôi-khám-sứ-tướng-sĩ-lang-thú-thái-tử-thông-sự-xá-nhân Chung Khuông Thời biên ghi. Lúc ấy, Chung Khuông Thời mới vừa 16 tuổi, nên người đời nay mến trọng mà ẩn giấu vậy. Trải qua trong niên hiệu Bảo Đại (?) thời Nam Đường, chùa càng phát triển rộng lớn, hiện còn các Chế thư thời bấy giờ có hơn 10 bản. Trong đó có 01 bản nói là: "tháng 07 năm Càn Minh thứ nhất (894) thời tiền Đường, vua Chiêu Tông (Lý Diệp) ban sắc biển ngạch chùa Thê Hiền". Thự-lễ-bộ-thị-lang-bình-chương sự-trĩnh đến Thượng-

phụ-thư-thị-trung-kiêm-trung-thư-lệnh sử quan, cả thảy có 30 người. Lại có 01 bản đề là: "Tháng 11 năm Càn Ninh thứ 04 (897) thời tiền Đường, vua Chiêu Tông (Lý Diệp) ban sắc hiệu tháp Ba môn Hoài Hựu là "tháp truyền Đăng" và Thụy hiệu là "Huyền Ngộ Đại Sư". Sắc thư ấy do Thự-trung-thư-thị-lang-bình-chương-sư-thôi đến Thái-sư-kiêm-trung-thư-lệnh-sử-quan, cả thảy 32 người. Bấy giờ Giang-tây-quán-sát-sứ Chung Truyền phụng hành vậy. Đến đầu niên hiệu Kiến Long (960) thời bắc Tống, vua Nguyên Tông (?) chuyển dời đến Nam Đô, rão bước trông xem qua thời gian lâu dài, nên có đình Trú Loan. Hoặc có thuyết nói: Trên đá bên cạnh khe nước vua Nguyên Tông có ghi khắc chữ vào đá, nhưng đến nay trầm lắng không thể còn thấy. Khe suối Tam Hạp xuất phát bên tả của chùa, nguồn ấy rất sâu xa. Trong khe suối có 03-04 ao rồng, chẳng thể biết đến cùng cực, mới đưa nắng mưa đến, các ngòi hác ở núi đồng rầm rỉ ở dưới như sấm sét. Tại khe đá lớn đá nhỏ có cả ngàn muôn chẳng thể tính kể và thảy đều lấp đầy trong ao. Xưa nay không thấy cửa ải nhỏ, nghi là phía dưới thông liền với biển cả. Bên cạnh đó có xây dựng đền thờ rồng, những năm hạn hán thì đến đó cầu đảo. Trong niên hiệu Đại Trung tường phù (1008-1017) thời bắc Tống, Sa-môn Văn Tú người đất nâm tạo lập cầu đá ở trên, suốt rộng 60 thước, dùng ngôi nhà lớn che phủ phía trên, rất là hùng Quán ở trong núi vậy. Bên cạnh khe suối có giếng Lục Vũ, tiếp đến có đình Hàn Tuyền, tiếp đến có đình Ngọc Uyên, dưới đình có ao rồng, hoặc có cá trung xuất sinh tại đó, mọi người cho là thần vật nên rất kinh sợ. Phía tây của Tăng đường có hang La-hán và hang Bảo Đà. Về phía nam cách hơn trăm bộ có am Bạch Vân. Phía sau viện có Ái Đường, mọi người vân du tham quan thảy đều dừng nghỉ tại đó. Phía trước chùa Thê Hiền cách 10 dặm có thiền viện La-hán, về phía bắc cách 01 dặm có hang La-hán. Năm Hàm Bình thứ 03 (1000) thời bắc Tống, đại sư Quảng Tế-pháp Kiên mới tạo dựng đó, Triều đình có ban cấp đất ruộng để nuôi dưỡng đồ chúng, gọi tênlà "Thánh Huệ Trang" (Nông trang vua ban). Năm Đại trung tường Phù thứ 03 (1010) thời bắc Tống, đại sư Tổ Ấn, Sa-môn Tăng Hạnh Kế tiếp đó, mới trồng tùng che phủ đường quan dài 10 dặm dùng vác tường Đạt Quân, Văn Công Dương đại niên làm Văn Ký Trồng Tùng. Có chiếc trống rất lớn tại trên pháp đường, chu vi rộng 23 thước, gióng đánh vang tiếng chuyển động cả cốc núi, cũng thuộc loại trống siêu xuất vậy. Phía tây viện có dòng nước tên là Ngọc Khê. Về phía Đông vào hồ Bành lễ các 10 dặm, về phía bắc khe suốu là nơi an táng đại sư Tổ Ấn, nên tướng Trương Sĩ Tốn có bài minh bia tháp ấy. Từ

Thiền Viện La-hán về phía Đông các 05 dặm có việt trang Chiếc Quế. Lại các 05 dặm là đến động Bạch Lộc. Trong khoảng niên hiệu Trinh Nguyên (785-805) thời tiền Đường, Lý Bột tự là Tuấn Chi, cùng với Trạng Huynh hài hòa chung ở ẩn, sau chuyển dời đến Thiểu Thất, Vi Hữu Thập Di vời gọi mà không bái đáp, tức như trong thơ Hàn Văn Còng nói là: "Người núi Thiếu thất" tức là đó vậy. Trong khoảng niên Hiệu Thái Hòa (827-836) thời tiền Đường, làm quan đến chức Thái tử tân khanh. Trước đó, trong niên hiệu Bảo Lịch (825-827) thời tiền Đường, từng làm Giang Châu thứ sử, mới đến động dựng lập Đài Sàn, chung quanh dùng dòng nước trồng các cây hoa xen tạp, đó cũng là cảnh thắng 01 thời vậy. Lưu Mộng Đắc (Võ Tích) lên quán Thanh Huy có đề thơ rằng:

"Nhan sắc Tầm dương trào thêm đẹp
Tiếng thu Bành Lễ Nhạn đua về
Nam nhình Lô Sơn ngàn muôn nhận
Cùng khoe mới ra sườn cột tài".

Quán Thanh Huy tại Giang Châu, cũng do Lý Bột tạo dựng, nên Vạn Tích ngợi khen đó. Trong khoảng niên hiệu Thăng Nguyên thời Nam Đường (?), nhân Động tạo lập Học quán, ban đặt ruộng để cung cấp lương thực cho các sinh đồ, các học giả nhóm tụ đông nhiều. Lấy Quốc tử giám Cửu Kinh Lý thiện đạo làm Động Chủ, lấy chủ làm giáo thọ. Đến trong niên hiệu Bảo Đại (?), dùng ruộng đất Tích Chưng Sĩ Hư Bạch, Hư Bạch người xứ Bắc Hải, lánh đất đến ở Lô Sơn, Hàn Hy Tải đề cử có thể dùng được. vua Nguyên Tông (?) ban chiếu với đến tiện Điện. vua Nguyên Tông bảo là: "Đây là thật bậc xử sĩ!". Nhân đó ban cấp đất ruộng và sai bảo trở về, và miễn khỏi đóng thuế đó. Đến lúc Hư Bạch qua đời, con cháu phải khốn khổ đóng nộp thuế, không đủ khả năng để có ruộng đất đó, bèn đổi sang chủ khác. Đến năm Hàm Bình thứ 05 (1002) thời bắc Tống, vua Chân Tông (Triệu Hằng) ban sắc sửa sang tu bổ lại, mới đắp họa tượng của Tuyên Thánh so vị Triết Nhân. Nay nuôi dưỡng cỏ tươi tốt vậy.

Từ động Bạch Lộc cách 03 dặm đến quán Thừa Thiên, xưa trước gọi là quán Bạch Hạc. Theo "Cửu Giang Lục" nói là: "Tháng 12 năm Hoằng Đạo thứ nhất (683) thời tiền Đường, mới đầu vâng phụng sắc ban thiết đặt quán tại dưới thành Tầm Dương. Đến ngày mồng 03 tháng 06 năm Thần Long thứ 02 (706) thời tiền Đường, vua Trung Tông (Lý Hiên) ban sắc thiết đặt quán Long Hưng, nhân đó chuyển dời vào trong núi, đổi tên là Long Hưng. Đến trong niên hiệu Đại Lịch (766-780)

thời tiền Đường, đạo sĩ Lưu Huyền Hòa, Hà tử Ngọc đến ở đó. Theo "Đạo môn Linh Nghiệm Ký" Trương Hoằng nói là: "Lưu Huyền Hòa là Địa Tiên, từng làm quận thú Lý Thừa Tiết Biện, Chương tấu đều có phê báo Thiên Tào. Mọi sự đều phù hợp với kiểm nghiệm. Từ quán về phía Đông bắc leo lên núi có hang Mộc Qua, Lưu Huyền Hòa mới đầu ở trong hang đó, thường trồng giống đó, đến nay mầm tược vẫn đang hiện còn. Trong quán có cây sam lớn cao hơn trăm thước, chu vi rộng 20 thước, cũng được trồng ở thời bấy giờ. Đến năm Hy Ninh thứ 05 (1072) thời bắc Tống, triều đình làm Trung Thái nhất cung tại kinh đô, ban chiếu kiếm cây treo phan dài 120 thước, Thiên hạ sai quan đi khắp núi rừng, tìm gặp cây sam đó đốt chặt đưa về. Từ quán Thừa Thiên theo hướng tây đến viện Thê Hiền cũng cách xa 05 dặm, mọi người vân du tham quan thường luôn qua theo vậy. Ở phía Đông viện Thê Hiền men theo bên cạnh khe nước đi nữa dặm đến viện Tịnh Trú, xưa trước gọi là am Đăng Vân. Từ viện Tịnh Trú qua khe suối đến viện Quảng Thọ các 02 dặm mà gần, xưa trước gọi là Tư Thánh Thái Huyền. Phía trước có ngọn núi, bên cạnh cách hơn trăm bộ có đài Kim Sư. Xưa kia Sa-môn Đạo Mạc người xứ Đông Hải vốn giòng họ Kim ở đó nên gọi tên là đài Kim Sư. Từ viện Quảng Thọ vào nguồ vạn thọ đến viện Vạn Thọ cách 02 sặm. Từ viện Vạn Thọ trở ra lại theo hướng nam đi 03 dặm đến viện Lăng Già, xưa trước gọi là đá Hạ Bạch. Ở núi đó tên là nguồn Lỗ đoạn. Tại viện Lăng Già có sơn phòng Lý thị, Lý tên là Thường, tự là Công trạch. Thưa thiếu thời, anh em cùng nhau đọc sách trong núi, đã bỏ chùa không chư Tăng, thất ấy chẳng ở, nhân đó tàng chứa sách trong thất cả vạn quyển. Tô Từ Chiêm Kính làm Sơn phòng tàng thư ký, nay khắc đá lưu lại trên vách tường. Từ viện Lăng Già theo hướng đông đi lên núi cách 03 dặm đến viện Chứng Đạo, xưa trước gọi tên là đá Thượng bạch. Cách viện Chứng Đạo 03 dặm là đến viện Thái bình hưng quốc, xưa trước gọi là am Ngọa Vân, có ngọn núi tại phía sau đó, cũng gọi tên là núi Hương Lô, phía trước có Kinh Các, tức là nơi cất tàng kinh sách vậy. Năm Đại trung tường phù thứ 02 (1009) thời bắc Tống, vua Chân Tông (Triệu Hằng) ban sắc ấn kinh viện mà tặng đó. Cách viện Thái Bình hưng quốc 01 dặm đến viện Hương Lâm ở núi Thượng Ngũ, giữa đường ngang qua khe suối sâu tối, nước chảy trong cạn, đặc biệt có thể quen lờn đùa vui. Từ viện Hương Lâm cách 05 dặm đến viện Tịnh Cư, xưa trước gọi là am Thượng. Từ viện Tịnh Cư cách 05 dặm đến núi Hạ ngũ viện Diên Phước. Trong đó có các chế thư viết tay ban gởi Thiền sư Đạt quán-trí quân ở trong thời Nam Đường gồm 30 bản. Có 03 bản

do vua Nguyên Tông ghi viết, ngoài ra đều do Hậu chúa. Thiền sư Trí Quân người xứ Hà Trung. Trong khoảng niên hiệu Bảo Đại (?) ở viện Thê Hiền. Đến trong niên hiệu Khai Bảo (968-976) thời bắc Tống vua Thái Tổ (Triệu Khuông Dận) ban cihếu mời đến ở chùa Thanh Lương. Sau đó trở về Ngũ Phong, mới đầu gọi là viện U Thê, sau gọi tên là Thê Huyền Lan nhã. Đến năm Đại trung tường phù thứ nhất (1008) thời bắc Tống, lại đổi gọi là Diên Phước, từ viện Diên Phước cách 03 dặm đến viện Trúc Lâm. Cách viện Trúc Lâm 02 dặm lên hang Lăng Tiêu viện Minh Châu. Phàm từ viện Tịnh Trú đến viện Minh Châu có cả thảy 13 nơi, đá nước không đâu chẳng đẹp xinh, chỉ đá ở hang Minh Chân bóng lộn, hoặc nằm dài hoặc dựng đứng, có tướng trạng như Động Phủ. Ngồi trên tảng đá lớn đối mặt với núi Ngũ Lão, tợ như đón tiếp khách, đó cũng là nơi rất ưu thắng của Lô Sơn vậy.

Từ viện Minh Chân lại xuống núi cách 05 dặm đến viện Tịnh Diệu, xưa trước gọi là am Đức Chính, xưa trước đó còn có tên là cốc Thanh Ngưu. Theo "Cửu Giang Lục" nói là: xưa kia có Đạo Sĩ Hồng chỉ cưỡi con trâu xanh ở đó mà đắc đạo, đàn tràng vẫn hiện còn. Nên Dương Hành người thời tiền Đường dừng nghỉ qua đêm tại cốc Thanh Ngưu có lời thơ là:

"Theo mây bước vào cốc Thanh Ngưu
Đạo sĩ trâu xanh cho nghỉ lại
Thích thay đêm dài trong trăng tỏ
Chỉ có bê đàn một cành tre".

Đó cũng là 01 danh tích xưa cũ vậy, nay đã canh cày gò luống vậy. Cách viện Tịnh Diệu 01 dặm đến am Vân Đài, phía sau am có sườn núi đá. Trên sườn núi có dòng suối. Từ am Vân Đài vượt qua con đường nhỏ cách 03 dặm đến việt Thánh Quả, xưa trước gọi là am Tịnh Minh. Phía trước viện Thánh Quả có viện Giải Không, xưa trước gọi là am Cát Tường. Tại 03 am Viện Đức Chính, Tịnh Minh và Cát Tường trông nhìn chư Tặng sinh sống đều hoàn toàn thanh khiết. Từ viện Giải Không về phía tây bắc cách trăm bộ có am Cốc Nguyên. Trước am bên tả đường đi sắp chất đá, tuy không cao vợi nhưng hẳn tự ký đặc hùng vĩ. Phía sau am có suối sâu tối dòng nước róc rách không khô cạn, chẳng hẳn chảy xiếc mà sau rất đáng thích. Từ am Linh Nguyên về phía Đông bắc đi khoảng 02 dặm là đến visện Chứng Tịch, xưa trước gọi là am chiếc Quế. Có Lý Phùng Cát tướng thời tiền Đường xưa trước nương theo Lý Bột học tại núi đó. Sau khi Lý Phùng Cát đi rồi lấy đó làm nơi chư Tăng ở, nên gọi tên là Chiếc Quế. Lý Phùng Cát tự là Hư Chu, trong khoảng

niên hiệu Trường Khánh (821-825) đến Bảo Lịch (825-827) thời tiền Đường, nhờ Trịnh Chú Vương mà Thủ Chứng ra làm quan giữ chức Tể Tướng, trong Đường thư có lưu truyền sự kiện đó. Am Chư Tăng ở nhân vốn là nhà của Lý Phùng Cát, trong tập ký lục khắc ghi ở đá, ngôn từ có lắm sa lầm. Núi đó có tên là Phan Can Nguyên, trên núi có phần mộ đá của Thiền sư Huệ Tế ở thời nam Đường. Từ am Chúng Tịch cách nữa dặm đến viện Hoa Nghiêm. Từ viện Hoa Nghiêm theo hướng đông bắc đi 03 dặm đến viện Vĩnh Phước, xưa trước gọi là Long Vân, giữa đường trông nhìn núi Ngũ Lão, rành rành có thể tính đếm cao thấp có hơn 10 ngọn. Trong đó có núi sư tử, tước trạng như vót cao, mây vật ẩn ngời rất là giống tợ, phía sau am có lắm đá loạn. Về phía tây bắc đi thẳng lên có núi Ưng Chảy, cũng tại trong khoảng núi Ngũ Lão. Phàm từ viện Tịnh Trú đến viện Vĩnh Phước có cả thảy 31 nơi đều thuộc phía Đông khe suối của Thê Hiền, theo các bậc Lão thành thì coh đó là các am hang thuộc phía Đông khe suối vậy.

Từ viện Vĩnh Phước đi xuống núi vào trong vườn Đại Phú cách 08 dặm. Từ trong vườn Đại Phú theo hướng đông bắc đến thiền viện Tuệ Nhật cách khoảng 10 dặm. Viện đó tại phía tây đường Quan, men theo bên cạnh khe suối phía dưới đường Quan mà đi, 02 bên núi cặp theo khe suối dài 05 dặm ngổn nhiên như động phủ, xưa trước gọi là động Tiên Ở. Theo Văn Ký của viện nói là: Trong khoảng niên hiệu Càn Minh (894-898) thời tiền Đường, mới đầu có Sa-môn Như Nghĩa đến đó kết dựng am nhà. Đến đầu niên hiệu Đại Hòa thời nhà Ngô (?) có Sa-môn Huệ Tùng mới mở mang tạo dựng Thiền Sát. Bấy giờ, Dương Triệt làm thứ sử Giang Châu, rất dốc lòng quyên góp tín thí, bèn thân gần đề triệu bảng ngạch là “Tiên Cư Vĩnh an Thiền Viện” và đề là: “Ngày 01 tháng giêng năm Quý tỵ (?) tức năm Đại hòa thứ 05 thời nhà Ngô (?), phụng-hóa-quân-tiết-độ-sứ-giang-châu-quán-sát-xứ trị, v.v... Sứ-đặt-tân-kiểm-hiệu-thái-úy-trung-thư-lệnh-sứ-đặt-tiết. Giang-châu-kiêm-quân-sự-giang Châu-thứ-sử-thượng-trụ-quốc-đức-hóa-vương được ban thực ấp 3000 Hộ Dương Triệt Khắc triệu”. Đến trong năm Đại trung tướng phù thứ 02 (1009) thời bắc Tống cải đổi biển ngạch như ngày nay, mà triệu Tăng Bảo vẫn như cũ. Xưa kia Sa-môn Như Nghĩa ở tại núi, Chu Phác thường nương tựa vì lệ thuộc học nghiệp. Trong niên hiệu Càn Minh (894-898) thời tiền Đường, có đạo sĩ Hứa Nham Sĩ ra vào trong cung cấm làm gian lợi. Chu phác nương theo đó mà được tiến cử, Chu Phác có tài kinh tế, vua Chiêu Tông (Lý Diệp 889-904) vời gọi vào gặp, Chu Phác đối đáp nghĩa kinh rất xứng hợp ý vua, liền ngày đó

được phong làm quốc tử bác sĩ, bái đối Gián Nghị Đại phu bình chương sự, nghị luận xa rộng động dao mỉm cười. Vài tháng sau đó sự việc Hứa Nham Sĩ bại lộ đều bị Hàn Kiếm giết chết, nên nay còn gọi đó là Chu Phác thư đường. Bên cạnh đường đi có đầm Thùy Long (rồng ngủ), tiếp đến có ao Bạch Quy (rùa trắng), tiếp đến có đài Văn Thú, nơi sản sinh giếng đá trắng ánh ngời có thể sử dụng trong dược phẩm, trong đó có ánh sáng 05 sắc, người đời nhân thế mà gọi đó là đá Bồ-tát, tiếp đến có đài La-hán, tiếp đến có suối Quán Âm, cho đến viện Tuệ nhật. Có núi Ngũ Loan tại phía trước đó, dưới núi Ngũ Loan có am Đại Hùng, cách viện Tuệ Nhật 03 dặm, thể núi bao quanh cao vợi như vách thành, cũng riêng có 01 nơi sâu kín, mà trong "Hàn tiền dị Ký" nói là: Năm Trinh Quán thứ 02 (628) thời tiền Đường, có vị Phạm Tăng tìm núi, mến thích nơi sâu xa đó, như là chỗ đất Đại Hùng diễn giảng pháp, nên gọi tên là Đại Hùng". Đến trong niên hiệu Đại Hòa (?), vua Tuyên Tông (?) lánh nạn cùng Sa-môn Chí Nhàn thường ở tại đó.

Từ đó lại ra đường quan đi giữa khoảng ruộng đồng cách 07 dặm, đến am Phật Điện, chỉ đồng nhà cửa ruộng đồng. Cách am Phật điện 01 dặm đến am Hưng Phước, lại là hoàn toàn thanh khiết. Từ am Hưng Phước cách 03 dặm đến viện Trí Lâm, xưa trước gọi là Từ Vân. Phía trướcc đó có hang Thụy Vân, tợ như mây đổ xanh tía muốn rơi nơi đất. Xưa kia đại Sư Mã Tổ từng ở tại đó, có hang Mã Tổ, suối Mã Tổ. Từ đó về phía bắc đến ngọn núi Ngô Chương cách 03 dặm, qua khỏi đảnh núi là biên giới của Giang Châu. Từ viện Tuệ Nhật về phía Đông nam cách 10 dặm đến am Đại Thành. Ở đó, thế núi như thành quánh nên gọi là Đại Thành. Lại về phía bắc thêm 01 dặm là qua núi Trương Gia, giữa khoảng núi đó có vài trăm ngôi nhà đều người thuộc giòng họ Trương. Từ núi Trương Gia về phía tây cách 03 dặm đến quán Diên Chân, xưa trước gọi làquán Thiên Đức. Năm Trị Bình thứ 03 (1064) thời bắc Tống, vua Anh Tông (Triệu Thự) ban sắc tên như hiện nay. Trước kia, trong niên hiệu Trinh Nguyên (785-805) thoi tiền Đường, do Lý Nữ Chân tạo lập, Nữ Chân tên là Đẳng Không, là con gái của tể tướng Lý Lâm Phủ. Lý Thái Bạch đưa Lý Nữ Chân về Lô Sơn có bài thơ rằng:

"Thích người tướng môn nữ
Học đạo mến Thần Tiên
Tay trắng vốc ráng thu
Áo lụa kéo khói tía
Một sang gió lẳng chất
Cưỡi loan ngồi yên ngọc".

Liễu Hồn từ Giang Châu thứ sử vào chầu, gặp lúc hoàng hậu Chiêu Đức qua đời, nhân đó nói Vịnh Chân động Thái Tầm Chân và nơi ở của Đằng Không có thể ban đặt tên quán để tỏ bày nghĩ nhớ tên phụng. Vua Đức Tông (Lý Khoát 780-805) nhân vì tìm tên Vịnh Chân động đó mà đặt thành quán, và lấy thụy hiệu của Chiêu Đức mà đặt tên đó vậy. Đời gần đây có người khéo giỏi việc tốt lấy bài thơ của Lý Thái Bạch đưa Nữ Chân về núi và hơ đưa nội Tầm dương Đằng Không khắc vào đá trên vách đền thờ. Từ trước quán Chiêu Đức về phía tây cách 01 dặm có am Đông Đăng Vân, rừng sâu nước xa, cũng là 01 nơi xinh đẹp của núi vậy. Ở phía Đông khe suối Thê Hiền, cũng có am Đăng Vân, nên ở đây dùng thêm chữ Đông để phân biệt đó. Nguồn Chiêu Minh tại phía bắc quán, trên nguồn có ngọn núi Lăng Vân, dưới núi có viện Tịnh Tuệ, cách quán Chiêu Đức 01 dặm, trokng thời tiền Đường gọi là viện Vĩnh Xương. Đến trong niên hiệu Đại trung tường phù (1008-1017) thời bắc Tống, mới cải đổi tên gọi như hiện nay. Theo Văn Ký ở viện nói là: “Trong niên hiệu Hoằng Thỉ (?) thời nhà Tần, Đức An Thượng nhân từ Tây Lương đến ở đó. Đến trong niên hiệu Quang Hóa (?) hy Phụng Thượng nhân sửa sang tu bổ lại. Giang Châu thứ sử thành Kỷ Hầu Lý Phụng Tông đấu xian làm quán Vĩnh Xương. Đến năm Mậu thìn (?) tức năm Thiên hựu thứ 05 (?) do Tăng Tề đã soạn thuật. Từ quán Chiêu Đức về phía tây ra đường quan cách 20 dặm đến quán Tầm Châu xung hư, xưa trước gọi là động Vịnh Chân. Đạo thư chân cáo nói thuật về 30 động thiên. Động ThiênVịnh Chân là động thứ 08 trong 72 phước địa. Lô Sơn là phước đại Nguyên Thần, thì quán ấy là động Thiên Vịnh Chân vậy. Và ngọn núi Ngũ Lão tại phía sau đó. Trong niên hiệu Trinh Nguyên (785-805) thời tiền Đường, Nữ Chân Thái Tầm Chân ở tại đó, nhân thế mà lấy đặt tên, phía sau quán có đầm Bạc Long, thác nước trên cao đổ xuống, theo sử xưa nói là: vua Võ Đế thời nhà Hán (?) qua Cửu Giang tạo dựng quán Vũ Chương như lấng chướng chồng chất dưới, gần khe suối Tương Tư. Nay 01 ngọn núi của Ngũ Lão chất chồng nhiều đá như lấng chướng vậy, bởi vì đó là chốn đất xưa cũ. Nay, tại trên đầm, có đình Lục Tịnh. Từ dưới Tầm Chân về hướng tây nam các 02 sặm có viện Phổ Giác, xưa trước gọi là Trường Khánh. Từ việ Phổ Giác về hướng tây trở lại khoảng 10 dặm cũng đến thiền viện La-hán. Từ viện La-hán về phía nam cách 05 dặm đến nông trang Thánh Huệ, tức nơi trong niên hiệu Hàm Bình (998-1004) thời bắc Tống, vua Chân Tông (Triệu Hằng) ban cấp cho Sa-môn Quảng Tế. Sau khi Sa-môn Quảng Tế thị tịch cũng an táng tại đó. Từ nông trang về phía nam các 02

dặm có am Đại Xung. Từ Nam Khương Quân đến đông bắc ra cửa Tầm Dương cách 01 dặm thì có viện Đông Am. Trong viện có các Trùng Hồ. Trên Hồ có cung đình thần miếu hoàn vũ. Theo ". . . Ký" nói là: Võ Vương thời nhà Chu (?) năm thứ 15 thiết đặt đó. Thần đó có khả năng phân gió rẻ dòng, các lữ hành qua đó hẳn phải cung kính cúng tế, sau mới được qua". Nên trong thơ "Tào Tỳ" nói là:

"Phân gió làm hai
Chỉ dòng thành đôi".

Theo Vu Bảo Sưu thần ký nói là: "Xưa kia, Ngô Quận thái thú Trương Công Trực tự thủ chưng trở về theo đường từ Lô Sơn. Quán đền thờ con cái, đứa tớ đưa tay chỉ con gái đùa cười tượng Phi. Người vợ ban đêm nằm mộng cuối cùng tìm hỏi, kinh sợ mà vội đi, đến giữa dòng thuyền bèn chẳng đi được, mọi người trên thuyền đều kinh sợ nói rằng: "Nến thương 01 người con gái mà khiến cả nhà chịu họa thế này ư?". Trương Công Trực không nhẫn nỗi bèn bảo vợ thả con gái xuống sòng sông. Người vợ ấy kinh sợ vượt lên trên dòng nước, đem người anh của con gái ấy mất mà thay thế đó. Trương Công Trực biết là thả mất người anh của con gái, tức giận vợ mà bảo rằng: "Tôi còn mặt mủi nào mà sống giữa đời này!" lại thả mất con gái mình trong dòng sông. Sắp vượt qua, xa thấy 02 người con đứng trên bờ, bên cạnh có 01 quan lại bảo rằng: "Tôi là Lô Quân chủ bộ, kính việc nghĩa của ông, nên thảy đều trả lại cả 02 người con gái!". Theo "Tầm Dương Ký" nói là: "Đó là nơi An Thế Cao đi ngang qua, thần ấy mới hóa hình (nói rõ trong việc sườn núi rắn), mãi đến nay mọi người đi thuyền qua lại, vẫn thường kính lễ cầu đảo. Vịnh Thần Rừng ở tại phía tây bắc của Hồ. Lại từ Quân nam ra cửa Phước Tình thì đál ạc tinh tại trong nước hồ Bành lễ, trên đá có chùa Lạc tinh, trước kia, Vương Tăng Biện, Trần Võ Đế đánh phá Hầu Cảnh tại Vịnh Lạc Tinh tức là chỗ đất đó vậy. Từ đó về phía tây có đài Điếu Ngư, ở phía nam có am Lưu thanh cũng tại bên cạnh dòng nước. Từ vịnh Lạc Tinh đi thuyền qua đài Điếu Ngư cách 01 dặm. Lại đến viện Minh Tâm, xưa trước gọi là am Thúy Vi. Từ viện Minh Tâm đến am Lăng Già cách 05 dặm, từ am Lăng Già đến am Thiện Tài cách 05 dặm, cách am Thiện Tài 03 dặm là đến am Lăng Vân. Từ am Lăng Vân cách 03 dặm đến thiền viện Vạn Sam. Từ viện Minh Tâm về hướng Đông nam cách 05 dặm lại đến núi Đông Cổ viện Pháp Luân. Từ viện Pháp Luân đến viện Vạn Sam cũng cách 10 dặm. Lại có núi Tây Cổ, trên núi có viện Hùng Thiện. Từ viện Quy Tông về hướng đông cách 10 dặm. Lại từ đó về phía Đông cách 30 dặm đến Nam Khương Quân, chỗ gọi là núi Đông

Cổ và núi Tây Cổ chẳng thuộc Lô Sơn, nhưng cây cỏ thoáng rộng cũng tự rất đáng mến thích, phòng nhà ở am Thiện Tài cũng cao thoáng. Tại am Lăng Già có dòng nước ở phía sau. Từ Nam Khương Quân vào núi phải qua am Lăng Già thì không đâu chẳng có nước chảy rầm rì. Phàm từ Quân theo hướng tây ra cửa Kiến Xương các 01 dặm, bên cạnh đường quan có viện Thừa Thiên, viện tựa gò đồi trội cao, phía trên có đình Tùng Phong, nay gọi là Thảo Đường, qua đó thì đi đến viện Khai Tiên. Từ Quân theo hướng bắc ra cửa Ngũ Lão cách nữa dặm qua đình Vọng vân, lại cách 05 dặm qua nông trang Thánh Huệ, lại cách 05 dặm qua viện La-hán thì đi đến viện Thê Hiền vậy.

Bên hữu từ viện Vân Khánh thuộc phía nam viện Bảo Nghiêm đến viện Viên Thông đồng thuộc về Giang Châu, gọi đó là Sơn Bắc. Nhà (Vũ) của Lão tử có 02 ngôi, đồng gọi lá quán, nhà của Phật giáo gồm có 55 ngôi, hoặc gọi là chùa, là viện, là am, còn hang thì gọi là Lan Nhã, kỳ thật đều là nơi chư Tăng ở. Từ Quán Khương Vương đến viện Từ Vân thuộc phía bắc viện Tuệ Nhật đều thuộc Nam Khương, gọi đó là Sơn Nam. Nhà của Lão tử có 09 ngôi, nhà của Phật giáo có 93 ngôi. Mới đầu, Tôi vân du đến Lô Sơn, hỏi về các tháp miếu hưng phế và danh thắng của đá nước trong núi, không ai có thể vì tôi mà đáp giải, tuy có nói đó cũng luôn luôn tiếp nối sai lầm mất sự thật. Nhân lấy "Cửu Giang Đồ Kinh" và các Tạp lục của người xưa trước, xét tra các bản sử, hoặc các nơi đích thân đi đến, khảo nghiệm về Minh Chí, tham cứu sửa chữa của các bậc lão thành, mà làm thành "Lô Sơn Ký" này. Hoặc là nét bút lâu năm hoang phế mất mác, không thể còn biết lại thì quyết nghi vậy. Phàm các Bia Ký từ thời tiền Đường trở về trước có ghi năm tháng rõ ràng tước ký, nên đều ghi chép đó, ngõ hầu có chút bổ ích cho các nhà làm sử vậy.

■

GHI VỀ LÔ SƠN

QUYỂN 3

CHƯƠNG IV: SỰ TRÔNG THẤY KHÁC NHAU CỦA CÁC NGƯỜI VÂN DU ĐẾN NÚI THAM QUAN.

Từ Giang Châu ra cửa Đức Hóa cách 05 dặm đến viện Viên Thọ (xưa trước gọi là Đàn La-hán). Từ viện Diên Thọ cách 05 dặm đến Liêm Khê trong Chu Lang cầu Thạch Đường. Từ Kiêm Khê theo hướng Đông nam cách 10 dặm đến thiền viện Bảo Nghiêm (xưa trước gọi là Song Khê), từ thiền viện Bảo Nghiêm về phía tây nam cách 10 dặm đến quán Tường Phù (xưa trước gọi là Thái nhất). Từ thiền viện Bảo Nghiêm về hướng nam cách 03 dặm lại có am Vân Khánh, cách am Vân Khánh 01 dặm đến có nông trại Am Nham, cách nông trại Am Nham 01 dặm đến viện Thiền Trí (xưa trước gọi là Tịnh cư), từ viện Thiền Trí cách 05 dặm đến quán Tường Phù. Từ quán Tường Phù cách 05 dặm về hướng bắc đến am Long Tuyền. Từ am Long Truyền cách 10 dặm đến viện Diệu Trí (xưa trước gọi là đình Hành Xuân). Từ viện Diệu Trí cách 05 dặm đến sườn núi Rắn. Từ sườn núi Rắn xuống 05 dặm đến quán Thái Bình (xưa trước gọi là Phủ Thông Huyền), từ quán Tường Phù về hướng tây nam cách 02 dặm lại có am Quốc Thái, từ am Quốc Thái về phía tây lên đảnh núi Liên Hoa cách 15 dặm thì đến am Liên Hoa. Từ am Quốc Thái về phía nam cách 05 dặm đến am Báo Quốc, cách am Báo Quốc 01 dặm đến am Vân Tế, cách am Vân Tế 01 dặm đến am Vĩnh Thanh (còn có 01 tên gọi là am Hạ Liên Hoa), bên cạnh đó có nơi Đạo nhân ẩn cư, từ am Vĩnh Thanh về phía tây cách 01 dặm đến am Vân Khê (còn có 01 tên gọi là động hạ Liên Hoa), cách am Vân Khê 01 dặm cũng đến quán Thái Bình, từ quán Thái Bình về phía tây cách 05 dặm đến chùa Đông Lâm-thái Bình hưng quốc. Từ quán Thái Bình về phía tây nam cách 05 dặm lại có am Thanh Thái, cách am Thanh Thái 01 dặm đến viện Quảng Trạch (xưa trước gọi là am Long Đầm. Từ đó lên cách 05 dặm đến 03 đầm rồng. Cách viện Quảng Trạch 07 dặm cũng đến chùa Đông Lâm. Từ chùa Đông Lâm về hướng tây cách hơn trăm

bộ đến tháp Viễn Công. Từ tháp đó về phía tây cách hơn trăm bộ đến chùa Tây Lâm Càn Minh. Từ chùa Tây Lâm về phía Đông cách 05 dặm đến am Hoàng Thổ. Bên cạnh đó có am Khánh Kinh. Cách am Khán Kinh 01 dặm đến am Sùng Phước, cách am Sùng Phước 05 dặm đến am Hương Thành, bên cạnh đó có am Quán Âm, am Đông. Từ am Đông đi xuống 01 dặm là đến am Quảng Tế, cách am Quảng Tế nữa dặm đến hang Thánh Tăng, cách hang Thánh Tăng 02 dặm đến am Thạch Bồn. Từ chùa Tây Lâm về phía Đông nam cách 05 dặm lại có viện Hạ Hóa Thành, cách viện Hạ Hóa Thành 03 dặm đến am Hộ Quốc, cách am Hộ Quốc 01 dặm cũng đến am Thạch Bồn, từ am Thạch bồn đi lên nữa dặm đến am Bảo Hưng, cách am Bảo Hưng nữa dặm đến chùa Thượng Hóa Thành Phổ Chiếu, bên cạnh đó có am Đại Sư. Từ Thượng Hóa Thành đi lên 10 dặm qua ngọn núi Hương Lô, đến am Phong Đảnh, từ am Phong Đảnh về phía nam cách 10 dặm đến am Hương Tích. Có đường xuống núi ở phía nam có khe suối Thê Hiền, về phía Đông đến nguồn Vạn Thọ cách 20 dặm mà đường sá hiểm nguy. Từ Phong Đảnh về hướng tây cách 05 dặm đến chùa Bảo Lâm (xưa trước gọi là chùa Đại Lâm). Từ chùa Bảo Lâm cách 01 dặm đến núi Trịch Bút, lại cách thêm 01 dặm đến hang Phật Thủ. Cách hang Phật Thủ 02 dặm đến viện Thiên Trì, từ viện về phía nam cách 01 dặm đến tháp Thiền sư Long, từ tháp xuống 02 dặm đến am La-hán, cách am La-hán 02 dặm về phía Đông đến đài Thập Bát Hiền Giả. Từ viện Thiên Trì xuống núi cách 15 dặm có cốc đồng tên là Cẩm Tú. Dòng nước ở dưới núi, 01 dòng xuất phát từ cốc Cẩm Tú và 01 dòng xuất phát từ cốc Thạch Môn (Cửa Đá) và hợp dòng đổ vào sông Bồn. Phía trên 02 dòng nước đó có am Song Long, am Quảng Phước, am Tôn Thắng, am Bảo Minh, cả 04 am cùng trông thấy nhau và đồng cách nhau không quá trăm bộ. Khe suối Thạch Môn tại trước am Bảo Ninh, vào trong khe cách 05 dặm có núi Thạch Trụ, núi Thiết Hang, dưới 02 núi ấy có 02 am Đạo Nhân. Từ am Bảo Ninh về phía nam cách 05 dặm đến am Phước Hải. Cách am Phước Hải 02 dặm đến am Tường Vân. Từ am Tường Vân đi lên 10 dặm đến núi Vân Đảnh, tại núi Vân Đảnh có am Vân Đảnh. Từ am Tường Vân về phía nam cách 08 dặm đến am Nguyệt Luân, bên cạnh đó có am Linh Tuyền. Cách am Linh Tuyền 07 dặm đến am Báo Quốc, cách am Báo Quốc 05 dặm đến Thiền Viện Viễn Thông Sùng Thắng, bên cạnh đó có viện Quảng Phước, cách thiền viện Viễn Thông Sùng Thắng 20 dặm đến quán Khương Vương Cảnh Đức. Từ thiền viện Viên Thông Sùng Thắng trở lên đều thuộc Giang Châu.

Từ quán Khương Vương Cảnh Đức về phía bắc vào trong cốc cách 05 dặm đến viện Long Tuyền, lại thêm 20 dặm đến Thủy Liêm. Từ quán Khương Vương Cảnh Đức về phía nam cách trăm bộ đến am Tỳ Lô. Cách am Tỳ Lô 02 dặm đến am Đại Minh, cách am Đại Minh 02 dặm đến am Trường Hưng, bên cạnh đó lại có viện Nhân Vương, cách viện Nhân Vương 02 dặm đến viện Càn Thọ, cách viện Càn Thọ 07 dặm đến thiền viện Linh Thang Tịnh Tuệ. Từ thiền viện Linh Thang Tịnh Tuệ về phía nam cách 10 dặm lại có quán Thanh Hà. Từ thiền viện Linh Thang Tịnh Tuệ về phía Đông cách 02 dặm qua đài Khương Lạc Kinh, lại thêm 02 dặm đến Túy Thạch của Đào Công. Từ Túy Thạch lại ra đường quan cách 03 dặm đến thiền viện Quy Tông Thừa Thiên. Từ thiền viện Quy Tông về phía tây cách trăm bộ đến quán Linh Khê Tường Phù, cách quán Linh Khê Tường Phù 01 dặm đến viện Hương Tuyền, tiếp theo là Thượng Tháp và tiếp theo là Hạ Tháp đều cùng cách nhau hơn trăm bộ. Cách Hạ Tháp 05 dặm đến đài Bát Nhã và viện Long Giáo. Bên cạnh đó có am Thạch Môn, tiếp đến có am Bố Thủy, tiếp nữa là am Tỉnh Giác (còn 01 tên gọi là đài Thôi Sư), tiếp đến là am Trùng Nham, đều cùng cách nhau hơn trăm bộ. Cách am Trùng Nham 03 dặm đến Thảo Đường (am tranh) của Tạ Sơn Nhân, cách Thảo Đường 03 dặm đến viện Linh Thê. Từ viện Linh Thê đi lên trăm bộ đến đảnh núi Tử Tiêu có tháp Xá-lợi. Từ viện Linh Thê đi xuống cách 08 dặm đến động 03 Tướng quân, từ động 03 Tướng quân đi xuống vào thiền viện Quy Tông cũng cách 01 dặm. Từ viện Linh Thê về hướng đông cách 04 dặm đến am Trừng Vân, tiếp đến am Vạn Tuế, tiếp đến am Thiên Cung, đều cùng cách nhau hơn trăm bộ. Cách am Thiên Cung 01 dặm đến am Dư Phong, từ am Dư Phong đo lên 20 dặm đến động Bạch Vân, từ am Dư Phong đi xuống 02 dặm là đến quán Tiên Thiên (xưa trước gọi là Chân Phong), bên cạnh đó có thảo đường của Liễu Đại Khanh, cách quán Tiên Thiên 02 dặm đến quán Thái Hư giản tịch, cách quán Thái Hư giản tịch 05 dặm đến quán Thê Ẩn, từ quán Thê Ẩn về phía Đông cách 05 dặm đến am Cổ Vân, cách am Cổ Vân 10 dặm đến thiền viện Khai Tiên, từ thiền viện Khai Tiên về phía nam cách 01 dặm đến am Thạch Bi, từ am Thạch Bi đi lên 07 dặm đến hang Hoàng Thạch, viện Vĩnh Thái, đến trước viện Vĩnh Thái nữa dặm là đến đài Văn-thù, từ viện Vĩnh Thái đi lên 10 dặm có am Đạo Nhân, hang Thánh Tăng, hang Thiện Tài, hang La-hán, hang Hoàng Thạch. Từ thiền viện Khai Tiên về phía Đông cách 02 dặm đến thiền viện Vạn Sam. Từ thiền viện Vạn Sam về hướng đông bắc cánh 03 dặm đến viện

Chân Giáo (xưa trước gọi là Vân Phong), cách viện Chân Giáo 03 dặm đến viện Cảnh Đức (xưa trước gọi là Cao Diêu), cách viện Cảnh Đức 01 dặm đến Thư đường của Lý Chưng Cổ. Từ Thư đường đi lên 04 dặm đến núi Ngũ Nhũ viện Hương Tích, cách viện Hương Tích 02 dặm đến am Câu Chi. Bên cạnh đó có am Quán Âm, cách am Quán Âm nữa dặm đến am Tề Vân, cách am Tề Vân 03 dặm đến am Ngọa Long. Từ am Ngọa Long đi xuống 05 dặm đến viện Đạo Lâm, cách viện Đạo Lâm 01 dặm đến viện Thiền Tĩnh (xưa trước gọi là Trung Hưng), cách viện Thiền Tĩnh 01 dặm đến am Bảo Khánh, cách am Bảo Khánh 01 dặm đến viện Tịnh Ẩn (xưa trước gọi là Bảo Phong). Cách viện Tịnh Ẩn 03 dặm đến viện Tổ Giáo (xưa trước gọi là đài Thượng Yển), bên cạnh đó có am Bàng Long, am Tây Nguyên, am Bảo Luân đều cách nhau chẳng quá trăm bộ. Cách am Bảo Luân 03 dặm đến am Điêu Mộc, cách am Điêu Mộc 03 dặm đến am U Thúy, cách am U Thúy 01 dặm đến tháp Xích Nhãn. Từ tháp Xích Nhãn về hướng đông bắc cách 10 dặm đến thiền viện Thê Hiền Bảo Giác. Từ nam Khương Quân ra cửa Ngũ Lão cách 05 dặm có am Đại Xung, cách am Đại Xung 05 dặm cũng đến viện La-hán, cách viện La-hán 10 dặm cũng đến viện Thê Hiền. Từ thiền viện La-hán về hướng đông cách 05 dặm đến Tăng trang Chiếc Quế. Từ Tăng trang về hướng tây 05 dặm đến động Bạch Lộc, thư đường của Lý Bột. Cách động Bạch Lộc 03 dặm đến quán Thừa Thiên Bạch Hạc, cách quán Thừa Thiên Bạch hạc 05 dặm cũng đến viện Thê Hiền. Từ viện Thê Hiền về hướng đông nữa dặm đến viện Tịnh Trú (xưa trước gọi là Đăng Vân), từ viện Tịnh Trú về phía Đông 02 dặm là đến viện Quảng Thọ (xưa trước gọi là Tư Thánh), bên cạnh đó có đài Kim Sư. Từ viện Quảng Thọ về hướng bắc cách 02 dặm đến viện Vạn Thọ. Cách viện Vạn Thọ 03 dặm về hướng nam đến viện Lăng Già (xưa trước gọilà Hạ BẠch Thạch), từ viện Lăng Già đi lên 03 dặm đến viện Chứng Đạo (xưa trước gọi là Thượng BạchThạch). Cách viện Chứng Đạo 03 dặm đến viện Thái Bình hưng quốc 01 dặm đến núi Thượng Ngũ, viện Hương Lâm cách viện hương Lâm 05 dặm đến việ Tịnh Cư (xưa trước gọi là am Thượng). Cách viện Tịnh Cư 05 dặm đến núi Hạ Ngũ Viện Diên Phước. Cách viện Diên Phước 03 dặm đến viện Trúc Lâm. Cách viện Trúc Lâm 02 dặm đến am Phước Nguyên (xưa trước gọi là Linh Nguyên). Cách am Phước Nguyên nữa dặm đến am Thạch Tuyền, cách am Thạch Tuyền 02 dặm đến hang Lăng tiêu Viện Minh Châu. Từ viện Minh Châu đi xuống 05 dặm đến viện Tịnh Diệu (xưa trước gọi là am Đức Chính). Cách viện Tịnh Diệu 01 dặm đến am Vân Đài, cách am

Vân Đài 03 dặm đến viện Thánh Quả (xưa trước gọi là Tịnh Minh). Phía trước đó có viện Giải Không (xưa trước gọi là Cát Tường). Từ viện Giải Không về hướng tây bắc khoảng trăm bộ đến am Cốc Nguyên, từ am Cốc Nguyên về hướng đông bắc cách 02 dặm đến viện Chứng Tịch (xưa trước gọi là Chiếc Quế). Cách viện Chúng Tịch nữa dặm đến viện Hoa Nghiêm, cách viện Hoa Nghiêm 03 dặm đến viện Vĩnh Phước (xưa trước gọi là Long Vân). Từ viện Vĩnh Phước đi xuống 08 dặm đến nông trang Đại Phú. Cách nông trang Đại Phú về phía Đông bắc 10 dặm đến Thiền Viện Tuệ Nhật, cách Thiền Viện Tuệ Nhật 03 dặm đến am Đại Hùng. Từ am Đại Hùng lại ra đường quan cách 07 dặm đến am Phật Điện, cách am Phật Điện 01 dặm đến am Hưng Phước, cách am Hưng Phước 03 dặm đến viện Trí Lâm (xưa trước gọi là Từ Vân), cách viện Trí Lâm 03 dặm thì lên đảnh núi Ngô Chương, thuộc biên giới của Giang Châu.

Từ viện Tuệ Nhật về hướng tây nam cách 10 dặm đến am Đại Thành, cách am Đại Thành 03 dặm đến quán Diên Châu Chiêu Đức, trước quan Diên Chân Chiêu Đức cách 01 dặm đến am Đăng Vân. Sau quán Diên Chân Chiêu Đức cách 01 dặm đến viện Tịnh Tuệ. Từ quán Diên Chân Chiêu Đức về hướng tây ra đường quan cách 20 dặm đến quán Tầm Chân Xung Hư. Cách quán Tầm Chân Xung Hư 02 dặm đến viện Phổ Giác (xưa trước gọi là Trường Khánh). Từ viện Phổ Giác về hướng tây cách 10 dặm trở lại đến Thiền Viện La-hán. Lại từ chùa Lạc Tinh ở Nam Khương đi thuyền qua Đài Điếu Ngư. Cách 01 dặm đến viện Minh Tâm (xưa trước gọi là Thuý Vi). Cách viện Minh Tâm 05 dặm đến viện Lăng Già. Cách viện Lăng Già 05 dặm đến am Thiện Tài, cách am Thiện Tài 03 dặm đến am Lăng Vân (xưa trước gọi là Lăng Vân Thư đường). Cách am Lăng Vân 03 dặm cũng đến Thiền viện Vạn Sam. Từ viện Minh Tâm về hướng Đông nam cách 05 dặm lại đến viện Đông Cổ Pháp Luân. Từ viện Đông Cổ Pháp Luân về hướng bắc cách 10 dặm cũng đến Thiền Viện Vạn Sam. Lại từ Nam Khương theo hướng tây nam ra 15 dặm đến viện Tây Cổ hưng thiện. Cách viện Tây Cổ hưng thiện 10 dặm cũng đến thiền viện Quy Tông. Phàm từ Nam Khương ra cửa Kiến Xương qua viện Thừa thiên thì hỏi đường Khại tiên. Ra cửa Ngũ Lão qua đình Vọng Vân thì hỏi đường Thê Hiền v. v...

CHƯƠNG V: TRUYỆN MƯỜI TÁM VỊ HIỀN GIẢ

Lô Sơn, không chỉ đá nước có thể suốt trùm thiên hạ, do vì đời đời có các bậc cao hiền ẩn cư lưu truyền. Tại chùa Đông Lâm, xưa trước có truyện 18 vị Hiền Giả, không biết do ai trước thuật, văn từ cạn cợt, lấy sư mà nghiệm xét với các sử trước thương luôn có sai trái nhầm lẫn, người đọc cảm thấy hẹp hòi, khiến Đạo Phong vết tích người xưa dùng mà không biết. Thật tiếc thay! Tôi đã biện thuộc “Lô Sơn Ký” này, mới nhân xem bản cũ và tham khảo sử sách các triều đại nhà Tấn nhà Tống và cao tăng truyện, thô sơ thêm phần chỉnh sử, hoặc các điều ghi xưa trước có sự thoát lược, nay không có n ơi có thể khảo chứng, nên cũng chưa biết làm sao được về điều ấy vậy!

1. Pháp sư Tuệ Viễn chủ xướng Bạch Liên Xã.

Pháp sư húy là Tuệ Viễn, vốn giòng họ Giã, người xứ Lâu Phiền; Nhạn Môn, thuở thơ ấu là 01 thư sinh. Đến năm 13 tuổi, theo người cậu giòng họ Lệnh Cô đến học ở Hứa Lạc. Pháp sư rất khéo giỏi về Lão trang, tánh kh1 rỗng thoáng cao lớn. Năm 21 tuổi, Pháp sư muốn vượt Giang đông đến Phạm Tuyên Tử cùng kết bạn với Gia Tuần. Bấy giờ tại Trung Nguyên giặc loạn, đường phía nam cản trở tắt nghẻn. Khi ấy, Sa-môn Thích Đạo Am tạo lập chùa tại Thái Hành, hoằng dương Phật pháp, Pháp sư bèn sang đó nương tựa. Mới đầu, nghe giảng kinh Bát Nhã, bỗng nhiên đại Ngộ, Pháp sư mới than rằng: “09 học thuyết của nho giáo đạo giáo đều tợ như võ trấu!” bèn cùng người em là Sa-môn Tuệ Trì đồng cởi trâm xuống tóc xuất gia, dốc mạng thọ học. Tâm đã nhập Đạo, Pháp sư bèn đem Đại pháp làm trách nhiệm của chính mình, Tuệ Giải vốn sẵn xưa trước, sớm tỏa phát, thần minh ánh ngời vượt trội. Sa-môn Đạo An thường ngợi khen rằng: “Khiến Dòng Đạo lưu truyền khắp nước phương đông, ấy chính do Tuệ Viễn đây vậy!”. Năm 24 tuổi, Pháp sư bèn lên giảng thuyết, thường có khách đến nghe giảng nghĩa thất tướng, những điều nghi nạm qua lại, càng dùng nghi bít lấp, Pháp sư mới dẫn dùng nghĩa của Trang Tử để vì sánh loại, những người nghi hoặc được mở rõ biết. Từ đó trong môn nhân đệ tử cửa Sa-môn Đạo An riêng nghe giảng chẳng phế bỏ sách thế tục. Về sau, Pháp sư theo Thầy (Sa-môn Đạo An) vân du phương nam đến Tương dương. Sa-môn Đạo An bị Chu Tự bắt giam giữ, mọi người đều tan rã bỏ đi, Pháp sư mới cùng các đệ tử khoảng 20 người đồng đến Kinh Châu, ở chùa Thượng Minh. Sau đó muốn sang núi La Phù. Năm Thái Nguyên thứ 06 (381) thời Đông Tấn, vừa đến Tầm Dương, Pháp sư mến thích cảnh trí rỗng

thoáng của Lô Phụ (Lô Sơn), mới dựng lập Tinh Xá Long Tuyền. Lâu sau có Thiền sư Sa-môn Tuệ Vĩnh trước đó ở chùa Tây Lâm, cùng có quen biết Pháp sư ngày trước, nên muốn mời Pháp sư đồng đến chung ở, mới nó cùng thứ sử Hoàn y rằng: “Viễn Công hoằng Đạo, các học giả mỗi ngày mỗi nhóm tụ đông nhiều, mà chỗ ở của Bần đạo đây nhỏ hẹp không đủ nơi. Không biết làm sao đây!”. Khi ấy lại mộng thấy Thần núi đến cầu thỉnh rằng: “Núi đây thật là nơi đủ để gá thần”. Một đêm nọ bỗng nhiên sấm mưa nỗi dậy, chuyển động mãi đến sáng sớm, nơi chân men bờ rừng rỗng thoáng, chỉ thầun cát trắng trải đất, lại có thêm hàng rào ngăn chấn, văn tử gỗ tốt. Hoàn y mới liền đến nơi chỗ đất đó dựng lập Phòng Điện, xưng gọi điện ấy là Thần Vận, vì ở phía Đông so với chỗ ở của Thiền sư Tuệ Vĩnh nên xưng hiệu chùa là “Đông Lâm”. Chùa được hoàn thành trong năm Bính tuất (386) tức năm Thái Nguyện thứ 11 thời Đông Tấn vậy. Trước kia, có tôn tượng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi của vua A-dục chìm đắm trong dòngsông Võ Xương, Đào Khản không sao tìm cầu được, đến lúc ấy (tức lúc chùa Đông Lâm đã hoàn thành) bỗng nhiên tôn tượng đó nhẹ nhàn nỗi lên nên nghinh thỉnh về tôn trí trong điện Thần Vận, để tu Phật sự. Lại nhân cùng 01 Đạo nhân người nước Kế Tân cùng tạo Đài Phật ảnh, đều có thần cảm, sự tích rõ đủ như trong cao tăng truyện. Từ đó các đồng bạn kính cẩn hành trì luật, khách dứt tuyệt cảnh trần khắp 04 phương xa, không mong hẹn mà tự đến, như Lưu Di Dân ở Bành Thành, Lôi thứ Tông ở Dự Chương, Chu tục chi ở Nhạn môn, Tông bính, Trương Dã, Thương Thuyên ở Nam Dương, v.v... gồm có 123 vị cùng Pháp sư đồng tu Liên xã Tịnh độ. Pháp sư mới bảo Lưu Di Dân trước thuật văn pháp nguyện. Ân trọng Kham đến trấn nhậm Kinh Châu, vào Lô Sơn triển chuyển cung kính trọng, nhưng chỉ 01 lần gặp thấy Pháp sư tự nhiên nghiêm túc tâm phục, vì đục 02 ao ở phía Đông và phía tây mà trồng sen trắng, cầu xin được vào Liên xã Tịnh độ, Pháp sư vì tâm tạp nên ngăn dừng đó. Phạm Ninh ở Dự Chương noi theo đó mà cầu xin vào Bạch Liên Xã, nhưng rồi Phạm Ninh không đủ khả năng theo đó. Diêu Hưng cùng Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập đeeu khâm trọng Đạo phong đức hạnh của Pháp sư, nên từ xa đưa dâng mọi sự đến cúng thí. Hoàn Huyền chốn chủ bất chợt mà rất mục tôn kính. vua An Để (Tư mã Đức Tông 396-419 thời Đông Tấn) từ Giang Lăng trở về kinh đô, Phụ Quốc Hà Vô Kỵ khuyên Pháp sư kính hầu thăm vua. Pháp sư lấy cớ bệnh không đến, vua sai sử nhọc đến hỏi. Phàm Pháp sư ở tại núi suốt 30 năm, ảnh bóng dấu chân chẳng đến trong trần tục, mỗi lúc đưa tiễn khách ra về thì lấy Hổ Khê làm biên

giới. Đến ngàey mồng 06 tháng 08 năm Bính thìn (416) tức năm Nghĩa Hy thứ 12 thời Đông Tấn, Pháp sư thị tịch, hưởng thọ 83 tuổi. Mới đầu, Pháp sư cảm bện, tán động dưới rừng, các bậc lão túc ký đức uống dùng nước gạo dấm rượu, Pháp sư đều không chấp thuận, lại xin Pháp sư hòa mật trong nước làm tương, Pháp sư bảo 01 vị Luật sư lật tìm trong văn luật có cho phép chăng? Vừa lật tìm chưa được phần nữa thì Pháp sư thị tịch. Pháp sư căn dặn nên để lộ bày hình hài ở dưới rừng. Thế nhưng các hàng Đệ tử cùng các quan thuộc ở Tầm Dương đồng phụng an táng tại đảnh núi phía tây. Tạ Kinh Vận viết bài Minh, Thương Dã ghi lời tựa. Đến năm Ất sửu (845) tức năm Hội Xương thứ 05 thời tiền Đường, chùa bị hư phế, qua năm Mậu thìn (848) tức năm Đại trung thứ 02 thời tiền Đường, mới phục hưng lại. Sau khi hoàn tất, Sa-môn Chánh ngôn cầu xin ban khen kính tưởng, vua Vũ Tông (Lý Viêm) trong phong thụy hiệu là "Biện Giác Đại Sư". Đến năm Thăng Nguyên thứ 03 (?), cải đổi thụy hiệu lá "Chánh Giác". Đến năm Thái Bình hưng quốc thứ 03 (978) thời bắc Tống, vua Thái Tông (Triệu Quýnh) lại truy phong thụy hiệu là "Viên ngộ Đại Sư", bèn đề hiệu phần tháp là "Tháp ngưng tịch". Đại sư có bộ "Khuông Sơn tập" 20 quyển, lưu truyền ở đời.

2- Lưu Di Dân ở Bành Thành.

Lưu Di Dân (Lưu Trình Chi) tự là Trọng Tư, người xử Tụ Lý; Bành Thành, là con cháu nối dỏi của Sở Nguyên Vương thời nhà Hán, qua đến thời nhà Tấn, gia đình làm quan giữ đến chức khanh tướng. Thưa thiếu thời, Lưu Trình Chi mồ côi phụng thờ mẹ, khắp châu quận thôn làng đều ngợi khen hạnh hiếu, với sách vở của Bách gia chư tử, không thứ gì Lưu Trình Chi chẳng đọc xem, nhưng rất ham chuộng Phật lý, các hiền giả Ân trọng Kham, Hoàn Huyền, v.v... ở Trần quận đều cùng sùng ngưỡng, cởi bỏ áo hạc phủ tham quân. Lưu Trình Chi đã kính mộ Danh đức của Viễn Công, muốn được bạc đầu vào Bạch Liên Xã, mới ghi lục sài tang Tầm Dương lấy làm vốn liếng vào núi, đến năm mãn bỏ đi đến lập am ở gần chùa Tây Lâm, che phủ bằng bụi cây vướng vít. Đến trong khoảng niên hiệu Nghĩa Hy (405-419) thời đông Tấn, các hàng công hầu đến, đều lánh mặt chẳng tiếp, sau đó lại đổi tên là Lưu Di Dân, Viễn Công cùng các Hiền giả ở Bạch Liên Xã đều suy tôn là Thượng khách. Lưu Di Dân thường gởi sách đến tặng ở quan trung, cùng kết giao thân thiện với Pháp sư La Thập và Tăng Triệu. Lưu Di Dân viện dẫn các kinh luận trước thuật thơ "Niện Phật Tam muội", đạo đức danh thật, tinh hoa các từ văn nghĩa đồng 01 thời trút rót. Lưu Di Dân

bèn nương theo niệm Phật tam muội, xưng niệm Phật A-di-đà, đến đầu tháng 06, quả nhiên thấy được tướng Bạch hào, tiếp đến thấy hình ảnh chân thật Đức Phật đến xoa vào trên đảnh đầu. Lưu Di Dân lại thiết trai cúng dường tạo phước, nguyện chóng xả báo thọ mạng, lại cầu thỉnh chư Tăng đọc tụng Kinh vô lượng thọ, kinh Pháp hoa, qua đến ngày 27 (tháng 06) chư Tăng đều đã nhóm tập, Lưu Di Dân nói là: "Ngày nay Tôi sẽ đi vậy! Đến lúc Tôi tắt thở, xin chớ khóc khiến não loạn". Lưu Di Dân lại hành hương, cầu thỉnh chúng Tăng, cúng dường Đức Phật Thích-ca-mâu-ni để kính tạ vì khiến con biết được có Đức Phật A-di-đà, ngày nay nguyện hẳn sẽ đến nghinh tiếp. Chỉ trong chốc lát, Lưu Di Dân bèn chắp tay, xoay mặt về hướng tây mà xả bỏ báo thân, căn dặn con là ung tích sĩ vì làm phần mộ, chớ dùng quan quách, khi ấy mọi người không ai chẳng kính ngưỡng cao trọng. Lúc đó là năm Canh tuất (410) tức năm Nghĩa Hy thứ 06 thời đông Tấn, Lưu Di Dân qua đời, hưởng thọ 57 tuổi.

3- Lôi thứ Tông ở Dự Chương.

Lôi thứ Tông, tự là Trọng Luân, người xứ Nam Xương; Dự Chương. Rộng học thông rành Kinh Thi, Kinh lễ, nhưng chẳng chịu đáp lại sự vời gọi, mà vào Lô Sơn, lập quán tại phía Đông Tăng phòng chùa Đông Lâm, cùng đồng Bạch liên xã với Viễn Công. Năm Nguyên Gia thứ 15 (438) thời tiền Tống, vua Văn Đế (Lưu Nghĩa Long) vời gọi đến kinh đô, lập Học núi Kê Lung, thiết đặt sinh viên có hơn trăm người. Lâu sau, Lôi thứ Tông lại trở về Lô Sơn. Các hàng Công Khanh tổ đạo sau đó lại vời gọi, tạo dựng phòng thất tại dưới hang phía tây Chung Sơn, gọi đó là quán Chiêu Ẩn. Lôi thứ Tông vẫn giữ gìn tiết tháo, không vào công môn, thường từ vườn hoa lâm chùa Đông Lâm vào nhà Diên Hiền, vì thái tử và các vương hầu, giảng kinh tang phục. Đến năm Mậu tý (448) tức năm Nguyên Gia thứ 25 thời tiền Tống, Lôi thứ Tông qua đời, hưởng thọ 63 tuổi.

4- Chu tục Chi ở Nhạn môn

Chu tục Chi, tự là Đạo Tổ, người xứ Quảng Võ; Nhạn môn. Sau, dời đến ở Kiến Xương; Dự Chương. Năm 12 tuổi, Chu Tục Chi đến Phạm Ninh thọ học, thông rành 05 kinh 05 vĩ, gọi là 10 kinh, các bạn đồng môn suy tôn như là Nhan Tử. Lưu Nghị Bảo làm tham quân, lại vời làm bác sĩ đại úy huyện, Chu Tục Chi đều chuộng đến dự nhận. Về sau, vào Lô Sơn dự tham Bạch Liên Xã tu tịnh độ với Viễn Công. Lại

cùng Lưu Di Dân và Đào Uyên Minh, gọi là 03 ẩn sĩ ở Tầm Dương. Chu Tục Chi chẳng chuộng danh tiết cao vợi, Giang Châu thứ sử thường cùng cới thỉnh, Chu Tục Chi cũng sang theo đó. vua Võ Đế (Lưu Tục 420-423 thời tiền Tống) đến ngoài đông quách mở quán để tiếp đải, cưỡi kiệu giáng đến, hỏi Chu Tục Chi về lễ nghĩa, Chu Tục Chi biện luận phân rành tinh dị, nên thời bấy giờ xưng gọi Chu Tục Chi là Thông Ẩn, hoặc có người hỏi Chu Tục Chi rằng: "Lúc giẫm bước đến sân vua thì thế nào?". Chu Tục Chi cười đáp: "Người Tâm rong cửa quyết cao lấy giang hồ làm gông cùm, kẻ tình đặt quên cả hai thì phố thị cũng là hang huyệt vậy". Đến năm Quý hợi (422) tức năm Thăng Bình (phải là Cảnh Bình mới đúng) thứ nhất thời tiền Tống, Chu Tục Chi qua đời tại Chung Sơn, hưởng thọ 67 tuổi.

5- Tông Bính ở Nam Dương

Tông Bính, tự là Thiếu Văn, người xứ Nát Dương; Nam Dương. Ông nội là Thừa Nghi làm Đô-thái-thú, thân phụ là Dao Chi làm Tương Khanh lệnh. Tông Bính học thông rộng, khéo giỏi các thứ đàn viết đồ họa, rất tinh thông Huyền ngôn. Lúc vua Võ Đế (Lưu Tục) thời tiền Tông đang ở tại Kinh Châu vời Tông Bính làm Chủ Bộ mà Tông Bính chẳng chịu ra làm. Hỏi về nguyên do, Tông Bính đáp rằng: "Nương náu gò đồi, ẩm đượm hang cốc đã hơn 30 năm vậy". Bèn vào Lô Sơn dựng lập am Thất, cùng Viễn Công đồng chung Bạch Liên Xã. Về sau, người anh tên là Tạng làm Nam Bình thái thú, áp bức Tông Bính cùng trở về, Tông Bính mới đến 03 hồ ở Giang Lăng lập tạo vườn nhà, sau đó vời gọi làm tham quân thái úy duyện, Tông Bính đều chẳng chịu đến, mới sai Nam quận trưởng cấp kẻ lại phục dịch, từng có vài lần đưa thức ăn đến cấp tặng. Nam Dương Vương Nghĩa Quý đích thân đến nhà Tông Bính, bảo mang đại mặc áo vải ra cùng diện kiến, Tông Bính chẳng kính bái, Vương Nghĩa Quý nói rằng: "Thật chịu khuất phục tiên sinh vì trọng duyên có được chăng?". Tông Bính đáp: "Duyên như cỏ mục, suy thạnh có là sao, mến chuộng núi sông, đến liền quaên về". Tông Bính thường từ Tây Trắc Kinh Vu theo hướng nam lên Hành Nhạc. Đến lúc tuổi già hết đồ họa, ghi nơi phòng thất rằng: "Ta già suy vậy, Danh Sơn chẳng thể còn trông thấy lại, chỉ có lắng lòng quán đạo, nằm để đi đó, vỗ về đàn cầm mà động tiết tháo, muốn tất cả các ngọn núi đều cùng giao hưởng". Đến năm Nguyên Gia thứ 24 thời tiền Tống tức năm Quý mùi (nếu đúng năm Quý mùi (443) tức năm Nguyên Gia thứ 20, còn nếu là năm Nguyên Gia thứ 24 (447) thì phải là năm Đinh hợi vậy!), Tông

Bính qua đời hưởng thọ 69 tuổi.

6- Trương Dã ở Nam Dương

Trương Dã, tự là Lai Dân, người xứ Uyển Nhân; Nam Dương, sau dời đến ở Sài Tang; Tầm Dương, cùng Đào Nguyên Lượng thông làm hôn nhân. Học gần Hoa Trúc, khéo giỏi thuộc văn, tại Châu quận xưng cữ là Tú tài. Nam-trung-lang-phủ-công-tào-châu-trị-trung, sau đề cử làm Tán-kỵ-thường-thị, Trương Dã đều chẳng chiếu đáp ứng, bẩm tánh hiếu từ mến bạn, ruộng vườn nghiệp cũ đều giao phó cho em, chỉ một vị ngọt bùi, chỉ một vựa lúa tẻ, cùng 09 giòng tộc phân chia đó, nhưng Trương Dã chẳng đổi niềm vui. Phàm các thứ trước thuật lưu truyền nơi đời có hơn vạn lời, noi theo tôn kính Viễn Công, cùng đồng Khuông Viết với Lôi Thứ Tông và Lưu Di Dân. Đến lúc Viễn Công thị tịch an táng tại đảnh núi phía tây, Tạ Linh Vận làm bài Minh Chí, Trương Dã ghi lời tựa đó, tự xưng là Môn Nhân. Đến năm Mậu ngọ (418) tức năm Nghĩa Hy thứ 14 thời đông Tấn, Trương Dã qua đời, thọ 69 tuổi.

7- Trương Thuyên.

Trương Thuyên, tự là Tú Thạc, người xứ Chi Tộc; Li Dân, tánh tình cao xa, ham thích các thứ sử sách, tuy canh cày mà còn mang sách kinh tự vui. Triều đình vời cử làm Tán Kỵ thị thường, nhưng Trương Thuyên chẳng dư nhận, tìm vui với cảnh nhà nghèo khó. Đem Tầm Đương lệnh ban lộc đó, Trương Thuyên cười bảo rằng: “Người xưa chánh dùng dung tất tự an, khuất chí tôi cũng có gì làm vui ư?” nên trọn chẳng dự can. Trương Thuyên vào Lô Sơn, nương theo Bạch Liên Xã tu tịnh độ của Viễn Công. Đến năm Quý hợi (423) tức Cảnh Bình thứ nhất thời tiền Tống. Trương Thuyên qua đời, thọ 65 tuổi.

8- Đại Sư Giác Tịch ở chùa Tây Lâm

Đại sư húy là Tuệ Vĩnh, vốn giòng họ Phồn, người xứ Hà Nội. Năm 12 tuổi, phụng thờ Sa-môn Trúc Đàm hiện làm thầy, Đại sư có được Tuệ ngộ tập học xưa trước nên đối với nội ngoại giáo điển không gì chẳng thông đạt. Và đối với trong Phật sự, Đại sư chuyên lấy sự hành tập Thiền Định làm vui. Trước kia đã cùng Pháp sư Tuệ Viễn đồng nương tựa Sa-môn Đạo An ở Hằng Sơn, cũng cùng ước hẹn đồng lập thảo am ở núi La Phù. Sau đó, Đại sư đến dừng ở tại Tầm Dương trước, khoảng đầu niên hiệu Thái Nguyên (376) thời đông Tấn, Thứ sử Đào Phạm rất mến trọng Đạo Phong của Pháp sư, uyển nhã như đồng bạn từ

xưa trước, từ đó lưu giữ Đại sư dừng ở tại Lô Sơn, xả bỏ vườn nhà cùng nương náu. Đại sư vốn trinh thuần kiết tố tự nhiên, gạn lọc trong sạch tự tâm, chế khắc bản thân mình, nói năng luôn mỉm cười, ngôn ngữ chẳng tổn hại vật, lại riêng lập am vườn ở trên đảnh núi, mỗi lúc muốn thiền tọa tư duy thì Đại sư sang đó ở. Tại chỗ Đại sư ở thường có mùi hương thơm phảng phất, nhân đó mà gọi là Hương Cốc. Trong phòng Đại sư thường có con hổ, mọi người đến hoặc khiếp sợ, nên Đại sư xua đuổi hổ lên núi, mọi người đi rồi, hổ trở lại nằm trong phòng thuần quen. Về sau, Pháp sư Tuệ Viễn ở viện Long Tuyền, đồ chúng ngày một đông nhiều, Đại sư mới mời Pháp sư Tuệ Viễn đồng đến nghỉ ở tại Hương Cốc. Lại cảm điềm Thần mộng khác lạ, Hoàn y tạo lập chùa Đông Lâm. Đại sư mới lấy hiệu nơi ở của mình là Tây Lâm. Trần Quốc tướng quân Hà Vô Kỵ đến trấn nhậm tại Tầm Dương, mỗi lúc đến chiêm lễ thảy đều rất mực chí thành. Đại sư chuyên ý hành trì Pháp môn Tịnh Độ. Đến năm Giáp dần (414) tức năm Nghĩa Hy thứ 10 thời đông Tấn, Đại sư cảm mắc bệnh rất nặng, một ngày nọ bỗng nhiên ngồi dậy, chỉnh sửa y phục, chấp tay, tìm kiếm giày dép muốn dậy đi, như không điều thấy, Đại chúng đều kinh sợ mà hỏi. Đại sư đáp rằng: "Phật đến!". Nói xong, bèn thị tịch, Đại sư hưởng thọ 83 tuổi. Khi ấy trong núi nghe có mùi hương thơm suốt 07 ngày không ngưng dứt. Đại chúng bèn nghinh thỉnh toàn thân Đại sư an táng cách chùa 200 bộ về phía tây. Đến thời nam Đường, vua Nguyên Tông (?) lại tạo dựng tháp đình, sau đó lại ban giáng phần hoàng, truy phong Đại sư thụy hiệu là: "Giác tịch Đại sư", tháp hiệu là "Thật Trí".

9- Đại Sư Phổ tế ở chùa Đông Lâm

Đại sư Trúc Đạo Sinh vốn giòng họ Ngụy, người xứ Cự Lộc, đến ngụ ở tại Bành Thành, gia đình đời đời là hàng sĩ tộc phụ quảng. Đạo sư từ thưa mới chào đời đã dĩnh ngộ, thông triết như thần, thân phụ biết Đạo sinh hẳn chẳng phải khí vật tầm thường, về sau Đạo sinh nương theo Sa-môn Trúc Pháp Thải mà xuất gia, bèn lấy chữ "Trúc" làm họ. Đã giẫm bước vào Pháp môn, Đạo Sinh tư duy cao vợi, nỗi trội kỳ đặc, nghiêm tầmpháp vị cú nghĩa, xúc loại mở giải. Năm 15 tuổi, Đạo Sinh bèn lên giảng tòa, nhả nạp hỏi đáp như xỏ xâu chuổi châu ngọc, đến năm 20 tuổi, Đạo Sinh khí chí soi xét ngày một sâu xa. Đến năm Tân hợi (411) tức năm Nghĩa Hy thứ 07 thời Đông Tấn, Đạo Sinh mới vào Lô Sơn, nương náu suốt 07 năm, để mong cầu chí khí ấy, thường lấy cốt yếu vào Đạo dùng Tuệ giải làm gốc, nên tán ngưỡng các kinh

điển, chước rót nghĩa tạp, muôn dặm đều tùy theo pháp, không sợ khổ nhọc, Đạo Sinh mới lần đến Trường An, thọ học nói Đào tràng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, Chư Tăng ở Quan trung đều tôn xưng Đạo sinh là Thần Ngộ. Sau đó, Đạo Sinh trở về lại kinh đô, dừng ở tại chùa Thanh Hà, kiểm duyệt chân tục, tư duy nghiên tầm nhân quả, mới nói: "Thiện chẳng thọ báo, đến ngộ thành Phật, soạn thuật luận "Tánh thường hữu", luận "Pháp thân vô sắc", luận: "Hữu vô Tịnh Độ duyên" v.v... bọc trùm các thuyết xưa trước, khéo diệu có ý chỉ sâu mầu, mà các hàng cháp giữ văn ghét ganh phân khởi. Lại thêm, 06 quyển kinh Niết-bàn mới đầu truyền đến kinh đô, nói hạng người A Xiển để được thành Phật. Bấy giờ Đại bản kinh Niết-bàn chưa hoằng truyền đến, chỉ 01 mình Đạo sinh phát minh trước hết thấy ngược với mọi người, do đó, các vị cựu học cho là Tà thuyết, bèn ruồn đuổi Đạo sinh đi khỏi nơi đó. Đạo sinh mới nghiêm sắc mặt phát thệ nguyện rằng: "Nếu như điều nói của Tôi trải với nghĩa kinh thì xin ngay hiện thân này cảm mắc tật bệnh. Còn như đối với thật tướng cùng không chống trái, xin nguyện xả bỏ sự nhận biết nay đây". Đạo Sinh ngồi nơi tòa nhà sư tử, nói lời ấy xong liền rủ áo mà đi vào núi Hổ Khê ở Ngô quận. Chỉ trong 10 ngày mà Học đồ có đến vài trăm người. Đến mùa hạ năm nọ, sấm sét chấn động nơi điện Phật vườn xanh, rồng bay lên giữa trời, các vị thức giả nín thinh mà than rằng: "Rồng đã bay, Đạo Sinh hẳn đi vậy!". Quả nhiên, Đạo Sinh giả từ Đại chúng, lại trở về Lô Sơn, lắng ảnh nơi núi hang sâu. Về sau, Đại bản kinh Niết-bàn lưu truyền đến nam kinh, quả thất kinh văn nói là xiển đề đều có Phật tánh, cùng với điều nói xưa trước của Đạo Sinh như hợp phù khế vậy. Đạo Sinh đã có được bản kinh đó, sau đó lại giảng thuyết. Đến tháng 10 năm Giáp tuất (434) tức năm Nguyên Gia thứ 11 thời tiền Tống, Đạo Sinh đang giảng thuyết nơi Pháp tòa tại Tinh Xá Lô Sơ, Đại chúng đều cung kính lắng nghe, đến lúc pháp tịch sắp hoàn tất, bỗng nhiên thấy phất trần phân loạn mà rơi rớt, Đạo Sinh ngồi đoan nghiêm tựa ghế mà thị tịch, nhan sắc không đổi khác, uyển nhiên như nhập định, các hàng Đạo tục đều tán thán kinh dị. Các Đại sư ở kinh đô nghe thế, thảy đều sám hối tin phục. Bèn an táng nhục thân Đạo Sinh tại gò của Lô Sơ. Vương Vi sánh ví Đạo Sinh bằng với Quách Lâm Tông, mới vì lập truyện, thuật bày Di đức. vua Nguyên Tông (?) ban sắc dựng lập nhà phụng thờ, xây tạo bảo tháp, truy phong thụy hiệu là "Phổ tế Đại sư", đề tháp hiệu là "Pháp Thí".

10- Pháp sư Thích Tuệ Trì.

Pháp sư Tuệ Trì là con ruột của Pháp sư Tuệ Viễn, chí khí xung nhiên có lượng cao xa. Năm 14 tuổi tập học đọc sách, mỗi 01 ngày ghi nhớ có thể sánh địch 10 ngày của mọi người, khéo giỏi văn sử rất hùng tài chế thuật. Năm 18 tuổi, Pháp sư cùng anh (Tuệ Viễn) xuất gia, đồng tôn thờ Sa-môn Đạo An làm thầy, học khắp các kinh, đọc hết Tam tạng. Pháp sư thân cao 08 thước, thức thần phong thái sáng suốt, thường nam giày cỏ, mặc áo nạp nữa co lưng. Mới đầu đồng ở Bạch Liên Xã Tịch Độ Đạo tràng tại chùa Đông Lâm. Đề chúng tại Lô Sơn qua lại có cả 3000 vị, mà Pháp sư xứng bậc thượng thư. Tam tạng Pháp sư Cưu ma la thập ở tại quan trung xa cùng khâm trong kính phục. Đến năm Long An thứ 03 (399) thời đông Tấn, Pháp sư muốn vân du chiêm lễ các Thánh tích ở núi Nga My, bèn chống tích đến mân tụ, mới giả từ Pháp sư Tuệ Viễn để vào đất thục. Pháp sư Tuệ Viễn khổ tâm muốn lưu giữ nhưng không thể được mới than rằng: “Mọi người ai ai cũng thích nhóm tụ vui vầy, chỉ riêng ông lại thích chia lìa!” Pháp sư nói rằng: “Nếu như ứ trệ tình ái ham thích nhóm tụ, vốn chẳng nên xuất gia, nay đã cắt ái ân cầu Đạo, chánh vì chỉ lấy tây phương Tịnh Độ làm nơi ước hẹn vậy!”. Từ đó, bèn buồn bả mà giả biệt, Pháp sư qua Kinh Châu. Ân Trọng Kham, Hoàn Huyền đề tiếp lễ đãi ngộ muốn lưu giữ Pháp sư nhưng đều không thể được. Pháp sư đến chùa Long Uyên huyện Vì thiệu, thành đô đất Thục. Mọi người lên đến nơi phòng thất Pháp sư dừng ở đều gọi là lên cửa Rồng. Tiều Túng đến nhiễu loạn theo con là Đạo Phước là kẻ hung nghịch rất lắm, vào chùa, người ngựa đều tắm máu, chúng tăng trông thấy rửa cho, không trái nghịch. Đạo Phước trông thấy thế, hổ thẹn sám hối đổ mồ hôi, nói cùng mọi người chung quanh rằng: “Thật là bậc Đại nhân nên có khác với mọi người!”. Đến năm Nhâm tý (412) tức năm Nghĩa Hy thứ 08 thời đông Tấn, Pháp sư thị tịch, hưởng thọ 72 tuổi.

11- Tôn giả Phật-đà-da-xá người nước Kế Tân.

Phật-đà-sa-xá, tiếng trung hoa phiên dịch nghĩa là Giác Minh. Tôn giả vốn chủng tộc Đại Bà-la-môn, người nước Kế Tân. Năm 13 tuổi, tôn giả theo Thầy vân du đến khoảng đồng trống, tình cờ gặp hổ, Thầy muốn lánh mặt, tôn giả nói: “Hổ này đã no, hẳn không còn ăn thịt người”. Chỉ chốc lát, hổ bèn bỏ đi, đến giữa đường quả nhiên thấy thức ăn còn thừa, Thầy kín lấy làm lạ đó. Đến năm 15 tuổi, tôn giả trì tụng kinh Đại thừa có trăm vạn lời. Khi ấy mới đang là Sa Di, Tôn giả đã tập học luận Ngũ Minh, các thứ pháp thuật ở thế gian phần nhiều tôn giả đều có luyện tập. Nhưng tánh tình Tôn giả kén chọn khinh ngạo

cho là hiếm người kham nỗi làm bậc thầy của mình. Đến năm 27 tuổi, Tôn giả mới thọ giới cụ Túc, thường xuyên đọc tụng, tay chẳng rời bỏ quyển sách. Mỗi lúc đoan tọa tư nghiệm nghĩa lý, Tôn giả còn lường tấc bóng mà than. Sự tinh chuyên của Tôn giả đến nỗi như vậy! Lúc ở tại Sa Lặc, Tôn giả đã cùng Tam tạng Pháp sư cưu ma la thập rất kính trọng nhau, về sau, vào nước Quy tư, hoằng dương Phật pháp rất hưng thạnh. Khi ấy, La Thập đã bị Lã quang giam giữ. La Thập ở tại Cô Tàng, sai người mang thư cần thiết đến Tôn giả muốn theo đó, nhưng engại mọi người trong nước (Quy Tư) lưu giữ lại, mới dùng 01 bát nước trong, bỏ thuốc vào trong đó chú nguyện vài mươi lời, đưa cho Đệ tử cùng rửa chân, rồiđang trong đêm cất bước ra đi, đến sáng sớm thì đã cách xa vài trăm dặm, dân chúng trong nước tìm đuổi theo không kịp. Tôn giả hỏi Đệ tử là: “Ông cảm thấy thế nào?”. Đệ tử đáp: “Chỉ nghe tiếng vọng hưởng của gió vút nhanh, mà trong khóe mắt có đổ lệ”. Tôn giả mới vì chú nguyện vào nước và bảo rửa chân rồi mới ngưng. Khi vừa đến Cô Tàng thì Thập Công đã vào Trường An, mới xin Diêu Hưng nghinh tiếp đó. Tôn giả riêng dựng lập Tân tỉnh tại vườn Tiêu Dao, cùng La Thập đối chiếu phiên dịch các luận Thập-trụ-bà-sa v.v... Tôn giả có viền râu mép sắc đỏ, nên người thời bấy giờ xưng gọi Tôn giả là: “Xích tỳ luận chủ” (vị luận sư râu mép đỏ). Trước sau mọi người dâng tặng các Di vật, cúng dường trí sự mà Tôn giả đều chẳng nhận lấy, đến thời khắc thì đi khất thực, mỗi này chỉ thọ trai 01 bữa bèn thôi. Các thứ y bát ngọa cụ, v.v... chất đầy phòng thất 03 gian, mà Tôn giả chẳng lấy làm quan Tâm. Diêu Hưng lại vì bán đổi đó mà tạo dựng chùa tại phía nam Thành. Tôn giả, trước chuyện đọc tụng luật Đàm Vô đức, Diêu Hưng nghi ngờ có sai nhầm mới thử khiến đọc Khương Tạ dược phương có đến 05 vạn từ, qua 02 ngày sau, Diêu Hưng nắm văn quyển dò lại, Tôn giả đọc chẳng nhầm sai 01 chữ, mọi người mới phục khả năng nhớ mạnh Kỷ của Tôn giả. Trong khoảng n iên hiệu Hoằng Thỉ (?) thời Hậu Tần, Tôn giả Phiên dịch luật Tứ hần thành văn tự Trung Hoa thời hậu tần. Năm Nhâm tý (412) tức năm Nghĩa Hy thứ 08 thời đông Tấn, Tôn giả vào Lô Sơn vì Viễn Công mà dự phần làm khách của Bạch Liên Xã. Sau đó, giả từ Tôn giả trở về lại quê cũ, từ nước Kế Tân, Tôn giả đem Kinh Hư Không Tạng 01 quyển gởi tặng khách, đến Lương Châu. Không biết về sau Tôn giả như thế nào!

12- Tôn giả Phật-đà-bạt-đà-la người nước Kế Tân.

Phật-đà-bạt-đà-la, tiến Trung Hoa phiên dịch nghĩa là Giác Hiền.

Tôn giả vốn giòng họ Thích, người nước Ca-duy-la-vệ là em cháu của Cam-lồ-phạm Vương. Năm 03 tuổi, Giác Hiền đã phải chụi tang thân mẫu, đến năm 05 tuổi lại phải chịu tang thân phụ, Giác hiền được bên giòng họ ngoại nuôi dưỡng. Theo Tổ Cưu-ma-bà-lợi nghe Giác Hiền là người thông ngộ, mới nghinh đón trở về độ cho làm Sa Di. Năm 17 tuổi, Giác Hiền cùng bạn đồng học vài người đều lấy sự tụng tạp làm hạnh nghiệp chính. Mọi người tụng tập 01 tháng, thì Giác Hiền chỉ đọc tụng trong 01 ngày, nên được thầy ngợi khen rằng: “01 ngày, Giác Hiền có khả năng địch nỗi 30 người/1”. Đến lúc đã thọ giới cụ túc, Giác hiền lại rộng học các kinh, có lắm điều thông đạt. Từ thủa thiếu thời, vì chuyên Thiền Luật nên Giác Hiền đã nổi danh, cùng Sa-môn Tăng-già-đạt-đa là bạn học đồng xã cùng đi đến nước Kế Tân. Sa-môn Tăng-già-đạt-đa tuy kính phục tài năng thông mẫu của Giác Hiền nhưng chưa lường biết về con người Giác Hiền như thế nào, sau, đang tọa thiền nơi Thất Kính, bỗng nhiên thấy Giác Hiền đến, Sa-môn Tăng-già-đạt-đa kinh hãi mà hỏi về ý thú. Giác Hiền đáp là: “Tạm đến đâu suốt kính hầu Bồ-tát Di lặc”. Nói xong, Giác Hiền bèn ẩn, Sa-môn Tăng-già-đạt-đa mới biết sức thần của Giác Hiền, sau lại thấy được các thứ thần biến, bèn kính tâm cầu hỏi, mới biết Giác Hiền là người đã chứng đắc quả vị Bất Hoàn. Giác Hiền vui thích du phương hoằng hóa, mới vượt Thông lãnh trải qua 06 nước, từ giao chỉ nương thuyền vượt biển đến quận Đông Lai; Thanh Châu. Nghe Cưu-ma-la-thập ở tại Trường An, Giác Hiền liền sang theo đó. La thập rất vui mừng cùng nhau đồng phát huyền chỉ, có lắm điều suy trọng nhiếp phục. Sau đó, Giác Hiền đến Lô Sơn, Pháp sư Tụe Viễn từ lâu đã nghe Đạo phong của Giác Hiền mới nghiêng che như cũ, Giác Hiền đến núi phía sau Hương Cốc dựng lập am tranh mà ở. Từ đó ở Giang Đông, mới bắt đầu đam vị Thuyền duyệt. Trước đó có vị Sa-môn đến nước Vu Điền thỉnh được phần đầu Kinh Hoa Nghiêm, có cả thay 36000 kệ tụng, nhưng chưa có ai truy dịch. Năm Nghĩa Hy thứ 14 (418) thời đông Tấn, vua An Đế (Tư Mã Đức Tông) mới thỉnh mời nghinh đón Giác Hiền đến chùa Đạo Tràng làm Dịch Chủ, cùng Ngô-quận-nội-sử Mạnh Khải, Hữu-vệ-tước-quân độ, Sa-môn Pháp Nghiệp v.v... thuyên định văn chỉ, hợp thông Hoa văn lẫn Phạm ngữ, khéo được ý thú của kinh, và trước sau cùng phiên dịch được các kinh luận như Quán-phật-tam-muội-hải v.v... cả thảy 95 bộ, 117 quyển đều lưu hành ở đời. Đến năm Nguyên Gia thứ 06 (429) thời tiền Tống, Giác Hiền thị tịch tại Kiến Nghiệp, hưởng thọ 71 tuổi, Giác Hiền có 03 viên Xá-lợi của Đức Phật Thích Ca thường luôn mang theo bên mình, nhân đó an

táng tại đãnh núi phía bắc, và dựng lập bảo tháp vậy.

13- Pháp sư Thích Tuệ Duệ.

Pháp sư Thích Tuệ Duệ người xứ Ký Châu, xuất gia từ thủa thiếu thời, gìn giữ tiết tháo thanh cao, rộng học du phương, du lịch khắp các nước, đến biên giới xứ nam Thiên Trúc, dịch âm Cổ huấn, Nghĩa phương khác lạ, không gì chẳng thông hiểu. Sau đó trở về dừng ở Lô Sơn, dựa vào Bạch Liên Xã tu tịnh nghiệp với Pháp sư Tuệ Viễn, thường đến kinh đô, dừng ở tại chùa Ô y, Tuệ Duệ giảng thuyết đều tư duy sâu triệt vượ ngoài lời. Trong thời tiền Tống, Bành Thành Vương Nghĩa Khương thỉnh mời vào để cầu xin thọ giới. Tuệ Duệ bảo rằng: "Nghe lễ thì đến cầu học". Vương Nghĩa Khương rất hổ thẹn mới vào chùa kính lễ chí thành để vâng thọ giới pháp. Sau đó, Nghĩa Khương đem áo lông cừu lông chuột dâng tặng, Tuệ Duệ chẳng vận mặc, thường để ngồi vậy. Vương Nghĩa Khương kín sai các kẻ tùy tùng mua lấy bằng 30 vạn tiền. Tuệ Duệ bảo: "Tuy chẳng phải thứ đáng mặc, nhưng Đại Vương ban thí, tạm vì theo dùng vậy". Tạ Kinh Vận rất dốc tín khéo giỏi Phật lý, ngôn ngữ khác lạ trong thế tục phần nhiều có được thấu đạt, mới đem các chữ trong kinh cùng các âm chứng đến cùng Tuệ Duệ trược thuật 14 âm huấn, tuần tự phân bày, Phạm Hán rành rẽ đáng rõ ràng, khiến văn tự có nơi y cứ. Đến nămKỷ mão (439) tức năm Nguyên Gia thứ 16 thời tiền Tống. Tuệ Duệ thị tịch, hưởng thọ 85 tuổi. Người thời bấy giờ tôn xưng trong thời đông Tấn có 04 bậc Thánh đó là Đạo Sinh, Tăng Triệu, Đạo Dung và Tuệ Duệ là 01 trong 04 vị đó vậy.

14- Pháp sư Thích Đàm Thuận.

Thích Đàm Thuận, người xứ Hoàng Long, xuất gia từ thuở bé thơ, thân gần tiếp thừa sự dạy răn của Tam tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập, mọi điều nghi trệ xưa trước phần nhiều đều được mở thông, bàn luận chiếc nghị tinh rành, giảng thích các kinh, diễn giải tán thán Đại thừa, trọn ngọ Huyền Vi, sắc không chẳng đấm trước, Pháp sư La Thập thường ngợi khen rằng: "Đàm thuận thật là con người kỳ khí vậy!". Về sau, vào Lô Sơn, theo Pháp sư Tuệ Viễn đồng tu pháp môn tịnh đột tại Bạch Liên Xã, Chí Đại trội vượt chẳng ai bằng, lấy việc lợi tế làm gốc. Ninh man hiệu úy Lưu Tuân Khảo đến Giang Lâm tạo dựng chùa, thỉnh mời Đàm Thuận đến ở. Pháp sư Tuệ Viễn bảo nên theo đó. Đến năm Kỷ sửu (đúng phải là năm Ất sửu (425) vậy) tức năm Nguyên Gia thứ 02 thời tiền Tống, Đàm Thuận thị tịch, hưởng thọ 79 tuổi.

15- Pháp sư Thích Đàm Hằng.

Pháp sư Thích Đàm Hằng người xứ Giang Đông, xuất gia từ thuở bé thơ. Năm 13 tuổi, Đàm Hằng đã tập giảng các kinh luận Đại thừa, thông rành chí lý sâu xa. Đến lúcthọ giới cụ túc, đối với nội ngoại giáo điều thảy đều thông suốt, đức hạnh riêng sáng trong, thời gian không cải đổi, gá thần nơi cảnh sâu xa, có đàn nai thuần đến nhiểu quanh, thật là tâm vô ngã, vật tĩnh tự nhiên, nguyện tu tây phương đồng về Tịnh Xã. Đến năm Mậu Ngọ (418) tức năm Nghĩa Hy thứ 14 thời đông Tấn, Đàm Hằng thị tịch, hưởng thọ 71 tuổi.

16- Pháp sư Thích Đạo Bính.

Pháp sư Thích Đạo Bính vốn giòng họ Trần, người xứ Dĩnh Xuyên. Xuất gia từ thuở nhỏ, làm đệ tử của Pháp sư Tuệ viễn, thấu đạt kinh luật sâu mầu, dẫm trải đọc xem ngoại thư, đặc biệt rất thông rành về Lão trang, đức hạnh riêng trội vượt cao vợi, tuệ ngộ xưa trước sâu xa, các văn điển đã mở bày đọc qua không cần phải xen lại, giảng thuật kinh điển, lý vị thẳng suốt. Đến năm Mậu tý (Ngọ) (418) tức năm Nghĩa Hy thứ 14 thời đông Tấn. Dự Chương thái thú Vương Ngu vào Lô Sơn bái yết, mến chuộng Đạo phong nên thỉnh mời Đạo Bính làm sơn chủ, tiếp nối dấu vết của Đại sư Tuệ Viễn, mọi người đều vì nguồn Đạo nối tiếp dòng Pháp nên đều kính ngưỡng mà ủng hộ đó. Đến năm Ất hợi (435) tức năm Nguyên Gia thứ 12 thời tiền Tống, Đạo Bính thị tịch, hưởng thọ 71 tuổi.

17- Pháp sư Thích Đạo Kính.

Pháp sư Thích Đạo Kính thuộc giòng tộc Lang Da Vương, theo Tổ Ngưng đến làm Thứ sử ở Giang Châu. Năm Thái Nguyên thứ 16 (391) thời đông Tấn, vào Lô Sơn xuất gia làm đệ tử của Pháp sư Tuệ Viễn, rộng đọc xem sách nho, kiêm thông rành chí điển. Năm Thái Nguyên thứ 17 (392) thời đông Tấn. Đạo Kính thông hiểu các kinh luận Đại thừa. Mỗi ngày đọc tụng quá hơn vạn lời, tài năng tập học sâu xa, các bậc hiền giả ở đương thời thảy đều kính phục. Đạo kính thường tự than rằng: "Đối với giới luật, trọn đời khó giữ vẹn toàn, nguyên gạn lọc thanh tịnh 06 căn, chỉ xin bẩm thọ 01 giới!". Pháp sư Tuệ Viễn cũng chấp thuận cho đó. Đạo Kính nghiêm trì như băng sương ngời ánh, đức hạnh cao lớn rất hiển trước. Sau khi Pháp sư Tuệ Viễn thị tịch, Đạo Kính vào núi Nhã Da. Đến năm Canh thân (420) tức năm Vĩnh Sơ thứ nhất thời tiền Tống. Đạo Kính thị tịch, hưởng thọ 51 tuổi.

18- Pháp sư Thích Đàm Tiên.

Pháp sư Thích Đàm Tiên người xứ Quảng Lăng, xuất gia từ thuở bé thơ, làm đệ tử của Pháp sư Tuệ Viễn. Đàm Tiên rất thông rành ngoại học, riêng khéo biết sắc màu các loài cầm thú trong núi rừng, tánh tình nhanh nhẹn hay chậm lụt, thông hiểu cành nhánh cỏ cây, mùi vị đắng ngọt tốt xấu. Lại rất có tài giảng nói, phong thần trội vượt tỏa sáng, bờ khí ngưng xa, xét rõ truyền tả, cầm giữ bản chẳng rời, chú giải kinh Duy Ma, trước thuật "Cùng thông luận". "Liên Xã Lục". Sau 55 tuổi mới tạo dựng chùa. Đến cuối năm Canh thình (440) tức năm Nguyên Gia thứ 17 thời tiền Tống, Đàm Tiên thị tịch, hưởng thọ 79 tuổi.

■

GHI VỀ LÔ SƠN

QUYỂN 4

CHƯƠNG VI: NHỮNG GHI VIẾT CỦA NGƯỜI XƯA LƯU LẠI.

Những điều ghi chép của người xưa lưu lại về Lô Sơn thật lắm nhiều, lời trong câu sáng đã rơi vào miệng người. Các bậc già lão ở núi đồng tương truyền không ngưng dứt. Tuy nơi hang sâu cùng cốc, hiếm ít dấu chân người bước đến. Lại những con người đã từng xa cách hàng trăm năm. Nhân văn từ ấy mà tưởng biết phong thái của học, có như giẫm vết đồng đi và đồng án kỷ chung cùng bàn nói vậy. Nên thơ trong núi của các bậc hiền giả ở thời nhà Tấn, tiền Tống, thường luôn còn có thể thấy được. Đến trong triều đại bắc Tông, có Trương Hối đền ở nhờ, vân du Lô Sơn rất lâu, các nơi đá nước đẹp xinh, phần nhiều có thơ ở trong đó. Từ khi có "Lô Sơn tâp". Nhân thời bình trở lại, mọi người mến chuộng phong nhã, các bậc hiền sĩ của Triều Đình lại lêncao đến xa cũng có hứng thú của Phong nhân tao, phàm để lại các Thiên thập đều đồng 01 thời gian. Năm tháng của con người chỉ 01 sáng sớm rất gần, chẳng hoạn nạn không lưu truyền vậy. Nay đây ghi chép căn thơ của những người từ thời tiền Đường trở về trước, làm thành 01 chương, quý ở tại mà khinh rẻ mắc vì chiếm lấy bỏ vậy.

*** Đến Lô Sơn:**

Của Pháp sư Tuệ Viễn

Hang cao nhã khí trong
Núi sâu gá vết thần
Lời hiếm hòa các Tiếng
Vọng hưởng núi rơi ra
Có khách riêng ngầm đến
Đường đi quên nơi đến
Khua tay vỗ cửa mây
Cửa Linh sao đủ mở
Lưu tâm gõ nghe sâu

Cảm chí lý chẳng cách
Ai từng lên Cửu Tiêu
Chẳng đoạt cánh Xung Thiên
Khéo đồng đến tự bắt
(Chưa thấy hết toàn văn).

*** Phụng Hoa:**
Của Lưu Di Dân

Lý Thần hẳn siêu tuyệt
Lước qua hiếm đồng cùng
Ai đến ngoài khói tiêu
Hiểu rõ cùng vật phân
Mờ mờ trong Cốc Cao
Tiếng vọng tu tự nghe
Vầng núi không rỗng đẹp
Giao đảnh thông vùng mây
Ngô sâu Uyển Xung Tư
Tại cần mở thầm vui
Trong hang nâng hứng nhỏ
Núi tưởng sâu xa nghe
Sáng yếu trở về soi
Mạnh nhở Phó Linh Huân
Vĩnh đào thợ Huyền Tân
Rơi chiểu đợi rỗng cân.

*** Phụng Hòa**
Của Vương Kiều Chi

Vượt xa hiếm gặp Thần
Diệu Thiện tự cao đồng
Cùng vua cảnh ngợi rỗng
Mịt mờ bụi bít ngăn
Các gò bằng liêu quách
Một núi riêng trội cao
Tiêu cảnh nhờ hang rơi
Khí trong cùng thời êm
Có nêu đến Thần Cực
Có khách vượt non kia
Sông dài rửa đều tốt

Mưa hiểm bày tùng thu
Bước cao đến tuyệt mờ
Hác linh ngời vạn lớp
Gió suối điều khí xa
Vọng vang nhiều vui hưởng
Xa đẹp đã dài lâu
Mắt xin nhiều Cửu Giang
Sự thuộc cỏi trời người
Thường nghe tiếng trong thổi.

*** Phụng Hòa**
Của Trương Dã

Nhìn đãnh lẫn thái tượng
Trông sườn chẳng nghiệm đâu
Vật xa nhóm giữa trời
Vượt bộ chẳng thiếu dầu
Đi lại qua lắm cấp
Một nhấc dứt trần nhiểu
Ttỏ sáng trong mắt xinh
Thoáng vút xa nhìn hậu
Nương đỏ lắng ngời tâm
Có thể quên vết ngọc
Gió thoáng khắp vườn sâu
Đường yêu hẳn giảm chết.

*** Vào cửa hồ Bành Lễ**
Của Tạ Linh Vận

Khách đến nhọc nước đêm
Gió trào khó luộm đủ
Châu Đảo chợt xoay hợp
Sườn bờ đổ cỏ hoang
Nương trăng nghe kủi buồn
Thấm mốc thoảng mùi hương
Xuân muộn đồng xanh đẹp
Hang cao mây trắng giăng
Ngòm nghĩ nhỏm đêm ngày
Muôn cảm đầy sớm tối
Vui sườn soi gương đá

Kéo lá vào cửa tùng
Ba sông sư lắm qua
Chín dòng Lý không còn
Vật Linh lộn quý lạ
Khác người kín tinh hồn
Cao vàng dứt ánh sáng
Nước biết cạn dòng ấm
Nhọc làm cang ngàn dặm
Đàn tuyệt nhớ càng lâu.

*** Trông nhìn Thạch Môn**
Của Tạ Linh Vận

Sáng mở vạch mây phủ
Lên cầu xa gả dừng
Núi cao cách nữa trời
Sườn dài dứt ngàn dặm
Gà gáy giữa khe trong
Vượn ngâm trong mây trắng
Sóng Dao ruồng không mở
Ráng đá xui núi bày
Xoay cùng chẳng một hình
Sâm sai đều tương tợ.

*** Lên đảnh tối cao của Thạch Lam**
Của Tạ Linh Vận

Sớm sách tìm tuyệt vách
Tối nghỉ tại núi lầu
Núi thoáng gối quán cao
Đối đỉnh gần khe xoay
Rừng dài bày sân cửa
Khất đá nông thềm nền
Liền hang thấy đường bít
Trúc kín khiến đi nhanh
Người lại quên thuật mới
Kẻ đi hoặc lối tắc
Sống đêm dòng ngựa chạy
Gào gào tiếng vượn khóc
Thầm lắng đâu lý riêng

Giữ Đạo tự chẳng dắc
Tâm hợp cánh chín Thu
Ngày vui mầm ba xuân
Sống thường vì đợi trọn
Ở thuận nên gạt sao
Tiếc không khách đồng lòng
Cùng lên thang mây xanh.

*** Lên Lô Sơn**
Của Bảo Chiêu

Dáng cao loạn âu nước
Khách bạc lần trụ núi
Ngàn hang tưởng chồng chết
Muôn hác thế xoay quanh
Lung tung dáng cao xưa
Phân loạn tên tiếp trước
Khe động nhìn mạch đất
Cây đứng ẩn ngang trời
Thềm trùng một mê kín
Mây dưới tháo tung hoành
Băng ngầm Hạ thường đóng
Cây cứng đêm Dông Tươi.

*** Theo Quán quân Kiến Bình Vương lên núi Hương Lô**
Của Giang Yêm

Quảng Thành mến Thần đảnh
Hoài Nam chuộng Đan Kinh
Núi đây đủ Loan Hạc
Xưa trước hết Tiên linh
Dao đứng thẳng hợp đẹp
Ngọc dựng tin trùng xanh
Ráng hơi dưới quanh mong
Mây trắng trên mịt mờ
Ngồi trong nhìn vòng cong
Gắng cúi trông dòng sao
Chẳng tìm xa cùng lạ
Thì biết tai mắt kinh
Bóng rơi bãi cát dài

Từng nậm muôn dặm sống
Ta lon vốn nhiều ý
Gần gió lắng ngậm tình
Vừa học Bách tùng ẩn
Thẹn theo danh giếng chợ
Vâng thừa cuối Quang tụng
Cúi nghĩ gá sau cờ.

*** Chùa Đông Lâm**
Của Lưu Hiếu Xước
Điện trăng ngời phan ngọc
Gió xoay hòa linh báu
Sớm vượn réo rui xà
Tối tiếng nước róc rèm
(không thấy hết toàn bài!)

*** Ghi đề về Quán Giản Tịch**
Của Trương Chánh Kiến
Hai cầu khe cách tuyệt
Ngàn nhận đường khó thông
Dây trong cổi Thần Tiên
Mắt bảng ngời Tiên cung
Gương tợ gần non trăng
Dòng như uống khe mống
Quế sâu không lường ảnh
Tùng xa gió mạnh lay
Chỉ ngay đây xa ngóng
Biết tại trong trắng mây.

*** Thu muộn về lại Bành Trạch**
Của Trương Chánh Kiến
Tham quan đến gò hác
Hỏi thu đầy bằng cao
Đường lắm lối thành Dãi
Cửa thông giữa cỏ cây
Núi sáng sắc mây họa
Trờìi trong chim bay cao
Tự có nhậu Cúc đông

Về mang đầy rượu đục.

*** Trở lại trong núi Bành Trạch đi lúc sáng sớm**

Của Trương Chánh Kiến
Lay rơi sáng trong núi
Hơi thu khắp góc rừng
Ánh đóm ngời ngọn cỏ
Ảnh chim hiện đầu cành
Nắng tàn lánh ngày hết
Dứt ráng theo gió bày
Không về huyện Đào Tiên
Trọn chẳng Tống ngọc Tài.

*** Lên Lô Sơn**

Của Lưu San

Khói đồng tỏa trên am
Hoa núi rơi trước Kiếng
Cầu cao lấy Hác lớn
Thác nước Quế giữ trời
Tần thỉ ngắm vũ trụ
Hán Võ lên Tinh Chiên
Kết am phân chiếu cũ
Giữ thuyền ánh năm xưa
(không thấy được hết toàn bài!)

*** Đến chùa Đông Lâm**

Của Thôi Dung

Trước qua dưới khuông sơn
Anh xuân sớm lọng bày
Nay lại sông Bồn cong
Nhạn thu bay về muộn
Nước có Văn Hoàng Triệu
Người thẹn trách truyền về
Xoay đi qua phạm tháp
Xem cùng khắp kinh Ngô
Cây Hạnh trồng lâu năm
Hoa sen nơi khắc dấu
Nam Khê mưa vùn vụt

Đông hiệu mặt nhật ngời
Thác giọt gậy Thiên Chương
Hương Lô vườn pháp chúng
Khói mây theo đường đi
Loan Hạc xa ngựa kèm
Xa lên Linh nghi túc
Sinh Huyền bòm gậy khua
Một đây nhìn ảnh phật
Tạm muốn áo chầu

Ngày 29 tháng 02 năm Nguyên Hòa thứ 13(818) thời Triều Đường, Tằng Tôn-Triễu-Tân-đại-phu-sí-trù-tiết-giang-châu-các-quân-sư, . Giang Châu-thứ-Sử -Thượng-tụ-quốc-thanh-hà-Huyện-khai-quốc-nam-tử-tử-kim-ngư-đại Năng Tái khắc ghi.

*** Chiều muộn ghé Tầm Dương trông nhìn Lô Sơn**

Của Mạnh Hạo Nhiên

Trong không vầng nguyệt chiếu
Người thuyền biết gió xoay
Treo chiếu chờ tỏ sáng
Xa tít trong hồ Bành
Giữa dòng thấy Đảo xa
Thế hùng đè chín sông
Im lìm khách đợi tạnh
Vời vợi ráng hồng lên
Lô Sơn một ngày mới
Thác nước phun thành vồng
Lâu muốn tìm hướng tử
Huống nay nhớ Chiễn Công
Tôi đến phần, phần lo việc
Chưa rãnh nghĩ thân mình
Hoài Hải đường gần nữa
Nắng sương năm sắp cùng
Gõi lời người hang Cốc
Hẳn đến ngày sau đồng.

*** Lô Sơn ca về Gá nghỉ am thuyền rỗng thị ngự**

Của Lý Bạch

Ta vốn kẻ ngong cuồng

Phụng ca cười khổng khâu
Tay cầm gạy ngọc xanh
Sớm lìa Hoàng hạc lâu
Ngũ nhạc tìm Tiên chẳng lìa xa
Một đời thiếu đến cảnh Danh sơn
Lô Sơn đẹp, ra bên Nam đẩu
Gió chằn chín lớp mây gấm giăng
Ảnh rơi hồ gợn ánh sáng xanh
Cửa vàng trước mở hai núi dài
Sông bạc treo ngược ba cầu đá
Hương Lô dòng thác xa cùng trông
Sườn xoay núi Hạnh lước xanh
Biếc xanh ảnh hồng rỏng ngời sáng sớm
Chim bay chẳng đến trời Ngô dài
Lên cao trang quán khoảng đất trời
Sông lớn mờ mịt đi chẳng về
Mây vàng ngàn dặm rung sắc gió
Sóng trắng chín luồng nguồn núi tuyết
Thích làm lời ca Lô Sơn, hứng phát từ Lô Sơn
Rãnh nhìn Gương đá sạch lòng ta
Tụ công nơi đến, rêu phủ hết
(Có một bản nói là:
“Rêu xanh nơi mơ treo trăng tỏ”)
Sớm đượm xoay Đau không tình đời
Đàn tâm ba lớp Đạo mới thành
Xa thấy tiên nhân trong mây lụa
Tay nắm phù dung chầu ngọc kinh
Trước mong mờ khả trên chín Đàn
Nguyện tiếp Lô vui đến Thái Thanh.

*** Giã biệt Tăng sĩ chùa Đông Lâm**

Của Lý Bạch

Đông Lâm nơi tiễn khách
Trăng tỏa vượn trắng kêu
Cười xa Lô Sơn (Tuệ Viễn)
Sao phiền qua Hổ Khê.

*** Trông dòng thác đổ ở Lô Sơn**
Của Lý Bạch

Tây lên núi Hương Lộ
Nam thấy dòng thác đồ
Tro dòng ba trăm trượng
Hác phung vài ngòn thước
Chợt như Điện Xẹt lại
Ẩm tợ ráng trắn bày
Mới sợ sông Hán rơi
Nữa rưởi trong mây trời
Ngữa nhìn thế mạnh thuyền
Mạnh thay! Tạo hóa công
Gió biển thổi chẳng dứt
Sông Trăng phản chiếu trời
Thong không bắn tóc cùng
Hai bên rửa vách biếc
Ngọc bay tan ráng nhẹ
Bọt nước phẩy đá hoang
Mà ta đến Danh Sơn
Đối cùngTâm càng mở
Thủ hợp ưa thích xưa
Nguyện trọn lìa nhân thế
Trời soi Hương Lô sinh khói tía
Xa nhìn thác nước treo sông dài
Dòng bay thẳng xuống ba ngàn thước
Nghi là sông bạc rơi chín trời.

*** Trông nhìn núi Nghĩ Lão ở Lô Sơn**
Của Lý Bạch

Đông nam Lô Sơn, núi Nghĩ Lão
Trời xanh vót nổi phù dung vàng
Cửu giang sắc đẹp nên cuộn kết
Tôi sắp đến đây cuộn mây tùng.

*** Tiễn đưa Lý nữ chân đằng không về Lô Sơn**
Của Lý Bạch

Thích người tướng nữ môn
Học Đạo mến Thần Tiên

Tay trắng uốc ráng Thu
Áo lụa kéo khói tía
Một sang gió lắng chất
Cưỡi loan ngồi yên Ngọc.

*** Tiểu đưa nội tầm Đăng không**
Của Lý Bạch

Ông tầm Đằng không Từ
Nên đến nhà núi xanh
Nước giã vân mẫu thực
Gió quét đá Nam hoa
Như khéo mến ở sâu
Cùng mời vui ráng tía.

*** Thác nước**
Của Tuyên Tông hoàng đế

Xuyên mây thấu đá chẳng nhọc lao
Tới đất mới hay ra nơi cao
Suối khe đâu dễ bám ở lại
Trọn về biển cả gợn sóng trào.

*** Lật Lý**
Của Nhân Chân Khanh

Trương Lương nghĩ đáp Hán
Cung Thắng thẹn thờ nay
Vượn đánh khổ chẳng đến
Bỏ đời buồn vui dãi
Than ôi! Đào uyên tỏ
Bỏ nghiệp làm Tấn tôi
Thưa vì sau Công Tưởng
Mỗi nhớ nước nhà đau
Đề thơ năm canh tý
Tự làm người nghĩa Hoàng
Tay nông kinh Sơn Hải
Đầu dội khăn rưới lọc
Hứng theo mây lẽ xa
Bay theo về chim hết.
(Chưa thấy hết được toàn bày)

*** Quán Giản Tịch**

Của Trương Hựu

Dưới núi Tử Tiêu nhà cỏ Tiên
Ngàn năm đâu để Khánh đá treo
Khỉ trắng đêm sinh Rồng trong nước
Mây biết khi ngắt Hạc về trời
Phòng trúc ảnh dính trăng giữa sân
Hiên Tùng tiếng lại nữa vách suối
Mặt nhật hận buồn đời nổi trôi
Khắp núi nhọc chất mộng như vầy.

*** Ngày xuân trông xem thuộc thành mới dừng nghỉ tại Tinh Xá Đông Lâm và Tây Lâm.**

Của Vi Ứng Vật

Nhân lúc xét phong tục
Bom ân đãi tuổi giá
Chuẩn định ra Tầm Dương
Sửa giá vui sông núi
Mây trắng thu hang tạnh
Các núi riêng xa trời
Sừng sửng tướng cửa đá
Mốc mờ khói Hương Lô
Cây vương vủi quấn treo
Xa nghiêng hết che đảnh
Mới đến am thọ Thích
Lúc vật từng hoa gian
Đàm viễn xưa mới đến
Ở đây buồn cao sâu
Đông Tây chùa rưng trúc
Rưới rót khe suối lạnh
Người việc đã sạch hết
Năm tháng lại đã dài
Điện phòng thừa xanh đỏ
Thềm các đều quen cao
Xưa Hiền sỉ dừng nghỉ
Huyện thân tuyệt duyên trần
Nay Ta nhờ Triều gởi
Giáo hỏa chấm dặm bày

Diệu Đạo như tạm đắc
Ra xử lý không thiên
Tâm thường đồng mếm chuộng
Vết đâu lìa dây giăng.

*** Ghi đề Tùng Điệt tiếp nối Thư Trai tinh xá Tây Lâm**
Của Vi Ứng Vật

Gả tâm mới lắm mến
Dứt tăm ông riêng thiếu
Mến tạ Tinh xá mời
Nương Tăng muốn quán Diệu
Suối trong trước thềm rót
Ao sạch cửa bắc soi
Quả thuốc lẫn lộn bày
Tùng tre đều xưa cũ
Thường men cảnh người sâu
Từng thoảng hương sớm nhìn
Nhặc dẻ hang vượn cao
Hái cỏ Thuyền rừng vợi
Quấn áo đâu cản lạnh
Ăn rau sau no lòng
Tuy chịu Đơn bắc hẹp
Đâu lạnh tỏa tía xanh
Quận có giường ưu Hiền
Triều biên cống sĩ dua
Muốn đồng Chu luân chuyển
Chớ sợ đổi Văn chê.

*** Ghi đề về am tranh của Trịnh Thị Ngự Di Ái**
Của Vi Ứng Vật

Cư sĩ gồm nương Tăng
Núi xanh kết thất lá
Tùng thông ngời non muộn
Ao xuân ngậm rêu xanh
Lắm hoa chen Dương lãnh
Thú mới vọng cốc sâu
Rít dài men rừng cao
Mến đây vết cao đời.

*** Ghi dưới thác nước khe phía Tây quán Giản Tịch**

Của Vi Ứng Vật

Dòng tuông tuyệt vách tan
Khói linh xanh khe sâu
Giữa hang gió Tùng nỗi
Vùn vụt rưới áo trần
Nhìn khắp vui quạ vượn
Mở dãi tan rừng mây
Trà quả mời bạn thật
Chén rót thấm đồng lòng
Năm rộng nhớ vui đây
Chơi xuân mới lại tìm
Tạm đem sáo thổi ngang
Một tả lời non nước.

*** Tìm thác nước ở quán Giản Tịch**

Của Vi Ứng Vật

Men đá quen nguy qua khe gấp
Vui sườn vội vả đùa suối cao
Còn dẫu Hổ trúc nhiều năm tháng
Muốn giao về người dứt thế duyên.

*** Quán Giản Tịch**

của Tần Thao Ngọc

Vết linh ngoài vật khách hiếm đến
Phòng trúc liệu đóng cửa gai xưa
Sách Đan muôn quyển ghi chữ đỏ
Núi biếc ngàn trùng khoá thuý ai
Khóc dệ vượn trắng dẫn con đi
Kêu gió Hạc đen cạnh người về
Chỉ nên cửa ngọc tên còn mãi
Chiều về mây rỗng giữa trời bay.

*** Thác nước**

Của Lục Thiềm

Ngay dòng người chẳng biết
Ngàn thước treo đầu mây
Sắc núi nhuốm chẳng được

Công thần cắt khó thay
Hạ phun vượn chim ngưng
Nước thu đầu ngưu lạnh
Đợi giúp sau bể cả
Vụt sống càng khéo trông.

*** Đài Phiên Kinh**
Của Bao Cát

Cỏ dại dưới đài cao
Đời trước ghi chẳng sai
Văn vàng phiên kệ Cỗ
Chữ Hán biến Hồ thư
Chỉ lụa gió vụt đứt
Lụa vàng lửa cháy hết
Xé mây mở Bạch nhật
Xuyên nước soi Sen Hồng
Khoa đẩu từng cải đổi
Am vườn cày xới khắp
Cửa chân gồm quá vận
Hai Dục mếu cùng như.

*** Ghi đề ở nhà cũ Tiêu Lang Trung tại chùa Tây Lâm**
Ccủa Hán Dũ

Con gái Trung Lang hay truyền nghiệp
Bá Đạo không con giữ nghiệp nhà
Chợt đến khuông Sơn nơi từng ở
Vài hàng buồn lệ rơi ráng mây.

*** Thác nước**
Của Từ Ngưng

Suối dữ, suối dữ ông chống thẳng
Sấm vội vào biển không tạm dứt
Xưa nay vài tợ lụa trắng bay
Một dãi biên rách sắc núi xuân.

*** Phỏng hỏi vườn nhà cũ của Đào Công (và lời tựa)**
Của Bạch Cự Dị
Tôi từ xưa trước mến mộ ung cách làm người của Đào Uyên Minh.

Năm trước tại Vị Châu, những lúc nhàm rỗi từng có đọc xét 16 bài thơ thể của Đào Uyên Minh. Nay đến Lô Sơn, qua làng cũ Sài Tang, nghĩ nhớ Đào Uyên Minh nên phỏng hỏi vườn nhà của Dào Uyên Minh mà chẳng biết được, lại tạm đề thơ là:

Bụi trần không nhuốm ngọc
Phụng linh chẳng ăn dơ
Than ôi! Đào TĩnhTiết
Sống trong thời Tấn, Tống
Thật tâm có đều giữ
Miệng nói chẳng thành lời
Trọn chỉ tre con lẽ
Rủ áo đầu Dương Nam
Di tề mỗi một thân
Đói khổ chưa là khó
Tiên sinh nam Nam tử
Cùng chung phận có hàn
Trong lòng ăn chẳng đủ
Áo không che kín thân
Mời luôn, trọn chẳng đến
Dó thật đáng chân Hiền,
Tôi ra đời sau ông
Cách xa năm trăm năm
Từng đọc truyện Ngũ Liễu
Thuật làm mười sáu chương
Nay lại hỏi nhà cũ
Mịt mờ tại trước ông
Chẳng mến cháu không rượu
Chẳng chuộng Đàn không dây
Mến ông bỏ danh lợi
Già chết vườn gò đây
Sài tang thôn lạc cũ
Lật lý núi sông xưa
Chẳng thấy cúc dưới nhậu
Chỉ thoáng khói trong thành
Con cháu tuy không nghe
Giòng tộc chưa đổi dời
Lúc gặp người họ Đào
Khiến lòng tôi nhớ ông!

*** Ngày xuân đến chùa Đông Lâm và Tây Lâm**

Của Bạch Cư Dị

Xuống ngựa chùa Tây Lâm
Vội vàng gấp thẻ nhẹ
Sáng làm Quan Công Phủ
Chiều là khách núi linh
Tháng hai, bắc khuông Lô
Băng tuyết mới tiêu tan
Rừng Dương ngắc mỏm trà
Dưới hác rõ mạch mối
Rực rỡ phong thổ ấm
Mờ mờ đảnh chửa mây
Tan lâm muôn hác xuân
Ngưng đong một khi biếc
Thân nhân dể đạm bạc
Quan tán không kéo lôi
Xa kia mười tám Hiền
Xưa nay đồng đến đây
Là năm chuẩn quan nỗi
Xứ Xử dấy Bimh dao
Trí Sĩ nhọc mưu nghĩ
Nhung thần như ngọc việc
Chỉ người không tài cán
Trong núi đùa suối đá.

*** Đến khe Thạch Môn**

Của Bạch Cự Di

Thạch Môn xưa không đường
Phanh hùn tìm dấu vết
Lúc gặp núi nước thu
Trong sáng như xưa trước
Từng nghe bạn Tuệ Viễn
Đề thơ vách hang này
Mây che rong rêu phủ
Xanh tươi không tìm thấy
Sơ sài tre hoang mọc
Đá vỡ đổ nhiều năm
Từ sau thời Đông Tấn

Không còn người tham quan
Chỉ còn tiếng khe thu
Rì rào cùng sớm tối.

*** Ghi đầu Đình Khe 18 vị Hiền giả (tại dưới núi Ngũ Lão thuộc phía Đông nam cua Lô Sơn).**

Của Bạch Cự Dị

Lạ, Ông chẳng thích Quan
Lại không đến sóm làng
Ngày nay đến sâu ở
Trọn chẳng biết là sao
Trước Ông, đình khe đá
Rì rào tiếng đầy tai
Uống Ông, cốc rượu Xoắng
Say nằm không dạy nỗi
Thấy Ông, núi Ngũ Lão
Càng tiếc ở chợ thành
Mến Ông, ba nam Tử
Mới than mình không con
Tôi đến dưới Lô Phng
Lập am làm Cư Si
Núi Nam và núi Bắc
Qua lại theo từ đây.

Am tranh mới dựng tạo dưới ngọn núi Hương Lô, tức sự Vinh nghĩ nhớ tại mặt phía Bắc núi Hương Lô, thuộc biên ranh phía Tây chùa Di Ái. Đá trắng sao đục được, dòng trong cũng rì rào, có vài mươi gốc tùng, có hơn ngàn cây trúc, tùng tỏa xanh như lọng, trúc tựa lang cang biết. Phía dưới đó không có người ở. Thật tiếc thay đã nhiều năm, có lúc chim khỉ nhóm tụ, trọn ngày rông không gío khói. Bấy giờ có Thâm Minh Tử, vốn dòng họ Bạch, tự là Lạc Thiên, lúc bình sinh không ham chuộng gì, thấy vậy Tâm vẫn y nhiên, như được chốn đất được trọn sống về già, bỗng nhiên chẳng biết trở về, gá hang lâp am tranh cỏ, mở man hốc hác làm vườn trà. Lấy gì để rữa tai ta? Đầu phòng suối bay rơi, lấy gì để rữa sạch mắt ta? Dưới thềm mọc nở sen trắng. Tay hữu nâng một đài, tay tả xách 5 Đàn, ý ngạo nhiên tự đủ, ngông ngáo giữa khoảng ấy, hửng say ngửa mặt lên trời ngâm ca, trong ngâm ca có lời gởi gắm:

Ta vốn kẻ quê mùa
Lầm vì lưới đời buộc

Lúc đến xưa bưng Nhật
Già đi, nay vê núi
Chim nhọc được rừng tốt
Cá cạn lại dòng trong
Bỏ đây muốn sang mãi
Giữa đời lắm hiểm nguy.

*** Lên đảnh núi Hương Lô**
Của Bạch Cư Dị

Xa xăm đảnh Hương Lô
Tâm còn tai mắy tưởng
Trọn đời làm sai sử
Nay mới một lần sang
Men rên đạp đá cao
Tay chân nhọc cúi ngữa
Đồng đi ba bốn người
Hai người không dám lên
Lên đến trên đảnh núi
Mắt hoa, thầm hốt hoảng
Cao thấp có vạn tầm
Rộng hẹp không số trượng
Chẳng cùng xem nghe khắp
Sao biết đất trời rộng
Nước sông nhuyến như dây
Thành bồn nhỏ bằng tay
Rồi tôi sao vụn vặt
Chưa thể khỏi giày trần
Về đi nghĩ tự than
Cúi đầu vảo đất Kiến.

*** Nghỉ qua đêm tại quán Giản Tich**

Của Bạch Cư Dị
Hang, mây trắng còn giăng
Rừng, lá hồng vừa rụng
Ánh thu dẫn bước nhàn
Chẳng biết thân gần xa
Đêm ghe ngủ Đông Linh
Ngắm tỉnh máy trần hết

Tạm lại còn như thế
Huống gì trọn đời ẩn
Lấy gì trừ đêm đói
Một thừa phẩm vân mẫu.

*** Nghỉ lại đêm tại chùa Tây Lâm**
Của Bạch Cư Dị
Cây rơi trời tạnh núi xanh bày
Mến núi cưỡi ngựa vào mí chơi
Tâm biết chẳng như Sài tang lệnh
Đêm một Tây Lâm khiến về thôi.

*** Nghỉ lại đêm tại chùa Tây Lâm, sáng sớm sang chùa Đông Lâm, gặp Mãn Thượng Nhân, nhân gởi Thôi 12 viên ngoại**
Của Bạch Cư Dị
Từ trách cửa cao Uyên loan cách
Già vào Lô Sơn, hưu nai theo
Chiều tàn tiêu điều ghé chùa ngủ
Sáng sớm sạch trong cùng Tăng mong
Song Lâm, tôi dạy sau chuông báo
Ngày lễ ông đến vào các thay
Bằng yến cao thấp đều phân định
Chớ nhọc sức tâm nghĩ tưởnh vời.

*** Ghi đề ở dòng suối nóng dưới núi Lô Sơn**
Của Bạch Cư Dị
Một mắt suối nóng dòng vế Đông
Lấn bùn ngấm có ấm không công
Ly Sơn nước ấm bởi cớ sao
Chảy váo trong phố vàng giếng ngọc.

*** Lên núi Hương Lô**
Của Bạch Cư Dị
Tựa đá men rêu dốc thân bệnh
Mắt xanh gậy trúc khăn lụa trắng
Lúc khác họa ra Lô Sơn chướng
Bèn là thượng nhân núi Hương Lô.

*** Từ núi Hương Lô xuống dừng nghỉ tại nhà cỏ mới làm thành, tình cờ ghi trên vách phía Đông**

Năm giá ba gian nhà tranh mới
Đá vây trụ Quế sắp quanh tường
Thềm Nam mặt nhật ngày Đông ấm
Cửa Bắc đón gió mát ngày hè
Rưới thềm suối bay, tài có điểm
Phẩy cửa Huệ Trúc chưa thành hàng
Xuân về cỏ chớm hiên Đông tốt
Các ấy rèm am dáng ánh gương.

*** Đùa tặng 13 phán quan giòng họ Lý**

Của Bạch Cư Dị

Duổi roi cùng tiển say ngất ngây
Xa thấy Lô Sơn chỉ tợ ông
Tưởng ông mới tỉnh từ Quân hứng
Chưa mến Hương Lô, núi Thượng Nhân.

Dẫn các khách thăm núi Đông lên núi Hương Lô, gặp trời mưa mà trở về, thấm ướt lẫn lộn, cùng nhau cười đùa ghi đề bài này để cởi mở giễu cợt của Bạch Cư Dị

Lặng vẫy lên núi đi
Chuông rồng gặp mưa lui
Thềm cao vin Bệ lệ
Đá trơn giẫm mốc meo
Vạt áo dơ cùng đùa
Giày xỏ tôi tự than
Chớ khinh chân bùn đất
Từng đạp thềm ngọc lai.

*** Đọc thơ Limh Triệt**

Của Bạch Cư Dị

Trong chùa Đông Lâm dưới hiên Tây
Phiến đá khắc ghi vài thơ bài
Lời câu quái lạ riêng chỉ dạy
Xem tên biết rõ Lão Thang thầy.

*** Ba bài tứ tuyệt giã biệt am tranh**

Của Bạch Cư Dị

Nghe ngay chim núi về Nam ngủ
Giấy vàng trước gối bỏ viết rơi
Vì cảm ân ông phải tạm dậy
Lô Sơn chẳng nghĩ ở nhiều năm!
Ngủ lâu đổi áo làm cư sĩ
Bỗng treo bào lụa kẻ sứ quân
Thân rơi am cỏ tâm chẳng cách
Lô Sơn chưa phải động dời văn.
Ba gian nhà cỏ mở nhhìn núi
Một dãi núi suối cuộn quanh nhà
Sắc núi tiếng nước chớ buồn bả
Ba năm quan mãn, lại về đây!

*** Ghi đề giả biệt am tranh chùa Di Ái, và trình 12 sứ quân giòng họ Lý. (Lý Phương Lô Sơn, thường ở động Bạch Lộc)**

Của Bạch Cư Dị

Từng ở dưới Lô Phong
Thư đường đối Đài thuốc
Chặt rêu mới giữa đường
Men cửa trúc xưa mở
Thềm nước gần khơi ngòi
Ao sen tai tự hái
Năm năm mới tạm đến
Một đêm phải lui về
Tạm chưa ở lâu được
Còn hơn chẳng vãng lai
Nhà ông, động Bạch Lộ
Nghe Đạo cũng thành rêu.

*** Trước am tranh mới mở ao, trồng sen nuôi cá, có 01 ngày nọ ngầm đến đó**

Của Bạch Cư Dị

Tuôn tuôn nước ba hạp
Mênh mông bờ muôn khoảnh
Chưa như trên đường mới
Gió nhẹ sóng lăn tăn
Lục bình nỗi lênh đênh
Bờ mới ngay hàng rào

Cá lý ba bốn tấc
Sen trắng tám chín cành
Rẻ nước muốn thành đường
Men đê mới nhổ rào
Đã bị khách trong núi
Gọi làm ao Bạch gia.

*** Mây trắng mong (làm dưới hang Hoàng Danh)**

Của Bạch Cư Dị

Tuổi ba mươi khí mạnh
Trong lòng lắm thị phi
Sáu mươi thân già suy
Tứ chi khó duy trì
Bốn mươi đến năm mươi
Đúng lúc lui nhân nghỉ
Tuổi lớn biết mạng phần
Tâm ngu thiếu tu đạo
Thấy rượu hứng hiện còn
Lên núi sức chưa say
Tôi mong tuổi đến thế
Tạm cùng mây trắng mong.

*** Ngâm ca ra núi**

Của Bạch Cư Dị

Sáng vịnh thơ chơi Tiên
Chiều ca khúc lai vi
Nằm mây ngồi đá trắng
Trong núi mười lăm đêm
Đi theo ra động nước
Lui xa vin trúc hang
Sớm chiều thường qua lại
Tâm mong duyên Dao thảo.

*** Chùa Đông Lâm, gởi Bao Thị lang**

Của Sa-môn Linh Triệt

Điện cỗ trong ngầm núi cây xuân
Bên ao đá kiển một quán Thân
Ai hay đến đây đốt hương ngồi
Cùng làm Lô Phong người đến núi.

*** Ghi đề ở Thuỷ Đường tại chùa Tây Lâm, kính gởi Võ Dương Công**

Của Sa-môn Linh Triệt

Ngày ngày đến núi về đã muộn
Rảnh rỗi huống không trẻ một thời
Thân già định gởi vào rừng núi
Tâm cùng Tùng lớn mảnh đá mong.

*** Quán Giản Tịch**

Của Sa-môn Liễu Triệt

Sam Bách già cỗi giữa vách hang
Vượn vin ổ Hạc cành khô gãy
Tháng năm băng đóng, tháng sáu hàn
Lúc thấy tiên ông lại thấy tuyết.

*** Tặng ẩn sĩ ở quán Đại Minh núi Ngũ Lão**

Của Diệu Hệ

Mây quán núi bắc đây
Cùng ông dắt tay thưa
Rừng ngay giẫm nước đầy
Cửa Động vào lường sáng
Chợt thấy Loan hạc gần
Bỗng là khói mốc bay
Người xưa khách hòa trong
Im gặp đàn tâm nhỏ
Đan thuật mong được bày
Rồng xanh sau trở lại
Dằn dặc ý trọn đời
Ngày nay lại cùng trái.

*** Quán Giản Tịch**

Của Tôn Phường

Điện lang cùng mây liều
Bên Tử tiêu xanh biếc
Tự nhiên ứng có thuốc
Ai dám nói không tin
Sắc đẹp muốt đường sườn
Tiếng Tùng nhường thác suối

Chưa hay thơ dài đi
Đâu tiện là duyên trước.

*** Ngủ đêm tại cốc Thanh Ngưu, nơi ở của Tiêu luyện Sư thời nhà Lương**

Của Dương Hành

Theo mây bước vào cốc Thanh Ngưu
Đạo Sĩ trâu xanh cho nghỉ lại
Thích thay đêm dài trong trăng tỏ
Chỉ có bên đàn một cành tr.

*** Gởi Ẩn Sĩ ở Lô Sơn**

Của Dương Hành

Gió rít chuông ngoài mây
Hạc đậu Tùng ngàn năm
Nghĩ tưởng mờ chẳng thấy
Trăng soi núi lớp bày.

*** Thác nước**

Của Giang Vi

Lô Sơn chánh phương Nam
Thác nước tiếng xưa lai
Muôn dặm chầu triển xanh
Ngàn tầm ngoài mây trắng
Tiếng lạnh trọn từ xa
Mạch linh ai phân rành
Chỉ trừ sau Thiên Thai
Sông thường chẳng đâu bằng.

*** Quán Giản Tịch**

Của Giang Vi

Mới đến Huyền Đô mơ uất Đào
Vũ nhân cùng bạn khắp du ngao
Khe rộng cửa Động bụi trần dứt
Núi lớn lòng trời khí tía cao
Giếng vàng suối Thu ngời sóng sánh
Đàn Đá Tùng già vận tiêu bay
Ngâm thừa liền than đời bèo bọt.

*** Quán Giản Tịch**

Của Giang Vi

Tiền đốt đầy sân người tế bãi
Núi Tây ảnh mắt trăng chìm chìm
Tới lui việc cũ trong bia nói
Bên Đàn bồi hồi cảnh Thu sâu.

*** Giả từ chùa Đông Lâm**

Của Tào Phần

Đầu núi chẳng ở nỗi khói riêng
Trên ao sen trắng cùng lưu lại
Lưới trần rành rẽ biết bó buộc
Cần phải cưỡi ngựa cách mối mây.

(Ngày 15 tháng 07 năm Hội Xương thứ 03 (843) thời tiền Đường, ghi đề là phần. Năm khai thành thứ 04 (839) thời tiền Đường, Thôi Lễ Hạ Tiến sĩ, sau làm Tung-thư-xá-nhân-hình-hộ-quân-thị-lang-trung-võ-quân-tiết-độ-sứ)

* Tôi từ Hữu Hạt ra trốn Chung Lăng, kín xét nhà anh chẳng nhẫn xa biệt. Đàm thấy Tể tọa xin đổi thay, bèn được đồng lúc đến Giang Tây, có Đại Đức Hiển Công ở chùa Tiến Phước là bậc Thượng thủ chốn Thiền môn nói là “Về đông Lâm cũng được kết bạn Đạo”, đường giúp đi, từng tiếp thừa luận bàn trong mất. Nay qua chùa, nhân ghi lưu lại một bài thơ: của Bùi Hưu.

Đài Lân triều sĩ từ thư phủ
Cửa phụng Thiên Tông ra Đế Kinh
Về đến Sông Lâm gần Tuệ Viễn
Đi qua Ngũ Liễu bải Uyên Minh
Bạch Y cư sĩ nhẹ ban trước
Bại. . . . . Cao tăng. . . . . Tình
Dẫn được người bệnh không tưởng khác
Nhất tâm noi việc. . . .

*** Hòa xá đệ gởi đề chùa Đông Lâm**

Của Bùi Mô

Nguyên khách chẳng tựa Phụng vin rồng
Vốn thân vượn núi lẫn Nai đồng
Rỗng hướng ban đi quấn dây thao

Tranh nhủ trần
Khuyên đồng ngọc quý làm bạn tốt
Mừng dòng vàng nhân
Ngày nay qua dưới núi Hương Lô
Mới mừng ngoài vật có di Dân.

*** Quán Giản Tịch**

Của Thẩm Bôn

Núi chứa thắng cảnh đáng. . .
. . . . . lâu Đài Động Phủ mở
Tóc bạc đầy đầu ai chịu đến
Rêu xanh phủ bước tự thường qua
Buồn gió việc rỗi bỏ ba ngày
Ngọc dịch Trường sinh mong một chén
Đường này có Tâm trăng sao hiện
Đàn Hạnh bạn Tiên chớ cùng ngờ.

*** Lại đến chùa Đông Lâm**

Của Thẩm Bôn

Mười lăm năm trước lại đến đây
Ao sâu rêu đẹp cây tủa dây
Lại đến vài nơi, tâm nghĩ nhớ
Đâu thấy thời xưa Tăng bạc đầu
Hoa có ngậm sương đêm trăng tỏ
Điện không gió động suốt đèn soi
Thật kinh đây đi già lại già
Chưa có cùng lạihay chẳng hay.

*** Thác nước**

Của Thẩm Bôn

Rót ra trong núi nguồn hóa nước
Phun yhành thác đổ đời hiếm thay
Tuy như Tiên nữ xinh ngồi dệt
Chẳnh thấy sơn công hái được về
Muôn xưa sắc ghen trăng mờ tỏ
Ngàn tầm mạnh học mây trắng bay
Như nói thật cái hay cắt được
Dự khắp nhà giàu mua làm áo.

*** Ngóng nhìn Lộ Sơn**

Của Thẩm Bôn

Đông qua khuông Lô nhẫn ngủ say
Hai ngươi trọn ngày treo đảnh hiểm
Đè thấp Ngô Sở lệm nước tươm
Ước phá ráng mây riêng tựa trời
Một mặt cao lại không chim bay
Vài núi cuồng muốn đuổi thuyền câu
Người song chẳng cười riêng lắng ngóng
Bói ẩu nghĩ dài trước thác bay.

*** Ghi đề về chùa Đông Lâm**

Của Bổ Y Chu Thước

Tuyên Tông hoàng Đế ân biển sâu
Lại khiến kẻ mê biết tâm phật
Nữa chết sen trắng mới giáng mưa
Muốn thành đất hoang lại trải vàng
Tăng mở thất đá, kinh như cũ
Hổ ẩn suối khe, dấu chưa chìm
Ai bão Ngũ Hồ ghi kiếm khách
Đời nay lại được đến Đông Lâm.
Lại sùng huyền pháp tượng trời Tây
Mở các m7í cao núi biếc bày
Gió đưa mãnh mây vời ngựa trắng
Hạc nghinh bần nữ cúng vòng tiền
Sa-môn tìm phật từng ngầm bước
Biển khổ thương người đổi thuyền ngay
Tam giáo thạnh hưng đàm Đế Đạo
Niên hiệu Đại Trung (847-860), năm Thái Bình.

*** Bốn bài thơ ghi về chùa Đông Lâm**

Của đại sư Thiền Nguyệt-qua Hưu

Rãnh đi rỗi ngồi nghĩ phan duyên
Nhiều lắm Đông Lâm, chùa xưa cỗ
Thác nhỏ tiện cao ba trăm thước
Tùng trun nhiều lắm chỉ ngàn năm
Am Lăng già họa đồ rêu phủ
Bia ân trạng Kham, mưa giọt xuyên

Nay muốn sữa sang liên xã cũ.
Chiên-đàn trắng hoa sương giọt giọt
Bí sô xanh cỏ thơm dầm dầm
Đất ruộng lại không một chấm trần
Ai người đáng hợp sống trong đây.
Tượng ngọc khám châu, hương trận hoạnh
Ráng gấm nhiều bên Đàn đá sinh
Hành giả đuổi rắn nay tại đâu
Khoảnh núi chỉ nghe tiếng chim cưu
Tuyên Huyền Kiệu cũ mây tàn ẩm
Mộ lẽ Da Xá rơi chiếu chậm
Có một Lão Tăng tựa góc Tùng
Sợ người đẹp lấy vượn trắng con.

*** Nhớ các Đạo Giả ở chùa Tây Lâm**
Của đại sư Thiền Nguyệt-quán Hưu
Noài Đảo ai người thân
Các núi bốn phương gần
Đầu bạc gối đá lạnh
Áo xanh sóng không trần
Hạt ghẻ đống đường đi
Khỉ vượn nhiểu định thân
Thản nhiên cùng kết Xả
Nguyện làm kẻ quét Đàn.

*** Ghi đề về chùa Đông Lâm**
Của Sa-môn Tề Kỷ ở Kinh Môn
Trước núi dưới rừng, chùa Đông Tây
Góc đất chân trời, Tăng qua lại
Suối đá lắng dòng nhàn thế giới
Mây Tùng lạnh thấm ngày đèn hương
Giành như Đại Sĩ sửa sang xã
Kợp có các Hiền lại phục ưng
Từng gởi phòng gần treo Bình gậy
Ồn nghe hang giọt giải mưa xuân.

*** Ảnh đường Viễn Công**
Của Sa Môn Tề Kỷ ở Kinh Môn

Sen trắng bên ao, ảnh đường cũ
Phong Cốt Lưu, Lôi hết Long Chương
Cùng khinh Thiên tử, chư hầu quý
Đồng mến thầy ta pháp trưởng đây
Đào Lệnh say nhiều vòi chẳng được
Tạ Công tâm loạn vào vô phương
Người nào đến đây nghỉ cao vết
Gió lắng vết rêu đầy phấm tường.

*** Quán Giản Tịch**
Của Sa-môn Tề Kỷ ở Kinh Môn
Muôn khơi ráng mây ảnh
Ngàn năm tiếng cây Tùng
Cớ sao dạy hạ sĩ
Dung dịch tin Trường sinh
Trăng cùng hư không trắng
Hương hòa nguyên móc trong
Nhân tìm hiên cổ họa
Ghi được tên Liệt Tiên.

*** Chùa Lạc Tinh**
Của Sa-môn Tề Kỷ ở Kinh Môn
Sao đây cớ gì xuống hang xanh
Riêng làm Tăng ở quá xa xăm
Lầu các mưa rồi núi xanh lạnh
Cửa sông gió thoảng hương bạch tần
Kinh thu Nhạn xa ngang qua Hán
Trăng vút sóng lạnh vọng đêm phòng
Trọn ngày tựa hiên nhờ tả vọng
Chong nghi thân bỗng tại tiêu tương.

*** Thuỷ các ở chùa Tây Lâm**
Của Sa-môn Tăng Kỷ ở Kinh Môn
Tùng Thu quanh Tháp Cổ
Hiên cửa rảnh mở bày
Nước nhiểu trong Thanh Âm
Người từ xứ nóng lại
Gió rít liền dãi Hạc

Tựa cây đá cùng rêu
Đến sống dưới Đông Lâm
Chầm chậm bỏ đây về.

*** Ghi đề câu Liễn ở chùa Đông Lâm**

Điệu xưa cao vợi tại non xanh
Đời Tấn ứng linh hiện vết Thần
Giữa rừng chiu hoang rợi kinh sóng
Trên đảnh vượn đơn nghe chuông chiều,

(Tiết độ sứ lúc đến kiểm hiệu thái uý Bình Chương, tự từ chứng biết).

Miệng nhọn mây lạnh sáng dưới hiên
Khe Hổ trăng thu rọi Tùng hàn

(Tặng củi cho vị Tăng Chí Thành tinh tu).

Hương bay điện báo trùm tượng vàng
Cây tựa củi Tùng che Dung Ngọc

(Đạo Sĩ ý Huyền)

Bướm mến nữa hoa rực rực
Nai ngủ cốc sâu cỏ lú mầm

(Quan sát thôi quan tặng Tử Kim Ngư Đại Lý).

Du Tăng chống gậy Tâm đều Phật.
Cây già khói cuộn thể như rồng

(Quan sát Thôi quan tặng lụa ngư đại Vương tam)

Trúc che cửa Thiền mốc xanh hợp
Hang nấu đường sâu đối duyên đài

(Tư lý Tham quân chưởng biểu tấu mạnh củng Thần).

Dòng suối quanh thềm tiếng trong xa
Xếp núi rảo cửa còng bông lông
Ngâm hỏi cửa không chẳng cháu trùng.

(Quản tuần quan tặng Tử Kim Ngư đại trung kính Du)

Ngày 16 tháng 03 năm Thiên Lộ thứ 02 (?), tình cờ cùng mạc khách môn quán Tăng đạo nhàn du đề đối liển.

*** Hai bài ghi đề về chùa Đông Lâm**

Đại sư Văn Thông-khuông Bạch

Đông Lân cảnh đẹp một sông dài
Lan huệ sinh nhiều đất cũng thơm
Thương thay người ít đến được

Bèn theo mây cây già không ngại
Tựa trời xanh biếc cửa không mưa
Miệng rơi róc rách hiên đêm nhiểu
Đến đây chỉ trừ đồng kết xả
Ngoài ra nhhàn sự chớ nghĩ lườmg.
Đông Lâm tiếp tứ tuyệt
Vật tượng càng lắng sâu
Xã, khách đi chẳng lại
Chuông, núi mây giăng khe
Tùng khô đàn khỉ tán
Khe lớn khoét chặt dòng
Đợi tính kế về nghỉ
Cùng lại năm Thạch lâu.

Người tợ Hạc hồng nai, trên đường mọi sự như gai đá tốt tươi, mưa dầm thêm xanh. . . nước phú Tùng lớn rói hoa xanh, chớ nói nơi đây ta không phần, Di Dân ở mãi nhà Tuệ Trì.

*** Chùa Lạc Tinh**

Của Đại Sư Văn Thông-khuông Bạch.

Núi này đều đi khắp
Nam đến đất Sở Ngô
Chợt lên chùa trong Hồ
Nghi đến núi trong Biển
Riêng cây tươi nấm ẩm
Bãi xa chim trắng nhàn
Trọn khoảnh xa trời mộng
Nằm nghe nước thì thào.
Ghi Về Lô Sơn quyển thứ tư hết.

■

GHI VỀ LÔ SƠN

QUYỂN 5

CHƯƠNG VII: GHI MỤC VĂN BIA XƯA CỔ

Lô Sơn, từ các triều đại Tấn, Tống, Tế, Lương, Trần, Tùy, Đường cho đến thời Bắc Tống có cả 800 năm, trong thời gian ấy mọi sự hưng phế hạnh suy đều có ghi thuật, nhưng năm tháng dần lâu thường lươn bị mất mác, như văn bia của Viễn Công do Ân Trọng Kham soạn thuật, trong khoảnh niên hiệu Thiên Hựu (904-907) thời tiền Đường, còn thấy ở thơ của Quán Hưu, đến nay tản mác không còn. Nay chỉ ghi từ Quán Thái Bình chùa Đông Lâm trở xuống cả thảy 05 ngôi, và từ thời Ngũ Đại (907-923) trở về trước các thứ bia chỉ tước Lý, ngày tháng năm của các người biên thuật có cả thảy 41 bài, văn từ nhiều, ở đây không ghi chép.

1- Tại quán Thái Bình

* Văn Bia Linh mếu sứ giả

Do Bề Tôi Lý Thử ở nhà tranh tại dưới cửa Hảnh Sơn thuộc phía Đông huyện Hoàng Mai; Kinh Châu soạn thuật, dựng lập ngày 25 tháng giêng năm Nhâm Thân (732) tức năm khai Nguyên thứ 20 thời tiền Đường.

* Sứ Giả Linh Nghiệm Ký

Do tuyên Nghĩa Lang đến soán Quán Uý Phan ở huyện Bành Trạch, dựng lập ngày mồng 08 tháng 03 năm Nhâm Thân (732) tức năm khai nguyên thứ 20 thời tiền Đường, đến năm trị Bình thứ 03 (1066) thời Bắc Tống dựng lập lại

* Trương Linh quan Ký

Do ngự sử đại phu Từ Huyễn soạn thuật, Hữu-nội-sứ-xá-nhâ-tập-hiều-điệu-học sĩ Từ Khải biên ghi và khắc triệu ngạch vào ngày 15 tháng giêng năm Quý Dậu(?)

* Truyện Hồ Tắc

Do Thái-thường-thừa-tập-hiền - hiệu-lý-thông-phán-gang-châu-quân-châu sự Chương Môn soạn thuật và biên ghi việc Hồ Tắc trấn thú tại Giang Châu năm khai Bảo thứ 08 (?).

2- Tại quán Thái Nhất

* Chân Nhân miếu Ký

Ngày mồng 06 tháng 07 năm Nhâm đầu (?) tức năm Thăng Nguyên thứ 06 (?), ứng-vân-khuông-quốc-tá-Thánh-công-thần-ninh-quốc- công-tiếc-độ-tuyên-châu-quản-điều quán sát xử đặt. v.v... sai Đặc-tiến - kiểm-hiệu-đại-uý-kiêm-trung-thư-lệnh trì tiết Tuyên Châu các quân sự, tuyên-châu-thú-sử-thượng-trụ-quốc ban thực áp 01 vạn hộ, Hàn Vương tri chứng ký lên làm quan lang-thú-tuyên-châu-tư-hộ-tham-quân-chưởng dâng biểu tấu xét, Bí-thư-tỉnh-hiệu-thư-lang-ban tặng phi-ngư-đại mạnh củng Thân biên ghi và khắc ngạch.

* Lại có 01 bản: tháng 11 năm Ất hợi (?) tức năm Bảo Đại thứ 12 (?), Đạo Sĩ Nghệ Thiếu Thông ở Chu Lăng; Nam nhạc soạn thuật, Đạo Sĩ Chung Đức Tải ghi triện.

3- Tại chùa Đông Lâm

* Bia minh của Pháp sư Tuệ Viễn

Do Tạ Linh Vận soạn thuật, Trương dã ghi lời tựa (không tên năm tháng ngày dựng lập).

* Văn bia Thiền sư Phật đà bạt đà la ở thời tiền Tống

Dựng tạo ngày 15 tháng 07 năm Kỷ Tỵ (729) tức năm khai Nguyên thứ 17 thời tiền Đường.

* Văn bia Thiền sư Ngột Ngột

Do Trung-thư-xá-nhân-triệu-quân Lý Nột soạn thuật văn, Kim Tử-quan-lục-đại-phu-hàng-đồng châu-thứ-sử-thượng-trụ-quốc-phạm-dưng-nguyện-khai-quốc-nam Trương Đình Khê biên ghi, Giang-châu-thú-sử-hà-đông Liễu trinh vọng dựng lập, năm Bính Ngọ (766) thuộc trong niên hiệu Vĩnh Thái (765-766) thời tiền Đường, Nhan Chân Khanh biên ghi bên cạnh bia có cả thảy 166 chữ.

* Văn bia chùa Đông Lâm và lời tựa

Do Tiền Trần Châu tứ sử Giang Hạ Lý Ung soạn thuật và biên ghi, dựng lập ngày 15 tháng 07 năm khai Nguyên thứ 19 (721) thời tiền Đường. giang-châu-thứ-sử Bùi Hưu có đề là: "Xem Ngôn từ Bắc Hải, bút tưởng phong thái. "

* Bi âm Ký

Năm Hội Xương thứ 03 (843) thời tiền Đường, do Giang-châu-thứ-sử Trương Hựu Tân soạn thuật, ngày 30 tháng 04 năm Đại Trung thứ 10 (8560 thời tiền Đường, Bùi Quang Viễn biên khắc triệu ngạch.

* Văn bia tại ảnh đường Pháp sư Tuệ Viễn tại chủa Đông Lâm

Do Lý Diễn ở Lũng Tây soạn thuật, Giang-châu-lục sự-tham-quân Vương duật khắc ghi triệu ngạch. Sa-môn Duy Tung ở chà đầu Đà tại Ngạc Châu biên ghi, dựng lập trong niên hiệu Trinh Nguyên (785-805) thời tiền Đường, đến ngày 15 tháng 07 năm Đại Trung thứ 08 (854) thời tiền Đường, tạo dựng lại.

* Bia Minh Đại Đức Luật sư Hy Di ở chùa Đông Lâm

Do Nhiếp - độ - đoàn huyện-thôi-quan-thú-kiền-châu-tư-mã-hứa Nghiêu Tá soạn thuật, Thừa-phụng-long-tiền-thú-thái-châ-chân-dương huyện-lệnh-lý Hành Ngôn biên ghi và khắc triệu ngạch. Dựng lập năm Bính Tý (796) tức năm Trinh Nguyên thứ 12 thời tiền Đường, đến ngày 23 tháng 07 năm thứ 08 (854) thời tiền Đường, tạo dựng lại.

* Bia Minh Kính Tạng ở chùa Đông Lâm

Triều-thỉnh-lang-thí Hiệp Luật lang Lý Triều ở chùa Thái Thường soạn thuật, dựng lập ngày 15 tháng 09 năm Nhâm Thìn (812) tức năm Nguyên Hòa thứ 07 thời tiền Đường. đến ngày 08 tháng 07 năm Đại Trung thứ 13 (859) thời tiền Đường, Hương Cống tiến sĩ Bằng soạn thuật lại, biên ghi và khắc triệu nghạch.

* Bia minh Đại Đức Luật sư Sán Công ở chùa Đông Lâm

Do Cát-châu-tư-hộ-tham-quân Viêm ngoại-trí-đồng tránh-viễn Hứu Nghiêu Tá soạn thuật, Ngô quân lục uý Chi biên ghi và khắc triệu ngạch, dựng lập ngày mồng 05 tháng 05 năm Quý Tỵ (8130 thuộc trong niên hiệu Nguyên Hòa (806-821) thời tiền Đường. Đến ngày 22 tháng 07 năm Đại Trung thứ 08 (854) thời tiền Đường, tạo dựng lại.

* Minh Chí tại tháp Đại Đức Lâm Đân ở chùa Đông Lâm Lô Sơn

Do Lưu Kha soạn thuật trong tháng 10 năm Nguyên Hòa thứ 10 (815) thời tiền Đường, môn nhân đại tử Đàm Cao biên ghi. Đến ngày 15 tháng 07 năm Đại Trung thứ 08 (854) thời tiền Đường, tạo dựng lại.

* Kiệt Minh tại tháp Đại Đức Luật sư THấu Công ở chùa Hưng Quả tại Lô Sơn thời tiền Đường

Do Trung Châu thứ sử Bạch Cư Dị soán, Sa-môn Vân Cao biên ghi, dựng lập ngày mồng 01 tháng 10 Nhuận năm Trường Khánh thứ 02 (823) thời tiền Đường, đến ngày 15 tháng 07 năm Đại Trung thứ 08 (854) thời tiền Đường, tạo dựng lại.

* Chí Minh buồn thương ní mộ Đá Đại sư Luật ở chùa Đông Lâm

Do Hầu Cao ở Thương cốc soán, Sa-môn Vân Cao biên ghi, dựng lập ngày 13 tháng 05 năm Giáp Thìn (824) thuộc trong niên hiệu Trường Khánh (821-825) thời tiền Đường.

* Văn Bia Cổ Đại Đức Luật sư Tỷ ở chùa Thê Hà thời thời tiên Đường

Do Phước-kiến-quán-sát-chi-sứ-triều-nghi-lang-giám-sát-ngự-sử-lý-hành- thượng-trụ-quốc-Lưu Kha soán, Sa-môn Cao Vân biên ghi, Nhiếp-hồng-châu-đô -đốc-phủ-sĩ-tào-tham-quan-tuyên-nghi-lang-tiền-hành-thư-châu-hoài-ninh-huyện-uỷ-Tề Dư khắc triệu nghạch. Dựng lập ngày 11 tháng 07 năm Thái Hòa thứ 03 (829) thời tiền Đường, đến ngày 23 tháng 07 năm Đại Trung thứ 08 (8540 tạo dựng lại. Sau lưng bia có thơ của Tào Phần ghi đề ngày 13 tháng 07 năm Hội Xương thứ 03 (834) thời tiền Đường.

* Ghi về văn tập của giòng họ Bạch ở chùa Đông Lâm

Mùa hạ năm Thái Hòa thứ 09 (835) thời tiền Đường Thái tử Tân-khách-tấn-dương-huyện-khai-quốc-nam-đại-Nguyên Bạch Cự Dị có biên thuật “Lạc Thiên Ký”, Triều-tán-đại-phu-thú-giang-châu-thứ-sử-thượng-am-quốc-triệu-phan-phụng-thư-long bảo tạo lập trụ mốc, Sa-môn Vân Cao biên ghi.

* Bia tháp Cổ Đại Luật sư bảo Xứng ở chùa Đông Lâm, Lô Sơn thời tiền Đường

Do Triều-nghị-lang-thú-bí-thư-thừa-thú-quán-tu-soạn, thượng Trụ-

quốc Lưu Kha soạn thuật, thú-giang-châu-tư-hộ-tham-quân-viên-ngoại-trí đồng-chánh- viên Trần Khứ Tật biên ghi, Triều-chấn-võ-tiết-độ-tham-mưu xét phụng lễ lang Lý. . . Ngạn Khắc triệu ngạch. Dựng lập ngày 27 tháng 04 năm khai thành thứ 04 (839) thời tiền Đường, đến ngày 23 tháng 07 năm Đại Trung thứ 08 (854) thời tiền Đường tạo dựng lại.

* Biên ghi về phương trượng quán âm tại chùa Đông Lâm Lô Sơn

Ngày 15 tháng 02 năm Nhâm Thân (852) tức năm Đại Trung thứ 06 (852) thời tiền Đường, do Sa-môn Nguyên sở ở Giang Hạ biên ghi, Đông-di minh đảo Thái huyền cốc xung tịch Dã Sưu biên ghi.

* Bia minh tháp đá cổ hòa thượng Đại Đức Luật sư Thượng Hoằng ở chùa Cảnh Vân tại phủ Châu thời tiền Đường

Do Giang -châu-tư-mã Bạch Cư Dị soán, Nhiếp Hoài Nam quản sát-thí-đại -lý-bình-sự-kim-giám-sát-ngự-sử-lý Khắc Cung biên ghi, Hoài-nam-tiết-độ-tham-mưu-giám-sát-ngự-sử-lý-hành-Đoàn Toàn Vi Khắc triệu ngạch. Đến ngày 15 tháng 07 năm Đại Trung thứ 08 (854) thời tiên Đường, tạo dựng lại.

* Lại, Bia minh chùa Đông Lâm

Hồ Nam Đô Đoàn luyện quán sát xử trí v.v... Sai Phái Trung Đại-phu-sử-trì-tiết-đô-đốc-đàm-châu các quân sự Thứ-sử-kim-tử-quang-lục-đại phu-tả-tán-kỵ-thường-thị-thượng-trụ-quốc-hà-đông-quận-công ban thực ấp 2000 Hộ Liễu Công Quyền biên ghi, dựng lập ngày 26 tháng 04 năm Đinh Sửu (857) tức năm Đại Trung thứ 11 thời tiền đường.

* Kinh tạng bi âm Ký ở chùa Đông Lâm

Do Tiều-nghị-lang-kiểm-hiệu-thượng-thư-thượng-đô-lang-trung-sử-trì-tiết-phủ-châu-các-quân-sự-thú-phủ-châu-thứ-sử-kiêm-thị-trung-sử-trụ-quốc được ban tặng Phi-ngư-đại Thái Kinh soạn thuật dựng lập ngày 29 tháng 05 năm Đại Trung thứ 14 (860) thời tiền Đường.

* Giang hồ châu tây đạo quán sát sứ Võ Dương Công vi công tả châu tán

Do cháu ngoại Nhiếp-trấn-nam-quân-tiết-độ-phó-sứ-triều-tán-đại-phu-sử-trì-tiết-giang-châu-thứ-sử-thượng-trụ-quốc Miêu Thân soạn thuật, biên ghi ngày 08 tháng 04 năm Hàn Thông thứ 08 (867) thời tiền Đường.

* Bia minh cổ thiên đại đức Công tạo dựng lại chùa Đông Lâm tại Lô Sơn thời tiền Đường

Do Triều-tán-đại-phu-sử-trì-tiết Giang-châu-cai-quân-sự-thư-giang-châu-thứ-sử-trụ-quốc được ban tặng-tử kim-ngư-mưu-thân soạn thuật, Triều-nghị-lang-tiền-hành-quốc-tử-đại-học-bác-sĩ-trụ-quốc Bùi Quan Viễn biên ghi và khắc triệu ngạch. Tạo dựng ngày 13 tháng 12 năm Mậu Tý (868) tức năm Hàn Thông thứ 09 thời tiền Đường.

* Quảng bình công cựu nhân ký

Do tuyên-hấp-tiết-độ-chưởng-thư-ký-tướng-sĩ-lang-thí-đại-lý-bình-sự được ban tăng Phi Ngư đại Tiết Chánh kỷ soạn thuật, Ngân-thanh-quan-lục-đại-phu-tiền-thú-khánh-châu-tư-mã-kiêm-điện-trung-thị-ngư-sử Lưu Tuân biên ghi và khắc tiệu ngạch. Giang-tây-giám-quân-sử-trung- tán-đại-phu-hành-nội-tỉnh-nội-thị-viên-ngoại-trì-đồng-tránh-viên-thượng-trụ-quốc được-ban-tặng-tử-kim-ngư-đại Tống sư Tích dựng lập ngày 20 thàng 06 năm Quang Khải thứ 02 (8860) thời tiền Đường.

* Đại sư Đường Ký ở chùa Đông Lâm-lô Sơn

Năm Thái Hòa thứ 03(829)thời tiền Đường, Phụng-hóa-quân-tiết-độ-giang-châu-quán-sát-xử-trí, v.v... Sứ-đặc-tấn-kiềm-hiệu-thái-uý-kiêm-thị-trung-sử-trì-tiết-giang-châu các-quân-sự-thú-giang-châu-thứ-sử-thượng-trụ-quốc-đức-hóa-vương được ban thực ấp 3.000 hộ Dương-triệt-tiết-độ-thôi-quan-thông-phán-quân-phủ-công-sự-triệu-nghi-lang-kiểm hiệu-thương-thư-lễ-bộ-viên-ngoại-tức-kiêm-thị-ngư-sử-vân-kỵ-uý được ban tăng tử-kim-ngư-đại nguyên-hạo-tiết-độ-quan-tướng-sĩ-lang-thí-đại-lý-bình-sự-chưởng-tấu ban tặng phi Ngư dại Nghê Khuông minh biên ghi và khắc triệu ngạch.

* Đức hóa Vương ở chùa Đông Lâm thiết đặt lại Bạch, thư văn tập Ký

Do nhiếp - quán - phong - mạc - tuần - lại - thí - lang - đài - lang sư Văn Trinh biên ghi, ngày 20 tháng 08 năm Giáp Ngọ (nếu năm Giáp Ngọ tức năm Nguyên Hòa thứ 09 (814). Còn nếu là năm Thái Hòa (Đại Hòa) thứ 06 tức năm 832) tức năm Thái Hòa thú 06 thời tiền Đường, quan nội tăng chánh giảng kinh luận đại đức được ban tặng Tử Kim Sa-môn Khuông Bạch Uý, Tiết-độ-tuần-cung thử châu tư quân sự được ban tặng Tử Kim Ngư đại Nghê Khuông minh khắc triệu ngạch.

* Di Lạt Bồ-tát thượng sinh Điện Ký

Do tướng-sĩ-lang-thú-giang-châu-tư-sĩ-tham-quân-chưởng-biểu-thấu-thứ-bí-thư-tỉnh-chánh tự-dương Bật soạn thuật. Ngày 20 tháng 02 năm Bảo Đại thứ 03 (?), Dực-chánh-công - thần-giang-châu-đô-đoàn-luyện-quán-sát-xử-trí, v, v... Sử - kim-tử-quang-lục-đại-phu-kiểm-hiệu-thái-bảo-thú-thứ-sử-kinh-triệu-huyện-khai-quốc-tử được ban thực ấp 500 hộ Đỗ Xưởng Nghiệp dựng lập, công đức thủ giảng luận đại đức mộ Trang biên ghi.

* Thượng phương Thiền sư xá llợi tháp Ký

Do triệu-tán-đại-phu-hành-thượng-thư-thuỷ-bộ-viên-ngoại-lang Võ Kỵ uỷ Bành soạn thuật và đề biển ngạch, ngân-thanh-quang-lục-đại-phu-kiểm-hiệu-quốc-tử-tế-tửu-kiêm-giám-sát-ngự-sử-thượng-trụ-quốc y tùng Đạo biên ghi, dựng lập trong tháng 10 năm Bảo Đại thứ 14 (?)

4- Tại chùa Tây Lâm

* Bia Văn Đạo Tràng chùa Tây Lâm

Do Thái-thường bác-sĩ-bột-hải Âu Dương Tuân soạn thuật, dựng lập ngày 15 tháng 10 năm Đinh Sữu (617) tức năm Đại Nghiệp thứ 13 thời nhà Tùy. Năm Bính Ngọ (766) thuộc trong niên hiệu Vĩnh Thái (765-766) thời tiền Đường, Nhan Chân Khanh ghi đề biển ngạch văn bia ấy có cả thảy 120 chữ, sau lưng bia có ghi là năm Đại Trung thứ 10 (856) thời tiền Đường và tên của 05 người ghi đề.

* Văn bia hòa thượng Đại Đức Luật sư Tề Lãng ở viện Thuỷ các, chùa Tây Lâm tại Lô Sơn

Do tiền quảng văn quán tiến sĩ Trịnh Nghiệp Khanh soán, Sa-môn Đạo Chân ở An Định biên ghi, dựng lập ngày mồng 06 tháng 03 năm Nhăm Tý (832) tức năm Đại Hòa (Thái Hòa) thứ 06 thời tiền Đường, đến ngày 27 tháng 11 năm Đại Trung thứ 08 (854) thời tiền Đường dựng lập lại (khắc tại sau lưng bia), kiểm-hiệu-tư-phong-lang trung-thú giang châu thứ sử Bùi Phúng, đến ngày mồng 08 tháng 04 năm Đại Trung thứ 14 (860) thời tiền Đường, khiết thuỵ đồng du siêu hoa tùng hành (cũng đề sau lưng bia).

5- Tại quán Giản Tịch

* Bia quán Giản Tịch tại Lô Sơn

Do Từ đồ-hiễu-trưởng-sử - thái-tử-bộc-kiến-xương-huyện khai

quốc hầu Ngô Hưng Thẩm Toàn tạo tác, dựng lập tháng 11 năm Thiên Giám thứ 14 (515) thời Nam Lương, đến ngày 15 tháng Giêng năm Giáp Dần (?) tức năm Bảo Đại thứ 12 thời tiền Đường (?) dựng lập lại, do Hồ Duy Sở ở An Định biên ghi và đề biên ngạch.

* Trụ mốc Tôn sư Hùng quân ở quán Giản Tịch tại Lô Sơn

Do Môn Nhân Tam động đệ tử Triều-tán-đại-phu-trì-tiết-hàng-châu-các quân sư thư-hàng-châu-thứ-sử-trụ-quốc-vu Đức Hối soạn thuật, Phạm thương Hạo biên ghi.

* Tạo dựng lại Đại Điện quán Giản Tịch tại Lô Sơn

Do thôi-trung-dực-Thánh-công-thần-an-tây-đại-tướng-quân-đức-thắng-quân-tiết-độ-sứ-lô-châu-quán-sát-xử-trí v.v... sử Đặc-tấn-kiểm-hiệu-thái-uý-đồng-trung-thư-môn-hạ-bình-chương-sự-sử-trì-tiết-lô-châu các quân-sự, lô-châu-thứ-sử-ngự-đại-hiến-thượng-trụ-quốc-thanh-hà-quận-khai-quốc-hầu được ban thực ấp 2000 hộ Trưng Sùng biên ghi ngày mồng 01 tháng Giêng năm Đinh Hợi (?) tức năm thuận nghĩa thứ 10 (?).

* Văn Ký về Thạch Đàn mới tạo dựng tại quán Giản Tịch ở Lô Sơn

Do Tuyên-châu-quán-sát-phán-quan-đăng-sĩ-lang-kiểm-hiệu-thượng-thư-ngu-bộ-viên-ngoại-lang được ban tặng phi-ngư-đại Trần Giác soạn thuật và biên ghi.

* Bia tiển sinh lục quân ở quán Giản Tịch

Do đạo sĩ Hàn lâm cúng phụng Ngô quân ở Trung nhạc soạn thuật văn và biên ghi, dựng lập ngày mồng 03 tháng 06 năm Đinh Mùi (?) tức năm Bảo Đại thứ 05 thời nhà Đường (?).

* Văn ký về sửa sang Linh Bảo và thư đường tại quán Giản Tịch ở Lô Sơn

Do Nội-tri-khách-kiêm-cổ-án-tư-sự-ngân-thanh-quang-lục-đại-phu-kiểm-hiệu-công-bộ-thượng-thư-kiêm-ngự-sử-đại-phu-trụ-quốc Vương Lộ vàng phụng sắc ban sạn thuật và biên ghi, ghi ngày 15 tháng 02 năm Ất Mão (?) thuộc trong niên hiệu Bảo Đại thời nhà Đường (?).

* Văn bia về tu sửa đường đá ở quán Giản Tịch, Lô Sơn

Do Thừa-vụ-lang-thú-đại-lý-bình-sự Chưởng-nguyên-soái biểu tấu ban tặng phi-ngư-đại-từ Hiển soạn thuật và đề ngạch. Ngân-thanh-quang-lục-đại-phu-kiểm-hiệu-quốc-tử-tế-tửu-kiêm-ngự-sử-trung-thừa-thượng-trụ-quốc Tân Ái biên ghi, ghi ngày 15 tháng 05 năm Ất Mão (?) tức năm Bảo Đại thứ 13(?).

* Tại quán Giản Tịch có bia phú núi Đại Cô

Do Đặc-tấn-thái-uý-bình-chương-sự-vệ-quốc-công Lý Đức Dụ soạn thuật văn trong tháng 04 năm Hội Xương thứ (845) thời tiền Đường. Giang-nam-tây-đạo-đô-đoàn-luyện-quán-sát-xử-trí sử Tiều-nghị-đại-phu-hồng-châu-thứ-sử-kiêm-ngự-sử-đại-phu Chu Trì dựng lập.

* Văn bia mới tạo dựng Thiền viện khai nguyên tại Lô Sơn thời tiền Đường

Do Chiêu-nghĩa-quân-tiết-độ-sứ-đặc-tấn-thú-đại-đệ-thái bảo-thượng-trụ-quốc-thỉ-bình-quận-khai-quốc-hầu được ban thực ấp 1.000 hộ Thân Bằng Diên Dĩ vâng phụng sắc ban soạn thuật Bình-lô-quân-tiết-độ-sứ-quang-lục-đại-phu-kiểm-hiệu-thái-phó-hình-bộ-thương-thư-thượng-trụ-quốc-thượng-nhiêu-thuận-công được ban thực ấp 2.000 hộ Thần Từ Tốn vâng phụng sắc biên ghi và đề ngạch, dựng lập ngày mồng 10 tháng giêng năm giáp dần (?) tức năm Bảo Đại thứ 12 (?).

* Văn ký về thư đường của nhà họ Lý

Ngày mồng 10 tháng 05 năm Nhâm Tý (?) tức năm Bảo Đại thứ 10 thời Cự Đường (?), do Ngân-thanh-quang-lục-đại-phu-kiểm-hiệu-tư-đồ-sứ-trì-tiết Viên Châu các quận sự thú-viên-châu-thứ-sử-kiêm-ngự-sử-đại-phu-trụ-quốc Lý chưng cổ ghi ký, nghi ở Thái Nguyên biên ghi.

CHƯƠNG VIII: NGƯỜI XƯA ĐỀ DANH

Tôi vân du đến chùa Đông Lâm, rất mến thích phòng thất ở đó có đề tên từ thời tiền Đường trở lại, chư tăng ở chùa nhân đó nói cùng tôi rằng: "năm trước đổi sửa phòng thất, bảng vuông có vài trăm tấm, chữ viết đã hơi mờ chất đống nơi chỗ rỗng, chẳng thật là tiếc thay, nơi đây may mà chưa vứt bỏ vậy!". Than ôi! người xưa ngợi khen các bậc hiền đạt thắng sĩ lên núi ngắm trông xa thật lắm nhiều vậy, nhưng đều đã bị ẩn mất không còn được thấy nghe, với nơi đây nay còn có được 17 người kể từ Nhan Ngạn Công ở trong khoảng niên hiệu Vĩnh Thái (765-766) thời tiền Đường trở lại ghi đề tên còn có thể trông thấy được, nên tôi ghi lại đây để đề phòng bi sự nất mác vậy.

Năm Bính Ngọ (766) tức năm Vĩnh Thái thứ 02 thời tiền Đường, Chân Thanh vì tội giúp Cát Châu, trong tháng 06, Hưng Ấn Lượng Vi Bá Ni, giả dật Đồng lần lược đến chùa Đông Lâm, giả dật Đồng thì tiếc 02 ông hy di, 02 Luật sư huệ Tú và Khánh Nghĩa, Tuyền dương Túc hiện còn vậy, kính ngưỡng Lô Phong của Lô Phụ, mến tưởng di liệt của Viễn Công, ra ngoài điện Thần Vận kính lễ y tăng già, trông xem chiếc quạt và phất trần của Pháp sư Đạo Sinh, bản kinh Niết-bàn do Tạ Linh Vận phiên dịh, vui mừng kính mộ đó má chẳng đủ, tạm ghé ghi khắc vào bên cạnh văn bia của Thiền sư Da-Xa và 02 Trương Lý. Lỗ quận Nhan Châu Khanh biên ghi (khắc đá bên cạnh văn bia Thiền sư Da Xá tại chùa Đông Lâm).

Năm Bính Ngọ (766) tức năm Vĩnh Thái thứ 02 thời tiền Đường, Châu Khanh vì sơ xuất vụng về nên bị biếm đày đến giúp Cát Châu, Tháng 06 năm đó, Hưng Ấn Lượng, Vi Bá Ni, Giả Dật, Dương Túc nghỉ tại chùa Tây Lâm. có Luật sư pháp chân là người thâm tứu học thôn luật tạng thanh tịch, là đệ tử Thượng Túc của tổ sư Luật Chí Ân, tôi, nội đệ A-xà-lê chánh nghĩa là người nghĩ nhớ xa dài về di liệt của 02 ông Viễn, Hiệu, dẫn tôi đi đến nơi Trùng các chỉ bày cho thấy tên tượng Đức Phật Lô - xá-na do Trương tăng Diêu họa vẽ trên lụa tuyết, chiếc đẩy đựng bình bát bằng gốm lụa của vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương, nhân đó ghé đề ghi nơi văn bia Vĩnh Công do Ấn Dương Công soạn thuật. Lỗ Công Nhạn Chân Khanh ghi đề (Khắc tên bia Thiền sư Tuệ Vĩnh tại chùa Tây Lâm).

Lũng tây tự đức tiến quốc tử thân Hà nam Hư trung kinh triệu hy viễn, Lũng tây mậu thưởng, ngày 11 tháng 04 năm Đại Trung thứ 10 (856) thời tiền Đường đồng đến mậu thưởng biên ghi (khắc đá tại chùa Tây Lâm).

Năm Đại Trung thứ 12 (858) thời tiền Đường, Đại-lý-thiếu-khanh-kiêm-ngự-sử-trung-thừa được ban tăng tử Kim-ngư-đại Vi Trụ chuẩn cứ sắc chiếu Lanh nam tiên hỏi, ngày 20 tháng 07 năm đó lại qua tạng kinh đây, ngày trước tạo lập bởi Tùy theo sự hưng phế của chùa, may nhờ hòa thượng Đạo Thân cất tàng nơi Thạch thất, đựoc Ngôn thượng nhân và minh thượng nhân chỉ bày cửa ấy được thấy như cũ, tiếp tục xúc chạm giềng mối dẹp quyên lụa cúng thí 300.000 để tạo dựng lại Đường vũ. Bấy giờ tại Hồ Nam Giang Tây đều đang nhiễu loạn, 01 giả từ kinh quyết, 03 đạp lấy bang giao nguy ách đến đây vài giờ cùng trò chuyện với ngôn thượng nhân và minh thượng nhân, lại cưỡi xe ngựa đi đến phương Bắc, Nam Trạch hầu theo đi (khắc đá tại chùa Đông Lâm).

Tháng 7 năm này (?), tôi vòng mạng Ấn phủ lãnh nam, mới đầu trung trần, từ Phiên Ngu đến cung quyết, binh lính lớn mạnh nhiểu loạn, mới đi thẳng đến trung Lăng, đã đến nơi bèn dừng ở lại 01 đêm dò xét mưu ngầm ở đó, đã rõ biết tình trạng, đến sáng sớm liền vượt Chương Giang. Tới ngày 29 bèn dừng nghỉ tại đó cùng 02 thương nhân Ngôn Minh đàm luận lý huyền, và hỏi về di tích dấu vết của kinh tạng. Đến chiều tạnh theo hướng tây đi suốt 64 ngày, tôi xét hỏi đến Giang Tây, nhưng soái Trương, Ngạc, Hứa, Thái 04 quân đều đến trấn, tới ngày 27 tháng 11 năm đó, binh loạn tiếp nổi ở Bắc điều, tôi tuy chọn việc binh lính mới ngang qua cửa Tùng, chầm chậm chẳng thể đi. Đến ngày thật sự nhân rãnh bèn đóng tiền phong tại núi Hiện, lại cùng Ngôn Công đồng đi. Bấy giờ Minh Thương Nhân đã là người thiên cổ, buồn thưng giây lâu, lại thúc giục ngựa đi tới trước, nhân ghi hàng trên, đề tại vách thuỷ đường. Ngày 27 tháng 11 năm Đại Trung thứ 12 (858) thời tiền Đường, Giang-nam-tây-đạo-đô-đoàn-luyện-quán-sát-xử-trí, v.v... Sứ-kiêm-ngự-sử-trung-thừa Vi Trụ đề, Đô-đoàn-luyện-nha-thôi-tướng-sĩ-lang-quyền-đàm-châu-hộ-tào-tham-quân Chu Kinh quán-sát-nha thôi-tiền-chí-phụng lễ lang ở chùa Thái Thượng Trương tự mục nam-an-nam-nhu-viễn-quân-phán-quan-thí-tả-nội-suất-phủ-trụ-tham-quân Thăng theo đi.

Ngày mồng tám tháng 11 năm Còn Phù thứ 03 (876) thời tiền Đường, Giang Châu thứ sử Trần Liễn sắp lìa xa bến sông Bồn, cùng Xử Sĩ Đặng tư tề đồng đến thăm hỏi giả biệt Tư Tông Tông 01-02 Vị Đại Đức. Thôi-trung-dực-Thánh-công-thần-an-tây-đại-tướng-quân Võ Ninh Bình nạn các quân, Tiết-độ-lô-châu - quán-sát xử trí đẳng sử Tây nam diện hành danh thảo ứng viện sứ quang lục đại phu-kiểm-hiệu-kim-thái-phó-kiêm-ngự-sử-đại-phu-thượng-trụ-quốc-thanh-hà-quân-khai-

quốc-hầu Trương sùng vòng phụng chiếu ban đi đánh chiếm, ngang qua đó. Ngày 27 tháng 11 năm Võ Ngiã thứ nhất (?), Triều-nghi-lang-kiểm hiệu-binh-bộ-thượng-thư-được ban tặng tử-kim-ngư-đại Thương-đảng-quận-công thực ấp 1.000 hộ Cảnh Điều từ kinh thành theo hầu bá phụ, từ trên sông về quận, được theo nhà Anh là Quế-dương-quận-công, phỏng hỏi cảnh thắng ưu tuyệt nơi đây, khi ấy đang sắp đến mùa xuân, rừng tỏa hương thơm, chiều mưa mới tạnh, nhãy múa rã bộ quên cả nhọc mệt, lòng trần chống sạch, hết ngày mới trở về, nên ghi lại đây biên ghi ngày 23 tháng 03 năm Kỷ Hợi (?) tức năm Thăng Nguyên thứ 03 (?). Tây thượng cáp môn Sử-quang-lục-đại-phu-kiểm-hiệu-tư-đồng-hành-hữu-võ-vệ-đại-tướng-quân-kiêm-ngự-sử-đại-phu-trung-thượng-trụ-hạ Khiêm vâng phụng Duệ chỉ phong san hùng phan, dừng ghé hơn 10 ngày, sắp là đầu năm, bên nhận ân vua mà được nhuần nhiều lớp, nghĩ nhớ càng sâu, mà lại hứa ghé xe vua được vân du hóa cảnh, lúc đó là ngày 28 tháng giêng năm Thăng Nguyên thứ 02 (?), nên lưu lại đề ký.

Trong thời tiền Đường, Phung-hóa-quân-tiết-độ-giang-châu-do-anh điều-quán-sát xử trí v.v... Sai Phái kim-tử-quang-lục-đại-phu-kiểm-hiệu-thái-phó-đồng-trung-thư-môn-hạ-bình-trương-sự-thượng-trụ-quốc-bằng-dực-huyện-khai quốc bá thực ấp 700 hộ nguyên tục trong tháng 07 năm Kỷ Dậu (?) tức năm Bảo Đại thứ 07 (?), đến trấn tại xứ đó, tuy không hết tháng mà cũng có 01 ngày Nân Du đến Tinh Xá chùa Đông Lâm và Tây Lâm, trông xem các di tích xưa cỗ xong rồi trở về, nên ghi rõ năm tháng ý vậy.

Thôi-trung-phụng-bảo-nhân-công-thần-phụng-hóa-quân-tiết-độ-giang-châu-doanh-điền-quán-sát-sử-trí v.v... Sai phái Giang-lục-đại-phu-kiểm-hiệu-thái-uý-sử-trì-tiết-giang-châu các quân-sự-giang-châu-thứ-sử-kiêu-ngự-tướng-quân-kiêm-ngự-sử-đại-phu-thượng-trụ-quốc An Định huyện khai quốc bá thực ấp 700 hộ Hoàng Phủ Huy phục phụng sắc chỉ, đặc đến Thiền viên Bảo đại khai Tiên, đi qua chùa báu, Tùng cối phủ trùm khói, núi non lấm lớp xanh, trông xem khắp các thắng cảnh rất thoả hợp nỗi lòng, lúc đó là ngày mồng 05 tháng 02 năm Quý Sửu (?) tức năm bảo đại thứ 11 thời tiền Đường (?) đề ghi vậy.

Kim-tử-quang-lục-đại-phu-kiểm-hiệu-tư-đồng-tiền-sử-trì-tiết-quân-châu các quân sự thú quân-châu-thứ-sử-ngự-sử-đại-phu-thượng-trịn-quốc-thái-nguyên-huyện khai quốc nam thực ấp 300 hộ Vương Nhan cởi mở tao ấn về kinh đô, vân du các thắng cảnh, nên biên ghi, lúc đó là ngày 24 tháng 04 năm Quý Sửu (?) vậy.

Thôi-thành-phá-địch-công-thần-phụng-hóa-quân-tiết-độ-giang-châu-doanh-thiền-quán-sát-xử-trí, v.v... sai phái quang-lục-đại-phu-kiểm-hiệu-thái-uý-sử-trì-tuyết-giang-châu các quân-sự giang-châu-thứ-sử-kiêm-ngự-sử-đại-phu Giang hạ huyện Khai Quốc Bá thực ấp 700 hộ Hoàng đình Khiêm tự đến trấn nhậm quận ấy, thường mến ngưỡng danh sơn, khi ấy đang lúc sang thu, đặc biệt đến chiêm ngưỡng cung kính, biên ghi ngày 16 tháng 09 năm Bảo Đại thứ 15 (?).

Thôi trung đánh địch công thần, phụng-hóa-quân-tiết-độ-giang-châu-doanh = điền-quán-sát-xử-trí v.v... sai phái quang-lục-đại-phu-kiểm-hiệu-thái-uý-đồng-trung-thư-môn-hạ-bình-chương-sự-sứ-trì-tiết-giang-châu-các-quân-sự, Giang-châu-thứ-sử-thượng-trụ-quốc-phú-xuân-quận-khai-quốc-hầu thực ấp 1000 hộ Tôn Hán Huy, ngáy mồng 08 tháng 08 năm Hiển Đức 05 (?) lãnh mạng giám quân sứ Dĩnh Xuyên Trần Công và liêu tá v.v... đồng đến bái yết đền thờ sứ giả Châm, nơi đó gần chùa Đông Lâm và Tây Lâm, nhân vân du cảnh thắng đại khái, may được trông xem khắp, liền ghi thời gian năm tháng.

LỜI BẠT

Trong tạng bản ở chùa Cao Sơn có "Lô Sơn Ký" 05 quyển, mà trong đó quyển 02 và 03 là khắc bản gỗ thời nhà Tống, còn lại 03 quyển (01-04-05) là xưa trước viết trích rút bổ đắp đó. Nhưng tên huy ở thời nhà Tống đều khuyết không biên ghi, ấy cũng do từ bản thời nhà Tống hủy là "chiên" tự là "chỉ", mà Quang Tông chi hiềm tên là "Đôn" tự là "Tắc" thì không biên sót, đó là khắc bản trong thời gian Cao Quang vậy. Sách này tại nước ta nhân coi giữ sơn các tổng thư san tứ khố vốn chỉ còn được 03 chương đầu làm 01 quyển, quán thần cho đó là ẩn mất chương 04 và 05. nay trong bản khắc gỗ thời nhà Tống thật là gồm có 05 quyển và 08 chương. Chương 01 và 02 là quyển 01, chương 03 là quyển 02, chương 04 và 05 là quyển 03, chương 06 là quyển 04, chương 07 và 08 là quyển 05. Coi giữ sơn Các vốn chẳng chỉ ẩn mất từ chương 04 trở xuống, mà sự phân quyển cũng chẳng phải lâu xưa của đương thời vậy. Quán thần thấy bản ngày nay phân chương làm 01 quyển nên ghi là ẩn mất chỉ 02 chương 04 và 05, ức đoán mà lại sai nhầm vậy. Sách này toàn bản không biết từ thời nào đã ẩn mất hơn 01 nữa, Quán thần cho là Đại Điển của Vĩnh Lạc vốn cũng chỉ có 03 chương, thì thời đầu

nhà Minh đã ẩn mất khắc bản ở Đông Bang. Ngoài bản khắc gỗ ở thời nhà Tống ra còn có khắc bản đều hoàn bị trong năm Nguyên Lục thứ 10 (?), nay lấy bản Nguyên Lục trông coi 02 bản khắc ở Sơn Các cùng bản thời nhà Tống để so sánh khám xét thì biết bản Nguyên Lục tuy hoàn bị nhưng cũng có nguy đoạt, trông coi bản ở Sơn Các thì nguỵ thoát càng rất lắm. Trong chương 01 trong coi bản ở Sơn Các đoạt mất "Lô Sơn kỳ của Thích Tuệ Viễn, lược đến lược khắp khác lạ có vài mươi hàng (trong bản Nguyên Lục đoạt mất ở phần cuối). Trong chương 02, từ Ảnh Đồ trở xuống, bản Nguyên Lục nhầm rút hơn 10 hàng (trông coi bản Sơn Các không sai nhầm), mà Viễn ông Ký nói trên thuật về cảnh thắng của Thạch Môn có hơn mười hàng, Lại nữa, bản ký của Viễn Công nói trên nói về loại của A-la-hán hết 03 hàng. Trông coi bản Sơn Các đều đoạt ẩn mất. Trong chương 03, trông coi bản Sơn Các đoạt mất Tăng mại ở Đông Hải xưa trước v.v... gồm 13 chữ. Lại đoạt mất Nguyên do khước v.v... 28 chữ. Trong chương 06, bản Nguyên Lục đoạt mất nữa trong thơ chùa Lạc Tinh. Trong chương 07, bản Nguyên Lục thuật về các bia ở chùa Đông Lâm có lắm sai nhầm, xếp đặt bia Minh chùa Đông Lâm và bia Minh Đại Đức sán công ở trước 03 văn bia Pháp sư Tuệ Viễn v.v... biết rằng bản Nguyên Lục đã không thể không mất vậy. Bản này tại quyển 01 mất trong 02, quyển 04 khuyết mất 02 trang 21 và 28. lại trong quyển 01, lời tựa của Lý Thường ghi ghép ở trang 03, thì biết trên đây đang có 02 trang cũng ẩn mất. May trang 02 trong quyển 01, y cứ theo bản Nguyên Lục mà bổ khuyết đó, Ngoài ra, các trang thì ở bản Nguyên Lục cũng khuyết thiếu vậy. Oán đời không còn có bản nào để có thể y cứ mà bòi đắp.

Tôi từ xưa trước rất mến chuộng sách này, tựa thuật nhã tặng tợ như nước chảy qua rêu trong xanh, chưa thấy được đủ bản. Năm Tuyên Thống thứ nhất (?), làm khách vân du Đông Kinh, bổng gặp bản khắc gỗ của thời nhà Tống này ở Đức Phú thị thành Trách đường Văn khố, rất vui mừng quá ước mong, lâu nghĩ nhớ đó chẳng bỏ khỏi lòng. Mùa đông năm trước mới dời từ Tô Phong ông nhờ ẩn in đã xin, mới là sách bản khắc gỗ thời nhà Tống thật đáng quý ở cuối quyển, chuộng chẳng chỉ không ẩn mất quyển mà thôi vậy.

Tháng giêng năm Đinh Tỵ (?) thuộc niên hiệu Tuyên Thống (?), Vĩnh phong hương nhân La chấn Vân ghi ở Đông Sơn, ngụ ở đó quanh năm, vui mừng chí hiện vậy.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 190

THIÊN THAI SƠN KÝ
(GHI VỀ NÚI THIÊN THAI)

SỐ 2096

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2096

THIÊN THAI SƠN KÝ
(GHI VỀ NÚI THIÊN THAI)

PHƯƠNG DOANH QUÁN TỪ

Thời tiền Đường, Trưng Quân toản lục

Tôn Xước nói rằng "lội biển thì có phương trượng; bồng lai, đi trên đất liền thì có Tứ Minh; Thiên Thai" thật đáng tin vậy bởi vì linh đường của trong Hoàn Doanh, biệt quán của Tam Thanh căn cứ theo Chân Cáo nói là: "núi Thiên Thai cao 18.000 trượng, chu vi rộng 800 dặm, núi có 08 dặm, cả 04 mặt như nhau, ngay lúc phân chia cửa ngưu đẩu, vì trên đó ứng đài, ban đêm ánh sáng tỏa chiếu cung tía, nên gọi là Thiên Thai "cũng có thiết nói" Đồng Bá giá núi, Đào ẩn cư đăng chân "theo Ẩn quyết nói là" Đại tiểu Đài ở chính giữa 05 huyện, (tức ngoài các huyện Diêu Lâm, Hải Xử, Hưng Cú, chương Diệm vậy), Đại tiểu Đài là từ núi Đông Bá cách 04 dặm mới đến 02 cầu đá. Trước đến cầu đá nhỏ, sau đi hơn trăm dặm lại đến cầu đá lớn tại nơi cao nhất, người hái thuốc phảng phất trông thấy vậy. Đá chất cầu vồng tương tợ như tranh họa. Lại thấy nhà ngọc cửa vàng, trông bên cạnh cầu cô hoa sen tướng trạng như bánh xe lớn, hoa ấy hoản hốt không thể trông thấy kỷ. Đại tiểu Đài, là nhân cầu đá lớn nhỏ mà gọi tên vậy "căn cứ theo thiết ấy tức Thiên Thai và Đông Bá la 2 núi tiếp liền nhau mà có ngỏ khác vậy. Căn cứ theo "Trường Khương Khải mông ký" nói rằng: "núi Thiên Thai tại biên giới 05 huyện quận Cối Kê. Cách cảnh sống con người không xa, đường đi trải qua thác nước, tiếp đến qua Do Khê rồi đến Chiếc Sơn, Do Khê ở tại huyện đường Hưng, phát nguồn ở phía Đông cách 20 dặm từ Hoa

đảnh theo núi phụng hoàng xuôi dòng về hướng Đông nam, khe lớn ở hợp huyện đổ vào khe sông ở huyện Lâm Hải, nước ở đó sâu cao, phía trước có cầu đá, từ xa trông nhìn chẳng đầy thước dài, cách dài mươi bộ đến gần kge suối mờ tối, người quên cả thân mạng mới có thể vượt qua được, đã vượt qua thì thấy núi Thiên Thai, có lầu quỳnh nhà ngọc, dao lâm lễ tuyền tiên vật khác loại, tình còn có thể trông thấy được đó vậy. Bấy giờ chặt cây ghi như thế, về sau thì không được lại như thế "căn cứ theo tghuyết ấy thì nơi thần dị chẳng thể vội vả mà trông thấy được. Nay mọi người vân du trông thấy lắm nhiều, chẳng phải từ cầu ấy. Vã lại đến nơi điểm cao của Do Khê không thấy có cầu, điều thấy của mọi người ngày nay là tại huyết đình về hướng tây cách 20 dặm, dòng nước đỗ đến biên giới huyện Diệm, thì đình biết chẳng phải là cầu mà Trường Khương nói vậy, châu ấy lấy tên núi mà gọi là Đại Châu (Thiên Thai), huyện thuộc Đường Hưng, tức là huyện thuỷ phong xưa trước vậy. Năm thượng nguyên thứ 02 (7610 thời tiền Đường, vua Túc Tông (Lý Hanh) cải đổi thành huyện Đường Hưng. Núi cách châu 148 dặm, cách huyện 18 dặm, một đầu á vào biển xanh, ở giữa có Lông Kim. . . bất tử, tại trong Đồng Bá, chu vi đến 30 dặm, phía trên thường ó mây vàng che phủ, cây thì tô nha lâm bích, suối thạch tuỷ kim tương, theo chân cáo thì gọi đó là động Kim Đình vậy. Trời là Đồng Bá, nơi chị vì của chân nhân, chân nhân là thái tử Kiều của Chu Linh Vương, tự là Tử Tấm, rất khéo giỏi thổi sinh, làm tiếng chim phụng kêu ở xí Y Lạc. Đạo nhân phù cận Công tiếp lên trên Trung Sơn, hơn 30 năm sau tìm kiếm lại không được. Tình cờ cưỡi hạc trắng đến từ tạ người ở đương thời mà đi, đem tiên quan trao nhân làm Đồng Bá, chân nhân hữu bật vương lãnh ngũ nhạc. Tư thị thường đến sửa trị núi ấy, nên theo chân cáo nói là; Từ Ngô cú khúc đến Kim Lăng, vượt qua Kim. . . của Đồng bá, là Linh Khư Thành Chân, là khước địa dưỡng thần theo "Danh Sơn khước địa ký" nói là: sóng lớn chẳng lên, tam tai chẳng đến "lại nói" qua sông Đan đi về hướng Nam, tứ trong đi qua tức là Động của Đan Sơn; xích Thành, trời của Thượng Ngọc thanh bình, chu vi rộng hơn 300 dặm, cửa động tại biên giới huyện Lạc An, tức Động Thiên thứ 06 trong 16 động thiên, tức nơi mao tư mạng trị vì, các ngọn núi chung quanh cao vút, xanh biết chướng ngăn nhiều lớp, ma tiêu lăng Hán nhân ùn mây nổi mốc, tan tỏa Khương Dao, hoa luôn đua nỡ sáng đẹp rực rỡ, cả 04 mùa đều như mùa xuân, chim phụng bay liệng, laon thần nương đậu ở trên, phong cô văn báo ẩn dật bên trong, phía nam kéo dài đến Tấn vân, phía bắc đến tứ minh phía Đông liền với bể cả, tây tiếp cùng Diện xuyên. Lại là nơi

sinh sản nhiều cây si tùng quế rủ châu tích chứa xanh biếc nơi nhiều lớp hang, linh quang hương thơm Thánh hiền nhả đươm nơi cốc tối, đến như khói hang nép cảnh, chẳng là cũng ngũ nhạc tranh hùng, sưu xét kỳ lạ tự có thể dẫn 03 núi làm chánh viện bạc, từ thời nhà Tấn đến thời nhà Lương nhà Trần đều lấy giữa ngày sao chiếu trông sắp tại núi đó ẩn tàn vách tường hiến ngọc sâm lấy làm hửng tháng thường. Theo "Bao Thác Tử Nội Thiên" nói là: phàm ở các núi nhỏ không kham làm thành thần Đan kim dịch, đều có tinh của cây đá, quỷ mỵ già lão ngàn năn mới có thể phá hoại thuốc người, chỉ có Tung Trấn, Thiếu thất, Tấn Vân, La Phú, Đại tiểu Đài, v.v... các núi đó chánh nơi thần ở, giúp người làm phước, có thể tu chân, luyện được Đài vậy. Quán Thiên Thai tại phía bắc huyện Đường Hưng cách 18 dặm. Về phía tây nam núi Đồng Bá có hang thác nước phía dưới. Theo "cựu Dồ kinh"Ngô chúa Tôn Quyền vì Cát Tiên Công mà tạo lập, hình thái rất là ưu thắng, Bắc Tùng Vương chân quân, Đàn ở phía Đông bắc tiếp liền với động Đan Hà. Phía tây bắc núi đến đảnh núi Thuý bình, nên trông "Thiên Thai Sơn Phủ" của Tôn Hưng Công nói là: "phù bích đứng đến Thuý Bình" tức là đảnh núi ấy vậy. Tiền Đàn cùng với Thuý Bình trót vót giữa không trung cùng tranh cao vợi, thác nước bấn đỗ dòng rơi ở sườn núi phía tây có thể cao hơn ngàn trượng, tưởng trạng tráng như con v.v... mùa đông rủ giữa trời lụa thảm xúc chạm nơi đất, trong bài phú Tôn Hưng Công nói là "thác nước bay dòng làm đường ranh giới" tức là xứ ấy vậy. Sóng nhảy phun bọt gần kinh động phiên mây, cổ vũ sóng dữ nổ đùng, xa nghe mà tâm thần vui thú như dòng thác xuôi đổ phía nam hơn trăm bộ cùng hợp với dòng Linh Khê trút đổ vào khe lớn ở huyện rồi vào quận Lâm Hải, dòng trong quán dẩn dòng thác chạy quanh hiên viện, rưới trút vào ao cong, Hà Kỳ la trúc ánh ngời, người đến trông xem quên cả trở về, cùng cực thắng khái như vậy. Từ quán về phía Đông cách 150 dặm trước kia có vườn nhà cũ của Liễu Sử Quân, hiệu là "Tử Tiêu Sơn Cư", trông nhìn phía nam là đảnh núi xanh tốt, phía bắc tiếp liền với Tiểu Tiêu, hai bên ngọn núi đều có các núi nhỏ men theo bệ vệ làm thế, phía Đông bắc tiếp liền với động Đan Hà. Động có nơi huyện Đan của Cát Tiên ông lúc mới đầu vậy. Trong vườn có trồng nhiều linh uyển thuý sinh tu sinh, cỏ dạy lan tràn quanh ao cong. Viện thuốc lò Đan đó cũng là nơi Kỳ ảnh luyện hóa vậy. Liễu Quân tên là bí. Năm thứ 13 thời vua Hiến Tông (Lý Truân 805-821) thời tiền Đường, từ núi Thạch Môn ở Phục Châu, bên có chiếu vời trao làm Đài Châu thứ sử. Chẳng d8ến quận, tiện ở núi, dưới núi lãnh việc chuẩn bị thuốc, về sau lẫn trốn nhà đến ở động Đan

Hà ẩn Tiên vậy.

Từ quán Thiên Thai theo hướng tây cách 01 dặm đến chùa Bạo Bố, do Sa-môn pháp Thuận tạo lập trong khoảng niên hiệu nguyên gia (424-454) thời tiền Đường, vì gần dưới thác nước (Bạo Bố) nên lấy đó mà gọi tên chùa. Từ chùa về phía bắc cách 01 dặm có ngọn núi cao hơn trăm trượng tên là núi Bách Trượng, dưới hang núi có Linh Khê (khe suối Linh), trong bài phú của Tôn Hưng Công nói là: qua Linh Khê mà rưới thông phiền hiểu nỏi tâm tình chùa dẫn khe nước chảy qua trong nhà trù, qua rồi hạy quanh hiên viện. Ở phía nam của chùa có núi ửu Phong, núi cao hơn trăm trượng, chu vi rộng 06 dặm, cũng là có dòng mạch từ Thiên Thai vậy. Xưa trước gọi là núi Cửu Lũng. Đến năm Thiên bảo thứ 06 (747) thời tiền Đường, đổi gọi là núi Cửu Phong. Xưa kia, Vương Dật Thiếu cùng chi tuần Lâm thường đến núi đó, lấy làm nơi trông xem ưu thắng vậy.

Từ quán Thiên Thai theo đường hướng bắc lên quán Đồng Bá cách 12 dặm, đều là sườn núi cao, đường thềm cấp đá quanh co mà lên, đều có tùng lớn che phủ hẹp đường dẫn đến cửa động Đồng Bá nên trong bài phú nói là: "Tô tốt un, cỏ rủ rơi rơi đến tùng lớn" tức là chốn ấy vậy. Từ cửa động có 01 ngọn núi nhỏ cách khoảng 02 dặm mới đến nơi quán tựa đảnh tùng nhỏ. Trước đảnh đất thoáng bằng phẳng khoảng vài khoảnh cả 04 mặt nâng nổi lên, núi tròn quanh co có như phù quách, mới là nơi nghỉ ở của thần chân, chỗ sào hứa rất khâm chuộng. Tự chẳng phải hớp trầm lẩn vượt Tiêu Hán, mộng yểu xúc của rùa hạc. Người cùng sống với đất trời lâu dài có thể ở được vậy. Đó là nơi xưa kia chữ tiên sinh tu đạo, và Pháp sư từ cũng đến đó mà lập đạo phòng, tã cáp đề hiệu là "ẩn chân". Đến trong núi trông xem phía trước có ruộng rộng hơn cả khoảnh, phía bắc có khe suối tên là Thanh Khê, nước từ khe suối trút đổ váo ruộng. Về phía tây đi qua 03 giếng dòng bay thác nước. Phàm là là du khách chỉ trông thấy cảnh vật kỳ lạ, hoãng nhiên tợ như người lên huyền đô đến kinh kỳ vậy. Quán đô do vua Duệ Tông (Lý Đán 710-712) vì Bạch Vân Tiên sinh mà tạo dựng trong năm Cảnh Long (Cảnh Vân?) thứ 02 (711) thời tiền Đường. Bạch Tiên Sinh là tư mã thiên sư, tên là "Tử Trưng" tự là "Thừa Trinh", người xứ đất ôn; Hà Nội. Sự tích biên ghi rõ ràng trong văn bia. Tiên sinh mới đầu vào núi Hoa Đảnh, gặp được Vương Nghĩa Chi nên vào núi thọ học. Tiên Sinh qua bút pháp trao cho Nghĩa Chi là: "con muốn học sách thì hãy khéo nghe lời ta. Phàm thọ học bút pháp khác với người thế tục, nên phải gạn lọc, sau gạn lắng tâm ấy, nghĩa mộ ở Công biên ghi cốt cày tựa gần khí

lực, lại phải đều dừng nắm cán bút cùng nắm đến không khác hạ bút, cùng ném cái bướu chẳng riêng khác, chớ khe khoang ngay thẳng, chỉ giữ lấy sự bền cứng sức cày, nếu thành thì tự nhiên ngay thẳng. Ở mé phía Đông có 01 thạch thất, ông chớ nên đến đó, vì nơi đó là Dị Thú Tinh linh ở vậy, nên đến các phía khác mà tập học, phàm có người nà đến đó tức hẳn là duyên thương tổn tàn hại mạng ta, ông tương lai liệu đó mà chẳng dám, ở bờ mé phía tây có thạch thất là nơi thạch nhân, án nghiên đều đầy đủ, thi thơ đếu ó, hoa tùng giả tiên đều có thể cung cấp, sáng sớm dùng trà đá hương vị nước suối rất sung mãn, chiều tối ẩn đượm nước vui tự tiêu tan tình, lòng buồn phiền tự vượt khỏi núi, chớ nghĩ đến nhàn sự "Nghĩa Chi đã được phân xử, không dám có tái phạm, 01 lần lên thạch thất, suốt 02 năm chẳng khuyết, ban đêm thì ngắm trông trăng gần ao, sáng sớm thì ném mây cầm nắm bút, tự lắng tâm tư mình, nghĩ mộ tại Công biên ghi, thanh tịnh tâm thần, chỉ cần bút pháp, ánh sáng xoay chuyển, tấc bóng đổi dời, chẳng từng dời ngày đến tháng, dần bèn trải qua cả năm. Mới năm thứ nhất Nghĩa Chi học biên ghi tợ như rắn kinh tùng mùa xuân, cá nhảy suối lạnh, bút hạ rồng bay, khoảnh hành như bướm múa, tuy chưa thù diệu nhưng cũng đã kinh hãi mọi người, qua năm thứ 02 học biên ghi tợ như hạc bay qua rừng xuân, mây bay giữa khoảnh ngọc, bút ngậm 05 sắc, chấm mực như dây, cốt cày cùng liền tợ rủ khoá vàng, đến năm thú 03 tập học biên ghi, sắp là kỳ diệu vậy, bèn biên ghi vài trang giấy trở lại, Tiên Sinh lại bái chào, triển chuyển đặt trên án, một lần trông xuống, tự nhiên đổi sắc mặt lớn tiếng mà mắng trách Nghĩa Chi rằng: "ông biên ghi toàn chưa có công phu, cốt cày đều thiếu, khí lực toàn không, biên ghi cách này đâu thành văn tự, chỉ tạm học biên ghi, nên đến nơi tiên đường, không việc chẳng nhọc cùng phỏng hơi "Nghĩa Chi kính vông, liền trở về thư đường, sau lại được 03 năm công phu biên ghi thành tựa vậy. Tiên Sinh mới khen Nghĩa Chi rằng: "Nghĩ xét nét kết ông biên ghi, khác đời chẳng đồng vậy. Nơi nhạt chẳng nhạt nơi đậm chẳng đậm, được thế thật là hiếm có. Tông thấy đây thật là khó gặp, dâng 01 chữ trọng thưởng ngàn vàng, hiến 01 chữ xứng phong hầu muôn hộ!" Lại ngợi khen là: "Thật là gỗ tùng trong các cây gỗ, núi cao vót trong các núi, linh hạc xung vọt giữa không trung, Tung Sơn trong ngũ nhạc, ta bảo về thế tục, người đến cửu tiên hồng, người về nơi thế giới như hạc ra khỏi lồng" Sau khi giã biệt có lòng cung đoái hoài, luôn luôn xa trông trong mây trắng. Sau khi tiên sinh mới vào thiên Thai, vua Duệ Tông ban chiếu tu sửa biển ngạch Đồng Bá xưu cũ, mời tiên Sinh ở đó. vua Duệ Tông ban sắc thư

rằng: "Cát Tiên Công ở triều đại nhà Ngô phế huỷ Đồng Bá, quán tại núi Thiên Thai, như nghe người huyện Thuỷ Phong chặt phá tùng trúc, phá huỷ Đàn tràng, phần nhiều có xúc uế, từng đến nỗi có kẻ đã chết. Ngưỡng châu huyện quan cùng tư mã huyện sư cùng biết, đến trong núi Thiên Thai nơi hẹp, mới phong lấy 40 dặm để làm phước địa của cầm thú cây cỏ sống lâu dài, đặt 01 quán nhưng lấy theo biển ngạch xưa cũ" mới đầu tạo dựng Thiên Tôn đường có 05 sắc, phía trên có 03 mà lương sử biên ghi đó, để ghi tốt lành vậy. Năm Thiên Bảo thứ 06 (747) thời tiền Đường, quận thú giả Công Trường Nguyên cùng với Huyền tĩnh Tiên Sinh Lý quân tên là "Hàm Quang" tức là đệ tử của Thiên Sư, cũng là huyền Tông Sư khánh dựng lập bia, Thái Sử tước thượng chế thuật văn Hàn lâm học sĩ hàn lâm học sĩ Hàn trạch mộc biên ghi, hoàng đế Huyền Tông (Lý Long có 712-756) đích thân biên ghi biển ngạch văn bia đó.

Từ quán về phía nam cách 01 dặm có 01 Thạch Đàn 01 tầng cấp dùng bằng gạch đá lẫn lộn làm thềm, vuông rộng 32 trượng. Căn cứ theo kinh pháp luân tức 03 chân nhân Thái cực hạ giáng nương Cát Tiên Công tu d9ạo tại núi Thiên Thai, cảm giáng thượng chân ở Đàn ấy, là nơi tiên công chân kinh và Nghĩa chú vậy, sự tích rõ đủ trong truyện bản khởi, ở đây chẳng ghi chép đủ, Từ Đàn đến dưới phía Tây Nam. Trên đá có khắc ghi theo lối chữ lệ, khắc ngày ghi. Cáo sử từ công tế Đàn trao cho tiền công kinh, chân nhân tự xưng là dòng họ "tên là"Lai Lặc" tên tự là "Tấc", chưa rõ là người xứ nào. Phía trước Đàn có đường đi tên là Đường Chân Nhân, nơi đường trông nhiều Sen Hạnh. Từ đường đó về hướng nam cách 01 dặm đến cửa động. Từ ngoài cửa về phía tây nam cách hơn 01 dặm đến Đàn Vương Chân quân. Chân quân tức là chân nhân Đồng Bá, có ngôi điện nhỏ tức nghi tượng chân quân nghiễm nhiên vậy, do vua huyền Tông dựng lập khoảng đầu niên hiệu khai nguyên (713) thời tiền Đường vậy, và sắc độ 07 đạo sĩ chăm lo việc quét tước, phía trước điện có suối đá tên là Lỗ Tuyền, về phía nam cách 03 bộ mới dựng lập Thượng Chân Đình Tữ gầnm muôn nhận ngồi trông nhìn ngàn dặm, những người vân du tham quan lên đó ngồi trông nhìn cảnh đất bằng phẳng. Ngày chánh Đàn tại điện chân quân về phía tây bắc cách 20 bộ, có thạch Đàn vuông rộng 08 trượng 04 thước 01 tầng cấp, quanh thành dựng bằng gạch cỗ đề xây dựng. Nay các châ huyện cầu mưa lúc hạn hán đều đến cầu ở Đàn đó. Từ điện đó về phía Đông cách 20 dặm lại có 01 Đàn 08 góc xưa cỗ. Từ điện đó về phía tây bắc xuống núi cách 300 bộ tức đến 03 cái giếng một cái giếng nay đã

bít lấp ở đời tương truyền từng có vi sư rửa tay xúc chạm vào đó, giếng thứ nhất tạm tự bít lấp, còn lại 02 giếng sâu không thể lường biết, đều là tự nhiên trời đục. Từng có người khé giỏi việc ném cuộn chỉ xuống giếng, cuộn chỉ hết mà chẳng thấu đáy, hoặc có người nói là giếng ấy thông liền ra cửa biển hoặc có thuyết nói là biển phục, chưa thể rõ ràng ấy vậy, thường vào mùa xuân mùa hạ mỗi lúc sắp mưa thì dòng nước trút tràn tuông sấm rống, có như thiết Ly ngầm ẩn cổ thứ vậy. Khi ấy những người vân du tham quan trông thấy không ai chẳng kinh hãi tâm thần kính sợ trông nhìn. Trong ấp có cầu mưa hạn, Khiến Trường mỗi năm ghi tình thành khẩn đến cầu mưa tạnh, không ai chẳng hưởng ứng. Và đó cũng là nơi nước nhà thả rồng cúng tế cầu phước vậy. Năm Vĩnh Thuần thứ 02 (683) thời tiền Đường, vua cao Tông (Lý Trị) ban chiếu sai Thái-thương-khanh-tu-lễ-nghi-sứ vi thao mang rồng vàng bạch bích đến thả tại giếng đó. Năm Bảo Lịch thứ nhất (825) chúa thượng sai trung-sử-vương-sĩ-ngập-đạo-môn-oai-nghi Triệu thường Doanh, Thái-thường-cung Nguyễn u nhân hàn lâm Đãi chiếu lục thông huyền, ngày 13 tháng 05 đến núi ở quán Thiên Thai thiết tế, hứa sang 03 giếng thả long bích vậy. Từ 03 giếng ấy theo hướng tây đi lên 01 ngọn núi ước khoảng 02 có 01 tăng viện tên là viện phật quật, tức là quán đạo nguyên ngày nay vậy. Phía trước đến đảnh núi Thuý Bình, phía bắc tiếp liền với núi lớn Đồng Bá. Ngọn núi Thuý Bình cặp đường với tiên Đàn, có 02 thác nước cao vợi giữa trời giáng 01 nữa ẩn ngoài mây. Tiên đảnh núi có Đình Tử, nơi cùng cực để nhìn xuống đất bằng, xứ đó đều là cảnh nhác lạ. Từ quán Đồng Bá về phía tây bắc đi 07 dặm mới đến Quỳnh Đài Trung Thiên nơi ở cao. Từ đảnh núi Bách Trượng vô thượng Quỳnh, đường đi Quỳnh Đài đều đá nước cao sâu hiểm nguy không thể leo vượt qua, mọi sự phải lên Tiên Đài, theo đường Đồng Bá mới có thể đến được. Tức Bình Thị Quỳnh đài mà xuống trông nhìn sông quyết, mà mọi người vân du tham quan phần nhiều quái lạ Quỳnh Đài chẳng tại Trung Thiên, song Quyếtchẳng vượt ngoài mây, còn tại trên núi mà trông nhìn đó vậy. Nếu mắt cúi ngưỡng mà trông nhìn thì Quỳnh Đài chẳng những là Trung Thiên, song Quyết cặp vân khê 05 dặm mà đi, vách xanh cao muôn dặm tốt un mem tựa cùng đến, Hoa Kỳ sinh lạ đâm trồi nãy lộc, chim quý thú linh cùng cất tiếng trong.

Tôi từng tìm Quyền Đài xuống vân Khê lội ngược dòng, theo hướng bắc đi 30 dặm, hoặc nước chảy róc rách cạn lội, nơi bằng phẳng thì khoảng từ 03 đến 05 dặm, hoặc đầm động mờ tối nơi sâu thì cả ngàn trượng muôn trượng, đá núi kỳ lạ lồi lõm, sắc nước sáng đẹp rõ ràng có

thể trông nhìn tới đáy, màn lớp chẳng ẩn, những người đến đó bất chợt mà quên về. Nếu chẳng là hang nhà của Thần Tiên thì không đâu có thể sánh ví như ở Đồng Bá vậy. Lại theo hướng đông bắc đi 05 dặm có núi ở rừng hoa, đá nước trong đẹp, cảnh thắng linh tịch vậy (là nơi đạo sĩ Trần Tông ngôn tu chân khoảng đầu niên hiệu Trường Khánh (821) thời tiền Đường vậy) từ quán theo hướng bắc đi lên 01 ngọn núi cách khoảng 05 dặm, có phươngdoanh ở núi, phía trên có đất bằng rộng hơn 01 khoảnh, phía trước có ao đường rộng vài mẫu, trong đường có đảo Tiểu Châu, có sen kỵ, phía trước trông nhìn đến núi sầm xanh, phía sau mây cao rung động, bởi ngay phía sau núi mà gọi tên vậy. Phía tây nối tiếp Quỳnh Đài, phía Đông gắn liền cùng Hoa Lâm tức là Linh Phù. Khoảnh đầu niên hiệu trường Khánh (821) thời tiền Đường, định thất ở tại đó. Đó là lớp thứ 02 của Thiên Thai vậy. Từ phương doanh đi lên 07 dặm có ngọc tiêu sơn cư, đất bằng phẳng rộng hơn cả khoảnh, 04 mặt núi xoay quanh bao hợp. Lại sâu xa như động tiên, đó tứ là lớp thứ 03 của Thiên Thai, từ Ngọc Tiêu theo hướng Đông nam đi 03 dặm, có 02 tảng đá trôi nỗi làm cửa cao có thể hơn trăm nhận nhân đó mà gọi là Thạch Mô. Từ quán Đồng Bá theo hướng bắc cũng có đường lên Hoa Đảnh, đường sâu xa nghẻn lối, hiếm ít người đi, gặp người đi phần nhiều là theo đường chùa Quốc Thanh mà lên. Từ quán Thiên Thai theo hướng tây đi 15 dặm có chùa Bạch Nham, chùa cách huyện 30 dặm, cuối thời tiền Tống có sa nôn khổ Liêu đến đó tạo lập tinh xá. Từ quán Thiên Thai theo hướng đông đi 15 dặm có núi Xích Thành, núi cao 300 trượng, chu vi rộng 07 dặm, tức là cửa phía nam của Thiên Thai vậy. Từ xưa đến nay, đó là nơi nước nhà cúng tế vậy. Núi đó chất chứa nhiều đá, đá sắc màu rực rỡ như ráng trời lúc sáng sớm, trông nhìn đó như mặt thành nên gọi là Xích Thành, còn gọi là Thiên Sơn, nên trong bài phú nói là:Xích Thành ráng nỗi để làm nêu "tức là chỉ núi đó vậy, ở nữa lưng chừng núi có chùa Phi Hà, tức nhạc Vương Mẫu ở thời nhà Lương ở tại chùa đó vậy. Nay thì đã bị hư phế. Dưới núi có Thạch Thất, là nơi đạo sĩ ở đó, bên trong nền móng núi có ngôi chùa tên là chùa Trung Nham, tức do cao tăng Bạch Đạo Du người nước tây tạo dựng vậy.

Chùa Quốc Thanh cách huyện về hướng bắc 10 dặm đều có tùng lớn ặp dọc đường vào đến chùa. Chùa đó do vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) vì Thiền sư Trí khải mà tạo dựng từ năm khai hoàng thứ 18 (598) thời nhà Tùy. Quanh chùa có 05 ngọn núi, 01 là núi Bát Quế, 02 là núi Ánh Hà, 03 là núi Linh Chi, 04 là núi Linh Cầm, 05 là núi Tường Vân. có 02 khe suối xoay quanh bao bọc, chùa tứ tuyệt

trong thiên hạ thì chùa Quốc Thanh là tuyệt nhất. Từ chùa đi đến suối đến đài đâu suất. Phía Đông của đài có Thạch Đàn, bên trong có dòng suối, xưa kia thiên sư khổ minh dùng tích trượng dộng mỡ đó, nên gọi là suối Tích Trượng. Từ chùa Quốc Thanh theo hướng đông bắc đi 15 dặm có chùa Thiên Lâm, là nơi xưa kia Thiền sư Trí khai tu thiền tại đó. Đến năm Trinh Nguyên thứ 04 (788) thời tiền Đường, sư điệp dời huyện Hoàng Nham phế huỷ biển ngạch chùa Thiên Lâm lại đổi tên là đạo trông. Từ chùa về hướng đông cách 15 dặm có ngọn núi Hương Lô rất cao hiểm, trên đảnh núi có nhiều cây hương bá, sinh quế, liền nhau. Lại có ngọn núi yên tọa, núi ấy cao hơn trăm trượng, đó là núi Đại Sư Trí giả nhiếp phục ma về sau có thần nhân mang đưa đá đến chắn núi ở sau lưng Đại sư, đến nay vẫn hiện còn. Phía dưới núi có đầm rộng chu vi rộng 01 dặm, phía dưới có khe suối chú loa cũng lưu xuất ra ra khe lớn ở huyện, Từ chùa về hướng tây bắc đi lên 10 dặm là đế trấn Điền (xưa kia có thần nhân ở đó khai khẩn đất ruộng cúng dường Đại Sư Trí Giả, buổi sáng sớm gieo trồng, đến chiều thì thu hoạch). Từ Trần Điền đi khoảng 05 dặm về hướng tây và 01 nguồn nước rất bằng phẳng tên là Bạch Sa, có chư tăng ở đó. Từ chùa Thiên Lâm theo hướng tây bắc đi lên 25 dặm mới đến Hiết Bình, tức Bình Xương mạnh công giản Liêm sát chiếc về phía Đông bắc cách 10 dặm cho đến Linh Khư trở lại, là Thiền viện Trí Giả, tức nơi ở của Tiên Sinh Bạch Vân vậy. Tiên sinh từ tuổi nhỏ theo đạo mới ở, tung hoa còn tạp vì phong trầm chẳng nhậm u thưởng, mới theo hướng đông vào đài nhạc, nhã hợp ý vốn mến chuộng, bèn dựng lập nơi tu chân tại đó. Theo “chân chiếu” nói là: “Trong núi Thiên Thai có làng Bất Tử, nơi Linh Khư thành Thiên, thường có mây vàng giăng phủ”. Đó tức là chốn đất vậy, mới tạo dựng nhà Tư Chân, còn gọi là Hoàng Vân Đường (nhà mây vàng). Tại nhà ấy có khe suối nhỏ, về hướng tây có sườn núi, thế núi xoay hợp. Trước sườn núi có chỗ đất bằng phẳng, dựng lập Đàn 01 cấp, dùng đá chất quanh tành, gọi tên là “Bạch Huyền Thành”. Nên trong “tiên sinh linh khư tụng”nói là: “nhà hiệu Hoàng Vân vì làchân khí, Đàn tên huyền thần vi ngữ trông nhìn cảnh trông sạch. Phía Đông là thất huyện hình, nơi ở hấp dẩn, phía nam là đài phụng chuẩn, vì ngâm gió tấu sướng, phía tây là triều thần tĩnh khai mỡ bày cầu nương, phía bắc là các nhật Long Chương, vì trông nhìn mây cách mặc, thấp mà chẳng hẹp, có thể đãi gió mưa, nương nhờ mà chẳng được có thể toàn hư. Trước Bạch Đàn cách 10 bộ có 01 khe suối lớn, phát nguồn từ phía Đông nam Hoa Đảnh, dòng chảy về biên giới Minh Hải. Lại ở phía tây ngôi nhà cách 10 bộ có 01 dòng suối, sắc

màu mùi vị mát ngọt có thể dùng chữa trị lành bệnh. Khoảnh giữa đất bằng phẳng, dựng lập 01 viện riêng, tạo Lô Đàn lớn, kiếng tu kiếm đều là khaơ(thành, có 01 cây tùng lớn, vài khoảnh trúc dài, đều do tự tai thiên sư trồng lấy. Triều đình từng có ban chiếu mời gọi mà tiên sinh đều chẳng đến. Đến năm cảnh vân thứ 02 (711) thời tiền Đường, vua Duệ Tông (Lý Hán) bảo anh là thừa y đến núi thỉnh mời và gởi chiếu thư rằng: "luyện sư đến vượt Hà Thượng, đạo xa nỗi gần, cao bước trên. . . . . . . Bích lạc, riêng giẫm trải cảnh nguồn trong. Trẩm mới lên ngôi báu, lâu nhờ ở vi du, tuy chẳng phải là nghiệu thuấn, mưu lớn kiều tâm sứt mòn, hiên viện ngự lịch, xa tưởng không đồng vời vợi, chỉ kia nghĩa tưởng bình yên phòng ngại đây, đoái hoài đến khâm phục tối trông đội, dấu vết đấm dính bay cao, muốn sai sứ giả đến nghinh đón hoặc lo luyện kinh sợ, mới bảo thừa y mang chiếu sang, mong cùng đồng lại, ... chẳng xa, không; lo trước vậy "Tiên Sinh không kháng chiếu mà đến kinh. Vua hỏi về tự thân thì lấy sự thanh cao làm quý, vậy trị nước thì thế nào?" "tiên sinh đáp rằng": "nước giếng như thân vậy, thân cũng như nước. Lão quân nói là: "du tâm đàn nói hợp khí rộng cao, thuận vật tự nhiên, mà không riêng tư vậy, và thiên hạ được trị bình vậy" Lại nữa, chu dịch nói là: "Đại nhân hợp với đất trời, đức ấy là biết, trời không nói mà tin, chẳng làm mà thành, đó là lý của vô vi, đạo của mõi nhà vậy" vua ngợi khen rằng: "lời nói lớn thành, có gì thêm hơn vậy!" Tiên Sinh xin trở về núi, vua ban tặng 01 trương Đàn bán và Hà văn màn trướng trong triều, các bậc tài sĩ chúc văn tặng thơ có hơn trăm người. vua bèn đặt quán Đồng Bá, mời tiên Sinh ở đó.

Từ Linh Khư theo hướng nam đi ra 20 dặm có 01 thang nhỏ tại Hoan Khê, cao sĩ Cố Hoan thời nhà Lương từng ở tại đó, nênô(ọi là Hoan Khê. Từ Hiết đình theo hướng tây đi khe suối huyền cách 15 dặm đến 01 cầu đá, tại đầu cầu có tiểu đình tử, cầu đá sắc màu đều trong sạch, dài 07 trượng, đầu phía nam mở rộng 07 thước, đầu phía bắc mở rộng 02 thước, hình rồng lưng rùa, giá hác cao muôn nhận. Phía trên có 02 suối hợp dòng xuống qua, tiết thành thác nước, dòng phía tây đổ ra biên giớo huyện Diệm, theo xuống ngữa nhìn xem, như khe suối uống ráng cầu vòng tạnh, thế cầu cao vợi, tiếng nước đổ rơ. Có lúc có người đi ngang qua, mắt láu, tâm kinh sợ. May mọi người vân du tham quan trông thấy chỉnh là cầu ở phía bắc vậy. Đó là nơi ở của La-hán. Ý là ngay nhỏ thì không biết, lớn lại tại xứ nào? bởi thần tiên mờ ẩn, chẳng phải chỗ người phàm thường trông thấy. Từ cầu ấy men theo khe suối đi 15 dặm có 01 cầu đá, ngay giữa bị đứt gãy, nên gọi là Đoạn Kiều. Từ

Hiết Đình theo hướng Bắc đi lên 20 dặm, lên phía bắc núi Hoa Đảnh là nơi rất cao cùng tột của Thiên Thai, thường có mây mốc che mờ, hiếm ít lúc tạnh sáng, nơi cao mưa dầm, tợ như lạnh trước, mây mờ ngưng đóng quanh khe mãi qua mùa Hạ mới tiêu hết. Nếu gặp lúc tạnh là nơi sáng sớm trông nhìn mặt nhật vậy. Theo "thiết đồ kinh" nói là: "Bạch Vân Tiên Sinh từ Linh Khư đến Hoa Đảnh 02 nơi; Từ đó trở lại triều yết chẳng dứt" Phía trên đó tạo Thiên Tôn Đường, và 02 bên tả hữu có 02 phòng khoét lổ để hóng mặt nhật nguyệt. Sáng sớm hưởng ánh sáng soi chiếu qua khám đề tích chứa mây mốc, chiều tối hớp dùng lấy khí ấy. Tước nhà đô có lập đàn 03 cấp, trong nhà có tôn tượng bằng đá. Trên vách đá có lô hương bằng sắt và chuông về phía bắc đàn từ lâu bị hoang tàn rậm rạp, gần đây phải mở man tu sửa. Từ nhà ấy về phía Đông cách 10 dặm có dòng suối ngọt. Tiên sinh ở tại đó qua 28 năm, từng vâng phụng sắc chiếu, mà phần nhiều chẳng chịu đến. Tiên sinh có biểu văn nói là: "Người đời trinh ẩn còn hứa nương náu nơi cao, đạo sĩ tu chân đúng lý nên trốn xa". Triều đình lại có sắc hiếu rằng: "Tuy cản trở hoài mong ấy, nhưng nên theo ý chỉ đây". Tiên sinh xin dứt đến dâng biểu không, hoặc 02-03 phen. Năm Khai Nguyên thứ 11 (723) thời tiền Đường, vua Huyền Tông (Lý Long Cơ) tìm mời vào nội cung. Tiên sinh xin giả từ trở về, vua cho là Thiên Thai là nơi sâu xa khó thể nghinh đón thỉnh mời, vua bèn đến núi Thượng Ốc chọn nơi hình thế ưu thắng, tạo dựng quán Dương Đài mời tiên sinh ở đó. Hợp với Linh Khư Hoa đảnh, không làm Đường Vũ, chỉ có Tùng trúc, khí trời trong tạnh, trông nhìn nước biển sắc xanh, điềm hiện tự nhiên cùng trời đồng sáng, như đồng hàng với Thanh Châu, thì khắp 03 núi 10 châu phảng phất mà trông thấy vậy, mây ngọc bội, gió sáo sành thốt nhiên mà nghe được. Từ Hoa đảnh theo hướng bắc thẳng xuống rất hiểm nguy, ngàn sườn núi muôn hốc hác, ngàn mưa dầm che phủ, khỉ vượn nhảy múa, Linh Kỳ tựa gá, chẳng phải dấu vết con người có thể đến kịp. Lại cách Thiên Thai về cửa phía bắc, tại quán Kim Lang ở huyện Diệm, phía trước quán có núi Hương Lô, dưới núi có hang nhỏ có thể lén nhìn qua nhưng chẳng thể lường biết sâu cạn bao nhiêu. Từ núi Thiên Thai về phía tây bắc có 01 ngọn núi riêng lẽ đẹp xinh nỗi trội tương đối với núi Thiên Thai, gọi là núi Thiên Mụ, dưới núi gần đường huyện Diệm, ngửa trông nhìn ngỗn nhiên ngoài trời. Xưa trước thuộc quân Lâm Hải, nay thuộc về Cối Kê. Lại có 02 núi Đại Thóa và Tiểu Thóa. Cách núi Thiên Mụ thóa là cốc. Tại núi Thiên Mụ có cầu đá nối liền với núi Thiên Thai. Trên vách đá có khắc chữ theo lối chũ hình nòng nọc, cũng cao xa chẳng thể

tìm kiếm. Người cúng tế hằng tháng, nghe có tiếng kèn sáo trống đàn. Trong niên hiệu Nguyên Gia (424-454) thời tiền Tống, Đài sai Khiến dốc hết khả năng người thơ họa vẽ tướng trạng của núi nơi cánh cửa tròn, để nêu khuông mẫu linh dị, tức là nơi 02 ông Lưu. . . và Nguyễn. . . ở thời Hạ Võ đến hái thuốc mà gặp Tiên ở đó. Việc ấy cũng có nói rõ trong bản truyện. Lại căn cứ theo "Tiên Kinh" nói là: "Núi ấy có cầu đá, 01 chỗ hiện rõ, 01 chỗ không biết nơi nào". Lại nói là: "Đa tán Tiên nhân gặp được cầu tức cùng trông thấy". Theo đó mà nói thì ấy chính là cầu của Linh Tiên, chẳng phải người thường đời nay trông thấy được, trừ phi tâm niện tinh Thánh huyền đạt trở tuyệt cùng gặp, Chân Tiên cũng chẳng thể được thấy, cầu cũng sao có thể thấy đó. Đến như các thứ kỳ cầm dị thú, ngàn muôn trạng loại, không thể ghi thuật hết. Hoa linh cỏ tiên ngầm sinh mọc trong hang cốc, chẳng thể nên bày đó, mà ngũ chi sắc thái ánh ngời, nếu chẳng thật chân thì không thể gặp, Kiến mộc nặc ảnh, đâu phải loại kẻ phàm trông thấy.

Năm Nguyên Hòa thứ 10 (815) thời tiền Đường, Linh Phủ từ Hành nhạc chuyển dời đến ở Đài Lãnh, định thất tại phương doanh, đến đầu niên hiệu Bảo Lịch (827) thời tiền Đường, đã từng sang đó, những lúc nhàn rãnh nhuận tu châu liền góp nhặt từ trong các kinh cáo, để thuật ghi ký này, dùng làm sáng tỏ điềm linh vậy.

TRỰC TRAI THƯ LỤC GIẢI ĐỀ. THIÊN THAI SƠN KÝ

Do đạo sĩ Từ Linh Phủ soạn thuật trong khoảng niên hiệu Nguyên Hòa (806-821) thời tiền Đường. Tôi nhân trấn thú Lâm Hải, đi sử đến Bản Đạo, tháng 10 năm Bính thân (?) thuộc trong niên hiệu Gia Hy (?), Giải Quân Phù đến Cối Rê, gặp chỗ đường qua đó, nhanh nhẹn muốn đi sang, lại gặp phải tuyết lớn nên không toại nguyện, bèn dừng xe tại trạm đường đi, mãi đến nay còn lấy làm hối hận, tình cờ gặp được bản "Thiên Thai Sơn Ký" này, bèn biên ghi đây để gởi ý nằm đi!.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 190

NAM NHẠC TỔNG THẮNG TẬP

SỐ 2097
(QUYỂN THƯỢNG - TRUNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2097

NAM NHẠC TỔNG THẮNG TẬP

LỜI TỰA

Với Nam nhạc có nhiều Cổ Chí (ghi chép từ xa xưa), song noi theo nhau đều ẩn dật chẳng lưu truyền. Trong kho tàng kinh, sách, chí của thời nhà Tùy, có các bộ như "Hành Sơn ký" do Tống cư sĩ soạn thuật. "Nam Nhạc ký" của Thái Bình Ngự Lãm Dẫn Từ Linh Kỳ, "Lô Hồng Hành Sơn ký" của nghệ văn chí thời (tiền) Tống), "Nam Nhạc Thắng Khái" của Tiền Cảnh Khản. Các sách đó đều không được thấy, chỉ có Đạo sĩ Lý Trọng Chiêu ở thời nhà Đường soạn "Nam Nhạc Tiệu Lục" 1 quyển, bộ đó được đưa vào trang Tứ Khố Thư. Ngoài ra còn có như "Hành Nhạc Chí" của Bành Trâm thời nhà Minh, "Nhạc Lộc Chí" của Quốc triều Triệu Minh, đều xuất hiện sau mà lại ít, nênh thật chỉ có bộ "Nam Nhạc Tổng Thắng tập" 3 quyển này do Trần Điền Thu soạn thuật trong niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, rõ ràng người ảnh Tống sao bản, thể lệ đã tốt đẹp, sách cũng rất xưa cũ. Khảo xét đó thì như Tiền Công Võ đọc thư, Chí thì có sách đó mà không ghi tên người soạn thuất. Nghệ văn chí Nhà sử thời nhà Tống cũng không ghi sách đó, bởi nó sót lại có Đường Đào Sơn, bạn của tôi làm Phủ sĩ ở thời nhà Minh rất ưu đặc là học ham thích thuần tố xưa cũ, xét giao mở khắc, duyệt xem trong tháng thì khắc thành, rất đáng vui mừng vậy.

Trước kia, Tử Cầm rảo bước đến Ngũ nhạc nhưng đợi hoàn tất việc hôn giá, tôi vì thiểu tiện theo việc hoàn tất Đốc bộ nịch phủ. Từ Hoa Sơn trải qua Tung Sơn, lại vì đường cấm ở Đô Quan Hổ, nên theo hướng Tây đi quanh qua Khúc dương, đến núi Đại mậu hỏi xét các vết

tích xưa miếu cũ ở Bắc nhạc, và đến Quan đông lỗ, cầu tuyết Thái sơn, ở lại vài đêm ngày trông xem. Cong tay chỉ Ngũ nhạc đã đến được 4 nơi, chưa đến được Nam nhạc và ông Đường Đào Sơn lúc chưa đỗ đạt, lấy tên Hiếu Liên để du học, dấu chân đã giẫm bước khắp nửa thiên hạ, trao kinh dưới chân núi Thái sơn, chọn xem 30 quyển tại núi Đại, góp nhặt vết cũ vàng đá, phần nhiều là người xưa trước chưa thấy từ Quan đó về phía Đông nam, đem kinh thuật nghiêm sức Lại trị, mới tìm cầu đến đất Ngộ, ghi về sông nước của trong đất Ngô, tiện lợi ghi tả khắc thành, để trưng bày văn hiến 1 phương rất đáng nghĩ nhớ. Sách này là ghi về vết cũ danh sơn của Hương quận, gấp nên rộng lưu bố.

Tôi và Đường Đào Sơn sinh đồng năm, vừa đến lúc biết chẳng phải là tóc xanh mà đã đến lúc lang bạt, thôi từ Quan, nghĩ đến cứu tế mọi vật, trọn chẳng thể tự làm theo ý mình, như đợi hoàn tất việc hôn giá mới rảo bước các danh sơn, sợ tuổi già suy thiếu mọi sự cứu tế ưu thắng, trọn ngày cầm nắm biên lề sách này tiên xét danh thắng, dùng đang lúc đi hay nằm, hoặc sau vài năm liền giải bày, bèn mới đầu theo Đường Đào Sơn đến ở Tiêu tương, giữa khoảng vân mộng trông nhìn 9 mặt của Hành sơn để bổ khuyết cho ý nguyện Tử Cầm xưa trước chưa toại, thì cùng với Đường Đào Sơn y cứ Đồ hình khảo xét xưa cổ, tiếp tục bổ khuyết điều chưa ghi chép đến ở trong sách này. Lại nêu bày rộng lớn.

Ngày mồng 01 tháng 06 năm Gia Khánh thứ 6 (1802)(1) thời nhà Thanh. Tôn Tinh Diễn ghi lời tựa thư ốc 5 cây tùng ở kim lăng.

Thắng cảnh của núi khe, vẻ đẹp của rừng hang là nơi mọi người đồng ưa thích. Và các hàng nhân sĩ mến tình thuyết dã thường riêng thân gần, hẳn là chỉ chẳng bó buộc bởi tham muốn lợi danh, hình chẳng dính bám nơi chốn thị thành, dưỡng tâm thanh tịnh nuôi khí đạm bạc, nuôi dưỡng thân gần ở chốn hoan tịch, sau đó trông xem cảnh núi rừng, thành đạt chân thú đó. Lãng Trung Đạo Nhân Trần Canh Sưu có được như vậy, am ở dưới ngọn núi Tử cái của Nam Nhạc, suốt thời gian hơn 30 năm qua lại giữa khoảng 72 ngọn núi, tâm có chỗ mến mộ, chẳng nhọc mệt, tìm cầu xưa trước người khác có cao tăng Nham ở nơi hang cốc, kím sâu tung tích, xét xem việc ấy mà ghi chép đó, trải qua thấm đượm cũng nhiều, đạt được cũng rộng, bèn tích chứa mà thành sách vở, lấy tên là "Tổng thắng tập"/ phàm những nơi sâu ẩn của núi non,

cùng với chùa quán trước sau, các thứ Đề vịnh xưa nay có liên quan đến thắng thú, không gì chẳng ghi chép đầy đủ, hoặc gọi đó là cốt yếu của Đạo giả tu luyện, xét Huyền tẩu xem Tỷ cô cũng nhàn rỗi ấy ư, thì sắp ứng đó mà nói là tuy nhiên việc làm của sách vở đó đặc biệt vốn chẳng là việc ưa thích, tìm xét u thắng, một lúc lên trông xem đó mà hưng phấn, hẳn có lòng trong trắng với duyên trong sạch, im lặng với chân thú, y cứ sự tích gom tập cảm nay nghĩ nhớ xưa, sớm hợp với tâm xưa trước đó, phát nhã chỉ đó, tỏ ngộ chí lý tu chân, dẫm theo sự siêu nhiên của người trước, ngưỡng mộ cảnh hạnh núi, nôm cá lưới thỏ có ở ấy vậy, thì với việc làm sách vở này, ngõ hầu vì các ngươi biết có lấy đó.

Ngày Thượng tỵ năm Giáp thân, thuộc trong niên hiệu Long Hưng (1164) thời Nam Tống, vụng sưu lời tựa.

LỜI TỰA TỔNG QUÁT VỀ NAM NHẠC TỔNG THẮNG TẬP

Ghi chép về Hành Nhạc có 2 quyển “Tầm Thắng”, “Chứng Thắng” lớn nhỏ, đại khái ghi tập “Hành Sơn Ký”, đều là việc tốt đẹp ở đời gần đây. Biên tập sơ lược không nhiều, và mỗi quyển chấp riêng 1 góc, chưa thể rộng sự trông xem đó. Nên Tăng sĩ trước thuật “Tầm Thắng” thì việc mà Đạo gia gọt bỏ không nói. Còn Đạo gia trước thuật vì “Chứng Thắng” thì cảnh mà Tăng sĩ khuyết thiếu không ghi chéo đó. Không thể không nghiên cùng sự thỉ chung của 2 Đạo giáo. Đè nén thì cũng che mờ khác lạ của các ngon núi. Đến như việc Miếu Giám Nhạc, Dương Xuân Huyện Úy Tiền Cảnh Khản tuy lắng tĩnh mà ghi chép đó. Trong đó, thắng khái xoay quanh kỳ đặc, vết linh hiển bày trước trăm phần chỉ được 3-5 phần mà thôi. Kẻ ngu tôi nhân lúc làm vườn rảnh rỗi, nhóm hợp cả thảy 4 bộ ghi chép trước, rộng vì tu chỉnh, lượt bớt sự trùng lập rườm rà, bổ túc nơi khuyết thiếu, mênh mông giữa khoảng núi trống không, thông thả có nhiều năm tháng, trâu dương đỉnh núi, giẫm đạp hang cốc, chưa đến đầu nói là nhọc, tham tầm thắng chânh, chóng cảm thấy chí mệt. Sưu cầu nội giáo, rộng gặt hái tiên kinh, và xét theo xưa trước, đoán chắc là từ thời Tam Hoàng trở lại, mãi đến thời Nam Tống chúng ta đây, ước số thời gian thì đã ngàn vạn năm. Những bậc đắc Đạo chân tiên phàm đã giẫm trải qua chốn Nam Nhạc hẳn vì đó mà ghi chép, bày thuật có đến 4-5 vạn lời, phân làm 3 quyển thượng, trung, hạ. Chẳng kể là chùa hay quán đểu khảo xét đến mọi hưng phế đó. Vả lại, Nhạc miếu từ thời nhà Chu nhà Tần trở về trước đền thờ tại trên ngọn núi Chúc Dung, lễ trật sánh với Tam công, đến thời nhà Hán nhà Đường phong làm vương tước, nay miếu thứ 2 ở dưới núi Luyện

ngọc. Lại xét theo Quán vũ ở Hành nhạc, kịp đến chân tiên đắc đạo, y cứ theo 4 ghi chép trước đều cho là bắt đầu từ trong khoảng niên hiệu Thái Khương (280-290) thời Tây Tấn, tức là từ thời nhà Tấn trở về trước chưa có cung, đền, điều đó có thể biết vậy. Lại xét rõ về Hoàng đế nội truyện nói cùng với Tây Vương Mẫu ở tại trong cung riêng tạo dựng Tiên quán. Lại ở các nơi như Hoa sơn, Tung sơn, Vương ốc sơn, Thái sơn, Hành sơn, Chung nam sơn và ở các động thiên đều có tạo dựng Vương Mẫu Quán để hầu thần vậy. Lấy điều ngày nay để xem xét đó thì bởi duyên lắng chìm ẩn đã lâu, trọn không còn có di tích, đâu có nước nhà Thọ sơn thuộc hệ động thứ 3. Trong bầu trời có 4 phước, trên mặt đất trải ngàn xưa, mãi đến thời nhà Tấn mới dựng lập cung quán ư? Hẳn không như vậy, tức nay tại dưới phía nam có Vương Mẫu Quán xưa cổ, mãi đến đời nay độ người nữ chân tinh đốt hương tu tập không ngưng nghỉ. Có thể lấy đó làm chứng cứ thì lời nói của "Nội truyện" quả thật chẳng dối bày. Lại nữa, Võ Vương ở thời nhà Hạ đến Hành sơn thiết đặt trai hội, tạo dựng Thanh lãnh cung để an trí phụng thờ tôn tượng Ngu Thuấn. Tức biết từ thời nhà Hán nhà Tần trở về trước cho đến thời Thượng cổ, tạo dựng cung đền tiếp đãi chân tiên đến nghỉ ở, chẳng giảm so với ở thời nhà Tấn nhà Đường vậy. Nên nêu một vài sự kiện làm tiêu đề.

Nên nay đây thì, quyển Thượng nói về linh tích của núi non. Đền thờ kế tiếp đó và cả đến nhiều đời các bậc Đế Vương truyền kinh thọ học Đạo. Quyển Trung nói về mọi sự hưng phế của các chùa quán và gồm cả Dị nhân đắc Đạo, các bậc Cao tăng ở trong núi nơi sản sinh linh dị. Quyển Hạ nói về các bậc Dị nhân, Cao tăng đắc Đạo ở thời nhà Đường nhà Tống, cho đến các hàng ẩn dật, lời tựa cổ bạt. Trước sau thứ lớp theo đó, nên số có tương quan, bày giải có thể gắt hái đó, để các kẻ sĩ tìm u thưởng thắng lấy làm ty nam có thể được vậy.

Ngày mồng 09 tháng 09 năm Long Hưng thứ nhất (1163) thời Nam Tống, lão già cày ruộng Trần Điền Phu ở am Lão phố, động Cửu chân kính thuật.

NAM NHẠC TỔNG THẮNG TẬP

QUYỂN THƯỢNG

Theo “Thượng Chân ký” nói là: Dòng họ Chúc Dung vì Xích Đế mà sửa núi Hành hoắc, tức là Hành nhạc. Hành nhạc là Nam nhạc của Ngũ nhạc. Tức Chu Quan gọi đó là trấn của kinh châu. Và Hạ Thư gọi đó là núi Uyển ủy. Trong Đạo Điển nói: Ngũ nhạc Ngũ sơn mỗi mỗi đều có trử tá. Xưa kia Hoàng đế đi trông xem Lục hợp, bày thỉnh thần linh thấy ở Đông nhạc, Trung nhạc, Tây nhạc, Bắc nhạc đều có Ty Tá mạng, chỉ có Nam nhạc trơ trọi không có, mới cùng Xương Vũ, Lực Mục, Phương Minh v.v... các chương từ Tam Thiên, Thái Thượng sai bảo Hoắc sơn, Tiềm sơn làm Nam nhạc Trử Quân, bái Thanh thành làm Trượng nhân, đặt Lô Sơn làm Sứ giả, khiến bao gồm Hành Nhạc làm đảnh trấn, đế cử Đức Chánh vì làm chủ, Trử Quân là phó quân của Hành nhạc vậy”.

Theo “Thuật Dị Chí” nói là: “Nam nhạc là cánh tay trái của Bàn cổ, đến lúc Hán Võ theo hướng Nam tuần du, vì Nam nhạc ở nơi xa xôi mới dời về cúng tế ở Lô Giang, cũng là tiếp thừa phó nghĩa của Hiên Viên vậy”. Theo “Tương Trung ký” nói là: Hành nhạc là linh đài của Chu Lăng, là động báu của Thái Hư. Trên tiếp thừa sao chẩn cân đức lường vật, ứng độ với Ky hành, nên gọi là Hành sơn. Dưới ngồi xổm nơi cung ly, tiếp vị với làng hỏa. Xích Đế quán năm trên đỉnh đó, còn vườn nhà Chúc Dung nằm tại phía Nam, nên gọi là Nam nhạc”. Theo “Võ Cống” nói là: “Kinh và Hành Dương chỉ là kinh châu”. Lại nói: “Theo hướng Nam đi tuần đến Hành nhạc” (Khổng chú Nam nhạc Hành sơn vậy). Theo “Dĩ Nhã” nói là: “Hoắc sơn là Nam nhạc, tức là Hành Hoắc vậy”. Lại trong “Ngụ Nhạc kinh” nói là: “Lô sơn, Ma cô sơn, Ngọc tứ sơn, Động dương sơn, Thái vi sơn, Cửu nghi sơn, La phù sơn v.v... đều làm tá mạng”. Theo “Nam Nhạc ký” của Từ Linh Kỳ nói là: “Động thiên Chu Lăng gọi là Thái Hư, nhỏ có trời đó, chu vi bao quanh khoảng 800 dặm, bên trong có Thanh ngọc đàn, Quang thiên đàn, động Linh nguyên, động Chân khư, 4 chỗ đất phước, xoay nhạn làm đầu, chân

sườn núi làm chân.

Lại theo "Ngũ nhạc chân hình đồ" nói rằng: "Phía trên có Lưu Đan, vuông 40 dặm, cỏ chi sinh mọc tươi tốt, phía Nam có suối ngọt Thiên tân, nếu uống được nước suối đó thì trường sinh bất tử, phía Đông có sỏi đá ngọc thường là sắc màu xanh trắng đẹp xinh, phía Tây có dòng sông Côn, phía Bắc có loại cỏ chi sắc đỏ. Từ dưới lên trên cao 9730 trượng, phía Đông dài đến Đông Dương, phía Tây tới Bạch Hạc, phía Nam đối mặt với Vânh Dương, phía Bắc có vòng vây lớn ngồi xổm. Về phía Tây nam gần sông Tương, từ sông Tương đến Trường sa dài 700 dặm, về phía Đông bắc đến Trường sa 270 dặm, phía Tây xoạc đến Hành Dương dài 90 dặm. Trống đá là cửa phía tây của Chu Lăng, cỏ xanh là nách trái của Hành sơn, cách Việt huyện dài 30 dặm, cặp đường cây tùng cây sam xanh biếc, tay giữa lúc rất nắng chẳng cần phải giăng lọng che, thoảng vang tiếng sảng bút buồn khơi gợi tai mắt người. Trên đường đi có 4 ngôi đình làm nơi mọi người qua lại dừng nghĩ". Nên trong thơ "Nam Nhạc Chu Lăng Động Thiên" của Xung Diệu tiên sinh Lý Tư Thông nói rằng:

"Núi linh bảy hai (72) ngọn vút sắc
Lọng tía phù dung đạp khí mù
Ảnh lấn tiêu tương cuộn mạch đất
Đẹp trội che quanh cắm lửa trời
Chân quân ngọc sách ngàn xưa tỏa
Xích đề toàn cung trấn tám phương
Khéo sánh vua ta thông toán lớn
Ngàn năm Tùng tại đỉnh non cao".

Vốn lệ thuộc Hành Dương. Đến năm Thiên Phước thứ 5 (?)(1) mới cắt ở quận Trường sa. Đến trong niên hiệu thuần hóa (990-995) thời Bắc Tống, Hàng Dương Thái Thú Thành uân lại xin phụ thuộc vào Hành dương. Đến năm thứ 4 (993) mới có chiếu ban y như cũ là lệ thuộc Đàm châu, để tiện cho nước nhà thâu thuế của dân chúng cầu đảo, thì theo chế đặt khiến Lôi hữu chung đến tấu thỉnh vậy.

1. Lính tích của 5 ngọn núi.

**** Núi Chúc Dung:***

Núi Chúc Dung. Xưa kia vào đời của Viêm Hoàng, đó là nơi Chúc Dung Quân đến dừng ở, nhân đó mà xưng gọi tên như vậy. Trong "Quảng ký" nói là: Chúc Dung đền dừng nghỉ tại Hành phụ", tức là ở đó vậy. Trên đỉnh núi Chúc Dung tướng trạng tợ như Chu Tước Nguyên

khí xông lên liên tục, muôn sao sáng rực, ánh thái dương nóng cháy, đó là nơi Lão quân cai trị. Bên trong Chủ Hạ khí trưởng dưỡng muôn vật, khiến thần Bính Đinh (lửa) thực hành đức trời, khiến thần Kỷ Ngọ (?) chỉnh sửa khí đất. Muôn thần thường lấy ngày lập Hạ dất cao ngọn núi đó vào cửa ngọc đá đỏ bái yết Viêm Lão Quân, nhận phù Thiên huyền, rồi mỗi tự trở về 4 phương gọi bảo trăm thần chém giết quỷ ác, do đó mà giúp đất trời nuôi dưỡng người vật vậy. Hành sơn quân ấy thống lãnh tiên quan, mặc áo bào của Chu Quang, đội mũ của Cửu-đan-nhật-tinh, đeo ấn Dạ-quang-thiên-chân, cưỡi rồng sắc đỏ. Nhạc thần vốn dòng họ Sùng, húy là (?) (. . .).

Theo Từ Chân Nhân nói rằng: "Trên đỉnh núi Chúc Dung về phía Tây nam có nước của ao côn, suối cam, bến thần (Côn Trì, Cam Tuyền, Thần Tân). Người nào uiống nước đó thì được trường sinh, lên cảnh tiên, như rượu của Quân Sơn, Thạch Chi của Tung sơn. Xưa kia, Hồ Biều Tử đến ẩn cư tại thạch thất Tịch dương. Được uống nước đó mà thành đạo. Khe suối đó tên là Tịch dương, khe núi cao 9. 730 trượng, tại phía Bắc của các ngọn núi đó là ngọn núi cao hơn cả, trông nhìn xuống các núi chỉ tợ như gò đống, tuy các ngọn núi như Tử cái, Vân mật v.v... cũng không thể sánh bằng. Nên trong thơ có 2 câu đối liền nói rằng:

"Năm ngàn dặm đường đều trông thấy
Bảy hai ngọn núi riêng trội cao. "

Ở phía Nam có miếu Chúc Dung, nền móng hiện còn. Xưa kia có Quang thiên quán. Theo "Phước địa chí" nói rằng: "Thuộc hệ phước địa trong 22 Quang thiên đàn, phía Đông có am ngủ nghỉ, là nơi Bạch Vân Tiên Sinh Diên Hà Tôn sư hỏi Đạo. Lại có Thượng thanh viện. Nơi góc núi đục vách giá hiểm mà ở. Xưa kia có ẩn sĩ hiệu là Lãn Ông chỉ ngậm nuốt phù ăn dùng trà mà ẩn hiện chẳng thường cuối Kiến Long vào Hoa sơn, ở phía Tây có Thanh ngọc đàn, thuộc hệ trong 21 phước địa. Nên trong "Tập phước địa chí thơ" của Động thiên có đoạn tuyệt tác rằng:

"Ngọc đàn sánh đối thọ sơn cao
Vút cùng đọng dài bít cự ngao
Chân nhân ở nghỉ thường ẩn đó
Trước động trồng gióng Bàn đào xinh".

Xưa kia, vào thời sở Linh Vương, đỉnh núi chịu dung sụp đổ, có được Họa đồ nhân hoàng 9 đầu. Theo "Đồ kinh" nói rằng: "Trên Thanh ngọc đàn có nơi các Tiên nhân hành đạo, xa lắc riêng biệt men giá hiểm mà lên, nước nhà phụng tu trai hội kim lục hoàn tất thì ẩn tàng. Kim long ngọc giản cũng tại xứ đó". Lại theo "Nhạc Đồ kinh" nói rằng:

"Phía dưới có cỏ chi núi lửa" theo "Thần nông bản thảo thảo" nói là: "Cỏ chi sắc đỏ sinh mọc tại Hành sơn (cỏ chi sắc đỏ tức là cỏ chi núi lửa vậy), ban đêm có ánh sáng linh như đuốc bay, người đời gọi đó là đèn Thánh". Theo "Thảo chi Đồ" nói rằng: "Ở Hành sơn có 9 loại cỏ chim, trong đó 3 loại sinh mọc khắp đầy hang cốc ở phía Đông ngọn núi Liên hoa, 3 loại sinh mọc phía dưới Đàn đó và 3 loại sinh mọc tại phía Đông ngọn núi kim giản". Lại theo "Địa lý chí" nói rằng: "Tại Hành sơn có 2 Đàn Thanh ngọc và Bạch Bích (Thanh Ngọc tức là cầu tiên nhấn, Bạch Bích tức là Quang thiên đàn). Ngọn núi đó nhỏ đẹp, lạc thiên tiêu như chữ vàng ròng. Trên đó rộng khoảng vài thước, cũng như như kim đình của Đồng Bách, kim đài của cú khúc. Đến trong thời nhà Tùy đổi Quán làm chùa tức là chùa Thượng phong ngày nay vậy. Thổ địa Già lam trong chùa tức là Chân Quân Thổ Địa của Đạo quán, chư Tăng trong chùa bỏ tuyệt không lo hương hỏa nên dòng suối nước cúng dường sử dụng trong chùa liền khô cạn. Chư Tăng lại lấy Thanh ngọc đàn đổi làm Đàn La-hán hành Đạo. Lại có cây Tiên lê. Theo "Tương trung ký" nói rằng: "Ở phía Đông ngọn núi Chúc Dung có tiên lê lớn như Đấu sắc đỏ như mặt nhật loại tợ Bình thật, cũng như mẫu đan ở Thanh thành, hoa sen ở Thái hoa, tre lồng tung ở La phù". Lại có tủy đá, xưa kia Hành dương lệnh Phan giác được trông thấy loại đó, đá nẻ xé có bùn sắc tía chảy đổ ra. Trong kinh nói: Danh xuất 500 năm mới lần mở chảy ra, nếu người nào được uống loại đó tức Bạch nhật nhẹ bổng". Lại có loại cây giao tùng, hoặc biến làm thành trăn lớn, mị hoặc con người nhưng không làm hại. Cây tùng Phất đàn gọi là cây ải, tùng vạn năm cao không quá 1 trượng, gốc rễ hung tợn, tướng trạng kỳ quái như rồng, nên Hoàng đế chúng ta sánh thọ như tùng. Lại có suối Hổ bào, khe Tịch dương, đình Tân nhật (có thể trông thấy mặt nhật ló dạng), nhà Long Vương, hang Bả châm, hang tối thắng, hang Dạ quang (nơi có lắm nhiều sơn tiêu quỷ mị, hang ao sấm vực gió, mỗi lúc sắp râm tối gió tức dữ gọi là từ hang đó phát ra. Nên trong Bản triều có Đào Bật có bài thơ tứ tuyệt "Lên núi Chúc Dung" là:

"Từng đến đảnh trọi núi Chúc Dung
Rảo bước dưới trăng bên cửa thiền
Đêm khuya một trận mưa đập cửa
Nằm nghe sấm gió nửa chừng non".

**** Núi Tử cái.***

Núi Tử cái cao hơn 5.400 trượng, có tướng trạng ráng tía lồng hoa, hình nó như lọng, cũng gọi đó là ngọn núi Hoa cái. Lại gọi Tiểu tử cái là

ngọn núi Hoa cái. Trong tất cả các ngọn núi đều chầu về núi Chúc Dung tướng trạng như khoanh tay kính vái, riêng ngọn núi Tử cái này xoay mặt hướng Nam, nêu nguồn của Chu Lăng Động thiên xoay về hướng Nam vậy. Vì thế núi Chúc Dung phối với Hỏa đức, tuy là cao quý hơn cả trong các ngọn núi. Phía trên có 2 phước địa Thanh ngọc và Bạch bích, vì sở ty chấp chưởng Địa tiên nên thấp hơn so với Động thiên, và hình thế uyển nhiên theo hướng Nam thôi, nên nhà thơ Đỗ Phủ ở thời tiền Đường có bài thơ "Vọng nhạc" đại khái là:

"Chúc dung cao hơn cả
Núi núi dần thấp ngang
Tử cái riêng chẳng chầu
Tranh dài cao cùng trông. "

Và theo "Tương Trung ký" nói là: "Mỗi lúc khí trời lắng sáng, có đôi hạc xoay liệng phía trên". Nay có đài Hạc minh, bếp Tiên trà, suối Bạch hạc, đài Bảo lộ. Thời nhà Hạ, vua Võ chân bình Bảo lộ ở dưới đài đó, bên trong chứa đựng mở vàng ngọc sắc tía, người nào uống loại đó thì được trường sinh. Lại theo "Phương dư ký" nói rằng: "Trên đỉnh núi có ao tiên nhân, ban đêm Hạc thanh kêu tợ như chuyển sang canh. Phía Đông có đài Thiên bảo, phía Tây có viện Tử cái, là nơi xưa kia đãi các tiên đắc đạo. Lại có Đàm tước huyện Đan tại đó. Có trần tàng khí thượng tiên sinh ở đó, rộng trồng loại cây phỉ, dưới vườn trà có nhà thuốc của Vương Thị tại hang túy lộc, lâu đượm núi cần hà đầu quạ hơn 120 năm. Về sau dời đến dưới ngọn núi Vĩnh Hòa, đến khe Linh, suối Dạ lạc tu linh tể vậy.

**** Núi Vân mật.***

Núi Vân mật cao hơn 5.300 trượng, dưới phía Nam có chùa Vân Phong, phía Tây có hang Đại Võ, là nơi xưa kia Võ vương thiết trai hội cầu chân. Lại có thạch thất của Đan hoắc tiên nhân. Tại phía Tây bắc của núi vào những đêm mờ tối có đèn Tiên xuất hiện nhảy nhót như đuốc bay. Có người nói là xưa kia Chu Quân Tử ương từng chôn Đan tại đó, về phía Tây bắc có Ẩn Chân bình, phía trên có Hội tiên đàn, tại trong số núi hỗn loạn nhưng vẫn thảng nhiên bình lắng, chu vi rộng khoảng 5-7 dặm, Động thiên phước địa, là nơi các chân nhân nắm giữ các chức đều so sánh công đến dừng ở, m thường có mây lành che phủ tại đó. Giữa lưng chừng núi có bia của Võ Vương. Võ Vương đến đó đo lường độ cao khoảng 4.010 trượng, đều viết theo lối chữ hình con nòng nọc. Xưa kia có kẻ tiều phu thấy trên vách đá có 2 con rồng cùng giao nhau trên bia, 2 tròng mắt chế ra chữ lôi (sấm), đá tỏa sáng ngời, mắt

không thể trông nhìn thẳng vào được, bèn kinh sợ bỏ chạy không dừng, về sau trọn không có người thấy nữa, cũng như cầu kim ngân ở Thiên thai, cầu ngọc ở Bắc nhạc, xưa nay đều chỉ 1 lần trông thấy. Tất Bình có bài thơ vịnh về "Võ bia" theo lối tứ tuyệt là:

"Sửa nước công thành ngôi vua thạnh
Mưu tốt dạy đời rõ rành rành
Ngọc khắc nòng nọc còn khó biết
Huống gì mây sâu ẩn chẳng bày".

Lại có cây tốt giao cành, cỏ thơm liền nhánh, chim vàng vượn trắng khác hưởng đồng vận. Phía Bắc có bồ Lưu Châu, có sàng giường Bạch ngọc, dưới kỷ có suối cát ngọc, sắc màu như son, người nào uống được đố thì lên cõi trời. Phía Tây có nguồn Đào Hoa, nhân có Du tăng Huệ Quang đến thăm phỏng đó thấy Hoa Đào như lửa cháy đỏ rực bèn hái vài cành mà đi ra, mọi người trông thấy đều ngờ lạ, dẫn bạn trở lại phòng tìm trọn không còn thấy gì nữa!

**** Núi Thạch lẫm.***

Núi Ngọc lẫm cao hơn 4.500 trượng. Theo "Tương trung ký" nói rằng: "Núi ấy cao vót, từ xa trông nhìn hình tướng như kho lẫm, có tôn tượng đá đứng 2 bên cửa. Hoặc lúc gió bảo mưa sấm, dân chúng sinh sống dưới núi nghe có tiếng đóng cửa đá". Tương truyền rằng: Chu Lăng động là cửa thuận tiện của trời. Vào thời nhà Tấn có Mao Cảnh làm Hành Dương lệnh, dân chúng man rợ nói cùng Mao Cảnh rằng: "Trong kho lẫm đều là mật". Mao Cảnh bèn thiết trai chí thành cầu đảo, đích thân sang trông xem quả nhiên thấy có, bèn kính bái mà lấy ăn dùng đó và liền bay lên cảnh tiên. Lại có các Lương thạch khác, là lương thực sót lại từ xưa kia của Võ Vương hóa nên. Lại có Nam Dương Đạo sĩ đi đến núi, lên tuyệt cốc (có thuyết nói là Mãn Cốc) mà chẳng ra. Trong niên hiệu chí hòa (1054-1056) thời Bắc Tống, có Đạo nhân Lý Cổn Dung đến đó hái rau phục linh ăn dùng nhà thành tiên. Lại theo "Kinh Châu ký" nói là: có 1 ngọn núi tên là Thạch khuân. Ở trong thạch thất thường nghe có tiếng tụng kinh. Lại nói: Ngọn núi Thạch khuân tại phía Đông mãn cốc, gọi đó là Tiểu thạch lẫm. Theo "Phương Dư ký" nói là: "Hình như kho lẫm, có 2 cửa, 1 cánh mở, 1 cánh đóng, cửa đóng cũng có hình cửa khóa". Lại theo "Tương Trung ký nói rằng: "Cửa mở thì năm đó thiếu kém, cửa đóng thì năm đó được mùa màu". Theo "Phương Dư ký" nói là: "Xưa kia có Lưu Di Dân vân du Hành sơn đến tuyệt cốc, xa thấy 2 Thạch khuân cách nước không qua đến được, bèn xoay trở lại, gặp 1 cụ già bảo rằng: "Trong thạch khuân ở phía Đông

bến Tịch Dương đều là phương thuốc ưu thượng của các tiên. Lưu Di Dân trở lại sang đường đó, bèn mê mất không trở về lại, nhân đó mà gọi đó là bến mê. Nên Tất Điền có bài thơ nói về núi Thạch Lẫm, đại khái là:

"Lúc mưa nghe mở đóng, mùa màn biết thiếu đủ".

Lại nói:

"Mới bày tuyết bốn mùa
Mở đóng gió một trời
Thuốc tốt bao giờ được
Bến mê đường ít thông".

Là chỉ nơi đó vậy. Phía trên có Thanh ngọc quán, trên đỉnh có Đàn của Trần Chân Nhân luyện Đan, hang quỷ trồng đá sấm gió sâu thẳm, Đàn tụng kinh, suối Dục đan. Về phía Đông nam có nền móng Thái thanh quán, phía Tây có nền móng Động dương cung, phía chánh tông có nền móng Thái sơ quán.

**** Núi Thiên trụ.***

Núi Thiên trụ cao hơn 4.800 trượng, hình dáng như 2 cột trụ, ở trên 2 đầu vót thẳng cao hơn trăm trượng. Theo "Cửu vức chí" nói rằng: "Trong 360 Danh sơn có 8 trụ, tại trong đó có 6 trụ. Dưới núi có chùa Thiên trụ, về phía Tây bắc có thạch thất. Trong niên hiệu Thái hòa thời nhà Ngô(1), có người miền quê giả cả tên là Lý Động Nham đến ở đó và tự nói rằng: "Xưa trước Ngụy Phu nhân (?) có trông Hương Bạch chỉ tại núi đó. Nếu người nào dùng cỏ xương bồ hòa chế để uống thì có thể sống thọ đồng như trời đất. Chỉ pháp không lớn nhỏ, thật tin được vậy. Tôi qua lại nơi đây đã hơn 50 năm, nay đã 117 tuổi". Về sau người đó sang Thanh thành chưa đầy 2 tháng, trông về nơi chỗ mình ở, thấy lửa dữ bốc cháy cao giữa khoảng không. Mọi người ở dưới núi sang trông xem, trọn không thấy có gì. Ở phía bắc có nền móng am và hang đá, chỉ thấy cỏ mọc loạn xa và tro than nguội lạnh. Bấy giờ lại có vị Đạo nhân đi hái thuốc nơi tuyệt đỉnh, trọn không biết ở tại nơi đâu. Xưa kia, vào thời Tây Tấn có Trần Hưng Minh gặp 2 Thần nhân truyền đạo tại đỉnh núi đó.

Ngoài 5 ngọn núi trên ra còn có 67 ngọn núi khác. Di tích linh thiêng tuy ít so với 5 ngọn núi trên nhưng cũng khả quan. Nay theo sự phụ thuộc 5 ngọn núi trên mà thứ tự ghi thuật như sau:

**** Núi Triền nhật.***

Núi Triền nhật là nói xưa kia Ân tiên sinh tụng kinh Phụ huyên Triều nhật, nhân đó mà gọi tên vậy.

**** Núi Trắc dao.***

Phía Đông núi Trắc dao có ngôi Thạch thất, là nơi Tuệ Xa tử tu hành, trong thời Tam quốc, có lý ý mong được gặp đó, mà hay ẩn hình trốn ảnh. Ngược lại biết rõ mọi sự tốt xấu của người. Ngụ ở nơi số âm dương. Lại có Đàn lễ đấu của Tiết U Lâu. Chung quanh Đàn cỏ mọc sắp vảy cả thước, lại còn có 1 tên khác là đài Hỏa Đăng, lá nó tầng tầng sắp lớp, rĩ nó sắc tía, mũ sửa sắc hồng tơ như lá hạnh mà mềm mịn. Mong hái nó thì không thấy, lửa kịp với Đồ sắt làm cuối. Người uống thứ đó chẳng khuyết, kiên cử các thứ huyết thịt tanh nồng suốt 3 năm và thông thần trường sinh, chẳng già suy. Lại hay dùng thủy ngân khô lập thành thủy ngân răng ngựa làm chân bảo, về sau lập hóa ở núi Thục.

**** Núi Huệ nhật.***

Núi Huệ nhật. Xưa kia, mới đầu có vị Cao tăng đến ở đó. Về sau, đến thời nhà Tùy, vua (?) mới ban sắc chiếu gọi là "Đạo tràng Huệ nhật". Lại qua thời tiền Đường có vị Cao Tăng ở lâu tại am Di lặc, đàm luận kinh giáo, tạo dựng nơi đó rộng rãi ra, mọi người đến quy y rất đông nhiều. Tự soạn truyện 18 vị Cao tăng, về sau ứng phó chiếu chỉ sắc hiệu là "Huệ nhật". Xưa kia gọi đó là núi Tần nhân, các hàng môn nhân đệ tử mãi đến ngày nay gọi thành tên núi vậy.

**** Núi Bích la.***

Núi Bích la gần với núi Yên hà, trông nhìn xuống dưới có chùa Đại Minh, ngay đường lớn đi đến núi có hang Quán Âm, tháp vua A-dục đều xếp phía dưới đó, cúi trông nhìn các núi phía Nam tột cùng tầm mắt xa cả ngàn dặm.

**** Núi Yên hà.***

Núi Yên hà về phía Nam xuống dưới có chùa Đại Minh, sau đó có tháp Đại Minh, hang Lạn kha. Phía trước có Hành Đạo Đàn. Về phía Đông có hang Lãn tán là nhà ở đoan nghiêm của Lý Nghiệp Hầu (5 núi trên đều hệ thuộc núi Chúc Dung).

**** Núi Kim giản.***

Núi Kim giản. Xưa kia Hoàng đế vâng thọ giới kinh tại đó. Nay hiện có Đàn thọ kinh, hang Hoàng đế, động Hoàng lạc, là nơi của Chương từ Tam Thiên. Về phía Đông có hang Đại vọ, Võ Vương thiết trai hội, mộng thấy Thương Thủy sứ giả lên Thượng quân trao cho Kim giản ngọc thư, nhân đó mà gọi tên như vậy. Nữ có nguồn Đoạn thạch ẩn chân bình. Ở nguồn nước phía Tây nam có tảng đá cao vài trượng rộng vài trượng mà bên trong cắt đứt trên sườn đá đó có khắc chữ rằng: "Nước của ngọc sa như sửa ngọt thơm, người nào được nếm uống đó

thì sống thọ đồng như trời đất". Hoặc có người đến đó nghe dưới đá có tiếng nước, lắng nghe bên phải tức nghe bên trái, lắng nghe bên trái tức nghe bên phải. Theo ". . . ký" nói là: Nếu người tìm được nơi nguồn nước, ở đó có 1 cây lê, dùng đá đánh chọi vào cây, có tiên nhân tự ra. Xưa trước, Hiền Đề có bài thơ tứ tuyệt nói về "nguồn đoạn thạch" rằng:

"Một giọt hoa sen hưởng muôn năm
Mọi người đua hỏi nghe tiếng tăm
Nào biết giếng đất lấp cát lâu
Trên bờ sinh mọc cỏ san hồ".

**** Núi Hội tiên.***

Núi Hội tiên. Xưa kia, Tiết u lâu chú kinh Linh Bảo, đặt 2 người biện bạch về Tiên sinh, đàm Diệu huyền luận 5 châu du thần, bỗng nhiên gió thơm tỏa quanh chỗ ngồi, khí tốt lành ngưng lắng mây khói, 2 người mới lên đài phía tây, ẩn ánh thấy Xích Quân, bay giữa hư không mà qua. Chiêm ngưỡng vài lần, bỗng nhiên mất hẳn chỗ hiện tại, mây khói bèn tan, phía dưới có nhà của tiên sinh Bạch Vân.

**** Núi Giáng chân.***

Núi Giáng chân. Theo "Tiêu lục" nói rằng: "Xưa kia, cung chúa của Viêm Đế thiết trai hội cầu chân, cảm được Huyền Quân giáng đến truyền Đạo, sau đó vài năm đổi hình luyện cốt đồng bay lên. "

**** Núi Tiên nham.***

Phía dưới núi Tiên nham có hang đá cao thoáng có thể dung chứa được vài trăm người. Xưa kia Lưu Căn tiên sinh đến ở đó luyện Đạo Thần - triêu - tu đế - nhất. Phía Đông có Tiếu đàn, dùng đèn đuốc mọi dụng cụ tế lò đến đá mà thành. Lại có, hang gió, ao Trường sinh, suối treo dỏ giọt giữa khoảng hang trống lạnh nhạt mà như tiếng đàn cầm. Cũng như Thính tuyền ở Tiểu tiềm, ứng tuyền ở cú dung. Phía dước có cỏ linh Tiên hoằng. Từ động Phong về phía Nam có hang động lớn, đó là cửa phía Đông của Chu Lăng. Nên trong thơ của Tào Đạo Xung có vế đối rằng:

"Cửa nhà Trường sinh rõ ràng mở
Mây ráng động lớn thước tấc liền. "

Là ấy vậy. Phía dưới lại có Tập tiên quán và nền móng Đan Hà am.

**** Núi Phù dung.***

Núi Phù dung. Theo "Đế kỷ" nói rằng: Xưa kia Xích tinh tử trao cho vua Chuyên Húc kinh vi ngôn tại đó". Nay hiện có Đàn Truyền

kinh. Trong niên hiệu Hàm Hòa (?), Sơn Nam thấy có vài đồng tử cùng đàn hạc trắng bay liệng phía trên.

*** *Núi Linh ẩn.***

Phía dưới núi Linh ẩn có hang Phục hổ. Theo "Cựu ký" nói rằng: "Cuối niên hiệu Quảng Minh (?) có người quê mùa tên là Trương Bạch Lao bỏ ăn cơm gạo, thường ngày chỉ uống rượu đục, chưa từng có lúc nào tỉnh, qua lại nơi Hành Dương. Ban ngày ngủ tại động Thạch cổ, ban đêm trở về lại hang. Mọi người có vài lúc thấy hổ nằm trước cửa hang nên không dám đến gần. Có người qua lại mà hỏi đó thì đáp rằng: "Phẩy đất lại, phẩy đất đi". Trên đầu lại cắm hoa cỏ đông hoang, miệng thường ngâm ca rằng:

"Hoa núi cắm trên đầu
Rượu đục rót trong miệng
Mắt say nhìn người tỉnh
Bận rộn mất hết chân".

Về sau cũng không biết đi đến xứ nào, có người hái củi trông thấy thỉ chỉ đập phá chén bát mà thôi. Và từ đó, hổ cũng chẳng lại. Sau đó 5 năm có người trong làng trông thấy ông đến chốn thành đô. Phía dưới có am, nhà, ao, đường. Về phía Tây có nơi Trương Nguyên Hà thoát thay.

*** *Núi Bích vân.***

Núi Bích vân tại dưới Tử kim đài (Tử kim đài tức là Bình Bảo lộ) và Hạc minh đài. Về phía Tây nam trông thấy Vân Dương như bột chàm bác lam.

*** *Núi Thê châu.***

Núi Thê châu ở dưới Sản vân mẫu kim tương ngân. Theo "Cựu ký" nói rằng: "Xưa trước có người ở động Võ Dương gặp người chất phác, rẽ tóc mặc áo cỏ thân đài cao hơn 1 tấc, thấy thế mà bỏ chạy. Người chất phác ấy bảo rằng: "Ta là tiên đất, chẳng phải là quỷ núi, biết ngươi rất mực chí hiếu không giết hại mọi vật. Ngày nay cùng gặp đây cũng là có phần vậy. Ta nương náu nơi đây đã lâu, thường uống ăn thương nhĩ nay đã 200 năm. Ta sẽ vì ngươi mà chỉ bảo cách uống ăn đó". Người kia chỉ bái lia lịa không thôi, mới chỉ cho cỏ để trông thấy đó. Bỗng nhiên biến mất. Từ đó về sau người kia uống loại cỏ đó, lâu ngày sức lực địch hơn cả trăm người mạnh khỏe, sống thọ hơn trăm tuổi. Nhân một ngày nọ nằm ngủ lại thấy người chất phác xưa trước, mới báo cùng cháu con xong rồi nằm nghiêm thiếp luôn qua đời.

*** *Núi Linh chi.***

Trong khoảng niên hiệu Hàm Thông (860-874) thời tiền Đường

có Lý Sinh là người chất phác, khéo giỏi đàn cờ, khuôn mặt như xử nữ, thường ở tại kinh Tương, qua lại Trường sa, các hàng phụ lão hay trẻ con từ mới đầu trông thấy cho mãi đến ngày nay tướng trạng vẫn như nhất. Thường nói với mọi người rằng: “Núi nay là đất Chí Dương, dùng 1 âm làm trọng (chủ bên trong vậy, nên luyện tinh của thủy thạch, lâu mà uống dùng đó, thân nhẹ mà khí trụ, hết thật mà cốt chắc, đây là sáng sạch vậy (tức là vân mẫu). Tôi buổi sáng đến núi Thê hà, chiều tối về ngủ ở núi Linh chi, các bè bạn chơi cờ đánh đàn ở phía Tây núi Thiên nữ (bè bạn chơi đàn đánh cờ là kỳ xà thiện nữ. Thê hà quân là từ Quế lâm về hướng Bắc đi khoảng 20 dặm).

**** Núi Hoa cái.***

Trong niên hiệu Đại nghiệp (605-617) thời nhà Tùy, có vị Cao tăng ở tại đó tu hành, đến lúc hết lương thực, bèn trì tụng chú, uống dùng tinh, có người đến thăm hỏi mà chẳng hề nói. Về sau vào núi Liên hoa mà ở ẩn. Tại phía Nam núi đó có viện Hoa cái, là nơi 2 người con của Hoa cái quân bày biện tu hành. Lại có Đàm tiểu, Đan thành, sau đến cháu lên Đàn thoát thay. Ở phía Bắc núi đó có loại cỏ Trường sinh mọc lắm nhiều, thâu hái nó tuy lâu khô rất đơn lược, dùng nước ấm nóng rưới vào thì xanh biếc như mới mọc. Nếu người mang thai đến lúc gần sinh nấu nước ấm nóng mà uống tức liền sinh. Lại còn gọi đó là cỏ thúc giục sinh. Nay ở các núi khác cũng có.

**** Núi Tử tiêu.***

Phía dưới núi Tử tiêu có Thuyên Đức quán, phía trên có Giá hạc đình, nền móng am Thiệu Duẫn. Xưa kia trong thời Đông Tấn, ngày Duẫn chân nhân xung bay có mây trắng phủ che khắp cùng núi hang suốt 3 ngày chưa tan. Về sau các hàng môn nhân đệ tử tạo dựng nhà Bạch Vân, nay hiện ở trong quán.

**** Núi Hỷ dương.***

Dưới phía Nam núi Hỷ dương có nền móng viện Bắc Đế, ở phía Bắc có hang Điền chân. Phía Tây gần núi Tử tiêu, cũng còn gọi là núi Hỷ dương. Nay để xem xét thì Long sơn chẳng phải đó.

**** Núi Vị đế.***

Núi Vị đế, xưa trước gọi là núi Luyện ngọc, phía trên có nói Huệ xa tử thoát thay, phía Đông có bàn cờ đá của Triệu giản. Phía sau có tảng đá khắc thơ, người biết chữ cũng không được thấy. Tương truyền rằng: “Đá của 3 đảo, mỗi đảo tướng trạng như Bầu chỏ, dưới thấu không đáy thông liền ra biển.

**** Núi Chẩn tú.***

Núi Chẩn tú ở phía Bắc đền thờ cự nhạc dưới phía Tây nam núi Chúc dung, phía trên ngay núi Chẩn tú là nơi người cháu đời thứ 7 của Thiên sư thời nhà Hán được sách trời, phía sau là núi Ẩn thục. Phía Bắc, núi đó nơi ẩn níu có mọc nhiều loại cỏ Địa bất dung, hái lấy châm rót hòa đồng với bột Hùng Hoàng điều hòa mà uống dùng thì giải độc rắn rất tốt. Dùng nó tẩm buộc vào vết thương, tuy rắn khúc cách chừng 5 bộ cũng không lấy làm hại. Thuốc chữa trị rắn tuy lắm nhiều, nhưng công hiệu nhanh cóng không gì hơn thứ cỏ ấy. Huống gì Chu Lăng là phủ chú sinh, làng Thiên Thiện, giữa khoảng trong và ngoài núi hơn 300 dặm có trùng độc thú dữ cũng chẳng làm hại tổn thương đến người. Địa chỉ ở đó dung hòa, nước ngọt đất đẹp. Đến ở đó chẳng cần phải tu gì cũng được trường thọ và được tốt lành đến cùng bởi cũng do sự che chở của thọ sơn vậy.

**** Núi Thị đế.***

Núi Thị đế phía dưới có nguồn Linh nguyên, nghe tiếng vọng hưởng mà không thấy nước, chỉ nghe giữa khoảng đá có âm thanh lạnh nhạt như tiếng người cùng nói với nhau, cũng như Thính thạch ở Lao sơn, thoại thạch ở Vạn niên sơn, phía dưới thông liền với khe Linh thọ, khe sâu ngầm, trong hang hóc có nhiều cây linh thọ, cành nhánh đều đối tiết, hoặc như chữ “phẩm”. Có người chặt lấy đó làm gậy chống. Lại còn gọi đó là vạn niên đằng.

**** Núi Linh ứng.***

Xưa trước có Đặng Úc Chi, tự là Nguyên Đạt, người ở Tân Dã; Nam Dương có Phủ ấn trừ tà dứt độc trị bệnh, cứu giúp không thứ gì chẳng lành. Nhân đi hái thuốc nghỉ lại qua đêm nơi hang đá, mộng thấy Thần nhân báo rằng: “Ông rất có công sắp được nêu bày mời gọi. Ông nên ứng đáp đúng thời sẽ có nhiều vị tiên hầu ông”. Sau khi tỉnh giấc vừa kinh sợ vừa mừng vui. Đến đầu niên hiệu Thiên giám (502-520) thời Nam Lương, Đài Ty tấu trình, có ngôi sao nỗi bày ở địa phận Trường sa. vua Võ Đế (Tiêu Diễn) ban sắc giám quân dò tìm phỏng hỏi. Sau khi có chiếu chỉ gọi đến luyện đơn được thành. Bèn dời đến ở trước động đó, quả nhiên có nhiều chân nhân nhóm tụ mà nghinh đón đồng bay lên Chu tĩnh chân. Nhân đó mà gọi tên như vậy.

**** Núi Côi tiêu.***

Xưa kia, Trai Trương tư không đến bái yết đỉnh núi Chúc dung xoay trở về lên đến núi Côi tiêu an nghỉ thời gian dài, đưa mắt trông nhìn các ngọn núi thấy mây râm rất lớn như nhà sắp lớp của Phù đồ. Xa thấy ở phía Nam sông lớn mây khói sương móc tốt lành cuộn quanh

giữa trời, ẩn ẩn có vài ngọn núi cắm giữa tầng mây, mới nói với mọi người cùng đi theo rằng: "Đây chẳng là Tử Lân ư?" Bèn dẫn cả gia đình cỏ Trường phát, phàm ngắt bẻ 1 cành, bên trong đều như tơ nhỏ mịn, mãy lông không thấy, dùng lửa thiêu đốt thành bột hòa với đầu hang bôi thoa lên đầu, có thể làm tóc nhanh dài. Lại có Kim lộ bàn sinh mọc nơi thuyết ẩn, hái nó ở nơi đen đối, ẩn ẩn có ánh sáng cũng trải qua nửa năm không khô. Trong Tiêu phương nói giống cỏ đó thông linh, cũng ít có dùng. Lá hạnh kim tuyến sách cũng chẳng kịp với nó.

**** Núi Thạch khuân.***

Núi Thạch khuân có 2 tảng đá hình tròn, bên trong có thạch thất, tại trên hang cốc thuyết tối, mọi người đi hái thuốc thường nghe trong thất có tiếng tụng kinh. Lại có Thạch nhũ. Người nào uống dùng đó thì được Trường sinh. Hoặc có thuyết nói: Núi Thạch khuân tựa vào núi Thạch lẫm, phía Đông có nền móng Thái Thanh quán. Tại phía Đông bắc của Thái thanh quán, nay không khảo cứ có nền móng cũ, tức xưa trước có am cốc vậy.

**** Núi Hương lô.***

Dưới phía Nam núi Hương lô có chùa Bảo thắng, phía trên có nền móng viện Tử cái, bếp tiên trà, tức là nơi trạm tiếp đãi Tiên luyện đan vậy.

**** Núi Nhật cái.***

Núi Nhật cái nhìn về bên tả là Thánh thọ Hoa Nghiêm, nhìn về bên hữu là Nam đài Thiên trụ.

**** Núi Nữ thiện.***

Núi Nữ thiện, xưa kia có 1 người nữ để xõa tóc dài tới eo lưng, lông trên than mình dài hơn cả tấc sắc màu xanh biếc, mọi người thường trông thấy, hỏi điều gì cũng chỉ nói là "Thiện". Nhân thế mà gọi đó là Thiện nữ. Hoặc thấy ở tại núi Kỳ Xà cùng với Đạo nhân Lý Hà Chu làm bạn chơi đàn đánh cờ.

**** Núi Tập hiền.***

Phía dưới núi Tập hiền có thư viện Nam nhạc, là nói Lý Bí và Trương Cửu Lĩnh thường đàm luận tại đó, nên xưng gọi tên như vậy. Dưới phía Nam núi đó có chùa Hành nhạc.

**** Hai núi Thổ vụ và Thân tử.***

Hai núi Thổ vụ và Thân tử gần liền với núi Bạch mã, đều là núi chúa trong bản huyện. Trên đỉnh núi Thổ vụ cùng mây kín tương ưng, trong cảnh vức xác định về mưa, thương chẳng sai thờihạn. Phía dưới có động Bạch Long, phía Bắc có đài Ngưỡng Thiên, miếu thần nền móng

chùa Ni, cũng có am vũ và Tăng sĩ, Đạo sĩ ở đó.

**** Núi Bạch mã.***

Núi Bạch mã, y cứ theo "Sơn Hải kinh" nói rằng: Xưa kia Hạ Võ ở đó giết ngựa trắng tế trời, ngửa mặt lên trời mà kêu mộng thấy có đồng tử vận mặc tơ màu tự xưng là Thương thủy nữ di sứ giả, trao cho kim giản và ngọc văn, nhân đó mà đặt tên như thế. Lại gọi là đài Ngưỡng thiên. Theo "Thập di" nói rằng: Đó là nơi xưa kia Tử Hư nguyên quân triệu phù rượt đuổi rồng trắng". Nay trong đời gọi đó là động Bạch long, chỉ có miếu Thần long, phía trên có am Vũ, và Tăng sĩ, Đạo sĩ ở đó.

**** Núi Mã yên.***

Núi Mã yên tại phía Nam đường lớn Bình dã và không đặt để gì tốt đẹp.

**** Núi Di lặc.***

Núi Di lặc, trong thời tiền Đường, có Đạo giả đến Nam nhạc, lợp chọi lại am cũ của Cao tăng Trí Dĩnh ở thời nhà Tùy mà ở, tự xưng gọi là Di Lặc, rất thông rành cả Tam giáo, vận mặc áo sam, chẳng kiểm thúc, ham ưa thích ngủ nghỉ. Về sau ứng chiếu mà chẳng trở về. Dân chúng ở địa phương nhân đó mà xưng gọi là núi Di lặc vậy (27 ngọn núi trên hệ thuộc về núi Tử cái).

**** Núi Bích thứu.***

Núi Bích thứu tại phía Bắc động Cửu chân, cuối thời nhà Đường có Vương tiên sinh, cũng không biết tu ở xứ nào đến lập am tại phía Nam núi đó. Nhân thấy hình thế của ngọn núi khác lạ, khói trong khí đẹp che phủ đỉnh núi, cỏ thơm hoa tiên ánh ngời nơi khe hang. Theo "Tín sơn ký" nói rằng: "Thuốc mùa thu thì thật, mùa đông dùng rễ. Mầm mống mùa xuân lấy vào tháng 3, mùa hạ lấy vào tháng 5. Dư Bình ngày trước có được bí quyết sắp thành nơi đây, mới sai sơn đồng đi hái cỏ linh ở khắp 5 ngọn núi, đem về đàn cao kiếm bộ tinh cương, y cứ theo Chu thiên điều hòa nước lửa luyện Đan tam tố. Thuốc lớn thì kéo dài mạng sống nhẹ nhàng, thuốc nhỏ thì cứu giúp các bệnh trầm kha. Lâu dần mà tiếng tăm vang đến chốn kinh đô. Phụng vâng chiếu chỉ bèn dời đến ở Trung nhạc để tiện tu hỏi".

**** Núi Bạch vân.***

Phía Tây núi Bạch vân có chùa Bạch vân, phía dưới có đầm rồng, thần rồng thường vào ra linh cảm, những người còn mang nặng các chất tanh nồng không dám đến gần. Là tiện cửa phía Đông của Chu Lăng động thiên cùng với nguồn Đoạn thạch phía trước Đông thông nhau. Phía dưới có động Bạch vân.

**** Núi Cao kỳ và núi Hạp trỉ.***

Núi Cao kỳ và núi Hạp trỉ đều thuộc giới phận của Tương Đàm, chốn đất cách Nam nhạc khoảng vài xá, đều không đặt để tốt đẹp, có chùa, cũng chẳng hệ thuộc cảnh vức của núi.

**** Núi Linh lộc.***

Núi Linh lộc (tức là Nhạc Lộc) tại phía Tây sông Tương thuộc Đàm châu, hệ thuộc phước địa 20 động chân khư. Theo "cổ thơ" nói rằng:

"Động ngọc, đàn tiêu cao lãnh lạc
Thành châu hang hóc sắc đẹp xinh
Đáng thương trong thành người dằn dặc
Chẳng biết Tiêu tương, xuân bốn mùa".

Theo "Tương Trung ký" nói là: Bên trong có động Bảo hoàng, phía dưới có động Chân quán là nơi Đặng Úc Chi ở thời Đông Tấn tu luyện Đan nội ngoại, về sau thăng chân ở Nam nhạc. Mỗi năm đến mùa thu tiên hạc thường tụ tập trước cửa động, đến nay vẫn không tuyệt dứt. Trong triều nhà Tống chúng ta có bài thơ "Mặc tình ngủ" là:

"Đặc đạo chân tiên đi chẳng về
Để không cung diện cao vời vợi
Ngàn năm thắng địa nhiều cảm lạ
Đàn hạc liệng bay từng năm về".

Và cũng trong triều đại nhà Tống chúng ta cải đổi là Cảnh Đức, miếu Huy triều đổi là Nhạc lộc vạn thọ cung, hai bên tả hữu có 2 ngôi chùa Đạo Lâm và Nhạc Lộc, xưa kia trong "Hiền thi" có 1 câu đối là: "Mây che một phước địa, đường cách hai rừng thiền". Đường Hiên viên, Di Minh thường ở ẩn tại thư viện Nhạc Lộc đó, thì ở bên trong đó. Trong niên hiệu Tường Phù (1008-1017) thời Bắc Tống, có Tú thủy Lê bạch đến ở đó gặp được Đạo sĩ Trương Bảo Hoàng truyền cho nội Bát quái Hệ từ, vâng tu theo đó mà thành Đạo, núi đó vốn không có chim tước, tại động có đá xanh, phía Đông có hàng Quân chân, phía Tây có tháp xá-lợi, Đài Đạo Hương, suối Hán Hoàng quảng Bạch Hạc, đình Phong Ngạc, đều tốt lành đặt để vậy. Lại có Bả tiên gặp Lã Động Tân đồng qua lại trong động, có vài lần qua dưới thành mà không người nào hay biết (5 núi trên hệ thuộc núi Vân Mật).

**** Núi Thạch lựu.***

Dưới phía Nam núi Thạch lựu có cửa động và nền móng Đạo quán. Phía Bắc có khe Tịch dương, hang Tịch dương đảo ngược lại động. Dưới phía Bắc có Mê tân (Bến mê). Xưa kia có người đi tìm thuốc lạc

mê đường sá, chỉ thấy hoa lựu đỏ như lửa. Đi đến Mãn cốc gặp ông cụ già nắm cành hoa thạch lựu mà bảo rằng: "Thuốc tiên cách đây không xa". Nói xong, bèn liền không thấy. Người đó về sau trở về cung Động dương nói cùng Đạo bạn, mọi người đều ngờ rằng, lại dấm thử hoa lựu mà nghỉ bỏ ăn lươngthực, không biết về sau thế nào. Lại nữa, dưới phía Nam có nơi Huệ ung chân nhân gá vào nước trốn lánh người tần. Người đó gọi là Đầm Trương Ông.

**** Núi Thái hà.***

Núi Thái hà, xưa kia tức là núi Tương ứng, vào thời nhà Tề có chữ bá ngọc, tự là nguyên cừ ẩn tại phía Nam núi đó hơn 10 năm, khéo thông gồm các thuật giải, hái huyện nhả nạp. Ban đêm có Thần nhân đến báo cùng Tề Cao Tổ rằng: "Tại Nam nhạc có người khác lạ, báo cho bệ hạ vì cầu phước". Nhân đó, vua dò xét phỏng hỏi, ban sắc chiếu mời gọi mà chẳng chịu đến, sau đêm Đoan ngọ (mộng 05 tháng 05), mộng thấy luyện Đan, vua bảio: "Đó là tiên Bách vậy, trước ta từng ban sắc chiếu mời mà chẳng đến". Nhân đó bèn ban chiếu cho cả 2 quân Ngô, Cối đem lễ đến dâng cúng, ban sắc tạo dựng Thánh bình quán, dời núi Bạo bố xuống dưới, có môn nhân đệ tử Vương Tăng trấn, tên là Ứng tướng.

**** Núi Bạch thạch.***

Núi Bạch thạch trùng điệp với núi Ứng tướng, phía dưới, xưa trước có am vũ.

**** Núi Vĩnh thái.***

Núi Vĩnh thái, xưa trước gọi là núi Triều châu. Phía Đông có nền móng ngôi Đạo Quán xưa cũ, phía Nam có nền móng ngôi chùa xưa cũ, động Long châu. Phía trên có nền móng địa chỉ nơi Ân tiên sinh chầu Đẩu, thất ẩn của Thạch khác.

**** Núi Cửu nữ.***

Núi Cửu nữ, hoặc có thuyết nói là xưa trước có miếu của 9 người nữ. Nay ở phía Tây bắc thấy có hang của 9 người nam. Đều không có văn kiện nào đáng nêu xuất.

**** Núi Vân long.***

Dưới phía Tây núi Vân long có nền móng Tây chân quán. Theo "Đạo lục" nói là: Vào thời Tây Hán Thục, đó là nơi Đạo sĩ Vương Cốc Thần, Bì Huyền Diệu ở núi Thanh thành tu nhân tại đó. Đến thời Hậu đường lại có Huân Phụng Tiên tiếp tục tu hành. Lại vào Hành dương tìm Chân quán, nay còn có đá tụng kinh và tôn tượng chân nhân bằng đá. Phía Bắc có nền móng chùa Vân long.

**** Núi Song thạch.***

Phía dưới núi Song thạch có 2 ngôi chùa Song phong và Năng nhân, phía Bắc có đình Bạo Bố Ngọc Hồng, chùa Sơ An, hang Thập huệ.

**** Núi Minh nguyệt.***

Núi Minh nguyệt tại núi Song thạch, phía Đông bắc có 2 ngôi chùa Thừa thiên và Sơ minh.

**** Núi Thanh sầm.***

Phía dưới núi Thanh sầm có 2 ngôi chùa Đông lâm và chùa Tây lâm.

**** Núi Phổ Hiền.***

Núi Phổ Hiền về phía Đông bắc có Thạch thất, lấy sự nghỉ ngơi mà đặt tên. Vào thời tiền Đường có vị Cao tăng để dài buông xỏa râu tóc mà ở đó, và không có khói lửa mọi thứ khí cụ. Như có người hỏi điều gì thì chỉ nói: “Vui vẻ nghỉ ngơi chỉ hơn 70 năm, thọ trăm vài mươi tuổi”. Hoặc nói là: “Từng gặp Tông Bính ở thời Tiền Tống truyền Đạo mà không ăn”. Theo “Cựu ký” nói rằng: “Phía dưới có Phổ Hiền Quán, các Đạo sĩ đều là những vị đức lớn ở mười phương tụ tập, giảng luận sâu mầu. Tiếng tăm vang khắp nước nhà, vâng phụng chiếu ban sắc biển ngạch là “Phổ Hiền” và gồm thêm các thứ trang điền để đầy đủ cho việc tu tập và hương hỏa. Núi đó nhân từ Đạo quán mà có được tên gọi. Đến trong triều đại nhà Tống chúng ta thì ban sắc biển ngạch là “Xung chân” vậy.

**** Núi Cú lũ.***

Dưới phía Nam núi Cú lũ có chùa Pháp luân, phía sau có điện Tiên Vương, động Lôi, động Diệu hỷ, đình Đạo nhân. Hàn Dũ có bài vịnh về văn bia của Võ Vương đại khái là: “Đạo nhân riêng ở trên, tình cờ trông gặp được” ấy vậy. Trong “Hành sơn ký” của Từ Linh kỳ nói rằng: “Tại núi Vân mật có văn bia của Võ Vương trị thủy, đều viết theo lối chữ hình nòng nọc. Dưới bia có Thạch đàn, dòng nước cuộn quanh đó rất là thắng tuyệt”. Nay tại chùa Pháp Luân có đình Đạo nhân. Tương truyền là: Xưa trước có vị Đạo nhân, thấy gặp ở núi Cú lũ. Về sau trong văn của Hàn Dũ mới có câu đó. Nay đây nêu bày ra cả hai.

**** Núi Hội thiện.***

Núi Hội thiện, xưa trước gọi là núi Mao nữ. Phía dưới có chùa Hội thiện, là nơi cùng gặp gỡ tụ hội của 18 vị Cao tăng. Là nơi giảng tập rất đượm nhuần thiền duyệt, nhân đó mà đặt gọi lại tên như thế.

**** Núi Tiềm Thánh.***

Núi Tiềm Thánh, xưa trước có Cao tăng Hy Tần vân du đến Nam nhạc, gấp tìm chùa Phương Quảng, phỏng hỏi Tôn giả Tuệ hải, trải qua trọn năm mà không thấy tông tích. Bỗng một ngày nọ thấy ngôi Tinh xá đề hiệu là "Phương Quảng". Gặp Tôn giả hỏi cớ sao đến chậm trễ. Cho nghỉ lại qua đêm, sáng sớm ngày đưa tiễn ra thì phòng nhà người và chùa, trọn không thấy gì cả, nhân đó mà đặt tên như vậy. Lại nữa, Phòng Nhật tỳ tiên sinh đã 3 thời kỳ tu luyện pháp Huyền Bạch tại đó, bỏ ăn cơm gạo, bị sơn tiêu yêu quái não hại, nhân đó dời chuyển đến núi Cửu nghi mà thoát bỏ thay. Lại có vị Tăng chùa Chúc Dung, ở từ phương xa đến quyên góp được 500 đồ vật để cúng dường, ước theo ý chí chủ phỏng hỏi chùa núi, trọn ngày rảo đi khắp mà không nghe thấy danh tích. Đến chiều sẩm tối trông nhìn về phía Tây đỉnh núi Chúc Dung, ẩn hiện ngôi Tinh xá và thấy vị Hóa chủ, hỏi rằng: "Sao đến muộn màng thế?". Và tiếp đãi rất nồng hậu, xong rồi đến hiêng phía Tây, có người sang quý vận mặc y phục sắc vàng nằm ngủ, vị Tăng ấy bảo: "Đó là Thánh đế, lánh nơi ồn ào huyên náo mà đến nghỉ ngơi tại đây". Kịp đến lúc tiễn đưa ra cửa trọn không còn thấy gì chỉ là núi hoang mà thôi.

**** Núi Liên Hoa.***

Núi Liên Hoa, phía dưới có chùa Phương Quảng. Có 8 núi 4 sông bao bọc chung quanh. Xưa trước có người đề thơ đại lược là:

"Chùa tại trong hoa sen
Các núi gá cánh hoa".

Lại nữa, phạm dần lượng có 1 câu đối rằng:

"Chùa ẩn đỉnh búi tóc
Người ở ngó tim hoa".

Phía Bắc có dấu vết xe nguồn Linh Triệt. Theo Tích ký nói rằng: "Xưa kia có vị A-la-hán ở đó, các quỷ thần vận chuyển lương thực, dấu vết xe in trên đường. Phía Đông trông nhìn đến am Ba tiêu, là nói Cao tăng Tông Bính ở thời Tiền Tống tu hành, phía Bắc có tháp Linh nguyên".

**** Núi Thiên Đường.***

Núi Thiên Đường về phía Tây có Thạch thất, khám định chí; Ân Cảnh Đông lễ Tinh Đẩu, là nơi xuất sinh tự trồng giống Sài Hồ Ưu Thắng. Lại có Hòa thượng Thảo y (áo cỏ) gọi là Đinh Danh, về sau dời đến ở núi Diệu cao, Hòa thượng bện kết cỏ làm áo mặc, nhân đó mà xưng gọi như vậy, cành cỏ ấy cứ từng cặp buộc nhau, nếu cành có rủ đầu thì gọi là cành La-hán. Từ trong các hang cốc của núi Thiên Đường,

tiềm Thánh sinh mọc rất nhiều. Xưa kia là nơi trạm tuyến tiếp đãi các Tiên thường hái cỏ ấy để kết chu thủy ngân làm Đan đầu, nhân đó mà gọi là cành tiên nhân. Nên trong thơ "Đan phòng lục" có câu đối rằng: "Trước hang nhặt dây buộc, trong lửa phục Đan sa" là ấy vậy. Cỏ ấy từ trên hang núi tủa rủ xuống, nên cũng còn gọi là "cỏ thùy nham", xưa kia có người vịnh thơ "La-hán Điều" rằng là:

"Năm năm dời lầu dứt động sâu
Chẳng để vết tích khó tìm cầu
Men tơ cành giải người nào thí
Dài đến qua xuân treo đầy rừng".

**** Núi Tường Quang.***

Núi Tường Quang, xưa trước gọi là núi Hạc Minh. Phía Bắc có Linh Điền. Có thuyết nói là đồng bằng linh và hang linh. Theo "Cựu tập" nói rằng: "Tiêu linh gìn giữ bếp Đan ở tại đó, khoảng đầu niên hiệu Đoan Củng (988-990) thời Bắc Tống thường có ánh sáng của Đan tỏa ra như khí đuốc. Ở Dự chương có vị Đạo sĩ đi đến núi thầm kín có điều cảm, chí thành mong cầu mà không gặp. Về sau có 1 lính tốt đến núi đó, ở nơi Hang linh mà có được vài quyển Đạo Vinh, bèn đem ra ngoài đổi bán vậy.

**** Núi Hồi nhạn.***

Núi Hồi nhạn tại phía Nam thành Hành châu, căn cứ theo Đồ kinh nói rằng: Đó là đầu của Nam Nhạc. Chim nhạn đến đó bèn đứng chẳng tiếp qua phía Nam, gặp đến lúc mùa xuân thì trở về lại phương Bắc. Nên trong "Nguyệt lệnh" nói: "Quê hương chim nhạn ở phương Bắc" là đó vậy. Trong thơ "Phiếm tiểu tương" của Đổ tuân Hạc có 1 khúc rằng:

"Vườn đến đêm sâu khóc
Nam Nhạc lộc biết xuân
Gần cách Hành Dương nam
Có Đùa ngư châu hợp".

Đình Giang, am Bàng cư sĩ vô sinh, cảnh đức đạo quán. Xưa trước có chùa Thạch cổ. Nay thư viện thạch cổ là nơi nền móng xưa cũ của chùa vậy. Lại có Nhạn phong sứ giả (kẻ sứ núi nhạn), sự việc cụ thể như ở quyển hạ (17 ngọn núi trên hệ thuộc núi Thạch Lẫm).

**** Núi Di Đà.***

Núi Di Đà về phía Đông bắc có hang rỗng hiểm mờ tối, trước thất cách vài bước không dung đặt chân. Xưa kia cây dây quái lạ giăng phủ đầyních không có vết chân người. Theo Cựu ký nói là: "Người xưa

thường nghe có tiếng tụng kinh”, tương truyền là có vị Cao tăng ở trong hang núi chẳng ăn uống gì, chuyên xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Triều đình đến nêu bày hỏi cũng không dậy ra. Về sau, Cao tăng đó đắc đạo, nhân đó mà gọi là núi Di Đà, phía dưới có chùa-di-đà, ban sắc là “Ban Chu Đạo Tràng” vậy.

**** Núi Bình chướng.***

Núi Bình chướng tại phía Đông núi Thiên Đường, phía trên có luyện Đan đàn, và đá chầu tinh đẩu.

**** Núi Vĩnh hòa.***

Núi Vĩnh hòa, phía trên có đài Vĩnh Hòa, xưa trước tương truyền có 2 nền móng Đạo quán và chùa Phật.

**** Núi Kỳ xà.***

Núi Kỳ xà, nghĩa là hình tượng của núi cùng với núi Kỳ xà ở nước Thiên Trúc không khác, nên gọi tên như vậy. Về phía Bắc có am, hang, nền móng hiện còn. Theo “Cựu ký” nói là: “Xưa trước có 1 người thiện nữ, không biết dòng họ là gì. Có người hỏi han điều gì thì chỉ vén kéo tay áo vui vẻ mà nói là “Thiện”, nhân đó mà xưng gọi “Thiện nữ”. Hoặc có thuyết nói: Thiện nữ thường tụng kinh Hoàng Đình, tứ nói là: “Đánh cờ chơi đàn ở ngụ vui nhạc là có Lý sinh”. Trong khoan ngoài nhu, đồng hoang rảo ngựa, gặp người thường nói đó mà xưng là “Thiện” về sau cũng không biết đi đến nơi nào. Theo Lý Hà Chu nói là: Dưới phía Tây núi Thiện nữ có gò núi xanh biếc, ở đó có tháp của Khế Hàng Đại Trưởng lão.

**** Núi Linh dược.***

Núi Linh dược về phía Đông bắc có ngôi thạch thất. Theo “Tiêu Linh Hộ Động Chân tập” nói là: Những Đạo sĩ tu luyện Đan muốn hái thuốc linh cỏ lạ để chế luyện Đan thạch, thì trong núi đây, ngoài 5-7 dặm đại khái có đến 10 loại đều là Tiên phẩm thượng dược. Các núi khác tuy rộng thoáng, hang hóc sâu tối, nhưng so về cỏ linh thì chẳng sánh kịp như ở núi này. Xưa kia, Tân Dã tiên sinh Đan tài gần hoàn bị, nhưng gặp phải một vài hoạn nạn khó xét, cùng với Từ Quân rảo bước khắp tam tương, nhân trở lại Nam Sơn, đến núi này hái thuộc, về sau Đan luyện được thành, nhân đó mà gọi tên như vậy”.

**** Núi Bích tụ.***

Núi Bích tụ, phía dưới có nền móng chùa Tụ Phong, phía Tây có nền móng Tây đài quán, còn gọi là Thái sơ quán, không văn kiện nào có thể y cứ. Xưa trước có am vũ.

**** Núi Am thượng.***

Núi Am thượng về phía Tây nam có chùa chỉ Quán. Chùa Nhiếp thọ, chùa An lạc, nền móng cũ của Linh nham, ao mực Triệu Quý Tây thư trai, đều ở trước sau, có miếu Thuấn, khe Thuấn, động Thuấn là những nơi mà xưa kia Đế Thuấn trèo đến núi Cửu nghi nhân đi qua những nơi đó vậy.

**** Núi Linh cầm.***

Núi Linh cầm về phía Bắc có Đàn Lương song tập tổ chầu Tinh Đẩu. Vào thời tiền Đường, Tiết U Thê cũng đến Đàn đó để tìm chân cầu cảm, bao quanh cây cũ bít trời, rừng lớn tốt tươi. Phía trên vong vọng tiếng chim kết thành Đàn mà bay, lông cánh khác màu hồng đỏ xen lẫn, tiếng kêu như sinh Hoàng, bay trên chẳng cùng hòa mà kêu, thường đến đậu nghỉ tại núi đó, nhân thế mà gọi tên vậy.

**** Núi Phụng hoàng.***

Núi Phụng hoàng, xưa kia Chúc Dung Quân lên Nam Nhạc bái yết Huyền Quân, cảm có Bích kê phụng hoàng nhóm tụ tại núi đó. Trên núi sinh mọc loại trúc thật. Trong "thơ cổ" nói là:

"Văn Phụng nhóm Nam Nhạc
Bồi hồi rễ trúc đơn
Trong tâm không nhàm chán
Vượt bay lấn núi tía.
Há chẳng từng gian khổ
Ngon cùng Đàn sẻ vàng,
Bao giờ thường ứng lại
Thuận cùng Thánh minh quân".

Lại nữa, Mã dung có bài phú rằng: "Chỉ ngô đồng sinh mọc ư? Tại Hành sơn đến Tuấn pha". Theo "Cựu ký" nói là: Trên có Tuấn pha mà sinh mọc ngô đồng, chim son cỏ đẹp nên cùng lại vậy".

**** Núi Văn-thù.***

Núi Văn-thù, xưa trước Thái tử của vua Tuyên Tông thời tiền Đường kính mộ Đạo, từ Hoắc sơn đến Hành sơn đi tuần lễ bái các Đạo tràng cổ tích. Đến Tuấn Pha theo hướng Tây trông thấy thụy tướng sắc màu vàng ròng, thấy giữa lưng chừng khoảng không, bèn kính bạch rằng: "Thật Phật Tổ sư!". Về sau đem hỏi. Hòa thượng Di Đà bảo: "Đó là Bồ-tát Văn-thù vậy". Nhân đó mà gọi tên như thế.

**** Núi Trịch Bát.***

Núi Trịch Bát phía trên có đá định tâm, phía dưới có hang Ẩn thân, hai dòng suối Hổ bào và Trác tích, 2 am Quán Âm và Mã tổ, nước đủ 8 công đức, Tam sinh tàng. Đình Nhạc tâm, cầu Đâu suất v.v... đều

xếp bày trước sau, hai bên tả hữu hệ thuộc chùa Phước Nghiêm. Tương truyền là: Xưa kia Đại Hòa thượng Ân ném bát mà cưỡi qua sông đến ứng chiếu của Trần chúa. Nhân đó mà đặt gọi tên như vậy.

**** Núi Thụy ứng.***

Núi Thụy ứng phía trên có cây lớn, cành rễ tập tễnh hiện nổi tướng trạng như rùa, chợt trông thấy đều rất đáng sợ. Nhân đó mà tạo dựng điện Thọ tinh để vì cầu đảo; đó là chỗ Thánh vậy, phía dưới có chùa Nam Đài.

**** Núi Vân cư.***

Núi Vân cư, phía dưới có chùa Vân cư, cầu đá, đình Ngưng bích, đường Kim Ngưu, sườn Thối Đạo, cùng gần với Nam đài, ngay đường lớn đi đến núi vậy (13 núi trên hệ thuộc núi Thiên trụ).

2. Nam nhạc có 1 động Thiên.

Động thứ 3 của Nam nhạc hành sơn, tức Chu lăng thái hư nhỏ có 1 động thiên.

3. Nam nhạc có 4 phước địa.

- Phước địa động Chân khư (tại Nhạc lộc thứ 20)
- Phước địa Thanh ngọc đàn (thứ 21)
- Phước địa Quang thiên đàn (thứ 22)
- Phước địa động Linh nguyên (thứ 25).

4. Hai cảnh.

- Ở phía Tây núi Bạch vân, thuộc phía Đông núi Thanh sầm hình thế như 9 nhìn tới gọi đó là Thánh cảnh (Thánh tức là Chu lăng cung).
- Ở phía Bắc núi Triều nhật, thuộc phía Nam núi Cú lũ hình thế như 9 xoay lưng, gọi đó là Linh cảnh (Linh nghĩa chùa Phương Quảng).

5. Ba khe suối.

- Khe suối Linh: Thông với nguồn iên mà có lắm nhiều thuốc tiên, nhân đó mà gọi tên như vậy. Xưa trước gọi là Long châu, chảy ra nơi Hoàng đình quán ở phía dưới núi Thiên trụ, phía Nam hợp với khe suối Thọ, thành dòng đổ vào Bình dã tưới tốt ruộng lúa.
- Khe suối Thọ: Nguồn nước rất cao ở tại Thánh thọ quán, nhân đó mà gọi tên như vậy, chảy ra hang núi Dã nhân ở dưới phía Tây núi Tử cái, trải qua dưới Lộc uyển đến trước Quán hợp dòng đổ xuống đảo Thạch, ngang qua cầu Nhạc từ Linh thọ, hợp dòng với khe suối Linh để

tưới tốt ruộng lúa.

- Khe suối Động chân: Thông tiếp với Chu lăng động phủ, thế nước từ cao trút rót xuống như rèm, cũng như Thủy liêm động, nguồn nước ấy rất cao ngang bằng cùng các ngọn núi, chảy ra phía Đông núi Tử cái, thuộc phía Nam núi Chúc Dung, đến Hội chân Quán ở dưới nguồn Động linh, thành dòng đổ vào Bình dã để tưới tốt ruộng đồng.

6. Sáu nguồn:

- Nguồn Đoạn thạch
- Nguồn Đào hoa
- Nguồn Động linh
- Nguồn Linh
- Nguồn Linh triệt
- Nguồn Đại thủy.

7. Sáu cửa:

- Động Đại (cửa phía Đông Động thiên)
- Đầm Đâu suất (cửa phía Nam Động thiên)
- Động Thạch cổ (cửa phía Tây Động thiên)
- Đầm núi Long vương (cửa phía Bắc Động thiên)
- Đầm Bạch vân (cửa Tiện phía Đông)
- Động Môn quán (cửa Tiện phía Tây).

8. Chín khe:

- Khe Thuấn
- Khe Võ
- Khe Thanh
- Khe Minh
- Khe Song
- Khe Quyên
- Khe Hoằng
- Khe Vân
- Khe Tịch dương.

9. Mười lăm động:

- Động Chu lăng
- Động Hoàng lạc
- Động Thuấn

- Động Bạch vân
- Động Tây minh
- Động Quán Âm
- Động Điệp tướng
- Động Tiền
- Động Ngọc thanh
- Động Cửu chân
- Động Diệu hỷ
- Động Vân cảnh
- Động Bảo chân
- Động sau La-hán
- Động Đảo.

10. Mười sáu đài:

- Đài Chu lăng
- Đài Thiên bảo
- Đài Phóng hạc
- Đài Ban chu
- Đài Bát Nhã
- Đài Nam
- Đài Cao
- Đài Động linh
- Đài Thất bảo
- Đài Tầm chân
- Đài Ngưỡng thiên
- Đài Vĩnh hòa
- Đài Tử kim (Bảo lộ)
- Đài Thiên hương
- Đài Lăng không.
- Đài Tây.

11. Mười bốn tháp.

- Tháp Xá-lợi Thích Ca
- Tháp A-dục vương
- Tháp Tam sinh
- Tháp Văn-thù
- Tháp Linh Nguyên
- Tháp Quán Âm

- Tháp Nhị sinh
- Tháp Thạch Đầu
- Tháp Thiền Lâm
- Tháp Đại Minh
- Tháp Lại Tán
- Tháp Thập Huệ
- Tháp Thánh
- Tháp Khế Hàng.

12. Hai mươi ba Đàn.
- Đàn Thanh ngọc
- Đàn Quang thiên
- Đàn Xích tùng
- Đàn Lễ đẩu
- Đàn Thăng thiên
- Đàn Giáng chân
- Đàn Triều chân
- Đàn Truyền kinh
- Đàn Phi lưu
- Đàn Hành đạo (2)
- Đàn Triều thiên
- Đàn Tôn đăng
- Đàn Luyện chân
- Đàn Tế thăng
- Đàn tụng kinh
- Đàn Hội tiên
- Đàn Thọ giới (2)
- Đàn Luyện đan (3)
- Đàn Giảng kinh.

13. Ba mươi tám hang núi.
- Hang Hoàng đế
- Hang Đại Võ
- Hang Đan Hoắc
- Hang Tỵ Tiền
- Hang Thượng Thanh
- Hang Lưu Chân
- Hang Lĩnh thư

- Hang Ẩn thân
- Hang Tiêu táo
- Hang Dã nhân
- Hang Huyện đan
- Hang Tiếu đẩu
- Hang Phụ huyên
- Hang Tịch dương
- Hang Khống báo
- Hang Lâu toàn
- Hang Bả châm
- Hang Quán Âm
- Hang Bạch hạc
- Hang Hưu
- Hang Dạ quang
- Hang Tối thắng
- Hang Ổ dược
- Hang Hưu lương
- Hang Quy
- Hang Điền chân
- Hang Phục hổ
- Hang Quảng thành
- Hang Thạch nhũ
- Hang Hạ
- Hang Khổng Tước
- Hang Thảo y
- Hang Phi phù
- Hang tụng kinh
- Hang thượng
- Hang Linh
- Hang Thập huệ
- Hang Yến tiên.

14. Hai mươi lăm suối:
- Suối Ngọc sa
- Suối Hạc minh
- Suối Quán Âm
- Suối Mộng ứng
- Suối Cam

- Suối Hổ báo
- Suối Dạ lạc
- Suối Đắc Đạo
- Suối Dục đan
- Suối Phổ dung
- Suối Huyền (Phụng hoàng)
- Suối kim sa
- Suối Bạch hạc
- Suối Trác tích (3)
- Suối Linh
- Suối Tẩy dược
- Suối Bạch quy
- Suối Lôi đình
- Suối An lạc
- Suối Thương long
- Suối Nhất chước.

15. Chín ao.

- Ao Tiên nhân
- Ao Trường sinh
- Ao Dục đan (2)
- Ao Pháp lũ
- Ao Tẩy bát
- Ao Lôi (2)
- Ao Tẩy dược.

16. Tám ngôi nhà.

- Nhà thuốc tiên sinh Bạch Vân
- Nhà thuốc Vương Thị
- Nhà Đan của tiên sinh Trần
- Nhà Luyện đan tiên sinh Vương
- Nhà kinh của ẩn sĩ Kinh Đài
- Nhà sách của tướng công Lý Bí
- Nhà sách của tướng công Vi Trụ
- Nhà sách của xá nhân Lô Phan (Nay tức là Thọ Kỳ Đạo Quán vậy).

17. Tựa Nhạc từ.

Nhạc miếu tại dưới phía Nam núi Tử cái, thuốc phía Tây núi Hỷ dương, phía Đông núi Tập hiền, núi Nhã vụ xoay mặt về phía Nam, núi Chẩn tú xoạc dài về hướng Bắc, chu vi rộng khoảng 2-3 dặm, ước có hơn 800 gian, ngàn cây sam xanh rờn tốt um, vạn ngói khói sinh mọc, 1 dòng nước 3 chầu. Các ngọn núi bao quanh 4 phía, khe suối Linh thọ, 9 dòng nước chảy xiếc 3 lớp trút đổ xuống Đảo thạch, nhiễu quanh núi Xích đế, phân dòng theo hướng Đông chảy vào trong miếu. Ao Kê minh chảy ra ngoài cửa Lưu tinh. Ao Hộ long theo hướng Tây chảy hợp vào khe suối, phân rót vào Bình dã, vốn tên là "Ty Thiên Hoắc Vương Miếu". Vì Nam phương thuộc Hỏa nên phối thần gọi là Chúc Dung.

Căn cứ theo "Ngũ Nhạc kinh" nói rằng: Núi Nam nhạc hình thể tợ như Chu Hoắc, là nơi trị vì của Thái Dương Viêm Lão Quân, nguyên khí xông lên liên tục, sao sáng ngời, Viêm Lão Quân dùng để xử lý chủ hạ khí bên trong đó, nuôi lớn muôn vật, sai thần Bính Đinh (lửa) thực hành Thiên đức, sai thần Kỷ Ngọ (?) chỉnh sửa khí đất. Muôn thần đế đến ngày Lập hạ lên núi đó, vào xích thạch ngọc quan (ải ngọc đá đỏ) bái yết Viêm Lão Quân, thọ nhận phù Thiên huyền, xong rồi mỗi tự trở về khắp 4 phương, vời gọi sai sử trăm thần, chém giết quỷ ác để giúp đỡ trời đất nuôi dưỡng người vật. Hành sơn quân ấy thống lãnh Tiên quán vận mặc áo bào của Chu Quang, đội mão Cửu Đan Nhật Tinh, mang ấn Dạ Quang Thiên Chân, cưỡi rồng sắc đỏ, nhạc thần vốn dòng họ Sùng, húy (?) (. . .). Về sau đến thời Tam Hoàng, thuần phác đã sinh, dần có điều sửa trị, giao phó đó cho chủ giả dưới đất. Viêm Đế mặc áo giáp mà trị vì. Theo Tư Mã Thiên sư ở thời tiền Đường nói là: Nhạc thần tức là chủ giả dưới đất, chẳng phải là Thiên chân. Thái Thượng dùng Đức huân đúc Nam nhạc. Xưa kia Hoàng đế lên phong Nhật nhạc thần, du lịch tuần thú. Đến thời nhà Tần nhà Tùy, lấy vua (vương) làm tượng. Đến năm Khai Nguyên thứ 9 (721) thời tiền Đường, mới phong là Ty Thiên vương, đến nay tượng Hốt vẫn hiện còn. Đến đầu niên hiệu Khai Bình (907) thời Hậu Lương (Ngũ Đại), phủ chúa mới sửa sang trong tiết miếu mạo. Xưa kia, vốn ở trên núi Chúc Dung, đến thời nhà Tùy mời chuyển dời xuống để cúng tế thờ tự, bói theo Thái hư quán xưa cổ mà xác định. Nay xét cứ ở phía tả núi Chúc Dung nền móng địa chỉ vẫn hiện còn. Đến trong niên hiệu Tường Phù (1008-1017) dưới thời Chân Tông Hoàng Đế (Triệu Hằng) thời Bắc Tống mới phong sùng Ngũ nhạc, mới ban sắc Công Bộ Thị Lang Tiết Công Ánh, Cấp Sự Trung Tiền Công duy mới mang ngọc sách, thêm hiệu là "Ty Thiên Chiêu Thánh Đế", và phi tức là Cảnh Minh hoàng hậu. Nay ngọc giản dài 1 thước 5 tấc, văn viết

chữ bằng vàng khâu liền bằng dây vàng, dùng đãy gấm để che phủ, mọi người vận mặc y phục màu ráng tía, áo lễ mũ miện, mang đeo kiếm bội cặp theo gìn giữ, đều như phép tắc ở trong cung.

18. Văn Ngọc Sách.

Do Lễ Bộ Thị Lang Đinh Vị soạn thuật.

Điện Trấn Nam, để tôn phụng Ty Thiên Chiêu Thánh Đế. Trong điện ngoài cửa phía Tây thiết lập 4 Nhạc Đế thần tòa, phía trước bày sắp 6 thừa tướng. Phía Đông phụng an đặt Tiếu bia ngọc thanh thượng chân 9 vị. Phía Tây Phụng An đặt ngôi vị Hoàng đế thọ tinh. Hai phía Đông tây của điện liệt bày tiếp đãi 4 Học sĩ đọc tụng. Hai phía Đông-tây của miếu thiết bày tiếu bia các tinh tú. Ở điện Phan Hy dùng để tôn phụng Tư Không Chiêu Thánh Đế Cảnh Minh Thánh Hậu, đều có đủ ngự phục khăn bịt đầu, mũ mão, khăn phủ vai. Hai bên trong điện thiết bày màu trướng giường ngủ hai phía Đông-tây, mọi thứ điểm trong gương, lược, tẩy giặt v.v... ở phía Đông bên ngoài là điện Thái tử. Đến trong niên hiệu Kiến Viêm (1127-1131) thời Nam Tống đều phong hầu tước như là Thế đức hầu, Thế liệt hầu, Thế hiển hầu. Ở phía Tây là điện Công chúa, tôn phụng an đặt 3 vị cung chúa có 36 cung, tính ra phòng ốc có cả thảy 66 gian. Hai phía Đông-tây mội bên đều có cửa, xoay quanh tường vách vẽ họa cung tần. Là bút tích của Võ Nhạc từ thời đầu nước nhà tạo dựng. Đến năm Chính Hòa thứ 8 (1118) thời Bắc Tống, sắc màu xanh đỏ bị bụi phủ mờ mới tu sửa trang tiết lại. Cửa Linh huống là cửa phía Bắc của miếu, lại còn gọi là cửa Binh lính, có 1 gốc cây Thần chương, phàm những lúc mở cáo cầu thỉnh binh lính hẳn là mở cửa đó, ngoài ra đều luôn đóng bít, gặp những lúc thỉnh cầu chú đảo đều được cảm ứng. Ngày 21 tháng 10 năm Thiện Hưng thứ nhất (1131) thời Nam Tống, Soái Thần Hướng Tử Nhân Tế cáo văn bên cạnh điện. Phía Đông của điện Nam trấn, tường tựa tượng đắp họa 10 vị Học sĩ. Đến năm Chính Hòa thứ 7 (1117) thời Bắc Tống chuyển vận phó sứ Niếp Sơn tu sửa Thánh tượng ghi văn bia. Phía Đông có cửa Hương hỏa 3 gian, hàng hiên dài 17 gian, đắp họa liễn cung thiết bày nghi tượng, vách tường đắp họa theo sau oai nghi. Trong năm Bính ngọ(1) thuộc niên hiệu Chính Hòa thời Bắc Tống (1111-1118), chuyển vận phó sứ Niếp Sơn vị, dưới sân an phụng thần thuật, tức là trong năm tường phù thứ 4 (1011) thời Bắc Tống, Chân Tông Hoàng đế (Triệu Hoằng) chế ban thư kính phụng thần thuật. Cửa Hưu hổ có 3 gian. Lại nữa trong năm Thiên Hy thứ 3 (1019) thời Bắc Tống, Chân Tông Hoàng đế ngự chế phần âm lễ

tất. Hành lang dài 16 gian, họa đắp tượng Bách quan. Ở phía Tây điện Trấn Nam cũng tường tự thiết bày tượng họa 10 vị Học sĩ. Phía Tây có cửa Hương hỏa 3 gian, hàng hiên dài 17 gian, đắp họa Liễn quan, thiết bày nghi vệ trượng vật, trên vách tường đắp hoại nối tiếp nhau oai nghi. Dưới sân có đình bia ngọc sách.

Chân Tông Hoàng đế (Triệu Hoằng) dâng Đế huy hiệu là "Sách văn ngọc sách", dùng vàng xỏ suốt hộp báu. Đến trong tháng 3 năm Thiệu Hưng thứ nhất (1131) thời Nam Tống, Khổng Ngạn Chu trộm lấy hủy hoại, van đó chẳng còn. Ngày mồng 10 tháng 6 năm Nguyên Hựu thứ nhất (1086) thời Bắc Tống. Giám Quan Hoàng An Kỳ khắc đá, cửa thuận thành gồm có 3 gian. Có năm Càn Đức thứ 3 (963) thời Bắc Tống, Đàm Châu tu sửa miếu ghi văn bia, do Binh Bộ Lang Trung Giả Thử soạn văn, Soái thần Phan Mỹ lập, hàng hiên dài 16 gian, họa tượng Bách quan. Trước điện Trấn Nam, nơi khám đá có 1 tòa đèn. Trước kia Quảng Tây đề cử Lã Vị Kiến xả thí đèn đuốc, Đường Sở Vương xả thí Bồn sắt, đài Lộ treo sân đình, vách tường họa vẽ thần tượng Nhạc bộ bách hý, tức là tiêu tường vậy. Cửa Trấn Nam có 5 gian, có viết 2 chữ "Nam nhạc" theo lối chữ Triệu, chuyển vận phán quan Văn Huân khắc triệu hùng vĩ cứng mạnh thanh sạch, ở đời rất trân quý. Ở cửa Đông hoa và cửa Tây hoa đều có hàng hiên dài 7 gian, và có khắc họa hình tượng binh ngựa nghi vệ. Ở điện Nam Hải Quảng Lợi Vương, điện Giang độc nguyên vương, hai phía Đông-tây cửa tiện đều có hành lang mỗi bên dài 14 gian, khắc họa thần nghi Đội trượng, bộ chúng sấm mưa. Ngoài hành lang phía Đông có ao dơ giọt gà gáy, chén đồng dỏ giọt, cung tên, cảnh nhạc v.v... Tiếp về phía Bắc có Thanh trai cung, phía trước có nhà sắc màu 9 tía 8 trắng, phía trước nửa khắc bia Họa đồ nhạc sơn, bia Tế nghi, bia Cấm chẻ núi, văn bia khác ghi chép, trong niên hiệu Hàm Thông (860-874) thời tiền Đường, bia thơ của chiếc tham chánh bái yết miếu Nam nhạc. Đá giải vế. Triều đình sai sứ tiếu cáo thiết đặt trai. Từ đó đến phía Bắc có cửa Thần trù, đến phía Nam là giám sinh thái bảo vị, đúng tháng thì đến chước hiến cúng tế thực. Tiếp về phía Bắc có giếng Thương long, vách tường phía Đông liệt bày điện Đông nhạc Thánh đế. Ở cửa phía Đông có nhà Thị Lang, điện Thiền tào quân, điện Địa phủ quân, điện Ty mạng quân, điện Bắc nhạc Thánh đế, nhà Long vương. Ở ngoài hành lang phía Tây miếu có thần khố, thương khố sảnh, cộng cả thảy 20 gian. Trong sâu có giếng Kim sa. Ở vách tường phía Tây liệt bày điện Tây nhạc Thánh đế, nhà Nam môn thị lang, điện Thất tú phương Nam, điện Ty lục quân, điện Trung nhạc Thánh đế, nhà Tây

môn thị lang, điện Trung tĩnh vương.

Trung tĩnh vương vốn dòng họ Trương, y cứ theo Ngô Trí Nghiêu văn bia nói là: Vương húy là Biện, trong khoảng niên hiệu Thiên Bảo (742-756) thời tiền Đường, gia đình ở tại Bạch mã; Cốt chi, có thuyết khác cho là ở Nam Dương; Đặng châu. Hào hiệp chuộng khí, luôn cất đặt chày vàng trong tay áo để đánh những kẻ bất bình, gặp nạn của An Sử, Trương Tuần hứa đi xa dẫn theo quân lẻ trấn giữ Huy Dương, lập đài chiêu mộ tử sĩ. Được Nam tể vân dùng làm tướng, nhân đó xin quân soái đến Tấn Minh ở Hạ Lan, Tấn Minh chẳng chấp thuận, 2 người mới thề chặt ngón tay để làm tin, chết làm quỷ dữ ở núi hang, chẳng phóng thả Tấn Minh, qua hơn tháng đều chết, Vương báo mộng về nhà bảo là: "Tôi được thỉnh mới đến nơi Đế, bảo làm phụ Nam Nhạc làm Tư Đồ". Truyền ký về tên húy của Vương chưa được thống nhất, hoặc nói Vương húy là "ký", hoặc là "Hựu", là "Tuần", hoặc xưng là người ở thời Ngũ đại v.v... Nay thì lấy theo ở đình vất bỏ ngón tay tại Lâm Hoài làm thật.

Đến trong niên hiệu Chính Hòa thứ 2 (1112) thời Bắc Tống, có Dao Nhân Hoàng An Tuấn làm loạn. Thần châu cầu đảo, cảm ứng bày tấu, nên sắc phong là Linh Hựu Hầu. Đến năm Chính Hòa thứ 8 (1118) thời Bắc Tống, nhân giặc Nguyên Châu Phan Tông Nham làm quá, tấu xin phong thân là Hổ Thiện Linh Hiển Công. Đến đầu niên hiệu Kiến Viêm (1127) thời Nam Tống, Đàm Châu tấu thỉnh, đặc biệt phong là Trung tĩnh vương, cáo tại bản miếu, rõ bày biển ngạch miếu tại Hành sơn treo ở hành cung. Gần đây lại phong là Oai hiển vương. Cửa gia ứng ở nhà Thổ Địa tại điện Ngũ thông gồm có 5 gian, phía Tây trong cửa có thiết 2 tôn thần cổ ty, phía ngoài cửa có văn bia tu sửa miếu, vào năm Hy Ninh thứ 3 (1070) thời Bắc Tống, do Gián Nghị Đại Phu Yến Độ dựng lập, Tiết Độ Thôi Quan Ngô Cư Hậu soạn văn. Phía dưới cửa có Đình chuẩn lệnh hạ mã, phía Đông có cửa nách trái, phía Tây có cửa nách phải. Hai phía Đông-tây hàng hiên kéo dài 26 dặm. Ở vách tường họa đắp các hình tượng quỷ, thần, binh lính, giáp, ngựa. Cả 4 phía Đông Tây Nam Bắc mỗi nơi đều có góc lầu. Lầu bia ở góc Đông-bắc là có văn bia đề là "Đại Tống Tân Tu Nam Nhạc Tư Thiên vương Miếu", do Hàng Lâm Học Sĩ Lý Phưởng vâng phụng sắc chiếu kính soạn, lập ngày 25 tháng 2 năm Cảnh Đức thứ 3 (1066) thời Bắc Tống. Trên lầu có treo 1 quả chuông sắt. Năm Thiệu Hưng thứ 11 (1141) thời Nam Tống, dân chúng huyện An nhân vất bỏ. Lầu bia ở góc Đông nam, tựa đề bia là "Đại Tống Nam Nhạc Tư Không Chiêu Thánh Đế", do Hàng Lâm Học

Sĩ Lý Tông Ngạc vâng phụng sắc chiếu kính soạn, lập ngày mồng 01 tháng 09 năm Đại trung tường phù thứ 8 (1015) thời Bắc Tống. Lầu bia ở góc Tây bắc, tựa đề bia là "Đại Tống Trung Tu Nam Nhạc Tư Không Vương", do Hàng Lâm Học Sĩ Tô Dị Giản vâng phụng sắc chiếu kính soạn. Đợi chiều Hoàng thức khắc triệu, phía Bắc tường bia có ghi lối chữ Khải, lập ngày mồng 05 tháng 06 năm Đoan Củng thứ 2 (989) thời Bắc Tống. Phía trên lầu có 1 phòng tôn trí chiếc trống. Lầu bia ở góc Tây nam, có văn bia đề là "Đại Tống Tân Tu Tư Thiên". Do Hữu Ty Gián Tiều Hồi vâng phụng sắc chiếu kính soạn, lập ngày mồng 06 tháng 07 năm Cảnh Đức thứ 2 (1005) thời Bắc Tống. Ở cửa Linh tinh có 3 gian, hai phía Đông-tây có ao nước, ao lửa, phía trước có ao Hộ long. Tiếp về phía Bắc có nhà ở của Giám quan, phía trước có Ty phòng khách vị. Phía Đông cửa Gia ưng có nhà ở của giám miếu, kế tiếp nữa có cửa Đông nhỏ. Ở cửa Linh huống có miếu Thị Lang, ở cửa phía Bắc.

Ngày mộng 01 tháng 04 năm Thiệu Hưng thứ 5 (1135) thời Nam Tống, chuẩn cứ sắc phong là Hiển trợ hầu. Miếu Hồ Nam An Phủ Hướng Tử Nhân tu sửa phụng đặt văn bia cúng tế. Dưới sân có Thần vị Lôi Quang Phong, mọi điều cầu đảo thảy đều linh ứng. Tại Nhạc miếu chỉ bày tiết lập hạ gọi đó là Đại tế. Trước kỳ hạn thâu mua mọi vật liệu, đặt tạo ngự phục xiêm y khăn mũ trùm đầu. Đến ngày chánh thức cúng tế, từ nội ban giáng Ngự danh chúc bản. Bản châu giao phó cho nhau cùng khắc in, hoặc dùng thứ quan sung vào. Mới đầu Hiến quan tri huyện thừa bộ bản miếu quan nhiếp Á hiến chung hiến thái chúc dâng cúng lễ sau khi binh lửa đã dứt ngưng. Đó là pháp phúc của Bản châu, sai các quan vận mặc lúc tế cúng. Khổng Ngạn Chu cướp lấy hết chẳng còn, nên chỉ dùng xiêm y công chánh. Trước lúc cúng tế 1 ngày, Hiến quan phải nhóm tập kiểm xét tất cả mọi vật dâng cúng hoàn tất, tiếp đến nghinh thỉnh ở điện Phan Hy, lại thay đổi thần ngự y phục khăn mũ trùm đầu. Hai cung treo giá ngự y. Đến 3 khắc canh 5 ngày hôm sau. Hiến quan cùng mọi người chuyên lo công việc thảy đều nhóm tập để thiết tế bày các thứ vàng lụa, dâng ngọc quý đẹp, đọc chúc hiến nghinh Đế khúc, Ngũ phước giáng đến trung ương, 3 lần hiến cúng hương Tô hợp. Hoàng Đế Viêm, 4 Đóa tử thiêu đốt tiền tệ, tấu dẫn giá hành nhiễu ngũ khúc. Nhạc ấy là nói từ khoảng niên hiệu Khai Nguyên (713-742) thời tiền Đường dùng loại nhạc ấy. Chỉ có Nhạc hạ và Hành sơn theo nhạc có công năng đó. Quân Trà Lăng ở miếu Viêm Đế cũng dùng Ngũ khúc, âm thanh hòa xướng thông hoảng. Năm Tuyên Hòa thứ nhất (1119) thời Bắc Tống, thường ban Nhạc Đại Thạnh, gặp phải giặc ngựa hủy hoại,

chẳng lại dùng đó. Gần đây khoảng cuối niên hiệu Thiệu Hưng (1163) thời Nam Tống, gặp phải Đồng Lộc, nên cung điện nhà cửa đều đã bị thiêu cháy đến khoảng 5-6 phần. Phải trải qua 5 năm sửa sang mới bắt đầu hoàn bị. Năm Thiệu Hưng thứ 30 (1160) thời Nam Tống, đang lúc tu chỉnh cung điện, Học Sĩ Tri Đàm Châu Ngụy Lương Thần soạn Phụng An Thanh từ bia. (Đêm 30 tháng 04 năm Tân dậu thuộc niên hiệu Cảnh Định (?) gặp phải Hồi lục nên Chánh Định Hậu Cung đều hư hoại hết, chỉ còn lại 3 cửa, tan nát hành lang mà thôi).

19. Tuần tự lịch đại chư vị Đế vương chân tiên thọ Đạo.

Tích tập ghi chép từ xưa chư vị Đế Vương Chân Tiên tinh cần tư duy nơi hang cốc, lắng thần tĩnh lự xông đốt hương thơm, tấu trổi trống nhạc, và đến cả các nơi nhà cửa chức phần an nghỉ mà kinh du. Số ấy chẳng thể nói hết. Những vị Đắc Đạo trước sau đều đã ghi tả nói các sử sách, thảy đều bí ẩn danh sơn, rải rác khó cùng. Nhưng chẳng phải những người ở Nam nhạc thì không thể được mà ghi chép. Nay đây, ngoài việc thuật bày những linh tích của chốn núi non, so sánh trong các triều đại có những vị dẫn đầu trùm suốt các bậc chân tiên vậy.

Ở thời Biêm Đế, Thái Thượng gọi là Đại thành tử, trao bày Giáp nguyên tinh kinh, dạy Đạo sửa đời để hóa sinh, trao cho trăm giống lúa để thay sự mấu nước giết hại. Hòa trăm thứ thuốc để cứu chữa trăm bệnh, thưởng cho 5 giống cây mà trở thành 5 giống lúa để nuôi mạng sống của muôn dân, cấm ngăn sự giết hại các loài cầm thú. Công đã thành nhàm chán ở đời, chóng bày xa giá lên thành trà, thiết đặt trai hội ở Nam nhạc để cầu thông châu, cảm được Vũ sư Huyền Quân (Huyền Quân tức là Xích Đế Quân, sự việc làm Huyền Quân).

Dạy bày pháp luyện thủy ngọc, vào lửa tự thiêu đốt mà không cháy nóng. Về sau, huyền hóa nơi đồng hoang của Chu Dương. Thái Thượng dùng Đức chánh mà trấn tại Viêm phương (phương Nam), làm Chủ Ty Nam nhạc. Người con gái Công chúa của Viêm đế cũng rất kính mộ đạo, kính lễ Huyền Quân làm thầy, sau khi Đạo thành cũng đồng bay lên đến cửu quan.

Vào thời Chúc dung, Thái Thượng hiệu là Quảng thọ tử, trao truyền Án Ma Thông Tinh kinh, dùng Đạo dạy răn an thần. Nay trên đỉnh núi, nền móng địa chỉ vẫn hiện còn.

Theo Hoàng đê nội truyện nói là: Xả bỏ hơn 300 cung quán để vì tạo dựng thành Đạo quán. Lại ở nơi Ngũ nhạc, mỗi mỗi đều đặt Đạo quán. Hoặc có thuyết nói: Tây Hoa quán ở Nam nhạc tức là Thái Chân

quán xưa trước, là nơi vì Tây Vương mẫu mà tạo dựng để hầu thần, mỗi lần độ các Đạo sĩ có hơn 50 người, đốt hương tu luyện cùng với dân chúng cầu phước. Mới biết các thứ Quán vũ tại Nam nhạc, bắt đầu từ thời Hoàng đế, tiếp đến thời Hạ Võ đã có vậy.

Theo Đế Kỷ nói rằng: Xưa kia ở thời Chuyên Húc, Thái Thượng giáng hiện làm Đế sư (thầy của vua) hiệu là Xích Tinh Tử, ở tại Hành Dương trao truyền cho Đế (Chuyên Húc) kinh Vi Ngôn dùng Đạo Trung thuận mà chỉ dạy, đúc đồng của Vũ sơn làm đỉnh báu. Đào bến 7 sông để nhiếp phục vạn linh, dùng Tín thuận để xét xem các thần dẫn dắt mọi vật phục dịch, chế ngự trăm khí chu toàn khắp 4 phương, nên Đức hiệu là Huyền Đế.

Theo Đế kỷ nói là: Xưa kia, Cao tân đến Chung Nam gặp thần nhân mà có được kinh 9 biến 10 hóa, dùng để ẩn mặt nhật trốn mặt nguyệt, du hành giữa muôn sao mà nói rằng: Ta ở thời Đế, phù du trong nguyên khí mà làm Nguyên Quân. Ở thời Viêm Đế làm Vũ sư nghĩa Huyền Quân, tại thời Hoàng Đế lại hiệu là Xích tùng tử. Lại theo sách Lãnh Nam Thượng Chú Sinh nói là Xích Quân, tức là Thái Hư Chân Nhân Cửu Thiên Xích Đế Quân ở tại Nam thần để ứng điềm, ở tại Huyền phủ để sống lại. Nay làm chưởng chức Nam nhạc, coi gồm tất cả vạn linh, nơi nhật nguyệt soi chiếu đến, chỗ núi sông giẫm trải qua, không gì chẳng hệ thuộc vậy. Đế đều kính lễ đó, bỗng nhiên ẩn mất, về sau ngọc tự đi đến thoát giải thay ở núi biển.

Theo "Thượng Thanh Tứ cực Minh Khoa Thần Tiên Truyện" nói là: Xích Đế Ngọc Ty Quân húy là cảnh độ, mặc y phục màu ráng tía hoa đỏ, y 9 màu phụng chương, đầu đội mão phù Thái nguyên phi thần vương, tay cầm nắm tiết 9 màu, trị vì đài Chu Dương động Thiên thái nguyên đô nữ thạnh tả cung lãnh Nam nhạc Hành sơn, Tiên quan Địa linh, binh lính hỏa tinh xích bính, nam cực cùng trời không ngăn mé, không giằng không cướp cung điện vô cùng vô cực, nắm gồm tất cả quyền của thiên chân, thảy đều lệ thuộc Xích Đế Ngọc Ty Quân, chủ mạng con người tử sinh, nhờ biết tên húy còn ở thần ấy tu hành, cứ 9 năm đặt đến thuốc cỏ thần ngọc anh bất tử, ráng đỏ may bay xuống nghinh, triệu thân mà bay vút lên. Theo Ngọc thanh đế kỷ nói là: Xưa kia vào thời Ngu Thuấn, Lão Quân xuống làm thầy hiệu là Duẫn Thọ Tử, truyền Đạo Đức kinh cho Đế Thuấn giảng nói về Đạo hiếu để, Đế dốc công thực hành khắp cùng sinh linh, bít trốn tam miếu, qua đến động đình, tuần thú đến Nam nhạc xây dựng nên quán để ngóng trông ngày dời bình báu cam lồ lên trên núi, thiết đặt trai hội tại Nam cung để cúng tế Viêm Đế, vận

mặc y phục sắc tía hoa lớn dày đẹp mà trèo đến núi cửu nghi.

Theo chân cáo nói là: Bắc Nhung Trưởng Hồ Đại Vương Hiến Đế là cao mổ của Bạch lang và chuyển hoa tía vận mặc đó khiến người trường sinh bay lên tiên cùng trời tương tất, vua Thuấn liền đượm phục đó mà thoát giải thay ở đồng trống thương ngô.

Lại nói là: Ngu Thuấn Tuần Thú Nam Nhạc đến cửu nghi gặp vị tiên nào uống thần Đan mà được giải thoát thay.

Theo Vương Thị Thần Tiên truyện nói là: Đế Thuấn giáng đến Hoàng đình quán tại núi Cửu nghi, nói cùng Nữ chân vương diệu tướng rằng: "Tinh chuyên chí Đạo là thềm cấp đến trường sinh. Tôi là Đế Thuấn, ngươi xưa trước nhọc chán muôn nước, nhân tuần thú đến Nam nhạc cúng tế Chúc dung mà ở đó. Ngươi có chí cần khổ nên lại cùng gặp đây. Đạo chẳng phụ lòng người, tu thì hẳn chứng đắc đó, huống gì là có thiên cốt ư?"

Lại nữa, Đế Nghiêu thường lấy Bình mã não vật báu của Hoàng Đế ban tặng cho Đế Thuấn, theo hướng Nam đi tuần, dời vật báu đến Nam nhạc. Võ Đế chôn giấu vật báu ở phía Tây đài Thiên Bảo, và ban sắc Địa kỳ gìn giữ đó.

Theo Tiên lục nói là: Xưa kia Võ Vương thiết trai tại Hành nhạc, cảm được Thương Thủy sứ giả trao cho Kim giản ngọc thư gồm cả thảy có 5-3 điều cốt yếu, ngầm giúp Vương sửa trị thủy, Võ Vương tạo dựng cung Thanh lãnh, kính phụng an đặt tôn tượng Ngu Thuấn, độ các Đạo sĩ xông đốt hương tu tập. Theo Mục Thiên Tử truyện thì là: Mục Vương có được xe 8 ngựa giỏi đi tuần thú, xả bỏ hơn 300 Hành cung để tạo dựng làm thành Đạo quán. Nay tại Nam nhạc có 4 đài Quán nền móng hiện còn vậy.

Tần Thỉ Hoàng mến thích Đạo, tìm phương sĩ ra đến Vân mộng, nổi trôi đến tận Động Đình, tuần thú đến Nam nhạc, trông thấy núi mà cảm thán (nay phía Bắc núi có núi Hoàng tưởng) đều thờ Thuấn Đế ở Cửu nghi, sóng gió đầy trời, nổi trôi theo sông mà xuống, vượt đến mai chữ qua Đan dương trèo đến Cối Kê, cúng tế Võ Vương ở Đông Hải, mong cầu từ phước ở Bồng Lai. Đến thời nhà Hán, vua Võ Đế theo hướng Nam đi tuần, vì Hành phụ (nhạc) xa xôi, nên dừng bước tại Hoắc sơn mà cúng tế. Ban sắc tạo dựng Vương mẫu quán tại Nam nhạc. Nay, tại phía sau ngọn núi Bích tụ còn có địa chỉ nền móng. Hoặc có thuyết nói là tạo dựng chùa nhưng không bao lâu cũng bị hư phế.

Lại nữa, Huệ Xa Tử, không biết là người thuộc dòng họ gì, tu Đạo tam bên thất diệu, cùng với Nghiêm Quân Bình làm bạn tốt lành, đã có

vài lần đi đến Tam tương, nương náu tại Nam nhạc với thời gian lâu, thoát giải thay ở núi Luyện ngọc.

Lưu Căn tiên sinh tu Đạo Đại Động Đế Nhất, rảo bước trông xem khắp bốn hướng, làm chánh trị rất có đạo đức, lúc tuổi già bèn về ngọn núi phía Đông của Nam Nhạc, luyện chân, châu tinh đẩu, đượm phục khí, cúng tế thần mà Huyền hóa.

Vương cốc Thần ba huyền diệu là Đạo sĩ ở núi tại thành phía Đông, thời Tây Hán; Thục. Từ thuở bé nhỏ mà thông minh dĩnh ngộ, chẳng ở nơi vinh hoa sủng ái, thông rành văn liệt của Lão Trang, khéo giỏi về tinh vĩ, chu du khắp các danh sơn, vượt qua kinh sử, nổi trôi tới Tiêu tương đến Nam nhạc dựng lập ăn ngon mặc đẹp vợ con đầy nhà tranh tại điện kim mẫu. Về sau tu luyện khai thức hoàn nguyên qua vài năm, khi Đạo đã thành theo hướng Đông đi khắp các nơi anh ngọc, phỏng hỏi cửu tiên, gặp được Võ Đế theo hướng Nam đi tuần. Trông thấy thần khí vượt khác hẳn mọi người mới mời gọi lại đền ẩn dưới ngọn núi phía Tây, Võ Đế ban đãi rất nồng hậu và phong Vương Cốc làm Thái vi tiên sinh, Thần Ba làm Thái tố tiên sinh, dùng Thượng khanh mà tiếp đãi đó. Sau 3 năm khống ngự Bích loa mà bay lên.

Lý Phụng Tiên là người Đông Thục. Từ thuở nhỏ chẳng hề nói năng, đến năm 18 tuổi, từng muốn sống lạnh lùng để trốn lánh các thứ tanh nồng hôi hám, có người hỏi đến thì nói là: “Biết trắng giữ đen, Đạo quý ở sự trầm mặc. Thầy của ta là Nam Nhạc công, Ta là Thái tử thổi tiêu của vua Linh Vương thời nhà Chu. Ta đã 3 đời kính phụng Đạo, mà ma luôn thử thách, do vì công đó chưa hiển trước vậy. Nay trao cho ta pháp của Chu Võng, giúp cùng bay qua Nam cung. Thầy ta là Phù Khâu Công truyền trao cho con, nay giao lại con, cho nên tinh cần, nếu lại chậm trễ ở đời này thì muôn kiếp chẳng độ được. Ta là Nam Nhạc Tư Mạng Thị Đế Thần, lại phụ giúp cho Đồng Bách Chân Nhân”. Nói xong bèn ẩn mất. Về sau hành đạo được vài năm, xua đuổi sai sử quỷ thần, dứt trừ, mọi điều hại, tạo nên mọi điều lợi, khắp cả nước nhà đều ngưỡng mộ. Về sau, vua Tuyên Đế thời nhà Hán ban chiếu mời mà chẳng đến.

Động Chân tập. Trong khoảng niên hiệu Vĩnh Quang (?) thời vua Minh Đế nhà Đông Hán, có Trương Đạo Lăng ở núi Thiên mục tại đất Ngô vân du đến Hành sơn bái yết Thanh Ngọc Đàn và Quang Thiên Đàn. Lễ bái đền thờ Chúc Dung Quân, rảo bước trông xem khắp bốn phía, bỗng nhiên đổi sắc mặt mà bảo rằng: Lạ thay núi này, dằng dặc đồng hoang sông nước, 3 triều 5 chiết dùng khoảnh phía Đông. Lớn lao

núi lạ, sau theo trước tham như khoanh tay vái chào. 5-3 vị Quân vương đều thọ Đạo tại đây. Tử Dung khí tốt bít ngăn Chu Lăng, trong 10 năm sau sẽ là khí bay, đất của Vũ Hóa, siêu việt hơn xưa, sau trôi nổi đến Động đình, ngầm đi đến Hoắc sơn mà ở Trung nhạc.

Theo Chân cáo nói là: Xưa kia trong Nhạc sơn có người học đạo là Trương Lễ Chánh và Trị Minh Kỳ. Trương Lễ Chánh vào núi khoảng cuối thời nhà Hán, ăn dùng đượm phục Hoàng tinh, nhan sắc còn đang trẻ khỏe, tuổi khoảng 40. Trị Minh Kỳ vào núi khoảng cuối thời nhà Ngụy đượm phục Bạch thật Hoàn ở Trạch tả. Hai người cùng ở trong hang núi, về sau đều thọ tây thành Vương quân, truyền cho Hồng Cảnh Đan Phương. Từ khi trở lại đượm phục loại Đan ấy rồi, trong 40 năm gặp hoạn Đan Sa nên khó chứng đắc, đều ra Quảng châu làm tang môn. Khi ấy Ất Hàm đang làm thứ sử, bèn được rộng suốt trong ngoài, khí xông vọt thân nhẹ nhàng, mỗi ngày đi 500 dặm, về sau vào núi cửu nghi.

Tôn Đăng vất bỏ vinh vị, ẩn trốn để cầu tiên đến nỗi ngủ nằm lộ bày, nhẫn chịu cóng lạnh, ăn dùng rau cỏ, trộm cầu chí Đạo, cảm được xích quân, có được keo mở ngọc sa. Lâu sau, vào cối kê. Nên xưa trước ghi là Tôn Đăng ở nơi chúc bảng lưu lại tại Hổ sơn vậy.

Ngụy phu nhân, căn cứ theo nội truyện thì húy là Hoa Tồn, tự là Hiền An, người xứ Nhâm thành, tức là Tả bộc xạ ngụy thư nữ ở thời vua Võ Đế nhà Tấn. Phu nhân là người thiên tài trác dị, nêu huyền dẫn u. Thuở thiếu thời tụng đọc Lão Trang và cả các sách xuân thu, tam truyện ngũ kinh, Bách tử, mọi sự đều ngầm xem, tánh ý mến thích thần tiên, đượm phục vị chân mến mộ Đạo. Từ thuở thiếu thời ăn dùng cơm với vừng mè lẫn viên phục linh. Nhả nạp khí dịch, nhiếp sinh thường vắng lặng, thân thích qua lại, không một liên quan gì. Thường muốn riêng ở 1 viện, riêng lập nhàn xứ. Cha mẹ tuy vui mừng điều xa lạ ấy nhưng việc chẳng thể giao thuận. Vài lần hạn chế cản bức đó, dùng nhân lễ để dạy răn. Đến năm 24 tuổi, cưỡng gả cho Thái Bảo Công Duyên Nam Dương Lưu Hựu, tự là Ấu Ngạn. Nữ lễ có hạnh, thời chẳng được vậy, đánh phải chấp thuận làm vợ nhà họ Lưu, lại chẳng đượm phục ăn dùng, mọi sự nhả nạp thảy đều phế bỏ. Nhưng tâm luôn mong cầu u linh, mở thệ cáo thề, tinh thần kín khổ, ứng hợp nương cảm, chí ý xưa trước vẫn còn chẳng khuyết. Huyền Lý trái với Đầu, đường chưa được toại, đãi cùng cháu con, thô lập kế tiếp dòng họ Lưu, từ đó phân riêng phòng nhà, lìa phòng cách giường, sâu gá ẩn ấn, trở lại tu theo điều chuộng xưa trước. Năm tháng cáo cảm, nghiên tầm Đạo đã ưu thắng. Ấu ngạn vì tu võ, khiến phu nhân dần tùy theo đó. Tuy nhà đồng trong huyện, mà cách

nhiều trùng lớp, bèn nhân lúc thanh nhàn thiết trai ở phòng thất riêng, kính cẩn tu hành Đạo pháp, nhập thất cả trăm ngày, mong cầu tiên linh, tinh cần tư duy mong cảm. Do đó vào một đêm tháng 12 tĩnh lặng, bỗng nghe có tiếng vang vọng của chuông, trống, kèn, tiêu, âm nhạc rầm rỉ, nghi là có việc chẳng thường, nên ra khỏi phòng nhà để trông xem, thì trong hư không từ phương Đông mà xuống, cờ xí lẫn lộn, lọng vũ tấp nập, bay buộc giữa khoảng mây, sáng ngời các ráng tối, tỏ rõ cả thái không, mà mọi người khác không nghe thấy. Chỉ khoảnh khắc đi đến, xe hổ kiệu ngọc, xe ẩn vòng bánh đều chóng giá đến giáng xuống nơi phòng vắng của phu nhân. Có 4 Chân nhân đều tuổi ngoài 20, dung mạo to lớn, dáng dấp tuấn tú đĩnh ngộ, trên đầu đồng đội mũ hoa sen sắc tía, vận mặc xiêm y gấm lụa, nhị ngọc giải báu, thân mang đường văn hổ, cổ có vòng sáng, tay nắm phan hoa. Trong đó, 1 người tự xưng là: "Ta là Thái Cực chân nhân an độ minh", lại người kế tiếp là: "Ta là Đông hoa Đại thần phương thỉnh thanh đồng quân". Người thứ 3 tự xưng là: "Ta là Phù tang dương cốc thần vương". Và người thứ tư xưng là: "Ta là Thanh Hư chân nhân. Nhỏ có Thiên vương vương tử đến vậy". Khi đó phu nhân lăn lóc bái lạy cúi đầu tự vo tròn mà nói rằng: "Không nghĩ tính ngày nay các Đạo quân giáng xuống. Chỉ xin thần tiên trường sinh độ đời!". 4 chân nhân mới đồng ngồi giây lâu, Vương tử đứng dậy báo cùng phu nhân rằng: "Nghe con ngày trước chuyên niệm thiện, triển chuyển cầu sinh, kín xuyên ngang chân khí, hồn hòa với thể thanh, Đan ân hoài xa vợi, ghi chữ thượng thanh, cao hợp với chân nhân, ôm giữ chữ tín mong cầu linh, ngầm cảm thông triệt, lắng soi sáng xích thành, toại với kim thư tử cực, tàng giản ở Vương đình, đức vị cao tỏa, Huyền xướng ngang giếng. Do đó, Thái Đế Quân ban bảo ta đến dạy cho con Đạo lý thần chân!" Khi đó phu nhân bèn thọ học Đạo, xong rồi đến kỳ hẹn ước, gặp tại Dương Lạc, các chân nhân lại giáng hiện, khiến phu nhân gá bệnh mà thoát thay. Vùn vụt xoay chuyển dẫn mạng đến phỏng hỏi Vương ốc thanh hư, Động thiên vâng phụng Thiên Đế quân mạng truyền ban thẻ ngọc văn vàng, đặt vị ở tử hư. Nguyên quân lạnh thượng chân ty mạng chủ, sổ sách các Đạo sĩ sống chết, nhiếp ngự 3 quan, xét kiểm hạch tội, lại thêm Nam nhạc. Phu nhân sánh so thứ lớp tiên công sửa trị Đại Hoắc sơn động đài. Bỗng chốc mà tư mạng thần tiên, xung tịch ma cô đại tiên, tá trị tỉnh Nam nhạc động thiên phước địa tiên quan, linh đàn chủ giả quan thuộc đều đến nghinh đưa phu nhân đến thượng cung thanh hư. Chỉ thời gian khoảnh khắc bèn đã đến thạch sàn tại Nam nhạc. Trông yêu khí trước núi, biết là có tinh vật gây tạo dịch bệnh,

nhân đó ghi viết Phù để khử trừ. Ngày nay ngửa trông lên Thiên thai có động Bạch long là đó vậy. Về sau, đến năm Hàm Hòa thứ 4 (329) thời Đông Tấn, vụt xoay xe xuống nghinh bay lên trời.

Tiên Truyện Thập Di Tiết Nữ Chân, không biết là người thuộc dòng họ gì. Trong thời nhà Tấn, gặp lúc tàn tệ, khắp chốn kinh ấp không được an ninh, nên những vạc hiền sĩ có Đạo phần nhiều đều đến nương náu nơi chốn núi rừng để lánh cuộc đời. Nhân ở Nam nhạc tầm kiếm chân đài, ngoài hiện bày tướng đồng trần mà trong luyện tu chí Đạo, thường cưỡi con báo trắng tới lui ở núi Kỳ-xà, chim vàng vượn trắng chẳng lìa khỏi hai bên, về sau đến núi Vân long mà thoát giải thay.

Tiên truyền Lưu Lâu Chi, tự là Tử Ký, từ thuở thiếu thời mến chuộng tố chất, khiêm hòa ít muốn, chẳng tu chỉnh oai nghi tiết tháo, mọi người chẳng thể lường biết đó. Ưa thích rảo bước chốn núi hang, chí ý muốn ẩn dật. Nhân đi hái thuốc, đến Hành nhạc, vào trong sâu xa, quên cả trở về thấy 1 khe nước, ở phía Nam khe nước có 2 Thạch khuân (vựa đá), 1 vựa mở, 1 vựa đóng, nước sâu ngút chẳng thể qua đến, muốn xoay trở lại thì lạc mất đường, gặp người đi hái củi, liền dò hỏi bến, người ấy kính cẩn đưa dẫn về nhà, nói là trong vựa ấy toàn là thượng được tiên phương, các thứ quý báu kỳ lạ lắm nhiều. Lâu chi bèn trở lại tìm, thì đã mất hẳn nơi chốn.

Liễu Nhiên Tử, người xứ Liêu Đông, không rõ bày tên họ là gì. Nhân đi đến 24 trị ở Tây Thục, sau vào ở núi Thái Bạch, phàm những lúc vào ra, Hổ báo thường luôn nhiễu theo, cũng không biết tu theo pháp gì. Sau lại đi đến Tam sở chỉ hơn trăm năm, có các bạn lành thân thiện như là Ngô Mạnh, Lục Tĩnh Tu, Quách Phác, Tạ Linh Vận, Tăng sĩ Huệ Viễn v.v... trước sau nối tiếp nhau. Sưu Lượng thường sư đến mà nói rằng: Tiên sinh trông xem các bậc Hiền giả có thể thoát khỏi đời ô trược ư? Liễu Nhiên Tử bảo rằng: “Công thì có cạn sâu, Đạo thì chỉ 1. Tuy mỗi có được chỉ thú nhưng chưa thể như Liễu nhiên”. Lại hỏi rằng: “Tiên sinh như thế nào?” Đáp rằng: “Ông qua khỏi tháng này mà trở lại thì sẽ vì ông nói”. Sau đó chưa qua khỏi tháng thì sưu lượng qua đời. Tiên sinh từ Tây sơn phỏng tìm đến Nam nhạc bái yết Thanh ngọc đài và Bạch bích đài, sau đó đến trước động, vào cửa động phỏng hỏi xướng lợi tiên sinh, uống quá vài ngày mà lý tiền đến Thục sơn, tiên sinh trở lại ẩn ở Động trước. Đến thời nhà Tống, có cao Tăng Tông Bính phỏng tìm mà chẳng gặp.

Tiên truyền Đặng Dục Chi, tự là Ngạn Đạt, ở ẩn tại động Linh Đài; Nam nhạc, ban đêm trì tụng Đại đông kinh thượng cảm, Ngụy phu

nhân giáng hiện xuống bảo Dục Chi rằng: “Ông có Tiên Phần đặc biệt lại cùng phỏng tìm đây”. 1 ngày nọ bỗng thấy 3 con chim sắc xanh hình dáng như Hạc đến bay liệng cổ vũ kêu hót, qua cả giờ mới đi. Dục Chi bảo cùng đệ tử rằng: “Chim xanh đã đến, tức hội chầu đã đến vậy” bèn giải hóa (qua đời).

Cao Tăng Tông Bính ở thời nhà Tống, tự là Thiếu Van, khéo giỏi viết chép, người xứ Nam Dương, tánh tình ưa thích ở chốn núi sông. Giẫm trải qua kinh vu theo hướng Nam lên Hành nhạc, nhân lập am ở tại Hành sơn. Lâu sau vì tật bệnh, bèn trở về lại Giang Lăng mà tự than rằng: “Lão bệnh đều đến Danh sơn, sợ khó đi cùng khắp! Phải lắng lòng quán Đạo, nằm mà đi vậy”. Phàm những nơi đã giẫm trải qua đều họa vẽ lại nơi tường vách, ngồi nằm mà dò xét đó.

Ở thời Bắc Tề có Ngô Đạo Vinh. Từ thuở bé nhỏ mà ít nói không thông rành văn tự, thường ưa riêng ở 1 mình. Nhân đi đến Nam nhạc, gặp được Xích Quân trao cho phù thủy cấm chú, số của Vĩ Hầu không gì chẳng gồm đủ, thường đến cửa Liêu Dương, có hổ đi ngựa đứng cách hơn 10 bộ, mọi người đều kinh sợ bỏ chạy. Đạo Vinh từ từ dùng gậy họa vẽ nơi đất thành hầm hố lớn, Hổ bèn bỏ đi.

Chữ Bá Ngọc, tự là Nguyên Cừ, người xứ Tiền Đường; Ngô quận, ở ẩn tại núi Bạo bố; Nam nhạc, khéo thông rành các thuật giải, xem xét sâu về Đồ bí, hái luyện nạp ngự, không gì chẳng làm, vua Cao tổ thời nhà Tề ban chiếu lấy 1 quận ở Ngô Hội để dùng lễ cấp ban. Lại lấy cớ bệnh mà khước từ, bỗng chốc mà qua đời, người chủ đều hối hận, mới ban chiếu xuống dưới núi Bạo bố dựng lập Thái bình quán. Vì Bá Ngọc ưa thích tụng kinh Thái Bình và kiêm tu Đạo ấy nên lấy đó mà đặt tên Đạo quán. Lại giá tự nhiên ở đó đốt hương tu luyện, gặp được Nam Nhạc Chân Nhân Trần Hiếu Vi; tự là Tử Minh, mà kính lễ đó. Chân nhân bảo rằng: “Pháp của con tu Ta đây có biết vậy, sắp có Cao nhân, hẳn turyền cho Diệu chỉ”. Về sau gặp được thanh thành trượng nhân giáng hiện đến nơi phòng thất, trao truyền cho 91 bí quyết tiên bay. Giữa lúc ban ngày tự nhiên cử vọt lên nhẹ.

Câu Tiên Cô, người xứ Trường sa, sau khi nhập Đạo, ở tại Hành sơn, tuổi ngoài 80 mà dung mạo rất trẻ khỏe. Đến ở nơi Đàn Ngụy Phu nhân, tình tu hương hỏa hơn 10 năm, trọn không bè bạn, bên cạnh Đàn có lắm nhiều hổ. Mọi người đi thì phải kết bạn cầm nắm các khí cụ mà vào. Trong thời gian Tiên Cô an ẩn, chẳng từng thấy khiếp sợ, đỉnh đầu sắc hồng, đuôi đài, bay đến chỗ Tiên Cô ở mà tự nói rằng: “Ta là kẻ sứ của Nam nhạc phu nhân. Vì Cô tu Đạo tinh khổ riêng ở nơi chốn núi

rừng sâu cùng, nên bảo ta đến vì làm bạn". Ngày khác, chim lại bảo rằng: "Vương Mẫu dòng họ Câu, là Tổ của Tiên Cô vậy, chỉ vì thời kỳ chưa đến, nên gắng mà tu luyện vậy". Mỗi lúc có người đến núi, chim xanh thảy đều dự báo nói cho rõ biết dòng họ tên tự của người đó. Lại bảo rằng: "Họ Câu ở Hà Nam là chốn núi xưa cũ của Vương Mẫu tu Đạo vậy". Một ngày nọ, chim xanh bay lại báo rằng: "Đêm nay có sự hung bạo làm hại, nhưng chớ vì vậy mà khiếp sợ". Đêm đó quả nhiên có hơn 10 Tăng sĩ đến phá hủy Đàn tiên Ngụy phu nhân, là 1 tảng đá lớn vuông rộng hơn 1 trượng, phía dưới nhỏ nhọn nổi cắm trên tảng đá khác, thường lúc 2 người xô đẩy thì lay động, còn nhiều người xô đẩy thì cứng chắc mà đứng. Đêm đó các Tăng sĩ mang lửa cầm nắm dao sắm muốn hại người Tiên Cô ở thất đó. Tiên Cô nằm ở trên sàn mà các Tăng sĩ không thấy. Các Tăng sĩ đã ra khỏi cửa, liền xô đẩy phá hoại Đàn Tiên, rầm rĩ vang động, núi nong lay lắc, hang cốc rách xé, cho là đã bị sụp đổ, nhưng chẳng mảy may lay động. Các Tăng sĩ cũng dẫn nhau kéo chạy. Đến lúc trời sáng, có người chạy đến thôn xa. Cả 10 người phân tán, trong đó hết 9 Tăng sĩ bị hổ làm hại, chỉ có 1 người chẳng cùng xô đẩy Đàn Tiên nên được thoát khỏi. Hơn năm sau, chim xanh lại đến báo cùng Tiên Cô dời đến ở nơi khác. Nhân đó Tiên Cô dời đến ở Tương Nam, chim cũng liền theo đến. Mà người khác chưa từng gặp nói đó. Trịnh Điền tự thừa chỉ Học sĩ tả dời đến Ngô Châu, bắt chước tôn thờ nơi Tiên Cô. Tiên Cô bảo cùng Trịnh Điền rằng: "Từ nay trở về sau khắp 4 biển có lắm nạn, không thể sống ở lâu dài. Tôi sắp ẩn tại núi Cửu Nghi vậy". Một ngày nọ bèn đi ra nhóm tập ở tường thành.

Thời nhà Lương, có Cao tăng Đại sư Hải Ấn, mới đầu ở tại chỗ cao nhất của Hành sơn, tính về niên Đại thì khoảng trước niên hiệu Thiên giám (502-520) đến Đại Đồng (535-546) thời Nam Lương, nên cùng tương tiếp với Tổ sư Đạt Ma, và đồng thời với Khả Công (Huệ Khả) chung sống. Đó gọi là Đạo Tràng Thiện Quả vậy. Sư Hải Ấn an ở tọa tĩnh thiền định, có hơn trăm thứ nhiễu loạn, mà chí ý vẫn như mới đầu. Trải qua vài năm cảm động đến đất trời, hoặc có dòng nước mới tự đến, hoặc có các tặng phẩm vận chuyển từ sâu xa, xua đuổi hổ rắn chạy xa, các bậc hiền quý cảnh mộ cùng đến. Đến đầu niên hiệu Quang thiên (?)(1) thời nhà Tần, có Hòa thượng Huệ Tư mới từ Bắc lại, đến chỗ Đại sư, hân hoan khế hợp. Từ đó riêng dựng lập am xá trên cầu đá. Cao ở phía nam, nên gọi là Nam đài. Trước kia cỏ dại Tây Tần lớn thành rừng, chướng khí ùn tỏa thành sương mốc, hổ gấu kêu réo, quỷ mị tung hoành. Từ khi có Đại sư đến ở thì tự nhiên An Lạc. Nếu chẳng là tiết

tháo tinh thần cao vợi thì ai có thể trấn phục được như vậy ư? Mới đầu thì che chở kinh tượng, sau cùng thì tạo thành điện, đường, chùa, viện. Hoặc kho lẫm cao lớn đựng đầy thóc gạo, dần thí ban cho những người mang vác, hoặc là đá lớn mài hương, chuyển dời tạo hóa, vết tích hiện bày rõ ràng vậy. Lại nữa, bên cạnh đài có phòng nhà 500 vị A-la-hán. Đến nay nghiệm xét, nền móng ấy vẫn hiện còn. Hoặc có thuyết nói: Bậc siêu nhiên lãnh dẫn chúng đi, vết xe đi ruống lúa dứt tuyệt chẳng trở lại, bèn vì ẩn hóa. Sau lại có người đến tìm cầu, có lúc nghe có tiếng chuông vang vọng. Than ôi! Thần công của biến hóa, tướng của hiện thấy chẳng thể lường được vậy! Về sau, đến thời tiền Đường có Thiền sư Thạch Đầu Hy vận truyền pháp hưng thạnh trùm khắp phương Nam trước thuật thảo am ca tham tầm đồng bạn, đến nay vẫn hiện còn.

Trong khoảng niên hiệu Thiên Giám (502-520) thời Nam Lương, có Cao tăng Hy Tuần là bậc tinh tu phạm hạnh, thầm tụng giáo điển, ẩn ở tòng lâm người thời bấy giờ chẳng thể lường biết. Nhân An cư kiết Hạ tại Thiên Thai, gặp Tôn giả Huệ Hải, sớm tối chuyên việc phụng thờ chưa từng biếng trễ. Đến lúc Hy Tuần muốn giả từ ra đi, nên xin cùng Thầy Huệ Hải. Tôn giả Huệ Hải bảo rằng: “Ông, giới hạnh không khuyết thiếu, chỉ vì tụng kinh tiếng tăm ồn náo trong chúng. Ta hứa cho ông cùng gặp ở tại chùa Phương Quảng ở Nam nhạc sau này vậy”. Biết thầy là bậc có khả năng thông hiểu tâm mình thật là người khác thường vậy. Kịp tới lúc Hy Tuần đến Nam nhạc tìm hỏi chùa ấy. Các bậc Lão thành từ xa gần bảo là: “Các chùa trong núi đây không có chùa nào tên là Phương Quảng Hy Tuần cho là bậc chí nhân nói lời thật đâu có thể khi dối ta ư? Mới giẫm trải khắp cùng các hang cốc, mong cầu trông thấy Đạo tràng. Một ngày nọ bỗng ở giữa khoảng 72 ngọn núi gặp một ngôi tinh xá hiệu là Phương Quảng, đất ở đó bằng phẳng, suối Linh giao dòng, quỷ thần vận chuyển lương thực đến, trâu vàng cưỡi chở, bỗng chốc thấy Tôn giả Huệ Hải bảo rằng: “Sao người đến chậm vậy?” Hy Tuần tán thán đảnh lễ. Tôn giả Huệ Hải bảo rằng: “Đây là nơi Đạo tràng của 500 Tôn giả, ông chưa thể ở đây được, ông nên đến đỉnh núi ở phía Tây bắc”. Mới lưu ở tại đó 1 đêm mà đi. Hy Tuần bèn y theo lời Tôn giả Huệ Hải kết lập am viện tại đó. Đến năm Đại Thông thứ 6 (532) thời Nam Lương, bèn xây dựng chùa Phương Quảng tại nền móng am viện đó.

Trong thời nhà Tần, có cao Tăng Đại Hòa thượng Tư, húy là Huệ Tư, vốn dòng họ Lý, người xứ Võ Tân, vừa mới sinh mà tướng tốt hiện bày, nhục kế nổi trội trên đỉnh đầu, trội vượt hơn hẳn các tướng, tự

chứng đắc đạo lý chẳng nói bày, gá tu tịnh Phạm mà chứng Viên giác, thường bảo cùng Đồ chúng rằng: “Ta đi sang phía Nam Hành sơn vậy”. Nhân đó mà từ núi Đại Tô đi đến. Thời vận nhà Lương ngắn ngủi, cõi đất phương Nam luôn lộn xộn. Qua vài năm mới đến được Nam nhạc, trông xem khắp 4 phía, sai lại đến nơi cội ngô đồng. Trên sườn núi có tảng cứng lớn như đài, Huệ Tư bảo cùng đồ chúng rằng: “Xưa trước tôi ở tại nơi đây tu tập, đến nay đã có 3 đời kiếp. Ước tính về khoảng đất lấp sâu cạn đều có hài cốt vậy, đến nay có tảng đá đây cùng biết. Và nay, tôi ngụ ở tại đây 10 năm nữa”. Nhân đó mà tạo dựng Bát Nhã đài để ở, thiếu nước thì Đại sư dùng gậy gõ vào sườn núi tự nhiên suối nước tuông chảy, đến lúc đồ chúng càng đông nhiều lại không thể cung cấp, lại cảm có 2 hang hổ bay đá khỏi dòng vận nước như thần. Nhân 1 ngày nọ, Đại sư Huệ Tư bảo cùng môn nhân đồ chúng rằng: “Kỳ hạn 10 năm đã đến vậy. Ta đem giáo pháp trao truyền và đi đây”. Lúc đó là ngày 22 tháng 06 năm Thái Kiến thứ 09 (577) thời nhà Trần, Đại sư Huệ tư nghiểm nhiên thâu thần thị tịch. Có đệ tử Linh Biện giằng lòng cảm tuyệt. Bỗng nhiên Đại sư bảo rằng: “Cớ sao phải nghĩ nhớ ta đến nỗi như thế?” Lại vì giảng nói pháp. Nói xong, Đại sư lại tịch diệt, hưởng thọ 64 tuổi. Tính lại mới đầu từ năm Quang Thái thứ nhất tức năm Bính Tuất (566) đến đây là năm Bính thân (576) Đại sư tịch diệt, quả đúng 10 năm vậy(1). Về sau, đến thời tiền Đường (Đại sư Huệ Tư) lại hóa làm vị Tăng tên là Viên Trạch cùng vị Tăng họ tên là Lý Nguyên đồng đi đến bến sông phía Nam kinh hạp. Viên Trạch nói cùng Lý Nguyên rằng: “Ta đến nhà người con gái dòng họ Vương Đầu thai làm con, cảm phiền ông lo việc hậu sự cho ta, hẹn 13 năm sau sẽ gặp lại phía ngoài chùa Thiên Trúc ở Hàng Châu”. Quả nhiên Viên Trạch thị tịch, mọi việc hoàn tất, về sau Lý Nguyên trở lại nơi ước hẹn, từ đất Lạc đến đất Ngô, nghe dây sắn đu đưa trên bờ sông có Đồng tử gõ sừng trâu mà ngâm ca rằng:

“Ba đời trên đá tinh hồn cũ
Thưởng trăng ngâm gió chẳng đủ bàn
Xấu hổ tình người xa cùng hỏi
Thân này tuy khác, tánh thường còn”.

Lý Nguyên bèn kêu hỏi: “Trạch Công khỏe mạnh chăng?”. Đồng tử cưỡi trâu đáp rằng: “Lý Công thật bậc sĩ giữ chữ tín! Nhưng duyên trần tục chưa hết, lại nên tu tiến mới có thể cùng gặp”. Lại ngâm ca rằng:

“Thân trước thân sau việc vội vàng

Muốn nói nhân duyên sợ rách lòng
Núi sông Ngô Việt tìm đã khắp
Tới lui sóng khói lên cù Đường!"

Trong niên hiệu Đại nghiệp thời nhà Tùy (605-617), có Cao tăng húy là Đại Minh, người xứ Ngô quận, dòng họ Chu; thật ra dòng tộc Hồng ở Giang Biểu. Tánh lượng bao quát núi sông, chí ý bền chắc như vàng đá, tài cao riêng ưu tú. Học nghiệp thông rành nghe rất nhiều. Lúc vua Dương Đế (Dương Quảng) đang ở đất phiên thỉnh mời vào Đạo tràng Tuệ Nhật. Đến năm Đại Nghiệp thứ 12 (616) thời nhà Tùy, ban sắc Pháp sư đến Nam nhạc nơi chốn Hiểu Giảo, tạo dựng tôn tượng Đức Phật Vô Lượng Thọ cao 36 thước, và 2 tôn tượng Bồ-tát, Phục hưng lại Long. . . (phần văn dưới khuyết!).

NAM NHẠC TỔNG THẮNG TẬP
QUYỂN THƯỢNG
(HẾT)

■

NAM NHẠC TỔNG THẮNG TẬP

QUYỂN TRUNG

1. LẦN LƯỢC NÓI VỀ CÁC ĐẠO QUÁN VÀ CHÙA PHẬT

**** Chân Quân quán.***

Chân Quân quán tức từ Thuyên đức quán về phía Đông cách 50 bộ, tức là Quán của Cửu thiên nam thượng tử quang khách hoa xích đế thái hư chú sinh Chân quân. Vốn đó là Chân quân miếu tại các cửa trong đền thờ nhạc.

Trong khoảng niên hiệu Khai Nguyên (713-742) thời tiền Đường. Tư Mã Thừa Trinh tấu trình nói rằng: “Các Động Thiên ở Ngũ nhạc mỗi mỗi đều có Thượng Chân quản trị, không thể thiết bày các thứ máu huyết đồng cúng tế thần”. Thánh chỉ vui mừng sáng lập thanh cung, phàm đến ngàn Lập hạ, trước nên thiết trai thanh khiết, ban sắc quan tước các châu đến tế ở Quán ấy và độ 50 Đạo sĩ đốt hương tu luyện. Năm Khai Nguyên thứ 5 (717) thời tiền Đường, Minh Hoàng Chế Kinh Ngũ Linh nói rằng: “Giúp quản trị gồm có 9 người, theo quan lại phải hơn 300 người, giúp phòng vệ nha quan có 300 người, đến chỗ đất vì nước nhà cầu chân thỉnh phước”. Theo “Thượng Chân ký” nói là: “Thái Hứ Chân Nhân Lãnh Nam thượng Ty mạng tức Xích Đế vậy”.

- Tiềm sơn Ngụy quân (xung) làm Phó trị
- Hoắc sơn Hàng quân (chúng) làm Tá trị
- Hoắc Lâm sơn Hứa quân (ánh)
- Đan Hoắc sơn Chu quân (tử Dương)
- Kim Hoa sơn Hoàng quân (sơ Bình)
- Nam Hoắc sơn Trịnh quân (Ẩn)
- Thiên Trụ sơn Nguyễn quân (Ngạo)
- Tử Hư Nguyên quân Ngụy phu nhân (Hoa tồn)
- Xung tịch nguyên quân ma cô.

Bên Hữu đều là ty của Quân Tá Mạng, đất của Ngô, Việt, Sở, Thục phải do bản ty coi xét. Đến torng niên hiệu Thuần Hóa (990-995)

thời Bắc Tống mới cải đổi là Chân Quân quán. Đến trong niên hiệu Đại trung tường phù (1008-1017) thời Bắc Tống, vua Chân Tông (Triệu Hằng) ban sắc bản ngạch của Quán. Xưa trước, năm Khai Nguyên thứ 6 (718) thời tiền Đường, Thượng đế giáng ban Chân Quân. Một mình chĩa ngọc xua đuổi Tà tướng trạng như kiếm, dài 3 thước, rộng 4 tấc. Ngọc văn như ráng mây, thẳng ngay nhỏ nhiệm như kiếm bén. 1 Đạo Ngọc sách dài hơn 1 thước, rộng 6 tấc, có Triệu văn viết rằng: "Ngọc sách của Đạo Quân". Có 2 ấn văn ghi là: "Ấn của Tam Thiên Thái Thượng" đều khắc lối Văn Triệu. Hoặc có người nói Bản ngọc sách xưa trước đắp ở cánh tay Chân Quân. Dùng gỗ đàn hương khắc chạm để lưu truyền đời sau. Có 1 chiếc ấn ngọc vuông rộng 5 tấc có 8 góc, viết rằng: "Chú sinh Chân Quân ngọc ấn" cũng viết theo lối văn Triệu, nay đều hiện còn. Hoặc có thuyết nói là: Đó là Triệu văn của Tư Mã Thiên sư vậy. Triều đình ngày nay giáng đến Hỏa linh ở 1 đỉnh đầu, dùng vàng lót để nghiêm sức. Tiềm Chân Quân và Hoắc Chân Quân, Ngọc Quân nhai 2 mặt đều có. Trong triều đại Bắc Tống, các vua Thái Tông (Triệu Quýnh 976-998), Chân Tông (Triệu Hằng 998-1023) và Nhân Tông (Triệu Trinh 1023-10474) Ba Thánh ngự thư sắc vàng vẫn hiện còn. Tháng 3 năm Đại Quán thứ 2 (1108) thời Bắc Tống, vâng phụng sắc chỉ tạo dựng điện Nguyên Thần, tức là điện Tập Phước tại trong Quán, phía trước có cửa Ngọc thanh kim khuyết. Mỗi năm vào dịp tháng 6 sinh thần, và 2 dịp cúng tế mùa xuân mùa hạ đều từ kinh đô giáng ngự danh từ biểu thị đến đó để cúng tế. Mỗi lúc đốt ngự hương 6 lượt 2 lần cầu chúc Thánh thọ, ân ban 1 Đạo tử y. Thật là nơi cầu phước của nước nhà vậy. Nêu Giang Lăng Quân có lưu lại bài thơ đề về Chân Quân quán, toàn bài là:

"Điện kín cao vợi, tía khoảng không
Động tiên sâu lắng các Chân Quân
Lúc lông sương xuống Chu Lăng Hạc
Thê vàng còn xét nét bút xưa
Gió phẩy đàn ngọc diềm tha thước
Mây về non tím kiệu vụt bay
Khói trúc giăng lười trăng gói trọn
Một luồng suối lạnh súc bích cừ".

Tại Chân Quân quán có 6 văn bia:

- Chú sinh Chân Quân bia (năm Khai Nguyên thứ 20 (732) thời tiền Đường, do Hàng Châu Tư Mã Triệu Di soạn, Tiêu Thành ghi).
- Di Kiến Hoàng Đế Bản Mọng bia (tháng 3 năm Đại Quán thứ 2

(1108), Thông Trực Lang Quyền Đàm Châu Thông Phán Kiêm Quân Châu Sự Triệu Khiên soạn văn và ghi viết dựng lập.

- Ngự chế Hoa Đạo văn
- Tống Tuyên Hiếu Thi
- Triều Hiền Tống Đan Đại sư Thi Thạch
- Nam nhạc tạp thi.

**** Hành Nhạc quán.***

Hành Nhạc quán tại dưới phía Nam núi Tử cái, ở trước núi tử tiêu. Năm Thái Khang thứ 8 (287) thời Tây Tấn, có người đất Ngô là Từ Linh Kỳ, Tân Dã tiên sinh Đặng Úc Chi khai quật nền móng điện Vương Mẫu xưa cũ mà tạo dựng. Trong niên hiệu Nguyên Gia (Vĩnh Gia 307-313) thời Tây Tấn, Hoài Đế (Tư Mã Sí) ban sắc biển ngạch là Hoa Tẩu Quán. Đến thời nhà lương lại cải đổi là Cửu Châu Quán. Nên Trương Tá Nghiêu có bài thơ đại khái là:

"Đời Tấn gọi Hoa Tẩu
Đời Lương kêu Cửu Chân
Cửa cung từng đổi ngạch
Cửa động chẳng dời xuân"

Là ấy vậy. Người trú trì tức Chu Tỉnh Chân là thầy của vua Võ Đế (?). lòng vua mong cầu thượng thiện nên luôn thân gần đi quanh phòng vàng bái yết Nguyên Đô ấy. Như Hiên Hậu đến kính bái Không Đồng, Hán Hoàng tham lễ Hà Thượng, khác đời mà đồng thời vậy. Vâng phục sắc ban trang điền gồm 300 hộ dân để sung lo có nghiệp. Đến năm Đại Nghiệp thứ 8 (612) thời nhà Tùy, cho đến đời vua Cao Tổ (Lý Uyên) thời tiền Đường, ban chiếu thỉnh mời 2 Pháp sư Thái Pháp Thọ và Lý Pháp Siêu đến làm chủ quán và lo việc đốt hương tu luyện, mở mang hoằng truyền giáo pháp, tất cả mọi thứ ruộng lúa kho phủ mọi vật v.v... ở Hàng châu đều cung cấp vào Quán để làm vật dụng. Đến năm Trinh Quán thứ 2 (628) thời tiền Đường, vua Thái Tông (Lý Thế Dân) lại viết biển ngạch, ban chiếu mời Trương Huệ Minh Thiên sư độ 49 vị Đạo sĩ để lo việc đốt hương tu luyện. Đến năm Hoằng Đạo thứ 2 (684) thời tiền Đường, vua Cao Tông (Lý Trị) lại ban sắc chiếu mời Diệp Pháp Thiện Thiên Sư, và phong vức địa phương chung quanh Nam nhạc trong khoảng 40 dặm đều sung vào Quán, làm xứ đất Trường sinh, cấm không được chặt phá hái củi, săn bắn muôn thú, giao vào Long Hiến tốt đẹp khuôn phép thường lệ. Từ trong niên hiệu Khai Hoàng (581-601) thời nhà Tùy, lại đã cải đổi là Hành Nhạc quán, về sau gặp binh lửa hủy

hoại. Đến đầu niên hiệu Thiên Hựu (904-907) thời tiền Đường, Phủ Chúa Lệnh Công lại tạo dựng lại đó. Đến trong thời Bắc Tống, các vua Thái Tông (Triệu Quýnh 976-998), cả 3 Thánh ngự thư nhuần nhã văn bia bằng vàng báu. Mỗi lúc xông đốt ngự hương cầu chúc Thánh thọ, cũng là nơi cầu phước của nước nhà. vua Chân Tông (Triệu Hằng) ban sắc sai Xung Tĩnh Thiên sư Đan Duy Nhạc đến trú trì, đề cử nhạc môn cung quán, kiêm lo việc hương hỏa. Về sau vâng phụng sắc chỉ cải đổi làm Giáp ất, bắt đầu từ đó. Nên Tể tướng Vương Khâm tiễn đưa Đan Đại sư về núi có làm bài thơ rằng:

"Ngọc thư vụt ngự giáng Thần châu
Lầu quán đài son chọn Đạo lưu
Hang cốc khó giấu tánh vượn hạc
Ngâm nghĩ trọn nhớ nước mây sâu.
Chiều hẹn vượt tuyết đến Tiêu tương
Hái thuốc men khe nương thuyền nhỏ
Chợt đến đất Sở nhớ tình quê
Mười năm người vật nửa nổi chìm".

Đến năm Tuyên Hòa thứ 6 (1124) thời Bắc Tống, lại y chuẩn ban sắc tạo dựng điện Hạo Thiên, đổi sắc Hành Nhạc là Thuyên Đức Quán. Từ năm Tuyên Hòa thứ 3 (1121) thời Bắc Tống được sắc chỉ miễn thâu 2 loại thuế của Đạo nghiệp. Đến trong niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, Thái Thượng Hoàng Đế (Cao Tông - Triệu Cầu) ban sắc ngự thư "Hoàng Đình Nội Cảnh kinh" 1 quyển, pháp thiếp (Diệp) 9 quyển. Tại quán, ở trong Bạch Vân đường có an trí tôn tượng Bảo sinh thiên tôn bằng đồng. Trong niên hiệu Hàm Hanh thời nhà Tấn (?), chú đúc Điền Lương Dật tiên sinh ở Ngự thư các tại Vô Cực đường, Lưu Quảng Thành tiên sinh ở Giáng Chân đường. Châu Đường lâu trông xem các đổ dòng nước quanh hiên. Trước Quán về nách phía tả cách 200 bộ, trên đỉnh Long sơn có nơi Mao Sĩ Hải người xứ đất thục sống vào thời nhà Đường nhà Tống đắc Đạo. Phía sau quán, trên chùa sơn xưa trước có am của Duẫn Chân Nhân, Đàn chầu thiên kính lễ tinh Đẩu, Đình Giá Hạc. Chân Nhân vốn dòng họ Duẫn, húy là Đạo Toàn, người xứ Thiên thủy, tu theo Đạo của Động Chân Hoàn Thần, mang phù Ngũ đế lục giáp tả hữu linh phi. Thiên tiên giáng đến mà bảo cùng rằng: "Người bay lên phải có tài quý và sau mới thành Đạo đó. Xưa kia vua Võ Đế thời nhà Hán thâu gồm thọ nhận 12 Linh phi của kim mẫu và Ngũ nhạc chân đồ hình mới được thoát giải thay, mà chưa thể khiến hình cốt đều cùng bay. Nay ông có được 1 mà có ước mong bay lên trời,

há chẳng do tích công có phần xưa trước mà được gặp ư?". Đạo Toàn nói rằng: "Tôi học cạn chưa từng được nghe, xin chỉ bày cho biết tiêu mục của 12 sự". Thiên Chân bảo: "12 sự là:

- Một là phù của Ngũ Đế lục giáp tả hữu linh phi
- Hai là văn của Thái nhất hỗn độn Đông mông
- Ba là phù của Bính Đinh nhập hỏa cửu xích bang
- Bốn là văn lục của Thái âm lục đinh thông chân độn linh ngọc nữ
- Năm là sách của Lục Mậu thái dương chiêu chân thiên quang sách tinh
- Sáu là quyết của Lục Tỵ thạch tinh kim quang tàng cảnh lục hình
- Bảy là luật của Lục Canh tố chiêu nhiếp đầu
- Tám là pháp của Lục Tân trí hoàng thủy nguyệt hoa
- Chín là Tám thuật Nhâm quý lục độn ẩn địa
- Mười là Tý ngọ mão dậu 8 bẩm 10 quyết 6 hư oai nghi.
- Mười một là Sửu dần tuất mùi Địa chân khúc tố quyết tử 3-5 thuận hành
- Mười hai là Dần tỵ thân hợi tử độ viêm quang nội thị trung ương.

Và Ngũ nhạc chân hình đó là:

- Một là Ngũ nhạc sơn phù an trấn phương nhạc, hịch chiêu vạn linh thái thượng chân văn.
- Hai là Ngũ nhạc sơn chích, thần tiên giẫm xéo xoay đảo cảnh cúi nhìn núi sông, tả về hình thế khúc chiếc cuộn bàn mỏng nhạt nơi đất.
- Ba là Ngũ nhạc sơn hình, tức lấy nơi chỗ đỉnh núi tròn cao vút có các động thất, nơi sản sinh các loại cỏ linh chi thần, số lượng cao thấp thước trượng đẳng cấp, hạn định Đông Tây Nam Bắc làng nhà.
- Bốn là Ngũ nhạc sơn cốt tức lấy chỗ phân cành nhánh hình tượng cốt thể, nơi sinh khởi trên thì pháp tinh văn dưới thì chủ nhân sự.
- Năm là Đồ hình của Ngũ nhạc sơn thủy huyệt quán, tức lấy chỗ xuất sinh dịch suối, nơi ẩn tàng vật báu vàng bạc, nơi mạch đất lưu thông mà làm Đồ hình.

Chủ Phù đồ lại binh quan phụ thuộc mỗi mỗi có vài vạn người. Ngũ nhạc bao gồm 360 núi lớn, 1.200 núi nhỏ, đều liệt bày tiên tào chức tể có thể gọi là đông nhiều vậy. vua Võ Đế tuy được pháp đó mà không có khả năng chuyên tinh hành giới, chung cùng vui võ ham binh tự phá hủy phước đó nên chẳng được đồng công như Hoàng đế. Nay ông gặp

đây mới biết là con cháu của văn thỉ, thuộc tông tộc của Thái hòa, ở đời chỉ có người này vậy. Ta sẽ cùng ông mong lên cửu thanh vào trong Thái hư vậy!" nói xong Thiên Chân bèn đi.

Đến ngày mồng 09 tháng 03 năm Vĩnh Gia thứ nhất (307) thời vua Hoài Đế (Tư Mã Sí) nhà Tây Tấn, bỗng nhiên có mây trắng nổi hiện trong phòng thất của Đạo Toàn chân nhân, suốt 3 ngày không tan. Đến lúc đã tan, vào trong xem, không thấy chân nhân đâu cả, chỉ nghe có mùi hương xông ướp vào người. Đến năm Trạng Hòa thứ nhất (1118) thời Bắc Tống, Huy Tông Hoàng đế (Triệu Cát) ban sắc hiệu là "Thông chân quán Diệu chân nhân". Tri Đàm Châu Trương Mậu Tông có lưu lại bài thơ đề về "Hành nhạc quán" là:

"Núi Linh nhạc trước đến Quán xưa
Trong đây đâu khác cung nhị châu
Năm mây tiên khách hình đều khác
Mười động khói hoa cảnh chẳng đồng
Luyện thuốc lò hương khí vàng đá
Đàn tế tinh lạnh gió lay nấm
Nhân nghe Đại đạo tu chân quyết
Thước tấc ba thanh đường có thể lên".

Tại Quán Hành Nhạc có 6 văn bia:

- Cửu Châu Quán ký (do Vương Tiêu Vĩ ở Tương Đông thời nhà Lương soạn thuật).
- Bia Hà Tôn Sư đắc Đạo (do Hàng Châu Thái Thú Tô Vụ Liên soạn thuật thời tiền Đường).
- Bia Quảng Thành Tiên sinh thần đạo (do Hàng Lâm Thừa Chỉ Tiêu Nghiệp soạn thuật, Thái tử Thiếu Phó Trí Sĩ Lô Phan ghi).
- Ẩn Chân Khản Điền tiên sinh ký.
- Quảng Thành tiên sinh nội truyện (do Lại Bộ Thị Lang Triệu Lỗ soạn thuật).
- Trung Thư Xá Nhân Vương Hựu tặng Đạo sĩ Suất Tử Thi (do Đông Pha Cư sĩ Tô Thức làm bài ký và ghi).

**** Chùa Thắng Nghiệp.***

Chùa Thắng Nghiệp tại nách phía Đông của miếu. Xưa kia gọi là chùa Thánh Dung. Hoặc có thuyết nói là: Thời nhà Hạ, Võ Đế xây dựng cung Thanh lãnh để kính phụng an trí tôn tượng Ngu Thuấn (Thánh Dung tức là Thánh tượng vậy). Đến thời vua Võ Tông (Lý Viêm 841-847) thời tiền Đường, bèn phá hủy. Mã thị y cứ có Hồ Tương có chưởng cáo, phu nhân Dương Tử Oánh cúng thí tiền xây dựng lại, cải đổi làm

thành chùa Báo Quốc. Theo “.... ký” nói là: Đó là cung xưa cũ của thời Hạ Võ vậy. Đến trong niên hiệu Chánh Hòa (1111-1118) thời Bắc Tống, lại cải đổi làm cung Thần tiêu, về sau lại thay đổi làm chùa. Ở phía Tây nhà ngủ có ngôi am tên là Võ Bách, giữa khoảnh sân tuy rộng, mà chỉ 1 cây bách che phủ khắp. Phía sau lại có Duyệt Đình, mặt núi bao quanh như tường lấng, đề thơ ngâm vịnh cũng lắm nhiều. Tăng sĩ ở đó có Sa-môn Văn Chánh có 4 câu thơ rằng:

“Chim núi không tiếng phàm
Mây núi chẳng dáng tục.
Dẫn đắc thiền Bạc đầu
Luôn luôn cậy gậy lê”.

Ở phía Đông có đình Lão Mẫu, hiên chân như, đều thuộc loại nhã chuộng. Xưa trước, chùa không có nguồn suối, Sa-môn Văn Chánh nhân đi trồng cây sam, phỏng tìm dò theo hang cốc có được 1 mạch nước tuôn chảy thành suối, mát ngọt rất đượm ích với mùi vị trà. Lấy ngay nền móng xưa cũ của thời Hạ Võ mà tạo dựng ngôi đình trên đó, lấy làm nơi thuyền duyệt.

Chùa vốn có ngự thư. Đến đầu niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976) thời Bắc Tống mới ban sắc biển ngạch như hiện ngày nay. Bảo Chân cư sĩ khu mật chiếc công Ngạn chất có lưu lại bài thơ rằng:

“Cung xưa còn vết Võ
Thắng Địa thuộc chùa Tăng
Miếu cũ Tùng che phủ
Đình râm bóng trúc đầy.
Đảnh mây hợp ngâm thưởng
Núi chim ồn trong Định
Xua đuổi thành kinh khác
Lòng không khách tặng đường”.

Tại chùa có Liễu Tử Hậu ở thời tiền Đường soạn thuật về văn bia thứ 2 của Hòa thượng Di Đà, gồm tự khắc ghi theo lối chữ Triện. Đến thời nhà Tống chúng ta có Khương Túc Công Trần Công Nghiêu phỏng hỏi chỉnh sửa ghi vào tạng bản.

**** Chùa Cáo Thành.***

Chùa Cáo Thành xưa kia cũng gọi tên là Hành nhạc. Năm Nhân thọ thứ nhất (601) thời nhà Tùy, vua Văn Đế (Dương Kiên) đem xá-lợi Phật phân đặt ở các quận, khiến tạo dựng tháp để tôn thờ, có cả thảy 30 nơi. Tại Nam nhạc tức xây dựng tháp ở chùa Hành nhạc. Ngày 23 tháng giêng năm Nhân thọ thứ 2 (602) thời nhà Tùy, bắt đầu sư giả nghinh

thỉnh đến các đường, vua ban sắc lấy giờ Ngọ ngày mồng 08 tháng 04 năm đó tức đồng 1 loạt các nơi đều an táng, và đó là 1 trong nhiều nơi vậy. Theo Mã Thị gọi đó là Phước. Đến năm Nhân thọ thứ 5 (605) thời nhà Tùy, mới xây dựng phòng nhà tháp lầu, chỉ thành tựu 1 ngôi chùa. Đến trong niên hiệu Đại Trung Tường Phù (1008-1017) thời Bắc Tống, Đông Phong cải đổi lại biển ngạch chùa như hiện ngày nay. Phía sau, đi lên núi có tảng đá lớn cùng nặng hình tướng uyển nhã như hình mài cọ, tương truyền đó là Đại Hòa thượng Tư (Tuệ Tư?) cảm hóa được quỷ nên vì mài hương, nay trong núi đó có hương suất lũ, bởi sót trồng lại vậy.

**** Chùa Hành Nhạc.***

Chùa Hành Nhạc tại dưới núi Tập hiền, cách miếu 1 dặm về hướng Tây bắc. Năm Thiên Giám thứ 2 (503) thời Nam Lương, xây dựng Đạo tràng của Tôn giả Huệ Hải. Đến trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-984) thời Bắc Tống, vua Thái Tông (Triệu Quýnh) ban sắc lấy biển ngạch xưa cũ làm biển ngạch chùa. Phía sau có am Thiện quả là nơi Thiền sư Hải Thê an nghỉ, suối bay trúc dài trống đá cây quái lạ đặc kỳ. Xưa kia Hòa thượng Lãn Toàn thường ẩn tại đó cùng gặp Lý quỷ cốc. Thái tông Hoàng đế (Triệu Quýnh) thời Bắc Tống ban sắc ngự thư. Trong chùa có văn bia Thiền sư viện Luật do Đường hoàng phủ thực soạn văn, Liên Châu Thứ sử Vương Hủ viết khắc. Hàn Dũ thời tiền Đường có bài thơ nghỉ lại qua đêm tại lầu cửa chùa Hành nhạc, đại khái là:

“Tử cái, Thiên trụ núi liền nhau
Thạch lẫm, Chúc Dung thắng ném đồi
Rậm rợp rùng mình xuống ngựa bái
Tùng bách một ngành đến linh cung”.

Trước chùa có văn bia của 5 ngôi chùa do Đường Lý Tốn soạn, La Trung lập 8 phần sách, 5 ngôi chùa đó là: - chùa Bát Nhã, - chùa Nam Đài, - chùa Vạn Thọ, - chùa Hoa Nghiêm và - chùA-di-đà. Ở phía Tây có am Văn-thù. Xưa kia, Chu Đạo tu hạnh Đầu đà, chứng đắc sức định tam muội, trở lại biết được tâm ý của người. Người thời bấy giờ không ai dám khinh hoặc. Ngày nay con đường lớn đi đến núi được cắt xẻ đá thuận tiện cho mọi người qua lại, đó là sức của Đạo vậy.

**** Chùa Tịnh Nghiêm.***

Chùa Tịnh Nghiêm ở góc Tây bắc của miếu, cách khe nước ngầm, gần chùa Tây thiền, tạo dựng trong khoảng niên hiệu Hàm thông (860-874) thời tiền Đường. Đến trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-

984) thời Bắc Tống, mới lấy theo biển ngạch cũ mà sắc ban. Trước kia (1004-1008) thời Bắc Tống, có vị Tăng an tọa bỗng thấy từ trong đất có tỏa phóng ánh sáng vút cao hơn 1 trượng, mới đào bới tại chỗ đó, có được 7 tôn tượng Đức Phật. Đến nay sắc màu vẫn mới đẹp như xưa cũ vậy.

**** Chùa Tây Thiền.***

Chùa Tây Thiền cũng ở tại phía Tây bắc của miếu, không thấy khắc ghi gì về sự tạo dựng mới đầu. Chỉ thấy đến trong niên hiệu Thiên giám năm thứ 3 (504) thời Nam Lương mới tu sửa lại, và cũng không nêu bày những tốt đẹp gì khác. Bên trong có 2 cây thụy lư thụy liên, chim bay chẳng dám ghé đậu. Nói là có Đạo nhân ở nơi mỗi cây, nên chim muông lánh né đó. Lưu Hầu quán xét mà có lời thơ rằng: “Lầu điện chẳng dạy chim đậu đêm” là đó vậy.

**** Chùa Hoa Nghiêm.***

Chùa Hoa Nghiêm, là từ miếu theo hướng Tây bắc leo lên núi cách chừng 3 dặm. Trong khoảng niên hiệu Đại nghiệp (605-617) thời nhà Tùy, có Cao tăng Huệ Điều chuyên giảng kinh Hoa Nghiêm, có lúc Đồ chúng ít đến, Huệ Điều mới sắp chất đống đá trước mặt mà bảo rằng: “Các ngươi có phải là đệ tử của Ta chăng?”. Các tảng đá đồng gật đầu. Đến trong thời vua Thuận Tông (Lý Trọng 805-806), mới đến chỗ đất đó mà tạo dựng chùa lấy biển ngạch là chùa Hoa Nghiêm. Đến trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-984) thời Bắc Tống, vua Thái Tông (Triệu Quýnh) lại lấy theo biển ngạch xưa cũ mà sắc ban.

**** Chùa Vân Cư.***

Chùa Vân Cư, tức từ miếu về hướng Tây bắc leo lên núi cách khoảng 7 dặm, do Mã Thị tạo dựng, có đình ngưng bích, thế mặt cao vút, trông nhìn xuống khắp cảnh vực của Nam nhạc thấy khắp cùng tất cả, là nói đến dừng nghỉ của các du khác. Người thời xưa trước ngâm vịnh rất nhiều. Chỉ có Tất Điền nói là:

“Bốn mặt núi sắp lớp trùng
Hang xưa sâu thẳm chắn lạnh không
Thu trong riêng tựa hiên cao đứng
Lưu ly thế giới, thân ở trong”.

Và Liệu ngưng cũng có đôi câu đối rằng:

“Nước xa nhỏ tràn dẫn trước núi
Lần lượt khiến người xem thán phục”.

Chùa bị phế hoại đã lâu, gần đây mới được xây dựng lại. Trên tảng đá phía trước chùa có dấu vết trâu nằm, theo “Cựu ký” nói là: Dấu

vết trâu vàng nhưng có thể nhìn thấy. Phía dưới tàng đá ấy có bậc thềm đá hơn trăm cấp. Trong khoảng niên hiệu Khai Hoàng (581-601) thời nhà Tùy, do Tăng sĩ Thần cũng đục mở nên. Gần đây lại tạo dựng cầu mở mang phòng ốc lan can để tiện leo trèo lên nhưng nay cũng đều đã bị hư hoại, nên Mao Lý Từ có bài thơ vịnh về cầu đá đại lược là:

"Riêng lên thang mây ba trăm cấp
Xoay nhìn cười thỏa muôn núi thấp".

Lại còn gọi đó là chùa Thạch Kiều, phía trước có đường đi lui, sườn mé đường đi rất cao hiểm. Người đến đó phải dốc hết lực mới lên nổi, nhân đó mà gọi tên như vậy. Xưa trước có bậc Hiền giả làm bài thơ chưa thành câu rằng:

"Người đi phải nỗ lực
Thắng cảnh tại non mây".

**** Chùa Nam Đài.***

Chùa Nam Đài nằm tại phía Bắc miếu leo lên núi cách khoảng 10 dặm. Trong khoảng niên hiệu Thiên giám (502-520) thời Nam Lương, có cao Tăng Tôn giả Hải Ấn vui thích thế đất linh cảnh nói ưu tú ấy nên dựng lập am tranh mà ở. Lại đến đầu niên hiệu Thiên Bảo (742) thời tiền Đường, có đệ tử của Lục tổ là Thiền sư Hy Thiên đến phía Nam chùa thấy có tảng đá tướng trạng như Đài mới dựng am mà ở đó, nên chùa mang tên hiệu là Nam Đài. Trong văn bia do Ngự Sử Lưu Kha ở Thánh đế soạn thuật đều có nói vậy. Sau khi Thiền sư Hy Thiên thị tịch, bèn tạo dựng tháp tại góc chéo của núi, để thụy hiệu là "Vô tế kiến tướng", có 2 văn bia vẫn hiện còn, do Bùi Hưu ghi viết chữ khắc họa bền chắc cứng mạnh. Có thuyết nói không phải do Bùi Hưu ghi viết, nhưng cũng rất khả quan. Bàng Cư sĩ từng đến đó thỉnh hỏi điều lợi ích nơi Thiền sư. Phía dưới điện có tảng đá là nơi Đan Hà xuống tóc. Lại có tảng đá gọi là Phi La-hán. Ở đời tương truyền là do thần vận chuyển đến dựng nên, nay nền móng di tích vẫn hiện còn. Hòa thượng Thạch Đầu trước tác bài ca "Tham đồng khế thảo am" (thăm am tranh của bạn), Thiền sư Thiện Viên khắc ghi vào đá. Phía Tây chùa có dòng suối ngọt, nước chảy đến tận nhà trù nên gọi đó là ao rửa bát. Đến trong thời Bắc Tống, các vua Thái Tông, Chân Tông và Nhân Tông cả 3 Thánh ngự thư có hơn trăm quyển. Có Thạch Man Khanh viết 4 chữ "Thích-ca Văn Phật" trên sườn đá phía trước chùa. Đàm soái Trương Mậu Tông có bài thơ rằng:

"Khói nấm nơi sâu, chùa Nam Đài
Cảnh tượng nhìn lại đất cao thay

Xẻ đất ai mở đến trên động
Tầng lầu người gát nửa sườn nguy.
Cầu đá qua nơi vài ngàn nhận
Đường tùng lúc đi mấy vạn lần
Đến đây, tâm sinh ngoài thanh tịnh
Đầu non nhàn thấy khỉ vượn đùa”.

**** Chùa Phước Nghiêm.***

Chùa Phước Nghiêm tại phía Bắc miếu leo lên núi cách khoảng 15 dặm, là 1 ngôi Thiền sát (chùa viện) đứng đầu trong Nam nhạc. Trong niên hiệu Thái sơ (1) sắc ban biển ngạch như hiện ngày nay.

Trong Thánh đế, có Thiền sư Hoài Nhượng dựng am ở nơi nền móng xưa cũ của Hòa thượng Huệ Tư. Có Hòa thượng Đạo nhất tọa thiền bên cạnh đó qua thời gian lâu, Thiền sư Hoài Nhượng sang đó nắm gạch cọ mài để khơi động, Hòa thượng Đạo Nhất hỏi rằng: “Ông mài gạch để làm gì?” Thiền sư Hoài Nhượng đáp: “Mài gạch làm gương soi”. Hòa thượng Đạo Nhất bảo: “Gạch làm sao làm thành gương soi được?”. Thiền sư Hoài Nhượng nói: “Gạch đã không thể làm thành gương soi, vậy tọa thiền sao có thể đắc đạo?”. Hòa thượng Đạo Nhất lấy làm lạ đó mà nói rằng: “Vậy rốt cùng như thế nào ư?”. Thiền sư Hoài Nhượng nói: “Nghĩa là như người cưỡi xe, xe đã không đi thì là đánh xe hay là đánh trâu vậy”. Hòa thượng Đạo Nhất bỗng nhiên khai ngộ. Phía trên am đó có tảng đá Định Tâm, hang vị A-la-hán ẩn thân. Xưa kia có vị Cao tăng. Nhân có sự rao mời khắp cùng đến dọn dẹp củi. Vì cao Tăng A-la-hán ấy bồi hồi mà chẳng đến, lưu lại bài tụng ẩn thân, vào trong hang núi đó mà chẳng trở ra lại. Bài tụng đó là:

“Diệu tướng chân không không người biết
Vừa bị Duy na lấy thứ sai
Thà nên vắng lặng về thất đá
Ai hay vì chúng dẹp củi đây”.

Phía dưới núi có suối trác tích, là nơi y tư đại trác tích vì tạo dựng am khó khăn bởi nước, lại có hổ nhảy nhót mở thành 2 dòng suối như tuôn trào có thể cùng cung cấp đại chúng. Có nước đủ 8 thứ công đức. Nói ẩn tàng 3 đời, am của Mã tổ, tháp Hòa thượng Huệ Tư. Xưa kia, Hòa thượng Huệ Tư trải qua 3 đời sống ở đó tu hành mới đắc đạo. Đến năm Chính Hòa thứ 6 (1116) thời Bắc Tống, bị nạn Hồi Lục, nên phòng nhà Phật tượng đều bị thiêu cháy hết, chỉ có nơi ẩn tàng 3 đời, am Mã Tổ, cầu Đâu suất vẫn hiện còn, sau đó phải trải qua 7 năm sửa sang tạo dựng lại mới được hoàn bị. Xưa kia, Trung ý Vương lúc ở tại Ngô Việt

từng dùng 7 món báu tạo 84.000 ngôi tháp vua A-dục, dùng đồng đúc 84.000 ngôi, dùng sắt đúc 84.000 ngôi, dùng chỉ lụa quyên ấn phước có tháp 7 báu, xưa trước đặt để nơi phương trượng. Sau khi kinh điển đã bị đốt cháy hết, chuông lớn đá lớn đều rách nát, chỉ riêng tháp đó không biến đổi, mọi người đều nói đó là do nhờ nguyện lực của Trung Ý Vương nên được vậy. Đến như các kinh giáo bằng Phạm văn ở thời tiền Đường, xá-lợi, tôn tượng bằng gỗ đan hương, cho đến tích trượng của Hòa thượng Huệ Tư đều còn. Ngoài ra các vật cúng dường nhiều không thể tính kể. Bên cạnh đó có đàn giới do thiên nhiên mà thành tựu, Trung Thư Xá Nhân Hàn. Tông ghi viết biển ngạch chùa Bát Nhã, có 2 ngôi tháp kiên cố và Huyền Thái hiện đang còn. Trương Mậu Tông lưu lại bài thơ đề chùa Bát Nhã là:

"Ném Bát nơi núi cao
Xếp bày điện vài tầng
Có tên chùa ngàn xưa
Chẳng nhớ Tăng mười phương.
Mây nổi cạnh cửa tùng
Rêu mọc góc đá chẻ
Thiết tha bá Quân lục
Khó tiếp Nam năng đây".

Đến cuối niên hiệu Thiệu Hưng (1163) thời Nam Tống, lại gặp nạn Hồi lục, nên chỉ còn lại nơi ẩn tàn 3 đời, am Mã Tổ, ngoài ra đều bị cháy tiêu hết, lại phải trải qua 5 năm tu sửa lợp chòi lại, chỉ được hoàn tất 5-7 phần tráng lệ như xưa. Phía sau, có hang Dã nhân. Trong khoảng niên hiệu Thái Sơ (xem chú thích ở trước) có kẻ trốn lánh người Tần, qua lại bay vượt nơi núi hang, chẳng thể đến gần được, lén nhìn vào trong hang, không thấy có vật gì. Về sau có giống người chất phác ở đó, mãi đến nay vẫn hiện còn. Trong khoảng niên hiệu Đại Trung Tường Phù (1008-1017) thời Bắc Tống, có 3 thiếu niên mặc áo đỏ, ngồi tròn trên đá, mọi người đến gần phỏng hỏi, bèn liền chẳng thấy.

**** Chùa Đại Minh.***

Chùa Đại Minh tại phía Bắc miếu leo lên núi cách khoảng 25 dặm, khói mây bên cạnh núi có nơi Hòa thượng Huệ Tư yên tọa. Trong khoảng niên hiệu Quảng Đức (?), có Tăng sĩ Huệ Khai tạo dựng. Đến trong niên hiệu Khai Nguyên (713-742) thời tiền Đường, mới xây dựng lại. Có văn bia của Hòa thượng Đại Minh do Liễu Tử Hậu soạn thuật. Đến trong thời đại nhà Tống chúng ta mới ban sắc biển ngạch. Phía trước chùa có nền móng đàn xưa cũ nơi 18 vị Cao tăng hành đạo đến

nay vẫn hiện còn. Phía Đông có hang Lại tiện, ngọn núi phía trên che chở gió mưa, có Bích Kê 5 sắc thường tu tập tại đó. Xưa kia có vị Cao tăng ở đó. Nhân vị ấy mà gọi tên như vậy, mặc áo cỏ, ăn cây lá, chẳng can dự việc đời, biếng lười (Lại) mà ăn vật tiện tàn (tiện) của người. Nghiệp Hầu Lý Bí cũng lập am ở bên cạnh, đặc sắc hiệu là "Đoan cư đường", suốt cả 10 năm chẳng cùng qua lại, tiếng tăm vang vọng mọi nơi, có chiếu nhà vua sai sứ đến thỉnh mời thì cự tuyệt không đối đáp hiện tướng câm ngọng, luôn đổ hai dòng lệ. Sứ giả Lý Hầu có tặng bài thơ rằng:

"Phẩn lửa chỉ biết màu vàng đẹp
Cân Bạc đâu hay bùn tía bày
Còn vô tình bay thâu lệ lạnh
Ai có công đâu hỏi người đời".

Lại từng làm bài tụng rằng:

"Việc đời dằng dặc
Về núi nghỉ thôi
Nằm dưới dây la
Hòn đá gối đầu".

Hoàng Đình Kiên thường tự tán chân rằng: "Tự nghi đó là Đại sư Lại Tán ở Nam Nhạc mới già như vậy". Hoặc có người xưng gọi "Lại Toàn" tức nói sai nhầm vậy.

**** Chùa Thượng Phong.***

Chùa Thượng Phong tại phía Bắc miếu leo lên núi cách khoảng 35 dặm, nằm dưới núi Chúc Dung. Căn cứ theo "Thắng Khái tập" của Tiền Cảnh Khản thì nói là: "Do bản Triều nhà Tống chúng ta ban sắc biển ngạch mà tạo dựng". Có 1 thuyết nói là: Xưa trước đó là Tiền Thiên Quán, sau cải đổi làm chùa như hiện nay. Như lúc khói mây hơi tan mở, trông nhìn 4 phía xa đến ngàn dặm. Các hàng Tao nhân du thưởng đề vịnh thật lắm nhiều. Chỉ có Tăng Tề đã có bài thơ rằng:

"Chim vượn cùng chẳng đến
Ta lại thân muốn nỗi
Bốn phía đều trời xanh
Cùng đảnh chánh thu trong
Vũ trụ biết sao cùng
Phổ, quê thấy dòng nhỏ
Đứng lâu phía Tây đàn
Bạch nhật xoay thần châu".

Chùa có các rừng sâu, trong phòng Tăng chẳng từng để mất lửa,

mới đầu thu đã đóng băng, tuy giữa mùa Hạ cũng mặc áo kép. Cây cao lớn chẳng quá 6-7 thước, nên gọi đó là cây thấp lùn. Tùng vạn năm cũng không cao quá trượng. Bởi cao quá chỉ đến lạnh mà thôi. Thế hình riêng cao chót vót, chim muôn cũng chẳng thể đến nơi. Trông nhìn phía dưới các núi chỉ như gò đống, chỉ phản phất như thương đậu mà thôi. Bên cạnh chùa có hang vực gió, ao sấm, nhà Long niên, nền móng miếu Chúc Dung. Đàn Thanh ngọc và Bạch bích tức hai nơi Phước địa, nay gọi đó là Đàn La-hán Hành đạo vậy. Xưa trước Tất Điền có bài thơ rằng:

"Đã xây nhà vàng ròng
Sao gọi đàn ngọc xanh
Ai người sắp ứng cúng
Lại đổi Tiên cung đây".

**** Chùa Ứng Thiên Vạn Thọ.***

Chùa Ứng Thiên Vạn Thọ tại phía Bắc miếu leo lên núi cách khoảng 15 dặm, nằm ở phía Đông chùa Phước Nghiêm. Biển ngạch chùa là nơi do vua Ý Tông (Lý Thôi) thời tiền Đường ghi đề và dùng bằng ngọc khắc nên. Đến trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-984) thời Bắc Tống, vua Thái Tông (Triệu Quýnh) chỉ lấy theo biển ngạch cũ mà sắc phong. Chùa có Vương Mạnh Thị người xứ đất Thục xả thí tu tạo kinh tạng và tôn tượng Đức Phật bằng đồng chế tác đều tinh vi khả quan. Xưa trước cây tre cây si tốt um che kín trước sau. Phía Nam núi đó các ngôi chùa đều rất là sâu kín. Chùa đó trong thời nhà Tống có vua Thái Tông (Triệu Quýnh) và vua Nhân Tông (Triệu Trinh) ngư thư Tam Chúc Đường. Vô tận Cư sĩ Trương Thương Anh có đề 1 bài thơ rằng:

"Đánh đất vậy, biết sức vua sâu
Cày ruộng đục giống tự ngâm âu
Nhiều của, thọ lâu, lắm nam tử
Nhớ Biểu phong người chúc Thánh tâm".

Lại còn có nền móng địa chỉ của am Lộc uyển nửa.

**** Viện Tử Cái.***

Viện Tử Cái cách miếu về phía Bắc khoảng 15 dặm, ở phía trên chùa Bảo Thắng. Trong thời tiền Đường, đó là trạm tiếp đãi các tiên tu hành. 2 Đạo sĩ Đàm và Trần cũng tu luyện tại đó. Lại có nền móng địa chỉ của Thiết Biều Tiên Trương Bạch Cư đến phía Bắc vào Đào nguyên, đã bị hư hoại đã lâu, có Dã nhân ở đó. Phía trên có bếp đàn tế cúng Tinh Đẩu, về phía Bắc là nơi Lý sinh thoát giải thay. Phía dưới có

cây thông; nơi Đường Thái tử buộc ngựa.

**** Chùa Bảo Thắng.***

Chùa Bảo Thắng, tại miếu về phía Bắc leo lên núi khoảng 12 dặm. Từ Hành nhạc qua chùa Hoa Nghiêm, trải vượt qua Thọ Kỳ quán theo hướng Bắc đi lên mới đến. Sam tùng che phủ tốt tươi ngoài ra không gì xinh đẹp nữa. Dưới phía Nam núi Hương Lô là có con đường đến viện Tử cái.

**** Thánh Thọ Quán.***

Thánh Thọ Quán cách miếu về phía Bắc leo lên núi khoảng 7 dặm, được tạo dựng khoảng trong niên hiệu Hàm thông (860-874) thời tiền Đường. Nhân có khe suối mà Đạo quán được đặt tên như thế. Theo "Cựu ký" nói là: Xưa kia Linh Võ Lô Phan Trấn Kiềm Nam Nhật, tấu xin lấy nhà sách xưa cũ để làm Quán. Qua sau 6 năm lại tấu xin xả thí trang điền phòng nhà trọn sung vào làm vật thường trú ở trong Quán. Nay nhà của Lô Công Chân cho đến Đường Vũ nghiễm nhiên. Xưa trước, có Thanh âm các, Tuyển tiêu đình, Nghinh tiên các, Thử quân các. Tầng men sườn núi vách cao chót vót, trúc dài trùng lớn, khe sâu trong mát nước chảy xiếc, cảnh tượng rất kỳ lạ. Sách đó so với vạn thọ gấp bội lần tươi tốt kín mầu, khe suối thọ chảy quanh phía dưới trước Quán hợp với khe suối linh đổ dòng xuống Bình dã. Dưới đời vua Ý Tông (Lý Thôi) và Hy Tông (Lý Hoàn) thời tiền Đường, có Hiên Viên Di Minh ẩn dật tại đó lâu năm, sau đó trở lại Bảo Hoàng động đến trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-984) thời Bắc Tống, có Bả Tiên gặp Lã Động Tân ở tại Quân Sơn, về sau cũng ẩn tại đó hành Pháp linh quy thôn thổ, công thành bèn trở về Nhạc Lộc, tự hiệu là Tiêu Tương Tử, và từng nói rằng:

"Ta mến cảnh Tiêu Tương
Bụi hồng rủ cách bờ
Nam sơn bảy hai (72) núi
Chỉ thích gò Động chân".

Trong khoảng niên hiệu Nguyên Hựu (1086-1094) thời Bắc Tống, từng có hạc trắng bay đến đầu nơi sam trùng kêu hót trọn 3 ngày mới đi. Đến trong niên hiệu Uyên Hòa (1119-1126) thời Bắc Tống, cải đổi lại là Thọ Kỳ.

**** Viện Hoa Cái.***

Viện Hoa Cái là nơi Hoa Cái Quân tu hành, chẳng hiển bày tên họ. Hoặc có thuyết nói xưa kia đó là Thái Thanh quán vậy. Cách miếu về phía Đông bắc khoảng 15 dặm, từ Nguyên Dương cung leo lên Thượng

Thanh cung mà đến. Xưa kia, Đàm Tiểu Nham, tự là Cảnh Thăng ở núi Chung Nam, lâu sau trước thuật Hoa thư, qua Đông Ngô thấy gò Tống Tề, đến Lô Phu rồi trôi nổi thuyền theo Tiêu Tương rồi đến luyện Đan tại đó. Lại có Mặc Hy Tử, không biết thuộc dòng họ gì đến ở đó trước thuật kinh Thông Nguyên. Trong khoảng niên hiệu Khai Hoàng (581-601) thời nhà Tùy, có Đạo sĩ Ngô Hàm Khư tự là Hợp Linh, ở đó phong cuồng, chưa từng xuống núi, trọn ngày say sưa, cũng không có các vật khói lửa, người đời gọi đó là Ngô Nhu (vượn trọ ngô), khéo ngủ nghỉ trải qua cả tuần không ăn, và từng nói là: "Người muốn được, tức nếu lười biếng. Nếu như siêng năng cần mẫn không thể nhàn". Vốn chẳng công kích văn chương, bỗng nhiên trước thuật "Thượng Thăng ca" rằng:

"Ngọc Hoàng có chiếu lên Tiên chức
Rồng nhả mây chừ, gió giúp sức
Bỗng nhiên trước mắt thấy lâu đài
Hoa lạ cỏ kỳ đáng thưởng thức.
Ta đến Đại la nhìn thế giới
Thế giới chỉ tợ ngón tay thôi
Ngay lúc chẳng vì bay lên vội
Một chút dẫn hương bán biển chơi".

Đến năm Thanh Thái thứ 2 (?), bỗng nhiên Thượng thăng. Lại có kinh đài ẩn sĩ Thiết Quan tiên sinh, Phiền Thị kính mộ Đạo Hợp Linh, thường cưỡi trâu trắng đến phỏng tìm, Sở Vương Mã Hy theo khuôn phép thường noi theo đó. Về sau Mã Hy có tiếng tăm nối ngôi, còn tiên sinh chẳng biết đi đến đâu.

**** Thượng Thanh Cung.***

Thượng Thanh Cung cách miếu về hướng Bắc khoảng 7 dặm, là nơi Từ Linh Kỳ chân nhân vốn người đất Ngô tu hành tại đó. Từ Linh Kỳ thuở bé thơ gặp được thần nhân trao cho yếu quyết Huyền đan, pháp thuật ngậm hớp ánh sáng mặt nhật, đạo lý giữ lấy Nê-hoàn, ăn dùng cơm Hồ ma, nên được chu du khắp sông núi, qua lại Nam sơn lắm nhiều năm phỏng tìm núi động hang cốc, trước thuật "Hành Nhạc ký" nêu bày động Phủ linh dị, nói về 2 núi Tử cái và Vân mật đều cao hơn 5. 000 trượng, và ở núi Vân mật có văn bia Hạ Võ trị thủy đều viết theo lối chữ hình nòng nọc. Phía dưới bia có thạch đàn, có dòng nước chảy quanh rất là thắng tuyệt. Còn ở núi Tử cái thường có đàn hạc tụ tập trên đỉnh, thần chi linh thảo sinh mọc lắm nhiều, phía dưới có thạch thất, có lò hương, cối chày, bếp táo luyện đan. Trên đỉnh núi Chúc Dung có đàn Bích ngọc chuông vuông 5 thước, phía Đông có giếng Lê sắc tía cao 300

thước do Hạ võ trồng nên, thật lớn như đấu, sắc màu đỏ như mặt nhật, nếu ai được ăn trái đó thì trường sinh bất tử. trong khoảng niên hiệu Nghĩa Hy(1), có người ở núi tên là Phan Giác đến phía Tây đỉnh núi, đá tự nhiên nức nẻ có vật lưu xuất tợ như bùn sắc tía, Phan Giác không biết đó là Thạch tủy, nên trọn lấy dùng mà vất bỏ đi, bỗng nhiên tỏ ngộ, trở lại thì không trông thấy nữa. Đó là những điều ghi chép Thánh dị của Từ Linh Kỳ. Lại có khả năng sai sử quỷ thần, nhiếp phục rồng hổ. Đến ngày mồng 9 tháng 9 năm Nguyên Huy thứ nhất (473) thời Tiền Tống thì xung chân. Đến năm Trọng Hòa thứ nhất (1118) thời Bắc Tống, vua Huy Tông (Triệu Cát) ban sắc truy tặng là "Minh chân động, vi chân nhân". Nay tại nền móng cung, thấy còn có bia đá. Tương truyền là: Xưa trước có Tiên kê (gà Tiên) gáy báo trời sáng, nhân ăn cỏ tiên nên chẳng chết, lúc bấy giờ có người đi hái củi trông thấy mà không bắt được năm Đại Lịch thứ 7 (772) thời tiền Đường, Huyền Hòa tiên sinh Trương Thái không là thầy của Lý Bí ở đó mà đắc Đạo. Về sau vào Nguyên Dương cung mà thoát giải thay. Năm Đại Trung thứ nhất (847) thời tiền Đường, Hàn oai nghi mến mộ Đạo Phong ấy bèn đến ở đó tu phù cũng đắc đạo vậy.

**** Hang Thạch Thất Ẩn Chân.***

Hang Thạch Thất Ẩn Chân ở giữa khoảng Thượng Thanh cung và Nguyên Dương cung, sam tùng cặp theo đường đi, núi hang cao vợi đồi gò sắc lam, có 2 ngôi thạch thất vốn là hang huyệt của Hổ Báo. Trong khoảng niên hiệu Đại Trung (847-860) thời tiền Đường, Lưu Nguyên Tĩnh tiên sinh ở đó, lễ bái tinh đẩu, giẫm bước cứng cáp, xua đuổi Hổ báo, dùng ngãi để trừ gai gốc cây tần mà ở. Có Hàng Châu thứ sử Hàn Hoa xả thí tiền bổng lộc đề vì tạo dựng hội chân các, đến hang núi mở rộng thạch thất đó, dẫn suối chảy quanh, chặt cây diệt cỏ, đục làm bếp trà, tạo đàn cờ cục cúng tế, cối thuốc, bồn, sàn, đèn đuốc đủ mọi khí cụ, tự nhiên sinh thành, trong khoảng niên hiệu Hội Xương (841-847) thời tiền Đường, vua Võ Tông (Lý Viêm) ban chiếu mời vào nội cung truyền thọ phù lục, phong tặng hiệu là Quảng thành tiên sinh, qua thời gian lâu bèn xin trở về lại núi. Đến tháng 10 năm Đại Trung thứ 5 (851) thời tiền Đường, có mây hạc gián hiện từng tầng, sau đó không bao lâu thì Lưu Nguyên Tĩnh bỏ đời, nghe có tiếng nhạc trời vang vọng giữa không trung, đến ngày dời cách tâm thần, chỉ lưu để lại gậy và giày. Có đệ tử Lã Chí Châu cảm đắc Đạo ấy. Binh Bộ Thị Lang Tiêu nghiệp soạn bộ văn ấy, Lại Bộ Thị Lang Triệu Lỗ viết truyện. Thái Tử thiếu phó Lô Phan làm bài minh nói thạch thất. Đạo sĩ Trương Kiên làm nội

truyện, còn Thần Đạo bia thì hiện ở tại Thuyên Đức Quán. Nền móng đó nay nay hiện còn.

*** Trung cung.**

Trung cung tại phía Đông bắc của miếu cách khoảng 07 dặm, được tạo dựng trong khoảng niên hiệu Thiên giám (502-520) thời Nam Lương. Là nơi chơn nhân Vương Linh Dư tu hành. Vương Linh Dư vốn người Tấn Lăng, từ thủa bé nhỏ mà đã thông minh dĩnh ngộ, lại chẳng cưới vợ, làm quan, chuyên chỉ cần mẫn sống với Đạo, giả từ thân thích bè bạn đến lập am ở dưới núi Ngũ Lão. Tợ như có điều chứng đắc, bỗng một đêm nọ có Thần nhân đến bảo rằng: "Người tu hành đắc Đạo chẳng phải ở chỗ đất này, như gieo trồng ngũ cốc ở giữa khoảng các đá thì không thể nào thành. Ông tuy có cốt bay cao, cần phải chọn nơi Phước Địa Linh Đàn, ông mới có thể lấy làm biến hóa. Tuy tích phước dấm nhiều lấy làm thổ địa, tích công làm thành lông cánh. Như chẳng có được chỗ đất như thế, thì ma phá hoại công phu, Đạo ấy không do đâu mà thành được. " Vương Linh dư nói rằng: "Vậy chỗ đất nào có thể nên nương náu?". Thần nhân bảo rằng: "Phía trên Chu Lăng, gần núi Tử cái có ngọn núi có thể lấy làm nơi xung thiên". Vương Linh Dư bèn từ Lô phụ chuyển dời đến ở Trung cung tại Nam nhạc, tu hành 12 năm thì Đạo thành. Lại dời đến phía Đông Chu Lăng chầu tinh đẩu huyện Chân. Đến ngày 12 tháng 07 năm Thiên giám thứ 13 (514) thời Nam Lương thì xung cử. Đến năm Tròng Hòa thứ nhất (1118) thời Bắc Tống, vua Huy Tông (Triệu Cát) ban truy hiệu là "Thông vi tập Hư chân nhân". Lại nữa, khoảng đầu niên hiệu Thiên Bảo (742) thời tiền Đường, Huân Phụng Tiên đến ở đó tu pháp Cửu Hoa Đan mà đắc Đạo. Lâu sau, đến thành Hành Dương nương náu tại động phía sau Chu Lăng. Trong niên hiệu Nguyên Hòa (806-821) thời tiền Đường, Phùng Duy Lương cũng tu hành tại đó. Bản truyện đều có ghi đầy đủ ở quyển Hạ. Lại nữa, trong niên hiệu Đại Lịch (766-780) thời tiền Đường, có Lý Đức Lâm tiên sinh tu hành đắc Đạo tại đó. Trung cung đã bị hư hoại từ lâu.

*** Nguyên Dương cung.**

Nguyên Dương cung tại phía Đông bắc miếu leo lên núi cách khoảng 5 dặm, cùng với Thượng Thanh cung và Trung cung ở trên đỉnh chót vót. Trong khoảng niên hiệu Thái Thỉ (265-275) thời Tây Tấn, đó là Quán của Trần chân nhân húy là Hưng Minh tu hành vậy. Chân nhân thuở thiếu thời vân du các chốn danh sơn, nhân phỏng tìm chân tích, đến trên núi Thiên trụ gặp 2 thần nhân tuổi khoảng 18-19, tự nói rằng: "Tôi đi khắp 4 biển độ những người có chí. Người tới tu đạo tạo có thể tinh

chuyên, đến giữa đường bèn phế bỏ, chẳng thiết tha tinh cần lâu dài thì sao có thể gạt hình mây trời, bay vượt giữa khoảng không. Ông tích chứa công cũng đã đáng tốt đẹp vậy, chớ nên thối chuyển, khỏi phải lo không bày nêu tên nơi nhà ngọc của vàng. Trước khổ sau an vui, khổ có ngằn mé, vui chẳng tận cùng. Sao là nương náu nơi rừng hang sâu thẩm, tức cùng làm bạn với chim thú, đói khát hẳn đến, nóng lạnh vẫn chuyên cần, cắt bỏ sự đời xa lìa vinh vọng, từ thân bỏ ái, có thể gọi đó là khổ vậy. Được sống thọ như trời đất, biến hóa không cùng, đánh cưỡi lui không, ngồi sinh lông cánh, đó có thể gọi là vui vậy. Được chẳng khắc chí với sự tu hành ư?". Hưng Minh chấp tay kính bái mà thưa rằng: "Trọn xin mang đội Thánh ngôn, rốt cùng với Đạo chẳng dám biếng lười". Hai thần nhân bèn trao cho Đạo minh cảnh (gương sáng). Hưng Minh tu hành suốt 18 năm, 2 vị Tiên lại giáng hiện mà bảo rằng: "Xưa trước, Ta trao cho con chí Đạo, quả thật có khả năng cần khổ chuyên hành, nay thì nối gót lên cửu thiên, giao du ngơi nghỉ khắp 8 biển. Đó là quả báo của sự tích công vậy. Trước khổ sau vui, nay con đã đạt được vậy". Đến ngày mồng 1 tháng 3 năm Thái Khương thứ nhất (280) thời Tây Tấn, mây khói tự nhiên giăng bủa quanh phỏng thất, nhạc trời nổi giữa không trung, mọi người ở dưới núi đua nhau sang mà tor6ng xem, chỉ có phòng thất trống không. Đến như các vật gá chó cũng vui mừng nhảy nhót. Đến năm Trọng Hòa thứ nhất (1118) thời Bắc Tống, vua Huy Tông (Triệu Cát) sắc phong hiệu là "Trí Hư Thủ Tĩnh Chân Nhân". Lại nữa, trong thời tiền Đường, có Trương Nguyên Hòa tiên sinh đến ở đó. vua Đức Tông (Lý Khoát 780-805) có ngự chế bài từ ban tặng rằng: "Phàm, Chí Đạo không tên gọi, gượng mượn tên gọi mà sùng kính Đạo, Chí Chân không thụy hiệu, ắc nương thụy hiệu để làm sáng tỏ Chí Chân. Chỉ điều đáng tương xứng ấy chính là Toàn Đức. Nên ở cung Nguyên Dương núi Nam nhạc, Đạo sĩ Trương Thái Hư, lẫn lộn giữa nguyên vẹn mà nuôi dưỡng thuần túy. Nguyên đó lại càng nguyên. Luyện cốt tam thanh, còn lưu thần nơi 8 cảnh. Dưỡng đức ở Hành Phong gần đây đã trăm năm, nương võng tượng để ngầm tìm tòi, cậy Hồng mông mà xung dụng, gá đợi Hạo khí, rất khổ chân hình, khoảnh khắc tại Tiên Hoàng mà bày cao diệu Đạo, trông mong cưỡi giá hạc đen, chống xiêm ráng tía. Ta có phụ thần, cách ngôn cao bước. Trọn nghĩ nhớ tiên tử, hận chẳng đồng thời. Tạm bày tình mừng chuộng, kính giáng mạng tuyên dương, răn danh bày đức. Ngõ hầu trọn được không cùng, có thể phong tặng là Huyền Hòa tiên sinh vậy". Đến ngày 13 tháng 06 năm Trinh Nguyên thứ 4 (788) thời tiền Đường, Trương Nguyên Hòa xuống

phía sau giải thay tại núi Linh ẩn. Cung ấy đến trong thời Bắc Tống qua các niên đại Thuần Hóa (990-995), Thiên Thánh (1023-1032) và Chánh Hòa (1111-1118), đã có 3 lần sửa sang tu bổ. Đến năm Tuyên Hòa thứ nhất (1119) thời Bắc Tống, vua Huy Tông (Triệu Cát) lại cải đổi sắc ban là Sùng Minh Quán. Phía sau Quán cách 3 dặm, có hang Phục hổ.

**** Viện Điền Chân.***

Viện Điền Chân, tức từ cung Nguyên Dương về phía Đông nam cách 2 dặm, được tạo dựng trong khoảng niên hiệu Bảo Lịch (827-827) thời tiền Đường. Tre biếc tùng xanh trước sau che phủ kín, từ Tam thanh, điện Thạch tượng về hướng Bắc cách hơn trăm bộ có 1 hang nhỏ, đó là nơi Điền tiên sinh thường ở nghỉ, phía trên hang có 1 gốc tùng, gọi là Hoa cái tùng, gốc rễ cuộn cong, cành nhánh bên tả nhỏ như lọng hoa, chu vi của hang tuy rộng nhưng chỉ 1 cây tùng ấy che khắp cả. Khoảng trong niên hiệu Khai Hoàng (581-601) thời nhà Tùy, Điền Lương Dật tên thật là Hư Ứng, vốn người nước Tề, kính hầu song thân nên từ huyện Du dời đến ở núi Hỷ vương tại Nam nhạc, sau đó tự thân canh cày đổi bán củi để hầu mẹ, ban đêm riêng 1 mình vào ngồi trong hang. Một ngày nọ phóng chí đi khắp 5 ngọn núi, gặp thấy Hà Tôn sư mà hỏi Đạo. Người mẹ hong phơi áo ở phía Bắc núi, nghe con trẻ di xa vội sang tìm đó chưa kịp trở về thì áo đã hóa thành đá, đến nay cách đã vài trăm năm mà sắc màu áo vẫn không biến đổi, trắng sạch như lúc mới đầu. Phía dưới có 1 hang nhỏ là nơi người mẹ thường nghỉ tại đó, ngồi trọn cả ngày thường đượm phục khí giảm bỏ uống ăn. Người mẹ đã ngồi mà qua đời, chí khí của Hư Ứng càng cứng mạnh. Về sau gặp được Tiết Quý Xương mà truyền Đạo, rồi theo hướng Đông vào núi Thiên Thai chẳng trở lại. vua Hiến Tông (?) ban chiếu thỉnh mời mà chẳng đến, sau đó giải thay. Đến trong niên hiệu Tuyên Chánh (?) thời nhà Tống gặp phải Hồi lục, nên chỉ còn đá Tam thanh. Đến trong khoảng niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, mới xây dựng lại 1 ngôi điện nhỏ. Có Đạo nhân lo việc đốt hương tu luyện, đến nay vẫn chẳng ngưng dứt.

**** Viện Bắc Đế.***

Viện Bắc Đế tại phía sau Thuyên Đức Quán cách khoảng nửa dặm, trúc dài tùng lớn trước sau tươi tốt che kín, khoảng cuối niên hiệu Thiên Giám (520) thời Nam Lương, có nữ quán Từ Luyện Sư ở đó tu hành đắc Đạo. Đến cuối niên hiệu Trinh quán (650) thời tiền Đường, có Trương Huệ Minh trở lại tu, gặp được Nam nhạc Hữu Anh phu nhân truyền Đạo, hành bảo pháp Nhất tam ngũ hỗn hợp, mà sau đó thoát

giải thay. Lại có Lý Tư Mộ ở đó tu hành đắc Đạo. Đến trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-984) thời Bắc Tống, vua Thái Tông (Triệu Quýnh) mới ban sắc biển ngạch. Gần đây lại bị hư phế.

**** Lăng Hư cung.***

Lăng Hư cung tại phía Bắc miếu leo lên núi cách khoảng 8 dặm, thuộc dưới phía Nam núi Hoa cái, được tạo dựng khoảng đầu niên hiệu Thiên Bảo (742) thời tiền Đường. Tiết Luyện Sư tên là Quý Xương làm am mà ở. Minh Hoàng (?) ban chiếu cử ở Giáng Thánh quán tại núi Cửu chân, tiến hành chú giải Đạo Đức kinh, soạn thuật Huyền Vi luận, Ngự thư phê đáp có cả 10 thứ. Về sau từ giả vinh hoa sủng ái, xin trở về lập am cỏ ở đó. Một ngày nọ, bảo cùng Môn nhân rằng: "Đêm nay khí trời khác thường. Tôi sẽ có chỗ đến vậy". Bèn vượt giữa hư không mà đi. Về sau có Tiết U Thê từ Tây Thục trải qua 24 trị, vượt kinh chữ, đi ngược dòng Tiêu tương, chiêm lễ Xích quân, đến ở đó tu chân, ẩn giấu họ tên, đến dưới 5 ngọn núi, ở trên thạch đài chú giải kinh Linh Bảo. Phía trên đài mây khói như khói hương ùn nổi liệng quanh. Kinh chú giải xong nghỉ bải thì mây khói cũng tự tan. Do có sự cảm cách như vậy nên xưng gọi là Thiên Hương đài, về sau thoát giải thay. Trong khoảng niên hiệu Hội Xương (841-847) thời tiền Đường, có Chu Hỗn Ô từ núi Cửu chân đền ở đó về sau đắc Đạo, tạo dựng Đại La quán. Trước Vương cung tự nhiên có Thạch Đàn các vật cúng tế, và sinh thành đá thử kiếm, suối Dục Đan. Đến cuối niên hiệu Thiệu Hưng (1163) thời Nam Tống dời xuống dưới núi mà khai sáng chỉ được 5-7 phần mà chưa hoàn bị (lại nên xem rõ ở quyển hạ).

**** Động Linh cung.***

Động Linh cung cách miếu về phía Đông bắc leo lên núi cách khoảng 18 dặm, thuộc dưới phía Nam núi Tử cái. Xưa kia, vào cuối thời Đông Tấn, có Đặng Dục Chi, tự là Ngạn Đạt ở đài Động Linh tụng Động kinh. Gặp được Nguỵ phu nhân truyền pháp, bèn tu hành theo đó mà đắc Đạo. Đó thuộc phước địa trong 25 nguồn Động linh. Xưa trước có lời thơ rằng:

"Nguồn Động linh tiếp động Dương thiên
Hang buồn núi hiểm nhả khói mây
Từng đạp hoa rơi nghe tiêu ngọc
Tùng đỏ bồ đàn, suối Hạc minh".

Cung tạo dựng xong, Lý Tuấn Dân tiên sư ở đó mà đắc Đạo. Xưa kinh có 2 Chân nhân Bành và Thái ở ẩn tại đó, đến cuối thời nhà Đường có Niếp Sư Đạo gặp gỡ mà tôn thờ đó, đầy đủ như nói ở quyển Hạ. Nay,

hiện có rừng đào, hai bên tả hữu trồng tỉa các vườn trà, quất quýt. Trước cung xưa trước có 1 gốc cây phong thẳng vút cao vài trượng, rễ cẳng ùn nổi cuộn kết thành hình con rùa lớn, đầu đuôi chân vảy hiện bày như sống, mọi người trông thấy đều kinh sợ. Các thứ am vũ nơi cung đó đã bị hư hoại từ trong thời Ngũ đại đều bởi gặp phải Hồi lục, núi hang rỗng tuết. Đến cuối niên hiệu Đại quán (1111) thời Bắc Tống, có Trung quý nhân môn ty xả thí của cải mà tạo dựng lại. Cung điện hiên vũ đến nay mỗi mỗi đều mới. Những vị ở am ẩn dật cũng chẳng giảm so với xưa. Về phía Đông bắc có nguồn Đào hoa, suối Hạc minh, đều là nơi mọi người ít đến, trên sườn núi phía Tây có khắc bài phú Trương nguyên hóa hoàn đan, phía dưới có ao Tẩy dược, phía Đông có đàn chầu tinh đẩu.

**** Chiêu Tiên quán.***

Chiêu Tiên quán tại phía Đông của miếu cách khoảng 8 dặm. Theo "Cựu ký" nói là: "Khai mở nền móng, Lưu Tông bói chữ Tiêu Tế". Lại theo lời ghi là: Đạo quán đó tạo dựng trong khoảng niên hiệu Hàm Hanh (?) thời nhà Tần. Xưa kia có Trương chân nhân húy là Đàm yếu ở đó tinh cần tư duy, cảm thông được thiên chân ẩn giáng truyền cho Đạo nội dưỡng nguyên hòa mặc triều Đại Đế, hành trì suốt 12 năm, thần vân du đến Thái không, mặt chầu với Hoàng Cực Đại Đế, được ban cho dịch Quỳnh thật lang cao hỗn thần hợp cảnh, ăn dùng đó xong, biến hóa chẳng thể lường biết, thần dụng vô phương. Đến ngày mồng 3 tháng 7 năm Diên Hưng thứ nhất (494) thời Nam Tề, bỗng nhiên có tiếng sấm nổ, trời đất chấn động, bỗng chốc chim loan chim hạc ngậm đan chiếu đến nghinh Đàm yếu bay lên trời. Đến năm Trọng hòa thứ nhất (1118) thời Bắc Tống, vua Huy Tông (Triệu Cát) ban phong hiệu là "Bảo quang tập minh chân nhân".

Lại nữa, trong năm Trinh quán thứ 2 (628) thời tiền Đường, có Pháp sư Lô Lăng Tiêu, húy là Linh Hộ đến ở đó, hóa thuật Hoàng bạch ra ngoài nuôi dưỡng đó, sửa sang QuánVũ. Đến năm Trinh Quán thứ 5 (631) thời tiền Đường, xây dựng các tầm chân. Qua năm sau là năm Nhâm thìn (632) đến Quế Châu chú đúc 1 quả chuông đồng nặng 500 cân, nghinh đưa về Quán, những lúc chuyển canh không dám gõ đánh, bởi kinh động địa phủ bốc cháy âm thần. Sau đó, luyện đan tại phía Bắc núi, qua 3 lần luyện mới thành mà đượm phục đó. Đến ngày 15 tháng 8 năm Hoằng Đạo thứ 2 (684) thời tiền Đường, Linh Hộ thoát giải thay. Lại nữa, cuối niên hiệu Nguyên Hòa (821) thời tiền Đường có Hứa Thước từ núi Nga my đến, đề ghi trên xà nhà, thường những lúc rất say hay ca dài, trong bài ca cũng như nơi ghi đề thường luôn có câu "Tầm

yển nguyệt tử”, trọn không biết “yển nguyệt” là vật gì. Lại để lại 1 bài trên tường vách nhà mà các câu cuối như là:

“Đặng thông chết đói, nghiêm lăng nghèo
Đại vương đâu phải người không sức
Trượng phu chưa đạt chớ tự thân
Vin vảy tựa lông tổn tinh thần”.

(Đề xong sau đó không bao lâu, giữa lúc Bạch nhất bay lên trời). Đến cuối niên hiệu Đoan Củng (990) thời Bắc Tống, một ngày nọ mới đầu canh 5, bỗng nghe vang tiếng chuông. Mọi người đều kinh lạ nghi ngờ, tới sáng ngày, sang trông xem thì chuông bị phá bể. Chưa đầy 10 ngày sau, có 1 Đạo nhân vận mặc áo vải rách rưới đến tự nói là: “Có thể vá được chuông, chỉ cần có vài ngàn cân củi lửa”. Khi ấy đốt than nung chuông. Đạo nhân dùng lòng bàn tay làm khuôn rót đồng, đến sờ mò đắp nơi chỗ chuông bị nức bể, lửa hồng đó tự đen tối. Mọi người trông nhìn đều kinh sợ. Đạo nhân vào khe nước rửa tay, bỗng nhiên biến mất không còn thấy nữa. Đến nay quả chuông ấy vẫn còn dấu vết bàn tay sờ vào. Đó thật là linh dị.

Lại nữa, cuối thời nhà Đường, có 3 chân nhân Niếp Sư, Đạo Phỏng, Bành Thái, mọi sự đầy đủ như ở quyển Hạ. Đến trong triều đại vua Nhân Tông (Trinh Trinh 1023-1064) thời Bắc Tống, có Dưỡng tổ tiên sinh vâng phụng sắc chỉ đến ở đó, lâu sau vào sau Hành nhạc quán mà giải thay. Trong khoảng niên hiệu Tuyên Chánh (?), có người ẩn dật từ xa mến mộ Đạo phong ấy nên vì tạo dựng hiên Dưỡng Tố, tại Quán đó xưa cũ có Dao Bích các, đình Cạnh tú, đàn Triều thiên. Về phía Bắc cách khoảng 2 dặm có đình Tuyết lãng, khe Động châu. Thác nước từ động mà tuôn đổ, đá lớn rộng cao, ngay trên sườn đá có 1 ao đá tướng dáng tròn như cái chỏ rộng hơn 1 trượng, sâu chẳng thể cùng, có 1 mặc nước bay xuống như đường văn mái diềm, gọi đó là động Chu lăng; là động thứ 3 trong 36 động Thiên. Lại có giếng đá thẳng xuống dưới sâu không đáy, thông suốt ra 4 cửa, dòng khe chỉ 20 dặm thành dòng nước treo cao tuông đổ ấy. Từ mới đầu khe đến giữa đầm dài 9 nhận, từ giữa đầm xuống vào hang cốc dài 18 nhận, có vách đá mờ tối cuộn quanh, trên mặt rộng khoảng 4 chỗ ngồi, sóng tuyết vọt bay, mưa sấm chợt trút đổ, tuy ở Thiên Thai, nga my cũng chẳng sánh kịp thế đó. Phía dưới có đầm Đầu Long (thả rồng) trong nước nhà mỗi lúc cúng tế xong thả rồng xuống đó. Với khoảng đá nức nẻ, nghe có tiếng nhạc trời, nên trong thơ Động thủy liên của Lân Dương có 1 câu đối rằng.

“Mở đầu thả rồng vàng

Cuối nước nghe nhạc trời"

Là đó vậy. Nếu người đến đó với tâm chí khiết tịnh thành kính chiêm lễ mà lén nhìn thì mờ mờ có thấy giường vàng ghế ngọc. Trong khoảng niên hiệu Chí Đạo (995-998) thời Bắc Tống, có người phụ nữ mang thai xúc chạm vào đó, sườn núi đá dần khép kín lại, không còn trông thấy gì nữa. Mọi người tới lui để lại thơ vịnh, viết đầy tường vách. Riêng Lý tiên Phụ ở Lô Lăng có 1 bài thơ siêu tuyệt các bạn thường, đó là:

"Một mảnh treo sườn xanh
Rõ ràng không bụi bặm
Đá thành châu ngọc trắng
Rủ xuống lại dây ngọc.
Yến đồng bay khó vào
Gió núi cuốn chẳng mở
Tiếng tiếng cách biển dâng
Chẳng ý mên hang hiểm".

Câu trong lành, phong cách cứng mạnh, xem qua lời khó phục.

Tháng 10 năm Chính Hòa thứ nhất (1111) thời Bắc Tống, có Trương Huy Ngôn, người ở Kiến An, Lãnh Tào Bản Lộ Án Bộ Từ Tương Đàm vượt đền thờ nhạc đi chưa đến 3-4 dặm, thấy bên tả đường đi có tùng la tươi tốt, bên trong có cửa cao tráng lệ, có bảng son lớn viết 3 chữ "Chu Lăng cung". Bên trong cửa, lầu các ẩn hiện, có một người đứng ở ngưỡng cửa như có sự dò xét. Bấy giờ trời đã xế bóng nên chưa rảnh để đi trông xem, trong ý hẹn đợi vào ngày khác. Đến ngày mồng 5 tháng 9 năm sau (1112), từ Hàng Châu trở lại nghỉ qua đêm tại chùa Thắng Nghiệp nói chuyện cùng vị Trú trì là Tăng sĩ Cảnh Tương rằng: "Sáng sớm mai có thể đồng cùng đi đến Chu Lăng?". Tăng sĩ Cảnh tương bảo rằng: "Từ chùa đây về phía Đông có Chiêu tiên quán, phía sau quán có đền thờ Chu Lăng. Tôi cho rằng: Năm trước từng qua Chu Lăng cung, thấy cửa cao bảng lớn viết chữ son lớn cả thước. Tôi hận chưa đi đến đó, nay lại đây rất hợp ý vậy". Đến ngày hôm sau đồng đến Chiều tiên quán, trải qua các phía trông xem trọn không thấy gì, chỉ toàn núi trống không mà thôi. Cùng đến Chu Lăng động, 4 mặt toàn vách đá, thác nước đổ bên trong cũng không có phòng nhà. Dò hỏi, các hàng Đạo lưu nói là: "Vốn không có cung đó, cũng không có cửa đó, khác lạ thay". Mới biết chùa Đại Phương Quảng ở núi Thiên Thai, chùa Thánh Trúc Lâm ở Tung Sơn, những sự ấy đều đồng loại đây vậy, chỉ ghi chép lại để nhận biết thế. Về sau, vị trí trì là Đạo sĩ Vương Nguyên động tạo dựng đình

Vọng Tiên, tại nơi chỗ thấy làm cửa cung, Huyện úy Tiền Cảnh Khản viết 3 chữ “Chu Lăng cung”, dùng chu son bôi lấp làm bảng. Về sau nữa lại tạo dựng Vọng tiên kiều quán, có tôn tượng bảo sinh Thiên tôn bằng đồng. Trong khoảng niên hiệu Hàm Hanh (?) thời nhà Tấn, có đục tạc tôn tượng Lão quân bằng đá và tùy tùng và đồng thời tạo dựng. Quán xưa cũ ngay cửa động. Đến trong niên hiệu Vĩnh (. . . ?) thời tiền Đường mới dời ra điện Lão quân, riêng đắp nguyen thỉ ngọc thần cùng làm 1 điện để kính phụng hương hỏa. Có thuyết nói là: Trong thời tiền Đường vì tôn phụng Huyền nguyên làm Thánh tổ nên tạo dựng ngọc thần ở đá vậy. Đến năm Tuyên Hòa thứ nhất (1119) thời Bắc Tống, vua Huyền Tông (Triệu Cát) đổi ban biển ngạch như hiện nay vậy.

Tại Chiêu tiên quán có 4 văn bia:

- Bia Động Chân Bạo Bố
- Quốc gia kim lục Đạo tràng tề tiếu ký
- Kiến Tầm chân các ký
- Chu Lăng cung ký.

**** Cửu Chân quán.***

Cửu Chân quán tại phía Đông miếu cách khoảng 10 dặm. Theo “cựu ký” nói: “Cửu Chân quán do Tân Dã tiên sinh tạo dựng trong khoảng niên hiệu Thái khương (280-290) thời Tây Tấn. Đến đầu niên hiệu Thiên Giám (502) thời Nam Lương, có Trương Như Trân chân nhân ở đó. Trương Như Trân là người cùng quê hương với Tân Dã tiên sinh. Từ thuở bé thơ đã ít nói năng, đạm bạc chẳng như đồng bạn. Đến tuổi tráng niên thì nương náu nơi sâu lắng mà sớm bẩm cốt tiên, gặp được Thần nhân giáng hiện đến nơi hang thất truyền cho Đạo Minh Cảnh Đổng Giám, khiến Trương Như Trân tu hành mà bảo rằng: “Phàm, đuốc soi vật lý là trời, xét rõ vật hình là Đạo, Đạo của trời lấy sự trong sạch, Đạo của Cảnh (kiếng) lấy sự sáng soi. Xét thật không sai vậy. Hình định tại đây, vật ứng với kia, nên tướng trạng của núi sông, tình của quỷ thần, không nơi nào trốn mà ẩn vậy. Trời lấy sự trong sạch mà dung chứa vạn hữu, nước lấy sự lắng trong mà soi chiếu mọi hình. Nếu tu theo trời trong sạch cảnh sáng soi, lắng tâm tĩnh thần mà được thông triệt cả trong ngoài thì chí Đạo thành đạt vậy. Còn nếu như ngoài phục dịch theo vật, trong khổ nhọc tâm thần. Tâm thần mờ tối vẫn đục không thể lắng trong thì cách Đạo rất xa vậy. Pháp này ngày xưa tôi thọ học ở Trường Tang Công Tử. Trường Tang Công Tử thọ học ở Thái Vi Thiên Đế Quân, khả năng chứng đắc suốt đạt huyền thông, xa chiếu cùng 8 cực. Pháp trong pháp Động Chân có 4 quy cách đến với Đạo, y cứ

theo 4 mùa mà thực hành, cũng đồng thể với đây vậy. Người xưa nói là: Rỗng rang phòng thất rõ ràng tự thân, định được tâm thần thì Đạo tự đến. Điều đó đáng tin thay". Trương Như Trân y cứ theo đó tu hành 9 năm, trông thấy thấu suốt ngàn dặm, không 1 vật gì có thể ẩn khuất. Đến ngày 18 tháng 11 năm Thiên Giám thứ 13 (514) thời Nam Lương, Trương Như Trân riêng 1 mình vào núi 3 ngày chẳng trở về, đệ tử đi tìm kiếm, mà ao vuông của Trương Như Trân cùng áo Tiên giá cùng kiệu mây, có tiếng tiêu đàn nhạc trống vang nổi xa tít mà bay lên trời. Đến năm Trọng Hòa thứ nhất (1118) thời Bắc Tống, vua Huy Tông (Triệu Cát) sắc phng hiệu là "Toàn chân đạt đạo chân nhân".

Khoảng đầu niên hiệu Khai Nguyên (713) thời tiền Đường, có Tư mã Thừa Trinh, tự là tử Vi, từ Hải sơn cưỡi bè luyện Chân Nam nhạc đến lập am ở phía Bắc Quán cách 1 dặm. Ban ngày có mây trắng hiện nổi, Thừa Tướng Trương Cửu Linh từng đến bái yết đó. Minh Hoàng sai người ekm là Thừa Vĩ Mang chiếu đến mời Giảo Chánh Đạo Đức kinh, tiếp lễ rất nồng hậu, xưng gọi là Đạo Huynh, phàm mọi thứ khí mảnh vàng bạc cúng dường trong Quán thảy đều ban tặng tất cả. Từ ngự trác bài đáp biểu thư qua lại không ngưng dứt. Khoảng đầu niên hiệu Thiên Bảo (742) thời tiền Đường. Có Tiết Quý Xương; người xứ đất Thục, xưa trước ở núi Nga My, chú giải Đạo Đức kinh 2 quyển, sau đó đến ẩn cư tại núi Hoa cái; Nam nhạc, soạn thuật Huyền Vi luận 3 quyển và Đại Đạo tụng 1 bài và chú lược. Đệ tử của Tư Mã Thừa Trinh là Vương Tiên Kiệu ghi tả mà tấu trình, có chiếu ban sắc đến ở Giáng Thánh quán, các thứ khí vật cúng dường, ngự thư bài đáp qua lại không ngưng dứt. Đến lúc ở Cửu Chân quán phụng tạo 1 pho Thánh tượng Thánh tổ thiên đạo huyền nguyên Hoàng đế, và 13 sự thông tỏa ánh sáng, tòa cao 1 trượng 7 thước. Kinh điển gồm cả thảy 670 quyển. Tiên Kiệu mói là Đạo đồng của Bản Quán, tánh tình ưa thích đạm bạc. Nhân đọc xem Liệt Tiên truyện, bèn có tiết tháo vượt ngoài mọi vật, từng cho rằng: "Ngoài 5. 000 lời đều là thổ ngạnh". Bèn đem trà trong núi vào chốn kinh đô mà giáo hóa, thường đến trong cửa thành mà thí trà. Bỗng 1 ngày nọ, gặp cao lực sĩ, thấy mà lấy làm lạ đó, Cao lực sĩ hỏi từ đâu lại? Tiên Kiệu đáp: "Tôi là Đạo tràng ở Cửu Chân quán tại núi Nam nhạc, vì điện đường hư hoại quá lắm nên đặt cách mang trà lại đây mộ hóa thí chủ". Lực sĩ vui vẻ với lời nói đó, nhân đó tấu trình cùng Minh Hoàng tuyên kiến. vua Huyền Tông (Lý Long Cơ) vui vẻ với sự thanh tú ấy mà hỏi rằng: "Ông có ước nguyện gì chăng?" Tiên Kiệu đáp: "Nguyện tốt tươi nước nhà thạnh ích lợi kinh Đạo hưng". vua vui vẻ bảo bái kính Tư Mã

tiên sinh làm thầy. Ở nơi nội điện mang đội ban tặng nồng hậu rồi Tiên Kiệu trở về núi. Đến đêm mộng cảm Chân nhân Trương Thiếu Vi mà đắc Đạo yếu. Lại có lịnh ban theo hầu Tư mã tiên sinh đến ở nơi Vương thất. Lâu sau, tấu xin rằng: "Năm Khai Nguyên thứ 23 (735) thời tiền Đường, tôn sư Tiên hoa. Xin lấy chỗ ở xưa cũ tại Nam nhạc để làm quán, mong Thánh ân ban viết biển ngạch". Vua bèn ban chiếu bảo Tiết Quý Xương trú trì tại Giáng Thánh quán, tuyên sắc Thánh tượng và mọi khí cụ cúng dường.

Đến năm Thiên Bảo thứ 12 (753) thời tiền Đường, vua Huyền Tông lại ban lịnh đến Hàng Châu đúc 1 quả chuông và ban sắc tặng cho Đạo quán, âm vận bên trong kích động thì vang xa đến tận Tiêu Hán, chuông nặng 4.000 cân, phía trên khắc hiệu Minh Hoàng Đế ngự chế bài minh rằng: "Chuông đúc ở quận, treo tại quán, đất trời lâu dài chẳng thể tính lường". Do Phiếu Kỵ Lại Đại Tướng Quân Cao Lực Sĩ trông coi việc chú đúc. Đó là 1 danh khí của trong Chân nhạc vậy. Về sau, đến tháng 2 năm Càn Nguyên thứ 3 (760) thời tiền Đường, gặp phải binh lửa nổi loạn, mọi vật sắt đá đều hư hoại, chỉ còn lại quả chuông đó. Há chẳng phải do nguyện lực mà khiến được vậy thay! Trong khoảng niên hiệu Hàm Thông (860-874) thời tiền Đường, có Vương Cố tiết là bậc Đạo hạnh cao vợi, khắp 1 phương ngưỡng mộ, tạo dựng mỗi mỗi đều mới mẻ, xiển giáo đàm kinh, học chúng đông đúc như chợ, vâng phụng sắc chiếu trở về bắc nhạc và phong làm Tổng giáo Đại sư. Đến trong khoảng niên hiệu Nguyên Hựu (1086-1094) thời Bắc Tống. Quả chuông đó bỗng nhiên không thấy qua vài ngày, một ngày nọ lại thấy ở giữa đường phía trước quán, rêu rong tẩm thấm, rồng trên đỉnh chuông bị gãy mất chân phải, bèn lại thỉnh đưa thiết đặt lên trên lầu tương truyền chuông đó cùng cỏ xanh vượt đến đấu tránh với rồng. Nay phía sau quán có hang Long tân. Cách quán 1 dặm là nơi Tạ tiên sinh vốn người xứ Võ Lăng sửa sang lại am Bạch Vân mà ở, thường cùng với Tào Đạo Xung làm bạn thơ ca. Nên Tào Đạo Xung có bài thơ rằng:

"Cửa động Đào Nguyên, người Võ Lăng
Giẫm ngoài bụi hồng hai mươi lăm
Chỉ vui mây trắng sâu có thú
Chẳng biết mắt xanh gần lại thâu
Đan cát đà đến lò đất cúi
Ngọc ngâm nấu từ đỉnh hỏm sâu
Tính kế một trượng ngoài đuôi cháy
Bích đàn ba thước lễ nam thần".

Về phía Tây có nơi Dược Liệu Vương vốn dòng họ Vương ở lâu sau dời đến Linh Nham rồi đến núi Vân Long mà giải thay. Từ quán về góc phía Bắc cách khoảng 50 bộ có đình Thọ tiên. Phía dưới đình có suối Bạch quy (rùa trắng). Đó tức là suối thứ nhất ở Nam Sơn vậy. Suối đó từ hóc sườn núi tuôn vọt lên, nước lắng trong mát ngọt, sắc màu biến đổi theo sớm chiều, tuy các dòng suối danh tiếng ở Nam ơn không đâu hơn suối đó. Người nào uống được nước suối đó, đã không bệnh mà lại sống thọ, trong suối có 1 con rùa sắc trắng, lớn bằng đồng tiện, trắng tợ ngoc, ẩn trong hóa đá, hiếm ít người thấy được, như ai gặp được đó tức là tốt lành mà còn kéo dài thọ mạng. Tương truyền rằng: "Lúc rùa đó ra thì Tiên đến, rùa đó ẩn thì Tiên đi". Mọi người đề thơ cũng lắm nhiều, chỉ có dã nhân Hoàng Phủ Hoán nói là:

"Linh đài, bụi chẳng bám
Bụi bám chẳng Linh đài
Mến thay suối trong này
Từng gá Linh vật lại!"

Kẻ ngu tôi (?) mấy năm gần đây dựng am ở tại phía Bắc suối đó, cách núi xa khoảng 5 dặm, nhân đi hái thuốc thường dừng nghỉ tại Đình đó, thường khâm chuộng tán thán sự kỳ lạ ấy rằng: "Vắng lặng trong vũ trụ, phàm các bậc chân tiên ẩn hóa ở suối Bạch quy, tính ra đó là nơi thứ 3 vậy. Mùa thu năm trước kẻ ngu tôi đến nương náu tại núi này có ý tính trọn muốn ở đó. Đã 3 lần chuyển dời chỗ ở, đến phía Đông của Chu Lăng, nơi vườn thuốc xưa cũ của Sam Vương Thị mà ở, vừa cùng gần với đó, chẳng phải là ngẫu nhiên, nhân thành 1 bài thơ, lừa dối ghi viết ở đó. Trong thiên hạ có 3 nơi có rùa trắng, đó là núi Hiển di, Thiếu thất, và đình Thọ tiên. Nay tôi chọn xây dựng ở đỉnh Nam sơn được đó làm gần Chúc thọ linh. Tại Cửu chân quán có Cử tiên các, phía sau các, xưa cũ có Lan anh các. Năm Trọng Hòa thứ nhất (1118) thời Bắc Tống, vua Huyền Tông (Triệu Cát) đổi ban biển ngạch như hiện nay vậy.

**** Giáng Thánh quán.***

Giáng Thánh quán cách Cửu Chân quán khoảng 1 dặm, xưa trước gọi là Bạch vân am, là nơi Tư Mã Tử Vi tu hành, nhân đệ tử là Vương Tiên Kiệu tấu xin vì lấy am của Tiên sư làm thành Quán, được ban biển ngạch và thân triệu. Ban sắc Tiết Quý Xương chân nhân ở Cửu Chân quán kiêm nhậm trú trì.

**** Cửu Tiên cung.***

Cửu Tiên cung tại phía Đông miếu cách khoảng 12 dặm, được tạo dựng trong khoảng niên hiệu Thiên Giám (502-520) thời Nam Lương.

Xưa kia, Vương Xử Dư từ Trung cung huyện hạnh đã hoàn bị xung tịch, sau dời đến đó ở, chấu tinh đẩu tư duy huyền vi, một ngày nọ được Thiên chân nghinh rước. Lại có Đặng Úc Chi là người xứ Tân dã; Nam Dương, thuở nhỏ mộng thấy có 1 con chim nhà ấn mà cho, từ đó trong nhân gian có người mắc bệnh thì dùng ấn ấy mà trị cứu, cầu làm phù chương, người bệnh tự nhiên lành, về sau cùng với Từ Linh Kỳ kết bạn phương ngoài, chu du khắp các danh sơn, tìm hỏi những bậc thượng sĩ, gặp được bậc chí nhân truyền cho thuật Kim đảnh hỏa long. Đến năm Nguyên Huy thứ 3 (475) thời Tiền Tống, Từ Linh Kỳ đã thượng thăng, Đặng Úc Chi đến ẩn cư tại cửa động, mới bồi hồi ngoài hồ về phước địa động thiên, không nơi nào chẳng giẫm trải qua, song mắc phải hoạn Đan tài không đủ sức có thể thiết đặt, nhân có Hữu Ty tấu trình Thiếu Vi Tinh tại Nam Sở, vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550 thời Nam Lương) ban sắc giám quân tìm phỏng, ban chiếu hỏi cầu gì? Đặng Úc Chi nói: “Bần đạo tu luyện Kim địch mà khuyết thiếu Đan tài”. Vua Võ Đế bèn ban cho vàng bạc của cải, hứa cho đến phước địa động chân ở Nam nhạc chọn nơi u thắng, thiết đặt 3 cung thượng, trung, hạ để tu luyện Đan nội ngoại. Một đêm nó có thần nhân đến bảo cùng Đặng Úc Chi rằng: Gần Đại động là Hương Chiêu hước là làng Diên Sinh, khéo nên ghi nhớ chớ quên, sau này Đan ông sẽ thành, lại dời đến phía Đông núi Tử cái”. Đến ngày 30 tháng 12 năm Thiên Giám cuối cùng (520) thời Nam Lương, có 8 chân nhân cưỡi cánh từ núi Cái vân giáng hiện đến trong thất, tức là 8 chân nhân đã đắc Đạo trước kia vậy, khi ấy tự nhiên Thạch đàn bay lên trời. Đến năm Trọng Hòa thứ nhất (1118) thời Bắc Tống, vua Huy Tông ban sắc phong hiệu là “Siêu Chân Tập Diệu Chân Nhân “.

Lại nữa, năm Hàm Thông thứ 9 (868) thời tiền Đường, Hàng Châu Thứ Sử Trương Địch tấu trình xin đặt biển ngạch của Quán, qua tháng 10 năm sau (869) vua Tuyên Tông (Lý Thầm) ban sắc nên y cứ theo sự tấu trình. Lại nữa, trong khoảng niên hiệu Khai Nguyên (713-742) thời tiền Đường Minh Hoàng (Huyền Tông - Lý Long Cơ) ban chiếu tặng Thần triệu rằng: “Núi Tử cái có cung Cửu tiên tại Thạch Đàn”. Các bậc hiền giả xưa trước từng ca vịnh về cung Cửu tiên, đại lược là:

“Một núi xếp bày mở một Quán
Mảnh đá bạn cùng chín tiên hội
Dia đá còn ghi Triệu Minh Hoàng
Linh mộng thường nghe ngự sử truyền”.

Lại nữa, trong niên hiệu Cảnh Hựu (1034-1038) thời Bắc Tống,

với Quán xưa cũ, Văn Điện Học Sĩ Tôn Cái làm Ngự sử tấu trình hỏi việc trái nghịch Thánh chỉ, bèn bị biếm đưa đến Vinh châu, mộng thấy có Đạo sĩ đem ruộng mà gởi nhờ. Về sau dời đến Đàm châu, nhân cúng tế Nhạc âm, đem mọi sắc vật để cầu điều mộng bèn được tôn tượng Vương Quân tại cung Cửu tiên, bèn ban hịch trong huyện tìm tòi tất cả ruộng của cung, quả nhiên ở gần Quán có đất bị lấn chiếm làm. Việc ấy nói rõ ở quyển Hạ. Đến năm Tuyên Hòa thứ nhất (1119) vua Hy Tông (Triệu Cát) cải đổi ban sắc biển ngạch như hiện ngày nay. Phía sau có động lớn (nay gọi đó là Tiền động vậy) và nền móng am Đan hà.

**** Chùa Quán Âm.***

Chùa Quán Âm tại phía Đông miếu cách khoảng 13 dặm, đường đá quanh co, tại dưới phía Nam núi Vân mật, do Mã Thị tạo dựng. Đến trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-984) thời Bắc Tống, vua Thái Tông (Triệu Quýnh) cải đổi ban sắc biển ngạch là chùa Phổ Tế, gần đây đã bị hư phế. Về phía Tây bắc có nhà thuốc của Trần tiên sinh. Trần tiên sinh vốn người Thương Ngô, thường tu pháp Thái âm huyện tỵ cùng Dương Thái Sơ là người đồng hương gặp được chân nhân Niếu Thiệu Nguyên truyền cho pháp Nhị cảnh cao bôn, sau khi tu thành bèn theo hướng Tây vào Tam đô.

**** Chùa Vân Phong Cảnh Đức.***

Chùa Vân Phong Cảnh Đức tại phía Đông miếu cách khoảng 15 dặm, phía sau tựa núi Vân mật, phía trước gần khe Võ, phía Tây có hang Đại Võ, là nơi Võ Vương truyền Ngọc Văn, chùa được tạo dựng trong khoảng niên hiệu Thiên giám (502-520) thời Nam Lương, chùa có Cao tăng Pháp Chứng, vốn người dòng họ Quách, đi Tây Trúc học Đạo 57 năm, trở về thiết lập Giới đàn, nhóm chúng giảng Đạo sau đó mới thị tịch. Môn nhân đệ tử có các vị như là: Sa-môn Tuyên, Viễn, Chấn, Tốn, Tố v.v... hơn 3.000 người. Các bậc Trưởng lão đều nói là: “Thầy tôi là bậc mô phạm đạo hạnh cao vợi, khí vũ rỗng lớn. Như người đến tìm cầu học luật, thì Thầy tôi đem sự tôn nghiêm chỉnh tề mà chỉ dạy cho, bày rõ nghĩa khế, khiến người biết điều đáng nên làm. Như có người tìm cầu học hỏi Đạo lý thì Thầy tôi đem sự cao rộng thông đạt mỗi mỗi rõ ràng về Hữu và Vô, khiến người biết điểm hướng đến. Nên các bậc nguyên thần thạc lão đều cúi đầu thọ giáo, các hàng tuổi trẻ đầu xanh cũng mừng vui nhảy nhót vâng theo thực hành. Nên theo sự chỉ dạy của Thầy tôi mà giáo hóa được hơn 50.000 người. Mở mang rộng lớn chùa nhà cửa”. Đến trong niên hiệu Kiến Long (960-963) thời Bắc Tống, chùa có trùng tu sửa sang. đến trong niên hiệu Đại trung tường phù

(1008-1017) thời Bắc Tống, vua Chân Tông (Triệu Hoằng) ban sắc biển ngạch là "Cảnh Đức". Tại chùa có Hội Thánh các, Tề vân các, Dưỡng đình, Thanh chiếu đình, Tùng phong đình, 2 dòng suối Quán Âm mộng ứng đều rất mực đẹp xinh. Nên chuyển vận Phó Sứ Lục thầm lưu lại bài thơ vịnh rằng:

"Cung biếc trong tuyệt chiếm núi cao
Nỗi bày phía Đông Chu Lăng báu
Rảo khắp rừng thiền về nghỉ muộn
Khe Võ chéo trời chiếu tan phong".

**** Chùa Diên Thọ.***

Chùa Diên Thọ tại phía Đông miếu cách 16 dặm. Từ đó về phía Bắc có nền móng chùa Tôn Thắng.

**** Chùa Bạch Vân.***

Chùa Bạch Vân tại phía Đông nam nhạc cách khoảng 18 dặm, không rõ được tạo dựng thời nào. Tại dưới núi Bạch Vân, có Bạch Vân động và Long Đàm, như người nào có mong cầu gì mà thiết bày các vật tanh nồng, xúc chạm tức liền nổi sấm gió, hang cốc tối tăm đen nghịt, mọi người phần nhiều rất khiếp sợ. Và đó cũng là cửa thuận tiện ở phía Đông của Chu Lăng vậy.

**** Chùa Thất Bảo.***

Chùa Thất Bảo tại phía Đông bắc của Nam nhạc cách khoảng 35 dặm. Xưa kia Cao tăng Huyền Thái hiệu là Bố Nạp ở đó, rất tinh thông thiền lý khéo giỏi về thi ca. Mỗi lúc có dân chúng ở địa phương làm ruộng ngon cảm mắc bịnh, nhân đó làm bài vè về ruộng núi, đại khái là:

"Do nói năm nay gieo chẳng nhiều
Song năm mở phá sườn núi thêm
Nước nhà núi Thọ còn như vậy
Lý ấu chẳng biết ra thề nào!"

Mã Thị nghe thế bèn cấm ngăn. Tháp đá Phước nghiêm và kiên cố cùng gần đó, phía dưới có dòng suối tuôn vọt.

**** Chùa Sùng Quả.***

Chùa Sùng Quả tại phía Bắc Nhạc sơn cách 50 dặm.

**** Chùa Phổ Tế.***

Chùa Phổ Tế tại phía Bắc Nam nhạc cách 35 dặm. Phía dưới có đầm rồng. Phía Đông chùa có 3 bếp luyện đan thượng trung hạ của Lý chân nhân, tại bếp trung có nguồn nước, những lúc nắng hạn như có ai mong cầu, không điều gì chẳng được cảm ứng, mọi người tham quan

hiếm ít tới đó.

**** Quang Thiên quán.***

Quang Thiên quán tại phía Bắc miếu leo lên núi cách 35 dặm, căn cứ theo "Phước địa chí" nói là: Quán đó thuộc hệ phước địa trong 22 đàn Thiên quang. Trong thơ "Động uyên tập" nói là:

"Thái cực phân hình tướng tợ đàn
Mây trắng khóa sâu đường hang yếu
Tự nhiên ngàn xưa ngậm xuân sắc
Chiếu soi hiện tại Chúc thọ sơn".

Có thuyết nói là: Trong niên hiệu Thiên nghiệp (?), cải đổi Quán làm thành chùa tức là chùa Thượng Phong ngày nay vậy. Lại theo "Nam nhạc thập bát Cao tăng truyện" nói là: "Đầu niên hiệu Quang thái (567) thời nhà Trần. Đại Hòa thượng Huệ Tư lãnh dẫn đồ chúng đến đó, xây dựng các làm chân. Nơi chỗ đồ chúng trên dưới kinh hành nghe pháp, thì Quang thiên quán riêng có nền móng. Phía Tây có Phước địa; Thanh ngọc đàn, nay nhà Phật cải đổi gọi đó là Đàn La-hán Hành Đạo.

**** Chùa Thiên trụ.***

Chùa Thiên trụ tại phía Bắc của miếu leo lên núi cách khoảng 18 dặm, nằm dưới núi Thiên trụ. Ở gần núi thì Thiên trụ là nơi cao nhất, chùa nằm giữa lưng chừng núi, lầu các lắm nhiều đan xen, gần chùa-di-đà, vào ra giữa khoảng mây khói, người ở nghi ngờ như là trong hư vô. Bảo Chân cư sĩ có bài thơ nói rằng:

"Phước nghiêm thẳng lên nhìn Thiên trụ
Lầu điện lả tả dựa trời xanh
Tức nhìn Phước nghiêm như vời vẽ
Lại gần mưa khói khéo mông lung".

Phía dưới chùa có tháp 2 đời của Hòa thượng Huệ Tư. Núi có Hương Võng, chu vi rộng khoảng vài dặm, phần nhiều sinh mọc loại hương bạch chỉ, tương truyền giống ấy do Ngụy phu nhân trông nên vậy.

**** Chùa-di-đà.***

Chùa A-di-đà tại phía Tây bắc của miếu leo lên núi cách 20 dặm, tại dưới núi Di Đà, ngửa nhìn lầu các tợ như trong tranh vẽ. Vua Tuyên Tông (Lý thầm 860-874) thời tiền Đường ban sắc biển ngạch là Đạo tràng Bát Nhã. Đến trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-984) thời Bắc Tống, vua Thái Tông (Triệu Quýnh) ban sắc biển ngạch như hiện ngày nay. Cư sĩ Bảo trực đi phỏng tìm, gặp 1 vị Tăng đi ra đều không có 1 vật gì. Hỏi rằng: "Chư tăng đều vào trong thôn mà sinh hoạt,

từ lâu chẳng đến đây”. Nên có để lại 1 bài thơ rằng:

“Rêu phủ điện Phật khói chẳng xông
Trọn ngày bay bụi gần bít cửa
Tuy là Đạo nhân quên mùi thối
Hỏi ông mũi miệng có còn không”.

**** Chùa Thanh Hóa.***

Chùa Thanh Hóa tại phía Tây bắc miếu leo lên núi cách 25 dặm, bị hoang phế đã lâu, nay có Dã nhân ở đó. Phía đàn Tùng cốc truyền kinh.

**** Chùa Vân Cảnh.***

Chùa Vân Cảnh tại phía Tây bắc miếu leo lên núi cách 25 dặm, gọi là Trung động, do Mã Thị tạo dựng nên, chỉ phá phòng thất khoảng 3-4 gian. Tương truyền: Trong khoảng niên hiệu Thiên phục (901-904) thời tiền Đường, am vũ lắm nhiều, nay đều đã bị hư phế từ lâu. Bên cạnh đường lớn có 2 gốc cây sam lớn đều thẳng đứng chu vi đường kính khoảng vài trượng cao vút ngoài tầng mây, hùng tráng rất đáng sợ. Có thuyết nói: Xưa kia Thái tử Chân Tông thời tiền Đường thường nghỉ tại đó, thấy 2 vị tướng quân đến bái tạ, bỗng nhiên biến mất, nhân đó mà xưng gọi là song tướng quân.

**** Chùa An Bảo.***

Chùa An Bảo tại phía Tây bắc miếu leo lên núi cách khoảng 35 dặm. Đó là nơi trạm tiếp đãi Tiên dùng khoang gỗ để khang đá mà có được sách trời, rừng cây tươi tốt che kín, nay đã bị tàn phế.

**** Chùa Bảo Tích.***

Chùa Bảo Tích tại Động hạ tại phía Bắc Nam nhạc leo lên núi cách 30 dặm, hiện tại chỉ còn phòng thất trống không.

**** Chùa Thái Bình.***

Chùa Thái Bình gần Động Hạ, hiện chỉ còn phòng thất bị hư phá, tại dưới phía Tây núi Trắc dao.

**** Chùa Bảo Lâm.***

Chùa Bảo Lâm tại sau núi Chúc Dung, phía trên suối phong trang, gọi đó là Động hạ, chỉ bị hư phá phòng thất vài gian mà thôi.

**** Chùa Hóa Thành.***

Chùa Hóa Thành qua khỏi núi khoảng 50 dặm, không có gì xinh đẹp khác lạ đáng nói.

**** Chùa Nam Châu.***

Chùa Nam Châu qua khỏi núi khoảng 55 dặm về phía Đông, trông nhìn gò đồi nhạc sơn toàn một màu xanh biếc.

**** Chùa Vân Khê.***

Chùa Vân Khê qua khỏi núi cách khoảng 70 dặm, tại dưới núi Hoàng tưởng, ngay đường giữa của Thiệu châu, tre dài che phủ xanh, cây cối kỳ lạ lắm nhiều, phía Đông là núi Vọng dung cao cắm giữa mây.

**** Chùa Bạch Mã.***

Chùa Bạch Mã gần chùa Hoàng Long. Núi hang có Võ Vương Viết Phù Sắt mà hóa thành hạc trắng, nay gọi đó là hang Phi phù, cũng gọi là hang Bạch hạc, lại còn gọi là Đạo quán xưa cũ. Phía dưới có kho lẫm bằng đá, tự nhiên mọi vật thường đầy, nay nền móng kho lẫm ấy hiện còn.

**** Chùa Tư Phước.***

Chùa Tư Phước gần chùa Hoàng Long, rất là sâu kín.

**** Chùa Hoàng Long.***

Chùa Hoàng Long tại Trung động, có nền móng am cốc xưa cũ của Thiền sư khai sơn Phật quang đang hiện còn. Bạch Cư Dị ở thời tiền Đường có bài thơ rằng:

“Trăng rơi sáng lánh điện đường mới
Gió quẩy vận trong tùng sam xưa
Hỏi sư ngạch báu nhân gì lập
Cười, chỉ khe ngang có rồng nằm”.

**** Chùa Cao Đài Huệ An.***

Chùa Cao Đài Huệ An tại Hậu động phía dưới núi Diệu cao, gần chùa Phương Quảng, thế núi suy xét, cảnh vật so với phía trước núi chẳng sánh bằng. Đến trong thời nhà Tống chúng ta mới ban sắc biển ngạch như hiện ngày nay. Từ chùa tới phía trước khoảng 50 bộ là nơi hiểm tuyệt, trên đá có dấu vết tướng trạng như vết bánh xe. Theo “. . . ký” nói là: Xưa kia có 500 vị A-la-hán ở đó, nghe Hòa thượng Huệ Tư sắp đến, mới cùng nói với nhau rằng: “Chủ núi sắp đến, chúng ta nên lánh đi”. Và bèn dời đến ở nơi khác, nay dấu vết hiện còn vậy. Lại theo “. . . ký” nói: Đó là dấu vết do quỷ vận chuyển lương thực đến cúng trong nhà trù. Lại về phía Tây có nguồn nước, xuất phát từ dưới hang đổ ra, chẳng biết gốc gác từ đâu, tự gọi đó là nguồn Linh. Trong thời nhà Tống chúng ta, có ngôi am của Tăng sĩ Tông Bính tại trên nguồn Linh, nay tức là am Ba tiêu (lá chuối) vậy, nền móng vẫn hiện còn. Tại chùa có 2 tảng đá có dấu vết của Đức Phật, mỗi dấu vết dài thước 8, hiện rõ 6 tấc. Phía dưới chân có 2 tùy cầu và ấn đều như đường Văn Triệu, nói là từ Tây Vức đến. Hành Dương lệnh Trương Quân có đề bài thơ Cao

đài rằng:

"Muôn dặm nơi riêng cao
Khói mây xa tít trời
Nguồn linh tiếng chẳng dứt
Dấu vết in lỗ loang
Chim núi kêu không sợ
Mây khe thường tự bày
Tựa hành lan buông mắt
Xoay đầu chán trần ai".

Về phía Đông bắc có mục am, là nơi Trung đạo ở đó, chẳng tu phạm hạnh, ban đêm hay rảo bước khắp các hang cốc, không sợ trùng độc hổ rắn, nóng lạnh chẳng xâm, gặp mưa gió cũng không mang đội tói nón, thường dùng lời ngay thẳng để chỉ bày cho người và đều có sự chỉ dạy, sau đến ở tại Hoàng Long, lâu sau thì qua đời.

**** Chùa Phương Quảng Sùng Thọ.***

Chùa Phương Quảng Sùng Thọ tại phía Tây Nhạc sơn cách Hậu động 40 dặm, gần chùa Cao Đài tại dưới núi Liên Hoa. Phía trước soi chiếu núi Thạch lẫm, bên cạnh tựa vào Thiên đường. Theo truyện ký nói là: "Khoảng đầu niên hiệu Thiên Giám (502) thời Nam Lương, có Tăng sĩ Hy Tuần, nhân an cư kiết hạ tại Thiên Thai gặp Tôn giả Huệ Hải, sớm tối Hy Tuần chăm lo hầu hạ. Tôn giả Huệ Hải bảo rằng: "Sẽ cùng gặp ông tại chùa Phương Quảng ở Nam nhạc". Kịp đến lúc Hy Tuần đến Nam nhạc phỏng tìm chùa Phương Quảng thì trọn không có, sau đó bỗng nhiên gặp một ngôi tinh xá hiệu là Phương Quảng, có quỷ thần vận chuyển lương thực, lại có trâu vàng cưỡi chở, chốc lát lại thấy Tôn giả Huệ Hải bước ra cửa, hỏi rằng: "Sao ông đến chậm vậy?" Hy Tuần xin nghĩ lại. Tôn giả Huệ Hải bảo rằng: "Nơi đây là chỗ ở của 500 vị Tôn giả, ông nên lên ở đỉnh núi phía Tây bắc". Ở nghỉ lại một đêm rồi đi. Vừa bước ra khỏi cửa thì Tôn giả Huệ Hải và chúng Tăng chùa Phương Quảng bỗng nhiên biến mất. Hy Tuần bèn y theo lời chỉ bảo đó, lập am mà ở. Về sau, xây dựng thành chùa Phương Quảng. Đến trong triều đại nhà Tống chúng ta mới ban sắc biển ngạch là Sùng Thọ, nay gọi đó là nền móng của chùa Thánh Thọ vậy, vào nửa đêm thường nghe có tiếng chuông khánh, ra ngoài hang núi thấy có ngọn đèn Thánh, khoảng trong niên hiệu Nguyên Phong (1078-1086) thời Bắc Tống, tại núi bỗng bão lớn phát nổi, tức là Hòa thượng kỷ khai sơn đất tích trượng dời chuyển xây dựng chùa ngày nay. Lý Bạch có một bài thơ vịnh về chùa Phương Quảng rằng:

"Chùa Thánh, nhàn nghỉ ngủ tỉnh giấc
Khi ấy nơi nào rất sâu trong
Đầy cửa trăng soi, gió trời lắng
Khánh ngọc cùng nghe vài tiếng vang".

**** Chùa Bảo Khánh.***

Chùa Bảo Khánh tại phía Tây nam chùa Phương Quảng, chuông khánh giao âm, cây rừng cách bít.

**** Chùa Linh Động.***

Chùa Linh Động tại phía Tây bắc Nhạc sơn, Hậu động là Tiền sơn của Cao đài, núi rừng xanh kín, khí núi thường ùn nổi, Hậu động tiếng vượn nghe như Ba Hạp, các người đi săn không sao bắt được, bởi thường luôn có nhạc thần bảo hộ. Lại có cầu Minh Nguyệt bắt thẳng lên đỉnh cao, có tháp Thiên thành tầng cấp tự nhiên, cao ước khoảng 5 tầng, dưới rỗng trên bén nhọn. Nếu chẳng cần việc tốt lành thì chẳng thể một lần phỏng hỏi, bởi sợ đường hiểm mà xa vậy.

**** Chùa Quốc Thanh.***

Chùa Quốc Thanh ở Hậu động, tại dưới phía Tây núi Thạch lẫm, Tiền sơn của Cao đài, gần chùa Linh Xuyên, chuông khánh cùng giao vang.

**** Chùa Linh Xuyên.***

Chùa Linh Xuyên Hộ quốc tại Hậu động, gần chùa Quốc Thanh.

**** Chùa Minh Khê.***

Chùa Minh Khê tại phía Tây cầu Mã tích gần hang Kim quy, cách Nhạc sơn khoảng 70 dặm. Xưa kia có người ẩn dật Lý Tư Thiện ở tại hang Kim quy, về sau đi đến La Phù. Lại có Cao tăng Huệ Giám ở đó, bỏ ăn dùng cơm gạo tư duy thiện pháp. Thư tề đều đã hư phế, về sau có vị Tăng sửa sang lại làm thành ngôi phạm sát.

**** Chùa Pháp Luân.***

Chùa Pháp Luân tại phía Tây nam Nhạc sơn cách khoảng 70 dặm, hệ thuộc dưới núi Cú Lũ; Hàng dương, được xây dựng trong khoảng niên hiệu Hàm Hòa (326-335) thòi Đông Tấn, hiệu là chùa Vân long. Đến cuối niên hiệu Đại Nghiệp (617) thời nhà Tùy, có Cao tăng Đại Minh ở đó. Đến cuối thời tiền Đường, chuyển dời xuống núi, Mã Thị lại cải đổi tên là chùa Kim Luân. Hoặc có thuyết nói là: "Đó là nơi trang trại Mã Thị vậy". Đến trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-984) thời Bắc Tống. vua Thái Tông (Triệu Quýnh) lại cải đổi ban sắc biển ngạch như hiện nay. Bao quanh chùa có vài vạn cây tùng cây sam. Mỗi lúc gió kích động, tiếng cây rừng xao động như sóng biển. Chùa có bài

ký khắc ghi vào đá do Sầm Văn Bản ở thời tiền Đường soạn thuật, và bia thơ nói về núi Cú lũ của Hàn Dũ cũng tại đó, theo tương truyền là bia của Võ Vương tại trên chót vót núi đó. Xu Mật Chiết Công lưu đề lại rằng:

"Đường xoay đảnh gập ghềnh
Nước chứa ruộng uốn quanh
Rừng tốt sâu tợ biển
Chùa xưa rất như vực
Cú lũ chưa thể đến
Bia Võ chân mạn truyền
Rừng Tây về sợ muộn
Muốn đi lại mịt mờ".

Tại chùa có suối Phổ dung và am Đạo nhân.

**** Chùa Tây Lâm.***

Chùa Tây Lâm cách Hành dương khoảng 50 dặm, tại phía Tây nam Nhạc sơn cách khoảng 50 dặm.

**** Chùa Hội Thiện.***

Chùa Hội Thiện tại phía Tây nam Nhạc sơn cách khoảng 90 dặm, tức chùa Trọng Lý xưa cũ được tạo dựng trong khoảng niên hiệu Hàm Hòa (326-335) thời Đông Tấn, là nơi thiền hội của 18 Cao tăng trong Nhạc sơn; tại dưới núi Hội thiện. Trong thời tiền Đường, Sa-môn Huệ Nhật soạn "Thập bát cao tăng truyện" tức ở thời nhà Trần có Cao tăng Huệ Tư, ở thời nhà Lương có Cao tăng Huệ Hải, ở nhà nhà Tùy có Cao tăng Trí Dĩnh, Đại Thiện, Tăng Chiếu, Huệ Thành, Đại Minh, Huệ Dõng, Huệ Điều, Huệ Thành, Huệ Đàn, Thiện Phục, Đàm Giai, Nghĩa Bản, Nghĩa Hạo, Ngộ Thật, Đạo Luân và Trí Minh.

**** Chùa Phổ Tế.***

Chùa Phổ Tế tại phía Tây nam miếu cách 80 dặm, xưa kia đó là chùa Long Vương vậy. Đến trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-984) thời Bắc Tống, vua Thái Tông (Triệu Quýnh) mới ban sắc biển ngạch như hiện ngày nay.

**** Tầm Chân quán.***

Tầm Chân quán cách miếu khoảng 90 dặm tại phía Bắc thành Hành Dương, Quán trấn sông lớn, có chiếc trống đá. Hậu động là cửa phía Tây của Chu Lăng, là nơi Bạch chân nhân Huân luyện sư phi thăng vũ hóa ở thời tiền Đường. Tiên nhân Thạch khác có bài thơ "Tiễn đưa Điện Trực Lôi Thừa Hạo Phụng Mạng Hành Dương" toàn bài là:

"Hành dương cách đây khoảng ba ngàn

Một đường dằng dặc rất thảng nhiên
Sâu xa tường cửa ngoài Tam sở
Gió trong ao quán trước năm non.
Phía Tây giếng chợ khách buôn lại
Đông Nghi, châu thấp nhóm thuyền câu
Ông lui chỉ nên không việc khác,
Chu Lăng, Hậu động hỏi Tiên thần".

Theo "Tương Xuyên Ký" nói là: "Trống đá đó có lục tự kêu vang tức là có binh lính nổi dậy". Hoặc có thuyết nói: Lô Lông đẩy trống vào trong đầm. Lô Long, không rõ tên tự là gì, nay xét nghiệm ở trống cũng nói là" Miếu Lô Long, không biết được dựng lập vào thời đại nào. Đến tháng 08 năm Long sóc thứ nhất (661) thời tiền Đường, vua Cao Tông (Lý Trị) ban sắc sai Đạo sĩ Quách Hành Chân cúng tế Nhạc sơn, nhân đó phá hủy miếu không cúng tế. Từ đó về sau dân chúng trong quận mắc phải tai hoạn, đến nay trăm họ mới lập đền phụng thờ lại. Năm Trinh Quán thứ 5 (631) thời tiền Đường, Tướng công nhà Tề xưa cũ đến ở đầu núi đó tạo dựng đình Hợp giang. Đỗ Tuân Hạc ở thời tiền Đường có đề bài thơ Tầm Chân Quán là:

"Lẳng lặng cửa mây trắng
Tầm chân chẳng gặp chân
Cầu ứng hạc trên tùng
Bèn là người trong động.
Vườn thuốc hoa hương lạ
Suối cát dấu chân nai
Đề thơ lưu tên họ
Ngày sau cùng đây thân".

Lại nữa, trong niên hiệu Đại trung tường phù (1008-1017) thời Bắc Tống, có Sướng huyền tiên sinh Thạch Trọng Nguyên ở Thê Hà động tại Quế Lâm trú trì, là bậc Đạo hạnh siêu tuyệt, thơ tải hay giỏi, kinh doanh mỗi sự mỗi đổi mới, xây dựng lại hàng hiên Bạch Vân, nhìn xuống dưới cỏ tốt vượt, phía trước có Bạch Vân đường vào ao sen trắng. Từ năm Bình Dần (1146) thuộc trong niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Bắc Tống, kẻ ngu tôi (?) Độ hạ tại Bạch Vân đường đó, cũng có lưu lại 40 chữ, tuy chẳng đủ phưởng phất, song đối với Tiền hiền chỉ biết mọi sự của Chu Lăng, với lời thơ đó là:

"Tôi mến cảnh Tiêu tương
(Quán đối diện với cửa Tiêu tương)
Chu Lăng, Hậu động thiên

Khách trong Bạch Vân đường
Cỏ xanh phủ đầu ngủ
Thuyền nhỏ câu cá chép
Ao sâu trồng sen trắng
Di chân chịu đất ấy
Gió trăng vẫn y nhiên".

Đến trong niên hiệu Cảnh Đức (1004-1008) thời Bắc Tống, vua Chân Tông (Triệu Hằng) mới cải đổi ban sắc biển ngạch như hiện ngày nay.

**** Chùa Thạch Cổ.***

Chùa Thạch Cổ tại trên động Thạch Cổ (trống đá), trông nhìn phía dưới là dòng sông lớn, gần Niểu đức, nay cải đổi làm thư viện. Đến năm Tân dậu (?) thuộc niên hiệu Cảnh Định (?) Hiến Sứ Du Công xây dựng lại, quy mô rất hùng tráng.

**** Chùa Đông Lâm.***

Chùa Đông Lâm gần biên giới Hành Dương. Trong thời tiền Đường, có Từ An Trinh (tên phạm húy miếu) trốn lánh việc triều đình, dối giả ngọng câm đến ở chùa, nhân đó mà xây dựng điện Phật, không có người ghi viết và xa nhà. Từ An Trinh là tay nghề ghi viết, vì gần mọi người nên chúng Tăng trong chùa bảo ghi chép đó, vết chữ rất cứng mạnh, mọi người trông nhìn đều kinh ngờ, về sau có Lý Ung rảo bước đến núi, trông thấy chữ viết mà kinh lạ, bèn mời ra đồng về kinh đô lại. Đó tức là nền móng vết tích xưa cũ vậy. Thị Lang Lô Tương có đề bài thơ là:

"Thu đến chân núi một chiêu đề
Tên cùng giúp Lô Tấn giết Tề
Đất trời tẩy căn bay lá rụng
Ráng mây in ảnh thoáng khe minh
Dây hoang phủ ổ quấn sừng trâu
Tốt mạnh dán khói ướt chân ngựa
Còn ghi hái cỏ thời tiết bày
Nương dâu gà gáy ruộng chùa Tây".

**** Phổ Hiền quán.***

Phổ Hiền quán tại phía Nam núi Cú lũ, dưới là bên tả của đường Hành Dương, do Đạo sĩ Hứa từ tiên sinh Trương Chí Đàm khai sơn trong khoảng niên hiệu Vĩnh Minh (483-494) thời Nam Tề. Đến trong thời Nam Lương, Chu Tỉnh Chân là thầy của vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) trú trì tại đó. Mây nước tụ hội đều như là trên biển, người lạ đến

giảng đường đông như chợ, không ngày hở trống. vua ban sắc tên gọi là Phổ Hiền. Đến thời tiền Đường có Trần Pháp Minh tiên sinh ở đó tu hành nhân hiến, trong niên hiệu Lân Đức (664-666) thời tiền Đường, vua Cao Tông (Lý Trị) có vời vào nội, chẳng nhận sự vinh hoa sủng ái, xin trở về lại núi, được vua phong là Ngộ Chân tiên sinh. Đến năm Tuyên Hòa thứ nhất (1119) thời Bắc Tống, vua Huy Tông (Triệu Cát) ban sắc phong là Xung Chân.

**** Chùa Vô Ngại.***

Chùa Vô Ngại tại phía Tây Nam của miếu, tương truyền là chùa được xây dựng vào cuối thời nhà Tấn.

**** Chùa Phước Xương.***

Chùa Phước Xương cách miếu về phía Tây khoảng 20 dặm. Bên cạnh có đầm rồng và gần chùa Tây Minh.

**** Chùa Tây Minh.***

Chùa Tây Minh tại dưới núi Thạch lẫm, ở phía Bắc có động Tây Minh. Xưa trước có am vũ, nay đều đã hư phế.

**** Ngọc Thanh quán.***

Ngọc Thanh quán tại phía Nam núi Thạch lẫm cách miếu leo lên núi cách khoảng 15 dặm, được tạo dựng khoảng đầu niên hiệu Vĩnh Hưng (?) thời nhà Tề. Trần chân nhân húy là Huệ Độ, người xứ Dĩnh Xuyên, mới đầu ở tại Mao Sơn hái cỏ linh dị, mang ra đổi bán để uống rượu vài năm không ăn gì, về sau đi đến hướng Nam gánh 2 hòm rương toàn các loại vàng đá. Đến Nam nhạc, chọn nơi u thắng, cáo khấu đất trời phát thề luyện đan, nửa đêm bị phá thất nhiễu loạn, 3 lần nâng đất lò Đan, chuyển vận đá bít lấp, chỉ giữ tâm thầm kín ngồi trên tảng đá trì tụng kinh Hoàng Đình, đem mang Ngũ nhạc chân đồ hình, chí khí càng thiết kính, được âm thầm cảm cách, Đạo lực ngầm phò trì, bắt được ly mỵ, yêu khí dần tan, quỷ ấy kinh sợ buồn khóc. Chân nhân lại bảo dựng đá phát thề khỏi giết hại, xua đuổi hình quỷ ra xa ngoài biên giới cảnh vức. Về sau, Đan thành, khí sáng tỏa khắp núi, soi chiếu cùng xa gần, sau, đượm phục đó. Đến ngày 13 tháng 5 năm Vĩnh Minh thứ 3 (485) thời Nam Tề, Trần chân nhân Xung Thiên. Đến năm Trọng Hòa thứ nhất (1118) thời Bắc Tống, vua Hy Tông (Triệu Cát) ban sắc phong hiệu là Xung hư nguyên diệu chân nhân. Nay ở trên đỉnh nền móng quán đó hiện có Đài Đan, đá quỷ dựng, hang sấm gió, đàn tụng kinh, suối Đan. Gần đây có vị Tăng sĩ đến nơi nền móng quán, xây dựng ngôi chùa đặt hiệu là Quang Minh, sau đó không lâu cũng lại bi hư phế. Trong niên hiệu Càn Đạo (?) thời nhà Tống chúng ta, có Đạo sĩ Đặng

Thời Vĩnh và Đạo Nhân Hoàng Thủ Chánh phát tâm khai phát núi chặt cây, cắt cỏ chiêu mộ các bậc Hiền thiện cùng xây dựng lại điện đường, cầu mưa đảo họa, đều có cảm cách, các dã nhân ở am cũng dần đượm nhuần Đạo hóa.

**** Động Dương cung.***

Động Dương cung tại phía Tây bắc núi Thạch lẫm, là nơi thí chân nhân nhiếp phục quỷ hội chân. Trong thời tiền Đường, có Trần Pháp Minh ứng chiếu trở về lại dưới núi đó khai phá hang dựng lập đàn, được thần núi thần vì hộ giúp, qua phía Nam mong ngóng vân dương, sớm tối chầu chân, đọc tụng động kinh, về sau đượm phục đan mà huyền hóa, nay hiện còn có nền móng. Xưa trước cũng có am vũ.

**** Động Môn quán.***

Động Môn quán tại phía Tây núi Thạch lẫm; thuộc dưới phía Nam núi Thạch lựu, cách miếu khoảng 20 dặm. Xưa kia, Thí chân nhân húy là Tồn, tự gọi là Hồ Phù tiên sinh, hoặc nói là Uyển bồn từ sư Hoàng lô tử đắc đạt nội văn của Tam Hoàng, thuật phục ngự hổ báo, pháp độn biến hóa cảnh, hoặc ẩn hoặc hiện trong vài trăm năm, mến mộ cửa động Thạch lẫm, đó là nơi chốn của ta xung chân, bèn đến ở đó. Lại đến nơi Thạch thất tại phía Tây của núi tạo dựng cá, vòng quanh giữa không khoảng hơn 10 trượng. Lúc đi ra thì cưỡi con báo sắc trắng, hoặc đi bộ quanh núi, con Báo cũng liền nghinh đón theo, Tiên thần núi biển có lúc nhóm tụ. Trong cảnh vức có người kính mộ, nhưng ít được đến gần trông xem. Đến ngày mồng 07 tháng 04 năm Vĩnh Khương thứ nhất (300) thời Tây Tấn, cưỡi con Báo mà bay lên trời. Đến năm Trạng Hòa thứ nhất (1118) thời Bắc Tống, vua Huy Tông (Triệu Cát) ban sắc phong hiệu là xung hòa kiến tố chân nhân. Lại có Lý Xương lợi tiên sinh vốn người đất Thục đến nương ở đó vài năm rồi đến Động Thiên bảo, nay chỉ còn có hang Khống chế Báo, và các nền móng khác cũng hiện còn. Trong thời tiền Đường, có Trương Cửu Linh đển cửa Động ghi đề thơ nơi Đài Đan của Trần chân nhân rằng:

"Gà gối đầu tây bèn mở cửa
Trần Thị Đan bay bỏ nhận đài
Nam xưa đuổi quỷ thề thật chăng
Đến nay còn nói quỷ cắm mày".

**** Thái Bình quán.***

Thái Bình quán ở phía Tây miếu cách 25 dặm tại dưới núi Bạo Bố, ở thời nhà Tề, có chữ bá ngũ tụng Thái bình kinh và hành Đạo Thái bình, vâng phụng sắc ban tạo dựng Thái Bình quán, nay đã bị hư phế,

xưa trước cũng có am vũ.

**** Chùa Tụ Phong.***

Chùa Tụ Phong tại dưới núi Bích tụ cũng đã hư phế từ lâu.

**** Tây Đài quán.***

Tây Đài quán tại phía Tây bắc chùa Tụ phong. Tương tuyền là do Chu Mục Vương tạo dựng. Đến thời nhà Trần cải đổi là Thái sơ quán. Lại có thuyết nói là sau đó làm thành chùa cũng đã hư phế từ lâu.

**** Chùa Bạch Vân Hưng quốc.***

Chùa Bạch Vân Hưng quốc tại phía Tây của miếu cách 22 dặm, là nơi an táng di cốt của Thiền sư Thiên ở Nam Đài, vua Tuyên Tông (Lý Thầm) thời tiền Đường ban phong thụy hiệu là "Vô Tế Đại sư". Thấy ở gần tháp có 2 văn bia dấu tích sắc đen, do Bùi Hưu Tướng Quốc ở thời tiền Đường tạo dựng nên vậy.

**** Chùa Sở An.***

Chùa Sở An tại phía Tây của miếu cách 20 dặm, ở trên núi song phong, là nói xưa kia có vị Thiền tăng yên tọa. Theo ".... ký" nói là phía Bắc núi đó có ngôi thạch thất, có người ẩn dật ở đó, chỉ nghe tiếng tụng kinh. Đến trong niên hiệu Quảng Minh (880-881) thời tiền Đường gặp phải hoạn nạn bèn theo hướng Bắc vào núi Đại Tây.

**** Chùa Đa Bảo.***

Chùa Đa Bảo tại phía Tây nam của miếu cách 18 dặm, xưa trước gọi là chùa Tư Phước. Đến trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-984) thời Bắc Tống, vua Thái Tông (Triệu Quýnh) cải đổi ban sắc biển ngạch như hiện ngày nay vậy.

**** Chùa Song Phong.***

Chùa Song Phong tại phía Tây miếu cách 25 dặm, núi tròn xoay quanh tướng trạng như thành quách. Đường lên núi quanh co khúc khỉu đi khoảng 1 vài dặm, cây rừng che phủ ánh sáng dất dần đến sâu xa. Tại phía Tây của hang Thập Huệ. Xưa kia có Cao tăng Huệ Đàn ở trong hang, mọi sự thường do Thập Huệ cung cấp, nên xưng gọi là hang Thập Huệ, thường có 2 con hổ tên là Đại không và Tiểu không, mỗi lúc Thập huệ bổ củi gánh nước, hai con hổ mang vác vẽ hang, như người sai sử lo mọi việc gần xa, song không người nào dám sang đó. Chùa được xây dựng trong niên hiệu Khai Nguyên (713-742) thời tiền Đường đến trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-984) thời Bắc Tống, vua Cao tông (Triệu Quýnh) ban sắc biển ngạch y như cũ. Ở phía Bắc có dòng thác đổ, cảnh sắc rất khả quan.

**** Chùa Vân Long.***

Chùa Vân Long tại dưới núi Vân Long, đã bị hư phế từ lâu. Lại có nền móng của Tây chân quán.

**** Chùa Thừa Thiên.***

Chùa Thừa Thiên tại phía Tây miếu cách 15 dặm vốn hiệu là chùa Thượng Nham. Trong niên hiệu Đại trung tường phù (1008-1017) thời Bắc Tống, vua Chân Tông (Triệu Hằng) cải đổi ban biển ngạch là chùa Năng nhân, cảnh sắc khác thường, khe nước phun tràn, bậc đá cao vút, cây cỏ tốt rợp trước sau như nhau, đối diện trước mặt có 1 tảng đá tướng trọng như bức bình phong. Nền móng nhà sách xưa cũ của Vi Dần ở thời tiền Đường vẫn hiện còn và thường có loài dã nhân ở đó. Và có tháp Hòa thượng Thập Huệ vẫn hiện còn. Tương Tăng có bài thơ vịnh về chùa năng nhân rằng:

"Chùa tại trong tầng mây
Thu sâu mộng chuyển nhọc
Trước hiên hai khe dốc
Ngoài cửa một núi cao
Chim cốc phiên nhạc mới
Tùng núi gọi sóng chiều
Bao giờ rủ áo đi
Gối dài nghe tiêu tao".

**** Chùa Vân Phong.***

Chùa Vân Phong tại phía Tây miếu cách 7 dặm, do Mã Thị tạo dựng trong khoảng niên hiệu Thiên Phước (936-944) thời Hậu Tấn (Ngũ Đại), gần đây đã bị hư phế. Bên cạnh có khe Thuấn, phía trước có miếu Thuấn, phía Tây có động Thuấn. Ao Pháp Võ, hang Khổng Tước. Phía sau có nơi Triệu Khiên mặc bơi lội đến dừng nghỉ. Về phía Tây bắc có nền móng điện Vương Mẫu. Phía dưới có tảng đá khắc hình tượng chân nhân, nơi vương thị thoát giải thay.

**** Chùa Thọ Quang.***

Chùa Thọ Quang hiện còn nền móng, về phía Đông có nền móng chùa ni. Phía Nam có động rồng.

**** Chùa Chỉ Quán.***

Chùa Chỉ Quán tại phía Tây của miếu cách khoảng 5 dặm gồm nơi đường lớn, được tạo dựng trong khoảng niên hiệu Hiển Đức (?) thời nhà Tống (?), có tháp của Đại sư Từ Quang; người xứ đất Ngô. Xưa trước gọi là chùa Tháp Thiền Lâm. Đến trong niên hiệu Thái Bình Hưng Quốc (976-984) thời Bắc Tống, vua Cao Tông (Triệu Quýnh) cải đổi ban sắc biển ngạch là chùa chỉ quán, cùng chùa An Lạc, Bảo Phước

và nhiếp thọ cả 4 chùa chuông khánh giao âm, tùng trúc xanh phủ. Thái Đường Bác sĩ Lã Thọ có lưu lại bài thơ ghi về động Thuấn rằng:

"Ngàn xưa dấu vết nay hiện còn
Nam Tuần Thánh ý trọn ra sao,
Tám nguyên đồng bạn nhờ ân nặng
Tức là Hồ phi hận lệ nhiều".

**** Chùa An Lạc:***

Chùa An Lạc tại phía Tây miếu cách khoảng 5 dặm, xây dựng trong năm Thanh Thái thứ 2 (thuộc triều đại nào?)

**** Chùa Nhiếp Thọ.***

Chùa Nhiếp Thọ tại phía Tây miếu cách khoảng 5 dặm, xây dựng trong khoảng niên hiệu Thiên giám (502-520) thời Nam Lương. Tại chùa có suối Nhất chước.

**** Chùa Bảo Phước.***

Chùa Bảo Phước, gần đây đã bị hư phế.

**** Tử Hư các.***

Tử Hư các, các miếu về phía Tây khoảng 3 dặm, tại dưới phía Nam núi Thiên trụ, được tạo dựng trong khoảng niên hiệu Thiên Bảo (742-756) thời tiền Đường, Mã Thị y cứ Hồ Tương có sửa sang tu bổ lại. Đến trong niên hiệu Thiên Thánh (1023-1032) thời Bắc Tống, lại có được sắc chỉ của vua Nhân Tông (Triệu Trinh) sửa sang lại, trước sau chỉ gọi là Ngụy Các. Trong niên hiệu Cảnh Hựu (1034-1038) thời Bắc Tống, vua Nhân Tông mới ban sắc biển ngạch với 6 chữ là "Tử Hư Nguyên Quân Chi Các", đồng thời cấp tặng lễ phục tốt đẹp và Tiền, đặt ruộng để cung cấp cho Đạo chúng. Về sau, đến năm Chánh Hòa thứ 5 (1115) thời Bắc Tống, vua Huy Tông (Triệu Cát) lại cải đổi ban sắc hiệu là "Hoàng Đình Quán Các". Phía dưới có Thạch đàn rộng hơn 1 trượng, danh phi lưu đàn. Theo "Cựu ký" nói là: "Xưa kia, phu nhân từ Phủ châu cưỡi đó bay đến trong tương đây". Theo ". . . ký" nói là: Đàn cao hơn 1 trượng, xưa kia Nguyên Quân cưỡi xe gió đến đó ngơi nghỉ. . theo Đổ Thiên sư Thập Di nói là: Đàn của phu nhân là 1 tảng đá vuông rộng hơn 1 trượng, phía trên rộng tròn, phía dưới nhỏ nhọn cắm tựa vào trên 1 tảng đá khác, phàm chỉ 1 người đưa tay thử xô đẩy thì lay động, nhưng nhiều người cùng dốc sức xô đẩy thì lay động, nhưng nhiều người cùng dốc sức xô đẩy trọn không lay động. Mọi người đi đến chí thành thanh khiết đốt hương dùng ngón tay đụng nhẹ liền lay động. Nay tại núi Phủ châu có hang huyệt sâu rộng, tướng trạng như đá, có thuyết nói là: Xung tịch nguyên quân ma cô đưa phu nhân cưỡi mây đến đó, mây

rơi hóa thành Đá vậy. Lại thuyết khác nói là: Đá ma cô tại trên núi ở phía Tây của Quán. Căn cứ theo "Nội truyện" nói là: Phu nhân vốn dòng họ Ngụy, húy là Hoa Tồn, tự là Huyền An. Người xứ Nhậm thành, tức là con gái của Tả Bộc Xạ Ngụy Thư ở thời vua Võ Đế (Tư Mã Viêm 265-290) thời Tây Tấn. Được phong chức là Thượng chân ty mạng tử hư nguyên quân. Lại thêm tên núi mà phong vị ước đồng chư hầu. Xung tịch nguyên quân ma cô vì ngụy phu nhân mà giúp cai trị. Nay tại phía trên quán cũng có tượng của ma cô xếp bày cùng với phu nhân. Năm Hàm Hòa thứ 4 (329) thời Đông Tấn. Thái Nhất Nguyên Quân cưỡi xe gió nghinh đưa phu nhân bay lên trời. Phu nhân có Linh Văn Bí yếu gần hơn trăm quyển cất chứa trong hang đá động Long chân. Nên gọi đó là hang Linh thư. Thời bấy giờ có 1 cụ già vốn dòng họ Bàng đến lễ bái mà thưa rằng: "Xin giữ Linh đàn để được nghe pháp ngữ". Đại tiên quát mắng bảo: "Ngươi thuộc loài súc vật tanh nồng hôi hám nên gây vạ dịch bệnh cho dân chúng trong cảnh vức ư?". Bèn rút kiếm ra chém, xua đuổi chạy đến ngầm trốn tại khe ở phía Tây. Nay, đó tức là động Long chân vậy. Trong niên hiệu Khai Bảo (968-976) thời Bắc Tống, có các chư Đạo sĩ Suất Tử Liêm đắc Đạo, giải thay. Sự việc cụ thể như ở quyển Hạ.

**** Tây Linh quán.***

Tây Linh quán tại phía Tây miếu cách khoảng 2 dặm. Theo "Tương Trung ký" nói là: Ở thời nhà Tấn, đó là nơi Nữ Trinh tiết luyện sư xung cử. Đến năm Thiên Giám thứ 5 (506) thời Nam Lương mới tạo dựng thành quán. Về sau Công chúa của Chu Võ Mục tức là Chu Huệ Biện, vừa mới sinh mà có ánh sáng khác lạ khắp đầy phòng nhà, thuở bé không ăn các thứ rau tanh nồng, lúc trưởng thành Niết-bàn nghĩ suy muốn ở 1 mình, mến mộ chí khí của Nguyên Quân Tiết Luyện Sư Hầu Tiên Cô, nhân đó mà đến ở thạch thất, cảm được Tây linh Thánh mẫu giáng hiện truyền cho kinh lục, Đạo tu Tam Tố, cảnh của Đàm Hành. Các hàng sĩ nữ kính mộ có đến vài trăm người. Gặp đời sắp loạn lạc, bèn bảo cùng các người học rằng: "Ta sẽ tạm đi xa, ước hơn trăm năm sau sẽ trở lại". Các hàng hậu học đông nhiều như chợ. Đầu niên hiệu Khai Nguyên thời tiền Đường (713), vua Huyền Tông (Lý Long Cơ) ban sắc biển ngạch hiệu là "Tây Linh". Về sau có Nữ quán Lý Thái Chân Tào Diệu Bản đều tiếp gót mà đến và đắc Đạo. Tức nơi thường ở ngày nay là nơi xả thí của Chu công chúa vậy. Quán đã bị hư phế từ lâu. Mã Thị tạo dựng lại. Đến trong triều đại nhà Tống chúng ta đặc biệt ban sắc mỗi năm độ 1 nữ quán để tiếp tục lo việc đốt hương tu luyện vậy.

**** Hang Tịnh cư.***

Hang Tịnh cư tại sau chùa Giác Hải, cách huyện về phía Tây 2 dặm, suối bay phun nước tiếng vọng hưởng, cây xưa cũ giao bóng, đường đá khúc chiếc. Phía trên hang có cây A-la-quả. Xưa kia, có người rảo bước đi đến đó, thấy dưới hang có 1 lão Tăng tướng mạo cao vợi, thân mặc áp nạp rách nát, nhân đó hỏi han mà chẳng đoái hoài, gây lâu mới bảo là: "Đây là trời Tịnh cư vậy". Bỗng đưa tay chỉ và nhìn quanh 4 phía rồi biến ẩn mất. Tại hang có đình Tả Hồng. Hiến sứ Trương Công Thọ có 1 bài thơ rằng:

"Rì rì bậc đá suối tả Hồng
Theo đường thang Đan vào khói tía
Hang có cao nhân chẳng hỏi chốn
Am la tỏa bóng biếc trời khung".

Tuy gần thành quách mà có cảnh ngoài trần. Lại nữa, phía sau núi có cái hang loài giao, có Tăng sĩ Tông Dự ở trong Uổng sơn lúc đầu mới đến đó, thích cảnh thuyết nhàn rộng thoáng mới dựng am để ở, có người phụ nữ qua vài lần nhiễu loạn, do vậy Tông Dự bèn lánh bỏ đến chùa hang chẳng dám ở lại đó. Năm Thiệu Hưng thứ 11 (1141) thời Nam Tống, có Tăng sĩ Thiện Đông bắt đầu đến ở đó, mời đầu phòng ốc chỉ có vài gian. Có Du Tăng Diệu Ấn vừa 28 tuổi ở đó, người phụ nữ lại cùng giao hợp, đến sáng ngày từ eo lưng trở xuống thảy đều như băng, sau vài ngày thì qua đời. Lại có Hành giả Tổ Uyên đi chặt cây gỗ trong núi, mê lạc đường chẳng thể trở về. Qua 5 ngày sau mọi người đi tìm bỗng thấy ở trong hang hổ già mà nói rằng: "Có 1 người phụ nữ bảo ở đây, nay ra tìm kiếm trái quả để cho tôi ăn". Miệng hang rất chật hẹp, chỉ dung chứa được 1 thân người, nhưng bên trong rất rỗng thoáng. Đó là hang huyệt của giao vậy. Tổ Uyên trở về cũng cảm mắc bệnh. Ngày rằm tháng 4 năm đó, gió mưa bao đến, khắp núi đều tối đen, sấm sét đánh nổ quanh ở ngoài thất. Tăng sĩ Thiện Đồng vốn không ngủ, an tọa trong khám, đã qua nửa đêm, bật đèn sáng nghe có tiếng ra dưới khám như bể trống, nhưng trông nhìn kỹ thì đó là 1 con trăn lớn đang cuộn quanh vài vòng, đuôi còn ở ngoài cửa. Thiện Đồng gọi bảo chúng Tăng dùng gậy đánh xua đuổi. Con trăn ấy đi rồi trở lại, chư Tăng lại đánh đuổi đó, con trăn bèn chạy vào nơi khe hở của tảng đá lớn, muốn vào chốn chết. Nước ở núi dần lớn lên Hành ốc đã quá nửa thất, thế rồi trăng sao tỏa sáng, gặn hỏi trông xem thì con trăn đó đã chết, thân dài cả trượng 2, chu vi lớn khoảng vài thước, thân thể toàn sắc đen có đường văn hoa vuông. Ngày đó Tổ Uyên cũng phát cuồng tướng trạng

tổ vẻ như vui mừng như luyến tiếc, vài ngày sau cũng chết. Trước sau chư Tăng bị hại có đến 8 vị. Trước đó mỗi lúc vào đêm núi liền đen tối, tuy có trăng cũng vậy. Từ đêm con giao đó chết, sắc núi mới tỏa sáng. Nay hiện có ngôi tháp vài tầng, phòng ốc có vài gian và Tăng sĩ có vài chúng bạn.

**** Chùa Đâu Suất.***

Chùa Đâu Suất do vị trụ tướng quốc dựng lập ở thời tiền Đường. Đến trong triều đại nhà Tống chúng ta mới ban sắc biển ngạch là chùa Tịnh Phước, chùa gối lưng bến sông Tương, phía dưới có đầm xưa cũ. Nước nhà thả rồng vàng nơi nhà sách của Vi Trụ đó, chư Tăng trong chùa thường luôn sửa sang không ngưng dứt, để lấy làm cảnh đẹp cho những người bơi lội thuyền bè đến trông xem. Ở phía Tây có miếu Thần Hác than. Tương truyền rằng: Xưa kia Hòa thượng Thạch Đầu tọa thiền tại đó, tiếng nước réo rắc om sòm tai, đó là bởi thần la hét vậy. Cách Nhạc sơn tuy xa nhưng sự việc ở đây cũng nên đáng ghi vậy. Trong khoảng niên hiệu Trị Bình (1064-1068) thời Bắc Tống, có vị chủ Bộ vốn dòng họ Đặng, nhân ngày nhà rỗi phỏng tìm đến nơi suối đá đẹp xinh, nhân đến chùa đó, kéo chống gậy muốn leo lên núi, bỗng nghe có mùi thơm của cây hoa khác thường, đưa mắt trông nhìn, thấy giữa lưu chừng núi có lầu đài cao thấp, vàng ngọc soi rọi lẫn nhau. Phía trên có tảng bia đề là "Từ Hồ Chân Nhân Chi Động". Đặng mới kinh ngạc gọi Thư Lại Đàm Anh cùng trông xem đó, khoảnh khắc bèn ẩn mất. Theo ". . . kỳ" nói: Đó là cửa phía nam của Chu Lăng động thiên vậy. Liệu xử sĩ có thư trai tại bến Tương giang. Đồ Ngưng Dung đã qua vài đời khéo giỏi văn thơ. Từ cuối niên hiệu Vân Hựu (?) thời nhà Đường đến ở đó. Nay hiện có "Ngũ Phong Tập" lưu hành ở đời, từng làm thơ nói rằng: "Mua được Hành châu mười dặm xanh" là đó vậy. Cây nước lắng đẹp, đất gần mà cảnh xa, thật là bộ giáp áo mão của Tương Trung vậy.

2. NHẠC SƠN SINH SẢN CÁC LOẠI CÂY TRÂN QUÝ:

- Cây hương nam
- Cây hoàng tâm
- Cây huyết bách
- Cây phỉ tử
- Cây ngân (kiên bạch)
- Cây tử (làm đàn)
- Cây sơn chá
- Cây thổ trọng (có thể sung làm quân gáp)

- Cây ngô đồng
- Cây linh thọ
- Cây hoàng dương
- Cây thiên liệu.

3. NHẠC SƠN SINH SẢN CÁC LOẠI THUỐC TẠP (phụ lục sơ quả)

- Hương bạch chỉ
- Sài hồ
- Sơn đậu căn
- Tần bồng
- Võ dư lương
- Thạch yến tử
- Thược dược
- Tiên linh tỳ
- Vân mẫu
- Hoàng dược tử
- Bạch dược tử
- Ô dược
- Thạch xương bồ
- Lương cương
- Ngũ vị tử
- Hà thủ ô
- Đại phong đằng
- Mạch môn đông
- Thiên môn đông
- Cẩu quyến
- Hương giao
- Lậu lô
- Bạch cập
- Tiên lữu
- Bạch truật
- Khổ xâm
- Quế tân
- Sơn từ cô
- Ngô thù du
- Sơn khung
- Xuyên ô

- Tục tùy tử
- Oanh lật
- Cảo mộc
- Phục linh
- Thiên nam tinh
- Tử kim đằng
- Sơn đại hoàng
- Bán hạ
- Đương quy
- Bách bộ
- Biên trúc
- Cù mạch
- Cúc hoa
- Mã đâu linh
- Bách hợp
- Đại ngao
- Tế tân
- Hoàng tinh
- Võ ty tử
- Tỳ giải
- Ngũ bộ tử
- Qua lâu
- Tục Đoạn
- Thiên niên nhuận
- Mộc tặc
- Võng thảo
- Sơn ngôi
- Quyển bách
- Quán chúng
- Địa du
- Ý dĩ
- Hải kim sa
- Thạch phát
- Bồ-đề tử
- Trà
- Thì la
- Vạn tuế đằng
- Phì trư

- Thích vị
- Xuyên sơn giáp. . . . . Thái
- Thái thanh
- Phỉ tử
- Sơn hồ tiêu
- Sơn cai đào
- Sơn lệ chi
- La-hán quả
- Anh đào
- Sơn quế tử.

4. NHẠC SƠN SINH SẢN CÁC LOẠI HOA LẠ:
- Hoa sa-la
- Hoa hồ điệp 5 sắc
- Hoa bạch đinh hương
- Hoa sơn thạch lựu
- Hoa sơn anh
- Hoa tử kinh
- Hoa phù dung
- Hoa nham quế
- Xuân lan
- Thu lệ
- Kim phụng
- Ngân phụng.

5. NHẠC SƠN SINH SẢN CÁC LOẠI CỎ HƯƠNG:
- Giáng chân hương
- Sơn đàn hương
- Thanh mộc hương
- Thạch nhũ hương
- La-hán hương
- Hoàng liên hương
- Đâu lâu hương
- Phong hương.

6. NHẠC SƠN SINH SẢN CÁC THỨ CỎ LINH:
- Thiên lân thảo
- Kim lộ bàn

- Hạnh diệp kim tuyến
- Ngân lục thảo
- Tỷ hà xa
- Kim bạch thảo
- Tử bối thiên quỳ
- Thiên hà thảo
- Tử cần thảo
- Trường phát thảo
- Địa bất dung thảo
- Kim tương thảo
- Vạn niên tùng
- Tiên nhân thảo
- Trọng đài kim tuyến
- Long tu thảo
- Tử bối hổ nhĩ
- Tử bối hổ thiệt
- Cẩm bối long thiệt
- Bức hà tiên
- Tử bối long nha
- Tử bối quá giản
- Cẩm bối thạch vi
- Độc giác tiên
- Kim tinh phụng vĩ
- Kim tinh thạch vi
- Thạch tầm
- Sơn phỉ.

7. NHẠC SƠN CÓ CÁC LOẠI CHIM LINH THÚ LẠ.

- Chim âm thanh (bay liệng thành đàn, lông cánh 5 sắc, chầu ánh sáng mặt nhật nhóm tụ kêu hót, âm thanh như trương nhạc)
- Chim sơn thước (bắt nó rất khó)
- Chim linh cưu (lông cánh sắc màu như gấm)
- Chim viên (chỉ hót lúc sáng sớm và chiều tối, như vượn hú).
- Chim bạch nhàn
- Chim sơn giá
- Gà cẩm
- Gấu ngựa
- Gấu heo

- Gấu chó
- Vượn
- Trúc lưu
- Kỷ hổ
- 2 con hổ đi tuần núi
- 2 con quạ bảo hộ quán.

NAM NHẠC TỔNG THẮNG TẬP
QUYỂN TRUNG
(HẾT)

■

NAM NHẠC TỔNG THẮNG TẬP

QUYỂN HẠ

1. Nói về các dị nhân Cao tăng đắc Đạo từ thời tiền Đường đến thời nhà Tống (phụ lục các vị ẩn dật).

**** Song Tập Tổ.***

Ở thời nhà Lương có Song Tập Tổ, tự là Trọng Viễn, người xứ đất Ngô, ở động Bạch mã tại Nam nhạc, từ thuở bé thơ mà đã biểu thị thuần tố, chẳng ham thích nói nhiều, phàm đối với mọi sự xét xem hay giao tiếp với thân thích bè bạn đều tỏ bày nghiêm nghị giữ nét mặt đoan chánh mà tiếp đãi đó, nên mọi người không dám xem thường dễ dãi. Được tài khéo giỏi bơi lội ngược dòng, qua lại kinh tương trong 1-2 trăm năm mọi người chẳng lường biết. Lại vào Nam nhạc, đi khắp 5 núi lớn, gặp được bậc chí nhân cho được phục pháp vụ khi. Lâu sau, vào Vân Dương, ở tại động Tần Nhân mà nói rằng: "Xưa kia Xích Quân từng giáng hiện ở núi này". Tức phía Nam của Chu Lăng vậy. Từ đó đọc tụng Hoàng Đình ngọc kinh không ngưng nghỉ. Có đệ tử thỉnh cầu mời đến quán vũ trong ấp để tiện việc cúng hầu. Tiên sinh bảo là: Kinh dạy "Sao không lên núi đọc tụng sách của ta, ở trong nhân gian rối rắm xú uế như vợ con? Tôi cho rằng: Xú uế như vọ con, muôn cảnh đều rối rắm, bên ngoài thì lục đục quấy động, bên trong thì tam bành nhiễu loạn. Xưa kia Ngụy phu nhân truyền ngọc kinh đây, mà theo hướng Đông dời đến Dương Lạc và đắc Đạo. Trong đời chẳng thiếu người như vậy. Chỉ sợ hư rỗng, không thiết cùng, gìn giữ chẳng dốc chí, thì Đạo không do đâu để thành vậy". Qua vài năm sau bèn vào núi Cửu nghi, ở hang Bạch mã. Chợt nhiên ở đó mà bảo rằng: "Mới đầu ta ở động Bạch mã, mà nay cuối cùng lại ở hang Bạch mã, hẳn nơi ở của ta trái phản chân vậy. Phàm Mã (ngựa) là khí của Càn Kiện Hạo Nhiên, Bạch (sắc trắng) là Phương kiến tố hoàn nguyên. Mà ta lại ở đó". Bỗng một ngày nọ bảo cùng môn nhân rằng: "Sau khi tôi vào thất nếu như có khí trời khác thường, thì phải gấp lại báo cùng tôi". Qua giữa trưa hôm sau, 4 phương khí trời lắng trong, đệ tử đến báo, bèn đòi tắm gội rồi đốt hương,

lẳng lặng quy chân, bỗng chốc dất bỗng nhẹ, để lại khăn trùm nơi mộc sa. Lúc đó là tháng 4 năm Trinh Quán thứ nhất (627) thời tiền Đường vậy. Các thứ giường chiếu và đàn ngồi ở trong hang, trải qua hơn 200 năm mà chẳng hư nát, các đệ tử đưa về tôn trí trong quán chân đường để cúng dường.

**** Liệu Xung.***

Liệu Xung tự là Thanh Hư. Năm Đại Thông thứ 3 (529) thời Nam Lương, ở quận Liên Hoa, do tài đức mà nổi danh, làm chủ bộ của bản quận. Về sau giả từ ấn quyết dây thao, vân du tham tìm Đạo yếu, đến ở núi Tung cao. Lâu sau qua kinh chữ, có 2 thần công an tác yêu nổi sóng gió cản trở thuyền bè, Liệu Xung bèn nhiếp phục khiến bảo hộ thuyền mà vượt đến Nam nhạc, ở tại đỉnh núi Chúc Dung gặp được Thái Bình Chân Quân truyền cho Đạo yếu. Lại bảo cùng với 2 thần rằng: "Tôi ở Tài Dương làm đan, nên vì tôi mà giúp gìn giữ lò, ngày sau đan được thành đạt thì các người cũng có phần vậy". Đến lúc đan thành, bèn trở về quê hương, thường cưỡi 1 con hổ, nắm con rắn làm roi, thọ ngoài trăm tuổi. Đến năm Quang thiên thứ 2 (?), bỗng nhiên gió mây mờ tối mà dất bay.

**** Tiêu Linh Hộ.***

Tiêu Linh Hộ tự là Thiên Hổ, người xứ Lô Lăng, vừa mới sinh lớn khoảng 5-7 tuổi đã có năng khiếu văn thơ, phàm mọi tác thuật đều mang ý vượt ngoài trần. Đến năm 15 tuổi, lại ham thích Đạo tràng, gặp được bậc chí nhân truyền cho Kim đan thai tức. Phỏng hỏi khắp cùng các danh sơn, mang theo sách Đạo có hơn trăm quyển. Tiêu Linh Hộ thường nói rằng: "Muốn lên Nam cung", trước đến Chu Lăng, quanh co tìm hỏi động dương qua Nhạc lộc, chiêm ngưỡng hình tượng của Đặng Chân Nhân. Núi đó là Phước địa thứ nhất của Chu Lăng. Ban đêm gặp được chân nhân truyền cho thuật Hỏa đảnh; Đến trong niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời tiền Đường, đi ngược dòng Tiêu tương, đích thân lễ bái chú sinh, hành pháp xua đuổi tà, khắp trong làng nước mọi người được cứu giúp số lượng chẳng thể lường biết hết. Về sau, đến ở Chiêu tiên quán, luyện thuật Hỏa đảnh, hóa Hoàng bạch mà bên ngoài hộ giúp tu sửa Quán vũ làm thành toàn mới, các hầu vương rất lễ kính, thỉnh mời làm pháp chủ, đều xoay mặt hướng Bắc mà tôn thờ đó. Về sau lại chọn nơi u thắng để luyện thần Đan, trải qua 3 đàn luyện mới được thành sau, đượm phục đó. Đến rằm tháng 8 năm Hoằng Đạo thứ 2 (684) thời tiền Đường, Tiêu Linh Hộ bảo cùng đệ tử rằng: "Thời điểm ta đi đã đến và sẽ có nơi đến, không thể chần chờ ở lại, các ông phải tinh cần, sẽ có sự

tiếp thừa". Và bèn giải thay. Hơi thơm tỏa khắp phòng nhà, tợ như có âm thanh trong trẻo mong ngóng ngoài cửa, trải qua thời gian mới ngưng hết.

**** Trương Huệ Minh.***

Trương Huệ Minh người xứ Triệu Quận, dựng lập am ở tại núi Trung Điều, thọ học pháp ở Nguyên Chân quán, thường dùng chú thuật để xua đuổi tinh mỵ. Về sau, sang Trường An, gặp được Hồn Nguyên Tử, thọ học đạo Cao Bôn (chạy cao) mà thực hành đó, công thành đức đủ, Đạo học vượt trội. Phàm những ai đến nơi pháp tịch đều là đồ chúng của Chương Phủ. vua Thái Tông (?) ban chiếu mời vào nội điện, thiết đặt lễ tế mà có cảm cách. Sau đó, xin trở về chốn núi rừng, vua chấp thuận, ban sắc đến ở Nam nhạc, tên phong là "Diệu Tế Đại sư". Bỗng 1 đêm nọ gặp được Nam nhạc Hữu Anh phu nhân trao truyền cho yếu pháp Bảo nhất thủ chân tam ngũ hỗn hợp, thực hành theo đó 1 năm, sau lại theo chiếu đến Tây nhạc để thiện hỏi việc, về sau giải thay.

**** Thiền sư Đàm Tạng.***

Ở Viên lan nhã tại phía Tây Nam nhạc, Thiền sư Đàm Tạng nuôi 1 con chó linh, thường đêm kinh hành, con chó ấy ngậm theo áo Thiền sư. Khi trở về phòng thì con chó đó nằm bên cạnh cửa gìn giữ mà sủa cắn, tự giữ thế thân mình sẵn sàng cắn sủa mạnh dữ. Một sớm mai nọ ở đỉnh núi phía Đông có 1 con trăn lớn dài vài trượng, há mồm nhả khí độc bung cháy dữ dội, Vị Thị giả cầu xin nên lánh né. Thiền sư bảo: "Việc chết có thể trốn lánh ư? Kia đem độc lại, ta dùng tâm từ mà nhận lấy. Độc không có thật tánh, kích phát thì mạnh. Từ gá vô duyên, oán thân chỉ một Đạo". Nói xong, con trăn ấy bèn nép đầu từ từ mà đi, bỗng nhiên không còn trông thấy. Lại 1 đêm nọ có kẻ trộm đến, con chó ấy cũng ngậm dật áo Thiền sư. Thiền sư bảo cùng kẻ trộm rằng: "Ở trong nhà cỏ có vật gì vừa ý thì cứ mặc tình lấy đi". Kẻ trộm cảm kích lời nói đó bèn bỏ đi.

**** Hà Tôn Sư.***

Hà Tôn Sư, không biết là người ở xứ nào. Trong khoảng niên hiệu Long Sóc thời tiền Đường (661-664), đến ở tại Hành nhạc, chẳng nói bày tên họ. Nhan sắc dung mạo như người khoảng 40 tuổi, đi bước như bay, thường qua lại thương ngô giữa khoảng 5 ngọn núi lớn. Đến không chỗ mến, đi không chỗ, đi không chỗ chán, chỉ hơn trăm năm, mọi người thường trông thấy dung mạo vẫn không cải đổi. Hoặc có người hỏi về dòng tộc và tuổi tác thì chỉ nói: "Hà hà!" Hoặc có cật vặn hỏi về quê hương và sự tu chứng, thì cũng chỉ nói là: "Hà, hà!" Nên người thời bấy

giờ xưng gọi là: “Hà tôn sư”. Mặc áo thô xấu, chân đeo mang giày, tâm lượng thênh thang như vậy. Các người ẩn dật như Điền Hư Ứng, Đặng Hư Trung từng thưa thỉnh rằng: “Tôn sư rốt cùng không nói như thế, thì lấy gì để khai ngộ cho ngươi học? Hà Tôn Sư bảo rằng: “Người biết và không biết thì trên còn không biết, còn người biết tức là bệnh vậy. Ai có thể đục tháo ngồi hỗn độn, để lại lý tự nhiên ư?” Bèn chống gậy đi vào trong rừng, chốc lát có đàn hổ cùng đi theo và không còn thấy nữa. Đến trong niên hiệu Khai Nguyên (713-742) thời tiền Đường, Tư Mã Thừa Trinh đi đến núi Chúc Dung ở Nam nhạc, nói rằng: “Hẳn có cao tiên ở đây, cớ sao khí sắc đẹp lạ như vậy?” Thế rồi thấy Hà Tôn Sư từ trong rừng đi ra. Thừa Trinh chí thành kính lễ thưa hỏi, Hà Tôn Sư y cứ trên đá màn gồi tợ như không trông thấy gì. Khi ấy Thừa Trinh không thấy nói gì bèn rút lui mà than rằng: “Đây có thể gọi là tài toàn mà đức chẳng lộ hình ấy vậy!” mới tạo dựng am mà thỉnh mời ở đó. Hà Tôn Sư đến ở, lại chẳng ra. Quán sát sứ Lã Vị đến am ấy thỉnh cầu truyền trao phù lục, Trương Thái Hư, Điền Hư Ứng, Đặng Hư Trung bắt chước mà tôn thờ đó, nhưng đều chẳng được yếu chỉ. Đến ngày 15 tháng 10 năm Thiên Bảo thứ 2 (743) thời tiền Đường, có mây hạc liệng bay giữa khoảng không, hương thơm khác lạ phảng phất, Hà Tôn Sư bảo đệ tử rằng: “Sau khi tôi đi phải nâng cử đến trên tảng đá ở phía Nam núi Tử cái”. Bèn hóa, nhan sắc vẫn không biến đổi. Đệ tử mới vây quanh cử hành pháp nghinh dời thần. Trong đêm nghe có tiếng sấm sét vang động, bèn liền biến ẩn mất Hành Dương Thái Thú Tô vụ Liêm soạn viết văn bia dựng tại Thuyên đức quán.

**** Từ Kính Nghiệp.***

Từ Kính Nghiệp sống trong thời Võ Tắc Thiên - thời tiền Đường, lúc dương châu loạn lạc, Võ Tắc Thiên bảo sang bình trị đó. Quân lính bại trận. Từ Kính Nghiệp bèn bỏ trốn. Người nuôi dưỡng Từ Kính Nghiệp dung mạo như nhau. Đến lúc Từ Kính Nghiệp thất bại, Võ Tắc Thiên bắt người nuôi dưỡng ấy giết chết mà cho đó là Từ Kính Nghiệp, mà Từ Kính Nghiệp thật đã trốn ẩn tại núi Đại cô, cùng đồng bạn khoảng vài mươi người dựng am khai khẩn đục tạc, chẳng tương thông với việc người đời, mới cắt tóc làm Tăng, các đồng bạn cũng nhiều người cùng cắt tóc. Đến đầu niên hiệu Thiên Bảo (742) thời tiền Đường, có lão Tăng pháp danh Trú Quát tuổi đã ngoài 90 cùng đệ tử đến chùa Hành nhạc tại Nam nhạc, phỏng hỏi chư Tăng và dừng ở lại hơn 1 tháng, (Từ Kính Nghiệp) bỗng nhiên thỉnh cầu chư Tăng nhóm tập sám hối tội quả giết người, chư Tăng rất lấy làm lạ. Lão Tăng ấy hỏi rằng: Ông có nghe tên Từ Kính Nghiệp

chăng? Chính là thân tôi đây, khi quân lính bại trận, tôi vào núi Đại cô, tinh cần tu đạo, nay sắp mạng chung nên đến chùa đây, muốn khiến người đời biết tôi đã chứng đệ tử quả vậy". Nhân đó tự nói về kỳ hạn ngày chết, và quả đúng thời hạn ấy mà qua đời, bèn an táng tại Hành sơn.

**** Tiết Lý Xương.***

Tiết Lý Xương, người xứ Miên Trúc; Hán châu, gia đình nhiều đời nối dõi nghiệp quan. Tiết Lý Xương từ bé nhỏ đã chẳng ham thích vinh hoa, chẳng ăn dùng các vật tanh nồng, thường mặc áo vải sắc trắng, khổ khốc ở chốn núi non. Một ngày nọ xin đi đến thành, song thân cho là không xa bèn chấp thuận đó. Tiết Lý Xương bèn theo hướng Nam thẳng đến Đào Nguyên, sau đó gặp được Chánh Nhất tiên sinh ở Nam nhạc, thọ học Bí Lục Tam Đổng, nghiên cùng chân yếu, từng cảm cao chân mật giáng. Minh Hoàng ban chiếu thường hỏi về đạo đức kinh, mà đàm biện tinh thông. Minh Hoàng rất vui lòng đó. Lâu sau, xin trở về lại núi. Minh Hoàng chấp thuận bèn làm thơ phú mà ban tặng, ghi chép rõ ràng rằng: "Luyện Sư chí khí mến mộ Huyền môn, gá tâm ở Nam nhạc, đến lúc lên Đạo lục, bỗng nhiên lại giả từ, muốn trở về chốn núi xưa cũ, để giữ sự rỗng rang trinh bạch. Không dám trái với ý chí cao nhã, vả lại rất mến trọng sự tinh tu, như lúc gặp được bậc chí nhân và linh dược đến chốn thành quyết vậy!". Và với lời thơ rằng:

"Động phủ tu chân khách Hành dương
Nhớ chốn xưa sắp thành kim khuyết
Cầu mong Ngọc thanh vẽ đường mây
Gần Tam thiên, vạn tùng khe tiếng vọng hư không".

Bèn làm kiệu tiễn đưa Tiết Lý Xương đến ở Giảng Thánh quán tại núi Cửu chân, sau trở lại chỗ ẩn xưa cũ tại núi Hoa cái tu luyện đan thành. Một ngày nọ bỗng bảo cùng đệ tử rằng: "Đến nay tại núi Chúc Dung có hội của các chân nhân, ta bị mời sang đó", bèn vượt giữa hư không đi đến, và chẳng trở lại. Người sau tạo dựng Lăng Hư cung.

**** Đặng Tử Dương.***

Đặng Tử Dương, người xứ Nam thành; Phủ chân. Mới đầu ở tại núi Ma-cô. Sau nhân kính bầu song thân nên xuống núi, gặp 1 con trăn lớn cản trở bước đường đi, Đặng Tử Dương bèn cứng mạnh mà xua đuổi đó, con trăn hóa làm 1 cây kiếm, Đặng Tử Dương lại lấy kiếm đeo mang, tánh khí càng thêm cứng mạnh, thường mang tài cứu giúp cho đời, luôn nghỉ ở giữa khoảng khe hang, tụng chú Thiên Bồng không ngưng nghỉ. Bắc Đế sai thần nhân đến trao cho kiếm pháp. Đặng Tử

Dương xa phỏng hỏi đến Chu Lăng; Nam nhạc, bái yết đàn Thanh ngọc và Quang thiên. Lễ kính Đặng chân nhân. Mộng có điềm cảm, Hữu Lưu, Hữu Tông bắt chước theo đó cầu truyền cấm chú. Đặng Tử Dương bảo rằng: "Động bên cạnh núi Thạch lẫm, bốn mê Tịch dương, Quỷ mỵ núi non ở đông thành đàn Tổ của ta xưa kia xua đuổi nó đã trải qua hơn 300 năm. Nay vì sinh khí chẳng chánh, loại ấy nối tiếp theo người. Các người về sau nên lập đàn để dứt trừ đó, kiêm bên trong dưỡng khí Hạo nhiên, mới mong có được bước thềm lên tiên". Về sau, Minh Hoàng ban chiếu mời Đặng Tử Dương vào nơi Nội Diện lập đàn cúng tế phá Hồ Phan, Minh Hoàng sắc phong là Thiên. Sau đó giải thay. Hữu Tông y theo pháp tạo lập đànm viện tại dưới núi Thạch lẫm, gặp phải hung dữ nơi quận bèn bỏ đi đến núi khác.

**** Điền Hư Ứng.***

Điền Hư Ứng, tự là Cấn Dật, vốn người nước Tề, phú tánh bộc phác, nói năng không kiên cử húy. Trong khoảng niên hiệu Khai Hoàng (581-601) thời nhà Tùy, kính hầu song thân ở Du huyện, bởi sự ồn náo nên chuyển dời đến ở Nam nhạc, đích thân Điền Hư Ứng canh cày ở dưới núi Tử cái, để hết chức phận làm con suốt hơn 50 năm, thân mẫu sau khi đã qua đời. Điền Hư Ứng mới rảo bước khắp 5 ngọn núi lớn, phỏng chí tự đi. Trong khoảng niên hiệu Long Sóc (661-664) thời tiền Đường, Mục Châu Điền Hầu ở Hành nhạc quán tạo dựng Giáng chân đường để ở, Điền Hư Ứng đến tán thàn để phân Bích ngọc, thọ học pháp lục Thượng Thanh Đại động, từ Chánh Nhất tiên sinh truyền cho Thiên sư. Thiên sư truyền trao cho Điền Hư Ứng. Đã tiếp thừa Đạo yếu, vượt trải qua mây nước, vì làm bạn lành, chỉ có Tương Xá Hồng Thời, Lã Vị, Dương hùng đều là sứ giả ở Hồ Nam thường đến phỏng hỏi cao luận. Tại Đàm Châu bị hạn hán, cầu mưa đã lâu mà không được, mời thỉnh Điền Hư Ứng để tóc rối bù mặc áo thô xấu đến quận, chẳng nói điều gì mà mưa tự đổ. Lại từng gặp lúc mưa lâu ngày không ngưng dứt, Quận thú tạo lập đàn tại Hành nhạc quán, Điền Hư Ứng im lặng trên bờ vèn tóc mà ngồi, kịp đến lúc lên đàn thì liền dứt mưa. Đến trong niên hiệu Nguyên Hòa (806-821) thời tiền Đường, theo hướng Đông vào núi Thiên Thai mà chẳng trở ra. Ở thời vua Hiến Tông (Lý Truân 806-821) ban chiếu mời mà chẳng ứng đối. Có Âu Dương Bình là người Đạo học cũng cao thường bắt chước mà tôn thờ đó, một ngày nọ mộng thấy có 3 thần nhân mỗi vị mang đến 1 lô vàng từ trời giáng xuống như có sự mời gọi, bèn kín báo với mọi người là: "Hai tiên nhân không bao lâu nữa sẽ đi vậy. Ta hẳn cũng kế tiếp". Sau đó không bao lâu, Hư Ứng quả nhiên

cũng vũ hóa, Tương xá cũng kế tiếp đi. Trong môn nhân các vị Đạt giả như Thê Dao phùng duy lương, hương lâm Trần quả ngôn, Phương doanh từ linh phù cả 3 vị đều lần lượt tiếp nối mà giải thay.

**** Lý Tư Mộ.***

Lý Tư Mộ, người xứ Thành kỷ, cùng với Đông sở Huân Luyện Sư Bạch tiên sinh kết bạn ráng mây, vân du khắp Danh sơn tam tương. Sau, phỏng hỏi đến Nam nhạc và khắp cả 5 ngọn núi lớn. Tuy sư phạm chẳng đồng mà mỗi tự có chỉ quy. Bạch tiên sinh đã thượng thăng tại Thạch cổ, Lý Tư Mộ vào kinh đô, cao lực sĩ xiểm nịnh Ngô quân tấu trình lên Minh Hoàng. Qua hỏi đáp xứng hợp với Thánh chỉ, sau đó Lý Tư Mộ xin trở về lại núi, Minh Hoàng nồng hậu ban tặng tiền. Lý Tư Mộ hành chú kinh thanh tịnh lưu hành nơi đời. Sau đó, huyền hóa tại núi Tử cái. Chỉ Huân luyện lẫn lộn vết ở Hậu động Hành dương, thường dùng chú thuật để trị bệnh người. Như có người đền đáp thì uống rượu say mềm làm khéo. Từ đó, phàm những lúc tỉnh, say nằm ngang giữa đường lớn. Hoặc ở nơi khe hang gặp mưa bất chợt mà áo chẳng thấm ướt, lấn lướt trong sương lạnh mà trắng xoá vậy. Qua vài năm sau, đi rảo quanh cửa, bảo cùng mọi người rằng: "Các ông khéo nên mỗi tự ngưng nghỉ". Mọi người đều lấy làm ngờ lạ. Rồi cũng giải thay tại Hậu động như ve sầu thoát xác. Đổ phủ ở thời tiền Đường có bài thơ "Ức tích hành" câu cuối nói là: "Lại hỏi Hành Dương Huân Luyện sư, Nam đến Tiêu tương gõ bái thuyền".

**** Tiết U Thê.***

Tiết U Thê, người xứ Bảo đảnh, Bồ châu, tánh tình trầm tĩnh, thông mẫn nhận biết trông thấy cao xa. Những lúc rảnh rỗi tu tập nghiệp học, khéo ưa thích phỏng hỏi việc phương ngoài. Trong khoảng niên hiệu Khai Nguyên (713-742) thời tiền Đường, đỗ đạt cấp Tiến sĩ, tuổi vừa mới 20, được điều cử làm quan Lăng quận úy chưa đầy 10 năm, mà có hứng thú của núi non, bèn rủ áo vất bỏ mũ mão áo lễ ra vào thanh thành Nga my. Lâu sau đi đến núi Hạc Minh phỏng hỏi nơi chỗ Hán Thiên sư. Tu hành chỉ 1 năm mà khí đạo càng sung mãn. Đến đầu niên hiệu Thiên Bảo (742) thời tiền Đường, lại rảo bước đến Nam nhạc bói tìm chỗ đất tu chân, mới ẩn giấu họ tên, ở dưới 5 ngọn núi lớn, buông tâm đến trường tự đắc, rỗng thoáng không chỗ buộc phiền, mà hay hòa quang hỗn tục, hủy phương ngỏa hợp. Đối với Tam động kinh cáo. Không thứ gì chẳng gồm đọc xem, nên các hạng nhân khách ẩn dật sâu xa hưởng vọng phong hóa mà đến bẩm thọ, thường ngày nhóm tập chung quanh, mà Tiết U Thê biện luận rộng xa, tùy theo căn tánh mỗi mỗi đều được phát minh,

tấu dâng Huyền Vi luận 3 quyển, xứng hợp Thánh tâm, Minh Hoàng tưởng thưởng xưng gọi là Đạt Ngộ. Sau cùng bèn giải thay. Lưu chú linh bảo nơi đời. Nay tại Lăng Hư cung có Thiên Hương đài là nơi chú kinh xưa trước, sớm tối mây khói ùn nổi như hương cuộn quanh.

**** Đường Nhã Sơn.***

Đường Nhã Sơn, người xứ Lỗ Quận. Trong khoảng niên hiệu Tiên Thiên (712-713) thời tiền Đường, trải qua thời gian nhậm quan tước giữ chức Thượng thứ lang liên điển kích quận. Đến trong niên hiệu Khai Nguyên (713-742) thời tiền Đường, lại ra trấn thú giản châu, rất có chánh sách ân huệ, mọi người xa gần đều ngợ ca. Đường Nhã Sơn lại khó giải Đạo Trường sinh, bảo em là Đường Nhã Thủy làm Hành nhạc Đạo sĩ. Anh em cùng đồng được yếu pháp Thai nguyên cốc thần, từng có chiếu mời vào nội điện, sau đó lại xin trở về núi, cũng được chiếu chấp thuận. Về sau, Đường Nhã Sơn đến trong sông Dương tử, cưỡi mốc 5 sắc mà bay lên tiên. Còn Đường Nhã thủy giải thay ở Nam nhạc.

**** Thân Thái Chi.***

Thân Thái Chi, từ là Quảng Tường, tiên tổ vốn người xứ Lạc Dương, nhân trấn nhậm quan ở Hồ ngoại, nên nhiều đời ngụ ở Trường sa, về sau tan loạn chuyển dời khắp 4 phương, xa gần thảy đều khâm chuộng kính mộ. Thân Thái Chi dựng nhà ở Liễu đường Thêu Nhân Phong, Thiệu Châu, đã trải qua vài đời đều tu từ huệ. Từ thuở nhỏ, Thân Thái Chi đã xa xứ, chẳng cùng tương giao với thân thích bè bạn, ham thích đọc sách, thường luôn thanh bạch kiệm tiết tìm đến Nam nhạc phỏng hỏi việc Thần tiên. Một đêm nọ ở tại đỉnh núi Chúc Dung, gặp được chân nhân truyền cho bí thuật Kim đan hỏa long, người vợ luyện đan tại đỉnh Dư Hồ thuộc phía Bắc Vân sơn, trải qua nhiều năm, Đại Dược đã thành, công thành hoàn bị và hay bay vượt giữa hư không du thần, vào ra ẩn hiện rất có thần dị, mọi người chẳng thể lường biết, đến năm Khai Nguyên thứ 26 (738) thời tiền Đường, Minh Hoàng (vua Huyền Tông - Lý Long cơ) ban chiếu bảo cùng quan cận thần rằng: "Hôm qua lúc nửa đêm, trẫm mộng thấy Thần nhân bảo cùng trẫm rằng: "Tại Vân sơn, Thiệu quận, Hồ nam có 1 Đạo nhân luyện Đan đắc tiên" khanh nên đúng như lễ tìm gặp có thể vì nước nhà mà thỉnh mời về".

**** Tể tướng Lưu Yên.***

Tể tướng Lưu Yên từ thuở bé thơ đã ham thích du thuật, tinh cần khẩn thiết chẳng biếng lười mà không chỗ gặp. Từng nghe nói các hàng Dị nhân phần nhiều ở nơi phố chợ, lấy sự ồn náo huyên tạp để có thể

lẫn lộn vết tích. Nhân đó đi đến Trường An vào nơi 1 tiệm thuốc, tình cờ hỏi, chủ tiệm đáp: Thường có 3-4 người già vận khăn chống gậy đến mua lấy rượu uống xong liền đi, cũng có tìm xem hỏi thuốc nhưng chẳng mua nhiều, tỏ ý thật là người khác tục vậy”. Lưu Yên hỏi rằng: “Sớm muộn họ đến đây?” chủ tiệm đáp: “Ngày mai có thể lại gặp”. Vào lúc sáng sớm, Lưu Yên bèn sang, chốc lát quả nhiên có 3 Đạo nhân đến, kéo đầy rượu ra uống cười nói hài hước rất vui vẻ tợ như bên cạnh không có ai. Giây lâu nói rằng: “Ở thế gian này còn có ai tợ như chúng ta chăng?” 1 người bảo rằng: “Có Vương Thập Bát”. Xong rồi, họ bèn bỏ đi. Từ đó về sau, Lưu Yên thường luôn ghi nhớ nhưng không thể tìm cầu. Đến lúc làm quan Thứ sử sang Nam đi ngang qua huyện Hành sơn, bấy giờ đang là mùa xuân, phong cảnh ấm áp, uống 1 cốc lãnh đào, hương vị thuộc loại nhân trần, rất thơm ngon thanh khiết. Lưu Yên rất lấy làm lạ đo, bèn hỏi Bưu lại rằng: “Gần đây hẳn là có hàng y quan ở chăng, sao có được loại trà như vầy?” Đáp rằng: “Ở huyện đây có con quan viên là Vương Thập Bát khéo giỏi vua trồng, nên trong quán đây thường có trà ngon như vậy”. Lưu Yên bỗng nhiên kinh ngạc nhớ lại điều nói lúc gặp gỡ của các Đạo nhân, bèn hỏi vườn quan ấy cách đây xa gần có thể đến đó được chăng?” Bưu lại nói: “Ở tại phía sau quán”. Lưu Yên bèn sang hỏi. Vương Thập Bát vận mặc áo lỗ mũi trâu tưới bén ruộng nương dung mạo như sơn dã, trông thấy Lưu Yên đến liền bước ra bái chào kính sợ. Lần lượt Lưu Yên hỏi han về quê hương xứ sở thân thuộc, Vương Thập Bát nói là lưu lạc chẳng xét biết ở đâu, và cũng không có thân tộc. Lưu Yên lại cùng lấy làm lạ, bảo ngồi và đòi lấy rượu ra cùng tiếp đãi, cố nhiên chẳng chịu liền trở về. Lưu Yên mới để huyện lệnh xin cùng đồng song ngoài lãnh. Huyện lệnh cũng không hiểu bao giờ đi. Vương Thập Bát cũng chẳng kháng cự, bèn mặc áo rách giày cỏ lên thuyền mà đi. Lưu Yên dần cùng quen thuộc, bảo vợ con cùng kính bái đó, đồng ngồi chung ăn cơm uống trà, hình dung y phục Vương Thập Bát mỗi ngày càn dơ bẩn rách rưới, người nhà đều lén trộm chán ghét đó. Phu nhân nói là: “Sao nay có khác lạ như thế? Cớ sao lại như vậy ư?” Lưu Yên chẳng trễ nãi, chỗ đến còn cả vài trăm dặm. Vương Thập Bát phát sinh bệnh lỵ, sớm tối khốn khổ. Thuyền bè lại chật hẹp, chẳng thể lìa khỏi chỗ của Lưu Yên, nên mọi người cùng đi đều bít mũi bỏ ăn, chẳng giằng nỗi khổ. Lưu Yên đều không tỏ vẻ nhàm chán kiên cử, chỉ buồn lo mà thôi, khuyên Vương Thập Bát nên uống thuốc ăn cháo v.v... Vài ngày sau, Vương Thập Bát bèn qua đời. Lưu Yên khóc than thảm thiết, bày lễ tống chung mọi sự đều hoàn bị, mới an táng bên góc

đường đi. Năm sau, bãi kỳ quan nhậm trở về lại triều, vừa đến huyện Hành sơn, Huyện lệnh ra tận bang giao nghinh đón. Đã gặp rồi, Huyện lệnh nói là: "Sứ quân dẫn theo Quan Viên Tử đi sau đó liền trở lại, thật là hạng không kham việc sai sử". Lưu Yên kinh ngạc hỏi: "Về lại lúc nào?" Huyện lệnh đáp: "Sau đó hơn 1 tháng thì trở về, và nói là "vâng phụng sai phân thả trở về". Lưu Yên rất kinh hãi, ngay lúc đó đi bộ đếntrong vườn, phòng nhà tuy còn nhưng không thấy gì cả. Có người ở gần đó bảo là: "Vương Thập Bát vừa mới đi khỏi hôm qua". Lưu Yên oán hận càng rất lắm bèn hướng vào phòng nhà kính bái, buồn khóc mà tự xét là ngày đi đến quận, vừa nửa đường Vương Thập Bát cảm mắc bệnh mà chết, bèn sai người sang quật phá mộ, nơi chôn trống không, chỉ còn có y phục. Vài tháng sau về đến kinh thành, Lưu Yên làm quan giữ theo triều lệ, tình cờ cảm mắc bệnh nặng, gần đến lúc dùng bông tơ để dò thăm hơi thở, người nhà vợ con vây quanh gào khóc. Bỗng chốc nghe có tiếng gõ cửa rất gấp, người canh cửa chạy vào báo là có người tự xưng là Vương Thập Bát. Bảo báo vui mừng hân hoan nghinh đón. Vương Thập Bát mỉm cười vào nơi Lưu Yên đang nằm, cảm mắc bệnh người không tự biết đã lâu vậy. Vương Thập Bát mới khiến vất bỏ hết mọi ngăn che v.v... và cả thuốc thang, tự lấy trong lưng mình ra 1 cái hồ lô mờ lấy ra 3 viên thuốc, nhỏ như hạt đậu lớn, dùng ống đồng lấy nửa chén nước hòa tan mà rưới rẩy đó. Chỉ khoảnh khắc trong bụng tợ như có tiếng sấm. Sun say chốc lát bỗng nhiên mở mắt, Lưu Yên tự bật ngồi dậy, đều như trước khi chưa có bệnh. Phu nhân bảo: "Đây là Vương Thập Bát vậy". Lưu Yên mới tuôn lệ đổ dài, kéo áo kính lạy, như chẳng giằng nỗi tâm tình nên thê thiếp tôi tớ đều cùng khóc. Vương Thập Bát xót thương mà bảo rằng: "Vâng kính thẹn tâm tình xưa trước nên lại cùng cứu giúp. Một viên thuốc này có khả năng kéo dài tuổi thọ 10 năm. Đến kỳ hạn đó tôi sẽ trở lại". Bèn tự uống cốc trà mà đi. Lưu Yên nhân mời lưu dừng ở lại thời gian ngắn nhưng không được, lại muốn tặng vàng lụa v.v... Vương Thập Bát lại cười lớn. Về sau, Lưu Yên bái tướng kiêm lãnh cổ thiết, gặp việc bị biếm cử đến Trung châu 30 năm. Một ngày nọ, cảm mắt bệnh, Vương Thập Bát lại đến bảo: "Cần gặp tướng công". Lưu Yên cảm thán vô cùng, mời vào khuê các, lại khẩn cầu Vương Thập Bát, ngay ngày đó bệnh liền lành. Vả lại lấy lại viên thuốc đó, Vương Thập Bát mới dùng vài hạt muối hòa vào trong nước bảo Lưu Yên uống, và liền ẩu ra, trong đó có 3 viên thuốc nhan sắc không khác như 30 năm trước đã uống. Vương Thập Bát bảo dùng nước ấm nóng để tẩy rửa, người cháu của Lưu Yên đang hầu chăm sóc

bệnh bèn nhón lấy 2 viên mà nuốt chửng. Vương Thập Bát trông thấy kỷ, cười và bảo rằng: “Ngươi có Đạo khí. Ta cố biết hẳn vì ngươi mà đánh đòn vậy”. Bèn rảo bước đi ra chẳng cùng nói giả biệt. Sau khi đó Lưu Yên lại cảm mắc bệnh, có chiếu ban đến, bèn đã qua đời vậy.

**** Cao Tăng Lại Tiện.***

Cao Tăng Lại Tiện, khoảng trong đầu niên hiệu Thiên Bảo (742) thời tiền Đường, là vị Tăng lo việc sai sử trong chùa Hành nhạc. Chư Tăng ăn xong thì vén dọn thức ăn còn thừa mà ăn. Tánh đã làm biếng, lại ăn vật dư thừa nên gọi là Lại Tiện. Ban ngày thì chuyên công quả ở 1 chùa, đêm lại ngủ dưới đàn bò, từng không tỏ vẻ mệt nhọc đã suốt 20 năm. Bấy giờ, Nghiệp Hầu Lý Bí đến trong chùa mà đọc sách, xét xem mọi việc làm của Lại Tiện thật chẳng phải phàm vật, trong đêm nghe tiếng tụng kinh vang vọng suốt lên trên, Lý Bí tình ý khéo biết âm thanh, có khả năng biện rõ tốt xấu, cho rằng “Lại Tiện tụng kinh âm thanh nghe tuy xót thương mà sau càng vui vẻ, hẳn là người cảm mắc lầm lỗi mà sa đọa vậy”. Bèn hỏi rành tên mà sang bái yết, bái chào nhã kính. Lại Tiện liền quát mắng lớn nhổ nước bọt bảo rằng: “Ngươi sắp hại ta vậy”, Lý Bí càng thêm nhã kính. Lại Tiện bươi móc trong phẩn trâu ra củ khoai nướng mà ăn, giây lâu bảo cùng Lý Bí rằng: “Ông có thể ngồi xuống nơi đất”. Và đưa nửa cũ khoai đang ăn mà trao cho. Lý Bí ăn hết cả. Sau đó Lại Tiện bảo: “Ông nên thận trọng chớ nói nhiều sẽ nhận lãnh 10 năm làm Tể tướng”. Lý Bí cảm tạ mà rút lui, sau hơn 1 tháng Thứ Sử Tế Nhạc rất kính sùng Đạo, bỗng trong 1 đêm gió sấm nổi đùng, 1 ngọn núi sụp đổ, đường núi đá chắn cản ngăn, bèn dùng 10 con trâu buộc vào để lôi kéo, lại có vài trăm người cổ xúy cùng đẩy, sức người đã hết mà đá lại càng bền chắc, trọn không có đường khác để có thể lo việc. Lại Tiện bảo rằng: “Chẳng cần nhiều sức người, nên thử đẩy xô đi”. Mọi người đều cười lớn cho là kẻ điên cuồng. Lại Tiện bảo: “Tại sao cười chê vậy, cứ thử đã hãy hay”. Chư Tăng trong chùa cười mà chấp thuận đó. Lại Tiện bèn giẫm đạp đá lay động, bỗng xoay chuyển lan xuống, tiếng chấn động vang như sấm. Đường núi đã mở thông chúng Tăng kính bái dài. Mọi người trông thấy đều tôn xưng là bậc Chí Thánh. Thứ sử kính phụng như Thần. Lại Tiện lặng yên, mới có ý muốn bỏ đi. Phía ngoài chùa, bỗng nhiên hổ báo kéo lại thành đàn, thường ngày sinh sự tổn thương không do đâu mà cấm cản. Lại Tiện bảo: “Đưa cho cây tre, tôi sẽ vì các người mà xua đuổi hết”. Mọi người bảo: “Đá lớn còn đẩy nỗi, với các vật ấy thì quá dễ”. Nhân đó đưa cho Lại Tiện cây gai thẳng, và mọi người cùng theo bước mà trông xem. Lại

Tiện vừa ra khỏi cửa liền bị 1 con hổ chụp bắt lấy đưa lên núi mà ăn. Mọi người đều thương than cho đó là không khỏi số phận. Lúc đầu ở tại hang qua thời gian lâu, từng làm bài thơ ca hát, đại lược là:

"Việc đời dằng dặc
Chẳng như núi gò
Tùng xanh che trời
Khe biếc chảy dài
Mây núi thường mến
Trăng đêm liềm câu
Nằm dưới Đẳng la
Gối đầu hòn đá
Chẳng chầu Thiên tử
Đâu tham vương hầu
Chết sống không nghĩ
Còn gì phải lo
Nước trăng không hình
Ta thường tự yên
Muôn pháp đều vậy
Chẳng tử chẳng sinh
Tự nhiên không mộc việc
Xuân đến cỏ tự xanh".

Về sau, Lý Bí quả nhiên vào làm tướng, có thuyết lại nói là: Lại Tiện ở tại Thạch lẫm dẹp phục sơn yêu mà bán vật báu bị kiện cáo nên chết trong ngục mới giải thay vậy.

**** Hành sơn ẩn giả.***

Hành sơn ẩn giả (người dật tại Hành sơn), không biết tên họ là gì. Nhân đi bán thuốc mà qua lại ở nghỉ tại chùa Hành nhạc. Hoặc có lúc suốt 4-5 ngày không ăn, chư Tăng lấy làm quái lạ. Sau lại bán thuốc đến nơi chỗ đông người thấy không ăn, mới biết đó là Dị nhân, kính tiếp rất nồng hậu. Gặp Nhạc nhân đem người nữ đến chùa, người nữ đó rất có sắc đẹp. Mọi người muốn cưới lấy. Cha mẹ người nữ đòi giá 500. 000 đều chẳng dẫn lui. Ẩn giả nghe người nữ gá chồng, mới mời chư Tăng sang trông xem, hỷ hoan muốn cưới lấy đó. Ẩn giả bèn mang 2 chóc vàng đúng 200 lượng, nói với thân phụ người nữ đó rằng: "Vàng đây trị giá 700 quan, nay cũng chẳng luận tính". Tự giao vàng xong sắp dẫn đi. Nhạc sư khi ấy sung vào kho lẫm quan sứ xong bèn cùng giả biệt. Ẩn giả chỉ nơi sinh sống mà nói là: "Cách đây hơn 40 dặm, chỉ đi thẳng lên núi thì sẽ biết nơi". Song thân người nữ ấy sau khi mọi việc hoàn tất,

nghĩ nhớ con gái mới sang phỏng tìm thăm, thấy ngay cửa son cao lớn tráng lệ, bèn gõ cửa. Ẩn giả cùng con gái đồng ra nghinh đón. Mới đến ăn 1 bữa, bèn không còn cảm thấy đói. Ở lại liên tiếp 5-6 ngày cũng chẳng nghĩ đến uống ăn. Song thân sắp trở về, Ẩn gãi bèn dùng cái sọt 5 sắc đựng đầy 5 chóc vàng ròng mà đưa tặng đó, và nói cùng song thân rằng: "Nơi đây sâu xa, thôi nên ở lại chớ trở về nữa, sau khỏi phiền phải sang thăm". Về sau, song thân lại tìm sang mà chỉ thấy núi cỏ hoang vu, không còn có người ở, mới biết đó là hang huyệt của thần tiên vậy.

**** Lý Bí.***

Lý Bí, trong khoảng thời vua Túc Tông (Lý Hanh 756-763), ẩn dật tại Hành sơn. vua ban chiếu cấp Tam phẩm lục, tặng y phục ẩn sĩ vì sửa trị cung thất. Lý Bí thường hái tùng chi để che ẩn lưng, gọi đó là Dưỡng Hòa, về sau được như hình rồng bèn đem dâng hiến vua. Thuở bé thơ Lý Bí từng làm thơ rằng:

"Trời sinh ta, đất chở ta
Đất trời sinh ta có ý không
Chẳng vậy, bỏ ăn lên trời rỗng
Chẳng vậy, ngựa xe đến đế đô
Sao hay chẳng quý lại chẳng đi
Không từ ngang tàng một trượng phu
Một trượng phu chừ một trượng phu
Bình sinh chí khí lắm tốt mưu
Xin ông xem lấy việc trăm năm
Nghiệp thành thuyền nhỏ dạt ngũ hồ
Nền am thấy tại núi Yên hà
Được Bí ngữ của tiên sinh Huyền Hòa
Do Lại Tiện mở phát, Đạo nghiệp song toàn..."

Câu cuối bài thơ ấy đã thấy sự việc ở trước kia vậy.

**** Du Linh Côi.***

Du Linh Côi, người xứ Hà Vấn, Ở tại Cửu chân quán, Hành sơn. Về sau học Đạo hơn 10 năm. Nam nhạc Xích Quân rất mến thương đó, truyền cho Đạo Hồi phong hỗn hợp và giữ pháp Minh Lương 12 năm. Hay ngồi trong nhìn mọi sự trong thiên hạ tợ như nhìn lòng bàn tay, nhưng tự giấu ẩn chẳng làm lạ để kinh hãi mọi người, và người cũng chẳng biết Du Linh Côi có Đạo vậy. Những lúc cùng bàn nói phần nhiều nói những việc du lịch khắp 4 biển 9 châu. Dung mạo thường như người 30 tuổi. Trong khoảng niên hiệu Nguyên Hòa (806-521) thời tiền Đường, Lâm Châu quan lại nghinh hầu Thái thú, nhân đó nhóm tập tại

cửa quán. Du Linh Côi vận mặc y phục thô xấu tự nhiên, mọi người trông thấy cũng không lắm lễ đãi. Bỗng nhiên, Du Linh Côi trải qua nơi quan lại nói về mọi sự của cha ông như tên, họ, tướng mạo, tánh tình, chức tước, tuổi thọ v.v... mọi sự đều trúng, mọi người kinh lạ mà kính lễ đó. Du Linh Côi lại nói: "Tôi tình cờ vậy thôi, chẳng phải điều thật biết đó". Bèn vào đóng kín cửa mà chẳng ra, tuy khẩn cầu đôi ba phen cũng không nói lại. Mới biết Du Linh Côi là Dị nhân, thường đọc tụng kinh Đại Động, hoặc có lúc bỏ ăn, hoặc có khi uống rượu. Có Phan lão tiên đi đến Nhạc sơn cùng với Du Linh Côi rất thành thực thường nuôi 1 con rùa, thân hình lớn rộng 4-5 thước, sức lực có thể địch nổi 10 người, nên mọi người trông thấy đêu lo sợ, Du Linh Côi cưỡi nó vào núi Cửu nghi, những tiều phi có lúc trông thấy Du Linh Côi vậy.

**** Chim như tước.***

Xưa kia, ở thời vua Thuấn, có con chim như tước (se sẻ) từ Đan châu bay lại, nhả khí 5 sắc tan hòa như mây, nên gọi tên thứ nhất là phùng tiêu, chim tước hay bay thành đàn ngậm thư sa nhân nhẹ nhỏ như gió thổi bụi trần, nên lại gọi là châu trần. Nay, ở núi ngoài thương ngô, những người đi hái thuốc có lúc gặp được đá xanh tròn như ngọc, đượm phục đó không chết, đeo mang nó thì thân nhẹ nhàng, khoảng cuối niên hiệu Nguyên Hòa (821) thời tiền Đường, tiên nhân Phương Hồi đi đến Nam nhạc, gặp đó ngợi ca bằng 7 từ là: "Châu trần tròn nổi nhẹ lại sáng". Có đạo đượm phục đó được trường sinh. Vương Tử Niên nói ở núi Vân mật, bờ Lưu châu cũng có loại châu ngọc đó, có người đi từng gặp được đượm phục đó mà không chết.

**** Lưu Nguyên Tĩnh.***

Lưu Nguyên Tĩnh, người xứ Võ Xương, thầy là Vương Đạo Tông truyền phù lục của Chánh Nhất. Sau đó không bao lâu, Vương Đạo Tông cáo tịnh, do đó mọi vật sở hữu đều để lại quân bình cho các môn nhân. Lưu Nguyên Tĩnh chỉ nhận lấy Đồ thư. Sau khi đã an táng tại phía Đông của núi, trong đêm thanh vắng bỗng nhiên có khí từ trong mộ tỏa phát ra cao mười mấy trượng. Lưu Nguyên Tĩnh lấy làm lạ đó, bèn khai quật nơi an táng, lúc mở quan tài ra thì chỉ còn lại y phục chăn đắp mà thôi, mới biết thầy mình là người đắc Đạo, Lưu Nguyên Tĩnh cảm ngộ, trôi nổi Động Đình đến Võ lăng, lại vào Nam nhạc. Sư nói: Tiên sinh nhân đàn của Ngụy phu nhân tiên mới có ý bói ở đó. Từ đàn về hướng Đông leo lên núi Tầm tuấn khoảng mười mấy dặm, thấy 1 hang đá xoay mặt hướng Nam mở toang rộng mà ở, dẫn dòng suối chảy quanh, chặt cây cắt cỏ, trước tiên xây dựng trên các, tìm ước nói bếp táo trà, đục

đá mà làm thành. Sứ quân Hàn Hoa đi đến đó, nói các đó là nơi tiên nhóm tụ, thường dùng lá bách ủ men tượu, tuy bỏ ăn cơm gạo luyện khí mà mỗi lần uống hơn cả đấu. Đầu niên hiệu Bảo lịch (827) thời tiền Đường, vua kính Tông (Lý Trạm) tìm cầu phương sĩ, Giám quân Lã Lệnh Tông mời đến Đàm châu. Tiên sinh bảo là: "Nơi nào có núi thê đãi thiếp, dùng thịt trâu làm mạng, nếu lấy làm thuật sĩ, sợ tướngquân có tên của Võng Thượng vậy". Nhân đó xin vai con lợn nái tự cầm dao vào tỏi muối mà ăn đó, Lã Lệnh Tông càng nghi ngờ, nhân đó xoa bóp chân cầu xin đi, Tiên sinh chẳng đặng đừng bèn chịu lên đường. Tới ngày mồng 01 tháng 12 năm 827 thì đến Kinh đô. Bèn mời vào ở điện Tư Chánh. vua Kính Tông hỏi về những việc của Thần tiên. Sư bảo: "Không lợi thì chẳng làm, ít của ít ham muốn, đó là yếu chỉ của tu thân xuất thế vậy". vua Kính Tông không vui lòng, mà thật khó làm gì được. Văn Hoàng phóng thả trở về núi, Lý Huấn muốn sử dụng đó, Đổng xương Linh từ Giao Quảng cưỡi chuyển từng trạm qua dưới Nhạc sơn mà kính lễ Tiên sinh. Tiên sinh bảo: "Trong quán, thừa Vương khí chưa máy động, không nên có như vậy. Thực hành hãy từ từ đó". Huân Linh Xương nhân đó lui dây cương vào Thương sơn, Lý Huấn quả nhiên dấy loạn. Vợ của Lãng Châu Thứ Sử Đường Thân cảm mắc bệnh, đến cầu xin phù ở Lưu Nguyên Tĩnh. Lưu Nguyên Tĩnh căn dặn người đến xin rằng: "Phù này nên đưa bày cho Sứ quân, chớ trước cho phu nhân biết vậy". Kẻ Sứ trở về thì Đường Thân bèn qua đời, phu nhân tự lên cầm nắm trụ cột. Từng nghe môn nhân của Tiên sinh là Triệu Trung Nhàn nói là: "Tiên sinh nói về những việc của Đỗng Xương Linh, Đường Thân như chính tự mắt trông thấy. Triệu Trung Nhàn nói: "Tiên sư ở tại trong núi nhiều năm, mọi cảnh vật thình lình như có chỗ thấy", và cũng không nói chỉ định". Năm Hội Xương thứ 3 (843) thời tiền Đường, vua Võ tông (Lý Viêm) kính phụng giáo điển của Huyền Nguyên, sắp dẹp trừ chùa Phật, mời Tiên sinh vào cung quyết. Khi ra đối kiến, vua Võ Tông thấy thần mạo cao khiết, bèn đổi sắc mặt sùng kính nhân hỏi: "Phật pháp khuynh loạt đè lấn phong hóa của liệt Tổ, trẫm muốn dứt trừ đó". Tiên sinh đáp rằng: "Dòng họ thích hiện hữu đã lâu xa, nay sắp cấm tuyệt đó, có thể tạm đổi thay những điều lệ, cuối cùng rồi có sự biến đổi tức buộc mọi điều chúng hại thì không lợi với Đạo môn vậy". vua lại hỏi về các thuật kim đan, Tiên sinh đem vật chí linh, chẳng phải núi sâu nơi kẻ sĩ riêng qua không thể được! Vua hỏi: "Sư có đạt được vậy chăng?"

Tiên sinh đáp: "Nếu thần mong đạt được đó, nay thật chưa có đạt

được, còn đạt được thì Bệ hạ không thể thấy được vậy". Vua bèn ban tặng trăm xấp lụa nhủn và đường kẹo mạch nha. Tiên sinh nghĩ ở tại Thái thạch cung, vua thường luôn mời vào phỏng hỏi Đạo, những lúc có ân ban tặng. Tiên sinh liền xả cấp cho các người trông coi, kẻ sứ v.v... vừa về đến cửa vọng tiên thì đã tay không vậy. Đến mùa thu năm Hội xương thứ 5 (845) thời tiền Đường, vua Võ Tông cảm mắc bệnh nhẹ, sắp muốn được truyền pháp kục. Quan nội thần cho là Triệu Quy Châu có riêng lụy ham của cải, suy cử tiên sinh là người thanh tịnh có thể làm thầy của vua, bèn mời Tiên sinh vào điện Nội quân linh phù. vua Võ Tông hỏi về các việc thọ phù thề tin uống huyết. Tiên sinh đáp: "Lấy sự chí tôn tối trọng không gì hơn là thành kính trai giới. Bệ hạ cứ thực hành 7 ngày trai 3 ngày giới tự có thể được chầu Ngọc đế, không hợp dùng vàng ngọc tóc máu làm tin, cắt tóc uống huyết chẳng phải việc vua thường, vâng quyết bạch bích châu ngọc chẳng phải vật báu của bậc chí tôn". Bấy giờ lấy làm trung luận, đến lúc sự việc hoàn tất trừ ngân thanh quang lục đại phu sùng huyền quán Đại học sĩ hiệu là Quảng Thành tiên sinh, riêng xây dựng Sùng Huyền quán để ở đó. Về sau xin trở về núi. Khi ấy vua cũng muốn khiến Mao sơn thả rồng, bèn hứa từ Mao sơn trở về lại Nam nhạc. vua Đại Tông băng hà các Đạo sĩ Hứa Nguyên Trường, Triệu Quy Chân v.v... có hơn 10 người đều ở ngôi vị cùng cực. Pháp thượng riêng có chiếu quán sát khiến hỏi tặng lụa bó, danh hương v.v... mọi vật. Mới đầu ở Cửu Chân quán có Đại sĩ Chu Hỗn Hãn tại trung nhạc trông mong kề cận ngang cùng Tiên sinh, chầu mong chưa nêu cử thất sinh. Có Đạo sĩ Mao Thái Huyền ở Hành nhạc quán từng mộng thấy Chân quan cầm nắm lục từ trời giáng xuống nói là: "Dùng Hỗn Hãnlàm chủ Đại la quán". Mao Thái Huyền nhân đó hỏi: "Sao chẳng nêu cử Lưu tiên sinh (Lưu Nguyên Tĩnh) trước ư?" Chân Quan đáp là: "Lưu Quân Nghiệp đời chưa hết, nêu cử thì sai sử làm Tiêu quan, lại chẳng tu hạnh người vậy". Quả đúng như lời nói đó, Tiên sinh từ triều đình trở về Nhạc sơn mà than rằng: "Nay tôi phải làm Địa tiên qua vài trăm năm, căn chẳng thể thoát thân, bởi phiền lụy từ 2 vua vậy. Nay đã tính chẳng là vậy". Đến tháng 10 năm Đại Trung thứ 5 (851) thời tiền Đường, có mây hạc từng giáng xuống, sau đó không bao lâu, Tiên sinh qua đời, nghe có tiếng âm nhạc trôi nổi giữa hư không, đến ngày dời chuyển thần, chỉ có chiếc gậy thường còn lại. Đệ tử là Lã Chí Chân cũng đắc Đạo ấy vậy.

**** Tạ Tu Thông.***

Tạ Tu Thông, người xứ Nghi xuân, bẩm tánh hòa nhã, chẳng ham

thích trang sức, nghe vui mừng thì vui mừng, thấy xấu ác thì như vốc sâu nóng bỏng, kính thờ thân mẫu rất mực chí hiếu, thường ôm hoài sắc mặt vui vẻ. Một đêm nọ mộng thấy có người mang đội mão miện áo hạt đến bảo rằng: "Cốt tướng của ông khác phàm, cớ sao chẳng xuất gia học Đạo?". Tạ Tu Thông bèn mách cùng mẹ, bà mẹ chấp thuận. Khi ấy, Tạ Tu Thông bèn đến Nam nhạc, vào Hành nhạc quán Phan Như Tùng làm Đạo sĩ mà nương nhờ vậy. Nhân đi khắp 5 núi lớn, phỏng tìm các Linh tích. Một đêm nọ, mộng có Thần nhân bảo rằng: "Chu Lăng động phủ, nay ông chưa hợp ở đó, sau 50 năm trở lại đây có thể được nương ở. Từ đây về phía Đông có phước địa Ngọc phong động thiên, cũng là Hiến từ của Chu Lăng. Ông nên đến ở đó, sẽ có điều gặp". Khi ấy Tạ Tu Thông kính hầu tên thân mà nói cùng mạ là: "Nay gặp năm khó khăn thiếu kém, lúc hung nạn khó cấp dưỡng mẹ, có điềm cảm nên sang ở Ngọc tứ động thiên có thể tu hành được, ý mẹ thế nào?" Mẹ bèn chấp thuận đó. Tạ Tu Thông bèn khiên mang mẹ sang núi Ngọc tứ, tìm hang huyệt nương ở vài năm, cung phụng mọi thứ cam chỉ dụ thù hoàng tinh bách hợp. Sau đó, mẹ qua đời, an táng xong, ở không 3 năm, gặp được 2 chân nhân Mai, Tiêu truyền Đạo cho và thực hành đó. Về sau giải thay tại góc phía Đông Thanh hư quán, lại vào Nam nhạc, ẩn thân tại động Linh nguyên, quả đúng 50 năm vậy.

**** Liễu Thật và Nguyên Triệt.***

Trong khoảng niên hiệu Nguyên Hòa (806-821) thời tiền Đường, có Liễu Thật và Nguyên Triệt ở tại Hành nhạc. 2 ông đều có theo cha làm quan Triết hữu xử lý, dân chúng liên lụy mỗi tự ẩn trốn đến châu của Hoan Ái, 2 ông cùng kết đi xa mà sang tỉnh vậy, khi đến Liêm châu, Hợp phố huyện. Lên châu mà muốn vượt biển đến giao chỉ. Thuyền vừa ghé bờ Hợp phố, đang ban đêm, người dân trong thôn cúng tế thần, tiêu trống ồn náo, người thuyền cùng các Tam công bộc sứ đều sang trông xem. Gần nửa đêm, bỗng nhiên gió dữ nổi dậy bứt đứt dây neo, vụt chốc ra giữa biển lớn, chẳng biết tới đâu, bỗng nhiên vừa đến hòn đảo riêng lẻ thì gió ngưng dứt, 2 ông buồn bả mà leo lên, thấy tượng Thiên Tôn ánh ngời nơi án, có lò vàng đốt hương, mà riêng không 1 vật gì khác, 2 ông trông xem khắp cùng, bỗng nhiên thấy trên phía Đông biển có 1 con thú lớn ngẩn đầu trông nhìn 4 phía như có điều xét nghe, giây lâu mới ẩn mất thùi thụt, có mây tía từ biển tuôn vọt lên, tỏa tràn khắp vài trăm bộ, có hoa sen 5 sắc cao hơn trăm thước, cánh cánh xếp đầy, bên trong có màu căng như lụa tơ tạp bày sáng lóe mắt người, thấy 1 cầu vồng bỗng nhiên nổi thẳng lên đến trên Đảo, chốc lát có thị nữ

Song Hoàn (kẻ tớ búi 2 lọn tóc) bưng hộp ngọc, nâng lò vàng tợ như hoa sen đến nơi chỗ tượng Thiên Tôn, thay đổi lò hương tàn hết nhóm đốt hương mới lạ. 2 ông trông thấy Song Hoàn, cúi đầu kính bái, nói năng buồn thảm, cầu xin trở về nơi cõi người. Song Hoàn không đối đáp gì. 2 ông thỉnh hỏi điều lợi ích, giây lâu Tỳ nữ mới hỏi: "Các ông là người gì mà đến đây?" 2 ông bèn đem sự việc đuôi đầu mà nói đó. Tỳ nữ bảo rằng: "Thời gian sắp đến đây có Ngọc Hư Tôn sư sẽ giáng đến Đảo này, cùng với Nam Minh phu nhân hội ước, các ông cố thỉnh cầu hẳn sẽ được toại nguyện". Nói xong, bỗng có 1 Đạo sĩ cưỡi con nai trắng ngự trên ráng mây giáng đến trên đảo. 2 ông kính bái mà khóc lóc tỏ bày. Thiên sư xót thương đó, mà bảo: "Các ông theo người nữ này đến bái yết Nam Minh phu nhân, sẽ có lúc trở về chớ phải lo". Tôn sư bảo cùng Song Hoàn rằng: "Ngươi tạm tu chân hoàn tất, sẽ đi đến kia". 2 ông vâng lời chỉ bảo, đến trước màn, hành lễ bái yết, thấy nữ tử chưa cài trâm, áo mặc 5 sắc chương, 2 ông mới nói bày họ tên mình. Phu nhân mỉm cười mà bảo rằng: "Xưa trước tại Thiên Thai có Lưu Thần, nay thì có Liễu Thật, xưa có Nguyện Triệu, nay lại có Nguyên Triệt, không ai chẳng là trời vậy". Bèn bày 2 giường mà ngồi. Khoảnh khắc thì Tôn sư đến, phu nhân nghinh đón vái chào xon rồi trở lại chỗ ngồi, có vài đoàn Tiên nga dùng các thứ sinh can tiêu địch mà hòa tấu. Bên cạnh dẫn thêm loan phụng nhã hợp tiết tấu, 2 ông hoảng hốt như mộng đến ngang bằng trời thì ở chốn người đời ít nghe thấy vậy. Bèn bảo phi thương, bỗng chốc có huyền hạc ngậm mốc tia sáng từ giữa khoảng không giáng xuống mà nói là: "An Kỳ tiên sinh biết Tôn sư đến hội Hải Minh, tạm thỉnh đoái hoài ghé giá". Tôn sư đọc thư đó và bảo Huyền Hạc là: "Chốc lát sẽ đến đó". Tôn sư nói cùng phu nhân rằng: "Chúng ta và An Kỳ tiên sinh đã cả ngàn năm không gặp, nay vân du phương Nam không nhân đâu phỏng hỏi chuyện trò". Phu nhân hối thúc Thị nữ dọn bày thức ăn. Đồ vật bằng ngọc sáng sạch. Tôn sư ăn cùng phu nhân, 2 ông không được hưởng dùng. Tôn sư bảo: "2 vị khách chưa hợp hưởng dùng, nên dọn bày thức ăn của nhân gian mà ăn đó". Phu nhân nói: "Đúng vậy". Bèn dọn bày thức ăn của nhân gian mùi vị bình thường. Tôn sư ăn dùng xong. Lậy từ trong bụng ra 1 quyểnĐan Triệu trao cho phu nhân. Phu nhân kính bái nhận lấy và cáo lui, bảo cùng 2 ông rằng: "Các ông có đạo cốt, trở về chẳng khó khăn, nhưng tình cờ cùng gặp đây, hợp với linh dược cùng ban tặng. Chỉ vì các ông với phần xưa trước vốn đã có thầy, tôi nay không nên vì làm thầy các ông vậy". 2 ông kính bái, Tôn sư bèn đi. Phu nhân bảo Thị nữ rằng: "Có thể đưa 2 người khách đi, và

cưỡi chở bằng phương tiện gì?" Thị nữ đáp: "Có cầu trăm hoa, có thể ngự đó được vậy" 2 ông cảm tạ bái biệt. Phu nhân tặng 1 cái ngọc hồ cao hơn 1 thước. Phu nhân bảo lấy bút và đề vào ngọc hồ bài thơ rằng:

"Lại từ trong một lá thuyền lại
Đi đến trên cầu trăm hoa đến
Nếu đến nhân gian gỏ ngọc hồ
Uyên ương tự giải rõ mọi lời".

Bỗng chốc có chiếc cầu dài vài trăm bộ, trên lan can đều có hoa màu khác lạ, 2 ông đi giữa khoảng các hoa ngầm lén trông nhìn thấy có ngàn rồng vạn cầu cùng nhau quấn quanh trụ đá cầu. Có sứ giả bảo rằng: "Tôi không kham làm kẻ sứ mà đưa tiễn các ông". Bởi có ý sâu muốn vâng gá gượng đi đó. Giữa khoảng dải áo có 1 hộp nhỏ, trong hộp có vật ẩn, ẩn nhưng hình trạng như con nhện, nói cùng 2 ông rằng: "Chúng tôi là loài thủy tiên. Thủy tiên tức thuộc về âm mà không nam tử. Tôi xưa kia đi đường gặp Phiên ngu với ít năm chí tình thì có con, sau đó chưa đầy 3 năm thì khiến bỏ. Phu nhân bảo cho làm con của Nam nhạc thần lại đã lâu vậy. Giữa khoảng Nam nhạc sứ giả núi Hồn nhạn có việc ở tại Thủy phủ. Ngày tor73 về nhớ gởi vòng ngọc lọng sang đến chỗ con tôi mà sứ giả ẩn đó, tôi rất lấy làm căn. 2 ông vì mang hộp con đến dưới núi Hồi nhạn phóng hỏi miếu sứ giả mà thả đó và sẽ có sự biến lạ. Như có được vòng ngọc, xin vì đưa cho con tôi, con tôi cũng sẽ có báo hiệu, xin các ông cẩn thận chớ mở ra đó". 2 ông nhận rồi nói cùng sứ giả rằng: "Trong bài thơ của Phu nhân nói là: "Như đến nhân gian gõ ngọc hồ, uyên ương tự giải rõ mọi lời, là thế nào?" Sứ giả đáp rằng: "Ông trở về, nếu có việc gì chỉ cứ gõ vào ngọc hồ, thì sẽ có loài chim vì ứng đáp, mọi sự không gì chẳng theo ý mình". 2 ông lại hỏi: "Còn ngọc hư tôn sư nói "Chúng tôi tự đã có thầy, vậy thầy đó là ai?". sứ giả đáp: "Đó là Nam nhạc thái cực tiên sinh, các ông sẽ tự gặp đó". 2 ông giả biệt sứ giả thì đã hết cầu, vì đến nơi Hợp phố ngày xưa, chỉ có thuyền chở về, trông nhìn lại không còn chiếc cầu nữa. 2 ông dò hỏi về thời gian thì đã trải qua 10 năm, về đến Châu Hoan ái thì thân thuộc đều đã chết hết. 2 ông buồn bả hỏi đường sắp về đến Hành sơn, đang giữa đường nhân đưa tay gỏ ngọc hồ, bèn có tiếng chim uyên ương bảo rằng: "sẽ có ăn uống, cứ đi tới trước thì tự gặp". Chỉ khoảnh khắc, ở bên tả đường đi, có bày biện mâm cổ thịnh soạn, 2 ông cùng ăn no đủ rồi, qua vài ngày sau tìm về tới nhà, những trẻ nhỏ năm xưa nay đã đến tuổi 20. Nhưng vợ của 2 ông mỗi đều đã qua đời 3 ngày. Mọi người trong nhà vui lẫn lộn chẳng thể tự cản ngăn được! Có người nói: "Tướng

lang quân đã đắm chìm giữa biển lớn nên ở nhà mang đội tang chế đã năm nay". 2 ông tợ như nhàm chán sự đời tâm thể rỗng rang, trông thấy tang của vợ mà chẳng lắm buồn cảm. Nhân đó cùng đến dưới núi Hồi nhạn phỏng hỏi miếu sứ giả đem hộp nhỏ ấy thả bỏ đó, bỗng có 1 con rồng đen dài vài trượng khơi gió phun bão, bẻ cây nhổ nhà, sấm sét nổ vang 1 tiếng, miếu vũ vỡ nát, 2 ông kinh sợ chẳng dám trông nhìn kỹ. Lại giữa không trung có ném xuống vòng ngọc, 2 ông nhận lấy đó mà đưa đến Nam nhạc miếu. Kịp đến lúc trở về có 1 thiếu niên mặc áo vàng bưng 2 hộp vàng nhỏ, mỗi đem về đến nhà của 2 ông mà bảo rằng: "Lang quân bảo đem thuốc này gọi là phản hồn cao để báo đáp cùng 2 ông. Nếu ở nhà có người chết tuy đã 1 giáp (60 năm) còn có thể bôi thoa vào cổ mà sống lại đó". 2 ông nhận lấy rồi, bỗng chốc người thiếu niên ấy ẩn mất, 2 ông bèn làm cho vợ chồng sống lại, sau đó cùng tìm mây nước, phỏng hỏi thái cực tiên sinh mà không có cùng tìm mây nước, phỏng hỏi Thái cực tiên sinh mà không có tăm hơi gì, buồn bả mà trở về, nhân giữa khoảng mây tuyết bỗng thấy 1 ông già mang củi để bán, 2 ông xót thương ông già chịu lạnh, bèn tặng cốc rượu để uống ấm lòng, bỗng trông thấy trên vát củi có khắc chữ Thái Cực, mới nghi lạ đó, 2 ông bèn kính lễ tôn làm thầy, đem ngọc hồ ra mách cùng. Ông già ấy bảo: "Tôi tích trữ ngọc định trong hồ ấy, từ trước đến nay thời gian đã lâu lắm vậy, nên rất mừng vui". Bèn dẫn 2 ông đồng lên núi Chúc Dung, trọn không trở ra lại. Nghi là từ đó đều đắc Đạo vậy.

**** Nữ quán Đạo sĩ Khương Tử Hà.***

Chủ miếu Đông Lăng Thánh mẫu là nữ quán Đạo sĩ Khương Tử Hà tự nói là: Thuở thiếu thời trong mộng thường bị người bắt đầu đến 1 nơi mà nói là: "Thiên phủ bảo dẫn tướng quân đi tuần Nam nhạc". Bèn đem giáp khóa vàng mà bảo cưỡi, người ngựa cùng dẫn theo đông hơn cả ngàn đi đến phương Nam. Phút chốc đến nơi, Nhạc thần kính bái trước ngựa. Trong mộng như có quân xử, khe hang núi cao chót vót trong Nam nhạc không đâu chẳng giẫm trải qua. Rồi hoảng hốt mà trở về, đến lúc gà gáy thì tỉnh giấc, từ đó sinh mọc vài mươi cành râu".

**** Phùng Duy Lương.***

Phùng Duy Lương, tự là Vân Dực, người xứ đất Tương, tu Đạo ở trung cung tại Nam nhạc, cùng với Từ Linh Phù, Trần Quả Ngôn làm bạn mây khói, ngoài việc hương hỏa thì đàn hát uống rượu tự vui, lâu sau đến Giáng chân đường thọ học Tam Động Bỉ Quyết với thầy là Điền tiên sinh, trị bệnh giải độc. Đến trong niên hiệu Nguyên Hòa (806-821) thời tiền Đường, hầu thầy vào núi Thiên Thai mà đắc Đạo.

**** Lô My Nương.***

Trong khoảng niên hiệu Trinh Nguyên (785-805) thời tiền Đường có Lô My Nương do Nam Hải triều cống, tuổi vừa 14, lông mày xanh biếc lại dài, nên có tên gọi như vậy. My nương bé nhỏ mà thông tuệ mẫn ngộ, khéo léo không ai sánh bằng, có thể trên 1 trượng lụa quyên thêu trọn bộ kinh Pháp Hoa 7 quyển, chữ nhỏ như hạt thóc nhưng điểm họa rất rõ ràng, lại khéo làm lọng mây bay, dùng 1 cuộn tơ phân làm 3 đoạn nhuộm thành 5 sắc, kết làm lọng vàng, bên trong có các hình tượng 10 châu 3 đảo điện đài lân phụng, và các đồng tử cầm tráng bưng tiết chẳng những có đến cả số ngàn. vua Thuận Tông (Lý Tụng 805-806) ngợi khen và xưng gọi đó là thần, bèn độ cho làm Đạo sĩ, ban tặng hiệu là Tiêu Dao, sắc ban đến ở Ngụy các tại Nam nhạc, lâu sau nói bày kỳ hạn mà vũ hóa vậy.

**** Tiên sinh Lã Chí Chân.***

Tiên sinh Lã Chí Chân, không biết là người xứ nào, là đệ tử của Quảng Thành tiên sinh, bên trong thanh khiết mà bên ngoài hòa đồng, trọn ngày ngồi vắng teo, tợ như không biết nói. Ở hang ẩn chân tại Nam nhạc hơn 10 năm. Từ đó về sau cứ mỗi năm đến kinh đô 1 lần, rảo bước Tiêu tương, thăm viếng nhà của các môn nhân, thường mang theo 2 trái bầu lớn, các thứ thuốc thang, phục sức Đạo cụ binh lục đều chất chứa trong đó, khéo dùng dược thuật để cứu giúp người. Vào trong hang cốc rừng rậm thì hổ báo thuần theo, có người hỏi về Đạo tu thì im lặng chẳng nói, ra giữa đường đi khách thương buôn núi, bỗng nhiên đổi sắc mặt không đi trước. Mọi người đều ngờ lạ mà hỏi đó thì bảo là phía trước có kẻ cướp đang đi lại. Quả nhiên thấy binh lính mang mũi nhận kéo đến. Chí Chân bảo rằng: “Mọi người đi đây đều là đệ tử của tôi, không được đụng đến đó”. Mọi người đi đó đều kính lạy lánh đường không dám đi trước. Lại đến 1 cửa cốc mà bảo rằng: “Nơi đây có vật hại người”. Mọi người đồng đi đều muốn trông thấy đó, bèn đến núi Thạch kim từ nửa đêm đến sáng dừng nghỉ tại đó. Lúc sáng sớm hôm sau sang phỏng hỏi đều đồng như nhau. Hoặc bảo là: “Đi hái thuốc mà nghe được nhạc tiên, há chẳng phải là điềm của đắc Đạo ư?”

Về sau, đi đến Nam nhạc, lễ bái Thanh ngọc đàn và Quang thiên đàn, ngụ ở tại Chiêu tiên quán, bỏ ăn cơm gạo 7 ngày, vào động Linh Nguyên Phỏng hỏi nơi chỗ núi ẩn xưa cũ của Bành chân nhân và Thái chân nhân mà đến đó. Lúc xế chiều vừa lên bờ khe, gặp 1 tiều phu ngồi, hỏi Sư Đạo (Lã Chí Chân) rằng: “Một mình ông muốn đi đến đâu?” Sư đạo đáp rằng: “Nghe nói Bành chân nhân và Thái chân nhân ẩn cư

tại núi này nên mong được 1 lần bái yết kính lễ". Tiều phu bảo: "Nơi ở của Thái chân nhân, không thể đến đó được, giờ này trời sắp chiều tối vậy. Tạm đi qua núi nay về hướng Đông có ngôi nhà người, có thể nghỉ lại qua đêm". Nói xong, Tiều phu mang đội bước qua khe nước rất cạn, Sư Đạo đi đến thì nước rất sâu. Tiều phu xoay trở lại bảo rằng: "50 năm sau mới có thể đi qua đây được". Sư Đạo bèn theo hướng Đông đi hơn 10 dặm đến chỗ có ngôi nhà tranh có hàng rào, gà chó v.v... thấy có 1 người tướng trạng như nhà nông tuổi khoảng 30, hỏi Sư Đạo rằng: "Ông đến đây mong cầu gì?". Sư Đạo đáp rằng: "Muốn tìm Bành chân nhân và Thái chân nhân!". Người ấy bảo: "Vậy trên đường đi, Ông có gặp tiều phu nào chăng?". Sư Đạo đáp: "Đúng có gặp tiều phu". Người ấy bảo: "Đó là Thái chân nhân vậy". Sư Đạo kinh hãi tự than rằng: "Gặp tiên nhân mà không biết, đâu chẳng phải bởi mạng ư?". Nhân đó nghĩ lại qua đêm, dưới giường có 1 cái lò, bên trong có đỉnh nước nóng đang còn, phía sau có vài hộp sứ sắp bày quanh. Người ấy bảo: "Đặt gạo chưa lấy về. Vật trong hộp có thể lấy dùng ăn, cứ theo ý mà lấy". Sư Đạo nói: "Đi núi Phỏng tìm chân nhân, chẳng nghĩ nhớ đoái hoài việc uống ăn". Khi ấy giơ lên một hộp, trông nhìn đó thì là trà, bèn lấy nước ấm nóng châm vào để uống, mùi vị ngọt ngon hương thơm khác lạ. Lại giơ lên thì không mở ra được nữa, các hộp khác cũng vậy. Sư Đạo không dám nói, nhân đó nằm nghỉ, qua hôm sau, mặt nhật đã lên cao mà chủ nhân chưa dậy. Sư Đạo ngờ lạ đó, bèn ngầm bỏ đi, ước khoảng mười mấy dặm, gặp 1 người già ngồi trên đá hỏi han. Sư Đạo bèn đem đầu đuôi sự tình mà đáp. Người già ấy bảo: "Cha con của Thái chân nhân đều ẩn tại núi này. Chỗ nghỉ lại đêm qua của ông tức là nhà con Thái chân nhân vậy". Lại bảo rằng: "Đạo khí của ông chỉ bởi còn nồng đặc và cốt còn chưa thành tựu". Nhân đó bẻ 1 cảnh cỏ trao cho Sư Đạo. Cành cỏ đó như mầm gừng, dài hơn cả thước mùi vị ngọt ngon. Lại bảo uống nước suối. Nhưng nước vừa nâng lên đầu thì biến ẩn mất. Từ đó chi ăn cỏ trà, lại cảm thấy khí lực nhẹ nhàng, mạnh khỏe hơn hẳn lúc mới đến. Sau đó, trở về Chiêu tiên quán. Đạo chúng kinh ngờ lấy làm lạ hỏi rằng: "Đi đã hơn 1 tháng, sau như lâu lắm vậy? Trong núi không nơi dừng nghỉ qua đêm ư?" Sư Đạo kinh ngạc tự nói là: "Vừa mới trải qua 1 đêm". Và đem mọi sự thấy gặp mà tỏ bày đó. Đạo chúng lại than rằng: "Chúng tôi ở tại quán đây nhọc vì học Đạo, ông mới chỉ 1 lần vào núi mà 3 lần gặp được tiên nhân. Chỉ ngủ 1 đêm mà trải qua thời gian dài hơn 1 tháng. Người già đó chính là Bành chân nhân vậy. Đã thấy được cha con Thái chân nhân lại gặp được Bành chân nhân, được chỗ đến

chẳng tu hành ư?”. Về sau vì để thăm viếng thân thích, về hỏi Chánh sơn mỗi lúc hái thuốc chẻ củi đều dùng hổ báo mang về, người mẹ vui mừng bảo: “Ngươi lấy tâm hiếu nuôi dưỡng. Ta lấy Đạo làm vốn liếng, ta cũng mong vì làm mẹ của ngươi vậy”. Thế rồi đến Ngọc tứ thanh hư phỏng hỏi Mai chân nhân và Tiêu Chân nhân. 3 lần đi đều dùng bằng thuyền gỗ, mong 1 lần trông thấy đó đi ở núi, gặp 1 người mặc áo vải trùm khăn qua dáng mạo như người 50 tuổi. Sư Đạo hỏi nơi ở của Mai chân nhân và Tiêu chân nhân. Người ấy bảo: “Tôi là Tạ Tu Thông, Tôi ở động Linh nguyên tại Nam nhạc, nơi khe cùng Bành chân nhân và Thái chân nhân ẩn cư hơn 200 năm, biết ông từng đến Nam nhạc. Tôi vừa vâng mạng của Đông Hoa Quân làm Địa tiên tại núi Ngọc tứ, kiêm cai quản Thanh hư quán. Ông và tôi có chút Đạo duyên nên được gặp nhau vậy”. Nói xong bỗng nhiên ẩn biến mất. Sư Đạo trở lại động Linh nguyên thì tuổi đã 50 vậy.

**** Vị Tăng ở Tương châu Vệ châu.***

Giữa khoảng Tương châu và Vệ châu có vị Tăng, từ thuở thiếu thời đã tập học thông nhiều kinh luận, lại hay khéo giảng thuyết. Mỗi lúc có giảng viên, tự cho là siêu tuyệt mà hiếm ít người nghe, tài lợi cũng mỏng nhạt. Cứ như vậy nhiều năm, nhưng là bậc chân tăng nên chẳng tức giận, bèn mang các kinh luận giẫm trải khắp các danh sơn để phỏng tìm người biết. Về sau vân du Hồ ngoại đến chùa Hành nhạc ở Nam nhạc nghỉ lại hơn 1 tháng, thường ở nơi trai đường của chùa lúc nhàn rỗi tầm dịch kinh luận. Lại tự trách lỗi quá rằng: “Với nghĩa lý hiểu biết há trái với Thánh ý ư?” trầm tư điều đó giây lâu, bỗng ngẩn đầu lên thấy 1 lão tăng chống gậy đi vào mà hỏi rằng: “Sư tập đọc kinh luận gì vậy? Nghiên cứu nghĩa lý gì thế?”. Vị Tăng ấy nghi đó là dị nhân, mới thuật rõ nguyên do, lại tự trách lỗi quá là: “Như gặp được người trí phân biệt rõ việc này cho?”. Và bên khóa miệng cùng lưỡi không nói năng gì thêm nữa. Lão Tăng đó cười bảo: “Sư hiểu biết sâu rộng mà lại không biết nghĩa ấy ư? Bậc Đại thành còn không thể độ người vô duyên, huống hồ là kẻ sơ tâm ư? Đây chỉ bởi Sư không có duyên với chúng nên vậy”. Vị Tăng ấy nói: “Nếu thế thì trọn đời cứ mãi như vầy ư?” Lão Tăng đó bảo: “Nay tôi thử vì ông mà kết duyên”. Nhân đó hỏi vị Tăng ấy có được bao nhiêu của cải hiện còn. Vị Tăng ấy đáp: “Từ quê đến phương Nam đây trải qua đường dài muôn dặm, chi phí lương thực, mọi vật đều hết. Hôm trước vừa đến Nam nhạc đây chỉ còn pháp y 7 điều mà thôi”. Lão Tăng đó bảo: “Chỉ chừng ấy cũng có thể được, Ông nên đem bán pháp y đó có được bao nhiêu tiền đều sắm

sinh các thứ bánh bột dầu ăn v.v... ". Vị Tăng ấy bèn làm theo lời chỉ bảo đó màsắm sinh ước chừng đủ khoảng vài mươi người ăn, mang đến trong đồng trốngbằng phẳng vung rải các vật đó; đốt hương quỳ thẳng mà chú nguyện rằng: "Mong những loài ngày nay ăn dùng các vật tôi ban thí đây thì trong đời tương lai sẽ làm đệ tử của Tôi. Tôi sẽ vì giáo hóa đó cho đến thành Đạo Bồ-đề". Nói lời ấy vừa xong, chim quạ đua nhau loạn xạ xuống mổ ăn, các loài giun kiến dưới đất cũng lắm nhiều không thể tính kể. Vị Lão Tăng ấymới bảo rằng: "30 năm sau, ông mới có thể trở về khai mở pháp tịch, nay tạm chu du, chớ nên giảng nói". Nói xong, bèn bỏ đi. Vị Tăng ấy y theo lời nói đó, sau 20 năm trở về Hà Bắc khai giảng, thính chúng đông nhiều cả muôn vạn người đều tuổi dưới 20, còn các vị già lớn trong 10 người chẳng có đến một hai.

**** Vị Tăng ở núi Nam nhạc.***

Trong thời tiền Đường có vị Tăng ở tại núi Nam nhạc, thấy 1 vật đuôi sắc xanh che phủ kính mình thẳng đến trước tòa. Vị Tăng ấy bảo: "Bần đạo sống thiền chẳng nhiều, sinh linh thần có biết chớ cùng não hại". Vật đó hỏi: "Ông có biết thời nhà Tấn nhà Tống chăng?". Vị Tăng ấy đáp: "Từ thời nhà Tấn đến thời nhà Đường đây đã 400 năm vậy". Vật đó lại hỏi: "Ông có biết Diêu Hoằng chăng?". Vị Tăng ấy đáp: "Tôi nghe Diêu Hoằng đã chết vậy". Vật đó nói: "Diêu Hoằng chính là Tôi đây". Khi ấy nói bày về sự chết đó, thoát thay chạy trốn đi đến động Thiên phước địa, đói thì ăn lá bách khắp thân mình mọc lông.

Dưới đời vua Đại Tông (Lý Dự 763-780) thời tiền Đường, có Cao tăng Pháp Chiếu làm Quốc Sư mới nói là: "Thầy tôi là Đại trưởng lão ở Nam nhạc, có đức rất kỳ đặc". Thiên tử xoay mặt phương Nam thiết lễ kính vọng bái, độ người theo Đạo đó đông không thể tính kể, mới xưng gọi nơi chỗ ở đó là "Đạo tràng ban chú" dùng để tôn quý ngôi vị ấy vậy. Mới đầu ở dưới của Nam nhạc phía tây núi, có người cho thức ăn gì thì ăn thức ăn đó, như không có thức ăn thì ăn đất bùn cỏ lá, và lấy đó làm y phục, Nam cùng Hải duệ, bắc tận thuyết đô, mọi người đều đến cầu Đạo ấy, hoặc ở nơi cốc hang sườn núi, hoặc thân hình gầy ốm, mặt mày dơ bẩn, tự thân mang vác than củi để làm kẻ tớ sai sử. Qua sau vài năm công thành, Đạo hoàn bị, mọi người đều mang vải gấm thay thế cây gỏ đá, giao đến nơi hang nhà, chẳng cự tuyệt mà cũng chẳng tạo dựng. Đến lúc đền nhà đã đủ, vua Đức Tông (Lý Khoát 780-805) thời tiền Đường ban chiếu ngợi khen, vì tạo dựng chùa-di-đà. Mọi vật cúng thí dư thừa thì ban cho các người tật bệnh đói kém, chẳng bày công khó. Bên cạnh đó có Động Nguyên vốn người xứ Lạc Dương đến ở Tung sơn cao vợi,

sau khi gặp Đạo thì luôn say rượu. Như kẻ phong cuồng lẫn lộn bụi trần. Một sáng sớm nọ trở về Lạc Dương, nhân say mềm lặng vào dòng nước chẳng trở ra. Về sau có vị khách từ Hành tương đến, Động nguyên ở núi Nam nhạc nhờ gởi thư đến Lạc Dương. Pháp thuộc giao hữu đó tiếp nối theo xưa, kịp đến sẩm đen bèn đó là do Động nguyên thân gần nhuấn nhiễm, mọi người đều gọi đó là Thủy tiên.

**** Xử sĩ Mã Chửng.***

Trong khoảng niên hiệu Trường Khánh (821-825) thời tiền Đường, có Xử sĩ Mã Chửng, tánh tình nhàn nhã thanh hư khéo vui thích đến cảnh núi sông chẳng kể hiểm nguy đều men trải vượt, đến ở Mân Trung. Nhân đến núi Chúc Dung ở Nhạc sơn; vào Đạo tràng Phục hổ sư Phật đường, trang nghiêm hương hoa quả phẩm và thiết bày 3 thoi bạch kim lên trên bàn Phật. Thấy có 1 Lão tăng lông mày đều bạc, tướng trạng dung mạo rất khôi ngô. Lão Tăng rất vui mừng đến Mã chửng đến, Mã Chửng sai bảo kẻ tớ mang lấy chiếc đãy. Lão Tăng nói: “Tạm xin bộc phu lang quân đến chợ gần Huyện mua giúp cho ít muối”. Mã Chửng hứa thuận, kẻ tớ bèn mang tiền đi xuống núi, Lão tăng ấy xoay trở lại, cũng không biết đi đâu, tiếp tục theo đó lại có 1 người đi núi tên là Mã Chiêu cũng chỉ 1 mình lên đến đó. Vừa thấy Mã Chửng, rất cùng ủy an mừng rỡ. Mã Chiêu nói cùng Mã Chửng rằng: “Trên đường đến đây nửa đường thấy 1 con hổ ăn thịt người, không biết tên họ người đó là gì?” Nhưng diễn tả phục sức thì đúng là kẻ tớ của Mã Chửng. Mã Chửng rất kinh hãi. Mã Chiêu lại nói: “Từ xa trông thấy con hổ ăn thịt người đó hết mới cởi bỏ lớp áo da, mà mặc lại áo Thiền là 1 vị Lão Tăng vậy”. Mã Chửng càng kinh sợ. Đến lúc Mã Chiêu gặp thấy Lão Tăng trở lại, mới nói cùng Mã Chửng: “Đúng là đây vậy”. Mã Chửng thưa cùng Lão Tăng rằng: “Có người họ Mã đi núi lại nói là kẻ tớ đó vừa đến nửa đường núi thì bị hổ ăn thịt mất rồi. Việc ấy thế nào?” Lão tăng tức giận bảo: “Bần đạo ở tại núi này, trọn không có hổ lang, cỏ cũng không trùng độc, đường đi hẳn không có rắn hổ, rừng không có chim cú kêu, không thể tin tình cờ nói vậy”. Mã Chửng trông thấy nơi mép miệng Lão tăng còn mang dính màu nồng, mà không muốn nói. 2 người bèn cùng nép mình trong nhà ăn, bít chắn kỹ cửa nẻo, dưới ánh đèn sáng dòm thấy nửa lúc đêm khuya phía ngoài cửa có con hổ tức giận đưa đầu húc vào cánh cửa đôi ba phen nhưng nhờ cửa cứng chặt không rơi xuống. 2 ông càng khiếp sợ, đốt hương chí thành cúi đầu trước tôn tượng Tân đầu lô phả trong nhà ăn, nghe tôn tượng đó ngâm bài thơ rằng:

“Người Hổ rớt đắm nước trong lan

Ngựa con phải phân chắc bờ vàng
Nên bảo Đặc Tấn cài cung lại
Qua qua tướng quân hẳn hại tim".

Hai ông ghi nhớ mà giải nghĩa bài thơ đó là: "Người Hổ" (dần nhân) tức vị Tăng ấy là hổ vậy, "Nước trong lan" (Lan trung thủy) tức là giếng. "Ngựa con" (Ngọ tử) tức là chúng ta (Mã Chửng và Mã Chiêu). "Chắc bờ vàng" (cấn bạn kim) tức là bạc vậy, còn 2 câu sau không giải nổi. Đến sáng sớm, lão Tăng gõ cửa bảo rằng: "Lang quân dậy ăn cháo". 2 ông mới dám dậy ra ăn cháo như khác lạ. 2 ông tính kế là: "Nếu Lão tăng này còn đây thì chúng ta không dám xuống núi". Mời gọi lão Tăng ấy lại và nói "Trong giếng có vật gì lạ". Lão Tăng đó vừa trông nhìn xuống, 2 ông cùng xô đẩy lão Tăng đó rơi lọt xuống giếng mới hóa làm thành hổ. 2 ông bèn dùng đá lớn bít chân lấp lại. Rồi lấy 3 thoi bạc cùng trở xuống núi. Vừa lúc trời hơi sẩm tối, gặp 1 người thợ săn bên cạnh đường trương bày cung tên rồi leo lên trên cây chắn rào mà ở đó, bảo cùng 2 ông rằng: "Chớ nên xúc chạm vào máy tôi cài". Lại nói với 2 ông là: "Đường xuống núi còn dài xa, hổ dữ hung bạo, sao chẳng tạm nghỉ nơi đây". 2 ông cùng động lòng vin leo lên sắp yên định người. Bỗng nhiên có khoảng 30-50 người vừa Tăng sĩ vừa Đạo sĩ hoặc nam hoặc nữ ngâm ca vui múa, bỗng đến nơi chỗ cài cung, chúng tức giận bảo rằng: "Từ sáng sớm đã bị 2 tên giặc giết hại Thiều Hòa của chúng ta nay mới đuổi bắt. Lại có người dám dàn bày bẫy Tướng quân chúng ta nữa". Bèn mở phá máy cài mà đi qua, 2 ông đều thấy nghe nói thế mới nói với người thợ săn rằng: "Thứ trành quỷ đây là hạng người bị hổ ăn thịt vậy, vì hổ trước mà trách nói. Nhân đó, 2 ông bèn hỏi về họ tên của người thợ săn. Người thợ săn ấy đáp: "Vốn tên Tấn dòng họ Ngưu". 2 ông rất vui mừng, bởi 2 câu thơ cuối của to nay đã có nghiệm biết vậy. "Ngưu Tấn" tức là "Đặc Tấn", "Tướng Quân" tức là "Hổ" vậy, bèn khuyên người thợ săn đó cài đặt cung tên như trước lại, người thợ săn liền làm vậy xong. Vừa mới leo lên bờ rào chắn, quả nhiên có 1 con hổ gầm gừ đi đến, chân trước vừa chạm vào máy cài, mũi tên liền trúng vào hàng thứ 3 xuyên qua tim, hổ ngã lăn sùi sụt. Các Trành quỷ đua nhau chạy xoay trở lại cúi đầu trước hổ, khóc than thảm thiết nói là: "Người nào giết Tướng quân ta vậy!" 2 ông nhân đó tức giận mới quát bảo là: "Các ông không tự biết mình là hạ quỷ, đời trước mắc phải Hổ giết chết ăn. Chúng tôi nay vì các ông mà báo thù. Các ông đã không thể hổ thẹn từ tạ mà lại dám khóc than. Há có làm quỷ chẳng linh ư?" Khi ấy bèn đều lặng thinh, bỗng có 1 con quỷ đáp rằng: "Đều bởi

không biết Tướng quân là hổ vậy. Nay nhận lãnh được lời nói của Lang quân mới rất kinh sợ". Tỏ ngộ rồi bèn theo nhau giẫm đạp đuôi hổ mấn rủa đó, xong rồi xoay cảm tạ mà đi. Đến sáng sớm, 2 ông bèn chia cho người thợ săn 1 thoi vàng mà trở về (rút từ truyện kỳ lạ).

**** Hướng Tử Văn.***

Hướng Tử Văn, người xứ Trường sa. Trong khoảng niên hiệu Bảo Lịch (825-827) thời tiền Đường, được làm quan ở Hành Châu, nhưng vì nghèo khó chẳng thể trở về tâm tình mến thích thắng cảnh của núi sông. Một đến bái yết miếu Nhạc thần, bấy giờ đang mùa nắng nóng nên dừng ở lại hơn 10 ngày. Bỗng có 1 người quấn khăn sắc xanh mặc áo cừu sắc tía, vẻ mặt tợ ngọc đã giũa mài, thần sắc oai nghi nghiêm chỉnh râu mây như vẽ, Tử Văn trông thấy mà lấy làm lạ đó với cốt tướng khác phàm, sáng hôm sau sang trông thấy bèn hỏi thăm đó, người ấy nói: "Tôi là Cung Khánh Trường, gia đình ở Lạc Dương, thuở thiếu thời gặp được Tư Mã Ẩn Nguyên tại dưới núi minh cao. Ẩn Nguyên từ đó là Linh quan ở Ủy vũ động thiên". Phàm khắp 5 núi lớn 4 ngòi, động thiên, phước địa mỗi mỗi đều có linh quan làm chủ quản, xét lường công tội, phỏng dò thiện ác, tấu trình liêncan đến Cửu thiên sứ giả phủ. Ẩn Nguyên nói với Khánh Trường rằng: "Ông đời trước từng giữ chứ vị trọng yếu, có công nhọc biện oan rửa sách tội chết. Người thời bấy giờ ngầm được ông ban ân huệ. Mãi đến khi chu Thử tiếm nghịch, trượng tiết phải chịu sự chết, khí tiết trung kiên tức giận, nghị lực chẳng suy, nên được sinh trở lại làm người, ngày sau thông ngộ hẳn tự thông biết đó. Cửu thiên sứ giả ghi lục công mạng của ông. Nay ta trao cho ông pháp Thạch tinh kim quang tàng ảnh lục hình thần kiếm, chầu của Hoàng thái cực nhất điểm chầu". Nhân được độ đời, gồm lên núi Tử tiêu trông khí trời, thấy ở ngoài Đảnh yêu khí bừng bừng, muốn sang tể trừ đó, đi ngang qua miếu nhạc nên lại chấu yết. Tử Văn vì vậy nên đặt thân theo cùng. Khánh Trường xoay lại bảo người hầu lấy đàn trống hòa tấu đó. Khúc nhạc đó tên là "lá hình vàng nhảy nhót giữa biển, mưa giót sen thu, say đào ánh trăng mây trắng dẫn đưa", âm vận trong lành vượt trội, chẳng phải tiếng phàm. Bộ tùng liền cả mấy ngày. Đến lúc sắp giả biệt, Tử Văn kính bái mà nói là: "May được khoảnh khắc gặp gỡ, muốn theo Tiên sinh về hướng Nam vân du có được chăng?". Khánh Trường bảo: "Chưa thể được vậy. Ông phải là Sĩ Tấn, 18 năm sau sẽ cùng gặp tại núi Trung Điều. Tử Văn lại kính bái nài xin. Khánh Trường bảo: "Học trước công thành, gặp thời thì đắc chí. Ông nên cố gắng đó, đến lúc liên can nhả nạp ăn mặc, mới là sự việc khác". Tử Văn khẩn thiết cầu xin đôi ba phen! Khánh Trường

bảo: “Nên đợi gặp sau”. Tử Văn nói: “Vậy có dạy răn gì, thề xin kính vâng!”. Khánh Trường trầm tư giây lâu mới bảo: “Dòng tộc cha ông của ông vùi lấp Tăng xá, phải nhận chịu khổ làm quỷ phục dịch. Ông hảy sớm chọn chỗ đất tốt lành để làm trọn việc lớn”. Tử Văn bái tạ trong khóc buồn, Khánh Trường vụt nhiên mà đi.

**** Luyện sư Niếp Thiệu Nguyên.***

Luyện sư Niếp Thiệu Nguyên, từ thuở bé thơ đã khéo cao nhã, rành rẽ thi thơ lão trang văn lệ. Một ngày nọ đến Kim Lăng, bất chước Cao Minh Chiêu Phương Ngoại nhận thọ giới lục. Đêm đó, mộng thấy vào trong 1 thành, cung phủ nghiêm trang chỉnh túc. Bên trong có người mặc áo sắc đỏ tựa án mà bảo cùng Niếp Thiệu Nguyên rằng: “Đây là chỗ của Ty Lục, có thể tự mở sách sổ đọc xem”. Trong sách sổ nói: “Niếp Thiệu Nguyên đến năm 18 tuổi vào Đạo. Năm 20 tuổi thọ học pháp Thượng Thanh hoàn tất, năm 22 tuổi sang Nam nhạc”. Bèn đậy quyển mà tỏ ngộ lâu đó. Từ kim Lăng trở về lại núi Vấn chính, Niếp Thiệu Nguyên tạo dựng nhà mà ở, chẳng dự can việc thế tục, tự xưng hiệu là “Vô Sinh Tử”, mà người đời chỉ thường xưng gọi là luyện sư. Niếp Thiệu Nguyên luôn hầu mẹ rất mực chuyên cần tận tụy, một ngày nọ lúc sáng sớm dậy, tắm rửa mà nói rằng: “Bác ta thường dạy răn” Nhà ta đời đời nên tu luyện, chớ nên giáo điển của Thái thượng”. Bỗng nhiên có 4 con hạc nhóm tụ nơi phòng, lại có ánh sáng thần từ không trung soi chiếu xuống, mọi người trông thấy, nghi là lửa đốt cháy, liền đến đó thì vắng teo không gì khác, chỉ có Niếp Thiệu Nguyên đã hóa vậy, 4 con hạc và ánh sáng thần cũng chầm chậm mà đi. Đến sáng sớm, Trang Lệ đến bảo rằng: “Luyện sư cùng 3 Đạo sĩ mặc áo lụa đào sắc xanh cưỡi đi, cùng theo có vài đoàn người thảy đều áo mão dây đai theo hướng Nam mà đi. Luyện sư xoay đầu lại bảo: Ta sang Nam nhạc vậy”.

**** Phan Phát.***

Phan Phát, tự là Văn Bách, người xứ Lũng hữu, từ thuở bé thơ, Phan Phát tham cầu thọ học pháp lục, ban hịch vời gọi quỷ thần, hành Phù ban thuốc, cứu giúp mọi người tật bệnh, xa gần mọi người đều ngợi khen. Đến đêm rằm tháng giêng vào tỉnh lắng tinh cầu điều lợi ích. Nam nhạc chân quan bảo rằng: “Đêm qua là ngày Thiên lạp, Đông lân nhiếp vời đông nhạc bảo là đã được khai độ, Nam nhạc thọ sinh chưa xét. Đông nhạc nhiếp hồn xét qua, Nam nhạc luyện độ. Pháp chủ lại trông coi việc gì? Chân quan mộng bảo: Năm núi lớn phương diện thuộc phân dã, động thiên, phước địa, khe hang, mỗi mỗi đều có chủ quản,

coi xét mọi công tội của người đời, của cải thuế khóa khí dụng của nước nhà cho đến, đất, nước v.v... mọi loài. Hỏa nhạc (núi lửa) cai quản 4 ngôi 4 chân thuộc mang đội". Ai nói: "Nam nhạc có Tiên nhân chân đỏ. Ông nên chuyên cần tu đức hẳn có lúc gặp đó, và cũng là thầy của ông vậy, và đó chính là Lý thú vị vậy".

**** Tần Bảo Ngôn.***

Tần Bảo Ngôn ở Bắc mộng tỏa chuyên cần công việc đốt hương tu luyện, thường thưa cùng Nam nhạc chân quân rằng: "Thượng chân cớ sao phải dùng đến giấy vàng? Đó là điều chưa được hiểu". Thế rồi ban đêm mộng thấy chân quân bảo rằng: "Giấy tiến tức là sổ sách của minh lại. Tôi đâu cần đó, là càng thêm niềm tin ở trong nhạc (núi) vậy!"

**** Mã Hy Thanh.***

Tại Hồ Nam có Mã Hy Thanh sau khi nối tiếp địa vị của thân phụ, gặp lúc trải qua nhiều năm nắng hạn, cầu đảo không được cảm ứng, mới lấp bít đền thờ Nhạc sơn, miếu Thiên vương và tất cả các đền thờ thần trong cảnh vức, cuối cùng cũng không có mưa. Anh của Mã Hy Thanh là Mã Hy Chấn vào can ngăn đó, uống rượu đến nửa đêm mới trở về. Nghe trước nhà có tiếng ồn náo, liền kêu gọi Mã Hy Chân, trở vào lại thì thấy Mã Hy Thanh chốc ngược đầu dưới thềm cấp, áo xiêm không trùm mặc, cái đầu đã bị vỡ nát, bảo mọi người thấy bưng đặt lên dùng vải che phủ cái đầu, đến sáng ngày thì phát tang. Lập người em là Mã Hy Liệt lên nối tiếp ngôi vị trước đó, Đại tướng Chu Đạt từ Nam nhạc thấy trên sông trong mây mốc có bắt dẫn Mã Hy Thanh mà đi, nhưng giữ kín không dám nói, đến đêm đó có vật như tấm màn đen xung đột vào trước nhà, tức ngay lúc Mã Hy Thanh chết vậy.

**** Suất Tử Liêm.***

Trong khoảng niên hiệu Khai Bảo (968-976) thời Bắc Tống, có Suất Tử Liêm vốn người dân canh cày ở Nam nhạc, hung ác ngu dốt không ai bằng, mọi người đều gọi đó là Suất Ngưu. Một ngày nọ nhàm chán thời buổi làm nông, Suất Tử Liêm mới đến Tôn sư Lý ở Hành nhạc quán cầu xin Chánh giác, sau đó không bao lâu được mang mặc áo mão làm Đạo sĩ. Về sau Đạo chúng đề cử đến làm trú trì ở Tử hư các. Vốn chẳng có tài năng đảm đang việc đó nên chỉ khiến uống rượu say rồi quét tước mà thôi. Suất Tử Liêm được vậy, vui mừng hân hoan mà sang, thường cậy rượu cuồng say luôn té nằm ngoài đường hoặc giữa khoảng núi hang. Tuy gió mưa bão nổi, hổ lang đấu nhau, trông thấy mà vẫn xem thường. Một ngày nọ Lễ bộ có chiếu ban Soái thần Vương công giúp đến cầu đảo cúng tế ở Nam nhạc. Vương công vốn tánh tình

giản ngạo, bấy giờ các hàng Đạo sĩ và Thích tử ở trong núi thảy đều vội vã ra bái yết. Đến lúc lễ tế hoàn tất, bỗng nhiên hỏi mọi người chung quanh rằng: "Tôi nghe có đàn của Ngụy phu nhân hiện ở đâu?". Mọi người đáp: "Đó chính là Tử hư các vậy". Vương công lại hỏi: "Có chủ cai quản không?". Mọi người đáp: "Có Đạo sĩ Suất Tử Liêm vậy". Có 1 người nói: "Cớ sao chúng ta không đến bái yết?". Có người đáp: "Suất Tử Liêm vốn là nông phu dưới núi, không có tài năng gì khác, mọi người đều gọi đó là Suất Ngưu (dẫn kéo trâu), tánh tình chỉ ham thích uống rượu chẳng lại tham yết, hẳn là bịnh rượu vậy". Vương công mới đi thẳng đến Tử hư các xét xem Suất Tử Liêm, quả nhiên là đang gục đầu trong rượu không thể ngẩn lên nhìn, bờ vực màng sống chỉ có chiếc song sắt hư phá và một ít đồ vật bằng sứ sức mẻ mà thôi, ngoài ra không còn thấy gì. Vương công gọi tên đó, Suất Tử Liêm chỉ gắng gượng chống mắt chăm nhìn mà nói là". Ở chốn rừng núi sâu, Đạo sĩ hiếm ít khi gặp rượu, nay gặp rượu uống quá say do đó quỵ ngã như vậy, mong Minh Công chẳng trách ư". Vương công rất vui vẻ cho là mặc chân giữ phác, tin thật đó là Đạo nhân. Qua hôm sau bèn cùng chung thuyền mà trở về phủ, Vương công an trí Suất Tử Liêm ở trong Thủy các, qua hơn tháng, Suất Tử Liêm sắp đi, Vương công lại nói rằng: "Tôn sư là người ẩn dấu ánh sáng bên trong tỏa ngời. Thật là điều tôi rất trân trọng, muốn viết thuật 1 chương để ca tụng, nhưng vì việc vua quan bức bách liên tục không được rảnh, nên xin hẹn khoảng 5-7 ngày sau thơ hoàn thành sẽ sai sứ đem dâng, xin chớ ngờ lạ bvậy". Suất Tử Liêm trở về Nhạc sơn, qua vài tháng sau chưa nghe thấy thơ đưa đến. Một đêm nọ Vương công nhân đọc sách quá mỏi mệt bèn gá ngủ, bỗng nhiên mộng thấy Suất Tử Liêm đi thẳng vào phủ bảo rằng: "Chúa công từng nói hứa tặng thơ kỳ hẹn khoảng 5-7 ngày, nay đã trải qua vài tháng mà chưa nghe thấy, mắc phải việc chẳng quá mà phế quên ư?", nói xong bèn đi thẳng. Vương công tỉnh giấc mà kinh sợ ân hoài hổ thẹn, bèn dưới ánh đèn làm 3 bài thơ thêm đề tựa mà gởi đưa sang đó. Với lời thơ rằng:

"Phòng xưa sườn núi ngời trăng tỏ
Từng năm kết bạn mây trắng nhàn
Hưởng dùng đan lửa từ đâu có
Bốn Mặt không người thấy xuống non.
Dưới nhìn hư không gần tuyệt khe
Trên bày mây móc tựa đầu non
Bốn bên hiểm tuyệt không chim thú
Riêng nằm mây trắng ba mươi năm.

Tâm ý tiêu dao vật chẳng biết
Trong núi dưới núi hiếm người hay
Tưởng ông dứt tuyệt quên trần cảnh
Chẳng là Vương dối liền hiện oai!"

Sáng ngày, bảo ghi tả thành bảng và sai người mang sang Nam nhạc treo tại Bản các. Suất Tử Liêm bảo: "Tôi thì đâu có dùng để an ủy, các vốn thanh hư rỗng rang như vậy. Bản thơ nên khắc đá treo ở Giang đình". Đến trong niên hiệu Hy Minh (1068-1078) thời Bắc Tống, bia thơ bị lửa thiêu đốt. Nay, tại Thuyên đức quán lại khắc đá ghi đó. Cư sĩ Đông Pha có đề tựa và bài thơ. Đến trong niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, Đạo sĩ Trần Tử thường trú trì Hoàng đình quán khắc lại bài thơ ấy ở dưới các của bản quán.

Ngày 17 tháng 6 năm Thái Bình Hưng Quốc thứ 5 (980) thời Bắc Tống, Suất Tử Liêm bỗng sai người đến thưa cùng Lý Tôn sư ở Hành nhạc quán rằng: "Vì sắp đi nơi khác nên lại giả từ, xin cắt cử người khác đến cai quản" Lý Tôn sư được tin đó bèn bảo là "Người này cây gỗ đất đá ngu xuẩn, nắng nóng quá sao đi". Liền đích thân đến đó xét xem. Sang đến nơi thì Suất Tử Liêm đã quá vãng, Lý Tôn sư mới nói với mọi người cùng đi rằng: "Tôi thật không lường liệu Suất Ngưu mà biết trước ngày chết của mình như thế!". Bèn lo liệu tang lễ. Sau đó không bao lâu, có Tăng sĩ Thủ Trừng ở chùa Nam Đài từ kinh đô trở về, đến ngoài cửa Nam Huân bỗng gặp Suất Tử Liêm cùng thuật bày khế hoạt, ngôn từ rất ưu dật. Nói rằng: "Tôn sư có về trong Nhạc sơn chăng?". Suất Tử Liêm nói: "Tôi nghĩ muốn có được 1 lần đến trông xem chốn kinh đô, lúc sắp đi nhờ được Tôn sư tiễn đưa rất nồng hậu, nên muốn kính dâng gởi lá thư về để cảm tạ, nhọc phiền nhờ đại đức trao đến có được chăng?". Tăng sĩ Thủ Trừng bèn nhận thơ mang đến chỗ Lý Tôn sư ở Hành nhạc, mở ra đọc xem đó thì thơ đề ngày 17 tháng 6, bèn khai quật phần mộ mà trông xem thì chỉ còn để lại 1 chiếc gậy và giày dép mà thôi.

* Năm Càn Đức thứ 2 (963) thời Bắc Tống, sửa sang miếu Nam nhạc, các tôn tượng đắp họa quỷ thần và người ngựa thật lắm nhiều. Bỗng một lúc một ngày nọ ré hết cấn gặm cờ mao đều ngã đổ chỉ về hướng Tây, thầy thợ mọi người phục dịch thảy đều kinh sợ té ngất nơi đất, lâu sau mới tỉnh lại. Bản miếu mới đem mọi sự đuôi đầu tấu bày cùng Bản châu xét điểm được thật, sau đó mới bay tấu xét ngày tháng đó là ngày phá đất Thục. Từ Triều đình đến thôn dã mọi người đều lấy làm lạ vậy.

* Nhạc học sĩ sử khoảng cuối niên hiệu Cảnh Đức (1008) thời Bắc Tống, làm Tây kinh lưu đài ngự sử, từng mộng thấy 1 người vận mặc áo mão đầy đủ xưng là mạng Đế mạng lệnh đến vời gọi, bỗng chốc đến nơi cung quyết tráng lệ, nhân hỏi sứ giả thì được trả lời: "Đó là nơi chỗ của Đế vậy". Đã lên thấy Đế bảo rằng: "Chúa cầu tự (cầu con nối dõi). Tôi vì chọn đó, thiếu chọn 1 người đến". Đế bảo: "Trung nguyên cầu tự, ngươi nên sang đó, chớ chối từ". Người ấy cúi đầu vài ba phen xin cầu miễn khỏi. Đế bảo: "Nên sang đi!". Bèn chỉ vậy mà đi. Bên cạnh có người khoanh tay đứng nói rằng: "Đây là Lý tiên nhân chân đỏ ở Nam nhạc vậy, thường vui chén với rượu". Năm sau quả nhiên Nhân Tông hoàng đế (Triệu Minh) chào đời (1 đoạn đây so với thực lục của bản triều quả thật rất khác. Nay cũng còn vậy).

**** Lam Phương.***

Lam Phương, tự là Nguyên Đạo. Các phụ lão ở Hào châu nói là: "Từ thời thơ bé trông thấy trạng mạo của tiên sinh, mãi đến nay vẫn chỉ 1 tiên sinh, tóc rủ xõa đất sắc đen ngời bóng rất đáng ưa thích, da dẻ như bôi thoa mỡ, mặt mày đẹp xinh, môi như lắm nhiều son, răng tợ bày ngọc, cử động ôn hậu, tiếp đãi vật hiền hòa, mọi người lớn nhỏ đều được. Có người lúc tâm vui vẻ xưng gọi Lam Phương là Tiếu tiên sinh. Hoặc đi đến Kỳ đình gặp phải dân chúng bị phế bỏ, thường ngày ở giữa đường đi, rút bụng ra tiền móc hết mà ban cho, hay khéo bố thí thuốc thang cứu giúp mọi người bệnh khổ. Nhân miếu nghe tên tiên sinh bèn đặc biệt vời gọi tiên sinh, lên điện ban tặng tòa ngồi và trà, Quán tiên sinh ở vườn Phương Lâm mà cáo đi. vua ban hiệu là "Nam nhạc dưỡng tố Tiên sinh". Tiên sinh mới sang Chiêu tiên quán ở Nam nhạc. Bấy giờ, Học sĩ giả xương Triều có tặng Tiên sinh 1 bài thơ rằng:

"Ân Thánh đượm nhuần thân ẩn dật
Đạo trong nên dùng dây làm khăn
Dưới núi chúc dung say trăng tỏ
Đầu nguồn sông tương thả gấm câu
Từng thấy Hải Đào sinh kết trái
Chẳng biết đậu tiên mấy hồi xuân
Năm sau như tôi công thành đạt
Nguyện làm cầu mây quỳ lễ người".

Tiên sinh riêng ở nghĩ trên các, bỗng 1 đêm cùng người nói năng. Thị giả lén nhìn qua khung cửa chỉ thấy ánh sáng sắc hồng tỏa khắp phòng nhà. Đến sáng ngày, có khách dò hỏi đó. Tiên sinh bảo: "Thầy tôi là Lưu Đạo quân nhân hành vũ qua đây dừng lại chuyện trò trong

chốc lát". Một ngày nọ, tắm gội xong, tiên sinh gọi thị giả mà bảo rằng: "Nay tôi đã 172 tuổi, sao có thể nguyện xin lại. Vị hiệu tiên sinh, chỉ chẳng muốn chống cự ý của Thánh quân, nên nay sẽ đi vậy!". Mới im lặng. Tiên sinh phần nhiều hay đến Tây xuyên cũng lại Hồ tương, người thời nay cũng có lúc trông thấy tiên sinh ở đó.

**** Vương Linh Dư.***

Vương Linh Dư, người xứ Tấn Lăng. Từ tuổi thơ tự làm am cốc trên gò đồi để ở, về sau chuyển dời đến Trung cung tại Nam nhạc, tu nhân luyện hạnh, qua 1 năm thì Đạo thành. Lại đến phía Đông của Chu Lăng, sớm tối kính lễ chầu hầu tinh đẩu mong cảm thượng quân và sau đó thăng cử. Nay tại trước Trung cung có mảnh đá đường văn nhỏ tợ cối xay, là tảng đá xưa kia chân nhân lễ chầu tinh đẩu vậy. Bản cung xưa trước có vài khoảnh đất ruộng riêng cho người thuê làm cướp mất. Tháng giêng mămm Ất hợi (1035) thuộc trong niên hiệu Cảnh Hựu (1034-1038) thời Bắc Tống. Xu Mật học sĩ Phú Xuân Công Tôn Cái làm Ngự sử. vua Nhân Tông (Triệu Trinh) nhân hỏi về việc trái nghịch Thánh chỉ, bèn biếm đày thị chinh Vĩnh châu. Ngày 15 tháng 8 thì đến Hạ cung, ngày 18 tháng 10 đến gối vui chén ngủ, mộng thấy đến Thanh đô quán, quán đó có vài hành lan, cây trúc che phủ, uống rượu rất đáng thích, có 4 người mang mặc áo mão, trong đó có Đạo sĩ mặc áo vàng hơi có râu, hình nghi tuấn tú cao vợi, trên đỉnh núi chít trùm khăn lụa mỏng, cùng đến vái chào Công Tôn Cái mà nói là: "Ông có được phú thọ lâu dài, ân mạng sắp đến vậy. Tôi có ít ruộng đất tại ấp Nhạc sơn thuộc trong bộ hạc của ông, mong chỉ được thuộc quyền của tôi". Khi ấy đang trong mộng tâm tư Công Tôn Cái tự nghĩ suy vừa mới bị sai khiến làm tả quan sao liền có ân điển? Đây đều là thuật sĩ vọng nói vậy. Đạo sĩ ấy bảo rằng: "Sao chẳngcùng tin đó?". Giây lâu lại bảo rằng: "Giữa tin dưới chân có ghi chí lớn bằng đồng tiền. Ông chỉ nín lặng chưa từng xét thử". Công Tôn Cái rút trong tay áo sờ xem, quả thật đúng như lời nói đó. Đạo sĩ ấy lại bảo: "vậy thì lời nói trước đâu phải lừa dối?" Công Tôn Cái cảm tạ đó, vừa muốn lùi bước, Đạo sĩ ấy lại gọi, đang lúc Công Tôn Cái liếc mắt trở lại, Đạo sĩ ấy bảo: "Tôi vốn dòng họ Vương, mong ông ghi nhớ đừng quên". Khoảnh khắc Công Tôn Cái bàn tỏ ngộ điều ngờ lạ ấy. Phong độ mặt mày Đạo sĩ rõ ràng rất dễ nhớ ghi trong tâm mắt. Sau đó không bao lâu, Công Tôn Cái vâng phụng chiếu dời lính đến Trường sa. Qua tháng 12, đến chỗ quan, Công Tôn Cái đến Hành nhạc quán lễ bái tinh tượng, chính mắt trông xem Cửa tiên cung, 2 bên liệt bày Chân tiên có 4 vị, Vương Trung như thấy gặp trong mộng, nhan sắc dáng mạo

mờ ẩn tương phù mà áo mão thì khác hẳn. Nhân đọc xem truyền ký, thì lại nói là: "Trung tôn vốn dòng họ Vương" Công Tôn Cái mới nhận biết giáo hóa đó cùng điều nó trong mộng rất khế hợp. Công Tôn Cái tuy đã phỏng hỏi nơi Bản quán đó. Vả lại đã chọn ngày nhận quan thự bức bách kỳ hội bèn chẳng kịp sang. Đến tháng 4 năm sau (1036), Thứ sử đảm đang kính phụng sắc chiếu đến cúng tế cầu đảo ở Nhạc sơn vì tật bệnh hoành hành, Công Tôn Cái thật thay thế sáng đến Chiêu đàm, nhân ngủ ban ngày trong thuyền bỗng nghe giữa hư không có tiếng bảo rằng: "Dời mạng sắp đến, việc cầu đảo trọn chẳng vì xử lý sao vậy". Trông nhìn 4 phía đều không có người nào, Công Tôn Cái tự gọi kẻ sứ trong thuyền từ phía sau đòi tìm người nói lời ấy trọn không có ai. Công Tôn Cái nghĩ suy há Cửu tiên chưa sang mà có kỳ lạ như vậy ư?". Ngày hôm sau đến cúng tế Nhạc sơn mọi sự hoàn tất, bèn đến trong quán thấy tôn tượng họa trong phòng xưa cũ, ngôi tượng chánh giữa có tấm bảng ghi là "Vương Linh Dư chân nhân", dung mạo áo khăn giống hệt người thấy trong mộng năm trước không sai mảy may. Công Tôn Cái bèn đốt hương kính lễ, cảm thán giây lâu, bèn trở về cùng quan huyện suy cứu hơn 1 năm, quả nhiên có được ruộng đất ở gần quán, thường năm thâu lấy lợi tức của đất, nhân đó giải bày rõ ràng, lấy lại hoàn trả cho Quán như xưa cũ. Tập Hiền Chương Công Mân làm Triện khắc đá ghi lại sự việc đó, và Trương Địch tấu trình ban sắc lại biển ngạch của cung bên trong có 1 quyển ký 8 phần sách ghi hiện còn.

Lại nữa, từ Quán về phía Tây bắc cách 5 dặm có 1 cái hang sâu xuống bằng phẳng khoảng 3-4 trượng là nơi ngày xưa nước nhà thả rồng vàng, sâu xuống tới nguồn Đoạn thạch ở núi Vân mật. Tương truyền rằng: "Tiền động là cửa phía Đông của Chu Lăng động thiên, Trung động và Hậu động nằm ở phía Tây của Linh cảnh, cũng là cửa tiện lợi của Động thiên vậy".

**** Trần Lương Khanh.***

Năm Cảnh Hựu thứ 4 (1037) thời Bắc Tống, Trần Lương Khanh từ Vĩnh châu theo Hương thư vào đến bộ để thi, tháng 10 thì đến Trường sa, mộng thấy 1 người dẫn vào trong thuyền lớn, thấy 1 Đạo sĩ tự xưng là Thanh Tinh tiên sinh, cùng đó đàm luận ngôn từ nghĩa lý cao xưa. Tiên sinh bảo Trần Lương Khanh rằng: "Tôi đã tiến cữ ông đến Nghiêu làm trực ngôn cực gián thần". Trần Lương Khanh nói là: "Nghiêu nay đâu còn?". Tiên sinh bảo: "Hiện đang cai quản ở Nam nhạc". Trần Lương Khanh nói: "Nghiêu là bậc Thánh quân xưa cổ, sao nay còn liệt ở hàng công hầu ư?", tiên sinh bảo: Nghiêu là Đế của thế gian, nắm

giữ Hỏa đức mà làm vua, vất bỏ thiên hạ mà có ngôi vị Thần ở phương Nam, ông còn gì nghi chăng?”. Trần Lương Khanh khước từ vì danh quan chưa lập đợi khôn. Tiên sinh bảo: “Vậy mới hứa lấy 10 năm làm kỳ hạn”. Sau khi tỉnh giấc Trần Lương Khanh chán ghét đó cho là dị mộng, ghi chép lại để khoan tha. Qua năm sau thi đỗ Giáp đệ (đứng đầu), điều quan ra làm Toàn châu phán quan. Trên đường ra trạm dừng ở phía Nam Nhạc châu, bất chợt ngủ ngày mộng thấy sứ giả mang bản dịch đến vòi gọi, Trần Lương Khanh bèn vội tỉnh giấc bùi ngùi nói: “Há là lệnh của Nghiêu ư?”. Mọi người đồng đi chung cùng khuyên cho là trong mộng chưa đủ lấy làm tin. Trần Lương Khanh lại nắm quyển sách nằm đọc, đến bữa ăn nhiều, mọi người gọi dậy thì đã qua đời.

**** Lưu Sơn Phủ.***

Lưu Sơn Phủ theo quan hầu đến lãnh ngoại, theo hướng Bắc trở về ghé thuyền tại động đình, leo lên bờ, thấy ở phía Bắc có đền miếu thờ Tỳ Sa-môn hiên vương, nhân sung bái yết, thấy miếu vũ sụp đổ hư nát, mới đề bài thơ rằng:

“Tường hư mưa gió đã mấy xuân
Sắc cỏ đầy sân ngồi một tòa
Bởi là thần tiên không cảm ứng
Thạnh suy đâu được tại con người”.

Đêm đó, mộng thấy Thần chân bảo rằng: “Ta là Thần Nam nhạc, cớ sao ngươi dám khinh thường?”. Bỗng chốc sóng gió nổi lớn khiến thuyền sắp muốn chìm, Lưu Sơn Phủ phải sám tạ lỗi xóa sạch bài thơ nơi bia, mới thôi.

**** Lý Quán.***

Lúc làm Tiến sĩ, Thượng thư lang Lý Quán đi đến Nam nhạc qua Trường sa, uống cờ trong đình, bỗng có 1 người mang sọt tre có đủ các thứ đinh kéo v.v... đến nói rằng: “Ông qua Nam nhạc, xin nên vì tôi mà hỏi cùng Dưỡng tố tiên sinh là mang thai 10 tháng làm sao đề ra được?”. Lý Quán đến Nam nhạc đem lời đó nói cùng Nguyên Đạo. Nguyên Đạo kinh hãi bảo: “Chân nhân ấy giữa chặn mày có mốc trắng phải không?”. Lý Quán nói: “Đúng vậy”. Nguyên Đạo bảo: “Đó là Hải Thiềm Tử, nghĩa Thánh thai của ta đã thành bệnh hoạn không do đâu ra được, nếu chẳng nhờ người đó thì chẳng đủ để thành Đạo của Ta, nay có tiếng hỏi cùng đến mà không được tiếp. Ta không được gặp người ấy răn bảo vậy”.

**** Chương Sát.***

Dưới triều Đại vua Thần Tông (Triệu Húc 1068-1086) thời Bắc

Tống, có Chương Sát tự là Ẩn Chi, người xứ Thành đô. Từ thuở nhỏ đã chẳng như đồng bạn, thiên tài trội nổi khác lạ, những lúc nhàn rỗi tập học, nghiên cứu rất tinh thông về Chu Dịch, chú giải Thái Huyền kinh đến 9 quyển, bỗng nhiên đang lúc ngủ ban ngày mộng thấy Dương Tử Vân bảo là: "Thái Huyền còn như 1 Phù đồ có cả thảy 13 quyển. Ông đã chú giải đến 9 quyển, căn cơ đâu dễ tiết bày ư". Chương Sát tỉnh giấc rất nghi lạ đó. Sau lược chú đến 10 quyển thì dâng tấu. vua Thần Tông vui mừng ban tặng tước mà chẳng nhận, bèn phong hiệu là "xung thối xử sĩ", thường cùng Thiệu Ung Khương tiết kết bạn thân. Nhân đi đến cầu Kim nhạn ở Quảng Hán, thấy có 1 trẻ nhỏ không 12 tuổi đi bán thơ, Chương Sát vui vẻ dẫn cùng trở về lại gọi tên là kinh Đồng. Chương Sát thường đọc xem kinh Hoàng Đình, những lúc nghĩ xem, trẻ nhỏ ấy trộm lấy đọc xem, một ngày nọ có 1 trẻ nhỏ mặc áo xanh mang 1 bức thư đến cho Chương Sát. Nhân thư xong, đứa trẻ ấy bỗng nhiên biến mất, Chương Sát trông xem người bì thứ đề là "Bố Y chân nhân ở Nam nhạc xin gởi thứ đến xung thối xử sĩ ở Tây châu, mở ra đọc xem thì chỉ 1 chương thơ rằng:

"Chưa toại ngâm trong núi
Tiếng tăm vang giữa đời
Nói cười mất chân thuyên
Trần uế dơ thần khâm
Về trồng cỏ vườn Nam
Vội biến vàng bể Bắc
Ngàn ngày siêng cày xới
Tự nhiên sinh Dao lâm".

Nhân đến Tây khê, bật chợt Chương Sát rửa chân, có Dị nhân Lý Sĩ Ninh phỏng hỏi đó. Chương Sát vội nói là: "Chân rửa khe Tây dòng nước đi". Lý Sĩ Ninh ứng đáp liền: "Tay mang Nam nhạc thư gởi lại". Chương Sát kinh hãi cười, nói: Cớ sao biết thế?". Lý Sĩ Ninh nói: "Đã lâu rồi vậy". Lý Sĩ Ninh từ giả Chương Sát mà nói là: "Tông sang Nam nhạc trước, ông nên sớm lại đó". Sau đó không còn thấy Lý Sĩ Ninh trở lại. Một ngày nọ, Kinh Đồng bỗng nhiên nói đi. Lý Sĩ Ninh hỏi: Ông muốn đi đâu?". Kinh Đồng: "Tôi sinh Nam nhạc trước, chờ đợi Tiên sinh". Chương Sát hỏi: "Sao ông biết vậy?" Kinh Đổng nói: "Biết đã từ lâu!" Xong rồi Kinh Đồng ngồi mà thoát xác. Hơn tháng sau, Chương Sát giả biệt cùng mọi người mà thoát giải thay.

Chương Sát thường luyện đan, về sau đượm phục đan mà hóa như rắn ve lột xác. Người đời nay có lúc trông thấy Chương Sát ở Nam nhạc.

Đoàn Nguyện Ngôn viếng điếu Chương Sát bài thơ, đại lược rằng:

"Giải thay đi khó tìm
Giữa không một đảnh vâng
Tây châu ẩn mất lớn
Bất cực thiếu nêu trầm".

Trương Hiền Lương lại có bài thơ rằng:

"Biển Tây xưa lại vang danh lớn
Hoặc nghe thoát xác bỏ tuổi xa
Thanh thành đã kết bạn thần tiên
Bích lạc bỗng nhiên lắng sĩ tinh
Đảnh vàng luyện thành thuốc đan ngân
Ngọc Đường truyền trao kinh Thái Huyền
Bình sinh tôi rất muốn gieo phần
Tự thẹn không tài cùng Khắc Minh".

**** Chu Uyển.***

Chu Uyển, người xứ Tương trung, đi thuyền đến Nam sa, mộng thấy có 2 Quan lại dẫn vào miếu Nam nhạc, vừa bước lên điện, vua đứng dậy tiếp đón mà bảo rằng: "Biết ông vào kinh Thuyên nên muốn kéo lưu lại ở đây, cũng vui không khác của người đời vậy". Chu Uyển nói: "Danh thần chưa đạt, vả lại muốn đến kinh thuyên". vua nói: "Như thế thì không dám tuân phụng ràng buộc vậy". Mời làm bài thơ tiễn đưa Chu Uyển rằng:

"Ở đây đã không vui
Bỏ đây đến mưu nào
Như hỏi việc giạ xanh
Chỉ lưu một góc thư".

Vừa đến kinh thuyên, được điều Trung Mâu ký, bỗng nhiên Chu Uyển cảm mắc bệnh trong đòn đi lại lo không dậy nỗi, bèn viết thư gởi cho vợ con chỉ được 1 góc mà qua đời! (Một đoạn đây cùng với sự việc của Trần Lương Khanh ngôn từ có khác, nay cả 2 bản đều còn. Ở đây rút từ động Vi Chí)

**** Thiền sư Tuyền ở Nam nhạc.***

Thiền sư Tuyền ở Nam nhạc vốn người phương Nam, tên là Cốc Tuyền Thiếu, trí tuệ thông mẫn, tánh tình nhẫn nại dơ bẩn, nói năng ngôn từ to lớn không khiếm tốn, các hàng lưu tốc nhàm ghét đó. Thiền sư Tuyền đến Thiền sư Chiêu ở phần Dương, kín sai dự ghi đến phương Nam, phóng lãng khắp Tương trung, cùng ao hổ hang rắn làm bạn. Nhân đến chùa Vân Phong tại Nam nhạc, ở tại hang Lại Toàn, sau lại dời đến

am Ba Tiêu. Sau nữa lại dời đến am Bảo Chân, viết lớn trên vách tường rằng: “Ta đây ở am Ba Tiêu nơi đồi mây xưa tới, ngàn ban khác vức chưa rảnh tính kể. Vả lại, nhìn tùng thấp lé té có 3-4 cây. Lúc lạnh rét đốt cây sam khô, khi đói làng ăn khoai tía lớn. Mà nay vất bỏ đây đi, không biết ai sẽ đến ở!”. Am Bảo Chân là nơi rất hiểm tuyệt. Ban đêm Thiền sư Tuyền ngồi giữa đất dưới núi Chúc Dung, có con trăn lớn đến cuộn quanh quấy nhiễu, Thiền sư Tuyền cởi vải áo buộc vào eo lưng nó. Ban đêm không trông thấy, đến sáng ngày mới chống gậy đi khắp núi kiếm tìm thì vải áo đang buộc trên cây tùng khô, bởi vì cây tùng là yêu quái vậy. Về sau, lại từ Hậu động, Thiền sư Tuyền mang 1 tôn tượng đá đến Nam Đài nặng ước chừng vài năm cân, chúng tăng kinh hãi chẳng biết tôn tượng từ đâu đưa lại, và chúng Tăng ở Hậu động cũng không biết tôn tượng đi đâu. Nhân đó tương truyền là La-hán bay lại. Từng qua huyện Hành sơn, thấy kẻ đồ tể mổ xẻ thịt, Thiền sư Tuyền đứng bên cạnh mà tỏ vẻ rất đáng thương, đưa tay chỉ vào miếng thịt lại chỉ vào miệng mình. Kẻ đồ tể hỏi: “Ông câm ư?”. Thiền sư Tuyền liền gật đầu, kẻ đồ tể xót thương đó, cắt cho 1 miếng thịt lớn để vào trong bình bát. Thiền sư Tuyền vui mừng đi ra ngoài trông rồi cảm tạ mà đi. Mọi người cả chợ Cười rồi mà Thiền sư Tuyền vẫn tự nhiên. Dùng gậy khiêng 1 bầu lớn qua lại trong núi. Có người hỏi: “Vật gì trong quả bầu?”. Thiền sư Tuyền bảo: “Tương Đại Đạo”. Và tự làm bài kệ rằng:

“Ta chẳng ai quản mày
Ai là quản chẳng đáy
Mặc áo giấy rách nát
Một mùi khéo đánh ngủ
Mặt nhật phương Đông lên
Ánh nguyệt trời tây lặng
Vinh nhục sao buộc ta
Được mất không quan hệ
Một chiếc gậy, một hồ lô
Nhàn bước núi Nam cùng núi Bắc. ”

Có lúc say nằm giữa đường núi, gặp băng tuyết lớn, tỉnh thức dậy làm kệ rằng:

“Sáng nay lắm tuyết đẹp
Rơi rơi như trăng thu
Văn-thù chẳng lộ đầu
Phổ Hiền bày nụng xấu”

Thiền sư Tuyền có nuôi một đứa ở tên là Điều, ngày xưa sai bảo

nó bổ củi múc nước, hoặc có lúc gọi nó ngồi đối diện nơi hang đá, làm kệ mà tặng cho nó là:

"Ta có trẻ núi tên Điều
Xưa chẳng tụng kinh, không lễ Tổ
Hay dọn gốc cây ngăn đông lạnh
Tùy chia áo sam rách chẳng vá
Gặp trồng rau khéo trồng khoai
Ngàn núi muôn núi đi không sợ
Ha! Ha! Ha! Có nhiều xét xử!"

**** Trương Quân Du.***

Trương Quân Du làm Hồ nam tào quan Nam nhạc. Từ trong kiệu khiên, thấy bên tả đường đi có 1 đạo quán rất tráng lệ với bảng hiệu ghi là: "Chu lăng cung". Xa trông bên trong có người mặc áo lông đứng trên điện, Trương Quân Du trong ý muốn xuống mà theo cưỡi đã quá một nửa. Năm sau lại đi qua xứ đất đó, Trương Quân Du muốn tìm Chu lăng cung mà không thấy có. Nghe các bậc phụ lão nói là: "Bên cạnh gần đó chỉ có đền thờ Chu Chân Nhân". Đến đó xuống mới là chỗ thấy Chu lăng cung xưa trước vậy. Mới có phòng nhà nhỏ một vài gian. Ở đó biến dị đến nổi như vậy (một đoạn đây cùng với Trương Huy nói, ý tuy đồng mà ngôn từ có khác. Cả 2 nay đều hiện còn).

**** Trưởng lão Sư Lập***.

Trưởng lão Sư Lập ở chùa Diệu quả tại Nhiêu châu, thủa thiếu thời đi đến chùa Hạt nghiêm tại Hành sơn. Vừa mới cuối tháng tư, đến nơi cầu Đâu Suất tại trước chùa, thấy dưới đầm giữa khoảng vách đá cao vợi, có vị Tăng trên lưng có mang tảng đá mà đứng. Sư Lập xưa trước đã từng nghe người đời nói là tại xứ đất ấy có vị La-hán ẩn hiện chẳng thường. Vả lại nhớ trong tạng kinh có sự kiện Bồ-tát Trì Địa vào trong vách tường đá, nên kính cẩn đứng mà trông nhìn, bỗng chốc vách đá khép kín lại không còn mảy may dấu vết. Lại trải qua cả 10 ngày phóng tham hoàn tất. Sư Lập cùng 2 vị Tăng khác đồng tham qua đến sau chùa, lên trên đỉnh nơi suối Hổ bào. Gió trời chợt đến, 2 vị Tăng ấy muốn trở về. Sư Lập riêng lưu lại chốc lát. 2 vị Tăng ấy bảo: "Từ lâu đã biết phía dưới đỉnh có lắm điều khác lạ. Sư không cần phải dừng ở lại". Sư Lập mạnh dạng không lấy làm để ý, bỗng chốc từ góc Tây nam của đình có tiếng gõ vào cột trụ, tiếp theo duỗi cánh tay từ trong ra dần dài đến không ngừng, khi đã quá 5 thước, Sư Lập cười bảo: "Vậy có thể rút lại chăng?", ứng theo tiếng cánh tay dần rút lại, chỉ khoảnh khắc lại nghe có tiếng gõ cột trụ. Sư Lập bảo: "Nếu là Thánh thì điềm

tà nên ẩn, còn nếu là quỷ núi thì nên hiện hình". Lại chỉ trong khoảng bữa ăn, có 1 cánh tay lại đưa ra 5 ngón, mới đầu lớn như hen rui, sau tướng trạng nhỏ dần như ngón tay trẻ em vừa mới sinh, Sư Lập hơi kinh sợ bèn xuống núi.

**** Quý Quán.***

Trong khoảng niên hiệu Thiệu Quán (1094-1098) thời Bắc Tống, có Quý Quán ở Nghi xuân đến trấn thủ Lâm hạ. Có 1 ông già nói: "Tên là Trần Phi ở từ núi La phù lại". Quý Quán mời tiếp ông già đó, nhân thế mà hỏi về tuổi tác, ông già đó nói: "là 50 tuổi". Nói năng lần lược, nhân hỏi đến Lã Chân Nhân. Ông già đó bảo: "Ngày trước thấy Lã Chân Nhân tại Nam nhạc" mời ở lại vài ngày. Ông già ấy tự nói: "Gần đây đến Ba lăng thấy lão mộc tinh lưu lại trên vách tường chùa Bạch hạc 1 bài thơ". Đến lúc giả biệt, ông già ấy nói cùng Quý Quán là: "Tôi nay đã 126 tuổi vậy", ngày trước chợt gặp không dám nói thật vì sợ nghi ngờ. Nay đã đến lúc giả biệt, nói thật cũng không hại gì. Nay tôi trở lại Nam nhạc vậy". Quý Quán nghĩ tính ông già đó cũng thuộc hạng Chân nhân vậy.

2. Ẩn dật.

**** Hoàng Phủ***

Hoàng Phủ tên là Hoán, tự là Trí Viễn, người xứ Khai phong. Bẩm tánh rỗng rang điềm đạm, có sức nhận biết thông mẫn thấy nhìn cao xa, những lúc rảnh rỗi việc học hành, lại khéo nghiền tinh Tam Huyền, biết mạng không phụ nên học làm Hoàng quang, đến thọ nghiệp tại cung Thái nhất ở Kinh đông, cử chỉ mạnh mẽ mà nghĩa chưa rành. Khoảng đầu niên hiệu Chính Hòa (1111) thời Bắc Tống, triều đình phục hưng đạo học, tiến sinh đến chỉ dạy, qua năm sau (1112) cũng bày thi cử. Tích Ung đứng đầu, Thánh xét trình văn... kim đàn lang chẳng đến, xin đổi tự do, công hoạn dã trang, vân du tìm phỏng đến Tây lạc, gặp chí nhân Phùng Dã Nhân và thành đạt đạo yếu đó. Sau, đến Nam nhạc nương náu tạo Hội chân giám, Lăng hư đài, tư duy chân pháp. vua Huy Tông (Triệu Cát) ban chiếu vời đến triều đình ở liêu thượng sĩ, cung Thái nhất. Sau đó lại xin trở về núi ở tại Nhữ thủy, ngồi mà thoát xác.

Lại có Tương Phong Tử vốn dân ở Thiệu dương, bẩm tánh ngu xuẩn thẳng thắn, nói năng không kiên sợ, chẳng liên can việc người, hoặc có chút tỳ vết chẳng bó buộc bởi sang hèn cứ thẳng mặt tỏ bày đó. Chu du khắp Nam nhạc thấy đảnh núi cao chót vót, bèn phát ý muốn tu đó, cũng biết chỗ ăn xưa trước. bỗng một ngày nọ có Tiêu Phu kính

cẩn khăn xanh mang vác củi mà giúp đó, nói rằng: "Ngàn muôn toan khổ mà ăn dùng chẳng chẳng cấp, cho ông một viên thuốc, nuốt uống đó hẳn sức lực gấp bội vậy". Từ đó chỉ uống nước rượu mà thôi. Áo sam đều vất bỏ, nóng lạnh chẳng màng. Mọi người thường nói là "Phong Tử thường nằm ngược giữa đường thông, tuy với người có quyền thế oai vị cũng không khuất ngã, thuốc độc không thể làm hại, hổ lang chẳng thể làm tổn thương. Riêng đi một mình và tự nói năng, mọi người không thể lường biết. Mà ngược lại hay khéo biết tâm ý của người, mãi đến nay vẫn còn thấy đó, đã hơn 30 mà vẫn khí khái như xưa cũ. "

**** Hoàng Phủ Thản.***

Gần đây có Hoàng Phủ Thản, tự là Lý Đạo, người xứ Tây thục, bẩm tánh thông minh mẫn đạt, lập hạnh thanh cao, đạo học gồm thông chẳng đồng bạn thường. Tinh thông vượt ngoài Lão Trang, rất rành về thuật số. Thường vân du khắp mân nga, phỏng tìm nơi tu trị của Thiền sư, gặp được Đường Chu Chân Nhân, thành đạy yếu pháp đó. Lại dùng khí thuật chữa trị cho người tật bệnh. Lại đem chữ nghĩa kinh văn để chỉ bày, nói mọi sự tốt xấu của người. Hoặc sóng đảnh thừa ít, hoặc điểm họa cỏ, Chân Nhân có cật hỏi thì chỉ Đông họa Tây, nói Nam nói Bắc, họa phước không gì chẳng gồm đủ. Quanh co bái yết Bình đô, giẫm trải kinh chữ qua Động đình. Phàm những chỗ đến, gặp sự tận cùng hư phế đều được ân huệ. Đạo hạnh càng siêu tuyệt, tiếng tăm vang vọng đến triều đình. Năm Thiệu Hưng thứ 27 (1157) thời Bắc Tống, hoàng đế Cao Tông (Triệu Cấu) ban chiếu vời gọi đến cung quyết. Lúc vào đối đáp xứng hợp Thánh chỉ, vua rất vui mừng lễ đãi nồng hậu. Sau đó, xin trở lại Lô sơn, lập am ở dưới chân núi Bát vân để sắc tinh thần. Mùa thu năm Thiệu Hưng thứ 28 (1158) thời Bắc Tống, Thái thượng hoàng lại ban chiếu bảo ngự chế chiếu thư rằng: "Tiên sinh trong sạch nêu trội riêng ánh ngời, gá vết ngoài vật, vất bỏ trần cấu, ngâm vịnh ráng mây, tin thật đáng vui vậy. Mùa thu năm trước cùng cách biệt, triều phủ mong ngóng tròn năm, dấy lòng nghĩ nhớ hiểu lời, rong thần xa tít. Xét thanh thành gặp bạn ở Nguyên lãm, mây trắng bèn vô tâm đối với đế hương. Thu lạnh rất gần, không biết ngày cùng gặp. Nguyện sớm đúng lời thì cưỡi kình ngự khí, rành rỏi không khó. Đi thả dùng mây tương, dàn trải bày quế tử, thổi hương quán yến, siêu nhiên dưới gió, hỏi đạo cõi lòng rỗng rang, buộc tâm tưởng từ lắm vậy. Chuyện đây vì hỏi thự tiện ở gần càng bảo tồn thanh hư". Sau đó lại khiến Tiên sinh giáng hương đến Nam nhạc. Đến năm Long Hưng thứ nhất (1163) thời Bắc Tống, Thái thượng hoàng dời lui ở cung Thọ Đức, lại ban chiếu vời gọi

Tiên sinh, mỗi lúc hỏi đáp đạo yếu đều xứng hợp Thánh chỉ. Sau đó lại khiến Tiên sinh giáng hương đến Nam nhạc, kiêm sắc ngự thư 3 bộ kinh Hoàng đình, Đạo đức và Âm phù. Ngự chế ban chiếu thư rằng: "Tự lui ở cung riêng, thường ngày để nuôi thần dưỡng chỉ là sự nghĩ thấy phong thái thật thà, thân gần đàm nói, mong sớm mạng giá, ít đồng nhàn thích chuyên tin vâng nhanh dùng bày chỉ hoài". vua lại bảo thư viện tiếp đãi chiếu, ghi tả thần sắc của Tiên sinh. Đích thân vua tán thán rằng: "Hoàng Phủ là bậc cao sĩ, mặt mày ngang bằng tiên, dùng đạo để xây dựng đời, ai tính về năm tháng. Hạc lẻ trong đồng nội, mây trắng thoảng giữa trời, nhấc môi một lần cười, hợp hòa rất nhiều tự nhiên. "

(Chỉ 1 đoạn ấy cũng là việc lớn của giáo môn, nên ghi lại toàn bộ đó. Đại khái thâm tầm sâu mầu trách ẩn, mong bước du phương, tầm thầy học đạo, tâm chí phải thành kính. Bên ngoài mềm mỏng bên trong khoan thai, phàm chỗ gặp gỡ không gì chẳng ngầm phù hợp, thì biết chí đạo quả nhiên ở tại nơi ta. Đạo quả tại ta, cao qua Nam cung cũng chẳng phải hợp nghi ư. Nên điều gọi trước kia là muốn thăng Nam cung, trước phải qua Chu lăng vậy. Ở đời có lời đồn đãi là: "Chẳng qua Nam nhạc Âm bộ", tin chẳng ngoa vậy. Nay thì đợi đến thời vận nhà Tống chúng ta buổi xương thạnh nên các hàng dị nhân, cao tăng ẩn sĩ nối gót nhau mà nương náu cũng chẳng giảm thiểu so với xưa trước vậy!)

3. Nói về cổ tích.

Nay, y cứ theo "chân cáo" nói là: "Người học đạo ở trong danh sơn ngũ nhạc có đến trăm vạn vị. Năm nay có những vị đắc đạo sinh lên trời, tên người như ghi riêng, hằng năm hằng tháng đều có người đi, như vậy không thể đều ghi đủ cả, nay chỉ nói sơ người đắc đạo nội trong 1 năm vậy. Có vị chẳng vui thích lên cảnh tiên mà sống lâu dài nơi ngũ nhạc danh sơn cũng chẳng thể nêu kể. Hoặc làm tiên quan, sứ giả cai quản danh sơn cũng lại có cả vài ngàn vị. "

Lại y cứ theo "Tư Mã Thiên Sư" nói là: "Đền thờ am cũ hang cốc hư hoại chỉ hơn 300 ngôi. Siêu vượt so với triều đại Hán Võ. Hưng thạnh tỏa sáng hơn thời tiền Đường. Những danh sơn khác không thể phỏng theo vậy. Há chẳng là linh tích của muôn xưa, di hóa của ngàn chân, đều hòa hợp với vận Nhâm dần (?), thảy đồng hoàng đế đó...

Làm bài thơ rằng:

"Chim khách thác tây một mái chèo
Ánh trăng xa thiếu hồ Động đình
Rất hận qua trước núi Hồi nhạn
Trông núi bỏ nhà một chữ không. "

Gần đây từ sau ngũ quý, núi hơi cao lắng. Nay gặp triều đại thạnh xương, Đạo đạo hưng long. Những vị đến nương náu lạnh lùng vui thú đạm bạc thường luôn ở đó. Và các danh sơn khác cũng lại như vậy, há chẳng là đạo hóa đượm nhuần sắp trở lại thuần cổ ư? Mỗi lúc gặp 3 xuân, mọi người khắp 4 phương đến tham lễ rất đông. Các năm gần đây đạo hội càng thạnh, điềm ứng tốt lành hiện bày sáng tỏ. Đến như các bậc lọng mão xe hoa đều giáng khuất, các hàng áo vải áo giấy thảy dự tham. Nguyên vi phỏng hỏi cao thượng đến một lời nửa câu, tợ như có cảm thông, đền tại phía Nam của phần thủy mà chôn mất thiên hạ, há chẳng là chân tiên điểm bày, đạo hóa đượm kịp mà đến như vậy thay!

NAM NHẠC TỔNG THẮNG TẬP
QUYỂN HẠ
(HẾT)

LỜI BẠT

Từ nhà tôi đến Hành sơn cách 200 dặm mà xa. Mỗi năm vào dịp tháng 08, thường vì tôn thân mà đến cầu nguyện, phồng chân dưới má gục đầu nhạc từ. Sau, lại sang cầu đảo, lên núi Chúc dung muốn làm 1 quyển sách ghi chép các thắng tích đó, nhưng vì bỏ sót núi cả lũ. Thái sử chỉ rẩ rõ nhưng lại vì sự ăn mặc nên rảo chạy chưa được rảnh rỗi. Và Tiên sinh Khâu Lũng đều sườn nhánh nhạc sơn, tùng tử tùng thu rất chẳng quên vậy men sườn núi Thái thì quân tử xưa trước còn lại mến thích, trường lưu nơi gởi huyệt mã tiên từ. Tôi làm thư viện chr giảng, do đó sưu tập thành pho, đề tên là "Đại Lãm". Nhưng trải qua hơn 10 năm mà sách đó chưa thành, bởi núi kinh sông chỉ biên tập là khó, huống là bộ thư nhọc nhằn ư? Khoảnh khắc đang lường chuyển dời đến Hải châu. Nghe tập tục ở đó chất phác chính sự giản đơn nên có thừa thời gian, cuối cùng sách ấy thành tựu cũng chưa đáng biết, mà sinh Hành sơn thì chẳng phải Quy điều nối gót, nghĩ nhớ Diêu ma. Vì năm tháng khó thành vậy. Vừa lúc Tôn Uyên đến xem xét, lấy bộ "Nam nhạc tổng thắng tập" bản thời nhà Tống chỉ bày. Từ trước trước không có gỗ ván tốt, nhân đó gấp giao khắc để rộng lưu truyền. Tôi làm quan lại tại Giang nam hơn 10 năm, chẳng đặt riêng quê hương nước nhà, núi mây xa ngoài 2. 000 dặm, tức rừng suối dưới Đại sơn, chỗ đất xưa kia phụ sĩ đặt nghiên từng chẳng được 1 lần bái quét, lại phỏng hỏi theo bè bạn. Thản được rút thân đén lúc nhàn rỗi, qua lại giữa khoảng Hành sơn Nhạc sơn, nhờ đó mà đã đính chính những khuyết sót trong "Đại Lãm", cũng sắp thành tập trao cho khoáng chí tham xét mà thành ghe tải của Hành sơn vậy và cũng là lòng ước muốn tang tử tùng thông của tôi được toại nguyện, và biết bao nhiêu điều không thể thảy đều được vậy! Giao khắc duyên khởi, rõ ràng như trong Tôn Tử. Và đó thành thực kính giữ theo bản thời nhà Tống xưa trước vậy.

Sau ngày rằm tháng giêng năm Nhâm tuất.
Thiện Hóa, Đường Trọng Miện kính đề bạt.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 190

TRUYỆN CỔ THANH LƯƠNG

SỐ 2098
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2098

TRUYỆN CỔ THANH LƯƠNG

LỜI TỰA

Phàm tử phủ danh sơn là nơi thầy 7 Đức Phật gá chân, Thanh lương Thánh cảnh là chốn muôn Bồ-tát ẩn tích. Phô bày từ xưa nay, đủ trong các Đồ tịch. Hoa lạ cỏ linh thoảng tỏa hương thơm, đá sâu mối lạnh ánh ngời thanh khiết, khí trong lành nhả tỏa trong rừng, mây đẹp lành dàn trải trên đảnh. Hang xanh vào đêm hừng hực mà đuốc đèn thường sáng. Động biếc gần sáng đau đáu mà chuông trống vọng vang. Người già thâm trầm nơi khe cốc, trẻ nhỏ đùa vui giữa khói mây. Lầu các rực rỡ trang nghiêm, điện đường cao vời tráng lệ. Hoặc là các bậc cao tăng từ xa đến tham phỏng, hoặc là các hàng quý tộc tới trông xem. Thấy hóa nghi mà kết duyên đắc đạo, nhìn tướng hảo mà phát nguyện chí thành, tu nhân thù đặc ở đời nay, chứng quả huyền diệu nơi kiếp khác. Thường trông thấy ánh sáng của ngọc hào, luôn cư trú trong thế giới kim sắc. Với người ngộ đạt thì thức tâm và kiến tánh. Với người quy y thì hết chướng mà tiêu tai. Có thể gọi là phước chẳng luống mất, công không dối bỏ. Biên tập thành truyện ký lưu truyền khắp nơi, dẫn dụ các hàng ngu xằng, đều tin sâu chắc, đồng lên đường giác, đều đến cửa huyền, đồng cỡi thuyền Bát Nhã cùng lên bờ Niết-bàn.

Ngày 17 tháng 2 năm Tân sửu (1181) thuộc niên hiệu Đại Địch 91161-1190) thời nhà kim.

Kính cẩn ghi lời tựa thư Đường thiền viện vĩnh an sùng thọ.

Sa-môn Thích Quảng Anh.

TRUYỆN CỔ THANH LƯƠNG

Thời tiền Đường, Sa-môn Tuệ tường ở Lam cốc soạn thuật

QUYỂN THƯỢNG

1- Lập danh nêu hóa
2- Phong vức lý số
3- Cổ kim thắng tích.

1. LẬP DANH NÊU HÓA

Kính cẩn y cứ theo kinh Hoa Nghiêm trong phẩm ‘Trú xứ Bồ-tát” nói: “Ở phương Đông bắc, có trú xứ của Bồ-tát tên là núi Thanh lương. Trong quá khứ có vị Bồ-tát thường ở trong đó, và ở đó, hiện nay có Bồ-tát tên là Văn-thù-sư-lợi, có vạn vị Bồ-tát ở đó thường về giảng nói pháp”. Tôi từng đến trông xem danh sơn xứ đất đó, tuy Tung sơn Đại sơn làm trấn, bồng lai, hang tiên đều biên tập trong sách thế tục. Mọi sự chỉ tại vức nội, chưa có điều gì xuất phát từ kim khẩu lưu truyền trong bảo tạng. Gá muôn vị Thánh mà phu tuyên hoằng hóa, từ 5 xứ Ấn Độ mới đến di tích này, đẹp sáng núi linh, lợi khắp hiền kiếp. Đâu thường ghi chép thành thiên chương, đồng năm mà đàm nói ư!

Nay, trên núi có chùa Thanh lương, phía dưới có phủ Thanh lương, huyện Ngũ đài, đó thật đáng làm khuôn mẫu soi sáng vậy. Có 1 tên gọi núi Ngũ đài, trong đó có 5 quả núi cao vút, trên đảnh đều không có cây rừng sinh mọc, mọi sự đồng như tích độ, nên gọi là Đài. Theo “Kinh ly nguyên thủy” nói là: “Núi đó có 5 quả cao vút vượt trên các núi khác, nên gọi đó là núi Ngũ Đài”. Năm Vĩnh Gia thứ 3 (309) thời Tây Tấn, tại huyện Tôn nhân, quận Nhạn môn có hơn trăm gia đình lánh nạn vào núi đó, bị người núi rượt đuổi vì đó mà không trở về, bèn ở yên giữa núi non hang trống. Những kẻ sĩ qua lại có lúc có trông thấy họ ở, nhưng đến phỏng tìm thì chẳng biết ở đâu. Nên mọi người cho núi đó là dinh đô của tiên giả vậy. Theo “Kinh tiên” nói là: “núi Ngũ đài gọi là Tử phủ, thường có hơi khí sắc tía lan tỏa, tiên nhân ở đó”. Theo “Tinh dị ký” nói là: “Tại Nhạn môn có núi Ngũ đài, hình núi có 5 ngọn cao trơ trọi,

có 1 đài thường mờ tối không thể sáng tỏ, vào những lúc trời trong mây tan thì có thể hiện bày". Theo "Quát địa chí" nói là: "Núi đó, tầng cuộn cao vợi đẹp xinh, đường cong uốn quanh. Núi linh khê thần, hàng phàm tục không thể nương ở. Những vị ở đó, hoặc là những bậc chuyên tinh thiền định, các vị tư duy huyền ảo, và phàm pháp sấm vang âm, hương khói tỏa bốn phía, những bậc mang tâm từ bi giác ngộ, tự nhiên xa vợi. Mới nghiệm những vị đến núi đó, đến mà không trở về". Theo "Tập ký giả" nói là: "Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi là bậc đại sĩ pháp thân, xưa trước đã thành chánh giác hiệu là Long Chủng Tôn, là Hoan hỷ tạng, cũng có hiệu là Phổ Kiến Như Lai. Nay vì dùng sức phương tiện hiện thân Bồ-tát để vì đối dương Thánh chúng, nhiếp hóa cứu tế quần mông, răn dẫn các loài xua đưa đến bờ kia để được tỏ rõ Đạo. Với các hàng có trí thức không đến được tận nguồn thì giải đàm về đạo tích, danh số không thể cùng cực thềm bậc. Chỉ vì các loài mê mờ trong đêm dài chẳng thể tự ngộ. Nên bèn rũ giáng từ bi, hiện đến cõi nước Kham Nhẫn (Ta-bà) này, giữ gìn giáo pháp của chư Phật xưa trước, thường ở tại chốn đất Thanh lương, bày vết gần căn cơ đợi chờ bọn hám sinh chúng ta". Theo "Kinh bát-nê-hoàn" nói là: "Nếu người chỉ nghe được danh hiệu Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thì dứt trừ được tội sinh tử trong 12 kiếp, nếu người nào lễ bái thì thường được sinh trong nhà Phật. Nếu người nào xưng danh hiệu từ 1 ngày đến 7 ngày thì Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hẳn sẽ hiện thân, như người bởi nghiệp chướng xưa trước cản ngăn thì trong mộng cũng được thấy hình tượng Bồ-tát, trong trăm ngàn kiếp chẳng sa đọa vào đường xấu ác. Lớn thay lợi ích ấy! Các người con đang ở trong nhà lửa, sao lại lãng quên nghĩ nhớ, chỉ rộng trông mong trương kiển, tìm nguồn sông nơi vườn trời? Sa-môn Pháp Hiển đi tìm cầu chánh giác đến tận trời Thiên trúc, huống gì chỉ trong thước tấc thần châu, khen lao nghe thấy. Qua về núi ấy chưa vượt quá tháng trời, vượt trải lên xuống chưa nhọc vài ngày. Há có thể chẳng năn dắt tâm mờ tối, phấn phát chân biếng lười, giẫm trải qua thành thực nhỏ nhiệm này vì đến bờ giác ngộ ư?"

Có người hỏi rằng: "Đấng Đại Thánh giáo hóa mọi vật theo lý nên bình đẳng, tức nên khắp cùng muôn ức cõi nước, cớ sao lại ngưng trệ tại 1 phương này ư?". Đáp rằng: "Thật đúng với yếu chỉ của Đức Như Lai! Thật đúng với yếu chỉ của Đức Như Lai! Chỉ phải đủ 3 duyên mới ở tại chốn này, đó là: Một là chư Phật từ xưa trước lần lượt túc trì tại đó. Hai là muốn khiến các hàng vô trí hạ ngu chuyên tâm có tại một chỗ và ba là các hàng ở đó căn cơ đã thuần thục có thể kham nhận mọi thấy nghe. Tôi cho rằng đạo lý đè nén hay nâng bốc, chỉ vậy mà thôi. "

2. PHONG VỨC LÝ SỐ.

Núi, cách Trường An về phía Đông bắc hơn 1.600 dặm, thuộc quản hạt của Đại châu. Từ đảnh núi đến Châu thành về phía Đông nam cách hơn trăm dặm. Núi đó về phía tả gần với Hằng Nhạc, về phía hữu tiếp liền với Thiên trì, phía Nam thuộc huyện Ngũ đại, phía Bắc đến tận huyện Phồn trĩ, bao quanh dưới nền đến có hơn 500 dặm. Như là non cao lắm lớp chắn, cốc thông suối bay, xúc chạm đá nhả mây, tức tùng làm lọng tán có đến hàng ngàn cây, sương tuyết mùa hạ ngưng đóng, khói mốc thường tích chứa, người vật chẳng thể lén giẫm trải qua, và cũng luôn luôn như vậy. Lên trên Trung đài trông nhìn bốn phía hết tầm mắt, chỉ có Hằng nhạc cao kề tiếp đó, còn các núi cốc khác đều men theo bên vệ như thanh thắng vậy.

Trung đài cao 90 dặm, trên đảnh đất bằng phẳng chu vi rộng 6 dặm lẻ 200 bộ. Hơi gần về phía Tây bắc có suối Thái hoa chu vi rộng 38 bộ, nước sâu 1 thước 4 tấc, trước sau với sự có cảm có cạn có sâu khác nhau, nước suối đó trong suốt ngưng ánh, chưa từng giảm khô, mọi người đều cho đó là nơi Thánh nhân sử dụng, nên qua lại phần nhiều đều đem các thứ hương hoa của cải đặt để vào đó cúng dường, 4 phía bờ trên đảnh đài mỗi phía dài 2 dặm tuyệt không có cây cối lớn chỉ có cỏ hoắc lướt trải sinh mọc. Các đài khác, không có cây chỉ cỏ, thảy đều theo vậy. Theo “Kinh Ly nguyên thủy” ghi chú là: “Nguồn nước đây Đông nga cốc phát xuất từ Trung đài, nước đó có nhiều khe đua nhau sinh phát khống chế các sông, chảy loạn về phía Tây nam, tải qua Tây đài, trải đến Đông nga cốc, nên gọi đó là Đông nga cốc.

Đông đài cao 38 dặm trên đảnh đất bằng phẳng chu vi rộng 3 dặm, cách Trung đài với suối Thái hoa xa 42 dặm. Căn cứ theo “Quát Địa Chí” v. v... nói: “Các đài cao thấp, số dặm xa gần phần nhiều có trái vượt, bởi là Thủ đạo chẳng đồng, hoặc chỉ đài có khác, nay chỉ y cứ ở 1 nhà, còn ghi đại để như vậy. Nếu muốn đến Đông đài, trước tiên từ Trung đài qua Bắc đài, mới đầu qua khoảng giữa chỉ leo sườn núi liền nhau, không bị cản trở bởi khe suối. Trên đảnh không có nước, chỉ có đá tạp loạn, nước cốc Tiểu bách, xuất phát tại dưới đài đó, theo hướng Bắc đổ xuống sông Hô-đà. Về phía Đông nam núi đó kéo dài 40 dặm liền vào Hằng châu, biên giới huyện Hành đường. Phía Đông núi Phiên lãnh cùng liền với Hằng nhạc. Phía Tây bắc kéo dài 13 dặm liền vào cốc Đại bách thuộc biên giới huyện Phồn trĩ.

Tây đài cao 35 dặm, trên đảnh đất bằng phẳng chu vi rộng 2 dặm, có nước. Phía Đông cách suối Thái hoa 4 dặm. Về phía Tây bắc núi đó

kéo dài 20 dặm tức vào Nga cốc thuộc phía Tây biên giới huyện Phồn trĩ.

Nam đài cao 37 dặm, trên đảnh đất bằng phẳng chu vi rộng 2 dặm, không có nước. Về phía Tấy bắc cách suối Thái hoa 80 dặm, phía Nam có khe nước, nguồn phát xuất từ núi đó. Từ nguồn phát xuất về phía Đông nam chảy loạn nhiều dòng, vào khe nước phía Đông. Về phía chánh Nam núi đó kéo dài 60 dặm tức đến ngay chùa Khâm nham thuộc biên giới huyên Ngũ đài.

Bắc đài cao 38 dặm, trên đảnh đất bằng phẳng rộng 3 dặm. Về phía Nam cách suối Thái hoa 12 dặm, trên đảnh luôn có đá lỗi lạc, khe suối Tùng thạch, lạnh đông chẳng chảy. Về phía chánh Bắc núi đó kéo dài 20 dặm tức liền với cốc Đại bách thuộc biên giới huyện Phồn trĩ, trong cốc có nước bắt nguồn từ Bắc đài xuôi chảy vào sông Hô-đà. Theo kinh Sơn Hải nói: "Núi Thái hý nơi phát xuất nước sông Hô-đà". Quách Phác chú thích rằng: "Sông Hô-đà ngày nay phát xuất từ núi Võ phu, phía nam huyện Lỗ thành thuộc Nhạn môn". Theo "Quát Địa Chí" nói là: "Núi Thái hý và Võ phu tức là chỉ 1 núi vậy. Nay gọi đó là Phái sơn, tức là đài Đông cách huyện Phồn trĩ 90 dặm".

3. CỔ KIM THẮNG TÍCH

Từ khi Chu Mục gặp Hóa Nhân trở về sau, Hán Võ được kim thần trở về nước, xưa trước tiếp nối rõ ràng, lâu in hình nơi giản độc. Chỉ vì Tần Vương (Tần Thủy Hoàng - Doanh Chính 246-209 trước tây lịch) phóng tứ hung nghịch, thiêu đốt hết thi thư, bèn khiến những bậc khéo học chân thừa cùng thời vận mà suy mất! Mãi đến thời vua Hiển Tông (?) cảm mộng, sóng cả dần lớn mạnh dượm nhuần khắp nơi mà mở đường, giá nhật nguyệt mà tranh sáng, thật là vĩ đại thay! Có thể khái lược mà nói vậy. Kịp đến thời đại Bắc Tề dòng họ Cao bình trị (550-578), hoằng dương sâu rộng về tượng giáo, chùa tháp khắp trong nước nhà có gần 40 ngàn ngôi. Trong đó, có hơn 200 ngôi già lam. Lại cắt thuế khóa ở 8 châu để làm tài vật cúng dường y phục thuốc thang cho sơn chúng (chư Tăng) căn cứ theo đó mà rõ biết thì tiên ở Linh huống nên xúc chạm đất mà lắm nhiều. Gặp đến lúc vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu phá diệt Phật pháp, kinh điển Phật pháp bị giẫm nát, phương huy thạnh quỷ tiêu tan gần hết. Như tự chẳng có thần minh chia phân gìn giữ hiếm có kẻ cầm cương hiện còn. Nay, mọi sự ghi lục đây đều từ những người đó đến nơi chân thật ẩn mất diêu tàn, có thể gọi là hơi thở rất dài vậy. Nên ở đó có đạo dựng tháp miếu, tu đạo tôn

nghi, cảnh nghiệp xứng đáng, tuy chẳng như xưa trước, nhưng đều theo thứ tự mà nói bày đó vậy.

Tại trên Trung đài, có một ngôi tinh xá bằng đá xưa cũ do Thứ sử Thôi Chấn ở Lệ châu thời nhà Ngụy tạo dựng. Lại có vài mươi ngôi tháp đá nhỏ, phần nhiều đều đã bị hủy nát. Nay hiện có nền móng đá sắp chất liền nhau của 2 phòng thất vuông rộng hơn 3 trượng, cao 1 trượng 5 thước. Thất phía Đông có 1 tôn tượng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đứng cao bằng thân người. Thất phía Tây có 1 tôn tượng Bồ-tát Di-lặc ngồi hơi nhỏ hơn so với tượng Văn-thù. Trong 2 thất đó, các thứ hoa lọng cúng dường, các thứ đệm dạ thọ dụng không gì chẳng mới đẹp. Đó là nơi Sa-môn Đại thừa Cơ ở chùa Từ Ân đã đến đó vậy. Cơ (Khuy Cơ) tức là đệ tử thượng túc của Tam tạng Pháp sư Huyền Trang. Năm Hàm Hanh thứ 4 (673) thời tiền Đường, Sa-môn Khuy Cơ cùng hơn 500 vị vừa Tăng vừa Tục đến đó tu hành, hoặc nghe có mùi hương thơm khác lạ, âm thanh chuông khánh hòa vang. Năm đó, các hàng đạo tục ở Hàng châu lại tạo 1 ngôi phù đồ bằng sắt cao hơn 1 trượng nghinh đưa đến núi Ngũ đài. Đầu tiên thiết đặt ngay giữa khoảng thạch thất. Ở phía Nam có 2 bia văn cũ nay đã bị ngã đổ, chữ khắc đều bị xóa mờ, chỉ còn hơi ngời sáng, tôi tẩy rửa để đọc xem đó nhưng trọn không biết 1 chữ! Một bia do Thứ sử Thôi Chấn ở thời nhà Ngụy tạo, 1 bia Hàn châu trưởng sử Trương Bị lập. Tương truyền là: "Trương Bị từng đi đến núi Cảm Thánh nên lập bia đó để thuật bày manh mối xưa trước, cùng 700 người dẫn đến lên đài mà dựng lập đó". Từ đó về phía Đông nam đi men theo đảnh núi dần xuống hơn 30 dặm là đến chùa Đại phu đồ. Chùa đó do vua Văn Đế (?) thời Nguyên Ngụy dựng lập. vua Văn Đế từng đến dừng ở đó, sắm đủ mọi thứ kính phụng Thánh nghi, bèn phát Thánh tâm tạo dựng chùa Vũ đó. "Phu" nghĩa là "tin". Nói vua đã gặp cảnh phi thường bèn mở phát tâm tin rộng lớn. Vả lại nay thấy 2 ngôi nhà ở phía Đông tây, tôn tượng thiết đặt vẫn hiện còn. Ngoài ra, hành lang nền móng cảnh vực phản phất hiện còn. Theo "Quát Địa Chí" nói: "Lấy "Phu" là "Phò"". Còn theo "Cao tăng truyện" thì lấy "Phu" là "Bố". Đó đều là sự sai nhầm của trong các truyện lục vậy. Và các xứ ở núi đó, Thánh tích thật lắm nhiều, đến như những sự cảm kích tâm linh chưa có nơi nào như ở đó. Nên những người trước sau qua đến, tuy có kiến thức ngu dốt tâm tình bỉ ổi cũng đều khẩn thành bùi ngùi đượm ướt khăn áo, và đều nghĩ suy cải đổi cố gắng. Phía dưới 2 ngôi nhà ấy, không dung người phàm dừng ở. Xưa kia có 1 vị Tăng, đến trong nhà phía Đông ở lại qua đêm, đoan tọa tụng kinh, bỗng cảm thấy bị bồng ném xuống khe suối ở

phía Đông vậy. Từ đó về sau, mọi người sang đó không dám xâm phạm. Xưa kia tại chùa đó có 3 vị Sa-di từng nghe các bậc túc đức đàm nói có sự linh ẩn bèn cùng nhau dẫn đến hang cốc phỏng tìm mong được thấy gặp. Trải qua 4-5 ngày, lương thực muốn hết bèn tìm đường trở về, đến 1 đảnh núi Ngựa dựng nghỉ dưới gốc cây. Chỉ chốc lát thấy có 1 người sắc da đen sạm men theo đảnh núi đi lên, 3 vị Sa-di đó cúi đầu lễ bái xưng gọi rằng: "Thánh giả hãy hiện lại đạo thuật!". Người ấy bảo: "Đợi ngày mai, ta sẽ trở lại, các ông tạm đến núi phía Đông đợi chờ ta dưới gốc tùng. Nếu thấy người vào hang, gọi cầu đó thì tự được". Xong, bèn xuống đảnh núi phía nam mà đi. Ba vị Sa-di men theo đảnh núi đến núi phía Đông có được 1 cây đại thọ. Bụng cây đó rỗng không như là nhà cửa, đến gần trông xem thấy mịt mờ, 3 vị Sa-di đó đứng đợi chờ bên cạnh cây đến sau giờ ngọ, bỗng nhiên như có 1 xấp lụa rơi xuống trước cây, thì ra 1 bậc trượng phu râu tóc tai cao, sắc mặt tợ hoa đào đi thẳng vào trong hang cây tùng, cả 3 vị Sa-di không dám lại gần, kinh sợ cùng đứng trông xem. Một vị nói là: "Cứ đứng nơi cửa hang chờ đợi ra liền chết ôm chầm lấy đó". Giây lâu, người ấy vừa mới đi ra, 1 vị Sa-di liền ôm lại, còn 2 vị kia kính lạy xin ban ân. Người ấy tỏ vẻ tức giận quát mắng rằng: "Đồ vật ngu si sao chẳng thả ra? Ta trọn không nói gì đâu?". Vị Sa-di ấy liền buông thả ra, người đó liền vọt nhảy giữa hư không mà đi. Khi ấy cùng nhau tìm lại hướng Tây mà trở về, đến chiều tối thì đến nơi gặp người béo mập đen sạm hôm qua, bỗng thấy người ấy lại vạch rừng mà leo lên đảnh, ngược hỏi 3 vị Sa-di rằng: "Người ấy có làm gì nói gì chăng?" 3 vị Sa-di đáp: "Người ấy rất giận dữ, chẳng nói điều gì". Người đó cười bảo: "Ham thích rượu lại uống, các người khiến não loạn người đó. Thận trọng chớ trở lại, hãy gấp lấy rượu của người ấy mà uống". Nói xong, lại theo hướng Bắc mà đi xuống. Ba vị Sa-di y theo lời bảo đó vào hang, có bậc đá đặt dưới, dài khoảng 2 trượng, phẳng bằng gần xuống phía Bắc, đều toàn đá sắc trắng quanh hạng, ánh sáng như ban ngày, có 1 chiếc bình bằng bạc, dùng mâm bạc đậy lại, phía trên có 1 cái chén bạc. Rượu đó có mùi thơm cay ngon lành khác hẳn mùi rượu ở thế gian. Ba vị Sa-di uống thử rượu đó, chỉ mới được ra khỏi hang, bèn đều say cả, đến lúc tỉnh lại cảm thấy ngoài miệng mỗi vị đều có loài trùng nhỏ như lòng đuôi ngựa rúc rải ngang dọc vô số. Từ đó, nhan sắc cả 3 vị Sa-di đẹp nhuần, khí lực mạnh gấp bội, trở về lại chùa vài ngày sau, đồng 1 lúc mà mất vậy.

Ở phía Nam chùa đó có vườn hoa rộng khoảng vào ba khoảnh đất đai mầu mỡ tươi tốt, có trăm ngàn danh phẩm, sắc màu sáng đẹp tướng

trạng đồng như thư cẩm, tức do vua Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoằng 466-471) thời Bắc Ngụy trồng nên đó. Theo các hàng sĩ tục nói là: Hoa ấy vào giữa mùa hạ hơi tươi tốt nhưng chưa lắm nhiều, đến ngày 15 tháng 7, đồng 1 lúc cùng phát, trải qua 7 ngày vụt nhiên đều tàn tạ. Chỉ vì ở nơi u hiểm khó tìm nên ít hiếm người trông thấy đó. Theo "Quát Địa Chí" nói về vườn hoa đó là rừng gấm hoa linh, chủng loại tên gọi khác lạ, chim muông thú vật thuần ở lâu, mặc chân chẳng nhiều, tin chắc đó là cảnh đẹp xinh vậy. Từ vườn hoa đó theo hướng Nam đi hơn 20 dặm có núi Phạm tiên, còn gọi là núi Tiên hoa. Xưa kia có người đó ăn dùng hoa cúc mà được thành tiên, nên lấy tên gọi là Phạm tiên hoặc Tiên hoa vậy. Nay, trong tháng 9 năm Lân Đức thứ nhất (664) vua Cao Tông (Lý Trị) thời tiền Đường sai sứ Ân Chân Vạn Phước cưỡi theo ngựa trạm đến đó hái hoa vậy.

Từ chùa Đại phu về phía Đông nam cách 200 bộ có đền thờ Ngũ đài. Khoảng cuối thời nhà Tùy, đền thờ đó bị thiêu chỉ còn lại dấu vết mà thôi. Từ chùa Đại phu về phía Bắc, cách 4 dặm có chùa Vương tử thiêu thân. Tại đó trước kia có ngôi tháp cổ của vua A-dục. Đến đầu thời Bắc Tề (550) vị Vương tử thứ 3 đến đó cầu mong Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mà trọn không được thấy mới đến phía trước tháp phát nguyện tự thiêu thân để cúng dường. Nhân đó mà tạo dựng thành chùa ấy vậy. Với Vương tử ấy, có Hoạn quan Lưu Chi tự bùi ngùi thấy di hình còn lại, lại cảm sự việc Vương tử thiêu thâu, bèn tấu xin vào núi tu Đạo, được vua (?) ban sắc chấp thuận. Mới đến ở đó đọc tụng kinh Hoa Nghiêm trọn 21 ngày hành đạo, cầu mong được thầy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, bèn được thầm ứng, liền được hoàn bị thân căn, nhân đó liền giải ngộ mới trước thuật luận Hoa Nghiêm 6 quyển. Luận gần tất cả đuôi đầu, bèn trở về lại tấu trình. vua Cao Tổ (?) kính tin, do đó càng tăng thêm thường ngày giảng 1 Thiên Hoa Nghiêm ở thời bấy giờ rất thạnh hành. Xưa kia trong năm Hy Bình thứ nhất (516) thời Bắc Ngụy có Sa-môn Linh Biện ở núi huyện Ông tiên đầu mang đội kinh đó dõng mãnh hành Đạo, dưới chân rách nát đổ máu, do sự tinh cần chí thành mà cảm ngộ, mới đồng hiểu được kinh điển đó, bèn trước thuật luận gồm 100 quyển. Bấy giờ Hiếu Minh hoàng đế (Nguyên Hủ 516-528) thời Bắc Ngụy thỉnh mời đến ở điện Thức càn để phu dương áo chỉ. Các hàng tể phủ danh tăng đều theo đối mặt về phương Bắc. Pháp sư Linh Biện thị tịch trong tháng giêng năm Chánh Quang thứ 3 (522) thời Bắc Ngụy, lúc đó vừa mới 36 tuổi. Đâu chẳng là do sức tinh tấn cảm nên, khác thời đồng trần thay!

Từ chùa Vương tử thiêu thân về phía Đông bắc chưa rõ số dặm xa

gần là đến Trung đài, phía Nam Bắc đài, phía Tây Đông đài chính giữa của 3 núi đó, đường đi sâu hiểm, mọi người chẳng thể đến. Truyền nghe về hang Kim cang. Hang Kim cang là nơi đầy đủ các thứ cúng dường chư Phật 3 đời, phần nhiều là cất chứa tại đó. Căn cứ theo "Kỳ Hoàn Đồ" nói là: "Trong Kỳ hoàn có 1 bộ nhạc trời được làm thành bằng 7 vật báu". Tiên nói: Lại căn cứ theo Linh tích ký nói là "Nhạc đó do quỷ vương La-sát ở núi Lăng già tạo ra, đem đến dâng cúng Đức Phật Ca-diếp vì là cúng dường nên sau khi Đức Phật Ca-diếp thị tịch, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đem đến trong hang Kim cang tại núi Thanh lương. Đến lúc Đức Phật Thích-ca xuất hiện nói đời, lại đem đến Kỳ hoàn, trong vòng 12 năm, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi lại đem vào trong hang Kim cang ở núi Kim cang. Lại còn có không hầu bằng bạc, người trời bằng bạc ngồi trên hoa 7 báu đàn gảy không hầu ấy. Lại có đại Tỳ-nại-da tạng bằng giấy vàng sách bạc, Tu-đa-la tạng bằng giấy bạc sách vàng. Sau khi Đức Phật diệt độ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đều đem đến trong hang Kim cang ở núi Thanh lương.

Xưa kia, dưới thời các vua Cao Tề (Bắc Tề), tại chùa Đại phu có Sa-môn Trường Vân, vốn dòng họ Chu không rõ là người ở xứ nào, chỉ vừa vài tuổi bèn xuất gia, mới đầu nương theo Sa-môn Tăng Thống Thích Linh Tuân ở Tinh châu làm đệ tử. Ngài Linh Tuân muốn xét xem tập nghiệp xưa trước, bèn đem kinh tạng Đại thừa, để cho mặc tình chọn lấy, mới lấy được bộ kinh Niết-bàn, nhân đó bảo Tường Vân tập học tụng đọc đó, chưa tròn 1 năm mà 1 bộ kinh Niết-bàn đó được hoàn tất. Mỗi ngày đọc tụng 1 biến lấy làm lệ thường. Đến lúc đã nghe đó là núi linh mới tìm sang ở. Sau, đến phía Nam chùa, thấy có khoảng hơn vài mươi người đều cao lớn cả trượng, trong đó có 1 vị oai đức vượt trội đi thẳng đến nghinh tiếp, đảnh lễ mà thưa rằng: "Cầu xin sư hành Đạo 7 ngày". Tường Vân đáp rằng: "Chưa rõ Đàn-việt là người nào, nhà ở đâu?". Những vị ấy thưa rằng: "Đệ tử là thần núi đây ở hang Kim cang". Khi ấy bèn dẫn Tường Vân theo hướng Bắc đi khoảng vài dặm, thấy cung điện vườn rừng đều dùng bằng các thứ Chu Bích để nghiêm sức. Tường Vân mới ở đó trì tụng kinh, âm thanh lưu loát rõ ràng vang hưởng khắp cùng cung thất. Sau khi trì tụng kinh xong, thần đem các vật trân quý cúng dường Tường Vân, Tường Vân chẳng chịu nhận. Thần cố cầu thỉnh mới nhận lấy. Tường Vân nói rằng: "Bần đạo cảm mắc hoạn đời sống này chẳng được lâu dài. Do tu Đạo nghiệp, Đàn-việt hẳn cũng không sót bỏ xin ban cho thuốc thần linh". Thần nói: "Điều đó cũng có thể được vậy". Bèn lấy ra 1 viên thuốc lớn như trái táo, sắc màu như

luyện mà kính dâng cúng. Tường Vân nhận rồi tiện dùng đó bèn được lên tiên, trở lại chốn kinh đô, tỏ bày tạ từ mà đi.

Từ Trung đài về phía Nam cách hơn 30 dặm, tại ven sườn núi có đường thông lớn, người đi đến đài thường đi bằng đường đó. Bên cạnh có 1 ngôi thạch thất rộng 3 gian. Bên trong có các tôn tượng Phật Thích-ca, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Phổ Hiền v. v... lại có phòng ốc, nhà bếp, màn chắn v. v... hiện còn. Gần đây, trong năm Hàm Hanh thứ 3 (672) thời tiền Đường, Thiền sư Nghiễm đến ở đó tu tạo dựng lập để cho các hàng đạo tục lên đài, qua lại dừng nghỉ. Thiền sư Nghiễm vốn người ở Sóc châu, chưa rõ thuộc dòng họ gì, xuất gia năm 17 tuổi, đi thẳng đến núi đó để lễ bái, vui mừng với điều may mắn, nên phát nguyện tu tạo chân dung tôn trí tại đó. Và Đạo nghiệp thuần túy, tính khổ vượt hẳn, cảnh hạnh rất có giá. Nên từ tinh quận trở về phía Bắc chỉ có 1 người đó mà thôi. Từng ở tại Hằng an tu sửa tôn tượng xưa cũ nơi hang đá vua Hiếu Văn Đế (?), tuy mọi người tôn xưng là chủ nhưng Thiền sư Nghiễm chưa dự tham huyền hóa. Trong vòng ngàn dặm trở lại không ai chẳng nghe đạo phong mà kính trọng. Hai mùa xuân thu thường đưa các thứ sữa lạc bông tơ đến để cúng dường tạo phước. Ngoài ra, về thắng hạnh thù cảm cuối cùng do vụn vặt hết. Năm Hàm Hanh thứ 4 (673) thời tiền Đường, Thiền sư Nghiễm thị tịch tại thạch thất. Cách ngôi nhà ấy về phía Đông bắc hơn trăm bộ, hiện còn ngôi tháp Thiền sư Nghiễm ngồi kiết già như hiện đang sống, mọi người qua lại thảy đều được trông thấy. Từ thạch thấy về phía Đông nam cách khoảng vài dặm riêng có 1 ngôi tốt-đổ-ba nhỏ, phía trên có chùa Thanh lương do vua Hiếu Văn Đế tạo dựng, tôn tượng Phật đường ở đó đến nay đều hiện còn.

Tại Đông đài cũng có ngôi tháp được sắp xếp bằng đá cao khoảng 6-7 trượng, bên trong có tôn tượng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Từ đài về phía Đông tiếp liền với Hành nhạc, khoảng giữa rỗng tối rỗng, hiếm ít dấu chân người bước đến. Theo các bậc lão thành xưa trước tuyền là có nhiều người đến ẩn dật tại đó. Tôi từng đến phía Đông bắc đài đó, gặp được 1 người, hỏi về vết tích xưa cũ. Người đó đưa tay chỉ giữa khoảng 2 bên đài nhạc mà bảo là: "Thời xưa, nhân dí săn đến phía Đông của đài, thấy hoa quả cây rừng tươi tốt có hơn 10 khoảnh. Về sau trở lại phỏng tìm, trọn chẳng thấy ở đâu. Vả lại, trong các đài thì đài đây rất xa. Giữa khoảng đó núi hang chuyển đổi hình trạng, nên người trông thấy đều mất chỗ ghi nhớ, nên các người đến lễ bái tham yết, đều chẳng thể đến. "

Xưa kia có 1 vị Tăng đến núi lễ bái. Đến trên Trung đài, muốn

đến Đông đài, xa thấy phía trước có vài mươi con trùng lớn nghinh dẫn trước mà đi. Vị Tăng ấy nguyện dốc hết thân mạng cần phải được đến lên đó. Bỗng chốc mây lành nên nỗi sinh tỏa hai bên tả hữu, trong khoảnh khắc trông nhìn lại như bít mắt, bèn rất kinh sợ nên bùi ngùi hối hận mà rút lui! Xưa trước tôi có cùng phạm tăng Thích-ca-mật-đa-la lên trên Trung đài. Mật-đa-la mới đầu nói là hẳn phải đi, nhưng sau trọn chẳng đi. Tôi cho là các bậc Thánh giả phần nhiều ở tại trong đó.

Tại Tây đài, lược không thể nêu thuật. Phía Tây của Tây đài có hang Bí ma. Xưa trước vào thời Cao Tề (Bắc Tề 550-578), có Tỳ-kheo-ni Pháp Bí, là người tuệ tâm thiên ngộ, chân khí riêng trội vượt, vất bỏ thế tục huyên náo, xa đến ở đó suốt 50 năm, như mới đầu không đổi thay bước chân. Do thiền tuệ cảm nên, ở đời khắp nghe, đến năm hơn 80 tuổi mới thị tịch tại đó, người đời sau rất mực kính trọng, nhân lấy đó mà gọi tên hang. Tôi từng cùng vài ba người vừa tăng vừa tục cố ý sang tìm đó, trông xem nơi ở, mới là kỳ quán của địa phủ. Hai phía Đông-tây của hang vách dựng đứng cao vài ngàn trượng, đường văn đá 5 sắc, đẹp xinh tợ như ráng sớm, có vài hàng cây tùng trồng cắm rễ nơi bụng hang. Ở đó 2 bên dần giáng xuống hợp ở mặt phía Tây, khoảng giữa có 1 con đường mới có thể dung được thân người chen đi. Ngoài ra tướng trạng thiên nhiên như thành quách và Phật đường, phòng nhà hiện có vài gian. Các vết tích thiền tụng đủ khiến người trông xem dấy khởi nghĩ nhớ.

Tại Nam đài, linh cảnh tịch hoang nên mọi người ít đi đến đó. Ở phía Tây của nam đài có núi Phật quang, phía dưới có chùa Phật quang do vua Hiếu Văn Đế tạo dựng. Có Phật đường rộng ba gian, phòng tăng rộng hơn 10 gian, tôn nghi chỉnh túc hòa mục, suối rừng trong tốt.

Xưa kia, đầu thời nhà Tùy, chánh giáo phục hưng, phàm ở các ngôi già lam, mặc tình tu bổ. Bấy giờ Thiền sư Giải Thoát ở chùa Chiêu quả tại huyện Ngũ đài, đến đó và có chí muốn trọn đời sống tại đó, nên gia tâm tu sửa tạo dựng. Thiền sư Giải Thoát vốn dòng họ Hình, người thuộc bản xứ. Vừa độ tuổi reng ngựa liền dự phần xuất gia, xưa trước đã gieo trồng gốc đức, nên sớm nghĩ nhớ hỏi đến bến bờ. Mới đầu, theo Thiền sư Chí Chiêu ở núi Bảo phúc thuộc phía hữu Giới sơn, hỏi cầi định nghiệm. Thiền sư Chí Chiêu cũng là người gần lên bậc Thánh, khéo hết trở lại nguồn, mà bên trong tích chứa sự nhận biết về người, đắc ban thù lễ, bảo cùng đại chúng rằng: “Giải Thoát là người tập học thiền pháp xung minh, các ông không thể sánh kịp, chớ đồng bạn thường khiến làm mọi việc chúng tăng”. Trải qua thời gian không lâu, giải Thoát bèn trở

về nơi chỗ ở cũ. Từ đó thường trì tụng kinh Pháp Hoa và hành trì các pháp sám Phật Quang v. v... Giải Thoát đã từng có vài lần đến chùa Đại phu truy tìm Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Tại phía tả của Đông đài đa từng vài ba phen được gặp. Mới lần đầu thì đảnh lễ xong rồi bỗng nhiên ẩn mất, lần sau thì đích thân tiếp thừa âm huấn. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo Giải Thoát rằng: "Nay ông sao lại phải thân gần kính lễ ta? Có thể nên tự hối trách chính mình, hẳn sẽ ngộ giải vậy". Giải Thoát kính vâng Thánh chỉ ấy, nhân đó tự tìm lại bên trong, mới tỏ ngộ vô sinh, cùng tăng thêm pháp hỷ, bèn bùi ngùi với sự riêng tốt lành đó, nghĩ nhớ rộng cứu tế, chí thành cầu đại giác, thỉnh cẩn tâm này, mới cảm được chư Phật hiện thân đồng tiếng nói bài kệ rằng:

"Pháp chư Phật tịch diệt sâu mầu
Nhiều kiếp tu hành nay mới được
Nếu hay mở hiểu pháp nhân đây
Hết thảy chư Phật đều tùy hỷ".

Giải Thoát lại hỏi giữa không trung rằng: "Pháp tịch diệt làm sao có thể giảng nói được để giáo hóa mọi người ư?" chư Phật liền ẩn, chỉ có tiếng nói:

"Trí phương tiện làm đèn
Tâm chiếu kiến cảnh giới
Muốn tầm chân pháp tánh
Thảy đều không chỗ thấy."

Lại từng có Đô đốc ở Bản châu thỉnh truyền hương giới. Đến lúc pháp hóa đã hoàn tất, sắp xếp việc trở về phương Đông, Đô đốc và chư Tăng tín đồ đưa đến đầu phía Đông thành, ngày giờ đã sắp chiều tối, Giải Thoát tự tư duy là không được đốt hương cúng dường, nên lật đật hổ thẹn, bèn nghe ở đầu thành có tiếng bảo rằng:

"Chấp tay làm tràng hoa
Thân làm vật cúng dường
Tâm thuần thiện chân thật
Tán thán khói hương tỏa
Chư Phật nghe hương ấy
Đồng lúc đến cùng độ
Đại chúng siêng tinh tấn
Trọn chẳng cùng nghi lầm."

Khi đó, Giải Thoát đã nghe tiếng ấy rồi lại càng dõng mãnh, từ đó về sâu sự chứng nhập càng sâu. Cảnh hạnh núi cao đều là thuộc đó. Tiên nói rằng: "Căn cứ theo Biệt truyện thì Thiền sư Giải Thoát

đã được Đại Thánh chỉ bày tâm ấn, mới nhún nhường tự chăn dắt mình chuyên tinh hầu chúng. Về sau Đại Thánh đích thân đến thử nghiệm, thường mỗi sáng sớm, Giải Thoát nấu cháo cho chúng Tăng, Đại Thánh bỗng hiện đến trước, Giải thoát chẳng đoái hoài ngoảy lại nhìn. Đại Thánh cảnh tỉnh bảo rằng: "Tôi là Văn-thù, tôi là Văn-thù!". Giải Thoát liền ứng tiếng đáp rằng: "Văn-thù mặc Văn-thù, Giải Thoát mặc Giải Thoát!". Đại Thánh xét đó là lời tỏ ngộ, bèn liền ẩn thân. Từ đó mọi người xa gần đua nhau tìm đến thỉnh hỏi điều lợi ích như dòng chảy. Mỗi ngày đông có đến vạn người. Đức nghiệp của Giải Thoát như mây lành chở che 8 hướng, tợ mưa cam lồ đượm trăm thứ lúa thóc. Các hàng Thích tử ở bốn phương thảy đều đến chiêm ngưỡng tựa nương. Phàm những lúc khơi dẫn khuyên gắng mọi người, Giải Thoát chỉ nghiêm chỉ cẩn. Thời ấy, chưa lập thành tùng tịch, nên ngồi lộ bày lắm nhiều, bèn khiến bình bát, giường chỏng ánh ngời cả rừng chầm, cúi vâng khéo dẫn dụ, tùy sự mà dẫn bày, mọi sự khơi kích nhanh chóng, lược không thường chuẩn. Nên các bậc sĩ đến của chẳng thể lén nhìn vào sân sâu. Nhưng chẳng ra khỏi chùa đó suốt 50 năm, học thành thiền nghiệp có hơn ngàn vị. Từ ngoài mong ngóng Đạo phong đượm nhuần sóng cả lại quá gấp bội số đó. Nghĩ tìm về truyện ký thì phần nhiều thấy ở người xưa. Tuy Thiền sư Tuệ Tư ở Hành nhạc, chứng đắc thập tín, hiển bày đạo vị cao. Thiền sư Trí Giả ở núi Thiên thai, ngũ phẩm nêu lớn ngang bày. Đến như Tam tạng Pháp sư Huyền Trang bản cùng môn nhân: "Như ta có mọc được lông cánh cũng chưa có lớn thạnh như vậy!". Tự chẳng phải hạnh vị cao siêu, rũ vết với đồng phàm, hẳn nhờ Đại Thánh ngầm thông, hổ giúp giải thoát hằng dương dụ hóa vậy. Nên tại phía Tây Hằng nhạc, thuộc góc Đông nam của Thanh lương có vị tín nữ thanh tịnh cảm mắc bệnh mù mắt, thường xúc chạm đến núi ở, dốc tâm cầu nguyện Thánh giả Văn-thù-sư-lợi, ngày đêm tinh cần, chỉ thành khẩn đảo, cảm được Đại Thánh gia bị, bèn được sáng mặt lại. Về sau, hông biết như thế nào? Lại nữa, các hàng sĩ tục ở Hằng châu có hơn 50 người, trong 6 ngày trai, thường mang các thứ hương hoa phẩm vật trân quý đến cúng dâng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và vạn vị Bồ-tát, thường năm như thế không suy mất. Lại xả thí của cải vật quý, chọn đất tạo dựng chùa, khắc đá bia minh đến nay hiện còn. Trong thời Nguyên Ngụy có Sa-môn Đàm Loan vốn người thuộc dòng tộc cao quý ở Nhạn môn. Ngày còn sống trong thế tục từng đến dừng ở tại chùa đó, bện cỏ làm am, tâm mong cầu cảnh thật. Thế rồi được trông thấy khắp các vị Thành hiền, nhân đó bèn xuất gia. Nên trụ xứ đó là chỗ ở của Loan Công xưa trước vậy. Người đời sau mở

rộng nơi chốn đó tạo dựng thành chùa. Hiện nay, phòng ốc có 10 gian, tôn tượng thiết trí trang nghiêm chỉnh túc. Lại nữa, từ cốc Bản qua về phía Tây cách 15 dặm, có chùa Công chúa, nền móng hiện còn, chưa rõ tận tường về ngôi chùa ấy vậy.

TRUYỆN CỔ THANH LƯƠNG
QUYỂN THƯỢNG
(HẾT)

■

TRUYỆN CỔ THANH LƯƠNG

Thời tiền Đường, Sa-môn Tuệ Tường ở Lam cốc kính soạn.

QUYỂN HẠ

4- Du lễ cảm thông
5- Chi lưu tạp thuật.

4. DU LỄ CẢM THÔNG.

Từ thuở ấu thơ. Tôi chuộng khí khái khác lạ, đến lúc lớn khôn lại càng dốc thiết, mỗi lúc nghe xướng phương khác, bèn liền khẳng khái dấy lòng. Ai cho là một mai vụt tự đến diệt vậy, bèn được cầm nắm cây si mở khai hoang tầng, gắng dất chân què quên cả mệt nhọc, thẳng lên trên đầu của Trung đài, khi ấy cúi nhìn muôn vật, liền nhìn bên cạnh xa ngàn dặm, chân đạp trên gió tuyết, chí lắng trong Tiêu Hán, bỗng nhiên như xả bỏ kiếp sống bồng bềnh, xa xăm tợ vượt đến trong thiên đình, mới bắt đầu tỏ ngộ sự vất bỏ của trang quán, tư duy sự nghiêng lệch của Đại tiểu. Tuy chưa trông thấy vẻ huyền diệu của Vương Sơn Cửu Tầng; nép đẹp xinh của Thứu phong kê túc. Bên trong tự vỗ về tấm thân bé nhỏ sao cũng nhiều may mắn vậy. Đâu nhọc ngàn năm có 1 lần gặp, nên mới muôn kiếp mong gặp vậy, chỉ bởi chốt Huyền khó bày, cửa tối ít mở. Tại lúc chưa hiểu thì tuy gần mà xa, trông nhìn thần kinh, không thể chẳng mến luyến, nhưng tiếp thừa gần, từ xưa đến nay mọi người đến núi đó thật lắm nhiều vậy. đến như các sự ghi chép tuy mới mẻ nhưng vẫn thấy thông thường, bởi vì gặp lúc không việc tốt, nên khiến hương thơm bụi trần héo dứt, chẳng sinh mọc xa lớn. Mọi người sau lấy đâu để kính ngưỡng ư? Vả lại, như các Sa-môn Đàm Tĩnh, Đàm Thiên, Tuệ An, Tuệ Toàn đều là những bậc uyển lộ của chốn thiền môn, Chi lan ở đất báu, chỉ lên tại đầu đài, thường nghe chí ký, ngoài ra những vị bít lấp mất, sao có thể nói được thay! Do đó nhặt góp Di văn, rõ tìm ở thấy nghe, gần như kẻ sĩ tư tề xếp sắp đồng đến.

Lại căn cứ theo Biệt truyện nói rằng: “Ở thời vua Vũ Văn (Hiếu Mẫn Đế - Vũ Văn Giác 557) thời Bắc Chu, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hóa

làm vị Phạm Tăng đến xứ này nói là: "Phỏng tìm thành tích, muốn đến núi Thanh lương, nơi trú xứ của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi". Bấy giờ, Pháp sư Trí mãnh mới hỏi việc ấy và bắt đầu thỉnh cầu. Bỗng chốc vị Phạm tăng ấy ẩn biến mất, đó tợ như hiểu khuyên gắng gần mông, khiến sinh khát ngưỡng, như người dốc tâm kính tin Thần thông đâu xa vậy thay!

Trong thời nhà Tề (?), tại Định châu, có Sa-môn Minh Úc, chưa rõ là người xứ nào, từ lúc thiếu thời đã nghĩ mong lỗi lạc, chí khí ngưng lắng cao. Nhân nghe núi đó là nơi ở của Thiền sư Thần Tú và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, mới gói đùm lương thực, mang rương tráp, chống tích trượng tìm đến, phàm mọi sự sâu tối, không đâu chẳng đi đến, chỉ mong tìm Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, chưa qua vài ngày bỗng gặp 1 vị Tăng khác, tướng trạng cùng đồng chí nguyện đó, cũng đùm gói lương thực chống nâng tích trượng nói là "Đi tìm cầu Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi". Tình cờ đến 1 nơi bỗng nhiên gặp nhau, lúc ấy, Sa-môn Minh Úc đảnh lễ vị Tăng ấy, vị Tăng ấy cũng đãnh lễ Sa-môn Minh Úc, cả 2 vị đồng nói: "Đại Thánh! Đại Thánh, con xin được cứu độ". Cứ như thế đến lúc đã mệt khốn nhọc mới thôi. Kịp đến lúc hỏi han về phương tục, mỗi vị tự thuật về nói ở của mình. Sa-môn Minh Úc bèn không nghi ngờ gì chỉ mừng vui gặp được người đồng chí ý, cùng theo nhau leo trèo lên núi, qua 3 ngày mới đến Đông Đài, tại góc Đông nam thấy có 1 phòng nhà xưa cũ, có vài vị Tăng ở đó, đều là oai nghi sơ dã, dung mạo xấu xí, mới đầu vị Tăng ấy không sinh tâm cung kính, tiếp theo Sa-môn Minh Úc cũng vậy, đã tiếp đãi ồn ào lạnh nhạt, đêm đó cả 2 vị nghỉ lại ở đó. Đang lúc nửa đêm vị Tăng ấy cảm mắc bạo bệnh, khốn khổ khó kham nhẫn, đại tiểu tiện trên giường chiếu hôi hám không thôi. Chỉ nói: "Bệnh tôi khốn khổ!" lời tiếng như thế chưa từng ngắt dứt. Cả 2 vị mới cùng khuyên dẫn nhau ra ngoài núi. Nhàn lìa khỏi chỗ ấy đi khoảng hơn trăm bộ, thì phòng ốc và các vị Tăng ấy vụt chốc ẩn biến mất, Sa-môn Minh Úc mới tỏ ngộ đó là Thánh nhân, bùi ngùi xót xa sự ngu tối của chính mình, đổ làm than khóc không ngớt, đến nỗi như muốn diệt hủy tự thân, buồn bả hơn cả 10 ngày, trọn không được trông thấy gì. Bèn trở về nơi ở cũ, đến nơi ác bậc danh đức mà thuật bày điều đó. Có người nhận biết, bảo rằng: "Ta bệnh khổ khốn cùng tức là dạy cho ngươi biết bịnh khổ khốn cùng của Ngã và nhân vậy. Ông phải nhận biết như thế hẳn sẽ được độ thoát". Sa-môn Minh Úc mới tuân theo Thánh huấn, khiêm nhúm tự gìn giữ, dẫu gặp các kẻ trẻ nhỏ, người tùy thuộc mình, cũng kính tiếp không khuyết thiếu, thường luôn tự nghĩ suy đó, đổ lệ cả ngày. Đến năm tuổi ngoài 70, tịch tại chỗ ở!

Trong thời nhà Chu (?) có vị Sa-môn, không rõ dòng họ tên húy là gì. Tức trước kia là vị chủ chùa Ta-bà, và cũng là thầy của Thiền sư Minh, xuất gia từ thuở niên thiếu, vân du khắp các danh sơn, chuyên hành tập thiền pháp. Về sau, đến núi Ngũ đài cùng Thiền sư Minh Đồng ở chùa Ta-bà. Sau đó lại dẫn Thiền sư Minh đi tìm cầu Thánh tích, sang đến núi Hoa lâm tại phía Đông của Đông đài, đến 1 hang cốc có tiếng tăm. Lại vào trong núi sâu, bỗng nhiên thấy 1 chiếc cối đá như vừa mới giã thuốc, bên cạnh có rừng chày, có mùi thơm của thuốc. Sa-môn đó mới bảo Thiền sư Minh rằng: “Nay ta mong cầu Thánh đây được gần”. Chỉ chốc lát, bỗng nhiên có 2 người đi đến, hình dung to lớn, mày dài, tóc vén. Nhân đó cả thầy trò đồng kính lễ nâng đỡ bàn chân, xin cứu nguy ách. Tiên nhân bảo rằng: “Ta đang cùng đại chúng bàn luận, xét rõ biết ngươi đến”. Mới theo hướng Bắc đi hơn 20 bộ, 2 người ấy bèn đi mất, giây lâu, lại có 1 người đến, chỉ nói là: “Ngươi lại đã hợp đáng, có thể theo tà cùng đi”. Đến bên cạnh 1 tàng đá. Vị ấy xoay lại bảo Sa-di (Thiền sư Minh) rằng: “Người nên đi từ từ, chớ kinh động Đại chúng thanh tịnh”. Nói vừa xong, bỗng nhiên thấy rừng tốt suối trong, hoa quý quả lạ, hành lan mái hiên ánh ngời, lầu đài hiển hiện, hoa mới đẹp rực sáng, tướng trạng như thiên cung. Có khoảng 14-15 người vừa Tăng vừa tục, dung nghi hòa mục, cùng ngồi đàm luện nói cười. Thiền sư Minh từ từ kính lễ, từ từ thẳng mặt đi đến. Những vị ấy bảo: “Ông từ đâu lại có thể đến chỗ ta? Nhưng nơi đây toàn là những vị đã chứng đắc quả vị thanh tịnh, không thích nghi với tuổi trẻ. Ông nên đưa vị Sa-di này ra khỏi ngoài chúng, rồi trở lại cùng gặp”. Vị Sa-môn đó kính vâng đưa Thiền sư Minh lui ra, và tự vui mừng có lắm may mắn, vừa nghĩ đến điều mong hỏi. Lui ra đi chưa được vài bộ, hoảng nhiên quên mất, bồi hồi trông nhìn 4 phía trọn không thấy gì, chỉ có núi cao hang lớn, cây cuộn rừng đẹp mà thôi! Vị Sa-môn đó bảo cùng Thiền sư Minh rằng: “Bởi ông thiếu phước mới là như vậy!” bèn tìm đường trở về, càng gấp bội khẩn thành cố gắng. Đến năm 84 tuổi, Sa-môn đó thị tịch tại chùa Ta-bà.

Trong thời nhà Tùy, tại Tinh châu có Cao Thủ Tiết. Gia đình vốn đã nhiều đời kính tin Tam bảo, và Cao Thủ Tiết lại rất sâu chắc, hết mức tinh thành khẩn thiết, khoảng năm 16-17 tuổi, từng đến Đại quận, giữa đường gặp 1 vị Sa-môn tuổi khoảng 50-60, tự xưng tên là Hải Vân. Bèn cùng đó đàm nói đuôi đầu. Nhân đó, Sa-môn Hải Vân hỏi rằng: “Ông có đọc tụng kinh chăng?”. Cao Thủ Tiết đáp: “Thật có bản tâm ấy!”. Sa-môn Hải Vân bèn dẫn tới Đài sơn, đến nơi 1 Trú xứ, thấy có 3

am tranh vừa đủ dung thân, mới vào ở trong đó dạy bảo đọc tụng kinh Pháp Hoa, Sa-môn Hải Vân ra ngoài khất cầu đem về cung cấp cho các thứ ăn mặc. Thương thấy 1 vị Hồ Tăng đến đó cùng thầy nói cười trọn ngày mới trở về. Về sau, Sa-môn Hải Vân hỏi Cao Thủ Tiết rằng: "Ông có biết vị Hồ Tăng ấy chăng?" Cao Thủ Tiết đáp: "Không biết". Sa-môn Hải Vân với dung mạo tợ như đùa cười bảo rằng: "Vị Hồ tăng đó tức là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vậy". Cao Thủ Tiết từng tiếp thừa lời nói đó mà chưa hiểu được ý chỉ. Về sau, Sa-môn Hải Vân bỗng sai Cao Thủ Tiết xuống núi đến trong xóm làng lấy vật, mà răn dặn rằng: "Phàm, người nữ là gốc của mọi xấu ác, làm hư hoại Đạo Bồ-đề, phá hủy thành quách Niết-bàn. Nên người đến trong nhân gian phải rất cẩn trọng đó". Cao Thủ Tiết kính vâng nhận sự chỉ dạy ấy mà xuống núi, giữa đường thấy 1 người nữ tuổi khoảng 14-15, vận mặc y phục mới đẹp, dáng dấp nhã lệ, cưỡi trên mình con ngựa sắc trắng thẳng đến trước mặt, cúi đầu kính chào và nói cùng Cao Thủ Tiết rằng: "Thân thiếp cảm mắc khốn hoạn gấp rất cần được xuống yên mà ngựa hay nhảy vọt, cản dứng không được, mong anh đỡ nâng cứu giúp thân mạng nhỏ bé này". Cao Thủ Tiết bèn nghĩ nhớ lời thầy, trọn không ngoảy đầu nhìn lại. Người nữ ấy cũng đuổi theo đến vài dặm khổ thiết vang cầu, Cao Thủ Tiết vẫn giữ chí như mới đầu, bỗng chốc ẩn biến mất. Sau khi trở về lại chỗ ở cũ, Cao Thủ Tiết trình bày đầy đủ sự việc ấy. Sa-môn Hải Vân bảo rằng: "Ông thật là bậc trượng phu. Tuy nhiên người nữ đó là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mà ngươi không tỏ ngộ". Cao Thủ Tiết còn cho đó là nói đùa, nhưng ở đó tụng kinh trải qua 3 năm, trọn 1 bộ kinh Pháp Hoa rất thuần thục. Về sau, nghe tại Trường An có độ người xuất gia, trong tâm Cao Thủ Tiết muốn được xuống tóc, sớm tối tìm phương tiện dò hỏi thầy muốn được đi. Sa-môn Hải Vân bảo rằng: "Ông đọc tụng được kinh Pháp Hoa, đó là hạt giống Đại thừa, nay đã thành tựu, ông hẳn muốn đi, phải nên tìm cầu thầy tốt, 1 lần cách biệt này khó cùng gặp gỡ lại, ông đến trong kinh đô có thể đến nơi Đạo tràng Thiền định nương tựa theo Thiền sư Ngọc Luân để tu tập!". Cao Thủ Tiết vào kinh đô Trường An cầu xin được độ xuất gia, mà chẳng toại tâm chí mình, mới sang chỗ Thiền sư Ngọa Luân. Thiền sư Ngọa Luân hỏi: "Ông từ đâu lại?". Cao Thủ Tiết đáp: "Từ núi Ngũ đài lại, Hòa thượng dạy bảo đến xin làm đệ tử thầy!". Thiền sư Ngọa Luân hỏi: "Hòa thượng của ông là ai, tên gì?". Cao Thủ Tiết đáp: Hòa thượng tền là Hải Vân". Thiền sư Ngọa Luân kinh ngạc tha rằng: "Núi Ngũ đài là nói ở của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Tỳ-kheo Hải Vân tức là vị Đại Thiện tri thức thứ 3 mà Thiện Tài Đồng

Tử tìm cầu tham lễ như đã nói trong kinh Hoa Nghiêm. Cớ sao ông lại bỏ bậc Thánh nhân ấy mà đi? Trong ngàn kiếp muôn kiếp không do đâu gặp được 1 lần, cớ sao ông lầm dại như thế?". Cao Thủ Tiết mới tỏ ngộ mọi sự xưa nay. Do mong được trông thấy lại, bèn từ tạ Thiền sư Ngọa Luân lui về, suốt đêm ngày rong chạy, về đến nơi chốn cũ trọn không trông thấy gì!

Có Sa-môn Thích Thiện Minh vốn dòng họ Triệu, người xứ Tế châu, năm 30 tuổi xuất gia ở chùa linh Nham tại Thái sơn. Từng nghe thụy tượng ở núi Thanh lương, mới chẳng ngại từ xa tìm đến. Bèn tới phía Bắc của Nam đài, đục khám tu nghiệp. Bỗng gặp 1 vị Tăng dáng mạo to lớn, đến cùng trò chuyện, nhân hỏi chỗ ở, vị Tăng ấy đáp: "Ở bên cạnh phía Bắc đây". Bèn cùng bàn luận sinh tử khó độ, phiền não khó điều, nói năng rất khẩn thiết chí thành. Vị Tăng ấy chỉ bảo: "Nỗ lực, nỗ lực". Thế rồi giả biệt mà đi. Bấy giờ từng vài lần qua lại, dùng mọi phương tiện chu toàn, chỉ răn khuyên cố gắng. Sau đó có đoàn giặc cướp khoảng 4-5 người đến tự nhiên cướp đoạt, mọi vật lấy gần hết. Đến sáng sớm hôm sau, vẫn tự nhiên như mới đầu không lo sợ quý tiếc. Giặc cướp đi rồi, vị Tăng ấy bèn đến. Sa-môn Thiện Minh thuật bày đuôi đầu việc ấy. Vị Tăng ấy khảy móng tay ngợi khen tốt lành thay và bảo rằng: "Nỗ lực, nỗ lực!". Qua sau đó ít giờ, có 2 con hổ gầm gừ đi thẳng vào trong am, Sa-môn Thiện Minh cũng giữ lòng không lay động, 2 ngày sau, vị Tăng ấy đến, Sa-môn Thiện Minhcũng đem sự tình ấy mà nói bày. Vị Tăng ấy rất vui mừng nhảy nhót, nhưng trong ý vẫn mong ân cần, lại bảo rằng: "Nỗ lực, nỗ lực!". Lại trải qua được 1 tháng, bỗng nhiên gió tuyết vụt tuôn đổ, chỉ chốc lát sâu đến vài thước, rét lạnh quá lắm, rất mực khác thường, chiều tối hôm đó có 1 người nữ nghi dung uyển nghiêm, đến bảo cùng Sa-môn Thiện Minh rằng: "Khổ lạnh rất lắm, xin được nghỉ lại trong khám". Sa-môn Thiện Minh bèn xót thương đó mà thuận. Người nữ đó vận mặc y phục mỏng manh, lại không đệm chiếu, càng sâu tuyết càng dày, run rẩy càng lắm, nên nói xin được nương tựa trên sàng giường. Mới đầu Sa-môn Thiện Minh không cho, mãi đến canh 3, tiếng rên lạnh bèn dứt, Sa-môn Thiện Minh đưa tay sờ dò từ trên xuống dưới đều lạnh, chỉ còn chút hơi thở. Sợ người nữ ấy chết mất, Sa-môn Thiện Minh mới dẫn đưa lên trên sàn giường và tự cởi áo nơi thân mình để che đắp cùng cả tay chân người nữ đó khiến được hơn ấm, ngõ hầu được toàn mạng. Đến lúc về đêm lắng sâu, Sa-môn Thiện Minh bỗng nhiên ngủ buộc, chốc lát tỉnh giấc, thấy khắp thân mình người nữ ấy vừa ấm, trơn nhuần láng mịn khác thường, Sa-môn Thiện

Minh lửA-dục trong tâm nổi dậy, bèn sinh ý niệm xấu, vừa muốn xoa chăn, người nữ ấy đã xuống khỏi sàn giường. Đưa tay gá đó, bỗng chốc ẩn biến mất. Từ đó, khắp thân Sa-môn Thiện Minh như lửa bỏng có cả trăm lỗ máu mủ đồ chảy, tóc râu mi mày đồng 1 lúc đều rụng hết, đau đớn khổ thiết, suốt cốt xuyên tim, hôi hám bừa bãi, trùng giòi rúc rỉa đầy phòng. Sa-môn Thiện Minh đã cảm mắc khổ ấy lại xót xa tự trách vô hạn, ném cả thân mình xuống đất, kêu gào mà ngất tuyệt, chốc lát tỉnh ngộ, lại ném mình xuống đất y như trước, buồn khóc ai thảm, tiếng vang không ngưng ngớt. Chỉ nói là: "Đại Thánh! Xin nguyện tha thứ sự ngu muội ấy!" tiếng tiếng tương tục, cứ như thế mà tự hối. Trải qua hơn 2 tháng, bỗng nghe giữa hư không có tiếng bảo răng: "Ngươi không có thiền hạnh, nên không thể độ thoát, nay ban tặng cho người cây tùng lớn, đượm phục đó sẽ được làm tiên ở thế tục vậy". Sa-môn Thiện Minh vâng thừa sự chỉ bảo đó, tuy mừng với điều được nghe mà chưa biết cây tùng lớn tại đâu, lại càng khẩn thiết xót xa. Qua sau 7 ngày, giữa không trung lại có tiếng bảo rằng: "Cây tùng lớn ấy tại trước am của ông, và bày tỏ sắc hình, pháp thức hải dùng. Sa-môn Thiện Minh y cứ theo đó mà lấy dùng, qua sau 3 ngày, thân thể đã được lành khỏi, lông tóc sinh mọc lại, dáng mạio nhan sắc mỗi ngày mỗi đổi khác. Mới đến nơi chỗ Thiền sư Tăng Minh ở chùa Ta-bà tỏ bày rõ ràng sự việc ấy, qua thời gian không bao lâu, bèn hóa tiên mà đi.

Trong thời tiền Đường, có Sa-môn Đàm Vận, chưa rõ thuộc dòng họ gì, vốn người xứ Cao Dương. Sớm tỏ ngộ cảnh đời tợ bót bóng huyễn hóa, giả từ thân thích mà xuất gia, lùi ở an nhàn lặng lẽ, sáng rỡ thay đổi trẻ. Đến lúc 19 tuổi, bèn đến núi Bồ ngô bên cạnh Hằng nhạc nương náu, tinh tu niệm huệ. Về sau, nghe nói núi Ngũ đài là nơi ở của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Từ xưa đến nay chư Tăng có nhiều người đến cầu thỉnh. Bèn vụt nhiên chống gậy tích tìm đến Thanh lương. Vừa đến dưới núi, nghe có mùi hương thơm khác lạ. Khi đến chùa đại phu thấy vườn hoa tốt tươi nở phát, lại nghe âm vang của chuông khánh, thỏa sướng nỗi lòng lại càng thêm kính mộ luyến ngưỡng. Từ đó, dừng ở tại chùa Mộc qua hơn 20 năm, riêng ở chuyên sống Đạo, nhưng ở trong lò gạch ngói, vận mặc chỉ áo nạp hư rách, giữa đất trải cỏ làm chăn đệm, lại không có chiếu cỏ, chỉ 1 bình bát, ngày ăn 1 bữa, chỉ 1 lần thọ nhận và thuần 1 mùi vị thức ăn. Thanh chân giản ước tự cố gắng, khó ai có thể phỏng theo đó. Về sau lại theo thầy đến phương Nam xa tít, thị tịch tại núi Bình Dao ở Tây Hà hưởng thọ hơn 80 tuổi. Lúc đó là năm Chánh Quán thứ 16 (?) vậy.

Sa-môn Thiện Chiêu ẩn vồn dòng họ Trương, vốn người ở Hàn châu. Vừa tuổi búi tóc, phát chí xuất trần, nương theo tập học danh đức, đến chùa Chiêu quả tại núi Ngũ đài, thật tâm khổ tiết, giá vượt đồng hàng. Học Thứ đệ định chứng ngộ sâu khác, nương náu nơi rừng mỏng, đem vị Thánh điểm. Đến ở chùa Mộc qua 20 năm, ở chùa Phật Quang 7 năm, ở chùa Đại Phu 9 năm, những vết tích được cảm thấy, không mấy ai rõ biết. Đến trong niên hiệu Long Sóc (661-664) thời tiền Đường, ngày Sa-môn Hội Trách lên đài thì Sa-môn Thiện Chiêu ẩn khí lực đã dần suy, còn chống trượng sách dẫn đến chùa Đại phu, cảm được điềm lành diệt hỏa, đồng chỗ thân thấy, bèn đoan nhiên ngồi kiết già thị tịch tại chùa đó. Cùng chung có Sa-môn Minh Ẩn, hạnh nghiệp nối tiếp thuần tu, thường hành tập pháp ngũ đình tâm quán, cũng trải suốt 40 năm, phần nhiều ở các chùa tại núi Thanh lương.

Sa-môn Thích Minh Diệu, chưa rõ thuộc dòng họ nào. Vừa đến tuổi chí học, bèn sớm vượt thoát lưới buộc của thế tục, phỏng hỏi bến đạo, tập học không 1 vị thầy cố định. Thích Minh Diệu đến ở chùa Chiêu Quả, thường tụng khi Pháp Hoa, đọc kinh Hoa Nghiêm, từng tập hành các pháp sám Phật Quang v.v... đã từng cùng với Sa-môn giải thoát đồng đến chùa Đại Phu cầu thỉnh Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Đến phía Bắc vườn hoa, thấy 1 vị Sa-môn dung mạo sắc phục khác thường từ từ tiến tới. Lại đến Phật đường bên cạnh phía Đông, sắp muốn vượt qua phía Đông. Khi đó, Sa-môn Minh Diệu v.v... vừa kinh ngạc vừa mừng vui xen lẫn, cách từng khuỷu tay bước tới. Lại đến cách khoảng vài thước, bỗng nhiên không còn thấy gì cả, buồn bả than tiếc giây lâu, bèn cùng Sa-môn giải thoát đồng trở về. Sa-môn Minh Diệu thân cao 7 thước, oai nghi hòa nhã, đàm nói tuần tự đè nén hoặc tán dương, cử chỉ động tĩnh có khuôn phép. Sa-môn Hội Trách trước kia sang đến Ngũ đài, thân gần tiếp thừa lễ bái. Sa-môn Minh Diệu bảo cùng Hội Trách rằng: “Năm đại Nghiệp thứ 20 (?), Ta thấy Thiền sư An vân du đến các chùa Danh sơn, lễ bái hầu thăm các Thánh tích. Nay nay lại gặp Pháp sư ở đây, thật là không thể nghĩ bàn, cầu nguyện Pháp sư được trường thọ không bệnh, hoằng dương tán thán Phật pháp”. Khi ấy Sa-môn Minh Diệu tuổi đã 106 mà chưa từng chống mang gậy trượng, và thần sắc phong thái cũng không suy yếu, không biết về sau bao nhiêu tuổi mới thị tịch.

Tại Đại châu có vị Tín sĩ, quên mất tên họ. Năm ngoài 20 tuổi, lúc lên trên đài lễ bái. Bỗng gặp 1 vị Tăng dẫn cho đến phía Đông của Đông đài. Đến 1 Trú cứ phòng ốc như nhà người phàm tục, trong đó có hơn trăm vị Tăng chung ở. Vị Tăng trước đo dẫn đến hỏi rằng: “Ông có

thể ở đây tu đạo chăng?". Vị Tín sĩ ấy đáp: "Vâng được" mới liền ở lại trải qua nửa dặm, chư Tăng ở đó phần nhiều đều ăn dùng bánh thuốc, trong lắng cao nhã như thần sống, ít sự nói năng. Lại tại phía nam giếng nước có 1 cành lá tròn như lá sen lớn, rộng đến cả tầm, thường ngày hái lấy một nửa bên, sáng mai sinh mọc lại như cũ. Mới đầu tuy lấy làm quái lạ, nhưng sau dần không để ý, mới cùng chư Tăng đồng hái mà ăn. Ngày tháng dần lâu, Tín sĩ ấy tạm xin trở về, chư Tăng cũng chấp thuận cho đó, có ít vị cản ngăn ở lại. Vừa về tới nhà được vài hôm, liền vội tìm trở lại, chỉ thấy núi hang như cũ, đều không có vết tích gì, giẫm trải cầu hỏi tioàn vắng lặng hoang tịch như mới đầu. Tín sĩ ấy không biết đó là Thánh nhân. Đến lúc xót xa buồn trách thì sự đã rồi. Lúc tôi gặp vị Tín sĩ ấy thì tuổi đã ngoài 70 vậy.

Trong khoảng niên hiệu Long sóc thời tiền Đường (661-664), vua Cao Tông (Lý Trị) từng ban sắc Sa-môn Hội Trách ở chùa Hội Xương tại Tây kinh cùng Nội Thị Chưởng Phiến Trương Hành Hoàng v.v... sang núi Thanh lương kiểm hành Thánh tích. Sa-môn Hội Trách v.v... vâng phụng minh chiếu vân du lên đỉnh bái yết. Lại cùng dẫn theo Lã Huyền Lãm, Họa sư Trương Công Vinh v.v... cả thảy hơn 10 người ở huyện Ngũ đài cùng đến trên Trung đài. Chưa đến đài, cách khoảng trăm bộ, xa thấy tôn tượng Phật chân dung uyển nhã, huy động tay chân trông nhìn khắp 4 phía, dần đến gần càng rành rẽ rõ ràng. Cách chừng 5 bộ, bỗng nhiên ẩn biến mất. Gần lên đến đỉnh, chưa đi quanh khắp cùng, nghe ở 2 nơi có mùi hương thơm, lan tỏa càng rộng lớn. Lại đến trước tháp, bảo trương công vinh tu sửa lại tôn tượng Phật xưa cũ. Điểm nhãn vừa xong, mọi người đều nghe tiếng Hồng chung vang vọng. Sau đó, muốn đến Tây đài, xa thấy ở góc Tây bắc có 1 vị Tăng đắp mặc y sắc đen cưỡi con ngựa trắng chạy đến. Mọi người đều cùng đứng đợi. Cách khoảng 50 bộ, bỗng nhiên không trông thấy nữa. Sa-môn Hội Trách mừng vui với điềm hiếm gặp đó, càng thêm khẩn thành đi đến. Lại sang ngôi nhà phía Đông chùa Đại phu, tu sửa tôn tượng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi xưa cũ, đốt cỏ bên cạnh lan cháy xa, thiêu đốt cả vườn hoa, khói cháy càng mạnh dữ. Cách vườn đó khoảng 45 bộ có nơi có nước. Vừa sai người sang múc, chưa đến nơi thì phía sau ngôi nhà ấy, bỗng nhiên mây đen ùn nổi cao đến 5 trượng, chốc lát liền mưa đổ, vụt dập tắt không còn thừa, may cũng tiêu tan, chẳng ai biết được nguyên do. Bèn đi đến núi Phạn Tiên, Nội Thị Trương hành Hoàng lại nghe có mùi hương thơm khác lạ. Từ phía Nam đến phía Bắc, phàm các nơi cổ tích, thảy đều truy tìm, các bậc Danh đức còn mất đều đến thân gần

đảnh lễ. Sa-môn Hội Trách v.v... đã vâng thừa Quốc mạng nên với mọi sự trông thấy tốt lành, đều tấu trình đầy đủ rất xứng hợp Thánh chỉ. Từ đó, các Thánh tích ở núi Thanh lương rộng nghe khắp chốn kinh thành, mọi hóa hiện quý báu của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nêu bày cùng đường sá, khiến các hàng dằng dặc đắm mất biết được Diệu vật ngầm đượm, loài quẩy động bến mê ngộ đại phương sâu đến, đó là nhờ sức của nhà vua vậy. Nếu chẳng là Đạo khế huyền cực, ảnh hưởng thần giao thì sao có thể ban giáng xướng lớn chưa từng như vậy. Rõ bày khuôn phép ưu thắng khó nghĩ bàn, sau cả ngàn năm vẫn biết được chí đến của Thánh hậu vậy. Sa-môn Hội Trách lại đem núi đó đồ họa thành 1 bức trướng nhỏ, thuật lược truyện 1 quyển rộng lưu hành trong hàng tam phụ vậy.

Phạm tăng Tây Vức; Sa-môn Thích Ca Mật-đa-la vốn người nước Sư Tử, xuất gia từ thuở thiếu thời, vớn ở chùa Đại Bồ-đề tại nước Ma-già-đà, phát chí du phương làm lợi ích mọi vật. Trong khoảng niên hiệu Lân Đức (664-666) thời tiền Đường, đi đến Trung Hoa, nói là: "Muốn đến núi Thanh lương lễ bái Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi". Tự nói là đã được 95 hạ, thường đi chân không, và luôn ngày ăn 1 bữa. Hoặc có lúc để bụng rỗng không suốt 7 ngày, kiêm tu hạnh ngồi bày thân mình ngoài trời, chẳng nương gá phòng nhà, và liền đến thọ thực, thì hướng về phía Đông Bắc xa kính lễ. Vừa đến dừng nghỉ chua7 bao lâu, kính tấu Biểu văn, được vua đặc ân ban hứa, bèn giúp hành điều, ban sắc đến ở chùa Hồng Lô trông coi tiếp đãi khách, làm người phiên dịch ngữ. Có Sa-môn Trí Tài ở Lương châu cưỡi ngựa từng trạm sang đến nơi đó cung cấp mọi sự cho Đa-la (Thích Ca Mật-đa-la). Tháng 6 năm Càng Phong thứ 2 (667) thời tiền Đường, bắt đầu lên đài cùng dẫn theo 1 viên quan ở huyện Ngũ đài có sức lực địch nỗi 40 người và các hàng Đạo tục cả thảy có hơn 50 vị. Mới đầu, ngày muốn ra đi, phát xuất từ thôn Tư Dương đi 30 dặm, đến nửa ngày thì sắp đến, Đa-la liền nhóm tập Tăng đồ, tự hành hương thủy, tự tay dâng cúng chúng Tăng. Đa-la nhân chẳng ăn uống, cuối cùng qua 3 ngày, sau khi thọ trai xong sắp đi. Đa-la bảo người dịch ngữ răn bảo cùng đại chúng rằng: "Nơi trú xứ của Đại Thánh, cả ức kiếp mới mong được nghe, huống gì nay được thân gần đến nơi. Thật nên khắc niệm, mong mỗi người tự nên chuyên chí, chớ lại ồn náo, như có gặp được gì, chỉ nên tự ngậm im". Khi ấy bèn đi, đường đã hẹp nhỏ rít kẹt, trước sau nối men theo nhau. Đa-la cùng 2 vị Tăng khác dẫn đướng đi trước, muốn đến dưới núi, xa trông chùa Thanh lương, xuống đến nửa lưng chừng núi, bỗng gặp 1 vị thần Tăng đứng ở trên hang. Cả đoàn bèn gieo cả 5 vóc sát đất đảnh lễ vài bái, kịp đến lúc

chưa xa, mới có vài người thoảng nghe tiếng chuông và mùi hương thơm khác lạ. Đến phía Nam của đài, cách khoảng 5 dặm, bèn dừng ghé nghỉ, mới bảo người đắp đàn bằng đất 2 tầng cao hơn 1 thước chuông vuông 1 trượng, hái nhặt các hoa quý lạ trang sức 4 phía, Đa-la suốt trong thời gian 1 ngày đêm có 6 thời đi nhiễu đàn hành Đạo. Đến ngày giả biệt, từng có vài lần vào nước, tắm gội thân mình. Mỗi sáng sớm mai dùng 4 cái bình sạch đựng đầy nước trong sạch, phía trên thiết đặt vài hộp gạo, nửa thăng sữa bò, sai người quỳ bưng, Đa-la chú nguyện qua hơn trăm ngày, bèn hướng về mọi người mà bảo là: "Tùy mặt mỗi người tự nên rưới đó". Và đó là pháp cúng dường của Tây phương vậy. Trải qua vài đêm bàn dâng thức ăn. Ăn xong liền lên đài, ở mặt phía Nam của đài, đá lẫn lộn sắp xếp theo thứ lớp. Còn hơn 3 dặm, Đa-la dùng khuỷu tay và đầu gối mà đi, thịt rách máu đổ, cốt xương lộ bày. Lên đến trên đài chỉ thấy thỏ trắng đơn lẻ đi nhiễu quanh tháp xong ẩn mất. Bèn đến trước tháp, gieo cả 5 vóc sát đất từ sáng sớm đến chiều mới trở về lại chỗ nghỉ. Sáng hôm sau lại muốn lên đài, kẻ sứ do vua ban sắc cùng tôi và vài ba vị Tăng tục khác cách đó khoảng hơn 10 bộ, chuyển dời nương tựa đứng quanh, kẻ sứ từ từ bàn nghị rằng: "Lúc ở kinh đô nghe nói nơi đây có lắm nhiều điềm linh, nhưng đã đến đây, trọn chẳng thấy gì, tuy có nghe thoảng tiếng chuông, mùi hương thơm, nhưng đó cũng chưa lấy làm kỳ đặc. Ở nhân gian rao truyền sao quá xằng bậy vậy". Nói vừa xong, Đa-la liền gọi kẻ sứ ấy và người dịch ngữ mà răn bảo trách cứ rằng: "Ông là người phàm tục chưa rộng hiểu Phật pháp, sao mới đến đây mà rối ren bày điều phỉ báng như thế? Từ thuở nhỏ đến ngày nay, tôi không đức công gì khác, chỉ mong tìm lễ bái Thánh tích lấy đó làm việc thường. Y theo các truyện ký ở Tây phương thì tại Nam Diêm Phù Đề này, trụ xứ của các Thánh nhân thường nương ở đó đến 29 nơi. Tôi đã trải qua kể cả nơi đây có đến 9 nơi. Nhưng tự ngoài sự cầu thỉnh hợp rộng rất khó, hoặc phải trải qua 1 năm, nửa năm, 1 tháng, nửa tháng, tâm cầu mong có lầm lỗi hoặc chưa xứng hợp. Nay đây, Đức đại Thánh với tâm từ bi, ứng hợp ước nguyện của chúng sinh. Vì tôi ít mỏng nên chưa lấy làm đầy đủ. Ông chỉ nên sinh khởi tâm ân trọng sẽ được phước vô biên, cớ sao phát sinh khinh thường then chốt như thế hẳn sẽ chuốc lấy họa sâu". Kẻ sứ cúi khom mình đảnh lễ sám tạ không thôi. Chỉ vì Đa-la không hiểu Hán ngữ cùng cách hơn 10 bộ với âm từ, nên là trời còn cách xa, gần còn chưa được nghe. Bỗng nhiên đến thế, mọi người không ai chẳng kinh thán. Ngay lúc ấy mọi người cùng đi theo càng thêm sự kinh dị. Thế rồi lại lên trên Đài mang theo hương hoa và

tiền đặt để vào trong ao Thái Hoa. Xong rồi lại theo hướng Đông nam đến chùa Đại phu, thuộc ngoài vách tường của Đông đài, có hơn nửa số người cởi áo bỏ rơi. Đa-la tự tay vốc lấy đất bùn làm sạch, mới dừng nghỉ bên trong qua đêm. Rồi bèn men theo đường cũ trở về. Sau khi đã đến kinh đô, đến nơi Luật sư Đạo tuyên thuật bày mọi điều ứng cảm.

Ngày cùng Phạm Tăng lên đài. Tôi thường im lặng mà tự nghĩ rằng: "Nơi Thanh Lương đây nên đặt xá-lợi để mọi người qua lại chiêm ngưỡng kính lễ há chẳng tốt lành ư?". Sau khi Phạm Tăng đã trở về, tôi bèn sang Hoàng Sơn. Ở huyện Hoàng Hương thuộc Định châu, tạo 3 chiếc hộp bằng ngọc thạch để tôn trí xá-lợi, 1 hộp lớn cao 1 thước 7 tấc, phỏng sẽ an đặt tại trong tháp ở Trung đài, còn 2 hộp nhỏ cao 9 tấc, nghĩ sẽ an đặt trong phủ đồ bằng sắc tại Bắc đài, đều làm đường sắc màu hoa sen, hình tượng các loài thú khác lạ, cũng hết mực tuyệt diệu của 1 phương. Bấy giờ tại chùa Long Thánh ở Định châu có Sa-môn Trí Chánh và Thanh Tín hiếu hạnh khích nhân nghe tôi có chí nguyện ấy đều mong đồng được đi. Đến tháng 4 năm Tổng Chương thứ 2 (669) thời tiền Đường, Sa-môn Trí chánh v.v... cùng đến. Lúc ấy Sa-môn Trí chánh tuổi đã ngoài 70 mà giẫm trèo núi sông hơn 800 dặm, lại còn mang theo thực phẩm tinh diệu lên núi cúng dường. Đến ngày 23 tháng đó, cùng các hàng Tăng ni Đạo tục ở Đài sơn có khoảng 60 vị đồng lên, đến mặt phía Nam của Đài, chỉ sắp hạ xuống mà mây huyền nổi khắp 4 phía, mưa đổ vài giọt, mọi người đều bàng hoàng sợ không được an đặt. Mới bưng xá-lợi và hộp liền đến trên xong, lễ bái rất mực tha thiết thành kính, đốt hương hái hoa cúng dường, xá-lợi đem an đặt vào trong hộp đá, bỗng nhiên khắp 4 phía cách hơn trăm thước, may mốc tan trong, xoay quanh như gương soi chiếu, an đặt hộp đã hoàn tất trờ lại hợp như mới đầu. Khi ấy có 1 vị Ni riêng sang ao Thái Hoa cúng dường, mới thấy trong ao có 1 lũy lớn, có rồng lớn nhiễu quanh đó, người bạn kia mới cho đó là tượng của long hoa lũy, bỗng chốc mây mưa đều tạnh hết, nghĩ lại nơi đài qua đêm, sáng sớm hôm sau, sang đến Bắc đài. Sa-môn Trí chánh có mang theo các thứ hương hoa cúng dường, thiết bày bữa trưa. Thọ trai xong, an đặt xá-lợi, an đặt xong lễ bái, mọi người đều buồn khóc mà đi. Có 1 vị Tăng thân mắc bệnh lậu không an, đến nơi Đông bắc phía dưới Đài, hơi có tiết rĩ, bèn nghe dưới hang ẩn như có âm hưởng của sấm chấn động, tâm sân bèn nỗi, vừa mới ném bỏ áo ca sa, liền có gió dữ vụt đến phẩy áo mà qua, vị Tăng ấy bèn lo sợ, gần xuống không an. Tôi ở tại đó 2 năm, sau mới trở về kinh ấp. Sau khi tôi đã về có Thanh tín sĩ, chẳng rõ tên họ là gì sang đi lên đài, người ấy tuổi

khoảng 20, vận mặc y phục lam lũ, tự nói là "Từ núi Bảo Phúc đến". Theo các vị thức giả tương truyền là: "Người ấy thường ở tại Tinh châu, đi quanh chợ cầu xin, đem tất cả sự cầu xin có được, tạo đảy lọc nước lớn rộng khoảng 7-8 tấc, tạo xong, tùy nơi đến mà khuyên mọi người sử dụng đó, phàm đã tạo được có hơn vài ngàn cái. Ngày sắp đến cũng mang theo hàng chục cái". Vị Tín sĩ ấy lên đài rồi xuống dưới chùa Thanh Lương, bỗng nghe có tiếng chuông ngân, nghe xong bèn kính lễ và liền cùng 1 người bạn tìm theo đó. Khi đã được đến chùa, Tín sĩ ấy phát nguyện ở lại 1 mùa hạ để sám hối cúng dường, xuống dưới sườn núi phía Bắc, kết bện cỏ làm am, mới đầu vài ngày có lúc nghe được tiếng chuông ngân hoặc sáng sớm hoặc chiều tối. Qua hơn 10 ngày sau, thường lấy giờ thọ trai làm chuẩn. Lại đến trong Phật đường đọc tụng kinh, đến đêm tối nhẹ nhàng có ánh sáng thần soi chiếu, chẳng nhọc phải chong đèn đuốc. Vị tín sĩ thần sắc dung nghi đơn giản thỏa sướng, mọi cử chỉ đều chỉnh túc khiêm cung, thẳng mặt mà đối đáp, vất hết bỉ lận của người đời. Nhưng phàm sự đàm nói dài dẳng dần vào nhỏ nhiệm, mọi người thời bấy giờ đều nghi Tín sĩ ấy là hạng người chẳng thể lường được vậy. Tôi lược đi giáp quanh chẳng thể trở lại khắp cùng đầy đủ vậy!

Tại chùa Ngọc Tuyền ở núi Phúc Chu thuộc Kinh châu, có Sa-môn Hoằng cảnh là vị Tăng cao thượng vậy. Tháng 2 năm Hàm Hanh thứ 2 (671) thời tiền Đường, từ Tây kinh sang đến Ngũ đài lễ bái, bèn toại được tâm mong ước, chưa rõ điều vị ấy được cảm như thế nào.

Tại chùa Từ Ân có Sa-môn Linh Sát, ngày mồng 10 tháng 7 năm Thượng Nguyên thứ 2 (675) thời tiền Đường, sang đó lễ bái, khắp đến Đại châu, thấy có 1 người xưa trước chưa từng quen biết, chẳng rõ từ đâu đến, mà dẫn Linh sát từ cốc Mộc qua ở phía Bắc của Đài lên trên Bắc đài, trải qua vài hận, mỗi ngày trong 6 thời thường nghe có tiếng chuông. Lại đang trong đêm nghe có khoảng vài trăm con chim tước sắc xanh bay liệng kêu hót, nhưng chung quanh chẳng thấy thân hình chim. Lại đến Trung đài dừng nghỉ vài đêm. Lại sang Tây đài, lúc sắp đi có khoảng trăm con chim bay trước dẫn đường, đến lúc trở về lại Trung đài mới bay đi xa.

Năm đó tại Tinh châu có 4 vị ni sang lên đầu đài, lúc trở về có 1 vị ni bẻ lấy 5 cành hoa, muốn mang theo xuống bèn bị lạc mất đường. Đói lạnh đều đến, mộng thấy 1 vị Tăng ban cho thực phẩm ăn uống, nhân đó mà được khỏi đói khát. Vị Tăng ấy mới bảo rằng: "Vì ngươi bẻ hái trộm 5 cành hoa nên phạt ngươi ở lại 5 ngày chưa cho về, ngoài ra trọn

không gì khổ, ngươi chớ phải lo lắng nhiều”. Qua 5 ngày, vị ni ấy bèn tìm được đường mà trở về.

Tại Tây kinh có các Thanh Tín Sĩ Phòng Đức Nguyên, Vương Huyền Sảng từ thưa thiếu thời kết bạn phương ngoài, đều nhân đọc kinh Hoa Nghiêm, thấy phẩm Trú xứ Bồ-tát, bèn tâm chuyên nghĩ đến thắng địa. Ngày 13 tháng 5 năm Thượng nguyên thứ 3 (676) thời tiền Đường cùng sang lên đài. Mới đầu được nửa đường, lúc giờ thọ trai sắp đến, bỗng nghe dước hang cốc có tiếng lớn bảo rằng: “Giờ ăn đã đến” khi lên đến Trung đài đều nghe tiếng chuông và mùi hương thơm khác lạ. Ngày hôm sau lại sang, chừng khoảng bữa ăn chưa xong, lại nghe dưới hang cốc có tiếng lớn liên tiếp bảo rằng: “Lên đài đợi đi!”. Đã tiếp nhận sự chỉ bảo ấy, liền cùng mọi người đồng đi. Sau khi trở về kinh ấp, thỏa sướng nỗi lòng, bèn thỉnh mời chư Tăng danh hạnh, thiết trai cúng dường, tỏ bày tuần tự vậy.

Ở chùa Bạch Mã tại Lạc Dương, có Sa-môn Huệ Tạng, vốn người Phần ấp, là vị Tăng cao khiết. Hoàng đế Hiếu Kính (Cao Tông - Lý Trị 650-684) sửa sang xây dựng lại chùa Bạch Mã, gá nhóm các bậc danh đức, đợi gieo ruộng phước, Sa-môn Huệ Tạng là bậc Thiền định thâm sâu rất xứng dẫn đầu. Tháng 4 năm Điều lộ thứ nhất (6790 thời tiền Đường, cùng Thiền sư Hoằng Diễn ở Phần châu. Sa-môn Huệ Tuân ở chùa Ái kính tại Đồng châu, Sa-môn Linh Trí ở Biện châu, Sa-môn Danh Viễn ở Tinh châu, cùng các vị đồng chí hướng mà ở phương khác như Sa-môn Linh Dụ v.v... đến chùa Ta-bà, an cư trong 90 ngày, tinh thành sám tẩy, sau khi giải hạ an cư, cùng các hàng đạo tục có hơn 50 vị đồng lần lượt lên đài. Sa-môn Huệ Tạng cùng 30 người sắp đến Trung đài, đồng thấy 1 đàn hạc trắng sắp hàng cùng đi đến vài dặm. Khi vừa đến đầu đài, bỗng nhiên ẩn biến mất. Sa-môn Danh Viễn, Linh Dụ v.v... cùng cả thảy 18 vị trước đến Đông đài, thấy có mây lành 5 sắc. Sa-môn Huệ Tuân đến sau cũng đồng thấy như trước. Sa-môn Danh Viễn đến góc Đông nam tháp Phật ở Trung đài cách hơn 60 bộ, lại thấy tướng điềm sáng tốt lành nhiều sắc màu lẫn lộn, hình như tượng Phật. Ánh sáng tỏa cao 3 trượng. Hoặc người đến đi, ánh sáng ấy cũng tùy theo đó mà đến đi, kính lễ hơn 20 bái, giây lâu mới diệt mất. Sa-môn Linh Trí đến phía Nam ao Thái hoa, cách hơn 10 bộ, thấy có ánh sáng như mặt nhật lớn khoảng 3 trượng, có trăm ngàn màu sắc đan xen lẫn nhau, lả tả nhỏ bày trước, khó thể nói cụ thể tên. Mà cả chúng hình phục oai nghi duỗi bày cuối ngưỡng đều thấy trong ánh sáng tợ như hiện ở gương soi. Sa-môn Linh Trí v.v... lóa cả mắt thần, tâm hồn thất thểu,

đảnh lễ khẩn thiết chí thành chốc lát sau mới diệt mất. Lại nữa, Sa-môn Linh Trí v.v... ngay lúc thấy ánh sáng ở trước tháp Phật có 3 vị Sa-di đốt hương trên đầu và tay, dùng thân cúng dường, lại thấy ánh sáng ấy tại mặt phía Đông. Sa-môn Huệ Tạng v.v... xoay quanh qua lại đến ngày thứ 7 mới trở về.

5. CHI PHẢI TẠP THUẬT

Năm Vĩnh An thứ 2 (529) thời Bắc Ngụy, Hằng Châu Thứ sử Hô Diên Khánh đến núi đó săn bắn, có 4 người thợ săn giỏi cùng đi, thấy 1 con heo núi rất lớn, khác với heo thường, bèn bắn nó, uống lông mà đuổi theo mãi đến giờ ngọ, mới đầu máu huyết in vết rõ ràng, theo hướng Đông nam đến trong Bình nguyên, có dòng nước xuôi chảy về hướng Nam. Tại phía Đông có người ở, phòng nhà liên tiếp nhau, con heo ấy thẳng chạy vào trong cửa, phía ngoài cửa có 2 vị Trưởng giả râu tóc đều bạc trắng chống tích trượng hỏi: “Các ông là người nào?” 4 người thợ săn cứ như thật mà đáp. Trưởng giả bảo rằng: “Đó là heo của tôi, các ông vọng bắn nó, sẽ mắc tội. Nay các ông bỏ nó đi, không được vào trong cửa đây”. 4 người thợ săn đáp rằng: “Vì muốn lấy thịt làm lương thực đuổi theo nó lại đây đã qua 3 ngày, heo đã không được, vậy cho xin bữa ăn để đi”. Trưởng giả bảo: “Có thể đến phía Đông thôn ấp hái lấy táo làm lương thực”. Và táo vừa mới chín, quả rừng rất tươi tốt, 4 thợ săn ăn xong đều dùng đãy da, hái tạo dựng đầy rồi tìm lại dấu vết cũ mà trở về, vì Diên Khánh mà nói lại điều đó, có táo còn thừa 1 đãy và cành lá vậy.

Trong thời nhà Tề, có ẩn sĩ Vương Kịch ở núi đó, mà khéo giỏi thuật Trường sinh. Trong khoảng niên hiệu Võ Định (543-550) thời Đông Ngụy, Văn Tương ở tại Tinh châu vì mẹ thất lũ Đại phi, thiết đại trai hội cúng dường 4 bộ chúng. Vương Kịch đích thân dẫn trăm đồng bạn đến nơi trai hội, trước xua dọn đường sạch, người trông xem lánh đứng xa. Khi ấy có 1 người mắt mày sắc màu đỏ trắng xinh đẹp, dĩnh ngộ khác thường, y phục mới đẹp, dung nghi tường mạo rất lớn, cưỡi ngựa đi trước trăm bộ, lắc tay mà đi, trước xua đuổi, chợt ngựa quát đuổi trọn không thể kịp, lúc đến nơi khúc thành cong, ẩn vào trong rừng người, Văn Tướng xa thấy vậy. Đến nơi trai hội, Vương Kịch tự hành hương, người ấy cũng ngồi tại nơi trai hội. Văn Tương thân gần đến hỏi quê quán và tên tuổi, có Đạo thuật gì? Đáp rằng: “Vốn người xứ thương châu, dòng họ Vương, tên Kịch, từ thuở thiếu thời đã mến thích tĩnh lắng, không kham việc nhà thế tục nên đến nương náu tại núi Ngũ đài

trọn không có Đạo thuật gì. Nghe vua thiết lập Đại trai hội, cúng dường 4 bộ Đại chúng, phước đức ấy vô lượng, lén trộm sự phần kính lễ Tam bảo vậy.

Tại dưới Quách đại châu có Niếp Thế Sư, các hàng tục sĩ cho đó là người khó thể lường biết vậy, tuổi khoảng 50-60, dung mạo đỏ đen, trông nhìn lấng chấc, lỗ tai dài lớn khoảng hơn 4 tấc, ở nơi phòng thất xấu xí, vận mặc y phục rách rưới. Phàm thấy gặp các hàng đạo tục, hẳn khuyên răn hành thiện. Hoặc ẩn trộm lời người nói khiến đến núi Ngũ đài lễ bái, gần đây có người sắp dự tuyển chọn quan, sợ không được xứng ý nên chuyên tâm xưng niệm Phật, mới mộng người ấy bảo rằng: “Ông chớ nên phải buồn khổ, sẽ được làm chức quan... ở Đại châu. Ta vốn dòng họ Niếp, tên là Thế Sư, ngươi sẽ biết Ta”. Người kinh hãi tỉnh giấc. Kịp lúc đến Thuyên Hành, quả nhiên đúng như điều dự ghi đó. Tâm chí mới muốn tìm phỏng hỏi, hợp nhiên gặp được Thế Sư, hình nghi tướng mạo đều y hết trong mộng ngày trước, bèn cởi 1 chiếc áo lót mà ban thí đó. Từ đó các hàng quan liêu ở đại châu phần nhiều thường hay cúng dường, nhưng với mọi vật có được, Niếp Thế Sư liền ban cho các người cầu xin, như không người lấy thì tùy tại đó mà vất bỏ đi. Tôi nay từng được gặp, có cùng ăn 1 bữa trưa, trông xem về cử chỉ, thật là thuộc hạng khác thường, và phàm, có được các thứ cơm nước thức ăn đều phân nhường cho mọi người trên dưới. Đó tợ như ngầm thực hành 6 pháp hòa kính vậy. Ăn xong, sắp giả biệt, Niếp Thế Sư bảo cùng tôi rằng: “Người ở cõi Diêm Phù Đề phần nhiều không định tụ, Sư cần nên nỗ lực đó vậy”. Về sau đến ngày mạng chung, chuông khánh nơi nơi nhà tự kêu, các hàng đạo tục nghĩ nhớ, đến dự đưa lễ tang đông như mây nhóm.

Bên cạnh chùa Cảnh Vân ở trong thành huyện Phần trĩ, có 1 người già dòng họ Vương, tên là tướng Nhi, chuyên làm nghề hái thuốc. Tôi tằng đến nhà ông ấy thọ trai, ông ấy cùng tôi trò chuyện, nhân đó, ông nói: “Đệ tử từng đến cốc Đại Bách ở phía Bắc đài để hái thuốc, bỗng nhiên đến trên tảng đá vuông có 2 cánh tay người, sắc màu hồng đỏ mới đẹp trắng xinh đường văn rõ ràng, từ cổ tay trở lên chấp tay sinh mọc ở trong đá. Đệ tử tự nghĩ rằng: Nơi đây có lắm nhiều thuốc muốn đem về nhà để thử nghiệm mà trị liệu, mới dùng dao cát lấy vài lớp bọc gói đặt trong lồng thuốc, cả thảy 1 đãy đầy, xong rồi mang vác mà trở về, vừa ra ngang cốc bỗng nhớ nghĩ là: Nếu đây là thuốc tiên tức có khả năng biến hóa, để thử nghiệm xem, kịp lúc xoay lại xem, chỉ còn chiếc Đãy, chứ thuốc và lồng đựng chẳng biết đã biến mất nơi đâu. Đệ tử kinh

hãi tự thân, tiếc hận trước chẳng ăn thử đó! Và ở núi còn có nhiều tên thuốc như Trường tùng. Thuốc ấy, lấy rễ để an dùng thì sắc da tề nê dài khoảng 3-5 thước, mùi vị hơi đắng không độc, uống dùng lâu sẽ được bảo ích, đến như giải trừ các trùng độc rất ứng nghiệm tốt lành. Các hàng sĩ tục rất quý chuộng đó thường hái chuẩn bị gắp sẵn. Nhưng theo "Thần nông bản thảo kinh" và sự ghi chép của Ẩn cư thì đều không có thứ thuốc đó".

Gần đây có Sa-môn Phổ Minh là người có tiết tháo hiển trước, cảm được giữa không trung có tiếng bảo rằng: "Nhân vì ông mà lưu truyền đó". Thật đáng vui mừng thay! Quần sinh trong thời Mạt Thế gặp được Đại tiên ban tặng như thế. Các thứ thuốc ấy có hơn trăm loại. Đại Hoàng, nhân sâm, thật nhiều loại ấy vậy.

TRUYỆN CỔ THANH LƯƠNG
QUYỂN HẠ
(HẾT)

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 190

QUẢNG THANH LƯƠNG TRUYỆN

SỐ 2099
(QUYỂN THƯỢNG - TRUNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2099

QUẢNG THANH LƯƠNG TRUYỆN

LỜI TỰA

Triều phụng lang thượng thư chức cục viên ngoại thị lang Thái nguyên phủ Đại Thông Giám kiêm binh mã Đô thượng kỵ đô úy tứ phi ngư đại tiền câu đang Ngũ đài sơn tự công ty sự Khích Tế Xuyên soạn thuật.

Phàm pháp

QUẢNG THANH LƯƠNG TRUYỆN

QUYỂN THƯỢNG

Núi Thanh Lương, chùa Đại Hoa Nghiêm, Đàn Trưởng Đại sư Diệu Tế ban tặng pháp y sắc tía, Sa-môn Diên Nhất biên tập lại

1- Công đức nghe thấy nơi Bồ-tát sinh sống.
2- Có duyên Tổng biệt của Bồ-tát ứng hóa.
3- Thời nào Bồ-tát đến núi này?
4- Nguyên nhân núi Thanh Lương có được tên gọi.
5- Vết đi của Thánh xưa nơi năm Đài bốn Đống.
6- Chùa chiền Thánh tích ở cảnh giới Ngũ Đài.
7- Giải thích nơi chốn các chùa ở Ngũ Đài.

1. CÔNG ĐỨC THẤY NGHE NƠI BỒ TÁT SINH SỐNG

Rõ ràng rằng Đại Thánh Bồ-tát Mạn-thù-thất-lợi Duệ từ lâu đã thành Phật, thị hiện ở nhân vị hành hạnh Bồ-tát để tiếp độ quần sinh đang mê mờ cớ sao biết vậy? Căn cứ kinh "Lăng Nghiêm" quyển hạ nói: "Trong thời quá khứ cách đây vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp. Bấy giờ có Đức Phật hiệu là Long Chủng Thượng Tôn Vương Như Lai, cõi nước đó tên là Bình Đẳng... cho đến Đức Long Chủng Thượng Tôn Vương Như Lai ở thế giới Bình Đẳng thời bấy giờ đâu phải người nào lạ. Đó chính là Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương Tử vậy? Lại thọ kinh "Ương Quật Ma La" quyển tư nói: "Về phương Bắc cách đây hơn 42 hằng hà sa cõi nước, có nước tên là Thường Hỷ. Đức Phật hiệu là Hoan Hỷ Tạng Ma ni Bảo tích Như Lai... cho đến: nếu có người nghe được danh hiệu Đức Như Lai đó, cung kính lễ bái thì sẽ sinh về cõi nước Hoan Hỷ. Xót thương bốn đường xấu ác. Nếu có người chuyên trì danh hiệu Đức Như Lai đó, thì ngay trong hiện tại cho đến các đời ở tương lai, giả sử có đến các nơi hiểu nạn đồng trống hoang dã, khiếp sợ, thảy đều được che chở cứu hộ đến khắp các nơi, khiếp sợ đều diệt mất, tất cả tám bộ quỷ thần xấu ác chẳng thể làm tổn hại". Lại theo kinh "Đại Bảo Tích" quyển sáu mươi, "Hội Văn-thù-sư-lợi thọ ký" nói: "Lúc Văn-thù-sư-lợi thành Phật, hiệu là Phổ Kiến, vì ý nghĩa gì tên hiệu là Phổ Kiến? Vì Đức Như Lai đó ở trong vô lượng trăm ngàn muôn ức na do tha cõi nước ở mười phương khiến đều trông thấy, tuy chưa thành Phật, ở nơi ta hiện nay và sau khi ta diệt độ, nếu có người được nghe danh hiệu Đức Như Lai đó, cũng đều nhất định sẽ được thành Phật, chỉ trừ hạng đã vào địa vị ly sinh và hạng tâm chí hẹp hòi yếu kém. Cõi nước của Đức Phật ấy tên là "Tùy nguyện tích tập thanh tịnh viên mãn"... cho đến: nếu có người nghe được danh hiệu Văn-thù-sư-lợi, thì đáng gọi người đó là tận mặt được thấy chư Phật. Nếu có người thọ trì danh hiệu trăm ngàn muôn ức chư Phật, và nếu có người xưng danh hiệu Văn-thù-sư-lợi thì phước nhiều hơn hẳn người kia, huống gì xưng danh Đức Phật Phổ Kiến, cớ sao vậy? Bởi lẽ trăm trăm ngàn na do tha chư Phật làm lợi ích chúng sinh, chẳng bằng Văn-thù-sư-lợi ở trong một thời gian ngắn làm việc nhiêu ích? Các văn chứng như vậy có nhiều chẳng phải chỉ một.

Hoặc có người hỏi: "Cõi nước của Văn-thù-sư-lợi khi đã thành Phật so với cõi nước của Đức Phật A-di-đà hơn kém như thế nào? Xin đáp: Theo kinh "Đại Bảo Tích" nói: "Thí như có người phân chiếc một sợi lông làm thành trăm phần. Lấy một phần sợi lông đặt để trong biển lớn lấy một giọt nước, dụ như cõi nước trang nghiêm của Đức Phật A-di-

đà, còn nước của biển lớn kia dụ cho cõi Phật trang nghiêm của Đức Phổ Kiến Như Lai, lại quá hơn thế, cớ sao vậy? Bởi cõi Phật trang nghiêm của Đức Phổ Kiến Như Lai, không thể nghĩ bàn.

Phần trên là nơi công đức của Bồ-tát lúc thành Phật, tiếp dưới là nơi về nơi sinh sống vừa chân lẫn tục của Bồ-tát.

Về phương diện sinh sống theo chân đế của Bồ-tát, thì theo kinh "Hoa Nghiêm" quyển bảy mươi chín nói: "Bồ-tát có mười thứ nơi sống. Những gì là mười? Này Thiện nam! Tâm Bồ-đề là nơi Bồ-tát sinh sống, nên sinh vào nhà Bồ-tát. Thâm tâm là nơi sinh sống của Bồ-tát nên sinh vào nhà Thiện tri thức. Các địa là nơi sinh sống của Bồ-tát nên sinh vào nhà Ba-la-mật. Đại nguyện là nơi sinh sống của Bồ-tát nên sinh vào nhà diệu hạnh. Đại bi là nơi sinh sống của Bồ-tát nên sinh vào nhà Bát nhã Ba-la-mật. Đại thừa là nơi sinh sống của Bồ-tát nên sinh vào nhà phương tiện thiện xảo. Giáo hóa chúng sinh là nơi sinh sống của Bồ-tát nên sinh vào nhà Phật. Trí tuệ phương tiện là nơi sinh sống của Bồ-tát nên sinh vào nhà vô sinh Pháp nhẫn. Tu hành hết thảy các pháp là nơi sinh sống của Bồ-tát nên sinh vào nhà cửa hết thảy các Đức Như Lai ở thời quá khứ, thời hiện tại và thời vị lai. Này Thiện nam! Bồ-tát dùng Bát nhã Ba-la-mật làm mẹ nuôi, dùng trì giới Ba-la-mật làm mẹ dưỡng, dùng nhẫn nhục Ba-la-mật làm pháp cụ trang nghiêm, dùng tinh tấn Ba-la-mật làm dưỡng dục, dùng thiền Ba-la-mật làm người tắm rửa, dùng thện tri thức làm thầy giáo thọ, dùng hết thảy Bồ-đề phần làm bè bạn, dùng hết thảy thiện pháp làm quyến thuộc, dùng hết thảy Bồ-tát làm anh em. Dùng tâm Bồ-đề làm nhà. Cứ như lý tu hành làm gia pháp, dùng các địa làm nhà ở, dùng các pháp nhẫn làm gia tộc, dùng đại nguyện làm gia giáo, dùng đầy đủ các hạnh làm thuận gia pháp, dùng khuyên phát Đại thừa làm tiếp nối gia nghiệp, dùng nước pháp rưới đảnh một đời làm chỗ buộc Bồ-tát làm Vương Thái tử, dùng thành tựu Bồ-đề làm hay sạch gia tộc. Đó gọi là nói sinh sống chân thật của Bồ-tát.

Tiếp theo, nói về nơi sinh sống của Bồ-tát thị hiện theo tục đế. Căn cứ theo kinh "Văn-thù-sư-lợi Bát Niết-bàn" nói: "Lúc bấy giờ Bồ-tát Bạt-đà-bà-la từ chỗ ngồi đứng dậy chỉnh trang y phục đảnh lễ Đức Phật, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn! Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương Tử đã từng thân gần trăm ngàn chư Phật, ở nơi thế giới Ta Bà này làm các Phật sự, với mười phương tiện biến hiện tự tại, đời kiếp lâu sau sẽ nhập Niết-bàn". Phật bảo Bồ-tát Bạt-đà-bà-la: "Văn-thù-sư-lợi đây có đại từ bi, sinh nơi nhà Bà-la-môn Phạm Đức ở Tụ-lạc-đa-la nước Xá-vệ. Lúc ra đời, tất cả phòng ốc vườn nhà đều có hóa mọc

hoa sen, Văn-thù-sư-lợi từ hông phía hữu của mẹ mà sinh thân sắc màu vàng tía, vừa mới lọt lòng bèn liền nói được như Đồng tử cõi trời, có lọng bảy báu che phía trên. Đến nơi tiên nhân, cầu pháp xuất gia, các Bà-la-môn. Cả thảy chín mươi lăm thứ luận nghị sư đều không thể đối đáp nỗi. Chỉ đến nơi chỗ ta, xuất gia học đạo... cho đến: ta nay lược nói vì chúng sinh mù tối ở trong đời vị lai". Lại theo kinh "Bát Niết-bàn" nói: "Như người nghe danh hiệu Văn-thù-sư-lợi, hoặc thấy hình tượng, trong trăm ngàn kiếp chẳng rơi đọa vào đường xấu ác. Nếu có người đọc tụng danh hiệu Văn-thù-sư-lợi, giả sử có các tội chướng sâu nặng, cũng không sa đọa vào địa ngục A tỳ lửa dữ cực ác, thường sinh cõi nước thanh tịnh nơi các phương khác, gặp Phật nghe pháp, chứng đắc vô sinh pháp nhẫn". Lại theo kinh "Bảo Khiệp" quyển hai nói: "Nếu cúng thí cho tất cả chúng sinh khắp trong ba ngàn Đại thiên thế giới, cung cấp các thứ vui thích suốt trăm ngàn ức năm, chẳng bằng cúng thí Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi chỉ bằng chút đầu móng tay, phước đức có được, ưu thắng hơn phước đức cúng thí trước".

Hoặc có người hỏi: "Bồ-tát thành Phật đã lâu, cớ sao lại làm Bồ-tát?". Xin đáp: "Trong kinh "Vô cấu xưng" nói: "Tuy chứng đắc Phật quả, chuyển đại pháp luân, mà chẳng xả bỏ đạo Bồ-tát, đó là Bồ-tát hạnh". Lại nữa, trong kinh A-di-đà sớ giải của Pháp sư không có ở chùa Đại Từ Ân nên dẫn kinh nói: "Xưa, ta thầy Năng Nhân, nay làm đệ tử Phật, hai tên đều chẳng hóa, nên ta làm Bồ-tát". Lại hỏi: "Cớ sao Bồ-tát tên là Văn-thù-sư-lợi?" Xin đáp: "Đó là do thời xưa lược phiên dịch từ Phạm ngữ mà sai nhầm. Nay tân truyện trong thời Bắc Tống ta, và lưu truyền của Tam tạng Pháp sư Bất Không ở thời Tiền Đường đều gọi là Mạn-tổ-thất-lợi-đa. Trung Hoa ta phiên dịch nghĩa là Diệu Cát Tường. Bồ-tát ấy lập danh có hai duyên. Một là theo thế tục, nhân thụy chướng mà gọi tên, hai là theo thắng nghĩa mà xưng đức hiệu, tạm theo thế tục, nhân thụy chướng mà gọi tên, thì lúc Bồ-tát ra đời, có mười sự cát tường, do đó gọi tên Bồ-tát là Diệu Cát Tường. Những gì là mười sự cát tường? Một là trời mưa cam lồ. Hai là đất tuôn vọt cát thứ phụ tàng. Ba là biển xanh biến thành lúa vàng. Bốn là trước sân sinh mọc hoa sen vàng. Năm là có ánh sáng tỏa khắp phòng nhà. Sáu là gà sinh ra loan phụng. Bảy là ngựa sinh kỳ lân. Tám là bò sinh bạch đà. Chín là heo sinh ra long độn. Mười là voi sáu ngà xuất hiện. Do vì Bồ-tát nhân thụy chướng ấy mà gọi tên. Thứ hai, y theo chân đế mà xưng đức hiệu, thì căn cứ theo kinh "Kim Cang đảnh" nói: "Do thân Bồ-tát nhiếp khắp hết thảy pháp giới v. v... các thân Như Lai, hết thảy trí tuệ v. v... của

Như Lai và hết thảy thần biến du hý v. v... của Như Lai. Đã do cực diệu cát tường, nên gọi tên là Diệu Cát Tường". Nên biết Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thần thông công đức chẳng thể nghĩ bàn". Theo kinh "Đại Hoa Nghiêm" quyển sáu mươi mốt, phẩm "Nhập Pháp giới" nói: "Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo: các ông quán sát thân Văn-thù-sư-lợi thanh tịnh, tướng tốt trang nghiêm, hết thảy trời người chẳng thể nghĩ bàn. Các ông có thể quán sát Văn-thù-sư-lợi có ánh sáng soi suốt khiến vô lượng chúng sinh phát tâm hoan hỷ. Các ông có thể quán sát Văn-thù-sư-lợi có lưới sáng trang nghiêm, diệt trừ vô lượng khổ não chúng sinh. Các ông có thể quán sát chúng hội đầy đủ của Văn-thù-sư-lợi đều là Bồ-tát nhiếp thọ thiện căn trong đời kiếp trước. Các ông có thể quán sát đường sở hành của Văn-thù-sư-lợi hai bên tám bộ bằng phẳng trang nghiêm. Các ông có thể quán sát nơi trú xứ của Văn-thù-sư-lợi khắp cùng mười phương thường có đạo tràng tùy theo mà chuyển. Các ông có thể quán sát đường sở hành của Văn-thù-sư-lợi đầy đủ vô lượng phước đức trang nghiêm, hai bên phải trái có phục tàng lớn, các thứ quý báu tự nhiên xuất hiện, các ông có thể quán sát Văn-thù-sư-lợi thiện căn từng cúng dường chư Phật lưu Bồ-tát hết thảy lủy gian xuất hiện kho tàng trang nghiêm. Các ông có thể quán sát Văn-thù-sư-lợi, mười phương hết thảy chư Phật Như Lai lúc sắp nói pháp đều tỏa phóng ánh sáng từ giữa chân mày soi chiếu đến thân Bồ-tát từ trên đảnh vào. Lại bảo rằng "Bồ-tát Văn-thù hay tùy chỗ ưa thích, hiện thân tự tại, oai quang rực rỡ che khắp đại chúng, dùng sức đại từ tự tại khiến kia trong mát, dùng sức đại bi tự tại khởi tâm giảng nói pháp, dùng sức biện tài quảng đại, giúp vì giảng nói pháp". Văn nhiều ở đây không ghi chép. Nên biết Bồ-tát dùng đại thiện xảo tiếp cứu quần sinh, làm bạn không thỉnh mời, tâm đại bi cứu đời, lời ấy thật đáng tin cậy. Lại nữa, trong kinh "Hoa Nghiêm" quyển bảy mươi chín, nói: "Bồ-tát Di-lặc bảo Thiện Tài rằng: "Văn-thù-sư-lợi có tâm nguyện lớn, chẳng phải trăm ngàn muôn ức na do tha chúng Bồ-tát khác có thể sánh kịp. Thiện nam tử! Đồng tử Văn-thù-sư-lợi có chí hạnh rộng lớn. Tâm nguyện vô biên xuất sinh công đức của hết thảy Bồ-tát, không có ngưng chỉ. Này Thiện nam Văn-thù-sư-lợi thường làm mẹ của trăm ngàn muôn ức na do tha chư Phật. Thường làm thầy của trăm ngàn muôn ức na do tha chư vị Bồ-tát, giáo hóa thành tựu hết thảy chúng sinh. Danh xưng vang khắp mười phương thế giới. Thường ở trong chúng của hết thảy chư Phật làm thầy thuyết pháp. Hết thảy các đức Như Lai đều ngợi khen, trú trí tuệ sâu xa, hay như thật mà thấy hết thảy pháp, thông đạt hết thảy cảnh giới giải thoát, rốt ráo hạnh sở hành

của Phổ Hiền. Này Thiện nam! Văn-thù-sư-lợi là Thiện tri thức của ông, khiến ông được sinh vào Như Lai, nuôi lớn hết thảy các căn lành, phát khởi hết thảy phần trợ đạo pháp, gặp ngay Thiện tri thức chân thật khiến ông tu hết thảy công đức, vào lưới hết thảy chí nguyện, trú nơi hết thảy đại nguyện, vì ông giảng nói pháp bí mật của hết thảy Bồ-tát, hiện hạnh mà hết thảy Bồ-tát khó thể nghĩ bàn, cùng ông trong đời kiếp xưa trước đồng sinh đồng hành. Cho nên, này thiện nam ông nên đến nơi Văn-thù-sư-lợi chớ sinh nhàm chán".

Với người biên tập truyện thì, kiểm xét đó mà luận bàn là đã rõ thiện tài kia được thấy Văn-thù-sư-lợi đều là đời kiếp xưa trước đồng sinh đồng hành... cho đến chớ sinh nhàm chán, huống gì các người con ở trong nhà cửa nay đây, nếu hay chuyên tâm cầu thấy Đại Thánh, há chẳng nên ư?

2. CƠ DUYÊN TỔNG BIỆT CỦA BỒ TÁT ỨNG HÓA.

Phàm, Đại Thánh ứng hóa có tổng có biệt, bởi tùy cơ duyên nên vậy. Thế nào là không? Xin đáp: Như kinh "Hoa Nghiêm" quyển năm mươi nói: "Thí như vầng nguyệt luân có bốn pháp hy kỳ hiếm có. Những gì là bốn? Một là ánh sáng che khắp hết thảy ánh sáng của muôn sao. Hai là tùy xoay theo thời, thị hiện đầy khuyết. Ba là khắp chốn Diêm Phù Đề nói có nước trong, không đâu ảnh bóng chẳng hiện. Bốn là tất cả mọi người thấy thảy đều được đối trước mắt, mà vầng nguyệt luân ấy không có phân biệt, không có hý luận. Phật tử! Thân nguyệt của Đức Như Lai cũng lại như vậy, có bốn pháp hy kỳ chưa từng có. Những gì là bốn: một là theo chỗ nói ánh sáng soi chiếu hết thảy các chúng Thanh văn, Duyên giác, Hữu học, vô học. Hai là tùy chỗ thích nghi mà thị hiện thọ mạng ngắn dài chẳng đầy nhưng thân Như Lai không có tăng giảm. Ba là hết thảy thế giới tâm chúng sinh thanh tịnh trong khi Bồ-đề, ảnh bóng Như Lai không đâu chẳng hiện. Bốn là hết thảy chúng sinh có chiêm ngưỡng đối mặt, đều nói là Đức Như Lai chỉ hiện trước ta. Tùy tâm ưa thích của người đó mà Đức Như Lai vì giảng nói pháp, khiến được giải thoát... cho đến: mà thân Như Lai không có phân biệt, không có hý luận". Nay Văn-thù-sư-lợi cũng như vậy cũng như vậy. Nên trong kinh "Bồ-tát Bát Niết-bàn nói: "Thú trong sức Lăng Nghiêm Tam-muội, nên ở mười phương diện, hoặc hiện sơ sinh, hoặc hiện diệt độ, nhập bát Niết-bàn, hiện chia Xá-lợi, làm lợi ích chúng sinh... cho đến: Văn-thù-sư-lợi có vô lượng thần thông biến hiện, không thể nói đủ cả". Nêu bày trên tức là Bồ-tát biến khắp tất cả nơi, ứng khắp có duyên,

nên gọi là tổng. Nên trong "Hoa Nghiêm sao" dẫn lời kệ của kinh nói: "Bồ-tát Đại Văn-thù, chẳng xả nguyện đại bi, biến thân làm di đạo, đội mũ hoặc mình trần, hoặc ở trong đám trẻ, đùa vu nơi tụ lạc, hoặc làm người bần cùng, dung mạo già suy yếu, lại hiện khổ đói lạnh, rong ruổi nơi phường chợ, xin áo cơm mọi vật, khiến người một lần thí, cho đủ hết thảy nguyện, sai khiến phát tâm tin, tâm tin đã phát rồi, vì nói pháp lục độ, dẫn muôn vàn Bồ-tát, ở nơi núi Ngũ Đảnh, phóng muôn ức ánh sáng, người trời thảy đều thấy tội cấu đều tiêu trừ". Hai là biệt duyên tức nay biến ở tại núi Ngũ Đài, Thanh Lương ấy vậy. Xứ đó cơ duyên ưu thắng, lại là chỗ vốn ở, báo độ thế giới sắc mùa vàng ròng chánh ở đó. Căn cứ theo Đại Đường Đông Hạ Thần Châu cảm thông lục", thì giữa tháng 12 đến tháng 03 năm Lân Đức thứ nhất (664) thời Tiền Đường, Luật sư Đạo Tuyên có vài người trời đến lễ bái cùng đàm nói. Nhân đó Luật sư Đạo Tuyên hỏi người Trời rằng: "Xưa trước tương truyền Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở tại núi Thanh Lương, dẫn dắt năm trăm tiên nhân, giảng nói pháp. Trong kinh nói rõ Văn-thù-sư-lợi xưa kia là Bồ-tát ở thế giới Ta Bà. Ta Bà là tên gọi chung của Đại Thiên, cớ sao lại riêng ở xứ này?" Người trời đáp rằng: "Văn-thù-sư-lợi là bậc Đại sĩ Pháp Thân là Nguyên soái của chư Phật, tùy duyên lợi hiện, ứng biến không cùng. Công năng của Đại sĩ chẳng như cảnh giới con người, chẳng nhọc bình luận, chỉ nên biết Đại Thánh phần nhiều ở tại núi Thanh Lương". Dưới núi Thanh Lương có núi Tiên Hoa, lại có huyện Ngũ Đài, phủ Thanh Lương, thường luôn có người đến, không thể không tin.

3. THỜI NÀO BỒ TÁT ĐẾN NÚI NÀY?

Căn cứ kinh "Đại phương Quảng Phật Hoa Nghiêm" quyển bốn mươi lăm, phẩm "Trú xứ của Bồ-tát" nói: "Ở phương đông bắc có nơi, tên là núi Thanh Lương, từ xa xưa đến nay, các chúng Bồ-tát đến ở trong đó. Hiện tại có Bồ-tát tên là Văn-thù-sư-lợi cùng với quyến thuộc, các chúng Bồ-tát có cả thảy một muôn vị, đều thường ở tại trong, mà giảng nói pháp". Lại căn cứ theo kinh "Văn-thù Bồ-tát hiện Bảo Tạng Đà-la-ni" nói: "Bấy giờ Bồ-tát Kim cang Mật-tích chư bạch Đức Phật rằng: "Thế Tôn xưa trước từng vì chúng con giảng nói là "sau khi ta diệt độ, tại Nam Thiệm Bộ Châu trong thời ác thế Văn-thù-sư-lợi hay làm lợi ích hết thảy chúng sinh, làm những Phật sự lớn". Cúi mong Đức Thế Tôn vì chúng con mà phân biệt giảng nói". Phật bảo Bồ-tát Kim Cang Mật Tích chủ: "Sau khi ta diệt độ tại Thiệm Bộ Châu này, về phương đông bắc có nước tên là Đại Chấn Na, trong nước đó có núi tên là Ngũ

Đảnh. Đồng tử Văn-thù-sư-lợi du hành đến ở đó, vì các chúng sinh ở trong đó mà giảng nói pháp. Lại có vô lượng Trời rồng, Dạ-xoa, La sát, Nhẫn-na-la, Ma-hầu-La-già, người và phi nhân v. v... vây quanh cúng dường... cho đến: Văn-thù-sư-lợi có vô lượng oai đức như vậy. Thần thông biến hóa, tự tại trang nghiêm, hay rộng làm lợi ích hết thảy các loài hữu tình, thành tựu viên mãn sức phước đức, không thể nghĩ bàn". Lại căn cứ theo kinh "Văn-thù Bát Niết-bàn" nói: "Đại sĩ như vậy, lâu trú trong Thủ Lăng Nghiêm Tam-muội, sau khi Phật diệt độ bốn trăm năm mươi năm, sẽ đến núi Tuyết vì năm trăm Tiên nhân nói pháp giáo hóa, thành tựu khiến không thối chuyển. Lại theo "cảm thông lục" quyển thượng nói: "Luật sư Đạo Tuyên hỏi người Trời rằng: "Nay cách hai mươi dặm về phía Đông nam của Trung đài ở núi Ngũ đài, thấy có chùa Đại Phu Linh Thứu. Hai nhà cách nhau khe suối đến nay vẫn hiện còn, phía nam có vườn hoa rộng khoảng ba khoảnh, quanh năm sắc thái tươi tốt, mọi người chẳng nghiên cứu rõ nguyên do đầu tiên từ đâu. Có người nói do vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Hậu Hán tạo lập nên, hoặc có người nói do vua Hiếu Văn Đế (Nguyên Hoành 471-450) thời Bắc Ngụy tạo lập nên, nói bày chẳng đồng. Việc ấy như thế nào?" Người Trời đáp: "Hai vị vua ấy từng đến nơi đó tạo chùa cúng dường. Và vua A-dục cũng từng đến đó tạo dựng tháp. Xưa vua trong đời vua Mục Vương (Cơ Mãn 976-921 trước Tây lịch) thời Tây Chu đã có Phật pháp. Núi đó Linh Dị, là nơi Văn-thù-sư-lợi thường ở. Đầu đời vua Minh Đế thời Hậu Hán, tôn giả Ca-diếp-ma-đằng dùng thiên nhãn cũng thấy có tháp, khuyên nên tạo dựng chùa đặt tên là "Đại Phu Linh Thứu". Nói "phu" nghĩa là "tin", tức chỉ vua tin lý Phật, nên dựng lập chùa khuyên người, nên gọi tên là "Đại phu". Lại vì hình trạng núi đó so với núi Linh Thứu ở Thiên Trúc có phần tương tợ, nhân đó mà gọi tên là "Đại phu Linh Thứu" như vậy". Thời Bắc Ngụy, vua Hiếu Văn Đế (Nguyên Hư 516-528) thường đến đảnh lễ bái yết cách Bắc Đài không xa thấy có dấu vết người ngựa đi trên đá rất rõ ràng, việc ấy có thể biết được. Đến thời Tiền Đường, Pháp sư Trừng Quán đến đó tạo "Đại Hoa Nghiêm kinh sớ". Nhà vua bèn ban sắc cải đổi tên chùa là "Đại Hoa Nghiêm".

Hoặc có người hỏi: "Căn cứ theo "Phẩm Bồ-tát trú xứ" trong kinh Hoa Nghiêm, tức nói Bồ-tát thường ở tại núi đó. Cớ sao trong hai kinh "Hiện Bảo Tạng" và "Bát Niết-bàn" đều nói sau khi Phật diệt độ mới đến đó?" Xin đáp: "Đó là do Bồ-tát an trú trong Thủ Lăng Nghiêm Tam-muội, với diệu lực vô tác, hay phân chia một thân làm vô lượng thân, lại đem vô lượng thân nhập vào trong một thân, đều không chướng

ngại. Như trong kinh rộng nói hay đem một phân thân vô lượng thân, tức một thân thường trú tại núi đó, còn các thân được phân hóa thì đến các cõi ở mười phương, thì khó nghĩ hóa tức như Hoa Nghiêm nói tại núi đó vậy. Lại nữa, lại đem vô lượng thân vào trong một thân, tức mười phương cõi thí hóa đã xong, trở lại vào trong một thân này, để dẫn dắt chúng sinh khiến phát đạo tâm tức như trong kinh Hiện Bảo tạng và kinh Bát Niết-bàn nói sau khi Phật diệt độ lại vào núi này, là đó vậy. Đối với lý, đâu phòng ngại gì, huống hồ cảnh giới của Đại Thánh không thể nghĩ bàn, đâu có thể dùng sức phàm tình mà có thể lường đạt được ư? Nên trong "Hiển Dương Thánh Giáo luận" nói: "Đối với cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, mà cưỡng ép nghĩ bàn, thì có ba điều lỗi quá, đó là: Một là tâm cuồng loạn, hai là sống chẳng có phước, ba là không được tốt lành, còn nếu chẳng cưỡng ép nghĩ thì được ba quả lành, đại lược có thể biết đó". Lại có chua chú thêm rằng: "Tuy thần ứng vô phương, nhưng đạo không thể đâu chẳng ở, chỉ vì Bồ-tát vốn giáo hóa ở cảnh giới ấy, có duyên riêng ưu thắng. Đâu có gì đáng nghi ư?

4. NGUYÊN NHÂN NÚI THANH LƯƠNG CÓ ĐƯỢC TÊN GỌI

Căn cứ theo "Hoa Nghiêm kinh sớ" nói: "Núi Thanh Lương tức là núi Ngũ Đài ở quận Nhạn Môn tại Đại Châu. Do nhiều năm tích chứa băng cứng, mùa hạ mới có hơi tuyết bay, chẳng hề nắng nóng, nên gọi là Thanh Lương. Có năm ngọn núi cao vút, trên đảnh không có cây rừng, chỉ có đài như đất đắp ụ nên gọi là Ngũ Đài". Lại căn cứ theo "Hải Đông Văn-thù truyện" nói rằng: "Ngũ Đài tức là tòa của các đức Như Lai ở 5 phương, cũng là trên đảnh tượng Bồ-tát có 5 búi tóc".

Nhân hai đoạn văn trên, tôi (Diên Nhất) nay lại diễn rộng ra. Căn cứ "Kinh Thiên Bát" và "Văn-thù-sư-lợi Ngũ Tự Đà-la-ni" cùng "Du Già Quán môn" nói: "Văn-thù là tiêu biểu cho Bát nhã, hay sinh ra chư Phật". Theo kinh "Đại Bảo Tập" quyển sáu mươi, trong hội "Văn-thù" nói: "Văn-thù-sư-lợi bạch Đức Phật rằng: "Thế Tôn! Tôi dùng thiên nhãn vô ngại trông thấy hết thảy các Đức Như Lai ở trong vô lượng vô biên cõi nước của chư Phật, nếu chẳng phải do tôi khuyến phát tâm Bồ-đề quyết định, dẫn dắt dạy răn, khiến tu các pháp bố thí, trí giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ, khiến chứng đắc A-nâu-đa-la-tam Bồ-đề, thì tôi đối với đạo Bồ-đề trọn không nên chứng, mà tôi cần phải hoàn toàn tâm nguyện ấy, về sau mới chứng Vô Thượng Bồ-đề". Lại nữa, Văn-thù là tiêu biểu cho Bát nhã, Bồ-tát với tâm đại bi hay làm

tăng thượng, diệt trừ tất cả nghiệp chướng phiền não của chúng sinh v. v... căn cứ theo kinh "Kim Cang đảnh", trong phẩm "Kim Cang giác Đại Bồ-tát Tam ma địa nhất thiết Như Lai trí tuệ" nói: "Bấy giờ, Đức Thế Tôn lại nhập "Văn-thù-sư-lợi Ma-ha Bồ-đề tát đỏa Tam-ma-da sở sinh pháp" như trì Kim Cang Tam ma địa rồi, lại từ tự tâm lưu xuất hết thảy Như Lai đại trí tuệ Tam-ma-da đây, gọi là nhất thiết Như Lai tâm ấn, và liền nói mật ngữ "Bạt chiết ra để sắt na". Khi mới tuyên xuất lời ấy, ở nơi tâm hết thảy Như Lai tức Bạt già phạm kia nắm giữ Kim Cang làm kiến trí mà lưu xuất rồi, đồng một mật hợp, vào nơi trong tâm Phật tỳ-lô-giá-na, bèn làm túi dao. Đã thành tựu rồi, trú nơi trong tay Phật Tỳ-lô-giá-na. Khi ấy từ trong thân túi dao Như Lai kia xuất hiện thân Như Lai ở hết thảy các thế giới v. v... hết thảy Như Lai trí tuệ v. v... và hết thảy Như Lai thần biến du hý rồi. Do cực diệu Cát tường và Kim Cang tát đỏa Tam ma địa, cực kiên lao đồng một mật hiệp, dùng làm thân Văn-thù-sư-lợi Ma-ha Bồ-đề tát đỏa. Đã thành tựu rồi, trú nơi tâm Phật Tỳ-lô-giá-na Thế Tôn, mà lớn tiếng tuyên phát lời rằng: "Ta là lời chư Phật, gọi là tiếng Văn-thù, như dùng không hình sắc, âm thanh khá được biết" (vì pháp thân chư Phật vốn không hình tướng, sợ thành đoạn diệt, nên dùng âm thanh giả thuyên giải tiêu biểu. Thuyên giải lời Phật nói tức là tiếng của Văn-thù). Bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi ma-ha Bồ-đề tát đỏa từ tâm Thế Tôn trở xuống, nương theo bên hữu hết thảy Như Lai trú trong Nguyệt luân lại cầu thỉnh chỉ dạy. Khi ấy, Phật Tỳ-lô-giá-na nhập "Nhất thiết Như Lai trí tuệ Tam-ma-da Kim Cang Tam ma địa" rồi, hiện hết thảy Như Lai đoạn trừ phiền não Tam-ma-da, vì cùng tận cõi chúng sinh đoạn trừ tất cả các khổ, và tất cả đều an lạc thỏa ý thọ dụng v. v... cho đến, thành tựu, hết thảy Như Lai tùy thuận chúng sinh âm thanh, viên mãn trí tuệ tối thượng tất địa. Bồ-tát Kim Cang giác kia ở nơi Văn-thù-sư-lợi Ma-ha Bồ-đề tát đỏa, như trên nơi hai tay trao lấy v. v... cho đến Dao Kim Cang ấy khua phá rồi, mà lớn tiếng xướng rằng: "Đây là Bát nhã Bà-la-mật của Như Lai hay phá trừ các thứ oán địch, rất ưu tối trong việc diệt tội. Nên tay hữu nắm dao tiêu biểu cho dụng của Bát nhã, đoạn trừ tất cả phiền não oán địch của chúng sinh".

Lại, sự tiêu biểu của Ngũ Tự "Du già quán môn" là: "A" tức là vô sinh môn, thuyên giải hết thảy các pháp vô sinh, tiêu biểu cho đại viên cảnh trí Đông phương Kim Cang Bộ chủ, A-sơ Như Lai tức tượng một búi tóc trên đảnh Bồ-tát ở phía Đông vậy. "Ra" tức là vô cấu môn, thuyên giải hết thảy các pháp vô cấu, tiêu biểu cho bình đẳng tánh trí. Nam Phương Bảo bộ chủ, Bảo Sinh Như Lai, tức tượng một búi tóc trên

đảnh Bồ-tát ở phía nam vậy. “Bả” tức vô đệ nhất nghĩa đế môn, tiêu biểu cho Diệu Quán Sát Trí. Tây phương Liên Hoa bộ chủ vô lượng thọ Như Lai, tức tượng một búi tóc trên đảnh Bồ-tát ở phía Tây vậy. “Tả” tức chư pháp vô hành môn, tiêu biểu cho thành sở tác trí, Bắc phương Yết Ma bộ chủ bất không thành tựu Như Lai, tức tượng một búi tóc trên đảnh Bồ-tát ở phía Bắc vậy. “Na” tức các pháp không tánh tướng, lìa ngữ ngôn văn tự môn, tiêu biểu cho pháp giới thanh tịnh, ở phương giữa Như Lai bộ chủ, Tỳ-lô-giá-na Như Lai, tức tượng một búi tóc trên đảnh Bồ-tát ở phương giữa. Nên trên đảnh tóc Bồ-tát phân làm năm búi tóc và núi phân năm ngọn há tự nhiên rỗng không ư? Nên có nguyên do vậy. Do đó, trong “Hoa Nghiêm sở” nói: “Tiêu biểu Đại Thánh của chúng ta, năm trí đã chu toàn, năm nhãn đã thanh tịnh, gồm chân nguyên của năm bộ nên trên đầu đội mũ có tượng năm Đức Phật. Đảnh đầu phân búi tóc ở năm phương là chuyển vận cốt yếu của năm thừa, là thanh lọc tai ương của năm trược.

Núi ấy đầy dẫy vài châu, dài năm trăm dặm, bên tả gần Hằng Nhạc, ẩn vút tận trời, bên hữu khống chế khắp cùng Hồng Hà quấn quanh dãy đất phía bắc gần Sóc Dã, lấy hạn định từ quan phòng của Hùng Trấn, phía nam ôm choàng cả phần dương, làm thế ưu thắng của Thần Châu, xoay quanh Nhật Nguyệt, chứa rõ mây rồng, tuy tuyết tích chứa mùa hạ vẫn ngưng đọng mà Hoa Kỳ có cả muôn thứ, mùa đông rét giá nhưng cỏ quý có cả ngàn loại. Núi đỏ mở giăng, đất bằng biếc lớp lớp nổi, dàn trải khoảng không, vượt qua hiểm trở. Khi gặp có hạng người vật ngoại sờ vỡ nấm mốc giẫm trải hiểm nguy, mỗi lúc đến cảnh phi thường, mây trắng ngưng giăng, nghi sạch quấn nơi sông dài. Lúc mặt nhật mọc lên, nhận phù tang nơi biển lửa. Lại nữa, trong “Hoa Nghiêm sớ” chú thích ở phẩm “trú xứ của Bồ-tát” nói: “Tôi (?) thủa nhỏ tầm theo sách đây, mỗi lúc đến đoạn văn đó, đều xếp xấp quyển mà tán thán, nên chẳng ngại xa ngàn dặm, phó mặc tánh mạng nương gá đến cảnh Thánh, cùng dẫn dụ mười năm ở đó, hoặc cảm ứng hiển bày, đầy cả tai mắt, cho đến các việc phu hạ cảnh thắng thật lắm nhiều, rành rẽ cung rồng, ban đêm mở bày ngàn ánh trăng, nẩy mầm cỏ quý, sáng sớm có trăm hoa, hoặc muôn Thánh liệt bày giữa hư không, hoặc năm thứ mây ngưng đọng trên chót vót, viên quang ngời sáng giữa núi biếc, chim quý vỗ cánh bay giữa khói mây chỉ nghe tên của Đại Thánh, không còn phải lo nghĩ ở nhân gian. Người vào cảnh Thánh mà tiếp võ, kẻ đổi tâm trần mà giả vai cùng trông xem đồng gọi là chẳng phải phàm, tận mắt đều là Phật sự, chùa chiền ở thế núi ấy, chẳng thể tính kể. Từ khi đấng Đại sư ẩn vết ở Tây

Thiên, Diệu Đức Phật huy nơi Đông Độ. Tuy pháp thân mãi còn mà Kê Sơn không ngăn bít nơi hoang tầng mà ứng hiện có phương. Thứu Lãnh có được tên ở xứ này, Thần tăng hiển bày nơi cảnh linh. Tuyên Công (Luật sư Đại Tuyên) lên bẩm các trời. vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Hậu Hán mở đầu từ Ca-diếp Ma-đằng. Trong thời nhà Ngụy, vui kính tin chí hóa, thời Bắc Tề có vài châu dốc cả bổng lộc. Có sự hồi quang của chín vua thời Tiền Đường, có người từ năm xứ Thiên Trúc quên cả thân mạng mà rão tìm phong hóa, có người ở khắp tám phương bỏ cả thân mình mà đua ganh ghi ký. Như có người ở Thần Châu, suốt một đời mà chẳng đến, nào khác gì ba ức đồ chúng ở Xá-vệ ư?”

Lại, căn cứ theo “Đại Đường Thần Châu cảm thông lục” nói: “Từ đông sang tây của Đại Châu có núi Ngũ Đài, xưa trước xưng gọi là vườn nhà của thần tiên. Núi vuông năm trăm dặm, dáng thế rất cao vút. Ở trên có năm đài, đảnh lễ không cỏ sinh mọc, tùng bách tươi tốt như rừng rậm nơi đáy cốc. Núi đó rất lạnh ở phía nam gọi là núi Thanh Lương, phía dưới núi có phủ Thanh Lương. Trong kinh nói rõ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đem năm trăm tiên nhân đến ở núi tuyết Thanh Lương, tức là nơi chốn đó vậy. Do đó, xưa nay các bậc cầu đạo phần nhiều đi đến núi đó. Dấu vết linh thiêng còn lại nơi hang cốc, rõ ràng trước mắt, thẳng nhọc thiết bày. Trung Đài rất cao, cách đất bằng bảy trăm, trông như ngón tay. Ở trên có ngôi Phù Đồ bằng đá nhỏ, lượng cả hàng ngàn, tức do vua Văn Đế (thác bạt hoành 471-500) thời Bắc Ngụy tạo lập. Trên đá, dấu vết người ngựa uyển nhiêu hiện cai. Trên đảnh có dòng suối lớn tên là Thái Hoa, lắng trong tợ như gương soi. Có hai ngôi Phù Đồ cặp theo đó. Bên trong có tôn tượng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, người nào có đến đó, thì tiếng chương hơi hương không ngày nào chẳng nghe, tượng quý thần tăng thường luôn gặp gỡ. Khoảng trong niên hiệu Long Sóc (661-664) thời Tiền Đường trở lại, vua Cao Tông (Lý Trị 650-684) ban sắc Sa-môn Hội Di ở chùa Hội Xương, đến đó tu sửa chùa tháp. Trước sau có vài lần lui tới, cũng gặp các điều linh cảm. Đến trong niên hiệu chánh quán (?), có Thiền sư giải thoát đến theo hành tập định pháp, tự nói “ở phía Bắc vườn hoa đã từng bốn lược trông thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, có các đồ chúng bay theo đầy cả hư không, các tiên dị Thánh, chẳng thể tính kể”.

Hoặc có người hỏi: “Núi Thanh Lương chỉ là núi lạnh, nên gọi đó là Thanh Lương, là tựu thuộc thắng đức ư? Nếu chỉ là núi lạnh mà gọi là Thanh Lương, tức âm sơn cùng cốc, các phương rét lạnh đều là Thanh Lương. Nếu tựu thuộc thắng đức mà gọi là Thanh Lương tức chỉ

nơi các tiên Thánh ở, đáng cũng nên gọi là Thanh Lương, tức đâu riêng núi ấy chiếm tên đó ư?-xin đáp: “Hẳn gồm có hai tướng, tức không xen lạm vậy. Một là núi lạnh gồm có năm đảnh như núi ở trên. Hai là chỉ tựu thuộc hóa cảnh của Văn-thù-sư-lợi chọn nơi ở cho các tiên Thánh khác. Như trong kinh “Bát Nê Hoàn” nói: “Nếu có người đọc tụng danh hiệu Văn-thù-sư-lợi, giả sử có các trọng chướng cũng không sa đọa vào địa ngục A-tỳ lửa dữ rất khổ, mà thường sinh về cõi nước trong mát ở phương khác, gặp Phật nghe pháp, chứng đắc vô sinh nhẫn”. Lại nữa, trong phẩm “nhập pháp giới “ở kinh Hoa Nghiêm” nói: “Dùng sức đại từ tại khiến kia trong mát”. Đó tức có nghĩa ấy vậy. Nên hóa phương theo vật, chúng sinh tự thấy ở sự hưng thạnh trong mất mát, nhưng kỳ thật báo độ vẫn lắng yên không theo sự sinh liệt của khí giới, như thế mà thôi vậy.

5. VẾT ĐI CỦA THÁNH XƯA NƠI NĂM ĐÀI BỐN ĐỐNG

Căn cứ theo “Linh Ký” nói: “Ngũ Đài có bốn đống, cách đài mỗi mỗi một trăm hai mươi dặm”. Căn cứ theo “Cổ Đồ” biên ghi thì đài nay đây tức là Trung Đài xưa trước, còn Trung Đài tức là Nam Đài. Đại Hoàng tiêm tức là Bắc Đài, núi Khảo Lão là Tây Đài, Man Thiên Thạch tức là Đông Đài (chỉ có Bắc Đài và Trung Đài thời xưa có khác, còn Đông Đài và Tây Đài xưa nay không khác).

Đài Vô Tuất, tức là đảnh Thường Sơn vậy. Xưa kia, Triệu Giản Tử tên là Vô Tuất từng lên núi đó trông nhìn Đại Quốc, nhìn xuống Đông Hải có cung Bồng Lai, trông xem vườn nhà của thần tiên. Đó là nơi Bồ-tát Phổ Hiền dừng ở trong đó, có ráng mây ẩn hiện qua lại cả năm đài. Những người lên đài phần nhiều trông thấy điềm linh, duyên Thánh tích ấy nên gọi là đống phía Đông.

Ở Phía Tây có núi Măng..., phía trên có cung điện, ao hồ, miếu cổ. vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) thời nhà Tùy đến ở đó tránh nắng nóng. Nhân đó nói ao trời, tạo lập cung thất, lầu rồng cửa phụng đầy khắp bên cạnh ao hồ. Ao hồ đó, ở đời tương truyền là nơi rồng thần ở. Duyên Thánh tích ấy nên xưng gọi là đống phía tây.

Ở phía nam có núi Hệ Chu (buộc thuyền), phía trên có vòng đồng, trục thuyền vẫn hiện còn. Xưa kia vua Nghiêu gặp nạn hồng thủy nên buộc thuyền tại đó. Ở đời tương truyền vua Nghiêu thấy được Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi xuất hiện ở Nam Đài. Duyên Thánh tích ấy nên gọi là đống phía nam.

Ở phía Bắc có đồi Phú Túc, tức là núi Hạ Ốc. vua Hiếu Văn Đế

(Thác Bạt Hoành 471-500) thời Bắc Ngụy đến dừng nghỉ qua đêm tại đó để lánh nắng nóng, nhân đó mà đặt gọi tên, trông nhìn xuống dưới thấy chùa Thạch Quậc ở Vân Châu. Ở đời tương truyền trên núi đó có thành Càn Thác Bà, tức là Hóa Thành, thường lúc mặt nhật sắp ló dạng thành ấy mới hiện. Lại trông thấy ở Bắc Xuyên, phần mộ của Ngô có cả từng lớp, có quỷ rảo đi đến phía Nam. Lại thấy ở Nam Sơn có lũy tùng cốc xuất hiện theo hàng, vua Văn Đế kêu gọi tên ấy, lũy ấy liền xoay thấp uốn cong mà chạy, nhân đó gọi đó là Á Tẩu Bách. Và do sự tích ấy nên gọi là đống phía bắc.

Đền thời Tiền Đường, có Thiền sư Nghiễm là vị Tăng thần dị từng lên trên Tây đài và Nam đài, trông thấy ở năm đảnh có mây năm sắc che phủ. Theo mây che phủ, phối đó làm đài. Chỉ có Trung Đài ngày xưa tức là Bắc Đài ngày nay, Nam Đài ngày xưa tức là Trung Đài ngày nay (vua Hiếu Văn Đế phong làm Nam Nhạc vậy), ngoài ra đều y định vậy.

6. CHÙA CHIỀN THÁNH TÍCH Ở CẢNH GIỚI NGŨ ĐÀI.

Trên đảnh Trung Đài có ao Thái Hoa vuông rộng hai dặm, trời sinh chín khúc, nước ở đó lắng trong, sắc màu tợ lưu ly suốt thấy tận đáy. Trong ao ấy nơi bằng phẳng có đá lối lạc. Giữa khoảng rừng đá lại có hoa quý, trăm thứ ánh ngời là nơi vườn nhà cung thất rồng thần ở. Có người vừa trông thấy, khiếp sợ kinh thần, mây mốc đẹp lành ngời ánh, khó thể nói đủ cả. Nhưng ao ấy có lớn nhỏ cạn sâu, tùy theo thần biến chẳng định, người đến bái yết kính lễ cõi mở chuỗi châu anh lạc v. v... đang mang đeo ném bỏ vào trong ao mà đi. Năm Khai Hoàng thứ 11 (591) thời nhà Tùy, vua Văn Đế (Dương Kiên 581-605) ban sắc sai Hân Châu thứ sử Thôi Chấn mang các thứ cúng cụ đến đảnh Ngũ Đài, thiết trai cúng dường, dựng lập văn bia và thấy ở thời Bắc Ngụy, Bác Lăng Công Thái thú vâng phụng đi sứ đến đài, xa thấy rừng đá đều là thân Bồ-tát mang đeo anh lạc, nên đài báu tháp sắt công đức rất nhiều, chẳng thể ghi hết.

Xưa trước có mười ngôi chùa:

1- Chùa Đại Phu Linh Thứu

2- Chùa Vương Tử.

3- Chùa Linh Phong.

4- Chùa Phạn Tiên.

5- Chùa Thiên Bền.

6- Chùa Thiên Lương.

7- Chùa Thạch Quậc.
8- Chùa Phật Quang.
9- Chùa Đấng Xướng.
10- Chùa Lâu Quán.

- Đến nay, từ thời nhà Đường trở lại, có thêm sáu chùa:
1- Chùa Trúc Lâm.
2- Chùa Kim Các.
3- Chùa An Thánh.
4- Chùa Văn-thù.
5- Chùa Ngọc Hoa.
6- Chùa Thánh Thọ.

- Lại có bốn Linh Tích:
1- Ao Thái Hoa.
2- Ao Bạch Thủy.
3- Dấu người ngựa thời vua Hiếu Văn Đế.
4- Hang Băng đóng ngàn năm.

- Lại có năm thứ danh hoa:
1- Hoa Nhật Cúc.
2- Hoa mười hai viện Hiếu Văn.
3- Hoa Ngũ Phụng.
4- Hoa Bách Chi.
5- Hoa Bát Nang.

Trên đảnh Bắc Đài có giống trời, phía dưới có cung rồng gần ao Bạch Thủy nối liền nhau, hang Kim Cang cũng cùng thông suốt.

- Xưa trích có tám ngôi chùa:
1- Chùa Bảo Tích.
2- Chùa Tịch Minh.
3- Chùa Mộc Thảo.
4- Chùa Phổ Tế.
5- Chùa Công Chúa.
6- Chùa Cam Tuyền.
7- Chùa Đại Cốc.
8- Chùa Thánh Thọ.

- Đến nay, lại có thêm hai ngôi chùa:

1- Chùa Bảo Sơn.
2- Chùa Thái Bình Hưng Quốc.

- Lại có mười sáu Linh Tích:

1- Ao Thất Phật.
2- Đài La-hán.
3- Suối Cữu nữ.
4- Đài Công Chúa.
5- Đài Hiếu Văn Đế dạy chim răn.
6- Trường Hiếu Văn Đế đánh cầu.
7- Am tiên nhân.
8- Lũy Thiền Am.
9- Bách Á tẩu
10- Lũy sinh tử.
11- Lũy không tâm.
12- Địa ngục sinh.
13- Tháp Đặng Ẩn Phong.
14- Hám Sơn
15- Suối ngọc.
16- Giếng vàng.

- Lại có hai thứ cỏ lạ:

1- Cỏ Kê túc.
2- Cỏ măng đăng.

Đông Đài, xưa trước gọi là Tuyết Phong, tại sườn núi có núi Nghiên-già-la, lên trên đài xa thấy bể cả các châu, lúc mặt nhật ló dạng, trông nhìn xuống dưới biển lớn, tợ như vũng đầm vậy.

- Xưa trước có mười lăm ngôi chùa:

1- Chùa Hoa Lâm.
2- Chùa Hương Vân.
3- Chùa Quán Hải.
4- Chùa Hương Lũy.
5- Chùa Đồng Chung.
6- Chùa Thạch Đường.
7- Chùa Long Bàng.
8- Chùa Quang Minh.
9- Chùa Vạn Tượng.

10- Chùa Phụng Lãnh.
11- Chùa Long Tuyền.
12- Chùa Ngũ Vương.
13- Chùa Thiên Thành.
14- Chùa Ôn Thang.
15- Chùa cổ Hoa Nghiêm.

- Đến nay có thêm ba ngôi chùa:
1- Chùa Kim Giới.
2- Chùa Càn Minh.
3- Viện Đông Tháp (nay làm ni viện).

- Lại có mười một linh tích:
1- Tùng Tử Mậu.
2- Cửa Xích Long.
3- Hang Lục Phụng.
4- Ao Minh Nguyệt.
5- Thành Ngũ Vương.
6- Rừng táo.
7- Lũy Nhũ Đầu Hương.
8- Núi Nghiêng-già-la.
9- Hang Na-la-diên.
10- Dấu chân Vạn Thánh.
11- Ôn Thang (ấm lạnh).

- Lại có ba thứ thuốc:
1- Nhân sâm.
2- Trường tùng.
3- Phục Linh

Tây Đài nối liền với hang Bí Ma, bậc đá hiểm nguy vút tận mây rừng cầu phẩy mặt nhật, phân khoảng không tuyệt dứt tường vách, tiếp liền với núi Hán tầng.

- Xưa trước có mười hai ngôi chùa:
1- Chùa Bí Mật.
2- Chùa Thạch Môn.
3- Chùa Du Cần.
4- Chùa Nhũ Thạch.

5- Chùa Đông Tiêm
6- Chùa Đại Hội.
7- Chùa Nhật Chiếu.
8- Chùa Hướng Dương.
9- Chùa Thiết Cần.
10- Chùa Phù Đồ.
11- Chùa Hùng Đầu.
12- Chùa Báo Tử.

- Đến nay, có thêm bốn ngôi chùa:
1- Chùa Lý Ngưu.
2- Chùa Hắc Sơn.
3- Chùa Ngưỡng Bàn.
4- Chùa Bệnh Ngưu Tuyền.

- Lại có mười lăm Linh tích:
1- Hòa thượng Nê Trai.
2- Đống đất Hiếu Văn Đế bắn.
3- Sườn Bồ Dược Vương.
4- Hương Sơn.
5- Dấu vết sư tử.
6- Dấu vết vua nước Vu Điền.
7- Tảng đá hai vị Thánh Đàm nói.
8- Nước tám công đức.
9- Cửa đá.
10- Cửa chim.
11- Hang rồng.
12- Sườn Bồ-tát đỏa.
13- Tháp Vương Tử thiêu thân.
14- Tảng đá ngồi cắt thịt.
15- Đào tiên Vương Mẫu.

- Lại có ba thứ thuốc.
1- Hoàng tinh.
2- Mộc qua.
4- Phục linh.

Nam Đài cô tuyệt, cách các đài hơi xa, sườn rừng tươi tốt, bờ hang nghiêng thực, rất là vắng lặng. Xưa trước, có Thiền sư tăng minh đến ở

đó hơn ba mươi năm, cũng thấy gặp thần tiên bay giữa hư không mà đi, chỉ cỡi lột da. Trong khoảng ba mươi dặm đều là các thứ danh hoa mọc khắp đầy sườn núi, người đời gọi đó là núi Tiên Hoa. Chùa biến hóa từng gấp, tiếng chuông có lúc ngân vang. Xưa kia có người từng gặp dị nhân thân hình to lớn hơn hẳn người đời, dùng nói năng chốc lát, bỗng vọt bay đi xa. Nên Thiền sư tăng minh có làm bài ca rằng: “Nam Đài núi đẹp, rồng thần tựa nương, mây xuân ùn nổi, mưa hạ lã tã, tăng tục chiêm lễ, nằm nơi kẻ đá, quên cả mệt khát, tội gì chẳng diệt, phước nào không nhuần, nằm nơi kẻ đá, mà ngồi thần quy, gai Bồ-tát sung làm gậy rồng, cỏ La Phù bện làm áo thiền. Ở nơi hang núi chừ tỉnh lự, giẫm bước đảnh núi chừ tìm sư, ăn trường tùng tỏa trí, ngậm thưởng hoa cúc trừ đói, giảng nói Bát nhã, chí hạnh Thiền sư. Lại thấy Long Mẫu, lại thấy rồng con, người cúng bạch dược, trọn lìa khổ suy!”

- Xưa trước có chín ngôi chùa:

1- Chùa Sa Bà.
2- Chùa Thù Công.
3- Chùa Quách Ma.
4- Chùa Khảm Nham.
5- Chùa Tịnh đồ.
6- Chùa Cao Lãnh.
7- Chùa Thạch Đài.
8- Chùa Tiểu Bách.
9- Chùa Xích Nhai.

- Đến nay có thêm ba ngôi chùa:

1- Chùa Phước Thánh.
2- Chùa Linh Cảnh.
3- Chùa Pháp Hoa.

- Lại có chín Linh tích:

1- Cốc Thất Phật.
2- Đồi cảnh thắng Long cung.
3- Bình nguyên vạn mẫu.
4- Tướng Đông Vương.
5- Tướng Tây Vương.
6- Thần Quy.
7- Đông Xa Tiêm.

8- Tây Xa Tiêm.

9- Kẻ đá nức nẻ.

- Lại có hai thứ thuốc:

1- Nhân sâm.

2- Chung nhủ.

Phía Bắc của Trung Đài, phía Nam của Bắc Đài, khoảng giữa đó có ao chư Phật tắm rửa, cả thảy một trăm hai mươi cơ sở, bốn mặt đều là nước, chính giữa là đài đất, vuông tròn rộng ba thước, gọi là bồn rửa tay của Bồ-tát là nơi du hý. Năm đó, mùi hương phảng phất, sắc tướng quang minh. Người nóng trông thấy, thần dời mắt loạn chẳng dám dừng đứng lâu, nhưng mọi người cũng ít đến đó. Trong ao, phần nhiều hay sinh mọc mây trắng tướng trọng như đội trượng, có tượng Bà-la-môn Phạm chí. Nếu trông thấy Bồ-tát và vầng ánh sáng thì nếu là bạch y Cư sĩ tức chứng đắc sơ quả hay nhị quả, còn nếu là Tăng sĩ xuất gia nghiêm trì tịnh giới tức chứng đắc tam quả hoặc tứ quả.

Hang Kim Cang tức là vườn nhà lớn của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, hang đó tại dưới sườn núi của Đông Đài và Bắc Đài, lầu quán tại trong cốc, giữa khoảng đảnh núi của nam và bắc có cửa đá, là nơi Đại Thánh xưa trước từng vào ra mà mọi người phần nhiều không biết. Trước kia, có Sa-môn Phật Tuệ ở huyện Phồn Trỉ từng vào hang đó, đi khoảng chừng ba mươi dặm, có dòng sông giăng ngang, đã vượt qua tức đến Bình Xuyên, không có các loại cây như cõi phàm, chỉ thấy toàn là rừng báu. Trông nhìn khắp bốn phía đều là lầu vàng tháp ngọc, ánh ngời lóa mắt. Sau khi trở ra, Sa-môn Phật Tuệ kể nói cùng mọi người như vậy.

Năm Trường An thứ hai (702) thời Tiền Đường, Võ Hậu (Võ Tắc Thiên 685-705) sai sứ đến chùa Đại Phu Linh Thứu tại núi Ngũ Đài, trước là tìm hái hoa vạn chu, chuyển dời đến tường cấm, mùi hương kỳ đặc sắc màu thường, có trăm ngàn danh phẩm, khiến tại nội đạo tràng gieo trồng cúng dường. Lại ban sắc cô Ni Diệu Thắng ở chùa Vạn Thiện đến Trung Đài tạo dựng tháp. Phàm suốt một năm, công việc hoàn tất, lại sai Nội thị hoàng môn Kim Thú Trân đến núi cúng dường. Trong khoảng niên hiệu Hiển Khánh (656-661) thời Tiền Đường, vua Cao Tông (Lý Trị 650-684) thiết trai là cúng dường vạn vị Bồ-tát. Ngày đó, ở Hậu Châu Đại Châu có một vạn vị Tăng tuần lễ, đều nói là vạn vị Thánh đến dự hội, cúng thí một vòng tiền, một vạn dây xâu tiền, riêng cúng thí Bồ-tát. Nội thị cùng các châu huyện đều tấu đạt đến triều đình, từ đó điềm Linh Đài núi trở lại hưng thạnh.

7. GIẢI THÍCH NƠI CHỐN CÁC CHÙA Ở NGŨ ĐÀI.

Căn cứ theo “Linh Tích ký” nói xưa trước tương truyền có một trăm mười ngôi chùa. Đến trong thời Bắc Tề có cắt thuế khóa của vài châu để sung vào cúng dường bèn từ thời Bắc Chu trở lại nhân gặp phải sự phế hủy, chân đài tịch mặc trống không, chỉ còn trường mê lộc, tháp báu hư đổ, chỉ còn dấu vết chim chuột nhóm tụ, bỗng chốc tiếng chuông vắng bặt, trong nước nhà phân chia nát đổ, ngụ ở cao vọt bay, muôn dân thán oán, binh lửa kéo dài liên miên đến nỗi vàng bạc chẳng còn gì, đại để các ngôi già lam phần nhiều bị cháy rụi, biển ngạch danh hiệu đã hết, nền móng chẳng còn. Số có thể trú trì gìn giữ có cả thảy sáu mươi bảy ngôi, ngoài ra đều tiêu mất cả!

* Chùa Đại phu Linh Thứu, ở đời tương truyền là được dựng lập trong khoảng niên hiệu Vĩnh Bình (58-76) thời Hậu Hán. Sở dĩ chùa có tên là Linh Thứu, căn cứ theo theo “Tây Vức ký” quyển chín nói tiếng Phạm là núi “Kết-lật-đà-la-củ-tra” tức là nơi đức Thích Tôn giảng nói kinh Pháp Hoa, tiếng Trung Hoa thời Tiền Đường phiên dịch nghĩa là “Thứu Phong”, cũng gọi là “Thứu Đài”. Tiếp liền với phía nam của Bắc Sơn riêng lẽ nỗi trội. Đã là nơi chim thứu nương đậu dừng ở lại cũng thuộc loại Đài Cao, giữa khoảng không xanh biếc ánh ngời, nồng đượm phân sắc. Núi đây cũng như vậy. Nay là nền móng của viện chân dung, sườn núi đặc biệt riêng nổi trội, có cùng thuộc loài đài cao, dáng thế tiếp liền với sườn núi của Trung Đài và Bắc Đài, hình dáng núi tương tợ. Do đó, mà gọi tên như vậy. Chùa y cứ núi ấy mà đặt tên, nên gọi là chùa “Đại Phu Linh Thứu” vậy.

Xưa trước, có Thiền sư Tuệ Vân ở chùa Đại Vân tại Sóc Châu, là bậc đức hạnh cao vời. vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Hậu Hán) rất mực lễ trọng, ban chiếu thỉnh mời đến làm Thượng tọa ở chùa đó. Tạo một bộ âm nhạc, công kỷ có cả trăm người, tiêu sáo, không hầu, tỳ bà, tranh sắc, thổi loa đánh trống, trăm thứ đùa vui náo động, tay áo múa mây bay, xà nhà ca bụi nổi, tùy theo thời cúng dường, kết chuỗi ngày thành năm, nhạc sánh như khúc nhạc của tiên trời ma lợi, đồng như cõi Phật Duy Vệ, bay đến trong hang Kim Cang, nay ra trong chùa Linh Thứu, tiếng vang tấu nổi hợp với khổ không. Người nghe dứt ác tu thiện, viên mãn lục độ, muôn hạnh tinh thuần. Từ trong thời tượng pháp trở lại, chỉ một lần gặp đó.

* Chùa Thanh Lương y theo núi mà đặt tên, chùa gá ở bên cạnh hang. Phía trước thông liền với khe hang, phía trên tiếp với ráng mây. Ngày mười lăm tháng năm năm Trường An thứ hai (702) thời tiền Đường,

Kiến An Vương Sĩ tinh châu trưởng sứ tấu trình trùng tu sửa sang. Võ Hậu (Võ Tắc Thiên 685-705) ban sắc đại đức Pháp sư cảm đích thân đến bái yết Ngũ Đài. Ngày hai mươi tháng bảy, lên đảnh đài, các hàng tăng tục có hơn ngàn người đều thấy trong mây năm sắc xuất hiện tướng tay Đức Phật, chồn trắng nai trắng quen thuần phía trước, phạm âm vang vọng theo gió róc rách. Giữa núi cốc, hương thơm khác lạ phảng phất, mọi người xa gần cùng theo, lại thấy có đại tăng thân sắc vàng tía đứng ngay trước mặt. Lại thấy có Bồ-tát, thân mang đeo chuỗi anh lạc xuất hiện ở đảnh núi phía tây, Pháp sư cảm mới đồ họa tấu trình, Võ Hậu rất vui mừng, bèn phong ban Pháp sư cảm là “Xương bình huyện khai quốc công”, và thực ấp gồm ngàn nhà, thỉnh mời sung đến ở chùa Thanh Lương, chủ quản việc tăng ni từ kinh đô rộng đến cả nước nhà. Võ Hậu lại ban sắc Tả Thứ Tử Hầu Tri Nhất, Ngự Sử Đại Phu Ngụy Nguyên Trung bảo thợ đục lạc ngọc làm tôn dung của Võ Đế đưa vào núi Ngũ Đài, lễ bái Bồ-tát. Đến năm Trường An thứ ba (703) thời Tiền Đường, đưa đến núi Thanh Lương để tôn trí. Khi ấy các hàng tăng ni khắp cả nước đều tấu xin đưa đi, Võ Hậu không chấp thuận, cho rằng xứ Nhạn Môn tiếp liền với mọi rợ, chỉ lưu tôn dung Võ Hậu tại giữa đại điện chùa Sùng Phước ở Thái Nguyên mà cúng dường. Đến núi Ngũ Đài tạo tháp lập bia, thiết trai cúng dường. Vậy đủ biết, cảnh chân nơi Bồ-tát ở, các bậc đế vương thường ngày chăm lo muôn việc còn tạo thân ngọc đến lễ bái Đại Thánh. Huống gì các hàng phàm thứ há chẳng theo phong hóa một lần đến cảnh thanh tịnh, tai ương nhiều kiếp bèn tiêu, tạm lên Linh Phong, tội chướng lắm đời tự diệt ấy ư?

* Chùa Phật Quang, do Yến Đãng Vương dựng lập, bốn mặt đều là núi rừng, ngay giữa bằng phẳng. Yến Đãng Vương tuần du bái yết kính lễ, đến cửa núi đó, gặp ánh sáng thần của Phật tỏa chiếu khắp núi rừng. Nhân đó, đặt biển ngạch gọi tên là chùa Phật Quang. Năm Chánh Quán thứ bảy (?) thời Tiền Đường, Thiền sư giải thoát ở chùa Chiêu Quả tại huyện Ngũ Đài lại gia công trùng tu tái tạo sự việc như trong truyện của Sa-môn Tuệ Đường (Cổ Thanh Lương truyện) đã nói.

* Chùa Thiên Tử, biên ghi rõ đủ như trong truyện của Sa-môn Tuệ Tường (Cổ Thanh Lương truyện)

* Tây Đài tiếp liền với cốc Đông Nga, có một ngôi chùa xưa tên là “Bí Ma Nghiêm”. Cũng đã nói đầy đủ ở trong truyện của Sa-môn Tuệ Tường (Cổ Thanh Lương truyện). Chùa ấy, trong khoảng niên hiệu Thùy Củng (685-689) thời Tiền Đường, tại Nhạn Môn có Thanh Tín cư sĩ Bích Lư sùng nghĩa từ thủa hình đồng vốn phục tâm tạo huyền quan,

dốc chí có chỗ kết quy tinh cầu chẳng nhọc mệt, rão bước đến chùa đó, thệ nguyện trú trì, kinh các mới hoàn thành, lầu đài doanh niệm, đường điện phòng hiên có sáu bảy viện vũ. Khoảng hai, ba, bốn đồng bạn hành nhân, mây giăng đất từ, các bậc danh đức ở mười phương đồng đến ở trong đó, chẳng sợ nhọc mệt, chỉ chuyên thiền tụng. Đến năm Trường An thứ ba (703) thời Tiền Đường, khắp nước nhà đều sưu tầm các bậc tài giỏi chẳng bỏ sót nơi chốn đồng hoang hay hang cốc, Bích Lư sùng nghĩa bèn bị mời vào, nhân đó xin được xuất gia làm tăng, bèn được ban sắc chấp thuận cho được xuống tóc đắp mặc pháp y, sau mới trở về núi, trọn đời ở tại chùa ấy vậy.

* Phía tây của Bắc Đài, thuộc phía Đông nam của huyện Phồn Trỉ có một ngôi chùa tên là "chùa Công Chúa", do công chúa Tín Thành, con gái thứ tư của vua Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoành 471-500) thời Bắc Ngụy tạo lập. Với thời gian niên đại lâu xa, ni chúng đều vắng tuyệt, phòng hiên viện vũ, điện Phật giảng đường, tháp chín vị nữ, ngoái gạch vẫn hiện còn. Đến trong thời Tiền Đường, có một ni cô đồng nữ tên là Xú Xú có được một viên thạch ngọc vuông tròn một thước, có các đường văn năm sắc, trong ngoài ngời sáng, tự mang đến kinh đô, hiến dâng cho Võ Tắc Thiên (Võ Hậu 685-705), Võ Hậu bèn tặng cho một trăm xấp lụa nguyên, sau đó lại bảo có chí ý định đặt biển ngạch độ ni chúng, nhưng Xú Xú cảm mắc bệnh mà về đến nơi đã chết, mới chịu chẳng toại tâm nguyện ấy!

* Tại sườn núi của Bắc Đài có chùa Mộc Qua, xưa trước lên đài, đường đi do từ xứ đó, do thời gian lâu xa nên không biết mới đầu do ai tạo dựng như thế nào. Chùa có một người nữ tóc dài tên là Phật Tuệ tuổi khoảng 74-75, dáng mạo tợ ngu si, nhưng các bậc lão túc đã trăm tuổi từ thủa thiếu thời từng trông thấy dáng mạo người nữ ấy vẫn như mới đầu không đổi khác, tu sửa già lam thường là dẫn đầu. Tại huyện Phồn Trỉ từng có hơn ba trăm người theo Phật Tuệ lên Bắc Đài, vừa gặp lúc mưa bão, bèn vội dẫn nhau xuống bên cạnh đài vào dưới một lũy, một nửa lũy ấy trống rỗng như phòng nhà, Phật Tuệ dẫn trước, mọi người cùng theo vào, đồng ngồi giữa lũy trống rỗng và đều dung chứa tất cả mọi người, thật chẳng thể lường biết sức thần ấy, người thời bấy giờ cho rằng Phật Tuệ là nhục thân Bồ-tát.

* Chùa Phổ Tế ở phía nam của non Đại Hoàng Tiêm, bờ rừng thanh hư, đất bằng sông suối thoáng rộng, nhìn về phía tây thấy núi khảo lão nhìn về phía Đông thấy đá Man thiên, nhìn phía nam thấy Trung Đài và Bắc Đài. Ngay phía Bắc của chùa Mộc Qua có dòng suối

vào đất, những người đi tuần đài bỗng gặp mưa bão đến đó lánh nạn.

* Trong hang cốc của phía Bắc Đài có chùa Tống Cốc, chùa Bảo Tích, lại về phía Đông bắc có chùa Bảo Sơn đều ở trong hang cốc, viện vũ u kỳ, lầu đài tráng lệ, đến nay vẫn hiện còn.

* Địa ngục sinh cách bắc đài về phía Đông không xa, có đá loạn lẫn chồng chất vút cao. Nghe các bậc lão thành xưa trước có Trương Thiện Hòa từng đuổi theo một con thỏ trắng đến đó, mà vùi lấp vào bên trong thấy địa ngục. Cách địa ngục không xa lại thấy một kinh tạng, tầng các tráng lệ, Trương Thiện Hòa kinh sợ là đến trong đó, nhân thấy trong tạng bụi bặm lấm dày, bên cạnh đó cũng có cái chổi, chổi sạch để quét dọn đó. Khi ấy Trương Thiện Hòa chợt sinh phát thiện tâm, nhân vì quét dọn khiến đều sạch sẽ, nhờ chút thiện tâm đó, Trương Thiện Hòa lại được ra khỏi nơi đó. Tôi (Diên Nhất) cho rằng nếu chẳng phải cảnh giới do sức nguyện của Đại Thánh thì sao có thể cảm hóa được như vậy ư?

* Thiền sư Đặng Ẩn Phong vốn người xứ Thiệu Võ, Phước Kiến. Ở đời tương truyền Đặng Ẩn Phong cùng người em gái xuất gia đều đến nơi đài. Lúc đến trên đảnh đài, bỗng nhiên người anh (Đặng Ẩn Phong) biệt mất. Người em gái phỏng tin không được, bèn đến phía tây của Bắc Đài, theo đường phía nam lên trên đá, đầu chúi xuống đất, chân lên trên trồng ngược mà đứng. Quần áo tung lên trên, dựng đứng mà chẳng loạn, an nhiên thị tịch. Người em gái bảo: "Tánh tình khinh tháo đến lúc chết mà không sửa đổi". Bèn mới xô ngã, và liền ngay đó cử hành trà tỳ, xong gom nhặt linh cốt và chất đá làm tháp, đến nay vẫn hiện còn.

* Hám Sơn tức thuộc phía Đông bắc của Bắc Đài. Ở đời tương truyền là vua Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoành 471-500) thời Bắc Ngụy đến Đài Sơn lánh nắng nóng, Đại Thánh hóa làm thành vị Phạm tăng theo vua xin một chỗ đất trải tọa cụ, tu hành dừng ở. vua chấp thuận. Phạm tăng mới trương bày tọa cụ mà che phủ hơn năm trăm dặm. vua biết đó là thần mới vội vã mà đi, xoay đầu trông nhìn lại, núi ấy cao vợi theo sau, vua kêu bảo: "Người khéo hám núi, sao theo trẩm ư?" Nhân đó mà dừng, vì vậy gọi tên như thế.

* Chùa Đường Xương cách chùa Phật Quang về phía Đông bắc khoảng bốn, năm dặm. Xa xôi cao vợi chùa Vũ vắng vẻ. Ở đời tương truyền là xưa kia Đãng Xương Vương tạo thành Phật Quang, an dừng tại đó, nhân vậy mà đặt gọi tên. Xin ghi chú rằng thuyết ấy có thể hoặc là sai nhầm, nghi rằng trong thời Tiền Đường ban sắc biển ngạch lấy chữ Xương thạch làm tên vậy.

* Chùa Thạch Quật cách chùa Phật Quang về phía Đông bắc hơn hai mươi dặm, do Thiền sư Nghiễm tạo dựng. Ở Ngay cửa núi, lên chùa Thanh Lương đường đi trải qua xứ ấy, nên đó là nơi dừng nghỉ của các người đi lễ bái.

* Chùa Vương Tử thiêu thân tiếp theo về phía bắc cách khoảng năm, sáu dặm, có chùa Tiểu Nham, chùa Đại Lũy, chỉ còn ngói gạch nền móng. Ngoài ra đều đã hủy hoại, tháp miếu ở đương thời chẳng còn một gì. Xứ đất ấy rất là sinh thiện, nhưng đường đi tham lễ nhỏ hẹp nên người đến rất ít. Xưa trước có Cô ni Minh Nguyệt Pháp Ốc v. v... ở chùa Vạn Thiện tại Tây Kinh đến đó dựng lập am mà ở, thường chuyên trì tụng kinh Hoa Nghiêm và kinh Niết-bàn. Đến năm Thần Long thứ nhất (705) thời Tiền Đường thì thị tịch.

* Tại phía Bắc của Trung Đài và phía nam của Đài Lãnh, có hai ngôi già lam tên là Ngô Ma và Thông Viên. Hai ngôi chùa ấy, có chủ chùa Hồng Mã ở đó trú trì, cũng nói là bậc giới đức tỏa sáng ở đương thời, oai nghi cảm động vật tình, có Đàn Hổ như chó quen thuần vây quanh sân viện, chuông khánh ngân vang giữa hư không như có người khua gióng, sáu sự chẳng mất, mười tháng thường nghe. Các hàng tăng tục đi tuần đài, đến đó mà tham lễ, có ba, năm Cô ni tuổi hết kỳ nuôi, chủ chùa suốt cả trăm năm chẳng xuống núi cốc. Đến tháng giêng năm Trường An thứ ba (703) thời Tiền Đường thì qua đời.

* Ở thành Ngũ Vương có chùa Ngũ Vương tạo lập tu sửa rất kỳ lạ, chưa rõ biết Ngũ Vương đặt tên tạo chùa từ thời đại nào, chung quanh còn có dấu vết rừng dâu vườn táo, mọi người vân du bái yết nghĩ suy kính mộ quên cả trở về.

* Dưới chân ở phía nam của Đông Đài thuộc phía trên của Nam Lãnh có chùa Quán Hải, bên trong có ao Minh Nguyệt vuông tròn rộng một dặm, nước sâu tám thước, tuy đầu tháng hay cuối tháng, bóng trăng vẫn hiện ở trong. Cặp quanh ao có hai lũy tùng cành nhánh đang xen, mỗi lúc gió trong lành thoảng qua phát tiếng vang như cầm sắt. Từng có Vương Thạch Kỳ người xứ Nhạn Môn, Quách Thượng Hạng người xứ Thái Nguyên, Ngụy Pháp Tài người xứ Tấn Châu, Tiết Tư Cung người huyện Phồn Trĩ v. v... cả thảy hơn ngàn người đi tuần lễ bái ở Đông Đài, bỗng đến chùa đó gặp mưa dầm lớn suốt bảy ngày chưa thôi. Mọi người mới chí thành phát nguyện, nhân đó mà được ráo tạnh, chỉ còn mây giăng chẳng tan. Nhìn về tận phía Đông là biển cả một màu xanh biếc phẳng bằng như sông lớn. Ở trong đó hiện bày tượng Đức Lô Xá-na và nghe giảng pháp. Về sau, Quách Thượng Hạnh v. v... có hơn mười người

phát tâm xuất gia, đều được xuống tóc đắp mặc pháp y, và đồng có tiết tháo cao vời.

* Trong cốc đại hội ở phía Đông của Đông Đài có chùa Đồng Chung được tạo dựng khoảng trong thời nhà Ngụy. Chùa có một quả chuông đồng có thể chứa đựng ba mươi hộc, hình như bụng bình, thân làm tám góc, Khắc Tử Ngụy đó Kim Cang, lấp vùi lỗ mũi voi ẩn nổi, các thứ báu xen tạp trang nghiêm rồng voi nhiễu quanh thân, thần tiên khắp bụng, tham thần nhật nguyệt, hình ảnh Thích Phạm liệt bày trên đảnh. Năm Trung Bình thứ nhất (?) có Sa-môn Tuệ Trừng ngụ ở chùa đó, sau nhân việc hoằng truyền giới mà xa đến kinh đô, vài năm sau mới trở về lại, thì giữa chuông bỗng nhiên không còn, bèn rất bồi hồi xót xa đau đớn càng lắm, bỗng thấy một dị nhân, Tuệ Trừng bèn hỏi nguyên do, người ấy đáp: “Tôi là thần núi ở đây, chuông đã đưa vào trong hang Kim Cang, vốn do vua trời Đâu Suất chú tạo vậy”. Tuệ Trừng bảo: “Chẳng phải thế, chuông ấy được chủ tạo thời Phật Câu Lâu Tần, cớ sao thần núi gom đưa vào hang Kim Cang?” và Tuệ Trừng bèn khắc đá ở chùa làm bài minh rằng: “Chùa gần hang pháp cổ, khua giáng rống động nị tra nghe, nhóm tập hiền Thánh diệt nhân khổ, bị thâu đưa vào Kim Cang luân, ai được biết thấy thần núi, trước vạn Thánh sáu thời nghe, viết phụng biếc khắc bạc trắng tiêu biểu nơi chuông đồng đi để dứt tuyệt người nghi đời sau”.

* Chùa Ôn Thang do Ngũ Vương tạo lập, xưa kia năm vị Vương tử, chẳng biết thuộc thời đại nào nhờ đời kiếp trước gieo trồng căn lành nên được làm Vương tử, lại bởi duyên tạo nghiệp xấu ác, nên nhiễm mắc bệnh già-ma-la, bèn chuyển dời vào núi, đến nơi suối ấm này mà tắm rửa, bệnh bèn được lành, thân trở lại nhẹ nhàng, nên tạo chùa trú trì, nhân đó lấy chữ “Ôn Thang” (ấm lạnh) làm hiệu, bên trong chùa có một ngôi tháp gạch cao khoảng hai trượng, tầng cấp ba lớp, bên trong có tượng Lô-xá-na, Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền và các bộ cùng theo thảy đều đầy đủ. Trong khoảng niên hiệu Vạn Tuế Thông Thiên (697-698) thời Tiền Đường, có Sa-môn từ vân sáng lập an đặt, về sau mọi người vân du tham lễ qua lại chẳng ngớt.

* Từ non Thanh Lương về phía nam cách hơn ba mươi dặm vào trong cốc lớn, có chùa Khẩm Nham, chùa Tiểu Bách, chùa Khẩm Nham có điện Phật cửa lầu. Trong chùa Tiểu Bách có hai ngôi Phù Đồ, một ngôi ngay cửa đường, một ngôi tại trong cốc. Người xứ Đông Sơn phần nhiều ghi họp tại đó. Ở phía bắc có bình nguyên muôn mẫu, đó là trang điền của Sa-môn Lý Trừng làm phổ thông cúng dường. Xưa kia có vị

Tăng xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà, cứ một niệm thì ném một hạt đậu vào trong cái chum mười hộc, niệm đầy đủ chum ấy mới thấy Phật A-di-đà đến nghinh đón, nhân đó mà thị tịch.

* Chùa Xích nhân ở giữa sườn núi gần đường an đặt chùa đó, suối cao nhỏ giọt rơi nước thấu hang. Phía dưới cách khoảng bảy tám dặm cúi nhìn xuống là linh thọ trấn định, lại thấy Dịch Châu ôm quanh bụng núi công đức.

* Phía nam cốc Đông Nga có chùa Thiết Cần chùa Hướng Dương, chùa Nhật Chiếu, chùa Lũy Thạch đều tại trong cốc, cây rừng cao sâu liên miên chẳng cùng. Chư tăng chùa Phật Quang phần nhiều đến dừng ở đó.

* Vào cốc Đông Nga có chùa Đại Hội, chùa-dục Vương, chùa Du Cần, chùa Nhũ Thạch, chùa Đông Tiêm, phía trên bên hữu có ngôi già lam đều ở tại trong cốc, phần nhiều ở nơi hang hiểm trở. Bên trong có sườn Bồ Quyên thân, sườn Bồ-tát đỏa, tảng đá ngồi cắt thịt v. v... Trước mặt có chùa Hùng Đầu, chùa Báo Tử, chùa Hắc Sơn, Chùa Cam Tuyền, chùa Vọng Đài cùng cách nhau chẳng xa chỉ khoảng từ mười đến mười lăm dặm, đều chiếm cứ hình thế ưu thắng, miếu Phật tinh xá mỗi mỗi đều có.

* Hòa thượng Thạch Nê, không rõ biết là người thuộc thời nào. Nghe các bậc lão thành kể là ở hang dưới cốc phía Đông bắc gần Tây Đài, tu đạo, mỗi lúc đến giờ ngọ vắt bùn làm tể để dùng bữa ăn, mọi người chẳng thể lường biết, và cuối cùng cũng không biết như thế nào.

* Từ Đông Đài về phía bắc cách hơn bốn mươi dặm đến dưới đáy cốc có dùng Hoa Lâm, chùa hương Vân. Từ chùa về phía Đông cách năm mươi dặm có chùa Hương Lũy. Bên cạnh chùa có Nhũ đầu Hương Lũy. Về phía nam lũy cách 80-90 dặm có chùa Từ Vân, chùa Thạch Thất. Phía dưới có chùa Long Bàn, có hình rồng cuộn cong trên đá hiện còn. Tiếp về phía nam có chùa Quang Minh, chùa Vạn Tượng, chùa Long Tuyền, chùa Phụng Lãnh. Chùa Từ Vân tại trong cốc Đại Hội, chùa Thạch Thất tại trên non Ôn Tuyền, chùa Long Bàn chánh ngay dưới xuyên, chùa Quang Minh chùa Vạn Tượng mọi người trông thấy chẳng đồng, hoặc ẩn hoặc hiện, có người từng thấy tại bên cạnh chùa Nam Lãnh, có lũy lúa vườn quả, có vị Tăng thấy tại trong xuyên. Suy lường chẳng biết nguyên do tại sao. Cảnh giới Đài Sơn chẳng thể y cứ lời nói mà lấy làm cố định, phần nhiều đều là sai khác, bởi quyền nghi hóa hiện của các Thánh, nên người thấy gặp mỗi tự có khác biệt.

* Có hai ngôi chùa biến hóa. Căn cứ theo "Linh Tích ký" nói thì

một là chùa Thiên Thành từ thành Ngũ Vương về phía Bắc cách khoảng năm mươi dặm, bốn mặt đều là thành Trời, một sông bằng phẳng, mây núi cao vút, tuyết bão tuôn đổ. Căn cứ theo "Cổ già lam truyện" xưa trước nói: chùa biến hóa chẳng y cứ nơi đất mà dựng lập, chỉ hiện ở giữa không trung, đạo tràng của Bồ-tát, cõi tịnh của Văn-thù, lầu son điện biếc, do bảy thứ báu hợp thành, vàng tía bạc trắng, lưu ly đồi mồi, lưới châu giăng móc xoay ra ráng mây. Các người được gặp, máy trần chóng dứt. Có ao nước sâu khoảng trượng bốn, năm thước, trong suốt thấy tận đáy, bình thường tràn đầy chảy xuống. Có lúc có chim linh lông cánh năm sắc bay liệng trên dưới ao hồ hòa tiếng kêu vang. Cũng có am tranh nhà cỏ hơn mười lăm ngôi ở lưng chừng núi, chẳng lường biết đó là Thánh hay phàm, những người lên đài có lúc được thấy.

* Từ chùa Hoa Lâm ở phía Đông của Đông Đài xuống dưới sườn núi có một ngôi chùa xưa, chẳng thấy có biển ngạch, bên trong đường viện rộng một hai dặm. Bốn mặt đều là mây núi như đồng khắc vót, ở lưng chừng núi tạo dựng tinh xá già lam. Tháp báu vút giữa hư không, thật chẳng phải khả năng con người tạo dựng. Xưa trước có Thiền sư Nhuận là bậc đức hạnh cao khiết rảo bước đến đó, bỗng gặp chùa biến hóa, thấy hai Lão nhân dung mạo khác phàm đi như ngựa chạy thẳng đến đảnh núi đó, chỉ trong chốc lát biến thành thiếu niên, nói năng hòa nhã âm thanh như chuông khánh, miệng xướng lời kệ rằng: "Lời của Thượng Thiện có thể buông phóng, thiện của Trung Hạ, cần nên gôm thâu. Báu của Kim Cang có thể lấy dùng, Đề Hồ Diệu dược khá đáng uống". Vị Tăng ấy ngưng lắng tư duy, nghe nghi điều nói đó. Có Tuấn biện Công Tôn Sinh, Xá-lợi tử Hùng Nhã, thấu cùng căn nguyên của ba cõi, đồng cú nghĩa của nhất thừa, để lại cho vị Tăng Thánh được, bèn được phương cách ăn bánh bột. Vị Tăng ấy đã được nhận sự chỉ dạy xoay trở lại liền chẳng thấy người. Đã chẳng biết chùa cũng khó gặp gỡ, hoặc là biến hóa hoặc là chân thật, không thể biết được vậy.

* Về phía Đông nam của Trung Đài có chùa Ngọc Hoa, ở đời tương truyền là xưa kia có năm trăm Phạm tăng ở trong đó chuyên tu thiền định trí tuệ, chín tuần chùa hạ nắng nóng tức đến Trung Đài an cư, còn ba tháng mùa đông rét giá liền trở về ở Ngọc Hoa, tinh cầu thiền tụng, khổ chí chẳng phế bỏ tất thời gian, từng có ba mươi con. Tuy chẳng phiền nhọc nhằn trông theo bấc xuyên lên xuống chuyển vận lương thực để chư tăng sử dụng như vậy suốt vài mươi năm chưa từng khuyết thiếu, tức nay là phía bắc của nhà trù ở Trung Đài, nền móng địa chỉ chùa xưa vẫn hiện còn.

QUẢNG THANH LƯƠNG TRUYỆN

QUYỂN TRUNG

8. BỒ TÁT HÓA THÂN LÀM NGƯỜI NỮ NGHÈO KHỔ .

Chùa Đại Phu Linh Thứu là nơi cả chín khu quy hướng, chỗ muôn Thánh tu sùng, mở móng từ thời Đông Hán, tới thời Hậu Ngụy khai thác, không rõ biết thuộc thời đại nào. Thường cứ đến tháng giêng đầu năm chuẩn bị trai hội, chẳng kể xa gần, các hàng phàm Thánh lẫn lộn chung đồng. Có truyện tích đã mất y cứ nói rằng: Có một người nữ nghèo khổ gặp lúc trai hội nhóm tập, từ phía nam mà lại, lúc sáng sớm đến chùa, dẫn bồng hai đứa con và có một con chó cùng theo, ngoài thân mình ra không có một vật gì, bèn cắt tóc mà cúng thí. Chưa đến lúc chư tăng thọ thực, người nữ ấy bảo với vị Tăng chủ trì rằng: “Tôi muốn được ăn trước, vì còn phải đến nơi khác”. Vị Tăng ấy cũng hứa thuận cho, và bảo hai đứa con cùng cho thức ăn, cả ba phần gấp bội, trong ý muốn người nữ nghèo khổ đó và hai đứa con đều được no đủ. Người nữ ấy nói: “Con chó đây cũng đáng cho nó một phần”. Vị Tăng ấy miễn cưỡng mà lại vì cho, người nữ ấy lại nói: “Ở trong bụng tôi có một đứa con, nên cũng cần có được một phần ăn”. Vị Tăng đó mới tức giận bảo: “Ngươi

cầu xin thức ăn của chư tăng mà không biết nhàm chán, nếu là ở trong bụng chưa sinh, đâu cầu phải ăn ư?" quát mắng và đuổi đi. Người nữ nghèo khổ ấy bị quở trách, liền rời khỏi đất, biến thành hóa thân tức tượng Văn-thù-sư-lợi, con chó làm thành sư tử, hai đứa con tức Thiện Tài Đồng tử và vua Vu Điền. Mây khí năm sắc ngùn ngụt đầy cả hư không. Nhân đó lưu lại bài kệ khổ (đắng) rằng:

"Dầu đắng, đắng luôn rễ.
Dưa ngọt, ngọt suốt cành.
Là ta dấy ba cõi.
Tức kia đáng ghét hiềm".

Bồ-tát nói bài kệ rồi bèn ẩn mất không còn trông thấy, các hàng tăng tục trong chúng hội không ai chẳng kinh sợ tán thán. Vị Tăng chủ trì đó tự hận không biết được chân Thánh, muốn dùng dao tự đâm vào mắt, mọi người khổ thiết can ngăn mới thôi. Sau đó, các hàng sang hèn đồng đều xem như nhau, nghèo giàu không hai. Bèn đem tóc của người nữ nghèo khổ ấy cúng thí đến nơi chỗ Bồ-tát cưỡi mây nổi đi, dựng tháp mà cúng dường Đại Thánh. Đến năm Cung Hy thứ hai (984) thời Bắc Tống lại gia tâm tu sửa. Ngay dưới nền móng tháp từng đào bới được ba-năm quấn tóc của Đại Thánh. Tóc như vàng ròng, khoảnh khắc lại biến thành màu đen. Mọi người trông thấy đó chẳng nhất định, chong mắt cùng trông xem, thật chẳng thể nghĩ bàn, bèn hoàn trả lại dưới tháp mà vùi lấp lại. Tức nay là tháp ở góc Đông nam của chùa Hoa Nghiêm ấy vậy.

9. CÔ THIÊN NỮ TAM MUỘI

Các bậc cổ đức tuyên truyền rằng: Có cô thiên nữ Tam-muội, không biết là người thuộc thời đại nào, tự nói rằng: "Đại Thánh bảo ta đến ở đại non Hoa Nghiêm và căn dặn rằng "duyên xưa trước của ngươi ở tại đây, nên ứng xử cốt yếu, hành đạo Bồ-tát, dẫn dắt quần sinh, giúp cúng Sơn Môn ta cũng chiếu cố đến ngươi, lại cho một phần cúng dường, khiến ngươi trọn năm chẳng đói chẳng khát". Mọi người xa gần nghe thế đến kính phụng cúng thí đông nhiều như chợ. Cô thiên nữ mới kêu tìm người thợ tạo dựng tinh xá Điệu Vũ, không mấy ngày mà hoàn thành. Lại đích thân đến trong Hương Xuyên khuyến hóa mọi người cúng thí gạo bún và tự thân khiêng mang về sung vào việc cúng dường. Mọi người trong xuyên lục nghinh đón hưởng ứng chỉ sợ là mình đến sau. Các hàng tăng tục cúng dường đông nhiều muôn ức chẳng thể tính lường. Cô Thiên nữ tự mang một thạch nặng đi nhanh như gió, lại

thêm một thạch, cũng không nhọc mệt gì. Về sau, các kho lẫm thảy đều tràn đầy, sử dụng chẳng hết. Một ngày nọ, mọi người đến tham lễ đông nhiều. Đệ tử thưa: "Bình cơm đã hết sạch" Cô thiên nữ bảo: "Cớ sao nói dối như vậy?" Dùng dây lạt quấn lấy, cơm liền tràn đầy cung cấp chẳng hết. Các vật khác cần dùng đại khái cũng như vậy. Mọi người ở bốn phương đến tuần lễ, muốn mong cầu thấy Đại Thánh, đến cầu thỉnh nơi cô. Cô thiên nữ bảo: "Chỉ nên chí thành dứt hết nghĩ ngợi, đốt hương cầu thỉnh tức thấy sắc màu vàng ròng, đến cả muôn chúng, các thứ ánh sáng đều y theo lời như ước nguyện.

Đến ngày mười lăm tháng hai năm Trinh Nguyên thứ ba (787) thời Tiền Đường, bỗng nhiên cô thiên nữ bảo đồ chúng rằng: "Hóa duyên của tôi vừa hoàn tất, nay có thể trở về trời, các người nhớ nghe lời tôi răn bảo, chớ để dứt tuyệt". Nói xong bèn thị tịch. Ngày đó mây lành tỏa bủa ngời ánh hang cốc, nhạc trời vang vọng giữa hư không, hương thơm khác lạ phảng phất khắp cùng cả rừng chàm, các loại chim kêu vang, muôn thú gầm hét có hạt trắng cát từng bay liệng quanh trọn ngày mới bỏ đi. Muôn đồ đệ tử các chúng vô sinh v. v... đều y theo lời thầy dạy răn cúng dường chẳng ngớt.

10. AN DANH ĐẮP HỌA CHÂN DUNG BỒ TÁT

Phía Bắc chùa Đại Phu Linh Thứu có một ngọn núi nhỏ trên đảnh bằng phẳng không có cây rừng, cao vợi nổi trội tợ như Thứu Phong ở Tây Vức. Trên đó, mây lành thường mọc nổi, chân dung Đại Thánh từng hiện. Xưa trước gọi là Đài Sơn Văn-thù. Đến trong niên hiệu Cảnh Vân (710-712) thời Tiền Đường, có Sa-môn Pháp Vân, chưa rõ vốn giòng họ gì, ở chùa Đại Hoa Nghiêm, từng tư duy Đại Thánh thị hiện cảm hóa, mà không đôn tượng khiến mọi người khắp bốn phương vân du tham lễ biết chiêm ngưỡng vào đâu? Mới sửa sang nhà cửa tìm mời thợ đắp họa nghi dung. Có xử sĩ An Sinh, không rõ biết từ xứ nơi nào đến, một ngày nọ vào ứng sự tìm mời, vì Sa-môn Pháp Vân mà đắp họa tôn xưng. Sa-môn Pháp Vân trả giá rất nồng hậu, muốn thợ làm nhanh. An Sinh nói cùng Sa-môn Pháp Vân rằng: Nếu chẳng tận mắt trông thấy tượng thật thì trọn không thể chẳng nghi". Mới đốt hương khẩn thiết chí thành cầu thỉnh trong thời gian. Bỗng nhiên Đại Thánh ứng hiện nơi sân, An Sinh mới vui mừng nhảy nhót giữa đất, cầu nguyện rằng: "Xin lưu lại trong khoảng bữa ăn để phỏng họa hết các tướng tốt: "Nhân đó liền đắp họa, về sau trong tâm không một chút nghi ngờ. Mỗi lúc xoay lại trông nhìn, chưa từng chẳng thấy Bồ-tát Văn-thù ở bên cạnh. Trải qua vài

năm công việc mới hoàn tất, mà trước sau có đến bảy mươi hai lần Đại Thánh thị hiện. Nghi dung chân tượng vừa hoàn bị, từ đó linh ứng vang dậy, xa gần đến tựa nương, nên lấy Chân Dung đặt gọi tên viện.

Đến lúc vua Thái Tông (Triệu Quýnh 976-998) thời Bắc Tống lên ngôi, vốn bản chất thần võ, nhiếp trị Ngụy chúa, chỉnh định vũ trụ, tạo dựng lại sinh linh, nên được tượng giáo càng hưng long, Linh Phong càng che phủ. Mới đầu sai Trung Sứ đến núi Ngũ Đài đốt hương chí thành cầu nguyện, đặt biệt tu tạo lại. Ngày mười lăm tháng tư năm Thái Bình Hưng Quốc thứ năm (980) thời Bắc Tống, ban sắc sứ thần Thái Diên Ngọc, nội thần Dương Thủ Tuân v. v... đến viện Bồ-tát tại núi Ngũ Đài, cùng tăng Thánh tịnh nghiệp tính lường việc tu đạo, và đồng bộ hạt công thợ v. v... Đồng thời ban sắc hai đường Hà Đông, Hà Bắc chuyển vận cung cấp phí dụng tu tạo cho viện Bồ-tát ở núi Ngũ Đài. Đến ngày hai mươi hai tháng tám năm Thái Bình Hưng quốc thứ bảy (982) thời Bắc Tống, Trương Đình Huấn v. v... tấu trình công việc tu tạo hoàn tất. vua Thái Tông trước kia đã tự xuống Tây Thục, sau đến năm Thái Bình Hưng Quốc thứ hai, tức năm Đinh Dậu (phải là năm Đinh Mão mới đúng 977) thời Bắc Tống, ban sắc ở phủ Thành Đô biên tả một tạng Đại Tạng kinh thứ năm bản chữ vàng. Đến ngày mồng năm tháng bảy năm Thái Bình Hưng Quốc thứ tám, tức năm Quý Mão (phải là năm Quý Sửu mới đúng 983) thời Bắc Tống, lại ban sắc nội thần An Trọng Hối trông xem nghinh đưa đến tôn trí tại viện Bồ-tát ở núi Ngũ Đài, và cứ mỗi năm, độ năm mươi người xuất gia làm tăng.

Đến năm Cảnh Đức thứ tư (1007) thời Bắc Tống, vua Chân Tông (Triệu Hằng 998-1023) lại đặc biệt ban sắc nội khố xuất một vạn quan tiền để gia công tu sửa, và tạo dựng một tòa đại các gồm hai tầng rộng mười ba gian, bên trong tôn trí Chân Dung Bồ-tát, ban sắc biển ngạch đề tên là các "Phụng Chân". Mỗi năm, sai nội thần đến núi thiết trai cúng dường. Từ đó, tầng lầu điện rộng, các bay hiên dài, mây và mặt nhật cùng tỏa, vàng ngọc giao ánh, trang nghiêm sùng phụng vượt hẳn đời trước.

Đến thời vua Nhân Tông (Triệu Trinh 1023-1066) thời Bắc Tống lại kế thừa nghiệp lớn của cha ông ngày trước, giữ phép đại giáo của Nho Thích, từng sai Trung Sứ thiết bày trai cúng đến núi. Mỗi lúc giao tế lễ hoàn tất, đạo tràng thiết trai cúng dường, mọi vật quý báu tốt lành đều xuất từ cấm cung. Tháng ba năm Khánh Lịch thứ tám (1048) thời Bắc Tống, vua Nhân Tông ban sắc sai nội thị Hoàng môn Tạ Võ Khuê đưa đến một chiếc bảo quan. Trước là từ niên hiệu Khánh Lịch (1041-

1049) đến năm Hoàng Hựu thứ ba (1051) thời Bắc Tống, triều đình có ba lần sai sứ phân ban. Từ vua Thái Tông, vua Chân Tông và vua Nhân Tông cả ba triều đại bút ghi ngự thư có cả thảy 180 pho, và nguyên chữ Thiên Trúc có bảy sách. Về sau, có các sơn môn Tăng Thủ, Pháp Tuệ, Thuận Oản đến phía bắc điện Thụy Tướng lại tạo dựng một tòa đại các hai tầng có cả thảy mười ba cột, ở tầng trên thiết đặt đấu quan phân bố, gian giữa an đặt tôn trượng Phật Tỳ-lô-giá-na, khắp bốn phía tạo một vạn tôn trượng Đại Thánh, khắc họa thêu vẽ hết mực tinh xảo. Đến năm Gia Lựu thứ hai tức năm Đinh Dậu (1057) thời Bắc Tống, vua Nhân Tông lại ban sắc vào nội. Nội thị tỉnh Lê Vĩnh Đức đưa ngự thư bảo Chương Phi Bạch một mặt bia ngạch các đến viện Chân Dung. Đến ngày 22 tháng ba đặt treo trên các.

Nếu chẳng do các bậc vua chúa lưu tâm với Thánh giáo, chú ý nghĩa tưởng đến Linh Phong thì sao từng ban Bảo Nghiêm, tự tay vẩy bút thần huống hồ từ thời vua Thái Tông xưa trước ban sắc ruộng đất chùa núi đều quyên từ thuế khóa. Từ các triều đình xưa trước sùng chuộng, tạo dựng chốn già lam, rộng độ các hàng tăng ni, trừ bỏ các sự sai dịch, nào chỉ một mối. Do đó, ở thời Bắc Tề từng dốc bổng lộc của vài châu, đến thời Tiền Đường có cả chín đời vua xoay lại chiếu cố đó ư?

11. HÒA THƯỢNG NGƯU VÂN CẦU THÔNG MINH

Sa-môn Ngưu Vân vốn người dòng họ Triệu ở Nhạn Môn. Từ thủa bé thơ tướng dáng tợ như ngu độn. Song thân đưa đến ở Hoàng Đường (Trường học), đều không có ý nói xem chỉ mỗi lúc trông thấy tăng ni thì liền nghiêm trang kính lễ. Năm Ngưu Vân 12 tuổi, song thân lại đưa đến các viện Thiện Trú ở chùa Hoa Nghiêm cầu xin xuất gia tôn thờ Sa-môn Tịnh Giác làm thầy. Mỗi lúc sai bảo múc nước hái củi, đại chúng đều dèm chê là quê kệch ngu dốt. Đến lúc đủ tuổi, Ngưu Vân thọ giới cụ túc đặc biệt riêng không đụng tập, mãi đến năm ba mươi sáu tuổi, khi ấy đang tháng mùa đông, Ngưu Vân mới phát tâm chí thành từ bên trong, tự suy nghĩ, thổn thức rằng: “Ta thấy mọi người bảo trên đài từng có Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thì chỉ cầu mong được thông minh, học tụng kinh pháp”. Khi ấy vừa lúc tuyết rét, mà tâm Ngưu Vân không lùi sợ, trước tiên đến trên đảnh Đông Đài, bỗng nhiên thấy một người già đốt lửa mà ngồi, Ngưu Vân hỏi: “Tuyết lạnh như vậy, ông từ phương nào lại đây?” Người già ấy đáp: “Tôi từ trên núi xuống”. Ngưu Vân hỏi: “Vì sao trên đường toàn không thấy dấu chân?” Người già ấy đáp: “Tôi đến trước

lúc tuyết đổ” và lại hỏi Ngưu Vân rằng: “Sư có tâm nguyện gì mà xung bạo giữa tuyết đi chân trần đến đây? Há chẳng khổ nhọc ư?” Ngưu Vân đáp: “Tôi tuy xuất gia làm tăng mà tự than trách mình ngu dốt không biết tụng niệm kinh pháp”. Người già ấy hỏi: “Vậy, ý muốn đến đây làm gì?” Ngưu Vân đáp: “Cầu thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi chỉ xin được thông minh”. Người già ấy bảo: “Kỳ lạ thay!”, lại hỏi “Nếu ở nơi này mà không thấy gặp Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thì định đi đâu?” Ngưu Vân đáp: “Lại lên trên Bắc Đài”. Người già ấy bảo: “Tôi cũng muốn đi”. Ngưu Vân hỏi: “Đồng đi có được chăng?” Người già ấy bảo: “Xin sư đi trước”. Ngưu Vân mới đi khắp đảnh đài rồi cáo biệt, người già ấy theo hướng Tây mà đi. Tới chiều tối, vừa mới đến đảnh đài, cũng thấy người già đốt lửa mà ngồi, Ngưu Vân kinh ngạc sinh nghi bảo cùng người già ấy rằng: “Vừa rồi tại Đông Đài cùng giả biệt, tôi đến đây trước. Cớ sao Lão nhân lại đã đến trước?” Người già ấy bảo: “Vì sư không biết đường tắc, do đó mà đến chậm”. Ngưu Vân tuy nghe theo lời nói ấy mà trong tâm vẫn cho rằng chỉ Lão nhân này đáng là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi”, mới bèn lễ bái. Người già ấy bảo: “Tôi là người phàm tục không nên tác lễ”. Ngưu Vân vẫn thiết lễ trong tâm ý chẳng hề đổi thay. Giây lâu, người già ấy bảo: “Hãy đợi tôi nhập định quán xét đời trước ông tạo nghiệp gì mà nay ám độn như vậy”. Người già ấy vừa mới tợ như nhắm mắt, liền vội bảo rằng: “Đời trước ông làm thân trâu, nhân chở tạng kinh của nhà chùa, nên nay được xuất gia làm tăng. Do vì từ trong kiếp trâu lại nên bị ám độn như vậy. Ông hãy đến bên cạnh Long Đường lấy một các vạc lại đây, cho ông phá ngay thịt bùn ở đầu tâm tức liền sáng suốt”. Ngưu Vân bèn y theo lời bảo đó, đến bên cạnh nhà, quả nhiên có được một cái vạc, bèn liền đưa đến cho lão nhân, người già ấy bảo: “Ông chỉ nên nhắm mắt chờ đợi tôi bảo mở mắt mới có thể mở”. Ngưu Vân y theo lời chỉ bảo, cảm giác tợ như ngay tim bị đập phá mà thân không đau nhức, tâm mới rổn rang như trong nhà tối gặp được đèn sáng, tợ giữa đêm đen mà nhật nguyệt soi sáng. Người già ấy bảo mở mắt. Ngưu Vân đã mở mắt liền thấy người già ấy hóa thành tượng Văn-thù-sư-lợi, bảo cùng Ngưu Vân rằng: “Từ nay trở đi, ông tụng niệm kinh pháp, chỉ trải qua tai mắt tức liền không quên mất viện Giản Đông ở chùa Hoa Nghiêm có nhân duyên lớn với ông, nên ông chớ thối chuyển. Ngưu Vân mới chẳng dằn nỗi cõi lòng buồn vui lẫn lộn, gieo mình xuống đất kính lễ, trong khoảng chưa ngẩng đầu lên, Bồ-tát đã ẩn mất. Ngưu Vân liền xuống núi, thân thể nhẹ nhàng bèn tập trung kinh pháp, mắt thấy tai nghe, không gì chẳng ghi nhớ. Tháng 5 năm sau, Ngưu Vân đi nhiễu quanh

tháp Dục Vương hành đạo niệm kinh, đến đầu canh hai trong đêm, chợt thấy một luồng ánh sáng thật từ trên đảnh Bắc Đài suốt liền đến nơi nền tháp, giây lâu mà chẳng tan. Trong luồng ánh sáng ấy xuyên ngang trên các, hiện một tòa các, ánh sáng sắc màu rực rỡ, phía trước có bia văn biển ngạch viết bằng chữ vàng rằng "khéo ở tại các này". Ngưu Vân mới nhớ lời Bồ-tát dạy răn, bèn y cứ như các hiện trong luồng ánh sáng mà tạo lập. Đến năm Khai Nguyên thứ 23 (735) dưới triều vua Huyền Tông (Minh Hoàng-lý Long Cơ) thời Tiền Đường, Ngưu Vân vừa 63 tuổi, 44 hạ lạp, tự nhiên không bệnh mà thị tịch.

12. PHẬT ĐÀ BA-LỢI VÀO HANG KIM LONG

Phật Đà Ba-lợi tiếng Trung Hoa thời Tiền Đường phiên dịch nghĩa là Giác Ái, vốn người nước Kế Tân thuộc xứ bắc Ấn Độ. Giác Ái vì đạo bặc quên thân mạng vân du tham quan các Linh Tích. Nghe Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở núi Ngũ Đài Thanh Lương, nên xa vượt qua lưu sa, đích thân đến lễ bái tham yết. Năm Nghi Phụng thứ nhất (676) dưới triều vua Cao Tông (Lý Trị 650-684) thời Tiền Đường đến Đài Sơn. Theo hướng nam giẫm trải qua non Tư Dương, thấy cây rừng cao vút lẫn trong mây, cảnh vật thù thắng, trong tâm vui thích, gieo năm vóc xuống đất, hướng về núi đảnh lễ, thưa rằng: "Sau khi Đức Như-lai diệt độ, các Thánh ngầm ẩn linh thiêng, chỉ có Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở trong núi này, cứu độ quần sinh, giáo hóa các Bồ-tát, Ba-lợi. Con hận trách chính mình sinh gặp tám nạn, chẳng thấy tôn dung Đại Thánh, xa vượt qua lưu sa, cố đến tham yết lễ bái, cúi xin Đại Thánh như tâm từ bi che chở khắp khiến được thấy tôn nghi". Nói xong, buồn khóc rơi lệ, hướng về đảnh núi mà kính lễ. Lễ bái xong, bỗng thấy một người già từ trong núi đi ra, với tiếng nói của Bà-la-môn bảo Giác Ái rằng: "Sư tâm tình kính mộ đạo, phỏng tìm Thánh tích, chẳng sợ khổ nhọc, xa tìm linh dị, nhưng chúng sinh ở đất Hán phần nhiều tạo các tội nghiệp, những bậc xuất gia cũng lắm phạm giới luật ở Tây Vức có "kinh Phật đảnh tôn thắng Đà-la-ni" có khả năng diệt trừ nghiệp ác của chúng sinh, không biết sư có đem kinh ấy đến chăng?" Giác Ái đáp: "Bần đạo chỉ đến tham yết lễ bái nên không mang kinh đến". Người già ấy bảo: "Đã không đem theo kinh, khổ nhọc đến đâu có ích lợi gì? Giả sử có thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cũng không biết được sư nên trở về lại thỉnh kinh ấy đến đây, lưu truyền xứ này tức là kính phụng khắp các Thánh, rộng làm lợi ích cho quần sinh, cứu vớt cả cõi u minh, báo đáp ân sâu của chư Phật. Nếu sư thỉnh kinh ấy đến đây được, đệ tử liền chỉ nơi chốn

của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi". Giác Ái nghe lời nói ấy rồi, chẳng giằng nỗi sự vui mừng, bèn cắt đứt dòng lệ, chí tâm lễ bái, vừa ngẫng đầu lên, liền không thấy người già ấy nữa. Giác Ái rất kinh ngạc, càng gấp bội sự chí thành, dốc chí quên cả than mạng, trở về lại Tây Vức tìm thỉnh "Kinh Phật đảnh tôn thắng Đà-la-ni". Đến năm Vĩnh Thuần thứ hai (683) thời Tiền Đường, Giác Ái trở lại Trường An, tấu trình rõ ràng sự việc như trên, vua Cao Tông lưu bản kinh vào nội cung, thỉnh mời Tam tạng Pháp sư Nhật Chiếu, và ban sắc điển khách lệnh Đỗ hành Khải ở chùa Tư Tân v. v... cùng phiên dịch thành bản kinh theo tiếng Trung Hoa thời Tiền Đường, ban tặng ba trăm xấp lụa quyên và bản kinh được lưu giữ lại ở nội cung. Giác Ái buồn khóc tâu rằng: "Bần đạo bỏ quên thân mạng, thỉnh đem kinh đến, với ý nguyện muốn làm lợi ích khắp các quần sinh, cứu giúp mọi sự khổ nạn, chẳng hề nghĩ tưởng của cải vật báu, không vì sinh lợi liên quan nỗi lòng, xin được trả lại bản kinh bằng Phạm ngữ cho Giác Ái. Giác Ái mới mang bản kinh đến chùa Tây Minh, tìm hỏi Sa-môn thuận chánh là vị Tăng ở thời Tiền Đường thông rành Phạm ngữ, tấu trình cùng phiên dịch, vua Cao Tông chấp nhận sự thỉnh cầu đó. Giác Ái bèn đối chiếu với các vị đại đức cùng Sa-môn Thuận Chánh phiên dịch xong. Giác Ái lại mang bản kinh đến núi Ngũ Đài. Ở đời tương truyền Giác Ái vào hang Kim Cang mãi đến nay chẳng trở ra. Sa-môn Thuận Chánh v. v... thuật rõ điều Thánh Luân do Giác Ái nói, và ghi ở đầu bản kinh ấy vậy.

13. HÒA THƯỢNG VÔ TRƯỚC VÀO CHÙA BÁT NHÃ BIẾN HÓA.

Sa-môn Vô Trước vốn người dòng họ Đống ở Vĩnh Gia thuộc Ôn Châu. Dáng mạo bản chất thông mẫn trội vượt, nghị lực hơn hẳn đồng bạn, từ thủa bé thơ đã tỏ vẻ thành tánh. Năm mười hai tuổi, Vô Trước nương theo Luật sư Y ở chùa Long Tuyền thuộc bản chân cầu xin xuất gia, tụng kinh Đại thừa vài mươi vạn bài kệ. Năm Thiên Bảo thứ tám (749) thời Tiền Đường, do hạnh nghiệp ưu tú nên được độ. Năm hai mươi mốt tuổi, Vô Trước mới nối tiếp đạo nghiệp của thầy. Mới đầu tập học tỳ ni. Nhân đến nơi Thiền sư Trung ở núi Ngưu Đầu tại Kim Lăng, tham học pháp định tâm. Giũa mài tiết tháo không khiếm khuyết, chẳng bỏ qua tấc bóng, nghiên cùng lý tánh, khéo thấu đạt cội nguồn. Thiền sư trung bảo rằng: "Chí tánh ông thông mẫn, nên tự khai phát, chúng sinh và Phật vốn không tâm riêng biệt, như mây che nếu trừ tan hết thì hư không vốn trong lành". Ngay lời nói ấy, Vô Trước chóng tỏ ngộ pháp

nhẫn, yếu chỉ bí mật của Đông Sơn bèn có chỗ quy hướng.

Tuy đạo không đâu chẳng có mà cảnh thắng dễ theo, Vô Trước bèn xa đến Đài Sơn, quyết chí tìm Đại Thánh. Tháng giêng năm Đại Lịch thứ hai (767) thời Tiền Đường, phát xuất từ chiếc hữu. Đến đầu tháng năm thì tới dưới non Thanh Lương. Bấy giờ đang là ngày nắng nóng, chợt thấy một ngôi chùa biến hóa, hoa đẹp tuyệt ngưng. Vô Trước nhân đó gõ cửa xin vào. Có một Đồng tử tên là Cú Hổ mở ra ứng tiếp, Vô Trước xin Đồng tử vào thưa cùng chủ chùa vì đêm sắp tối nên xin dừng nghỉ lại. Đồng tử được tin báo chấp nhận nên mời Vô Trước vào. Vị Tăng chủ chùa tiếp đải đối lễ như ở nhân gian. Hỏi rằng: "Sư từ đâu đến?" Vô Trước tỏ bày đầy đủ ý niệm của mình mà đáp. Lại hỏi: "Xứ ấy Phật pháp như thế nào?" Vô Trước đáp: "Đang gặp thời tượng quý nên tùy phần giới luật". Lại hỏi: "Chúng tăng có được bao nhiêu?" Vô Trước đáp: "Hoặc có được ba trăm, hoặc có được năm trăm". Và Vô Trước lại hỏi: "Còn phương này Phật pháp như thế nào?" Vị Tăng ấy đáp: "Rồng rắn lẫn lộn dấu vết, Thánh phàm đồng ở". Vô Trước lại hỏi: "Tăng chúng có được bao nhiêu?" Vị Tăng ấy đáp: "Trước tam tam cùng sau tam tam". Vô Trước ngưng nghỉ giây lâu không nói năng gì, vị Tăng ấy bảo: "Có hiểu chăng?" Vô Trước đáp: "Không hiểu vị Tăng chủ chùa ấy bảo: "Đã không hiểu, mau phải dẫn đi không nên dừng ở đây lâu". Và bảo Đồng tử khách ra cửa. Vô Trước hỏi: "Chùa này tên là gì?" Đồng tử đáp: "Là chùa Thanh Lương". Đồng tử hỏi: "Điều hỏi hồi nãy nói trước tam tam cùng sau tam tam, sư có hiểu chăng?" Vô Trước đáp: "Chẳng thể hiểu". Đồng tử bảo: "Kim Cang sau lưng kìa. Ông có thể lén nhìn đó". Vô Trước mới xoay mặt trông nhìn, thì chùa biến hóa liền ẩn mất. Vô Trước xót xa giây lâu, bèn nói bài kệ tụng rằng:

"Bỗng khắp sa giới Thánh già lam.
Tràn mắt Văn-thù tiếp đối hàm
Ngay lời chẳng biết mở ấn bảo.
Xoay đều chỉ thấy núi rừng xưa".

Vô Trước đã ra khỏi bèn ngồi chờ đợi đến sáng sớm tìm men theo đường tử về. Lúc đó đang là ngày rằm giữa tháng, đến chùa Hoa Nghiêm, Vô Trước yên nghỉ trong tăng đường của Đại chúng. Đến đầu tháng sau, vị Duy Na bảo: "Sau giờ thọ trai, đại chúng đến trao cho Vô Trước và bảo: "Uống trà nhớ đưa đến hang Kim Cang", Vô Trước vâng nhận lời bảo, chỉ chốc lát uống trà xong, đại chúng giải tán. Vô Trước ngồi trên sàn ở phía nam nhà ăn, thấy một vị Tăng già ngồi nơi sàn phía bắc, hỏi Vô Trước rằng: "Sư từ phương nam đến, có mang chuỗi châu

khéo niệm lại chăng?". Vô Trước đáp: "Không chỉ có chuỗi châu thô xấu". Vị Tăng ấy xin xem. Vô Trước đưa trao chuỗi châu, bỗng nhiên vị Tăng già ẩn mất. Quá trưa hôm sau, đang ngồi trước lầu kinh tạng ở viện Bát nhã, có hai con chim cát tường bồi hồi bay liệng ngay trên đảnh của Vô Trước vài vòng theo hướng đông bắc mà đi. Qua ba ngày sau, lúc cảnh chánh đông, ngồi tại trong phòng, bỗng thấy hai luồng ánh sáng sắc trắng chiếu đến trên đảnh Vô Trước rồi diệt mất. Các Sa-môn Pháp Hiền v. v... đồng ở chung phòng đều trông thấy. Vô trước rất kinh ngạc nói rằng: "Đây là điềm lành gì xin hiện lại để quyết dứt lưới nghi của đệ tử". Vầng ánh sáng lại hiện, giây lâu sau mới diệt mất. Giữa trưa ngày đó, Vô Trước riêng đến hang Kim Cang. Đã đến nơi, đảnh lễ hơn mười lạy, Vô Trước bèn ngồi nghĩ khoảnh khắc. Bỗng thấy như mờ tối, trong giấc ngủ như nghe vài tiếng người gọi trâu tợ như bảo uống nước. Vô Trước kinh hãi tỉnh giấc, chợt thấy một người già tuổi đã tám chín mươi vận mặc vải bố sợi tai thô xấu, chân mang giày gai dẫn trâu mà đi. Vô Trước đến trước nắm tay người già ấy, nhân đó hỏi rằng: "Từ phương nào đến?" Người già ấy đáp: "Xuống dưới núi qua lại xin lương thực". Vô Trước hỏi: "Nhà ở nơi nào?" Người già ấy đáp: "Tại Đài Sơn này". Và người già ấy lại hỏi: "Sư có nhân duyên gì mà đến đây?" Vô Trước đáp: "Nghe truyền rằng xứ này có hang Kim Cang, nên đến lễ bái". Người già ấy hỏi: "Sư có mệt nhọc chăng?" Vô Trước đáp: "Không mệt nhọc". Người già ấy bảo: "Sư đã không nhọc mệt cớ sao ngủ gật?" Vô Trước đáp: "Phàm phu hôn trầm, đâu có gì phải quái lạ". Người già ấy bảo: "Sư hôn trầm, xin sư nghỉ chốc lát uống trà có được chăng?" Vô Trước hứa vâng. Người già ấy đưa tay chỉ về phía Đông bắc, Vô Trước ngước mắt nhìn theo, thấy một ngôi chùa, chỉ cách xa hơn năm mươi bộ. Người già ấy dẫn trâu đi trước, Vô Trước tiếp bước theo sau. Đã đến nơi, cửa đóng người già ấy gọi "Quân Đề" vài tiếng, có một Đồng tử mở cửa đi ra, thấy Vô Trước tỏ bày lễ bái, liền dẫn trâu vào và mời Vô Trước vào, chỉ thấy đất ở đó bằng phẳng toàn sắc màu lưu ly, nhà cửa hiên vũ thuần toàn vàng ròng. Ngôi nhà ấy có ba giá, đông tây hai nách, mỗi mỗi có một gian. Người già ấy mời Vô Trước lên nhà, tự ngồi nơi cây Bách Xuyên qua sàn, còn chỉ một cái đôn gấm mà bảo Vô Trước ngồi. Đồng tử đưa hai bình trà đến toàn là bằng chén lưu ly và mỗi bên có một hình tô mật tức bằng mít đồi mồi. Người già ấy bảo Vô Trước rằng: "Ở phương Nam có vật này chăng?" Vô Trước đáp: "Không". Người già ấy bảo: "Phương Nam đã không có vật này, thì có thể uống trà". Vô Trước im lặng không nói gì. Người già ấy lại

bảo: "Tạm uống trà đã xong" và tiếp hỏi: "Sư xuất gia làm sự nghiệp gì?" Vô Trước đáp: "Đều không sự nghiệp gì, với trong đại Tiểu thừa cũng không có công khóa gì, chỉ khiến qua ngày mà thôi". Người già ấy hỏi: "Mới đầu xuất gia, sư vốn cầu việc gì?" Vô Trước đáp: "Vốn cầu đại quả". Người già ấy bảo: "Sư dùng tâm ban đầu mà tu tập tức được". Và tiếp hỏi: "Sư nay đã bao nhiêu tuổi?" Vô Trước đáp: "31 tuổi". Người già ấy bảo: "Năm 38 tuổi phước xưa trước của sư hẳn đến lúc, lại đối với xứ này rất có duyên". Và tiếp bảo Vô Trước rằng: "Sư từ từ mà về, khéo trông nhìn đường sá, chớ để tổn hại chân, tôi tạm nằm nghỉ chốc lát". Vô Trước xin được ở lại một đêm. Người già ấy không chấp nhận, bảo: "Sư bởi duyên có hai người bạn, nếu chẳng thấy sư về tức trong lòng rất lo khổ. Vả lại chưa có duyên ở đây, sư có thể chấp vậy". Vô Trước thưa: "Người xuất gia có chỗ nào đáng chấp? Tuy có bạn đồng hành cũng chẳng đoái hoài quyến luyến". Người già ấy hỏi: "Sư có thường trì ba pháp y chăng?" Vô Trước đáp: "Từ lúc thọ giới trở lại nay thường luôn hành trì". Người già ấy bảo: "Đó là chỗ chấp vậy". Vô Trước đáp: "Đã từng nghe". Người già ấy bảo: "Chuẩn cứ theo luật dạy "Minh tướng Tiểu thừa không gặp nạn chẳng được xả bỏ pháp y". Sư sớm xuống núi đi". Và người già ấy liền đứng dậy, Vô Trước cũng đứng dậy theo ra trước nhà mà đứng. Người già ấy nói bài kệ tụng rằng:

"Nếu người ngồi lắng trong chốc lát.
Hơn tạo muôn vàn tháp bảy báu.
Tháp báu sẽ lưu tợ vi trần
Một niệm lắng tâm thành chánh giác".

Nói bài kệ tụng xong, ngoảy nhìn Đồng tử bảo đưa tiễn ra khỏi chùa. Người già ấy vỗ vai Vô Trước mà bảo: "Sư hãy khéo đi". Vô Trước liền lui ra, đến bên cạnh hang Kim Cang, Đồng tử hỏi: "Đây là hang gì?" Vô Trước đáp: "Hang này tên là Kim Cang". Đồng tử hỏi: "Dưới Kim Cang lại còn có chữ gì?" Vô Trước suy nghĩ giây lâu, nói cùng Đồng tử rằng: "Dưới có chữ Bát nhã". Đồng tử bảo: "Đây tức là chùa Bát nhã Biến Hóa vậy". Vô Trước nắm tay Đồng tử kính lễ một bái mà giả biệt. Đồng tử bảo: "Xoay lại kính lễ Thánh hiền". Và nhân đó nói bài kệ tụng rằng:

"Trên mặt không sân, vật cúng dường.
Trong miệng không sân, nhả hương thơm.
Trong tâm không sân là báu thật.
Không nhiễm không đắm là chân như".

Nói bài kệ rồi, Vô Trước lại kính bái, vừa ngẩng đầu lên bèn

không thấy Đồng tử nữa và chùa Biến Hóa cũng ẩn mất, chỉ thấy rừng xanh vơi vợi, cây cao sầm uất, Vô Trước xót xa luyến mộ, đứng chờ đợi giây lâu, nhân quán sát nơi gặp người già kia, có mây trắng ùn nổi lên, phút chốc tỏa khắp hang cốc, thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cưỡi sư tử lớn, có muôn Thánh cùng theo, chừng khoảng bữa ăn, ở phía Đông có một đoạn mây đen lại trôi qua, Bồ-tát liền ẩn mất, rồi khoảnh khắc mây tan. Thế rồi, gặp Sa-môn tu chính ở chùa Bồ-tát tại phần châu v. v... cả thảy sáu người đồng đến hang Kim Cang, kính lễ Thánh tích, bỗng nghe đá núi chấn động, tiếng vang như sấm sét, chư tăng đều kinh sợ bỏ chạy ánh ngời cả lũy, chốc lát bèn dứt. Sa-môn tu chính v. v... dò hỏi, Vô Trước mới nói các việc gặp gỡ. Sa-môn tu chính mừng nghe được Thánh tích nhưng tự hận chẳng được trông thấy việc đó, bèn than khổ giây lâu, mới y theo lời Vô Trước nói, cứ như thật mà biên ghi lưu truyền khắp xa gần, chỉ cho người sau trông xem, mà chú ý nghĩ tưởng đến Linh Phong.

Sa-môn Vô Trước, với việc tu tạo cúng dường, đầy đủ như ở biệt lục biên ghi, ở đây chẳng thuật nói nhiều. Lại nữa, trong "Hoa Nghiêm sao" nói là Vô Trước về sau thường nghĩ ngợi đến Linh Dị, một ngày nọ lại đến nơi hang Kim Cang, tham quan lễ bái Thánh tích, gặp một người già bảo đi vào, Vô Trước đẩy người ấy rảo bước, bèn không thấy trở ra. Vô Trước đừng chờ đợi trước hang đều không trông thấy gì, bỗng thấy có vài người mặc đội khăn áo sắc màu đỏ tía nghiễm nhiên đến trước hang cùng đẩy nhau đi vào. Vô Trước trong tâm nghi ngờ, nhân đó hỏi người cùng đi theo rằng: "Đó là người nào mà được vào trong hang ấy?" Đó là một trong vạn vị Bồ-tát thường đi xiển dương hoằng hóa các nơi, đảm nhận làm quan lâu năm, chức trách đã mãn tức trở về trong hang đây, bởi do Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi hiện ở hang đây giảng kinh Hoa Nghiêm". Nghe nói vậy, Vô Trước vui mừng cùng theo nó, mới đi được vài ba bước, hang đá bỗng hẹp nhỏ, không dung cho vào mới thôi.

14. HÒA THƯỢNG THẦN ANH VÀO VIỆN PHÁP HOA BIẾN HÓA.

Sa-môn Thích Thần Anh vốn người dòng họ Hàn ở Thương Châu, từ bé thơ đã tỏ ngộ đạo, đến tuổi búi tóc theo thầy tập học đọc tụng rất tinh cần. Suốt đêm ngày chẳng biếng lười, dốc sức thờ thầy, năm sự chẳng khuyết thiếu. Tiết tháo sánh như tùng quân, tâm tánh đồng tợ vàng đá, theo tuổi thọ giới cụ túc, hạnh nghiệp càng tịnh tu. Mỗi lúc nghĩ đến kiếp sống bồng bềnh nhanh chóng chỉ trong nháy mắt, bèn mới

chống mang tích trượng vân du, tìm phỏng các thiện tri thức, sớm thông thiền định và tỏ rõ kinh luận. Xa đến Nam Nhạc tham học nơi Thiền sư Thần Hội. Một ngày nọ, Thiền sư Thần Hội bảo cùng Thần Anh rằng: "Đối với núi Ngũ Đài, ông có nhân duyên rất lớn hãy nhanh theo hướng bắc mà đi chiêm lễ Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi, và phỏng tìm di tích". Đã vâng theo lời thầy chỉ dạy, Thần Anh cố gắng quên cả nhọc mệt.

Vào giữa tháng sáu Khai Nguyên thứ tư (716) thời Tiền Đường, Thần Anh đến núi, nguyện cầu được đảnh lễ Đại Thánh, bèn dừng ở tại viện Hoa Nghiêm Vương. Một ngày nọ, sau khi thọ trai, Thần Anh riêng một mình đến bờ rừng phía tây, bỗng thấy một ngôi tịnh xá, biển ngạch đề là "viện Pháp Hoa", Thần Anh thẳng vào đi quanh tham lễ, chỉ chốc lát thấy một tòa tháp Phật Đa-bảo có bốn cửa, Ngọc Thạch khắc chạm hình tượng tinh xảo đẹp xinh ngời sáng, thợ thần hiếm kịp. Tiếp đến phía sau có lầu "Hộ quốc nhân vương" rộng năm gian, phía trên có tôn tượng Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền và bộ tùng toàn bằng ngọc thạch. Trước có ba cửa cả thảy có mười ba gian, phía trong cửa có hai nách có hàng quan đạo tràng, cũng có tôn tượng Văn-thù, Phổ Hiền và Bộ tùng, phía ngoài cửa là biểu đồ huyết mạch mười ngôi chùa ở núi Ngũ Đài. Đi quanh tham lễ đã xong, Thần Anh muốn ra ngoài cửa viện, lại thấy có chúng tăng tướng trạng thần dị. Trong tâm sinh nghi ngờ đây là cảnh biến hóa, bèn ra theo hướng đông mà đi, vừa khoảng ba mươi bước, bỗng nghe có tiếng nói, xoay đầu trông nhìn lại, toàn không thấy gì. Thần Anh mới buồn khóc giây lâu rồi mới bảo là: "Đây hẳn là do Đại Thánh biến hóa. Ta đối với xứ này có nhân duyên rất lớn". Bèn đến nơi chỗ viện biến hóa ấy dựng lập am mà ở và phát thệ nguyện là sẽ y như viện biến hóa mà dựng lập ngôi già lam. Thần Anh ở đó hơn một năm, mọi người quy hướng nương tựa đông nhiêu, bèn tìm mời thợ giỏi tạo dựng, chẳng phải đáp trả công thợ. Mọi thứ cần sử dụng đều tùy duyên, xa từ các châu khác cách cả ngàn dặm cũng tìm kiếm ngọc thạch để chế tạo tôn trượng giũa gọt đẽo khắc rất mực tinh xảo, nhập thần khắc đắp nơi tường vách, phần nhiều là vết tích thật của Ngô Đạo Tử. Đến lúc viện tạo dựng hoàn tất, chi phí tốn cả trăm muôn, khắc đề biển hiệu là viện Pháp Hoa. Thần Anh trú trì tại đó, hưởng thọ 75 tuổi. Một ngày nọ, kêu gọi các hàng môn nhân đệ tử căn dặn mọi việc về sau, rồi an nhiên thị tịch. Tuy thời đại năm tháng đã lâu xa nhưng linh tháp vẫn hiện còn.

15. HÒA THƯỢNG ĐẠO NGHĨA VÀO CHÙA KIM CÁC BIẾN HÓA.

Thiền sư Đạo Nghĩa chưa rõ vốn dòng họ gì, người xứ Giang Đông. Đến thọ học nơi chùa Long Hưng Cù Châu; Thần khí thanh thoát dáng cốt của tú, đạo phong nổi bật thể nhân. Ngày 23 tháng 04 năm Khai Nguyên thứ 24 (736) thời Tiền Đường, xa từ Giang Biểu, Đạo Nghĩa cùng Sa-môn Phổ Thủ ở Hàng Châu đồng đi đến chùa Thanh Lương tại núi Ngũ Đài, dừng nghỉ nơi nhà dùng cháo, có vị Tăng chủ sự bảo rằng: "Xin tất cả đại chúng đồng đến Đông Lãnh để mang vác củi". Đạo Nghĩa bèn dùng một đôi giày tre mướn người đi thế. Xong, bèn mang ba pháp y áo nạp riêng một mình theo hướng đông bắc mà đi. Phỏng tìm nơi ở của Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi, trong tâm tự tư duy rằng: "Đại Thánh là thầy của chín đời Phật Tổ, thần dụng chẳng thể nghĩ lường, mây hồng ẩn hiện chẳng do đâu được biết. Tự hận xuất gia trong thời mạt pháp, Thánh hiền đều ẩn tích, chỉ có cảnh Thánh núi Ngũ Đài đây, nhiếp hóa tất cả sinh linh. Dáng vàng vầng ngọc có lúc hiện bày. Đoái hoài từ xứ Giang Tả xa đến Linh Sơn không có hoạn nạn bởi nhờ sức gia trì mà nên. Cúi xin Đại Thánh nhủ lòng từ bi thấm đượm rộng khắp chẳng phân chọn khô vinh, ứng hiện thân thật, thì con kẻ ngu si chí thành mang nguyện đó, tâm chí tinh thành nhất niệm, người vật đều quên" bỗng nhiên ngẫng mắt thấy một người già, thân hình to lớn dung mạo dáng vẻ ánh ngời, tóc tơ xanh biếc, đảnh đầu có điểm nổi, thân mặc áo vân nạp, thần thái nghiêm trang cao vợi cỡi 01 con voi trắng từ trên đảnh núi mà đến. Đạo nghĩa trông thấy rồi, bất chợt lánh đường, gieo mình nơi đất, dốc tâm chí thành kính lễ. Voi đi rất nhanh, chốc lát liền đến. Voi đưa vòi xúc phạm Đạo Nghĩa, với ý khiến nên lễ bái. Đại Thánh tăng bảo Đạo Nghĩa rằng: "Sư xa từ giang biểu, lại vượt qua Linh Sơn, chẳng sợ gian nan nguy hiểm, gom cả Thánh thần, nhưng một cảnh núi Ngũ Đài đây, trên dưới gồm có năm ngọn, chẳng luận kẻ tăng người tục, cho đến bước chân giẫm đạp trên một hạt bụi một viên đá, thì chẳng chỉ diệt tội sinh tử. Đức Phật dự ghi những người như vậy trong tương lại sẽ được thân sắc vàng tía. Ngày nay tuy sắc trời hòa ấm, nhưng trên đảnh núi gió lạnh, tức thời tạm đi phải lấy áo gấm, sáng mai lên đải rất được tiện nghi vậy". Đạo Nghĩa bèn đảnh lễ kính tạ, chưa kịp trông nhìn lại, voi đã đi qua nhanh như gió, mịt mờ chẳng thấy gì nữa. Đạo Nghĩa trở về lại chùa Thanh Lương lấy áo khăn gởi tại đó. Từ trong đêm chưa sáng bèn đến Tây Đài, quả nhiên gặp gió lạnh. Đạo Nghĩa trong tâm tự lấy làm quái lạ sự việc trước, chẳng dám nói với mọi

người. Kịp tới lúc lên đảnh đài, quả nhiên trông xem khắp cùng. Sáng ngày sau đến Trung Đài, vừa đi được nửa đường, lại thấy gặp vị lão tăng cưỡi voi hôm qua chống gậy mà đến, bảo cùng Đạo Nghĩa rằng: "Sư có thể gấp đi đến nơi kia thọ thực, ngày nay lão tăng phải đến Thái Nguyên, thứ nhất là có duyên đến phó trai ở nhà của Vi Duẩn, thứ hai là cần luận bàn một ít sự việc. Nhưng giả biệt không lâu, lấy sau giờ ngọ làm kỳ hạn, Sư chớ rão bước đông tây xa vời, sẽ tự có tin tức". Đạo Nghĩa kính lễ chưa xong, vụt chốc lão tăng đã đi mất, Đạo Nghĩa bèn đi phía trước, đến nơi cúng dường, quả nhiên cùng chư tăng thọ thực. Tiếp theo Đạo Nghĩa lại lấy làm quái lạ đó, an ủi rướm lệ tâm linh, thân thể quên cả nhọc mệt. Đến lúc quá trưa, lược không tin tức gì, Đạo Nghĩa lên đảnh non trông nhìn xa, tay xách bình nước tham lễ, nhất tâm chú ý nghĩ tưởng Chân Nghi Đại Thánh. Lại nhớ lời vị thần tăng cưỡi voi chỉ dạy, đứng đợi tin tức, chẳng dám biếng lười. Nhân đó bước ra phía nam Tăng Đường, đi khoảng vài mươi bước đưa mắt trông nhìn xa, bỗng thấy một Đồng tử tuổi khoảng 13-14, mặc y phục mới sắc vàng, chân mang giày gai mới, tự xưng tên là Giác Nhất và bảo là: "Hòa thượng đang ở tại chùa Kim Các bảo ra mời A-xà-lê Đạo Nghĩa ở Cù Châu đến uống trà". Đạo Nghĩa vội theo Giác Nhất theo hướng đông bắc đi khoảng vài ba trăm bước, ngữa mắt trông thấy một chiếc cầu vàng. Đạo Nghĩa liền theo bước lên tức đến chùa Kim Các. Ba cửa lầu gác thuần toàn vàng ròng sáng ngời lóa mắt. Các lớn ba tầng trên dưới có chín gian. Trông nhìn đó rất kinh lạ, Đạo Nghĩa dốc tâm chí thành kính lễ, bèn vào sân chùa. Điện đường hiên vũ đều toàn trang sức bằng vàng báu. Riêng lầu lớn ngay đường và chiếc cầu đi qua thuần toàn vàng thật sắc tía làm thành Đạo Nghĩa trông nhìn chẳng ngưng nghỉ, thần ý như lạt mất, chỉ biết chí thành kính lễ. Đồng tử dẫn Đạo Nghĩa vào nơi gian nhà phía Đông, rồi theo hướng nam đến cửa viện thứ nhất. Bỗng thấy vị lão tăng cưỡi voi ngồi nơi giường chỏng lớn bằng vàng tại cửa mà bảo: "A Sư đến đó ư? Chẳng cần phải lễ bái, xin mời bước lên thềm cấp". Đạo Nghĩa muốn trải tọa cú để kính lễ. Lão tăng bèn cản ngăn, Đạo Nghĩa không dám trái mạng. Liền bước lên nhà đứng đợi. Đại Thánh bảo Giác Nhất đem lại một chiếc giường chỏng nhỏ và bảo "Xà lê ngồi nơi giường chỏng ấy". Mọi vật mới toàn thuần vàng ròng. Đạo nghĩa chấp tay đảnh lễ, lo sợ mà ngồi, trong lòng kinh lạ ngợi khen nhưng chưa dám thưa hỏi. Chốc lát sau Đại Thánh bảo cùng Đạo Nghĩa rằng: "Sư từ Giang Đông đến, Phật pháp ở xứ đó như thế nào?" Đạo Nghĩa đáp: "Trú trì mạt pháp, ít kính phụng giới luật, nếu chẳng tận mắt chứng kiến thì không thể biết

được”. Đại Thánh bảo: “Lành thay!” Nhân đó, Đạo Nghĩa mới dám hỏi Hòa thượng rằng: “Trong đây Phật pháp như thế nào?” Đại Thánh đáp: “Phật pháp trong đây, Thánh phàm đồng ở, thẳng tại danh tướng, chỉ tùy duyên làm lợi vật tức là Đại thừa”. Đạo Nghĩa nói: “Chùa viện của Hòa thượng thoáng rộng, nhìn tận mắt đều là vàng ròng làm thành, hàng ngu si tình chẳng thể lường biết, có thể gọi là chẳng thể nghĩ bàn vậy”. Đại Thánh bảo: “Đúng vậy”. Và bèn bảo Giác Nhất đem trà và dược thực lại. Đã đem đến, lại bảo Đạo Nghĩa uống ăn, mùi vị phảng phất rất khác mùi vị tầm thường. Uống ăn xong, Đại Thánh lại gọi Giác Nhất và bảo dẫn đưa A Sư đi tham quan mười hai viện. Đạo Nghĩa bèn cùng Giác Nhất đi khắp các viện tham yết. Đến trước nhà ăn lớn, thấy có nhiều tăng lữ, hoặc tòa thiền, hoặc trì luật, hoặc ngồi, hoặc đi, ước số cả muôn vạn, hoặc lại thọ lễ, hoặc là tương thừa tiếp lấy. Đề ngạch ở mười hai mỗi mỗi khác nhau.

- Ở hiên phía Đông có sáu viện, đó là:

1- Viện Bồ-tát Đại Thánh.

2- Viện Bồ-tát Quán Âm.

3- Viện Bồ-tát Dược Vương.

4- Viện Bồ-tát Hư Không Tạng.

5- Viện Bồ-tát Đại Tuệ.

6- Viện Bồ-tát Long Lũy.

- Ở hiên phía tây có sáu viện, đó là:

1- Viện Bồ-tát Phổ Hiền.

2- Viện Bồ-tát Đại Thế Chí.

3- Viện Bồ-tát Dược Thượng.

4- Viện Bồ-tát Địa tạng.

5- Viện Bồ-tát Kim Cang Tuệ.

6- Viện Bồ-tát Mã Minh.

Đạo Nghĩa đi quang bái yết xong, Lão tăng bảo Đạo Nghĩa hãy sớm trở về, núi lạnh khó thể ở lại được. Đạo Nghĩa bèn giả từ Lão tăng, ra khỏi chùa khoảng trăm bước, xoay nhìn lại thì đã ẩn mất tất cả, chỉ toàn núi không, cây cao mà thôi, mới biết đó là chùa biến hóa, Đạo Nghĩa bèn trở về Trường An. Năm Đại Lịch thứ nhất (746) thời Tiền Đường, Đạo Nghĩa nêu bày sự việc tấu trình cùng vua Đại Tông (Lý Dự 763-780) thời Tiền Đường, vua bèn ban sắc tạo dựng chùa, và ban sắc sai bảo mười tiết độ sứ trông coi việc tạo dựng.

16. HÒA THƯỢNG PHÁP CHIẾU VÀO CHÙA TRÚC LÂM BIẾN HÓA.

Sa-môn Thích Pháp Chiếu vốn người xứ Nam Lương, chưa rõ dòng họ là gì. Ngày mười ba tháng hai năm Đại Lịch thứ hai (767) thời Tiền Đường, đang ăn cháo tại trai đường Vân Phong ở Nam Nhạc, Pháp Chiếu nhìn trong bát bỗng thấy từ chùa Phật Quang ở núi Ngũ Đài về phía Đông bắc cách hơn một dặm có núi, dưới núi có khe suối, ở phía Bắc khe suối có một cửa đá lớn, đi khoảng năm dặm, thấy có một ngôi chùa, biển ngạch đề là "Chùa Đại Thánh Trúc Lâm", giây lâu mới ẩn mất, trong tâm Pháp Chiếu rất lấy làm kinh lạ. Lại đến giờ thìn ngày hai mươi bảy, nhìn vào trong bát, Pháp Chiếu lại thấy chùa Hoa Nghiêm ở núi Ngũ Đài và các chùa đều rõ ràng có thể trông xem, đất toàn vàng ròng, không có rừng núi, trong ngoài đều sáng suốt, ao đài lầu quán, đều dùng bằng các vật báu trang nghiêm. Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi và cả vạn vị Bồ-tát đồng ở trong đó. Lại thấy cõi nước thanh tịnh của chư Phật. Đến lúc ăn xong mới ẩn mất. Trong tâm càng rất nghi ngờ, trở về trong phòng viện Pháp Chiếu kể nơi cùng chúng tăng và hỏi có người nào từng đến núi Ngũ Đài chăng? Khi ấy có hai vị Xà Lê Gia Diên và Đàm Huy Ứng đáp: "Chúng tôi đã từng đến núi Ngũ Đài ghé dừng ở chùa Phật Quang, cùng như sư thấy trong bát tương đồng vậy". Tuy hỏi biết nhưng Pháp Chiếu cũng chưa phát tâm đi tham lễ.

Đến mùa Hạ năm Đại Lịch thứ tư (769) thời Tiền Đường, Pháp Chiếu lên trên lầu cao ở chùa Tương Đồng tại Hành Châu, suốt chín tuần vào đạo tràng niệm Phật. Đến giờ mùi ngày mồng hai tháng sáu, thấy mây lành giăng khắp phủ che các chùa, trong mây ứng hiện các lầu các, trong các có vài mươi vị Phạm tăng thân hình cao lớn cả một trượng cầm tích hành đạo. Phụng Quách ở Hành Châu đều thấy Phật A-di-đà và Văn-thù, Phổ Hiền cả thảy một vạn vị Bồ-tát đều ở trong chúng hội, thân hình cao lớn. Đại chúng thấy Đại Thánh ứng hiện, buồn khóc kính lễ, mãi đến giờ dậu mới ẩn mất. Đến chiều tối, Pháp Chiếu đi ngoài đạo tràng, gặp một người già tuổi khoảng bảy mươi bảo cùng Pháp Chiếu rằng: "A Sư từng phát nguyện đến núi Ngũ Đài, sao mãi đến nay mà chẳng đi?" Pháp Chiếu đáp: "Thời gian khó khăn đường sá hiểm trở, làm sao đi được?" Người già ấy bảo: "Sư có thể nên gấp đi". Pháp Chiếu liền vào đạo tràng, lại phát nguyện chí thành sau khi mãn hạ sẽ đến núi Ngũ Đài đảnh lễ Đại Thánh. Đến ngày mười ba tháng tám năm đó (769) từ Nam Nhạc, Pháp Chiếu cùng mười người đồng chí ý đến núi Ngũ Đài, quả nhiên không bị nạn ngại.

Ngày mồng năm tháng tư năm sau (770) mới đến huyện Ngũ Đài, từ phía nam xa trông về chùa Phật Quang ở phía nam có vài mươi luồng ánh sáng sắc trắng, mọi người đều trông thấy. Qua ngày mồng sáu, đến chùa Phật Quang dừng nghỉ. Quả nhiên đúng là chùa như thấy trong bát. Quá nửa đêm đó, nhân ra cửa phòng, Pháp Chiếu bỗng thấy một luồng ánh sáng sắc trắng từ dưới núi phía bắc soi chiếu lên trước mặt Pháp Chiếu. Pháp Chiếu bèn vội vào trong phòng nhà, mới hỏi chư tăng: "Đó là tướng ánh sáng gì?" Có vị Tăng đáp: "Ở xứ này thường có tướng ánh sáng của Đại Thánh chẳng thể nghĩ bàn". Nghe xong, Pháp Chiếu liền chỉnh cụ oai nghi rão bước tìm theo tướng ánh sáng đó, bèn đến phía Đông bắc của chùa cách khoảng một dặm có núi, dưới núi có khe suối, phía bắc khe suối có cửa đá, và thấy có hai Đồng tử mặc áo sắc xanh khoảng tám-chín tuổi, dáng mạo rất đoan chính, tựa cửa mà đứng. Một người xưng là Thiện Tài, và một người xưng là Nan Đà. Vừa cùng thấy rất vui mừng kính lễ thăm hỏi Pháp Chiếu rằng: "Cớ sao trải qua thời gian lâu dài trôi dạt trong sinh tử, nay mới lại cùng thấy gặp?" và bèn dẫn Pháp Chiếu vào cửa theo hướng bắc mà đi gần đến năm dặm bỗng thấy một cửa lầu vàng cao chừng trăm thước, lại có lầu cặp nách, dần đến nơi cửa mới thấy một ngôi chùa, trước mặt chùa có chiếc cầu vàng lớn, có bảng vàng đề là "chùa Đại Thánh Trúc Lâm", mỗi một đều như Pháp Chiếu từng thấy trong bát, chu vi rộng khoảng hai mươi dặm, trong đó có một trăm hai mươi viện, trong mỗi viện đều có tháp báu trang nghiêm. Đất ở đó thuần toàn vàng ròng, suối cầu hoa quả khắp đủ trong đó. Pháp Chiếu vào chùa, đến trong giảng đường, thấy Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi ở phía tây, Đại Thánh Phổ Hiền ở phía Đông, đều ngồi trên tòa sư tử giảng nói pháp. Tiếp đến thân Đại Thánh và tòa cao cả trăm thước. Hai bên Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi có hơn vạn vị Bồ-tát, và nơi Đại Thánh Phổ Hiền cũng có vô số Bồ-tát vây quanh trước sau. Pháp Chiếu đến dưới tòa sư tử trước hai Đại Thánh, cúi đầu đảnh lễ xong, thưa hỏi hai Đại Thánh rằng: "Hàng phàm phu ở trong thời mạt pháp, cách Thánh lâu xa, trí thức chuyển dần kém cõi, nghiệp chướng dơ bẩn càng sâu dày, phiền não khuất che trói buộc, Phật tánh chẳng do đâu mà hiện bày. Với Phật pháp mênh mông, không biết tu hành pháp môn gì rất là cốt yếu, dễ được thành Phật, lợi lạc quần sinh, cúi xin Đại Thánh vì dứt trừ lưới nghi!". Khi ấy, Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi bảo rằng: "Ông dùng pháp niệm Phật, nay chánh phải lúc, trong các môn tu hành không gì qua môn niệm Phật, cúng dường Tam bảo, phước tuệ sang tu, hai môn này rất là cốt yếu. Cớ sao như vậy? Trong đời

kiếp lâu xa ở thời quá khứ, tôi nhân quán Phật, nhân niệm Phật nhân cúng dường. Nên nay được nhất thiết chủng trí. Cho nên tất cả các pháp Bát nhã Ba-la-mật, hiện thiền định sâu xa, cho đến chư Phật thành vô thượng giác, đều từ niệm Phật mà sinh. Nên biết niệm Phật là vua của các pháp. Các ông nên phải thường niệm pháp vương vô thượng, khiến chớ ngưng nghỉ". Pháp Chiếu lại hỏi: "phải nên niệm như thế nào?" Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi bảo: "Từ thế giới này về phương tây có cõi nước cực lạc, ở đó hiện có Đức Phật hiệu là A-di-đà. Phật ấy nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn. Nên phải buộc niệm quán tưởng cõi nước ấy khiến không gián đoạn. Sau khi mạng chung quyết định vãng sinh về trong cõi nước Đức Phật ấy, trọn không thối chuyển, chóng vượt ra ba cõi mau được thành Phật". Nói lời ấy rồi, khi đó cả hai Đại Thánh duỗi cánh tay sắc vàng xoa đảnh của Pháp Chiếu mà vì thọ ký: "Ông đã niệm Phật, không lâu nữa sẽ chứng đắc Bồ-đề Vô thượng chánh đẳng. Nếu người Thiện Nam kẻ tín nữ nào mau chứng đắc vô thượng Bồ-đề, hết một báo thân này nhất định vượt qua biển khổ, đến thấu bờ kia". Khi ấy Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi vì nói bài kệ tụng rằng:

"Các ông muốn cầu được giải thoát.
Trước nên phải trừ tâm ngã mạn.
Ganh ghét lợi danh và xan tham.
Dứt bỏ các ý bất thiện ấy.
Nên chuyên xưng niệm hiệu Di đà.
Tức hay an trú cảnh giới Phật.
Nếu hay an trú cảnh giới Phật.
Là người thường thấy hết thảy Phật.
Nếu được thường thấy hết thảy Phật.
Tức hay thấu đạt tánh chân như.
Nếu hay chóng dứt các phiền não.
Tức hay thấu đạt tánh chân như.
Ở trong biển khổ mà thường lạc.
Thí như hoa sen chẳng dính nước.
Và tâm thanh tịnh vượt sông ái.
Tức hay nhanh chứng quả Bồ-đề".

Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói thêm bài kệ tụng nữa:

"Các pháp chỉ tâm tạo.
Rõ tâm chẳng khá được.
Thường theo đây tu hành.
Gọi là tướng chân thật".

Bồ-tát Phổ Hiền cũng nói bài kệ rằng:

"Bảo ông cùng với hết thảy chúng.
Thường nên khiêm hạ các Tỳ-kheo.
Nhẫn nhục tức là nhân Bồ-đề.
Không sân hẳn được báo đoan nghiêm
Mọi người trông thấy đều hoan hỷ.
Tức phát tâm Bồ-đề vô thượng.
Nếu theo lời đây mà tu hành.
Vô số cõi Phật theo tâm hiện.
Đều hay tu tập các hạnh nguyện.
Chuyển tiếp hết thảy các hữu tình.
Mau lìa sông ái đến bờ kia. ..."

Nghe xong, Pháp Chiếu vui mừng nhảy nhót, lưới nghi hết thảy đều dứt trừ, Pháp Chiếu lễ tạ rồi, chấp tay mà đứng. Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi bảo Pháp Chiếu rằng: "Ông có thể đến viện của các Bồ-tát lần lượt mà kính lễ. Đã vâng theo lời chỉ bảo rồi. Pháp Chiếu lần lượt đi tham lễ, bèn đến nơi vườn trái cây bảy báu. Trái cây ấy vừa mới chín lớn bằng cái chén, Pháp Chiếu bèn hái ăn, mùi vị rất thơm ngon. Pháp Chiếu ăn xong, thân ý thư thái, trở về trước Đại Thánh, đảnh lễ mà lui ra. Sai hai Đồng tử đưa ra ngoài cửa. Đảnh lễ rồi, ngẩng đầu bỗng nhiên không thấy nữa. Pháp Chiếu mới bùi ngùi càng gấp bội buồn cảm. Bèn dựng đá ghi dấu, đến nay vẫn hiện còn.

Ngày mồng tám tháng tư đến viện Bát nhã tại chùa Hoa Nghiêm dừng nghĩ dưới lầu phía tây. Đến sau giờ ngọ ngày mười ba, Pháp Chiếu cùng hơn năm mươi vị Tăng đồng đến hang Kim Cang đi quanh tham lễ, đến nơi Hòa thượng Vô Trước thấy gặp Đại Thánh, chỉ tâm kính lễ danh hiệu ba mươi lăm Đức Phật, vừa lễ bái hơn mười biến, bỗng thấy nơi ấy đều thuần là cung điện lưu ly bảy báu. Đại Thánh Văn-thù, Phổ Hiền cùng vạn vị Bồ-tát, đồng thời Phật đà Ba-lợi đồng tại trong một pháp hội. Trông thấy rồi, Pháp Chiếu chỉ tự mừng vui, theo chúng trở về chùa. Giữa đêm đó, đến trên lầu phía tây chùa Hoa Nghiêm, bỗng thấy một ngôi chùa ở lưng chừng núi phía Đông, có năm chén đèn Thánh lớn như cái bát, Pháp Chiếu cầu nguyện rằng xin chân thành trăm chén, đèn bên phân thành trăm chén. Pháp Chiếu lại cầu nguyện xin phân thành ngàn, sau đó cũng bèn phân, lại biến thành ba hàng, các hàng cùng tương đối khắp đầy cả nửa núi. Nhân đó, Pháp Chiếu quên thân mình riêng đến chỗ quán thấy Đại Thánh ở hang Kim Cang. Quá nửa đêm đó, đến hang Kim Cang, lại đảnh lễ danh hiệu ba mươi chín Đức

Phật, do biến năm hội, xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà hai ngàn tiếng, buồn khóa cầu thưa: "Chỉ tự vì nghiệp ác từ vô thủy, trôi nổi sinh tử". Khắc trách các thứ, nghiêng thân hơn ba mươi lần tự đánh. Chưa thôi, bỗng thấy một vị Phạm tăng thân cao bảy thước tự xưng là Phật Đà-ba-lợi đến trước mặt Pháp Chiếu, bảo rằng: "Nay sư buồn khóc đâu có ý gì ư?" Pháp Chiếu đáp: "Pháp Chiếu tôi từ xa đến, mong nguyện được thấy Đại Thánh". Phật Đà-ba-lợi bảo: "Thật nguyện mong thấy chăng?" Pháp Chiếu đáp: "Thật nguyện mong thấy". Phật Đà-ba-lợi liền cởi giầy đứng trên bảng và bảo: "Sư chỉ nên nhắm mắt theo ta mà đi". Rồi bèn dẫn Pháp Chiếu vào hang Kim Cang, bỗng thấy một viện, có bảng vàng ròng đề là "chùa Kim Cang Bát nhã", đều dùng bằng bảy món báu trang nghiêm, phòng hiên lầu các cả thảy có một trăm bảy mươi gian. Kim Cang Bát nhã hết thảy kinh tạng tại trong các báu Pháp Chiếu bèn hướng về Đại Thánh gieo thân mình đảnh lễ, chấp tay thưa bạch Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi rằng: "Chỉ nghĩ lúc nào chóng chứng Bồ-đề vô thượng chánh đẳng, hóa độ chúng sinh khiến vào không sót, lúc nào quả thật con mãn nguyện hải vô thượng". Phát thệ nguyện ấy rồi. Khi ấy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo rằng: "Tâm ông chân chánh, chí làm Bồ-tát, có thể ở trong đời xấu ác, phát nguyện thù thắng ấy làm lợi ích quần sinh. Như lời ông nói hẳn sẽ nhanh chứng Bồ-đề vô thượng, hẳn sẽ chóng đủ vô lượng hạnh nguyện Phổ Hiền, viên mãn cụ túc, làm thầy trời người, độ vô lượng chúng". Pháp Chiếu được thọ ký xong, cúi đầu đảnh lễ, lại hỏi rằng: "chưa biết ngày nay và trong đời sau, hết thảy bốn chúng đồng chí ý niệm Phật, chẳng cầu danh lợi, dõng mãnh tinh tấn, đến lúc lâm chung có được cảm Phật đến nghinh đón dẫn tiếp vãng sinh thượng phẩm chóng lìa sông ái chăng?" Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo: "Nhất định không nghi, chỉ trừ người vì danh lợi và không chí tâm". Nói xong, bèn sai Đồng tử Nan Đà đem nước trà và dược thực đến, Pháp Chiếu nói: "Không cần dược thực". Đại Thánh bảo: "Chỉ nên ăn, chớ sợ gì", bèn đưa đến hai chén nước, một chén thức ăn, mùi vị rất ngon lành. Đại Thánh cũng đưa đến ba chén nước cùng với dược thực. Đồ đựng đó toàn bằng lưu ly vật báu làm thành. Thế rồi, bảo Phật Đà-ba-lợi đưa ra. Trong ý Pháp Chiếu không muốn đi ra. Đại Thánh bảo rằng: "Không thể được, thân ông nay đây vốn là phàm chất, vật thể bất tịnh, không thể ở đây. Chỉ vì ông cùng ta có duyên nay đã thuần thục. Một báo thân này hết, ông sẽ vãng sinh tịnh độ, mới có thể lại ở đây". Nói xong bỗng nhiên ẩn mất không thấy, Pháp Chiếu trở lại trước hang đứng trên bảng chờ đợi. Trời sáng, riêng thấy một vị Phạm tăng bảo Pháp Chiếu rằng:

"Khéo đi, khéo đi! Hãy cố nỗ lực, nỗ lực, dõng mãnh tinh tấn". Nói lời ấy xong, bỗng nhiên cũng ẩn mất. Giây lâu chần chừ, buồn vui không thôi, Pháp Chiếu mới biết bi nguyện của Đại Thánh thật khó thể nghĩ bàn! Pháp Chiếu tuy thấy Thánh vị nhưng không dám vọng truyền, sợ sinh nghi ngờ phỉ báng.

Đến đầu tháng mười hai, ở chùa Hoa Nghiêm, bèn vào đạo tràng niệm Phật, Pháp Chiếu bỏ ăn lấy làm kỳ hạn, cầu sinh tịnh độ được vô sinh nhẫn, chóng vượt biển khổ cứu độ quần sinh. Như vậy suốt bảy ngày, vừa đến đầu đêm nguy lúc niệm Phật, bỗng thấy một vị Phạm tăng đến trong đạo tràng, bảo Pháp Chiếu rằng: "Những điều ông thấy, cảnh giới Đài Sơn, cớ sao không nói?". Nói xong liền ẩn mất. Trong tâm Pháp Chiếu nghi ngờ vị Tăng ấy, nhưng cũng chưa tuyên bày. Đến ngày hôm sau lúc giờ thân đang tụng niệm, lại thấy vị Phạm tăng tuổi khoảng 80 thần sắc cao vợi trang nghiêm, bảo Pháp Chiếu rằng: "Vừa rồi ông thấy cảnh giới Đài Sơn, sao chẳng y như sự thật mà biên ghi, chỉ bày cho tất cả chúng sinh được nghe thấy đó mà phát tâm Bồ-đề, đoạn ác tu thiện được lợi ích lớn, sao sư bí mật không nói cho người khác nghe biết?" Pháp Chiếu đáp: "Thật không có tâm che giấu việc ấy, chỉ sợ người sinh nghi ngờ phỉ báng sa đọa vào địa ngục, do đó mà không nói". Vị Phạm tăng ấy bảo: "Đại Thánh Văn-thù hiện tại ở nước này còn có người phỉ báng, huống gì cảnh giới ông thấy nay đây, chỉ vì khiến cho nhiều người thấy nghe, phát tâm Bồ-đề, nên đến xứ này diệt trừ vô lượng vô biên tội sinh tử, đoạn ác tu thiện, xưng niệm danh hiệu Phật, được sinh về tịnh độ, tức là lợi ích vô lượng vô biên chúng sinh, há chẳng lớn thay, sao lo nghi ngờ phỉ báng mà che giấu chẳng nói?" Pháp Chiếu nghe xong, đáp rằng: "Kính trọng vâng lời chỉ dạy, không dám che giấu". Vị Phạm tăng ấy mĩm cười, liền ẩn chẳng hiện. Pháp Chiếu mới y theo lời chỉ bảo, đầy đủ như thấy gặp trước đúng như thật biên ghi chỉ bày cho mọi người nghe biết.

Ngày mồng chín tháng giêng năm Đại Lịch thứ sáu (771) thời Tiền Đường, Sa-môn Thích Tuệ Tùng ở Giang Đông, cùng các Sa-môn Sùng Huy, Minh Khiêm v. v... ở chùa Hoa Nghiêm cả thảy có hơn ba mươi vị theo Pháp Chiếu đến hang Kim Cang nơi thấy gặp viện Bát nhã, dựng đá nên mốc viết minh ký. Đồ chúng cùng đi, chí thành chiêm ngưỡng, buồn vui lẫn lộn, chợt nghe nơi đó có tiếng chuông ngân vang âm thanh hòa nhã, đại chúng đều kinh ngạc tán thán linh dị, quả quyết đặc biệt nói cùng Pháp Chiếu là: "Chỗ thấy không hư dối, đều nghĩ nhớ duyên xưa trước lắm may mắn", được cùng mọi người đồng đi biên ghi

trên vách tường khiến tất cả đều đồng nghe thấy, đồng phát tâm thù thắng, cùng mong chứng thành Phật quả.

Về sau, đến ngày mười ba tháng chín năm Đại Lịch thứ mười hai (777) thời Tiền Đường, Pháp Chiếu cùng các tiểu sư v. v... cả thảy tám người đến Đông Đài đồng thấy có hơn mười luồng ánh sáng sắc trắng xuất hiện, tiếp theo lại có mây đen ngùn ngụt, chỉ khoảnh khắc mây tan, thấy ánh sáng năm sắc soi chiếu khắp thân, trong ánh sáng sắc hồng tròn sáng, Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi cưỡi con sư tử lông xanh. Cả đại chúng đều thấy rõ. Lại giáng tuyết nhỏ mịn và vầng ánh sáng năm sắc hiện khắp núi cốc, chẳng biết rõ lượng là bao nhiêu. Các tiểu sư đồng đi như là Sa-môn Thuần Nhất, Duy Tú, Quy Chính, Trí Viễn, Sa di Duy Anh, Hành giả Trương Hy, Đồng tử Như Tỉnh v. v... không ai chẳng thấy. Sau đó, Hòa thượng Pháp Chiếu mới vượt qua phía nam chùa Hoa Nghiêm cách mười lăm dặm ngay giữa dưới sườn núi của Trung Đài, y theo cách thức của chùa biến hóa mà dựng lập một ngôi chùa đề hiệu là “chùa Trúc Lâm”.

Trong khoảng niên hiệu Trinh Nguyên (785-805) dưới đời vua Đức Tông (Lý Khoát 780-805) thời Tiền Đường, có Hộ quân trung úy Bân Tân quốc công, Phù Phong Đậu công thi hành sắc lệnh lấy lợi của tô thuế trang điền huyện Tam Nguyên, mỗi lúc tới ngày Đản Thánh của Hoàng đế, đến mười chùa và Lan Nhã Phổ thông thiết trai cúng dường vạn vị Tăng. Bảo Tư binh tham quân vương sĩ Chiêm soạn thuật khắc đá biên ghi bài tụng, đại khái với văn từ là: “Di-đà ở nước Tây phương, Đại sư Pháp Chiếu làm chủ vậy. Lúc Đế Nghiêu đang trên ngôi, Bân Công phụ giúp. Vậy đủ biết Phật báu nước báu khác vết mà đồng thể. Chùa Thánh Trúc Lâm ứng hiện thi công, đã lập Tây phương giáo chủ”.

Đại sư Pháp Chiếu từ Nam Nhạc ngộ đạt chân yếu, chống tích trượng đến Thanh Lương, căn thụy tướng mà bồi hồi, đạp đường mây mà chẳng tới. Vượt Linh Sơn mà vào chùa biến hóa, giẫm trải khắp cùng cả thảy một trăm hai mươi viện, trông thấy ánh sáng khác lạ vết tích kỳ đặc, biên ghi đầy đủ nơi thực lục của Đại sư v. v... Xét, nên lược mà chẳng ghi. Đây là Giáo chủ tịnh độ phân giòng đến phương Đông, nên sửa đất... chùa vậy, văn nhiều chẳng thể ghi lại đầy đủ. Hòa thượng Từ Ân ở Trung Đài trước kia khuyến hóa các hàng tăng tục cả thảy năm trăm vị khắc tạo mười hai tôn tượng công đức bằng ngọc thạch và một tòa đại điện. Đến mùa xuân năm Nguyên Hựu thứ năm (1090) thời Bắc Tống, có ba người cố ý phóng lửa thiêu hủy. Đỉnh trên điện tự cứu chén công đức bằng ngọc thạch hóa làm tro tàn. Sa-môn Tỉnh Thụy lại

khuyến hóa bốn chúng ở mười phương đồng dốc sức tu đạo, đến Hoàng Sơn ở Định Châu khắc tạo tôn tượng Thích Ca, Văn-thù, Phổ Hiền v. v... cả thảy mười hai tôn tượng đem đến Trung Đài và điện. Ngày... tháng sáu năm Thiệu Khánh thứ năm (1098) thời Bắc Tống, công việc hoàn tất, nêu bày cùng người đời sau rõ thấy người thiêu hủy công đức, chưa đầy một năm mà đều chết trong xấu ác, ương lụy cùng theo không gián đoạn. Nên biết người phá hủy, ác báo vô lượng, quả khổ lưu chuyển chẳng dứt. Người đồng tâm hợp sức tu tạo, được phước vô biên, sẽ chứng quả Bồ-đề vô thượng vậy.

17. CÁC HÀNG TĂNG TỤC QUÊN THÂN VÌ ĐẠO.

Sa-môn Thích Vô Nhiễm, chưa rõ là người vốn thuộc dòng họ gì? Đến thọ học trong núi Trung Điều, giảng luật tứ phần, kinh Niết-bàn, luận Nhân Minh, bách pháp v. v... mỗi lúc tụng kinh Hoa Nghiêm đến phẩm "Trú xứ của các Bồ-tát" thấy nói: "Ở phương đông bắc có nơi tên là núi Thanh Lương, từ xưa đến nay các chúng Bồ-tát dừng ở trong đó. Hiện tại có vị Bồ-tát tên là Văn-thù-sư-lợi cùng với quyến thuộc các chúng Bồ-tát cả thảy một vạn vị thường ở trong đó mà giảng nói pháp". Lại nghe Phật Đà-ba-lợi từ nước Tây Vức lại tìm cầu Thánh tích, gặp được người già biến hóa, lại khiến trở về Tây Vức lấy kinh đem đến vào hang Kim Cang, mãi đến nay chưa trở ra, các bậc cổ đức đã như vậy. Tôi đây há riêng vô duyên ư? Vô nhiễm mới tự phát thệ nguyện cất bước du phương tham lễ, phỏng hỏi các bậc danh công, hoặc gặp thiền tông, tham quyết lý tánh, hoặc gặp bậc giảng trao, tham xét nghĩa kinh...

Năm Trinh Nguyên thứ bảy (791) thời Tiền Đường, đến núi Ngũ Đài, dừng nghỉ tại các viện Thiện Trụ. Bấy giời tại viện có Sa-môn Trí Quân làm Ngũ Đài sơn thập tự đô kiếm hiệu, chủ quản việc chúng tăng. Vô nhiễm mới nương tựa Sa-môn Trí Quân, treo tích gá tâm có ý trọn ở đó. Tự suy nghĩ rằng: "Cảnh biến hóa của Bồ-tát Văn-thù, chẳng phải phàm tình có thể bước tới. Ta nay may được ở đây, há lại biếng lười ư?" Nên mùa đông thì theo chúng hái củi mang vác, mùa hạ thì đi chân trần đến nhà, lập chí không đổi thay, trải qua hơn hai mươi năm, có hơn bảy mươi lượt đến lễ bái các đài. Thấy gặp các thứ linh tích, tướng cầu vàng biến hóa, tháp báu khánh Thánh, chuông vàng vầng ánh sáng v. v... chẳng rõ hết số ấy. Cuối cùng đến phía Đông của Trung Đài, bỗng thấy một ngôi chùa biển ngạch đề là "chùa Phước sinh", bên trong các vị Phạm tăng có cả vạn vị. Vô nhiễm mới cúi đầu đảnh lễ, đi khắp ủy

nhọc, thế rồi tận mặt thấy gặp Văn-thù-sư-lợi cũng là tướng vị Tăng, bảo cùng vô nhiễm rằng: “với núi này ông có nhân duyên từ xưa trước, phải nên cúng dường đại chúng. Chớ luống qua không”. Nói xong bèn ẩn mất không thấy nữa, chùa biến hóa cũng ẩn mất. Vị Phạm tăng đều mất. Vô nhiễm mới tán thán rằng: “Ta được thấy cảnh linh dị đây, há có thể để luống không vậy, nghĩ đến niềm vui nguy ách này, đâu có gì bền bỉ lâu dài”, mới phát thệ nguyện, báo cùng các hàng tăng ni ở pháp bốn phương đi đến đài cùng các hàng tín sĩ, mỗi một lần cúng dường một trăm vạn vị Tăng, mới đốt một ngón tay lấy làm mốc vậy. Dần đến số năm trăm vạn, xa gần thảy đều biết, các hàng vương hầu chẳng khuyến hóa mà tự lại, vàng báu chẳng mong cầu mà tự đến, cúng dường ngàn vạn đã xong, mười ngón tay đều đốt hết.

Đến trong khoảng niên hiệu Khai Thành (836-841) thời Tiền Đường, vào khoảng tháng tư, Vô Nhiễm bạch cùng đại chúng rằng: “Đối với núi này, tôi có nhân duyên mỏng đạt, đã bảy mươi hai lần đến các Thánh tích, thù đáp cúng dường vạn vị Tăng, chẳng ra khỏi núi này. Nay tôi già suy đã bảy mươi tư tuổi, năm mươi lăm hạ lạp, thân này khó bảo tồn, nguy ách đồng như sương mai, nên muốn đến trên đảnh Trung Đài đốt một nén hương để đáp tạ chư Phật mười phương và vạn vị Bồ-tát, dứt tâm mà trú. Các đồ chúng v. v... mỗi chẳng cùng thời đại, đều là đệ tử của Bồ-tát, là quyến thuộc của Long Vương, xưa trước gieo trồng thiện nghiệp được đến ở núi này, sớm tối phải nên tinh cần xét răn ba nghiệp. Long Hoa tam hội cùng kết kỳ hẹn, đợi sau xuống núi sợ có lưu nạn, trân trọng mà đi”. Đại chúng chẳng hiểu tâm ý của Vô Nhiễm, cùng nhau thưa rằng: “chỉ hạn thời gian ba-năm ngày sư sớm trở về lại viện”. Vô Nhiễm mới chỉ mang bình chống tích và ít hương đốt, riêng cùng thanh tín sĩ Triệu Hoa, mang theo hai đoạn sáp bố, một cân gai thô, một hộc dầu thơm, đến trên đảnh Trung Đài, từ sáng tới chiều tối, đốt hương lễ bái không lúc nào tạm nghĩ, bỏ cả uống ăn cũng chẳng ngủ nghỉ, chí thành niệm Phật lời tiếng không gián đoạn. Đến gần nửa đêm, Triệu Hoa ngờ mình trở về, sáng sớm lên lại đài sẽ thấy sư. Vô Nhiễm giữ chỉ xác thực không đổi thay, càng tinh chuyên gấp bội ngày thường. Vô Nhiễm mới bảo Triệu Hoa rằng: “Tôi có tâm nguyện sâu kín, đã thấy công thành, ông cùng tôi soi chiếu duyên, không được làm chướng ngại đạo. Hãy vì tôi mà lấy bố sáp, gai thô và dầu thơm đem lại buộc trong thân tôi. Đến nửa đêm giờ tý, đốt thân cúng dường chư Phật. Nếu tôi được thành đạo quả, trước tiên sẽ cứu độ ông”. Triệu Hoa khuyên xin đối luận nhưng chẳng ngưng, bèn mang sáp bố đến buộc trên thân

Vô Nhiễm, tiếp buộc thêm gai thô, dùng dầu thơm tưới rót, trước tiên đốt trên đảnh đầu. Vô Nhiễm bảo rằng: “Nếu tôi có hài cốt còn lại, tiếp nên dùng củi để thiêu đốt, lửa tắt khói bay, nên vung vãi tan hết, không được hiển bày quái lạ làm mê hoặc mọi người”. Triệu Hoa vâng theo lời chỉ bảo, từ đầu mà đốt đến chân mới ngả, Triệu Hoa cố gắng mà tán thán rằng: “Xưa trước nghe Kỷ Kiến Bồ-tát dùng nguyện lực thiêu thân, nay thấy Thượng nhân nối tiếp theo. Thật kỳ đặc thay!” Mới tuyên bảo cùng môn nhân thâu gom linh cốt đưa đến phía nam núi Phạm Tiên xây dựng tháp cúng dường, đến nay hiện còn.

* Sa-môn Thích Phước vận ở chùa Tổng Nhân tại Đại Châu là vị Tăng tiết hạnh thanh khổ, từng bùi ngùi kiếp sống huống qua không, thường bảo mọi người rằng: “Chim săn đuổi bắt chim sao chẳng cùng gặp, hổ dữ bắt người lúc nào gặp thẳng, tự hận tuổi già thân thịt khô khan, chẳng thể cho chúng sinh có được một bữa ăn no đủ. Khổ thay! Khổ thay!

Ngày 15 tháng 12 năm Khai Nguyên thứ 21 (733) thời Tiền Đường, phước vận vào chùa Tuế Cốc Đại Thạch tại Nam Sơn, đến phía bắc có một tảng đá lớn, bèn ngồi kiết già ở trên, dùng dao tự cắt phần thân thịt làm thành 30 phần đặt để trên đá, nhân đó phát thệ nguyện: “Xin thí cho các loài chúng sinh chim bay thú chạy một bữa ăn, nguyện cho các chúng sinh ăn thịt này bỏ thân ác thú, thọ quả báo trời người”. Nói xong bèn qua đời, các hàng môn nhân sĩ tục chạy đến nơi đó, thấy hài cốt vung vãi nơi đất, các hàng tăng tục buồn khóc, nhóm củi trà tỳ. Thế rồi, mây lành giăng bủa đầy cốc, bỗng chốc gió bão nổi khắp bốn phía, cốt tro của thân phiêu bạc chẳng còn. Thần dị như thế, nếu chẳng phải quên bỏ ngã tướng thấu rõ sắc không, thì sao có thể được như vậy ư!

* Thanh Tín Sĩ Tống Nguyên Khánh, vốn người xứ Bắc Hương huyện Lạc Dương. Ngày 14 tháng 12 năm Thánh Lịch thứ nhất (699) thời Tiền Đường đi đến núi Ngũ Đài, kính lễ Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi. Tống Nguyên Khánh gieo trồng căn lành từ xưa trước, từ lâu đã nhàm chán trần lao, nết hạnh thanh khiết như băng sương, chẳng từng bị tỳ vết. Đến với cảnh chân ấy rất hợp với bản tâm, cầu khẩn một thời công thành vượt cả nhiều kiếp. Nhân đến chùa Bí Ma Nham ở Tây Đài, mới lén đến bên cạnh miếu Phật, sau khi chất củi, rưới dầu thiêu thân cúng dường Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và vô lượng Thánh chúng. Ngay lúc ấy nghe ở núi góc Đông nam có vài tiếng chấn động phía tây bắc thấy có ánh sáng năm sắc chói lòa. Đó là do Tống Nguyên Khánh cúng thí nội tài mà cảm ứng nên vậy. Thật kỳ lạ thay!

Phồn Trỉ huyện môn Minh Nhã là bậc có trí thấu đạt không hữu, ngã vật đều quên, nhàm chán thân hữu lậu, vui chuộng tam quả bền chắc. Ngày mồng ba tháng tư năm Tống Nguyên Khánh thiêu thân (699), đến bên cạnh miếu Bí Ma sư, kẻ thân cúng dường, tay tự cầm dao phân tách thân thể sắc mặt không biến đổi, bắt đầu từ hai chân, dần đến tim, da thịt xẻ phân chỉ còn có lồng ngực, nhưng còn chấp tay phát thệ nguyện rằng: "Nguyện được sớm thành Phật cứu độ chúng sinh". Sau đó mới móc quả tim, mạng số khi ấy mới dứt. Tiếc thay!

18. CHÂU MỤC TỂ QUAN QUY HƯỚNG CHÁNH TÍN

* Năm Khai Nguyên thứ 18 (730) thời Tiền Đường, Đại Châu Đô đốc Tiết Huy vì gặp năm nắng hạn, qua thời gian lâu không mưa, cỏ cây khô cháy, các thứ gieo trồng đều hư phế. Tiết Huy bảo cùng mọi người rằng: "Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở Đài Sơn có lắm nhiều linh dị, có vô duyên từ, ắc nên cầu thỉnh". Bèn lên đảnh đài khẩn Thánh cầu mưa, chợt thấy trên chùa Hoa Nghiêm có đàn hạc trắng hai mươi hai con bay liệng bồi hồi nhóm tụ trên đài, phút chốc liền tan, khoảnh khắc sau, mây đen ùn nổi tuôn đổ rưới mưa, cả năm huyện thấm đủ (xưa trước có huyện Đường Lâm). Dân chúng đến ngày 26 mới bắt đầu canh cây. Mùa thu năm ấy mùa màu trúng đậm, canh cây gieo trồng thóc nhỏ đều chín. Một hộc thóc giá ba tiền, muôn dân được an vui. Nếu chẳng phải sự chí thành cảm thần, thì đâu có thể được vậy.

Năm Khai Nguyên thứ 23 (735) thời Tiền Đường, Đại Châu Đô đốc Vương Tự, từng đi tham lễ các chùa viện ở Ngũ Đài núi Thanh Lương, bỗng gặp một ngôi nhà lam rộng lớn trang nghiêm, bên trong có tôn trượng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, nhân vào trong đó lễ bái, lại từ viện đi ra, mới gặp 3-5 người ẩn giả, mặc áo cỏ đi giày gai, dung mạo rất xấu xí, Vương Tự tự bảo "Đó là kẻ nghèo khổ xin ăn đến đây". Mới hỏi rằng: "Từ xứ nào lại?" Ẩn giả đáp: "Đến rão bước núi rừng, nhân mà trúng thưởng, tôi có thể đem cả lục hợp vào trong một mãy trần, đem tam thiên đặt để trong hạt cải". Lại vì Đô đốc Vương Tự đàm nói chánh lý mười hai không, diễn giả tà tông 12 kiến, ngôn từ đàm luận ngang dọc, biện tài vô ngại. Vương Tự nghe thế kinh ngạc, Ẩn Giả mới có lời bảo răn. Vương Tự cúi đầu chưa đối đáp, bỗng nhiên ẩn mất không thấy nữa. Từ đó, Vương Tự chóng phát nguyện tâm, muốn cúng dường trai phạm ngàn vị Tăng để cầu thắng phước, hỏi chư tăng trong chùa rằng: "Trong đây có đủ số ngàn vị Tăng chăng?" Vị Tăng ấy đáp: "Nay đang là tháng bảy, tháng tám những vị đi núi đều đã đi, chư tăng khó có thể

đủ số đó”. Vương Tự mới chí tâm cầu thỉnh minh trợ, đến ngày thiết trai cúng dường, cảm được ngàn vị Tăng đồng đến dự hội. Vương Tự rất chí thành thiết trai cúng thí. Xong rồi, chư tăng giải tán, chẳng biết ở đâu. Vương Tự thấy cảm ứng đó, tín tâm càng kiên cố. Về sau xa đến kính lễ Ngũ Đài, tan thân về hưởng vậy.

Năm Thanh Lịch thứ hai (thời Tiền Đường), Trưởng sử Thôi Nghĩa Du đến tham lễ Bắc Đài ở Ngũ Đài, bỗng nhiên mây mốc ùn nổi mịt mờ, bước chân không thấy. Thôi Nghĩa Du bèn ném mình tự đánh, khắp thân thể máu sục đầm đìa, chết đi sống lại, ngữa mặt nhìn giữa khoảng mây, thấy một luồng ánh sáng tiếp đi chùa Hoa Nghiêm. Thôi Nghĩa Du mới tìm theo ánh sáng mà đi, qua đâu theo ẩn đó, thẳng đến chùa Hoa Nghiêm, dừng nghỉ qua đêm rồi theo hướng nam đi đến chùa Phật Quang, có hơn trăm dặm. Trước điềm ứng tốt lành ấy đến chùa, trông thấy Thiền sư Giải Thoát như lúc hiện sống cùng Thôi Nghĩa Du đàm nói. Thế rồi, Thôi Nghĩa Du kể nói cùng chư tăng ở các chùa, chư tăng không ai chẳng kinh ngạc, đều bảo là: “Thiền sư Giải Thoát thị tịch đã nhiều năm, cớ sao lại thấy gặp. Đó thật là việc chẳng thể nghỉ bàn vậy”. Thôi Nghĩa Du càng lấy làm kinh lạ v. v...

Năm Thánh Lịch thứ hai (699) thời Tiền Đường, Trưởng sử Tề Chính dẫn người nhà lên đài, đến phía bắc chùa Thanh Lương, gặp thấy vài vị Phạm tăng chống tích trượng để chân không mà đi. Tề Chính dò hỏi đó, các Phạm tăng đáp: “Đi phỏng tìm Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi”. Nhân đó khuyên Tề Chính phát tâm cùng lên trên đảnh đài. Vừa đi lên các Phạm tăng bỗng nhiên ẩn mất, Tề Chính ngờ lạ mà xuống, trở về đến chùa Thanh Lương, lại nghe tiếng chuông Thánh ngân nga vang vọng khắp núi cốc, Tề Chính chí thành thiết trai cúng dường mà trở về. Cảm linh ứng ấy, nhân vì biên ghi vậy.

Từ Trung Đài về phía tây nam cách hơn trăm dặm, có một núi nhỏ tên là Phong Sơn, ngay phía bắc của đài ấp, nửa núi có hang sinh phong, do Tiên nhân trông coi, có am của đạo nhân, đài thuyết pháp, xưa trước gọi là núi Cửu tuyền. Phía trên có chùa Kim Hoa, phía dưới có ao Tháo Dục. Ở đời tương truyền đó là nơi vạn vị Bồ-tát qua nghĩ mùa hạ, có lúc hiện ảnh tương tợ như mảnh mây bay vụt trên đỉnh núi, hoặc như hạc trắng từng đàn bay liệng phía sau núi, giây lâu mới tan hết, các hàng sĩ tục đều trông thấy, và đều bảo là muôn Thánh xuất hiện, điềm hiện của năm được mùa, lời nói ấy có lắm ứng nghiệm. Ngày mồng năm tháng bảy năm Khánh Lịch thứ hai (1042) thời Bắc Tống, có vài mảnh sương mốc mỏng từ sau điện chùa cổ nổi ra, dần tràn lên đảnh núi. Trong đó

hiện hình tướng Bồ-tát, hoặc ba hoặc năm, mỗi mỗi đều sắp thành hàng lớp lìa khỏi núi về hướng nam theo phía hữu nhiễu quanh huyện ấp. Các hàng tăng tục bảo là không ai chẳng ngửa mặt trông xem. Đường trước huyện lệnh rộng phẳng, lưu lại bài thơ để ghi kỳ lạ ấy.

19. SỰ TÍCH CHƯ TĂNG CAO ĐỨC.

Sa-môn Thích Trí Quân, quên mất vốn dòng họ gì, là người ở Trung Sơn. Từ thủa bé thơ đã nổi vượt đồng hàng. Đến tuổi hai mươi, nhàm chán vinh hoa thế tục, Trí Quân bèn xa đến Đài Sơn vào các viện Thiện Trụ cầu xin Sa-môn Hiền Lâm làm thầy, giũa mài chuyên cần không biếng trể, sớm tối quên cả nhọc mệt, xuống tóc đăng đàn thọ trì giới luật như minh châu sáng sạch, bẩm tánh tiết kiệm, trong phòng nhà không tích chứa y phục, lúc có của thừa, tùy duyên cấp thí cho người nghèo bệnh. Thế rồi, giả từ thầy, Trí Quân vân du phỏng đạo, chưa đầy vài năm mà tinh thông Phật giáo, giảng kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thấu đạt Phật tri kiến, xiển dương yếu chỉ thù thắng của Duy Ma, thấu đạt pháp môn bất nhị, luân nghĩ tướng pháp tánh sâu mầu, lười nôm quyền giả, mới gom vết đến linh cảnh, treo tích trượng nơi chỗ ở xưa. Trí Quân đức cao phục nhân như thế, đẩy vùi tuy thoát mà hiển bày dĩnh ngộ, tiếng tăm vang vọng khắp xa, chuông trong cũng khua gióng mà bay tiếng.

Trong khoảng niên hiệu Nguyên Hòa (806-821) thời Tiền Đường, tăng chúng bàn nghị, thỉnh mời Trí Quân sung làm sơn môn tăng thủ. Trí Quân cố chối từ mà không được, cúi ngưỡng vâng theo mạng. Gặp năm khó khăn đói kém. Đàn-việt cúng thí hiếm ít sơ sài, viện vũ dần tiêu điều hoang phế, chuông khánh vắng bặt tiếng. Tăng chúng lại cúi đầu cầu thỉnh Trí Quân làm chủ việc cúng dường trông coi thường trú tại chùa Hoa Nghiêm là nơi bốn phương nhóm tụ cúng dường. Thích nghi với đức hạnh ấy hẳn có tương lâu, thiện tâm thì được ứng, nên gặp các Sa-môn Pháp Chiếu, Vô Trước chủ soạn "Hoa Nghiêm sớ", đều là bậc long tượng của Thích môn, là chi lan nơi đất báu, các hàng tăng tục đua nhau đến nương tựa, thần linh ngầm ủng hộ.

Bấy giờ Sa-môn Trừng Quán mới chế thuật sớ giải hoàn tất. Tăng chúng thỉnh mời Trí Quân giảng đại kinh Hoa Nghiêm, do vậy mỗi ngày có cả ngàn vị Tăng dự tham, nhưng thiết trai cúng dường đủ đầy, kho chứa đầy tràn, chẳng biết do từ đâu. Người thời bấy giờ đều cho là cảm được Thánh chúng đến". Trí Quân tự làm chủ việc chùa có hơn mười năm, có vị Tăng ở viện gần bên tên là Nghĩa Viên cũng là bậc tài giỏi

trong chúng tăng cho rằng Trí Quân thời gian lâu dài trông coi việc thường trú mà ý chỉ vì lợi ích của cải cúng dường, đã sinh nghi ngờ phỉ báng, mới dấy dựng rao bày nói là "Tâm Trí Quân không bình đẳng, chí ý chuyên tham lợi dưỡng, tu đức tranh đua thời đâu đáng như vậy ư?" Trí Quân nhận hiểu sự phỉ báng đó, vội xin tự rút lui, tăng chúng bèn chấp thuận, ngay ngày ấy, Trí Quân mới khoanh tay mà ra. Đêm đó có thiên thần Hộ Pháp báo Nghĩa Viên rằng: "Hòa thượng Trí Quân là một trong ngàn Đức Phật, Sư dám có lời khinh thường ư? Nên nhanh cầu xin sám tạ lỗi quá, nếu không như vậy, hẳn sẽ sa đọa trong đường xấu ác". Nghĩa Viên kinh sợ, sáng sớm tìm đến nơi chỗ Trí Quân, đảnh lễ sám tạ lỗi quá. Đức hạnh của Trí Quân ứng cảm như vậy!

Đang lúc vua Võ Tông (Lý Viên 841-847) thời Tiền Đường đang ở ngôi, hủy diệt Phật pháp, Trí Quân ẩn náo nơi rừng chầm, các chúng khác đều giải tán. Khi vua Tuyên Tông (Lý Thầm 847-860) thời Tiền Đường lên ngôi, trùng hưng lại chùa viện, ban sắc các chùa ở Ngũ Đài, độ năm ngàn vị Tăng, lại thỉnh mời Trí Quân làm tăng thủ của cả mười chùa và làm chủ trong coi việc cúng dường tu tạo.

Đến tháng tư năm Đại Trung thứ bảy (853) thời Tiền Đường, Trí Quân cúng dường trai cháo tất cả bốn chúng trong thiên hạ đến tham lễ, suốt một tháng mới thôi. Một ngày nọ bảo cùng đại chúng rằng: "Mạng người như tên bắn đâu có thể bảo tồn lâu dài, tâm theo cảnh phù hoa, chẳng cầu dứt nghĩ lự. Ai để luống qua vậy ư?" Xong, bèn lui ở nơi tỉnh thất, hai ngày chẳng ra khỏi, an nhiên đoan tọa mà thị tịch, hưởng thọ 77 tuổi, 58 hạ lạp.

Sa-môn Thích Pháp Trân không biết vốn người xứ nào và cũng quên mất năm thọ giới. Pháp Trân tự xả bỏ trần tục, nghiêm trì giới hạnh tinh khổ, thệ nguyện diệt trừ nhân ngã, chí cầu giải thoát, giảng kinh Hoa Nghiêm, Lăng Già, luận Duy thức, Du già. Mỗi lúc lên pháp tòa tuyên giảng, âm thanh như sư tử rống, cảm hóa dẫn dắt không ngưng nghỉ, mọi người xa gần đều quy tâm. Pháp Trân ở chùa Hoa Nghiêm hơn 30, tự thân thấy gặp Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ẩn hiện trong mây, hiện các thứ hình có ngàn vạn lần. Nhân đó Pháp Trân phát thệ nguyện thiết trai hội vô giá. Mỗi năm có hàng vạn người tham quan, đến đảnh núi Ngũ Đài, đốt đèn sáng lớn, giăng treo hoa phan chẳng dứt.

Đến trong tháng bảy năm Khai Hoàng thứ mười ba (593) thời nhà Tùy, Pháp Trân thị tịch. Sau đó năm năm, vua Văn Đế (Dương Kiên 581-605) thời nhà Tùy mộng thấy nơi viện Đại sư Pháp Trân ở chùa Hoa Nghiêm tại núi Ngũ Đài có hai mươi viên ngọc báu Ma ni, vua bèn

sai hoàng môn thị lang Quách rong ruổi đến tìm lấy ngọc báu nơi viện Pháp Trân cúng dường trong kho, quả nhiên có được ngọc báu phù hợp với Thánh mộng, mới tạo hộp bằng bảy báu đựng đầy đưa đến kính dâng. Ngoài ra các ngọc báu khác có trăm ngàn thứ cả thảy có hơn năm mươi hộc, vua lại có chiếu ban sắc đưa đến Đài Sơn, bèn dùng một gốc cây san hô đều đưa về núi cúng dường Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi, đức hạnh của Pháp Trân đại khái như vậy v. v...

Sa-môn Thích Tôn Triết, không rõ vốn dòng họ gì và người ở xứ nào. Đến ở chùa Thiên Bồn hơn ba mươi năm chuyên ăn bánh bột tùng bách vào giữa trưa mỗi ngày, thường ngồi chẳng nằm, không hề nói năng, chỉ biết cao vợi thoát vượt ngoài trần. Nắng lạnh hành đạo chẳng từng biếng nghỉ, thân mặc áo nạp thô xấu. Ngoài ra không phụ sức gì, hạnh nguyện Bồ-tát mọi người hiếm lường biết. Từng có một ngày, Tôn Triết tự thân trông thấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mang một cái trống giáp hạc mặt vàng vào đến trong già lam. Tôn triết kinh dị buồn cảm nhân đó tự ngã mình miệng mũi đều trào máu. Xong đứng dậy mà nói rằng: "Vừa rồi nghe tiếng trống Thánh, nhạc trời tha hóa. Xưa kia lúc Đức Phật tại thế. Đại Thánh mang đến cúng dường nơi Phật. Sau khi Đức Như Lai diệt độ lại mang đưa về trời. Đệ tử bản chất hạnh nghiệp dơ uế, Đại Thánh ứng hiện dấu vết già lam này, khiến vô hạn trần lao nay đây tiêu diệt hết". Xong, Tôn Triết chí thành kính lễ, lễ bái xong bèn không còn thấy nữa. Từ đó, Tôn Triết bảo cùng môn nhân rằng: "mạng tôi sắp hết, sợ thân bất tịnh khiến dơ uế chốn già lam, muốn đến trấn Hoành Thủy mà ẩn diệt. Các người mỗi nên nghĩ nhớ vô thường, cố gắng tinh tu thắng nghiệp". Căn dặn xong, xuống núi, quả nhiên đến trấn ấy, Tôn Triết an nhiên thị tịch.

Sa-môn Thích Thần Tán vốn dòng họ Lư, không biết người xứ nào, giới hạnh cao vợi tinh khiết, ham thích phỏng tìm Thánh tích. Năm 40 tuổi, Thần Tán đi đến Đài Sơn tham yết đảnh lễ Bồ-tát ở chùa Hoa Nghiêm giữa khoảng núi Thanh Lương, tinh chuyên thiền tụng, tăng chúng đồng suy tôn là bậc cao đức chưa rõ về sau Thần Tán thị tịch tại nơi nào.

Sa-môn Thích Tuệ Long, vốn người xứ U Châu, vừa tuổi búi tóc cầu xin xuất gia, năm hai mươi tuổi thọ giới cụ túc, tâm tánh tràn đầy như vầng trăng thu, tiết tháo cứng rắn tợ tùng giữa sương, giới hạnh ngang bằng như Hộ Nga, lòng từ sâu sắc cứu cả Trùng Kiến, thông rành luật tang tứ phần, không điều nghi trệ. Mọi người xa gần đến thỉnh hỏi điều lợi ích, dẫn dụ dạy răn dốc cả tài năng, chuyên đến Đài Sơn đảnh

lễ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, mỗi ngày sáu thời sám tụng, vì pháp quên cả thân mạng, tự thích máu trong thân mình biên tả giới Bồ-tát lưu bố khắp cùng, cầu nguyện sớm Thánh Phật. Tuệ Long khí mạo trang nghiêm cao vợi, nói năng rành rẻ, diễn giảng giáo pháp dẫn dắt kẻ mê, không kẻ cứng rắn nào chẳng kính phục. Cũng là bậc rất có tài năng trong chúng tăng. Về sau không biết như thế nào.

Sa-môn Thích Linh Hưu, người xứ Hà Nam, ưa thích phỏng tìm Thánh tích, rão bước khắp các danh sơn, chỉ biết cần khổ, mọi người đều kính phục Linh Hưu xa đến Đài Sơn, đảnh lễ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi. Bỗng nghe giữa hư không có tiếng bảo rằng: “Người ở cõi Nam Diêm Phù Đề, phần nhiều thuộc bất định tụ, cứng cõi khó giáo hóa, ông nên cứu độ đó, chớ sợ nhọc mệt. Đó là bậc thượng sĩ”. Linh Hưu hỏi: “Muốn cầu giải thoát làm sao có thể được?” Giữa hư không bảo rằng: “Ông có thể trừ tâm”. Linh Hưu hỏi: “làm sao trừ tâm, dùng phương tiện gì?” Giữa hư không bảo: “Cỏ vô tâm tên là măngoại đạo đặng. Ông nên quán sát đó, tự sẽ ngộ giải”. Linh Hưu bèn tìm kiếm, về quả thấy loại cỏ đó, mới tự suy nghĩ rằng: “Ta hỏi có phương tiện để trừ tâm, liền bảo ta quán sát loại quả vô tâm này, tức có ý chỉ phiền não, vô tâm dụ cho không. Cỏ đã không tâm, phiền não cũng vậy, có gì phải đoạn: “Mới đại ngộ vô sinh pháp không quán môn, ngay đó rõ vậy”. Linh Hưu chẳng giằng nỗi sự buồn vui, bèn đến nơi loại cỏ đó dựng lập am mà ở. Có người hỏi về lý do. Linh Hưu chỉ ngay cỏ đó mà bảo: “Người nhiều tâm bịnh, cả này hay dứt trừ, ước muốn lại mong cầu, cùng bày ứng nghiệm tốt lành vậy”. Về sau hạng người được khỏi, đông nhiều vậy. Đến thượng tuần tháng giêng năm Quý Dậu tức năm Khai Hoàng thứ 21 (01) thời nhà Tùy, tự nhiên không bệnh mà thị tịch, Linh Hưu hưởng thọ 73 tuổi.

Năm Quý Dậu tức năm 613, nhằm năm Đại Nghiệp thứ 09, còn năm Khai hoàng thứ 21 tức năm Tân Dậu.

QUẢNG THANH LƯƠNG TRUYỆN
QUYỂN TRUNG
(HẾT)

■

QUẢNG THANH LƯƠNG TRUYỆN

QUYỂN HẠ

19- Sự tích chư Tăng cao đức (tiếp theo).

20- Sự tích chư Ni cao đức.

21- Các điều linh dị mà các hàng tăng tục ở thời Nam Tống trông thấy.

22- Cây lũy linh dị.

23- Các bài tán tụng xưa nay về Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi.

19. SỰ TÍCH CHƯ TĂNG CAO ĐỨC (Tiếp Theo).

Sa-môn Thích Gia Phước, vốn người dòng họ Niếp ở Nhạn Môn, Đại Quận. Năm bảy tuổi đến chùa Tổng nhân thuộc bản châu cầu xin xuất gia, năm mười lăm tuổi thọ giới cụ túc. Về sau đến ở vọng đài Thanh Lương hơn 30 năm thường trì tụng kinh Duy ma, văn giới hai bản Bồ-tát và Thanh văn, hai bộ Niết-bàn và Bát nhã. Có nhiều điều ngộ nhập, và tụng các bộ kinh luận có hơn năm bản, mười ngày một vòng lược không dư rỗi, đến lúc đốt năm ngón tay cúng dường chư Phật, đốt đèn trên vai cầu sinh tịnh độ. Đến hạ tuần tháng 12 năm Khai Hoàng thứ 24 (niên hiệu Khai Hoàng chỉ có 21 năm (581-601) mà thôi) thời nhà Tùy. Chợt nhiên thấy một luồng ánh sáng sắc trắng thẳng đến phương Tây, như vậy suốt hai ngày, mọi người đều thấy, gia phước an nhiên mà thị tịch.

Sa-môn Thích Đạo Tuyên vốn người dòng họ Tiên ở Ngô Hưng vốn là cháu chắc của Bành Tô. Thủa thiếu thời tập trung giáo văn, lúc trưởng thành thân gần pháp tịch của chư sư, khắp đông tây của quan, nam bắc của Giang phỏng tìm tông tượng chẳng sợ khốn khổ. Bên ngoài gồm cả chín dòng học phái, bên trong tinh thông tam học. hương giới phảng phất, nước định lắng trong, bảo tồn thành vức hộ pháp, trước thuật không ngưng nghỉ, rất khéo giỏi luật tạng, khéo đạt sâu mầu, năm thiên bảy tụ rành rẽ như băng tan, cảm bếp trời hiến dâng thức ăn, đầy đủ như các biên ghi trước, từ thời nhà Lương mãi đến nay chẳng ai sánh

bằng.

Căn cứ theo "Hoa Nghiêm Linh Ký" nói: Luật sư Đạo Tuyên từng đến trên Trung Đài, thấy một Đồng tử hình dáng khác thường, Đạo Tuyên hỏi về nguyên do Đồng tử ấy đáp: "Đệ tử là trời, Đế Thích sai bảo đi tuần thú cảnh Thánh". Đạo Tuyên lại hỏi: "Đạo Tuyên tôi từng đọc xem kinh Hoa Nghiêm trong phẩm "Trú xứ của Bồ-tát" nói là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thường ở núi Thanh Lương, Đạo Tuyên tôi từ lúc đến núi tới nay chưa từng được thấy, cớ sao như vậy?" Đồng tử đáp: "Sao sư nghi ngờ, lúc thế giới mới thành, đại địa này ở ngay trên Kim Luân, trên Kim Luân đó nhóm gom cốt lang nha sinh một kim luân nhỏ. Kim luân đó đến bụng nửa Bắc Đài là nơi cung điện bằng bảy báu của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở vậy, vườn rừng cây quả thảy đều đầy đủ, có vạn vị Bồ-tát vây quanh. Trên mặt đất Bắc Đài có một ao nươc tên là Kim Tỉnh (giếng vàng). Đại Thánh Văn-thù cùng các Thánh chúng vào ra trong đó, thông cùng với hang Kim Cang. Nơi Đại Thánh ở chẳng phải cảnh giới của phàm tình, sư có thể biết đó". Nói xong bèn ẩn mất. Đạo Tuyên xuống núi nói cùng mọi người về việc ấy.

Pháp sư Thích Khuy Cơ, vốn dòng họ Uất Trì, tổ phụ húy là Ý Ninh quốc công, thân phụ tên là Kính Tông nhậm chức Lục Quân Khanh Trụ, đảm nhận Tùng Châu đô đốc. Có người bác tên là Kính Đức tức là Tổng quản vô lược... Cổ ở thời Tiền Đường, tiếng tăm vang dậy cả một đời, được phong là Ngạc Quốc Công. Đường thư có bốn truyện, Khổng Tử có bốn khoa, ... phó có bốn Thánh, Tam tạng Pháp sư Đại Đường (Huyền Trang) có bốn đệ tử là Cơ, Quang, Phường, Trắc. Nên nay chủ sở tức là một đó vậy. Tam tạng Pháp sư Huyền Trang đi Tây Vức thỉnh cầu kinh, sau khi đã trở về, Viên Giáo Đại thừa bắt đầu lưu truyền ở Đông Độ, đem giáo pháp lợi ích khắp cùng quần sinh, hẳn nhờ đầy đủ giỏi tài, Pháp Uyển suy tôn chuyên kết quy chủ sớ.

Năm 17 tuổi, Khuy Cơ dự phần xuất gia, đặc biệt vâng phụng Minh Chiếu làm đệ tử của Tam tạng Pháp sư Huyền Trang, chủ sớ chuyên thọ học bí quyết Tam tạng Đại thừa. Tam tạng Pháp sư Huyền Trang cho rằng muốn cứu tế khắp các quần sinh không gì hơn hoằng tuyên giáo pháp, truyền trao có thể kết quy. Khuy Cơ vâng phụng mạng trước thuật, chế soạn sớ Pháp Hoa, Duy Thức v. v... có hơn trăm bộ, hưng thạnh lưu truyền nơi đời. Sau khi Tam tạng Pháp sư Huyền Trang thị tịch khoảng vài năm. Khuy Cơ đến núi Ngũ Đài, kính lễ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, dừng nghỉ ở viện phía tây chùa Hoa Nghiêm. Thường mỗi tháng, Khuy Cơ tạo một tôn tượng Bồ-tát Di-lặc, mỗi ngày trì tụng giới Bồ-tát một biến,

nguyên sinh lên cõi trời Đâu Suất, cần cầu chí ý ấy vậy, điềm ứng cảm thông thường luôn rất khả quan. Lại tự thân biên viết kinh Kim Cang bản chữ vàng hoàn tất, có ánh sáng thần mây tốt lành quấn phẩy nơi Đài Vũ, ánh ngời nơi hập tráp. Khuy Cơ tự bảo: "Nếu ta không kiên chí, linh ứng làm sao đến". Từ khi đi núi xong trở về ở chùa Từ Ân tại Kinh Đô. Đến năm Vĩnh Thuần thứ hai (683) thời Tiền Đường, Khuy Cơ an nhiên thị tịch.

Ngày 15 tháng 03 năm Khai Nguyên thứ 23 (735) thời Tiền Đường, có Thiền sư Mỗ Quán ở chùa Thanh Lương, cùng đồng tạo công đức chủ, Sa-môn Pháp Hội đến ở Trung Đài, tạo tôn tượng Thích Ca, Văn-thù, Phổ Hiền v. v... một bộ tùng, thần công tuyệt diệu, qua năm sau công việc hoàn tất. Sau, đến năm Hội Xương thứ 05 (845) thời Tiền Đường, vua Võ Công (Lý Viêm 841-847) phá hủy chùa chiền trong thiên hạ, nên đồng gặp nạn bị phá hủy, buồn thay!

Sa-môn Thích Chí Viễn, vốn dòng họ Tống, người xứ Nhữ Nam. Từ thuở bé thơ đã chịu tang thân phụ, đơn côi được mẹ nuôi dưỡng, thừa thuận nhan sắc, sớm tối chẳng nhọc mệt, người mẹ thường đọc tụng kinh Pháp Hoa, tinh thông năm quyển Chí Viễn nhờ xưa trước đã gieo trồng gốc lành, thường nghĩ suy muốn giả từ vinh hoa, năm hai mươi tám tuổi, mới cầu xin mẹ xuất gia, giữ lễ phụng thờ thầy, chuyên cần không luống qua, tự thân chăm việc chúng tăng, chưa từng sai trái. Về sau giả từ thầy đi tham học, mang tráp suốt tám năm, với nam bắc hai Tông, yếu chỉ sâu mầu của đại đạo thảy đều tinh thông, nhưng với Đốn giáo của Thiên Thai không gì chẳng tông chuộng, có thể gọi là định tuệ sáng tỏ, huệ tu gồm bị. Sau đó nhân nghe nói Đài Sơn linh dị, chỉ viễn mới cùng đồng bạn vân du, đến dừng ở nơi viện nhỏ bên hữu chùa Hoa Nghiêm, giảng truyền giáo nghĩa Viên Đốn của Thiên Thai suốt bốn mươi năm. Đại chúng nhân đó mà xưng gọi viện ấy là Thiên Thai. Đến năm Hội Xương thứ năm (845) thời Tiền Đường, bỗng nhiên Chí Viễn bỏ ăn vài ngày, mà việc giảng dạy chưa từng tạm nghỉ. Qua ngày 17 tháng 02, Chí Viễn bảo Môn Nhân rằng: "Bình sinh tôi tu tinh tấn, chẳng khinh thường tâm miệng, nay được hai thứ quả báo là nằm thì an ngủ, thức không phiền não. Tôi trước thuật Hoa Nghiêm sớ mười quyển, Bản Tích Nhị Môn, ba lần riêng ghi, mở gần hiển bày xa. Huyền Môn mười quyển, năn nghĩa phán quyết giải thích. Chỉ quán mười quyển, đó là tông tích của Thiên Thai chuyên tại tuyên dương đều khiến hoằng thông chớ khiến ngưng dứt". Nói xong, Chí Viễn an nhiên thị tịch, hưởng thọ 77 tuổi, 48 hạ lạp.

Căn cứ theo Bia Văn nói rằng: "Hòa thượng Kim Quang Chiếu, tổ tiên vốn người huyện Thằng Trí phủ Hà Nam, dòng họ Lý. Năm 13 tuổi, Kim Quang Chiếu xuất gia, nương theo Sa-môn Linh Sán chủ chùa Bảo Vân tôn xưng làm thầy, đến năm 19 tuổi, vào núi Hồng Dương, tố thuật Hòa thượng Ca-diếp, nương hầu suốt ba năm y như một ngày, có thể gọi là áo chẳng mang, bố hạt che thân, hình sắc tàn tạ hủy hoại dung nhan, cần cầu chí đạo. Hòa thượng Ca-diếp bảo rằng: "Đạo thường không làm nhưng không gì chẳng làm, Phật thường không ứng nhưng không đâu chẳng ứng. Giữ đó thì giữ một, chuyên cần thì ở ba, tuy có vô số tên khác, nhưng tùy duyên mà nhiếp hóa, và bờ kia đồng thể, cảm vật theo quyền. Vả lại núi Thanh Lương là nơi chư Phật ứng hóa, chúng sinh duyên nặng, ông có thể đến đó". Kim Quang Chiếu vâng nhận lời chỉ dạy ấy rồi, bèn đến Phần Châu, vừa lúc trong khoảng niên hiệu Bảo Ứng (762-763) thời Tiền Đường, gặp khi gian thần loạn động, ngựa cho sinh ngoài bang giao, Kim Quang Chiếu bị nạn trở ngại trong đó, chưa thể tiến tới trước được, mới xoay trở lại vào núi Mã đầu, qua núi Cô Xạ, lại chuyển đến núi Đàn Đặc, suốt sáu năm ở núi, phụng thờ Thiền sư Tuệ Siêu, thệ nguyện khổ thân tín sùng chí học, thường dấy khởi trọng nguyện vì cứu độ quần sinh, chí ý muốn ở núi rừng, cầu vô thượng giác, Thiền sư Tuệ Siêu biết có hạnh nguyên sâu nặng ấy, mới bảo Kim Quang Chiếu chóng chuyển đến kết hạ nơi núi Ốc Đãng, nương theo Hòa thượng Tuệ Ngộ tham hỏi chí lý. Lại nghe Thiền sư Thuần Đạt ở Phương Sơn là bậc đức hạnh thanh cao, tiếng tăm vang vọng. Khi đã đến nơi, chỉ một lần thấy gặp Thiền sư Thuần đạt hỏi: "Sư từ nơi nào đến?" Kim Quang Chiếu đáp: "Không từ đâu đến". Thiền sư Thuần Đạt bèn dùng vi ngôn mà đãi tiếp, Kim Quang Chiếu bỗng nhiên tỏ ngộ, mới biết chúng sinh tức Phật, Phật tức chúng sinh, tam giới Viên Thông chỉ tại nhất tâm vậy, bèn ở Tung Sơn, trải qua ba năm chuyên hành thiền tập, giữ giới lấy làm thường. Kim Quang Chiếu từng tự tư duy rằng "Chí nguyện đến Đài Sơn, trọn chưa toại tâm, thuộc tại nước nhà ta, Thánh đức mở vận lớn, nhật nguyệt soi chiếu, công cao trăm vua, nghiệp cứu giúp cả ngàn xưa".

Năm Đại Lịch thứ hai (767) thời Tiền Đường, Kim Quang Chiếu mới đến núi Ngũ Đài, dừng nghỉ nơi viện vạn Bồ-tát ở chùa Hoa Nghiêm. Ngày đó, bỗng nhiên sấm sét nổ ầm, mưa bão đua nhau trút đổ, trong tâm Kim Quang Chiếu mới kinh sợ, im lặng nghỉ niệm Đại Thánh, chỉ chốt lát bỗng tạnh ráo, chợt thấy có luồng ánh sáng sắc trắng từ Đài bay xuống, trong ánh sáng có ngàn Đức Phật, nghiêm trang rực rỡ, Kim Quang Chiếu

cảm khóc rơi lệ, dất thân gieo xuống đất đảnh lễ, vừa lúc ngẫng đầu lên, bỗng nhiên trước đó vọt ra lầu cao mười tượng, có tòa hoa ngàn cách dùng làm đỡ nâng, bèn thấy chư Phật duỗi cánh tay sắc vàng, ba lần xoa đảnh Kim Quang Chiếu mà bảo rằng: "Từ nay trở đi nên gọi là Kim Quang Chiếu vậy". Chư Phật bảo Kim Quang Chiếu tụng kinh Kim Cang Bát nhã lấy đó làm thường thức. Nói xong, bỗng nhiên không thấy gì nữa, trung tâm Kim Quang Chiếu vui mừng vô hạ, cảm ngộ lắm nhiều. Ngày hôm sau đảnh lễ giả từ chúng tăng ở chùa, Kim Quang Chiếu bèn đến hang Bí Ma, ở yên tu tiến đức, mỗi ngày thêm mỗi điều mới. Sau đó, từ Tây Đài, bỗng nhiên sấm gió bão bùng, sét nổ mưa tuôn, giây lâu mây tan, cốc bay mốc vàng chỉ trong chốc lát ngàn muôn biến hóa. Kim Quang Chiếu nhất tâm trông xem, thệ nguyện cầu Phật quả. Ứng thời gió hòa trong thoáng, mây mốc đua bay, bỗng thấy cư sĩ Duy Ma, Bồ-tát Phổ Hiền, Văn-thù-sư-lợi, Kim Quang Chiếu buồn khóc lễ bái, bỗng nhiên không thấy nữa. Lại thấy có hai Đồng tử dẫn Kim Quang Chiếu lên đảnh đài, thấy hai Đức Như Lai sạch như lưu ly, trong ngoài sáng suốt, sắc tía lóa mờ mặt nhật, khí trắng bay lên giữa trời, khắp đầy giữa rừng núi đều đông sắc màu vàng ròng, các bạn đồng đi chẳng biết nguyên do tại sao. Sau đó lại đến hang Na-na-diên ở Đông Đài, từ xa thấy có ba vị Tăng cưỡi mây trắng bay ra, đến trước bèn ẩn. Lại đến khoảng canh ba trong đêm, bỗng thấy trước hang có lầu các tầng lớp cao vợi, nhạc trời vang vọng, đến vài ngày rồi, trở lại hang Bí Ma ở sáu năm.

Về sau, Phồn Trĩ huyện lệnh Lã Tài Tuấn cố thỉnh mời đến huyện, thành tâm cúng dường. Về sau nữa, Đại Châu đô đốc tân văn triều nghe hiểu đức hạnh cao lớn của Kim Quang Chiếu, bèn sai sứ nghinh thỉnh mời vào ở chùa Đại Vân, Kim Quang Chiếu dẫn đầu chư tăng hoằng dương Phật pháp, không biết sau cùng như thế nào.

Chủ sớ Hoa Nghiêm húy là Trừng Quán, vốn dòng họ Đái, người huyện Sơn Âm, Cối Kê, Việt Châu. Trừng Quán sống dưới đời vua Túc Tông (Lý Hanh 756-763) thời Tiền Đường. Năm 13 tuổi xuất gia. Sau đó, đối với sách Nho, chín phái triết học, bách gia chư tử, không gì Trừng Quán chẳng tinh thông. Sau khi thọ giới cụ túc, tiết tháo Trừng Quán khác thường, chỉ nơi nào có danh sơn hẳn tìm đi tới, nơi nào có bạn ưu thắng tìm hỏi.

Đến năm Đại Lịch thứ 11 (776) thời Tiền Đường, Trừng Quán đến núi Ngũ Đài, dừng ở dưới viện Bát nhã thuộc phía tây chùa Hoa Nghiêm. Trước sau đến núi vân du các đài có hơn 40 lần. Sau đó, đến

chùa Đại Hoa Nghiêm, Trừng Quán chuyên đọc giáo nghĩa Đại thừa phương quảng, chỉ một kinh Hoa Nghiêm, riêng chuyên tụng tập để tự tỏ ngộ tâm, mừng thích ý tưởng sáng sớm nghe đạo, kinh quyển chẳng rời khỏi tay. Bấy giờ có vị Sa-môn tên là Hiền Lâm ở các viện Thiện Trụ (trong thời nhà Tùy, vốn tên là Đông Đạo Tràng) cũng là người chẳng thể lường biết được thỉnh mới sung làm chủ chùa Hoa Nghiêm. Hiền Lâm mới cùng chúng tăng trong chùa cung thỉnh Trừng Quán giảng kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa v. v... trước sau cả thảy năm năm, Trừng Quán từng bảo rằng: "Hoa Nghiêm cựu sớ yếu chỉ ước lược mà văn lắm nhiều". Mới tự tư duy rằng: "Trộm lấy Văn-thù-sư-lợi tiêu biểu cho Chân Trí, Bồ-tát Phổ Hiền hiện bày chân lý, hai pháp hổn dung tức hiển bày tự thể của Tỳ-lô-giá-na vậy, lý bao muôn hạnh, sự gồm ngàn môn, rộng dụ như Thái Hư, khắp cùng bằng võng cực. Lớn thay! Ngã tức là áo chỉ Hoa Nghiêm ư? Nay ta đã dừng ở nơi chốn của Văn-thù-sư-lợi, cảnh vức Thanh Lương huyền diệu. Kinh lớn Hoa Nghiêm há có thể để mất được sao?" Từ đó, sớm tối ôm ấp trong lòng, tư duy muốn tạo sớ, bèn từ chùa Hoa Nghiêm chuyển lời đến viện Bát nhã. Trừng Quán thong dong bảo Đại chúng rằng: "tôi đến nơi Thánh địa, nhiều kiếp hiếm được gặp, muốn lắng bặt sự giao du, lắng tâm để tạo sớ, có thể vì tôi mà tạo dựng một tòa các, ở trên đó tạo sớ có được chăng?" Sa-môn Hiền Lâm chủ chùa v. v... đều nói: "Xin vâng theo". Mới tìm gọi thầy thợ bắt đầu ra tay, không mấy ngày mà tạo dựng hoàn thành. Bấy giờ có Sa-môn Vô Trước ở Ôn Châu, đích thân từ Sách Lương, bút tích của Hy Hoàng, kỳ thay khả quan! Công việc xây dựng các hoàn tất, Trừng Quán lên trên thiết lập đạo tràng chế tạo sớ.

Bắt đầu từ ngày mồng tám tháng tư năm Hưng Nguyên thứ nhất (784) thời Tiền Đường, sớm tối đốt hương cầu nguyện, tâm mong có được điềm ứng, sau đó vài ngày, đang lúc nửa đêm ngủ, Trừng Quán mộng thấy một kim nhân đến đứng trước Trừng Quán, Trừng Quán mới đưa tay sờ vuốt, từ đầu hưởng thực cho đến chân mà tỉnh giấc, trong t6am Trừng Quán riêng tự mình vui cho rằng. Đây hẳn là Đại Thánh đuổi ban điềm lành, là ta được hưởng thọ pháp vị Hoa Nghiêm. Được yếu chỉ tinh túy ấy là điềm thủy chung tạo sớ". Mới dậy súc rửa, bèn vào đạo tràng đốt hương thiết lễ, mừng tạ điềm lành. Sau đó, như tự thân đối trước Thánh dung, nắm vẫy đầu bút, biện tài tư duy như dòng chảy, tinh tường giải thích vi ngôn, chưa từng ngưng ngại, bèn được một bộ, văn của bảy xứ chín hội, rõ ràng tại trước mắt. Từ năm Hưng Nguyên thứ nhất (784) đến ngày mồng 05 tháng 11 năm Đinh Mão (tức năm 787,

còn khoảng thời gian này không có niên hiệu "Chánh Nguyên", mà chỉ là niên hiệu Trinh Nguyên (785-Ất Sửu-805) mà thôi) tức năm Chánh Nguyên thứ nhất thì gát bút, Trừng Quán đã tạo sớ xong, mới dốc hết tư duyên thiết trai hội cúng dường ngàn vị Tăng, dùng làm hiển bày mừng vui. Lại muốn ứng nghiệm điềm bản sớ ấy lưu thông như thế nào, Trừng Quán bèn vào đạo tràng khẩn cầu minh ứng, bỗng đang đêm ngủ, mộng thấy tự thân mình hóa làm con rồng lớn đầu gối ở Nam Đài, đuôi chấm ở Bắc Đài, nhảy vọt thân ấy lại hóa làm ngàn con rồng nhỏ, phân tán mà đi. Sau khi tỉnh giấc, Trừng Quán mừng vui bảo là: "Đó là điềm ứng bản tân sớ lưu hành vậy". Từ đó, Sa-môn Hiền Lâm chủ chùa Hoa Nghiêm, thượng tọa Ngộ Tịch làm chủ cúng dường mười chùa Sơn môn, Sa-môn Vô Trước ở Ôn Châu và tăng chúng ở Hạp Sơn lại cùng thiết lập đại trai hội hiển bày mừng vui bản tân sớ. Đến năm Chánh Nguyên (Trinh Nguyên) thứ tư (784) thời Tiền Đường, tinh Châu Tiết độ sứ Mã Toại, Đại Châu đô đốc Vương Triều Quang mỗi mỗi đều sai sứ mang các thứ cúng dường đến núi, cầu thỉnh Trừng Quán giảng bản tân sớ đó, mỗi ngày dưới pháp tòa có cả ngàn vị Tăng lãnh hiểu tuyên dương Diệu Hiển. Chúng học lưu xuất trước sau có cả ngàn vị. Ngoài ra, các sự tích khác về Trừng Quán ở Biệt truyện đã nói rõ.

Sa-môn Thích Thường Ngộ, vốn dòng họ Âm, người xứ Phạm Dương. Đầu tiên, Thường Ngộ nương theo chùa An Tập tại quê hương cầu xin xuất gia Thường Ngộ bẩm tánh thuần phác, dung mạo khôi ngộ, vui thích cảnh suối rừng, nương tâm ngoài vật.

Năm Đại Trung thứ tư (850) thời Tiền Đường, riêng một mình chống mang tích trượng đến núi Ngũ Đài tham lễ, tìm phỏng Thánh tích, dừng ở nơi Bồ-tát Đường tại chùa Hoa Nghiêm, chiêm ngưỡng tôn dung Đại Thánh đốt ngón tay giữa bên cánh tay phải mà cúng dường. Sau đó đi khắp cả năm đảnh, trông thấy ánh sáng tốt lành, không thể ghi nhớ hết ưu thắng. Đến nơi tây đài gặp Thánh tích cổ tên là Bí Ma Nham. Thường Ngộ chỉ trong khoảnh khắc mở mắt, bỗng thấy ánh sáng vàng ròng sáng rực lóa mắt, dần phân thành trỉ điệp, phương thế như tường thành, tức xưa trước gọi đó là thế giới kim sắc. Nhân đó, Thường Ngộ hỏi chư tăng ở chùa, có vị Tăng đáp: "Đất đây xưa trước có bậc cổ đức trú trì tên là Hòa thượng Kim Quang Chiếu, đó cũng nhân ánh sáng (Quang) mà lập thụy hiệu, nên hẳn đó là điềm lành vậy".

Thường Ngộ buồn vui lẫn lộn, thệ nguyện ở tại xứ ấy, bèn dựng am để ở, lắng ý gá thần, mỗi lân nhập định môn, suốt 49 ngày mới xả, chim bay mưa hoa, hợp mây thơm mới, mọi người tung khăn rũ

áo quy y đông nhiều như chợ, nhân đó dựng lập thành Phạm vũ, xây tạo Phật cung. Suốt 17 năm, Thường Ngộ chẳng từng xuống khỏi núi, chuyên tinh thiền tụng, chẳng phế bỏ tấc bóng. Có thể gọi là nhờ sức Thánh ngầm thông, đạo vượt cảnh phàm. Đến cuối thời vua Chiêu Tông (Lý Diệp 889-904) thời Tiền Đường, Thường Ngộ cũng hiện hóa chẳng thường, hoặc có lúc vỗ tay cười lớn, hoặc tay nắm hai viên đá cùng mài xác, chỉ gọi là: “Cùng hợp, cùng hợp”. Mọi người chẳng lường biết là nguyên do gì. Đến sau khi vua Trang Tông (Lý Tồn Húc 923-926) thời Hậu Đường thôn tính Chu Lương, mọi người mới tỏ ngộ lời của Thường Ngộ nói trước kia. Bấy giờ, Võ Hoàng (?) đang ở tại Hà Đông, kính mộ cao đức của Thường Ngộ nên đến núi kính lễ. Tháng tư năm Văn Đức thứ nhất (888) thời Tiền Đường, bảo Hiến Châu thứ sử Mã Sư Tố truyền ý đến thỉnh mời. Thường Ngộ cố chối từ chẳng hứa thuận, và đến ngày 13 tháng 07 năm đó (phần cuối ở đây về niên đại có phần không phù hợp, cần đối chiếu lại).

Sa-môn Thích Nguyện Thành, vốn dòng họ Tống, không biết là người ở xứ nào. Gia đình nhiều đời theo Nho nghiệp vang danh xa gần, chẳng chuyên việc phù hoa, chẳng rão xen vinh lợi. Mới đầu, thân mẫu của Nguyện Thành vốn người dòng họ Âm, ban đêm mộng thấy trước sân có hai cây, đều nở rộ hoa, chỉ chốc lạt mà rơi rụng cả, chỉ còn một cành riêng không điêu tàn, kết thành quả quý, tỉnh giấc bèn mang thai, tâm ý thân mẫu vui mừgn, mong nguyện được sinh con trai. Đã phát nguyện rồi, đến thời kỳ bèn sinh con trai, nên đặt gọi tên là Thành. Đến lúc trưởng thành nương theo thầy, riêng xưng chữ “tiểu”. Vừa tuổi bé thơ, Nguyện Thành đã ra đến trường học, chuyên tập minh huấn, dẫn đầu đồng bạn. Sau đó, xả bỏ thế tục, giả từ thân thích, đến núi Ngũ Đài, nương theo Sa-môn tăng Chánh Hạnh Nghiêm ở chùa Phật Quang cầu xin xuất gia, tôn xưng làm thầy. Đến năm Thái Hòa thứ năm (831) thời Tiền Đường, thọ giới cụ túc, tụng giới Đại thừa Tiểu thừa, các kinh Pháp Hoa, Kim Cang, Phật đảnh, đại bi thần chú, dùng làm việc thường. Đến trong đời vua Võ Tông (Lý Viêm 841-847) thời Tiền Đường phá hủy Phật giáo, mà Nguyện Thành vẫn giữ chí không cải đổi. Sau khi vua Tuyên Tông (Lý Thầm 847-860) thời Tiền Đường lên ngôi, Phục Hưng chùa Phật, sơn môn lại tuyển chọn thỉnh mời Nguyện Thành dẫn đầu tăng chúng, đặc hứa tu sửa một chùa Phật Quang. Sau khi công việc hoàn tất, vua lại ban phong Nguyện Thành hiệu là “Viên tướng”, lại sung thêm chức là “Sơn môn Đô Kiểm hiệu”.

Đến ngày mồng năm tháng sáu năm Quang Khải thứ ba (887) thời

Tiền Đường Nguyện Thành bỗng cảm thấy chí khí suy yếu, mới dốc xả tất cả y vật để sung vào cúng thí, sau đó không bao lâu bèn thị tịch. Người sau xây dựng tháp ở góc tây bắc của chùa mà cúng dường.

Thiền sư Thừa Phương ở chùa Phật Quang, quên sót mất dòng họ và quê hương, vốn là cháu của Hòa thượng giải thoát. Thừa Phương thân cao bảy thước năm tấc, dáng mạo oai phong, tay duỗi dài quá đầu gối. Mây dài tấc, mắt có hai tròng ngươi, mỗi ngày sáu thời lễ bái tụng niệm, hành đạo không ngưng nghỉ, tiếp nối vết cao, lại tạo dựng phạm cung, đài điện giăng giữa hư không, lần lượt theo đẳng cấp. Có một sĩ nữ ở Thái Nguyên tu tạo một tôn tượng Đại Thánh, phỏng định đưa đến sơn mòn, theo đường đi qua sông Hô Đà, nước chảy bồng bềnh, sóng cả dồi vỗ, thuyền chèo nghiêng ngả. Thừa Phương đứng cách bên kia bờ xa kính lễ đốt hương cầu đảo, bỗng nhiên nước ngưng dòng, Thánh tượng đã đưa qua thì nước cháy xoáy lại như cũ. Về sau, không biết năm tháng nào, Thừa Phương thị tịch tại chùa, nhục thân vẫn hiện còn, có văn bia dựng cách chùa một dặm về hướng tây.

Hòa thượng Vô Danh vốn người ở quận Bột Hải, tức cháu của Cao lực sĩ ở Tiên Triều. Từ thủa bé thơ đã mộ đạo, cắt bỏ tóc xanh nơi nườn vàng, cầu thọ giới cụ túc, phỏng tìm thầy, đượm nhuần giới phẩm ở chốn kinh đô. Tâm địa sâu mầu, thọ tông của Hà Trạch, văn tảo dọc ngang, ra câu của Thang Hưu, có thể gọi là rường cột của pháp uyển, tiêu chuấn của thích môn. Đến năm Chí Chánh thứ nhất (?), ngày thị tịch tắm gội sạch sẽ, sáng sớm ăn một bữa rồi gọi tất cả môn nhân tăng chúng trong chùa dặn bảo xong, ngồi kiết già an nhiên thị tịch. Sau đó 11 năm, Hà Đông tiết soái Lý Công lên đảnh đài tham yết, nghe có mùi hương thơm khác lạ, tu sửa lại khám thất, cảm có ánh sáng thần rộng dài vài tượng, tướng lành ứng hiện, mới cùng bàn nghị trà tỳ, thịt heo lửa cháy, cốt sương vẫn đoan tọa sáng sạch quanh minh, chi tiết liền nhau, sáng trơn như ngọc, bèn dựng tháp cúng dường tại chùa, khắc văn bia đá đến nay vẫn hiện còn.

Hòa thượng Thuyên Luận, vốn người thổ cư, đại địa. Năm 07 tuổi xuất gia, y theo đuổi đủ thọ cụ, giới châu sáng sạch, hạnh nghiệp tỏa ngời, bên ngoài tập học tỳ ni tạng giáo. Bên trong chuyên tu nhân đại địa thừa, thành đạt tha tâm thông soi chiếu, mọi việc đều biết trước, chỉ dùng rau lá quá trưa chẳng ăn, áo xấu mới đủ che thân, chẳng chứa thóc gạo, không cất vải vóc, có thể xưng gọi là vị Tăng cao hạnh thanh khổ. Đến ngày thị tịch có ráng mây giăng che giữa hư không, nhạc trời vang vọng bên tai, hương thơm khác lạ phảng phất, mọi người xa gần tụ tập,

mới gọi nhóm tăng chúng trong chùa, nắm tay tuần tự trái, căn dặn môn nhân rồi, ngồi kiết già mà thị tịch.

Sa-môn Thích Pháp Hưng, vốn người ở Tây Kinh, năm 07 tuổi xuất gia, chẳng cùng xen tạp với bạn ở đương thời, vâng hầu sư trưởng, cố gắng quên cả nhọc mệt, trì tụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đến lúc tuổi già thuộc thành bài tụng, lại niệm kệ vàng tịnh danh, chẳng đầy chín tuần, hai bản giới kinh chỉ hơn một tháng, mỗi ngày thường trì một biến, phúng tụng pháp vị tinh thông, luật nghi tinh nghiêm, vâng trì không phạm. Đến lễ bái Thánh tích chỉ ý vui thích chốn suối rừng, lệ thuộc vào chùa Phật Quang, bèn có chí ý muốn trọn ở đó. Bốn phương cúng dường lợi hưởng, tự thân chẳng giữ gìn, giao cho môn nhân đệ tử, tu tạo đại các Di-lặc gồm ba tầng chín gian cao chín mươi lăm thước, tôn tượng trang nghiêm không gì chẳng hoàn bị. Cho đến 72 vị Thánh hiền, tám đại long vương, Thánh tượng các chùa ở đài sơn, có hơn cả vạn, khắc họa đều hoàn tất, chư tăng xưng dương tán thán khác miệng mà đồng lời, liệt bày thuộc như trên, cầu thỉnh sung làm sơn môn đồ cương, khuôn phép chuẩn mực làm pháp cho đời sau.

Đến tháng giêng Thái Hòa thứ hai (828) thời Tiền Đường, nghe giữa hư không có tiếng bảo rằng: "Lúc nhập diệt đã đến, các chúng trời Đâu Suất, nay lại nghinh đón". Pháp Hưng bèn tắm rửa xong, đốt hương, an nhiên đoan tọa mà thị tịch. Tăng chúng tạo dựng tháp cúng dường cách chùa một dặm về phía tây bắc.

Tất Cứu Đô Cương ở chùa Vương Tử thiêu thân, không biết vốn người xứ nào và tên họ là gì, bởi nghe các bậc lão thành rao truyền qua miệng nên sự việc có nhiều lạm phế, nay biên truyện đây chỉ là đại khái. Khổng Tử nói rằng: "Ta thích lễ ấy, đó cũng như vậy". Vốn là ở đời tương truyền Tất Cứu Đô Cương là cậu của vua Diêm Ma, vì từng trông coi việc tăng chúng, nhân đó mà gọi là "Đô Lương". Xưa trước, tại phủ Thanh Lương tức thành cổ của huyện Ngũ Đài ngày nay. Huyện Tể ở đó, quên mất tên họ, đang giữa mùa hạ, riêng ngồi một mình uống rượu ban đêm nơi hiên nhà, chợt thấy có vài người hình chất rất to lớn, mang cầm gông cùm tợ như kẻ sứ đuổi bắt người trong quan đến trước mặt mà đứng. Huyện tể ấy dò hỏi về nguyên do. Các người kia đáp rằng: "Chúng tôi là lính sứ của vua Diêm Ma, vua Diêm Ma sai đến tìm bắt ông, ông nên đi vậy". Huyện Tể ấy rất kinh hãi vụt đứng dậy, bảo cùng ngục sứ rằng: "Chết là việc làm xưa nay, tôi không phải sợ, chỉ duyên bởi có người thân già cô quạnh đang ở nhà, chỉ nhờ bổng lộc tôi làm quan, lấy đó mà báo ân nuôi dưỡng, nếu theo sự tìm bắt đây

thì việc hiếu dưỡng bị phế mất, nếu được đợi người thân đã trăm tuổi, thì tôi chết không lấy gì phải hận, nay có thể dùng vàng ngọc để chuộc khỏi được chăng?" Ngục tốt bảo: "Đây là nghiêm lệnh của vua Diêm Ma, chúng tôi không dám phán quyết, nếu ông muốn khỏi, thì tại chùa Vương Tử thiêu thân ở núi Ngũ Đài có Tất Cứu Đô Cương, là cậu của vua Diêm Ma. Nếu ông có thể đến báo xin thì có thể giúp được". Khi ấy, huyện Tể vội sai chuẩn bị ngựa cùng lính trong phủ cấp tốc mà đi. Vừa lúc mặt trời ló dạng thì đến chùa, cánh cửa nơi phòng Tất Cứu Đô Cương còn đóng kín, ngủ chưa dậy. Huyện tể đích thân tự gõ cửa, nhỏ tiếng gọi kêu. Chốc lát sau Tất Cứu Đô Cương ra, Huyện Tể liền gieo thân mình đảnh lễ. Tất Cứu Đô Cương bảo: "Đức Phật của sơn tăng chẳng tiêu sự kính lễ của quý nhân. Quan tể trước đây thường vân du đến núi, rất mực xem thường, lúc này có việc gì bức bách mà lễ kính quên cả nhọc mệt vậy". Huyện Tể ấy thưa: "Không biết được Thánh nhân, tội thật sâu nặng". Vừa khóc, Huyện Tể vừa kính bái. Tất Cứu Đô Cương bảo: "Có thể được". Nhân đó, đòi lấy giấy bút, viết rõ việc ấy, viết xong giao cho Huyện Tể. Huyện Tể kính bái vài ba phen tỏ bày cảm tạ rồi trở lui. Từ đó về sau tới lúc nghĩ việc quan, Huyện Tể ấy trọn không việc gì khác. Và cũng từ đó mà tiếng tăm Tất Cứu Đô Cương vang vọng. Tiếng tăm đã rõ ràng như vậy. Về sau, Tất Cứu Đô Cương cũng thị tịch, có tháp hiện còn ở góc Đông nam của chùa.

Theo người biên tập truyện, Diên Nhất tôi cho rằng: "Đó là Đại Thánh biến hóa". Nên trong truyện Kim các biến hóa nói phàm Thánh chung ở lẫn lộn, lấy đó làm ứng nghiệm vậy.

Đại sư Hàng Long, vốn dòng họ Lý, húy là Thành Tuệ, là người huyện Linh Nhạc, Úy Châu. Song thân mạnh khỏe mà không con nối dõi, nghe nói Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở núi Ngũ Đài vô cùng linh dị, nên đích thân đến đó cầu thỉnh. Sau khi trở về, người vợ bèn cảm mang thai, đến lúc mãn nguyệt, sinh được một người con trai, khắp xóm làng đều thán dị đồng xưng gọi là con Thánh. Đến lúc lớn, phong cốt mẫn tú, thần trí vượt khác đồng hành, Hàng Long mới đến núi Ngũ Đài nương theo Sa-môn Pháp Thuận chủ hiện viện Chân Dung, tôn xưng ngoại đạo làm thầy mà cầu xin xuất gia, năm 20 tuổi đăng đàn thọ giới cụ túc. Về phía Đông nam của Đông Đài, cách khoảng hơn trăm dặm có một cái ao tên là Long Cung. Theo các bậc lão thành tương truyền rằng: "Đại sư Hàng Long thường ở tại đó, dựng lập am tu đạo". Đến nay có rừng tùng, nền móng cũ vẫn hiện còn. Ở trong bình sạch, Hàng Long vốn nuôi một con rồng, rồgn từng nhảy ra, vào ở trong sông nước trong. Sông ấy

có một đá lớn, phía trên có ba lỗ thông, rồng vào ngầm ẩn nơi đó. Một ngày nọ, lúc mặt nhật ló dạng, phía tây nam trên sông thấy có hơi khí sắc trắng xuất hiện, Hàng Long biết rồng ngầm ẩn phía dưới, mới đem bình đến nơi sông, hướng trông uể lỗ nói đá, lớn tiếng kêu gọi, rồng trở vào lại trong bình, Hàng Long bèn đưa về am. Suốt nước ấy vẫn còn linh dị. Tuy sông bùn lấm nước lấm xoáy lẫn lộn, nhưng riêng trong ao suốt ấy không mấy dơ bẩn.

Trong khoảng niên hiệu Thiên Hy (1017-1022) thời Bắc Tống, Diên Nhất tôi đích thân đến tham quan. Quán Long Tuyền ngày nay, cũng nhân dòng suối ấy mà đặt gọi tên. Hàng Long thường ở trong cốc Lý Ngưu thuộc phía Đông bắc của Tây Đài, cũng có nơi dựng am tụng kinh, thường cảm thần núi hiện thân đến nghe pháp. Về sau, có các Sa-môn Trạm Sùng v. v... ở chùa Vương Tử, dẫn tăng chúng mang thư đến khẩn thiết cầu thỉnh Hàng Long về ở chùa, bày lễ kính trọng, giữ phép thầy trò. Hàng Long chẳng chống trái, chuyển dời đến ở chùa ấy, nên được núi vàng càng tỏa sáng, đất báu sinh cỏ thơm, vật báu ở chín châu đều đến, lầu đài của mười chùa càng mở mang, tài thí, pháp thí, ruộng Phật ruộng tăng, đều do Hàng Long trú trì, đồng dượm phước lợi. Đến thời Hậu Đường, vua Trang Tông (Lý Tồn Húc (923-926), nghe hạnh cao của Hàng Long, nên tháng bảy năm Đồng Quang thứ nhất (923) thời Hậu Đường sai sứ mang pháp y sắc tía ghi đề tên Hàng Long, trao sắc thư ban tặng, với chiếu văn ghi rằng: “Thật huệ non thức, sinh tỏa vườn kê, thượng triết tinh thành giữ giới Hộ Nga, hoằng tuyên đàm pháp nhạn trú. Ngầm bao quát tam thừa, sâu sáng rõ tứ đế. cỏ nhẫn mới tốt nơi vườn tánh, hoa ý chẳng nhiễn nơi ruộng tình, tự ẩn vết nơi Linh Phong, gá tâm ở thắng địa, nổi thuyền từ mà cứu vớt kẻ đắm chìm, cầm đuốc tuệ mà dẫn dắt kẻ mê, 500 Long Thần đều phục đức lớn, một vạn Bồ-tát đồng tiếp vết cao làm rường cột của pháp vũ, nêu tiêu biểu của không môn. Trẩm vừa mới dựng xây cảnh vân, chấn xiển Chân Phong, nên nêu danh chứa hạnh để phụng giáo pháp vô vi. Nay ban phong hiệu “Quảng Pháp Đại sư”, và ban tặng pháp y sắc tía”. Hàng Long cố chối từ không nhân. vua Trang Tông lại ban sắc chiếu mong khuyên, đại khái là “Nhờ sai nội quan xa đến ban thành mạng, hiệu sư đã rõ bày nơi giới hạnh, pháp y sắc tía không tưng hửng hành trì. đã lâu dáng thuộc bậc nhân, chẳng nên lấm nhiều từ nhượng”.

Đến tháng 12 năm Ất Dậu (925) tức năm Đồng Quang thứ ba thời Hậu Đường, Hàng Long căn dặn môn nhân rồi, gối tay mà thị tịch, hưởng thọ 50 tuổi, 30 hạ lạp. Sau khi Hàng Long thị tịch, vua lại ban

phong thụy hiệu là "Pháp Vũ Đại sư" và linh tháp hiệu là "tháp Từ Vân". Đến nay vẫn hiện còn tại chùa.

Đại sư Siêu Hóa hý là Khuông Tự, vốn dòng họ Lý, người thôn Tề Phụng huyện Văn Thủy, Thái Nguyên. Từ thủa bé thơ đã mến mộ đạo, chẳng vui thích vinh hoa thế tục, chú ý đến Đài Sơn, mong nguyện được xuống tóc xuất gia, nương theo Sa-môn Hạo Oai ở viện Chân Dung, tôn xưng làm thầy. Sau khi thọ giới cụ túc, gắng chí vượt hẳn đồng bạn. Chống tích đến phương nam, tham tìm Thiện tri thức, học thông nội ngoại giáo điển, nghiên cứu thiền luật, truyền pháp độ người, mở mang tai mắt đại chúng.

Năm Thiên Phước thứ ba thời Hậu Tấn tức năm Mậu Tuất (938), Siêu Hóa vân du các phương hoằng hóa, đến Hồ Nam, bái yết Ngụy Quốc Chúa Vương Công. Vương Công cúng thí, hương trà cả vạn. Đến năm Đinh Mùi (947), lại sai sứ mang đưa vào núi cúng cấp khắp các chùa. Năm Quý Mão (943) Siêu Hóa đến nước Ngô Việt ra mắt Thượng phụ Nguyên soái Tiền Vương, Tiền Vương tiếp lễ rất nồng hậu. Siêu Hóa đàm luận đến sâu mầu, nhã hợp ý Tiền Vương, Tiền Vương bèn dâng các thứ hương vật trà đến cúng thí Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi và một vạn Thánh chúng ở núi Ngũ Đài, và tạo Bồn bát bằng bạc đựng trong hột đủ một vạn bộ, 100 sọt trà, và sai bảo người đưa đến trong quán của Ngô Việt. Thứ sử của các châu, mỗi mỗi đều bày biện thí lợi các thứ cúng cụ, không gì chẳng hoàn bị. Riêng tạo một thuyền lớn để chuyên chở, đi bằng đường biển theo hướng bắc mà trở về, từng gặp gió bão nổi khắp bốn phía, sóng cả vỗ dồi, mọi người trên thuyền đều kinh sợ, nghiêng khắc muốn chìm đắm. Siêu Hóa mới chỉnh trong pháp phục, đốt hương, vọng về núi, xa kính lễ Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi, nguyện cầu thầm gia hộ. Bỗng chốc thấy Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi xuất hiện nữa thân trên biển, sóng to gió lớn đột nhiên dứt mất, bèn được về đến Thương Châu, khiêng chở về núi. Sau đó, cùng Đại sư Hàng Long bình đẳng cúng thí các Lan Nhã nơi sơn phường, chùa viện ở đài núi, chẳng riêng lấy làm lợi. Đến lúc, Siêu Hóa dừng tích nơi chỗ ở xưa, tăng chúng cố thỉnh mời Siêu Hóa chủ lãnh việc chúng tăng. Về sau, triều đình ban sắc thống lãnh cả sơn môn. Suốt thời gian 15 năm phục hưng tu tạo chùa Phật, cúng dường chư tăng có hơn trăm vạn.

Căn cứ theo Biệt truyện nói: Xưa trước, Hồ Nam Mã Vương vốn kính trọng lệnh vọng, từng sai sứ mang 200 sọt trà đưa đến Đài Sơn để sung vào cúng dường trước Đại Thánh. Mới chia cấp cho các chùa ở Sơn Môn, sau đó cùng Đại sư Siêu Hóa đồng lên đảnh đài đốt hương

khẩn cầu. Thiết lễ đã xong, đều cùng dừng nghĩ bên cạnh ao rồng, bỗng nhiên thấy một con rắn nhỏ thân hình sắc đỏ, bơi nhảy trên nước xoay đầu trông nhìn Đại sư, Siêu Hóa bảo: "Ngươi đến đó ư?" Rồi bảo kẻ sứ ấy là: "Ông hãy nhanh trở về, sợ hẳn có Đại sư". Kẻ sứ ấy bèn vâng theo lời cùng Đại sư trở về đến viện. Qua ngày hôm sau, kẻ sứ ấy mới tỏ ngộ ứng ngộ trông thấy rắn. Siêu Hóa có sự dự tính thấy biết như thế. Đó là hạng người gì ư? Cũng là người chẳng thể lường biết vậy, ngoài việc trú trì cũng thường xuyên thiền định lễ tụng.

Đến tháng chín năm Giáp Thìn tức năm Thiên Phước thứ chín (944) thời Hậu Tấn, Siêu Hóa cảm bệnh, qua sau năm ngày thì thị tịch, sau khi trà tỳ, Môn nhân tăng chúng gom thâu linh cốt xá-lợi, xây dựng tháp cúng dường, đến nay vẫn hiện còn.

Đạo giả thủ tánh, sống trong thời Hậu Tấn, quên mất dòng họ là gì và quê hương ở đâu? Vốn ở viện Thủ Tánh, tức là Lan Nhã ở phía Đông bắc chùa Vương Tử ngày nay, cải đổi tên là viện Bắc Phước Thánh vậy. Với tâm hạnh bên trong của sư không thể lường biết được, bên ngoài hiện tướng thô xấu, vận mặc áo nạp cũ rách, ăn dùng vật thừa của tăng chúng, chẳng nhiễm thanh danh. Mọi người khâm phục kính trọng như Thánh, mọi người trong Hương Xuyên cúng thí, không gì chẳng vui cho. Các hàng tăng tục đi núi, trông thấy cứu giúp không phân chọn. Thường mang theo con dao sắc bén vào núi, thấy rắn liền chém và chỉ bảo: "Thủ tánh, thủ tánh". Do đó, nên mọi người xưng gọi sư tên là Thủ Tánh Đạo giả. Sư từng dạy răn đệ tử rằng: "Các ngươi vào núi hái củi, nếu như lúc thấy gặp rắn, phải thận trọng chớ đánh giết. Quả báo rắn rất nặng, ngàn năm thiếu một, lại phải nhận chịu đó". Các đệ tử thưa: "Nếu vậy, sao thầy chém giết rắn?" Sư bảo: "Ôi! Các ngươi sao biết được, lão tăng chém giết rắn, khiến nó giữ lấy tánh, tức là giả mở quả báo kiếp rắn cho nó. Các ngươi không có khả năng, đâu có thể đồng như ta". Sư có mật hạnh như vậy. Về sau thị tịch tại bản viện v. v...

Đại sư Tăng Thống, vốn dòng họ Lưu, húy là Kế Ngung, người xứ yên kế, thân phụ húy là thủ kỳ, ở cuối thời Tiền Đường đảm nhận Thương Châu Tiết độ sứ. Từ thủa bé, Kế Ngung đã mất sự vương cậy, tánh vốn tri thức, gặp lúc nạn loạn nên lánh đất đến ở núi Thanh Lương, đảnh lễ Đại sư Quả Thắng-hoằng Chuẩn tôn xưng làm thầy cầu xin xuất gia. Đến năm đủ tuổi, thọ giới cụ túc, chuyên tinh tụng tập chẳng nhọc mệt. Xa đến Kinh đô tập học, gần được vài bản kinh luận, bèn tìm trở về lại chùa xưa, trên đầu đội kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, đi chân trần lễ bái khắp cả Ngũ Đài, mỗi lúc đến một đài, giảng "phẩm

trú xứ của Bồ-tát" một biến, trọn năm như vậy lấy làm thường. Mỗi lần giảng xong, thiết bày các thứ trà thuốc thức ăn tốt lành káhc lạ để cúng dường. Sau đó đối hướng Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi, đốt hướng lập thệ nguyện. Lúc đi đến Đông Đài, Tấn Thiếu chúa đang ở ngôi thấy gặp rất mực kính trọng, ban sắc mực kính trọng, ban sắc thỉnh mời đến ở chùa Đại Tướng Quốc giảng Đại kinh Hoa Nghiêm, dẫn cùng các hàng vương hầu quy y tin nhận. Và trong khi giảng có các thứ cúng thì nhiều cả vạn muôn. Kế Ngung đều để tại đó, xây dựng vách tường đá phía dưới hiên vũ bốn mặt giảng đường của chùa ấy, bảo trợ ghi khắc kinh đã giảng, thời gian tháng trời công việc hoàn tất. Sau đó, Kế Ngung xin trở về núi, được ban tặng tài thí lắm nhiều vô kể, bèn dựng xây hiên vũ bốn mặt tại viện Chân Dung và lầu các ở chùa Hoa Nghiêm, có cả thảy 3 ngàn gian. Chẳng những cúng thí hơn 700 hội, mà còn đắp họa khám núi La-hán gồm 32 nhà, đọc tụng kinh Kim Cang và tạng kinh có 6 trăm vạn quyển, đồng thời chú kệ chân ngôn, khắc đàn hết lớp. Những lúc gặp phải ba tai tám nạn, Kế Ngung đều cúng thí khắp cùng, thiết hội vô giá cấp cháo cho bốn chúng, nhân quả thù diệu gieo ruộng phước lớn, chưa từng có ai hưng thạnh như thế. Về sau, Kế Ngung có được sắc chiếu ban giao tổng quản mười chùa ở núi Ngũ Đài, ban tặng pháp hiệu là "Quảng diễn Khuông Thánh Đại sư Hồng Lô Khanh", và ban tặng y phục, vua Cao Tổ (Lưu Trí viễn 947-948) thời Hậu Hán chỉ một lần thấy gặp Kế Ngung ngợi khen thật chưa từng có, đặc biệt bảo cùng các Vương Kiết làm anh em. Thiếu chưa lên ngôi (?) lại ban thêm chức là "Ngũ Đài sơn quản nội đô Tăng Thống", về sau lại đem công trao làm "Đại hán Quốc độ Tăng Thống kiểm hiệu Thái sư" Kiêm Trung thủ lệnh.

Đến ngày 12 tháng giêng năm Thiên Hội thứ 17 thời Ngụy Hán (?) Kế Ngung thị tịch tại viện Bồ-tát ở núi Ngũ Đài, hưởng thọ 73 tuổi, 32 lạp. Có sắc chiếu ban Ngụy giản nghị Đại phu Dương Mộng Thân soạn thuật bia minh thần đạo dựng lập tại phía Đông bắc của viện, môn nhân tăng chúng gom thâu linh cốt, dựng tháp cúng dường đến nay vẫn hiện còn.

20. SỰ TÍCH CHƯ NI CAO ĐỨC

Căn cứ theo "Hoa Nghiêm cảm ứng truyện" nói: Trong khoảng niên hiệu Nghi Phụng (676-679) thời Tiền Đường. Từ Tây Vức có hai vị Phạm tăng đến núi Ngũ Đài, mang theo các thứ hoa cỏ, bưng nắm lò hương, dùng khủy tay đầu gối đi bộ hướng đến núi đảnh lễ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi gặp một ni cô tại giữa khoảng hang đá nghiễm nhiên ngồi

một mình trên sàn giường dưới gốc cây tùng, miệng chuyên trì tụng kinh Hoa Nghiêm, khi ấy cảnh trời đã chiều tối, Cô ni ấy bảo hai Phạm tăng rằng: "Phận kẻ ni không hợp cùng Phạm tăng đồng chung ở qua đêm, chư đại đức tạm đi nơi khác, sáng ngày trở lại". Hai Phạm tăng nói: "Núi sâu đường xa, không biết dừng nghỉ nơi đâu, nên xin chẳng bị sai khiến đi". Cô ni ấy bảo: "Nếu không đi thì tôi đây không thể ở lại được, mà phải vào trong núi sâu". Hai Phạm tăng ấy bồi hồi lo sợ chẳng biết nên đi đâu, Cô ni ấy bảo: "Chỉ nên xuống cốc phía trước tại đó có một hang tọa thiền". Hai Phạm tăng ấy y theo lời chỉ bảo mà đi tìm đó, quả nhiên thấy có một các hang tọa thiền cùng xa cách hơn một dặm. Hai Phạm tăng ấy nhất tâm chấp tay, rồi tay bưng lò hương xoay mặt về hướng nam xa kính lễ, lắng tâm nghe kinh rõ hiểu tận tai. Mới đầu Cô ni ấy khai đề kinh, xưng tụng: "Tôi nghe như vậy..." Mới xa thấy Cô ni ấy thân ngồi nơi giường xoay mặt về hướng nam, trong miệng tỏa ánh sáng rực rỡ sắc màu vàng ròng, ánh ngời trước núi, tụng đến hai quyển trở lên thì ánh sáng ấy tỏa lớn ở phía nam của cốc vuông tròn, rộng khoảng mười dặm cùng như ban ngày không khác, tụng kinh đến quyển thứ tư, ánh sáng sắc vàng ấy hơi gom thâu lại, tụng đến hết quyển sáu, thì ánh sáng ấy đều trở lại vào trong miệng Cô ni.

Trong phẩm "Trú xứ của Bồ-tát" ở kinh Hoa Nghiêm nói: "Về phía Đông bắc của nước Chấn Đán có trú xứ của Bồ-tát tên là núi Thanh Lương, chư vị Bồ-tát trong thời quá khứ thường ở trong đó. Hiện nay có vị Bồ-tát tên là Văn-thù-sư-lợi cùng vạn vị Bồ-tát đồng ở tại trong đó". Núi đó ở phía Đông nam của Đại Châu tên là Ngũ Đài vậy. Lại nữa, trong kinh "Thủ Lăng Nghiêm Tam-muội" nói: "Văn-thù là Nhật Long Chủng thượng tôn ở thế giới Bình Đẳng trong thời quá khứ". Lại nữa, trong kinh "Ương Quật ma la nói: "Văn-thù là Phật ma ni Bảo Tích ở thế giới hoan hỷ tại phương bắc". Nên nghĩ tưởng cảnh của vị thần Ni ấy hẳn là sự phân hóa của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi để chỉ dạy cho hai vị Phạm tăng vậy.

Cô Ni Pháp Không, vốn dòng họ Hàn, người xứ Tuyên Châu. Từ thủa bé thơ, giả từ song thân đến chùa Kiến An cách núi Ngũ Đài về phía Tây Nam hơn trăm dặm, cầu xin xuất gia. Về sau đến chùa Kỳ Hoàn thọ giới. Chuyên trì tụng kinh Pháp Hoa lấy làm hạnh nghiệp thường. Về sau mang rương tráp đi nghe học kinh luật, trải suốt vài mươi năm nhưng không được khai ngộ, tự biết tánh mình thiếu hẳn minh tuệ bởi do xưa trước không có sức tập học. từng nghe tại núi Ngũ Đài, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hiện các thứ thân cứu độ quần sinh. Có người

bảo: Có Sa-môn Đạo Siêu, riêng không hạnh nghiệp gì, chỉ lâu ở nơi chùa Hoa Nghiêm chẳng ra khỏi Sơn Môn hơn 20 năm. Sau khi mạng chung, sinh lên nội viện Di-lặc ở cung trời Đâu Suất. Người trời ấy bảo Đạo Siêu rằng: “Ông ở nhân gian riêng không hạnh nghiệp thù diệu gì, chỉ nương nhờ sức của cảnh giới nơi nhân gian, dẫn dắt bốn bộ khiến nên biết được công đức của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, hầu mong tạm lên trong núi ấy mà tiêu trừ các tội chướng dùng làm bù đắp các hạnh khuyết thiếu ở cõi trời”. Đạo Siêu y theo lời đó chẳng xả bỏ quả báo cõi trời mà xuống báo cùng trong nhân gian”. Cô ni Pháp Không tư duy như vậy, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi có cảnh giới đại nguyện không thể nghĩ bàn, nên sinh tâm hy hữu. Lại tự thoát, hai nghiệp thiện ác do tâm tạo tác”. Bèn phát đại nguyện đến núi Ngũ Đài, chí ý mong cầu Đại Thánh ban nhũ từ tâm tiếp dẫn, mới cùng người em gái cũng xuất gia làm ni chung lập thệ nguyện.

Bắt đầu từ năm Nguyên Hòa thứ tư (809) thời Tiền Đường, đến núi đi quanh lễ bái, rão bước khắp cả năm đảnh đài, trông thấy các thứ hóa hiện. Sau đến trong rừng sâu trước viện Tam Tuyền cách chùa Hoa Nghiêm về phía tây bắc, gặp một người già bảo cùng Pháp Không rằng: “Ngươi nên ở đây tu hành, quyết định sẽ chứng đắc quả vị ưu thắng”. Nói xong bèn ẩn mất”. Pháp Không biết đó là Đại Thánh bảo răn, mới buồn khóc đổ lệ như mưa, lâu sau mới tự hối trách mình nghiệp ác tội chướng, nên phát chí nguyện diệt trừ, bèn y theo nguyện ấy riêng dựng lập thảo am để ở giũa mài ba nghiệp sớm tối chẳng biếng lười. Đến ngày 15 tháng 02 năm Nguyên Hòa thứ tám (813) thời Tiền Đường, Pháp Không mới đem các thứ y vật của tự thân, bảo đệ tử thảy đều xung vào cúng thường trú. Thí cho đại chúng sử dụng. Mới nhóm tập đại chúng cùng giả biệt, có người hỏi về nguyên do. Pháp Không bảo rằng: “Từ khi tôi đến ở đây, được Đại Thánh chỉ bày, dạy trao bốn chữ “Diệu Pháp Liên Hoa”, mở được tri kiến Phật thanh tịnh không nhiễm, được sinh về tịnh độ, đại chúng các người phải nên nỗ lực, không được để luống qua không. Nói xong bèn thị tịch, nhưng vẫn đoan tọa như đang sống. Đại chúng bèn trà tỳ, gom thâu xá-lợi được hơn ngàn viên, bốn chúng cùng phân chia để sung cúng dường.

21. CÁC ĐIỀU LINH DƯỢC CÁC HÀNG TĂNG Ở THỜI NAM TỐNG TRÔNG THẤY

Sa-môn Thích Tịnh Nghiệp vốn dòng họ Mạnh, người huyện Ngũ Đài. Từ thủa bé thơ mà đã tỏ vẻ cứng rắn, thần khí ưu tú khác hẳn đồng

bạn. Năm 13 tuổi, mới đầu tịnh nghiệp đến nương theo Đại sư Thông Ngộ ở viện Chân Dung tôn xưng làm thầy cầu xin xuất gia chăm lo theo hầu thầy đặc biệt khác thường. Từng đến Thái Nguyên hành hóa, sơn môn cúng dường các thứ tự cụ, không gì chẳng đủ đầy. Ngụy Chúa Lưu Thị (?) rất mực tôn sùng kính ngưỡng, ban tặng pháp y sắc tía và thêm hiệu là Quảng Tuệ Đại sư. Đến năm Thiên Hội thứ 11 (?) tăng chúng cầu thỉnh làm "Sơn môn đô giám". Về sau lại thuộc nơi vua Thái Tông (Triệu Quýnh 976-998) thời Bắc Tống với xe lính đến đánh dẹp bình trị tấn ấp. Tịnh Nghiệp mừng vui gặp được chân chúa, mới dẫn đầu tất cả tăng chúng đến nơi hành cung chỉnh tu thăm hầu, tỏ bày tình thực, bèn dâng "Sơn môn cảnh thắng đồ" và "Ngũ Đài Long Vương Đồ" vua liền trải bày trước ngự tòa. Bỗng nhiên sấm sét nổ vang giữa trời không một mảnh mây mà mưa trút đổ. Vua rất kinh ngạc hỏi: "Đây là điềm lành gì?" Tịnh Nghiệp đáp: "Long Vương ở Ngũ Đài đến hầu bệ hạ, nay hai rồng vừa thấy gặp nhau nên đang vui mừng, mà sấm mưa tuôn đổ như thế". vua rất vui lòng, liền bảo gan lấy bản đồ và nói với Tịnh Nghiệp rằng: "Đợi trẩm đến ngày trở về nơi kinh đô, riêng thiết bày cúng dường", và mới ban sắc mạng phục, cải đổi hiệu là "Sùng giáo Đại sư". Và xếp đặt làm "Đài sơn tăng chánh, ứng với dòng họ Lưu ở Hạp Sơn ban tặng pháp y và danh hiệu quả, tịnh nghiệp, và đều cả nguỵ cho chân.

Đến hạ tuần tháng tư năm thuần hóa thứ tư (993) thời Bắc Tống, nhân cảm bệnh mà thị tịch, tịnh nghiệp hưởng thọ 59 tuổi, 39 hạ lạp.

Sa-môn Thích Duệ Gián vốn dòng họ Lưu, người xứ Vân Châu. Phong cốt thần tú, vượt hẳn người đời, chí khí xem thường quan vị, tánh tình vui thích chốn suối rừng. Giả từ song thân xuất gia ở Ngũ Đài, nương tựa Đại sư Tăng Thống Kế Ngung ở viện Chân Dung tôn xưng làm thầy. Đến sau khi thầy thị tịch, việc tang hoàn tất, thắng nguyện bên trong dấy khởi muốn tu tạo Phật sự, mới đến phía Đông bắc trong cốc Lâu Quán. Ở đó có dòng suối tên là Lộc Tuyền, dựng am cách dòng suối không xa, chuyên trì tụng kinh tinh tấn cần khổ, sớm tối quên cả nhọc mệt. Một ngày nọ, bỗng mộng thấy một người già đến bảo rằng: "Ông không nên riêng tự an lành, đáng nên tu sùng đại sự. Thêm nữa, xứ đất này, ông có nhân duyên rất lớn, tôi rất ngợi khen sức lực của ông". Nói xong, Duệ Gián tỉnh giấc, trong tâm tự suy nghĩ rằng: "Đây hẳn là Thánh hiền cùng khuyến thệ, nên tạo dựng đại già lam tại nơi này". Ngày nay, Duệ Gián chuẩn bị mọi vật đến phương bắc gieo duyên khuyến hóa. Bắc Triều Ninh Vương cùng phu nhân trước đó có mộng

thấy Duệ Gián đến hóa duyên tu tạo". Đến lúc Duệ Gián đến nơi đó, thì chỉ một lần thấy gặp y như cũ, đã phù hợp với giấc mộng trước nên Ninh Vương cùng thí vàng lụa. Sau khi trở về lại núi Duệ Gián tìm kiếm thầy thơ để tu tạo. Lại đến Thái Nguyên, ra mất Ngụy chúa dòng họ Lưu, cũng được cúng thí nồng hậu, đặt danh hiệu chùa là "chùa Bạch Lộc". Đến lúc vua Thái Tông (Triệu Quýnh 976-998) thời Bắc Tống bình trị đất Tấn, Duệ Gián mới đến hành cung xin ra mắt. Vua hỏi nguyên do tạo dựng ở Đài Sơn, Duệ Gián tấu đáp lại xứng hợp ý chỉ nên được đặc ân ban thưởng nồng hậu. Sau đó, vua ban sắc biển ngạch, hiệu là "chùa Thái Bình Hưng Quốc". Duệ Gián được cảm vời, đại khái như vậy. Đến ngày mồng 01 tháng 08 năm Đại Trung Tường Phù thứ nhất (1008) thời Bắc Tống, nhân cảm bệnh mà thị tịch, Duệ Gián hưởng thọ 66 tuổi, 49 hạ lạp. Cảnh tháp đến nay vẫn hiện còn.

Trong khoảng niên hiệu Đại Trung Tường Phù (1008-1017) thời Bắc Tống, có vị Tăng ở Lưỡng Chiếc, đã quên mất tên họ và Châu Quận vốn ở đâu, đến lễ bái Đại Thánh, lên đảnh Đông Đài, bỗng thấy một viện, lầu đài tráng lệ, điện vũ trang nghiêm thanh khiết, vị Tăng ấy bèn vào viện, đến cả trước sau viện vũ, trông thấy tôn trượng thiết bày mới đẹp sáng rỡ, Thích Phạm Long Vương nghiễm nhiên tương đối, vị Tăng ấy đến tham lễ khắp cùng, thấy gặp vị Tăng chủ sự tiếp đón nói cười uyễn nhã như thật, đón tiếp trò chuyện xong, gần ra ngoài viện đi loanh quanh tham quan, mới đầu vị Tăng ấy không kinh lạ. Khi ra rồi mới không còn thấy gì, vị Tăng ấy mới nhận hiểu đó là cảnh hiện hóa, bắt đầu kinh ngạc tán thán đó. Vị Tăng ấy bèn rời khỏi đảnh đài cho hướng tây xuống núi, đến dừng nghỉ nơi viện chân dung, xong lại đi tham lễ bái yết, trước sau điện vũ, chư tăng chủ sự, mỗi một đều như chỗ thấy ở Đông Đài, rõ ràng không khác, vị Tăng ấy bái yết cảnh giới Đài Sơn, tán thán việc chẳng thể nghỉ bàn, xong bèn trở về viện tỏ bày cùng chư tăng mọi điều trông thấy, không ai chẳng ngợi khen tán thán.

Trong khoảng niên hiệu Thuần Hóa (990-995) thời Bắc Tống, có vị Tăng ở Dương Châu, quên mất pháp danh, thân mặc vải bố thô sơ, trai giới rất nghiêm cẩn. Từng mang 500 bộ bình bát lớn nhỏ cùng đầy, mỗi bỗ đủ năm sự vào núi cúng thí khắp cùng, chí thành đảnh lễ Đại Thánh, rồi đến dừng nghĩ tại viện chân Dung. Nhân ngày thiết trai phân chia đều đã hoàn tất. Sau đó có thí chủ đến thiết bày nhà tắm nơi thất viện nhà tắm phía Bắc, cầu thỉnh chư vị hiền Thánh ở Hạp Sơn, dưới đến các hàng tăng tục, không phân biệt chọn lựa một nước. Sau khi trai hội hoàn tất, vị Tăng ấy đến nơi nhà tắm ấm nóng, có 03-05 vị Tăng

cùng đến tắm rửa, đã đến nơi nhà tắm. Vị Tăng ở Dương Châu ấy thô mất cởi bỏ y phục trước, vén cửa rèm mà vào, bỗng thấy một người nữ đoan chánh còn đang tắm rửa. Vị Tăng ấy khốn đốn mà ra, chư tăng dò hỏi nguyên do. Vị Tăng ấy tỏ bày việc vừa thấy gặp, có người không tin, vào phòng tắm để kiểm nghiệm, quả nhiên không trông thấy gì.

Trong khoảng niên hiệu Chí Đạo (995-998) thời Bắc Tống, có Sa-môn Đạo Hải vốn dòng họ Dương, người đất Đại Quận, đến thọ học tại viện Chân Dung, cũng gặp có thí chủ đến thiết bày nhà tắm, sau khi trai xong, bèn tự đến nơi nhà tắm, còn chưa một vị Tăng nào vào viện tắm rửa. Đạo Hải cởi nó mà vào, bỗng thấy chư tăng tắm rửa đông nhiều cả phòng, tợ như không biết, nên vừa thấy Đạo Hải vào, bèn đồng một lúc đi ra. Trong tâm Đạo Hải tuy nghi ngờ nhưng chưa lường biết đó là Thánh hay phàm, bèn ra mà dò xem, vắng teo không một người vậy.

Kẻ biên ghi về cao đức, Diên Nhất tôi có ý cho rằng: "Phàm thí chủ thiết lập nhà tắm, hẳn dự định cúng dường Thánh hiền sau mới là hàng phàm thứ, lúc sáng sớm là Thánh hiền đến, nên phàm thứ cẩn trọng chớ đến trước. Nếu đến tức xúc phạm Thánh hiền, tự chuốc lấy lỗi quá. Thêm nữa đó tức là phá diệt phước người cúng thí, nhọc thiết bày khó khổ. Đó cũng là lời của Thánh nhân dạy răn cảnh tỉnh, phàm trăm quân tử há được không nghĩ nhờ ư?

Tại quán tiệm Hoa Nghiêm, xưa trước có một người đi săn tên là Mã Thu Nhi, gia đình vốn nghèo khổ nên duyên việc giết bắn muôn sinh để tự sống. Từng đến Đông Đài. Cách Đông Đài về phía Đông hơn mười dặm, có nền móng của một ngôi chùa cổ. Người đời tương truyền đó là chùa cổ Hoa Nghiêm, Mã Thu Nhi đến đó thấy một tảng đá lớn bằng phẳng như mặt bàn, từ phía dưới có ánh sáng, trong tâm rất nghi ngờ, mới gọi vài người cùng dất đá lên xem, chợt thấy vài mươi bộ kinh Phật, bèn lấy một quyển mở ra trông xem, chữ đều vàng ròng sáng lóa cả mắt. Đồng bạn của Mã Thu Nhi đều là kẻ ngu dốt ở sơn dã nên không lấy gì làm lạ. Sau khi trở về, có người truyền đạt đến Tăng Khoan chủ viện Chân Dung. Nghe vậy, Tăng Khoan mừng sợ khác thường, vội gọi môn nhân đệ tử khoảng 05- 07 người mang theo các thứ cúng cụ đi đến tìm cầu. Đã đến nơi chỗ đó, trọn không trông thấy gì, chỉ là nền móng cũ kỷ, ngói gạch đổ nát mà thôi, bùi ngùi giây lâu, bèn đốt hương than thở mà trở về.

Ở huyện Đường Lâm, Đại Quận xưa kia có một người nữ, suốt ba mươi lăm năm chẳng rời khỏi thành ấp, mọi người xưng gọi là cô. Cô là Cô ni tóc dài đồng hạnh đầu đà, vật lớn thẳng chứa, chỉ mặc áo đơn che

thân, mùa đông rét giá, mùa hạ nắng nóng chẳng lấy làm khổ. Phường chợ đường hẻm theo nơi mà ngủ, mọi người lo lắng thật chẳng thể nghĩ lường. Tại núi Ngũ Đài có 120 chùa chiền, không đâu chẳng từng qua. Nhân mùa hạ vân du đến đài, thì đến nơi người thấy đồng đi cùng nói, ngồi nơi gò hoang, chê trách hủy bỏ tục trần, ghét chán sắc dục. Về sau không biết đi về đâu. Nên trong truyện Bồ-tát Bù-lũ-bàn-đậu ở Tây Vức nói: "Tại thế giới này có một ức vị Bồ-tát, trú trì đi lại giáo hóa mọi vật, nói bày chẳng hư dối". Truyện trước đã từng nói "Thánh phàm ở lẫn lộn" có thể không tin ư? Về sau có người đến cảnh đó, bỗng thấy người ấy, thận trọng chớ khinh mạn, răn dè thay!

Sa-môn Thích Đạo Diễn vốn dòng họ Thôi, người xứ Định Tương, Hân Châu. Vừa mới vài tuổi đã xuất gia, nương tựa Đại sư Pháp Nhẫn ở viện Chân Dung xin làm đệ tử. Từng trì tụng kinh Pháp Hoa, Khổng Tước, Kim Cang Bát nhã v. v... lấy làm việc thường. Đạo Diễn vốn có chứng bệnh Tức Bí, kết hôn như đá. Mỗi lúc phát động, đau không nhẫn nỗi, qua thời gian lâu mà không thể cứu chữa, bỗng thấy một người phụ nữ mặc áo xanh đến đứng trước giường nằm, hỏi về nguyên do chứng bệnh. Đạo Diễn như thật mà trình bày, người phụ nữ ấy mới đưa tay xúc chạm vào hòn ấy mà bảo: "Sư muốn lành khỏi chăng?" Đạo Diễn đáp: "Nếu được thì rất hợp với ước muốn". Liền dùng vật như sợi tơ buộc thắc hòn ấy mà nhổ đi, lâu sau chứng bệnh lành hẳn. Đạo Diễn mới muốn dậy để cảm tạ, người phụ nữ ấy chợt nhiên ẩn mất. Đạo Diễn mới muốn dậy để cảm tạ, người phụ nữ ấy chợt nhiên ẩn mất. Đạo Diễn kể nói cùng chư tăng ở gần, chư tăng đều đảnh lễ. Mỗi lúc nghĩ nhớ đó, Đạo Diễn chưa từng chẳng cảm tán thán sức lực của Thánh hiền cứu hộ. Về sau mỗi ngày càng khỏe mạnh, đến năm 85 tuổi, Đạo Diễn mới thị tịch.

22. CÂY LŨY LINH DỊ

Từ chùa Hoa Nghiêm về phía Đông bắc có cốc Lâu Quán, trong cốc ấy có cửa cốc hang Kim Cang, xưa trước tương truyền có lũy phụng thê. Tiếp về phía tây, có lũy thập nhị nhân duyên, gần với lũy phụng thê ở bên cạnh hang Kim Cang, có một thân cây xoay ra 12 cành cao hơn trăm thước, xưa kia có cổ đức đến nơi dưới lũy tu quán pháp Thập nhị nhân duyên, bèn lấy đó mà gọi tên. Vào trong cốc cách một vài dặm, có ao bạch thủy sắc màu như tô lạc, mùi vị tợ cam lồ, người uống nước ấy da dẻ đượm nhuần, như nếu thường uống thì khiến người khó già. Ở phía tây của Đông Đài có văn bia của Vương tử tạo luận, văn tự

hiện còn, lại có văn bia ghi về Tư Không đô đốc thấy gặp Phật. Người đến đó tức biết vậy, vì đến nay thời gian đã lâu xa bị hư hủy chẳng thấy gì, thật đáng tiếc thay.

Bên cạnh Hoành Hà phía Đông chùa Hoa Nghiêm có một lũy tụng, thân tùng lá bách, giăng cành đến đất, phía trên cao vút tận mây. Xưa trước tương truyền gọi đó là Lũy Tứ Đế, cành lá rũ bốn phía khắp vườn đều râm mát. Có tượng Minh Đường, tám lửa song bốn cửa nách, chính giữa có một cái dầm chống lên có cả trăm lớp, trên tròn dưới vuông, có thể gọi là kỳ dị, mưa tuyết không thấu, gió và ánh mặt nhật chẳng xuyên qua, mọi người đi tuần đài đều đến dưới lũy, có thể dung chứa cả vài trăm người. Từng có vị Tăng đến dừng ở dưới lũy ấy vì mọi người mà tuyên giảng pháp Tứ Chân Đế, người ngộ nhập được đông nhiều. Khi ấy có đàn chim bay lại dừng đậu nơi đó, bay liệng trên dưới thời gian lâu mà chẳng đi, vị Tăng ấy bảo: "Chim đây như xưa kia Đức Phật đến nơi lũy có chim oanh vũ đến trước Phật nghe hiểu pháp Tứ Đế mà được sinh lên cõi trời, đây cũng ứng vậy". Nhân đó mà gọi là lũy Tứ Đế. Chim muôn điềm linh bay liệng đến nương đậu dừng nghỉ qua đêm. Lũy đã linh dị, vị Tăng ấy cũng phi phàm.

23. CÁC BÀI TỤNG TÁN XƯA NAY VỀ ĐẠI THÁNH VĂN THÙ SƯ LỢI.

- Tán thán tôn trượng Đại Thánh Văn-thù và lời tựa

Chí Đạo Lâm ở thời nhà Tấn soạn thuật, Văn-thù-sư-lợi là vị Bồ-tát du phương. Nhân lời khó đó mà có chỗ nhìn đó, chẳng phải chỗ khuyết hiệu trước vậy. Nguyên phàm xưng gọi đó là sinh cái, Chí Đạo dấy khởi xa với đó. Cớ sao? Tánh rỗng dẫn rõ bày ở đức nhân đổi dời, thì cảm dạy răn nơi dời dấy khổ. Nên nói Nho đầu tiên lấy Pháp Vương Tử làm tên vậy. Phàm muốn thấu cùng sâu thẩm ấy hẳn còn ở nơi sâu rộng, trọn xưa xa vời. Đâu phải chỗ ngôn tượng kịp đến, kiếp số khó tính, công cao như bụi trần chất chứa dằn dặc rộng xa vậy. Có thể gọi là các lời lược nói bao gồm, như người lúc mới sinh, bèn tự đế trụ, tôn xưng hiệu là pháp vương, tâm của vô thượng, muôn triệu mà riêng tỏ ngộ. Cảm từ trong phát không đâu chẳng do, gần một gặp chánh giác mà linh khác trong ánh ngời. Cảnh huyền chưa đổi dời, bèn vượt phát đạo vị. Từ đó, rể sâu trọn bấu nơi đất tốt, canh lạ thần kha mà nguyệt mậu, khí của từ bi cùng gió tuệ cùng quạt thổi. Sáng của Tam Đạt cùng với Nhật Nguyệt đồng tỏa phát. Đủ thể mà nhỏ nhiệm bền chắc đã công phu kiện thành pháp thân vậy, như là cơ trời sắp chuyển vận tức thần

thông làm quán vũ, viên ứng ngầm hợp, dùng không vết tích làm ảnh vết. Do đó, động mà chẳng lìa tịch. Mà càng mở rộng cả vũ trụ. Chợt cảnh chẳng thường, mà danh trùm cả mọi người du phương vậy. Đức Thế Tôn xuất hiện nơi đời trao vết bước tiến tới tỏ dáng, hiển bày đức ngầm ở rừng hương. Nhân mây lành ẩn bóng trời tây, lại thấy rồng ở cõi này vậy. Xe pháp đã chuyển xoay thì Huyền Âm thường xướng, đối vực sáng sâu cùng, liền thỏa lời pháp sâu. Đạo ánh ngời khai sĩ nên chư Phật tôn xưng tốt lành. Thể dứt tuyệt trần tục, bậc sáng ngời cao dấu vết, chẳng phải trời hợp trời hòa để dẫn dắt vận, hớp xung khí mà làm thành linh, duỗi khí trọng để xoay che râm, nhả đức âm mà lưu vọng hưởng, thì ai có thể cùng được như vậy ư? Lúc muốn lay qua tánh quần sinh, gá Huyền Tông mà riêng đến chẳng nói phong hóa của Văn-thù, thì chưa phải lượng thấu đạt vô cùng, dưới dài nơi phương lớn nhanh chóng vậy. Từ khi Đức Thế Tôn nhập Niết-bàn đến nay gần cả ngàn năm, lưu tỏa ánh sáng phước che râm lại cùng thời mà lên xuống. Do đó thầm nghĩ nhớ tông cực được cảm, buồn thương nguồn tang của sông dài, sợ mặt nhật phong hóa ngầm mất bèn cùng bày biểu lớn, dùng kim thạch làm tôn dung, tiếp dùng văn tụng, người nghĩ tự hết, ngõ hầu mây mốc thêm đượm nhuần. Chỗ nay đây được gặp, tức do gần trăm năm đây có Chuyển Luân Vương, vua cõi Diêm Phù Đề hiệu là A-dục, kính ngưỡng lén nhìn dấu vết còn lưu lại, phỏng định mà làm tượng. Tuy chân tể chẳng còn nơi hình, mà linh dị như được có chủ. Tuy chốn u tuy chẳng dùng tình mà tìm cầu, mà cảm đến ứng đó. Khác lạ của thần biến, từng liên can đến muôn dân được nghe. Nhân đều ngộ thời, tin có tự lại, ý cho là tiếp vận suy đồi, nhưng thật do công của Minh Duy, tục của thông thiên mờ tối chăng, gá tưởng đến hiền, chỉ thật thửa gởi nương, dây tơ chủ chốt sắp dứt giềng mối, dẫn mãy tâm mà nêu vị, mới xa phỏng theo thợ tốt lành. Tượng là tượng của trời, cảm đến tự phô bày, bất chợt mừng vui, đồng ca vịnh vì đó mà tán thán rằng:

Nho nhỏ Đồng Châu, bé thơ mở phát, ngậm anh nhả tú, lên huyền giẫm phong, Đạo Vương làm thần, xung thông làm thể, du phương hoằng hóa, mới khuôn vết cao, tỏa sáng lưu ngời bèn đến xứ đây, nghĩ đối khéo sâu, lắng một chỉ cung, áo linh thôi thay, ngõ hầu rơi lạc cõi trần.

- Tán thán Văn-thù-sư-lợi:

Đồng Châu lãnh đạt Huyền, Linh Hóa thật lo dài, xưa làm Phật Long Chủng, nay lường mộng du phương, hoảng hốt cưỡi sóng thần, cao bước quê Duy Ma, dất chất Hy Di này, ánh ngời nhà trống rỗng, xúc

loại dấy gặp trong, mắt nhìn suốt liền quên, Phạm Thích kính mừng gặp, nhàn nhã nạp lưu phương.

- Tán thán tôn trượng Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi

Ân Tấn an soạn thuật.

Văn-thù thấu suốt, thức ngời quyết tiếng, tham huyền phát sáng, lên đạo nghĩ anh, Lang Da tam đạt, như sáng mặt nhật, gắng gỏi thần thông, ở biến hình ấy, sắp mở hằng sa, đào luyện quần sinh, Chân Phong mờ mịt, ngàn năm càng linh, nghĩ vẻ Triết Tông, hiểu lời chỉ thật, tuyệt mừng riêng nghỉ, cầu tưởng thái minh.

- Tán thán Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi.

Bí thư thừa khích tế xuyên soạn thuật.

Đức Thế Tôn xuất hiện nơi đời, giảng nói pháp độ người, Đại Thánh Văn-thù, hiện thân Bồ-tát, Phật chẳng cùng hóa, giúp đạo Năng Nhân, Kim Khẩu tuyên lời, chứng hiệu tiếng xưa, Long chủng thượng tôn, Ma ni bảo tích, khắp hóa sắc thân, tương lai sẽ được, song lâm ẩn bóng, các Thánh ngầm mờ, đại đạo sư ta, ẩn gá Thanh Lương, đủ năm trăm tiên, giảng đạo làm thường. Ba lợi xa đến, Vô Trước mong thấy, hoặc trao mật ngữ, hoặc thấy thần biến, vì độ hữu tình, chẳng bỏ phương tiện, ta từng cúng dường nay lại gần nương, chiêm ngưỡng tôn trượng, như thấy ánh linh, duyên trần chưa dứt, thiện niệm quay về. Ta đối kim dung, sẽ phát đại nguyện, vận tâm Bồ-đề rộng độ tất cả, gần hầu cát tường, ức đời vạn kiếp.

- Tiếp tục còn lại.

Tiền Đại Châu quản nội tăng chánh thắng hạnh Đại Đức Sa-môn minh sùng soạn thuật.

Tại An Châu, có người dòng họ Trương là người thuần hậu, sùng tín Tam bảo. Năm Giáp Tý (1084) thuộc trong niên hiệu Nguyên Phong (1078-1086) thời Bắc Tống, đi đến núi Ngũ Đài đem trăm vạn tiền phụng cúng, Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi, mỗi ngày ba thời đến mở điện, đốt hương dâng trà quả quý, tâm ý dung mạo trang nghiêm thành kính. Người giữ điện, do sự thành khẩn ấy nên chẳng phải lao nhọc. Một ngày nọ đi khắp các đài, đến trên đảnh Tây Đài, lần lượt đốt hương, bỗng nhiên nghe có mùi hương thơm khác lạ, giây lâu mà chẳng ai lường biết. Thế rồi, ngữa mặt trông nhìn giữa hư không, mới thấy hoa trời có trăm ngàn vạn đóa, xanh vàng đỏ tía các hình thể đều đủ, lẫn lộn rơi xuống vừa mới ngang đầu người. Có cả trăm người trông thấy mọi người muốn hứng nhặt lấy, hoa đó liền vọt bay lên. Có một đóa hoa riêng rơi trên tay của người họ Trương ấy, hình trạng sắc màu không thể nói tả. Đến

chiều trở về lại nơi viện Chân Dung, các hàng tăng tục đều trông xem ngợi khen chưa từng có. Vị Tăng chủ sự khẩn thiết cầu xin cúng dường trước Bồ-tát, người họ Trương ấy bảo: "Bồ-tát trao cho tôi, mà trái lại tôi lưu để đây tức tối làm ngược ý ban cho của Bồ-tát, huống gì là cỏ tiên đà Thánh ư?" Vị Tăng chủ sự cũng không dám đoạt ngang ý chí đó, sáng sớm hôm sau xuống núi, người họ Trương ấy tự thân bưng đóa hoa đó, và luôn còn ánh sáng vòng tròn rộng cả trượng hiện theo thân, mọi người cùng theo đưa cách xa vài mươi dặm, chẳng thể bỏ rơi, ngợi khen than thở mà trở về...

Ở phòng chợ Đức Châu có Vương Tại gia đình rất giàu có, tháng năm năm Canh ngọ (1090) thuộc niên hiệu Nguyên Hựu (1086-1094) thời Bắc Tống, Vương Tại dẫn vợ cùng tôi tớ đi đến Đài Sơn, chiều tối dừng nghỉ qua đêm tại viện Chân Dung. Ngày hôm sau đội mũ chỉnh trang y phục đến nơi tôn tượng Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, thế rồi chiều tối chỉ thấy bụi trần, nên có tỏ vẻ bất kính mở lời, đến nơi quán. Sa-môn Tỉnh Ngạn đang là Tri Khách đến hỏi chào, cùng Vương Tại trò chuyện mà nói rằng: "Sơn tăng ở đây hơn 40 năm đã đối tiếp lắm nhiều người, ngày nay ông đến lễ bái yết, tợ như mới đầu kính cẩn mà sau thì biếng lười, lại thêm tỏ vẻ không vui ấy tại vì sao?" Vương Tại tức giận nói: "Tôi đến nơi đây thật vượt quá mọi điều nghe, nghĩa là có Bồ-tát nhục thân, nên chẳng ngại xa xôi ngàn dặm mà đến, nay trông thấy chỉ là đống bùn đất thôi vậy, trái ngược nghĩ tưởng nhọc nhằn leo vượt, sao chẳng là khổ". Tỉnh Ngạn bảo: "Cớ sao nói vậy ư? Xưa kia Đại Thánh ở nơi Đài thứu này, từng thấy điềm tướng tốt lành. An sinh tự thân đắp họa, trong ý có điều nghi ngờ, mong cầu mà lại hiện trước sau bảy mươi hai lần, nên vua Duệ Tông (Lý Đán 710-712) thời Tiền Đường lấy chữ Chân Dung mà đặt biển ngạch của viện, Ông sao nói khác vậy?, núi này rồng thần gìn giữ, nếu như tức giận, thì thân ông không có đất để chôn vùi". Vương Tại nói: "Há chỉ một rồng mà có thể hại ta được ư?" Tỉnh Ngạn bảo: "Ông vừa mới đến đây mà khinh thường dung mạo Thánh tượng, dèm chê rồng thần, tôi sợ rằng họa sinh chẳng thể lường. Ông đáng nên chóng sám hối lỗi quá, nếu không như vậy thì thân ông bị nát vụn dưới nanh vuốt của rồng thần". Vương Tại không kinh sợ sửa đổi, ba ngày sau đi đến Đông Đài cùng hơn trăm người, dừng nghỉ qua đêm nơi nhà Hiện Hóa tại đảnh đài, vừa tới nửa đêm, sấm sét bỗng nhiên phát nổi, như trời nức đất vỡ, tường nhà đã làm thành hang hổng, lửa dữ theo vào, chốc lát trong hang lửa lại trào ra, thân của Vương Tại đã vỡ nát vậy. Có lẽ tớ là Hiếu Tồn mượn một kiện áo gấm của nhà chùa để

ngăn cản lạnh, áo trong ngoài đều bị thiêu cháy hết, chỉ có vật mượn của chùa ở khoảng giữa hiện còn, vợ và kẻ tớ của Vương Tại bị lửa thiêu đốt lôi bày xương cốt mà xuống núi, mọi người nghe nói việc ấy không ai chẳng kinh dị. Cũng đêm hôm đó, có cô Ni Hải Tuấn ở Thương Châu, đồng nghỉ qua đêm tại nhà Hóa Hiện, lúc trời đã xế tối, bỗng có một người già bảo rằng: "Nhà tôi ở cách đây không xa, xin thỉnh mời sư để được một lần phỏng hỏi, và xin dâng cúng cháo bữa sáng". Cô ni Hải Tuấn liền chấp thuận, đồng đến nơi một thạch động, người già ấy bèn ẩn mất. Sáng sớm hôm sau trở về lại nơi nhà Hóa Hiện, biết Vương Tại nhận chịu tai họa, mà Cô ni Hải Tuấn được thoát khỏi rất mực kinh sợ, cuối cùng tìm hiểu biết được nơi thạch thất ẩn ngụ qua đêm đó tức là động Na-la-diên.

Sa-môn Thích Tuệ Thông người xứ Nghi Châu là bậc thượng thư trong chúng tăng, xưa trước mùa hạ năm Chính Hòa thứ nhất (1111) thời Bắc Tống, cùng các hàng tăng tục cả ngàn người đồng đến Đài Sơn. Sa-môn tăng chánh Thông Nghĩa đại đức Minh Uẩn ngày nay ở lúc bấy giờ đang sung làm tri khách, nói cùng Tuệ Thông rằng: "Ở núi Phạm Tiên có 05 con rồng có lúc lại xuất hiện có thể trông thấy". Nhân đó, Tuệ Thông cùng vài ba người đệ tử đồng đi đến núi, lại gặp người đồng chí y, bèn hỏi người đó rằng: "Núi có rồng thần, ông có thấy chăng?" Người ấy đáp: "Có thấy". Tuệ Thông hỏi: "Hình trạng như thế nào?". "Như rắn" - Người ấy đáp. Tuệ Thông bảo: "Ngay như rồng thật vẫn còn thuộc loại súc vật, huống gì trăn rắn ư? Mới trở về lại nơi phòng nhà dừng nghỉ. Chỉ khoảnh khắc, Tuệ Thông cảm giác nơi eo bụng có vật như rắn mà có thêm sừng vuốt dần buộc eo bụng thắt chặt, đau không thể nhẫn nỗi, vừa dậy liền ngã xuống vài phen. Người đồng chí y kia chạy đến báu cùng vị Tăng chủ sự thuật bày về sự việc ấy. Tuệ Thông cũng sai bảo người đến thưa cùng vị Tăng chủ sự thuật bày về sự việc ấy. Tuệ Thông cũng sai bảo người đến thưa cùng vị Tăng chủ sự, xin cầu cứu rằng: "Tôi vì khinh mạn xem thường rồng thần nên mắc tôi, nghe trong núi có Bồ-tát Hy, xin nên vì tôi mà sám hối tội quá". Gặp lúc Hy Công theo Tào sứ Trần Công biết còn đến chùa Hưng Quốc, vị Tăng chủ sự cũng kinh sợ chẳng nghĩ lường, đến báo cũng chủ điện Bồ-tát là Đại sư Hồng Biện Ôn Trinh tác pháp sám hối, Tuệ Thông xả hết y bát để sám hối lỗi quá, qua thời gian ngắn cơn đau chấm dứt, Trần Công nghe thế cũng cùng thán dị.

Thư sinh Lý Thăng vốn người lùng Tướng Như tại Trung Sơn, xưa kia cùng Hữu Thừa Vương Công An trung đồng là bạn bút nghiên. Có

người con là Chân Hy tức tu tạo công đức chủ ở chùa đại Hoa Nghiêm. Đại Châu thú Vương Tẩy từ Trung Sơn mời đến, bảo con cháu đều theo đó học. Năm Khánh Hòa thứ nhất (1111) thời Bắc Tống đi đến núi cùng các sĩ đại phu ở đương thời lại yên vui. Một ngày nọ đến chùa, Vương Thiên Dân đô tuần Trần Khứ bắt trận phục biến, mới bảo tiên sinh đến núi Phạm Tiên, tới hang phía Đông cầu đảo dưới đền thờ rồng thần, khoảnh khắc sau có hai con rồng xuất hiện nơi đá một con sắc màu vàng ròng, một con sắc màu xanh biếc. Các công đốt hương thiết lễ kính bái, dùng hốt mà vời lại, con rồng sắc màu vàng ròng men theo hốt mà lên đến nơi sâu xa, như có sự nghe người, mọi người trong ý lại càng tinh tấn, riêng tiêu sinh dùng gậy mê xúc chạm đó và bảo rằng: “Đây là rắn lạ vật quái, đâu có gì đáng lấy làm quý ư?” Nói chưa xong, có vật như thần đánh ngã tiên sinh nơi đất, mọi người đều rất kinh sợ, chốc lát lại ném xuống hang cao sâu vài trăm thước, tiên sinh đã chết, người con là Chân Hy ấy dùng lễ mà an táng. Đêm đó mưa bão dữ dội, sấm sét mịt mờ, thây của tiên sinh lại bị bão thổi bày ra ngoài nhân đó lửa đốt hỏa táng vậy.

Động Na-la-diên ở bên cạnh phía Đông của Đông Đài, cửa động xoay về phía Đông sâu hơn vài trượng, quanh eo hiểm trở chập hẹp như cái đấu lớn. Những người tham lễ đến đó đã không thể tiến vào thường luôn chỉ đưa tay sờ mó, hoặc cầm đuốc soi rọi, chỉ một cái hang chỉ về phía tây bắc hơi hướng lên nhưng sâu chẳng thể lường, có lúc gió lạnh táp phẩy vào mặt. Tương truyền rằng: “Động ấy cùng hang Kim Cang đều là nơi vườn nhà của Đại Thánh.

Ngày 23 tháng 05 năm Tuyên Hòa thứ 08 (1126) thời Bắc Tống, có vị Tăng ở Thiệu Võ, quên mất tên họ, cùng Sa-môn Tây Tân đồng đến Đài Sơn, dừng nghỉ tại viện Chân Dung chiêm lễ chân tượng. Một ngày nọ lên đảnh Đông Đài, gặp Triệu Công Khương Bậc ở Đại Quận cùng các quan đồ tuần kiểm huân hương v. v... và Sa-môn Từ Hóa, Đại sư Chân Hy là các bậc thượng thư ở Sơn Môn có hơn trăm người đồng đến cầu hiện cảnh quang, thế rồi đến động ấy. Triệu Công v. v... vào trông xem khắp cùng, chỉ có vị Tăng ở Thiệu Võ đứng chờ đợi ngoài động có một vị quan đùa cười bảo rằng: “Cớ sao sư không vào, vào trong đó thì không ngại gì vậy”. Vị Tăng ấy mới vái chào Triệu Công, Sa-môn Từ Hóa, Tông Tân v. v... mà nói: “Trân trọng, trân trọng!” Bèn rão bước tiến tới vào nơi hiểm trở chật hẹp thì vén áo còng lưng mà vào, không ngăn ngại gì như đi giữa nhà trống, mọi người đều kinh ngạc, kêu réo mà thôi, chẳng lường biết nguyên do thế nào. Sa-môn Tông Tân gọi

kêu vào nhau, vẫn mịt mờ không tiếng tăm dấu vết, qua thời gian lâu mà không trở ra. Sa-môn Tông Tân bảo mọi người rằng: "Tôi cùng vị Tăng ấy đồng đi đã vài tuần, mà trọn không biết đó là bậc Thánh hiền. Nhân đó, gạo khóc tự oán trách mình, mọi người cũng buồn khóc đổ lệ, Triệu Công tìm cầu di vật của dị tăng ấy, Tông Tân chỉ cho có được cây gậy, chiếc nón và vài cái bánh nướng. Sau đó, có quan tạm Bình Ải là Trương Trọng Cổ làm thơ ngợi ca, trình bày với Triệu Công rằng: "Tăng ở phương Nam xa đến lễ bái núi Ngũ Đài, vào động Na la không ra lạc, từ xưa Triệu Công truyền phất tử, nay lưu gậy nón ở nhân gian". Bia khắc bài thơ ấy đến nay vẫn hiện còn, chiếc nón cũng đang còn. Ôi! Mới tin cảnh giới Thanh Lương, hay có rắn lẫn lộn vết, Thánh phàm đồng ở, chẳng hư dối vậy.

Đại sư Từ Dõng ở Sóc Châu, chưa rõ biết thọ nghiệp tôn hạ là gì, mà đạo hạnh và sự hiểu biết sâu rộng, mọi người xa gần đều khâm trọng kính phục. Cuối năm Nhâm Tý (1132) thuộc trong niên hiệu Thiên Hội (1132-1135) thời nhà Kim, lại đến Đài Sơn, cùng các đệ tử như Pháp sư tử v. v... có hơn trăm người đồng dừng nghỉ tại viện chân dung. Pháp sư Sử cũng là người thuần hậu. Một ngày nọ đến chùa Đại Hoa Nghiêm, bỗng thấy bên cạnh chùa có mây lành từ phương đông bay lại, năm sắc đều đầy đủ. Lại, trong mây đó, Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi ứng hiện ngồi nơi tòa sen đặt trên mình sư tử, Đồng tử Thiện tài dẫn bước, vua nước Ưu Điền, Ưu-ba-ly cùng theo sau, và có cả Long Mẫu, năm vị Long vương, nắm ngọc khuê mà chầu. Ngoài ra, mũ cao đai lớn, phục tướng kỳ lạ ngàn muôn trạng thái, mà hay biết hết Đại Thánh máy mắt xin tay áo vải lay vẫy. Đệ tử không nghe tiếng Thánh ấy nói, quanh co theo hướng tây mà đi. Có hơn ngàn người cùng trông thấy, bốn chúng đều vui mừng, ngợi khen chưa từng có. Ngay thời gian ấy, viện Chân Dung gặp hồi lục có thừa mới muốn phục hưng lại, do điềm lành đó, nên Đàn tín bốn phương đua nhau kéo đến, mọi người thí tài thí sức chỉ sợ đến sau, Đại Diện viện Chân Dung không mấy ngày mà hoàn thành, hết thảy đều hiện đất hiện thân chẳng nhọc thiết bày.

Sa-môn Vĩnh Châu, người xứ Dương kỳ đất tấn, vốn dòng họ Vương, khoảng cuối niên hiệu Thiên Quyến (1141) thời nhà Kim, đi đến Ngũ Đài tham lễ Thánh tích, dừng nghỉ nơi viện Chân Dung, ngưỡng mộ cảnh Thánh, thời gian lâu quên trở về. Một ngày nọ chúng nhóm tụ hái rau, bỗng nhiên thấy mọi người vận mặc y phục đều là sắc màu vàng ròng. Bất chợt thần ý tâm tình kinh hãi, vĩnh Châu muốn nói đó, nhưng sợ mọi người nghi ngờ quái lạ nên chỉ tự mừng vui mới tỏ ngộ chúng ở

Đài Sơn, đều là quyến thuộc Bồ-tát, người trong thế giới kim sắc vậy. Về sau, nghe Đại sư Trường Hưng là bậc dùng mắt thiên nhãn dẫn bay đến trong mây, Vĩnh Châu mới tìm đến nơi pháp tịnh độ, bày lễ thầy trò, quả nhiên không chỗ được. Nhân đại chúng thỉnh mời, mới nói đến các sự tích được thấy ở Đài Sơn, Sa-môn Phổ An ở chùa Viên Quả hay hiểu rõ việc ấy vậy.

QUẢNG THANH LƯƠNG TRUYỆN
QUYỂN HẠ
(HẾT)

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 190

TỤC THANH LƯƠNG TRUYỆN

SỐ 2100
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2100

TỤC THANH LƯƠNG TRUYỆN

LỜI TỰA KHẮC LẠI THANH LƯƠNG TRUYỆN

Từ Bạch Mã đến phương Đông, Tượng giáo lưu truyền ở Trung Hoa, Huyền Phong mới thỏa sướng, hoặc bày thiền tịch để tìm tông, hoặc chuyên thần hóa mà phô pháp, cũng như dòng nước đi trong đất, phân chi riêng phái tuy khác, đến như công phu cứu đời lợi vật, điểm kết quy hẳn chưa chẳng đồng. Từ Lưu Mộng Đắc ở thời Tiền Đường đã vì Phật pháp ở Cửu Châu, tùy phương ấy mà xiển hóa, nhân danh sơn lấy làm cõi nước trang nghiêm, lời phàm đạo thần thị hiện hẳn chủ chốt ở Thanh Lương vậy. Căn cứ theo trong kinh nói: "Vườn nhà của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở núi Thanh Lương phía Đông bắc, cùng với quyến thuộc gìn giữ giáo pháp của cổ Phật, giáng hiện đại từ bi để tiếp dẫn quần sinh, hoặc hiện Chân Dung để lại quy y, hoặc phát ánh sáng tốt lành để cung kính trông xem ngưỡng mộ, ngàn biến muôn hóa, tùy cảm mà ứng, có những hình dung chẳng thể nghĩ bàn vậy. Cớ sao có khác lạ vậy ư? Xưa kia, có Sa-môn Tường Tuệ và Sa-môn Diên Nhất đều là người trong Truy Lâm (xuất gia) trợ tuyên hoằng hóa. Kịp đến thừa tướng Trương Công Thiên Giác, Hoàng hoa Chu Công Thiếu Chương đều là những kẻ sĩ đại quan hộ pháp, tuy khác đời nhưng cùng hoài vọng, đồng tâm tán thán trợ giúp, lo nghĩ Thánh tích lâu xa chưa rõ bày phương trần, qua thời gian lâu hoặc ngấm tắt, mới rộng sưu tìm mọi sự thấy nghe cùng những điều chỉnh mắt trông thấy, biên tập thành pho quyển. Mới đầu, Sa-môn Tường Tuệ làm "Thanh Lương Trường Tuệ làm "Thanh Lương truyện" hai quyển, tiếp theo Sa-môn Diên Nhất lại làm "Quảng Thanh

Lương truyện” hai quyển, còn Trương tướng quốc Chu vâng phụng đi sứ lại làm “Tục truyện ký” để biên phụ ở sau. Ngoài ra các hàng siêu tục đàm huyền cùng những bậc cao nhân đạt sĩ. Làm những bài thơ tụng kệ tán phụ danh ở cuối truyện, sao liền ngọc suốt ánh ngời đủ văn hoa gấm, lưu truyền nơi đời. Phàm trong bốn biển chín châu, tuy chưa đích thân đến nơi Linh Nham tận mắt chiêm ngưỡng Thánh tích, chỉ xem văn bày nơi truyện quyển tự nhiên xoay đổi tư lự càng bền chắc tâm hướng thiện, lợi ích ngoại hộ ấy, chưa dễ khá thuật, gặp phải hồi lục gây tạo tai ương. Đến Long Văn đều thiêu đốt hết, chưa có người phục hưng, Thánh công thần hóa năm tháng lâu dài chẳng truyền. Có Triệu Thống ở Đông An làm tửu quan làm trông coi hạn cục ở Đài Sơn, bùi ngùi mà có cảm đến tâm, tức thưa trình cung vị Tăng chủ sự. Sa-môn tăng chánh Minh Tịnh nói với Triệu Thống, căn dặn rằng: “Việc ấy, chỉ tưởng đã lâu ngày, gặp phải tai họa của hóa cung, dùng sức có trước sau. Nay nhân sự thỉnh cầu ấy mà dốc xuất hết gạo thóc của cải để hoàn thành việc đó, mướn thợ khắc bản, có ngày sẽ tạo thành “Triệu Thống nhân đó đến nhà nhờ tôi biên ghi lời tựa để ở đầu. Sa-môn Minh Tịnh cùng với tiền đề điểm Sa-môn Thiện nghị lần lượt viết thư gởi khuyên thỉnh. Kẻ tớ tôi từng cho rằng: “Đạo chẳng ở nơi pháp y, truyền pháp y có thể vì trao đạo, pháp chẳng ở nơi văn, phô bày văn nhân vì tỏ ngộ pháp kẻ hèn tôi đã vui mừng sự khéo dụng ý của Triệu Thống. Và mười hai vị cao tăng đều ở Thanh Lương có nhân duyên lớn, biết chẳng phải bại phản Phật để mờ hoặc mọi người, nên biên ghi.

Ngày 17 tháng 09 năm Đại Định thứ tư (1164) thời nhà Kim, Diêu Hiếu Tích ở Cổ Phong biên ghi lời tựa.

TỤC THANH LƯƠNG TRUYỆN

Triều Phụng Lang Quyền Phát Khiển Hà Đông Lộ
Đề Điểm Hình Ngục Công Sự Trương Thương Anh soạn thuật

QUYỂN THƯỢNG

Tháng hai năm Đinh mão (1087) thuộc niên hiệu Nguyên Hựu (1086-1094) thời Bắc Tống, Thương Anh tôi mộng thấy hang Kim Cang ở núi Ngũ Đài, chỗ mà thủa bình sinh mắt tai chưa hề tiếp đối, ý tưởng chưa từng nghĩ tới, sau khi tỉnh giấc mà lấy làm lạ. Bấy giờ ở phủ Khai Phong suy đối quan, tôi mới bảo với Lâm Thiệu, Tài Trung đùa bảo: "Thiên Giác Thống soái ấy đều cùng làng mạc ư?". Sau đó, đến tháng 05 (1087) Thương Anh tôi trừ bỏ Hà Đông đề điểm hình ngục công sự. Tài Trung lại nói: "Mộng trước đã có ứng nghiệm, hãy gắng đi vậy. Đời người mỗi việc đều đã dự định đâu thể trốn khỏi ư?" Qua tháng tám, đến nơi bộ, tháng 11 tức đến hang Kim Cang xét nghiệm chỗ thấy đều hợp với trong mộng, gặp tiết trời lạnh sợ băng tuyết bít lấp đường nên chỉ dừng nghỉ một đêm bèn xuống núi.

Qua năm sau, mùa hạ năm Mậu Dần (1088), tại huyện Ngũ Đài có bọn giặc cướp chưa bắt được, vì đang phải chức sự nên cầm đầu tìm bắt chúng. Cả gia đình đều lo trái giới để đi, qua ngày 27 tháng 06, đến núi Thanh Lương, vị Tăng chủ sự ở Thanh Lương bảo rằng: "Đây cách chùa Kim Các khoảng ba dặm. Năm trước, Thôi đề cử từng đến đây, thấy ở Nam Đài có cầu vàng và vầng ánh sáng". Thương Anh tôi im lặng nghĩ suy rằng: "Thôi là người nào ư? Và ta là người gì ư?" Khi đến nơi Kim Các thì trời đã chiều tối, núi rừng mênh mang không một tấc mây mốc, có Sa-môn Tăng Chánh Tỉnh Kỳ đến bái yết, tức cùng thấy gặp ở Tam môn, ngồi chưa yên định. Bỗng nhiên bên cạnh của Nam Đài có mây trắng giăng phủ kín như trải thảm trắng. Tỉnh Kỳ bảo: "Đó là mây tốt lành, chẳng để được thấy gặp". Bèn nhóm tập tăng chúng mà lễ tụng, mong nguyện sớm được trông thấy tướng ánh sáng. Thương Anh tôi đổi áo Xiêm Công đốt hương kính lễ, vừa mới một lạy chưa dậy, đã thấy chiếc cầu vàng ròng và tướng vòng tròn sắc màu vàng ròng, bên trong

vòng tròn sâu xa lại là sắc màu xanh biếc, Thương Anh tôi còn nghi ngờ là mặt nhật lặng xuống bắn xoẹt vào mây biến thành màu sắc. Thế rồi, mịt mờ đen tối, phía trước núi có ráng sáng ba vầng nổi lên thẳng, thì mọi điều nghi trong tôi tự nhiên tan mất. Qua ngày hôm sau (28 tháng 06) đến viện Chân Dung dừng nghỉ tại các Thanh Huy. Bắc Đài thuộc phía bên tả, Đông Đài tại phía trước thẳng đối diện với Long Sơn, phía dưới gối liền khe suối kim giới, thất bắc dục ở phía sau, là vườn nhà biến hóa của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, ở phía trên kim giới là nhà có dấu chân của La Hầu. Tri Khác Biện nói: "Xứ này cũng có Thánh đăng, xưa trước có vị Tăng ở chiếc giang cầu thỉnh, bỗng bay hiện lên trên lan can", Thương Anh tôi bèn cúi đầu cung kính cầu khẩn. Từ sau giờ Dậu, ở Long Sơn thấy có thềm báu vàng ròng. Đến đầu giờ Tuất, ở Bắc Sơn lại có đuốc lửa lớn. Tri Khách Biện có: "Đó là Thánh Đăng, nên chiêm ngưỡng lễ bái". Tiếp theo lại hiện một ngọn đèn, giây lâu ở Đông Đài, Long Sơn và Điện La Hầu chung quanh mỗi mỗi đều hiện một đèn, phía sau Dục thất hiện hai ánh sáng lớn như sấm sét kéo lôi. Trên khe suối ở phía nam kim giới hiện hai ngọn đèn. Đến sau giờ Hợi, Thương Anh tôi cúi nhìn trên khe suối, cầm nắm đèn đó là hình người vậy. Nhân đó, suy nghĩ rằng: "Há chư tăng ở chùa sai bảo người thiết đặt đèn để thấy khinh thường ư?" Khi ấy Tri Khách Biện đã ngủ, liền sai sứ Vương Bang tá chức Tầng Nguyện mở cửa để cật hỏi. Tri Khách Biện đáp rằng: "Núi ở đây có trùng vật hổ dữ, ở kia không có người đi cũng không người ở". Thương Anh tôi nghi ngờ chẳng biết giải quyết thế nào, lại thấy ánh sáng của đèn chợt lớn chợt nhỏ, bỗng thành sắc tỏ, bỗng thành sắc trắng, chợt hóa sắc vàng sắc biếc, bỗng phân chia, bỗng hợp lại, sáng rực cả rừng cây, bèn im lặng tự xét rằng: "Đây là lửa Tam-muội mà người đời gọi là đèn vậy", mới quỳ mà khẩn cầu rằng: "Cảnh thắng thù thắng, chẳng phải chỗ tôi thấy nghe, cõi phàm phu nhận biết có sự ngăn cách. Nếu chẳng phải là đèn của nhân gian thì nguyện xin trước tôi". Khẩn thỉnh như thế đến mười lần, đèn trước khe suối bỗng như mặt nhật sắc hồng, từ biển tấm bay vọt giữa hư không mà lên tỏa phóng ánh sáng lớn dần đến trước các, ánh sáng ấy gom thâu lại như đại thanh miệng ngậm vòng hỏa châu. Khắp thân thể Thương Anh tôi san sát bay vù như rét băng tuyết, liền khẩn nguyện rằng: "Tâm nghi ngờ đã dứt". Nói xong lại trở về nơi cũ, ánh sáng khắp đầy trên khe suối, Tầng Nguyện v. v... tự ở bên cạnh mà trông thấy đó như thân sắc màu vàng ròng quanh co mà lên. Vợ và kẻ tớ trông thấy lại khác. Khi ấy, có người mặc áo bào sắc tía mà cổ áo sắc trắng, có người búi tóc mà ngồi

kiết già, người cầm kiếm, người đội sừng. Lão tăng bảo rằng: "Đây là sư tử lông vàng bay và trời rồng 08 bộ vậy". Giây lâu, tại Bắc Sơn mây nổi, trong mây trắng hiện còn báu lớn. Sau khi mây tan lại hiện tướng vàng tròn trắng lớn như vầng minh nguyệt.

Ngày hôm sau 29 tháng 06, đến Đông Đài, mây lành năm sắc hiện nổi, có vầng ánh sáng sắc trắng từ đất bay vọt lên như xa luân trăm vòng xoay. Thương Anh tôi dùng kệ tụng tán thán rằng: "Mây dán Tây sơn, mặt nhật hiện đông, một vầng tướng sáng hiện trong mây, tu hành chớ nói không mô phỏng, chỉ sợ tu hành lạc đoạn không". Tiếp theo lại có gió lớn mây mốc ùn nổi hừng hực như muốn ngả đổ sườn núi, xé rách hang hóa. Vị Tăng chủ sự ở Đài bảo rằng: "Binh lính dưới tuần kiểm vừa mang thịt đốt nướng không thể cấm ngăn, nguyện đến ngày mai đều đi tất cả". Qua ngày mồng 01 tháng 07, từ tạ binh lính tuần kiểm trầm tệ ở Bắc Đài, chiều tối dừng nghỉ tại Trung Đài, gió lớn chẳng ngưng dứt, bốn phía núi đều mờ mịt, Tri Khách Biện v. v... đều đổi sắc mặt, bên cạnh đài có điện cổ Phật, Thương Anh tôi bảo quét tước rồi dẫn tất cả mọi người nhà cùng đi vào lễ kính. Tri Khách Biện và vị Tăng chủ sự ở Đài chỉ sai hai người Thương Đầu và Ngu Hầu, hai người mang trà rượu theo hướng bắc trèo lên vài bộ. Trên đảnh của Trung Đài đã có mây lành năm sắc thoảng tỏa mùi thơm, bỗng chốc ở gốc Tây Bắc mở sáng, hiện bày thế giới sắc màu lưu ly xanh biếc. Hiện vạn vị Bồ-tát Đội Trượng, lầu báu, điện báu, núi báu, rừng báu, phan báu, lọng báu, đài báu, tòa báu, vua trời, La-hán, sư tử, tượng vương sum la bày hiện, không thể nói bày hình trạng. Lại ở trên điện Chân Dung thấy có lọng báu tử chi cán cong, bỗng nhiên tung bày, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cỡi sư tử. Lại có 07-08 tôn giả lên xuống quá vui, hai bên cúi ngưỡng. Vị Tăng chủ sự ở đài đùa bảo: "Hành giả ở bản đài suốt 19 năm chưa từng thấy một ánh sáng một điềm tướng, mong chờ phước lực, gọi mà cho trông thấy đó". Thế rồi, đã gọi hành giả thì trì binh lính ngầm ẩn có người theo đến lén nhìn. Mặt nhật dần tối, ở sườn núi Bắc Đài có đuốc lửa sắc hồng hiện nổi. Thương Anh tôi hỏi Tầng Nguyện: "Xứ ấy có người nào đốt lửa chăng?" Tầng nguyện lại hỏi Tri Khách Biện, Tri Khách Biện hỏi vị Tăng chủ sự ở đài, vị Tăng chủ sự ở đài đáp: "Xứ ấy toàn sườn trơ đá lớn. Vả lại, gió lớn thổi đánh vào núi, lửa nào có thể dừng đứng, hẳn là Thánh đăng vậy". Lần lượt lễ bái chiêm ngưỡng, lại thấy có hai ngọn đèn vàng ròng, cách cốc lại hiện ra một ngọn đèn bạc sắc màu như bạc cháy. Vừa gặp men theo bên cạnh có An Phủ Quách Tông Nhan sai người vội đem danh thiếp đến, Thương Anh tôi chỉ vào đèn

mà bảo đó: "Ông có thấy chăng?" Kẻ sứ ấy đáp: "Thấy". Thương Anh tôi bảo: "Nên vì ta mà cảm tạ An Phủ". Vừa mới chiêm lễ Thánh đăng, gió lớn nổi thổi chẳng thể cầm đuốc, chưa kịp đáp lại danh thiếp. Khi ấy lại kính lễ cầu thỉnh "nguyện hiện ở trước tôi". Trước ở phía tây sau ở phía Đông mỗi mỗi đều như điều thỉnh nguyện. Cuối cùng một ngọn đèn dưới phía tây nơi trong vầng sắc màu xanh biếc tỏa phóng ánh sáng lớn mà đến. Hai ngọn đèn ở đông và tây đồng một lúc cùng đến. Từ Bắc Đài đến Trung Đài cách xa mười dặm, mà chỉ trong khoảnh khắc xoay nhìn đã ở trong trăm bộ. Xa thì ánh sáng lờ mờ đến gần thì gom thâu lại giống như chén báu lớn bằng ngọc thạch giũa mài nên, bên trong tích trữ hỏa châu. Sáng đượm một màu, chỉ chốc lát cúi lạy vừa ngẫng lên lại trở về nơi cũ. Khi ấy mọi người trên đài khởi sinh ý tưởng hiếm có, nên ân cần cầu thỉnh lại. Liên Châu lại hiện đến. Đêm đã dần tàn, rét lạnh thấu cốt xương, kính lễ bái tạ mà xuống núi, ngọn đèn ở phía Đông liền tắt mất, còn lại hai ngọn đèn dầu mờ tối. Thương Anh tôi nói rằng: "Nghiệp đã kính phụng lễ từ, tâm chiêm ngưỡng lúc nào mới tạm tiêu". Nói lời ấy xong, ở trong một vầng sắc màu xanh biếc, sáng rực màu hồng khắp đầy núi. Đêm đó, gió lớn thổi bụi mù đến chiều tối hôm sau (ngày mồng 02 tháng 07) cũng vậy. Thương Anh tôi khẳng tiếng nói rằng: "Đêm qua tại Trung Đài trông thấy thù thắng như vậy, ngày nay đến tây đài, Bồ-tát há trái nghịch ý tôi sao?"

Đi đến Hương Sơn thì mây lành đã phủ đậy đảnh đài, trầm tệ rồi, mọi sự trông thấy đều như mới đầu, chỉ không có thế giới lưu ly vậy, bèn đi đến chùa Ngọc Hoa và chùa Thọ Ninh, trở về lại viện Chân Dung, Quách Tông Nhan và Đại châu thông phán Ngô Quân Xương, Ngũ Đài tri huyện Trương Chi Tài, Đô tuần kiểm sứ Lưu Tấn, Bảo giáp ty cú đương công sự Trận Duật, mỗi mỗi đều vì chức sự mà đến nhóm tụ. Thương Anh tôi đem những điều trông thấy mà nói cùng, tuy vậy mọi người đều ngợi khen mà thôi, lường thấy họ nghe mà biết họ cũng như muốn, Thương Anh tôi bảo rằng: "Các ông nên lưu truyền rộng ra vậy". Đêm đó, trước các Thanh Huy lại thấy đèn vàng ròng, như lúc đầu mới đến, bèn sai người gọi Quách Tông Nhan, Ngô Quân Xứng v. v... cả thảy năm người đồng đến trông xem, trên cây tùng phía sau dục thất bỗng nhiên hiện một đàn đèn như chuỗi châu nối liền, các ông mỗi mỗi đều cúi đầu bái lạy. Khoảnh khắc, ánh sáng ẩn mất, mọi người giải tán. Bên cạnh Điện La Hầu hiện ra ánh sáng sắc trắng lớn như dòng sao chảy, chỉ nơi rừng tùng phía sau dục thất, hơi khí sắc trắng mông hung quá nửa đêm mới tan dứt.

Đến ngày mồng 03 tháng 07 Quách Tông Nhan, Ngô Quân Xứng căn cứ theo hướng đông mà đóng trại, Trương Chi Tài trở về lại, sắc trời cũng rất mờ tối mịt mù, Thương Anh tôi cùng Trận Duật và Hưng Thiện doanh trấn Tào Tư chiều tối đến núi Phạm Tiên. Tào Tư nói: "Đêm qua nghe thấy đèn vàng ròng, lên trộm sau hiên vũ ông mà thấy đó". Trận Duật hỏi: "Ông thấy tại nơi nào?" Tào Tư đáp: "Tại giữa không trung". Trận Duật cúi đầu nói: "Thánh thay! Thánh thay! Trận Duật tôi từ cao mà trông nhìn đó như tại trên khe mối, còn ông từ dưới thấp mà trông nhìn nên như ở giữa không trung". Thương Anh tôi đã nhiều ngày mong cầu không gì chẳng ứng, nhân đó lớn tiếng nói rằng: "Vì hai ông cầu thỉnh mây lành năm sắc" và liền dạy thay đổi áo, lễ bái âm thầm mà khẩn cầu, bỗng chốc từ góc tây nam sắc trời xin đẹp sáng thoáng, mây lành ùn nổi, khí tía cuộn quanh. Thương Anh tôi nói: "Dưới khí tía hẳn có Thánh hiền, xin hai ông nên chỉnh túc chí thành, sẽ thấy linh tích". Giây lâu, cung điện lầu các, các chúng Bồ-tát, hóa hiện vào ra. Thương Anh tôi lại khẩn nguyện rằng: "Nguyện hiện đội trượng, khiến hai người kia đồng một lúc trông thấy". Nói xong, bỗng nhiên bày trải, hai ông chỉ tán thán mà thôi. Đến lúc đã chiều tối, muốn đi trông nhìn khoảnh khắc tự nhiên ẩn mất. Hai ông ấy nói: "Thánh thay! Thánh thay! Nếu như gá nơi mây khí mà hiện thì phải ẩn ẩn trầm diệt, sao vụt nhiên mất hết vết tích vậy ư?" Đêm đó, lại dừng nghỉ tại các Thanh Huy, tự suy nghĩ rằng "ngày mai tạm xuống núi đèn báu ấy hãy vì tôi mà hiện lại", kéo then mở cửa, thì trên khe suối ở phía nam kim giới đã thấy có ánh đuốc lớn, men sau dục thất có hai ngọn đèn, đông tây cùng xuyên suốt mỗi nơi ngọn cây tùng, hợp làm thành một ngọn đèn tỏa sáng ánh ngời chậm rãi từ sườn núi phía Đông mà đến phía nam, nhóm tụ trên bãi cát khe suối ở nơi cuối rừng, tỏa phóng ánh sáng sắc trắng lớn, chẳng phải mây chẳng phải sương mốc. Lâu sau, trong ánh sáng ấy thấy có hai ngọn đèn báu, một ngọn theo hướng nam bay đi, cùng với bốn ngọn đèn trên khe suối kim giới cùng tụ hội, và nơi điện dấu chân La hầu cùng bên cạnh Long Sơn có hai ngọn đèn, một lúc đồng thấy. Thương Anh tôi liền phát thệ nguyện rằng: "Nếu ở trong đời quá khứ, tôi là quyến thuộc của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi thì nguyện càng được thấy tướng hy hữu". Nói xong, hai ngọn đèn cùng lay nhảy đua vũ vài ba phen. Trông thấy việc ấy rồi, Thương Anh tôi phát đại thệ nguyện rằng: "Cầu mong đến lúc chấm dứt báo thân này, thọ học vô biên Phật pháp, nơi có các thứ tà dâm, sát sinh, vọng ngữ, tà kiến và các ác niệm, trọn diệt chẳng sinh. Một niệm nếu sai, thì nguyện nơi nơi chốn chốn có được Bồ-tát soi xét ủng hộ".

Khi ấy hai ngọn đèn ở hai phía nam bắc, ánh sáng màu vàng cháy rực trắng, trước nghểnh cao sau rũ xuống, bay vọt giữa hư không mà đến trước. Khi ấy đã là nửa đêm, mỗi người trở về lại chỗ cũ.

Ngày đó, Thương Anh tôi đến nơi điện dấu chân La Hầu thấy phòng ốc hiên vũ ở đó hư nát đổ tệ, khởi ý niệm muốn ngày khác sẽ tu chỉnh hoàn bị đó. Đêm đó nơi chỗ thấy đèn ở điện dấu chân rất khác lạ, bèn liền lấy ba vạn tiền sao cho Sa-môn Tăng Chánh Tỉnh Kỳ tu tạo lại.

Ngày mồng 04 tháng 07, đến chùa Phật Quang, Sa-môn Thiệu Đồng chủ sự ở đó nói là: "Đây là đạo tràng của Thiền sư giải thoát, văn bia và khám hiện đang còn". Nhân đó đọc xem trong văn bia thấy biên ghi rằng: "Giải thoát mặc giải thoát, Văn-thù kệ Văn-thù". Mới bùi ngùi ngợi khen rằng: "Thật là đại trượng phu thay!" và dùng kệ tụng mà tán thán rằng: "Thánh phàm trên đường tuyệt màn vết, giải thoát Văn-thù mỗi tự bàn phương đây trời tây không chỗ đấm, dưới núi Phật Quang một khám còn". Ngày đó đã tối, trước chùa mây lành hiện sắc tía đượm nhuần thành nhụy, bèn hỏi Sa-môn Thiệu Đồng rằng: "Chùa này từng có linh tích chăng? Do nhân duyên gì mà hiện hơi khí điềm lành ấy?" Sa-môn Thiệu Đồng đáp: "Nghe nói khoảng trong niên hiệu Hoàng Hựu (1049-1054) thời Bắc Tống, từng có Thánh đăng". Thương Anh tôi nói: "Xét nếu thật có hẳn sẽ như tôi thỉnh nguyện". Bèn hỏi ở phương nào đáp là ở Nam Lãnh. Đêm tối liền thành kính cầu thỉnh, tại lãnh trung quả nhiên thấy có một ngọn đèn bạc, lãnh yêm thấy có 02 ngọn đèn vàng, chỉ sánh như chỗ thấy ở viện Chân Dung thì có chút ít sai khác vậy.

Qua ngày mồng 5 tháng 7 đến Bí Ma Nham, lúc chưa đến các khoảng 10 dặm, từ đài có một luồng hơi khí sắc trắng thẳng suốt trên đảnh nham, phía trước nham thấy Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi cưỡi sư tử. Khi đã đến nơi thì sắc trời mờ tối, rất khác với chỗ từ xa trông, có Sa-môn kế triết ở viện viên quả tại đại châu dựng am ở phía nam của núi, đọc xem đại tạng kinh, chẳng xuống khỏi núi đã ba năm vậy. Bèn đến nơi am đó, hỏi ở núi lâu ngày như vậy có từng thấy chăng?" Sa-môn Kế Triết đáp: "Trước đây ba năm trên nham cửa mở, có ba vị Tăng mặc áo hạt, áo sắc vàng, áo sắc tía tựa cửa mà đứng, giâu lâu lại bít đóng, lại giữa khoảng sườn núi có Thánh đăng. Kế Triết tôi chỉ nghe mà chưa từng thấy vậy". Sa-môn Kế Triết mới bảo: "Sắc trời như vậy, há bần đạo ở am không tướng trạng gì, cuối cùng ông trống không đến rồi trống không đi ư? Tuy nhiên xin nguyện được một thiên để ngời sáng nham

huyệt". Bèn phủi vách biên tả một bài kệ tụng rằng: "Đọc hết năm trăm Hàn Lang Cung, ba năm chẳng xuống Bí Ma Nham, phải biết riêng có nói an thân, cởi bỏ Như Lai áo cốt hôi". Biên chép bài kệ tụng xong, ra ngoài am trông thấy nơi cửa nham, có mây lành sắc màu vàng ròng, sắc thái lóa mắt, Bồ-tát cưỡi sư tử sắc xanh vào giữa khoảng mây. Thương Anh tôi nói: "Đêm nay rất có việc ưu thắng, hẳn chẳng đến trống không vậy. Sườn bờ nham cao trăm nhận, vách đứng trơ trọi, dẫn vợ và kẻ tớ theo hướng đông đi đến Vọng Nhai, lại lễ báo kính thỉnh thụt thùi, có hai ngọn đèn vàng hiện nơi khoảng Xích Nhai, bèn gọi Tăng Dụng chủ sự ở đó mà trông xem. Vừa mới đầu tiên, binh lính đi theo còn chưa ngủ, nghe cả nhà hoan hô gọi, mọi người đều ngẫng đầu trông xem đó, ồn náo đầy cả sân. Phàm có 07 lần mà ẩn, chí thành cầu thỉnh thời gian lâu, nơi mặt bờ sườn như sơn. Tăng Dụng nói: "Thánh cảnh riêng vì ông hiện, đâu cho kẻ lại và binh lính cùng trông thấy ư?" May người định thiếu như, Tăng Dụng lại nói rằng: "Chung quanh đều đã ngủ, có thể cầu thỉnh lại vậy". Thương Anh tôi thay đổi y phục, cúi rạp chí thành cầu thỉnh như mới đầu, bỗng nhiên bên tả bờ sườn, có Bồ-tát với ánh sáng sắc trắng, đứng trong ánh sáng, ẩn hiện ba lần. Thương Anh tôi được điều chưa từng có, liền phát đại thệ nguyện như trước lại xướng lời rằng: "Nếu ở trong đời trước, tôi thật là quyến thuộc của Bồ-tát, xin nêu hiện lại tướng thù thắng khác lạ". Nói xong, hai đèn vàng lớn tỏa chiếu nơi sườn núi đá. Thương Anh tôi lại xướng rằng: "Nếu Bồ-tát đem giáo pháp ở trong thời tượng quý giao phó cho Thương Anh tôi gìn giữ hộ trì, thì nguyện xin thị hiện lại". Nói xong, liền phóng hai luồng ánh sáng như sâm xẹt, một đèn vàng lớn tỏa chiếu trước sườn núi suốt đến nơi ngọn cây tùng. Khi ấy vị Tăng chủ sự v. v... cả thảy mười người cùng đồ chúng ấy xác thực cầu thỉnh rằng: "Kính cẩn y cứ theo kinh Hoa Nghiêm nói là: "Về phương đông bắc có nơi gọi là núi Thanh Lương, từ xưa trước đến nay các chúng Bồ-tát dừng ở trong đó. Hiện tại có vị Bồ-tát tên là Văn-thù-sư-lợi cùng với quyến thuộc các chúng Bồ-tát cả thảy một vạn vị đều ở trong đó và thường vì giảng nói pháp". Tức ta đến ở trong núi nơi Thánh chúng không biết đã qua mấy ngàn năm vậy. Từ đời vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Hậu Hán, đến thời Bắc Ngụy, thời Bắc Tề, thời nhà Tùy, thời Tiền Đường cho đến thời Ngũ Đại trở về trước, trải qua nhiều triều đạo xây đắp tạo dựng có tốn phí không ít ỏi. Đến đời Hoàng đế Thái Tông (Triệu Quýnh (976-998) thời Bắc Tống chúng ta sau khi đã bình trị dòng họ Lưu, tức dưới các quan bỏ buông thuế khóa các chùa viện ở Đài Sơn, sau đó bốn triều đại cũng chẳng

không vâng theo ý chí xưa trước nhờ nhân biên tốt bàn nghi bao quát đất khoán nên núi rừng Thánh cảnh chúng ta làm thành đất gò, chỗ có khai khẩn ruộng nương, chặt phá phát bày hạng nhà của rồng thần, chùa vũ của chúng ta v. v... trong mười ngôi đã hư hại hết 08-09 ngôi, tăng chúng khất cầu tan rãi đến bốn phương, thì chánh giáo của Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi chúng ta không bao lâu nữa hẳn bị mòn diệt ông phải làm văn để ghi nhớ truyền tin khắp thiên hạ, khiến người đời sau tiếp thừa ý phó chúc của Bồ-tát". Thương Anh tôi nói rằng: "Kính cẩn cảm tạ đại chúng. Khó thay! biết nói sao? Con người sở dĩ làm người, mắt đối với hình sắc, tai đối với âm thanh, mũi đối với mùi hương, lưỡi đối với mùi vị, thân thể đối với xúc chạm, ý đối với pháp trần, chẳng vượt ra ngoài 06 thứ ấy mà thôi. Nay mới bắt chước đó mà viết là: sắc mà chẳng phải sắc, âm thanh mà chẳng phải âm thanh, xúc chạm mà chẳng phải xúc chạm, pháp trần mà chẳng phải pháp trần, lìa tuyệt thế gian chỗ gọi là thấy nghe hay biết thì trọn đời chu toàn chẳng vượt ngoài đời nhân gian chẳng lấy làm yêu thì quái vậy. tôi chỉ muốn tự tin mà thôi. Sao có thể niềm tin đó đưa đến mọi người và đời sau ư?" Thế rồi, Quách Tông Nham, Ngô Quân xứng gởi thư đến nói rằng: "Nhờ sức của ông mà được hầu thấy việc lớn, từ xưa lưu truyền được nghe mà chưa từng thấy, nay đều ứng nghiệm vậy. Nên có ghi thuật để làm tin cho người sau". Thương Anh tôi ba lần nghĩ suy rằng: "Đem Thánh nói phàm, đem tịch lắng nói huyên động, đem tinh diệu nói thô thiển, đem trí nói ngu, đem chân nói vọng, đem thông nói bít, đem sáng nói tối, đem lớn nói nhỏ hẹp, vì bờ vức giới hạn chẳng cùng biết, phân tể chẳng cùng kịp. Thí như A-tu-la vương đưa tay lay núi Tu-di mà kiến hơi chẳng thể cử động. Một hạt cải mà Ca-lâu-la vương qua 07 ngày biến thành 04 thiên hạ mà sâu hại chẳng thể bay. Tầm trượng như Thương Anh tôi chẳng phải không mong muốn nói, chỉ sợ nói không ích lợi vậy". Hoặc có người bảo: "Có từng biết Sa-môn thích pháp chiếu chăng? Trong khoảng niên hiệu Đại Lịch thời Tiền Đường (766-780) vào chùa Trúc Lâm biến hóa, lo ngại người sinh tâm phỉ báng nghi ngờ mà không dám vọng truyền, bỗng thấy một thần tăng bảo rằng: "Điều ông nghe thấy nơi cảnh giới Đài Sơn, sao chẳng như thật biên ghi chỉ bày cho chúng sinh làm lợi ích lớn". Nay ông lánh sự nghi ngờ phỉ báng ư? Lưu truyền cả trăm mà chỉ một người tin, thì lưu truyền đến ngàn, hẳn có mười người tin, lưu truyền đến vạn có trăm người tin vậy. Trăm người tin mà chỉ một người thực hành còn đủ khả năng để phá tà tông, hỗ trợ chánh pháp, huống gì có cả trăm người hay thực hành ấy ư?" Thương Anh tôi nói rằng: "Khéo

thay lời dẫn dụ! Tôi nói một lời giẫm trải dối vọng thì trăm ngàn vạn kiếp, chìm đắm trong đường xấu ác, kính cẩn mà biên ghi đó để phụ sau truyện Thanh Lương vậy".

Lại biên thuật các bài phú và thơ về núi Thanh Lương phụ ở cuối nguyên

Phàm núi Thanh Lương, thuộc phía Đông bắc của Đại Đường, phía tây nam của Yên Triệu, núi tên là Tử Phủ, xứ đất hiệu là Thanh Lương, là nơi Bồ-tát tu hành, là quê hương của rồng thần ở lâu dài. Mùa đông trông nhìn trên 05 đảnh như bạc, mùa hạ trông nhìn ngàn ngọn núi tợ gấm, thật là hang nhà của Đại Thánh Văn-thù là vườn rừng của muôn Thánh! Chuông khánh vọng hưởng giữa khoảng núi biếc, lâu đài lấp trong mây trắng. Người thường đi tham lễ, giải thoát quên thân mình, Thiền Khánh đến ở, ma quân chóng dứt. Đây là chẳng lìa cảnh Thánh, có 12 ngôi chùa lớn, được xưng gọi là danh lam của trăm xứ. Gặp lúc thời tiết mùa xuân mùa hạ, hoa trung bay tan đến cực lạc thiên cung, mùa thu mùa đông tùng ảnh bày thành nội viện Đâu Suất. Tám ao sương mốc che phủ, chín động mây mờ cản ngăn, cỏ lành mầm linh, buồn bả cát tường, diệu lý khó cùng, Đại Thánh Văn-thù hiện tướng người già ở trong, La Hầu hóa trẻ thơ nơi giữa, bần đạo tăng tướng thế gian phần nhiều ẩn tàng, 500 Long vương bệnh hoạn tàn tật, từng ẩn mười ngàn vị Bồ-tát, Lầu ca quán trà thường xoay chuyển xe pháp Tứ đế. Tiệm rượu, lò mổ, đều hiện sắc thân Tam-muội, ruồi bay từng lũ đều đàm môn giải thoát, thú chạy sáng láng thảy nói giáo pháp vô sinh. Nay trông nhìn các phương, đi tham lễ xa gần, bè bạn nếu đến trong cảnh Thanh Lương, chẳng sinh tâm dung dễ. Đây là biết thì không thấy, thấy thì không biết, rồng rắn hồn tạp, phàm Thánh đồng ở ấy vậy.

* Đông Đài:

Xa xa mây nước vượt núi cao.
Dầu thấy đáy trời vũ trụ lớn.
Đông bắc rõ ràng nhìn biển cả.
Đông nam tấc thước thấy Trường An.
Vòng sáng hóa hiện châu ngàn hạt.
Vầng nhật vừa lên lửa một đoàn.
Gió mưa thường từ dưới nham nổi.
Trong động Na-la có long bàn.

* Nam Đài:

Xa xa roi gậy lên Nam Đài.
Bắc nhìn Thanh Lương mắt chợt mở.

Một mảnh khói mây trùm tử phủ.
Muôn năm tùng thẳng lấp rêu xanh.
Người đến cảnh linh vượt khe suối.
Ta hỏi Chân Dung đạp đảnh lên.
Từ trước tam tam ít người biết.
Nạp tăng đến đó thật bồi hồi.

* Tây Đài:

Đài báu vút cao chân lút bể.
Sư tử để vết cạnh nước trong.
Trong mây năm sắc lên thượng giới.
Ngài trời chín lớp nhìn phương tây.
Du thời mưa rưới cung rồng lạnh.
Một đêm gió thổi nguyệt quế thơm.
Đất đá còn hay tiêu tội chướng.
Sao nhọc Bồ-tát tỏa thần quang.

* Bắc đài:

Bắc đài cao vút xanh sờ sửng.
Ít nhiều người đi đến bèn lui.
Sợ thấy trước mắt địa ngục sống.
Buồn nghe bên tai sấm gió vang.
Thất tinh mỗi đêm đượm đảnh núi.
Lục xuất lâu năm chứa bờ khe.
Nếu gặp Hắc Long linh sốt ruột.
Tâm niệm nhân gian tự nhiên tan.

* Trung đài:

Trung đài vời vợi rất đáng trông.
Bốn mặt núi rừng bưng xanh biếc.
Muôn hang tiếng tùng lòng đất vọng.
Vài cành sắc núi lạnh cốt lông.
Lớp lớp yến nước Đông nam rỗng.
Mênh mông các vàng tây bắc thoáng.
Đều tin Văn-thù xin quy hướng.
Mọi người cao bước đầu bạch vân.

* Bài thơ tổng quát:

Năm đảnh cao vời tiếp Thái hư.
Tất cả cùng xưng thấy ta ở.
Rồng độc bờ ao mây sinh vẻ.
Hổ dữ trước hang đường khách thông,

Băng tuyết đầy núi bạc chấm xuyên.
Hương hoa tràn đất gấm trải buông.
Mở bày tọa cụ dài ba thước.
Vuông phủ núi sông năm trăm thừa.

* Thơ đề cổ và Tịnh Minh tháp luật:

Trăng tỏa phần xuyên khánh báu lạnh.
Ai đến nơi đây chôn hòm vàng.
A-dục đắc đạo đi giữa không.
Tôn giả sáng bay ra chỉ mối.
Trên trời mây ngưng thường phủ định.
Nhân gian kiếp lửa cháy rụi tàn.
Ba ngàn thế giới không lưu vết.
Hãy đến Diêm Phủ hiện Niết-bàn.

TỤC THANH LƯƠNG TRUYỆN
QUYỂN THƯỢNG
-HẾT -

■

TỤC THANH LƯƠNG TRUYỆN

QUYỂN HẠ

Truyện đã hoàn thành, sai người dùng đáy gấm đựng một bản và mang theo một năm sớ. Ngày 28 tháng 08 (năm 1088) đến trước Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi ở điện Chân Dung tấu bày rõ. Lời văn sớ đó là "Gần đây đích thân đến Đài Sơn, được chiêm ngưỡng Thánh tượng, từ bi phó cảm, thù thắng hiện bày, mây lành thoảng tỏa giữa hư không, đuốc báu rạng ngời nơi hang cốc. Chư tăng đồng đi nguyện cầu đến đội trượng, chẳng thể nó đến Thánh hiền, gió lớn thổi mịt mù càng rõ tướng lành, vách đỏ cao vời càng bày chân thân. Thương Anh tôi lấy ngay thấy nghe, thuật thành ký truyện ngỏ hầu lưu truyền khắp sa giới, hoặc dẫn dụ ở người có tín tâm, khiến biết được núi báu Thanh Lương của chúng ta, quyến thuộc có cả vạn người cùng ở, thế giới Kim sắc, trời rồng tám bộ đồng nương, cúi đầu trước phạm Vũ vì tán thán rõ ràng, mong bậc đạo sư vì chứng xét". Sa-môn Tăng Chánh Tỉnh Kỳ nhóm tập chư tăng có hơn 80 vị, đọc văn sớ xong, tại nội điện Bồ-tát bỗng nhiên đèn vàng ứng hiện hơn 40 biến. Thương Anh tôi nghĩ để có nơi quy hướng kính phụng, nên liền đắp họa tôn trượng bằng đất bùn.

Đến tháng 11 ra án Dân Linh, ngày mồng 08 mang đưa tôn tượng đến trước Bồ-tát mà phát nguyện. Với lời văn rằng: "Hết thảy mọi nơi thế giới kim sắc chân trí do đó vô phương. Về phương đông bắc, núi báu Thanh Lương, huyền duyên do đó mà hiện có. Vô phương thì một trần chẳng lập, hiện có thì ba cõi đồng chiêm ngưỡng. Vì vậy, tôi gieo mình quy y, mưa lệ buồn ngưỡng, cúi mong tự nghĩ suy. Thương Anh tôi xưa trước ở trong động Phổ Quang, hoặc ở nơi phía Đông thành Đại Giác, bởi vì một niệm khác sai, nên trôi nổi trong bốn loại chúng sinh, vào ra nơi ba ngàn cõi nước, buộc trói bởi mười hai căn trần. Lại do xưa trước có được nhân lành, ngày nay gặp được việc ưu thắng, nhờ phương tiện chỉ trong sát na, mở tỏa quang minh từ vô thủy. Vì ứ đọng cấu tục đã sâu, sợ cờ kiêu mạn vẫn còn, nương gá tôn tượng bằng đất bùn, phát rõ nguyện luân này. Tam giới không mà ngã tánh cũng không ai chân

ai vọng, mười phương huyển, hình ta cũng huyển, nào khác nào đồng. Cúi mong Bồ-tát thâu nhiếp vào cung bi, dẫn đưa về điện trí, dất tín túc lên nơi đảnh núi Diệu Phong, giúp sông biệu đến trong ao A-nậu, thệ nguyện kết thúc thân phần đoạn này, lại hiển bày làm việc hiếm có kỳ đặc". Đọc văn xong, tại nội điện hiện ba ngọn đèn vàng. Ngày đó có tuyết lớn, sau khi tuyết ngưng, mây lành năm sắc tràn đầy giữa hư không. Đêm đó, trước các Thanh Huy, chung quanh điện La Hầu, hiện 14 ngọn đèn bạc. Trên đảnh hoàng ngôi, hiện ba vầng ánh sáng sắc trắng lớn.

Ngày hôm sau, mồng 09 tháng 11, mây lành năm sắc sáng rỡ vi tế, chẳng đồng như thế thấy ở tháng 06 tháng 07 trước. Há Thương Anh tôi hắc nghiệp chiêu vời nên, hay là Thánh hiền biến hóa cũng có khác lạ giữa xuân ha thu đông. Từng nghe rằng ánh sáng nơi thân chư Phật chư đại Bồ-tát, che lóa mờ cung ma tợ như mực ngưng tụ. Nếu tùy thời mà lớn nhỏ, thì một đại tụng kinh giáo tức là lời hư dối. Khi ấy, trong tuyết trước các hiện ba ánh sáng vàng trông thấy vừa rồi. Thương Anh tôi liền nhảy nhót bái từ, nói rằng: "Tuyết lớn hiện đèn, chẳng phải chỗ mong cầu vậy". Rồi bảo mở điện Bồ-tát lấy sách tiếp theo, chỗ thấy ở sau. Đã mở điện, mến kính chẳng thể tự thôi. Lại chúc nguyện rằng: "Vốn đường đợi tội, thẳng chưa bãi đi. Tháng năm, tháng sáu năm sau mới có thể trở lại, rất mong lại được một lần chiêm ngưỡng tướng ánh sáng mãn nguyện mà đi". Giây lâu, trước các lại thấy bốn ánh sáng vàng ròng lớn.

Tháng sáu năm sau (1089), vì đều mắc gặp hạn hán, đến núi cầu mưa thấm đượm, nhân an đặt tôn phụng Thánh tượng Bồ-tát La Hầu. Ngày Ất tỵ (?) lúc sáng sớm đến các trung thiên, nơi bờ rừng ở phía Đông nam, bỗng nhiên biến thành sắc màu vàng ròng, có ánh sáng các sắc màu xanh đỏ nổi thẳng, xinh đẹp tỏa lóa mắt, qua một thời (giờ) mới ẩn. Đến lúc mặt trời xế bóng lên núi Thanh Lương, có hơi khí khác lạ năm sắc làm tượng Bồ-tát cưỡi sư tử. Ngày hôm sau Bình ngọ, đến viện Chân Dung, thỉnh cụ oai nghi nghinh thỉnh nơi an đặt tôn tượng La Hầu. Vừa đến cửa chùa mà có người báo rằng: "Đèn trong điện vừa hiện vậy". Đã bái yết Bồ-tát chiêm ngưỡng lần lượt xong, lọng báu trên đảnh bỗng nhiên sáng rực, vị Tăng chủ sự tại điện nói: "Điện ở đây, Phan lọng có nhiều vô số che kín khắp cùng, mà lòng trên đảnh rất cao ẩn kín chẳng thể hiện bày, nay sáng rực như vậy. Thật chưa từng có". Đêm đó, từ Đông Đài đến điện La Hầu cặp hai bên hiệu hơn mười ngọn đèn vàng lớn, qua lại lên xuống, hoặc qua cả giờ, hoặc qua cả khắc,

hoặc hiện thời gian lâu. Ngày hôm sau nửa Đinh mùi, đến trước Bồ-tát, kính bạch rằng: "Trong kinh Hoa Nghiêm nói 08 nơi Đức Thế Tôn tỏa phóng ánh sáng phô bày pháp. Ánh sáng đây nếu là pháp tánh vốn có; không tướng ánh sáng, trông nhìn đó chẳng thấy thì Thương Anh tôi không nghi ngờ, nếu là ánh sáng của chư Phật quả đức viên mãn khiến người có thể thấy, thì nguyện vì thị hiện". Khi ấy lọng báu trên đảnh bỗng nhiên sáng khắp cùng, lỗ hổng nhỏ cũng lưu tỏa ánh sáng bắn xuyên ra ngoài bốn phía. Thế rồi, nơi gian khâm lĩnh, nơi gian như ý. Mỗi mỗi đều phóng ánh sáng báu sáng rực lay động. Lại ở trước điện, lá hoa sen vàng ròng, ánh đèn giao tỏa mở hợp vô số. Khi ấy các hàng tăng tục xa gần có cả ngàn vị cùng nhóm tụ, gọi nhau mà trông xem, reo vang chấn động, tiếp lại buồn khóc, mỗi người tự than rằng: "Từ vô thỉ đến nay bởi tội nghiệp sâu nặng. Xin từ ngày nay sửa đổi tu tập". Tiếp ngày hôm sau-mậu Thân, đến Trung Đài, lúc trời sắp tối, bốn phía núi xanh lắng, bỗng có hơi khí khác lạ giăng đạp đến Bắc Đài, núi như bạc cháy sáng, khắc họa dài mười trượng, mọi người nói là: "Cầu bạc hiện". Thương Anh tôi bảo: "không phải. Đó là đường thềm bạc trắng, lối đường hiền Thánh giẫm bước đi". Bỗng chốc, hiện một ngọn đèn báu, phân làm hai, khi ấy có mười mấy vị du tăng đã về đài, dừng nghỉ qua đêm trong phòng ốc, kêu gọi ra cùng trông xem. Chư tăng cúi đầu xưng niệm Phật. Thương Anh tôi nói: "Xứ này sẽ có ba ngọn đèn. Mọi người nêu trông xem kỷ". Giây lâu, ba ngọn đèn đều hiện. Thương Anh tôi đem "Tục truyện" chỉ bày mà nói rằng: "Chỗ viết năm trước của tôi như phương đông tâm tú, đâu phải nói dối ư?"

Ngày hôm sau-kỷ Dậu, Thái Nguyên thiêm phán tiền cảnh sơn và kinh lược ty quản cú cơ nghi văn tự Thiệu Quân đến gặp gỡ tại Đông Đài, mà Thương Anh tôi đã trở về viện Chân Dung, tức sai bảo người gọi hai ông ấy trở về, hai ông ấy nói: "Vừa rồi ở Đông Đài thấy vầng ánh sáng tròn gom nhiếp ánh sáng nơi thân, chỉ chưa được thấy Thánh đăng vậy!" Đêm đó, bèn cùng hai ông cầu nguyện đèn hiệu mà trông xem, Hôm sau ngày Canh Tuất, dừng nghỉ qua đêm tại chùa Phật Quang, có mậy lành, hơi khí khác lạ, lẫn lộn vô số. Hôm sau nữa-ngày Tân Hợi đến Bí Ma Nham, chưa đến tới hang, cách khoảng ba dặm, thẳng ngay có ánh sáng hiện, khi đạ đến hang mà ngay trước cửa mặt tôn tượng Phật Lô-xá-na tỏa phóng ánh sáng soi chiếu khắp điện. Đầu đêm, ở nơi tầng bờ sườn, hiện năm ngọn đèn vàng lớn. Ngày hôm sau-nhâm Tý, ra hang, ở giữa hư không, hiện một cầu vàng, cầu ấy chẳng nương tựa nơi núi cốc, chẳng nương tựa nơi mây khí, chẳng gá ánh sáng mặt nhật, phô

bày giữa hư không vàng nhuận, như sắc màu vàng thật. Than ôi! Ngay chỗ hiện nối, ngay chỗ ấy ẩn diệt, nếu chẳng phải phương tiện thiện xảo đại huyển, ai có thể cùng như vậy ư? Lần đi ấy, đã vì nắng hạn mà cầu mưa, ở tại núi ba lần cầu khẩn, ba lần ứng nghiệm, chỉ chút chốc liền tạnh ráo. Ngày sau nữa-quý sửu, trở về đến Đại Châu, mưa lớn cả ngày đem ra khô nẩy mầm, biến thành năm được mùa.

Thương Anh tôi bèn đem việc ấy tấu trình, đại khái là "Gần đây vì bản lộ gặp phải nắng hạn, nên đích thân thần (bề tôi đến trước tôn tượng Đại Thánh Văn-thù ở núi Ngũ Đài và ao năm rồng, khẩn cầu mưa đượm, đêm ngày đổi lửa báu ánh sáng linh, hình tướng khác lạ đặc thù rực rỡ hiện bày, chẳng thể nói bày hình trạng ấy. Khi đó, các hàng tăng tục ở bốn phương có hơn ngàn người cùng đồng trông xem. Âm thanh mừng reo chấn động cả núi cốc. Thế rồi, lúc ấy mưa lớn tuôn đổ rộng phủ vài châu. Lúc đầu, thần mới ra đi, cây cỏ khô héo lụi tàn, nông phu buồn than, đến lúc trở về, cây gai tươi tốt, xanh biếc sinh động, thân lạc ca khúc thanh bình, chỉ đời được mùa lớn. Đây bởi triều đình có đạo, các Thánh để giúp, Quan Hữu Ty thôi thúc thi hành chiếu điều, ban bố đến danh sơn cõi khác, được ứng đối như vang hưởng, khám xét nhóm mười chùa ở núi Ngũ Đài, xưa trước gồm 42 nông trang. Sau khi Hoàng đế Thái Tông (Triệu Quýnh 976-998) bình trị đất Tấn, đều bỏ tô thuế, để hiển bày sự sùng phụng. Lại nhân biên thần lừa dối triều đình, cho rằng đất đó là núi hoang, bèn lấm nêu chiếm đoạt ruộng tốt hơn ba trăm khoảnh, vời đặt các tay cung tên có hơn trăm hộ. Nhân đó xua đuổi chùa chiền, kiện tụng chẳng dứt, chư tăng phân tán, chùa vũ nát hư. Thần đã nhiều lần thấy tình trạng đó, xin nêu cấp hoàn trả. Trọn chưa được xét kiểm, thần trộ lấy ngoài lục hợp, bởi có sự chẳng thể đặt để cật vấn. Kia là hóa nhân, đâu phải dùng khuôn phép đất ruộng được mất, làm thành và khuyết, chỉ vì người xưa cúng thí để làm ruộng phước. Người đời sau lấy đó nuôi dưỡng binh lính làng quê. Đối với lý, nghi là chưa an thỏa, muốn xin ban cho bản lộ khám hợp, như chỗ thấy và tỏ bày của thần, riêng không chẳng thật, tức xin kiếm hợp, đã nhiều lần tấu trình sớm ban thi hành. Tuy là như vậy, nhưng kia là Đại sĩ đem mười phương ba cõi làm một thể tòa Tỳ-lô-giá-na mà Thương Anh tôi khư khư lấy vài trăm khoảnh ruộng làm phiền người, chí ý ấy hẹp hòi, cũng chẳng buồn ư?".

PHỤ TRUYỆN

"Tục truyện" đã lưu hành, mọi người tin mà đi, phát tâm chí thành, không ai chẳng được cảm ứng. Tháng hai năm Nguyên Hựu thứ tư (1089), Bản lộ Đô đốc Tổng quản Tư Tẩu Mã, Thừa thọ công sự Lưu Hửu Đoan đến trước điện La Hầu, đang trong tuyết cầu thấy một ngọn đèn vàng, phân làm ba, một ngọn nhảy nhót mà lên. Cuối tháng năm, chuyển ánh sáng tròn, gom thâu một ánh sáng thân mình. Ở trước Điện Thanh Huy, trong mưa có một ngọn đèn vàng bay lên. Kinh lược ty chuẩn bị sai khiển Phan Cảnh đến trong rừng tùng trước có Thanh Huy, cầu thấy ba luồng ánh sáng sắc trắng nổi thẳng lên, vạn vị Bồ-tát đội trượng la liệt, sư tử vàng ròng đùa vui phấn tấn, một điện vàng, ba ánh sáng tròn. Trong ánh sáng tròn hiện đảnh đầu Đức Phật tướng trạng như từ đất vọt lên, một vị Bồ-tát cưỡi một sư tử, một Quán Thế Âm mặc áo trắng, ba cầu vàng, một đèn bạc và có tám qua lại, ba ngọn đèn vàng, mà tắt sáng có 15 lược. Phan Cảnh tự vì ba đời kính phụng La-hán, một đời dùng y thuật cứu người, mà chưa từng thấy được tướng trạng La-hán Dược Vương, im lặng mà có sự khẩn cầu, đi đến nơi Kim Các, giữa hư không hiện một chiếc thuyền vàng lớn, trên thuyền có vài trăm vị La-hán, vị đi, vị đứng, vị lễ bái. Lại đi đến đầu tạng, thấy mây trắng từ phương Tây bay lai, Bồ-tát Dược Vương đứng ở đầu ngọn mây, ngay tâm quan tụ lớn, điều đen giày đen. Phàm, những vị thấy của Phan Cảnh riêng có nhiều lại khác, không thể biên ghi hết đầy đủ.

Đến cuối tháng sáu, Sa-môn ôn ước từ kinh đô đến, cúng thí pháp y ca-sa bằng kim tuyến, và mang hương từ trong nội cung đến. Giám Trấn Tào Tư sáng sớm đến điện Bồ-tát, trong khoảnh khắc vừa dâng hương, trước điện trên đèn sáng lớn, bỗng nhiên phóng nhã ánh sáng vàng ròng lớn như bánh xe bay soi chiếu trong điện. Kinh lược tư cá đương công sự Lý Nghị theo hầu thân ánh sáng tròn gom thâu ánh sáng thân mình ngay ánh sáng đèn vàng. Lý Nghị viết thư gửi lại nói rằng: "Ngày nay mới biết "Tục truyện" chẳng phải hư dối vậy". Tư chính điện học sĩ Tri Hà Nam phú Lý Thanh Thần nghe vậy, nói rằng: "Văn-thù cùng Thích Ca văn khác tên mà đồng một thể. Tuy đã là cổ Phật nhưng tuổi thọ phủ cả đất trời, thị hiện vết tích rũ bày hạnh hóa còn tâm từ bi vậy". Long Đồ các học sĩ Bản lộ kinh lược An Phủ sứ Tăng Hy nói rằng: "Xưa trước, Tăng Hy tôi chuyển dời quân súy ở Quảng Đông đi đến ao trời ở Lô Sơn, lên đài Văn-thù, gió lớn chấn động cây rừng mờ mịt, chỉ trong khoảnh thước tấc mà không biện rõ đường lối, đèn đuốc rực lửa đều tắt,

mà trông nhìn phía dưới trong cỏ xanh, đèn vàng tỏa xuất bốn phía hoặc gần hoặc xa, hoặc lớn hoặc nhỏ, hoặc ẩn hoặc hiện. Gặp lúc đang đêm mỏi nhọc nên ngủ, chỗ thấy ấy thật chưa phải hết, nhưng gió lớn chẳng thể là Đại Quang Minh vô lượng thần lực chẳng thể nghĩ bàn thì ai có khả năng như vậy ư? Trông xem nói vậy khó tin nên không dám biên ghi để chỉ bày cùng mọi người. Đến lúc đọc xem "Tục Thanh Lương truyện" của Thiên Giác, thì chỗ thấy nghe của Tăng Hy chưa đủ lấy làm quái lạ vậy". Có người bảo cùng Thương Anh tôi rằng: "ngoại đạo ma ba tuần, quỷ thần sức lực mạnh, sơn tinh mộc mỵ đều có thể làm ánh sáng làm quái lạ, sao ông tin lắm vậy ư?" Xin đáp: "Điều ông nói về ánh sáng và quái lạ, hoặc là đạo quả sắp thành, thấy mà thử đó, hoặc là chánh pháp sắp thắng, xuất hiện mà làm chướng ngại đó. Nay tôi cùng mọi người tự trông thấy quyết vậy, chưa có ai lấy làm đặt để ánh sáng quái lạ thì đâu có gì phải nghi ngờ ư? Tinh tấn, tinh tấn, tổn đó lại tổn, chuyển thìa gỗ nơi nồi cháo là phận thường của bọn tôi".

TỤC THANH LƯƠNG TRUYỆN
QUYỂN HẠ
-HẾT -

LẠI THUẬT HAI BÀI TỤNG
(CÓ LỜI TỰA)

Thương Anh và Phần châu tây hà tể Lý Kiệt đồng đến bái yết nơi tháp Thiền sư Vô Nghiệp, tiếc tháp ấy bị hư nát nên cùng nhau tu sửa lại hoàn chỉnh. Thế rồi, tháp tỏa phóng ánh sáng, lại mộng thấy Thiền sư Vô Nghiệp thong dong dẫn tiếp, tỉnh giấc mà xem lời ấy, thấy Thiền sư Vô Nghiệp hỏi Mã Tổ về tâm ấn từ Tây Vức truyền lại. Mã Tổ bảo: "Đại đức! Ở nơi ồn náo, hãy tạm đi". Thiền sư Vô Nghiệp đi. Mã Tổ lại gọi: "Đại Đức!" Thiền sư Vô Nghiệp xoay đầu lại. Mã Tổ bảo: "Là gì vậy?" Thương Anh nhân đó tỏ ngộ chỗ thấy ở Đài Sơn mà làm hai bài tụng rằng:

"Bốn lược vào núi lễ cát tường.
Năm sắc mây sâu nhìn ngời ánh
Mà nay chẳng đánh trống định ấy
Vì báo Thiền sư chớ phóng quang.
Là gì vậy? Là vì vậy?
Trước điện La Hầu đèn tợ lửa.
Chẳng nhân Mã Tổ gọi xoay lại.
Kịp bị Thiện Tài lén trộm nhìn.
Tỳ lam gió bỗng cao chín trời.
Cò trắng mắt mù lá chạy qua".

Cung bị khố sứ đồng quản cú Hà Đông duyên biên an phủ tuy công sự thị Kỳ Quán, năm Canh Ngọ (1090) thuộc trong niên hiệu Nguyện Hựu (1086-1094) thời Bắc Tống, lúc đang trấn thủ tại Kỳ Dương. Đề hình Trương Công (Thương Anh) đi bộ qua quận, đem bộ "Tục Ngũ Đài Thanh Lương truyện ký" ra tỏ bày cùng quán, là Trương Công ngày trước tổng lãnh Hiến Hà Đông, biên ghi sự hiện hóa của Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở Ngũ Đài sơn thù thắng kỳ dị, thật là chỗ tai chưa nghe mắt chưa thấy. Quán đọc xem vài ba phen, hận chưa được tiện để chiêm lễ Thánh cảnh, nhưng tâm thành thực đau đáu chưa từng quên ngay trong úc ngủ nghỉ. Mộng thấy đến trước một ngôi tháp cao, có vài vị Tăng mặc y tía lễ bái, reo hô "Bồ-tát xuất hiện". Quán cũng theo đó mà chiêm ngưỡng trông nhìn. Lâu sau đã tỉnh giấc thì mới cho là bởi tinh thân nghĩ tướng khiến nên, im lặng vã ghi nhận đó. Tháng năm năm đó (1090) bỗng lầm nhận ân dời đến nhậm phó tuy, chợt gặp bạn đồng liêu cùng bảo rằng: "mùa hạ nắng nóng, đường dài đáng sợ, mây trắng từ đáy khe suối nhảy vọt ra thẳng lên. Sa-môn tăng chánh Tỉnh Kỳ bảo:

"Đó là mây tốt lành vậy", ánh ngời cả núi như bình phong bạc, vách đứng chẳng lay động, chốc lát hiện bốn vầng sáng, cuối cùng hiện một ánh sáng gom nhiếp thân, xoay quanh như bánh xe lớn, năm sắc rực rỡ không thể sánh ví, chẳng gá nơi mây khí, chẳng tựa nơi ánh sáng mặt nhật, hiện trên tảng đá cùng cách trước mặt chưa đến vài thước đất. Tự thấy ảnh bóng sau lưng mình hiện trong tướng ánh sáng qua chốc lát mới tan. Chư tăng đều cùng bảo rằng: "Vầng sáng hiện trong mây, thì từng được chiêm ngưỡng kính lễ, còn như trên đá chỉ khoảng thước tấc, từ trước đến nay chưa từng thấy vậy". Cùng trông xem có hơn trăm người, không ai chẳng cúi đầu lễ bái, phát khởi kính tin, tán thán sự chí thành cảm nên khác lạ như thế, chỉ thời gian ngắn, mây bay sương mốc tụ đọng, tiếp đến là mưa nhỏ. Bèn cùng mọi người xuống đài. Bởi vì việc quan bức gấp, ngày sau ra núi. Quán tự kính tin chẳng nói cùng mọi người. Lấy tướng ánh sáng mà ngày nay quán trông thấy có thể tin được chỗ thấy Thánh tượng thù thắng, ánh sáng linh cửu báu của Trương Công trước kia, đâu phải là nói hư dối ư? Quán bèn viết thư để báo việc ấy với Trương Công. Trương Công viết thư đáp rằng: "Trước kia có được thư ông gởi đến, muốn đi đến Đài Sơn, phát xuất chí thành, hẳn biết có chỗ thấy, mới biết người xưa trong vô lượng kiếp tu hành, nhân quả chẳng mê muội, đâu có thể cùng hàng thế tục mù điếc mà nói vậy. Sau "Tục truyện", có thể biên lời tựa thuật về điều thấy và thơ. Sau đó chẳng phải vì khoe khoan với người, mà cốt yếu mọi người trong thiên hạ sinh tâm kính tin. Đó là ý nhận thọ sự ký biệt của Phật vậy". Quán cố biên ghi, về sau mọi người đọc xem đó, cho là lời tôi, phải ư? Hay là quấy? Đợi người tin, sau mới tin đó, tôi nói hẳn không dối vọng vậy.

Phụng nghi long thú thượng thư hình bộ viên ngoại thố trí hội kế Hà Đông lộ tài dụng Tiều Cái nhất tâm quy mạng kính bạch rằng: "Đại từ đại bi Đại Thánh Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát Ma-ha-tát. Cúi mong xét tự nghĩ nhớ Tiều Cái tôi may sinh trong đời người, mừng gặp được thời tốt, được làm thân nam tử, sáu căn đầy đủ, chợt duyên đời ưu thưởng, được tuổi theo đường quan, thẹn không bù bổ việc trợ giúp, nhọc tự càng lắm quá ác, huống gì trải qua vô lượng kiếp, tạo tội nhờ ở Giác Từ, thì đâu có thể khỏi đắm chìm nơi thú khác, dụng phải lâu dài chí thành một niệm, mong nguyện đến Ngũ Đài, tẩy rửa tự tậm, sám bày tội quá. Nay đây, may duyên dẫn mạng, cung kính cúi rạp nơi Linh Đàng, chiêm ngưỡng dung nghi muôn đức, nhìn thấy ánh sáng ngàn thứ, đâu chỉ thấy chỗ chưa từng thấy, thật cũng nghe được điều chưa từng nghe". Thối lùi trông nhìn, minh ngoan thật làm dung ngộ, đã tỏ bày mừng vui sám hối

kính cẩn, cúi đầu bái tay mà nói bài kệ rằng:

"Kính lạy Đức Văn-thù
Xưa làm tổ bảy Phật.
Từng phát nguyện đại bi.
Độ khắp các hữu tình.
Nhớ kia phương đông bắc.
Đó là cảnh Thanh Lương.
Năm trăm rồng thần ở.
Quyến thuộc vạn Bồ-tát.
Giáo hóa nơi nước này.
Thị hiện vô lượng sáng.
Người nghe khen hiếm có.
Huống gì chỗ mắt thấy.
Tôi trong kiếp xa xưa.
Từng gieo giống cúng dường.
Nay lại được thân gần.
Trông nhìn khác với thường.
Nhớ vô lượng kiếp lại.
Có tội tợ hằng sa.
Một được tướng ánh sáng.
Tự nhiên đều tan diệt.
Lại nghĩ các chúng sinh.
Cùng ta đồng thể tánh.
Nương sức thắng diệu này.
Lìa khổ đều giải thoát.
Nay ta trọn quy y.
Kính lễ phát nguyện lớn.
Nguyện suốt đời tương lai.
Thường ở trong hội Phật.
Một nghe lời vi diệu.
Tức chứng đạo vô thượng.
Cõi hư không mười phương.
Hết thảy các hữu tình.
Đều nguyện đồng tâm ta.
Chóng ngộ vô sinh nhẫn".

Ngày mồng 08 tháng 06 năm Kiến Trung Tỉnh Quốc thứ nhất (1101) thời Bắc Tống, Bái Tán.

"Du Đài Lục", phụ tiếp theo sau, nói: Năm Kiến Trung Tỉnh Quốc

thứ nhất (1101) thời Bắc Tống, Tiều Cái ở Ngô Hưng, sắp nhận mạng đến Hà Đông. Ngày mồng 03 tháng 06, từ Nhạn Môn đi đến Định Tương, trải qua viện Chân Dung ở Đài Sơn. Bấy giờ, Nhâm Lương Bật ở An Lạc, Nương Trực Phương ở Thái Nguyên cùng đồng đi. Đêm đó, khẩn cầu nơi Hiên Thuỵ ứng, có đèn bạc hiện ở phía tây của Bắc Đài. Ngày hôm sau, cúng dường Chân Dung và các Thánh tượng xong, sau giờ ngọ, Bồ-tát hiện đại chân tướng ở nơi đầu ngọn mây, các hàng nương theo đều đầy đủ, lại thấy thế giới kim sắc tỏa sáng khắp xa gần. Đêm đó lại hiện đèn vàng lớn như mâm chén từ trên ngọn rừng tùng phía trước hiên. Ngày mồng 05 trước tiên lên Đông Đài, sau giờ thân, hiện mây lành năm sắc, tướng trạng như Bảo-đà-la, từ từ hiện sắc trắng ngay ba vầng sáng cao bày giữa trời, hai vầng sáng hồng biếc ngay thẳng giăng ngang suốt vài dặm. Trong hai vầng sáng ấy, một vầng tợ như mặt nhật mới ló dạng. Lại hiện hơn mười ngọn đèn vàng. Còn một vầng tợ như đèn sáp có vầng sáng chói tỏa. Ngày mồng 06 đến Bắc Đài, lên Trung Đài cả bầu trời sáng rỡ không mây, sau giờ mùi khẩn thành cầu đảo, trước tiên hiện vô số mây lành năm sắc, giữa ấy có cây bảy báu và tướng trạng tợ cỏ thơm tòa báu, phía trước có người thiết kế lễ kính bái mũ đai đều đầy đủ. Thế rồi mây lành hiện nổi ở trên viện Chân Dung và giữa khoảng các núi, bèn từ phía Đông nam hiện vầng ánh sáng và ba cầu vàng. Đường bằng phẳng mà lan quế đều có đủ. Trên cầu, hiện Bồ-tát đội trượng. Lại ở giữa khoảng mây, hiện cảnh giới Hoa Nghiêm, thềm báu vàng ngọc, hình thể dàn bày ngời ánh, đồng thời hiện sư tử bạch kim ngồi xổm nơi đất, tai mắt hình nghi tợ sống, nhân đó khẩn cầu tướng ánh sáng hiện lại gần để phô bày tín tâm. Bèn ngay dưới hang hiện vầng sáng, hoặc lớn hoặc nhỏ nhiều vô số, từ từ hợp lại làm thành một, phàm có ba lớp năm sắc trong tám vầng sáng, có tượng Bồ-tát cởi sư tử, lại hiện vòng tròn ngay ánh sáng vàng đến chiều tối mới tan. Sáng sớm ngày mồng 07, bái thỉnh tướng ánh sáng gom nhiếp thân, liền hiện ở phía tây của Trung Đài có sáu, bảy vầng, riêng hiện hai vầng sáng thông thân, và 50, 70 vầng sáng năm sắc, tiếp theo hình thể mây nổi ở nơi cửa cốc thẳng lên phủ cả Tây Đài, lâu sau chẳng tan. Lại ở trong mây hiện cầu vàng, và dưới hang hiện vài vầng sáng lớn, gặp gần trên mọi người có ánh sáng rực tỏa ra bốn phía, phàm các thứ kỳ đặc, đã khác so với thường. Lại nhiều ngày tạnh ráo không mưa, cả đạo tràng đại chúng hoan hỷ vui mừng nhảy nhót, ngợi khen điều chưa từng thấy nghe. Nhưng đây chỉ mới đầu biên ghi đại khái. Ngoài ra, các mãy may đều chưa dễ nêu thuật. Trước đó, ngày mồng một, rời khỏi Nhạn môn,

vừa đến giữa đường, đã có ánh sáng năm sắc ngay thẳng, hiện ở phía bắc của Đài Sơn, là điềm ứng linh tích ở ngày nay vậy. Sau khi đã trở về lại viện Chân Dung, thiết lễ cúng dường Phạm tăng, kính tin lễ bái cảm tạ mà đi.

Đề về viện Chân Dung ở núi Ngũ Đài.
Lý sư Thánh ở Bộc Dương biên thuật.
Phạm thư năm đảnh, phủ Thanh Lương.
Đông băng hạ tuyết không nắng đốt.
Tôi đến tháng bảy buồn hết lạnh.
Huống gì tịch mặc thu vẫn mưa.
Tin không nắng tàn cũng không lạnh.
Tự nhiên thiên giới tụ tinh thần.
Chân Dung nền cũ chùa Thứu Phong
Bờ sườn núi cao hùng kim cổ.
Phương tây lầu quán dài thăm thẳm.
Sáng rực vàng ngọc nhà hoa sen.
Sườn cao vòi vọi giá cây gỗ.
Thần vật giữ gìn cậy hiểm nguy.
Vàng ngọc rủ không rèm điện hưởng.
Vô vàn phụng sắt đua chen múa.
Nhớ xưa Văn-thù ra nhà lớn.
Kim Cang hang báu suốt đất tây.
Người già dẫn trâu uống suối ngọc.
Hai con một chó làm nữ nghèo.
Biến hóa vô phương lợi hữu tình.
Như vậy trời tây, tổ bảy Phật.
Lại nghe cảnh giới của Thanh Lương.
Không cùng bày vết ghi diệu ngữ.
Ta có tâm thành rượt mọi người.
Thần kỳ thụy ứng tự mắt thấy.
Phúc chốc tướng sáng hiện thước tấc.
Động ngọc đèn vàng rõ tính được.
Tùng sam lay động, trong núi cốc.
Đêm vắng Thái Âm rồng hổ ẩn.
Lầu son các tía trước hương án.
Kính sợ sinh tâm, ai dám khinh.
Từ trước mê thuật như mộng tỉnh.
Trước tam sao tam cẩn chớ thủ.

Ta nay chẳng khởi tưởng trước sau.
Đốt hương kính lễ chủ Thanh Lương.

Ngày 29 tháng 07 năm Sùng Minh thứ 03 (1104) thời Bắc Tống, đốt hương bái tán.

Ghi ký về thụy ứng ở Đài Sơn.

Chu Biện ở Giang Đông soạn thuật.

Chư Phật, Bồ-tát và đại A-la-hán, xót thương hết thảy hữu tình thường tỏa phóng cảnh quang để dẫn dắt kẻ mê khởi sinh tâm tin, nhiếp phục có đồng có dị, phàm núi đất nơi ưu thắng hiện bày cảnh giới, có nơi chốn ở đó, có mắt trông thấy đó. Vì nhân duyên ấy nên người nắm phù ngụ cực, đồ bản trong vườn nhà, thường luôn dàn trải Từ Vân để che phủ đó, dất nông tuệ nhật để soi chiếu đó, rưới mưa pháp để đượm nhuần đó. Mà chẳng quên chú trọng, như Thiên Đài Ngũ Đài, sánh như Châu Quận riêng đặt tăng quan khiến đốc trách chỉnh sửa mọi người mà trang nghiêm cung điện. Bởi búi tóc xa báu, oai thần ở vườn nhà, không thể chẳng chỉnh túc vậy. Nhạn môn sứ quân chiết hầu nhan văn xuống xe chưa qua thời gian ngắn, vì con thơ bùa bởn binh lính nơi cốc khe suối, áo lụa mang búa, vết bắt đến dưới đài, cùng với lệnh tá trong ấp phụng dâng hương hỏa thiết lễ ở trước tòa sư tử. Khó của năm phần hương tỏa khắp giữa hư không cao vứt thẳng lên, chợt nhiên đổi sắc mặt, dẫn người trông nhìn bốn phía, mắt không được nháy, không nhỏ không lớn, mỗi có chỗ thấy, bảy lớp mây năm sắc, sáu lớp mây trắng, một lớp mây đen, ba chiếc cầu vàng, năm vầng ánh sáng tròn, mây năm sắc có đội mây trắng làm mũ, mà trong đó có động, có như vầng sáng tròn, có như mặt nhật vừa ló dạng năm sắc sáu-bảy lớp. Có như đá trơ trọi xanh đen tròn mà cao vút ra ngoài, có như hoa tiên phô bày lẫn lộn, có như hoa tiên mà hiện tượng Bồ-tát ở trên. Trong mấy trắng cũng có trong mấy trắng cũng có tướng Bồ-tát thụy nghiêm, có phấn tấn như chỗ Văn-thù cưỡi, có cầu trời như rồng bay lên, có ánh sáng giăng ngang xanh vàng hồng lục mà cùng gian cách. Có như ngọc thạch làm Phật Quang, trong mây đen có riêng hiện sư tử. Cầu vàng có như cá kình cá nghê mang trời, có như cầu vồng mà giữa cắt đoạn, có trùng điệp như vãy cá sắp lớp. Trong ánh sáng tròn có chuỗi ngọc xâu liền, có hiện lưới vàng mà sáng chói lóa mắt người. Sứ quân đồ nghi sự việc ấy mà nó cùng tôi rằng: "Đó là tôi và mọi người đồng trông thấy. Như kia biến hóa sắc thái trăm thứ khéo léo cũng chẳng thể làm nên hình trạng ấy, tôi cũng chẳng thể nói được vậy. Ông hãy vì tôi mà biên ghi việc ấy". Tôi (Chu Biện) bảo: "Mạn-thù-thất-lợi ở trong núi này, vì dẫn

dắt quần sinh mê mờ, hiện bày phương tiện ấy, sứ quân được Đại Thánh mở bày, đâu phải không có sở nhân ư? Xưa kia Đức Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ, khắp thân mình tỏa phóng ánh sáng, ánh sáng ấy sắc màu vàng ròng nhiễu quanh vườn kỳ đà khắp cùng bảy vòng, soi chiếu đến nhà Tu-đạt, giống như đoạn mây, cũng toàn sắc màu vàng ròng. Tu-đạt là vị đại đàn-việt của Phật. Đuốc ánh sáng ấy trước đến nơi nhà vì muốn dẫn dắt tâm mê khởi sinh kính tin, nhiếp phục có đồng có khác vậy. Sa-môn Minh Sùng là bậc thượng thư ở núi từng bảo rằng: "Gia đình tôi đã phụng thờ Phật lâu xa, từ đời Cao Tằng lại nay thường đến núi ấy, mở môn đại thí". Thì Mạn-thù-thất-lợi chỗ thị hiện nay đây, cũng như ở nơi Tu-đạt của Thế Tôn vậy. Có thể chẳng ghi ư? Tôi nghe cư sĩ vô tận (Trương Thương Anh) trong khoảng niên hiệu Nguyên Hựu (1086-1094) thời Bắc Tống, từng đến núi ấy, làm "truyện Thanh Lương", thần hóa biến dị, và những điều tự thân trông thấy đều biên ghi đầy đủ, mà người tam vị thiền duyệt, hoặc có lấy làm bệnh, tôi cho rằng: "Cư sĩ Vô Tận bình sinh vận tâm từ của chư Phật, Bồ-tát để giúp đời cứu vật, biên thuật về Thanh Lương do vì dẫn dắt người chưa ngộ, cũng vì mọi người mà thiết bày vậy. Do vì thân tâm không thích chẳng thể nên bấy giờ làm nguyên thủ chỗ muôn dân đồng tôn sùng kính ngưỡng, đối với giáo pháp, làm ngoại hệ thì là chỗ cậy nhờ của hàng Thích Tử, sứ quân có thể chẳng rơi lạc mùi thơm ở đời, lấy tâm của cư sĩ Vô Tận làm tâm mình, dùng để báo đáp ý của Mạn-thù-thất-lợi mở bày, và đó là chỗ tôi vốn hoài mong, cũng là điều tôi vui thích viết vậy. Mới đầu, tôi muốn vì sứ quân biên ghi việc ấy mà chưa có được kết quả, các ông do mạc uyển chuyển nói sự khẩn thiết của sứ quân, đã chẳng thể chối từ, lại từng thấy thượng thư ấy là do Sa-môn Minh Sùng bảo: "Ngay lúc ấy, tôi cùng Sa-môn tăng chánh đại đức Tinh Tuệ, Lân phủ tổng chế chiếc chiếc khả trực, kịp cả tăng chúng ở chùa thật theo, chỗ sứ Quán cùng trông thấy, việc ấy chẳng hư đối". Khi ấy bèn biên ghi.

Ngày Tây tỵ tháng sáu năm Tân Dậu (1141) thuộc niên hiệu Hoàng Thống (1141-1149) thời nhà Kim.

LỜI TỰA SAU
(LỜI BẠT)

Văn Sung Lão nhân Tùng Khê ở viện Chân Dung, Tử Phủ thuật rằng.

Cúi nghe: Đại Thánh độ sinh giáng vết vô phương, nơi ứng hiện không gì chẳng ích lợi. Tuy chẳng hạn cục nơi hình giáo, khiến có chỗ quy tâm chẳng chỉ một phương, nên Đại sĩ Văn-thù-sư-lợi chúng ta khéo giẫm lên chân giác, lắng nghe thói trần, vắng lặng nơi cảnh vức vạn hóa, động dụng ở trong một khu, thị hiện ở nhân vị mà quả suốt nguồn nhân, chẳng xả bỏ tâm bi, thường ở tại Tử Phủ, trong ba ngàn cõi có một Thanh Lương. Giữa muôn ức nước không hai hiện Văn-thù, Tịnh cư Phạm thế đượm phục đạo mà dốc lòng. Hoa tạng các trời cõi dục thấm hưởng phong hóa mà chấp tay. Vì vậy, thống lãnh mười vạn chúng Thánh, nhiếp phục 500 rồng độc. Đèn vàng ban đêm đốt cháy sáng rực trước núi biếc, khí láng sáng sớm đón nghinh tỏa ngời trên núi xanh, tinh ba hy kỳ từ trời rơi xuống đâu hạn cuộc ở xuân thu. Trăng tỏ hiện suối nước nào phân ở đầu cuối tháng. Từ đó, nhiều đời vua tôi kính lễ, trước thuật tích chứa càng nhiều, truyền tỏa trăm đèn tiếp nối chẳng dứt, nên có thể gọi là thắng ngôn. Xưa trước, trong triều đại Bắc Tống, thừa tướng cư sĩ Vô Tận Thiên Giác (Trương Thương Anh), mộng đến Tứ Phủ, khi đã đến nơi thì không khác, thấy cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, trông nhìn thần quang nhiều vô cùng tận, tấu trình đầy đủ. vua nghe thế lại gia tâm tu sửa, nông trang sản vật ruộng đất nhiều gấp bội với Tiên Đế, sơn môn ánh ngời, chúng tăng đông nhiều. Từ đó, non cao núi lớn, vách vút khe hoang, những ngôi nhà lam xưa cỗ không gì chẳng dứt tuyệt. Mãi đến Tuệ Kim vẫn còn Tùng Phong, Linh tích, thơ tụng, ca từ, truyện Thanh Lương v. v... có hơn mười bản. Gần đây, nhân vì giặc dã đổi thay, từng gặp phải hỏa hoạn hư phế, rơi lạc tản mác chẳng còn. May tại chỗ Sa-môn pháp tràng ở Hà Tây. Có được một bộ "truyện Thanh Lương", tôi bèn sao chép biên tập, xét khám không sai, phỏng tìm các nơi có duyên, chung khắc bản lưu hành. Tại bản sơn có Sa-môn nghĩa tường là bậc anh tuấn bác học, sùng phụng hiền nhân, mến chuộng xưa cổ, xót thương bị thành khẩn của tôi, mà dốc hết y vật của chính mình và khuến dụ các tín sĩ, bảo thợ khắc bản, không mấy ngày mà hoàn tất. Cầu chúc với tôi rằng: "Lão túc ở sơn môn biết được nhiều việc vậy, tường tự biên thuật nguyên do ghi tiếp ở cuối truyện". Tôi vì ngày trước khuyến thỉnh nay việc đã xong, sự tình không miễn

khỏi nên liền thuật lại vậy. Đây là nhân lớn, cầu chúng Nghiêm Hoàng đế muôn năm, thần tể ngàn năm, quyến thuộc thiên tử trong nội cung phước lộc xa lớn, thí chủ trợ duyên tăng thâm tuổi thọ, pháp giới hữu tình đồng lên bờ giác.

Ngày 19 tháng 06 năm Hồng Võ thứ 27 (1394) thời nhà Minh, tôi cùng bốn chúng có hơn 190 người đến Đài Sơn lễ bái cảnh hóa của Đại Thánh Văn-thù, thấy được tướng ánh sáng, Thánh Đăng, ngàn muôn trạng thái biến hóa, linh dị chẳng thể lường, mừng vui chẳng thể giăng nổi, thật chỗ đáng gọi muôn kiếp bụi trần, một lúc chóng dứt. Suốt khoảng thời gian đi tham quan, chợt gặp Thiền giả Kim ở Bảo Phong cũng là người thuần hậu, đến nơi chùa cổ Thanh Lương, xả thí hết y vật của cải tiếp nhận các hàng tăng tục đi tham lễ, suốt 13 năm như một lần đầu, tứ sự cần dùng không gì bị thiếu thốn. Quý báu trong pháp môn là chư tăng khổ hạnh tạo phước. Tôi rất lấy làm tốt đẹp đó, một ngày nọ, đốt hương đảnh lễ mà cùng bảo rằng: "Núi này là nơi Đại Thánh ở, sư may đặc biệt chưa chiêm lễ, có thể gọi là ngàn năm khó gặp vậy. Từ xưa, các vị du phương tham quan, phần nhiều là vua tôi quý tộc, Thạc đức đại Nho đều có thi kệ, phát huy Thánh tích, nay xin sự cho một lời tán vịnh về cảnh Thánh và khuyết phát nỗi lòng tôi cũng chẳng được ư?" Tôi nói: "Cảnh giới của Đại Thánh, lấy hư không làm miệng lấy núi Tu-di làm lưỡi còn chẳng thể ngợi ca được một trong muôn phần, huống hồ cảnh giới của Đại Thánh chẳng thể nghĩ bàn, trí thức đâu có thể thấu đáo ư?" Nhưng chối từ chẳng được, bèn vụng viết bài kệ tụng để lấp bít sự thỉnh mời đó rằng:

"Thượng nhân thăm lễ mạn thù già.
Được nghe đất động lông vàng rống.
Tâm dứt nghi ngờ đều hết sạch.
Giữa trưa xoay mặt trông Bắc Đẩu
Năm non rậm vút lạm trời cao.
Cúi nhìn các chùa như bày trải.
Núi sông đất liền toàn vàng ròng.
Cây rừng ao suối tỏa ánh sáng.
Kiếm báu tựa trời lạnh.
Thánh phàm tình quét sạch.
Năm trăm hiền Thánh tăng.
Ngay đó lìa phiền não.
Tựa ngã lão tử Thích Ca.
dất văng cư sĩ Tịnh Danh.

Thích Ca phân sơ chẳng xuống.
Cư sĩ uống khi nuốt lời.
Giết sống trói bắt ra nghĩ bàn.
Hạnh nghịch hóa thuận vượt tình thường.
Núi đao cùng nhà đẹp.
Thường đàm nói Tứ Đế.
Nhỗ băn bít ngay mới thật nghe.
Đại trí rỗng suốt chẳng ngài được.
Mỗ giết oan trái đều thuyền môn.
Đạo nhân phỏng muốn lại cùng thấy.
Phiên thân ép ngã điện ánh ngời.
Cửu đảnh mất chánh hết hiềm ngờ.
Đầu Phật, đầu Phật, toàn thể hiện.
Từ đâyđi khắc các cõi Phật.
Ở nơi chỗ Phật nghe diệu pháp.
Mỗi một Tam-muội được tổng trì.
Lợi tha tự lợi nguyên không thiếu".

Sùng thiện ở núi, tánh triệt đỗng nhiên ở am Dã nạp tử tại Nhạn môn biên ghi trên đá ở Thanh Lương-đài Sơn.

Cổ Tinh Sùng Thiện thiền tự.

Thường trú biên ghi.

"Truyện Thanh Lương" của Sa-môn Thích Tuệ Tường thấy ở sử chí thời nhà Tống, "Quảng truyện" và "Tục truyện" thì trong sử chí và tạng thư chí các nhà đều chẳng biên lục. Hà Mộng Hoa (Nguyên Tích) ở Hàng Châu có được đó, chỉ bày cùng Nguyễn Văn Đạt. Nguyễn Văn Đạt biên lục tấu trình, ở đời mới biết có sách ấy vậy.

Quyển trục ở Thiên Phủ đã chẳng phải chỗ tranh cỏ có thể lén nhìn dòng họ Nguyễn Văn chọn soạn lầu sách lại bị hỏa hoạn thiêu hủy, người cất chứa sách vì chẳng được thấy lấy làm hận được nghe, nguyên bản sách này này cất chứa ở lầu nhà họ Lục Bức Tống tại Quy An. Triệu Quân Bá ở Võ Lăng cất chứa nơi kín để lúc rãnh rỗi được mượn đọc xem, giấy đã giòn vỡ chẳng thể xúc chạm, bên trong bỏ sót quyển trung của "Quảng truyện" Thanh Dực sợ có ngày sẽ bị mất tích, mới biên lục phó tử, lại vì sót quyển nên lấy làm giận. Vừa rồi, nhà họ Đinh ở Tiền Đường chỉnh tu nhà kho có bản sao, thì quyền sót thiếu hiện còn vậy. Vội hợp tử ấy phụ giúp thành toàn biên, bản sao, chữ dối ngụy lắm nhiều, nhưng không thể kiểm hiệu chỉnh sửa, mới đầu bèn y như cũ. Nghĩ nhớ Hàm Phong đền trị nhàn vết vân du ngầm lưu ẩn tại

Thái Nguyên, cách Đài Sơn chỉ vài trăm dặm, dàm trần buộc vó, cuối cùng chùa đến lễ bái Linh Phong, nay gôm sức ngày một suy yếu, dừng bóng ở Đông nam, năm đảnh núi mây không phân đâu gieo vết, hương hỏa men duyên keo kiệt, vỗ về sách mà thở than.

Tháng mười năm Giáp Thân (1884) thuộc niên hiệu Quang Tự (1875-1909) thời nhà Thanh, Ngô Huyện Tương Thanh Dực tự là kính thần biên ghi.

Từ khổ chưa gom thâu thư mục đề yếu (ghi trưng khanh thị nghiên kinh thất ngoại tập).

"Cổ Thanh Lương truyện" hai quyển.

"Quảng Thanh Lương truyện" ba quyển.

"Tục Thanh Lương truyện" hai quyển.

Thời Tiền Đường, Sa-môn Thích Tuệ Tường soạn thuật" Cổ Thanh Lương truyện". Đến thời Bắc Tống, Sa-môn Thích Diên Nhất soạn thuật" Quảng Thanh Lương truyện". Còn "Tục Thanh Lương truyện" do Trương Thương Anh, Chu Biện ở thời nhà Tống biên thuật, hai bộ Quảng và Tục, các nhà cất chứa sách phần nhiều chưa biên ghi, chỉ có "Cổ Thanh Lương truyện" thấy ở sử nghệ Văn Chí thời nhà Tống. Phàm các thứ phương hướng thành vức danh thắng cho đến Linh tích cao tăng không gì chẳng biên ghi rõ ràng. Sa-môn Diên Nhất gom nhặt nên thật, suy rộng tốt lành lưu truyền, lại ghi chùa chiền danh tiếng, thắng tích. Cho đến các thứ thuốc vật linh di, trong đó phần nhiều xen lẫn đến Nho gia, vả lại có cả nhân văn trong sáu triều đại, như tán thán tôn tượng Văn-thù của Sa-môn Thích Chi Tuần ở thời nhà Tấn, lại thêm có tán thán của Khích Tế Xuyên, Ân Tấn An đều là chỗ ở đời hiếm thấy. Mà lời tựa của Sa-môn Chi Tuần rất đủ để bổ túc chỗ sót của tập gốc, như Vương Bột có Thích Ca Như Lai thành đạo ký, Thích Ca Phật Phú, Kim Tứ kiện tập, Văn Uyển anh hoa đều không có. Biên ấy hoặc do vì trong khoảng niên hiệu Đại Định (1161-1190) thời nhà Kim, tạng bản trong chùa cuối cùng phụ biên thân Bổ Đà truyện, Nga My Tán là người thời nhà Nguyên biên tập giải thích rõ ràng lại theo mà phụ biên đó vậy.

Căn cứ nguyên bản sách ấy, nay hiện ở lầu nàh họ Lục Bức Tống tại Quy An, thật là bản khắc của chùa Sùng Thiện tại Sơn Tây trong năm Bính Tý (1396) thuộc niên hiệu Hồng Võ (1368)-1399) thời nhà Kim, cuối cùng tiếp thêm phần Sa-môn Tánh Triệt ở chùa Chiêu Mộ khắc ghi duyên khởi rằng: "Khắc lại bản in Thích Ca phú, Đế Vương sùng giáo sự tích, Thành Đạo ký, Bổ Đà truyện, Thanh Lương truyện hợp thành bộ mà ấn hành". Còn hai bài của Vương Bột, mỗi tự làm

thành sách, chẳng ở nơi truyện của Sa-môn Diên Nhất. Lại nữa, Khích Tế Xuyên là người sống trong khoảng niên hiệu Gia Hựu (1056-1064) thời Bắc Tống. Đề tựa của Quảng Thanh Lương truyện, người biên soạn đó cũng chẳng phải sống trong thời đại Lục Triều. Đó đều là do sự sai nhầm của Đề Yếu. Bổ Đà truyện là do Thạch Hy Minh người thờ nhà Nguyên biên soạn, xuất xứ của Thạnh Hy Minh là trong thư sử hội yếu của Đào Cửu Thánh, Đề Yếu cũng chẳng kịp khảo cứu nguyên bản của Tánh Triệt, không có Nga My Tán. Năm Nhâm Ngọ (1462) thuộc niên hiệu Thiên Thuận (1457-1465) thời nhà Minh, chùa Quảng Duyên ở Ngũ Đài khắc lại bản in sách ấy, mới bắt đầu phụ tiếp theo (nhà họ Đinh ở Tiền Đường sửa chữa nhà, có được bản sao, là y cứ vào ảnh bản khắc trong niên hiệu Thiên thuận mà biên tả, hàng chữ thảy đều đồng như ở bản khắc trong niên hiệu Hồng Võ, chỉ có bản tiếp khắc tên họ người cúng thí tiền là khác).

Nay, Thích Ca Phật Phú và Thành Đạo Ký của Vương Bột đã khắc vào trong bộ Vương Tử An tập quyển thứ 20 theo chỗ ghi chú của Thanh Dực. Còn Sùng giáo sự tích, phần nhiều nịnh hót lời Phật, Nga My Tán rất là hẹp lận quê kệch. Đại khái tước bỏ chẳng khắc, chỉ khắc Thanh Lương truyện, Bổ Đà truyện v. v...

Tháng mười năm Giáp Thân (1884) thuộc niên hiệu Quang Tự (1875-1909) thời nhà Thanh. Ngô huyện Tương Thanh Dực tự là Kính Thần biên ghi v. v...

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 190

TRUYỆN NÚI BỔ ĐÀ LẠC CA

SỐ 2101

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2101

LỜI MỞ ĐẦU
TRUYỆN NÚI BỔ ĐÀ LẠC CA

Thời nhà Nguyên, Thạnh Hy Minh ở Khâu Tư soạn thuật

Núi sông của Cửu Châu, biên ghi đủ nơi sách truyện, khác lạ của núi biển, cũng thấy trong Đồ Ký, từ trước đến nay vẫn hiện còn vậy. Kính cẩn xét thấy "Bổ-đà-lạc-ca" vốn là tên gọi theo Phạm ngữ, Trung Hoa phiên dịch nghĩa là "Tiểu Bạch Hoa". Trong kinh "Phương Quảng Hoa Nghiêm" nói: "Thiện Tài Đồng tử đến nơi thứ 28, tham học Bồ-tát Quán tự tại, cùng các đại Bồ-tát vây quanh vì giảng nói "pháp", tức là chỗ đất đây vậy, nhưng người đời không biết. Bắt đầu từ trong thời Tiền Đường, có vị Phạm tăng đến trông thấy thần biến, mà gọi tên là núi "Bổ-đà-lạc-ca, bèn lưu truyền. Lẫn lộn nơi cảnh của Đông Việt, thăm thẳm ở trong cự xâm, động đá, hang hõm, rừng núi trong lành sâu xa, có các đạo giả ở đó, mà A-lan-nhã Triệu Hưng vậy. Nếu chẳng phải kẻ ưu thích kỳ lạ tham tìm sâu xa, cưỡi thuyền nổi bè thì ít hay đến đó vậy. Chỉ có trong triều đại Hoàng Nguyên của chúng ta, phận đồng như chỗ trời che, quân bằng kia hóa-dục, chỗ thang thuyền đến, linh tích thảy đều biên trước. Đến như núi đây, đến chiêm bái cùng tiếp nối vang dậy chiêu đáp, chẳng thể hơn được biên ghi vậy. Nhưng đồ chí sót lọt, ngôn từ quê kệch sai nhầm, nên bốn phương chẳng truyền, kẻ hèn tôi nhân có thời gian tạ bệnh, chợt ở bên bờ biển, cung kính khấu đầu với vết linh, bên cạnh đó sưu tìm kinh sách. Đầu tiên biên tập công đức của tự tại, tiếp đến khảo xét thắng cảnh của Động Vũ. Như phàm chỗ thấy do tâm, quang cảnh rõ ràng, nhân duyên có thời, tháp miếu tạo dựng, biên ghi đầy đủ trong thiên. Người hay đưa mắt vân du, chẳng rời khỏi chỗ ngồi,

mà bay thần đến ngoài phương lớn, phải biết thanh tịnh quang minh, từ bi quảng đại cùng với Bồ-tát không hai, suy cùng đầu mối trắc ẩn, đích thân thực hành trong khoảng thường ngày, chẳng nhọc lời nói trống không vậy. Thân như muốn đến phương nam dò xét, cũng hẳn hỏi bến bờ ở đây, mà cùng Thiện Tài Đồng tử đồng nương thuyền từ Bát nhã, cùng đến nơi cảnh tánh Tỳ-lô, nào Tam-muội của Hải Ấn, chứng pháp môn của đại bi, tròn đầy nhân sâu của giải thoát, mỹ mãn nguyện hải của Phổ Hiền, khắp khiến pháp giới Hàm Sinh, đồng lên đến bờ Bồ-đề kia, há dối lầm ư!

*****

TRUYỆN NÚI BỔ ĐÀ LẠC CA

Phẩm thứ nhất: Công đức Tự Tại.
Phẩm thứ hai: Động Vũ Phong vức.
Phẩm thứ ba: Điềm lành cảm ứng.
Phẩm thứ tư: Tạo dựng và đổi thay.
Phẩm thứ năm: Phụ lục.
Phẩm thứ sáu: Tán thán Đại sĩ Quán Thế Âm.
Phẩm thứ bảy: Thơ vịnh của các bậc danh hiền.

PHẨM THỨ NHẤT: CÔNG ĐỨC TỰ TẠI.

Kinh sách Phật giáo biên ghi danh hiệu của Bồ-tát nhiều như số cát trong sông Hằng chẳng thể tính lường, nhưng chỉ Quán Tự Tại công đức to lớn đẹp đẽ riêng lộ bày ở thế gian. Phàm, gặp phải tai nạn nguy ách, dốc tâm chí thành xưng niệm, cúi đầu cầu thỉnh. Cũng thường luôn như bóng theo hình tợ vang theo tiếng, thật là sức của hạnh nguyện rộng lớn, đại bi vô ngại mà nên vậy, rộng như trong Tạng giáo, nay trình bày tóm lược.

Tiếng Phạm gọi “A-rị-da-bà-lô-cát-đế”, Trung Hoa phiên dịch nghĩa là “Thánh Quán Thế Âm”, hoặc tiếng Phạm gọi: “A-phạ-lô-chỉ-đế-thấp-phạt-la”, Trung Hoa phiên dịch nghĩa là “Quán Tự Tại” hoặc xưng gộp là “Quán Thế Âm Tự Tại”, kinh Quán Ấm Tam-muội, và kinh Đại Bi, kinh Bi Hoa v. v... nói: “Bồ-tát này thành Phật đã lâu, hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai”. Hoặc nói: “Sau khi thành Chánh giác, hiệu là “Biến Xuất Nhất Thiết Quang Minh Công Đức Sơn Vương Như Lai”. Kinh Lăng Nghiêm nói: “Bồ-tát Quán Thế Âm nói: “Tôi xưa trước cách đây vô số kiếp như cát sông Hằng, có đức Phật xuất hiện nơi đời tên là Quán Thế Âm dạy tôi theo văn tư tu mà nhập Tam ma địa. Từ trong văn (nghe) nhập lưu quean “sở” , sở nhập đã vẳng lặng thì hai tướng động tĩnh tự nhiên không khởi sinh. Tăng trưởng dần dần như vậy, Văn và sở văn đều hết, cái hết văn (nghe) cũng chẳng trú, giác và sở giác toàn không, cái không giác tròn đầy, không và sở không đều diệt, sinh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền, tự nhiên siêu vượt thế gian và xuất thế gian mười phương tròn sáng. Trên hợp với bản giác diệu tâm của chư Phật mười phương đồng một sức từ, dưới hợp với hết thảy chúng sinh trong sáu đường đồng một bi ngưỡng. Do từ cúng dường Đức Quán Thế Âm Như Lai mà được trao cho “Như huyễn văn huân văn tu Kim Cang Tam-muội”, thân ứng hiện thành ba mươi hai tướng vào trong các cõi nước, đó tức là: thân Phật, Độc giác, Duyên giác, Thanh văn, Phạm vương, Đế thích, Tự tại, Thiên đại Tự tại thiên, Thiên đại tướng quân, Tứ Thiên vương. cho đến Thiên vương thái tử, vua cõi người, trưởng giả, cư sĩ, tể quan, Bà-la-môn, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nữ chúa, đồng nam, đồng nữ, Trời rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, người và phi nhân v. v... tôi đối trước các hạng ấy, đều hiện thân hình theo từng hạng đó mà vì giảng nói pháp, khiến được thành tựu, khiến các chúng sinh được 14 thứ công đức vô úy. Đức Phật đó khen ngợi tôi khéo chứng đắc pháp môn Viên Thông, và thọ ký cho

tôi tên hiệu Quán Thế Âm. Do tôi quán tưởng mười phương tròn sáng, nên danh hiệu Quán Thế Âm vang khắp mười phương các cõi.

Trong kinh Pháp Hoa nói: "Nếu có chúng sinh nhận chịu các thứ khổ não, nhất tâm xưng niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ-tát, tức liền được giải thoát. Như trong các nạn nước, lửa, sấm sét, rồng rắn, thú dữ, Dạ-xoa, La sát, phép nước gông cùm, giặc oán quân trận, thì hay ban sự không khiếp sợ. Với các sự khổ não nguy chết thì hay làm nơi nương tựa, Hiện ba mươi hai thứ thân hình, tùy loại mà giảng nói pháp. Với các thứ khổ địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, sinh lão bệnh tử, nhờ đó mà khiến dần diệt hết.

Trong kinh Đại Bi Tâm Tổng Trì nói: "Nếu có người trì tụng chú Đại bi, liền diệt được các thứ trọng tội trong trăm ngàn kiếp sinh tử, chẳng đọa vào đường ác. Đến lúc lâm chung, chư Phật mười phương đều lại tiếp dẫn, tùy nguyện vãng sinh trong các tịnh độ, hay được vô lượng đẳng trì biện tài giải thoát tám nạn, diệt trừ ba độc. Hết thảy mọi sự mong cầu, không gì chẳng thành tựu". Đại bi Tổng Trì ghi đủ ở biệt bản.

Trong các kinh Tạng giáo Mật thừa ghi rằng: Bồ-tát Quán Tự tại, là bộ chủ Liên Hoa, hiện các thứ thần biến, như tức giận thì xưng gọi là Mã Đầu Minh Vương, như cứu độ thì gọi là Thánh đa-la-tôn, như khiến đầy đủ các nguyện thì gọi là Đại Chuẩn Đề tôn, và Như Ý Luân Vương, Bất Không Quyên Sách, cho đến Sư tử Hống, và Tỳ câu chi. Bồ tát hiện thân với búi tóc sau cổ, mặc áo trắng hoặc xanh, ngàn đầu ngàn tay đều có uy nghi quy tắc. Về chân ngôn thì tóm lược nêu tên. Như ở Ấn độ chưa dịch bản gốc, thầy truyền trò tiếp nối y trước, yếu quyết của chân ngôn đâu dễ nghiên cứu hết.

Trên đây là nói vị ban sơ. Thánh sư Đại Bảo Cát Lỗ Ma Ngõa từ Tây vực đến kinh sư (Trung quốc) hiểu, hành Mật rất sâu, phước tuệ đầy đủ, thấu suốt ba đời, xiển dương Nhất thừa, đồng với hạnh từ bi tự tại mà tuyên bày thần lực của sáu chữ, trên thì có vua quan ở các cung đình, dưới các sĩ phu thứ dân, đều được thấm nhuần pháp thí, linh cảm rất nhiều, không thể ghi chép hết. Há không phải là ứng hóa của Đại sĩ ư?! Song, người Giang Nam chưa tin, nên lược tóm ghi sự thật thôi. Như thần chú sáu chữ mà Sư thường tụng là: ÁN MA NI BANĂNG (âm kép) HỒNG (O.M MA NI. PA. DME. HUU.M) Về công đức thì có ghi đầy đủ ở Kinh Trang Nghiêm Bảo Vương.

PHẨM THỨ HAI: ĐỘNG VŨ PHONG VỰC

Theo thế gian truyền bảo, đây là phương trượng chốn bồng lai, ở giữa dòng nước chảy yếu, không phải thần tiên biết bay thì không thể đến được. Xưa, Tần, Hán, Võ, nhiều năm từ xa mong đến viếng thăm, khổ tâm nhọc xác mà chỉ theo hình bắt bóng, cuối cùng chẳng được bước đến cảnh này. Bây giờ, núi Tiểu Bạch Hoa cách Tứ Minh không xa là nơi Thánh Hiền lưu gửi dấu vết, cung phủ của rừng, nước, non, ánh sáng thần linh hiện tượng, tuy giữa dòng nước sóng chảy dữ dội, nhưng thuyền nương theo chiều gió có thể đến tức khắc trong ngày. Cho nên, nay tạm nêu ra đây đại khái cảnh đẹp đặc thù.

Sách Xương Quốc Chí viết: Châu Xương Quốc ở Đông Đại Hải Tây, kế tiếp Tinh Kỷ ở Khiên Ngưu Vụ Nữ Phân Dã. Khi xưa, Hạ Thiếu Khang phong Thế tử ở Việt, đến Câu Tiễn diệt Ngô bắt Phù Sai, muốn khiến cho ở với dân chúng Dũng Đông. Đỗ Dự nói: Huyện Cú Chương là một châu ở giữa biển Đông. Sách Quốc ngữ cho rằng Dũng Cú Đông. Nay châu này có thôn Dũng Đông là đó vậy. Do từ đời Tần trải đến Hán, thuộc huyện Mậu, đời Đường, niên hiệu Khai Nguyên năm thứ 26, sắp xếp huyện Mậu ở châu Minh, địa phận huyện gồm 4 núi Ông (Tứ Ông sơn), nay là Xương Quốc. Sau đời Ngũ Đại đổi Mậu thành Ngân tức thuộc huyện Ngân. Khoảng niên hiệu Hi Ninh đời Tống mới sáng lập thành huyện Xương Quốc, phía Đông kiểm soát Nhật Bản, Bắc tiếp giáp Đăng Diệp, Nam kéo dài đến Âu Mân, Tây thông Ngô Hội . Thật là vách ngăn lớn của Hải Đông. Từ niên hiệu Hoàng Nguyên đến năm thứ 15 đưa Huyện lên thành Châu.

Chùa Bảo Đà ở Mai Sầm Sơn thuộc Đông Hải của Châu, người đời truyền bảo là chổ của Mai Phúc luyện đơn. Thích Sở nói: Đông là Đại Dương Hải, Tây là Tử Trúc Chiên Đàn Lâm, thực đúng vậy. Từ Tứ Minh đi bộ về phía Đông hơn 90 dặm, đi thuyền xuyên qua núi đến Đại Tạ, rồi đi thuyền qua Cao Tử đến Châu Xương Quốc, đi bộ khoảng 70 dặm dừng lại ở Trầm Môn rồi đi thuyền 1 lần nữa là đến núi. Chu vi núi chỉ khoảng 100 dặm vòng quanh biển lớn, nhờ cao nên nhìn thấy các núi của Xương Quốc, ẩn giấu như những con ốc màu xanh, phía Đông xa tít mịt mờ không thấy đâu là bờ. Mặt trời, mặt trăng mọc lặn rõ thật như gương. Khi gió hiu hiu thổi, sấm nổ râm ran, tuyết rơi lả tả, rất mực là chốn quay về cô tịch, không muốn luyến lưu trần thế nữa. Cây Sơn Trà cao khoảng vài trượng, hoa nở đỏ đầy cành giống như rừng san hô, các loại cỏ Thủy tiên tía, và cỏ thơm mọc đầy đất, cát vàng sỏi ngọc rải

rơi sáng loáng.

Động Triều Âm, cách chùa 3 dặm là nơi Bồ tát thị hiện, cát vàng trải đường đến động. Động đá cao lớn sừng sững, nhìn xuống biển chẳng thấy mé bờ, cũng chẳng thấy dấu tích người đến. Ở phía trên động có hang như cổng Trời, phía dưới thuộc phần trước động, xưa có cầu đá bắc ngang có thể đứng chiêm ngưỡng lễ bái, nay đã bị sụp bỏ.

Động Thiện Tài, ở bên phải động Triều Âm cũng là nơi điềm lành khác thường hiển hiện. Đá nứt nẻ, cao chót vót, vào giữa động hẹp dần sâu hun hút chẳng thể lường. Ngoài động vách đá dựng đứng, suối chảy như chuỗi châu không dứt, gọi đó là Suối Bồ tát hình dáng như chiếc bình hồ lô chứa đầy nước dùng để chữa bệnh mắt rất hiệu nghiệm. Lại có tảng đá Bàn Đà ngang rộng hơn trăm người ngồi dòm xuống biển. Canh năm nhìn xa thấy nước Phù Tang (Nhật), ánh sáng năm màu xuất hiện, khoảnh khắc như vành bánh xe lớn từ biển vọt lên trông thật kỳ diệu.

Tam ma địa ở phía Tây của chùa, từ đây mà lên được núi. Có chổ dừng chân rất là sạch sẽ, cây cối sum suê tươi tốt, suối ngọt trong vắt, đá mài loạn xạ, có viên đứng thẳng, có viên nằm phục muôn hình kì dị.

Am Chân Hiết, chổ sâu trong núi ở phía sau chùa; Thiền sư Chân Hiết Liễu tu đạo trong am này. Sau viên tịch lập tháp tại đây.

Đá Vô Uy ở trước am Chân Hiết, đột nhiên vuông rộng, nhưng cao vút chẳng thể leo trèo lên.

Núi Sư Tử ở bên cạnh Đá Vô Úy, hình như sư tử ngồi xổm.

Núi Chánh Thú, Núi Linh Thứu, Núi Quan Âm.

PHẨM THỨ BA: ĐIỀM LÀNH CẢM ỨNG

Từng đọc kinh Lăng Nghiêm nói rằng: Ở thế gian đồng trống núi sâu, đất thánh đạo tràng, đều là chỗ các A-la-hán trú trì, nên chỗ ngồi thô tục ở thế gian chẳng thể thấy được. Núi ấy, từ khi Phạm tăng mở mang đầu mối, mới biết là vườn nhà cung điện của Đại sĩ. Có thể tin được vậy chăng? Hoặc có người nhân gặp phải sóng gió khiếp sợ mà đến cầu đảo, hoặc vì hảo sự tìm đến nơi sâu xa mà có gặp. Hoặc kẻ sứ vâng mạng chí thành cầu khẩn được cảm cách, các hàng tăng tục do nhân duyên xưa trước, tận mắt thấy đạo trường tồn như ảnh tượng trong gương, bóng trăng đáy nước đều do tâm thanh tịnh mà hiện bày, thường luôn chẳng đồng. Từ xưa, phần nhiều that thoát ghi chép, nay chỉ còn một vài sự việc, đợi người sau biên thuật tiếp vậy.

Niên hiệu Đại Trung (860) thời Tiền Đường, có vị Phạm tăng đến trước động đốt 10 ngón tay, cháy hết liền tự thân được thấy Đại sĩ vì giảng nói pháp, trao cho đá 7 báu, nên sự linh cảm bắt đầu.

Có Sa-môn Tuệ Ngạc người nước Nhật Bản, từ núi Ngũ Đài, được tôn tượng Bồ-tát, bèn thỉnh đem về nước, bị chạm mắc tiêu thạch, thuyền không thể chuyển động, liền hướng về động Triều Âm, im lặng thầm khấn bèn đến được bờ kia, mới đem tượng có được ở động đến bên cạnh nhà họ Trương, từng trông thấy thần dị, bèn xả thí chỗ ở làm thành viện Quán Âm. Quận tướng nghe vậy, thỉnh nghinh tượng vào thành, vì muôn dân mà cầu phước. Sau đó không bao lâu, có vị Tăng chẳng biết vốn người ở xứ nào, đến đòi cần gỗ quí tốt rồi đóng cửa mà khắc chạm, qua hơn một tháng tôn tượng hoàn thành, không biết vị Tăng ấy cũng đã biến đi đâu. Nay tôn tượng Bồ-tát được phụng thờ tức là tượng đó vậy.

Trong khoảng niên hiệu Nguyên Phong (1078-1086) thời Bắc Tống, yết giả Vương Thuấn Phong đi sứ Tam Hàn gặp phải sóng gió, có rùa lớn đội đỡ thuyền, kinh sợ chí thành khẩn cầu nguyện, bỗng nhiên thấy sắc màu vàng ròng sáng rỡ, hiện tướng vầng nguyệt tròn đầy, châu ngọc anh lạc ánh ngời phát ra từ hang động, rùa bèn ẩn rồi thuyền đi. Kịp đến lúc trở về, đem sự việc ấy tấu trình, nghe vậy vua Thần Tông (Triệu Húc 1068-1086) mới ban sắc biển ngạch chùa đề hiệu là “Quan Âm Bảo Đà”, từ đó các xứ man di ở Hải Đông như Tam Hàn, Nhật Bản, Phù Tang, A Lê, Chiêm Thành, Bột Hải cả vài trăm nước, thương buôn thuyền lớn, do theo từ đường ấy mà ra biển cả, nếu gặp sóng gió giặc cướp, trông ngóng về núi quy mạng tức được tiêu tan, cảm ứng rất

nhiều.

Trong khoảng niên hiệu Sùng Ninh (1102-1107) thời Bắc Tống. Hộ bộ thị lang Lưu Quỳ, Cấp sự trung Ngô Thức đi sứ Cao Ly. Đến lúc trở về, từ đảo Quần Sơn, trải qua bốn ngày đêm mây phủ đen tối, nên mặt biển mịt mờ, chẳng biết phương hướng, thuyền sư rất kinh sợ, xa vọng khấu đầu về Bảo Đà, chỉ chốc lát không lâu, ánh sánh thần tỏa chiếu khắp biển, bốn ngọn đèn soi tỏ tợ ban ngày, trải qua thấy núi Chiêu Bảo, bèn được lên bờ.

Trong niên hiệu Hoàng Quy (?) thời nhà Tống, Cấp sự trung cung kính đến lễ bái trước động, thân gần trông thấy Đại sĩ tướng tự tại sác màu vàng tía, sánh tỏ ngồi trên đá, mọi người đồng đi già trẻ đều thấy, đều có làm các bài tán tụng ngợi ca.

Ngày 15 tháng 03 năm Mậu Thìn (1148), thuộc niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, Trình Hưu Phủ ở Bà Dương, Sử Hạo ở Tú Minh đến đó giúp, lúc sáng sớm đến trước động, lắng yên không trông thấy gì, vừa đốt hương cúng trà nơi chén bỗng nổi lên hoa quí đẹp, trở về chùa thọ thực xong, quá trưa lại đến nơi cửa động, cúi rạp nơi bậc thềm rêu, ngưng hé mắt nhìn hun hút giữa khoảng không, chỉ thấy đá chất chồng lẫn lộn, hết hứng muốn trở về, bỗng có một vị Tăng chỉ và bảo: “Trên đỉnh hang có lỗ hổng, có thể trông nhìn xuống”, bèn men theo mà lên, trông nhìn hết ngằn mé thụy tướng bỗng nhiên ứng hiện sắc màu vàng ròng chói lọi, mày mắt trong sáng, chỗ thấy của hai người chẳng khác nhau. Chỉ có Hạo lại còn trông thấy hai chiếc răng trắng sạch như ngọc. Khi ấy mừng vui, ghi viết nơi vách tường, ngõ hầu người sau đến trông thấy đó mà quên nhọc mệt, chẳng vì một lần thấy mà thấy bèn đã vậy.

Lại có tương truyền, Sử vệ Vương Di Viễn thấy trên cây trà hiện bày một con mắt, bởi điềm xấu 20 năm với nghiệp làm tướng vậy.

Tháng 03 năm Bính Dần (1266) thuộc niên hiệu Hàm Thuần (1265-1275), thời Nam Tống, Phạm Thái Úy mắc bệnh mắt nên sai con đến cầu khấn dưới Động không thấy gặp gì bèn múc nước ở suối đem về tẩy rửa mắt. Thế rồi, sau khi đã lành, lại bảo con đến cảm tạ, thấy Đại sĩ hiện toàn thân hình phía bên tả cửa động, có lớp khói mỏng phảng phất như cách ngăn bởi lớp lụa biếc. Tiếp theo, đến nơi động Thiện Tài, Thiện Tài Đồng tử cũng hiện, Đại sĩ cũng hiện, áo the dải lụa, châu ngọc anh lạc giăng đeo, tinh thần trông nhìn như sắp muốn chỉ bảo.

Tháng mười năm Canh Dần (1230) thuộc niên hiệu Thiệu Định

(1228-1234) thời Nam Tống, Khánh Nguyên Xương Quốc giám Hồ Vĩ lên cầu Đại sĩ, kính lễ Động Triều Âm, chợt ứng hiện ánh sáng, bên tả có Trưởng giả Bảo Cái cùng Đồng tử đều đứng, có một vị Tăng ở phía bên hữu, sư tử cuộn tròn nằm, hai mắt sáng như điện chớp. Lúc đến nơi hang Thiện Tài, Thiện Tài Đồng tử lại hiện, mày đen mặt phấn lọng báu chuỗi châu liệt bày ở trước. Bên cạnh có hiện một ngôi tháp, hình thể trong suốt sáng ngời. Chư Tăng nói "chúng tôi nhóm tập trải qua nhiều năm chưa được trông thấy, nay nương nhờ ân lực cùng tận mắt thấy được sắc tướng". Bèn khắc núi đồ họa nơi đá để chỉ bày lâu xa.

Trong khoảng niên hiệu Gia Định (1208-1225) thời Nam Tống, tăng tu đến kính lễ nơi tôn tượng Đại sĩ bằng Chiêu Đàn, chợt nhiên hủy mất một ngón tay, trong tâm rất áo não lo sợ, sau đó đến trước động, giữa gợn sóng nổi lên một đóa hoa, trông nhìn đó thì ngón tay vừa bị mất ở tôn tượng. Mọi người đều rất lấy làm lạ.

Trong khoảng niên hiệu Gia Định (1241-1253) thời Nam Tống, có năm gặt vận khốn khổ hạn hán, Chế Súy Nhan di trọng đến cầu mưa trong động, Đại sĩ và Đồng tử vui vẻ ra nghinh đón. Từ đó tùy sự mong cầu đều được cảm ứng.

Tháng sáu năm Bính Tý (1276) tức năm Chí Nguyên thứ 13 thời nhà Nguyên. Thừa tướng Bá Nhan Định, Giang Nam Bộ Súy Cáp thứ ngạc đến bái yết dưới động, mịt mờ không trông thấy gì, mới dương cung ráp tên bắn vào động mà trở về, vừa lên thuyền biển, hoa sen nở khắp bể cả, bèn sám hối tạ tội, từ từ trông thấy tôn tượng Đại sĩ mặc bạch y và Đồng tử. Từ đó cúng thế tài vật để trang nghiêm thiết trí tôn tượng và tạo lập điện trên động.

Năm Đại Đức thứ năm (1301) thời nhà Nguyên, Tập hiền học sĩ Trương Phùng Sơn vâng phụng sác chỉ cầu chúc đến tu sửa động Triều Âm, thấy tướng hảo Đại sĩ phảng phất trên vách động, tiếp theo đến nơi động Thiện Tài, Thiện Tài Đồng tử chợt hiện, trên đảnh búi chóp trong hòa nhã. Đại sĩ lại hiện, đầu đội bảo quan anh lạc, tay cầm cành dương và chén lưu ly biếc, Đại thần Hộ pháp hộ vệ kính đứng phía trước. Giây lâu, như khói trong gió từ từ tan ẩn, chỉ thấy có ánh sáng tốt lành đầy tràn cả động, như ráng sương mốc ánh ngời bóng nguyệt, thấy vài tôn tượng Phật nhỏ, đảnh lễ an ủi vui thỏa mà đi.

Tháng tư năm Mậu Thìn (1328) tức năm Trí Hòa thứ nhất thời nhà Nguyên, Ngự sử trung thừa Tào Lập vâng phụng sắc mạng mang hương và các vật đến động cầu khẩn ứng hiện, bỗng thấy thụy tướng Bạch y, chuỗi châu anh lạc đeo cùng thân thể, tiếp theo lại đến động Thiện

Tài, Thiện Tài Đồng tử búi tóc mặc y phục sắc trắng, chấp tay như hiện sống. Vừa vì đợi nước dâng nên chưa đi, lại khấn cầu, lại ứng hiện, mà ở động Thiện Tài, Đại sĩ cũng có, Thiện Tài Đồng tử khom mình kính lễ, mặt mày như họa vẽ, chuỗi châu anh lạc sáng bạch rõ ràng có thể tính đếm mọi người cùng theo thầy đều trông thấy.

Tôi (Thạch Hy Minh) từng hỏi các bậc lão đức, và được bảo rằng từ xa xưa mọi người đến đó, tính đến nay thật đông nhiều, như các bậc danh sư ở Tây Vức, các hàng vương công quý nhân rất mực tinh cần chí thành khẩn thiết, có thấy được Bạch y đang nhập định, hoặc đội mũ đeo chuỗi châu trang nghiêm, hoặc ngàn tay ngàn mắt, hoặc ngồi, hoặc đứng có các tướng khác nhau, hoặc mắt mày nghiễm nhiên thanh nhã, hoặc được thâu gồm chỉ trong thước tấc, hoặc ảnh tượng thăm thẳm như được trông nhìn đối trước vẽ họa trên lụa, cho đến có các La-hán, Trưởng giả, Đồng tử trời rồng, trước sau theo giúp, có bình báu hoa sen, liệt bày lắm nhiều trên sóng biển, các loài chim tần già, oanh vũ bay liệng giữa khói hương. Hoặc cùng trông thấy như nhất, hoặc riêng thấy khác thường, biến hóa thị hiện, rất chẳng thể cùng tận. Hoặc có người dốc hết sức lực từ xa tìm đến, chẳng được thấy gặp, hoảng hốt, thường ở nơi cảnh ấy mà trọn chẳng được trông thấy chiêm ngưỡng chút áng sáng thừa, như vậy cũng có lắm nhiều.

PHẨM THỨ TƯ: TẠO DỰNG VÀ ĐỔI THAY

Núi biển cô tuyệt, rồng rắn hung dữ gìn giữ, nếu chẳng phải các bậc cao vết còn lại nơi đời, thì đâu có thể đến dừng ở đó được, dùng tranh cỏ làm am chòi, dùng thuật chi làm thức ăn, năm tháng đã lâu dài, ánh sáng tỏa phát, đến nỗi cảm kích sự sùng quý kính trọng của các bậc vua tôi, sự qui hướng kính ngưỡng của các hàng sĩ thức, cung thất cao lớn, đất ruộng rộng rãi, để có lương thực ẩn dưỡng đồ chúng đồng bạn, tụ tập chỉ đạo, giúp cùng núi sông thêm trọng, hỗ trợ ích lợi phong hóa vô cùng.

Năm Trinh Minh thứ hai (916) thời Hậu Lương, Sa-môn Tuệ Ngạc người nước Nhật Bản đầu tiên tạo lập viện Quán Âm tại phía bắc núi Mai Sầm.

Năm Nguyên Phong thứ ba (1080) thời Bắc Tống, Vương Thuấn Phong đi sứ Tam Hàn, gặp gió bão mà được cảm ứng, đem sự việc ấy tấu trình, được vua (Thần Tông-triệu Húc 1068-1086) ban sắc biển ngạch là "Chùa Bảo Đà Quán Âm" thiết đặt ruộng đất, tích chứa lương thực để an ổn chúng tăng tu đạo, mỗi năm đều hứa độ một vị Tăng.

Năm Tân Hợi (1131) tức năm Thiện Hưng thứ nhất thời Nam Tống, Thiền sư Thanh Liễu-chân Hiết từ Trường Lô theo hướng nam vân du bằng đường biển trôi nổi đến đó, dựng Am Sơn Tiêu, biên viết rằng: "Bờ biển cô tuyết rừng thiền, các bậc anh tú phần nhiều ẩn náu tại đó". Quận xin triều đình đổi luật thành thiền.

Tháng tám năm Canh Ngọ (1210) tức năm Gia Định thứ ba thời Bắc Tống. Vì gió mưa lớn, điện Viên Thông bị sụp đổ, có Sa-môn Đức Thiều ở núi tấu trình về triều đình, sắc ban vạn xâu tiền, chỉ sau bảy năm điện tu tạo hoàn thành. Động Triều Âm không đất đặt chân, đục tạc đá, giá cầu. Qua sau sáu năm, ngự thư "Viên thông Bảo Điện" và "Cầu Đại sĩ" mà ban tặng. Tạo dựng các long chương để tôn trí tại đó, trồng 10 vạn cây sam. Lúc ấy ruộng có 567 mẫu, núi rộng 1607 mẫu.

Năm đó, thừa tướng Sử đi viễn tiếp thừa chỉ ý của cha, xả thí của cải để trang nghiêm, Điệu vũ lang hiên thảy đều hoàn bị, cúng dường hương đèn, vua (Ninh Tông-triệu Khuếch 1195-1225) nghe vậy, bèn tặng thần Hàn và pháp y bằng kim tuyến, bình bát bằng bạc, chuỗi châu bằng mã não, tùng nai gấm phương, Trần Súy Cơ cúng thí 106 vạn tiền thiết đặt Đèn Trường Minh (Đốt sáng mãi).

Năm Mậu Thân (1248) tức năm Thuần Hựu thứ tám thời Nam tống, Chế Súy Nhan di trọng cầu mưa có được cảm ứng. Cúng thí 02 vạn

tiền, 50 thạch gạo, thiết đặt kho trường sinh để tiếp đãi. Với trang điền, bèn xin triều đình miễn khỏi tô thuế.

Mùa xuân năm Mậu Tuất (1298) tức năm Đại Đức thứ hai thời nhà Nguyên Trung Cung ban sắc lệnh nội thị Lý Anh mang hương vật đến cúng dường tu sửa chùa vũ, thiết đặt tên tượng, mùa xuân năm sau (1299), Túc Vệ Bột La vâng phụng sắc chỉ ban hương và tặng trăm lượng vàng, và bảo Giang Chiết Tỉnh thần đốc trách công việc ấy, tạo 01 đống vũ mới, cúng dường trang nghiêm mọi thứ, vàng ngọc ánh ngời. Mùa xuân năm Đại Đức thứ tư (1300) thời nhà Nguyên, lại sai sứ ngụy Dã Tiên... thiết trai phạm cúng dường Tăng chúng thì tụng kinh. đến lúc trở về, dùng ngọc giũa tạo Thánh tượng hiến dâng, sau đó bốn năm lại sai xuất đem các thứ lụa phan hương ngậm, ban xuất từ nội kho 2000 xâu, xây dựng Diễn Pháp Đường, lại tu sữa theo hiên vũ. Khiến Chiết Tỉnh cắt 2000 mẫu ruộng quan để cúng dường chúng Tăng. Từ đó cứ vào tháng giêng, tháng 05, tháng 09, phụng tụng kinh chú mà cầu đảo. Đặc biệt ban ấn thư để hộ trì. Từ đó, dâng hương cúng dường trai vật mỗi năm lấy làm lệ thường. Ban sắc Hàn Lâm Trực học sĩ Lưu Canh chế soạn văn, Tập hiền trực học sĩ Triệu Mạnh Phủ viết son khắc đá để hiển bày thánh hóa.

Mùa Đông năm Hoàng Khánh thứ hai (1393) thời nhà Nguyên, Hoàng Thái Hậu sai sứ Pháp Hoa nô... ban dâng hương, tặng vị Tăng chủ sự pháp y ca-sa, cúng dường trai phạn chư tăng ở mười phương, ban sắc Chiết Tỉnh tặng 868 chén bạc, mua ba khoảnh ruộng để cấp đèn Trường minh cúng Phật.

Mùa Hạ năm Thái Định 04 (1327) thời nhà Nguyên, Trung Cung sai Trung Chính đồng tri phụ lòng ban ngàn chóe bạc, 108 bộ y phục chư Tăng, dùng vàng ròng dệt vân phan, tơ vàng ròng dệt gấm cúng Thánh và thiết trai phạn cúng tăng, mua hai khoảnh ruộng gồm 26 mẫu để cúng vào lo việc tạo dựng tu sửa.

Tháng 04 năm Trí Hòa thứ nhất (1328) thời nhà Nguyên, Trung Thừa Tào lập ban dâng hương các vật và trăm chóe bạc.

Năm Nguyên Thống thứ hai (1334) thời nhà Nguyên, Tuyên Nhượng Vương cúng thí ngàn chóe bạc, dựng xây thạch tháp cao 09 trượng 06 thước.

Năm Chí Thuận thứ hai (1331) thời nhà Nguyên, Trần Giác Hòa ở Vạn An thuộc Tây Giang dẫn chúng hóa duyên quyên góp tài vật trải mất tám năm làm khuôn đồng chú đúc tôn tượng Đại sĩ, ngàn tôn tượng phật, tạo các thứ chuông khánh phan lọng cúng cụ, hiện nay thiết đặt

tại trên các.

Liệt thánh trong triều đại nhà Nguyên chúng ta tiếp nối tín sùng Phật pháp, sai sứ ban tặng, Thạch Hy Minh tôi không thể biên ghi đầy đủ.

Từ lúc lên ngôi đến nay, các Hoàng thượng rất gia tâm tôn dị, dâng hương cúng dường tu đạo phước, để ban cấp hạ dân, tiếp nối không ngưng dứt.

Kính cẩn xét kỹ về chùa ấy, từ khi Sa-môn Tuệ Ngạc, người Nhật Bản mở đầu tạo dựng nền móng, Thiền sư Thanh liễu-chân Hiết là bậc đạo phong nổi bật, cải đổi giảng truyền thành thiền pháp, tiếp nối vậy tự được ngời sáng hoàn thành đến lan rộng mà khôi phục cơ nghiệp lớn, ân cầu theo thứ lớp tương tục, đáng nói: phòng tuyết lập, nhà bằng xong, am sâu thành, lại am sâu, soi am bàn, am nhỏ cao, khoảng mây đẹp, sông lớn giúp, chân sắt sạch, xưa xằng bậy, cốc sâu sáng, tốt không lỗi, hang lạnh ngộ, mộng cửa trong, phòng đá vòng, hang lạnh khắp, nền tùng Châu, ngày đông nham, lẫn khe trong, mây trắng cung, ngu khê trí, tin trong phu, châm đảnh cổ, sính phương lớn, Phác ông thuần, nguyên hư chiếu, trúc thơm liền, chỗ am sáng.

PHẨM THỨ NĂM: PHỤ LỤC

Từ Trường An theo hướng Nam đến Ngũ Đài, là nơi Quán Âm nhiếp hóa rồng lửa, các điều linh dị lắm nhiều, khó thể biên ghi đầy đủ.

Từ Tây Sơn: Võ lâm lên chùa Thiên Trúc, từ xưa tương truyền là trên biển có cây hương thơm nổi hiện ánh sáng nơi nước xoáy. Nhân đó mà khắc làm tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm, phần nhiều hay hiện các điều lành khác lạ, các hàng sĩ dân qui y kính hưởng, quanh năm từ mùa xuân đến mùa đông, đốt hương kính lễ khẩn cầu, mưa tạnh cấp nạn cảm ứng như vang theo tiếng có nhiều năm vậy.

Năm Canh Tý (1360) tức năm Chí Chánh thứ 20 thời nhà Nguyên, Hàng Thành lưới có gặp phải binh lửa, đền vũ ở Tây Sơn đều bị thiêu hủy, thánh tượng chẳng biết biến ở đâu, mọi người đều kính mộ truy tìm, Thừa tướng Thái úy Khai phủ Khương Lý Công ra rong ruổi tìm cầu, mới có được từ trong cỏ rậm, bèn chọn ngày thiết trai giới, đi chân trần dẫn các hàng liêu tá sĩ thứ, từ bắc quan cung kính nghinh thỉnh thánh tượng về tôn trí an đặt nơi Thừa tướng công tạo dựng như hiện nay. Trong chùa Tây Thiên ở núi Thanh Bình, khi ấy trên thánh tượng tỏa phóng ánh sáng lớn soi chiếu khắp mây trời, phân làm ba luồng, một luồng xa đến phương đông như đáp hưởng đến núi Bồ Đà, một luồng soi đến chùa Thiên Trúc, một luồng thẳng soi đến chùa Tây Thiên hiện nay. Mọi người lúc ấy đều thấy càng tăng thêm sự kính ngưỡng.

Nơi cảnh vức của Đại Đô Kế Châu tiếp liền với Thiền Châu, có chùa Vụ Linh, núi Cốc cao sâu, rừng rú tĩnh lặng. Xưa trước tương truyền, đó là đạo tràng của Bồ-tát trên và dưới núi xưa trước đều có chùa vũ, mỗi năm các hàng sĩ thứ đến kính lễ cầu hiện, đang lúc ấy có dãi mây dài nổi hiện từ trong cốc trắng sạch khắp đầu ngưng che mặt nhật, hoặc biến thành cảnh giới lưu ly, giữa hư không rỗng suốt một màu xanh biếc. Tiếp đến, hiện một lũy bồ bặc rủ trải khắp, ánh ngời xa gần, chợt thấy tôn tượng Bạch y đoan chánh vút giữa hư không mà đứng, có thể trông thấy được cả mặt mắt, nhưng cũng luôn có khác. Ban đêm có đèn trời, hoặc như muôn sao liệt bày, hoặc như đốt lửa, tiếp liền sáng rỡ, vượt giữa hư không xa đến, rất chẳng thể nghĩ bàn. Đỉnh núi rất lạnh, khe có suối nước, nối rơi ứng trào, tương truyền là ngầm thông với biển lớn vậy.

Kẻ hèn tôi từng đến núi Ngũ Đài theo Mật-đắc-rị-thất-lợi-sư, được hiểu phiên bản: "Bồ-đặc-lạc-ca sơn hành trình ký" bắt đầu từ Thiên

Trúc đến nước Cát-thích-tạc-ca-la có ngôi Tháp Linh, ngay đó suốt đêm ngày nhiễu quanh kính lễ, tự có đem đường dặm nơi chốn mà chỉ bảo mới có thể tiến tới được, giữa đường trải qua nước quỷ La Sát dùng các thứ thanh sắc ăn uống mà dẫn dụ, cẩn thận chớ xúc phạm lấy, đến nơi có các thứ ma chướng ngại, chỉ dõng mãnh bước đi không thối lùi. Lại gặp có ao báu, được uống cam lồ, thân lực mạnh khỏe gấp bội, đủ khả năng đạt đến thắng cảnh, cũng không tham luyến, nhất tâm đi thẳng, dần gần đến thánh địa, đang có Mã đầu Kim Cang từ xa đến nghinh dẫn. Đến nơi dưới hang, Thánh Đa-la-tôn, nhiếp nhận an ủy. Sau đó đến trong hang, Chiên-đàn Trúc biếc sầm uất che râm, suối chảy trong sạch, màu cỏ như nấm, Bồ-tát sung mãn, Bồ-tát Quán tự tại thường trú trong đó, Trời rồng vây quanh, Hành giả đến đó mong tuyên giảng diệu pháp, tức được khai ngộ. Phàm có sự mong cầu, đều tùy nguyện được viên mãn. Đó là đại khái chẳng thể ghi lục đủ cả. Lấy đó mà xét thì thật chẳng phải cảnh phàm, đâu hấp tấp mà có thể đến được ư, tợ chẳng phải xứ này mà sánh phỏng đó. Sau đến Tứ Minh từng có người khêu gợi tôi đến núi Bổ Đà, trong tâm tôi lén tự nghi ngờ đó, chưa quả quyết hẳn đi. Một đêm nọ bỗng mộng thấy có người đến bảo rằng: “Trong kinh há chẳng nói ư? Bồ-tát khéo ứng các nơi chốn, bởi chỗ hướng của chúng sinh có tâm tin, tức là nơi Bồ-tát ứng hiện thân, tợ như đào giếng thấy suối, nhưng suối không đâu chẳng có huống gì động ấy, Thần biến tự tại, Linh tích xưa trước hiển bày, chẳng thể lấy phàm tình mà nghĩ lường được”. Sau khi tỉnh giấc tôi mới than rằng: “Ôi! Phàm, Trú xứ của Chư Phật, gọi là Thường Tịnh Quang, biển khắp pháp giới, vốn tuyệt nghĩ bàn, sao đi mà chẳng phải là cảnh giới của Bồ-tát ư? Quyết đoạn không nên nghi ngờ vậy”. Khi đã biên tập thành truyện, phụ lấy thêm sự tích ở chùa Thiên Trúc và chùa Vụ Linh đều do xưa trước đã từng nghe, ngõ hầu hiển bày cái chẳng đồng chẳng khác, không biệt không đoạn, dùng làm mê hoặc mọi người đi lại vậy.

Ngày 15 tháng 04 năm Tân Sửu (1361) thuộc niên hiệu Chí Chánh thời nhà Nguyên, ngụ tại Bàn Cốc ở Tứ Minh, Huyền Nhất Đạo Nhân Thạch Hy Minh biên ghi.

TRUYỆN NÚI BỔ ĐÀ LẠC CA
- HẾT -

PHẨM THỨ SÁU: TÁN THÁN ĐẠI SĨ QUÁN THẾ ÂM

Thời Tiền Đường, Vương Bột chế thuật

Trộm nghe: Đại sĩ Viên Thông, hiệu là Quán Âm. Tùy cơ ứng hiện, đến bờ phía Đông Càn khôn, trong đất Bà Kiệt, mây sóng vọt núi sắc vàng, thánh các nổi cõi lưu ly, vời vợi tòa báu, ngưng nhiên ở thân tự tại, mênh mông từ dung ánh ngời như hiện tướng Bạch y, thân mang tố phục lưới mây tơ sen dệt mà sắc ánh ngời sương lạnh, thể nghiêm đồng tâm anh lạc áo lụa cuộn mà sáng trong tuyết trắng. Đẹp nghinh tiên đảo lọng báu mây năm sắc lung linh, xinh đến ma ni, hoa quan trăm vật báu rực rỡ, mây giăng màu biếc như trăng thu mới mọc trên cửa biển, mắt xanh ngươi ánh tợ sen xanh chớm hé nơi mặt nước, răng bày kha ngọc, lưỡi ánh tử đàn. Châu son một điểm Tần Bà xinh, Hai má mông lung tợ hổ phách hướng trên sóng duyên lắng. Viên tướng buông mà có kim hào ngọc hào rỗng trong sáng trắng. Thẳng cảnh hiện mà có cõi Phật cõi tiên. Từ đó, mây sấm nhả bày tuyên dương chư Phật lời vàng bí mật, Thích Phạm mưa hóa tán thán thánh đức việc diệu hy kỳ. Dâng vật báu có một Long vương Long nữ, tấu âm nhạc có tiên trời tiên đất. Đến nơi quạnh quẻ hết lùi làm bờ bến. Vào trong sóng cả dập vùi cứu cấp nạn. Tìm theo tiếng cứu khổ, đến ứng cảm tùy duyên, như muôn sông in vầng trăng lẽ, tợ hồng chung ứng vọng ngàn cốc. Do đó, trong kinh nói: Như bị pháp vua giặc cướp, nước lửa trôi chảy, rồng ác quỷ ác, rắn độc thuốc độc. Hoặc bị người xô đẩy rớt xuống núi Kim Cang, hoặc bị gió hung ác thổi đưa vào nước La Sát, hoặc vào trong chiến trận, hoặc gặp phải sấm sét, nếu hay kính ngưỡng khẩn cầu Quán Âm, ứng thời tức liền được giải thoát, Bố tát có thể nguyện sâu rộng chẳng thể nghĩ bàn. Thần thông của vô tận ý. Tâm bi nguyện cứu ở Ta Bà, Di giáo khắp đến nơi cõi uế, thật là khắp nơi khắp chốn, ứng cùng quán cùng. Không xa không gần thảy đều quy y, có nguyện có cầu đồng được cảm. Công đức như hằng sa, ức kiếp khó nghĩ lường, xa hướng vọng về núi Lạc Già, cúi đầu tạm bày lời ca thán:

Nam Hải biển sâu nơi u tuyệt
Xanh biếc cao vời liền thủy phủ
Gọi tên bảy báu núi Lạc già
Tự tại Quán Âm trú ở đó
Bảo Đà tùy ý dây vàng chuyển
Mây hiện Đâu la thế giới bạc
Ngọc quý chế thành đài bảy báu

Chân châu xếp đến lọng ngàn hoa
Dưới chân mây lành năm sắc đở
Trên đảnh tiên bay ca vạn thứ
Tần già, Khổng tước đều đến chầu
Vua rồng các biển đồng hiến cúng
Bảo quan ngời ánh xếp viên quang
Anh lạc khắp thân sáng sạch làu
Má như mặt nước sen quý tỏa
Mày tợ bên trời trăng đêm thu
Áo thu vàng dệt phủ yếm ráng
Tổ phục thăm thẩm cánh tay bày
Ngọc quí đeo mang vang lẻng kẻng
Lưới mây buộc dãi châu nối liền
Tơ hồng mười ngón tay mập sữa
Sen xanh hai mắt sáng thu dịu
Ngấn cổ như đồng ngọc xếp thành
Vân lưới đen nhiểm xanh núi biếc
Mội son đẹp áng răng bày ngọc
Đaon tọa ngang ngang bao nhiêu kiếp
Hóa sinh trăm ức độ quần sinh
Phát vô lượng nguyện cứu A tỳ
Tôi hổ tôi thẹn không đến được
Xa ngóng Quán Âm buồn thán ca
Đại thánh đại từ duỗi thương xót
Nguyện duỗi tay vàng xoa đảnh tôi
Quán Âm mãn nguyện lời chân ngôn

Án A lỗ lực già sa bà ha

PHẨM THỨ BẢY: THƠ VỊNH CỦA CÁC BẬC DANH HIỀN

"Thăm thẳm mây bay núi trên biển
Treo buồm ba ngày đến sần nhan
Hai cung phước đức bằng ngàn Phật
Muôn dặm ân sáng chiếu trăm loan
Khe cỏ núi hoa nhiều khí tốt
Đá rừng thủy phủ cách trần hoàn
Kẻ mọn tài nhỏ gặp thật vinh
Sao mong thân phàm đến xứ ấy!"

Tập hiền học sĩ Ngô Hưng Triệu Mạnh Phủ

"Vàng ngọc lung linh ảnh tháp đôi
Dệt ráng hương thơm thấm cửa thông
Người giao dệt đủ làm hoa lọng
Long nữ dâng châu cầm phan báu
Biển động mây sấm vang thăm thẳm
Khắp núi sóng vỗ vọng cối khua
Nguyện cầu thị hiện hình tướng quân
Gióng trống, quần ma đều hàng phục".
"Một vầng trăng báu sóng biển ngưng
Trên biển Quán Âm hiện Đại thừa
Kiếm đeo quỉ thần lại bén nhọn
Ráng khói lầu quán nổi tầng tầng
Sứ giả đốt hương, khách Thiên Thai
Cao nhân thuyết pháp, tăng Nhật Bản
Sao được thân này mọc lông cánh
Lại đến bờ kia vui trước lên!".

Giang Chiết Phân Tỉnh Lang Trung Thiên Thai Lưu Nhân Bản

"Thăm thẳm bồng lai chưa đủ khoe
Núi biển cô tuyệt lại chẳng thêm
Vào cửa đã đến Tam ma địa
Dẫn tay đồng đi ngàn bước sải
Ngọc biếc gương bày hoa sen vàng
Cây San hô trước Tần ca trắng
Ân cần Đồng tử hay vời ẩn
Cùng thể chi anh hòa ráng tía".

*****

"Kinh nổi đông hoa mộng bụi trần
Thương châu đến nơi tức là nhà,
Người núi tự trồng cây tam châu
Sứ trời lớn cưỡi bè bát nguyệt
Mai Phúc lưu đan đỏ tợ quýt
Sao mong đưa táo lớn bằng dưa
Tiên vàng đối mặt không lời nói
Xuân đầy non thẳm Tiểu Bạch Hoa"

Thạch Hy Minh ở Khâu Tư cùng Đồ trật bát diệp cùng thời đồng đi.

"Bảo Đà bờ phẩm lễ từ dung
Đầy áo hương thổi gió hoa sen
Biển chợ chướng trời sương đen phủ
Đất xoay đẩy nhật trên sóng hồng
Ngộ mê chẳng hẳn phân tối sáng
Quán chiếu nào phải rõ sắc không
Chẳng bén tiếng, nghe ba thời dứt
Đại thiên các cõi đều viên thông".

*****

"Xoay nhìn nào ngại lại xoay nghe
Phải biết hết vọng tức đồng chân
Hư không ảnh hiện cõi trần sa
Muôn tượng ánh ngậm thân đất nước
Chuyển vật mỗi mỗi đều cảnh diệu
Cùng nguồn chốn chốn thảy bờ thông
Phổ môn rỗng suốt bày vô biên
Trúc biếc sen hồng riêng là xuân".

Sa-môn Trúc Đàm ở núi Linh Ẩn đưa tiểu Tăng
đến lễ bái núi Bổ Đà.

"Đại sĩ" Bổ Đà trấn Nam Hải
Hoằng từ rộng độ cõi Ta Bà
Ba mươi hai tướng ứng quần cơ
Mắt nghe tai nhìn thường tự tại
Hòa nhã xuân hành lục
Sáng như trăng giữa trời
Một việm vượt đến đi
Xúc cảnh đều viên thông

Sa-môn Đông Ngô nhân nguyện khởi
Bút nhọn ngả chấm nước chín sông
Nơi đầu sợi lông chuyển pháp hoa
Trăm ức đầu lông hiện chân đế
Trong một văn hiện vô tận thân
Trong một câu hàm vô lượng nghĩa
Một văn một câu diệu khó lường
Rõ tâm chứng nhập Tam Ma Địa
Thân ấy phi tướng không tên dáng
Lưỡi hoa sen nhỏ hương đề hồ
Thấy vượt câu văn hợp chân thuyết
Phổ môn có lối lên đường trời".

Sa-môn Bô Am ở Dự Thương làm đường lên trời tán thán Quán Âm phẩm Phổ môn

"Đầu sợi lông hiện thân Bồ-tát
Tướng sáng đại bi lìa các trần
Trong vô lượng câu vô lượng nghĩa
Đốt sáng thường nói mở trầm mê
Viên âm khắp pháp giới
Muôn tượng đều huyền văn
Tai quán vào cảnh chân
Mắt nghe thông nghe thật
Ngôn từ tỉnh lắng, tướng chẳng có
Tâm vốn vô sinh, pháp không lỗi
Gió hương thư thả rải sen hồng
Cam lồ mờ tỏa rưới liễu xanh
Phổ môn cảnh diệu gồm đại thiên
Mỗi vật hiền bày vượt hư huyền
Tôi nguyện nương trông phát nguyện lớn
Lợi sinh đồng chứng, Bồ-tát duyên".

Sa-môn Toàn Thất ở Thiên Thai tán thán Quán Âm phẩm Phổ môn

Thượng tuần tháng giêng năm Hồng Võ thứ 17 (1384) thời nhà Minh, tôi (Tánh Triệt) nổi trôi theo đường biển đến núi, tham quan cảnh thánh chợt thấy được nước và bầu trời thuần chỉ một màu, sạch như lưu ly, muôn tượng sum la, sáng ngời đều hiện. Thấy đều linh dị,

khó thể nêu bày đủ. Cho nên, mừng vui nhảy nhót, tự chẳng biết thân hình đang ở đời nhân gian vậy. Tin biết, lúc Đức Như Lai giảng nói kinh Hoa Nghiêm, nhập Hải Ấn Tam-muội, đâu khinh thường chúng ta ư? Chợt nhiên trong tháng tám năm Ất Hợi (1395) thuộc niên hiệu Hồng Võ (1368-1399) thời nhà Minh, mộng đến cảnh ấy, cùng với xưa trước không khác, bèn mới đốt hương xa kính lễ, liền tỏ sự thấy biết hẹp hòi, nói bài kệ tụng mà tán thán rằng:

"Bồ-tát thường ở biển Sa Kiệt
Bi nguyện rộng sâu không hướng trái,
Rõ ràng biến hóa khắp biển đông
Ứng hiện các phương đều đủ cả
Chỗ đắc Tam ma địa
Không phân đông cùng tây
Đột xuất mắt ma hê
Tám mặt rỗng lung linh
Hải ấn phát huy sáng rõ hiện
Huyền hà bốn biện rõ chân Tông
Hoa nở non tiểu bạch
Hương trời thổi khắp nơi
Trúc biếc chiên-đàn thảy làm rừng
Khổng tước Tần-già-ca kinh Phạm
Năm xưa từng đi trên biển đến
Núi bày cao ngả nổi mặt sóng
Đáng là Viên Thông cảnh giới thật
Bạch y tượng diệu cưỡi thuyền sen
Bốn phía trông tất cả
Mênh mông khó thể cùng
Trên cùng thông Tiêu Hán
Dưới nhìn cung Long Bá
Gợn trước sóng sánh nhả âm Hỏa (trăng)
Tiếng sóng ngày đêm gọi gió trời
Mây bày cõi bạc trắng
Đất trải cát vàng ròng
Lưu ly đan xen rãi
Có như hoa Ưu đàm
Trên Bàn Đà nhìn vầng nhật Phù Tang
Vầng hồng vọt hiện tợ xe trời
Nhìn cảnh diệu đây phi Thật tướng

Phổ Môn thị hiện như mộng tưởng
Ảo hiện lâu đài thấp thoáng đây
Lưới báu châu sáng xoay ánh ngời
Nghe tiếng đâu phải tiếng
Thấy sắc vốn phi sắc
Riêng là Trời tạo hóa
Trí thức ai hay lường
Kinh hành yên tọa cung Thủy Tinh
Thọ dụng gió lành cùng trăng tỏ
Mười thánh và ba hiền
Đến đó ứng khó qua
Muôn dòng chảy quanh mặt xen hồ
Ngầm chảy dày kín bốn thần châu
Thấm nhuần các mầm làm mưa móc
Tôi nay thân tán lễ
Chỉ mong xa xét biết
Bặt dứt thấy, nghe, hay, hiết
Quét trừ nói, im, lìa, vi
Thấu triệt giơ, lật biển sinh tử
Khiến khắp mau chứng Phật Bồ-đề.

Cổ Tinh Sùng Thiện Trúc Sơn, Sa-môn Tánh Triệt Đổng Nhiên ở Am Dã Nạp tử tại Nhạn Môn kính bái tán thán.

Truyện núi Bổ-đà-lạc-ca một quyển, Thạnh Hy Minh ở thời nhà Nguyên biên soạn. Căn cứ theo "Thư sử hội yếu" của Đào Cửu Thành nói: Thạnh Hy Minh xưa trước vốn người xứ Khúc Tiên, sau đến ở Dự Chương tu hành thanh tịnh kham khổ tiết chế, dốc chí tập học lắm tài, khéo giỏi về văn chương bút mực, cũng có khả năng thông rành sách của sáu nước, nay bản sách này đề là: "Thạnh Hy Minh ở Quy Tư biên thuật" đúng hợp với quê quán. Thạnh Hy Minh còn có biên soạn "Pháp thư khảo" tám quyển, xét đưa vào Tứ Khố toàn thư tử bộ thuộc loại nghệ thuật. Nguyên truyện này của Thạnh Hy Minh chỉ có năm phần (thiên), còn Tán Thán Quán Âm của Vương Bột và Thơ Vịnh của Danh Hiền đều là Thích Sở thời nhà Nguyên ghi thêm. Tán Thán Quán Âm của Vương Bột, văn bút chán tục, hẳn chẳng phải chế thuật của Tử An.

Khâm định toàn Đường văn, phàm lệ chỉ đó là ngụy trá. Tin như vậy, người xuất gia không biết, gần hết đều nhập vào văn thế tục. May nguyên sách của Thạnh Hy Minh chưa trải qua sửa đổi sai lọan. Người

đọc phân biệt xem xét đó có thể biết vậy.

Tháng mười năm Giáp Thân (1884) thuộc niên hiệu Quang Tự (1875-1909) thời nhà Thanh, Tương Thanh Dực ở huyện Ngô biên ghi.

- HẾT -

■